ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TAM BIÊN

(trọn bộ)

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC

QUYỂN I **23**

LỜI TỰA CHO LẦN ẤN HÀNH THEO PHƯƠNG PHÁP ẢNH ẤN **23**

LỜI TỰA CHO BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN **25**

ĐẠI SƯ TỰ THUẬT **28**

I. THƯ TỪ **30**

1. Thư trả lời đại sư Hoằng Nhất 30
2. Thư gởi lão hòa thượng Chân Đạt 30
3. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ nhất) 30
4. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ hai) 32
5. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ ba) 32
6. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ tư) 33
7. Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn 34
8. Thư trả lời pháp sư Như Sầm 36
9. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ nhất) 40
10. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ hai) 40
11. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ ba) 42
12. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ tư) 43
13. Thư trả lời sư Minh Tâm 43
14. Thư trả lời đại sư Minh Tánh 45
15. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ nhất) 47
16. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ hai) 47
17. Thư trả lời hòa thượng Truyền Độ 48
18. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ nhất) 49
19. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ hai) 50
20. Thư trả lời hòa thượng Bỉnh Sơ 51
21. Thư trả lời pháp sư Tông Linh 52
22. Thư trả lời hòa thượng Diệu Liên 53
23. Thư trả lời pháp sư Bảo Tịnh 53
24. Thư trả lời pháp sư Thái Hư 54
25. Thư trả lời đại sư Đạo Truyền (thư thứ nhất) 55
26. Thư trả lời pháp đại sư Đạo Truyền (thư thứ hai) 56
27. Thư trả lời pháp sư Hiển Ấm 56
28. Thư trả lời pháp sư Đế Tỉnh 56
29. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ nhất) 57
30. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ hai) 62
31. Thư trả lời pháp sư Minh Đạo 72
32. Thư gởi ông Chấp chánh Đoàn 73
33. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ nhất) 74
34. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ hai) 75
35. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ ba) 76
36. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tư) 78
37. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ năm) 79

38. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ sáu) 81
39. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ bảy) 82
40. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tám) 82
41. Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ 85
42. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ nhất) 88
43. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ hai) 89
44. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ ba) 89
45. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ tư) 90
46. Thư trả lời cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ năm) 90
47. Thư gởi hai vị cư sĩ Quan Quýnh Chi và Vương Nhất Đình 91
48. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất) 91
49. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai) 93
50. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba) 95
51. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư) 97
52. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm) 101
53. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu) 118
54. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy) 121
55. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám) 124
56. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín) 126
57. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười) 129
58. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một) 132
59. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai) 136
60. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba) 140
61. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn) 141
62. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm) 146
63. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu) 148
64. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy) 148
65. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám) 154
66. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín) 158
67. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ nhất) 158
68. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ hai) 160
69. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ ba) 161
70. Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh 162
71. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Dịch Đường 163
72. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ nhất) 165
73. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ hai) 166
74. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ ba) 167
75. Thư trả lời cư sĩ Trần Gia Tuấn ở Châu Bồ 168
76. Thư trả lời cư sĩ Khuất Hàn Nam 169
77. Thư trả lời cư sĩ Thần Hiểu Viên 169
78. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ nhất) 171
79. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ hai) 171
80. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ nhất) 173
81. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ hai) 175
82. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ nhất) 177
83. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ hai) 178

84. Thư trả lời cư sĩ Trần Vị Ân 179
85. Thư trả lời cư sĩ Hà Hy Tịnh 180
86. Thư trả lời cư sĩ Trương Bội Phân Mộ Lan 181
87. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiếu Ly (thư thứ nhất) 182
88. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiếu Ly (thư thứ hai) 183
89. Thư trả lời cư sĩ Cảnh Chánh Luân 184
90. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh (thư thứ nhất) 184
91. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh (thư thứ hai) 185
92. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh (thư thứ ba) 186
93. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Huệ 187
94. Thư trả lời cư sĩ Lưu Dung Các 190
95. Thư trả lời cư sĩ Lý Nhĩ Thanh 190
96. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tử Vân 191
97. Thư trả lời hai vị cư sĩ Trầm Tịnh Tâm và Kim Đàm 192
98. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Văn Phác 192
99. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ nhất) 192
100. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ hai) 193
101. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ ba) 193
102. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ tư) 194
103. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ nhất) 195
104. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ hai) 196
105. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ ba) 197
106. Thư trả lời cư sĩ Cố Tông Huống 198
107. Thư trả lời cư sĩ Hạ Thọ Kỳ 198
108. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ nhất) 200
109. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ hai) 200
110. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ ba) 201
111. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ tư) 202
112. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ năm) 203
113. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ sáu) 203
114. Thư trả lời cư sĩ Cao Huệ Ấm 204
115. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ nhất) 204
116. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ hai) 205
117. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ ba) 206
118. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ tư) 206
119. Thư trả lời cư sĩ La Tỉnh Ngô (thư thứ nhất) 207
120. Thư trả lời cư sĩ La Tỉnh Ngô (thư thứ hai) 208
121. Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm 208
122. Thư trả lời cư sĩ Tôn Nghệ Dân 210
123. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ nhất) 211
124. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ hai) 212
125. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ ba) 213
126. Thư trả lời cư sĩ Từ Chí Nhất 214
127. Thư trả lời cư sĩ Vương Hải Tuyền 217
128. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ nhất) 218
129. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ hai) 219

130. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ ba) 220
131. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ tư) 221
132. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung 224
133. Thư trả lời cư sĩ Lục Bồi Cốc 225
134. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ nhất) 226
135. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ hai) 227
136. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Bảo Việt 229
137. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ nhất) 229
138. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ hai) 230
139. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ ba) 232
140. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tư) 235
141. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ năm) 236
142. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ sáu) 240
143. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ bảy) 243
144. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tám) 245
145. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ chín) 246
146. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười) 248
147. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười một) 249
148. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười hai) 250
149. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười ba) 250
150. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bốn) 251
151. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười lăm) 251
152. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười sáu) 252
153. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bảy) 252
154. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười tám) 253
155. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười chín) 256
156. Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh 256
157. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ nhất) 257
158. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ hai) 260
159. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ ba) 261
160. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ nhất) 261
161. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ hai) 262
162. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ nhất) 262
163. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ hai) 264
164. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ ba) 265
165. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ tư) 266
166. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ năm) 267
QUYỂN II **268**

167. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ nhất) 268
168. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ hai) 271
169. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ ba) 272
170. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ tư) 272
171. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ năm) 273
172. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ sáu) 274
173. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ bảy) 275
174. Thư trả lời cư sĩ Mạo Thiện Phủ 276

175. Thư trả lời cư sĩ Đông Hải 277
176. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ nhất) 278
177. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ hai) 280
178. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ ba) 280
179. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ tư) 282
180. Thư trả lời cư sĩ Tế Thanh 284
181. Thư trả lời cư sĩ Ngọc Trưởng 286
182. Thư trả lời cư sĩ Phó Huệ Giang 286
183. Thư trả lời cư sĩ Dương Thận Dư 286
184. Thư trả lời hai vị cư sĩ Liễu Phàm và Dã Công 289
185. Thư trả lời cư sĩ Hùng Hách 289
186. Thư trả lời cư sĩ Tông Nguyện 290
187. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ nhất) 291
188. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ hai) 293
189. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thanh 294
190. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ nhất) 296
191. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ hai) 298
192. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ ba) 299
193. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Minh Thọ 300
194. Thư trả lời cư sĩ Chu Tử Tú 302
195. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ nhất) 303
196. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ hai) 305
197. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Đức Trạch 305
198. Thư trả lời cư sĩ Trang Bính Hỏa 307
199. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ nhất) 308
200. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai) 308
201. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ ba) 312
202. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tư) 313
203. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ năm) 314
204. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ sáu) 315
205. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ bảy) 316
206. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tám) 317
207. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ chín) 317
208. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười) 318
209. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười một) 318
210. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười hai) 319
211. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười ba) 320
212. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bốn) 320
213. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười lăm) 320
214. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười sáu) 321
215. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bảy) 321
216. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười tám) 322
217. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười chín) 322
218. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi) 323
219. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi mốt) 323
220. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi hai) 324

221. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi ba) 324
222. Thư trả lời cư sĩ Tạ Tử Hậu 325
223. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ nhất) 325
224. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai) 327
225. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba) 329
226. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tư) 329
227. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ năm) 330
228. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ sáu) 330
229. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ bảy) 331
230. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tám) 333
231. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ chín) 335
232. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười) 335
233. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười một) 336
234. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười hai) 337
235. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười ba) 339
236. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bốn) 343
237. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười lăm) 344
238. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười sáu) 345
239. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bảy) 347
240. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười tám) 347
241. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười chín) 348
242. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi) 348
243. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi mốt) 350
244. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi hai) 351
245. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi ba) 352
246. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bốn) 353
247. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi lăm) 354
248. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi sáu) 355
249. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bảy) 355
250. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi tám) 356
251. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi chín) 357
252. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba mươi) 358
253. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ nhất) 358
254. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ hai) 359
255. Thư trả lời cư sĩ Thời Nhược 361
256. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống 362
257. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ nhất) 362
258. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ hai) 362
259. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ ba) 363
260. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tư) 364
261. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ năm) 365
262. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ sáu) 365
263. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ bảy) 366
264. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tám) 368
265. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ nhất) 369
266. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ hai) 370

267. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ ba) 371
268. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ nhất) 372
269. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ hai) 374
270. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ ba) 376
271. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ tư) 376
272. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ năm) 376
273. Thư trả lời cư sĩ Nhậm Huệ Nghiêm 377
274. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ nhất) 378
275. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ hai) 381
276. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ ba) 383
277. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tư) 384
278. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ năm) 385
279. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ sáu) 385
280. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ bảy) 386
281. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tám) 387
282. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ chín) 387
283. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười) 389
284. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười một) 389
285. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười hai) 390
286. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười ba) 391
287. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười bốn) 392
288. Thư trả lời cư sĩ Chân Tịnh 392
289. Thư trả lời cư sĩ Tiền Hiểu Trẫm (đính kèm thư gởi đến) 395
290. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ nhất) 398
291. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ hai) 399
292. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ ba) 399
293. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ nhất) 402
294. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ hai) 403
295. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ ba) 404
296. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ tư) 405
297. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ nhất) 406
298. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ hai) 408
299. Thư trả lời cư sĩ Lộ Viên 410
300. Thư trả lời cư sĩ Thừa Ân 410
301. Thư trả lời cư sĩ Giác Tăng 411
302. Thư trả lời cư sĩ Đức Minh 412
303. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thần 413
304. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ nhất) 413
305. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ hai) 414
306. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ ba) 414
307. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ tư) 415
308. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ năm) 416
309. Thư trả lời Tịnh Độ Tông Nguyệt San Xã 416
310. Thư trả lời cư sĩ Dương Chân 417
311. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thái 418
312. Thư trả lời cư sĩ Huệ Chiêu 419

313. Thư trả lời cư sĩ Trí Viên....421
314. Thư trả lời cư sĩ Hạng Trí Nguyên....422
315. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Xước....424
316. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Tài....424
317. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Cầm Tiều....425
318. Thư trả lời cư sĩ Nghê Văn Khanh....426
319. Thư trả lời cư sĩ Long Trí....427
320. Thư gởi cư sĩ Trầm Bân Hàn....428
321. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ nhất)....429
322. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ hai)....429
323. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ nhất)....430
324. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ hai)....431
325. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phổ Tịnh....431
326. Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng (đính kèm thư gởi đến)....434
327. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ nhất)....437
328. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ hai)....437
329. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ nhất)....438
330. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ hai)....441
331. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ ba)....442
332. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tư)....443
333. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ năm)....445
334. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ sáu)....446
335. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ bảy)....448
336. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tám)....449
337. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ chín)....451
338. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười)....452
339. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười một)....452
340. Thư trả lời cư sĩ Huệ Minh....453
341. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ nhất)....455
342. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ hai)....455
343. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ nhất)....456
344. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ hai)....458
345. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ ba)....459
346. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ nhất)....459
347. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ hai)....460
348. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ ba)....460
349. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ tư)....460
350. Thư trả lời cư sĩ Phương Tử Phiên....462
351. Thư trả lời cư sĩ Hoa Thúc Cầm....463
352. Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận....464
353. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ nhất)....467
354. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ hai)....468
355. Thư trả lời cư sĩ Huệ Phố....469
356. Thư gởi cư sĩ Tông Tịnh....469
357. Thư trả lời cư sĩ Đức Thành....470
358. Thư trả lời cư sĩ Lâm Phố....471

359. Thư trả lời cư sĩ Thái Chương Thận 474
360. Thư trả lời cư sĩ niệm Phật 475
361. Thư trả lời cư sĩ Từ Giám Chương 477
362. Thư trả lời anh em Úc Liên Xương 478
363. Thư trả lời cư sĩ Nghê Huệ Biểu 480
364. Thư trả lời cư sĩ Triệu Liên Châu 481
365. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng 481
366. Thư trả lời Đào Đức Càn 482
367. Thư trả lời cư sĩ Dịch Tư Hậu 482
368. Thư trả lời cư sĩ Trí Chương 485
369. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất) 486
370. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai) 487
371. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba) 488
372. Thư trả lời cư sĩ Vương Thành Trung 488
373. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất) 490
374. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai) 493
375. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba) 494
376. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư) 501
377. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng 503
QUYỂN III 505

378. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ nhất) 505
379. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ hai) 506
380. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ ba) 506
381. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tư) 508
382. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ năm) 509
383. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ sáu) 510
384. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ bảy) 510
385. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tám) 512
386. Thư trả lời cư sĩ Sư Khang 512
387. Thư trả lời cư sĩ Chu Thọ Siêu 514
388. Thư trả lời Đông Xá Tây Khách 515
389. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ nhất) 515
390. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ hai) 517
391. Thư trả lời cư sĩ Vương Tu Bổn 518
392. Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh 518
393. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân 520
394. Thư trả lời cư sĩ Long Trừng Triệt 522
395. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ nhất) 523
396. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ hai) 523
397. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ ba) 524
398. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tư) 524
399. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ năm) 525
400. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ sáu) 525
401. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ bảy) 526
402. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tám) 527
403. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ chín) 527

404. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất) 528
405. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai) 529
406. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ ba) 531
407. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tư) 532
408. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ năm) 533
409. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ sáu) 534
410. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ bảy) 535
411. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tám) 536
412. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ chín) 537
413. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ mười) 538
414. Thư trả lời cư sĩ Cố Đức Cốc 539
415. Thư trả lời cư sĩ Kim Chấn Khanh 540
416. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ nhất) 542
417. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ hai) 548
418. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ ba) 549
419. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ tư) 549
420. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ năm) 550
421. Thư trả lời cư sĩ Ổ Sùng Âm 551
422. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ nhất) 552
423. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ hai) 552
424. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ ba) 553
425. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tư) 553
426. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ năm) 553
427. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ sáu) 554
428. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ bảy) 554
429. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tám) 554
430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ chín) 557
431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười) 558
432. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười một) 559
433. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ nhất) 560
434. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ hai) 561
435. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ ba) 561
436. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ nhất) 562
437. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ hai) 563
438. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Minh 563
439. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ nhất) 564
440. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ hai) 565
441. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ ba) 565
442. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ nhất) 566
443. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ hai) 567
444. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ nhất) 567
445. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ hai) 568
446. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ ba) 571
447. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ nhất) 572
448. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ hai) 574
449. Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần 574

450. Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy 576
451. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nguyên Nhân 578
452. Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu 579
453. Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù 579
454. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Tịnh Tín 580
455. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ nhất) 581
456. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ hai) 581
457. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ ba) 581
458. Thư trả lời cư sĩ Đường Đào Dung 583
459. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ nhất) 584
460. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ hai) 585
461. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ ba) 586
462. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ tư) 588
463. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng 589
464. Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện 591
465. Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp 592
466. Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa 593
467. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ nhất) 594
468. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ hai) 596
469. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ ba) 597
470. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ tư) 597
471. Thư trả lời cư sĩ Lục Trị Bình 598
472. Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn 598
473. Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm 599
474. Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn 601
475. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ nhất) 603
476. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ hai) 605
477. Thư trả lời cư sĩ Ngô Kính Nhân 606
478. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ nhất) 607
479. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ hai) 607
480. Thư trả lời các cư sĩ thuộc hội niệm Phật 608
481. Thư trả lời cư sĩ Kiều Tuân 608
482. Thư trả lời cư sĩ Bạch Tĩnh Tu 608
483. Thư trả lời cư sĩ Tiết Huệ Trúc 609
484. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ nhất) 609
485. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ hai) 610
486. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ ba) 611
487. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ tư) 612
488. Thư trả lời cư sĩ Bàng Khế Thành 613
489. Thư trả lời cư sĩ Bách Linh 613
490. Thư trả lời cư sĩ Huệ Tài 615
491. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa 615
492. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ nhất) 616
493. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ hai) 618
494. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ nhất) 619
495. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ hai) 620

496. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ nhất) 621
497. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ hai) 632
498. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ ba) 635
499. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ nhất) 637
500. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ hai) 639
501. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ ba) 645
502. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tư) 647
503. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ năm) 647
504. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ sáu) 649
505. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ bảy) 651
506. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tám) 653
507. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ chín) 654
508. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười) 656
509. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười một) 659
510. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười hai) 660
511. Thư trả lời cư sĩ Ôn Kê Đức Chánh 660
512. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ nhất) 662
513. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ hai) 662
514. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ ba) 664
515. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tư) 665
516. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ năm) 666
517. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ sáu) 666
518. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ bảy) 667
519. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Thành 667
520. Thư trả lời cư sĩ Vương Trí Trác 668
521. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ nhất) 668
522. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ hai) 670
523. Thư trả lời hai vị nữ cư sĩ Huệ Thục và Huệ Khánh 674
524. Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như 675
525. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ nhất) 677
526. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ hai) 678
527. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ ba) 679
528. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ tư) 680
529. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ năm) 680
530. Thư trả lời cư sĩ Đồng Ảnh 681
531. Thư trả lời cư sĩ Quán Tâm 683
532. Thư trả lời cư sĩ Lý Cát Nhân 684
533. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ nhất) 685
534. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ hai) 686
535. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ ba) 687
536. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tư) 687
537. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ năm) 688
538. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ sáu) 688
539. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ bảy) 689
540. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tám) 691
541. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ chín) 692

542. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ mười) 693
543. Thư trả lời cư sĩ Mậu Trí Tu 693
544. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ nhất) 694
545. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ hai) 696
546. Thư trả lời cư sĩ Phó Pháp Lâm 696
547. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Đức Vỹ 698
548. Thư trả lời cư sĩ Trình Tiểu Bằng 698
549. Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh 699
550. Thư trả lời cư sĩ Vinh Bách Vân 701
551. Thư trả lời cư sĩ X… 703
552. Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật 704
553. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ nhất) 706
554. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ hai) 706
555. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ ba) 707
556. Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh 708
557. Thư trả lời cư sĩ Từ Tử Hỗn 709
558. Thư trả lời cư sĩ Duy Phật 711
559. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền 714
560. Thư trả lời Phước Châu Phật Học Xã 715
561. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tuyết Hạnh 719
562. Thư trả lời cư sĩ X… 720
563. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ nhất) 721
564. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ hai) 723
565. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ ba) 723
566. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ nhất) 724
567. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ hai) 725
568. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ ba) 726
569. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ tư) 728
570. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ năm) 730
571. Thư trả lời cư sĩ Giang Đức Mậu 731
572. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ nhất) 732
573. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ hai) 737
574. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ ba) 737
575. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ tư) 741
576. Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo 744
577. Thư trả lời cư sĩ Tế Huệ 744
578. Thư trả lời cư sĩ Tông Nghĩa 745
579. Thư trả lời cư sĩ Thang Cẩm Trung 745
QUYỂN IV 747

580. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ nhất) 747
581. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ hai) 747
582. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ ba) 748
583. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tư) 748
584. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ năm) 749
585. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ sáu) 750
586. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ bảy) 751

587. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tám) 752
588. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ nhất) 753
589. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ hai) 755
590. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ nhất) 757
591. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ hai) 757
592. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ ba) 759
593. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ tư) 762
594. Thư trả lời cư sĩ Điển Uẩn 765
595. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Cơ 767
596. Thư trả lời cư sĩ Đặng Huệ Châu 767
597. Thư trả lời cư sĩ X… 767
598. Thư trả lời cư sĩ Vương Tôn Liên 768
599. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Tử Bình 769
600. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ nhất) 770
601. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ hai) 772
602. Thư trả lời cư sĩ Phí Phạm Cửu 773
603. Thư trả lời cư sĩ Trần Tân Nho 773
604. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất) 775
605. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai) 776
606. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba) 778
607. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư) 779
608. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ năm) 781
609. Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên 782
610. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ nhất) 783
611. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ hai) 784
612. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ ba) 785
613. Thư trả lời cư sĩ Tần Minh Quang 786
614. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ nhất) 787
615. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ hai) 788
616. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ ba) 788
617. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ tư) 789
618. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhân Bổn 790
619. Thư trả lời cư sĩ Vương Vũ Tịch và Vương Tuyết Tịch 791
620. Thư gởi luật sư Trương Tăng Thuần 793
621. Thư trả lời hai vị cư sĩ Tiết Anh Huệ và Lưu Nhất Hạc 794
622. Thư trả lời cư sĩ X… 796
623. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho 797
624. Thư trả lời cư sĩ Dương Chấn Nhân 799
625. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhữ Chiêu 800
626. Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường 801
627. Thư gởi hòa thượng Tâm Tịnh 802
628. Thư trả lời cư sĩ Cát Khải Văn 802
629. Thư trả lời cư sĩ Lý Cẩn Đan 802
630. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị 803
631. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất) 804
632. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai) 805

633. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba) 808
634. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư) 808
635. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất) 809
636. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai) 809
637. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ ba) 812
638. Thư trả lời cư sĩ Phương Gia Phạm 812
639. Thư trả lời đại sư Viên Chuyết 813
640. Thư trả lời cư sĩ Trần Tiếp Hòa 815
641. Thư gởi cho hai cư sĩ La Khanh Đoan và Trần Sĩ Mục 816
642. Thư trả lời cư sĩ Trí Mục 817
643. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất) 819
644. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai) 822
645. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba) 823
646. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư) 824
647. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm) 828
648. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu) 832
649. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy) 832
650. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám) 833
651. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín) 833
652. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười) 835
653. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một) 839
654. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai) 842
655. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba) 843
656. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn) 843
657. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm) 845
658. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu) 846
659. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy) 848
660. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám) 849
661. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín) 849
662. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi) 850
663. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi mốt) 850
664. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh 851
665. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ nhất) 860
666. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ hai) 861
667. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ ba) 861
668. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tư) 862
669. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ năm) 862
670. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ sáu) 863
671. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ bảy) 864
672. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tám) 865
673. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ chín) 865
674. Thư trả lời cư sĩ Lý Tông Bổn 866
675. Thư gởi hòa thượng Diệu Chân 867
676. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ nhất) 868
677. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ hai) 869
678. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ ba) 870

679. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tư) 872
680. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ năm) 872
681. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ sáu) 872
682. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ bảy) 874
683. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tám) 874
684. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất) 876
685. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai) 879
686. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba) 880
687. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư) 881
688. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ năm) 882
689. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ sáu) 883
690. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ bảy) 883
691. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất) 900
692. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai) 901
693. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao 902
694. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất) 904
695. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai) 907
696. Thư trả lời hòa thượng Nhữ Ngu 908
697. Thư trả lời cư sĩ Lý Tế Hoa 909
698. Thư trả lời cư sĩ Hạng Tử Thanh 909
699. Thư trả lời cư sĩ Đức Nguyên 909
700. Thư gởi cư sĩ Trác Hoằng Vinh 910
701. Thư trả lời bà Bạch Huệ Đạo 911
702. Thư trả lời cư sĩ Huệ Trung 913
703. Thư gởi cư sĩ Dương Huệ Thông 913
704. Thư trả lời cư sĩ Vương Thủ Thiện 915
705. Thư trả lời cư sĩ Triệu Dung 915
706. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ nhất) 916
707. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ hai) 917
708. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ ba) 918
709. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ tư) 918
710. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ năm) 919
711. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ sáu) 920
712. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ bảy) 921

II. TỰ (lời tựa) 922

1. Lời tựa cho sách Danh Sơn Du Phỏng Ký 922
2. Lời tựa tái bản kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức 923
3. Lời tựa cho tác phẩm Quảng Trường Thiệt 924
4. Lời tựa ấn hành tác phẩm Tư Quy Tập 925
5. Lời tựa cho sự việc kính cẩn chép đại kinh Hoa Nghiêm nhằm trọn hết lòng hiếu thảo 927
6. Lời tựa lưu thông phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm 929
7. Lời tựa cho tác phẩm Hám Sơn Đại Sư Niên Phổ Sớ 932
8. Lời tựa cho tập sách Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn 933

9. Lời tựa quyên mộ lập hội Một Vạn Người Kết Duyên Cùng Sanh Tây Phương của chùa Kim Đài tại Đan Dương 936
10. Lời tựa cho lưu thông bộ Phật giáo Tịnh nghiệp xã (bộ phận phát hành kinh sách của Phật giáo Tịnh nghiệp xã) 939
11. Lời tựa cho tờ niên san số thứ hai của Phật giáo Tịnh nghiệp xã ở Vô Tích 941
12. Lời tựa cho Hoằng Hóa Nhật Ký 942
13. Lời tựa cho sách Gia Đình Bảo Giám 944
14. Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa 946
15. Lời tựa cho tác phẩm Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ 948
16. Lời tựa ấn hành sách Tịnh độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa 949
17. Lời tựa mừng thọ vợ chồng tiên sinh Lý Phụng Kỳ 951
18. Lời tựa cho cuốn Văn Sao Trích Yếu 954
19. Lời tựa tái bản cuốn Bát-nhã Dung Tâm Luận 954
20. Lời tựa cho sách Phổ Khuyến Học Phật Đàm 955
21. Lời tựa sách Nhân Quả Thực Chứng 957
22. Lời tựa sách Triêu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích 958
23. Lời tựa cho lễ truyền giới tại Viên Giác thiền viện ở Ngư Sơn, huyện Sào 960
24. Lời tựa ấn hành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên 963
25. Lời nói đầu dành cho bản báo cáo kết toán thu nhập lần thứ sáu của Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu 966
26. Duyên khởi niệm Phật bốn mươi chín ngày của lan-nhã Thường Tịch Quang núi Vân Cư, Hàng Châu 967
27. Duyên khởi của liên xã Hải Môn tại Phước Châu 967
28. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh 969
29. Duyên khởi của phân xã Đường Áp thuộc Phật giáo Cư sĩ lâm Nam Thông 971
30. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nam Kinh 971
31. Duyên khởi của Niệm Phật xã Hỗ Tây 972
32. Duyên khởi của liên xã Phổ Tế thuộc am Quán Âm, Hoài An 973
33. Duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Tĩnh Giang 974
34. Duyên khởi của Phật học liên xã Cao Đông 976
35. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp liên xã tại miếu Viên Gia thuộc Dư Đông, Nam Thông 977
36. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nghi Hưng 978
37. Duyên khởi của duyệt kinh thất Huệ Tế Cư 980
38. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ ca ngợi A-di-đà Phật 982
39. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ luận về Niệm Phật Già Đà Giáo Nghĩa của thiền sư Triệt Ngộ 983
40. Tiểu dẫn (lời dẫn giải ngắn) về hai điều lợi ích do vẽ tượng Phật 983
41. Tiểu dẫn về việc quyên mộ để kiến lập đạo tràng Siêu Độ Cô Hồn Tiêu Tai Phật Thất ở Như Cao 983
42. Lời tiểu dẫn cho Phật học hội Như Cao 984
43. Lời tiểu dẫn cho tập sách Danh Hiền Đề Vịnh *(viết thay cho thường trụ Linh Nham)* 985

QUYỂN V **986**

III. BI KÝ **986**

1. Bi ký về việc tậu ruộng cho niệm Phật đường chùa Bảo Khánh ở Ninh Ba (viết thay cho thầy Ích Châu) 986
2. Bi ký về công đức cung thỉnh Đại tạng kinh của chùa Tịnh Cư ở Tế Nam (viết thay) 987
3. Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của đại sư Trí Giả 989
4. Bài ký về chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh ở Mân Hầu 991
5. Bài ký về sự vãng sanh của thái phu nhân Uông - mẹ ông Giang Dịch Viên 994
6. Bài ký về chuyện sanh Tây của thiện nữ nhân Vương Thánh Duyên nhà họ Hà 996
7. Bài ký về sự sanh Tây của ưu-bà-di Lạc Huệ Tĩnh 997
8. Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi 998
9. Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A-dục Vương 999
10. Tuyên cáo thành lập Phật giáo Cư sĩ lâm ở khu Kim Sa thuộc Nam Thông 1001

IV. KỆ TỤNG, TÁN DƯƠNG, ĐỀ TỪ 1004

1. Kệ viết trên bức tranh vẽ tháp tàng kinh Linh Nham của Phí Pha Long ở Ngô Giang 1004
2. Kệ hồi hướng chung cho các thiện tín đã đóng góp tài lực lưu thông, xoay vần truyền bá, xem đọc bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ 1004
3. Kệ hồi hướng kính vì các thiện tín đã thí tiền bạc và xoay vần truyền bá, xem đọc Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 1005
4. Kệ hồi hướng cho khắp những vị giúp in, đọc tụng, thọ trì, xoay vần lưu thông các bản kinh Phật 1006
5. Kệ hồi hướng cho khắp những vị thiện tín bỏ tiền ấn tống, lưu truyền, thấy nghe, thọ trì, xoay vần lưu thông bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay không?" 1006
6. Kệ đề trên vách quan phòng chùa Báo Quốc ở Tô Châu 1006

(Năm Dân Quốc 24 - 1935) 1006

7. Kệ hồi hướng lễ niệm Quán Âm Bồ-tát 1007
8. Kệ viết về xá-lợi 1007
9. Đề từ cho tác phẩm Ngọc Trụ Đại Sư Tâm Tích Tụng 1007
10. Hoa Nghiêm Kinh Cảm Ứng Tụng 1007
11. Tiêu Sơn Cát Đường Thượng Nhân Vãng Sanh Tụng 1009
12. Bài tụng tặng cho các thiện tín thuộc Phật Quang xã 1009
13. Bài tụng tặng cho đại hội xã hữu của Phật Quang xã 1009
14. Bài tụng nhân lễ khai mạc Cư sĩ lâm Bảo Sơn 1010
15. Ca tụng đức hạnh cao đẹp của thái phu nhân Trình - mẹ ông Vương 1011
16. Bài ca tụng sự quy Tây của thái phu nhân Vương - mẹ ông Trương 1011
17. Bài tán chúc nguyện trong lễ đặt móng xây dựng điện Di-lặc mới của Linh Nham 1012
18. Bài tán dương đề trên hình ảnh tỳ-kheo-ni Tiên Đức 1012
19. Bài tán dương đề trên hình cư sĩ Cao Hạc Niên 1012
20. Nêu lên những điểm chánh yếu của sách Sức Chung Tân Lương 1012
21. Đề từ cho cuốn Nghi Thức Niệm Tụng Của Linh Nham Sơn Tự 1013
22. Đề từ cho sách A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích 1013
23. Đề từ cho sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 1014
24. Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư 1017

25. Đề từ cho bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay chăng?" 1018
26. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ nhất) 1018
27. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ hai) 1019
28. Đề từ cho sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng 1019
29. Đề từ cho sách Âm Chất Văn Đồ Chứng 1020
30. Đề từ cho bản in gộp chung tác phẩm Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu và bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh của đại sư Liên Trì 1020
31. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ nhất) 1022
32. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ hai) 1022
33. Đề từ cho sách Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong 1023
34. Đề từ cho bộ Dương Phục Trai Thi Kệ Tục Tập 1023
35. Đề từ cho bài tường thuật đại lược hành trạng ông Quách Tử Cố và người phối ngẫu đức hạnh là bà nhụ nhân Phùng ở huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc 1024
36. Đề từ kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không sáng lập liên xã 1025
37. Đề từ cho tác phẩm Mạc Vương Trí Duệ Nữ Cư Sĩ Ai Vãn Lục 1025
38. Đề trên chiếc quạt có hình Vô Lượng Thọ Phật do cư sĩ Cao Hàng Sanh cất giữ 1025
39. Thuận tay viết về niệm Phật 1026

V. PHÁP NGỮ 1027

1. Tịnh độ Pháp Môn Thuyết Yếu (giảng những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ) 1027
2. Pháp ngữ khai thị sau cuộc chiến ở vùng Giang - Chiết 1033
3. Năm đoạn khai thị 1034
4. Pháp ngữ khai thị tại Tịnh nghiệp xã 1035
5. Pháp ngữ khai thị tại Tố Thực Đồng Duyên Xã (hội cùng kết duyên ăn chay) ở Nam Kinh 1041
6. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới 1047
7. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới ngày lễ kỷ niệm đức Thích-ca thành đạo 1053
8. Pháp ngữ khai thị nhân thánh đản đức Phật Thích-ca tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới 1059
9. Khai thị về niệm Phật tại chùa Pháp Tạng, Thượng Hải 1060
10. Khai thị về quy củ đả thất tại Linh Nham *(nói với hàng đệ tử tại gia)* 1064

VI. SỚ 1065

1. Sớ quyên mộ để chuộc cá, chuyển dời ao phóng sanh từ Tây Hồ sang nơi khác 1065
2. Sớ thuật duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng ở Cám Châu 1067
3. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện thiền tự Hưng Giáo (tức Tiểu Vân Lâu) thuộc thôn Lâu Giang ngoài cửa phụ của huyện thành Thiệu Hưng 1070
4. Sớ quyên mộ trai mễ (gạo cho tăng chúng ăn) suốt năm của chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng, Hồ Châu (viết thay) 1071
5. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và liêu phòng tại các viện trong Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự, Hàng Châu 1072
6. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện của thiền viện Tức Lai núi Phổ Đà *(viết thay)* 1072

VII. BẠT 1074

1. Lời bạt cho tấm biển ngạch Hương Quang Trang Nghiêm 1074

2. Lời bạt cho Tịnh Độ Ngũ Kinh 1074
3. Lời bạt cho Ma-lợi-chi Thiên Đà-la-ni 1075
4. Lời bạt cho Tịnh Độ Pháp Hội Khóa Nghi 1076
5. Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương 1076
6. Lời bạt cho bài giảng giải ý nghĩa Tam Dư Đức đường 1077
7. Lời bạt cho Kính Thứ Đường 1078
VIII. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC 1079
1. Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh 1079
2. Biện định nhằm giải trừ mối nghi về chuyện vãng sanh Tây Phương của ông Trương Huệ Bính 1080
3. Thông cáo tạ tuyệt trao đổi thư từ 1082
4. Thông cáo khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm 1083
5. Biện định sai ngoa trong lời tựa tác phẩm Bách Trượng Thanh Quy 1084
6. Những nghĩa lý trọng yếu dành cho nghề thuốc và xem tướng 1085
7. Những chuyện thoát nạn 1085
8. Hậu thân của thi nhân Trương Vĩnh Phu 1086
9. Trả lời câu hỏi giùm bạn của ông Đinh Phước Bảo 1087
10. Lược truyện hòa thượng Pháp Tràng 1087
IX. VẤN ĐÁP 1096
1. Đáp lời hỏi của sư Thiện Huân *(lược bỏ câu hỏi)* 1096
2. Đáp lời hỏi của hòa thượng Mộ Tây 1098
3. Đáp lời hỏi của cư sĩ niệm Phật (tức cư sĩ Chu Mạnh Do) 1100
4. Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập 1108
5. Đáp lời hỏi của cư sĩ Thôi Thụ Bình 1113
6. Đáp lời hỏi của Huyễn Tu Học Nhân 1116
7. Đáp lời hỏi của cư sĩ Chu Văn San 1118
8. Đáp lời hỏi của cư sĩ Du Đại Tích 1118
9. Đáp lời hỏi của cư sĩ Vương Tụng Bình (lược câu hỏi đi) 1122
10. Đáp lời hỏi của cư sĩ Duyên Tịnh 1123
11. Lời phê trên lá thư của cư sĩ niệm Phật 1130
12. Kệ tu trì 1133
X. VĂN SỚ 1134
1. Văn sớ dành cho Phật thất nhằm gieo phước cầu con 1134
2. Văn sớ cầu siêu vong linh vãng sanh Tây Phương trong Phật thất 1135
3. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ 1135
4. Văn sớ dùng cho Phật thất sám hối phát nguyện 1136
5. Văn sớ dùng trong buổi tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ 1137
6. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ 1138
7. Điệp thỉnh và văn sớ cho pháp hội Phổ Lợi Thủy Lục 1139
8. Văn sớ lễ bái kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm 1140
XI. CÂU ĐỐI 1142
1. Câu đối ở cửa Tam Quan 1142
2. Gác Di-lặc 1142
3. Đại Hùng bảo điện 1142

4. Địa Tạng điện 1142
5. Quán Âm (hai bài) 1143
6. Niệm Phật Đường (hai bài) 1143
7. Tặng đại sư Pháp Không 1143
8. Tặng cư sĩ Quách Giới Mai 1143
9. Tặng cư sĩ Đới Địch Trần (hai bài) 1144
XII. THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP NGỮ 1145
1. Ngày thứ nhất: Giảng niệm Phật, ăn chay là căn bản để hộ quốc tức tai 1145
2. Ngày thứ hai: Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình 1148
3. Ngày thứ ba: Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu những sự thực để chứng minh 1153
4. Ngày thứ tư: Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và giải thích đại lược những nghĩa lý trọng yếu của Tứ Liệu Giản 1159
5. Ngày thứ năm: Giải thích sơ lược về giáo nghĩa lục tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về ăn chay, phóng sanh 1170
6. Ngày thứ sáu: Dùng chân đế và tục đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây 1176
7. Ngày thứ bảy: Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v. 1184
8. Ngày thứ tám: Pháp hội đã viên mãn, giảng tam quy, ngũ giới, thập thiện và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật 1191
XIII. PHÁP NGỮ KHAI THỊ KHI TỪ THƯỢNG HẢI VỀ ĐẾN LINH NHAM 1198
XIV. ĐỨC DỤC KHẢI MÔNG 1212
XV. NHỮNG LỜI BẠT CỦA BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN 1216
1. Lời bạt thứ nhất 1216
2. Lời bạt thứ hai 1217
3. Lời bạt thứ ba 1218
XVI. PHỤ LỤC 1223
1. Trung Hưng Tịnh Tông Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp ký 1223
2. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Trạm của pháp sư Hoằng Nhất 1236
3. Pháp ngữ biệt lục 1237
THAY LỜI KẾT & HỒI HƯỚNG 1238

QUYỂN I

LỜI TỰA CHO LẦN ẤN HÀNH THEO PHƯƠNG PHÁP ẢNH ẤN

Văn do chuyên chở đạo mà thường cùng tồn tại với đạo, lý đáng nên như thế, nhưng sự lại không luôn như vậy. Văn chương trong các sách vở đáng coi là khuôn mẫu, hoặc những bài ca tụng cao nhã chẳng phải là chuyên chở đạo ư? Lửa Tần[1] bốc lên, bèn bị diệt sạch cả, nhưng diệt là diệt những thẻ sách[2], chứ chẳng diệt được sách vở cất giấu trong vách nhà[3] hay trong lòng người. Vì thế khi nhà Hán hưng khởi, văn chương, kinh điển xưa nay liền nối tiếp nhau xuất hiện trở lại, do vậy thấy được rằng "nếu đạo vẫn tồn tại thì văn cũng tồn tại!"

Văn Sao của tổ Ấn Quang hoằng dương trọn vẹn Tam tạng, dẫn chứng rộng rãi từ Ngũ kinh, ba căn nương theo sách ấy dấy lòng tin, theo những nẻo khác nhau cùng về Tịnh độ. Sách ấy chuyên chở đạo lý là chuyện đương nhiên, cần gì phải nói nữa! Do vậy, hai bộ Chánh Biên và Tục Biên phổ biến trong thiên hạ, 70 năm qua độ người vô số, nhưng bản thảo Tam Biên do họ La biên tập vừa xong liền bị giấu kín cả mấy chục năm chẳng xuất hiện trong cõi đời, biết nói sao đây?

Tiên sư lão nhân Tuyết Lư[4] xưa kia từng phụng sự tổ sư, vâng mạng lệnh chuyên hoằng dương Tịnh pháp; núi sông đổi sắc, vượt biển đến Đài Trung, sáng lập liên xã, y giáo phụng hành, Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên cùng với Gia Ngôn Lục, Tinh Hoa Lục[5] nhiều lần được ấn hành biếu tặng, nhưng chẳng tìm được Tam Biên. Về sau do Phật Giáo Thư Cục phát hành bộ Toàn Tập của tổ sư, trong ấy có Tam Biên do pháp sư Quảng Định biên tập, và theo lời đồn đại bản Tam Biên do họ La biên tập vốn được cất giữ tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu đã bị hủy hoại cùng với chùa miếu trong cơn binh hỏa, đáng than vô cùng!

---

[1] Năm 213 trước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách chôn Nho sĩ (sử gọi là "phần thư khanh nho"). Sau khi thống nhất Trung Hoa, nhằm dễ bề thống trị dân chúng, đương nhiên cần phải triệt hạ những tư tưởng có thể gây nguy hại cho oai quyền thống trị của nhà Tần; do vậy thừa tướng Lý Tư đã xin Tần Thủy Hoàng hạ chỉ thiêu hủy toàn bộ sách vở của bách gia chư tử, những ai lén tàng trữ đều bị xử tử. Đồng thời hạ lệnh chôn sống hơn 460 Nho sĩ và phương sĩ để diệt tận gốc tư tưởng học thuyết cũ.

[2] Thời ấy chưa có giấy, sách phải viết lên những thẻ tre hoặc thẻ gỗ, gọi là "giản sách".

[3] Dân chúng vẫn lén lút cất giữ sách vở bằng cách chôn giấu trong vách.

[4] Tuyết Lư là biệt hiệu của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam.

[5] Tức là bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục, tức là tác phẩm tập hợp những câu quan trọng, tinh túy nhất trích từ hai bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên và Tục Biên. Cuốn này do Lý Tịnh Thông biên soạn, do hai vị pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm cùng giám định. Theo ngu ý, cuốn này chọn lọc không tinh tường bằng bộ Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục của ông Lý Viên Tịnh.

Ngóng tin cách biển, nghe nói nguyên cảo Tam Biên may mắn thoát khỏi tai ương, lại còn được khắc in. Về mặt lý cố nhiên đáng tin, nhưng nơi mặt sự vẫn còn hồ nghi; liên hữu Đài Trung liền cậy người sang Linh Nham chứng thực điều ấy, thỉnh về liên xã. Đọc lời bạt, mới biết Linh Nham sau cơn hỏa hoạn, nguyên cảo này được cất tại tàng kinh lâu, trong rương đựng bộ *Càn Long Đại tạng kinh* khắc vào đời Thanh, do hòa thượng Minh Học phát hiện, cho xuất bản. Năm Canh Ngọ (1990), gặp dịp kỷ niệm tròn 50 năm tổ sư về Tây, [Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên] được Quảng Hóa Tự ở Bồ Điền, Phước Kiến ấn hành. Tứ chúng hân hoan, khen là chuyện hiếm có!

Chao ôi, văn của tổ sư giống như rồng vậy chăng? Hoặc ẩn, hoặc thấy, chẳng biết lúc nào! Nay đã được thấy, ắt sẽ bay lên tận trời, tuôn mưa pháp lớn, thấm nhuần khắp quần sanh. Ngay lập tức, liên xã Đài Trung liền cho in lại bằng phương pháp ảnh ấn để lưu truyền hòng thỏa nguyện cũ, vui mừng vô lượng. Ngoài ra còn có bảy lá thư [phúc đáp của đại sư Ấn Quang] để trong bọc hành lý của tiên sư đang được cất giữ tại Tuyết Lư Kỷ Niệm Đường ở liên xã Đài Trung, người biên tập cũng cho in kèm theo bộ Tam Biên này để khỏi bị thất lạc. Ấn hành cần phải có lời tựa, do vậy tôi kính cẩn thuật nhân duyên ảnh ấn để tùy hỷ vậy.

Đài Trung, Mạnh Đông năm Nhâm Thân
(Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 81 - 1992),
Tịnh nghiệp đệ tử Lô Giang Từ Tỉnh Dân kính đề

LỜI TỰA CHO BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN

Linh Nham Ấn Quang lão pháp sư nghiêm trì giới luật, hoằng dương Tịnh độ, lời lẽ làm pháp tắc cho cõi đời, hành vi làm khuôn mẫu cho đạo, dùng văn tự bát-nhã rộng độ mọi loài, mưa pháp tuôn khắp, tứ chúng suy tôn là vị tổ thứ 13 của Liên tông. Từ thời cận đại đến nay, quả thật là một nhân vật chưa từng có. Bản thân tôi từ thuở nhược quan (20 tuổi) phát nguyện quy y đức Phật, tự xét thiện căn nhỏ nhoi, mỏng manh, cứ lần khân mãi không thành tựu gì! Năm Dân Quốc 31 (1942), ngoại nhân khinh rẻ, xâm lăng Trung Hoa, sinh linh lầm than, các nỗi khổ chen nhau nung đốt không thể nào dứt dẹp được, đọc lại Văn Sao, giật mình tỉnh ngộ, bèn quy mạng, gieo tấm lòng thành, ăn chay niệm Phật, những điều này đều do Văn Sao ban cho vậy.

Sau này, ngẫu nhiên ở chỗ cư sĩ Đinh Phước Bảo, thấy được hơn 20 lá thư của sư đều là những lá thư chưa được sao chép, chưa đưa vào hai cuốn Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên. Do đó, nghĩ di cảo chính là pháp nhũ được gởi gắm, há nên để mặc cho thất lạc, bèn cẩn thận chép lại để giữ bản sao, đấy chính là bước khởi đầu cho việc biên tập bộ sách này vậy. Sau khi sư về Tây, nguyệt san Hoằng Hóa[6] trưng cầu di cảo, thư đáp lời trưng cầu nườm nượp gởi về, thu được thật phong phú. Nhiều nhất là hòa thượng Diệu Chân[7] ở Linh Nham, pháp sư Tu Luân ở

---

[6] Nguyệt san Hoằng Hóa là một tạp chí được phát hành mỗi tháng của Ấn Quang Đại Sư Kỷ Niệm Hội, do cư sĩ Chung Huệ Thành làm chủ bút, pháp sư Đức Sâm làm chủ nhiệm. Số đầu tiên được phát hành vào ngày mồng 1 tháng 7 năm 1941. Đến tháng 5 năm 1949, tạp chí này được Hoằng Hóa Xã đứng ra chịu trách nhiệm xuất bản, và do ông Du Hữu Duy làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Đến tháng 2 năm 1956, tạp chí này được giao cho hiệp hội Phật giáo Thượng Hải quản trị, Du Hữu Duy tiếp tục làm tổng biên tập. Đến tháng 7 năm 1958, nguyệt san bị chính quyền Hoa Lục đình bản.

[7] Pháp sư Diệu Chân (1895-1967), tên ngoài đời là Vạn Chánh Tài, pháp danh là Diệu Chân, pháp tự là Đạt Ngộ, người huyện Táo Dương, tỉnh Hồ Bắc. Năm lên 18 tuổi, khi cha mẹ ép phải lấy vợ, sư vốn mang chí xuất gia liền trốn qua huyện Tùy xin xuống tóc tại chùa Tung Sơn ở Đàm Trấn, rồi đến thọ giới tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà trong năm ấy. Sau khi thọ giới cụ túc, sư trở về chùa Tung Sơn, học tập giáo nghĩa với bổn sư. Hai năm sau, được sự chấp thuận của bổn sư, pháp sư bèn đi hành cước tham học khắp nơi. Sư từng đến chùa Quán Tông núi Tứ Minh để học giáo nghĩa Thiên Thai, được trúng tuyển vào học ở học xã Quán Tông của pháp sư Đế Nhàn. Pháp sư Diệu Chân học tại đó ba năm, tốt nghiệp năm 1920. Năm 1923, pháp sư Trì Tùng từ Nhật Bản trở về Trung Hoa, pháp sư Diệu Chân bèn theo học Đông Mật với pháp sư Trì Tùng. Không lâu sau, pháp sư Trì Tùng sang Vũ Hán hoằng pháp, khi ấy pháp sư Từ Châu đang làm hiệu trưởng Học viện Pháp Giới tại chùa Hưng Phước ở Thường Thục bèn mời Diệu Chân đến giữ nhiệm vụ giám học. Khi ngài Từ Châu vì sức yếu lắm bệnh, từ nhiệm chức vụ hiệu trưởng Học viện Pháp Giới, xin về Linh Nham dưỡng bệnh, Diệu Chân cũng theo về Linh Nham để săn sóc. Lúc ấy, pháp sư Giới Trần đang làm trụ trì chùa Linh Nham. Mùa xuân năm sau, pháp sư Giới Trần nhận lời về Côn Minh hoằng hóa, pháp sư Từ Châu nhận lời thỉnh của hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận chức vụ trụ trì Linh Nham; ngài Từ Châu bèn cử Diệu Chân làm giám viện. Chính pháp sư Diệu Chân đã định ra chương trình mở Phật thất quanh năm, thực hiện đúng tông chỉ do tổ Ấn Quang đề xướng, cũng như chịu trách nhiệm kiến tạo Linh Nham, quản trị tăng chúng. Người ta thường nghĩ tổ Ấn Quang khai sáng đạo tràng tịnh nghiệp Linh Nham, chứ thật ra theo Linh Nham Sơn Chí, đạo tràng này do hòa thượng Chân Đạt khai sáng, rồi tuân theo lời dạy của tổ Ấn Quang, hòa thượng Chân Đạt biến Linh Nham thành đạo tràng đầu tiên chuyên tu tịnh nghiệp theo đúng tông chỉ do tổ Ấn

Hàng Châu đều cho chúng tôi đọc những lá thư họ giữ được. Các nơi gởi tặng bản gốc hoặc bản sao cũng chẳng dưới bốn năm chục người. Thảm đạm sưu tập tìm tòi, tính ra được gần 700 bức thư, 130 bài tạp văn, những bài văn ấy chẳng kém gì những bài đã được đưa vào bộ Tăng Quảng Văn Sao, tôi biên tập thành sách đặt tựa đề Văn Sao Đệ Tam Biên, trân trọng thu gom cất giữ để đợi duyên thù thắng. Nếu sách được xuất hiện trong cõi đời sẽ giúp đỡ lớn lao cho việc hoằng dương Tịnh tông và ủng hộ, duy trì pháp môn. Sao chép suốt mấy năm, luôn khư khư một ý niệm nhỏ nhoi: "Nguyện ba ngàn cõi phương Đông, gieo sen chín phẩm nơi trời Tây Phương", cùng được thấm nhuần pháp ích, cùng lên được bờ giác.

Mồng 4 tháng 11 năm Canh Dần (1950),
Kỷ niệm mười năm ngày lão pháp sư viên tịch,
Tư thục đệ tử[8] Thượng Ngu La Ung Hồng Đào

Quang đề xướng; tổ Ấn Quang chỉ đóng vai trò đạo sư cố vấn. Tuy chỉ là giám viện, pháp sư Diệu Chân đảm nhiệm phần lớn công việc của một vị trụ trì: xây cất, hoạch định chương trình đào tạo, quản chúng, trông nom mọi việc lớn nhỏ trong chùa. Thoạt đầu để tiện việc in sách, tổ Ấn Quang rời Phổ Đà đến ở chùa Thái Bình của hòa thượng Chân Đạt. Sau này, do ngày càng bị thư từ gởi tới quá nhiều, tổ tính lánh phiền bỏ sang Hương Cảng bế quan, hòa thượng Chân Đạt cùng các vị cư sĩ hộ pháp như Quan Quỳnh Chi, Trầm Tỉnh Thúc, Triệu Vân Thiều thương nghị, khẩn cầu tổ hãy về bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu (chùa này cũng do hòa thượng Chân Đạt quản nhiệm, thầy Minh Đạo làm giám viện). Đến tháng 2 năm 1937, do sự biến Lư Cầu Kiều, quân Nhật tấn công Trung Hoa, ném bom vùng Hoa Nam, lo lắng cho sự an nguy của tổ, các vị Chân Đạt, Đức Sâm, Liễu Nhiên, Diệu Chân v.v. van nài tổ về trú ngụ tại Linh Nham. Từ tạ không được, tổ chấp nhận dời về sống tại Linh Nham vào tháng 2 năm 1937. Khi tổ về Linh Nham, tăng chúng hâm mộ tịnh nghiệp kéo về xin nhập chúng tại Linh Nham ngày càng đông hơn, trách nhiệm giám viện của Diệu Chân vô cùng nặng nề nhưng sư vẫn chu toàn. Ngày 27 tháng 10 (âm lịch) năm 1940, tổ Ấn Quang đã 80 tuổi, khoảng bảy giờ sáng từ căn phòng bế quan chống gậy vào nhà tắm, chợt vấp chân té, mọi người kinh hoảng, mời cư sĩ Ngô Vô Sanh đến khám ngay lập tức, nhưng xét nghiệm thấy tổ không bị thương tổn gì, tinh thần vẫn minh mẫn như thường. Sáng ngày 28, sau khi dùng cơm sáng và cơm trưa như thường lệ, sau bữa ngọ, tổ đột nhiên gọi các vị chấp sự trong núi và những cư sĩ đang có mặt trong chùa độ hơn ba chục người, đến nói: "Chức vụ trụ trì Linh Nham không thể bỏ trống lâu hơn nữa, hãy thỉnh thầy Diệu Chân đảm nhiệm." Mọi người vâng lệnh, đề nghị chọn ngày mồng 9 tháng 11 làm lễ tấn sơn cho Diệu Chân. Tổ bảo "lâu quá", cuối cùng mọi người đề nghị ngày mồng 1 tháng 11, tổ nói: "Thôi cũng được!" Hai hôm sau, hòa thượng Chân Đạt từ Thượng Hải tới, tổ cậy hòa thượng Chân Đạt lo liệu lễ tấn sơn. Rạng sáng ngày mồng 4 tháng 11, tổ ngồi ngay ngắn niệm Phật, đến ba giờ chiều, thầy Diệu Chân ghé thăm, tổ dạy: "Ông nên duy trì đạo tràng, hoằng dương Tịnh độ, đừng học theo lối kẻ cả", rồi không nói gì nữa, khe khẽ niệm Phật. Đến năm giờ, đại sư mỉm cười an nhiên vãng sanh giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Diệu Chân tiếp tục sự nghiệp duy trì đạo tràng Linh Nham theo đúng giáo huấn của tổ, sư còn lập ra Linh Nham Sơn Tự Tây Phương Nghiên Cứu Xã, sau này đổi tên thành Linh Nham Sơn Tự Tịnh tông Phật Học Uyển để hoằng dương Tịnh tông và đào tạo tăng tài. Sư còn cho lập nông trường sau Linh Nham để chùa có thể tự túc lương thực, đồng thời tiến hành những công tác từ thiện như nuôi dạy cô nhi, chữa bệnh miễn phí, phát thuốc, thí cháo cho dân nghèo v.v.. Khi Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc thành lập dưới thời Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đại chúng suy cử Diệu Chân làm lý sự trưởng và phó chủ tịch hội Phật giáo Giang Tô. Sư viên tịch năm 1967, thọ 73 tuổi, hạ lạp 56 năm.

[8] Ông La Ung Hồng Đào chưa hề được đích thân học với tổ Ấn Quang , chỉ do đọc Văn Sao sau khi tổ đã mất mà tu tập theo giáo huấn của ngài nên được gọi là "tư thục đệ tử".

đảnh lễ cung kính viết lời tựa

Ghi Thêm

Bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên được ấn hành lần này là bản duy nhất được cất giữ tại Linh Nham Sơn ở Tô Châu, vốn là di cảo do cư sĩ La Hồng Đào biên tập, pháp sư Huệ Dung chép lại thành bản cẩn thận, ghép thêm vào đó hai thiên Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ và Đức Dục Khải Mông, do hai bản này đã sớm được lưu hành riêng nên ông La không đưa vào bản thảo. Quy cách trình bày ấn loát nhất loạt lấy hai bộ Văn Sao Sơ Biên và Tục Biên làm chuẩn. Do trình độ hữu hạn của những đồng nhân làm công tác giảo chánh, đối chiếu, khó thể tránh được sai sót, ngưỡng mong mười phương tăng tục, thầy, bạn chẳng tiếc công chỉ dạy để sửa đổi khi tái bản, khôn ngăn tột bực tha thiết khẩn cầu.

Chùa Quảng Hóa tại Bồ Điền, Phước Kiến kính bạch
(Giữa Đông năm 1990)

ĐẠI SƯ TỰ THUẬT

Mùa đông năm Dân Quốc 28 (1939), người ngoại quốc họ X… đến Linh Nham yết kiến đại sư có lời thưa hỏi, cùng nhau dùng bút mực để trò chuyện, đại sư tự lược thuật cuộc đời và hạnh nguyện như sau:

1. Cuộc đời

Xuất gia năm Quang Tự thứ 7 (1881), thọ giới năm Quang Tự thứ 8 (1882). Năm Quang Tự 12 (1886) đến Hồng Loa Sơn ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 17 (1891) dời sang chùa Viên Quảng tại Bắc Kinh. Năm Quang Tự 19 (1893) đến ăn nhờ ở đậu chùa Pháp Vũ thuộc núi Phổ Đà tỉnh Chiết Giang, suốt 30 năm chẳng đảm nhiệm chuyện gì. Đến năm Dân Quốc 17 (1928) có đệ tử quy y ở Quảng Đông tính thỉnh tôi sang Hương Cảng, liền rời Phổ Đà, tạm ngụ tại chùa Thái Bình ở Thượng Hải. Mùa xuân năm Dân Quốc 18 (1929) tính rời đi nhưng vì chuyện in sách chưa xong nên phải ở lại. Năm Dân Quốc 19 (1930) đến bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Tháng 10 năm Dân Quốc 26 (1937), tỵ nạn sang Linh Nham đã tròn hai năm. Hiện thời đã sống buổi sáng không đảm bảo được buổi tối, chờ chết mà thôi! Năm mươi chín năm từng trải như vậy đó. Suốt cả một đời chẳng cùng ai kết xã, ngay đến cả Hội Phật giáo Trung Quốc cũng chẳng ghi tên làm hội viên.

2. Những việc xảy ra gần đây

Từ khi đến Linh Nham, bất cứ danh lam thắng cảnh nào, tôi cũng đều chẳng tới xem, bởi chí chỉ mong vãng sanh, chẳng bận tâm đến danh lam thắng cảnh.

3. Việc làm

Mỗi ngày lượng theo sức mình niệm Phật và trì chú Đại Bi để làm căn cứ tự lợi lợi tha. Suốt đời chẳng thu nhận một đệ tử xuất gia nào, chẳng nhận làm trụ trì chùa nào cả!

4. Chủ nghĩa và giáo nghĩa niệm Phật

Đối với hết thảy mọi người đều dùng "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để khuyên nhủ, bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều phải chú trọng trọn hết bổn phận con người, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường em kính, chồng hòa vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Bất luận người sang hay kẻ hèn đều dùng những điều này để bảo ban, khiến cho hết thảy mọi người trước hết làm một người hiền, người lành trong thế gian, ngõ hầu cậy vào Phật từ lực siêu phàm nhập thánh, vãng sanh Tây Phương. Trọn chẳng nói với người khác

những lời lẽ lớn lao khiến họ không thực hiện được, mặc cho người ta bảo mình là hạng tăng chỉ biết cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì. Đại lược là như vậy đó!

I. THƯ TỪ

1. Thư trả lời đại sư Hoằng Nhất

Hôm qua, nhận được thư và bản tụng văn cũ lẫn mới, đọc không thấy chỗ nào sai. Trong thư nhắc đến tình huống dụng tâm quá độ, Quang đã sớm đoán biết chuyện này, do vậy đã viết một lá thư khuyên sư đừng làm như thế. Do sư quá tỉ mỉ, thường có những chỗ không cần phải thật dốc sức mà sư vẫn chẳng chịu không dốc sức, đến nỗi bị thương tổn! Xét theo sắc lực của sư, có lẽ nên lắng lòng chuyên nhất niệm Phật, những giáo điển khác và những sách đang được lưu truyền hiện thời, nhất loạt đừng xem tới để khỏi bị phân tâm, bị tổn hại vô ích. Người biết xử sự đúng thời phải hiểu thời cơ, sự việc, chuyện gì sư với tôi chẳng thể gánh vác được thì hãy nên lánh mình ra ngoài, để mặc đó đừng hỏi đến nữa, nhất tâm niệm Phật để mong mình lẫn người đều được lợi ích thật sự, ấy mới là phương cách độc nhất vô nhị vậy!

2. Thư gởi lão hòa thượng Chân Đạt

Ba bốn chục năm qua Quang được huynh chiếu cố, chăm nom, khôn ngăn cảm kích. Sáng nay tinh thần uể oải như sắp chết, do vậy gần như đem tất cả những chuyện bận bịu tại Thượng Hải giao hết cho pháp sư Đức Sâm. Qua hai tiếng sau lại cảm thấy chẳng sao cả, tuy chưa chết ngay nhưng cũng khó tránh khỏi cái chết, chẳng ngại gì bàn soạn sẵn. Quang khi sống tánh chẳng thích bày vẽ nhiều chuyện, chết rồi thì cũng nên làm ma chay cho Quang giống như một kẻ tầm thường qua đời. Nếu không, sẽ càng tăng thêm tội lỗi cho Quang vậy!

3. Thư gởi pháp sư Đức Sâm[9] (thư thứ nhất)

[9] Pháp sư Đức Sâm (1883-1962) tên thật là Dương Long, người huyện Hưng Quốc tỉnh Giang Tây, có chí xuất gia từ lúc mới lớn, nhưng mãi đến năm 1912 mới được thỏa nguyện xuống tóc với hòa thượng Kim Thái chùa Báo Ân huyện Trường Đinh tỉnh Phước Kiến, rồi thọ giới cụ túc tại chùa Đại Thừa huyện Ninh Đô (Phước Kiến) vào năm 1913. Pháp sư Liễu Nhiên cũng cùng thọ giới trong *tam đàn đại giới* này. Năm 1921, sư cùng với sư Liễu Nhiên kết thành đồng bạn đi tham học các nơi. Năm 1922, đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, gặp được tổ Ấn Quang, tổ biết hai người là pháp khí của tông Tịnh độ, hết sức khuyên dạy, bảo ban chuyên tu tịnh nghiệp. Tổ lại còn đích thân đến gặp hòa thượng Văn Chất xin cho hai người được ở lại tàng kinh các chùa Pháp Vũ để tu học và nghiên cứu kinh điển. Từ đấy, hai vị phát nguyện trọn đời theo hầu dưới gối tổ Ấn Quang. Do giúp tổ giảo duyệt kinh sách, pháp sư Đức Sâm đọc bản truyện ký về tổ do cư sĩ Mã Khế Tây biên soạn mà tổ không thèm đọc, vứt bỏ đó, mới biết Tổng thống Từ Thế Xương của chánh quyền Dân Quốc thời ấy đã từng ban tặng tổ một tấm biển ngạch với bốn chữ Ngộ Triệt Viên Minh, bèn đem chuyện ấy hỏi tổ. Tổ quở: "Ngộ còn chưa được, nói chi viên minh? Mù quáng bịa chuyện, khiến tôi thêm xấu hổ." Mãi về sau, Đức Sâm thấy trên đại điện tấm biển ấy được trụ trì chùa Pháp Vũ cho treo vào một chỗ rất khuất, nếu không chú ý sẽ không thấy được. Năm 1930, tổ Ấn Quang thành lập Hoằng Hóa Xã thuộc Thượng Hải Tịnh Nghiệp Xã để lưu thông kinh sách, tổ đã giao cho Đức Sâm trông nom mọi việc tại Tịnh Nghiệp Xã và Hoằng Hóa Xã. Khi tổ về bế quan tại Tô Châu, Đức Sâm cũng dời Hoằng Hóa Xã từ Thượng Hải về Tô Châu để

Phần phụ lục do ông đã gởi mãi đến sau hai giờ chiều ngày hôm qua mới giao tới, do phải trò chuyện với khách đến thăm đã lâu, nên không còn tinh thần để xem được. Sáng nay bèn đọc qua, gặp đúng lúc Mạnh Am tới đây bèn đưa cho xem, ông ta khen ngợi không ngớt. Văn Sao Tục Biên cuốn thượng đã sắp chữ xong, nếu cuốn hạ lại đưa thêm nhiều bài văn vào phần phụ lục thì hai cuốn sẽ dày mỏng không đều, hãy nên đem phần sách này ghép vào sau cuốn thượng thì hai cuốn sẽ dày bằng nhau. Phần phụ lục không nhất thiết phải đặt ở cuối cùng, đặt cuối cuốn thượng thì cũng là phụ lục, không nhất quyết phải đặt phụ lục ở cuối cuốn hạ.

Hiện thời khoản tiền thu được từ các nơi gần đến hai vạn, dùng loại giấy in báo thì cũng in được cỡ chừng hai vạn cuốn là cùng. Nếu dùng loại giấy Mao Biên thì một vạn đồng chỉ in được ba bốn ngàn bộ! Tấm lòng của cư sĩ Lạc có thể nói là tận thiện, tiếc rằng ông ta chưa biết nên làm thế nào cho thích hợp với thời thế. Từ khi in sách đến nay, Quang chẳng dùng loại giấy Mao Biên, huống là loại giấy in báo! Về sau, do loại giấy Mao Thái giòn gãy quá nhiều, in ra một vài năm đã biến thành mớ giấy lộn để bán ve chai, mà giá loại giấy ấy vẫn tính vào chi phí in sách khá đáng kể. Huống chi những chỗ sản xuất giấy ở Phước Kiến, Giang Tây đều gặp nạn chiến tranh, vì thế chỉ nên dùng giấy in báo để in sách. Ông Lạc trọn chẳng hiểu nỗi lòng Quang, hơn một vạn bộ sách ở chỗ ấn loát cảm thấy rất nhiều, nhưng nếu chia ra gởi đi, quả thật là quá ít!

Lời bàn luận của ông Lạc thuộc về pháp tắc thông thường trong thời thế thái bình, còn ý kiến của Quang thuộc phương pháp quyền biến trong thời thế đói kém, loạn lạc. Không chấp nhất thì đôi đằng đều hợp lý, hễ chấp nhất thì đôi đằng đều chẳng trọn vẹn. Nay tôi nói một thí dụ để làm sáng tỏ nghĩa này. Ví như có người trong lúc gạo châu củi quế đem mười vạn cứu đói. Do mười vạn có hạn, dân đói vô cùng, hãy nên dùng lương thực giá rẻ hơn một chút ngõ hầu cứu giúp được lâu hơn và giúp được nhiều dân nghèo hơn. Nếu dùng loại lương thực hạng nhất, tuy về mặt tốt lành thì hết sức tốt lành đấy, nhưng sau khi hết tiền thì sẽ làm như thế nào đây?

Văn Sao khiến cho người ta cảm động, phát tâm không ít, chẳng phải là vì giấy in tốt. Trước khi tròn 60 tuổi, ông Trịnh Triết Hầu oán thù đức Phật; năm 60

---

có dịp luôn theo hầu hạ. Chỉ đến khi chiến tranh Trung - Nhật nổ ra, đường bưu điện không bảo đảm, vâng theo lời dạy của tổ, sư đành ở lại Thượng Hải để lo giảo chánh, ấn tống kinh sách. Suốt 20 năm sau đó, Đức Sâm tận tụy đảm trách nhiệm vụ ấn loát, phát hành những kinh sách do tổ đã giám định hoặc trước tác. Năm 1940, tổ viên tịch, đại chúng thành lập Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Cửu Kỷ Niệm Hội, suy cử sư Đức Sâm làm phó hội trưởng. Năm 1946, Đức Sâm tuổi đã 64, cảm thấy vô thường sắp tới, từ tạ mọi nhiệm vụ trong Hoằng Hóa Xã, bế quan tu tịnh nghiệp cho đến khi viên tịch vào ngày 16 tháng 10 năm Nhâm Dần (1962), thọ 81 tuổi, giới lạp 49 năm.

tuổi, ông ta đọc Văn Sao, từ đấy bỏ mặc những thuyết của Hàn, Âu, Trình, Chu trước kia, cực lực đề xướng Phật pháp. Đủ biết muốn thật sự làm lợi cho người khác, hãy nên chú trọng nơi lưu truyền rộng rãi. Có người bảo hễ sách được in quá nhiều sẽ bị người ta coi thường, bị tổn hại vô ích. Phải biết rằng: Kinh Phật, sách Nho chẳng thể nào hoàn toàn không có chuyện bị coi rẻ thì sách của bọn phàm phu nghiệp lực chúng ta làm sao có thể trọn không bị coi rẻ cho được? Hiện thời, trong ngoài nước người tin Phật đông đảo, cố nhiên chẳng cần phải lo xa như thế! Hãy nghĩ đến chuyện bậc đại thông gia ở nhằm nơi không có Phật pháp vẫn bị khổ vì không biết đến Phật pháp, như Tăng, Tả, Lý, Diêm (Diêm Đan Sơ là người ở Triều Ấp, từng làm Phó tướng, con người cực thuần hậu, không báng Phật, nhưng cũng trọn chẳng nghiên cứu) đều là những người không báng Phật mà cũng chẳng biết đến Phật pháp, chẳng đáng buồn ư? Mong hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay! Đừng đưa những lời lẽ này vào Văn Sao.

4. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ hai)

Phàm tất cả những khoản tiền ở Thượng Hải đều dùng để in Văn Sao, không cần phải báo rõ từng khoản. Nói chung, Quang chẳng còn sống lâu nữa đâu, vì thế chuyện gì đã xong thì cho xong luôn, chuyện gì chưa xong cũng coi như xong. Quang chết rồi, quyết chẳng được tổ chức tang lễ giống như những vị tăng hiện thời, bày vẽ mù quáng, gởi cáo phó, thiết lễ phúng điếu, cầu danh nhân viết lời đề bạt, đắp cả đống phân lên đầu coi là vinh dự. Dù sau này Quang chưa chết, bên ngoài có gởi thư đến, sư cũng chẳng cần phải gởi [tới tận nơi bế quan cho Quang] nữa. Thư gởi đến nếu sư bằng lòng kết duyên thì tùy ý phúc đáp. Nếu không, cứ để nguyên thư gởi lại, không cần phải viết thư sang Ngũ Đài nữa đâu! Hòa thượng Pháp Độ vẫn chẳng nghĩ như vậy là đúng, có viết cũng tự chuốc lấy phiền não, hãy để mặc cho ông ta minh tâm kiến tánh đi!

Kinh Dược Sư hôm nay đã gởi đi, từ rày sư nên thương lượng với ông ta, Quang chẳng hỏi đến nữa. Từ năm Dân Quốc thứ sáu (1917) trở đi, Quang ngày càng bận hơn, bận không thể tưởng tượng được, chỉ bận bịu vì người khác chứ công phu của chính mình hoàn toàn bê trễ. Nếu được A-di-đà Phật rủ lòng từ tiếp dẫn thì là ngàn muôn phần trọn đủ rồi, còn chuyện viết tiểu sử, soạn bài minh, soạn lời tán dương, điếu văn, câu đối, sư hãy bảo họ ngàn vạn phần đừng gom cả khối phân lớn chất lên đầu Quang tức là đã ban tặng cho Quang nhiều lắm rồi, xin hãy sáng suốt soi xét. Suốt 19 năm sư vất vả giúp đỡ Quang, khôn ngăn cảm tạ! Quang chết rồi, sư cũng không cần phải lên núi để khỏi bị đau lòng!

5. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ ba)

Lúc này dường như chẳng mệt mỏi giống như lúc sáng sớm, chắc là chưa đến nỗi chết ngay, nhưng cố nhiên không thể tránh khỏi cái chết được. Hãy nên bảo những người quen biết: "Quang chết rồi thì vẫn vì chính mình mà niệm Phật như thường lệ, chẳng cần phải niệm cho Quang!" Vì sao vậy? Do nếu vẫn chẳng vì chính mình mà niệm, cứ niệm cho Quang thì cũng chẳng giúp được gì. Nếu thật sự vì chính mình mà niệm, chẳng niệm cho Quang, hóa ra Quang lại được lợi ích lớn lao. Vì thế, bất luận người nào, chuyện nào, đều phải sốt sắng thực hiện nơi chỗ có lợi ích lớn lao thì hết thảy những chuyện sáo rỗng, những thứ giả vờ bên ngoài đều trở thành công đức chân thật; người chân thật mới là đệ tử Phật. Quang thấy một vị đại lão chết đi, một người viết bài tán dương di ảnh như sau: "Bậc đại hùng cao cả xuất hiện trong thế gian." Lại có một đệ tử viết tiểu sử cho thầy là Ngọc Trụ có câu: "Hạnh ngài bằng với hạnh của ngài Vĩnh Minh, há chẳng phải là hậu thân của Vĩnh Minh ư?" Quang phê rằng: "Đem phàm lạm thánh, tội chẳng thể tha!"

Sư Ngọc Trụ tuy tốt đẹp, nhưng sao lại có thể tán dương như vậy được? Nếu sư Ngọc Trụ biết, chắc sẽ đau lòng ứa lệ! Phật pháp tốt đẹp bị thói "ham danh ghét thật" làm hư hỏng hết. Chúng ta chẳng thể uốn nắn thói tệ đương thời, nào dám theo mọi người góp phần náo nhiệt gom lấy đống phân, khiến cho hết thảy mọi người vì mình mà gom góp cho thật nhiều ư? Những tưởng để tiếng thơm trăm đời, nào ngờ quả thật đã để lại tiếng xấu muôn năm! Quang không có thật đức, nếu ca tụng, tán dương Quang tức là đã gom đống phân lớn đắp lên đầu Quang, mong hãy nói với hết thảy những người hữu duyên vậy.

6. Thư gởi pháp sư Đức Sâm (thư thứ tư)

Tháng Chạp năm ngoái đã tính thôi không viết thư cho hòa thượng Quảng Huệ chùa Quảng Tế, nhưng vì sư kèo nài, nên sáng ngày 30 Tết bèn chiều ý viết thư. Thầy Diệu Chân trông thấy, cho người sao lại, Quang vốn không có ý đưa thư ấy vào Tục Biên[10]; vì lá thư đó dài dòng lôi thôi đến năm ngàn chữ. Thoạt đầu, thư nói tới thói tệ mở hội trai tăng ngàn vị, sửa đổi theo quy cách khác. Trong thư nói đến chuyện tham thiền chẳng dễ gì được lợi ích, lấy Ngũ Tổ Giới để làm chứng. Ngũ Tổ Giới là bậc phi thường nhưng vẫn chưa đoạn được kiến hoặc, huống là liễu sanh tử ư? Khi Tô Đông Pha[11] trấn giữ Hàng Châu, vẫn chẳng cự tuyệt kỹ nữ, đủ thấy ông ta vẫn là phàm phu đầy dẫy triền phược. Sư hãy đọc kỹ, coi đưa vào sách được thì đưa vào, cũng chẳng cần phải chấp chặt một bề.

[10] Tức lá thư gởi hòa thượng Quảng Huệ được đánh số 152 trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 2.
[11] Tô Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Giới.

Mục lực của Quang càng yếu thì thư từ càng nhiều, do vậy trong ngày Lập Xuân tháng Chạp năm ngoái, Quang nói với thầy Diệu Chân: "Nếu thường trụ chịu lo liệu, Quang sẽ chẳng hỏi đến nữa; nếu không, cứ nhất loạt gởi trả lại." Thầy Diệu Chân sai người lo giùm, phàm những thư xin quy y, thư gởi suông thì nhiều, cũng có những thư gởi tiền hương kính. Hai năm trước đây, phàm những người đến chùa quy y, tiền hương kính và những khoản tiền đặc biệt gởi cho Quang đều đưa hết cho thường trụ, còn tiền kèm theo thư gởi đến thì giao cho Quang. Nay thì khoản tiền đặc biệt gởi đến cho Quang liền đưa trả về cho Quang, còn tiền hương kính của người đến núi quy y và tiền hương kính gởi kèm theo thơ đều giao hết cho thường trụ. Ở Thượng Hải có ai xin pháp danh, sư hãy thay mặt Quang viết thư cho họ, tiền hương kính cũng để cho sư tiêu vặt. Chuyện ấn hành Văn Sao Tục Biên, Quang chẳng hỏi đến, tùy sư liệu định. Nếu thư của người ở Thượng Hải xin pháp danh chuyển đến thì sư cũng thay mặt Quang viết thư cho họ, cần gì cứ phải không có chuyện gì lại bới ra chuyện như vậy?

Ông Phí Phước Thuần có một bài viết, ông Hà Phước Hà cũng có một trang viết nói đại lược về lợi ích của sự tiết dục: Sanh hai con đều sống được mười mấy ngày rồi chết, do lúc ấy ông ta không tiết dục, nên tiên thiên chẳng đủ mà ra! Những hạng thanh niên ấy coi dục là vui, lại muốn sanh ra con cái mạnh khỏe phước thọ, đạt được kết quả trái ngược, chẳng đáng buồn ư? Tháng Chạp năm ngoái, Phương Huệ Uyên có gởi thư đến, nói ông Thang bị bệnh nhiều lần, lại chẳng chịu kiêng những thứ sống sít, lạnh lẽo. Những kẻ thường cứ ăn những món chẳng nên ăn sẽ đổ bệnh, trong khi bị bệnh lại thường nghĩ đến vợ con, có nghĩ cũng vô ích. Đủ biết những người ấy do nghiệp lực nên rốt cuộc trở thành điên đảo.

Quang tuy chưa chết nhưng vẫn nghĩ mình đã chết, vì thế hết thảy mọi chuyện nếu đã chẳng thể lo liệu được thì chẳng hỏi đến nữa, từ rày tùy sư quyết định. Tiền tài tại Thượng Hải Quang đều chẳng cần đến. Có sức thì in nhiều, không đủ sức thì in ít; nếu không có sức thì đừng in, đều tùy theo tài lực mà làm chuẩn, chớ nên vay mượn đến nỗi bó tay nhọc lòng. Xin hãy từ bi thứ lỗi! Phàm đối với những ai có lòng tin, hãy nên dạy họ nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải niệm cho Quang, cũng đừng bỏ công đến thăm để khỏi phí tiền, phí thời gian, trọn chẳng có ích chi!

7. Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn

Trả lời đại lược câu hỏi, chẳng thể trình bày chi tiết.

1. Đã có Phật đường thì cần gì phải thờ Phật trong liêu phòng nữa? Con người hiện thời quá nửa là vô ý, hời hợt, nơi điện đường còn phóng túng không kiêng dè, ngay đang trong lúc niệm tụng lễ bái còn dám phóng trung tiện thì trong liêu phòng sẽ càng phóng túng chẳng thể nói được. Nếu thờ Phật trong liêu phòng hãy tưởng như Đại Hùng bảo điện, may ra mới đỡ chuốc lấy tội lỗi. Nếu không, công rất ít, tội lỗi vô lượng! Thường thấy bậc pháp sư ở vào địa vị cao trọng mà vẫn chẳng nghĩ đánh trung tiện là phạm tội, trong lúc niệm tụng vẫn dám phạm, huống chi hàng học nhân hờ hững, hời hợt ư? Lời nói của tọa hạ chính là do không có cách nào khác được bèn tạo phương tiện cho ông ta; hãy bảo ông ta lễ bái trong chánh điện chính là phương pháp bậc nhất để khỏi chuốc lấy tội lỗi đấy.

2. Pháp quán tưởng cũng chẳng hoàn toàn dựa vào tướng bên ngoài, nếu chú trọng vào tướng bên ngoài thì báo thân và hóa thân vốn là một thể, sao lại có vướng mắc nơi báo thân và hóa thân? Ví như đứa con thấy cha mẹ mặc quần áo trịnh trọng và thấy cha mẹ mặc thường phục trọn chẳng nghĩ lúc này là đúng, lúc kia là sai, hoặc lúc kia là đúng, lúc này là sai. Người ấy quán Phật mà có cái thấy chấp tướng như vậy, nếu chẳng phải là tự khoe công phu, ắt là cố chấp chẳng thông suốt. Hạng người ấy lâu ngày chắc sẽ bị ma dựa, chứ không phải là bậc tu hành chân thật đâu!

3. Hình tượng nếu có thể để thờ hoặc cất giữ thì hãy thờ hoặc cất giữ, nếu chẳng thể thờ hoặc chẳng giữ được nữa thì hãy thiêu hóa đi. "Hủy tượng đốt kinh tội cực sâu nặng" là nói về những thứ kinh tượng có thể để thờ hoặc cất giữ được. Nếu chẳng thể để thờ hoặc để giữ được mà vẫn cứ chấp vào nghĩa này sẽ trở thành khinh nhờn. Ví như đứa con trong lúc cha mẹ còn sống, ắt phải tìm cách sao cho cha mẹ được an toàn; cha mẹ mất rồi, ắt phải tính cách mai táng. Nếu là kẻ ngu chẳng hiểu lý, thấy người khác mai táng cha mẹ được coi là thực hiện lòng hiếu bèn muốn đem cha mẹ còn đang sống sờ sờ chôn đi cho trọn hiếu, hoặc thấy người khác phụng dưỡng cha mẹ là hiếu, bèn đối với cha mẹ đã chết vẫn theo quy cách phụng dưỡng thường nhật mà phụng dưỡng. Hai loại người này đều chẳng phải là chân hiếu!

Kinh chẳng thể đọc được, tượng chẳng thể thờ được nữa, lẽ đương nhiên hãy nên thiêu đi, nhưng chớ nên làm giống như thiêu giấy chữ bình thường, mà phải tạo ra đồ để thiêu riêng, giữ gìn nghiêm ngặt chẳng để cho tro bay sang chỗ khác. Đem tro ấy đựng trong túi vải may thật kín, lại bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch để hễ bỏ xuống nước sẽ chìm ngay, chẳng đến nỗi giạt vào hai bờ. Nếu có ai ra biển, đến chỗ sâu bỏ xuống giữa biển, hoặc nơi sâu trong sông to thì được, chớ bỏ xuống ngòi nhỏ, rạch nhỏ. Người làm được như vậy là làm đúng pháp. Nếu chẳng

bỏ thêm cát, đá, chắc chắn sẽ bị trôi giạt vào hai bờ, vẫn trở thành tội khinh nhờn. Tội ấy chẳng nhỏ đâu, nhưng chớ nên dùng đá dơ, ngói dơ.

4. Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ-tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương? Người niệm Phật lâm chung thấy Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn, há nên chấp chết cứng như thế? Nếu đúng là như vậy thì Phật cũng chẳng đáng gọi là Phật, Bồ-tát cũng chẳng đáng gọi là Bồ-tát. Sanh về Tây hãy nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A-di-đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát. Những điều cảm ứng như vậy được sách cổ ghi chép càng khó tính kể. Nay trong trần lao thì chuyện gì cũng viên thông, nhưng trong tu trì thì chuyện gì cũng chấp chết cứng, chẳng đáng viên thông mà lại lầm lạc viên thông, chẳng đáng chấp trước mà cứ chấp trước chết cứng. Do điều này mà biển khổ sóng dậy liên tục, luân hồi không ngừng nghỉ vậy. Người có kiến giải như vậy khác nào trẻ nít, con người như vậy nào đáng để cùng bàn luận nữa!

8. Thư trả lời pháp sư Như Sầm

Vừa nhận được thư xong, lại nhận được Tư Quy Tập, khôn ngăn cảm thán! Do tọa hạ đề xướng pháp môn Tịnh độ mà Quang mục lực lẫn tinh thần cả hai đều chẳng đủ, chẳng thể phụ giúp, thật là thiếu sót, tiếc nuối. Vì vậy bèn đọc các điều được đề xướng và những điều đã bàn định. Trong những điều được bàn định, những chữ tôi khoanh một vòng tròn nhỏ bên cạnh là tán thành, hoặc có phê đại lược một hai câu, xin hãy châm chước thêm. Chỉ có phần nói về cách niệm truy đảnh[12] của sư Hán Nguyệt Pháp Tạng thì trong chỗ lợi người có ẩn tàng cái họa gây lầm lạc cho người, vàn muôn phần chớ nên sao lục. Dẫu bài thơ ấy hay, cũng xin nên gạt bỏ đi!

Ông ta (tức Hán Nguyệt Pháp Tạng) là kẻ oán đối trong nhà Phật, lúc đầu thân cận tổ Mật Vân Viên Ngộ chùa Thiên Đồng, ngộ được đôi chút, bèn muốn làm bậc đệ nhất cao nhân muôn đời, tự nói mình không có thầy mà tự ngộ. Ngài Mật Vân muốn phó chúc pháp của mình cho ông ta, ông ta không chịu tiếp nhận bỏ đi. Mật Vân đuổi theo, đuổi đến chỗ nọ thì bắt kịp, ông ta vẫn không chịu nhận. Mật Vân ép buộc, ông ta bèn dùng *tam huyền, tam yếu*[13] buộc Mật Vân đáp lời

[12] Truy Đảnh là cách niệm Phật liên tiếp, chưa dứt câu này đã niệm tiếp ngay câu khác, không xen hở chút nào, giống như câu này gối đầu lên câu kia nên gọi là truy đảnh. Cách này chỉ có thể áp dụng trong chốc lát khi vọng tưởng quá mạnh mẽ, không nên niệm trong một thời gian dài sẽ bị tổn khí thành bệnh.
[13] Tam huyền, tam yếu là phương pháp được tông Lâm Tế áp dụng để tiếp dẫn học nhân. Tam huyền là:

rồi mới miễn cưỡng tiếp nhận dòng pháp. Những chuyện ông ta nói đều là xằng bậy bịa ra, nhưng bọn sĩ đại phu lại tin thờ như Phật sống; kẻ nào bàn đến những chỗ phá hoại của Pháp Tạng ắt sẽ mắc đại họa! Vì thế trong ngữ lục của ông ta cũng như trong ngữ lục của bọn học trò là Hoằng Nhẫn, Cụ Đức toàn là những lời nói nhăng nói cuội đề cao thầy, miệt thị tổ, được lưu truyền cho đến thời Khang Hy bèn được ghép thêm vào Minh Tạng[14] (Đại tạng kinh bản đời Minh).

Đến năm Ung Chánh 11 (1733), vua Ung Chánh soạn các ngữ lục, hiểu rõ [ngữ lục của bọn Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn, Cụ Đức] là sai lầm, xằng bậy, liền hạ lệnh hủy bản khắc và cấm ngặt lén lút cất giữ, lưu truyền. Vua chép lại những lời bịa đặt xằng bậy nghịch lý, trái đạo, trái luân thường của Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn, Cụ Đức gồm hơn 80 đoạn, mỗi mỗi đều quở trách [tạo thành một cuốn sách] đặt tên là Giản Ma Biện Dị Lục, gồm 4 quyển, hơn 200 trang. Văn ấy phàm những ai đọc sách xem đến đều tăng trưởng học thức lớn lao không chi hơn được, đối với người tham thiền lại càng hữu ích (nay những thiền giả phần nhiều chẳng hiểu lời nói của cổ nhân, cứ hiểu theo kiểu chia chẻ mặt chữ thì khí vị nhà Thiền còn chưa được nghe nữa là!) Đến năm Ung Chánh 13 (1735) mới hoàn thành bản thảo. Vua

---

1. Thể trung huyền: lời nói hoàn toàn không bóng bẩy, chỉ căn cứ theo chân tướng và đạo lý của sự vật để diễn tả.

2. Cú trung huyền: lời nói chân thật chẳng dính dấp vào tình thức phân biệt, không câu nệ vào ngôn ngữ với mục đích khiến người học hiểu được ý nghĩa huyền diệu.

3. Huyền trung huyền (dụng trung huyền): những câu nói huyền diệu xa lìa hết thảy những đối đãi và gông cùm ngôn ngữ.

Tam Yếu là "lời lẽ không phân biệt, tạo tác; vào thẳng chỗ huyền áo, dứt bặt ngôn ngữ".

[14] Minh Tạng, gọi đủ là Minh Bản Đại Tạng Kinh, hoặc Minh Bản, gồm có năm loại:

1. Hồng Vũ Nam Tạng (Sơ Khắc Nam Tạng), được khắc theo lệnh của Minh Thái Tổ, mãi cho đến năm đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1402) mới xong, có thuyết nói là tới năm Hồng Vũ 31 (1398) đã khắc xong. Bản khắc xong được giữ tại chùa Báo Ân ở Nam Kinh, gồm 1.612 bộ kinh. Bản này cũng được bảo tồn tại chùa Khoái Hữu thuộc quận Phong Phố, Nhật Bản.

2. Vĩnh Lạc Nam Tạng, khắc từ năm Vĩnh Lạc thứ 10 (1412) đến năm Vĩnh Lạc 15 (1417) mới xong, bản này cũng khắc tại Nam Kinh, nội dung giống bản Hồng Vũ nhưng được giáo chánh cẩn thận hơn và tăng thêm một số kinh nữa thành 1.625 bộ kinh, chia thành 6.331 quyển.

3. Vĩnh Lạc Bắc Tạng: cũng được khắc theo lệnh của Minh Thành Tổ, bắt đầu khắc vào năm Vĩnh Lạc 18 (1420) mãi cho đến năm Chánh Thống thứ năm (1440) đời Minh Anh Tông mới xong, gồm 1.615 bộ, tức là đã lược bỏ một số trước tác ra khỏi tạng. Về sau, tuân lệnh của mẹ vua Minh Thần Tông, đưa thêm 35 bộ như Hoa Nghiêm Huyền Đàm Hội Huyền Ký v.v. vào tạng, trở thành 1.660 bộ kinh sách.

4. Vũ Lâm Tạng: được khắc in dưới niên hiệu Gia Tĩnh, được khắc ván tại Vũ Lâm tỉnh Chiết Giang, tạng này nay đã thất truyền.

5. Lăng-nghiêm Tự Bản, còn gọi là Vạn Lịch Bản, Mật Tạng Bản, Gia Hưng Bản, Kính Sơn Bản v.v. được khắc in vào năm Vạn Lịch 14 (1586), do ngài Mật Tạng Đạo Khai phát nguyện đứng ra khắc in tại Kính Sơn (Chiết Giang), cuối cùng đem bản khắc về in tại chùa Lăng-nghiêm huyện Gia Hưng (Chiết Giang), hoàn thành cuối đời Vạn Lịch (1620). Bản này được lưu truyền rộng rãi nhất. Sau này, vào cuối đời Thanh còn bổ sung thêm những trước tác được triều đình chấp thuận cho nhập tạng gọi là Tục Tạng, rồi Hựu Tục Tạng gồm 185 bộ nữa. Như vậy, bản Minh Tạng được tổ Ấn Quang nói đến ở đây chính là phần Tục Tạng của tạng kinh này.

truyền dụ đưa bản ấy nhập tạng để lưu thông, nhưng chưa bao lâu đã lên làm khách cõi trời. Càn Long kế vị, chưa thể đích thân lo liệu được, liền sai người khác chép lại cho rõ ràng để khắc ván.

Khi ấy, bọn ngoại hộ của Pháp Tạng rất đông, tăng tục không dám bàn đến, vì thế Giản Ma Biện Dị Lục chưa được nhập tạng; chỉ đem lời thượng dụ của Ung Chánh đặt vào đầu sách để làm lời tựa, nhưng chuyện triều đình chẳng sai khiến tới mình, đâu ai dám lạm bàn, mà người sao chép lại không hiểu rõ ý nghĩa lắm, cho nên gạn lọc không rõ ràng đến nỗi lời văn mâu thuẫn lý, hoặc có chỗ trong nguyên cảo viết tắt nhưng không xét kỹ nên chép thành sai ngoa. Như theo lối chữ thảo, chữ *vị* (謂: nói) được viết thành *vi* (為: làm), rốt cuộc hơn một trăm chữ vị đều bị khắc thành chữ vi cả! Những kinh sách của Thế Tông đã được khắc in đều giảo chánh đích xác, chỉ có mình sách này bị sai lầm chẳng thể đếm xiết. Ván in đã khắc hoàn chỉnh rồi, in ra bao nhiêu đó bộ, ban cho những vị đại thần mang tước vương và các cao tăng. Nhưng do bọn ngoại hộ của Pháp Tạng thế lực mạnh mẽ, tăng chúng sợ mang họa, đều chẳng dám lưu truyền, đến nỗi hàng tăng tục học rộng nghe nhiều đời sau đều chẳng biết đến tên sách ấy.

Năm Quang Tự 30 (1904), ngài Đế Nhàn thỉnh tạng kinh, sai Quang đi theo trông nom. Kinh đã in xong, còn phải chờ mấy ngày mới đi được; do vậy tôi đến viếng các tiệm sách ở Lưu Ly Xưởng[15], thấy trong một tiệm có hai bộ đều thỉnh hết, đem một bộ tặng cho ngài Đế Nhàn, mong ngài sẽ lưu thông, một bộ tự giữ. Năm Quang Tự 31 (1905), Quang tới chỗ ông Dương Nhân Sơn cư ngụ tại Nam Kinh, biết thư viện Hoằng Giáo của Nhật Bản đang ấn hành Đại tạng kinh, bèn cậy tiên sinh Dương Nhân Sơn đem bộ của Quang gởi sang Nhật Bản. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông Địch Sở Thanh đến Phổ Đà, Quang khuyên ông ta lưu thông sách này, bảo ông ta nên xin bộ sách ấy từ chỗ ngài Đế Nhàn. Ông ta thưa: "Con có!" Hỏi do đâu mà có, ông ta cho biết mua được từ tiệm ve chai ở Bắc Kinh. Ông ta trở về đất Thân (Thượng Hải), liền giao cho nhà in, chiếu theo cách trình bày của sách ấy in ra một ngàn bộ theo lối thạch bản, gởi cho Quang tám bộ, giữ lại hai bộ, còn bao nhiêu tặng cho người hữu duyên. Quang bèn lắng lòng dựa theo ý nghĩa câu văn để giảo chánh.

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cho khắc ván tại Tàng kinh viện Dương Châu, in ra 300 bộ tặng cho người khác. Nếu như khi đường bưu điện thông suốt thì sẽ thỉnh thêm sách ấy mấy bộ nữa để tặng cho những vị tăng tục có đủ chánh kiến. Đọc sách ấy sẽ biết Pháp Tạng là người như thế nào, và lời lẽ của bọn pháp đồ

[15] Lưu Ly Xưởng là tên một "phố văn hóa" nổi danh ở Bắc Kinh, dọc theo con đường này toàn là những cửa tiệm chuyên bán các sản phẩm văn hóa và sách vở rất có giá trị.

ông ta phần nhiều là đặt điều bịa chuyện. Quang cho rằng tọa hạ chẳng biết ông ta là chân hay ngụy, nên mới đưa [trước tác của ông ta] vào trong Tư Quy Tập, đời sau sẽ lại hoằng dương rộng lớn pháp của ông ta, sẽ gây tổn thất lớn lao cho cả Thiền lẫn Tịnh! Nay tôi cũng chẳng nói đến hành vi của ông ta, nhưng dù không nhắc đến, nếu đọc Giản Ma Biện Dị Lục ai nấy sẽ biết rõ liền. Bưu phiếu đã quên mất số, xin gởi trả lại để giảm bớt lỗi của tôi.

Trong bản thảo Tư Quy Tập, những đoạn sao lục được viết theo lối chữ thông tục (tục thể) quá nhiều, chẳng thể nêu trọn. Nhưng chữ đoạn (段), theo tương truyền, chữ ấy phần nhiều bị viết sai thành 叚, ở đây cần phải sửa cho đúng: Chữ 叚 tức là chữ giả (假), [chứ không phải chữ đoạn]. Phàm những lối chữ tục thể, phá thể, thiếp thể, cổ thể[16] đem dùng vào kinh sách, tôi cảm thấy rất không cung kính, khiến cho hàng sĩ đại phu có học thức khinh mạn người viết lẫn người in, chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt đâu!

Cái tên "Ngũ Thập Tam Tham" (năm mươi ba lần tham học) quyết chẳng nên dùng vì coi đức Thế Tôn hai cõi ngang hàng phàm phu đời mạt, đánh mất tôn ty quá lớn. Những lời nguyện được sao lục dưới tên đức A-di-đà Phật hãy nên đánh số thứ tự là nguyện thứ mấy, mỗi nguyện đều như thế, xin hãy chú ý. Pháp *ngũ hội niệm Phật* của Tứ tổ[17] tôi chưa hề thấy nghe, ngờ là do người đời sau ngụy

---

[16] Tục thể là một lối viết chữ Hán cho nhanh gọn phổ biến trong dân gian. Lối viết này đã hình thành từ thời Lục Triều, phổ biến nhất vào thời Tùy - Đường. Tục thể về sau được áp dụng chủ yếu trong công cuộc xây dựng chữ Hán giản thể tại Hoa Lục. Đặc điểm của tục thể là bỏ bớt nét nếu có thể, chẳng hạn chữ đáp（答）được viết thành 荅, thư（書）viết thành 书, hoặc sử dụng những chữ có âm gần giống nhưng ít nét hơn để thay thế như đăng（燈）viết thành 灯, phần（墳）viết thành 坟.

Có hai cách hiểu chữ phá: một là không hoàn chỉnh, hai là vượt ra ngoài khuôn khổ quy định một cách táo bạo, sáng tạo. Đa phần chữ phá thể được dùng với ý nghĩa thứ hai. Theo Thư Pháp Tiểu Từ Điển (Tạ Đức Hoa, Tôn Đôn Tú biên soạn, Bắc Kinh Xuất Bản Xã ấn hành) thì: "Phá thể là những chữ viết theo lối tục thể, hoặc vận dụng âm nghĩa giống nhau mà thành. Hoặc là biến thể của lối hành thư, do Vương Hiến Chi đời Tấn (con của Vương Hy Chi) biến đổi lối viết hành thư, sáng chế một lối viết riêng, biến đổi tự dạng." Nói cách khác, phá thể là những kiểu viết tung hoành, bay bướm, tùy hứng không tuân thủ những nguyên tắc của những lối chữ truyền thống như *chân, hành, triện, thảo, lệ,* đến nỗi nếu không nghiên cứu về lối chữ này sẽ không thể đọc được.

Thiếp thể là một lối viết chuyên biệt để dành viết thiếp, gần giống với phá thể.

Cổ thể là lối viết chữ Hán theo thời cổ, thường là những chữ được viết thời Tần - Hán, thường rất khác với chữ hiện thời, chẳng hạn chữ nhân（人）viết theo lối cổ thể sẽ giống như chữ nhập（入）, còn nhập lại viết giống như chữ bát（八）.

[17] Tứ tổ Pháp Chiếu có soạn một tác phẩm mang tựa đề Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Tụng Kinh Quán Hạnh Nghi Quỹ (thường gọi tắc là Ngũ Hội Pháp Sự Nghi), ba quyển, nhưng bị thất truyền từ lâu. Mãi đến năm 1908, ông Pelliot người Pháp tìm được hai quyển trung và hạ của tác phẩm này tại Đôn Hoàng, gồm 21 bài tán tụng. Theo truyền thuyết, Tứ tổ từng được Đại sĩ Văn-thù dạy cách niệm Phật theo ngũ hội khi triều bái Ngũ Đài, nhưng cách này đã thất truyền từ lâu; người đời sau phỏng theo những lời dạy trong bộ Ngũ Hội Pháp Sự Nghi chế ra lối niệm Phật gồm năm khúc, từ chậm rãi uyển chuyển đến nhanh dần, âm thanh cao dần lên, đến hội thứ năm chỉ còn niệm bốn chữ hồng danh. Sở dĩ chia thành ngũ hội là nhằm thể hiện ý nghĩa trừ ngũ khổ, đoạn ngũ cái, tịnh ngũ nhãn, đủ ngũ căn, thành ngũ lực,

tạo. Ông Trương Quán Bổn cho rằng pháp này có thể khiến cho Tịnh tông hưng thịnh, Quang trọn chẳng cho như vậy là đúng. Mong hãy châm chước cẩn thận để quyết định giữ hay bỏ. Tôi vốn chẳng thể soạn lời tựa cho sách này vì không có tinh thần làm sao nêu tỏ được nghĩa lý mầu nhiệm của Tịnh độ? Kế đó, sợ tọa hạ quở trách, chỉ viết những gì Quang tin tưởng để mong khỏi bị trách mắng, cho nên khác với những điều đã nói trong thư.

9. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ nhất)

Ông tuổi mới vừa nhược quan (hai mươi) hãy nên tham học trước, chớ nên bày thói lạ, lộ vẻ kỳ, ra dáng hành hạnh đầu-đà. Có lẽ nên đến chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thân cận pháp sư Tĩnh Quyền, hiện thời giảng sư có khá nhiều vị, nhưng Quang chỉ biết mỗi vị này, nên mới nói như thế; những vị khác Quang không biết nên chẳng dám bảo bừa ông đến thân cận họ. Pháp danh của bà nội và mẹ ông đã đính kèm trong thư gởi đến, mong ông hãy khuyên họ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sẽ phù hợp với pháp danh Đức Thuần và Đức Nhất vậy. Từ rày chớ nên gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời, cũng đừng đến đất Tô vì đã không thể ở chùa Báo Quốc được thì đất Tô sẽ không có chùa nào ở được đâu! Huống chi mười tám món đồ[18] của ông khá cồng kềnh, tới lui chẳng dễ dàng. Học giáo ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai dẫu chẳng thể trở thành bậc đại thông gia thì quyết cũng chẳng đến nỗi nhiễm theo thói đời bây giờ. Vì thế, kẻ mới phát tâm hãy nên suy xét cẩn thận rồi mới làm vậy.

10. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ hai)

Quang là ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, suốt đời ăn nhờ ở đậu chùa người khác, há nên khen ngợi quá mức như thế? Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ; tháng 11 năm ngoái đã đăng thông cáo trên hai tờ báo ở Thượng Hải, cự tuyệt hết thảy thư tín. Tọa hạ phát tâm Bồ-đề, sắm sửa đủ mười tám món vật, muốn hành hạnh đầu-đà, quả thật là hành hạnh khó hành, nhưng Quang trộm chẳng cho như vậy là đúng! Bởi lẽ, thời cuộc nguy hiểm, các nơi tai ương đói kém, liều mình du hành vào nơi hoạn nạn, kinh Phạm Võng không chấp

đắc Bồ-đề, giải thoát trọn vẹn… Giai điệu của ngũ hội niệm Phật quá du dương nên dễ khiến người nghe say đắm nhạc điệu, không chú trọng nhiếp niệm. Do giai điệu ngũ hội niệm Phật được lưu hành cho tới hiện thời vẫn là mạo danh Tứ tổ nên bị tổ chê trách.

[18] Đây là mười tám món vật tùy thân của tăng sĩ hành hạnh Đầu Đà thường mang theo bên mình: Nhành dương (để chà răng cho miệng thơm sạch, tương ứng bàn chải đánh răng hiện thời), tháo đậu (những loại bột đậu có chất nhờn nhẹ hòa với đất sét để kỳ cọ chất bẩn trên thân khi tắm gội, rửa ráy, giống như xà-phòng), ba áo ca-sa, bình đựng nước, bát, ngọa cụ (đồ trải để nằm hay ngồi), tích trượng, lò hương, đãy lọc nước, khăn tay, dao (để cạo tóc, cắt móng tay, cắt y v.v.), đá lửa và bùi nhùi (để đánh lửa khi cần dùng), nhíp nhổ lông mũi, giường do những sợi dây bện thành (không phải võng), quyển kinh, giới bổn, tượng Phật, tượng Bồ-tát.

nhận đâu. Do vậy, hãy nên tìm một nơi chân thật tu đạo, giữ tâm khiêm hạ, chết sạch những vọng động, tu trì tịnh nghiệp, so ra có ích hơn hằng ngày du hành, bôn ba nhọc nhằn. Phong tục ở nước ta chẳng giống như thời đức Phật tại thế, hãy thuận theo thời tiết mà lượng định oai nghi mới là người thông suốt. Nếu ông vẫn nhất quyết chẳng chịu thay đổi chương trình đã định, Quang cũng không ép. Nhưng sau này chớ nên gởi tới một chữ nào nữa, gởi đến quyết không trả lời. Ông đi đường ông, tôi giữ chí tôi! Huống chi Quang sẽ chết trong sớm tối, nào còn dám xen vào chuyện người khác.

Vì sao biết tượng chú Đại Bi[19] là ngụy tạo? Bởi lẽ chú có vô lượng nghĩa lý, sao có thể lấy một tượng làm chuẩn được? Chú ấy do đức Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Phật[20] nói ra trong vô lượng kiếp trước, sao lại cũng nhắc tới đệ tử của Phật Thích-ca là A-nan? Sao lại còn nhắc đến Mã Minh, Long Thọ là những vị chỉ xuất hiện sau khi đức Phật Thích-ca đã nhập diệt? Đại Bi Sám Nghi của đại sư Tứ Minh Pháp Trí[21] người ta không thấu hiểu được, cứ thường coi trọng hình tượng, đủ thấy tăng sĩ đời sau phần nhiều không hiểu rõ giáo lý.

---

[19] Đây là một cách giải thích chú Đại Bi không biết phát xuất từ thời nào, mỗi câu trong bài chú Đại Bi tương ứng với một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát hoặc một vị Bồ-tát, Thanh văn nào đó, chẳng hạn câu "ma-ha ca-rô-ni-ca-da" là Mã Minh Bồ-tát hiện thân, "nam-mô tất-cát-lật-đỏa y mông" là Quán Thế Âm hiện thân Long Thọ Bồ-tát, câu "địa rị ni" là Quán Thế Âm Bồ-tát hiện thân Sư Tử Vương Bồ-tát, "bồ-đà-dạ bồ-đà-dạ" là Quán Thế Âm hiện thân tôn giả A-nan v.v..

[20] Trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quán Thế Âm Bồ-tát tự bạch nhân duyên như sau: "Bạch đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, đức Phật ấy vì thương nghĩ đến con và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, Ngài lại dùng tay sắc vàng xoa đảnh đầu con mà bảo: 'Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự lợi ích an vui lớn.' Lúc đó, con mới ở ngôi Sơ Địa vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên Đệ Bát Địa. Bấy giờ con rất vui mừng, liền tự phát thệ rằng: 'Nếu trong đời vị lai con có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thần chú này thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt.' Khi con phát thệ rồi, ngàn tay ngàn mắt đều hiện nơi thân…" (theo bản dịch của hòa thượng Thiền Tâm).

[21] Tôn giả Tứ Minh (960-1028), chính là ngài Tri Lễ, pháp hiệu Pháp Trí, một vị cao tăng Tông Thiên Thai. Ngài quê ở Tứ Minh (thuộc huyện Cận tỉnh Chiết Giang), lên 7 tuổi mất mẹ bèn phát nguyện xuất gia, mới 15 tuổi đã được đặc cách thọ giới cụ túc, năm 20 tuổi sang chỗ ngài Bảo Vân Nghĩa Thông học Thiên Thai Giáo Quán, chỉ một buổi đã tinh thông. Năm Chí Đạo thứ nhất (995), ngài được thỉnh về làm trụ trì chùa Bảo Ân núi Tứ Minh, ba năm sau chùa được sắc tứ là Diên Khánh Tự. Sư hoằng pháp giảng kinh tại đây hơn 40 năm, khắp cả vùng Đông Nam Trung Hoa đều theo học. Sư cùng với đại sư Tuân Thức là những nhân vật chủ chốt của Thiên Thai Xuất Gia Phái, đối lập với Sơn Ngoại Phái của Ngộ Ân, Hồng Mẫn, Nguyên Thanh v.v.. Sư bình sinh dốc sức biên soạn sám pháp và giảng các bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa (bảy lần), Pháp Hoa Văn Cú (tám lần), Ma-ha Chỉ Quán (tám lần), Đại Niết-bàn Kinh Sớ (một lần), Kim Quang Minh Huyền Nghĩa Sớ (mười lần), Quán Âm Biệt Hành Huyền Sớ (bảy lần), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (bảy lần). Sư chuyên tu Pháp Hoa Sám, mỗi kỳ tu tập là 21 ngày đêm hành trì liên tục. Sư còn chuyên tu Di-đà Sám Pháp 50 lần. Sư từng đốt ba ngón tay cúng Phật, mỗi năm tổ chức pháp hội niệm Phật thí giới. Sư trước tác rất nhiều, hiện còn giữ được các bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao, Kim Quang Minh Kinh Văn Cú Ký, Giải Báng Thư, Đại Bi Sám Nghi, Tu Sám Yếu Chỉ, Quang Minh Sám Nghi, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Dung Tâm Giải, Quán Âm Biệt Hành Huyền Nghĩa Ký, Quán Âm Biệt Hành Sớ Ký, Thích Thỉnh Quán Âm Sớ Trung Tiêu Phục

Ông đã coi trọng trì luật thì hãy nên đọc phần nói về mười tám món vật trong các bản chú sớ kinh Phạm Võng, cần gì Quang phải nói tường tận từng món nữa đây? Ông soạn bài kệ rất hay, nhưng có chỗ hơi không thích đáng lắm, tôi sửa đổi đôi chút. Hãy nên lấy những lời lẽ sám hối của cổ nhân làm chuẩn, bởi những thứ do con người hiện thời soạn ra từ ngữ lẫn lý lẽ hoàn toàn chẳng được chu đáo như cổ nhân. Ông đi hành cước há nên gởi tiền cho Quang! Tính gởi sách cho ông, lại sợ ông đã khởi đơn[22] không có chỗ nhất định, không biết phải gởi sách về đâu, cũng như do ông du hành mang vác vất vả nên chẳng gởi nữa.

11. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ ba)

Nam-mô A-di-đà Phật chính là danh hiệu đức giáo chủ thế giới Tây Phương Cực Lạc, gã ma con tên X… bèn y theo cách giải thích của gã ma con trước kia để phô trương ầm ĩ, muốn cho hết thảy những kẻ mù lòa khen hắn là bậc đại ngộ, nên mới tạo ra thứ ma thuyết ấy. Người mắt sáng trông thấy biết hắn bị ma dựa, mất trí điên cuồng, chẳng y theo những gì kinh Phật đã dạy, xằng bậy thêm thắt lời ma.

Sao ông chẳng biết kinh A-di-đà đã dạy: "Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A-di-đà? Này Xá-lợi-phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi không bị chướng ngại nên hiệu là A-di-đà. Lại này Xá-lợi-phất! Đức Phật ấy và nhân dân của ngài thọ mạng vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp nên tên là A-di-đà." Đấy là những lời đức Phật Thích-ca đã nói, gã ma tử X… chẳng noi theo lời Phật, mà dựa theo lời gã ma con trước kia đã nói, há chẳng phải là quyến thuộc của ma vương, thật sự là báng pháp ư? Nếu gởi những câu nói ấy cho người khác thì đời sau chẳng đọa địa ngục cũng sẽ mù mắt. Nếu ông chẳng hủy diệt sách ấy thì cũng sẽ mù mắt đấy!

Nay tôi giải thích đại lược cho ông, sáu chữ "Nam-mô A-di-đà Phật" đều là tiếng Phạn. Nam-mô cũng có khi viết là nẵng-mồ, trong kinh thường dùng chữ nam-mô, ở đây dịch là "cung kính, quy mạng, đảnh lễ v.v.". Hai chữ ấy nhằm biểu thị trực tiếp ý nghĩa cung kính quy y. A-di-đà Phật cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang, ý nói đức Phật này quang minh lẫn thọ lượng đều vô lượng. Gã ma con tên X… nọ chẳng dựa theo lời của Phật, Bồ-tát, tổ sư đã nói, ngược ngạo y theo lời gã ma con kia nói, gã ấy còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống hồ đáng gọi là thiện tri thức ư?

Tam Dụng, Vấn Mục Nhị Thập Thất Điều Đáp Thích, Nhị Thập Vấn, Biệt Lý Tùy Duyên, Nghĩa Lệ Cảnh Quán v.v..

[22] Vị tăng rời chúng đi nơi khác gọi là "khởi đơn" hay "trừu đơn". Khi xưa tăng chúng chỉ nằm trên những miếng ván kê thành hàng, vừa đủ một người nằm nên gọi là đơn.

Hiện tại tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, chỉ nên tự biết, đừng nên tranh biện với chúng nó. Vì sao vậy? Chúng nó muốn nhờ vào đấy để được danh văn lợi dưỡng, chẳng những không chịu thuận theo mà trái lại còn tăng thêm sức ma của chúng nó. Nhẹ là hủy báng cho sướng miệng, nặng là bị hãm hại ngấm ngầm, chẳng thể không biết điều này! Giác Sách Biểu vẫn là khuyên người khác niệm Phật, bài thơ ấy cũng không nêu rõ được ý nghĩa sâu mầu nào. Đọc thơ của ông ta, sao bằng đọc thơ của quốc sư Trung Phong, đại sư Sở Thạch, pháp sư Tỉnh Am?

12. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ tư)

Người tu tịnh nghiệp cần phải nghiêm trì tịnh giới, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành cung kính trì danh hiệu Phật, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải nhiếp tai lắng nghe. Thường nghe thấy tiếng niệm Phật, tâm sẽ tự quy nhất. Cách này ổn thỏa, thích đáng nhất, bất luận thượng trung hạ căn đều được lợi ích, trọn không lo bị bệnh. Nay gởi cho ông hai gói Ngũ Kinh, Thập Yếu v.v., mong hãy đọc kỹ sẽ tự biết sự sâu xa, rộng lớn của pháp môn, chẳng đến nỗi bị tri thức các tông khác lay chuyển, lung lạc. Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa. Gởi đến quyết không trả lời, vì mục lực chẳng thể thù tiếp nổi!

13. Thư trả lời sư Minh Tâm

Bế quan chuyên tu tịnh nghiệp thì hãy nên lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Khóa sáng vẫn chiếu theo lệ thường tụng Lăng-nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú. Nếu không thuộc chú Lăng-nghiêm thì chẳng ngại gì hằng ngày cứ xem kinh mà tụng, đến khi thật thuộc rồi hãy niệm thuộc lòng. Khóa tối thì kinh A-di-đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn cũng phải thường niệm hằng ngày. Ngoài ra, nên niệm Phật từ sáng đến tối, đi đứng nằm ngồi thường niệm.

Lại lập một quy củ, sáng niệm một lần; trước khi chưa niệm, lạy bao nhiêu đó lạy (trước hết lạy Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật ba lạy, rồi lạy A-di-đà Phật bao nhiêu đó lạy, rồi lễ Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi vị ba lạy, rồi lễ thường trụ thập phương hết thảy chư Phật, hết thảy tôn pháp, hết thảy hiền thánh tăng ba lạy). Hoặc niệm Phật một ngàn tiếng, hoặc nhiều hơn hay ít hơn. Niệm xong lại lễ chừng đó lạy, buổi sáng một lần, buổi chiều một lần, rồi nghỉ một khắc để tụng khóa tối, đầu hôm niệm Mông Sơn, sau đó niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, lễ bao nhiêu đó lạy, phát nguyện hồi hướng, tam quy y xong, trong tâm thầm niệm Phật hiệu để dưỡng hơi. Lúc nằm chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng, niệm ra tiếng sẽ tổn khí, lâu ngày sẽ thành bệnh. Dẫu là ngủ

nghỉ trong tâm vẫn thường giữ lòng cung kính, chỉ cầu tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, niệm niệm tương ứng với Phật hiệu. Nếu tâm khởi lên tạp niệm, liền lập tức nhiếp tâm kiền thành niệm, tạp niệm sẽ tiêu diệt ngay.

Đừng nên mù quáng dấy lên vọng tưởng, mong đắc thần thông, đắc duyên pháp, được tiếng tăm, mong xây chùa dựng miếu. Nếu có những thứ ý niệm ấy, lâu ngày chầy tháng ắt sẽ bị ma dựa. Nếu chẳng nói toạc những điều này với ông, sợ rằng ông sẽ tưởng những ý niệm ấy là tốt, vọng tưởng ngày ngày tăng trưởng, chắc chắn sẽ bị ma dựa không còn ngờ chi. Dẫu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuất phục, cũng chớ nên sanh lòng hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác, có một phần bèn nói tới mười phần, đấy cũng là cái gốc để bị ma dựa. Phàm có ai đến thăm, đều khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Lại còn gặp cha nói từ (nghĩa là dạy con noi theo đạo "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" để hành, đấy gọi là từ. Nếu nuông chiều chẳng dạy dỗ, dạy cho con học thói hư hỏng thì gọi là hại, chứ chẳng gọi là từ được! Chuyện này người đời trong trăm kẻ có đến chín mươi chín kẻ không biết, vì thế biến thành thời thế tàn sát lẫn nhau này. Nếu như ai nấy đều dạy con đúng đạo thì thế đạo thái bình, chẳng có người xấu. Những kẻ xấu đều là do cha mẹ chúng nó dưỡng thành, tiếc rằng không có ai đề xướng, người biết quá ít, chẳng đáng tiếc lắm thay!), gặp con nói hiếu, gặp anh nói yêu thương, gặp em nói cung kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy trọn hết chức phận, sẽ là thiện nhân. Lại phải nói với phụ nữ (mà cũng nên nói với nam giới): Phải dạy cho con gái tánh tình mềm mỏng, hòa hoãn từ bé, dẫu gặp chuyện không vừa ý cũng chẳng nổi nóng. Tập quen thành tánh, chẳng những vô cùng có lợi cho chính mình mà gia đình cũng được hòa thuận tốt lành, con cái ắt sẽ chẳng chết yểu, tánh tình hiền thiện, nước nhà vui mừng có được hiền tài.

Nữ nhân tánh tình quá nóng nảy sanh con phần nhiều bị chết hoặc lắm bệnh. Bởi lẽ hễ nổi đóa lên, sữa liền biến thành chất độc. Nóng giận quá mức, cho con bú nó chết ngay lập tức; bớt nóng hơn một chút thì nửa ngày sau, một ngày sau nó mới chết; hơi nóng giận thì con không chết, nhưng chắc chắn cũng sanh bệnh. Đấy chính là sự lý nhất định không thay đổi được. Giới y khoa nước ta trọn chẳng hề nhắc đến, do vậy Quang phải nói rõ điều này. Do hiện tại thời cuộc chẳng yên ổn, đường sá ngăn lấp, không cách nào lưu truyền rộng rãi, cho nên nói với ông và Thanh Thái, phàm những ai học y hãy đều nên nói với họ điều này, mỗi năm sẽ cứu được vô số trẻ thơ: Trong khoảnh khắc nhất định phải chết hay bị bệnh, sẽ được an lành, không bệnh tật, nên người. Công đức phóng sanh lớn lao, nhưng chuyện này công đức so ra còn lớn hơn phóng sanh nữa! Dùng công đức này để

hồi hướng vãng sanh, chắc chắn được mãn nguyện. Có ai thường chịu nói điều này với hết thảy mọi người thì cũng vun bồi công đức không gì lớn bằng. Do ông biết y thuật, đây là chuyện cứu người từ căn bản, là pháp lành không có hình tích gì để có thể thấy được. Nhân sĩ nơi quê tôi trọn chưa thấy nghe lời này. Ông có thể nói với những người quen biết ắt sẽ có thể từ một truyền mười, mười truyền trăm, cho đến ngàn vạn vô tận vậy.

Nghi thức nhập quan (bắt đầu bế quan) cũng không có quy cách nhất định, nói chung lấy cung kính chí thành làm chủ. Cần phải trong ngày hôm trước [ngày chính thức bế quan], lễ Phật tỏ bày chí nguyện của chính mình, rồi ngay trong hôm ấy (tức ngày chính thức bế quan) sẽ lễ Phật nơi đại điện, đến quan phòng (nơi bế quan) bảo người hộ quan khóa cửa. Trên cửa quan phòng dán một tờ thiếp (Bất Huệ minh tâm, phát tâm bế quan, chuyên tu tịnh nghiệp, khắp vì mình và người sám trừ lỗi cũ, tăng trưởng thiện căn), viết hai hàng chữ trên một tờ giấy, dán ngay chính giữa trên ô cửa, không cần phải bắt chước kẻ không hiểu sự: Dùng phong bì hình chĩa ba, viết những điều thệ nguyện để niêm phong cửa quan, thô kệch đến cùng cực! Thời hạn do mình chọn lựa, cũng chớ nên thỉnh người khác đến niêm phong cửa quan phòng. Những kiểu ấy đều là những kiểu cách bày vẽ rỗng tuếch, Quang hết sức chẳng thấy như vậy là đúng!

14. Thư trả lời đại sư Minh Tánh

Nhận được thư đầy đủ cả, ông khen ngợi tôi quá lố khiến cho người ta bất an! Quang là người lòng nghĩ thế nào miệng nói toạc ra như thế ấy, chẳng khen ngợi người khác quá lố, chẳng nhận tiếng khen của người khác. Tuổi tuy tám mươi nhưng chẳng biết một điều gì! Vì thế, chỉ lấy niệm Phật làm phương kế tự giải thoát, nhưng do nghiệp nặng, trọn chẳng có sở đắc gì, do có sáu chục năm trải đời nên những lời nói ra chẳng đến nỗi chán tai người khác. Tọa hạ đã chẳng coi rẻ Văn Sao là hủ bại, dơ bẩn, thì hãy nên y theo những gì Văn Sao đã nói để tu tập, quyết chẳng đến nỗi làm hỏng đại sự của ngài. Còn như chuyện đến núi thì quả thật không cần thiết! Pháp môn Tịnh độ trọn chẳng có chuyện "miệng truyền, tâm trao", tùy ý để người khác tự hành lãnh hội từ nơi kinh giáo, trước thuật, không có gì là không được cả.

Chín vị tổ của Liên tông không phải là mỗi vị đều được đích thân truyền ngôi vị tổ như trong các tông khác, mà là do người đời sau chọn lựa, dựa trên công lao hoằng dương Tịnh tông sâu đậm của các ngài mà xưng tụng như thế, chứ thật ra đâu phải chỉ có chín hay mười vị. Quang sau khi xuất gia, phát nguyện chẳng thu

nhận đồ chúng, chẳng làm trụ trì, chẳng làm giảng sư, cũng chẳng tiếp nhận pháp[23] của người khác. Vào thời Đường - Tống vẫn còn có pháp truyền tâm ấn của Phật, chứ nay chỉ còn dòng phái các đời truyền thừa mà thôi, gọi là "pháp" cũng đáng tội nghiệp quá! Tịnh tông trọn chẳng có chuyện ấy.

Đến núi gặp gỡ Quang vẫn chẳng hữu ích bằng đọc sách, cổ nhân nói: "Gặp mặt chẳng bằng nghe tên." Dẫu có đến đây thì những gì tôi sẽ nói với tọa hạ vẫn là những lời lẽ trong Văn Sao, nào có bí pháp đặc biệt sâu mầu nào đâu? Mười mấy năm trước, cuối lá thư gởi cho Ngô Bích Hoa, tôi đã viết: "Có một bí quyết tha thiết bảo ban: Cạn lòng thành, tận lòng kính, mầu nhiệm vô cùng!" Hơn nữa, cuối chương Thế Chí Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm có nói: "Phật hỏi pháp Viên Thông, con không chọn lựa, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." "Không chọn lựa" là dùng trọn khắp *căn, trần, thức, đại* để niệm Phật. Niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, nhà Thiền cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Người đời nay ngộ được còn chẳng thấy nhiều, huống là bậc chứng Tứ quả (Tạng giáo[24]) và Thất tín (Viên giáo[25]) ư? (Tứ quả, Thất tín mới liễu sanh tử). Chỗ để thực hiện "nhiếp trọn sáu căn" là do nơi nghe, bất luận niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng, hoặc chẳng mở miệng niệm thầm trong tâm, đều phải nghe từng câu từng chữ cho rành rẽ, đấy chính là bí quyết niệm Phật. Ba thứ *tín nguyện hạnh* là cương yếu của Tịnh độ, *nhiếp trọn sáu căn* là bí quyết niệm Phật, biết được hai điều này rồi thì chẳng cần phải hỏi ai nữa!

---

[23] Còn gọi là "kế thừa y bát", tức vị thầy thấy trong số các đệ tử hoặc tăng sĩ đến nhập chúng tu học, người nào lãnh hội được giáo pháp mình đang truyền thụ, sẽ phó chúc cho vị đó nhận lãnh vai trò đứng đầu chúng, tiếp tục hoằng truyền giáo nghĩa (Có thể tạm hiểu thô thiển là giống như tiếp nhận chức chưởng môn trong các phái võ).

[24] Tạng Giáo (gọi cho đủ là Tam Tạng Giáo), là một trong bốn giáo (Tứ Giáo) do Tông Thiên Thai thành lập, tức là tên gọi khác của Tiểu Thừa. Sách Tứ Giáo Nghĩa quyển một, giảng: *"Giáo này hiểu rõ lý bốn Thánh Đế nhân duyên sanh diệt, chủ yếu dạy hàng Tiểu Thừa, kiêm dạy hàng Bồ-tát. Gọi là Tam Tạng Giáo thì một là Tu Đa La Tạng, hai là Tỳ Ni Tạng, ba là A Tỳ Đàm Tạng… Ba tạng này thuộc về Tiểu Thừa."* Như vậy, giáo này chú trọng đến những giáo pháp Tiểu Thừa trong Tam Tạng kinh điển, cụ thể hơn là Tứ A Hàm của Kinh Tạng, Bát Thập Tụng Luật của Luật Tạng và các pháp nghĩa được phân biệt bởi đức Phật và các Thanh văn đệ tử.

[25] Theo tông Thiên Thai, viên có nghĩa là viên mãn hoàn bị chẳng thiên lệch. Theo Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển một, thì tuy những giáo pháp được nói trong Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát-nhã đều là viên đốn nhưng chưa phải là viên đốn triệt để, chỉ có kinh Pháp Hoa là viên đốn triệt để. Theo Ma-ha Chỉ Quán, trong Viên giáo lại chia thành bốn môn, tức:

1. Hữu môn: quán kiến hoặc, tư hoặc đều là giả, nhưng chúng chẳng lìa ngoài pháp giới, đầy đủ hết thảy Phật pháp.
2. Không môn: quán hết thảy pháp chẳng tại nhân, chẳng thuộc duyên, ngã và Niết-bàn đều là không.
3. Diệc hữu diệc không môn: không chính là giả, giả chính là không.
4. Phi hữu phi không môn: kiến hoặc, tư hoặc chính là pháp tánh, do vậy kiến hoặc và tư hoặc đều chẳng phải có (phi hữu). Pháp tánh chính là kiến hoặc, tư hoặc nên pháp tánh chẳng phải là không (phi không).

15. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết tâm sư hoằng pháp, bảo vệ đạo hết sức sâu đậm, thiết tha, khôn ngăn khiến người khác ngưỡng mộ khôn cùng! Trong cõi đời hiện thời, thổ phỉ thấy người khác có chút tích cóp thì nếu chẳng cướp đoạt cũng sẽ bắt cóc. Cô trinh nữ là phận gái, những người cùng sống đều là nữ giới, đang trong lúc loạn lạc cùng cực không có luật lệ này, lẽ đương nhiên nên tu ròng tịnh hạnh, há nên bỏ gốc theo ngọn, chú trọng xây cất ư? Pháp sư Tánh Nguyện, đại sư Giác Viên và tọa hạ sao đều chẳng nghĩ tới điều này? Mẹ ông Lý Tuấn Thừa đã chôn trong mộ rồi, bọn thổ phỉ còn đào lên, khiêng đi, bắt phải chuộc. Nếu chẳng phải do cha mẹ ông ta và chính ông ta ăn ở có tình nghĩa sâu đậm với địa phương thì có ai ở Tổng thương hội Nam Dương chịu đánh điện xin chánh phủ ra lệnh cho bọn chúng giao trả? Chứ nếu phải chuộc, chẳng biết sẽ phải tốn đến bao nhiêu vạn!

Nay tôi tính kế cho cô trinh nữ họ Trần: Đã đến Nam Dương, đã khai duyên (tức đã bỏ ra tiền để cúng dường xây dựng) thì duyên ấy hãy nên thu lại, tạm giữ trong ngân hàng nào đáng tin cậy, đợi đến khi đại cuộc ổn định một chút, thổ phỉ chẳng tác oai tác quái, sẽ lại xây dựng cũng chưa muộn. Tại Nam Kinh, Dương Châu, phàm là chùa, miếu, ni am hay nhà người ta đều có lính đóng, bị chúng nó chà đạp chẳng thể dùng lời lẽ nào hình dung được. Chùa Pháp Vân ở Nam Kinh đã quyên mộ được bốn vạn tám chín ngàn đồng, tính cất đại điện trước, Quang cực lực ngăn trở, may là chưa xây. Nếu đã xây sẽ thành chỗ đóng quân, nhưng cô nhi viện đã có lính đóng rồi. Những kẻ trước đó oán trách Quang ngăn cản, tới khi gần đây mới biết Quang thấy không lầm, mới chấp nhận là Quang biết nhìn xa.

Tọa hạ cùng pháp sư Tánh Nguyện, pháp sư Giác Viên chưa nghĩ đến điều này là vì người trong cuộc thì quáng vậy! Quang thì đạo đức, học vấn, văn chương vạn phần chẳng bằng được tọa hạ một phần, nhưng ăn cơm nhiều hơn tọa hạ 36 năm (sống uổng 68 năm), sự từng trải sâu hơn tọa hạ một chút. Đã là bạn bè trong pháp môn thì phải trọn hết tình bạn, cho nên đôi co một phen. Nếu hiểu là Quang chẳng muốn thành tựu chuyện tốt đẹp của người khác thì cũng chỉ đành cười khì mà thôi!

16. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết tâm hoằng pháp, bảo vệ đạo hết sức sâu đậm, thiết tha khiến người khác kính ngưỡng khôn cùng, nhưng khen ngợi Bất Huệ quá lố, chưa khỏi mắc lỗi khiến người khác sái lẽ thường. Quang vốn là một con nộm đầu gỗ ngoan cố, viển vông hủ bại, thiếu những hiểu biết thông thường, là kẻ còn sống

mà như đã chết rồi. Há nên khen ngợi quá lố như thế? Chẳng những khiến Quang mang tội, mà tọa hạ cũng chẳng thể không mang tội vậy. Cổ đức nói: "Ví như đất trên đường quan, có một người nắn thành hình tượng. Kẻ ngu cho là do Phật sanh, người trí biết là đất trên đường, một mai quan muốn đi, hủy tượng để đắp đường, tượng vốn chẳng sanh diệt, đường cũng vẫn như cũ!" Chỉ nên mặc cho người ta gọi là trâu hay ngựa, cứ tự giữ bổn phận của cục đất ngoan cố thiếu hiểu biết thông thường trên đường vậy!

Ông Diệp Huệ Nhãn thoạt đầu chưa mở huệ nhãn, lầm lạc xin quy y, sau này huệ nhãn rộng mở, bèn coi Quang như đất trên đường. Tọa hạ nói ông ta là cao túc đệ tử của Quang là vì chưa biết tâm ông ta mà nói vậy. Lý Huệ Giác đã do Diệp Huệ Nhãn giới thiệu, đã là bạn xướng họa thơ văn lâu ngày, gặp mặt trò chuyện ắt sẽ hoan hỷ chấp thuận, cần gì phải dùng lá thư một vạn chữ, lại gởi qua cho Quang để Quang gởi đi giùm? Đấy là vì tọa hạ vốn chưa hiểu rõ chí hướng của ông ta mà ra. Ông ta vốn ngưỡng mộ tọa hạ gấp vạn lần Quang; nếu đã sớm gặp được tọa hạ mấy năm trước đây, há chịu khuất mình theo bức tượng nặn bằng đất trên đường? Nhưng ông ta ăn ở vẫn còn như bát nước đầy, tuy biết Quang là đất trên đường, rốt cuộc vẫn chẳng có ý tưởng thị phi. Còn như ông ta gởi cho Quang năm ngàn đồng toàn là do ông ta tự phát tâm, Quang trọn chẳng hề khuyên dụ một chữ nào!

Thoạt đầu là gởi hai ngàn đồng để làm Phật sự cho cha mẹ ông ta và làm những thứ công đức khác, sau đó là ba ngàn đồng đều dùng để in sách. Quang một mực chẳng hướng về người khác mộ duyên. Chùa Pháp Vân ở Nam Kinh do các ông như Ngụy Mai Tôn v.v. phát khởi, đặt Quang làm hội trưởng danh dự, mua được 440 mẫu đất trống, dựng tạm mười mấy gian. Sau đấy liền đào chín cái ao phóng sanh. Lại mở cô nhi viện đã được ba năm rồi, cô nhi hơn trăm đứa. Hiện tại, chùa Pháp Vân vẫn chưa chánh thức xây dựng, Quang chưa nói với một đệ tử nào bảo họ bỏ ra ngần ấy tiền để xây cất chùa Pháp Vân hoặc làm kinh phí cho cô nhi viện. Có kẻ chẳng thương tình, xin Quang mộ duyên giùm, Quang bèn tùy theo sức mình mà giúp đỡ, trọn chưa hề giới thiệu cho một ai.

Tọa hạ cùng Lý Huệ Giác đã là bạn thân thiết trong pháp môn, tôi sẽ đem thư của tọa hạ kẹp vào gói sách, gởi thư bảo đảm cho ông ta, lại còn lược thuật đại ý, ắt ông ta sẽ ngưỡng mộ tấm lòng vì pháp của tọa hạ mà phát tâm xả thí lớn lao. Hơn nữa, Quang chẳng thích tâng bốc người khác quá mức, cũng chẳng thích bị người khác tâng bốc quá lố. Tọa hạ đừng làm văn, làm thơ gởi tặng, ngõ hầu mọi chuyện đều được thích đáng thì may mắn lắm thay!

17. Thư trả lời hòa thượng Truyền Độ

Nhận được khôn ngăn cảm động, hổ thẹn. Hơn ba mươi năm qua tọa hạ đã khiến cho Ô Vưu[26] rạng rỡ như mới, còn Quang suốt mấy chục năm qua chỉ ở đậu, theo đại chúng ăn cơm trong chùa người ta mà thôi. Soạn được hai cuốn Văn Sao, văn từ hết sức chất phác kém cỏi, chỉ là chuyện bị ép vào thế bất đắc dĩ, đành tắc trách cho xong, nào đáng được khen ngợi quá lố? Đại Sĩ Tụng, Văn Sao vào mùa xuân năm sau sẽ gởi tới mấy gói để mong kết duyên. Hiện thời đã có người đặt khá nhiều, chẳng thể tặng khắp những ai hữu duyên, phải gởi hết cho những người đặt mua trước đã. Văn Sao bản mới còn chưa sắp chữ xong, có lẽ sẽ bắt đầu in trong năm. Sách này lại tăng thêm mấy chục thiên, bài văn về quý tự cũng được thêm vào trong số ấy.

Bế quan tu tịnh nghiệp quả thật rất tốt, nhưng cần phải một lòng dốc sức nơi tín nguyện nhất tâm, chớ nên dốc sức nơi thấy tịnh cảnh hay thấy Phật. Nếu chẳng khéo dụng tâm, chỉ muốn mau thấy tịnh cảnh, vì vọng niệm ấy cố kết không cởi gỡ được, mỗi ngày một sâu hơn, ắt sẽ khiến cho oán gia trong đời trước biến hiện tịnh cảnh, đợi cho ông thấy xong, sanh lòng hoan hỷ lớn lao, ma sẽ thừa dịp xâm nhập, chẳng thuốc gì chữa được! Hãy nên đem lời khích lệ này để bảo ban.

Còn nói đến chuyện niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì có gì là không được? Chẳng thấy kinh Lăng-nghiêm nói "cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu phú quý được phú quý, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến cầu đại Niết-bàn sẽ đắc đại Niết-bàn" đó ư? Đại Niết-bàn là lý thể chứng được khi thành Phật. Rốt ráo thành Phật mà còn đạt được, huống hồ vãng sanh Tây Phương ư? Hơn nữa, Quán Âm và Di-đà đều cùng làm một chuyện độ sanh, nào có phân biệt? Nhưng cũng phải sáng tối niệm Phật thì sự lý mới viên dung. Chẳng thấy trong kinh Đại Bi, đức Quán Âm dạy người lễ bái, trì chú thì trước hết phải niệm danh hiệu A-di-đà Phật đó sao?

18. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư và lời dặn dò viết bài đề từ về chuyện sáng lập liên xã để khích lệ mọi người v.v.. Nay đã viết xong, sẽ gởi cùng với thư này để sư xem xét thu nhận. Tọa hạ hoằng hóa phần nhiều xiển dương kinh điển Tịnh tông; pháp môn Tịnh độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị: Do chúng ta luân hồi trong sanh tử đã trải kiếp dài lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, nếu cậy vào sức tu trì của chính mình mà muốn diệt sạch phiền não hoặc nghiệp để liễu sanh thoát tử sẽ khó hơn lên trời. Nếu có thể tin tưởng pháp môn Tịnh độ của đức Phật, dùng

[26] Ô Vưu là tên núi, đồng thời là tên chùa. Chùa này cũng thuộc Tứ Xuyên, gần với chùa Lăng Vân, nơi có Lăng Vân Đại Phật (Lạc Sơn Đại Phật). Chùa được xây trên đảnh núi Ô Vưu vào thời Đường, mang tên là chùa Chánh Giác, đến đời Bắc Tống đổi thành chùa Ô Vưu.

lòng tin chân thành, nguyện thiết tha niệm danh hiệu A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Chỉ mong tọa hạ mỗi ngày giảng kinh xong, sẽ suất lãnh đại chúng niệm Phật một tiếng đồng hồ, hồi hướng thế giới hòa bình, nhân dân yên vui, đừng bàn luận nhiều những điều huyền diệu.

Nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, thiên tai nhân họa, giặc cướp đầy dẫy, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để giáo huấn, quyết khó thể nào đạt được hiệu quả. Nên biết rằng, sự lý nhân quả ba đời, sanh tử luân hồi do đức Phật ta đã nói chiếu rạng ngời như mặt trời, mặt trăng, là đuốc huệ trong đêm dài vô minh; giảng kinh, niệm Phật, hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc chính là thuyền từ trong biển khổ sanh tử, muốn vãn hồi kiếp vận mênh mông này mà bỏ pháp này thì không còn nhờ vào đâu được nữa!

(Ngày 22 tháng Giêng năm Dân Quốc 26 - 1937)

19. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ hai)

Từ tháng Giêng cho đến tháng 7 nhận được bốn lá thư và bản thảo cuốn Liên Tông Tam Chủng Hiệt Yếu (ba thứ trích yếu trong Liên tông), bản thảo cuốn Tịnh Độ Tam Tự Kinh, và thư của ông Chu Lập Tri giới thiệu ông Đàm Hạo Nhiên xin quy y v.v., đủ chứng tỏ tâm ngài tha thiết vì pháp, có lòng yêu mến tôi sâu xa. Tôi đã dặn Hoằng Hóa Xã gởi 20 gói Tịnh Độ Thập Yếu, 20 gói Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, 10 gói Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn ban đầu cho kẻ sơ cơ), 20 gói Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngã rẽ), 20 gói Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế), 10 gói Bát Đức Tu Tri (những điều nên biết về tám đức), 10 gói Tam Kinh Chú (chú giải ba kinh Tịnh độ) và Công Dư Tu Dưỡng (tu dưỡng trong khi rảnh rỗi việc công), tổng cộng là 110 gói, đã đem ra bưu điện gởi sang đất Kiềm (Quý Châu). Khoản tiền gởi đến là 520 đồng đã giao cho nhà in.

Hai cuốn sách Liên Tông Tam Chủng Hiệt Yếu và Tịnh Độ Tam Tự Kinh do tọa hạ đã biên soạn phương pháp rất hay, ý tưởng rất tuyệt, đơn giản, thẳng chóng, sáng sủa, tùy theo căn cơ lập cách giáo hóa, có thể nói là những điều trọng yếu nhất của những điều trọng yếu trong Tịnh tông, hãy mau chóng cho in ra lưu thông để được truyền bá rộng rãi, khiến cho khắp những ai trông thấy đều thọ trì, làm chiếc bè báu để độ sanh, làm tư lương trở về Lạc Bang, chẳng phụ bi tâm vô lượng của tọa hạ.

Đối với chương trình đơn giản ở Quý Lâm thì không nhất định phải chiếu theo chương trình tổ chức của Linh Nham, mà hãy nên chiếu theo đặc điểm của địa phương để tùy theo căn cơ lập cách, chiếu theo thời thế, tình người mà sửa đổi,

hoạch định chương trình. Đức Thế Tôn chế luật, tổ sư định thanh quy nhằm giúp cho người học có cái để vâng giữ trong bảy chi, bốn oai nghi[27] vậy. Gần đây nước nhà gặp nạn đến mức nghiêm trọng, tọa hạ hoằng hóa, phần nhiều hãy nên xiển dương nhân quả báo ứng, chỉ dạy giảng nói tường tận đường lối giáo dục trong gia đình để các đồng nhân ấy đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sống thì dự vào bậc hiền thánh, chết sẽ về cõi Cực Lạc. Phương tiện khuyên chỉ, sẽ thấy hiền tài dấy lên đông đảo, kiếp vận tiêu ngay, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui.

(Ngày 20 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

20. Thư trả lời hòa thượng Bỉnh Sơ

Phật pháp pháp nào cũng viên thông, nếu dùng tâm chí thành thọ trì ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được! Chỉ có niệm Phật, niệm Quán Âm là dễ cảm thông nhất, những kẻ bình dân không ai chẳng biết đến sự cứu khổ cứu nạn của Đại sĩ Quán Âm. Hãy nên bảo Chí Thoát ăn chay trường, hằng ngày lễ niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" và niệm thánh hiệu "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" ắt sẽ có cảm ứng. Nay đặt pháp danh cho Chí Thoát là Thông Sướng, nghĩa là niệm thánh hiệu ngõ hầu túc nghiệp tiêu diệt, tâm địa thông đạt, lời lẽ thông suốt vậy. Sáng tối niệm Phật bao nhiêu đó câu, niệm Quán Âm cũng chừng đó. Ngoài ra thì từ sáng đến tối chuyên niệm Quán Âm (bất luận niệm ra tiếng, niệm thầm, đều phải dùng tai lắng nghe, hễ nghe thì công đức càng lớn. Đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được. Khi nằm và lúc áo mũ không chỉnh tề, chưa rửa tay, súc miệng thì đều nên niệm thầm).

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Quán Âm nói: "Ta đắc tâm Phật, chứng nơi rốt ráo, có thể dùng trân bảo đủ mọi cách cúng dường mười phương Như Lai cùng với pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (cầu vợ là cầu được người vợ hiền thiện), cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến (từ ngữ "như thế cho đến" bao gồm hết thảy những điều mong cầu) cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn." Đại Niết-bàn là Phật quả rốt

[27] Có hai cách hiểu chữ thất chi:
1. Thân khẩu thất chi: tức những điều ác nơi thân và miệng (ba điều nơi thân tức giết - trộm - dâm và bốn điều nơi miệng, tức nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều và ác khẩu).
2. Bảy tụ (nhóm) giới trong giới luật tỳ-kheo, tức ba-la-di, tăng-tàn, thâu-lan-giá, ba-dật-đề, đề-xá-ni, ác-tác, ác-thuyết.
Tứ nghi là bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi.

ráo mà còn có thể cầu được, huống là những chuyện nhỏ nhặt khác mà chẳng thể được sao? Hãy nên phát tâm tự lợi lợi tha, tùy theo lòng thành của người mong cầu và sự tinh thuần của hạnh ấy lớn hay nhỏ mà được cảm ứng lớn hay nhỏ. Nếu muốn làm chuyện ác mà cầu Bồ-tát thì chẳng những không được phước mà còn mắc họa lớn. Phàm hết thảy những bệnh thuốc men chẳng thể trị được đều dùng thuốc a-già-đà một vị này để chữa trị

(Ngày mồng 5 tháng 8 năm Dân Quốc 29 - 1940)

21. Thư trả lời pháp sư Tông Linh

Phàm những ai có tâm đều có thể thành Phật, há nên nói kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng được vãng sanh? Phật nói đến "mù, điếc, câm, ngọng" trong tám nạn, ngụ ý những tật ấy khiến cho người đó khó thể nhập đạo mà thôi! Nếu có thể chuyên ròng niệm Phật, tuy người điếc chẳng thể nghe kinh và nghe thiện tri thức khai thị, người mù chẳng thể xem kinh, rốt cuộc nào trở ngại gì đâu? Người câm không có tiếng, kẻ ngọng cũng không nói gãy gọn được, nhưng trong tâm niệm thầm vẫn có thể đích thân đạt được niệm Phật tam-muội trong đời này, lâm chung lên thẳng chín phẩm, há nên nói những người ấy chẳng thể vãng sanh? Những người ấy chẳng sốt sắng niệm Phật thì chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là những người ấy dù niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh. Còn người tàn phế thiếu tay thiếu chân thì cũng giống như kẻ mù, điếc, câm, ngọng.

Nói [kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng thể được vãng sanh] như thế ấy là vì hiểu lầm bài kệ trong Vãng Sanh Luận mà ra. Kệ nói: *"Đại thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị thừa chủng bất sanh"* (Cõi thiện căn Đại thừa, bình đẳng không có những danh từ đáng chê trách, nữ nhân và thiếu căn, giống Nhị thừa chẳng sanh), chính là nói "Thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới của những người mang thiện căn Đại thừa sanh về, trọn chẳng có những danh tự có thể gây nên chê bai hoặc có thể gây nên sự chán ghét". Hai câu tiếp đó liệt kê một số những danh tự có thể gây nên sự chê bai như "nữ nhân, người sáu căn chẳng đủ, và hạng người Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác". Do vậy: "Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị thừa chủng bất sanh", nghĩa là Tây Phương không có nữ nhân, người sáu căn chẳng hoàn bị và hàng Nhị thừa (Tây Phương tuy có danh tự "thánh nhân Tiểu thừa" nhưng đều thuộc hàng phát tâm Đại thừa, trọn chẳng có hàng Thanh văn, Duyên giác không phát tâm Đại thừa), chứ không phải là nói đến những người tu hành để vãng sanh thế giới ấy. Người thiếu trí tuệ tưởng rằng những hạng người ấy chẳng được vãng sanh Tây Phương, lầm lẫn quá lớn!

Tay phải ông bị thương tật là do ác nghiệp sát hại chúng sanh trong đời trước chiêu cảm, hãy nên chí thành khẩn thiết niệm Phật để hồi hướng cho những oán gia trong đời trước ấy, ngõ hầu họ được siêu sanh Tịnh độ. Nếu có thể thường niệm, nghiệp sẽ tự tiêu diệt. Nghiệp tiêu thì bệnh lành, cần gì phải cưa tay? Dẫu cưa tay cũng chẳng thể tiêu nghiệp được. Hãy nên tuân theo lời tôi, tích cực niệm Phật. Lại còn niệm thêm Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn chưa đầy một năm tay sẽ lành hẳn. Ông gây nên tà thuyết thượng hạng, hại người vô lượng, hãy nên biết lấy. Hơn nữa, trong tâm tín căn lẫn nguyện căn không đủ sẽ chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là kẻ thân thể không đầy đủ sẽ chẳng thể vãng sanh. Ông đọc bộ Văn Sao của tôi sao không biết đến nghĩa này?

22. Thư trả lời hòa thượng Diệu Liên

Nhận được thư và bài văn bia, do bận bịu quá sức nên chỉ kính cẩn trả lời bằng một trang, chắc là sư đã đọc rồi. Ở đây tôi vốn muốn thêm một đoạn vào đầu nguyên bản bài văn bia, nhuận sắc đại lược những chỗ còn lại, nào ngờ thợ vụng chế đồ chẳng thể tùy ý thành công, đến nỗi thành ra soạn bài văn khác. Những lời phê bên cạnh nguyên văn, đến khi chép lại cho rõ ràng, hóa ra chẳng phải là ý định lúc đầu. Nói chung là do tài cán vụng về, ngòi bút chẳng thể thuận theo ý muốn mà ra. Lời văn tôi tính soạn, nhìn chung còn có thể chấp nhận được, chứ văn tự quả thật là chất phác, vụng về. Hơn nữa, bài văn ấy phải ký tên tọa hạ mới là đúng lý. Quang trước đây đã từng viết qua, không cần phải ghi tên Quang. Biện pháp như vậy so ra đắc thể hơn kiểu phô trương trong nguyên văn, xin hãy hỏi qua ý lão cư sĩ Phan Đối Phù. Nếu có chỗ nào không thỏa đáng hãy cậy ông ta sửa đổi, chẳng cần phải gởi đến Phổ Đà nữa, vì Quang già cả, bận bịu, không rảnh rỗi để chăm lo chuyện ấy được. Giữa thu năm sau tôi quyết định rời Phổ Đà, không ở nơi nào nhất định để khỏi bị nhọc nhằn thù tiếp thư từ, hòng chuẩn bị tư lương cho lúc lâm chung mà thôi!

(Căn cứ theo bài văn bia được nói đến trong thư thì chính là bài văn bia ghi công đức cung thỉnh Đại tạng kinh của chùa Tịnh Cư tại Tế Nam.)

23. Thư trả lời pháp sư Bảo Tịnh

Nhận được thư và cuốn tuần san, khôn ngăn cảm động, hổ thẹn, Quang là ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, nay lại phát sanh bệnh mắt. Đã vậy, vị hòa thượng trụ trì đã về hưu đặc biệt sai Quang giám định, sửa chữa Phổ Đà Sơn Chí, giao đã một năm rưỡi rồi mà vẫn chưa đụng đến. Lại còn những chuyện như giảo chánh, đối chiếu Văn Sao (cuốn này đang sắp chữ), Bất Khả Lục (cuốn này vẫn chưa được sắp chữ) v.v. dồn vào một thân, không rảnh rỗi để ra sức cho tọa hạ.

Nếu cõi đời chưa đến nỗi đại loạn, mùa xuân năm sau các sách sẽ được in ra (Quán Âm Tụng cũng được kể trong số đó), sẽ gởi cho ngài bao nhiêu đó cuốn để mong kết duyên.

Hiện thời, pháp trọng yếu để cứu đời là phải chú trọng nhân quả báo ứng, giáo dục trong gia đình (cũng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng) để hết thảy ai nấy đều giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, dùng lòng tín nguyện sâu đậm để cầu sanh Tây Phương. Hoằng dương như thế mới có lợi ích thật sự, nếu chẳng thực hiện nơi những điều này thì chỉ bậc thượng căn mới được lợi ích. Lại nữa, có kẻ tu trì Phật pháp nhưng vướng thói tệ chẳng biết nhân quả, chẳng tận hết luân thường v.v.. Đừng nói là kẻ căn cơ trung hạ mắc phải cái lỗi không biết ấy, ngay cả bậc thượng thượng căn phần nhiều cũng thế. Do vậy, dạy người phải đặt chân vững chắc trên thực tế, làm chuyện thiết thực mới là tối thượng; đừng bảo pháp này thiển cận, cần gì phải đề xướng! Phàm đi ngàn dặm, bắt đầu bằng bước đầu tiên, núi cao chín nhận[28] cũng do từng sọt đất đắp thành, sông biển sâu rộng mênh mông, bát ngát do các dòng nước hợp thành. Nếu khinh rẻ pháp bình thường thiết thực, sợ rằng khó đạt được hiệu quả thật sự!

24. Thư trả lời pháp sư Thái Hư

Ngày hôm qua nhận được thư ngài, nói muốn đến Ninh Ba, có lẽ tới Trung Thu sẽ có thể lại đến đây. Ngu ý cho rằng tọa hạ học vấn, văn chương, bia miệng chở đạo, ra đi lần này, ắt sẽ có người lôi kéo mời làm chủ giảng, thúc đẩy những kẻ xuất thế chen nhau tìm kiếm; chuyện trở lại Bạch Hoa[29] sợ chỉ trở thành mong tưởng mà thôi. Quang tuy tuổi chưa già, tinh thần lẫn thể xác đã suy cùng cực, một hơi thở hít vào tuy còn giữ được, một hơi thở ra khó giữ nổi. Dẫu cho tọa hạ sẽ trở lại nơi này để Quang lại được chiêm ngưỡng khuôn mẫu tốt đẹp, lại được đọc những trước tác đẹp đẽ thì đấy vẫn là điều chưa thể dự liệu được.

Trộm nghĩ hiện thời thế đạo bạc ác, mỏng manh, đạo thầy trò đã bị chôn vùi, phần nhiều hùa theo ca ngợi siểm nịnh, chẳng tuân theo sự uốn nắn, răn nhắc, đến nỗi bậc thượng trí chậm thỏa mong ước trở thành bậc thánh, kẻ hạ ngu đánh mất lợi ích "mỗi ngày một mới". Quang vốn là một gã kém hèn ở phía Bắc tỉnh Thiểm Tây, bản chất giống như cát đá, thường đối trước ngọc quý mặc tình phô phang

[28] Đơn vị đo chiều dài đời Chu, tám thước là một nhận.

[29] Chữ Bạch Hoa ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa:

1. Phổ Đà nói chung vì Phổ Đà (Potalaka) chính là tên một loại hoa màu trắng mọc rất nhiều ở đảo Lanka. Do vậy, Lanka (Lăng-già) mới được gọi là Phổ Đà Lạc Ca.

2. Am Bạch Hoa trên núi Phổ Đà.

dáng vẻ thô tháp xù xì, muốn cho viên ngọc quý ấy mau trở thành món vật hoàn thiện, trở thành món đồ quý báu trong cõi đời, dẫu tan thân nát xương cũng chẳng nuối tiếc. Tọa hạ là ngọc đẹp không tỳ vết, là vàng ròng tuyệt không chất cặn, cần gì những uốn nắn, răn nhắc, đâu bị hãm trong lời khen ngợi siểm nịnh? Thuật cỡi lừa của Quang trọn chẳng áp dụng được! Nhưng muốn kế thừa người trước, mở lối cho người sau, hiện thân thuyết pháp, ứng khắp quần cơ, dẫn dắt người khác tiến vào chỗ thù thắng, dường như có chỗ phải bù đắp đôi chút; do vậy lấy bài thơ tọa hạ đáp lời ông Dị Thật Phủ để họa quấy quá[30] mấy vần thơ cho xong, hòng diễn tả ý "do có duyên cùng nhau mà chọn người giao du" trong thư của tọa hạ ngày hôm qua, không phải là thổi lông tìm vết, mà thật sự là muốn cho ngọc được vẹn toàn phẩm đức, nhưng lời thô ý vụng khiến gai mắt nhã, xin hãy thương tưởng mà dung thứ tấm lòng ngu thành, bỏ qua văn từ thì may mắn lắm thay!

25. Thư trả lời đại sư Đạo Truyền (thư thứ nhất)

Ông nhìn cao nhưng không thật, tâm ông lớn nhưng vô dụng, đọc Văn Sao, nghe Yếu Giải mà vẫn còn hỏi câu ấy! Đủ biết ông một mực rong ruổi bên ngoài, chỉ biết cầu rộng rãi chứ không biết giữ lấy chỗ giản ước. Pháp Hoa tam-muội[31] ông không thể tu được đâu! Dẫu cho ông tu được cũng sợ rằng chẳng thể giải thoát ngay trong đời này. Nếu chịu tin lời Quang, xin hãy tạm thời đem những giáo pháp của tông Thiên Thai cất trên gác cao, chuyên tâm nghiên cứu Tịnh độ. Xét tâm tánh của ông, lâu ngày chầy tháng sợ rằng sẽ có chuyện bị ma dựa phát

[30] Trong Niên Phổ, đại sư Thái Hư đã cho biết khi các ông Dịch Thật Phủ, Thịnh Quý Bảo v.v. lên chơi núi Bạch Vân ở Quảng Châu, tình cờ gặp lại thi hữu là đại sư Thái Hư ở đó, bèn cùng nhau xướng họa; đại sư đã họa lại bài thơ của ông Dịch Thật Phủ có câu: *"Thái hư như thái hư, na phạ bạch vân yểm"* (thái hư như thái hư, nào sợ mây trắng phủ). Câu thơ được ghi vào thi tập. Đại sư Ấn Quang đọc được câu này vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911), rất tán thưởng, viết bài thơ họa lại, gởi cho Thái Hư có câu: *"Thái hư đại vô biên, hà vật năng tương yểm, bạch vân ngẫu nhĩ thê, đương xử tiện đảm ảm, xuy dĩ hạo đãng phong, hoa cảnh liễu vô điểm, thứ khả quán cận giả, mạc do trì tuấn biếm"* (thái hư rộng vô biên, vật nào che lấp được, ngẫu nhiên mây trắng đậu, chỗ ấy thành âm u, một trận gió to thổi, hoa cảnh lại rạng ngời, mong được đến gần ngắm, không cách nào ruổi rong). Đại sư Thái Hư họa lại: *"Nhật nguyệt hồi hổ chiếu, thái hư ánh hoàn yểm, hữu thời phong lãng lãng, hữu thời vân ảm ảm, vạn tượng tư nghiên sửu, đương xứ tuyệt trần ai, tuy hữu xuân thu bút, diệc nan thi bao biếm"* (nhật nguyệt cùng chiếu rọi, thái hư ánh sáng ngăn, có lúc gió lồng lộng, có khi mây lờ mờ, muôn vật thành đẹp xấu, nơi ấy bặt bụi trần, bút xuân thu dẫu sẵn, cũng khó thể khen chê). Hai vị xướng họa qua lại, tình cảm rất sâu đậm.

[31] Pháp Hoa tam-muội (Saddharma-Pundarīka-Samādhi) là một trong bốn thứ tam-muội do tông Thiên Thai đề xướng, còn gọi là Pháp Hoa Sám Pháp hay Pháp Hoa Sám. Cách tu trì dựa theo giáo nghĩa của hai kinh Pháp Hoa và Quán Phổ Hiền Hạnh, lấy 21 ngày làm hạn, đi kinh hành, tụng kinh, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, không được nằm, tư duy quán tưởng sâu xa lý trung đạo. Do pháp này lấy sám hối diệt tội làm chủ nên trong sáu thời phải sám hối. Trong suốt thời gian ấy, hành nhân không được nằm, miệng ngoài lúc tụng kinh ra không được nói đến sự duyên nào khác, trong mọi lúc tâm luôn tưởng theo từng câu từng chữ trong kinh Pháp Hoa và luôn nghĩ sám hối những tội chướng nơi sáu căn; lại còn tùy lúc thâm nhập thiền định để liễu đạt lý tam đế của thật tướng.

cuồng, chẳng thể không đề phòng. Nếu không, mặc cho ông làm bậc đại thông gia, đừng gởi thư đến nữa, có gởi cũng không trả lời!

26. Thư trả lời pháp đại sư Đạo Truyền (thư thứ hai)

Đọc thư gởi đến lần này, bế quan chưa lâu mà đã làm bài tụng như thế (tức bài ca tụng kinh Vô Lượng Thọ, tuy chẳng liên quan tới kinh văn, nhưng khá có sự khích lệ, cổ vũ cho người sơ tâm tu tịnh nghiệp, nên tôi đặc biệt tán thành), đủ biết ông dụng tâm tinh ròng, siêng năng. Nay tôi đem bài tụng văn ấy gởi đi, đợi khi đóa sen trong tâm ông nở bừng, lại đem kinh văn phân tích, phân khoa, phán giáo. Nếu viết lời chú giải, hãy đem bài tụng ấy ghép vào dưới kinh văn, thấp hơn một chữ, phía trên lại để thêm chữ "tụng rằng", để người khác dễ biết đây không phải là kinh văn. Nếu không, sẽ khiến cho người không hiểu biết tưởng đấy là kinh, sẽ mắc tội chẳng cạn. Đợi khi nào ông viết xong bài tụng, lúc chép lại cho rõ ràng thì viết những chữ ấy cho to để mắt Quang dù chẳng tỏ vẫn có thể giảo duyệt, giảo duyệt xong sẽ giao cho Hoằng Hóa Xã in ra lưu truyền.

27. Thư trả lời pháp sư Hiển Ấm

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ, an ủi! Tọa hạ túc căn sâu dày, thông minh hơn người, chưa đầy mấy năm mà đối với Tông, đối với Giáo, đối với Mật đều đã thông đạt, đáng hận là Quang già rồi, chẳng thể học theo những sở đắc của tọa hạ được; chỉ mong tọa hạ từ đây chân tu thật chứng thì hai tông Thiên Thai lẫn Mật giáo từ nay sẽ được chấn hưng lớn lao. Nhưng hiện thời tuổi ông hãy còn quá trẻ, hãy nên gấp rút ẩn kín tài năng, tận lực tu hành, đợi đến khi công phu hàm dưỡng sâu đậm mới ra hoằng pháp thì lợi ích lớn lắm. Thông minh và có hàm dưỡng sẽ thành pháp khí, thiếu hàm dưỡng thì đối với bản thân, đối với pháp, chắc rằng lời lẽ, hành vi sẽ chẳng tương ứng mà chính mình không biết. Đây là lòng khăng khăng ngu thành của Quang. Thầy Liễu Đạo đã đến đây, đừng lo! Gió xuân dễ xâm nhập vào người, xin hãy giữ gìn điều dưỡng, ắt sẽ không cần thuốc mà được yên vui vậy.

28. Thư trả lời pháp sư Đế Tỉnh

Nhận được thư đề ngày 13 tháng 9, biết ông đã bế quan tịnh tu, khôn ngăn an ủi, mừng rỡ. Ông nói thường có những cảnh giới trong khi niệm Phật, ắt là ông chưa từng chân thật nhiếp tâm, chỉ lo hành trì phô trương bề ngoài mà ra. Nếu chân thật nhiếp tâm thì bên trong không có vọng niệm, chuyên chú vào một câu Phật hiệu, ắt nghiệp chướng tiêu trừ, phước tuệ tăng trưởng, đâu đến nỗi thường bị khổ vì có những cảnh giới? Chớ nên tu hành bằng cái tâm sôi động, lầm lạc

cầu được thánh cảnh giới biến hiện và đủ mọi thứ thần thông, chỉ nên mong sao tâm tương ứng với Phật mà thôi!

Như câu nói: "Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", nếu làm được như thế, ví như mặt trời sáng rực giữa hư không, sương tuyết đều tan hết, nào còn có cảnh giới chẳng đúng như pháp gây khổ não cho thân tâm nữa ư? Nếu không dụng tâm như thế, lúc bình thường cứ chuyên muốn được thấy thánh cảnh, chẳng biết: Để đạt được thánh cảnh thì phải đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không"! Nếu không, đừng nói những cảnh giới đạt được đều là ma cảnh, ngay cả là thánh cảnh thật sự cũng sẽ vô ích, không chừng còn bị tổn hại lớn lao. Bởi lẽ, chẳng biết tinh tấn tận lực tu trì, lại ngược ngạo do đấy sanh lòng hoan hỷ lớn lao, chưa đắc nói là đã đắc, ắt sẽ đến nỗi bị ma dựa phát cuồng. Kinh Lăng-nghiêm nói: "Chẳng nghĩ là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới lành, nếu nghĩ là thánh cảnh thì bị rớt vào lũ ma", chính là nói về điều này. Huống chi cảnh giới ông đạt được vẫn thuộc vào những cảnh giới tục nhiễm ư? Chỉ nên đề khởi chánh niệm sao cho những tâm dâm dục, sân hận v.v. trước kia chẳng dấy lên. Nếu như chúng ngẫu nhiên khởi lên, hãy nên giác chiếu ngay lập tức khiến cho chúng nhanh chóng bị diệt mất. Ví như kẻ giặc đến nhà, nếu chủ nhân biết nó là giặc thì kẻ giặc ấy sẽ bỏ đi ngay lập tức; nếu coi nó là người trong nhà thì nhà ấy sẽ bị kẻ giặc cướp sạch sành sanh.

29. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết những sách đã gởi năm ngoái ông đều nhận được hết, an ủi vô cùng. Gần đây Diệu Cát cũng gởi một lá thư cho biết sách gởi cho ông ta cũng nhận được rồi. Ông và tôi quen nhau trên tình đạo, há nên học thói tục ngoài đường ngoài chợ khen ngợi quá lố, khiến cho Quang không có chỗ để dung thân ư? Đấy có phải là điều nên làm của bậc trực tâm tu đạo hay chăng? Còn như ông nói "tuy thiếu tinh tấn, nhưng trì danh khá đủ lòng ưa - chán", thì cần phải biết rằng một pháp Tịnh độ là quả núi nương tựa lớn lao cho chúng ta, nếu lúc bình thường coi rẻ, chắc là đến khi lâm chung sẽ chẳng thể đắc lực đâu!

Sư Hiển Ấm thiên tư rất cao, đối với các tông Hiển - Mật đều hiểu được cương lĩnh trọng yếu, nhưng do chí còn phù phiếm, khoa trương, chẳng trọng chân tu, lúc mất chẳng hề được hưởng lợi ích nơi Hiển lẫn nơi Mật. Đối với chuyện niệm Phật ông ta còn chưa thấu hiểu nên cũng không có hiệu quả gì. Tuy có nhiều người trợ niệm cho ông ta, nhưng chính ông ta đã mê man, không còn tỉnh táo nữa. Đấy chính là một sự cảnh tỉnh, nhắc nhở lớn lao cho những kẻ tuổi trẻ thông minh vậy. Ấy là vì Hiển Ấm thiên tư tuy cao, nhưng bụng dạ quá hẹp, không chân tu hàm dưỡng ẩn kín tài năng, có tánh bộp chộp, kiêu căng, phô trương, khoe

khoang, bộc lộ (từ Nhật Bản trở về nước, đến Ninh Ba gặp thầy, trong ngày hôm ấy liền ngã bệnh, hôm sau liền đi qua Thượng Hải) là vì nghe thầy dạy một câu "hãy nên bế quan tịnh tu", ngay hôm đó liền ngã bệnh, ngày hôm sau đi liền, rốt cuộc đến nỗi bệnh tật dây dưa đến chết, chẳng đáng buồn sao?

Những điều ông đã hỏi vốn chẳng cần phải hỏi, [sở dĩ ông vẫn phải hỏi] chỉ vì ông chưa đọc kỹ các trước thuật Tịnh độ nên trở thành một vấn đề lớn, nếu đọc kỹ rồi sẽ tự bật cười! Ông chẳng những chưa đọc kỹ các trước thuật Tịnh độ, mà ngay cả Văn Sao của Quang cũng chẳng đọc kỹ. Nếu lắng lòng đọc kỹ, chắc chắn chẳng đến nỗi phải hỏi mãi câu này. Câu hỏi này thường được giải thích trong Văn Sao, nay lại trình bày đại lược. Cõi Phật có bốn, tức là cõi Phàm thánh đồng cư, cõi Phương tiện hữu dư, cõi Thật báo vô chướng ngại, cõi Thường tịch quang.

1. Cõi Phàm thánh đồng cư: Thế giới Sa-bà tuy thuộc uế độ, nhưng cũng có Phật, Bồ-tát, thánh nhân Nhị thừa cùng sống trong ấy. Tuy vậy, cảnh được thấy cũng như sự thọ dụng giữa thánh và phàm khác biệt vời vợi một trời một vực. Ở Tây Phương, luận theo phía những người mang nghiệp vãng sanh thì họ sẽ sanh vào cõi Phàm thánh đồng cư, nhưng cõi ấy vi diệu thanh tịnh như đã nói trong kinh A-di-đà và kinh Vô Lượng Thọ. Cõi ấy tuy là chỗ của người mang nghiệp vãng sanh sống, nhưng cũng có Pháp thân Bồ-tát và Phật cùng sống trong ấy, thuyết pháp cho họ, nên cũng gọi là cõi Phàm thánh đồng cư. Nhưng do cõi ấy là cõi dành cho người vãng sanh Tịnh độ, nên tuy chưa thể thù thắng nhiệm mầu như trong sự thấy biết và thọ dụng của Phật, Bồ-tát, nhưng khá giống nhau về mọi phương diện, chẳng hoàn toàn khác biệt như trong cõi Sa-bà. Cõi này cũng chia thành chín phẩm. Nếu là sáu phẩm trung hạ thì phần nhiều cần phải mất cả thời kiếp mới giác ngộ, còn ba phẩm thượng thì sẽ ngộ Vô sanh nhẫn nhanh chóng (ngộ Vô sanh nhẫn mới vào được cõi Thật báo), chứng địa vị Bất thoái, chứng nhập Thật báo, Tịch quang.

2. Cõi Phương tiện hữu dư: Chính là cõi dành cho người đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc, nhưng chưa phá được vô minh. Nói "phương tiện" là vì những gì họ tu đều thuộc về phương tiện trước khi chứng nhập chân thật. Nói "hữu dư" là vì tuy đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc, nhưng chưa phá vô minh (trần sa không có thể tánh, nói hay không nói đều được; nếu nói thì người thuộc vào chín phương tiện này đã phá được trần sa hoặc rồi), vì thế gọi là "hữu dư". Nếu phá vô minh thì được gọi là phần chứng vô dư. Nếu vô minh hết sạch (chín phương tiện chính là Nhị

thừa trong Tạng giáo, Tam thừa trong Thông giáo[32], Tam hiền[33] trong Biệt giáo[34], Thập tín trong Viên giáo. Chín hạng người này cùng đoạn kiến hoặc và tư hoặc, chưa phá vô minh) sẽ là vô dư rốt ráo.

3. Cõi Thật báo vô chướng ngại: Chính là báo độ được cảm bởi phước tuệ trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát.

4. Cõi Thường tịch quang: Chính là lý tánh được chứng bởi Phật, Bồ-tát.

Hai cõi này (tức cõi Thật báo vô chướng ngại và cõi Thường tịch quang) vốn thuộc về cùng một cõi. Nếu nói theo cõi do quả báo cảm được thì gọi là Thật báo, nếu luận trên lý tánh đã chứng thì gọi là Tịch quang. Bậc Sơ trụ trong Viên giáo mới phá được một phẩm vô minh, chứng một phần tam đức, liền nhập cõi Thật báo, cũng gọi là phần chứng Tịch quang. Nếu đạt đến Phật quả Diệu giác thì là thượng thượng Thật báo, Tịch quang rốt ráo vậy. Muốn cho người khác dễ ngộ nên những vị giảng kinh mới gộp "người phần chứng" về Thật báo, gom "người rốt ráo chứng" về Tịch quang. Chứ thật ra, hễ phần chứng thì hai cõi đều phần chứng, rốt ráo thì hai cõi đều rốt ráo vậy.

Cõi Thật báo thì chỉ có người phá vô minh, chứng pháp tánh thấy được, há nên cho rằng người mang nghiệp vãng sanh sẽ sanh vào Thật báo ư? Sanh về cõi Đồng cư là do tín nguyện niệm Phật, được Phật tiếp dẫn mà sanh về đấy. Tuy họ chưa đoạn được phiền hoặc, nhưng do trong được nương vào sức tự tánh của đức Phật trong tâm, ngoài được sức từ bi của A-di-đà Phật cảm ứng đạo giao, nên tuy

---

[32] Thông giáo là một trong bốn giáo do tông Thiên Thai thành lập, coi những giáo pháp thuộc thời Phương Đẳng và Bát-nhã đều thuộc về Thông giáo. Theo cuốn Tứ Giáo Nghĩa của đại sư Trí Giả thì chữ thông gồm tám nghĩa:

1. Giáo thông: ba thừa cùng vâng nhận giáo pháp này.
2. Lý thông: ba thừa cùng thấy lý thiên chân.
3. Trí thông: ba thừa cùng được *nhất thiết trí* khéo độ.
4. Đoạn thông: ba thừa cùng đoạn những kiến hoặc, tư hoặc trong tam giới.
5. Hạnh thông: ba thừa cùng tu những hạnh khiến kiến hoặc, tư hoặc đều không còn sót thừa.
6. Vị thông: ba thừa cùng trải qua những địa vị từ Càn huệ cho đến Bích-chi Phật.
7. Nhân thông: ba thừa cùng lấy chín thứ vô ngại làm nhân.
8. Quả thông: ba thừa cùng đắc hai thứ Niết-bàn giải thoát.

[33] Địa vị Tam hiền trong Đại thừa là những quả vị trước khi chứng được mười địa vị thuộc về hàng Thập địa Bồ-tát. Như vậy Tam hiền gồm 30 địa vị thuộc Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng.

[34] Theo tông Thiên Thai, Biệt giáo bao gồm những giáo nghĩa chỉ dành riêng cho căn cơ Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết-bàn v.v.. Những pháp ấy hàng Nhị thừa không thể lãnh hội hoặc tin nhận được nên gọi là biệt. Giáo pháp ấy riêng vì hàng Bồ-tát mà nói ra hằng sa lý tục đế, dùng đạo chủng trí đoạn trần sa hoặc và những kiến hoặc, tư hoặc ở ngoài tam giới, phá vô minh hoặc, tu các ba-la-mật để tự hành hóa tha… Do giáo pháp này không dành cho Nhị thừa nên còn gọi là Bất cộng giáo. Biệt giáo chú trọng dạy về những sự vượt ngoài tam giới, nhưng sự lý chưa viên dung tương tức như trong Viên giáo.

chưa đoạn được phiền hoặc mà phiền hoặc chẳng còn có tác dụng nữa. Vì thế được sanh về cõi Đồng cư thanh tịnh tột bậc!

Ông nghi "sẽ sanh về cõi chẳng thanh tịnh và chẳng thể thấy ngay được sắc thân thắng diệu của Phật A-di-đà và những chúng sanh cõi ấy" là vì ông tưởng cách hiểu của ông là đúng, còn thệ nguyện của đức Di-đà, ngôn giáo của Phật Thích-ca, những trước thuật nhằm nêu tỏ của các vị Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức đều sai be bét, chỉ có hiểu như ông mới là đích xác nhất, cao siêu nhất! Ông thấy biết như vậy tức là báng Phật, báng pháp, báng tăng, tương lai sẽ cùng Đề-bà-đạt-đa hưởng Cực Lạc trong đại địa ngục A-tỳ, vui sướng chẳng thể nào ví dụ được! Sợ rằng đến hết đời vị lai vẫn thọ dụng chẳng gián đoạn những sự vui sướng ấy. Ông muốn hưởng sự vui ấy, xin hãy y theo tri kiến của ông mà nói; còn nếu chẳng muốn hưởng sự vui ấy, dẫu cho bị oai thế bức bách cũng chớ nên nói những lời lẽ ấy.

Hạ phẩm hạ sanh là hạng tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng, do khi lâm chung tướng địa ngục đã hiện, sanh lòng sợ hãi lớn lao, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, do cái tâm sợ khổ cầu cứu mạnh mẽ, tha thiết cùng cực, nên tuy niệm không nhiều, mà trong một niệm tâm quang đã cảm được Phật. Vì thế, đức Phật liền rủ lòng tiếp dẫn để ứng, bèn được vãng sanh. Họ ở trong hoa sen 12 đại kiếp là vì lúc sống tội nghiệp nặng nề, thiện căn nông cạn, vì thế hoa sen chậm nở nhất; nhưng sự sung sướng của những người ấy ở trong hoa còn hơn sự vui trong trời Tam thiền (sự vui trong thế gian thì Tam thiền thật là bậc nhất), nào có thiếu sót, tiếc nuối chi đâu? Cõi Thật báo chỉ hàng Pháp thân đại sĩ mới thấy được, cố nhiên không phân chia Sa-bà, Cực Lạc. Thệ nguyện từ bi của đức Phật chính là vì kẻ chưa đoạn hoặc không có cách gì liễu sanh tử được, nên riêng lập ra pháp môn đặc biệt "cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương" này để những ai có tâm sẽ tu được, phàm những ai có tín nguyện niệm Phật đều được vãng sanh. Đấy chính là tâm đại từ bi phổ độ chúng sanh của đức Thích-ca và Di-đà. Nghĩ đến điều này sẽ cảm kích cùng cực, rơi lệ, lẽ nào còn rảnh rỗi để suy cuồng nghĩ loạn, cậy vào những thứ tri kiến của chính mình để bắt bẻ nữa ư?

Ông Cương Dã Tăng Thứ Lang và hòa thượng Viên Sơn chẳng coi rẻ bộ Văn Sao hủ bại, nhơ bẩn của Quang là do đời trước từng có duyên với nhau mà ra. Ông chỉ cầm theo một bộ thì những vị ấy khó thể xem trọn, nay riêng gởi tới hai gói, tổng cộng là sáu bộ, xin hãy chuyển lại cho hai vị ấy và những người hữu duyên. Nói đến chuyện dịch ra cho người phương Đông xem thì tôi trộm nghĩ rằng một chữ "dịch" ấy tợ hồ không cần phải quan tâm đến, vì sao vậy? Do họ có túc duyên với Quang. Nếu là ai vô duyên thì sợ rằng trông thấy Văn Sao sẽ dùng

để thay củi, bịt vò[35]. Hơn nữa, nếu nói là lợi lạc cho kẻ sơ cơ thì hãy nên đem in giống y như vậy để được lợi ích rộng khắp. Nếu in kèm thêm Hòa văn[36] vào thì chỉ có thể khiến cho người ở phương Đông biết Hòa văn đọc được. Nếu là người Hoa và Hoa kiều ở các nơi không biết Hòa văn thì họ đều chẳng thể xem được. Huống chi Đại tạng kinh của hội Nhật Bản Thư San thì một là bản khắc ván, hai là bản đúc kẽm, và bản Đại tạng kinh do Đại Chánh San Kinh Hội[37] ấn hành lần này đều toàn bằng Hoa văn, chẳng ghi kèm Hòa văn vào. Vì thế được nhiều người Hoa thỉnh về. Nếu in xen lẫn Hòa văn vào thì sự lưu thông sẽ bị úng tắc. Theo ngu kiến của Quang, nếu muốn lưu thông, chẳng cần phải dịch.

Còn như hòa thượng Viên Sơn tài lẫn đức đều dồi dào, sao lại muốn hạ mình đến thăm Quang? Vì Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, không đạo, không đức, không hay, không biết. Qua một bộ Văn Sao đã đem hết những thứ rơm rác trong bụng mửa sạch ra hết cả rồi, gặp mặt nhau nào có ích gì đâu? Huống chi Quang đã suy nhược, già cả chẳng thể siêng học được! Nếu Quang sắc lực mạnh mẽ, ngài đến Trung Hoa, Quang sẽ học được sở đắc của ngài. Nay đã già rồi, ngoài việc trì danh ra, chẳng nên học một pháp nào khác, bởi kỳ hạn chết sắp đến, sợ rằng sở học càng nhiều, tâm thức càng khó được thuần tịnh, đến nỗi chẳng thể cảm ứng đạo giao với Phật. Hễ chẳng được vãng sanh sẽ lưu chuyển muôn kiếp, há đáng buồn lắm hay sao? Ông tuổi hãy còn trẻ, cố nhiên hãy nên siêng học. Nhưng chớ nên xem thường một tòa núi Tu-di đáng nương tựa rồi bỏ qua, ngõ

---

[35] Nguyên văn: *"Đại tân, phú phẫu"* (thay củi, bịt vò). Lấy tích từ chuyện Dương Hùng đời Hán soạn sách Thái Huyền chú giải kinh Dịch nhằm muốn lưu danh hậu thế. Lưu Hâm đọc xong quở: "Học giả trong thiên hạ còn không hiểu kinh Dịch, sao ông dám soạn Thái Huyền? Chỉ sợ người đời sau đem sách này để bịt vò tương mà thôi." Do đó có thành ngữ "đại tân phú phẫu" (thay củi, bịt vò) với ngụ ý văn chương vô giá trị, chỉ đáng dùng giấy in thứ văn chương ấy để bịt miệng vò tương hay đốt thay củi mà thôi!

[36] Do người Nhật thường tự gọi là Hòa nhân nên văn tự của họ thường được gọi là Hòa văn, Hòa văn dung hợp ba thể loại Kanji (Hán tự) và hai loại chữ để viết những chữ đặc thù trong tiếng Nhật gọi là hiragana (bình bản danh) và katakana (phiến bản danh). Hiragana nét viết mềm mại thường dùng để ghi những chữ gốc Nhật không vay mượn từ Hán tự, hoặc ghi những trợ từ đặc thù trong câu như no, wa v.v., hoặc để ghi những âm cuối diễn tả thì quá khứ, hiện tại v.v. của động từ hay trạng từ như bemashita chẳng hạn. Ví dụ như, chữ ta (食: ăn), viết theo thời quá khứ thành tabemashita（食べました）. Còn katakana thường dùng chủ yếu để phiên âm những chữ vay mượn từ tiếng ngoại quốc hoặc những danh từ khoa học. Trong lối chữ kiragana và katakana, mỗi chữ là một âm, không như trong kanji, một chữ Hán có thể đọc thành một hoặc nhiều âm, chẳng hạn chữ sơn（山）đọc thành yama, thần（神）đọc thành kami, đế（帝）đọc thành mikado trong Hòa văn v.v.. Đôi khi cùng một chữ Hán được đọc thành nhiều âm khác nhau rất bất tiện, như nhân（人）đọc thành jin, nin hoặc hito tùy theo ngữ cảnh.

[37] Đại Chánh San Kinh Hội, gọi đủ là Đại Chánh Nhất Thiết Kinh San Hành Hội (về sau đổi tên là Đại Tạng Xuất Bản Châu Thức Hội Xã) được thành lập vào năm Đại Chánh (Taishō) thứ 13 (1924) ở Nhật Bản (Đại Chánh là niên hiệu của hoàng đế Gia Nhân (Yoshihito), tức ông nội của Thiên Hoàng Minh Nhân (Akihito) hiện thời). Hội này do ông Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakushu Junjiro) và pháp sư Độ Biên Hải Húc (Watanabe Kaigyoku) đề xướng, tập hợp những pháp sư, những nhà nghiên cứu Phật học có uy tín nhằm tham gia biên tập Đại tạng kinh, hiệu đính cho thật tinh xác, hoàn chỉnh.

hầu chẳng giẫm theo vết xe đổ của Hiển Ấm, chẳng được cùng các vị thượng thiện nhân thân cận đấng Di-đà Nguyện Vương vậy!

30. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ hai)

Nhận được thư khôn ngăn cảm động, hổ thẹn. Văn của Quang sao lại có thể dùng để khai thị cho chỗ hoàn toàn không có Phật pháp ấy cho được? Câu nói ấy chính là lời ông khen ngợi quá lố, hoàn toàn chẳng phải là sự thật! Trước đây đã gởi sáu bộ sách, sợ còn phải gởi thêm nhưng không có sách để gởi. Hôm nay đã bảo chùa Thái Bình ở Thượng Hải gởi tới năm gói nữa, sẽ có đủ sách để tặng cho người hữu duyên. Những điều đã hỏi đều thuộc về chuyện đa sự, do tri kiến của người đời giống như sóng biển chẳng có lúc nào yên. Nếu cứ trả lời những câu cật vấn ấy thì đúng là chẳng rảnh rỗi để thù tiếp được. Nay tôi sẽ thuận theo lời ông hỏi mà giải thích từng điều, đúng hay sai mong ông hãy tự cân nhắc.

1. Hỏi: Lúc Phật còn tại thế, tuy chia ra hai chúng Bồ-tát và tỳ-kheo. Tỳ-kheo tuy hình dáng khác tục, một mực trì giới theo như đức Phật đã chế định. Khi kết hạ, dẫu lìa khỏi Phật ở một mình, cũng vẫn không có những tiêu chuẩn để phán định là trì giới hay phạm giới, bất quá mỗi vị giữ một tượng người bằng sáp[38] để làm chuẩn mà thôi. Nếu như vậy thì rõ ràng là "quy chế cầu giới cố nhiên chẳng phải bắt nguồn từ thời đức Phật". Nay con người phần nhiều lấy chuyện có hay không có dấu sẹo thọ giới[39] để phân biệt tăng tục, như vậy thì dấu sẹo thọ giới có mối liên quan với tăng chúng cũng khá nặng.

Hơn nữa, con số của dấu sẹo thọ giới ắt phải là mười hai, rốt cuộc biểu thị điều gì về mặt pháp? Đối với điều này, tăng nhân đời nay trọn chẳng ai biết do

[38] Ở Trung Hoa thuở xưa thường có truyền thuyết rằng: Tại Tây Vực, trước khi kết hạ an cư trong ba tháng, mỗi vị tăng phải đúc một tượng người bằng sáp có phân lượng bằng chính mình để cất giữ. Sau ba tháng an cư, tăng đoàn sẽ cân người thật và tượng sáp để kiểm nghiệm xem vị ấy có giữ giới thanh tịnh không? Nếu người thật nhẹ hơn tượng sáp tức là đã không nghiêm trì giới luật trong ba tháng an cư. Bách Trượng Thanh Quy chương tám đã biện định về vấn đề này như sau: "Tăng không tính theo tuổi mà tính theo lạp vì khác thế tục. Trong ba thời, Tây Vực dùng một thời để an cư, cấm ngặt ra vào. Phàm thiền, tụng, đi, ngồi đều phải theo đúng thứ tự như giới đã thọ. Phép an cư được chế ra để thúc giục tăng chúng siêng năng nơi đạo. Dùng ba tuần trước khi an cư để chuẩn bị những vật cần dùng để dưỡng cho thân tâm trong ngoài đều được yên ổn, định kỳ hạn tấn tu để khỏi bỏ lỡ thời gian, mến tiếc, bảo vệ sanh mạng loài vật cũng như thực hành lòng từ nhẫn… Do tùy theo thời tiết từng nơi mà an cư cho thích đáng nên gọi là "tọa hạ" hoặc "tọa lạp", ý nghĩa của giới lạp bắt nguồn ở chỗ này. Còn như nói kiểm nghiệm người sáp (lạp nhân) xem có bị chảy hay không để xét định người an cư kiết hạ giới hạnh có còn trong sạch hay không, hoặc nói đem người sáp chôn xuống đất để kiểm nghiệm xem người an cư kiết hạ có giữ giới trọn vẹn hay không, đều là những lời quê kệch vu báng phàm tục, chẳng phải là ngoa truyền ư?" Như vậy, có lẽ do người Trung Hoa thời cổ đã lầm lẫn chữ lạp (臘: tuổi) với chữ lạp (蠟: sáp) nên mới có những lời ngoa truyền như vậy.

[39] Tức dấu sẹo tròn do đốt những viên hương trên đỉnh đầu khi thọ giới cụ túc. Thông thường, người ta lấy hương nghiền nát trộn với bột giấy bản cho dễ cháy, hòa thành viên rồi tùy theo sự phát nguyện của người thọ giới mà đốt từ một đến mười hai viên, thông thường là ba viên, cũng có những vị không đốt.

đâu mà có? Nếu chẳng rõ xuất xứ và tác dụng của nó, làm sao đáp lời vấn nạn của người bên ngoài? Hơn nữa, những tăng sĩ hèn kém vô tri làm sao biết giới quan trọng cho được?

Đáp: Lúc đức Phật mới thành đạo liền nói kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới, còn đối với giới tỳ-kheo thì do có tỳ-kheo phạm lỗi mà chế giới, há nên nói chuyện cầu giới chẳng phải bắt nguồn từ thời đức Phật. Đối với pháp "tọa hạ" (an cư kết hạ), đặc biệt dùng tượng người bằng sáp để kiểm xem giới lực có toàn vẹn hay không thì chuyện này chẳng qua biểu thị ai nấy hãy nên nghiêm trì tịnh giới mà thôi. Giống như người trong cõi đời thực hành Công quá cách, khởi tâm động niệm, hành xử đều phải ghi trọn hết là thiện hay ác, nhằm mục đích "ngăn ngừa điều sai, dứt điều ác, tận lực làm điều lành", chứ không coi chuyện ghi chép là điều tất yếu của việc làm lành dứt ác. Nếu mọi lúc thường luôn xem xét, phản tỉnh, không ghi cũng chẳng sao; nếu chẳng phản tỉnh suy xét, dẫu ghi cũng vô ích!

Tự mình trì giới trọn vẹn hay thiếu sót, lẽ đâu chính mình chẳng biết? Dẫu chẳng dùng tượng sáp để kiểm nghiệm mà có thể tự dối mình được sao? Đã chẳng thể tự dối mình được thì Phật, Bồ-tát, thánh nhân có thần thông và thiên địa quỷ thần đều chẳng thể bịp được, chỉ có thể tạm thời bưng mắt con người mà thôi. Nhưng dù bịp được con người, giới đức có giữ nguyên vẹn hay không, con người cũng có thể biết được. Do vậy, cũng chẳng thể nào bịp con người được. Chỉ cốt sao dốc sức giữ giới, không nhất định phải giữ phương pháp kiểm nghiệm bằng tượng sáp.

Ông đã thọ giới rồi, [trong giới đàn, vị a-xà-lê] khai thị về khổ hạnh, dạy đốt thân hay thiêu cánh tay, đốt ngón tay để cúng Phật, nhưng vì phàm phu chẳng chịu đựng được những khổ hạnh ấy nên chỉ đốt hương trên đỉnh đầu hay trên cánh tay mà thôi. Cuối quyển sáu kinh Lăng-nghiêm, phần nói về bốn thứ giáo huấn rõ ràng thanh tịnh đã nói đến chuyện này, kinh Phạm Võng lẫn kinh Pháp Hoa đều có nói. Ông chẳng xét đến đạo lý đốt hương cúng Phật mà lại xét đến đạo lý của dấu sẹo thọ giới, tức là đã trở thành bỏ gốc lấy ngọn! Nhưng chúng sanh đời mạt mọi chuyện đều làm giả, do có những dấu sẹo thọ giới ấy mà phân biệt là có thọ giới hay không!

Hiện thời theo cách xuống tóc thông thường, lấy dấu sẹo thọ giới để làm dấu hiệu phân biệt càng thêm quan trọng hơn. Con số những dấu sẹo thọ giới ấy tùy theo mỗi người phát tâm đốt bao nhiêu viên hương, cần gì phải hỏi con số ấy biểu thị điều gì. Chỉ cần biết những dấu sẹo ấy biểu thị người thọ giới đốt hương cúng Phật, đấy là thực hiện chút phần khổ hạnh đốt thân, thiêu cánh tay, đốt ngón tay mà thôi. Truyền giới ở Bắc Kinh thì đốt hương trên cánh tay chứ không đốt hương

trên đảnh đầu, có vị nào xuống miền Nam tham học thì đốt thêm hương trên đảnh đầu. Hiện thời chỉ đốt hương trên cánh tay thì hoàn toàn không thể được, vì người ngoài đời đầu đều láng o[40]. Chưa nghe nói Bắc Kinh đã thay đổi quy cách đốt hương hay chưa!

2. Hỏi: Các chốn ở Thượng Hải thường có nam nữ tụ họp mười hay một trăm người, cung kính dâng tiền hương kính để quy y hoặc nói "bái sư phụ". Chuyện ấy phát xuất từ kinh điển nào? Bắt đầu từ thời nào? Đức Phật ở chỗ nào? Nói ra kinh nào? Đối với chúng sanh nào mà mở ra phương tiện ấy? Nếu không có giáo huấn rõ ràng thì đương nhiên kẻ bái thỉnh đã mờ mịt không biết "hễ quy y rồi thì nên hộ trì trai giới như thế nào", mà người được bái thỉnh cũng lại chẳng nghĩ đức mình có xứng hay không? Lạm nhận của tín thí, sợ rằng Phật pháp tốt đẹp lớn lao chưa khỏi bị coi ngang ngửa với những món hàng thông thường, dở tệ vậy! Chẳng đáng đau buồn quá đỗi ư? Xin sư hãy khai thị tường tận để người bái thỉnh lẫn kẻ được bái thỉnh biết đến những gì cần phải khuyên răn, nhắc nhở, hòng khỏi bị kẻ chẳng tin phỉ báng.

Đáp: Lúc đức Phật mới thành đạo, còn chưa khai hóa, muốn đến vườn Lộc Dã[41] độ năm người, trên đường đi gặp thương nhân Đề-vị[42], dâng bột lúa mạch rang và mật, bèn giảng tam quy, ngũ giới và thập thiện cho anh em ông ta. Phật chính là bản thân đức Phật, pháp chính là ngũ giới, thập thiện mà đức Phật vừa giảng cho ông ta cùng với hết thảy pháp Đại, Tiểu thừa đức Phật nói sau này. Lúc ấy vẫn chưa có vị tăng nào. Vì thế, đối với điều khoản quy y tăng, bèn nói "quy

[40] Sở dĩ tổ nhấn mạnh chuyện đốt hương thọ giới vì thời ấy sau khi nhà Thanh bị lật đổ, nam giới Trung Hoa thôi gióc tóc thắt đuôi sam, bắt đầu hớt tóc ngắn theo lối Âu Tây. Dân nghèo thường cạo trọc luôn cho tiện và đỡ tốn tiền hớt tóc. Do vậy, khó thể phân biệt được tăng và tục nếu không có dấu sẹo thọ giới.

[41] Lộc Dã (Mrgadāva) thuộc về thành phố Sārnāth hiện nay. Theo truyền thuyết đây là nơi các tiên nhân ở để tu khổ hạnh trong quá khứ nên loài nai được sống bình yên, do đó có tên vườn Lộc Dã, cũng do đây là nơi các tiên nhân thường ở nên còn gọi là Tiên Nhân Trụ Xứ. Luận Đại Tỳ-bà-sa cho biết: Trong đời quá khứ Phật là tiên nhân Tối Thắng, từng tu tập ở nơi ấy. Đây là nơi đức Phật cùng nhóm Kiều-trần-như năm người cùng tu khổ hạnh trước khi thành đạo.

[42] Đề-vị, gọi cho đủ là Đề-lý-phú-sa (Trapusa) và Ba-lợi (Bhallika) là hai vị thương nhân được phước báo cúng dường và quy y đức Phật đầu tiên sau khi ngài mới đắc đạo. Theo kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm quyển 10, kinh Đề-vị-ba-lợi, kinh Thái Tử Thụy Ứng Bổn Khởi, kinh Phổ Diệu và kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả, khi ấy đức Phật đã thành đạo được 49 ngày, tính đi đến vườn Lộc Dã để độ nhóm Kiều-trần-như, giữa trưa ngài đang tịnh tọa dưới cội cây trong rừng Đa-diễn thì thấy anh em ông Đề-vị đẩy 500 cỗ xe châu báu đi qua. Họ thấy Phật bèn ghé lại thưa hỏi, cúng dường lương khô lên Phật và được thọ pháp ưu-bà-tắc đầu tiên. Hai vị này xin đức Phật ban cho vật kỷ niệm để đem về nước thờ phụng, đức Phật liền ban cho mấy sợi tóc và móng tay. Hai ông đem về nước dựng tháp cúng dường. Theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển một, phần chép về nước Phược Yết nói: "Cách đại thành về phía Bắc hơn 50 dặm có thành Đề-vị, cách thành Đề-vị về phía Bắc 40 dặm lại có thành Ba-lợi, trong mỗi thành đều có tháp cao hơn ba trượng để thờ tóc và móng tay của Như Lai." Người Miến Điện tin tưởng những sợi tóc này đã được đưa sang thờ tại chùa Shwedagon ở Ngưỡng Quang (Yangon, hoặc Rangoon), tức cựu thủ đô của Miến Điện.

y tăng vị lai" do tăng nhất định sẽ có. Đấy chính là người quy y tam bảo đầu tiên vậy. Từ đấy, phàm quốc vương, đại thần và thứ dân hễ tin Phật thì không ai chẳng quy y, sao lại nói là không có xuất xứ?

Đối với thuyết cúng dường tiền hương kính chính là mượn vật để biểu thị lòng thành kính mà thôi. Thời đức Phật, tăng chẳng lập bếp nấu ăn, nên vàng bạc chẳng có chỗ để dùng, nhưng đàn-na tín thí dâng hiến thức ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men và tặng của cải cố nhiên chẳng khác chút nào. Ở phương này, người có lòng tin ít ỏi, hễ làm chuyện gì đều phải cậy vào tiền tài. Vì thế, người ta đã tin tưởng ắt mong cúng dường tiền bạc lên vị thầy mình đã quy y để vị ấy trang trải những thứ cần dùng. Đấy là nguyên do của tiền hương kính vậy.

Thánh nhân phương này lập giáo, người đến học phải có miếng thúc tu[43] để làm học phí; tuy tên gọi khác với tiền hương kính nhưng ý nghĩa chẳng khác gì. Chẳng phải chỉ có vậy mà thôi, phàm là thiên tử và chư hầu tụ tập tiệc tùng ắt phải có món ăn ngon, lại còn phải có vật quý báu để làm quà tặng, cũng giống như đã đến bái yết lại còn cúng dường vậy. Đã quy y tam bảo, ắt phải trì ngũ giới, tu thập thiện. Nhưng hiện thời thói đời thường hay bày vẽ giả dối, đấy là lỗi chính mình chẳng tuân theo lời dạy, chứ Phật pháp đâu có lỗi. Tăng có giữ giới được hay không cũng thế.

Cố nhiên nên phân biệt thầy là thật hay giả và đồ đệ là thật hay giả, chẳng được nhất loạt chê quy y tam bảo là sai rồi bài xích. Nếu không có ai quy y tam bảo, Phật pháp sẽ do vậy bị đoạn diệt, bởi lẽ dẫu có chân tăng cũng trọn không có ngoại hộ, ai chịu cung kính cúng dường ông là người đã vượt ngoài cõi đời đây? Huống chi Phật pháp đâu phải là chuyện của riêng mình tăng chúng, mà thật sự là chuyện phải nên tu, nên hành của hết thảy mọi người. Nếu chẳng quy y tức là đoạn diệt dòng giống Phật vậy. Ý nghĩa "hết thảy mọi người nên tu nên hành" đã được Văn Sao nói đến nhiều lần rồi.

3. Hỏi: Xưa có vị cư sĩ X… hỏi "quy y Phật chẳng đọa địa ngục, tức là sau khi xả thân chẳng đọa hay vĩnh viễn chẳng đọa"? Lại hỏi gần đây những kẻ quy y ở các nơi như Thượng Hải chẳng hạn, quá nửa là hạng gái lầu xanh làm những nghề không đứng đắn. Lúc ấy, tuy hơi có ý niệm hổ thẹn, từ bỏ, nhưng sau đó vẫn giữ nghề cũ tạo tội. Nếu quy y rồi vĩnh viễn chẳng đọa địa ngục thì còn ai đành lòng keo tiếc hai đồng bốn cắc hương kính? Nếu hai đồng bốn cắc hương kính có thể bảo đảm dù tạo tội vẫn vĩnh viễn không đọa địa ngục thì trong núi Thiết Vi

[43] Thúc tu là thịt muối hay thịt khô được bó chặt lại, thường được dùng thay cho học phí thuở xưa.

đâu còn có địa ngục để nói nữa ư? Trong thiên hạ lẽ nào có sự tiện nghi như thế ư?

Thêm nữa, nói quy y thì quy y vị Phật nào? Quá khứ Phật? Hiện tại Phật? Hay là vị lai Phật? Nếu nói quá khứ thì đã qua rồi, hiện tại không có Phật, còn vị lai thì Phật vị lai chưa ra đời, có vị Phật nào để quy y nữa đây? Nếu nói quy y với tượng Phật Di-đà hoặc Phật Thích-ca thì chỉ cần đến trước các bức tượng lễ kính là đủ rồi, cần gì phải nhờ vào tiền hương kính nữa? Đệ tử cứng họng, chẳng thể đáp gãy gọn được; rốt cuộc là như thế nào, mong mỏi sâu đậm thầy chỉ dạy cho.

Đáp: Chuyện ấy hãy nên nói từ hạnh chân thật, chứ đừng luận trên việc quy y. Ba câu quy y Phật - pháp - tăng tuy chia ra nói là "chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh", nhưng chớ nên chấp chặt là quy y Phật sẽ chỉ có thể không đọa địa ngục, vẫn chẳng tránh khỏi đọa vào ngạ quỷ, súc sanh. Nếu nói chấp chặt như thế thì chính là kẻ si nói mớ vậy! Lòng đại từ bi của đức Phật ông còn chưa biết, cứ nói bừa đạo lý. Hạng gái lầu xanh làm chuyện hạ tiện nếu thật sự tin tưởng, ngưỡng mộ đức Phật, thường sanh lòng hổ thẹn, thường niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương thì vẫn được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm, ở cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân.

Đức Phật dùng đủ mọi phương tiện tiếp dẫn, khuyên dụ chúng sanh gieo nhân xuất thế, vì thế đối với ngũ giới, mặc cho những kẻ ấy chỉ thọ một, hai, ba, bốn giới cho đến thọ trọn năm giới. Vì sao cho phép người ta chẳng thọ đủ cả năm giới? Do những người ấy lâm vào tình thế chẳng thể giữ được. Như người đồ tể chẳng thể giữ giới sát, nhưng vẫn có thể giữ bốn giới kia, kỹ nữ chẳng thể giữ giới tà dâm, tửu bảo chẳng thể giữ giới không uống rượu v.v.. Đức Phật lòng từ sâu xa, đức sâu dày như trời che khắp, như đất chở đều, chẳng bỏ một kẻ nào sẵn có Phật tánh.

Những kẻ tự cao tự đại trong cõi đời thấy một khuyết điểm của người khác, dẫu người ấy có ngàn điều tốt đẹp cũng chẳng coi là đúng. Đức Phật không giống như thế. Trong bộ Long Thư Tịnh Độ Văn có một quyển mang tựa đề Phổ Khuyến Môn đã nói tường tận nguyên do, trong quyển ấy đã kể tên hơn 30 loại, trong số ấy có kẻ đồ tể, ngư dân, người chế rượu, ngay cả hạng gái lầu xanh trong chốn phong trần, sách ấy đều nói nếu họ có thể đổi nghề thì tốt nhất. Nếu chẳng thể thay đổi nghề nghiệp được, nhưng thường sanh lòng hổ thẹn, niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương, nếu có thể tin chân thành, nguyện thiết tha thì cũng có thể cao đăng chín phẩm, nào phải chỉ chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ư? Nếu chẳng sanh lòng hổ thẹn mà cũng chẳng tu trì, lấy chuyện quy y làm điều vênh

vang, chỉ coi trọng chuyện bái sư thì có đọa địa ngục hay không, Quang chẳng dám quyết đoán!

Còn như nói quy y tam bảo thì Phật ấy là Phật nào, khi ông thọ giới cụ túc, trong giới đàn đã từng có những thứ khai thị ấy. Có tam bảo thuở Phật còn tại thế (đây chính là trụ trì tam bảo), có tam bảo sau khi Phật đã nhập diệt. Nhằm thời đức Phật còn tại thế thì Phật chính là Phật Thích-ca, pháp là những pháp như tứ đế v.v., tăng chính là những vị xuất gia theo Phật. Sau khi đức Phật nhập diệt, Phật chính là các hình tượng của Phật Thích-ca (tức là những tượng làm bằng vàng, bạc, đồng, sắt, đất, gỗ, vẽ vời, thêu thùa v.v.. Những thứ ấy chính là hình tượng của Phật, phải nên coi hệt như đức Phật thật, nhưng những vị Phật Di-đà, Dược Sư v.v. cũng thuộc vào trong số ấy, do đức Thích-ca là giáo chủ trong hiện tại nên chuyên nói đến vậy), pháp chính là những kinh điển quyển vàng trục đỏ[44], tăng chính là những người cạo tóc mặc áo thâm.

Lại có nhất thể tam bảo, đây chính là những nghĩa *giác, chánh, tịnh* trong tự tâm được gọi là tam bảo Phật pháp tăng. Nếu nói cặn kẽ quá tốn bút mực! Lúc đức Phật mới thành Phật còn chưa có tăng, chỉ dạy trưởng giả Đề-vị quy y tăng vị lai, do tăng là người gánh vách trách nhiệm kế tục pháp đạo vậy. Nếu tự cao tự đại, chỉ biết Phật và pháp đáng kính phục, ngưỡng mộ, coi rẻ tăng nhân chẳng chịu quy y thì kẻ ấy dẫu được lợi ích trong Phật pháp, nhưng do cái tâm ngạo mạn sợ rằng khó thể được lợi ích chân thật.

4. Hỏi: Người đời đều coi đại sư Trí Giả là đức Thích-ca tái thế, giống như Kim Túc Như Lai hiện thân cư sĩ Duy-ma, Long Đồ Phật hiện thân làm tỳ-kheo Thân Tử[45]. Nay những kẻ tôn sùng tông Hiền Thủ thường hay bắt bẻ chuyện này đến nỗi ngã kiến nghiêm trọng, thị phi dấy lên rầm rĩ, hoặc nói là ngũ giáo[46] hay hơn tứ giáo, hoặc nói Trí Giả không phải là Thích-ca tái thế, hoặc nói "Trí Giả

---

[44] Hoàng Quyển Xích Trục: Đôi khi còn gọi là Hoàng Quyển Châu Trục hoặc Hoàng Chỉ Châu Trục. Do thời cổ nhằm tỏ ý trân trọng, kinh được chép trên một tờ giấy dài màu vàng, hai đầu có gắn trục sơn son để cuộn lại cho dễ bảo quản. Sơn son vừa nhằm mục đích trang trí cho đẹp, vừa cho dễ thấy, để chỉ nắm lấy hai đầu trục mà mở ra từ từ, không làm rách giấy. Phong tục này không biết bắt nguồn từ thời nào, có thuyết cho rằng từ thời Trinh Quán (627-649) nhà Đường, vua ban chiếu chép kinh lên giấy nhuộm nghệ vàng để khỏi bị mối mọt cắn. Từ đấy về sau, kinh thường được chép trên giấy có màu vàng. Cũng có truyền thuyết cho rằng năm Vĩnh Bình 14 (630) đời Hán Minh Đế, vua chấp thuận lời thỉnh cầu của bọn đạo sĩ cho phép dùng lửa thí nghiệm xem kinh Phật hay kinh Đạo giáo kinh nào cao quý hơn. Rốt cuộc kinh của Đạo giáo cháy tan thành tro, chỉ còn kinh Phật bị khói hun nên ngả sang màu vàng. Do đó, kinh Phật được gọi là "hoàng quyển" từ đó.

[45] Thân Tử là cách dịch nghĩa tên ngài Xá-lợi-phất trước thời pháp sư Cưu-ma-la-thập. Từ thời pháp sư Huyền Trang trở đi, nếu dịch nghĩa chữ Xá-lợi-phất sẽ dịch là Thu Tử, hoặc Thu Lộ Tử.

[46] Ngũ giáo ở đây là ngũ giáo do đại sư Hiền Thủ phán định vào thời Đường, chứ không phải là *ngũ thời bát giáo* của tổ Trí Giả. Theo Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương, quyển một, ngài Hiền Thủ phán định một đời giáo hóa của đức Phật gồm năm loại giáo pháp: Tiểu thừa giáo (Thanh văn giáo), Đại thừa thủy giáo (Quyền giáo), Đại thừa chung giáo (Thật giáo), Đốn giáo và Viên giáo.

phán định tứ giáo sớm hơn ngài Thanh Lương, sách tham khảo thời ngài Trí Giả chẳng được hoàn bị bằng thời Đường, cho nên phán định giáo nghĩa có chỗ thiếu sót". Hoặc nói: "Nếu Trí Giả đã là hậu thân của Phật Thích-ca, sao lúc soạn bộ Ma-ha Chỉ Quán chẳng thể nói quyết đoán công đức của lục căn hơn kém, lại còn ở đài Bái Kinh lễ lạy kinh Lăng-nghiêm chưa được ngài Bát-lạt-mật-đế dịch ra, lấy kinh làm khuôn khổ cho đạo vậy? Kinh là do đức Phật nói ra, Trí Giả đã là Phật nói ra kinh thì sẽ hiểu thông suốt. Nếu nói Phật cũng bị mê muội khi nhập thai thì đâu đáng xưng là Vô thượng chánh đẳng chánh giác?"

Những thứ nghi vấn ấy ùa nhau nổi lên lung tung, nếu không được lão nhân rủ lòng thương xót tình kiến của mọi người mà mổ xẻ rạch ròi lời vấn nạn ấy để làm kim chỉ nam cho những người học Phật thì sợ rằng những kẻ học đạo trong tông Thiên Thai và Hiền Thủ sẽ bài báng lẫn nhau chẳng thể dứt. Ôi, tự tấn công, bắt bẻ lẫn nhau thì Phật giáo chẳng bị suy sụp ư? Mong thay!

Đáp: Những vị khai sáng pháp Thiên Thai, Hiền Thủ hoặc là cổ Phật ứng thế, hoặc là Bồ-tát thị hiện giáng sanh, chớ nên vì vị này khinh vị kia, hoặc do vị kia khinh vị này. Dẫu lời dạy của các ngài không hoàn toàn tương đồng, nhưng sở kiến của mỗi vị trọn chẳng phải là nói xằng! Những kẻ lầm lạc do môn đình mà tranh chấp đều là những đứa con ngỗ nghịch của đức Phật, là tội nhân đối với tổ sư các tông.

Tứ giáo hay ngũ giáo vốn cùng là một Phật giáo, ông đã từng đọc bài tựa cho cuốn Di-đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích hay chưa? (Nguyên bản của sách Thập Yếu đã bị đại sư Thành Thời lược đi, đáng than thay). Trong ấy có câu: "Chẳng dám cùng hai ông[47] đua tranh cho khác biệt, cũng chẳng nhất thiết phải ép cho giống với hai ông. Ví như nhìn ngang thành rặng, nhìn xiên thành ngọn. Dẫu đều chẳng thể trọn hết cảnh Lô Sơn thật sự, cốt sao chẳng đánh mất sự đích thân thấy biết Lô Sơn của mỗi người mà thôi." Câu nói ấy đã dùng câu thơ tả cảnh đến chơi Lô Sơn của Tô Đông Pha: *"Hoành kiến thành lãnh, trắc thành phong; viễn cận cao đê tổng bất đồng, bất thức Lô Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung"* (Nhìn ngang thành rặng, xiên thành ngọn. Xa gần cao thấp chẳng giống nhau. Chẳng biết Lô sơn chân diện mục, miễn sao thân ở tại non này).

Lô Sơn là trọn một khối, tùy theo con người ở chỗ nào mà thành ra hình tướng khác biệt; huống hồ pháp do đức Như Lai đã thuyết giống như châu ma-ni có màu sắc khác nhau tùy theo đặt gần vật nào. Những kẻ nói chắc chắn châu ấy có màu gì đều là những kẻ không biết gì về châu cả! Tùy theo [châu được đặt gần vật có

[47] Hai ông được nói đến ở đây chính là đại sư Vân Thê Liên Trì và đại sư Cừ Am U Khê.

màu] xanh, vàng, đỏ, trắng mà hiện màu xanh, vàng, đỏ, trắng, dù có nói châu ấy là xanh, vàng, đỏ hay trắng cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu nói nhất định là màu xanh, chứ không phải là vàng, đỏ, trắng, hoặc nói châu nhất định là màu trắng, không phải là đỏ, vàng, xanh thì lại không được. Hiểu toàn vẹn nghĩa của kinh thì chư tổ đều là công thần của Như Lai, một mực chấp chặt vào một câu thì hoằng pháp cũng thành bè đảng ma hoại pháp!

Ngài Trí Giả soạn bộ Chỉ Quán phù hợp ý nghĩa công đức của sáu căn trong kinh Lăng-nghiêm, lại nghe Phạn tăng khen ngợi sách ấy hợp với nghĩa lý kinh Lăng-nghiêm nên mới lạy kinh, mong kinh Lăng-nghiêm sớm được truyền đến để chứng tỏ những gì chính mình nói chẳng sai lầm. Sao ông lại nói ngài chẳng thể quyết đoán công đức sáu căn hơn kém? Vì tự lập đường lối bèn hạ thấp ngài Trí Giả, nói như vậy tức là chẳng biết cội nguồn. Lầm lạc nghe lời người ta nói rồi cũng nghĩ như vậy. Chuyện lạy kinh đương nhiên là có, nếu nói hằng ngày lễ bái trong nhiều năm thì chính là lời của người sau thêm thắt. Đừng nói ngài Trí Giả không phải là Phật hiện thân, dẫu thật sự là Phật hiện thân thì do đã biến hiện thân phận làm tăng, càng phải ẩn thật hiện quyền. Do vậy, càng cần phải có kinh để làm chứng cứ thì mới là khuôn phép hoằng truyền. Nếu tự cho mình là Phật, tự nói ra kinh thuộc đời vị lai thì đấy chính là bè lũ bị ma dựa trong đời sau thường hay nói "ta là vị Phật này hay vị Bồ-tát nọ" để mào đầu. Đấy chính là nguyên do khiến cho bậc Pháp thân đại sĩ hoằng pháp chẳng hiển bổn vậy. Ông đã biết nghĩa lý ngài Thân Tử "trong ẩn kín hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn" trong kinh Pháp Hoa, sao lại nghi mỗi mình ngài Trí Giả? Hơn nữa, đoạn văn luận về trưởng giả Lý trong Văn Sao (tức đoạn văn trong bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận) cũng đã nói rõ nghĩa này, sao chẳng mở rộng ra để suy luận mà hiểu, lại cứ muốn hỏi han lôi thôi vậy?

5. Hỏi: Tướng tông phán định giáo pháp trong cả một đời giáo hóa của đức Phật thành tam thời giáo, đầu tiên là hữu, kế đó là không, sau cùng là trung, chỉ có thời khác biệt, chứ không có thời thông suốt; Thiên Thai phán giáo thành ngũ thời, dùng cả thông lẫn biệt. Những kẻ học đạo thấy biết một chiều do vậy công kích lẫn nhau, chê nhau là sai. Người theo tông Thiên Thai hủy báng thuyết tam thời của Tướng tông, cho là thấy biết một chiều, nghĩa hết sức chẳng trọn vẹn, không phải là ý chỉ vốn có của đức Phật. Người học theo Tướng tông chê bai Thiên Thai là mờ mịt, câu nệ, bày vẽ, sương mây mù mịt, hiếm có kẻ nào thấu suốt được. Rốt cuộc ai đúng, ai sai, mong thầy ban cho lời dạy lớn lao!

Đáp: Câu này nên từ đoạn thứ tư mà lãnh hội ý nghĩa, sẽ tự biết chư Phật thuyết pháp tùy theo căn cơ của chúng sanh. Nay những kẻ hoằng pháp phần

nhiều nói pháp trái với căn cơ. Do vậy, đức Phật đã sớm thọ ký rằng thời mạt pháp chính là thời đấu tranh kiên cố, buồn thay!

6. Hỏi: Trước khi đức Phật hiển bổn thì những vị Thanh văn đều do tu mà thành, sau khi khai quyền thì hết thảy tám bộ cũng đều là các vị đại Bồ-tát nương theo bổn nguyện [thị hiện giáng sanh trong Sa-bà] để phụ trợ đức Thích-ca giáo hóa, như vậy thì đệ tử Phật đã không có một ai do phàm phu tu thành thì đức Phật xuất thế có ích gì cho chúng sanh đâu?

Đáp: Ông chỉ biết nói lời chấp nhặt hẹp hòi, chẳng hiểu được nguyên do những vị ấy thị hiện! Những vị trong hội Pháp Hoa ấy đều là những bậc đã chứng A-la-hán, thoạt đầu đều chẳng tin Phật pháp, đều do nghe đức Phật giáo hóa, chỉ dạy đủ mọi lẽ rồi mới gia nhập Phật pháp. Do vậy, trong suốt hơn 40 năm dài, họ luôn theo sát Như Lai. Tôi hỏi ông nhé, những vị ấy trong mấy chục năm trọn chẳng có một ai hướng dẫn người khác khiến họ sanh khởi lòng tin, sửa ác tu thiện, quy y Phật pháp liễu sanh thoát tử hay sao? Ông hỏi câu này đúng là si mê đến cùng cực!

7. Hỏi: Kinh Pháp Hoa chép: "Giơ tay, cúi đầu, đều sẽ thành Phật." Thêm nữa, kinh Pháp Hoa đã từng được nói trong vô lượng kiếp trước. Do vậy thấy rằng trong vô lượng kiếp trước đã từng có đấng gọi là Phật độ chúng sanh trong cõi đời. Chúng sanh đã gieo thiện căn trong vô lượng kiếp trước thì những chúng sanh đã từng gieo thiện căn ấy đến nay lẽ ra đều đã thành Phật hoặc thành Bồ-tát rồi. Như vậy thì lẽ ra Phật, Bồ-tát nhiều, chúng sanh ít; cớ sao Phật, Bồ-tát thường ít thấy mà chúng sanh đông ùn ùn vậy? Chắc là chúng sanh trong vô lượng kiếp trước đều chưa có thiện căn giơ tay, cúi đầu? Hay là gieo nhân nhưng chưa chín muồi ư? Nếu nói gieo nhân nhưng chưa chín muồi thì rốt cuộc đến lúc nào mới chín muồi? Chúng sanh hiện tại gieo thiện căn giơ tay, cúi đầu, lại phải trải qua bao nhiêu vô lượng kiếp thì mới chín muồi được thiện căn ấy? Hay là vĩnh viễn chẳng thể chín muồi?

Đáp: Hai câu nói "Phật, Bồ-tát nhiều, chúng sanh ít" và "Phật, Bồ-tát ít, chúng sanh nhiều" phải nhìn từ cõi nước chư Phật, Bồ-tát đang ở. Ví như gã dân hèn ở làng quê nhỏ bé chỉ biết những kẻ thường dân trong làng là nhiều, trọn chẳng biết những bậc phù tá nhà vua trong nước nhà nhiều vô số, nhưng pháp thế gian chẳng đủ để làm thí dụ cho thích đáng. Sao ông chẳng thấy Hoa Tạng hải chúng đông nhiều, ngay cả số vi trần trong một cõi Phật cũng chẳng thể sánh ví [với số lượng thánh chúng trong Hoa Tạng] ư?

Phật có thể độ chúng sanh nhưng chẳng thể độ kẻ không có duyên với Phật. Vì thế phải bao lượt thị hiện giáng sanh, thị hiện nhập diệt để cho chúng sanh bao

phen gieo thiện căn, bao phen chín muồi thiện căn, bao phen được độ thoát. Nhưng do chúng sanh giới vô tận nên thệ nguyện của Phật, Bồ-tát vô tận! Ông dùng tri kiến đoạn diệt để bàn luận cho nên mới có những câu hỏi ấy, câu hỏi ấy tợ hồ có lý, chẳng biết đấy vẫn là tình kiến chúng sanh, chẳng mảy may biết được cảnh giới của Phật, Bồ-tát. Nếu ông có thể nhất tâm niệm Phật vãng sanh Tây Phương, ắt sẽ than thở: "Bồ-tát đông đảo, chúng sanh ít ỏi!" Vì vậy tôi nói: Hãy nên nhìn từ chỗ Phật, Bồ-tát đang ở, đừng nhìn từ nơi chúng sanh đang ở.

8. Hỏi: Đệ tử bất luận ở chỗ nào, sáng sớm súc miệng, rửa ráy xong liền đắp y lễ bái Đại sĩ Quán Âm đến khi tinh thần mỏi mệt liền ngồi xếp bằng trên mặt đất trì danh. Có lúc quá mệt nhọc, hễ ngồi liền hôn trầm hoặc suy tưởng loạn xạ. Cũng có lúc thân tâm thoải mái, ngồi độ nửa giờ mà cảm thấy ngắn như chỉ ngồi chừng mấy phút. Cũng có lúc tay lần xâu chuỗi mà bất ngờ lần xong xâu chuỗi từ đầu đến cuối hơn 300 hạt trong khoảnh khắc, trong tâm cũng dường như xưng tụng rõ ràng, nhưng chẳng thật minh bạch lắm. Cũng có lúc trì chú, chợt quên bẵng bài chú đang trì, bất giác hồ đồ niệm tụng Phật hiệu. Những chuyện ấy rốt cuộc là cảnh giới như thế nào, rất mong thầy chỉ dạy.

Đáp: Ngồi lâu chẳng cảm thấy là lâu, niệm lâu chẳng biết là lâu, đấy chính là do tâm tịnh thần lặng mà ra. Nhưng chớ nên tưởng đó là chứng đắc, từ đấy phải nỗ lực công phu sẽ tự được tiến hơn. Nếu coi đó là chứng đắc thì do vậy cũng không thể chứng đắc được, huống chi là tiến hơn! Trì chú hôn trầm niệm Phật, niệm Phật hôn trầm trì chú, đấy chính là do ý thức thuận theo vọng tâm, chánh niệm bị chuyển biến mà ra. Những người tu sơ cơ phần nhiều gặp tình trạng này, nếu nắm vững công phu sẽ khỏi đến nỗi điên đảo lầm loạn. Nhưng điên đảo lầm loạn như vậy vẫn là do công phu mà ra. Nếu không có công phu thì ngay cả niệm hồ đồ như vậy cũng chẳng có được, huống là rõ ràng chẳng sai lầm ư?

Ban-chu tam-muội thì người đời nay không hành được, ông nói lời ấy là do ham cao chuộng xa hay là thật vì sanh tử vậy? Nếu thật vì sanh tử thì hãy nên y theo những pháp phàm phu thường có thể hành được. Nếu là phàm phu sát đất mà lầm lạc tính hành pháp của thánh nhân quá sức mình ắt sẽ đến nỗi bị ma dựa, ngã lòng tu tập. Xin hãy dứt trừ ý niệm ấy ngõ hầu được lợi ích!

Bộ Văn Sao của Quang về ý thì có thể chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng đáng xem, được hai vị Khai Sĩ Viên Sơn và Cương Dã muốn lưu thông, thật hổ thẹn sâu xa! Nhưng Bồ-tát vì lợi chúng sanh, ngay cả đầu mắt còn bằng lòng xả được, huống là những lời lẽ hủ bại, nhơ bẩn của Quang được hai vị đại sĩ đề xướng, nhằm khiến cho hết thảy những kẻ mới học tin tưởng, ngưỡng mộ Tịnh tông thì Quang cũng cậy vào công đức của hai vị đại sĩ ấy mà tiêu trừ tội nghiệp,

tăng trưởng thiện căn, được vãng sanh Tây Phương, thật là may mắn không chi lớn hơn.

Phàm những sách vở nhằm hoằng dương Phật pháp đều chớ nên ghi bản quyền, nếu ghi bản quyền thì công đức hoằng pháp chẳng thể cự lại tội lỗi ngăn trở lưu thông đâu! Quang bận bịu quá mức, chớ nên thường hỏi han như thế này. Chẳng những Quang học thức hữu hạn mà hiểu biết cũng chẳng được mấy, chẳng thể đáp lời; dẫu có đáp được cũng không có tinh thần, công phu đâu nhé!

Dụ Muội Am biên soạn Cao Tăng Truyện gồm bốn tập (ông ta làm khoa trưởng thuộc dinh tỉnh trưởng tỉnh Trực Lệ, thỉnh người khác thay ông ta biên chép, còn ông ta chỉ soạn đề cương đại lược, cho nên sai sót không thể kể xiết. Ngay cả phần do chính ông ta viết cũng sai lầm nhiều khôn xiết. Quang chỉ dựa theo phần ông ta viết để giảo chánh, sửa đổi, gọt giũa đại lược mà thôi. Cuốn sách do Quang đã sửa chữa ấy chỉ nên dùng làm bản gợi ý cho người sẽ tu chỉnh cuốn sách của ông Muội Am sau này mà thôi, chẳng đáng coi là bản hoàn chỉnh vậy) hoàn thành vào tháng 9 năm ngoái, đem gởi tới mong Quang hãy giảo chánh cho ông ta. Quang lấy cớ học thức nông cạn và không rảnh rỗi để từ chối, ông ta nói mong rằng trong ba năm sẽ được sửa chữa xong. Suốt cả một năm ngoái chẳng ngó tới, mùa xuân năm nay mới nhìn đến, sách quá thiếu tinh tường, sai ngoa quá nhiều. Đọc một hai ngày, ngần ngừ hết mấy ngày. Đến ngày hôm qua mới đọc xong, do vậy thư ông gởi đến từ hôm 23 mà mãi tới bữa nay mới trả lời. Cái chết của Hiển Ấm cũng chỉ là vì cầu được vượt trội, cầu danh, chẳng biết lắng lòng tịnh dưỡng. Nghe nói ông ta đang bệnh mà hằng ngày vẫn cứ thường bàn luận chẳng tịnh dưỡng nên mới bị kết quả ấy.

31. Thư trả lời pháp sư Minh Đạo

Ông muốn bế quan ở Linh Nham thì sư Chân Đạt đã chấp thuận rồi, đấy lại là cơ duyên tốt đẹp không chi bằng, nhưng phải toàn thân buông xuống hết, cái tâm bộp chộp vọng động mong gấp được lợi ích cũng buông xuống luôn thì sẽ tự được lợi ích. Nếu không, chỉ sợ thấy bị ma dựa. Phàm những kẻ bị ma dựa đều là do tâm bộp chộp, vọng động mà ra. Sư Chân Đạt quả thật đã thành tựu sự bế quan cho ông, hãy nên nghĩ báo ân, đừng vọng tưởng làm bậc đại thông gia, may ra sẽ được tâm tương ứng với Phật, chẳng cầu làm bậc đại thông gia mà lại có thể làm bậc đại thông gia. Đấy gọi là "vô tâm mà được, có tâm lại đâm ra bị mất mát". Nghĩa lý trọng yếu trong Phật pháp chính là "tâm không chấp trước". Nếu đã sẵn mang lòng chấp chết cứng cầu đạt được đủ mọi cảnh giới lợi ích là đã ươm sẵn cái họa bị ma dựa. Nếu trong tâm rỗng rang, trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào khác thì được, may ra sẽ chứng đắc vậy.

32. Thư gởi ông Chấp chánh Đoàn[48]

Vốn khâm phục ngài đức sâu dày, hiểu biết chân chánh rạng rỡ, hiện thân làm quốc chủ để hành chuyện Như Lai, hộ trì Phật pháp, công đức khó lường, dõi nghe tiếng tăm, vui mừng khen ngợi không thể nào diễn tả được.

Nghe nói gần đây bộ Nội vụ sắp thuận theo lời thỉnh cầu của Đô trưởng Tiết[49], ban hành điều lệ đăng ký tài sản chùa miếu. Trong ngu kiến của kẻ ở chốn núi non, rẫy bái, trộm nghĩ làm như vậy không nên. Phàm là người có lòng nhân thì chẳng thực hiện những pháp hà khắc quấy nhiễu dân. Huống chi tài sản của chùa miếu vốn để cúng dường tam bảo, quả thật là phước điền cho chúng sanh, những tài sản tầm thường thật chẳng thể sánh bằng. Trong văn bản Điều Lệ Quản Lý Chùa Miếu đã tu chỉnh được ban hành vào năm Dân Quốc thứ mười (1921) có ghi rõ tài sản chùa miếu được bảo vệ bình đẳng như tài sản của những người dân bình thường. Đã nói là "cùng được bảo vệ bình đẳng", há nên định riêng điều lệ khắc nghiệt ư?

Vả nữa, nói trên phương diện tôn giáo, có lẽ cũng không nên có cái nhìn lệch lạc chút nào. Điều lệ đăng ký tính áp dụng hiện thời chuyên áp dụng vào chùa miếu, chứ không ảnh hưởng tới tài sản của giáo hội Thiên Chúa giáo, cho thấy luật lệ của chánh quyền không thật sự hết sức công bằng. Tra trong văn bản điều lệ quản lý chùa miếu đã ban hành trước đây thì lại thấy nói tài sản của chùa miếu sẽ đăng ký nơi ty hành chánh cai quản địa phương ấy, tuy chưa nói rõ phương pháp đăng ký nhưng đã ghi là "các tôn giáo và những người dân bình thường đều cùng được bảo vệ", như vậy thì đương nhiên cũng phải áp dụng cùng một điều lệ đăng ký như tài sản của người dân bình thường. Văn bản đã được công bố rõ ràng, sao lại vụng về dùng quy định do bộ Nội vụ ban hành sau này đến nỗi mâu thuẫn với mệnh lệnh trước kia? Do vậy chẳng nề mạo muội, quấy nhiễu tâu trình. Khẩn cầu ngài hãy rộng vận từ tâm, mau truyền lệnh cho bộ Nội vụ bãi bỏ điều kiến nghị ấy để dân chúng khỏi bị quấy nhiễu khốn khổ, lòng nhân sâu đậm, ân trạch sâu dày ấy nào phải chỉ có tăng chúng cảm kích, vâng đội chẳng quên, mà hết

---

[48] Chấp chánh Đoàn chính là Đoàn Kỳ Thụy (1864-1936), một tay quân phiệt dưới thời Dân Quốc, từng làm Quốc vụ tổng lý và Tổng trưởng lục quân, kiêm nhiệm nhiều bộ dưới thời Dân Quốc. Ông này vốn có tên là Khải Thụy, tự là Chi Tuyền, người Hợp Phì (tỉnh An Huy), từng được huấn luyện quân sự tại Đức Quốc, là tay chân của Viên Thế Khải. Ông ta luôn tích cực phát động chiến tranh để tranh giành quyền bính. Do họ Đoàn giữ chức *Lâm thời chấp chánh* (tương ứng với chức Đại tổng thống) từ năm 1924 đến năm 1926 nên lá thư này phải được viết trong khoảng thời gian đó.

[49] Nguyên văn *"Tiết kinh triệu doãn"*: Tiết là tên họ, còn Kinh triệu doãn chức vụ được đặt ra từ thời Tần giữ nhiệm vụ quản lý hành chánh và trị an ở kinh đô. Về sau, tất cả những vị trưởng quan quản trị hành chánh và trị an ở thủ đô đều được gọi là Kinh triệu doãn. Chúng tôi dùng chữ Đô trưởng để tạm dịch vì người Việt thường gọi chức vụ này bằng danh xưng Đô trưởng. Tiết Kinh triệu doãn là ông Đô trưởng họ Tiết.

thảy chư Phật cũng sẽ đồng thanh khen là lành, kẻ không có trách nhiệm hết sức bứt rứt mong chờ ngài ra lệnh.

Tăng sĩ Đế Nhàn, Ấn Quang kính bạch.

*** Đính kèm thư trả lời**

Kính trình các ngài,

Chúng tôi được ngài Chấp chánh giao xuống một lá thư, trong ấy nói: *"Bộ Nội vụ sắp chấp thuận lời thỉnh cầu của Đô trưởng Tiết ban hành lệnh điều lệ đăng ký chùa miếu, khẩn khoản thỉnh ra lệnh cho bộ Nội vụ bãi bỏ lệnh ấy."* Do vâng theo lời phê của ngài Chấp chánh: *"Đã thẩm tra, ra lệnh ngưng lại…"* Ngoài việc tống đạt văn thư cho bộ Nội vụ, chúng tôi còn gởi thư này trả lời, mong quý ngài thấu hiểu.

Bí thư Sảnh thuộc phủ Chấp chánh lâm thời kính báo.

33. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên[50] (thư thứ nhất)

Quang thuở nhỏ thiếu học vấn, lớn lên chẳng biết gì, chỉ do ở Phổ Đà lâu ngày thường được người khác sai bảo viết lách thay cho họ nên ghi đại lược một hai chuyện để tự mình xem. Mùa thu năm ngoái được các hạ mang những bài viết ấy đến Thượng Hải, sao ra bốn bài luận cho đăng trên Phật Học Tùng Báo. Trộm nghĩ, Phật Học Tùng Báo chính là do các vị đại cư sĩ thổi ốc pháp lớn, đánh trống pháp lớn, nghĩa lý mênh mông, sâu xa như trời cao đất dày, văn từ tuyệt diệu, đẹp đẽ như chuông vàng, khánh ngọc. Xếp văn của Quang vào ấy khác gì ném ngói sạn vào rừng châu, rải gai góc nơi vườn quỳnh, chỉ gai mắt nhã, chẳng ích gì cho tấm lòng độc giả tán thưởng, cảm thấy xấu hổ, thẹn thùng. Thầy Căn Kỳ trở về, lại bảo viết luận, nhưng do sức khỏe yếu ớt, nhãn mục quáng lòa, dẫu muốn, chẳng thể vâng mạng được, nhưng sợ phụ tấm thịnh tình; do vậy đem những bản thảo cũ đã được viết theo lời sai khiến của người khác chép lại cho rõ ràng thành năm bài. Thể tài, câu văn vụng về, kém tệ, các hạ đọc đến sẽ bật cười! Nhưng đôi bên quen biết nhau, chắc chẳng đến nỗi quở trách, chứ còn đem đăng báo chỉ sợ chuốc lấy tiếng cười chê của bậc đại thông gia vậy.

---

[50] Cao Hạc Niên (1872- không rõ năm mất) là người huyện Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô, tên thật là Hằng Tùng. Mộ đạo từ nhỏ, thấu hiểu sanh tử là chuyện lớn, nên đã phát nguyện hành cước, tham phỏng thiện tri thức khắp các danh sơn. Trong số các cư sĩ cận đại, ông là người đi tham học rộng khắp nhất. Năm 1921, để đáp tạ ơn vợ thay mình phụng dưỡng bố mẹ trong khi ông rong ruổi tham học, ông đã biến nhà mình thành *Trinh tiết tịnh độ an lão viện*, để làm chỗ cho vợ và những phụ nữ đức hạnh tu tập tịnh nghiệp. Ông tích cực tham gia công tác từ thiện, nhất là trong vụ lụt lớn tại các huyện phía Bắc tỉnh Giang Tô, đã tận tụy đi cứu tế hơn mười mấy chỗ. Năm Dân Quốc 37 (1948), ông về ẩn tu tại Chung Nam Sơn, không rõ mất năm nào. Tác phẩm nổi danh nhất của ông là Danh Sơn Du Phỏng Ký.

Ngày mồng 8 tháng 4

(Xét ra đại sư Ấn Quang ẩn cư tại núi Phổ Đà, thoạt đầu không ai biết đến. Cư sĩ Cao Hạc Niên lên chơi núi, xin được bốn bài luận văn: một là Tịnh Độ Pháp Môn Phổ Bị Tam Căn Luận (luận về pháp môn Tịnh độ thích hợp trọn khắp ba căn), hai là Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận (luận về chuyện không nên lẫn lộn giữa Tông và Giáo), ba là Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bổn Luận (bàn về chuyện Phật giáo lấy đạo hiếu làm gốc), bốn là Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận (lời bàn thiển cận về chuyện đức Như Lai tùy theo căn cơ mà lợi lạc chúng sanh) đều được đăng trên tờ Phật Học Tùng Báo do cư sĩ Địch Bình Tử sáng lập tại Thượng Hải. Bài luận thứ nhất ký tên là Thường Tàm, đăng trên Phật Học Tùng Báo số chín, là số ra ngày Rằm tháng 2 dương lịch năm Dân Quốc thứ ba (1914), tức là ngày mồng 2 tháng 9 âm lịch năm Dân Quốc thứ hai (1913) (chữ âm lịch và dương lịch ở đây không hiểu rõ, sợ bị chép lầm). Bài luận thứ hai cũng ký tên là Thường Tàm, bài luận thứ ba và thứ tư thì ký tên là Phổ Đà Tăng. Ba bài này cùng đăng trong Phật Học Tùng Báo số thứ mười.

Bốn bài luận văn này có thể gọi là "đại sư Ấn Quang chuyển pháp luân lần đầu tiên." Từ đấy long thiên thúc đẩy, tỏa quang minh lớn lao! Được cư sĩ Hạc Niên cho xem lá thư trên đây, không ghi rõ thời gian. Xét ra trong thư có nói: "Mùa thu năm ngoái được các hạ mang những bài viết ấy đến Thượng Hải, sao ra bốn bài luận đăng tải trên Phật Học Tùng Báo", quả thật lá thư trên đây được viết vào ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch năm Dân Quốc thứ ba (1914). Lá thư này rất có giá trị trong lịch sử Phật giáo, chưa thấy đăng trong Văn Sao Chánh Biên lẫn Tục Biên, bèn xếp vào đây để công bố cùng cõi đời.)

Biên tập viên bán nguyệt san Giác Hữu Tình Trần Pháp Hương ghi.

34. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ hai)

Hai lần trước đến Thượng Hải đều được ông chiếu cố, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Nay nhận được thư như được gặp mặt, vui mừng, an ủi khôn sánh, biết cư sĩ chí mong lợi người, chẳng nề hà nhọc nhằn. Vì thế được Tam Tôn[51] gia bị, thân tâm thường được yên ổn, an vui. Từ bữa các hạ rời đi, Quang bàn với hòa thượng Liễu Dư và ông Trần Tích Châu, nói không biết Chương Gia[52] đến núi

[51] Tức Tây Phương Tam Thánh, đôi khi còn gọi là Di-đà Tam Tôn.

[52] Chương Gia (Lcan-skya) là một trong bốn vị Đại-hô-đồ-khắc-đồ (Khutuktu: hóa thân) của Nội Mông Cổ. Vị này thuộc Tông Gelupa (Hoàng giáo, Hoàng Mạo phái) theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng, thường được gọi là Chương Gia Cách Căn (Lcan-skya Gegen: Chương Gia Quang Minh). Người Mông Cổ tin Chương Gia là hóa thân của Văn-thù Bồ-tát. Vị Chương Gia nói ở đây thuộc đời chuyển thế thứ mười chín (thật ra, chỉ từ đời thứ mười ba trở đi, vị hóa thân này mới có tên là Chương Gia, nên đa số

ngày nào, chỉ sợ có ông tăng vô tri nào trong núi cứ chiếu theo lệ thường, bảo đại sư Chương Gia quyên góp đôi chút thì rất mất thể thống, họ bảo Quang hãy mau trở về núi để đứng ra làm chủ tiếp đón, do vậy Ninh Ba, Quán Tông đều chưa đến được. Mồng 8 tháng 9 về đến núi, ngày hôm ấy biển sóng gió khá mạnh, Quang say sẩm ói mửa trúng gió mười mấy ngày, không được khỏe lắm. Sau đấy lại bình phục như thường. Nghe nói các hạ muốn đến Kê Túc[53], trộm nghĩ không cần phải đi xa, chỉ cần chọn chỗ có thể an thân, tùy duyên niệm Phật là được rồi. Đi đến núi Kê Túc, nếu theo đường biển rất tốn tiền, nếu theo đường bộ thì khổ sở chẳng thể nói nổi! Sao bằng lật ngã cột phan ngay trước cửa[54], tùy thời tùy xứ gặp gỡ tôn giả Ca-diếp chẳng hay hơn ư? Tiếc cho tinh thần có hạn, lo liệu sự nghiệp cuối cùng của một đời người là chuyện khẩn yếu bậc nhất của người cao tuổi vậy!

(Ngày Rằm tháng 10 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

35. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ ba)

Cách biệt từ mùa đông năm ngoái, nào hay đã tròn một chu kỳ nóng lạnh, quang âm vùn vụt thật đáng kinh sợ! Từ khi nhận được thư vào tháng Giêng mùa xuân năm nay, hoàn toàn chẳng biết tin tức đích xác. Đến tháng 7, do sang Dương Châu khắc kinh, tìm đến thư cục ở Thượng Hải để hỏi thăm, họ nói ông đã sang

---

các sách vở thường gọi vị này là Chương Gia Hoạt Phật đời thứ bảy. Chương Gia vốn là một địa danh tại Tây Tạng). Sư có tên là Lịch-nghinh-diệp-ích-đạo-nhĩ-tế (Ye-śes rdo-rje), còn gọi là Tang-kết-trát-bố (Sans-rgyas-skyabs), sanh vào năm Quang Tự mười bảy (1891) tại Thanh Hải, lên ngôi Pháp Vương năm Quang Tự 22 (1896). Năm Quang Tự 25 (1899), theo lệnh vua Quang Tự đến Bắc Kinh hoằng pháp, phụng chỉ quản trị các chùa thuộc hệ thống Phật giáo Tây Tạng tại Bắc Kinh, Ngũ Đài như Côn Chúc, Pháp Uyên… được sắc phong danh hiệu Quán Đảnh Phổ Thiện Quảng Từ Đại Quốc Sư. Khi Dân Quốc thành lập, sư được mời làm ủy viên của Mông Tạng Ủy Viên Hội, kiêm nhiệm Lý sự trưởng hội Phật Giáo Trung Hoa. Sư từng được cử làm trưởng đoàn nghênh đón xương đỉnh đầu ngài Huyền Trang từ Nhật Bản về Trung Hoa. Sau khi Trung Hoa Dân Quốc thành lập, sư sang Đài Loan và mất ở Đài Bắc năm 1978. Sau khi sư mất, dòng chuyển thế này bị chấm dứt. Hòa thượng Tịnh Không từng theo học pháp với vị này khi còn là cư sĩ tại gia.

[53] Núi Kê Túc (Kukkutapāda-giri) còn dịch là Kê Cước, Tôn Túc, Lang Túc, Lang Tích, là một ngọn núi thuộc nước Ma-kiệt-đà, cách Già-da (Gayā) hơn 25 km về phía Đông Bắc là nơi ngài Ma-ha-ca-diếp nhập diệt. Đại Đường Tây Vực Ký quyển chín đã mô tả: "Núi cao chót vót, hang sâu thăm thẳm không đáy, cây to phủ kín hang núi… Sau này, tôn giả Ca-diếp nhập diệt nơi ấy nên người ta không dám gọi thẳng tên núi mà gọi là Tôn Túc." Do tại huyện Bảo Xuyên tỉnh Vân Nam cũng có một hòn núi mang tên Kê Túc nên Phật giáo Trung Hoa đã đồng nhất núi này với núi Kê Túc tại Ấn Độ, và nơi ấy cũng được coi là đạo tràng ứng hóa của ngài Ma-ha-ca-diếp.

[54] Đây là một công án thiền (được đánh số 22) trong bộ Vô Môn Quan với nhan đề Ca-diếp sát can (cột phan của Ca-diếp). Theo đó, ngài A-nan hỏi tôn giả Ca-diếp: "Ngoài y ca-sa vàng truyền lại cho ngài, đức Thế Tôn còn để lại vật gì nữa hay không?" Ngài Ca-diếp liền gọi: "A-nan!" A-nan thưa: "Dạ!", ngài Ca-diếp bảo: *"Lật đổ cái cột phan trước cửa đi"* (đảo khước môn tiền sát can). Theo ngu ý, ở đây tổ Ấn Quang khuyên ông Cao Hạc Niên hãy lắng lòng tu tập, lãnh hội lời dạy của tổ Ca-diếp thì chẳng khác gì ngày ngày gặp gỡ tôn giả Ca-diếp, hơn là bôn ba đến núi Kê Túc.

tu trong lều tranh trên Thái Sơn[55] rồi. Quang đoán rằng đất Tần (Thiểm Tây) loạn lạc, chẳng thể sống yên được, đến nỗi các hạ phải bỏ đi. Người Tần Xuyên từ đây trở đi không có ai dẫn dắt để được tắm gội, thấm nhuần Phật pháp nữa, lòng hết sức xót xa! Nay nhận được thư, biết ông đang ở Hoa Sơn, vẫn mong sau khi yên ổn, trở về Chung Nam[56], khôn ngăn vì người đất Tần vui mừng sung sướng trước.

Quang không ra gì, đạo chẳng tăng trưởng, mắt ngày càng thêm lòa. Năm trước khuyên ông Ưng Quý Trung bỏ tiền khắc in sách Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục. Do cõi đời chẳng thái bình nên chậm trễ đến mùa thu năm nay mới tới Tàng kinh viện, nhờ cậy chủ nhân viện ấy lo liệu. Trước hết khắc Giản Ma Biện Dị Lục (tổng cộng hơn 260 trang giấy), rồi khắc in Tam Thập Nhị Tổ Truyện (khoảng chừng 60 trang). Hai cuốn sách này đều là di trước của Thanh Thế Tông (Ung Chánh), đều do ông Ưng Quý Trung bỏ tiền thuê khắc ván. Tiếp đấy, khắc in An Sĩ Toàn Thư (khoảng sáu trăm sáu mươi, bảy mươi trang, trong ấy có tăng thêm mấy chục trang mới nữa). Sách ấy do ông Lưu Cần Phố thuộc thôn Lưu Môn, Triều Ấp tỵ nạn đến đất Thân (Thượng Hải) phát tâm bỏ tiền ra in. Vị này khá thuần hậu, thành thật, tiếc là còn kém duyên với Phật pháp, vào ngày 19 tháng 9 bèn tạ thế. Nếu sống thêm được mấy năm nữa thì thiện căn Tịnh độ sẽ được phát sanh, nẩy nở vậy. Nhưng nhờ vào công đức khắc in sách ấy, dẫu chẳng thể vãng sanh thì quả báo trong đời sau cũng sẽ chẳng đến nỗi kém hơn đời này. Đợi đến tháng 4 năm sau, tôi sẽ lại qua Dương Châu để trông nom, nếu sách đã khắc xong bèn cho ấn tống, nếu chưa khắc xong sẽ giảo chánh, đối chiếu. Năm sau nhất quyết phải hoàn tất chuyện ấn tống hai cuốn sách về thiền ấy.

Quang thấy biết hẹp hòi, học vấn quẩn quanh, do các hạ đa sự lôi kéo các ông Từ Úy Như, Chu Mạnh Do, Trương Vân Lôi v.v. phô truyền vẻ xấu của Quang, hết sức hổ thẹn sâu xa. Mùa thu năm ngoái, người cùng quê là ông Vương Ấu Nông đến núi, trông thấy những bài viết hủ bại của Quang liền muốn bỏ tiền khắc ván. Quang cho rằng những bài viết hủ bại ấy chẳng đáng lưu truyền trong cõi đời nên cố từ chối. Mùa xuân năm nay, Úy Như in ra 500 cuốn, hạ tuần tháng 3

[55] Thái Sơn, còn gọi là Đại Sơn, Đại Tông, Đại Nhạc, Đông Nhạc, Thái Nhạc... cùng với Hành Sơn, Hằng Sơn, Hoa Sơn, Tung Sơn hợp thành Ngũ Nhạc, tức năm ngọn núi thiêng phân định ranh giới của Trung Nguyên. Thái Sơn nằm trong tỉnh Sơn Đông, chạy dọc từ huyện Tế Nam đến tận huyện Khúc Phụ, cao đến 1.545m. Hoa Sơn (Tây Nhạc) thuộc huyện Hoa Dương, tỉnh Thiểm Tây, cao đến 2.154m.

[56] Chung Nam (còn gọi là Trung Nam Sơn, Thái Ất Sơn, Địa Phế Sơn, hay Nam Sơn) là một quả núi hữu danh thuộc rặng Tần Lĩnh ở huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây, có quan hệ mật thiết với Phật giáo. Năm Kiến Đức thứ hai (573) nhà Bắc Chu, sư Pháp Tạng lên ngọn Tử Cái của núi này kết thảo am tu hành. Khi Chu Vũ Đế phế Phật, hơn 300 vị danh tăng đã phải ẩn cư trong núi này. Sơ tổ tông Hoa Nghiêm là pháp sư Đỗ Thuận cũng ẩn tu tại núi này vào thời Đường. Tổ Trí Nghiễm của tông Hoa Nghiêm cũng hoằng dương giáo nghĩa Hiền Thủ tại nơi này. Luật sư Đạo Tuyên cũng hoằng dương Tứ Phần Luật Tông tại đây (sử sách thường gọi là Chung Nam Luật Tông, hoặc Nam Sơn Luật Tông).

lên núi, lại cầm đi những bài viết hủ bại còn lại, biên tập trình bày, đem khắc ván tại Bắc Kinh, ước chừng cuối hạ năm sau chắc sẽ in xong. Ấu Nông tuy biết Úy Như đã khắc, vẫn muốn khắc in, sẽ chờ hai cuốn sách nói trên in xong sẽ cho khắc Văn Sao. Tháng 5 năm nay, có người cầm bộ Văn Sao hủ bại do Úy Như đứng in đến chùa Nghênh Giang ở An Huy, giám viện là thầy Trúc Am gởi thư nói muốn khắc ván và muốn có những bản gốc còn lại. Quang bảo thầy ấy hãy để thong thả, chờ cho sách được khắc ván hoàn tất tại Bắc Kinh vào năm sau, in xong sẽ gởi tới ngay.

Mấy chục năm qua, Quang chẳng dám để lộ ra hai chữ Ấn Quang, vì các hạ đa sự đến nỗi cái tên hèn hạ, tác phẩm kém cỏi nhức tai gai mắt khắp mọi người nhã, thẹn thùng chi xiết! Năm ngoái, tôi vọng tưởng mong đích thân chứng được niệm Phật tam-muội, nhưng rồi toàn thể niệm Phật tam-muội vẫn là nghiệp lực. Năm nay tự biết hổ thẹn, giữa tháng 9 sẽ khởi thất tới cuối tháng 2 mùa xuân năm sau mới thôi. Niệm Phật tam-muội chẳng dám với cao, chỉ mong sám hối cho sạch hết túc nghiệp. Ai biết túc nghiệp rốt cuộc cùng với chân như pháp tánh đồng nhất bất sanh bất diệt. Phật quang chiếu khắp pháp giới, nhưng tôi vì nghiệp chướng chẳng thể thân cận được, khổ sở lắm thay! Biết làm sao đây? Viết ra những điều chính mình ngu muội ôm ấp để mong người tri kỷ sẽ thay tôi chia sẻ nỗi buồn mà thôi!

(Mồng 4 tháng Chạp năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

Kính cẩn xét rằng trong Vân Thê Di Cảo có bài kệ như sau:

Nhị thập niên tiền sự khả nghi,
Tam thiên lý ngoại ngộ hà kỳ?
Phần hương trịch kích hồn như mộng,
Ma Phật không tranh thị dữ phi.

(Hai mươi năm trước sự hồ nghi,
Ngoài ba ngàn dặm chuyện sao kỳ?
Thắp hương, quăng kích dường như mộng,
Ma - Phật tranh suông thị lẫn phi.)

Ngài Hám Sơn nói: "Đây chính là bài kệ ngộ đạo của lão nhân Vân Thê." Nay đại sư đích thân thấy được túc nghiệp và chân như pháp tánh đồng nhất bất sanh bất diệt, trộm cho rằng đây chính là ý nghĩa của bài kệ ấy chăng?

36. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tư)

Hôm qua nhận được thư vui mừng, an ủi khôn sánh! Quang cho rằng giữa đường gặp chuyện trở ngại, nhưng cư sĩ một mực mong mỏi, dũng mãnh tiến thẳng lên trước, trọn chẳng vướng mắc gì. Một đằng là tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, một đằng là người lành được trời giúp sẽ tự được không chuyện gì chẳng thuận lợi, hâm mộ lắm. Cư sĩ Nhậm Tâm Bạch cũng gởi thư đến, nói sau một tháng rưỡi nữa chắc chắn sách sẽ xin xong. Ở chỗ Quang là 120 bộ, cũng đủ dùng rồi, không cần phải tiếp tục thỉnh nữa. Tôi sẽ sang Dương Châu vào trung tuần tháng 7 vì tập sách nêu duyên khởi khắc in Đại tạng kinh vẫn chưa được khắc xong; hễ cuốn sách này khắc xong liền có thể qua đấy lo liệu ấn loát. Cuốn sách này chỉ gồm năm mươi mấy trang, thuộc loại sách biên soạn vào đời Minh, tập hợp những bài tựa nêu duyên khởi quyên mộ khắc in Đại tạng kinh. Nguyên văn chỉ gồm mười tám bài, Quang lại cho khắc thêm bài tựa phát khởi đầu tiên của đại sư Tử Bách vào ấy, gồm hai thiên nữa. Vì sao trong nguyên văn không có bài tựa phát khởi đầu tiên? Đấy là do trong bài văn ấy có những câu nói đến chuyện thế đạo biến loạn, sợ chánh quyền căm ghét, nên người biên tập chẳng sao lục vào đấy. Nay đã cách biệt thời ấy, trọn chẳng trở ngại gì. Thiên Thai là đạo tràng hoằng pháp của ngài Trí Giả, núi ấy thường có La-hán cư ngụ, Quang do sức khỏe mòn mỏi chẳng thể đến lễ bái được, hổ thẹn khôn cùng. Biên nhận Văn Sao đã nhận được rồi, đừng lo!

37. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ năm)

Nhận được thư hôm 23 như gặp được bạn cũ, khôn ngăn vui mừng, an ủi. La Phù, Bôi Độ, Nhạn Đãng[57], Thiên Thai là những cuộc đất danh thắng trong thiên hạ đều lọt vào tầm mắt của cư sĩ, đúng là do đời trước vun bồi mà ra. Quang sức khỏe mòn mỏi chẳng thể đi xa được, ngồi chết già trên hòn núi ngoài biển, chẳng thấy biết gì, mỗi phen nghĩ đến thẹn thùng, cảm khái không chi sánh ví được. Cư sĩ đã đến núi Bôi Độ ắt phong cách, đức độ sẽ được phát khởi mạnh mẽ, an ủi lắm! Ngày 24 tháng 9, Quang về đến Pháp Vũ, đến hôm 29 liền đem bài khai thị

[57] La Phù là một ngọn núi nổi tiếng vùng Lĩnh Nam, núi nằm trong rặng La Phù, thuộc huyện Bác La, tỉnh Quảng Đông, có rất nhiều đạo tràng nổi tiếng. Ngài Đạo Khai là người đầu tiên đến dựng thảo am thờ Phật tại núi này. Các vị danh tăng như Chi Pháp Phòng, Tăng Cảnh, Đạo Tiệm, Huệ Trì, Huệ Lãm, Trí Dược, Hy Thiên, Duy Nghiễm, Đại Điên (vị sư hóa độ Hàn Dũ), Hành Minh đều từng tu tại đây. Sách Thái Bình Ngự Lãm còn cho biết: Theo truyền thuyết Cát Hồng từng tu tiên nơi đây. Do vậy, núi này được coi là thánh địa của cả Phật giáo lẫn Đạo giáo.

Núi Bôi Độ thuộc huyện Bảo An, tỉnh Quảng Đông, còn có tên là Độn Môn, tức ngọn Thanh Sơn ở Hương Cảng hiện thời. Sau chùa Thanh Sơn trên núi còn có Bôi Độ Nham thờ tượng đá của thiền sư Bôi Độ, tương truyền đây là nơi ngài từng ngồi thiền. Theo truyền thuyết, chính vị này đã quăng một cái chén xuống biển, đạp lên đó, vượt biển đến núi này nên có tên là Bôi Độ. Trong bài tán tăng bảo đã nhắc đến chuyện này: *"Phù bôi quá hải sát na thời"* (chén nổi vượt biển trong khoảng sát-na).

Núi Nhạn Đãng thuộc thành phố Ôn Châu tỉnh Chiết Giang, chia ra thành ba rặng Bắc, Trung, Nam. Bắc Nhạn Đãng nổi danh nhất, có nhiều đạo tràng cổ nhất.

cho vị phu nhân ở Hà Đông gởi qua Thượng Hải giao cho cư sĩ Cam Bích Sanh. Ngày mồng 6 tháng 10, ông ta gởi thư đến nói: "Kính sao thành một bản để tự giữ, đem nguyên bản của Quang gởi trả lại kèm theo thư." Ngày mồng 2 tháng 11, lại gởi thư cho biết: "Đã đem pháp ngữ của Quang chép lại theo lối chữ khải thành hai bản, một bản gởi cho cư sĩ Chiếu Nam, một bản gởi cho vị phu nhân ở Hà Đông, nhưng pháp ngữ đã gởi đi trước đó vẫn chưa thấy hồi âm. Nếu nhận được hồi âm sẽ liền trình cho thầy biết." Pháp ngữ gần 2.000 chữ, khi khắc Văn Sao sẽ đưa thêm bài ấy vào.

An Sĩ Toàn Thư giao cho ba vị Vưu Tích Âm, Trương Vân Lôi, Đinh Phước Bảo lo liệu, nhưng Tích Âm muốn cho sách ấy được lưu truyền khắp 2.041 huyện trong cả nước. Bạn ông Tích Âm là Lưu Mộc Sĩ có cùng ý nguyện với ông Tích Âm, tính kêu gọi những nhà buôn giàu có quen biết ở Nam Dương bỏ tiền giúp in. Một nửa số sách in được sẽ gởi về Nam Dương, Tân Gia Ba, đảo Tân Lang (Penang), để biếu tặng các thuộc địa của Hà Lan. Các trường học tại các đảo ở Nam Dương lấy cuốn Dục Hải Hồi Cuồng làm tài liệu giảng dạy về sự tu thân. Một nửa số sách ấy sẽ dùng để biếu tặng tại tổ quốc để cho ai nấy đều vun bồi đất nước quê hương. Tâm chân thành, rộng lớn ấy có được thỏa nguyện hay chăng vẫn chưa thể biết chắc.

Gần đây, khoản tiền do những người quyên tặng để ấn hành tại nước nhà đã đến con số vạn, đợi đến mùa xuân năm sau khi đem in, chắc là sẽ gom được hai ba vạn bộ. Nếu Hoa Kiều ở Nam Dương chịu phát tâm giúp đỡ thì in được một hai chục vạn bộ không chừng. Tùy duyên mà làm vậy! Nếu người trong nước ta và người ở Nam Dương xưa đã có thiện căn, được nghe đạo "tu chân trong cõi tục, tùy theo căn cơ có thể nhập đạo" của Phật pháp thì trời rồng sẽ cảm động, người có tâm lo cho thế đạo sẽ hùa nhau dấy lên cùng khen ngợi thì phân phát cho các huyện trong cả nước, mỗi huyện 110 bộ cũng chẳng khó. Nếu quốc dân chẳng có pháp duyên này tức là người ta cho Ấn Quang là kẻ không đạo, không đức, chẳng chịu tin tưởng để cùng nhau cảm kích, phát khởi, chỉ đành dùng một hai vạn bộ đã quyên mộ được để thỏa tâm sự này mà thôi!

Chuyện này tuy là chuyện riêng, nhưng thật ra có quan hệ lớn với quốc kế dân sanh, được thành công lớn lao hay không đều có vận số nhất định. Quang cùng bốn vị cư sĩ Vưu, Lưu, Trương, Đinh làm sao có thể chuyển kẻ vô duyên thành hữu duyên để An Sĩ Toàn Thư được lưu truyền rộng khắp cho được? Nay tôi gởi cho ông một tờ trình bày chương trình biện pháp để an ủi tấm lòng mong mỏi xa

vời. Bài văn bia cho Trinh Tiết Đường[58] tôi chưa viết, từ lúc về đến núi tới nay trọn chẳng được rảnh rỗi. Quang đính chánh An Sĩ Toàn Thư (do bản in rút nhỏ có các hạng mục đồ hình và mục lục, phải sắp xếp theo dạng riêng). Kế đó là giảo chánh, đối chiếu An Sĩ Toàn Thư. Lại còn có các sách Dục Hải Hồi Cuồng, Vạn Thiện Tiên Tư và Ấn Quang Văn Sao, Cách Ngôn Liên Bích v.v. từ Dương Châu không hẹn cùng gởi tới, phải giảo chánh đối chiếu, cũng như phải trả lời thư tín gởi tới, gởi đi. Buổi tối mắt không nhìn được, ban ngày quả thật không lúc nào được rảnh. May được tam bảo gia bị, mắt vẫn còn nhìn được lúc ban ngày, thật là chuyện may mắn vạn phần.

Chúng sanh đời mạt pháp phần nhiều đều chẳng biết nhân quả, Phật kinh sâu thẳm, huyền áo, dẫu đọc cũng chẳng thể lãnh hội được, nên mới thành ra hiện tượng như ngày nay. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, chuyển phàm thành thánh." Cõi đời hiện nay nếu chẳng làm cho nhân quả được sáng tỏ, phổ biến, mà muốn cho thế đạo thái bình, Phật pháp hưng thịnh thì chẳng thể nào đạt được đâu!

(Năm Dân Quốc thứ chín - 1920)

38. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ sáu)

Đã lâu rồi chưa được gặp gỡ các hạ, cũng như chẳng biết hành tung của các hạ, do vậy chưa từng gởi thư. Trước đây, cư sĩ Trương Thụy Tăng gởi thư đến nói "do có chuyện nọ, ông ta được cư sĩ yêu mến nồng hậu xoay sở cho vẹn toàn, chẳng đến nỗi bị kẻ xấu gây rắc rối, vì thế muốn đến đất Hỗ (Thượng Hải) để tỏ lòng cảm tạ". Do vậy, Quang bèn gởi thư kèm theo để thăm hỏi. Rồi nhận được thư của ông Mai Tôn nói cư sĩ và cư sĩ Bá Nông sẽ đến Ninh Ba vào ngày 18, vừa trông thấy hình thế của chùa Pháp Vân đã xác định chỗ đặt nền đại điện; rồi lại hứa khi nào xây dựng đại điện sẽ trở lại, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Nay nhận được thư mới biết ông vẫn còn đang nghe kinh tại Nam Viên.

Nói đến chuyện đem tràng hạt hổ phách[59] cúng dường Bồ-tát, quả thật đã xả được thứ khó xả, công đức không gì lớn hơn! Nhưng chùa ấy là nơi cúng bái nhộn

[58] Tức *Trinh tiết tịnh độ an lão viện*. Do Cao Hạc Niên chí muốn xuất gia nhưng vì cha mẹ ép buộc, phải lấy vợ. Vợ chồng ông coi nhau như bạn, ông đi tham học khắp nơi, vợ ở nhà thủ tiết phụng dưỡng bố mẹ chồng. Hai người không có con cái. Khi về già, ông biến nhà riêng thành Tịnh nghiệp đường để làm nơi tu trì tịnh nghiệp và dưỡng lão cho những bà góa hoặc những phụ nữ không chồng.

[59] Nguyên văn "hổ phách triều châu". Triều Châu (xâu chuỗi đeo khi chầu vua) là một thứ trang sức bắt buộc của các quan lại dưới triều Thanh khi mặc triều phục. Do các đế vương khai sáng nhà Thanh sùng phụng Phật giáo, họ cho rằng chữ Mãn Châu (Manchu) vốn là biến âm của chữ Văn-thù và dân tộc Mãn Châu là hậu duệ của Bồ-tát Văn-thù (Mạn-thù-sư-lợi: Manjushri) nên hoàng đế nhà Thanh được coi như hóa thân của Bồ-tát Văn-thù. Quan viên vào chầu vua như triều kiến Bồ-tát, đương nhiên phải đeo

nhịp, người lui tới rất tạp, chớ nên đeo chuỗi ngọc ấy vào cổ Bồ-tát, chỉ nên cất trong phòng chứa y bát hay giữ trong kho. Những món bảo vật ấy đã chẳng thể dùng được, mà sau này ắt sẽ khiến cho kẻ thiếu hiểu biết lấy trộm, nên chưa có lợi ích thật sự, lại còn khiến cho kẻ ăn trộm ấy bị tổn hại oan uổng, chẳng thà xin lại từ chỗ hòa thượng Chân Đạt, hoặc tặng cho người khác, hoặc bán đi để làm công đức thì mới có ích thật sự vậy. Quang có ý kiến tệ lậu như vậy đó, chẳng biết cư sĩ có cho là đúng hay chăng?

39. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ bảy)

Miễn cưỡng soạn bài văn bia hơn 900 chữ[60], lời lẽ chất phác, vụng về, ý nghĩa hời hợt, nông cạn, sợ chẳng đáng khắc vào đá, xin hãy thỉnh vị cao minh nào đấy soạn bài khác. Nếu chỉ mong đỡ tốn sức, vẫn xin cư sĩ hãy bỏ công sức sửa chữa, gọt giũa, để khỏi đến nỗi bị người khác chê cười. Hơn nữa, quy củ của Trinh Tiết Viện đã nêu trong bài văn bia ấy chẳng qua là phỏng đoán, đại khái, cần phải châm chước cho ổn thỏa, thích đáng rồi hãy sửa đổi những gì đã định.

40. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tám)

Xưa kia đại sư Tử Bách sau khi đại ngộ đã dạo khắp các danh sơn để mở rộng kiến thức. Phàm tất cả những danh sơn, thánh đạo tràng trong Trung Quốc, không chỗ nào ngài chẳng đích thân đến tận nơi là do thể lực ngài mạnh mẽ, mỗi ngày đi được hơn 300 dặm. Sau này chưa nghe nói ai có thể đi được như vậy. Trong đời gần đây, đa số là hạng lười nhác sống ăn bám vào Phật, Thiền, Giáo, Luật, Tịnh chẳng hề phụng sự một tông nào, chỉ bôn ba Nam - Bắc mua bán những món đồ vặt vãnh để cầu chút lợi hòng thỏa lòng ham muốn. Tuy có đến danh sơn, thánh đạo tràng, trọn chẳng có một tâm niệm hổ thẹn, ngưỡng mộ!

Cư sĩ tu chân ngay trong cõi tục, tùy duyên tấn đạo, giữ gìn một câu Di-đà làm bổn mạng nguyên thần, ôm ấp hai chữ "hổ thẹn" dùng làm bậc thang nhập đạo. Chẳng chán nhiều phen trèo lên thánh địa, sao chép những tông tích để mở rộng tai mắt cho người khác. Vị tăng tri khách thuở ấy (tức thuở ngài Tử Bách đi thăm khắp các danh sơn) nếu tiếp kiến, sẽ thay mặt vị trụ trì nói lời chống giữ môn đình nhà Phật. Tìm một vị tăng chân thật thiết tha, chí thành như thế trong

---

tràng hạt. Theo điển chế nhà Thanh, vương công, đại thần, mệnh phụ khi mặc triều phục bắt buộc phải đeo Triều Châu. Triều Châu phải gồm đủ 108 hạt, thường làm bằng Hổ Phách, cứ cách 27 viên lại xâu thêm một hạt ngọc, hạt ngọc ấy gọi là Phật đầu. Viên Phật đầu nằm ngay chính giữa ngực phải được xỏ lớn hơn các viên khác, thường bằng lục ngọc, và được gọi là Phật đầu tháp. Cuối viên Phật đầu tháp phải có đuôi hình quả hồ lô để gắn tua trang trí. Hai bên Phật đầu tháp phải gắn thêm ba sợi dây xâu ngọc mỗi bên, mỗi dây gồm mười viên.

[60] Tức bài văn cho *Trinh tiết tịnh độ an lão viện* đã nói trong lá thư thứ năm.

đời mạt quả thật chẳng được mấy người; huống là một vị đại phương gia (người thông suốt giáo lý) đã ăn thịt đẫy bụng đến tìm tăng nhân nói chuyện thiền ư? Mùa thu năm ngoái, sau khi tôn giá đã rời đi, thường nghĩ cư sĩ vì môn đình nhà Phật mà nhọc nhằn thành bệnh, không lâu nữa sẽ đến Thiểm Tây, ở yên nơi cuộc đất đức Quán Âm đã hàng phục rồng (tức đại thảo am ở Nam Ngũ Đài), nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, "xoay cái niệm lại để niệm tự tánh, tánh thành vô thượng đạo". Sự vui sướng ấy chẳng thể nào ví dụ được! Đến mồng 7 tháng Giêng nhận được thư, mới biết năm ngoái ông vẫn du hành khắp các tỉnh Hàng, Hoán (An Huy) v.v. muốn đến Bắc Kinh, do trời lạnh bị bệnh nên đành phải trở lui. Thật có thể nói là cư sĩ đã "vì pháp quên mình", nhưng trong sự thấy biết ngu muội của Quang thì có lẽ nên dừng bước nghỉ ngơi, nếu vẫn muốn du hành rộng khắp thì hãy nên dùng thần thức để du hành, chẳng cần phải dùng thân.

Ba kinh Di-đà, một bộ Hoa Nghiêm dùng làm lộ trình để du hành, tham phỏng, ngồi yên trong ao bảy báu mà dạo khắp thế giới Hoa Tạng thì thần thức càng dạo đi, thân càng mạnh mẽ, niệm càng trọn khắp mà tâm càng chuyên nhất. Tịch thì một niệm cũng chẳng thể được, mà chiếu thì vạn đức cũng vốn sẵn đủ, tịch chiếu viên dung, chân tục chẳng hai. Mười đời xưa nay hiện trong đương niệm, vô biên sát hải[61] nhiếp về tự tâm. So với chuyện khoác sao đội trăng, xông mưa đột gió, kinh sợ khi vào chốn vực sâu, hãi hùng trong cảnh nguy hiểm thì còn gấp mấy lần sự sai khác giữa một ngày và cả kiếp. Tôi thấy biết hèn tệ như thế đó, chẳng biết cư sĩ nghĩ sao?

Hơn nữa, trong thư ông gởi đến đã dạy: "Quang âm vùn vụt, còn hơn nước xoáy qua tảng đá Diễm Dự ở Cù Đường[62]", đúng là như vậy đó! Cổ nhân đã dạy rằng: "Người chứng Vô sanh mới thấy được sát-na[63]." Cư sĩ nói lời ấy sẽ thấy

---

[61] Sát hải: nói đủ là "sát độ đại hải", từ ngữ dùng để chỉ mười phương thế giới hay vũ trụ. Sát tức là chữ ksetra (sát-độ) nói gọn. Một ksetra nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới, tức khu vực giáo hóa của một đức Phật. Do sát-độ của chư Phật vô lượng vô biên nên dùng chữ hải (biển) để hình dung số lượng rộng lớn không thể tính xuể được.

[62] Diễm Dự là một hòn đá to ở ngay cửa vào hẻm núi Cù Đường (còn gọi là Quỳ Hiệp) đầu nguồn Trường Giang, thuộc huyện Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên. Nước sông chảy rất xiết, xoáy rất mạnh khi vỗ qua hòn đá này, tạo thành một cảnh quan hùng vĩ nên thường được thi nhân ngâm vịnh, và dùng như một hình ảnh để mô tả thời gian trôi qua quá nhanh.

[63] Sát-na (ksana), còn được phiên âm là xoa-noa, có nghĩa là khoảnh khắc, trong vòng một niệm, thường được hiểu là khoảng thời gian đủ cho một tâm niệm dấy khởi lên hay trong một cái chớp mắt. Tuy thế, một chớp mắt vẫn lâu hơn một sát-na rất nhiều. Có nhiều cách giải thích chữ sát-na:

1. Theo luận Câu-xá quyển 12 thì 120 sát-na là một đát-sát-na (tat-ksana), 60 đát-sát-na là một lạp-phược (lava), 30 lạp-phược là một mâu-hô-lật-đa (muhūrta), 30 mâu-hô-lật-đa là một ngày đêm. Như vậy, một sát-na là 0.013 giây.

2. Theo luật Ma-ha-tăng-kỳ quyển 17, một sát-na là một niệm, 20 niệm là một thuấn, 20 thuấn (chớp mắt) là một đàn chỉ (khảy ngón tay), 20 đàn chỉ là một lạp-phược, 20 lạp-phược là một tu-du, 30 tu-du là một ngày đêm. Như vậy, một sát-na bằng 0.018 giây.

được sát-na chẳng lâu nữa đâu, tôi cảm thấy lòng được an ủi lắm, xin chúc mừng! Cư sĩ lại nói những lời lẽ hủ bại của Bất Huệ là pháp thích hợp cho căn cơ hiện tại, vừa mở sách ra đã khiến cho người ta như ngư phủ lạc bước chốn Đào Nguyên[64] v.v., sao mà nói quá lố thế? Ông muốn dẫn Bất Huệ tiến lên, nhưng Bất Huệ tuy thân chưa già mà tâm lực đã sớm suy, mắt nhìn ngày càng kém, khó tiến được trong gang tấc. Ông lại còn đem trình với Lê công (cư sĩ Lê Đoan Phủ), được ngài thương cho lòng ngu thành, cho sao chép giữ lại để đem in, càng làm cho Quang cảm thấy hổ thẹn không chốn ẩn mình. Nếu làm như vậy chính là đem cỏ mục chất vào núi báu, đem canh thừa để lẫn trong cỗ vua, trái tai gai mắt người khác, khiến tôi sượng mặt, bị người đọc chán ghét, làm nhơ pháp đạo.

Huống chi ba bài luận đầu vốn là do hòa thượng Khai Như sai Quang viết vào mùa đông năm ngoái để làm bản nháp cho buổi diễn thuyết tại Thượng Hiền Đường. Bài luận về pháp môn niệm Phật thích hợp khắp ba căn đã được chép vào trong Kỷ Yếu của tòa điện đường do ngài quản thủ, còn hai bài luận kia có dùng hay không thì không biết. Nếu bảo là văn tuy hèn tệ, vụng về, nhưng ý thật đáng thương thì nên đề tên tác giả ba bài luận ấy là Thích Khai Như. Bài "luận về Tông và Giáo chẳng nên xen tạp" thì đề tên Thích Thường Tàm, ngàn lần xin chớ đề hai chữ Ấn Quang.

Thêm nữa, cái hại của giấy Tây còn quá nước lũ, mãnh thú: Khiến cho đất nước khốn cùng, làm dân kém cỏi, đoạn diệt thánh giáo đạo Nho, đạo Thích, mối họa ấy chẳng có cùng tận. Hôm mồng 4 tôi đã thưa đại khái điều này với Lê công, mong cư sĩ chẳng tiếc sức từ bi, nói với khắp các cư sĩ. Nay lập một chương trình: Phàm là kinh luận của Phật, của tổ, nhất loạt chẳng in bằng thứ giấy ấy! Lại cần phải báo cho các chỗ khắc kinh để họ đều cùng biết rõ, ngõ hầu chẳng đến nỗi do lưu thông mà trở thành mau chóng diệt mất. Đây là điều Bất Huệ đau lòng nhức óc, không lối kêu van vậy. Nay muốn nhờ cư sĩ giới thiệu để khẩn cầu các đại cư sĩ ai nấy hãy phát tâm Bồ-đề, hiện tướng lưỡi rộng dài ngăn cấm thói quen này

---

3. Theo phẩm Quán Không kinh Nhân Vương quyển thượng thì 90 sát-na là một niệm. Theo Vãng Sanh Luận Chú quyển thượng thì 60 sát-na là một niệm (tức là một niệm theo như luật Ma-ha-tăng-kỳ lại được chia thành 60 phần hay 90 phần, nên càng nhỏ hơn nữa).

4. Cũng theo phẩm Quán Không kinh Nhân Vương, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Còn theo Vãng Sanh Luận Chú thì trong một sát-na có một trăm lẻ một lần sanh diệt.

[64] Điển tích Đào Nguyên (gọi đủ là Đào Hoa Nguyên) xuất phát từ bài ký Đào Hoa Nguyên Ký của Đào Tiềm thời Tấn. Theo đó, vào niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, có một người đánh cá ở Vũ Lăng ven theo dòng suối lạc bước vào rừng hoa đào, đến một hang núi ở đầu nguồn dòng suối. Anh chàng đánh cá đi vào trong hang núi đến một khu đất trù phú bình yên, người dân sống trong ấy thong dong, đẹp đẽ vượt ngoài cõi tục. Hỏi ra mới biết họ là những người lánh nạn đời Tần, không hề giao thiệp với thế giới bên ngoài nữa. Anh ta được đãi đằng trọng hậu, ở chơi mấy ngày ra về, ghi dấu kỹ càng, báo lên quan thái thú. Quan thái thú sai người dõi theo dấu đã ghi nhưng không tìm được chốn Đào Nguyên nữa.

để pháp đạo được tồn tại vĩnh viễn, đều thương xót cho lòng ngu thành của tôi mà bảo ban rộng khắp.

Cuốn báo đăng tải lời lẽ hủ bại đáng hổ thẹn của Quang đã đưa cho hòa thượng Khai Như. Bức họa Ngũ Thập Tam Tham (năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử) do trước kia đã được thầy Dẫn Duyên tặng cho bức họa mà thầy ấy nhận được, nên tôi đem bức họa nhận được lần này tặng cho hòa thượng Liễu Nhất, vì cư sĩ đã từng nói với ngài về chuyện ấy, nhưng về sau quên khuấy đi. Đãy chú Lăng-nghiêm của Quang đem tặng cho thầy Liễu Thanh để thầy ấy đem tới Quảng Đông hòng kết pháp duyên. Những thứ khác đều chiếu theo danh sách mà trao ra. Thầy Ngộ Khai đã mất vào giờ mùi ngày 22 tháng 11 năm ngoái, quang cảnh lúc thầy ấy mất đã thuật rõ trong thư gởi cho cư sĩ Lê, nay không viết chi tiết nữa. Trường An tuy tốt, nhưng mọi chuyện gian nan, nếu không gặp trở ngại lớn lao hãy nên chuyên tu tịnh nghiệp, hộ trì pháp đạo ở phương Nam, so với phương Bắc thì giảm bớt một nửa công sức mà công lại gấp bội. Cớ gì phải cố gượng đặt tấm thân suy lão vào nơi khốn khổ rồi mới tu đạo vậy?

41. Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ

Nhận được thư khôn ngăn cảm động, hổ thẹn. Quang là hạng người nào mà dám nói những lời ấy? Nhưng các hạ đã bảo Quang nói, nếu chẳng nói sẽ có lỗi! Trộm nghĩ: Các hạ muốn khuông phò, cứu giúp thời thế, nhưng chẳng thể thỏa lòng được thì hãy buông ý niệm ấy xuống, gắng sức cầu tự độ. Hãy nên dùng học thức của chính mình để xướng suất, hướng dẫn những người cùng hàng, khiến cho hết thảy mọi người tin tưởng Phật pháp, biết rõ nhân quả ba đời, thậm chí khiến cho hết thảy những kẻ chẳng tin Phật pháp cũng đều biết tới nhân quả ba đời. Hễ biết nhân quả báo ứng thì cái tâm tự tư tự lợi sẽ dần dần tiêu diệt.

Hơn nữa, cõi đời ít có người lành là do trong gia đình không khéo dạy dỗ, nhưng trong một gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ quan trọng nhất. Bởi lẽ, con người lúc bé hằng ngày ở bên mẹ, được hun đúc tánh tình nhiều nhất từ nơi mẹ! Do vậy, thiên chức của phụ nữ là giúp chồng dạy con. Nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền thê, hiền mẫu cho được? Vì thế nói rằng, khéo dạy cho con cái biết nhân quả ba đời chính là cái đạo "gốc chánh, nguồn trong" để bình trị thiên hạ vậy! Hiện thời nam nữ tin Phật ở Thượng Hải rất nhiều, dùng danh vọng học thức của các hạ để bước lên cao hô hào thì mọi người sẽ hùa nhau bắt chước theo. Nếu phong thái ấy được thực hiện rộng rãi thì thế đạo tự nhiên thái bình. Cái đạo "gốc chánh, nguồn trong" như vừa mới nói đó cố nhiên ở nơi ấy chứ không ở đâu khác.

Các hạ đã chẳng thể vãn hồi thế đạo ngay lập tức, sao chẳng trông mong nơi bọn hiền tài sẽ dấy lên đông đảo vào mười năm, hai mươi năm sau? Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Lại nói: "Dạy dỗ con cái là căn bản để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu." Bởi lẽ, những kẻ làm quan hoặc giặc cướp hiện thời chuyên trọng vũ lực, chẳng đoái hoài đạo nghĩa đều là vì thuở ban đầu chẳng được cha mẹ hiền dùng nhân quả báo ứng để khéo dạy dỗ mà ra! Nếu thuở bé đã được nghe những lời dạy tốt lành thì thà chết cũng chẳng dám làm những chuyện thảm khốc trọn chưa hề có ấy. Tội lỗi ấy quả thật do cha mẹ bọn chúng khởi đầu, chứ không phải chỉ riêng mình bọn chúng. Trong cõi đời lúc này, nếu chẳng đề xướng những sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi v.v. mà muốn thế đạo thái bình, dẫu Phật, Bồ-tát, thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời thì cũng không làm gì được.

Vì vậy, vào năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang in bộ An Sĩ Toàn Thư, tính quyên mộ để in ra mấy chục vạn bản, nhưng chỉ được bốn vạn; hiện thời đã in được năm vạn bốn năm ngàn bộ theo lối khắc ván. Nay đang in bộ Đại Sĩ Tụng, sang năm sau nữa sẽ in Nhị Thập Tứ Sử Cảm Ứng Lục, đều là vì muốn cho người ta biết tới nhân quả. Biết nhân quả sẽ chẳng dám tổn người lợi mình, thương thiên hại lý. Những kẻ cường bạo trong cõi đời nếu nói đến chuyện đạo đức nhân nghĩa với bọn họ, chắc họ trọn chẳng động tâm; nhưng đem nhân quả báo ứng nói với họ, đừng nói đến trường hợp người nghe tin tưởng ngay lập tức, dẫu cho chẳng tin cũng sẽ kinh hãi sợ sệt. Các hạ có địa vị, chẳng thể vãn hồi con sóng cuồng loạn ngay được, sao chẳng hiện thân cư sĩ dùng chuyện này để làm kế vãn hồi cho tương lai ư? Dùng điều này để độ người tức là tự độ, há chẳng thích hợp hơn đi tới nước lạ để tìm tòi những bản kinh chưa hề thấy, lễ di tích của đức Phật để tự độ hay sao?

Con người hiện thời đa số tánh tình có phần mang thói ưa khoe khoang, lớn lối; chẳng hạn như chưa hoằng pháp nhưng trước hết đã cầu tìm kinh điển chưa được dịch [sang tiếng Hán] ở ngoại quốc; vậy thì đối với những kinh đã được dịch trong nước, có từng nghiên cứu mỗi một kinh cho đến tột cùng hay chưa? Huống chi nếu đã nhận hiểu được một hai nghĩa lý trong kinh Phật sẽ liền có thể thượng hoằng hạ hóa! Huống nữa, [kinh Phật đã được dịch sang tiếng Hán] dẫu nhiều đến mấy ngàn quyển vẫn cho rằng chẳng đủ dùng, cứ muốn tìm tòi tại các nước thuộc Ấn Độ ư? Phàm với những kiểu đề xướng như vậy, Quang đều chẳng cho là đúng! Những ý kiến như vậy đều xuất phát từ thói ham cao, chuộng xa, thấy khác lạ, nghĩ đi tận đâu đâu, hòng khiến cho mình được nổi bật lên giữa mọi

người; nếu người ta nói sao mình cũng nói hệt như vậy thì chẳng đáng gọi là kỳ lạ, đâu thể hiện được bản lãnh của ta!

Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đấy, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biển pháp Tịnh độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dự vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy. Còn chuyện viễn du Ấn Độ, chẳng qua nhằm mở rộng tầm mắt, mở rộng tri kiến mà thôi; chứ đối với phương diện sanh tử, muốn được tự độ thì tự độ ở chính nơi đây, nào phải ở nơi kia! Huống chi đường sá xa xôi, tốn kém không ít, thể lực của các hạ cũng chẳng mạnh mẽ cho lắm, gặp phải cảnh bôn ba nhọc nhằn ấy thì tổn hại rất nhiều, lợi ích thật ít, Quang trọn chẳng tán thành. Nay dẫn một chứng cứ; Khổng tử nói: *"Mạnh Công Xước vi Triệu Ngụy lão tắc ưu, bất khả dĩ vi Đằng Tiết đại phu*[65]*"* (Mạnh Công Xước làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy là hai khanh đại phu của nước Tấn thì tài năng có thừa, nhưng làm đại phu cho nước Đằng, nước Tiết thì không thể được). Hai câu nói trên đây của Quang chính là "Triệu Ngụy lão" vậy, chuyện viễn du Ấn Độ chính là "Đằng Tiết đại phu" vậy. Các hạ thử xét kỹ xem, chắc sẽ chẳng cho lời Quang là sai lầm!

Đại Sĩ Tụng ước chừng sẽ in trước 2.000 bộ trong năm nay để gởi cho những người đã đặt mua trước, nhưng cho đến nay vẫn chưa sắp chữ được một nửa, sợ khó thể bắt đầu in trong năm nay được. Nay tôi gởi kèm theo một trang thuyết minh biện pháp, ông đọc sẽ tự biết. Bốn trăm đồng của các hạ sẽ in được 1.200 bộ sách, xin hãy cho biết phải gởi sách ấy về đâu hoặc [muốn chúng tôi] thay mặt các hạ gởi đến cho ai để chúng tôi thực hiện đúng như thế. Bộ Nhị Thập Tứ Sử

[65] Đây là câu nhận định về tài năng của Mạnh Công Xước trích từ chương Hiến Vấn, sách Luận Ngữ. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu. Cụ giải thích thêm: "Theo Khổng An Quốc, do tánh tình của Mạnh Công Xước liêm khiết, thanh cao, ít ham muốn, mà hai nước Đằng, Tiết nhỏ nhoi, chánh sự phiền toái, nhiều mưu mô phải đối phó, nên họ Mạnh sẽ không thể đảm đương được." Năm 1046 trước Công Nguyên, sau khi Chu Công Đán đánh dẹp chư hầu trở về đã phong cho em là Cơ Tú làm vua đất Đằng, đóng đô ở Đằng Thành (cách huyện Đằng tỉnh Sơn Đông 7 km), đầu thời Xuân Thu nước này có quan hệ mật thiết với nước Lỗ. Về sau nước Đằng bị Tống Khang Vương diệt (không rõ năm nào). Tiết cũng là một nước chư hầu rất nhỏ thời Xuân Thu Chiến Quốc. Điều kỳ lạ là sử không ghi chép về vị trí, lịch sử nước này. Chỉ biết nước Tiết ba lần dời đô, kinh đô đầu tiên là Tiết Thành (nằm về phía Đông Nam huyện Đằng), rồi dời sang Hạ Bi (nay thuộc Bi Huyện tỉnh Giang Tô) cuối cùng dời đến Thượng Bi (phía tây Tiết Thành). Như vậy, nước Tiết nằm ở phần ranh giới giữa tỉnh Sơn Đông và Giang Tô hiện thời.

Cảm Ứng Lục được phát khởi là do ông Ngụy Mai Tôn ở Nam Kinh muốn vãn hồi sát kiếp, Quang bảo ông ta hãy sưu tập rộng khắp những chuyện nhân quả trong hai mươi bốn bộ sử[66] để chúng được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời thì sẽ có hy vọng thế đạo thái bình. Do vậy, Quang đem bộ sách [Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục] của Bành Hy Tốc biên soạn gởi đi, bảo ông ta hãy mở rộng bộ sách ấy. Ông ta nghĩ Quang nói đúng, gắng hết sức sưu tập, chia thành từng môn, từng loại. Dưới mỗi đoạn lại còn ghi rõ xuất phát từ sách nào, tập nào, quyển nào, trang nào. Có lẽ trong năm sau sách sẽ hoàn thành, tôi sẽ ra sức đề xướng mạnh mẽ cho sách được lưu truyền rộng khắp để giúp cho thế đạo nhân tâm trong tương lai. Tôi nghĩ các hạ cũng tỏ lòng đồng tình đề xướng vậy *(chuyện này ông Ngụy chưa thực hiện được, nhưng tạo thành duyên khởi cho ông Hứa Chỉ Tịnh biên tập bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, xin hãy đọc bài tựa của tổ Ấn Quang viết cho bộ Thống Kỷ sẽ tự biết nguyên do).*

42. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ nhất)

Quang vô tri vô thức, được ông lầm để lọt mắt xanh, khôn ngăn cảm kích, xấu hổ. Hôm trước đã tặng một trăm đồng để in bộ Văn Sao, quả thật là nhiệm vụ cấp bách. Một người bạn Quang tên là Hoàng Ấu Hy cả nhà đều thuần thiện, nhưng bị chướng duyên đời trước trói buộc, khốn khổ vì vừa nghèo vừa bệnh. Trước đây, Quang từng đến đó, thương ông ta gặp cảnh khổ sở, biếu ông ta hai khúc vải Tây do ông Tôn Tam Nguyệt đã biếu cho Quang. Đêm Mười Chín khi nghỉ tại Tịnh nghiệp xã, nghe cư sĩ Giang Vị Nông nói ông ta đã bị bệnh thật ngặt nghèo, nay đã có chuyển biến; nếu từ rày lành bệnh thì cũng cần phải dưỡng sức hai ba tháng mới có thể lành lặn để làm việc tại xưởng in. Ông ta đi làm ăn lương mà còn khó thể trang trải, huống chi mấy tháng ngồi không, biết phải làm sao đây, mong mọi người giúp đỡ. Quang nghe xong xót xa, cũng muốn đề xướng, bèn giao mười đồng cho ông Vị Nông. Nay tính đem món tiền một trăm đồng của các hạ dùng làm khoản tiền cứu giúp kẻ ngặt; ông ta có được món tiền một trăm đồng này sẽ chống chọi được một tháng. Lợi ích ấy tuy chẳng lớn lao bằng in Văn Sao,

[66] Nhị Thập Tứ Sử là 24 bộ sử chánh yếu của Trung Hoa, gồm Sử Ký (Tư Mã Thiên soạn), Hán Thư (Ban Cố soạn), Hậu Hán Thư (Phạm Việp soạn), Tam Quốc Chí (Trần Thọ soạn), Tấn Thư (Phòng Huyền Linh soạn), Tống Thư (Trầm Ước soạn), Nam Tề Thư (Tiêu Tử Hiển soạn), Lương Thư (Diêu Tư Liêm soạn), Trần Thư (Diêu Tư Liêm soạn), Ngụy Thư (Ngụy Thâu soạn), Bắc Tề Thư (Lý Bách Dược soạn), Chu Thư (Lệnh Hồ Đức Phân soạn), Tùy Thư (Ngụy Trưng soạn), Nam Sử (Lý Diên Thọ soạn), Bắc Sử (Lý Diên Thọ soạn), Cựu Đường Thư (Lưu Hú soạn), Tân Đường Thư (Âu Dương Tu, Tống Kỳ soạn), Cựu Ngũ Đại Sử (Tiết Cư Chánh soạn), Tân Ngũ Đại Sử (Âu Dương Tu soạn), Tống Sử (Thoát Thoát soạn), Liêu Sử (Thoát Thoát soạn), Kim Sử (Thoát Thoát soạn), Nguyên Sử (Tống Liêm soạn), và Minh Sử (Trương Đình Ngọc soạn). Tuy vậy, một số sử gia như Tư Mã Quang không coi Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử là sử liệu đích thật, chỉ coi đó là hai tác phẩm văn chương mang tính chất tham khảo mà thôi!

nhưng ân đức sâu đậm hơn in Văn Sao nhiều lắm; vì chuyện ấy còn có thể để thong thả được, chứ cảnh này hết sức nguy cấp. Quang vốn biết các hạ đại từ ban vui, đại bi cứu khổ, nên chẳng thưa trình trước mà đã đem khoản tiền ấy biếu tặng rồi!

43. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ hai)

Nửa năm chưa gặp gỡ mà giang sơn mấy độ gấm vóc, nhân dân giàu mạnh đều trở thành điêu tàn khốn khổ, lâm vào tình huống chẳng nỡ nhìn được, do vậy càng thêm tin tưởng "tướng cõi đời vô thường, tam giới như nhà lửa". Các hạ nương sức túc nguyện tận lực hoằng dương tịnh nghiệp, đúng là nên mượn dịp này để làm một mũi kim đâm xuống đảnh đầu đại chúng tu trì tịnh nghiệp, ngõ hầu ai nấy đều chết sạch cái tâm mong ngóng "lại được sanh trong cõi trời, cõi người để hưởng thụ si phước" thì lợi ích càng lớn vậy!

Điện Thiên Vương của chùa Pháp Vũ kèo cột đã mục, lâm vào thế khó thể duy trì được lâu. Hòa thượng [trụ trì] ngay từ lúc mới nhận chức đã bàn đến chuyện xây lại toàn bộ. Hiềm rằng hai năm qua có khi mùa màng thất bát, hoặc do chiến tranh liên miên, đến nỗi chỉ quyên được ba bốn ngàn đồng, còn thiếu rất nhiều, tính sai người sang các xứ Tân Gia Ba, Tân Lang v.v. để mộ duyên. Do những nơi ấy có đại sư Quảng Thông thuộc Hạc Minh Am trụ trì đạo tràng cả hai nơi, người nơi ấy trọn chẳng đến nỗi nghi là giả mạo. Tháng 6 năm ngoái, sư đã tận mặt cầu khẩn các hạ, đã được chấp thuận. Nay phái hai thầy Minh Đức, Hàm Nghiệp sang đó trước, sai Quang viết thư cho các hạ, mong các hạ sẽ xin thông hành, giấy nhập cảnh, hộ chiếu sang các nước ngoại quốc từ văn phòng giao thiệp thuộc Bộ ngoại giao và Lãnh sự quán để khỏi bị trở ngại. Nếu việc quyên góp được trọn vẹn để khởi công trùng tu điện ấy thì quả thật là do các hạ đã ban cho vậy.

Lẽ ra hòa thượng phải viết thư này, nhưng ngài lại sai Quang viết, là vì ngài chưa rõ lòng thành hộ pháp của các hạ, tuy vậy để thành toàn cho đạo tràng của Bồ-tát thì chẳng nên sanh lòng so đo nơi tình người thân hay sơ. Quang được dính dáng vào chuyện công đức này thì cũng được lợi ích nên chẳng chối từ, kính cẩn trình lên, mong các hạ chẳng tiếc công sức khiến cho sở nguyện ấy được thỏa mãn thì may mắn lắm thay!

44. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ ba)

Chắc hai lá thư trước đây ông đã nhận được rồi, hiện thời vận đời đổi mới, những kẻ vô tri lầm lạc đề xướng thuyết hủy diệt Phật pháp trong lúc này, thật nguy hiểm quá! Đạo pháp chẳng bị diệt vong ngay lập tức là nhờ vào các hạ và

các đại cư sĩ đổ công sức duy trì bằng nhiều phương cách. Nếu không, huệ mạng của Như Lai vĩnh viễn đoạn diệt từ đây, đông đảo chúng sanh trọn chẳng mong chi thoát khổ, nguy hiểm đến cùng cực. Ngày hôm qua, hòa thượng Diệu Liên ở Nam Kinh gởi đến một bức thư vốn là thư của Đại tổng thống Tôn (Tôn Văn) trả lời các cư sĩ thuộc hội Phật giáo vào năm Dân Quốc thứ nhất (1911). Lá thư ấy được đăng tải trong cuốn Phật Học Tùng Báo số thứ nhất, chẳng biết các hạ và các đại cư sĩ đã từng đọc qua hay chưa? Hòa thượng nói là bài viết ấy được đăng tải trong tháng 3, có lẽ không đích xác, tôi sẽ kiếm trong những số Phật Học Tùng Báo còn giữ được để kiểm chứng.

Có lẽ nên cho đăng lá thư ấy trong những tờ báo lớn để những kẻ xướng xuất bừa bãi, tiến hành bừa bãi biết Đại tổng thống Tôn đã làm chuyện hoằng dương, bảo vệ Phật giáo như vậy. Nếu đăng báo nên ghi là *"Công hàm bảo vệ Phật giáo của Đại tổng thống Tôn"*, phía dưới ghi chú bằng hàng chữ nhỏ rằng *"Trích từ Phật Học Tùng Báo số thứ nhất"*, hoặc ghi *"Do phân hội Phật Giáo Giang Tô sao chép gởi tới"*, mong ông hãy cân nhắc.

45. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ tư)

Đã lâu chưa được gặp mặt, khôn ngăn mong tưởng, cư sĩ phát tâm Bồ-tát, lấy chốn đô thị làm đạo tràng, lấy những người cùng hàng làm pháp lữ. Thân tuy tại gia, hạnh giống như vị đầu-đà, sẽ thấy sự giáo hóa từ bi được thấu khắp hết thảy những người cùng hàng dù thiện hay ác, sẽ do vậy mà thoát khỏi cõi Sa-bà này sanh về cõi Cực Lạc kia, ngõ hầu an ủi ý niệm từ bi của Thích-ca, Di-đà, Quán Thế Âm; khôn ngăn vui mừng, an ủi tột bậc! Ngày hôm qua, tôi nhận được thư của một người bạn là cư sĩ Trương Thụy Tăng cho biết: Trong tháng trước, do bị mất chi phiếu đã phải cùng người ta thưa kiện nơi tòa án, kẻ bị cáo cậy vào thế lực lớn gần như tố ngược lại, [may mà ông Trương] được cư sĩ có lòng yêu mến ngấm ngầm xoay chuyển giùm nên chưa đến nỗi bị kẻ ác gây khốn đốn lớn lao. Quang nghe xong mừng rỡ khôn cầm, khác nào chính mình được giúp đỡ, cảm tạ khôn xiết. Vốn tính gởi thư này thẳng đến chỗ ông ở, nhưng do địa chỉ, tên đường, số nhà đều không biết, chẳng thể giao cho bưu điện được. Vì thế, nhờ cư sĩ Thụy Tăng đem qua Thượng Hải thay mặt Quang trình lên, mong hãy rủ lòng từ bi thứ lỗi!

46. Thư trả lời cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ năm)

Nhận được thư khôn ngăn cảm kích, đang trong lúc cuối thời pháp yếu ma mạnh, tổ đạo điêu linh này, may được các hạ và các vị cư sĩ cực lực cứu vãn, Phật pháp chẳng đến nỗi bị diệt vong ngay lập tức, nếu chẳng phải là nương theo

nguyện để sanh trở lại, há có được như thế hay chăng? May nhờ vào đại lực mà thành lập được các hội Phật hóa, nên Phật giáo chẳng đến nỗi hễ bị xô đẩy liền đổ nhào ngay, không cách nào vực dậy được! Điều đáng lo là trong giới tăng sĩ, do hàng tri thức kém cỏi nên chẳng dễ khiến cho người khác sanh lòng tin. May mà vẫn còn có các cư sĩ tuyên dương khiến cho người hiểu lý biết Phật là bậc đại thánh nhân, giáo pháp của ngài là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, quả thật là may mắn lớn lao. Lá thư hôm mồng 2 là thư gởi chung cho ông và cư sĩ Nhất Đình được gởi bằng thư bảo đảm, dẫu ông chưa nhận được cũng không sao. Những điều được nói trong ấy cũng chỉ là những ý cầu xin che chở mà thôi!

47. Thư gởi hai vị cư sĩ Quan Quýnh Chi và Vương Nhất Đình

Hôm qua nhận được thư của ông Hứa Chỉ Tịnh mới biết do Cư sĩ lâm bị lính đóng, hai vị đã thỉnh cầu chánh phủ, được chánh phủ chấp thuận duy trì, lại còn chấp thuận bảo vệ danh sơn vùng Chiết Giang, khôn ngăn cảm kích. Hiện thời Phật pháp suy tàn, nếu không có bậc đại lực ngoại hộ nương theo bổn nguyện tái lai thì sẽ bị diệt vong. Hai vị đáng gọi là bậc Bồ-tát hộ pháp hộ đời, đã ra tay đẩy lùi con sóng cuồng, kéo trở lại mặt trời sắp lặn. Chẳng những người trong pháp môn được che chở, mà còn khiến cho chúng sanh đời tương lai được nghe Phật thừa, công đức ấy chỉ có đức Phật mới biết được. Khi hồi hướng sau mỗi khóa tụng, Quang đều hồi hướng cho hai vị và tất cả những vị có công huân với Phật pháp. Quang đã thiếu tài trí, lại chẳng có tinh thần, chẳng thể vì pháp môn ra sức, chỉ mong hai vị dốc sức duy trì thì may mắn lắm thay!

48. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất)

Vừa nhận được thư gởi đến khôn ngăn thẹn thùng, sợ hãi, Ấn Quang là ông tăng ở đậu, chỉ biết cơm cháo, do bất đắc dĩ nên mới bày ra khá nhiều thứ canh thừa, cơm sót cho xong trách nhiệm, mùi vị chua hôi, hình chất vữa nát, nhờm gớm mắt pháp của người khác, nhưng Úy Như vui thích cho là có ích cho kẻ đói nên đem truyền bá. Nếu các hạ muốn dẫn dắt cho những kẻ đói được ăn no cỗ vua mà trước đó đã dùng những món này để giữ hơi thở cho họ, chính là đã rủ lòng biệt đãi Quang quá mức rồi; há nên suy tôn Quang là người bậc nhất sau ngài Tỉnh Am? Dẫu Quang đáng xách dép cho ngài Tỉnh Am[67] cũng chẳng nên thốt ra lời nói quá phận ấy, huống là nói văn chương của Quang trội hơn ngài Tỉnh Am ư?

[67] Tỉnh Am là pháp hiệu của đại sư Tư Tề Thật Hiền, tổ thứ mười một của Tịnh độ tông.

Làm người thì phải theo đúng luân thường, tuy các hạ yêu mến Quang rất sâu đậm, nhưng nói như vậy thì cũng giống như chính mình đã lỡ lời đó thôi! Ông nên biết rằng, sau ngài Tỉnh Am có những vị đại cao nhân, họ có hơn ngài Tỉnh Am hay chăng, chẳng dám dùng phàm tình để đoán bừa. Vị đáng xếp vào hàng có thể sát cánh kề vai ngài Tỉnh Am vì học vấn, kiến địa, tu dưỡng, đạo đức, hạnh nghiệp chẳng kém cạnh chút nào, chính là thiền sư Triệt Ngộ. Suy tôn ngài làm vị tổ thứ mười[68] của Liên tông, chẳng có phẩm đức nào đáng thẹn cả. Quang còn chưa dám xưng là hậu duệ [của các ngài Tỉnh Am, Triệt Ngộ], huống là được xếp vào cùng hàng ư?

Quán Thế Âm Bồ-tát tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, sự nhiều, nghĩa rộng. Trước kia, Quang muốn tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí, đọc khắp các sách vở, chọn lọc hết để biên tập sao lục lại, hễ có ai nghi ngờ, bàn bạc chẳng thể thấu triệt đều thêm vào lời bình luận để mong sao phàm những ai là đồng bào đều được thấm gội ân trạch; nhưng vì túc nghiệp chưa tiêu, có mắt như lòa, không sao thực hiện được. Nay các hạ phát đại tâm ấy, sẽ giải được niềm tiếc hận lớn lao cho Quang, cảm tạ tột cùng, an ủi tột bậc! Bạch Y Chú[69] chưa tìm được xuất xứ, chắc là do Bồ-tát thuận lòng kẻ căn cơ kém cỏi trao truyền trong mộng mà thôi. Dùng tâm chí thành để niệm thì không điều mong cầu nào chẳng được ứng nghiệm, không nguyện nào chẳng được thỏa; nhưng hàng tri thức trong nhà Phật chẳng đem chú ấy dạy cho người khác vì không rõ xuất xứ, sợ khơi ra đầu mối để người khác bịa đặt và nói xằng là "kinh Phật đều chẳng phải đích xác từ Phật quốc truyền đến, mà phần nhiều do người đời sau ngụy tạo!" Thế tục niệm thêm mấy câu vốn là lời chú nguyện, hễ có thì cũng chẳng trở ngại, nếu không thì cũng chẳng trở ngại chi. Những điều Vương Uông Dương ghi chép chưa gởi kèm theo thư cũng không cần phải gởi đến nữa. Bồ-tát tùy cơ ban bố sự giáo hóa, chẳng thể dùng những cách thông thường để dò lường được. Há có nên dùng tri kiến

---

[68] Hiện thời ngài Triệt Ngộ được tôn là tổ sư thứ mười hai của Liên tông. Chúng tôi thấy từ điển Phật Quang Sơn vẫn ghi ngài Tỉnh Am là tổ thứ chín của Liên tông, nhưng các tài liệu về chư tổ Tịnh tông khác đều tôn ngài là tổ thứ mười một. Chúng tôi đoán có lẽ khi tổ Ấn Quang viết lá thư này thì khi ấy ngài Tỉnh Am vẫn đang được coi là tổ thứ chín của Liên tông nên mới suy cử ngài Triệt Ngộ làm vị tổ thứ mười.

[69] Bạch Y Quán Âm (Pāndaravāsinī), còn được phiên âm là Bạn-đà-la-phược-tự-ni, hoặc Bán-noa-ra-phạ-tất-ninh, dịch nghĩa là Bạch Xứ, Bạch Trụ Xứ, chính là một trong ba mươi ba tôn tượng của Quán Âm trong Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Đồ La, mật hiệu là Ly Cấu Kim Cang. Tôn tượng ngài thường mặc áo trắng, ngồi trên hoa sen trắng, tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết ấn dữ nguyện. Theo Đại Nhật Kinh Sớ, màu trắng ở đây tượng trưng cho tâm Bồ-đề thanh tịnh. Trong Mật tạng không hề thấy có bài chú Bạch Y như bản chú Bạch Y đang lưu hành, chỉ thấy bài chú Bạch Y Đại Bi như sau: *"Nam ma tam mạn đa bột đà nẩm, đát tha nghiệt đa vĩ sái dã, tam bà phệ, bát đàm ma, ma lý nễ, xoa ha"* (Namah samanta buddhānām tathāgata visaya sambhave padma mālini, svāhā).

phàm phu để phán đoán ư? Chỉ nên tin tưởng, kính ngưỡng, phụng hành thì lợi ích sẽ rộng lớn.

Chiêu Khánh Kinh Phòng (phòng phát hành kinh sách chùa Chiêu Khánh) ở Hàng Châu có bài Quán Âm Linh Cảm Phú, nhưng những chuyện được trình bày trong ấy có nhiều chuyện bị giản lược quá mức, ngôn từ chẳng đạt ý nghĩa. Lại có cuốn Quán Âm Trì Nghiệm Ký[70] không biết các hạ đã có hay chưa? Năm ngoái, Mạnh Do cậy Úy Như gởi tới Phổ Đà bản được sao lục từ Tạng kinh Nhật Bản; bản ấy do Chu Khắc Phục sưu tập, chỉ độ ba bốn chục trang. Nếu không có, xin hãy báo cho biết, tôi sẽ dâng lên ngay. Trong cuốn Hải Nam Nhất Chước[71] sự tích thật nhiều, đều đáng để thu thập, Quang thẹn mục lực không đủ, chẳng dám theo giúp một bên. Nếu mục lực tốt ắt sẽ vì các hạ ra sức cho được thành tựu tốt đẹp, dẫu chết cũng chẳng nuối tiếc!

Ngày hôm qua, tôi đã gởi thư cho Vân Lôi nhờ ông ta in cho Quang năm trăm bộ Văn Sao, chuyện giữ bản in, dùng loại giấy nào v.v. đều cậy ông ta dọ hỏi. Hôm nay, chùa Pháp Vũ có đại sư Khai Tường đến đất Thân (Thượng Hải), tôi nhờ thầy ấy giao cho ông Vân Lôi một trăm đồng, năm mươi đồng của các hạ cũng giao cho Vân Lôi. Đến khi in xong, sẽ bảo ông ta tính giá gốc mỗi cuốn, năm mươi đồng thì thỉnh được bao nhiêu bộ, chia thành hai phần, một phần sẽ báo cho các hạ cử người đến xưởng in nhận sách, một phần gởi thẳng về Phổ Đà cho Quang. Lần thỉnh này Quang không có sức gởi đi được! Một trăm đồng tiền sách ấy chính để chuẩn bị sẵn hòng có sách gởi cho đôi ba người bạn mà thôi.

(Mồng 4 tháng 3 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

Thư gởi cho Vân Lôi xin cầm theo khi giao tiền, ông ta chẳng thường ở xưởng in, đi vào năm giờ chiều thì sẽ chẳng lỡ dịp.

49. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được một cuốn Phật Học Sơ Giai (bước đầu học Phật), khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn đến cùng cực. Quang là kẻ vô tri vô thức, gượng ứng theo duyên đời, tùy theo sự thấy nghĩ ngu muội của mình mà nói ra những lời lẽ hủ bại, tuy về ý còn có thể chấp nhận được, nhưng lời văn chẳng tươi đẹp, thông

[70] Quán Âm Trì Nghiệm Ký (2 quyển) được Chu Khắc Phục biên soạn vào năm Thuận Trị 16 (1659), còn có tên là Quán Thế Âm Kinh Chú Trì Nghiệm Ký, sưu tập những chuyện linh cảm của Quán Thế Âm Bồ-tát từ đời Tấn đến thời Thuận Trị, gồm 118 câu chuyện. Phần Phụ Lục của quyển cuối bao gồm Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Bạch Y Đại Ngũ Ấn Tâm Đà La Ni Kinh, Lễ Quán Âm Văn và biện định những điều ngoa truyền về Quán Thế Âm Bồ-tát.

[71] Hải Nam Nhất Chước là tác phẩm của Từ Khiêm (hiệu Bạch Phảng) viết vào cuối đời Thanh, sưu tập những chuyện truyền kỳ tại vùng duyên hải Nam Trung Hoa.

suốt. Các hạ chép mấy thiên văn từ của Quang vào cuối sách ấy, sợ bậc thanh nhã, thông suốt lớn lao đọc đến chắc sẽ chê các hạ không xét kỹ. Các hạ chỉ một lòng khơi gợi tâm chánh tín của người khác; năm ngoái, Quang từng tính dùng Phật Học Khởi Tín Biên để kết duyên, nhưng các hạ vẫn tự mình phát tâm, cự tuyệt chẳng nhận tiền.

Nay có ông Cao Thiệu Lân ở Bắc Quan, huyện Phước Đỉnh - Phước Ninh tỉnh Phước Kiến đã có tín tâm từ đời trước, mấy năm gần đây chuyên tu tịnh nghiệp. Ba năm trước, Quang từng gởi cho ông ta mấy chục loại kinh sách, trị giá khoảng hai mươi mấy đồng. Do cuộc đất ấy ở khuất trong núi, lại do khổ sở, đói nghèo nên không có sức thỉnh kinh sách được. Một hai năm gần đây lại có ông Trần Diên Linh cũng là người ở Bắc Quan cùng huyện, Thái Mậu Đường là người ở Nam Quan, thường gởi thư đến. Năm ngoái, Quang đem bộ An Sĩ Toàn Thư đã khắc in gởi cho ba người ấy mỗi người một bộ. Bọn họ cũng muốn lợi người, bèn trong mùa thu lập hội giảng diễn, thỉnh một vị tăng đến làm lễ Mông Sơn một buổi, mọi người cùng niệm Phật hồi hướng, rồi sau đó tùy sức giảng diễn quả báo thiện ác và pháp môn Tịnh độ. Năm ngoái có đến sáu bảy chục người nhập hội, năm nay chỉ còn năm sáu chục người mà thôi.

Do tại huyện ấy từ thời Nguyên - Minh đến nay, chưa hề nghe đến chuyện mở hội diễn giảng, trong mùa hạ năm nay, bọn họ đặc biệt mời một vị pháp sư thuộc tông Thiên Thai giảng kinh. Chuyện ấy bất quá để phát khởi lòng tin cho người nơi ấy mà thôi! Nếu nói là hiểu rõ ý nghĩa thì thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Huống chi do địa phương cùng khổ, cũng chẳng thể thường xuyên cử hành được. Trộm nghĩ cuốn Phật Học Sơ Giai do các hạ biên soạn khá thích hợp với căn cơ bọn họ, do sách ấy trước hết nói đến nhân quả, sau đó nói về Tịnh độ. Phàm những người thông hiểu văn nghĩa đều lãnh hội được, người đọc sẽ vui vẻ hướng về điều cao cả, muốn chấm dứt [những điều xấu ác vốn do] tình thế vẫn chưa thể chấm dứt được, người diễn thuyết cũng có thể dựa theo văn từ ấy để tuyên nói, chẳng cần phải hái Đông nhặt Tây, quả đúng là bước đầu tiên để khuyến thiện dẫn vào Phật pháp. Tôi vốn muốn bảo họ thỉnh sách ấy từ quý thư cục, nhưng sợ bọn họ pháp tài chẳng đủ chắc đành bỏ lỡ lợi ích. Nếu các hạ chịu phát lòng đại từ bi hành đại pháp thí, gởi đến khoảng ba bộ để họ mỗi tháng căn cứ theo lời văn mà diễn giảng khiến cho nhân dân trong huyện ấy đều biết nhân quả, đều tu tịnh nghiệp thì công đức ấy cố nhiên vượt trội hơn thí cho người phú quý gấp ngàn vạn lần. Phật Học Chỉ Nam, Khởi Tín Biên, Lục Đạo Luân Hồi Lục cũng gởi đi mỗi thứ một hai bộ để tiện cho họ có tài liệu trích dẫn hòng diễn thuyết. Nếu gởi thì phía ngoài bưu kiện nên ghi tên người nhận là ông Cao Thiệu Lân ở Bắc Quan, huyện Phước Đỉnh, tỉnh Phước Kiến.

Phần Tịnh Tọa Pháp Tinh Nghĩa (những ý nghĩa tinh xác về cách tịnh tọa) cuối sách Phật Học Sơ Giai danh chẳng phù hợp với thật cho lắm, có lẽ nên đề là Chư Tông Yếu Điển Lược Kỷ (ghi chép đại lược về các tác phẩm quan trọng trong các tông), phía dưới có lẽ nên ghi rằng: *"Gần đây trước thuật của Phật giáo các tông được khắc in cực nhiều, nếu chẳng biết được chỗ trọng yếu, sợ rằng sẽ dõi nhìn biển cả mà lùi bước, vì thế chọn lấy những sách trọng yếu trong các tông để nêu bày một hai điều. Muốn nghiên cứu tông nào thì trước hết phải chọn đọc những sách trọng yếu của tông ấy thì sẽ tự có thể do ước lược mà biết được rộng rãi. Hễ đã rõ một thứ thì trăm thứ đều rõ."* Năm ngoái, khi bộ Văn Sao hủ bại của Ấn Quang được gởi đến, đã tính gởi cho nhóm ông Cao Thiệu Lân dăm ba bộ. Do mỗi năm vào tháng 2 có cư sĩ Lý Tuấn Cảnh (cũng ở Bắc Quan, người này chất phác, thật thà, chẳng thông văn lý) theo các thiện tín đến núi dâng hương, muốn đợi ông ta đến đây sẽ bảo ông ta đem về. Ai ngờ năm nay ông ta chưa tới, về sau do nhiều người cần sách nên phải gởi đi hết. Đợi cho nhà in giao sách sẽ đem gởi cùng với những sách do các hạ vui vẻ biếu tặng khiến cho người trong huyện ấy được gội ân lớn khôn cùng của các hạ.

(Ngày 18 tháng 4 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

50. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)

Ấn Quang thuở nhỏ thiếu học vấn, lớn lên vô tri, ăn bám Phổ Đà hơn 20 năm, nhất loạt không giao du với hết thảy tăng tục, nào ngờ các hạ là bậc học rộng, văn chương lớn lao, hoằng dương, giảng nói đại giáo, đã rủ lòng ban cho tác phẩm lớn lao, lại còn gọi Quang là người có cùng chí hướng nhất trong những người cùng chí hướng, cảm kích, hổ thẹn khôn ngằn! Quang vừa sanh ra liền bị bệnh mắt, nay đã đến tuổi tai nghe đã thuận (sáu mươi tuổi)[72], suy yếu quá mức, không

[72] Đây là một thành ngữ dựa theo câu nói của Khổng tử được chép trong thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ: *"Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ."* Sách Luận Ngữ Giảng Yếu giải thích câu này phải được hiểu như sau: "Lập có nghĩa là học vấn đã thành tựu, có được cơ sở vững chắc, không còn bị dao động bởi những tà thuyết bên ngoài. Bất hoặc là không còn ngờ vực nữa, gặp chuyện biết xử sự đúng với đường lối theo lẽ chánh, không xử sự tùy tiện theo cảm tính. Thiên mạng (mạng trời) không có nghĩa là ý muốn độc đoán của một đấng tạo hóa, thiên chúa nào, mà chính là chân lý, chánh lý, thường được gọi là dịch, tức sự vận hành của trời đất, theo đúng chân lý, đúng với lẽ nhân quả. Nhĩ thuận là tai nghe lời nói, nắm bắt được ý nghĩa chánh đáng, tâm không còn cảm thấy trái nghịch với những gì đã nghe vì đã hiểu được bản chất của sự việc, thấy được lẽ chánh. Tùng tâm là theo đúng thứ tự chánh đáng mà tiến hành. Củ vốn là cái thước để vẽ hình vuông, được hiểu theo nghĩa rộng là chừng mực, quy củ, phương pháp, luật lệ. Do vậy, cả câu này phải hiểu là: "Ta từ năm mười lăm tuổi dốc chí học tập, đến năm ba mươi tuổi đã tự lập được căn bản, đến năm bốn mươi tuổi không lầm lẫn khi phải ứng phó với mọi sự, đến khi năm mươi tuổi liền hiểu thấu mạng trời, năm sáu mươi tuổi dẫu nghe ý kiến trái nghịch vẫn biết lắng nghe, hiểu được ý nghĩa, đến năm bảy mươi tuổi đạt đến mức thuận theo lòng mong muốn, làm điều gì cũng theo đúng thứ tự chánh đáng, không vượt ra ngoài khuôn khổ, mực thước."

chỉ chữ trong tác phẩm lớn lao của các hạ không thể đọc được nhiều, mà ngay cả Tạng kinh chữ in to cả tấc cũng chẳng thể xem nhiều được. Do sức ác nghiệp trước kia, biết làm thế nào đây? Trong vòng một hai ngày, do ít có chuyện phải bận bịu, [mở tác phẩm của các hạ ra đọc] thấy những lời chú giải khá hợp sơ cơ, lời nào cũng có căn cứ, câu nào cũng hợp đạo, chẳng ngờ là trong đời này mà còn thấy người có văn tài như thế. Nhưng trong ấy cũng có những chỗ Quang nhìn không ra, muốn được thỉnh giáo để trừ nghi chướng. Tiếp đó, nghĩ mình chưa minh tâm, người ta có cách nhìn khác. Khi xưa Quang đã từng đối với Phật Học Tùng Báo, vội vàng khởi lên ý niệm "người nước Kỷ lo trời sập"[73], đứa bé con khen chiếu. Do vậy, dâng lên chương trình gồm chín điều, mong họ sẽ sửa đổi quy củ đã định nhằm làm sáng tỏ pháp đạo, cư sĩ Nhất Thừa bỏ qua không thèm đọc tới; nay dám lập lại sự bại nhục ấy nữa ư?

Nay gởi cho ông một bộ Ấn Quang Văn Sao, mong hãy rủ lòng sửa chữa cho đúng. Bộ Văn Sao này do ông Từ Úy Như ở Hải Diêm (tỉnh Chiết Giang) ấn hành, biếu tặng. Năm Dân Quốc thứ hai, ông Cao Hạc Niên tới núi, đem văn cảo hủ bại của Quang đến đất Hỗ (Thượng Hải), cư sĩ Lê Đoan Phủ cho chép lại bốn bài luận ấy để đăng báo. Cố nhiên ông ta biết Quang chẳng muốn được người khác biết tới bèn dùng biệt danh Thường Tàm để ký dưới những bài đã đăng trong Phật Học Tùng Báo. Từ cư sĩ thấy vậy, lầm lẫn bội phục, hỏi thăm khắp mọi người nhưng không tìm được. Đến khi đã biết [những bài luận ấy] do chính Ấn Quang viết, liền cậy ông Địch Sở Thanh giới thiệu, muốn trao đổi thư từ trước khi gặp gỡ. Quang viện cớ người hèn đức bạc, học vấn hời hợt, thiển cận để cố từ chối. Ông ta liền dò hỏi khắp bạn bè, sưu tập được bao nhiêu đó lá thư hủ bại và sao lại những bài đã đăng trên Phật Học Tùng Báo cho sắp chữ đem in.

Cuối tháng 3 mùa xuân năm nay, ông Từ cầm theo 30 bản đến núi thăm Quang. Lại còn muốn đem hết những văn cảo hủ bại khác, tính biên tập những phần đã được in và chưa được in rồi đem khắc ván. Mấy chục năm qua, nếu không có chuyện gì Quang chẳng động đến bút mực, nếu bị ai sai bảo hay bày tỏ nỗi lòng với bạn bè thì bút cùn lời thô, trọn chẳng đáng xem. Ông ta đã lầm lạc tán thưởng, chỉ đành đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, tùy duyên mà thôi! Trong bộ Văn Sao ấy vẫn có hơn mười chữ sai lầm, nhưng do mục lục không kham nổi nên chưa thể nêu ra. Bài luận Chẳng Nên Lẫn Lộn Giữa Tông Và Giáo bị tòa soạn Phật Học Tùng Báo thêm vào hơn 100 chữ, thoạt mới đọc qua, dường như thông suốt, hợp

[73] *"Kỷ nhân ưu thiên"* là một câu chuyện ngụ ngôn trích từ sách Liệt Tử: Ở nước Kỷ có người chỉ sợ trời sập xuống, thiên hạ sẽ chết hết. Sách cổ thường dùng điển tích này để châm biếm những người hay lo chuyện không đâu, vô căn cứ. Chưa rõ chữ *"đồng tử tán trách"* (đứa bé con khen cái chiếu làm bằng trúc) xuất phát từ điển tích nào.

lẽ, nhưng nếu chú tâm đọc kỹ, chẳng ổn thỏa, thích đáng lắm. Do vậy bèn bảo ông ta sao lục theo đúng nguyên bản.

Phổ Đà là chốn môn đình cúng bái, người chuyên tâm nghiên cứu kinh luận ít ỏi; hơn nữa, do Quang trọn chẳng dự đoán được chuyện này, chẳng kết giao cùng sĩ đại phu, rất ít người biết đến, không cách nào thúc đẩy, lo toan chuyện thù thắng (tức chuyện nghiên cứu kinh luận) được, nhưng một niềm ngu thành trộm dâng lên các hạ. Lưu thông kinh Phật chẳng giống như lưu thông báo chí, tiểu thuyết… mà cần phải nghĩ tính đến chuyện về lâu về dài thì mới hữu ích. Đúc bản kẽm tuy thuận tiện, nhưng rốt cuộc khó thể là kế sách lâu dài, vì trong mực in dùng cho bản kẽm đã bỏ thêm nhiều chất nước thuốc, lâu ngày chữ in sẽ bị phai nhạt, mất nét. Hãy nên in bằng bản gỗ thì mới lưu truyền lâu dài được. Ấn Quang gởi thư cho báo Phật Học Tùng Thư chính là vì chuyện này. Những phần được trích lục trong Văn Sao đã vì bạn bè mà lược bớt mấy đoạn. Ông với Quang tuy ở khác nơi mà cùng một tấm lòng, khác nhà mà như tận mặt trò chuyện. Đã coi nhau là người cùng chí hướng, chớ nên trách tôi chẳng thuận theo những thứ tán dương, khen ngợi này nọ để gây phiền cho nhau.

(Ngày 18 tháng 6 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

51. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)

Hôm Mười Tám, Quang đã kính gởi cho các hạ một lá thư hủ bại và bộ Văn Sao vụng về, không biết đã nhận được hay chưa? Không ngờ các hạ cũng lại gởi thư phúc đáp ngay trong ngày hôm ấy, đồng tâm tương cảm đấy chăng, hay là ngẫu nhiên phù hợp mà thôi?

Nghi thức niệm Phật như đã nói phải chia thành hai loại: Niệm Phật cùng đại chúng và niệm một mình. Nếu niệm cùng đại chúng, hãy nên dựa theo Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật) trong kinh nhật tụng để khỏi gây trở ngại [cho những người đã quen hành trì] theo lối thông thường, đây kia đều hợp lẽ. Còn tu niệm Phật một mình tuy có thể hành theo chương trình do mỗi người tự lập, nhưng thứ tự niệm tụng chớ nên tán loạn. Tức là nói buông xuống thân tâm, nhắm mắt, lặng thần, niệm Tịnh Pháp Giới Hộ Thân Chú[74] và thầm tưởng bài kệ

[74] Tịnh pháp giới hộ thân chú: Nói chi tiết, phần này gồm có sáu bài chú nhỏ thường được dùng trong khóa tụng trong Thiền môn xưa kia, gồm: Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn, Tịnh Khẩu Nghiệp Chân Ngôn, Tịnh Thân Nghiệp Chân Ngôn, Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn, An Thổ Địa Chân Ngôn, và Phổ Cúng Dường Chân Ngôn. Đôi khi các khóa tụng chỉ dùng giản lược hai bài là Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn và Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn. Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn gọi đủ là Thanh Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn. Theo Đại Nhật Kinh Sớ, chú này thể hiện chân thể Phật đã chứng. Thanh tịnh là bản thể của chân như vì chân như lìa hết thảy phiền não cấu nhiễm, pháp giới là chỗ nương tựa của hết thảy công đức thế gian lẫn xuất thế gian. Như vậy, tịnh pháp giới là công đức vô vi của chân như. Chân ngôn

Tán Phật, lễ Phật và ba vị Bồ-tát xong. Nếu tụng kinh thì tụng kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh ba biến xong rồi mới niệm rõ ràng bài kệ Tán Phật xong, liền niệm tiếp "Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A-di-đà Phật" rồi chỉ niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Hãy nên vừa đi nhiễu vừa niệm, hoặc niệm mấy trăm tiếng, hoặc niệm một ngàn tiếng. Cuối cùng niệm ba danh hiệu Bồ-tát "Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng", rồi mới niệm bài Phát Nguyện Văn, niệm xong sẽ đọc Tam Tự Quy. Đấy là nghi thức của một kỳ niệm Phật vậy. Nếu muốn tụng kinh nhiều hơn, hoặc tụng nhiều chú, hãy nên lập một thời tụng kinh khác. Nếu cùng làm trong một lúc thì phải tụng kinh trước, kế đó tụng chú, rồi đến tán Phật, niệm Phật, tiếp theo là phát nguyện, tam quy. Đấy chính là thứ tự quyết định chẳng thay đổi vậy.

Pháp thập niệm do sám chủ Từ Vân vì hàng quốc vương, đại thần việc nước đa đoan, không rảnh rỗi để chuyên tu mà lập ra. Lại muốn khiến cho họ được tịnh tâm, nhất tâm, nên lập ra cách lấy hết một hơi thở làm một niệm để tâm họ nương theo hơi thở mà thâu nhiếp, không bị tán loạn. Sự mầu nhiệm của pháp ấy nếu không phải là người trí sẽ không thể biết được. Nhưng chỉ có thể dùng một lần

---

này gồm hai bài khác nhau, một là *"Nam-mô tam mạn đa Phật đà nẫm, đạt ma đà da, tát phạ bà phạ, cú hám"* (dành cho Thai Tạng Giới) và bài chú thứ hai là Án Lam (phổ biến hơn, dành cho Kim Cang Giới). Chú Án Lam thường được sử dụng nhất với mục đích thanh tịnh thân tâm và hoàn cảnh, vì theo Du Già Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Nghi Quỹ, chữ án (aum) tức là bản thể của pháp giới, là lời quy mạng trong Kim Cang Giới, khi tụng chữ lam, từ trên đảnh đầu sẽ có chữ lam (ram) phát sanh từ pháp giới tỏa ánh sáng đỏ chói lọi như ngọn lửa rực rỡ thiêu đốt tất cả những vật ô uế lẫn những tư tưởng ô uế, tịnh hóa thân tâm. Hành nhân trước khi tụng niệm dùng chú này để thanh tịnh bản thân, đồng thời thanh tịnh vật phẩm cúng dường.

Chú Thanh Tịnh Tam Nghiệp *("Án, tát phạ bà phạ thuật đà ta phạ đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám"*) như tên gọi nhằm thanh tịnh ba nghiệp, khiến thân tâm hành nhân tương ứng với ba nghiệp của Phật, Bồ-tát. Khi tụng hành nhân phải kết Liên Hoa Hiệp Chưởng Ấn (chắp mười ngón tay khít vào nhau, lưng bàn tay hơi khum như đóa sen búp). Theo Bí Tạng Ký, hai tay chắp lại như thế tượng trưng cho lý và trí hợp nhất. Nhiếp Vô Ngại Kinh giải thích tỉ mỉ hơn: Năm ngón bên tay trái tượng trưng cho năm trí của Thai Tạng Giới, năm ngón bên tay phải tượng trưng cho năm trí của Kim Cang Giới. Mười ngón hợp lại tượng trưng cho Thập Độ hoặc mười pháp giới, mười chân như dung hợp. Do vậy, mỗi ngón tay tượng trưng cho một độ (ba-la-mật). Như vậy Liên Hoa Hiệp Chưởng tượng trưng cho sự viên dung mọi trí, mọi giới, mọi độ.

Trong Tịnh tông, thường thì những bài chú này không dùng đến vì A-di-đà Phật vạn đức hồng danh đã là vô thượng thần chú, là kết tinh của mọi giáo pháp nên hành giả nhiếp tâm chuyên trì thì công đức chẳng kém gì trì tụng các chú khác mà có phần còn vượt trỗi hơn. Điều này có thể minh chứng qua hành trạng của tổ Liên Trì: Ngài thông hiểu Mật pháp vì từng san nhuận nghi thức Du Già Diệm Khẩu, nhưng khi được đại chúng cầu thỉnh ra làm lễ cầu mưa trong lúc hạn hán, ngài nói không biết thực hiện đàn pháp đảo vũ. Đại chúng cố van nài, ngài bèn đi quanh bờ ruộng gõ mõ niệm Phật, trời liền đổ mưa lai láng. Hơn nữa, những bài chú chỉ phát huy được diệu dụng khi hành nhân tụng niệm với tâm đại Bồ-đề, nhiếp tâm thanh tịnh, tương ứng với Phật, Bồ-tát, tha thiết như con nhớ mẹ, đồng thời phải kết ấn khế tương ứng. Có những ấn khế phải được a-xà-lê truyền thụ mới được sử dụng, không được kết ấn bừa bãi. Ngoài ra, sử dụng quá nhiều chú ngữ trong khóa tụng sẽ khiến hành giả phân tâm, khởi phân biệt, nên hiện thời các vị hoằng truyền Tịnh tông đa số lược bỏ các ấn chú khỏi khóa tụng, chỉ giữ lại chú Vãng Sanh cho hành nhân dễ chuyên tâm.

vào buổi sáng, hoặc dùng ba lần: buổi sáng, buổi tối và giữa trưa, chớ nên dùng nhiều! Dùng nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh, chớ nên nói pháp này dễ nhiếp tâm nhất bèn sử dụng thường xuyên thì bị hại chẳng nhỏ đâu!

Niệm Phật niệm ra tiếng hay niệm thầm thì phải xét nơi chốn, quang cảnh như thế nào. Nếu niệm ra tiếng rõ ràng không gây trở ngại gì thì nên niệm rõ tiếng như khi thực hiện nghi thức niệm Phật, nhưng chỉ nên sao cho nghe tự nhiên, đừng niệm quá lớn tiếng. Quá lớn tiếng có thể bị tổn khí mắc bệnh. Nếu tình hình nơi chỗ ta đang ở chẳng tiện niệm ra tiếng thì chỉ niệm nhỏ tiếng và niệm Kim Cang Trì, công đức chỉ ở chỗ chuyên tâm dốc chí, còn âm thanh vẫn là chuyện nhỏ. Trừ lúc riêng thực hành công khóa niệm Phật ra, nếu suốt ngày thường niệm thì cố nhiên nên niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang, hoặc niệm thầm, vì nếu cứ thường niệm ra tiếng rõ ràng, ắt sẽ đến nỗi bị tổn khí. Chưa chứng pháp thân, cần phải điều hòa sao cho thích đáng thì mới chỉ có ích, chẳng bị tổn hại. Niệm rõ tiếng tốn sức, niệm thầm dễ hôn trầm. Tuy tán trì có công đức khó nghĩ tưởng, nhưng so với nhiếp tâm tịnh niệm khác nào một trời một vực!

Đối với mấy điều này, Quang từng khá tốn công nghiên cứu, năm ngoái đã tìm ra một cách hay khéo thuận tiện, viết thư trình bày với những người tri kỷ, ai nấy đều khen ngợi. Nếu đã niệm Phật thành phiến, cố nhiên không cần dùng tới cách này. Nếu chưa thành phiến và hết thảy những kẻ sơ cơ sử dụng cách này thì không ai chẳng thích hợp, chỉ có ích chứ không bị tổn hại. Tuy các hạ không cần đến cách này, nhưng cũng nên vì những kẻ tu Tịnh tông chưa nhận được cửa mà thực hành thử để bảo khắp với những người thông sáng mai sau. Cách ấy được ghi nơi hàng thứ 8 trong trang 45 bộ Ấn Quang Văn Sao[75], xin hãy kiểm xem.

Trước đây, đọc tác phẩm lớn lao của ông, thấy chữ "tướng hảo quang minh" trong bài Kệ Tán Phật đã bị đổi thành "tướng sắc quang minh", tôi đoán là do thợ sắp chữ ngẫu nhiên sắp lộn. Trong thư này, lại thấy các hạ viết là "tướng sắc", mới biết các hạ cố ý sửa đổi. Tám câu kệ này do pháp sư Anh ở Đồng Giang đời Tống[76] tóm lược những ý nghĩa chánh từ ba kinh Tịnh độ mà soạn ra, không một

[75] Tức là pháp *thập niệm ký số* được viết trong "Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân" (thư thứ tư) trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển một: "Trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự được."

[76] Pháp sư Anh chính là ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tống, người huyện Đồng Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tự Uẩn Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đoan Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), sư thọ

chữ nào không có lai lịch, há nên sửa đổi bừa bãi? Quán kinh dạy: "A-di-đà Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo[77], trong mỗi một hảo có tám vạn bốn ngàn quang minh." Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, sao không thấy được chỗ này? Trong hai cuốn Tiên Chú[78] những chữ giống như thế này rất nhiều, Quang tính muốn nói cặn kẽ, nhưng sợ người ta chẳng vừa lòng, nên nói: "Tôi chưa minh tâm, người ta có cái nhìn khác." Ở đây, do ông đã trống lòng hỏi đến, chẳng ngại gì thừa dịp phô bày sự hiểu biết tầm thường. Nếu các hạ thật sự lo tính cho Phật pháp, cho chúng sanh, chắc sẽ chẳng vì xung đột ý kiến mà quở trách. Nếu chỉ muốn khen ngợi thì hãy nên hướng về bọn xu phụ thời thế mà bàn luận; Ấn Quang tuy kém cỏi vẫn chẳng muốn đi theo ngõ rẽ ấy!

Trong sách Di-đà Trung Luận của Vương Canh Tâm, do chẳng biết pháp môn quyền thật của Như Lai, chẳng biết căn cơ chúng sanh sai biệt nên phàm có điều gì chẳng hợp với ý kiến của chính mình đều bảo là sai lầm, mạt sát các vị thiện tri thức trong cả 1.500 năm, chỉ đề cao một mình đại sư Nhất Tỉnh nhằm phô rõ chính mình được thánh sư truyền cho chân tông nhà Phật. Tuy nói là hoằng pháp, nhưng quả thật đã chèn ép, hoại loạn Phật pháp, tạo ra mối tệ sâu xa khiến chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ, quyết chớ nên lưu thông sách ấy!

Ông Chu Mạnh Do từng thống thiết khen ngợi họ Vương trước mặt Quang, Quang nói đại lược những điểm tệ hại, nhưng ông ta vẫn chưa cam lòng, vẫn gởi sách ấy đến. Xưa kia Quang đã tạo nên cái nghiệp mù mắt, nay chẳng dám đi vào

---

giới cụ túc, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chỉ Quán với ngài Xử Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xử Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bất Nhị Môn Luận, Kim Cang Bễ Luận, do vậy sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lẫn chỗ huyền áo của Tịnh tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ… theo học rất đông, sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh độ và thường răn nhắc đại chúng siêng tu tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là pháp sư Đồng Giang hay pháp sư Đồng Giang Anh chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyện Văn, Biện Hoành Thụ Nhị Xuất, Khuyến Tu Tịnh Độ Tụng…

[77] Tùy hình hảo (anuvyañjana), còn dịch là tùy hảo, tiểu tướng, tiểu hảo, hoặc chỉ gọi gọn là hảo. Những tướng đẹp dễ thấy của chư Phật, Bồ-tát gọi là tướng, những vẻ đẹp kín đáo, ẩn mật, khó thể thấy ngay được thì gọi là hảo. Những vẻ đẹp ấy trang nghiêm, tăng thêm vẻ đẹp cho mỗi tướng chánh nên gọi là tùy hình hảo. Sách Pháp Giới Thứ Đệ, quyển hạ chép: "Tướng và [tùy hình] hảo đều là sắc pháp, đều để trang nghiêm rạng rỡ thân Phật; nhưng tướng là tổng quát, tùy hình hảo là chuyên biệt. Nếu một tướng mà không có tùy hình hảo thì chẳng viên mãn. Chuyển Luân, Đế Thích, Phạm Vương cũng có 32 tướng nhưng không có tùy hình hảo nên thân họ chẳng vi diệu." Trí Độ Luận cũng giảng: "Tướng thô nhưng tùy hình hảo lại tế. Chúng sanh thấy Phật liền thấy ngay được tướng, nhưng khó thấy được tùy hình hảo. Tướng thì người khác cũng có, nhưng tùy hình hảo thì không phải ai cũng có. Do vậy, phải nói riêng tướng và tùy hình hảo".

[78] Tiên Chú: tiên（笺）là chú giải ngắn gọn, sơ lược. Do những lời chú thích cho những bộ kinh này chỉ gồm một hai câu, nêu lên những nét chánh yếu của mỗi đoạn, hoặc chú thích những chữ quan trọng nên gọi là Tiên Chú.

vết xe ấy, bèn hết sức trình bày những điều tệ, nhưng ông ta vẫn chưa tin trọn vẹn, đem thư của Quang gởi cho Từ Úy Như. Úy Như nói Quang phê phán như vậy vốn có hiểu biết riêng, do vậy bèn đem lời tiên sinh Dương Nhân Sơn chê trách sách ấy gởi cho ông Chu. Chu Mạnh Do đem lời nói của đôi bên so sánh, mới biết rằng: Ấn Quang thật chẳng phải là nói mò, nhưng lời chê trách của tiên sinh Nhân Sơn đa phần chú trọng tại lời văn, còn lời chê trách của Quang chủ yếu dựa trên đại thể và tâm bệnh. Lưu thông Phật pháp quả thật chẳng phải là chuyện dễ! Phải mong sao khế lý khế cơ, trọn chớ nên vâng theo cái tâm thiên kiến riêng tư rồi tự lập [những ý kiến ức đoán] để khoe lạ phô kỳ, hòng thỏa thích tri kiến một thời của bọn tân học mà thôi. Đã là tri kỷ, chẳng ngại gì dâng lời nói thẳng !

(Ngày 23 tháng 6 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

52. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)

Ngày 28 tháng trước đã kính nhận được thư và các sách về Nho - Phật do ngài biên soạn, kính cẩn mở ra đọc, cảm kích, hổ thẹn khôn ngằn! Ấn Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo mà thôi, nếu không có việc gì sẽ chẳng đụng đến bút mực, gặp chuyện ép buộc bất đắc dĩ thì bút cùn, lời quê, quấy quá cho xong trách nhiệm. Há nên khen ngợi, tán dương quá đáng, đến nỗi đánh mất lợi ích thật sự do được rèn giũa, gọt mài, lệ trạch[79], giúp cho điều nhân vậy? Các hạ học rộng nghe nhiều, là bậc quân tử tận tụy tu dưỡng trong đạo Nho, biên soạn những cuốn Độc Thư Lục và Thiếu Niên Tấn Đức Lục v.v. thảy đều tinh vi, thuần túy, tôi không chen vào đâu được, đúng là kim thang[80] cho thánh giáo, là khuôn mẫu cho bọn hậu sanh. Tuy vậy, những bộ Tiên Chú cho kinh Phật dù đại thể sâu xa, hay đẹp, bóng bẩy, trong ấy vẫn có khá nhiều chỗ không thích hợp cho lắm. Câu "chẳng che giấu tỳ vết" chính là nói về điều này vậy, vì với học vấn, kiến địa của các hạ mà sao cũng chẳng thấy được chỗ này?

Ấy là vì Phật pháp là pháp siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Trong ấy, dù văn hay nghĩa, dù sự hay lý, có những điều giống với thế gian, có thể dùng thường tình để suy lường; có những điều chẳng giống với thế gian, chẳng thể dùng thường tình để suy lường được. Cố nhiên Ấn Quang ngu si khôn ví, xuất

[79] Lệ trạch là chữ trích từ phần Tượng Truyện giải thích quẻ Đoài trong kinh Dịch: *"Lệ trạch, Đoài, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập."* Sách Chu Dịch Chánh Nghĩa giảng: "Lệ trạch Đoài: Lệ có nghĩa là tiếp nối với nhau, giống như hai cái đầm thông với nhau, hết sức tràn trề đầy ắp cho nên mới nói 'Lệ trạch, Đoài' (hai cái đầm thông với nhau, đó là ý nghĩa được biểu trưng bởi quẻ Đoài). 'Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập': đồng môn là bằng, đồng chí là hữu. Bằng hữu cùng tụ lại một chỗ, giảng giải, nghiên cứu đạo nghĩa, vui vẻ tột bậc, không gì hơn được nữa." Do vậy, chữ lệ trạch thường được dùng với ý nghĩa bạn bè cùng chí hướng tha thiết bảo ban răn nhắc lẫn nhau.

[80] Nói gọn của chữ *kim thành thang trì* (tức hào sâu như ao nước sôi, thành vững chắc như sắt), ở đây được dùng với ý ca ngợi người bảo vệ đạo pháp.

gia hơn 30 năm mà chẳng dám sớ giải kinh điển một chữ, một câu nào, vì chính mình chưa minh tâm, đâu thể nào khế hợp Phật ý. Cổ nhân chú giải kinh, có vị mười năm hay tám năm chú giải một bộ, có vị suốt đời chỉ chú giải một bộ. Còn như các vị Thiên Thai, Hiền Thủ, Vĩnh Minh, Ngẫu Ích v.v. thật sự là những vị đã chứng pháp thân từ lâu, nương theo thệ nguyện hoằng pháp [mà thị hiện giáng sanh], chớ nên đem bọn phàm tục thường nhân sánh với các ngài.

Các hạ nghiên cứu kinh Phật, chưa đầy vài ba năm liền có thể thấu đạt tận cùng chỗ sâu xa, huyền áo như thế. Nếu dùng công phu mười mấy năm thì đối với mỗi một chữ trong bản chú giải ấy Ấn Quang sẽ lạy một lạy để báo ân hoằng kinh, mong cho [bản chú giải ấy] được vĩnh viễn lưu truyền. Nay ông đã lầm lẫn coi Quang là người cùng chí hướng và là bạn tri kỷ, lại bảo Quang chỉ ra mỗi chỗ chưa thấy đến, nhưng Quang mắt gần như đã mù khi vừa sanh ra, chẳng thể đọc tường tận mỗi một điều được, chỉ đành nêu đại lược một hai chỗ đã thấy. Nhưng lòng ngu trung chẳng giúp được gì, lời cuồng nhàm tai, chỉ có thể giúp đỡ vặt vãnh cho việc nghiên cứu, bàn bạc, chưa thể coi là lời bàn luận đích xác quyết định bắt buộc phải noi theo. Xin hãy rủ lòng rộng lượng chỉ bảo cho những chỗ sai thì may mắn lắm thay!

Đức Như Lai giáng sanh vào thời nào thì có nhiều thuyết khác nhau, tuy mỗi thuyết đều hợp lý, nhưng xét đến cùng, chẳng thuyết nào thích đáng bằng thuyết nói đức Phật giáng sanh vào năm 24 đời Chu Chiêu Vương (971 trước Công Nguyên). Bởi lẽ, khi hoàng đế triều Hán nằm mộng [thấy người vàng, đem chuyện ấy hỏi ý quần thần], Thông Nhân Phó Nghị, Bác sĩ[81] Vương Tôn đã dùng thuyết này để tâu trình, lại còn dẫn sách Chu Thư Dị Ký để làm chứng[82]. Nay Chu Thư

[81] Bác sĩ là một chức quan đã xuất hiện từ thời Chiến Quốc, thường được phong cho những người thông thạo một môn học vấn nào đó, nhất là Kinh Học (ngành nghiên cứu về kinh điển). Quan Bác sĩ thường là người thông thạo cổ kim có nhiệm vụ quản thủ văn kiện, hồ sơ, biên soạn trước thuật, có khả năng dạy dỗ đào tạo nhân tài. Đời Tần, quan Bác sĩ chưởng quản mọi sử liệu của đất nước. Đến đời Hán Vũ Đế, do tôn sùng Nho Học còn đặt ra chức Ngũ kinh Bác sĩ nhằm nghiên cứu và giảng dạy năm kinh của Nho gia, vai trò quản thủ biên chép sử liệu được giao cho Thái sử. Đến đời Đường, người tinh thông một môn học nào đều được xưng tụng là Bác sĩ như Y học Bác sĩ, Toán học Bác sĩ (toán ở đây là bói toán, chứ không có nghĩa là toán học) v.v.. Đến đời Tống, danh hiệu này mất hẳn tính chất cao quý và chức quan này không còn tồn tại nữa; không hiểu sao dân gian bắt đầu gọi những người phục vụ là Bác sĩ, chẳng hạn những anh bồi rót trà trong quán cơm, quán trà được gọi là *trà bác sĩ*. Thời hiện đại, chữ Bác sĩ dùng để dịch nghĩa học vị tiến sĩ (doctor), còn bác sĩ chữa bệnh được gọi là y sinh.

[82] Theo bộ Tục Tập Cổ Kim Phật Đạo Luận của ngài Trí Thăng soạn vào đời Đường, câu chuyện này được chép như sau: "Theo Hán Pháp Bản Nội Truyện, vào niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán Minh Đế, đêm vua nằm mộng thấy người vàng cao một trượng sáu, quang minh sáng lạ lùng, sắc tướng khôn sánh. Minh Đế ngủ không yên giấc, đến sáng hội họp đông đảo quần thần để đoán điềm mộng. Thông Nhân Phó Nghị tâu rằng: 'Thần nghe nói ở Tây Vực có vị thần hiệu là Phật, ắt bệ hạ nằm mộng thấy vị ấy'. Quốc Tử Bác sĩ Vương Tuân cung kính thưa: 'Thần xét thấy Chu Thư Dị Ký chép: Thời Chu Chiêu Vương có thánh nhân xuất hiện nơi phương Tây'. Thái sử Tô Do tâu: 'Sách ấy chép rằng một ngàn năm sau, thanh giáo sẽ lan truyền đến đất này, ắt là bệ hạ mộng thấy vị thần ấy'. Minh Đế tin những lời tâu

Dị Ký không còn thấy nữa, nhưng cuộc vấn đáp nơi sân chầu nhà Hán quyết chẳng phải là bịa đặt. Huống chi trước thuật Thiền - Giáo các đời phần nhiều đều lấy thuyết này làm chuẩn, quyết chẳng nên bỏ qua ý kiến đã được mọi người tuân theo để tự lập nghĩa mới, gây thêm nghi ngờ cho người thiếu học thức đời sau. Dẫu có một hai bộ sách nói theo kiểu này, nhưng đấy là vì tác giả sẵn chí bảo vệ đạo pháp nhưng chưa đọc rộng rãi các sách vở, cho rằng năm Trang Công thứ bảy[83], hằng tinh[84] chẳng hiện, ban đêm mà trời sáng như ban ngày, nếu không phải đức Phật xuất thế thì ứng với chuyện nào nữa đây? Chẳng biết bậc phi thường đản sanh và pháp phi thường được lưu truyền, đều có những tướng lành phi thường, há phải chỉ mình đức Như Lai mới có, còn các vị Pháp thân đại sĩ thị hiện thì hoàn toàn không có [những tướng lành ấy] ư?

Sách Thiền chép khi ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng[85] sanh ra, khí trắng ngút trời, quan Thái sử tâu lên vua rằng đấy chính là điềm lành, còn những chuyện chẳng được lưu truyền trong sách vở chẳng biết là bao nhiêu? Nếu cứ định là năm thứ chín đời Trang Vương thì những người đời sau các hạ đọc kỹ những sách vở trong nhà Phật sẽ thấy niên đại trước sau đều chẳng thể luận cho suôn được. Vì sao vậy? Do Phật sanh sau mà đệ tử Phật và các di tích, sự thật về Phật đã có trước. Đã chẳng chịu nói là Phật sanh vào thời trước đó mà lại chẳng thể đẩy các sự ấy ra sau; nếu lặng thinh không bàn đến thì thôi, hễ bàn đến sẽ trở thành tự mâu thuẫn. Huống chi trong lời tựa dùng năm thứ 26 đời Chu Chiêu Vương để chú thích (có người nói năm Giáp Dần là năm thứ 26 đời Chu Chiêu Vương,

---

ấy là đúng, bèn sai Trung lang Thái Âm, Trung lang tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân v.v. mười tám người đi tìm hỏi Phật pháp. Bọn họ đến Thiên Trúc gặp được hai vị sa-môn Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan, bọn Tần Cảnh bèn cầu thỉnh. Hai vị Ma-đằng là bậc trí tuệ thông suốt, chẳng nề hà nhọc nhằn, liền cùng với nhóm Tần Cảnh vượt qua Lưu Sa, đến Lạc Dương."

[83] Trang Công: Ở đây, chúng tôi ngờ rằng nguyên bản ghi sai chữ này, vì trong phần sau đều ghi là Trang Vương. Thời ấy, có rất nhiều vị vua chư hầu có hiệu là Trang Công, nên Trang Công ở đây không rõ là vị nào. Hơn nữa, để đối ứng với Chu Chiêu Vương ở câu trên thì phải nói đến niên đại của một vị hoàng đế khác của nhà Chu. Do vậy, chúng tôi tin rằng đời vua được nói ở đây phải là Chu Trang Vương. Chu Trang Vương làm vua từ năm 697 đến năm 682 trước Công Nguyên. Như vậy, năm Chu Trang Vương thứ bảy là năm 690 trước Công Nguyên.

[84] Hằng tinh (star) gồm những thiên thể có hình cầu hoặc gần như hình cầu có mật độ vật chất rất cao, chứa toàn những nhiên liệu đang bốc cháy tạo thành, hằng tinh gần quả đất nhất chính là mặt trời. Hằng tinh khác với hành tinh (planet). Hành tinh là những thiên thể xoay quanh một hằng tinh và hành tinh không có khả năng tự phát ra ánh sáng, chẳng hạn như Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh v.v. là hành tinh.

[85] Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744), cao tăng đời Đường, người xứ An Khang, Kim Châu (nay là huyện Hán Âm, tỉnh Thiểm Tây), thường được gọi là thiền sư Đại Huệ. Sư xuất gia năm 15 tuổi, chuyên nghiên cứu Luật tông, sau tham học với Lục tổ Huệ Năng, trở thành cao túc của Lục tổ, ở lại hầu thầy suốt mười lăm năm. Sau khi Lục tổ thị tịch mới sang chùa Bát-nhã thuộc Nam Nhạc (Hồ Nam) để hoằng dương thiền học của Huệ Năng vào năm Tiên Thiên thứ hai (713) đời Đường Huyền Tông. Đệ tử sư là Mã Tổ Đạo Nhất cũng là một vị cao tăng nổi tiếng thời ấy. Từ dòng thiền này, về sau đã phát sanh các dòng thiền Lâm Tế, Quy Ngưỡng… và các vị cao tăng nổi tiếng như Phổ Hóa, Hoàng Bá…

nhưng đa số cho là năm thứ 24), trong kinh lại dùng năm thứ 9 đời Trang Vương[86] để chú thích. Cùng là trước tác của một người, sao lại lập luận ngoắt ngoéo như thế, thật tạo trở ngại lớn cho kẻ sơ cơ. Cố nhiên, do các hạ vô ngã, sẵn chí lợi người nên tôi không thể không tận hết một chút ngu thành. Tiếc rằng Quang không có tánh đa văn nên chẳng thể viện dẫn sách vở để chứng minh, thật quá thiếu sót.

Đối với câu "[Để ra vẻ ta đây] là một vị cư sĩ thông hiểu kinh điển, người chú giải ưa dùng mánh khóe viết sao cho câu văn phức tạp, bóng bẩy" và hai câu kế tiếp đó trong lời tựa của pháp sư Đế Nhàn dành cho bản Di-đà Kinh Tiên Chú, những điều được nói [trong phần chú thích của các hạ] không được ổn thỏa, sát sao cho lắm. Trong lời chú thích, các hạ đã dẫn lời Kỷ Đại Khuê: *"Kinh Hoa Nghiêm danh nghĩa hết sức phức tạp, nhưng quả thật đầu mối rành mạch, chỉ nên căn cứ theo danh sắc của nguyên bản mà lãnh hội. Ngài Thanh Lương thêm vào*

[86] Không rõ ở đây là do bản in Ấn Quang Văn Sao Tam Biên của Báo Ân Niệm Phật Đường ở Cổ Tấn in sai hay sách Tiên Chú ghi sai. Theo đoạn trên, có thuyết cho rằng đức Phật phải giáng sanh vào năm Chu Trang Vương thứ bảy là vì dựa trên sự kiện "hằng tinh chẳng hiện, đêm sáng như ban ngày". Không hiểu sao trong câu này lại ghi là "năm Trang Vương thứ chín". Do không có bản Di-đà Tiên Chú trong tay để đối chiếu, chúng tôi xin ghi lại điều này như một điểm tồn nghi.

những danh sắc "hàng bố, viên dung[87], tứ pháp giới[88], thập huyền[89] v.v." để bày vẽ, chồng đệm, dựng nhà v.v., thật khiến cho người ta kinh hãi khôn ngằn!" Chẳng

[87] Hàng bố nói đầy đủ là *thứ đệ hàng bố môn*. Hàng là hàng liệt (để theo từng dãy), bố là bố trí (xếp đặt). Đây là một thuật ngữ nhằm diễn tả từng giai đoạn địa vị tu tập của Bồ-tát từ lúc sơ phát tâm cho đến khi chứng được Phật quả. Hàng bố đối lập với viên dung. Theo ngài Thanh Lương, từ địa vị Bồ-tát tiến đến Phật quả gồm hai môn:

1. Sơ hậu tương tức (đầu tiên và sau rốt không sai, không khác): Nghĩa là lúc mới phát tâm thì đã thành Chánh giác (đây là nói trên mặt lý, giống như lý tức Phật trong tông Thiên Thai). Đó gọi là viên dung môn.

2. Sơ hậu thứ đệ (đầu tiên và sau rốt theo thứ tự): Tức là năm mươi hai địa vị tu chứng từ Thập tín, Thập trụ… cho đến địa vị Đẳng giác (Thập tín chưa được kể là Pháp thân đại sĩ, nên thường nói là 41 địa vị Pháp thân đại sĩ, tức là những địa vị từ Thập trụ cho đến Đẳng giác Bồ-tát). Phải theo thứ tự mà lần lượt tấn tu nên gọi là hàng bố môn.

[88] Tứ pháp giới chính là vũ trụ quan của tông Hoa Nghiêm: Toàn thể vũ trụ quy về nhất tâm. Nếu quan sát từ trên hiện tượng và bản thể thì có thể chia thành bốn tầng lớp:

1. Sự pháp giới: Tức hiện tượng giới sai biệt. Sự có nghĩa là sự tướng, giới có nghĩa là phân biệt, hạn định. Toàn thể các sự vật trong vũ trụ đều do nhân duyên sanh, đều có giới hạn riêng biệt cho từng loại, thế tục thường tưởng lầm đó là bản tánh đặc trưng của từng loại, rồi khởi lên ý niệm phân biệt đối với từng đối tượng, nên dựa vào tánh chất đặc trưng của từng đối tượng để nhận biết sự vật. Đây gọi là "tình kế cảnh" (cảnh do phân biệt, tình cảm, so đo mà có).

2. Lý pháp giới: Tức bản thể giới bình đẳng. Lý là lý tánh. Bản thể của hết thảy vạn vật trong vũ trụ là chân như, bình đẳng không sai biệt.

3. Sự lý vô ngại pháp giới: Hiện tượng giới và bản thể giới cùng mang quan hệ "cùng là một thể, chẳng hai, chẳng khác". Nói cách khác, bản thể không có tự tánh, nhờ vào sự mà hiển lộ (thường nói là "chân như lý thể tùy duyên biến hiện", hoặc "lý do sự hiển"), dựa vào sự mà nhận biết được lý (thường nói "sự do lý thành"), do đây mà tỏ lộ trọn pháp giới sự lý viên dung vô ngại.

4. Sự sự vô ngại pháp giới: Bản thân hiện tượng giới là tuyệt đối chẳng thể nghĩ bàn, nghĩa là hết thảy các pháp đều có thể, có dụng; tuy mỗi pháp do nhân duyên mà sanh khởi, nhưng mỗi pháp vẫn giữ tự tánh của nó. Thoạt nhìn, mỗi sự tách biệt nhau, nhưng không một duyên nào chẳng phải do nhiều duyên hợp thành, mà một duyên cũng giúp cho khắp các duyên khác được thành tựu. Vì thế, lực dụng của chúng chồng chéo lẫn nhau, kinh thường diễn tả bằng thuật ngữ "trùng trùng duyên khởi".

[89] Thập Huyền: Còn gọi là Thập Huyền Duyên Khởi, Nhất Thừa Thập Huyền Môn, gọi đủ là Thập Huyền Duyên Khởi Vô Ngại Pháp Môn. Mười môn này được lập ra nhằm biểu thị tướng trạng của sự sự vô ngại pháp giới. Tông Hoa Nghiêm cho rằng "thông hiểu những nghĩa này sẽ thâm nhập được biển huyền diệu của đại kinh Hoa Nghiêm". Thập Huyền Môn gồm:

1. Đồng thời cụ túc tương ứng môn (đồng thời đầy đủ tương ứng): Hết thảy hiện tượng cùng một lúc tương ứng, cùng lúc viên mãn trọn vẹn. Một với nhiều đều cùng một thể, không phân biệt trước sau. Để dễ hiểu ý này, các nhà chú giải thường dùng ví dụ sau: Nước chỉ là một, ý muốn của chúng sanh là nhiều pháp, cùng một dòng nước mà có thể đáp ứng đầy đủ các ý muốn khác nhau của người dùng như uống, giặt, tắm, rửa, bơi lội v.v.. Tất cả những hành động ấy đều có thể xảy ra cùng một lúc nhưng nước vẫn đáp ứng trọn vẹn mà các hành động ấy cũng không trở ngại nhau.

2. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn (rộng hẹp tự tại vô ngại): Đem đối lập không gian rộng và hẹp với nhau thì dường như mâu thuẫn, nhưng từ chỗ đối lập mâu thuẫn ấy lại có thể nhận biết chỗ chúng dung nhập nhau. Chẳng hạn như tấm gương có thể thu nhận hình ảnh của muôn trùng sông núi. Muôn trùng sông núi bao la hiện trong tấm gương nhưng chẳng ngăn trở nhau, chẳng chồng chất lên nhau, vẫn giữ nguyên hình dáng.

3. Nhất đa tương tức tự tại môn (một chính là nhiều, nhiều chính là một): Như ngàn ngọn đèn cùng thắp, ánh sáng hòa lẫn vào nhau, soi rọi lẫn nhau.

4. Chư pháp tương tức tự tại môn (các pháp chính là lẫn nhau vô ngại): Một và hết thảy đều do cùng một thể mà ra, dung nhiếp lẫn nhau vô ngại. Một ví dụ rất dễ thấy là nước và sóng; sóng do nhiều hạt nước hợp thành, sóng lặng lại trở thành nước, nước động lại biến thành sóng. Hoặc mây do các hạt nước bốc hơi hợp thành, mây chính là nước, nước biến thành mây.

ngờ kiến địa như cư sĩ Hoàng[90] và các hạ mà lại dẫn những câu ấy để chú thích lời tựa của pháp sư Đế Nhàn, khiến cho người thông hiểu đều kinh hãi, lạ lùng, lại còn khơi gợi cho người đời sau đua nhau chê trách cổ nhân[91]. Mối tệ ấy thật chẳng nông cạn đâu! Vì thế, chẳng thể không nói, chẳng nỡ không nói.

Trộm nghĩ, đối với các pháp do đức Phật đã nói, nhằm thích hợp cho chín pháp giới, những nhà chú giải đời sau ai nấy tùy theo căn cơ của từng loại mà lập ngôn nhằm làm lợi cho kẻ sơ cơ. Nếu không chú thích cặn kẽ, giải thích ý nghĩa từ ngữ, ý nghĩa lời văn thì sẽ không thể được. Muốn làm lợi cho hạng căn cơ lớn lao mà chẳng giảng giải ý nghĩa lớn lao để họ thấu hiểu ý Phật thì không thể được. Hai vị đại sư (Thiên Thai Trí Giả và Thanh Lương Trừng Quán) mỗi vị đều có chủ ý, chứ không phải là hai vị đều có chỗ đúng, chỗ sai. Vì thế, ngài Thiên Thai giải thích kinh, dùng nhân, duyên để phán giáo, phân biệt bổn, tích, quán tâm sai khác; đấy là vì ý nghĩa kinh sâu thăm thẳm, chẳng thể dùng một văn một nghĩa

---

5. Ẩn mật hiển liễu câu thành môn (ẩn mật và hiển hiện đều cùng thành tựu): Trong ẩn có hiển, trong hiển có ẩn, giống như mặt trăng về bản thể không thay đổi, nhưng có lúc trăng sáng hay trăng mờ là do bị mây che hay không. Mây che thì trăng mờ nhưng tánh sáng vẫn không mất, tức là trăng sáng và trăng mờ vẫn cùng một thể.

6. Vi tế tương dung an lập môn (các thứ nhỏ nhiệm chứa đựng lẫn nhau, cùng tồn tại): Đối với mỗi một hiện tượng, dùng cái nhỏ đem cái nhỏ bỏ vào cái lớn hay ngược lại mà mọi vật vẫn không hư hoại tướng trạng của nó. Kinh Hoa Nghiêm đã diễn tả điều này bằng hình ảnh: Thiện Tài đồng tử đi vào khắp các lỗ chân lông trên thân Phổ Hiền Bồ-tát, thấy trong mỗi lỗ chân lông có vô lượng vô biên vi trần Phật quốc độ, trong quốc độ có vi trần số đức Phổ Hiền, Thiện Tài lại đi vào lỗ chân lông của mỗi vị Phổ Hiền ấy, lại thấy trong ấy có vô lượng vô biên vi trần số Phật quốc độ, cứ thế cho đến trùng trùng vô tận. Hoặc nói trong mỗi đầu sợi lông có đủ vi trần số quốc độ, có đủ cả chư Phật ba đời v.v..

7. Nhân đà la võng pháp giới môn: Dùng hình ảnh cái lưới kết bằng ngàn viên châu của Đế Thích để diễn tả khái niệm này: Mỗi viên châu chiếu rọi bóng của 999 viên châu kia, mà 999 viên châu kia mỗi viên đều dung chứa hình ảnh của viên châu này! Lớn vào trong nhỏ, nhỏ vào trong lớn chẳng loạn, chẳng hoại một tướng nào. Kinh Hoa Nghiêm thường diễn tả bằng ví dụ: Bồ-tát bứt lấy một cõi quăng đi vi trần số cõi Phật nhưng chúng sanh trong cõi ấy vẫn không biết không hay; hoặc đem tam thiên thế giới bỏ vào một vi trần, thế giới ấy không chật hẹp không biến dạng, hoặc dùng một cây lọng che khắp mười phương vi trần số cõi Phật…

8. Thác sự hiển pháp sanh giải môn (nhờ vào sự để hiển lộ pháp khiến cho người học lãnh hội): Lý thâm diệu có thể nhờ vào sự gần gũi tầm thường để hiển lộ; nhưng sự vật được mượn để hiển lý và lý được hiển ấy không hai, không khác. Chẳng hạn nhìn lá rơi, hoa tàn mà ngộ lẽ sanh diệt hoặc *thập nhị nhân duyên*; hoặc chúng sanh cõi Cực Lạc nhìn vào cây bồ-đề sẽ liền chứng ba thứ vô sanh nhẫn.

9. Thập thế cách pháp dị thành môn (mười đời khác biệt nhưng đều cùng thành tựu): quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ba đời ấy mỗi đời đều chia thành ba đời nữa, ba lần ba thành chín, chín đời ấy cũng chỉ trong một niệm nên gọi là thập thế (mười đời). Mười đời ấy tuy gián cách về thời gian, nhưng đều dung nhập lẫn nhau không xen hở.

10. Chủ bạn viên minh cụ đức môn (chủ lẫn bạn đều cùng đầy đủ phẩm đức tròn sáng): Các hiện tượng duyên khởi tương quan, lấy một pháp làm chủ thì hết thảy các pháp còn lại là bạn, lần lượt làm chủ, làm bạn không xen hở.

[90] Tức ông Hoàng Hàm Chi, pháp danh là Trí Hải.

[91] Pháp sư Đế Nhàn chê những kẻ chú giải kinh điển trong thời ấy do thiếu thực học thường tỏ vẻ thông thái bằng cách viết cầu kỳ bí hiểm khiến người đọc sa vào mê lộ, với dụng ý khen ngợi bản tiên chú của ông Đinh Phước Bảo gãy gọn, đơn giản, dễ hiểu, thiết thực. Nhưng ông Đinh Phước Bảo lại dẫn lời ông Kỷ Đại Khuê chê bai tổ Thanh Lương khiến cho lời khen của pháp sư Đế Nhàn bị phản tác dụng.

để nói trọn hết được. Nếu chỉ chấp nhận dựa theo ý nghĩa của từ ngữ, ý nghĩa của kinh văn để giải thích kinh thì những văn nhân biết chữ đọc sách trong cả thế gian đều đạo cao như ngài Thanh Lương, tâm khế hợp Phật tâm; mà ngược lại, ngài Thanh Lương là tội nhân phá hoại Hoa Nghiêm bậc nhất. Có lẽ ấy hay chăng? Quân tử do một lời mà được coi là trí, do một lời mà bị coi là bất trí, há chẳng nên cẩn thận ư?

Nếu chỉ y theo ý nghĩa kinh văn [để giải thích kinh điển] thì câu nói "đức Như Lai vì ta diễn nói pháp môn Phổ Nhãn. Giả sử dùng mực có số lượng bằng biển cả, dùng bút chất đống cao to như núi Tu-di để viết một môn trong một phẩm, một pháp trong một môn, một nghĩa trong một pháp, một câu trong một nghĩa của pháp môn này vẫn chẳng viết được chút phần, huống là có thể tận hết" của tỳ-kheo Hải Vân trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm sẽ trở thành lời nói dối, tự phá hoại kinh Hoa Nghiêm; các vị tôn túc thuộc tông Thiên Thai và Hiền Thủ đều là tội nhân trong Phật môn hết! Làm sao có thể dẫn lời ông Kỷ Đại Khuê để làm chứng cho được? Xét tới bổn tâm thì ông Kỷ Đại Khuê cũng không phải là cố ý bài xích, nhưng ông ta phạm lỗi dùng tri kiến văn tự thế gian để luận định đại pháp xuất thế gian chẳng thể nghĩ bàn. Nguyên do là vì chưa thân cận bậc tri thức sáng mắt đến nỗi hoằng pháp lại trở thành báng pháp vậy!

Tiếp đến, bàn về A-di-đà Kinh Tiên Chú, mới đọc đoạn đầu, *"tinh (星) chính là tam thiên đại thiên thế giới"*, khôn ngăn kinh dị! Lại đọc tiếp phần chú giải câu *"quá thập vạn ức Phật độ"* và lời chú giải câu *"tam thiên đại thiên thế giới"* lại khôn ngăn kinh dị! Sao các hạ đã biết thật sự, thật lý, mà lại nêu ra những thuyết không tra cứu từ đâu được ấy? Mong rằng trong lần xuất bản kế tiếp của cuốn A-di-đà Kinh Tiên Chú, hãy gạt bỏ hoàn toàn câu ấy ra khỏi đoạn thứ nhất của phần Tạp Ký. Nếu không, hãy sửa đổi đoạn văn *"tinh (các ngôi sao) chính là tam thiên đại thiên thế giới"* sao cho phù hợp với phần chú giải ở phần sau thì sẽ có ích, không bị tổn hại. Tướng lưỡi của đức Như Lai che mặt đến tận mí tóc chính là tướng lưỡi thông thường của đức Phật vốn được nói đến trong Tam tạng. Nếu nhằm đoạn nghi cho chúng sanh căn cơ nhỏ nhoi trong tam giới, đức Như Lai bèn hiện tướng lưỡi này để biểu thị đức Phật chẳng hề nói dối. "Che khắp tam thiên đại thiên thế giới" cũng có thể hiểu là nói ví dụ; nhưng nếu bảo hoàn toàn chẳng có chuyện ấy thì những nhà chú giải từ trước đến nay đều là hiểu biết ngốc nghếch hết cả hay sao?

Do kiến giải phàm tục, ông Diệp Tích Phụng đọc sách này khen ngợi khôn cùng, nhưng những vị thông đạt xem đến ắt sẽ đau tiếc than thở, nói các hạ do tấm lòng cực lực hoằng dương kinh điển, rốt cuộc trở thành những lời báng Phật,

báng pháp, báng tăng. Diệp Tích Phụng là một gã Nho sinh đối với huyết mạch ngữ ý của kinh văn vẫn chưa hiểu rõ nên buông tuồng không kiêng sợ, cho là "những nhà chú giải kinh này thời cổ đều bịa đặt chẳng tuân theo lẽ thường, vô lý đến cùng cực, thật đáng khiến cho người ta phải cười ồ!" Ông ta nói lời ấy cũng là lấy tri kiến phàm phu để suy lường cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, do hoàn toàn chưa hiểu rõ kinh văn mà ra.

Nay tôi chẳng nề hà phiền toái để giải thích đại lược: Tam thiên đại thiên thế giới là cõi nước ngự trị của một đức Phật. Đang trong khi đức Thích-ca Như Lai giảng về những chuyện "y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, quang minh thọ lượng của Phật Di-đà, chúng sanh trì danh liền được tiếp dẫn v.v.". Ở phương Đông có hằng hà sa tam thiên đại thiên thế giới. Trong một thế giới có vị Phật tên là A-súc-bệ, một vị Phật trong thế giới khác tên là Tu-di Tướng, cho đến một thế giới khác nữa có Phật hiệu là Diệu Âm. Trong số những vị Phật ở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới nơi phương Đông, chỉ nêu đại lược năm vị. Tiếp đó dùng từ ngữ "như thị đẳng" (giống như vậy) để nêu toàn thể [hồng danh những vị Phật ấy] một cách giản lược. Hằng hà sa số các đức Phật, mỗi vị đều tự ở trong tam thiên đại thiên thế giới do chính mình làm chủ, nghe đức Thích-ca nói bài kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm (khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn được hết thảy chư Phật hộ niệm) này, muốn cho đại chúng trong pháp hội sanh lòng tin, phát nguyện tu trì, nên mỗi vị đều ở tại cõi mình hiện đại thần thông, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi hãy nên tin tưởng bản kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm do đức Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói này." Năm phương kế tiếp đó đều giống như thế, còn bản dịch đời Đường thì ghi là mười phương, bất quá nói rộng điều được thuật đại lược trong bản kinh này; chứ thật ra bản dịch đời Tần chẳng giảm, bản dịch đời Đường không tăng.

Họ Diệp chẳng biết mỗi vị Phật có cõi nước riêng nên cho rằng "những phương Đông, Tây… của thế giới này ở mỗi phương đều có hằng hà sa số Phật", rồi lo các ngài va chạm nhau, nhiễu loạn sông núi khiến nhân dân không có chỗ để dung thân, và lo lưỡi của chư Phật va đụng nhau không có chỗ để đặt lưỡi, thật đáng khiến cho người khác cười rụng răng! Nhưng ông ta vẫn dương dương tự đắc nói: "Ta bù đắp chỗ thiếu sót của kinh, sửa đổi cho đúng chỗ sai ngoa của tăng chúng. Ba kinh Tịnh độ từ nay mới có thể không còn chỗ nào đáng tiếc nuối!"

Ba ngàn đức Phật ba đời[92] trong thế giới Sa-bà mỗi vị đều có thời gian xuất hiện riêng biệt, trước sau chẳng loạn. Một đức Phật ra đời, hết thảy chư Phật nếu muốn giúp vị ấy hoằng tuyên pháp hóa, đều chẳng được hiện thân Phật. Vì thế Quán Âm, Văn-thù v.v. đều ẩn đức thập lực[93], hiện thân Bồ-tát, giống hệt như một bầu trời không có hai mặt trời, dân không có hai vua, đầu mối pháp đạo được quy về một mối. Họ Diệp chẳng biết nghĩa này mà các hạ vẫn bị ông ta mê hoặc thì những người bị ông ta mê hoặc sẽ nhiều lắm, nhiều đến hằng hà sa số. Tiếc thay!

Phần Tạp Ký, nơi hàng thứ nhất trong trang thứ hai, hai chữ "tinh cầu" nên bỏ đi. Trang 15, câu "phi thị toán số chi sở năng tri" (chẳng thể tính toán mà biết được số) *(lời chú giải ghi: nhiều đến nỗi không kể xiết)*, ý nghĩa tuy rõ ràng nhưng chưa giảng rõ ý nghĩa của chữ "toán số". Toán số (算數) là "toán kế chi số" (con số do tính toán mà có), tức là những con số một, mười, trăm, ngàn, vạn, ức, triệu, kinh, tỷ, cai, nhưỡng, cấu, giản, chánh, tải[94] ở phương này. Trong kinh Phật thì như trong phẩm A-tăng-kỳ của kinh Hoa Nghiêm đã nói tới 140 con số, "vô lượng, vô biên" cũng nằm trong số ấy. Vì thế ngài Ngẫu Ích nói: "A-tăng-kỳ, vô lượng,

---

[92] Theo kinh Tam Kiếp Tam Thiên Phật Danh, trong thế giới Sa-bà, trong kiếp Đại Trang Nghiêm (quá khứ), kiếp Hiền (hiện tại) và kiếp Tinh Tú, mỗi kiếp có một ngàn đức Phật ra đời. Hiện nay là kiếp Hiền.

[93] Thập lực (daśa balāni), gọi đủ là thập chủng trí lực, còn gọi là thập thần lực, tức là mười món trong mười tám pháp bất cộng của Phật (gọi là bất cộng vì chỉ chư Phật mới có, ngay cả hàng Đẳng giác Bồ-tát cũng không có những lực này) gồm:

1. Xứ phi xứ trí lực: Xứ có nghĩa là đạo lý, tức là Như Lai đối với nhân duyên, quả báo đều biết rõ tường tận, chẳng hạn như thiện sẽ được hưởng thiện báo ra sao. Đấy là "tri thị xứ" (biết chỗ đúng). Nếu làm ác mà lại hưởng lạc báo thì không thể nào như vậy được, đấy gọi là "tri phi xứ" (biết chỗ đúng). Mọi điều như vậy đều cùng biết rõ.
2. Dị nghiệp thục trí lực (tri nghiệp báo trí lực): Như Lai biết tường tận nghiệp duyên, quả báo, chỗ sẽ sanh về của hết thảy các chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai.
3. Tịnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực: Như Lai tự tại vô ngại nơi các thiền định, thứ tự sâu cạn của các món thiền định không gì chẳng biết rõ.
4. Căn thượng hạ trí lực (hay *tri chúng sanh thượng hạ căn trí lực*): Đức Như Lai biết rõ rành rẽ căn tánh chúng sanh là lợi căn hay hạ căn, đắc quả lớn hay nhỏ.
5. Chủng chủng thắng giải trí lực: Đức Như Lai biết chúng sanh đủ mọi ưa muốn, thiện ác khác nhau, thấy biết trọn khắp đúng như thực.
6. Chủng chủng giới trí lực: Đức Như Lai đúng như thực biết trọn khắp đủ mọi phạm vi giới hạn của các chúng sanh giới.
7. Biến thú hành trí lực: Trong lục đạo hữu lậu, đức Như Lai biết tường tận những kẻ đi trong hữu lậu lục đạo sẽ về đâu, biết người đi trong Niết-bàn vô lậu sẽ về đâu.
8. Túc trụ tùy niệm trí lực: Đức Như Lai biết túc mạng của hết thảy chúng sanh trong vô lượng vô biên kiếp.
9. Sanh tử trí lực: Do thiên nhãn đức Như Lai biết rõ đúng sự thực lúc chết, lúc sống của chúng sanh cũng như các nghiệp chướng, quả báo trong những kiếp số ấy.
10. Lậu tận trí lực: Đức Như Lai vĩnh viễn trừ sạch các lậu, tập khí, đúng như thực biến trọn khắp các lậu, các tập khí của chúng sanh.

[94] Đây là tên những con số theo lối đếm thời cổ, do không có chữ tương đương nên chúng tôi chỉ phiên âm tên gọi, chúng được liệt kê theo nguyên tắc số sau lớn gấp mười lần số trước.

vô biên đều là danh xưng của các con số, quả thật là vô lượng của hữu lượng. Do đã là tên gọi của các con số nên là hữu lượng (có hạn lượng), nhưng trong kinh quả thật nêu chung chung số lượng nhiều không thể kể xiết nên đấy chính là vô lượng của vô lượng[95].”

Trong cuốn Quán Thế Âm Kinh Tiên Chú, dưới câu “nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ-tát” (lúc ấy, Vô Tận Ý Bồ-tát) nên thêm lời chú giải rằng: “Nhĩ (爾) là lúc này, lúc ấy. ‘Nhĩ thời’ là lúc đã nói xong phẩm Diệu Âm Bồ-tát.” Hàng thứ 18 nơi trang 16 (hàng thứ hai chữ nhỏ), chữ xúc (觸) bị viết sai thành thương (觴).

Phần Tạp Ký trong Tâm Kinh Tiên Chú, nơi trang thứ hai, các hàng 11, 12, 13, 14, *“bản Tâm Kinh được khắc trên đá thời Thanh Cao Tông (Càn Long), câu chú không giống”*. Câu chú khác nhau là do năm đầu đời Cao Tông, lạt-ma Chương Gia[96] đem các bài chú trong Đại tạng kinh dịch ra theo cách tụng niệm thông dụng của các lạt-ma Mông Cổ, đặt tên là Mãn Mông Phiên Hán Hợp Bích Đại Tạng Toàn Chú. Chữ Mãn, chữ Mông Cổ, chữ Phiên[97] chúng ta đều chẳng biết đọc, ngay cả chữ Hán tuy biết, nhưng có khi phải dùng hai chữ, ba chữ, bốn chữ để viết vào một chỗ[98]. Nếu chẳng hướng đến người Mông Cổ và người Tây Tạng để học cách đọc sẽ chẳng thể đọc được, dẫu đọc cũng không đúng cách. Nhưng từ đời Hán đến đời Tống hơn một ngàn năm, người dịch kinh nếu chẳng phải là bậc pháp thân thị hiện thì cũng là bậc trượng phu anh liệt siêu quần bạt tụy, há đều chẳng thông hiểu chú ngữ ư? Bất tất phải sanh tâm tôn sùng, coi trọng bản dịch của ngài Chương Gia, nghĩ là kỳ lạ, đặc biệt; đấy chính là bỏ điều được

---

[95] Vô lượng của hữu lượng: Nghĩa là con số vô lượng ấy vẫn có thể tính đếm được, vì vô lượng là một trong 140 con số được kể trong phẩm A-tăng-kỳ, tuy rất lớn vẫn có thể tính được. Vô lượng của vô lượng nghĩa là một con số cực lớn, không hạn lượng, không cách nào tính đếm hình dung được.

[96] Vị Lạt-ma Chương Gia được nói ở đây là vị Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ đời thứ ba, có tên là Nhã Tất Cát Đa (1716-1786).

[97] Phiên là từ ngữ chỉ chung các sắc dân sống ở phía Tây Trung Hoa, nhưng ở đây được dùng để chỉ chữ Tây Tạng.

[98] Do chữ Phạn đa âm trong khi tiếng Hán đơn âm nên đôi khi phải dùng nhiều chữ Hán để mô phỏng âm đọc một chữ Phạn. Chẳng hạn trong bài chú Nhất Thiết Như Lai Toàn Thân Xá Lợi Bảo Khiếp Ấn, để diễn tả cách đọc chữ Sdriya (âm Phạn chỉ có hai âm), bản tiếng Hán đã phải dùng đến bốn chữ “tất đát rị dã” và ghi chú nhỏ bên cạnh, “hợp tam”, tức là khi đọc phải dồn cả ba chữ đầu thành một chữ, đừng đọc tách rời ra). Do không có âm tương ứng, ngay cả cách đọc thần chú của người Tây Tạng cũng không diễn tả trung thành Phạn âm; ví dụ như họ đọc Vajra thành Ben-za. Người Mông Cổ hầu như không phát âm được âm h nên họ đọc *aum mani padme hum* thành *um ma ni pe me khun*. Tuy thế, tín tâm là quan trọng nhất, dẫu chú đọc không đúng âm, nhưng hành nhân thọ trì với niềm tin mãnh liệt, giữ giới thanh tịnh sẽ được cảm ứng. Chúng tôi đã từng nghe một đạo hữu kể là vị ấy rất siêng trì chú Đại Bi, cũng đạt được một số cảm ứng. Sau này, khi đọc sách Mật tông bằng tiếng Anh, liền chuyển sang trì tụng theo đúng âm tiếng Phạn theo kiểu Latin hóa thì do tâm phân biệt sợ âm đọc sai sót, đã không còn nhiếp tâm được nữa. Khi trở lại trì chú Đại Bi theo cách phiên âm thông dụng theo tiếng Hán thì do tâm đã khởi lên phân biệt, cũng không hề được cảm ứng gì!

mọi vị thánh cùng cho là đúng để giữ lấy điều chỉ được một vị hiền nhân cho là đúng, há có nên chăng?

Kim Cang Kinh Tiên Chú, nơi trang thứ mười ba, trong hai dòng chín và mười: "Bốn câu kệ xưa nay nói không giống nhau." Di-lặc là đấng Bổ xứ, dùng những câu như "không có ngã tướng" v.v. để đáp chính là đối bệnh cho thuốc, như trong nhà Thiền bất luận hỏi đến nghĩa nào đều chỉ về lẽ hướng thượng. Nếu nói ngài Di-lặc đã đáp trọn hết nghĩa lý của bốn câu kệ thì đấy chính là tri kiến của kẻ đứng ngoài cửa. Quốc sư Trung Phong nói: "Đối với câu "thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng" trong kinh này, trước từ ngữ "tứ cú kệ" phải có hai chữ "nãi chí" (cho đến), phía sau phải có một chữ "đẳng" (vân vân). Câu này ý nói chưa thể thọ trì trọn vẹn bài kinh, hoặc chỉ thọ trì được hơn nửa quyển, hoặc gần được nửa quyển, cho đến tối thiểu là bốn câu hoặc một câu." Câu nói này của ngài Trung Phong là cách giải thích kinh văn hết sức thông suốt, nhưng các vị chú giải từ trước đến nay thường hiểu hạn hẹp chữ "kệ" không phải là văn xuôi. Họ chẳng biết ở Tây Vực, kinh tiếng Phạn được viết theo hàng ngang, thường sắp xếp bằng cách lấy 32 chữ làm chuẩn. Vì thế, cổ thư ghi nhận số chữ trong kinh Hoa Nghiêm là "có mười vạn bài kệ", chứ không phải cả bộ kinh đều là kệ. Lại còn bất luận văn tự nhiều hay ít, hễ cứ giảng trọn hết một nghĩa thì được coi là một kệ, chứ không phải là ngoài kinh văn ra, chỉ nói đến bốn câu kệ mà thôi. Nếu hiểu chữ "kệ" là kệ tụng thì thọ trì trọn bài kinh chẳng có công đức, chỉ có bài kệ này[99] mới có công đức! Há chẳng phải là báng Phật, báng pháp, báng tăng ư? Chỉ nội sáu chữ đơn giản "nãi chí tứ cú kệ đẳng" này đã chứa trọn bao nhiêu ý nghĩa của muôn quyển kinh luận rồi. Những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở mà vẫn chẳng biết làm như thế nào. Kinh Phật há thể nói dễ dàng ư?

Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tiên Chú trang thứ chín, hai dòng mười và mười một, đối với câu"tam thế chư Phật cập vô niệm vô trụ" (chữ trụ 住 bị viết sai thành chữ nhậm 任), vô tu, vô chứng chi giả" hãy nên y theo cách giải thích của ngài Ngẫu Ích: "Tam thế chư Phật" là y theo quả vị trong Tạng giáo. "Vô niệm trụ tu chứng" là nói về những bậc từ Sơ trụ trở lên trong Viên giáo. Nếu không, sẽ đẩy bậc đứng đầu xuống hàng chót, đưa bậc chót lên hàng đầu. Dẫu có thể cưỡng nói cho hợp lý, rốt cuộc vẫn oan uổng tạo khẩu nghiệp! Kinh Phật há có thể chỉ chấp vào cách giải thích từ ngữ mà giải thích được hay chăng? Trang thứ 16, dòng thứ 10 (hai hàng chú thích chữ nhỏ), "trưởng giả như mẫu" (người lớn tuổi hơn thì coi như mẹ) (chữ mẫu 母 bị viết sai thành nữ 女). Lại trong hàng mười tám, chữ "công tào" (攻曹) nên giảng là "nguyên soái" (người suất lãnh)

[99] Tức bài "Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã…" trong kinh Kim Cang.

thì ý nghĩa của kinh sẽ tự rõ ràng vì phần kinh văn tiếp đó ghi là "công tào nhược chỉ, tùng giả đô tức" (nếu ngăn được người thống lãnh, thì những kẻ đi theo đều ngưng nghỉ). Do vậy, công (攻) là công năng, tào (曹) chính là "tào bối" (曹輩: lũ, bọn ngươi); công năng của cả bọn đều quy về một mình người thống lãnh, nên mới nói "nguyên soái" là "công tào".[100]

Phật Di Giáo Kinh Chú, trang mười bảy, dòng thứ năm, nên giảng chữ "đạo" (導) trong từ ngữ "thiện đạo" (善導: khéo dẫn dắt) là dẫn dắt đi đường vì câu kinh văn tiếp đó là "đạo nhân thiện đạo" (導人善道), đạo (道) là con đường vậy, ["đạo nhân thiện đạo"] tức là "dẫn đi trên con đường lành". Nếu người dẫn đường chỉ cho con đường chánh mà kẻ nghe không đi thì chẳng phải là lỗi của người dẫn đường. Kinh gọi đức Phật là "đại đạo sư" (大導師) đều là vì dẫn người khác đi trên con đường chánh mà đặt tên như vậy.

Vu Lan Bồn Kinh Chú, trang 4, dòng thứ 16 (hai dòng chữ nhỏ), "thoạt đầu tôi trộm cho là tên của đạo sĩ", chữ thiết (竊: trộm) bị viết sai thành chữ cùng (窮: cùng tận).

Cao Vương Quán Thế Âm Kinh Chú, phần Tạp Ký trang một, dòng thứ 13: "Đại sư Vân Thê gánh vác pháp đạo, rất sợ đời sau vô tri nên ra sức biện định kinh này là ngụy tạo, cho nên nói như vậy. Chứ không phải ngài Vân Thê chưa hề đọc những sách như Pháp Uyển Châu Lâm v.v. mà mạo muội nói như thế." Kinh này không có văn lý gì cả, [lời biện định của ngài Vân Thê] quả là lời luận đích xác. [Kẻ nào tụng trì kinh này] được công đức thì công đức ấy đều thuộc về công đức của danh hiệu Phật, Bồ-tát. Niệm những danh hiệu ấy có thể tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ. Bồ-tát thuận theo cái tâm tầm thường của chúng sanh nên truyền dạy kinh này trong mộng. Nếu là bậc chuyên môn nghiên cứu Phật học thì đã có Đại tạng kinh, cần gì phải dốc sức nơi kinh này? Xưa nay có rất nhiều kinh do trong mộng cảm được thần truyền dạy, nhưng đều chẳng dám lưu thông vì rất sợ những kẻ xằng bậy bịa đặt, khơi nên đầu mối ngụy tạo, cắt đứt thiện căn của những người chỉ biết đạo nghĩa Nho giáo, chưa hiểu Phật pháp sâu xa (tức là họ sẽ nói "kinh Phật đều là do người đời sau ngụy tạo"). Vì thế hoàng

[100] Để dễ theo dõi lời phê bình của tổ Ấn Quang, chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn đoạn kinh ấy như sau: *"Hữu nhân hoạn dâm bất chỉ, dục tự đoạn âm. Phật vị chi viết: 'Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như công tào, công tào nhược chỉ, tùng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?'"* (Có người mắc thói dâm dục không ngăn dứt được, muốn tự cắt bộ phận sinh dục. Đức Phật bảo với người ấy: "Nếu cắt bộ phận sinh dục thì chẳng bằng đoạn dứt cái tâm. Tâm như người thống lãnh, nếu ngăn được người thống lãnh thì những kẻ đi theo đều ngưng nghỉ. Tà tâm chẳng ngưng dứt, cắt bộ phận sinh dục có ích gì?")

hậu Nhân Hiếu nhà Đại Minh[101] (hoàng hậu của hoàng đế Vĩnh Lạc) mộng cảm được Phật nói kinh, tức kinh Đệ Nhất Hy Hữu Đại Công Đức. Trong thời Vĩnh Lạc, kinh này được nhập tạng, đến năm ba mươi (1765) đời Thanh Cao Tông, vâng theo chiếu chỉ, lấy kinh ấy ra khỏi tạng để ngăn ngừa chuyện bịa đặt. Vì thế, phiên dịch kinh Phật ắt phải tuân phụng chiếu chỉ.

Trong dịch trường (đạo tràng dịch kinh), có vị dịch Phạn văn, có vị dịch ngữ, có vị hồi xuyết (tiếng của Tây Phương đa phần nói ngược, nên cần phải đảo lại, như ba-la-mật là bỉ ngạn đáo, phải viết lại cho đúng thứ tự là đáo bỉ ngạn - đến bờ bên kia), có vị chứng nghĩa, có vị nhuận văn[102]. Tăng tục tham gia phiên dịch, ít là mấy người, nhiều thì mấy chục người; vị nhuận văn đều do vị quan quyền cao chức trọng đương thời đảm nhiệm. Nghiêm túc như thế, chẳng để cẩu thả, qua quýt chút nào, vậy mà Nho sinh vô tri đời sau còn nói kinh Phật đều là do tăng chúng ăn trộm, chế biến từ học thuyết Lão - Trang mà có, huống là lưu thông những kinh thật sự mờ mịt chẳng rõ lai lịch ư? Muốn lưu thông kinh này mà mong những kinh được phiên dịch từ Phạn bản do phương Tây truyền đến chẳng bị nghi ngờ, há chẳng khó khăn lắm ư?

Các hạ chú giải kinh này hãy nên trình bày rõ tấm lòng "bảo vệ chúng sanh, bảo vệ pháp đạo đức Phật" của ngài Vân Thê, đừng nên nói ngài Vân Thê phạm sai lầm khi sửa đổi cho đúng những điều sai lầm thì đôi đàng đều được tốt đẹp. Vân Thê, Ngẫu Ích là những vị đại đạo sư thời mạt pháp, là bậc gương mẫu thật sự. Mong hãy nhìn vào thời kỳ các ngài trước tác mà thấu hiểu chỗ dụng ý trong lòng các ngài thì pháp gì, chuyện gì cũng đều tự có thể khế cơ lẫn khế lý vậy.

Trong Phật Kinh Tinh Hoa Lục, trang 36, dòng thứ 9, "Vị Tằng Hữu Kinh". Mười hai bộ kinh là những đặc điểm chung của hết thảy các kinh. Có kinh trọn

---

[101] Hoàng hậu Nhân Hiếu Văn chính là vợ chánh của Minh Thành Tổ (Chu Lệ), họ Từ, quê ở Hào Châu, là con gái của khai quốc công thần Từ Đạt. Bà được vua Minh Thái Tổ hỏi cưới cho hoàng tử Yên Vương Chu Lệ năm 15 tuổi. Bà nổi tiếng là người nhân đức, ôn hòa, hiếu hạnh, rất được lòng thái hậu Mã. Khi Yên Vương làm phản đoạt ngôi của anh là Kiến Văn Đế (Chu Doãn Văn), xưng đế, lấy niên hiệu là Vĩnh Lạc, bà được phong làm hoàng hậu. Bà mất năm Vĩnh Lạc thứ năm (1407), thọ được 46 tuổi. Vua hết sức thương tâm, không bao giờ lập hoàng hậu nữa, phong tặng bà thụy hiệu Nhân Hiếu Từ Ý Thành Minh Trang Hiến Phối Thiên Tề Thánh Văn Hoàng Hậu.

[102] Vị dịch Phạn văn sẽ cầm nguyên bản tiếng Phạn đọc lên cho những người cùng dịch dò theo những bản Phạn vốn có để đảm bảo không bị sai sót thiếu tiếng Phạn nào trong nguyên bản, vị dịch ngữ sẽ dịch những câu ấy sang tiếng Hán cho vị bút thọ chép lại. Vị hồi xuyết sẽ kiểm bản dịch nháp ấy để sửa đổi thứ tự cho đúng với cú pháp tiếng Hán. Vị chứng nghĩa sẽ kiểm nhận bản dịch trung thành với nguyên bản, không diễn tả sai lạc ý kinh luật luận, đồng thời thêm vào những chỗ người dịch ngữ đã bỏ sót hay sửa đổi những câu văn dịch tối nghĩa. Vị nhuận văn gọt giũa lời văn sao cho bóng bẩy, trang nhã, nhưng không mất ý nghĩa hoặc thay đổi ý nghĩa của lời dịch ban đầu. Do đó, vị nhuận văn vừa phải có tài văn chương vừa thông hiểu kinh điển.

đủ cả mười hai bộ[103], có kinh ít hơn, chỉ gồm một hai, ba, bốn, năm bộ. Mười hai bộ vừa nói đó, gọi theo tiếng Hán là Trường Hàng, Trùng Tụng, Thọ Ký, Cô Khởi Tụng, Vô Vấn Tự Thuyết, Nhân Quả, Thí Dụ, Bổn Sự, Bổn Sanh, Phương Quảng, Vị Tằng Hữu, Luận Nghị. Trong ấy, ba bộ loại Trường Hàng, Trùng Tụng, Cô Khởi Tụng được lập ra dựa theo kinh văn, chín thứ kia đều ước theo nghĩa mà lập danh. Bộ loại Vị Tằng Hữu ghi chép những chuyện đại thần biến chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát. Kinh này[104] cũng do nghĩa ấy mà đặt tên như vậy, chứ không phải là một trong mười hai bộ kinh.

Trang 40, dòng thứ 6, nhân - duyên - pháp - nghiệp của mười giới trong kinh Phạm Võng đều bị sao chép điên đảo, sai lầm, lộn xộn, tra lời chú giải của các hạ thì có hay không đều bất nhất. Những phần được ghi "sao lục từ sách Phạm Võng Kinh Hợp Chú[105]" thì [trong phần] sát giới (dòng thứ 13), phương tiện sát (thiếu mất chữ sát), dòng 14, 15, [theo thứ tự đúng thì phải là] sát nhân, sát duyên, sát pháp, sát nghiệp, sao lại viết là sát nghiệp, sát pháp, sát nhân, sát duyên? Nhân là phát ra cái tâm giết ấy. Duyên là những phương tiện giúp cho chuyện giết chóc được thành tựu; chẳng hạn như bày mưu định kế, mài dao, pha thuốc v.v.. Pháp là cầm dao, kiếm, thuốc độc đi giết. Nghiệp là đoạn mạng kẻ ấy (tức kẻ bị giết), chuyện giết chóc đã thành. Phàm sự gì đã thành đều nhất loạt gọi là nghiệp. Thứ tự trước sau, sâu cạn, thân sơ, theo đúng thứ tự chẳng loạn. Sao các hạ tự lập quy cách để dời chuyển như vậy? Hai giới sát và dâm thì các hạ đặt theo thứ tự là nghiệp, pháp, nhân, duyên, còn tám giới kia lại đều đặt theo thứ tự là nhân, nghiệp, pháp duyên.

Trong giới vọng ngữ, dưới phần duyên của vọng ngữ có chú thích rằng "sao chép trọn vẹn từ sách [Phạm Võng Kinh] Hợp Chú". Sao lại lược bỏ bốn chữ "để

[103] Bộ ở đây có nghĩa là thể loại, thể tài. "Thập Nhị Bộ Kinh" tức mười hai thể loại thường được dùng trong kinh Phật.

[104] Bản kinh được nhắc đến ở đây vốn có tên là kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên.

[105] Bộ Hợp Chú được nói ở đây chính bộ Phạm Võng Kinh Hợp Chú (bảy quyển) do tổ Ngẫu Ích viết. Tác phẩm này có tên đầy đủ là Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Hợp Chú. Sách được ngài Đạo Phưởng giáo chánh và cho in vào năm Sùng Trinh thứ 10 (1637). Bản chú giải này rất đặc sắc, được coi như bản chú giải kinh Phạm Võng độc đáo nhất do tổ chú trọng đến *vô tác giới thể*. Ngài đưa ra bảy ý nghĩa của giới thể (tánh, nhân, duyên, thể, tướng, kỳ, quả), lập ra mười môn để giải thích giới tướng: Tùy văn thích nghĩa (dựa theo kinh văn giải thích ý nghĩa), tánh giá trọng khinh (phân định giới tướng ấy là tánh giới hay giá giới, nặng hay nhẹ), thất chúng giản liệu (phân định giới ấy tùy theo bảy chúng, tức là người phạm giới sẽ bị kết tội nặng hơn nếu là chúng xuất gia), đại tiểu đồng dị (sự khác biệt giữa giới tướng Đại thừa và Tiểu thừa), thiện thức khai giá (khéo biết mở, đóng, tức biết luận theo lý, theo sự để biện định có phạm giới hay là không), dị thục quả báo (quả báo sẽ kết thành sớm hay muộn), quán tâm lý giải, sám hối hành pháp, tu chứng sai biệt và tánh ác pháp môn. Khi giảng kinh Phạm Võng tại Bồ-đề Lan Nhã (Sài Gòn) vào năm 1968, pháp sư Diễn Bồi đã dựa chủ yếu vào lối diễn giải của tổ Ngẫu Ích để giảng giải. Bài giảng kinh Phạm Võng của hòa thượng Diễn Bồi đã được hòa thượng Trí Minh dịch sang tiếng Việt với nhan đề Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bổn Giảng Ký.

hiển thánh đức" của sách Hợp Chú? Cần phải biết rằng [kẻ phạm giới vọng ngữ bằng cách đối với] "các thứ oai nghi: tới, lui, cử động, đứng yên, nói năng, im lặng, đủ mọi phương tiện đều là vì muốn làm cho người khác sẽ nói là ta đã chứng thánh quả, nên nói là 'để hiển thánh đức'". Bỏ đi bốn chữ ấy sẽ chẳng tỏ rõ bổn tâm của kẻ vọng ngữ muốn phô trương màu mè, làm dáng vậy. Đoạn kinh văn này vốn không sai lầm, nhưng lời giảng của sách Hợp Chú lại hết sức rõ ràng. Há nên trái nghịch kinh, trái phản lời chú giải, tự lập chương trình hay chăng? Nếu một điều thì có thể coi là viết lầm, chứ cả mười điều đều như thế, há có phải là viết lầm ư?

Phàm sao lục kinh luận của Phật, của tổ, thì đầu tiên là sao lục kinh, rồi đến luận, cuối cùng mới sao lục trước thuật của phương này. Với kinh luận lại cần phải sao lục kinh Đại thừa trước tiên, kế đó là Tiểu thừa, chớ nên đảo lộn thứ tự trước sau, như thánh chỉ và cáo thị chẳng thể đảo lộn thứ tự được. Trong một bộ chẳng thể liệt kê như thế, thì trong một môn nhất quyết chẳng thể không y theo cách này để trình bày. Nếu không, sẽ khiến cho kẻ vô tri đều coi thường kinh Phật mà bậc đại thông gia sẽ chê là người viết chú giải chẳng biết pháp.

Hơn nữa, trong phần chú giải kinh Phạm Võng của tổ Ngẫu Ích về giới vọng ngữ, đối với câu *"tiền nhân lãnh giải"* thì chữ "tiền nhân" chỉ cho đối tượng nhận lãnh lời nói dối, tức là vì kẻ ấy [mà người phạm giới vọng ngữ] thốt ra lời nói dối, "lãnh giải" là người ấy nghe lời nói dối đã lãnh hội, hiểu rõ. Nếu chẳng lãnh ngộ, hiểu rõ thì nghiệp vẫn chưa thành; lãnh ngộ, hiểu rõ thì nghiệp đã thành. Nay ông sửa thành *"sử nhân lãnh giải"* (khiến cho người ấy nhận lãnh, hiểu rõ) thì chưa biết người ấy có hiểu hay không? Trong giới thứ mười cũng giống như thế.

Thêm nữa, theo nguyên văn của giới thứ mười: *"Nhược Phật tử tự báng tam bảo, giáo nhân báng tam bảo, báng nhân, báng duyên, báng pháp, báng nghiệp, nhi Bồ-tát kiến ngoại đạo cập dĩ ác nhân nhất ngôn báng Phật âm thanh, như tam bách mâu thích tâm"* (Nếu Phật tử tự báng tam bảo, dạy người khác báng tam bảo, nhân phỉ báng, duyên phỉ báng, pháp phỉ báng, nghiệp phỉ báng, nhưng Bồ-tát nghe âm thanh của một câu báng Phật do ngoại đạo và kẻ ác thốt ra, sẽ cảm thấy giống như ba trăm mũi mâu đâm vào tim), ông bèn rút gọn là *"Bồ-tát kiến nhân báng Phật như dữ thích tâm"* (Bồ-tát thấy người báng Phật như bị đâm vào tim) *(lời chú giải ghi: "chữ dữ 予[106] đọc âm giống như chữ dữ 與")*, hãy sửa cho đúng phần đã lược bỏ đi.

[106] Ở đây, khi rút gọn lời trích từ bản Phạm Võng Kinh Hợp Chú, ông Đinh Phước Bảo đã viết sai chữ mâu (矛: cái mâu, cái giáo) thành chữ dữ (予: cho).

Đại sư Ngẫu Ích chứng pháp thân đã lâu, thừa nguyện tái lai, học vấn, kiến địa, hành trì, đạo đức như ngài chẳng những ít thấy trong đời mạt pháp mà ngay trong thời Phật pháp hưng thịnh dưới đời Tùy - Đường, cao nhân như rừng, nếu ngài sống ngay trong thời ấy vẫn thuộc loại Đại sĩ xuất quần bạt tụy chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những trước thuật của ngài đều khế lý lẫn khế cơ; các hạ hãy nên buông xuống cái tâm chỉ chấp vào sự giải thích văn tự, hãy lắng lòng nghiên cứu đến cùng tận để thấu hiểu thì niềm vui pháp hỷ sẽ riêng khế hợp nơi tâm mà chẳng thể nào mở miệng kể cho người khác biết được. Vì sao vậy? Do những gì đạt được đều mất cả rồi, đều quy về chỗ vô sở đắc rồi!

Chùa Pháp Vũ có Minh Nam Tạng (Vĩnh Lạc Nam Tạng) và Thanh Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh), lại có rất nhiều những kinh sách mới in đã thỉnh từ những chỗ khắc kinh ở Dương Châu, Ninh Ba, nhưng người phát tâm đọc khá ít, một là vì ít người thật sự phát tâm Bồ-đề, hai là vì người thật sự có học vấn, có thiên tư ít ỏi, đáng tiếc thay!

Cuối phần Đàm Quỷ (nói về chuyện quỷ thần), đối với chuyện Mục Chương A[107], lời phán định của các hạ tuy hay, nhưng xét ra chưa phải là thật nghĩa. Nay tôi chẳng tiếc khẩu nghiệp để giải thích đại lược. Mục Chương A suy nghĩ, xử sự không gì chẳng phải là ác, đến lúc lâm chung biết trước lúc mất, từ biệt mọi người rồi ngồi mà mất. Người ấy trong đời trước đã tu trì lớn lao, sức định tuệ sâu xa, cho nên đời này tuy mê muội tạo nghiệp, luận theo đời này ắt phải đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ đến hết kiếp, nhưng do ác nghiệp đời này chưa chín muồi, thiện căn đời trước tỏ lộ. Do vậy, vẫn có thể nương vào sức lành đời trước, tận lực tu trì tịnh nghiệp, nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, chẳng phải thọ ác báo của những ác nghiệp đã tạo trong đời này. Nếu không biết nghĩa này, vẫn noi theo nghiệp y như cũ thì khi thiện nghiệp đời trước đã hết, ác nghiệp đời này sẽ lại phát hiện, nỗi khổ ấy chẳng thể nào diễn tả được.

Trong đời này, do người lành mắc họa, kẻ ác hưởng phước, phàm phu chẳng biết túc nghiệp trong đời trước bèn nói nhân quả sai lầm, báo ứng hay bị lẫn lộn. Người có tha tâm túc mạng thông thấy nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai, tình lẫn lý đều ổn thỏa. Cái chết tốt lành của Mục Chương A chẳng phải là do may

[107] Mục Chương A (1782-1856), tự là Tử Phác, hiệu Hạc Phưởng, thuộc cánh quân Cờ Viền Lam của quân đội Mãn Châu. Đỗ tiến sĩ năm Gia Khánh thứ 10 (1805), giữ nhiều chức vụ quan trọng, được cử vào Quân cơ xứ dưới thời Đạo Quang. Do khéo nịnh nọt nhà vua, nên được phong chức Tào vận tổng đốc, coi về thủy binh và giao thông đường thủy nhiều tỉnh Bắc Trung Hoa. Khi cuộc chiến tranh Nha Phiến nổ ra, để lấy lòng vua, họ Mục đã quy tội và cách chức các vị trung thần như Lâm Tắc Từ, Đặng Đình Trinh. Khi Hàm Phong lên ngôi, vua xét án cũ, tái sử dụng Lâm Tắc Từ, đồng thời kết tội Mục Chương A "bảo vệ địa vị, tham đắm vinh hoa, hại người hiền, phá đất nước" đuổi về làm dân, vĩnh viễn không được tham gia triều chánh. Về sau, họ Mục bị bệnh chết.

mắn! Dương Kế Thịnh chết oan khuất chẳng phải là bất hạnh! Ai nấy đều có nhân trước và quả sau, ấy là do được đền đáp hay phải trả nợ mà thành khác biệt. Đạo báo ứng có nhiều loại chẳng phải chỉ có một, chẳng thể dùng đời này để phán đoán được.

Vì thế kinh dạy rõ ba thứ quả báo, ba thứ quả báo là hiện báo, sanh báo và hậu báo. Hiện báo là đời này làm thiện, tạo ác, đời này sẽ hưởng phước hay mắc họa, đây chính là điều phàm phu trong thế gian đều thấy cùng biết được. Sanh báo là đời này làm thiện, tạo ác, đời sau hưởng phước, mắc họa, phàm phu trong thế gian tuy chẳng thấy biết được, nhưng đại lực quỷ thần, thiên tiên vẫn có thể thấy biết được. Hậu báo là đời này làm thiện, tạo ác, đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu, bảy đời sau, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên Hằng hà sa số kiếp mới hưởng phước hay mắc họa. Nếu ba, bốn, năm đời và mười trăm ngàn đời, có lẽ thiên tiên còn thấy được, chứ đến năm, sáu, bảy, tám vạn kiếp, đạo nhãn của bậc Thanh văn vẫn còn thấy được. Nếu đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp thì nếu chẳng phải là ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai sẽ chẳng thể thấy được.

Nương theo các pháp môn khác, cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, phần nhiều đều chỉ gieo thiện căn phước tuệ, chẳng thể cao dự dòng thánh. Vương Thập Bằng, Tô Đông Pha, Hoàng Đình Kiên, Tăng Lỗ Công v.v. đều là những vị cao tăng xuất chúng chót vót trong đời trước, nhưng đời này đã kém hơn đời trước, đời sau lại chẳng biết kết cục sẽ như thế nào? Nghĩ đến đây, đúng là đau lòng, ứa lệ, thở dài sườn sượt. Nếu chẳng phát phẫn chuyên tu một pháp "cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tịnh độ" thì là xong rồi!

Ấn Quang cuồng vọng vô tri, phụ lòng ông yêu mến nồng hậu, hôm 30 tháng 6 nhận được lá thư thứ tư, liền muốn phúc đáp, nhưng do vướng bận bởi chuyện của người khác, cũng như do ban đêm chẳng thể viết lách được nên lần khân mãi đến ngày mồng 2 nhận được lá thư thứ năm, bèn quên mình kém hèn, vung bút viết thư bừa bãi, cũng biết là gai mắt nhã, toan cậy vào lá thư này để biểu lộ lòng ngu thành, thích đáng hay không, mong hãy rủ lòng sáng suốt xét soi

(Mồng 5 tháng 7 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

Ấn Quang mục lực quá suy, Đại tạng kinh chữ to còn chẳng thể đọc được, trước thuật của các hạ chữ quá nhỏ, chẳng dám xem nhiều, chỉ tùy tiện mở đọc mà thôi. Vì thế, thuận theo những gì mình thấy được mà nêu lên, tính chung lại thì trong hai mươi phần vẫn chưa xem được một phần. Về việc soạn lời tự để tỏ rõ ý nghĩa của từng tác phẩm hãy nên cậy bậc danh nhân. Ấn Quang chôn sống ngoài hải đảo, lại còn thiếu học vấn, vô đạo đức, bút cùn, lời quê, làm sao nêu tỏ

những điểm sâu mầu cho được? Do vậy chẳng dám vâng mạng, xin rủ lòng tha thứ. Tướng lưỡi Như Lai có ý nghĩa vô tận, do mục lực không đủ và do gấp rút nên chỉ luận đại lược như thế.

53. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)

Hôm qua nhận được thư và Bát Triều Toàn Thi, cảm tạ khôn cùng! Trộm nghĩ, Ấn Quang là một ông tăng phàm tục thô lậu ở đất Bắc, đối với đạo pháp nhà Phật trọn chẳng đạt được gì, dẫu có bàn nói thì đa phần là cuồng vọng, chẳng bị trách tội là đã may mắn quá rồi. Nào kham khen ngợi quá lố như thế, cảm thấy hổ thẹn cùng cực! Quang đời trước lắm tội lỗi, sanh ra liền mắc bệnh mắt, trong suốt sáu tháng gào thét khóc lóc, trừ lúc ăn ngủ ra, trọn không lúc nào không khóc gào. May nhờ thiện căn đời trước, còn được thấy mặt trời và kinh Phật thật may mắn quá. Bản chú giải của các hạ kích thước chữ quá nhỏ, nhất loạt chẳng dám xem. Một phần hai mươi [như đã nói trong lá thư trước] là một phần này đem chia thành mười phần, trong phần Tạp Ký chiếm đến tám chín phần, lời chú giải chỉ chiếm một hai phần mà thôi. Chỉ lấy phần này xem đại lược, chứ hoàn toàn chưa đọc trọn một trương. Các hạ giữ tấm lòng khiêm hư như thế, nào phải đợi người quáng mắt trình bày mỗi điều, ắt sẽ đúng đúng sai sai, không điều gì chính mình chẳng biết rõ.

Cư sĩ Hoàng biết lỗi mạnh mẽ sửa đổi, có thể là bậc tận tụy tu tập thực tiễn, là bậc anh hùng trong Nho môn, làm kim thang cho Phật pháp. Kính vì pháp môn và chúng sanh mà chúc mừng, pháp vận sẽ thông suốt, đã có người chế ngự những kẻ lấn hiếp Phật giáo. Trong lá thư trước đã nói đến Tấn Đức Lục rồi, tôi không nhàn rỗi, làm sao tìm thấy có điểm nào lầm lạc trong cuốn sách ấy cho được? Bát Triều Toàn Thi tuy tôi không đọc được, nhưng sẽ trân trọng cất giữ vì một là để làm kỷ niệm, hai là dùng để tra cứu.

Ma-ha-bát-nhã chỉ cho kinh Bát-nhã được nói đến trong thời thứ tư [của năm thời đức Phật thuyết pháp]. Nói chia chẻ ra thì có tám bộ, nhưng tám bộ ấy đều là các hội[108] trong bộ Bát-nhã 600 quyển. Do vậy, nói chung chỉ có kinh Đại Bát-nhã mà thôi! *"Hoa Nghiêm hải không" (*Kinh Hoa Nghiêm như biển cả, như hư không) nghĩa là một bộ kinh Hoa Nghiêm vượt trỗi các kinh, lý bao trùm các kinh, gồm vô lượng pháp môn, chỉ rõ nhất chân pháp giới, ví như biển cả chứa đựng

[108] Những bản kinh mang tên Bát-nhã trước thời ngài Huyền Trang chỉ là các hội hoặc một phần của các hội trong kinh Đại Bát-nhã, chẳng hạn hội thứ 10 Bát-nhã Lý Thú Phần, đã được ngài Bồ-đề-lưu-chí dịch với tên gọi là kinh Thật Tướng Bát-nhã Ba-la-mật, ngài Kim Cang Trí dịch là kinh Kim Cang Đảnh Du-già Lý Thú Bát-nhã, ngài Bất Không dịch là kinh Đại Nhạo Kim Cang Bất Không Tam-ma-da…

khắp các dòng nước, dường như hư không mênh mông chứa đựng muôn hình tượng, vì thế gọi là "hải không".

Hơn nữa, những pháp được nói trong kinh Hoa Nghiêm chính là pháp để thành Phật ngay trong một đời này. Dù đã thành Phật, bất quá là đích thân chứng được tâm tánh vốn sẵn có mà thôi, chứ trọn chẳng đạt được pháp nào. Vì thế kinh Lăng-nghiêm nói: *"Viên mãn Bồ-đề quy vô sở đắc"* (Bồ-đề viên mãn quy về chỗ không có gì để đạt được); Tâm Kinh nói: *"Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa nãi đắc cứu cánh Niết-bàn"* (Do không có gì để đắc nên Bồ-tát bèn đắc Niết-bàn rốt ráo); kinh Kim Cang nói: *"Diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả"* (Diệt độ hết thảy chúng sanh rồi nhưng thật sự chẳng có chúng sanh nào được diệt độ). Đó gọi là "không - hữu chẳng lập, một đạo thanh tịnh". Do vậy, gọi là "hải không". Tôi thấy biết thô lậu như thế, chẳng biết các hạ nghĩ sao?

Mồng 9 tháng này, Trung Hoa Thư Cục gởi đến ba cuốn Linh Học Tùng Chí, tức là báo ra vào ba kỳ 3, 4, 5, do vậy bèn đọc đại khái. Thấy tạp chí ấy dạy người sửa lỗi hướng lành, bàn cặn kẽ về sanh tử luân hồi, có lợi ích lớn lao cho kẻ không tin nhân quả và chấp trước tà vạy rằng không có ba đời. Còn phần nói về Phật pháp và Quán Âm, Văn-thù, Phổ Hiền giáng đàn chỉ dạy, đều là do những linh quỷ hoàn toàn chẳng biết gì về Phật pháp giả danh. Trong số báo thứ tư, cõi trời gồm hai mươi bốn thừa như trong "Phật giáo" do linh quỷ mạo danh Văn-thù Bồ-tát dạy, và thứ tự của 24 địa vị trong Phật giáo do linh quỷ mạo danh Phổ Hiền Bồ-tát giảng dạy đều là nói nhăng nói cuội.

Còn kinh Phật Đảnh Hỗn Nguyên là do bọn linh quỷ ăn trộm ý nghĩa từ kinh Kim Cang, Tâm Kinh ngụy tạo ra. Dẫu trong kinh ấy những lời lẽ phần nhiều trích từ kinh Phật thật sự, nhưng cũng chớ nên lưu truyền thọ trì vì tà chánh xen tạp, giống như bỏ chất độc vào món ăn ngon, chẳng dùng để đỡ đói được. Kinh Vô Lượng Độ Sanh càng là thứ nói năng mù quáng. Trộm sợ các hạ tín tâm chân thật, thiết tha, cũng xem kinh này giống như kinh Cao Vương rồi vì đó sẽ tán dương, lưu thông thì hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, tội lỗi chẳng nông cạn đâu! Đã mạo nhận là tri kỷ của ông, nào dám chẳng trình bày đại lược lời lẽ của kẻ cắt cỏ, đẵn củi để ngăn ngừa hậu hoạn "vì thiện tâm mà chuốc lấy ác quả" hay sao?

Các hạ đã ghi tên gia nhập làm hội viên hạng ba của họ, chỉ nên bảo họ chú trọng nêu tỏ những chuyện "sửa ác hướng thiện và hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ, kiêng giết, kiêng dâm, giữ phận khiêm cung, ghìm mình khiêm nhượng, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện v.v.". Vô thượng diệu đạo của đức Như Lai há những đàn cơ thỉnh linh tiên có thể tuyên dương diễn thuyết được chăng?

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát, Tướng Quốc Vương Định Cửu đều do có kẻ cầu cơ mà giáng xuống dạy đạo, nhưng đều nghiêm ngặt răn cấm cầu cơ. Hãy nên lấy đó làm khuôn thước!

Lời luận định của ông Kỷ Văn Đạt về cầu cơ rất có đạo lý, ông ta cho rằng đàn cơ giả nhiều thật ít[109], người thông đạt, bậc sáng suốt hãy nên kính nhi viễn chi, chớ nên chuyên dốc sức vào nơi ấy để rồi bị bọn tiểu quỷ, tiểu thần mê hoặc. Như trong bài Tạp Toản thứ chín của Linh Học Tùng Chí số thứ ba, ông Thạnh Thành thuật chuyện "hồn người sống giáng cơ" như sau: Cha ông ta một bữa nọ đốt bùa thỉnh tiên, cơ lay chuyển mạnh mẽ, vẽ hai vòng tròn và một vạch đứng trên mâm cát suốt hai tiếng đồng hồ chứ không viết gì khác. Cha ông ta bảo những người hiện diện nơi đàn cầu cơ là do họ chẳng nghiêm túc khiến thần bị chọc giận. Mọi người sụp lạy liên tiếp, cơ bút vẫn vẽ như cũ, mọi người đều sợ hãi. Chợt trong đám người nhà, có người từ Đơn Gia Kiều trở về nói: "Phía dưới gầm cầu có một gã gánh phân nằm mê mệt bên đường, miệng lẩm bẩm rì rầm, tình trạng giống như bị bệnh ngặt nghèo, hãy mau đi cứu, sợ để lâu không kịp nữa!" Cha ông ta liền đốt bùa tống tiễn thần tiên rồi đi ra xem thì thấy gã gánh phân đã tỉnh, cho biết: "Tôi nằm mộng thấy đến một chỗ nọ, hương đèn sáng choang, mọi người hướng về phía tôi sụp lạy. Tôi không biết đáp ứng ra sao bèn vẽ trên mâm hai cái thùng với một cây đòn gánh của tôi để chỉ cho họ biết, bọn họ càng sụp lạy nhiều hơn, kính cẩn nhiều hơn. Tôi chẳng biết làm thế nào, cứ vẽ đi lại cái hình tả nghề nghiệp của tôi mà thôi!" Ông Thành tự nói: "Do vậy lòng thành tin tưởng vào chuyện cầu cơ ngày càng tăng hơn!"

Tôi nói: "Lòng thành tin tưởng vào chuyện cầu cơ của ông Thạnh Thành là chỉ biết tiến mà không biết lùi!" Ôi, thỉnh tiên mà người gánh phân giáng đàn, vẽ đòn gánh thùng phân chẳng biết bao nhiêu lượt. Nếu không có người từ cầu trở về, chắc [đại chúng trong đàn cầu cơ ấy] sẽ nói cái hình vẽ đó có biết bao điều huyền diệu, sợ rằng đấy là do tiên thánh chỉ dạy ý chỉ huyền áo: "Chấp vào giữa sẽ quán thông tất cả, chấp vào đôi bên, nhưng dùng cái ở giữa!" Chắc chắn chẳng dám ức đoán rằng: "Đây là thùng phân, đòn gánh!" Đến khi gặp "tiên nhân gánh phân" nói toạc ra thì hình vẽ ấy chẳng đáng một đồng! Suốt nửa ngày miệt mài cầu khẩn gã gánh phân, khôn ngăn hổ thẹn, bàng hoàng. Vì thế cần biết rằng: Thật

[109] Trong lá thư gởi cho cư sĩ X… của Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển một, tổ Ấn Quang đã dẫn lời nhận định của ông Kỷ Văn Đạt (Kỷ Quân): "Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả vờ. Tôi cùng anh là Thản Nhiên hầu cơ bút, tôi làm được thơ nhưng viết chữ xấu. Khi tôi hầu cơ bút thì thi từ mẫn tiệp, chữ viết nguệch ngoạc. Thản Nhiên hầu cơ bút thì thi từ tầm thường, chữ viết ngay ngắn, cứng cỏi. Quỷ giả mạo cổ nhân, hỏi đến những điều bí hiểm, sâu kín trong những tác phẩm của cổ nhân, bèn bảo niên đại quá lâu, không còn nhớ được. Do vậy, biết không phải là thật!"

sự có chân tiên, nhưng kẻ giả danh lại chẳng phải chỉ là gã gánh phân mà thôi! Người trí do chuyện này mà ngộ.

Quang tính nửa tháng sau sẽ đi qua chỗ khác, độ hơn một tháng sẽ trở về. Lúc về chắc sẽ đi vòng sang Thượng Hải, sẽ đến quý cục gặp gỡ một phen để thưa hỏi, học lấy những điều lợi ích. Mong từ nay đừng gởi thư đến nữa để khỏi bị lạc mất!

(*Ngày 12 tháng 7 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918*)

54. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)

Cách biệt mấy tháng, mong ngóng thật sâu. Vừa nhận được thư gởi đến cùng với hai bản chú giải kinh như gặp được pháp nhan, cảm kích, hổ thẹn tột cùng. Quang do nghiệp chướng sâu nặng, mắt gần như mù từ lúc mới sanh, tuy thường luôn sám hối, nghiệp vẫn như cũ. Kính cẩn đem hai bài tựa cuốn Phổ Hiền Hành Pháp Kinh đọc một lượt, thấy lời tựa của Đại Tâm có thể nói là dùng cái tâm tự lập lập người, làm chuyện tự lợi lợi tha, giải trừ mười điều nghi, nêu rõ mười điều lợi ích, đây đâu phải chỉ là bài tựa cho các bản chú giải kinh của các hạ mà chính là lời tựa chung cho những tác phẩm các bậc hoằng kinh xưa nay. Nào ngờ trung châu có vị vĩ nhân như thế! Một chữ "phẩm" cuối cùng dường như không ổn thỏa lắm, tuy không cố ý ngấm ngầm dùng trộm, nhưng đừng dùng theo cách này, sẽ mạo phạm hình thức của kinh, hãy nên đổi thành lời tựa chung. Lời bạt của ông Độn Căn xét về ý nghĩa thì hết sức đề cao, nhưng dựa theo Tông, theo Giáo, hai đằng đều chẳng hợp, nhưng cũng không có quan hệ lớn lao chi lắm, hãy bỏ mặc đấy!

Trong lời tựa của các hạ, phần đầu dẫn lời của Diễn Tông có thể nói là lời bàn luận chẳng thể gạt bỏ được, cuối cùng dẫn câu nói của họ Hồ đủ thấy cái tâm hướng theo lẽ chánh. Sau này nhìn lại bây giờ, cũng giống như bây giờ nhìn lại thuở trước. Giữ được cái tâm "sợ thuở mai sau" thì trọn chẳng đến nỗi nghịch kinh, phản cổ, chuốc lấy tiếng chê cười trong tương lai. Phàm chú giải kinh Phật, phải có con mắt riêng; chớ nên dùng cảnh giới phàm phu để suy lường cảnh giới vi diệu chẳng thể nghĩ bàn của đức Như Lai. Như các ông Kỷ Đại Khuê, Diệp Tích Phụng v.v. do vì lẽ này mà hoằng pháp rốt cuộc biến thành báng pháp, khôn ngăn tiếc nuối vậy. Những điều khác do mục lực chẳng thể kham nổi nên đều chẳng dám đọc.

Thêm nữa, những danh tướng Đại thừa và Tiểu thừa trong kinh giống nhau rất nhiều; giải thích kinh Đại thừa chớ nên dẫn những nghĩa trong kinh Tiểu thừa để giảng giải. Như trong phần Niệm Thiên ở cuối pháp Lục Niệm thì Tiểu thừa

niệm những vị trời ở Dục giới, Sắc giới v.v., còn Đại thừa thì niệm Đệ Nhất Nghĩa Thiên, Đại Niết-bàn Thiên. Nếu với kinh Đại thừa mà dẫn nghĩa Tiểu thừa để giải thích sẽ trở thành hoại loạn kinh tông[110], chớ nên không cẩn thận! Chỉ do một nghĩa này, những điều khác có thể suy ra được.

(Ngày 26 tháng 10 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

Quang hiện đang đả thất, xin đừng gởi thư đến, dẫu có chuyện cần phải bàn bạc cũng nên đợi tới tháng 3 năm sau. Nếu gởi thư đến trước tháng 3, nhất quyết chẳng vâng mệnh phúc đáp, xin hãy từ bi lượng thứ.

Một pháp niệm Phật hãy nên lấy kinh luận Tịnh độ làm chuẩn. Chúng sanh đời mạt nghiệp nặng chướng sâu, tu quán theo Quán kinh vẫn khó thể thành tựu! Do vậy, chư tổ của Liên tông phần nhiều đều chuyên lấy trì danh làm pháp tu chủ yếu, vì trì danh dễ dàng, hễ niệm liên tục bèn vãng sanh. Phương pháp nhiếp tâm có nhiều thứ, chứ chẳng phải một, tùy theo căn khí của mỗi người mà áp dụng sẽ tự được lợi ích. Nếu xét tới pháp thiết yếu nhất, nói chung chẳng pháp nào hơn được tám chữ "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" của đức Đại Thế Chí.

Pháp môn niệm Phật tam-muội của Đại Tâm tuy mỗi mặt đều có chỗ thấy biết thông suốt, nhưng chẳng thể dùng để dạy khắp mọi người, vì hạ căn chẳng thể tu được, còn thượng căn tuy có thể tu nhưng không bắt buộc phải dùng phương pháp này. Trong nhan đề của sách, chữ Phật viết nguệch ngoạc, cổ quái, đủ thấy người ấy trong xử sự hằng ngày chưa thể chí thành khẩn thiết đối với Phật. Phàm những thói quen xấu như vậy hãy nên tận lực ngăn ngừa!

Lưu Diễn Tông viết về 65 sức chẳng thể nghĩ bàn của kinh Pháp Hoa, có thể nói đã thâm nhập chỗ u viễn sâu xa của Pháp Hoa, nhưng lại đem mỗi một điều so sánh với Tịnh độ để luận định hơn kém, quả thật chẳng thấu hiểu pháp môn quyền thật của đức Như Lai, chỉ có thể lợi lạc những căn tánh như các vị Nam Nhạc, Thiên Thai trở lên, còn những ai thấp hơn đều bị thuyết ấy cắt đứt thiện căn vãng sanh Tây Phương. Sách ấy tuyệt đối chớ nên lưu thông! Nếu lưu thông tuy có thể làm cho con người tôn kính, tin tưởng Pháp Hoa, nhưng lại khiến cho hết thảy những ai không hiểu rõ giáo lý quyền thật sẽ bởi đó mà miệt thị Tịnh độ chẳng tu. Tịch quang tịnh độ "đương xứ tức thị" (chính là ở ngay nơi đây), chỉ có một mình đức Phật là có thể chứng trọn vẹn; bậc Đẳng giác Bồ-tát vẫn là phần chứng, huống gì những người khác? Nay đem sự thấy biết, pháp chứng ngộ của bậc Đăng địa, Đăng trụ[111] giao cho phàm phu đảm nhiệm, há có nên chăng?

---

[110] Tông là những điều được đề cao trong một bộ kinh, tức giáo pháp chủ yếu của một bộ kinh.

[111] Đăng địa: bậc Bồ-tát đã chứng từ Sơ địa trở lên; Đăng trụ: bậc Bồ-tát đã chứng từ Sơ trụ trở lên.

Trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với chư Phật rồi mà vẫn được Phổ Hiền Bồ-tát dạy cầu vãng sanh. Nay đối với kẻ trọn đủ hoặc nghiệp lại dạy họ bỏ Di-đà Tịnh độ để tu Sa-bà Tịnh độ của đức Bổn sư. Tấm lòng quả thật là rộng lớn, to tát, nhưng cái hại ấy chẳng thể nói cho hết được! Phàm cõi An Dưỡng nơi Sa-bà vốn là cõi Thật báo tịch quang (Thật báo và Tịch quang vốn là một cõi. Ước theo quả báo cảm được thì gọi là Thật báo. Ước theo lý được chứng thì gọi là Tịch quang. Tịch quang không có tướng, Thật báo đầy đủ những tướng trang nghiêm mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn nhiều như số lượng vi trần trong Phật sát hải. Tuy vốn đủ trang nghiêm của các cõi nhiều như số vi trần, nhưng vốn là một pháp chẳng lập. Tuy một pháp chẳng lập, nhưng lại đầy đủ trang nghiêm, như gương sáng trọn chẳng có một vật, nhưng hễ Hồ đến Hồ hiện, giống như thể của hư không tuy chẳng có các tướng, nhưng chẳng trở ngại mặt trời chiếu rọi, mây đùn). Cõi Thật báo tịch quang tịnh độ ấy chỉ có những vị đã đạt đến địa vị Sơ trụ trong Viên giáo mới có thể thấy được.

Trong cõi Phàm thánh đồng cư nơi Tây Phương không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui; còn cõi Phàm thánh đồng cư trong cõi này, ba thứ hoặc - nghiệp - khổ nhóm lại như cái chĩa ba xấu ác, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có thuở nào xong. Do vậy, đem đối chiếu Thật báo tịch quang cõi này và cõi Phàm thánh đồng cư để bàn luận chính là trái nghịch ý chỉ của kinh, trao lầm pháp dược, than thở khôn ngằn! Sao chẳng đem đối chiếu cõi Phàm thánh đồng cư cõi này và cõi Phàm thánh đồng cư của cõi kia để luận định thì mới là lời nói khế lý khế cơ, được ba đời chư Phật đều ấn khả vậy? Ấy là vì hiểu biết chưa tinh tường mà đã muốn chê trách đường lối, nhằm tỏ vẻ đang trong thời cải cách cũng có bậc nương theo đại nguyện luân, sửa đổi pháp môn thích hợp khắp ba căn của Như Lai, là chỗ quy tông kết huyệt cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm sao cho nó được tốt lành hơn đấy chăng?

Ấn Quang không đạo, không đức, tham phỏng ít ỏi, học vấn nhỏ nhoi, chẳng thể vì pháp môn ra sức một câu, một chữ nào, nhưng muốn cho hết thảy hữu tình đều cùng sanh về Tây Phương, chẳng thể không mạo muội phạm đến bậc đại gia, dâng lên sự hiểu biết giống như hòn đá nơi núi khác[112] vậy. Nếu coi trọng pháp, ắt sẽ tha thứ; nếu không, dẫu bảo Quang là tà kiến báng pháp cũng hoan hỷ nhận lãnh, không dám oán trách gì!

[112] Đây là thành ngữ "thác tha sơn chi ngọc" (mượn hòn đá nơi núi khác để làm ngọc) nhằm tỏ ý khiêm tốn, những ý kiến đóng góp của mình vừa thô kệch vừa thiếu giá trị.

Quang mục lực suy kém, gần đây lại bị nhức đầu dữ dội, càng thêm suy kém hơn, do chuyện có quan hệ đến pháp đạo nên chẳng thể không trình bày đại lược lòng ngu thành.

55. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)

Kinh Dịch chép: *"Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý chi ngoại ứng chi, huống kỳ nhĩ giả hồ? Xuất kỳ ngôn bất thiện, thiên lý chi ngoại tắc vi chi, huống kỳ nhĩ giả hồ?"* (Quân tử ở trong nhà, thốt ra lời lành thì ngoài ngàn dặm còn đáp ứng, huống gì những kẻ ở gần ư? Thốt ra lời chẳng lành, ngoài ngàn dặm còn chống đối, huống là những kẻ ở gần ư?) Cư sĩ Diễn Tông một lòng đau đáu cực lực đề cao sức chẳng thể nghĩ bàn của kinh Pháp Hoa, hiềm rằng chưa biết tường tận về nguyên do, nên viện dẫn kinh văn, phân tích phán định sự hơn kém, chẳng những trái nghịch pháp môn phổ độ chúng sanh rốt ráo của ba đời chư Phật, mà còn trái nghịch quá đáng những ý nghĩa *bổn, tích, khai, hiển* trong kinh ấy. Uổng phí cái tâm tốt đẹp để gây lầm lạc cho mình lẫn người!

Trong thư trước, tôi đã vâng mạng đáp lời, trình bày đại lược những nét đại khái, thưa là quyết chẳng thể lưu thông sách ấy. Hai ba bữa nay lại có mấy người bạn tại gia từng đọc sách ấy khôn ngăn đau đớn, biết Ấn Quang lòng dạ thẳng tuột, ăn nói thẳng băng, sẽ dám trình bày, khuyên can, từ ngoài xa mấy ngàn dặm đều gởi thư và sách ấy bảo Ấn Quang hãy làm hòn đá mài để trần thuật lẽ lợi hại, chớ để cho sách ấy được lưu thông hòng bảo toàn danh dự cho ông Lưu trong đời này, tránh khỏi quả báo trong vị lai, khuyên thiện, răn lỗi cho trọn hết tình nghĩa bè bạn trong pháp môn.

Trộm nghĩ, Ấn Quang người hèn đức mỏng, nói ra ai chịu nghe, một lần quấy nhiễu là đã quá đáng rồi, nào dám quấy nhiễu lần nữa? Tiếp đó nghĩ Ấn Quang đời trước bất hạnh, đến nỗi đời này sanh ra liền bị bệnh mắt, xuất gia hơn 30 năm, tuy thường siêng năng sám hối, do nghiệp chướng sâu đậm nên tâm chẳng nhập được đạo, mắt ngày càng quáng lòa, đoán rằng chắc là do báo đời trước nói sai Phật pháp làm hại chánh nhãn của người khác nên chiêu cảm quả báo này; suy nghĩ đến đây, lòng càng thêm nhức nhối, từ ta suy ra người, thế khôn ngăn được. Muốn cho ông Lưu và hết thảy mọi người đời đời kiếp kiếp được nhục nhãn sáng ngời, đời đời kiếp kiếp được pháp nhãn thanh tịnh, thấu hiểu sâu xa ý Phật, chứng triệt để tự tâm, dẫn dắt khắp các hàm thức cùng lên bờ giác, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ do quả báo chiêu cảm như Ấn Quang; cũng nhờ vào công đức ấy mà Ấn Quang tiêu bớt nghiệp chướng này. Dẫu bị nói là chỉ trích, bài xích trước tác của bậc thông suốt sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục A-tỳ, chịu khổ cả kiếp dài lâu, nhưng

khiến cho hết thảy chúng sanh đều hưởng lợi ích, chỉ mình ta chịu khổ thì cũng là hạnh phúc lớn lao, được ban thưởng vô cùng không gì bằng.

Xin hãy bảo ông Lưu đừng in thêm sách ấy nữa, những sách đã in từ trước, trừ những sách đã bán ra ngoài, phàm những sách còn lưu giữ đều phó cho Bính Đinh[113] hết. Đừng nói là làm như vậy sẽ uổng phí bao nhiêu đó tiền tài, khó thể làm theo được. Nên biết rằng, người đời thường dùng tiền tài để làm các công đức, trọn chẳng chịu dùng tiền tài để chuộc tội lỗi. Lại có kẻ chẳng chịu làm công đức, rốt cuộc gặp phải trộm giặc, nước, lửa, vẫn bị hư hao. Huống chi sách này có những điểm gây lầm lạc cho người khác, thiêu đi chính là công đức đấy! Nếu chẳng lượng thứ cho lòng ngu thành, vẫn lưu thông y như cũ, rất sợ rằng những người nhiệt tâm bảo vệ pháp đạo nhà Phật sẽ mạnh mẽ dấy lên, viết luận chê trách, in ra sách, đăng báo, lưu truyền khắp Thần Châu[114] thì danh dự lẫn lợi ích hai đằng đều bị hao tổn.

Nếu xót thương lòng tôi ngu thành, thủ tiêu ngay sách ấy đi, ắt người ta sẽ nói ông Lưu rốt cuộc kiến địa cao minh, nên có thể thông suốt thuận theo lời can gián, chỉ tôn trọng lý. Tuy là mất mặt một lúc, nhưng quả thật chẳng phải là cố ý làm càn. Con người không phải thánh hiền, ai không phạm lỗi, hễ có lỗi mà có thể sửa thì không gì tốt lành bằng! Từ đấy, danh dự ngày càng cao, đức hạnh, danh vọng ngày càng thêm rạng rỡ. Tương lai ắt ở địa vị cao cả nắm quyền cai trị nước nhà, hoằng dương pháp hóa lợi lạc quần manh. Lập công, lập đức, lập ngôn, tự giác, giác tha viên mãn, rạng rỡ tổ tông, nở mày nở mặt tổ tiên, phước lan đến hậu duệ khiến cho ức vạn năm sau vĩnh viễn noi theo dấu thơm thì may mắn nào bằng?

Nếu không, bước thứ nhất xảy chân, khó thể gượng dậy, sự đã qua rồi, hối chẳng kịp nữa! Nếu chẳng coi Quang là kẻ ăn chực ngoài hải đảo để gởi kiếp sống tàn, ngoài chuyện nghĩ đến cái ăn ra, trăm việc chẳng làm được một việc nào, chỉ vì không làm được gì nên cũng không mong cầu gì, dẫu cho được tôn lên chín tầng trời cũng chẳng tăng thêm được chút nào, dẫu vùi xuống chín tầng đất cũng chẳng bị hao tổn chút nào. Vì sao vậy? Do không làm được gì nên không mong cầu, cho nên chẳng có chỗ nào để tăng thêm hay bị hao tổn, dẫu có muốn tăng hay tổn chỉ thành uổng công. Chỉ vì như vậy nên mới dám lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng thừng, bảo ban cùng bạn thiết trong pháp môn. Còn nghe hay không

[113] Ý nói đem hỏa thiêu hết, vì theo Dịch Học, hai thiên can Bính Đinh thuộc hành Hỏa, nên thần lửa cũng thường gọi là Bính Đinh Đồng Tử.

[114] Thần Châu là danh xưng để gọi Trung Hoa đã có từ thời cổ. Tương truyền, vào thời cổ đại, có hai vị vua là Hoàng Đế và Viêm Đế, lãnh thổ của Hoàng Đế được gọi là Thần Châu, lãnh thổ của Viêm Đế gọi là Xích Huyện. Về sau Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế, sát nhập lãnh thổ của Viêm Đế vào Thần Châu. Do vậy, người Hoa vẫn tự gọi mình là Viêm Hoàng Tử Tôn (con cháu Viêm Hoàng) và gọi đất nước Trung Hoa là Thần Châu.

mặc cho người ta tự liệu, chỉ tận hết lòng trung của tôi để thưa bày tấm lòng mà thôi!

(Ngày mồng 1 tháng 11 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

56. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)

Quang túc nghiệp rất sâu, có mắt như mù, thường chuyên chú sám hối để tiêu trừ, nhưng nghiệp vẫn như cũ. Có lẽ vì nhiều kiếp đến nay từng dựa vào ý kiến của chính mình để giảng sai Phật pháp, làm hư pháp nhãn của người khác, gây lầm lạc cho chánh trí của người ta mà ra. Vì thế, trong đời này chẳng dám vì tình cảm xấu tốt đối với người khác mà thốt lời bàn luận. Thà để cho người ta chán ghét, chửi bới, trọn chẳng dám dò tìm những điều người khác ưa thích để khen ngợi hòng tự siểm nịnh, siểm nịnh người. Từ mùa hạ năm ngoái đến nay, trao đổi thư từ với các hạ đến gần một vạn chữ, lòng ngu thành khăng khăng ấy ắt các hạ đã thấy tận gan ruột rồi.

Ngày 24 tháng này, cung kính nhận được cuốn Phật Học Chỉ Nam do các hạ ban cho, liền mở ra đọc đại khái. Thấy những điều được dẫn giải trong phần Thượng Biên là các ngôn luận, sự tích nhân quả do các vị danh sĩ ghi chép; thật đáng chấn động kẻ điếc, làm sáng mắt người mù, khơi gợi, dẫn dắt cho người đời. Dẫu có vài chỗ chẳng thích đáng lắm, nhưng xét về đại thể, sách ấy có ích, tỳ vết nhỏ nhặt nào có hại gì. Nếu phê bình từng điều một thì sự lợi ích càng rộng lớn lắm! Hãy nên cho đăng từng phần trên Thời Sự Tân Báo để làm cho tai mắt người đời được lãnh hội điều mới mẻ, hòng thỏa thích hoằng nguyện của các hạ.

Phần Hạ Biên xét về đại thể cố nhiên là tốt đẹp, nhưng phần luận về mười tông của cụ Dương Nhân Sơn, phần giới thiệu đại lược về Đại tạng của ông Lê Đoan Phủ đã từng đăng trong Phật Học Tùng Báo rồi. Nguyên bản sách Tam Quốc Phật Giáo Lược Sử vốn rất sơ sài, đại lược, nay ông lại rút gọn hơn nữa thì càng bị sơ lược lắm. Những điều khác đều giống như thế, cho đăng hay không đều được cả. Trong những bài ấy, không phải là không có những tỳ vết nhỏ nhặt, nhưng do chẳng quan hệ khẩn yếu, cũng như do Quang mục lực không đủ nên chẳng nêu ra.

Trong các tác phẩm do các hạ biên soạn, chỉ có tác phẩm này là lợi ích rộng lớn nhất, vì người căn cơ trung hạ ắt phải do nhân quả báo ứng mà nhập đạo thì mới có lợi ích thật sự. Nếu không, chỉ là ăn nói trơn tru ngoài miệng, chẳng biết giữ lòng cung kính, cẩn thận để mong đích thân thật sự chứng được. Những kẻ cuồng huệ trong cõi đời đều do lúc ban đầu chẳng uống thuốc nhân quả báo ứng này, nên đối với lời nói "trực chỉ nhân tâm, đương thể tức thị" của Phật, của tổ,

ngược ngạo hiểu lầm thành "mặc tình tùy nghiệp", lấy đó làm căn cứ để trọn chẳng kiêng dè, ác không cần đoạn, thiện chẳng cần tu. Dùng phàm tình để suy lường thánh trí, biến đề-hồ[115] trở thành tỳ sương[116], chẳng đáng buồn ư? Sách này được xuất hiện, ắt sẽ có kẻ ôm lòng run sợ, bồi hồi, bất an; từ đấy chú trọng đạt được lợi ích thật sự, chú trọng xa lìa mối họa thật sự. Từ một người cho đến nhiều người, từ một đời cho đến nhiều đời, được pháp lợi, tắm gội Phật ân, vượt biển khổ, lên bờ giác liên tục chẳng tận. Kính cẩn dùng điều này để chúc mừng các hạ!

Khi xem tới phần thư mục ở cuối cùng, vẫn thấy nêu tên cuốn Pháp Hoa Kinh Lực của ông Lưu Nhân Hàng (Diễn Tông). Mùa đông năm ngoái, các hạ đã trống lòng xin chỉ chỗ sai, tôi đã trình bày lý do chẳng thể lưu thông sách ấy. Về sau, do bạn bè từ xa gởi thư đến, bảo Quang hãy thẳng thừng bày tỏ lời pháp gián (lời can ngăn về mặt pháp), Quang lại thiết tha trình bày những điểm sai lầm của sách ấy và chỉ rõ "lưu thông sách ấy sẽ bị người khác bài xích!" Nếu Diễn Tông cố chấp không nghe, sao các hạ vẫn lưu thông giùm cho ông ta vậy? Ấn Quang và Diễn Tông trọn chưa hề gặp mặt nhau, chưa nói với nhau một lời nào. Hai lá thư lần trước đa phần là tính kế cho ông Nhân Hàng, và một phần ít là tính kế cho các hạ. Nay thì chuyên vì các hạ tính kế.

Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, há chẳng biết "tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe người khác làm bèn vui theo" đều cùng chịu một quả báo do nghiệp thiện hoặc ác hay sao? Nhân Hàng là tự làm, các hạ thay ông ta lưu thông chính là đủ cả những chuyện "tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe người khác làm bèn vui theo". Huống chi Quang hai lượt gởi thư tỏ bày lẽ lợi hại mà các hạ vẫn lưu thông ư? Chắc ý các hạ cho rằng những lời lẽ trong lá thư thứ hai vẫn là do Quang nói thác ra, chứ thật sự chẳng có ai gởi thư bảo Quang can gián.

Ông đâu biết đối với chuyện này, Quang phải tốn khá nhiều công đắn đo; do bọn họ muốn Quang dựa theo từng điều [lập luận của Lưu Diễn Tông] để quở trách, rồi cho ấn tống rộng rãi những lời phê phán ấy để mong sao ai nấy đều cùng biết, chẳng bị mắc hại. Quang cho rằng: "Do tập khí, văn nhân thường mắc phải thói tệ 'tâm vẫn chưa còn hiểu rõ đã muốn nêu tỏ'. Ta nên khuyên ông ta thiêu

---

[115] Đề-hồ (manda) là một món ăn ngon được tinh luyện từ sữa, là vị tinh thuần nhất trong năm thứ vị ngon được chế biến từ sữa (tức sữa, lạc, sanh tô, thục tô, đề-hồ). Do món này ngon nhất nên trong kinh thường dùng để ví với Niết-bàn, Phật tánh v.v.. Theo suy luận thông thường, có lẽ đề-hồ tương ứng với pho-mát (cheese) hiện thời. Ở Trung Hoa còn có một món ăn cũng được gọi là đề-hồ chế biến bằng cách đun nóng sữa tươi riu riu cho đến khi chất kem và chất béo trong sữa đọng thành váng trên mặt. Hớt lấy váng đó cùng chất dầu trong sữa đựng trong chén để nguội gọi là đề-hồ. Xưa kia, món này được coi là một món ăn quý, chỉ có giai cấp quyền quý mới được ăn.

[116] Tỳ sương là oxide thạch tín (arsenic) rất độc, còn gọi là nhân ngôn, ăn vào người bị trúng độc hộc máu, giẫy dụa, co quắp rất đau đớn trước khi chết. Do chất này không có mùi vị, nên người bị hãm hại khó thể nhận biết được.

hủy sách, vĩnh viễn chẳng lưu thông là được rồi. Đâu cần phải nói nhiều gây lắm phiền nhiễu, làm chuyện tốn kém tiền tài!" Do vậy, bèn đem lá thư thứ nhất và lá thư thứ hai cùng gởi đi, lại còn dặn đừng đưa thư Quang cho người khác xem. Ông ta gởi thư trả lời, nói Quang muốn thủ tiêu một cách vô hình, đôi bên ai nấy đều được lợi ích. Đọc xong khiến cho người ta ứa lệ.

Nào ngờ năm nay các hạ vẫn ký tên lưu thông, thì ra lá thư các hạ trả lời Ấn Quang chính là mưu mẹo để dỗ cho đứa bé nín khóc, chứ không phải là lời lẽ thể hiện sự vui mừng, kính phục từ trong tâm. Ấn Quang yêu mến các hạ còn hơn các hạ yêu mến Quang, vì thế lại khóc oa oa. Nếu các hạ chịu rủ lòng thương, bất luận Nhân Hàng nói trước tác của chính mình cao sâu đến đâu, các hạ sẽ bảo ông ta "ông muốn lưu thông thì hãy tự lưu thông, dẫu dùng oai phước để bức bách, tôi cũng chẳng chịu thay ông lưu thông", Quang sẽ hết khóc liền. Nếu không, Ấn Quang chỉ tự oán mình đời trước khẩu nghiệp quá sâu đến nỗi đời này lời nói chẳng được ai tin. Mười pháp giới mặc người tự tạo, nào có liên can gì đến ta? Tuy tâm thật sự chưa thể thỏa thích, vui sướng, nhưng cũng chẳng khóc nữa. Vì sao? Vì vô ích cho người khác, gây tổn hại cho mình; sao bằng thôi đi, lẽ đâu bắt chước chim cuốc (đỗ quyên) gào suông vô dụng? Các hạ phát hoằng thệ nguyện, muốn lợi khắp hết thảy chúng sanh, nhưng lại cực lực lưu thông sách có hại cho huệ mạng của chúng sanh là vì pháp nhãn chưa thể thấy thấu triệt điều tệ ấy hay chăng? Hay là vì tình cảm mà a dua điều người khác ưa thích đó chăng? Quang chẳng thể nào biết được! Nếu vẫn cứ tiếp tục lưu thông sách ấy thì Quang chẳng dám hướng về các hạ mở miệng nữa đâu!

Tháng 8 năm ngoái, tiên sinh Trương Vân Lôi gởi thư đến, Quang gởi thư trả lời nói đại lược: Thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, ông chịu trách nhiệm chính ở tờ báo, đối với những ngôn luận kiêng giết, phóng sanh v.v. và những sự tích nhân quả báo ứng v.v., mỗi ngày hãy nên đăng tải một hai điều, khiến cho người đọc thấy được tấm gương rành rành, giữ lòng răn dè, cẩn thận, dần dần được dồi mài, dần dần được tiêm nhiễm, ngày càng hướng về nơi bậc thánh bậc hiền mà chẳng tự biết. Ông ta gởi thư trả lời cho biết sẽ dành riêng một cột báo, chuyên đăng tải những ngôn luận nhà Phật. Quang đã bắt đầu Phật thất, cố nhiên chẳng trình bày nguyên do. Ông ta cùng với Diệp Bá Cao, Ưng Quý Trung v.v., mười mấy người bàn định chương trình, cho đăng tải hằng ngày. Họ cử ông Diệp Bá Cao chịu trách nhiệm duyệt bài, đọc rồi mới được đăng báo. Đến tháng Chạp, họ đăng thông cáo về việc ấy, mới biết đến biện pháp đó.

Kế đó, Chu Mạnh Do nhiều lượt gởi thư bảo Quang viết luận, thoạt đầu Quang cật lực từ chối, tiếp đó bất đắc dĩ phải ưng thuận, chỉ sao chép lại bao nhiêu đó

bài văn hủ bại của chính mình gởi đi. Nghe nói những bài được đăng tải trong tháng Giêng đều là những văn từ hủ bại của Quang. Cũng có những bài không do Quang gởi, mà là thư của Quang gởi cho người khác, người ta tự gởi đến tòa báo. Quang xin những đồ ăn thừa, giữ được những thứ cơm thừa, canh cặn ấy, những vị danh nhân ấy nhận lấy, đem dâng lên tai mắt của mọi người, khôn ngăn hổ thẹn đến chết người, nhưng cũng chẳng biết làm sao được? Chỉ đành để mặc mà thôi! Viết ra những điều này để chuốc lấy một tiếng cười vậy.

(Ngày 25 tháng Giêng năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

57. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười)

Đã lâu chưa nhận được thư, khôn ngăn mong tưởng, từ đầu xuân đến nay, chắc là đứng ngồi đều hưởng phước, các duyên như ý, xin chúc mừng! Bộ Văn Sao hủ bại của Quang đã được xuất bản. Vào mùa đông năm ngoái, Quang đã báo cho ông Vân Lôi nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán lúc sách được in ra, hãy gói 12 bọc, tổng cộng là 60 bộ, báo tin cho người làm của các hạ đến nhận; 65 bộ kia gởi hết về cho Quang. Ông ta đã cùng Quang tính toán: [Mỗi cuốn sách được tính giá] bớt đi 30% thì với 50 đồng sẽ thỉnh được 125 bộ sách. Nhưng thư cục non gan, sợ sách không bán được sẽ cụt vốn, chỉ in ra 2.000 bộ, đến khi sách được in ra, người thỉnh quá nhiều. Đối với số sách do Quang yêu cầu, dù thúc giục họ cũng không giao. Vân Lôi nhiều lần thúc giục, họ vẫn không giao. Chắc là họ giữ lại để bán ra theo giá thật sự trên thị trường, đợi đến khi tái bản mới giao sách. Chắc là 60 bộ của các hạ, e rằng họ cũng chưa giao.

Tiếp đó nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn, vì trong cuốn Phật Học Tiệp Kính (đường tắt trong Phật học) đã đem những lời lẽ hủ bại của Quang xếp chung với ngôn luận của các vị đại tổ sư, các vị đại cư sĩ, càng thêm xấu hổ không chỗ dung thân. Quang là một kẻ vô tri vô thức, đối với Phật học trọn chẳng hiểu biết gì. Tuy đối với một pháp Tịnh độ tin tưởng sâu xa, nhưng nghiệp sâu tuệ cạn, làm sao nêu tỏ cho được? Dẫu có một hai kẻ thấy Phật kính tăng hỏi đến thì cũng chỉ là lấy những thứ cơm thừa canh cặn để chính mình tự nương cậy, tự giữ mạng sống, hay là những pháp gom cỏ nhóm lá để đáp lời hòng khỏi bị quở trách; nào đáng được xếp chung với các ngôn luận của những vị đại tổ sư, các vị đại cư sĩ. Trong bài Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận (bài luận về cạn hết lòng thành mới đạt được lợi ích thật sự), tôi vốn muốn sưu tập rộng rãi những câu chuyện chứng minh cho vấn đề phước hay tội vì kính trọng hay khinh nhờn để làm khuôn phép răn nhắc lớn lao cho con người hiện thời, nhưng vì mục lực không đủ nên chỉ sao chép được một hai câu chuyện mà thôi.

Sách An Sĩ Toàn Thư trong thế đế bao gồm Phật pháp, do vậy tiên sinh Nhân Sơn cũng đưa tên sách ấy vào trong cuốn Đại Tạng Tập Yếu[117], các hạ soạn mục nói về sách ấy trong bộ Phật Học Đại Từ Điển sẽ có lợi ích lớn lao. Năm ngoái, An Sĩ Toàn Thư đã được khắc in lại ở Vân Nam, ước chừng đến cuối năm sẽ xong, vẫn còn chưa gởi đến. Những văn từ hủ bại của Quang cũng được ghép vào trong ấy. Tuy văn tự hèn vụng, nhưng cũng có thể dùng làm hướng dẫn vụng về cho kẻ sơ cơ.

Huệ Mạng Kinh[118] chính là sách của bọn ngoại đạo chuyên dùng Phật pháp để chứng minh cách luyện đan, lại ngược ngạo lắm phen hủy báng Phật pháp. Các hạ là bậc cao minh, lại còn cực lực hoằng dương Phật pháp, sao lại đem sách ấy xếp vào Phật điển (những kinh sách nhà Phật)? Chẳng những gây hiểu lầm cho độc giả, lại còn ảnh hưởng lớn lao đến tiếng tăm nghiên cứu Phật học của các hạ. Người sáng mắt đọc đến ắt sẽ cho rằng các hạ tà chánh không phân, vẫn theo đuổi chuyện luyện đan.

Hơn nữa, nếu chỉ nói đến chuyện luyện đan thì cũng không gây hại lớn lao chi lắm, nhưng sách ấy dẫn toàn kinh Phật, lời tổ để làm chứng cho phép luyện đan, biến chánh thành tà, khiến cho con người không phân biệt được. Nếu có chỗ nào không thích hợp, ngoại đạo liền sửa đổi câu chữ. Như câu *"duy hữu nhất thừa pháp, dư nhị tắc phi chân"* (chỉ có pháp nhất thừa, hai pháp kia chẳng thật) trong kinh Pháp Hoa, chúng liền giảng là "huệ mạng song tu". Lại còn vẽ hình thận tạng, viết hai bên, một bên thuộc huệ, một bên thuộc mạng, cho rằng "huệ mạng song tu thì mới có thể thành đạo". Dẫn đoạn văn ấy từ kinh Pháp Hoa để làm chứng, nhưng sửa chữ dư thành chữ trừ (thành ra *"duy hữu nhất thừa pháp, trừ nhị tắc phi chân"*) bảo rằng: "Ngoại trừ huệ mạng song tu ra thì không có gì là thật hết." Phàm những tông Thiền, Giáo, Luật, Tịnh, Mật và lục độ vạn hạnh v.v. được nói trong kinh Phật không gì chẳng bị chúng đả phá, bài xích.

Cuốn sách ấy đều do những kẻ hèn kém vô tri tự ấn tống, lưu hành riêng tư, tự truyền thọ riêng tư, bậc chánh nhân quân tử trông thấy đem đốt đi còn không kịp. Nào ngờ các hạ lại đưa sách ấy vào trong từ điển, tai hại không thể kể xiết! Mong rằng với những bản đã in ra hiện nay, hoặc dùng mực bôi đen đi, hoặc dùng

[117] Cuốn này có tên đầy đủ là Đại Tạng Tập Yếu Mục Lục được Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ấn hành vào năm 1866, nội dung giới thiệu danh mục những tác phẩm trọng yếu trong Tam tạng kinh Hán truyền. Đồng thời, đối với mỗi tác phẩm giới thiệu những nội dung tư tưởng chánh yếu của bộ kinh sách ấy.

[118] Huệ Mạng Kinh là một cuốn kinh của Đạo giáo chuyên xuyên tạc những câu kinh Phật để chứng tỏ pháp luyện đan, tu tiên do Liễu Hoa Dương soạn ra vào cuối đời Minh. Họ Liễu thuở nhỏ đã từng vào chùa tu, nên thường tự xưng là thiền sư Liễu Hoa Dương. Về sau, gặp được đạo sĩ Ngũ Xung Hư bèn "hoát nhiên khai ngộ", từ đó tận lực hoằng dương cái gọi là Tiên Phật Hiệp Tông, tức là xuyên tạc, cắt xén kinh văn Phật giáo để chứng minh phép tu tiên.

dao rạch bỏ [trang giấy đã in từ ngữ ấy] để người đọc chẳng bị lầm lạc, cũng như bảo toàn được kiến địa của chính mình. Trong lần in sau này, hãy đẽo bỏ mục nói về sách ấy khỏi ván in thì một nồi canh thơm ngon chẳng bị phân chuột làm ô uế. Lúc Quang mới xuất gia từng thấy sách ấy, tới Bắc Kinh cũng nghe nói có hạng người như vậy. Xuống phương Nam tuy chưa thấy, nhưng tại Hàng Châu Kinh Phường hiện đang lưu thông. Những người lưu thông kinh Phật ấy chính là những kẻ được đức Phật gọi là "hạng người đáng thương xót", nhưng hạng người có thế lực chẳng ra sức ngăn cấm thì người sẵn có tín tâm sẽ nhập tà pháp, rồi từ đấy chỗ nào cũng đều có. Thẹn mang tiếng tri tâm, nên nói thẳng không giấu giếm, mong hãy rủ lòng tha thứ.

(Ngày 25 tháng Giêng năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

Pháp sư Ngọc Phong tuy hành trì tốt đẹp, nhưng kiến giải về mặt lý nhiều chỗ thiên vị. Tu theo những điều được nói trong các trước thuật của sư thì cũng được vãng sanh, nhưng những lời thiên chấp chưa khỏi gây trở ngại lớn lao. Ngay như cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của sư, về ý thì cũng không có chỗ nào chẳng tốt đẹp, nhưng dùng từ ngữ, lập luận thật mâu thuẫn với những bậc cổ đức. "Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu nhất tâm" là đã trái nghịch, lầm lạc với toàn thể. Kinh dạy người ta nhất tâm, sư lại dạy người ta chẳng cầu. Chẳng trừ vọng tưởng mà có thể đạt được nhất tâm hay sao? Chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung. Há có nên vì chẳng thể đạt được mà chẳng giữ lấy pháp ấy hay sao? Nếu do chẳng đạt được mà dạy người khác chẳng giữ lấy pháp ấy thì chính là dạy người khác học theo pháp bậc hạ vậy.

Đại Thế Chí Bồ-tát nói "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối", sư cực lực dạy người khác tán tâm niệm, chẳng tán dương nhiếp tâm niệm. Niệm Phật tuy hết thảy vô ngại, nhưng muốn đích thân chứng được tam-muội thì cố nhiên giữ tâm cho tịnh vẫn tốt hơn. Nếu chẳng thể tịnh thì cũng không trở ngại gì, đấy chính là "ngay trong nơi động mà tịnh". Sư một mực coi tịnh là tà, cho rằng cố giữ cho tâm tịnh là trái nghịch rất lớn ý chỉ "chấp trì danh hiệu, nhớ Phật, niệm Phật", lỗi ấy không thể nào diễn tả được.

Hơn nữa, một pháp niệm Phật bao gồm trọn vẹn hết thảy pháp môn trong một đời [giáo hóa của đức Phật], mà một chữ tịnh vẫn bị đặt ra bên ngoài thì há có đáng gọi là vị chân thiện tri thức trong Tịnh tông hay chăng? Mong lần sau tái bản hãy gạt bỏ mục viết về sách Tứ Đại Yếu Quyết, ngõ hầu kẻ sơ cơ chẳng đến nỗi mắc bệnh, mà người thông suốt cũng không do đâu mà chê cười được. Hoằng pháp lợi sanh thật chẳng phải là chuyện dễ dàng, hễ hơi thiên chấp, bao mối tệ chen chúc nẩy sanh, chẳng thể không cẩn thận!

58. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)

Cuốn Phật Học Chỉ Nam do ông đã rộng lòng ban cho trước đây rất có ích cho kẻ học Phật và những kẻ chẳng tin nhân quả, chẳng tin Phật pháp. Những lời nói của các bậc danh nhân được dẫn trong ấy cũng có những câu chẳng thật đúng pháp lắm, nhưng vì mục lực không đủ nên chẳng thể chỉ ra được. Tiếp đó, nghĩ các hạ dùng cuốn sách làm kim chỉ nam để dẫn dắt người khác vào biển pháp, nếu cây kim ấy bị cong vẹo đôi chút vẫn chưa chắc không khỏi đi sai hướng. Vì thế, nay nêu lên những điều tôi từng thấy được (Quang mục lực không đủ, chưa thể đọc trọn khắp. Ở đây chỉ nêu lên những gì mình thấy được mà thôi). Đối với những điều chưa thấy được, cũng có thể dựa vào đây để suy ra, để rồi các hạ sẽ sửa đổi đại lược lời văn, hoặc bình luận ngay sau câu ấy khiến cho người thấy nghe không bị nghi ngờ, lầm lạc thì mới thỏa thích được cái tâm hoằng pháp độ sanh của các hạ.

Hàng thứ sáu ở mặt sau trang thứ mười bảy cuốn Thượng Biên, nay trong đoạn văn ấy chỉ viết là "ngày đó, tháng đó là trai kỳ Quán Âm", ấy chính là chẳng biết duyên do đức Phật rủ lòng tạo phương tiện khiến cho con người từ tạm thời mà đạt đến thường hằng, do giảm dần mà đoạn dứt. Ở dưới đoạn đó, hãy nên luận cặn kẽ rằng: Đức Phật chế ra cách ăn chay theo trai kỳ (ăn chay theo ngày) vốn là pháp phương tiện để vĩnh viễn đoạn dứt sát nghiệp và thói ăn thịt. Đọc những thiên sách do ông Kỷ (Kỷ Hiểu Lam) ghi chép, biết ông ta tin nhân quả nhưng chưa biết Phật pháp. Phật pháp khó được nghe như thế đấy, những người được nghe là do đời trước vun bồi quả thật chẳng nông cạn đâu! *(Nếu chẳng thêm lời bàn thì chỉ nên ngừng ở chữ tín nơi hàng thứ năm, những phần dưới đều lược bỏ đi).*

Thêm nữa, hàng thứ 8 nơi trang 30, [dẫn lời Viên Tử Tài khen ngợi ông Hồ Bảo Tuyền]: "Ông một đời chẳng chịu vào miếu, thần Phật trông thấy đều đứng dậy." Viên Tử Tài thông hiểu rộng rãi mà vẫn lẫn lộn thần với Phật, gọi thần là "thần Phật" do đây cũng biết rằng ông Viên chẳng biết gì về Phật pháp. (Hàng thứ 11 ghi) "những vị khác như Như Lai, Tiên Tử, Quan Công, Tưởng Hầu[119] đều chưa trông thấy". Tưởng Hầu mà còn chưa trông thấy thì những vị đứng dậy chính là những ông thần như Thành Hoàng, Thổ Địa, hoặc các thần trong năm đường, đều gọi lẫn lộn là "thần Phật", cũng chẳng phải là gây lầm lẫn cho người khác quá đáng ư? (Hàng thứ 13) "Chỉ thần Phật là chánh trực thông minh", (hàng thứ

[119] Tưởng Hầu chính là Tưởng Tử Văn, làm Huyện Úy xứ Mạt Lăng (nay là Nam Kinh) thời Đông Hán, đánh giặc bị tử thương, nhiều lượt hiển linh nên Tôn Quyền nhà Đông Ngô lập miếu thờ, phong tặng tước hiệu Trung Đô Hầu, sắc phong làm sơn thần của Chung Sơn, đổi tên Chung Sơn thành Tưởng Sơn.

8) hãy nên ghi thành "thần trông thấy đều đứng dậy", (hàng thứ 13) nên ghi là "chỉ có thần là chánh trực thông minh" thì kẻ vô tri vô thức chẳng đến nỗi cho là Phật kính trọng ông Hồ Bảo Tuyền.

Trong cuốn Thượng Biên, từ hàng cuối trang thứ 33 cho đến hàng thứ 6 trang thứ 34, hãy nên lược bỏ đi. Đoạn này nói về cách tu luyện của Đạo gia, chứ không phải là Phật pháp. Đem dẫn vào bộ Chỉ Nam, chỉ sợ gây nghi ngờ, lầm lạc cho người ta. Phật pháp chẳng để sót điều thiện nhỏ nhặt nào, nhưng chẳng chấp nhận học chuyện ấy. Điều này khẩn yếu đến cùng cực vậy!

Chương thứ nhất cuốn Hạ Biên, nơi hàng thứ bảy trang 35, nên ghi là: "Phu nhân[120] đến vườn Tỳ-lam, thấy một cái cây to tên là vô ưu." Viết như thế câu văn sẽ trong sáng. Nơi chương thứ nhất, từ hàng 13 của trang 35 cho đến hàng thứ 4 nơi trang sau, phần này thuộc về chuyện oán gia đời trước đòi mạng mà hiện ra hình tướng lạ lùng ấy. Do Văn Hiến Công oán ghét sự hiển đạt rạng rỡ của Quân Ngọc mà chẳng biết nguyên do, cho đấy là Bồ-tát thị hiện, thoạt đầu đặt tên là Phật Nô, tiếp đó nó thiêu đốt ngôi tháp đã xây, trọn chẳng biết là oán gia đời trước đòi mạng vợ chồng đứa con nuôi. "Phật pháp khó thể biết, tà chánh khó thể rõ" là như vậy đó.

Thêm nữa, dòng thứ 14 của mặt sau trang 35, "Quỷ Phương" chính là Tây Vực. Kinh Dịch ghi: *"Cao Tông phạt Quỷ Phương, tam niên phất khắc"* (Cao Tông đánh Quỷ Phương[121], ba năm chẳng thắng) đủ để chứng minh điều này. Đời Thương gọi là Quỷ Phương, đời Chu gọi là Hiểm Duẫn, đời Hán gọi là Hung Nô.

Cuốn Hạ Biên, nơi dòng thứ 8 thuộc mặt sau trang 38, dưới câu "nhập tam-ma-địa" nên ghi là: "Do ta cúng dường Quán Âm Như Lai khiến cho thân ta thành được ba mươi hai thân ứng hóa, tùy cơ thuyết pháp khiến cho các chúng sanh đạt được mười bốn thứ công đức vô úy và bốn thứ vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn nơi thân tâm ta." Như thế mới chẳng trái nghịch ý nghĩa của kinh mà ngữ ý cũng được thông suốt. Nếu chỉ ghi "ta cúng dường Quán Âm, khiến cho mười phương

---

[120] Phu nhân ở đây là phu nhân Ma-gia, mẹ đức Phật. Vườn Tỳ-lâm tức là vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini). Vô ưu (aśoka được phiên là a-thúc-ca, hoặc kimśuka – chân-thúc-ca, khẩn-chúc-ca, kiên-chúc-ca), còn được dịch là xích sắc, nhục sắc hoa, được coi là một loài cây thánh ở Ấn Độ, có tên khoa học là butea frondosa, thường chỉ mọc ở bán đảo Ấn Độ cho đến Tích Lan. Cây cao đến hai ba mét, lá và hoa đều to. Lá thường được dùng để chế thuốc nhuộm, hạt cây ép ra dầu có tính sát trùng, hoa màu đỏ, trông từa tựa như hình bàn tay người.

[121] Theo từ điển Từ Hải, Quỷ Phương là tên một dân tộc thời cổ, thuộc thị tộc Quý Phương. Vào thời nhà Ân, nhóm dân này sống ở Thiểm Tây và phía Bắc tỉnh Sơn Tây, là cường địch của nhà Ân Thương lẫn nhà Chu. Cao Tông chính là vua Vũ Đinh nhà Ân đã đánh nhau với tộc người này dai dẳng suốt ba năm. Do dân Quỷ Phương sống ở phía Tây Trung Hoa nên chữ Quỷ Phương thường để chỉ chung các dân tộc sống ở phía Tây Trung Hoa.

chúng sanh xem thấy âm thanh" thì thành ra có đầu không đuôi, ngữ ý không trọn vẹn.

Trong dòng kế tiếp viết: "Kính xét: Phẩm vị của Bồ-tát vốn thông với chư Phật", nên viết là: "Phật thuộc quả vị, Bồ-tát thuộc nhân vị. Dù quá khứ đã thành Phật đạo, nhưng lại hiện làm thân Bồ-tát thì cũng chẳng nên gọi lẫn lộn là Phật." Bồ-tát hiện hình trong sáu đường, không thân nào chẳng hiện. Há nên chỉ dựa vào những thân đã hiện để biện định phẩm vị ư? Các hạ chưa suy nghĩ sâu xa ý nghĩa của đoạn kinh văn vừa dẫn nên mới phạm khuyết điểm này (Câu "lúc ta làm Bồ-tát" chính là chỉ lúc trong quá khứ, ngài còn chưa thành Phật).

Mặt sau trang 79, dòng thứ 6: "Mổ con trai được La-hán, được Quán Âm", từ dòng thứ 8 là "từ trong con trai thấy được tượng Phật, hay tượng Bồ-tát", những ghi chép thường được lược bớt giống như thế. Hơn nữa, xưa kia có kẻ chẻ đầu lợn tìm được nhục thân Phật nơi răng hàm. Giết dê nấu chân giò mãi không chín, chẻ ra thấy có tượng Phật bằng đồng. Giết trâu cắt lấy thận, mổ ra tìm được tượng Phật bằng thịt. Bắt được con trai to, cạy ra không được, ý muốn bỏ mặc đó cho nó tự há miệng, thấy trong con trai có một vị Phật bằng ngọc trai. Đấy đều là vì Phật, Bồ-tát đại từ bi hiện thân trong dị loại, rốt cuộc hiện bổn, khiến cho các chúng sanh kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, biết rõ "hết thảy chúng sanh do mê trái bổn tánh nên đọa lạc trong ác đạo, nhưng cội nguồn tâm tánh trọn chẳng khác gì Phật". Nếu ta chẳng sớm giác ngộ, tương lai cũng đọa vào trong những loài ấy; đâu dám chẳng tự thương mình, xót người, lớn tiếng đau đớn kêu gào cùng làm cho mọi người mau lên bờ giác ư?

Còn như vỏ con trai ở Phổ Đà có hình Phật là do kẻ gian ngụy tạo, được bán quanh năm ở các tiệm đã mấy chục năm rồi. Họ cắt đôi vỏ trai ra, bỏ tượng Phật bằng đồng vào trong ấy rồi ghép lại. Có người nói, kẻ làm giả bắt con trai còn sống, mổ ra nhét tượng đồng vào rồi nuôi trai trong nước, đợi khi chúng lành vết thương bèn bắt ra đem bán. Cách chế biến sống hay chết như thế nào, rốt cuộc không hiểu rõ, nhưng ngụy tạo là chuyện hết sức đích xác. Ôi, kẻ gian mang tâm cầu lợi, cũng có thể nói là trí trá đến cùng cực, nhưng họ đã che mắt người ta được thì sẽ thường do đấy mà bán được, chẳng đáng buồn sao? (Đối với chuyện vỏ trai ở Phổ Đà hãy lược bỏ một đoạn, bỏ đoạn ngụy tạo giữ lại đoạn nói về sự thật. Nếu chẳng lược đi thì người ta ắt sẽ đua nhau mua, chắc sẽ đến nỗi do thứ ngụy tạo mà nghi ngờ thứ thật, không thể không cẩn thận).

Dòng 10 trang 83, "xét ra chú Đại Bi phát xuất từ kinh Đại Bi Đà La Ni thuộc Mật Bộ. Quán Thế Âm Bồ-tát nói chú này xong, mặt đất chấn động sáu cách, trời mưa xuống bốn loại hoa, chư Phật hoan hỷ, chúng hội đều được lợi ích. Đại Phạm

thiên vương thưa hỏi tướng mạo của chú này", Bồ-tát nói "tâm đại từ bi là tướng mạo của chú này" cho đến câu thứ 10 "vô thượng Bồ-đề tâm là tướng mạo của chú này". Hãy nên viết như thế thì văn tuy đại lược nhưng lai lịch rõ ràng. Ông Lương (Lương Khải Siêu[122]) chẳng nêu bày lai lịch khiến cho cả mười câu đều hỏng.

Dòng thứ 4 thuộc mặt sau trang 83, gồm hơn 20 điều. Dòng thứ 7, dùng vị Hộ Pháp Kim Cang để giải thích chữ Kim Cang trong [tựa đề kinh Kim Cang] Bát-nhã[123]. Ông nói là tìm chữ tương đồng để gạt bỏ chỗ sai khác, chẳng đoái hoài về lý là đúng hay sai, sao mà cũng chẳng hiểu nghĩa kinh đến mức cùng cực như thế? Ông Đàm Khê biên soạn nhiều năm mà cũng nói như vậy, Lương Cung Thần[124] thuận theo cách hiểu của cha nên ghi như vậy. Đủ thấy Đàm Khê và cha con họ Lương đều là hạng tin Phật nhưng chẳng biết Phật pháp. Nói chung là vì đời trước thiện căn chẳng chân thật, cho nên đời này suốt đời thọ trì đại pháp của Như Lai mà rốt cuộc vẫn là kẻ đứng ngoài cửa. Hãy nên ghi: "Tiên sinh thường nói kinh Kim Cang nghĩa lý sâu xa, uyên áo, ba đời chư Phật đều do kinh này mà ra. Nếu có thể chí thành biên chép, đọc tụng thì không phước nào chẳng đưa đến, không họa nào chẳng diệt. Vì thế kinh dạy: Kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn."

Dòng thứ 11 nơi mặt sau trang 83, từ trang 90 trở đi cho đến câu "Phật chẳng đáp lễ ta", hãy nên lược bỏ đi. Ông Viên Tử Tài học rộng, thông đạt, mà trong phần truyện ông Hồ Bảo Tuyền[125] ở cuốn Thượng Biên đã gọi lẫn lộn thần là "thần Phật", bảo "thần Phật" thấy ông Hồ đều đứng dậy. Trong ấy lại ghi là "các vị khác như Như Lai, Tiên Tử, Quan Công, Tưởng Hầu đều chưa thấy", phần cuối

---

[122] Rải rác trong Văn Sao, nhất là trong những lá thư gởi cho Đinh Phước Bảo, tổ thường chê ông Lương Khải Siêu học Phật chưa đến nơi đến chốn, chỉ viện dẫn ý kiến của một hai tác giả Nhật Bản, chứ không đích thân nghiên cứu kinh điển tường tận, nên thường nêu ra nhận xét hết sức võ đoán, hồ đồ về Phật pháp.

[123] Gọi là Kim Cang Hộ Pháp (Vajrapani) vì các vị hộ pháp này thường cầm chày kim cang (kim cang xử) hiện tướng mạo phẫn nộ, nhằm thể hiện ý đối trị phiền não, biến phiền não thành giác ngộ, đập tan chướng ngại. Còn chữ Kim Cang (Vajra) trong tựa đề kinh Kim Cang là mượn chất kim cang cứng chắc, phá hoại được mọi thứ, không gì phá hoại được để thí dụ Phật tánh thường hằng bất biến có diệu dụng không thể nghĩ bàn.

[124] Lương Cung Thần (1814-?) là một văn học gia nổi tiếng dưới đời Thanh quê ở Phước Châu, tỉnh Phước Kiến, là con trai thứ ba của đại văn học gia Lương Chương Cự. Trước tác nổi tiếng nhất là Bắc Đông Đường Bút Ký, được đánh giá chẳng hề thua kém tác phẩm Doanh Quan Tùng Thoại Toàn Biên của cha. Ông Đàm Khê cũng là một văn nhân nổi tiếng vào đời Càn Long - Gia Khánh, thường xướng họa mật thiết với Kỷ Hiểu Lam, Vương Lan Tuyền v.v..

[125] Hồ Bảo Tuyền (1694-1763) là một danh sĩ đời Thanh, vốn có tên lúc bé là Kim Lan, tự là Thái Thư, người Thanh Phố, phủ Tùng Giang, tỉnh Giang Tô, đỗ tiến sĩ dưới thời Ung Chánh, từng đảm nhiệm chức vụ Tuần phủ nhiều tỉnh, cuối cùng được thăng lên Binh bộ Thượng thư kiêm Thái tử thiếu phó, Thái tử thái bảo dưới thời Càn Long. Trước tác còn để lại bộ Thi Văn Tập gồm 20 quyển. Ông được coi là người chánh trực, khiêm cung, cẩn trọng, nên rất được các bạn đồng liêu và hoàng đế kính trọng.

lại ghi "chỉ thần Phật là chánh trực thông minh", cho nên biết rằng vì ông Hồ Bảo Tuyền là quý nhân, chánh nhân (con người chánh trực) mà thần thánh kính trọng. Tài tử vẫn là tài tử, đối với chuyện soạn văn ghi chép sự việc, sao lại hồ đồ cùng cực như thế?

Còn trong chương này thuật chuyện ông Dương lạy Phật, tượng Phật liền đứng dậy lạy trả. Đấy chính là do sức ác nghiệp đời trước mà oán gia trái chủ huyễn hiện cảnh ấy, cốt sao ông ta sanh lòng hoan hỷ lớn lao, tưởng mình đắc đạo liền bị ma dựa phát cuồng, phá hoại công phu từ trước để báo oán. May là ông ta có sức công đức sâu nên chưa bị tổn hoại, rốt cuộc được chánh niệm vãng sanh. Ông Tử Tài và bà nội ông ta tưởng đó là chuyện thật, chẳng đáng buồn sao? Phật là tam giới đại sư, Đẳng giác Bồ-tát lễ bái mà Phật còn chẳng ngăn trở, huống là đáp lễ họ Dương ư? Chánh nhãn chưa mở, chẳng biết cảnh ma. Tử Tài mà còn như thế huống gì những kẻ khác!

(Ngày 28 tháng Giêng năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

59. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)

Vừa nhận được thư khôn ngăn hổ thẹn, Quang mặc sức nói càn, nào đáng coi như khuôn phép? Nhưng một niệm ngu thành, các hạ đã thương xót sâu xa mà chấp nhận. Đối với sách Phật Học Chỉ Nam, Quang chỉ mới đọc kỹ phần bàn luận thêm của Thượng Biên và Hạ Biên, những phần khác chưa thể đọc trọn hết. Do tiện đâu thấy đấy nên chẳng theo thứ tự nào, nêu lên lôi thôi một hai điều. Gần đây mục lực càng thêm suy kém, nếu đọc hết cả bộ sách chắc là rất phí sức, thật khó thể vâng mạng được (chuyện viết lời tựa thì Quang học thức ở ngoài da, nông cạn, bút mực nhạt nhẽo. Mấy chục năm qua, hết thảy những người tri giao chưa có một ai bày ra chuyện này, xin hãy rộng lòng tha thứ).

Tòa báo Thời Sự cũng bảo đem những phần bàn luận thêm của Thượng Biên và Hạ Biên cho đăng báo từng kỳ một, còn phần chánh văn của Hạ Biên họ chỉ nói đã đăng trong Phật Học Tùng Báo, có lẽ phần sao lục chi tiết từ sách Tam Quốc Phật Giáo Lược Sử không cần phải đăng *(*Quang lại bảo ông Vân Lôi: Tác phẩm Thiếu Niên Tấn Đức Lục của ông Đinh chính là khuôn mẫu cho bọn thiếu niên, hữu ích lớn lao cho thế đạo nhân tâm, ngoài chuyên mục Phật học, hãy nên đăng tải đầy đủ tác phẩm này để giúp cho công cuộc vãn hồi thế đạo nhân tâm).

Vì sao biết bài Đại Tạng Đại Lược là thủ bút của ông Đoan Phủ? Khi tờ Phật Học Tùng Báo đăng bài văn này, ông Đoan Phủ đang chịu trách nhiệm biên tập cho tờ Tùng Báo; hơn nữa ông ta đã chấp thuận lời mời của Tần Già Hoa Viên

hơn nửa năm rồi. Đoan Phủ học thức cao minh, bút mực siêu diệu, tăng tục thời gần đây hiếm ai sánh bằng.

Trích lục những câu danh ngôn để phụ trợ giáo lý, dẫu chẳng ghi tên người nói những câu ấy cũng chẳng phải là cướp đoạt cái hay của người khác. Nếu mạo nhận đề tên chính mình thì mới nói như vậy được, chứ chưa đề tên mình thì cần gì phải quá khiêm tốn? Nhân quả báo ứng là phương tiện đầu tiên để nhập đạo của Nho giáo lẫn Phật giáo, mà cũng là cương tông để chứng đạo của Nho giáo lẫn Phật giáo. Người đời thường coi nhân quả báo ứng là chuyện thiển cận, đến nỗi bao nhiêu kẻ chẳng thể vượt khỏi thường kiến và đoạn kiến. Nếu chẳng theo gót bọn xiển-đề thì cũng là phường "kể chuyện ăn, đếm của báu"! Sách Pháp Hoa Kinh Lực của ông Lưu Diễn Tông đã sớm bỏ đi rồi, công đức vô lượng. Cái hại của sách ấy chẳng thể nào nói tường tận được! Tuy khen ngợi Pháp Hoa nhưng chẳng khen ngợi được đạo của Pháp Hoa. Cái tội trái nghịch Pháp Hoa đã đáng thiêu hủy rồi, huống chi phá hoại pháp môn Tịnh độ "rốt ráo thích hợp khắp ba căn khiến cho ai nấy được liễu thoát ngay trong đời này" của ba đời chư Phật ư? Bạn bè đau lòng buốt óc, nuốt lệ bảo với Quang, cho nên Quang mới hai lượt giãi bày lẽ lợi hại. Nếu chẳng tin, xin hãy tới Phổ Đà, sẽ đưa những lá thư gốc và thư họ trả lời Quang cho ông đọc, ắt sẽ tự biết Quang chẳng nói dối. Quang vô học, vô đức, vì bất đắc dĩ, chỉ đành bắt chước dấu tích "gom chữ, quét lá" để đáp ứng, chỉ mong tắc trách cho xong chuyện, nào đáng khen ngợi quá mức? Hổ thẹn, sợ hãi khôn ngằn!

Cư sĩ hiện đang là người cực lực hoằng dương Phật pháp bậc nhất, để dạy người thì chính mình phải hành, cố nhiên nên ăn chay trường. Ngay cả vợ con, bạn bè, cũng nên bảo họ ăn chay trường. Dẫu nhập đạo chưa sâu, chẳng thể hoàn toàn dứt ăn mặn được, cũng nên dạy họ do giảm dần mà đoạn được, đấy chính là nghĩa trọng yếu. Người đời chẳng biết loài vật đều do nghiệp lực mà có, tưởng "trời sanh ra những loài ấy vốn để nuôi con người". Nếu biết được lý sâu "hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai", ắt sẽ có chuyện ăn vào chẳng thể nuốt xuống được. Cố nhiên cư sĩ hãy nên đem thân làm gương cho người khác, hãy nên vĩnh viễn dứt bỏ chuyện ăn thịt. Dẫu cho ăn rau bên cạnh thịt[126] cũng chẳng cần phải bắt chước hình tích của bậc Đại sĩ thuở trước, bởi lẽ người hoằng pháp cần phải hiểu thời cơ. Thời bây giờ chẳng giống như thời cổ, nhằm buổi giọt nước đã đông thành băng thì trọn chẳng thể dạy người khác ăn mặc như trong tiết hè để đến nỗi làm hại tánh mạng của người ta.

[126] Theo Pháp Bảo Đàn Kinh, khi phải trốn tránh do bị môn nhân của ngài Thần Tú truy bức nhằm đoạt lại y bát, tổ Huệ Năng đã phải sống nhờ đám thợ săn. Đến mỗi bữa ăn, ngài chỉ gắp ăn những lá rau bên cạnh thịt.

Ông thành lập Bần Dân Giáo Dục Xã (Hội giáo dục dân nghèo) đủ chứng tỏ tấm lòng đau đáu chân thật, thiết tha, tiếc rằng Quang nghèo trơ nghèo trất, chẳng thể tùy hỷ được, thiếu sót vô cùng. Tuy chưa xem Phật Học Tiểu Từ Điển, nhưng đọc qua lời tựa, biết có khảo chứng tra cứu, có ích lớn lao cho đồng luân. Nhưng sách được in trên giấy có độ bóng, nếu mực in bỏ ít chất nước thuốc, sách chỉ giữ được mười mấy năm, hiếm sách nào giữ được hơn 20 năm. Nếu mực in bỏ nhiều chất thuốc thì mấy năm liền phai nét, Quang đã từng thử nhiều lần rồi. Trước đây, Quang từng đặc biệt vì chuyện này mà gởi thư cho Phật Học Tùng Báo và nhân tiện, thưa trình chín điều. Năm trước, tôi đã vì ông Chu Mạnh Do, giao cho chú tiểu ở Pháp Vũ sao lục lá thư ấy; chú ta vì làm biếng viết chữ nên đã lược đi ba điều trước đó và ba điều sau trong bức thư. Tôi cũng đem ý này thưa với ông Đoan Phủ, được đăng tải trong báo Thời Sự. Xin đọc bài ấy sẽ biết được nỗi lo canh cánh hèn tệ của Quang.

Cố nhiên, đối với bọn thương nhân chỉ cầu lợi, chẳng thể nào nói với họ về chuyện này được. Các hạ chỉ muốn hoằng pháp lợi sanh, ắt cần những sách vở in ra giữ được rất lâu chẳng bị phai nét chữ thì mới có lợi ích thật sự và đạt được lợi ích rộng lớn. Nếu mau phai nét thì chỉ phí tiền của, đến nỗi đánh mất lợi ích thật sự. Dám thỉnh các hạ phát lòng từ bi lớn lao, hết thảy những sách hữu ích cho thế đạo nhân tâm đều đừng dùng loại giấy ấy. Chỉ những loại đọc xong liền bỏ đi thì dùng loại giấy ấy để in cũng không sao. Quang không có sức làm công đức, tính dùng lời nói này coi như là thí kinh sách cho hàng Phật tử tín tâm khắp thiên hạ trong đời sau. Không chừng nhờ đây mà tiêu nghiệp lụy, được vãng sanh.

Tòa báo Thời Sự cũng đăng tải một trang nêu ra những thiếu sót, giống như thư gởi cho các hạ, nên không cần phải sao chép lại để gởi đi. Cuốn Giáo Dục Sô Nghĩa (những ý nghĩa quê mùa về giáo dục), văn lẫn lý đều hay, nhưng trong đoạn cuối cùng, dường như mắc khuyết điểm khơi gợi con người khinh miệt tam giáo. Phàm là người trong giáo hội, ai có thể cư xử vượt ra ngoài tam giáo, ai có thể tự lập một giáo ở ngoài tam giáo để đối kháng tam giáo? Dẫu nhiệt tâm đến tột bực, cũng chỉ tuân theo ý thánh nhân tam giáo để cực lực phụng hành mà thôi. Dẫu cho các tôn giáo ở ngoại quốc và Hồi giáo chẳng tin tưởng tam giáo, nhưng quả vị trong các giáo ấy có vượt ra ngoài quả vị của tam giáo được hay chăng? Những tôn giáo ấy chẳng bao gồm những đạo lý như trời che đất chở trong tam giáo hay chăng? Bất quá, thánh nhân tùy mỗi nơi mà thể hiện hình tích lập giáo, hơi có chút khác biệt.

Dùng ngu kiến để xét, có lẽ nên nói: “Thánh giáo nước ta, gồm ba tông lớn là Nho, Phật và Đạo. Nho mang hoài bão tự lập, lập người, Phật chuyên theo đuổi

tự giác, giác tha; Đạo tuy điềm tĩnh, ẩn dật, nhưng xét về đại thể thì giống như Nho. Nhưng người tu luyện phải lấy chuyện tích đức chứa công, giúp đời, cứu dân làm nhiệm vụ trọng yếu. Nay những người trong giáo hội thấu hiểu tấm lòng 'đối đãi bình đẳng với mọi người, thiên hạ là của chung', phát khởi tấm lòng giúp già, an trẻ, không chỉ thương yêu riêng người thân của chính mình, không chỉ lo chăm chút con cái của chính mình. Lòng son nhiệt tâm thật sự lấp trời đất, lòa nhật nguyệt. Nếu người trong cả nước đều cùng phát cái tâm này, cùng làm chuyện này thì không một ai chẳng được yên vui, cõi đời đại đồng sẽ lại được thấy trong ngày nay. Lợi ích ấy lớn lao thay! Tôi nguyện ai nấy đều suy xét" (tiếp đó, ghi đúng như nguyên văn).

Những trước thuật của con người gần đây thường đề cao quá đáng [những pháp đang được mình đề xướng] với dụng ý muốn cho người khác tin chắc vào pháp của mình, thói tệ miệt thị cổ nhân phá pháp cũng bắt nguồn từ đây. Khổng tử đã nói: *"Nhất ngôn nhi hưng bang, nhất ngôn nhi táng bang"* (Một lời hưng thịnh nước nhà, một lời vùi lấp nước nhà). Một đằng gây nên ích lợi về sau, một đằng gây nên họa hoạn về sau. Viết những sách thông thường chẳng có quan hệ khẩn yếu còn không nên như thế, huống là viết những sách hoằng pháp lợi sanh ư? Cổ đức nói: "Chuyện ấy như cái nạo bằng kim cang để gọt mộng mắt, hơi có chút gì không đúng liền lập tức hư mắt", há chẳng cẩn thận ư? Ông Kỷ Văn Đạt nói: "Đọc khắp các sách được cất giữ bí mật, biết trước thuật của người đời sau kém xa tiền nhân." Dẫu có vẻ tinh vi hơn, nhưng vẫn là thoát thai từ màu lam gốc[127] của tiền nhân, mà dám tự phụ là bậc nhất xưa nay không ai sánh bằng, cũng như nói tiền nhân đều sai lầm hay sao? Do các hạ lòng dạ rỗng rang vì pháp, nên tôi mới dám hiến lời bàn luận thẳng thừng này!

Đối với chuyện giáo dục, nhà trường, Ấn Quang vốn là kẻ đứng ngoài, chỉ vì cảm tấm lòng công bình chánh trực "muốn cho thiên hạ đều dùng thiện pháp để lập pháp", nên nhân đây dâng lên ý kiến ngu muội để ngài xét rõ. Giáo dục trẻ em nghèo thì có lẽ chỉ đối với những đứa có thiên tư cao mai sau ắt sẽ trở thành quan chức, thân sĩ, giúp nước giúp dân là có thể chuyên dùng cách giáo dục trong nhà trường bình thường để dạy dỗ. Chứ những đứa chỉ có thể làm thợ, làm con buôn để tự kiếm ăn bằng sức lực của chúng thì có lẽ nên dạy chữ lẫn dạy nghề giống như chương trình của các cô nhi viện gần đây, chắc sẽ giảm được chi phí cho nhà trường, mà trẻ nghèo cũng được lợi ích thật sâu. Quang thấy phương pháp của cô nhi viện thuộc hội Phật giáo Ninh Ba như sau: Hễ cô nhi đã có thể tự

[127] Câu nói này dựa theo câu tục ngữ: *"Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam"* (Màu xanh dương phát xuất từ màu chàm, mà trỗi hơn màu chàm).

mặc áo, ăn cơm, không cần có người khác săn sóc thì mới cho vào viện. Cách dạy là đọc sách, viết chữ, học làm toán, học vẽ, bện giày cỏ, bện những thứ chiếu, gối, mũ dùng cho mùa hè, in đá, kiểm sách, may vá v.v. đều nhất loạt học hết. Đợi đến năm 15 tuổi khi rời khỏi viện liền có thể tự lực kiếm sống, dẫu có đi học nghề hay học buôn bán cũng dễ dàng.

Trường học bình thường thì bảy ngày nghỉ một ngày và nghỉ lễ, nghỉ cuối năm, nghỉ hè. Trong một năm, trừ những kỳ nghỉ ra, chỉ còn được hơn sáu tháng. Huống chi trong một ngày, tám giờ sáng vào học, bốn giờ chiều tan học, thời gian ấy chỉ gồm bảy tiếng đồng hồ, lại có thời gian rảnh rỗi. Nếu chẳng phải là đứa thiên tư vẹn mười thì học được cái gì đâu, chỉ là uổng phí thời gian, uổng phí một phen khổ tâm của những người lo liệu. Nhưng trường học trong thiên hạ đều theo lệ đó, chỉ lợi cho giáo viên, nhưng bất lợi cho học sinh trong nhà trường, thật đáng than thở, cảm khái! Trong cô nhi viện, chẳng lập kỳ nghỉ, thời khắc học hành hằng ngày cũng kéo dài hơn vì đã kèm thêm thời gian học nghề; nếu thời gian học ngắn ngủi sẽ chẳng thể thực hiện được điều nào. Đối với những sản phẩm chế tạo được, ngoài những món để tự sử dụng, đều đem bán ra ngoài. Tiền lời kiếm được cũng có thể giúp đỡ đôi chút cho chi phí nhà trường. Trẻ nghèo và trẻ mồ côi đâu khác nhau cho lắm!

Thật sự muốn cho trẻ dù thượng trung hạ căn đều có thể tự lập thì có lẽ phương pháp này thích hợp nhất. Nhưng người đứng trông coi phải là người thật sự lo liệu, nếu không chỉ có hư danh, chẳng thành được chuyện gì. Đấy là thói tệ chung của những kẻ làm việc công từ trước đến nay ở nước ta. Nếu dốc toàn bộ cái tâm độ người của Phật, Bồ-tát, tâm kinh bang tế thế của thánh hiền vào việc này thì nước ta được hưng thịnh sẽ trông cậy vào đây, chứ nào phải chỉ dân nghèo được lợi ích.

60. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba)

Vừa nhận được thư, ông khiêm tốn, khen ngợi Quang quá đáng, khiến Quang hổ thẹn không chốn nương thân. Những điều Quang đã đọc chỉ là những chỗ bàn luận thêm của Thượng Biên và Hạ Biên, những chỗ khác đều chưa đọc tới. Những điểm nêu ra chỉ là những điều Quang đã đọc được. Lời nói chẳng thành văn, nào đáng khắc vào đầu quyển? Nếu chẳng chê bỏ, xin hãy đợi Quang thong thả đọc kỹ Hạ Biên một lượt, rồi sẽ sửa sai, nêu riêng từng điều một để mọi người thương lượng. Nếu chịu nghe theo, Quang sẽ nhân lúc được rảnh rang mà rườm lời mấy câu nhằm làm lời bạt cho ngọn đuốc lớn. Còn như những lời lẽ nhờ cậy Quang chỉ bày để sửa sai trọn chẳng cần phải nhắc tới nữa. Nhưng mắt Quang quả thật

chẳng kham sử dụng được, sẽ phải mất mấy chục ngày nữa mới có thể phúc đáp được.

(Ngày mồng 7 tháng 2 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

Nếu cả bộ sách được sửa chữa thì xin hãy bảo tòa báo đăng trọn vẹn bộ sách ấy. Do trước kia trong sách ấy có nhiều chỗ chẳng thích hợp lắm, sợ gây hiểu lầm cho người khác nên bảo họ chỉ đăng những phần bàn luận thêm thuộc hai cuốn Thượng Biên và Hạ Biên mà thôi. Nay được thấy mấy phen nhã ý của các hạ, chắc là đã nghe theo ngu kiến của Quang. Trước hết hãy nên nêu đại ý sách ấy, chẳng ngại gì cùng mọi người cân nhắc. Nhưng Quang do tâm mục suy đồi, gần đây lại bận bịu đủ mọi chuyện, khắc hơn một ngàn trang sách thì đối với hơn một nửa số trang đã khắc xong đều chưa giáo duyệt được. Lại do phải trao đổi thư từ thuận theo tình cảm, chẳng thể chuyên tâm làm việc ấy được, cho nên phải chậm trễ. Tôi sẽ sang Dương Châu vào khoảng tháng 5 hay tháng 6, đến đấy liền sửa đổi bản khắc chữ để cho in ra biếu tặng. Lại còn những sách được tái bản, phải đợi tới sang năm mới lo liệu được. *(tái bút)*

61. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn)

Hôm qua nhận được thư và lời tựa của các hạ dành cho tác phẩm Cú Giải lớn lao, khôn ngăn cảm kích. Bộ kinh Pháp Hoa mầu nhiệm có được một bản hoàn chỉnh, ấn loát lưu thông, quả thật là may mắn lớn. Nhưng theo như những gì các hạ đã nêu ra, cũng có chỗ tự cắt thịt thành vết thương vậy. Cố nhiên Quang chẳng thể trình bày cặn kẽ từng điều một được.

Trong phẩm Phương Tiện, chữ vĩ (葦) trong câu *"nhược thảo mộc cập vĩ"* (nếu dùng ngọn cỏ cây), chữ vĩ (葦) có khi bị viết thành bút (筆). Trong bộ Chánh Ngoa Tập (sửa đổi cho đúng những điều sai lạc), ngài Vân Thê giải thích chữ vĩ (葦) âm đọc như chữ vĩ (緯), có nghĩa là cây hay hoa vừa mới nhú. Nếu xét kỹ ý nghĩa, chưa chắc đã là chữ bút, bởi lẽ trẻ nhỏ đùa bỡn kiếm được loại cây cỏ và búp hoa của các loại cây cỏ nào đều dùng móng tay để vạch lên đó. Vì thế, vẽ kiểu này trọn chẳng phải là như vẽ trên giấy hay lụa, mà là vẽ trên mặt đất, trên vách, hay trên đồ vật. Sách Tự Vị và Tự Điển[128] đều có thể dẫn làm chứng cứ, chắc không cần phải chèn ép ngài Vân Thê để khoe ra sự hiểu biết.

[128] Tự Vị (Tự Vựng) là bộ tự điển do Mai Ưng Tộ soạn vào đời Minh, gồm 14 quyển, có đến 33.179 từ ngữ, được hoàn tất vào năm Vạn Lịch 43 (1615). Bộ sách này được dùng làm tài liệu tham khảo chính để soạn Khang Hy Tự Điển về sau này.

Tự Điển được nói đến ở đây gồm hai bộ tự điển: Khang Hy Tự Điển và Trung Hoa Đại Tự Điển. Khang Hy Tự Điển được hoàn thành vào năm Khang Hy 55 (1716) do Văn Hoa Điện Đại Học Sĩ Trương Ngọc Thư và Văn Uyên Các Đại Học Sĩ Trần Đình Kính chủ biên. Bộ tự điển này là công sức suốt sáu

Chữ trà (茶), trong kinh của Nhật Bản đều viết thành chữ đồ (荼), chứ không phải chỉ mình chữ *cưu bàn trà* (鳩槃茶). Tra trong tự điển thì chữ đồ cũng có thể đọc là trà, và cũng có nghĩa giống như chữ trà. Vì thế, chớ nên dựa theo kinh điển Nhật Bản rồi chê bai kinh sách Trung Quốc đều viết sai. Nếu quyết định phải viết là đồ thì những chữ đồ phải đọc thành âm trà[129] nhiều lắm! Hãy đem cách đọc chữ 荼 theo âm đồ (塗) để đọc những chữ khác.

Câu *"hình thể thù hảo"* (hình thể hết sức đẹp đẽ) hoặc *"đoan chánh thù diệu"* (đoan chánh tuyệt diệu), chữ thù viết là 姝 mà viết là 殊 cũng được.

Không cần phải dẫn các sách để làm chứng, chỉ cần dựa vào chánh văn của kinh để quyết đoán là được rồi. Há lẽ nào trong hết thảy các sách, đối với cùng một chữ đều không sai khác hay sao? Một pháp tam-muội được nói trong kinh Lăng-nghiêm còn có thể hiểu thành ba thứ, chẳng thể nói rạch ròi một thứ nào. Huống là những chữ trọng yếu khác đều theo lệ chung giống như vậy hay sao? Ba thứ là tam-muội, tam-ma-đề, tam-ma-địa, trong một kinh mà còn nhiều thứ chẳng duy nhất, huống là nhiều sách ư?

Ông sửa chữ mạt (末: cuối, ngọn) thành chữ mạt (抹: nghiền nát)[130], chớ nên quá cố chấp. Nếu bảo ghi theo lối cổ là đúng thì chữ dùng trong Ngũ Kinh, Tứ Thư hiện thời đều phải sửa đổi, bỏ đi quá nửa thì mới tạm thời gần giống ý [những chữ được dùng vào thời cổ]. Nếu lại muốn dùng đúng nguyên văn như trong thời ấy thì e rằng chẳng có chữ hiện thời nào dùng [để ghi chép Tứ Thư, Ngũ Kinh] được hết.

Chữ cập (及: và) sửa thành chữ nãi (乃: bèn), đúng là sai ngoa, nhưng Quang vẫn chưa thấy bản nào chép sai như vậy, cố nhiên không phải bản nào hiện thời cũng đều chép giống như vậy.

Chữ danh (名) viết thành chữ minh (明) cũng chẳng thể tra cứu được. Sách Cú Giải viết: "Chữ danh liên quan đến phần kinh văn tiếp theo. Chữ này vốn dùng

---

năm trời của hai mươi tám vị danh sĩ như Sử Quỳ, Vạn Kinh, Lưu Nghiễm, Vương Vân Cẩm v.v. cùng biên soạn. Khang Hy Tự Điển có đến 47.035 chữ, chia theo 214 bộ thủ, phiên thiết cách đọc khá hợp lý, đồng thời dẫn chứng chi tiết cách dùng các từ ngữ trong thư tịch cổ nên cho đến nay vẫn được coi là tài liệu tham khảo hữu ích nhất về chữ Hán thời cổ. Bộ Trung Hoa Đại Tự Điển được soạn vào năm 1915, với mục đích sửa chữa những sai lầm trong Khang Hy Tự Điển, đồng thời bổ sung những danh từ mới, nhất là các thuật ngữ khoa học, đồng thời chú trọng sửa đổi cho cách phiên âm và giải thích từ ngữ đơn giản, chính xác hơn.

[129] Vì chữ trà gần với âm tiếng Phạn hơn.

[130] Trong kinh Pháp Hoa vận dụng rất nhiều lối viết giả tá. Mạt được nói ở đây là chữ mạt trong mạt hương（末香）, đáng lý ra phải viết là mạt hương（抹香）, nhưng kinh luôn viết là mạt hương（末香）. Tuy thế, ai đọc đến cũng hiểu, không cần phải cầu kỳ sửa lại những chữ trong những bản đã được lưu hành từ bao đời đến giờ cho nên tổ mới chê ông Đinh Phước Bảo quá cố chấp.

để liệt kê nhiều thứ, sao không có một điều nào khác mà lại dùng chữ danh? Nếu chỉ có một mình điều này mà dùng chữ danh thì sẽ thành cách dịch hỗn loạn"[131]. Nguyệt Thiên Tử, Minh Nguyệt Thiên Tử cố nhiên chẳng phải một, chẳng phải hai. Như có người gọi các hạ là cư sĩ, lại có người gọi là đại cư sĩ, có vì một chữ đại mà gây trở ngại ư?

Chữ minh (冥: tối tăm) cố nhiên nên viết là minh (暝: nhắm tịt mắt lại), manh minh (盲冥: mù mờ, tối tăm) cố nhiên phải viết là manh minh (盲暝: mù lòa), chữ có xưa nay, nhưng nghĩa chẳng tăng giảm, có gì phải nhọc sức so đo tường tận hay dở như vậy?

Chữ trinh (貞) là thân cây, thật (實) là trái cây. Cú Giải vẫn thiếu đoạn phân tích giảng giải về chữ này, trong các bản kinh được lưu thông phần nhiều viết sai chữ trinh thành chữ chân (真)[132], thật đáng đau lòng!

Tập (集) là tích tập, còn tập (習) là tu tập. Chữ tuy khác nhau, nhưng nghĩa có thể dùng lẫn cho nhau. Chẳng riêng gì kinh Pháp Hoa dùng lẫn lộn chữ này, mà trong kinh Hoa Nghiêm cũng thế. Do chẳng hại gì đến nghĩa thì các bản chép sao cứ giữ nguyên như vậy cũng được.

Chữ thọ (受) có nghĩa là được. Chữ thọ (授) có nghĩa là trao cho. Chẳng biết dựa theo nghĩa để định danh, làm sao coi trọng chuyện hoằng kinh cho được. Cố nhiên chẳng phải đợi đến khi có chứng cứ mới biết là sai vậy.

Chữ nghị (議) trong từ ngữ *luận nghị* (論議) viết thành chữ nghĩa (義) cũng không sao, do trong chữ luận đã sẵn đủ ý nghĩa của chữ nghị rồi, mà cái điều được luận nghị (bàn bạc) chính là nghĩa (nghĩa lý) vậy.

Chữ phạt (伐) sửa thành (罰) thì sai ngoa quá mức. Cư sĩ chấp cổ quá mức, nên mới làm thế. Chẳng biết rằng lỗi nhỏ thì gọi là phạt (罰). Như tiểu vương

---

[131] Đây là một câu kinh trong phẩm Tự kinh Pháp Hoa (theo bản của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh): *"Nhĩ thời, Thích Đề Hoàn Nhân dữ kỳ quyến thuộc nhị vạn thiên tử câu. Phục hữu danh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, tứ đại thiên vương, dữ kỳ quyến thuộc vạn thiên tử câu"* (Khi ấy, Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc hai vạn thiên tử cùng đến. Lại có những vị như Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, bốn đại thiên vương và quyến thuộc một vạn thiên tử cùng đến). Sách Cú Giải cho rằng chữ danh ở đây là sai, phải là chữ minh mới đúng. Đa số các bản Pháp Hoa lưu hành hiện thời ở Việt Nam đều chép là chữ minh.

[132] Hai chữ này trích từ câu nói của đức Phật trong phẩm Phương Tiện sau khi những người nghe đức Phật chấp nhận lời thỉnh của ngài Xá-lợi-phất giảng kinh Pháp Hoa liền đứng lên lễ Phật rồi lui về. *"Ngã kim thử chúng, vô phục chi diệp, thuần hữu trinh thật. Xá-lợi-phất! Như thị tăng thượng mạn nhân, thoái diệc giai hỹ!"* (Trong chúng ta không còn cành lá, chỉ còn thân cây và quả. Xá-lợi-phất! Những kẻ tăng thượng mạn ấy lui về cũng là tốt). Do không để ý đến sự đối xứng giữa "chi diệp" và "trinh thật" nên nhiều bản đã tùy tiện sửa "trinh thật" thành "chân thật".

phản nghịch, Luân Vương đi đánh dẹp thì cũng gọi là phạt (罰). Chứ nếu theo như cư sĩ thì [những chữ phạt[133] (伐) trong các câu] *"lễ nhạc chinh phạt, Vũ Vương phạt Trụ"* (禮樂征伐，武王伐紂: Dùng lễ nhạc để chinh phạt, Vũ Vương dẹp Trụ) đều phải sửa thành chữ phạt (罰) hết hay sao?

Oán tặc đã cầm dao làm hại thì chữ nhiễu (繞: vây quanh) ý nghĩa rất khéo, còn ý nghĩa chữ nhiễu (擾: khuấy nhiễu) rất vụng. Chữ oán (怨) đổi thành oán (冤) thì trong kinh sách hai chữ này được dùng lẫn cho nhau. Oán (怨) là oán hận, oán thù; còn oán (冤) là oan khuất, oan uổng. Trong kinh Hoa Nghiêm có gần một trăm trường hợp như vậy, nhưng hai chữ này mỗi chữ chiếm một nửa, do vậy hãy nên sửa cho đúng. Ngay trong kinh Pháp Hoa thì hai chữ này vẫn dùng lẫn cho nhau.

Chữ đa (哆)[134] sửa thành chữ đa (多) thì vẫn là một gốc. Những bản Quang được thấy đều viết là đa (哆).

Tham trước (貪著: tham đắm) hay tham nhạo (貪樂: tham ưa) về ý nghĩa đều có thể dùng lẫn cho nhau, chẳng cần phải dẫn khắp các kinh để chứng tỏ viết như vậy là sai!

Chữ xử (處) chính là thọ (受), thọ chính là xử[135], ông tính sửa cho giống hệt nhau có lẽ quá cố chấp. Sách Mạnh Tử chép: *"Ngô hôn bất năng tấn ư thị hỹ, nguyện phu tử phụ ngô chí minh dĩ giáo ngã. Ngã tuy bất mẫn, thỉnh thường thí chi[136]."* Bốn câu nói này được nói cùng một lúc, thốt ra từ cùng một miệng mà còn chẳng thể dùng nhất quán, đang *ngô* chợt thành *ngã*, huống chi là đối với kẹ

---

[133] Hai chữ phạt này ý nghĩa rất khác nhau, bầy tôi phản nghịch, vua là người bề trên đem quân đánh dẹp thì gọi là phạt（罰）, tức trừng phạt. Còn vì mọi người, vì đại thể mà Vũ Vương phải đem quân diệt Trụ hầu đem lại sự yên vui cho dân chúng (nên nhớ Vũ Vương là chư hầu của Trụ Vương) thì việc đánh dẹp do đại nghĩa ấy sẽ được gọi là phạt（伐）.

[134] Chữ đa này thường được dùng để phiên âm thần chú, thường để phiên các âm ta trong Phạn văn. Khi phiên sang tiếng Việt chữ này thường được đọc trại thành *đá*.

[135] Trong phẩm Hóa Thành Dụ, khi chư thiên mười phương đem cung điện của chính mình dâng lên, đã nói kệ cầu thỉnh đức Phật tiếp nhận, có vị nói là *"duy nguyện thùy nạp thọ"*, có vị nói là *"duy nguyện thùy nạp xử"*. "Xin Phật rủ lòng nhận lấy" hay "xin Phật rủ lòng nhận để ở" thì cũng chẳng khác gì nhau lắm.

[136] Đây là một câu nói của Lương Huệ Vương được chép trong sách Mạnh Tử. Khi sang nước Lương gặp nhà vua, được hỏi về kế sách, Mạnh tử đã bảo: "Nay nhà vua cai trị bằng cách thực thi lòng nhân khiến cho kẻ sĩ trong thiên hạ đều muốn đứng trong sân chầu của nhà vua, kẻ nông phu đều muốn cày ruộng cho vua, con buôn đều muốn tích trữ hàng hóa nơi chợ của vua, người đi xa đều muốn đi trên đường của vua… Làm được như thế thì còn ai ngăn trở nhà vua được nữa?" Lương Huệ Vương bèn thưa: "Con tối tăm chưa thể làm được như vậy, xin Phu tử giúp con, dạy cho con được sáng chí. Con tuy không lanh lợi, nhưng xin thầy cứ dạy thử."

tụng do Phạm Thiên các phương nói ra lại cứ muốn phải sửa sao cho giống hệt như nhau ư?

Sửa chữ đạo (道) thành chữ huệ (慧) tuy dường như không hợp lẽ, nhưng xét kỹ câu kinh tiếp theo câu *"tốc thành tựu Phật thân"* (mau thành tựu Phật thân) thì cố nhiên chữ huệ cũng không sai cho lắm. Các bản ghi sao cứ giữ như vậy là được rồi.

Chữ số (數) sửa thành chữ chư (諸) thì Quang trọn chưa thấy bản nào chép sai như vậy.

Văn (聞: nghe) chính là "văn hương" (聞香: nghe mùi, ngửi mùi), tức là một lần mười và hai lần năm vậy. Chèn ép điều này, đề cao điều kia, hay chèn ép điều kia, đề cao điều này đều sai hết, bản nào giữ theo bản nấy là được rồi. Thiêu (燒) hay phần (焚) đều là đốt. Sửa chữ đắc (得) thành chữ đáng (當) thì Quang cũng chưa thấy bản nào ghi như thế, chớ nên nói các bản hiện thời đều như vậy.

Niên hiệu Thái Khang đời Vũ Đế hay niên hiệu Vĩnh Khang đời Huệ Đế[137], các vị cổ đức đều chưa thể tra cứu trong Tam Tạng Ký Tập, Đại Đường Nội Điển Lục[138], nên không cách nào biện định để sửa cho đúng điều sai này vì Cao Tăng Truyện chưa ghi rõ năm tháng kinh Pháp Hoa được dịch ra.

[Sách Cú Giải nhắc đến] những chữ bị bỏ sót thì tra trong những bản kinh được lưu thông gần đây đều thấy đúng cả. Nhưng chẳng sót chữ thì ý nghĩa của kinh cũng không tăng, mà bị sót chữ thì ý nghĩa của kinh cũng không giảm. Hãy nên ai nấy tuân theo một bản nào đó là được rồi, nếu cứ muốn tham khảo bản này để sửa cho đúng bản kia sẽ trở thành bỏ gốc chạy theo ngọn, uổng phí tinh thần, đối với người, đối với kinh, rốt cuộc có lợi ích gì đâu? Người hoằng kinh hãy nên nương theo *tứ y*. Tứ y là *"y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh"* (nương theo pháp chứ không nương theo người, nương theo nghĩa chứ không nương theo lời nói, nương theo trí chứ không nương theo thức, nương theo kinh liễu nghĩa chứ không nương theo kinh

---

[137] Vĩnh Khang (280-289) là niên hiệu của Tư Mã Viêm (Tấn Vũ Đế) sau khi diệt được Đông Ngô. Còn Thái Khang (300-301) là niên hiệu của Tấn Huệ Đế (Tư Mã Trung) chỉ sử dụng chưa đầy hai năm. Đây là vấn đề tranh luận bộ kinh Chánh Pháp Hoa được dịch trong năm nào. Chánh Pháp Hoa là bản dịch kinh Pháp Hoa cổ nhất do ngài Trúc Pháp Hộ làm Dịch Chủ. Đa phần thiên về thuyết cho rằng kinh này được dịch năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tấn Vũ Đế.

[138] Tam Tạng Ký Tập gọi đủ là Xuất Tam Tạng Ký Tập do ngài Tăng Hựu (445-518) soạn vào đời Lương, còn gọi là Xuất Tam Tạng Ký Mục Lục, Lương Xuất Tam Tạng Tập Ký, hoặc Tăng Hựu Lục. Nội dung ghi chép duyên do, danh mục các kinh và những bản dịch kinh điển khác nhau từ thời Hậu Hán đến đời Lương.

Đại Đường Nội Điển Lục do ngài Đạo Tuyên (596-667) soạn vào đời Đường ghi chép 220 dịch giả, tên gọi của 2.487 bộ kinh.

bất liễu nghĩa). Kinh lưu truyền mấy ngàn năm khắp cả thiên hạ mà muốn cho mỗi câu mỗi chữ [trong các bản kinh được lưu hành] không một chỗ nào bị so le được chăng? Cốt sao xét về ý nghĩa thông suốt là được rồi. Cố nhiên chẳng nên quá chấp trước câu nệ vậy.

(Ngày 28 tháng 2 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

62. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)

Bữa 18 hôm trước đã nhận được sách gởi tới, liền vâng mạng phúc đáp ngay. Đến hôm 20 mới nhận được thư các hạ, bưu cục đều lần lượt chuyển tới các bưu kiện. Các hạ nhắc đến sách Hải Nam Nhất Chước thì sách ấy có lợi lẫn gây tổn hại cho người khác đều có đủ. Thoạt đầu, Quang chấp lý rất nghiêm, sợ người khác mắc bệnh, trọn chẳng hé răng bảo người ta đọc. Rồi sau đấy nghĩ rằng thiện thư trong thế gian thật ít sách tận thiện tận mỹ, chỉ cần có thể tạo được lợi ích thì chẳng ngại gì bảo họ đọc. Dẫu có ai bị tổn hại thì cũng chỉ tùy theo tri kiến của người ấy mà phân biệt lợi hại. Nếu do có chỗ chẳng thích đáng bèn nhất loạt cự tuyệt thì không khỏi đánh mất phương pháp dẫn người khác tiến vào chỗ thù thắng. Vì thế, gần đây tôi cũng thường bảo người khác thỉnh về đọc.

Người soạn ra sách ấy vốn quê ở Giang Tây, họ Từ tên Khiêm, tự là Bạch Phảng[139], ngoài 30 tuổi liền được bổ vào viện Hàn Lâm. Do bẩm tánh chân thật, chất phác nên chẳng muốn làm quan, cũng từng đảm nhiệm chức Sơn trưởng[140] một hai lần. Sau đấy, ở hẳn nơi nhà, chuyên chú khuyên người làm lành và cầu cơ, dân chúng theo học rất đông. Về sau, do một vị cử nhân tại tỉnh thành Giang Tây dạy môn đồ cầu cơ chẩn bệnh khá linh nghiệm, mẹ quan Phủ đài[141] mắc bệnh, thuốc men không công hiệu, do vậy thỉnh đồ đệ ông ta đến cầu cơ kê toa. Thuốc vừa uống vào miệng bà cụ liền tắt thở ngay. Xét kỹ toa thuốc, thấy trong ấy có những vị thuốc kỵ nhau. Do vậy, bèn bắt kẻ ấy đến tra hỏi, ông ta khai ra tên thầy mình, quan liền bắt thầy ông ta thường mạng. Từ Khiêm nghe tin, bèn thôi không dạy người khác cầu cơ nữa, chỉ chuyên chú dạy sửa lỗi hướng lành, tích công lũy đức, bảo con cháu ông ta mỗi người chuyên một nghề, chẳng được đặt chân vào con đường làm quan, ông ta thọ đến 96 tuổi. Lúc lâm chung, có người bạn thân đi đường nghe tiếng thiên nhạc, trở về hỏi thăm, té ra ngay trong lúc ấy, mọi

---

[139] Sách Tam Biên ghi là Bạch Hàng（白航）nhưng trong các tài liệu viết về ông này cũng như trong Tục Biên đều ghi là Bạch Phảng（白舫）, nên chúng tôi cũng phiên âm là Bạch Phảng.

[140] Tương đương chức vụ trưởng ty Kiểm Lâm hiện thời.

[141] Phủ đài là tên gọi khác của chức quan Tuần phủ (đôi khi đọc là Tuần vũ), tức quan đứng đầu một tỉnh dưới thời Minh - Thanh, thuộc ngạch Tùng Nhị Phẩm. Gọi là Tuần phủ nhằm ngụ ý *"tuần hành thiên hạ, phủ quân án dân"* (đi tra xét trong thiên hạ, cai quản quân dân). Chức này được đặt ra từ năm Hồng Vũ 24 (1430).

người đều nghe tiếng thiên nhạc khi ông ta mất. Đệ tử của ông ta thật đông. Sư Liễu Nhất trụ trì chùa Pháp Vũ trước kia lúc còn tại gia là môn sinh cuối cùng của ông ta, nay sư đã 79 tuổi rồi, từng kể chuyện này với Quang.

Điều đáng tiếc là ông ta chỉ có tâm thích điều lành, ưa Phật, nhưng trọn chẳng dự vào lò hun đúc của bậc tri thức đủ mắt, đến nỗi trở thành tri kiến hồ đồ "tà chánh chẳng phân, đúng sai lẫn lộn". Trước thuật của ông ta sao trích kinh Phật lẫn lời giáng cơ, coi chân kinh và ngụy kinh giống hệt như nhau. Ông ta thường có những lời nghị luận, phán đoán xét về văn lý cũng phần nhiều gây sướng tai khoái mắt người khác, nhưng bản Tâm Kinh ngụy tạo lời văn lẫn lý đều thô thiển, hèn kém, chẳng đáng để vào mắt, mà ông ta vẫn coi giống hệt như Tâm Kinh. Đúng là xem mắt cá và trân châu hoàn toàn như những vật giống hệt nhau không khác! Nhưng bản Tâm Kinh được ông ta sao lục từ bản do Quách Lan Thạch đã viết thì lại là cùng một bản gốc, khác người dịch, chứ không phải là kinh ngụy tạo, không thể không biết điều này. Cái gọi là Quán Âm Sám Pháp chính là do gã tăng phàm tục vô tri cắt xén Lương Hoàng Sám và Thủy Sám ghép thành sám văn. Do không hiểu văn lý lại muốn biên soạn thành nghi thức mới nên đến nỗi sự lý và giáo tướng bị mâu thuẫn.

Nội dung của bốn cuốn thuộc phần Nội Hàm [của bộ Hải Nam Nhất Chước] quá nửa là những lời giáng cơ, chẳng đáng để lưu thông. Ông ta tự cho là phần này hết sức tinh vi, hết sức xác đáng. Phần Ngoại Hàm gồm sáu quyển, phần nhiều là chuyện Bồ-tát cảm ứng. Tuy không phải là chẳng mắc khuyết điểm thâu thập tràn lan, nhưng quả thật có lợi ích rất lớn cho thế đạo nhân tâm. Vào đời trước, lúc gieo thiện căn trọn chớ nên gieo lẫn lộn, hễ lẫn lộn thì đời này tà chánh chẳng phân. Từ Khiêm do đời trước đã gieo thiện căn lộn xộn, nên đời này tuy tu chuyên ròng mấy chục năm, chỉ trở thành một bậc thiện sĩ trong cõi tục. Lúc mất, tuy có thiên nhạc là điềm lạ, nhưng chỉ là sanh lên cõi trời, chứ không phải sanh về Tây Phương, bởi vì đối với Phật pháp ông ta trọn chẳng biết đến nghĩa lý đích thực tột cùng, huống chi là pháp môn Tịnh độ ư?

Cổ nhân nói: *"Cộng quân nhất dạ thoại, thắng độc thập niên thư"* (Tạm dịch: Một đêm trò chuyện cùng anh, còn hơn đọc sách loanh quanh mười mùa). Nếu là bậc học rộng nghe nhiều, chẳng cùng những vị thông suốt thảo luận mấy phen, sẽ trở thành "nhai bã của cổ nhân chẳng tiêu hóa được", đâm ra thành đại bệnh. Học hỏi chẳng gặp người thông, đến già rốt cuộc trở thành đống xương. Không riêng gì Từ Khiêm là như thế mà những người giống như Từ Khiêm trong cõi đời quả thật đông lắm đấy!

(Ngày 21 tháng 5 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

63. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)

Hôm qua nhận được thư, biết các hạ muốn lưu thông cuốn Thành Đạo Ký Chú[142], khôn ngăn vui mừng. Ba mươi năm trước, tôi đã từng được thấy sách này ở Hồng Loa, chứ ở Pháp Vũ hoàn toàn không có, liền ra phía trước núi hỏi một người bạn, thầy ấy nói nhà chùa có một bản nhưng đã bị thầy Đương Gia cầm đi hai ba năm rồi, vị ấy lại không có mặt ở chùa. Do vậy, bảo họ tìm kiếm trong nhà kho, phòng chứa kinh, nhưng vẫn chưa tìm được. Vị sư ấy hứa sẽ viết thư hỏi ông ta. Nhưng một cuốn sách mỏng manh nếu chẳng trân trọng, mến tiếc, chắc đã lạc mất rồi! Do vậy, lại gởi thư sang cho thầy Kỳ Căn là Thư Ký chùa Quán Tông nhờ thầy hỏi khắp đại chúng chùa Quán Tông, ai có thì đem nguyên bản gởi thư bảo đảm cho Quang. Đợi đến khi sắp chữ hoàn chỉnh, sẽ kính gởi trả lại. Trong hai chỗ ấy, may ra một chỗ sẽ có. Chứ nếu sao chép ngay trong núi thì hơi khó kiếm được người. Cơ duyên của Phật, của tổ ẩn hay hiển có thời, thần vật ngầm gia hộ, ắt được như nguyện.

(Ngày 25 tháng 3 năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

64. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)

Những sách do các hạ biên soạn như Lục Đạo Luân Hồi v.v. quả thật có thể khiến cho kẻ khinh nhờn chẳng hề thấy nghe hay biết đại đạo sẽ nhanh chóng được mở mang tầm mắt, hồi tâm chuyển niệm, biết chính mình vốn một mực ngồi đáy giếng nhìn trời, lầm lạc suy lường bầu trời bao lớn. Những ghi chép của tiên hiền vốn do túc căn sâu dày, vâng lời di chúc của đức Phật, cho nên chẳng mê muội linh tánh của chính mình, dùng ngôn ngữ, sự tích của thế đế để chuyển pháp luân tùy cơ độ sanh của đức Như Lai. Từ đấy, người sanh lòng chánh tín, phát tâm Bồ-đề, sợ nỗi khổ dữ dội trong luân hồi, hâm mộ sự vui sướng cùng cực nơi An Dưỡng, ắt sẽ một người xướng, trăm người họa, dẫn dắt nhau thoát khỏi cõi Sa-bà này, sanh về cõi Cực Lạc kia, chẳng thể dùng toán số, thí dụ nào để biết được nổi!

Quang đọc xong cảm thấy vui vẻ, may mắn khôn cùng, toan viết một bài tựa để tán dương, nhưng do mục lực không đủ, lại thêm bận bịu không rảnh rang, nên lần chần đến nay. Tuy đã ghép được hơn một ngàn chữ, nhưng do học vấn nông cạn, kém cỏi, kiến địa tầm thường, thấp thỏi, đối với tự tánh ngay chính nơi tâm

[142] Thành Đạo Ký Chú có tên đầy đủ là Thích-ca Như Lai Thành Đạo Ký Chú, do đại sư Huệ Ngộ viết để chú giải tác phẩm Thích-ca Như Lai Thành Đạo Ký của Vương Bột đời Đường. Sách này hiện được xếp vào Vạn Tục Tạng, tập 75. Vương Bột làm quan Bác sĩ thời Đường Cao Tông, cùng với cha và anh đều nổi danh văn tài thời ấy, được xưng tụng là Vương Thị Tam Châu Thụ (ba cây ngọc nhà họ Vương). Vương Bột còn có bài phú Đằng Vương Các Ký rất nổi tiếng.

và đạo tùy cơ lợi sanh vẫn hệt như kẻ lòa trong lúc mây dày sương kín, ngửa trông ánh mặt trời chỉ càng thêm lòa quáng. Vì thế, đối với diệu đạo của Phật, của tổ, cũng như tâm sự của các hạ đều chưa thể nêu tỏ rõ ràng. Lòng biết lời tựa này trọn chẳng thể dùng được, nhưng muốn biểu lộ lòng ngu thành, nên riêng gởi trình dưới tòa, mong hãy rộng lòng phủ chánh.

(Ngày Rằm tháng 5 năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

Tôi có chỗ muốn thưa hỏi đối với ba cuốn sách ấy, sẽ viết trong một tờ giấy khác.

Hơn nữa, cái hại của thuốc phiện chẳng thể nói trọn hết được. Năm ngoái tôi đã bàn chuyện này với Trần Tích Châu, ông ta cho biết trước đây đã từng hút thuốc phiện, nghiện rất nặng, về sau được một toa thuốc, uống vào trừ được tận gốc. Do vậy khôn ngăn khâm phục! Năm nay ông ta lại đến núi, nhân đấy bảo ông ta chép ra toa thuốc ấy để làm lợi đồng nhân. Nhưng Quang ẩn thân ngoài hải đảo chẳng giao du với ai, tuy có toa thuốc ấy vẫn khó thể lợi người được. Trước kia, có người bạn từ Cáp Nhĩ Tân (Harbin) đến nói ở chỗ ông ta bãi bỏ lệnh cấm thuốc phiện, người ta mặc sức hút trọn chẳng kiêng sợ gì. Cũng có người muốn cai nhưng không có cách nào hết, thường ưu tư về chuyện ấy. Do vậy bèn gởi toa thuốc ấy đi, mong ông ta lần lượt truyền bá, để những ai có chí cai nghiện sẽ cùng được lợi ích. Nay nghĩ các hạ có tâm lo cho thế đạo, lại còn hành nghề y, giao du rất rộng, người tin tưởng thật đông. Nếu có ai mắc bệnh này muốn vĩnh viễn trừ tận gốc rễ mà chẳng có được phương cách nào thì chắc là hãy nên đem bài thuốc này tặng cho họ. Do vậy gởi kèm theo thư *(lại nói kèm thêm)*.

*** Tiên truyền tuyệt diệu thần phương để cai thuốc phiện**

(Dẫu là hạng vốn được xưng quốc thủ danh y cũng chớ nên lầm lạc tăng thêm một vị thuốc nào. Nếu tăng thêm một vị thuốc nào đấy, toa thuốc sẽ chẳng linh nghiệm nữa. Hết sức khẩn cầu!)

Cam thảo (radix glycyrrhizae) loại tốt: nửa cân; xuyên bối mẫu (bulbus fritillariae cirrhosa): bốn lạng[143]; đỗ trọng (eucommia ulmoides oliver): bốn lạng.

Dùng sáu cân nước để nấu chung ba vị thuốc, cho đến khi cạn nước một nửa thì bỏ bã, dùng một cân đường đỏ loại tốt nhất đổ vào nước thuốc, đun tiếp gần khoảng một giờ sẽ thành chất cao.

1. Ba ngày đầu tiên, mỗi ngày uống một lạng cao, hút một tiền thuốc phiện.

[143] Một lạng (lượng) gồm 10 tiền, một tiền là mười phân. Tùy theo địa phương mà chênh lệch từ 36g đến 40g. Hiện thời, tại Trung Hoa đại lục quy định một lạng là 50g, trong khi Đài Loan và Hương Cảng quy định một lạng là 37,429g. Một cân là mười sáu lạng (theo Wikipedia).

2. Ba ngày kế đó, uống một lạng cao, hút tám phân thuốc phiện.

3. Ba ngày kế đó, hút sáu phân.

4. Ba ngày kế đó, hút bốn phân.

5. Ba ngày kế đó, hút hai phân.

Từ đấy trở đi, mỗi ngày dùng một lạng cao, hút một phân thuốc phiện. Lại dùng cho đến ngày thứ mười tám, dùng sau một tháng thì không cần phải hút thuốc phiện nữa, vĩnh viễn trừ được tận gốc rễ.

Nếu trong khi uống thuốc cao, có những bệnh tật phát tác bên ngoài có thể hút thêm lên một phân thuốc phiện. Hút một hai ngày liền thôi, vẫn chiếu theo đúng toa thuốc ban đầu để uống cao, đừng tăng nhiều hơn. Toa thuốc này cai được thuốc mạnh hơn hút thuốc phiện một bậc. Dù ai nghiện nặng, mỗi ngày phải hút mấy lạng thuốc phiện, mà cai bằng toa thuốc này không ai chẳng trừ được tận gốc, lại không bị bệnh gì khác. Nhiều lần thử đều nhiều lần hiệu nghiệm, đúng là toa thuốc thần diệu.

Tiên sinh Trần Tích Châu hằng ngày hút ba bốn lạng thuốc phiện, sau có được toa thuốc này liền nấu một liều uống vào; hết thuốc thì bệnh ghiền cũng hết. Chẳng những không bệnh tật gì mà thân thể còn khỏe mạnh, tinh thần sung túc. Từ đấy bảo khắp với người quen biết, không ai chẳng dùng hết thuốc liền dứt được chứng nghiện. Do tôi nói đến nỗi họa hại của thuốc phiện, ông ta liền kể nguyên do cai thuốc của chính mình. Tôi bèn xin ông ta chép ra để cứu những ai cùng mắc phải bệnh này. Hơn nữa, người cai thuốc phải có tấm lòng "trăm điều thử thách chẳng quay đầu, dẫu chết chẳng thay đổi" thì mới đạt được hiệu quả thật sự của bài thuốc này. Nếu trong tâm trọn chẳng có ý niệm nhất định cai thuốc, đừng nói là dược vị của thế gian chẳng thể hữu ích, dẫu thần tiên đích thân trao cho tiên đan cũng chẳng thể có ích được. Mong người muốn cai thuốc phiện hãy gắng chí uống vào thì may mắn lắm thay!

Đạo lập ngôn muôn vàn khó khăn, dẫu học vấn uyên bác, nhưng muốn trước tác hoặc trích lục những câu danh ngôn, ắt phải suy xét, châm chước kỹ càng. Xét đến tình thế của từng câu văn, dựa theo ngữ mạch thì mới chẳng đến nỗi mắc khuyết điểm "vì từ mà hại ý" cũng như đem sai lầm truyền tụng sai lầm. Trước kia, tôi đọc Phật Học Chỉ Nam thấy dẫn sách Chỉ Nguyệt Lục[144] có chỗ giản lược

[144] Chỉ Nguyệt Lục (tên đầy đủ là Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục) là bộ sách gồm 32 quyển do Cù Nhữ Tắc biên soạn vào đời Minh, chép sự tích của quá khứ thất Phật và hành trạng, pháp ngữ của chư tổ sư Ấn Độ và các tổ sư Đông Độ cho đến ngài Đại Huệ Tông Cảo v.v.. Tổng cộng là 650 vị cổ đức. Đến đời Thanh, có ông Nhiếp Tiên, hiệu Lạc Độc, soạn tiếp cuốn bộ Tục Chỉ Nguyệt Lục gồm 20 quyển chép hành trạng của cổ đức từ năm Long Hưng thứ 2 (1164) đến năm Khang Hy mười tám (1679).

ý câu văn không nhất quán, có khi chép *"lão bệnh tử tăng"* (ông tăng già bệnh chết) thành *"sanh lão bệnh tử"*, nghĩ rằng các hạ chưa xét kỹ càng, ngẫu nhiên chép sai. Nay thử kiểm cuốn sách này cũng thấy viết như vậy, khôn ngăn than thở!

Phần lớn những trước tác của người thông minh trong đời sau phần nhiều đều có chỗ không suy xét kỹ càng, tài sức có thừa mà chẳng chịu châm chước đôi ba phen, viết lách cẩu thả. Tuy có thể làm lợi cho người khác, người ta tưởng mình là bậc thông suốt bèn dựa theo đó đem sai lầm lưu truyền sai lầm thì lỗi ấy cũng chẳng phải nông cạn. Quang vô đạo, vô đức, ít tham phỏng, ít học, trót được ông lầm coi là tri kỷ trong pháp môn, thường muốn dốc hết sức dò theo từng dòng mực để đáp tạ tri kỷ. Nhưng mắt ngày càng suy, thật khó thể toại nguyện. Nay đem những điều từng thấy được nêu ra đại lược cho xong trách nhiệm, chẳng nói suông mà thôi!

Sách Chỉ Nam trang 40, dòng thứ nhất, ba-la-môn (chữ ba 波 nên viết thành bà 婆), câu "trước hết A-di-đà Phật nhập diệt" nên viết là "trước hết Thích-ca Mâu-ni Phật nhập diệt".

Mặt sau trang 40, dòng 13, những chuyện được trích từ Thần Tăng Truyện[145] tường thuật sự việc và ngày tháng sai lầm, lẫn lộn, không theo thứ tự, quả thật chẳng theo đúng như cách trình bày trong Thần Tăng Truyện và Tống Cao Tăng Truyện[146]. Hãy nên sửa cho đúng theo hai sách ấy.

Mặt sau trang 75, dòng 4, *"những nhà chú giải sai lầm, tùy tiện rất nhiều"*. Chú giải của Tâm Kinh rất nhiều, bản đang được lưu thông hiện thời là bản tổng hợp lời chú giải của năm vị thiện tri thức gộp thành một bản. Những bản chú giải khác được thấy ở các nơi hoặc trong các sách; nhưng kinh nghĩa vô tận, tùy theo sự thấy biết của mỗi người mà soạn lời chú thích. Các hạ phán định là "sai lầm, tùy tiện rất nhiều" khôn ngăn khiến cho người khác kinh hồn vỡ mật. Nếu nói bản Tâm Kinh Tiên Chú dễ lãnh hội, khá có lợi cho kẻ sơ cơ thì được. Nếu nói những

[145] Thần Tăng Truyện (9 quyển) là tác phẩm do Minh Thành Tổ soạn, thu thập những truyện ký, sự tích thần dị của các bậc danh tăng từ xưa cho đến thời Minh như các vị Trúc Ma Đằng, Trúc Pháp Lan, Đạo An v.v., tổng cộng 208 vị.

[146] Tống Cao Tăng Truyện (30 quyển) được biên soạn bởi Tán Ninh (919-1002) đời Tống. Bộ sách này được coi như phần tiếp theo của bộ Tục Cao Tăng Truyện, được khởi soạn vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 7 (982), chép hành trạng của các vị đại đức cao tăng từ niên hiệu Trinh Quán đời Đường Đại Tông (627-649) đến Đoan Củng nguyên niên (988) đời Tống Thái Tông. Do sách được soạn thành ở chùa Thiên Thọ nên còn gọi là Thiên Thọ Sử. Phần chánh truyện chép 531 vị, phần phụ truyện chép thêm 125 vị nữa; chia thành mười khoa như dịch kinh (32 vị), nghĩa giải (giảng giải kinh điển, 72 vị), tập thiền (103 vị)… Riêng phần Tập Thiền được coi là một tài liệu đặc sắc rất hữu ích về lịch sử truyền thừa của Tông Vân Môn cũng như hành trạng của các thiền sư trọng yếu.

bản chú giải cổ đều sai lầm, tùy tiện, lại nói thêm là "rất nhiều" thì không được! Nếu thật sự sai lầm, tùy tiện, xin hãy đem những chỗ sai lầm của năm vị ấy chỉ ra từng điều một để cởi gỡ lòng nghi cho Quang. Nếu không, xin hãy sửa đổi câu này, ngõ hầu chẳng đến nỗi kẻ vô tri vô thức sẽ vì câu nói ấy mà miệt thị cổ đức, dấy lên tội lỗi báng pháp, báng tăng.

Các hạ tâm lợi người hết sức tha thiết, do gấp muốn hoàn thành sách nên có nhiều chỗ lập ngôn không xét kỹ lưỡng. Như trong lời chú thích cho lời tựa của ngài Đế Nhàn lại chê trách tổ Thanh Lương. Trong Di-đà Kinh Tiên Chú khi bàn về sáu phương, tuy là dẫn lời lẽ của người khác, há nên đem sai ngoa để lưu truyền sai ngoa? Trong mùa xuân, tôi thấy sách ấy khá hợp thời cơ, vẫn mong mục lực còn tốt thì sẽ dốc cạn lòng ngu thành, đọc kỹ một lượt để góp sức mọn. Nay mắt đã ngày càng thêm quáng lòa, vì thế chỉ nêu đại khái mà thôi. Quang trọn chẳng kết giao với sĩ đại phu, vì thế ăn nói chẳng hợp lẽ; nếu lỡ mạo phạm, ngàn phần xin đừng quở trách.

Phật Học Khởi Tín Biên, phần nói về Tịnh độ tông ở mặt sau trang 107, Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) sống tại Nhật Bản đã lâu, những điều ông ta trình bày về Phật giáo nói chung đều là dựa theo những điều đã được viết thành sách của người Nhật Bản để luận. Tịnh độ tông Nhật Bản coi ngài Thiện Đạo là Sơ tổ, lý lẽ ấy không xác đáng cho lắm. Vì một pháp Tịnh độ từ Viễn công trở đi thì đời nào cũng chẳng thiếu người cực lực hoằng truyền, xiển dương. Ngay như nước ta chọn ngài Thiện Đạo làm Nhị tổ cũng là chuyện ngẫu nhiên; chứ không phải là sau ngài Viễn công, không có một ai hoằng dương tông này! Đối với tiết mục này có lẽ nên y theo xưa, theo lệ của nước ta. Há nên đem sai lầm truyền bá sai lầm, đến nỗi gây nghi ngờ bàn định cho người đời sau ư?

Thêm nữa, trong 27 vị tổ ở Tây Thiên của Thiền tông không có ngài Thế Thân; do Thế Thân là Pháp thân đại sĩ, đương nhiên cũng triệt chứng Thiền tông, nhưng ở đây nhằm biểu thị các vị viễn tổ [truyền thừa Thiền tông], trọn chớ nên kể tên ngài Thế Thân lẫn vào đó.

Trang 114, trong biểu đồ ở dòng thứ hai, dưới phần Thiền tông ghi *"Ấn Độ vô"* (ở Ấn Độ không có), phía dưới lại ghi *"Trung Quốc đặc sáng"* (do riêng mình Trung Quốc sáng lập). Bảy chữ này cũng không thích đáng cho lắm. Tây Thiên đương nhiên có 28 vị tổ, sao bảo là không có? *(Hơn nữa, nơi mặt sau của trang 113 ở phần trước, dòng thứ nhất)*, đoạn luận về Thiền tông có lẽ chấp chặt sự truyền thừa của 28 vị tổ là lời luận quyết định. Cần biết rằng sự truyền thừa này chẳng qua nhằm thể hiện rõ sự trao truyền [mạng mạch đạo pháp] giữa vị tổ

trước và vị tổ kế tiếp mà thôi, chứ không phải suốt cả một đời của 27 vị tổ[147] chỉ có một đoạn sự tích này. Hơn nữa, chuyện này thật hay giả cũng khó thể biện định được. Nếu nói là thật thì câu trên (tức câu "ở Ấn Độ không có") gây hiểu lầm cho người ta thật sâu, nếu đã bỏ câu trên đi thì câu dưới (tức câu "do riêng mình Trung Quốc sáng lập") cũng không có lý do gì để giữ lại. Hãy nên bỏ đi ba dòng rưỡi này.

Qua những nhận định này, đủ thấy Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) tâm thô gan lớn! Nếu "vì từ hại ý" thì vua Đường Nghiêu lên ngôi mấy chục năm chỉ phát ra chưa quá ba bốn hiệu lệnh để thi hành chánh sự mà thôi. Do cổ nhân chất phác, hơn nữa năm tháng xa xôi, cho nên truyền lại chẳng được mấy, chứ không phải là ngoài chuyện ấy ra trọn chẳng làm gì khác! Chuyện của chư tổ Tây Thiên cứ so theo đây mà biết. Quang học vấn như nhìn vào vách, chẳng qua vì được coi là tri kỷ nên chẳng ngại nói đầu đuôi ngõ hầu ông khỏi phạm lỗi do chấp trước sai lầm mà luận định cổ nhân sai trái mà thôi.

Văn chương của ông Lương Khải Siêu bao trùm cõi đời, thông minh hơn người, tiếc rằng chưa nghiên cứu Phật pháp sâu xa, chỉ trình bày theo đúng như những gì người Nhật đã luận. Vì thế, tuy không đến nỗi gây trở ngại lớn lao, nhưng thường thốt ra những luận định chẳng hợp lẽ! Mạnh tử nói: *"Bác học nhi tường duyệt chi, tương dĩ phản thuyết ước dã"* (Học rộng rãi, giải nói tường tận, [sau khi dung hội quán thông] sẽ quay về với cách nói giản ước)[148]. Nếu ông Lương lắng lòng nghiên cứu mười mấy năm, rồi mới cầm bút soạn luận thì những bài luận ấy đem treo ở cửa Ngọ Môn[149], ai đổi được một chữ sẽ được thưởng ngàn vàng. Hết năm trọn tháng, hoàn toàn chẳng có một ai dám lãnh thưởng. Huống hồ Ấn Quang là kẻ vô tri vô thức, dám múa mỏ để bươi móc vết tích nhỏ nhặt ư? Ông Lương đã như thế mà các hạ cũng như thế, đều do gấp muốn thành sách, chưa rảnh rỗi để châm chước nên mới ra nông nỗi.

---

[147] Theo truyền thống Thiền tông, ở Ấn Độ có 28 vị tổ, Trung Hoa có 6 vị tổ. Ngài Bồ-đề-đạt-ma là tổ thứ 28 ở Ấn Độ, đồng thời là Sơ tổ Thiền tông Trung Hoa. Vì vậy, trong đoạn trên tổ mới nói 'trong 27 vị tổ Tây Thiên không có ngài Thế Thân'. Hơn nữa, ngoài tổ Bồ-đề-đạt-ma được ghi chép nhiều sự tích ra, danh hiệu 27 vị tổ kia chỉ được nhắc đến trong lịch sử truyền thừa chứ không ghi chép rõ hành trạng, nên mới nói 'chứ không phải suốt cả một đời của 27 vị tổ chỉ có một đoạn sự tích này'.

[148] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích.

[149] Ngài Huyền Trang sau khi tham học với các bậc tông tượng tại Thiên Trúc đã trở thành một bậc Đại luận sư lẫy lừng tại Ấn Độ. Năm 41 tuổi, khi sư muốn trở về Trung Hoa, vua Giới Nhật bèn tổ chức đại pháp hội tại thành Khúc Nữ, triệu tập quốc vương 18 nước cùng tăng sĩ Đại, Tiểu thừa, Bà-la-môn, hơn 7.000 người về tham dự pháp hội tranh biện Đại thừa. Sư nhận lời thỉnh làm luận chủ. Để tuyên dương Đại thừa, sư viết ra bài luận Chân Duy Thức Lượng treo ở ngoài cửa thành suốt 18 ngày. Vua hạ lệnh 'nếu ai đổi được một chữ trong bài luận ấy sẽ được thưởng ngàn vàng', nhưng suốt cả 18 ngày không ai bắt bẻ được một chữ nào.

Người đại thông minh, đại danh nhân, lập ngôn ắt phải suy xét kỹ càng, chớ nên cẩu thả bởi người ta sẽ lấy mình làm mẫu mực. Nếu kẻ bình thường có chỗ sai lầm thì người khác còn dễ biết, dễ sửa. Nếu là danh nhân, ắt người ta sẽ tưởng sai là đúng, truyền bảo sai ngoa cho nhau. Như bài văn ghi lại giấc mộng của họ Lý ở cuối sách Long Thư Tịnh Độ Văn, văn ấy rất bình thường, đơn giản, cũng không phải là văn chương sâu xa, nghĩa lý huyền áo gì. Nhưng do viết thiếu một chữ "sơ" (thoạt đầu), những người sao chép về sau đều tưởng là do họ Lý trình bày trực tiếp, chuyện trong lúc còn sống rốt cục biến thành chuyện sau khi chết được mấy tháng, trở thành chuyện cảm được lợi ích sau khi mộng; nhưng phàm những ai sao lục bài văn ấy đều nghĩ như thế cả (như Tịnh Độ Chỉ Quy Tập, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Cư Sĩ Truyện, Liên Tông Bảo Giám, và Nhân Sơn Dương Công Lược Truyện), đủ thấy mọi người càng phải chú ý. Quang một là thiếu học vấn, hai là không có kiến địa, ba là không có hành trì. Vì thế đối với Phật pháp chẳng dám chú thích một chữ, một câu. Gần đây do một hai người bạn lầm lẫn lưu truyền, chia sẻ cho người khác những thứ cơm thừa canh cặn, khôn ngăn hổ thẹn, không chốn nương thân, nhưng chẳng biết làm như thế nào?

Lại nữa, trong ba cuốn sách, dưới mỗi một điều được trích dẫn đều có ghi rõ tên sách, nhưng chỉ có lời của ông Kỷ Văn Đạt là nhất loạt chẳng ghi tên sách, chẳng biết tôn ý ra sao? Nếu theo như ngu kiến thì cũng nên ghi tên sách để gợi tín tâm cho người ta và có chứng cứ để tra khảo.

Thêm nữa, Phật Học Tiểu Từ Điển chữ nhỏ không đọc được, ngay hôm ấy liền đưa cho người bạn đọc. Lúc mới nhận được chỉ mở xem qua mấy trang, và đọc phần phương pháp chọn lựa từ ngữ ở đầu sách mà thôi. Ngẫu nhiên thấy phía dưới con số 52 địa vị có ghi chú rằng: "Tức là địa vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác Bồ-tát." Diệu giác chính là Phật, sao lại kể vào trong số những địa vị Bồ-tát? Nếu nêu chung chung những địa vị thuộc bậc thánh thì được, còn nếu chuyên giảng về địa vị Bồ-tát thì lầm lẫn lớn lắm! Tiên sinh Chu An Sĩ đã từng liệt kê con số này như thế, do vậy tôi biết bậc danh nhân thường có những sai lầm ngoài ý muốn!

65. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)

Hôm Rằm vừa rồi nhận được một gói Phật Học Toát Yếu, một cuốn Tịnh Tọa Pháp Tinh Nghĩa, liền đọc ngay. Biết các hạ đối với mỗi pháp tịnh tọa của tam giáo đều biết được cốt lõi, đầu mối. Nhưng hoằng dương Phật pháp chớ nên xen lẫn chuyện luyện đan vận khí của Đạo gia, sợ kẻ chủng tánh tà kiến sẽ biến tà thành chánh thì muốn làm cho người ta được lợi ích hóa ra lại khiến cho họ bị mắc hại. Toàn thể cách ngồi để tham cứu bản thể như Nho gia đã luận đều là lấy

cách tham cứu của nhà Thiền rồi thay đổi tên gọi, nhưng trọn chẳng nói đến Phật pháp. Dẫu coi là bản lãnh cao sâu, đối với mình lẫn người đều có lợi ích, nhưng lén trộm lấy điều hay của người khác để khoe khoang chính mình tự có thì cái đạo "thành ý chánh tâm" đã biến thành thiếu sót, khôn ngăn người phải cảm khái, than thở!

Trang 15, dòng thứ 8: *"Phật Di Giáo Kinh: Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện"* (Kinh Phật Di Giáo dạy: 'Giữ tâm ở một chỗ, thì không chuyện gì chẳng thực hiện được'). Chữ "nhất xứ" ở đây nghĩa là niệm niệm luôn hướng về đạo, tâm hợp với đạo, tâm và Phật hợp với nhau. Phần giải thích của các hạ dưới đoạn văn này quá chấp hình tích. Nơi dòng thứ 11, chữ *duyên trung* chỉ cho cảnh được duyên bởi tâm, vì thế tiếp đó liền nói: *"Nhược mi gian, nhược ngạch thượng, nhược tỵ đoan."* (Hoặc giữa chặn mày, hoặc trên trán, hoặc chót mũi). Đấy chính là những cảnh được duyên, chứ không phải duyên trung[150] cũng là tên gọi của cảnh. Nếu duyên trung cũng là tên gọi của cảnh thì phải dùng chữ "cập" (và), chẳng nên dùng chữ "nhược" (như là). Đạo gia ăn trộm kinh Phật, nhưng không hiểu ý, lầm lạc xác định vị trí của duyên trung, lại còn muốn ra vẻ khác biệt với Phật, bèn gọi là hoàng trung, nực cười đến thế! Các hạ đọc rộng mà vẫn noi theo Đạo giáo một mực hiểu lầm "cảnh được duyên". Đủ thấy hoằng pháp xen tạp, có chỗ gây lầm lạc cho người khác. Đến hàng thứ 12, "lắng tâm nơi đan điền", đây chính là cách trị bệnh. Vì thế, phần kinh văn tiếp đó nói "lâu ngày ắt trị được nhiều bệnh", chứ không phải là chẳng vì trị bệnh mà cũng lấy đan điền làm cảnh sở duyên.

Dòng 15, 16, *"nhĩ thời đương hệ niệm tỵ đoan, linh tâm trụ tại duyên trung, vô phân tán ý"* (khi ấy hãy nên chú tâm nơi chót mũi khiến cho tâm trụ nơi cảnh được duyên, ý không bị phân tán) đủ thấy "hệ niệm tỵ đoan" chính là "tâm trụ duyên trung" (tâm trụ vào nơi cảnh được duyên). Nếu nói "duyên trung" chính là cảnh thì nhất tâm hệ niệm hai cảnh, há chẳng phải là tâm và cảnh tách rời, do đâu

---

[150] Chữ duyên khi được dùng như danh từ thì chỉ những nguyên nhân gián tiếp dẫn đến kết quả. Nhưng ở đây duyên được dùng như một động từ thì có ý nghĩa *"*nhận biết, dính líu, vướng mắc*"*. Chẳng hạn, 'tâm duyên nơi cảnh', tức là tâm hướng đến một cảnh nào đó, nhận biết cảnh ấy qua lăng kính kiến giải, thiên kiến của chính mình. Để cho rõ, đôi khi các bộ luận thường viết "năng duyên tâm" và "sở duyên cảnh". *Năng duyên tâm* chính là cái tâm phân biệt, nhận thức cảnh, còn *sở duyên cảnh* chính là đối tượng được nhận thức bởi cái tâm ấy. Chẳng hạn như, khi ta nhìn bông hoa nhận biết đó là bông hoa thì cái tâm nhận biết ấy là năng duyên tâm, bông hoa là sở duyên cảnh. Cùng là một đối tượng, nhưng cảnh sở duyên trong sự nhận biết của mỗi người sẽ khác. Chẳng hạn như cùng một bông hoa, nhưng mỗi người sẽ thấy đẹp - xấu khác biệt. Nguyên câu này phải hiểu là *"duyên trung [cảnh] nhược mi gian, nhược ngạch thượng, nhược tỵ đoan"* (những cảnh được tâm duyên đến [trong khi tịnh tọa] như giữa chặng mày, như trên trán, như chót mũi)… Như vậy, ba nơi vừa kể chỉ là liệt kê đại lược những cảnh được duyên. Bọn đạo sĩ hiểu lầm bèn cho "duyên trung" cũng là một trong những vị trí trên thân thể như giữa chặng mày, giữa trán, chót mũi, nên mới bịa ra khái niệm hoàng trung!

mà thành định cho được? Trong dòng 11 ở phần trên, *"sơ học hệ tâm duyên trung: nhược mi gian, nhược ngạch thượng, nhược tỵ đoan"* (kẻ mới học buộc tâm nơi cảnh được duyên như là giữa chặng mày, trên trán hoặc chót mũi). Tuy nói ba cảnh, nhưng rốt cuộc chỉ là duyên nơi một. Vì thế, đối với mỗi cảnh đều dùng chữ nhược.

Các hạ bị lời xằng bậy của Đạo gia xoay chuyển, sao chẳng xét sát sao ý nghĩa kinh văn để thấy được ý chỉ gốc? Đạo gia ăn trộm kinh Phật rất nhiều chỗ giống như vậy đó, hãy nên bỏ qua không bàn đến mới là đúng lý. Nếu dẫn tràn lan vào sách nhà Phật, rồi lại chẳng phân biệt được là đúng hay sai thì chúng sẽ trở thành tấm bùa hộ thân cho những kẻ tà kiến. Những kẻ luyện đan thường coi những pháp như trị bệnh v.v. là lạ lùng, đặc biệt, [lấy những chuyện đó] để chứng minh cho phép luyện đan vận khí, nhưng các hạ chẳng biết dụng ý của chúng, lại bình luận là "giống như duyên để buộc tâm chăm chú vào một chỗ" thì những kẻ khác đạo kia sẽ nói Phật pháp cũng là pháp luyện đan vận khí.

Ngài Bảo Chí Công là bậc Pháp thân đại sĩ hiện khắp mọi sắc thân, há nên đem chuyện tinh hồn[151] xuất thần [biến hóa trong Đạo giáo] để so sánh luận bàn? Hễ lẫn lộn chỗ này thì Môn Cữu Cô Nương[152] và Thuần Dương Lã Tổ sẽ bằng vai phải lứa, chẳng khác chút nào! Sách Lễ Ký chép: *"Nghĩ nhân tất ư kỳ luân"* (Làm người thì phải noi theo lẽ thường). Các hạ lỡ lời, Quang chẳng thể nào vì kiêng nể các hạ mà không nói. Trang 19, dòng thứ 9 ghi *"chủ nhất"* (chú trọng vào một), giảng rất hay. Sao các hạ chẳng áp dụng nghĩa này để giải thích ý nghĩa câu *"chế tâm nhất xứ"* (chế ngự tâm vào một chỗ). Dòng 16, 17 nói đến chuyện "hồi quang" cũng là dấu vết của Đạo gia, nhưng cũng là lời nói do chẳng biết bản thể mà cứ nói vậy. Dòng 21 luận về ý nghĩa pháp thân cũng chẳng phải là những ý nghĩa pháp thân vốn có.

---

[151] Đây cũng là một thuật ngữ của Đạo gia, họ cho rằng linh hồn của mỗi người là một tiểu linh quang, tức từ Đại Linh Quang của Thượng đế chia nhỏ ra, nên linh hồn còn được gọi là 'tinh hồn' tức phần tinh túy nhất được tiếp nhận từ Thượng đế - tinh túy của vũ trụ. Theo họ, những vị tu tiên đắc đạo sẽ vận dụng được khả năng biến hóa thần kỳ của tinh hồn.

[152] Môn Cữu Cô Nương: Đây là một tập tục của phụ nữ thôn quê miền Hoa Nam thường dùng để bói vận may trong ngày lễ Nguyên Tiêu (rằm tháng Giêng), còn gọi là "thỉnh Đoàn Cơ thần" (thỉnh thần sọt). Họ bẻ rúm miệng sọt (cần-xé), phủ vải hoa lên, đem đặt ở ngưỡng cửa, rồi "niệm chú". Tùy theo hình dáng của miệng sọt bung ra khi giở miếng vải lên mà bói xem năm ấy mùa màng, cưới gả, làm ăn tốt xấu như thế nào. "Vị thần" được cầu khấn trong khi bói toán ấy được dân gian gọi là Môn Cữu Cô Nương (cô nương ngạch cửa). Ở đây, tổ chơi chữ, dùng Môn Cữu Cô Nương (là một vị thần quê mùa thấp kém trong tín ngưỡng dân gian, do dân chúng bịa ra) để sánh với vị thần tiên nổi tiếng nhất của Đạo giáo là Lã Động Tân.

Trang thứ 9, từ dòng 30 trở đi, Vi Chỉ Thiên của Bão Phác Tử[153] chính là phần rút gọn của Cảm Ứng Thiên, chẳng nên gọi là bản cội nguồn của Cảm Ứng Thiên. Theo Phật Tổ Thống Kỷ[154], quyển 54, năm Quang Hòa thứ hai (179) đời Hán Linh Đế, Lão Quân[155] giáng xuống núi Thiên Thai, đem Cảm Ứng Thiên truyền cho tiên nhân Cát Huyền[156], đủ biết rằng Vi Chỉ là phần trích lục đại cương [của Cảm Ứng Thiên] mà thôi.

Trang 31, dòng thứ 15 ghi: *"Ấn Quang giới luật trang nghiêm thanh tịnh, tinh thông mười hai bộ kinh"*, khôn ngăn hốt hoảng, thật chết người! Phật pháp chẳng thể coi giống như tình cảm thông tục trong cõi đời được, các hạ rốt cuộc đã biến Phật pháp thành tình cảm thông tục trong cõi đời. Tuy là có ý nồng hậu, nhưng những người biết rõ mười mươi Quang ấp ủ những thứ thấp kém như thế nào sẽ khó thể không chê các hạ nói chẳng đúng sự thật.

Tôi đã gởi Phật Học Toát Yếu sang tỉnh thành Sơn Tây, bảo bạn bè chia ra tặng cho những người có tín tâm, xin vì những người ấy hết sức cám ơn. Thế đạo tình người hiện thời đã hết thuốc chữa, trừ đạo nhân quả ba đời của đức Như Lai ra, dẫu có *tứ vô ngại biện* đối trước người ta thuyết pháp cũng vẫn uổng công. Chỉ cần biết có chuyện nhân quả báo ứng luân hồi sanh tử thì tâm người ta sẽ kinh

---

[153] Bão Phác Tử là hiệu của Cát Hồng (283-363), tự là Trĩ Xuyên, quê ở huyện Cú Dung, Đan Dương (nay thuộc tỉnh Giang Tô) là một nhà giả kim thuật thời Đông Tấn, thường được Đạo giáo xưng tụng là Cát Tiên Ông. Ngoài những tư tưởng hoang đường về thuật luyện đan, Cát Hồng đóng góp khá đáng kể cho y thuật Trung Hoa cổ đại qua những ghi chép về triệu chứng bệnh tật. Trước tác nổi tiếng nhất là bộ Bão Phác Tử và Thời Hầu Cứu Tốt Phương. Ông ta là người đề xướng đường lối Ngoại Đan tức dùng khoáng vật (như thủy ngân, vàng v.v.) nấu với thuốc để chế kim đan, uống kim đan sẽ thành tiên bay lên trời. Do những kim đan ấy có chứa nhiều chất độc hại nên rất nhiều người đã hộc máu chết tươi ngay khi vừa uống xong kim đan theo toa của Cát Hồng. Cho đến cuối đời Thanh vẫn có những người mê muội luyện đan theo sách Bão Phác Tử.

[154] Phật Tổ Thống Kỷ do ngài Chí Bàn soạn vào thời Nam Tống, chủ yếu thuyết minh về hệ thống truyền thừa của giáo học Thiên Thai. Sách này lấy các bộ Tông Nguyên Lục và Thích Môn Chánh Thống làm cơ sở. Sách được phỏng theo cách chép của Sử Ký nên chia thành các phần Bản Kỷ, Thế Gia, Liệt Truyện, Biểu, Chí. Bản Kỷ bao gồm truyện đức Phật Thích-ca, và truyện của các vị tổ mà tông Thiên Thai tôn thờ là 24 vị tổ ở Ấn Độ, 9 vị ở Trung Quốc và tám vị tổ từ thời ngài Hưng Đại trở xuống. Phần Thế Gia gồm truyện của 198 vị tổ thuộc tông Thiên Thai, Nam Nhạc. Phần Liệt Truyện gồm truyện ký của 378 vị tổ từ Từ Vân cho đến Nam Bình. Phần Biểu gồm những biểu đồ hệ thống truyền thừa ở Ấn Độ và Trung Quốc. Phần Chí gồm danh mục các trước tác của tông Thiên Thai, Tịnh độ, Thiền tông, Hoa Nghiêm v.v.. Tuy sách này lấy tông Thiên Thai làm chính, nhưng nội dung sử liệu phong phú, biên chép kỹ lưỡng nên thường được coi là một sử liệu quan trọng để nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc.

[155] Lão Quân chính là Lão Tử. Lão Tử tên thật là Lý Nhĩ, tự là Bá Dương, theo truyền thuyết ông sống trong khoảng 600 đến 470 trước Công Nguyên. Các đạo sĩ do tôn xưng ông là Thủy Tổ của Đạo gia đã đặt ra rất nhiều chuyện huyền thoại quanh ông và tôn xưng ông là Thái Thượng Lão Quân, Hỗn Nguyên Lão Quân, Thái Thanh Đại Đế, Đạo Đức Thiên Tôn v.v..

[156] Cát Huyền (164-244) là em của ông nội Cát Hồng, cũng là một đạo sĩ nổi tiếng, được người đời sau xưng tụng là Thái Cực Cát Tiên Ông. Cùng với Trương Đạo Lăng, Hứa Tôn và Tát Thủ Kiên được gọi là 'tứ đại Thiên Sư' của Đạo giáo.

sợ, chỉ sợ do nhân ác sẽ chuốc lấy quả ác mà thôi, thế rồi khởi tâm, động niệm, xử sự chẳng dám phóng túng không kiêng kỵ, mặc tình mà làm. Dẫu ở trong nhà tối vẫn như đối trước Ngọc Hoàng Thượng Đế! Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp nhân quả thì người đời sau sống trong vòng trời đất muốn được chết yên lành cũng hiếm hoi lắm. Nhưng kẻ cuồng sợ bị trói buộc, kẻ ngu sợ bị ngăn trở chuyện của chính mình, do vậy nếu chẳng bảo nhân quả là chấp tướng thì cũng chê là mờ mịt. Các hạ sưu tập hết những chuyện nhân quả từ các sách vở, gom soạn thành sách, tuy đối với lẽ bổn phận tợ hồ chưa đạt đến cùng tột, nhưng sẽ có ích lớn lao để giúp cho lòng người chưa chết, thiên lý sắp sống dậy vậy!

(Ngày 19 tháng 6 năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

Ông Chu Quần Tranh ở Ôn Châu đọc Liễu Phàm Tứ Huấn cho là văn lẫn lý đều tinh vi, thiết thực, tính bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ đem in để kết duyên, sai Quang viết lời tựa. Lại do nhằm đúng kỳ [thiện tín lên núi Phổ Đà] dâng hương, thường có người tới đây thăm viếng nên đến nỗi chậm trễ mấy ngày, thật là thiếu sót!

66. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)

Đã lâu chưa gặp gỡ, thường nghĩ đến ông, nay có một đệ tử ở Thiểm Tây là Vương Tôn Tổ bị bệnh phổi đã lâu, các cách chữa trị đều vô hiệu. Nghe nói cư sĩ là chuyên gia trị bệnh phổi bèn xin Quang giới thiệu. Những sách do Quang in ra trong năm sáu năm qua, sợ cư sĩ không rảnh để xem, vì thế chẳng gởi. Tôi đã từng gởi hai bộ Sơn Chí của Phổ Đà và Thanh Lương cho ông hay chưa, nay tôi cũng không nhớ rõ. Nay bảo ông ta đem theo cả ba bộ Sơn Chí của Nga Mi, Thanh Lương, Phổ Đà. Ngoài ra còn có Viễn Công Văn Sao, Tang Tế Tu Tri, Niệm Phật Khẩn Từ, Tọa Hoa Chí Quả cùng gói thành một bọc, mong hãy xem khi rảnh rỗi. Cuối cuốn Tọa Hoa Chí Quả có in thêm Tỉnh Mê Lục, cũng rất đúng với căn bệnh phổ biến hiện thời. Cuốn này do một người ở Tứ Xuyên biên tập, một vị cư sĩ gởi đến, do vậy bèn in kèm vào sau.

Vương Tôn Tổ là con trai thứ tư của một người bạn tôi là Vương Ấu Nông. Trước kia, Ấu Nông làm ty trưởng ty Dân Chánh Sự Vụ tỉnh Thiểm Tây, hiện nay làm chủ tịch Hội Cứu Tế Thiên Tai, là người ít thấy trong chánh giới hiện thời. Người đi cùng Vương Tôn Tổ là con thứ của ông ta, tên tự là Thứ Sam, thường sống tại Tô Châu.

67. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Pháp hội lần này là Hộ Quốc Tức Tai; phàm là quốc dân đều nên hết lòng góp phần. Trong khóa tụng sáng tối, Quang cũng đều cầu nguyện. Nay được hội trưởng và các vị sai khiến, cố nhiên phải trọn hết lòng ngu thành của tôi. Chớ nên áp dụng thói khắc khổ giả dối trong thời gần đây đến nỗi chẳng thành ra thể loại của một pháp hội Hộ Quốc. Suốt cả đời Quang chẳng dự vào hội đoàn của ai, cứ hành riêng theo chí của mình. Lúc ở Phổ Đà, thoạt đầu thường trụ mời khắp mọi người đi dự trai tăng thì cũng đi, một buổi trai tăng mất hết hai ba tiếng đồng hồ, cảm thấy chán ngán quá, bèn hơn 20 năm không đi dự trai tăng.

Lần này là chuyện tận tâm cá nhân, nếu thực hiện theo cách thỉnh pháp sư giảng kinh thông thường thì trọn chẳng hợp lẽ. Về biện pháp đả thất thì tuy tôi chẳng thể đả thất cùng đại chúng được, nhưng vẫn phải tuân thủ quy củ đả thất. Bất luận là ai, Quang cũng nhất loạt không gặp! Vì nếu gặp một người, há chẳng thể nào không mệt đến chết ư? Năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang đến dự Phật thất tại chùa Thường Tịch Quang ở Hàng Châu, người trông coi Phật thất ấy hoàn toàn không có chương trình, người ta kéo đến ào ào, trong vòng hai bữa phải chào hỏi nứt họng luôn. Lần này đã có kinh nghiệm rồi, cố nhiên chẳng thể không nói rõ trước.

Khi Quang đến Thượng Hải thì cắt một người làm trà đầu, phàm những chuyện ăn uống đều do người ấy lo liệu, ba bữa sáng trưa tối ăn một mình trong phòng. Trong bữa cháo sáng thì bánh mạn đầu hay cơm chỉ dùng một thứ; bữa trưa thì một chén rau, bốn cái mạn đầu; buổi tối thì một bát mì lớn, quấy quá cho xong. Quang mấy chục năm ăn cơm không để sót lại thức ăn nên chỉ cần một chén thức ăn. Ăn xong, dùng bánh mạn đầu vét sạch dầu mỡ trong bát, chớ nói là "ăn xong phải chừa lại đôi chút". Ngoài ra, tất cả những thứ điểm tâm lôi thôi đều nhất loạt chẳng dùng đến. Hôm viên mãn Phật thất, cũng không dự trai tăng. Dẫu cử hành lễ trai tăng ngay trong pháp hội, Quang cũng chẳng ngồi ăn cùng mọi người do không có tinh thần để bồi tiếp. Hôm sau ngày viên mãn sẽ trở về đất Tô ngay, cũng đừng nên đưa tiễn, đưa tới ngoài cửa liền dừng chân. Nếu cứ tiễn chân sẽ trở thành thói quen của chốn thị tứ, chẳng thành ra quy củ một pháp hội Hộ Quốc Tức Tai vậy!

(Ngày 17 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

Thêm nữa, hãy đem lời Quang chẳng tiếp khách bảo với các vị lo việc chiêu đãi. Nếu có ai đem quà đến biếu, đều bảo họ cầm về; nếu chẳng chịu cầm về thì sung vào quỹ của hội [Phật giáo Trung Quốc]. Đồ ăn đã như thế mà tiền tài cũng giống như thế, bảo họ cúng dường cho hội, đừng cúng dường cho Quang. Hơn

nữa, tiền tàu xe đi về của Quang và của người trà đầu đều tính sổ với Quang. Hội cũng không nên thưởng công hậu hĩnh cho người trà đầu, bởi người ấy cũng vì quốc dân mà góp phần, chớ nên đối xử nồng hậu đặc biệt, đâm ra chẳng hợp pháp thể. Quang là một ông tăng lui tới một mình, sợ rằng hội Phật giáo Trung Quốc vẫn chưa thông cảm điều đó nên mới phải nói thêm.

68. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ hai)

Hôm trước, khi viết thư vừa xong, đưa cho thầy Đức Sâm coi, thầy ấy nói: "Hãy nên nhờ cư sĩ đem chuyện không tiếp khách, không nhận quà tặng dù là thức ăn hay tiền tài đăng trên tờ Tân Thân Báo để mọi người đều biết!" Quang cho rằng làm như thế sẽ phiền phức. Ngày hôm qua, thầy ấy cầm báo đưa cho Quang xem, thưa: "Con đã đăng báo rồi!" Vậy là nên đem chuyện này đăng báo. Sáng nay lại nhận được thư ngày hôm qua và ngày hôm trước, cho biết cư sĩ sẽ tự mình lái xe đến đón, chứ không để cho hội phải bỏ tiền xăng. Được cư sĩ yêu mến nồng hậu, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn; nhưng Quang một mực chẳng thích được người khác tung hô, lại cần phải đi các nơi, chi bằng để tôi đón xe kéo tùy theo ý thích. Nếu phải ngồi xe hơi, hóa ra chẳng khác gì bị giam lỏng, chẳng được tự tại. Ngàn phần mong ông đừng làm mệt chính mình để đôi bên đều được thoải mái.

Hơn nữa, Quang thuyết pháp chẳng giống với hết thảy các pháp sư khác. Các đại pháp sư phần nhiều chú trọng đàm huyền thuyết diệu, Quang chẳng biết nói chuyện huyền diệu, mà phần nhiều chú trọng dạy người giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Năm Dân Quốc mười mấy (quên mất năm nào), Quang đến Ninh Ba, ông Hoàng Hàm Chi thỉnh đến nói khai thị tại Niệm Phật xã ở phía ngoài nha Đạo Doãn. Vị đại lão quan X… ngồi kiệu đến, lúc ấy Quang đã diễn thuyết. Sau đấy, khi Quang nói đến chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, cha từ, con hiếu v.v., người ấy bèn lên kiệu bỏ đi. Nhưng Quang một mực giữ chí này, chẳng vì người khác không thích nghe mà thay đổi phương châm. Huống chi lần này là Hộ Quốc Tức Tai, chuyện niệm tụng vẫn là cành nhánh; giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận mới là căn bản. Bất luận người ta thích nghe hay không, tôi vẫn lấy đó làm tông chỉ.

Còn chuyện quy y thì Quang không xứng, bởi hội trưởng hội Phật giáo là chủ nhân, Quang là khách, những kẻ quy y kia nên quy y với hội trưởng, đấy là điều chí lý quyết định chẳng thay đổi được! Hơn nữa, mắt Quang đã lòa, xem sách phải dùng cả kiếng lão lẫn kiếng lúp cũng chỉ thấy lờ mờ, làm sao thăng tòa vì người khác nói tam quy ngũ giới cho được. Hơn nữa rất đông người, cũng chẳng ghi pháp danh được. Chắc chắn chẳng chấp nhận chuyện này để khỏi bị người ta

chê cười. Lần này đến Thượng Hải, chuyên vì hộ quốc, tuy chẳng thể theo đại chúng niệm tụng, nhưng vẫn theo cùng một quy củ với đại chúng để khỏi bị phân tâm trở thành hữu danh vô thực. Nếu dùng biện pháp tiếp đón pháp sư rình rang như thường thấy thì đôi bên đều sai lầm. Do vậy, Quang phải thưa rõ trước!

(Ngày 20 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

Những điều Quang sẽ nói đều một mực tùy tiện không theo thứ tự nhất định. Phật sự niệm tụng lần này để hộ quốc tức tai, ngày đầu tiên sẽ nói đại lược về ý nghĩa hộ quốc tức tai, tức là nói về công đức lợi ích của pháp môn niệm Phật. Ngày hôm sau lại nói đến đạo hộ quốc căn bản để mong vãn hồi thế đạo nhân tâm. Lúc Quang mới xuất gia, tới nhà một vị cư sĩ, cả nhà ấy đều tin Phật: Mẹ chồng, con dâu là hai người, ba bốn đứa con, mỗi người thờ một vị Phật, bàn thờ Phật là một cái bàn dài. Cô con dâu chỉ thắp hương, cúng nước, phẩy bụi cho đức Phật của mình, còn tượng Phật của mẹ chồng bụi bám cũng không phẩy, Quang thấy vậy mà đau lòng! Những người như vậy do vì chưa nghe thiện tri thức dạy dỗ nên dùng thân báng pháp. Đây là nguyên do vì sao Quang chú trọng đến chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận vậy.

Lại thấy nhiều người thu nhận đồ đệ cho nhiều, đều chẳng phải hạng người tu hành thật sự, do vậy phát nguyện chẳng thu nhận đồ đệ. Do thấy sự hèn hạ của tăng nhân hướng về người khác hóa duyên, nên chẳng nguyện làm trụ trì, làm pháp hội. Nay đã già rồi, vẫn chưa đến nỗi phụ bạc cái tâm thuở đầu, cam lòng giữ bổn phận kiếm cơm, ngõ hầu những bạn bè đã sanh về Tây Phương từ trên đài sen chẳng chê cười tôi.

69. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ ba)

Gởi đi bức thư đề ngày 20 rồi, đến chiều hôm qua mới biết cụ Chi đã về Tây, khôn ngăn thảm thương, Phật pháp mất đi một người hộ pháp ưu tú, quả là một đại bất hạnh cho Phật giáo. Đối với bạn bè chí thân thâm giao, Quang một mực đều chẳng viết bài phúng điếu, chỉ trong lúc hồi hướng vào khóa tụng sáng tối bèn hồi hướng cho họ trong 7 ngày hoặc 21 ngày hoặc 35 ngày, hoặc nhiều ngày hơn nữa mà thôi! Nay tôi cũng làm như thế đối với cụ Chi. Trước đây tôi đã nhận được chương trình nhập hội của hội Phật giáo, do không dễ đọc nên giao cho thầy Đức Sâm, thầy ấy nói hãy nên nhập hội. Nay nộp (tiền quỹ một trăm đồng, lúc đến sẽ mang theo), thư tình nguyện gia nhập thì gồm hai chữ cơ bản và tên Quang là ba chữ nữa, người giới thiệu thì xin pháp sư Viên Anh và cư sĩ hãy tự điền vào. Còn đối với những điều được nêu trong mặt sau thư thì do người đã 76 tuổi sắp chết trong sáng chiều có lẽ chẳng cần phải dông dài.

Cư sĩ gởi thư nói sẽ đến đón thì vào ngày 18 đến chùa Thái Bình là được rồi. Ngày mồng 6, mồng 7 quyết chẳng được. Vì sao vậy? Do ai có chí nấy, nếu tỏ lòng kính trọng mà trái ý người ta, làm sao có chuyện đó được? Nếu không, Quang trở về đất Tô ngay, quyết chẳng đến Tịnh nghiệp xã. Quang rất chán chuyện này, há chịu vì hộ quốc tức tai mà lại phải nín nhịn sự tâng bốc quá mức của cư sĩ ư? Đã coi Quang là người ngoài thì Quang sẽ tự xử sự như người ngoài, trở về đất Tô vào quan phòng tự niệm tụng một mình. Phàm mọi chuyện đều nên thông cảm cho lòng người ta, người thích được tâng bốc [bèn tiếp đón trọng thể] thì được, chứ người không thích được tâng bốc sẽ cảm thấy xấu hổ không yên, cần gì phải khổ sở vì ý tốt mà khiến cho người khác phải hổ thẹn không yên vậy?

Còn đối với chuyện sau hôm viên mãn pháp hội sẽ nói tam quy ngũ giới, nếu chiếu theo cách Quang thường truyền giới thì thật chẳng có nghi thức nào đáng coi được cả. Nếu muốn phô trương bày vẽ thăng tòa thì Quang quyết chẳng thể làm được, vì mắt chẳng đọc được chữ. Nếu cứ phải "không thăng tòa là không được" thì hãy mời người khác nói thay, Quang chẳng đến đàn truyền giới. Đối với chuyện pháp danh, Quang cũng chẳng thể viết. Bất luận bao nhiêu người, bất luận bao nhiêu tiền hương kính, Quang chẳng lấy một đồng. Ngoài tiền biếu cho vị sư nói thay và các sư trực ban ra, đều dùng làm chi phí cho hội Phật giáo hết. Biện pháp như thế có lẽ thích đáng cho khắp mọi người. Nếu đối đãi với Quang như một vị pháp sư giảng kinh thông thường thì sẽ đánh mất thể tài của hai chữ hộ quốc, mà lại còn coi rẻ Quang. Vì sao vậy? Người ta sẽ tưởng Quang đặc biệt vì chuyện hộ quốc mà thủ lợi! Quang tuy thiếu sáng suốt, vẫn chẳng mong trong những ngày sắp chết lại nhận được tiền bạc từ pháp hội Hộ Quốc này!

Ngày 23 tháng 9)

70. Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh

Lễ sám không có quy củ cứng ngắc, chỉ dốc lòng chí thành khẩn thiết là được rồi. Thờ Phật trong phòng ngủ trừ trường hợp nghèo nàn không có phòng nào khác thì được; nếu có phòng khác, trọn chẳng nên thờ trong phòng ngủ. Công khóa tùy theo ý của mỗi người, cũng không có chương trình nhất định. Quang thì khóa sáng ắt phải cứ chiếu theo khóa tụng sáng tối mà niệm thẳng tuột. Phàm những chỗ phải lên giọng xướng tán cũng niệm thẳng tuột, chỉ đọc hơi chậm lại một chút mà thôi. Quang trọn chưa học cách xướng niệm, nhưng ở trong tùng lâm hãy nên niệm nhỏ tiếng, đừng để bên ngoài nghe tiếng đến nỗi làm kinh động người khác.

Lúc đầu thì Quang mỗi ngày lễ mấy trăm lạy, mấy năm gần đây nhiều việc quá, chỉ hai thời công khóa. Mùa đông thì mỗi ngày lễ hơn trăm lạy, mùa hạ chỉ mấy chục lạy, mà cũng chỉ lễ Thích-ca, Di-đà, Tịnh Độ Tam Kinh và các kinh Đại thừa, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, tận hư không trọn pháp giới quá khứ, hiện tại, vị lai hết thảy chư Phật, hết thảy tôn pháp, hết thảy hiền thánh tăng *(Lễ Phật Di-đà nhiều ít không nhất định, dựa theo tinh thần và hoàn cảnh mà tăng hay giảm, đối với mỗi vị khác đều lễ ba lạy).* Mấy lúc gần đây trong ban ngày trọn chẳng thể xem kinh, lễ Phật, tất cả thư từ và những chuyện nhờ cậy giảo chứng, giảo đối đều đã không rảnh rỗi để làm.

Hiện thời, phu nhân đã có thể ăn chay trường suốt năm tháng, sao không ăn luôn một năm? Bởi lẽ sát nghiệp gây trở ngại lớn nhất cho sự vãng sanh! Nếu chẳng vãng sanh ngay, lại càng phải nên không ăn thịt để khỏi phải đền nợ thân mạng trong vị lai. Niệm Phật ăn chay vãng sanh Tây Phương là chuyện công đức bậc nhất trong thế gian. Nỡ để cho vợ con chẳng quyết định được hưởng lợi ích này hay sao? Đối với công nhân, nếu muốn làm cho họ gieo thiện căn, chẳng ngại gì nói rõ đầu đuôi với họ, dùng chi phí mua đồ ăn mặn để làm tiền thưởng thì do họ làm được nhiều tiền hơn sẽ trọn chẳng đến nỗi thốt lời gièm pha.

Mùa hạ năm nay các nơi lụt lội, dân đói rất đông, hãy nên răn nhắc người nhà sốt sắng niệm Phật để ngừa tai họa ngoài ý muốn. Nếu ai chẳng thể chịu đựng nhọc nhằn, hãy nghĩ đến nỗi khổ của dân đói và nỗi khổ của nhà giàu bị cướp đoạt thì sẽ tự chịu đựng được sự khổ sở vì niệm Phật. Chuyện này vốn đâu có khổ, do một mực không quen nên mới thấy là khổ. Nhưng cái khổ này là sự khổ để thoát khổ, nếu chẳng chịu nỗi khổ này thì nỗi khổ trong tương lai sẽ chẳng thể nói trọn hết được.

(Năm Ất Sửu - 1925)

71. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Dịch Đường

Hôm mồng 1 nhận được thư, tôi khôn ngăn vui mừng, an ủi. Ông đã dùng gan ruột Bồ-tát để thực hiện sự nghiệp hộ pháp thì nay đang gặp đúng dịp. Dân Quốc mở mang nền cộng hòa, tự do tôn giáo, dùng chủ nghĩa Tam Dân để hiệu triệu lẫn nhau, nay đã được 18 năm rồi, nhưng đối với tăng nhân lại vô cùng ngược đãi, ý muốn đuổi tăng đoạt của, ngõ hầu cả nước trọn chẳng còn một tăng sĩ nào thì mới thỏa dạ! Lại sợ dư luận gây trở ngại nên mượn tiếng quản lý chùa miếu để làm căn cứ xua đuổi, chiếm đoạt. Lập ra 21 điều thì như trong điều thứ tư, điều thứ năm, điều thứ chín, tuy mạo danh quản lý, bảo hộ, há chẳng khiến cho bậc tri thức đau lòng, kẻ ôm dã tâm khoan khoái ư? Lập pháp kiểu đó há còn đáng gọi

là tự do tôn giáo nữa hay chăng? Há còn có thực tế dân sinh, dân quyền, dân tộc nữa ư? Có còn đúng với chánh lệnh lập quốc của nước cộng hòa nữa hay không? Chủ nghĩa như thế chính là thực hành đẩy dân đến chỗ chết, đoạt dân quyền, diệt dân tộc vậy!

Nếu nói: "Điều này chỉ có tăng giới bị ảnh hưởng, chứ không phải dân chúng trong cả nước bị như vậy" thì thử hỏi: Tăng chẳng phải là người dân trong nước hay sao? Nếu áp dụng những thứ pháp lệnh ấy cho dân cả nước thì còn chấp nhận được, nay chỉ áp dụng riêng cho tăng, chẳng phải là do tăng chúng yếu ớt không có sức bèn dùng thủ đoạn lấn áp, cậy mạnh hiếp yếu, lấy đa số chèn ép thiểu số hay chăng? Nhật Bản là nước bé tẹo tèo teo mà xưng hùng toàn cầu, vẫn chẳng coi Phật pháp là ung nhọt. Nước ta từ sau đời Hán đến nay, Phật pháp truyền sang khắp các nước Đông, Tây, Nam, Bắc. Nay muốn cho nước nhà thống nhất, nhân dân yên vui, mà lại coi Phật pháp vốn là pháp "về mặt ngầm thì giúp giữ yên nền bình trị, về mặt hiển nhiên là giữ yên dân tình" giống như ung nhọt, muốn trừ khử đi, có khác nào muốn cho cây cỏ sum suê mà lại đẵn gốc trước? Muốn cho nước chảy được xa mà lại lấp nguồn trước? Phật pháp ích lợi cho cõi đời trên phương diện tinh thần, kẻ phàm phu chẳng thể thấy được, giống như rễ cây, như đầu nguồn nước. Những kẻ tri kiến thiển cận trong cõi đời chỉ phê bình, bàn luận về sự lan truyền tạo lợi ích rộng khắp nơi thân, cành, nhánh, lá; chứ đối với điều khiến cho thân, cành, nhánh, lá được lan truyền tạo lợi ích rộng khắp lại chẳng hề biết. Há chẳng đáng gọi là "xoay càng xe về phía Bắc để đi tới nước Việt ở phương Nam", bước giật lùi mà mong tiến lên phía trước ư?

Ngày 29 tháng trước, các vị tăng tục thuộc hội Phật giáo Thượng Hải lên Bắc Kinh thỉnh nguyện. Ngày hôm qua, tôi nhận được thư gởi đến mời các ủy viên tăng tục trong hội Phật giáo Trung Quốc cùng đến họp. Quang vốn là ông tăng già đợi chết, không có môn đình, không có đồ chúng, không có bản lãnh gì, hội ấy do thấy Quang có chút hư danh nên cũng kể tên Quang làm hội viên. Nhưng thân Quang đây đã gác ra ngoài rồi, nếu Dân Quốc rộng dung thì chẳng ngại gì trọn hết tuổi thừa. Nếu chẳng dung nạp thì chẳng ngại gì kết bạn với Hà Bá, Hải Nhược[157], miễn sao khỏi gây trở ngại cho địa giới của Dân Quốc, đâu cần phải thỉnh nguyện xin họ bao dung để mong sống mãi trong cõi đời ư?

Chỉ vì Phật pháp là tròng mắt của trời người, đang trong lúc tàn sát lẫn nhau đến mức chẳng dứt này, muốn hưng khởi điều lợi, trừ bỏ thói tệ, mà trước hết lại theo đuổi chuyện diệt pháp thì sợ rằng sẽ dẫm theo vết xe đổ của Ngụy Vũ, Chu

[157] Hà Bá: thần sông; Hải Nhược: thần biển.

Vũ, Đường Vũ[158], nào phải chỉ tự mình chuốc lấy quả báo mà còn để lại tiếng nhơ cho người đời sau chê cười, gây tổn hại vô ích cho nước, cho dân. Do vậy, chẳng nề hà kỵ húy, trình bày thẳng thừng điều lợi, lẽ hại, mong cư sĩ sẽ phát lòng vì nước vì dân mà cực lực duy trì, ngõ hầu những điều lệnh đã được ban hành trước đây chẳng trở thành sự thật thì quyền tự do tôn giáo trong nền cộng hòa, lời hiệu triệu chủ nghĩa Tam Dân mới hữu ích lớn lao cho nước, cho dân, chứ nào phải chỉ tăng chúng được hưởng phước lợi mà thôi!

(Mồng 3 tháng 5)

Hiện thời những kẻ nói đến chuyện nam nữ bình quyền, phần nhiều đều chẳng biết quyền của nữ nhân lớn lao hơn quyền của nam tử khó thể diễn tả, thí dụ được. Thế đạo loạn lạc cũng do nữ quyền chẳng được chấn hưng mà ra! Muốn giữ yên thế đạo, phải gấp làm sao cho nữ giới chẳng cô phụ thiên chức, ai nấy đều nghiêm túc giữ lấy quyền ấy. Quang thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa." Vì họ trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con thì đối với gia đình, đối với đất nước sẽ có lợi ích mà chẳng hay chẳng biết. Xin hãy đọc kỹ mấy chương khuyên dạy tại gia thiện tín trong Gia Ngôn Lục sẽ biết rõ. Tìm cách bình trị nào khác ngoài cách này ra thì do thấy biết kém cỏi, Quang chẳng thể nào biết được!

72. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ nhất)

Hôm qua tôi nhận được thư của thầy Minh Đạo chùa Thái Bình, biết các hạ lại gởi 40 đồng, kính cẩn giữ lấy, để đợi đến năm sau dùng làm chi phí in sách. Mười gói Gia Ngôn Lục đã bảo Đại Trung Thư Cục gởi đi, chắc không lâu nữa ông sẽ nhận được. Ông cũng sẽ nhận được sách Khuê Phạm. Trong mùa hạ, hòa thượng Diệu Liên tuân lệnh các hạ, đem bài bi ký về chuyện thỉnh Đại tạng kinh sai Quang gọt giũa. Quang do bận việc, trả lời trước bằng một lá thư, đợi sau khi về núi sẽ lại bàn tiếp. Tới mồng 2 tháng Chạp về đến núi, phàm những thứ dồn lại đều gởi đi bằng thư bảo đảm vào ngày 19. Chữ nghĩa dùng trong nguyên văn bài bi ký rất hay, tiếc là nói dông dài quá nhiều, chưa chỉ ra được nguyên do của Phật pháp. Tôi vốn muốn sửa đổi đại lược, nào ngờ Quang học thức chẳng đạt đến mức "hay khéo, vuông tròn thuận theo ý muốn", sửa chữa xong, bài bi ký ấy biến thành một bài khác. Theo Quang nghĩ, dùng khẩu khí của ngài Diệu Liên, coi Diệu Liên như là chủ nhân ngôi chùa và những lời lẽ đề cao dư thừa trong bi ký, chẳng bằng lưu lại sự thật cho đời sau. Có lẽ biện pháp như vậy là đắc thể, đã

[158] Ba ông vua này từng chủ trương diệt Phật, truy đuổi tăng chúng, chiếm đoạt tài sản nhà chùa. Sử thường gọi là Tam Vũ Diệt Phật.

trình lên các hạ giám định. Nếu có chỗ nào sai sót, thiếu thỏa đáng, các hạ cứ sửa đổi đừng ngại gì cả.

Quang là người trọn chẳng có ngã tướng, điều chẳng muốn nghe là tâng bốc quá lố, ngoài ra chẳng chấp trước một chuyện gì. Chắc là các hạ đã biết đại lược điều này từ lâu rồi! Năm nay in sách nhiều nhất, đã hơn hai vạn đồng. Nửa đầu năm sau còn có rất nhiều sách sẽ in, sau thu sẽ đi khắp Nam Bắc Đông Tây không có chỗ nhất định để khỏi phải thù tiếp thư từ, chỉ bận bịu vì kẻ khác đến nỗi hỏng cả đại sự của chính mình. Các hạ già rồi, thế đạo như thế này, hãy nên dùng cảnh duyên này để tự răn nhắc, ngõ hầu cái tâm cầu sanh Tây Phương về mặt sự được mười phần chu đáo, tha thiết. Lại xin hãy dạy bảo con cái và cả nhà, thường nói đến lợi ích do trợ niệm khi lâm chung và họa hại của việc tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc… khiến cho bọn họ hiểu rõ lợi hại, trọn chẳng đến nỗi vì thể hiện lòng hiếu mà trở thành chuyện "đã té xuống giếng còn bị quăng đá!"

Năm nay Quang 67 tuổi, tinh lực đã suy, nếu vẫn chẳng biết lượng sức, nhất định sẽ làm nhục đến pháp môn. Hiện thời những *chỉ bản*[159] của các bộ Văn Sao v.v. đều đã được hoàn thành tốt đẹp rồi, có ai muốn in thì cứ tiếp xúc Đại Trung Thư Cục sẽ được như nguyện. Văn Sao lại được chế ra bốn bức chỉ bản, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám mỗi cuốn đều có hai bản, Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, đều được làm thành bốn bản. Quán Âm Tụng lại được làm thành hai bản. Ngoài ra còn có Giới Sát Phóng Sanh Hiện Báo Lục, Học Phật Thiển Thuyết v.v., những cuốn sách nhỏ lặt vặt đều đã giữ lại bản in. Do vậy, mùa thu năm sau có thể đi luôn, chẳng cần biết là ở nơi nào để lo tu trì. Chúng ta trải đời bất quá sáu mươi mấy năm, mà nay trong cõi đời lại có bao nhiêu hiện tượng kể từ khi có mặt con người trong trời đất đến nay, phần nhiều đều chưa hề thấy, đời loạn đến cùng cực rồi. Nếu chẳng cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình thì chẳng thể nào hy vọng thái bình được nữa!

(Ngày 22)

73. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ hai)

Năm ngoái cư sĩ X… mất, trước đấy ông ta đã phát đại tâm sai lầm, muốn ở trong thế gian này độ người [chứ không cầu vãng sanh]. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), ông ta lên núi bị Quang quở trách, dường như đã xoay chuyển ý niệm.

[159] Theo Từ Hải, chỉ bản là một lối in xưa, người ta sắp bản in với các chữ in rời bằng kẽm (tức là mỗi chữ đều được đúc riêng biệt bằng kẽm, rồi sắp vào khuôn gỗ) đưa vào máy in nén mạnh trên giấy cho lõm xuống. Khi cần in sẽ chụp những trang đó, không cần phải sắp chữ lại.

Sau này, con ông ta gởi cáo phó đến nói ông ta ngủ suốt ba ngày, chẳng ăn, chẳng nói gì rồi qua đời. Xem tình trạng đó, đúng là tướng trạng chưa được vãng sanh. Do vậy, muốn cầu vãng sanh phải buông thế gian này xuống và buông vọng tâm quá phận xuống (Chẳng hạn như muốn được giống như Bồ-tát ở trong sanh tử độ thoát chúng sanh. Điều này thì chính mình phải là Bồ-tát mới được. Nếu chính mình vẫn là phàm phu mà muốn gánh vác chuyện này thì chẳng những không thể độ người mà còn chẳng thể tự độ. Bao nhiêu thiện tri thức trong thế gian đều mắc phải bệnh này, mà vẫn nói là mình có tâm đại Bồ-đề. Cần biết rằng đã có tâm ấy trước hết phải cầu vãng sanh thì mới hữu ích. Nếu sẵn có tâm này mà chẳng cầu vãng sanh thì phải là bậc Bồ-tát mới được. Nếu không, sẽ mắc hại chẳng cạn!) Tâm cuồng vọng quá phận là chướng ngại lớn nhất cho người tu hành thật sự, chẳng thể không biết điều này.

Hơn nữa, cư sĩ X… là người quá hiếu danh, vì thế những sách do ông ta soạn ra đều phỏng theo giọng điệu kinh Phật, mắc lỗi đem phàm lạm thánh thật chẳng nông cạn. Vì thế, dốc công hoằng pháp mà chẳng được lợi ích thật sự. Thân thế trăm năm, chớp mắt liền qua đời, chỉ mong chuyên tâm dốc chí nơi niệm Phật cầu vãng sanh. Vị cư sĩ X… ấy chính là một tấm gương răn nhắc lớn lao vậy!

74. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ ba)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm thán, các hạ dùng đức dày đối xử rất hậu với người khác, nên bọn tàn binh[160] thổ phỉ cũng bảo nhau đừng khuấy nhiễu. Nếu không có chuyện thật sự khiến cho người khác cảm động thì làm sao đạt được như thế? Đối với người dân, cái ăn quan trọng nhất, rộng rãi với dân ắt trời sẽ ban phước cho. Bọn tàn binh thổ phỉ ấy há nào có tâm đạo nghĩa, nhưng do thiên địa, quỷ thần gia bị, khiến cho chúng nó giữ đạo nghĩa. Từng thấy trong bản chú giải Âm Chất Văn có ghi một câu chuyện chứng minh hơi giống như chuyện của các hạ, nay tôi sao chép lại để trình lên cho ông xem.

Năm Tân Tỵ (1761) đời Càn Long, vỡ đê Hoàng Hà ở tỉnh Dự (Hà Nam), khắp mặt đất nước sâu hơn một trượng, lều tranh của dân gian bị nhận chìm mất nửa. Ở huyện Trần Lưu có người họ Tào, căn nhà đang ở bị lũ nhấn chìm đã ba ngày đêm rồi, ai nấy đều nói là không còn lẽ sống nào nữa. Đến khi nước rút, tường nhà vẫn chưa sụp đổ, mà người trong nhà cũng an nhiên vô sự. Mọi người hỏi thì họ cho biết: "Sáng ra chỉ thấy sương mù dày kịt, chẳng thấy mặt trời. Thoạt đầu chẳng biết là đang ở trong nước." Quan địa phương thấy lạ, hỏi người ấy có làm điều lành nào hay chăng, ông ta cho biết mỗi năm gặt hái xong, ngoài phần

[160] Ở đây chỉ những tên lính đào ngũ sau khi quân Quốc Dân Đảng thất trận.

chừa lại đủ chi dùng cho cơm áo ra, còn bao nhiêu đều dùng hết để giúp đỡ những người nghèo thiếu lối xóm, cho đến nay chưa hề thiếu sót một chút nào. Đã thực hiện được như vậy năm đời, suốt hơn 100 năm. Quan Hiến Ty[161] đều ban cho biển ngạch để khen ngợi chuyện lạ.

Nước vốn vô tình mà quỷ thần che chở, tuy toàn thể bị ngập trong nước, nhưng chẳng thấy nước. Do vậy biết rằng con người có thật đức thì trời sẽ báo đáp lạ lùng. Những kẻ bóc lột mỡ màng của trăm họ để cầu mong con cháu phú quý, rốt cuộc đều thành gia đình tan nát, dòng dõi tuyệt diệt, thần thức còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo chẳng có thuở thoát ra, đáng thương vậy thay! Do vậy, muốn cứu người đời mà nếu chẳng cực lực đề xướng nhân quả báo ứng sẽ trọn chẳng thể đạt được hiệu quả thật sự.

75. Thư trả lời cư sĩ Trần Gia Tuấn ở Châu Bồ

Con người sống trong thế gian họa phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do bản thân người ấy dụng tâm như thế nào mà thôi! Kẻ khéo dụng tâm thì khốn khổ gian nan đều thành cái gốc để giải thoát. Kẻ chẳng khéo dụng tâm thì phú quý vinh hoa đều thành cái nhân đọa lạc. Mẹ ông thủ tiết nuôi con côi, chịu khổ nhiều năm, quả thật là nền tảng để tu trì tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương cho ngày nay. Nay mẹ con đã cùng quy y, hãy nên làm cho quyến thuộc trong nhà đều cùng ăn chay niệm Phật. Một là để ngừa khi mẹ ông vãng sanh, bọn họ sẽ chẳng đến nỗi do không luyện tập mà chẳng thể niệm Phật tương trợ, thậm chí dời động thân thể, thay quần áo sẵn, khóc lóc, phá hoại chánh niệm. Một điều khác nữa là do thời cuộc nguy hiểm, nếu hằng ngày thường niệm Phật và niệm Quán Âm thì sẽ có thể gặp dữ hóa lành, gặp xui thành hên.

Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Đức Ý, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương để nêu gương mẫu cho con cháu, xóm làng, đức hạnh ấy tốt đẹp cao trỗi nhất. Đặt pháp danh cho ông là Huệ Tuấn, nghĩa là có thể tu trì tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha, trí tuệ vượt trỗi những kẻ tầm thường, vì thế gọi là Huệ Tuấn. Nay gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Thánh Hiền Lục, Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Sức Chung Tân Lương (đọc sách này thì khi lâm chung không làm hỏng việc), Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư v.v. xếp thành hai gói. Mong hãy đọc kỹ, hành theo. Ắt phải nên cung kính, đừng nên khinh nhờn thì sẽ được lợi ích chân thật. Những điều khác không cần phải nói nhiều. Quang già rồi,

[161] Hiến Ty: Một chức quan đã có từ đời Tống, chuyên giữ nhiệm vụ chấp hành, giám sát, củng cố việc thực hiện các hiến điển (những điều lệ quy định về trị an, hành chánh, dân sự v.v..) Đến thời Minh - Thanh, chữ này thường được dùng để chỉ chung các cấp cai trị trong huyện, trong phủ, trong tỉnh.

mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Từ rày đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y do không có tinh thần để thù tiếp vậy.

(Ngày 13 tháng 4)

76. Thư trả lời cư sĩ Khuất Hàn Nam

Thư nhận được đủ cả. Bài Du Thạch Quật Động Ký rất có khí khái: "Tâm dung diệu lý, hư không bé; đạo hợp chân như, pháp giới to." Nhưng đấy là chuyện thuộc phương diện văn tự, chớ nên chuyên học theo thói ấy. Hãy nên như mẹ nhớ con, lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong thực chứng. Lúc này mà chuyên chú trọng chuyện ấy (tức chuyện viết lách văn chương cho hay đẹp) thì vô ích cho chính mình, có hại cho người khác. Vì sao vậy? Do quá nửa đều là học để nói suông cho trơn tru, hoạt bát, chẳng chú trọng chân tu thật chứng. Người đời nay nếu chẳng "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì trọn chẳng có hy vọng thực chứng nào!

Trong bộ Văn Sao Tục Biên có bức thư gởi cho hòa thượng Quảng Huệ thuộc thảo am Quảng Tế ở núi Ngũ Đài vào ngày Nguyên Đán tháng Giêng, khoảng chừng năm ngàn chữ, đấy là lời khuyên thiết thực chưa hề có từ trước đến nay. Trong khoảng tháng 9, tháng 10, sẽ gởi sang ngõ Tích Thiện Phường để họ chuyển giao. Vợ chồng ông muốn quy y, nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người. Ông còn nói cha ông cũng muốn quy y, nay cũng đặt pháp danh cho cụ, còn tên thật của cụ ông hãy tự điền vào. Người ngoài 70 tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn mấy, hãy buông hết thảy xuống, nhất tâm niệm Phật thì chắc chắn sẽ thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi chín phẩm sen kia. Nếu vẫn còn tâm niệm mong tưởng đời sau, đời sau nữa, thì khó thể quyết định vãng sanh được! Mong ông hãy nói cặn kẽ với cụ. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết chi tiết nữa. Tôi gởi kèm cho ông bài sớ cầu con và ba điều trọng yếu để cầu con; đây quả thật là những điều ai nấy đều phải nên xem, đừng vì không cầu con rồi bỏ mặc. Mong hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay! (Mười sáu đồng hương kính đã nhận được liền dùng làm chi phí để ấn tống Văn Sao Tục Biên.)

(Ngày Rằm tháng 8 năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 - 1940)

77. Thư trả lời cư sĩ Thần Hiểu Viên

Thư nhận được đầy đủ cả. Tuổi quá năm mươi, ngày tháng không còn nhiều; đúng là lúc hãy nên sốt sắng giữ vẹn luân thường, niệm Phật để mong "sống dự vào bậc hiền thánh, mất trở về cõi Cực Lạc". Nói đến chuyện "giữ vẹn luân thường", sợ ông chưa hiểu ý, nay tôi giải thích đại lược. Người đời phần nhiều

chẳng biết ý nghĩa giữ vẹn luân thường có phạm vi bao quát rất rộng, chỉ coi "hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng người bề trên" là giữ vẹn luân thường. Hiểu như vậy thì cũng rất đúng, nhưng nhỏ nhoi lắm! Khéo dạy dỗ con cái, khiến cho chúng nó đều là người hiền, mềm mỏng, nho nhã, đấy mới quả thật là kẻ giữ vẹn luân thường lớn lao. Bởi lẽ, con cái đã đều hiền thiện thì anh em trai, chị em gái, chị em dâu, con cháu đều nhìn theo nhau làm lành. Từ đấy đời nào cũng nối tiếp nhau là người hiền thì người hiền sẽ đông, kẻ xấu sẽ ít. Do vậy kẻ xấu cũng có thể bị cảm hóa trở thành người hiền, người lành. Nền tảng khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui đều nằm trong sự dạy dỗ con cái. Có thể hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng người trên, và hết thảy những thứ bên ngoài đều tốt lành, nhưng chẳng khéo dạy dỗ con cái thì người ấy vẫn chưa đáng gọi là "bậc quân tử giữ vẹn luân thường". Nếu có thể hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng người trên và hết thảy mọi mặt đều đúng như pháp, lại còn khéo dạy dỗ con cái thì người ấy tuy sống ở trong nhà không thi thố gì mà lại bồi đắp lớn lao cho nước nhà, cho xã hội vậy.

Hiện tại cõi đời đã loạn đến cùng cực, xét đến cội nguồn đều là vì cha mẹ phạm lỗi "chẳng khéo dạy dỗ con cái". Nếu ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái, làm sao những thứ thảm kịch lại được cực lực thực hiện và diễn ra cho được? Con cái ông đã lớn, chớ nên không nói nguyên do với chúng, để sau này khi chúng nó làm cha làm mẹ người khác sẽ chẳng đến nỗi chìm nổi theo thời thế, chỉ biết nuôi con chứ không biết dạy, khiến cho đứa có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư cam phận bướng bỉnh, ngu độn. Do ông nói "đời đã loạn gần đến mức tận cùng", nên tôi nói với ông pháp môn căn bản để vãn hồi đời loạn. Xin chớ coi đây là lời nói thừa thãi thì con ông, cháu nội ông, con rể ông, và những đứa cháu ngoại của ông đều có thể trở thành người hiền, người thiện, khiến cho ông được nở mày rạng mặt khôn cùng.

Cô con cả đã là góa phụ, đúng là phải nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cô con thứ đang chờ mai mối, nếu có thể thường niệm Phật và niệm Quán Thế Âm thì túc nghiệp tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tự nhiên sẽ kiếm được người chồng hiền thiện, mà sau này khi sanh con đẻ cái cũng không bị khổ vì sản nạn, những đứa con sanh ra đều là hiền thiện. Con cái đi học khi được nghỉ, nên dạy chúng nó đọc kỹ Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn để hướng dẫn tiền đồ (tương lai). Ngay cả hai đứa con gái cũng phải đọc để mong nhờ vào đây mà tự sửa mình và dạy dỗ người khác. Thiên hạ không yên, thất phu có trách nhiệm, đây quả thật là pháp căn bản để thất phu tạo bình trị cho thiên hạ vậy!

Hơn nữa, hãy nên bảo con cái đọc đi đọc lại An Sĩ Toàn Thư, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ và những thiện thư hữu ích cho thân tâm. Nay đặt pháp danh cho

ông là Huệ Hiểu, nghĩa là dùng trí tuệ để tự hành chuyện "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, quyết định cầu sanh Tây Phương trong đời này". Lại còn dùng những điều ấy để khuyên lơn con cái, thê thiếp… trong gia đình và thân thích bằng hữu, làng nước, xóm giềng bên ngoài, để họ cùng hiểu những điều lợi ích thật sự cho thế gian lẫn xuất thế gian này, ngõ hầu chẳng phụ lòng thành phát tâm quy y Phật pháp của ông. Đối với những cách tu trì niệm Phật thì trong Văn Sao đã nhắc tới nhiều lần, ở đây không viết cặn kẽ nữa. Nếu vô sự đừng gởi thư đến, Quang đã bảy mươi rồi, tinh thần chẳng đủ, lại còn phải lo những chuyện giảo chánh, in sách v.v., không rảnh rỗi để phúc đáp được đâu!

(Ngày 26 tháng 9 năm Dân Quốc 19 - 1930)

78. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ nhất)

Thư nhận được đủ cả, pháp danh viết riêng trong một tờ giấy khác. Do mục lực chẳng đủ nên chẳng thể viết khai thị tường tận được. Nay gởi cho ông hai gói kinh sách này nọ, mong hãy chí thành cung kính đọc sẽ tự biết cách tu và lợi ích. Ngoài ra, còn có Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngõ rẽ), Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn ban đầu cho kẻ sơ cơ), Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế), Tọa Hoa Chí Quả (đợi hoa trổ thành quả), Một Lá Thư Trả Lời Khắp, mỗi thứ một gói để làm căn cứ tự lợi, lợi người. Đọc kinh sách nhà Phật, chớ nên giữ thái độ như nhà Nho đọc sách Nho. Những nhà Nho ngày nay hoàn toàn chẳng biết kính trọng sách, đến nỗi cõi đời không có chân Nho. Nếu dùng thái độ khinh mạn, chẳng cung kính ấy để đọc kinh Phật thì chưa được lợi ích mà đã mắc tội trước rồi!

(Ngày 18 tháng 2 năm Dân Quốc 25 - 1936)

79. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ hai)

Khoản tiền cứu trợ đã giao cho nơi lạc quyên tại Thượng Hải, nay tôi đem biên nhận gởi lại. Quang già rồi, sẽ chết trong sáng tối, nào còn có tinh thần để lo chuyện lớn ấy? Nhưng từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918) đến nay, Quang lưu thông các kinh sách đều vì nhiệm vụ cấp bách "ngăn ngừa để dứt tai họa", chỉ không theo đuổi công việc thành lập đội lạc quyên cứu trợ mà thôi. Lời ông nói chỉ là biết một phía, chứ chẳng biết tới hai. Quang từ khi xuất gia đến nay phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thế độ đồ đệ, chẳng dự vào các hội đoàn. Từ năm Dân Quốc thứ bảy đến nay, các đoàn thể từ thiện các nơi đem sổ vàng gởi tới cho Quang từ một hoặc mười cho đến mấy chục quyển, tôi đều để nguyên những cuốn sổ ấy, đem gởi trả lại bằng thư bảo đảm, rồi tùy theo sức mình mà bỏ

ra bao nhiêu đó (chẳng viết khoản tiền ấy vào sổ để khỏi làm cho cuốn sổ ấy không sử dụng được nữa). Mỗi năm đều quyên tặng cả ngàn đồng trở lên. Nếu lại đề xướng quyên mộ, sẽ chẳng thể nào không mệt nhọc đến chết.

Quang không có chùa miếu, không đồ đệ; tất cả những khoản tiền được biếu tặng hễ có liền sử dụng ngay, trọn chẳng hướng về người khác mở miệng hóa duyên. Bởi lẽ, tăng sĩ thường hay hóa duyên, Quang chẳng muốn giống như họ. Dẫu chê Quang thiếu từ bi, Quang cũng chẳng đếm xỉa tới, cốt sao khỏi bị kẻ vô tri nói Quang mượn cớ này để cầu lợi. Nói đến chuyện con hổ của ông Trương X… được nuôi từ nhỏ, há có phải là Quang có đạo để khuất phục nó đâu? Ông ta giỏi vẽ hình hổ, nên nhiều lần nuôi hổ. Con hổ nuôi lần trước đã chết, năm trước lại mua được một con hổ bé mới vừa lọt lòng mẹ. Hằng ngày phải nuôi bằng thịt bò, một năm hổ ăn hơn hai con bò, đấy chính là do mê loài vật mà vùi lấp chí hướng. Lại còn cho hổ ăn thịt bò, quả thật là tạo sát nghiệp kể sao cho xiết? Quang nói với người bạn: "Hãy nên khuyên ông ta nuôi hổ bằng món chay, đừng cho nó ăn thịt bò."

Hơn nữa, ông ta hằng ngày vẽ hình hổ, ôm ấp hổ, sợ rằng đời sau sẽ đầu thai làm thân hổ thì đáng thương lắm! Ngày hôm ấy, người ấy và con ông ta với một con chó cùng đến. Chó còn dễ ngươi hổ, con cái đều có thể vuốt ve hổ. Khi đến chỗ ông ta vào năm ngoái, hổ chưa tròn một tuổi mà đã không kém phần to lớn. Lúc tới chuồng hổ, họ cầm theo một cái vò sắt tây. Có lúc hổ không nghe theo mệnh lệnh thì hướng miệng cái vò sắt tây về phía hổ, hổ liền thuận theo. Do miệng vò toác ngoác, hổ sợ bị ăn thịt. Quang một mực chẳng thích phô trương mù quáng, nên đối với con hổ được nuôi từ bé hoàn toàn chẳng để ý. Nếu bảo đấy là dùng đạo đức để khuất phục hổ thì còn đáng để ca ngợi, chứ chuyện này hoàn toàn chẳng có giá trị gì để kể lể cả. Sao lại không có chuyện gì mà cứ bới chuyện ra vậy?

(Ngày 16 tháng 5 năm Dân Quốc 26 - 1937)

* Dựa trên bài viết "Nhân duyên của tôi với đại sư Ấn Quang" của cư sĩ Vương Vỹ thì: "Người bạn đã khuất của tôi là Trương Thiện Tử nuôi một con hổ ở vườn Võng Sư. Ngẫu nhiên, tôi kể chuyện ấy với sư, sư cho rằng cọp dã tánh khó thuần, sợ rằng cuối cùng nó sẽ giết người. Tôi xin sư quy y cho nó, sư gật đầu bằng lòng, bèn cùng Thiện Tử dẫn hổ đến trước sư để nói tam quy, và ban pháp danh là Cách Tâm. Từ đấy, hổ bèn hiền hòa, ngoan ngoãn, không lâu sau chết đi, cũng là một duyên lạ." Cư sĩ Trần Hải Lượng bèn ghi thêm lời nhận xét vào đoạn văn này: "Thiện Tử thích vẽ hình hổ, nuôi một con hổ để làm vui. Sư trông thấy nói: 'Con hổ này tâm hung bạo vẫn còn, hãy nên cẩn thận'. Quy y không lâu sau hổ chết,

ấy chính là nhờ từ lực của đại sư gia bị nên đã thoát khỏi súc sanh đạo đấy chăng?" Có lẽ khi ấy cư sĩ Hoán Văn ở xa cũng nghe được chuyện này nên viết thư hỏi chuyện đại sư. Thư đáp của đại sư là lời khai thị chất phác, trọn chẳng có ý tự khoe khoang mảy may nào. Suốt đời đại sư chủ trương chẳng cần phải học theo thói kẻ cả, đọc thư này càng thêm tin tưởng điều ấy.

Ngày 16 tháng 11, năm Dân Quốc 32 (1943) La Hồng Đào

80. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết lệnh nghiêm[162] đã qua đời vào ngày 26 tháng 11 *(Thư báo tin buồn vẫn chưa gởi đến. Cũng không cần phải đọc thư báo tin buồn đã có thể biết rõ cụ có được sanh về Tây hay không).* May là trước khi cụ mất, đã thiết tha dặn dò các ông hãy tuân theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã nói, nên cụ được chánh niệm vãng sanh. Tuy do túc căn hiển hiện trong đời này chiêu cảm mà cha ông [được sự vãng sanh tốt lành như thế], nhưng cũng là vì anh em trai, chị em gái của ông chẳng thuận theo phàm tình, tin sâu Phật pháp và tuân theo lời cha dạy mà ra. May mắn chi hơn? Nói chung, tấm lòng của kẻ làm con là mong cha mẹ sống mãi trên đời, nhưng tướng thế gian vốn thuộc sanh diệt chẳng trụ, há có thể còn mãi được ư?

Nay cụ đã mất rồi, chớ nên bi ai quá mức, hãy nên sốt sắng niệm Phật để linh hồn của cha ta được hưởng lợi ích thật sự. Nếu cụ chưa được vãng sanh thì cầu cho cụ được vãng sanh; đã được vãng sanh, ắt sẽ tăng cao phẩm vị. Đừng thuận theo thói tục hèn kém, biến chuyện tang tóc thành dịp vui, bày vẽ mù quáng, phô trương hồ đồ, mắc tội với cha, với trời. Cha ông trước khi mất khiết tịnh, mất rồi vẫn khiết tịnh, điều ấy quả thật đã biểu thị thân tâm thanh tịnh. Kẻ có nghiệp lực thì chẳng những không thể khiết tịnh trong khi ấy, mà có kẻ còn tự ăn phân nhằm thể hiện tướng đọa lạc.

Hết thảy mọi chuyện trong đời người đều có thể giả vờ, chỉ có những tướng được biểu hiện khi sắp chết và sau khi chết đều chẳng thể nào làm giả được. Con người sắp chết, vẻ mặt liền biến đổi, huống chi chết đã hai ngày rồi lại càng thêm vui vẻ, hiện vẻ mỉm cười, đấy chính là tướng biểu thị vãng sanh. Lại nữa, chết đã mấy ngày, toàn thân đã lạnh, trán vẫn còn hơi ấm, đấy cũng là tướng biểu thị vãng sanh. Do phàm phu khi chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên. Nếu đảnh môn lạnh đi sau cùng, ắt là trở về thánh đạo, liễu sanh thoát tử. Ông chẳng biết rõ, nhưng cứ dựa theo vẻ mặt cha ông sau khi mất và lúc lâm chung được mọi người trợ niệm, thành tựu tịnh tâm, ắt cụ được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

[162] Lệnh nghiêm: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha người khác.

Cha ông đã như thế thì mẹ ông cũng phải nên như thế. Phận làm con hành được đạo giúp đỡ cha mẹ như thế khiến cho cha mẹ được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử thì tất cả sự hiếu trong thế gian chẳng thể nào sánh bằng.

Thân ta chính là di thể của cha mẹ ta; giữ lấy di thể của cha mẹ, nào dám chẳng dè dặt, kinh sợ để mong đấng sanh thành khỏi bị hổ thẹn ư? Do vậy, cần phải khăng khăng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc giấy chữ, ngũ cốc. Người làm được như vậy đáng gọi là thiện nhân, đáng gọi là hiếu tử, đáng gọi là tôn kính cha mẹ. Lại còn có thể y theo pháp môn Tịnh độ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về nước Cực Lạc, may mắn chi hơn?

Hơn nữa, hiện thời thế đạo nhân tâm đã bại hoại đến cùng cực, thiên tai nhân họa giáng xuống bất ngờ. Họa hoạn xảy đến chẳng thể lường trước, trốn cũng không được, ngừa chẳng thể ngừa. Nếu có thể y theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã nói, chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm, ắt sẽ âm thầm được gia bị, hoặc chuyển biến thành không có tai nạn gì, hoặc chuyển nặng thành nhẹ, quyết chẳng đến nỗi phải chịu tai ương giống như người không niệm Phật. Cõi đời hiện nay chẳng giống như cõi đời mấy chục năm trước kia, muốn chuyển hồi thế đạo nhân tâm, muốn cho con cái trong gia đình hiền thiện mà chẳng sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình (tức những đạo lý làm người như cha từ, con hiếu v.v.) thì trọn chẳng có hy vọng gì! Giáo dục trong gia đình, cần nhất phải chú trọng sao cho hai pháp nhân quả và báo ứng bổ trợ nhau, bổ sung cho nhau thì mới có lợi ích thật sự.

Chớ nói "ông là một người xuất gia sao cứ miệt mài đem những chuyện này nói với người khác?" Bởi lẽ, trong cõi đời hiện thời, những học thuyết phế kinh điển, bỏ hiếu, phế luân thường, vứt bỏ hổ thẹn… khiến lòng người bị ngu muội cứ nối tiếp nhau dấy lên. Nếu chẳng đem nhân quả báo ứng và đạo làm người bàn giảng kỹ càng cho con cái từ thuở thơ ấu thì sau này muốn cho chúng nó chẳng bị những tà thuyết xoay chuyển sẽ khó lắm, hết sức khó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Nói như vậy có nghĩa là "khéo dạy dỗ con cái sao cho chúng nó trở thành hiền thiện" sao cho phong thái này từ một làng, một ấp lan ra khắp thiên hạ. Tôi thường nói: "Dạy con là cái gốc để bình trị, nhưng dạy con gái lại càng quan trọng thiết yếu hơn! Vì nữ nhân có quyền hạn giúp chồng dạy con, nếu con gái hiền thiện thì con rể và con cái chúng nó sẽ đều hiền thiện." Do vậy lại nói: "Quyền trị gia bình thiên hạ bọn nữ nhân chiếm quá nửa", ấy chính là chân

ngữ, thật ngữ. Muốn cho cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện, hãy nên lấy lời tôi làm khuôn thước thì những điều mong cầu sẽ đều đạt được.

Lại nữa, đề xướng nhân quả báo ứng, không tốt gì bằng dạy người ta thọ trì Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, bởi những loại sách giảng về thiện ác người ta vừa đọc liền hiểu rõ thì sẽ dễ được lợi ích. Bành Định Cầu[163] từ nhỏ hằng ngày đọc tụng hai bộ sách này, tới khi đỗ Trạng Nguyên làm thượng thư, vẫn hằng ngày tụng đọc. Lúc rảnh rỗi bèn cung kính chép lại tặng cho người khác, ghi là Nguyên Tể Tất Độc Thư (sách phải đọc của trạng nguyên, tể tướng). Lời bạt viết: "Không phải là đọc sách này có thể làm trạng nguyên, tể tướng, mà là trạng nguyên, tể tướng quyết chẳng thể không đọc sách này!" Đủ biết tầm quan trọng của hai bộ sách ấy. Trong khóa tụng sáng tối, lúc hồi hướng, Quang sẽ đọc pháp danh của cha ông để hồi hướng suốt một thất cho trọn hết tình nghĩa thầy trò. Những điều khác xin ông hãy đọc kỹ trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết đầy đủ.

(Ngày 13 tháng 12, viết dưới đèn)

81. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ. Biện pháp áp dụng trong đám tang như thế chẳng những hữu ích cho người mất mà thật sự còn khiến cho cả nhà đều gieo thiện căn không chi lớn bằng. Sau này, dẫu chẳng thể ăn chay trường thì cũng nên bớt ăn mặn, lập quy định chẳng đích thân giết chóc trong nhà để đỡ kết sát nghiệp. Chị ông muốn chuyên nhất niệm Phật thì vốn không có chương trình cố định. Nếu chiếu theo chương trình niệm Phật bình thường, canh Năm dậy lễ Phật (bao nhiêu lễ tùy theo mình lập). Lễ xong, niệm kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh (ba biến hoặc bảy biến, hoặc hai mươi mốt biến) xong liền niệm kệ Tán Phật, nhiễu niệm bao nhiêu câu đó, rồi mới tịnh tọa nửa tiếng, rồi lại niệm ra tiếng độ bao nhiêu câu, rồi quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát, mỗi danh hiệu ba lượt (nếu muốn lễ bái thì trước hết lễ Phật bao nhiêu đó lạy, xưng danh hiệu Bồ-tát chín lượt, rồi lễ chín lạy), niệm bài văn phát nguyện, tam quy y. Đấy là công khóa buổi sáng.

Ăn cơm sáng xong, tịnh tọa một khắc, lại đến lúc niệm Phật thì lễ Phật ba lạy, hoặc lễ nhiều hơn xong liền niệm kệ Tán Phật. Niệm xong, đi nhiễu và ngồi đều chiếu theo như trên; chỉ có điều niệm Phật xong, không cần phải niệm bài văn

[163] Bành Định Cầu (1645-1719), tự Cần Chỉ, hiệu Phỏng Liêm, đỗ trạng nguyên năm Khang Hy (1591-1676), được bổ làm Hàn lâm tu soạn, kiêm Tư nghiệp trường Quốc Tử Giám. Ông là con người đức độ, chánh trực, rất được vua quý trọng. Người đương thời tặng ông mỹ hiệu "tiên sinh Nam Vận".

phát nguyện dài, chỉ niệm bốn câu kệ "nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ trung…" là được rồi, lễ bái lui ra. Hoặc buổi sáng hai thời, buổi chiều hai thời. Khóa chiều giống như khóa sáng. Buổi tối lại niệm Phật một lần, vẫn chiếu theo chương trình giống như sau khi ăn cơm sáng. Niệm xong phát nguyện, nên niệm bài văn phát nguyện do tổ Liên Trì san định. Niệm xong, đọc bài tam quy y.

Tuy trong đây có lúc khởi lên Phật hiệu, có lúc im lặng, nhưng trong tâm luôn giữ cho một câu Phật hiệu được trì niệm chẳng gián đoạn. Đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, đại tiểu tiện, trong tâm đều phải thầm nhớ Phật hiệu. Trong bảy ngày chẳng để khởi lên hết thảy tạp niệm, như con nhớ mẹ không lúc nào quên. Khi niệm, cố nhiên là niệm Phật, lúc lặng tiếng không niệm thì trong tâm vẫn niệm, chỉ cầu tâm tương ứng với Phật (tức "ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm". Trong tâm trừ sáu chữ hồng danh ra, không có hết thảy tạp niệm, vì thế gọi là "tương ứng"), chớ nên khởi cái tâm muốn thấy đức Phật ngay. Chỉ cầu ngoài Phật hiệu ra, không có niệm thứ hai nào khác mà thôi.

Nếu chẳng hiểu rõ lý tánh, gấp muốn thấy Phật, phần nhiều chuốc phải ma sự, chẳng thể không cẩn thận. Cũng đừng nhọc nhằn quá mức, quá mệt nhọc thì ngày hôm sau sẽ khó thể thanh thản, sảng khoái đúng như pháp được. Hoặc là mỗi lần niệm Phật đều niệm kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, nhưng sáng dậy phát nguyện thì niệm bài văn phát nguyện dài, khóa tối cũng giống như thế, những lúc khác đều niệm bốn câu kệ hồi hướng mà thôi. Hoặc là sáng dậy niệm Phật lần thứ nhất thì niệm kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, từ đấy chỉ liên tục niệm A-di-đà Phật không ngừng, đến tối niệm bài văn phát nguyện, tam quy y.

Con người ở trong thế gian chẳng thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đều là do vọng niệm gây nên. Nay trong lúc niệm Phật, liền nghĩ như chính mình đã chết, chưa được vãng sanh, trong mỗi một niệm đều gác bỏ tất cả hết thảy tình niệm thế gian ra ngoài. Trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào để được. Làm thế nào để niệm được như thế? Là vì ta đã chết rồi, tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng vướng mắc nữa. Niệm được như thế ắt sẽ có lợi ích lớn lao. Những kẻ tri kiến nhỏ nhoi hiện thời hễ hơi có một chút cảnh giới tốt đẹp bèn tự mãn, tự cho là đủ, tưởng mình đã đắc tam-muội rồi. Hạng người ấy mười người hết chín kẻ đều bị ma dựa phát cuồng vì tâm niệm cách ngăn với Phật, phù hợp với ma, cho nên thành ra như vậy.

Mười đồng tiền hương kính đợi sau này các sách được in ra sẽ dựa theo khoản tiền ấy gởi đi mấy gói sách. Hôm 23, Quang xuống núi, đến chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, để lo liệu việc in sách. Tháng 6 mới trở về núi, tháng 7 lại

xuống núi chẳng trở về nữa. Tháng 8, tháng 9 việc in sách xong xuôi, liền diệt hết tung tích, ẩn náu lâu dài. Bởi lẽ trong những năm tháng vừa qua, chuyện thù tiếp ngày một thêm nhiều, tinh thần ngày một giảm. Nếu chẳng làm theo một cách khác, ắt sẽ mệt đến chết. Đã tổn hại cho chính mình mà còn vô ích cho người. Vì thế, không thể nào chẳng làm như vậy được.

Thế đạo hiện thời là thế đạo đại hoạn nạn, họa hoạn xảy đến không thể trốn tránh được. Chỉ có niệm Phật, niệm Quán Thế Âm thì mới chẳng gặp hoạn nạn, dẫu bất hạnh gặp phải thì cũng có thể "gặp dữ hóa lành". Gần đây, những kẻ do gặp hoạn nạn bèn niệm Phật, niệm Quán Âm được cảm ứng nhiều khôn kể xiết. Gia đình ông còn được coi là "có của ăn của để", hãy nên dạy nam nữ lớn bé trong nhà đều hằng ngày niệm Phật bao nhiêu đó câu, niệm Quán Âm bao nhiêu đó câu để làm kế dự phòng. Lúc vô sự niệm thì sẽ không có họa hoạn, dẫu lúc đương đầu với hoạn nạn mà có thể chí tâm niệm thì công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người đời đều muốn yên vui, nhưng thường hay làm chuyện trái nghịch, đến nỗi trở thành vọng tưởng suông, chẳng có lợi ích thật sự. Những điều vừa nói trên đây quả thật là những điều suy tính cho gia đình ông vừa sâu xa vừa thiết thực vậy.

(Viết vào lúc lên đèn ngày 21 tháng 2)

82. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ nhất)

Quang đến đất Thân (Thượng Hải) từ hôm 25 tháng 7, đúng bữa nay trở về núi thì nhận được thư ông từ núi chuyển đến, biết cha ông sắp qua đời. Cần biết rằng, người sống trăm tuổi cũng có ngày ra đi, chớ nên bi thương vô ích! Chỉ nên khuyên cụ nhất tâm niệm Phật giống như đang ở trong lao ngục mong trở về quê nhà, chớ nên có mảy may tâm lưu luyến. Ông và quyến thuộc trong nhà hãy nên chia ban niệm Phật trước cụ để cụ lắng tai nghe cho rõ ràng. Đến lúc cụ sắp mất, nếu cụ có thể tự tắm rửa, thay quần áo thì tốt lắm. Nếu không, đừng tắm rửa, thay quần áo sẵn cho cụ để đến nỗi dời qua, chuyển lại, thân tâm bất an, có thể sanh lòng sân hận thì cái hại ấy chẳng nông cạn đâu. Dẫu chẳng khó chịu, nhưng do bị dời động, tâm cũng chẳng thể thanh tịnh, sẽ khó cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đang trong lúc ấy, quyến thuộc trong nhà đều cùng nên niệm Phật, niệm mãi cho đến khi người sắp mất tắt hơi. Qua ba tiếng đồng hồ sau mới ngưng tiếng niệm Phật để lau rửa, thay áo cho người đã mất. Nếu khớp tay đã cứng, mặc áo không tiện thì dùng khăn bông thấm nước nóng đắp trên vai, cánh tay, khủy tay, không lâu sau sẽ mềm ra, có thể mặc áo được.

Điều tối kỵ là chưa chết đã khóc lóc khiến cho cụ sanh tâm bi luyến sẽ khó được vãng sanh. Những chuyện này, Văn Sao, Gia Ngôn Lục đều đã nói tường tận, sợ ông chẳng lưu tâm nên nhắc lại. Sau khi đã chết, chỉ nên niệm Phật, đừng làm đàn Thủy Lục, niệm kinh, bái sám; do những chuyện ấy đều là thực hiện bề ngoài, phô trương thanh thế rỗng tuếch, có lợi ích thật sự rất ít. Hơn nữa, trong đám tang nhất loạt không dùng rượu thịt. Cổ lễ của Nho gia nghiêm cấm rượu thịt trong đám tang. Nếu dùng, người ta sẽ nghĩ tang quyến thất đức. Đời nay lễ nghĩa hoàn toàn bị chôn vùi, cho nên ăn thịt, uống rượu, tấu nhạc, ca hát, diễn tuồng, không điều gì chẳng làm. Nhưng cha ông đã quy y Phật pháp, ông cũng quy y Phật pháp, há có nên vẫn hành theo khuôn sáo xấu ác của thế gian ư? Mong hãy nói rõ nguyên do với các anh em của ông, đừng coi chuyện đại bất hiếu là có hiếu.

Hãy nên niệm Phật cho thần thức của cha được yên vui thì mới là hiếu. Làm được như thế thì cha ông cố nhiên được lợi ích, mà anh em con cháu cũng đều được lợi ích. Đừng cho rằng "những lời Quang nói đều chẳng thể tuân theo được" thì kẻ sống lẫn người mất đều được lợi ích. Ông không hiểu sự quá mức, vì chuyện của cha ông mà thỉnh thầy khai thị, thế nhưng vẫn chẳng nói "đảnh lễ, dập đầu v.v.", chỉ nói là "chắp mười ngón tay". Ông thử suy nghĩ xem, chuyện trọng đại ấy mà chỉ chắp mười ngón tay là xong, chẳng phải là coi chuyện ấy giống hệt như chuyện chẳng khẩn yếu hay sao? Do ông không biết nên Quang mới nói với ông, chứ không phải là mong được ông cung kính đâu nhé!

(Mồng 1 tháng Chạp, trước Ngọ liền về núi trong bữa ấy)

83. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ hai)

Sao ông chẳng biết sự vụ? Cứ không có chuyện gì lại bới ra chuyện, sai Thừa Tuân hai lượt sang đất Hỗ (Thượng Hải) để hỏi về chuyện thọ giới. Hơn nữa, Văn Sao, Gia Ngôn Lục tuy sâu, nhưng chẳng lẽ hoàn toàn không biết, lại cứ muốn Quang khai thị cho ông những pháp thiển cận ư? Thiển cận thì đã có Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú Giải, há lẽ nào chẳng hiểu được lý ư? Quang chẳng ngại giảng cho ông một pháp giản lược. Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, cần phải thật sự vì liễu sanh thoát tử để phát tâm đại Bồ-đề "trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh", dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha để niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do vậy, thiền sư Triệt Ngộ nói: "Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật." Mười sáu chữ ấy là cương tông lớn lao của pháp môn niệm Phật. Đấy chính là yếu quyết giản tiện nhất.

Hơn nữa, khi niệm ắt phải tâm, miệng, tai từng câu từng chữ rành rẽ phân minh: niệm cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, tâm tự chẳng tán loạn. Tâm còn phải thường giữ chánh niệm, chẳng để cho hết thảy những ý niệm tham sân si đủ mọi thứ bất chánh chớm sanh. Nếu chúng ngẫu nhiên sanh khởi liền dùng Phật hiệu để chế ngự khiến cho chúng bị tiêu diệt.

Cha ông và ông đều cùng quy y, Thừa Tuân hai phen đến gặp, chỉ thấy khẽ vòng tay, dẫu cho vái chào một cái thật sâu cũng chẳng chịu làm. Như vậy thì chẳng những khinh tăng mà còn là khinh cha. Gặp thầy của cha, đến hỏi Phật pháp chẳng chịu tỏ lộ ý muốn cung kính chút nào, mà muốn được lợi ích nơi Phật pháp sẽ khó thể đạt được lắm. Quang đã quyết định ẩn giấu tung tích, nhưng muốn lợi người nên chẳng ngại nói với ông.

(Mồng 9 tháng 4, viết dưới đèn)

84. Thư trả lời cư sĩ Trần Vị Ân

Vừa nhận được thư của Cung Tông Nguyên cho biết ông muốn quy y. Tôi muốn viết thư cho Tông Nguyên, nhưng do Tông Nguyên là pháp danh, chẳng nhớ tên thật, lại không có địa chỉ, sợ thư chẳng dễ giao được. Lại sợ ông ta ở Vô Tích, nên gởi thư trực tiếp cho ông. Cần biết rằng, Phật pháp vốn chẳng khác gì với Nho giáo[164], phàm là đệ tử Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Muốn nương theo Phật pháp để liễu sanh tử thì phải hành trọn luân thường thế gian để trở thành người hiền, người lành. Nếu không, dẫu học Phật pháp cũng khó được lợi ích chân thật vì đã thiếu căn bản sẽ khó thể hoàn toàn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp.

Cần biết rằng, Phật pháp là pháp chung cho hết thảy chúng sanh, không một ai chẳng nên tu, mà cũng không có một ai chẳng thể tu được. Bọn Lý học dùng đủ mọi lời lẽ sai lầm để báng bổ Phật pháp; đấy là những lời lẽ mê tâm trái lý, chứ không phải là những lời bàn luận hết mực công chánh. Họ bảo Phật pháp dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ, đấy là những chuyện bịa đặt không căn cứ, chứ thật ra không có chuyện ấy. Do vậy, bọn chúng đã khơi ra đầu mối khiến cho thiên hạ đời sau trọn chẳng kiêng sợ, ồ ạt làm càn cho tới nay bèn biến hiện thành những cảnh tượng thê thảm: phế kinh điển, phế

[164] Xin đừng hiểu lầm ý tổ là Nho giáo cũng dạy về pháp xuất thế, chân như, Phật tánh v.v. như Phật giáo. Ở đây chỉ có nghĩa là Phật giáo cũng nhấn mạnh luân thường, lễ nghĩa, trọn hết những bổn phận và điều thiện thế gian giống như Nho giáo.

luân thường, chôn vùi lòng nhân, chôn vùi đạo đức. Học thuyết lầm người cùng cực đến thế!

Nay phải nên cực lực đề xướng nhân quả báo ứng để mong vãn hồi phong tục suy đồi, nhất là phải nên chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong khi sống thì tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, lúc mất cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Lại còn dùng những điều này để trong là khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ, dâu, con cái, ngoài là khuyên xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu để hết thảy mọi người đều cùng được gội Phật ân. Dùng công đức ấy để làm tư lương vãng sanh cho ta, ắt sẽ mau lên thượng phẩm.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Pháp. Tông (宗) là chủ, là tột bậc, nghĩa là lấy Phật pháp làm cái gốc chủ yếu để hành trọn vẹn luân thường thế gian ngõ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu có các sách Tịnh độ thì tốt lắm, nếu không thì cứ chiếu theo danh sách mà thỉnh từ Hoằng Hóa Xã để đọc thì nguyên do của pháp môn và các pháp tu trì sẽ đều hiểu rõ ràng. Quang già rồi, mục lực, tinh thần, công phu đều chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư đến. Chịu lắng lòng đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Chánh Tín Lục thì không cần phải gởi thư hỏi han. Nếu không chú ý, tuy hằng ngày viết thư thưa hỏi vẫn vô ích. Hơn nữa, Một Lá Thư Gởi Khắp quả thật là bài viết đáng cho hết thảy mọi người trân trọng gìn giữ để tu trì. Văn chương tuy chẳng hay, nhưng nghĩa đầy đủ mọi lẽ, càng phải nên hành theo đó

(Ngày 12 tháng 3 năm Dân Quốc 22 - 1933)

85. Thư trả lời cư sĩ Hà Hy Tịnh

Người tu tịnh nghiệp lấy lòng tin chân thành, nguyện thiết tha làm gốc. Nếu niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì rất tốt, chớ nên nghĩ rằng "chưa đạt được nhất tâm bất loạn sẽ chẳng thể vãng sanh". Nếu thường giữ ý tưởng ấy, đắc nhất tâm thì được, nếu không đắc thì do thường giữ ý nghĩ "chẳng được vãng sanh" nên chẳng tương ứng với Phật (đây là căn bệnh lớn "biến khéo thành vụng"). Cầu siêu cho cha mẹ, chỉ mong cha mẹ được vãng sanh Tây Phương, sao lại hỏi "sẽ đọa lạc trong đường nào?" Ý ấy dường như tốt đẹp, nhưng quả thật đã gây ra chướng ngại, vì thần thức của con người bị nghiệp chuyển. Ông dùng tâm chí thành niệm Phật cho mẹ, do cậy vào Phật lực nên mẹ liền được vãng sanh. Hỏi chỗ đọa lạc tức là nghĩ mẹ chưa được vãng sanh. Ông đã đọc Văn Sao, Thập Yếu, cố nhiên chẳng cần xin Quang khai thị nữa. Con người hiện thời thường chuộng hư danh, chẳng tu thật hạnh, đấy là một chướng ngại lớn cho sự học đạo. Nếu chẳng làm

giả thì mỗi một giọt mưa sẽ là một giọt thấm; hễ làm giả sẽ như ăn cơm trong mộng, vô ích cho cái bụng rỗng.

Những sách ông muốn thỉnh hiện thời chẳng thể gởi được, do nhu cầu quân sự và dân bị nạn rất đông, bưu điện không nhận tất cả những bưu kiện, chẳng biết khi nào mới kết thúc. Hãy nên khuyên mọi người chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu chiến tranh sớm kết thúc và làm kế dự phòng. Hiện thời Quang không đủ trí nhớ, sau khi yên ổn hãy nên gởi thư khác để thỉnh thì được. Nếu không, Quang vừa xem qua mắt liền quên ngay trong bữa ấy, mong hãy sáng suốt soi xét! Hy Giác bệnh chưa lành, ông thường bị đau đầu, hãy đều nên niệm Quán Âm để làm phương cách chữa trị, chắc chắn mau được lành bệnh.

(Ngày 23 tháng 7 năm Dân Quốc 26 - 1937)

86. Thư trả lời cư sĩ Trương Bội Phân Mộ Lan

Gần đây các tai nạn chiến tranh, giặc giã nối tiếp nhau xảy ra, căn bản là do gia đình thiếu giáo dục mà nên nỗi. Người học Phật ai nấy ắt phải trọn hết bổn phận, nói "trọn hết bổn phận" chính là phải chăm chú "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành". Tám sự này mỗi một người đều có đủ, trên có cha mẹ thì là mang bổn phận làm con, dưới có con cái thì là mang bổn phận làm cha, tự mình dùng người thì mang bổn phận làm chủ, làm việc cho người khác tức là mang bổn phận tớ. Những chức phận khác đều có thể làm trọn, chỉ có mỗi chức phận cha mẹ là khó thể trọn hết được. Thật ra, trọn hết chức phận làm cha mẹ không khó, chỉ vì cả cõi đời không ai đề xướng, mọi người chỉ biết nuông chiều con cái mà chẳng biết giáo dục, đến nỗi nuôi con cái thành phường bại hoại, tàn sát lẫn nhau, khiến cho nước chẳng ra nước, dân chẳng thành dân.

Nói đến giáo dục thì từ lúc trẻ nhỏ bắt đầu hiểu biết liền nói với nó về nhân quả báo ứng và đạo lý làm người, ắt phải làm sao cho tâm nó biết sợ ác báo, hâm mộ thiện báo, sẽ chẳng đến nỗi phạm thượng, chẳng chịu làm theo lời dạy. Lúc bé đã như thế, tập quen thành tánh, dưỡng thành thiên tư lương thiện, đó gọi là dục (育), dục là dưỡng. Nếu chẳng biết điều này thì sẽ dưỡng thành tánh chất hung ác, nhẹ thì ngỗ nghịch bất hiếu, nặng thì giết cha giết mẹ. Xét đến nguồn cội, đều là do cha mẹ chúng chẳng chịu dạy dỗ từ thuở nhỏ mà ra.

Tôi thường nói: "Công đức lớn nhất trong thế gian không gì bằng khéo dạy dỗ con cái, tội lỗi lớn nhất trong thế gian không gì bằng chẳng dạy dỗ con cái. Ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì thiên hạ tự nhiên thái bình, ai nấy chẳng dạy bảo con cái thì thiên hạ chắc chắn tang tóc, loạn lạc." Vì vậy nói: "Thiên hạ chẳng

yên, thất phu có trách nhiệm.” Lời này cả cõi đời không ai nói, nên tôi nói đại lược với các ông. Đối với chuyện ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì đã có trong các sách được gởi đến. Quang đã 79 tuổi rồi, sáng chẳng đảm bảo được tối, từ nay chớ nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai khác đến quy y, vì không có mục lực, tinh thần để thù tiếp vậy!

(Ngày 28 tháng Giêng năm Dân Quốc 28 - 1939)

87. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiếu Ly (thư thứ nhất)

Nhận được lá thư trước và món tiền 600 đồng, liền gởi thư phúc đáp ngay. Đem một trăm đồng cậy người bạn giao cho Kim Lăng Lưu Thông Xứ. Ông ta có gởi thư cho ông, chắc đã nhận được rồi. Mấy hôm gần đây lại nhận được 344 đồng, Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn, Bảo Giám, bốn loại sách và bưu phí đều đã thanh toán xong xuôi. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, chẳng bao lâu nữa sẽ được gởi đến. Lại còn có sách Học Phật Thiển Thuyết khá thích hợp sơ cơ, năm nay tôi cho in hai lần, mỗi lần hai vạn cuốn. Lại tính cho in sách ấy với khổ chữ Tam Hiệu Tự cho to hơn. Trong năm nay hoặc vào tháng Giêng năm tới sẽ in xong. Nếu ông cần, xin báo cho biết.

Thêm nữa, lần sau nếu chuyển tiền xin hãy gởi qua Giao Thông Ngân Hàng, Giao Thông Ngân Hàng nhận được thư, liền giao thư và tiền cùng một lúc, khá thuận tiện. Trung Quốc Ngân Hàng nhận được thư bèn gởi thư và phiếu giao tiền đến trước, yêu cầu ký tên xác nhận, lại còn phải có ngân hàng khác bảo đảm. Ý họ làm ra vẻ thận trọng, nhưng sự thật là muốn kéo dài thời gian để kiếm tiền lời, đáng ghét tới cùng cực! Cố nhiên Quang không bị trở ngại gì, nhưng những người yếu thế không được bảo chứng như thế sẽ bị họ chèn ép không ít. Thủ đoạn mượn tiếng thận trọng ấy để đặc biệt kéo dài thời gian đúng là tệ ác đến cùng cực. Nếu ở chỗ ông không có chi nhánh ngân hàng Giao Thông thì dùng ngân hàng Trung Quốc cũng được. Nếu không, chẳng cần phải nhờ họ chuyển tiền.

Trong khoảng tháng 8, tháng 9, Quang bảo Đại Trung Thư Cục gởi (bằng thư bảo đảm) 30 gói An Sĩ Toàn Thư (tức một trăm hai mươi bộ) để đền bù cho những sách bị nước ngấm ướt, ông đã nhận được hay chưa? Mấy lần thư từ đều không thấy ông nói tới. Dẫu không tính vào chi phí, nếu nhận được cũng nên báo cho biết để người gởi khỏi bận tâm. Tôi tính gởi chỉ bản sang Tân Gia Ba và quý đường[165]. Trước đây, tôi đã nhận được thư của một đệ tử ở Tân Gia Ba cho biết: So với Thượng Hải thì tiền công thợ và giá giấy ở chỗ ông ta đắt gấp mấy lần, ngàn vạn phần đừng gởi sang, chẳng biết chỗ ông như thế nào? Nếu thuận tiện,

[165] Tiếng gọi công sở, dinh thự hoặc chùa miếu, điện thờ của người khác một cách trang trọng.

tôi liền đem chỉ bản gởi sang. Nếu ở chỗ ông giá còn cao hơn nữa thì cần gì phải làm chuyện thua thiệt ấy? Sẽ in ở Thượng Hải rồi đem gởi đi, so ra thuận tiện hơn. Lời này quả thật là vì Tân Gia Ba mà nói, chỉ sợ [nếu người ở Tân Gia Ba đứng ra in] sẽ đâm ra bị thiệt thòi, chứ không phải là vì tôi không bỏ được chỉ bản.

Hiện tại, tôi tính tìm cách đem Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám chế ra bốn bức chỉ bản nữa, vì vốn chỉ có hai bức. Năm ngoái bị cháy mất một bức, chỉ còn giữ được một bức. Tuy Trung Hoa Thư Cục có hai bức, nhưng họ chẳng chịu cho mượn dùng; giá in sách của họ còn đắt hơn những thư cục khác. Do vậy, Quang lại muốn bỏ ra một ngàn đồng để chế thành mấy bức chỉ bản để tạo duyên cho người sau này có được sách. Hiện thời Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, Học Phật Thiển Thuyết, Gia Đình Bảo Giám, Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu, Giang Thận Tu Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục, Liên Trì Phóng Sanh Văn Hợp San, Long Thư Tịnh Độ Văn, Hộ Pháp Luận, chín loại này đều phải chế ra bốn bức chỉ bản cho mỗi cuốn để người mai sau dễ lưu thông. Quang làm người trọn chẳng có tâm riêng tư, vì thế suốt đời chẳng thu nhận đồ đệ, chẳng lập môn đình, chẳng kết xã lập hội. Được ai tặng tiền, nếu Quang chẳng dùng để in sách thì liền dùng để cứu trợ tai nạn, chẳng để nghiệp của chính mình bị tăng trưởng vì tiền của người khác. Huống chi nay đã 68 tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn nhiều, đúng là lúc chỉ nên tạo duyên vãng sanh Tây Phương cho chính mình và người khác mà thôi!

(Ngày 14 tháng 10 năm Dân Quốc 17 - 1928, viết dưới đèn)

88. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiếu Ly (thư thứ hai)

Thư ngày mồng 9 chắc ông đã nhận được rồi, hôm nay tôi gởi 25 gói sách Khuê Phạm, tổng cộng 50 bộ (44 đồng). Mỗi bộ 8 cắc 8 xu. Cảm Ứng Thiên Trực Giảng 63 gói, tức 1.008 cuốn (1.000 cuốn là 120 đồng). Mỗi cuốn là 1 cắc 2 xu. Bưu phí (13 đồng 2 cắc, tổng cộng 177 đồng 2 cắc. Còn 8 cuốn bỏ thêm không tính). Tổng cộng là 88 gói. Khoản tiền ấy hễ tính là biết ngay. Khoản tiền này hãy nên gởi thẳng về chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, giao cho đại sư Minh Đạo thu nhận thì không sợ bị sai sót. Hễ nhận được, sư sẽ gởi biên nhận ngay.

Cảm Ứng Thiên Trực Giảng in ra hai vạn bộ. Một ngàn bộ này vốn là những sách gởi trước vì Quang không lâu nữa sẽ về Phổ Đà. Thoạt đầu lúc in sách Khuê Phạm, không có mấy người đứng ra chịu trách nhiệm bỏ tiền in, Trần Chánh nhận lo một ngàn bộ, những cuốn còn lại do Quang ứng ra. Sau cùng đảm nhiệm ba ngàn bộ đã xong, vì thế Quang gộp khoản tiền 500 đồng của ông Chánh với 200

đồng của sư Chân Đạt và ông Tôn Thái Thừa để kết duyên vụn vặt[166] và cho người khác thỉnh. Năm sau nếu thời cuộc yên ổn, chắc sẽ tái bản được. Nếu ông muốn đứng ra chịu tiền in thì hãy nên thông báo trước. Sách này 8 cắc 8 xu một cuốn, vốn là tự mua giấy, tự đem in theo lối thạch bản, tự đóng sách. Nếu không, chẳng tốn tới 1 đồng 2 cắc cho mỗi cuốn sẽ chẳng thể in được (Đại Trung Thư Cục tính 1 đồng 2 cắc, Trung Hoa Thư Cục tính giá 1 đồng 5 cắc 2 xu) mà giấy vẫn khó được tốt như vậy. Hiện thời lòng ham muốn của con người tung hoành, nếu chẳng lấy khuôn mẫu tốt đẹp của cổ nhân để giữ yên tai mắt, chấn chỉnh chí khí thì họ sẽ hùa nhau chìm đắm[167] theo những tà thuyết kia hết, buồn thay!

(Ngày 17 tháng 11, viết vào lúc đã thắp đèn)

89. Thư trả lời cư sĩ Cảnh Chánh Luân

Nhận được thư, cũng nhận được khoản tiền của ông Trần Phi Thanh, cách làm như vậy rất hay. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú (mỗi cuốn 1 cắc 6 xu), 500 cuốn, đã sớm gởi đi, chắc nay ông đã nhận được rồi. Học Phật Thiển Thuyết 500 cuốn (mỗi cuốn 2 xu 1 chinh, mỗi gói tính thêm 2 xu cước phí nữa), không lâu nữa sẽ được gởi tới. Cảm Ứng Thiên Trực Giảng một ngàn cuốn (mỗi cuốn 1 cắc 2 xu, mỗi gói là 16 cuốn) còn phải đợi ba mươi mấy ngày nữa. Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục (cuốn này chưa in xong, chưa thể định giá được) đã cho sắp chữ riêng. Nhằm thực hiện biện pháp đỡ tốn giấy, sẽ đem những bài như văn phóng sanh của tổ Liên Trì in kèm vào đấy thành một tập, thực là dễ coi. Mùa xuân năm sau sẽ in sách này một vạn cuốn, in xong sẽ gởi cho ông một ngàn cuốn. Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu vẫn chưa in, Gia Đình Bảo Giám đã xong, cần phải đợi đến mùa xuân năm sau mới quyết định chuyện ấn hành. Từ rày, nếu gởi tiền hãy chuyển giao cho đại sư Minh Đạo chùa Thái Bình ở bến Trần Gia tại Thượng Hải là ổn thỏa. Đầu tháng 3 năm sau, Quang sẽ đến Thượng Hải lo liệu ấn loát các sách.

(Ngày 29 tháng 11, viết dưới đèn)

90. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh (thư thứ nhất)

Mẹ ông đã 67 tuổi, tháng ngày không còn nhiều, hãy nên tận lực khuyên cụ sanh lòng tin phát nguyện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đấy là hành

---

[166] Ý nói gởi tặng một hai cuốn cho những người quen biết hoặc những người hỏi đạo để kết duyên nên gọi là "kết duyên vụn vặt".

[167] Nguyên văn *"tải tư cập nhược"*, đây vốn là một câu trích từ kinh Thi, bài Tang Tang, phần Đại Nhã: *"Kỳ hà năng thục, tải tư cập nhược."* Theo Trung Quốc Khổng Tử Võng, câu này có nghĩa là: "Làm sao có thể tốt đẹp cho được! Chẳng qua là kéo nhau xuống nước hết mà thôi."

hiểu chân thật. Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Đức Thành, nghĩa là dùng lòng thành niệm Phật, ắt được Phật từ tiếp dẫn. Vợ ông là Kim Địa đã chịu ăn chay, sao chẳng chịu niệm Phật? Niệm Phật mà mắc cỡ thì đáng gọi là "chẳng biết tốt xấu đến cùng cực". Nay đặt pháp danh cho bà ta là Đức Thanh, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật thì nghiệp lực tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tự biết tốt xấu. Dẫu đối trước muôn người vẫn chẳng sợ hãi mà niệm rõ ràng, khiến cho những người nghe tiếng niệm Phật ấy đều cùng gieo thiện căn, cùng được thanh tịnh tam nghiệp vãng sanh Tây Phương. Ngộ Hạnh pháp danh là Đức Ý, Học Hạnh pháp danh Đức Thục. Hai đứa con gái này đều ăn chay từ trong thai, chính là người tu hành trong đời trước, sao không dạy chúng niệm Phật? Đấy chính là vì ông không hiểu sự việc. Đã có túc căn, lại chẳng dạy niệm Phật, ví như ruộng tốt lại không cày cấy, gieo trồng, cũng chẳng gặt hái được gì, tuy có túc căn tốt đẹp mà chẳng được lợi ích tốt đẹp thật sự. Hiện nay đàn cầu cơ của ngoại đạo lập ra ở các nơi nhiều như rừng, đã quy y tam bảo chớ nên vẫn tu theo công phu của ngoại đạo, tham gia cầu cơ. Pháp danh của bà Trần Chiếu Tây nhà họ Từ và con dâu là Vân Hà được viết trong một tờ giấy khác, xin hãy giao lại cho họ. Những điều khác đã được nói tường tận trong bức thư dài (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp), ở đây không viết chi tiết nữa.

(Ngày mồng 9 tháng 11)

91. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh (thư thứ hai)

Vợ và con của ông Tiết X… đời trước có kẻ oán thù lớn, vì thế kẻ oán thù cố ý trả thù, khiến bà ta bị sanh khó cho thỏa dạ. Nhưng bỏ công niệm Quán Âm ba ngày, sản phụ vẫn không sao, há chẳng phải là do niệm danh hiệu Đại sĩ mà được cảm ứng đấy ư? Phàm phu chẳng biết "nhân trước, quả sau", hễ không hiệu nghiệm liền ngã lòng tin tưởng. Nào biết oan gia trong đời trước oán thù sâu đậm, nhiều đời lắm kiếp đều mong báo thù, dẫu có nương nhờ hồng danh của Đại sĩ mà vẫn chưa thấy hiệu quả. Nếu chẳng niệm hồng danh Đại sĩ, há sản phụ vẫn được vô sự hay sao? Những kẻ lúc sanh nở niệm Quán Âm liền thấy hiệu nghiệm có tới trăm ngàn vạn người, há nên vì một sự không linh liền lui sụt lòng tin ư? Hãy nên trọn đủ lòng không sợ hãi, nói với người khác để cho hết thảy mọi người đều được yên vui. Lại còn nên khuyên họ đừng kết oán nghiệp. Nếu oán nghiệp nặng nề, Phật lực cũng khó cứu độ. Điều này đúng là có thể giúp cho việc khuyên lơn người khác biết "nhân trước, quả sau". Chính ông chẳng hiểu rõ lý nên đối với điều này bèn chẳng thể quyết đoán được. Lẽ ra ông Tiết X… kia sẽ do điều này mà càng sanh lòng tin, nhưng lại ngược ngạo lui sụt lòng tin thì sợ rằng sau này sẽ lại xảy ra đại họa do túc oán gây nên.

Khi lâm chung có thể dùng cách trợ niệm, nhưng khi sanh nở thì không cần dùng cách trợ niệm, chỉ cần bảo người nhà cùng những người săn sóc trong phòng sanh và chính sản phụ đều cùng niệm là được rồi. Sau này chẳng cần phải suất lãnh đại chúng trợ niệm. Niệm danh hiệu Quán Âm lớn tiếng thì có cảm ứng lớn, niệm nhỏ tiếng thì có cảm ứng nhỏ, chứ trọn chẳng có lẽ nào không ứng. Quan trọng là can đảm nói với mọi người, những kẻ chẳng thấy cảm ứng thì cũng chẳng phải là không hề có cảm ứng.

(Ngày 16 tháng Chạp)

92. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh (thư thứ ba)

Ngọc Hoàng Kinh là kinh do bọn đạo sĩ ăn trộm nghĩa lý trong kinh Phật ngụy tạo ra. Ông chẳng biết kinh ấy là ngụy, nên tưởng là đã thành Phật rồi mới làm Ngọc Đế. Ngọc Đế chính là Đao-lợi thiên vương[168], tức là vua tầng trời thứ hai trong Dục giới (tầng trời phía dưới đó là Tứ Thiên Vương thiên), phía trên còn có bốn tầng trời nữa. Sáu tầng trời này thuộc Dục giới. Lên trên nữa là ba tầng trời thuộc sơ thiền, lên trên nữa là ba tầng trời thuộc nhị thiền, lên trên nữa là ba tầng trời thuộc tam thiền. Lên trên nữa là chín tầng trời thuộc tứ thiền. Mười tám tầng trời này là Sắc giới. Lên trên nữa là bốn tầng trời thuộc Vô sắc giới. Phi Phi Tưởng thiên chính là tầng trời thứ tư trong Vô sắc giới, phước thọ tám vạn đại kiếp, nhưng khi hết tuổi thọ vẫn phải đọa lạc xuống những cõi dưới, hoặc đọa thẳng vào ba ác đạo. Vì thế nói: *"Nhiêu quân bát vạn kiếp, chung thị lạc không vong"*

---

[168] Đao-lợi thiên (Trāyastrimśa) còn dịch âm là Đát-lỵ-da hay Đát-lỵ-xà, hoặc dịch nghĩa là Tam Thập Tam thiên, là cõi trời nơi Đế Thích ở, nằm ngay trên đỉnh núi Tu-di. Bốn phía đỉnh núi ấy, mỗi phía có tám tòa thành trời. Tòa thành của Đế Thích nằm chính giữa mang tên Thiện Kiến Thành. Như vậy tổng cộng có 33 tòa thành trời nên mới gọi là Tam Thập Tam thiên. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, tên của 33 tòa thành ấy là: 1) Thiện Trụ Pháp Đường Thiên 2) Trụ Phong Thiên 3) Trụ Sơn Đảnh Thiên 4) Thiện Kiến Thành Thiên 5) Bát Tư Địa Thiên 6) Trụ Câu Tra Thiên 7) Tạp Điện Thiên 8) Trụ Hoan Hỷ Viên Thiên 9) Quang Minh Thiên 10) Ba Lợi Da Đa Thọ Viên Thiên 11) Hiểm Ngạn Thiên 12) Trụ Tạp Hiểm Ngạn Thiên 13) Trụ Ma Ni Tạng Thiên 14) Triển Hành Địa Thiên 15) Kim Điện Thiên 16) Man Ảnh Xứ Thiên 17) Trụ Nhu Nhuyễn Địa Thiên 18) Tạp Trang Nghiêm Thiên 19) Như Ý Địa Thiên 20) Vi Tế Hạnh Thiên 21) Ca Âm Hỷ Lạc Thiên 22) Đức Oai Luân Thiên 23) Nguyệt Hành Thiên 24) Diễm Ma Sa La Thiên 25) Tốc Hành Thiên 26) Ảnh Chiếu Thiên 27) Trí tuệ Hành Thiên 28) Chúng Phận Thiên 29) Trụ Luân Thiên 30) Thượng Hành Thiên 31) Oai Đức Nhan Thiên 32) Oai Đức Diễm Luân Thiên và 33) Thanh Tịnh Thiên.

Đế Thích (Śakra Devānām-Indra), gọi đầy đủ là Thích-ca Đề-hoàn Nhân-đà-la, còn có tên là Kiều-thi-ca, Sa-bà-bà, Thích-ca-đề-bà, Thiên Nhãn v.v.. Đời trước vốn là một vị Bà-la-môn do xướng suất 32 người cùng tu bổ tháp Phật đã hư nát, nên cùng với 32 người ấy hưởng quả báo được sanh lên trời Đao-lợi làm thiên chúa. Vị trời này có mười vị đại thiên tử hộ vệ. Mỗi tháng, trong mười ngày trai sẽ đích thân xuống cõi nhân gian hay sai Tứ thiên vương, Thái tử, thị giả… xuống tuần tra xem xét thiện ác. Thông thường vị trời này được tạc tượng cỡi voi trắng, tay phải cầm kim cang xử ba nhánh, tay trái đặt trên đùi, và cũng được xếp vào số các vị tôn thánh thuộc Ngoại Kim Cang Viện của Thai Tạng Giới trong Đông Mật.

(Dẫu thọ tám vạn kiếp, rốt cuộc đọa không vong), huống là Ngọc Đế ở tầng trời thứ hai của Dục giới ư?

Ông thấy Ngọc Hoàng Kinh nói cực cao, cực sâu, nhưng chẳng biết là kinh do kẻ dối trá ngụy tạo. Ông chỉ trì giới thanh tịnh. Nếu vì sanh con mà phải ân ái thì hãy nên tắm gội sạch sẽ, chớ nên thường ăn nằm. Người tụng kinh phải giữ cho thanh khiết. Nếu dâm dục khởi lên là đã ô uế rồi! Bất quá vì sanh con nên chẳng ngại làm chuyện đó một lần mỗi năm hoặc mỗi quý (ba tháng). Tiết dục được như thế thì đứa con sanh ra nhất định thông minh, phước thọ, chớ nên nói "vì mong có con mà không thể không thường ăn nằm!" Cần biết rằng: Thường ăn nằm thì ngược lại càng khó sanh con. Dẫu sanh được con cũng khó sống lâu, vì "tiên thiên bất túc" vậy! Nữ nhân thọ thai rồi vĩnh viễn dứt chuyện ân ái thì đứa con sanh ra không những tướng mạo đoan chánh, tâm hạnh thuần thành, chuyên dốc, mà còn chẳng bị hết thảy những bệnh thai độc, lên đậu, lên sởi v.v.. Ngay cả khi sanh cũng dễ sanh. Nếu thọ thai rồi mà ăn nằm một lần thì bọc thai dày thêm một lần, cho nên khi sanh nở sẽ bị khó sanh, lại còn bị các thứ thai độc v.v..

Do một người bạn cậy Quang in giùm cuốn Đạt Sanh Thiên, phải giảo duyệt cho ông ta, nên đem những nghĩa trọng yếu trong thiên sách ấy nói với ông để mong con cháu ông đều thành hiền thiện, thông minh trí tuệ. Đừng nói Quang là người xuất gia mà bàn chuyện ăn nằm của người ta! Chẳng biết chuyện ấy chính là chuyện sanh tử mấu chốt bậc nhất của thế gian, đúng là phải nên cứu giúp để chính mọi người và hết thảy con cháu họ đều được phước thọ, khỏe mạnh, bình yên thì vui sướng chi hơn.

(Ngày mồng 7 tháng Chạp)

93. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Huệ

Mười mấy hôm trước đã nhận được bộ Luận Mạnh Phân Loại[169] của lệnh nghiệp sư[170] là tiên sinh Tây Tuyền do ông gởi tới. Vì mục lực không đủ, lại thêm công việc bề bộn, những chữ chú thích lại quá nhỏ chẳng dễ đọc nên cũng không rảnh rang để xem, chỉ xem đại lược khi rảnh rỗi đôi chút mà thôi, chứ hoàn toàn chưa xem trọn. Nếu sách này được hoàn thành vào năm năm trước thì Quang sẽ thay đổi hình thức trình bày của cuốn sách cho đọc đỡ tốn công lại dễ xem. Phần chánh văn in bằng cỡ chữ Nhị Hiệu Tự (phần chánh văn trong cuốn sách hiện thời in bằng cỡ chữ Nhị Hiệu Tự), phần chú giải in bằng cỡ chữ Tam Hiệu Tự, phần

[169] Luận Mạnh Phân Loại là gọi tắt của Luận Ngữ Phân Loại và Mạnh Tử Phân Loại.
[170] Lệnh nghiệp sư là tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng thầy của người khác.

đảnh cách[171] sẽ in thêm một vạch mực thì chủ và bạn[172] sẽ dễ phân biệt. Phần chú giải in chữ to thì người lớn tuổi cũng đọc được.

Hiện thời vật giá đắt đỏ, dân nghèo cùng, đối với mỗi quyển bèn xuống dòng, in tiếp theo đó[173] sẽ đỡ tốn giấy nhiều lắm. Phàm với mỗi chương trong một quyển, cũng trình bày như trong phần mục lục: Ghi số mục trong phần đảnh cách, phía dưới ghi thiên mấy, chương mấy để kẻ thư sinh xem đến chẳng đến nỗi mất công giở tìm mục lục. Luận Ngữ Phân Loại chia làm hai cuốn thượng và hạ. Cuốn thượng dày hơn một chút, đối với các thiên Thực Lục của chư tử trong cuốn hạ đừng bỏ giấy trống. Chuyện của người trước đã thuật xong, bèn thêm một vạch mực ngăn cách giữa hai chuyện cho khỏi lẫn lộn. Những chỗ giáp trang, mặt trước mặt sau đều ghi số trang, số quyển. Cuốn hạ bỏ giấy trắng quá nhiều, quá hao tốn giấy, hãy dồn một nửa cuốn thượng sang cuốn hạ. Trong cuốn hạ, đối với các tiết (các phân đoạn thuật hành trạng) của cùng một người hãy sắp xếp liên tiếp, sẽ rất hợp lẽ. Trong phần chánh văn có những đoạn không quan trọng, khẩn yếu thì không cần phải in cao lên[174] cũng là một cách để đỡ tốn giấy. Đấy là phương cách do Quang nhiều năm quen tay tính toán in sách nay kính cẩn nói với ông; tùy ông và mọi người liệu định, chứ Quang không buộc phải nhất định làm như thế.

Như muốn lưu thông rộng rãi, nếu một bộ giảm được một trang giấy (chú ý) thì một vạn bộ sẽ giảm được một vạn trang (chú ý); mười vạn bộ giảm được mười vạn trang (chú ý), phí tổn ấy chẳng nhỏ đâu! Còn soạn lời tựa thì do mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, nên cố nhiên phải nhờ bậc thông hiểu trong làng Nho viết, chứ Quang quả thật chẳng thể dùng tâm hay mắt được. Gắn phần ngăn cách[175] cho sách Luận Mạnh Phân Loại (phần thượng, phần hạ của Luận Ngữ Phân Loại, phần thượng, phần hạ của Mạnh Tử Phân Loại) thì vừa nhìn liền thấy rõ, chớ nên để lộn xộn không phân ra.

---

[171] Đảnh cách là lối in chữ đầu dòng cao hơn một chữ so với những dòng bên cạnh. Đảnh cách thường dùng để in dòng đầu của chánh văn hay đề mục của một tiết, một đoạn.

[172] Chủ ở đây là phần chánh văn, bạn là phần chú giải.

[173] Theo cách in phổ biến thời ấy, giữa mỗi quyển của cùng một bộ sách, phải bỏ trống ít nhất một trang. Ở đây, tổ đề nghị, chỉ chừa một hàng trống giữa hai quyển.

[174] Đề đầu hay đài đầu là in cao hơn những dòng khác một chữ, gần giống như đảnh cách. Điểm khác biệt giữa đảnh cách và đài đầu là đảnh cách chỉ in cao một dòng đầu, còn đề đầu là in cao lên một chữ cả đoạn.

[175] Nguyên văn Thư Thiêm. Trong lối in sách theo lối cổ, trước mỗi quyển thường gắn một mảnh giấy nhỏ, ghi rõ từng quyển này gồm mấy chương, mỗi chương gồm mấy tiết, mỗi tiết gồm mấy đoạn, giống như tiểu mục lục của từng quyển để người đọc dễ thấy được kết cấu của một quyển, dễ tìm khi muốn tra cứu. Chữ Thư Thiêm hiện thời chỉ dùng để dịch nghĩa chữ bookmark, tức sợi dây được gắn vào gáy sách để đánh dấu phần đã đọc.

Hiện thời sắp chữ theo chữ chì[176] sẽ đỡ tốn tiền hơn khắc ván mà nét chữ cũng rõ và đẹp hơn, in bằng giấy Tàu hay dùng giấy Tây đều được. Nếu muốn lưu thông nhiều, hãy nên bảo nhà in làm chỉ bản (khoảng bốn, năm, sáu bức) thì mấy chục vạn cuốn cũng in được. Bản khắc ván, nếu in theo cách của Nam Kinh Kinh Phòng (xưởng in kinh ở Nam Kinh) tại Dương Châu, in được năm sáu ngàn bộ đã nhòe nhoẹt. In theo cách của Thư Điếm thì có thể in được hơn một vạn bộ do họ không ép mạnh nên chữ in ra dường như có, dường như không. Sách của Kinh Phòng in ra không một chữ nào chẳng rõ nét.

Một bức chỉ bản có thể đúc thành sáu bảy lần bản in kẽm. Hễ mỗi lần đúc kẽm thì xưởng in lớn chạy bằng máy in có động cơ, in mấy chục vạn cuốn cũng chẳng sao. Xưởng in nhỏ không mua nổi máy in có động cơ, in được chừng một vạn bộ là cùng; chữ lại thô vụng vì bị máy ép chữ ép lâu ngày, chữ kẽm liền bị lõm xuống, bẹt ra, cho nên chữ thô mà không rõ nét. Khi sắp chữ cần phải cậy người hết sức cẩn thận giảo chánh, đối chiếu. Thủ tục giảo chánh đối chiếu xưởng in sẽ cho biết; nhưng hiện thời Quang chỉ có thể nói là Quang chẳng thể dính dáng vào được vì không có mục lực lẫn tinh thần, mong hãy sáng suốt soi xét. Bìa sách nên dùng loại giấy da bò 120 bảng[177], cứng chắc đến tột bậc. Loại bìa cho cuốn sách mẫu này giá vẫn không rẻ mà lại dở tệ, không chắc chắn, cần gì phải tốn tiền để mua loại giấy tạp ấy?

(Ngày 22 tháng 6 năm Dân Quốc 26 -1937)

Con người ai nấy đều thích dễ coi, chỉ có tôi là thích cứng chắc bởi trước đây đã có người khuyên tôi dùng loại bìa sách nhuộm màu. Quang thấy loại bìa ấy mắc tiền nhưng không cứng chắc, mặc cho người ấy nói thế nào cũng không chịu. Do vậy biết người đời phần nhiều là thích bày vẽ bề ngoài, chẳng xét đến lợi hại. Trình Chu chú giải sách cũng là bày vẽ bề ngoài, chỉ mong được tiếng là những nhà Lý học tinh thông rộng rãi, chê nhân quả, bác luân hồi, đến nỗi nẩy ra cái họa

[176] Đây là lối in chữ do Guttenberg phát minh bằng cách dùng những chữ đã đúc sẵn, sắp vào khuôn in rồi phun mực, ép xuống giấy để in. Gọi là "chữ chì" (duyên tự) chứ thật ra mỗi một chữ được đúc bằng hỗn hợp thiếc, chì và antimon. So với lối in khắc ván, cách này nhanh và hiệu quả hơn, nhưng nay đã thất truyền vì phải tốn nhiều chữ đúc sẵn, phải in thử để thầy cò (corrector) sửa những chữ bị thợ sắp sai. Chữ chì lại còn có chứa chất độc, gây nguy hại cho sức khỏe của thợ in.

[177] Nguyên văn *"nhất bách nhập bảng ngưu bì chỉ"*. "Nhất bách nhập bảng" là cách người Trung Hoa diễn dịch khái niệm "loại giấy này có thể chịu đựng độ kéo tối đa là 120g trên một mét vuông". Ngưu bì chỉ (kraft paper) là một loại giấy thô dày cứng chế bằng bột tạp từ các loại gỗ của cây lá kim (như thông, tùng) đã được tẩy màu bằng acid sulfuric, thường có màu vàng nhờ nhờ hoặc vàng hơi nâu như lông bò. Thoạt đầu, giấy này chế bằng da bê hay da nghé nên gọi là ngưu bì chỉ, chuyên dùng làm bìa sách. Tới khi chế bằng bột gỗ, do giấy có màu giống lông bò nên người Trung Hoa vẫn quen gọi là ngưu bì chỉ.

giết cha giết mẹ. Nếu nhà Nho ai nấy đề xướng nhân quả thì đâu đến nỗi thế đạo nhân tâm suy hãm cùng cực đến mức này?

94. Thư trả lời cư sĩ Lưu Dung Các

Nhận được thư đầy đủ, từ mùa đông năm ngoái Quang giảo chánh sách vào ban đêm nên mục lực bị tổn thương, vì thế cự tuyệt hết thảy những chuyện thù tiếp thư từ. Vợ chồng ông muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người, viết trong một tờ giấy khác. Còn như khai thị thì cảm thấy quá tốn sức, vì thế tôi gởi cho ông mười một gói sách. Nếu chịu lắng lòng nghiên cứu sẽ tự lợi, lợi tha đều có thừa. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, do mục lực chẳng thể thù tiếp được, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y. Sang năm sớm muộn gì tôi cũng rời khỏi Tô Châu ẩn tránh thật xa, mong hãy sáng suốt soi xét.

Thời cuộc hiện tại nguy hiểm vạn phần, bất luận già trẻ trai gái đều nên chí tâm niệm Nam-mô A-di-đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát để dự phòng. Kiếp vận hiện thời có trốn cũng trốn không được, có đề phòng cũng chẳng thể đề phòng. Chỉ có cậy vào lòng từ của Phật, chắc sẽ được che chở trong cơn nguy hiểm nhỏ. Nếu đại hiểm họa xảy đến, có lẽ mọi người sẽ đều cùng chết sạch. Tuy người niệm Phật chẳng thể riêng một mình thoát khỏi kiếp nạn, tránh khỏi cái chết, nhưng chết rồi sẽ đi về đâu, mỗi người một khác. Người niệm Phật sẽ nhờ vào Phật lực sanh về Tây Phương. Dẫu chẳng thể sanh về Tây Phương, cũng sanh trong đường lành, trọn chẳng cùng đọa trong ác đạo như người không niệm Phật. Chẳng thể không biết đến ý này!

(Ngày mồng 9 tháng Chạp năm Dân Quốc 22 - 1933)

95. Thư trả lời cư sĩ Lý Nhĩ Thanh

Đạo học Phật nằm ở chỗ thật hành, nếu chỉ bày vẽ bề ngoài chẳng tu thật hạnh thì cũng chỉ được cái danh suông bề ngoài mà thôi! Đã muốn vãng sanh Tây Phương, tự lợi lợi người, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Trên là cha, mẹ, chú, bác, cho đến anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái và các tôi tớ, cùng là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu, phàm hết thảy những ai quen biết đều nên dùng những điều trên đây để khuyên lơn. Nếu chính mình chú trọng thực hành thì người khác sẽ nhìn theo bắt chước làm lành. Đấy gọi là *"dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời lẽ để giáo hóa thì bị tranh cãi, dùng hành động để giáo hóa thì được mọi người thuận theo).

Chuyện thế gian, xuất thế gian không một chuyện nào chẳng lấy thân làm gốc. Nếu tự mình chẳng thật hành mà dạy người khác hành thì chỉ có bậc thượng trí mới có thể thuận theo [vì bậc thượng trí mới thấy được] lời dạy đó hữu ích, chẳng cần so đo người dạy bảo ấy có làm được hay không? Nếu chẳng phải là bậc thượng trí, ắt sẽ bài bác trong lòng, chê bai sau lưng, đâm ra làm cho người ta tạo đại khẩu nghiệp. Muốn thật sự lợi người thì chuyện gì cũng phải trọn hết bổn phận của chính mình, trong hành vi thường ngày thảy đều bao gồm những cơ duyên giáo hóa người khác. Lâu ngày chầy tháng, người ta sẽ tự tin tưởng rồi thuận theo, cho nên sẽ tự nhiên đạt được hiệu quả. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thanh, Tông (宗) là chủ, là gốc, Thanh (清) là vĩnh viễn không cấu nhiễm. Phàm những tập khí tham sân si mạn v.v. đều phải đối trị, chẳng để cho chúng dấy lên thì ba nghiệp thanh tịnh tương ứng với Phật. Lúc bình thường đã tương ứng thì khi lâm chung sẽ tự được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Tào Huệ Xuyên pháp danh là Tông Huệ. Huệ (惠) là nhân ái, tâm thường giữ ý niệm nhân ái thì sự nhân ái sẽ được thể hiện khắp trong mọi hành vi thường ngày. Trong ấy, sự nhân ái lớn nhất không gì bằng khuyên người ta ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Tiếp đó, không gì lớn bằng dạy người khác hãy khéo dạy bảo con cái. Nếu con người ai nấy đều khéo dạy con cái thì thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tông Huệ có ý nghĩa đại lược như vậy đó, nếu khéo thấu hiểu thì lợi ích lớn lắm. Còn đối với lợi ích, phương pháp tu trì Tịnh độ thì hãy nên xem trong Gia Ngôn Lục, Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời vì mục lực lẫn tinh thần đều chẳng thể thù tiếp được. Nếu bưu cục nhận gởi sách, sẽ gởi cho hai vị một hai thứ sách thiết yếu; còn nếu họ không cho gởi thì đành thôi!

(Ngày Rằm tháng 9 năm Dân Quốc 22 - 1933)

Đường bưu điện đã thông, nay gởi cho các ông hai gói sách, mỗi người một phần, xin hãy chia ra.

96. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tử Vân

Thư và pháp tệ[178] đều nhận được đầy đủ, cám ơn! Hiện thời mọi thứ đắt đỏ, giấy đắt đến cùng cực. Văn Sao Tục Biên cách thức trình bày giống như bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, nhưng chỉ dày khoảng hơn 200 trang. Sách sẽ được in ra trong khoảng xuân - hạ năm sau. Ý pháp sư Đức Sâm cho rằng mùa xuân

[178] Pháp tệ: khoản tiền cúng dường để làm chuyện lợi ích về mặt hoằng pháp như in kinh, tượng, cứu giúp dân chúng bị nạn…

năm sau có lẽ giấy rẻ hơn một chút, Quang sợ rằng mùa xuân năm sau giấy sẽ mắc gấp mấy lần cũng không chừng. Nếu chẳng thái bình cho chóng, sợ rằng nhân dân nước ta sẽ cùng chết hết sạch. Đang trong thời thế này, mọi người đều phải nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm Bồ-tát để mong sống thì được che chở, mất liền được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy những người hữu duyên thì may mắn lắm thay!

(Ngày 28 tháng 11)

97. Thư trả lời hai vị cư sĩ Trầm Tịnh Tâm và Kim Đàm

Pháp niệm Phật thuận tiện cùng cực, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm đều niệm được, cần gì phải đợi giữa trưa, ban tối mới niệm được? Hết thảy thời, hết thảy chỗ đều niệm được. Chỗ sạch sẽ thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Khi đại tiểu tiện, chỗ không sạch sẽ và lúc ngủ, chỉ nên niệm thầm. Công đức niệm thầm vẫn giống hệt như niệm ra tiếng, sao lại chỉ giữa trưa hay ban tối mới niệm được? Xưa kia, ẩn cư trong chốn núi rừng là tốt, chứ bây giờ lòng người bại hoại đến cùng cực, vì mấy thưng gạo, một manh áo đã chịu giết người. Các ông hãy ở nhà niệm Phật, đừng manh nha ý niệm ẩn cư, xin hãy sáng suốt soi xét! Từ rày đừng gởi thư đến nữa vì tôi không có sức để thù tiếp vậy.

98. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Văn Phác

Pháp danh của 39 người đều ghi trong một tờ giấy khác, 25 đồng hương kính đã bảo chùa Báo Quốc gởi sách cho hết số tiền ấy, độ ba bốn ngày nữa sẽ gởi tới. Từ rày chớ nên gởi thư đến nữa, gởi đến sẽ gởi trả lại. Quả thật chẳng có mục lực và tinh thần, chứ không phải chẳng đếm xỉa tình cảm. Ông viết tên người xin quy y trên giấy đỏ tôi đọc không ra, phải bảo người khác sao ra tờ giấy khác mới xem được. Ông tuổi trẻ chẳng biết nỗi khổ của người già, viết trên giấy đỏ rốt cuộc có ích lợi gì đâu? Nay đem tờ giấy ghi pháp danh gởi bằng thư bảo đảm. Đợi cho sách Tây Phương Công Cứ, Sơ Cơ Tiên Đạo được gởi đến sẽ chia ra gởi đi.

(Ngày 13 tháng 10 năm Dân Quốc 27 - 1938)

99. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ nhất)

Ba vị lão nhân xin quy y, ông hãy nên bảo họ: "Phải nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên chỉ biết gieo thiện căn, cầu phước báo đời sau. Sanh về Tây Phương liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Cầu đời sau thì sẽ do phước tạo nghiệp, do nghiệp đọa lạc trong tam đồ ác đạo." Những điều còn lại hãy chiếu theo bức thư dài, ở đây không viết cặn kẽ. Thiệu Cát Thành pháp danh là Huệ Thành, bà Trương Lập Chí nhà họ Thiệu pháp danh là Huệ Lập. Kẻ có chí,

sự ắt thành. Tự lập được thì không có gì chẳng tốt đẹp. Bà Phùng Tu Thành nhà họ Trương, pháp danh là Huệ Tu. Nương theo trí tuệ của đức Phật mà tu thì chắc chắn sẽ có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là cái được gọi bằng từ ngữ "trí tuệ của Phật" đấy! Xin hãy nói với bọn họ những điều này.

(Ngày 22 tháng 11 năm Dân Quốc 22 - 1933, viết dưới đèn)

100. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ hai)

Ở Nam Thông, thói cầu cơ rất phổ biến, Giang Dịch Viên bị linh quỷ giáng cơ khen ngợi đến nỗi đầu óc mê muội. Đã thế, ông ta còn đem lời giáng cơ hiệu triệu khắp bốn huyện Thông, Hải, Khải, Như; ý ông ta còn muốn hiệu triệu cả nước. Các ông đừng bị ông ta lung lạc, chánh nhân quân tử trong thế gian còn chẳng chịu khen ngợi người khác quá lố, huống là bậc thánh nhân đắc đạo ư? Cơ bút đều là do linh quỷ giả mạo (trong một trăm trường hợp có đến chín mươi chín trường hợp giả mạo), hơn nữa quá nửa là do kẻ phù cơ ngụy tạo. Dịch Viên do ham được ca ngợi mà mê muội đến tột cùng, rốt cuộc coi lời giáng cơ như thánh chỉ. Nếu chẳng ham được khen ngợi, sẽ coi những gì mình được khen ngợi giống như bị quở trách thì đâu đến nỗi mất trí điên cuồng, chân ngụy, tà chánh chẳng phân? Xin hãy nói với các liên hữu, ngõ hầu chẳng đến nỗi hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh không có cùng tận vậy.

(Ngày 20 tháng 5 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Lợi ích thật sự do niệm Phật chỉ có bậc đại trí tuệ và ngu phu ngu phụ có thể đạt được, những kẻ tưởng chừng như có trí tuệ, chẳng muốn làm ngu phu ngu phụ đều chẳng thể đạt được. Như Dịch Viên thoạt đầu tri kiến còn khá, đề xướng khá tha thiết, nhiều lần có cảm ứng. Nay chánh tri kiến đã không còn, chuyên muốn đem thầy ông ta là Tường Công thờ trong Liên Trì Hải Hội để báo ân. Do món vật tư dục ấy ngăn chướng cái tâm, chánh tri chánh kiến bèn biến thành tà tri tà kiến. Nếu chẳng mau chóng sửa đổi thì trong tương lai cũng không có cách gì vãng sanh được. Muốn theo sau Từ Khâu, Nguyện Nguyệt, e rằng cũng không có cách gì để đạt được. Tờ bán nguyệt san tôi chưa hề thỉnh để xem đọc qua. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, phàm những sách báo không quan trọng khẩn yếu đều chẳng đọc, do không có mục lực để làm chuyện ấy.

101. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ ba)

Hãy hết sức răn nhắc xã hữu đừng nhiễm phong cách si dại của Dịch Viên, nếu không sẽ trở thành ngoại đạo trong Phật pháp, đâm ra phá hoại Phật pháp,

làm cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ trọn chẳng cùng tận. Dịch Viên hèn kém cùng cực đến mức như thế chính là điều Quang trọn không thể nào lường được! Bệnh ấy là do ham đội mũ cao và tưởng Trương Kiển[179] là Bồ-tát, chẳng tự biết toàn thân đã té trong hầm phân, há đáng gọi là thanh tịnh, thơm sạch được ư? Hãy nên tha thiết răn dạy con cháu biết tốt xấu, kẻo sau này chúng không hiểu sẽ tưởng tà là chánh, coi thối là thơm. Hiện tại vận nước nguy ngập, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, hãy nên bảo hết thảy mọi người cùng niệm Phật hiệu và danh hiệu Quán Thế Âm để làm kế dự phòng.

(Ngày mồng 2 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

102. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ tư)

Thư ngày mồng 6 tháng 3 chưa nhận được. Bà Châu Xảo Trinh nhà họ Mã có thể nói là có thiện căn đời trước, đấy là những chuyện có chứng cứ đích xác, cần gì Quang phải làm chứng? Nếu không có tướng lành để làm căn cứ [chứng nghiệm sự vãng sanh] thì xin chứng minh còn được. Nay đã có chuyện thần hồn du ngoạn cõi Tịnh độ, lại được Quán Âm báo kỳ hạn vãng sanh, mà vẫn cầu chứng thì thành ra tri kiến của kẻ chẳng biết pháp môn Tịnh độ rồi. Xin hãy gởi chuyện này cho Phật Học Thư Cục để họ đăng tải trên tờ bán nguyệt san, tài liệu chánh yếu của họ mang tánh chất khác với tờ báo Tân Thân.

Tuy nhiên, hoằng dương Phật pháp thì phải chú trọng nơi chân thật chẳng hư vọng, nếu tùy ý tô vẽ thì lỗi ấy cũng chẳng nhỏ nhoi đâu! Vì sao vậy? Vì sẽ khiến cho người ta do chuyện tô vẽ này mà nói những người vãng sanh xưa nay đều là không thật. Nếu xác thật không ngụy tạo thì đăng tải chẳng trở ngại gì, nếu không thì hãy gạt bỏ những chuyện tô vẽ, chỉ đăng tải những chuyện thuộc về bản chất. Nếu không có căn cứ trọng yếu, hãy nên thủ tiêu đi. Đối với chuyện quy y thì đã sanh về Tây Phương, dự vào địa vị thánh, thân cận Tam Thánh, còn quy y phàm tăng làm chi nữa? Quang một mực chẳng thích người khác giả vờ. Nếu chân thật chẳng dối trá, cố nhiên nên đăng báo. Nếu không, kẻ viết bài văn ấy phạm tội lỗi, mà người chết cũng trọn chẳng được hưởng lợi ích gì.

(Ngày 28 tháng 3 năm Dân Quốc 29 - 1940)

[179] Trương Kiển (1853-1926), tự Quý Trực, hiệu Tường Am, người trấn Thường Lạc, huyện Hải Môn, từng đỗ Trạng Nguyên cuối đời Thanh vào năm 1894, được bổ làm Hàn lâm đương tu soạn. Ông tích cực chủ trương đường lối kinh tế thực tiễn để giúp dân làm giàu và cứu vớt người nghèo, nâng cao dân trí, lập ra nhiều xí nghiệp, được coi là một trong những nhà tư bản tiên phong của Trung Hoa. Ông lập ra trường Đại học sư phạm dân lập Nam Thông là ngôi trường đào tạo giáo viên theo đường lối dân tộc, thực tiễn, cũng như góp phần thành lập trường Cao đẳng sư phạm Nam Kinh.

103. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ nhất)

Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, vô tri, vô thức, bị ép vào thế bất đắc dĩ, đành đem những gì chính mình biết, chính mình làm được, thưa với người khác, nào đáng khen ngợi quá lố như thế? Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám trên núi đã hết, sau mấy bữa nữa sẽ bảo người bạn ở Thượng Hải thay mặt gởi đi. Nói đến chuyện quy y, sao không chọn bậc đạo đức cao siêu, mà lại thờ ông tăng già cả, ngu độn, hủ bại, ngờ nghệch như con rối làm thầy? Tuy vậy, muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, hoàn toàn cậy vào lòng thành của chính mình. Nay do ông đã thờ ông tăng ngây ngô như con rối làm thầy, thì cần biết rằng: Tuy con rối không có điểm nào hay, nhưng cũng không có điểm nào dở. Bởi nó không có lòng riêng tư, tâm mưu mẹo, nên con rối cũng có chỗ để học theo. Những gì chưa thể cùng người khác đánh giá, quyết định được, hãy nhất loạt bỏ đi.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Lương, nghĩa là dùng trí tuệ để làm cầu bến trong đường hiểm sanh tử, khiến cho khắp hết thảy mọi người thoát ngay đường hiểm, lên được chỗ an ổn. Hiện nay thế đạo bại hoại đến cùng cực, xét đến căn nguyên đều do gia đình không khéo dạy dỗ. Từ nhỏ trọn chẳng đem đạo lý làm người dạy bảo, huống là những sự lý phước thiện, họa dâm, nhân quả, báo ứng v.v. ư? Vì thế, những kẻ ấy vừa nghe tà thuyết bèn nương theo, cố nhiên coi chuyện giết cha gian dâm mẹ là bổn phận chánh đáng. Nếu không tệ hại như thế thì khi có được quyền thế, địa vị, cũng sẽ mặc tình làm càn, gây thảm độc cho thiên hạ. Không có được quyền lực ấy thì kết đảng hoành hành, gây lụy cho địa phương. Nguồn gốc đều là do không được cha mẹ hiền khéo dạy dỗ mà ra! Vì thế nói: "Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm."

Nhưng con người từ lúc mới sanh chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ, do vậy phải có hiền mẫu thì mới có hiền nhân, mà hiền mẫu phải khởi đầu từ hiền nữ. Vì thế, muốn cho thiên hạ thái bình, ắt phải bắt nguồn từ dạy dỗ con cái, nhưng dạy con gái lại càng khẩn yếu hơn dạy con trai vì nữ nhân có thiên chức giúp chồng dạy con. Từ xưa, những bậc thánh hiền được thành thánh hiền đều nhờ có mẹ hiền, huống là những kẻ tầm thường kém cỏi ư? Nếu không có hiền nữ sẽ không có hiền thê, hiền mẫu; đã không có hiền thê, hiền mẫu thì những kẻ được người nữ ấy giúp đỡ, dạy dỗ đều thành kẻ ác hết, đều ngăn trở điều lành. Đấy chính là cội nguồn khiến cho nước ta nước không ra nước, dân chẳng thành dân vậy! Ông muốn hoằng pháp, hãy nên lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm tông chỉ chủ yếu, lại còn đề xướng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi để hết thảy mọi người biết được khổ nhân, khổ quả. Lại còn làm cho họ sanh lòng tin, phát nguyện,

trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong đích thân chứng được nhân vui, quả vui. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong Văn Sao, ở đây không ghi đầy đủ nữa. Gởi đến một gói Gia Ngôn Lục, sách này giản lược, rất hợp cơ nghi.

(Ngày mồng 1 tháng 6 năm Dân Quốc 17 - 1928)

104. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ hai)

Cổ nhân nói: "Do đất mà té, do đất mà đứng dậy, rời khỏi đất mà mong đứng được thì quyết chẳng có lẽ ấy." Nay thế đạo loạn lạc đến cùng cực, bỏ hiếu, bỏ luân thường, vứt bỏ hổ thẹn, đúng là muốn cho con người trọn chẳng khác gì cầm thú thì mới sướng bụng. Nguyên do đều là vì Lý học bài bác những chuyện nhân quả, tội phước, báo ứng và sanh tử luân hồi. Đấy chính là cội rễ chung của sự loạn lạc hiện thời. Điều khiến cho cội rễ loạn lạc ấy được nẩy nở sum suê chính là vì trong gia đình không khéo dạy dỗ, trong nhà trường chỉ biết học theo lối cử nghiệp, cầu công danh, trọn chẳng nhắc đến chuyện "đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, thành ý, chánh tâm v.v.". Vì thế, người đọc sách quá nửa đều là mưu mẹo, dối trá; mãi cho đến gần đây, gió Âu vừa thổi qua thì những kẻ chưa được khéo dạy ấy ai mà chẳng buông lung, hớn hở? Do vậy, giết cha dâm mẹ vẫn tự khoe khoang, những thói xấu ác ấy đều do chẳng giảng đến luân thường, thiên chức của cha con, chồng vợ v.v., và chẳng bàn đến nhân quả, báo ứng, cho nên các thói xấu ấy càng đặc biệt lừng lẫy mạnh mẽ.

Nếu ai nấy chú trọng luân thường, hiếu hữu v.v. và biết thiện ác đều có báo ứng, dẫu đem cái chết để uy hiếp, buộc phải làm những chuyện giết cha, dâm mẹ v.v. cũng chỉ đành mặc cho chúng nó giết, quyết chẳng chịu làm theo lời bọn ấy. Do vậy biết rằng: Thiên hạ loạn lạc là do gia đình không khéo dạy dỗ và chẳng nói đến nhân quả báo ứng mà ươm thành. Biết bao người thuộc giới chánh khách, quân sự, giáo dục, hỏi đến nguồn gốc loạn lạc và nguồn gốc để thái bình đều đáp không được. Tức là chẳng biết cái nhân gây ra té ngã mà cũng chẳng biết cái nhân để đứng dậy. Ông đã nhận lãnh chức vụ Ủy viên học vụ, trước hết hãy nên đem ý này nói với hết thảy học sinh và hết thảy mọi người, rồi mới lại dạy họ nương theo ngũ giới thập thiện do Phật dạy và pháp môn Tịnh độ để tu trì thì sẽ dễ cảm hóa, chẳng đến nỗi bị phản đối không chấp nhận. Nếu không, bọn họ sẽ khó thuận theo, do bọn họ vẫn còn coi trọng Lý học và những ngôn luận mù quáng trong thời gần đây, làm sao có thể khiến cho họ vui lòng thật sự khâm phục cho được?

Nhóm Trần Bằng Côn đã muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người, hãy nên bảo bọn họ ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trước hết làm người

lành trong thế gian, rồi lại tu trì theo pháp môn Tịnh độ, sẽ đáng gọi là Phật tử thật sự. Nếu không, chỉ hữu danh vô thực, rốt cuộc có ích gì đâu? Trần Bằng Côn pháp danh là Huệ Siêu, Lưu Thao pháp danh Huệ Tiềm, Dương Phụng Nghi pháp danh Huệ Thục, Mậu Bành Thị pháp danh Huệ Trinh. Những sách đã in không còn bao nhiêu, đợi sau này in ra sẽ châm chước gởi cho mấy gói, như Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú v.v..

(Ngày mồng 9 tháng 10 năm Dân Quốc 17 - 1928)

105. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Pháp danh của ba người được viết trong một tờ giấy khác, từ rày đừng gởi thư đến nữa, mà cũng đừng giới thiệu người khác quy y do không có mục lực để thù tiếp, gởi đến cũng không trả lời! Bản thảo cuốn Gia Đình Giáo Dục Tùng Thư ngàn muôn phần xin đừng gởi tới, nếu gởi tới sẽ đem gởi trả lại ngay, vì Quang mục lực cực suy. Ngay như để trả lời lá thư này còn phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới gắng gượng xem thư, trả lời. Vị sư thay Quang giảo chánh, đối chiếu (xét ra vị này chính là lão pháp sư Đức Sâm) do trong năm trước, chánh quyền Cám Châu (Giang Tây) muốn diệt chùa Thọ Lượng của thầy ấy (hủy phá ngôi chùa cực cổ) để mở đường, mở ngôi chợ bán rau nhỏ, nên thầy ấy đã hướng đến những vị tai to mặt lớn trong giới quân đội, chánh trường để cầu cứu. Chánh phủ lại ép buộc phải xây dựng ngay, nếu không sẽ vẫn phế bỏ, thầy ấy bèn kiệt lực lo liệu hòng nhà chùa được khôi phục.

Năm ngoái, sau khi quân đội đã rút đi, chuyên viên quy hoạch trong khu ấy bèn lên kế hoạch giải quyết dứt điểm, trình công văn lên Trung ương, đưa kế hoạch trưng thu toàn bộ tài sản nhà chùa. Trung ương ra lệnh trưng thu tám phần mười. Chùa miếu nằm trong khu vực bị đóng quân đã trống rỗng như chùi, trọn không có tài sản tích cóp, lại bị trưng thu tám phần mười thì tăng sẽ chết đói hết sạch. Sư Đức Sâm lại cậy những vị tai to mặt lớn các giới trình công văn, nhưng tin tức nhất loạt chẳng thông vì kẻ thừa hành ở Trung ương chèn ép không trình lên. Tới năm nay lại cậy người có quen biết sâu đậm phân giải với gã viên chức chuyên lo chuyện ấy thì sự việc trưng thu nhà chùa mới được ngưng dứt.

Hai ba năm qua, thầy ấy đã vì chuyện ở Giang Tây mà nhọc nhằn tột bậc, nên đã nhuốm bệnh. Cửu Hoa Chí, theo dự định sẽ được in trong mùa đông năm ngoái, nhưng do chuyện này phải ngưng lại. Chẳng biết năm tới, năm sau nữa có in ra được hay không? Quang đã 77 tuổi, sẽ chết trong sớm tối, bất luận chuyện gì đều chẳng dám mó tay vào. Người trong Hoằng Hóa Xã cũng không rảnh rỗi, lại thiếu khả năng để duyệt xét; sợ ông không thông cảm nên mới nói đại lược nguyên do,

mong hãy sáng suốt soi xét. Mậu Vân Phong pháp danh là Huệ Tuấn, Châu Hiểu Sơ pháp danh là Huệ Lãng, Châu Hồng Sanh pháp danh là Huệ Thâm. Gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Kỹ Lộ Chỉ Quy, Sức Chung Tân Lương mỗi thứ một gói.

(Ngày mồng 4 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

106. Thư trả lời cư sĩ Cố Tông Huống

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Những kẻ ham cao chuộng xa thường lầm lạc chuyên chú cầu khai ngộ trong nhà Thiền, nghĩ rằng "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà", chẳng coi thế giới Tây Phương Cực Lạc là đúng. Thứ ý chỉ ấy tưởng như sâu xa, huyền áo, nhưng thật ra quá nửa đều biến thành thói hèn kém "kể chuyện ăn, đếm của báu", chớ nên bắt chước thói ác ấy. Hãy nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm sẽ tự có thể quyết định vãng sanh Tây Phương. Những kẻ chỉ trọng lý tánh chẳng chú trọng sự tu chính là phường biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra đọa xuống. Nếu nhiễm phải thói ấy thì liễu sanh tử chắc phải đợi đến năm nảo năm nao!

(Ngày Rằm tháng 5 năm Dân Quốc 28 - 1939)

107. Thư trả lời cư sĩ Hạ Thọ Kỳ

Cha ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ lập tức toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lúc niệm trong tâm phải niệm cho rõ ràng, miệng niệm cho rõ ràng, tai nghe cho rõ ràng. Dẫu chẳng mở miệng, niệm thầm trong tâm thì vẫn phải từng câu từng chữ nghe cho thật rõ ràng, vì tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình vẫn rành rẽ, rõ ràng. Nếu thường nghe được rõ ràng thì tâm sẽ quy về một chỗ, tinh thần chẳng rong ruổi bên ngoài. Vì thế, mắt cũng chẳng nhìn chi khác, mũi không ngửi gì khác, thân cũng chẳng buông lung, cho nên gọi là "nhiếp trọn sáu căn". Niệm Phật như thế gọi là "tịnh niệm" (ba câu này, sư tự khuyên đậm thêm). Do nhiếp tâm nơi Phật hiệu thì tuy chưa thể hoàn toàn không có tạp niệm, nhưng đã giảm nhẹ nhiều lắm. Nếu có thể thường xuyên giữ cho liên tục thì ở mức độ nông cạn là đắc nhất tâm bất loạn, mức độ sâu là đắc niệm Phật tam-muội. Đây chính là ý nghĩa trọng yếu để lúc thường ngày gắng chuyên tâm dốc chí.

Hằng ngày thường nghĩ sắp vãng sanh, trong tâm chẳng giữ lại chuyện gì. Có chuyện gì cần giao phó liền giao phó sẵn, con cháu có điều gì cần hỏi thì hãy hỏi sẵn đi. Đợi đến lúc lâm chung, cả nhà niệm Phật, không nên hỏi chuyện gì hết, cũng không có chuyện gì cần phải giao phó, mọi người đồng thanh niệm Phật. Nếu chính người ấy đã nắm chắc sự vãng sanh, chính mình tự tắm rửa, thay quần

áo là tốt nhất. Nếu chính người ấy không thể làm được thì vạn phần chớ nên lau rửa, thay quần áo sẵn cho người ấy, hỏi chuyện, khóc lóc v.v.. Hễ có những chuyện phô trương mù quáng kiểu đó, chắc chắn người sắp mất bị phá hoại chánh niệm, chẳng được vãng sanh. Bảo người sắp chết ngoảnh mặt về phương Tây, trước mặt thờ một bức tượng Phật tiếp dẫn, nghĩ đi theo Phật vãng sanh, một mực niệm cho đến khi đã tắt hơi được hơn ba tiếng đồng hồ (đây là thời gian tối thiểu, vẫn phải nên niệm nhiều hơn) rồi mới làm những chuyện tắm rửa, thay quần áo, khóc lóc v.v. thì chẳng đến nỗi làm hỏng đại sự. Khóc lóc cũng chớ nên bỏ, nhưng phải chú trọng nén buồn niệm Phật, chớ nên khóc lóc phô trương bề ngoài. Người già lâm chung nên làm như thế mà người trẻ tuổi cũng như thế thì chắc chắn được vãng sanh.

Thêm nữa, con gái từ nhỏ cần phải dạy cho nó tánh tình nhu hòa, chẳng nổi nóng, tập quen lâu ngày sẽ thành thiên tánh, lợi ích ấy chẳng thể nói tận. Chưa lập gia đình mà nổi nóng thì hoặc là bặt kinh hoặc bị băng huyết, có gia đình rồi cũng thế: hoặc bị sẩy thai, hoặc khiến cho tánh chất của đứa trẻ trong bụng trở thành bạo ác. Sanh con ra, trong khi cho con bú, nếu nổi nóng đùng đùng thì khi cho đứa trẻ bú, nó sẽ chết ngay. Chẳng nổi nóng quá mức thì nửa ngày hoặc một ngày sau nó mới chết, không đứa nào chẳng chết. Nổi nóng nhè nhẹ thì tuy nó không chết nhưng cũng sẽ sanh bệnh, không đứa nào không bị bệnh. Nếu nổi nóng liên tiếp một hai ba ngày thì đứa trẻ bị trúng độc ngày càng nhiều hơn, cũng khó thể nào không chết. Điều này danh y, thần y nước ta xưa nay đều chưa hề nói đến. Hãy đem nghĩa này nói với hết thảy nam nữ sẽ cứu được mạng trẻ khi chưa sanh ra.

Nữ nhân tánh tình nhu hòa thì gia đạo cũng yên vui, hòa thuận, con cái do họ sanh ra tánh tình cũng đều từ thiện, nhu hòa. Tôi thường nói: “Dạy con là căn bản để thiên hạ thái bình, nhưng dạy con gái lại càng thật quan trọng, do con người sanh ra bẩm thụ tánh khí của mẹ, nhìn theo oai nghi của mẹ nhiều hơn cha rất lớn.” Có hiền nữ thì mới có hiền thê, chồng của hiền thê ắt là hiền nhân, con của hiền mẫu ắt là hiền sĩ. Bà Thái Nhậm dạy con từ trong thai, nên Văn Vương sanh ra liền có thánh đức, ấy là dạy dỗ từ thuở còn chưa sanh ra. Quang đã 80 rồi, buổi sáng không bảo đảm được buổi tối. Tất cả thư từ giao cho thầy thư ký của thường trụ lo giùm, Quang chẳng hỏi đến. Do ông ở tại phương xa nên thầy ấy mới đặc biệt chú ý, đưa cho Quang đọc để trả lời. Phương pháp tu trì đã có trong các sách Tịnh độ và Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Mong ông cũng đem những điều đã nói trong thư này bảo với Dã Công, Tông Huống.

(Ngày Rằm tháng 5 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Chớ nên thường gởi thư đến, thường gởi thư đến thì Quang chẳng thể phúc đáp. Tăng nhân hiện thời đa phần theo thói tục, mới bốn mươi năm mươi đã cử hành chúc thọ. Có người đem chuyện ấy nói với Quang, Quang nói: "Tôi thà bị phạt chặt đầu, chẳng muốn nghe đến chuyện chúc thọ!" Có ai muốn chúc thọ cho Quang tức là đã lôi Quang vào phường hạ lưu hèn kém nhất!

108. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ nhất)

Quang già rồi, lại bị chuyện tu chỉnh, giảo chánh Nga Mi, Cửu Hoa Sơn Chí thúc bách chẳng thể chần chừ được. Do các nơi gởi thư từ đến quá phiền phức nên hơn cả năm mà chưa thể làm xong được. Nay thì sau tháng 11 đã tận lực cự tuyệt hết thảy thư từ. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tịnh, nghĩa là lấy pháp môn Tịnh độ của đức Phật làm gốc, tự hành, dạy người. Lại gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Phật Học Cứu Kiếp Biên, gộp chung thành một gói, mong hãy đọc kỹ. Từ rày về sau, ngàn vạn lần đừng gởi thư đến, cũng đừng bảo người khác gởi thư đến. Lần này tôi đã phá lệ, quyết chẳng phá lệ lần thứ hai, lần thứ ba đâu nhé!

(Ngày mồng 3 tháng Chạp năm Dân Quốc 21 - 1932)

109. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ hai)

Sao lại thô tâm như thế, gởi thư đến chỉ ghi tỉnh không ghi huyện, làm sao gởi được? Lại chẳng viết tục danh, chỉ dùng pháp danh. Đã dùng pháp danh lâu ngày thì còn được, chứ mới dùng thì ai mà biết được, đây cũng là lỗi thiếu thông hiểu nhân tình thế thái. Một đệ tử ở Quý Châu gởi thư tới, nhờ gởi sang nhà người em trai ông ta ở Nam Kinh, gởi đi bằng thư bảo đảm, người canh cửa không biết đến pháp danh của ông ta, bảo ở đấy không có người đó, bèn đem thư gởi trả lại. Không lâu sau, người ấy đích thân đến đất Tô, mới biết ông ta chẳng hiểu chuyện đời.

Pháp danh của lệnh nhạc mẫu[180] và lệnh tử được ghi trong tờ giấy khác. Đức hạnh đẹp đẽ của lệnh nhạc mẫu thật đáng khâm phục, vì thế có pháp danh là Đức Ý. Lệnh tử đã có thiện căn từ đời trước, nên đặt pháp danh là Phước Duệ. Duệ (睿) chính là trí tuệ, có phước, có tuệ thì sẽ có thể tự lợi, lợi người. Niệm Quán Âm thì không chỉ khuyên bảo tịnh hữu niệm mà hãy nên tuyên cáo trong thôn mình ở và những thôn lân cận, bất luận già trẻ trai gái đều nên ăn chay, niệm

[180] Lệnh nhạc mẫu: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ vợ của người khác.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Mọi người ai nấy ở trong nhà mình, vừa làm việc vừa niệm, thường niệm trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, chắc chắn chẳng bị ôn dịch. Năm trước, các xứ bị dịch tả thật dữ dội, tại vùng phụ cận của trấn Tự Tiền thuộc huyện Trừng Thành, tỉnh Thiểm Tây, cả mấy trăm người chết. Trong thôn của một đệ tử có năm sáu chục nhà, ông ta dạy mọi người đều niệm Quán Âm nên chỉ có hai kẻ xấu bị chết, những người khác đều bình an.

Cư sĩ Hà Hồng Cát ở huyện Cam Cốc tỉnh Cam Túc đề xướng niệm Phật, phàm những chỗ niệm Phật, tật dịch chẳng xâm nhập bờ cõi. Ông khuyên tịnh hữu niệm là biện pháp nhỏ; dạy già trẻ trai gái trong cả thôn đều niệm mới là biện pháp lớn. Tốt nhất là ăn chay trường, nếu chẳng thể thì cũng nên bớt ăn mặn. Dẫu chưa thể ăn chay cũng phải niệm. Đang trong lúc hung hiểm này, chỉ có niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát là được cứu vớt, che chở. Những kẻ sợ chết muốn được yên vui sẽ chẳng đến nỗi vẫn chẳng nghĩ làm như vậy là đúng mà coi thường. Tụ tập đạo hữu để niệm thì nên chia thành ba ban: một ban đi nhiễu, niệm ra tiếng, hai ban tịnh tọa niệm thầm. Như thế sẽ thành ra niệm suốt ngày nhưng chẳng đến nỗi quá mệt. Nếu cùng nhau niệm ra tiếng hết thì một lúc lâu sau do quá mệt chắc sẽ đến nỗi đổ bệnh. Do chẳng khéo lập cách, đâm ra làm cho kẻ vô tri bảo Phật pháp chẳng linh, oan uổng tạo khẩu nghiệp. Chẳng thể không biết điều này!

(Ngày mồng 4 tháng Giêng năm Dân Quốc 24 - 1935)

110. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ ba)

Pháp danh của lệnh lang phạm tổ húy[181], xin hãy tùy ý thay đổi. Nay đặt là Trí Duệ, sẽ chẳng đến nỗi phạm nữa. Nếu vẫn phạm thì xin hãy tự đổi, không cần phải yêu cầu Quang đổi. Phong tục làng quê miền Nam miền Bắc khác nhau, phương Nam cũng có vùng kỵ tên húy rất nghiêm, cũng có vùng đặt tên cho con lại dùng chữ chánh yếu trong tên cha, như cha tên Bằng, con tên là Tiểu Bằng; cha tên Khiêm, con tên Tục Khiêm. Đối với pháp danh có khi chuyên dùng một chữ nên ông - cháu, cha - con đều cùng một chữ. Quang chẳng đặt pháp danh theo dòng phái, dùng chữ tùy ý[182]. Hễ có nhiều người quy y mà không ai thưa bày điều

[181] Pháp danh của con trai ông Mục Tông Tịnh là Phước Duệ, chữ phước trùng với tên của một vị tổ tiên của ông Mục, nên gọi là "phạm tổ húy".

[182] Tổ Ấn Quang xuất gia với một vị thầy thuộc tông Lâm Tế. Trong các pháp phái nhà Thiền, tùy theo chi phái mà có những bài kệ quy định chữ đầu của pháp danh. Chẳng hạn dòng Lâm Tế đến đời thứ 21, ngài Vạn Phong Thời Ủy chùa Thiên Đồng, đã đặt ra bài kệ truyền phái quy y như sau: *"Tổ đạo giới định tông. Phương quảng chứng viên thông. Hạnh siêu minh thiệt tế. Liễu đạt ngộ chân không. Như nhật quang thường chiếu. Phổ châu lợi ích đồng. Tín hương sanh phước tuệ. Tương kế chấn từ phong."* Tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch, tổ Minh Hải Pháp Bảo, tổ Liễu Quán Thiệt Diệu đều thuộc dòng kệ này; rồi các ngài lại biệt xuất những dòng kệ khác. Sau này, tại Trung Hoa cũng có nhiều phân phái Lâm Tế đặt ra những bài kệ truyền dòng khác. Không rõ trưởng lão Đạo Thuần, tức vị thầy thế độ của tổ Ấn

gì thì dùng cùng một chữ, hễ có ai thưa bày thì mỗi người dùng một chữ để khỏi phạm lỗi trái với thế tục. Tăng tử có tên tự là Tử Dư, Mạnh tử cũng có tên tự là Tử Dư. Tử Tư[183] theo học với Tăng tử, Mạnh tử chính là môn nhân của Tử Tư. Do đây có thể thấy được: Cổ nhân khoan dung mà người hiện thời lại nghiêm ngặt. Đại sự phải nương theo lý, tiểu sự phải thuận theo thói tục, đấy chính là chuẩn mực để giữ thân cư xử trong cõi đời vậy.

(Ngày Rằm tháng Giêng năm Dân Quốc 24 - 1935)

111. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ tư)

Pháp danh của Dương mẫu được viết trong một tờ giấy khác, ảnh chụp của Quang chẳng tiện gởi đi. Do chiến sự, bưu điện không chịu nhận bưu kiện. Nay gởi Khuyến Niệm Quán Âm Văn, mong hãy dùng bài văn ấy để khuyên rộng rãi. Tôi vốn cho in bài này năm mươi vạn bản, nhưng do chiến tranh nên phải đình lại. Sau này có lẽ sẽ in ra, bưu cục chịu nhận thì sẽ gởi tới, cũng không thể nói chắc chắn, vì thời cuộc vậy. Thầy Đức Sâm bệnh tình đã khá được tám phần, từ rày ông chớ nên lôi thôi, gởi thư tới lui mà chẳng nói lên được điều gì. Hơn nữa, chưa từng gặp gỡ, gởi thư đến thì người nhận phải trả lời. Đừng nói là người bệnh, ngay cả người mười phần khỏe mạnh hằng ngày cũng chẳng rảnh rỗi để đáp ứng được.

Từ năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919) đến nay, Quang ở chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, trọn chẳng làm chuyện gì khác, nhận được thư bèn trả lời đến nỗi hằng ngày chỉ lo trả lời thư. Những vị pháp sư giảng kinh muôn phần chẳng thể hễ nhận được đến liền trả lời ngay được, do không có sức lực, tinh thần để thù tiếp như vậy đâu. Chiến sự dữ dội, hãy lấy chuyện trì chú Đại Bi và niệm Quán Âm làm điều chánh yếu. Không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư tới, chiến sự chưa ngưng dứt thì vĩnh viễn đừng gởi thư tới. Bởi lẽ, trì tụng còn không kịp, rảnh rỗi đâu mà phúc đáp!

(Ngày 19 tháng 8 năm Dân Quốc 26 - 1937)

Tu tịnh nghiệp và học giáo khác nhau, một đằng chú trọng khai giải, một đằng chú trọng thực hành. Dẫu có chỗ chẳng biết, bèn bỏ mặc đó, xem lại đôi ba lượt, phần nhiều sẽ có chỗ trước sau thấu hiểu ý nghĩa. Dẫu chưa hiểu trọn vẹn, cũng thấu hiểu được phần nào ý nghĩa kinh văn, sẽ có thể hiểu được ý. Nếu hễ có nghi

Quang (pháp danh của tổ bắt đầu bằng chữ thánh, tức Thánh Lượng, Ấn Quang là pháp hiệu) thuộc chi phái Lâm Tế nào.

[183] Tử Tư là tên tự của Khổng Cấp (483-402 trước Công nguyên), còn có mỹ hiệu là Thánh Thuật, cháu nội của Khổng tử, là con trai của Khổng Lý. Tử Tư theo học với Tăng Tử (Tăng Sâm), từng ra làm quan dưới triều Lỗ Mục Công. Tương truyền, sách Trung Dung do chính Tử Tư biên soạn.

bèn đi hỏi mà người bị hỏi là kẻ trọn chẳng có một việc gì thì cũng không sao, chứ đối với người bận rộn suốt ngày hoặc người đang gặp đủ chuyện phiền phức, nỡ nào bắt người ta phải nhọc nhằn thêm? Quang già rồi, chẳng thể đáp ứng những câu hỏi! Ngay như thầy Đức Sâm vì chuyện chùa Thọ Lượng ở Giang Tây và chuyên viên quy hoạch tỉnh ấy lập kế hoạch trưng thu tài sản nhà chùa mà bận bịu thành bệnh, cũng chớ nên gây thêm mệt nhọc cho thầy ấy.

112. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ năm)

Hơn 30 pháp danh được viết trong một tờ giấy khác. Chương trình của Lệ Trạch Liên Xã rất hay, mắt Quang giống như lòa từ khi mới sanh, phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới miễn cưỡng xem được. Vì thế, dùng chữ phần nhiều không đúng pháp. Từ rày trở đi xin đừng gởi thư đến nữa, gởi tới nhất quyết không trả lời. Có ai muốn quy y, hãy bảo họ quy y với vị tăng ở nơi ấy, hoặc quy y với pháp sư Đức Sâm. Nếu chẳng thông cảm, tức là muốn cho Quang vĩnh viễn chẳng thấy được ánh mặt trời trong khoảng thời gian tạm bợ "buổi sáng không bảo đảm được buổi tối" này. Chắc quý vị cũng chẳng đến nỗi không thấu hiểu tình người như thế đâu!

(Ngày 12 tháng 11 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Mắt Quang suy yếu như thế là do túc nghiệp cảm thành, trong liên xã chớ nên cầu nguyện cho Quang, mà cũng đừng bắt chước người đời vô tri chúc thọ gây bại hoại cho Phật môn. Suốt đời Quang nghe thấy chuyện tăng được chúc thọ mà thẹn giùm, các ông hãy tự mình tu trì, đừng lôi tên Quang vào thói tục vô đạo lý ấy để những người có tri kiến chê cười sát rạt vậy.

113. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ sáu)

Pháp danh gởi lầm là ở chỗ gần[184], chừng mấy bữa nữa sẽ gởi đến. Đã viết tờ khác ghi những tên được thêm vào hôm nay để gởi đi, chắc sẽ không sai nữa. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, từ rày đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y. Do buổi sáng không bảo đảm được buổi tối, nếu chết thì cũng chỉ vì nhọc nhằn; nếu không chết thì cũng không thể duy trì lâu dài chuyện bị sai khiến này, mà nên lo an hưởng tuổi già, chứ không nên già rồi mà vẫn phải vất vả. Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918) đến nay, Quang hằng ngày bận bịu vì người khác, nay có muốn vì người khác bận bịu thì mục lực đã không thể sử dụng được nữa rồi. Đối với các vị có cùng chí hướng, đều nên

[184] Ý nói: Ông Mục Tông Tịnh đứng ra xin quy y cho những người khác ở nơi xa. Trong số ấy có những người ở gần, có người ở nơi xa. Bản liệt kê pháp danh của những người bị tổ viết lầm tên là danh sách của những người ở gần chỗ ông Mục Tông Tịnh.

đem lời này nói với họ để đôi bên khỏi uổng phí tâm tư mà hoàn toàn chẳng có lợi ích gì.

(Ngày 21 tháng Chạp năm Dân Quốc 28 - 1939)

114. Thư trả lời cư sĩ Cao Huệ Ấm

Đã nhận được đầy đủ thư của ông và thư của Gia Hâm với Tổ Phương. Người muốn học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới là người thật sự học Phật. Nếu luân thường khiếm khuyết, hoặc chỉ cầu phước báo trời người thì đều chẳng phù hợp với Phật pháp. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần không đủ, nay đặt pháp danh cho hai người ấy, viết riêng trong một tờ giấy khác, còn khai thị tường tận thì không thể viết đầy đủ được. Nay gởi cho hai người ấy Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, mỗi người một bộ, xếp thành một gói, tổng cộng là hai gói để làm khai thị. Từ rày về sau đừng gởi thư đến hay giới thiệu người khác quy y vì không có sức để thù tiếp. Nếu thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng chớ thuận tiện gởi thư cho Quang.

(Ngày mồng 6 tháng 11 năm Dân Quốc 24 - 1935)

115. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ nhất)

Liễu sanh thoát tử là chuyện lớn nhất trong đời người, pháp môn niệm Phật là một pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Pháp này trên đến Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến tội nhân nghịch ác đều nên tu tập, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương trong đời này. Công đức, lực dụng của pháp này khác hẳn với hết thảy những pháp Đại Tiểu thừa đã được nói trong cả một đời đức Phật. Vì sao vậy? Do hết thảy các pháp Đại Tiểu thừa đều phải cậy vào sức giới định tuệ của chính mình để liễu sanh thoát tử; đừng nói là phàm phu đầy dẫy triền phược chẳng thể liễu, ngay như bậc thánh nhân đã chứng Sơ, Nhị, Tam quả vẫn chẳng thể liễu được; Tứ quả A-la-hán mới liễu được. Đây là ước theo phía Tiểu thừa mà nói.

Nếu nói theo phía Viên giáo, sở ngộ thuộc địa vị Ngũ phẩm đã bằng với Phật, nhưng vẫn chưa đoạn được kiến hoặc. Sau khi đã viên mãn các tâm thuộc Ngũ phẩm rồi, đoạn được kiến hoặc, liền chứng địa vị Sơ tín. Bồ-tát thuộc địa vị này, nếu xét trên phương diện đoạn hoặc thì giống như Sơ quả trong Tiểu thừa, nhưng công đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực vượt trỗi Sơ quả ngàn vạn ức ức lần. Cho đến khi viên mãn tâm Lục tín rồi, đoạn sạch tư hoặc, mới chứng Thất tín, Bồ-tát thuộc địa vị này mới liễu sanh tử. Liễu sanh thoát tử nào phải là chuyện dễ! Do

vậy, biết rằng cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó lắm, khó như lên trời. Bồ-tát thuộc địa vị Lục tín còn chưa thể liễu, huống là phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp ư?

Chỉ có pháp môn Tịnh độ cậy vào đại từ bi nguyện lực của A-di-đà Phật, bất luận già trẻ, trai gái, sang hèn, trí ngu, tại gia, xuất gia, hễ có ai chịu sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật thì trong đời này không một ai chẳng được vãng sanh khi lâm chung. Trong cõi đời, người niệm Phật thì đông nhưng ít kẻ vãng sanh là vì:

1. Chẳng tuân lời Phật dạy, miệng nói vãng sanh, tâm luyến trần cảnh.

2. Chẳng dạy quyến thuộc niệm Phật và chẳng nói sẵn lợi ích của việc trợ niệm và những họa hại do phô trương bày vẽ mù quáng: tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện, khóc lóc v.v.. Đến khi lâm chung, quyến thuộc chẳng những không trợ niệm mà trái lại còn phá hoại chánh niệm. Thất bại lúc sắp thành công, chuyện ma chay vẫn tuân theo sự thấy biết của thế tục, khiến cho người chết bị chìm đắm trong biển khổ sanh tử, chẳng đáng buồn ư!

Ông Ngô Đình Kiệt vãng sanh được đắc lực là nhờ cả nhà trợ niệm. Cả nhà có thể trợ niệm là do Huệ Trung đã quen nghe ông nói đến lợi ích do trợ niệm và họa hại do bày vẽ mù quáng mà ra, khiến cho ông Đình Kiệt được an tường qua đời trong tiếng niệm Phật. Mất rồi, mặt vẫn tươi nhuận, tay chân duỗi thẳng, người cả một vùng thảy đều kinh dị. Đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Hết thảy chúng sanh đều sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, do không có Phật lực, pháp lực gia trì nên chỉ có thể tạo nghiệp, chẳng thể thọ dụng được. Uổng sẵn có Phật tánh mà trọn chẳng được lợi ích! Một mai nghe thiện tri thức chỉ dạy, quy mạng gieo lòng thành, được cảm ứng đạo giao với lời thề từ bi của đức Phật, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Nhìn lại sáu đường qua lại như bánh xe "hết lên cao lại xoay xuống thấp", khôn ngăn thương xót. May được con cháu đều sẵn túc căn, cả nhà quy y cùng tu tịnh nghiệp. Một ấp Độc Sơn vượt trỗi các ấp, đều khi sống sẽ chứng nhập chỗ sâu thẳm của thánh hiền, lúc thác lên bờ cõi Như Lai, mới chẳng thẹn là con người sánh cùng trời đất xưng thành ba ngôi, đích thân là đệ tử Phật Di-đà, là bạn tốt trong hải hội.

116. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ hai)

Chúng ta từ vô thủy đến nay ai nấy đều có túc nghiệp, đều có túc thiện. Kẻ khéo dụng tâm dẫu ác nghiệp phát hiện vẫn có thể tăng trưởng thiện căn; kẻ chẳng khéo dụng tâm, dẫu thiện căn phát hiện vẫn tăng trưởng ác nghiệp. Ông bị đau

chân, kiết ly, đau mắt là do túc nghiệp, do niệm Phật mà chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này. Con người chuyện gì cũng chỉ nên thuận theo thiên lý nhân tình mà làm thì đời này tuy không được hưởng lợi ích lớn lao, nhưng sẽ ngấm ngầm tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ mà chẳng hay chẳng biết. Hãy nên càng thêm nỗ lực để làm bằng khoán hòng được vãng sanh.

117. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Mồng 10 tháng 10 năm trước, Quang tỵ nạn sang Linh Nham Sơn Tự cách Tô Châu hơn 20 dặm. Nay đã 79 tuổi rồi, sẽ chết trong sớm tối, mục lực suy đến tột cùng, phải nhờ vào kính lão lẫn kính lúp mới thấy lờ mờ để xem thư gởi tới và viết thư trả lời. Sau này đừng gởi thư đến nữa, cứ coi như Quang đã mất rồi, hoặc mắt chẳng xem được nữa. Có ai phát tâm hãy bảo họ quy y với vị tăng nơi ấy cho đôi bên khỏi nhọc trí mà đều chẳng ích lợi gì.

Phàm những ai quy y đều phải chuyên chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu chẳng phụ cái danh quy y tam bảo. Nếu không, chính là dùng thân để báng pháp, là tội nhân trong cả Phật giáo lẫn Nho giáo, chẳng phải là đệ tử Phật. Chuyện Hoằng Hóa Xã, Quang chẳng hỏi đến. Hiện thời khốn khó gian nan, không có sức để tặng sách, mà đường sá lại tắc nghẽn, bưu phí đắt đỏ, không có biện pháp nào hết. Bưu phí cho mỗi bưu kiện là một cắc năm xu, chuyển một lần xe hơi bưu điện tính thêm bốn cắc nữa. Hai ba bốn năm lần chuyển sẽ tốn hơn hai đồng, nhưng binh lính, giặc cướp đầy dẫy, chẳng biết có chuyển được đến nơi hay không? Phàm những người thỉnh kinh đều phải gởi tiền đến trước, rồi theo kỳ hạn giao sách. Nhưng giao cho bưu cục, họ chỉ ghi vào sổ thôi, tới nơi hay không họ chẳng chịu trách nhiệm. Nếu thỉnh kinh sách, hãy gởi thẳng đến chùa Báo Quốc ở Tô Châu, Quang chẳng thể chuyển giùm. Giá giấy và công thợ ngày một đắt dần lên. Người học Phật nên cực lực quý trọng kinh sách, nếu không khó thể mua hay thỉnh được. Gởi kèm cho ông một tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp để làm khai thị, một tờ Kinh Nghiệm Dược Phương để làm phương tiện.

(Ngày Rằm tháng 3)

Hãy nên nói với những người quy y đừng gởi thư tới, mà cũng đừng giới thiệu người khác quy y do không có mục lực để thù tiếp!

118. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ tư)

Hai lá thư nhận được trước sau ba ngày. Quý Châu đường xa, người quy y nên chọn vị nào chân thực tu trì, nếu là hạng lơ lửng ơ hờ và chẳng hiếu chẳng

hiền đều chớ nên giới thiệu quy y với Quang. Đối với chuyện hương kính, có hay không đều được. Nếu gởi bằng bưu phiếu chỉ nên lấy một cắc làm hạn, năm cắc lần này quả thật là vô dụng. Nếu gởi kinh sách ra ngoại quốc thì một gói phải tốn hai đồng mới gởi được, nhưng đấy cũng là chuyện rất nhỏ. Vì nếu gởi nhiều có thể gởi kèm trong rương đựng hàng hóa, chứ còn thỉnh thoảng gởi một gói thì chỉ có thể gởi riêng lẻ.

Nói đến pháp sư Đức Sâm thì Quang chẳng dám phiền, do thầy ấy thường hay bệnh, lại quá bận việc. Nếu bày ra chuyện này, ắt thầy ấy sẽ nhọc nhằn thành bệnh. Quang nào dám để thầy ấy gánh lấy chuyện khổ này? So ra, thể chất thầy ấy còn yếu hơn Quang nữa, vì thế chẳng muốn gây phiền cho thầy ấy. Phàm ai quy y đều phải chú trọng kiêng giết, ăn chay, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hòng làm gương mẫu cho người chẳng tin tưởng Phật pháp, khiến cho hết thảy những kẻ không tin sẽ tăng trưởng tín tâm thì lợi ích ấy rộng lớn lắm. Mong hãy sáng suốt soi xét, Một Lá Thư Trả Lời Khắp là khai thị chu đáo nhất, hãy nên nói với mọi người thì sẽ chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này vậy!

(Ngày mồng 7 tháng 8 năm Dân Quốc 28 - 1939)

119. Thư trả lời cư sĩ La Tỉnh Ngô (thư thứ nhất)

Các hạ đã biết pháp môn Tịnh độ, chỉ nên nhất chí tu trì, cần gì phải quy y? Quang với các hạ làm liên hữu là được rồi. Cần biết người học Phật nguyện khắp mọi người đều biết Phật pháp, dẫu là người oán thù hết sức sâu nặng với mình cũng nguyện cho người ấy mau thoát sanh tử. Đối với chuyện quy y thì chẳng dám tùy tiện, kẻ nào dùng tâm khinh mạn đến cầu quy y tam bảo mà chấp nhận thì chính là tự khinh Phật pháp, mà cũng chẳng thể làm cho kẻ ấy gieo thiện căn sâu xa được. Ở đây, do tuân theo nghĩa lý trụ trì pháp đạo nên khác với trường hợp trên, vì kẻ quy y bằng cái tâm khinh mạn ấy sẽ không cách nào sanh lòng thành kính cho được.

Trong thế gian, học một tài, một nghề, nghề tầm thường nhất là cạo đầu, chữa chân, khi bái sư còn phải ba lần lạy, chín lần khấu đầu, huống là quy y tam bảo Phật pháp tăng để mong liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà trọn chẳng chịu dùng một câu tự nhún mình. Nói suông một câu nhún mình còn không chịu nói, chỉ dùng hai chữ "cẩn thượng" (kính trình) cho xong chuyện. Quang tuy tầm thường, ngu độn, nào dám tự khinh? Vì thế, xin các hạ hãy chỉ dốc sức tu trì, không cần phải quy y nữa.

(Ngày 16 tháng Giêng)

120. Thư trả lời cư sĩ La Tỉnh Ngô (thư thứ hai)

Quang đã quên chuyện nói trong lá thư mùa xuân, Quang một mực thẳng thắn. Hễ có ai gởi thư hỏi về Phật pháp, bất luận người ấy có thái độ cao ngạo như thế nào đều nói với người ấy. Chỉ có ai cầu quy y, nếu chẳng dùng lối nói tự nhún mình thì sẽ dùng lời mềm mỏng hoặc trình bày thẳng thừng chuyện người ấy không hợp lễ để từ chối. Trong lá thư tháng Giêng, chắc là ông cũng nói "cẩn thượng", Quang đã nói nguyên do rồi: Chẳng dám tự khinh Phật pháp, cũng chẳng dám để người khác khinh pháp. Quy y chẳng phải là quy y một mình Quang, mà là quy y tam bảo Phật pháp tăng. Nay xem thư ông, cũng có thể nói thành khẩn đến tột bậc, nhưng ở phần ký tên vẫn ghi là "cẩn thượng", nay do lòng thành của ông bèn phá lệ!

Đặt pháp danh cho mẹ ông (pháp danh Đức Thuần), ông (Huệ Tu), vợ ông (Huệ Thục), con ông (Phước Thâm), pháp danh của mỗi người viết trong tờ giấy khác. Ai nấy cần phải ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu vĩnh viễn thoát khỏi biển khổ sanh tử, thường hưởng an lạc thanh tịnh. Hơn nữa, người tu tịnh nghiệp cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng lòng tín nguyện chân thật để trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Tự hành như thế mà dạy người khác cũng như thế. Nếu làm được như thế thì người bệnh sẽ lành, kẻ yếu sẽ mạnh, kẻ ngu sẽ sáng dạ, mọi việc thuận lợi, nhà dù nghèo cũng chẳng đến nỗi mắc họa, cũng chẳng đến nỗi đói lạnh, vì chân thật tu trì ắt được tam bảo gia bị, chẳng để bị khốn khổ quá mức.

Nhưng cũng chớ nên do niệm Phật mà lầm lạc mong được những điều tốt lành quá phận. Đã có cái tâm ấy, không chừng sẽ đâm ra không tốt lành! Họa phước trong thế gian dựa dẫm vào nhau, nếu khéo hưởng phước thì phước ấy càng lớn; nếu không, phước chưa thật sự được mà họa lớn đã xảy ra rồi, mối họa ấy chẳng còn chỗ nào để giải trừ được. Như vậy là do phước mà mắc họa, họa ấy càng khốc liệt hơn. Hãy bảo vợ ông khéo dạy con cái từ khi con mới vừa hiểu biết thì chúng ắt thành hiền thiện. Nếu một mực nuông chiều từ bé, khiến nó quen thói kiêu ngạo thành tánh, dẫu có thiên tư tốt đẹp cũng khó thành chánh khí được, huống là những đứa tầm thường ư?

(Ngày 24 tháng 7)

Hãy đọc kỹ Văn Sao, chớ nên thường gởi thư đến. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể thù tiếp được.

121. Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm

Nhận được thư, biết cái "đạo" mà ông đã nói từ trước đến nay đều là đạo của tà ma, ngoại đạo. Từ đấy trở đi, đọc các kinh Đại thừa đều là những pháp môn cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn tuy cao sâu, huyền diệu, nhưng muốn nhờ vào đấy để liễu sanh tử thì lại chẳng biết cần phải trải qua bao nhiêu kiếp số. Nếu ước theo Viên giáo của Đại thừa để luận, địa vị Ngũ phẩm vẫn chưa thể đoạn được kiến hoặc, địa vị Sơ tín mới đoạn được kiến hoặc, mới có thể vĩnh viễn không còn sợ tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Nhưng cần phải tấn tu dần dần, đã chứng được Thất tín thì mới liễu sanh tử. Sơ tín thần thông đạo lực đã chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn phải đạt đến địa vị Thất tín mới liễu sanh tử. Chuyện liễu sanh tử há dễ dàng ư?

Ước theo Tạng giáo của Tiểu thừa để luận, đoạn kiến hoặc liền chứng Sơ quả, tùy ý chẳng còn làm chuyện phạm giới. Nếu chẳng xuất gia cũng sẽ cưới vợ sanh con. Nếu dùng oai thế bức hiếp, bắt buộc họ phạm tà dâm, thà chịu bỏ mạng, quyết chẳng chịu phạm giới. Sơ quả chỉ tiến chứ không lùi, nhưng người chưa chứng Sơ quả thì không nhất định. Đời này tu trì cực tốt, đời sau tạo đại ác nghiệp. Cũng có người nửa đời đầu thì tốt, nửa đời sau lại xấu xa. Sơ quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian mới chứng được Tứ quả. Tuổi thọ cõi trời thật dài, chẳng thể dùng năm tháng để luận. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó!

Pháp môn niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nương theo Phật từ lực có thể mang nghiệp vãng sanh (Ước theo cõi này, vẫn chưa đoạn hoặc nghiệp nên gọi là "mang nghiệp". Nếu sanh về Tây Phương thì không có nghiệp để được, chứ không phải là mang theo nghiệp đến Tây Phương). Bất luận công phu sâu hay cạn, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành xưng niệm, không một ai chẳng vãng sanh. Nếu là phàm phu muốn cậy tự lực để tu trì hết thảy pháp môn hòng liễu sanh tử thì khó lắm, khó như lên trời! Ông muốn Quang dạy ông sao cho viên giác diệu tâm của ông được khai ngộ thênh thang (tâm ấy chính là tâm do đức Phật đã chứng), chân cảnh Tịch quang thường được hiện tiền (cảnh ấy chính là cảnh đức Phật ngự), bài nguyện văn của tổ Liên Trì tuy có câu này, nhưng đừng sanh lòng si dại mong đạt được ngay. Nếu muốn đạt được ngay, ắt sẽ bị ma dựa phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được. Ví như trẻ nít vịn tường mà bước còn khó khỏi vấp té, nếu muốn bay lượn trên không, xem khắp bốn biển, há chẳng phải là nói mớ ư? Chỉ cầu vãng sanh, liền liễu sanh tử. Nếu muốn ngộ cái tâm này, thấy được cảnh này, vẫn cần phải tu dần dần thì mới ngộ được từng phần, thấy từng phần. Nếu muốn thấy trọn vẹn, ngộ trọn vẹn mà chưa thành Phật sẽ không thể được. Ông quá thiếu tự lượng, Quang đã nói toạc

ra, hãy nên quyết chí chú trọng cầu sanh Tây Phương. Mong muốn vượt phận sẽ đâm ra trở thành cái gốc đọa lạc trong tà ma, ngoại đạo đấy!

Xin hãy đọc kỹ Văn Sao thì phương pháp tu trì, lợi ích, thói tệ sẽ đều biết rõ, ở đây không viết đầy đủ. Niệm Phật thì thanh âm lớn hay nhỏ phải cho thích hợp, niệm nhanh hay chậm cho hợp lẽ. Nếu niệm lớn tiếng dữ dội như chạy giặc thì thoạt đầu tâm hỏa bốc lên, có thể bị thổ huyết, trở thành bệnh không chữa được. Cần phải niệm cho rõ ràng trong tâm, miệng niệm cho rõ ràng, tai nghe cho rõ ràng. Dẫu niệm thầm cũng phải thường nghe, vì hễ tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng niệm trong tâm của chính mình, cố nhiên rõ ràng rành rẽ. Đừng dấy lên ý niệm xấu, đâu còn có cảm giác khó chịu "tâm nóng như bị lửa bốc" nữa. Trong khoảng tháng 9, tháng 10, nếu đường bưu điện thông suốt, sẽ gởi cho ông một gói Văn Sao Tục Biên.

122. Thư trả lời cư sĩ Tôn Nghệ Dân

Con em thông minh trong thế gian khi bước vào tuổi dậy thì, do cha, mẹ, anh hay thầy chẳng dạy rõ lợi hại đến nỗi vì thủ dâm hoặc tà dâm mà mất mạng đến quá nửa; dẫu chẳng chết ngay cũng sẽ thành tàn phế, không có thành tựu gì. Ông đã bị hại sâu xa, hãy thường nên giữ lòng nghiêm cung kinh sợ, chớ để một niệm nghĩ tới nữ sắc. Hãy nỗ lực tu pháp môn Tịnh độ, lâu ngày chắc sẽ mạnh khỏe. Ông đã lấy vợ hay chưa? Nếu chưa, hãy nên đợi vài năm nữa rồi mới lấy vợ; nếu đã có vợ rồi thì hãy nói rõ với vợ, nhằm dưỡng thân thể, ở riêng phòng khác, coi nhau như khách, quyết chẳng coi nhau như vợ chồng. Đôi bên khuyên nhủ lẫn nhau, chớ móng tưởng một niệm nghĩ đến chuyện ăn nằm. Đợi đến khi thân thể hoàn toàn mạnh mẽ rồi, hoặc mỗi năm chung đụng một lần, hoặc mỗi quý (ba tháng) chung đụng một lần. Nếu thường ân ái sẽ bị lại bệnh cũ. Hãy nên nói với hết thảy những kẻ thiếu niên về họa hại này để vun bồi phước cho chính mình (Những đứa chưa hiểu biết đừng nói chuyện này. Với đứa đã hiểu biết hãy nên cực lực nói về sự họa hại).

Đối với pháp tắc tu trì thì Văn Sao là sách trọng yếu cho kẻ sơ cơ nhập đạo, chẳng thể không xem. Người niệm Phật khi tịnh tọa cũng phải niệm Phật, chứ không như ngoại đạo chỉ tịnh tọa mà thôi. Niệm Phật thì đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm được. Khi đi, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý; khi nằm, hãy nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng; lúc ngồi chớ nên lần chuỗi, lần chuỗi thì tinh thần chẳng định được, lâu ngày sẽ mắc bệnh, khi nằm cũng thế. Bất luận đi đứng nằm ngồi, niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải từng câu từng chữ nơi tâm nơi miệng niệm cho rõ ràng, tai nghe cho rõ ràng. Niệm thầm chẳng mở miệng thì trong tâm vẫn có tiếng, tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của

chính mình, chẳng khác gì mở miệng niệm ra tiếng rõ ràng. Đấy là diệu pháp niệm Phật thiết yếu nhất, lại chẳng tốn sức!

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Tai nghe được rõ ràng thì sáu căn đều nhiếp không còn sót, niệm như thế gọi là tịnh niệm. Nếu thường liên tục tịnh niệm thì sẽ đạt được niệm Phật tam-muội. Xin hãy nỗ lực hành theo, chắc chắn có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên được cõi sen chín phẩm kia. Phàm thấy hết thảy nữ nhân đều tưởng như mẹ, chị, em gái, con gái, ngay cả với vợ mình cũng nên tưởng như thế thì con ma dâm dục không làm gì được ông. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha để dẫn đường, lấy chí thành trì niệm làm chuyện tu hành chánh yếu; đừng nên cầu khai ngộ, minh tâm kiến tánh, khán câu "người niệm Phật là ai?" Đấy là công phu của người tham thiền! Dù có minh tâm kiến tánh mà kiến hoặc, tư hoặc chưa đoạn, vẫn trọn chẳng có phần liễu sanh tử. Huống kẻ chưa đạt đến địa vị minh tâm kiến tánh ư? Đấy chính là những kẻ cậy vào tự lực để liễu sanh tử.

Niệm Phật là pháp môn cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, nếu khán câu "người niệm Phật là ai?" chắc chắn không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, do chưa đoạn hoặc sẽ chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử; do không có lòng tin chân thành nguyện thiết tha nên chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng, rất nhiều kẻ si đều tưởng đấy là cao siêu, huyền diệu, đáng thương quá sức! Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tịnh, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ đã được nói từ trí tuệ của Phật để tu tập, hòng quyết định được vãng sanh Tịnh độ.

(Ngày mồng 7 tháng 8 năm Dân Quốc 28 - 1939)

123. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ nhất)

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Toàn, y theo trí tuệ của Phật mà tu tịnh nghiệp chính là Huệ Toàn. Đã tự có thể cân nhắc[185] được pháp môn nào phải nên tu, lại còn có thể cân nhắc cho hết thảy mọi người mà nói ra pháp khế lý khế cơ nhất này. Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Há có nên nói "cha bảo ăn thịt mà chẳng tuân lời là bất hiếu" ư? Lỡ mai kia cha ông phát cuồng, bảo ông rằng: "Cha thương con lắm, con hãy nên cắt thịt nơi thân cha để ăn thì lòng cha mới hết sức vui vẻ, nếu con chẳng cắt thịt cha để ăn tức là bất hiếu. Kẻ bất hiếu thiên địa quỷ thần đều tru lục! Nếu con ăn thịt cha tức

[185] Chữ Thuyên（銓）trong tên ông Chương Dĩ Thuyên có hai nghĩa: cân nhắc và chọn lựa kẻ hiền để bổ làm quan.

là đại hiếu, tôn kính cha mẹ, thiên địa quỷ thần sẽ vĩnh viễn che chở, khiến cho con vĩnh viễn hưởng tốt lành.” Ông có chịu vâng lệnh ấy hay chăng? Ông nghĩ “cha bảo ăn thịt mà chẳng tuân lời thì là bất hiếu”, còn bảo là “mắc tội lớn”, tức là ăn nói mù quáng thiếu hiểu biết.

Chỉ nên đem ý ấy để uyển chuyển khuyên dụ, chớ nên chống đối quyết liệt. Lại còn phải khuyên cha mẹ ông ăn chay trường để đời đời kiếp kiếp khỏi phải thường chịu sát báo, làm được như thế mới là chân hiếu. Người đời dùng thịt để tỏ lòng hiếu, chính là hành vi của kẻ vô tri! Đã quy y Phật, sao còn coi những tình ý mê muội của thế tục là đúng? Ông Hoàng Sơn Cốc đời Tống có thơ khuyên kiêng sát sanh ăn thịt như sau:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vị biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể nào khác,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ sai biệt hình hài,
Khổ não chúng cam chịu,
Ngọt béo ta hưởng riêng,
Đừng đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!)

Xin hãy đưa thư tôi cho cha ông đọc, nếu cha ông chịu nghe theo lời tôi thì thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu cụ vẫn muốn ăn thịt thì chỉ nên nấu nướng đôi chút để cụ khỏi quá thèm, đừng tận sức cung cấp kẻo tạo thêm sát báo cho cha ông. Lại chỉ nên mua những loại sẵn có ngoài chợ, đừng giết trong nhà. Sát sanh trong nhà, nhà sẽ biến thành nơi giết chóc, không gì kém tốt lành bằng.

124. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Ở nhà rảnh rỗi thì hãy nên sốt sắng đem pháp môn Tịnh độ giảng nói cho song thân để họ sanh lòng chánh tín hòng được vãng sanh thì công đức lớn lắm. Tuy đọc kinh điển Đại thừa, vẫn phải lấy niệm Phật làm

chánh hạnh. Nếu một dạ nghiên cứu ý nghĩa của kinh, vứt niệm Phật ra sau ót thì có thể trở thành gần giống như một bậc đại thông gia, chứ siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này e rằng sẽ nhường cho ngu phu ngu phụ, còn chính mình trọn chẳng có phần đâu! Cần biết rằng, pháp môn niệm Phật là pháp môn đặc biệt trong giáo; trừ pháp này ra, đừng nói phàm phu chẳng thể liễu ngay trong đời này, ngay cả bậc thánh nhân đã chứng Sơ quả, Nhị quả cũng chẳng thể liễu trong đời này được. Tâm đừng chuộng cao, cho rằng "hiểu rõ ý nghĩa kinh Phật sẽ được đại lợi ích". Nếu nghĩ như vậy, sẽ chẳng khác gì kẻ giữ sổ sách nơi tiệm buôn! Tuy nói có mấy ngàn, mấy vạn, mấy chục vạn qua tay ta lo liệu, nhưng rốt cuộc đâu phải của chính mình, tới khi xong chuyện, chính mình chỉ được chút phần tiền lương mà thôi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay đừng gởi thư đến nữa. Có ai muốn quy y, hãy bảo họ quy y với vị tăng nơi ấy, hoặc quy y với vị nào dựng cao tràng pháp. Còn như Quang, quả thật chẳng có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Pháp danh của ba người ghi trong tờ giấy khác, gởi kèm cho họ Một Lá Thư Trả Lời Khắp để làm khai thị.

(Ngày mồng 2 tháng 2 năm Dân Quốc 28 - 1939)

125. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ ba)

Những loài thú dữ, rắn độc, châu chấu đều do tâm con người hung ác mà chúng gây tổn thương cho con người. Nếu hướng về chúng nó niệm Phật và dạy hết thảy mọi người ai nấy đều niệm Phật thì chúng nó sẽ tự bỏ đi, há nào phải là giết chúng mà có thể trừ hại cho dân hay sao? Đấy chính là dẫn dắt người khác tạo nghiệp, đời đời kiếp kiếp phải chịu sát báo. Ông học Phật kiêng giết mà thốt ra lời lẽ đáng ghét nhất ấy! Nếu chẳng sám hối, ắt sẽ bị trời quở (Ông Long Tử Tu làm Tri Huyện một huyện nọ tại Giang Bắc. Dân chúng do bị nạn châu chấu bèn mời quan đi xét nghiệm. Tới một chỗ, lấy chân giẫm xuống, hơi bị lún chân, hỏi châu chấu ở chỗ nào. Dân chúng thưa: "Nó ở ngay dưới chân." Có chỗ châu chấu đậu dày mấy tấc, rộng mấy dặm, dài mười mấy dặm, vẫn chưa mọc cánh. Hễ mọc cánh liền bay lên, che rợp cả mặt trời. Ông hết sức kinh hãi, chẳng dám nói một câu nào, bèn lạy trời đất, xin cứu mạng cho dân. Chưa đầy hai ba tiếng đồng hồ, đột nhiên trời nổi sấm mưa to, châu chấu bị mưa diệt sạch. Đấy chính là chuyện đại cảm ứng do không thể làm cách nào bèn cầu trời diệt châu chấu vậy. Nếu ông ra lệnh đốt hay chôn vùi để giết châu chấu thì thử hỏi có được mạnh mẽ như vậy hay không?) Một đứa bé gái mua một cái đập ruồi, hễ thấy ruồi bèn đập, chưa được bao lâu cả nhà đều bị ruồi bò đầy. Bà nội bèn mở toang cửa ra vào, cửa sổ, niệm Phật cầu ruồi bỏ đi, ruồi bèn bỏ đi hết. Do đứa bé gái ấy còn có thiện

căn, bởi chuyện ấy bèn dứt sát nghiệp. Nếu không, ngày ngày sát sanh, chính mình cũng bị yểu thọ theo.

Cũng đừng học theo Tôn Thúc Ngao[186], thử hỏi ai có được lòng tốt ấy? Không có tấm lòng tốt ấy sẽ tự tạo sát nghiệp, dạy hết thảy mọi người tạo sát nghiệp. Hơn nữa, rắn hai đầu là con vật lạ hiếm thấy, cho nên Thúc Ngao giết đi rồi chôn. Mãnh thú, rắn độc, châu chấu, không phải là những con vật cứ giết đi là có thể ngăn ngừa được, mọi người chỉ nên cùng phát tâm từ thiện, cùng niệm Phật hiệu, ắt chúng sẽ lánh xa. Sao ông không thấy trong phẩm Phổ Môn đã dạy: *"Nhược ác thú vi nhiễu, lợi nha trảo khả bố, niệm bỉ Quán Âm lực, tật tẩu vô biên phương. Ngoan xà cập phúc yết, khí độc yên hỏa nhiên, niệm bỉ Quán Âm lực, tầm thanh tự hồi khứ"* (Nếu ác thú vây quanh, nanh vuốt nhọn đáng sợ, do sức niệm Quán Âm, bỏ chạy không tăm tích. Rắn độc cùng bò cạp, phun độc như khói lửa, do sức niệm Quán Âm, nghe tiếng tự rút lui) vậy? Do ông chẳng biết thời thế, thốt ra lời ác cực nặng tự hãm, hãm người. Nếu chẳng nói toạc ra với ông, thì nẻo trước toàn là oán gia, há có nên nói xằng ư? Pháp danh của tám người quy y tùy theo mỗi người mà tự nhận lãnh.

[Pháp hội Hộ Quốc Tức Tai] ở Thượng Hải là đả thất chứ không phải giảng kinh, tức là buổi chiều bèn khai thị hơn một tiếng, chớ nên tới, vì người đông quá, đâm ra sẽ uổng công mệt nhọc. Quang nhất loạt chẳng tiếp khách, chẳng nói chuyện riêng với ai một câu nào, cũng chẳng nhận thức ăn, tiền tài. Có như thế mới duy trì được, nếu không thì chắc chắn sẽ mệt đến chết. Chương trình ấy đã định, muôn phần chẳng tiện sửa đổi, mong hãy sáng suốt soi xét. Pháp danh của hai vị viết trong tờ giấy khác. Trong xưởng chịu đề xướng ăn chay niệm Phật, chắc chắn công việc sẽ phát đạt, mà cũng có thể hướng dẫn những người cùng nghề. Con người ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta, không có ai đề xướng thì không cách gì phát khởi được. Khai Thị Lục ước chừng cuối tháng sẽ gởi tới. Vô ý mà niệm Quán Âm tức là duyên thường niệm trong đời trước đã chín. Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, sanh lòng tin tu trì bèn có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này, người không biết đến hoặc biết đến mà chẳng tu chẳng đáng buồn lắm hay sao?

126. Thư trả lời cư sĩ Từ Chí Nhất

[186] Tôn Thúc Ngao là một danh tướng nước Sở thời Xuân Thu, người huyện Kỳ Tư (nay là huyện Hoài Tân, tỉnh Hà Nam), khéo dùng thủy binh, làm đến chức Lệnh doãn. Ông cả đời liêm khiết, khi mất nghèo đến nỗi không có hòm để chôn, người làng phải quyên tiền để giúp vợ con ông khâm liệm. Thuở nhỏ, khi lên mười tuổi, ông ra ngoài chơi, đột nhiên thấy một con rắn hai đầu. Trước đó, ông từng nghe nói "ai trông thấy con rắn hai đầu sau ba ngày sẽ chết". Tôn Thúc Ngao nghĩ mình sẽ chết, động lòng từ bi, sợ người khác trông thấy con rắn ấy cũng phải chết như mình, bèn đập chết rắn, đem chôn kín.

Hôm qua nhận được thư, biết con là thiếu niên phát tâm tu tịnh nghiệp, khôn ngăn vui mừng, hâm mộ. Muốn trả lời thư trong ngày hôm qua, nhưng vì có khách nên chưa rảnh rỗi. Nay gởi cho con một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, đây là căn bản của pháp môn Tịnh độ, đọc kỹ hai bài tựa trước - sau của Quang sẽ tự biết được ý nghĩa chánh yếu. Tịnh Độ Thập Yếu, một bộ năm cuốn, đây chính là những trước thuật thiết yếu nhất của cổ nhân nhằm giảng rõ Tịnh độ, trong bài tựa đã nói tường tận. Một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đây là sự tích vãng sanh xưa nay. Một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn, đây là những sách hết thảy mọi người nên thường đọc. Một cuốn Sức Chung Tân Lương, một cuốn Cứu Kiếp Biên, một bộ Lịch Sử Thống Kỷ, sách này có bảng phân loại. Nếu tra cứu những chuyện hiếu và bất hiếu thì tra cứu trong bảng phân loại ở đầu quyển sẽ thấy được những chuyện hiếu và bất hiếu trong cả bộ sách. Một bộ An Sĩ Toàn Thư, sách Tây Quy Trực Chỉ cũng nằm trong ấy. Nếu các sách định gởi cho con trên đây, đem chia làm hai gói mà vẫn chưa đủ thì sẽ bỏ thêm Kỹ Lộ Chỉ Quy và Vật Do Như Thử vào, nếu đủ rồi sẽ không thêm.

Mong con hãy cung kính đọc kỹ Ngũ Kinh, Thập Yếu thì sẽ biết rõ duyên do của pháp môn Tịnh độ. Các pháp môn được giảng trong cả một đời đức Phật đều cậy vào tự lực để tu trì, đoạn hoặc, chứng chân, hòng liễu sanh tử, khó khăn còn hơn lên trời. Nếu do tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì vạn người tu, vạn người về, nhưng cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều này để dạy người, khiến cho khắp hết thảy mọi người cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ.

Tuổi con còn thơ ấu, phải cực lực chú ý giữ gìn thân thể, hãy đọc kỹ sách Dục Hải Hồi Cuồng trong bộ An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Có nhiều thiếu niên ý niệm tình dục dấy lên rồi bèn thủ dâm, chuyện ấy khiến thân thể bị tổn thương tột cùng, chớ nên phạm. Hễ phạm sẽ tàn hại thân thể, nhơ bẩn tự tâm, khiến cho thân thể hữu dụng bị chết yểu hoặc trở thành phế nhân yếu ớt không làm nên cơm cháo gì. Lại còn phải hằng ngày phản tỉnh, suy xét tội lỗi nơi thân, nơi tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi tự mình tàn hại. Nếu không, cha mẹ không nói, sư trưởng chẳng nói, bạn bè đàn đúm xúi giục nhau tạo thành thói ác ấy; chuyện này nguy ngập còn hơn đi vào vực sâu, bước trên băng mỏng đấy.

Tăng tử có tư cách đại hiền mà đến lúc sắp chết mới nói: "Kinh Thi chép: 'Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng'. Từ nay trở đi, ta biết đã thoát." Chưa đến lúc sắp chết thì vẫn thường kinh sợ, nay ta sắp chết mới biết

mình không bị hãm trong tội lỗi. Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi biết 19 năm trước sai trái; đến tuổi 50, biết 49 năm trước đều sai. Khổng tử vào tuổi 70 còn muốn trời cho sống thêm vài năm hoặc dăm mười năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh lỗi lớn. Cách thánh hiền gìn giữ, trưởng dưỡng sự phản tỉnh, suy xét như vậy chính là nền tảng để học Phật liễu sanh tử. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao và các sách khác, cho nên không viết cặn kẽ.

Con tên là Giám Chương[187], lại còn có trí tuệ chân chánh thì không gì chẳng hợp với Phật, thánh, không gì chẳng thuận với pháp thế tục. Người đời nay hễ hơi thông minh bèn cuồng vọng, đấy đều là vì chẳng biết nghĩa "vì việc học mà đạo đức ngày càng tăng thêm, vì đạo mà thói hư ngày càng tổn giảm". "Vì việc học mà đạo đức ngày càng tăng thêm" chính là lấy đạo đức của thánh hiền chất chứa trong thân tâm ta. "Vì đạo mà thói hư ngày càng tổn giảm" là từ đấy phản tỉnh, suy xét nghiêm ngặt, sao cho khởi tâm động niệm trọn chẳng phạm tội lỗi gì. Nếu không, dẫu là bậc văn tài lỗi lạc vẫn chẳng thể vì việc học, huống hồ vì đạo! Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên hết thảy già trẻ trai gái hằng ngày thường kiền thành niệm thánh hiệu Quán Thế Âm như một kế sách bậc thượng để cầu hòa bình, giữ gìn thân mạng. Trừ cách này ra, không tìm được cách nào khác đâu! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày chỉ nên xem các sách như Văn Sao v.v., đừng gởi thư đến nữa, do không có sức để thù tiếp vậy.

Trước đây, thầy đã gởi pháp danh, kinh sách cho con. Thư lần này gởi đến, con chỉ ghi là "cẩn bẩm" (kính thưa), không khỏi quá ngạo mạn! Pháp niệm Phật tùy theo cơ nghi, chớ nên chấp chặt. Nhưng trong hết thảy pháp, chọn lấy một pháp quan trọng nhất thì không chi bằng "lắng tai nghe kỹ": Niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, âm thanh lọt vào tai; đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm như thế, nghe như thế. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm thầm trong tâm, đều nghe như thế. Khi niệm thầm, trong tâm vẫn có tướng của tiếng, chứ không phải là không có tiếng. Chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông có câu: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Khi niệm Phật có thể lắng tai nghe kỹ chính là cách nhiếp trọn sáu căn. Bởi lẽ, tâm niệm thuộc về ý căn, miệng niệm thuộc về thiệt căn, tai nghe thì mắt chẳng nhìn chi khác, mũi chẳng ngửi gì khác, thân chẳng buông lung, biếng nhác, vì thế gọi là "nhiếp trọn sáu căn". Nhiếp trọn sáu căn để niệm thì tạp niệm dần dần dứt, cho đến không còn, vì thế gọi là "tịnh niệm".

[187] Giám chương có nghĩa là soi xét, thấy biết rõ ràng, rạng rỡ.

Thường giữ cho tịnh niệm liên tục chẳng gián đoạn sẽ đạt được niệm Phật tam-muội, tam-ma-địa chính là tên khác của tam-muội. Chúng ta tùy phần tùy sức niệm, tuy chưa thể đạt ngay được tam-muội, nhưng sẽ gần với tam-muội. Chớ nên nghĩ là dễ dàng rồi muốn mau đạt, kẻo sẽ dấy lên các ma sự. Người đắc niệm Phật tam-muội thì trong đời này đã dự vào địa vị thánh nhân. Vì thế, hãy nên tự lượng! Pháp Tùy Tức[188] chính là pháp thứ chín được nói trong môn Thử Sanh Tha Sanh Thập Niệm Nhất Niệm (đời này, đời khác, mười niệm, một niệm) của cuốn Bảo Vương Tam-muội Luận, tức cuốn thứ năm của bộ Tịnh Độ Thập Yếu, xem sách ấy sẽ tự biết, vì thế chẳng cần phải nói nhiều, mong hãy sáng suốt soi xét. Đang trong lúc đại kiếp đối đầu, quốc gia lẫn thân mạng mất - còn chẳng chắc này, cố nhiên hãy nên nhất tâm niệm Phật, niệm Quán Âm để cầu hòa bình. Đừng nên hờ hững cầu tri giải mở mang để mong trở thành bậc thông gia vậy!

127. Thư trả lời cư sĩ Vương Hải Tuyền

Phàm là người quy y, ắt phải chí thành, khẩn thiết tu trì pháp môn Tịnh độ. Nếu vẫn dùng những công phu luyện đan, vận khí v.v. của ngoại đạo sẽ trở thành tà chánh chẳng phân, hoặc đến nỗi coi tà là chánh, tưởng chánh là tà. Ngàn vạn phần chớ để cho hạng người ấy trà trộn. Nếu trước kia đã từng học pháp ngoại đạo, sau biết đấy không phải là chánh đạo, hoàn toàn vứt bỏ, tách rời khỏi cách tu của bọn chúng thì được. Nếu không, chẳng thể được! Lại có những kẻ tin vào cầu cơ, hạng người ấy cũng đừng nên cho quy y. Vì cầu cơ phần nhiều là linh quỷ mạo danh tiên, Phật. Linh quỷ thượng đẳng tuy chẳng biết lý sâu nhưng vẫn chưa đến nỗi khiến cho người cầu cơ bị lầm lẫn. Linh quỷ hạ đẳng chắc sẽ đến nỗi làm hỏng đại sự của người khác. Người niệm Phật ngàn vạn phần chẳng được kết giao với những kẻ ấy.

Nay đặt pháp danh cho những người quy y, xin hãy chép ra, giao cho họ, xin hãy bảo họ: Cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, ăn chay, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại dùng những điều ấy để dạy người thì mới chẳng phụ hai chữ "quy y". Nếu không, sẽ hữu danh vô thật, trọn chẳng được lợi ích gì, lại còn phạm tội lỗi khinh pháp, mạn pháp.

---

[188] Pháp Tùy Tức được luận Bảo Vương Tam-muội (do ngài Phi Tích soạn vào đời Đường) nói tới ở đây, vốn xuất phát từ kinh Bi Hoa, do ngài Mật Tô (tiền thân của A-súc-bệ Phật khi còn tu nhân) chế ra. Theo đó, thay vì lấy xâu chuỗi để niệm Phật, hành nhân dùng hơi thở thay cho xâu chuỗi. Hễ thở ra bèn niệm Phật một câu, hít vô bèn niệm Phật một câu.

Muốn tiêu trừ kiếp nạn mênh mông này thì phải dạy hết thảy già trẻ trai gái cùng niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát". Sức của bốn mươi mấy người làm sao địch nổi ác nghiệp trong đời trước hay trong đời này của trăm ngàn vạn người? Nay gởi cho ông Khuyến Niệm Quán Âm Văn và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy đưa cho những người quy y xem.

128. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ nhất)

Trần Vĩnh Dự gởi thư đến cho biết ông côi cút từ bé, gần đây do mẹ qua đời, cảm nhận xác thân lẫn cõi đời vô thường, muốn báo ân cha mẹ bèn ăn chay niệm Phật. Đấy có thể gọi là "đã hiểu được đạo hiếu!" Đạo hiếu do người đời thường thực hành đều tăng thêm tội lỗi cho cha mẹ (cha mẹ còn sống thì sát sanh để phụng dưỡng, nếu mất thì sát sanh để cúng tế và đãi đằng những người đến phúng điếu. Chỉ mong sướng tai, khoái mắt, ngon miệng, vừa bụng người khác, chẳng tính đến chuyện gây phiền cho cha mẹ gánh tội nơi chín suối[189], chẳng đáng buồn sao?) Kẻ phàm tục coi làm vậy là hiếu, chứ thật ra là lòng hiếu theo kiểu đại bất hiếu! Hiếu kiểu đó đối với chính mình lẫn cha mẹ đều vô ích, chỉ đổi lấy lời khen ngợi suông của tục nhân vô tri mà thôi. Nhưng ông vẫn còn có bà nội và bà nội kế, hãy nên khuyên họ đều cùng ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới có ích. Nếu đợi họ chết rồi mới sẽ vì họ niệm Phật, sao bằng thừa dịp này khuyên họ tự niệm? Lại còn đem công đức niệm Phật của ông để hồi hướng cho họ, mong họ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, còn sống thì khỏe mạnh, yên vui, mất liền cao đăng cõi sen; đấy là lợi ích chân thật.

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Xương; nghĩa là dùng trí tuệ để làm cho pháp môn Tịnh độ được hưng thịnh, rạng rỡ, tự lợi, lợi người, cùng sanh về Tây Phương. Người niệm Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, sanh lòng tin, phát nguyện trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy cho người khác. Phàm những ai qua lại với ta đều nên đem những điều này giáo hóa họ, nhất là hãy nên khuyên vợ ông tu trì.

---

[189] Chín suối (cửu tuyền): Theo quan niệm thời cổ, cửu là con số lớn nhất trong những con số căn bản, nên chữ cửu thường được dùng để hình dung sự nhiều, lớn, cùng cực. Chẳng hạn trong bộ Tố Vấn có câu: *"Thiên địa chi chí số, thỉ vu nhất, chung vu cửu yên"* (Con số tột cùng của trời đất, khởi đầu bằng một, kết thúc bằng chín). Do đào sâu xuống đất thường thấy mạch nước ngầm nên người xưa tin tưởng dưới mặt đất là những dòng suối chảy ngầm, nên họ gọi chốn sâu thẳm dưới đất là "cửu tuyền". Hơn nữa, chất đất vùng Hoa Bắc thường có màu vàng sậm nên nước ngầm cũng có màu vàng. Vì thế, chốn âm phủ còn được gọi là "hoàng tuyền". Cũng có cách giải thích khác là trong Dịch Học, thổ có màu vàng, thuộc âm, nên chốn âm phủ gọi là "hoàng tuyền".

Thế đạo hiện thời nguy hiểm muôn bề, người thường niệm Phật cố nhiên chẳng đến nỗi không tìm được lối thoát trong cảnh nguy hiểm. Hơn nữa, nữ nhân thường niệm Phật sẽ tránh được sản nạn. Nếu gặp lúc sanh nở, hãy nên niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" ra tiếng rõ ràng thì sẽ an nhiên sanh nở. Dẫu khó sanh tới cùng cực, người đã gần chết, dạy người ấy niệm Quán Âm và những người chăm sóc cũng như mọi người trong nhà đều lớn tiếng niệm thì không một ai chẳng lập tức sanh ngay, an nhiên sanh nở.

Hãy nên đem lời này bảo khắp hết thảy mọi người, chẳng những người mẹ không bị khổ vì sản nạn, mà con cái sanh ra đều hiền thiện. Đừng nói "lõa lồ bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ-tát sợ mắc tội", cần biết rằng: Đấy là lúc không làm thế nào khác được, chẳng thể cung kính, khiết tịnh, chứ không phải là không chịu cung kính, khiết tịnh. Chỉ nên giữ lòng thành trong tâm, đừng quan tâm đến tướng bên ngoài. Lời tôi vốn xuất phát từ kinh Phật, chứ không phải tự nêu ý kiến, tự ức đoán. Mong hãy an tâm hành theo, khiến cho mọi người đều cùng được lợi ích. Những pháp tu trì khác đã được nói tường tận trong Gia Ngôn Lục. Hãy đọc kỹ sẽ tự biết, nên ở đây không cần ghi chi tiết.

129. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ hai)

Thư ông và thư của Trần Huệ Cung đều nhận được cả, 12 đồng hương kính cũng nhận được rồi. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay ai nấy đều đã gieo thiện căn, do vì không có người đề xướng nên đến nỗi thiện căn chẳng thể phát sanh, đáng tiếc thay! Người đời cầu con, chẳng biết trước hết phải đoạn dục, bảo dưỡng thân thể cho cường tráng. Ngày ngày thường làm chuyện vợ chồng mà chưa chết tức là may mắn quá đấy! Làm như vậy, dẫu có sanh được con thì hoặc là nó chẳng thể sống thọ, hoặc yếu ớt không thể làm được gì, đều là vì chẳng biết vun bồi nơi căn bản vậy. Nếu vợ chồng ông tuân theo nghĩa này, chắc chắn sau này sẽ sanh được đứa con phước đức trí tuệ, đừng nên vội vàng. Đoạn dục càng lâu càng tốt, hai vợ chồng phải cùng vì đại sự kế thừa tổ tông mà vâng giữ điều răn này, chớ đừng chưa đầy một hai tháng liền muốn gần gũi. So với những kẻ chẳng tiết dục tuy tốt hơn, nhưng vẫn là tiên thiên chẳng đủ, đứa con quyết chẳng thể có thành tựu được.

Bà nội của ông đã phát tâm niệm Phật, hãy nên thường nói với cụ về lợi ích niệm Phật vãng sanh. Nếu có thể làm cho nhị vị tổ mẫu (tức bà nội ruột và bà nội kế) đều được vãng sanh thì mới đáng gọi là "trọn hết phận làm con". Nay đặt pháp danh cho bà nội ông là Đức Thuần, nghĩa là tâm tu trì tịnh nghiệp thuần thành, chuyên dốc, khẩn thiết mong cầu. Pháp danh của bà nội kế là Đức Định, nghĩa là nhất tâm niệm Phật, quyết định cầu sanh, trọn chẳng ngờ vực hay biếng

nhác. Vợ ông pháp danh là Huệ An, nghĩa là nhất tâm cầu sanh về thế giới An Lạc, tự lợi lợi tha. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong Văn Sao. Cuối tháng, tôi sẽ gởi bức thư dài đến (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp), ở đây không nói nhiều.

Bà nội ông tâm tha thiết mong có chắt, tôi dạy ông ba cách, nếu vợ chồng ông có thể hành theo đó, chắc chắn sẽ sanh được đứa con có phước, sống thọ, thông minh, trí tuệ:

1. Một là vợ chồng hằng ngày thường lễ bái, trì niệm thánh hiệu Quán Âm.
2. Hai là phải giữ lòng từ thiện, làm chuyện lợi người giúp vật cho nhiều.
3. Ba là vợ chồng mỗi người ở riêng một phòng, đoạn tuyệt chuyện ăn nằm. Đợi đến khi thân thể đã được bảo dưỡng mạnh khỏe, chờ cho vợ sạch kinh xong, vào đêm trời trong, khí rạng, sẽ ở với nhau một đêm, ắt sẽ thụ thai. Từ đấy mỗi người vẫn ở riêng phòng, đừng ngủ chung với nhau nữa.

Do niệm Quán Âm nên đứa con ấy ắt có thiện căn, thông minh, trí tuệ. Do giữ lòng từ thiện, thường làm những chuyện cứu giúp nên đứa con ấy ắt thọ. Do thân thể được dưỡng cho khỏe mạnh nên thân thể đứa con ắt được mạnh mẽ. Do vừa thụ thai chẳng ở chung phòng nữa, đứa con ấy vĩnh viễn không bị thai độc và ghẻ chốc, lên sởi v.v.. Đấy là đạo "cầu con ắt được"!

Nếu hằng ngày ngủ chung với vợ, thường cùng ăn nằm, chắc sẽ đến nỗi mất mạng. Dẫu có sanh con, chắc khó trưởng thành được, không làm gì được; bởi lẽ tiên thiên chẳng đủ, tinh thần lẫn tài trí đều chẳng sung túc. Người đời chẳng hiểu rõ lý này, ắt sẽ nghĩ thường chung đụng với vợ để sanh được con, lầm lẫn quá lớn! Xin hãy đem nghĩa này nói với bà nội của ông ngõ hầu hơn một năm sau sẽ sanh được con vậy.

130. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ ba)

Thư và trước sau 20 đồng đều nhận được đầy đủ, pháp danh của 14 người được viết trong tờ giấy khác. Hãy nên bảo bọn họ ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, ăn chay, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới là đệ tử Phật thật sự. Quang mục lực chẳng đủ, gởi cho họ một gói Niệm Phật Khẩn Từ, xin hãy đưa cho mỗi người một quyển, bởi trong sách ấy có quy tắc niệm Phật và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, có ích rất lớn. Cúng giỗ tổ tông đổi sang dùng cỗ chay, công đức rất lớn. Quang từ Thượng Hải trở về đã hơn một tháng mà trọn chẳng được rảnh rỗi chút nào. Lời tựa cho cuốn sổ quy định Tế Lễ của dòng họ[190] hiện

[190] Xin đọc bài "Lời tựa [giãi bày ý nghĩa việc] Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay" trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

thời không rảnh rỗi để viết. Nếu sau này được rảnh, sẽ viết rồi gởi tới. Khi nhận được, ông hãy nhờ người viết chữ đẹp chép lại bài tựa ấy cho ngay ngắn, rõ ràng, khuyên, điểm, chấm câu để người đọc vừa xem liền hiểu rõ ngay. Lại còn đem bản thảo ấy gởi cho Phật Học Thư Cục ở Thượng Hải để đăng trên bán nguyệt san, may ra sẽ có người tiếp tục hành theo.

131. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ tư)

Hôm trước, ông Nhậm đến đây, cầm theo thư của ông và hai món thức ăn, cảm ơn! Đãi khách bằng món chay ấy là đại kính; dùng sát sanh để đãi khách thật rất thiếu ý cung kính, nhưng thế tục quen thói, ngược ngạo coi đấy mới là kính, đáng thương xót lắm thay! Người đời nay phần nhiều thích xây cất lớn, cứ hở ra là muốn xây dựng. Do muốn xây dựng nên đụng chạm đến quan chức địa phương, người lo việc lại ngạo mạn, cứ suy ra cũng biết. Địa phương ra lệnh ngăn cấm cũng là điều tốt. Nếu không, thanh thế ngày càng lớn, có thể bị đại họa. Do con người hiện thời chẳng rõ nhân quả, quan lớn phần nhiều chẳng xét kỹ. Nếu đắc tội với kẻ tiểu nhân, hắn liền bịa đặt gán ghép, không cách nào chống đỡ được. Từ trước đến nay, Quang chẳng đề xướng xây dựng một cơ sở nào. Dẫu có ai muốn nhờ vào đấy để đề xướng thì cũng nên xây nhỏ đừng xây lớn để kẻ đố kỵ khỏi mượn cớ vu vạ. Trong Văn Sao có bức thư gởi cho ông Vương Dữ Tiếp[191], hãy đọc sẽ biết.

Quang mục lực càng suy kém hơn là vì tuổi già, tinh thần suy nhược; chứ còn ăn uống, cử động vẫn chẳng khác gì trước kia. Thầy Minh Đạo mất, Hoằng Hóa Xã cũng giao về cho Quang chủ trì. Thầy ấy khéo mộ duyên, Quang cả đời chẳng thích mộ duyên. Tùy theo sức của tôi, nếu có người giúp đỡ tiền tài thì làm lớn, không có ai giúp đỡ thì làm nhỏ, miễn sao ta người đều thoải mái là được rồi. Thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên người nhà và người làng cùng niệm Phật hiệu và danh hiệu Quán Âm để làm kế dự phòng. Mối họa lúc này khác với thuở xưa, trốn tránh cũng không được, đề phòng cũng không xong; trừ cách niệm Phật

[191] Đây là lá thư được đánh số 152 trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên (quyển 2). Xin trích một đoạn tổ dạy về việc xây dựng như sau: "Trộm nghĩ hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cực điểm, lại thêm quốc khố trống rỗng, thuế má nặng nề hơn trước biết bao lần, vật giá đắt đỏ, dân không lẽ sống, thiên tai, nhân họa liên miên xảy ra. Gặp thời buổi này, muốn hoằng dương pháp đạo thì đối với khắp những người đến hỏi, chỉ nên dạy họ hãy học lấy những nghĩa trọng yếu của Phật. Với cha nói đến từ, với con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy tận hết bổn phận để lập nền tảng. Từ đấy, lại thêm trọng lòng kính, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, hiểu nhân rõ quả, mong khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao cũng vẫn cứ hành theo đó. Lúc có dư sức, chẳng ngại nghiên cứu hết thảy kinh luận, dạy cho họ ở trong gia đình, tùy phận tu trì, chẳng cần phải tạo dựng điện đường cho nhiều, cắt đặt nhân viên cho đông, hai bên qua lại bận bịu chức vụ, tốn kém thời gian. Đây thật là cách tương kế tựu kế thích hợp nhất để hoằng pháp hiện thời."

và niệm Quán Âm ra, không có cách thức tốt đẹp nào khác. Lại còn phải nghiêm túc dạy dỗ con cái, lúc chúng mới bắt đầu hiểu biết liền chú ý ngay, chứ để chúng lớn hơn một chút sẽ chẳng nghe theo lời dạy đâu.

Người thông minh trong thế gian thường cho là mình thông minh hơn đời, không chi chẳng biết. Vì thế, xưa kia đã có câu: *"Nhất sự bất tri, Nho giả sở sỉ"* (Một chuyện không biết, nhà Nho hổ thẹn). Lời ấy vẫn là lời nói suông! Vì sao vậy? Nếu chuyện gì cũng biết, ai có thể tự biết chính mình? Chính mình còn không biết, sao lại tự phụ là không chuyện gì chẳng biết? Hiền Anh đời trước cũng có thiện căn, vì thế sanh vào gia đình có chánh tín. Các chị đều quy y, cô ta cũng bắt chước quy y; sau này sẽ trở thành một vị hướng dẫn tốt lành trong chốn khuê các. Nay đặt pháp danh cho cô ta là Tông Hiền, *tông* là chủ, là gốc, *hiền* chính là đại sư Tư Tề Thật Hiền, vị tổ thứ chín của Liên tông[192], bài văn Khuyến Phát Tâm Bồ-đề của đại sư cực hay. Quang đặt tên cho cô ta là Tông Hiền là vì muốn cho cô thường nương theo bài văn Khuyến Phát Bồ-đề Tâm mà phát tâm. Đã có thể nương theo bài văn ấy để phát tâm thì tất cả những chấp trước thường kiến, đoạn kiến sẽ chẳng cần phải phá mà tự tiêu diệt không còn sót.

Nay gởi cho cô ta một bộ An Sĩ Toàn Thư, xin hãy đọc kỹ càng, cẩn thận phần chú giải và dẫn chứng của đoạn văn "ta mười bảy đời làm thân sĩ đại phu"[193] và những đoạn vấn đáp để giải trừ nghi ngờ trong các sách Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Cuồng, Tây Quy Trực Chỉ, sẽ chẳng đến nỗi biến mình thành kẻ không có căn bản, tuy tạm sống mấy chục năm, hễ chết liền tiêu diệt chẳng còn, há chẳng đáng thương đến tột cùng ư? Nếu biết thân chết mà thần thức chẳng diệt, coi đó như tuổi thọ, thì tuổi thọ nào phải chỉ dài lâu như trời với đất? Nếu chịu tu trì cầu sanh Tây Phương thì đến tột cùng đời vị lai sẽ làm đại đạo sư cho hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là bậc đại trượng phu vĩ đại ư? Những câu vấn đáp ấy đều cực xác đáng, ở đây không viết đầy đủ. Lại gởi một bộ Bát Đức Tu Tri[194] gồm hai tập, nếu có thể chiếu theo đó mà giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận thì mới là đệ tử chân thật của đức Phật. Xin hãy nói với cô ta.

Gởi tới chỗ vợ chồng con cái ông Vương Dần Oai tổng cộng bốn gói kinh sách các thứ. Nói đến cùng cực, sự thành tựu của một con người hoàn toàn nhờ

---

[192] Ấn Quang Văn Sao Tam Biên ghi ngài Thật Hiền là vị tổ thứ chín của Liên tông, trong khi theo các ghi chép về Tịnh tông hiện thời, tổ Thật Hiền là vị thứ mười một, tổ thứ chín chính là ngài Ngẫu Ích. Có lẽ khi ấy hai vị Ngẫu Ích và Hành Sách chưa được đại chúng công cử là tổ sư của Tịnh tông chăng?

[193] Đây là một câu nói trong Âm Chất Văn khi Văn Xương Đế Quân tự thuật tiền thân. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư, cuốn đầu là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn Quảng Nghĩa Tiết Lục.

[194] Bát Đức Tu Tri, còn gọi là Đức Dục Cố Sự do tiên sinh Thái Văn Long (tự Chấn Thân) biên soạn vào năm đầu Dân Quốc, bao gồm những câu chuyện đề cao tám đức "hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ".

được khéo dạy dỗ từ thuở bé, nhưng sự dạy dỗ của mẹ lại chiếm quá nửa. Nếu thuở bé đã mặc kệ cho quen thói thành tánh thì lớn lên khó thể thành tựu chánh khí được.

Lại nói đến ông La X… Ba bốn năm trước, lão sư Lai Nhất Tiêu tự khoe có thể dùng tay hướng về người khác để trị bệnh, sau không có hiệu nghiệm gì vì ông ta dùng tà thuật để huyễn hoặc người đời. Người tin theo ông Tiêu còn ít, sau khi họ La đến nhập bọn lại càng được thần thánh hóa hơn: Trong tay ông La có thể hiện ra hình tượng Phật, Bồ-tát cho đồng nam, đồng nữ thọ pháp được thấy. Cả một thời, những tri thức có học vấn ở Tô Châu đều học theo pháp ấy. Thoạt đầu ông La chữa bệnh hoặc có hiệu quả hoặc không, loại tà thuật ấy gây ra lắm nỗi hiềm nghi. Không giống như ông Tiêu đưa tay hướng về bệnh nhân, họ La dùng hai tay nắn bóp trên thân người bệnh khoảng một tiếng đồng hồ. Về sau, chánh phủ cấm đoán. Họ nói Quang cũng học pháp này, đủ biết họ đã mạo nhận chiêu bài của người khác. Một đệ tử của Phổ Đà đề xướng cách tu Mật tông theo kiểu sư Nặc Na[195] tại Nam Xương, bảo hết thảy mọi người rằng Quang cũng quy

[195] Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ (1865-1936) là người huyện Xương Đô, Tây Khang, vốn là người Hán, con trưởng nhà họ Từ ở Xương Đô. Họ Từ là một gia đình nhiều đời theo Hồi giáo. Ông ta được công nhận là Hoạt Phật đời thứ 14 của chùa Nặc Na (Nuona) ở Kim Đường thuộc Hồng Giáo Tây Tạng (Cổ Mật - Nyingmapa) lúc mới ba tuổi; được tăng sĩ chùa ấy rước lên ngôi Pháp Vương chùa Nặc Na năm bảy tuổi. Tương truyền, ông ta đã bế quan hơn 20 năm để tu Mật pháp. Do vùng Khang Tạng, Hắc giáo (đạo Bon - một tôn giáo bản địa cổ truyền của Tây Tạng, người Hoa thường gọi là Bổng giáo) hoạt động rất mạnh, Nặc Na liền suất lãnh quân binh đánh nhau với họ nhiều lần nhưng không thắng. Theo môn đồ, để báo thù, ông ta đã lập đàn Đại Phẫn Nộ Kim Cang Pháp trong vòng sáu năm để sát hại năm vị pháp sư của Hắc giáo và hơn một ngàn "thổ phỉ" Hắc giáo (Sic! Không rõ đây là loại Mật giáo nào! Nếu là Mật tông Phật giáo thì vẫn phải tuân theo tông chỉ từ bi của Phật giáo. Khi hành nhân Mật tông khởi lên tâm tàn độc, dù đã đạt thành tựu thì những thành tựu ấy đều mất hết! Cũng không thể nào nói "vì tâm từ bi mà sát hại người khác" được!) Tổng đốc Tứ Xuyên thời ấy là Triệu Nhĩ Tốn trọng dụng Nặc Na, giao toàn thể vùng Xương Đô cho Nặc Na cai trị. Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa Dân Quốc thành lập, Tây Tạng tuyên bố độc lập, chánh quyền Lhasa muốn tách Xương Đô khỏi ảnh hưởng Trung Hoa. Chính Nặc Na đã cùng với các tướng Bành Nhật Thăng, Trương Nghị Tướng v.v. liên minh đánh bại quân đội của Đại-lai Lạt-ma thứ 13. Do Bành Nhật Thăng đột ngột trở giáo đầu hàng quân Đại-lai Lạt-ma, Nặc Na bại trận, phải trốn khỏi Xương Đô, tập hợp tàn quân, liên kết với đại lạt-ma Giang Kha Tùng Minh tiếp tục đánh nhau với quân Tây Tạng, nhưng lại thua trận, bị giải về Lhasa, bị giam cầm dưới địa huyệt nhiều ngày. Về sau, Nặc Na thừa cơ trốn thoát qua Nepal (Các tín đồ bịa chuyện ông ta dùng thần thông tàng hình ra khỏi nhà lao). Trong quá trình lang thang khất thực, do dâng thuốc chữa lành bệnh cho con gái tiểu vương trong vùng nên được vị vua ấy giúp đỡ đưa sang Ấn Độ. Ở Ấn Độ một thời gian, ông ta ngồi thuyền sang Trung Hoa tới Hương Cảng rồi lên Bắc Kinh vào năm 1924. Nặc Na nhiều lượt đến cầu cạnh Mông Tạng Viện và Chấp Chánh Phủ của Trung Hoa Dân Quốc, xin họ cấp viện binh để giành lại Tây Khang, nhưng do không thông tiếng Hán, quần áo rách nát nên Nặc Na luôn bị đối xử lãnh đạm, xua đuổi. Về sau, gặp được Lý Huyền của Chấp Chánh Phủ giúp đỡ, đưa về sống ở Ung Hòa Cung, tiến cử lên Đại Chấp Chánh Đoàn Kỳ Thụy. Cũng trong năm ấy, do tranh chấp quyền bính với Đại-lai Lạt-ma, Ban-thiền Lạt-ma phải tỵ nạn sang Trung Hoa. Liên kết với Ban Thiền, Nặc Na vận động, dựa vào thế lực quân đội Quốc Dân Đảng, trở về Trùng Khánh (Tứ Xuyên) để mưu chiếm lại Tây Khang. Năm 1928, Nặc Na được chánh quyền Nam Kinh cử làm Ủy Viên của Mông Tạng Ủy Viên Hội tại Bắc Kinh. Rồi được cử làm Tây Khang Tuyên Úy Sứ vào năm 1935 và mất vào năm sau tại Trùng Khánh trước khi hoàn thành giấc mộng tái chiếm Tây Khang. Hiện thời,

y Nặc Na. Người nghe liền tới hỏi pháp sư Đức Sâm, mới biết bọn họ dựng chuyện bịa đặt. Hiện nay là lúc tà ma xuất hiện trong cõi đời, chúng ta chỉ nên tự giữ đạo mình, quyết chẳng qua lại với họ. Nếu so đo một phen, bọn chúng sẽ càng thêm quấy nhiễu, báng bổ. Anh là anh, tôi là tôi, anh chẳng phạm đến tôi, tôi quyết chẳng phạm đến anh. Nếu không, chắc chắn chúng nó sẽ muốn bịa đặt, đồn thổi!

[Những sách vở được lưu hành bởi] Minh Thiện Thư Cục do các ông Thái Chấn Thân, Trương Tải Dương v.v. thành lập, quá nửa là các kinh sách ngụy tạo. Ai có tinh thần để quan tâm đến chuyện của họ cho được? Nếu Thượng Phong Quan có chánh tri kiến thì quan tâm đến còn có ích. Nếu không, sẽ đâm ra bị hại, sao lại khổ sở muốn tìm chuyện khổ như vậy?

132. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung

Năm ngoái ở Đại Sanh, năm nay tại Cư sĩ lâm, hai lượt cảm ứng đều đáng cảm hóa kẻ ngu tục. Phàm làm công đức, vẫn lấy việc tụng niệm Phật hiệu làm trọng, bất tất phải đổi thành niệm kinh Địa Tạng. Một pháp niệm Phật được ích lợi dễ dàng nhất, do kinh văn ít nên dễ niệm. Dẫu có người cầm dao muốn giết cũng vẫn niệm được. Hễ niệm liền được lợi ích. Dương Giám Đình ở Tô Châu khom mình chào tên lính Nhật ở cửa thành, trong tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, gã lính ấy không thích được cúi chào bèn vung đao chém xuống (đây chính là oan gia đời trước khiến cho ông ta bị toác da đầu), đao chạm đến da đầu liền trượt ngang. Da đầu đã toạc, chảy máu rất nhiều, nhưng xương đảnh đầu chẳng bị tổn thương mảy may. Nếu lưỡi đao không trượt ngang thì đầu đã thành hai mảnh rồi. Do vậy, biết trong thời thế nguy hiểm nhất, hãy nên lấy niệm Phật làm chánh.

Những kẻ khoe kỳ đua lạ đều chẳng chú trọng cứu khổ nạn, mà chú trọng tỏ lộ chính mình trí thức cao siêu. Các vị Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị trong hội Hoa Nghiêm số đến vô lượng vô biên đều vâng lời Phổ Hiền Bồ-tát dạy, dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Những vị ấy là người như thế nào? Chuyện ấy là chuyện như thế nào? Huống chi bọn ta gặp phải đại kiếp đao binh từ ngàn xưa chưa hề có, há nên đổi niệm Phật thành niệm kinh ư? Tâm Địa Tạng Bồ-tát cứu khổ khẩn thiết, nhưng so với A-di-đà Phật tiếp dẫn lúc lâm chung khiến được vãng sanh thì lại càng thua xa lắm. Vì thế, hãy nên uyển chuyển khuyên Huệ Giáp vẫn chú trọng

---

những môn đồ của ông ta tạo thành một tông phái riêng với danh xưng Tây Tạng Hồng Giáo Viên Giác Tông. Thủ lãnh hiện thời của giáo phái này là thượng sư Trí Mẫn và Huệ Hoa, hoạt động rất mạnh tại Đài Loan và Bắc Mỹ nhờ tuyên truyền nhị vị Thượng sư có thể chú nguyện khiến cho tín đồ được vãng sanh Cực Lạc, lưu xá-lợi đủ màu. Phái này sùng bái Thượng sư đến mức đặt hình họ ngang hàng với các vị Phật, Bồ-tát trên bàn thờ!

chiếu theo quy cách cũ, vừa dễ làm mà lại lợi ích nhiều lắm! Pháp danh của 13 người được viết trong tờ giấy khác. Đã nhận được món tiền bố thí của ông và của họ, cám ơn! Nay gởi cho các ông một gói Long Thư Tịnh Độ Văn, tổng cộng là 14 cuốn, nếu ai xem được thì đưa cho họ, bảo họ phải cung kính, chớ có khinh nhờn. Chẳng đọc được thì xin hãy thay Quang tặng cho người khác để tạo phước cho người ấy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày đừng giới thiệu người khác đến quy y vì không có sức thù tiếp. Nay tôi ở Linh Nham, dẫu không có một đồng nào cũng sống được, chứ không phải như ở chùa Báo Quốc, mọi người đều do Quang cung cấp.

133. Thư trả lời cư sĩ Lục Bồi Cốc

Bản chú giải Tâm Kinh của Vô Cấu Tử[196] dường như đúng, nhưng thật sự là sai, chớ nên đọc, cũng chớ nên lưu truyền, vì ông ta dùng lời lẽ nhà Thiền để diễn tả pháp luyện đan vận khí, khiến cho những kẻ chẳng biết tông chỉ Thiền gia đi theo con đường luyện đan vận khí, lầm người hoại pháp cũng lớn lắm. Căn bệnh như ông nói đó là vì ăn nằm quá độ, do chẳng biết đoạn dục nên thuốc men vô hiệu. Từ nay hãy nên đoạn dục, vợ chồng ngủ riêng, chẳng mấy bữa sẽ thấy công hiệu. Đôi bên đều không xem nhau như vợ chồng, mà nên xem nhau như anh em, hoặc coi như khách khứa, đừng để cho dục niệm chớm nẩy. Nếu ngẫu nhiên khởi lên dục niệm, liền tưởng rắn độc nuốt nam căn của chính mình (Pháp này mầu nhiệm tột bậc. Nếu là nữ nhân hãy nên tưởng như rắn độc chui vào nữ căn) thì dục tâm sẽ tiêu diệt ngay!

Sau khi bình phục vẹn mười, hãy nên dưỡng sức thêm bao nhiêu ngày nữa, từ đấy càng phải nên điều độ, chớ nên thường ân ái thì mới mong sống lâu, mạnh khỏe được. Nếu chưa được bình phục mười phần, quyết chẳng được nói "bệnh đã khỏe hẳn, ở chung phòng chẳng sao". Nếu như thế, quyết khó thể mong chi lành mạnh được. Hãy nên nói rõ lời này với vợ. Đây là để lành bệnh, chứ không phải là đoạn dục vĩnh viễn. Cố nhiên, đôi bên hãy nên khuyên nhắc lẫn nhau, chẳng để đến nỗi có khi không nhịn được thì sẽ mau lành bệnh.

Nay tôi gởi cho ông một bao tro hương Đại Bi kèm theo thư, tro này tôi đã dùng chú Đại Bi gia trì hơn bốn ngàn biến. Nếu có thể chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn chẳng mấy chốc sẽ lành. Một bao tro này có thể

[196] Hà Đạo Toàn (1319-1399) là đạo sĩ người huyện Tứ Minh, tỉnh Chiết Giang, sống vào cuối đời Nguyên đầu đời Minh, đạo hiệu là Vô Cấu Tử, còn có hiệu là Tùng Khê Đạo Nhân, vân du đến núi Chung Nam, ẩn cư trên Khuê Phong, viết rất nhiều bản chú giải cho kinh Đạo giáo, được môn nhân sưu tập thành bộ Tùy Cơ Ứng Hóa Lục. Do bản Tâm Kinh Chú Giải của ông ta đã lập lờ giữa Phật học và thuật tu luyện Đạo giáo nên rất nhiều người không xét kỹ cứ tác phẩm ấy như một bản chú giải Tâm Kinh quan trọng.

pha uống được năm sáu chục lần. Nếu sợ phiền phải pha nhiều lần thì có thể lấy một phần sáu lượng tro, bỏ trong bát to, dùng nước sôi để pha, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống sẽ gạn lấy nước trong trút vào trong bầu, hoặc trong bình, trong vò, mỗi ngày uống ba bốn lượt. Cần phải ăn chay, hằng ngày thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Nếu thấy hiệu nghiệm lớn lao, lần sau chỉ pha lượng tro vừa đủ dùng do giữ nước lại không thuận tiện bằng giữ tro. Sau khi lành bệnh, đem số tro còn dư treo ở chỗ cao sạch sẽ, hoặc để thờ dưới khám thờ Phật, chớ nên khinh nhờn. Nếu gặp chứng bệnh nguy hiểm liền pha uống, ắt sẽ có thể khởi tử hồi sanh. Dẫu tuổi thọ đã tận, uống vào cũng có lợi ích. Chất tro sau khi pha xong nên thêm nước vào để trát lên nóc nhà, hoặc đổ xuống giếng, chớ nên đổ vào nơi ô uế. Tro này so với nước Đại Bi có công hiệu lớn hơn, vì nước Đại Bi gia trì mấy chục biến hoặc mấy trăm biến liền bị người khác muốn lấy đi, không có nước nào để lâu hơn ba bốn tháng. Tro này chuẩn bị sẵn cho người ở nơi xa chẳng thể gởi nước đến được.

(Ngày mồng 10 tháng 9 năm Ất Hợi - 1935)

134. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang là ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, đối với Thiền lẫn Giáo đều chẳng theo đuổi được, chỉ nương nhờ, quy hướng pháp niệm Phật. Đối với chuyện làm thầy người khác, thật chẳng dám chấp nhận bừa bãi! Cũng có người do lầm nghe theo kẻ khác xin đặt pháp danh, Quang cũng ngượng ngùng đáp ứng là vì mong họ sanh lòng tin đối với Phật pháp, gieo thiện căn, chứ không phải là Quang có thể làm thầy người khác được. Còn như các hạ, Thiền - Giáo đều thông, giới hạnh tinh nghiêm, giữ vững tám giới, thường chỉ ăn ngọ. Quang còn chưa thể giữ lệ ăn ngọ được; nếu lúc này mạo muội nhận lời, mai sau chắc ông chẳng tận mặt thóa mạ, ắt cũng sẽ hối hận thuở trước không xét kỹ, đến nỗi đối với chuyện cầu phước điền lại đâm ra trở thành hành động khinh tăng mạn pháp. Vì thế chẳng thể không nói duyên do. Mong ông hãy chuyển sang lễ bái bậc cao nhân ngõ hầu được lợi ích lớn lao.

Lại do ông mong được một lời nói để minh tâm, cũng chẳng dám khinh suất dễ dàng nói ra. Nếu đối với người chưa hiểu Phật pháp mà giảng đại lược lý tánh chắc cũng còn tạm nói được, chứ nói đúng theo sự thật thì minh tâm nhưng chưa đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nào ai dám tự phụ? Do vậy mong các hạ hãy tự xét. Nếu quả thật đạt đến chỗ như Lục tổ nghe câu "không nên trụ vào đâu mà sanh tâm", cư sĩ Bàng nghe câu "đợi ông một hơi uống sạch nước Tây Giang, ta

sẽ nói cho ông"[197], sư Đại Huệ nghe câu "gió Nồm thổi từ phía Nam đến, điện gác thành mát mẻ"[198] thì mới được. Nếu không, nào dám nói bừa chuyện minh tâm? Quang vốn là một ông tăng kém hèn, chẳng dám nói lời quá lố, cũng chẳng dám tâng bốc người khác quá mức, vì thế mới nói ra câu đụng chạm này. Còn như sáu bài Bút Ký như ông đã nói thì đều hay cả, chỉ có hai câu của Lục tổ và Thần Tú[199] thì chưa nêu ra điều hại, lẽ tệ, xin viết thêm vào. Lời của đại sư Tú tuy về mặt ngộ thì chưa ngộ, nhưng nếu y theo đều có ích. Lời của Lục tổ nếu chưa thực chứng mà y theo sẽ bị họa chẳng cạn. Mong hãy rủ lòng xét rõ!

(Viết vào đêm trừ tịch (30 Tết) dưới đèn)

135. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ hai)

Cung kính tượng Phật bằng đất nặn hay gỗ chạm như đức Phật thật, chắc chắn sẽ có thể thành Phật, huống là mong thành tựu những điều khác ư? Quang chỉ là một bức tượng bằng đất, bằng gỗ mà thôi! Ông cứ muốn kính trọng như một vị Phật thì cũng chỉ tùy ông, chứ hình hài đất gỗ vẫn chẳng thay đổi. Sở dĩ ông được tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ là do lòng kính của ông cảm nên. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tu, nghĩa là dùng trí tuệ tu tập pháp tự lợi lợi tha. Chớ nên nghĩ pháp tự lợi lợi tha vừa nói đó là quá lớn, quá cao, quá sâu, nó

---

[197] Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Bàng Long Uẩn sang Tây Giang tham yết Mã Tổ nói: "Người chẳng cùng với vạn pháp làm bạn là ai?" Mã Tổ Đạo Nhất bảo: "Đợi ông uống một hơi cạn hết nước Tây Giang, ta sẽ nói cho ông nghe."

[198] Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, ngài Đại Huệ được nói ở đây chính là ngài Đại Huệ Tông Cảo (1089-1163). Thời bấy giờ, ngài Viên Ngộ Khắc Cần là bậc tông tượng trong nhà Thiền thấy Tông Cảo là pháp khí muốn tiếp độ, bèn nói: "Tăng hỏi ngài Vân Môn: 'Chỗ xuất thân của chư Phật là như thế nào?' Đáp: Nước chảy trên Đông Sơn." Ngài Tông Cảo không đáp được; tham thiền trọn một năm vẫn chưa thấu triệt. Đến một bữa, ngài Viên Ngộ Khắc Cần được một vị quan nhân thỉnh đến dự cỗ chay. Ngài lại giảng: "Tăng hỏi ngài Vân Môn: 'Chỗ xuất thân của chư Phật là như thế nào?' Đáp: Nước chảy trên Đông Sơn. Như vậy là Thiên Ninh không nói cặn kẽ. Nếu có ai hỏi: 'Chỗ xuất thân của chư Phật là như thế nào?' Chỉ trả lời: 'Gió Nồm từ Nam thổi, điện gác thành mát mẻ!'" Ngay khi ấy ngài Đại Huệ Tông Cảo liền triệt ngộ.

[199] Thần Tú (605-706) là thiền tăng đời Đường, người Úy Thị, Biện Châu (nay thuộc Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Thông thạo kinh sử từ bé, học rộng, nghe nhiều, nhưng chán sớm trần thế, tầm sư học đạo. Sư đến chùa Đông Sơn ở Song Phong, Ngạc Châu, tham yết Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, cam chịu nhọc nhằn, làm việc tạp dịch để cầu đạo. Tổ Hoằng Nhẫn cũng rất coi trọng, cử làm thầy giáo thọ cho đại chúng. Do vậy được đại chúng coi là người bậc nhất trong thường trụ, thường gọi là thượng tọa Tú. Năm Thượng Nguyên thứ hai (675) đời Đường Cao Tông, tổ Hoằng Nhẫn thị tịch vào tháng 10, sư sang Giang Lăng truyền pháp tại Đương Dương Sơn, rất được tăng chúng miền Bắc trọng vọng. Võ Tắc Thiên nghe tiếng, triệu vào trụ trì chùa của hoàng cung, xuống chiếu xây chùa Độ Môn ở Đương Dương để làm đạo tràng cho sư hoằng pháp. Sư cũng tâu lên Võ Tắc Thiên xuống chiếu triệu Lục tổ Huệ Năng vào chầu, nhưng ngài Huệ Năng cố từ, viện cớ chỉ có duyên với Lãnh Nam. Khi sư mất, được triều đình phong tặng thụy hiệu Đại Thông Thiền Sư, trở thành vị thiền sư đầu tiên được triều đình sắc phong. Đạo pháp của sư rất thịnh ở Trường An, Lạc Dương, sư chủ trương thuyết Tiệm Ngộ, nên thường có câu "Nam Đốn Bắc Tiệm". Môn nhân của sư là Đạo Duệ đã truyền Thiền học sang Nhật Bản sớm nhất. Thế nhưng dòng Thiền của sư chỉ truyền được vài đời rồi suy.

chính là "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" mà thôi. Nguyên do của nỗi loạn lạc cùng cực hiện thời là vì chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình mà nên nỗi, giáo dục trong gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng và dạy dỗ con cái. Ông hãy nên tùy phần tùy sức bảo hết thảy mọi người các sự lý này thì đối với Phật pháp, đối với Nho giáo đều được hữu ích.

Ngộ đạo dễ dàng, chứng đạo thật khó! Người đời nay phần nhiều đều chưa ngộ thật sự, chỉ lờ mờ, phảng phất, biết được chút phần liền tưởng "không có sanh tử để thoát, chẳng có Phật đạo để thành", mặc sức phóng túng, tương lai đều nằm tù Diêm-la. Đến lúc ấy mới biết cái ngộ (悟: giác ngộ) thuở trước chính là ngộ (誤: lầm lạc) vậy! Ông sau khi đã ngộ được câu "vốn không có một vật" bèn xét kỹ tập khí tam độc chẳng dễ tiêu trừ, quy tâm Tịnh độ để cầu liễu thoát trong đời này, có thể nói là đã có thiện căn từ xưa. Những kẻ thông minh tự phụ chẳng chịu đổ công phu thật sự, rốt cuộc tự thành lừa mình dối người, nào có hạn lượng? Nguyện ông từ đầu đến cuối giữ mãi chí này, cùng với lệnh từ[200] và vợ con cùng niệm Di-đà, cùng sanh Tịnh độ, ngõ hầu chẳng uổng phí cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Ông trên có mẹ già, dưới có vợ con, ngàn muôn phần chớ nên khởi ý tưởng đoạn diệt. Nếu gặp tai họa bất trắc, không tìm được cách nào thì cũng nên chí thành cầu Phật gia bị để mong miễn thoát. Dẫu cho định nghiệp khó tránh, cũng nên một niệm dốc lòng thành, liền được tiếp dẫn, chứ đâu phải do bảy ngày không ăn mới đạt được. Đã mang sẵn ý tưởng ấy chính là đã có căn cội ma, cho nên tôi phải nói toạc ra. Hai mươi đồng ông đã gởi sẽ viết thư cho hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình tại Thượng Hải, nhờ sư thay tôi gởi cho ông bốn gói Quán Âm Tụng, ba gói Gia Ngôn Lục, ba gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú. Đợi tới năm sau, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng được in ra, sẽ gởi cho ông một hai gói để giúp dạy dỗ con cái, giáo hóa xóm làng. Tháng 3 năm sau Quang sẽ sang Thượng Hải để hoàn tất việc in sách. Trong mùa thu sẽ làm một kẻ đi khắp Đông - Tây - Nam - Bắc, trọn chẳng có chỗ nhất định để tiện chuyên tâm niệm Phật, khỏi phải thù tiếp thư từ, kẻo hỏng đại sự của tôi. Sau này, có muốn thỉnh kinh sách, xin hãy gởi thẳng khoản tiền ấy cho hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình bến Trần Gia, Thượng Hải thu nhận, sư nhận được sẽ gởi biên nhận về cho ông, hễ có sách liền gởi ngay. Nếu không có thì phải đợi có sách rồi mới gởi. Đừng gởi tiền sang Định Hải, Ninh Ba khiến mệt trí đến cùng cực!

[200] Lệnh từ: Tiếng gọi mẹ người khác nhằm tỏ ý kính trọng.

(Ngày 21 tháng 12)

136. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Bảo Việt

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích. Chuyện ấy đã làm mệt trí các hạ, chịu lỗi khôn xiết. Ông Đối Phù chẳng chú trọng cho đỡ tốn kém, chỉ mong cho tâm nguyện này sớm được hoàn tất mà thôi. Nay đã chẳng thay đổi những gì đã bàn định trước đây, đã cho tiến hành gấp những việc ấy. Vẫn mong không lâu nữa các hạ sẽ lại tiến hành điều tra coi có thực sự in được hay không? Nếu chẳng điều tra, chắc sẽ đến nỗi nói rồi không xét tới, lại cứ chất đống bỏ đó mà thôi. Còn chuyện in ra sách xong sẽ biếu tặng, Quang thật sự chẳng cần đến, chỉ cần bảo người giao sách tới chùa Thái Bình tiện dịp gởi một phần cho Quang xem là được rồi, không cần nhiều.

Hỏi đến chuyện sang đất Hỗ (Thượng Hải) thì sợ không có dịp nữa, Quang đã ngoài bảy mươi rồi, đâu còn được bao lâu nữa, ở yên trong quan phòng đợi chết mà thôi! Nếu ra khỏi quan phòng thì tổn hại cho chính mình, mà cũng vô ích cho người. Do vậy, chỉ mong sớm vãng sanh, chẳng mong tới lui những chỗ đại chúng tụ hội nữa. Nguyện các hạ phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, khiến cho con cái phước tuệ ngày càng tăng, có thành tựu lớn lao vậy.

(Ngày mồng 9)

Hôm qua tôi đã đem nguyên thư của ông gởi cho Đối Phù để ông ta được thỏa lòng khát vọng.

137. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ nhất)

Hôm qua do Phổ Đà chuyển thư đến, biết đất Tần (Thiểm Tây) của tôi vẫn còn có người phát tâm mộ đạo, tu trì tịnh nghiệp, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Quang sống tại Phổ Đà 37 năm, do tuổi già khó thể thù tiếp, nên tháng 7 năm ngoái xuống núi, tính sang Hương Cảng (hai năm trước đây có đệ tử nhiều lần thỉnh, đã chấp thuận rồi). Bạn bè sợ vượt biển trúng gió, chắc đến nỗi bị tổn thương, giữ lại bế quan ở Tô Châu, hết thảy mọi chuyện bên ngoài đều tạ tuyệt. Các hạ đã đọc Văn Sao, hãy nên hành theo đó thì nhất định sẽ được lợi ích lớn lao. Đừng do đọc kinh Đại thừa hoặc gặp những vị tri thức Tông, Giáo, Mật v.v. liền vui thích sự sâu mầu rộng lớn của những pháp môn ấy, và vì nghĩ những khai thị ấy thân thiết, cao xa, huyền diệu, bèn bỏ Tịnh độ để tu hành các pháp môn khác thì sẽ chẳng đến nỗi chỉ gieo nhân liễu sanh tử, quyết khó thể đạt được cái quả liễu sanh tử ngay trong đời này.

Vì sao vậy? Vì hết thảy pháp môn đều cần phải tự lực tu trì đến lúc "nghiệp tận, tình không" rồi mới có thể liễu sanh tử. Nếu không, dẫu cho ông công phu sâu xa, kiến địa cao vời, công đức lớn lao, nhưng nếu còn một mảy phiền não chưa đoạn sạch thì vẫn là người trong luân hồi y như cũ. Đã ở trong luân hồi thì người từ mê tiến vào ngộ rất ít, kẻ từ mê tiến vào mê rất nhiều. Lại chẳng biết có còn gặp được Phật pháp nữa hay không? Dẫu gặp được Phật pháp mà chẳng gặp được pháp môn Tịnh độ thì vẫn y như cũ, không có thuở thoát khổ. Cậy vào tự lực để thoát sanh tử thì cả cõi đời khó được một hai người thành công; cậy vào Phật lực thì muôn người chẳng sót một ai. Pháp môn Tịnh độ dùng sự tín nguyện trì danh của chính mình để cảm Phật, Phật dùng thệ nguyện nhiếp thọ. Ví như ngồi tàu thủy vượt biển, sức của chính mình chẳng thể sánh bằng được. Nhưng đã muốn liễu sanh tử ngay trong đời này thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật.

Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để khuyến hóa cha mẹ, anh em, vợ con, xóm làng, thân thích, bạn bè để bọn họ đều cùng được thấm nhuần pháp, cùng tu tịnh nghiệp thì công đức của chính mình càng lớn, chắc chắn được vãng sanh không nghi ngờ chi. Nếu ngoài mặt tỏ vẻ từ thiện, trong tâm ôm lòng độc ác thì tâm trái với Phật, chắc chắn khó thể vãng sanh. Ví như uống thuốc, chẳng thể uống chung với những thứ kỵ thuốc. Nếu cùng uống sẽ có thể bị mất mạng, không cách chi lành bệnh được. Nay gởi cho ông hai gói sách để làm căn cứ tự hành, dạy người. Quang đã 71 tuổi rồi, tinh thần chẳng đủ, đừng thường gởi thư đến, đã có Văn Sao, Gia Ngôn Lục làm chủ, các sách khác giúp thêm thì cũng chẳng thiếu sót, tiếc nuối chi! Đây là nói về người thật sự vì sanh tử, chứ nếu muốn làm bậc đại thông gia thì sách trong cả thế gian đều phải nên đọc. Dẫu có thể trở thành bậc đại thông gia, nhưng liễu sanh thoát tử đã trở thành vô vọng rồi!

(Ngày 18 tháng Giêng năm Dân Quốc 20 - 1931)

138. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ hai)

Thư và hai gói sách đều nhận được, sau này không cần phải gởi sách xuống phương Nam nữa, vì thiện tín ở phương Nam in sách rất nhiều. Chẳng gởi cho nơi không có sách lại gởi sang chỗ có nhiều sách tức là đã làm chuyện ngược ngạo rồi đấy. Trong bộ Đạt Sanh Phước Ấu Hợp Biên đã in vào năm trước, ắt có bài Ma Chẩn Bí Phương (toa thuốc bí truyền trị bệnh sởi). Do vùng Quan Trung chúng ta không có sách ấy nên cũng không mong ông đi kiếm thử. Ông là người đã có tín tâm từ đời trước, muốn quy y thì hãy nên sốt sắng giữ vẹn luân thường,

trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Thường thấy những kẻ học Phật cũng là giả vờ làm, chứ thật ra suy nghĩ, cư xử vẫn chú trọng nơi lợi, nơi dục, vẫn mê nhân mờ quả y như cũ, dối Phật, lừa người. Những kẻ giả thiện ấy quả thật là lũ giặc trong cửa Phật, hãy nên răn dè sâu xa!

Đừng nói "đối với chuyện lớn chẳng thể dối mình, lừa người", ngay cả nơi khởi tâm động niệm cũng phải chú trọng lòng thành. Nếu có thể chân thành chẳng dối thì lâu ngày chầy tháng ắt được người ta tin tưởng. Người khác đã tin tưởng thì thiên địa quỷ thần sẽ thường che chở, gia hộ, khiến cho thường được tốt lành. Huống chi Phật, Bồ-tát đại từ đại bi có khi nào chẳng rủ lòng từ gia bị ư? Đường bộ ở đất Tần đây kia qua lại bất tiện, thật khó thể hội ngộ với người cùng chí hướng. Hãy nên bầu bạn với cổ nhân và thường đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, An Sĩ Toàn Thư v.v. để giống như được một vị thầy kèm cặp, hằng ngày nhận lãnh giáo huấn, đức sẽ tự tăng tấn. Chớ nên giao du với những kẻ giả vờ là thiện nhân hoặc tu pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo để khỏi bị họ lây nhiễm.

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt cho ông pháp danh là Đức Tấn, tấn là tiến lên, nếu có thể nương theo Phật pháp để tu trì liền có thể dự vào bậc thánh hiền ngay nơi thân này, lâm chung lên cõi Cực Lạc, đấy gọi là Đức Tấn. Cần phải phát tâm Bồ-đề, tùy cơ khuyên dạy, sẽ có lợi ích lớn lao cho sự tu tập của chính mình. Hãy nên thường nói với bác gái của ông về lợi ích, cách tu pháp môn Tịnh độ, khuyên bà ta đừng học pháp của ngoại đạo, cũng như đừng niệm Phật để cầu phước báo trong đời sau, ngõ hầu bà ta được vãng sanh thì mới thật sự là đại hiếu. Phải biết chuyện liễu sanh tử chẳng thể coi giống như chuyện nhỏ nhặt. Đại Vũ là bậc đại thánh nhân vẫn chưa thể giữ cho cha chẳng bị biến thành con hoàng nai (chữ hùng (熊) đọc thành âm nãi (乃), giọng ngang, [tức là đọc thành nai], chính là con ba ba (cua đinh) ba chân. Cũng có người đọc là năng (能), nhưng đa số đều đọc thành nãi, giọng ngang). Suy tưởng đến đây, chúng ta thật sự được may mắn không chi lớn bằng! Cũng nên tùy phần tùy cơ chỉ dạy người em thứ ba của ông.

Từ nay về sau chỉ nên đọc kỹ Văn Sao v.v., chớ nên tự tiện gởi thư đến, vì Quang không có sức chịu đựng. Văn Sao, Gia Ngôn Lục chính là niềm tin chung cho khắp hết thảy những ai chuyên tu Tịnh độ. Nếu học tràn lan các tông thì chẳng phải là đương cơ để bàn luận rồi! Người đời nay nếu chẳng chuyên tu Tịnh độ dẫu có thể thông suốt kinh tạng sâu xa, triệt ngộ tự tâm, nhưng sanh tử xảy đến vẫn chẳng sử dụng được gì. Vì sao vậy? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt phải đoạn sạch phiền não hoặc nghiệp thì mới có phần liễu sanh tử. Chỉ thông đạt kinh luận, ngộ rõ tâm tánh, nhưng phiền hoặc chưa đoạn thì vẫn

luân hồi y như cũ. Huống chi kẻ chưa thể thông hiểu sâu xa kinh tạng lẫn tự tâm ư? Niệm Phật liễu sanh tử hoàn toàn cậy vào Phật lực, do sức lực của lòng tin chân thật, nguyện thiết tha của chính mình để niệm Phật ngõ hầu cảm được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, vì thế có thể mang nghiệp vãng sanh. Ông hãy dốc chí nhé!

Lại nữa, hôm nay có một đệ tử, nói mẹ và vợ ông ta năm ngoái cùng bị bệnh sốt rét hai ba tháng. Do vậy, tôi nghĩ bệnh này khá độc hại, nay tôi giới thiệu bài thuốc tuyệt diệu trị bệnh sốt rét, mong ông hãy ấn tống lưu truyền rộng rãi, đấy quả thật là một đầu mối để lợi người vậy.

(Viết dưới đèn vào ngày 24 tháng 2)

**** Toa thuốc thần diệu trị bệnh sốt rét***

Ô mai (hai quả), hồng táo (hai quả), hồ đậu (một tuổi thì một hạt, người mười tuổi liền viết mười hạt, mười một tuổi liền viết mười một hạt, những người khác từ đây mà suy).

Dùng một tờ giấy trắng viết ba loại ấy, gập lại, xếp thành lớp. Trước khi bệnh sốt rét phát ra độ một tiếng, tức là một nửa thời thần[201] - do trong làng quê không có đồng hồ nên phải nói là "nửa thời thần" - quấn quanh bắp tay, tức phần trên bàn tay, phía dưới khủy tay thì bệnh sốt rét sẽ chẳng phát ra, cũng chẳng cần phải mua thuốc. Chỉ viết tên ba thứ này, quấn trên tay là được. Cần phải phân ra "nam tả, nữ hữu". Lúc quấn đừng nói với người khác. Cách này cực hay, được chép phía sau bộ An Sĩ Toàn Thư, do chữ quá nhỏ, sợ người ta chẳng để ý đến nỗi chẳng được lợi ích thật sự.

139. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ ba)

Nhận được thư mấy hôm trước, gặp đúng lúc phải giảo chánh sách cho người bạn. Hơn nữa, người bạn ấy đã định ngày trở về (người ấy ở Tô Châu nói mồng 1 tháng 4 sẽ đi, cuối tháng 3 đã phải giao sách) nên phải căn theo kỳ hạn ấy để giao phó, khá là bận bịu, chẳng rảnh rang để phúc đáp được. Tiếp đó là ảnh chụp được gởi tới, rồi đến bột sen để điểm tâm được gởi đến. Trong thư có bưu phiếu 12 đồng, đều nhận được cả rồi. Mười mấy hôm trước, tôi đã bảo gởi thêm mười gói sách, chắc ông đã nhận được rồi. Ông thật chẳng biết thời thế, từ xa mấy ngàn dặm gởi thức ăn đến, đôi bên mất công, phí tiền, rốt cuộc có ích chi đâu? Chỉ xé cái bao này không thôi đã tốn khá nhiều thời gian rồi; hộp đựng điểm tâm và món điểm tâm đều bị ép nát nhừ. Mấy chục năm qua, Quang chẳng thích ăn những thứ

[201] Ở Trung Hoa thời xưa chia một ngày đêm làm mười hai phần, mỗi phần đó gọi là một thời thần (hoặc gọi tắt là thời). Mỗi thời thần bằng hai tiếng đồng hồ hiện thời và được gọi tên theo địa chi (tý, sửu, dần…)

lặt vặt, hễ có ai tặng cho bột ngó sen, bột sắn dây, chưa hề pha tới, đem biếu hết cho mọi người dùng. Từ đây về sau, muôn phần xin đừng đem những chuyện này khuấy nhiễu tôi. Nhà ông có của ăn của để, sao lại vì nhận chức Khu trưởng mà đến nỗi kết oán với bọn nhỏ nhen, gây hại cho mai sau? Nay may mắn vì niệm Phật mà từ chức, đấy cũng là do đức Phật mở cái tâm cho ông, bảo vệ gia đình ông, hãy nên sanh lòng cảm kích, thật tâm tu trì. Chớ nên hữu danh vô thật, hoặc cầu hư danh thì lợi ích chẳng cạn đâu!

Nếu muốn đề xướng, hãy nên biết cái thân là gốc. Nếu chính mình có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, lại còn bảo những ai thông hiểu văn lý đọc các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục, An Sĩ Toàn Thư v.v. và kể với họ những chuyện niệm Phật cảm ứng trong cõi đời gần đây. Bọn họ lậm sâu chất độc của bọn Âu, Hàn, Trương (Hoành Cừ)[202], Trình, Chu, Lý (Nhị Khúc)[203], do vậy cũng chẳng thể không dần dần chuyển biến tà chấp của bọn họ để lòng họ hướng về chánh pháp. Điều quan trọng là làm cho hết thảy nam nữ ai nấy ở trong nhà mình thực hành đạo "giữ vẹn luân thường, niệm Phật". Đừng học theo thói của những kẻ đề xướng hiện thời: Trước hết xây dựng một cơ sở kiến trúc lớn lao, tốn kém chẳng ít, kêu gào người khác quyên tiền, người ta chẳng bội phục cho lắm. Huống hồ sự việc lớn lao, không có người trông nom sẽ không được. Mướn người thì lương bổng phải lấy từ tiền quyên mộ, sẽ thành trở ngại lớn. Quang nói với ông một biện pháp tuyệt diệu nhất: Ở trong thôn hoặc chính mình có căn nhà trống thì dùng nơi đó để lập một cơ sở. Nếu không, thì một ngôi miếu hoặc từ đường ở

---

[202] Trương Hoành Cừ (1020-1077), tên thật là Tải, tự Tử Hậu, sống vào thời Bắc Tống, được người đời gọi là tiên sinh Hoành Cừ, chủ trương quân sự hóa dân chúng, là một nhà tư tưởng thuộc phái Lý học vùng Quan Trung. Cũng giống như các nhà Lý học khác, Trương Tải chủ trương bản thể của vũ trụ là khí, do khí tụ tán mà có sanh diệt, tạo thành các sự vật hiện tượng. Tuy không nổi tiếng bằng Chu Hy và anh em Trình Hạo, Trình Di, Trương Tải cũng kịch liệt bài bác Phật giáo lẫn Đạo giáo là hư vô. Ông ta chỉ tin tưởng vào vật chất hiện hữu trước mắt nên được mệnh danh là triết gia thuộc trường phái duy vật. Câu nói đặc trưng cho quan điểm của ông ta là: "Tạo hóa tạo ra mọi vật không gì chẳng giống nhau. Nhưng vạn vật tuy nhiều, thật sự không có vật nào ra ngoài âm dương. Do vậy biết rằng trời đất biến hóa chỉ do hai đầu mối ấy mà thôi!"

[203] Lý Nhị Khúc (1627-1705), tên thật là Ngung, tự Trung Phù, Nhị Khúc là hiệu, người huyện Châu Chí tỉnh Thiểm Tây. Xuất thân bần hàn, do chăm học nên thành đạt, cùng với Hoàng Tông Hy, Tôn Kỳ Phùng được coi là ba đại danh Nho vào thời Minh - Thanh, được vua Khang Hy ban tặng mỹ hiệu Quan Trung Đại Nho. Ông đề cao tư tưởng trọng lễ, cho rằng chỉ có Nho giáo mới đem lại trật tự cho xã hội loạn lạc vào cuối đời Minh. Do quá trọng lễ, ông trở nên chú trọng lễ nghi đến mức phô trương phù phiếm, đề ra những nghi thức tang lễ, cưới hỏi, giỗ chạp rườm rà, trịnh trọng quá mức. Đến giữa thời Thanh, những nghi lễ do Nhị Khúc đề xướng được áp dụng khắp xã hội. Đã thế vào mỗi dịp năm mới, các vị thông thạo về lễ trong toàn huyện đều nhóm về huyện lỵ để diễn tập, bàn định lễ nghi, quy định nhạc khúc thống nhất nhằm tiêu chuẩn hóa lễ nhạc. Từ quan điểm tốt đẹp đề cao luân thường đạo lý ban đầu, rốt cuộc biến thành lễ nghi cứng ngắc nhằm mục đích phô trương, hoàn toàn chẳng có lợi ích gì!

vùng phụ cận đều được. Mượn chỗ ấy để tiến hành, dùng bảng hiệu linh động, có thể treo lên hoặc gỡ xuống dễ dàng.

Ước định mỗi tháng một lần, giảng nói cách tu và lợi ích của Tịnh độ ở cơ sở ấy. Tuy chẳng thể cự tuyệt nữ nhân, nhưng ai tuổi tác quá nhỏ thì xin họ đừng đến nghe để người ngoài khỏi sanh lời bàn tán, hoặc đến nỗi bọn cuồng đồ do vậy sanh sự. Ngoài ra, nếu ông không phải chuyên lo nghề nông, nghề buôn, nếu có một hai gia đình tin tưởng, muốn cho thân quyến thuộc phái nữ của họ đều được hưởng lợi lạc nơi pháp thì sẽ ước định kỳ hạn để mời đến nhà người ấy giảng diễn pháp môn Tịnh độ cho các bà, các cô. Gia đình đứng ra thỉnh phải có người đàn ông đã đủ độ tuổi hiểu biết thì mới nên nhận lời thỉnh. Nếu chỉ có nữ nhân, hoặc bé trai, hoặc ông già chẳng thể đi đứng được thì đều chẳng nhận lời thỉnh. Loại giảng diễn ấy chớ để cho người ngoài đến dự, chỉ hạn chế trong vòng gia quyến của người đứng ra thỉnh và người trong nhà họ cùng thân quyến mà thôi.

Đến nhà ấy, hãy nên lập một pháp vị (chỗ để giảng pháp), không cần phải bày tượng Phật, chỉ cần coi chỗ ấy như là chỗ đức Phật ngự, liền hướng về chỗ ấy đảnh lễ một lạy, bảo người nghe cũng lễ một lạy, rồi liền ngồi diễn thuyết. Nói xong, ra trước pháp tòa lễ một lạy, cũng bảo người mời ông đến giảng và người nghe giảng lễ một lạy, không ăn uống, không nhận cúng dường, như thế mới khỏi bị dị nghị. Về sau, nếu có ai muốn làm thì cũng phải giống như thế. Liên xã ấy nên đặt tên là liên xã Đôn Luân. Phàm những ai dự vào liên xã ấy và người diễn thuyết đều phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy đều trọn hết thiên chức của chính mình. Làm cha mẹ dạy dỗ, uốn nắn con cái quả thật là căn bản để thiên hạ thái bình. Muốn cho ai nấy trọn hết bổn phận mà không sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng, chắc chắn sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Ông làm được như thế ắt sẽ có người khác nhìn theo làm lành.

Ngoài ra, chớ nên nắm níu đồng môn lung tung, dẫu bọn họ lấy tình đồng môn đến thăm hỏi, cũng đừng giao thiệp với họ ngay, vì hiện thời những kẻ giả danh người lành đông lắm. Nếu giao du bừa bãi, ắt sẽ mang lụy. Lời tựa và bạt cho liên xã, đợi khi rảnh rỗi sẽ viết rồi gởi đến. Đối với hai người em trai, ông nên đưa thư cho họ đọc trước, cho biết vì sao ông đã thay họ xin quy y. Trước hết, đem pháp danh gởi đi, bảo họ gởi thư đến lễ tạ để tôi tiện thể ban lời khai thị chân thật. Nếu trọn chẳng có mảy may sắp đặt nào mà tôi liền gởi lời khai thị tới ngay, sợ họ sẽ chẳng nghe, lại còn thiếu sót lễ tiết nữa. Nếu họ gởi thư đến, phải dùng danh xưng "đệ tử Ninh… pháp danh Đức… đảnh lễ". Chuyện ấy cố nhiên không cần phải nói nữa. Nhưng có kẻ chẳng biết thời thế, muốn cầu quy y mà vẫn chẳng

chịu dùng một chữ khuất mình, trở thành khinh pháp mạn người. Nếu chấp nhận cho kẻ ấy quy y thì đôi bên đều bị mắc lỗi. Quang già rồi, chớ nên thường gởi thư đến, những điều tôi đã nói với ông, hãy tham khảo thêm những điều đã nói trong Văn Sao để châm chước mà làm. Đợi sau này, Chánh Tín Lục được in ra, sẽ gởi bao nhiêu đó cuốn để làm cho những kẻ lậm sâu thuốc độc đều ói sạch cả ra, để làm một nhà Nho chân chánh mới mẻ.

Bọn Trình - Chu không chỉ trái nghịch Phật pháp mà còn hoàn toàn trái nghịch tâm pháp của thánh nhân. Những kẻ phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, không biết hổ thẹn, giết cha, giết mẹ ngày nay đều do bọn Lý học đả phá nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi mà ra. Họ cho rằng "có làm điều gì để làm lành thì chính là ác"; ngăn cản cái tâm vui mừng hâm mộ làm lành của người khác. Họ cho rằng "con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán", tức là mở ra con đường không kiêng sợ cho người khác. Thật ra, họ muốn đối nghịch đức Phật để Nho giáo được hưng thịnh lớn lao, chẳng biết Nho giáo bởi đấy mà bị diệt vong, chẳng đáng buồn sao? Nhưng ông học vấn chưa rộng lớn, hãy cứ sốt sắng đề xướng pháp môn Tịnh độ, còn những chỗ đả phá bài xích Lý học hãy để từ từ. Nếu không, chắc sẽ bị bọn hẹp hòi câu nệ ám hại ngầm, chẳng thể không biết điều này. Mong hãy sáng suốt soi xét!

Tôi một bề chẳng so đo, cứ tiện tay dùng giấy để viết nên khổ giấy lớn nhỏ bất nhất. Tờ giấy này dùng để dán vào cửa kiếng trong mùa đông vừa rồi, vứt đi cũng đáng tiếc, vì thế dùng để viết thư cho kẻ tri kỷ. Người em thứ hai tên là Trung Vũ, pháp danh là Đức Hằng, nếu con người "vô hằng" (không có ý chí chẳng đổi dời) thì chẳng những không thể học Phật mà cũng chẳng thể làm người. Hãy nên dùng hằng tâm để nghiêm túc giữ luân thường đạo lý hòng trọn hết bổn phận làm người. Lại còn dùng hằng tâm kiền thành tu pháp môn Tịnh độ để thực hiện đạo "tự lợi lợi người" thì gọi là Đức Hằng. Người em thứ ba tên là Hiến Vũ pháp danh là Đức Phục. Bản tâm của chúng ta cùng bản tâm của Phật không hai, do mê muội nên ngược ngạo làm chúng sanh. Nếu có thể tận lực thực hành đạo "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận" và pháp tín nguyện niệm Phật, sẽ khôi phục nguồn tâm sẵn có, tức là như câu nói "thánh do mất niệm mà thành cuồng", nay vẫn dùng cái tâm này để cầu ngược lại, liền có thể khôi phục được nguồn tâm sẵn có, tức là "khắc niệm thành thánh" vậy. Xin hãy sao lại những điều này, gởi sang cho họ.

(Ngày mồng 3 tháng 4 năm Dân Quốc 20 - 1931)

140. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tư)

Bài tựa duyên khởi cho liên xã Đôn Luân[204] đã soạn xong gồm 868 chữ. Văn tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ kinh Phật, lời tổ, thật đáng để nương theo, trọn chẳng có nghĩa nào đáng ngờ. Hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp viết theo lối chữ khải. Nếu dùng lối nửa chữ hành, nửa chữ thảo, chen thêm kiểu chữ lệ, chữ triện v.v. thì chỉ có thể làm vật gây sướng mắt cho người đọc, chứ không thể dùng làm căn cứ để lợi người. Vì thế, muốn cho hết thảy mọi người hễ xem đến đều cùng hiểu rõ ngay, chắc chắn chớ nên dùng những kiểu chữ hành, thảo, triện, lệ! Hơn nữa, mỗi chữ đều viết theo lối chánh thể, phàm những lối tục thể, thiếp thể, phá thể đều thuộc loại khinh nhờn, thiếu trang trọng, cũng chớ nên dùng.

Lại có những người viết chữ thuê thường viết thừa nét hoặc viết thiếu nét các chữ, nhưng đều chẳng chịu sửa đổi, chỉ ghi chú ở cuối bài, những lối viết ấy cũng đều chẳng đáng để noi theo. Hễ sửa cho đúng thì văn lẫn nghĩa đều rõ ràng. Bọn họ chỉ mong cho đẹp mắt, không màng tới văn nghĩa, đấy chính là thói xấu của bậc đại thông gia. Nếu chữ nhiều thì dùng một chấm to chấm trên mỗi chữ, hoặc dùng một hình tam giác (△) để đánh dấu bên cạnh. Nếu sót chữ thì viết chèn vào chỗ giao nhau giữa chữ trên và chữ dưới để vừa nhìn liền biết ngay. Hơn nữa, hãy nên chấm câu để ai nấy đều đọc thành câu trọn vẹn. Nếu chẳng chấm câu, lại gặp phải người chưa hề nghe đến Phật pháp sẽ thật khó thể lãnh hội được ý nghĩa lời văn. Đối với những nghĩa được nói và người được nói trong bài văn ấy, hãy xem nhiều trước thuật Tịnh độ sẽ tự biết. Do tinh thần không đủ nên chẳng thể sao chép cặn kẽ cho ông được. Bốn vị đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật đều là bậc hoằng dương Tịnh độ ở đất Tần[205] vào đời Đường. Muốn biết tường tận hãy nên tra trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ tự biết.

(Mồng 5 tháng 5)

141. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ năm)

Mồng 3 tháng này nhận được thư ông, biết ông vẫn chưa nhận được bài tựa cho liên xã Đôn Luân được gởi bằng thư bảo đảm ngày mồng 5 tháng 5, vì thế không trả lời ngay, chờ nhận được tin hồi báo rồi sẽ trả lời. Nay đã mồng 9 mà vẫn chưa nhận được tin, sợ bị thất lạc rồi, hoặc đã quên ghi. May là lần này vẫn còn giữ bản nháp. Nếu chưa nhận được, xin hãy nói rõ cho biết, sẽ sao lại gởi đi. Người em trai thứ tư của ông tuổi còn thơ bé đã muốn xin quy y, tánh tình minh

[204] Xin đọc *"Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Đôn Luân"* (được đánh số 73) trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.
[205] Bốn vị này đều hoằng pháp tại kinh đô Trường An đời Đường. Trường An nay là thành phố Tây An thuộc tỉnh Thiểm Tây.

mẫn, nếu chẳng giữ nết khiêm tốn thì chẳng những không được ích mà ngược lại còn bị hại. Những kẻ thông minh xưa nay phần nhiều đều mắc họa, vì thông minh là do cậy mình thông minh rồi khinh người miệt thánh, hoặc báng Phật hủy pháp, hoặc lầm lạc nẩy sanh ý kiến ức đoán, cầu mong danh lợi trong đời này và hư danh sau khi đã chết. Chẳng biết đã thiếu đức khiêm cung thì thiên địa quỷ thần đều ghét, huống chi con người? Vì thế, thường đều trở thành phường cuồng vọng, hoặc trở thành lũ gian ác. Nếu giữ lòng khiêm cung thì càng thông minh càng có lợi ích thật sự, ắt sẽ có thể nghèo cùng thì riêng mình thiện, hễ hiển đạt thì làm cho người khác được cùng thiện. Huống hồ có thể nương theo pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp để tự lợi lợi tha ư?

Con ông sẽ có pháp danh là Tông Tâm, cháu ông sẽ có pháp danh là Tông Huệ. Do có thể chú trọng cái gốc nơi tâm, nơi tuệ thì ruộng ấy sẽ thu hoạch được. Nhỏ là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian; lớn là thánh nhân xuất thế gian, do chính mình có siêng năng cày cấy hay không và cày cấy có đúng cách, có được hạt giống tốt nhất hay không? Thầy Minh Đạo là đệ tử của người bạn Quang là sư Chân Đạt, trước đây cũng quy y với Quang. Nhưng Quang thề chẳng thu nhận đồ đệ, nên theo xuất gia với người bạn. Hoàng Hàm Chi bận bịu gần chết, đừng gởi thư cho ông ta. Lời đề bạt cho Tam Dư Đường[206], trong nhất thời trọn chẳng có lúc rảnh rỗi. Phàm diễn thuyết đều có chuyện lập pháp tòa, nhưng người nói đứng, kẻ nghe ngồi, chẳng những không hợp nghi thức mà còn kẻ mệt nhoài, người nhàn nhã quá mức, quyết chẳng thể theo cách ấy được. Hãy nên ai nấy cùng ngồi để nói, để nghe. Nhiễu Phật nhưng không thể nhiễu quanh Phật, chỉ có thể nhiễu quanh trước Phật thì cũng giống như nhiễu quanh đức Phật. Niệm ra tiếng hay niệm thầm đôi đằng đều có ích; nhưng niệm rõ tiếng chẳng thể niệm lâu được, hãy nên phần nhiều chủ yếu là niệm thầm thì chẳng đến nỗi bị tổn thương thành bệnh.

Chữ Nam-mô cả cõi đời đều đọc là Nạp-mồ (Namó), sao ông lại chiếu theo âm gốc của mặt chữ để đọc[207]. Công đức niệm Phật vô lượng vô biên, chẳng thua công đức niệm kinh. Giảm thọ để cầu phước thọ khỏe mạnh, bình yên, sao bằng khuyên người ta niệm Phật ăn chay, cầu sanh Tây Phương chẳng tốt hơn hay sao? Toa thuốc trị bệnh sởi đã gởi trước kia, tôi đã bảo một danh y xem xét, ông ta nói toa thuốc ấy tuy hay nhưng cần phải xét coi bệnh tình như thế nào; nếu nhất loạt

[206] Đây chính là bài "Luận về tên gọi của Tam Dư Đức Đường" (bài số 17 thuộc phần Tạp Trước) trong Ấn Quang Văn Sao Tục Biên quyển 3.

[207] Do chữ Nam-mô（南無）là phiên âm từ xưa của chữ Namo tiếng Phạn (do trước thời Tống, chữ vô vẫn đọc với vận mẫu m). Vì vậy, các bản kinh sách thường dùng chữ Nạp-mạc (納莫: Namó, thường đọc trại thành Nạp-mồ) hoặc để chú âm cách đọc cho đúng chữ Nam-mô. Ông Ninh Đức Tấn chấp chặt vào mặt chữ nên đọc là Nam-vô (Nánwú).

sử dụng cũng có khi bất lợi. Vì thế chẳng cho in vào cuối sách Đạt Sanh Biên nữa. Hiện nay, hơi khó hiện được thân tể quan[208]; nếu có thể kiếm sống, sẽ không coi làm quan là cao cả nhất. Lời ông nói tựa hồ có lý, nhưng thật ra tệ vô cùng. Cần phải phân biệt thân sơ, gần xa, rồi mới đối xử bình đẳng với hết thảy thì rất tốt. Nếu từ trước đến nay chẳng phân biệt thì không đủ sức để lo liệu thấu đáo, ắt sẽ coi thân giống như sơ, sẽ trở thành người chẳng bằng cầm thú. Từ nay trở đi, ông ăn nói phải châm chước cẩn thận. Nếu không, sẽ mang tội khiến cho người khác bị lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu, há nên nói rối tung đạo lý hay sao? Những kẻ phế bỏ luân thường hiện thời nói cha và con gái, mẹ và con trai đều có thể tự do luyến ái, cũng là ăn nói đảo loạn đạo lý, do thói tệ tự cho mình là đúng mà ra. Cõi đời rối loạn là vì chẳng biết nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi; nếu như thật sự biết, đâu dám mặc tình làm càn để đời đời kiếp kiếp mang họa?

Bài văn của Lưu Bá Ôn[209] chính là bài văn hết sức phàm tục, thiển cận; tuy nói có vẻ có lý, nhưng Huyết Bồn Kinh do tăng sĩ thô tục ngụy tạo để dụ dỗ kẻ ngu tục. Ông ta quả quyết đấy là kinh Phật, quả thật đã bộc lộ sự hiểu biết thiếu rộng rãi. Những điều khác đều là cưỡng nói đạo lý, so với bọn Tống Nho đả phá bài xích nhân quả luân hồi thì đều cùng có tác dụng khiến cho những gã Nho sĩ chẳng cao minh mà muốn làm ra vẻ cao minh cùng bị hãm trong hầm sâu tà kiến nhưng vẫn chẳng biết. Nay có sách Chánh Tín Lục có thể chuyên trị căn bệnh của Tống Nho. Chất độc Tống Nho đã tiêu thì bài văn ấy của Lưu Bá Ôn có còn giá trị để nhắc tới nữa hay không? Sách ấy đã được sắp chữ xong xuôi, cuối tháng 7 hoặc sau Trung Thu sẽ gởi cho ông vài gói. Sách này được in bằng loại giấy in báo dày bốn mươi mấy trang, phỏng định giá tiền chừng khoảng năm xu một cuốn. In trước một vạn bản. Nếu muốn tiêu chất độc Tống Nho, chỉ có sách này là hợp thời cơ nhất.

---

[208] Chữ tể quan được hiểu theo ba nghĩa:

1. Tể quan là quan Trủng tể thuộc đời Chu, còn gọi là Thái tể, hoặc còn gọi đầy đủ là Thiên quan trủng tể, được lập ra dưới thời Tây Chu, vị trí thấp hơn Tam công, nhưng đứng đầu lục khanh. Sách Thượng Thư giảng: "Trủng tể nắm quyền cai trị đất nước, thống lãnh bá quan, trông khắp bốn biển." Khi vua còn thơ ấu, Trủng tể nắm quyền nhiếp chánh.

2. Là từ ngữ chỉ chung các quan chức.

3. Dưới thời Thanh, chữ tể quan hầu như thường dùng để chỉ quan huyện. Lương Chương Cự (một danh sĩ cuối đời Thanh) thường dùng chữ tể quan theo nghĩa này trong các tác phẩm của ông, như trong tập Quy Điền Tỏa Ký: "Ngày tôi ở Tô Châu, tới bái kiến huyện lệnh đất Ngô, ông ta nói: Ta đỗ tiến sĩ ba chục năm trước, cho đến khi đậy nắp hòm vẫn mang thân tể quan" (ý nói chỉ làm tới chức quan huyện mà thôi).

Theo mạch văn, chữ tể quan ở đây được hiểu theo nghĩa thứ hai.

[209] Tức bài Thư Lưu Vũ Trù Hành Hiếu Truyện Hậu (viết sau cuốn Hành Hiếu Truyện của Lưu Vũ Trù), ghi những cảm nghĩ của Lưu Bá Ôn (Lưu Cơ) về tác phẩm Hành Hiếu Truyện.

Tâm niệm của ông cao đến độ những gì thánh nhân đã lập ông cũng không vừa ý, thấp thì cứ muốn hiện thân cứu người trong cõi đời cực loạn này. Ấy đều là do chẳng lượng sức mình, cho nên mới có những thứ tri kiến, mong mỏi ấy. Thầy Minh Đạo bữa sau đi Thượng Hải, tôi bảo đem gởi Linh Phong Tông Luận[210] cho ông. Tô Châu Kinh Phòng không có sách ấy. Ông xin khởi sự đặt ra thể lệ chọn pháp danh, kể ra mấy chục chữ húy, để sau này nếu có ai xin quy y thì phải dựa theo đó đặt pháp danh để khỏi phạm húy, Quang cũng không có lòng dạ đâu mà nhớ những chuyện ấy của ông. Ông lại còn đề nghị những pháp danh đã đặt cũng đều phải kê khai hết để khỏi đến nỗi đặt tên trùng lập. Quang đã không có môn đình, nên chẳng nghĩ đến thường trụ. Tất cả những người quy y, ngoại trừ những ai thường gởi thư đến hoặc có chuyện dính líu tới, đều nhất loạt chẳng ghi sổ.

Ông viết thư nói dùng một trăm đồng để in một ngàn bộ Đạt Sanh Biên, lại dùng mười đồng biếu Quang xài vặt, lại đem mười đồng để Hoằng Hóa Xã ấn tống những văn bản phát nguyện giữ giới. Số tiền còn dư lại đều dùng hết để in Gia Ngôn Lục, số sách được in ra ấy sẽ được giữ tại Hoằng Hóa Xã để tặng cho người khác, hoặc căn cứ theo số lượng để gởi sang huyện Hộ[211]. Sao ông chẳng biết tính toán như thế? Đủ biết rằng ông cũng mắc bệnh nói lời chẳng thật! Tôi không trách ông nói lời ấy chẳng thật, nhưng quả thật sợ ông trong hết thảy cách cư xử đều phạm phải cái bệnh hư trương thanh thế này. Món tiền một trăm đồng ấy, trừ đi khoản tiền dùng để in một ngàn cuốn Đạt Sanh Biên và chi phí gởi đi, lại trừ ra hai chục đồng thì số còn dư cũng chẳng được mấy mà vẫn dùng kiểu ăn nói lớn lối đó ư? Tôi biếu sách cho người ta cũng chẳng dám ăn nói lớn lối với người ta, chỉ sợ người ta nói tôi mang tâm kiêu căng. Nếu người khác phạm phải bệnh này, tôi cũng không nói. Do ông có lẽ cũng muốn là người tận tụy thực hành, do chuyện này chắc bạch khuê[212] có vết, nên chẳng thể không nói. Pháp danh hay bút danh có gì mà không viết được? Trang đầu tiên viết: "Đặt pháp danh cho hai đứa em trai khiến chúng cùng nhờ ơn Phật được thấm đẫm pháp nhuận. Ân đức tột cùng, dẫu trời che đất chở cũng khó thể sánh ví được muôn một", sao mà chuộng những câu chữ rỗng tuếch đến thế? Cái thói ấy chắc chỉ có thể sử dụng

[210] Linh Phong Tông Luận còn có tên là Ngẫu Ích Đại Sư Tông Luận, Ngẫu Ích Tông Luận, hoặc Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư Tông Luận, gồm 10 quyển, do Thành Thời đời Minh biên tập, tập hợp đủ mọi thể loại như nguyện văn, pháp ngữ, vấn đáp, sớ, truyện v.v.. Qua những tác phẩm ấy có thể thấy được quan điểm, nhận định về các tông của đại sư Ngẫu Ích nên mới gọi là Tông Luận.

[211] Hộ là tên một huyện đã từ thời cổ ở Thiểm Tây, thuộc vùng phụ cận thành phố Tây An (cố đô Trường An), dựa lưng vào núi Tần Lĩnh, phía nam sông Vị, thuộc phía Đông của Tây An. Đất Hộ vốn có tên cổ là Hỗ Thị Quốc được thành lập vào thời nhà Hạ, đến đời Tần đất Hỗ bị đổi tên thành Hộ.

[212] Bạch khuê là một loại ngọc trắng ngần, thường được cắt thành miếng mỏng để làm đồ trang sức.

được trước mặt hoàng đế vào thời đại chuyên chế mà thôi, còn sử dụng vào những chỗ khác sẽ chẳng thành lời lẽ gì đâu!

(Viết dưới đèn ngày mồng 9 tháng 6)

142. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ sáu)

Thư trước gởi cho thầy Minh Đạo và khoản tiền gởi cho Quang, cũng như thư sau gởi cho Quang đều nhận được cả. Tôi vốn muốn trả lời ngay, nhưng do trong cuốn Tây Phương Công Cứ, phần Sáu Phương Phật trong kinh Di-đà bị sót mất 20 chữ "Xá-lợi-phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh" mà mấy người giảo chánh đều không trông thấy. Quả thật là nghiệp chướng tâm nhãn, khiến trở thành tội lỗi lớn lao! Hiện thời đã in riêng một bản gồm ba trang, đã in được sáu ngàn bản, đều in theo kiểu để cắt dán vào chỗ bị thiếu, khi in xong sẽ gởi đến. Ở chỗ ông có hai gói sách, phàm những cuốn tự giữ và đã tặng cho người khác, mỗi cuốn đều dán cẩn thận hòng khỏi bị tội bỏ sót kinh văn. Sau này, khi bản đính chính ấy được in ra sẽ gởi đi, không phải viết thư nữa.

Nói đến tật dịch, hãy bảo mọi người đều cùng ở trong nhà của chính mình niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, sáng tối đến Phật đường lễ bái bao nhiêu đó lạy và niệm bao nhiêu đó câu. Ngoài ra, bất luận đi, đứng, nằm, ngồi và làm hết thảy chuyện, trừ lúc viết văn, tính sổ phải dụng tâm ra, khi làm hết thảy mọi chuyện khác đều nên niệm. Niệm khi ngủ thì nên niệm thầm trong tâm. Nếu áo mũ chỉnh tề, tay và miệng rửa súc sạch sẽ rồi, niệm ra tiếng cũng được, niệm thầm hay niệm nhỏ tiếng đều được. Nếu ngủ nghỉ hoặc lúc mới dậy, áo mũ vẫn chưa chỉnh tề, hoặc khi tắm rửa, tiêu tiểu, hoặc đến chỗ không sạch, niệm thầm trong tâm cũng có công đức y hệt như vậy. Nếu niệm ra tiếng sẽ chẳng hợp nghi thức. Ví như đứa trẻ nhớ mẹ, trong suốt một ngày, không lúc nào chẳng nghĩ nhớ đến mẹ. Dẫu khi ngủ nghỉ, tắm rửa, tiêu tiểu, há để cho trong tâm hoàn toàn quên mất chuyện niệm Phật. Đã nhớ được vô ngại thì niệm thầm trong tâm cũng vô ngại. Người tuy chí ngu cũng không ai chẳng sợ chết! Niệm Quán Thế Âm có thể được ngài che chở khỏi bị lây bệnh dịch ác nghiệt ấy. Nếu dạy hết thảy mọi người trong một ngày hễ thuận tiện bèn niệm thì tiếng niệm Quán Âm sẽ vang khắp ruộng đất, đường sá.

Ông chỉ biết đối trước Bồ-tát niệm, nếu vậy thì có mấy người niệm được? Ai lại có thể quỳ niệm năm trăm câu? Pháp niệm Phật thì trước hết là đứng niệm bài kệ tán Phật rồi niệm danh hiệu, đến câu thứ hai liền đi nhiễu. Nếu là chỗ rộng rãi thì đi nhiễu quanh, chỗ chật hẹp thì đi theo đường thẳng. Nhiễu quanh thì đi từ

Đông qua Nam, sang Tây, lên Bắc. Đi nhiễu thẳng thì từ vách này bước thẳng tới trước, đến vách đối diện lại quay đầu bước trở lại nhưng cũng cần phải theo quy củ từ Đông sang Nam qua Tây lên Bắc để xoay mình, chớ đừng từ Đông sang Bắc, sang Tây, rồi về Nam, đấy gọi là đi ngược, phạm lỗi!

Kệ hồi hướng rộng lớn vô ngại, đọc bài kệ ấy thì có gì là không được, nhưng quỳ niệm năm trăm câu thì chắc chắn không được, do người ta phần nhiều không thể làm như thế được, hoặc làm lâu ngày sẽ thành bệnh. Đang trong cõi đời cực khổ cực ác này, chỉ A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát là đáng nương tựa được. Dạy cho khắp hết thảy già trẻ trai gái hằng ngày thường niệm Quán Thế Âm trong nhà, bảo đảm chẳng gặp tai họa, được nhiều điều tốt lành. Chỉ nên đến niệm trong điện thờ Quán Âm vào buổi sáng và buổi tối, ngoài ra tùy mỗi người đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm sao cho thuận tiện. Đây quả thật là phương cách thuận tiện nhất.

Hàng nữ nhân chịu niệm từ nhỏ, về sau xuất giá sẽ không bị khổ vì khó sanh. Hoặc lúc cấn thai liền hằng ngày thường niệm, hoặc đến khi sanh nở, hãy nên bảo sản phụ tự niệm Quán Thế Âm Bồ-tát ra tiếng, những người chăm sóc bên cạnh đều cùng lớn tiếng niệm giúp cho sản phụ. Người trong gia đình ở tại phòng khác cũng có thể niệm cho sản phụ. Dẫu sanh khó đến nỗi sắp chết mà niệm thì chẳng bao lâu sẽ an nhiên sanh nở. Chớ nên nói "lõa lồ bất tịnh, niệm sợ mắc tội!" Chẳng biết đấy là lúc không thể làm sao khác được, chứ không phải là có thể cung kính, khiết tịnh mà chẳng chịu cung kính, khiết tịnh vậy. Chẳng những không có tội lỗi, mà mẹ lẫn con đều cùng gieo thiện căn. Người đời thường biết giữ theo lẽ thường mà chẳng biết quyền biến, đến nỗi chẳng dám dùng pháp "không những khỏi khổ, mà còn gieo được thiện căn", để rồi phải chịu khổ, hoặc bị mất mạng, chẳng đáng buồn sao? Lúc sanh nở vạn phần chớ nên niệm thầm trong tâm mà phải niệm ra tiếng. Vì lúc ấy sản phụ phải gắng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm trong tâm sẽ có thể bị bệnh. Dẫu chẳng bị bệnh nhưng công đức niệm thầm yếu nhỏ lắm so với niệm ra tiếng. Người đời nâng vật nặng còn phải dùng tiếng hò reo để giúp sức, huống chi trong khoảnh khắc sanh tử ấy, há chẳng nên tận lực cầu Bồ-tát gia bị ư?

Từ trước đến nay, Quang chẳng biết cõi đời mê tín, người đời thường cho là "chẳng được niệm Phật trong phòng sanh". Hơn nữa, "người niệm Phật chẳng dám bước vào phòng bà đẻ", nên trong Văn Sao chưa hề nhắc tới. Bốn năm năm gần đây mới biết điều tệ này nên thường nói với hết thảy mọi người, cũng mong cho mẹ con sản phụ được an vui, cũng mong cho con cái do họ sanh ra đều sẵn đủ chánh tín, đều là người lành. Vì thế nói với ông. Do tâm lo cho ông trọn chẳng

thấu hiểu văn nghĩa, đến nỗi Văn Sao đã nhiều lần nói "đi đứng nằm ngồi, tắm rửa, tiêu tiểu, đều niệm Phật được", mà ông vẫn hỏi "tùy theo lúc đi đứng nằm ngồi, lúc bận bịu, lúc rảnh rang để niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng hay niệm thầm có được hay chăng?" Tôi nhận thấy, ông chỉ biết "quỳ niệm là hữu ích", tức là làm cho đa số mọi người chẳng dám phát tâm niệm!

Tam chướng là phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng. Phiền não chính là vô minh, còn gọi là hoặc, tức là chẳng hiểu lý ("chẳng hiểu lý" chính là tham sân si), lầm lạc khởi lên các thứ tâm niệm chẳng thuận lý. Nghiệp tức là do những tâm Sở[213] "tham sân si phiền não" mà làm những chuyện ác giết trộm dâm v.v., vì thế gọi là nghiệp. Nghiệp đã thành, thì tương lai nhất định phải chịu các thứ khổ báo. Tam đồ: đồ là đường, là nẻo, có nghĩa thông với nhau. Do các ác nghiệp giết trộm dâm nên sẽ chịu ác báo trong tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tám nạn cũng có thông (chung) và biệt (riêng), thông là lụt, hạn, tật dịch v.v., biệt là:

1. Sanh trước khi đức Phật giáng thế hay sanh sau khi Phật đã nhập Niết-bàn
2. Vô Tưởng thiên[214]
3. Bắc Câu-lô châu[215]
4. Thế trí biện thông
5. Mù điếc câm ngọng

---

[213] Tâm sở (caitta hay caitasika) còn dịch là tâm số, tâm sở hữu pháp, tâm sở pháp, tâm số pháp, tức là những điều phụ thuộc vào tâm vương (tâm vương là thuật ngữ trong Duy thức chỉ bản thể của sáu thức hoặc tám thức, tức là chủ thể của những tác dụng tinh thần). Nói cách khác, tâm sở là những tác dụng, những thuộc tính của tâm vương. Hay nói thông tục hơn là những tác dụng tinh thần phức tạp. Theo Đại Thừa Duy Thức Luận, tham sân si là ba tâm sở được xếp vào tiểu loại phiền não trong sáu loại tâm sở (biến hành, biệt cảnh, thiện, phiền não, tùy phiền não, bất định).

[214] Vô Tưởng thiên (Asamjñisattvāh), còn dịch là Vô Tưởng Hữu Tình thiên, Vô Tưởng Chúng Sanh thiên, Thiểu Quảng thiên, Phước Đức thiên, là một tầng trời thuộc Sắc giới, là cảnh giới cảm được của người tu chứng vô tưởng định. Chư thiên cõi trời này do đã diệt sạch niệm tưởng, chỉ còn sắc thân và hành uẩn, nên gọi là Vô Tưởng thiên. Đây là cảnh giới tối cao của ngoại đạo Bà-la-môn. Chư thiên cõi này thọ mạng năm trăm đại kiếp, do không còn tưởng niệm nên thường đắm chìm trong niềm vui vô tưởng định, không có ý cầu xuất thế, không cảm nhận nỗi khổ vô thường

[215] Bắc Câu-lô châu (Uttara-kuru) còn dịch là Uất-đan-việt, Bắc-đan-việt v.v., dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng, là một trong bốn đại châu quanh núi Tu-di. Theo kinh Đại Lâu Thán, châu này thuộc biển nước mặn phía Bắc núi Tu-di, hình dáng như cái hộp đậy nắp, bốn phía vuông vắn, được bao quanh bằng bảy ngọn núi vàng và núi Đại Thiết Vi, đất bằng vàng ròng, bằng phẳng, sạch sẽ, không hề có gai góc, đủ mọi thứ đẹp đẽ, ngày đêm thường sáng sủa. Người ở châu này hình dạng giống nhau, cao bằng nhau, luôn sống yên vui, không bị lệ thuộc, hoạn nạn, tranh chấp. Con người sống không cần nhà cửa, không có hôn nhân, gia đình, sanh con ra không cần nuôi. Mang thai bảy ngày liền sanh, mang con ra bỏ bên vệ đường. Ai đi qua cũng giơ tay đút vào mồm đứa trẻ, sữa từ đầu ngón tay liền tiết ra; đến ngày thứ bảy, đứa trẻ đã cao lớn bằng người trưởng thành. Tuổi thọ ở châu này là một ngàn năm, sau khi mất được sanh lên trời Đao-lợi. Hơn nữa, trong bốn đại châu, riêng châu này không có địa ngục. Do quá sung sướng, vô tư lự, không phải lo ăn lo mặc, người châu này không cảm nhận được sự vô thường, không có ý thoát ly tam giới.

6. Địa ngục
7. Ngạ quỷ
8. Súc sanh

Tám thứ này tuy khổ vui, trí ngu khác nhau, nhưng đều cùng khó nhận lãnh sự giáo hóa của đức Phật, vì thế đều gọi là tám nạn.

(Viết trong ngày Lập thu)

143. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ bảy)

Thư và bưu phiếu sáu đồng (đã giao cho Hoằng Hóa Xã) đều nhận được đầy đủ. Ông tánh thích lôi thôi! Chuyện chẳng khẩn yếu đã qua rồi, cần gì lại phải nói nữa? Ngay như trước đây ông muốn gởi bánh Trung Thu, vì bưu cục chẳng gởi trong bao, bèn nói tới nói lui. Nói những lời lẽ vớ vẩn ấy để làm gì? Tôi đã bảo ông đừng nên gởi đồ ăn nữa, ông vẫn cứ làm như thế. Những thứ được gởi tới trong mùa xuân đều bị nát bét; đầu thu lại gởi nữa, há chẳng phải là tự khuấy mình, nhiễu người? Ông mới học Phật, chỉ nên sốt sắng niệm Phật, hiểu được thì cũng theo ngài đi, mà không hiểu được vẫn theo ngài đi, ngõ hầu chẳng đến nỗi lỡ làng công phu. Ông muốn có được một cuốn từ điển hoàn thiện nhất, chỉ sợ có được cuốn từ điển ấy, ông bèn hằng ngày chú trọng tra tìm từ ngữ trong tự điển, chẳng rảnh rỗi để niệm Phật.

Muốn tra chữ Phạn thì hãy đọc cuốn Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập[216] (sáu cuốn), nhưng sơ tâm chẳng biết thể loại của từ ngữ tiếng Phạn muốn tìm thì cũng chẳng dễ tra. Dẫu tra được, vẫn sợ chẳng hiểu rõ văn nghĩa đã được giải thích. Muốn tra số mục danh tướng (từ một đến mười, trăm, ngàn, vạn… danh từ) hãy xem Giáo Thừa Pháp Số[217] (6 cuốn, bộ này giản lược nhưng danh mục nhiều) và Đại Minh Tam Tạng Pháp Số[218] (16 cuốn. Bộ này giải thích tường tận cặn kẽ, nhưng so với

[216] Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập là một bộ từ điển Phạn - Hán, do sư Pháp Vân biên soạn vào đời Tống, bắt đầu từ năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống Cao Tông, qua 20 năm thu thập tài liệu và chỉnh lý mới hoàn thành. Nội dung gồm hơn 2.040 từ ngữ tiếng Phạn trọng yếu trong kinh Phật, chia làm 64 thiên. Mỗi thiên đều có lời tổng luận, trình bày đại ý, kế đến nêu âm dịch tiếng Phạn, nêu rõ những cách dịch âm khác nhau, xuất xứ và giải thích ý nghĩa từng từ ngữ.

[217] Giáo Thừa Pháp Số do Viên Tịnh biên tập vào đời Minh. Do thấy các sách Đại Thừa Pháp Số, Hiền Thủ Pháp Số còn thiếu sót nhiều nên sư đã dựa trên quan điểm của tông Thiên Thai thu thập tất cả những pháp số (những thuật ngữ trong Phật giáo như tam quy, nhất thừa, ngũ giáo, lục độ v.v.) trong các kinh điển Phật giáo và trước tác của bách gia chư tử biên soạn thành sách này. Sách bắt đầu bằng từ ngữ "nhất tâm" và kết thúc bằng "bát vạn tứ thiên pháp môn". Trong ấy, cũng giải thích những danh số của các ngoại điển (những kinh sách không thuộc Phật giáo).

[218] Đại Minh Tam Tạng Pháp Số do sư Nhất Như biên soạn, thường được gọi tắt là Đại Minh Pháp Số, hoặc Tam Tạng Pháp Số, nội dung gồm những pháp số xuất phát từ tam tạng kinh điển, cũng khởi đầu bằng từ ngữ "nhất tâm" và kết thúc bằng "bát vạn tứ thiên pháp môn", tổng cộng 1.555 từ ngữ, ghi rõ xuất xứ từ kinh luận trước thuật nào, đồng thời cũng dẫn giải những cách giải thích khác nhau của các tông (nếu có).

Giáo Thừa Pháp Số thì ít danh mục hơn). Muốn tra đại lược sự tích thông - tắc của Phật pháp trong các đời thì nên đọc Thích Thị Kê Cổ Lục[219] (5 cuốn). Hơn nữa, cuốn Phật Học Đại Từ Điển do Đinh Phước Bảo biên tập danh tướng thật rộng, nhưng phần khảo cứu chẳng được tra xét kỹ càng cho lắm. Nói chung, có một phần ba mươi là sai ngoa, chỉ bậc thông gia mới phân biệt được rõ ràng. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi bị hiểu lầm vì sách ấy (Bộ sách này dựa theo sách của người Nhật Bản đã soạn rồi tăng đính[220], dùng số Tây Dương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 0 để đánh số thứ tự. Nếu không rành số Tây Dương sẽ bó tay). Bộ này phải tốn mười mấy đồng, hiện thời chẳng biết có còn hay không? Mấy bộ sách này nếu là bậc thông gia thì không ai chẳng dùng. Nếu có chỗ nào không rõ ràng, hễ tra là rõ. Ông là người không hiểu rõ trọn vẹn, nếu có mấy bộ sách này sẽ thành ra suốt ngày chuyên dụng công tra danh tướng mà thôi. Do vậy vẫn chẳng nên thỉnh ngay, hãy đợi đến khi dần dần nhiễm sâu Phật pháp rồi hãy thỉnh thì sẽ có ích.

Huống chi hiện thời phương Nam thủy tai xưa nay chưa hề có, Nhật Bản lại chiếm Đông Tam Tỉnh[221]. Nước ta cực lực tẩy chay hàng Nhật, sợ rằng sẽ gây nên cái họa chiến tranh toàn thế giới (đáng sợ cùng cực). Đang trong thời thế nguy hiểm như trứng chồng này, chỉ nên chuyên tâm niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để cầu được ngầm che chở. Huống chi ông còn bận việc nhà, rảnh rỗi đâu để nghiên cứu những sách ấy?

Mấy năm trước đây, Thiểm Tây bị tai nạn, phương Nam đã nhiều lượt quyên góp chở tới. Nay Hồ Bắc, Giang Tây, Giang Tô các xứ bị nước nhận chìm, thảm chẳng nỡ nghe, cũng chẳng nỡ nói. Quyên mộ đủ cách khác nhau. Ông Tào Tung Kiều (người Tô Châu cũng quy y với Quang) mấy năm gần đây quyên mộ cho Thiểm Tây gần đến mười vạn, đều giao hết cho Chu Tử Kiều. Lần này chánh phủ phái ông ta sang Giang Bắc lo việc cứu trợ. Tô Châu cũng quyên góp được sáu bảy vạn đồng cùng mấy vạn bộ quần áo cũ các loại và áo lạnh mới may, nhưng

---

[219] Thích Thị Kê Cổ Lược (còn gọi là Thích Thị Kê Cổ Lục, hoặc gọi tắt là Kê Cổ Lục), do ngài Bảo Châu Giác Ngạn soạn vào năm Chí Chánh 14 (1354) đời Nguyên, là một bộ biên niên sử Phật giáo, lược thuật lịch sử truyền thừa Phật giáo từ khi mới truyền vào Trung Hoa cho đến đời Tống. Sách bao gồm biểu đồ các triều đại Trung Hoa, biểu đồ Thích-ca Văn Phật Tông Phái Tổ Sư Truyền Thừa của Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, sự tích của Phật Thích-ca, 28 vị tổ Tây Thiên, cũng như hành trạng của các vị cao tăng, cổ đức như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, đại sĩ Phó, Đạt-ma v.v. cũng như lược sử các tông Từ Ân, Hiền Thủ v.v.. Đến năm Sùng Trinh 11 (1638), ngài Huyễn Luân soạn Thích Giám Kê Cổ Lược Tục Tập (3 quyển) để chép tiếp những sự tích Phật giáo từ Chí Nguyên nguyên niên (1264) đến năm Thiên Khải thứ bảy (1627) đời Minh.

[220] Tăng đính: tăng thêm những từ ngữ cần thiết, viết thêm lời giải thích nếu cần, đính chánh những chỗ sai, lược bỏ bớt những chỗ rườm rà không cần thiết.

[221] Đông Tam Tỉnh là ba tỉnh được chia ra từ vùng đất Mãn Châu sau khi người Thanh cai trị Trung Hoa gồm Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang. Khi ấy, quân phiệt Nhật quan niệm *"dục bá Trung Hoa, tiên chiếm Đông Tam Tỉnh; dục bá Đông Á, tiên chiếm Trung Hoa"* (muốn làm bá chủ Trung Hoa, trước hết chiếm Đông Tam Tỉnh. Muốn làm bá chủ Đông Á, trước hết phải chiếm Trung Hoa).

vẫn chỉ là "chén nước, xe củi"[222], chẳng thể cứu trợ trọn khắp! Đê đập trên sông ngòi bị sụt lở rất nhiều, cứu trợ dân chúng bị nạn còn chưa đủ tiền để lo trọn, huống là tu bổ đê ư? Khoản tiền tu bổ đê so với khoản tiền cứu người sẽ nhiều gấp mấy chục lần. Nếu không tu bổ đê, hễ nước lớn, cả vùng sẽ biến thành cái đầm. Nếu tu bổ, đào đâu ra khoản tiền ấy?

Trời giáng họa xuống Trung Quốc lần này là lớn nhất, thứ thiên tai nhân họa này đều do mọi người chẳng nói tới nhân quả báo ứng, đến nỗi trở thành tình thế phế kinh điển, phế luân thường. Tình người như nước, lễ pháp như đê. Phá trừ lễ giáo đến nỗi con người đâm ra chẳng bằng cầm thú, cho nên mới thành tình thế đê đập đều vỡ, nước lũ chảy tràn lan! Hãy nên gấp rút dạy gia quyến, thân bằng niệm Phật để dự phòng, những chuyện không khẩn yếu xin hãy để từ từ rồi mới tiến hành.

(Ngày 20 tháng 8 năm Dân Quốc 20 - 1931)

144. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tám)

Ông nhất quyết muốn thọ giới thì trong ngày 17 tháng này là ngày khánh đản A-di-đà Phật, hãy tự thệ thọ giới trước đức Phật. Trước hết phải lễ bái sám hối, tùy theo công phu của mình bận bịu hay rảnh rỗi mà định thời hạn nhiều ít. Đến ngày hôm ấy, phải khởi tâm ân cần, trân trọng, lễ bái sám hối, hướng về đức Phật xin nhận lãnh ngũ giới. Người tại gia đắp y hay không đều chẳng quan trọng; so với kẻ tiếm dụng[223] thì chẳng thà không dùng. Chỉ mặc áo dài, hoặc mặc tăng bào[224], không có gì là không được. Nghe nói trong thành có gã họ Hàn nọ, đại khai đạo Ngũ Giáo Đại Đồng, thần thông quảng đại, biết được túc nhân của người ta, lại còn làm cho người bệnh lập tức khỏi bệnh. Ông hãy nhường cho hết thảy mọi người được hưởng lợi ích ấy, chứ ngàn vạn phần ông chớ nên mong hưởng lợi ích nơi hắn! Nếu ông đến thân cận, ắt sẽ bị ma lực của gã dụ dỗ, đến nỗi đánh mất chánh tri kiến, tăng thêm tà tri kiến. Đâm ra vốn liếng có thể liễu thoát trong một đời bị biến thành luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng có thuở thoát ra được. Hiện

---

[222] Nguyên văn "bôi thủy xa tân", ngụ ý phương tiện, sức lực ít ỏi, chẳng thể giúp đỡ hay giải quyết vấn đề được. Thành ngữ này xuất phát từ một câu nói trong thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử: *"Kim chi vi nhân do dĩ nhất bôi thủy dĩ cứu nhất xa tân chi hỏa dã"* (Người bây giờ vẫn cứ dùng một chén nước để dập tắt đống lửa do cả một xe củi bị cháy).

[223] Chữ "tiếm dụng" ở đây chỉ kẻ tại gia mà đắp y ngũ điều hay thất điều của hàng xuất gia, chứ không đắp mạn y của hàng tại gia. Do vượt phận, sử dụng phi lễ pháp phục của tứ chúng xuất gia (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni) nên gọi là "tiếm dụng".

[224] Chữ "tăng bào" ở đây chỉ áo hải thanh (áo tràng bốn vạt, rộng tay), nhằm phân biệt với loài áo dài hai vạt, tay hẹp (trường sam) mà nam giới Trung Hoa thường mặc thời đó. Trường sam thường may bằng vải trơn, không thêu thùa, không viền cổ, gấu áo hay cửa tay áo. Thông thường khi mặc trường sam, nam giới thường khoác thêm một cái áo ngắn sát nách (mã quải) bằng vải quý, thêu viền đẹp đẽ ra ngoài trường sam.

thời tai họa ngày một cùng cực, hãy nên dạy hết thảy mọi người cùng niệm Phật và niệm Quán Âm để phòng ngừa họa hại và gặp dữ hóa lành vậy.

(Ngày mồng 4 tháng 11 năm Dân Quốc 20 - 1931)

145. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ chín)

Nhận được thư đầy đủ, đã nhận được năm đồng rồi, đừng lo. Khóa trình do ông đã lập tạp loạn, không có thứ tự. Sáng dậy rửa ráy, súc miệng xong, đến trước Phật thắp một nén hương, hoặc ba nén. Niệm bài Hương Tán một biến, niệm Hương Vân Cái Bồ-tát ba lần, nhất tâm đảnh lễ Thường Trụ Thập Phương tam bảo (niệm ba lần ba lễ, hoặc niệm một lần một lễ). Nhất tâm đảnh lễ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, nhất tâm đảnh lễ A-di-đà Phật, nhất tâm đảnh lễ Quán Thế Âm Bồ-tát, nhất tâm đảnh lễ Đại Thế Chí Bồ-tát, nhất tâm đảnh lễ Chuẩn Đề Bồ-tát, nhất tâm đảnh lễ Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát[225], nhất tâm đảnh lễ Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (mỗi danh hiệu ba lạy, hoặc một lạy), rồi niệm Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ-tát ba lượt, liền tụng kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh ba biến. Nếu như tụng thêm chú Chuẩn Đề, chú Ma-lợi-chi Thiên v.v. thì cũng được. Rồi niệm tiếp bài kệ tán Phật. Niệm kệ xong, liền niệm Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc Đại Từ Đại Bi A-di-đà Phật, rồi liền niệm Nam-mô A-di-đà Phật hoặc vài trăm câu, hoặc một ngàn câu. Hãy nên vừa đi nhiễu vừa niệm, hoặc nhiễu niệm một nửa, ngồi niệm một nửa. Phật hiệu sắp niệm xong liền trở về chỗ. Niệm xong Phật hiệu, liền quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Chuẩn Đề, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lượt. Niệm xong liền đọc bài văn Phát Nguyện, đọc xong bèn niệm tam quy y. Xong xuôi lễ Phật lui ra.

Hoặc có thể buổi sáng niệm các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, Bạch Y, Ma-lợi-chi Thiên, Lục Tự[226] v.v. mỗi thứ một biến; niệm xong, tụng Tâm Kinh theo như thứ tự nghi thức trong các khóa tụng. Buổi tối tụng kinh Di-đà, Đại Sám Hối[227], niệm Phật v.v. giống như trên. Sáng tối không niệm bài Hương Tán cũng

---

[225] Ma-lợi-chi Thiên (Marīci-Deva), còn được phiên âm là Ma-lý-chi Thiên, Mạt-lợi-chi Thiên, dịch nghĩa là Oai Quang Thiên, Dương Diễm Thiên. Theo Mật giáo, vị trời này có sức thần thông đại tự tại, thường ẩn thân ngầm gia hộ cho con người tiêu trừ chướng nạn, tăng trưởng lợi ích. Theo kinh Mạt Lợi Chi Đề Bà Hoa Man và kinh Đại Ma-lý-chi Bồ-tát, vị trời này vốn là một vị Bồ-tát, nhằm cứu độ chúng sanh nên hiện thân thiên nữ, ba mặt, sáu tay, cưỡi lợn.

[226] Gọi đầy đủ là Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn (tức bài chú Om Mani Padme Hum), xuất phát từ kinh Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương (4 cuốn) do ngài Thiên Tức Tai dịch vào đời Tống.

[227] Đại Sám Hối chính là nghi thức Hồng Danh Bảo Sám do ngài Kim Cang Pháp Sư Bất Động chùa Hộ Quốc Nhân Vương người nước Tây Hạ soạn vào đời Tống. Do sư hoằng truyền Kim Cang Thừa, thường tụng kinh Hộ Quốc Nhân Vương rất linh nghiệm nên vua Tây Hạ sắc tứ ngôi chùa ngài Trụ Trì là Hộ Quốc Nhân Vương Tự. Sư cũng chính là người đã soạn nghi thức Mông Sơn Thí Thực. Bài sám hối này gồm 108 lễ tương ứng với 108 món phiền não. Danh hiệu của 88 vị Phật trong bài sám hối này

không sao. Trong tùng lâm vào mồng 1, ngày Rằm, lên công khóa thì trước hết niệm bài Hương Tán, những hôm khác đều chẳng niệm bài Hương Tán. Cách này do trong giới cư sĩ nhiều người thích phô trương bày vẽ lập ra. Trong tùng lâm, khi lên công khóa, mọi người tề tựu, lễ Phật ba lạy liền niệm (Buổi sáng niệm Nam-mô Lăng-nghiêm Hội Thượng Phật Bồ-tát, niệm chú Lăng-nghiêm. Buổi tối niệm Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ-tát, tụng kinh Di-đà). Người tại gia tuy có thể tùy ý tự lập chương trình, nhưng chớ nên bày vẽ thêm thắt mấy thứ hoặc bỏ sót lộn xộn, không theo thứ tự.

Kinh được truyền dạy trong mộng tuy có lợi ích nhưng không cần phải niệm, vì kinh chú quá nhiều, cần gì phải niệm những thứ đó? Tâm Kinh công đức cực lớn, sao không niệm? Phàm tu trì nói chung hãy nên giản lược; nếu niệm quá nhiều thứ, đâm ra chẳng bằng chuyên niệm một thứ tốt hơn. Chỉ vì nhân dân hiện thời không ngày nào chẳng ở trong cảnh nước sâu lửa bỏng, hãy nên niệm thêm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát bao nhiêu đó câu; hoặc lập một thời riêng, hoặc trong công khóa, ngay sau khi niệm Phật xong bèn niệm tiếp danh hiệu Quán Âm bao nhiêu đó câu, rồi tới danh hiệu các vị Bồ-tát mỗi vị niệm ba lần hoặc niệm mười lần đều được. Còn như để dạy cho người mới phát tâm thì càng giản lược càng hay.

Cần biết rằng, đạo lý căn bản của niệm Phật là muốn làm cho con người sanh lòng tin, phát nguyện cầu sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, chớ nên chỉ phát tâm cầu sự giàu - vui trong thế gian mà chẳng cầu sanh Tây Phương. Hễ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì tai nạn trong thế gian cũng tiêu diệt được, chứ không phải là niệm Phật chẳng thể tiêu diệt tai nạn. Quán Thế Âm Bồ-tát tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tây Phương. Niệm Quán Thế Âm cũng cần phải trước hết là nhằm cầu tiêu trừ tai nạn, nhưng chánh yếu là cầu vãng sanh Tây Phương.

Hãy nên nói với người hữu duyên: Ai nấy phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, chí thành niệm Phật và Quán Thế Âm sẽ có thể chuyển được túc nghiệp, chẳng mắc phải những khổ ách vì thiên tai nhân họa. Hơn nữa, con người hiện thời đã xa hoa đến mức cực điểm, Đất Tần vốn chất phác, nghe nói gần đây cũng nhiễm theo thói xa hoa hiện thời. Hãy nên gắng khuyên lơn gia quyến thường nghĩ đến lúc gặp tai nạn để chẳng đến nỗi nhiễm phải thói ác ấy. Nếu đã nhiễm, hãy cực lực sửa đổi, trừ bỏ. Kẻ nhỏ tuổi càng phải nên học tánh chất phác.

---

gồm 53 vị Phật trích từ kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ-tát và danh hiệu của 35 vị Phật trích từ pháp hội Quyết Định Tỳ-ni trong kinh Bảo Tích (theo Nhị Khóa Hiệp Giải).

Ông không hiểu việc quá mức, trong khóa tụng sáng tối, lúc lễ Phật sao lại đem tên Ấn Quang đặt trước danh hiệu Phật để lễ, sao không biết tôn ty, thánh phàm đến mức như thế? Đừng nói Ấn Quang là một gã phàm phu nghiệp lực vô tri vô thức; dẫu là cổ đức, hay Phật thị hiện giáng sanh, hoặc Bồ-tát thị hiện giáng sanh, vẫn chẳng thể kể theo bổn địa được. Do họ đã hiện thân làm tăng, chắc chắn phải đứng sau Phật, Bồ-tát thì mới đúng lối phù hợp cả bổn lẫn tích. Nếu tâm ông cảm kích Quang thì có thể sau khi tụng công khóa xong, trong tâm thầm tưởng đảnh lễ một lạy thì đối với nhân tình lẫn thiên lý đều không trái nghịch. Nếu ông sắp xếp theo kiểu ấy (tức là đem danh hiệu Ấn Quang để lễ trước khi lễ Phật - chú thích của người dịch), chẳng những ông tội lỗi khôn cùng mà còn làm cho Ấn Quang cũng bị tội theo ông. Đấy không phải là ông tâng bốc Quang mà là hãm hại Quang! Nếu ông có thể chí thành niệm Phật tự lợi lợi người, dẫu chẳng lễ Quang cũng đâu có thiếu sót gì?

(Ngày 14 tháng 7 năm Dân Quốc 21 - 1932)

146. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười)

Nhận được thư gởi đến bữa trước, nói ông có một hộp mứt, ngạnh mễ[228], tiểu mễ[229] mỗi thứ hai thưng[230], đựng thành một đãy, ông đúng là gã si! Từ mấy ngàn dặm gởi những thứ ấy đến, há chẳng phải là vô sự mà tự phiền, rộn người hay sao? Túi gạo cho tới nay vẫn chưa nhận được, vì thế đến bây giờ mới trả lời thư. Nếu tôi không bận chuyện gì quan trọng thì hễ nhận được thư bèn trả lời ngay. Một mình ông gởi thư hỏi han này nọ thì còn được, huống chi nào phải chỉ có một mình ông? Há nên thốt lời oán trách, kêu ca thầy không muốn trả lời thư vì nghĩ trò không thể dạy được? Sao chẳng thông cảm cho người khác già yếu chẳng thể thù tiếp được? Nếu như lời ông nói, ắt sẽ mệt tới chết cũng lo không xuể. Từ rày đừng so đo cái kiểu chẳng biết thời thế như vậy, cũng đừng đem thức ăn từ xa gởi đến.

Mười đồng ông gởi tôi đã nhận được rồi, sẽ dùng để in sách. Thầy Minh Đạo mất vào giờ Sửu ngày 19 tháng 10, ngày 21 chuyển linh cữu về Linh Nham, ngày

---

[228] Ngạnh mễ (hay còn gọi là canh mễ) là một loại gạo nếp có tên khoa học là oryza sativa, thuộc giống lúa không cần nhiều nắng, chín khá muộn khi trời đã trở lạnh. Hạt gạo tròn ngắn, rất dẻo, ăn rất ngon và đậm. Giống lúa này được trồng chủ yếu ở miền Tây Nam và Bắc Trung Quốc. Do thời gian sinh trưởng của giống lúa này khá dài nên mỗi năm chỉ gieo được một mùa. Ở Đài Loan cũng có giống lúa này, nhưng không ngon bằng.

[229] Tiểu mễ (foxtail millet) là một loại kê, thường được gọi bằng từ ngữ *tắc* hoặc *lật* vào thời cổ. Giống này vốn được trồng nhiều ở phương Bắc Trung Quốc, nhất là quanh lưu vực sông Hoàng, là lương thực chủ yếu của dân chúng vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Giống kê này chịu hạn, sản lượng cao, có nhiều loại trắng, hồng, vàng, đỏ, cam, tím…

[230] Một thưng (thăng) đời Thanh bằng một lít hiện thời.

25 đưa đi hỏa táng. Thầy ấy trọn chẳng gắng công tu trì chân thật, nhưng do lo liệu công việc trong hội Phật giáo mấy năm, những kẻ không biết thời thế nhất định muốn xây tháp cho thầy ấy. Họ coi tượng đất như tượng bằng vàng ròng, tôi cũng chỉ mặc kệ cho họ làm. Chớ nên bắt chước thói tục hèn xấu ấy! Từ rày không có chuyện chi quan trọng, đừng gởi thư đến. Hiện nay tôi không ra khỏi phòng bế quan, chuyện Hoằng Hóa Xã cũng giao về cho Quang đảm nhiệm thì càng thêm phiền toái.

(Ngày mồng 4 tháng 11 năm Dân Quốc 21 - 1932)

Tuy xuất gia bên Lâm Tế Chánh Tông, nhưng Quang đã lấy pháp môn Tịnh độ làm tông, chẳng coi Thiền tông là chánh, cư sĩ hỏi chuyện này chẳng có quan hệ chi! Quang cũng không có môn đồ, chết rồi trọn chẳng để lại vật gì, hình chụp cũng không có. Lễ Phật cho nhiều so ra tốt hơn lễ tôi trăm ngàn vạn lần. Nghe nói gần đây có một bài thuốc thần hiệu để cai thuốc phiện: Dùng một thước vải Tây đỏ vuông vức, cắt thành 24 miếng. Lúc hút thuốc, trước hết dùng que tiêm thuốc phiện[231] cắm trên phía đầu mảnh vải, phía dưới đặt một cái chén hứng, đốt cho tro vải rớt vào trong chén. Dùng nước sôi hòa tro ấy uống, rồi mới hút. Chẳng đợi tới khi uống hết tro của 24 miếng vải đã cai nghiện được. Hãy nên bảo người nghiện thuốc làm thử. Nếu linh nghiệm sẽ có thể cứu được cái họa thuốc phiện vậy!

147. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười một)

Mười ba gói Bát Đức Tu Tri chắc ông đã nhận được rồi. Nhận được thư, tôi liền viết thư cho người lo việc thuộc Hội In Kinh Thượng Hải hỏi về giá cả. Họ nói: Chiếu theo giá ban đầu phải là 450 đồng, bưu phí là 20 đồng. Ngày hôm nay liền gởi tiền đi, không bao lâu nữa sẽ có mấy bao gởi đến. Phàm sách gởi đến sẽ có hóa đơn, hãy nên kiểm kỹ số hộp, số quyển. Nếu có sai sót, liền gởi thư hỏi trực tiếp tiên sinh Phí Phạm Cửu, chấp sự của Ảnh Ấn Tống Tạng Kinh Hội ở số 714 đường Oai Hải Vệ, Thượng Hải (Phạm Cửu cũng là Phật tử quy y, pháp danh là Huệ Mậu), đừng sai Quang chuyển thư. Hình thức của kinh tôi chưa xem qua, mấy bữa nữa sẽ bảo Linh Nham Sơn đem một hộp kinh[232] đến để coi (kinh ở Linh

[231] Tiêm là dụng cụ để nướng thuốc phiện trước khi hút. Thuở ấy thuốc phiện bán trong hộp, trông gần giống như hộp đựng cao. Người hút dùng một dụng cụ dài nhọn bằng bạc, thường gọi là que tiêm (yên thiêm), để vít lấy một ít thuốc từ trong hộp đựng thuốc phiện (yên hạp), rồi vừa xoay vừa nướng viên thuốc trên ngọn đèn dầu đậu phộng (yên đăng). Khi nướng đủ mức sẽ nhồi vào dọc tẩu (yên thương) để hút.

[232] Nguyên văn *hàm* (thường dịch là hòm), một hàm gồm mười quyển. Khi xưa, in kinh thường chia theo đơn vị quyển, mỗi quyển chừng 40-50 trang, mỗi trang từ 15 đến 20 dòng, mỗi dòng từ 10 đến 12 chữ.

Nham giá 583 đồng, vốn là do về sau lên giá) sẽ coi kỹ cách ghi danh mục để tiện kiểm đọc, chẳng đến nỗi rối loạn.

Khoản tiền ấy không cần phải gấp, tới năm sau trả lại sớm hay muộn hoặc năm sau nữa mới trả cũng được; nhưng trước khi gởi tiền, phải viết thư nói rõ. Đợi khi Quang viết thư cho biết, sẽ gởi tiếp khoản tiền ấy về chỗ nào, do sớm muộn gì năm sau Quang cũng sẽ xuất quan, sẽ rời khỏi Tô Châu. Hiện thời, vẫn chưa quyết định sẽ đi về đâu, nhưng nói chung là ở phương Nam, chẳng trở về phương Bắc vì già cả sợ lạnh, áo bông, mền bông v.v. cầm theo vướng víu, bỏ đi lại không đành. Vì thế chẳng dám trở về phương Bắc.

(7 giờ rưỡi ngày 12 tháng 10 năm Dân Quốc 23 - 1934.
Hôm nay trời âm u, chẳng thấy đường, viết dưới ánh đèn điện)

148. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười hai)

Chắc là ông đã nhận được chừng đó bưu kiện Đại tạng kinh bản đời Tống rồi. Nay đem thư của hội ấy gởi cho Quang và biên nhận gởi kèm theo thư. Gần đây, Quang mục lực càng suy, hết thảy những chuyện sai phái viết lách đều chẳng thể làm được. Trong ngày 13, 14 đã đăng trong hai báo Thượng Hải và Tân Thân, ngày 15 đã đăng trên bán nguyệt san Phật Học, từ nay không có chuyện hết sức quan trọng đừng nên gởi thư đến. Chuyện viết lời tựa, hiện thời không thể xem được. Hễ năm sau còn sáng mắt đôi chút sẽ viết. Nếu không, sẽ để mặc đó.

Hiện thời Cửu Hoa Sơn Chí chưa xong, do thầy Đức Sâm lo liệu, lại còn Viễn Công Văn Sao phải giảo duyệt. Năm sau, hoàn tất hai cuốn sách ấy, sẽ rời đất Tô đi nơi khác, sẽ cho ông biết chỗ ở, chứ hiện thời vẫn chưa quyết định. Nhận được bưu kiện này xin báo cho biết, chỉ viết "đã nhận được" là xong, chẳng cần viết cho nhiều những lời dài dòng vô ích. Mong hãy sáng suốt soi xét. Ngoài ra là 4 bức tượng Phật vẽ bằng bút, hơn 20 bức tranh Phật vẽ bằng móng tay được in theo lối thạch bản, cùng với Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xếp thành một gói, gởi bằng thư bảo đảm, mong hãy thu nhận.

(Ngày Rằm tháng 11 năm Dân Quốc 23 - 1934)

149. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười ba)

Ngày 18 nhận được thư ông, nhận được hết thảy các thứ ông đã gởi. Hôm qua nhận được khoản tiền một trăm đồng do tiệm Mậu Thịnh Đức chuyển đến, đã nhận rồi, đừng lo. Ông nói quá nhiều lời, toàn là những lời "không có chuyện gì cứ bới ra chuyện". Quang không trở về đất Tần, ông tưởng ông phải đến đây, Quang mới biết đường về đất Tần! Nếu Quang trở về đất Tần, lên xe ở Tô Châu,

đến cửa Bắc Trường An xuống xe. Ông đến đây chỉ thêm phiền phức cho Quang mà đi về tốn mấy chục đồng, dùng vào chỗ vô ích, há chẳng đáng tiếc ư?

Cần biết rằng, thời cuộc hiện thời xét tới cùng chẳng biết ra sao? Hãy nên ở yên trong nhà, lỡ có chuyện sóng gió còn có người làm chủ. Nếu đi xa chưa về được thì đôi bên đều phải bận lòng vô ích; sao lại khổ sở làm chuyện tổn hại, vô ích ấy? Còn chuyện ông đề nghị Quang sống trong nhà ông, chẳng gặp một ai, nếu xét đến cùng, có khác gì Quang không trở về đất Tần đâu, làm sao Quang ở trong nhà ông được? Phổ Đà, Ngũ Đài, Nga Mi Chí gởi cho ông mỗi thứ một bộ, xếp thành một gói. Tọa Hoa Chí Quả vốn là sách nói về nhân quả, cũng gởi cho ông một gói. Sau hai ba tuần nữa, sẽ có tờ truyền đơn khuyên nên tiếc chữ và sách Khuyến Niệm Phật gởi sang tiệm Mậu Thịnh Đức. Ông sẽ được họ báo cáo đã giao tiền.

(Ngày 20 tháng 2 năm Dân Quốc 24 - 1935)

150. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bốn)

Hôm nay ông Vương Ấu Nông vì lo liệu công cuộc cứu trợ cho dân chúng bị nạn vì thổ phỉ, thiên tai ở Thiểm Tây đã gởi cho Quang mười cuốn sổ vàng lạc quyên. Quang một mực chẳng quyên mộ, huống chi đương lúc khốn khổ gian nan này, bèn gởi khoản tiền in sách một ngàn đồng để quyên tặng và gởi trả lại sổ vàng. Khoản tiền ông thỉnh kinh đã trả được một trăm, khoản tiền còn lại nếu có thể trả được lúc này thì xin hãy gởi cho Hội Cứu Trợ Tỉnh Thiểm Tây tại số 10 đường Ngũ Vị thuộc tỉnh thành, giao cho cư sĩ Vương Ấu Nông để cứu trợ cho vùng Thiểm Nam. Nếu chẳng tiện trả một lúc, sớm muộn gì trả phần còn lại cũng được, nhưng vẫn giao cho Vương Ấu Nông. Nếu hội đã giải tán thì giao đến tận nhà ông ta ở số 10 ngõ Trần Gia thuộc khu Tây Bắc trong thành để tùy ý ông ta dùng làm khoản cứu trợ nào cũng được.

(Ngày 29 tháng 2 năm Dân Quốc 24 - 1935)

151. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười lăm)

Hôm trước nhận được thư ông, biết ông đã gom được khoản tiền nợ Quang là 400 đồng, ông cũng quyên thêm 100 đồng để cứu trợ dân bị thiên tai, an ủi, vui mừng hết sức! Ngày 17, một đệ tử giao cho Quang 100 đồng để cứu trợ; Quang lại gộp món tiền ấy với những khoản tiền do người khác cho Quang được 500 đồng đem gởi cho Ấu Nông để trọn hết tấm lòng tôi.

Nói đến chuyện "niệm Phật, niệm Quán Âm đều có thể tiêu tai thoát nạn" thì lúc bình thường hãy nên niệm Phật cho nhiều, niệm Quán Âm ít hơn. Gặp khi

hoạn nạn, hãy nên chuyên niệm Quán Âm do Quán Âm bi tâm tha thiết, có túc duyên sâu đậm với chúng sanh phương này. Chớ nên do thấy nói như vậy, bèn nói "Phật chẳng từ bi bằng Quán Âm". Cần biết rằng Quán Âm là đấng thay Phật rủ lòng từ cứu khổ. Ngay như khi Phật Thích-ca tại thế, cũng thường dạy chúng sanh khổ nạn niệm Quán Âm, huống gì bọn phàm phu chúng ta?

Khi xuất quan, sau khi đã quyết định tới ở chỗ nào sẽ gởi thư cho ông biết. Trong lúc chưa quyết định đi hay ở này, nói ra sẽ biến thành nhiễu loạn. Gần đây, con người hoàn toàn phế bỏ quy cách cũ, hoàn toàn chẳng biết kính tiếc chữ và sách, nay tôi cho in tám vạn tờ truyền đơn, sẽ gởi cho ông một gói. Mong hãy phân phát, lại hãy nên ra rả khuyên răn để mong ai nấy đều vun bồi nền phước.

(Ngày 20 tháng 3 năm Dân Quốc 24 - 1935)

152. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười sáu)

Nghĩ tới người đời trước giữ khí tiết khắc khổ, hãy nên cực lực phổ biến sự giáo hóa của Phật khiến cho hết thảy mọi người đều hưởng lợi ích liễu sanh thoát tử, ngõ hầu tên cha mẹ ta được ghi trên sen báu Tây Phương. So với những sự vinh hạnh rỗng tuếch được ghi danh trên bài minh nơi văn bia trong cõi này, sẽ khác biệt vời vợi như trời với đất. Kẻ có hiếu với cha mẹ hãy nên chăm chú nơi chuyện lớn lao, còn chuyện nhỏ nhặt có làm hay không cũng được, chẳng cần phải dốc chí nơi những chuyện ấy.

(*Tháng 10 năm Dân Quốc 24 - 1935)*

153. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bảy)

Há nên nói lắm lời sáo rỗng như vậy? Cái tập khí hư huyễn, hời hợt ấy người học đạo chớ nên có, huống là trước mặt thầy càng chẳng nên nói ư? Người Nhật mang tâm cọp sói muốn thôn tính nước ta, nước ta lắm kẻ lén ăn hối lộ của Nhật, làm chó săn cho bọn chúng, đến nỗi bọn chúng càng lộ vẻ hung hăng dữ tợn hơn. Nếu không có ai chịu để cho chúng sai khiến, chúng trọn chẳng đến nỗi ngang ngược như thế! Ở Tô Châu hằng ngày dăm ba lần có phi cơ Nhật bay qua, lúc đầu ném bom mấy chỗ, gần đây chỉ bay qua mà thôi. Người Tô Châu mười phần lánh đi hết bảy, nhưng tỵ nạn ra ngoại ô càng khổ lắm. Những người không tỵ nạn còn an vui một chút. Quang già rồi, một bước cũng không thể di động được! Chưa đáng chết thì nói chung sẽ chẳng chết; hễ phải chết, thà trúng bom mà chết, chứ chẳng chuyển dời đi đâu để phải chịu khổ oan uổng như thế.

Sữa độc (sữa của người mẹ nóng giận) giết trẻ nhiều hơn do phá thai hay trấn nước con gái[233], tiếc rằng những danh y từ xưa chưa từng nói đến chuyện này. Kẻ không biết nguyên nhân luôn đổ lỗi cho số mạng, chẳng biết đấy nào phải do số mạng. Phàm nữ nhân tánh tình nóng nảy, con cái họ phần nhiều bị chết (nổi nóng lên cho con bú, con sẽ bị chết vì sữa hóa độc); dù không chết, cũng lắm bệnh (nổi nóng nho nhỏ sẽ thành bệnh). Nữ giới từ nhỏ phải tập tánh nhu hòa thì suốt đời hưởng nhiều phước. Nếu không, chẳng những chính mình lắm bệnh, mà con cái cũng dễ bị chết hay lắm bệnh. Gia đạo bất hòa đến nỗi suy vong, tai họa thường thấy hằng ngày; đây quả thật là nền tảng để lập gia, lập quốc vậy. Hơn nữa, hiện nay chiến sự khốc liệt cùng cực từ trước đến nay chưa hề có, về sau này những vũ khí hung bạo càng tinh diệu hơn, nhân dân càng khó sống còn. Bất luận già trẻ trai gái đều nên niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng đến nỗi đời đời kiếp kiếp mắc phải sự ngược đãi, hà khắc này!

Hiện thời quốc nạn hết sức nguy kịch, phàm hết thảy mọi người đều nên nhất tâm niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" để cầu chiến sự mau dứt, ai nấy được sống yên. Ngày 28 tháng 6, Quang đăng bản thông cáo rộng rãi khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, gởi cho báo Thượng Hải Tân Văn, và tòa báo Tân Thân, bảo mỗi tờ đăng mười ngày. Mồng 8 tháng 7 bắt đầu, báo tuy đã in ra, nhưng khó thể phát trọn khắp, lại bảo Tập Cần Sở tại Tào Hà Kính in năm mươi vạn tờ truyền đơn rộng bảy tấc gởi đến những cơ quan Phật giáo các tỉnh. Do chiến sự phải ngừng in. Bài văn ấy không chỉ vì chiến sự, sau khi yên ổn trở lại chẳng ngại gì in tiếp. Tôi cho in bài ấy kèm vào sau cuốn Đạt Sanh Biên, sau khi yên ổn sẽ tùy thời cơ mà lo liệu. Chiến sự chưa ngớt, chuyện gì cũng chẳng thể tiến hành. Gởi cho ông một phần quảng cáo khuyên niệm Quán Âm đã đăng trên báo, xin hãy lần lượt bảo khắp đại chúng thì lợi ích lớn lao lắm!

(Ngày mồng 3 tháng 8 năm Dân Quốc 26 - 1937)

154. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười tám)

"Thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát", chính là "thường niệm, thường cung kính", chữ *thường* thông sang chữ *cung kính*, há nên nói trơ trọi là "niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát" ư? Cần biết rằng hai chữ nam-mô nghĩa là "quy y, đảnh lễ, cung kính, hãy cứu độ con v.v.". Hiện thời Tập Cần Sở tại Thượng Hải đã in hai ba chục vạn tờ truyền đơn phát đi các nơi, nhưng Nam Kinh,

[233] Đây là một hủ tục ở thôn quê Trung Hoa thuở xưa. Trong năm đói kém, nếu sanh ra con gái, đứa bé ấy sẽ bị bỏ mặc cho chết đói hay trấn nước cho chết, chỉ giữ con trai lại với mục đích nối dòng. Cách này cũng áp dụng nếu người mẹ sanh quá nhiều con gái nhưng chưa sanh được con trai.

Nam Thông, Hán Khẩu, Vô Tích, mỗi nơi đều có người in; ông chỉ cần in ra, phát tặng tại đất Tần. Nhất tâm niệm Phật không chuyện gì chẳng thực hiện được.

Quán Âm từ bi tầm thanh cứu khổ, đang trong lúc khổ sở cùng cực này, dạy người ta niệm Quán Âm so ra họ rất dễ sanh lòng tin hơn dạy họ niệm Phật, vì con người phần nhiều không biết đến oai thần của Phật. Đối với chuyện đức Phật cứu khổ cứu nạn, trong kinh rất ít khi nêu rõ, nhưng chuyện đức Quán Âm cứu khổ cứu nạn thường được kinh Đại thừa nhắc tới. Như phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, chương thứ 25 - "pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Âm" trong kinh Lăng-nghiêm, chương Thiện Tài Tham Học Quán Âm trong kinh Hoa Nghiêm (lần tham học thứ 28). Kinh Đại Bi chuyên nói về chú Đại Bi và những chuyện Quán Âm cứu khổ. Kinh Bi Hoa[234] nói đến những chuyện khi Quán Âm Bồ-tát tu nhân, phát nguyện cứu khổ. Những kinh khác nói đến rất nhiều. Do nhân duyên này, cõi đời không ai chẳng biết Quán Âm là bậc cứu khổ cứu nạn. Đang trong đại kiếp này, bảo những người thượng đẳng (trí thức thượng đẳng) niệm Phật thì dễ, còn với kẻ hạ đẳng (trí thức hạ đẳng) do trong kinh chưa từng nói đến, chắc họ chẳng sanh lòng tin, vì thế bảo họ niệm Quán Âm. Sao ông lại đem so sánh quả vị, thần thông v.v. giữa Phật và Bồ-tát?

Cần biết rằng, Quán Âm có nhân duyên lớn với thế giới chúng ta, từ trong vô lượng kiếp trước, ngài thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi sâu nặng, chẳng lìa cõi Tịch quang (tức là cõi Phật ở) hiện hình trong chín cõi để thực hiện cứu vớt. Huống chi ngài còn thị hiện làm Pháp Vương Tử của A-di-đà Phật, như dân chúng muốn cầu ân trạch của hoàng đế liền hướng về Thái tử mà cầu. Niệm Quán Âm phát nguyện cầu sanh Tây Phương cũng được mãn nguyện, do Di-đà và Quán Âm cùng thực hiện một chuyện độ sanh, chứ không phải là hai nghĩa.

---

[234] Kinh Bi Hoa (Karunā-Pundarīka-Sūtra), 10 quyển, chia thành 6 phẩm, do ngài Đàm Vô Sấm (Dharmaraksa) dịch vào thời Bắc Lương. Kinh này nói về nhân địa trong thời quá khứ của Phật Thích-ca, Phật A-di-đà, Phật A-súc v.v. cũng như một loạt những vị Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Phổ Hiền, Văn-thù. Điểm đặc biệt của kinh này là ca ngợi lòng đại bi vô tận của đức Như Lai đã thị hiện thành Phật trong uế độ. Theo kinh này, vua Vô Tránh Niệm do đại thần Bảo Hải khuyến cáo, bèn đối trước Bảo Tạng Như Lai phát nguyện kiến lập Tịnh độ, được Bảo Tạng Như Lai thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ (Amitāyus). Một ngàn vương tử của vua đều noi gương phát nguyện thành Phật, lần lượt được Phật Bảo Tạng thọ ký. Trưởng tử là vương tử Bất Thuấn sau này thành Quán Âm Bồ-tát, vương tử thứ hai là Ni Ma thành Đắc Đại Thế, vương tử Vương Chúng trở thành Văn-thù Sư Lợi v.v.. Tám mươi người con và ba ức đệ tử của Bảo Hải cũng thệ nguyện thành Phật, lần lượt trở thành những vị Phật trong uế độ. Bảo Hải phát ra 500 nguyện, thề sẽ thành Phật trong cõi đời ác trược, được Bảo Tạng Như Lai thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Phật. Kinh này còn có một bản dịch khác là Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi Kinh, gồm 8 quyển, 13 phẩm, được dịch vào đời Tần, nhưng đã mất tên người dịch.

Đức Hằng được bổ làm giáo viên trường Sư Phạm Vị Dương, muốn Quang khai thị (hãy bảo anh ta thường đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư). Cần biết rằng cội rễ của sự đại loạn trong nước ta là do Trình - Chu bài bác nhân quả luân hồi, cho rằng: "Con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có những nỗi khổ chém - chặt - xay - giã trong địa ngục, lấy đâu để thi hành! Lại do thần thức đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh? Tức là không có địa ngục, luân hồi, làm lành hay làm ác đều không có báo ứng." Như vậy là ngăn trở kẻ khác làm lành, mặc kệ cho kẻ khác tạo ác. Từ đấy về sau, Lý học đều chẳng dám nói đến nhân quả, luân hồi, nên thiện không có gì để khuyên, ác không gì để trừng phạt, hùa nhau đề xướng rộng rãi thực hành chuyện biến con người thành loài thú.

Cần biết rằng, cuộc đại loạn này là vì Trình - Chu bài xích nhân quả luân hồi mà khơi ra đầu mối! Do quốc gia chẳng đề xướng chuyện giáo dục, đến nỗi cha mẹ trong gia đình chỉ dạy con cái mở mang trí thức, chẳng bảo ban con cái về nhân quả, báo ứng, đạo đức, nhân nghĩa. Thầy giáo trong nhà trường chỉ biết dạy học, soạn văn chương, chứ đối với chuyện "tận tụy theo đuổi sự nghiệp học thánh, học hiền" một câu cũng không nhắc tới. Bởi lẽ, những hạng thầy giáo ấy từ bé tới già cũng chẳng biết "học hành là để học thánh học hiền", chỉ biết soạn văn chương để cầu công danh; đến khi đã đạt được công danh bèn cậy thế khinh người, gây tàn hại cho địa phương, mười phần hết tám chín. Những người tạo lợi ích cho địa phương chỉ được một hai phần mà thôi!

Cổ nhân nói: *"Sư giả, nhân chi mô phạm dã"* (Thầy là khuôn mẫu cho người khác), khuôn chẳng thành khuôn, mẫu không ra mẫu sẽ gây hại chẳng nhỏ. Cần biết rằng con người cùng với trời đất cùng xưng là tam tài, tài là tài năng. Trời chẳng biết cao bao nhiêu, to bao nhiêu; đất chẳng biết dày bao nhiêu, rộng bao nhiêu, con người chỉ năm sáu thước, là một vật nhỏ nhoi sống được sáu bảy mươi tuổi, sao có thể sánh cùng trời đất chẳng thể suy lường mà xưng danh? Nên biết rằng, trời đất tuy có thể sanh thành vạn vật, nhưng nếu không có con người giúp đỡ giáo dục sẽ chẳng thành thế đạo. Vì thế, con người có thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang đường học cho người đời sau, đấy chính là trách nhiệm của kẻ làm cha, làm thầy.

Nếu biết ta là thầy của người khác, dẫu ta không có đức để cảm hóa người thì cũng nên "nhất cử nhất động của chính mình đều chẳng để sai lễ!" Tức là: "Chuyện phi lễ chẳng nhìn, lời phi lễ chẳng nghe, tiếng phi lễ chẳng nói, chuyện phi lễ chẳng làm", dè dặt, kinh sợ như vào vực sâu, như bước trên băng mỏng, chỉ sợ người khác bắt chước ta làm chuyện không ra gì, thì có thể mong thành

thánh, thành hiền, siêu phàm nhập thánh. Hãy nên thường sao lục nhiều bài để công bố cho những người có chí "lo toan cho người khác" được cùng đọc. Ở Tô Châu, phi cơ hằng ngày bay đến ba bốn năm sáu bảy tám lượt cũng không nhất định, có ngày ném bom mấy lần, có bữa không ném. Có người khuyên Quang đi sang nơi khác, Quang thà bị trúng bom chết, chẳng muốn chết vì bôn ba nhọc nhằn, xin đừng nói cho lắm những lời suông. Từ nay đừng nên gởi thư tới nữa, do mọi người đang cầu được sống trong cái chết, làm sao còn rảnh rỗi để thù tiếp được nữa đây?

(Ngày 18 tháng 9 năm Dân Quốc 26 - 1937)

155. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười chín)

Thư ông và mười đồng đều nhận được cả. Đang trong lúc đại kiếp chưa từng có này, cũng nên dè dặt, gắng sức ra công tu trì. Mấy năm qua, thư từ cũng chẳng ít, lại còn gởi các loại sách và Đại tạng kinh đời Tống. Nếu chịu vâng theo khuôn phép thì một bộ Văn Sao đã dư dùng; chẳng chịu vâng theo khuôn phép, dẫu có Đại tạng kinh cũng chẳng ích gì! Không biết người em thứ hai của ông có vâng theo lời tôi nói hay không? Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều, từ nay đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai đến quy y, vì không có mục lực lẫn tinh thần để phúc đáp.

(Tháng 10 năm Dân Quốc 26 - 1937)

156. Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh

Sao gởi thư gì mà tên lẫn họ đều không ghi? Nếu gởi về nhà mình thì còn được, nếu nhờ người khác chuyển, ắt phải lo có bị lỡ việc hay không? Muốn cho khi lâm chung chẳng bị hôn trầm, ắt lúc bình thường phải có hành trì chân thật. Lúc bình thường hờ hững, hời hợt, làm sao lâm chung tỉnh táo cho được? Chuyện của Chu Vinh Hâm nếu không phải là bịa đặt thì ông ta chắc chắn được vãng sanh. Một là vì ông ta có thiện căn từ đời trước, hai là vì được cả nhà trợ niệm. Chuyện trợ niệm lợi ích rất lớn, nếu chẳng trợ niệm sẽ thành phá hoại chánh niệm. Đừng nói người không có công phu chẳng thể vãng sanh, ngay cả người có công phu mà bị người nhà phá hoại cũng chẳng thể vãng sanh được. Vì thế, phải khuyên sâu xa người nhà cùng tu tịnh nghiệp, mới có thể chẳng đến nỗi công lao bị hỏng lúc sắp thành, vẫn trầm luân trong biển khổ sanh tử.

Con ông chẳng dám nhìn nữ nhân, nhưng kẻ tại gia hằng ngày thường trông thấy nữ nhân. Nếu thấy nữ nhân già, hãy tưởng như mẹ mình; người lớn hơn hãy tưởng như chị mình; kẻ nhỏ hơn hãy tưởng như em gái mình. Bất luận loại nữ

nhân nào đều tưởng như vậy thì lâu ngày trông thấy nữ nhân khác cũng sẽ chẳng khác gì mẹ, chị, em mình. Lại nữa, nếu thấy nữ nhân xinh đẹp bèn khởi tà niệm thì hãy thường tưởng trong bụng người ấy toàn là phân tiểu, chỉ là một tấm da mỏng bọc lấy nên dường như dễ coi. Nếu bóc lớp da ấy ra, không có một điểm nào dễ nhìn cả! Quán tưởng nữ nhân như thế, mà quán tưởng chính mình cũng như thế. Lúc chưa thấy đã tưởng như vậy thì lúc trông thấy, tưởng niệm này sẽ hiện tiền, lâu ngày tà niệm tự tiêu. Nếu lấy vợ cũng tưởng như thế sẽ chẳng đến nỗi tham sắc chết yểu; nếu không, nguy hiểm đến cùng cực. Chẳng những không nên đến chùa ni cô, mà với nhà thân hữu cũng đều nên tránh gây hiềm nghi (như ngồi trò chuyện trong phòng kín và chỗ không có người thấy).

Cổ nhân thì chị dâu em chồng chẳng đưa đồ vật trực tiếp cho nhau, chẳng phải là không trao cho nhau được mà là vì sợ biết đâu do trực tiếp đụng chạm tay nhau tà niệm dấy lên, nên lập ra cách ngăn ngừa này. Nơi ruộng dưa chẳng cúi xuống buộc dép, sợ người khác ở đằng xa trông thấy ngỡ mình bứt dưa. Dưới gốc mận chẳng vói tay chỉnh lại mũ, sợ người khác ở đằng xa nhìn thấy ngỡ mình bẻ mận. Chánh nhân quân tử không có tà niệm mà vẫn phải chấp trước như thế, huống chi là người vừa thấy nữ nhân liền khởi tà niệm há chẳng nên chấp trước như thế ư?

Phiền não là vọng, sao lại nói là "chẳng thể đoạn"? Nói chẳng thể đoạn là nói về chân tánh. Trước khi chưa chứng, chân tánh thuận theo ác duyên mà thành phiền não, nhưng vẫn bất biến. Thuận theo thiện duyên, tịnh duyên sẽ trở thành Bồ-đề, vẫn bất biến. Ví như vàng ròng tuy gò thành cái bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm, tuy hằng ngày đựng phân, tánh vàng vẫn bất biến. Nếu đúc thành tượng Phật, tượng Bồ-tát, tuy cực kỳ quý trọng nhưng tánh vàng vẫn bất biến. Người trong thế gian ai nấy sẵn đủ Phật tánh, nhưng thường tạo ác nghiệp như đem vàng gò thành cái bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, thật chẳng biết tự trọng quá sức! Nếu biết nghĩa này, ai chịu thường làm những món đồ để làm bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm nữa? Nhưng con người tranh nhau làm bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm! Trong trăm ngàn vạn ức người, chắc là hết sức ít những người chẳng chịu làm bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, một dạ muốn làm tượng Phật, tượng Bồ-tát, ngay cả làm tượng Thiên Đế đại vương cũng không chịu làm.

157. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ nhất)

Hôm trước nhận được tiểu sử công đức của lệnh tổ[235], đọc rồi khôn ngăn cảm thán. Phàm những người cai trị dân đều chịu tuân theo pháp tắc thì thiên hạ yên vui vĩnh cửu. Chỉ có một chuyện người tầm thường muôn phần chớ nên bắt chước, bắt chước theo ắt bị đại họa. Vũ Túc Vương giương nỏ bắn sóng, sóng rút lui, ấy chính là thủy thần cảm đức của Vương nên sóng chẳng dâng lên nữa. Người thiếu đức bắt chước, ắt sẽ chọc giận thủy thần, sóng lớn bủa vây thì dân cư nguy hiểm đến cùng cực.

Ngày Trung Thu năm Quang Tự 12 (1886), tôi rời Nam Ngũ Đài (ở ngoài thành Trường An, chính là nơi Quán Âm hiện thân lão tăng hàng phục con rồng yêu quái, rồi khai sơn. Phần Phụ Lục cuối Văn Sao [Tăng Quảng Chánh Biên] có bài bi ký về chuyện này), sang núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Trước khi ra đi, đã nghe Thái Nguyên bị nạn lụt lớn. Đến đầu tháng 9, tới Thái Nguyên, mới có đường nhỏ dành cho người đi bộ, do vậy bèn vào thành nhìn xem cảnh tượng. Một ngày nọ trong khoảng tháng 6, tháng 7, cuồng lưu dấy lên chảy bên cạnh thành từ phía Tây xuôi về phía Nam. Thế nước thật dữ dội, quan Tuần Phủ X… lên thành xem liền hạ lệnh bắn đại pháo để phá sóng. Bắn một phát, ngay lập tức nước dâng gấp mấy lần, thuận thế chảy về phía Nam thành. Cửa thành đã đóng, may là nước chưa tràn vào thành. Nam Quan là đường lớn để lên kinh đô, đường phố rất dài, nước xoáy đến nỗi nhà cửa, cỏ cây, tường vách không còn gì nữa, trở thành một cánh đồng mới bồi, phẳng lì, không một ai chẳng gặp phải tai nạn do phát đại pháo này. Tài vật bị tổn thất chẳng biết là đến mấy vạn vạn.

Đủ biết, quỷ thần kính đức, chứ không sợ oai! Người thiếu đức trong lúc ấy chỉ nên suất lãnh mọi người khẩn cầu, sám hối cầu đảo đừng gây tổn thương cho dân lẫn vật, quyết chẳng đến nỗi khiến cả thành bị tai nạn lớn lao. Dẫu cho vô ích, quyết chẳng đến nỗi ươm thành tai nạn lớn lao. Khi in lại bài tiểu sử này, có lẽ hãy nên nêu rõ ý nghĩa này, ngõ hầu những kẻ làm quan về sau gặp phải cảnh này chẳng lượng đức mình, chỉ bắt chước Vương ra oai, đến nỗi chuốc họa hại dân.

[235] Vị tổ của ông Tiền Sĩ Thanh được nói ở đây chính là Tiền Vũ Túc Vương tức Ngô Việt Thái Tổ, tên thật là Tiền Liêu (852-932), tự Cụ Mỹ (có sách ghi là Cự Mỹ), người huyện Lâm An, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, người sáng lập ra nước Ngô Việt vào thời Ngũ Đại. Vào cuối đời Đường, do theo tướng quân Đổng Xương dẹp yên loạn Hoàng Sào, Tiền Liêu lãnh chức Trấn hải tiết độ sứ. Sau đó, Tiền Liêu đánh bại Đổng Xương, chiếm cứ mười ba châu huyện thuộc vùng Lưỡng Chiết (nay là toàn bộ tỉnh Chiết Giang, phần Đông Nam của tỉnh Giang Tô và phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Những vùng đất này thuộc lãnh thổ nước Ngô và Việt thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên khu vực này được gọi chung là Ngô Việt), được phong làm Ngô Việt Vương. Tiền Liêu chú trọng phát triển nông nghiệp vùng Ngô Việt, cho đắp đê trên sông Tiền Đường từ năm 907 đến 932 để ngừa nạn lụt cũng như thiết kế mạng lưới thủy lợi nhằm điều hòa mực sông. Chuyện bắn sóng để buộc thủy triều rút ra xa được tiến hành trong khoảng thời gian này. Nước Ngô Việt tồn tại từ năm 907 đến 978.

Cư sĩ đã sáu mươi bảy, dẫu thọ trăm tuổi thì cũng đã quá nửa đời người rồi, hãy nên trong lúc về hưu vô hệ lụy này, theo đúng lý nên chuyên tu tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, khiến cho hết thảy mọi người đều quay về nơi hiện nay đã biến thành nhà cũ từng bị họ bỏ lơ thì lợi ích ấy chỉ đức Phật mới biết được. Nếu lắng lòng nghiên cứu thuật bói toán phong thủy, tuy có thể lợi người, nhưng cũng rất hữu hạn, Quang tuyệt đối chẳng nghĩ lời nói ấy là đúng. Lệnh tổ chẳng nghe lời xúi giục lấp Tây Hồ[236], kiến thức cao hơn những kẻ tầm thường vạn vạn lần. Nếu nghe theo, sợ sẽ nhọc dân hao của, hoặc đến nỗi bị tổn hại vô ích.

Đối với Phật pháp, Quang trọn chẳng đạt được gì. Năm Quang Tự 19 (1893) đến chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà sống nhàn tản, cho tới năm Dân Quốc thứ sáu (1917), chẳng qua lại với người bên ngoài. Dẫu trong núi có ai sai phái viết lách gì, cũng chẳng dùng hai chữ Ấn Quang. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), Từ Úy Như nhận được ba lá thư bèn đem in ra mấy ngàn bản gởi cho người khác, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo. Năm sau lại thu thập được hơn hai mươi mấy bức thư, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem in ra ở Bắc Kinh, tới Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với pháp sư Đế Nhàn. Từ đấy, hằng ngày bận bịu thù tiếp thư từ, trọn chẳng có lúc nào ngớt. Chẳng biết Bản Văn Sao mà cư sĩ đã đọc là bản được in vào năm nào, chỉ sợ lúc ấy chỉ đọc được một hai lượt đã bỏ xó. Nay gởi cho ông một bộ, văn tuy gai mắt, nhưng ý chấp nhận được. Xin hãy đọc kỹ để tu trì liền có thể vận dụng lớn lao lời nghị luận rộng lớn về chuyện dẫu nghèo cùng hay hiển đạt đều có thể tốt lành.

Văn Sao Tục Biên chỉ có hai cuốn, độ chừng ba trăm trang, so với bộ trước có nhiều chỗ lợi người hơn, nhưng văn chương lại càng hủ bại, ô uế. Ước chừng cuối tháng 8 sẽ có thể in xong. Nếu cư sĩ chẳng hiềm hủ bại, ô uế thì cuối tháng 8, đầu tháng 9 sẽ không ngại gì đích thân đến chùa Thái Bình, hỏi pháp sư Đức Sâm thỉnh hai ba bộ để kết pháp duyên. Quang chưa hề mó tay vào thuật bói toán phong thủy, nhưng tôi thấy những người tự xưng là đại thông gia hiện nay đều chỉ trích kiến trúc của người xưa là sai, mặc tình sửa đổi. Thật ra, được tốt lành thì ít, bị xui xẻo thì nhiều. Phàm những ai làm thầy thuốc hoặc bói toán, phong thủy xin Quang khen ngợi, Quang chẳng thốt ra một chữ nào đáp ứng vì sợ khiến

[236] Trong thời ấy, nhằm lúc nhà Đường suy vong, do chiến tranh liên miên, chánh quyền không quan tâm đến vấn đề nông tang. Sau khi dẹp yên Đồng Xương, Tiền Liêu mới lên nắm quyền xứ Ngô Việt. Tây Hồ cỏ dại, lau lách phủ kín, trông rất hoang vu, quạnh quẽ. Có một tay thuật sĩ khuyên Tiền Liêu nên lấp bằng Tây Hồ, dựng vương phủ trên ấy, sẽ được hưởng vượng khí ngàn năm. Tiền Liêu không chấp nhận đề nghị ấy, nói: "Trăm họ nhờ nước hồ này để tưới ruộng, không có nước sẽ không có dân. Huống chi sau năm trăm năm sẽ có dòng họ khác dấy lên, làm sao có chuyện cả ngàn năm mà không có chân chúa trong thiên hạ được?" Vua cho lệnh lập một đội quân chuyên trông coi việc khai quang, nạo vét hồ cho sạch sẽ, đồng thời đào thêm ba cái ao chung quanh để trữ nước phòng khi trời hạn hán.

cho người khác bị lầm lạc bởi mình. Quang nói thẳng với họ: Nếu Quang tán dương, phải thấu hiểu sâu xa thuật ấy và biết đích xác bản lãnh của các hạ thì mới được. Quang chẳng biết những thuật ấy, lại chẳng biết bản lãnh của các hạ, làm sao có thể phô bày với người khác cho được? Người ta nói sao, mình cũng phô phang y hệt như vậy, thì tuy ngu hèn, Quang cũng chẳng chịu mạo muội thuận theo thói lấy lòng ấy đâu nhé!

158. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ hai)

Nhận được thư khôn ngăn khâm phục, đọc đến tác phẩm lớn lao của ngài liền biết đức của Vũ Túc Vương nhiều đời hãy còn. Những gia đình trâm anh đời đời đức hạnh mà tôi thường hâm mộ chỉ có gia tộc Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống là lâu bền nhất. Đọc gia phả nhà ông thì đức trạch của Vũ Túc Vương vượt trỗi Phạm công rất xa. Trộm nghĩ, tập văn này nên đặt tên là Tiền Vũ Túc Vương Thế Trạch sẽ càng khiến người ta ngưỡng mộ. Quang là ông tăng chỉ biết cơm cháo, không có tài đức làm thầy người khác, nhưng vì một người lan truyền chuyện giả, rốt cuộc người nghe chẳng xét, lầm tưởng là thật. Các hạ đã làm đồ đệ Ban Thiền[237] lại quy y với Quang, sợ rằng đôi bên chẳng hợp lẽ. Chỉ nên tích cực tu trì liền đạt được lợi ích lớn lao, chứ chẳng phải do quy y hay không?

Nay gởi kèm cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp và toa thuốc để đáp tạ hậu ý. Quang mục lực suy yếu tột cùng, để đọc và trả lời thư này phải cậy vào kính lão lẫn kính lúp mới miễn cưỡng xem thư và trả lời được. Đối với sự tích của Vũ Túc Vương, tôi phải dùng ba cái kính để xem đại lược đầu mối. Nếu in theo khổ chữ Tam Hiệu Tự, dùng ba cái kính để đọc thì phải tốn công mấy chục bữa mới mong đọc xong. Nếu chẳng hiềm gai mắt, đợi trong tháng 8, tháng 9, khi Văn Sao Tục Biên in ra, xin hãy gởi thư cho pháp sư Đức Sâm chùa Thái Bình ở đường Bắc

[237] Ban-thiền Lạt-ma (Pan-chen-lama) là một vị lạt-ma cao cấp của Phật giáo Tây Tạng Hoàng Mạo phái (Gelugpa), chỉ kém Đại-lai Lạt-ma. Ban-thiền (Panchen) có nghĩa là bậc trí tuệ, hoặc đại bác học. Chữ Panchen vốn do chữ Phạn Pandita (học giả) kết hợp với chữ Chenpo (vĩ đại) trong tiếng Tây Tạng. Đến đời Khang Hy, vị này được sắc phong thêm mỹ hiệu Ngạch Nhĩ Đức Ni (Erdeni: Quang Hiển). Khi Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang Gyatso, 1617-1682) lên ngôi quốc vương Tây Tạng, đã phong tặng cho thầy mình là Lobsang Chökyi Gyalsten (1570-1662), tu viện trưởng tu viện Tashilhunpo, tước hiệu Panchen. Do Đại-lai Lạt-ma tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát; đương nhiên, thầy của ông ta cũng được đề cao là hóa thân của A-di-đà Phật! Khi Lobsang Chökyi chết, chính Đại-lai Lạt-ma thứ năm đã chủ trì công cuộc tìm hóa thân của Lobsang và dòng truyền thừa Panchen bắt đầu từ đó. Đến đời Ban-thiền Lạt-ma thứ chín (Thubten Choekyi Nyima, 1833-1937), do bất hòa, tranh chấp quyền bính với Đại-lai Lạt-ma thứ 13, Ban-thiền phải chạy trốn sang Nội Mông Cổ, rồi sang Bắc Kinh và sống ở Trung Hoa mãi cho đến khi mất. Như vậy, ông Tiền Sĩ Thanh đã quy y với vị Ban-thiền Lạt-ma thứ chín này.

Thành Đô, Thượng Hải thỉnh một bộ thì cũng có thể làm một nhúm cát trong vô lượng hằng hà sa số lợi ích cho đời, cho người.

159. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Bài tụng của Quang tuy ý có thể chấp nhận được, nhưng văn thật vụng về, chất phác. Các hạ khen ngợi là xiển minh chân lý, muôn đời chẳng mòn, đấy vẫn là do đức của lệnh tổ mà thành. Các hạ đề cao đức lệnh tổ, quy hết về lòng tin Phật, cũng là xiển minh chân lý muôn đời chẳng mòn. Trộm nghĩ, gần đây người tin Phật xưng đương công đức của tổ tiên trọn chưa có ai thấu nguồn tột đáy như vậy. Bài văn này cũng nên đưa vào trong Tây Hồ Từ Trưng Văn San, chứ nào phải chỉ in kèm vào trong văn tập của ông. Quang cũng tính in kèm bài ấy vào cuối bài tụng trong Văn Sao. Xin hãy bảo thư ký chép thành tờ khác gởi đi, vì sợ rằng trong nguyên bản của ông có những chữ viết Thảo chắc sẽ vướng khuyết điểm "đọc sai mặt chữ". "Tử Dương tự đại", chưa biết người ấy là ai, xin hãy chú thích rõ ràng để người đọc đều hiểu lời răn dạy. Thể lệ của Văn Sao là phàm với những chỗ lẽ ra nên đài đầu[238] đều chẳng chừa chỗ trống để đỡ tốn giấy. Nếu đem lời bạt này in kèm vào Văn Sao Tục Biên thì cũng sẽ theo lệ ấy.

*** Nhận định của La Hồng Đào:**

Hậu Hán Thư, quyển 54, truyện Mã Viện chép: Mã Viện bảo Ngỗi Hiêu: "Tử Dương (tên tự của Công Tôn Thuật) là ếch ngồi đáy giếng, lầm tưởng là cao quý." Điển tích "Tử Dương tự đại" phát xuất từ câu nói này. Đại sư thông hiểu sâu rộng kinh sử, lẽ ra chẳng thể không biết, nhưng do nhất thời quên mất, nên ở đây tôi mới kính cẩn ghi chú bổ sung.

160. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ nhất)

Thư viện đã có hai bộ Đại tạng kinh, hơn một ngàn loại kinh điển trước thuật của các tông. Tuy sách vở quý ở chỗ có nhiều thứ, nhưng trong lúc đại kiếp này, quả là buổi sáng chẳng bảo đảm được buổi tối, như ở trên đống củi, phía dưới đã nhóm lửa, há nên thờ ơ, hờ hững đọc các kinh điển trước thuật, chẳng chuyên tâm dốc chí niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu gặp dữ hóa lành ư?

[238] Đài đầu là cách viết tỏ vẻ tôn kính trong những công văn thời cổ, chừa một khoảng trống trước khi viết tên hay chức vụ của người được xưng hô. Chẳng hạn, nếu viết "Độc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Hữu Cảm" (Cảm nghĩ khi đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao) thì giữa chữ Độc và chữ Ấn Quang phải chừa tối thiểu hai khoảng trống. Cách viết này còn gọi là Na Đài. Một cách thể hiện tôn trọng hơn nữa gọi là Bình Đài, tức là khi viết theo lối Na Đài xong, bỏ một dòng trống trước khi viết tiếp dòng thứ hai.

Phàm những ai đến thư viện đọc sách, bất luận là tư cách nào, cũng đều nên đem những điều này khuyên lơn để họ biết ngoài căn nhà lửa lớn này vẫn còn có thế giới thanh tịnh an lạc tột bậc. Nếu do đây sanh lòng chánh tín, chuyên chí nơi Tây Phương, công đức ấy sẽ lớn hơn công đức của những kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm nhưng chưa đoạn hoặc trong tam giới trăm ngàn vạn ức lần. Nhưng mọi nhân sĩ vẫn chưa coi đó là điều đáng lo, vẫn chuyên chí nơi chuyện chẳng cấp bách, chẳng đáng buồn sao? Pháp danh của nhóm Trịnh Cầm Tiêu xin hãy chuyển cho họ. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Hãy nên bảo họ đừng gởi thư đến và đừng giới thiệu người khác quy y vì không có mục lực để chống đỡ được.

161. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ hai)

Đang trong thời thế này, ngoại trừ niệm Phật, niệm Quán Âm ra, không có cách tốt lành nào khác. Bất luận già trẻ trai gái quy y hay không quy y, đều khuyên niệm Phật, niệm Quán Âm. Dù chẳng thể ăn chay hoàn toàn vẫn nên chú trọng bớt ăn mặn để trong khi nguy hiểm cũng không bị hiểm nguy. Thế giới đại chiến, cả cõi đời không một ai được an vui, người bị tàn sát cố nhiên là khổ, nhưng kẻ sát nhân hiện tại cũng cực khổ, đời sau hay đời sau nữa muốn làm chó, ngựa, trâu, dê cũng chẳng được. Tiếc cho cả cõi đời đều là kẻ si, cùng nhau mải miết giết người, giết vật, chẳng tự biết ác nhân đã gieo, ác quả sẽ tự theo đó đưa tới. Chuyện này đáng buồn hết sức, mong hãy sáng suốt xét soi!

162. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, khoản tiền phóng sanh ông đã gởi sẽ dùng vào các món chi phí lặt vặt cho lễ phóng sanh, miễn sao chính mình không đem khoản tiền ấy dùng vào việc khác thì sẽ không trở ngại gì; cũng không ngại nói rõ với mọi người khi họ tụ tập tham dự lễ phóng sanh thì mình lẫn người đều không phải lo nghĩ gì. Quang một mực chẳng chủ trương phóng sanh vào những ngày khánh đản Phật, Bồ-tát và trong những ngày tốt như mồng 1, ngày Rằm. Chuyện này đã thành lệ nhất định không thay đổi được, do có nhiều người phóng sanh trong những ngày ấy mà những kẻ đánh bắt loài vật sẽ đặc biệt săn bắt nhiều hơn; cũng lắm khi vì có người phóng sanh mà họ mới đi bắt. Thói đời phần nhiều háo danh, người ta ưa phóng sanh trong những hôm ấy để được tiếng. Lòng người phần nhiều lại hay quen thói làm gì cũng chấp chặt theo lệ: Nếu chẳng phóng sanh trong những bữa ấy sẽ không chịu mua loài vật để phóng sanh trong các hôm khác. Tuy Quang thường nói với người khác như thế, rốt cuộc cũng chỉ trở thành nói uổng công!

Thêm nữa, cũng chớ nên phóng sanh loạn xạ, đem thả xuống sông lớn thì không sao; chứ đem thả trong ao, phàm là cá dữ mà cũng thả lẫn vào đó, tức là thả giặc vào chỗ nhân dân tụ tập, lũ cá đều trở thành thức ăn cho nó. Muốn mỗi một việc đều đúng như pháp thì quả thật khó thể làm được. Do vậy, hãy nên cực lực đề xướng "kiêng giết, ăn chay" để làm cách giải quyết từ căn bản; chứ phóng sanh chỉ là chuyện thực hiện hành vi cứu vớt phần nào nhằm mong sao ai nấy đều cùng thấu hiểu ý nghĩa phóng sanh mà thôi! Nếu tận sức phóng sanh mà chưa thể lập cách phù hợp thì cũng chỉ là công vẫn chưa bù được tội.

Hành động phóng sanh về mặt sự tuy vì loài vật, nhưng về mặt ý thì thật sự vì con người. Nếu con người ngưng giết chóc, cố nhiên chẳng cần dùng đến hành động ấy. Nhưng con người tâm ăn thịt càng thịnh, nếu không lập ra hành động ấy, lâu ngày chầy tháng, hành vi dã man ở châu Phi[239] sẽ lưu hành khắp cõi đời. Há chẳng nên không lập sẵn cách để những kẻ ham giết chóc, ưa ăn thịt kia sẽ cùng sanh lòng răn dè tự phản tỉnh ư? Người phóng sanh chỉ nên mang ý niệm chẳng nỡ sát sanh, chứ đừng so đo con vật sẽ được thả ấy có ăn những sanh vật khác hay không. Loài cá phần nhiều ăn cá nhỏ hơn và những loài trùng nhỏ sống trong nước (tiểu thủy trùng). Nếu biện luận như thế thì thả một con cá to ắt hằng ngày nó sẽ giết vô số cá nhỏ và thủy trùng, tức là "thả một, giết nhiều", vậy là "công ít, tội nhiều". Nhưng trút[240], rắn, rái cá, xét đến cùng chẳng có mấy, đã chẳng thể mua hết các sanh vật để thả thì có lẽ cũng nên làm từ từ để khỏi bị kẻ rỗi hơi bàn ra tán vào.

Phóng sanh thì hãy nên lấy việc "chí thành niệm Phật, trì chú cho những con vật ấy" làm gốc. Bất quá, tất cả nghi thức cũng chẳng qua nhằm biểu thị pháp tướng mà thôi! Nếu như có ai khác [hiện diện trong khi phóng sanh], cố nhiên nên dựa theo nghi thức mà làm. Nếu không, chỉ dốc hết lòng thành niệm Phật là được rồi. Hơn nữa, đối với những con vật sắp được thả, nếu nhằm ngày hè hãy nên thả cho mau. Nếu câu nệ lề lối, cứ chiếu theo nghi thức để thực hiện, chắc sẽ phải tốn thời gian, bất lợi cho mạng sống của con vật. Cư sĩ phóng sanh hãy nên

---

[239] Tức tục lệ ăn thịt người của những bộ lạc cổ sơ ở châu Phi.

[240] Xuyên sơn (gọi đủ là xuyên sơn giáp) thường được biết dưới tên trút (pangolin) hay tê tê, là một loại thú ăn kiến, thân dài, đuôi dài, mũi nhọn dài, toàn thân phủ đầy những tấm vảy cứng trông như bộ giáp, thường thấy ở châu Á. Theo Wikipedia, cái tên pangolin xuất phát từ chữ pengguling (vật cuộn tròn) trong tiếng Mã Lai. Trút thường hoạt động kiếm ăn vào ban đêm, ngày cuộn tròn lại ngủ. Khi gặp nguy hiểm, chúng cũng cuộn tròn mình lại, dựng những tấm vảy cứng sắc lên để tự vệ. Trút có bốn chân ngắn nhưng rất sắc và mạnh, có thể đào tung những ụ mối, tổ kiến kiên cố để kiếm mồi, nên người Hoa mới gọi nó là xuyên sơn (xuyên qua núi). Trút thường có lưỡi dài giúp chúng có thể quét lưỡi vào những ngõ ngách trong tổ kiến, ổ mối để ăn những con mối non, kiến non. Người Hoa thường tin thịt trút rất bổ dưỡng và nhiều dược tính. Họ tin vảy Trút có tác dụng chữa sưng phồng, luân lưu huyết khí và giúp phụ nữ mới sanh có nhiều sữa nên trút bị săn bắt tàn nhẫn, gần như bị tuyệt chủng ở Trung Hoa.

theo cách thức đơn giản. Nếu tâm chân thành, không giả dối, tiếm việt, thì chiếu theo nghi thức để phóng sanh cũng không phải là hoàn toàn không được. Nếu lầm lạc bắt chước theo nghi thức của tăng sĩ, sẽ trở thành ngã mạn. Pháp cố nhiên viên dung, nhưng phải khéo dụng tâm. Tại gia cư sĩ có thể làm lễ phóng Mông Sơn thì cố nhiên thực hiện nghi thức phóng sanh cũng không trở ngại gì. Nhưng cần phải trọn chẳng mang tâm tiếm việt, ôm ý niệm độ sanh sâu xa thì mới được.

* Xét ra, trong năm Dân Quốc 22 (1933), tức năm Quý Dậu, chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn khánh thành vườn phóng sanh vừa mới được xây dựng, đại sư soạn bài văn bia, cho khắc vào đá đặt trước Bạch Vân Đường, đã nêu tỏ lý phóng sanh không còn sót. Nay chùa Trường Khánh là sơn môn bậc nhất ở Di Sơn, Phước Châu, xây thêm tường vây quanh ao phóng sanh. Xây cất xong xuôi, đại sư đã 80 tuổi, sức yếu, mắt lòa, chẳng dám phiền đại sư viết lách, chỉ kính cẩn sao chép bút tích chân thật từ sáu bài chỉ bày ý nghĩa trọng yếu của việc phóng sanh do đại sư đã gởi đến dạy dỗ trước kia, khắc vào đá, đặt bên trái ao. Nguyện những người theo đuổi việc phóng sanh trong hiện tại và vị lai đều cùng cố gắng! *(Ngày lành tiết Trọng Xuân năm Canh Thìn - Trung Hoa Dân quốc 29 (1940), đệ tử quy y La Trí Thanh kính cẩn viết)*

163. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ hai)

Người ăn chay đừng nên ăn trứng gà do nó có mầm sống; dẫu không có mầm sống, cũng chớ nên ăn vì nó có chất độc. Có người bảo "ở nơi không có gà trống thì trứng sẽ không có mầm sống", ở nơi đây rất ít có loại trứng ấy. Xưa kia, có một người thích ăn trứng gà, lâu ngày chất độc tích lại trong bụng, sanh ra rất nhiều trứng gà và gà con, các thầy lang chẳng hiểu căn bệnh ấy. Trương Trọng Cảnh[241] bảo nấu tỏi ăn, liền ói ra rất nhiều gà con cùng những con gà đã có lông hoặc không lông. Ông Trương bảo bệnh nhân suốt đời đừng ăn trứng gà nữa, hễ ăn sẽ không có cách gì trị được. Đủ biết trứng gà gây họa lớn thay!

[241] Trương Trọng Cảnh tên thật là Cơ, tự là Trọng Cảnh, là một y sư nổi tiếng thời Đông Hán, không rõ sanh và mất vào năm nào. Căn cứ theo những dữ kiện được ghi chép về cuộc đời ông, người ta chỉ có thể phỏng đoán ông sanh vào năm 150 và mất vào khoảng năm 219. Ông đỗ Hiếu liêm, làm Thái thú quận Trường Sa. Do vậy, thường được gọi là Trương Trường Sa. Trong thời gian ấy, chánh quyền Đông Hán suy yếu, giặc giã nổi lên, tật dịch lưu hành, gia đình Trương Trọng Cảnh cũng bị bệnh dịch chết gần hết. Do vậy, ông phát phẫn quyết chí nghiên cứu y dược. Bộ Thương Hàn Tạp Bệnh Luận của ông được coi là một bộ sách y học đầu tiên được biên soạn đầy đủ theo phương pháp khoa học và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lý nhất của Trung Hoa (gồm bệnh án, triệu chứng, nguyên nhân, cách điều trị và lý luận điều trị). Bộ sách này được rất nhiều y sư đời sau ra sức chú giải. Tác phẩm Kim Quỹ Yếu Lược của ông cũng được đánh giá rất cao nhưng không nổi tiếng bằng.

* Xét ra, những đệ tử nhà Phật ăn chay ở Phước Châu thường sợ thiếu chất bổ, viện cớ "trứng gà không có cồ, chẳng có mầm sống thì đều có thể ăn được", quen nết tạo thành phong tục, khiến cho người chẳng hiểu chuyện bị lầm lẫn, gần như phá giới. Vì thế, đệ tử đặc biệt khẩn cầu đại sư khai thị bài này. Hãy nên ấn hành, đăng tải rộng rãi để cảnh tỉnh người khác. *(Đệ tử La Trí Thanh kính cẩn ghi chú)*

164. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Ông bệnh ngặt đã lành, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Linh Nham Sơn Tự chuyên tu tịnh nghiệp, công khóa hằng ngày giống hệt như khi đả thất bình thường; thật là chỗ đạo tràng tu hành sốt sắng bậc nhất ở Giang Nam. Hiện thời vận đời nguy hiểm, bất luận là ai đều lấy chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm làm chủ yếu để mong tiêu trừ ác nghiệp trước mắt, được vãng sanh Tây Phương khi lâm chung thì có thể nói là "do họa mà được phước" vậy. Nếu không, từ nay về sau, càng khó làm người, bởi cách giết người, hại người không kiểu lạ lùng nào chẳng có, không trốn tránh nơi đâu được. Chỉ có chuyện sanh về Tây Phương là phương kế an thân lập mạng ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Xin hãy nói với khắp hết thảy mọi người thì lợi ích sẽ vừa sâu vừa xa.

Đứa con quý vừa được sanh ra nên đặt tên là Tông Thành, tông là chủ, thành là chân thật chẳng dối, tức là "làm sáng tỏ minh đức" vậy, lấy lòng thành làm chủ thì sẽ có thể sáng tỏ được minh đức, ấy chính là ý nghĩa "tánh lẫn tu cùng tỏ, thể và dụng đều trọn vẹn, rõ ràng". Đặt tên như vậy để nó nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa, sẽ mong chính mình thật sự có những phẩm đức ấy, ngõ hầu có thể rạng danh gia đình, tự lợi lợi tha. Pháp danh nên đặt là Khế Giác, giác chính là Phật tánh, chúng sanh do mê nên chẳng khế hợp với Phật tánh, khế hợp với giác thì mê tiêu, giác lộ. Nếu hai cái tên ấy chẳng phạm húy tổ phụ đời trước thì có thể sử dụng suốt đời, chẳng cần phải đặt quan danh[242], tự, hiệu v.v.. Thiền sư Thọ Xương Kinh[243] là người đất Mân, lúc đẻ ra, khó sanh, ông nội bèn ở ngoài cửa sổ niệm

[242] Quan danh: Tên đặt khi làm lễ nhược quan (20 tuổi).

[243] Huệ Kinh (1548-1618) là một vị cao tăng thuộc Tông Tào Động, sống vào đời Minh, người ở Phủ Châu, Sùng Nhân (nay là huyện Sùng Nhân, tỉnh Giang Tây), tự là Vô Minh, đã có chí xuất gia từ nhỏ, đến Lẫm Sơn xin tu pháp với ngài Uẩn Không Thường Trung ba năm, sau khi có chỗ tỉnh ngộ, bèn ẩn tu tại Nga Phong ba năm. Một bữa, khi cố sức dời tảng đá, đá trơ trơ không lay động, đang trong lúc tận lực xô đẩy, sư hoát nhiên khai ngộ, trình sở ngộ lên ngài Thường Trung, được ấn khả. Đến năm 27 tuổi sư mới thọ giới cụ túc, từ đấy suốt 24 năm không rời Nga Phong. Về sau, sư đến yết kiến tổ Liên Trì, cũng như đến lễ tháp tổ Bồ-đề-đạt-ma ở Thiếu Lâm, lên kinh sư lễ ngài Đạt Quan, qua Ngũ Đài tham yết ngài Thụy Phong, rồi trở về chùa Bảo Phương ở quê nhà để khai giảng tòa, hoằng dương tông Tào Động. Môn nhân nối pháp có Bác Sơn Nguyên Lai, Hối Đài Nguyên Kính, Kiến Như Nguyên Mật, Vĩnh Giác Nguyên Hiền v.v.. Khi sư mất, chính ngài Hám Sơn Đức Thanh đã soạn bài minh để khắc trên mộ.

kinh Kim Cang, chỉ niệm hai chữ "Kim Cang" đã an nhiên sanh ra. Ông nội vui mừng, nhân đấy đặt tên là Huệ Kinh, đến tuổi đội mũ (nhược quan) cũng không đặt tên khác, về sau xuất gia cũng chẳng đặt tên khác. Ngài chính là một vị cao tăng thời Vạn Lịch nhà Minh.

Do vậy biết nữ nhân khi sanh nở hãy nên chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, không một ai chẳng an nhiên sanh nở. Phải niệm ra tiếng, chớ nên niệm thầm! Những người săn sóc bên cạnh cũng niệm ra tiếng, chớ nên nói "lúc sanh nở lõa lồ chẳng sạch, nếu niệm sợ mắc tội lỗi". Cần biết rằng, lúc ấy là lúc liên quan đến tánh mạng, do không làm sao khác được; chứ không phải như lúc bình thường có thể cung kính mà lại ngạo mạn, coi thường, chẳng cung kính, khiết tịnh. Mấy năm trước, Quang trọn chẳng nói đến chuyện này, về sau lắm phen nghe nói có người do sanh khó mà bị mất mạng và kẻ ngu hễ trong nhà có người sanh nở thì người thường ngày niệm Phật chẳng dám ở trong nhà, phải đợi hơn cả tháng mới dám quay về, cho rằng "hễ bị huyết tanh xông nhằm, những công lao trước kia sẽ mất sạch". Lời lẽ nhảm nhí bậy bạ ấy thật là đáng thương xót! Vì thế mấy năm gần đây tôi thường nói với người khác, những người hành theo đó, không một ai chẳng ứng nghiệm, đủ biết Bồ-tát thật là đại từ bi.

165. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ tư)

Người thông minh trong cõi đời thường muốn làm kẻ được ngàn đời tôn sùng, rốt cuộc đến nỗi học thuyết lệch lạc, tà vạy, tạo dựng những thuyết kỳ dị, khiến cho người đời sau bị lầm lạc, gây chướng ngại cho thánh đạo. Thuở đương thời được mọi người đều suy tôn, tới khi độc khí của học thuyết ấy phát tác mạnh mẽ mới biết loại học thuyết ấy quả thật đã ngầm vun quén cội rễ họa hại gần một ngàn năm trước. Trình - Chu xiển dương Nho tông, chuyên chú trọng chánh tâm thành ý, phàm "nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi" đều cho là không có. Lại nói "hễ có làm gì để làm lành thì không phải là thiện thật sự". Bọn họ muốn làm ra vẻ khác hẳn với Phật, vì thế những nhà Nho đời sau một mực đề cao thuyết ấy. Đã không có nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi, thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, mọi người đều trong mê, trong mộng, đến nỗi phong hóa cõi đời ngày một đi xuống, chánh nhân ngày một hiếm hoi. Đến khi gió Âu vừa thổi tới thì hết thảy những chuyện "xô đổ lễ giáo, vượt lý, phạm phận" đều được miệt mài đề xướng, muốn cho khắp cả cõi đời đều cùng thực hành. Nếu Trình - Chu chẳng bài xích nhân quả luân hồi, những nhà Nho đời sau đều truyền bá, vâng giữ nhân quả, luân hồi, dẫu gió Âu dữ dội đến đâu đi nữa, ai chịu theo những tà thuyết ấy? Do vậy nói rằng: "Cội rễ họa hại của các thảm kịch hiện thời quả thật bắt nguồn từ việc Trình - Chu đả phá, bài xích nhân quả luân hồi!"

Nay muốn cho gia đình, xã hội bảo tồn được đạo đức xưa kia thì phải lấy đề xướng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi làm nhiệm vụ cấp bách. Biết nhân quả, luân hồi, tin nhân quả, luân hồi, dẫu là kẻ tầm thường cũng có thể thành ý chánh tâm; chẳng tin nhân quả, luân hồi, dẫu là kẻ thiên tư thượng đẳng như Trình - Chu vẫn chẳng thể hoàn toàn thành ý chánh tâm. Vì sao nói thế? Bọn họ nhờ Phật học để làm sáng tỏ tâm pháp của thánh nhân, nhưng lại ngược ngạo báng Phật; tâm ý ấy còn có thể là chánh, là thành được nữa chăng? Hay là tà, là ngụy vậy? Bọn họ muốn khác biệt với Phật nên đều mạt sát những sự lý nhân quả báo ứng của thánh nhân, biến thuyết "cách vật trí tri" của thánh nhân thành chuyện phù phiếm, không thiết thực. Chẳng phải họ hoàn toàn không biết "đoạn trừ vật phiền não sẽ đạt đến chân tri sẵn có", chỉ vì chẳng muốn mang hơi hướng giống với nhà Phật nên lập ra thuyết ấy, nghịch kinh trái thánh cũng lớn lắm. Tâm ấy, ý ấy đều là vì muốn cho thiên hạ hậu thế suy tôn chính mình, vọng tưởng được gọi là "người trực tiếp kế thừa mối đạo". Nếu chưa thấy được mối họa của gió Âu, ai dám nói những thuyết của bọn họ có những tội khiên như thế?

Quang muốn các ông ai nấy đều đề xướng "nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi" nhằm làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm, do vậy bèn suy xét từ cội nguồn, nói ra nguyên do của nỗi họa hại trong thời gần đây. Quang nói lời này chẳng phải phô phang ý kiến ức đoán của chính mình, xằng bậy bàn luận cổ nhân, mà quả thật là do tâm bình khí hòa chuẩn theo lý, chuẩn theo tình mà bàn luận. Sợ lỡ ra các ông chẳng biết dốc sức nơi đâu nên mới khích lệ, khơi gợi vậy!

166. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ năm)

So với những người khác, thầy thuốc hoằng dương tịnh nghiệp dễ dàng hơn. Nếu sẵn chí lợi người sẽ liền có thể tu hành ngay, đâu cần phải lánh đời ẩn dật dài lâu mới có thể tu hành được? Quang muốn ẩn dật lâu dài là vì tinh thần chẳng đủ nên mới bàn đến chuyện ấy, chứ không phải chỉ cầu lợi cho chính mình, chẳng muốn làm lợi cho người khác. Vợ và con gái cùng tu, quả thật là khuôn mẫu tốt đẹp "học đạo tại gia" vậy. Nếu phong thái này được lưu truyền trong một làng, một ấp, ắt sẽ có người thuận theo, phụ họa, nối tiếp nhau thực hiện. Trong cõi đời hiện thời, chớ nên manh nha ý tưởng xuất gia, vì tại gia thuận tiện hơn, xuất gia đâm ra lại bị vướng mắc, trở ngại, chẳng được tự tại.

QUYỂN II

167. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn thở dài sườn sượt, học thuyết lầm người dữ dội hơn nước lũ, mãnh thú! Các tiên sinh bên Lý học đọc kinh Phật qua loa, lấy những nghĩa quan trọng trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho. Họ biết Phật pháp cao sâu, sợ tất cả những kẻ thông minh đời sau đều theo Phật pháp hết nên đặc biệt bịa chuyện vô căn cứ để ngăn trở, bảo: "Phật nói nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi chính là căn cứ để mê hoặc kẻ ngu. Nhà Nho chúng ta chỉ cần trọn nghĩa, trọn phận, thành ý, chánh tâm là được rồi. Nếu có làm gì để làm lành thì chính là tư dục, chính là cầu lợi, chính là ác, chẳng khác gì cái tâm lén lút trộm cắp của phường tiểu nhân." Những lời lẽ ấy tợ hồ đúng nhưng thật ra là sai! Khổng Tử 70 tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm mấy năm nữa, muốn học Dịch để mong tránh khỏi lỗi lớn; bởi lẽ kinh Dịch dạy rõ đạo "tăng trưởng tốt lành, tiêu tan xui xẻo", khiến cho con người hướng lành tránh dữ, hòng biết đường cư xử trong chỗ "không có điều tốt lành nào để hướng đến, không có điều xui xẻo nào trốn tránh được". Ấy gọi là "làm sáng tỏ minh đức để đạt tới chỗ tận thiện". Đấy là chuyện thuộc về thân phận thánh nhân, dẫu là bậc đại hiền vẫn còn chưa làm được. Do vậy, Tăng tử sắp mất mới nói: "Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, bước trên băng mỏng, từ nay trở đi, ta biết tránh khỏi!" Chưa đến khi sắp mất, vẫn phải từ sáng đến tối gắng sức, chỉ sợ có điều chi thiếu sót.

Những gì bọn Lý học đã nói chính là đem bản lãnh sâu thẳm của thánh nhân buộc hết thảy mọi người đều cùng thực hiện như thế, nhưng họ lại hoàn toàn vứt bỏ, chê bai không dùng đến pháp khiến cho người ta gắng sức mong mỏi đạt được những điều ấy (pháp vừa nói ấy chính là sự lý nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi). Vậy thì những lời lẽ ấy chỉ tạo lợi ích cho một hai người, nhưng gây họa hại "dẫu hết sạch trúc cũng không ghi chép được!" Do vậy, những người đọc sách đời sau trọn chẳng chú trọng học đạo của thánh hiền, chỉ học văn tự để giúp tăng thêm mưu mẹo, mánh lới. Từ đấy, những chuyện nghịch trời, hại lý, tổn người, lợi mình, giết dân, hại vật, trộm ngọc, cắp hương đều cốt sao đắc ý, cứ buông lung, chẳng kiêng nể chi. Xưa kia còn chưa đến mức quá đáng, gần đây do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những chuyện phế kinh điển, phế luân thường, bỏ mặc lòng hiếu, không hổ thẹn, phạm thượng, làm loạn, họa nước, ương dân đều được những kẻ có thế lực lớn cực lực đề xướng. Xét đến gốc họa, quả thật do Lý học đả phá bài xích nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v. ngấm

ngầm gây nên. Do một ngàn trăm năm qua con người chẳng chú trọng chuyện này (tức nhân quả v.v.), dẫu có một số ít biết cũng chỉ khăng khắng vâng giữ trong tâm, trọn chẳng dám công khai đề xướng chuyện này. Vì thế, đến khi gió Âu vừa thổi qua, liền như gió đùa cỏ rạp. Nếu như mọi người đều cùng hết sức sốt sắng nơi những chuyện nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v., tuy gió Âu dữ dội vẫn giống như thổi vào người sắt, trọn chẳng thể lọt vào được.

Tiết Tĩnh Lan cũng là người thông minh, có túc căn, đã vướng vào nghiệp duyên trộm ngọc v.v. mà còn đắc ý, cho là thú phong lưu tao nhã; vừa nghe những lời nhân quả, báo ứng v.v. liền ôm lòng hối hận, tiếc nuối khôn cùng. Do vậy, biết rằng những tội lỗi ấy phân nửa do chính mình, phân nửa là do bọn Lý học đả phá pháp "dè dặt, kinh sợ, tự phản tỉnh, suy xét" gây ra. May là ông ta vẫn còn biết tốt xấu, sanh lòng hổ thẹn lớn lao, kiền thành trì niệm Phật hiệu, hồi hướng cho những người đã từng bị ông ta làm ô nhục, hòng tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn: Người còn sống sẽ nghiêm ngặt giữ đức hạnh làm vợ, người đã mất sẽ siêu sanh Tịnh độ thì dâm nghiệp của mình lẫn người đều tiêu diệt, vun trồng tịnh nghiệp sâu xa cho mình lẫn người.

Sáng sớm hôm nay, khi ông Tiết lên công khóa, ngồi niệm Phật, phảng phất thấy một người con gái lõa thể đứng trước mặt, tuổi chỉ mười ba, mười bốn, một lúc lâu sau mới biến mất, tâm trộm ngờ vực. Tảng sáng, cơm sáng được đưa đến cửa quan phòng của Quang có phong thư kèm theo, liền xé ra đọc, mới rõ nguyên do. Tôi nghĩ chắc là cô gái ấy vì chuyện đó mà chết, đặc biệt đến cầu ông Tiết siêu độ. Do vậy chẳng ngại dài dòng nói tới tận gốc. Ông ta đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Đức Hinh, đức (德) là minh đức, tức cội nguồn tâm địa; hinh (馨) chính là nén giận, ngăn dục, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu chân tâm sẵn có chẳng bị nhơ bẩn bởi những vọng niệm tham sân si v.v. xấu ác, thường được công đức giới định tuệ trừ khử cho sạch hết những vọng niệm. Công phu "làm sáng tỏ" đã đạt thì minh đức bèn phô bày trọn vẹn lớn lao, rạng ngời. Vẫn cần phải nỗ lực tu trì, đừng nên thoạt đầu siêng năng, cuối cùng lại lười nhác, thì sẽ do nhân duyên ác này mà phẫn phát đại chí, tự lợi lợi người, sẽ thấy sống thì dự vào bậc hiền thánh, mất lên cõi nước Như Lai. Thành Phật hay đọa địa ngục đều do một niệm này!

Chuyện đạo viện sợ các ông chưa biết rõ nguyên do, bọn họ dạy người khác làm chuyện tốt và tụng kinh, niệm Phật thì cũng được. Còn như bảo tam giáo một nhà (tam giáo một nhà, há lẽ nào không có tôn ty, già trẻ) và đạo được bọn họ rốt ráo coi trọng đều là luyện đan, vận khí. Thật ra, họ mượn những chuyện tụng kinh niệm Phật để chiêu dụ lòng người, pháp được họ chú trọng chính là đạo luyện đan

vận khí. Đạo ấy lại hết sức bí mật, dẫu cha con, vợ chồng đều chẳng được nói ra. Lại còn nói: "Lục tổ truyền pháp lộn xộn, đem pháp truyền cho người tại gia. Vì thế, hòa thượng đều không có chân pháp, chân pháp đã về tay bọn ta."

Danh mục ngoại đạo trong thế gian tuy có trăm ngàn vạn thứ, nhưng xét đến "chân đạo" được bọn họ coi trọng đều là đạo luyện đan vận khí. Luyện đan, vận khí cũng có chỗ tốt, nhưng cũng có chỗ xấu. Vận khí đúng cách thì thân thể nhẹ nhàng, mạnh mẽ, tăng thêm tuổi thọ; nói đến chuyện thành tiên thì may ra còn có thể, chứ nói liễu sanh tử thành Phật thì đúng là nói càn. Vận khí không đúng cách sẽ sanh ra ghẻ chốc, mụn nhọt, mù mắt, điếc tai, cũng thường thấy xảy ra. Hơn nữa, đạo luyện đan vận khí bất quá là nâng cao thận thủy, giáng tâm hỏa, nhưng bọn họ đặc biệt dùng những lời lẽ thần bí như là "khảm - ly giao cấu, anh nhi - xá nữ giao cấu"[244]. Do có những danh từ ấy, người chánh đáng cũng mượn những thứ đó để biểu thị pháp ấy, kẻ cuồng vọng khó khỏi vẽ rắn thêm chân. Khi truyền đạo bèn đóng chặt mật thất, phía ngoài cắt người tuần tra, một thầy một trò ngầm bảo ban nhau. Nếu như tâm thầy ôm tà niệm thì khi truyền đạo cho nữ nhân, bèn giảng "khảm - ly giao cấu, anh nhi - xá nữ giao cấu" chính là thực hành giao cấu. Thoạt đầu, nữ nhân học đạo chưa chắc đã là dâm nữ, nhưng do bọn chúng bày vẽ đủ cách để gợi dục, lại thêm tưởng lầm hành dâm với thầy là được truyền đạo. Đáng thương biết bao nữ nhân vô tri mắc phải nỗi ô nhục ấy, mà vẫn tưởng là được truyền đạo. Đúng là tội ác lớn đến cùng cực!

Năm Dân Quốc 11 (1922), kế mẫu của Hộ quân sứ[245] Hà Phong Lâm ở Thượng Hải tới núi xin quy y, Quang dạy quy y với bậc cao nhân, bà ta không chịu. Quang nói bà ta lập một nữ đạo viện, bên ngoài tuy mang danh là tam giáo một nhà, nhưng thật ra là chú trọng thiêu luyện[246]. Đã thế còn cầu cơ, những điều ấy đều chẳng hợp với tông chỉ Phật pháp. Bà ta nói: "Chẳng dùng đến công phu ấy mà cũng chẳng cầu cơ. Trước khi ra đi, con đã nói với người ta là lên núi xin quy y. Nếu quy y chẳng được, sẽ bị người ta chê cười. Phàm những gì thầy nói,

---

[244] Đối với bọn đạo sĩ theo phái Nội Đan, xá nữ là thuật ngữ chỉ tâm hỏa, anh nhi là thận thủy; còn đối với bọn theo trường phái Ngoại Đan (luyện kim đan để uống cho mau thành tiên) thì xá nữ là châu sa, còn anh nhi là thủy ngân. Họ nói một cách huyền bí "anh nhi xá nữ giao cấu" chứ thật ra chỉ là phản ứng hóa học giữa châu sa và thủy ngân (theo Ngoại Đan); hoặc vận khí để tâm hỏa được điều tiết bởi thận thủy, không để hỏa vượng bốc lên khi họ luyện khí công. Quẻ Khảm thuộc thủy, quẻ Ly thuộc hỏa (theo Dịch Học) nên bọn chúng cũng vận dụng những danh từ này để nói cho có vẻ thật huyền bí, cao siêu.

[245] Hộ quân sứ là chức vụ chỉ huy quân sự cao cấp nhất của một khu vực do chánh quyền quân phiệt Bắc Dương đặt ra dưới thời Đoàn Kỳ Thụy chiếm lãnh Bắc Kinh, cai quản miền Bắc Trung Hoa. Hà Phong Lâm là Hộ quân sứ Thượng Hải thời ấy.

[246] Tức là luyện ngoại đan lẫn nội đan. Ngoại đan là nấu những dược liệu với kim loại quý để làm kim đan ngõ hầu uống vào mau được thành tiên. Do phải đun nấu nên gọi là "thiêu", còn vận khí, tĩnh tọa để vận hành những vòng khí *châu thiên* trong cơ thể cũng gọi là "luyện đan", nhưng là "luyện nội đan".

con đều xin hành theo!" Tôi bèn đặt pháp danh cho bà ta. Trong thế gian, chỗ nào mà chẳng có người tốt, chỗ nào mà chẳng có kẻ xấu. Bất quá, những kẻ lập pháp thuở đầu ấy đã sớm lập được một pháp có thể làm chuyện tồi tệ dễ dàng, đến nỗi những kẻ xấu dựa vào đấy để tạo nghiệp, đáng đau, đáng thương quá!

Chuyện cầu cơ đều do linh quỷ nương theo tri thức của người phò cơ để nói, mà phần nhiều cũng do chính người hầu cơ tự đẩy cơ để viết ra những bài cơ bút. Không phải là hoàn toàn không có chân tiên, nhưng trong trăm ngàn lần mới ngẫu nhiên có một lần chân tiên giáng đàn; còn như nói là Phật, Bồ-tát giáng đàn thì toàn là giả mạo. Nhưng kẻ cầu cơ phần nhiều khuyên người làm lành, dẫu chẳng chân thật, nhưng do họ đã khoác cái danh làm lành nên so với những kẻ công khai làm ác còn tốt hơn một chút. Lại còn có thể chứng minh có những chuyện quỷ thần, họa phước v.v., khiến cho người ta kiêng sợ. Vì vậy, chúng ta cũng chẳng tiện cố ý công kích, hiềm rằng họ nói ra những điều chẳng cần biết là có hợp với Phật pháp hay không (Người hơi biết Phật pháp cầu cơ thì cơ bút liền nói những điều thiển cận gần giống với Phật pháp, kẻ chẳng biết Phật pháp cầu cơ thì cơ bút toàn là nói nhăng nói càn). Rốt cuộc phần nhiều "tưởng mắt cá là minh châu", hoại loạn Phật pháp, gây hại thật lớn (Người thật sự biết Phật pháp quyết chẳng phụ họa chuyện cầu cơ. Phật chế ra tam quy tức là đã răn nhắc phân minh tường tận, huống hồ những nghĩa lý sâu xa hơn ư?)

Vì thế, phàm là đệ tử Phật chân thật chớ nên tùy tiện tán đồng. Những điều vừa nói trên đây là để nói với hai người bọn ông, chớ nói ra công khai, sợ kẻ vô tri cho là tôi bịa chuyện để hủy báng người khác thì chẳng những vô ích mà còn có hại. Phật pháp không bí truyền, Phật dạy con người vạn hạnh đều tu, chẳng bỏ sót một mảy thiện nào, nhưng lại răn cấm luyện đan vận khí vì tông chỉ của nó trái nghịch Phật pháp. Phật dạy người ta trước hết phải thấy thấu suốt cái thân này, bọn họ lại dạy con người giữ gìn thân này, coi thân là thật có. Bọn họ vẫn cứ rêu rao đã thật sự lãnh hội được chánh pháp nhà Phật, do vậy biết bọn họ đều là lầm lạc, cuồng vọng.

168. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ hai)

Thư của Trí Thượng chắc đã giao tới nơi rồi. Lệnh tổ mẫu[247] túc nhân sâu dày, nên vừa được khuyên liền hành ngay. Xét đến cảnh tượng lúc cụ lâm chung, thật đáng an ủi cho bọn ông. Nếu lời lẽ "đảnh đầu lạnh đi sau cùng" chẳng phải là bịa đặt, chắc chắn cụ được vãng sanh. Nhưng phận làm con cháu, hãy nên thường mang lòng dẫn dắt cho thần thức người đã khuất được an vui. Đừng nói "cha mẹ

[247] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng bà nội của người khác.

đã vãng sanh, bọn ta cần gì phải cầu siêu nữa!" Nên biết rằng hễ cha mẹ đã khuất rồi, các quyến thuộc đều phải nên chí thành niệm Phật để cầu cha mẹ chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Điều này chẳng những hữu ích cho cha mẹ, mà quả thật còn hữu ích cho chính mình. Do chuyện báo hiếu cho cha mẹ ấy mà làm cho các quyến thuộc gieo đại thiện căn xuất thế, so với những kẻ chỉ biết tu trì cho chính mình thì công đức càng thù thắng hơn, bởi lẽ tâm hiếu thuận cha mẹ phù hợp với chánh nhân tịnh nghiệp do đức Phật đã lập. Mong ông hãy nói rõ với mẹ, cô, vợ, con, anh em trai, chị em gái của ông ý nghĩa này thì cái chết của bà nội ông chính là hiện thân tiếp dẫn các quyến thuộc của ông vậy.

Người đời nay phần nhiều chuộng hư danh, chẳng trọng thật hành, thường cáo phó, bày vẽ cho hết sức đẹp đẽ, mong được người khác nhìn vào xuýt xoa khen ngợi coi đó là vinh dự, chứ chẳng chịu sốt sắng niệm Phật để cho cha mẹ thật sự được hưởng lợi ích "liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh" chân thật, và quyến thuộc trong hiện tại ai nấy cũng đều gieo nhân vãng sanh khi lâm chung. Há chẳng phải là ham danh ghét thật đó ư? Xin ông hãy sửa đổi uốn nắn thói tệ trong đời gần đây thì may mắn lắm thay!

169. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ ba)

Mạo Thiện Phủ đã có nhân duyên ấy, hãy nên khuyên ông ta sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để mong được vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Nếu vẫn chẳng chịu phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sẽ hèn kém hơn mọi người, Phật cũng chẳng thể cứu được. Dẫu đời này chẳng bị đọa vào địa ngục ngay, nhưng một hai ba bốn đời sau bị đọa địa ngục vẫn là chuyện quyết định chẳng thể trốn tránh được. Con người chỉ vì chưa thấy nỗi khổ này, lại chẳng tin lời Phật và những điều sách vở đã ghi chép xưa nay nên không thuận theo lời chỉ dẫn. Ông ta may mắn đích thân được thấy, thật sự biết "quả thật có chuyện ấy". Nếu không có pháp để thoát khổ thì chẳng biết làm sao, nhưng nay đã có pháp Tịnh độ mà vẫn chẳng chịu tu thì là cô phụ ân đức Phật - trời quá lắm!

170. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ tư)

Mạo Thiện Phủ 71 tuổi phát tâm quy y, cũng có thể nói là đã có thiện căn từ đời trước. Nếu đời trước ít vun bồi, thọ chưa đầy 71 tuổi đã qua đời, há chẳng trở thành sống uổng chết phí ư? Cả một đời sống uổng chết phí mà vẫn không có cơ duyên gặp gỡ pháp môn Tịnh độ thì sẽ đời đời sống uổng chết phí. Nghĩ tới điều này, khôn ngăn mừng cho Thiện Phủ và sợ cho hết thảy mọi người! Mong hãy

chuyển giao tất cả khai thị cho ông ta. Lại hãy nên tận lực khuyên ông ta sốt sắng niệm Phật để có thể vượt ngang ra khỏi thế giới Sa-bà, siêu sang thế giới Cực Lạc.

171. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ năm)

Gần đây do giảo chánh, đối chiếu sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ hoàn toàn chẳng được rảnh rỗi, vì thế dứt tuyệt hết thảy những chuyện giao tiếp với người khác. Hiện thời, bản in sách Thống Kỷ chữ to theo khổ chữ Tam Hiệu Tự đã được sắp chữ xong. Loại này sẽ được in trước hai vạn bộ, mỗi bộ gồm bốn cuốn, ba trăm năm mươi mấy trang. Lại cần phải sắp chữ cho ấn bản theo khổ chữ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo để thanh niên học sinh cùng mua đọc được. Sách này trừ phi không đọc, chứ hễ ai đọc đến đều được lợi ích. Minh Châm có thể ăn chay niệm Phật, hãy nên dạy cô ta trọn hết chức phận người mẹ; chức phận người mẹ là như thế nào? Chính là khéo dạy dỗ con cái, đừng để cho con quen thói kiêu căng. Những đứa con cái không ra gì trong cõi đời đều là do mẹ chúng chẳng trọn hết chức phận làm mẹ mà ra. Nếu mẹ hiền thì:

1. Một là con được thừa hưởng tánh khí ấy.
2. Hai là con sẽ nhìn theo cách cư xử của mẹ.

Đấy chính là dùng thân để lập giáo vậy. Kế đó, dạy cho con biết đạo làm người như hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ. Lại cần phải thiết thực dạy con nhân quả, báo ứng. Con đến tuổi đi học, trước hết đem Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn dạy con đọc thuộc, suốt cả đời mỗi ngày phải đọc dăm ba lượt. Lại giảng cho nó những nghĩa chánh yếu thì sẽ như vàng lỏng đổ vào cái khuôn đẹp đẽ, quyết không thể chẳng trở thành món đồ đẹp đẽ. Sự dạy dỗ của mẹ chính là căn bản để bình trị, nhưng người đời đều chẳng chú ý, cho nên mới có hiện tượng chiến tranh ngày nay, đến nỗi vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Quang chẳng cần phải thuyết pháp cho đứa bé, chỉ cần nói với vợ chồng ông cách dạy dỗ trẻ nhỏ thì trẻ nhỏ sẽ tự có thể bắt chước theo khuôn phép, ắt sẽ trở thành chánh khí.

Minh Châm pháp danh là Trí Phạm, nghĩa là dùng thân nêu gương mẫu cho con cái và làm khuôn mẫu cho nữ giới. Nếu khuôn chẳng ra khuôn, mẫu chẳng ra mẫu sẽ có hại chẳng thể nào kể xiết! Nếu có thể đoái tưởng ý nghĩa của cái tên Minh Châm và Trí Phạm thì may mắn chi hơn? Thọ Đức pháp danh là Tông Đức, Thọ Nghĩa pháp danh là Tông Nghĩa, tông là chủ. Đã gieo trồng (thọ) lại còn chú trọng, giống như trồng cây đã vun quén rồi lại còn phải vun đắp sâu chắc, chẳng bị lay động thì căn cơ vững vàng, sẽ tự được thân cội ngay ngắn, cành lá sum suê, quả hạt sai trĩu. Đợi đến khi sách Thống Kỷ được in ra sẽ gởi cho ông mấy gói, hoặc gởi sang chỗ ông Thôi Tông Tịnh, xin hãy chia ra đọc. Lại đem những gì tôi

đã nói với Minh Châm để bảo cùng hết thảy nữ giới thì cũng là một đại sự nhân duyên để cứu nước cứu dân mà chẳng tỏ lộ dấu vết vậy.

172. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ sáu)

Chuyện trong gia đình chỉ có thể dùng tình cha mẹ, anh em mà phân giải, chớ nên lý luận "ta đúng, người khác sai". Anh em bất hòa quá nửa là do cha mẹ yêu thương thiên vị gây nên, do được yêu thương thiên vị nên chuyện gì cũng đều chiếm tiện nghi. Nếu người anh em bị thiệt thòi chịu nghĩ lùi một bước: "Ví như ta trót sanh trong nhà nghèo, cơm áo, chỗ ở đều không có, còn tranh giành với ai nữa ư? Hơn nữa, tiền bạc do cha mẹ lưu lại, để cho con cái của cha mẹ được hưởng, so với chuyện bị quân binh, thổ phỉ cướp mất sẽ tốt hơn nhiều lắm. Nếu quân binh, thổ phỉ đến cướp, có cách nào để ngăn chặn được hay chăng?"

Lệnh tổ phụ[248] tuy đã đi học, nhưng vẫn hoàn toàn chưa được nghe đến chuyện "tận tụy thực hiện đạo của thánh hiền", cụ vẫn coi chuyện thua sút anh em là điều nhục nhã, muốn báo thù nhưng chưa được, trông mong ông sẽ báo thù thay cho cụ. Nếu chỉ hơi nghĩ lại chuyện hiếu hữu với anh em thì sẽ thấy mười mấy năm kiện tụng đáng nhục, chứ chẳng thấy em mình được hưởng nhiều của cải hơn là điều đáng hổ thẹn. Đối với lý này, ông cũng chưa hiểu rõ. Nếu vẫn tiếc nuối vì chí hướng báo thù của chính mình còn bạc nhược thì cũng đáng than thở lắm đấy! Cần phải biết rằng, cha con anh em ông bất hòa quả thật là vì ông nội ông chẳng biết hòa thuận với anh em mà cảm thành quả báo ấy. Ông đã sùng phụng Phật pháp, hãy nên nhìn từ luân lý căn bản, hãy niệm Phật cho ba vị anh em của ông nội ông để tiêu trừ cái nghiệp anh em kình chống nhau của họ, để họ cùng được dự vào Liên Trì Hải Hội, cùng chứng Vô sanh pháp nhẫn, đấy thật sự là ông đã báo đáp tổ phụ lớn nhất. Còn đối với cha ông, chỉ nên sám hối cho cụ, mong cụ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn, sẽ có sự xoay chuyển ngấm ngầm. Dẫu không xoay chuyển được thì cũng đã tận hết lòng ta rồi!

Đạo yêu thương con chẳng phải là ở chỗ nuông chiều con cháu, nuông chiều đâu phải là yêu thương con cháu, mà là làm hại chúng đấy! Tuy do mẹ ông nuông chiều Như Phương, nhưng cũng là vì ông trọn chẳng giảng giải cho Như Phương hiểu điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Vì thế, cô ta một mực cậy thế ương ngạnh, hung tợn, chẳng chịu bị bó buộc. Mai sau đi lấy chồng, làm sao trọn hết đạo làm vợ cho được? Ông đã muốn cho cô ta gieo thiện căn hòng tiêu thói ác, nay tôi đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Hiền. Huệ Hiền tức là như trong cõi tục khen ngợi "nữ nhân hiền hậu, có trí tuệ" vậy, hiền thì hiếu hữu, cung kính, tận

[248] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng ông nội của người khác.

tụy; huệ thì siêng năng, tiết kiệm[249], mềm mỏng, hòa thuận. Có đủ những đức ấy, người sẽ kính, thần sẽ che chở. Lúc sống có thanh danh, khi mất sẽ sanh trong đường lành, cũng rất phù hợp với ý nghĩa cái tên Như Phương của cô ta. Lại còn làm cho con trai, con gái, con dâu v.v. sau này nối tiếp khuôn mẫu tốt đẹp, trở thành bậc mẫu nghi chốn khuê các, khiến cho dấu thơm ấy được truyền mãi tới đời hậu duệ.

Cô ta tuy ương ngạnh, hung tợn, nhưng nói chung vẫn muốn được người ta khen ngợi. Đã có cái tâm muốn được người khác khen ngợi thì chẳng ngại gì nhằm lúc cô ta cư xử không đúng pháp sẽ chỉ điểm vạch trần đôi chút. Nếu cô ta có túc căn, chắc sẽ có dịp chuyển biến. Lại còn phải cầu khẩn Quán Thế Âm Bồ-tát, như phẩm Phổ Môn đã dạy: "Nếu có chúng sanh nhiều tham sân si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát liền lìa được tham sân si." Lại nữa, hễ có ai mắc bệnh nặng đều nên khuyên họ niệm Phật, kiêng giết, ăn chay. Điều này có quan hệ rất lớn với y đạo, nếu chịu làm lợi cho người khác thì so ra chính mình càng dễ được lợi ích hơn người khác.

173. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ bảy)

Đọc thư biết Trí Phạm sanh con trong tháng 5, bị bệnh nặng; về sau do niệm thánh hiệu Quán Âm mà được lành. Lại còn sanh nở dễ dàng, đứa con tướng mạo đoan chánh. Thật có thể nói Bồ-tát là "bậc cha mẹ đại từ bi". Một người Hồi Hồi ở Hồ Nam (người theo đạo Hồi Hồi quy y chỉ có một gia đình này mà thôi) tên là Mã Thuấn Khanh và vợ cùng con cái năm sáu người đã quy y trước đây. Giữa thu năm ngoái gởi thư đến, nói bà vợ sanh hai đứa con đầu còn khỏe, chứ về sau mỗi lần sanh con đều bị băng huyết đáng sợ lắm. Nay không lâu nữa sẽ sanh, hỏi có biện pháp nào không? Quang dạy vợ chồng họ cùng niệm thánh hiệu Quán Âm. Thư gởi đến, ngày hôm sau bà ta liền sanh, trọn chẳng bị những chuyện khó sanh, băng huyết. Về sau ông ta gởi thư đến cảm tạ, nói rõ nguyên do.

Cần biết rằng, muốn cho con cái hiền thiện, nếu không tích lũy công đức, lợi người lợi vật, sẽ chẳng thể được. Đừng nói "tôi không có tiền của, chẳng thể tích đức lợi người!" Cần biết rằng, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, gặp anh nói nhường, gặp em nói kính, phàm gặp hết thảy mọi người đều khuyên họ trọn hết bổn phận của chính mình; lại còn nói với họ thiện ác, nhân quả, sanh tử, luân hồi, khiến cho lòng họ kiêng sợ, nhất định sửa lỗi hướng lành hòng trở thành người lương thiện. Lại còn nói với họ về lợi

[249] Nguyên văn ghi là "khuyến kiệm" (勸儉) nhưng theo mạch văn, tổ đang nói về những đức tánh thường có của một nữ nhân hiền thục, chắc chắn chữ khuyến (勸: khuyên nhủ) ở đây là chữ cần (勤: siêng năng) bị in sai.

ích của Phật pháp, khiến cho họ tín phụng tu trì. Phàm gặp ai bệnh nặng đều bảo họ niệm Phật và niệm Quán Âm. Phàm gặp phụ nữ, đều dạy họ niệm sẵn, để chẳng đến nỗi vì sanh nở mà phải chịu khổ hay mất mạng. Dạy hết thảy những người ấy đừng tạo sát nghiệp, giữ lòng từ thiện, lợi người lợi vật chính là lợi mình, hại người hại vật còn quá hơn hại mình. Những điều như thế há cần phải có tiền tài mới làm được ư? Nếu gia đình dư dả thì cũng nên đem tiền tài làm công đức.

Thêm nữa, ông nên bảo Trí Phạm: Con cái hiền thiện quá nửa là do mẹ un đúc, nuôi nấng, dạy dỗ. Người mẹ vừa nói ấy chính là khuôn mẫu cho con cái. Nếu chỉ biết nuông chiều con cháu, mặc kệ cho nó quen thói, dẫu đứa có thiên tư tốt đẹp cũng đều học theo thói xấu, huống là những đứa vốn chẳng tốt ư? Đấy là trách nhiệm của nữ nhân, so với nam giới càng đặc biệt sâu nặng hơn. Ông may mắn có ba trai một gái, sẽ vì tổ tông rạng danh gia đình do khéo dạy dỗ con cái, vì con cái tích lũy công đức để cầu Phật - trời che chở, nghĩ nhớ. Nay đặt pháp danh cho đứa con thứ ba của ông là Tông Đạo, đạo (道) là cội nguồn của lẽ trời, tình người, là chuẩn mực của hết thảy mọi pháp. Nếu có thể lấy việc đề cao đạo làm điều chánh yếu thì nhỏ là nhất cử nhất động, lớn là "sáng tỏ minh đức, đạt đến chí thiện" đều có thể do đây mà đạt được.

Con tuy còn bé nhưng đặt tên như vậy để mong cho nó lớn lên sẽ nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa, ắt sẽ mong danh phù hợp với thật mới thôi. Đời đã loạn đến cùng cực rồi, chẳng dốc sức nơi giáo dục trong gia đình sẽ khác nào dựng lầu gác trên hư không, nhất định chẳng thể đạt được hiệu quả. Muốn cho con cái của chính mình tốt đẹp thì phải sốt sắng dạy dỗ con trai, con gái đang độ tuổi thơ ngây, dạy cho chúng nó biết có "đạo làm người" của thánh nhân và "thiện ác, nhân quả quyết định chẳng sai", mở tung những ngăn chặn khiến cho đường đời của chúng trở thành con đường bằng phẳng. Mong ông hãy đem những ý này nói với Trí Phạm, lại cũng nên nói với hết thảy mọi người. Đấy gọi là *"nhất ngôn hưng bang"* (một lời khiến cho đất nước hưng thịnh) vậy!

174. Thư trả lời cư sĩ Mạo Thiện Phủ

Cổ nhân nói: *"Bất vi lương tướng, tất vi lương y"* (Chẳng làm lương tướng, ắt làm lương y), vì thầy thuốc cứu được người. Cần biết rằng, Phật là Đại Y Vương, trị được các bệnh nơi thân tâm con người và bệnh sanh tử. Ông đã 71 tuổi, tiếc rằng thuở trước chẳng biết đến duyên do của Phật pháp, nay may mắn biết được, cũng chớ nên xót xa vì được nghe trễ tràng. Chỉ nên tích cực sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người. Cần biết rằng, đức Phật mở ra pháp môn niệm Phật chỉ mong cho hết thảy chúng sanh có thể sanh về Tịnh độ ngay trong đời này. Nếu con người thuận theo lời

Phật để tu ắt sẽ có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương, so ra còn dễ dàng hơn sanh vào những chỗ đại phú, đại quý. Vì sao vậy? Do tuân theo lời Phật dạy, Phật ắt rủ lòng từ gia bị.

Nay đặt pháp danh cho ông là Chí Tích, nghĩa là tự mình đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn dùng những điều này để dạy quyến thuộc trong nhà và làng nước, bầu bạn cùng hết thảy những ai quen biết, để họ đều biết đến pháp môn niệm Phật do đức Phật đã nói khiến cho họ liền có thể hoàn toàn thoát khỏi trọn vẹn căn bệnh sanh tử lớn lao ngay trong đời này, như kinh Thi có câu: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tích nhĩ loại"* (Hiếu tử chẳng nghèo khó, vĩnh viễn ban cho ngươi). Ông có thể dùng pháp này để tự hành, dạy người, chính là hiếu tử của Di-đà Như Lai; do chính mình đã tu trì, người khác đều tin nhận, tức là đã ban phát tạo lợi ích rộng khắp cho muôn loài. Mong hãy nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa, sẽ đích thân đạt được lợi ích thật sự. Những điều khác hãy đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao sẽ tự biết, cho nên không cần phải nói nhiều. Nếu không có những sách ấy, xin hãy dựa theo giá để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã chùa Báo Quốc.

175. Thư trả lời cư sĩ Đông Hải

Pháp môn Tịnh độ dùng tín nguyện sâu, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên phát nguyện cho đời sau và đời đời kiếp kiếp, có nguyện ấy sẽ chẳng thể quyết định vãng sanh được! Trong hết thảy pháp môn cũng có người liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng chẳng qua là một hai người trong ngàn vạn người. Do vậy, cần phải phát nguyện đời đời kiếp kiếp. Ông nói "tới tận đời vị lai mang nghiệp vãng sanh", lời lẽ ấy rất sai tông chỉ Tịnh độ. Ngay trong đời này liền cầu Phật rủ lòng từ tiếp dẫn mang nghiệp vãng sanh, sao lại nói "tới tận đời vị lai?" Hành đạo Bồ-tát thì nên lấy "tới tận đời vị lai" làm hạn, chứ nay tu Tịnh độ sao lại lấy tận đời vị lai để vãng sanh?

Ông tuy đọc Văn Sao, vẫn chưa biết nguyên do của pháp môn Tịnh độ, nay tôi gởi cho một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một bộ Văn Sao, một bộ Tịnh Độ Thập Yếu, một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Đọc những sách này, những điều ẩn tàng trong pháp môn Tịnh độ sẽ đều được nêu rõ hết ra. Nay đặt pháp danh cho ông là Khế Hải, nghĩa là dùng nhân tâm (cái tâm trong lúc tu nhân) niệm Phật của chính mình để trên là khế hợp với biển giác do Như Lai đã chứng. Lại còn phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Hãy nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con và xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu cùng tu pháp này, cùng cầu vãng sanh.

Đối với tam quy ngũ giới, hãy đọc những điều đã nói trong Văn Sao để tự thệ thọ giới trước Phật, nhưng mỗi mỗi đều cần phải chân thật thì mới được. Đời có những kẻ hiếu danh, chuyện gì cũng muốn giả mạo cái danh, chuyện gì cũng chẳng tu thật hạnh, chẳng biết danh là khách của thật, thật đã đầy đủ thì tự nhiên có danh, cần gì phải cố ý chèo kéo, mong cầu? Chèo kéo, mong cầu cái danh một thời chắc sẽ sướng tai khoái mắt người ta, nhưng về sau ắt sẽ bị người người thóa mạ. Chuyện gì cũng lấy lòng thành để làm, chắc chắn sẽ có kết quả tốt. Kẻ dùng thói hư giả để làm, chỉ là tự mình dối mình đó thôi; người thế gian còn chẳng nên lừa dối, huống là lừa dối Phật, Bồ-tát ư?

Pháp môn Tịnh độ chẳng thể dùng đạo lý của kinh Kim Cang và đạo lý của Thiền tông để bàn luận; nếu luận định mỗi pháp riêng biệt thì hữu ích, chứ nếu luận định lẫn lộn sẽ bị tổn hại. Chắc là vì ông đã từng xem bản chú giải kinh Kim Cang của 53 vị thiện tri thức[250] nên mới có kiến giải ấy, cho nên tôi phải nói toạc ra. Pháp môn Tịnh độ không gì lớn lao ở ngoài được! Đẳng giác Bồ-tát muốn thành Phật quả vẫn phải dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương, huống là hết thảy Bồ-tát và những người học đạo kém cỏi hơn ư? Quang già rồi, mùa đông năm ngoái ban đêm giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, mắt bị tổn thương, liền cự tuyệt hết thảy. Phàm ai gởi thư đến đều nói "từ nay đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời vì mục lực chẳng thể thù tiếp được". Những điều cốt yếu của Tịnh độ thì do Ngũ Kinh, Thập Yếu, Thánh Hiền Lục mà sẽ có thể biết đầy đủ. Chớ nên thuận theo những kẻ ham cao chuộng xa hiện thời cầu minh tâm kiến tánh và thành Phật ngay trong thân này, ắt sẽ có thể đích thân chứng đắc như lời đức Phật đã dạy. Đối với Gia Ngôn Lục, Một Lá Thư Trả Lời Khắp hãy nên hết sức chú ý vì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể dùng pháp ấy để tạo lợi ích cho hết thảy mọi người, những điều khác chẳng phải nói nhiều nữa.

176. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ nhất)

Trước đây do cư sĩ Trương Bá Ngạn nhắc đến các hạ sẵn chí thiết tha lợi người, muốn mở đạo tràng ở Tân Giang, cậy Quang soạn lời sớ và thương lượng, châm chước biện pháp và chọn lựa trụ trì v.v.. Biết các hạ vốn thừa nguyện tái lai, làm đại đạo sư cho khắp mọi nhân sĩ vùng Tân Giang để họ biết đạo xuất thế, sống làm người ba nghiệp thanh tịnh, mất dự vào hội hiền thánh cõi Cực Lạc. Nhưng do Quang hèn kém, chẳng dám đem một chữ nào quấy nhiễu ông. Ngày hôm qua,

[250] Đây là bộ Kim Cang Kinh Chú Giải (thường được gọi là Kim Cang Kinh Ngũ Thập Tam Gia Chú), bốn quyển do ngài Hồng Liên soạn theo lệnh của Minh Thái Tổ. Bộ sách này thâu thập tất cả những chú giải trọng yếu trích từ trước tác của 53 vị thiện tri thức trong các đời.

thầy Hóa Vũ đến nói đạo tràng Cực Lạc[251] xây dựng đã hoàn tất, khôn ngăn hoan hỷ tột cùng. Các hạ lại gởi thư chỉ dạy, Quang khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Các hạ muốn bái cao tăng làm thầy, hãy nên chọn một vị đạo đức cao siêu, sao lại lầm lẫn chọn Quang là một ông tăng hèn kém chỉ biết cơm cháo, ngỡ là cao tăng, muốn thờ làm thầy vậy?

Ông lại nói đã đọc Văn Sao Sơ Biên, năm ngoái Tân Giang Lưu Thông Xứ (Phòng phát hành kinh sách ở Tân Giang) đã thỉnh hơn một trăm bộ Văn Sao mới in, nào biết các hạ chưa thấy, nay gởi cho ông một gói, xin hãy tra xét thu nhận. Thêm nữa, hai cuốn Tam Đại Sĩ Thực Lục, trong ấy phần nhiều là những lời thuộc về thiền cơ, chớ nên hiểu lầm. Tịch Tà Tập[252], Kiến Văn Lục[253] được in chung thành một tập, gởi cho ông hai cuốn. Chớ nên để người thiếu hàm dưỡng đọc Tịch Tà Tập, do hiện tại người nước ngoài thế lực lừng lẫy, sợ người đọc y theo sách đó tranh luận với bọn giáo sĩ hay tín đồ Tây Dương chắc sẽ đến nỗi mang họa. Kiến Văn Lục thì nên tìm cách lưu thông để người ta biết nhân quả, chẳng dám làm chuyện phải thẹn với lòng. Giản Ma Biện Dị Lục và Tam Thập Nhị Tổ Truyện, mỗi thứ hai bộ. Những sách ấy do Thanh Thế Tông (Ung Chánh) biên soạn, từ lẫn lý đều viên diệu, như tẩu bàn châu[254], như báu ma-ni, khiến cho người ta khôn ngăn khâm phục, ngưỡng mộ. Quang đặc biệt giảo chánh, cho khắc in, lưu hành. Nhân duyên đã trình bày cặn kẽ trong lời tựa, nhưng người đời nay cố nhiên nên chuyên tu tịnh nghiệp thì mới được lợi ích liễu sanh thoát tử thật sự. Nếu chẳng

[251] Đây là chùa Cực Lạc ở Harbin do pháp sư Đàm Hư và các cư sĩ vùng Liêu Đông xây dựng.

[252] Tịch Tà Tập là một tác phẩm của tổ Ngẫu Ích viết khi còn là tại gia cư sĩ, với bút hiệu là Chung Chấn Chi, nhằm phản bác những luận điểm công kích Phật giáo của các giáo sĩ Lợi-mã-đậu (Matteo Ricci), Ngải-nho-lược (Giulio Aleni) v.v.. Các giáo sĩ này khi truyền đạo Thiên Chúa vào Trung Hoa, đã viết rất nhiều bài đả kích tam giáo của Trung Hoa, đặc biệt nhắm vào Phật giáo. Những phê phán của các giáo sĩ ấy thể hiện cái nhìn đầy thiên kiến, kiêu ngạo của người da trắng đối với những sắc dân da màu vốn bị họ coi là man rợ, chưa khai hóa. Họ chỉ dựa theo hình thức, thành kiến, bề ngoài để phê phán chứ không chịu tìm đọc kinh sách của các tôn giáo bị họ đả kích. Để phản bác, tổ Ngẫu Ích đã vận dụng rất nhiều tư tưởng triết học của tam giáo để giải thích khái niệm trời theo cách hiểu của người Á Đông và chỉ ra những chỗ lập luận khiên cưỡng của giáo sĩ Tây Phương về những luận điểm độc thần, Thiên Chúa sáng tạo muôn vật v.v.. Hiện thời tác phẩm này được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

[253] Kiến Văn Lục là một tác phẩm ngắn cũng của tổ Ngẫu Ích ghi chép những chuyện thiện ác nhân quả báo ứng do chính tổ từng thấy. Chẳng hạn chuyện một sinh viên làm phán quan cõi âm, vào âm phủ xét án, thấy hồ sơ tội trạng ghi vợ giết gà của hàng xóm, nặng mấy cân. Lúc tỉnh dậy, tra vặn vợ, quả nhiên vợ lỡ tay ném chết gà hàng xóm, sợ bị chồng mắng, hàng xóm chửi, nên chôn giấu sau vườn. Đào gà lên đem cân, quả nhiên bằng đúng cân lượng đã ghi trong hồ sơ tội trạng cõi âm. Tác phẩm này cũng được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

[254] "Tẩu bàn châu" còn gọi là "hải thủy trân châu" là một loại ngọc trai. Trong các loại trân châu được lưu hành tại Trung Quốc, ngọc trai từ Hợp Phố (thuộc đất Giao Chỉ xưa) quý nhất vì hình dáng tròn trặn, màu sắc tươi đẹp, óng ánh nhất, hầu như không viên nào có khuyết điểm. Do viên ngọc trai Hợp Phố rất tròn, bỏ vào khay hay đĩa, dùng ngón tay đẩy nhẹ nó sẽ lăn tròn trong đĩa nên thường được gọi là "tẩu bàn châu" (châu chạy trong khay).

tự lượng, lầm lạc muốn học đòi bậc đại nhân thời cổ tự lực liễu thoát, sợ rằng hễ một phen sai lầm sẽ thành vĩnh viễn sai lầm.

Bộ Văn Sao của Quang tuy thô kém, vụng về, nhưng ý đều tuân theo những lời khuôn phép của Phật, của tổ, trọn chẳng phải là những ý kiến bịa đặt. Nếu chẳng chê bỏ là hèn vụng, cố nhiên không gì là chẳng có ích. Tam Đại Sĩ Thực Lục, Tịch Tà Tập, Biện Dị Lục, Tam Thập Nhị Tổ Truyện xin hãy tự giữ một phần, một phần đưa cho pháp sư Đàm Hư. Đối với chuyện quy y, xin hãy châm chước lại. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi sau khi quy y, nhận ra tôi chỉ biết ăn cơm húp cháo, ắt hối không kịp. Vì thế, Quang vẫn dùng đạo bạn bè để đối xử với các hạ, chẳng dám bàn đến chuyện làm thầy trò.

177. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, chỉ nên thường niệm Phật, không gặp Quang có thiếu sót gì đâu! Xin hãy quyết định cùng với quyến thuộc trong nhà đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương. Đấy chính là nhân duyên khó được trong ngàn đời vạn kiếp. Hơn hai trăm đồng ông muốn biếu Quang đã bảo đem làm công đức tại Tuyên Giảng Đường và tại địa phương ấy. Mùa thu năm sau, Quang chắc chắn quy ẩn, không có chỗ nhất định, sẽ tùy ý ở Nam - Bắc - Tây - Đông, trọn không ở nơi nào nhất định để khỏi bị thư từ làm phiền.

178. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Đã muốn thờ ông tăng chỉ biết cơm cháo làm thầy, tuy có bậc cao minh vẫn chẳng chịu chuyển sang cầu quy y với vị ấy, đấy chính là do đời trước có nhân duyên với nhau mà ra. Cố nhiên đối với Quang, chẳng có chuyện có thể hay không thể. Thoạt đầu Quang không đồng ý là vì sợ sau này cư sĩ mang lòng hối hận. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hải. Ông tên là Hãn (瀚), Hãn chính là tên khác của biển. Một niệm của chúng sanh và một niệm của Phật không hai, do mê chưa ngộ nên toàn bộ trí tuệ đức tướng biến thành phiền não nghiệp khổ. Tâm vốn là một, do mê ngộ sai khác nên khổ vui khác biệt, do vậy biết một niệm tâm tánh vốn là biển trí tuệ công đức. Do phiền não chướng lấp, không có trí tuệ chiếu tỏ thì toàn thể biến thành biển phiền não nghiệp khổ. Nay dùng trí tuệ giác chiếu thì biển phiền não nghiệp khổ liền biến thành biển trí tuệ công đức. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, vô ngại trí đều được hiện tiền.” Do vậy biết trước tiên hết, chỉ có trí tuệ là trọng yếu. Có trí tuệ thì toàn vọng tức là chân,

không trí tuệ thì toàn chân thành vọng. Ý nghĩa của Huệ Hải là như vậy đó, như thế đó.

Hơn nữa, nơi địa vị phàm phu mà muốn đạt "chân cùng, hoặc tận" (thấu đạt tận cùng chân tánh, trừ sạch phiền não) cũng chẳng dễ dàng đâu! Nhưng đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh cùng được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh chóng, lấy vạn đức hồng danh của Như Lai để huân tập vô minh nghiệp thức của chính mình. Lâu ngày chầy tháng tập quen thành tánh, sẽ ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Đấy gọi là "dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, vì thế được nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân". Pháp môn mầu nhiệm không chi hơn được điều này (lúc niệm Phật, nhiếp tai lắng nghe thì chẳng đến nỗi hết sức tán loạn. Nhất tâm khẩn thiết thì sẽ ít bị hôn trầm).

Nói đến việc trì giới, trước hết phải giữ được hai câu giới luật khái lược của Phật. Giới ấy như thế nào? Chính là "đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành", hai câu này bao trùm hết thảy giới pháp, trọn chẳng sót chút nào. Đấy chính là câu trích từ Giới kinh của Như Lai; trong Âm Chất Văn, Văn Xương Đế Quân dẫn câu này, đừng bảo "câu này vốn phát xuất từ Âm Chất Văn"! Hai câu này nếu nhìn hời hợt dường như chẳng đặc biệt, lạ lùng gì, nhưng nếu kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, giữ được hoàn toàn không phạm thì người ấy đã thâm nhập cảnh giới thánh hiền rồi.

Công khóa hằng ngày nên chiếu theo công phu của chính mình mà định. Trong Văn Sao, qua lá thư gởi cho ông Trần Tích Châu, tôi đã kể ra ba thứ, chia thành "hết sức bận rộn, bận rộn một nửa (tức nửa bận nửa rảnh), không bận rộn" để tự quyết định. Đối với việc trì chú, tụng kinh, hãy nên chuyên chú trọng thành kính. Hãy chiếu theo pháp tắc như Quang đã nói để xem kinh (trong Văn Sao có đoạn văn ấy) thì sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ. Nếu vừa xem vừa phân biệt, sẽ không có công đức lớn lao gì. Đã quy y Phật pháp, hãy nên kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay; ngay cả đối với gia quyến cũng nên bảo họ ăn chay, vì ăn thịt sẽ kết sát nghiệp, tương lai phải đem thân đền mạng, nỡ để cho quyến thuộc yêu mến mắc phải khổ quả ấy hay sao? (Ngay như luận trên phương diện dinh dưỡng, ăn chay có ích, ăn thịt có điều tổn hại.) Đối với người bên cạnh, người trong cõi đời, còn nên kính khuyên như thế, huống là vợ con của chính mình ư? Lại cần phải dạy họ cùng nhau bỏ công sức niệm Phật một tiếng đồng hồ vào buổi tối để mong tiêu nghiệp chướng, tăng phước thọ.

Thế đạo hiện thời chính là thế đạo hoạn nạn, ở trong hoạn nạn chỉ vì nghiệp trói buộc, nếu có thể niệm Phật sẽ ngấm ngầm chuyển họa thành phước, gặp dữ hóa lành. Đấy là kế sách thật sự thương yêu quyến thuộc hay nhất (Khi tịnh tọa chỉ nên niệm thầm Phật hiệu, chớ nên dùng những công phu luyện đan vận khí. Đấy chẳng phải là Phật pháp, mà là cách bảo dưỡng thân thể). Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Xét đến cội nguồn của tình thế loạn lạc, chỉ là vì trong gia đình không khéo dạy dỗ đã ươm thành. Phàm con em nhà phú quý phần nhiều không ra gì, nói chung vì quen thói kiêu căng, không được dạy dỗ mà ra. Tôi thường nói: "Dạy con là cái gốc để bình trị, nhưng dạy con gái càng khẩn yếu hơn, vì con gái thuở bé thường ở bên mẹ. Thuở bé được khéo dạy, đến khi xuất giá nhất định sẽ là vợ hiền. Vợ hiền sẽ có thể giúp chồng thành tựu đức hạnh, về sau sẽ thành hiền mẫu. Con người từ thuở bé được hiền mẫu un đúc, nhất định sẽ 'nghèo cùng thì riêng thân mình thiện, hiển đạt sẽ làm cho thiên hạ cùng thiện'. Công đức lớn nhất trong thế gian không gì bằng khéo dạy dỗ con cái; tội nghiệp lớn nhất trong thế gian không chi bằng chẳng dạy dỗ con cái. Bởi lẽ, con cái hiền lương sẽ có ích cho nước nhà, xã hội; chẳng hiền lương sẽ có hại cho nước nhà, xã hội!"

Ngày nay, thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, gần như hết thuốc chữa! May là có lý sự nhân quả báo ứng ba đời do đức Như Lai đã nói vẫn có thể dùng làm căn cứ để vãn hồi. Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Hãy nên trong là với quyến thuộc, ngoài là với những người quen biết và hết thảy mọi người đều ra rả dùng nhân quả báo ứng để khuyên lơn. Nếu người trong thế gian luôn dè dặt kinh sợ nơi khởi tâm động niệm thì lợi ích lớn lắm, chuyển công đức ấy để cầu vãng sanh thì phẩm vị ắt cao. Chùa Cực Lạc giảng kinh cũng cần nên xen vào một phần sự lý nhân quả để người vùng Đông Bắc cùng được hưởng lợi ích thật sự.

179. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông tâm nguyện rộng lớn, công phu thuần mật, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Chỉ xin ông nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải mong cầu gặp Quang. Gặp hay không gặp, mặc cho nhân duyên! Nếu đọc kỹ Văn Sao, hành theo đó, chính là thấu hiểu lòng Quang, há chẳng thân thiết như gặp mặt Quang hay sao? Con người hằng ngày khổ sở trong phiền não, vẫn chẳng biết là phiền não. Nếu biết là phiền não thì phiền não sẽ tiêu diệt. Ví như tưởng lầm gã trộm cắp là người nhà thì tất cả của cải trong nhà đều bị hắn trộm mất. Nếu biết là giặc, hắn liền trốn đi. Vàng chẳng luyện chẳng ròng, đao chẳng mài chẳng bén; chẳng

từng trải phiền não thì gặp cảnh phiền não tâm thần sẽ tán loạn. Biết nó chẳng có thế lực gì, chuyện nhọc tâm mệt trí nẩy sanh đều do ta tự chuốc lấy.

Kinh dạy: "Nếu biết ngã không, ai bị hủy báng?" Nay phỏng theo đó nói: "Nếu biết là vô ngã, phiền não nào sanh?" Thí dụ của ông rất có đạo lý. Cổ nhân nói: *"Vạn cảnh bổn nhàn, duy tâm tự náo. Tâm nhược bất sanh, cảnh tự như như"* (Muôn cảnh vốn nhàn, chỉ có tâm tự rộn. Nếu tâm không sanh, cảnh tự như như). Công khóa vốn đã quen thực hiện, cũng không cần phải sửa đổi, chỉ cần luôn lấy hồi hướng vãng sanh làm chủ.

Niệm Phật nên niệm sáu chữ, hoặc trước hết phải niệm sáu chữ, đến lúc sắp xong niệm bốn chữ. Từ đầu đến cuối niệm bốn chữ, hơi không hợp lẽ, bởi hai chữ nam-mô có nghĩa là quy y, cung kính, đảnh lễ, cứu độ con v.v.. Người ta thường mong lẹ, mong nhiều, nên phần nhiều có kẻ niệm bốn chữ. Thường nghe nói có người chủ trương lợi ích do "chuyên tu", chỉ dạy người khác niệm bốn chữ, phát nguyện, lễ Phật đều bảo là không cần, tức hoàn toàn là một gã ở ngoài cửa: Chỉ biết chính mình thực hiện công phu, chẳng biết cầu sức từ bi của Phật!

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, họ chỉ xét trên mặt hạnh, nhưng trên mặt hạnh lại gạt bỏ lễ bái, hạnh ấy khó thể mười phần khẩn thiết; lâu ngày sẽ thành hờ hững, hời hợt. Xin hãy y theo Văn Sao, đừng y theo lời họ nói. Bọn họ chỉ dựa vào ý kiến của chính mình, chứ không y theo tông chỉ Tịnh độ. Tâm chúng sanh cần phải dùng đủ mọi pháp lành để điều trị, ví như ăn cơm cần phải kèm theo thức ăn. Chỉ định kỳ đả thất để có thể chuyên trì một câu Phật hiệu. Hết thảy kinh chú đều chẳng cần phải trì tụng, nhưng cũng chớ nên hoàn toàn phế trừ lễ bái và phát nguyện. Trừ khi đả thất ra, vẫn cứ chiếu theo thường lệ trì tụng, đều chẳng trở ngại gì. Người tu hành sợ nhất là thuận theo cái tâm ức đoán của chính mình tự lập ra một đường lối riêng. Thường nghe nói có những kẻ thiên tư, bẩm tánh vốn tốt đẹp, nhưng kiến thức lệch lạc. Chuyên niệm một đức Phật còn được, nhưng phế bỏ lễ bái, phát nguyện v.v. là lầm lẫn lớn lắm!

Ông không cần bế quan, chỉ tự tu ở nhà là được rồi. Hiện thời, quân lính, giặc cướp nhâu nhâu, ông thường ở trong nhà, những kẻ nhỏ mọn, không ra gì chẳng đến nỗi sanh lòng khác lạ. Nếu ông thường không ở nhà, bọn chúng sẽ thừa dịp sơ hở trộm cắp và cướp đoạt, đáng lo vô cùng! Sư Đàm Hư đặc biệt giữ ông lại, chẳng tính đến điều này, cũng là không hiểu sự việc cho lắm. Ngàn vạn phần chớ nên lìa rời khỏi nhà, ở tại nhà suất lãnh thê thiếp, con cái, dâu, cháu v.v. cùng tu, công đức ấy lại càng thù thắng nhiều hơn.

Quang trải đời 68 năm, tuy sở học Phật pháp chưa thể trội hơn người khác, nhưng lo liệu sự việc so ra có phần suy xét kỹ càng hơn người khác đôi chút. Ông

đã tin Quang, chớ nên thuận theo cái tâm tưởng là đúng![255] Chỉ nên tu tại gia, ngàn vạn phần chớ nên bế quan trong chùa Cực Lạc. Ngay cả đả thất cũng chớ nên đả thất trong chùa Cực Lạc, do lúc này chẳng thể luận theo lúc thời thế thanh bình được. Nếu nhằm thời thế thanh bình, tuy không lo xảy ra chuyện ngoài ý muốn, cũng khó dẫn dắt quyến thuộc cùng gieo thiện căn. Đợi tới tháng nhuận, Quang sang Thượng Hải sẽ gởi cho ông mấy gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải do ông Hoàng Trí Hải biên soạn. Hằng ngày, khi rảnh rỗi hãy nên bảo ban quyến thuộc thì mọi người đều cùng sanh lòng tin tu tịnh nghiệp để mong cùng sanh về Tây Phương. Tướng lành khi lâm chung không cần phải mong mỏi sẵn, chỉ cần lúc thường ngày niệm sao cho tương ứng với Phật thì lâm chung tự nhiên được theo Phật vãng sanh mà thôi!

180. Thư trả lời cư sĩ Tế Thanh

Hôm nay cư sĩ Trần Hạc Niên tới đây, cầm theo thư ông và cuốn "Phê bình về bát thức trong Phật học", khôn ngăn khiến người ta phải thở dài. Ông học Phật nhiều năm, do lời Cẩm Hán mà ngờ vực kinh Phật và cổ đức nhiều đời "có lẽ có những chỗ không được thỏa đáng". Tức là trở thành "tin đạo nhưng không chuyên dốc"! Ông ta cực lực đả phá ba tên gọi của tám thức[256], cho là sai lầm, chỉ nghĩ các thức ấy do động lực mà biến đổi, tự cho rằng mình có thể sửa đúng những chỗ sai ngoa trong kinh Phật từ trước đến nay. Cái tâm hiếu danh có thể nói là đến mức cùng cực! Lại còn chẳng biết xấu hổ, không thẹn thùng, cũng có thể nói đến mức cùng cực không chi hơn được nữa. Ông ta gọi tuốt chân như Phật tánh là "hậu thiên vật", chẳng hiểu tâm tánh, chỉ biết vật chất, đáng thương thay! Ông

---

[255] Ý nói: đừng thuận theo những suy nghĩ phán đoán do thiên kiến của chính mình, không thèm nghe theo những lời dạy trong kinh hoặc những lời giáo huấn của chư cổ đức.

[256] Bát thức (astau vijñānāni) là tám thức gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt-na thức và a-lại-da thức. Tùy theo cách nhận định về vai trò của tám thức mà có ba cách gọi như sau:

1. Do bảy thức từ nhãn thức đến mạt-na thức do a-lại-da thức sanh ra, biến chuyển thành, nên bảy thức đầu được gọi là chuyển thức hoặc thất chuyển thức, còn a-lại-da thức gọi là căn bản thức hoặc chủng tử thức.

2. Theo thứ tự chuyển biến, a-lại-da thức gọi là năng biến, mạt-na thức gọi là đệ nhị năng biến, sáu thức còn lại gọi chung là đệ tam năng biến.

3. Địa Luận gọi A-lại-da thức là chân thức, mạt-na thức là vọng thức (không thấy định danh cho sáu thức còn lại).

Riêng về thức thứ tám, lại còn có ba tên gọi (theo Bát Thức Quy Củ Tụng) là a-lại-da thức, dị thục thức và nhất thiết chủng thức.

Cẩm Hán dựa theo khuynh hướng duy vật và phân tâm học Tây Phương để giải thích các thức, nên cho rằng các thức đều chỉ là những trạng thái tâm lý, coi chân như Phật tánh như là "hậu thiên vật" tức là một dạng vật chất được hình thành sau khi một cá nhân được sanh ra và do tri giác của người đó phản ứng trước những tác động của hoàn cảnh bên ngoài mà có tám thức, nên mới nói là "do động lực mà thay đổi".

tuổi gần bảy mươi, chuyên tinh niệm Phật sợ còn không kịp, rảnh rang đâu để hỏi đến chuyện này. Há lẽ nào lời nói của phàm phu đời sau lại đâm ra hay hơn lời Như Lai nói mà phải đợi hắn ta đính chánh lời Phật đó ư?

Nói đến chuyện thọ tam quy ngũ giới, hãy nên theo cách đối trước đức Phật tự thọ như đã được nói trong lá thư gởi cho bà Từ trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thanh, nghĩa là dùng trí tuệ để thanh tịnh cái nghiệp của mình lẫn người khiến cho lúc sống thì làm bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Đối với việc giáo hóa người khác, hãy tùy phận tùy sức mà khơi gợi, dẫn dắt. Hãy nên kể với họ chuyện người thuở xưa đời nay niệm Phật có công hiệu, ngõ hầu họ sẽ dễ nhận lãnh. Nếu chẳng chú ý điều này thì đúng là trò cười cho bọn họ.

Hơn nữa, tuổi ông đã già lụn rồi, tháng ngày chẳng còn mấy, hãy nên nói với gia quyến về lợi ích niệm Phật và lợi ích do trợ niệm khi lâm chung, nỗi tổn hại do bị phá hoại chánh niệm. Hãy chiếu theo những điều đã được nói trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục để bảo với bọn họ sao cho họ biết sẵn, ngõ hầu chẳng đến nỗi khi ông lâm chung họ sẽ thể hiện lòng hiếu kiểu "đã té xuống giếng còn bị quăng đá". Lại nên viết ra một chương trình, thỉnh hai ba người cùng chí hướng chứng minh, để khi ông sắp chết đừng bị quyến thuộc phá hoại chánh niệm, hòng thành tựu chánh niệm. Mất rồi, đừng sát sanh để khỏi tạo thêm nghiệp lụy cho ta. Nếu chẳng làm như thế, thiên địa quỷ thần ắt sẽ giám sát. Dùng những điều ấy để uốn nắn tri kiến thế tục, ngõ hầu chánh niệm rỡ ràng, theo Phật vãng sanh.

Những lời phê bình bậy bạ về bát thức do ông gởi tới, tôi đã thay ông đốt đi rồi, vì thế không cần gởi tới nữa. Bởi lẽ, dẫu ta chẳng bị loại sách ấy xoay chuyển thì tâm cũng phân vân, chắc đến nỗi nẩy sanh phiền não. Viết ra điều này, mong ông hãy sáng suốt soi xét. Người bạn ông đọc Gia Ngôn Lục bèn nghi Tịnh độ, đấy là do ác nghiệp đời trước mà ra, nay tôi dùng một ví dụ: Như con giòi trong nhà xí, cảm thấy vui sướng không chi bằng. Nếu nói với nó ngoài hầm xí còn có lầu đài nhà cửa hết sức thanh tịnh, rộng rãi, nó có tin được hay không? Dẫu có kẻ nhiều chuyện, chẳng ngại thò tay bắt nó ra khỏi nhà xí, dùng nước trong, nước thơm lần lượt gột rửa nó, cũng chỉ thành ra khiến cho nó mau chết mà thôi! Đối với ông ta, hoàn toàn chẳng được lợi ích gì nơi Gia Ngôn Lục cũng giống như vậy đấy. Các ông là một bọn phàm phu, ngay đối với chính mình mà còn hoàn toàn không biết (chỉ bậc đại triệt đại ngộ mới có thể nói là "biết được chính mình" mà thôi) mà vẫn nói lời chư Phật, lời chư tổ hoằng truyền, lời đề xướng, dẫn dắt của các vị đại thiện tri thức đều chẳng chân thật, là ngụ ngôn để gạt người. Thật đáng gọi là "tâm thô, mật lớn", chẳng sợ sau này bị đọa vào địa ngục Kéo Lưỡi

hay sao? "Toàn chân thành vọng" là ước theo tâm chúng sanh mà nói, ví như nước do gió động mà thành sóng, toàn thể nước biến thành sóng, gió lặng thì toàn thể sóng biến thành nước. "Toàn chân thành vọng", hễ trái ngược với vọng thì "toàn vọng tức là chân". Ông thông minh, nhưng thật ra là ngu si!

181. Thư trả lời cư sĩ Ngọc Trưởng

Niệm Phật nên niệm nhỏ tiếng hoặc niệm thầm, chớ nên một mực dốc sức lớn tiếng niệm. Nếu không, ắt sẽ bị bệnh. Hãy nên lắng lòng tịnh niệm, đừng ham niệm gấp. Muốn hỏa tắt, mắt sáng thì đấy chính là pháp mầu nhiệm để hỏa tắt, mắt sáng. Ông quy y tam bảo Phật pháp tăng, muốn cầu thọ cho cha mẹ, hãy nên chí thành niệm Phật, hoặc niệm kinh Phật, há nên cầu Táo Vương (ông Táo), tụng Táo Vương Kinh? Vua bếp là thần, còn kém Ngọc Hoàng rất xa, Ngọc Hoàng còn kém La-hán rất xa, La-hán kém Phật rất xa. Ông đúng là một gã hồ đồ, chẳng niệm Phật hiệu để cầu thọ cho cha mẹ, lại niệm Táo Vương Kinh, thí tặng Táo Vương Kinh. Táo Vương Kinh là kinh do kẻ phàm tục ngụy tạo, đệ tử Phật niệm thứ kinh ngụy tạo ấy chính là tà kiến, nhưng do ông thành tâm nên cũng chẳng thể nói là không có công đức, nhưng vẫn chỉ giống như một giọt sương. Công đức niệm Phật giống như sông to, biển cả. Ông không biết niệm Phật cũng đáng thương xót thay! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay vĩnh viễn không muốn ông gởi thư đến nữa. Gởi đến quyết chẳng trả lời, mong hãy sáng suốt suy xét. Một Bức Thư Trả Lời Khắp hãy xem xét kỹ, hành theo đó thì công đức lớn lắm.

182. Thư trả lời cư sĩ Phó Huệ Giang

Nhận được thư, thấy hình chụp của sư Ngọc (sư Ngọc Trụ), khôn ngăn nghĩ tới thuở xưa và hiện thời mà thương cảm! Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, bài tụng tôi đã soạn ý nghĩa không chu đáo, nét chữ không ra lề lối gì, chỉ biểu lộ lòng thành của tôi mà thôi. Từ nay, hễ không có chuyện gì quan trọng, đừng gởi thư tới! Người học Phật làm thầy thuốc, hễ gặp người bệnh nặng đều nên lấy chuyện tiêu trừ túc nghiệp làm chánh, dạy người bệnh ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm. Nếu do nghiệp nhân đáng được lành bệnh, chắc chắn sẽ chóng khỏi bệnh. Nếu tuổi thọ hết, chắc chắn được chết tốt lành, chẳng đến nỗi mong sống không được, cầu chết không xong. Những điều khác đã nói tường tận trong Một Bức Thư Trả Lời Khắp.

183. Thư trả lời cư sĩ Dương Thận Dư

Thư nhận được đầy đủ, cảnh tượng khi cha ông lâm chung vẫn còn tốt đẹp, hãy nên thường niệm Phật cho cụ, cầu cho cụ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh liền cao thăng phẩm sen. Còn như ông nhiều năm cho đó là chuyện hoang đường, chẳng sanh lòng tín niệm là do túc nghiệp của ông gây ra; mà cũng là do lúc ông còn bé, cha mẹ chẳng thật sự bỏ công giáo huấn ông về luân lý, nhân quả, cho nên ông "thường thường bậc trung" cũng không ra "thường thường bậc trung", mà giỏi giang cũng chẳng thành giỏi giang. Vì vậy người ta thường vui mừng vì có cha anh hiền đức. Nay ông may mắn biết sai, sửa lỗi, cũng là do thiện căn từ đời trước, hãy nên chú trọng trọn hết bổn phận làm cha mẹ đối với con cái thì con cháu nối tiếp nhau đều là người hiền, không bị chìm đắm trong đường hiểm như thế nữa.

Ông nói đến chuyện "hễ lễ bái bèn có các thứ rung động và trong chốn tối tăm có đốm sáng xẹt ra", đấy đều là vì ông căng thẳng tinh thần quá mức mà nên nỗi. Từ nay hễ lễ tụng chỉ chí thành khẩn thiết là được rồi, bất tất phải căng thẳng tinh thần. Tâm hãy nên tưởng hướng xuống phía dưới, hoặc tưởng ngồi trên tòa sen, chỉ tưởng nơi hoa sen đang ngồi, trọn chẳng cần so đo thân mình có ở trên hoa sen hay không, lâu ngày những tập khí hư phù ấy sẽ tiêu diệt không còn nữa. Có hiện tượng ấy phần nhiều là vì cái tâm bộp chộp, lao chao mà ra, còn chưa dụng công mà đã muốn mau được thành tựu. Kẻ chẳng biết tốt xấu tưởng [những hiện tượng rung động, đốm sáng xẹt ra] là công phu đắc lực, sẽ bị ma dựa phát cuồng. Nhưng đối với cảnh giới tốt cũng chẳng sanh lòng vui mừng, đối với cảnh giới xấu cũng không sanh lòng kinh sợ. Hễ kinh sợ thì tà ma bèn thừa dịp, hễ vui mừng ắt trước hết sẽ bị mất chánh niệm. Ông vẫn là loại tiểu tử khinh cuồng, cho nên ngày nay có tướng ấy. Nhắm mắt cũng là cái gốc gây ra bệnh, từ nay chẳng những không nhìn chi khác mà cũng đừng nhắm mắt. Bình thường niệm Phật quyết chớ nên niệm quá gấp gáp, hễ gấp sẽ bị tổn khí, hễ tổn khí chắc sẽ có chấn động. Cũng đừng niệm quá rề rà, quá rề rà chẳng tiếp hơi được, cũng dẫn đến tổn khí.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phẩm Phổ Môn, kinh Kim Cang đều nên thọ trì, hoặc mỗi ngày trì mỗi thứ một biến, hoặc hằng ngày chỉ trì một loại, luân phiên trì tụng; học chú Lăng-nghiêm hay không đều tùy ý. Cần nên biết, bất luận tụng kinh hay trì chú đều phải lấy cung kính chí thành làm gốc, đều phải hồi hướng Tây Phương cho khắp bốn ân ba cõi pháp giới chúng sanh thì lợi ích lớn lắm. Như kẻ vô tri trong thế gian chuyện gì cũng vì mình thì lợi ích sẽ thuận theo tâm lực mà hèn kém. Ví như một ngọn đèn đem thắp cho trăm ngàn ngọn đèn khác, ánh sáng của ngọn đèn ấy trọn chẳng bị tổn giảm. Nếu chẳng thắp cho ngọn đèn khác, ánh sáng của nó cũng chẳng tăng mạnh hơn và sáng lâu hơn được. Khi hồi hướng hãy nên biết đến ý này. Chẳng những vì cha mẹ, ân nhân của chính

mình mà hồi hướng như thế, ngay cả đối với oán gia cũng hồi hướng như thế thì mới có thể trên khế hợp với tâm Phật, dưới kết các duyên, giải các oán thù.

Mẹ ông có ăn chay được hay không? Đừng nghĩ đem huyết nhục phụng dưỡng mẹ là tận hiếu, cắt đùi kẻ khác để thể hiện lòng hiếu, đấy là đại nghịch, huống là giết hại ư? Chính mình cũng nên kiêng giết, ăn chay. Nếu nói "ở trong giới buôn bán, mọi chuyện chẳng tiện" thì đấy là vì miệng bụng chưa quên được cảm giác thỏa thích khi ăn thịt. Nếu chẳng mong mỏi vị ngon thì rau xanh, dưa muối một hai thứ, chẳng lẽ người ta không bằng lòng xếp dọn cho ông ư?

Nói đến chuyện vọng ngữ thì chẳng được coi hệt như nhau, nếu là chuyện không quan trọng khẩn yếu thì vẫn chưa phạm lỗi lớn; chứ nếu là chuyện quan trọng khiến cho người khác bị hỏng việc thì quyết chẳng thể nói dối. Chuyện nặng đã không nên làm, cớ sao đối với chuyện nhẹ lại đặc biệt làm? Do vậy biết rằng, gọi là "vọng" vì hoàn toàn xuất phát từ vọng tâm.

Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thận, thận (愼) tức là giữ gìn, nuôi dưỡng tấm lòng phản tỉnh, quán sát, khắc chế ý niệm. Xưa kia do mất niệm nên thành cuồng, nay há chẳng thể khắc chế ý niệm để thành thánh ư? Tâm thể của thánh hay cuồng vốn tương đồng, nhưng tâm tướng, tâm dụng của thánh và cuồng khác biệt vời vợi như trời với đất. Cho nên nói: "Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh." Mạnh tử nói: *"Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn; dĩ Nghiêu Thuấn chi sở dĩ vi Nghiêu Thuấn, hiếu đễ nhi dĩ"* (Ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn. Sở dĩ Nghiêu Thuấn có thể trở thành Nghiêu Thuấn chỉ vì hiếu đễ mà thôi!) Phật dạy: *"Nhất thiết chúng sanh giai đương tác Phật"* (Hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật). Ví như một trang giấy trắng, vẽ hình Như Lai thì chính là Như Lai, vẽ hình kẻ ăn mày thì là ăn mày. Hãy nên thận trọng từ lúc ban đầu sẽ chẳng đến nỗi trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình.

Cõi đời gần đây nguy hiểm muôn phần, hãy nên khuyên người nhà niệm Phật và niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Đối với mẹ ông, hãy nên cực lực khuyên cụ chuyên tu tịnh nghiệp, cầu sanh Tây Phương. Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư đến. Thường đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục thì chẳng cần phải viết thư xin tôi khai thị. Nhưng đấy là ước theo chuyện tu Tịnh độ mà nói; nếu không giết chết cái tâm vọng tưởng, cứ muốn làm một vị đại thông gia, mong ở trước mặt người khác tuyên nói, phô diễn trí thức của chính mình thì chuyên theo học hỏi với một vị pháp sư chắc vẫn chưa thể mãn ý, huống là chỉ đọc mấy cuốn sách ấy ư? Trộm sợ rằng ông không thể làm một vị đại thông gia

được, mà sự tu trì của ngu phu ngu phụ cũng bỏ luôn thì kết quả chẳng thể nào tưởng tượng nổi đâu. Xin hãy rất cẩn thận!

184. Thư trả lời hai vị cư sĩ Liễu Phàm và Dã Công

Thư và truyện sư Ngọc Trụ đều nhận được cả. Truyện ấy văn từ tường thuật sự việc quá rườm rà, nhưng cũng không trở ngại gì, chỉ có điều Thiên Lãng và ma vương ngoại đạo sáng lập ra thuyết Lục Bộ Thiền[257], hai ông đưa kẻ ấy vào trong truyện thì chắc rằng kẻ hiểu biết sẽ tưởng thuyết "Lục Bộ Thiền" là cao diệu. Gã ấy còn chưa biết đến hơi hướng nhà Thiền! Nếu biết, sao đã tham thấu triệt bộ sách thứ nhất rồi lại cần phải tham thấu bộ sách thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm cho tới bộ thứ sáu[258] ư?

Đoạn văn ngầm so sánh sư Ngọc Trụ với ngài Trí Giả và đoạn văn so sánh rõ ràng ngài Ngọc Trụ chẳng kém ngài Vĩnh Minh chính là đem phàm lạm thánh, tội ấy chẳng nhỏ. Quang sợ kẻ vô tri ai nấy đều bắt chước theo thì Phật pháp sẽ do đấy mà bị diệt, chẳng thể không nói rõ với các ông. Quang suốt một đời chẳng khen xằng người khác, mà cũng hết sức ghét kẻ khác khen ngợi tôi bừa bãi. Các ông do khen ngợi thầy Ngọc Trụ mà nói như vậy thì chính là bày trò cho kẻ học Phật làm chuyện dối trá, chẳng thể không cẩn thận ư? Báo ân thầy Ngọc Trụ kiểu ấy, nếu thầy Ngọc Trụ biết được, chắc sẽ đau đớn khóc lóc!

Quang đã 79 tuổi rồi, hai mươi bữa nữa sẽ tròn tám mươi, hoặc là chết trong năm nay, hoặc phải chịu tội mấy năm nữa. Quang chết rồi chỉ mong các ông sốt sắng dùng pháp môn Tịnh độ để tự lợi lợi tha. Nếu lo viết tiểu sử tán dương, soạn văn phúng điếu cho Quang để đưa tặng khắp xa gần thì chính là oán gia của Quang. Quang một đời chẳng nhận tiếng khen rỗng tuếch của người khác, bởi chết rồi sẽ chẳng biết đến tiếng khen suông nữa, làm như thế chính là mang lòng lừa dối. Quang chỉ mong từ phụ A-di-đà chịu rủ lòng thương xót, ngoài ra chẳng muốn nghe chuyện gì khác!

185. Thư trả lời cư sĩ Hùng Hách

---

[257] Lục Bộ Thiền là một thuyết cho rằng để lãnh hội được tinh tủy của Thiền tông phải lần lượt đọc và thấu hiểu được sáu bộ sách được coi là quan trọng nhất trong nhà Thiền (Hoàng Bá Truyền Tâm Pháp Yếu, Tông Kính Lục, Đại Huệ Ngữ Lục, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Thiên Thánh Quảng Đăng Lục, Thiên Thánh Tục Đăng Lục).

[258] Theo các bộ truyện tường thuật hành trạng của các thiền sư, các vị ấy đại triệt đại ngộ chỉ cần nhờ tham thấu một công án. Khi đã thấu triệt một công án thì hết thảy công án đều thông. Do đó nếu bảo là "tham thấu xong một bộ sách lại phải tiếp tục tham thấu cho đến trọn sáu bộ ngữ lục" thì sự tham thấu ấy chỉ là thấu hiểu, suy lường nghĩa lý theo mặt văn tự, chứ không thể là đại triệt đại ngộ được.

Hằng ngày niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn người đời trước đã khuất được vãng sanh là đủ rồi, cần gì phải đặt pháp danh? Về chuyện thọ ngũ giới, hãy nên dựa theo cách đã nói trong bức thư gởi cho bà Từ Phước Hiền nơi cuốn một bộ Văn Sao: Ở trước đức Phật lễ bái, tự thệ thọ giới. Theo Luật, cư sĩ chỉ được phép đắp loại y năm miếng thẳng, gọi là mạn y[259], không có những sọc ngang một dài một ngắn. Người đời nay phần nhiều chẳng đúng pháp, hoặc đắp y năm điều một dài một ngắn, hoặc đắp y bảy điều hai dài một ngắn, đều là trái luật. Ngay cả với mạn y đúng pháp, người tại gia cũng chỉ nên đắp khi lễ bái, trì tụng, kính lễ tam bảo, chớ nên thường đắp. Y năm điều của người xuất gia trước kia khá ngắn hẹp, giống như một cái khăn bông lớn thường chẳng rời thân, vì thế gọi là vụ y (y mặc để làm lụng). Nay thì y năm điều và y bảy điều to rộng như nhau, khi làm việc cũng chẳng thể đắp. Đấy chính là sự khác biệt giữa chế định xưa và nay vậy.

Hiện thời, bất luận là ai đều nên chuyên tu tịnh nghiệp, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Gần đây do chiến sự dữ dội, càng nên niệm Quán Thế Âm Bồ-tát cho nhiều. Nay tôi gởi kèm thêm một tờ Khuyến Niệm Quán Âm Văn, mong hãy nói với hết thảy mọi người. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, lại còn hằng ngày niệm Phật, niệm Quán Âm và chú Đại Bi để cầu chúc cho quốc dân, cầu siêu cho những người đã khuất nên không rảnh rỗi để nói nhiều.

186. Thư trả lời cư sĩ Tông Nguyện

Qua các thứ cảnh tượng lúc lâm chung của lệnh thê[260] đã được ghi chép đủ thấy pháp trợ niệm lợi ích lớn lao. Đã biết lợi ích của pháp trợ niệm, sao trong lúc thường ngày chẳng khuyên khắp hết thảy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương? Nếu lời ông nói chẳng phải là thêu dệt thì bà nhà quyết định vãng sanh.

---

[259] Do khi xưa khổ vải quá hẹp nên để may mạn y (y trơn) phải ghép năm miếng lại. Nhưng năm miếng ấy phải dài bằng nhau, không được cắt thành dài ngắn khác biệt. Hiện thời hầu như không thấy mạn y gồm năm miếng nữa mà mạn y luôn được may bằng cả khổ vải. Mạn y thường được đắp bởi sa-di và người tại gia thọ giới Bồ-tát (cũng có trường hợp người thọ ngũ giới đắp y nhưng khá hiếm). Tại Trung Hoa, mạn y của sa-di và cư sĩ giống hệt nhau; riêng tại Việt Nam, mạn y của sa-di và sa-di-ni được may có một sọc nổi lên chính giữa tấm y. Y năm điều (an-đà-hội: antarvāsa) của tăng sĩ cũng gồm năm miếng ghép lại, nhưng mỗi miếng ấy lại được cắt thành hai miếng nhỏ, một dài một ngắn (tức là gồm mười miếng tất cả. Gọi là "y năm điều" là do đếm theo chiều dọc của y). Miếng đầu tiên và miếng cuối cùng của y năm điều phải có hai miếng ngắn ở trên. Do cách may như vậy nên tổ Ấn Quang mới viết "y năm điều một dài một ngắn". Y bảy điều (uất-đa-la-tăng: uttarāsamga) do gồm bảy miếng lớn ghép theo chiều dọc nên gọi tên như vậy. Mỗi miếng lại cắt thành hai miếng dài hai miếng ngắn ghép lại. Y này dùng để thọ trai, lễ bái, giảng kinh, tụng kinh nên thường gọi là nhập chúng y. Các miếng này được may đâu lại, dằn chỉ cho nổi lên thành vằn nên tổ gọi là "hoành văn" (sọc ngang). Y của chư tăng Trung Hoa cắt thành từng miếng, nhưng may khít nhau, mỗi miếng không may chừa mép như y của chư tăng Việt Nam.

[260] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng vợ người khác.

Đối với phẩm vị, do bà ta trọn không có chánh tín, lâm chung chưa từng phát tâm đại Bồ-đề nên sẽ sanh vào hạ phẩm. Chớ nói "theo như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã dạy thì người thuộc hạ phẩm đều là chúng sanh tạo nghiệp!" Bọn họ vốn là người ác niệm Phật, tức là báng Phật, báng pháp, báng tăng, được khuyên nhủ nhiều lần vẫn chẳng tin, thân miệng ý đều báng tam bảo, đến khi lâm chung sợ chết, nghe nói đến lợi ích của sự vãng sanh Tây Phương mới sanh lòng tin, quyết định sanh trong hạ phẩm. Nhưng sanh trong hạ phẩm so với sanh lên trời làm thiên đế, thiên vương vẫn còn cao siêu hơn vô lượng vô biên lần. Nghiệp đã siêu phàm nhập thánh thì đâu còn thiếu sót chi?

Người đời nay ưa phô trương hư vọng, chuyện này (tức chuyện tướng trạng vãng sanh tốt lành) chớ nên làm giả. Hễ bày trò giả dối thì người mất bị tổn hại, mà chính mình cũng mắc tội đem phàm lạm thánh. Hãy bảo lại lời này với các xã hữu, khuyên họ chú trọng tu hành thật sự để là chân Phật tử. Nếu không, sẽ trở thành quyến thuộc ma. Bệnh lao phần nhiều là do thường ăn nằm quá độ mà ra, đến nỗi phải chết sớm. Nhưng lúc chết lại nẩy sanh lòng tin và nhờ sức trợ niệm, ấy chính là biến nghiệp nhân duyên thành thiện nhân duyên. Nay gởi Thọ Khang Bảo Giám, Sức Chung Tân Lương, Liễu Phàm Tứ Huấn, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục mỗi thứ một bộ và sớ cầu con, ba điều trọng yếu để cầu con, xin hãy đọc kỹ ngõ hầu con cái sau này chẳng đến nỗi bị chết thảm như thế.

187. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ nhất)

Bản chú giải kinh Kim Cang của ngài Tông Lặc[261] khá ổn thỏa, Thạch Thiên Cơ[262] tự phụ bản chú giải của ông ta rất hay, nhưng thật ra những chỗ trái nghịch kinh nghĩa trong bản chú giải ấy chẳng thể nêu trọn từng điều được. Ở Nam Kinh, có bản Tâm Kinh được chú giải bởi năm vị thiện tri thức, hãy nên khuyên hết thảy mọi người xem bản ấy. Người ta thỉnh bản chú giải kinh Kim Cang về đọc là vì muốn hiểu nghĩa, đối với nghĩa lý kinh Kim Cang, nếu chẳng chí thành thọ trì,

[261] Tông Lặc (1318-1391) là một vị tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào đầu đời Minh. Sư là người Đài Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), tự Quý Đàm, hiệu Toàn Thất. Năm lên 8 tuổi, sư tới chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu để học pháp với ngài Tiếu Ẩn Đại Hân, 14 tuổi xuống tóc, 20 tuổi thọ cụ túc. Sư cũng tham học với ngài Kính Sơn Nguyên Tẩu. Đầu đời Minh, vua xuống chiếu cử sư làm trụ trì chùa Thiên Giới, sai sư cùng với sư Như Kỷ soạn các bộ Lăng-già Kinh Chú Giải, Bát-nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát-nhã Kinh Chú Giải; đồng thời kiểm điểm Đại tạng kinh, soạn ra nhạc phổ tán Phật. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), sư sang Tây Vực, thỉnh được kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và Văn-thù Kinh v.v.. Năm Hồng Vũ 15 (1382), sư trở về Trung Hoa, được phong chức Hữu Thiện Thế cai quản Tăng Lục Ty. Về sau, do triều thần tìm đủ mọi cách gièm báng, sư bèn thoái ẩn về am Viên Thông. Về sau, sư mất tại chùa Thạch Phật thuộc Giang Phố. Ngoài những trước tác kể trên, sư còn soạn các bộ Toàn Thất Ngoại Tập, Toàn Thất Cảo v.v..

[262] Thạch Thiên Cơ (1659-1736), tên thật là Thạch Thành Kim, tự Thiên Cơ, hiệu Tỉnh Trai, người Dương Châu, ham học từ nhỏ, rất thông thạo, suốt đời lấy việc dạy học trước tác làm vui. Ông trước tác rất nhiều, những trước tác được tập hợp thành bộ Truyền Gia Bảo Toàn Tập.

đọc tụng, dẫu hiểu được ý nghĩa kinh văn thì vẫn như mây mù che lấp mặt trời, chẳng thấy được chân tướng. Hiềm rằng người đời chỉ biết coi trọng chuyện hiểu nghĩa, chẳng biết lợi ích thật sự là do cung kính, chuyên tinh thọ trì.

Mười bảy người cùng nguyện quy y ấy, nay đặt pháp danh cho mỗi người, viết thẳng vào đơn ghi danh. Ông hãy nên bảo họ: Đã phát tâm quy y thì hãy nên nương theo Phật pháp để tu trì, phàm những pháp luyện đan, vận khí v.v. của ngoại đạo đều nên bỏ hết đi. Nếu vẫn tu tập theo pháp của bọn ngoại đạo ấy sẽ trở thành tội nhân trong Phật giáo, ví như người dân trong nước nương nhờ bọn giặc cướp vậy. Luyện đan, vận khí chẳng phải là không có điểm tốt, đấy là pháp để dưỡng thân. Bọn họ cho rằng đấy là Phật pháp chân truyền, ngược ngạo bảo Phật pháp chẳng bằng pháp của họ. Do vậy, kẻ vô tri tưởng luyện đan, vận khí của ngoại đạo chính là Phật pháp. Cái tội gây lầm lạc cho người khác nặng hơn ưu điểm dưỡng thân trăm ngàn vạn lần. Vì thế, chẳng thể không nói toạc ra để bọn họ khỏi vì hảo tâm mà chuốc lấy quả báo báng pháp, hoại pháp.

Nhân dân hiện thời đang ở trong cảnh nước sâu lửa bỏng, hãy nên niệm Phật, niệm Quán Âm để làm phương cách đề phòng sẵn. Lệnh nghiêm[263] là người thật hiếm thấy trong đời mạt, đủ nêu gương cho đời. Tôi sẽ sửa chữa bài ghi chép đại lược của Quách Trí Úc để cho lời văn được sáng sủa, gãy gọn hơn. Nhưng gần đây khá bận bịu, chẳng rảnh rỗi lo đến, đợi sau này có lúc rảnh rang sẽ chấp bút. Phận làm con nêu tỏ đức hạnh của cha mẹ thì cần phải chú trọng nơi tận tụy thực hành, nếu chính mình có thể lập đức, thể hiện lòng nhân thì người khác sẽ tự tôn kính cha mẹ mình là bậc đức hạnh tốt đẹp. Nếu không, người ta sẽ nói: "Người có đức hạnh tốt ắt sẽ có con cháu đáng trọng. Con đã chẳng được như vậy, chắc là cha mẹ có điều ác ẩn giấu nên mới thành ra như thế!" Do vậy nói: "Làm rạng danh cha mẹ chỉ do chính mình tận tụy thực hành, chứ không phải do văn tự, lời lẽ." Nhưng nếu không có văn tự, lời lẽ thì không thể nào làm cho người khác nức lòng, vì thế Quang cũng đồng ý viết bài kỷ niệm cho cha ông. Hãy nên đem điều này dạy khắp những kẻ làm con thì lợi ích sẽ lớn lao lắm!

Nghi thức Mông Sơn thì chiếu theo kinh văn mà đọc, cũng chẳng có gì rất bí mật cả. Đối với việc kết ấn, ngay ở tùng lâm cũng là phô diễn, chứ thật ra chưa dựa theo thật nghĩa mà kết ấn[264], vì thế chẳng cần phải kết ấn.

---

[263] Tiếng gọi cha người khác nhằm tỏ ý kính trọng.

[264] Vì nếu kết ấn đúng pháp thì phải vừa kết ấn vừa quán tưởng chủng tự của vị bổn tôn của ấn chú ấy, đồng thời tâm phải thể nhập phẩm đức của vị tôn thánh ấy, sao cho tam mật tương ứng. Chẳng hạn như khi tụng chú Cam Lộ Thủy Chân Ngôn trong nghi thức Mông Sơn, người tụng kết ấn, đồng thời phải tưởng trong tâm có một vầng trăng, chính giữa vầng trăng có Phạn tự Bham (thường phiên âm thành Vãm hoặc Noan trong chữ Hán), sáng chói ngời, từ giữa chữ ấy tuôn ra nước *bát-nhã cam lộ tánh thủy*

188. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ hai)

Chuyện thọ giới nên lấy chí thành sám hối làm chánh, tự thọ trước đức Phật, Quang thay mặt tam bảo chứng minh, nhưng quan trọng là ở chỗ phản tỉnh, quán sát nơi khởi tâm động niệm. Phản tỉnh, quán sát được như thế thì sẽ tự có thể "chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Nếu chẳng phản tỉnh, quán sát ở nơi ấy thì tuy có thọ giới vẫn là kẻ thường phạm giới. Trong khoảng tháng 8, các loại sách sẽ được dần dần gởi tới. Hiện thời thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, nếu chẳng tích cực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, chắc chắn chẳng có lợi ích thật sự, giáo dục trong gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng. Đấy chính là phương tiện lớn lao để thánh hiền, Phật, Bồ-tát bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh.

Tu trì trong hiện thời chỉ có Tịnh nghiệp thật là bậc nhất, chớ nên nghe Thiền uyên áo, mầu nhiệm, Giáo uyên thâm, Mật lạ lùng, đặc biệt, mà bị lay chuyển để rồi do vậy liền thấy khác, nghĩ lạ, bỏ mất đạo phổ độ chúng sanh của đức Như Lai đến nỗi chính mình vẫn làm kẻ luân hồi trong sanh tử nơi thế giới Sa-bà này; đáng buồn, đáng đau lắm! Ắt phải nên chuyên tu tịnh hạnh, giải quyết cho xong ngay trong đời này, ngõ hầu chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này. Chuyện đả thất hãy nên dựa theo chương trình của Thiền Môn Nhật Tụng, bỏ bớt những đoạn kinh văn rườm rà, chuyên chú nơi niệm Phật thì sẽ được lợi ích lớn.

Bát quan trai giới lấy "không ăn quá ngọ" làm thể, người đời nay thể chất yếu đuối, lắm bệnh, mà còn đả thất niệm Phật, đấy chính là tinh tấn hành đạo. Lắng lòng tọa thiền chẳng thể nào sánh bằng được, có lẽ không nên chấp trước. Nếu không, sợ rằng sẽ bị bệnh. Hơn nữa, phương Nam khi đả thất ăn điểm tâm với phân lượng quá nhiều, chẳng những tâm không thể quy nhất, mà thức ăn cũng chẳng dễ tiêu, hãy nên kiêng ăn nhiều! Hai lượt cháo hoặc hai lượt cơm là được rồi. Nói đến chuyện "hôm trước ngày mở thất liền trì bát quan trai" cũng không phải là lời bàn luận đích xác. Đã trì vào ngày hôm trước bữa khai thất thì trong suốt một thất không nên trì hay sao? Cần biết rằng, một pháp niệm Phật sự lý rất sâu, chúng ta hãy lượng theo sức mà làm, chớ nên ép buộc người khác gây khó khăn khiến cho người ta chẳng khởi lên ý tưởng mạnh mẽ, như vậy là được rồi. Chuyện trong thiên hạ lý có nhất định nhưng pháp tùy cơ, chi tiết có thể sửa đổi, nhưng đường lối tổng quát chẳng đổi thì mới mong có thành tựu. Giữ khăng khăng quy củ đã thành lập hay lầm lạc lập ra chương trình mới đều khó thể thâu được hiệu quả. Mong hãy khéo cân nhắc ngõ hầu đích thân đạt được tam-muội vậy!

---

tràn ngập khắp pháp giới, nhuần thấm hết thảy chúng sanh trong nghiệp đạo, khiến họ đều lìa phiền não, được thanh tịnh.

189. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thanh

Ông đã đến tuổi cổ hy (bảy mươi), lại còn phải dạy học kiếm ăn, nhưng cuồng tâm vẫn chẳng dứt. Muốn nghiên cứu Lăng-nghiêm, Thiền tông, muốn được vang danh "có thiền, có tịnh", thật có thể gọi ông là kẻ "chưa đến suối vàng chưa chết lòng" (Thế tục nói: "Chẳng đến Hoàng hà chẳng cam lòng", đấy chính là đã khéo léo dùng Hoàng Hà thay cho hoàng tuyền (suối vàng). Nếu đến suối vàng, dẫu chẳng chịu nguội lạnh tấm lòng thì cũng đành nguội lạnh cõi lòng mà thôi). Những kẻ biết tà thấy lầm hiện thời nhan nhản khắp thế giới, ai có tinh thần để biện luận với bọn họ? Đã biết lời phê phán bát thức là sai, sao vẫn gởi cho người khác?

Tri thức hiện thời mỗi người đề cao một pháp, ông hãy nên đọc kỹ các sách Tịnh độ, lấy cổ nhân làm thầy để khỏi đến nỗi bị mê muội. Nếu thân cận những tri thức theo kiểu trẻ trung, hiện đại[265] hiện thời, chắc sẽ có kẻ mê mà chẳng biết mình đang mê. Đối với sách Yếu Giải mà ông còn chưa mãn ý, bảo ngài Ngẫu Ích học vấn chẳng bằng ngài Liên Trì, nhưng lũ ta há dám suy đoán xằng bậy sở chứng của cổ nhân ư? Nếu bàn đến chỗ mấu chốt, trọng yếu về mặt nghĩa lý của sách Yếu Giải thì quả thật là ngàn đời chưa hề có. Tàng kinh viện có sách Tịnh Độ Thập Yếu, Bảo Vương Luận cũng nằm trong bộ sách ấy, sao lại bảo là tìm Bảo Vương Luận không ra?

Bản chú giải Khai Mông[266] có cũng được, không cũng được, cái học của ngài Thông Trí có chỗ thông mà cũng có chỗ chưa thông, những bản chú giải cổ của kinh Lăng-nghiêm nhiều vô số, cần gì phải đọc bản Khai Mông ấy? Khai Mông cũng sao lục văn của người xưa, nhưng sư Thông Trí sắp xếp không theo thứ tự. Ông thử đọc lá thư gởi cho hòa thượng Tịch Sơn chùa Vạn Thọ trong Văn Sao sẽ hiểu ý. Muốn thấy được đại ý kinh Lăng-nghiêm thì cần phải tìm tòi, phân tích từng câu kinh văn, chú thích tường tận thì mới thấy rõ ràng như nhìn vào đường chỉ tay trong lòng bàn tay.

Ông tuổi đã gần bảy mươi mà vẫn chưa hiểu rõ pháp môn Tịnh độ, cứ si tâm vọng tưởng muốn nghiên cứu Lăng-nghiêm, lại muốn biết mùi vị của Thiền tông. Đừng nói chưa biết mùi vị nhà Thiền; dẫu biết rồi cũng chẳng thể gọi là "có Thiền"! Sao ông không đọc bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận và Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận của Quang vậy? Ông muốn được "có Thiền" thì ông phải nằm mộng! Nếu không, chẳng thể "có Thiền" được. Tâm phải đặt nơi "cầu không thể

[265] Nguyên văn "thời mao" có nghĩa là những trào lưu thời thượng, thích lập dị, chạy theo thời trang, coi đó là trẻ trung, tiến bộ, không cổ hủ, bảo thủ.
[266] Đây là bộ Lăng-nghiêm Khai Mông của sư Thông Trí Tầm Nguyên.

được", nếu đích thân thấy được điều này thì may mắn lớn. Nếu không, hãy nhất tâm niệm Phật, niệm đến mức cùng cực sẽ tự biết ngay. Dẫu chẳng biết, nhưng được vãng sanh Tây Phương thì lo gì không biết?

Ông muốn người khác chỉ cho ông chân tâm nhất định ở chỗ nào thì chính là kẻ si "dán trụ gảy đàn sắt"[267] vậy. Ông hoàn toàn chẳng có khí phận Thiền môn, lầm lạc bảo những lời cổ nhân nói như "đem cái tâm của ông lại đây, ta sẽ an cho ông"[268] là mờ mịt, chẳng sợ mắc tội báng pháp ư? Đấy chính là cổ nhân vận dụng tâm tham cứu đến cùng cực, cho nên từ một lời liền đích thân thấy được bản lai như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Ông dùng cái tâm dò đoán suy lường để lãnh hội nơi văn tự bề ngoài, nên mới cho là mờ mịt, không thân thiết, phân minh. "Thuần tưởng tức phi"[269] nghĩa là bay lên, sao lại lầm lạc bảo là "tâm ở trên

---

[267] "Giao trụ cổ sắt" (dán trụ, gảy đàn sắt) là một thành ngữ cổ thường được dùng để chỉ những kẻ chấp chặt một cách mù quáng, không biết quyền biến. Theo Hán Ngữ Thành Ngữ Tự Điển, sắt là một loại đàn cổ, giống như đàn cầm (cả hai loại đàn này đều trông tựa tựa như đàn tranh nhưng nhỏ hơn và thanh nhã hơn), nhưng tiếng vang và cao hơn. Trụ là những con sáo (tức những miếng gỗ nhỏ hình tam giác đặt trên mặt đàn có thể di động để biến đổi độ căng của dây đàn). Theo sách ấy, có một người nước Tề sang đất Triệu học đàn sắt. Do người nước Triệu chỉnh dây đàn rất khéo, người nước Tề bèn dùng keo dán chặt con sáo xuống mặt đàn cho khỏi lạc điệu rồi trở về nước. Suốt ba năm anh ta tập đàn nhưng không đàn thành khúc nào, đâm ra oán trách người nước Triệu giấu nghề. Có người từ đất Triệu đến thăm, anh ta bèn hỏi ra mới biết mình quá xuẩn ngốc: Những con sáo không thể di chuyển thì làm sao biến đổi xoang điệu cho được!

[268] Khi Nhị tổ Thần Quang Huệ Khả của Thiền tông cầu Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma dạy cho cách an tâm, tổ Đạt-ma đã dạy: "Ông đem cái tâm của ông lại đây, ta sẽ an cho." Tổ Huệ Khả thưa: "Con không tìm được cái tâm", tổ Đạt-ma liền dạy: "Ta đã an tâm cho ông rồi đó."

[269] Đây là một câu kinh trích từ kinh Lăng-nghiêm thuộc phần biện định về ngũ ấm ma. Sau khi nghe đức Phật nói các danh hiệu của kinh, ngài A-nan liền hỏi về nguyên nhân có các nẻo luân hồi. Đức Phật dạy nguyên nhân "do tình hay tưởng khác nhau mà có thăng hay đọa". Chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn đoạn kinh ấy và lời giảng của pháp sư Viên Anh trong sách Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Kinh Giảng Nghĩa:

Chánh kinh: *"Thuần tưởng tức phi, tất sanh thiên thượng. Nhược phi tâm trung kiêm phước kiêm huệ, cập dữ tịnh nguyện, tự nhiên tâm khai, kiến thập phương Phật, nhất thiết Tịnh Độ, tùy nguyện vãng sanh."*

Giảng: Tưởng là lắng lòng quán tưởng, chẳng phải là loạn tưởng. Tưởng ở đây khác với tưởng của loài noãn sanh. Ước theo lúc chúng (tức loài noãn sanh) thọ sanh thì tưởng của chúng là tưởng vọng nhiễm, còn tưởng được nói đến trong đoạn kinh văn ở đây là ước theo người ấy lúc còn sống đã quen tu tập tưởng thắng diệu. Do thuần tưởng có cảnh giới thắng diệu nên có thể bay lên, chẳng đến nỗi đọa lạc, ắt sanh lên cõi trời, sống trong cõi trời… "Thuần tưởng" ở đây thuộc về tưởng của chư thiên trong tam giới, nên thấy được chư thiên, đều do thiện nghiệp từ trong cái tâm quán tưởng ấy cảm thành. Nếu trong cái tâm thuần tưởng bay lên ấy, lúc bình thời có kiêm tu phước, tu huệ, chẳng hạn như cúng Phật là phước nghiệp, nghe pháp là huệ nghiệp và những người có tịnh nguyện, vẫn thường nguyện học theo Phật, được Phật thọ ký, và những ai muốn cầu vãng sanh nguyện được thấy Phật. Phàm những người bình thường không tu tập khi thọ mạng sắp hết, thần thức hôn ám, trông khắp mười phương giống như một vùng tối, mờ mờ, mịt mịt, chẳng biết đi về đâu. Còn người do tu tập thuần tưởng, nay do tưởng thuần tịnh và sức phước tuệ cùng với sức tịnh nguyện, tự nhiên tâm địa khai thông, thấy mười phương Phật, hết thảy Tịnh độ, như cõi Cực Lạc của Phật A-di-đà, cõi Lưu Ly của Phật Dược Sư v.v., mười phương đều hiện, hơn kém rành rành. Vì thế được tùy nguyện vãng sanh."

đảnh”[270]? Đúng là tri kiến ngoại đạo nói nhăng nói càn! Kinh được dẫn trong Cảm Ứng Vựng Biên chưa từng giảo chánh, đối chiếu, nhưng ý nghĩa chánh yếu là “thiên thần giám sát chẳng hề xa lìa”, cũng chẳng cần phải chấp chết cứng từng câu từng chữ.

“Tâm như nước lặng, gương sáng” là ước theo bản thể để nói, “gương sáng chẳng phải đài” chính là thánh tình và phàm tình đều tận, năng - sở lưỡng vong (chủ thể và đối tượng được nhận biết đều mất). Ông chỉ sợ người khác chấp trước, nhưng chính ông lại lầm lạc khác nào vạn dặm. Sách Kim Cang Bàng Chú là do ngoại đạo nói ra, ông coi đó là Phật pháp, đáng than tột cùng! Cái được cầu chính là tâm, nhưng cần phải hiểu được cái tâm ấy thì mới tốt. Nếu không, chẳng những cái được cầu chính là tâm mà ngay cả cái bị buông bỏ cũng chưa hề chẳng phải là tâm. Ngay như làm chuyện giết trộm dâm, có bao giờ chẳng phải là tâm? Có thể nói ông là hạng người biết nhiều, hiểu nhiều, nhưng đối với chuyện này lại chẳng biết quy hướng về đâu để được thọ dụng. Ông hãy nên chết lòng sốt sắng niệm Phật, đừng làm ra vẻ một vị đại thông gia giỏi phân biệt pháp nghĩa kiểu đó, sẽ chẳng uổng đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Nếu không, sanh tử xảy đến, vẫn theo nghiệp thọ báo y như cũ. Mong gặp được pháp môn Tịnh độ lần nữa, e rằng chẳng được may mắn như thế đâu!

190. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ nhất)

Xem thư gởi đến, có thể nói là “phát tâm đại Bồ-đề để mong mình lẫn người đều được lợi”, nhưng thư viết *“tâm lợi mình nhạt nhẽo, tâm lợi người thiết tha”* cũng là ngữ bệnh. Chẳng thể tự lợi thì trọn chẳng thể làm lợi lớn lao cho người khác được! Hai điều ấy hãy nên chẳng phân biệt thân sơ mới đúng, tự lợi và lợi tha chính là một nguyện mà thôi, đối với tự lợi ắt phải dốc hết tâm lực, há nên đối với phương diện tự lợi lại nói là nhạt nhẽo, lầm lạc học theo thân phận của đại Bồ-tát.

[270] Bọn đạo sĩ đã soạn ra cuốn Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ, mạo danh tác giả là Thuần Dương Lã Tổ (Lã Động Tân) để xuyên tạc kinh Lăng-nghiêm như sau: “Các thầy vâng giữ diệu dụng, vẫn còn có bí quyết nhanh chóng nhất trong các bí quyết, tức là lúc buông xuống muôn duyên, chỉ dùng chữ y của Phạm Thiên (tức là Nhật Nguyệt Thiên Cương, đấy chính là mắt trái, mắt phải và chính giữa hai chân mày trong thân người. Tiên thiên thần nhân đều có đủ ba mắt như Đẩu Mẫu Lôi Tổ vậy. Con người biết tu luyện, mi tâm (chính giữa hai mày) liền mở ra, con mắt được mở ra ấy gọi là thiên mục)… Các thầy tuân hành pháp, chẳng có pháp nào khác để cầu tiến, chỉ thuần tưởng ở nơi đó. Kinh Lăng-nghiêm nói: ‘Thuần tưởng tức phi, tất sanh thiên thượng.’ Thiên ở đây không phải là trời xanh thẳm, mà chính là càn cung (đảnh đầu) trên thân, lâu ngày tự nhiên sẽ được thân ở ngoài cõi trời.” Do bọn đạo sĩ xuyên tạc kinh Phật để chứng minh phép luyện đan vận khí nên tổ mới chê là *“hồ thuyết ba đạo”* (nói nhăng, nói càn).

Cuốn Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải của ông Hoàng Hàm Chi (lúc ấy ông ta đang giữ chức Đạo đài[271] vùng Ninh Thiệu, vẫn chưa quy y) trích dẫn những kinh văn từ những sách vở khác, nhưng trước đấy không dẫn nguyên văn mà dùng ngay bạch thoại để diễn giải ý nghĩa những đoạn kinh văn ấy, quả thật là một thiếu sót lớn. Khi ấy, Quang chẳng nghĩ làm như vậy là đúng lắm, nhưng chưa thể khuyên ông ta không nên làm như vậy. Năm Dân Quốc 18 (1929), ông ta lại soạn cuốn Phật Học Đại Ý (khoảng 200 trang), Triêu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại (hơn 200 trang) cũng giống như vậy. Quang bảo ông ta trước hết dẫn nguyên văn kinh điển, phía dưới lại dùng bạch thoại để chú thích thì phần kinh văn vừa dẫn có thể dùng làm căn cứ chứng tỏ những câu ấy xuất phát từ kinh luận của Phật, của tổ, phần bạch thoại chỉ là giải nghĩa sẽ có lợi ích. Thật ra, chỉ dùng lối văn rõ ràng để diễn tả thì mới là hợp căn cơ, nhưng chẳng nên chuyên bắt chước theo quy cách trong nhà trường vào thời gần đây[272]. Thoạt đầu ông ta rất vội vã, muốn đem in ngay. Do vậy vĩnh viễn không nhắc tới nữa. Quang cũng vĩnh viễn không hỏi tới nữa, vì sợ ông ta thấy tốn công sẽ đình chỉ.

Các hạ đã thờ pháp sư Hoằng Nhất làm thầy, tác phẩm do các hạ biên soạn lại được Hồ Ký Trần giảo duyệt, lại cậy ông Phạm Cổ Nông giảo duyệt, cần gì phải gởi cho Quang nữa? Quang đã 72 tuổi, tinh lực lẫn mục lực đều không đủ, tất cả những bưu kiện từ bên ngoài gởi đến đều để nguyên đem gởi trả lại, vì tự thấy mình chẳng rảnh rỗi, đâu thể nhọc nhằn vì người khác được? Sách ấy tôi chưa từng đọc qua, nghe nói mùa đông năm ngoái ông Cổ Nông trở về nhà; đã từ nhiệm

[271] Theo quy chế quan chức đời Thanh, cả nước được chia thành nhiều tỉnh, mỗi tỉnh lại chia thành nhiều phủ (hoặc châu, sảnh), mỗi phủ gồm nhiều huyện. Quan đầu tỉnh gọi là Tổng đốc nắm trọn quyền hành chánh, quân sự và tư pháp từ một tỉnh đến ba tỉnh; chỉ riêng Tổng đốc Tứ Xuyên là quản trị một tỉnh. Sau này, danh xưng Tổng đốc ít dùng, hầu như chỉ dùng danh xưng Tuần phủ (Tuần vũ), và quyền hành của Tuần phủ được thu gọn trong một tỉnh. Tuần phủ thường được gọi bằng danh xưng Phủ quân, Phủ đài. Dưới chức Tuần phủ lại lập ra chức Bố chánh sứ chuyên lo việc hành chánh, dân sự, ngân khố của một tỉnh, chức quan này thường được gọi là Phiên đài hoặc Phiên ty. Đôi khi, có trường hợp đặc biệt như Phiên đài Quảng Đông lại trông coi cả việc trị an. Bên cạnh Bố chánh sứ còn có quan Án sát sứ, chuyên lo việc tư pháp trong một tỉnh, giám sát và thuyên chuyển những quan chức nhỏ hơn. Chức quan này thường được gọi là Niết đài hoặc Niết ty. Chức quan phụ tá Niết đài, trông coi một đạo (gồm nhiều phủ) được gọi là Đạo viên hoặc Đạo đài. Ông Hoàng Hàm Chi giữ chức Đạo đài hai phủ Ninh Ba và Thiệu Hưng nên gọi là Ninh Thiệu Đạo đài.

[272] Thời ấy trong khuynh hướng sôi nổi phá bỏ lối học từ chương, cổ điển, sáo mòn đời Thanh, các nhà giáo dục Trung Hoa đầu thời Dân Quốc chủ trương mọi văn bản đều viết bằng văn bạch thoại, cực lực đả phá việc trích dẫn nguyên văn những thư tịch cổ trong bài viết, cũng như cấm học trò học viết văn theo lối Văn Ngôn. Tổ chủ trương vẫn dùng Văn Ngôn, nhưng viết cho rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, không dùng quá nhiều điển tích cầu kỳ, chấm câu rõ ràng để người đọc dù ít học vẫn có thể lãnh hội được. Quan điểm này hoàn toàn đúng đắn vì về sau này, do chỉ học theo lối văn bạch thoại, rất nhiều người đã tốt nghiệp đại học ở Hoa Lục, Đài Loan mà vẫn rất lúng túng, gặp rất nhiều khó khăn khi đọc những tác phẩm viết bằng Văn Ngôn.

chức vụ ở Phật Học Thư Cục, nhưng đối với những sách vở có quan hệ khẩn yếu vẫn lo liệu đôi chút tại nhà.

Ngàn vạn phần xin đừng gởi bản thảo tới, Quang thật chẳng có tinh thần để thù tiếp chuyện bên ngoài. Huống chi còn có chuyện chưa giải quyết xong, muốn cầu người khác lo giùm mà chẳng thể được, quả thật là lo nghĩ đến cùng cực. Hiện nay chiến sự khốc liệt như thế, nhân dân cả nước đều khó yên tâm, hằng ngày chỉ trì chú Đại Bi, niệm danh hiệu Quán Âm để cầu tam bảo gia bị khiến cho chiến tranh chấm dứt mà thôi (Ở đây là nói về cuộc chiến ở Thượng Hải vào năm Dân Quốc 21 - 1932. Người biên tập chú thích).

191. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ hai)

Chiến sự đã dứt là do trăm ngàn vạn thiện sĩ tăng tục Trung Quốc tha thiết cầu nguyện mà cảm nên, Quang bất quá chỉ là một trong số trăm ngàn vạn người mà thôi! Nếu nói là do lòng thành của tôi cảm vời thì sẽ thành "trộm danh, đoạt sự tốt lành", không có công lao gì mà mạo nhận. Há Quang chịu nhận sự khen ngợi ấy ư? Sách Lễ Ký chép: "Làm người ắt phải theo lẽ thường", cư sĩ bảo "Quang là cổ Phật tái lai không còn ngờ gì nữa" tức là coi Phật như phàm phu, coi phàm phu là Phật, so với lỗi quy công cho Quang càng lớn hơn vô lượng lần! Ông và tôi có duyên, hãy nên đối đãi với nhau bằng tình ý chân thật. Nếu nói như vậy (tức là nói đại sư Ấn Quang là cổ Phật tái lai - ghi chú của người dịch) thì đôi bên đều phạm tội lỗi.

Kinh Di-đà là pháp môn căn bản của pháp môn Tịnh độ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện tuy rộng lớn sâu mầu nhưng xét đến cùng chẳng phải là nguồn pháp căn bản của pháp môn Tịnh độ. Vì thế, hãy nên cùng tụng hai kinh, trọn chớ nên chỉ tụng phẩm Hạnh Nguyện, chẳng tụng kinh Di-đà. Chỉ tụng kinh Di-đà, không tụng phẩm Hạnh Nguyện thì được; chứ chỉ tụng Hạnh Nguyện, không tụng kinh Di-đà thì không được. Dùng kinh Di-đà làm khóa tụng sáng tối hoặc tụng nhiều hơn cũng được, quyết chớ nên trọn chẳng tụng kinh Di-đà để chuyên tụng phẩm Hạnh Nguyện, vì làm như vậy sẽ trở thành tu trì mà quên gốc vậy.

Hai kinh ấy cố nhiên không có cao thấp, nhưng đối với hành nhân Tịnh độ lại có thân sơ, do vậy chẳng thể luận định các kinh Đại thừa giống hệt như nhau được. Những lợi ích của mười đại nguyện vương như đã nói trong phẩm Hạnh Nguyện vốn là nêu ra những điều thù thắng, ông cho rằng những lợi ích đạt được bởi kinh Di-đà chẳng được như thế hay sao? Nếu nói như vậy, về mặt khuyên dạy cũng có thể chấp nhận được, nhưng nơi phương diện *thể, đạo, minh tông* (nêu rõ tông chỉ) sẽ chẳng tránh khỏi khuyết điểm chỉ hiểu theo mặt chữ. *"Chúng sanh sanh giả,*

giai thị A-bệ-bạt-trí” (Chúng sanh sanh về cõi đó đều là Bất thoái chuyển), bậc A-bệ-bạt-trí cố nhiên có thể tùy loại hóa thân. Cư sĩ luận định kinh A-di-đà như thế, Quang chưa hề thấy nghe bao giờ. Thứ nghị luận thừa thãi ấy sao bằng không mở miệng thốt ra sẽ hữu ích hơn hay sao?

192. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ ba)

Nhận được thư đầy đủ. Đã muốn lợi người hãy nên y theo kinh văn. Sao lại gọi kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại A-di-đà? Trong Đại tạng vốn có bản kinh A-di-đà[273] được dịch vào đời Ngô, lại có bản kinh Đại A-di-đà do Vương Long Thư giảo chánh vào đời Tống. Nếu gọi kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại A-di-đà sẽ khiến cho người ta chẳng biết rốt cuộc là kinh nào. Muôn phần chớ nên thay đổi tên gọi, hễ thay đổi thì lâu ngày sẽ mê mất nguồn gốc.

Trong lời tựa của cư sĩ, có chỗ hơi không được viên mãn, tôi mạo muội sửa đổi. Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ do ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn[274] soạn vào đời Tùy, cư sĩ cho là do ngài Lô Sơn Huệ Viễn đời Tấn soạn. Tiểu thuyết thường có chuyện đặt tên theo từng hồi, bọn chúng ta giải thích kinh đã thành nề nếp, sao lại ngược ngạo bắt chước tiểu thuyết chia thành từng hồi? Trộm nghĩ dùng văn bạch thoại để giải thích thì trước hết phải dẫn nguyên bản kinh văn, rồi mới dùng văn bạch thoại để chú thích giản lược. Phàm những chữ thừa thãi không quan trọng đều nhất loạt chẳng dùng, nếu chỗ nào đã rõ ràng thì đừng giải thích lan

---

[273] Tức bản kinh Phật Thuyết A-di-đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo (hai quyển) do Chi Khiêm dịch vào đời Ngô.

[274] Ngài Huệ Viễn (334-416) Sơ tổ tông Tịnh độ sống vào đời Tấn, thường được gọi là Lô Sơn Huệ Viễn để phân biệt với ngài Huệ Viễn (523-592) người huyện Đôn Hoàng (tỉnh Cam Túc) sống vào đời Tùy. Ngài Huệ Viễn đời Tùy đôi khi còn được gọi là Tùy Viễn, Tiểu Viễn, Đại Viễn, Bắc Viễn. Ngài Tùy Viễn theo xuất gia với ngài Tăng Tư vào năm 13 tuổi. Năm 16 tuổi, theo ngài Trạm Luật Sư sang Nghiệp Quận (nay là huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc) chuyên nghiên cứu kinh Đại thừa, Tiểu thừa. Sư thọ cụ túc năm 20 tuổi, thoạt đầu theo ngài Đại Ẩn học luật Tứ Phần, sau chuyên nghiên cứu pháp tạng. Khi Vũ Đế nhà Bắc Chu diệt Tề quốc, ra lệnh hủy hoại kinh tượng, buộc tăng chúng hoàn tục, tăng chúng trốn lánh, sư một mình ra tranh biện với hoàng đế, trách mắng nhà vua: “Bệ hạ nay cậy sức vương giả, tự tung tự tác, phá diệt tam bảo, là kẻ tà kiến. Địa ngục A-tỳ chẳng phân biệt sang hèn, đọa xuống đó không sợ hay sao?” Vua nổi giận quát: “Chỉ cần trăm họ yên vui, trẫm chẳng từ nan các sự khổ trong địa ngục”, nhưng vẫn tha tội, không trừng phạt sư. Rốt cuộc vua vẫn hạ lệnh hủy diệt Phật pháp, sư bèn ẩn cư ở Cấp Quận, ngầm tụng Pháp Hoa, Duy-ma v.v. để cầu Phật pháp phục hưng. Đến khi nhà Tùy diệt nhà Chu, sư mới xuất hiện, đại khai pháp môn ở Lạc Ấp, rất được Tùy Văn Đế kính trọng, nhiều lần triệu vào cung giảng pháp. Không lâu sau, vua hạ chiếu sai sư trụ tại chùa Hưng Thiện, rồi xây riêng ngôi chùa Tịnh Ảnh cho sư chuyên giảng dạy, nghiên cứu Phật pháp. Vì thế, người đời thường gọi sư là Tịnh Ảnh Huệ Viễn. Năm Khai Hoàng 12 (592), sư vâng chiếu tham dự dịch trường, san định từ nghĩa trong các bản kinh được dịch, nhưng rồi sư thị tịch ngay trong năm ấy. Sở học của sư chủ yếu thuộc Địa Luận Tông Nam Đạo Phái, đến tuổi già sư lại học Nhiếp Đại Thừa Luận với ngài Đàm Thiên. Sư thông thạo các kinh điển, thông hiểu văn lý, yếu nghĩa, nên được người đương thời xưng tụng là Thích Nghĩa Cao Tổ. Những trước tác nổi tiếng nhất của sư gồm Đại Thừa Nghĩa Chương, Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký, Hoa Nghiêm Kinh Sớ, Đại Niết-bàn Kinh Nghĩa Ký, Pháp Hoa Kinh Sớ, Duy Ma Kinh Nghĩa Ký, Thắng Man Kinh Nghĩa Ký, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ…

man nữa. Thường thấy có những người viết văn bạch thoại, chánh kinh chẳng có mấy chữ mà biến thành câu văn bạch thoại mười mấy chữ, đâm ra phí công. Nếu hoàn toàn viết hết kinh văn thành văn bạch thoại thì vàn muôn phần không nên! Vì sao vậy? Vì về lâu dài người đọc sẽ chẳng biết được những điều cốt yếu, lại còn làm mất cội nguồn.

Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, trong mùa đông năm Dân Quốc 22 (1933) đã cho đăng tải trên các bán nguyệt san Tân Thân (xét ra, chính là các tờ Tân Văn Báo và Thân Báo) lời cự tuyệt hết thảy thư từ hoặc nhờ cậy viết lách. Chẳng thể soạn lời tựa cho cuốn sách của ông được vì không có tinh lực lẫn mục lực, chứ không phải là chẳng muốn ra sức để hoằng truyền kinh. Ngay như với thư từ nhận được hoặc gởi đi, Quang vẫn phải dùng cả kính lúp và kính lão để miễn cưỡng đọc, viết. Nếu chỉ dùng một loại sẽ chẳng thể thấy được. Hãy nên thương Quang già cả, nghiệp chướng sâu nặng, đừng trách móc thì may mắn lắm thay! Dùng văn bạch thoại để diễn giải kinh văn mà dùng chữ "dịch" thì chưa khỏi phạm lỗi tiếm dụng từ ngữ "dịch kinh", chẳng thể không cẩn thận! Phàm ăn nói phải dựa theo sự thực, ông suy tôn Quang nào khác kẻ thường dân xưng là hoàng đế, muốn chẳng gây hệ lụy khiến cho tôi mắc phải tội khiên "đem phàm lạm thánh" há có được ư? Hãy hết sức tránh!

193. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Minh Thọ

Thư nhận được đầy đủ. Thư ông gởi vào hai năm trước đây do không khẩn yếu nên tôi chẳng trả lời. Nay bốn vị Thủy, Đặng, Bùi, Dương đều đến Lan Châu lo việc đề xướng niệm Phật, thật là may mắn cho đất Cam (Cam Túc). Phật pháp đã bặt tiếng vang ở đất Cam từ lâu, mấy năm gần đây, dần dần được phục hưng. Dương Hán Công cực lực đề xướng, tiếc rằng đại viện của Lạc Thiện Thư Cục ở Lũng Hữu bị lính đóng, ông ta phải ở trong tiểu viện thật bất tiện. Lại có ông Quách Hán Nho, Kha Huệ Mẫn đều tu trì khá chân thật. Năm trước, đúng vào hôm Cục Đạn Dược phát nổ, người làm công trong phân xưởng chế đạn của một đệ tử Quang, tức ông Lý Tiên Đào, đều qua Minh Thủy Lâu xem diễn tuồng, chỉ để lại một người là con của ông Phó Kinh Lý ở lại xưởng. Nơi phân xưởng của Mã Côn Sơn, cả xưởng ra về hết, không còn một ai. Cục Đạn Dược phát nổ, mấy dãy phố đều bị sụp đổ, tan nát sạch, nhưng căn nhà nơi người con của vị Kinh Lý ở lại hôm ấy vốn thuộc xưởng của ông Tiên Đào chẳng bị tổn hại gì. Một gian thờ Phật trong xưởng của ông Côn Sơn cũng chẳng bị tổn hại gì, kiếng đều chưa bị nứt vỡ. Tiên Đào tuy có tín tâm, nhưng chưa cực lực tu trì. Côn Sơn do được Tiên Đào khuyên lơn, mới bắt đầu quy y, chưa đầy một năm. Chuyện này quả thật đã phát khởi tín tâm cho người dân địa phương.

Hà Hồng Cát ở Cam Cốc cũng khá gắng công đề xướng, ba năm trước đây nạn dịch tả chẳng lan đến vùng ấy. Trước khi tròn 60 tuổi, Trịnh Triết Hầu là oan gia của Phật pháp; năm tròn 60 tuổi đọc Văn Sao của Quang liền sanh tín tâm, ăn chay, niệm Phật, nay cực lực đề xướng tại Bình Lương. Các ông Đặng Hiểu Thần, Lý Văn Trạm v.v. ở Tần An mỗi người đều đề xướng. Đời đã loạn đến cùng cực, dân không lẽ sống, những người có chánh tri chánh kiến từ đời trước đều biết sự lý nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo do đức Phật đã dạy chân thật chẳng sai, đều muốn thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi sen chín phẩm kia. Vì thế, vừa nghe được giáo pháp của Phật bèn sôi nổi thuận theo. Nay lại được bốn vị Thủy, Đặng, Bùi, Dương đề xướng, sẽ thấy Phật pháp hưng thịnh lớn lao, lòng người hướng thiện, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, can qua chấm dứt, tịnh xã lập ra, vận nước tốt đẹp là điều có thể dự đoán được.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị tường tận được, nay gởi cho mỗi người các ông hai gói kinh sách. Gói thứ nhất vốn là Tịnh Độ Ngũ Kinh (một cuốn), đấy chính là căn bản của pháp môn Tịnh độ, hãy nên thường thọ trì; Tịnh Độ Thập Yếu (một bộ năm cuốn) đây chính là trước thuật thiết yếu của pháp môn Tịnh độ, Ấn Quang Văn Sao (một bộ bốn cuốn hoặc in thành hai cuốn). Đây là sách nông cạn, gần gũi nhất, khế hợp thời cơ nhất. Đọc kỹ sách này thì những ý chánh của pháp môn Tịnh độ sẽ đều hiểu rõ. Gói thứ hai gồm Gia Ngôn Lục (một cuốn), đây là những nghĩa trọng yếu được trích lục từ Văn Sao, được chia thành môn loại, khi xem đỡ tốn tâm lực nhất; Tịnh Độ Thánh Hiền Lục (ba cuốn) thuật sự tích của những người niệm Phật xưa nay. Liễu Phàm Tứ Huấn (một cuốn), sách này văn lẫn lý đều tinh vi chu đáo, hết thảy mọi người đều nên đọc thuộc. Phật Học Cứu Kiếp Biên (hai cuốn), sách này sưu tập những chuyện nhân quả thiển cận trong kinh Phật để mong lòng người hướng thiện. Lịch Sử Thống Kỷ (hai cuốn) thu thập những sự tích nhân quả báo ứng từ 24 bộ sử để người đọc lấy chuyện xưa làm gương. Bộ sách này có công dụng như hai bộ sách: Trong phần đầu có mục lục, lại có biểu đồ phân loại. Như với phần Hiếu thì những gương hiếu tử trong cả bộ sách đều được liệt kê theo số quyển, số trang. Những gương không hiếu đễ, không cung kính v.v. tổng cộng gồm 24 loại. Nếu như muốn tìm theo loại nào thì có thể tra trong bản phân loại ấy, dựa theo số quyển, số trang mà tìm thấy ngay. Gói ấy còn hơi thiếu, nên tôi bỏ thêm các loại truyền đơn vào đấy. Các vị Thủy, Đặng, Bùi, Dương và ông mỗi người hai gói, tổng cộng là mười gói. Ngoài ra còn có năm loại sách Quán Âm Linh Cảm Lục, Gia Ngôn Lục, Kỹ Lộ Chỉ Quy, Vật Do Như Thử, Giai Đại Hoan Hỷ mỗi người đều hai gói (nếu những loại này không có, sẽ bảo Hoằng Hóa Xã gởi sách Sơ Cơ Tiên Đạo) để giúp cho việc đề xướng. Tổng cộng là 20 gói, mong hãy kiểm nhận.

Đợi đến khi đã nhận được sách đầy đủ và thùng mõ cũng đã nhận được, xin hãy viết thiếp cho biết các gói sách đều nhận được đầy đủ (đây chính là cách ngăn ngừa [bưu điện làm ăn] tắc trách), không cần phải nói nhiều vì tôi mục lực chẳng đủ, đọc khá mất sức. Nếu mõ không gởi cẩn thận, không bỏ trong một cái rương gỗ sẽ không được. Nếu chẳng bị lạc mất trên đường thì nhận được cũng chỉ đem đốt vì ông nhờ tôi mua giùm bốn cái. Sau này hãy nên giảm bớt chuyện nhờ cậy mua sắm những thứ ấy. So với kinh sách, đem gởi những thứ ấy qua bưu điện lắm thủ tục hơn nhiều. Xin hãy đem thư này đưa cho bốn vị ấy xem. Người học Phật phải lấy chú trọng thực hành làm gốc, không cần phải gởi đến những lời lẽ sáo rỗng.

194. Thư trả lời cư sĩ Chu Tử Tú

Nhận được thư, tôi khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Ông nói đến biện pháp của hội phóng sanh đủ thấy từ tâm, nghị lực; hãy nên dựa vào đó để khuyên khắp hết thảy mọi người kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật thì mới là đại phóng sanh và chính mình lẫn những người cùng hàng đều được thả vào biển pháp Liên Trì, ngõ hầu vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, thường hưởng niềm vui chân thường thì mới là phóng sanh có kết quả lớn lao. Hôm mồng 7, tôi đã gởi thư cho Chu Bá Tù và gởi bốn gói Văn Sao, chắc đã nhận được rồi.

Nói tới công phu, đạo đức của tiên sinh Tấn Tô, khôn ngăn khiến cho người khác phải mất hồn! Tuy nhiên, ông ta chú trọng pháp luyện đan, xem lời ông ta tự thuật nói "đã được bí truyền của tiên sinh X… Vị tiên sinh X… đã kế thừa pháp mạch chân chánh từ nguồn pháp do Lục tổ truyền cho người thế tục", lời lẽ ấy chính là lời nói phổ biến của hết thảy ngoại đạo. Nếu ông Tấn thật sự được lợi ích chân thật nơi Phật pháp, quyết chẳng thốt ra lời lẽ "bịt tai trộm linh" ấy! Các hạ cho rằng để dẫn dụ kẻ sơ cơ, ngoài cách "luyện đan, tánh - mạng song tu" ra, chẳng thể nào khiến cho kẻ sơ cơ nhập đạo được ư? Sự tu trì của ông ta phần nhiều lấy Phật pháp làm chủ, nhưng những điều ông ta đề xướng phần nhiều trái nghịch Phật pháp, mà còn đáng gọi là bậc quân tử đức dày "tâm và miệng như một, lời nói đi đôi với việc làm" ư?

Để trả lời câu kết luận của Ngũ Đình Phương, các hạ đã lấy công phu minh tâm làm chứng thì quả thật tuy đã mượn lời lẽ nhà Thiền để làm bùa hộ thân, nhưng vẫn chưa hiểu Thiền tông, thật sự chẳng biết "đại triệt đại ngộ là ngộ nhưng chưa chứng". Đừng nói "hễ ngộ thì hư không nát vụn, người lẫn pháp đều mất, thánh, Phật, tiên, phàm, Tấn Tô đều quy vào chốn quê hương chẳng có gì"; ngay như đã chứng được lý "hư không nát vụn, người lẫn pháp đều mất" cho đến "thánh, Phật, tiên, phàm, Tấn Tô hiện bày trọn vẹn sát sao" vẫn chớ nên lẫn lộn. Huống

chi, dẫu ngộ thì vẫn là phàm phu sanh tử, phải là chứng thì mới có thể thoát lìa luân hồi. Người đời nay có ai ngộ được, huống là chứng ư? Đấy là lý do vì sao đức Như Lai mở rộng pháp môn Tịnh độ để khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này.

Xưa kia, Quang trúng phải chất độc của bọn Hàn - Âu - Trình - Chu, hủy báng Phật pháp. Tấn Tô mượn Phật pháp để mở rộng môn đình luyện đan, lại sợ lỡ ra chẳng được lợi ích thật sự nên vẫn ngấm ngầm y theo Phật pháp tu trì để tự ngăn ngừa những mất mát lỡ có thể xảy ra. So về hình tích thì Tấn Tô hơn Quang rất nhiều, nhưng Quang đã biết Phật pháp quyết chẳng thể "ngấm ngầm vâng hành, ngoài mặt thốt lời bài xích". Tấn Tô bảo là "đã đắc pháp do Lục tổ bí mật truyền cho hàng bạch y", lời lẽ ấy đúng là quét sạch các vị đại tổ sư sau thời Lục tổ. Cái tâm ấy cố nhiên chẳng thẳng thắn, chất phác, không dối trá như Quang được. Tuy nhiên, mỗi người có điều ưa thích riêng, há Quang có thể ép người khác thuận theo mình được ư? Chỉ vì có duyên nên mới chẳng ngại gì bình luận đại lược một phen, nếu ông nghĩ là không đúng, xin ông cứ tuyên dương rộng rãi đạo của ông ta cho được truyền khắp thiên hạ thì tôi cũng rất mong mỏi ưa thích nghe vậy.

195. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ nhất)

Phàm là người tu hành hãy nên tu trong nhà của chính mình, chẳng cần nhất định phải đến tu trong Cư sĩ lâm. Nếu ai nấy đều đến tu trong Cư sĩ lâm thì sao có căn nhà đủ lớn để chứa? Người đông thì chi phí trong Cư sĩ lâm cũng phải nhiều, mọi người phải bươn chải nhọc nhằn, những chuyện trong nhà có khi chẳng thể lo liệu tới nơi tới chốn. Tất cả Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã chẳng qua được lập ra nhằm làm một cơ sở để đề xướng mà thôi, mỗi tháng cử hành một hoặc hai lần. Nếu đông người lễ Phật khó thể chứa hết, hãy nên chia ra ngày lễ tụng riêng biệt cho nam nữ. Lễ Phật xong, giảng diễn kinh Phật một hai tiếng đồng hồ rồi bảo họ về nhà ngõ hầu chẳng đến nỗi bị người ngoài mang lòng đố kỵ, bịa chuyện đồn đãi.

Đối với pháp môn để tu trì, cố nhiên không có cao thấp, Thiền, Luật, Mật, Tịnh đều là đại pháp để liễu sanh thoát tử, nhưng luận trên thân phận của chúng sanh đời mạt thì chẳng tu pháp môn Tịnh độ quyết khó thể liễu thoát ngay trong đời này, do các pháp môn khác đều cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh độ cậy thêm Phật lực. Phật lực, tự lực khác biệt vời vợi một trời một vực, không biết nghĩa này mà lầm lạc bắt chước cách tu của người có khả năng to lớn, thật khó thể đạt được lợi ích thật sự. Vì thế, thiền sư Bách Trượng của Thiền tông nói: "Tu hành bằng cách niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng." [Trong Bách Trượng Thanh Quy], cầu đảo cho vị tăng bị bệnh, đưa vị tăng đã mất đi thiêu đều chú trọng vãng sanh.

Do đây biết thế giới Tây Phương Cực Lạc là chỗ quy túc của hết thảy thượng thánh hạ phàm tu tập Phật đạo vậy.

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, các vị Pháp thân đại sĩ khắp tột cùng Hoa Tạng thế giới hải đem công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, huống chi chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn ư? Công phu Thiền tông dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ nhưng hễ phiền hoặc chưa đoạn thì vẫn chẳng thể liễu thoát ngay trong đời này. Ngũ Tổ Giới lại làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại làm Lỗ Công là những tấm gương đời trước (Ngũ Tổ là tên chùa. Giới là Sư Giới, tên người. Sư Giới từng làm trụ trì chùa Ngũ Tổ, nên gọi là Ngũ Tổ Giới, thuộc pháp hệ Vân Môn của pháp tổ Đại Giác Liên quốc sư[275]. Sư kiến địa cao siêu, môn đình cao ngất, người học phần nhiều kiêng sợ chẳng dám thân cận. Chết rồi lại sanh làm Tô Đông Pha, có bằng chứng rất rõ ràng. Thảo Đường là tên chùa, Thanh là tên người. Tăng Lỗ Công tên Công Lượng, chính là hậu thân của Thảo Đường Thanh[276]; làm Thừa tướng vào lúc 57 tuổi, được phong tước Lỗ Quốc Công, cũng có bằng chứng rõ rệt). Nhìn vào đây có thể biết sự khó khăn do cậy vào tự lực liễu sanh tử.

Thiền tông thường nói "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ, nói kiến tánh thành Phật là đích thân thấy được đức Phật thiên chân nơi tự tánh thì gọi là thành Phật. Đấy chính là "lý tức Phật" và "danh tự tức Phật", chứ không phải là cứu cánh Phật phước tuệ viên mãn! Vị ấy tuy ngộ đến chỗ cùng cực, đích thân thấy được Phật tánh, nhưng vẫn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Nếu có thể rộng tu lục độ, trong hết thảy cảnh duyên đều đối trị tập khí phiền não cho thanh tịnh không còn thừa sót sẽ có thể liễu sanh thoát tử, vượt ra ngoài tam giới, chẳng ở trong lục đạo nữa. Thời đức Phật còn tại

[275] Đại Giác Hoài Liên (1009-1090), người Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, xuất gia từ nhỏ, dốc chí học đạo, du phỏng. Sư theo học với ngài Lặc Đàm Hoài Trừng mười mấy năm. Sau khi được ngài Hoài Trừng ấn khả, bèn sang chùa Viên Thông ở Hỗ Sơn giữ chức thư ký trong đạo tràng của ngài Cư Nạp (thiền sư Tổ Ấn). Vua Tống Nhân Tông nghe tiếng ngài Cư Nạp, xuống chiếu vời sang trụ trì chùa Tịnh Nhân để hoằng dương đạo Thiền ở kinh đô. Ngài Cư Nạp viện cớ bệnh tật để từ chối, tiến cử ngài Hoài Liên đi thay. Vào chầu vua, đối đáp đại ý thiền pháp thông suốt, vua hết sức đẹp dạ, bèn phong hiệu Đại Giác Thiền Sư. Từ đấy, sư đại khai thiền pháp tại chùa Tịnh Nhân.

[276] Thảo Đường Thiện Thanh (1057-1142), là một vị danh tăng thuộc phái Hoàng Long, Tông Lâm Tế, người huyện Bảo Xương tỉnh Quảng Đông. Từ nhỏ đã tham yết thiền sư Pháp Tư chùa Hương Vân, được xuất gia năm Nguyên Phong thứ tư (1081) đời Tống Thần Tôn, đến tham học với Đại Quy Mộ Triết, rồi xin nhập chúng của ngài Hối Đường Tổ Tâm, được nối pháp của ngài Tổ Tâm. Năm Chánh Hòa thứ năm (1115), sư sang Giang Tây hoằng dương dòng thiền Hoàng Long, từng trụ tại chùa Thảo Đường ở Giang Tô. Những lời dạy được môn nhân thu thập thành bộ Thảo Đường Thanh Hòa Thượng Ngữ Yếu.

thế, hạng người như vậy rất nhiều, trong thời Đường - Tống vẫn còn có, nay thì đại triệt đại ngộ còn chưa dễ được, huống là bậc hết sạch phiền não ư?

Thuyết "hiện thân thành Phật" hoặc còn gọi là "tức sanh thành Phật" (thành Phật ngay trong đời này) của Mật tông giống như thuyết "kiến tánh thành Phật" của Thiền tông, đều ứng theo công phu rất sâu mà nói, chớ nên tưởng lầm là thật sự có thể thành Phật ngay trong thân này. Cần biết rằng thành Phật ngay trong thân này, chỉ có mình đức Thích-ca Mâu-ni Phật mà thôi! Ngoài ra, dẫu là cổ Phật thị hiện, cũng không có chuyện "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại). Kẻ vô tri thường hiểu lầm, mất mát lớn lắm! Cận sự nam nữ tại gia lấy chất phác niệm Phật làm gốc. Cư sĩ tin Phật đã lâu năm, chắc là tu trì đã nắm vững, đừng coi pháp môn Tịnh độ là thừa thãi, và xin hãy dạy cho hết thảy những nam nữ tin Phật nơi quý địa nỗ lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, đấy là hợp thời cơ nhất.

196. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ hai)

Năm ngoái cư sĩ từ xa nghe hư danh, từ ngàn dặm đến đây, Quang là ông tăng vô tri vô thức chỉ biết cơm cháo, đạo đức lẫn tu trì chẳng có mảy may nào, chỉ biết niệm Phật mấy câu, sao có thể làm thầy người khác được? Do ông mang ý kiền thành, chẳng thể không nói đại lược nhằm tỏ rõ, nêu ra những điểm chánh yếu trong đại pháp rốt ráo. Hôm qua nhận được thư, biết cả nhà ông niệm Phật, cần nên biết rằng "mười phương cõi Phật phải đạt đến địa vị niệm Phật ấy mới có thể vãng sanh". Phàm phu sát đất chướng sâu huệ cạn, thiện căn kém mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, muốn cậy vào tự lực để thoát khỏi tam giới theo chiều dọc, giống như một hạt cát bỏ vào trong nước bèn chìm. Nếu đem tảng đá to nặng mấy vạn cân bỏ lên một cái thuyền, đá tuy lớn nặng, nhưng nhờ có thuyền chở nên chẳng bị chìm. Đủ thấy sự khó dễ giữa tự lực và Phật lực. Pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực. Muốn liễu sanh tử thì phải niệm Phật, vượt ngang khỏi tam giới tiếp dẫn vãng sanh. Chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông dạy: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, nhập tam-ma-địa, ấy là bậc nhất", cư sĩ túc căn sâu dày, chắc hiểu rõ lý này. Quang già rồi, mục lực quáng lòa, khó viết được chữ bé, từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, vẫn mong ông tự cầu tinh tấn!

(Mồng 6 tháng 5 năm Dân Quốc 25 - 1936)

197. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Đức Trạch

Nay may mắn vì bị bệnh bèn lễ Phật mà được lành, từ ngoại đạo trở lại Phật đạo, nếu chẳng phải là đời trước đã có thiện căn, làm sao được như thế? Hãy nên sanh lòng cảm kích lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn lao. Tâm hổ thẹn phát sanh,

tâm tà vạy sẽ diệt, hổ thẹn là bước đầu để nhập đạo. Đã muốn học Phật, hãy nên cực lực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người lành trong thế gian ngõ hầu lập được nền tảng. Ấy là vì Phật pháp dùng tam quy, ngũ giới, thập thiện để dạy hết thảy tứ chúng, nếu chẳng giữ vẹn luân thường v.v. thì khí phận tam quy, ngũ giới cũng chẳng có, sẽ trở thành tội nhân trong cả Nho giáo lẫn Thích giáo. Dẫu có tu trì, nhưng do tâm bất thiện, lợi ích đâm ra nhỏ tí ti.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Trạch, nghĩa là dùng tâm đại Bồ-đề tự lợi, lợi người để tu trì tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, sao cho hết thảy mọi người quen biết đều cùng được gội Phật ân, vì thế đặt tên là Đức Trạch. Mẹ ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ sanh lòng tin phát nguyện, thường niệm Phật hiệu, cầu sanh Tây Phương. Cụ không đọc được kinh sách thì hãy nên kể cho cụ nghe cảnh tượng Tịnh độ, phương pháp tu trì, ngõ hầu cụ được lìa sanh tử ngay trong đời này, đấy là "đại hiếu, tôn kính cha mẹ". Đối với thê thiếp, hãy nên kính trọng như khách, chớ nên quên thân theo đuổi dục lạc, hãy nên đem ý này nói với cô ta. Đôi bên cùng chú trọng giữ gìn thân thể để con cháu đông đầy, sẽ chẳng đến nỗi bệnh tật, chết yểu, chẳng lo không thể *"tề mi giai lão"* (hạnh phúc đến già). Con cái hãy nên khéo dạy từ bé, nếu không sau này chúng có thể đi vào ngõ rẽ, ấy chính là tự diệt dòng họ của chính mình.

Nay gởi cho ông những sách Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Sơ Cơ Tiên Đạo (trong sách ấy có bài thuốc trị bệnh cùi), Chánh Tín Lục, Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Thọ Khang Bảo Giám v.v.. Phàm những pháp tu trì, giữ thân đều đã đầy đủ chẳng thiếu, nhưng phải nghiêm túc tu trì mới được. Đối với những pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo đã học trước kia đều nên bỏ sạch đi, cần biết rằng đấy là những pháp để giữ thân, chứ không phải là pháp để liễu sanh tử. Dùng tấm lòng trong sạch, ít ham muốn để giữ gìn cái thân sẽ có ích không bị tổn hại. Dùng luyện đan vận khí để giữ thân nếu sử dụng thích đáng sẽ tăng thêm tuổi thọ, thân thể khỏe mạnh; nhưng nếu dùng sai cách thì mắt lòa, tai điếc, sanh mụn nhọt, ghẻ chốc. Gần đây, những người trong Đồng Thiện Xã[277] phần nhiều có

[277] Đồng Thiện Xã (còn có danh xưng là Đồng Thiện Đường, Hồng Tín Đại Đồng Xã) là một thứ tà giáo, mệnh danh Tam Giáo Đồng Nguyên, được Bành Nhữ Tôn (1873-1950) sáng lập vào năm 1912 tại trấn Long Thủy, huyện Đại Túc (nay thuộc Trùng Khánh), tỉnh Tứ Xuyên. Đồng Thiện Xã chủ trương "dùng lễ tiết Nho giáo, tu tập công phu Đạo giáo nhằm chứng quả vị thuộc Thích giáo (đạo Phật)". Họ thờ Khổng tử, Lão tử, Thích-ca Mâu-ni Phật; lại còn rêu rao "ai gia nhập đạo sẽ tránh được kiếp nạn, được thăng lên thiên đường". Họ vay mượn thuật ngữ Long Hoa Hội từ Phật giáo để tuyên truyền kiếp nạn đến gần, ai theo đạo họ sẽ được Phật, trời, tiên thiên cứu rỗi, dùng những hình thức cúng tế kỳ bí để chiêu dụ tín đồ, nhất là cầu cơ, hầu đồng để tiên nhập vẽ bùa, đốt lấy tro hòa vào nước trị bệnh. Họ khôn khéo vận động để được chánh quyền Dân Quốc phê chuẩn như một tôn giáo chánh thức vào năm 1917, thậm chí Quốc vụ tổng lý (Thủ tướng) Đoàn Kỳ Thụy và Đại tổng thống Tào Côn

những kẻ thân tê liệt, tâm si ngốc, xin đừng vì lợi ích nhỏ nhoi mà vẫn chẳng chịu bỏ pháp luyện đan vận khí đi.

Quang già rồi, mục lực, tinh thần, công phu đều không đủ, chớ nên thường gởi thư tới. Do đã có những sách Văn Sao, Thập Yếu, Cứu Kiếp v.v. cố nhiên không cần phải gởi thư hỏi han nữa. Nếu muốn làm bậc đại thông gia thì gởi thư hỏi sẽ chẳng thể đạt được. Thật hết sức khó trở thành bậc đại thông gia, dẫu có đạt được thì cũng chẳng vì thông suốt lớn lao mà có thể giải quyết xong chuyện sanh tử trong đời này đâu!

198. Thư trả lời cư sĩ Trang Bính Hỏa

Trang Bính Hỏa, pháp danh là Huệ Cự, nghĩa là dùng lửa đuốc trí tuệ của Phật pháp để phá trừ hết thảy ngu si tăm tối của ta lẫn người, để mọi người cùng được thoát khỏi hang quỷ hắc ám, cùng đạt đến chánh đại quang minh trong vô thượng Phật đạo, như dùng một cây đuốc để thắp trăm ngàn cây đuốc, đuốc này thắp cho đuốc kia, truyền mãi chẳng cùng tận. Người già 60 tuổi đề xướng tốt nhất.

Cần biết rằng pháp liễu sanh thoát tử chỉ có Phật pháp là được như vậy, nhưng hết thảy các pháp môn đều phải đoạn sạch phiền não hoặc nghiệp thì mới có thể liễu thoát. Nếu còn mảy may phiền hoặc chưa tận thì vẫn ở trong sanh tử y như cũ, do chỉ cậy vào tự lực nên đạt được lợi ích hết sức khó khăn. Chỉ có một pháp niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, chỉ cần có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, không một ai chẳng vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương sẽ tự đạt được "không còn sanh tử". Pháp môn này là pháp môn dễ tu mà dễ thành công nhất trong Phật pháp.

Ông đã 60 tuổi rồi, may mắn gặp được pháp này, hãy rất nên phát tâm đại Bồ-đề (tức là tâm tự lợi, lợi người), lấy thân mình làm gương, khiến cho hết thảy những người đồng đạo đều cùng bỏ ngoại đạo học Phật đạo thì công đức lớn lắm. Phật pháp là pháp công khai, không có chuyện bí truyền. Mặc cho người khác phát tâm, bằng lòng tu cũng được, tu giữa chừng bỏ dở cũng để mặc cho người ấy, trọn chẳng buộc người khác phải thề thốt độc địa này nọ. Muốn biết đại lược,

---

đều trở thành hộ pháp của họ. Được sự ủng hộ của chánh quyền Dân Quốc Bắc Dương, giáo phái này lớn mạnh rất nhanh, thành lập phân hội tại hầu hết các huyện, tỉnh Trung Hoa. Chủ trương tái lập đế chế phong kiến của Bành Nhữ Tôn rất hợp ý các tướng lãnh quân phiệt nên càng được họ ủng hộ mạnh mẽ. Từ năm 1927, nhằm thỏa mãn tham vọng, Đồng Thiện Xã cấu kết với quân phiệt Nhật Bản, đưa phế đế Phổ Nghi của Thanh Triều về làm hoàng đế Mãn Châu Quốc; đồng thời gây bạo loạn nhiều nơi nhằm lật đổ Quốc Dân Đảng. Do vậy, chánh quyền Quốc Dân Đảng thay đổi thái độ, đàn áp Đồng Thiện Xã. Năm 1948, Bành Nhữ Tôn triệu tập hội nghị khẩn cấp tại Thượng Hải, ra lệnh cho tín đồ cướp vũ khí của quân Quốc Dân Đảng. Sau khi Hoa Lục rơi vào tay Mao Trạch Đông, thế cùng lực kiệt, Bành Nhữ Tôn nuốt vàng tự tử tại Tứ Xuyên.

xin hãy đọc trước các sách Gia Ngôn Lục, Văn Sao của Quang v.v. sẽ tự biết, ở đây không viết cặn kẽ.

199. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ nhất)

Sáng nay cả hai lá thư đều cùng nhận được đầy đủ. Văn Sao đã chia ra gần hết, nay lại gởi cho ông bốn gói, sau này nếu có ai muốn đọc, hãy thỉnh từ Thương Vụ Ấn Thư Quán. Từ Bi Kính[278] đã gởi đi rồi. Do ông sai Quang viết lời tựa, Quang chẳng ngại gì nói leo. Tuy lời tựa Quang viết chẳng liên quan sát sao với đầu đề, miễn sao chẳng ra ngoài việc đề xướng kiêng giết, ăn chay mà thôi. Chu Tử Tú thiên tư khá tốt, tiếc là chưa biết Phật pháp, lầm lạc bảo "luyện đan vận khí chính là Phật pháp", thật đáng cảm khái sâu đậm. Tuy các hạ đã đem lá thư hủ bại và Văn Sao đưa cho Tử Tú xem, sợ ông ta vẫn cho Quang là gã đứng ngoài cửa, Tấn Tô mới là bậc cao nhân đã đăng đường nhập thất[279], càng sanh lòng ngưỡng mộ. Cố nhiên Quang chẳng mang ý niệm hủy báng hay khen ngợi người khác, nhưng vì quý hội[280] đã gởi thư cho Quang trước, nên chẳng thể không trọn hết tấm lòng ngu thành của tôi để đáp tạ lòng thương tưởng ban tặng sách của quý hội. Ngoài ra đều mặc cho người khác làm sao thì làm, tôi nào dám vọng động mong cầu ư?

200. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ, hương châu[281] đã nhận được, cám ơn lắm. Ngày 26 tháng trước tôi đã bảo người chịu trách nhiệm phát hành kinh sách ở Thượng Hải gởi đi 20 gói Văn Sao, chắc ông đã nhận được rồi. Hãy ước lượng mà tặng những bộ Văn Sao ấy cho người khác và lưu lại vài bộ ở phòng đọc kinh sách. Trước đây Tử Tú gởi thư đến, nói tiên sinh Tấn Tô là bậc đại triệt ngộ, chỉ dùng phép luyện đan làm phương tiện để dẫn dắt kẻ sơ cơ, Quang đã phê phán đại lược, chẳng biết Tử Tú có chấp nhận là đúng hay không? Chắc ông ta cũng từng đưa thư ấy cho các hạ xem rồi phải không? Hai mươi gói Văn Sao nếu nhận được, xin hãy gởi thư cho biết để tôi khỏi đến nỗi tưởng lầm đã bị thất lạc.

Chương trình của Cực Lạc Đoàn nên chú trọng trợ niệm vào lúc người ta sắp mất và phải dạy người nhà của người sắp mất ấy nương theo pháp môn Tịnh độ,

---

[278] Từ Bi Kính là một tập sách do các cư sĩ thuộc Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu biên soạn, tập hợp những lời lẽ khuyên răn và những chuyện kiêng giết phóng sanh của cổ nhân. Tổ Ấn Quang có viết bài tựa phát ẩn cho tập sách này, xin xem bài "Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính" trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tạp Trước.

[279] "Đăng đường nhập thất": Thành ngữ chỉ người đã nắm vững, thông hiểu sâu xa một học thuyết hay một giáo nghĩa nào đó.

[280] Tức Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu.

[281] Hương châu: xâu chuỗi niệm Phật làm bằng gỗ thơm hay những loại bột thơm nắn lại.

chớ nên chiếu theo thông lệ của tục nhân vào lúc người ta sắp chết liền tắm rửa, thay quần áo sẵn v.v.. Làm như vậy còn tệ hơn đã té giếng còn bị quăng đá! Cách thức ấy trong Văn Sao đã nói đầy đủ, ở đây tôi chỉ nêu điều quan trọng nhất. Nếu chết rồi thì những chuyện tống táng, ma chay v.v. đều chẳng phải là chuyện quan hệ khẩn yếu, đừng nên bày vẽ phô trương mong sao cho dễ coi, biến Phật sự thành trò đùa. Hơn nữa, [trong chương trình của Cực Lạc Đoàn quy định]: "Liên hữu góp sẵn 10 đồng. Nếu trong vòng một năm mà mất thì người nhà sẽ nhận được đúng số tiền ấy. Nếu hơn một năm mới mất thì người nhà sẽ được lãnh món tiền giúp đỡ chi phí ma chay là 30 đồng." Khoản tiền ấy lấy đâu ra? Hơn nữa, mỗi nhà giàu nghèo khác nhau, sao lại nhất loạt giúp đỡ chi phí ma chay? Nhưng chuyện ấy đã được đại chúng bàn bạc thông qua, chắc đã áp dụng rồi. Quang sợ một khi cách này được áp dụng, về sau sẽ khó thể duy trì vĩnh viễn được nên chẳng thể không nhắc nhở trước.

Lại nữa, đang trong lúc này, muốn chuyển biến lòng người mà chẳng chú trọng sự lý nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi thì không thể được. Lại còn phải khuyên các liên hữu ai nấy khéo dạy dỗ con cái, đấy chính là "gốc chánh, nguồn trong", là nhiệm vụ cấp bách để cầu nhân dân yên vui, thế đạo thái bình. Phật pháp tuy là pháp xuất thế gian, nhưng thực sự thực hiện nơi pháp thế gian. Phàm ai là liên hữu hãy đều nên khuyên họ tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu được như thế sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật.

Hiện nay phong trào cầu cơ rất thịnh hành, phàm là đệ tử Phật chớ nên ngả theo thói ấy, bởi tất cả những kẻ tự xưng là tiên hay chân nhân giáng cơ phần nhiều đều là linh quỷ giả mạo. Nếu chuyện gì cũng tin, ắt sẽ có khi hỏng việc. Huống chi "Phật pháp" do bọn chúng giảng đa số đều là chẳng biết gì mà cứ nói bừa. [Cứ tin mê muội vào cơ bút thì] muốn chẳng hoại loạn Phật pháp, chẳng khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, há có được chăng?

Ông đã chẳng nghĩ Quang là hạng vô tri, cứ muốn tôn làm thầy, bèn thuận theo ý hiện thời của ông. Nếu sau này muốn bái vị cao minh nào khác làm thầy, cứ thủ tiêu danh nghĩa giả tạm này chẳng sao cả. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Tù, do ai nấy đều có chánh trí, nhưng bị vật dục lôi kéo, chánh trí ấy liền biến thành nhân dục (lòng ham muốn của con người), như nước do gió đùa bèn mất tánh trong lặng, biến thành sóng trào. Trí ấy chẳng thể gọi là tù (遒), vì tù nghĩa là mạnh mẽ, cứng cỏi; mạnh mẽ, cứng cỏi chính là tên gọi khác của chữ cương (剛: cứng rắn). Khổng tử than thở vì chưa thấy được người nào cương nghị, có kẻ thưa Thân Tranh là người được như vậy. Khổng tử bảo: *"Tranh dã dục, yên*

đắc cương" (Tranh cũng là người tham dục, làm sao là người cương nghị cho được)[282]. Nếu niệm niệm đều nghĩ ngợi, suy lường thuận theo thiên lý và Phật tâm thì là chánh trí, phù hợp với ý nghĩa của cái tên Trí Tù. Hễ có thiên lệch, riêng tư sẽ thành "cương nghị theo kiểu Thân Tranh", chẳng thể gọi là trí, mà trở thành "nhu ác" (mềm mỏng, hòa hoãn với điều ác[283]). Ông hãy gắng lên!

Vợ ông pháp danh là Trí Giác, giác (覺) là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều rành rẽ phân minh, chẳng bị chuyển theo tình, chẳng bị ái ràng buộc, nghiêm túc trọn hết bổn phận giúp chồng dạy con, chẳng nuông chiều mù quáng, khiến con cái đều thành hạng không ra gì. Dùng điều này để tự giác, lại còn dùng điều này để giác người nhà và các thân hữu. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là thiện nữ nhân, sống làm gương mẫu cho hàng khuê các, khi mất dự vào Liên Trì, ngõ hầu chẳng phụ bạc Phật tánh chính mình sẵn có và lòng thành phát tâm quy y tam bảo ngày nay. Những điều khác như pháp niệm Phật v.v. trong Văn Sao đã nói đầy đủ, không viết cặn kẽ ở đây.

Ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam gởi thư đến nói cháu ngoại ông ta sống được một năm lẻ tám tháng, trong tháng 4 đã niệm Phật qua đời. Lúc bình thường, hễ nó đến Phật đường lạy Phật xong liền đi nhiễu niệm Phật, chẳng đoái hoài đến chuyện gì khác. Thêm nữa, khi đứa con gái thứ của ông ta đi lấy chồng, nhà chàng rể biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhạn[284], ông ta bèn đem chúng phóng sanh tại chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được 3 năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tối khi đại chúng lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vươn cổ ngắm Phật. Tháng 4 năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý, sau đấy con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy duy-na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh đừng luyến tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật

---

[282] Đây là câu văn trích từ thiên Công Trị Trưởng (thiên thứ năm) sách Luận Ngữ. Nguyên văn như sau: *"Tử viết: 'Ngô vị kiến cương giả', hoặc đối viết: 'Thân Tranh'. Tử viết: 'Tranh dã dục, yên đắc cương?'"* Theo cách diễn giải của cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, đoạn này nên hiểu như sau: "Khổng tử nói: 'Ta chưa từng thấy một người cương nghị nào!' Có người thưa: 'Thân Tranh là người được như vậy'. Khổng tử nói: 'Thân Tranh tham dục, làm sao có thể cương nghị cho được!"

[283] Cụ Lý Bỉnh Nam giảng rõ: Theo sách Khổng Chú, *cương* là kiên quyết, trí tuệ, thuận theo điều thiện, nhất quyết không để bị dục vọng sai khiến. Do ông Thân Tranh vẫn thuận theo tham dục nên chẳng thể gọi là cương được. Ở đây, tổ dựa theo ý ấy, mới gọi sự "cương nghị" của ông Thân Tranh là "nhu ác", do không kiên quyết chế ngự tập khí xấu ác trong tâm.

[284] Lễ Điện Nhạn là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Chu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoại trừ lễ nạp chinh (lễ dạm) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đến biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhạn. Nhạn là thứ chim thiên di theo mùa; hễ thấy chim nhạn bay về Nam là biết trời chuyển sang đông, chim nhạn lại chung thủy (khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng nhạn tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có nhạn. Về sau, do nhạn ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v..

mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiễu ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng bằng chim ư?

201. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ ba)

Ngày 26 tháng 8, Quang xuống núi đến đất Thân (Thượng Hải), đã nhận được thư ông từ núi chuyển tới, nhưng do bận rộn với chuyện của người khác nên chẳng trả lời được. Nay lại nhận được thư ông, kèm theo bưu phiếu mười đồng, tôi sẽ dùng món tiền này để làm chi phí in cuốn Quán Âm Tụng. Quang xuống núi lần này chính là vì lo liệu ấn hành cuốn tụng văn ấy. Nay tôi sẽ gởi cho ông mấy tờ nói rõ biện pháp, một là để ông biết cặn kẽ nguyên do, lại còn mong ông sẽ thừa cơ khuyên người khác đứng ra in. Sách này đối với thế đạo, nhân tâm lẫn Phật pháp đều có mối quan hệ mật thiết. Hiện thời đã có người chịu đứng ra in năm vạn bộ, Quang muốn in mấy chục vạn cuốn để lưu hành khắp trong ngoài nước, sợ chẳng thể cảm ứng được như vậy! Sáu vạn bộ thì có thể in được.

Con người sống trong thế gian trước hết phải có tâm lợi người, người dì góa, người em dâu góa, đứa cháu mồ côi v.v. của ông đáng thương, đáng xót, họ chính là chỗ ông để vun bồi ruộng phước, chớ nên giữ ý niệm phiền oán thì chính là hành đạo Bồ-tát. Nếu tâm có phiền oán thì chẳng những không hợp với đạo Bồ-tát, mà còn chẳng hợp với thiên chức, tánh phận của chính mình. Đối với chuyện chị em dâu bất hòa, hãy nên đối xử bằng thái độ hết sức công bằng, hết sức độ lượng, hãy thương họ thấy biết hẹp hòi mà chỉ dạy, để họ đều cùng được thấm nhuần pháp trạch, đấy chính là thực hành Phật pháp. Nếu coi đó là oán nghiệp, sẽ phải tiếc đau, oán hận. Đối với chuyện không thể ngăn dứt được, hễ có lòng đau tiếc, oán hận thì công đức sẽ thuận theo tâm lượng mà nhỏ bé đi. Trước đây, Tử Tú cũng có gởi thư đến, tôi phúc đáp sau đó không lâu. Ông ta biết chính mình chẳng thể rốt ráo nương cậy, quy hướng tịnh nghiệp để tu trì được.

Thương Vụ Ấn Thư Quán in Văn Sao bằng loại giấy có độ bóng, bán ở ngoài phố, chẳng in phần thư căn[285]. Đợi đến khi sắp chữ xong cuốn Quán Âm Tụng, tôi sẽ bảo Trung Hoa Thư Cục sắp chữ thành bản khác, dùng loại giấy nội địa để lưu hành. Trí Khánh đã quy y Phật pháp, bọn anh ta nhờ ông nuôi nấng, ông hãy trọn chớ nên tỏ ra vẻ mình đã làm chuyện nhân đức trước mặt bọn anh ta. Hễ làm ra vẻ nhân đức thì người ta tuy chịu ân, nhưng cái tâm cảm ân mỏng nhẹ lắm! "Có mà giống như không, thực mà giống như giả, vô cớ bị xúc phạm mà chẳng báo thù"[286], đấy chính là bí quyết mầu nhiệm để cư xử trong gia đình đấy. Ta đãi

[285] Thư căn là một bộ phận phải có của những loại sách in theo lối cổ, tức phần thường được viết vào chỗ giáp mí của hai trang sách, ghi rõ tên sách, quyển mấy, trang mấy, thiên mấy v.v. tương ứng với phần header của bản in hiện thời. Đến thời tổ Ấn Quang, thư căn đã giống như lối in sách chữ Hán hiện thời, thư căn ở phía bên phải trang sách (nếu trang số chẵn) và bên trái trang sách (nếu là trang số lẻ).

[286] Đây là câu nói của Tăng tử (Tăng Sâm) trong thiên Thái Bá sách Luận Ngữ: *"Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư, phạm nhi bất giảo."* Sách Luận Ngữ Giảng Yếu giảng câu nói ấy có nghĩa là: "Tự mình có tài năng nhưng vẫn học hỏi với kẻ không có tài năng, mình

người bằng thái độ khiêm tốn, ắt họ sẽ đối xử hòa hoãn với ta. Phần lớn những gia đình bất hòa đều là do so đo những chuyện nhỏ nhặt không quan trọng mà ra. Buông được cái tâm ta người xuống thì bất hòa sẽ tự hòa vậy.

202. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tư)

Thư ngày 29 tháng trước chắc ông đã nhận được rồi. Nói đến nạn hút sách nghiện ngập thì không chỉ có nha phiến, thuốc lá cũng gây hại thật dữ dội! Trong lúc đại chúng tụ tập, hãy nên đề xướng, khuyên họ đừng hút hay dùng những thứ ấy. Người hút lâu ngày ắt sẽ đoản thọ, phụ nữ hút thuốc nhiều sẽ không thể sanh nở được. Điều này do một đệ tử của tôi (Triệu Nguyệt Tu vốn là một quan võ đã sớm đổi nghề, trở thành thương nhân) đích thân nghe thấy cô giáo ngoại quốc bảo với các nữ học sinh như vậy. Hiện thời, Văn Sao đã sắp chữ bản khác, thêm vào mấy chục bài nữa, khoảng xuân hè năm sau sẽ in ra sách. Bản này sẽ để cho thư cục vĩnh viễn lưu thông. Bản đầu tiên sẽ in một vạn cuốn, ngoại trừ ba bốn ngàn bộ Quang cần thiết, số còn lại đều để cho họ định giá bán ra.

Trong lá thư hồi tháng 9, ông đã nói đến chuyện con gà, hơi giống như chuyện Dương Bảo cứu chim sẻ thời Hán[287]. Chúng ta chỉ nên giữ tấm lòng phóng sanh, đừng vương vấn ý niệm mong được hưởng quả báo Tam công[288]. Dẫu có quả báo Tam công, cũng nên đem hết công đức ấy hồi hướng chín phẩm vãng sanh thì mới là chân chánh lợi mình lợi vật vậy.

Tăng Bính bị mắc bệnh là do túc nghiệp, khi lâm chung chịu niệm Phật là do túc thiện (điều thiện đã làm trong đời trước). Đã có thể tự niệm, lại được mọi người trợ niệm, chết rồi sắc mặt rạng rỡ. Có được ba điều ấy chắc được vãng sanh

---

biết nhiều mà vẫn học hỏi với kẻ biết ít. Có tài năng thật sự mà cảm thấy như mình không có tài năng thật sự gì. Ai vô cớ xúc phạm đến mình cũng không mưu tính báo thù."

[287] Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc, tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này." Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bỉnh, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế Tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam công, kế thừa đức nghiệp).

Theo Tả Truyện, tướng nước Tấn là Ngụy Khỏa đang đánh nhau với tướng Tần là Đỗ Hồi, sắp bị Đỗ Hồi giết, chợt thấy tướng giặc vấp chân, nhìn ra thì thấy có một ông già đang kết cỏ thành khoanh để giật cho tướng giặc vấp ngã. Đến đêm, Ngụy Khỏa nằm mộng thấy ông già kết cỏ hồi sáng cho biết lúc cha Ngụy Khỏa là Ngụy Vũ Tử sắp chết đã bảo con chôn theo người thiếp yêu, nhưng Ngụy Khỏa cho đó là lời mê sảng của kẻ sắp chết nên không làm. Do vậy, cha người thiếp ấy đã theo cứu mạng Ngụy Khỏa. Từ hai câu chuyện này mới có thành ngữ *"kết thảo, hàm hoàn"* (kết cỏ, ngậm vành).

[288] Tam công là ba chức quan cao nhất thời xưa. Vào thời Tây Chu, Tam công là Thái sư, Thái phó, Thái bảo. Đời Bắc Ngụy thay Tam công bằng danh xưng Tam sư. Đời Tây Hán coi Thừa tướng (sau đổi thành Đại tư đồ), Thái úy (sau đổi thành Đại tư mã), Ngự sử đại phu (sau đổi thành Đại tư không) là Tam công. Đời Đông Hán, lấy Thái úy, Tư đồ, Tư không làm Tam công.

Tây Phương, sao lại nói là sẽ đọa vào chỗ nào? Đời người gặp phải các cảnh thiện ác, mỗi mỗi đều có túc nhân. Đời trước có oán thù, thấy nhau liền ôm lòng giận; đời trước có ân, thấy nhau liền sanh lòng yêu mến. Phụ nữ vô tri quen tánh buông lung đến nỗi chẳng thể chuyển oán thành thân để tiêu trừ túc nghiệp. Người hiểu rõ lý đã biết "kẻ vừa trông thấy liền nổi nóng là do đời trước có oán thù" sẽ đối trị sự sân hận này, càng ra sức đối đãi bằng lòng từ ái thì túc nghiệp sẽ được tiêu trừ bởi hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) *(thiện tâm cũng gọi là nghiệp)*.

Nếu có thể chí thành khẩn thiết trì niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì không chỉ được lành bệnh mà thôi; nếu có thể chí thành đến cùng cực thì còn có thể liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật. Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Cầu vợ được vợ (cầu vợ là mong có được vợ hiền thục, trí tuệ), cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu Đại Niết-bàn đắc Đại Niết-bàn." Đại Niết-bàn chính là cực quả rốt ráo được chứng bởi đức Phật. Nhưng người đời do lòng tin lẫn sự chí thành trì tụng đều chưa thể đạt tới mức cùng cực nên tùy theo lòng thành của kẻ ấy mà được các thứ lợi ích nhỏ nhoi, đừng nói là lợi ích chỉ có thế mà thôi. Hãy nên với trong là người thân trong nhà, ngoài là hết thảy mọi người, đều đem những chuyện chính mình chứng nghiệm và những chuyện cảm ứng được thuật trong bộ Quán Âm Tụng để khuyên bảo, ngõ hầu ai nấy đều được Bồ-tát từ bi che chở, gia bị trong lúc tình thế hoạn nạn này. Đấy chính là cách dự phòng mầu nhiệm nhất!

203. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ năm)

Hai lượt thư gởi đến tôi đều nhận được đầy đủ. Lệnh tổ đáng gọi là người đọc sách thật sự, chẳng phụ sở học. Người đời nay đọc sách thánh hiền nhưng làm chuyện cầm thú nhiều khôn xiết, đấy đáng gọi là thái độ của kép hát, đáng xót, đáng than! Tờ truyền đơn khuyên mến tiếc kính trọng sách vở hay giấy viết chữ nên đưa tặng những người có nhiệt tâm thông hiểu văn lý để họ sẽ thúc đẩy, khuyên chỉ người khác. Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám nay đã gởi đến rồi. Đêm 24 tháng Chạp năm ngoái, công ty ấn loát bị chập điện, đồ đạc, phòng ốc thuộc căn nhà chánh ở phía trước đều cháy sạch trơn, sổ sách đều chưa thể đem ra được, may là không có ai bị thương. Quang bị tổn thất đến hơn 2.000 đồng do họ ôm lòng gian dối, chỉ in 5.000 cuốn (ấn định một vạn) Văn Sao, 2.000 cuốn Bảo Giám (ấn định ba ngàn), nhưng họ nói đã in hết cho Quang rồi, đã giao được một nửa. Giá thành lớn quá, phải trả thêm tiền, đợi cho tiền vào tay họ rồi mới gởi hóa đơn tới, họ chỉ giao ra ba ngàn mấy cuốn Văn Sao, một vạn ba ngàn mấy cuốn Bảo

Giám[289]. Tiền đã xài hơn một ngàn mấy, họ nói mùa xuân năm sau sẽ in. Nào ngờ thiên địa quỷ thần chẳng dung, hôm trước họ gởi hóa đơn tới, hôm sau liền bị hỏa tai.

Chuyện này phó mặc cho lương tâm của họ. Sách của Quang có cuốn để ở chỗ đóng bìa, có cuốn được cất trong căn nhà nhỏ ở phía sau, đều không bị cháy, nhưng bọn họ ôm lòng gian trá, há không thể nào chẳng mượn cớ bị tai nạn để lươn lẹo, chỉ đành mặc cho họ làm sao thì làm. Trong tháng nhuận, tôi sẽ qua Thượng Hải tiếp tục in. Phàm những ai đã bỏ tiền in sẽ chiếu theo số tiền mà giao đủ, chẳng thiếu một đồng nào. Chuyện kết duyên chỉ đành giảm bớt khả năng mà thôi! Xin hãy khuyên mẹ và vợ ông phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu "thoát được thế giới khổ sở này, trở thành con người tự tại".

204. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ sáu)

Thư ngày 21 đã nhận được rồi. Trong tờ truyền đơn khuyên mến tiếc kính trọng sách vở, giấy viết chữ, đối với câu văn trước câu *"hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ, nếu chẳng ra sức tận tụy thực hiện tức là đã quên mất tám chữ"*; há nên đem sửa chữ "tự"[290] (字: chữ) thành "tiểu tử" thì lời lẽ ấy đã trở thành giọng điệu đầu đường xó chợ chửi người khác rồi, mà tám chữ tiếp theo (tức tám chữ "hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ") cũng đã chẳng phù hợp, nối tiếp ý câu trên được nữa. Phàm văn tự trong Phật pháp có liên quan đến thế đạo và đại thể, quyết chớ nên tùy ý sửa đổi, mà cũng chớ nên hoàn toàn đăng y chang theo bản thảo gởi đến. Ngay như bài tường thuật buổi khai thị của Ấn Quang ở Nam Viên, toàn là những lời lẽ không hiểu sự việc của am chủ Vô Úy, thật giống như báng tăng vậy; thế mà quý báo, nguyệt san Tịnh Nghiệp và tờ lâm san của Cư sĩ lâm Thiên Tân đều cứ đăng y nguyên như vậy, đáng than quá sức!

Tác giả bài viết ấy nói Quang lễ Phật xong bèn hướng về hai phía Đông - Tây hòa-nam. "Hòa-nam" (vandanam) chính là dập đầu đảnh lễ, há có vị pháp sư nào sắp nói khai thị mà trước hết lại hướng về kẻ nam người nữ ở phía Đông, phía Tây rập đầu lễ bái ư? Do Quang lễ Phật xong bèn hướng về phía Đông, phía Tây chắp tay tỏ vẻ chào hỏi, người ấy liền nói là Quang hòa-nam. Thêm nữa, lúc lên tòa ngồi rồi, do người nghe ở phía dưới đang lễ bái, còn chưa ngồi xếp bằng,

[289] Có lẽ ở đây người sao chép viết nhầm, vì phần trên tổ nói chỉ ước định in ba ngàn cuốn Bảo Giám. Chẳng lẽ ấn quán lại in đến một vạn ba ngàn cuốn Bảo Giám.

[290] Tờ truyền đơn này được đăng tải trong Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 3. Đoạn văn ấy như sau: "Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! "Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" nếu chẳng tận lực thực hiện, tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?"

Quang liền khom mình chắp tay tỏ vẻ cung kính, tác giả bài viết ấy bèn nói là Quang đứng cạnh tòa rạp mình lạy trả. Nói như vậy tuy không quá đáng, nhưng cũng rất mất thể thống. Lại còn nói Quang đeo kính lão, chuyện này không ghi cũng đâu có ảnh hưởng gì? Nếu không có chuyện gì cần thiết, Quang một mực chẳng đeo kính lão. Lần này do giảng đoạn thứ nhất và đoạn thứ ba trong Mộng Đông Ngữ Lục cho đại chúng nên không thể chẳng đeo kính lão, vì mắt quáng chẳng đọc được chữ.

Vị am chủ Vô Úy này (e rằng người này là Tạ Ngâm Tuyết, vốn là nữ nhân mới xuất gia, ngày hôm ấy bà ta cũng đến dự pháp hội) quá chuộng thể diện, chỉ sợ người khác chẳng biết bà ta viết bài văn ấy, chứ chẳng biết bài văn ấy có khuyết điểm sai lầm. Giống như bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tây soạn, đúng là bịa chuyện mù quáng, đem phàm lạm thánh. Báo Hải Triều Âm vừa đăng tải, ông Phan Đối Phù bèn cho in một ngàn bản chữ son. Tờ báo của Phật Quang Xã ở An Huy cũng tính đăng tải, do họ đem bản cảo gởi tới cho Quang, mới chấm dứt được chuyện ấy, nhưng tờ Phật Giáo Tuần San của Thiểm Tây cũng đã đăng rồi. Những loại văn chương vừa chẳng ăn nhập gì, lại vừa phá hoại đại thể ấy, đăng tải có ích gì đâu? Hãy nên xem hai lá thư gởi cho Phan Đối Phù và Mã Khế Tây trong Văn Sao quyển một sẽ tự biết. Không phải là Quang quá phiền phức, chỉ là mong sao chẳng bị người khác chê cười mà thôi!

205. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ bảy)

Nhận được thư và hương châu, cảm ơn. Loại châu này để lâu sẽ nứt vỡ, năm Quang Tự 30 (1904), Quang đã từng mua rồi, chưa được hơn một tháng đã nứt. Thương nhân chỉ cầu lợi, há nên để bị họ lừa gạt! Năm ngoái ông đã gởi hương châu cho tôi rồi, và những chuỗi ông nhờ gởi cho người khác tôi cũng đã chuyển giao rồi, lại còn nói chuỗi để lâu sẽ bị nứt vỡ để người ta khỏi bực mình. Người cháu dâu là Thuần Cô đáng gọi bậc trượng phu trong nữ giới, nếu có thể tận hết lòng hiếu, uyển chuyển khuyên ông nội, bố mẹ chồng khiến cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nay tôi đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Thuần. Nếu có thể làm được như tôi đã nói (đã viết tường tận trong Văn Sao) thì sẽ là khách quý cõi Cực Lạc, là đạo sư trong cõi Sa-bà, nhưng do tôi đang ở chỗ tạm ngụ, bận bịu, chẳng thể nói tường tận được. Hãy bảo cô ta đọc kỹ Văn Sao thì sẽ chẳng khác gì tôi đã nói chi tiết với cô ta. Hãy noi theo pháp tắc của hai bà phi thuở Đường Ngu, ba bà Thái đời Chu và bà mạng phụ Thái Cô (chữ 大家 phải đọc là Thái Cô 太姑), xin hãy đưa thư này cho cô ta đọc.

206. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tám)

Đã nhận được hai lá thư, nhưng do bận việc bên ngoài chẳng được rảnh rỗi, nên chưa trả lời. Sách Từ Bi Kính đã gởi đến Phổ Đà, chưa từng chuyển đi, đừng lo. Nay lại nhận được thư của hãng Càn Mậu ở Ninh Ba cho biết ông đã gởi món tiền mười sáu đồng. Từ nay về sau, hễ gởi tiền nên gởi thẳng cho hòa thượng Chân Đạt ở chùa Thái Bình, bến Trần Gia, Thượng Hải, thì không phải qua thủ tục chuyển đi nữa, sao không làm theo cách đã nói trước đây? Nay tôi gởi cho ông mười gói Văn Sao. Sách Thọ Khang Bảo Giám ở Thượng Hải không có nhiều, đợi khi nào sách ở Hàng Châu in xong sẽ lại gởi. Lệnh chánh, lệnh lang[291] đã có thiện căn từ đời trước, hãy nên làm cho họ phát tâm dài lâu, ngõ hầu đích thân được hưởng lợi ích thật sự. Thế đạo hiện thời nguy hiểm đến cùng cực, nếu chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm sẽ không nương tựa vào đâu được!

207. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ chín)

Do sách Quán Âm Tụng ấn loát chậm trễ, tôi đã sang đất Thân (Thượng Hải) vào mồng 1 tháng 8 để đốc thúc ấn hành. Quang chẳng mong muốn hết thảy điều gì, chỉ mong các vị nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện mà thôi. Hôm 23 trở về núi, do nhọc nhằn bên ngoài, mắt hơi bị bốc hỏa, nhưng vì mọi việc dồn lại, mỗi ngày vẫn gắng gượng trả lời dăm ba bức thư. Muốn cho mắt mau lành bèn bôi thuốc ba bốn lượt, gần như suốt 20 ngày chẳng thể xem văn tự được. Bản sắp chữ thử của bộ Văn Sao dồn lại hơn 100 trang phải giảo duyệt, đủ mọi thứ bận bịu, hằng ngày không được rảnh rỗi, tuy đã nhận được thư ông nhưng không trả lời. Mẹ và chị dâu ông (đối với mẹ ông lại càng nên uyển chuyển khuyên cụ sanh lòng tin, phát nguyện thì cách thể hiện lòng hiếu trong thế gian chẳng thể nào sánh bằng được) đã đều phát lòng tin, hãy nên thường dựa theo những gì Văn Sao đã nói để kể với họ. Lần này tôi không rảnh rỗi để khai thị, Văn Sao chính là một bộ khai thị lớn đấy!

Quán Âm Tụng in sáu vạn bộ trong năm nay, phàm sách của những người bỏ tiền ra in và sách cần cho chính mình, đều giao sạch hết rồi. Lại có một người bảo Quang muốn kết duyên một vạn sáu bảy ngàn bộ, năm sau sẽ in ra để kết duyên từ từ. Văn Sao năm sau mới có thể in được. Lại còn in sách Bất Khả Lục cùng một lúc. Quán Âm Tụng đã cho khắc ván, ước chừng mùa thu năm sau sẽ xong. Phí tổn khoảng 500 đồng do chỉ riêng một cư sĩ phát tâm để đáp ứng nhu cầu của những ai thỉnh sách lặt vặt về đọc sau này.

---

[291] Lệnh chánh: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác. Lệnh lang: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

Thế đạo hiện thời đúng là thế đạo hoạn nạn, mọi người đều ở trong cảnh hoạn nạn, may mắn được nghe Phật pháp hãy nên sốt sắng niệm Phật, ngõ hầu cậy vào Phật từ lực để hễ sống nếu gặp nguy sẽ thành an, nếu chết sẽ vượt thẳng khỏi biển khổ, về ngay Liên Trì. Sự tích được ông kể trong lá thư trước, tôi cũng không rảnh rỗi để bàn cặn kẽ. Nay viết thẳng pháp danh đã đặt vào đơn xin quy y, đem gởi lại, hãy dạy họ ai nấy đều nỗ lực giác ngộ, phản tỉnh. Bảo Cô càng phải nên nỗ lực, vì chúng sanh đang mê thì phải thường giác chiếu, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị trần tình (những tình niệm trong cõi trần) phá hoại tiết tháo trong sạch. Ngày nào còn chưa chết, ngày ấy chớ nên buông lung, thì mới có thể nhận lãnh trọn vẹn, trở về trọn vẹn. Vì thế khi lâm chung Tăng Tử bảo các đệ tử: "Kinh Thi viết: Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi." Hết thảy mọi người đều nên như thế, mà quả phụ, trinh nữ càng phải nên gắng sức ngõ hầu trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giữ vững khuê khổn (chốn khuê các) vậy!

208. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười)

Sách Tân Sanh Cơ Hiệt Yếu (Trích yếu cơ hội sống mới) cũng có thể dùng để dứt trừ giết chóc dần dần, nhưng há nên sao lục những lời phê bình nếp sống cũ vào đấy? Tác giả chỉ thấy cái xấu của lối sống cũ, chẳng thấy nam nữ theo lối mới tự do luyến ái, đả đảo luân thường, đả đảo liêm sỉ, con giết cha vẫn được khen thưởng. Trường học Mỹ Thuật bảo mấy đứa con gái trần truồng, mấy chục thằng học trò xúm quanh, tùy theo nhìn từ góc độ nào mà vẽ vời, coi như một môn học. Những phụ nữ vô liêm sỉ ấy còn được coi như giáo viên, mỗi tháng được trả lương bao nhiêu đó. Mới mẻ kiểu đó há có ích gì cho thế đạo nhân tâm? Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm há nên đăng tải những thứ ngôn luận ấy, cũng chẳng đoái hoài đến tông chỉ của mình. Sau này, phàm những lời lẽ ma mị, mù quáng, nhiễu loạn chớ nên đăng tải, để khỏi bị người sáng mắt chê cười.

Tác giả bài viết Tịnh Nghiệp Xã Ký chẳng hiểu sự vụ, nói bừa đạo lý, người ta chắp tay mà bảo là hòa-nam, ngồi xuống chưa xếp bằng liền bảo đứng trước tòa. Quang chán nhất là văn tự ghi chép của người khác, bởi kẻ ghi chép quá nửa chẳng đúng pháp. Thư hôm trước chưa gởi tới, cũng chẳng cần phải gởi nữa, Quang bận rộn quá sức, không rảnh rỗi để xem. Ông yêu cầu gởi năm gói Văn Sao và ba gói Thọ Khang Bảo Giám, đóng sách cẩn thận xong liền gởi đi ngay.

209. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười một)

Mồng 5 tháng nhuận Quang xuống núi, mồng 7 tới đất Thân. Khoản tiền mua cá ở Tây Hồ như đã nói thì lúc này không cần chi ra nữa. Lúc này, khoản tiền cần

gấp nhất là tiền mua thức ăn để nuôi chó, do chánh quyền thành phố Hàng Châu sai người đi bắt chó hoang trên đường phố rồi giết bằng cách quăng xuống sông Tiền Đường, đã dìm chết một trăm mấy chục con rồi. Hội Phật giáo xin họ giao cho hội Phật giáo, nay đã gần đến hai ngàn con. Mỗi ngày tiền thức ăn cho một con chó ăn là 1 xu 5 chinh[292], hai ngàn con thì mỗi ngày cần đến 30 đồng, lại còn phải cử người trông nom, những con chết rồi còn phải tốn tiền hỏa thiêu v.v.. Quang cũng quyên tặng 100 đồng, lại kêu gọi bạn bè quyên tặng được bốn năm trăm đồng. Quý hội muốn giúp đỡ khoản này, hãy nên gởi về Công Đức Lâm ở cầu Long Tường, Chợ Mới, Hàng Châu, giao cho cư sĩ Chung Khang Hầu. Ông ta nhận được tiền sẽ gởi biên lai thông báo.

Hiện thời gió mây biến huyễn, sáng tối khác nhau, không có chuyện gì cần thiết đừng đến. Nếu có chuyện gì cần đến, xin hãy sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm; nếu Quang chưa về núi sẽ có thể gặp mặt ở đất Thân. Năm ngoái, công ty ấn loát Chiết Giang bị cháy, nay đã giao cho Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in 5.000 bộ Văn Sao (mỗi bộ 7 cắc), 6.000 bộ An Sĩ Toàn Thư (mỗi bộ 5 cắc 9 xu), xưởng in Hàng Châu bồi thường chi phí 1.600 đồng, tôi đem khoản tiền ấy in hai vạn cuốn Thọ Khang Bảo Giám. Xưởng in thuộc nhà giam Tào Hà Kính in Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải hai vạn cuốn (mỗi cuốn 1 cắc 5 xu), hai vạn cuốn Gia Ngôn Lục (mỗi cuốn 1 cắc 7 xu 5 chinh), in một vạn cuốn Cảm Ứng Thiên Trực Giảng (mới cho sắp chữ, ước chừng năm chục trang). Nếu các sách này xong xuôi, năm sau Quang sẽ ẩn lánh ở nơi không có đường bưu điện để chuyên tu tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi đến nỗi lúc lâm chung chân tay cuống quýt, gây nhục cho pháp môn!

210. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười hai)

Món tiền quyên tặng 400 đồng gởi đến chùa Thái Bình hôm trước, ngày hôm sau tôi giao cho cư sĩ Ngụy Mai Tôn làm chi phí cứu trợ đất Lỗ (Sơn Đông). Ngày hôm sau nữa, ông Mai Tôn liền đưa biên nhận đến. Do ông nói là đến cuối tháng mới trở về, lúc về còn muốn ghé qua nên tôi giữ biên nhận ở đây để chờ ông. Đến nay ông chưa tới nên tôi nghĩ ông đã về rồi, vì thế đem biên nhận gởi đi để trong hội khỏi có chuyện hiềm nghi. Ước chừng đến Rằm Quang sẽ về núi, tháng 7 lại sang đất Hỗ (Thượng Hải) để lo chuyện thỉnh sách, in sách. Di-đà Kinh Bạch Thoại, Gia Ngôn Lục lần này chẳng còn được mấy, đợi đến đợt in lần sau sẽ gởi

[292] Nguyên văn "nhất phân ngũ ly". Thời ấy, một nguyên (đồng) là mười giác, mỗi giác là mười phân, mỗi phân là mười ly. Ta có những chữ tương ứng như cắc (hào) và xu để dịch giác và phân, nhưng không có chữ để dịch chữ ly. Chúng tôi tạm mượn chữ chinh là một đơn vị tiền cổ (tức đồng Bảo Đại) chỉ thông dụng trong một thời gian ngắn. Một xu trị giá chừng ba hoặc năm chinh. Do vậy, dùng chữ chinh để dịch chữ ly cũng rất gượng ép!

cho ông. Lần này nếu Văn Sao còn dư sẽ gởi cho ông mấy gói. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục gởi nhiều lắm là một gói.

211. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười ba)

Nhận được thư vào ngày Rằm tháng 5, biết ông do qua lại mệt nhọc, hư hỏa bốc lên, chắc là bệnh mắt đã lành từ lâu rồi. Nếu vẫn còn chưa lành, hãy nên chí tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, ắt sẽ có công hiệu ngay. Biên nhận khoản tiền quyên tặng 400 đồng tôi đã gởi qua bưu điện hôm mồng 7 tháng 5, chắc đã nhận được rồi. Thoạt đầu vì ông nói sẽ trở lại nên tôi đợi. Đến hôm mồng 7, biết đã đến lúc Quang phải về rồi, nên đem biên nhận gởi qua bưu điện. Những người nắm quyền hiện thời giống hệt như đổ từ một khuôn, đối với việc uốn nắn nhân tâm, uốn nắn phong tục v.v. đều bỏ mặc không hỏi tới, phàm những biện pháp chuẩn bị sẵn để đuổi tăng, đoạt tài sản đều coi như nhiệm vụ quan trọng, không chi lớn bằng, phải thiết thực tiến hành. Đang trong lúc chớ nên thõng tay thờ ơ đứng nhìn này, pháp sư Viên Anh vẫn còn đang ở Tuyền Châu chắc đang tính toán cứu vãn, có lẽ chẳng đến nỗi khốc liệt quá đáng!

212. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bốn)

Thư tôi viết hôm mồng 5 tháng 6 chắc ông đã nhận được rồi. Nay nhận được thư ông đề ngày 21 tháng 5, cho biết bệnh mắt vẫn chưa lành, nhưng khí trời nóng bức không chỗ nào tránh né được, lại còn bị dịch thời khí[293]. Đấy là do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh chiêu cảm, xin hãy bảo khắp người làng cùng kiêng sát sanh, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, để mong tật dịch tiêu diệt. Nếu có thể khẩn thiết chí thành, chắc chắn có hiệu nghiệm lớn lao. Ngay như bệnh mắt của ông cũng sẽ do tuyên nói rộng rãi lời này mà được lành bệnh. Biển khổ rộng mênh mông, Quán Âm là bậc cứu độ, nếu ai nấy chí thành trì tụng mà bị chết vì tật dịch thì trời đất cũng sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng cũng sẽ xoay ngược! Nếu hời hợt, hờ hững niệm thầm một hai câu mà muốn được hiệu quả khởi tử hồi sanh ngay, tuy Bồ-tát đại từ cũng chẳng làm sao được. Chẳng phải là ngài không chịu cứu tế, nhưng vì tâm kẻ ấy chẳng chân thật, thiết tha, quyết khó thể cảm thông được. Mong hãy nói cặn kẽ những điều này với người làng thì may mắn lắm thay!

213. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười lăm)

Qua thư ông, biết ông đã nhận được biên lai lần trước rồi, nay lại nhận được đầy đủ cả nguyệt san lẫn báo cáo phóng sanh. Thánh hiệu Quán Âm chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thảy mọi người cùng niệm.

[293] Dịch thời khí là những bệnh dịch thường xảy ra ồ ạt vào mùa hè như dịch tả, dịch hạch…

Nếu là người tu tịnh nghiệp, hãy nên chuyên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm ngoài những lúc niệm Phật. Đối với kẻ chưa phát tâm hãy dạy họ chuyên niệm, vì họ dốc chí mong được Đại sĩ che chở, gia bị ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện.

214. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười sáu)

Năm ngoái đã hai lần nhận được thư của ông, nhưng vì bận bịu chưa trả lời được. Hạ tuần tháng 2 năm nay, tôi sẽ sang Thượng Hải lo toan việc in sách, tháng 6 vẫn trở về núi. Tháng 7 xuống núi sẽ chẳng quay về nữa. Tháng 8, tháng 9, in sách xong xuôi, sẽ giấu kín tung tích, ẩn lánh ở nơi không một ai biết đến để mong sống hết những năm còn sót lại này ngõ hầu chuyên tu tịnh nghiệp. Nếu không, cứ suốt ngày bận bịu vì người khác, ắt sẽ hỏng đại sự vãng sanh Tây Phương của chính mình. Gần đây, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều, nếu chẳng lánh đi, sau này sẽ càng khó thể chống chọi được nữa! Người trong Phật pháp đều cùng mơ màng, chẳng xét đến đại thể, chỉ mong thuận tiện cho chính mình, đến nỗi pháp đạo ngày một suy, kẻ lấn hiếp bên ngoài ngày một đông. May là có những vị cư sĩ hộ vệ, nên còn chưa bị diệt ngay. Nếu không, danh xưng Phật pháp đã sớm chẳng còn được nghe trong cõi đời hiện tại rồi. Gần đây, lòng người bại hoại, bại hoại đến tột cùng, nhưng người có tu trì được cảm ứng khá nhiều, nên vẫn còn duy trì được phần nào. Nếu không, Phật pháp sẽ bị mất tích từ nay, buồn thay!

215. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bảy)

Thư nhận được đầy đủ. Phong trào hủy Phật chỗ nào cũng có, nếu không có người chống đỡ, Phật pháp sẽ bị đoạn diệt. Với 10 đồng ông đã gởi, tôi sẽ gởi 10 bộ Khuê Phạm, mỗi bộ cộng chung tiền giấy và tiền công in là 8 cắc 8 xu. Kèm thêm trong gói sách là 2 cuốn Âm Chất Văn Đồ Chứng và 2 gói Quán Âm Tụng để kết duyên. Trường nữ sinh Nam Hoa nếu có được sách này để làm khuôn mẫu tốt đẹp thì tất cả nữ sinh sẽ đều có thể trở thành những tấm gương đẹp đẽ trong chốn khuê các, tạo điển hình cho nữ giới. Năm ngoái đã in 3.000 bộ, năm nay vốn muốn in nhiều hơn, nhưng do thời cuộc không yên, chỉ in được 2.500 cuốn.

Trong tháng 9, Quang nhất định ẩn kín tung tích, tất cả những sách có chỉ bản đều giao cho Cư sĩ lâm trông coi. Hễ có ai phát tâm đứng ra in với số lượng lớn thì chẳng ngại gì trao đổi với họ. Khuê Phạm được in bằng lối thạch bản, chẳng tiện ấn loát. Nếu có ai in với số lượng lớn như hai ba ngàn cuốn thì phải hỏi Cư

sĩ lâm xem họ có đảm nhiệm được hay không? Thơ ông Uông và thơ của ông đều hay, nhưng Quang trọn chẳng hiểu thơ, lại còn bận bịu cùng cực, nay đem gởi trả lại kèm theo thư. Không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến. Nếu đến tháng 9 thì muôn phần đừng gởi thư tới nữa để khỏi bị hỏng việc.

216. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười tám)

Ông nói lúc Quang sắp ẩn dật hãy ban cho ông một lá thư để làm khuôn phép, vậy thì một bộ Văn Sao đều là lời lẽ thừa thãi ư? Ông Trình nói: *"Tuân sở văn, hành sở tri, hà tất cập môn cầu ngô tai?"* (Tuân theo những điều đã nghe, hành theo những điều đã biết, cần gì phải đến trước cửa cầu ta nữa?) Nay tôi chỉ nói *"đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, chân vị sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dĩ thâm tín nguyện, trì danh hiệu Phật"* (giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật). Nếu có thể y theo tám câu ấy mà hành thì làm bậc hiền thánh, liễu sanh thoát tử đều có dư!

Điều quan trọng mầu nhiệm trong Phật pháp chỉ là ở lòng thành, ông giữ được lòng thành từ đầu đến cuối thì không có gì để nói nữa. Hãy nên vứt ra ngoài Đông Dương đại hải những thói bàn luận điều huyền lẽ diệu, khua môi múa mép, cầu thần thông, thì mới có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự, huống hồ những kẻ vẫn coi luyện đan vận khí là đạo ư? Ba bà thủ tiết ấy đều có thể ăn chay, niệm Phật, hãy nên dạy họ quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người, ngõ hầu chẳng phụ mấy chục năm giữ tiết tháo băng khiết. Trần Đức Phương pháp danh là Trí Đức, Trương Phổ Đường pháp danh là Trí Phổ, Châu Duyệt Thiền pháp danh là Trí Thiền. Bọn họ đã đều sống trong chùa miếu, hãy nên chí thành cung kính, lễ bái, trì tụng, đừng xen tạp luyện đan, vận khí, hoặc nhập thần phụ quỷ (lên đồng, hầu bóng) v.v. để chèo kéo kẻ vô tri cung kính, cúng dường. Nếu được như thế sẽ đúng là đệ tử Phật thật sự, quyết định sẽ có thể thoát khỏi cõi Sa-bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia ngay trong đời này. Tôi sợ bọn họ không thông hiểu văn lý cho lắm, xin ông hãy phương tiện diễn nói với họ, khiến cho họ hiểu Phật pháp vốn tự sẵn có đạo lý chân thật. Trí Giác hành trì đáng gọi là khó có, đấy gọi là "bầu bạn trong pháp môn, bạn bè xuất thế, tại gia học đạo", những người này có thể thay đổi phong tục, may mắn chi hơn?

217. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười chín)

Đã nhận được 16 đồng rồi, đừng lo, sẽ dùng làm chi phí gởi sách. Đã nhận được Khai Sĩ Truyện rồi. Hiện thời đang trong tình thế hoạn nạn, trừ Đại sĩ ra,

còn biết nương tựa vào đâu? Nếu có thể chí thành khẩn thiết, quyết định được ngài ngầm gia bị. Do vậy biết tâm Bồ-tát và tâm chúng sanh về bản thể giống hệt nhau không khác, chỉ vì chúng sanh mê trái nên đến nỗi cách ngăn; nếu vì gặp lúc hoạn nạn, chuyên tâm ức niệm, sẽ tự có thể lập tức thấy cảm ứng. Ví như kẻ đội chậu úp thường chẳng thấy được mặt trời, nếu bỏ cái chậu che úp ấy đi, cố nhiên mặt trời ở ngay trên đỉnh đầu. Xin hãy nói với hết thảy mọi người về sự linh cảm của Bồ-tát để ai nấy thường niệm. So với những kẻ bàn huyền luận diệu có ích hơn rất nhiều!

218. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi)

Quang vốn tính đến cuối tháng 9 sẽ ẩn mình, nhưng vì nhân duyên ấn hành bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ mà chần chừ. Các đệ tử ở Hương Cảng đã sớm gởi thư, đánh điện thôi thúc, tháng Giêng năm sau sẽ đi. Chuyện sang sống nhờ ở Hạ Môn thôi đừng bàn tới nữa! Mấy bữa nữa sẽ gởi cho ông mấy gói Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, sách này có thể dùng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Lần này tôi bảo họ làm thành hai bộ chỉ bản để mỗi bản sẽ in được hai vạn bộ.

219. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi mốt)

Lệnh từ[294] và Trí Giác khốn khổ bởi tỳ ngược[295] đã lâu, may đã lành bệnh. Nay tôi gởi cho một toa thuốc thần diệu chữa bệnh sốt rét, xin hãy ấn tống để mọi người cùng hàng đều được thoát khỏi nỗi khổ này.

*** Toa thuốc thần diệu trị bệnh sốt rét**

Ô mai (hai quả), hồng táo (hai quả), hồ đậu (một tuổi là một hạt, như người một tuổi liền viết một hạt, mười tuổi liền viết mười hạt, chiếu theo đây mà suy).

Dùng một tờ giấy trắng viết ba thứ này. Số lượng ô mai và hồng táo đều cố định, chỉ có hồ đậu là dựa theo số tuổi của bệnh nhân mà viết. Viết xong, gấp lại, xếp thành lớp; trước khi lên cơn một tiếng đồng hồ, buộc chặt vào cổ tay (tức khoảng giữa phần trên bàn tay, phía dưới khủy tay), bệnh sẽ không phát ra nữa. Cũng chẳng cần phải mua ba thứ ấy, chỉ cần viết những chữ ấy là được rồi. Toa thuốc này linh nghiệm chẳng thể nghĩ bàn. Lúc buộc đừng nói cho ai biết, chỉ cần phân biệt nam buộc bên trái, nữ buộc bên phải.

---

[294] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

[295] Tỳ ngược là bệnh sốt rét cách nhật, do người bệnh cách ngày nổi cơn sốt rét, hoặc vài ngày nổi cơn sốt rét, bụng đầy, ăn uống khó khăn. Cổ nhân cho rằng nguồn gốc bệnh này là do trong tháng nóng bệnh nhân ăn quá nhiều chất lạnh khiến tỳ vị bị tổn thương, nên gọi là tỳ ngược.

Ông Tào Tung Kiều ở Tô Châu năm ngoái đã đem toa thuốc này in ra rất nhiều. Ông ta xuống làng thu tô đã bảo họ chia nhau đem tặng, dân quê dốt nát không biết chữ bèn đem tờ giấy đã in toa thuốc ấy quấn vào tay chứ chẳng viết gì khác thì bệnh cũng không phát. Ông chẳng chú ý, bài thuốc này đã chép ở cuối bộ An Sĩ Toàn Thư, hiềm rằng chữ quá nhỏ, người ta không để ý. Hãy nên in ra để biếu tặng rộng rãi thì thật là lợi ích không chi lớn bằng. Tụng kinh Pháp Hoa cũng cần phải đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng khác gì công đức niệm Phật. Nếu chẳng hồi hướng Tây Phương thì chính là tự phân tâm, niệm chẳng quy nhất, lâm chung sẽ khó chắc chắn được vãng sanh. Đây quả thật là điều trọng yếu nhất!

220. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi hai)

Nhận được thư, biết mấy năm gần đây cả nhà yên vui, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Mười đồng ông đã tặng sẽ dùng làm chi phí in sách. Gần đây, Quang mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, mười mấy ngày gần đây bận bịu giảo chánh đối chiếu cho người khác, thư từ chất lại hai mươi mấy bức đều chưa trả lời. Đã cự tuyệt thư từ vào mùa đông năm ngoái, phàm hễ ai gởi thư đến đều nói "từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời", nhưng thư vẫn cứ cuồn cuộn gởi tới y như cũ do giao thông quá thuận tiện.

221. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi ba)

Thư nhận được đầy đủ. Kinh tế khó khăn, hãy nên sống đơn giản, chất phác, chớ nên gắng gượng chống giữ thể diện. Xin hãy bỏ chuyện sang Nam Dương (Indonesia) đi. Từ năm Dân Quốc 17 (1928), quá nửa số thương gia ở Nam Dương bị phá sản. Có người sang Nam Dương quyên mộ, đều chẳng xin được đủ lộ phí để trở về! Nam Dương coi mủ cao-su là sản phẩm xuất cảng bậc nhất, chánh phủ Anh nghiêm cấm bán rẻ sản phẩm này. Mỗi gánh mủ cao-su giá một trăm sáu mươi mấy đồng. Năm Dân Quốc 17 (1928) bị người nước nọ lừa gạt, nói: "Nếu không bán rẻ thì chưa đầy hai năm, cây cao-su trong nước tôi đủ lớn sẽ không ai mua hàng hóa của các ông nữa đâu!" Họ bèn lén lút bán, một nhà bán rồi cả thành phố bán, chưa đầy một tháng có tới mấy chục đại thương gia vỡ nợ, hiện thời giá mủ cao-su càng rẻ không thể tưởng tượng được. Một đệ tử của Quang đã kể với Quang tình cảnh ấy.

Vì thế thầy Tu Viên, đệ tử hòa thượng Hư Vân chùa Vân Thê ở Vân Nam, thấy chùa Vân Thê thiếu hụt, muốn sang Nam Dương hóa duyên, Quang khuyên đừng đi, thầy ấy không nghe. Về sau, Vân Nam phải gởi tiền sang, thầy ấy mới về nước được, tiền hóa duyên được ở Nam Dương còn chưa đủ trả tiền tàu xe.

Quang gần đây mục lực quá yếu, không có chuyện gì mười phần quan trọng đừng gởi thư tới nữa!

222. Thư trả lời cư sĩ Tạ Tử Hậu

Ông Từ X… chịu đề xướng Tịnh độ rất tốt. Năm trước, ông ta đã gởi cho tôi một cuốn Tỉnh Mê Lục xin ấn hành, trong năm trước tôi đã cho in vào sau cuốn Tọa Hoa Chí Quả. Tháng Chạp năm ngoái, ông ta cùng với một vị tăng người Tứ Xuyên đến chùa Báo Quốc, ở lại nhiều ngày, ăn Tết. Vị tăng ấy áo tràng cũng không mang theo. Sau Tết, Quang quở trách: "Ông là tăng, đang lúc cuối năm cũ bước sang đầu năm mới, tăng sĩ đều tụng niệm cầu chúc cho đất nước, nhân dân, ông đi xa ăn Tết mà áo tràng cũng không mang theo, đủ biết ông suốt năm cũng không có chuyện lễ tụng, trì niệm. May là ông cùng đến với cư sĩ Từ. Nếu không, chùa Báo Quốc cũng chẳng cho ông trú ngụ đâu!" Ông Từ đã kết bạn với vị tăng ấy từ Chi Na Nội Học Viện, vậy thì ông Từ cũng chỉ là người nói suông, chẳng chú trọng thực hành. Nếu không, sao lại chịu kết bạn với ông tăng lười nhác lễ tụng ấy để ông ta làm nhục lây đến mình ư? Đức Như Lai gọi hạng người như vậy là "những kẻ đáng thương xót!"

223. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ nhất)

Năm ngoái, Quang do lo liệu chuyện khắc kinh nên vào ngày 26 tháng 7 bèn xuống núi, sang Dương Châu. Nhân tiện, ghé qua Thượng Hải, Tô Châu, Kim Lăng; đến mồng 5 tháng 9 từ Dương Châu trở về Thượng Hải. Bạn bè mời sang Hàng Châu, rồi từ Hàng Châu quay lại Thượng Hải. Do ấn hành bộ An Sĩ Toàn Thư dạng rút nhỏ nên phải lần khân mấy hôm, đến ngày 24 mới về đến Pháp Vũ, thấy hai lá thư các hạ gởi hôm 26, 27 tháng 7 và hai cuốn Đàn Kinh và Thiên Nhạc Minh Không (nhạc trời rền vang hư không). Do không có mặt trên núi đã hơn cả tháng, thư từ bên ngoài gởi đến Phổ Đà rất nhiều, trong một lúc chẳng thể đọc hết được. Đến mồng 3 tháng 10 mới phúc đáp thư các hạ được. Lại gởi cho các hạ năm bộ Văn Sao do Thương Vụ Ấn Thư Quán in ra, một cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh mới được ấn hành, bỏ chung trong một bưu kiện giao cho bưu điện, chắc là đã chuyển đến quý phủ rồi.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư bậc nhất xưa nay trong thiên hạ, năm Quang Tự thứ bảy (1881), cha của tiên sinh Trương Phụng Trì[296] là tiên sinh Phổ Trai tên là

[296] Cư sĩ Trương Nguyên Ngọc (1866-1920), tự Thức Như, hiệu Phụng Trì, là người huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông, đỗ cùng một khoa với Khang Hữu Vi. Do cha ông ưa thích Thiền tông nên từ nhỏ đã tìm hiểu Thiền tông, có chỗ lãnh ngộ. Ông từng làm Huyện lệnh tỉnh Hà Nam, được tiếng là cai trị nhân từ. Khi Sử Di Nhân dấy loạn, đem quân đánh vào cửa thành trong khi ông đang xét án, mọi người đều kinh hoảng, riêng ông bình tĩnh thống lãnh quân binh dùng mưu đánh bại Sử Di Nhân khiến hắn phải

Thủ Ân đã cho khắc in tại Tàng kinh viện ở Dương Châu. Bản khắc ấy nét bút quá nhỏ nên in chưa được bao nhiêu, nét chữ đã nhòe nhoẹt, lại còn bị sai ngoa quá nhiều. Mười mấy năm trước, do muốn sớm khắc bản khác, Quang đã giảo chánh tường tận. Đến năm Dân Quốc thứ bảy (1918), được một người bạn là ông Lưu Cần Phủ bỏ tiền in nên mới được thỏa chí. Năm Dân Quốc thứ tám (1919) mới khắc in thành sách. Trong một hai năm qua đã in được hai ba ngàn bộ.

Mùa thu năm ngoái, một người bạn vì thấy rằng: "Do thế đạo nhân tâm đã suy hãm cùng cực nên thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống", liền khuyên Quang in An Sĩ Toàn Thư bản rút nhỏ để lưu truyền rộng khắp, ngõ hầu làm phương kế vãn hồi. Quang liền chẳng nề hà nông cạn, kém cỏi, đứng ra đề xướng, được các giới chánh khách, thương nhân tán trợ, tính đến tháng Chạp đã có người chịu bỏ tiền in hai vạn bộ. Ngày 17, nhận được chương trình của Trùng Khánh Phật Học Xã, biết lão pháp sư Phật Nguyên được quan viên, thân sĩ đề cử hoằng dương pháp hóa ở chùa Trường An. Do vậy, tôi gởi thư đến ngài Phật Nguyên, xin sư hãy bảo đạo tràng ấn tống An Sĩ Toàn Thư hơn một vạn bộ, phát cho mỗi huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên một trăm bộ. So với việc giảng diễn tại một nơi sẽ đạt được lợi ích rộng lớn hơn, vì sách này lý sâu lẽ cạn đều có đủ, chân lẫn tục cùng giảng. Người sâu xa sẽ thấy sách sâu xa, người nông cạn sẽ thấy sách nông cạn, trọn không một ai chẳng thể lãnh hội, chẳng được lợi ích!

Lại sợ ở đất Du[297] (Trùng Khánh) in sách chắc sẽ tốn kém lớn, khó thể lo trọn được, nên tôi lại gởi thư cho các hạ, xin các hạ nói với quan viên, thân sĩ đang sống tại Thành Đô cùng giúp sức hoàn thành công việc này thì món tiền tám chín ngàn đồng chẳng đến nỗi quá tốn công quyên góp. Mồng 7 tháng Giêng năm nay, nhận được Phiến Hương Tập do các hạ gởi tới, vì quá bận bịu nên chỉ giở xem đại lược đôi chút rồi để đó. Đến ngày 19 mới nhận được thư các hạ nói về chuyện gởi Phiến Hương Tập, mới biết các hạ đã ở Trùng Khánh Học Xã. Các hạ nói tháng 8 đã ra đi thì thư và sách Quang gởi hồi tháng 10 đã gởi đến nhà ông và thư gởi hồi tháng Chạp cũng đang chờ ông đọc. Phương pháp để thực hiện chuyện này của Quang khá nghiêm minh, trọn không có khuyết điểm hay khinh nhờn.

---

tháo chạy mấy chục dặm. Đánh giặc xong, ông quay về tiếp tục phê duyệt công văn như không có chuyện gì xảy ra. Về già, ông cáo quan, sang Quế Hồ thuộc đất Thục sống ẩn dật, thanh bạch cho đến khi mất. Ông tuy thích thiền nhưng vẫn niệm Phật không ngừng. Có một linh mục người Pháp nghe tiếng ông, tìm đến tranh biện, toan khuất phục, cuối cùng lại rất kính ngưỡng, hâm mộ ông. Ông để lại cuốn Phiến Hương Tập được lưu hành trong cõi đời.

[297] Du（渝）là tên xưa của Trùng Khánh. Trùng Khánh được đổi tên nhiều lần, thời cổ gọi là Ba, đời Tần gọi là Giang Châu, đến đời Tùy là Du Châu, đến thời Bắc Tống đổi thành Cung Châu. Trùng Khánh là tên được vua Tống Quang Tông đặt từ năm 1190. Khi còn là hoàng tử, vua được phong làm Cung Vương, thái ấp ở Cung Châu. Do đó khi lên ngôi đã đổi Cung Châu thành Trùng Khánh Phủ với ngụ ý sự vui sướng xảy ra dồn dập.

Nếu các hạ chẳng cho Quang là cuồng vọng, mạo phạm, xin hãy nói với cấp trên, xin ông ta tìm cách lưu hành rộng rãi, thì sẽ là điều phước chưa bao giờ có cho quốc dân! Nếu chẳng thể phát cho mỗi huyện một trăm bộ thì giảm bớt con số cũng không sao. Xin hãy đọc kỹ chương trình biện pháp sẽ tự biết, ở đây không ghi cặn kẽ.

Phiến Hương Tập đã nhờ người có danh vọng kiểm chứng để mong được lưu thông, chắc là không nên chỉ gởi tới một bản. Quang mục lực không đủ, chẳng thể đọc nhiều, liền gởi cho Từ Úy Như (tên là Văn Úy). Đối với cư sĩ Lý Chứng Cương (tên là Dực Chước) hãy nên gởi bản khác. Chứng Cương chưa hề gởi thư cho Quang, nhưng Quang biết chỗ ông ta ở, Lưu Viên Lâm Xuyên Lý Trạch ở ngõ Tùng Bách, phủ Nam Xương, Giang Tây chính là nhà ông ta đấy. Lưu Thù Nguyên văn lý rất sâu, xem hành trạng của ông Trương khôn ngăn cảm kích, bội phục. Vùng Xuyên Trung đã có cao nhân lại được đề xướng, quả thật là dân tỉnh Tứ Xuyên may mắn mà pháp đạo cũng may mắn lắm!

Đối với chuyện hoằng pháp, hãy nên xét thời cơ, đang trong lúc nước nhà thái bình, nhân tâm thuần thiện thì phần nhiều hãy nên dựa theo thật tế để uốn nắn, hoằng dương. Đang trong thời đại thê thảm từ trước đến nay chưa từng có này, trước hết hãy nên đem nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v. để giáo hóa những kẻ ương ngạnh, khích lệ và công kích gián tiếp, hầu đánh động lương tâm của họ. Sau khi họ đã biết pháp tắc, những điều răn nhắc, mới lại uốn nắn, hoằng dương, đấy mới là đạo duy nhất không hai vậy!

(Ngày 21 tháng Giêng)

224. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Trùng Khánh Phật Học Xã đã do Thư Thứ Phạm chịu trách nhiệm chánh thì sẽ chẳng đến nỗi bị sai lầm. Khắc in hai bộ Văn Sao thật chẳng dễ dàng vì hiện thời tiền công khắc chữ rất đắt; nếu khắc trọn bộ Văn Sao sẽ phải khắc hơn 900 trang, mỗi trang nếu không tốn tới một đồng sẽ không thể nào khắc được. Trước kia, Quang đã khắc một bộ ở Tàng kinh viện Dương Châu, hơn 400 trang, chia thành bốn cuốn, đây chính là bản được Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành hai cuốn vào năm Dân Quốc thứ 10 (1921). Bộ Tăng Quảng Văn Sao lần này được chế thành bốn bức chỉ bản, hai bức giao cho Trung Hoa Thư Cục, hai bức trả về cho Quang. Năm ngoái, xưởng in kinh Hàng Châu làm cháy mất một bức, chỉ còn lại một bức. Nếu muốn lưu thông rộng rãi, có lẽ nên chiếu theo cách thức trình bày đó để tạo ra một bức nữa, rồi cho tạo ra nhiều chỉ bản chắc sẽ thuận tiện hơn. Tiền công sắp chữ của xưởng

in thuộc nhà giam Tào Hà Kính ở Thượng Hải rẻ hơn Thư Cục một nửa. Bốn trăm mười lăm mười sáu trang chưa đến 200 đồng (mỗi trang chưa đến năm cắc, Trung Hoa Thư Cục tính hơn một đồng). Tạo ra chỉ bản cũng thuận tiện hơn.

Chuyện uốn nắn cho lòng người chân thành, thiện lương thì ngay cả thánh hiền cũng chẳng thể làm được chuyện ấy! Trong gia đình, làng xóm, đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục trong gia đình, rất cần phải chú trọng dạy dỗ con gái sao cho nhà nhà đều răn dạy, thông hiểu và cũng nhờ vào đó để uốn nắn cái tâm của thiên hạ mà thôi. Đối với Tứ Thư, Ngũ Kinh, kẻ học Nho do thiếu con mắt thông suốt nên thường trái nghịch lời thánh hiền dạy. Chỉ có kẻ hiểu biết bản tâm của chính mình mới có thể nêu tỏ tông chỉ của thánh hiền, chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc. Nhà Nho coi lý nhân quả là dị đoan! Trái nghịch thánh đạo, khơi ra chiến tranh cho đời sau đều do bọn Lý học gây ra.

Ông đã muốn quy y, đành dùng cách "đem lầm đáp lạc", nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Lâm. Ấy là vì nhà lửa nóng hừng hực, chẳng có mưa dầm trí tuệ[298] sẽ chẳng thể dập tắt được. Tự hành, dạy người đều nên như thế. Đừng nói "tôi đâu có sức lớn lao ấy!" Một mai đánh đổ ham muốn xằng bậy khôi phục lễ nghĩa, khiến cho thiên hạ hướng về lòng nhân; gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước nằm trong gia đình, cái gốc của gia đình ở nơi thân. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Nếu có thể hành theo thánh giáo Nho - Thích thì chưa hề có chuyện mọi người chẳng đua nhau khởi lên đáp ứng.

Lệnh lang hiếu thuận, nên đặt pháp danh là Tông Từ. Kinh Phạm Võng dạy hành hạnh nghiệp phóng sanh như sau: "Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Hết thảy những vật có mạng sống đều coi như cha mẹ, quyến thuộc trong đời trước, sanh tâm từ bi hiếu thuận." Chẳng những không giết bừa mà cũng chớ nên ăn thịt chúng, vì thịt đều do giết hại mà có. Nếu dùng tiền mua con vật đem phóng sanh thì phóng sanh hữu hạn, nếu không ăn thịt và ôm giữ chí nguyện khuyên dạy hết thảy, khiến cho ai nấy đều yêu thương, quý tiếc sanh mạng loài vật, công đức sẽ lớn lắm. Đề cao, chú trọng lòng từ ngõ hầu đạo thương dân yêu vật được biến thành sự thật. Nếu cứ giết để ăn mà vẫn nói là "yêu thương loài vật" thì đấy chính là kế hoạch "bịt tai trộm linh". Nếu con vật biết được, ắt sẽ chẳng sanh ý tưởng cảm ơn!

Hãy nên bảo cháu nó đọc thuộc Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, đấy chính là nhiệm vụ "gốc chánh, nguồn trong" cấp bách. Do những điều Tứ Thư Ngũ Kinh đã nói thì hoặc là rải rác khắp nơi, hoặc do nghĩa lý ẩn kín khó thể lãnh hội. Đã

[298] Chữ lâm (霖) có nghĩa là mưa dầm.

đọc thuộc sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên này xong, khi đọc Ngũ Kinh, Tứ Thư, trông thấy những câu nói ấy, tâm trí sẽ lãnh hội được ý nghĩa. Những gã Lý học coi trọng tận tụy thực hành nhưng chẳng biết đến nghĩa này, ngược ngạo chỉ trích nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi của đạo Phật là dị đoan, đều là hạng chưa thấy lý, không có cách gì để cứu đời vậy!

Huệ Dung có gởi thư đến, tôi đã nhận được rồi, chắc Thứ Phạm đã chia tặng sách Quán Âm Tụng rồi. Hiện thời Quang đã về núi, trong mùa thu sẽ sang đất Hỗ để lo in các sách cho xong; tính năm sau sẽ lánh mình ở ẩn nơi không có đường bưu điện để chuyên tu tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi uổng công bận bịu vì người khác mà đại sự của chính mình trở thành chuyện nói suông!

(Ngày 20 tháng 5)

225. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba)

Nhận được thư, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Làm quan để hành đạo "cứu đời, dạy dân", quan hệ ấy rất lớn. Người đời nay phần nhiều ỷ thế lực nhà quan để thâu tóm của cải, tạo tội, thật đáng than, đáng hận! Các hạ vì lòng đại Bồ-đề khéo làm quan phụ mẫu cai trị một ấp thì một ấp sanh Phật, lại nên luôn đem nhân quả báo ứng để bảo ban, khuyên nhắc họ, lợi ích sẽ rộng lớn lắm. Bản Văn Sao của Tàng kinh viện Dương Châu là mộc bản (bản khắc ván), so với ấn bản lần này ít hơn một trăm bài, giá sách cũng đắt hơn nhiều. Lần này in hai vạn bộ, Thương Vụ Ấn Thư Quán nại có giấy chẳng dễ kiếm, chưa hề in riêng. Ý họ muốn dùng loại giấy có độ bóng để in, vì thế những sách chưa được phát hành hiện thời cũng chưa định giá được. Ngay hôm ấy, tôi đã bảo người bạn gởi cho ông mười gói, khi nhận được xin hãy thay tôi kết duyên. Đợi sau này khi định được giá cả rồi sẽ báo cho ông biết.

(Ngày 23 tháng Giêng)

226. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tư)

Nhận được thư như gặp mặt, lời huấn từ hay tuyệt; chỉ sợ học sinh chẳng thể lãnh hội được, sẽ cô phụ lòng ông thiết tha lo lắng nhiều lắm! Chương trình đơn giản của hội niệm Phật thích hợp căn cơ và tình hình là được rồi. Hiện thời, bất luận trong nhà trường hay Phật hội đều phải sốt sắng đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục gia đình, nhưng đối với giáo dục gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng mới mong mai sau được thái bình. Nếu không, sẽ chẳng còn hy vọng gì nữa đâu!

(Ngày 17 tháng 12)

227. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ năm)

Ngũ Kinh, Tứ Thư vốn là sách dạy người làm lành. Người đời phần nhiều coi như sách văn chương nên "ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ". Còn Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn v.v. trình bày trực tiếp chuyện nhân quả, báo ứng, khiến cho con người vừa đọc đến liền hiểu ngay, thật là hữu ích! Những kẻ lớn tiếng luận về lý tánh, chẳng đề xướng nhân quả, báo ứng, muốn được tiếng cao trỗi hơn người, nhưng chẳng biết thực chất của sự cao trỗi, lại chẳng dẫn dắt khắp hết thảy mọi người đều tuân theo đạo pháp của Ngũ Kinh, Tứ Thư. Cố nhiên Quang chẳng muốn mọi người học theo loại người như thế ấy, vì họ chỉ có thể làm kẻ tự giải thoát cho chính mình, chứ chẳng thể lợi khắp hết thảy.

(Ngày 24 tháng 3)

228. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ sáu)

Con người hiện thời hễ hơi thông minh liền tự đại, tự thị, phàm phu đời mạt muốn chứng thánh quả mà chẳng nương theo Tịnh độ đều là cuồng vọng. Tham thiền dẫu đạt đến địa vị "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" thì vẫn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Quang cực tầm thường, kém cỏi, thiếu học vấn, nhưng thật sự giữ được thái độ "chẳng bị xoay chuyển bởi ngôn ngữ, văn tự của kinh giáo, tri thức". Nếu ông chịu tin tưởng, hãy dốc sức nơi pháp dễ thực hiện, dễ thành tựu. Nếu chẳng nghĩ là đúng thì cứ phó mặc cho ông chứng thẳng vào Thập địa, làm bậc chân danh Nho. Ai có tâm nấy, làm sao ép buộc được? Hình chụp của Quang có gì đáng xem đâu? Sao không thường nhìn hình Phật có phải là tốt hơn hay không?

(Ngày 26 tháng 8)

Chuyện niệm Phật đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm được. Nếu gặp chuyện phải dùng tâm để làm thì chẳng tiện niệm, còn việc không dùng đến trí óc thì một mặt làm việc, một mực niệm Phật, hai đằng chẳng trở ngại nhau. Lẽ đâu chăm sóc con cái chẳng thể niệm Phật được ư? Chỉ có niệm Phật một lúc lâu trước bàn thờ Phật là bất tiện mà thôi! Chỉ cần giữ sao cho trong tâm niệm Phật lâu dài, chẳng cần phải nhất định niệm trước bàn thờ Phật. Sáng tối hãy nên lễ Phật, niệm theo cách thập niệm; ngoài ra, tùy phần tùy sức đều có thể niệm được. Cũng nên dạy trẻ nhỏ thường niệm, bởi lẽ trẻ nhỏ không có chuyện gì, chơi giỡn suốt ngày. Nếu dạy nó niệm Phật, sẽ tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn mà không hay không biết. Đấy là chuyện hữu ích nhất cho thân tâm, tánh mạng. Những phái tân học hiện thời phần nhiều chẳng nhìn nhận cha mẹ, hoặc còn giết hại. Lúc con vừa mới hiểu biết, liền dạy cho nó đạo lý làm người, sự lý nhân quả báo ứng, khi

lớn lên nó sẽ chẳng đến nỗi bị tà thuyết lay chuyển. Nếu không, sẽ khó khăn lắm đấy! Nay gởi cho ông một gói Con Đường Quang Minh, cuối sách có bài viết nói về thói ăn thịt người ở châu Phi, đủ biết tập quán đáng sợ thật!

Đây vốn là sách gởi kèm thêm cho một vị cư sĩ ở Hồ Nam, do gởi lầm địa chỉ nên bị trả lại, trở thành dư thừa. Do vậy, tôi cho gởi kèm theo những sách tính gởi cho ông để giúp cho việc khuyên nhủ gia quyến, dạy dỗ con trẻ.

229. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ bảy)

Đã nhận được thư khi trước, hôm qua lại nhận được đầy đủ các văn kiện đã in. Tu hành chỉ nên tùy theo khả năng của mình mà lập công khóa, chứ đừng luận theo lối chấp nhất. Chỉ có một điều chắc chắn là không thể chẳng nương vào pháp "tín nguyện niệm Phật, hồi hướng vãng sanh Tây Phương" mà thôi! Một môn thâm nhập, muôn điều thiện đều tu trọn thì được. Nếu vứt bỏ Tịnh độ, thâm nhập một môn trong các pháp môn khác và muôn điều thiện đều tu trọn thì không được. Bởi lẽ, cậy vào tự lực chắc chắn khó thể liễu thoát ngay trong đời này! Kẻ thông minh trong cõi đời thường coi rẻ Tịnh độ.

Gã X… giữ phép quán bí truyền, hở ra là khoe có chứng ngộ, tiên tri v.v.. Đấy là đã dính vào khí phận của ma vương, ngoại đạo rồi. Hắn đã chẳng nghe lời can gián thì đường ai nấy đi, chẳng cần phải qua lại với bọn họ, cũng chẳng cần phải nói mãi chuyện của hắn để khỏi mắc họa ngấm ngầm. Các văn kiện trình lên chánh phủ đã được in đều hay cả, hiềm rằng chánh phủ lăm lăm chiếm đoạt tài sản, chứ chẳng muốn hiểu rõ lý, sợ rằng [những lời tâu trình, kiến nghị ấy] khó đạt hiệu quả. Nhưng do vậy cũng có thể làm tiêu bớt sự hung hăng của bọn họ, hình thành đôi chút hòa dịu. Ông Ất nọ là đệ tử của ông Bính kia[299], tôi chưa gặp

[299] Ông Ất ở đây chính là Lương Khải Siêu, ông Bính chính là Khang Hữu Vi. Do tránh đụng chạm, nên người sao lục mới gọi họ bằng những từ này. Thoạt đầu Lương Khải Siêu tuân phụng ý kiến của Khang Hữu Vi cho rằng chỉ có đề cao Khổng giáo mới cứu vãn được Trung Hoa, thậm chí còn đi đến mức cực đoan đòi tôn Khổng giáo làm quốc giáo, gọi Khổng tử là giáo chủ, mô phỏng theo hình thức tôn giáo ở Tây Phương, mỗi địa phương phải lập Khổng miếu, tế lễ, định ra nghi thức lễ bái cầu nguyện như trong Thiên Chúa giáo, đồng thời tuyên truyền Khổng giáo theo kiểu Tây Phương, dùng những học thuyết chính yếu của Khổng giáo để lập đề cương cho cuộc vận động duy tân. Chủ trương này thường được gọi bằng từ ngữ "bảo giáo". Sau khi cuộc "biến pháp" (âm mưu đảo chánh nhằm thay đổi đường lối cai trị của nhà Mãn Thanh, lật đổ thái hậu Từ Hy và những quyền thần, trao quyền cho vua Quang Tự cai trị Trung Hoa theo đường lối quân chủ lập hiến) bị thất bại, Lương Khải Siêu phải trốn sang Nhật Bản. Do tiếp xúc với tư tưởng Tây Phương và những học thuyết duy tân của Nhật Bản, họ Lương đổi hẳn thái độ, viết bài luận Bảo Giáo Phi Sở Dĩ Tôn Khổng Luận, cực lực đả kích những người theo tư tưởng "bảo giáo", cho họ đã lầm lẫn giữa triết học và tôn giáo, phán quyết rằng từ sau thời Hán Vũ Đế, Nho giáo đã mất hẳn tánh chất tự do, sống động, chỉ còn là những khuôn mẫu ràng buộc cứng ngắc, kìm hãm con người tiến bộ. Đối với Phật giáo, ông Lương cũng có nhiều nhận định hết sức cực đoan, cho rằng Phật giáo Trung Hoa đã lệch lạc, phải thực hành và tu tập giống hệt như Phật giáo Nhật Bản mới là đúng chánh pháp; đồng thời lớn tiếng kêu gào phải chấn hưng Phật giáo Trung Quốc theo quan điểm của ông ta.

ông ta, nay thấy bài luận "đả phá thói tôn sùng Khổng tử", mới rõ ông ta hoàn toàn là một gã tiểu nhân xấu hèn, vô tri, vô thức, làm sao có thể chấn hưng Phật pháp, hoằng truyền, xiển dương Mật tông, làm bậc Tam tạng pháp sư giải thích kinh điển trong đời hiện tại ở Trung Hoa cho được? Đả đảo, phế diệt, đoạn trừ Khổng giáo thì tâm pháp của nhị đế, tam vương[300], luân lý "tam cương, ngũ luân, ngũ thường" cũng bị đả đảo, đoạn trừ sạch! Chẳng ngờ người muốn hưng khởi Phật pháp lại thốt ra những lời cực ác, hèn hạ, thô lậu này. Vậy thì chuyện ông ta muốn hưng khởi Phật pháp trong tương lai chưa chắc đã chẳng phải là nền tảng để hoại diệt Phật pháp, đáng sợ hết sức!

Thư gởi cho ông Ất nọ phân tích xác đáng, rõ ràng, nhưng sợ ông ta khí phận ma sâu dày, chẳng chịu nghe đâu. Nếu ông ta chịu nghe thì lợi ích lớn lắm! Ông Ất nọ là đệ tử của ông Bính, thầy lẫn trò đều mắc bệnh thích lập ra những nghĩa lý kỳ dị, họ chỉ muốn tỏ lộ tài đức của chính mình, chẳng biết những dị thuyết ấy đã khiến cho những ai có đủ con mắt chẳng chịu nhắc tới. Ở Thượng Hải vẫn chưa thấy những sách ấy, vì thế tôi cũng chưa muốn gởi biếu sách của ông sang đó, chỉ mong những tà thuyết ấy bị biến mất, không để lại tung tích gì, chẳng gây lụy cho Phật pháp. Nếu những sách tà vạy ấy đã lưu hành, cố nhiên hãy nên phân phát rộng rãi cuốn sách do ông soạn để phê phán, đả phá những tà thuyết ấy. Tại Thượng Hải hiện đang có gã Đinh nọ cũng là đệ tử của ông Bính, dạy người khác trì chú (thường hay phô phang chính mình có thần thông), nói là trong một trăm ngày liền có thể thành Phật. Người có lòng tin nhưng không đủ con mắt bèn như kiến bu, chim đậu, đã lên đến cả một ngàn mấy trăm người. Phật pháp vào thời mạt hiện ra những cảnh tượng kỳ quái ấy, đáng lo tột cùng!

Quang tính trong vòng tháng 8, tháng 9, lo xong chuyện in sách sẽ giấu tung tích, ẩn dật lâu dài. Sau này bất luận là ai cũng đều chẳng qua lại nữa để khỏi phải quanh năm suốt tháng bận bịu vì người khác, đã tổn hại cho chính mình mà cũng chẳng ích gì cho người khác. Đến lúc lâm chung chắc sẽ khó vãng sanh, chẳng thể không lo tính sẵn. Cuối tháng 5 sẽ trở về Phổ Đà; qua tháng 6, tháng 7 sẽ xuống núi không trở về nữa. Nếu gởi thư trước tháng 8, hãy gởi sang chùa Thái Bình ở Thượng Hải. Sau tháng 8, ngàn phần xin đừng gởi thư đến nữa bởi đã ẩn diệt tung tích rồi, không có chỗ nào để giao thư, mà cũng chẳng phúc đáp nữa đâu. Nhiệm vụ cấp bách nhất hiện thời là chú trọng nhân quả, báo ứng, và tận tụy thực hành. Những kẻ đàm luận huyền diệu nếu chẳng chú trọng nhân quả báo ứng

[300] Nhị đế tam vương: Nhị đế là đế Nghiêu, đế Thuấn, tam vương là ba vị vua khai sáng nhà Hạ, Thương và Chu, tức Đại Vũ, Thành Thang và Chu Vũ Vương.

và tận tụy thực hành sẽ càng tăng thêm tà kiến. Pháp không có tướng nhất định, phải khế hợp thời cơ!

(Ngày 17 tháng 3)

230. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tám)

Thời cuộc hiện thời nguy hiểm vạn phần, xứ Thượng Hải ngoại trừ vùng tô giới[301] ra, phàm là địa giới Trung Quốc phần lớn dân cư đều dọn đi. Một giờ mấy trưa hôm nay, cư sĩ Giang Phạm Chúng cầm thư đến, hỏi vì sao đến? Ông ta cho biết muốn tới thăm chỗ danh thắng và tham bái bậc cao nhân. Quang bảo ông ta mau trở về Tứ Xuyên. Ông ta hỏi có thể chậm lại một tuần được hay không? Quang nói: "Ông không có chuyện gì cần thiết, há nên cố ý trì hoãn? Nếu như chiến sự nổ ra thì tiến thoái đều kẹt cứng. Ngày mai về ngay để cao đường[302] khỏi phải tựa cửa mong ngóng!" Ông ta nói: "Ngày mai con nhất định về", liền cáo từ.

Người xứ… hung ác đến cùng cực, người Trung Quốc chỉ còn cách đối kháng họ. Phàm các nước… đều buộc Hoa Kiều hồi hương. Người xứ… ở Trung Quốc cũng đều về nước hết. Trong lúc chiến sự ngày 28 tháng Giêng[303] xảy ra, họ còn

---

[301] Theo nguyên nghĩa, tô giới là vùng đất được một quốc gia cho một nước khác thuê lại trong một thời hạn nhất định theo một hiệp ước song phương. Chánh quyền nước chủ nhà không thể can thiệp vào cơ cấu hành chánh, luật lệ, kinh tế của tô giới. Thông thường, luật lệ, cơ cấu tổ chức của tô giới được áp dụng đúng theo khuôn mẫu hiến pháp, luật lệ của nước đứng ra thuê tô giới ấy. Tại Trung Hoa, khái niệm tô giới chỉ xuất hiện từ năm 1860 trở đi, khi các đế quốc Âu Tây xâm chiếm, đánh bại triều đình nhà Thanh, buộc họ phải cắt đất cho người ngoại quốc để lập những khu "đặc quyền kinh tế". Tiền thuê tô giới được trừ vào những bồi thường chiến phí nhà Thanh đã nợ các nước Tây Phương xâm lăng Trung Hoa theo những hiệp ước bất bình đẳng. Người dân Trung Hoa kể cả các viên chức của nhà Thanh nếu muốn vào tô giới phải xin giấy thông hành như đi vào lãnh thổ ngoại quốc. Nếu người ngoại quốc khi ra khỏi tô giới, phạm luật, chánh quyền nhà Thanh không thể xử phạt mà chỉ được phép bắt giữ, dẫn độ về tô giới để chánh quyền tô giới xử trí. Cho đến khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập, nước Anh có bảy tô giới, Pháp có bốn tô giới, Nhật Bản có chín tô giới, Đức có hai tô giới, Ý có một tô giới, Nga có hai tô giới, đế quốc Áo - Hung có một tô giới, Bỉ có một tô giới. Ngoài ra còn có bốn tô giới công cộng (thuộc quyền tài phán của nhiều nước). Tô giới Thượng Hải (Shanghai International Settlement) là một trong bốn tô giới công cộng ấy.

[302] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ của người khác. "Tựa cửa chờ mong" (ỷ môn chi vọng) là một điển tích trích từ thiên Tề Sách trong bộ Chiến Quốc Sách: Vương Tôn theo hầu Tề Văn Vương, khi đất nước bị nội loạn, Văn Vương phải lưu vong, Vương Tôn bèn rút về nhà, thờ ơ như không. Bà mẹ trách: "Ngươi sáng ra khỏi cửa, ta tựa cửa chờ mong. Đến chiều ngươi về, ta ra tận ngoài cổng mong ngóng…"

[303] Nguyên văn "Nhất nhị bát chi chiến sự", sử còn gọi *Nhất nhị bát sự biến*, hoặc *Thượng Hải sự biến* hoặc *Đệ nhất thứ Thượng Hải sự biến*, xảy ra vào ngày 28 tháng Giêng năm 1932, là một cuộc chiến tranh ác liệt giữa quân đội Dân Quốc và Nhật Bản. Sau đợt tấn công thắng lợi ngày 18 tháng 9 năm 1931, Nhật chiếm lĩnh ba tỉnh Đông Bắc Trung Hoa, lập ra Mãn Châu quốc, đưa vua Phổ Nghi của nhà Thanh bị cách mạng Tân Hợi truất phế trước đó lên làm vua bù nhìn. Nhật dùng Mãn Châu Quốc làm bàn đạp để thôn tính Trung Hoa, nhòm ngó Thượng Hải vốn là một hải cảng béo bở. Gã gián điệp Xuyên Đảo Phương Tử (vốn là người Hán, thuộc dòng hoàng tộc nhà Thanh, có tên là Ái Tân Giác La Hiển Vu) sai năm tăng sĩ người Nhật kiếm cớ gây sự vào ngày 18 tháng Giêng ở Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ngoài tô giới Thượng Hải để người Hoa nóng mặt đánh đập họ. Một tăng nhân bị giết, một bị trọng thương. Mượn cớ đó, 50 người Nhật thuộc Nhật Kiều Thanh Niên Đồng Chí Hội đã đốt rụi Tam Hữu

chưa ban ra mệnh lệnh ấy. Nếu lần này nước ta không mất thì nhân dân mười phần cũng chết đến tám chín. Chỉ có khuyên mọi người niệm thánh hiệu Quán Âm để làm kế sách tốt đẹp đối phó với lẽ sống chết. Chết sẽ vãng sanh, sống thì may ra sẽ biến cảnh nguy hiểm thành tốt lành. Hôm qua, tôi đã gởi thư cho báo Tân Thân, cậy họ đăng lời khuyên mọi người niệm thánh hiệu Quán Âm nhưng chưa định ngày. Lại bảo Du Dân Tập Cần Sở (sở huấn luyện việc làm cho những người lang thang) ở Tào Hà Kính in bốn năm chục vạn tờ truyền đơn, gởi đi các nơi để tận hết tấm lòng tôi.

Ông thấy tập sách Hộ Quốc Tức Tai Hội Pháp Ngữ liền gởi thư sang Thượng Hải bảo họ in thêm để gởi sang Tứ Xuyên. Cuốn sách này do Phật Giáo Nhật Báo Xã ấn hành, chứ không phải do Quang in. Bản của Quang in so với bản in của Nhật Báo Xã còn có thêm phần khai thị ở Linh Nham, kèm thêm mấy bài thuốc linh nghiệm và lời thông cáo rộng rãi về chuyện người mẹ nổi nóng sẽ khiến cho sữa có chất độc khiến trẻ bú vào bị chết. Chuyện này từ trước đến nay chưa từng được nói rõ, năm ngoái tôi mới bắt đầu chỉ ra. Vốn tính in sáu vạn cuốn, cho in trước ba vạn, rồi sẽ in tiếp ba vạn nữa. Những sách được in tiếp đã được đóng bìa xong. Nếu không có chiến sự, lại còn phải in thêm bốn vạn cuốn nữa, nhờ vào công cuộc hoằng pháp này mà lưu truyền rộng rãi hòng chấm dứt cái họa sữa độc. Ông tính khắc ván, nếu chuyện này đã tiến hành thì chẳng cần phải ngưng giữa chừng (nếu mới khắc một hai trang thì ngưng cũng được). Nếu không, cho thợ khắc một bản, in cho thật rõ nét thì chỉ in được sáu bảy ngàn cuốn. Nếu chiếu theo cách in của Thư Điếm, những nét chữ đều chẳng mười phần rõ rệt, sẽ in được hơn một vạn bản.

Nếu dùng lối sắp chữ bằng cách đúc bản kẽm thì phải tạo ra mấy bức chỉ bản. Từ một bức chỉ bản có thể đúc được năm sáu bảy lần bản kẽm. Mỗi lần in bằng bản kẽm, những công ty ấn loát lớn có máy in chạy bằng động cơ có thể in một vạn hay mười vạn, trăm vạn cuốn cũng không sao; những công ty ấn loát nhỏ chẳng mua nổi máy in chạy bằng động cơ vẫn in được hai ba vạn cuốn. Nếu chiến

---

Thực Nghiệp Xã. Chánh phủ Nhật ngay lập tức tuyên chiến với Trung Hoa, dẫn đến cuộc chiến quy mô ngày 21 tháng 8: Khởi đầu, hải quân Nhật đem 2.300 quân cùng xe tăng tiến vào Thượng Hải, phong tỏa hải cảng, bến xe. Đến ngày 31 tháng Giêng, số quân Nhật đã tăng đến hơn 7.000. Ngày 1 tháng 2, Nhật Bản chính thức dùng máy bay ném bom Nam Kinh và một loạt các tỉnh thành quan trọng dọc Trường Giang. Chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc phải di tản sang Lạc Dương. Đến đầu tháng 2, có đến một vạn quân Nhật tham chiến. Đồng thời, quân Nhật bỏ tiền thuê bọn du đãng đi đốt phá, cướp bóc các khu phố của người Hoa. Quân Dân Quốc kiên cường đánh trả, khiến 1.600 quân Nhật mất mạng. Tưởng Giới Thạch huy động nhiều quân đoàn, sai Trương Trị Trung chỉ huy tiến vào Thượng Hải đánh trả quyết liệt, kể cả sai *Đệ thập bát lộ quân* tiến vào Chiết Giang phòng ngự. Do đôi bên bị tổn thất nặng nề (quân Nhật chết tới bảy vạn người, Trung Hoa chết năm vạn, hai lộ quân 19 và 5 bị xóa sổ hoàn toàn, nhà cửa tài sản bị tiêu hủy không thể tính trọn), qua trung gian của Anh, Pháp, Mỹ, Ý, đôi bên ký hòa ước đình chiến vào ngày 5 tháng 5.

sự chẳng nổ ra, đối với những sách do Quang in, ông nguyện bỏ ra bao nhiêu tiền tùy ông phát tâm. Dẫu không bỏ tiền in, tôi cũng sẽ gởi cho Tứ Xuyên bao nhiêu đó gói sách. Biện pháp như vậy vừa đỡ tốn tiền, vừa đỡ mất công, lại chẳng cần phải giảo chánh, đối chiếu nhiều lần.

Năm Dân Quốc 12, 13 (1923-1924), đối với những sách sắp được ấn hành, Quang đều bảo họ chế thành bốn bức chỉ bản cho mỗi sách, giữ lại một bức để tự dùng, một bức gởi sang Tứ Xuyên, một bức gởi sang Cáp Nhĩ Tân, một bức gởi sang Tân Gia Ba để các nơi đều tự in được. Do vậy bèn viết thư cho ba nơi hỏi họ có làm được hay không? Mỗi nơi đều gởi thư trả lời cho biết tiền giấy ở chỗ họ còn mắc hơn giá sách đã được in hoàn tất ở Thượng Hải cộng với cước phí gởi đi. Đã thế, kỹ thuật ấn loát còn kém xa Thượng Hải. Do vậy tôi đành xếp xó ý muốn gởi chỉ bản đi. Chuyện này tôi đã lo liệu vào năm Dân Quốc mười bảy, mười tám (1928-1929), ông đâu biết tường tận, vì thế mới phải dài dòng một phen.

(3 giờ 3 khắc ngày mồng 1 tháng 7)

231. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ chín)

Thư trả lời lần trước chắc ông đã đọc rồi, do chiến sự nên Thượng Hải giao thông cách trở, chẳng thể gởi bằng đường máy bay. Bài khai thị ở Linh Nham nói vào ngày 17 tháng 10 mùa đông năm ngoái, khi ấy Quang từ đất Hỗ đến thẳng Linh Nham, nói ra vào ban đêm. Ngày hôm sau tôi liền về ngay Báo Quốc bế quan, chứ không làm trụ trì Linh Nham. Chiến sự ở Thượng Hải đã nổ ra, Tập Cần Sở nay đã ngưng hoạt động. Nếu chiến sự sớm kết thúc, sẽ tiếp tục in bốn vạn cuốn nữa (thoạt đầu là ba vạn, lần sau ba vạn nữa), có được mười vạn cuốn để truyền bá thì đời sau chẳng đến nỗi thường mắc phải cái họa do sữa độc mà trẻ con bị chết nữa. Món tiền 10 đồng sẽ dùng làm chi phí ấn tống.

Quang khá sợ bôn ba, chẳng những không muốn đến những xứ Tứ Xuyên, Tương (Hồ Nam), Cam (Cam Túc), mà ngay cả Linh Nham cũng không muốn qua. Chết sống có mạng, há nên nhọc nhằn? Huống chi tuổi già khí lực suy nhược, bôn ba nhọc nhằn, chẳng bằng trúng bom chết sung sướng hơn, huống chi chưa chắc đã bị trúng bom? Do vậy, trọn chẳng có một ý niệm dời sang nơi khác!

(Ngày 25 tháng 7)

232. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười)

Từ chức, rảnh rang chuyên tu tịnh nghiệp, thật may mắn! Những kẻ hoằng pháp hiện thời phần nhiều thích tự lập chương trình, chẳng chịu làm theo cách thức đỡ tốn tâm lực, đỡ tốn công sức của tiền nhân. Tuy tâm ấy rộng lớn, nhưng

luận đến lợi ích thật sự thì sẽ kém hơn pháp môn Tịnh độ do cổ nhân đã lập rất nhiều. Nhằm phô mình là bậc thông gia, nên chẳng y theo pháp tắc của người trước đã lập. Nếu là bậc thượng thượng căn thì được; nếu không, cố nhiên hãy nên dụng công nơi đỡ tốn tâm lực thì mới dễ được lợi ích.

(Ngày 23 tháng 7)

233. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười một)

Sách Hiếu Kinh Lược Nghĩa đã xem qua một lần, lời bàn luận hết sức tinh thuần, đúng đắn, chỉ có điều trong chương Quảng Dương Danh[304], bài bác cái học của thế tục, giải thích lầm ý nghĩa chữ danh là "danh dự", như vậy thì cái danh ấy cũng gần giống như cái được gọi là "lợi ích", chẳng khác chi mấy. Phàm cái danh của bậc quân tử làm sao đứng riêng ngoài danh dự cho được?[305] Chỉ cần danh xứng với thực thì được gọi là quân tử. Nếu không, hoặc là cầu danh suông, hoặc ắt đến nỗi dùng đủ mọi thứ mong mỏi theo đuổi, mua chuộc, chèo kéo thì cái danh đạt được bằng kiểu tà vạy ấy sẽ bị trời tru diệt, quỷ quở trách là điều chắc chắn không sai chạy. Nói đến lợi ích thì trọn hết bổn phận của con, bầy tôi, em, bạn, há lẽ nào chẳng có lợi ích? Lấy thân làm gương, người ta nhìn vào bắt chước theo, lẽ nào chẳng phải là lợi ích? Lời lẽ ấy hết sức sai trái, tuy hoàn toàn chưa báng Phật, nhưng trong câu nói ấy đã chứa sẵn thói tệ bài bác những điều lợi người lợi vật. Đang trong lúc cậy mạnh nuốt yếu, tự tư tự lợi đến cùng cực

---

[304] Quảng Dương Danh (rộng nêu danh) là chương thứ 14 trong Hiếu Kinh (được coi là do Tăng tử trước tác). Tuy gọi là chương, nhưng thật ra chỉ là một đoạn rất ngắn như sau: *"Tử viết: Quân tử chi sự thân hiếu, cố trung khả di ư quân. Sự huynh để, cố thuận khả di ư trưởng. Cư gia lý, cố trị khả di ư quan. Thị dĩ hành thành ư nội, nhi danh lập ư hậu thế hỹ."* Trong bài Áp Dụng Tư Tưởng của Hiếu Kinh Vào Cách Quản Trị Xí Nghiệp, ông Hác Chí Cường đã giảng câu nói này như sau: Khổng tử nói: "Quân tử thờ cha mẹ có hiếu, ắt sẽ mở rộng ra thành thờ vua trung thành. Đối xử hòa thuận với anh, ắt sẽ mở rộng thành hòa thuận với người trên. Xử sự công bằng phân minh trong gia đình sẽ cai trị đúng đắn. Do vậy, hành hạnh hiếu khiến nó trở thành nề nếp từ bên trong thì sẽ lưu danh cho hậu thế."

[305] Đoạn này hơi khó hiểu nên chúng tôi xin mạn phép giải thích thô thiển như sau: Để được gọi là quân tử thì phải có đủ phẩm đức của bậc quân tử. Chữ danh được nói trong chương Quảng Dương Danh của Hiếu Kinh là thanh danh được ngàn đời ca tụng, chứ không phải là danh dự (tiếng tăm). Nếu hiểu chữ danh là danh dự như trong sách Hiếu Kinh Lược Nghĩa đã giảng thì rất hẹp, hóa ra con người thực hiện lòng hiếu, hòa thuận với anh em, xử sự công bằng phân minh, nói rộng là trung với vua, tôn kính người trên, cai trị sáng suốt đều chỉ nhằm cầu lợi là được tiếng khen nhất thời (tức là làm lành vì cái tâm cầu danh), chứ không phải thật tâm muốn tu dưỡng phẩm đức của bậc quân tử để đạt được mục đích chân chánh là khiến cho người ta nhìn vào bắt chước cùng tu dưỡng những phẩm đức ấy ngõ hầu cõi đời lẫn con người đều tốt đẹp hơn, nên tổ mới nói: "Như vậy thì cái danh ấy cũng gần giống như cái được gọi là 'lợi ích', chẳng khác chi mấy!" Tổ nhấn mạnh, cái danh của bậc quân tử là do trọn đủ phẩm đức của bậc quân tử nên mới được tiếng tăm là bậc quân tử ("Phàm cái danh của bậc quân tử làm sao đứng riêng ngoài danh dự cho được. Chỉ cần Danh xứng với Thực thì được gọi là quân tử"). Hễ trọn vẹn phẩm đức thì tự nhiên có tiếng tốt, đồng thời nêu gương cho muôn đời; chứ không phải chỉ dùng những cách mua danh, tô vẽ mà được tiếng là quân tử, để tiếng thơm cho đời sau ("Nếu không, hoặc là cầu danh suông, hoặc ắt đến nỗi dùng đủ mọi thứ mong mỏi theo đuổi, mua chuộc, chèo kéo, thì do đạt được cái danh ấy [bằng kiểu tà vạy như thế] sẽ bị trời tru diệt, quỷ quở trách là điều chắc chắn không sai chạy).

này, sao lại dùng những thứ lời lẽ ấy khiến cho con người dấy tâm coi rẻ những chuyện tạo lợi ích vậy?

Ôi, muốn dựng cờ thuần Nho để mong thiên hạ đời sau sẽ chỉ vào ta ca ngợi: "Đang trong thời ấy có vị tiên sinh ấy có thể tận tụy thực hiện đạo làm con, bầy tôi, em, bạn để kế thừa người trước, mở mang lối học cho đời sau, khiến cho đạo tâm truyền của thánh nhân được còn mãi chẳng dứt!" Nếu làm như vậy, dẫu cho người đời thuở ấy sẽ thuận theo hoặc chống trái cũng đều không quan tâm thì còn được. Chứ nếu vẫn muốn cho những kẻ chẳng hiểu văn nghĩa và chỉ coi nói suông là thực hành sẽ đều thực hiện trọn vẹn đạo "con, bầy tôi, em, bạn" mà chẳng nhờ vào nhân quả, báo ứng, lợi ích, họa hại thì những điều mong mỏi ấy cũng chỉ là danh suông mà lợi ích cũng chẳng thể đạt được.

(Ngày mồng 2 tháng 7)

234. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười hai)

Thư trả lời cuốn Hiếu Kinh Lược Nghĩa chắc ông đã nhận được rồi. Đọc bài văn kỷ niệm Khổng tử, biết ông quả thật đã thấy được chỗ cương yếu, nhưng giảng đạo lý thì được, chứ còn muốn nhờ vào đó để vãn hồi thế đạo nhân tâm thì vẫn là một bánh xe, một cái cánh, hơi khó thâu được hiệu quả thật sự! Tiên vương làm cho đời yên, dân lành thì phải vừa có giáo hóa vừa có luật lệ. Đang trong thời lòng người thuần thiện, chỉ nói đến lý người ta sẽ tự phục tùng. Hiện nay đang là thời thế nào, ông chỉ biết giữ nề nếp cũ, chẳng biết biến thông. Nếu chỉ giữ cái danh "thuần Nho" thì được, chứ dùng nề nếp ấy để xoay chuyển cái tâm của khắp mọi kẻ trung hạ sẽ khó lắm! Vì thế, hãy nên dùng lý nhân quả báo ứng để phụ giúp, đấy gọi là "giáo hóa và luật lệ cùng thi hành" vậy. (Nhân quả cũng giống như luật lệ, xử phạt, đều mang tác dụng có thể chiết phục những kẻ ương ngạnh lẫn kẻ hiền lương).

Ông giữ phận nhà Nho cũng chẳng phải là không thể nêu tỏ nhân quả, phước thiện, họa dâm, thuận theo lẽ phải thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa. Há nhà Nho cũng chẳng nên nhắc đến những giáo huấn như "sửa đổi đức mình sẽ vĩnh viễn hưởng nhiều phước"[306]… của cổ thánh tiên hiền ư? Ngũ phước lục cực trong sách Hồng Phạm đã thật sự dạy con người về lý nhân quả ba đời. Trong sách Nho, điều này sâu xa nhất, quan trọng nhất. Tiên Nho chẳng tin có đời trước, đời sau, vì thế

[306] Đây là những câu thơ trong phần Đại Nhã ca tụng Văn Vương: *"Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức, vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"* (Sao không nghĩ đến ông nội của ngươi? Sửa đổi đức mình, hằng được gọi là xứng với mạng trời, tự cầu nhiều phước).

quy hết về hoàng cực[307], trọn chẳng chịu tỏ rõ những chỗ sâu xa, chứa đựng kín đáo trong những lời dạy trong kinh điển đạo Nho, đến nỗi do không biết nhân quả mà hiện ra những dạng hành vi cầm thú như phế kinh điển, phế luân thường v.v.. Nay đang trong lúc những tướng trạng ấy hiển hiện lớn lao mà vẫn cứ một mực noi theo đường lối nói lý, ắt sẽ tốn nhiều công sức mà chỉ đạt được hiệu quả ít ỏi.

Trong sách Hồng Phạm, ngũ phước là *"thọ, phú, khang ninh, du hiếu đức, khảo chung mạng"* (sống lâu, giàu có, bình yên khỏe mạnh, ham chuộng đức hạnh, chết tốt lành), năm điều này há có phải do kẻ làm vua quyết định ư? Lục cực là *"hung, đoản chiết, tật, ưu, bần, ác nhược"* (xui xẻo, chết yểu, bệnh tật, lo lắng, nghèo cùng, xấu xí yếu đuối) cũng chẳng phải do nhà vua quyết định. Thật ra sách Hồng Phạm nói tới những điều này chính là nêu đại lược về nhân trước, quả sau, ước theo đời trước, đời này mà luận đạo trời "phước thiện, họa dâm" vậy. Thật ra, trời cũng không có quyền, chẳng qua thuận theo điều thiện, điều ác do kẻ đó đã tạo mà ban phước, giáng họa. Nho gia gọi đó là mạng, mạng ấy cũng là tự làm tự chịu, trời đâu có hậu đãi kẻ này, tệ bạc với kẻ kia?

Chỉ có mình đức Phật nêu tỏ lớn lao lý ba đời, thánh hiền Nho giáo cũng nêu đại lược đầu mối, chứ không như bọn Lý học do muốn khác biệt với Phật, rốt cuộc vứt bỏ cái gốc lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ không bàn tới, chỉ muốn dùng thuyết "tận nghĩa, tận phận" để hoằng dương Nho giáo hòng khơi gợi, giáo hóa con người. Đủ thấy tri kiến của bọn họ lệch lạc, trái nghịch cả thánh lẫn trời. Nếu chẳng ước theo cái nhân đời trước để luận ngũ phước lục cực thì sự thuận theo hay trái nghịch thiên lý lấy đâu để thi thố? Đáng thương thay cho những nhà Nho đời sau! Đáng thương thay, mọi kẻ dân đen trong thiên hạ bị lũ người "cao minh" ấy móc bỏ con mắt "mong thành thánh, thành hiền, vui theo mạng trời!" Chẳng biết lời Quang nói ở đây là móc bỏ con mắt của người ta hay ban cho người ta ánh sáng? Xin ông hãy cân nhắc! *(Người biên tập nhận xét: Chu Tử tuổi già mù mắt, há chẳng phải là quả báo đó ư?)*

Chỉnh lý Phật giáo quả thật là nhiệm vụ trọng yếu để hộ pháp, nhưng phải xét kỹ điều lợi, lẽ tệ, ngõ hầu được lợi ích thật sự. Đối với việc đưa tăng sĩ sang Tây Tạng du học, toan tính trao đổi Phật pháp giữa Tứ Xuyên và Tây Tạng, quả thật là kế hoạch của kẻ chỉ hiểu Phật pháp bề ngoài. Phật pháp nước ta, pháp nào cũng hoàn bị, chỉ có pháp bị kém thiếu là Mật tông[308]. Nói đến chuyện trao đổi thì phải

[307] Hoàng cực: Ngôi vua địa vị cao quý nhất trong thiên hạ nên gọi là hoàng cực. Tống Nho khi giải thích nguyên nhân tạo thành ngũ phước lục cực đều quy hết vào sự cai trị của nhà vua.

[308] Thật ra đây chỉ là cách nói thuận theo thế tục, chứ thật ra kinh điển Mật tông trong Hán Tạng rất nhiều và rất hoàn bị, nhưng so với các tông khác thì kinh điển Mật tông ít được chú giải cũng như không

hiểu rõ pháp sẵn có, rồi nếu có thừa sức thì mới học Mật tông của họ để phụ trợ cho các tông đã sẵn có. Nay do các vị tăng chưa từng dốc sức nơi các tông, lại bảo họ theo học với gã ma vương X… đang lưu ngụ tại vùng Tây Khang. Sau khi học xong, ắt sẽ hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, như những gã Y… kia muốn đả đảo, đoạn trừ đạo của nhị đế, tam vương. Điều này có ảnh hưởng lớn đối với Nho giáo lẫn Phật giáo. Ông là người hiểu lý, một phen hảo tâm của ông Lưu cố nhiên chẳng thể không tuân theo, nhưng xưa nay lập pháp đều phải dò hỏi những bậc thông sáng rồi mới có thể thi hành. Há lẽ nào chẳng tính lợi hại, chỉ nhận được phương cách bèn thực hiện ngay mà là đúng hay sao? Nếu chẳng thấy ma tri ma kiến của lũ X… thì còn được; chứ đã biết chúng là ma rồi mà vẫn cứ khiến cho kẻ chưa trở thành ma học theo lũ ma thì người ta chẳng trở thành ma dân, ma nữ cũng là chuyện hiếm hoi lắm. Chuyện này quan hệ rất lớn, Quang chẳng thể không nói!

Nhưng những điều Quang nói với ông chớ nên nói thẳng thừng với những kẻ chẳng hiểu biết, mà phải uyển chuyển, nói vòng vo, dẫn những điều họa thuở trước để làm gương tày liếp cho xe sau khỏi đi vào vết đổ của xe trước thì mới nên (Trước hết, hãy học những Phật pháp sẵn có. Chẳng học những pháp ấy chính là bỏ của quý trong nhà để đi ăn xin vậy). Chẳng học Phật sẽ chẳng thể biết Nho, không hoằng Nho sẽ không cách gì hoằng dương Phật pháp được! Ngũ luân, tam cương đều là chuyện thuộc lục độ vạn hạnh của Bồ-tát. Chương trình của Phật Giáo Tân Thanh Niên Hội nọ nhằm dạy người hành lục độ vạn hạnh, nhưng trong tám đại sứ mạng của họ, không có một chữ nào nhắc đến nhân quả báo ứng, cương thường, luân lý và Tịnh độ, tôi chẳng biết họ hành lục độ vạn hạnh bằng cách nào! Chuyện này cũng do người bạn tên X… của ông đệ tử Y… đề xướng. Xin ông đọc xong thư này, hãy giao cho ngọn lửa, đừng đưa cho người khác xem để khỏi bị bè đảng bọn chúng đố kỵ.

(Ngày 18 tháng 7)

235. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười ba)

Hôm trước hòa thượng Chân Đạt từ Thượng Hải đến đây, cầm theo thư của cư sĩ và bản thảo diễn giảng, đọc xong khôn ngăn hoan hỷ. Mấy năm trước Dương Lệ Đường đã từng đề xướng khá nhiều, nên cư sĩ đem bức thư ấy in ra hai bản. Về sau, ông Dương muốn soạn sách Nho Thích Nhất Quán, toan nhờ Quang viết lời tựa, cậy Tạng Quán Thiền ở Sơn Đông chuyển lời tới Quang. Quán Thiền

được hoằng dương rộng rãi. Hơn nữa, Mật tông Tây Tạng quá nhấn mạnh đến khái niệm tính lực (shakti) nên không phù hợp với truyền thống lễ giáo của người Trung Hoa cho lắm.

cũng chẳng nói ông Dương ở đâu, Quang cũng chẳng hỏi, cứ giao bài tựa cho Quán Thiền. Năm sau, ông Dương gởi thư cảm tạ, cũng do Cư sĩ lâm Thượng Hải chuyển đến. Từ đấy trọn không có tin tức gì nữa, đã 4-5 năm rồi! Quang hỏi Cư sĩ lâm: "Lệ Đường có từng gởi thư đến hay không?" Họ thưa: "Không!" Chắc là ông ta đã buông thân tâm xuống, thiết thực dụng công, muốn làm cho đạo Phật, đạo Nho được rực sáng trong cõi đời cũng không chừng.

Lời giảng của ông rất hay, quả thật đã nêu ra được những nghĩa trọng yếu căn bản, chỉ có đoạn luận về khái niệm Thiên Mạng của Khổng tử trong chương thứ nhất là hoàn toàn noi theo cách diễn giải của Tống Nho, hoàn toàn trái nghịch với lý, danh, nghĩa trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân Thu của Khổng tử. Các sách Nho nói đến trời có phần nào giống như ý nghĩa *đệ nhất nghĩa thiên*[309] nơi lý tánh trong Phật giáo. Tống Nho thấy nghĩa này cao sâu, liền ăn trộm danh nghĩa để tự đề cao; do muốn tranh chấp xung đột với Phật giáo, nên rốt cuộc đem sự thực diễn giải thành lý suông. Ông học Phật nhiều năm, sao vẫn chưa biết lỗi của Tống Nho, vẫn muốn phỏng theo Tống Nho để mở mang chánh tri cho người khác vậy? Sự lý, tánh tướng, tu chứng, nhân quả v.v. trong Phật giáo chớ nên lẫn lộn, Tống Nho chuyên công nhận lý đế sâu nhất, còn những sự tướng khác đều nhất loạt mạt sát. Vì thế họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, bảo thiên chính là lý, quỷ thần là lương năng của hai khí (âm - dương). Do vậy, những kẻ có mắt không tròng tuân phụng học thuyết ấy, mọi người đều nghĩ nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi là pháp để Phật lừa người. Dẫu có kẻ thấy được thuyết ấy là sai, nhưng do cái tâm mong mỏi môn đình được vẻ vang sáo rỗng quá mạnh, muốn cho trăm năm sau sẽ được hậu thế coi là những vị tiên hiền Nho giáo chánh yếu cần được đưa vào thờ trong Văn Miếu, cũng chẳng thể không "ai nói sao, ta cũng hùa theo vậy".

Đạo Học được nêu tỏ là do Tống Nho, mà Đạo Học cũng bị diệt bởi Tống Nho! Từ đấy về sau, quá nửa con người đều coi nhân quả, sanh tử, luân hồi là chuyện mờ mịt, đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt. Do chưa có phong hóa Âu Tây tràn sang nên vẫn còn duy trì được đạo làm người. Gần đây, phong hóa Âu Tây dần dần lan sang phương Đông, khiến cho học thuyết

[309] Đệ Nhất Nghĩa Thiên (hay còn gọi là Nghĩa Thiên) là từ ngữ để gọi chư Phật, Bồ-tát, hoặc hàng Thập trụ Bồ-tát. Do các vị ấy đã khéo hiểu diệu lý Đệ Nhất Nghĩa Đế nên được sánh ví là Trời, vì thế mới gọi là Nghĩa Thiên. Đệ Nhất Nghĩa Đế (Paramārtha-satya) còn có những tên gọi khác như Chân Đế, Nghĩa Đế, Thánh Đế, Niết-bàn, Chân Như, Thật Tướng, Trung Đạo, Pháp Giới, chính là chân lý sâu mầu vô thượng, bậc nhất trong các pháp nên gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Theo quan điểm Đại Thừa, Đệ Nhất Nghĩa Đế là chân thật thấy biết Chân Đế và Tục Đế, hiểu rõ mối quan hệ không thể tách rời của chúng. Chân Đế và Tục Đế giống như nước và sóng, không còn thấy sự khác biệt giữa Chân Đế và Tục Đế nữa thì gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

“phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, vứt thẹn, giết cha, giết mẹ” và những hành động thực hiện học thuyết ấy đều được công khai diễn ra. Gốc họa ấy hoàn toàn do Tống Nho mà ra, Quang mỗi lần nghĩ đến, khôn ngăn đau xót cho Nho giáo. Ngẫu nhiên nói với một hai người tri kỷ về nghĩa lý này, trọn chẳng một ai bảo là không đúng. Trong thuở bọn họ đề xướng học thuyết ấy, ý họ chỉ sợ người ta chê “nghĩa lý trong Nho giáo nông cạn hơn Phật giáo”, bèn dùng những nghĩa này để duy trì, mong sao chẳng đến nỗi người đời sau trong thiên hạ hoàn toàn sùng phụng Phật giáo, coi thường Nho giáo, chẳng biết rốt cuộc mấy trăm năm sau thành ra kết quả này. Đúng là “muốn làm rạng rỡ Nho giáo, lại thành ra diệt trừ Nho giáo” vậy, buồn thay!

Chúng ta chẳng biết được bổn địa của các vị thánh nhân Nho giáo; nhưng hễ luận về Nho thì phải chiếu theo thân phận, địa vị do Nho giáo đã lập ra mà bàn luận thì mới chẳng mắc khuyết điểm. Những điều ông nói sau phần ấy đều tốt đẹp, nhưng chỉ do mỗi một đoạn này, Quang đã biết lòng ông bội phục Tống Nho, cố chấp quá cứng chắc. Đang trong thuở đủ mọi thứ diệt trừ Nho giáo này, mà vẫn chẳng biết vì đâu có chuyện ấy, vẫn phỏng theo khuôn sáo cũ kỹ ấy, muốn cho hiện tại mai sau đều cùng noi theo lời lẽ chấp lý phế sự của Tống Nho. Ông lại muốn dâng những lời diễn giảng ấy lên Lệ Đường; nếu Lệ Đường là bậc thông suốt thật sự, quyết chẳng tán thành, chấp nhận thuyết này của ông. Nếu vẫn đem những lập luận ấy ghép vào ngôn luận của người ta, tức là biến Lệ Đường thành hạng chấp lý phế sự, họa ấy há thể cùng cực được chăng? Do vậy, Quang chẳng gởi sách diễn giảng của ông cho Lệ Đường, mà nói đại lược tâm bệnh của Tống Nho, và do tâm bệnh ấy mà trở thành tình thế cực ác “biến người trong khắp thiên hạ đều giống như loài thú” trong thời buổi này.

Nếu ông nghĩ Quang nói chẳng đúng, xin hãy đọc những chỗ nói về trời trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân Thu, xem xong sẽ biết Tống Nho sai lầm hay Quang nói bậy. Đối với những chỗ Mạnh tử, Tuân tử, Cáo tử[310] và tất cả

[310] Tuân tử (313-238 trước công nguyên) tên là Huống, tự là Khanh. Ông là một trong những nhà tư tưởng của nước Triệu sống vào thời Chiến Quốc, chủ trương *tánh ác luận* (tức con người sanh ra bản tánh sẵn ác), thường bị Mạnh tử và những nhà Nho thuộc trường phái *tánh thiện* phê phán. Tư tưởng của ông chú trọng đến lễ, chú trọng đến khuôn phép, luật lệ trong xã hội. Ông tôn sùng Khổng tử nhưng đả kích Mạnh tử và Tử Tư, cho rằng chính mình và Tử Cung mới là những người thật sự kế thừa học thuyết của Khổng tử. Tuân tử cho rằng con người bị chi phối bởi dục vọng, nếu dục vọng không được thỏa mãn sẽ nẩy sanh tranh chấp. Do vậy tánh con người là ác, cần phải dùng lễ pháp để uốn nắn. Ông chủ trương con người và trời có chức phận khác biệt, con người có thể khống chế thiên mạng để sử dụng theo mục đích.

Cáo tử (không rõ năm sanh và mất) tên Bất Tường (có thuyết nói Bất Hại), là học trò của Mặc tử, giỏi biện luận, giảng nhân nghĩa, chủ trương tánh con người giống như nước, nước không phân biệt, không phân chia thiện hay ác. Tư tưởng này được ghi chép lại trong thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử, chứ Cáo tử không để lại trước tác nào.

các sách Nho nói đến tánh, nếu chiếu theo những điều được Nho gia đề cao để bàn luận thì Quang chẳng dám chõ miệng vào, chứ luận theo nhà Phật thì những điều họ luận về tánh đều thuộc về tình[311]. Tuy họ gọi nó là tánh, chẳng thể gọi là tánh chân như bất biến. Nếu lơ mơ chỗ này, dẫu có thể lợi người thì vẫn ngầm ẩn nguy cơ khiến cho người ta bị lầm lẫn. Nếu biết là tình thì nói là thiện, là ác hay thiện ác lẫn lộn đều được. Nếu tưởng đấy là Phật tánh chân như bất biến thì tuy có nói là thiện cũng vẫn là lời thừa thãi vô ích, huống là nói thiện và ác lẫn lộn ư? Những người đại thông minh xưa nay thường thích tự lập môn đình, chẳng chịu "người khác nói sao ta cũng bảo vậy", cho nên đến nỗi có những thứ nghị luận như thế. Đúng là "thế giới vốn thanh bình, chỉ có con người tự nhiễu loạn"!

Hơn nữa, ông hâm mộ tiếng tăm của Lệ Đường đã lâu, muốn được ông ấy dùi mài, sao không nhờ người khác chép lại bản thảo này cho rõ ràng, mà cứ để nguệch ngoạc như vậy? Thật đã đánh mất cái tình giao hữu đấy! Quang lòng dạ thẳng tuột, ăn nói thẳng băng, chẳng bận tâm người ta có chấp nhận là đúng hay không, mong hãy sáng suốt thông cảm! (Học thuyết của Dương Châu trọn chẳng có ích mảy may gì cho cõi đời, há nên đem so với Mặc tử để bàn tới bàn lui?)

Hơn nữa, ông Hứa Chỉ Tịnh đã từng tu bổ đại lược sách Lịch Sử Thống Kỷ, ông Lý Kỳ Khanh tính đem khắc ván để mong sách được lưu truyền vĩnh viễn (Ông ta thỉnh một người viết chữ theo kiểu thời Tống thật đẹp, viết xong đem khắc cũng thật tốt đẹp, chẳng tiếc tiền công). Bản này cần phải sau hai năm nữa mới in ra sách được. Nay lại bảo nhà in chiếu theo cách trình bày trước đây để sắp chữ, cũng cho sắp chữ hai loại, để họ làm thong thả, không gấp gáp. Ước chừng trong năm nay chắc có thể in ra sách. Bản này sắp chữ xong, sẽ cho làm chỉ bản kỹ càng, bởi lẽ tám bức chỉ bản được làm vào năm ngoái đều bị cháy rụi, nay cho làm lại chỉ bản để sau này ai nấy đều cùng được đọc bản hoàn chỉnh này. Không có chuyện gì đừng gởi thư đến để khỏi nhọc trí đôi bên. Đối với hai cuốn sách của ông X… được gởi kèm theo thư này, người thật sự có chánh tri kiến há chịu ăn nói như thế ư? Cú kêu ụt rúc[312], ai nghe những tiếng ấy? Cần gì phải nhắc tới nữa!

(Ngày 13 tháng 5)

---

[311] Theo Thích Thị Yếu Lãm, tình chính là tác dụng thấy biết của thức đã bị những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm cho ô nhiễm, lệch lạc, chấp nhặt. Sách nói thêm: "Tình chính là gốc của thị phi, lợi hại v.v.."

[312] Nguyên văn *"kiêu minh, kính hào"* (cú kêu, kính rúc). Kính（獍）là một con vật theo truyền thuyết khi được sanh ra sẽ ăn thịt mẹ trước nên được coi là con vật bất tường. Thành ngữ "kiêu minh kính hào" chỉ những con vật có tiếng kêu mang lại điềm xui xẻo. Do chim ụt ở Việt Nam là loài ăn đêm có tiếng kêu chói tai, gây cảm giác kinh hãi, sợ sệt, nên tiếng kêu của nó cũng thường được coi là mang đến điềm xui xẻo, chúng tôi dùng chữ ụt để tạm diễn tả ý nghĩa của thành ngữ này.

236. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bốn)

Thế đạo ngày nay chính là thế đạo hoạn nạn, muốn ở trong cảnh hoạn nạn mà chẳng gặp hoạn nạn, nếu chẳng chí thành khẩn thiết trì niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ chẳng thể được. Huống chi ông làm trưởng ấp, đang trong lúc thổ phỉ, binh lính hoành hành, nếu chẳng cậy vào từ oai của đức Phật, cứ muốn dùng tài trí của chính mình để lo liệu sẽ khó như lên trời, nguy hiểm như bước trên băng. Nếu ôm tấm lòng đại từ bi trừ bạo an lương, lỡ gặp phải những hạng hung ác như vậy thì thế tất nhiên là phải xử trị, nhưng phải giữ tấm lòng xót thương thì sẽ chẳng tự đến nỗi kết oán và gặp họa.

Năm ngoái, một đệ tử là Tào Vận Bằng làm huyện trưởng huyện Quảng Đức, tỉnh An Huy, do chủ trì án tử hình một người, bè đảng của hắn mưu tính báo cừu. Trong tháng 11, ông ta trở về Thượng Hải, đến ngày 13 tháng Chạp, mười gã đến nhà hỏi ông ta có nhà hay không. Vợ ông ta bảo: "Đã đi ra ngoài rồi." Bà vợ và đứa con gái 19 tuổi cũng quy y với Quang, thấy tình thế ấy, chí tâm niệm Quán Âm. Bọn giặc lục soát rương tráp, tìm được một xấp tiền 2.000 đồng và hơn 100 đồng tiền hiện thời, bèn ngồi trong nhà chờ ông ta trở về. Ông ta về đến nhà, thấy mười gã đều cầm súng, hỏi nguyên do, chúng nói để báo cừu. Hỏi: "Do chuyện gì?" Họ nói báo cừu cho kẻ bị ông ta xử tử hình. Bọn chúng hỏi ông Tào vì sao phải tử hình, ông bèn cho biết do cấp trên hạ lệnh tử hình. Ông ta nói: "Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải Tào mỗ[313] tự giết." Bọn giặc không chịu là đúng. Ông ta hỏi: "Các ông có nhận được mặt Tào mỗ không?" Chúng bảo: "Nhận được." Nói chuyện hồi lâu, bọn giặc nóng ruột, bảo mọi người: "Chúng ta hãy đi thôi, ngày mai lại tới", rồi bỏ đi. Tào Vận Bằng cùng bọn giặc trò chuyện hồi lâu, hỏi chúng có nhận được mặt hay không mà chúng trọn chẳng nhận ra ông, mà cũng chẳng hỏi ông là ai, thế rồi bỏ đi, hẹn ngày mai lại đến. Bọn giặc bỏ đi rồi, Vận Bằng gọi điện thoại cho ngân hàng bảo đừng trao tiền, sợ bọn giặc lại đến, đưa cả nhà sang Thanh Đảo. Thứ cảm ứng này nhiều đến nỗi không rảnh rang để viết ra. Có thể dốc hết thực lực trì niệm thì quyết định gặp dữ hóa lành.

Trong bưu kiện của bản thảo Diễn Giảng có kèm theo một bộ Khuê Phạm, đôi ba cuốn Thọ Khang Bảo Giám, hãy bảo con em đọc kỹ, ngõ hầu chẳng đến nỗi hao tổn nguyên tinh, trở thành yếu đuối và chết yểu. Sư Minh Đạo lo liệu việc phát hành kinh sách cho Phật giáo Tịnh nghiệp xã ở đường Hách Đức, Thượng

[313] Mỗ（某）là tiếng tự xưng, nhưng cũng được dùng như từ phiếm chỉ một người nào đó. Như vậy Tào mỗ dùng trong câu nói này có thể hiểu là "Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải do chính Tào Vận Bằng tự giết", mà cũng có thể hiểu là "đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải do gã họ Tào tự giết".

Hải, nếu muốn thỉnh tất cả các sách để tặng cho người khác, hãy chiếu theo quy định gởi thư thẳng cho thầy ấy.

237. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười lăm)

Nhận được thư, biết tấm lòng vì pháp vì dân vẫn như xưa, đủ chứng tỏ chí lực bền chắc, cứng cỏi, chẳng hời hợt, nông nổi như thói đời hiện thời. Phù Lăng là nơi Phật pháp chưa được truyền đến, lúc ban đầu mở mang truyền bá đạo pháp nơi ấy chớ nên dốc sức ngay vào chỗ cao sâu, mà trước hết hãy nên chỉ rõ: "Chỗ cao sâu trong đạo pháp, người thời nay nếu trọn chưa hề tu tập sẽ không thể thấu đạt được ngay; nhưng Phật pháp vốn có pháp môn đại phương tiện khiến cho kẻ không có sức liền đạt được ngay chỗ cao sâu: Tu trì pháp môn Tịnh độ và cần phải dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, rồi lại dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể dùng những điều như vậy để tu thì sẽ có thể cậy vào từ lực của đức Phật mang nghiệp vãng sanh. Nếu được vãng sanh thì lợi ích đạt được đem so với lợi ích của những người tu các pháp tột cao tột sâu cũng trọn chẳng thua kém gì, mà còn vượt trỗi trăm ngàn vạn ức lần! Bởi lẽ, một đằng cậy vào tự lực, một đằng kiêm nương vào Phật lực mà ra." Nói như vậy, chắc chắn họ chẳng dám coi rẻ pháp môn Tịnh độ để tu những pháp cao sâu. Nếu chẳng nói như thế, ắt họ sẽ tự mong mỏi pháp cao sâu, coi pháp môn Tịnh độ là pháp dành cho bọn ngu phu ngu phụ!

Xét đến mặt lợi ích thật sự, những kẻ biết đôi chút danh tướng rồi bèn tự cao tự đại, rốt cuộc khó thể đạt được lợi ích đoạn hoặc chứng chân thật sự. Xét đến kết quả, mong muốn được kề vai với những kẻ ngu phu ngu phụ nương vào Phật lực mang nghiệp vãng sanh cũng chẳng thể được. Đấy là căn bệnh chung của những kẻ thích ăn nói lớn lối, thích tự phụ là bậc thông gia xưa nay. Chúng ta đã muốn lợi người mà vẫn cứ noi theo dấu tích ấy sẽ giống như bọn Tống Nho vì muốn bảo vệ Nho giáo mà thốt ra những câu đả phá lời Phật dạy, rốt cuộc đạt được mối họa thật sự là phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, bỏ mặc lòng thẹn, giết cha, giết mẹ. Nếu bọn họ cũng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người sẽ có điều kiêng sợ, có điều mong mỏi, hâm mộ, đời đời kế thừa nhau, chẳng dám coi những chuyện ấy (tức nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi) là lời Phật bịa chuyện gạt gẫm người ta; dù gió Âu có dữ dội đến mấy, làm sao có một số ít người tin theo cho được, huống chi là có những bậc vĩ nhân, những tay anh kiệt trong khắp thiên hạ đều tin theo ư? Than ôi, buồn thay! Kẻ diệt Nho giáo đâu phải là người Âu Tây mà chính là Tống Nho đấy chứ!

Hoằng dương Phật pháp mà chẳng chú ý mặt hành trì, chỉ chú trọng huyền diệu thì cũng tệ hại như Tống Nho vậy. Vì thế chẳng dám không nói rõ ràng với ông. Gần đây Mật tông rất thịnh hành, nhưng dấu vết kém hèn của gã X… đã bộc lộ rành rành rồi. Nghe nói Phật học xã Trùng Khánh đã hoàn toàn biến thành đạo tràng Mật tông. Theo gã X…, trong Mật tông thành Phật dễ dàng, vãng sanh dễ dàng hệt như trở bàn tay. Tôi sợ cư sĩ cũng bị họ lung lạc, nhưng rồi nghĩ tới gã X… chuyên học Mật tông nhiều năm mà kiến thức như thế thì chắc chắn chẳng phải là khí phận đã thành Phật và nghiệp tận tình không. Như vậy thì sở học của hắn ta chẳng phải là Mật tông đúng như đức Như Lai đã truyền. Nếu chân chánh đạt được Mật tông của đức Như Lai thì đâu đến nỗi thơm thối cũng không biết, để rồi mặc sức khinh miệt thánh hiền ư!

(Ngày mồng 9 tháng 6)

238. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười sáu)

Học thuyết gây lầm lạc cho người thì thoạt đầu chỉ ít ỏi, nhưng kết quả về sau không cách gì thâu thập được nữa. Tống Nho ăn trộm đạo lý lý tánh trong Phật giáo, nhưng chẳng biết lý tánh lấy sự tu làm căn cứ để thành tựu từ lúc ban đầu cho đến lúc cuối cùng. Vì thế, họ bài bác "không nhân quả, báo ứng và sanh tử, luân hồi", đến nỗi trở thành tình thế diệt tuyệt luân lý ngày nay. Ông hiểu biết Phật học kha khá, nhưng đối với sơ cơ mà trước hết chẳng coi trọng sự tu, lại dùng *đệ nhất nghĩa đế* để giáo huấn thì cũng là sai lầm không chi sánh ví được. Chủ nhân trong quá khứ của núi Bách Trượng trả lời sai một câu "chẳng rớt vào nhân quả", nếu xét theo thật lý thì cũng chẳng phải là sai lầm, nhưng do dạy người khác không phù hợp căn cơ khiến cho người ấy hiểu lầm, bèn đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời. Vì thế cổ nhân nói: *"Ninh khả trước hữu như Tu-di, bất khả trước không như giới tử"* (Thà chấp có như núi Tu-di, chẳng thể chấp không chừng bằng hạt cải). "Thượng đế thường hiện diện quanh ngươi, không đối xử sai khác với ai, kẻ bầy tôi thân cận của vua là người hiểu rõ lòng vua" v.v..

Hãy nên cực lực nói với họ về lý sự tướng tột cùng, khiến cho bọn họ đều cung kính nghiêm túc, kính sợ, thường khăng khăng giữ lòng thành chẳng dám trái vượt. Nếu ông chẳng nêu tỏ ngay lý sâu đệ nhất nghĩa đế, nhất quyết họ cũng sẽ chẳng đến nỗi trái nghịch, lầm lạc. Nếu hoàn toàn chẳng dựa theo mặt sự để nói, chuyên nói theo đệ nhất nghĩa đế sẽ khiến cho kẻ thượng căn tuy ngộ lý sâu nhưng chẳng chú trọng thật tu, kẻ hạ căn trở thành lũ ngông cuồng, buông lung, không kiêng dè, chẳng đáng buồn ư? Ông muốn lợi người, chẳng những chớ nên học theo cung cách của Tống Nho, ngay cả kiểu cách của tiên sinh Phụng Trì

cũng chớ nên học theo, vì ông ta chú trọng lý tánh, chẳng chú trọng sự tu. Hãy nên theo gót tiên sinh Chu An Sĩ thì lợi ích cũng lớn lắm.

Người đời nay thường bị bệnh chấp lý phế sự làm hại, ông lại noi theo đó để hướng dẫn thì họa hại há có cùng cực; nếu chẳng cho lời Quang nói là sai thì đấy chính là chỗ hết sức hơn người của ông vậy! Rất nhiều kẻ biết rõ mình sai lầm vẫn cực lực biện hộ, nào phải chỉ một hai ba bốn năm sáu bảy tám kẻ mà thôi. Cái học của Dương Tử[314] đúng là cái học chẳng đáng để nhắc tới. Trong thuở ấy, Mạnh tử vẫn bàn đến, tuy là chê trách ông ta, nhưng cũng vì đó mà tiếng tăm, giá trị của ông ta được nâng cao. Nếu Mạnh tử chẳng thèm nhắc tới, người đời sau ai biết có gã Dương tử ấy? Dạy người, trước hết phải biết căn cơ của người đến học. Nếu không, phải chú trọng nơi sự tu, ắt sẽ là pháp tắc ổn thỏa nhất. Học thuyết của Dương tử cũng chẳng thể coi là triết học; khéo dùng triết học thì còn có ích cho đời, chứ cái học của Dương tử tợ hồ phó mặc cho bẩm tánh tự nhiên, quả thật là kẻ giặc gây hại cho đạo làm người. Bởi lẽ ai nấy đều chẳng làm gì cả thì nước còn không có cách nào để uống, huống là mặc áo, ăn cơm ư?

Người trong cõi đời không gì chẳng cậy vào sức của người khác thì mới sống sót được. Trên từ hoàng đế, dưới đến kẻ ăn mày, không ai đều chẳng như vậy. Hắn ta dù nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ cũng chẳng chịu làm, chẳng biết hắn mặc áo, ăn cơm hoàn toàn đều phải nhờ vào sức của người khác mà được thành tựu. Hắn ta đã không làm lợi cho người khác chừng một sợi lông, lẽ ra cũng không nên nhận mối lợi chừng bằng sợi lông của người khác ban cho mình. Thứ tà thuyết ấy còn có người xem là một trường phái học thuyết, đúng là coi con giòi trong hầm xí và thần long giống hệt như nhau.

Đừng nên gởi thư đến chỗ ông Nhiếp Vân Đài nữa, ông ta bị bệnh nặng đã hơn một năm, nay mới hơi đỡ, chưa thể dụng tâm và nói năng nhiều được. Theo các nhà tử bình[315] đã đoán tướng mạng thì ông ta khó thể sống nổi từ hai năm trước, may mắn đã vượt qua được, nhưng hoàn toàn bình phục thì chẳng biết đến

---

[314] Dương tử (chỉ biết tên là Dương Châu) là một người chủ trương thuyết Vị Ngã cực đoan. Trong thiên Tận Tâm của sách Mạnh Tử, Mạnh tử đã phê phán như sau: *"Dương tử thủ vị ngã, bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã. Mặc tử kiêm ái, ma đảnh phóng chủng nhi lợi thiên hạ, vi chi. Tử mạc chấp trung, chấp trung vi cận chi, chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã"* (Dương tử chấp vào ích kỷ, dù nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ cũng không làm. Mặc tử yêu thương trọn khắp, sói đầu mòn gót mà có lợi cho thiên hạ vẫn làm. Ông đừng chấp vào đó, vì chấp nhất vào một bên chính là nông cạn. Chấp nhất vào một bên sẽ không thể quyền biến được, vì vẫn còn chấp nhất). Tức là Mạnh tử đề xướng đường lối trung dung, không ích kỷ thái quá mà cũng không hy sinh thái quá, quên mất bản thân, gia đình, thân quyến.

[315] Tử bình là một khoa bói toán, gần giống như tử vi, nhưng đơn giản hơn. Do chú trọng vào năm, tháng, ngày, giờ để lập lá số tiên đoán nên còn gọi là *tử bình tứ trụ*. Do năm, tháng, ngày, giờ đều được tính theo thiên can và địa chi nên ngành bói toán này cũng gọi là *bát tự tử bình*.

khi nào. Ông Hứa Chỉ Tịnh rất bận bịu, lại thêm sức khỏe không tốt lắm, vì thế chẳng thể ứng phó ngoại duyên. Tôi đã cậy sư Minh Đạo nhờ Cư sĩ lâm thăm dò tin tức Dương Lệ Đường.

Tôi đã bảo sư Minh Đạo gởi cho ông mười gói Lịch Sử Thống Kỷ, mỗi gói là năm bộ, có lẽ cũng đủ dùng. Mở hội diễn thuyết hình thức khá hay, nhưng thật chẳng dễ gì kiếm được người lo liệu. Nay bất luận là giới nào, hở ra là lập chương trình, nhưng khó tìm được người làm đúng theo chương trình. Nếu biết là khó khăn hãy nên lo liệu công việc sao cho đỡ tốn sức nhọc lòng. Chỉ mong sao có ích, chứ chẳng cần nhất định phải là phù hợp với chương trình lớn lao. Nếu muốn hợp với chương trình lớn lao, chắc sẽ đến nỗi lợi ích nhỏ nhoi cũng không có cách nào đạt được, vì con người quá quen thói chẳng thích tuân theo cách thức, phạm vi chánh đáng vậy.

(Ngày 17 tháng 6)

239. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bảy)

Hôm qua thầy Minh Đạo có gởi thư đến, cho biết đã gởi bưu kiện của Dương Lệ Đường đi rồi. Còn bưu kiện dành cho ông Nhiếp Vân Đài thì đã giao tận tay. Hiện thời ông ta đã khá hơn trước một chút, có thể đi lại trong phòng được rồi. Sau này, gởi thư cho ông Dương hãy gởi thẳng sang hội quán Trung Hoa ở Đàn Hương Sơn (Honolulu), ông ta sẽ nhận được. Cần nhất là phải viết rõ nước nào, đảo nào (e rằng là đảo Hạ Uy Di[316]), tôi nhớ không rõ lắm. Ông nên hỏi bưu cục sẽ tự biết. Lại nên dùng chữ ngoại quốc vì sợ nhân viên bưu điện không biết tiếng Hán, chắc sẽ giao lầm. Tốt nhất là sử dụng cả văn tự Trung Hoa lẫn ngoại quốc.

240. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười tám)

Gần đây ông niệm Phật được tương ứng, tôi vui mừng, an ủi lắm. Ông Trần Hải Siêu từng quy y với tôi vào năm Dân Quốc thứ chín hay thứ mười (1920-1921) *(pháp danh là Chí Tịnh)*. Ông ta thích bàn luận về lý tánh là do tập khí thông minh mà ra, từng gởi thư bàn nhiều về lý tánh, Quang rất không cho như vậy là đúng, sau này ông ta không gởi thư nữa. Đến năm Dân Quốc 19 (hoặc mùa xuân năm Dân Quốc 20 - 1931, tôi không nhớ rõ), ông ta bảo một người bạn gởi cho tôi cuốn Nhất Niệm Thành Phật Pháp Môn, Quang đọc thấy những lời lẽ suy tôn trong lời tựa, cuối sách lại in sở hữu bản quyền. Hơn nữa, mỗi cuốn bán giá 3 đồng, do vậy đem cuốn sách ấy gởi lại cho người bạn, quở trách sâu xa ông ta

[316] Thật ra Honolulu thuộc đảo Oahu trong quần đảo Hawaii (Hạ Uy Di), chứ không nằm ở đảo Hawaii (Big Island). Do thuở đầu quanh Honolulu có rất nhiều rừng cây đàn hương (sandalwood) nên những người Hoa sang làm công nhân đồn điền nơi đó gọi Honolulu là núi Đàn Hương (theo Wikipedia).

đã đem phàm lạm thánh, mượn Phật pháp để cầu tài lợi. Sau đấy ông ta gởi thư xin lỗi. Chiến tranh nổ ra ở Thượng Hải, xưởng đã cháy tiêu thì bản sách ấy cũng đã thành tro. Nghĩ ông ta mang tâm lợi người tha thiết, chắc sẽ cho in lại. Loại sách ấy chỉ bậc thông gia đọc mới không bị bệnh, chứ kẻ hơi thông minh nhưng chưa thể hiểu rõ sự lý sẽ liền tưởng "hiểu rõ nhất niệm chính là đã về đến nhà", như vậy thì chỗ gây lầm cho người ta lại nằm ngay ở chỗ muốn lợi lạc người khác.

Trong thời buổi này, con người đều học theo lối sáo rỗng, chẳng nên đề xướng lối ăn nói cao siêu ấy thì mới đúng. Chẳng bao lâu sẽ gởi đến cho ông mười gói sách Kỹ Lộ Chỉ Quy. Vào khoảng tháng 8 hay tháng 9 sẽ gởi tới mười gói sách Vật Do Như Thử. Sách này chuyên ghi chép những đức hạnh cao đẹp của loài vật, tuy chẳng nói đến kiêng giết, phóng sanh, nhưng thật sự là sách đứng đầu về kiêng giết. Do vậy, tôi in ra sáu vạn cuốn như đã nói trong phần tựa nêu duyên khởi.

(Ngày 19 tháng 6)

241. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười chín)

Sư Ngọc Trụ là người hết sức thành thật, cùng ở với Quang tại núi Hồng Loa nửa năm. Những nghĩa sư nói về Thiền - Tịnh chỉ là luận về mặt dụng công, nếu bảo những nghĩa ấy là cao sâu huyền diệu, viên dung thấu triệt, sẽ mắc lỗi trái nghịch kinh điển. Pháp Tịnh độ nhằm làm cho phàm phu cậy vào từ lực của đức Phật mang nghiệp vãng sanh. Gạt bỏ nghĩa này, chỉ coi nhất niệm bất sanh và nhất tâm bất loạn là chuyện giống như nhau, đúng là chống trái kinh Phật, tự lập chương trình, khiến kẻ sơ cơ bị lầm lạc. Vì thế chẳng thể không nói toạc ra. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, thật thà niệm Phật. Hễ có ai hỏi đến thì cũng dùng lời này để đáp, nói kèm thêm nhân quả, luân thường, há nên nói là "chẳng thể lường được". Thêm vào hai chữ "bất trắc" (chẳng thể lường được) cho ông tăng chỉ biết cơm cháo, há chẳng phải là "đem phàm lạm thánh" khiến cho Quang và ông cùng vướng mắc tội lỗi ư?

242. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi)

Ông nói vùng Xuyên Trung nguy hiểm, muốn đến Tô Châu, hãy nên biết là rất khó! Ông nói ông trù tính dùng sáu bảy ngàn đồng làm vốn sanh nhai cho cả nhà, nhưng chẳng thể tự mang theo. Nếu mang theo tiền bạc thì sợ gặp phải nguy hiểm ngoài ý muốn; còn chuyển tiền thì cứ một trăm đồng sẽ tốn lệ phí chuyển khoản hơn ba chục đồng, lỗ đâu thể chịu nổi! Hiện thời Tô Châu có vẻ như an tịnh, nhưng giữa Nhật Bản và ngoại quốc hễ xảy ra chiến sự thì Thượng Hải và những vùng đất ven biển đều thành chiến trường thủy bộ cho bọn họ, Tô Châu

còn nguy hiểm hơn Thành Đô nữa. Đây là ý kiến phỏng đoán của Quang, chứ xét tới cùng, chẳng biết sau này lành dữ ra sao! Chỉ có điều nước sông Hoài[317] quá to, chuyện này ai cũng biết, xin ông hãy chí thành niệm Quán Âm suốt một ngày, rút thăm xem nên đi hay ở, là tốt hay là xấu, rồi mới tính toán.

Ngũ Đài Chí đã sắp chữ hoàn tất được sáu bảy phần rồi, Nga Mi Chí còn chưa chỉnh lý xong. Ngũ Đài Chí sắp chữ xong sẽ sắp xếp ngay bộ Nga Mi Chí, có lẽ trong năm nay sẽ xong. Cửu Hoa Chí dự định sắp chữ trong vòng mùa hè, mùa thu năm sau. Tôi cũng sẽ vì họ tu chỉnh Linh Nham Chí. Xong xuôi, tôi sẽ rời Báo Quốc, ẩn xa ở nơi không ai biết đến hòng sống hết tuổi thừa. Báo Quốc chẳng phải do tôi sở hữu, tôi chẳng qua là khách tạm ngụ mà thôi!

Lòng người đều hư hết rồi, kẻ cầm quyền cậy thế ngược đãi dân chúng, bóc lột mỡ màng của nhân dân để làm giàu cho người Tây Dương. Nguyên nhân khiến họ có cái tâm chẳng biết tạo lợi ích như thế nào, không có gì khác cả, chỉ là do lòng tự tư tự lợi nặng nề đến nỗi tự hại, hại người, đều cùng bị chết sạch hết! Gốc họa là do Trình - Chu đả phá, bài xích sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là đức Phật dùng những điều ấy để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tin thờ giáo lý của ngài, chứ thật ra chẳng có những chuyện ấy. Bọn họ cho là con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém chặt xay giã sẽ thi thố vào đâu? Lại còn có ai để thác sanh nữa đây? Lời lẽ ấy mở toang đầu mối phóng túng không kiêng dè. Bọn họ chỉ biết dạy người tận hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm thành ý, nhưng lại hoàn toàn hủy diệt phương tiện thôi thúc con người chẳng thể không chánh tâm thành ý, trọn hết tình nghĩa, vẹn hết bổn phận. Những kẻ học đạo Nho đời sau phỏng theo, vâng giữ sự sai lầm ấy, muốn được tiếng "thuần Nho, chánh học", đến nỗi pháp trị thân trị quốc đều trở thành cành nhánh, trọn chẳng có cội gốc. Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bèn dốc hết sức tập tành theo, càng quá sức tệ hại!

Vì thế, hiện thời chuyện gì cũng đều là làm dối, ngay cả như bậc đạo học trong thời gần đây là ông Trương Phụng Trì, cha ông ta gian nan khốn khổ, dốc cạn sức suốt một hai năm để khắc An Sĩ Toàn Thư, mà ông ta không thèm nhắc đến một tiếng nào. Đấy là vì đã bị trúng độc "ăn nói cao xa" của lũ người Lý học đời Tống. Phụng Trì là bậc quân tử chuyên dốc, thành thật, mà còn như thế, những phường tệ bạc, gian ngụy khác há còn đáng để nhắc đến nữa ư? Lòng người đã chết sạch rồi, đất nước làm sao tồn tại được? May mắn là vẫn còn có một câu Nam-mô A-

[317] Hoài Hà là một con sông phát nguyên từ núi Đồng Bách tỉnh Hà Nam, chảy qua ba tỉnh Hà Nam, An Huy, Giang Tô, rồi đổ vào Trường Giang (sông Dương Tử) tại Tam Giang Doanh. Sông khá to, dài đến 1.000 km, thường hay gây ngập lụt cho vùng Giang - Chiết.

di-đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, hãy nên sống chết vâng giữ lấy để chẳng đến nỗi đời sau chẳng được nghe đến danh tự trời đất, cha mẹ. Nếu chẳng quyết định cầu sanh Tây Phương thì đời sau sẽ trở thành cầm thú mang hình dáng con người vậy, than thở khôn nguôi!

(Ngày Rằm tháng 9)

* Kính xét: Huệ Lâm vâng giữ lời khuyên nhủ này, cả nhà trai giới, kính tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm suốt một ngày, rồi mới rút thăm trước đức Phật, rút liên tiếp ba lần, đều thấy nên ở lại Thành Đô, bèn bãi bỏ chuyện bàn định dời sang phương Đông.

243. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi mốt)

Lá thư trước gởi bằng đường máy bay, tôi vừa nhận được liền giao cho hai người bạn ngay. Hôm trước tôi gởi một lá thư, chắc ông đã nhận được rồi. Những kẻ hoằng pháp hiện thời đều là kẻ chấp chặt theo chương trình, chẳng biết lẽ biến thông. Kinh Nhân Vương[318] cố nhiên có thể hộ quốc, nhưng nếu giảng giải ý nghĩa kinh ấy sẽ thật khó thể lãnh hội, mà cũng chẳng niệm được bao nhiêu. Nếu lấy phẩm Phổ Môn làm phương tiện cứu nước để giảng diễn thì đứa trẻ lên ba cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, còn kinh Nhân Vương thì trong trăm ngàn người chỉ được một hai người [biết tụng niệm, lãnh hội ý nghĩa]. Hoằng pháp như thế chỉ được danh tiếng lớn lao là hoằng pháp, chứ khó được lợi ích bảo vệ đất nước thật sự, đáng than không chi bằng!

Pháp danh của Tư Nhân nên đặt là Tông Nghiêu, chữ nghiêu (垚) này là chữ nghiêu (堯) viết theo lối cổ, hoàn toàn là do ba chữ thổ (土: đất) ghép lại, mà cũng chẳng mất ý nghĩa *tông Nghiêu* (đề cao, noi theo phẩm hạnh của vua Nghiêu). Dùng sự cao dày của ba chữ thổ để tự khích lệ, trong là trọn hết hiếu đễ, ngoài là thực hành nhân từ, lại còn dùng Phật pháp để nương về, ắt sẽ có thể làm khuôn mẫu cho cõi đời, may mắn chi hơn? Hãy nên khéo dạy dỗ nó, đừng bắt chước con người hiện thời tự hãm con cái trong biển tội. Những kẻ ấy tưởng cưng chiều như

[318] Kinh Nhân Vương có tên đầy đủ là kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật do ngài Cưu-ma-la-thập dịch gồm 2 quyển, 8 phẩm. Trong kinh này, đức Phật dạy quốc vương của 16 nước tại Ấn Độ thời ấy cách bảo vệ, gìn giữ Phật quả, hạnh Thập địa cũng như nhân duyên bảo vệ đất nước. Đức Phật cũng dạy: Do thọ trì kinh này sẽ có thể tiêu trừ tai nạn, được phước. Kinh này cùng với kinh Pháp Hoa và kinh Kim Quang Minh, hợp thành Hộ Quốc Tam Kinh. Theo truyền thống, khi cử hành pháp hội Hộ Quốc, thường đọc tụng ba kinh ấy. Kinh này còn có bản dịch khác mang tựa đề kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa (thường gọi là kinh Tân Dịch Nhân Vương) do ngài Bất Không dịch. Kinh này được chú giải rất nhiều, nổi tiếng nhất là các bản Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Kinh Sớ (do tổ Trí Khải giảng, Quán Đảnh ghi), Nhân Vương Bát-nhã Kinh Sớ của ngài Cát Tạng, Nhân Vương Kinh Sớ của ngài Viên Trắc…

thế mới là ta yêu thương con cái, yêu con mà còn quá giết con, đến nỗi chúng đua nhau dấy lên giết cha, giết mẹ, đó đều là vì cha mẹ chúng chẳng biết chỉ dạy mà ra.

Ông là người trông nom Thành Đô, từ nay hãy nên thật sự mong muốn lợi người, đừng chấp chết cứng những quy củ đã định. Như hai lần trước ông tổ chức pháp hội cứu quốc, Quang khôn ngăn đau lòng: Bỏ đơn giản để cầu lấy rườm rà, bỏ dễ dàng cầu lấy khó khăn, bỏ chuyện chẳng tốn kém để làm chuyện hao phí lớn lao, rốt cuộc người đến tụng niệm trong pháp hội chỉ lèo tèo, chẳng phải là tạo lợi ích nhỏ nhoi, bé tẹo hay không? Năm nay có một cô bé 9 tuổi bị bệnh do oán nghiệp hơn cả năm, thuốc Tàu, thuốc Tây đều chẳng thấy công hiệu gì; Quang dạy cô bé niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, uống nước Đại Bi và dùng nước Đại Bi để rửa chỗ đau, hơn một tuần liền khỏi bệnh. Một bé trai 11 tuổi cũng giống như thế. Làm Phật sự trong thời tai nạn cấp bách lớn lao thì càng giản tiện càng hữu ích. Vì thế mới nói "lành bệnh chẳng cần phải dùng nhiều thuốc đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở, để cứu ngặt mà vẫn cần đến toa thuốc phải tìm các dược liệu ngoài biển cả". Ông có biết hay chăng?

(Viết dưới đèn vào ngày 11 tháng 11)

244. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi hai)

Hôm qua nhận được bài văn Phổ Cáo (thưa bày rộng khắp) của ông, từ lẫn lý đều chu đáo, điều đáng tiếc là chẳng biết sự vụ. Đang trong lúc đại kiếp đối đầu này, chỉ dựa vào một vị tăng người Ấn Độ, mấy trăm vị hòa thượng, tụng Lăng-nghiêm, Đại Bi mà có thể ngưng dứt được đại kiếp hay sao? Sao không phổ cáo cả thành, cả ấp, cả phủ, cả nước, trọn hết thảy mọi người hằng ngày thường chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để tiêu diệt đại kiếp này? Dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để soạn một bài văn trong sáng, rõ ràng, buồn khóc ứa lệ, khẩn khoản bảo ban. Ai nấy đều có tâm, ắt mọi người sẽ cùng nhau phát khởi, xoay vần khuyên bảo lẫn nhau thì tiếng niệm Quán Âm và niệm Phật sẽ vang dội hư không. Dẫu chẳng thể diệt được đại kiếp, thì tai ương cũng sẽ chẳng đến nỗi quá đáng!

Mười mấy năm trước đây, một vị cư sĩ ở Xuyên Trung đề xướng trì chú Lăng-nghiêm để cứu quốc dứt tai họa. Ông ta vì những người chẳng thể niệm chú mà in chú Lăng-nghiêm thành một quyển sách nhỏ, bảo họ đeo trên thân, treo trên đầu cửa, thờ ở trong nhà, tốn kém cũng khá bộn; chẳng biết dạy hết thảy mọi người niệm Quán Thế Âm sẽ chẳng cần phải tốn tiền mà hết thảy già trẻ trai gái đều gieo thiện căn không chi lớn bằng! Ông ta gởi chương trình ấy và một quyển

chú nhỏ đến Phổ Đà, lúc ấy đã cận ngày rồi, dẫu viết thư gởi đi ngay vẫn chẳng kịp, Quang chỉ than thở, cảm thương mà thôi, chẳng gởi thư cho ông ta nữa.

Năm nay, Xuyên Trung lại lập ra hội ấy (hoặc là trong năm ngoái, tôi không nhớ rõ), lại noi theo thể lệ trước đây; lần này chẳng biết do ai đề xướng mà cũng chẳng phải do hội ấy gởi thư ra. Vì thế cũng chỉ đành cười khan mà thôi! Lời ông nói trong thư hôm qua cũng vẫn chưa thấy được điều này, đấy chính là bỏ chuyện giản tiện ai cũng có thể làm được để chỉ mong một vị tăng Ấn Độ và hơn 500 vị hòa thượng tiêu trừ đại kiếp này. Không phải là tôi nói vị tăng Ấn Độ và chư vị hòa thượng chẳng thể tiêu trừ đại kiếp được, mà là than thở sao ông nỡ làm cho hết thảy những người đang hứng chịu tai nạn chẳng được gieo thiện căn sâu đậm? Do vậy người làm chuyện lớn mà chẳng tính đến những điều nhỏ nhặt, rốt cuộc sẽ hết sức bày vẽ phô trương, chẳng hề chú ý đến chuyện thành thật thực hiện rộng khắp.

Quang một mực chẳng ưa lắm chuyện, trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã chỉ rõ từng điều. Muốn diệt đại kiếp, sao không chọn lấy một điều đã được đề nghị trong lá thư ấy, khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng đều niệm Quán Thế Âm vậy? Ngoại trừ những kẻ chẳng phát tâm ra, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng niệm Quán Âm được. Niệm chú Lăng-nghiêm thì trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi![319] Niệm Quán Âm chẳng tốn công mảy may, cũng chẳng phải tốn kém gì, còn niệm Lăng-nghiêm thì chẳng tốn đến mấy ngàn đồng sẽ chẳng thể xong việc được. Người bề trên của dân làm chuyện gì cũng phải lo toan đến điều này thì tuy là cùng làm chuyện giống nhau mà lợi ích thật sự lại khác biệt vời vợi!

(Ngày 14 tháng 11)

245. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi ba)

Ông không dư dả lắm, sao lại gởi tiền cho Quang? Vào mùa xuân đã từ Trùng Khánh gởi món tiền 50 đồng tới Hoằng Hóa Xã, người chuyển tiền chẳng hề nói rõ, Hoằng Hóa Xã cũng chẳng đi hỏi, liền gởi thư sang Trùng Khánh, hơn một tháng cũng chưa thấy thư gởi đến. Về sau, qua thư của sư Đức Sâm, hỏi Hoằng Hóa Xã mới biết tiền đã gởi đến hơn một tháng rồi. Gởi vật gì đi đường xa, cần phải ghi chú rõ ràng.

[319] Do chú Lăng-nghiêm khá dài, âm vận trúc trắc, những chữ Hán dùng để phiên âm lại rất phức tạp, người ít học sẽ không thể nhận được mặt chữ nên tổ mới nói "trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi".

Bộ Trung Quốc Chánh Giáo Lược Nghĩa ông mới gởi gần đây rất hay, nhưng muốn làm theo pháp tắc của bậc thánh hiền thuở xưa thì trước hết phải chỉ rõ cái họa Tống Nho toan tính bảo vệ đạo mà làm hại đạo trong đời sau. Giống như chữa bệnh, chẳng trừ chất tà độc mà liền bồi bổ ngay, sẽ đâm ra trở thành họa hại. Đang trong lúc đại kiếp đối đầu này, muốn mưu tính bình trị, yên ổn cho thiên hạ đời sau mà vẫn úy kỵ, chẳng dám nói đến điều tệ của bậc tiên triết[320], thì nếu bậc tiên triết biết được sẽ đau đớn khóc ròng, tiếng rền cả đại thiên! Quang một mực chấp nhận lý, chẳng nể tình. Đang trong thời buổi này, vẫn chẳng dám chỉ ra bài xích nhân quả luân hồi là sai trái mà toan khôi phục đường lối giữ cho nước nhà bình yên tột bậc của cổ thánh thì sẽ thành "muốn sang đất Việt, lại xoay càng xe về phía Bắc"[321], Quang trọn chẳng cho là đúng!

(Ngày 23 tháng 5)

246. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bốn)

Hai lần gởi thư theo đường tàu Quang đều nhận được, nhưng vì bận bịu với việc của người khác nên chẳng thể trả lời liền. Công khóa ông đã lập chẳng có điều gì không nên. Ngay hôm sau bữa nhận được thư của ông gởi đến lần thứ hai bằng đường tàu, tôi đã gởi bài huấn từ tại trường nữ sinh và thư của ông cho Nhiếp Vân Đài rồi, đừng lo.

Đạo lý của Mật tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền Mật tông, kẻ học Mật tông hiện thời ai nấy đều coi trọng thần thông, chẳng khỏi đánh mất ý chỉ căn bản. Người truyền còn chưa có thần thông thật sự, kẻ học có ai thật sự đắc thần thông? Nặc Na đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải giảng Mật tông cũng chú trọng vãng sanh Tây Phương, nhưng trì A-di-đà Trường Thọ Đà-la-ni, hễ mở được đỉnh thóp[322] bèn có thể tùy ý trường thọ hoặc vãng sanh ngay. Lời lẽ ấy há nên nhất loạt áp dụng cho mọi người được. Đừng nói là ông với tôi chẳng thể, ngay cả Nặc Na cũng chẳng thể tùy ý vãng sanh! Một đệ tử đem chuyện này hỏi Quang, Quang đáp: "Sự lý này đích xác là có, nhưng chẳng thể nói là ai cũng đều có thể tùy ý vãng sanh được. Cần biết rằng tông chỉ trọng yếu của Mật tông là

[320] Chỉ những người khai sáng môn Lý học (Tống Nho) như Chu Hy, Trình Di, Trình Hạo v.v..

[321] Nguyên văn *"bắc viên thích việt"* (xoay càng xe theo hướng Bắc để đi sang đất Việt). Đất Việt (nước Việt của Câu Tiễn thời Chiến Quốc) ở phương Nam Trung Hoa, Viên（轅）chính là hai cái càng xe thường dùng để thắng ngựa. Muốn đi sang nước Việt ở phương Nam mà lại quay càng xe hướng về phía Bắc thì không thể nào tới đất Việt được.

[322] Nguyên văn *"khai song môn"* (開囪門: mở đỉnh thóp). Đỉnh thóp đôi khi còn gọi là "mỏ ác". Mật tông Tây Tạng đề xướng một phương pháp tu luyện theo đó họ sẽ mở được huyệt tại đỉnh thóp để chuyển thần thức tùy ý tự tại sanh về chỗ nào theo ý muốn (thường được biết dưới tên gọi là pháp tu Ph'owa).

tam nghiệp tương ưng.” Nếu tam nghiệp tương ưng đã lâu, sẽ có thể thuận theo lòng mong muốn; kẻ chưa đạt đến mức tâm không, mà lại lầm lạc mong muốn đạt được cảnh giới ấy, chắc sẽ bị ma dựa. Trong Mật tông, điều này rất quan trọng.

(Ngày 28 tháng 9)

247. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi lăm)

Đang trong thuở thời cuộc nguy hiểm này, ông chỉ chuộng giữ cảnh yên lặng; nếu vạn phần chẳng thể giữ được lại trốn đi xa! Nếu coi thường rồi vọng động, hễ rời khỏi nhà thì một nửa gia nghiệp đã thuộc về người khác. Muốn quay về để chỉnh đốn hòng được như cũ, sẽ khó như lên trời! Ông nói đến chuyện vị tăng ở Xuyên Trung nghe mạch niệm Phật[323] thì trong năm Dân Quốc 17 (1928), đồ đệ ông ta đã đem văn và kệ do thầy mình viết đến chùa Thái Bình, cậy Quang sửa chữa hòng lưu thông, lại cậy Quang viết lời tựa. Quang đọc xong, bảo: “Thầy ông quả thật có sở ngộ, nhưng do không hiểu rõ tông chỉ của Thiền và Tịnh, coi Thiền là Tịnh, tưởng Tịnh là Thiền, khiến cho người niệm Phật chẳng dốc sức nơi tín nguyện mà dốc sức nơi tham cứu. Dẫu có sở ngộ, nhưng vì không có tín nguyện, sẽ chẳng thể cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương. Do chưa đoạn hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Ông muốn lưu thông, tôi chẳng dám đả phá. Ông hãy tự làm đi, tôi cũng chẳng dám sửa chữa, gọt giũa, cũng chẳng viết lời tựa. Ông in ra cũng không cần gởi cho tôi. Tôi cũng chẳng chịu biếu tặng sách giùm cho ông.” Người ấy liền bỏ đi, bảo Đại Trung Thư Cục in ra mấy ngàn cuốn. Chẳng nhớ tên đặt trước khi in là gì, ông chủ Đại Trung Thư Cục gởi cho Quang hai cuốn, thấy tựa đề là Thiền Tịnh Ngôn Hạnh Lục. Quá nửa cuốn sách là kệ, tợ hồ có đạo lý, nhưng đều là tông chỉ lẫn lộn, cũng có thể khiến cho người vô tri gieo thiện căn, mà cũng có thể khiến cho người thật sự tu Tịnh độ vứt bỏ tín nguyện. Loại sách ấy Quang chẳng chịu can dự vào.

Ở Xuyên Trung thường xuất hiện những kẻ kỳ lạ, có người họ Lưu nọ quy y với pháp sư Bảo Nhất, trong am của sư Bảo Nhất có hai vị nữ cư sĩ người Hồ Nam. Họ Lưu ngụy tạo cuốn Tự Tri Lục đem in thạch bản bao nhiêu đó cuốn để tặng cho người khác, chuyên môn đem cảnh giới chứng đắc chẳng thể nghĩ bàn của bậc đại Bồ-tát gán ghép thành cảnh giới từng trải của hai phụ nữ ấy. Ý người ấy muốn do đây sẽ nâng cao tiếng tăm, giá trị của thầy mình, sư Bảo Nhất cũng phê vào đầu sách chấp thuận lưu thông. Có ông Đinh X… gởi sách ấy cho Quang, cậy Quang phê bình cặn kẽ, viết lời tựa. Quang đọc xong, nói: “Muôn phần chớ

[323] Vị tăng này đề xướng cách chú ý đến mạch máu đập mà niệm Phật, tức là hễ mạch nhảy một cái liền niệm Phật một tiếng.

nên lưu thông sách này. Tuy không phải là lời lẽ ngoại đạo, nhưng chuyên nói đến cảnh giới do chính mình đạt được, trọn chẳng nói dụng công như thế nào. Kẻ sơ tâm hễ đọc tới đều mong mỏi cảnh giới ấy, ắt sẽ bị ma dựa. Các bà ấy đã đạt cảnh giới như vậy, sao chẳng biết sẽ gây lầm lạc cho người khác ư? Xin hãy đốt sạch đi, đừng tặng cho người khác!"

Thời cuộc hiện thời nguy hiểm, chẳng cần phải chú trọng chuyên tổ chức Quán Âm Thất. Cố nhiên không phải là chẳng nên đả thất, nhưng hãy làm cho già trẻ trai gái ở Thành Đô hằng ngày thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong được ngầm gia bị, ngõ hầu tiêu diệt được ngọn lửa thổ phỉ. Đề xướng vào lúc này, ắt người ta tin theo. Nếu mọi người đều vì sợ chết mà chịu niệm thì sẽ có hiệu quả lớn lao. Nếu chỉ chú trọng đả thất, thì chỉ có một số ít người làm được. Nếu bảo nhân dân ai nấy thường niệm thì lợi ích lớn lắm! Những kẻ chẳng biết thời thế, hở ra là noi theo lối cổ, chẳng biết theo thời thế mà chế định điều gì nên làm, tùy phần, tùy sức lập cách, cho nên tốn sức nhiều mà đạt được lợi ích ít ỏi.

(Ngày 16 tháng 9)

248. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi sáu)

Chỉ quy Tịnh độ chính là sách Thiền chẳng ra Thiền, Tịnh không ra Tịnh, cũng có thể khiến cho người không có tín tâm gieo thiện căn, mà cũng có thể làm cho người thật sự niệm Phật vứt bỏ tín nguyện. Thiện căn được gieo trong tương lai, nhưng tín nguyện bị vứt bỏ là trong hiện tại. Người có đầy đủ con mắt quyết chẳng lưu thông! Tác giả đã tự xưng là Thiền - Tịnh mà chẳng chịu y theo tông chỉ chân thật của Tịnh độ, đáng than tột bậc! Những kẻ đề xướng Tịnh độ hiện thời phần nhiều mang thứ tri kiến ấy, rất sợ người khác bảo mình chẳng hiểu Thiền, đến nỗi trở thành kết quả mất sạch lợi ích thật sự cả Thiền lẫn Tịnh.

(Ngày mồng 8 tháng 9)

249. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bảy)

Hai bức thư tôi đều nhận được cả, đừng lo. Trước khi viết phiếu gởi Nga Mi Chí, tôi phỏng đoán mỗi gói là 5 bộ, do tính gởi 100 bộ về núi Nga Mi, nên ghi là 20 gói. Về sau do sách nặng, mỗi gói chỉ có 4 bộ, 100 bộ dành cho núi Nga Mi còn thiếu 20 bộ, vì thế lại bảo gởi 5 gói nữa cho đủ số 100. Ngoài ra đều chẳng cần gởi thêm nữa. Hơn nữa, bức hình Phật do ông Vương Kính Hồ vẽ, trước đây đã gởi cho hãng ngoại quốc Nghĩa Tỷ của ông Vương Hiểu Hy và đã gởi thư báo cho Phật Học Xã biết, yêu cầu họ hỏi ý ông ta. Ông ta lại muốn gởi sang núi Nga Mi để kết duyên, nên tôi gởi thẳng sang nhà ông ở Thành Đô, chắc đã nhận được

rồi. Hãy nên bảo người canh cửa, sai người ấy gởi thư báo tin đã nhận được để ông ta khỏi mong ngóng.

Thời Minh, núi Nga Mi chẳng thiếu cao nhân, nhưng tấm bia sắt ở điện Mộc Bì[324] đã được dựng từ thời Gia Tĩnh cho đến nay, thật khiến cho người ta đau lòng. Sư Thánh Khâm ghi chép, đúng là coi mình như lãnh tụ của tăng chúng toàn quốc, chép lại hết bài văn trên tấm bia sắt, giao cho Vương Hiểu Hy gởi đến; bên cạnh mỗi chữ triện còn ghi âm theo lối chữ khải, vẫn chẳng biết đấy là bài văn báng bổ Phật pháp. Vị tăng đúc tấm bia sắt thuở ấy còn được ghi tên trong huyện chí. Vị tăng ấy cũng chẳng biết là bài văn ấy báng bổ Phật pháp (nay nói với ông vì sợ những kẻ vô tri cho là hủy hoại di tích xưa). Nếu nay hủy được bài văn hủy báng Phật pháp suốt 400 năm ấy thì thật là chuyện vui sướng lớn lao! Vẫn mong ông nói rõ nguyên do với đại chúng núi Nga Mi, ngõ hầu những kẻ mù quáng chẳng đến nỗi chê là hủy hoại di tích cổ vậy!

(Ngày 21 tháng Giêng)

250. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi tám)

Nhận được thư hôm qua, khôn ngăn mừng cho nhân dân vùng Quảng An. Những huấn từ dành cho các trường học do ông đã soạn đều khế lý, khế cơ; nhưng nếu để giáo huấn rộng rãi, chớ nên không lấy nhân quả làm tiền đề. Từ khi Trình - Chu bài xích nhân quả trở đi, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả; một là cố giữ thói xấu hèn "kéo bè tụ đảng những người cùng ý kiến để công kích kẻ khác ý kiến", hai là cái tâm lén lút mong ngóng được tiếng "thuần Nho", được thờ trong Văn Miếu, đến nỗi trị quốc, trị dân, trị gia, trị tâm đều không có căn bản. Cái thói phế kinh điển, phế luân thường, giết cha, giết mẹ trong thời gần đây đều do học thuyết bài xích nhân quả tạo thành. Nay thì coi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu, Khổng đều thua kém người Tây Phương. Há nên sợ bị kẻ cố chấp công kích mà chẳng dám nói ra những thói xấu kết chặt, khiến cho người nghe vẫn chẳng biết được bí quyết thật sự để chữa lành bệnh, há chẳng đáng thương xót lắm ư?

Mồng 8 tháng 8, pháp sư Đức Sâm rời đất Tô, sang thăm viếng mấy nơi ở Giang Tây (Cửu Giang, Lô Sơn, Cát An), tới ngày 25 mới tới đất Cám (tức huyện Cám, tỉnh lỵ Giang Tây). Mẹ thầy ấy vẫn còn khỏe mạnh. Điện Quán Âm chùa Thọ Lượng đã xây xong, có thể sắp xếp tăng chúng yên cư tu hành được rồi. Ước

[324] Mộc Bì chính là tên cũ của chùa Đại Thừa tại Nga Mi. Do chùa lấy những phiến gỗ để lợp mái nên có tên như vậy. Tấm bia sắt này được dựng gần chùa Đại Thừa, thường được gọi là Cấm Thanh Thiết Bi (bia sắt cấm nói).

chừng trước Rằm tháng 10, chắc thầy ấy sẽ trở về đất Tô. Gần đây, ông Hứa Chỉ Tịnh cũng tới Báo Quốc. Đợi thầy Đức Sâm trở về, Quang sẽ xuất quan, nhưng vẫn ở Báo Quốc. Năm tới, sau khi Cửu Hoa Chí được in ra, sẽ quyết định chuyện đi hay ở. Nay gởi cho ông hai gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, mười gói Niệm Phật Khẩn Từ, một gói Hám Sơn Niên Phổ, một gói Viễn Công Văn Sao, mười gói Tọa Hoa Chí Quả, ba gói An Sĩ Toàn Thư, ba gói Quán Âm Tụng, năm gói Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, năm gói Nhân Sanh Chỉ Tân, một gói Sức Chung Tân Lương, một gói Liễu Phàm Tứ Huấn, ba gói Gia Ngôn Lục, tổng cộng là 45 gói để giúp cho ý nguyện giáo hóa dân cao cả của ông.

(Ngày 21 tháng 9)

251. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi chín)

Nhận được hai lá thư, khôn ngăn cảm thán. Công ước Bảo Giáp[325] thật hay, tiếc rằng các Huyện trưởng trong cả nước chẳng chú ý đến chuyện này. Mồng 7 tháng này, thầy Đức Sâm đã trở về; đầu tháng 9, ông Hứa Chỉ Tịnh tới đây. Thầy Minh Đạo bị bệnh đã lâu, đã qua đời vào hai giờ rưỡi sáng ngày 19 tháng này, ngày 21 chuyển linh cữu tới Linh Nham, ngày 25 đưa đi hỏa thiêu, đưa tro vào tháp Phổ Đồng chùa Linh Nham. Đã nhận được 60 đồng rồi, sẽ dùng làm chi phí ấn tống kinh sách. Lần này nếu có đại họa, quả thật Quang chẳng có ý nghĩ dời chuyển, vì già bệnh sợ lạnh, chẳng thể dời chuyển. Đừng nói chi Quang chẳng dời chuyển, ngay cả thầy Đức Sâm, ông Hứa cũng chẳng dời chuyển. Vì nếu Quang ra đi, chùa Báo Quốc liền bị bỏ hoang, không có người duy trì. Huống chi mấy chục vạn người ở Tô Châu đều chẳng bỏ đi, sao tăng đồ chúng ta lại sợ chết bỏ đi, càng gây thêm kinh hoảng lớn lao cho người đất Tô.

Năm Dân Quốc 21 (1932), Tô Châu cũng gặp nguy, mười phần hết bảy phần bỏ đi, vẫn có người nhất quyết không bỏ đi. Phàm những người lánh nạn đều gặp nạn cướp bóc, còn người chẳng lánh nạn lại an nhiên không tai ương, hoạn nạn. Có mấy nơi gởi thư mời Quang sang chỗ họ, Quang trả lời: "Nếu gặp nguy hiểm, so ra bị trúng bom chết sẽ tốt đẹp hơn ôm lòng lo lắng sợ hãi bị cướp bóc trên đường đi trong suốt một thời gian dài nhiều lắm." Nếu lần này chiến sự nổ ra, sẽ lấy chuyện "không di chuyển đi đâu cả" để tự giữ mình. Ai nấy đều khó tránh khỏi cái chết; rong ruổi, gian nan, lênh đênh mà chết thì chẳng yên vui bằng ở yên không dời động mà chết. Hiện thời, chuyện Hoằng Hóa Xã đều giao cho Quang đảm nhiệm, tùy phần, tùy sức mà làm, trọn chẳng mong mộ duyên, khuyến

[325] Từ năm 1930, chánh quyền Dân Quốc tại Nam Kinh đã quy định tổ chức hệ thống Bảo Giáp: Cứ mười nhà là một giáp（甲）, mười giáp là một bảo（保）, mười bảo là một hương (鄉 hay trấn 鎮). Những quy định chặt chẽ về trị an, tổ chức, giám sát trong mỗi hương được gọi là *Công ước Bảo Giáp*.

hóa rộng rãi khiến người ta đâm chán, dấy lòng ngờ Quang tham tiền. Mong hãy yên lòng đừng lo. Tam giới không yên, chỉ có Tây Phương Cực Lạc là nơi nên dời về, ngoài ra thì không một nơi nào khác đáng để dời về cả. Hiện thời, Quang không xuất quan để bớt bị làm phiền bởi chuyện giảng diễn các nơi. Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến nữa để đôi bên khỏi phải nhọc lòng.

252. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba mươi)

Trước kia, sư Thánh Khâm đến đây cầm theo thư ông và 20 đồng, hai chữ "cúng dường" tôi nào dám nhận! Liền gởi cho ông mười mấy gói sách như Khuê Phạm v.v. để mong hữu ích cho quý xứ. Hiện tại, pháp yếu ma mạnh, kẻ thông minh phần nhiều theo về phái của gã X… Hắn ta ôm thành kiến cách mạng, nhưng do chưa nắm được đại quyền nên chưa thể mãn nguyện. Nếu nắm được đại quyền, ắt sẽ lập tức tiến hành đuổi tăng đoạt tài sản để làm tổ nghiệp vĩnh viễn cho quyến thuộc của hắn. Những ông tăng bị xua đuổi ở những nơi khác sẽ được phân phối về các chùa làm công cụ chống đỡ mặt ngoài cho hắn. Hạng người như vậy há nên cùng bàn bạc, làm việc chung ư? Quang vốn biết chuyện trong pháp môn khó thể duy trì, vì thế chẳng làm chủ chùa miếu, chẳng thu nhận đồ chúng. Nay đã già rồi, hết thảy mọi chuyện đều chẳng can dự, do ông chẳng biết nguyên do nên phải nói đại lược. Chuyện ảnh chụp là chuyện nhỏ nhặt nhất trong những chuyện vụn vặt (hòa thượng Thánh Khâm đã cầm đi rồi), há nên bảo Thánh Khâm ứng tiền ra trả trước, ông sẽ trả lại cho thầy ấy sau? Huống chi ông đã gởi tới 20 đồng, dẫu Quang hẹp lượng, lẽ đâu lại có cử chỉ chẳng đếm xỉa tình người như thế? Ông nói lời ấy, cũng là chưa suy nghĩ kỹ càng đó thôi! Khiêm tốn quá đáng thì cũng gần như hủy báng vậy, đối với hết thảy mọi người hãy đều nên hồn hậu, đừng làm như thế!

253. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ nhất)

Phật pháp mênh mông, phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử trong đời này, trừ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ra, chẳng có pháp nào khác có thể thỏa được nguyện ấy. Cõi đời có bao nhiêu kẻ thông minh đặc biệt thông đạt chuyên lấy việc nghiên cứu kinh luận Đại thừa làm chí hướng, sự nghiệp; nhưng đối với pháp giản tiện, viên đốn nhất này lại ngược ngạo xem là pháp thiển cận, chẳng chịu tu tập. Ấy là vì họ chỉ chú ý nơi lý tánh sâu mầu, không xét kỹ Phật lực chẳng thể lường được. Vì thế, bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, tự phụ là đại thông gia, rốt cuộc đến nỗi chỉ được cái danh, hiếm khi được cái thật. Đâm ra nhường cho kẻ ngu phu ngu phụ vô tri vô thức vượt ngang ra khỏi ba cõi, cao

đăng chín phẩm sen, còn chính mình vẫn tự trầm luân trong biển khổ sanh tử không thoát khỏi được, há chẳng đáng buồn lắm ư? Ấy là căn bệnh chung của đại đa số người học Phật trong thế gian này.

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh ra mới được sáu tháng liền mắc bệnh mắt, suốt cả sáu tháng không mở được mắt, trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Do nhân duyên ấy, mắt chẳng bằng người khác. Sau này xuất gia, được thấy pháp môn Tịnh độ, liền chuyên tâm nơi một chuyện này. Nếu có ai chẳng coi tôi là hạng tầm thường, ngu dốt thì đều đem những điều này nói với họ. Nếu ai tự phụ là đại thông gia, cũng mặc cho người ấy làm đại thông gia. Ông muốn quy y, hễ có chí mong liễu sanh tử thì được, chứ nếu muốn làm đại thông gia thì chẳng được! Nay đem lầm đáp lạc, đặt cho ông pháp danh là Huệ Dung, nghĩa là nương theo trí tuệ của Phật, do nơi pháp môn Tịnh độ này mà dung hội quán thông hết thảy các pháp, khiến cho hết thảy mọi người từ chỗ giản ước mà nhập đạo để khỏi đến nỗi than thở: "Ngày đã xế chiều mà đường vẫn còn xa!"

Nay tôi gởi cho ông mấy loại sách, hãy đọc sẽ biết rõ cội nguồn của pháp môn Tịnh độ. Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu phải đặc biệt chú ý! Đối với lời tựa của Quang viết cho những sách ấy, càng phải nên dốc lòng tin tưởng, chớ nên vì văn chương không tao nhã trôi chảy mà xem thường. Đối với kinh ấy, sách ấy, tin cho tột bậc sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, có thể tự lợi, lợi người. Đang trong lúc nguy hiểm khôn lường này, nhằm lúc không có pháp gì cứu được mà bỏ một pháp này thì Phật cũng chẳng thể lập được cách nào khác. Xin hãy đọc kỹ! Quang mục lực không đủ, xin đừng thường gởi thư đến để khỏi bị nhọc nhằn.

(Ngày 20 tháng 6 năm Bính Tý - 1936)

254. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ hai)

Đề xướng Phật học, hãy nên lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Làm được như thế thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế đều chẳng trái nghịch. Nếu không, đối với danh giáo còn là tội nhân, nào kham học Phật để mong liễu sanh thoát tử ư? "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", đấy chính là giới đại lược trong giới kinh nhà Phật. Văn Xương Âm Chất Văn trích dẫn câu này, người ta chỉ biết Âm Chất Văn có câu này, chẳng biết lai lịch của nó sâu xa như thế. Điều phải nên chú trọng của người học Phật trong đời mạt là biết nhân quả và tu Tịnh độ. Bởi lẽ, biết nhân quả sẽ chẳng dám lừa mình dối người, làm chuyện thương thiên hại lý, tổn người lợi mình.

Tu Tịnh độ thì tuy là phàm phu đầy dẫy triền phược vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương. Các pháp môn khác đều phải đoạn hết sạch phiền não (tức kiến hoặc và tư hoặc trong tam giới) mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu không, dù đại triệt đại ngộ, có đại trí tuệ, đại biện tài, hiểu được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới, vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ đầy dẫy phiền não ư? Giảng Tịnh độ thì phải nói cặn kẽ đạo lý: "Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, là đạo để hạ phàm lẫn thượng thánh cùng tu. Chúng sanh đời mạt chẳng biết chẳng tu pháp này thì chỉ gieo được thiện căn trong đời vị lai, trọn khó thể thoát luân hồi trong đời này" v.v..

Kinh Địa Tạng nói nhân quả khá rõ ràng, rộng rãi, chú giải kinh ấy chỉ có sách Khoa Chú[326] là đáng xem. Tàng kinh viện Dương Châu có khắc sách Địa Tạng Khai Mông[327], chẳng đáng xem! Bởi lẽ, nguyên bản đã không hay lắm, lại bị kẻ không thông hiểu sửa chữa nên càng kém hay hơn. Mười mấy năm trước có người tặng bản chú giải kinh ấy cho Quang, Quang bảo kẻ ấy hãy cầm đi, vì Quang chẳng dám tặng lại cho người khác. Nay gởi cho ông cuốn Khoa Chú do Quang còn giữ được, bản này chú giải rất rõ ràng, tường tận. Do chưa đủ để xếp thành một bưu kiện, nên đem bản chú giải Hiếu Kinh do một đệ tử đã tặng cho Quang bỏ thêm vào. Người này học rộng nhưng ham danh, vì thế khi chú giải đã chú trọng diễn giảng cho thật rộng, nhưng dùng sách ấy để làm tài liệu tham khảo thì cũng chẳng phải là vô ích. Còn kèm thêm hai cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, nếu đọc kỹ hai lời tựa và lời bạt của Quang in ở đầu sách và cuối sách thì đề xướng Phật học sẽ chẳng đến nỗi bỏ pháp môn cậy vào Phật lực, đề cao pháp môn cậy vào tự lực vậy.

Lại gởi cho ông một gói Vô Lượng Thọ Kinh Tụng, bài tụng ấy tuy chưa thể hiển lộ triệt để ý nghĩa của kinh, nhưng có thể làm trợ duyên cho kẻ sơ cơ. Thiền sư Đạo Xước[328] đời Tùy suốt đời chuyên hoằng truyền Tịnh độ, giảng ba kinh

---

[326] Tức bản Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú do ngài Thanh Liên Linh Kiệt soạn vào đời Khang Hy nhà Thanh.

[327] Tác phẩm này có tên đầy đủ là Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Kinh Khai Mông, gồm ba quyển, do sư Thích Phẩm Cam đời Thanh biên soạn. Trong bài Địa Tạng Bồ-tát Thánh Đức Đại Quan, đại sư Hoằng Nhất đã chê tác phẩm Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Kinh Khai Mông như sau: "Rối loạn, hỗn tạp, chẳng đáng để lưu thông."

[328] Đạo Xước (562-645) là một vị cao tăng Tịnh độ, người huyện Vấn Thủy, Tinh Châu (nay thuộc Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây), có thuyết nói sư là người Tấn Dương, thường được gọi là thiền sư Tây Hà. Sư kế thừa tư tưởng của ngài Đàm Loan, được coi là người có công khai phá tông Tịnh độ đầu đời Tùy-Đường. Xuất gia năm 14 tuổi, học rộng các kinh luận, đặc biệt yêu thích kinh Đại Niết-bàn, được coi là một học giả hàng đầu về kinh Niết-bàn thời ấy. Sư từng giảng kinh Niết-bàn đến 24 lượt. Sau sư về trụ trì chùa Huyền Trung (do ngài Đàm Loan sáng lập). Năm Đại Nghiệp thứ năm (609) nhân đọc bài văn bia về ngài Đàm Loan ở trong chùa bèn cảm kích, phát tâm chuyên tu và hoằng dương Tịnh độ. Từ đó cho đến khi mất, mỗi ngày dư niệm Phật bảy vạn câu. Riêng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, dư từng giảng hơn 200 lần, chủ trương bất luận tại gia hay xuất gia đều nên lấy niệm Phật làm pháp tu chủ yếu.

Tịnh độ gần 200 lượt, đủ biết trong một năm ngài giảng bốn năm lượt; chẳng nề hà trùng lặp, chỉ mong ai nấy đều hiểu rõ. Người đời nay ắt chẳng chịu giảng trùng lặp nhiều lần như thế. Cổ nhân lấy lợi người làm gốc, người đời nay lấy cầu danh làm gốc. Nếu chuyên giảng Tịnh độ, chắc người ta sẽ coi thường. Vì thế chẳng chịu chuyên tinh dốc sức nơi một pháp!

(Ngày mồng 5 tháng 6)

255. Thư trả lời cư sĩ Thời Nhược

Trước kia, Lận Bá Thao nói ông muốn thỉnh 50 bộ Quán Âm Tụng, do vậy tôi bảo Trung Hoa Thư Cục thay mặt tôi gởi cho ông 8 gói, tức là 56 bộ. Sau đấy, do đường bưu điện không thông, hoặc sách bị trở ngại vì nhà in không giao ra, hoặc bị chậm trễ giữa đường, nay chắc ông đã nhận được rồi. Ba bốn ngày hôm trước, Lận Bá Thao tới đây, giao món tiền ba mươi mấy đồng - trong chốc lát tôi không nhớ rõ, sợ là 36 đồng - nói 20 đồng dùng để thỉnh Quán Âm Tụng. Cứ 100 bộ Quán Âm Tụng là 34 đồng. Mỗi gói sách đều được thư cục gởi bảo đảm, như vậy thì tốn thêm 2 cắc để ngừa trường hợp người giao sách làm ăn cẩu thả, không gởi bảo đảm thì không xong! Hết sạch 20 đồng rồi.

Hôm nay gởi cho ông Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám, Học Phật Thiển Thuyết, Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải, Khuê Phạm, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng v.v.. Tổng cộng 13 gói, cũng chẳng cần phải tính tiền là bao nhiêu. Do Quang thấy người đất Tần suốt mấy năm qua do đường bưu điện bị cách trở chẳng thể gởi sách để người quê tôi được nghe Phật pháp, thật là một điều áy náy lớn lao! Gia Ngôn Lục đã hết, vì thế chỉ gởi được một hai cuốn; đợi đến lần in thứ hai vào tháng 11 hoặc lần in thứ ba vào tháng Chạp tôi sẽ gởi thêm mấy gói nữa.

Năm ngoái, ông đã cậy Lận Bá Thao chuyển thư xin quy y, thư ấy tôi chưa nhận được, nay viết bổ sung pháp danh là Huệ Thái. Ấy là vì hễ thời gian thuận tiện, suôn sẻ thì là điềm tốt lành. "Thái" (泰) là nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dày, phàm muốn học Phật, ắt phải học thành bậc hiền thiện trước đã. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng

---

Sư cũng đề ra cách dùng hạt đậu để nhớ số câu niệm Phật, khởi đầu truyền thống dùng xâu chuỗi để nhớ số câu niệm Phật. Năm Trinh Quán thứ ba (629), biết đã đến lúc vãng sanh, sư thông báo cho đồ chúng vân tập. Khi mọi người đã đến đầy đủ, chợt đại chúng thấy ngài Đàm Loan hiện thân, cho biết sư dư báo chưa hết. Đến năm 70 tuổi, sư mọc răng mới. Đường Thái Tông nghe tin, đích thân ngự giá chiêm ngưỡng, ban tặng sư nhiều thứ quý báu. Sư thị tịch vào năm sau, diện mạo tươi nhuận, thần trí sáng suốt, giảng diễn tịnh nghiệp thao thao, ý nghĩa sâu thẳm. Môn nhân nổi tiếng có những vị Thiện Đạo, Đạo Phủ, Tăng Diên, Đạo Ngân v.v.. Sư còn để lại các tác phẩm như Tịnh Độ Luận, An Lạc Tập v.v..

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì vẫn là tội nhân trong thế gian. Ví như kẻ ghẻ chốc, lở lói, làm sao hầu hạ Thiên đế cho được? Vì vậy, trước hết phải lập nền tảng từ luân thường để làm cái gốc học Phật. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục thì hết thảy những cách tự lợi, lợi người sẽ đều có thể biết rõ!

256. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống

Quang nay đã già cả, tinh thần chẳng đủ, lại còn ba bộ Sơn Chí phải cấp bách sửa chữa không thể trì hoãn được, nên đã sớm cự tuyệt hết thảy. Do ông có lòng thành nên viết đại lược cho ông mấy câu. Đặt pháp danh cho em trai ông và Hà Ánh Tây, Lương Trụ pháp danh là Huệ Trụ, Hà Ánh Tây pháp danh là Huệ Tây, nghĩa là lập chí dốc lòng tu trì pháp môn Tịnh độ tự lợi lợi tha, giống như trụ chống trời, như vầng trăng sáng ngời trời Tây vậy. Những điều khác đã nói tường tận trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, có gởi cũng không trả lời!

(Ngày 25 tháng 7)

257. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ nhất)

Xem bài thơ bà đã làm, thanh điệu, ý tưởng quả thật chẳng kém cổ nhân, nhưng chỉ là thơ của thi nhân, nỗi niềm tình tự sầu oán, tợ hồ mang hơi hướng của kẻ trọn chưa hề nghe đạo! Nếu Quang đề tựa cho tập thơ của bà, sẽ trở thành cùng một loại nhân vật như bà. Bà đã có huệ căn ấy, nỡ nào để nó bị tiêu diệt, mòn mỏi bởi bi oán? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, ta đã có Phật tánh, lại mặc kệ cho phiền não che lấp, trải bao kiếp chẳng tỏ lộ được ư? Hãy nên chuyển nỗi niềm sầu oán ấy thành nỗi niềm tha thiết niệm Phật, thì sống sẽ dự vào bậc thánh bậc hiền, khi mất sẽ dự vào Liên Trì hải hội. Nếu thật sự có túc căn sẽ chẳng phụ lời quở trách này của lão tăng!

258. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ hai)

Nhận được thư, tôi khôn ngăn mừng vui, an ủi, chỉ vì gặp đúng dịp thiện tín xa gần lên núi Phổ Đà dâng hương, công việc bận bịu, đành chịu lỗi chẳng thể trả lời ngay. Nói chung, người thông minh đa phần đều kiêu ngạo, tự cho mình là đúng, chẳng chịu nghe người khác quở trách. Quang thẹn mình thiếu học vấn, đạo đức, chẳng thể tạo ích lợi mảy may gì cho cõi đời; do vậy chỉ mang ý nguyện "làm hòn đá nơi núi khác", tôi muốn giống như hòn đá mài thô ráp để mài giũa vàng ròng tươi đẹp khiến cho vàng ấy được trở thành vật báu trong cõi đời. Do vậy, ba lần gặp gỡ, chẳng hề dùng lời khen ngợi để khích lệ bà, chẳng dùng tình cảm thông thường của người đời để khuyên nhủ, mà chuyên dùng Phật pháp để

chỉ dạy. Lời lẽ trong thư và lời lẽ trong ba lượt gặp mặt đều quở trách khá gay gắt, ngỡ từ nay ắt bà trọn chẳng thèm hỏi tới nữa. Nhưng qua những điều giãi bày trong thư cho thấy bà sanh lòng khá cảm kích. Đủ thấy bà là người có túc căn sâu xa, thấy lý rõ ràng, chẳng tự cho mình là đúng, chịu nghe lời tốt lành!

Nếu tận tình buông xuống được tập khí của hạng người có tài năng và thói hư huyễn của Âu Tây, giữ vẹn bổn phận, coi trọng luân thường, tận tụy thực hiện chuyện giáo dục trong gia đình, để hết thảy hàng phụ nữ được ngưỡng vọng khuôn mẫu tốt đẹp. Lại còn sanh lòng tin, phát nguyện, tự tu tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, ngõ hầu cùng được giải thoát, trở thành bậc mẫu nghi nơi khuê các, là bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, thì nước ta được hưng thịnh sẽ là điều chắc chắn. Nhưng lời lẽ của văn nhân phần nhiều là phù phiếm hời hợt, nếu có thể chân thật làm đúng như những điều đã nói trong sách, trong thơ thì những điều Quang kỳ vọng trên đây nhất định sẽ được trở thành sự thật.

"Ham cao, chuộng xa, thấy lạ, nghĩ khác" chính là căn bệnh chung của văn nhân lẫn người học đạo hời hợt, phù phiếm. Cần biết rằng: "Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi, đạo của Như Lai chỉ là giới định tuệ mà thôi!" Dẫu cho vạn thánh, muôn Phật nối tiếp nhau xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng thể thay đổi chương trình một tí ti nào. Hiểu rõ điều này, sẽ tự biết những kẻ thấy lạ nghĩ khác đều do trong tâm không có chủ ý, chẳng phải là hạng pháp khí có thể tiếp nhận đạo mà ra. Trong Phật pháp có vô lượng pháp môn, nếu muốn cậy vào tự lực thì để đạt được chỗ chỉ quy nơi Thiền, Giáo, Luật hay Mật còn chẳng phải là dễ dàng, huống là sẽ do những pháp ấy mà chứng Vô sanh nhằm liễu sanh tử ư?

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn thẳng tắt nhất, viên đốn nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, huyền diệu nhất để làm cho khắp hết thảy thánh phàm cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Nếu chẳng gai mắt vì văn tự của Văn Sao, xin hãy đọc kỹ, thực hành theo. Rồi sau đấy mới đọc các trước thuật về Tịnh độ của cổ đức thì thế sẽ như chẻ tre, như nước từ nguồn thuận dòng đổ xuống. Ý nghĩa lời thơ của bà thật hay, nhưng muốn khỏi bị chê bai là nói thêu dệt thì cần phải thực hành những sự ấy. Nếu không, nào phải chỉ là nói thêu dệt, mà còn là nói dối, nói đùa bỡn, nói gạt tam bảo! Hơn 40 năm Quang chẳng làm thơ nên chẳng thể họa thơ được.

259. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết lá thư lần trước vẫn chưa khiến bà chán ghét Quang. Thư lần này, trừ những lời khen ngợi Bất Huệ quá lố ra, đều là những lời thật tình.

Một hơi thở ra không hít vào được sẽ liền thuộc vào đời sau. Lúc ấy dẫu "tài cao tám đấu, học giàu năm xe"[329] cũng vô ích! Nếu chẳng sớm tu trì tịnh nghiệp cho kịp, đợi tới lúc ấy mới biết sống uổng cuộc đời này, uổng đem thiện căn đã gieo trong đời trước phí sạch vào những thứ văn tự sáo rỗng, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn Tịnh độ quý nơi thật hành. Nay đã biết như vậy, hãy nên tùy phần tùy lực mà hành thì mới có lợi ích thật sự.

Nếu chỉ nghiên cứu, chẳng chịu trì thánh hiệu Phật, để mong gần là tiêu trừ nghiệp chướng, tăng phước tuệ, xa là thoát tam giới để lên chín phẩm sen, thì vẫn là tập khí của văn nhân. Có tập khí ấy mà muốn đạt được lợi ích chân thật là "liễu sanh tử, chứng vô sanh" sẽ thật khó khăn muôn vàn! Nếu có thể phát tâm đại Bồ-đề, trong lúc rảnh rỗi việc công, chuyện tư, hãy thật hành hạnh chất phác niệm Phật của ngu phu, ngu phụ, thì những chuyện như "trong tương lai sẽ là bậc mẫu nghi chốn khuê các, là bậc thầy gương mẫu cho nữ giới và dự hội Liên Trì, đích thân được đức Phật thọ ký" đều có thể đạt được. Xin hãy dốc hết sức nơi thân để thực hiện chẳng bê trễ những hạnh ấy, chẳng dám cố ý làm trò đùa bỡn kẻo mắc tội với tam bảo. Thường nhớ chẳng quên những điều như thế thì may mắn lắm thay! Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, ước chừng sau một tháng rưỡi nữa Quang sẽ sang Thượng Hải.

260. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tư)

Lúc bà gặp Quang vào năm Dân Quốc 16 (1927), Quang mừng vì bà khá thông suốt, có trí tuệ, lại có thể tiếp nhận được lời chỉ trích của người khác, nên vẫn thường mong bà sẽ là người hướng dẫn tốt lành cho nữ giới đất Chiết Giang. Sau này trọn chẳng nghe tin tức gì, Quang cho rằng do không có người nhắc nhở, duy trì, thiện căn đã phát khởi tại Phổ Đà lại bị tiêu diệt rồi. Nhưng Quang cũng chẳng muốn đa sự, ép kẻ khác làm chuyện họ không muốn. Đến khi đọc tập thơ của bà, ý tứ hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo ấy! Do vậy mới khơi gợi, dẫn dắt đại

---

[329] *"Tài cao tám đấu"* (tài cao bát đẩu) là một thành ngữ xuất phát từ câu nói đầy tự phụ về tài văn chương của Tạ Linh Vận đời Nam Tống: "Tài năng của thiên hạ được một thạch thì Tào Tử Kiến chiếm hết tám đấu, ta chỉ được một đấu, thiên hạ chia nhau một đấu." Tạ Linh Vận là một thi gia nổi tiếng đời Nam Tống, lời thơ rất đẹp, được người đương thời tán thưởng, đua nhau sưu tập. Ông còn rất giỏi thư pháp, nên thơ và chữ viết của ông được xưng tụng là Nhị Bảo thời ấy. Tào Tử Kiến chính là Tào Thực, con trai thứ của Tào Tháo, là một thi nhân lừng danh thời Tam Quốc, được xưng tụng là *"thất bộ thành thi"* (chỉ trong bảy bước chân đã làm xong thơ).

"Học giàu năm xe" (học phú ngũ xa) là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói trong phần Thiên Hạ trong thiên Tạp Biên sách Trang Tử: *"Huệ Thi hữu phương, kỳ thư ngũ xa"* (Huệ Thi hiểu rộng, sách đến năm xe). Huệ Thi là một nhà triết học thời Chiến Quốc, nổi tiếng học rộng, thông thạo rất nhiều lãnh vực. Do thời cổ, chưa có giấy, sách được viết trên những thẻ tre nên phải dùng xe để chở.

Cả hai thành ngữ này thường được ghép chung để ca ngợi người vừa có tài văn chương vừa học rộng.

lược; về sau thấy thư trả lời của bà, thật an ủi, thỏa lòng. Do vậy biết rằng: Nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên!

Tờ Hoằng Pháp Xã San do bà đã gởi, vì bận bịu chẳng rảnh rỗi, nên chỉ xem những truyện của bà họ Tăng, bà tiết phụ họ Khổng và bà X… nọ cùng với bài Bát Thức Tứ Tân Chủ Tụng. Văn lẫn ý đều hay, nhưng câu chữ trong nhà Thiền đều "ý nằm ngoài lời". Những câu văn trong bài Tứ Tân Chủ tợ hồ có ý nghĩa, văn nhân thông minh có thể mô phỏng. Nếu là lời vô nghĩa hoặc ý nghĩa tối tăm để đáp cho phù hợp với căn cơ của người hỏi đạo, chắc chắn người đọc sách Thiền chẳng thể dựa theo ý nghĩa của lời văn để hiểu được. Nếu thật sự có sở ngộ, sẽ chẳng ngại gì đề xướng, nêu tỏ. Nếu chỉ cậy thông minh rồi mô phỏng thì chớ nên viết bừa bãi như thế. Điều này rất khác xa với Giáo, phải thận trọng tột bậc! Nếu thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì cũng có thể nhanh chóng hiểu được ý chỉ ấy; nếu chưa thật sự biết, chớ nên hàm hồ, mạo nhận là bậc thông gia. Do con người gần đây thường ưa trộm tiếng nên Quang rất không muốn người khác do vậy mà mắc tội, cho nên mới nói với bà.

261. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ năm)

Buổi chiều tôi nhận được một gói Hải Âu Tập, nhân tiện bèn đọc đề mục, bài này cũng đã đăng trên tờ Hoằng Pháp Xã San của pháp sư Bảo Tịnh rồi. Phần luận về Tần Thủy Hoàng có phần quá kịch liệt, rất trái với trung đạo. Phần ca ngợi tài năng của Tần Thủy Hoàng có thể gọi là "tinh mắt"; nhưng hoàn toàn suy tôn Tần Thủy Hoàng, xem chuyện đốt sách chôn Nho sĩ là bản lãnh lớn thì đã nói quá lời. Hắn ta muốn ngu dân nên đốt sách, chứ đâu phải vì sợ tà thuyết lừa gạt dân mà đốt sách. Nếu phàm là những tà thuyết đều đốt đi thì sẽ có công, đằng này hắn lại đốt những sách luận về chánh trị, đạo đức. Do hắn coi kinh Dịch là sách bói toán nên không xếp vào loại sách bị đốt.

Thánh nhân nắm địa vị, người lành chấp chánh, kẻ ác sẽ bị cảm hóa theo. Hắn đem chôn những người chẳng hùa theo mình, chỗ này há nên đề cao ca ngợi, còn hận chẳng thể chôn sạch hết ư? Cư sĩ tài lực có thừa, nhưng hàm dưỡng chưa đủ, chỉ mong sướng miệng một chốc, trọn biến thành kẻ cuồng chẳng đoái hoài tới chuyện gây lầm lạc cho kẻ vô tri. Quang là kẻ sẽ chết trong sớm tối, vô ích cho đời, chỉ vì cư sĩ túc căn sâu dày nên tôi đặc biệt rèn giũa. Chẳng biết cư sĩ có nghĩ như vậy là đúng hay chăng?

262. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ sáu)

Người thông minh trong thế gian thường tự phụ thông minh, chẳng chịu trống lòng tiếp nhận người khác chỉ trích. Bà túc căn sâu dày, quả thật là nền tảng để

tăng tiến đức hạnh. Đọc thư bà khôn ngăn khâm phục. Những lời lẽ trong nhà Thiền đừng nói là chưa ngộ, dẫu ngộ mà chẳng khéo biết căn cơ đến nỗi gây lầm lạc cho người ta thì quả thật là tự mình chuốc họa. Trước kia, trong thời kỳ Phật pháp của đức Ca-diếp Phật, chủ nhân núi Bách Trượng do nói một câu chẳng khế cơ, đến nỗi đọa thân làm chồn hoang 500 kiếp. Tới đời Đường, ở trước tòa của thiền sư Bách Trượng Hoài Hải kể rõ chuyện ấy mới được thoát. Do vậy biết rằng, quả báo của kẻ dùng lời lẽ nhà Thiền để làm trò đùa trẻ con nhằm khoe tài nhạy miệng đáng sợ tới cùng cực!

Cư sĩ chỉ thực hành lễ tụng, đợi đến khi phàm tình thánh kiến đều chẳng còn nữa thì tất cả những lời đối đáp ứng theo căn cơ trong nhà Thiền sẽ đều hiểu rõ ngay. Dẫu đã hiểu rõ ràng, vẫn chẳng thể không thận trọng chuyện ấy. Như lời nói trước kia của chủ nhân núi Bách Trượng thật ra chẳng sai, nhưng vì đáp sai căn cơ của người hỏi mà bị quả báo làm chồn hoang 500 kiếp, huống gì lời đáp hoàn toàn sai lầm ư? Đối với món tiền 10 đồng, tôi vẫn dùng để gởi cho cư sĩ những sách quan trọng nhằm mong sao những bậc anh hiền chốn khuê các đất Ninh Ba sẽ cùng được gội nhuần sự giáo hóa của Phật. Đông người, ít sách, làm sao gởi trọn khắp được? Vì thế lại gởi một gói gồm 500 tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp để học sinh trong nhà trường mỗi trò có được một tờ. Được cư sĩ diễn thuyết, bọn họ ắt sẽ vui vẻ noi theo. Nếu thoạt đầu mở trường dạy học cho nữ sinh mà chỉ chú trọng tiền vốn và cầu lợi thì lợi ích đã nhỏ lại càng bé lắm, đấy chẳng phải là điều Quang mong mỏi nơi cư sĩ!

Cố nhiên, Ninh Ba chẳng thiếu người tin Phật, nhưng dùng miệng lưỡi tươi đẹp, bóng bẩy, ngòi bút gấm thêu để đề xướng pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp qua những pháp như luân thường, xử sự hằng ngày, hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ thì quả thật chẳng thấy được mấy ai như thế. Cư sĩ đã có tư cách như vậy, tiếc là mấy năm qua vẫn chưa chân thật phát tâm. Nay đã phát tâm rồi, nỡ nào để hết thảy phụ nữ suốt đời chẳng được gội nhuần sự giáo hóa của Phật, chẳng biết đường vượt thoát hòng liễu sanh thoát tử? Đấy chính là điều Quang thay mặt các đấng giáo chủ hai cõi khuyên nhắc bà vậy!

263. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ bảy)

Nhận được thư, dường như bà đã biết rõ sâu xa căn bệnh, nhưng vì tập khí văn tự quá sâu, dẫu tự biết nhưng chưa thể thật sự thống thiết sửa đổi được, vậy thì suốt cuộc đời vẫn chỉ là một bậc thầy về văn chương, chứ lợi ích thật sự nơi Phật pháp sẽ đều do tập khí ấy mà bị cách xa. Vì vậy, Phật pháp xếp *thế trí biện thông* vào tám nạn, đáng cảnh tỉnh sâu xa lắm! Bài thơ "Đọc bộ Tông Kính Lục của ngài Vĩnh Minh" thanh vận réo rắt, chẳng phải là người đã sẵn có huệ căn từ

kiếp trước sẽ chẳng thể làm được, nhưng đấy vẫn là chướng ngại cho người tu đạo. Bởi lẽ, những lời lẽ ấy đều do phỏng đoán, suy lường mà thành, chẳng thể sánh với những lời thuận miệng thốt ra của bậc thật sự đắc đạo. Muốn cho cư sĩ giết chết cái tâm mong ngóng làm thơ soạn văn thì đối với con người hiện thời chẳng thể không khai thị quyết liệt như vậy.

Nay dẫn một câu chuyện xưa để làm tấm gương tày liếp thì bậc thầy thi văn sẽ trở thành bậc long tượng gánh vác huệ mạng của Như Lai, vĩnh viễn làm bậc mẫu nghi chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới mà chẳng phải dụng công. Chuyện này được chép trong truyện đại sư Diệu Phong thuộc bộ Phổ Đà Sơn Chí, hai bộ Thanh Lương và Nga Mi Sơn Chí cũng đều có chép, vì đối với cả ba núi đại sư đều có nhân duyên, cho nên chẳng ngại ghi chép tường tận. Vị sư này là hạng người ít thấy trong đời mạt, được lợi ích nhờ bài thơ của Sơn Âm Vương viết lên đế giày gởi cho sư trong khi sư đang bế quan, nhờ đó sư được đại triệt đại ngộ, chẳng còn coi trọng thi kệ nữa!

*** Phụ lục truyện của đại sư Diệu Phong để tiện tham khảo**

Sư Diệu Phong đời Minh tên là Phước Đăng, người huyện Bình Dương, tỉnh Sơn Tây, họ Tục, là hậu duệ của Tục Cúc Cư[330] thời Xuân Thu. Sư sanh ra mang tướng lạ, môi hớt, răng hô, mũi hếch, hầu lộ, mồ côi năm 7 tuổi, phải chăn dê cho người làng. Năm 12 tuổi xin xuất gia với một vị tăng ở ngôi chùa gần đấy. Do bị tăng ngược đãi, bèn trốn đến Bồ Bản, đi xin ăn ở chợ, tối ngủ ở Văn Xương Các. Gác ấy do Sơn Âm Vương xây, thỉnh ngài Lãng Công chùa Vạn Cố trụ ở đó. Một ngày kia, Sơn Âm Vương trông thấy, bảo với Lãng Công: "Đứa trẻ này ngũ quan[331] đều lộ, thần chí ngưng tụ, xương cứng, mai sau ắt thành bậc đại khí. Hãy nhận làm đồ đệ, trông nom cho khéo!" Không lâu sau, động đất lớn, nhà cửa dân chúng đổ sạch, Phước Đăng bị nhà sập đè lên nhưng chẳng bị thương gì. Vương càng lấy làm lạ hơn, bèn sửa Thê Nham Lan Nhã ở núi Trung Điều, bảo Phước Đăng bế quan ở đó để chuyên tu thiền quán, lập hạn bế quan là 3 năm.

Bế quan chưa lâu, liền có chỗ ngộ, làm kệ trình lên Vương, Vương nói: "Đứa trẻ này kiến xứ đã như thế, nếu chẳng chiết phục, mai sau ắt phát cuồng", liền cắt lấy đế chiếc giày rách, viết bài kệ rằng: *"Giả phiến xú hài để, phong tương ký dữ nhữ, tịnh bất vi biệt sự, chuyên đả tác thi chủy"* (Đem đế giày hôi thối, gói lại gởi cho ngươi, trọn chẳng làm gì khác, chuyên ngóng mỏ làm thơ). Gói lại, đem gởi. Phước Đăng nhận được bèn lễ Phật, lấy dây buộc cổ, từ đấy không nói một chữ

[330] Theo Tả Truyện, quan đại phu nước Tấn tên Hồ Cúc Cư được phong thái ấp ở đất Tục, nên con cháu lấy họ là Tục.
[331] Ngũ quan: năm bộ vị trên khuôn mặt, tức hai gò má, cằm, trán và mũi.

nào nữa. Bế quan 3 năm hoàn mãn, đến gặp Vương đã thông hiểu bổn phận, đầy đủ tướng đại nhân.

(Trích lục truyện đại sư Diệu Phong trong Thanh Lương Sơn Chí)

264. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tám)

Bao nhiêu kẻ thông minh trong thế gian đều bị lầm lạc bởi "chi, hồ, giả, dã"[332], suốt đời chẳng được lợi ích thật sự. Cư sĩ kiếp trước đã gieo huệ căn, thật là khó được, nhưng do lắm tri nhiều kiến, đâm ra thành chướng ngại. Đã tin pháp môn Tịnh độ, sao chẳng chết lòng tu tập pháp này mà lại tu những pháp quán "xoay trở lại nghe nơi tánh nghe, đếm hơi thở, duy thức v.v.". Các pháp ấy đều là pháp môn Đại thừa, nhưng đều thuộc về tự lực, chẳng thể sánh bàn với lợi ích của pháp môn cậy vào Phật lực được! Nay đã phát tâm niệm Phật, hãy nên lấy "tâm tương ứng với Phật, lúc sống đạt được nhất tâm bất loạn, khi báo thân đã tận liền lên thượng phẩm cõi Cực Lạc" làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng cần phải cầu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Tông môn chú trọng khai ngộ, Tịnh tông chú trọng vãng sanh. Kẻ khai ngộ mà chẳng được vãng sanh trong trăm người có đến chín mươi kẻ, người vãng sanh mà chẳng khai ngộ thì trong vạn người chẳng có một ai. Chẳng hiểu đúng nghĩa này, chắc sẽ đến nỗi do cầu khai ngộ mà đâm ra chẳng chú trọng vãng sanh, lầm lẫn lớn lắm! Nay tu pháp môn niệm Phật, hãy nên theo như Đại Thế Chí Bồ-tát đã dạy, lòng thành như con nhớ mẹ, tu thật hạnh "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". Nếu chết sạch được cái lòng mong ngóng thì nhất tâm bất loạn, niệm Phật tam-muội sẽ liền có thể đạt được. Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội, đừng coi là dễ dàng! Dẫu chẳng đạt được ngay, vẫn chẳng cách xa cho lắm. Nhiếp trọn sáu căn là cách niệm Phật hay nhất. Lúc niệm, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, hãy thường nên lắng tai nghe kỹ. Điều này chính là gộp cả hai nghĩa "xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh" và "xoay cái nghe lại để nghe nơi tự tánh" để cùng tu.

Xoay tánh nghe chỉ thuộc về tự lực, xoay cái niệm kiêm thêm Phật lực, lợi ích lớn lắm. Tâm niệm thuộc ý, miệng niệm thuộc thiệt, tai nghe thuộc nhĩ, mí mắt rủ xuống chỉ thấy chót mũi, thì hai căn nhãn và tỵ cũng được nhiếp. Ngũ căn đã cùng gom vào một câu Phật hiệu, lẽ đâu thân căn chẳng cung kính, nghiêm túc ư? Vì thế biết "nhiếp trọn sáu căn" được thực hiện nơi nghe. Nhiếp trọn được sáu

[332] "Chi, hồ, giả, dã" (之乎者也) là bốn hư tự (chữ đệm không có nghĩa lý gì) dùng trong Hán văn để âm vận câu văn được êm tai, réo rắt hơn, hoặc tăng thêm ngữ khí, hoặc dùng để nối kết các thành phần của một câu. Cho nên "chi, hồ, giả, dã" thường được dùng để chỉ những lời lẽ sáo rỗng, chẳng có nghĩa lý gì.

căn thì tâm thức ngưng lặng, chẳng chao động, tán loạn nên gọi là "tịnh niệm" bởi lẽ sáu căn đã nhiếp, những niệm tạp vọng v.v. ngầm tiêu. Lại có thể thường giữ cho tịnh niệm liên tục chẳng bị gián đoạn thì sẽ liền đắc niệm Phật tam-muội. Vì thế ngài Đại Thế Chí nói tiếp: "Đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Đấy chính là giáo hóa của Đại Thế Chí Bồ-tát dành cho hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, thật sự thích hợp khắp ba căn, chỉ có lợi ích, không có tệ hại. Nếu chịu y theo đó để tu, ắt sẽ đạt được lợi ích như Quán hạnh, Tương tự[333] v.v..

265. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Trong năm ngoái, Quang đã đem tình hình của thảo am (hoặc gọi là chùa) Quảng Tế thuộc núi Ngũ Đài trình lên chủ tịch tỉnh Sơn Tây hiện thời là Triệu Thứ Lũng (tên là Tải Văn): Các chùa trên núi và con cháu chùa Bích Sơn mưu mô với nhau, cũng như khu trưởng, huyện trưởng núi Ngũ Đài đều cùng cấu kết với bọn họ, muốn đuổi tăng nhân thuộc thảo am Quảng Tế xuống núi để bọn họ (tức con cháu chùa Bích Sơn) thuận tiện uống rượu, ăn thịt, chẳng bị ai thấy. Do tăng chúng thuộc thảo am Quảng Tế đều là những người tu trì lâu năm; so sánh giữa đôi bên, chính họ tự cảm thấy rất khó nể tình, mà họ (tức con cháu chùa Bích Sơn) cũng chẳng chịu sửa đổi, đến nỗi trở thành vu báng, bảo là "tăng chúng thuộc thảo am xấu xa gấp mười tăng chúng trong núi!" Do khu trưởng, huyện trưởng nhận hối lộ bao che cho họ, đến nỗi Diêm Tích Sơn, Triệu Tải Văn cũng tưởng là thật, tình thế rất nguy! Ông Hồ Tử Hốt ở trên núi cũng đành bó tay, bèn cùng với hòa thượng Quảng Huệ đến gặp Quang, đem sự thật nói rõ từng điều. Quang bảo đại chúng thuộc thảo am niệm Văn-thù Bồ-tát sẽ có cảm ứng.

Lâm Dật thuộc Sơ Đài đến chùa Báo Quốc quy y, ông ta vốn là chủ nhiệm Văn phòng xử lý thường vụ tỉnh Sơn Tây đóng tại kinh đô, Quang cậy ông ta đem chuyện này kể tường tận với Triệu Thứ Lũng. Trước đó, Thứ Lũng đã cùng Quang trao đổi thư từ, chứ chưa hề gặp mặt. Ông Lâm nói với ông Triệu, ông Triệu liền phái tăng tục mười người lên núi lo liệu, cho con cháu chùa Bích Sơn một vạn đồng - trước đây đã từng cho tiền họ mấy lần, ước chừng hai ba vạn đồng - bảo bọn họ dọn đi (dời đi hơn 20 dặm) thì núi Ngũ Đài mới hoàn toàn trở thành một đạo tràng thanh tịnh. Các cư sĩ Nhiếp Vân Đài, Vương Nhất Đình, Khuất Văn Lục v.v. ở Thượng Hải đều thay nhau lo liệu sổ kết duyên, trong cuốn sổ ấy đã từng nói rõ.

[333] Tức những thứ lợi ích theo khái niệm *lục tức* của tông Thiên Thai, Quán hạnh là do tu hành mà thấy được Phật tánh, Tương tự là đã chứng một phần pháp thân.

Phật Học Tân Văn Báo Xã tại Thượng Hải há có ai chẳng biết chuyện này? Ấy là vì kẻ tiểu nhân sanh lòng đố kỵ, phá hoại chuyện của người khác, hoặc tưởng sư Quảng Huệ đã đút lót tiền cho bọn họ. Tâm địa của kẻ viết bài báo vu khống ấy cũng có thể suy ra mà biết! Quang chẳng những phát khởi lần này mà còn phát khởi chuyện dẹp tà giúp chánh lần trước, nhằm giữ lại người phát khởi căn bản cho một đạo tràng thanh tịnh của Văn-thù Bồ-tát. Lòng người nguy hiểm, nguy hiểm còn hơn băng mùa xuân. Phật Học Tân Văn Hội thốt ra những lời lẽ ấy, hoàn toàn thiếu nhân cách, đáng than lắm thay! Sau khi thái bình, ông hãy tới Ngũ Đài triều bái Văn-thù Bồ-tát, ở lại chùa Bích Sơn, sẽ tự biết lời Quang chẳng sai. Cuộc chiến ở đất Hỗ (Thượng Hải) tuy khốc liệt, nhưng Quang trọn chẳng sợ, chẳng những không chịu sang quý địa, ngay cả núi Linh Nham cũng chẳng chịu tới.

Nay sống tại chỗ thường có phi cơ bay tới, hằng ngày tụng chú Đại Bi, niệm Phật, niệm Quán Âm, nếu chẳng dám ở lại, trốn sang phương xa, há chẳng khiến cho kẻ khác chê cười ư? Quang chỉ trơ trọi một thân, đi hay ở đều chẳng ăn nhằm gì. Huống chi còn có chuyện Hoằng Hóa Xã phải lo liệu? Quang tuy chẳng phải là trụ trì chùa, nhưng mọi chuyện đều nhờ Quang làm chủ. Chủ nhân đi vắng, nếu những người khác cũng đi luôn thì công chuyện sẽ thành bỏ phế, ảnh hưởng rất lớn đến chuyện lưu thông kinh sách có ích cho đời, cho người. Nếu đại kiếp đối đầu, mọi người đều cùng chết sạch hết, Quang cũng sẽ cùng chết với họ thì cũng là đáng phận vậy.

(Ngày mồng 4 tháng 8 năm Dân Quốc 26 - 1937)

266. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, kinh chú Ma-lợi-chi Thiên do ông gởi trước đây, Quang chẳng truyền cho người khác, vì sao vậy? Đang trong lúc phải đương đầu với đại kiếp này, hãy nên dùng pháp dễ dàng nhất, linh cảm nhất để dạy người khác. Ma-lợi-chi Thiên tuy từ bi, vẫn chẳng thể vượt trỗi ngài Quán Thế Âm được! Thánh hiệu của Bồ-tát chỉ có bảy chữ, dẫu đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được; người niệm được kinh chú Ma-lợi-chi Thiên trong trăm người chẳng được mấy người. Vì thế chẳng muốn dùng cách khó niệm để dạy cho hết thảy những ai mong mỏi được cứu vớt. Bài Tán Chú Kinh ông gởi đến lần trước thứ lớp chẳng rõ ràng, khiến cho người ngoài không cách nào theo dõi được. Nếu không có người chỉ dạy, rất khó thể hiểu rõ. Phàm in kinh chú, ắt phải mắt và lông mày rõ

ràng[334], chú thích chủ - bạn rõ rệt khiến cho người phát tâm đọc tụng vừa xem liền hiểu rõ.

Nghi thức tụng niệm chớ nên quá rắc rối khiến cho người trì tụng dễ sanh chán, tiếc rằng lệnh sư Không Công và hành giả Bát-nhã chưa nói rõ ràng. Chữ niệm (念) không thể thêm chữ khẩu; thêm chữ khẩu (口) vào sẽ mất ý nghĩa[335]. Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thông, do đã không có bờ mé thì trí tuệ ấy không gì chẳng thông. Đối với pháp môn niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dường như ông chưa hiểu rõ nguồn cội. Đối với đạo để cứu đời, cứu nước, từ bước thực hiện ban đầu cho đến thành công cuối cùng, đều phải lấy việc mọi người đề xướng nhân quả làm phương cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Trong Văn Sao đã nói tường tận, xin hãy chú tâm đọc kỹ, chắc ông đã sớm có sách này rồi. Nếu đường bưu điện không bị trở ngại, sẽ gởi cho ông một bộ và mấy thứ nữa cho đủ một bưu kiện để làm căn cứ tự lợi lợi người. Nếu chẳng thể gởi được thì đợi sau khi yên ổn rồi và nếu Quang chưa chết thì vẫn còn có thể gởi được.

(Mồng 6 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

267. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ ba)

Quang 79 tuổi, mục lực chẳng thể gượng được nữa, chẳng thể giám định, viết lời tựa cho ông được. Để cứu tai nạn, nên chọn cách nào khiến cho hết thảy mọi người đều có thể niệm được thì mới có ích lớn lao. Dù có in chú Ma-lợi-chi Thiên cho nhiều, cũng khó thể sử dụng trong lúc đại kiếp đối đầu này, hãy nên bỏ ý định ấy! Dạy người khác niệm thánh hiệu Quán Âm, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được. Chú ấy khá dài, hơn nữa trong bài chú có xen lẫn những chữ để chú thích cách đọc, nếu chẳng phải là bậc thông gia thì vẫn chẳng biết phải niệm như thế nào[336]. Người đời nay ham lạ. Quán Âm cứu khổ cứu nạn các kinh Đại thừa

---

[334] Ý nói phần chánh văn, phần chú thích phải in bằng những khổ chữ khác nhau, theo thứ tự lớp lang khiến người đọc biết đâu là đoạn kinh văn cần phải đọc, phần nào là lời hướng dẫn.

[335] Chữ Niệm（念）thêm bộ khẩu thành 唸 sẽ có hai cách đọc:

1. Điếm: rên rỉ.
2. Đọc với âm niệm, nghĩa là hai mươi.

Do cả hai nghĩa này đều không liên quan đến ý nghĩa chữ niệm（念）nên tổ mới bảo "thêm chữ khẩu vào sẽ mất ý nghĩa".

[336] Do tiếng Phạn đa âm cũng như có những âm không tồn tại trong tiếng Hán, nên những bài chú thường phải kèm theo những chữ nhỏ để ghi âm hoặc hướng dẫn cách đọc. Chẳng hạn chữ Sdriyah thường được phiên là Tất-đát-rị-dã, sau ba chữ Tất-đát-rị kinh thường ghi "hợp tam" ngụ ý ba âm này phải đọc dính lại. Hoặc có những chữ không thể diễn tả được cách đọc vì tiếng Hán không có âm tương ứng, các vị pháp sư dịch kinh phải thêm bộ khẩu vào đằng trước, rồi ghi chú "phản độc" (tức đọc cong lưỡi lên) như tâm chú "Arolik" của đức Quán Âm được phiên là A-lỗ-lặc-kế, sau chữ lỗ ghi hai chữ nhỏ là "phản độc" để nhấn mạnh chữ lỗ phải đọc cong lưỡi nhằm mô phỏng âm r (Vì thế các bản phiên âm bài chú này của Việt Nam thường ghi thành A-rô-lặc-kế). Hoặc đôi khi, dịch giả phải ghép hai ba chữ có sẵn để tạo thành chữ mới. Chẳng hạn như trong chú Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Toàn Thân Xá Lợi Bảo

dù Hiển hay Mật đều tán thán đề xướng mà chẳng dùng; lại ngược ngạo cực lực đề xướng bài chú Ma-lợi-chi Thiên chỉ được một kinh nói đến.

Chớ nói niệm chú Ma-lợi-chi Thiên lợi ích lớn lao, còn niệm Quán Âm lợi ích nhỏ nhoi! Dẫu chú ấy do chính đức Quán Âm thị hiện thân Ma-lợi-chi Thiên nói ra, cũng nên chú trọng niệm thánh hiệu Quán Âm. Ông tín tâm tuy tốt, nhưng chẳng biết lý cao tột "một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp" và chẳng biết "lúc khẩn yếu thì càng đơn giản càng hay". Nho giáo cũng nói: *"Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã"* (Học tập rộng rãi, giải nói tường tận chỉ nhằm mục đích: Sau khi dung hội, quán thông rồi, sẽ hướng về chỗ giản ước)[337]. Nếu ông biết đến nghĩa này, sẽ thấy lời Quang là lời luận chí lý. Nếu không, phó mặc cho ông làm sao thì làm, Quang sớm chẳng giữ được tối, chẳng thể thù tiếp theo ý ông được.

(Ngày mồng 1 tháng 11 năm Dân Quốc 28 - 1939)

268. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ, Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, nhưng do một người truyền hư (đồn đại), người ta thường tưởng lầm là thật, hết sức hổ thẹn sâu xa! Vì thế, trước kia Tễ Quang có nhắc đến chuyện cư sĩ tỏ ý muốn thân cận Quang, tôi nghi là ngẫu nhiên nói tới, nên chẳng dám gởi thư ngay. Nay ông đã gởi thư tới, biết ông vẫn chẳng coi hư danh của Quang là sai lầm, nên chỉ đành đem lầm đáp lạc. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Đức Nhân, nghĩa là lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để tự hành, lại còn đem những điều ấy giáo hóa khắp hết thảy, khiến cho hết thảy mọi người đối với pháp thế gian đều chẳng thiếu sót, đối với pháp xuất thế gian đều cùng được hưởng lợi ích thật sự ngay trong đời này thì lòng nhân từ ấy cũng lớn lắm. Đấy là Đức Nhân. Nhân đứng đầu mọi điều thiện, nhân chính là từ bi. Tên gọi tuy tương tự, nhưng đem lợi ích liễu sanh tử thật sự của Phật pháp dạy cho người khác, so với những pháp thế gian chỉ có lợi cho sắc thân, quả thật là cách biệt vời vợi một trời một vực.

Lệnh phu nhân Lưu Chí Từ, có pháp danh là Đức Từ, phụ nữ lấy "giúp chồng, dạy con" làm thiên chức. Nếu còn có thể dốc lòng tin tưởng pháp môn Tịnh độ là

Khiếp Ấn Đà La Ni, ngài Bất Không đã ghép hai chữ xỉ (齒) và lai (來) thành một chữ mới để mô phỏng âm đai (trong câu Wajadai) và ghi cách đọc là đại (軑), bình thanh. Nếu người không quen sẽ không biết cách đọc sao cho đúng hoặc rất có thể đọc luôn cả những chữ ghi âm này.

[337] Đây là một câu nói của Mạnh tử được ghi trong thiên Ly Lâu Hạ sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

pháp môn viên đốn nhất, thẳng tắt nhất trong Phật pháp, thì lòng từ ấy không giống với lòng từ được nói trong thế gian. Bởi lẽ lòng từ thế gian chỉ có lợi cho sắc thân, chẳng màng đến thần thức, chỉ tính đến hiện tại, chẳng liên quan đến đời sau, huống là bao kiếp vĩnh viễn ư? Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, và tín nguyện niệm Phật v.v. dạy bảo con cái cùng với tôi tớ và những người quen biết, khiến cho họ trong đời này cùng được trở thành bậc thánh hiền, lâm chung lên thẳng cõi thánh của Phật Di-đà, đấy gọi là Đức Từ. Lợi ích của lòng từ ấy thấu tột đến tận đời vị lai trọn chẳng lúc nào hết. Nguyện hai vị ai nấy đều nỗ lực, ngõ hầu chẳng uổng kiếp sống này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này!

Hiện nay đang lúc tình thế hoạn nạn, bất luận là ai, đều phải thường niệm thánh hiệu A-di-đà Phật và Quán Thế Âm. Dẫu gặp phải những nguy hiểm như nước, lửa, đao binh và bệnh tật do oán nghiệp v.v. mà nếu có thể chí thành niệm, chắc chắn chẳng đến nỗi nguy hiểm. Hơn nữa, nữ nhân đang khi sanh nở, hãy nên chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm ra tiếng rõ ràng (lúc ấy chớ nên niệm thầm trong tâm) sẽ liền an nhiên sanh nở, chắc chắn chẳng bị khổ vì khó sanh. Dẫu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm, sẽ tức khắc an nhiên sanh nở. Có thể đem điều này bảo khắp với hết thảy mọi người, chính là cứu sẵn sản nạn, cứu sẵn tánh mạng, mà con gái, con dâu v.v. của chính mình cũng đều cùng được Phật, Bồ-tát từ bi gia bị.

Đừng cho rằng Quang chẳng nên thốt ra lời này! Cổ nhân nói "sanh tử cũng lớn thay!" Lâm chung trợ niệm là giúp cho người chết được vãng sanh. Khi sanh nở niệm Quán Âm chính là giúp cho người sống cả mẹ lẫn con được lìa nguy hiểm. Mấy năm gần đây, tôi thường nghe kể nỗi khổ vì khó sanh, lại biết rõ chấp trước sai lầm của người đời (Có người niệm Phật, hễ trong nhà có ai sanh nở bèn trốn ra ngoài hơn cả tháng mới trở về). Vì thế tôi thường nói với hết thảy mọi người, mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ.

(Ngày 23 tháng 8 năm Dân Quốc 21 - 1932)

Cư sĩ Đức Nhân trước kia thành tích chánh trị khá nổi tiếng tại Giang Tây, nay đã ẩn cư, tịnh tu, cố nhiên nên dùng những chuyện như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và những pháp như tín nguyện niệm Phật v.v. để tùy thuận cơ nghi bảo ban những kẻ vốn đã phục tùng, tin tưởng, ngưỡng mộ, khiến cho bọn họ cùng được lợi ích thế gian lẫn xuất thế gian. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Chánh Tín Lục, mỗi thứ một phần để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có Thọ Khang Bảo Giám, Cảm Ứng Trực Giảng mỗi thứ một phần để làm căn cứ dạy dỗ con cái và dạy người khác giữ gìn

thân thể. Các sách này, nếu muốn lợi người mà thỉnh với số lượng ít thì hãy thỉnh ở chỗ ông Điền Thân Phủ tại số 86 ngõ Thái An, thành phố Hán Khẩu; nếu thỉnh với số lượng nhiều thì hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã thuộc chùa Báo Quốc tại Tô Châu.

269. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ, gần đây người niệm Phật đông đảo, chuyện cảm ứng cũng thường luôn nghe nói. Hôm trước, am Quán Âm ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc phỉ thúy, nói là viên xá-lợi ấy kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem, xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi! Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy.

Có rất nhiều kẻ vẫn chỉ chuộng nghiên cứu, chẳng chịu thực hành, tức là thuộc hạng "thấy chuyện nhân mà cố nhường", buồn thay! Lệnh từ tuổi gần tám mươi mà còn muốn quy y, đáng gọi là có thiện căn từ đời trước. Nhưng đang khi cụ tuổi cao như ngọn đuốc chập chờn trước gió này, cố nhiên nên tính kế lo xa. Nay gởi cho ông ba cuốn Sức Chung Tân Lương, ngoài một cuốn tự giữ ra, hãy nên tặng cho hai người Vương và Trần. Hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà hằng ngày thay phiên bầu bạn niệm Phật với lệnh từ, một là để đẹp dạ cao đường, hai là khiến cho bọn họ ai nấy được gieo thiện căn, ba là luyện thành thói quen để lúc lệnh từ quy Tây mọi người đều trở thành người trợ niệm cho cụ. Nếu chẳng thường luyện tập, mà cũng chẳng thường nói điều lợi do trợ niệm khi lâm chung và mối hại do bày vẽ phô trương mù quáng, khóc lóc, thì tất cả quyến thuộc đều là kẻ phá hoại chánh niệm. Chuyện này hết sức khẩn yếu, nếu không có ai nói, khó tránh làm hỏng chuyện thì vô biên lợi ích sẽ do vậy bị mất đi, thật hết sức đau lòng!

Quang chẳng thể nói tường tận, Sức Chung Tân Lương là sách nói tường tận chuyện này. Phận làm con khi trợ niệm cho cha mẹ vào lúc lâm chung thì hãy nên dốc hết lòng thành theo đuổi. Vì thế, trước hết quyến thuộc trong nhà phải tập luyện sẵn. Đã thường niệm và thường nghe điều lợi của trợ niệm và lẽ hại của sự phá hoại chánh niệm, họ sẽ có thể nhất trí tiến hành, giúp người đã khuất vãng sanh. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Siêu, nghĩa là dùng nhất tâm niệm Phật để mong cầu vượt thoát tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Thư này tuy viết cho ông, nhưng hai vị Trần - Vương cũng nên dạy quyến thuộc của họ giống như thế

để chính mình khỏi bị hỏng chuyện khi lâm chung. Hãy nên bảo họ ai nấy đều xem thư và sách, Quang không rảnh rang để viết riêng cho họ.

Trần Minh Kính pháp danh là Đức Minh, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật sẽ tự sáng tỏ được minh đức. Vương Sĩ Lâm pháp danh là Đức Lâm. Lâm (林) có nghĩa là "chúng" (眾: đông đảo), là "quân" (君: chủ, vượt trỗi) *(theo sách Nhĩ Nhã),* "quân" có nghĩa là chủ. Có thể lấy tín nguyện niệm Phật làm chủ để lợi lạc đại chúng, thì công đức lớn lao, ai nấy đều ngưỡng mộ tuân theo. Nay gởi cho hai người ấy Văn Sao, Gia Ngôn Lục mỗi người một bộ, Sức Chung Tân Lương mỗi người một cuốn, xin hãy chuyển giao.

Do những sách tính gởi ấy chẳng đầy hết một gói nên đem Một Lá Thư Trả Lời Khắp thêm vào cho đủ hai phần. Lá thư này quả thật là bài văn có quan hệ lớn đối với thời thế hiện tại. Nếu có thể hành theo đó thì lợi ích sẽ tự biết, cố nhiên chẳng cần đợi phải thuật nói nữa! Vận nước nguy ngập, thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống mà chẳng cầu xuất sanh tử từ nơi bức thư ấy tức là tự phụ vậy. Bạch Cư Dị nói:

"Ta bảy mươi mốt tuổi,
Chẳng còn chuộng ngâm nga,
Xem kinh nhọc sức quá,
Làm phước sợ bôn ba,
Lấy gì độ tâm nhãn?
Một câu A-di-đà,
Đi cũng A-di-đà,
Ngồi cũng A-di-đà,
Rảnh rang, bận túi bụi,
Chẳng bỏ A-di-đà.
Chiều tà đường còn xa,
Đời ta lần khần quá,
Sáng tối thanh tịnh tâm,
Chỉ niệm A-di-đà.
Người thông đạt cười ta,
Càng niệm A-di-đà,
Đạt thì sẽ ra sao?
Không đạt lại thế nào?
Nguyện khắp pháp giới chúng,
Cùng niệm A-di-đà."

(Ngày 11 tháng 1, viết dưới đèn)

270. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ ba)

Tịnh Độ Ngũ Kinh đã gởi đến, chẳng bao lâu sẽ có Kỹ Lộ Chỉ Quy gởi tới. Trong khoảng tháng 7, tháng 8, sẽ có sách Vật Do Như Thử gởi đến. Hai đầu sách này đều do Du Dân Tập Cần Sở ở Tào Hà Kính, Thượng Hải gởi tới. Một cuốn chuyên dạy người niệm Phật, một cuốn dạy người kiêng giết, bảo vệ sanh vật, nhưng chẳng có lời nào nhắc đến chuyện kiêng giết, mà chuyên tập hợp những hạnh cao đẹp hiếu, hữu, trung, nghĩa, trinh liệt, cứu nạn, giúp kẻ côi cút v.v. của loài vật, là tác phẩm đặc sắc trong những sách kiêng giết, sẽ in năm sáu vạn cuốn để phân phát cho những kẻ có học thức thì lợi ích lớn lắm. Lệnh hữu là Dịch Trọng Phù đã muốn quy y thì hãy bảo ông ta thường đọc Ngũ Kinh, nhất là chú ý đến hai lời tựa và một lời bạt của Quang, ngõ hầu chẳng đến bị các tri thức Thiền, Giáo, Mật lay động, đoạt mất chí hướng. Hai cuốn sách Kỹ Lộ Chỉ Quy, Vật Do Như Thử gởi đến, xin hãy tặng cho ông ta mỗi thứ một cuốn.

(Ngày mồng 2 tháng 5 năm Dân Quốc 24 - 1935)

271. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ tư)

Thư đã đọc xong, cư sĩ Lã Đức Pháp soạn bài ký về chuyện vãng sanh cho ông Trầm Đạm Nham rất hay. Chỉ có điều bốn dòng đầu chẳng hợp với thân phận của người ấy, cho nên tôi bỏ đi. Lời bạt sau bài ký ấy, nói: "Công lao trùm lấp cõi đời, chẳng cự nổi một chữ căng (kiêu căng); tội lớn ngập trời, chẳng cự nổi một chữ hối." Đạm Nham biết người đời trước làm nghề chẳng lành, khi cha mẹ còn sống đã khuyên cha mẹ đổi nghề. Khi cha mẹ đã mất, bèn dốc cạn lòng thành sám hối, làm như vậy đã phù hợp sâu xa với nghĩa "người con có hiếu khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo" và lời dạy "từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" của đức Như Lai. Có đủ công đức ấy sẽ được vãng sanh. Huống chi lại dốc lòng tin tịnh nghiệp, cạn hết lòng thành niệm tụng ư? Những lời bàn luận trong phân nửa phần đầu bài ký của ông Lã không hợp thân phận. Rốt cuộc Đạm Nham được thành tựu là vì Đạm Nham trước kia làm đồ tể, về sau mới sám hối tu trì, vì thế chẳng thể áp dụng nhận định ấy được. Mong hãy nói với ông Đức Pháp điều này.

(Ngày 19 tháng 10 năm Dân Quốc 24 - 1935)

272. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ năm)

Hôm qua tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi đi hai gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, chắc ông đã nhận được rồi. Hiện thời lòng người kém xưa, những vị đại thông gia đều chú trọng tranh chấp, quấy rối lẫn nhau. Hôm nay, đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân tới đây cho biết thầy ấy có tổ đình Đông Nham Tự là tổ đình cổ

đã trải nhiều đời ở Vũ Xương, cách Hồng Sơn mấy dặm về phía bên trái. Sư công[338] của thầy ấy là sư Nguyệt Hà sau khi viên tịch đã được dựng tháp ở đấy, do một đồ tôn[339] là sư X… trông nom. Gần đây, vị ấy đã mất, học trò sư Nguyệt Hà là Từ Quang đến trông nom. Có kẻ xấu câu kết, muốn cùng nhau chiếm đoạt làm của riêng, do Từ Quang vừa già vừa nhu hòa nên bọn chúng bèn thừa dịp khinh lấn. Xin cư sĩ hãy giàn xếp để những kẻ muốn chiếm đoạt ấy dứt trừ cái tâm ngông cuồng đó thì danh dự của họ chẳng bị sứt mẻ, mà đại thể Phật pháp cũng chẳng bị tổn thương. Nếu bọn họ chẳng dứt được tâm ngông cuồng, đành phải nhờ pháp luật can thiệp thì những kẻ ấy và đại thể Phật pháp đều không được tốt đẹp cho lắm.

Xin ông hãy uyển chuyển giàn xếp khiến cho chuyện ấy bị tiêu trừ không dấu vết, thích nghi cho cả đôi bên thì vui sướng chi bằng! Cư sĩ phẩm đức rạng rỡ, y theo lý khuyên giải, bàn bạc, ắt họ sẽ nghe lời. Đấy cũng là đầu mối sửa sang lòng người, đôn đốc phong hóa lớn lao. Xin ông hãy nhọc lòng điều đình thì may mắn lắm thay!

(Ngày 18 tháng 5 năm Dân Quốc 25 - 1936)

273. Thư trả lời cư sĩ Nhậm Huệ Nghiêm

Ông gởi thư đến cho biết đã học Mật, rất an ủi. Cần biết rằng, học Mật thì trừ thân khẩu ý trì chú, tam mật[340] tương ưng ra, phải quán tưởng chuẩn xác thì mới

---

[338] Sư công: Vị thầy của sư phụ mình được gọi là "sư công", miền Trung, miền Nam thường gọi là sư ông, nhưng do miền Bắc thường gọi những vị tăng đã thọ giới cụ túc là sư ông (tỳ-kheo), còn các sa-di là sư bác, nên chúng tôi để nguyên không dịch chữ này để khỏi bị hiểu lầm.

[339] Đồ tôn: Đệ tử của học trò một vị sư gọi là đồ tôn.

[340] Tam mật (trīni guhyāni) gồm thân mật (kāya-guhya), khẩu mật (vāg-guhya) và ý mật (mano-guhya). Có hai cách giải thích ba khái niệm này:

1. Theo Hiển giáo (như trong các phẩm Thập Mật, Kim Cang Lực Sĩ Hội của kinh Đại Bảo Tích), do chẳng thể dùng phàm tình để suy lường tam nghiệp thân - khẩu - ý của Phật, nên gọi là tam mật. Đại Trí Độ Luận giải thích cặn kẽ hơn: Mỗi chúng sanh thấy sắc thân của Phật khác biệt, các thứ đại thần biến đều chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là thân mật. Đức Phật thuyết pháp chỉ một câu mà tùy căn tánh người nghe sẽ vang xa một dặm, mười dặm cho đến trăm ngàn vạn dặm. Đức Phật nói một pháp mà tùy theo căn cơ của người nghe sẽ lãnh ngộ thành vô lượng vô biên nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn; đó là khẩu mật. Đức Phật thường nhập định, những gì Phật quán sát tư duy đều chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là ý mật.

2. Theo quan điểm Mật giáo, nhìn về phía đức Phật thì trong ba thứ *thể, tướng, dụng*, nếu xét về dụng thì dụng của đức Phật chẳng thể nghĩ bàn, vượt khỏi mọi suy lường của phàm tình nên gọi là tam mật. Chúng sanh cũng có dụng lớn lao như vậy, chỉ vì tam nghiệp chưa khế hợp tam nghiệp của chư Phật nên không chứng được ba khía cạnh của dụng ấy, nhưng trong chân tâm vẫn ẩn tàng sẵn tam mật của chư Phật. Do vậy khi hành trì, hành giả đã dùng ấn khế, tư thế, pháp khí v.v. nhằm hợp nhất với Bổn tôn (vị tôn thánh nói ra bài chú hành giả đang thọ trì) ấy là thân mật. Không những khi đang trì chú mà trong mọi thời mọi lúc hành vi đều phải khế hợp với Bổn tôn nên gọi là thân mật. Miệng tụng niệm chân ngôn cho đến hết thảy lời lẽ đều xứng hợp Bổn tôn nên gọi là khẩu mật. Trong tâm chuyên quán tưởng chủng tự của chân ngôn và hình tượng Bổn tôn, tâm hợp nhất với Bổn tôn nên gọi là ý mật.

có tương ưng. Nhưng với địa vị "thành Phật ngay nơi thân này", sợ chẳng dễ gì đạt được đâu! Phật pháp rộng lớn, nhiều môn phương tiện, một pháp niệm Phật biết dễ hành khó. Nếu có thể nhất tâm bất loạn thì cũng là pháp môn vô thượng! Thích hợp khắp ba căn, mang nghiệp vãng sanh. Đối với Sách Tịnh Độ Thập Yếu và Một Lá Thư Trả Lời Khắp ông đã nhận được trước kia, hễ rảnh rỗi hãy nên xem đi xem lại sẽ hiểu rõ ràng sự dễ khó giữa Phật lực và tự lực. Một pháp niệm Phật càng nên chuyên tâm chẳng hai. Nếu học này học nọ, dẫu có đọc nhuyễn nhừ tam tạng mười hai bộ kinh, vẫn chẳng liên quan gì với sanh tử. Khuyên túc hạ hãy nhất tâm niệm Phật thì hay hơn. Nếu chẳng nghe lời Quang thì từ nay về sau đừng nên gởi thư tới nữa!

(Ngày mồng 3 tháng Chạp năm Dân Quốc 26 - 1937)

274. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ nhất)

Phàm những kẻ đọc sách hơi thông minh, không ai chẳng trúng phải chất độc báng Phật của Lý học. Chu Nguyên Công[341] là tông sư của Lý học, thuở trước chỉ lấy hồn nhiên, lấy quên ta người, tự tha làm chánh. Đến thời ông Trình, Lý học liền bị biến đổi dữ dội tận gốc, bài bác Phật giáo chẳng tiếc sức thừa. Ông ta bài bác, nhưng chẳng chú trọng nơi sự tinh vi của tâm tánh, chỉ ngược ngạo chú tâm nơi dấu tích thô thiển của nhân quả luân hồi. Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả luân hồi là cái gốc lớn lao để bình trị thiên hạ, chỉ chú trọng chánh tâm thành ý mà thôi. Bọn họ đã đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, cho đó là căn cứ để Phật gạt gẫm kẻ ngu tuân phụng giáo pháp, vậy thì chánh tâm thành ý để được cái gì đâu? Không chánh tâm thành ý, đâu có mất mát gì? Chết rồi sẽ vĩnh viễn diệt mất, cần gì phải khăng khăng làm lành để tự bị khốn khổ oan uổng ư? Phong thái này được đề xướng, cho đến ngày nay giết cha, giết mẹ chẳng thấy là thẹn, ngược ngạo xem đó là vinh đều do những lời lẽ đả phá nhân quả luân hồi của bọn Lý học ươm thành.

Lúc bọn họ thốt ra những lời lẽ ấy, cố nhiên chẳng biết đã gây họa khốc liệt đến mức như thế. Ý họ muốn nhờ vào những lời bài xích đó, con người sẽ chẳng học theo Phật pháp hết, đạo Nho sẽ có ngày được hưng thịnh. Huống chi, những diệu nghĩa của Phật pháp đã được họ nêu đại lược đầu mối qua những lời chú giải kinh văn đạo Nho, nhưng họ đã cực lực báng Phật thì người khác làm sao biết do đâu mà họ có được những nghĩa lý ấy. Bổn tâm của họ như thế đó. Do họ đả phá, bài xích nhân quả, những kẻ tạo sự bình trị cho thiên hạ đều chẳng có căn bản.

[341] Nguyên Công là hiệu của Châu Đôn Di (1017-1073). Ông này vốn tên là Đôn Thực, tự Mậu Thúc, hiệu Liêm Khê, được coi là tổ khai sơn của Lý học. Trình Di, Trình Hạo và Chu Hy chỉ là những kẻ kế thừa, phát triển tư tưởng của Chu Đôn Di.

Dẫu có thiết lập, áp dụng, đều là chuyện bề ngoài. Ngày nay trong cả nước nhà trường chẳng đọc sách Nho nữa, như vậy là họ muốn diệt Phật lại đâm ra trở thành diệt Nho!

Những nhà Lý học sau thời Trình - Chu không một ai chẳng lén lút đọc sách kinh Phật, nhưng không một ai chẳng bài bác Phật pháp. Phần Thái Cực Đồ Thuyết trong cuốn Nhân Phổ của ông Lưu Hiến Đài[342] ăn nói hết sức bừa bãi, hoàn toàn phỏng theo những ý trong kinh Phật, nhưng lại ngược ngạo chê Phật là dị đoan, tà thuyết: *"Ông Viên Liễu Phàm thờ Phật, cầu gì cũng ứng. Lời nói ấy không có căn cứ. Bởi lẽ, Viên Liễu Phàm là người chánh trực, há bị những tà thuyết mê hoặc ư?"* Tâm ông Lưu gian ác, chẳng thể nào sánh ví được! Một đệ tử muốn ấn hành sách Nhân Phổ, đem cuốn thứ hai của bộ sách ấy gởi tới cho Quang giảo duyệt. Quang thấy những lời hay hạnh đẹp được ghi trong ấy rất hay, dẫu có một hai câu đụng chạm cũng là thái độ thường thấy của nhà Nho. Sau đó, ông ta mang cuốn thứ nhất tới, Quang đọc lời tựa nói: "Ba bốn trăm chữ trong bài tựa này báng Phật dữ dội từ xưa đến nay chưa hề có, quyết chẳng nỡ lòng tự đứng ra lưu thông sách này!"

Nhị Khúc cũng đã được hưởng pháp vị thừa mứa từ nơi kinh Phật, nhưng phàm ông ta đi đến đâu, những kẻ nghe ông ta nói đều ăn thịt, bội giáo. Ông ta và những kẻ mù mắt đời sau đều coi đấy là đức hạnh, chẳng biết đã mở đường cho chuyện giết cha, giết mẹ. Năm Dân Quốc 15 (1926), vợ chồng ông Trần Đôn Ngũ ở Tứ Xuyên đến Phổ Đà quy y, thưa với Quang: "Con thích Vương Dương Minh[343] nhất, học thuyết của Dương Minh hoàn toàn là Phật học, lẽ đâu lại có chỗ

---

[342] Lưu Hiến Đài, tên thật là Lưu Tông Châu (1578-1645), trước kia tên là Hiến Chương, tự Khởi Đông, hiệu Niệm Đài (Hiến Đài là một biệt hiệu khác), vốn là một nhà tư tưởng theo truyền thống Lý học thuộc Chiết Đông Học Phái vào đời Minh. Khi Lý Tự Thành diệt nhà Minh, vua Sùng Trinh treo cổ tự tử tại Môi Sơn, Phước Vương Châu Do Tung lên ngôi hoàng đế ở Nam Kinh, đã phong Hiến Đài làm Tả đô ngự sử. Chỉ được một thời gian ngắn, do hục hặc với Mã Sĩ Anh và Nguyễn Đại Thành, ông ta đã bị triều đình đuổi về quê dạy học. Khi quân Thanh hạ được Hàng Châu, Lưu Tông Châu nghe tin khóc òa, nhịn đói 21 ngày rồi chết. Nhân Phổ là một trong những tác phẩm được tập hợp trong bộ Lưu Tử Toàn Thư (40 quyển). Thái Cực Đồ Thuyết là phần giảng giải về đồ hình Thái Cực.

[343] Vương Thủ Nhân (1472-1528), tự Bá An, hiệu Dương Minh, quê ở Dư Diêu, tỉnh Chiết Giang (nay thuộc thành phố Ninh Ba). Thường được các học giả gọi là "tiên sinh Dương Minh". Ông là một triết gia tiêu biểu cho trường phái Tâm Học Vận Động thuộc Lý học vào đời Minh, được coi là người hoàn thiện tư tưởng Tâm Học của Tống Nho. Do trước tác nhiều, có ảnh hưởng sâu rộng nên sau này có những nhà chuyên nghiên cứu tư tưởng của Vương Dương Minh, tạo thành một ngành học thuật riêng gọi là Dương Minh Học. Về mặt tư tưởng, Dương Minh kế thừa và triển khai tư tưởng của Lục Cửu Uyên, đề xướng tâm chính là lý, lấy đó để thấu hiểu sự vật (cách vật) hòng thấu hiểu bản tâm. Ông phản đối quan điểm của Chu Hy cho rằng đối với mọi sự mọi vật đều tìm đến lý nhờ "cách vật trí tri" (Theo họ Chu, câu này được hiểu là do đẩy mạnh sự suy lường học hỏi đến mức thấu hiểu tận cùng tất cả sự vật sẽ đạt đến thấu hiểu tất cả mọi yếu tố tinh thần hay vật chất trong vũ trụ, thấu hiểu được cái tâm). Vương Dương Minh cho rằng sự vật vô cùng tận không thể nào thấu hiểu hết được. Do vậy, ông đề xướng truy cầu cái lý ngay trong nội tâm, nói cách khác, toàn bộ lý nằm trong tâm. Lý hóa sanh thiên

báng Phật?" Quang đáp: "Ông có biết tâm ông ta hay không?" Thưa: "Không ạ!" Quang nói: "Ông ta đã được thờ trong Văn Miếu hay chưa?" Ông Trần liền kêu ầm lên: "Con hiểu rõ rồi, con hiểu rõ rồi! Những gã Lý học sau thời Trình - Chu đều học trộm kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật, quả thật đều nhằm để được thờ trong Văn Miếu, chẳng cần biết đã làm lợi hay gây hại cho thánh đạo!"

Quang nói với ông lời này, vì sợ ông vẫn chưa hiểu rõ ràng đầu mối bình trị hay loạn lạc; muốn cho gia phong chẳng suy sụp mà chẳng đề xướng nhân quả sẽ chẳng được đâu! Muốn cho thiên hạ thái bình cũng chẳng thể không đề xướng nhân quả, đấy là phương cách cả ngàn vị thánh cũng chẳng thể thay đổi được. Dùng pháp này làm gốc để thực hành trong nhà thì nhà yên, thực hành trong cả nước, trong thiên hạ thì không nơi nào đều chẳng như vậy. Bỏ chuyện này mà bàn chuyện bình trị thì đều là những chuyện ngoài da, quyết chẳng thể nào thành tựu lớn lao tốt đẹp được.

Ông đã sanh lòng chánh tín nơi Tịnh độ, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Dương, nghĩa là nương theo trí tuệ của Phật để hoằng dương Tịnh độ, khiến cho hết thảy những người cùng hàng đều được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Ông coi Quang giống như Chu Tử, Thiệu Tử, Phạm Văn Chánh Công, Quang nào dám mong sánh vai ba vị ấy? Nhưng ba vị ấy chưa gặp được pháp môn Tịnh độ, còn Quang may mắn được gặp. Pháp này lan truyền khắp nhân gian, nhưng nào được mấy ai suốt ngày trì tụng, mà đa số vẫn cứ coi thường chẳng quan tâm, giống như kẻ chưa từng thấy nghe vậy. Lại có người nghe nhưng chẳng tin. Người tin tưởng rồi thực hành thật hiếm hoi lắm! Ông nay đã sanh được lòng chánh tín, hãy nên chất phác niệm Phật, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị những tri thức thuộc các tông khác lung lạc, mê hoặc.

Các vị Tôn, Trần v.v. tặng ông mấy chục loại sách, nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Sức Chung Tân Lương, mỗi thứ một bộ. Sách Thập Yếu này chính là nguyên bản vào thời tổ Ngẫu Ích, chứ không phải là bản bị tiết lược do sư Thành Thời in mộc bản trước kia. Đọc sách này mà tin đến nơi thì hết thảy tri thức, hết thảy kinh giáo, các thứ pháp môn đều chẳng lay chuyển được tín tâm! Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng

---

địa vũ trụ vạn vật. Ông nhấn mạnh: "Tâm chỉ một mà thôi, do toàn thể tâm ấy phát khởi lòng trắc ẩn thì gọi là nhân, đạt được những điều thích đáng thì gọi là nghĩa, có thứ lớp trật tự thì gọi là lý. Chẳng thể cầu nhân ngoài tâm, chẳng thể cầu nghĩa ngoài tâm, làm sao có thể riêng cầu lý ở ngoài tâm cho được? Cầu lý ngoài tâm thì tri và hành sẽ trở thành tách rời. Cầu lý nơi chính tâm ta, đấy chính là giáo nghĩa 'tri hành hợp nhất' trong đạo thánh vậy." Do câu nói này, học thuyết của Vương Dương Minh thường được gọi là thuyết *tri hành hợp nhất*.

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, khiến cho hết thảy mọi người nhìn theo bắt chước làm lành. Bởi lẽ "dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người khác sẽ thuận theo". Cõi đời hiện nay đã loạn đến cùng cực, chẳng dùng Phật pháp để cứu vãn, uốn nắn, sẽ không lập cách gì khác được. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, thoạt đầu ông ví Quang như Chu Nguyên Công, Thiệu Khang Tiết[344], Phạm Văn Chánh Công là đã nói trật rồi. Tiếp đó, lại lầm lạc ca ngợi Quang là hậu thân của Phật Di-đà, là người tiên phong của đức Bổn sư v.v., sao lại chẳng sợ tội lỗi đến mức như thế? Bởi lẽ, đem phàm lạm thánh, tội chẳng thể tha! Ông có biết hay chăng?

Khổng tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được). Chẳng hận nghe đạo trễ, chỉ sợ chần chừ chẳng chịu thực hành! Đã biết niệm Phật có cảm ứng, hãy nên suất lãnh vợ con cùng tu trì. Người niệm Phật còn muốn phổ độ chúng sanh, huống là quyến thuộc trong nhà của chính mình sao nỡ để họ bỏ uổng cuộc sống này ư? Bỏ uổng cuộc sống này thì từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác, hễ lầm lỡ một phen sẽ lầm lỡ mãi mãi. Do vào mùa đông năm ngoái Quang giảo duyệt bản thảo Hám Sơn Niên Phổ Sớ vào ban đêm, chữ viết quá nhạt, mục lực bị tổn thương, đến nay chẳng thể khôi phục được. Hiện thời khi đọc mà nếu chẳng dùng kính lão lẫn kính lúp sẽ chẳng thể xem hay viết được. Vì thế, vào mùa đông năm ngoái đã cự tuyệt hết thảy thư từ, phàm ai gởi thư đến đều dặn họ từ rày đừng gởi thư đến nữa, cũng chẳng bằng lòng họ giới thiệu người khác quy y vì tinh thần lẫn mục lực chẳng thể chịu đựng được. Một Lá Thư Trả Lời Khắp khá có quan hệ đối với hết thảy mọi người, hãy nên tùy duyên đề xướng thì lợi ích lớn lắm!

(Ngày 14 tháng 6)

275. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ hai)

Cái chết của Huệ Tá là do cha mẹ, bà nội của anh ta gây ra. Nhà ấy sanh được đứa con thông minh, dĩnh ngộ, chẳng dạy anh ta đạo "giữ gìn thân thể, ít dục vọng". Đã sớm cưới vợ cho anh ta, lại chẳng nói tới lợi ích của việc tiết dục và cái họa của việc buông lung dục vọng. Hai kẻ thanh niên ấy chỉ biết cầu vui, chẳng biết sẽ chóng chết. Đến khi đã mắc bệnh rồi, vẫn chẳng bảo vợ trở về Ninh Ba, đến nỗi bệnh nặng hơn cả năm, rồi tới nỗi phải chết. Sắp chết, trông thấy vợ

[344] Thiệu Khang Tiết (1011-1077), tự Hiểu Phu, là một nhà bói toán nổi tiếng đời Tống, tinh thông Dịch Lý, là một trong những nhân vật kiệt xuất của phái Tượng Số trong Dịch Học. Ông đã đề ra phép bói Mai Hoa Dịch Số nổi tiếng. Văn Chánh Công chính là Phạm Trọng Yêm (ông này có thụy hiệu là Văn Chánh).

vẫn còn động tình, cho nên phải cắn ngón tay để đè nén dục tâm. Những chuyện như vậy trong thiên hạ nhiều lắm, chỉ thuật hai chuyện:

Một đệ tử nhà nghèo, cha chết sớm, học nghề buôn bán, tư chất thuần hậu. Năm mười lăm, mười sáu tuổi liền cưới vợ. Thân thể đã bị tổn thương. Trước hết, anh ta giữ sổ sách cho một tiệm bán the lụa, người bạn bảo anh ta sang chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà dưỡng sức mấy tháng. Đã khỏe mạnh rồi, bà mẹ cằn nhằn người giới thiệu, chỉ sợ anh ta xuất gia, lôi kéo ông chủ tiệm và bố vợ đến gọi anh ta về. Quang nói với người đến tìm: "Trở về thì được, nhưng hãy để cho người vợ thường xuyên ở bên nhà mẹ đẻ, nếu anh ta chưa hoàn toàn bình phục thì chớ nên gặp gỡ." Những người ấy đều là những kẻ chẳng hiểu chuyện nhất, đều chẳng nghe lời Quang. Anh ta vẫn giữ sổ sách trong tiệm. Quang sang Thượng Hải đến tiệm ấy (chủ tiệm cũng là người tốt, có quen biết) trông thấy anh ta sắc mặt tươi nhuận, biết anh ta vẫn biết tiết dục. Sau này Quang trở về núi, tới Ninh Ba, thấy sắc mặt anh ta biến đổi quá sức, hỏi: "Con có về nhà hay không?" Thưa: "Về tới nhà chỉ ở bốn ngày" mà hình dạng so với lúc chưa về đã khác hẳn một trời một vực, rốt cuộc chết mất. Chàng trai ấy thông hiểu văn tự, biết nghe lời, nếu chẳng phải do bà mẹ ương ngạnh đứng ra quyết đoán, chắc chẳng đến nỗi phải chết yểu!

Lại có con của một đệ tử quy y, bố vợ cũng quy y. Người này khá thông minh, rất giỏi Anh văn; do chẳng biết tiết dục nên ngã bệnh, muốn sang Tây Hồ, Hàng Châu, nói: "Hễ con sang Tây Hồ, bệnh sẽ lành được một nửa!" Cha mẹ chẳng biết anh ta không dám gặp vợ, chẳng chịu cho đi. Anh ta lại muốn vào bệnh viện, do vậy bèn đưa vào bệnh viện, nhưng vẫn cho người vợ thường tới thăm, rốt cuộc anh ta chết trong bệnh viện. Ông bố vợ kể chuyện với Quang, Quang bảo: "Các ông là lũ người si dại đến nỗi anh ta chẳng muốn chết mà cứ ép anh ta phải chết!" Tiếc cho anh ta chẳng nói rõ chẳng dám thấy mặt vợ, vì hễ trông thấy mặt vợ sẽ hứng tình, di tinh.

Huệ Tá sắp chết, thấy vợ liền cắn ngón tay, ông tưởng là anh ta chán ngán, vẫn chưa đúng sự thật đâu! Ấy là vì anh ta chế ngự dục niệm. Đến khi chết, được sức trợ niệm của mọi người, chính mình vẫn có tín tâm, vì thế chết rồi tướng mạo biến đổi thành tươi đẹp; do vậy biết Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực, đều chẳng thể nghĩ bàn. Tâm lực của chúng sanh mà chẳng nương nhờ Phật lực, pháp lực sẽ chẳng thể hiển hiện được. Do nương vào Phật lực, pháp lực mà được hiển hiện, vì thế mới hiện tướng ấy. Con em đời sau càng thông minh thì dục tâm càng nặng. Khi chúng chưa dậy thì, chớ nên nói. Hễ đã dậy thì rồi, chẳng nói với chúng đạo giữ gìn thân thể, giảm bớt ham muốn, chắc sẽ đều khó tránh khỏi đến nỗi thủ dâm, tà dâm; đến khi cưới vợ sẽ quên thân chạy theo dục lạc, đều khó tránh khỏi!

Con trai thì cha và thầy bảo ban nó, con gái thì mẹ sẽ nói. Nếu vợ của Huệ Tá biết được nghĩa này, anh ta đâu đến nỗi mắc bệnh gần cả năm rồi chết!

Thời cổ, quốc gia còn hạ lệnh khuyên con người tiết dục. Nay thì bệnh đã gần chết, vẫn chẳng cho chia cách. Do vậy, những gã thanh niên tử vong oan uổng chẳng biết là bao nhiêu, cứ đổ hết cho số mạng. Há mạng có khiến cho bọn họ tham sắc dục không chán ư? Huệ Tá bị chết oan uổng, (nếu cha mẹ sớm khuyên dạy, anh ta hiểu lợi hại sâu xa, trọn chẳng đến nỗi chết, vì thế nói là oan uổng). Huệ Tá sanh về Tây Phương là chuyện may mắn. Nếu không có ai trợ niệm thì do chết vì dâm dục, dẫu chẳng đọa vào ba ác đạo, cũng khó tránh đọa làm thân nữ và thân gái làng chơi. Do mọi người trợ niệm, được nhờ vào Phật từ lực nên được kết quả ấy. Chuyện của anh chàng này chẳng cần phải lan truyền, nếu muốn lan truyền thì phải dựa theo ý Quang đã nói về chuyện giữ thân tiết dục để nói thêm vào (chẳng cần phải tuân theo nguyên văn, chỉ dựa theo ý) thì sẽ khiến cho những kẻ làm cha mẹ và các thanh niên động lòng, mà cũng tỏ rõ ba thứ Phật lực, pháp lực, chúng sanh lực đều chẳng thể nghĩ bàn.

Trợ niệm dùng "thủ thuật"[345] chẳng bằng dùng tâm quán, từ nay về sau không cần phải đề xướng cách thức này. Cách ấy trước đây Quang đã thấy một đệ tử dựa theo cách pháp sư Hưng Từ đã lập; về sau pháp sư Huệ Định ở Tứ Xuyên đem tác phẩm Ứng Dụng Duy Thức Học Quyết Định Sanh Tịnh Độ Luận do ông ta biên soạn gởi cho Quang, tôi biết pháp sư Hưng Từ dựa theo tác phẩm đó mà lập ra pháp ấy. Quang cho rằng công đức của Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn, bỏ sự trợ niệm của đại chúng để cậy vào chuyển động tay của một người nhằm kêu gọi Phật, đấy chính là coi rẻ Phật hiệu, coi trọng thủ thuật, chẳng đáng noi theo. Mong đừng lập dị, đến nỗi kẻ vô tri hùa nhau bỏ gốc lấy ngọn vậy!

(Ngày 24 tháng 11)

276. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, nếu chuyện của ông Lý Tự Huân là sự thật thì ông ta chắc chắn vãng sanh, nhưng người đời nay thường hay tô vẽ, muốn sướng tai khoái mắt người khác, đấy là lỗi lầm lớn. Đối với cha mẹ, đối với chính mình đều vô ích, bị tổn hoại. Vì sao vậy? Do lừa người dối mình, là phàm mà dối xưng là thánh vậy! Chưa vãng sanh, quyến thuộc chí thành niệm Phật thì người ấy cũng

[345] Pháp sư Hưng Từ đề xướng một phương pháp gọi là "liễu sanh thoát tử, cứu độ trung ấm thân". Theo đó, người hộ niệm tập trung tinh thần, quơ tay từ phía chân người chết lên đến ngực, vừa niệm Phật vừa tưởng như chính mình đang được Phật gia hộ, lôi kéo thần thức của người sắp chết từ chân lên đầu để cuối cùng thần thức sẽ từ đỉnh đầu thoát ra. Do vậy gọi là "thủ thuật" vì phải vận dụng tay rất nhiều để làm tư thế nắm kéo trong khi hộ niệm.

có thể vãng sanh. Nếu tô vẽ thì chẳng phải là tâm chân thật mà là tâm hư giả, nên khó được lợi ích thật sự. Mong hãy đem chuyện này thiết tha bảo với hết thảy đồng nhân.

Một bộ Văn Sao Tục Biên gồm hai cuốn, tổng cộng là 300 trang, mỗi gói là ba bộ, tính gởi bốn gói. Cho người hỏi bưu cục, họ nói không thể gởi được. Hiện thời rất nhiều nơi chỉ có thể gởi thư, dẫu là một quyển sách nhỏ cũng không gởi được. Xin ông hãy nói với những ai niệm Phật hãy sốt sắng niệm Phật, bởi sau này muốn có sách để đề xướng cũng rất khó khăn. Năm ngoái, vùng quê Quang gởi tới hơn 400 đồng, nay một bộ cũng chẳng thể gởi được, đáng than thay! Chẳng biết ngày nào thanh bình, chuyện gởi sách đã tuyệt vọng rồi! Xin hãy sáng suốt soi xét, bài sớ Lễ Quán Âm Cầu Con và ba điều trọng yếu để cầu con, gởi mỗi thứ một phần. Tiền hương kính đưa cho thường trụ, vì Quang sáng chẳng bảo đảm được tối, chẳng muốn giữ lại sau khi đã chết. Mục lực càng kém, không có chuyện gì khẩn thiết, đừng gởi thư đến để khỏi phải tốn công đọc và trả lời. Pháp danh của hai người được viết trong tờ giấy khác.

(Ngày mồng 10 tháng 10)

Kim Vinh pháp danh là Huệ Trinh, có quan hệ rất lớn, cái tên này không phải chỉ ngụ ý cô ta có thể thủ tiết! Kinh Dịch chép: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (trinh là trung tâm (cốt lõi) của sự việc). Nếu con người không có lòng trinh[346] thì chuyện gì cũng chẳng thành. Hãy nên dùng lòng trinh do trí tuệ để tự hành, dạy người thì lợi ích lớn lao. Một phụ nữ Hồi Hồi ở Vu Hồ tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh độ, gần đây khuyên được một người cực thông minh nhưng chẳng tin Phật phát tâm quy y, cũng là do dùng lòng trinh mà được. Đây quả là chuyện xưa nay ít thấy vì người Hồi Hồi khó giáo hóa nhất!

277. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tư)

Đọc những điều đã thuật thì người đã mất ấy quyết định được vãng sanh, do đức Phật có đại nguyện, lại nhờ sức trợ niệm của đại chúng, nên có thể quyết định vãng sanh. Nhưng cũng không cần phải đăng báo, bởi ai nấy nương theo pháp này, ai nấy đều được vãng sanh, trọn chẳng phải là chuyện hiếm hoi, lạ lùng gì. Nếu ai nấy đều đăng báo sẽ phiền phức khôn xiết! Nếu [lúc lâm chung] có cảnh giới lớn lao chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là chuyện thấy nghe bình thường thì chẳng ngại gì đăng báo để người thấy kẻ nghe đều sanh chánh tín. Nếu không,

[346] Trinh（貞）hiểu theo nghĩa rộng là lòng tinh thành đến cùng cực, không lay động, di chuyển bởi ngoại cảnh, bền giữ chí khí. Do vậy, phụ nữ giữ lòng chung thủy, không thay lòng đổi dạ gọi là trinh, không hiểu hạn hẹp như chữ virgin sau này.

chẳng đăng báo sẽ tốt hơn. Vì sao vậy? Hết sức bình thường, chẳng hiếm hoi, lạ lùng gì! Nay tôi đem nguyên văn gởi trả lại, xin ông hãy bảo với hiếu quyến để họ vĩnh viễn lấy đó làm khuôn phép nhất định thì lợi ích sẽ rộng lớn vậy.

(Ngày mồng 6 tháng Giêng)

278. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ năm)

Đã nhận được bưu phiếu, từ nay đừng gởi đồ vật tới nữa, hãy nhất tâm niệm Phật, chớ nên chuyên chú xem đọc kinh sách nữa. Niệm Phật là chánh hạnh, những lúc như đi đường chẳng hạn cần gì phải xem sách? Chỉ nên niệm Phật! Xem sách và niệm Phật là hai chuyện khác nhau. Niệm Phật đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được; xem sách nếu chẳng ngưng lặng tâm trí, dẹp yên lo nghĩ, sẽ chẳng hiểu được ý nghĩa. Điều quan trọng trong niệm Phật là nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Muốn nhiếp trọn sáu căn, chỉ lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình trong một thời gian dài thì sẽ tự đạt được. Đối với chuyện đặt ra những chữ đầu cho pháp danh[347] để đời sau nương theo đó mà đặt pháp danh, Quang trọn chẳng tán thành chuyện này vì sẽ tạo ra thói tệ, nên chẳng khơi ra đầu mối này.

279. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ sáu)

Quang già rồi, không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp, trong tháng trước đã đăng lời phân trần trên hai tờ Tân Báo và Thân Báo để sau này bất luận là ai cũng đều chớ nên gởi thư đến nữa, mà cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác đến quy y. Kẻ có lòng tin thì chẳng ngại gì theo lệ bái môn sinh[348] giống như nhà Nho, bái các ông làm thầy cho họ. Nhưng các ông chẳng được xưng là "thầy quy y" của những người ấy, bởi lẽ quy y tam bảo Phật pháp tăng, cư sĩ há nên tiếm xưng? Chỉ vì chỗ ông không có vị tăng thật sự biết Phật pháp, cho nên phải theo lối cầu học, để mong cho ai nấy đều được lợi lạc. Nếu nói ta là "thầy quy y của người nào đó, kẻ nào đấy là đệ tử quy y của ta", sẽ thành ra *"Bát Dật vũ đình, Ung Thi triệt tế"* (múa Bát Dật trong sân, ngâm bài Ung Thi để dọn cỗ tế xuống)[349], đúng là tội nhân trong cửa Phật, chẳng gọi là hoằng pháp lợi sanh.

---

[347] Tức là lối đặt pháp danh với những chữ đầu lấy từ một bài kệ truyền dòng. Chẳng hạn, dòng Lâm Tế Chúc Thánh có bài kệ: "Minh thiệt pháp toàn chương, ấn chân như thị đồng…" Theo đó, thầy có pháp danh bắt đầu chữ Chân thì trò sẽ có pháp danh bắt đầu bằng chữ Như.

[348] Bái môn sinh: tôn một vị mình trân trọng làm thầy, giữ lễ đệ tử.

[349] *"Bát Dật vũ đình"* (múa Bát Dật trong sân) là một thành ngữ dựa theo câu nói của Khổng tử trong Luận Ngữ: *"Tử viết: - Quý Thị Bát Dật vũ ư đình, thị khả nhẫn dã, thục bất khả nhẫn dã"* (Khổng tử nói: - Quý Thị múa Bát Dật trong sân, chuyện ấy hắn còn nhẫn tâm làm thì chuyện gì khác mà hắn chẳng nhẫn tâm làm). Theo sách Luận Ngữ Giảng Yếu của cụ Lý Bỉnh Nam, Quý Tôn Thị nước Lỗ cho múa Bát Dật để tế tổ tiên trong sân của miếu thờ gia đình; đó là chuyện tiếm dụng rất lớn. Vì Bát Dật là một điệu múa, ít nhất là tám người, tối đa là sáu mươi bốn người, chỉ dành riêng cho thiên tử nhà Chu sử dụng khi tế tổ trong Thái Miếu. Nước Lỗ vốn là đất phong cho Chu công sau khi nhà Chu dẹp Trụ.

Pháp danh của năm người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác. Nếu muốn đọc các kinh sách, hãy tiếp xúc trực tiếp với Hoằng Hóa Xã, cũng đừng thuận tiện gởi kèm thư cho Quang, dù có kèm theo thư cũng không trả lời. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn dễ tu, dễ thành nhất trong Phật pháp. Hãy nên theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục và các trước thuật Tịnh độ đã nói để tu tập, chắc chắn sẽ có thể cậy vào Phật từ lực để liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng coi đấy là điều quan trọng, cứ muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, chỉ sợ trải trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn ở trong lục đạo, luân hồi, chẳng đáng buồn sao?

(Ngày 19 tháng Chạp)

280. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ bảy)

Thư ông và thư của Lưu Văn Chương đều nhận được đầy đủ. Tôi vốn muốn viết pháp danh trên đơn xin quy y, nhưng mục lực chẳng đủ, nên chẳng thể viết chữ nhỏ được, do vậy bèn viết vào tờ giấy khác. Xin hãy chia ra đưa cho họ. Đối với việc khai thị, nói chung lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" làm chuẩn mực để tự hành dạy người. Cách niệm Phật thì không gì trọng yếu hơn là nghe, nghe thì tâm sẽ lặng vào một chỗ, đấy gọi là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". Nay gởi cho ông 25 gói sách,

---

Do cảm niệm công ơn phù tá của Chu Công Đán khi vua còn bé, Chu Thành Vương đặc biệt cho phép vua nước Lỗ đời đời được sử dụng điệu múa Bát Dật để tế Chu công, chứ không được sử dụng trong những miếu thờ khác, ngay cả miếu thờ vua nước Lỗ. Quý Thị chính là hậu duệ của Lỗ Hoàn Công, do thấy lễ nhạc của thiên tử được sử dụng trong miếu thờ Chu công liền tự tiện sử dụng để tế tổ tiên của mình, do vậy phạm lỗi tiếm dụng rất lớn.

"Ung thi triệt tế" (ngâm bài Ung Thi để dọn cỗ tế) cũng xuất phát từ một câu nói trong Luận Ngữ: *"Tam gia giả dĩ Ung triệt, Tử viết: "Tương duy tịch công, thiên tử mục mục, hề thủ ư tam gia chi đường"* (Ba họ ngâm bài Ung Thi trong khi dọn cỗ xuống sau khi tế xong, Khổng tử nói: "Hai câu thơ: 'Vẻ mặt của chư hầu và hậu duệ nhà Hạ, nhà Ân đến trợ tế lẫn vẻ mặt của thiên tử đều nghiêm túc' sao lại dùng trong miếu thờ của ba họ?") "Tam gia" chính là Trọng Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn, đều là ba vị Khanh Đại Phu nước Lỗ, là hậu duệ của Khánh Phụ, Thúc Nha, Quý Hữu (ba người này là con thứ của Lỗ Hoàn Công), nên còn gọi là Tam Hoàn Gia hoặc Tam Hoàn Tử Tôn. Ung Thi là một bài thơ thuộc phần Chu Tụng của Kinh Thi. Triệt（徹）là dọn xuống. Khi thiên tử tế thái miếu, lúc lễ xong, các nhạc công cử nhạc ngâm bài thơ này để hạ cỗ bàn. "Tương duy tịch công, thiên tử mục mục" chính là hai câu thơ trong bài Ung Thi. Cụ Lý Bỉnh Nam giảng: "Tương duy"（相維）là chữ đệm không có nghĩa lý gì, "tịch công"（辟公）là các chư hầu, như hậu duệ nhà Hạ là nước Kỷ, hậu duệ nhà Ân là nước Tống. Mục mục（穆穆）là vẻ mặt ôn hòa, khoan dung, nghiêm túc của thiên tử. Hai câu này có nghĩa là khi các chư hầu và hậu duệ nhà Hạ, nhà Ân đến trợ tế, vẻ mặt của vị đứng chủ tế và các bồi tế (trợ tế) nghiêm túc, khoan hòa; ngụ ý tuy tế lễ đã xong, vị chủ tế và trợ tế vẫn nghiêm túc, trang trọng". Bài thơ này chỉ thiên tử nhà Chu mới được dùng khi tế lễ mà ba quan đại phu nước Lỗ lại tiếm dụng nên họ bị Khổng tử chê trách.

Tổ Ấn Quang dùng cả hai câu thơ này để răn nhắc hàng cư sĩ không được tự tiện truyền tam quy, ngũ giới cho người khác vì chỉ có tăng chúng mới có tư cách đại diện tam bảo truyền giới. Nếu cứ làm càn, sẽ giống như chư hầu dám dùng những nghi lễ dành riêng cho thiên tử để cúng tế tổ tiên mình.

những bộ sách lớn không có nhiều hãy nên giữ lại trong hội để mọi người được xem. Những cuốn sách lẻ khá nhiều, trừ những cuốn để lại trong hội ra, hãy chọn những ai thông văn lý, có lòng tin, biết cung kính để biếu tặng.

Lưu Văn Chương hiếu học, nhưng sống nơi xa xôi, bất luận những loại sách lớn hay nhỏ mỗi thứ đều trích ra tặng cho ông ta một phần. Chớ nên gởi thư quấy nhiễu, hãy nên tự sốt sắng tu trì mà thôi! Sau khi nhận được 25 gói sách, chỉ cần gởi một mảnh giấy báo tin đã nhận được, chớ nên lôi thôi, dài dòng. Quang mục lực chẳng đủ, đọc chữ cũng rất tốn sức, chớ nên không thông cảm, xin hãy sáng suốt soi xét và nói với mọi người.

(Ngày 21 tháng 2)

281. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tám)

Mười pháp danh được viết trong tờ giấy khác. Bọn họ phần nhiều từng dự vào Đồng Thiện Xã và theo Lý học v.v.. Nay đã quy y Phật pháp, chớ nên thực hiện những công phu ngoại đạo trước kia nữa! Phàm những kẻ thuộc ngoại đạo đều tuân thủ cung cách bí mật, nói xằng bậy bọn họ được chân truyền của Lục tổ, vị thầy truyền đạo của họ là vị Phật này hay vị tổ sư nọ giáng sanh. Cái tội đại vọng ngữ ấy quả báo thật thê thảm! Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ, vì kẻ ấy đã hoại loạn Phật pháp, làm cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. Nói đến cách "niệm Phật nhớ số" vốn chỉ cốt sao tâm quy vào một mối, chẳng cần phải nhớ đến trăm, đến ngàn. Cách ông lập ra tuy hay, nhưng sợ về lâu về dài tâm lực chẳng kham nổi, rất có thể ngã bệnh.

Nói đến sám pháp thì chỉ lấy kiền thành lễ tụng làm chánh, hoặc lễ Tịnh Độ Sám hoặc Tiểu Tịnh Độ Sám đều được. Trong sách Tịnh Độ Thập Yếu có bài văn sám hối, nếu trong những sách đã gởi không có quyển ấy, hãy nên căn cứ theo giá cả để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã. Thường gởi tặng sách liên tục thì Quang nào có sức, nay gởi cho ông một gói Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy cho mỗi người quy y một tờ để giúp cho tiền đồ tu trì của bọn họ.

(Ngày 27 tháng 5)

282. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ chín)

Thư đề ngày mồng 10 tháng Chạp năm ngoái đến chiều ngày hôm qua tôi mới nhận được. Trước kia, tôi đã nói mục lực chẳng đủ, đừng gởi thư tới nữa, cho nên lá thư gởi vào mùa đông năm ngoái tôi không trả lời. Các ông tưởng là vì chưa dâng tiền cúng dường nên Quang không thèm trả lời, do vậy bèn đặc biệt gởi tới 33 đồng mong rằng Quang sẽ trả lời thư. Đây thật là chẳng biết nỗi khổ của Quang!

Hiện thời giao thông tiện lợi, bất luận xa hay gần đều có thể gởi thư đến. Tuy đã cự tuyệt, vẫn chẳng thể hoàn toàn không có ai gởi thư tới. Lại có những người từ mấy chục dặm hoặc một hai trăm dặm quanh Tô Châu, ngồi xe lửa, xe hơi, chưa đầy nửa ngày đã tới nơi, hằng ngày phải thù tiếp họ đã chiếm mất nửa thời gian lẫn sức lực. Há còn có thể thường xuyên trả lời thư các ông được chăng?

Sám hối bảy ngày, tự thệ thọ giới, rất tốt! Cần biết rằng, bốn giới đầu trong ngũ giới thuộc về tánh giới, bất luận là ai đều phải nên giữ. Người dẫu chưa nghe đến tên gọi của giới mà phạm thì vẫn có tội bởi những điều ấy có liên quan đến thể tánh nên có tội, vì thế cũng gọi là tánh tội. Kẻ đã thọ giới mà phạm thì trở thành hai trọng tội, vì ngoài tánh tội ra còn phạm một giá tội[350] nữa là "phạm giới". Chỉ có giới uống rượu là giá giới, hễ phạm thì gọi là giá tội. Kẻ chẳng thọ giới mà uống rượu không phạm tội; kẻ đã thọ giới chỉ phạm giới tội.

Thêm nữa, người chưa thọ giới phạm đại vọng ngữ tội đã cực nặng, người thọ giới rồi mà phạm thì tội càng nặng thêm. Như lũ ngoại đạo thường nói bọn chúng đắc chân truyền của Phật pháp, "Lục tổ loạn truyền Phật pháp, pháp trở về tay người tại gia, tăng nhân đều không có pháp." Thầy họ là vị Phật này hay vị tổ sư nọ chuyển thế. Kẻ thuyết pháp kiểu ấy đều là vì cầu danh văn lợi dưỡng, người thọ giới cũng có kẻ hiếu danh, hoặc cầu lợi dưỡng, chưa được bảo đã được, chưa chứng nói đã chứng; hạng người ấy dẫu có tu trì nhưng vì tâm địa chẳng thật nên chưa chắc đã được hưởng lợi ích thật sự trong Phật pháp, mà cái tội hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, ngờ vực, chẳng biết tới năm nào, kiếp nào mới tiêu diệt được.

Nay gởi cho các ông 20 gói sách, đợi đến tháng 4 còn có mấy gói Kỹ Lộ Chỉ Quy sẽ gởi đến, khi nhận được, đừng gởi thư trả lời. Đối với người mới phát tâm, sách ấy rất hữu ích, vì thế tôi đã tính gởi từ trước kia. Mẹ ông Lý Thượng Đức pháp danh là Tông Thành, Thượng Đức pháp danh là Trí Đức, em trai ông ta là Thượng Tín, pháp danh là Trí Tín, Lý Vương Tố Khanh pháp danh là Trí Tố, Lý Thiệu Văn Hàn pháp danh là Trí Chương. Xin hãy nói với bọn họ, hễ quy y Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu không, chẳng những là tội nhân nơi Danh giáo mà còn là tội nhân trong Phật pháp. Chuyện khẩn yếu nhất

[350] "Giá" (遮) có nghĩa là ngăn trở, che lấp. Do tội ấy ngăn trở công đức không sanh trưởng được nên gọi là giá tội. Những giới nhằm ngăn trở tội lỗi chẳng để cho chúng nảy sanh khiến cho công đức lẫn chân tánh bị che lấp thì gọi là giá giới. Do uống rượu khiến tâm sân hận, kiêu căng, si mê tăng trưởng, huệ tâm bị ẩn mất, có thể tạo ra những hành vi giết, trộm, dâm do không kiểm soát được tâm ý, nên tội uống rượu gọi là giá tội. Giới cấm "không uống rượu" sẽ giúp ngăn trở những điều tội lỗi ấy xảy ra nên gọi là giá giới.

của phụ nữ là khéo dạy dỗ con cái, lúc con cái vừa mới hiểu biết mà lúc ấy chẳng dạy dỗ thì về sau sẽ khó thành tựu được!

(Ngày 28 tháng Giêng)

283. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười)

Nhận được thư mấy ngày, do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa trả lời ngay, sáng nay viết cho ông những nghĩa chánh để ông chẳng đến nỗi lại sanh nghi ngờ nghĩa lý. Chuyện thế gian đều gây nên thói tệ, những kẻ ham danh ghét thật, hễ biết được chút đạo lý nào liền biến không thành có, đem phàm lạm thánh. Những thứ hành vi này phá hoại Phật pháp, khiến người khác lui sụt lòng tin. Hãy nên khuyên hết thảy mọi người niệm Phật đều tu hành chân thật, đừng chú trọng cầu mong tiếng tăm rỗng tuếch thì sẽ đích thân đạt được lợi ích. Mười đồng hương kính dùng để gởi một số sách trị giá mười đồng. Nếu tổng số giá tiền sách vượt quá số tiền ấy thì là do Quang biếu tặng.

(Ngày 20 tháng 8)

Hiện thời sợ rằng sẽ có chiến sự, hãy nên bảo hết thảy mọi người đều cùng niệm Phật và niệm Quán Âm để dự phòng. Nếu không, trốn cũng không trốn được, ngừa cũng không có cách nào ngừa được, chẳng nên cẩn thận ư? Chẳng nên cẩn thận sao? *(Tái bút)*

284. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười một)

Theo như những tướng đã nói, thím của ông Trương Huệ Tuyền có thể vãng sanh, nhưng chẳng biết lời kể tình cảnh lúc bà ta lâm chung ấy có chẳng hư vọng hay không? Con gái và con trai bà ta là Phước Khánh vẫn muốn mẹ họ được quy y, sao chính họ không quy y? Vẫn sợ mẹ không được hưởng lợi ích thật sự, sao chính mình lại chẳng muốn được hưởng lợi ích thật sự vậy? Nay đặt pháp danh cho mẹ họ là Chứng Tịnh, ngụ ý bà ta đã sanh về Tây Phương, chứng được y báo lẫn chánh báo thanh tịnh trang nghiêm. Con trai pháp danh là Huệ Kính, con gái pháp danh là Huệ Hiếu, nghĩa là dùng trí tuệ của đức Phật để hành hiếu kính. Xin hãy khai thị cho bọn họ. Tôi đã viết bài văn nêu chứng cứ về hết thảy những người niệm Phật vãng sanh và chẳng vãng sanh, chẳng phải chỉ để nói về thím của ông Huệ Tuyền; những điều nói kèm thêm trong bài văn ấy đều là những lời văn dành chung cho khắp mọi người chứ chẳng phải để dạy riêng một ai.

(Ngày mồng 2 tháng 4)

Lúc đưa cho họ, nhớ dặn họ phải cung kính; gởi cho con trai, con gái bà ta hai gói sách này nọ. Nếu họ xem được thì đưa cho; nếu không, hãy tặng cho người khác.

285. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười hai)

Hôm qua nhận được thư, biết Vương Lan Hinh tuy lậm sâu chất độc Trình - Chu - Hàn - Âu, vẫn nhờ có ông khuyến hóa mà được vãng sanh. Nếu không, do cái nghiệp hủy báng Phật pháp suốt một đời này, chắc chắn đời sau khó thể được như đời này. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật"* (Thiện tri thức là nhân duyên lớn vì giáo hóa, chỉ dạy khiến được thấy Phật). Tiếc cho ông ta tin tưởng quá trễ! Nếu ông ta sanh lòng tin cùng lúc với ông thì khuyên dạy càng thêm đắc lực.

Ông ta là người hết sức quật cường, có thể chí thành niệm Phật trong khi bệnh khổ là do đời trước đã gieo thiện căn sâu xa nơi pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp. Trước lúc mất, liền biết trước khi nào sẽ chết, lại biết cõi Tây Phương thù thắng nhiệm mầu chẳng thể dùng ngôn ngữ nào để diễn tả được. Còn như sau khi đã tắt hơi, liền tỉnh lại, nói "chẳng thấy Đại Dương[351]" thì biết là ông ta vẫn nhờ trợ niệm mà được lợi ích vãng sanh. Từ đây có thể thấy rằng: Ông ta đã nghiệp tận tình không, nhưng vì quyến thuộc vô tri, đã lau rửa thân thể, thay áo sẵn, khóc lóc, gần như làm hỏng đại sự. Được ông khai thị, đều cùng niệm Phật hiệu, đến khi hơi nóng tụ về đảnh đầu tỏ rõ ông ta đã sanh Tây nhập thánh đạo. Chuyện này quả thật là chuyện may mắn hết sức lớn từ vô thủy đến nay.

Nếu thoạt đầu ông không khuyên ông ta niệm Phật thì chết đi khó tránh khỏi đọa lạc trong ác đạo vì suốt đời nghe lời kẻ khác xui xiểm tạo nghiệp "báng Phật, báng pháp, báng tăng" rất khó tiêu diệt được. May mắn được vãng sanh, vì thế đặt pháp danh cho ông ta là Chứng Tịnh, ý nói đã thật sự chứng được lợi ích Tịnh độ. Từ nay thân cận Di-đà, theo gót hải chúng, sẽ tự đích thân chứng được Vô sanh pháp nhẫn, lên địa vị Bất thoái. Vợ ông ta là Phùng Thị, pháp danh là Hy Tịnh, hy (希) là mong mỏi, hãy nhất tâm niệm Phật, mong mỏi lâm chung được vãng sanh. Hợp Quần pháp danh là Trí Dung, do đã dấn thân vào xã hội, ắt phải viên dung không vướng mắc thì mới chẳng bị người khác chán ghét để tiện làm chuyện khuyên dạy người khác tu tịnh nghiệp, vì thế pháp danh là Trí Dung. An Quần pháp danh là Trí Thao, thao (韜) nghĩa là ẩn giấu. Đối với mọi người chẳng tự kiêu căng có trí, gặp chỗ quan trọng liền nói dứt khoát một lời, người ta sẽ bội

[351] Đại Dương là tên một người con của ông Vương Lan Hinh. Do quyến thuộc khóc lóc, Lan Hinh động niệm mến luyến con cái nên đã tắt hơi vẫn tỉnh lại, hỏi thăm đứa con còn vắng mặt.

phục. Nếu hiu hiu tự khoe khoang, dẫu nói ra câu nào cũng thích đáng thì cũng đã thiếu hồn hậu, huống là ăn nói chưa chắc đã thích đáng ư? Đấy là hướng dẫn về cách giữ thân, xử sự trong cõi đời, mà cũng là cái gốc để duy trì tịnh nghiệp. Hãy nên bảo vợ và hai con ông ta đều nghiêm túc tuân thủ.

Ông thay họ dâng tiền hương kính cũng rất hợp lý. Quang suốt đời chẳng bận tâm cho chính mình, chỉ mong hết thảy mọi người đều tu tịnh nghiệp, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Do phương Bắc lạnh buốt, Phật pháp chẳng dễ lưu thông nên mới nhiều lần gởi sách để mong ai nấy đều cùng được gội ân Phật. Nay vẫn gởi cho họ các thứ kinh sách, xin ông hãy lượng định tặng cho mẹ con họ, hễ dư ra hãy tùy nghi biếu tặng. Cần phải nhắc họ cung kính thọ trì, chớ nên có thái độ như nhà Nho đọc sách Nho để xem kinh Phật. Nếu không, chưa được lợi ích mà đã mắc đại tội trước, hãy nên nói điều này với hết thảy mọi người có lòng tin. Mười gói kinh sách xin hãy thu nhận!

(Ngày 24 tháng 4)

286. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười ba)

Thư nhận được đầy đủ, cảnh tượng lâm chung của nhóm bốn người Thường Khai Tường cho thấy họ đều được vãng sanh. Khai Tường lầm lẫn cố chấp Lý học, nếu không được ông tích cực khuyên dạy cũng như do thời cuộc nguy hiểm, sợ rằng sẽ vẫn cứ chấp mê chẳng ngộ, làm một kẻ sống uổng chết phí. [Bài tường thuật chuyện vãng sanh của] bốn người ấy nên tóm gọn lời văn, gởi cho Thượng Hải Phật Học Thư Cục để họ đăng trên bán nguyệt san. Mồng 10 tháng 10 năm Dân Quốc 26 (1937), Quang lánh sang Linh Nham. Tới ngày 17, 18, Tô Châu bị vây hãm, chánh phủ vốn muốn bỏ mặc Tô Châu không giao tranh, vì thế tai nạn ở Tô Châu so ra nhẹ hơn các huyện phụ cận như Côn Sơn, Thường Thục…

Hiện thời, đường thủy, đường bộ đều bị bế tắc, các thứ hàng hóa chẳng thể chở tới, giấy đắt gấp năm, gấp sáu trước kia, sợ sau này còn đắt đỏ gấp nhiều lần hơn nữa. Chuyện Hoằng Hóa Xã quả thật đã hết cách lo liệu, hiện thời Quang không hỏi đến nữa, chỉ chờ chết ở Linh Nham mà thôi. Quý xứ liên tiếp gặp phải lụt lội, hạn hán, sao lại gởi tiền hương kính? Từ rày nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng gởi thư đến. Một là vì đường sá có thổ phỉ, binh lính ngăn trở, hai là vì Quang sáng chẳng đảm bảo được tối, chỉ tích cực niệm Phật là được rồi, cố nhiên chẳng cần phải quy y với Quang. Chỉ cần chịu vâng theo lời Phật dạy tu trì thì đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Bốn pháp danh viết trong một tờ giấy khác. Lam Điền pháp danh là Huệ Thực, sẽ kế tục chí hướng của cha,

trồng sâu thiện căn ngõ hầu chẳng phụ cái tên tốt đẹp này. Xin hãy nói với những người cùng chí hướng thì may mắn thay!

(Ngày 13 tháng 9)

287. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười bốn)

Pháp danh của 20 người viết trong một tờ giấy khác, những người bị lầm tên đã sửa rồi. Hai bài ca ông đã gởi rất hay, tiếc là giấy mắc quá sức, đợi sau này giấy rẻ hơn đôi chút sẽ cho ấn hành. Để khai thị cho những người xin quy y, hãy nên dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp là chu đáo nhất. Xin hãy chọn lựa những điểm quan trọng để bảo ban họ.

(Ngày 24 tháng 10)

288. Thư trả lời cư sĩ Chân Tịnh

Hai vị sư từ quý địa đến cầm theo thư của ông đưa cho tôi xem, bài ca ngợi Quang do ông đã soạn chính là đem phàm lạm thánh, đến nỗi ông lẫn Quang đều mắc đại tội. Từ rày, muôn phần chớ nên theo thói ấy chút nào nữa! Nếu do chẳng biết mà nói thì lỗi còn nhỏ, chứ nếu đã biết mà vẫn nói bừa sẽ mắc thêm lỗi hý luận. Sách Lễ Ký nói: *"Nghĩ nhân tất ư kỳ luân"* (Làm người ắt phải tuân theo lẽ thường). Chẳng tuân theo lẽ thường, giống như thường dân xưng càn là đế vương, kẻ xưng tụng và người được xưng tụng đều mắc tội lớn, há chẳng cẩn thận ư? Quang suốt đời chẳng chịu khen ngợi người khác một cách sáo rỗng, mà cũng rất ghét người ta khen ngợi tôi một cách sáo rỗng.

Quang đã 79 tuổi, sau 32 hôm nữa sẽ tròn 80, nhưng sáng chẳng đảm bảo được tối, sợ rằng chưa được 80 đã chết rồi. Bất luận tôi còn sống hay đã chết, đều chớ nên theo thói xấu của người đời nay, khen ngợi xằng bậy. Trong bộ Văn Sao của Quang, cha mẹ, sư trưởng tôi đều chẳng nhắc tới, sợ người ta nghi ngờ tôi thêu dệt đến nỗi bị nhục lớn. Người đời nay khi cha mẹ, sư trưởng qua đời liền cầu người có tiếng tăm viết bài tán tụng, Quang hết sức chẳng muốn thuận theo thói ác ấy khiến cho cha mẹ lẫn thầy bị nhục lây. Tôi chết rồi, hãy nên cực lực đề xướng pháp môn Tịnh độ, khiến cho người thấy nghe "sống thì hiền thiện, mất thì sanh về Cực Lạc". Điều này chỉ có công chẳng có lỗi. Nếu lầm lẫn viết bài ca ngợi, phúng điếu chính là đã hủy nhục Quang trước mặt mọi người vậy. Ngàn vạn phần xin đừng tập theo thói ác ấy!

Trứng gà có ăn được hay không? Tranh luận đủ mọi lẽ đã lâu! Nhưng người hiểu lý quyết chẳng nghĩ ăn trứng gà là đúng, kẻ thích ăn liền khéo léo biện luận, chứ thật sự đã chường ra cái ngu. Vì sao vậy? Có người nói trứng có cồ, tức là có

mầm sống thì không được ăn, còn trứng không có cồ chẳng thể nở thành gà con thì ăn được. Nếu nói như vậy thì con vật còn sống chẳng được ăn, chứ con vật chết rồi thì ăn được, có lẽ ấy hay chăng? Người thông minh thường hay dấy lên thứ tà kiến ấy, chẳng biết là nhằm thỏa thích bụng miệng mà phô phang cái trí của chính mình, đến nỗi bị người hiểu lý thương xót.

Sư Chi Đạo Lâm[352] đời Tấn học rộng, giỏi biện luận, tranh luận cùng thầy về chuyện trứng có ăn được hay không; do ông ta giỏi biện bác, vị thầy chẳng thể khiến cho Đạo Lâm khuất phục được. Vị thầy ấy mất rồi, hiện hình trước mặt ông ta, tay cầm trứng gà quăng xuống đất, gà con liền chui ra. Đạo Lâm hổ thẹn cảm tạ, thầy và trứng gà đều biến mất. Đấy là lời quyết đoán thời Tấn (Phật pháp lúc mới truyền vào Trung Quốc, phân chia ra Đại thừa và Tiểu thừa để hoằng truyền. Đại thừa thì hết thảy loại thịt đều không ăn, Tiểu thừa ăn ba thứ tịnh nhục, ngũ tịnh nhục. Tam tịnh nhục (ba thứ thịt sạch) là thịt của những con vật mà chính mình chẳng thấy giết, chẳng nghe giết, chẳng nghi là do mình mà con vật bị giết. Thêm hai thứ thịt của những con vật tự chết và "điểu tàn", điểu tàn là thịt do chim hay thú hay ăn bỏ sót lại. Đó là ngũ tịnh nhục. Tới thời Lương Vũ Đế, đều theo Đại thừa, vĩnh viễn phế bỏ Tiểu thừa. Đạo Lâm là cao tăng nhưng vẫn y theo Tiểu thừa để luận).

Gần đây người ta hay bị bệnh phổi, Quang chẳng nghĩ như vậy là bình thường. Người đời sau nghiệp nặng, dậy thì sớm, mười một mười hai tuổi đã có dục niệm. Dục niệm đã dấy lên, không có cách gì kiềm chế, lại chẳng biết nghĩa lý giữ gìn thân thể nên bèn dùng đến cách thủ dâm. Như cây cỏ vừa mới nẩy mầm liền bị bẻ chồi, ắt phải khô héo. Con em thông minh do vậy mất mạng chẳng biết là bao nhiêu. Dẫu chẳng đến nỗi chết ngay lập tức thì thân thể yếu đuối, không nên cơm cháo gì. Đến khi lớn lên cưới vợ, cha mẹ, sư trưởng tuyệt chẳng nói đến đạo tiết dục, giữ gìn thân thể. Vì thế quá nửa bị bệnh chết đều do thủ dâm và tham ăn nằm mà ra.

Do vậy, Khổng tử đáp lời Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu rằng: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu"* (Cha mẹ chỉ lo lắng về tật ấy), chính là dạy phải kiêng ăn nằm.

---

[352] Chi Đạo Lâm (314-366), vốn tên là Chi Độn, họ Quan, người huyện Trần Lưu (nay là huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam), là danh tăng thời Đông Tấn. Sư xuất gia năm 25 tuổi. Căn cứ theo chữ Chi đặt trước đạo hiệu, người ta cho rằng sư thọ giới với một vị tăng Tây Vực vì thời ấy, tăng sĩ hay lấy họ của thầy làm họ mình, nên sư đổi họ thành Chi. Sau sư đến Kiến Khang (Nam Kinh) giảng kinh, giao du thân tình với Tạ An, Vương Hy Chi, thích bàn lẽ huyền diệu, ưa ngao du sơn thủy, ngâm vịnh. Sư đặc biệt hứng thú với giáo nghĩa Bát-nhã, có những kiến giải đặc sắc. Dưới thời Tấn Ai Đế, sư từng vâng chiếu giảng kinh Bát-nhã Đạo Hành tại chùa Đông An ở kinh đô. Sư từng chú giải thiên Tiêu Dao của sách Trang Tử, đề xướng tư tướng "sắc vốn là không". Trước tác nổi tiếng nhất là Thích Tức Sắc Bổn Vô Nghĩa, Đại Tiểu Phẩm Đối Tỷ Yếu Sao, Sắc Tức Du Huyền Luận. Sư còn chú thích các kinh An Ban Thủ Ý, Bổn Khởi Tứ Thiền v.v..

Chẳng kiêng ăn nằm thì trăm bệnh đua nhau phát ra, có thể kiêng ăn nằm thì giảm bớt bệnh tật nhiều lắm! Mạnh tử nói: *"Dưỡng tâm giả (do kẻ khéo dưỡng thân ắt phải nhờ vào chế ngự tâm chẳng cho dục niệm khởi lên, nên gọi là "dưỡng tâm") mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn giả, quả hỹ"* (Dưỡng tâm thì không gì hay bằng ít ham muốn. Ai làm người mà ít ham muốn, tuy tâm người ấy có những điều không hợp đạo nghĩa, nhưng những điều ấy cũng ít. Ai làm người mà lắm ham muốn, tâm dù có giữ được đạo nghĩa thì đạo nghĩa ấy cũng chẳng được mấy[353]).

Cổ nhân trọng sanh mạng người dân, thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký chép: *"Trọng Xuân tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc tuần ư đạo lộ viết: Lôi tương phát thanh, kỳ hữu bất giới kỳ dung chỉ giả (tức phòng sự) sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Ba ngày trước khi sấm động vào lúc giữa mùa xuân, viên quan chấp lệnh cầm mõ gỗ đi khắp nẻo đường rao truyền: Sấm sắp rền, kẻ nào chẳng kiêng ân ái (tức ăn nằm) sẽ sanh con chẳng vẹn toàn, ắt có tai nạn hung hiểm) (tức là chân tay, thân thể chẳng trọn vẹn, hoặc sanh ra quái thai, hoặc vợ chồng bị chết, hoặc bị bệnh ngặt nghèo, nên nói là "ắt có tai nạn hung hiểm"). Đấy là chánh lệnh của quốc gia. Nay thì cha mẹ, sư trưởng, trọn chẳng nói với con cái về chuyện này. Đến khi đã ngã bệnh, thầy thuốc cũng chẳng bảo kiêng ăn nằm. Ấy là vì chẳng coi mạng người là trọng, chỉ mong người ta bệnh ngày càng nặng để phải chữa trị nhiều hơn. Thầy thuốc dụng tâm như thế, tội khác nào bọn cường đạo chặn đường cướp của! Bệnh của ông bất luận là do nguyên nhân nào phát sanh, đều nên lấy việc đoạn hẳn chuyện ăn nằm làm phương sách để mau được lành bệnh. Đợi đến khi hoàn toàn bình phục rồi, hoặc mỗi năm chung đụng một lần, hoặc mỗi quý (ba tháng) một lần để mong chẳng lỗi đạo "tiếp nối đời trước, mở ra đời sau", đừng thường xuyên ân ái, sẽ sanh được con cái thể chất khỏe mạnh, tánh tình từ thiện, thọ mạng dài lâu, vẻ vang nhiều lắm!

Quang đưa cho vị sư mang thư ông tới đây một cuốn Thọ Khang Bảo Giám nhờ trao lại cho ông, văn lẫn lý trong cuốn sách ấy đều đáng tuân theo. Chỉ có điều trong những ngày kiêng ăn nằm, ngày vía của những vị thần thánh có thần thông nhỏ nhoi cũng đều kể vào, dường như không thích đáng lắm[354]. Nhưng đối

---

[353] Câu nói này được trích từ thiên Tận Tâm hạ của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Nhiệt Châu và Lân Công Chấn (Hoa Tạng Tịnh tông Học Hội xuất bản tại Đài Loan năm 2003).

[354] Đây là phần *Bảo thân lập mạng giới kỳ dữ thiên địa nhân kỵ* trong sách Thọ Khang Bảo Giám, liệt kê những ngày vía của Phật, Bồ-tát, thần thánh trong tam giáo, hoặc những lúc thiên nhiên giao mùa, đổi tiết khí đều nên kiêng ăn nằm. Ngày vía của những vị thần rất nhỏ trong Đạo Giáo cũng được kể vào đó, chẳng hạn ngày 17 tháng 2 là ngày vía của Đông Phương Đỗ Tướng Quân, ngày 20 tháng 4 là ngày vía của Nhãn Quang thánh mẫu v.v.. Theo ngu ý, mục đích của việc liệt kê thật nhiều ngày vía chỉ nhằm giúp cho người ta dễ tiết dục vì sợ phạm tội với thần thánh.

với chuyện "ngày vía của đại quỷ thần thì nên kính, chứ đối với ngày vía của tiểu quỷ thần nếu chẳng kính sẽ do vậy mà bị chuốc họa", hãy đừng nên bàn luận bừa bãi thì may mắn lắm thay! Dùng điều này để tự lợi mà cũng dùng những điều này để lợi tha. Do vậy, tự tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương giống như trao bằng khoán chuộc lại vật cũ. Nữ nhân cũng thế! Ai muốn tiết dục ắt trước hết phải nói nguyên do với vợ sẽ chẳng đến nỗi gia đình bị lục đục. Trong đời có những kẻ thanh xuân chôn chồng, nguyên nhân quá nửa là vì chẳng khéo tiết dục mà ra. So với cảnh giữ phòng không ở góa, sao bằng tiết dục để được tề mi giai lão[355] chẳng hay hơn ư? Đây là đối với nữ nhân mà nói. Đàn ông cũng nên biết những chuyện kiêng kỵ có liên quan đến tánh mạng của nữ nhân, đấy chính là người phối ngẫu có đức hạnh hằng nâng đỡ, tạo lợi ích cho nhau. Quang ăn nói dài dòng chỉ vì bi tâm tha thiết, có lẽ đã gây nhàm tai người nghe!

Tịnh Độ Ngũ Kinh là căn bản của pháp môn Tịnh độ, hãy đọc kỹ lời tựa, sẽ tự biết được những ý chánh. Tịnh Độ Thập Yếu là trước thuật thiết yếu nhất của Tịnh độ, quan trọng nhất là sách Di-đà Yếu Giải, là bản chú giải tuyệt diệu nhất của kinh này. An Sĩ Toàn Thư là sách đứng đầu các thiện thư. Cảm Ứng Thiên Trực Giảng dùng chữ đơn giản, dễ hiểu nhưng không dung tục, kẻ nhã người tục cùng xem đều được lợi ích. Ấn Quang Văn Sao văn tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa lý chấp nhận được. Noi theo những điều được sách này đề xướng chắc chắn chẳng bị chê là trái luân thường, gây rối đất nước. Hãy nên lấy Thọ Khang Bảo Giám làm sách giữ gìn tánh mạng cho con em đã hiểu chuyện đời. Chẳng những thanh niên phải nên xem, ngay cả người già cũng nên đọc. Muốn con em được trường thọ phải hoàn toàn cậy vào người cao tuổi thường nói đến chuyện họa phước.

289. Thư trả lời cư sĩ Tiền Hiểu Trẫm (đính kèm thư gởi đến)

Thư hỏi:

Con có những điều nghi vấn, xin thầy trả lời!

1. Trong nghi thức Du Già Diệm Khẩu có đoạn: *"Tội tánh bổn không do tâm tạo. Tâm nhược diệt thời, tội diệc vong. Tâm vong, tội diệt lưỡng câu không. Thử*

[355] Tề mi giai lão: đây là thành ngữ ghép của hai thành ngữ *"tề mi cử án"* (nâng án ngang mày) và *"bách niên giai lão"* (sống cùng nhau đến trăm tuổi). *"Tề mi cử án"* phát xuất từ phần Dật Dân Liệt Truyện trong Hậu Hán Thư: Toại Chí Ngô sống nhờ căn chái của nhà giàu là Ty Bá Thông. Ngô phải đi làm thuê cho người khác kiếm ăn. Mỗi lần chồng về, vợ dọn cơm chẳng dám sỗ sàng nhìn thẳng, luôn nâng cái án lên ngang mày mời chồng ăn cơm, Ty Bá Thông thấy vậy, lấy làm lạ, nói: "Anh ta khiến vợ kính trọng như thế, chắc không phải là người tầm thường!" Án vốn là cái mâm có chân thời cổ, dùng để đựng thức ăn. Vì thế, đời sau hay dùng chữ "tề mi cử án" hay "cử án tề mi" để hình dung vợ chồng kính trọng nhau, yêu thương nhau đằm thắm.

tắc thị danh chân sám hối" (Tội tánh vốn không, do tâm tạo. Khi tâm diệt rồi, tội cũng tiêu. Tâm mất, tội diệt đều không cả. Đấy được gọi là chân sám hối). Trong những trước tác khác cũng có dẫn đoạn này (nhưng câu chữ hơi khác), chẳng biết những câu này vốn phát xuất từ kinh nào, quyển nào?

2. Con thường thấy bài kệ tán Phật "thập phương tam thế Phật, A-di-đà đệ nhất" gồm 108 chữ của Đại Từ Bồ-tát. Bài kệ ấy xuất phát từ sách nào, quyển mấy?

3. Theo quyển hai của sách Kính Trung Kính Hựu Kính[356], trích dẫn tác phẩm Tịnh Độ Hoặc Vấn của pháp sư Thiên Như, trong Tịnh Độ Hoặc Vấn có dẫn câu kinh: "Thọ trì danh hiệu Phật được mười thứ lợi ích thù thắng", chẳng biết sách Tịnh Độ Hoặc Vấn đã dẫn từ chương nào trong kinh nào?

4. Niệm Phật có mười thứ lợi ích thù thắng như trên đây đã nói, thờ phụng, niệm tụng kinh và danh hiệu Địa Tạng Bồ-tát có 28 thứ lợi ích như trong kinh Địa Tạng Bổn Nguyện đã nói. Chẳng biết thờ phụng, niệm tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát có lợi ích giống như những kinh văn vừa được nêu trên đây hay không, thầy có từng thấy kinh nào, quyển mấy, kinh văn như thế hay không? (Ngoại trừ phần kệ trong quyển thứ 16 của Lục Thập Hoa Nghiêm và kinh Đại Bi Đà-la-ni)

Thư đáp:

Thưa cư sĩ Hiểu Trẫm, ông đã có công phu rảnh rỗi để tìm tòi những chuyện chẳng cấp bách này.

1. Đã biết bài kệ sám hối trong khoa nghi Du-già Thí Thực là thù thắng nhiệm mầu, hãy y theo đó để sám hối ngõ hầu có thể được lợi ích lớn lao, cần gì phải hỏi bài kệ ấy phát xuất từ kinh nào? Tất cả những bài kệ trong khoa Thí Thực đều là trích dẫn kinh hoặc những câu văn đã thành khuôn phép, nhưng người chuyên y theo chuyện ấy (tức chuyện thí thực) để làm đã chiếm quá nửa. Nếu bảo bài kệ ấy chẳng phát xuất từ kinh, há chẳng thấy nó được coi trọng trong cõi đời ư? Dẫu bảo là bài kệ ấy phát xuất từ khoa Du-già Thí Thực thì cũng có gì là không được

[356] Kính Trung Kính Hựu Kính (Đường tắt nhất trong các đường tắt của mọi con đường tắt) là một tác phẩm của Trương Sư Thành viết vào đầu đời Thanh với nội dung đoạn nghi về Tịnh độ, chỉ rõ pháp môn Tịnh độ là pháp thích hợp cho khắp ba căn, cũng như những pháp tắc chủ yếu để tu hành tịnh nghiệp. Sách được chia thành mười ba môn (như Tỉnh Mê môn, Dị Hành môn, Biện Ma môn…), trích dẫn rất nhiều những khai thị của các vị cổ đức về Tịnh độ.

Trương Sư Thành (?-1830) tự Lan Chử, người huyện Quy An, tỉnh Chiết Giang, đỗ thủ khoa cử nhân trong khoa ân thí khi Càn Long tuần du Giang Nam năm 1784, đậu tiến sĩ năm 1790, được bổ làm Thứ cát sĩ trong Hàn lâm viện, từng làm đến tổng đốc Mân Chiết và tuần phủ Giang Tô. Có công dẹp hải tặc vùng Phước Kiến và Đài Loan, cai trị rất công minh, nghiêm chánh.

mà cứ phải hỏi đi hỏi lại người khác mãi. Ông đúng là hậu duệ của "kẻ hỏi cầu"[357], chỉ biết hỏi cầu đến nỗi lầm lẫn chẳng hưởng đại lợi ích thù thắng, uổng công sanh lòng áo não, có ích gì đâu?

2. Bài kệ phát nguyện của Đại Từ Bồ-tát cực hay, nhưng xưa nay chưa hề chú giải rõ ràng. Ngài là người thời nào, làm sao riêng chúng tôi biết được? *(Long Thư Tịnh Độ Văn, Vân Thê Chư Kinh Nhật Tụng đều chưa nêu rõ).*

3. Mười thứ lợi ích thù thắng đã từng được đại sư Vân Thê nêu ra ở cuối bộ Vãng Sanh Tập[358], nhưng cũng không nói phát xuất từ kinh nào. Thật ra lợi ích thù thắng vô cùng, nào phải chỉ có mười thứ! Nếu nói cặn kẽ, ắt sẽ vô lượng vô biên lần vô lượng vô biên lợi ích. Đây chẳng qua nêu đại lược một hai thứ để người ta sanh lòng tin đó thôi.

4. Ông đúng là người si nói chuyện dại, ông đã từng đọc phẩm Phổ Môn hay chưa? Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát liền được lìa dục. Sân hận, ngu si cũng thế. Tam độc (tham sân si) đã diệt, tam học (giới định tuệ) viên minh, lợi ích ấy há hạn cuộc trong số lượng ư? Do 28 điều lợi ích của ngài Địa Tạng mà ông nghi đức Quán Âm, chẳng biết 28 điều ấy là đối với tâm lượng của phàm phu mà nói. Còn đối với đức Quán Âm, hễ trọn trần sát cảm liền khắp trần sát ứng, nếu đem sánh ví 28 điều lợi ích ấy với 28 hạt bụi trong số những vi trần của tam thiên đại thiên thế giới thì vẫn chẳng thể diễn tả hết được. Vì sao vậy? Do Bồ-tát không tâm không cảnh, ngài lấy tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm tâm làm cảnh của chính mình.

Vì thế, nơi phần nói về điều chẳng thể nghĩ bàn thứ tư của đức Quán Âm trong chương Quán Âm Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm, kinh dạy: "Ta đắc Phật tâm, chứng đến rốt ráo. Có thể dùng đủ mọi thứ trân bảo để cúng dường mười phương Như Lai kiêm thêm mười phương pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (Cầu người vợ hiền lương, trí tuệ, Bồ-tát gia bị liền được người vợ hiền lương, trí tuệ. Chớ nên hiểu lầm "Bồ-tát liền ban cho vợ". Cầu con cũng thế), cầu

---

[357] "Hỏi cầu" (vấn kiều) là một từ ngữ trong nhà Phật chỉ những lời chỉ phí công vô ích. Điển tích này xuất phát từ kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni quyển 3: Trong quá khứ, đức Phật là một vị tỳ-kheo hết sức bần cùng, muốn sang chỗ đang mở hội đại bố thí để xin ít đồ đạc, đi giữa đường chợt nẩy sanh mọi câu hỏi ngu dại, như "cầu do đâu mà có, do ai dựng nên v.v.", nẩy sanh 7.800 câu hỏi, đến nỗi khi tới chỗ mở hội đã trễ giờ, tất cả những vật cần dùng đã được phát sạch chẳng còn gì, rốt cuộc phải quay về tay không.

[358] Vãng Sanh Tập (ba quyển) là tác phẩm do ngài Vân Thê Châu Hoằng soạn vào đời Minh, ghi chép chuyện vãng sanh của hành giả Tịnh độ Ấn Độ và Trung Hoa, được chia thành chín phần: Sa-môn (từ ngài Huệ Viễn đời Tấn đến ngài Bảo Châu đời Minh), vua, quan, xử sĩ, ni sư, phụ nữ, ác nhân, súc sanh, chư thánh đồng quy. Trong phần Chư Thánh Đồng Quy đã trích dẫn những đoạn kinh từ Quán kinh và kinh Vô Lượng Thọ, cũng như những chuyện cảm ứng do tu tịnh nghiệp. Cuối phần này nêu ra mười thứ công đức của niệm Phật.

con được con, cầu tam-muội đắc tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ. Như thế cho đến cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn.” Đại Niết-bàn chính là Phật quả rốt ráo mà ngài còn khiến cho chúng sanh đạt được, huống là tất cả những phước lạc thế gian xuất thế gian của hết thảy trời người và quả chứng trong tam thừa ư?

Ông đọc kinh mà không có con mắt chọn pháp; do 28 điều lợi ích của ngài Địa Tạng mà ngờ đức Quán Âm. Không phải là người khác chẳng thể đáp được, mà là người ta khinh ông chẳng đáng cho họ đáp đó thôi. Quang sợ ông tưởng đó là bản lãnh của chính mình, thường tìm những người chẳng chú ý đến chuyện ấy để hỏi người ta hòng tự khoe khoang, nhưng chẳng biết là đã tự khinh. Từ đấy sanh lòng đại ngã mạn, cho là ta có thể bắt bí được hết thảy mọi người, ắt sau này chắc phải có ngày bị ma dựa phát cuồng. Sao không dùng tâm tư ấy để nhất tâm niệm Phật ngõ hầu tâm tương ứng Phật, sống làm đệ tử chân thật của Phật, mất làm bạn lành chốn Liên Trì?

Ông hãy buông cuồng tâm xuống, đọc lá thư tôi gởi cho cư sĩ Cố Hiển Vi trong Văn Sao ắt sẽ được lợi ích, gốc bệnh sẽ hết sạch. Lá thư ấy thật ra là để nói với bạn ông Cố là Phan Thừa Ngạc, chứ chưa từng gặp gỡ ông ta. Ông Cố xin Quang trị bệnh tà chấp cho ông Phan. Vì vậy tôi chẳng kỵ húy, nói thẳng thừng không úp mở. Ông Phan đọc xong, liền quy y pháp sư Đế Nhàn, từ đầu đến cuối chẳng dám gởi thư cho Quang. Đức Quán Âm do đắc Phật tâm nên ứng trọn khắp tâm của hết thảy thánh phàm thế gian lẫn xuất thế gian, khiến cho ai nấy đều được mãn nguyện, há có thể nói được số lượng ư? Địa Tạng và Quán Âm đều là cổ Phật thị hiện, những điều được nêu trong kinh là muốn cho kẻ phàm phu sanh lòng chánh tín, nếu nói rộng thì ai nấy sẽ khó thể lãnh hội được. Ông khéo hiểu oai thần, công đức của Địa Tạng và Quán Âm, sẽ đáng gọi là “người có trí tuệ sáng suốt”. Nếu không, sẽ theo lối mòn của kẻ si, rốt cuộc không có cách chi thoát được. Xin hãy sáng suốt soi xét!

290. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ nhất)

Năm Dân Quốc 25 (1936) Quang từng nằm mộng, khi ấy rất rõ ràng, sau đó quên mất sạch sành sanh. Đã biết là mộng, hãy trọn chớ nên nói. Quang già rồi, trọn chẳng muốn người khác lắm chuyện. Có người nói sẽ chúc thọ Quang, Quang nói: “Tôi thà chịu hình phạt chặt đầu, chẳng muốn nghe nói đến chuyện chúc thọ!” Có người xin Quang làm bậc chỉ đạo cho chùa họ, Quang nói: “Nếu dùng hai chữ Ấn Quang, Quang sẽ bước xuống biển Đông để về Tây Phương. Vì lòng người khó lường, thiện ác khó thấu.”

(Đầu tháng 6 năm Dân Quốc 29 - 1940)

291. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết Văn Sao đã gởi tới nơi. Nói đến giấc mộng thì vẫn là do lòng thành của các hạ cảm nên, những khai thị ông nghe Quang dạy trong giấc mộng ấy chính là những điều hay biết trong tự tâm tỏ lộ ra. Quang là một gã phàm phu sát đất làm sao có thần thông đạo lực như thế ấy? Chỉ nên y theo những gì Quang đã nói, quyết chẳng đến nỗi hiểu lầm, ấy chính là tự tin vậy. Quản tử[359] nói: *"Tư chi, tư chi, hựu trùng tư chi. Tư chi bất đắc, quỷ thần tương thông chi"* (Suy nghĩ, suy nghĩ, lại suy nghĩ thêm nữa. Hễ suy nghĩ không ra, quỷ thần sẽ cảm thông). Chẳng phải là quỷ thần cảm thông mà chính là do lòng tinh thành đến tột bậc. Nên biết rằng: Tâm thông pháp giới. Nếu có thể chuyên tinh dốc chí thì chẳng những sự hay biết trong tự tâm có thể mở mang, phát khởi mà Phật, Bồ-tát, tri thức trong pháp giới cũng có thể thị hiện khơi gợi. Chứ kẻ hời hợt hờ hững chớ nên khởi lên những thứ tưởng niệm ấy, sợ rằng sẽ do vậy mà chiêu cảm ma sự, hết sức mong mỏi ông hãy tự xét. Hiện thời, chiến sự hết sức khốc liệt, ngoài lúc niệm Phật ra, xin ông hãy niệm thêm Quán Thế Âm để làm chỗ nương cậy cho tương lai.

292. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ ba)

Nhận được thư biết các hạ túc căn sâu dày, cảm được vợ con đều cùng dốc lòng tin Phật pháp, tận tụy vâng giữ hiếu đạo, khâm phục khôn ngằn. Người đời thường chẳng tu thật hạnh, chuyên cầu được tiếng tốt. Phàm người sống trong cõi đời phần nhiều chẳng khác gì kẻ tầm thường, đến khi chết, bèn xưng tụng, tường thuật tâm hạnh người ấy lúc còn sống đúng là bậc hiền nhân lỗi lạc. Các hạ chuyên trọng chân tu, chắc chẳng đến nỗi bịa chuyện, tô vẽ. Nhìn vào cảnh tượng lúc lệnh phu nhân lâm chung thì vãng sanh Tây Phương có lẽ chẳng còn ngờ chi! Đối với những lời giáng cơ, rốt cuộc chẳng ra ngoài chuyện phán đoán sự lý, có lẽ không

[359] Quản tử chính là Quản Trọng (không rõ năm sanh - mất năm 645 trước Công nguyên), tên thật là Di Ngô, còn có tên là Kính Trọng, tên tự là Trọng, là một chính trị gia, kiêm quân sự gia lỗi lạc của nước Tề thời Xuân Thu, quê ở đất Dĩnh (nay là Dĩnh Thượng, tỉnh An Huy). Lúc nhỏ chơi thân với Bão Thúc Nha. Do Bão Thúc Nha tiến cử, ông được Tề Hoàn Công cử làm Thượng khanh (tức Tể tướng nước Tề), đã góp phần đưa Tề Hoàn Công lên ngôi bá chủ chư hầu thời ấy. Tề Hoàn Công rất kính trọng, gọi ông là *Thượng phụ* chứ không gọi tên. Trước tác, luận thuyết của ông được Lưu Hướng biên định thành bộ sách Quản Tử gồm 86 thiên, nhưng nay chỉ còn 76 thiên. Ông theo chủ nghĩa duy vật, cho rằng con người do tinh khí của trời đất sinh ra: "Phàm con người được sanh ra là từ tinh khí của trời, do đất tạo thành hình, hợp thành con người. Hễ hai thứ đó dung hòa được với nhau thì con người được sanh; nếu không, sẽ chẳng sanh." Ông chủ trương quỷ thần cũng là một dạng khác của tinh và khí. Từ quan điểm duy vật, ông chủ trương "nhằm đạt được mục đích, bất cần phương tiện", tận lực cải cách kinh tế, thương nghiệp, nông nghiệp khiến cho nước Tề giàu mạnh nhất thời ấy. Trong nhiệt tình thực hiện những thủ đoạn nhằm tăng mạnh ngân quỹ quốc gia, ông đã cho lập hệ thống quan kỹ, tức là những cơ sở kinh doanh xác thịt phụ nữ do triều đình điều hành.

cần phải nghi ngờ, do dự nữa. Có điều chết rồi, chỉ niệm Phật nửa tiếng đồng hồ liền cất tiếng khóc, lo liệu tắm rửa, tôi vẫn cảm thấy là quá sớm.

Trong bộ Văn Sao của Quang, do thuận theo lòng người mà tôi đã khuyên niệm Phật hai tiếng đồng hồ rồi mới tiến hành lo liệu ma chay thì vẫn là quá sớm, chỉ sợ lòng người chẳng thể nhẫn nại được; chứ thật ra nên đợi tới bốn năm tiếng mới tốt. Vẫn còn có trường hợp để sau một ngày rồi mới lo liệu mai táng là tốt nhất. Các hạ trên có mẹ già, hãy nên bảo sẵn với con cái về nghĩa lý này. Lâm chung nghe tiếng niệm Phật, người sắp mất tâm thanh tịnh cũng có thể niệm theo; nghe tiếng khóc tâm sẽ đau buồn liền mất chánh niệm. Hiếu tử thờ cha mẹ, hãy nên dốc sức nơi thực tế, đừng bắt chước làm theo lề thói thế tục.

Lại hãy nên giảng nói với những người cùng hàng trong hội Phật giáo để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của mỗi người khi chết sẽ được thành tựu chánh niệm. Những kẻ có túc căn sẽ có thể vãng sanh ngay lập tức. Kẻ dẫu chẳng vãng sanh cũng nhờ vào công đức ấy mà sanh trong đường lành. Những chuyện người đời đã làm đều là chuyện đã té giếng rồi còn quăng đá xuống, như chưa tắt hơi liền tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho thân tâm người sắp mất đau đớn khó chịu đựng, nhưng lại không thể nói ra được, trong lòng nhất định sân hận và có ý niệm luyến mến. Do tâm sân hận, luyến mến nẩy sanh, ắt phải đọa lạc!

Lại dùng đồ mặn để cúng bái và đãi đằng khách khứa, vì một người chết, chẳng biết đã giết bao nhiêu con vật đang sống sờn sơ để chống giữ thể diện, bảo đó là "tận hiếu, kính khách". Tang lễ dùng cỗ chay, từ xưa Nho gia đã như thế. Họ còn chưa biết đạo nhân quả ba đời và luân hồi, nhưng luận theo chuyện con người mà quy định như thế. Huống chi người đời nay đều biết nhân quả ba đời, con người và súc vật tuần hoàn, sao nỡ vì cha mẹ sát sanh, khiến cho cha mẹ và chính mình trong đời vị lai đều cùng phải đem thân đền trả ác báo do việc chống giữ thể diện này ư? Người như vậy chẳng gọi là si thì gọi là gì đây? Thường đề xướng như thế sẽ cứu được nhiều sanh mạng lắm!

Lệnh phu nhân đời trước đã vun bồi lớn lao nên vừa nghe liền sanh lòng tin. Bà ta chưa thể tu trì thường luôn tinh tấn thì: một là vì không có ai khuyến khích, nhắc nhở; hai là vì chưa thật sự biết nỗi khổ sanh tử và lợi ích của Phật pháp. Lời nói lúc lâm chung khá hợp với điều thứ nhất trong ba thứ chánh nhân tịnh nghiệp của Quán kinh; kinh dạy: "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp." Nghĩ đến hai đứa cháu chưa trưởng thành là thuộc về thập thiện nghiệp, không có lòng yêu mến vợ chồng, mẹ con, cũng là thuộc về thập thiện nghiệp. Có chánh nhân ấy, lại thêm tâm chánh tín, tự niệm, được quyến thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh? Kẻ chẳng vãng sanh là vì tình ái vừa dấy

lên thì chánh niệm liền mất, trọn chẳng thể vãng sanh. Đừng nói người công phu nông cạn, dẫu kẻ công phu sâu cũng chẳng thể vãng sanh được, vì dùng phàm tình để xử sự nên khí phận cách ngăn với Phật, thánh. Thế gian chuyện gì cũng đều có thể làm giả, chỉ có lúc lâm chung là không thể giả vờ được. Bà ta đã có thể ngồi dậy quán tượng Tây Phương Tam Thánh, miệng niệm danh hiệu Phật, Bồ-tát, chẳng sanh Tây Phương thì sanh về đâu? Huống chi chết rồi thân thể còn có mùi hương lạ, vẻ mặt như lúc sống, đầu tóc tươi nhuận. Đấy đều là những tướng lành chứng tỏ sanh về Tây Phương. Nếu những điều ấy chẳng thật, khó thể nói chắc chắn bà ta có được vãng sanh hay không! Nếu mỗi một điều đều là thật, chẳng cần phải cầu cơ, vẫn tự có thể phán đoán rằng: "Nhất định bà ta đã được vãng sanh rồi!"

Còn như ông ngờ bà ta công phu nông cạn, giới phẩm chưa vẹn toàn, tức là ông chẳng biết một niệm lúc lâm chung có quan hệ rất lớn. Đừng nói người đã từng có công phu, dẫu người chưa hề có công phu, nếu lúc lâm chung có thể nghe thiện tri thức chỉ dạy và được người khác trợ niệm, chính mình niệm theo, quyến thuộc chung quanh khéo léo giữ gìn, chẳng để cho người ấy dấy lên tâm mến luyến và tâm sân hận, sẽ đều có thể vãng sanh. Bài Lâm Chung Chánh Niệm Văn của hòa thượng Thiện Đạo chắc ông cũng đã đọc rồi, cần gì phải nghi ngờ nữa? Sanh về Biên Địa[360] của Tây Phương là đã được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao lại nghi ngờ rồi chẳng viết ra, há chẳng phải là ăn nói thật đáng buồn cười ư?

Bậc Bất thoái chuyển nghĩa là sở tu sở chứng của vị ấy chẳng bị lui sụt, há nên vì lời lẽ được phán ra khi có kẻ tự xưng là thần tiên giáng đàn mà hoài nghi, cho rằng đấy chính là thoái chuyển ư? Chuyện cầu cơ chẳng phải là không có sự thật, nhưng kẻ giả vờ giáng xuống rất nhiều. Chuyện của lệnh phu nhân, dựa theo lý thì trọn chẳng còn nghĩa lý nào đáng nghi ngờ nữa, cần gì phải cầu cơ mới có thể quyết đoán được. Con cái vì mẹ niệm tụng thì công đức ấy không chỉ mẹ được hưởng mà chính con cái cũng được hưởng. Như dâng hương lên cha mẹ, chính mình cũng ngửi thấy mùi hương, so với chuyện chẳng dâng lên cha mẹ, chỉ riêng chính mình ngửi mùi hương thì cũng chẳng khác gì. Ngược ngạo vì cha mẹ mà sát sanh thì chính mình mắc phải sát báo mà cha mẹ cũng bị sát báo. Như một kẻ giết người, tội quy về kẻ đó, còn nếu bị người khác sai khiến và cả hai người đồng

[360] Biên Địa, còn gọi là Nghi Thành, Biên Thai, hoặc Thai Cung là những người tu Tịnh độ đầy đủ công đức, nhưng tâm còn nghi hoặc (như chẳng tin vào trí tuệ của Phật, ngờ mình chẳng được vãng sanh v.v.) sẽ phải sanh về. Trong 500 năm ở nơi ấy, tuy sự vui sướng chẳng kém gì cõi Cực Lạc, nhưng chẳng gặp được tam bảo nên coi là khổ. Kinh Vô Lượng Thọ ví von: "Vương tử bị xiềng bằng vàng nhốt trong ngục, hưởng trọn ngũ dục, vẫn mong muốn được thoát ra."

ý giết thì hai người đều cùng mắc tội giết người. Tiếc cho người đời chẳng biết nghĩa này, thường vì thể hiện lòng hiếu mà hãm cha mẹ lẫn chính mình trong ác đạo, chẳng thể thoát ra, chẳng đáng buồn ư?

Bệnh phát ra, bất tỉnh nhân sự, do chí thành niệm chú Đại Bi nên phu nhân chưa chết, liền tỉnh táo thấy Phật, Bồ-tát, ấy chính là do lòng thành của các hạ và thiện căn đời trước của phu nhân cảm nên, sao lại bảo là ma? Lại nữa, há nên nói "đã cảm được Phật, Bồ-tát, sao chẳng qua đời liền?" Lời lẽ ấy rốt cuộc trở thành vô vị đến cùng cực, chỉ vì chính mình chẳng biết tà chánh, chân ngụy vậy. Lâm chung đã niệm danh hiệu Bồ-tát thì phải nói là "sẽ được tiếp nghênh Bồ-tát", chớ nên nói là "nghênh tiếp thần địa phương". Phàm mọi chuyện đều có nhân quả, nếu niệm Bồ-tát mà lại nghênh tiếp thần thì nhân sẽ chẳng phù hợp quả. Viết thư này ngõ hầu ông được yên lòng thanh thản. Xin ông trên hãy khuyên lệnh từ, dưới khuyên con cái để cùng được hưởng lợi ích này thì may mắn lắm thay!

(Ngày 11 tháng 4)

293. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Pháp Bảo Đàn Kinh chính là kinh điển trọng yếu của Thiền tông. Thiền tông chỉ chú trọng hiểu rõ tự tánh, bọn độn căn chúng ta không thể đạt được lợi ích thật sự nơi tông này. Nếu chẳng sâu xa, thiết tha, tận lực tu tập, chắc sẽ đến nỗi hiểu lầm ý Lục tổ, sẽ chẳng được lợi ích mà còn phạm lỗi. Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, trước khi chưa thành Phật ai nấy đều phải tu tập. Chúng ta đã chẳng thể đoạn hoặc chứng chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử, mà nếu vẫn chẳng lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp thì dù có tu tập đi nữa cũng đều trở thành phước báo trong cõi trời người. Muốn liễu sanh tử chắc phải tới năm con lừa[361] (trong mười hai con giáp không có con lừa). Huống chi tuổi đã sáu mươi hai; dẫu thọ được tám mươi cũng chỉ là sống thêm được mười bảy, mười tám năm nữa, nhưng đối với kỳ hạn cái chết của con người, ai có thể làm chủ được? Vì thế hãy nên miệt mài chuyên tu tịnh nghiệp. Tự mình đã tu tịnh nghiệp, hãy nên dạy quyến thuộc đều tu tịnh nghiệp. Một là tạo lợi ích cho họ, hai là đề phòng khi chính mình lâm chung bị quyến thuộc chẳng biết niệm Phật phá hoại chánh niệm đến nỗi chẳng được vãng sanh.

[361] Nguyên văn "lư niên" (năm con lừa). Thời cổ dùng 12 con giáp để đặt tên cho từng năm, nhưng trong mười hai con giáp không có con lừa nên cổ nhân dùng chữ "lư niên" để chỉ chuyện không có kỳ hạn, hoặc không bao giờ xảy ra.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Canh, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của đức Phật để tự hành, dạy người mà cày bừa, ngõ hầu trong là quyến thuộc, ngoài là người đời cùng gieo thiện căn, cùng tu tịnh nghiệp, đấy chính là ý cao tột của Y Doãn khi cày ruộng Sằn[362] dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác vậy. Niệm Phật nhằm đối trị phiền não, tập khí, phiền não tập khí giảm được một phần thì công phu niệm Phật tiến được một phần. Trong khi ấy (tức trong khi niệm Phật) hãy thường tự niệm tự nghe. Bí quyết "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" của Đại Thế Chí Bồ-tát chính là pháp chú trọng nơi nghe.

Nay gởi cho ông và Huệ Chỉ mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Thường tụng Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết được cội nguồn duyên do của pháp Tịnh độ, chẳng bị hết thảy kinh luận, thiện tri thức lay chuyển, lung lạc. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết cách dự phòng, chớ nên không thường xuyên luyện tập quyến thuộc. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Lại gởi cho hai người các ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu gộp chung vào một gói. Mong hãy sáng suốt suy xét, từ rày hãy y theo những sách này mà tu tập, đừng gởi thư đến nữa, do Quang mục lực suy yếu đến cùng cực, chẳng thể phúc đáp được!

294. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ hai)

Đang nhằm thời mạt pháp, con người căn cơ kém hèn, chỉ có một pháp niệm Phật là phù hợp căn cơ nhất. Có nhiều người hễ cầu đảo đều luôn bận tâm về chuyện con người chẳng thể niệm tụng trọn hết kinh chú; chẳng biết hễ trì vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật còn có thể thành Phật, há chẳng thể tiêu tai được ư? Quán Thế Âm Bồ-tát có duyên với thế giới này của chúng ta nhất, cũng nên niệm kèm thêm; chỉ cần chí thành, cung kính, nhất định "hễ có cảm liền thông". Dẫu cho tu trì lúc bình thường hay do có chuyện bèn cầu đảo đều cùng phải coi trọng chuyện "ai nấy đều có thể niệm được". Tứ Xuyên nhiều lần tổ chức cầu đảo nhưng không có hiệu quả, nguyên nhân chánh yếu đều là vì không phải ai cũng niệm được chú Lăng-nghiêm, khiến cho người ngoài cuộc cảm thấy đáng cười,

[362] "Y Doãn canh Tân" vốn là một điển tích dựa theo một câu nói được ghi trong thiên Vạn Chương thượng sách Mạnh Tử: *"Y Doãn canh vu Hữu Tân chi dã, nhi lạc Nghiêu Thuấn chi đạo yên"* (Y Doãn cày ruộng trên cánh đồng Hữu Tân mà vui với đạo của Nghiêu - Thuấn). Cánh đồng Hữu Tân nằm giữa hai thôn Tân Dã, Tân Lý thuộc trấn Tân Đình. Trước khi theo Tân Thị về hầu vua Thành Thang, Y Doãn vốn là nô lệ của họ Tân Đằng. Khi Tân Thị lấy vua Thành Thang, Y Doãn được phái đi theo bồi giá (người hầu đi theo nữ chủ về nhà chồng gọi là bồi giá). Khi dâng cơm, Y Doãn thừa dịp trình bày những kiến giải rất đặc sắc khiến Thành Thang ngưỡng mộ, trả tự do cho Y Doãn và phong cho ông làm Tể tướng. Ông thường được cổ sử xưng tụng là "thiên thu hiền tướng". Do chữ tân（莘）, còn đọc là "sân", nhưng thường bị đọc trại thành "sằn" trong các sách vở được lưu truyền từ trước đến nay, chúng tôi cũng ghi theo cách đọc phổ biến là "Y Doãn cày ruộng Sằn".

đáng thương thay! Những kẻ đứng ra tổ chức những pháp hội cầu đảo ấy thuộc hạng ưa ăn nói lớn lối, thích làm chuyện khó khăn, chính họ làm thì được nhưng bảo nam nữ trọn tỉnh Tứ Xuyên đều niệm thì lại không thể niệm được. Họ chẳng biết rằng: Niệm Phật, hay niệm Quán Âm, đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được! Sau này, ông tổ chức liên xã để cầu đảo, hãy nên lấy niệm Phật, niệm Quán Âm làm chánh thì lợi ích lớn lắm. Hơn nữa, cố nhiên nhiều liên xã thì tốt, nhưng nhiều mà tràn lan hỗn loạn thì không nên. Đừng chú trọng lôi kéo người gia nhập liên xã cho đông đến nỗi xen lạm, tràn lan, hỗn tạp thì công chẳng cự được lỗi đâu!

295. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ ba)

Tam Thời Hệ Niệm chính là do người đời sau soạn ra, đội tên quốc sư Trung Phong[363]. Sách ấy có hai loại[364], ý tưởng chung giống nhau, nhưng văn tự không thật giống nhau cho lắm. Sách ấy vốn dùng để đề xướng trong lúc tu tập bình thường, sao lại dùng để trợ niệm? Trợ niệm thì phải nên chuyên nhất niệm Phật. Nếu đến lúc sắp chết, ngay cả kinh A-di-đà cũng không niệm thì mới có thể làm cho tâm người sắp mất gom về một chỗ được. Theo sách ấy, pháp sư thăng tòa, vừa niệm xong bèn giảng nói một đoạn, đại chúng ngồi nghe pháp sư giảng nói xong bèn niệm Phật một lượt. Đấy chính là coi trọng giảng nói, coi niệm Phật là

[363] Trung Phong Minh Bổn (1263-1323), là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào đời Nguyên, người huyện Tiền Đường, Hàng Châu, thường được biết dưới mỹ hiệu thiền sư Trí Giác hoặc quốc sư Phổ Ứng. Từ nhỏ ngài đã qua tham học với ngài Cao Phong Nguyên Diệu núi Thiên Mục, năm 24 tuổi xin xuất gia với ngài Cao Phong, sau này được phó truyền pháp mạch. Từ đấy, ngài không có nơi trụ nhất định, thường vân du khắp nơi, nên thường tự xưng là đạo nhân Huyễn Trụ. Đạo đức, trí tuệ rạng ngời nên được người đời xưng tụng là cổ Phật Giang Nam. Vua Nhân Tông nhà Nguyên từng hạ chỉ triệu sư vào triều, sư luôn tìm cách từ chối, chỉ tiếp nhận bộ ca-sa kim lan và mỹ hiệu Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ Thiền Sư do vua phong tặng. Nguyên Anh Tông xin quy y với sư được sư chấp thuận. Sau khi sư mất, ngài Từ Tịch biên tập những lời dạy và những trước tác của sư, tạo thành một bộ toàn tập, đặt tên là Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục. Qua bộ toàn tập này, ta thấy sư thông hiểu Phật học uyên thâm, giảng rất nhiều kinh cũng như giảng dạy rất phóng khoáng, không hạn cuộc trong một tông phái nào, do đó sư được người thời ấy ca ngợi: *"Phật pháp trung hưng Bổn Trung Phong"* (Có thể hiểu hai cách: Phật pháp được trung hưng bởi sư Minh Bổn Trung Phong, hoặc vốn nhờ vào ngài Trung Phong mà Phật pháp được trung hưng).

[364] Hiện thời có hai bản Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm được lưu hành:

1. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự. Bản này phổ biến nhất, thường dùng thay thế cho nghi thức Diệm Khẩu, chủ yếu lấy kinh Di-đà làm kinh văn phúng tụng trong cả ba thời. Hiểu theo nghĩa hẹp, "tam thời" là buổi sáng, chính ngọ và buổi chiều, tức là trong suốt một ngày thường luôn hệ niệm tưởng nhớ đến Phật. Hiểu theo nghĩa rộng, tam thời chỉ hết thảy thời. Hệ niệm là thân khẩu ý đều nương theo văn nghĩa kinh Di-đà chuyên lòng chú tưởng thế giới Tây Phương Cực Lạc, không còn nghĩ gì khác.

2. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự Phạm Nghi: Cũng chia thành ba thời, nhưng dùng hai kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ để trì tụng. Thời thứ nhất tụng cuốn thượng của kinh Vô Lượng Thọ (bản Ngụy dịch, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải), thời thứ hai tụng cuốn hạ của kinh Vô Lượng Thọ, thời thứ ba tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Giữa thời thứ nhất và thời thứ hai có kèm theo nghi thức cúng ngọ. Giữa thời thứ hai và thời thứ ba lễ A-di-đà Sám Nghi. Các phần khai thị, tán Phật, sám hối, phát nguyện, hồi hướng đều giống như loại thứ nhất.

phụ. Người soạn ra sách ấy quả thật chẳng biết đạo trợ niệm, nhưng kẻ chẳng biết pháp môn Tịnh độ trong cõi đời lại dùng nghi thức ấy để làm Phật sự trợ niệm, cũng đáng than thở lắm!

Trợ niệm lúc lâm chung chuyên lấy Phật hiệu làm chánh. Hoằng Hóa Xã có sách Sức Chung Tân Lương nói cặn kẽ về pháp tắc, đọc sách ấy sẽ biết cách trợ niệm, chứ không chú trọng giảng bày những sự lý chẳng thiết yếu hao tốn thời gian. Nghe nói quý xứ bị nạn binh đao, nên chẳng dám gởi sách tới; nếu nạn binh đao đã dứt, hãy nên gởi tiền sang thẳng chùa Báo Quốc ở Tô Châu để thỉnh. Mỗi gói sách ước chừng hai đồng, hiện thời giấy đắt gấp mấy lần, hai đồng vẫn chưa đủ giá vốn, nếu tính theo giá vốn phải là ba bốn đồng. Nếu tiền nhiều thì tăng thêm sách, nếu ít thì giảm bớt sách. Nếu còn dư đôi chút sẽ gởi trả lại số tiền thừa bằng bưu phiếu.

Thời cuộc gian nan, gởi thư suông sẽ không trả lời. Hơn nữa, cước phí bưu điện mỗi tháng đều tăng, cứ chuyển một lần xe hơi thì mỗi gói lại tăng thêm bốn cắc; chuyển lần thứ hai, thứ ba đều chiếu theo đó mà tính. Nhưng chỉ giao cho bưu điện, có giấy tờ chứng nhận là hết, còn gởi đến nơi hay không, họ không chịu trách nhiệm, vì có lúc gặp phải binh lính hay thổ phỉ ngăn chặn. Đang trong thời thế này, hoằng pháp rất khó, chuyện tương lai càng khó dự liệu. Quang từ khi tới Linh Nham, chuyên một mực đợi chết, chẳng qua là biết biện pháp nên mới nói cho ông biết đấy thôi. Quang mắt chẳng đọc được chữ, phải nhờ vào kính lão lẫn kính lúp để gắng gượng đọc và trả lời. Từ rày đừng nên gởi thư đến nữa, do Quang không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Sẽ hỏi bưu cục, nếu như gởi sách được, sẽ gởi cho ông một gói. Từ nay về sau xin hãy tiếp xúc Hoằng Hóa Xã để thỉnh sách, chứ Quang không thể giới thiệu được.

(Ngày Rằm tháng 3)

296. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ tư)

Trong Mật tông, nếu chưa được a-xà-lê truyền dạy, chẳng được tụng chú, kết ấn; nếu không, sẽ bị coi là trộm pháp. Điều này nhằm thể hiện ý nghĩa tôn trọng Mật pháp tột bậc. Nếu có vị a-xà-lê đạo đức, cố nhiên nên thỉnh vị ấy truyền dạy. Nếu không, chính mình chí tâm chân thành niệm tụng, ắt sẽ có cảm ứng. Đã có cảm ứng, chẳng đến nỗi mắc tội. Nếu nhất quyết là có tội, chấp rằng "chưa được truyền dạy mà niệm tụng, kết ấn đều sẽ gặp họa" thì nay tôi nêu một thí dụ. Như có người đọc sách, làm theo những điều sách dạy, sẽ trở thành học trò của thánh hiền, lấy thân mình làm gương cho mọi người, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng

làm các điều lành, đấy chính là "chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dân" và cũng thay đổi được phong tục, bù đắp chỗ khuyết thiếu trong sự cai trị, chẳng có kẻ nào chê người ấy sai trái được.

Nếu tự cho chuyện mình đã làm vượt trỗi chuyện do quan địa phương làm, bèn phát hiệu lệnh để thực hành đạo "yêu dân, chuyên cần việc công" thì sẽ gần như là kẻ phản loạn, ắt sẽ bị hình phạt của quốc gia giáng xuống. Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ để chính mình khỏi nghi ngờ, lầm lẫn! Đang trong lúc nhân dân khốn khổ, gian nan, không nơi nương tựa này, kẻ chẳng cậy vào sức kinh chú của Phật, Bồ-tát mà được yên ổn thì hiếm hoi lắm. Nếu chấp chết cứng "chưa được truyền dạy mà niệm chú, kết ấn đều phạm tội trộm pháp" thì nhân dân và cô hồn chưa được truyền dạy đều chẳng được hưởng pháp ích (lợi ích từ nơi Phật pháp). Những ai đã được hưởng pháp ích ắt sẽ chẳng đến nỗi do nương theo đấy tu trì mà gặp họa. Nếu suy luận theo lẽ này, hai đằng đều ổn thỏa, chẳng trái nghịch nhau.

(Ngày mồng 5 tháng 6)

297. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ nhất)

Đạo hiếu lớn lao không gì ra ngoài được. Muốn được trọn vẹn, nếu không cùng gánh vác thế pháp (pháp thế gian) lẫn Phật pháp sẽ chẳng thể trọn vẹn được. Đối với thế pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Với Phật pháp ắt phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người khác, sao cho trong là gia đình, ngoài là xã hội, hết thảy đồng nhân đều tu pháp này để mong liễu sanh tử ngay trong đời này. Phật pháp có vô lượng pháp môn, tất cả hết thảy pháp môn đều phải đoạn sạch phiền hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu có mảy may phiền hoặc nào chưa đoạn hết thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi.

Chỉ có một pháp niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chắc chắn có thể nương theo Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. So với hết thảy pháp môn khác, sự khó dễ sai khác vời vợi một trời một vực! Chúng ta đã không có đạo lực để đoạn sạch phiền hoặc, mà nếu chẳng chuyên chú lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm đại sự tự lợi lợi tha thì từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn phải luân hồi trong sáu nẻo. Muốn trọn vẹn đạo hiếu, cố nhiên phải nên miệt mài tu trì tịnh nghiệp. Sách ấy trước kia đã từng gởi cho ông Tưởng Đặc Sanh khá nhiều; trong tháng 8 năm nay lại gởi cho ông ta một trăm cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, hãy nên thường tụng kinh ấy sẽ hiểu đầy đủ lợi ích của pháp môn Tịnh độ.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Phổ, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ được nói bởi trí tuệ của đức Phật để làm cho khắp mọi đồng luân đều cùng thoát khỏi sanh tử, luân hồi, để rốt ráo "trọn vẹn lòng hiếu, thường được trời che chở, giúp đỡ"[365]. Tụng chú Đại Bi vào nước để trị bệnh thì tâm phải chí thành, khẩn thiết mới có linh nghiệm. Mỗi ngày, trước khi trì chú, trước hết lễ Thích-ca, Di-đà và thường trụ tam bảo. Nếu muốn giản tiện thì niệm Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Thập Phương Nhất Thiết Chư Phật Nhất Thiết Tôn Pháp Nhất Thiết Hiền Thánh Tăng (một lạy), ba lượt xưng, ba lượt lạy như thế. Rồi niệm Nam-mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát (ba lạy), rồi niệm chú Đại Bi.

Biến đầu tiên, tay phải kết ấn Bảo Thủ (tức là ngón cái trong bàn tay phải đè lên đốt đầu tiên của ngón thứ hai (ngón trỏ), ngón thứ ba (ngón giữa), và ngón thứ năm (ngón út), còn ngón thứ tư là ngón vô danh (ngón đeo nhẫn) thì duỗi ra) vẽ chữ Phạn "án lam" (om ram) trên nước; tay trái kết ấn Kim Cang Quyền (ngón tay cái của bàn tay trái đè lên đốt cuối (tức đốt giáp lòng bàn tay) của ngón thứ tư (ngón vô danh, ngón đeo nhẫn). Ngón thứ hai (ngón trỏ), ngón thứ ba (ngón giữa), ngón thứ năm (ngón út) đè lên trên ngón cái. Nếu khó thể thường kết ấn được thì không kết cũng không sao. Hoặc kết ấn lúc bắt đầu niệm và lúc gần niệm xong cũng được. Hễ lúc nào trì chú đều nên kết ấn này). Niệm chú Đại Bi bao nhiêu biến đó, lúc sắp xong lại kết ấn Bảo Thủ, vẽ hai chữ án lam. Vẽ như vậy vào lúc khởi sự niệm biến chú Đại Bi cuối cùng. Niệm chú Đại Bi xong, chiếu theo số biến chú Đại Bi đã niệm mà niệm hai chữ "Bộ-lâm" (Bhrūm)[366] chừng đó biến, niệm nhiều hơn cũng được. Niệm chữ Bộ-lâm này để cầu được nhanh chóng viên mãn thành tựu. Chẳng tham danh, chẳng tham lợi, chỉ muốn cứu người bệnh khổ sẽ có linh nghiệm. Nếu trì tụng đã được linh nghiệm rồi mà tham danh lợi hoặc phá giới, sẽ chẳng còn linh nghiệm nữa! Phàm mọi chuyện không chuyện gì chẳng lấy chí thành làm căn bản.

---

[365] Nguyên văn *"toàn hiếu tích loại"*, là một cách diễn tả khác ý tưởng một câu trong kinh Thi: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tích nhĩ loại"* (Hiếu tử chẳng thiếu thốn, trời vĩnh viễn ban thưởng cho bọn ngươi).

[366] Chú này vốn có tên gọi đầy đủ là Nhất Tự Chuyển Luân Vương Chú (hoặc gọi tắt là Nhất Tự Tâm Chú), còn được phiên âm là Bộ Long, Bột Long, hay Bột Lỗ Úm, do chính đức Phật nói ra trên cõi trời Tịnh Cư. Theo kinh Đại Đà La Ni Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú (do ngài Bảo Tư Duy dịch trong đời Đường), khi ấy đức Phật nhập Nhất Thiết Như Lai Tối Thượng Đại Chuyển Luân Vương Đảnh Tam-muội, từ giữa chặng mày phóng ra hào quang chiếu khắp mười phương thế giới, nhiễu quanh Phật ba vòng, nhập vào đảnh Như Lai, rồi trong hào quang chợt vang ra tiếng nói: "Ta là Nhất Tự Chú Đại Chuyển Luân Vương" rồi nói ra chú này. Theo kinh dạy, sau khi xuất định đức Phật đã giảng cặn kẽ về công năng của chú này, trong ấy có câu: "Nếu trì các thần chú mà không có thần lực, hiệu nghiệm, hãy nên tụng thần chú này một trăm vạn biến liền được thành tựu, đạt được cảnh giới." Do vậy, khi trì các bài chú, hành giả Mật tông thường ghép thêm bài chú này thành chữ cuối của mỗi biến, hoặc tụng riêng sau khi đã tụng đủ biến số mình muốn trì.

Quang già rồi, mục lực suy yếu tột bậc, dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới gắng gượng đọc thư và viết thư được. Thư ông gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu nên trả lời chậm trễ, cho nên tôi gởi thư trả lời theo đường máy bay cho nhanh. Từ nay đừng gởi thư tới nữa, tôi đã cho đăng lời thông báo này trên tờ Tân Văn vào ngày 13 hôm sau, đăng trên tờ Thân Báo vào ngày 14 hôm sau nữa, đăng trên bán nguyệt san Phật Học vào ngày Rằm để cự tuyệt hết thảy thư từ bởi mục lực lẫn tinh thần chẳng thể thù tiếp được (Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là bài văn "tùy cơ lợi người" rất quan trọng. Toa thuốc cai nghiện ma túy hết sức hiệu nghiệm. Toa thuốc trị bệnh sốt rét không ai chẳng được trị lành. Toa thuốc trị chó dại cắn cũng hết sức linh nghiệm). Nếu quân nhân có thể lấy chuyện "trừ bạo, an lương"[367] để răn nhắc binh sĩ, coi cha mẹ, anh em trai, chị em gái của trăm họ như cha mẹ, anh em trai, chị em gái của chính mình, chỉ mong họ chẳng bị tổn hại, chẳng dám cậy vào oai thế của quân đội để lừa dối, lấn hiếp, gian dâm thì sẽ là cứu tinh của trăm họ, phàm đi đến đâu thiện thần đều ủng hộ. Đấy gọi là hoa sen trong lửa. Nếu binh lính biết nghĩa này sẽ không trận nào chẳng thắng, thiên hạ tự nhiên thái bình vậy!

(Ngày 12 tháng 11)

298. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ hai)

Đã nhận được thư từ mấy hôm trước, liền bảo Hoằng Hóa Xã gởi Kinh Chú Tuyển Lục, Văn Sao, Tịnh Độ Ngũ Kinh, lấy 20 đồng làm hạn. Do bận bịu, chẳng rảnh rỗi để trả lời thư. Hôm qua lại bảo gởi cho ông những sách như Thập Yếu, Gia Ngôn Lục v.v., lấy 20 đồng làm hạn. Chỗ ông thỉnh sách chẳng dễ, còn tiền thì Quang không dùng để cứu trợ tai nạn cũng dùng để in sách. Gởi sách cho ông so ra hợp lý hơn gởi cho những nơi khác, chỉ giữ lại mười đồng để tự dùng. Pháp danh của cha mẹ và vợ ông được viết riêng trong một tờ giấy khác. Điều trọng yếu là quyết định cầu sanh Tây Phương.

Cha mẹ ông đã già, hãy nên đọc kỹ Sức Chung Tân Lương thì chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện lúc họ lâm chung. Nếu không, trong mười người hết chín kẻ đều vì lòng hiếu mà hại cha mẹ chìm đắm mãi trong biển khổ sanh tử. Lại còn khi con cái vừa hiểu biết liền dạy dỗ thì mới là lòng từ thật sự. Khuyên trăm họ ai nấy đều hiểu nhân biết quả thì mới là đạo căn bản để hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ. Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác thì mới là đệ tử chân chánh của

[367] Trừ kẻ hung bạo, giúp cho người lành được sống yên ổn.

đức Phật. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

Gần đây, có người cho biết một phương cách thần diệu để cai nghiện thuốc phiện, xin hãy bảo những người nghiện dùng thử. Nếu linh nghiệm, hãy nên truyền bá rộng rãi hòng diệt gốc họa ấy. Dùng một tấm vải Tây màu đỏ vuông vức một thước, cắt thành 24 miếng. Trước khi hút thuốc, dùng que tiêm thuốc phiện cắm lên trên đầu mảnh vải ấy rồi đốt trên một cái chén. Đem tro rớt vào trong chén hòa nước sôi uống rồi mới hút thì chẳng đợi uống hết 24 miếng vải đã không còn nghiện ngập nữa, cũng chẳng niệm chú. Nếu linh nghiệm, tức là trời đã giúp cho chúng ta diệt được mối tai họa này. Thêm nữa, bài thuốc trị bệnh sốt rét được chép ở cuối toa thuốc trị nghiện thuốc phiện đã gởi lần trước cực linh nghiệm, không ai chẳng được trị lành.

Còn bệnh cùi[368] là bệnh từ xưa đến nay trong ngoài nước đều chẳng trị được (chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể lành bệnh hoàn toàn). Năm Dân Quốc 21 (1932), một đệ tử là ông Bàng Tánh Tồn tìm được phương thuốc có thể trị lành bệnh hoàn toàn. Hiện thời các tỉnh đều có loại thuốc cao[369] chế theo toa thuốc ấy để giúp người, toa thuốc ấy được chép thêm vào cuối sách Sơ Cơ Tiên Đạo. Nói chung đã nêu lên cách chế biến, sử dụng thuốc, nhưng ít nói cặn kẽ về lúc sắc thuốc: Phải dùng một miếng ván dài, rộng hơn một hai tấc làm đũa khuấy, phía dưới vát xéo góc và miếng gỗ phải đủ dài sao cho đụng đến đáy nồi. Phải thường cạo khuấy tới tận đáy để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy nồi, mất công hiệu. Sắc thuốc liên tục sáu tiếng đồng hồ, bỏ bã (xác) thuốc, lại đem nước thuốc cô đặc trong sáu tiếng đồng hồ nữa. Nếu chẳng cạo khuấy tận đáy, ắt thuốc sẽ đọng lại cháy khét ở đáy nồi. Thuốc này còn trị được bệnh phong thấp, chứ không phải chỉ bệnh cùi. Chỉ dùng một vị thuốc là cỏ thương nhĩ[370], chẳng thêm một vị thuốc

---

[368] Thông thường, trong các tự điển chữ "đại ma phong" được dịch là "bệnh cùi". Từ trước đến giờ chưa thấy tài liệu nào nói Trung Quốc chữa tuyệt căn bệnh cùi cũng như dược điển không ghi *thương nhĩ* chữa được căn bệnh nan y này, chỉ thấy thương nhĩ trị bệnh lác và các chứng lở loét ngoài da rất công hiệu. Chúng tôi đoán "đại ma phong" được nhắc đến ở đây chỉ là một chứng lở loét ngoài da hay bệnh lác.

[369] Nguyên văn "ngao cao" (熬膏), là một loại cao chế bằng cách ép dược liệu lấy nước, lọc xác, rồi cô đặc. Hoặc ngâm dược liệu vào rượu, đun liu riu cho đến khi dược chất tan hết vào rượu rồi cô đặc từ từ.

[370] Thương nhĩ (tên khoa học là xanthi sibiricum), còn được gọi là quyển nhĩ, tước nhĩ, địa quỳ, dương phụ lai, đạo nhân đầu, tiến hiền thái, dã gia v.v., là một loại thảo mộc thuộc họ cúc, thường mọc hoang, trổ hoa vào khoảng giữa hạ sang thu, có trái hình trứng, khắp thân cây mọc đầy gai rất cứng. Loại thực vật này có chất độc, đôi khi có thể gây ra tử vong. Theo Đông y, thương nhĩ tánh ôn, vị cay và đắng, có tác dụng đi vào kinh phế, thường dùng để chữa phong thấp, đau đầu do cảm mạo, trừ các chứng ghẻ lở, ngứa ngáy, mụn nhọt, ù tai… Tuy thế, liều lượng sử dụng phải hết sức cẩn thận. Trong khoảng 1960-1962, tại Trung Quốc đã có 30.119 trường hợp bị ngộ độc, trong số đó có 405 người chết vì dùng thương nhĩ.

nào khác nữa. Nếu chẳng nhận biết được loại cỏ này thì vào mùa hạ đến tiệm thuốc mua dăm hạt thương nhĩ cầm về, xem loại cỏ nào có hạt giống như loại hạt ấy thì nó chính là cỏ thương nhĩ. Tôi đã bảo chép toa thuốc này vào sau cuốn Niệm Phật Khẩn Từ.

(Ngày 30 tháng 10)

299. Thư trả lời cư sĩ Lộ Viên

Học Phật mà chẳng muốn làm bậc đại thông gia, chỉ chuyên tâm dốc chí nơi pháp môn Tịnh độ, có thể nói là "đã có huệ căn từ đời trước, có con mắt chọn lựa pháp". Đã muốn giải quyết đại sự cho xong ngay trong đời này, hãy nên lấy Tịnh Độ Ngũ Kinh làm thường khóa. Niệm kinh Kim Cang cũng được, mà không niệm cũng được, chẳng sao cả. Chiều tà đường xa, cố nhiên tâm hãy nên chuyên nhất! Ban đêm niệm Phật, còn ngày thì nghiên cứu đủ loại kinh luận, chắc sẽ đến nỗi tinh thần chú trọng tìm hiểu ý nghĩa, khó thể đạt đến nhất tâm nơi tịnh nghiệp được. Chủ khách đảo lộn vị trí, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi phương diện giải quyết xong đại sự sẽ bị thiếu sót. Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt được nhất tâm bất loạn vẫn có thể vãng sanh.

Các hạ lấy nhất tâm bất loạn làm điều mong mỏi, nhưng hằng ngày chỉ nghiên cứu các thứ kinh luận, dường như chẳng phù hợp với điều mình mong mỏi cho lắm. Còn chuyện quy y hay không đều chẳng quan trọng. Đã chẳng chịu tự nhún mình thì không quy y còn tốt hơn. Tận lực tu tịnh nghiệp, vãng sanh Tây Phương, thân cận Di-đà Thế Tôn, chẳng cần phải tôn ông tăng hèn kém tầm thường làm thầy. Quang và các hạ cùng là bầu bạn trong hội Liên Trì, chẳng cần phải dùng danh hiệu giả tạo ấy để tự nhún nhường. Nếu người nào muốn quy y, quyết chẳng thể vì kẻ xin quy y không chịu khuất mình mà chấp nhận, bởi đấy chính là quy định thường hằng về chuyện phá hoại hay duy trì pháp hóa vậy!

(Ngày 21 tháng 3 năm Ất Hợi - 1935)

300. Thư trả lời cư sĩ Thừa Ân

Thư nhận được đầy đủ, Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, vốn không có tư cách làm thầy người khác, nhưng do một người truyền hư, mọi người đều tin là thật, đến nỗi mười mấy năm qua thường có người viết thư hỏi han duyên do tu trì. Bất luận người ta ăn nói như thế nào, Quang đều trả lời. Chỉ có ai xin quy y mà chẳng chịu nhún mình thì Quang sẽ nói mềm mỏng, hoặc nói rõ ràng nguyên nhân để đôi bên chẳng bị mắc tội khinh pháp, mạn pháp mà thôi.

Nên biết rằng Phật pháp có hai loại "trụ trì pháp đạo" (duy trì pháp đạo) và "trực thị chân tế" (dạy thẳng vào chân thể, thật tướng) khác biệt. Mang phận phàm phu thì phải hành theo luật nghi, nếu không sẽ trở thành khinh pháp! Khinh pháp sẽ chẳng thể tăng trưởng thiện căn cho người ấy được (trong luật đã nói rộng về hình tướng này). Nếu như người cầu pháp lễ mạo không cung kính thì sẽ chẳng nói với người ấy, huống là cầu quy y tam bảo ư?

Đối với người hỏi pháp, cố nhiên Quang chẳng quá cố chấp, chỉ có kẻ cầu quy y mà chẳng tự nhún mình, Quang quyết chẳng dám chấp nhận. Không phải vì mong được người ta cung kính để tự đại, mà chính là muốn cho người ấy sanh lòng kính tín tam bảo sâu xa hòng được lợi ích thật sự. Dẫu là bậc Pháp thân đại sĩ đã chứng thánh quả, nhưng nếu hiện thân phàm phu thì vẫn phải tuân theo lễ nghi thế gian mà làm. Nếu hiện thân thánh nhân thì hoàn toàn chẳng theo quy củ nhất định nào. Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát lễ khắp tứ chúng, thọ ký cho họ rằng: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật." Thậm chí tứ chúng dùng roi, gậy, ngói, đá, đánh ném, bèn chạy né ra xa đứng, rồi lại lễ bái, xưng tán. Đấy chính là quy củ rộng lớn của bậc đại Bồ-tát nhằm chỉ thẳng vào chân tế, phàm phu nào dám bắt chước bừa bãi. Bắt chước bừa bãi sẽ hoại loạn pháp đạo, mắc lỗi cực lớn! Quang sợ lỡ cư sĩ thấy trong kinh có hành vi ấy, chắc sẽ nghĩ cách "trụ trì pháp đạo" là sai, nên mới nói đại lược duyên do của hai thứ sai khác, ngõ hầu ông không còn nghi ngờ, bàn bạc gì nữa.

Đã muốn quy y thì đành đem lầm đáp lạc. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Đức Thành, thành (誠: lòng thành) là cội gốc của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, nhưng càng phải nên chú trọng pháp môn Tịnh độ. Vì pháp này có thể dùng nhân địa tâm khế hợp được quả địa giác, dẫu là phàm phu sát đất vẫn có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên chín phẩm sen kia ngay trong đời này, cùng bầu bạn với Quán Âm, Thế Chí. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Quang mục lực quá suy, chớ nên gởi thư tới. Nếu thường đọc Văn Sao thì đối với một pháp niệm Phật sẽ không nghi ngờ nghĩa lý nào nữa. Nếu cứ nghiên cứu kinh luận tràn lan thì Quang chẳng thể nào tuyên nói được!

(Ngày mồng 7 tháng 5 năm Ất Hợi - 1935)

301. Thư trả lời cư sĩ Giác Tăng

Nhận được thư biết ở Thanh Hải vẫn có người hoằng dương pháp môn Tịnh độ, khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng hỏi đến nữa, thư nào không quan trọng khẩn yếu bèn bỏ mặc; có thư nào quan trọng khẩn yếu thì vị thư ký trong chùa viết thay.

Do ông ở xa lại có chuyện cần sách nên mới đặc biệt đưa cho Quang đọc. Quang sớm chẳng bảo đảm được tối, tất cả chuyện nhờ cậy bút mực đều nhất loạt chẳng thể đáp ứng được. May là mấy năm trước có viết bài tựa cho Cư sĩ lâm ở Triều Dương, Quảng Đông, một đệ tử ở huyện Thường Thục tỉnh Giang Tô thấy bài ấy được đăng trong bán nguyệt san bèn chép lại, cho in thạch bản, gởi cho Quang năm mươi phần, vẫn còn một phần, nay đem gởi cho ông. Văn tuy vụng về, chất phác, nhưng ý nghĩa chấp nhận được. Chỉ cần sửa đổi địa danh, tên người, thỉnh người viết chữ đẹp viết theo lối chữ khải to chừng hai tấc, hoặc cho khắc ván, hoặc đem dán lên bảng để những ai đến đấy đều đọc được. Chớ nên dùng các lối chữ viết thiếp, tục thể, chữ lệ, chữ thảo, vừa tỏ rõ ý kính trọng, vừa dễ đọc. Phàm những dấu chấm câu đều dùng dấu khoanh tròn (o) để người kém học vấn cũng đọc được thành câu.

Hiện thời, gởi sách hết sức khó khăn, ông muốn quy y thì đặt pháp danh cho ông là Khế Giác. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, một là vì sớm chẳng bảo đảm được tối, hai là không có sức để thù tiếp. Tôi đọc qua bài vãng sanh ký của vị pháp sư nọ, tôi cho rằng "hãy nên dựa theo sự thật viết ra bài khác", đừng nên "chuyện không, nói có" khơi gợi cho kẻ vô tri bắt chước theo. Nếu bịa đặt, tô vẽ thì dường như là hoằng pháp nhưng thật ra đã tạo thành đầu mối tranh cãi khiến cho đạo pháp suy bại, gây họa lớn lắm. Vị pháp sư ấy lúc lâm chung không cho các cư sĩ đến, sau khi tắt hơi rồi mới cho họ đến, tức là ông ta chưa thể suy nghĩ sâu xa về chuyện trợ niệm. Vì sao vậy? Lâm chung được mọi người trợ niệm sẽ chẳng đến nỗi có chuyện phá hoại chánh niệm. Hơi thở đã bặt, nhưng thật ra chưa chết liền, lỡ gặp phải kẻ vô tri thò tay thăm dò hơi nóng, hoặc cho là đã chết, xúm nhau bàn luận om sòm, chắc sẽ bị hỏng việc. Đã chẳng cho người khác tới thì phải hạn định sau khi tắt hơi trong vòng năm tiếng chẳng cho ai đến. Nếu chưa tắt hơi bèn trợ niệm thì sau khi tắt hơi, chắc chắn chẳng có những hành vi kinh động, ầm ĩ khác. Từ rày trợ niệm chớ nên y theo pháp ấy!

(Ngày 18 tháng 5)

302. Thư trả lời cư sĩ Đức Minh

Đang trong đại kiếp này, hãy nên khuyên mọi người nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương. Nếu không, nỗi khổ mai sau sẽ càng nặng nề hơn vì lòng người ngày càng độc ác, cách giết người ngày càng tinh vi, thế giới sẽ trở thành địa ngục nơi nhân gian, huống chi do ác tâm mạnh mẽ ấy sẽ chiêu cảm địa ngục thật sự ư? Nếu là người có hiểu biết, nghe nói như vậy, chắc chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua. Sau này có ai tin tưởng, hãy bảo họ quy y với vị tăng ở địa phương. Quang

mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, hơn nữa sớm chẳng bảo đảm được tối, chắc sẽ thành uổng công quy y.

(Ngày mồng 2 tháng Giêng)

303. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thần

Quang xuất gia 55 năm, trọn chẳng nói một câu nào dạy người khác xuất gia, bởi con người hiện thời sau khi xuất gia đều biến thành hạng lười nhác, biếng trễ! Đấy chính là bậc thượng, chứ bậc hạ sẽ phá trai, phạm giới, không chuyện gì chẳng làm. Vì thế, tôi thề chẳng thu nhận đồ đệ, chẳng khuyên người khác xuất gia (Đây vẫn là tình hình thời triều Thanh, chứ từ thời Dân Quốc đến nay, chánh phủ nhiều lần muốn đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản. Rất nhiều ngôi chùa lớn ở Quảng Đông, Thiểm Tây, Hà Nam đều bị phá hủy, sửa đổi thành cơ sở khác, nhưng do vẫn có những vị tăng tục cực lực chống đỡ, nên vẫn còn kéo dài được với năm tháng. Nếu không, cả nước đã sớm trọn chẳng nghe thấy dấu tích, danh hiệu tăng sĩ rồi!)

Ông tu trì tại gia là cách tu trì ổn thỏa thích đáng nhất. Tôi đã 75 tuổi, sẽ chết trong sớm tối, một thân vẫn hiềm là nhiều, nào chịu thu nhận đồ đệ. Nếu chẳng nghe lời tôi, tức chẳng phải là đệ tử quy y với tôi, mặc cho ông làm sao thì làm, ông đừng gặp tôi. Gặp tôi thì nước tôi cũng không cho ông uống! Tôi chăm sóc cho chính tôi còn không xong! Ông muốn dùng một lá thư xin quy y để buộc tôi cả đời phải lo toan cho ông, tôi đâu có tinh thần, tài lực để lo liệu cho kẻ chẳng nghe lời thầy dạy dỗ như vậy. Ông nghĩ xuất gia là chuyện sung sướng lớn lao, đâu biết tăng chúng ngày nay đúng là không còn có sanh lộ nào để đi được nữa. Muốn tìm đường chết thì cần gì phải tìm lối xuất gia?

(Ngày 24 tháng Chạp năm Dân Quốc 24 - 1935)

304. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ nhất)

Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều không đủ; lại còn tu chỉnh ba bộ Sơn Chí chưa xong, đấy là chuyện cấp bách chẳng thể trì hoãn được. Vì thế, gần đây cự tuyệt hết thảy mọi sự sai khiến viết lách, ngõ hầu những bộ Sơn Chí ấy sớm được hoàn thành. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Trúc, nghĩa là nương theo Phật tu trì, giống như cây trúc lòng rỗng, đốt thẳng, thách đố sương tuyết, chẳng thuận theo thói tục. Những điều khác đã viết tường tận trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp, hãy nên hành theo đó. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, gởi tới quyết chẳng trả lời. Cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y để đôi bên khỏi nhọc trí, tốn công, mà cũng chẳng có ích lợi gì!

(Ngày mồng 10 tháng Chạp năm Quý Dậu - 1933).

305. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ hai)

Ông muốn mẹ vãng sanh Tây Phương, muốn cho cha thân tâm mạnh khỏe, sống hưởng yên vui, mất về Tịnh độ, hãy suất lãnh gia quyến già trẻ trai gái cùng nhau sốt sắng niệm Phật để mong Phật từ gia bị tiêu diệt tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, há chỉ nên chú trọng lấy trăm câu hay ngàn câu niệm Phật làm hạn? Trong cõi đời, kẻ làm công cho người khác vì một hai cắc bạc mà vất vả suốt ngày chẳng nghỉ. Ông lại ngược ngạo coi chuyện lớn lao này chẳng đáng siêng nhọc bằng cầu một hai cắc bạc, cho nên không có cảm ứng cũng chẳng lạ gì. Nếu cảm đến cùng cực, chắc chắn chẳng lẽ nào không ứng! Ông cảm kiểu đó vẫn là hời hợt, hờ hững, làm sao tiêu được nghiệp chướng lớn lao trong đời này, đời trước cơ chứ? Các quyến thuộc của ông niệm Phật cho cha mẹ, so với chuyên niệm cho chính mình công đức càng lớn hơn, bởi vì có tấm lòng hiếu thảo vậy!

Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, chẳng biết chiến sự sẽ nổ ra lúc nào mà vẫn chẳng chịu niệm. Nếu tới lúc phải đương đầu với sát kiếp, thử hỏi sẽ trông cậy vào đâu? Bệnh của cháu ông cũng là do túc nghiệp, xem tình trạng của cha mẹ và cháu ông, đủ biết nhà ông nhiều đời rất thiếu đức. Nay hãy nên luôn lưu tâm, tận lực vun bồi, lại còn khuyên hết thảy mọi người cùng tu tịnh nghiệp để vãn hồi. Sau này sẽ được sự mừng vui "tai lui, hên nhóm". Thượng Bân đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Nguyên, nguyên (元) là tăng trưởng các điều lành, mà cũng là ý nghĩa đầu tiên của quẻ Càn. Càn là trời, *"Thiên Hành Kiện: Quân tử dĩ tự cường bất tức"* (Quẻ Thiên Hành Kiện: Quân tử tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng), đấy là lời giải thích trong phần Tượng Từ của kinh Dịch. Nếu có thể tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng niệm Phật, tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng sửa lỗi tu thiện, thân tâm chắc chắn được mạnh khỏe, có thành tựu lớn lao. Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là phương pháp để hết thảy mọi người cầu phước, cầu thọ, cầu lành bệnh, cầu sanh con. Nếu có thể y theo lá thư ấy để tự hành, dạy người thì vô biên lợi ích sẽ đều đích thân đạt được.

(Ngày mồng 5 tháng 9 năm Giáp Tuất - 1934)

306. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ ba)

Thư đặt pháp danh quy y cho Thượng Bân đã sớm gởi đi rồi, chắc là bưu điện làm mất, hoặc là người phát thư giao lầm. Nay lại đặt pháp danh khác cho ông ta là Tông Thành, tông (宗) là chủ, là gốc, nghĩa là lấy lòng thành làm chủ, làm gốc, sẽ tự được tiêu nghiệp lành bệnh, chuyển yếu thành mạnh. Nói đến chuyện nàng

dâu cả của người con trai thứ nhà ông bị điên cuồng cũng là do túc nghiệp gây nên; hoặc cũng do bọn ngoại đạo thấy ông phản lại giáo pháp của chúng bèn sai tà quỷ, tà thần quấy rối, muốn cho ông vẫn sùng tín giáo pháp của bọn chúng. Ông chẳng bị lay chuyển thì người bệnh cũng chẳng bị lay chuyển, bọn tà quỷ tà thần kia cũng không làm gì được người chánh khí đâu! Vì thế ắt sẽ lành bệnh. Ngoại đạo phần nhiều có loại tà pháp ấy để lừa gạt, khiến cho những kẻ vô tri vô thức u mê.

Nói đến chuyện đối trước đức Phật tự thọ tam quy ngũ giới thì qua lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền ở Từ Châu trong bộ Văn Sao, Quang đã có nói đến chuyện này, mong hãy tìm đọc. Thượng Bân đau khổ vì là người tàn phế, nhưng mỗi ngày chỉ niệm Phật hai ba ngàn câu; cớ sao mong mỏi lớn lao mà tu tập lại nhỏ nhoi đến thế? Hãy nên thường niệm suốt ngày, sẽ tự có thể đi lại như người mạnh mẽ được. Nói đến chuyện niệm Phật có lắm vọng tưởng thì hãy nên nhất tâm niệm, lắng tai nghe kỹ từng chữ từng câu, đừng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, tâm tự quy nhất, đấy là pháp niệm Phật tuyệt diệu nhất. Chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm dạy: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam-ma-địa, ấy là bậc nhất", "nghe" chính là pháp nhiếp trọn sáu căn. Pháp này bất luận người thượng trung hạ căn sử dụng đều có lợi, không có điều tệ, phàm với hết thảy mọi người đều nên lấy chuyện "lắng nghe" để bảo ban. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

(Ngày mồng 5 tháng 10 năm Giáp Tuất - 1934)

Tam-ma-địa (samadhi) chính là tên khác của tam-muội, cõi này (Trung Hoa) dịch là chánh định hay chánh thọ; ý nói nhất tâm niệm Phật, chẳng bị ngoại cảnh lay động, chẳng bị tạp niệm xâm lấn. Vì thế, gọi là chánh định, chánh thọ.

307. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ tư)

Tịnh Độ Ngũ Kinh chính là căn bản của pháp môn niệm Phật, hãy nên tặng cho người thông hiểu văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Đọc kỹ hai lời tựa và một lời bạt của Quang sẽ liền biết được duyên do của pháp môn Tịnh độ; rồi đọc năm kinh ấy sẽ biết được pháp ấy rộng lớn, cao sâu, phàm lẫn thánh đều cùng hướng về. Niệm Phật vọng niệm nhiều thì hãy nên lắng tai nghe kỹ, đức Đại Thế Chí nói "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" chính là ý này. Còn nói về Phổ Cập Niệm Phật Hội thì chính là bày ra cách để khuyên mọi người niệm Phật, niệm Quán Âm, chứ chẳng có dụng ý chi khác. Tổng hội cũng chẳng có quyền cai quản, bất quá nhờ vào danh nghĩa đó để làm cho người khác phát tâm mà thôi.

Đấy là duyên do đại lược vì sao cư sĩ Ổ Sùng Âm đề xướng vậy (ông Ổ biệt hiệu Hàn Thế Tử, người huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Thượng Hải Đạo Đức Thư Cục do ông ta sáng lập), ông ta khá hiểu Phật học, chưa mười phần thấu triệt, nhiệt tâm đề xướng, thật hiếm có trong thời gần đây. Những sách cần thiết sẽ gởi riêng cho ông, 13 đồng 5 cắc ấy đều dùng để gởi sách, chẳng lâu nữa sẽ có năm gói Kỹ Lộ Chỉ Quy được gởi tới. Trong tháng 7 sẽ gởi tới hai gói Vật Do Như Thử, xin hãy chia ra tặng. Hiện tại thời cuộc nguy hiểm, bất luận già trẻ trai gái đều nên niệm Phật và niệm Quán Âm để dự phòng. Nếu không, khi đại kiếp đối đầu sẽ nương cậy vào đâu? Quang già rồi, mục lực suy đến cùng cực, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa. Dẫu sách được gởi đến cũng chỉ gởi thiệp báo "đã nhận được rồi" mà thôi. Từ rày, để thỉnh kinh sách hãy tiếp xúc trực tiếp với Hoằng Hóa Xã, đừng nhờ Quang chuyển, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y, vì mục lực chẳng đủ, chẳng thể thù tiếp được. Chỉ để đọc và trả lời lá thư lần này, đã phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp để gắng gượng thù tiếp vậy.

(Ngày mồng 8 tháng 5 năm Bính Tý - 1936)

308. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ năm)

Kẻ ngu trong thế gian thường thích lập môn hộ, lấy trộm những lời lẽ từ tam giáo lập ra đạo "bí mật, chẳng được nói công khai với người khác". Do đạo ấy "bí mật" nên người khác chẳng biết nội dung, đều xúm xít đi theo đạo ấy như nhặng xanh bu theo mùi thối. Do trước khi được truyền trao đạo pháp, người xin nhập đạo phải thề độc, nên kẻ ngu dẫu chết cũng chẳng dám phản bội. Hết thảy ngoại đạo trong thế gian đều cậy vào hai pháp này (tức "chẳng được kể với người khác về pháp mình đã được truyền" và "thề độc sẽ gặp tai ương dữ dội nếu bỏ đạo") để truyền khắp thiên hạ, không sao diệt được. Nếu bọn chúng không có hai pháp này thì không một loại ngoại đạo nào có thể tồn tại trên thế gian được. Các ông may mắn thoát khỏi nẻo mê, trở về đường chánh, hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, nghiêm túc tuân phụng Phật pháp. Pháp danh của hai ông Vũ và Tả được viết trong một tờ giấy khác, gởi cho hai người ấy mỗi người bốn gói sách thay cho lời khai thị, mong ông hãy nói rõ với bọn họ. Trong năm nay sẽ có hai lần gởi chừng đó cuốn sách nữa.

(Ngày 13 tháng 8)

309. Thư trả lời Tịnh Độ Tông Nguyệt San Xã

Nhận được tờ hoa, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Tịnh tông được chư vị hoằng dương sẽ khiến cho nhân dân khắp mọi giới đều được thấm nhuần ân trạch. Quang là người sẽ mất trong sớm chiều, mắt đã quáng lòa, chẳng thể xem thư, viết chữ.

Ngay như để viết lá thư dở tệ này, phải đeo kính lão tám mươi hoa[371], rồi lại cầm kính lúp[372] để viết. Vì thế, cự tuyệt hết thảy những chuyện sai khiến bút mực. Nếu ngẫu nhiên có thư từ gì, chỉ đáp sơ sài mấy câu, mà cũng chẳng giữ lại bản nháp, do một mực chẳng giữ lại bản sao. Bán nguyệt san Phật Học Thư Cục ngẫu nhiên có đăng tải những lá thư của Quang cũng là do người nhận thư gởi đến, chứ Quang chưa hề gởi cho họ một lần nào, huống là hiện thời mắt đã lòa ư? Báo được in ra cũng đừng gởi tới, bởi chữ nhỏ chẳng thể đọc được, há nên biến vật hữu dụng thành vô dụng ư? Đơn thỉnh sách do quý vị gởi tới đã giao cho Hoằng Hóa Xã. Hễ gặp ai thỉnh kinh, hoặc người thông hiểu văn tự trọn vẹn thì gởi kèm thêm trong gói sách, chắc sẽ có hiệu quả. Còn như người ở nơi ấy rất ít giao du với Quang nên chẳng thể biết ai mà chia ra tặng được. Xin quý vị thương tôi già nua, bệnh hoạn đang đợi chết mà đừng trách tội, cảm tạ khôn ngằn!

310. Thư trả lời cư sĩ Dương Chân

Đọc thư ông, biết tội ông thông đến tận trời! Nhưng cội nguồn tội ấy là do cha mẹ ông một mực nuông chiều khiến ông quen thói kiêu ngạo từ bé, chẳng hề răn dạy; đến khi tánh xấu đã thành hình mới tự hối hận, đã vô ích cho con mà chính mình cũng bị tổn hại. Đấy là căn bệnh chung của hết thảy mọi người trong thế gian này. Nay nói toạc ra với ông, mong ông sẽ sanh được con cái hiền thiện. May là đời trước ông còn có thiện căn, nửa chừng biết hối. Nếu đến chết vẫn không thay đổi thì muốn thoát khỏi địa ngục, chỉ sợ khó mộng thấy được. Quán Thế Âm Bồ-tát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, do ông là người cực bất hiếu, cực dâm đãng, nhất niệm chí thành xưng niệm liền được việc làm như ý. Những kẻ hủy báng Phật pháp, muốn diệt Phật pháp đúng là đã hãm người đời sau trong thiên hạ vào biển khổ mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, khoe khoang công lao, hễ nghĩ tới liền khôn ngăn xót thương những kẻ ấy.

Năm 14, 15 tuổi, ông đã phung phí nguyên khí, mười năm qua dâm dục vô độ, tinh thần bị tổn thương kể sao cho xiết? Huống chi lại có hai người vợ trẻ! Nếu chẳng biết tiết dục thì chẳng những không thể sanh con mà còn đến nỗi đoản mạng chết yểu. Từ nay trở đi, hễ thấy phụ nữ của người khác hãy tưởng như mẹ, chị, em, con gái, xem hai cô vợ của chính mình như đạo hữu. Ngày thường niệm Quán Âm, đêm đừng ngủ chung với hai cô vợ. Dưỡng cho thân thể được hồi phục mười phần rồi mới làm chuyện vợ chồng một lượt. Mỗi năm ăn ở với hai bà vợ

[371] Tám mươi hoa (bát thập hoa) là thuật ngữ để chỉ mắt già bị viễn thị, chỉ nhìn vật được ở cách mắt đến 80cm, nhưng không đọc chữ được, phải đeo kính viễn thị để có thể nhìn gần, đọc được chữ.
[372] Nguyên văn "hiển vi kính". Chữ "hiển vi" ở đây khác với chữ thuật ngữ "kính hiển vi" được dùng để dịch chữ microscope hiện thời. Kính hiển vi thời ấy chỉ có nghĩa là kính phóng đại, kính lúp (magnifier).

một lần thì tình cảm vợ chồng ổn thỏa, mà đôi bên đều chẳng bị tổn thương, chắc chắn sẽ sanh được con cái mũm mĩm, thông minh, tâm tánh hiền thiện, không bệnh, trường thọ, có thể làm rạng rỡ gia đình, làm khuôn mẫu cho người trong một làng. Nếu coi chuyện ân ái là điều vui thú thì chuyện vui chưa lâu, khổ lớn liền tới. Tinh khô, thân chết, không thuốc nào cứu được đâu!

Lại nên đem nghĩa này nói với hai người vợ, mọi người cùng giữ điều răn cấm này thì sẽ có nhiều con cái tốt đẹp, ba người bọn ông hạnh phúc đến già, sống thì hưởng ngũ phước, mất sẽ lên chín phẩm. Nay gởi cho ông một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Thọ Khang Bảo Giám, một cuốn Gia Ngôn Lục, một bộ Quán Âm Tụng, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư có bốn tác phẩm: Đầu tiên là Âm Chất Văn Quảng Nghĩa giảng rộng về ý nghĩa "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"; thứ hai là Vạn Thiện Tiên Tư khuyên kiêng giết; thứ ba là Dục Hải Hồi Cuồng răn dâm; thứ tư là Tây Quy Trực Chỉ khuyên tu Tịnh độ. Quán Âm Tụng giảng rõ cặn kẽ sự linh cảm của đức Quán Âm. Hễ đọc Thọ Khang Bảo Giám sẽ chẳng dám không tiết dục. Gia Ngôn Lục giảng đầy đủ rõ ràng về những điều quan trọng trong tu trì, sách này trích lục những điều trọng yếu từ bộ Văn Sao. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ có thể làm cho mẹ ông quyết định được vãng sanh Tây Phương.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Chân, tông là gốc, là chủ, nghĩa là khởi tâm động niệm, xử sự đều mong sao chân thật, chẳng dối. Chí thành, không dối thì mới là thiện nhân trong thế gian, đấy cũng là tư lương để xuất thế. Đặt pháp danh cho Lý thị là Tông Trinh, Hà thị pháp danh là Tông Khiết. Nữ nhân lấy trinh khiết làm đức, huống chi niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà nếu chẳng lấy trinh khiết làm gốc thì thân tâm ô uế chẳng tịnh, làm sao vãng sanh Tịnh độ cho được? Ba người bọn ông bầu bạn niệm Phật với mẹ, khuyên mẹ ông đừng cầu phước báo trời người, mà hãy chuyên cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu có thể giúp đỡ cho đạo nghiệp của mẹ thì là đại hiếu. Dùng hiếu hạnh ấy để trừ cái tội bất hiếu trước kia, ví như do đất vấp té thì cũng từ đất mà đứng dậy. Quang già rồi, mùa đông năm ngoái ban đêm giảo duyệt sách dưới ánh đèn điện nên mắt bị tổn thương nặng nề. Xem thư, trả lời thư đều phải dùng cả kiếng lão lẫn kính lúp mới thấy lờ mờ. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu ai quy y, cũng đừng do thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã mà tiện tay gởi thư cho Quang, vì mục lực chẳng thể thù tiếp được!

311. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thái

Ban ngày giảo chánh đối chiếu những sách đã in và đọc, trả lời thư từ; lại có những người xin giám định những tác phẩm tính in, không rảnh rỗi cho lắm. Tụng

niệm công khóa vào canh năm ban đêm khá nhọc nhằn. Ông chớ nên chớm lên ý niệm xuất gia, tuổi tác đã cao rồi, chẳng thể tham học được, chẳng thể khổ hạnh được, ai lại nuôi dưỡng một đồ đệ già nua như ông? Tại gia nhất tâm niệm Phật, đối với quyến thuộc lẫn chính mình đều có lợi ích lớn lao; còn xuất gia thì quyến thuộc vĩnh viễn chẳng có ngày thoát khổ. Quang thề chẳng thu nhận đồ đệ, đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa! Hiện thời có Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa ba bộ Sơn Chí cũng như Linh Nham Sơn Chí chưa được sắp chữ, ấn hành; đợi đến năm sau khi các sách ấy được in xong, sẽ đi ở ẩn để mong chuyên tu tịnh nghiệp. Nếu không, rốt cuộc sẽ chẳng có lúc nào được nhàn rỗi! Đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho ông ba gói sách, đối với lá thư dài (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp) hãy nên cung kính cẩn thận sao lại một bản để lưu truyền trong gia đình.

(Ngày 22 tháng 11)

312. Thư trả lời cư sĩ Huệ Chiêu

Cho tới tháng Chạp năm ngoái, do phải giảo chánh bộ Lịch Sử Thống Kỷ suốt hơn hai tháng để nhà in làm thành hai bức chỉ bản, hòng in ra hai vạn bộ sách từ mỗi bức, ngõ hầu nhờ vào đây mà vãn hồi thế đạo nhân tâm. Đến ngày 20 tháng Chạp mới hoàn tất. Ngày hôm sau bị cảm lạnh, nằm bệnh hơn cả tuần. Nay tuy lành bệnh, tinh thần vẫn chưa hoàn toàn bình phục. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ ở ẩn, nên mới trình bày đại lược nguyên do. Trước đây, tôi đã bảo thầy Minh Đạo gởi mười gói sách, chắc ông đã nhận được rồi.

Nói đến chuyện ông Mã quán tưởng hữu hiệu thì cũng là do ông ta kiệt lòng thành, cạn lòng kính mà ra, chứ có lạ lùng, đặc biệt gì đâu. Do một mình ông Mã quán tưởng được tương ứng, ông bèn nẩy sanh ý niệm nghi ngờ đối với pháp do chư tổ Liên tông thường dạy người (tức pháp trì danh) thì có còn đáng gọi là người tin Phật, tin Pháp được chăng? Phép quán tưởng vốn do đức Phật khai thị, nhưng do người đời thường chưa thể triệt để dứt bặt vọng tưởng, dùng cái tâm bộp chộp, lầm lạc muốn mau chứng đắc để tu quán sẽ rất nguy hiểm. Đa số những kẻ xưa nay bị ma dựa là vì lẽ này. Vì thế cổ đức nói: "Cảnh tế, tâm thô, quán khó thành tựu, có thể dấy lên ma sự", chứ không phải là trọn chẳng cho người khác tu quán, cũng chẳng hề nói "tu quán đều bị ma dựa".

Nay vì một mình ông Mã tu quán hữu hiệu bèn nghi ngờ lời lẽ chân thật vì người của chư tổ sư từ trước đến nay, đủ thấy ông và các bạn đều thuộc phường "trọng nay, khinh xưa". Có kiến giải giống như thế, ắt sẽ thấy lạ nghĩ khác, tìm cầu những cái được gọi là "huyền diệu, đặc biệt, lạ lùng". Mai sau có kẻ đề xướng những pháp huyền diệu cao siêu khác để gạt người, thốt lời cuồng vọng "khiến

cho người hành theo pháp ấy có thể thành Phật đạo trong một thời gian ngắn", chắc ông sẽ thuận theo lời hắn bỏ pháp này tu pháp ấy. Như bèo không rễ, bềnh bồng trôi nổi theo gió, "tin đạo chẳng chuyên dốc, làm được gì đâu?" Khổng tử đã sớm dự đoán điều này, cần chi Quang phải rườm lời nữa ư? Chỗ hay của ông Mã là thành khẩn, tuy chẳng biết đến nghi thức phát nguyện, nhưng do quán niệm 108 câu Phật hiệu, lại nói thêm câu "tiếp dẫn con đến Tây Phương" thì đấy chính là "có nguyện". Nhưng cái kiểu kèm thêm như vậy để niệm, chớ nên bắt chước! Người đời nay hễ thấy một pháp nào hữu hiệu bèn chẳng buồn chọn lựa, hoàn toàn tập hành theo, đến nỗi chưa được lợi ích thật sự mà trước hết đã bị tổn hại lớn lao rồi. Ví như ăn quả dưa thì phải bỏ vỏ và hạt, không phải là hoàn toàn ăn hết, mà cũng chẳng phải là hoàn toàn bỏ hết, đấy là do người học đạo khéo dụng tâm mà thôi. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm thay!

Hơn nữa, ông Diệp Chiếu Không trước đây có gởi thư đến, tôi vốn không muốn trả lời. Do ông ta quen biết với ông, nên hễ ông viết thư liên lạc thì xin hãy chuyển lời đến cho ông ta. Quang là một tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, bị cái hư danh làm phiền, mười mấy năm qua bận bịu vì người khác, đến nỗi bỏ lơ tịnh nghiệp của chính mình. Há nên đem câu chuyện "người cha chữa bệnh cho con trong kinh Pháp Hoa" để sánh ví, chẳng sợ mắc lỗi đem phàm lạm thánh ư? Người tu Tịnh độ chú trọng ba pháp tín nguyện hạnh, chứ chẳng nên chú ý tới *bát xúc*[373] và *lục diệu*[374] trong cảnh định. Nếu do công phu mà những điều ấy phát

---

[373] Bát xúc: Theo Ma-ha Chỉ Quán (quyển chín), khi sắp đắc Sơ thiền, trong thân sanh ra tám thứ cảm xúc:

1. Động xúc: lúc ngồi thiền, đột nhiên thân thể rung động.
2. Dưỡng xúc: thân đột nhiên ngứa ngáy.
3. Khinh xúc: thân thể đột nhiên cảm thấy nhẹ bổng như mây, như bụi, có cảm giác như đang bay lơ lửng.
4. Trọng xúc: đột nhiên cảm thấy thân nặng như tảng đá, chẳng thể cử động được chút nào.
5. Lãnh xúc: đột nhiên thân lạnh buốt.
6. Noãn xúc: đột nhiên thân nóng như lửa.
7. Sáp xúc: đột nhiên cảm thấy thân thô rít như da, như gỗ.
8. Hoạt xúc: đột nhiên cảm thấy thân trơn mịn như sữa.

Nguyên nhân là do khi sắp đắc Sơ thiền, cực vi của thượng giới nhập vào cực vi của Dục giới, hai thứ xen lẫn nhau, khiến cho tứ đại phát động cuồng loạn. Người không hiểu tình trạng này sanh lòng kinh sợ, sẽ sanh bệnh, huyết mạch đi loạn đường, dễ phát cuồng.

[374] Lục diệu môn là pháp do tông Thiên Thai đề xướng. Chữ diệu chỉ cho Niết-bàn. Do có sáu cửa để nhập Niết-bàn nên gọi là lục diệu môn, tức sáu phép thiền quán. Theo Lục Diệu Pháp Môn và Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn (quyển thượng) thì lục diệu môn là:

1. Sổ tức môn: Đếm hơi thở từ một đến mười để nhiếp tâm nhằm nhập định.
2. Tùy tức môn: Chú tâm nơi hơi thở ra vào, chẳng cần đếm số.
3. Chỉ môn: Ngưng lặng các vọng niệm để khởi thiền định.
4. Quán môn: Quán ngũ ấm hư vọng, phá trừ các vọng kiến điên đảo, nhằm khai phát vô lậu phương tiện trí.
5. Hoàn môn: Quay trở lại quán tâm, biết cái tâm quán ấy không thật nên ngã chấp tự mất, vô lậu phương tiện trí tự nhiên tỏ rạng, tự nhiên đoạn hoặc chứng chân.

sanh thì cũng nên coi là bình thường, chớ nên sanh lòng vui sướng, mừng rỡ. Nếu không, sợ rằng sẽ tưởng đấy là những chuyện thù thắng nhiệm mầu, đến nỗi ngược ngạo coi tịnh nghiệp vốn là hạnh tu chánh yếu giống như chuyện thừa thãi.

Chớ nên tự lầm lạc gánh vác chữ y gồm ba điểm[375], đấy chính là tam đức bí tạng pháp thân, bát-nhã, giải thoát, bậc Sơ trụ Bồ-tát trong Viên giáo mới có thể chứng được chút phần, chỉ có Phật mới có thể triệt chứng viên mãn. Ông là hạng người nào mà dám ăn nói lớn lối quá phận vậy? Nên biết rằng "dẫu thấy lý ngang với chư Phật thì tu trì vẫn phải noi theo sự tướng phổ biến" ngõ hầu chẳng đến nỗi chấp lý phế sự, rớt vào hầm sâu "bác không nhân quả" không đáy, mênh mông như hư không.

Ba đứa con của ông muốn được đặt pháp danh, nay với mỗi đứa đều lấy một chữ từ tên ngoài đời để đặt, Tân Đường pháp danh là Đức Tân, Ung Đường pháp danh là Đức Ung, Hy Đường pháp danh là Đức Hy. Có thể mỗi ngày đều làm cho đức ấy được mới sẽ đoạn được tham sân si, dứt tuyệt giết trộm dâm, tam nghiệp thanh tịnh. Ung (雍) là hòa, đôn đốc luân thường, tu trì tịnh nghiệp, dùng tâm chí thành để mong thành thánh, thành hiền, đấy chính là Phật pháp hòa hợp với pháp thế gian, tâm mình đều hòa cùng tâm thánh hiền. Hy (熙) có nghĩa là ánh sáng, sáng sủa, tận lực trừ phiền hoặc, chẳng để nó ngăn lấp tự tâm thì lương tri, chân như sẵn có đều được hiện rõ. Đối với những điều khác, hãy bảo các cháu đọc kỹ Gia Ngôn Lục sẽ tự biết. Vì vậy chẳng cần nói nhiều.

Tụng 48 nguyện của kinh Vô Lượng Thọ hay chương giảng về phép quán chín phẩm vãng sanh trong Quán kinh là tùy ý thích của mỗi người, dùng hay không tùy ý. Nói chung, người niệm Phật coi mọi chuyện đơn giản là điều hay. Nếu bày vẽ đủ mọi hành nghi quá lố, chắc sẽ bị mệt mỏi. Pháp không có tướng nhất định, chớ nên cố chấp, cũng chớ nên tràn lan hỗn loạn, chỉ chú trọng sao cho được lợi ích, phù hợp căn cơ.

313. Thư trả lời cư sĩ Trí Viên

6. Tịnh môn: Không có tâm trụ trước, lắng bặt thanh tịnh, chân minh vô lậu trí nhờ đây tự phát hiện, tự nhiên đoạn hoặc chứng chân.

Ba môn đầu thuộc định, ba môn sau thuộc tuệ.

[375] Theo Đại Bát Niết-bàn Kinh Huyền Nghĩa, quyển thượng. Chữ y gồm ba điểm hợp thành, xếp thành hình tam giác có đỉnh nhọn quay xuống dưới, cho nên thường được dùng để ví với "chẳng một, chẳng khác, chẳng trước, chẳng sau". Chữ y do đó được dùng để ví cho ba đức của Niết-bàn là pháp thân, bát-nhã và giải thoát. Ba đức này hợp thành thật nghĩa của Niết-bàn như chữ y do ba điểm hợp thành, mà ba điểm này tách rời không thành chữ y cũng như không thể nào tìm Niết-bàn ngoài ba đức này. Ngoài ra, chữ y còn được dùng để ví với tam Bồ-đề (thật tánh, thật trí, phương tiện) hoặc tam Phật tánh (chánh nhân, liễu nhân, duyên nhân), hoặc tam bảo, hoặc tam đạo (khổ, phiền não, nghiệp) v.v..

Thư nhận được đầy đủ, bưu phiếu 10 đồng đã nhận được rồi, đợi sau này sẽ châm chước gởi các loại sách cho ông. Vãng sanh Tịnh độ cố nhiên quý ở chỗ tu lâu dài, nhưng điều quan trọng là chí nguyện quyết định chẳng thay đổi. Kẻ suốt đời niệm Phật mà tâm thường mong cầu phước báo trời người dẫu có tinh tấn, nhưng vì tâm nguyện vẫn còn lưu luyến cõi Sa-bà này, làm sao có hy vọng sanh về Cực Lạc cho được? Vì thế, biết tín nguyện thật sự là căn cứ lớn lao để chúng ta vãng sanh Tây Phương.

Cảnh tượng lúc Trương Đức Du lâm chung rất tốt, một là do chính ông ta có chí hướng quyết định, hai là vì được mọi người trợ niệm, may mắn không bị ai phá hoại chánh niệm. Hạng người này công hạnh rất cạn, nếu không được trợ niệm, lại còn có kẻ phá hoại, sẽ không hy vọng gì vãng sanh được. Lâm chung trợ niệm rất tốt, nhưng trong lúc bình thường cần phải đem lợi ích của trợ niệm khi lâm chung, họa hại do phá hoại chánh niệm, nói với hết thảy mọi người, khiến cho các con cháu quyến thuộc đều giúp đỡ ta, chẳng đến nỗi phá hoại. Thỉnh người khác trợ niệm thì có khi họ không có sức để làm được, nếu quyến thuộc biết tường tận lợi ích của việc trợ niệm thì có lợi lớn lắm!

314. Thư trả lời cư sĩ Hạng Trí Nguyên

Nhận được thư, biết ngôn hạnh vẫn chẳng lui sụt, an ủi lắm! Cuốn Nhật Ký Tu Trì rất hay, ông Đào Tụng Minh ở Vô Tích lập hơn một trăm liên xã, tặng cho mỗi người một cuốn. Mỗi cuốn là 12 trang, ghi rõ các ngày, dưới mỗi ngày đều ghi kinh, chú, Phật hiệu (nữ nhân có mười tám, mười chín người ghi danh, nam nhân chỉ có mười một, mười hai)[376]. Ở đây do nhiều người nên không thể ghi ra tường tận được. Lập biểu đồ theo hàng ngang, dưới mỗi ngày để ra mấy dòng để ghi thì cũng là pháp phương tiện để dẫn dụ người khác tinh tấn. Lời thuật duyên khởi được khắc ở đầu cuốn Nhật Ký Tu Trì khá hữu ích.

Đối với câu hỏi về "giác hải" (biển giác) được nêu ra trong sách Nhập Phật Vấn Đáp, nếu luận trên mặt gốc thì một còn chưa thể được, nói chi đến vô lượng! Nếu ước theo lợi ích thật sự khác biệt do thọ dụng từ biển giác qua những gì đã chứng được và chưa chứng của mỗi người thì cũng chẳng thể nói là "chỉ một không hai" được[377]. Ví như hư không vốn không có hai, do những vật có tánh

[376] Đây là một hình thức khích lệ tu trì. Nhật Ký Tu Trì ghi những điều phát nguyện tu trì của các liên hữu trong liên xã. Mỗi trang là một tháng, ghi rõ trong mỗi ngày trong tháng ấy, ai phát nguyện tụng bao nhiêu biến kinh nào, niệm bao nhiêu biến chú nào đó, hoặc niệm bao nhiêu câu Phật hiệu.

[377] Ý nói: Xét đến rốt ráo về mặt bản thể thì giác ngộ chỉ là một, sự giác ngộ rốt ráo của Phật và chúng sanh giống hệt như nhau không hai, không khác nên nói là "một còn chưa thể được", tức là không còn phân biệt, đối đãi nên ngay cả sự giác ngộ cũng không thấy có. Hay nói cách khác, không thấy có sự giác ngộ của Phật và của chúng sanh nên nói "một còn chưa thể được". Nếu xét theo mặt sự, tùy trình

chất ngăn ngại xen cách nên trở thành chỗ này, chỗ kia khác biệt, nhiều khôn kể xiết. Nếu bỏ những thứ có tánh chất gây ngăn ngại đi, sẽ trở lại tình trạng không có đây kia. Tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do chúng sanh mê chưa ngộ, đủ mọi thứ chấp trước, nên trong một biển giác thành ra ngăn cách, trở ngại, biến thành biển nghiệp. Đoạn sạch được phiền não, giống như dẹp sạch mọi vật có tánh chất gây ngăn ngại, sẽ thành "hư không chẳng hai". Vì thế kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí tuệ. Lực vô úy diệc nhiên"* (Mười phương chư Như Lai cùng chung một pháp thân, một tâm, một trí tuệ. Lực, vô úy cũng thế). Ba pháp "tâm, Phật, chúng sanh" không sai biệt, cái sai biệt chính là tướng huyễn vọng, chứ không phải là bản thể.

Người đời sau đông đúc là do sanh sôi đông đảo, chứ không phải do trì ngũ giới, gieo thiện căn mà đông. Cổ nhân nói: *"Nhất nhân sanh nhị nhân, thập thế nhất thiên đinh"* (Một người sanh hai người, mười đời thành ngàn kẻ), sao không nhiều cho được? Phật dạy "thân người khó được"; trong khoảng rộng một thước từ mặt đất cho đến tận trời, những chúng sanh trong ấy nhiều hơn số người trong *tứ thiên hạ*. Có những chúng sanh từ ác đạo thoát ra, do từ thiên giới giáng xuống, chẳng biết là bao nhiêu. Xưa kia con người ít ỏi là vì duyên để sanh trưởng ít ỏi, nay con người đông đúc là do duyên để sanh trưởng nhiều. Chớ nên nói: "Do con người nhiều hơn xưa, tức là vì hiện thời có nhiều người trì giới mà được nhiều như thế!" Chẳng biết những loài trùng nhỏ xíu noãn - thai - thấp - hóa trong lục đạo nhiều vô lượng. Huống chi còn có những chúng sanh trong quỷ đạo ư? Huống chi còn có kẻ ở trong địa ngục nữa? Vì thế mới nói: *"Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng"* (Phật xem một bát nước, tám vạn bốn ngàn trùng). Sao ông lại mang tri kiến lệch lạc như thế?

Quang già rồi, trong khoảng xuân - hè năm nay còn có mấy thứ sách cần phải in. Ngày 23 sẽ xuống núi qua Thượng Hải, ngụ tại chùa Thái Bình, đến tháng 6 trở về núi ở hết hè, tháng 7 lại xuống núi chẳng trở về nữa. Tháng 8, tháng 9, việc in sách kết thúc liền diệt tung tích, ẩn náu lâu dài. Do mấy năm qua, hằng ngày chỉ bận bịu thù tiếp thư từ, gần đây tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều. Nếu chẳng đi theo một đường lối khác thì chưa bận tới chết sẽ trọn không có lúc nào ngớt được, vô ích cho người, tổn hại cho mình, há chẳng đáng buồn lắm ư? Không có chuyện gì thì chẳng cần phải gởi thư đến. Mấy tháng tới

---

độ tu chứng, căn cơ, chấp trước, mức độ đoạn phiền não của mỗi người mà thấy sự giác ngộ có nhiều từng cấp, nhiều đến vô lượng nên gọi là "biển giác".

đây tôi đều ở tại chùa Thái Bình nơi bến Trần Gia, Thượng Hải. Tới tháng 8, tháng 9, sẽ không nói được địa chỉ nhất định nào!

315. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Xước

Lệnh từ pháp danh là Đức Ý, thứ từ[378] pháp danh là Đức Trinh. Ý (懿) có nghĩa là đức tốt đẹp, có thể ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, làm bậc thầy khuôn mẫu cho chốn khuê các thì mới là Đức Ý. Trinh (貞) có nghĩa là "kiên định, chẳng thể chuyển dời". Thủ tiết gọi là Trinh, thì đấy là cái Trinh nhỏ nhoi; nhất tâm niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây Phương, mặc cho tri thức dạy tu các pháp khác đều chẳng đổi chí này thì mới gọi là Đức Trinh. Hãy nên nỗ lực tu trì hòng thoát được đời ác ngũ trược này. Nếu không, nỗi khổ đời sau chẳng nỡ nói cặn kẽ được! Cả nhà hãy nên ăn chay niệm Phật để đề xướng pháp môn Tịnh độ tại Thanh Hải.

Niệm Phật mà hết sức mong mỏi được ở nơi nào vắng lặng thì chẳng hợp lẽ cho lắm. Có căn bệnh sợ ồn ấy, nay đã phát hiện tướng bệnh rồi. Nếu vẫn cứ như thế, lâu ngày về sau sẽ không có thuốc nào chữa được. Hãy nên đối với ồn ào hay lặng lẽ đều cảm thấy như nhau, đang tịnh cũng chẳng sợ náo nhiệt xảy tới, trong lúc náo nhiệt tâm ta vẫn yên tịnh, chẳng sanh chán ghét, sẽ chẳng phát sanh ma sự "kinh sợ, nhàm chán". Nếu chẳng gấp sửa đổi, sau này sẽ phát cuồng. Niệm Phật mà sanh lòng đau thương thì cũng là tướng lành, nhưng chớ để thường xuyên như thế, nếu thường để như thế ắt sẽ bị ma đau buồn dựa vào. Ma đau buồn đã dựa vào thì sẽ suốt ngày đau buồn, hoặc đến nỗi chết đau đớn. Những tình huống này đều là do chẳng khéo dụng tâm mà ra. Đỉnh đầu đau ngứa là vì căng thẳng tinh thần quá mức, tâm hỏa bốc lên mà ra. Hãy nên nhất tâm tịnh niệm, tuyên nói với khắp cả làng, thường niệm ở chỗ đông người thì chẳng mấy chốc những chuyện kinh sợ, đau lòng, ngứa ngáy sẽ bị tiêu diệt.

316. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Tài

Nếu quả thật đúng như ông đã nói thì em trai ông chắc chắn vãng sanh. Song thân ông hãy nên sanh lòng vui mừng lớn lao, nhất tâm niệm Phật, cầu mau được vãng sanh. Cõi Sa-bà này là thứ địa ngục sống đủ muôn điều ác không có cách gì để thoát khỏi được, hãy nên nghĩ: Con cái đã nêu gương sanh về Tây Phương ngay trong đời này, ta vẫn chẳng nhất tâm niệm Phật để theo con ra đi, cứ muốn ở lại làm người trong thứ địa ngục sống đủ muôn điều ác này; sao mà chẳng biết tốt xấu đến tột cùng như thế? Xin hãy đưa lời lẽ này cho song thân ông đọc, ông

[378] Lệnh từ: tiếng gọi mẹ của người khác với ý kính trọng.
Thứ từ: Mẹ kế.

cũng nên tùy duyên sống qua ngày chuyện gì bỏ qua được thì bỏ qua, đừng lo sầu trước để rồi bị tổn hại, chẳng ích lợi gì đâu!

(Ngày 12 tháng 4 năm Dân Quốc 29 - 1940)

317. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Cầm Tiều

Ông tuổi đã sáu mươi lăm, đã hai lần thọ giới mà vẫn chưa ăn chay, tức là chỉ biết vị ngon của thịt, chẳng biết mối họa khốc liệt của thịt. Lúc ăn tuy ngon, thử nghĩ đến nỗi khổ lúc phải đền trả, ắt sẽ chẳng nuốt xuống được! Nay ông đừng ăn mặn nữa, hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh; tuổi thọ đã tận liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với sanh lên trời làm thiên đế, thiên vương còn cao trỗi hơn vô lượng, vô biên lần. Bởi lẽ, phước trời sẽ có lúc hết, nên cần phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương sẽ tấn tu dần dần, quyết định thành Phật, chớ nên sợ chết. Hễ có bệnh liền nguyện vãng sanh, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được chóng lành.

Nếu sợ chết chỉ cầu lành bệnh thì tuổi thọ đã hết vẫn phải chết, quyết khó được vãng sanh! Khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho người ta thành Phật, ông chớ nên vì tri kiến phàm phu của chính ông mà sanh lòng ngờ vực chẳng tin. Quang nghĩ ông đang bệnh nên tâm không yên, cầu Quang cứu ông, nên mới nói với ông lời này. Nếu vẫn không tin thì Phật cũng chẳng thể cứu được ông đâu. Vì sao vậy? Những gì Quang vừa nói vốn lấy từ những lời Phật đã dạy trong kinh, chẳng qua trích lấy ý nghĩa để nói đại lược mà thôi, đừng tưởng rằng Quang bỗng dưng bịa chuyện. Sau khi ông lành bệnh rồi, hãy nên đọc khắp các kinh điển Tịnh độ sẽ tự biết rõ. Nếu sanh về Tây Phương thì mỗi điều sẽ được chứng minh, Quang chẳng lừa dối ông.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Minh, nghĩa là dùng Phật huệ để thấu hiểu giáo lý hòng tu pháp môn Tịnh độ. Đức Phật nói hết thảy pháp môn tuy cao sâu huyền diệu, viên đốn, thẳng chóng, nhưng đều phải đoạn sạch phiền hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu đoạn chưa sạch thì vẫn chẳng thể liễu được; huống hồ kẻ hoàn toàn chưa đoạn được ư? Chỉ có pháp môn niệm Phật cậy vào Phật từ lực, nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, không một ai chẳng được vãng sanh; nhưng kẻ niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh lại ít là vì ngu si vô tri chỉ cầu phước báo trời người trong đời sau, hoặc chẳng sanh lòng hổ thẹn, thường làm chuyện bất hiếu, chẳng từ, bất trung, bất nghĩa v.v. là vì tâm trái nghịch với Phật mà ra. Lỗi ở nơi chính mình, nào phải Phật chẳng từ bi.

Nếu trước khi người ấy chưa phát tâm niệm Phật từng làm các điều ác, nay đã niệm Phật hãy nên sanh lòng hổ thẹn lớn lao, thống thiết sửa đổi lỗi trước thì cũng có thể quyết định vãng sanh. Phật coi chúng sanh hệt như con ruột, nhưng con cái chẳng nghe lời cha mẹ dạy, cha mẹ cũng chẳng làm sao được. Chúng sanh nếu chịu sửa lỗi hướng thiện niệm Phật, chắc chắn lúc lâm chung sẽ được Phật rủ lòng đích thân tiếp dẫn.

318. Thư trả lời cư sĩ Nghê Văn Khanh

Đọc lá thư ông gởi cho thầy Diệu Chân, biết ông không thể ăn cơm, chỉ ăn được cơm lúa mạch hay mạn đầu. Chưa đáng coi là bệnh, sao lại phải cầu thuốc Tây, thuốc Tàu trị bệnh? Ông nói mỗi ngày tụng kinh Địa Tạng một cuốn, nay lại muốn thầm đọc kinh Pháp Hoa một cuốn. Nếu tinh thần sung túc thì được; nếu không, hãy chuyên lấy Phật hiệu để thay thế cho kinh, sẽ đỡ tốn tâm lực nhiều lắm. Quyến thuộc trong nhà ông vẫn muốn ông ngả mặn, đáng gọi là "si dại đến cùng cực"! Ông vẫn cần phải nghiêm túc răn nhắc họ về lợi ích do được trợ niệm lúc lâm chung và những họa hại vì tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi trở thành thể hiện lòng hiếu kiểu "tình yêu của la-sát nữ" thì ông lẫn họ đều mắc họa thật sự. Chuyện này phải thường nói cho họ nghe quen tai.

Hiện thời ông hãy bảo con cái, dâu, cháu sớm tối bầu bạn niệm Phật với ông, niệm đã quen thì mới hòng nhờ cậy họ trợ niệm khi lâm chung. Nếu không, theo như lời Vương Thiếu Hồ, Chu Thạch Tăng đã kể, sợ họ sẽ do một niềm hiếu tâm mà phá hoại chánh niệm của ông: Họ chẳng làm chuyện "đẩy xuống giếng rồi lại còn hè nhau vần tảng đá to quăng xuống", quyết chẳng cam tâm! Con hiếu cháu hiền trong thế gian nếu chẳng biết Phật pháp thì trong ngàn người trọn chẳng có một ai không hiếu thuận kiểu đó. Điều này trọn chẳng khác gì la-sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi." La-sát nữ do yêu thương mà ăn thịt, coi đó là tình yêu thật sự. Quyến thuộc vô tri do hiếu thảo mà buộc ông ngã mặn, do lòng hiếu mà tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho người sắp qua đời hoàn toàn mất chánh niệm, vứt sạch công lao niệm Phật. Vốn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, nhưng những hành động vô tri ấy ắt sẽ khiến cho thánh cảnh đã hiện lại bị diệt mất, lại còn khiến cho người đã khuất phải đọa trong ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì mới chịu dừng tay. Đấy chính là lòng hiếu lớn lao đặc biệt của quyến thuộc vô tri.

Ông Trần Phi Thanh sắp chết, con trai ông ta gởi thư đến, Quang nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung và họa hại do phô trương bày vẽ. May là con ông ta làm theo lời Quang bảo, nên ông ta mất rất tốt đẹp. Ba ngày trước khi ông

ta mất, họ nhận được thư Quang, khi ấy thần thức ông ta đã không còn tỉnh táo nữa, thường nói sảng. Trong thư Quang gởi đến có kèm theo một ít tro hương đã được gia trì bằng chú Đại Bi, họ liền pha nước cho ông ta uống, thần thức liền sáng suốt. Họ bèn trợ niệm cho ông ta. Ông ta còn lần chuỗi niệm theo, niệm đến khi đã tắt hơi một lúc lâu mà tay vẫn còn lần chuỗi. Quang cũng bảo con ông ta: "Những kẻ hiếu thảo với cha mẹ trong cõi đời quá nửa đều giống như lòng yêu thương của la-sát nữ. Nếu các vị chịu làm theo lời tôi thì mới là lòng hiếu thật sự!" Lời Quang nói rất khích liệt, nên hai đứa con ông ta cũng khá cảm động. Nay tôi lại muốn cho con cái dâu cháu của ông đều giống như hai người con ông Trần Phi Thanh nên mới lược thuật như trên.

Bệnh của ông chẳng cần biết nặng nề đến đâu, hãy uống nước pha bằng tro hương chắc sẽ được lành. Nếu chẳng lành, cần gì cứ nhất định phải ăn cơm? Cháo lúa mạch so ra bổ dưỡng hơn cháo gạo, mạn đầu[379] là thứ người phương Bắc ăn thay cơm mỗi ngày, há đáng để bận tâm ư? Đối với chuyện phát nguyện cầu lành bệnh, chắc sẽ được như nguyện. Dẫu không được như nguyện, cũng chớ nên đâm ra si dại cố cầu; chỉ sợ đâm ra bị tổn hại, vô ích! Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm. Chuyện thế gian mỗi mỗi đều toàn thân buông xuống hết. Nếu quyến thuộc của ông giống như con ông Trần Phi Thanh, ông sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu có ý niệm sanh trong cõi trời cõi người thì Tây Phương sẽ chẳng có phần đâu, bởi lẽ tâm sanh tử đã quá sức thuần thục, một sức nhỏ như mảy lông ấy vẫn có thể cự lại cái tâm liễu sanh tử nặng ngàn cân. Viết ra điều này để xin ông sáng suốt suy xét!

(Ngày 14 tháng 10 năm Dân Quốc 27 - 1938)

319. Thư trả lời cư sĩ Long Trí

Đọc thư ông gởi tới, biết những người có đủ chánh tri kiến trong cõi đời quá sức là ít. Lại biết, có người đề xướng thì những ai đã có thiện căn từ đời trước đều được mở mang chánh tri kiến. Ông từ Đồng Thiện Xã thoát ra, lại dự vào Kim

[379] Mạn đầu (thường được biết dưới tên gọi màn thầu) là một thứ bánh bao không nhân, có hình dáng như một miếng bột cuộn tròn lại, thường dùng để ăn như cơm hằng ngày ở Hoa Bắc. Từ thời Xuân Thu, người Hoa đã lấy lúa mì cho lên men, vo tròn lại đem hấp ăn, gọi là di thực. Đến thời Hán, do đã có cối xay, lúa mì được xay thành bột, mới phổ biến lối làm bánh bằng bột mì. Tương truyền mạn đầu do chính Gia Cát Lượng (Khổng Minh) chế ra khi đem quân vượt sông Lô Thủy để đánh Mạnh Hoạch. Theo sự mê tín thời đó, hễ đại quân vượt sông phải dùng đầu người tế thủy thần để xin phép. Gia Cát Lượng liền sai quân lính vò bột mì ủ men thành bánh bao, bên trong nhồi thịt heo, ném xuống sông giả làm đầu người để lừa thủy thần. Do vậy bánh bao được gọi là mạn đầu (謾頭: mạn（謾）là lừa dối). Dần dần mạn đầu（謾頭）được viết thành mạn đầu（饅頭）và là từ ngữ để chỉ chung các loại bánh bao. Đến đời Tống, mạn đầu chỉ còn có nghĩa là loại bánh bao không nhân, còn loại có nhân được gọi là bao tử hoặc đại bao.

Đan Đạo[380], nếu chẳng gặp được kinh Phật thì suốt đời làm đạo sư của ngoại đạo, nguy hiểm thay, may mắn thay! Do xem kinh Phật, lại gặp pháp môn Tịnh độ, có thể nói là chẳng uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Nay lại làm cho cha mẹ và các quyến thuộc cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ, đáng gọi là "đại hiếu, tôn kính cha mẹ, chẳng thiếu lòng hiếu thảo" vậy.

Người quy y lần này tổng cộng là 34 người, ông phải bảo họ đều kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người học Phật phải chuyên chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, dùng những điều này để tự hành, lại còn đem dạy người, thì sống sẽ là học trò của hiền thánh, mất về cõi nước Như Lai. Hiện thời thế đạo đã loạn đến tột cùng, cội gốc là do mọi người chẳng nói đến nhân quả, vì thế trở thành cuộc đại loạn bậc nhất kể từ khi có trời đất tới nay.

Hiện thời, suy tính kế sách, bất luận là ai đều phải hiểu nhân rõ quả, hiểu rõ nhân quả sẽ chuyển tàn sát lẫn nhau thành duy trì lẫn nhau. Nếu không, cha mẹ có đại ân mà còn muốn giết, huống là những kẻ khác ư? Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, là diệu pháp để trị cả gốc lẫn ngọn." Tống Nho bài xích nhân quả luân hồi chính là phá cái đê để ngăn lụt mà muốn nước chẳng ngập trời, há có được chăng? Trong tháng 8, tháng 9, khi Văn Sao Tục Biên được in ra, sẽ gởi cho ông mấy bộ. So với lần trước, lần này có nhiều lời lẽ cứu khổ hơn.

(Ngày 26 tháng 7)

320. Thư gởi cư sĩ Trầm Bân Hàn

Thư ở Quý Châu, phiền ông giao cho pháp sư Đức Sâm, đợi khi nào thư ấy gởi tới sẽ gởi thẳng cho cư sĩ Phạm, đừng lo. Gần đây, một đệ tử đem toa thuốc trị bệnh sốt rét để chữa cho một người ở Thường Châu mắc bệnh sốt rét suốt một thời gian dài là 13 năm rưỡi, cũng trị một lần liền hết ngay. Vùng quê mắc bệnh này rất nhiều, xin hãy đăng dài hạn trên bán nguyệt san. Bài thuốc ấy chiếm chỗ

[380] Kim Đan Đạo có tên nguyên thủy là Tại Lý Hội, vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo, do Dương Lai Như sáng lập tại huyện Tức Mặc tỉnh Sơn Đông vào cuối đời Thanh, chủ trương "dung hợp tam giáo thành nhất thể", vay mượn giáo nghĩa của tam giáo, chủ yếu tu tập vận khí, luyện đan, ăn chay, kiêng rượu, cấm hút thuốc phiện. Giáo phái này mượn danh nghĩa tôn giáo nhằm lập hội kín chủ trương quy tụ nông dân để phản Thanh phục Minh. Năm Quang Tự 17 (1891), thủ lãnh Dương Duyệt Xuân đã lãnh đạo tín đồ phát động khởi nghĩa tại Bình Tuyền, Kiến Xương, Xích Phong v.v. thiêu hủy nhà thờ Thiên Chúa, đánh giết các giáo sĩ, đánh phá quân triều đình. Sau khi bị triều đình nhà Thanh đàn áp, phải rút lui vào hoạt động bí mật, đổi tên thành Kim Đan Đạo, rồi lại thịnh hành khi Dân Quốc thành lập.

không nhiều đâu, xin hãy đăng tải để mong cho người thấy kẻ nghe đều thoát lìa khỏi nỗi khổ vì bệnh sốt rét. Cũng như Một Lá Thư Trả Lời Khắp và lời thông cáo rộng khắp "Lúc sanh nở niệm Quán Âm, sữa độc giết trẻ con" đăng kèm sau cuốn Tức Tai Hội Khai Thị Lục, nếu có thể thường đăng sẽ cứu mạng trẻ thơ chẳng thể nào tính đếm được. Công đức ấy làm sao diễn tả cho được?

(Ngày 16 tháng 10)

321. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Hiện thời loạn trong giặc ngoài, dân không lẽ sống, nếu có thể giữ tấm lòng thành trừ bạo an dân, gìn giữ địa phương thì chính là "dùng quân sự để làm Phật sự". Đối với mình lẫn người đều có lợi ích lớn lao. Lại còn phải nên đem ý này răn nhắc, cổ vũ binh sĩ để ai nấy đều coi người khác như chính mình, mong sao họ được an lạc, thấy người khốn khổ lênh đênh như chính mình đang khốn khổ lênh đênh, xem cha mẹ người khác như cha mẹ của chính mình, muốn cho họ được yên vui; xem vợ con của người khác như vợ con của chính mình, chẳng dấy lên tà niệm. Con người sống trong thế gian chỉ mấy chục năm mà thôi, nếu buông lung làm càn, sẽ bao kiếp chẳng thể lại được mang thân người.

Thêm nữa, hãy thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát để mong ngầm được ngài che chở. Quân nhân nếu thường giữ tấm lòng lành, chẳng làm những chuyện ác như cướp bóc, gian dâm v.v., lại thường niệm Quán Âm, dẫu trong chốn rừng súng mưa đạn, cũng chẳng đến nỗi gặp nguy hiểm lớn lao. Nếu cứ làm càn những chuyện cướp đoạt, gian dâm v.v. sẽ khó thể nào được Bồ-tát gia bị. Xin hãy nói với hết thảy anh em binh sĩ về những điều này.

Nay tôi gởi cho ông một gói Tịnh Độ Thập Yếu, tổng cộng là ba bộ; một bộ tự giữ, hai bộ tặng cho người có tín tâm, thông hiểu văn lý, có lòng cung kính. Sách này chính là sách quan trọng nhất trong Tịnh tông, đọc lời tựa của Quang sẽ tự biết. Phật Học Cứu Kiếp Biên ba gói, Gia Ngôn Lục, Chánh Tín Lục, Một Lá Thư Trả Lời Khắp gộp thành một gói, tổng cộng là năm gói, xin hãy thu nhận. Vận nước nguy ngập, lòng người hoang mang, chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi của Phật và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để làm pháp duy trì thì con người sẽ chẳng khác gì cầm thú ăn nuốt lẫn nhau.

322. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ hai)

Hai lần nhận được thư nhưng không rảnh rỗi, lại không có chuyện gì quan trọng nên chưa trả lời ngay. Chắc ông đã nhận được sách Thập Yếu rồi, nay lại

gởi một gói Thập Yếu, một gói Phật Học Cứu Kiếp Biên, lần trước tôi đã từng gởi Cứu Kiếp Biên hay chưa? Cuốn hạ trong bộ sách ấy nơi dòng 11 trang 25 phần phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã bị thiếu tám chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na"* (giống như đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na hiện thời). Nếu chẳng thể chép thêm vào dòng ấy thì hãy nên chép thêm vào phía dưới hàng thứ hai, tức dòng *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) trong trang ấy thì văn lẫn nghĩa đều trọn vẹn. Ấy vốn là do cuốn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ do pháp sư Đế Nhàn biên soạn đã bị sót chữ, khi cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh dựa theo đó để viết lời chú giải đại lược, chưa đem sách ấy đối chiếu với chánh kinh. Khi Quang cho sắp chữ, giảo chánh, cũng chưa từng đem đối chiếu với kinh nên mới đến nỗi bị sai sót như vậy. Một gói Tâm Kinh Tân Sớ, một gói Sanh Vô Sanh Luận Sớ. Bốn loại sách này đều nên tặng cho những người thông hiểu văn lý, có tín tâm, có lòng cung kính. Sơ Cơ Tiên Đạo một gói, Tịnh Nghiệp Chỉ Nam một gói, Liễu Phàm Tứ Huấn một gói, Tây Phương Công Cứ một gói, Sức Chung Tân Lương một gói, tổng cộng là mười gói để giúp cho việc đề xướng.

Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì quan trọng thì đừng gởi thư tới. Quang tinh thần lẫn mục lực ngày một suy, thư từ các nơi gởi về ngày một nhiều, đúng là không có sức để chống đỡ. Ông đã tin được rồi thì hãy lấy Văn Sao v.v. để làm căn cứ tu trì. Nếu Văn Sao chẳng đáng làm khuôn phép thì Thập Yếu chính là những lời chư Phật, chư tổ tán thán, hoằng dương, hãy nên tuân thủ như trung thần vâng theo thánh chỉ của minh chúa, như con hiếu tuân theo di chúc của từ thân (cha mẹ hiền từ), chớ nên thấy lạ, nghĩ khác. Hiện thời lắm kẻ ăn nói lớn lối để dối đời, chẳng những chuyên ham luyến vợ đẹp thiếp xinh, lại còn chơi bời bừa bãi, no ứ rượu thịt, phóng túng không kiêng dè gì, mà vẫn tự xưng là bậc đại thông gia Bồ-tát ứng thế, hủy báng người ăn chay trì giới là Tiểu thừa, mặc tình phô phang tri kiến cuồng vọng khắp nơi, gây rối loạn cho sự thấy nghe của người khác. Cũng có nhiều gã mù quáng, ngỡ lũ đó nói chuyện huyền diệu, liền trỗi giọng phụ họa. Đúng là "kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa", chẳng đáng buồn sao? Mong ông hãy sáng suốt suy xét, đừng bị mê hoặc thì may mắn lắm thay!

323. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ nhất)

Hai chữ "hợp thập" (chắp mười ngón tay) chớ nên dùng, vì quy y tam bảo Phật pháp tăng há nên chỉ dùng chắp mười ngón tay làm lễ? Do ông không biết, nên tôi mới nói riêng. Quang già rồi, hiện đang nằm bệnh mấy ngày, nay hơi khỏe đôi chút. Từ nay chớ nên gởi thư tới nữa, bởi không có mục lực lẫn tinh thần thù tiếp vậy!

324. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ hai)

Khế (契) có nghĩa là "phù hợp, chẳng khác", giác (覺) chính là "vô thượng giác đạo được chứng bởi Phật". Hiện thời dùng tâm Bồ-đề tự lợi lợi tha để tín nguyện niệm Phật, niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, sẽ khế hợp với giác đạo của đức Phật đã chứng. Vì thế, chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm có câu: "Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ đến phương tiện, tâm tự được mở mang, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm." Đấy chính là ý nghĩa của *khế giác*.

Ông nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật mới biết được. Nếu học theo phường căn tánh kém hèn, còn chưa thể chân thật niệm Phật mà cứ muốn khai ngộ ngay, thì muốn khế giác đâm ra lại nghịch giác! Do niệm Phật đến mức cùng cực sẽ tự được khai ngộ. Khai ngộ rồi càng phải sốt sắng niệm. Thứ tri kiến kém hèn coi niệm Phật như chuyện thừa thãi ấy, cứ tưởng "hễ ngộ là đắc đạo rồi"; nếu ngộ rồi mà trọn chẳng cần phải tu để liễu thoát nữa thì sẽ trở thành "khế mê" chứ không phải "khế giác"!

Từ nay về sau không được gởi thư đến nữa, vì tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy. Nay lại gởi cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Kinh Nghiệm Dược Phương để giúp cho việc tự lợi lợi tha. Toa thuốc trị bệnh sốt rét không ai chẳng được trị lành, dù người bị bệnh sốt rét lâu từ hai ba năm cho đến mười mấy năm, cũng trị một lần liền lành. Năm nay, một đệ tử trị cho một người mắc bệnh sốt rét suốt 13 năm rưỡi cũng một lần trị liền lành.

325. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phổ Tịnh

Thư gởi đến nhận được đầy đủ. Nên biết rằng, Phật pháp đầy đủ hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Trước kia, bọn Lý học chê trách Phật pháp "vứt bỏ luân lý để giảng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi", quở rằng: "Không cha, không vua, dối đời, lừa dân!" Dùng ngay những lời lẽ ấy để luận thì chẳng những bọn chúng (bọn Lý học) không biết những nghĩa lý tinh thâm của Phật pháp, mà ngay cả những sự tướng thô thiển trong Phật pháp chúng cũng chưa hề biết đến. Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Luân lý thế gian chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào! Nhân quả tỏ rõ sự luân hồi trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ rõ sáu đường "trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục". Nếu có thể đem lý

ấy để hướng dẫn dân, giáo hóa cõi tục, vẫn chẳng có ích lợi lớn lao cho đạo của nhị đế, tam vương[381], Chu, Khổng hay sao?

Bọn họ ghen ghét Phật pháp như thù, hận chẳng thể làm cho cả nước không còn dấu tích, tiếng tăm Phật pháp nữa, bèn tự kiêu căng khoe mình có trí, bảo Phật là ngu, đặc biệt coi những lời lẽ về nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi là lời lẽ để làm cho bọn ngu tục bị mê hoặc, ngu xuẩn. Rốt cuộc những kẻ tập theo những thuyết ấy đều coi nhân quả luân hồi là không có căn cứ. Đối với sự thực, căn cứ để dạy người chánh tâm thành ý, bọn chúng hoàn toàn vứt bỏ, giữ suông lời lẽ chánh tâm thành ý để hoằng truyền xiển dương đạo Nho. Người bậc thượng may ra còn có thể chánh tâm, thành ý, nhưng do hễ chết rồi sẽ vĩnh viễn diệt mất nên cũng chẳng thể phát tâm thực hiện lớn lao. Kẻ căn cơ trung hạ thì do tưởng rằng hễ chết rồi bèn vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt cũng đều chết ráo, cần gì phải tuân theo mực thước, chịu bị trói buộc oan uổng ư? Do vậy buông lòng thả chí làm theo lòng ham muốn.

Chất độc ấy đã ẩn ngầm gần một ngàn một trăm năm, lại thêm gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đua nhau đề cao văn minh vật chất, nên hết thảy những vở thảm kịch cậy mạnh hiếp yếu, thảm não thiếu hẳn đạo làm người thảy đều diễn ra. Xét đến gốc họa, đều do bọn Lý học đả phá nhân quả luân hồi mà nên nỗi! Học thuyết lầm lạc gây họa khốc liệt hơn nước lũ, mãnh thú, khiến cho dân đen nước ta phải chết vì đao binh, đói kém, cai trị hà khắc, thổ phỉ, trộm cướp, chẳng thể kể xiết. Những ai may mắn giữ được cái mạng thừa, cũng hứng chịu nỗi đau đớn nước sâu lửa bỏng, chẳng đáng buồn ư?

Nay muốn tự lợi, lợi người, yên thân, yên đời, hãy nên bắt đầu bằng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trong là gia đình, ngoài là người đời, đều dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi để khuyên chỉ, khiến cho ai nấy đều tu nhân lành hòng hưởng quả vui, sợ quả khổ để dứt nhân ác. Như vậy thì con em trong gia đình chẳng đến nỗi thành phường thổ phỉ, trộm cướp; làng, ấp, xã hội sẽ dần dần khôi phục lễ nghĩa, nhân nhượng, phong tục thuần phác. Đây mới chỉ là nói đến lợi ích của Phật pháp về chuyện thế gian.

Đối với lẽ xuất thế, cũng vẫn phải lấy những điều này làm gốc, nhưng phải nên sanh lòng tin, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì ai nấy đều tu được, ai nấy đều được hưởng lợi ích thật sự. Đấy chính là một pháp đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, phàm thánh cùng tu. Ngu phu, ngu phụ đều có

[381] Nhị đế tam vương: nhị đế là Đế Nghiêu, Đế Thuấn; tam vương là vua Đại Vũ nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương và Văn Vương nhà Chu.

thể dự vào, mà đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể vượt ra ngoài được. Nếu có thể sanh được lòng tin nơi pháp này, dẫu nghiệp lực phàm phu cũng có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Nếu chẳng sốt sắng tu trì nơi pháp này, đối với hết thảy các pháp do đức Như Lai đã nói, tu theo một pháp hoặc kiêm tu các pháp hòng liễu sanh tử, đừng nói chẳng thể liễu ngay trong đời này, dẫu trải qua trăm ngàn vạn đời hay trăm ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được, khó khăn hơn tu pháp môn niệm Phật nhiều lắm! Vì sao thế? Vì một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương chuyên cậy vào Phật lực, chỉ cần chính mình có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì thánh hiệu của Phật thì lúc lâm chung quyết định được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hết thảy các pháp môn khác ắt cần phải tu cho đến khi nghiệp tận tình không mới có thể liễu thoát sanh tử. Nếu không, mặc cho ông công phu sâu đậm, công đức lớn lao, nếu phiền não còn sót mảy may chưa tận thì vẫn chẳng thể thoát ra ngoài lục đạo luân hồi được. Đem chuyện dùng tự lực để liễu sanh tử so với cậy vào Phật lực để liễu sanh tử thì sự khó dễ vời vợi hệt như một trời một vực.

Ông may mắn sẵn có thiện căn từ đời trước nên có thể sanh lòng tin nơi pháp môn này, nhưng cần phải lập trọng thệ sâu xa, quyết chẳng bị thuận theo kinh điển hay ngôn giáo của những tri thức khác mà bỏ pháp môn này tu theo pháp khác, ngõ hầu chẳng phụ túc căn và duyên hiện tại. Nếu đọc các kinh Đại thừa, thấy nghĩa lý sâu xa, huyền áo, hoặc thân cận tri thức thuộc các tông Thiền, Giáo, Luật, Mật, nghe họ nói những điều thân thiết liền coi niệm Phật là tầm thường, coi những pháp ấy mới là lạ lùng, đặc biệt, bỏ pháp này, tu pháp kia, sẽ giống như con thơ bỏ cha mẹ, bệnh nặng bỏ lương y, muốn được thành người, lành bệnh, há có được chăng? Ông đã đọc Văn Sao, sao chẳng chú tâm thấu hiểu, suy xét? Sao lại có sáu thứ nghi vấn như sau:

1. “Phật tức là tâm, tâm tức là Phật” chính là ước theo bản thể của tâm chúng ta mà nói. Do có vô lượng vô biên phiền não hoặc nghiệp, nên cần phải nhờ vào sức đại từ bi gia bị của A-di-đà Phật là đấng đã hết sạch hoặc nghiệp, phước tuệ viên mãn, có đại thệ nguyện để được vãng sanh, rồi tu tập dần dần cho đến khi rốt ráo đích thân chứng được “tâm này là Phật” mới thôi. Ông cho rằng đã là Phật thì cần gì phải niệm Phật ư? Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy sẵn đủ quang minh chiếu trời soi đất, nếu chẳng đổ công chùi mài, dẫu trải cả kiếp cũng chẳng có lúc tỏa ánh sáng được. Hiểu lầm chữ “tức thị” (tức là) họa khôn kể xiết!

Còn như ông Hứa Chỉ Tịnh nói “chư Phật không có thân, nhưng bát-nhã quả thật là mẹ” thì có nghĩa là “chư Phật từ trí tuệ mà sanh”. Trí tuệ đứng đầu lục độ,

nêu lên trí tuệ thì không độ nào trong lục độ chẳng trọn đủ; sự nghiệp, công phu tu trì há dễ dùng bút mực để giảng rõ được ư? Ông hãy thiết thực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận như đã nói trong phần trước, rồi sốt sắng thực hành pháp tín nguyện trì danh như đã nói trong phần sau, chắc chắn sẽ nguôi ngoai được ý niệm lo buồn "đời người vô thường, sanh tử khó liễu" của ông. Nếu chỉ chấp trước một hai điều thuộc về lý tánh, coi sự tu là chuyện nhọc công uổng sức; sợ rằng mai sau vẫn phải vĩnh viễn đọa trong ác đạo, suốt cả kiếp chẳng có lúc được nghe những tên gọi như trời đất, cha mẹ. Chẳng đáng dự phòng, tu hành cẩn thận ư?

2. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương cũng được vãng sanh Tây Phương, nhưng chớ nên bảo "cần gì phải niệm A-di-đà Phật!" Bởi lẽ, Quán Âm chính là vị phù tá đức A-di-đà Phật, Phật Di-đà là chủ, Quán Âm là khách; Phật Di-đà như quốc vương, Quán Âm như trủng tể (người đứng đầu các quan). Khéo hiểu ý nghĩa, ắt chẳng trở ngại gì!

3. Nhiều kiếp chẳng thể thành Phật là do tu pháp môn tự lực. Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh độ dẫu lâm chung mới được nghe mà có thể sanh lòng tín nguyện rồi niệm, liền được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Huống là trước khi lâm chung đã tu sẵn ư?

4. Đàn cầu cơ phần nhiều do linh quỷ dựa vào, Ngọc Tiên là một vị tiến sĩ nhưng tri kiến hèn tệ chẳng thể nào diễn tả được, những gì ông ta tuyên truyền nào đáng để nhắc đến ư?

5. Lúc trì Phật hiệu, tạp niệm tơi bời, đấy chính là hiện tượng lắm tri nhiều kiến, tâm không có chánh niệm. Muốn cho hiện tượng ấy chẳng xuất hiện thì chỉ chuyên tâm đau đáu nghĩ chính mình sắp chết, chỉ sợ đọa ngay vào ác đạo, dốc chí niệm Phật, chẳng khởi lên những ý niệm khác, lâu ngày sẽ được trong lặng.

6. Ăn chay không khó, hễ miệng bụng tham muốn thì sẽ khó ăn chay. Tam tịnh nhục và "thịt bên cạnh rau" chính là pháp được lập ra cho kẻ hạ căn. Xin ông hãy sáng suốt suy xét.

326. Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng (đính kèm thư gởi đến)

Thư gởi đến:

Đệ tử nghiệp chướng sâu nặng, bẩm tánh ngu độn, tối tăm, may được nghe pháp môn Tịnh độ, được quy y dưới tòa, chỉ khăng khắng tuân lời thầy răn thật thà niệm Phật để mong sớm liễu sanh tử, chẳng phụ lòng thầy đau đáu. Phàm đã

là Phật tử, phải nên phát tâm tự độ, độ người. Nay lũ đệ tử chúng con chưa thể tự độ, sao nói chuyện độ người cho được? Nhưng gặp thân hữu liền dùng phương tiện khuyên họ tin tưởng cũng là chuyện thuộc bổn phận. Nhưng thường có hai loại người kiến giải lẫn lời lẽ đều là tự lầm, lầm người, thật chẳng ít ỏi! Một là loại nói: "Phật không có dục. Những thứ vàng, báu như kinh A-di-đà đã nói vẫn giống như dục, chẳng giống như kinh Kim Cang dạy 'hết thảy đều không' cao siêu, huyền diệu hơn. Do vậy, họ miệt thị pháp môn Tịnh độ, chẳng sanh lòng tin. Đấy là vì họ chẳng biết ý nghĩa của hai kinh Di-đà và Kim Cang, chỉ thuận theo ý mình nói bừa.

Một loại nói: "Phật đã dạy người thấy thấu suốt hết thảy, sao chính mình lại ngược ngạo nẩy sanh thứ tham dục này?" (Chỉ những thứ vàng, báu được nói trong kinh A-di-đà). Chúng ta sao lại khổ sở bỏ đi những gì có thật trước mắt để mong cầu những thứ mờ mịt nơi thân sau?" Đây chính là kẻ tà kiến, chấp trước, mặc tình báng Phật, báng pháp. Hai hạng này tuy phẩm vị có cao thấp nhưng tà kiến đều hệt như nhau, đều tự lầm, lầm người hệt như nhau. Bọn đệ tử chúng con tận lực bảo họ những cảnh giới Tây Phương đều do công đức của A-di-đà Phật hóa hiện thật tướng trang nghiêm, là quả báo phước đức tự tại hưởng dụng, khác hẳn những thứ do nghiệp lực tạo thành trong đời ác ngũ trược. Huống chi, tất cả mọi thứ trong Sa-bà đều khổ, không, vô thường, vì thế phải nên vứt bỏ để cầu lấy thật tế. Nhưng lời lẽ của kẻ ngu muội như chúng con dẫu chẳng trái chánh lý, trọn chẳng thể khơi gợi chánh tín cho họ được. Kính nghĩ tất cả ngôn luận của thầy như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, không tối tăm nào chẳng chiếu tỏ, dám xin thầy giảng giải mấy lời để phá thứ tà kiến ấy.

Thư gởi đi:

Hai thứ tà kiến được nói trong thư gởi đến chính là "đem tri kiến phàm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai". Khổng tử gọi đó là "hiếu hành tiểu huệ"[382], Mạnh tử thì gọi là "tự bạo, tự khí"[383]. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận. Nhưng đức Phật lòng từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có

[382] Đây là một câu nói trong thiên Vệ Linh Công của sách Luận Ngữ: "*Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu huệ, nan hỹ tai.*" Trong Luận Ngữ Giảng Yếu, cụ Lý Bỉnh Nam giảng: 'Tiểu huệ là tài trí vụn vặt. "Nan hỹ tai"(khó vậy thay) là rốt cuộc chẳng có thành tựu gì. Câu này có nghĩa là suốt ngày cùng ở một chỗ với nhau, chẳng nói được lời nào hợp nghĩa lý hay hữu ích. Chỉ thích phô phang sự thông minh vụn vặt, hạng người ấy khó thể có thành tựu được!"

[383] Từ ngữ này xuất phát từ thiên Ly Lâu thượng sách Mạnh Tử: *"Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn dã; tự khí giả, bất khả dữ hữu vi dã"* (Kẻ tự phụ rẫy mình thì chẳng thể nói năng gì với hắn được. Kẻ tự vứt bỏ, thì chẳng thể làm gì với hắn được). "Tự bạo, tự khí" thường được dùng như một thành ngữ hàm nghĩa kẻ thiếu ý chí tiến thủ, tự thụt lùi, tự đầu hàng, tự buông mình vào tuyệt vọng.

tham dục nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phàm phu trong thế giới Sa-bà há có thể so sánh được ư?

Ví như người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp. Kẻ tạo nghiệp tâm địa rối ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dẫu cầu được như thế cũng trọn chẳng thể được. Đấy là ước theo cái nhìn của con mắt phàm phu mà nói, chứ quỷ thần sẽ thấy người lành thân có quang minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tối tăm, hung ác v.v.. Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện.

Những kẻ tà kiến kia cho rằng "kinh Kim Cang là không", chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về lý tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng lý tánh. Sự trang nghiêm nơi cõi Thật báo vô chướng ngại chính là quả báo rốt ráo đạt được bởi kinh Kim Cang. Phàm phu nghe vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là "chẳng hề có chuyện ấy".

Kinh Kim Cang dạy thiện nam nữ phát tâm Bồ-đề, tâm chẳng trụ vào tướng nhưng muốn độ trọn hết chúng sanh. Dẫu độ, cũng chẳng thấy "ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ", cũng như pháp Niết-bàn rốt ráo để đạt. Đấy gọi là *"vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* (chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), do đã đạt đến *"vô sở đắc"* (không có gì để đạt được) nên bèn thành Phật. Họ lại bảo đức Phật đã thành, quốc độ ngài trụ trong kinh Kim Cang cũng giống hệt như cảnh giới trong đời ác ngũ trược này ư? Họ tưởng là rỗng tuếch tuềnh toang, trọn chẳng có gì cả ư?

Cõi Phật thanh tịnh, con người vừa nghe đến tên cõi Phật ấy thân tâm liền thanh tịnh, họ lại cho là tham dục. Đúng là loài giòi tửa hằng ngày nằm trong hầm xí, tự xưng là thơm tho, thanh khiết, coi hương chiên-đàn là hôi thối, chẳng muốn lìa khỏi hầm xí ấy để ngửi mùi thơm kia. Đạo Chích[384] tụ tập đồ đảng mấy ngàn

[384] Đạo Chích tên thật là Liễu Hạ Chích, là một tên trộm lừng danh thời cổ, được coi như tổ sư "nghề" ăn trộm nên thành tên Đạo Chích. Thành ngữ *"Đạo diệc hữu đạo"* (ăn trộm cũng có đạo nghĩa) xuất phát từ truyện Đạo Chích (số 29) trong phần Tạp Biên sách Trang Tử. Theo đó, em trai của Liễu Hạ Quý là Đạo Chích, tụ tập 9.000 người, hoành hành trong thiên hạ, cướp bóc, gian dâm, không biết kiêng sợ ai. Khi Khổng tử buông lời chê trách Liễu Hạ Quý không biết dạy dỗ em, Liễu Hạ Quý biện bác, thoái thác trách nhiệm. Khổng tử bèn tìm đến tận sào huyệt của Đạo Chích để khuyên giải, liền bị hắn mạt sát, dương dương tự đắc khoe mình có đạo đức, nhất loạt chê trách tất cả thánh hiền từ xưa đến nay đều là phường tội lỗi, chỉ riêng hắn có đạo nghĩa. Cũng như những câu chuyện khác của Trang tử, đây cũng chỉ là chuyện hư cấu, với ngụ ý châm biếm những kẻ làm càn vẫn tự khoe mình tài đức.

tên hoành hành trộm cắp trong thiên hạ, ngược ngạo tự xưng là "hữu đạo", cực lực chê trách "vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Vũ dâm dật, Thành Thang, Vũ Vương bạo loạn, Khổng tử hư ngụy", chê họ là vô đạo. Thật giống với tri kiến của hai hạng người ấy! Lại như trong thời gần đây, những kẻ phế kinh, phế hiếu, phế luân thường, lõa thể rong chơi, cho đó là bẩm thụ phẩm đức tự nhiên của trời đất, chẳng cần phải tạo tác. Thế nhưng mùa hạ tranh nhau lõa lồ, sao mùa đông chẳng trần trụi? Bảo là bẩm thụ tự nhiên, chẳng cần phải tạo tác, vậy thì đào giếng, cày ruộng, dệt cửi mới có cơm ăn, áo mặc, chẳng phải là tạo tác đó sao? Kẻ ác ngăn trở phá hoại người khác làm lành thường là như thế. Chúng bảo rằng: "Thiện phải do vô tâm mà làm, hễ có tâm làm thì chẳng phải là thiện thật sự!" Nhưng bậc thánh hiền thuở xưa, không vị nào chẳng sáng chiều miệt mài gắng sức, răn dè, cẩn thận, kiêng sợ như vào vực sâu, như bước trên băng mỏng, là có tâm hay chăng? Hay là vô tâm vậy?

Nói chung, những hạng người ấy ý họ muốn "chẳng phải tu trì gì mới là cao thượng", nên mới lập ra thứ lý luận mù quáng hèn kém nhất ấy để tự khoe mẽ mình hiểu rõ lý, mong được người khác tưởng mình là cao minh, là đại thông gia, là chân danh sĩ. Họ chẳng biết toàn thân nằm trong hầm xí, trừ những kẻ có cùng tri kiến với chúng, ai chịu chấp nhận những luận điệu càn quấy ấy?

327. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ nhất)

Các hạ đã tự xưng là đệ tử Phật, há nên dùng tri kiến phàm phu của chính mình để suy lường cảnh giới Phật, cho rằng những điều ấy (tức những điều được giảng nói về cảnh giới Phật trong kinh luận) đều xuất phát từ ý kiến của con người, đều chẳng đáng để tin tưởng ư? Cần biết rằng sở dĩ đức Phật nói ra những pháp môn để dạy con người đều nhằm đối trị tập khí. Do tập khí chướng lấp tự tâm nên chẳng những không biết được những hành vi thần diệu của đức Phật, mà ngay cả sự thấy nghe hay biết của chính mình từ sống cho đến chết có bao giờ tự biết đâu? Nay đã tin Phật lại chẳng dốc sức vào chỗ đạt được lợi ích chân thật, lại cứ lan man cật vấn những chỗ tri kiến của chính mình chưa thể thấu hiểu được ư? Đấy đúng là "bỏ những thứ trà cơm nhà mình thường có để mong cỗ ngon nơi bếp trời", tính toán sai lầm lớn quá!

(Ngày mồng 1 tháng 3 năm Dân Quốc 17 - 1928)

328. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ hai)

Nhận được thư trách Quang trả lời chẳng hợp với câu hỏi, ông chẳng biết đấy chính là lá bùa hộ thân của kẻ tầm thường, kém cỏi! Các hạ lầm tưởng ông tăng tầm thường vô tri vô thức là thiện tri thức. Lỗi lầm căn bản thuộc về các hạ, chứ

không phải do Ấn Quang. Các hạ đã tin Phật, hãy nên dựa theo những lý tột cùng của Phật để luận, sao lại chỉ dựa theo những dấu tích thần diệu để bàn? Hơn nữa, những dấu tích thần diệu nhiều vô lượng, các hạ lại chẳng nói rõ dấu tích thần diệu nào, mà vẫn cứ mong muốn một kẻ trọn chẳng nghiên cứu đạo Gia Tô[385] như Quang biện định dấu tích thần diệu của Gia Tô và Phật giống nhau hay khác nhau ra sao. Hơn nữa, các hạ bảo Quang chê các hạ "dùng tri kiến của phàm phu để suy lường trí Phật lẫn cảnh giới của Phật" là đã hiểu lầm ý các hạ. Như vậy thì xét theo phía Quang, cố nhiên Quang không trả lời câu hỏi của các hạ là đúng rồi, bởi Quang sợ các hạ sẽ nói Quang đem tri kiến phàm phu suy lường cảnh giới Phật, nên chối từ như thế. Đúng hay sai xin các hạ tự cân nhắc, nếu gởi thư tới nữa sẽ không trả lời một chữ nào. Xin hãy sáng suốt suy xét điều này!

Ấn Quang tái bút: *"Đăng Đông Sơn nhi tiểu Lỗ, đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ. Quán ư hải giả nan vi thủy, du ư thánh nhân chi môn giả nan vi ngôn"* (Lên Đông Sơn thấy nước Lỗ nhỏ, lên Thái Sơn thấy thiên hạ nhỏ. Nhìn biển cả khó thấy được nước, dạo chơi cửa thánh nhân khó thốt lời). Các hạ đã biết đạo Gia Tô sai lầm, lại tin Phật đến mức tột bậc, nhưng chẳng nương theo lý lẽ tột cùng mà lại biện luận dấu tích thần diệu thì có khác nào bảo kênh, lạch, khe, rãnh giống hệt biển cả chẳng khác gì. Đã chẳng thể biết được trí của chính mình, lại muốn được thiện tri thức trả lời trọn vẹn. Xin các hạ chớ đem tri kiến phàm phu suy lường cảnh giới Phật thì thiện tri thức chẳng cần phúc đáp mà các hạ vẫn tự hiểu rành rẽ!

(Ngày mồng 2 tháng 3 năm Dân Quốc 17 - 1928)

329. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư biết ông đời trước gieo thiện căn sâu xa, được gặp pháp môn Tịnh độ liền sanh lòng tin, hết sức an ủi! Họ Đinh (tức Đinh Phước Bảo) chú giải kinh phần nhiều chuyên tìm chứng cứ, chứ chưa làm sáng tỏ ý nghĩa của kinh văn cho lắm. Cuốn Di-đà Kinh Tiên Chú có rất nhiều chỗ sai, nhưng xét về mặt dẫn chứng những sự tích trong sách ấy thì cũng khá có lợi cho kẻ sơ cơ. Các nhà Nho thời Tống - Minh phần nhiều lấy những ý nghĩa trong kinh Phật để chống đỡ môn đình Nho giáo, nhưng họ chỉ nói sao cho thật cao xa, huyền diệu, chứ trọn rất ít kẻ hành đúng theo kinh Phật. Căn bệnh ấy là do chưa thể tin tưởng sâu xa sự lý sanh tử luân hồi. Nếu họ tin tưởng sâu xa, ai chịu gác bỏ lợi ích liễu sanh tử lớn lao, chuyên lấy những lời của nhà Phật giảng bày lý tánh để khoác

[385] Nguyên văn "Da giáo" (đạo Gia Tô). Gia Tô là cách người Trung Hoa phiên âm chữ Jesus. Đúng ra phải viết là Da Tô, nhưng phần lớn các sách vở từ trước đến nay thường ghi là Gia Tô, nên chúng tôi cũng thuận theo cách viết phổ biến này.

mũ miện "giảng học", nhưng chẳng chịu dựa theo đó để thực hành ư? Một pháp Tịnh độ là con đường để thượng thánh hạ phàm cùng theo, ai có thể vừa nghe liền tin, nếu chẳng phải là do trong đời trước đã từng gieo đại thiện căn sẽ chẳng thể nghe, tin tưởng, tu tập được.

Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo mà thôi, đối với Tông lẫn Giáo đều chẳng biết gì, chỉ tự lượng kém hèn, chuyên chú trọng Tịnh độ. Do ông Từ Úy Như ấn hành những bản sao thư từ trao đổi với bạn bè đến nỗi một người truyền hư, vạn người truyền thật, đều lầm tưởng Quang là tri thức, khiến cho người ta phải hổ thẹn khôn cùng! Ông đã lầm lẫn coi Quang là tri thức thì cũng chẳng ngại gì "coi sai là đúng". Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Mục, ông dùng đạo đức của kẻ sĩ để chăn dắt (định hướng cho cuộc đời của chính mình)[386], dẫu có thể kế thừa bậc thánh đời trước, khơi lối cho kẻ học trong đời sau, dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác, sợ rằng chỉ mong thành thánh thành hiền trong thế gian mà thôi! Hãy nên biết rằng, một pháp liễu sanh tử nếu chẳng dùng trí để chăn dắt sẽ chẳng thể được, có thể dùng trí để tự chăn dắt thì phiền não, hoặc nghiệp sẽ tự tiêu diệt, công đức, trí tuệ sẽ tự hiển hiện. Dùng trí để tự chăn dắt, mà cũng dùng trí để chăn dắt người khác thì chuyện "kế thừa đời trước, mở lối người sau, tự giác, giác tha" mới là thật nghĩa rốt ráo. Nhưng muốn dùng trí để tự chăn dắt, ắt phải nên đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Phàm những điều thiện ác đều đoạn trừ từ ngay nơi khởi tâm động niệm rồi mở rộng ra thì mới là thực tiễn, chẳng trở thành nói suông!

Nếu muốn dùng trí để chăn dắt người khác thì phải bắt đầu từ cha mẹ, vợ con. Cha mẹ còn sống, hãy khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên để nghiệp sát sanh gây lụy cho cha mẹ, tưởng đó là phụng dưỡng ngọt bùi. Đấy chính là cái nhìn lầm lạc của thế gian, trọn chớ nên làm theo. Nếu như cha mẹ chẳng chịu ăn chay, chỉ nên chí thành niệm Phật sám hối thay cho cha mẹ, khiến cho họ tiêu trừ túc nghiệp sẽ liền ăn chay được. Vợ con chính là những người gần gũi với mình nhất, chẳng thể dùng Phật pháp để dẫn dắt họ, làm sao dẫn dắt người đời cho được? "Nêu gương cho vợ, ảnh hưởng đến tận anh em rồi lan truyền ra khắp cả nước", pháp thế gian hay xuất thế gian không gì đều chẳng như vậy! Từ nhà đến cả nước, thì mới là đường lối "đi xa do bước từ chỗ gần, lên cao phải bắt đầu từ dưới thấp" vậy. Trong khi niệm Phật, do thương những chúng

[386] Cái tên *sĩ mục*（士牧）có thể hiểu là "chăn dắt (hướng dẫn) kẻ sĩ", hoặc "dùng đạo đức của kẻ sĩ để tự chăn dắt, định hướng cho cuộc đời của chính mình". Mục（牧）theo nghĩa gốc là chăn dắt gia súc, như "mục đồng" là đứa bé chăn trâu. Cũng giống như vậy, Thiên Chúa giáo quan niệm tín đồ là lũ con chiên (cừu non) của Chúa nên những tu sĩ được gọi là mục sư, linh mục; Jesus được gọi là Đấng Chủ Chiên; công việc hướng dẫn tín đồ, rao giảng phúc âm, do vậy được gọi là "công tác mục vụ".

sanh khổ não, lòng chua xót ứa lệ, đấy chính là thiện căn phát hiện, nhưng chớ nên tưởng đó là đức rồi thường để xảy ra như vậy. Nếu thường như thế, sẽ bị ma bi thương dựa, điều này hết sức thiết yếu!

Niệm Phật lấy tín nguyện làm chủ, có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định được vãng sanh. Còn tâm mong chứng tam-muội thì chẳng thể không phát tâm ấy, nhưng người đời nay thật rất ít kẻ chứng tam-muội, bởi lẽ đã chứng được niệm Phật tam-muội là đã siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này, chớ nên coi là chuyện dễ dàng. Không biết ông có bộ Văn Sao của Quang hay chưa? Nay gởi cho ông một bộ, xin hãy đọc kỹ thì cách tu trì, dụng tâm đều có thể hiểu rõ. Lại còn có bản in bằng lối khắc ván, so với bộ này nhiều hơn một trăm bốn mươi mấy bài; muốn xem xin hãy gởi thư cho cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Đại Thập Tam Loan, Dương Châu xin một bộ. Ông ta thí rộng rãi các thiện thư, không ai xin mà chẳng cho; thí thiện thư rất nhiều, chứ không phải chỉ có một loại sách này.

Thêm nữa, hiện thời Thương Vụ Ấn Thư Quán đã sắp chữ gần xong, ước chừng cuối tháng 3 sẽ có thể in ra sách, so với bản khắc ván lại nhiều hơn một trăm bài nữa. Đã được bạn bè chịu trách nhiệm in hai vạn bộ, sắp chữ hoàn chỉnh xong liền bắt đầu in, sẽ in ba vạn bộ. Mỗi bộ giá ước chừng bốn cắc, chưa tính bưu phí. Nếu muốn lợi người, xin hãy đứng ra in bao nhiêu bộ đó để kết tịnh duyên. Cách chịu trách nhiệm là ai bỏ ra bao nhiêu tiền sẽ căn cứ theo số tiền ấy mà giao sách cho người đó. Trong đây chẳng có mảy may riêng tư nào để cho mọi người làm công đức chân thật. Nếu muốn đảm nhiệm in, xin hãy gởi tiền sang văn phòng chánh của Thương Vụ Ấn Thư Quán ở số 45, Hoa Tự đường Bảo Sơn, Thượng Hải, giao cho cư sĩ Nhậm Tâm Bạch. Ông ta nhận được liền gởi biên lai, đợi khi nào sách in ra sẽ giao theo số tiền đã đóng góp. Giá tiền như đã nói trên đây là căn cứ theo số lượng ba vạn bộ mà định giá, so với giá bán lẻ sẽ rẻ hơn một nửa.

Pháp do đức Như Lai đã nói trong cả một đời đều là dạy dùng tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử. Chỉ có một môn Tịnh độ chuyên trọng Phật lực, do nương vào Phật lực nên tuy tội nghiệp sâu nặng mà nếu đủ lòng tín nguyện sẽ đều được vãng sanh. Nếu có thể đoạn chứng thì sở chứng càng cao. Pháp này lợi khắp ba căn thượng, trung, hạ, cõi đời thường vì thấy ngu phu ngu phụ cũng niệm Phật được bèn cho pháp này là chuyện của ngu phu, ngu phụ, đến nỗi kẻ không ngu lại bị kẻ ngu thương xót ngược lại, nguyên nhân đều là do không có trí để tự chăn dắt vậy. Nếu có thể dùng trí để tự chăn dắt, ắt sẽ viên chứng thiên chân Phật tánh sẵn có nơi tâm này để thành Phật đạo đầy đủ phước tuệ vậy!

(Ngày 21 tháng Giêng năm Giáp Tý - 1924)

330. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ hai)

Tôi do bệnh mắt chưa lành, sau đấy lại vì thư từ dồn đống nên lá thư ông gởi ngày 18 tháng trước bị để chậm trễ tới nay. Nói "dùng trí để tự chăn dắt, chăn dắt người khác", chính là cật lực giữ vẹn luân thường, chuyên dốc tu tịnh nghiệp, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Nếu ông luận về đạo "tự dẫn dắt, dẫn dắt người khác" ở ngoài những điều ấy, sẽ trở thành lời nói mâu thuẫn với việc làm, chẳng biết đấy chính là trí đại bát-nhã. Ông đã nói lời ấy, tức là đã xem mấy câu nói đó của Quang trong lá thư trước như tri kiến thừa thãi! Phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn cũng là pháp môn niệm Phật, những kẻ cầu phước báo thế gian là vì chẳng biết có pháp xuất thế gian, mà cũng chẳng biết tâm tánh của chính mình và tâm tánh của Phật chẳng hai.

Vợ ông đã có tín tâm, hãy nên dùng nhiều cách khuyên lơn, khích lệ, khiến cho lòng tin ấy được tăng trưởng. Cha mẹ ông không tin là vì túc căn nông cạn, hãy nên đem toàn thể công đức trì tụng của chính mình chí tâm hồi hướng cho cha mẹ, há nên chỉ hạn định trong ba biến chú Đại Bi? Ông chớ nên nói "hồi hướng cho cha mẹ, chính mình sẽ chẳng có phần!" Nếu ông có thể chân thật hồi hướng cho cha mẹ thì so với việc "chỉ trì tụng cho chính mình, chẳng hồi hướng cho cha mẹ", công đức càng thù thắng hơn. Vì thế, trong nhà Phật, phàm mỗi khi lễ tụng đều hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh, huống là cha mẹ sanh ra ta ư?

Ví như một ngọn đèn, đem thắp cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên ngọn đèn khác, chính cây đèn ấy vẫn y như cũ. Nếu chẳng thắp cho ngọn đèn nào khác, ngọn đèn ấy có được tăng thêm gì đâu. Huống chi sự sanh trưởng, phát khởi của tâm đại Bồ-đề, cố nhiên chẳng thể nào dùng ánh sáng của ngọn đèn trong thế gian để tỉ dụ được. Chẳng qua là mượn chút ý nghĩa đấy thôi! Trước kia, ông Nhậm Tâm Bạch nói ông có gởi thư đến, gởi cho Khổng Chúc Sanh bốn đồng, đợi tới tháng 4 sách được in ra sẽ gởi đi, mỗi bộ chẳng quá bốn cắc (bưu phí chưa tính).

Ngày 25, 26, Quang sẽ xuống núi, không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư đến. Nếu có chuyện gì cần gởi thư, hãy gởi sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, nhờ hòa thượng Chân Đạt chuyển. Bởi lẽ, có thể Quang cần sang nơi khác, nên phải giao cho thầy ấy. Ước chừng thời gian tôi ở Thượng Hải sẽ kéo dài hai, ba tháng.

(Ngày 12 tháng 3 năm Giáp Tý - 1924)

331. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Hiện nay người cùng nhà đánh nhau, dân chúng lầm than, đều là vì những kẻ hiện đang có quyền lực, trong đời trước đã chỉ biết vun phước, chẳng biết cầu sanh Tịnh độ, nên đến nỗi đời này cậy vào phước lực để rối nước hại dân. Nhưng trăm họ bị bọn chúng hãm hại cũng là vì đời trước chẳng biết kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, chỉ biết vui thỏa bụng miệng, chẳng biết đây kia cùng một thân thể, cùng một tánh linh, nhẫn tâm giết ăn. So với giết chính mình để tự ăn còn tàn khốc hơn gấp vạn lần; nhưng kẻ ngu tục chẳng biết nên mới dùng thịt để tỏ lòng hiếu, cúng giỗ tổ tông, đãi đằng khách khứa. Nếu không có thịt, sẽ chẳng có mặt mũi nào nhìn ai, cảm thấy nhục nhã, ê chề không chi bằng. Chẳng biết đã tạo thành đại kiếp giết chóc lẫn nhau này, tuy Phật, Bồ-tát đại bi cứu khổ cũng chẳng làm thế nào được!

Ông đã biết ăn chay, khuyên lơn cha mẹ, đúng là biết cội gốc, nhưng nỡ để vợ con, quyến thuộc tạo mãi sát nghiệp, chịu mãi sát báo ư? Cả nhà ắt đều nên ăn chay và đem điều này giáo hóa cả làng, cả ấp, sẽ cứu được nỗi khổ trong tương lai chẳng thể nào lường được. Lại cần phải khuyên dạy họ đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sanh lòng tin phát nguyện cầu sanh Tây Phương ngõ hầu đoạn trừ được hạt giống khổ sở. Phận làm con hiếu thảo với cha mẹ, chỉ có điều này là lớn. Nếu chẳng dốc sức nơi điều này thì cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ bị đọa lạc nhiều lắm. Dẫu cho một đời, hai đời chẳng bị đọa lạc, rốt cuộc cũng có ngày đọa trong tam đồ ác đạo. Lặng im suy nghĩ, tâm sao yên được?

Cần biết rằng, cái quan trọng nhất trong thế gian là thần thức, dẫu con cái công thành danh lập, rốt cuộc thần thức của cha mẹ có được hưởng lợi ích chi đâu? Đại Vũ là đại thánh nhân, chẳng cứu nổi thần thức của ông Cổn. Ông Cổn chết đi hóa thành con hoàng nai (chữ năng (能) đọc thành nãi (乃), giọng ngang, chính là con ba ba (cua đinh, trạnh) có ba chân) chui xuống vực Vũ. Nghĩ tới điều này, tâm khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ tràn trề nẩy sanh. Nếu không, chính là ngỗ nghịch, bất hiếu, vì chẳng đoái hoài thần thức cha mẹ bị đọa lạc, tội ấy còn nặng hơn giết cha mẹ vậy! Kẻ chưa nghe Phật pháp thì chẳng biết làm sao, chứ ông đã quy y Phật pháp, đương nhiên Quang chẳng thể không dựa theo sự thực để bảo ông. Mong ông hãy đưa lời này của Quang cho cha mẹ xem, chắc họ sẽ dễ sanh lòng tin.

Văn Sao đã nhận được hay chưa? Nay lại gởi cho ông hai gói, xin hãy tặng cho người thông văn lý, có tín tâm. Sách Giới Sát Phóng Sanh Bạch Thoại và Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam được in chung thành một cuốn, do thư cục nào in không rõ. Nếu ông muốn in, hoặc in riêng cuốn Giới Sát Bạch Thoại, hoặc in chung với

Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, xin hãy gởi thư sang cho cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở số 26 đường Cực Ty Phi Nhĩ (Jessfield Road), Thượng Hải, hoặc cậy ông ta in giùm ông bao nhiêu đó cuốn, hoặc ông tới Thượng Hải gặp gỡ để cùng nhau bàn định. Hoặc nếu ở chỗ ông ta hãy còn thì đem tiền mua hết số sách ấy cũng được. Hiện thời, ông ta đã thôi làm quan, tịnh tu trong nhà.

Tôi chỉ nghe tiếng sư Bảo Nhất, chưa hề trao đổi thư từ. Nếu ông muốn thân cận, cũng chẳng phải là không được, chỉ có điều cuốn Tự Tri Lục do một nữ đệ tử của sư in ra thì đừng xem. Sợ ông xem rồi sẽ đến nỗi không dốc sức nơi nhất tâm, chỉ chuyên mong được cảnh giới tốt đẹp, ắt sẽ bị ma dựa. Đấy là ý nghĩa trọng yếu (nhiều người ở Thượng Hải, Hàng Châu, Dư Diêu trông thấy sách ấy đều muốn đem in thạch bản. Quang hết sức nói ra điều tệ của sách ấy nên họ đều thôi in).

(Ngày 28 tháng Chạp năm Giáp Tý - 1924)

332. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tư)

Nhận được thư khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Người không thông hiểu pháp môn Tịnh độ trông thấy Tự Tri Lục không một ai chẳng hớn hở muốn lưu thông, chẳng biết người viết ra sách ấy đã bị ma dựa quá nhiều, khiến cho công lao chân tu của người khác đều bị cảnh giới được mô tả trong sách ấy ngăn trở[387]. Giống như bỏ chất độc vào đề-hồ, ăn vào ắt sẽ chết người, đáng than quá đỗi! Ông Hoàng Hàm Chi ôm lòng làm lợi, cứu giúp người khác, ắt sẽ thay ông lo liệu, nhưng nghe nói năm ngoái ông ta bị bệnh, chẳng biết hiện thời đã lành hay chưa?

Cha mẹ ông chẳng phát tâm thì một là do họ tự coi đó là chuyện nhỏ nhặt, chẳng phát tâm liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh; hai là do chẳng biết đến cội nguồn nên chẳng phát tâm. Nếu vợ ông thông hiểu văn nghĩa, hằng ngày đem những nghĩa trong Văn Sao ra giảng nói, chắc sẽ cảm động được tâm họ. Như vợ ông chẳng thể giảng nói, thì cháu gái, cháu trai đọc Văn Sao sẽ có thể giảng nói. Lại hãy nên thỉnh Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam gởi đến, sách ấy cũng do ông Hoàng Hàm Chi viết bằng văn bạch thoại, sẽ dễ lãnh hội. Thiên hạ chẳng yên là do gia đình không khéo dạy dỗ. Gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ chiếm phần khẩn yếu nhất, vì con người thuở bé, hằng ngày ở bên mẹ; nếu có hiền mẫu,

[387] Theo phần trước, đệ tử của sư Bảo Nhất bịa chuyện sư có hai người đệ tử niệm Phật đã tu chứng được cảnh giới Bồ-tát nhằm đề cao đức hạnh cũng như khả năng giáo hóa cao siêu của thầy mình. Sư Bảo Nhất không ngăn trở còn đề tựa tán dương. Do đó, người không thông hiểu sâu xa pháp môn Tịnh độ khi đọc cuốn Tự Tri Lục sẽ rất dễ khởi tâm mong cầu mau đắc những cảnh giới thần kỳ giống như vậy, cho nên khó thể đạt nhất tâm do lòng ham cầu quá mạnh. Thậm chí, do tánh tự ái, ham danh, sẽ bịa chuyện kể những cảnh giới tốt đẹp mình đã đạt được nhằm mong người khác khen mình tu giỏi.

con cái sẽ được un đúc hằng ngày, tập quen thành tánh, dẫu muốn trở thành hạng đớn hèn cũng chẳng thể được.

Nay đặt pháp danh cho vợ ông là Trí Dục, nghĩa là dùng trí tuệ để tự nuôi dưỡng đức mình, khiến cho nhân dục hết sạch, minh đức hiện rõ. Lại dùng trí ấy để giáo dục con cái khiến cho chúng đều trở thành bậc quân tử lập được đức "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Từ đây lại mở rộng ra thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn được. Kẻ ngu trong cõi đời chẳng biết tu đức, chỉ muốn nhờ vào thờ Phật để diệt tội. Vậy là chỉ mong được tiếng, chẳng trọng thực chất, há có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự ư?

Quân Anh, Khuê Anh đã có túc căn, lại đọc Văn Sao, ắt sẽ có lúc phát sanh thiện căn lớn lao, chẳng ngại đặt sẵn pháp danh cho chúng để chúng gắng công tu đức của chính mình hòng trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới. Dẫu chúng không có tâm quy y, chỉ cần tu theo đúng những gì Văn Sao đã nói thì cũng là người trong Liên Trì hải hội. Nếu bọn chúng phát được tâm tự lợi lợi tha, há chỉ riêng nữ giới được lợi ích mà thôi ư? Nay đặt pháp danh cho Quân Anh là Liên Anh, Khuê Anh pháp danh là Tịnh Anh. Do bọn chúng nếu có thể quyết chí đè nén thói xấu của nữ giới, chuyên tu tịnh nghiệp, trong tương lai sẽ đem những gì chính mình đã biết vun đắp cho bố mẹ chồng, chồng, cùng với chị em dâu và con cái thì cả nhà nhân từ, làng ấp cũng đều nhìn theo đó bắt chước làm lành. Làm được như thế thì chính là bậc anh thư trong đời này.

Anh (英) có nghĩa là "siêu quần xuất chúng", tức là bậc trượng phu trong nữ giới, tương lai vãng sanh Tây Phương, làm đệ tử của A-di-đà Phật, là quyến thuộc của Quán Âm, Thế Chí, đáng gọi là "cùng làm con thật sự của đức Như Lai trong thế giới hoa sen thanh tịnh". Ý nghĩa thật sự của chữ Anh là như vậy đó. Chúng chịu tin tưởng, làm theo những lời này, ắt sẽ chẳng nói suông. Người bận bịu chắc chắn phải dùng đến cách thập niệm vào buổi sáng, nhưng ngay cả người nhàn tản có thể tụng niệm công khóa, cũng vẫn có thể dùng phép thập niệm vào buổi sáng được, chứ không phải là đã tụng công khóa thì không được dùng. Cổ nhân có nhiều vị suốt đời dùng phép thập niệm buổi sáng rồi mới tụng khóa lễ chánh, nào có trở ngại chi!

Hiện thời, thế đạo nhân tâm suy hãm cùng cực, đều do gia đình chẳng dùng nhân quả báo ứng để dạy dỗ. Hơn nữa, trường nữ sinh ngày nay phần nhiều cổ động học sinh toan tính nắm giữ chánh quyền, làm Đốc quân, Tỉnh trưởng, Đại tổng thống, hoàn toàn chẳng đề xướng "giúp chồng, dạy con", đến nỗi lũ học sinh như điên, như cuồng, gần là gây lụy cho gia đình, xa là gieo tai ương cho xã hội, đáng tiếc thay! Xin hãy nói cặn kẽ những lời này với Quân Anh, Khuê Anh.

(Ngày 24 tháng 2 năm Ất Sửu - 1925).

333. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ năm**)**

Nhận được thư khôn ngăn đau thương, nước ta nhiều năm qua chẳng bị thiên tai thì cũng bị nhân họa. Tuy nguồn cội đều là do ác nghiệp trong quá khứ lẫn hiện tại gây nên, nhưng quá nửa cũng là vì kẻ nắm giữ chánh quyền chuyên cậy vào ý mình, chẳng tuân theo công lý, đến nỗi đã loạn lại càng loạn thêm. Những kẻ lưng chừng đều thành loài trộm cướp, đúng là không lập được cách nào cứu vãn, không có thuốc nào chữa được, đáng đau, đáng than! Mười đồng để in Đại Sĩ Tụng đã nhận được rồi. Nếu Nhuận Phủ có thể thôi ăn mặn, kiêng rượu, Quang sẽ chẳng uổng phí một phen tâm tư.

Ngày hôm qua Liên Anh có gởi thư đến, hỏi cách khiến cho cha mẹ được vãng sanh, tợ hồ cô ta chưa thể thấu hiểu những ý trong Văn Sao. Nếu không, trọn chẳng đến nỗi có lời hỏi ấy! Quang cực lực nói về lợi ích do niệm Phật, cũng như lợi hại do giữ gìn lòng trinh. Nếu giữ được cho vững thì không chi tốt lành bằng! Nếu không, hãy nên vâng theo thiên lý nhân luân mà xuất giá, so với việc không lấy chồng mà bị thất tiết sẽ cao siêu gấp trăm ngàn vạn lần. Cuối thư, Quang bảo cô ta hãy thường đọc Văn Sao, chớ nên thường gởi thư đến cho thêm bận rộn.

Nhà chồng của Tịnh Anh đã gây khó khăn về chuyện ăn thuần đồ chay thì ăn thịt ít đi sẽ chẳng trở ngại gì, hoặc chính mình chỉ ăn rau trong những món thịt. Hơn nữa, bọn họ quyết chẳng dò xét cô ta ăn cơm như thế nào, chỉ giữ lòng bất nhẫn thì tuy chẳng thể ăn thuần món chay thanh tịnh nhưng những món tanh tưởi phải ăn kèm theo cũng sẽ chẳng có mấy. Hơn nữa, cô ta đã thông hiểu văn lý, nên cũng có thể uyển chuyển thuật những lợi ích do ăn chay với chồng, lâu ngày chồng cô ta sẽ chẳng đến nỗi vẫn ngăn trở. Dẫu bị ngăn trở thì chỉ nên niệm Phật hồi hướng cho những chúng sanh bị ăn thì cũng bù đắp được đôi chút cho sự thiếu sót ấy, không còn mắc sát nghiệp nữa. Cô ta niệm Phật thấy ánh sáng tỏa ra, đấy vẫn thuộc về ma cảnh. Hãy viết thư gấp, bảo cô ta đừng tưởng chuyện ấy là thật, lâu sau hiện tượng ấy sẽ mất đi. Nếu tưởng đó là thánh cảnh hiện tiền, sợ rằng tương lai sẽ đến nỗi bị ma quỷ dựa thân, bị ma nhập phát cuồng, hết thuốc chữa!

Ấy là vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã kết oán nghiệp vô lượng vô biên. Bọn chúng muốn đến báo oán, nhưng vì cô ta có sức tu trì niệm Phật, chẳng thể báo oán trực tiếp được. Do cô ta mong tưởng cảnh giới tốt đẹp, những kẻ oán nghiệp ấy bèn hiện ra cảnh giới đó khiến cho cô ta dấy lòng hoan hỷ, tưởng công phu tu hành của mình đã đạt mức rồi, hoặc tưởng mình đã thành thánh đạo. Do vọng niệm cứng chắc ấy sẽ bị mất chánh niệm, ma quỷ bèn nhập thân khiến phát

điên phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được. Cõi đời lắm kẻ dụng công tu hành rồi phát điên phát cuồng đều do chính mình chẳng biết dứt trừ vọng tưởng, nhiếp tâm, chánh niệm dụng công, thường đều là "chưa dụng công đã mong thành thánh". Do suốt ngày chỉ chăm chú mong ngóng thánh cảnh giống như uống thuốc độc, hôn mê, loạn trí, vô tri, bảo là "trời đất lăn chiêng, thần kỳ quỷ quái". Chứ thật ra đều là do vọng tâm của chính mình chiêu cảm ma quỷ gây tác dụng.

Hãy nên dạy cô ta nhất tâm niệm Phật, trừ danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật ra, nhất loạt chẳng để cho tâm nẩy sanh các niệm thì tự nhiên sẽ như hư không tan sương mù, mặt trời chiếu rạng. Lợi ích của nhất tâm niệm Phật và họa hại vì tâm vọng tưởng sôi động mong thấy cảnh giới trong Văn Sao đều đã nói tới nhiều lần. Xin hãy sao lại thư này gởi cho cô ta. Lại nên khuyên cô ta hãy tận lực y theo lời tôi nói, chớ tưởng cảnh ấy là thật. Dẫu nó có xuất hiện cũng chẳng sanh vui mừng, cũng không sanh lòng sợ sệt, cảnh ấy sẽ tự tiêu. Như kẻ giặc vào nhà người ta, người ấy tưởng nó là người trong nhà của họ thì cũng bị hại. Biết nó là giặc nhưng lầm lẫn sanh lòng sợ hãi thì cũng sẽ bị hại. Nếu chẳng vui, chẳng sợ, nhất loạt chẳng thèm đoái hoài tới nó, nó sẽ chẳng có chỗ nào để đặt chân.

Hiện thời Văn Sao không còn, tôi sẽ gởi thư cậy thầy Chân Đạt gởi cho dăm ba gói để giúp Quang bù đắp chỗ thiếu thốn. Trong lúc này, làm chuyện lớn sẽ rất mệt trí. Nếu chẳng hết sức tỉ mỉ, khiến cho người khác bị hại thì chính mình mắc lỗi, khổ sở chẳng kham nói được đâu!

(Ngày 18 tháng 4 năm Ất Sửu - 1925)

334. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ sáu)

Phàm tình chẳng thể suy lường lợi ích của Phật pháp được! Kẻ ngu chỉ biết dùng thuốc men để trị bệnh và van thần vái quỷ cầu được lành bệnh đều đáng gọi là phường "gánh gai bỏ vàng, đi ngược đường". Ông do bị bệnh mà biết "công phu chẳng hờ hững, hời hợt sẽ đạt được lợi ích thật sự". Lại biết Phật pháp quả thật có thuật "điểm đá thành vàng" (đây là ví dụ, đừng hiểu lầm), có công huân biến phàm thành thánh. Đấy cũng là do thiện căn đời trước mà ra, mà cũng là do đời này tu trì mà được. Hãy khéo dụng tâm, đừng cho đấy là chuyện kỳ lạ, đặc biệt, rồi thoái thất công lao trước kia, thì tương lai sẽ càng đạt được lợi ích sâu xa. Nói đến lợi ích sâu xa thì bất tất phải cầu nơi cảm thông cảnh giới, mà hãy nên nhận chắc sự vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ ân sâu tam bảo gia bị lần này.

Chung Anh túc căn sâu xa, nhưng tri thức chưa mở mang! Nửa đêm niệm Phật, thấy một vị thần mặc kim giáp, sợ bị ma thử thách, nên chẳng dám niệm. Sao mà

vô trí quá mức như thế? Phàm người niệm Phật chỉ nên chí thành, khẩn thiết, nhất tâm chánh niệm, trọn chẳng chuyên chú vọng tưởng thấy Phật hoặc thấy cảnh giới. Bởi lẽ, nếu tâm quy nhất, thấy Phật hay thấy cảnh giới đều chẳng đến nỗi lầm lẫn sanh hoan hỷ, rồi đến mức "được chút ít đã cho là đủ", trở thành lui sụt. Không thấy Phật, không thấy cảnh giới, cũng trọn chẳng thiếu sót gì. Tâm chưa quy nhất mà muốn gấp thấy Phật, thấy cảnh giới, đừng nói thấy cảnh ma, dẫu thật sự thấy cảnh Phật mà tâm lầm lẫn sanh hoan hỷ thì cũng bị tổn hại (nghĩa là "do sanh hoan hỷ bèn lui sụt"), chẳng được hưởng lợi ích. Hãy nên chú trọng chí thành niệm Phật, đừng ôm lòng mong tưởng thấy Phật hay thấy cảnh giới.

Nếu khi đang niệm Phật, chợt có tượng Phật và tượng Bồ-tát, tượng chư thiên hiện ra, tâm chỉ giữ chánh niệm, đừng sanh chấp trước. Biết tượng hiện ra ấy chỉ do tâm hiện, tuy hiển hiện vằng vặc phân minh, thật sự chẳng phải là một vật nào. Do tâm tịnh nên hiện ra cảnh tượng ấy, như nước thanh tịnh, trăng liền hiện bóng, chẳng có mảy may kỳ lạ, đặc biệt nào cả. Trọn chẳng sanh lòng khoe khoang, vui sướng, tâm càng thêm chuyên nhất, sốt sắng niệm Phật. Người làm được như thế thì đừng nói là "cảnh giới Phật hiện ra sẽ được lợi ích", dẫu ma hiện ra vẫn có lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng chấp trước, tâm có thể quy nhất. Phật hiện thì tâm càng thanh tịnh, ma hiện thì do tâm thanh tịnh chẳng chấp trước nên ma không thể quấy nhiễu được, tâm càng thêm thanh tịnh, đạo nghiệp tự tiến.

Nay ngẫu nhiên có chuyện biến hiện bèn sanh hoảng sợ, chẳng dám niệm Phật, tâm đã mất chánh niệm rồi. May mà chẳng phải là ma hiện! Nếu là ma hiện, vì không dám niệm Phật nên ma liền có thể nhập vào tâm khiếu, bị ma dựa phát cuồng, chôn vùi chánh niệm. Sao chẳng biết tốt xấu đến mức như thế? Sợ là ma hiện thì càng phải nên sốt sắng khẩn thiết niệm Phật, con ma ấy sẽ tự chẳng có chỗ dung thân. Như ánh sáng chiếu đến, tối tăm tự nhiên chẳng còn, chánh đến tà tự tiêu diệt. Sao lại sợ ma hiện bèn chẳng dám niệm Phật? May chẳng phải là ma, nếu quả thật là ma thì đã trao toàn quyền cho nó rồi. Pháp để tự mình đối trị hoàn toàn chẳng dùng tới, bỏ mặc cho ma khuấy, buồn thay, xót thay!

Niệm Phật ngẫu nhiên sanh lòng bi cảm, cũng là điều hay, nhưng chớ nên chuyên muốn dấy lên cảm tưởng ấy. Nếu tâm thường muốn dấy lên cảm tưởng ấy, chắc sẽ đến nỗi bị ma dựa, chẳng thể cứu được. Hãy nên giữ tâm như hư không, trọn chẳng có một vật gì trong tâm. Dùng tâm thanh tịnh ấy để niệm Phật thì sẽ tự chẳng có hết thảy cảnh giới. Dẫu có ma cảnh, nhưng do tâm ta như hư không, chẳng sanh kinh sợ, cứ niệm Phật, ma ắt tự tiêu. Nay sợ là ma, chẳng dám niệm Phật thì ví như sợ cường đạo kéo đến bèn trước hết tự mình đem những lính hộ vệ trong nhà chuyển đi phương xa, chẳng cho họ ở trong nhà. Đấy chính là đã

trao quyền bảo hộ cho cường đạo khiến chúng trọn chẳng sợ hãi gì, mặc sức cướp đoạt sạch sành sanh! Sao mà ngu si đến tột bậc như thế?

Văn Sao đã được in, ước chừng cuối năm nay có thể ra sách. Lúc này hãy nên từ từ. Quyển trung và hạ của Tâm Kinh do lũ đồ đệ ma ngụy tạo; ông nói Cư sĩ lâm biếu tặng sách ấy, Quang chưa từng thấy, chắc là chưa từng được kiểm duyệt chăng? Loại sách ấy vạn phần chớ nên lưu thông! Nếu không, sẽ làm hại chánh nhãn của người khác, tội chẳng nhỏ đâu! Ông X… quen thói thế tục, quả thật là một vết nhơ cho pháp môn.

Trong Nhất Hạnh Cư Tập, chỉ một đoạn nói về chế ngự tà dâm là chẳng nể nang hai chúng tại gia thuộc tông Thiên Thai. Sợ ông chưa xét tường tận, chẳng hiểu được bản ý của ông ta (tức Bành Thiệu Thăng). Nay cũng không cần phải tìm tòi, kiểm lại. Giới ấy do đức Phật chế, ngài Thiên Thai đề cao Phật mà soạn lời sớ giải; Bành cư sĩ nào dám nêu bừa ý kiến ức đoán. Chẳng qua tự mình muốn thực hành tuyệt dục, thật sự khế hợp sâu xa tâm Phật. Như vì muốn có người nối dòng mà làm chuyện vợ chồng thì cũng chẳng trái nghịch Phật giới. Nhưng để cầu có con nối dòng thì mỗi năm làm một lần, hễ có con nối dòng bèn nên thôi. Nếu viện cớ Phật chẳng ngăn cấm chánh dâm, hằng ngày thường làm, thì đối với đạo, với Phật, với danh phận của chính mình đều trái nghịch. Ý nghĩa của chữ "thiện túc" (khéo ngủ) chính là thường ngủ một mình, hoặc vì để cầu con mà tạm chung đụng một phen. Sao ông lại chấp chết cứng là "ngủ chung với nhau như chuyện ăn cơm, uống trà bình thường trong nhà?" Sao lại chẳng biết đạo lý tới mức thế ấy?

Xin hãy nói với Chung Anh, đừng xử sự như gã si thì mai sau ắt sẽ có lợi ích lớn lao (ý nói nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước dày và vãng sanh Tây Phương; chứ không phải là nói tới cảnh giới). Đã gởi xong 27 bộ Đại Sĩ Tụng trong hai lượt, tức trong ngày 31 tháng 5 và mồng 5 tháng 6 dương lịch. Đã giao hết sách cho Tôn Trí Trạch và cha ông rồi. Do in tới một vạn bộ, người đứng ra in nhiều thì giao trước một ít, những người bỏ tiền ít sẽ giao hết để khỏi tốn công. Sách được giữ tại hội quán ở Thiên Tân.

(Ngày mồng 2 tháng 6 năm Ất Sửu - 1925).

335. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ bảy)

Nhận được thư khôn ngăn vui mừng, an ủi. Pháp danh của cha ông trùng với tên lót của các cháu, hãy nên đổi thành Pháp Hòa, hòa (和) là hợp, tức là phỏng theo Quán Âm Bồ-tát trên hợp với bản giác diệu tâm của mười phương chư Phật, dưới hợp với ý đau xót ngưỡng mộ đồng nhất của mười phương hết thảy chúng

sanh. Xin hãy làm cho cụ chân thật sanh lòng tin phát nguyện thì lợi ích do nghe đạo mới trở thành sự thật được. Nếu không, chẳng sanh Tây Phương, dẫu có phước báo trời người thì phước báo ấy hệt như sương buổi sớm, trong khoảnh khắc chẳng còn, có ích chi đâu? Vợ ông đã phát tâm niệm Phật, hãy nên chuyên chú trọng niệm Phật, trong khi tịnh tọa cũng nên niệm thầm trong tâm thì mới không mắc khuyết điểm nào.

Sợ rằng cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã là cách vận khí, bởi lẽ phàm hết thảy ngoại đạo đều lấy vận khí luyện đan làm bí quyết, chẳng chịu nói với kẻ chưa nhập môn, bọn họ chẳng biết đấy vốn là pháp để dưỡng sắc thân, chẳng ăn nhập gì với đạo cả. Đức Phật dạy người đoạn trừ phiền não tập khí, minh tâm kiến tánh, nhưng chúng sanh nghiệp sâu tuệ cạn chưa thể chứng đắc ngay trong đời này, cho nên ngài mở toang phương tiện lớn lao, dạy chúng sanh tín nguyện niệm Phật để mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Cách tịnh tọa của bọn họ (tức Đồng Thiện Xã) chẳng thể gọi là thiền định được! Thiền có nghĩa là tịnh lự. Do bọn họ chẳng biết ý nghĩa của danh từ thiền, nhận bừa danh xưng thuộc chánh pháp, nhưng trong tâm xen tạp những vọng tưởng của tà ma, ngoại đạo, cho nên bị ma dựa phát cuồng (Luyện đan, vận khí, cầu thần thông, thấy thần, thấy quỷ, trong tâm ý niệm suy lường tưng bừng, làm sao có thể là tịnh được?)

Cần biết rằng, đức Phật dạy con người chuyên chú cực lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay niệm Phật, trọn chẳng có điều gì không thể nói với người khác được. Cái đạo "đóng cổng, khóa cửa, truyền dạy riêng cho nhau" của họ, đừng nói trong ấy có những điểm xấu, ngay như cho rằng pháp luyện đan vận khí là chánh đáng đi nữa thì đấy cũng chẳng phải là đạo để liễu sanh tử. Huống chi chưa chắc là chánh đáng ư? Xin hãy chuyên tu tịnh nghiệp, khi tịnh tọa bèn lắng lòng, thầm niệm Phật hiệu, đừng xen thêm công phu của bọn họ thì sẽ chẳng trở ngại gì!

(Ngày mồng 7 tháng 11 năm Ất Sửu - 1925)

336. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tám)

Có thể nói là mẹ ông đã có thiện căn từ đời trước, nên mới được cả nhà ông niệm Phật hộ niệm lúc cụ lâm chung. Nếu những lời ông kể về các tướng trạng lúc cụ sắp mất và sau khi đã qua đời đều là chân thật chẳng dối thì chắc chắn cụ được vãng sanh. Nếu là lời đơm đặt sẽ chẳng có ích gì cho mẹ, ngược lại còn mắc lỗi lớn! Ông chỉ nên bớt đau buồn để niệm Phật và bảo người nhà đều cùng niệm Phật. Tuy nói là "vì cầu siêu cho mẹ mà niệm", nhưng thật ra đem so với việc chỉ

niệm cho chính mình thì công đức càng lớn hơn nhiều lắm. Dùng những điều này để bảo ban, họ sẽ đều phát lòng hiếu thảo. Trong khóa tụng sớm tối, Quang sẽ hồi hướng cho mẹ ông bảy ngày để trọn hết tình bạn.

Người đời nay đa số hiếu danh, khi cha mẹ đã khuất bèn viết truyện, soạn ký, đều là màu mè rỗng tuếch! Chỉ nên dốc hết sức tu trì để cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ lập tức được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Đấy mới là nhiệm vụ trọng yếu nhằm trọn hết tấm lòng của kẻ làm con đối với cha mẹ, những chuyện khác đều nhằm làm inh tai rộn mắt thế tục mà thôi. Cha ông tuổi đã cao, hãy gấp dốc sức khuyên cụ siêng tu để khỏi kém sút mẹ ông. Đời người chuyện gì cũng có thể nhường người khác được, chỉ có chuyện này chẳng thể nhường ai, vì thế Khổng tử nói: *"Đương nhân bất nhượng ư sư"* (Gặp việc nhân thì phải làm, dẫu thầy mình cũng không nhường)[388]. Ông nói đến chuyện "giấy vàng viết thần chú bằng tiếng Phạn", lẽ đâu không có lợi ích! Nhưng cái gốc của lợi ích nằm nơi lòng thành, nếu có lòng thành thì lợi ích càng lớn; nếu luông tuồng như trò đùa trẻ con thì lợi ích sẽ nhỏ nhoi lắm. Tục ngữ có câu: *"Nhân tâm quả thành, kim thạch vị khai"* (Lòng người nếu thành thật, sắt đá cũng phải cảm động), huống là Phật, Bồ-tát há chẳng cảm ứng ư? Chung thất (lễ 49 ngày) thỉnh tăng niệm kinh, cũng nên đổi thành niệm Phật. Nếu có vị tăng thanh tịnh thì được; chứ nếu chỉ có loại tăng ăn mặn uống rượu thì hãy nên dành khoản tiền ấy để giúp đỡ người gặp cảnh ngặt nghèo. Chỉ cần gia quyến niệm Phật mà thôi, cần gì phải bắt chước làm theo khuôn sáo thế tục? Cũng không nhất định phải tới Phổ Đà. Hễ thuận tiện thì tới; nếu không, đừng tới! Thấy mặt Quang trọn chẳng ích lợi gì! Do vậy, chẳng thà chuyên tâm y theo Văn Sao để hành còn tốt hơn.

Hiện thời thế đạo nhân tâm bại hoại đến cùng cực, không thể vãn hồi, chỉ có cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình để làm cơ duyên xoay chuyển. Giáo dục trong gia đình cũng phải chú trọng nhân quả báo ứng. Dạy dỗ con gái nên kèm thêm chuyện ăn chay, bởi lẽ cõi đời thiếu người hiền là vì trong thế gian thiếu mẹ hiền. Nếu con cái từ bé đã được mẹ hiền dạy dỗ, un đúc thành tánh thì sau này ắt sẽ có thể giúp chồng thành tựu phẩm đức, dạy con cái đều thành người hiền. Nữ nhân lấy việc giúp chồng dạy con làm thiên chức, trách nhiệm ấy so ra càng nặng nề, to lớn hơn nam nhân. Người đời chẳng biết giảng nói, suy xét nơi đây, cứ lầm lạc muốn cho nữ nhân tham dự chuyện chánh trị giống như đàn ông, chẳng biết sự vụ đến mức tột bực như thế đó. Do vậy, cõi đời ngày một hết sức loạn lạc, người hiền ngày một hiếm hoi!

---

[388] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Luận Ngữ Giảng Yếu. Ý nói: hễ gặp việc nhân đáng làm thì bèn dũng mãnh làm ngay, không chần chừ.

(Ngày mồng 9 tháng 9 năm Dân Quốc 15 - 1926)

337. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ chín)

Nhận được thư ông và thư của Mân Phật Hóa Xã, cùng với bài ký tường thuật đại cương những chuyện quan trọng, hiểu rõ đường lối của Phật Hóa Xã là chánh đáng, nhưng còn thiếu chuyên chú nơi một môn Tịnh độ để mong thoát lìa thế gian Sa-bà ngay trong đời này. Chương trình hoạt động, đào tạo của Phật Hóa Xã vẫn chưa thể quyết đoán. Qua chương trình học tập nghiên cứu dành cho nữ giới, biết xã hữu vẫn học tràn lan, chưa hiểu rõ tột cùng đạo lý Tịnh độ. Bọn họ đã chịu quy y, hãy nên trần thuật đại lược những nghĩa trọng yếu, những điều khác hãy bảo họ đọc trong Văn Sao.

Liên Anh hiếu thảo sâu đậm, thật đáng khâm phục, kính trọng. Ngộ Chánh nói "chẳng hồi hướng vẫn được lợi ích lớn lao", lời này không thỏa đáng! Bởi lẽ, phàm phu thiếu sức chánh niệm hồi hướng thì những gì đã tu sẽ đều quy về phước báo trời người. Không hồi hướng mà có thể khiến cho cha mẹ đã khuất từ lâu được hưởng lợi ích siêu độ thì chỉ có bậc thánh nhân đắc đạo mới có thể làm như thế được. Lời của Ngộ Chánh đã nói chính là lẫn lộn giữa thánh và phàm, coi cả hai giống hệt như nhau, chớ nên nghe theo. Hễ nghe theo thì đừng nói là không được vãng sanh, ngay cả phước báo nhân thiên cũng chẳng ổn thỏa. Bởi lẽ, không có cảm thì sẽ chẳng thể cậy vào Phật lực; nếu chỉ nhờ vào sức tu trì của chính mình thì so ra sự cơ cảm ấy sẽ khác xa vời vợi sự cơ cảm do lòng thành tạo nên. Còn như nói nhìn vào hạnh nguyện, đạo lực của con cái để phán đoán sự vãng sanh thì còn có đạo lý, nhưng cũng chẳng thể chấp chặt hẹp hòi một bề, cho là chính mình được thượng phẩm thượng sanh, còn cha mẹ thuộc hạ phẩm. Do tâm nguyện của con cái, do túc căn của cha mẹ và sự phát tâm trong hiện tại nên mỗi trường hợp đều khác biệt.

Khuyên điểm[389] kinh điển thì phải thành, phải kính. Nếu làm theo cách của kẻ học vấn lão luyện chấm câu cho văn chương thì quả thật cái tội khinh nhờn thật nhiều, hãy nên răn dè! Nói chung, ai nấy đều phải chú trọng sự thật. Những kẻ xướng ra những thuyết lạ lùng, hủy báng Lăng-nghiêm, Khởi Tín đều do cái lòng ham danh gây ra, mong được thiên hạ hậu thế xưng tụng mình bằng hư danh "là bậc đại trí tuệ, là vị biết được chỗ kẻ khác chẳng hiểu biết", chứ chẳng biết trong đời này bị người sáng mắt xem là kẻ đáng thương xót, khi mất đi sẽ đọa trong ác đạo vĩnh viễn, không có lúc thoát khổ. Cái danh khiến cho con người bị lầm lạc đến mức như thế đó.

[389] Ý nói đặt dấu chấm câu vì sách vở tiếng Hán viết theo lối xưa không có dấu chấm câu.

Cháu ông và các cư sĩ vốn đều có thiện căn từ đời trước, cho nên biết được chánh lý của Phật pháp, chẳng bị ngoại đạo mê hoặc. Bọn họ đã gởi thư xin quy y, sẽ đặt pháp danh cho từng người và gởi thư cùng chương trình thẳng sang Phước Châu. Bản Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên sắp được xếp chữ xong, hiện thời tăng thêm 110 trang, sẽ in trong tháng 2 hay tháng 3. Nếu muốn kết duyên, xin hãy gởi thư sớm. Lần này sách dày hơn 400 trang, lại do gần đây giấy đắt, mỗi bộ giá khoảng chừng bảy tám cắc hoặc tám chín cắc. Do chưa xếp chữ xong nên chưa thể định giá được. Nếu để lỡ dịp in chung lần này, sau này thỉnh sẽ đắt hơn nữa.

338. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười)

Nhận được thư đầy đủ, lời khải quyên mộ cho điện Ngọa Phật[390] rất hay, nhưng cũng khó thể nào phục hưng được vì các xứ đang gặp phải tai nạn đao binh, lo cứu mạng cho những nạn nhân còn không xuể, sức đâu lo đến chuyện này! Quang gởi thư và bốn gói Đại Sĩ Tụng cho Phước Châu Phật Hóa Xã vào ngày mồng 10 tháng Giêng, lại kèm thêm một gói chương trình, bản ghi chép những chuyện quan trọng trong Phật Hóa Xã và bốn bộ Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, đặc biệt gởi bằng thư bảo đảm, nhưng trọn chẳng có hồi âm. Ngày 22 tháng 2 lại gởi thư cho La Khanh Đoan, hỏi đã nhận được sách và thư hay chưa, đến nay vẫn chẳng có hồi âm. Do chiến sự, Văn Sao bị chậm trễ chưa xong. Gần đây, đường thư tín sang Thượng Hải vẫn còn thông suốt, nhưng mấy lần gởi thư sang Thư Cục đều chẳng thấy hồi âm, rốt cuộc chẳng biết là như thế nào!

Khoản tiền 50 đồng để in sách như đã nói đó, hãy nên gởi sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, giao cho hòa thượng Chân Đạt, đừng gởi tới Phổ Đà. Đường bưu điện lẫn hối đoái tại Phổ Đà đều chẳng thông. Nếu chuyển tiền sang Định Hải hoặc Ninh Ba, vẫn phải nhờ người đi lãnh, rất bất tiện! Gởi sang Thượng Hải là ổn thỏa nhất. Hiện nay tình thế đại loạn vừa mới dấy lên, hãy nên tích cực niệm Phật. Ngoài chuyện này ra, chẳng có điều gì để dặn dò nữa.

339. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười một)

Thư nhận được đầy đủ, vui mừng, an ủi tột bực. Nay gởi một gói Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Cuốn Tâm Kinh Khẩu Nghĩa được in ở Thượng Hải chính là theo nguyên bản của cư sĩ Đường Đại Viên. Bản do cư sĩ Trần Chánh Hữu thuộc Thiên

[390] Đây là cách gọi thông tục của *Niết-bàn đường* trong các ngôi đại tự. Do trong điện ấy thờ tượng Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật nằm trong rừng sa-la trước khi nhập Niết-bàn nên dân gian quen gọi là ngọa Phật (Phật nằm). Khải（啟）là một lối văn trình tấu của cấp dưới gởi lên cấp trên. Tờ khải nói ở đây là bài văn kêu gọi bá tánh quyên góp tu bổ điện Ngọa Phật.

Tân Lưu Thông Xứ đứng ra in đã được Quang sửa chữa đại lược, so với nguyên văn của ông ta thì thông suốt hơn, xin hãy thỉnh từ Phật Kinh Lưu Thông Xứ. Văn Sao đã được in, sách sẽ được giao ra vào ngày hai mươi mấy và sẽ gởi đến những người chịu trách nhiệm in.

Tôi vốn muốn qua Thượng Hải vào cuối tháng 4 để sắp xếp in Đại Sĩ Tụng, nhưng về sau có chuyện phải trì hoãn, lại thêm phong trào đình công của công nhân đang sôi nổi, phải đợi khi phong trào lắng xuống mới đi được. Sẽ ra sách trong năm sau, đây là dự tính đem in trong thời gian gần. Nếu nhất thời chẳng bình yên được, càng chẳng biết sẽ phải trì hoãn bao nhiêu lâu nữa. Thư của Hàn Giang trong phần ký tên ở cuối thư chỉ viết là "cẩn thượng" (kính trình), trước đấy Quang chưa đọc kỹ, đến khi đã phúc đáp rồi mới trông thấy nên phê vào cuối thư. Ông ta chẳng những không biết Phật pháp, mà ngay cả những lối cư xử thông thường cho đẹp lòng người trong thế gian cũng chẳng hiểu biết. Hỏi Phật pháp với người khác mà ngạo nghễ như thế, há người như vậy có thể đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư? Cũng chẳng qua là góp phần náo nhiệt mà thôi!

Ông ta tính tự đặt pháp hiệu là Thiện Căn, Quang đặt tên cho ông ta là Huệ Hải. Đấy chẳng phải là đặt pháp danh quy y cho ông ta, vì ông ta chẳng xin quy y. Dẫu có xin cũng không chấp nhận, vì tâm ông ta chẳng chịu nhún nhường, cho nên không thật tình quy y. Phàm thư từ gởi đến, mặc cho người gởi ngạo nghễ như thế nào Quang đều trả lời, đáng quở trách thì quở trách, hễ cần phải nói thẳng thì chẳng cần biết người ta có cung kính hay không cứ nói thẳng. Nếu ai gởi thư xin quy y mà chẳng chịu nhún mình bèn cự tuyệt chẳng chấp nhận. Cũng có người gởi thư khẩn cầu lần thứ hai, nhưng cũng có kẻ chẳng trả lời thư Quang gởi đến nữa. Lễ giáo suy vi đáng than thở thay!

340. Thư trả lời cư sĩ Huệ Minh

Cụ già 83 tuổi tháng ngày chẳng còn mấy, vận nước của Trung Hoa Dân Quốc nguy ngập như trứng chồng. Gặp nhằm hai chuyện này (tức tuổi đã 83 và vận nước nguy ngập), hãy nên miệt mài niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại còn phải suất lãnh người nhà nhất trí niệm Phật để dự bị khi ông qua đời bọn họ có thể trợ niệm. Lại còn phải dặn đi dặn lại lúc ông lâm chung họ chớ nên tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện (những điều này hãy nên giao phó sẵn), an ủi, khóc lóc v.v.. Mặc cho khi ấy ngồi chết cũng được, nằm chết cũng xong, mọi người đồng thanh niệm Phật; niệm mãi cho tới hơn ba tiếng đồng hồ sau khi tắt hơi rồi mới sắp đặt hậu sự, muôn phần đừng làm quá sớm. Không riêng gì người già chết nên như thế, mà ngay người trẻ tuổi chết cũng nên như thế. Đấy chính là một đại sự

khẩn yếu nhất lúc cuối cùng. Nếu chẳng tập luyện sẵn và nói sẵn lẽ lợi hại, chưa có ai chẳng bị quyến thuộc vì phô trương mù quáng mà làm hỏng chuyện.

Một pháp niệm Phật chính là pháp môn lớn nhất để Phật phổ độ hết thảy chúng sanh. Nếu gặp nguy hiểm, hễ niệm liền có thể gặp dữ hóa lành; lúc vô sự mà niệm sẽ tiêu tai, tăng phước, nhưng cần phải cầu sanh Tây Phương thì mới là lợi ích lớn lao rốt ráo. Chín trang pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, những pháp danh như Tông Viễn, Tông Trì v.v. đều nhằm dạy người quy y sùng phụng, noi theo các vị tổ sư hoằng dương Tịnh độ thuở trước. Tông (宗) là gốc, là chủ, Viễn (遠) chính là đại sư Viễn công đời Tấn (tên là Huệ Viễn), là Sơ tổ của Liên tông. Trì (持) chính là em của ngài, tức Huệ Trì[391]. Vĩnh (永) là Huệ Vĩnh[392]. Xước (綽) chính là Đạo Xước. Chiếu (照) là Pháp Chiếu. Loan (巒) là Đàm Loan, chữ Loan (巒) cũng có khi viết là Loan (鸞). Đạo (道) là ngài Thiện Đạo. Tức là dạy họ nương theo các vị đại tổ sư trong Liên tông để tu trì. Đứa cháu nội bé có tên là Phước Hà: phước đã cao xa, thọ ắt dài lâu! Những tên khác không cần phải giảng giải. Vương Ấu Nông chưa hề quy y, vợ và đứa con thứ tư đều quy y. Đứa con thứ hai và một cô con gái chưa quy y. Nay gởi mười gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, gồm một trăm mấy chục cuốn, bảo những đứa trẻ ngây thơ đọc tụng, lại còn giải nói cho chúng, sau này chúng sẽ chẳng đến nỗi không biết nhân quả, dấn mình vào lối mòn của hạng người trộm cướp.

---

[391] Huệ Trì (337-412) sống vào đời Đông Tấn, người xứ Lâu Phiền, huyện Nhạn Môn (Sơn Tây), em trai ngài Huệ Viễn, thông minh mẫn tiệp từ bé, có văn tài. Năm 18 tuổi theo anh xuất gia với ngài Đạo An, học trọn khắp Tam Tạng và ngoại điển. Sau theo anh về Lô Sơn. Sư rất được Lang Nha Vương là Tư Mã Tuân coi trọng. Khi ấy, do ngài Tăng Già La Xoa khéo tụng bộ Tứ A Hàm, Vương liền sai Ngài giảo duyệt kinh văn, giảng nói kinh Pháp Hoa, A Tỳ Đàm Luận. Năm Long An thứ ba (399), Sư nghe nói núi Nga My ở Ba Thục rất thù thắng, ý muốn sang thăm, bèn đi sang phương Tây đến Thành Đô, nghỉ tại Long Uyên Tinh Xá, hoằng dương Phật pháp, đại chúng khâm phục nên mỗi khi Ngài lên pháp tòa giảng mọi người đều gọi là Đăng Long Môn. Lúc Sư thị tịch, dạy đệ tử rằng: *"Kinh dạy: 'Giới như đất bằng, mọi điều thiện đều do đấy mà sanh!' Các ông đi, đứng, nằm, ngồi đều phải cẩn thận!"*

[392] Huệ Vĩnh (332-414), sống vào thời Đông Tấn, người xứ Hà Nội (tỉnh Hà Nam), xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngài Trúc Đàm Hiện, về sau theo ngài Huệ Viễn đến học với ngài Đạo An. Sư muốn cùng ngài Huệ Viễn sang núi La Phù, nhưng ngài Huệ Viễn bị Đạo An giữ lại, nên đến niên hiệu Thái Nguyên đời Đông Tấn, Huệ Vĩnh đi sang La Phù trước. Đến Tầm Dương, Sư được người trong quận ấy là Đào Phạm giữ lại trụ trì chùa Tây Lâm tại Lô Sơn. Không lâu sau, ngài Huệ Viễn cũng đến. Đại chúng nghe danh, tụ tập về quá đông, phải lập thêm Đông Lâm tinh xá. Sư bèn lập riêng một thảo am trên đỉnh núi để tiện thiền quán, tu trì. Những người đến bên am tranh đều ngửi thấy mùi hương lạ, bèn gọi nơi ấy là Hương Cốc. Sư sống cùng một con hổ trong am ấy; hễ có ai đến, Sư bèn đuổi hổ chạy lên núi. Người đi rồi, hổ lại về chầu hầu bên cạnh. Sư rất thích nghiên cứu kinh điển, giảng nói rất giỏi, vẻ mặt tươi cười, chưa hề nói lời thương tổn ai. Cơm xoàng, áo vải, siêng năng tinh tấn, khổ hạnh, nguyện sanh Tây Phương. Năm Nghĩa Hy thứ mười (414), Sư thị hiện bị bệnh nhưng trì giới không xao nhãng, khi lâm chung tự đắp y, chắp tay, bảo đại chúng: "Phật đến rồi đó!" Nói xong, tươi cười qua đời, thọ 83 tuổi. Đại chúng trong núi đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày mới tan.

341. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết đứa con thứ của ông bị chết yểu. Khi gặp tình cảnh ấy, lòng người thường khởi lên oán hận, sanh biếng nhác. Hãy nên biết rằng: "Đời người nhân quả phức tạp, hễ có nhân, ắt có quả; hễ có quả, quyết chẳng thể không có nhân!" Biết "nhân trước quả sau" sẽ chẳng sanh oán hận, biết "đức cảm được trời" ắt chẳng đến nỗi gặp nghịch cảnh nhỏ nhoi bèn biếng nhác tu tâm. Ví như trời lúc thoạt đầu thì nóng, chợt đột nhiên mát rượi; hoặc thoạt đầu đang mát, chợt lại nóng hừng hực. Đấy chính là biến động tạm thời, chứ không phải lúc nào cũng thường như thế. Chỉ tận hết tấm lòng ta để tu, chẳng cần bận tâm ta gặp phải nghịch cảnh hay thuận cảnh. Người làm được như thế, ắt sẽ vĩnh viễn hưởng nhiều phước. Nếu do gặp chuyện nhỏ chẳng vừa ý bèn nói "tu trì vô ích", đấy chính là tri kiến của kẻ vô tri vô thức. Dẫu cho cả đời không gặp chuyện gì trái ý, cũng khó thể đạt đến địa vị "trọn hết bổn phận, vui theo mạng trời".

Nếu có thể tu trì không lười, ắt sẽ sanh được đứa con tốt lành sống lâu, đức hạnh. Nếu chẳng cần biết tốt xấu, chỉ cốt sao nó không chết yểu, lỡ nó vơ vét mỡ màng của trăm họ để cất giữ trong ngân hàng ngoại quốc, cũng như gặp phải đứa giết cha giết mẹ; có đứa con yêu chẳng bị chết yểu kiểu đó có bao giờ là may mắn đâu! Thứ con cái không ra gì ấy nếu chết yểu chính là do đức lớn cảm thành, bởi nó không chết yểu sẽ khiến cho nhân dân cả nước lầm than. Nếu trong lúc đó những đứa con thuộc loại ấy chết yểu hết sạch thì nước ta đâu đến nỗi hết thuốc chữa chỉ còn đợi chết ư? Chỉ nên lắng lòng niệm Phật để tiêu nghiệp hòng chiêu cảm tốt lành.

(tháng 9 năm Quý Dậu - 1933)

342. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ hai)

Ngữ lục của lệnh tổ[393] không liên quan gì với Sơn Chí. Nếu là bài minh trên tháp hoặc tiểu truyện thì có lẽ còn cần đến, chứ đối với hình tượng thì cổ đức các đời đều không có điện thờ, hình ảnh, dù có gởi đến cũng chẳng tiện sắp đặt. Bởi lẽ Linh Nham hiện thời hoàn toàn chẳng kế thừa Linh Nham xưa kia. Sau loạn Hồng Dương[394], chùa chỉ còn lại một cái tháp nát, những thứ khác đều cháy sạch ra tro. Huống chi pháp môn nhà chùa hành trì hiện thời là Tịnh độ, lệnh tổ là bậc tri thức trong Thiền tông. Luận về phía chùa miếu thì không phải là thừa kế, luận theo phương diện pháp đạo thì là môn đình khác. Ví như ngồi thuyền đi đường

[393] Tiếng gọi ông nội người khác với hàm ý tôn kính.
[394] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh là những lãnh tụ phiến loạn hàng đầu của Thái Bình Thiên Quốc nên sử thường gọi là loạn Hồng Dương.

thủy hoặc ngồi xe theo đường bộ, sau khi về đến nhà thì hoàn toàn giống nhau, nhưng xét trên đường đi thì mỗi cách mỗi khác. Người đời nay chẳng phải là đại thông gia, trọn chớ nên nói lời viên dung, chỉ mong sao dễ nghe, đến nỗi không được lợi ích thật sự. Trữ công[395] chính là đệ tử cao nhất của sư Hán Nguyệt Tạng[396], Hán Nguyệt muốn làm cao nhân bậc nhất xưa nay, hết sức kình chống tổ Thiên Đồng Mật[397]. Bọn Hoằng Nhẫn, Cụ Đức v.v. đều là phường khinh miệt tổ. Trữ công vẫn không có thứ tập khí ấy, đúng là bậc đáng cho người đời sau khâm phục, kính trọng vậy!

(Tháng 2 năm Giáp Tuất - 1934)

343. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ nhất)

Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - tuệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi thì mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới

[395] Trữ công ở đây chính là ngài Hoằng Trữ (1605-1672). Sư thuộc tông Lâm Tế sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người Thông Châu, Giang Nam, pháp tự Kế Khởi, pháp hiệu Thoái Ông. Thuở nhỏ gia đình gặp cảnh tai biến, được bà nội đem về nuôi dưỡng. Sư tuy chăm học nhưng không ham công danh, chí mộ Phật pháp, thích đạo Thiền, lãnh hội Phật pháp. Năm 25 tuổi, sư xuất gia với Hán Nguyệt Pháp Tạng, siêng tu nhọc nhằn, đắc ngộ tâm pháp. Sư thông hiểu học thuyết của bách gia chư tử, học vấn tinh thâm, tư cách đoan nghiêm, khiến đại chúng rất ngưỡng mộ. Sư tưởng nhớ nhà Minh, thường mong khôi phục. Khi quân phản Thanh phục Minh dấy lên ở vùng Ngô - Việt, sư nhiều lần ám trợ, từng bị bắt giam, sau được nghĩa sĩ cứu ra. Mỗi năm vào ngày vua Sùng Trinh tuẫn tiết, sư đều mặc tang phục, lễ bái, khóc lóc. Suốt 28 năm đều giữ đúng lệ như vậy. Đệ tử nổi tiếng dưới tòa có cả hằng trăm người. Sư thị tịch năm Khang Hy mười một (1672), thọ 68 tuổi. Sư còn để lại các trước tác như Ngữ Lục (100 quyển), Nam Nhạc Kế Khởi Hòa Thượng Ngữ Lục (10 quyển), Nam Nhạc Lặc Cổ, Linh Nham Ký Lược.

[396] Hán Nguyệt Pháp Tạng (1573-1635) là đệ tử của ngài Mật Vân Viên Ngộ, sống vào cuối đời Minh, xuất gia từ năm 15 tuổi. Năm Thiên Khải thứ tư (1624) đến chùa Kim Túc, yết kiến ngài Mật Vân, được ấn khả. Sư cực thông minh, rất có biện tài, nhưng lại lập ra dị thuyết, soạn ra bộ Ngũ Tông Nguyên, chỉ trích mạt sát nặng nề tông Tào Động, coi bốn tông kia là đọa lạc, đều không hiểu tông chỉ nhà Thiền, chỉ riêng tông Lâm Tế là nắm được yếu lãnh của Lục tổ. Luận thuyết của sư khiến cho thiền đức các tông thời ấy tranh luận ồn ào. Ngài Viên Ngộ nhiều lần gởi thư khuyên răn sư hãy bỏ luận thuyết dị kỳ ấy, nhưng sư không thèm nghe theo. Sư chết năm Sùng Trinh thứ tám (1635), thọ 62 tuổi. Tác phẩm Ngũ Tông Nguyên gây nên tranh luận kéo dài mãi đến đời Thanh, vua Ung Chánh phải viết Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục vạch ra những điểm sai lầm trong cuốn sách nói trên và hạ lệnh cấm tuyệt lưu hành Ngũ Tông Nguyên, nhưng do đồ đảng của Hán Nguyệt đến lúc ấy vẫn còn rất đông nên cuốn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục không được đưa vào Đại tạng. Hoằng Nhẫn và Cụ Đức đều là đệ tử của Hán Nguyệt. Hoằng Nhẫn còn cực đoan, đả phá các phái Thiền khác gấp mấy lần Hán Nguyệt.

[397] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đời Minh, thụy hiệu là Huệ Định Thiền Sư. Ngài là con nhà nông, do tình cờ đọc Lục Tổ Đàn Kinh bèn ham chuộng pháp Thiền. Một ngày nọ đang chất củi bỗng tỉnh ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền tại chùa Long Trì. Năm Vạn Lịch 30 (1602), ngài Chánh Truyền lên kinh đô, giao cho sư làm Giám Viện chùa Vũ Môn. Một hôm, trong khi đi ngang qua núi Động Quan, ngài chợt khai ngộ. Năm Vạn Lịch 39 (1611), được Huyễn Hữu trao y bát. Ngài lần lượt làm trụ trì nhiều đạo tràng Thiền tông nổi tiếng, do thời gian ngài làm trụ trì chùa Thiên Đồng lâu nhất nên thường được gọi là Thiên Đồng Mật. Ngài được coi là người có công trung hưng tông Lâm Tế, đệ tử đến hơn ba vạn người. Sư thị tịch năm Sùng Trinh 15 (1642) tại chùa Huyền Thông, thọ 76 tuổi.

nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đấy chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! May mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tưởng vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào. Đợi khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái. Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dày thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sẩy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dẫu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc sanh ra đứa con bấy bớt, đoản mạng, chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đổ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kể ra là may mắn lớn!

Lại phải giữ tấm lòng từ thiện, lợi người lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phàm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm. Đầy ắp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bừng bừng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" (hãy nên niệm theo cách này), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam-mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ-tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao. Ông giữ tấm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tấm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng, những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh.

Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí. Nữ nhân hễ cấn thai chớ nên nổi nóng, hễ nổi nóng đùng đùng sẽ bị sẩy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa, nếu nổi nóng đùng đùng thì sữa liền biến thành chất độc. Trẻ bú sữa ấy nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết. Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm! Chính mình cho con bú hoặc mướn vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống, đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú. Lúc cho bú trước hết phải vắt sữa ra chừng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú thì trẻ sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bừng bừng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú, nếu cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng. Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ, gần đây do từng trải mới biết mối họa này.

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn, sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là chính mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế.

344. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ hai)

Nhận được thư của ông hồi tháng 9, Quang lấy cớ già cả, không có mục lực và tinh thần để từ chối. Hiện thời binh lính, giặc cướp tràn ngập trên đường, thư từ, bưu kiện thường khó đến nơi. Lá thư kế tiếp gởi trả lại điệp văn của ông chưa nhận được, lá thư vào tháng 12 thì nhận được. Quang chẳng nghĩ biện pháp của ông là đúng lắm. Tính đến khoảng tháng 2 khi không có chuyện gì, sẽ soạn một chương trình cầu con nối dõi. Trước hết, dạy người cầu có con nối dõi tiết dục, tu đức để bồi đắp tiên thiên. Kế đó bảo họ niệm Phật, Bồ-tát để cầu có được đứa con phước đức, trí tuệ. Tiếp đấy, khuyên họ tích cực giáo huấn con cái từ lúc bé để chúng trở thành hiền thiện. Như thế thì càng nhiều con càng hay. Nếu không, chẳng tiết dục, dẫu có sanh được con, cũng thuộc hạng bấy bớt, không nên cơm cháo gì! Chẳng giáo huấn sẽ nuôi thành phường bại hoại, làm nhục tổ tông, chẳng thà không có con còn tốt hơn. Nếu Quang soạn hoàn chỉnh chương trình ấy rồi

thì sẽ đem gởi tới; xin đừng gởi thư tới nữa! Chậm nhất là Quang sẽ giao thư cho bưu điện vào cuối tháng 2. Đây là thứ văn tự chẳng cần ngay lập tức nên không cần phải miệt mài soạn cho xong.

345. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ ba)

Năm ngoái tôi gởi thư cho ông nói có thể gởi chương trình cầu con vào cuối tháng 2, gần đây do lão hòa thượng Chân Đạt đã hơn ba năm chưa gặp mặt, nay ngài bèn cùng các đệ tử quy y thuở trước và pháp sư Đức Sâm đến núi trong ngày 20 tháng này, do vậy không rảnh rỗi để viết lách. Tôi đã nói với pháp sư Đức Sâm bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán chế bản kẽm. Quang bỏ ra 50 đồng để làm chi phí chế bản, chắc cũng đủ dùng. Bản kẽm làm xong sẽ cất ở chỗ pháp sư Đức Sâm tại Thượng Hải, ngõ hầu tín sĩ có thể ấn loát bất cứ lúc nào. Đợi khi bản kẽm được chế hoàn chỉnh sẽ cậy họ tạm định một giá. Ông thỉnh bao nhiêu sách đó thì hãy gởi bưu phiếu qua bưu điện về chùa Thái Bình ở đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải, tiếp xúc với pháp sư Đức Sâm. Sợ rằng càng về sau này, giấy càng đắt hơn, giá sách càng về sau này càng đắt hơn, chẳng thể dựa theo giá in lúc đầu được. Nếu ông lo liệu chuyện này, quyết khó thể mỗi chuyện đều đúng pháp được. Sư Đức Sâm giúp Quang giảo chánh, đối chiếu mười mấy năm, chắc chắn mỗi mỗi đều đúng như pháp. Chỉ có điều sách in ra có gởi sang đất Ôn (thuộc tỉnh Chiết Giang) được hay không vẫn là điều khó đoán biết trước được. Nếu có bạn bè tin cậy có thể đem tới tận nơi thì tiện lợi hơn nhiều lắm.

346. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ nhất)

Trong thư nên viết cả tục danh, chớ nên chỉ dùng pháp danh, ngay cả họ cũng không ghi! May là có cư sĩ Cừu, nếu không thì thư trả lời cũng khó đưa tới nơi được, vì pháp danh người ta phần nhiều chẳng biết, chắc sẽ đến nỗi bị chậm trễ hay thất lạc. Sáu người ấy đã muốn quy y, đều đặt pháp danh cho mỗi người, xin hãy giao cho họ. Lại cần phải nói với bọn họ: Đã quy y tam bảo ắt phải sốt sắng tu trì tịnh nghiệp, ai nấy lại còn phải trọn hết bổn phận của chính mình, để người đời đều cùng khâm phục chính mình đã trọn hết đạo "luân thường, hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì mới đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, dẫu được cái danh quy y suông, trọn chẳng có thật hạnh tu trì, sẽ trở thành kẻ ham danh ghét thật. Do không có thật thì danh cũng chẳng thể thật sự đạt được! Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, bất luận già trẻ trai gái đều nên niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để dự phòng. Những điều khác đã nói tường tận trong Gia Ngôn Lục v.v., Quang già rồi, tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ, chớ thường gởi thư tới ngõ hầu đôi bên chẳng bị quấy nhiễu thì mới nên!

347. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ hai)

Ba mươi ba pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, gói chung với gói sách đựng tro hương, gởi bằng thư bảo đảm. Hai mươi gói sách còn lại không gởi bằng thư bảo đảm. Bọn họ đều phải nên giữ giới, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, hãy nên chiếu theo Gia Ngôn Lục mà hành. Chuyện bế quan cũng không cần thiết vì ông có quyến thuộc, công việc, huống chi hiện nay thời cuộc bất định. Nếu như gia cảnh dư dả thì thọ giới ở Hoa Sơn cũng được; nếu không, chẳng cần phải góp phần vào cuộc náo nhiệt ấy, thọ phương tiện giới[398] cũng được.

Liên xã là chỗ để đề xướng, chẳng nên thường đến đó niệm. Bình thường cứ niệm ở trong nhà, còn thiếu niên, phụ nữ chỉ nên cho phép đến niệm Phật một lần tại đó sau giờ ngọ, nghe diễn giảng xong liền ra về. So với việc để họ suốt ngày niệm Phật tại liên xã sẽ đỡ phải chuốc lấy bao nhiêu tiếng thị phi. Cách này xét về cả hai mặt đều chẳng trở ngại gì. Nếu để cho họ niệm suốt ngày tại liên xã, dẫu không có chuyện gì xấu xa, vẫn khó khỏi bị kẻ xấu mù quáng bịa chuyện thì hai đằng đều phạm tội lỗi. Nữ giới đến niệm Phật chớ để cho họ nói chuyện thị phi trong gia đình, nếu họ không tuân theo quy củ liền yêu cầu họ lần sau đừng tới nữa. So ra, làm như thế sẽ có phần tốt hơn!

348. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ ba)

Bốn pháp danh được viết trong tờ giấy khác gởi kèm theo, xin hãy chuyển giao. Phàm ai quy y đều nên dạy họ ai nấy phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Người tại gia thọ ngũ giới và thọ bồ-tát giới, chứ không thể thọ tỳ-kheo giới. Người thọ tỳ-kheo giới mới gọi là viên cụ (trọn vẹn, đầy đủ), há nên xưng bừa? Người tại gia thọ giới trên giới điệp (tờ phái quy y) chỉ viết quy y ở chùa nào, do vị thầy nào chứng minh, chẳng cần phải ghi những thứ như pháp phái v.v.. Thọ giới ắt phải trì giới, mà không thọ giới vẫn phải trì giới; chứ không phải là chưa thọ giới thì sẽ chẳng trì giới! Vì sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ (chưa được nói là được, chưa chứng nói đã chứng, gọi là đại vọng ngữ, tội ấy cực nặng) gọi là tánh giới, vì do thể tánh của những điều ấy mà thành giới vậy. Giới uống rượu gọi là giá giới (giá là ngăn dứt), chỉ người thọ giới mới không được uống, kẻ chưa thọ giới mà uống sẽ không mắc tội.

349. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ tư)

---

[398] Theo Phật Học Thường Kiến Từ Vựng (cư sĩ Trần Nghĩa Hy chủ biên), phương tiện giới gọi đầy đủ là *thập chủng phương tiện giới hoặc tam thế vô chướng ngại giới*, chính là thập thiện.

Thư nhận được đầy đủ, chuyện thọ giới ở Hoa Sơn chậm trễ cũng không sao. Trẻ nhỏ lâm chung biết niệm Phật, lại được nhờ sức trợ niệm rốt cuộc được vãng sanh, cũng có thể nói là nhân duyên hội đủ nên mới được lợi ích thật sự. Ông nói đến chuyện chánh phủ sửa đổi cho phép nhà trường đọc sách Nho, muốn Hứa Chỉ Tịnh soạn chú thích riêng cho những kinh điển Nho gia thì ông Hứa đã già rồi, chẳng thể dụng tâm được. Dẫu có thể làm được thì ai chịu tuân theo? Đừng lo lắng quá về chuyện này. Chu tử (Chu Hy) chú thích ý nghĩa chữ minh đức hoàn toàn mượn những nghĩa lý từ kinh Phật, nhưng không thể làm cho người ta lập tức hiểu rõ được, vì ông ta không nói thẳng vào nguyên do của tánh đức và tu đức. "Thân dân" hay "tân dân" đều được cả, chữ thân (親) bao gồm ý nghĩa rất rộng, tân (新) là chỗ phát hiện của thân (親). Ông hãy nên dạy trẻ nhỏ niệm Phật trước, biết được chỗ hay của Phật pháp rồi thì chỗ xấu xa của Tống Nho cũng có thể trở thành những điều phụ giúp cho Phật pháp. Nếu không, đôi bên đều chẳng có ích gì! Với 20 đồng hương kính, tôi đã bảo gởi mười mấy gói sách, chắc đã nhận được rồi. Hai ba hôm gần đây do phải phơi kinh nên phúc đáp chậm trễ.

Nếu tượng Phật không thích hợp thì đắp lại cũng không ngại gì; những vật được đặt trong lòng tượng Phật hay tượng Bồ-tát cũng là do thói quen thế tục, chẳng có ý nghĩa sâu xa gì. Đặt kinh chú Đại thừa trong lòng tượng thì có ích, những thứ khác đều là theo quan niệm thế tục. Ngay như những vật dùng để yểm tượng được nói tới trong Mật tông vẫn là theo tình cảm thế tục. Chuyện gây tai hại nhất cho người đời sau là dùng vàng, bạc, vật báu để yểm tâm[399] tượng, đến nỗi về sau kẻ vô tri hủy tượng để lấy báu vật. Của báu có được mấy đâu, chỉ bỏ vào cho đủ theo danh mục mà thôi, nhưng cái họa hại người bắt nguồn từ lúc yểm tâm tượng. Đây cũng là điều đáng để răn dè.

Xưa kia, một người ở Sơn Đông ban đêm ăn trộm của báu yểm tâm tượng thần Nhị Lang[400]. Hôm sau, thần đạp đồng nói: "Vật yểm tâm trong tượng ta đã

[399] Đây là một niềm tin cho rằng tượng không được yểm tâm (tức là bỏ những thứ quý báu, kinh sách, bùa chú, chỉ ngũ sắc đã tụng chú kết thành gút, những khối hương v.v. vào trong tượng) thì tượng thờ sẽ không linh. Sau khi đã yểm tâm, lại còn phải làm lễ khai quang điểm nhãn, hô thần nhập tượng thì tượng ấy mới được thần thánh, trời, Phật ngự vào, mới trở thành thiêng liêng. Nếu không, tượng ấy sẽ chỉ là đất, gỗ, đồng, sắt, xi-măng, không có tác dụng gì.

[400] Thần Nhị Lang còn gọi là Quán Khẩu Nhị Lang là một vị thần nổi tiếng trong Đạo giáo, được coi là vị thần chuyên ngăn ngừa tai nạn lửa nước, có miếu thờ chính ở gần đập Đô Giang, huyện Quán tỉnh Tứ Xuyên, nên mới gọi là Quán Khẩu Nhị Lang. Có rất nhiều cách giải thích lai lịch vị thần này. Dưới ảnh hưởng của truyện Tây Du Ký, người ta thường nghĩ thần Nhị Lang chính là Dương Tiễn, tức con trai của em gái Ngọc Hoàng Thượng Đế. Em gái Thượng Đế động lòng trần, trốn xuống trần gian lấy chồng, đẻ ra Dương Tiễn. Sách Phong Thần Diễn Nghĩa cũng giải thích thần Nhị Lang là Dương Tiễn, nhưng lại bảo Dương Tiễn là sư điệt của Khương Tử Nha. Có thuyết cho rằng thần Nhị Lang chính là con trai của Lý Băng dưới đời Tần, do có công giúp cha giết giao long, trị thủy ở Quán Khẩu nên được phong thần. Dưới đời Tùy, thần Nhị Lang được hiểu là Triệu Dục, vốn là quan Thái thú ở Gia Châu,

bị người khác ăn trộm mất!" Hỏi là ai, thần bèn nói: "Kẻ ấy lợi hại lắm, khắp thân đều là lông, trên đầu mọc ra một cái chân." Thần lại nói: "Người này bọn ta tìm không ra, chỉ đành kiếm bọn già các ngươi." Gã ăn trộm đó về sau đi tiêu ngoài đồng, thấy một con chó nhỏ chực bên cạnh, chó đớp vào hậu môn một phát, ruột tuôn ra ngoài. Gã ấy nói: "Khi ta ăn trộm vật yểm trong tượng thần, sợ thần nhận được mặt, bèn mặc ngược áo bông, đầu trùm một cái vớ bằng vải bông", nên thần mới tưởng "khắp thân là lông, trên đầu có một cái chân". Bọn dân hèn trong chốn làng quê không lợi gì chẳng cầu, vì thế khi đắp tượng đừng yểm tâm. Nếu yểm tâm, sau này tượng ắt sẽ bị kẻ ngu phá hủy.

350. Thư trả lời cư sĩ Phương Tử Phiên

Lệnh di trượng[401] nhiễm phải chứng tinh hồng[402] là vì dụng tâm quá độ. Xin hãy khuyên ông ta toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ liền được lành. Thêm nữa, uống nước tro hương Đại Bi, chắc sẽ thấy hiệu nghiệm. Vị công đức chủ đã gởi 2.000 đồng trước đây vốn họ Trịnh, tên Tuấn, tự Triết Hầu ở Bình Lương, tỉnh Cam Túc, năm 64 tuổi từng làm Nghị huyện tri sự v.v., là người hết sức chánh trực, nhưng không tin Phật. Trước năm 60 tuổi, nghe đến Phật pháp liền né như tránh đồ bẩn, tới năm 60 tuổi, đọc Ấn Quang Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư sanh lòng chánh tín, gấp muốn vãng sanh Tây Phương. Vì thế, gởi 13.000 đồng tới, cậy Quang làm lễ trai tăng, phóng sanh, cầu siêu cho tổ tiên, phụ mẫu, siêu độ oán gia và thỉnh các kinh sách. Phổ Đà lấy 500 đồng để tổ chức lễ trai tăng một ngàn vị. Đối với chùa Linh Nham, chùa Pháp Vân ở Nam Kinh, chùa Thọ Lượng ở Giang Tây đều chia ra cúng dường. Cam Túc là đất rét buốt, không giàu có lớn lao, người ấy cũng chẳng phải là giàu có lắm, nhưng do chí thiết tha vãng sanh nên làm chuyện hao tốn lớn lao này, nhưng cũng chẳng thể tiếp tục bố thí lớn lao.

Vườn phóng sanh của chùa Tịnh Viên có thể bù đắp cho nỗi niềm tiếc nuối của ông Hoàng Hàm Chi. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, nếu

---

cũng có công trị thủy. Đến đời Tống, Triệu Dục lại được hiểu là một đạo sĩ ở núi Thanh Thành, do có công trị thủy nên được Tống Chân Tông phong là Thanh Nguyên Diệu Đạo Chân Quân. Ngoài ra vào đời Đường còn có truyền thuyết thần Nhị Lang chính là con thứ hai của thiên vương Tỳ-sa-môn. Khi An Lộc Sơn làm loạn, Nhị Lang từng suất lãnh thiên binh, thiên tướng cứu giúp hoàng thất nhà Đường.

[401] Tiếng gọi chồng của dì (tức dượng) người khác với ý kính trọng.

[402] Tinh hồng, gọi đủ là tinh hồng nhiệt (scarlet fever) là một chứng bệnh sốt cấp tính do máu bị nhiễm liên cầu khuẩn (streptococcus) loại A, hoặc khí quản bị viêm nhiễm bởi loại vi khuẩn này. Bệnh nhân bị sốt cao, khó thở, cổ họng đau nhức, lưỡi đóng bợn vàng dày đặc, toàn thân xuất hiện những đốm đỏ tươi nhất là ở vùng cổ, ngực, nách, cánh tay, đùi, nên gọi là tinh hồng nhiệt. Do bệnh nhân thường là những người có cơ thể suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho liên cầu khuẩn dễ tấn công, nên tổ mới nói "lệnh di trượng mắc chứng tinh hồng do dụng tâm quá độ", bởi lẽ dượng của ông Phương Tử Phiên quá sức lo nghĩ cho nên cơ thể suy yếu, nguy cơ bị nhiễm trùng cao hơn người khác.

trong chùa ấy có bậc thông gia, xin hãy thỉnh vị ấy viết, chẳng cần phải chuốc lấy hư danh. Nếu vị ấy chẳng chịu viết thì tôi cũng đành ra sức cho chuyện này, nhưng ông phải thuật rõ lai lịch ngõ hầu chẳng đến nỗi bị thiếu sót. Nghe nói người đề xướng chuyện lập vườn phóng sanh vào lúc ban đầu là lệnh từ và đương gia am Bạch Vân, cũng nên nêu rõ tên ra. Hãy nên lập một tấm bia lớn, nay tôi gởi cho ông bản nháp, xin hãy đọc để tiện chiếu theo đó mà lo liệu.

Thêm nữa, làm việc gì hãy nên viên thông, chớ nên chấp nhặt, hẹp hòi, 1.500 đồng tiền phóng sanh nên chia thành ba phần: một phần để phóng sanh, một phần mua thức ăn nuôi những con vật được phóng sanh, một phần giữ làm quỹ. Vì nếu không phóng sanh sẽ nghịch lòng vị thí chủ, không mua thức ăn thì những con vật ấy sẽ khiến cho người khác phải bận lòng, không có quỹ sẽ khó thể tiếp tục về sau này được. Những khoản quyên tặng sau này đều nên chuẩn theo cách này. Hơn nữa, khoản tiền tuy nhiều, chớ nên dùng hết khoản tiền đó để mua loài vật phóng sanh ngay một lúc để ngừa về sau muốn mua nhưng không có tiền để mua.

351. Thư trả lời cư sĩ Hoa Thúc Cầm

Gần đây nghe nói ông dời sang Thường Thục sống, chắc đã có thể chuyên nhất tịnh tu, an ủi lắm. Thế đạo không tốt, mọi sự đều chẳng dễ thực hiện. Từ khi cư sĩ phát tâm ấn tống Quán Âm Tụng đến nay đã mấy năm rồi mà vẫn chưa thể hoàn tất được, đủ biết bao nhiêu chuyện tốt trong thế gian đều vì chiến tranh mà chẳng thể thành tựu được. Trước kia, sư Diệu Liên bảo người Dương Châu khắc in, chiến sự nhiều lần nổ ra, thường có những lúc đôi bên chẳng thể gởi thư cho nhau được. Đến khi khắc xong xuôi rồi, am Quán Âm lại bị lính đóng; vì thế sư Diệu Liên giảo đối hơi thiếu chánh xác, cặn kẽ, chưa khắc phần quyển thủ[403] nhưng đành coi như xong chuyện. Đến năm ngoái, cư sĩ phát tâm in tặng, bèn cậy người thuộc viện Mồ Côi xin bản in của ngài Diệu Liên từ chỗ cư ngụ của ông Dương Nhân Sơn.

Đến khi in ra, tất cả những phần như thiêm điều, thư diện[404], quyển thủ đều không có, bèn sai tìm kỹ, mới biết chưa được khắc. Ngay khi ấy liền cho khắc,

---

[403] Quyển thủ là phần đầu cuốn sách bao gồm mục lục, lời tựa, cũng như phàm lệ (những quy định được dùng trong sách) v.v.. Quyển thủ được khắc với mục đích giúp người đọc dễ tìm phần muốn tra cứu.

[404] Thiêm điều (thư thiêm) là trang giấy đầu tiên của một quyển sách sau phần thư diện, hoặc trang đầu của từng quyển trong một bộ sách, ghi tên sách, tên người đề tựa sách, ấn chương (con dấu, dấu kiểm) của người đề tên sách (những kinh sách chữ Hán trước khi in thường nhờ người viết chữ đẹp, có đạo đức, danh vọng ghi tựa đề sách) và số thứ tự (tức quyển số mấy) trong một bộ sách. Đôi khi thư thiêm còn bao gồm cả tiểu mục lục của từng chương sách.

Thư diện là trang đầu tiên của cả bộ sách, được chia làm hai phần: Phần thứ nhất gồm ba dòng ghi tên người biên soạn sách, tựa đề sách và nhà xuất bản, phần thứ hai (còn gọi là thư bài hoặc bài ký) ghi

nhưng 400 bộ sách đến gần đây mới giao đủ. Sau này Quang giảo chánh kỹ càng, biết những chỗ bị sai sót nặng nề cũng đến ba bốn trăm, còn những chỗ sai lặt vặt không đúng cách thì nhiều lắm. Do vậy bèn sửa chữa một bộ, bảo họ sửa lại bản in.

Sách được in lần này có kèm theo một bản đính chánh, phàm gởi sách cho ai đều kẹp thêm bản đính chánh trong sách để người nhận sách có thể dựa theo bảng ấy mà sửa. Ở chỗ ông có 50 bộ, đã gởi tới vào năm ngoái, chắc đã chia ra biếu tặng hết rồi. Nay ông Ấu Nông sang thăm nhà mới, tôi cậy ông ta cầm theo 50 trang đính chánh; phàm những ai đã được tặng sách trước đây, xin hãy tặng mỗi người một tờ để họ sửa chữa cho đúng. Thế đạo hiện thời khó thể thái bình ngay được, hãy nên lấy A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát làm tòa Thái Sơn để nương tựa, ngõ hầu chẳng đến nỗi gặp phải nguy hiểm. Nhưng sự nguy hiểm trong thế gian là sự nguy hiểm nhỏ nhặt, nếu chẳng sanh về Tây Phương, sự nguy hiểm vì luân hồi trong tương lai còn lớn hơn gấp trăm ngàn vạn lần sự nguy hiểm trong lúc này. Xin hãy cùng với Huệ Nguyên và các con đều tu tịnh nghiệp, ngõ hầu có thể thoát khỏi đời ngũ trược này, sanh sang cõi chín phẩm kia, thì thế đạo nguy hiểm hiện thời sẽ luôn luôn là sự hướng dẫn vãng sanh Tây Phương nhằm vĩnh viễn lìa khỏi các khổ vậy.

352. Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận

Thư nhận được đầy đủ. Kẻ ngu trong thế gian chẳng biết nhân quả, thấy làm lành mà mắc họa bèn bảo "chớ nên làm lành"; thấy làm ác vẫn hưởng phước bèn nói "ác chớ nên kiêng". Chẳng biết họa phước xảy đến, có gần, có xa, sớm hay muộn không nhất định. Gần thì ai nấy đều thấy được, xa thì hoặc cách một đời hoặc cách mấy đời, chẳng phải là người có túc mạng thông sẽ chẳng thể biết rõ.

Nay lập ra một ví dụ cho dễ hiểu. Làm lành hay làm ác giống như gieo mạ, người ấy trong đời này tuy lành nhưng trong đời trước hành vi chẳng thể nào không phạm lỗi, vì thế ngày nay không thể nào chẳng hứng chịu những điều trái nghịch. Cái thân đời này gọi là báo thân, đời này làm nam hay nữ hoặc đẹp hoặc xấu, cũng như thọ yểu, giàu nghèo, trí ngu, khỏe mạnh hay bệnh tật v.v. chính là quả báo chiêu cảm bởi những hành vi trong đời trước. Vì thế gọi cái thân này là báo thân, hàm ý cái thân ấy là quả báo của những hành vi trong đời trước, do cái nhân trong đời trước dẫn đến cái quả trong đời này.

---

rõ ngày tháng sách được ấn hành. Nếu là sách được tái bản từ những thư tịch cổ sẽ ghi thêm lần tái bản này dựa theo bản in nào, theo tài liệu nào, ai là người giám định, nhuận sắc, hiệu đính, giảo chánh.

Đời này tuy lành, nhưng do đời trước nghiệp nặng, sẽ chẳng thể hưởng được quả báo tốt lành ngay, mà trước hết phải gánh chịu ác báo từ đời trước. Như người năm ngoái không trồng lúa, năm nay tuy siêng năng cày cấy, nhưng trước khi thu hoạch, cũng chẳng tránh khỏi không có lương thực. Không có lương thực chẳng phải vì năm nay siêng năng vất vả cho nên không có, mà năm nay không có lương thực là vì năm ngoái chẳng gieo trồng mà ra. Năm nay đã siêng năng cày cấy, gieo trồng thì sau khi thu hoạch và năm sau sẽ có thóc lúa. Kẻ làm ác chưa bị mắc họa là vì phước thừa còn chưa hết. Như người năm ngoái siêng năng cày cấy gieo trồng, năm nay không cày cấy, gieo trồng, vẫn chẳng đến nỗi chết đói là vì năm ngoái hãy còn thừa lại. Ăn hết rồi, do năm nay không gieo trồng, sẽ không có cái để ăn nữa đâu. Cần biết rằng, người lành gặp ác báo, nếu chẳng làm lành, ác báo ấy càng nặng nề hơn; do làm lành nên ác báo sẽ theo đó giảm nhẹ đi. Người ác hưởng thiện báo, nếu chẳng làm ác, thiện quả ấy càng lớn hơn; do làm ác, thiện báo cũng theo đó mà giảm nhẹ đi.

Đối với cơm áo và những vật cần thiết cho cái thân, người đời đều biết để dành sẵn để khỏi phải lúng túng khi xảy ra chuyện; nhưng đối với chuyện liên quan đến thân tâm tánh mạng, chẳng những không biết sắp đặt sẵn, lại còn coi những kẻ chuẩn bị sẵn là si dại, tự mình mặc tình làm càn những chuyện dâm, giết, cho là mình có phước, có trí. Chẳng biết những kẻ mù, điếc, câm ngọng, tàn phế, không nơi nương tựa trong thế gian và trâu, ngựa, lợn, dê, hoặc phục dịch con người, hoặc đem thân trám đầy bụng miệng con người đều là hạng người tự cho là mình có phước có trí đã gặt lấy quả báo "tốt đẹp, chân thật" do thứ phước trí ấy. Người tu hành cần phải có tấm lòng quyết liệt, mặc cho kẻ khác chê cười, hủy báng, ta trọn chẳng nghi ngờ, bận tâm gì. Nếu nghe kẻ khác chê cười, hủy báng bèn ngã lòng thì hạng người ấy cũng là do thiện căn đời trước hời hợt nông cạn mà ra, chẳng lấy lời Phật dạy làm chỗ nương về, cứ lấy lời của ngu phu ngu phụ làm căn cứ. Vì thế sẽ luân hồi trong sanh tử dài lâu, vĩnh viễn chịu nỗi khổ trong tam đồ, muốn được hưởng thân trời người còn khó, huống là đại lợi ích "liễu sanh tử, siêu phàm nhập thánh, cho đến thành Phật" ư?

Pháp môn Tịnh độ lấy "lòng tin chân thật, nguyện thiết tha niệm Phật, quyết định cầu sanh Tây Phương" làm tông chỉ. Nếu người niệm Phật chẳng nguyện cầu sanh Tây Phương tức là đã trái nghịch lời Phật dạy. Ví như vương tử sống nhờ nước khác, chẳng tin chính mình là vương tử, chỉ muốn suốt ngày xin ăn, chỉ không đến nỗi chết đói là đã thỏa chí vừa ý rồi. Tri kiến kém hèn ấy chẳng khiến cho người khác thương xót ư? Bà Cao nhà họ Vương thuộc kinh điển làu làu, nhưng nói "chẳng dám vọng tưởng sanh Tây", sao mà tâm chí cũng kém hèn cùng cực đến thế? Vị thầy bà ta thường ngày thân cận cũng thuộc hạng tu mù luyện

đui! Nếu vị thầy ấy biết pháp môn Tịnh độ, làm sao trưởng dưỡng ý tưởng ấy cho được?

Xin hãy nói với bà ta: "Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng chấp thuận cho bà ta quy y; chịu cầu sanh Tây Phương thì sẽ bằng lòng cho bà ta quy y. Nay đặt pháp danh cho bà ta là Tông Tín, nghĩa là tin sâu lời Phật, chẳng dám trái nghịch sự tu trì tịnh nghiệp của chính mình. Lại cần phải dạy lũ con cái, dâu, cháu đều cùng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để mong đời này nghiệp tiêu, phước tăng, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Tự hành như thế và giáo hóa gia đình cùng với thân bằng, nhất định sẽ được vãng sanh như nguyện. Phật mở ra pháp môn Tịnh độ dạy người cầu sanh Tây Phương, bà là hạng người gì mà dám chẳng coi lời Phật là đúng, mặc tình thỏa chí của mình ư? Vì thế cần phải lấy lời Phật dạy làm 'tông chủ, tông bổn' (những điều chánh yếu, căn bản cần phải đề cao, tôn sùng) mà tín phụng, chẳng dám có một niệm trái nghịch thì mới gọi là Tông Tín!"

Con gái bà ta là Hồ Vương Thị pháp danh là Tông Tịnh. Chồng, vợ, con cái trong thế gian không ai chẳng phải là do nghiệp duyên đời trước kết thành. Chồng bà ta mất sớm, con trai chưa cưới vợ đã chết yểu, con gái vừa lấy chồng đã thành góa bụa; nếu luận theo mặt tình cảm trong cõi đời thì chẳng tốt đẹp, nhưng nếu có thể nhờ đó mà biết tướng thế gian vô thường, chuyên chí tu trì thì những tình cảnh khổ sở ấy quả thật là hướng dẫn tốt lành khiến cho bà ta thoát khổ. Những kẻ phú quý, chồng - vợ - con cái một nhà đoàn tụ, tinh thần luôn hao phí, bận bịu trong chuyện sanh nở, cưới gả, dẫu muốn nhất tâm niệm Phật cũng chẳng thể như ý. Bà ta nghĩ được như vậy và dạy con gái nhất tâm niệm Phật thì chồng, con, rể bà ta đâm ra sẽ trở thành người giúp đỡ đạo nghiệp cho bà ta. Nếu bà ta một dạ vãng sanh thì chồng, con, rể cũng sẽ nhờ sự tu trì ấy mà vãng sanh Tây Phương. Đấy gọi là "vàng do luyện mà được ròng, dao do mài mà bén, chẳng trải một phen rét thấu xương, sao được hoa mai thơm ngát mũi"?

Để thành tựu cho con người, trời có nghịch, có thuận. Nếu con người biết vui theo mạng trời thì nghịch đâm ra thành thuận. Nếu không, thuận cũng đâm ra trở thành nghịch, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi! Lại nữa, hiện nay đang nhằm tình thế đại hoạn nạn, phàm đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, châu chấu, hoặc mắc bệnh vì oán nghiệp thuốc men chẳng thể chữa trị được mà nếu chịu chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, chắc chắn sẽ có thể gặp dữ hóa lành.

Thêm nữa, nữ nhân khi sanh nở ắt nên niệm ra tiếng rõ ràng "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", chắc chắn chẳng bị khó sanh! Dẫu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm sẽ tức khắc có thể an nhiên sanh nở. Hãy nên nói lời này với hết thảy mọi người, khiến cho họ đều biết rõ thì thế gian sẽ chẳng có chuyện sanh khó cũng như do vì khó sanh khiến cho mẹ lẫn con đều chết. Chớ nên nói "lõa lồ, bất tịnh, niệm sợ mắc tội lỗi". Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng của cả mẹ lẫn con, không làm sao khác được, chớ nên so sánh với chuyện hết sức cung kính, hết sức khiết tịnh lúc bình thường. Lại còn phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, do niệm thầm sức cảm ứng nhỏ, lúc ấy lại còn phải dùng sức để đẩy đứa con ra, niệm thầm trong tâm chắc sẽ bị mắc bệnh. Những người chăm sóc trong nhà cũng lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Người nhà ở nơi phòng khác cũng có thể niệm giúp cho sản phụ ấy.

Dạy con gái niệm Phật từ bé, sau này chắc chắn chẳng phát sanh những thứ đau khổ ấy, tương lai lâm chung còn có thể vãng sanh Tây Phương. Nếu không, hễ ốm nghén liền niệm, hoặc trước khi sanh ba bốn bữa liền niệm, hoặc đến lúc sanh nở mới niệm đều được. Người đời thường ngăn trở thiện niệm của kẻ khác, như phụ nữ sanh sản, mọi người thường coi đó là chuyện đáng sợ. Chẳng những chính sản phụ không dám niệm, ngay đến mẹ chồng hoặc mẹ ruột thấy con dâu hoặc con gái sanh nở bèn trốn trước ra ngoài, hơn một tháng mới dám mò về. Những kẻ ấy đều là vì nghe lời ngoại đạo, chỉ biết cách thức cung kính lúc bình thường, chẳng biết tùy theo sự việc để quyền biến cho thích nghi, khiến cho nhiều nữ nhân trong thế gian chịu đau khổ cùng cực hoặc đến nỗi tử vong. Chẳng đáng buồn ư? Viết tạp nhạp như thế để mong lợi người.

353. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ nhất)

Thư gởi đến một mực nói những lời sáo rỗng, khen ngợi quá lố, quả thật khiến cho người ta chẳng chịu đựng nổi (ông Hứa và ông có cùng một cung cách, Quang chẳng cho như thế là đúng). Cha ông đã mù nhiều năm, hãy nên khuyên cụ chịu nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, phản chiếu hồi quang khiến cho tâm được quy nhất, chắc mắt sẽ được trở lại như cũ. Dẫu chẳng thể phục hồi, nhưng do tâm địa thanh tịnh, ắt được cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, vì thế pháp danh là Đức Minh. Cậu ông bị bệnh suyễn, nếu chí thành niệm Phật chắc sẽ được lành. Nhưng đối với hết thảy việc nhà và những gì trong chính thân tâm đều đừng để vướng mắc, nhất tâm niệm Phật khiến cho không còn tâm niệm nào khác xen tạp, vì thế pháp danh là Đức Thuần.

Nay gởi cho ông một bao tro hương Đại Bi, bao này có thể pha uống được 20 lần, mỗi một lần pha có thể uống được mười mấy lượt. Chí thành khẩn thiết niệm

"Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", đừng uống rượu, ăn thịt. Lúc pha, lấy một phần hai mươi lượng tro đổ vào tô lớn, dùng nước sôi pha, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống (chất tro ấy thêm nước vào để tưới cây) gạn lấy nước trong, chứa trong đồ đựng để uống mười mấy lần. Mỗi ngày có thể uống ba lần, uống hết lại pha tiếp. Nếu lành bệnh, nên đem số tro còn thừa để ở nơi cao sạch, chớ nên khinh nhờn. Phàm ai có bệnh ngặt nghèo, hãy đem tặng, bảo họ pha uống, chắc sẽ biến chuyển bớt dần.

Ông muốn lợi người nên sốt sắng làm chuyện quan trọng này. Cuốn sách ấy in bằng cỡ chữ Tam Hiệu Tự hết thì được, chứ cỡ chữ Ngũ Hiệu Tự người già sẽ đọc không được. Sách ấy lại còn hoàn toàn chưa được giảo chánh tường tận, danh xưng Hoằng Hóa Xã ở mấy chỗ đều in thành Hoằng Quang. Chữ ông sử dụng cũng thiếu thỏa đáng! Trong sách có những chữ Quang đọc không ra, huống chi lại có toa thuốc. Nếu có sai ngoa, sẽ có quan hệ rất lớn. Ông thô tâm lớn mật như thế, sao Quang dám giao cho ông trông coi ấn loát các thứ văn tự cho được? Từ nay về sau đừng gởi sách này đến nữa để người ta khỏi thấy do Quang gởi tặng chắc sẽ nói Quang chẳng hiểu biết sự vụ gì hết!

354. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư ông, biết ông được cậu chăm sóc, vun quén, nên mới có được ngày nay, gởi khoản tiền 50 đồng để mong báo ân mẹ, ân cậu, ân mẹ kế và siêu độ em gái. Gởi thư cho đương gia chùa Linh Nham thưa bày những chuyện cực trọng yếu này, phần ký tên chỉ ghi là "cẩn ngôn" (kính thưa), một chữ nhún mình cũng chẳng chịu viết; còn thư gởi cho Quang viết là "quỳ bẩm". Nếu ông không có những chuyện quan trọng phải cầu cạnh người khác, chẳng biết sẽ dùng chữ như thế nào! Làm phận con, là đứa cháu chịu ơn sâu nặng mà viết như thế đó; sao chẳng biết lễ nghi thế gian đến mức như vậy, huống là lễ nghi trong Phật pháp ư?

Quang sáng tối hồi hướng cho cha mẹ ông, vẫn cần lễ Phật. Đại chúng Linh Nham gần một trăm vị, tán lễ, niệm Phật hiệu cho người thân của ông. Mỗi khóa lễ ai nấy lạy 24 lạy, mà ông cầu xin họ rẻ rúng như thế, dẫu các sư thành khẩn cũng khó đạt được cảm ứng thù thắng. Ông đừng nói: "Quang muốn được người khác cung kính!" Thật ra Quang thương ông vô tri, chẳng dễ cảm tam bảo rủ lòng từ gia bị. Hãy nên đối trước Phật khẩn thiết sám hối, ngõ hầu mẹ, cậu ông, mẹ kế, em gái của ông đều được Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh, cũng như tổ tông quá khứ, quyến thuộc hiện tại ai nấy đều được tam bảo gia bị, lìa khổ được vui. Ông coi Quang là thầy, nếu chẳng nói chuyện này thì Quang đã mất tư cách làm thầy. Nếu ông chẳng nghĩ như thế là đúng, ông cũng đã mất tư cách làm con, làm cháu, làm

anh, làm đồ đệ. Từ nay coi nhau như người ngoài đường, chẳng cần phải xưng là đệ tử nữa!

Quang suốt đời chẳng khởi ý tưởng điên đảo giống như thế tục, cái gì mà tám mươi với lại chẳng tám mươi? Có ai bàn chuyện chúc thọ cho Quang, chẳng những Quang không nhận lãnh tình cảm ấy mà còn ghét cay ghét đắng, hoàn toàn cho đấy là chuyện nhục nhã lớn lao. Xin đừng đem chuyện này nói với Quang! Nếu ai nói chuyện chúc thọ với Quang tức là đã coi Quang là hạng phàm tục vậy!

(Tái bút)

355. Thư trả lời cư sĩ Huệ Phố

Mấy năm chưa gặp gỡ, đang trong cơn đại kiếp này, ông vẫn an cư không phải lo lắng gì, khôn xiết vui mừng, an ủi! Muôn phần chẳng ở lâu trong thế giới này được, hãy nên với quyến thuộc và các thân hữu cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương, ấy mới là kế hoạch tối thượng bậc nhất. Vì thế, đặt pháp danh cho Đàm Trần Thị là Tông Tịnh, tông (宗) là gốc, là chủ, tịnh (淨) là tu tịnh nghiệp để cầu sanh về cõi Phật thanh tịnh thế giới Cực Lạc. Muốn sanh về Tịnh độ, hãy nên lấy ăn chay, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng làm gốc. Do sát nghiệp trong đời trước mà cảm thành quả báo gặp phải sát kiếp này. Nay do ba nghiệp thân miệng ý thanh tịnh, kèm thêm ba pháp tín nguyện hạnh sẽ tương ứng với thệ nguyện to tát, lớn lao của A-di-đà Phật. Đến khi lâm chung, chắc chắn cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích ấy chẳng thể tuyên nói bằng lời lẽ hay văn từ được đâu! Xin hãy đem ý này nói với bà ta và hết thảy mọi người.

Ngoài ra, còn kèm theo Một Bức Thư Trả Lời Khắp là khai thị chu đáo nhất, đơn giản nhất, rõ ràng nhất. Hãy tự giữ một phần và cho bà Đàm một phần để mọi người đều được xem. Lại còn có một trang dược phương cũng khá thần hiệu. Toa cai thuốc phiện, trị bệnh đau lói vì ứ hơi ở gan và bao tử, dẫu là danh y hay Tây y cũng không thể trị được, nếu dùng toa này thì đều hễ trị liền khỏi. Xin đừng coi thường rồi bỏ qua!

356. Thư gởi cư sĩ Tông Tịnh

Mấy hôm trước nhận được thư bà, liền gởi ngay cho bà một gói Văn Sao Tục Biên, hình chụp được kẹp trong trang đầu cuốn sách. Cái chết của con bà về mặt sự là do lầm thuốc, nhưng thật ra là nhằm dẫn dắt bà niệm Phật vãng sanh, siêu phàm nhập thánh. Đừng bi ai, hãy nên sanh lòng vui mừng, may mắn! Các kinh sách Tịnh độ bà đã đều đọc cả rồi, chớ nên vẫn giống như hạng phụ nữ vô tri vô thức. Đang trong lúc đại kiếp tàn phá rỗng toang cả trời đất này, hãy nên lấy thân

làm gương để tự hành, dạy người, khiến cho khắp những ai hữu duyên đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh về Tây Phương.

Gần đây nữ giới đúng là đã biến thành yêu tinh, trang điểm còn lòe loẹt hơn bọn gái làng chơi. Bà hãy nên nghiêm túc giữ theo quy cách cũ, thống thiết gột rửa những thói xấu theo đuổi thời trang; áo vải, dép vải là được rồi, đừng mặc áo lượt là lộng lẫy. Đừng giồi phấn, đừng bôi nước hoa; vâng giữ giáo huấn của thánh nhân "trang điểm lả lơi sẽ khơi gợi lòng dâm nơi kẻ khác" để hết thảy mọi người trông thấy bà đều sanh lòng khâm phục, kính trọng. Những kẻ ham chuộng thời trang chính là nhằm làm cho hết thảy mọi người khởi tâm ô nhiễm đối với họ! Há chẳng phải là tự khinh thường, tự rẻ rúng hay sao? *"Quân tử chánh kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiễm nhiên nhân vọng nhi úy chi"* (Quân tử áo mũ ngay ngắn, nhìn ngó đàng hoàng, tư thái trang trọng khiến người khác trông thấy phải kính nể). Như thế thì hết thảy mọi người đều sanh lòng kính trọng, rồi lại nói với họ về pháp môn Tịnh độ, ắt họ sẽ cảm động sâu xa.

Xin hãy đọc kỹ bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên và lá thư gởi cho hòa thượng Quảng Huệ ở núi Ngũ Đài trong bộ Văn Sao Tục Biên thì sẽ biết rõ nguyên do của pháp môn Tịnh độ, sẽ có thể ở trước hết thảy mọi người tùy ý diễn nói. Có một phụ nữ Hồi Hồi ở Vu Hồ tin tưởng Phật pháp sâu xa, năm ngoái gởi thư xin quy y, bà ta thường khuyên người khác niệm Phật. Có một Nho sĩ cực thông minh chẳng tin nhân quả, chẳng tin Phật pháp. Bà ta cùng người ấy biện luận, bảo ông ta đọc Văn Sao, ông ta đọc chưa được mấy thiên đã cậy bà ta xin quy y giùm. Đấy chính là vì bà ta nghiêm trang đoan chánh khiến người ta phải phục, do vậy người ta kính vâng theo lời. Nếu trang điểm như yêu tinh, làm sao có thể khiến cho người có đại học vấn tin tưởng hành theo được ư? Người Hồi Hồi khó giáo hóa nhất! Cha mẹ, anh em, thân thích của bà ta cũng rất kính trọng bà, nhưng chẳng chịu nghe theo bà ta ăn chay niệm Phật. Những người được bà ta khuyến hóa đều là người Hán. Ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam cũng là người Hồi Hồi (trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên có lá thư gởi cho ông ta), vợ chồng và sáu đứa con đều quy y, chứ chẳng có một người Hồi Hồi nào khác.

357. Thư trả lời cư sĩ Đức Thành

Thư ông nói toàn những lời náo nhiệt, bùi tai, hãy gấp nên tự chế, phàm những chuyện nào chẳng làm tới nơi tới chốn được, quyết chẳng chịu nói. Ông hãy đem lời phát nguyện biến thành chuyện thực hành thường ngày, chuyện nào cũng làm đến nơi đến chốn như nhau. Phát nguyện vốn nhằm để mong mỏi sâu xa nên không vướng khuyết điểm mà còn có ích lợi lớn lao. Nếu là hằng ngày thường

làm được thì hãy nên nói; nếu làm không được mà cứ thường nói, lâu ngày sẽ bị ma dựa. Chỉ chuyên nói suông, chẳng thực hành mảy may nào mà nếu chẳng thống thiết sửa đổi, chắc chắn sẽ chết vì ma.

Ông và một gã trẻ tuổi ở vùng Quan Đông[405] đúng là do cùng một mẹ sanh ra! Chàng ta gởi thư xin quy y, hai ba năm sau gởi thư đến nói "muốn được thông hiểu khắp các tông của Phật giáo, thông hiểu ngôn ngữ của khắp mọi nước, muốn truyền bá Phật giáo khắp toàn cầu". Quang nói: "Như lời ông nói thì bậc Pháp thân đại sĩ từ xưa vẫn chưa thể làm được. Ông là hạng người nào mà chẳng tự lượng vậy? Nếu vẫn không sửa đổi, sau này ắt sẽ chết vì ma dựa." Hai ba năm sau nữa, anh ta nhất quyết muốn xuất gia, Quang giữ vững ý nguyện vĩnh viễn chẳng thu nhận đồ đệ, thầy Minh Đạo chèo kéo anh ta đến xuất gia. Anh ta là con người khá chất phác, trọn không chí dũng mãnh siêng học. Chuyện không thuộc về bổn phận của mình, bất cứ ai cần đến cũng chẳng chịu nhọc nhằn thay cho người khác. Lời ông đã nói nếu có thể làm được thì còn tốt đẹp; chứ nói rồi mà suốt đời cũng chẳng làm được, đem nói với kẻ vô tri thì còn có thể làm cho họ tin tưởng hoặc chẳng tin, nếu đem nói với người hiểu biết, người ta sẽ xem ông chẳng đáng nửa đồng!

Ông xem các sách rồi mà vẫn chẳng có kiến thức chọn thầy hỏi bạn, cứ cầu Quang khai thị; ông chân thật mong cầu hay nhằm phô sự cuồng vọng vậy? Chuyện xuất gia đã thỏa, còn hỏi tôi làm chi? Đủ thấy ông hoàn toàn theo thói sáo rỗng. Quang một mực chẳng ưa thói sáo rỗng, nên đặc biệt nói thẳng thừng không úp mở nhằm mong hữu ích cho ông. Chịu nghe hay không, tùy ý ông! Xuất gia rồi đừng tới Linh Nham, sợ tánh cách của ông chẳng hợp với đạo tràng ấy sẽ thành vô ích. Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến, tôi quyết không trả lời; bởi lẽ các kinh sách và Văn Sao ông đâu có tuân theo thì cần gì phải có một bức thư nữa đây?

358. Thư trả lời cư sĩ Lâm Phố

Bệnh di truyền cũng do túc nghiệp cảm thành, hãy nên chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm sẽ có thể được lành, chẳng còn di truyền nữa. Nói đến cửa ngõ giải thoát thì chỉ có một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đây chính là pháp môn cậy vào Phật lực để có thể thực hiện xong chuyện liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu ai chẳng chuyên tu pháp này mà tu các thứ pháp môn khác thì hạng phàm phu sát đất chẳng thể thực hiện được

[405] Quan Đông là danh từ chỉ chung ba tỉnh thuộc phía Đông Bắc Trung Hoa, tức Liêu Ninh, Hắc Long Giang và Cát Lâm.

chuyện liễu sanh tử trong một hai đời được. Chúng ta từ vô thủy đến nay vẫn luân hồi trong sanh tử đều là vì trong khi luân hồi vẫn chưa gặp được pháp môn Tịnh độ, hoặc đã gặp nhưng chưa tu mà ra. Nay may mắn gặp gỡ, đừng để luống qua. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tín, do ba pháp tín nguyện hạnh là chánh tông của Tịnh độ; điều cần thiết đầu tiên là lòng tin chân thật, có lòng tin chân thật, nhất định sẽ có nguyện chân thật, hạnh chân thật, nếu không thì chẳng gọi là "lòng tin chân thật". Một pháp niệm Phật còn có thể siêu phàm nhập thánh, huống là chẳng chữa lành được bệnh di truyền ư?

Đã quy y Phật pháp, ắt phải tận lực thực hiện tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" và sáu sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia" để mong đất nước bình trị, thiên hạ thái bình. Cổ nhân nói "thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm", trách nhiệm ấy nằm nơi đâu? Nằm ở chỗ "vật dục chẳng bị trừ khử". Nếu chịu trừ khử, ắt sẽ trí tri, ý thành, tâm chánh, thân tu (một người được như thế thì cũng đã có lợi ích lớn lao, ai nấy đều như thế sẽ thái bình). "Vật" (物) là gì? Chính là những tư dục trong tâm. "Cách" (格) là "cách trừ" (trừ khử), loại bỏ. Trong tâm con người không có tư dục thì tri kiến tự chánh. Ví như kẻ yêu vợ, yêu con, do trong tâm tình thương yêu lấp chặt, trọn chẳng thấy được những điều xấu của vợ con. Nếu không có tình yêu sẽ thấy ngay vợ con đúng hay sai như gương soi bóng, một tí ti cũng chẳng lầm lẫn.

Chớ nên hiểu theo cách họ Chu chú giải: "Thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực là trí tri, thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ là cách vật." Nếu nói như thế thì ngay cả thánh nhân cũng chẳng làm được! Chuyện chánh tâm thành ý dẫu là thất phu, thất phụ không biết một chữ nào, chỉ cần không có lòng ham muốn thiên vị, riêng tư đều có thể làm được. Tám chuyện "cách, trí, thành, chánh, tu, tề, trị, bình" nếu luận trên mặt gốc chỉ là một chuyện "cách vật" (格物: trừ khử vật dục), vật dục đã được trừ khử rồi, sự thấy biết sẽ đạt đến tột cùng (trí tri: 致知), ý thành, tâm chánh, thân tu. Họ Chu biến cội gốc cực thân thiết, cực đơn giản, dễ dàng thành cành nhánh cực xa xôi, cực lợt lạt, cực khó thể cùng tận, chôn vùi gốc đạo trị thiên hạ của thánh nhân, đến nỗi kẻ hậu học học theo thánh nhân mà chẳng hiểu được pháp tắc để thực hiện một cách thân thiết nhất, nên hoàn toàn chú trọng chuyện bên ngoài chứ không tự phản tỉnh bề trong. Đã thế lại còn đả phá, bài xích sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng, cho là không có, đến nỗi hoại loạn ngũ luân, bát đức, phá sập phên giậu đạo đức. Tội ác khiến cho hết thảy sanh linh lầm than đều phát sanh bởi đây, chẳng đáng buồn ư? Bệnh di truyền ấy rất lớn, rất độc, nếu chẳng phải là bậc đại y vương Đại Giác Thế Tôn sẽ chẳng thể trị được.

Lời này Quang chỉ nói với ông, ông đừng nói bừa với kẻ vô tri. Nếu không, sợ rằng mọi người đều tuốt kiếm đứng lên, sẽ không có cách nào cứu được đâu. Đã quy y Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, dùng lòng tín nguyện sâu cầu sanh Tây Phương. Dùng điều này để tự hành, lại còn đem dạy người, ngõ hầu chẳng uổng cuộc đời này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này.

Nghề nghiệp của Hoa Tôn hơi khó tu trì, nhưng hễ có lòng thành sẽ tự có cảm ứng. Nay tôi dùng một chuyện để làm chứng. Nơi đường lớn phía trong cửa Phụ Thành, Bắc Kinh có quán bán thức ăn mặn lớn tên là Cửu Như Xuân, buôn bán rất phát đạt. Một đêm, viên quản lý mơ thấy vô số người đến đòi mạng, tâm biết là những con vật bị giết, bèn nói với họ: "Tôi chỉ có một thân, đền mạng cho các vị đông như vậy thì đền tới chừng nào mới xong? Từ nay tôi chẳng theo nghề buôn bán này nữa, sẽ thỉnh bao nhiêu đó vị hòa thượng niệm kinh, niệm Phật siêu độ cho các vị, được chăng?" Đa số trả lời "được", chỉ có một số ít không bằng lòng, nói: "Ngươi vì mấy đồng hoặc vì mấy cắc bạc mà giết bọn ta khổ sở lắm. Nếu làm vậy thì thuận tiện cho ngươi quá!" Nhóm đa số khuyên nhóm thiểu số: "Nếu hắn chịu làm như vậy, tốt đẹp cho cả đôi bên, nhận lời hắn đi!" Nhóm thiểu số nói: "Hắn có thật sự làm được thì mới tốt." Viên quản lý nói: "Nhất định thực hiện được. Nếu không, các ông lại đến tìm tôi." Do vậy, bọn họ liền bỏ đi.

Nhằm đúng lúc ấy là canh năm phải giết loài vật, phổ ky[406] thức dậy sắp giết; gà, vịt v.v. đều chạy tứ tán ra khỏi chuồng, họ vội mời viên quản lý thức dậy để thưa chuyện. Viên quản lý nói: "Hôm nay chúng ta không mở cửa, không giết những con đã bỏ chạy. Những con ở trong tiệm thì nhốt lại, con nào bỏ chạy rồi cứ để mặc cho nó đi." Ngày hôm sau, mời các cổ đông (người góp vốn) đến thuật lại giấc mộng hồi đêm, từ bỏ chuyện làm ăn, quyết định không làm nữa. Cổ đông nói: "Ông đã không muốn sát sanh, chúng ta thay đổi chương trình cũng chẳng trở ngại gì, biến thành quán ăn chay." Bèn đổi thành quán đồ chay, vẫn mang tên là Cửu Như Xuân. Do vậy người ăn chay rất đông, càng phát đạt hơn.

Nếu ông có thể phát tâm lợi người lợi vật chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để cầu gia bị thì người góp vốn và người quản lý đều bỏ được chuyện giết heo, bởi cửa tiệm bán hàng hóa mua về từ kinh đô là chuyện chánh, bán thịt chỉ là chuyện kèm thêm. Ông nói ngồi niệm trên giường sợ mắc tội khinh

[406] Nguyên văn là "khỏa kế". Thông thường, những người cùng giúp việc kiếm ăn cho mình được gọi là khỏa kế (夥計). Do vậy, những người hầu trong các tiệm ăn cũng được gọi là khỏa kế. Ta thường đọc chữ này theo giọng Quảng Đông thành phổ ky.

nhờn là vì chẳng biết khi ngủ cũng niệm được, nhưng niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Mẹ ông thương yêu ông, nói ăn chay thân thể gầy yếu; cụ chẳng biết ăn thịt có chất độc, chẳng hợp phép dinh dưỡng, lại còn phải nợ mạng. Hãy nên uyển chuyển khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cũng nên bảo vợ con ăn chay. Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn thì nói chung phải chú trọng kiêng sát sanh trong nhà. Dẫu mua thứ đã làm sẵn cũng không nên ăn nhiều. Ăn nhiều phải trả nhiều, ăn ít trả ít, không ăn không phải trả. Nếu ông có thể khiến cho người góp vốn và viên quản lý trong tiệm cảm động thì sau này những người tiếp tục đề xướng sẽ nhiều. Công đức ấy do ông khởi đầu, lợi ích lớn lắm.

Nên thường đọc Văn Sao hoặc Gia Ngôn Lục (Sách này trích lục những điều thiết yếu từ Văn Sao, trình bày theo lối chia môn, phân loại để người mới học dễ xem đọc). Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Nguyện (tông là chủ, có chủ (tức chủ kiến) thì sẽ chẳng bị những thứ khác xoay chuyển). Niệm Phật có tín nguyện, quyết định sẽ được vãng sanh Tây Phương khi lâm chung; không có tín nguyện thì chỉ được phước báo trời người mà thôi. Có tín không có nguyện thì chẳng gọi là chân tín, có nguyện mà không có tín thì chẳng gọi là chân nguyện, hai pháp tín nguyện như hai bánh của cái xe, như hai cánh của con chim, thiếu một chẳng thể được. Nay gởi cho hai người bọn ông mỗi người một cuốn Đồng Mông Tu Tri[407], cuốn sách này tuy nhỏ nhưng những sự tích cảm ứng về Phật học được in kèm theo sách ấy và năm bài văn do Quang viết đều có quan hệ lớn đối với thế đạo nhân tâm.

Chuyện sữa bị biến thành chất độc khi người mẹ nóng giận giết chết trẻ thơ các nhà danh y xưa nay chưa hề tìm ra. Biết sữa của người nóng giận bừng bừng sẽ giết trẻ thì sẽ biết ăn thịt gây tổn hại lớn lao cho con người. Nợ mạng, đền mạng là chuyện thuộc về đời sau. Sữa độc giết trẻ một khi được chỉ rõ liền biết những người phụ nữ sanh nhiều mà không nuôi được mấy và con cái lắm bệnh đều do người mẹ ưa nóng giận mà ra. Nóng giận đùng đùng mà cho con bú con sẽ chết ngay; nóng giận vừa vừa, tuy con chẳng chết ngay, ắt sẽ thường bị bệnh. Phàm muốn cho con cái khỏe mạnh, không bệnh, hãy nên tập thành tánh nhu hòa thì mới được. Xin hai vị hãy suy xét cặn kẽ!

359. Thư trả lời cư sĩ Thái Chương Thận

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, những chuyện sai khiến bút mực bên ngoài đều nhất loạt chẳng

[407] Đồng Mông Tu Tri (trẻ nít nên biết) là một tài liệu do Chu Hy biên soạn vào đời Tống nhằm làm tài liệu dạy dỗ trẻ nhỏ về đức dục, khuôn phép ứng xử. Đến đời Thanh, ông Lý Dục Tú rút gọn thành cuốn Đệ Tử Quy.

thể thực hiện được, do vậy miễn cưỡng viết tám chữ cho xong trách nhiệm. Trộm nghĩ đạo làm rạng danh cha mẹ nằm nơi nghiêm túc dạy dỗ con cháu để ai nấy đều sửa đức mình và chuyên dốc tu tịnh nghiệp ngõ hầu tăng trưởng, phát khởi những điều tốt lành, trăm đời hưng thịnh. Các hạ đích thân soạn văn bia, hãy nên khắc chữ theo lối viết thiếp, để cho con cháu mình và lũ hậu bối trong làng ấp đều được đọc tụng, phỏng theo, ai nấy đều mạnh mẽ nức lòng, tận lực thực hành sẽ có lợi ích lớn lao. Mười mấy năm trước, Quang đã viết bài tựa nêu tỏ những điều ẩn kín trong cuốn sách kỷ niệm sự vãng sanh của mẹ ông Khang Ký Dao, lời văn cực vụng về, chất phác, nhưng ý thì chấp nhận được (xem trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, trang 14, 15 nơi phần Tạp Trước), nếu ông chẳng ngại dùng ngòi bút tài hoa để nêu tỏ những ý nghĩa trong bài văn ấy, ắt sẽ có ích cho thế đạo nhân tâm. So với việc chỉ phô bày cảnh núi sông thêm đẹp đẽ và lòng hiếu thảo lo xây dựng mộ phần sẽ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực.

(Ngày 25 tháng 9)

360. Thư trả lời cư sĩ niệm Phật

Hôm qua nhận được thư gởi đến, biết rõ từng điều. Gần đây tôi đã soạn lời giải thích xác đáng về "cách vật trí tri", nay trình bày với ông. Giải rằng: *"Cách trừ huyễn vọng tư dục vật, trí hiển trung dung bỉnh di tri"* (Trừ khử vật huyễn vọng tư dục sẽ đạt đến sự hiểu biết rõ ràng đạo trung dung, vâng giữ luân thường). Chữ "vật" (物) ở đây chính là những tư dục chẳng hợp với lẽ trời tình người trong tâm, hễ có tư dục thì sở tri sở kiến đều lệch lạc chẳng chánh đáng. Nếu trừ khử được những tư dục huyễn vọng không thật ấy thì sở tri sở kiến sẽ chẳng lệch, chẳng khác, tức là chánh tri sẵn có trong bản tâm sẽ tự hiển hiện, nhất cử nhất động đều hợp tình hợp lý, trọn chẳng lệch lạc, tà vạy. Đấy chính là đại pháp để tu dưỡng chính mình, trị tâm do thánh nhân lập ra cho thiên hạ trong đời sau. Tu tề trị bình ở tại đấy, mà siêu phàm nhập thánh cũng bởi đấy. Dụng công ở nơi đấy sẽ đỡ tốn sức nhất, tùy theo công phu sâu hay cạn của mỗi người mà lợi ích đạt được là thành hiền, thành thánh, thậm chí thành Phật đều do đây mà được, huống là những sự thấp kém hơn ư?

Tiếc cho những nhà Nho đời sau không suy xét, cứ hiểu "vật" là "sự vật", hiểu "tri" là "tri thức", tức là xem cội gốc của mọi cội gốc như cành nhánh của mọi cành nhánh, rồi lại tưởng cành nhánh của mọi cành nhánh là cội gốc của mọi cội gốc. Chẳng những không hiểu được ý thánh nhân, mà còn làm rối loạn văn của thánh nhân nữa. Vì sao nói thế? Do muốn ý được chân thành, trước hết phải hiểu thấu suốt, đạt đến mức hiểu thấu suốt là nhờ "cách vật" (trừ khử vật dục). Điều

này hết sức đỡ tốn công, hết sức giản tiện, hễ nghĩ tới liền hiểu được cách; thế mà lại bỏ đi không nhắc tới, cứ dạy người ta thúc đẩy tri thức đến cùng cực, thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để mong thành ý chánh tâm thì khắp cả cõi đời cũng khó kiếm được người nào. Do Tống Nho hiểu lầm "vật" là "vật bên ngoài" nên sau này nhà Nho chỉ nói "chánh, thành" chứ chẳng nhắc đến "cách, trí". Lý này cực sáng tỏ, rõ ràng, nhưng những kẻ tự xưng truyền thừa tâm pháp của thánh nhân lại hiểu sai đến nỗi đạo "sửa mình, trị tâm" do thánh nhân dạy cho con người bị lu mờ, úng tắc, không thể nào tỏa rạng được, chẳng đáng buồn ư?

Nếu chuyên chú trọng tự sửa đổi, đối trị chính mình thì một pháp cách vật (trừ khử vật dục) cũng đủ dùng; vì hễ khử được tư dục thì mọi điều ác đều trừ, mọi điều thiện đều sanh, nên nói là "đủ dùng". Nếu muốn cho người trong khắp cõi đời đều bỏ được tư dục để hiển lộ chánh trí mà không đề xướng nhân quả báo ứng sẽ không thể được. Bởi lẽ, hễ ai muốn tự lợi sẽ chẳng rảnh đâu để xem xét coi những gì mình làm có lợi hay gây hại cho người khác. Nếu biết thiện ác nhân quả như bóng theo hình, như tiếng vang ứng theo âm thanh; âm thanh hòa hoãn thì tiếng vang dễ nghe, hình ngay ngắn thì bóng đoan chánh. Hiểu được điều này, chẳng mong người khác cách vật mà họ sẽ tự chịu cách vật.

Vì thế, Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). "Tích thiện, tích bất thiện" là nhân; "dư khánh, dư ương" là quả. Cơ Tử giảng giải thiên sách Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo thì được năm thứ phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều xấu). Câu này quả thật nói rõ cái nhân trong đời trước, cái quả trong đời này. "Hưởng" (嚮) chính là thuận, "dụng" (用) là lấy, là được, chữ "oai" (威) nên hiểu nghĩa là trái nghịch, "cực" (極) là cùng quẫn, tai ách. Vì vậy câu "hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực" nên hiểu là do những hành vi trong đời trước trái nghịch chánh đạo, nên đến nỗi đời này hứng chịu những quả cùng quẫn, tai ách ấy.

Những nhà Nho đời sau chẳng xét đến văn lý, một mực quy lục cực về sự cai trị của nhà vua, thành ra trái nghịch thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua. Trẻ nhỏ sanh trong nhà phú quý liền hưởng phước, sanh vào nhà nghèo hèn liền chịu khổ, há có phải là do sự cai trị của nhà vua khiến chúng nó phải sanh vào những chỗ khác nhau như vậy ư? Điều thứ tư trong ngũ phước là du hảo đức (thường chuộng đức), chính là thói quen tu đạo tu đức trong đời trước. Điều thứ nhất là thọ, điều thứ hai là phú, điều thứ ba là khang ninh (khỏe mạnh, bình yên), điều thứ năm khảo mạng chung (chết tốt lành) chính là quả báo được cảm vời do đời

trước tu đạo tu đức. Điều thứ nhất trong lục cực là hung đoản chiết (xui xẻo, chết yểu), điều thứ hai là tật (bệnh tật), điều thứ ba là ưu (lo lắng), điều thứ tư là bần (nghèo), điều thứ năm là ác (diện mạo xấu xí gọi là ác), điều thứ sáu là nhược (thân yếu đuối gọi là nhược), chính là quả báo do đời trước làm nhiều chuyện chẳng hợp đạo nghĩa. Há có nên quy hết vào sự cai trị của nhà vua ư?

361. Thư trả lời cư sĩ Từ Giám Chương

Hôm trước nhận được thư con, biết con tuổi trẻ phát tâm tu tịnh nghiệp, khôn xiết vui mừng, an ủi! Mong con hãy cung kính đọc kỹ càng Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu sẽ hiểu tường tận nguyên do của pháp môn Tịnh độ. Các pháp môn được nói trong cả một đời đức Phật đều cậy vào tự lực để tu trì, đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử, khó khăn lắm, khó hơn lên trời! Nếu dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì vạn người tu vạn người về. Nhưng phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác, khiến cho khắp hết thảy mọi người cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ.

Con tuổi còn trẻ dại, phải hết sức chú ý giữ gìn thân thể, hãy nên đọc kỹ cuốn Dục Hải Hồi Cuồng trong bộ An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Có nhiều thiếu niên khi ý niệm tình dục khởi lên bèn thủ dâm, chuyện ấy gây tổn thương thân thể cực lớn, chớ nên phạm. Hễ phạm chính là tự tàn hại thân mình, nhơ bẩn tự tâm, khiến cho thân thể hữu dụng bị chết yểu, hoặc thành phế nhân bấy bớt không nên cơm cháo gì. Hằng ngày phải phản tỉnh, quán sát tội lỗi nơi thân tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi tự tàn, tự hại. Nếu không, cha mẹ chẳng nói, sư trưởng không nói, bạn bèn đàn đúm xúi giục nhau đến nỗi thành ra thói ác ấy. Nguy hiểm lắm, còn hơn vào vực sâu, đi trên băng mỏng!

Tăng tử mang tư cách đại hiền mà đến khi sắp chết mới nói: "Kinh Thi chép: 'Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, bước trên băng mỏng', từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi." Chưa đến lúc sắp chết, vẫn thường dè dặt, kinh sợ, biết mình ắt có chỗ thiếu sót; nay sắp chết rồi, mới biết mình không thiếu sót. Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi, biết 19 năm trước sai trái; đến khi tuổi tròn 50, biết 49 năm trước sai trái. Khổng tử vào độ tuổi 70, vẫn mong trời cho sống mấy năm nữa, hoặc dăm mười năm để học Dịch, ngõ hầu tránh khỏi lỗi lớn. Đấy chính là cách dưỡng tâm giữ ý, phản tỉnh, quán sát của thánh hiền, là cơ sở để học Phật liễu sanh tử vậy. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và các sách khác, nên không ghi cặn kẽ.

Con tên là Giám Chương, lại thêm có chánh trí tuệ thì không gì chẳng hợp với Phật, với thánh, không gì chẳng đúng pháp thế tục. Người đời nay hơi thông minh bèn cuồng vọng. Đấy đều là chẳng biết nghĩa lý *"vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn"* (với việc học thì mỗi ngày tăng thêm, với việc đạo thì mỗi ngày giảm bớt). "Vị học nhật ích" là đem đạo đức thánh hiền cất chứa trong thân tâm ta; "vị đạo nhật tổn" là nghiêm túc phản tỉnh, quán sát, để khởi tâm động niệm trọn chẳng có tội lỗi gì. Nếu không, chỉ là bậc văn tài lỗi lạc, đã chẳng thể vì việc học, huống là vì đạo ư? Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên hết thảy già trẻ trai gái hằng ngày thường kiền thành niệm thánh hiệu Quán Âm để làm thượng sách cầu hòa bình, giữ gìn thân mạng. Ngoài cách này ra, không còn tìm được cách nào khác nữa đâu!

(Ngày 26 tháng 7)

362. Thư trả lời anh em Úc Liên Xương

Cha ông do bệnh tật mà toan ăn thịt là vì chẳng biết hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, cho nên mặc tình giết ăn. Nếu biết là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, cái tâm tham vị ngon ấy sẽ ngay lập tức tiêu diệt chẳng còn. Ở đất Tần ta trước khi xảy ra loạn Hồng Dương, một người dân quê ở huyện nọ tại Hưng An cùng với mẹ sống trong cảnh nghèo khó. Người con đi làm thuê để nuôi mẹ; về sau mẹ chết, chỉ trơ trọi một mình, người con liền chẳng sốt sắng đi làm thuê nữa. Một bữa nọ ngủ ngày, mộng thấy mẹ đau đớn khóc lóc đến nói: "Mẹ chết đi biến thành lợn, nay đang ở chỗ X…, gã Y… nọ sắp giết mẹ, con hãy mau đến cứu mẹ." Người ấy kinh hoảng, tỉnh giấc, liền sang chỗ đó, thấy người giết lợn khớp với giấc mộng, nhưng lợn đã bị giết rồi! Do vậy đau đớn không chịu nổi, lăn lộn trên đất, gào khóc mất cả tiếng. Có người hỏi đến, do không có tiền để mua con lợn bị chết ấy bèn nói: "Lòng tôi đau khổ, chẳng tiện nói thẳng ra!" Từ đấy phát tâm ăn chay.

Do anh ta là kẻ dân ngu trong làng chẳng biết pháp môn tu hành, bèn đi quyên hóa dầu thắp đèn, hễ được một gánh đầy, liền gánh sang núi Võ Đang để cúng đèn trong Kim Điện[408]. Anh ta quyên mộ người khác, quy định tiền dầu thắp cho mỗi một ngọn đèn là ba đồng; tiền ấy dùng để mua hương, nến, trái cây, đã đưa sang đấy mấy lần. Về sau, có một gã đầu sỏ ngoại đạo muốn tạo phản, do sự việc

[408] Kim Điện được xây trên đảnh núi Thiên Trụ tức ngọn núi chánh của rặng Võ Đang thuộc tỉnh Hồ Bắc. Kim Điện thường được gọi là Kim Đảnh, xây từ năm Vĩnh Lạc 14 (1416) nhà Minh, là kiến trúc bằng đồng lớn nhất Trung Quốc. Toàn bộ ngôi điện được ghép bằng những phần nhỏ đúc bằng đồng, chạm trổ hết sức tinh xảo. Trong điện thờ Huyền Thiên Chân Vũ Đế Quân (Huyền Thiên Thượng Đế) có đại tướng Thủy Hỏa (Quy - Xà nhị tướng) đứng hầu hai bên.

bị tiết lộ bèn bỏ trốn, quan phủ sai vẽ hình tróc nã khắp nơi. Do gã ấy có cùng tên họ, tướng mạo với anh chàng quyên hóa dầu; anh chàng đi quyên hóa dầu liền bị bắt giữ. Anh ta thưa trình chuyện mẹ bị biến thành lợn nên quyên hóa dầu, nhưng quan không tin. Quan lại bắt được cuốn sổ ghi tên đến mấy ngàn người, vốn là tên của những người cúng tiền mua dầu, bèn coi đó là danh sách tạo phản. Anh ta bị khổ hình tra khảo tại dinh quan huyện Trúc Khê thuộc ranh giới tỉnh Hồ Bắc; nhân đó quan gán tội, phán án xử tội chết.

Lại giải lên phủ Vân Dương phúc thẩm. Tới phủ, anh ta kêu oan, nhân đó thuật chuyện do mẹ biến thành lợn mà quyên hóa dầu. Tri phủ rất có cao kiến, do thấy vẻ mặt người ấy hết sức từ thiện, quyết chẳng phải là kẻ tạo phản, nghe anh ta kể chuyện mẹ bị biến thành lợn, bảo: "Lời ngươi nói đó, bổn phủ chẳng tin, hôm nay bổn phủ buộc ngươi thôi ăn chay", sai dọn ra một bát thịt, ép ăn. Người ấy một tay bưng bát, một tay cầm đũa, Tri phủ vỗ "tỉnh mộc"[409] thúc anh ta gắp ăn. Người ấy gắp một miếng thịt, chưa đưa đến miệng liền ói ra một bụm máu. Tri phủ mới biết anh ta bị vu cáo, liền tống đạt công văn xuống huyện Trúc Khê gỡ tội cho anh ta, bảo đi xuất gia ở chùa Liên Hoa thuộc biên giới huyện Trúc Khê.

Do chùa Liên Hoa thuộc quyền quản trị của quan Trấn đài Hưng An lẫn Trấn đài Vân Dương, vào tháng 10 mỗi năm hai tỉnh mở hội tranh tài tại chùa này, nên chùa có tiếng. Người ấy sau khi xuất gia nhất tâm niệm Phật khá có cảm ứng. Về sau, trở về quê cũ ở Thiểm Tây, người địa phương gọi là Châu lão thiền sư, dựng nên hai ngôi miếu nhỏ. Khi loạn Hồng Dương nổ ra, đồ đệ, đồ tôn đều trốn hết, sư sắp thị tịch bèn nói với người làng: "Sau khi ta chết, nên bỏ vào chum, xây một cái tháp. Ba năm sau mở tháp ra xem. Nếu đã rữa nát thì thiêu đi; nếu không rữa nát thì thờ bên cạnh đại điện." Về sau, mở tháp ra, xác chưa rữa nát, bèn thờ trong đại điện. Sư hiện thân làm con trai quan huyện bên cạnh đi khám bệnh, bệnh lành chẳng nhận lễ tạ, nói: "Nếu ngươi nghĩ đến ta thì đến chùa X… ở chỗ Y… để thăm hỏi." Sau người ta đến chùa thăm viếng, nhà chùa nói: "Đấy là tên của vị tăng được thờ trong đại điện", đọc tên thấy chính là ngài. Do vậy hương đèn suốt năm chẳng ngớt. Vị ấy chính là sư công[410] của vị hòa thượng truyền giới cho Quang vậy. Đã 58, 59 năm, tên người, tên chùa đều quên hết.

[409] Tỉnh mộc (Thiền gia thường gọi là thủ xích, hoặc gọi tắt là xích) là một khối gỗ nhỏ, có thể nắm gọn trong tay thường được các quan dùng trong công đường để vỗ xuống án nhằm tạo tiếng động lớn khiến cử tọa chú ý hoặc để thị oai. Trong Phật môn, thủ xích dùng để vỗ xuống bàn khiến đại chúng chú ý trước khi tuyên pháp ngữ. Trong Thiền Gia Việt Nam, thủ xích còn được vị chủ sám cầm vỗ xuống bàn khi chuyển giọng tán sang bài khác trong các pháp hội.

[410] Sư công: thầy của sư phụ, ta thường gọi là sư ông.

Vị ấy nếu mẹ không bị biến thành lợn thì bất quá vẫn là một người dân lành yên phận mà thôi! Nếu quan phủ Vân Dương chẳng ép vị ấy ăn thịt, thịt chưa đưa vào miệng đã hộc máu ra, án ấy chắc chắn chẳng được sáng tỏ. Do vị ấy xem thịt đó giống như thịt mẹ mình, vì oai thế của quan bức hiếp, chẳng dám không ăn, chưa ăn mà tim gan đã đau xé nên hộc máu. Vì thế, quan biết là bị vu cáo, bèn tìm cách truyền đạt văn thư xóa tội, bảo đi xuất gia. Nếu cha ông biết nghĩa này, chắc chắn chẳng nỗi cứ mong tưởng mùi vị thịt mãi. Nếu vẫn còn khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng như muốn ăn thịt cha mẹ của chính mình, niệm ấy liền bị tiêu diệt. Người chết đi, biến thành súc sanh vẫn còn tốt; nếu đọa trong ngạ quỷ, địa ngục, so với làm súc sanh chẳng biết càng khổ hơn mấy vạn vạn lần.

Xin hãy đưa thư này cho cha ông xem, chẳng những cụ không chịu mong tưởng ăn thịt nữa, mà còn chẳng chịu mong làm người mãi mãi trong thế gian này. Hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương hòng khỏi bị đọa lạc trong tam đồ ác đạo nữa. Hãy nên hiểu rằng, chẳng liễu sanh tử, dẫu có tu hành, cũng khó bảo đảm đời sau hay trong những đời sau nữa chẳng tạo ác nghiệp. Bởi lẽ người già 70 tuổi, ăn chay trường nhiều năm, vẫn còn muốn ăn thịt; huống là đời sau, những đời sau nữa vẫn có thể chẳng tạo nghiệp, tu trì giống như đời này ư? Vì thế, Phật, tổ đều khuyên người cầu sanh Tây Phương. Do sanh về Tây Phương liền dự vào cảnh giới Phật, tâm phàm đã không còn, Phật tuệ ngày một mở mang, tốt đẹp hơn tham thiền, nghiên cứu giáo, đại triệt đại ngộ, thâm nhập kinh tạng vô lượng vô biên lần vậy!

(Ngày mồng 2 tháng 2 năm Dân Quốc 29 - 1940)

363. Thư trả lời cư sĩ Nghê Huệ Biểu

Vãng sanh hoàn toàn cậy vào tín nguyện chân thành, thiết tha. Nếu trước đó đã nghi ngờ, sợ chẳng thể vãng sanh thì chẳng thể nào vãng sanh được! Huống chi như ông, tịnh nghiệp thuần thục, thần thức dạo chơi tịnh độ, rất khó có; nhưng chớ nên nói lộ ra, vì sao vậy? Do người đời nay phần đông thích dối xưng là bậc thông gia, chắc sẽ do ưa cầu danh mà bịa đặt đồn thổi khiến tự lầm, lầm người. Lời lẽ này chính là lời chánh đại quang minh, đừng ngỡ là tôi ghen ghét sự tốt đẹp của người khác. Bài kệ do ông đã soạn thật hay, hiềm rằng hai chữ "pháp vũ" (mưa pháp) rất chẳng như pháp. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, há nên đề cao như thế?

Mười năm trước, ở Bắc Kinh có cuốn Tự Tri Lục, ở Thượng Hải, Hàng Châu, Dư Diêu đều muốn ấn hành để lưu truyền rộng rãi. Sách ấy toàn là những chuyện bịa đặt, Quang bảo họ hãy ngưng (bảo đừng in). Sau này có hai người cũng muốn

phỏng theo ý ấy, gởi thư xin chứng minh, Quang đem chuyện Tự Tri Lục răn nhắc họ. Ông vốn thiếu từng trải, chẳng biết những kẻ cầu danh so với kẻ cầu lợi chẳng thua kém nhau đâu! Vì thế, chỉ xin ông hãy tự sốt sắng tu trì, đừng phô phang chuyện ấy, tuy có thể khơi gợi lòng tin cho người khác, nhưng cũng sẽ mở ra đầu mối cho kẻ khác mạo nhận đấy!

(Ngày mồng 2 tháng Chạp năm Dân Quốc 23 - 1934)

364. Thư trả lời cư sĩ Triệu Liên Châu

Hai bài ca Dưỡng Khí và Quả Dục văn từ lẫn nghĩa lý đều viên diệu, quả thật là tác phẩm hữu ích cho thân, tâm, tánh mạng. Nhưng trong thời gần đây, Nho sĩ chẳng dụng công tận tụy thực hành, chuyên coi nói suông là cao thượng, trở thành phường "kể chuyện ăn, đếm của báu". Dẫu nói đến mức một giọt nước chẳng rỉ cũng chỉ trở thành hý luận mà thôi! Chẳng dám nói các hạ cũng cá mè một lứa với bọn họ, nhưng cũng chẳng dám nhất quyết các hạ chẳng giống với bọn họ. Điều may mắn là các hạ đã có tín tâm, hãy nên siêng năng niệm Phật. Hễ phiền não hiện tiền hãy làm cho nó bị tiêu diệt ngay. Nếu dưỡng khí như thế thì khí chẳng đến nỗi thiếu; quả quá (bớt lỗi) như thế, lỗi sẽ có thể dần dần không còn. Bỏ niệm Phật để nói đến chuyện "dưỡng khí, bớt lỗi" rốt cuộc vẫn chưa phải là đạo rốt ráo, lại còn tốn sức. Vì thế biết một pháp niệm Phật quả thật là đạo nhất quán của cả Nho lẫn Thích. Nếu chẳng dùng pháp này để tự tu mà muốn cầu được tâm pháp của Nho, của Phật, khó khăn lắm đấy. Bởi lẽ chỉ có tự lực, không có Phật lực gia hộ vậy!

(Ngày 18)

365. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng

Chúng ta là sanh tử phàm phu, chớ nên mù quáng bịa đặt, những gì chính mình biết thì chẳng thể không đề xướng; điều gì mình không biết há nên dối xưng thông gia rồi hồ đồ tán dương ư? Những nhà phong thủy bói toán cố nhiên có thể làm cho con người hướng lành tránh dữ, nhưng vừa mất công vừa tốn kém lắm. Chu Dịch là sách dạy người hướng lành tránh dữ, vừa nhàn nhã lại chẳng tốn kém. Bởi lẽ, Chu Dịch chỉ chú ý vào chỗ tăng tấn đức, sửa đổi nghiệp, sửa lỗi hướng lành, chứ không phải là dụng tâm nơi sửa cửa dời bếp, bớt Đông bù Tây. Gởi trả lại thư cho cư sĩ Từ, hiện thời Quang không có tinh thần để soạn văn đâu! Một ông thầy địa lý ở quê tôi đi xem đất cho người khác, chuyện cát hung mấy chục năm sau ông ta đều đoán biết. Đứa con ông ta mười mấy hôm sau chết, bố ông ta ba bốn tháng sau chết, thầy địa lý đều không nói tới do chỉ biết chuyên dựa vào địa lý, chẳng bằng chuyên dựa vào tâm đức vậy!

366. Thư trả lời Đào Đức Càn

Đang trong lúc đói kém, loạn ly này, muốn cho những người cùng hàng đều cùng được gội ân Phật, hãy nên tùy phận tùy sức khuyến hóa người khác tu trì sẽ tốn kém ít mà lợi ích nhiều. Nếu vừa nhúng tay làm liền chú trọng xây cất, lại chẳng theo đuổi cung cách đơn giản, chất phác thì tiền bạc không sẵn có, chẳng khỏi gặp khó khăn. Những người tiền của ít ỏi sẽ coi đạo tràng ấy như chỗ đáng sợ, chẳng dám đến. Hiện thời, chuyện nào cũng nên theo cách thức đơn giản, cũng chẳng cần phải mong sao được hoàn thành ngay trong một thời gian. Phàm những người có tín tâm trong bốn làng đều nên bảo họ ai nấy tu trì ở trong nhà của chính mình, cũng chẳng cần phải bỏ lơi công việc, cũng chẳng tu tràn lan; lại còn có thể làm cho gia đình quyến thuộc cùng sanh lòng tin tưởng.

Quang thấy những người đề xướng các nơi đều lấy chuyện tạo dựng đạo tràng làm đầu, trộm chẳng nghĩ như vậy là đúng! Nếu nhằm lúc thời cuộc thanh bình yên ổn, nhân dân giàu có dư dả thì còn được, chứ đang trong thời buổi dân không lẽ sống, lại không có vị đại công đức chủ đứng ra chịu trách nhiệm xuất tiền xây dựng một mình, tôi cảm thấy xây dựng đạo tràng là chuyện khó khăn nhất trong những chuyện khó. Ông nói đến chuyện nhờ Quang soạn văn, chuyện ấy vạn phần chẳng thể làm được. Từ tháng 11 mùa đông năm ngoái do giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, chữ lại quá nhỏ, mắt bị tổn thương nặng. Do vậy, cự tuyệt hết thảy những chuyện sai khiến bút mực. Phàm ai gởi thư đến đều dặn về sau đừng gởi thư đến nữa, cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác quy y. Ngay như thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng thuận tiện gởi thư cho Quang, do mục lực chẳng thể thù tiếp nổi. Ngay như để đọc và trả lời hai lá thư này đều phải dùng kính lão lẫn kính lúp thì mới xem và viết được lờ mờ. Nếu không, đọc chẳng ra. Ông vẫn muốn sai khiến viết lách thì vạn phần chẳng thể được, trong Văn Sao có chỗ nào dùng được thì sao lục để làm khai thị, có trở ngại gì đâu!

367. Thư trả lời cư sĩ Dịch Tư Hậu

Đọc thư ông gởi đến, biết ông đời trước có thiện căn, nhưng do chưa đọc kinh Phật nên văn tự lẫn nghĩa lý vẫn chưa hiểu rõ ràng. Nếu như hiểu rõ sẽ chẳng cần phải hỏi câu thứ nhất! Vì đoạn kinh văn ấy ghi: "Quán Thế Âm Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do bi tâm vô tận, từ thệ khôn cùng, nên lại hiện thân Bồ-tát và các thân người, trời, phàm, thánh… trong mười phương thế giới để thí vô úy (ban cho sự không sợ hãi), cứu vớt rộng rãi!" Phẩm Phổ Môn chép: "Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp" (Trong phẩm Phổ Môn có ba mươi hai thứ hóa thân tức là những thân người, trời, phàm, thánh, nam, nữ. Sao lại dựa theo tác phẩm Hương

Sơn Quyển do ngoại đạo bịa đặt rồi nghi ngờ vậy?) Sao ông không đọc đoạn văn tiếp theo đó: "Không những hiện thân hữu tình (trời, người, phàm, thánh, nam, nữ đều có thân hữu tình, tức là có tâm thức, tri giác), mà ngay cả núi, sông, thuyền, bè, cầu, bến, đường sá, cỏ thuốc, cây cối, lầu, đài, điện, gác, cũng tùy cơ biến hiện." Nói chung, Bồ-tát chuyên chú trọng làm cho chúng sanh lìa khổ được vui, chuyển nguy thành an. Nếu ông hiểu rõ ràng đoạn văn này, quyết chẳng hỏi Bồ-tát là nam hay nữ.

Do người đời chưa từng đọc kinh Phật, thấy tượng Bồ-tát vi diệu trang nghiêm, do những người đắp, vẽ, điêu khắc không phải là tay thợ khéo xuất sắc, cho nên họ đã vẽ, tạc hình tượng ngài giống với tướng người nữ, người đời bèn nghĩ ngài mang thân nữ. Bồ-tát đối với hết thảy đều tùy duyên, do tâm người đời nghĩ Bồ-tát là thân nữ, nên khi hóa hiện trong mộng, phần nhiều ngài hiện thân một bà cụ già. Do chúng sanh thiện căn mỏng cạn, chẳng thể thấy được pháp tướng vi diệu trang nghiêm của Bồ-tát nên ngài chỉ tùy theo căn cơ của họ mà hiện thân.

Trong Phật pháp không có cuốn sách nào có tên là Quyển cả! Phàm những thứ "bảo quyển" đều là do ngoại đạo mượn một chuyện trong Phật pháp để mù quáng bịa đặt hòng dụ dỗ, gạt gẫm kẻ vô tri. Nói chung, những gì các sách ấy nói đều là lấy luyện đan vận khí làm gốc, lấy chiêu bài "tam giáo đồng nguyên" (Nho - Phật - Lão cùng một nguồn) để làm hòn núi dựa dẫm. Họ mù quáng trích dẫn những câu trong kinh sách của Nho, Phật, Đạo giáo để biến chánh thành tà, hòng chứng minh đạo luyện đan vận khí là vô thượng tôn quý nhất. Phàm ai theo đạo ấy, tuy có tấm lòng tốt nhưng đều là hạng hồ đồ. Nếu là bậc có đủ chánh tri kiến sẽ lìa xa còn không kịp, há đâu lại bái bọn chúng làm thầy, theo bọn chúng tu học ư?

Câu kinh Di-đà ông đã dẫn đó chính là câu tuyệt đối chẳng hề có trong chánh kinh của nhà Phật! Chắc là do kẻ muốn xưng là bậc thông gia, nhưng thật sự là kém hèn lớn mật tưởng mình thông hiểu nhưng chẳng thông hiểu gì bịa đặt ra. Lời chú giải kinh văn của họ cho thấy họ chẳng biết gì về nguồn cội của tiểu tam tai và đại tam tai, bèn gộp nháo nhào tam tai hỏa - thủy - phong thành một, nói loạn cào cào. Chữ kiếp, tiếng Phạn là kiếp ba (kalpa), cõi này (Trung Hoa) dịch là thời phần. Thời gian dài gọi là kiếp, một đại kiếp là khoảng thời gian trời đất trải qua một lần hình thành rồi hủy diệt. Như trong hiện tại gọi là trụ kiếp, vì một đại kiếp có bốn trung kiếp, tức *thành, trụ, hoại, không*. Thời gian của ba kiếp thành, hoại, không đều lâu mau giống như trụ kiếp, nhưng trong cả ba kiếp thành, hoại, không đều không có người. Trong trụ kiếp có 20 tiểu kiếp tăng giảm, 20 kiếp tăng giảm đã xong thì đại địa bốc lửa, cho đến tận trời Sơ thiền đều biến

thành lửa. Qua hết 20 kiếp tăng giảm, cõi thế gian từ trời Sơ thiền trở xuống mới hoàn toàn hoại. Lại phải qua 20 kiếp tăng giảm trong kiếp không, thế giới mới dần dần hình thành. Lại phải qua 20 kiếp tăng giảm mới bước vào trụ kiếp, có con người và hết thảy chúng sanh. Trong ba trung kiếp này, người lành hoặc sanh lên trời Nhị thiền hoặc sanh sang thế giới phương khác, kẻ ác thì sanh sang thế giới phương khác để chịu tội trong tam ác đạo.

Thế giới bị hỏa thiêu bảy lần như thế cho đến lần thứ tám thì thành thủy tai, nước ngập đến tận trời Nhị thiền. Khi nước hết ngập, không còn vật gì. Thủy tai kéo dài suốt thời gian 20 kiếp tăng giảm thì những phần thế giới ở dưới trời Tam thiền mới hủy hoại hết. Lại trống rỗng chừng đó thời gian rồi mới thành, trụ. Phàm trải qua bảy lần hỏa tai xong, lần thứ tám là thủy tai. Sau bảy lần thủy tai lại có bảy lần hỏa tai, rồi đến phong tai. Phong tai sẽ hủy hoại cho đến tận trời Tam thiền, gió thổi cho đến không còn một vật gì. Tổng cộng có 7 x 8 = 56 lần hỏa tai, bảy lần thủy tai, một lần phong tai. Đấy chính là tam tai thủy - hỏa - phong.

Bọn ngoại đạo tưởng tam tai là một, nói năng mù quáng bậy bạ! Ông vẫn chưa hiểu rõ lời này thì hãy nhất tâm niệm Phật, đừng nghĩ những lời lẽ mù quáng ăn nói càn quấy ấy là đúng thì được rồi. Thế giới này đã thành rồi thì người lành, kẻ ác đều sanh trở lại thế giới này. Ví như nhà của người ta bị hư hoại, mọi người dọn đi, nhà cất xong lại dọn về. Lúc thành, lúc hoại nơi thế giới phương khác cũng sẽ chuyển đi, dời về giống như ở phương này.

Cao Vương Kinh[411] trong Đại tạng không có, nhưng tụng cũng khá có linh cảm, là vì trong ấy có nhiều danh hiệu Phật, Bồ-tát. Kinh ấy đã có từ trước thời Tùy Đường, nhưng người hoằng pháp cũng chẳng khuyên người khác niệm, mà cũng chẳng ngăn trở người khác niệm, cứ để mặc cho kẻ tục nhân tại gia trì tụng. Độ Kiếp Tôn Kinh, Đối Tâm Kinh, lại còn có Tâm Kinh quyển trung và quyển hạ, Tâm Kinh quyển trung lại có hai loại, đều là những thứ do ngoại đạo ngụy tạo.

[411] Cao Vương Kinh nói ở đây có tên đầy đủ là Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh, khác với Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh (do ngài Cù Đàm Bát-nhã dịch) trong Đại tạng. Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh dạy các hạnh nghiệp của người thọ Bồ-tát giới gia nhập tăng đoàn, các lợi ích do tu tập như chứng đắc Tứ quả, tu Bồ-tát hạnh v.v.. Còn Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh có nội dung khá lộn xộn, tập trung những danh hiệu Phật, rồi kết thúc bằng chú Thất Phật Diệt Tội. Xin trích dẫn đoạn đầu: "Quán Thế Âm Bồ-tát, nam-mô Phật, nam-mô pháp, nam-mô tăng, Phật hữu nhân duyên, Phật pháp tương nhân thường lạc ngã tịnh, hữu duyên Phật pháp. Nam-mô ma-ha-bát-nhã ba-la-mật, thị đại thần chú. Nam-mô ma-ha-bát-nhã ba-la-mật, thị đại minh chú… Nam-mô Tịnh Quang Bí Mật Phật, Pháp Tạng Phật, Sư Tử Hống Thần Túc U Vương Phật. Phật cáo Tu-di Đăng Vương Phật, Pháp Hộ Phật, Kim Cang Tạng Sư Tử Du Hý Phật, Bảo Thắng Phật, Thần Thông Phật…" Theo ngu ý, bản kinh này ngụy tạo vì từ đầu đến cuối chứa lẫn lộn những câu chữ trích từ Tâm Kinh, cũng như những danh hiệu Phật được nói trong các kinh Đại thừa.

Quy y là quy y tam bảo Phật pháp tăng để mong y giáo tu trì hòng liễu sanh thoát tử, chứ chẳng phải chỉ như thế gian bái sư rồi thôi. Nhưng thế gian bái sư để học chữ hoặc học một nghề, dẫu nghề thấp kém nhất như cạo đầu, chữa chân, cũng phải ba lần lạy, chín lần khấu đầu. Ông gởi thư xin quy y, lại còn hỏi cả đống câu, lại muốn có được mấy loại sách, chẳng những không dùng chữ "đảnh lễ" mà ngay cả chữ "hiệp chưởng" (chắp tay) cũng không dùng. Cầu người khác khai thị mà làm như thế cũng đã quá vô lý, huống là cầu quy y, tức là ông coi chuyện quy y chẳng đáng nửa đồng, trở thành chuyện chẳng đáng tôn trọng. Người đi đường hỏi lối còn phải vòng tay cúi đầu; ông quy y, xin khai thị, xin sách mà chỉ dùng chữ "kính thượng" (kính trình lên) là xong! Nếu không có ba chuyện ấy, chẳng biết sẽ ngạo mạn đến mức nào? Quang nương theo tâm phổ độ chúng sanh của đức Phật mà khai thị cho ông, nhưng tuân theo nghĩa duy trì pháp đạo mà cự tuyệt ông. Nếu không, Quang sẽ thành coi rẻ Phật pháp, cũng như khiến cho ông khinh mạn Phật pháp. Vì thế nói với ông về những chỗ ông lầm lỗi. Ông cứ muốn quy y thì hãy xin quy y nơi chùa chiền ở Thường Thục, Quang già rồi, không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết chẳng trả lời.

Quy y trong chùa nếu pháp sư truyền giới lên tòa nói tam quy ngũ giới, thì trước khi pháp sư lên tòa, người xin thọ giới đảnh lễ vị sư tri khách ở khách đường, đảnh lễ hòa thượng ở phương trượng. Hòa thượng lên tòa, người thọ giới phải quỳ lạy hơn một tiếng đồng hồ. Hòa thượng xuống tòa, tiễn hòa thượng về phương trượng, người thọ giới lại đảnh lễ, rồi đảnh lễ các vị sư trực ban và thầy tri khách. Ông gởi thư xin quy y, những chữ "đảnh lễ" đều không chịu viết, quá coi thường chuyện quy y tam bảo. Nếu Quang không nói thì Quang cũng mắc tội, cho nên mới phải nói!

(Ngày 12 tháng 8 năm Đinh Sửu - 1937)

368. Thư trả lời cư sĩ Trí Chương

Tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật không hai. Phật rốt ráo đoạn hết phiền hoặc nên được đại thọ dụng, pháp nào, chuyện nào cũng đều tự tại. Chúng sanh thì toàn thể trong mê, nên ngược ngạo dùng sức công đức của Phật tánh để làm cái gốc khởi hoặc tạo nghiệp, chẳng đáng buồn ư? Dẫu có ai hiểu được nghĩa này, ý muốn trái trần hiệp giác, chí tâm niệm Phật, nhưng vì cái quen đã quá quen, cái lạ lại quá lạ, nên cũng chẳng dễ tương ứng với Phật. Nếu thân sa vào cảnh hoạn nạn, thật sự có thể một mực dốc lòng thành, không ai chẳng được cảm ứng ngay lập tức. Do khổ não bức bách, nhất tâm cầu cứu, hết thảy những

tình kiến khác đều chẳng hiện tiền. Vì thế cảm ứng mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn!

Các pháp thế gian trọn không có tướng nhất định, họa phước dựa dẫm lẫn nhau, tổn hại hay lợi ích chỉ do con người tự chuốc lấy. Người khéo được lợi ích thì không gì chẳng có ích, kẻ cam chịu tổn hại thì không gì chẳng phải là tổn hại. Nếu ông có thể thường giữ được ý niệm "gặp nạn sắp chết cho nên phải sốt sắng niệm Phật" trong lòng, chắc chắn sẽ có thể vào lúc báo thân này sắp mất, giã biệt Sa-bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di-đà, làm bạn lành trong hải hội. Nguyện học trò tôi là Trí Chương thường giữ được cái tâm dè dặt kinh sợ để hòng chẳng phụ ơn Di-đà Thế Tôn một phen đại từ bi hiện thân cứu khổ thì may mắn lắm thay!

(Tháng 8 năm Mậu Thìn - 1928)

369. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất)

Tánh tình ông thường ưa nói những lời vô vị. Nhà ông chẳng dư dật, lại còn có mẹ già, sao lại nói "muốn tìm chỗ thanh tịnh để nhất tâm tu đạo?" Ông làm việc ở Cục điện lực, nếu xem kinh tham thiền thì công việc bận bịu vô cùng, thật khó thể dụng công. Nếu nói niệm Phật, chỉ sợ ông chẳng phát chân tâm. Nếu thật sự phát tâm liễu sanh tử thì tuy đông người cũng chẳng đến nỗi bị trở ngại, bởi lẽ niệm Phật chỉ có một câu, dẫu cho bận bịu cũng chẳng thể phiền rộn được. Nếu tâm ông chẳng chán ghét pháp niệm Phật thì cố nhiên chẳng chướng ngại cho lắm. Nếu ông sanh lòng chán, sẽ trở thành niệm Phật một khắc cũng thấy khó thể chịu đựng. Ông chẳng thể bỏ nhà để kiếm chốn yên tịnh niệm Phật, sao lại xin tôi quyết đoán, há chẳng phải là coi như chuyện đùa ư? Nếu ông có thể khuyên cha mẹ già, khuyên vợ con cùng tu tịnh nghiệp, há chẳng bằng ông ở riêng một chỗ vắng lặng để niệm Phật ư?

Hơn nữa, đối với những chuyện thù tiếp thuộc về phương diện tình cảm giữa con người với nhau, nếu ông lấy cớ tu hành để giảm dần đi, ắt người ta chẳng đến nỗi trách móc. Hoặc khi bất đắc dĩ thì thù tiếp đại khái, chuyện gì bớt được thì bớt, có gì là không được? Sống trong cõi trần học đạo, nếu tu các pháp môn khác thật khó được lợi ích; chứ nếu tu niệm Phật thì thật là ổn thỏa, thích đáng tột bậc! Nhưng do ông không có chuyện gì cứ bới ra chuyện, vọng tưởng quá nhiều, đừng nói là "chưa có được chỗ yên tịnh sẽ khó được lợi ích", ngay cả khi đã có được chỗ yên tịnh rồi, vẫn khó được lợi ích. Sao ông khổ sở dùng tinh thần hữu dụng để nói năng, so đo vô ích, tự phiền, rộn người? Hãy nên tận lực ngăn ngừa bệnh

này, tùy phận dụng công; đọc kỹ Văn Sao thì sẽ tự có thể trong hết thảy chỗ đều tự tại yên vui vậy.

(Mồng 8 tháng 4)

370. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai)

Tánh tình của ông chuyên môn tìm tòi, bàn nói những chỗ không quan trọng, khẩn yếu! Ví như kẻ thích đồ cổ, đầy nhà là đồ cổ, cũng có món giá trị thật sự quý báu, nhưng cũng có cái chẳng đáng một hai đồng, nhưng tự mình vẫn tưởng là quý báu không thể tính giá được. Thông thường, hễ có khách đến liền dẫn người ta đi xem, kèo nài người ta thưởng lãm. Do đấy ôm lòng kiêu căng, khoe khoang, cho là "vật quý báu trong thiên hạ đều về tay ta". Tới khi họa hoạn xảy đến, những thứ vật báu ấy đúng là tăng thêm họa táng thân, trọn chẳng có ích được một đồng. Những gì ông nghiên cứu để thưa hỏi trọn chẳng khác gì chuyện này. Nay may mắn được răn nhắc, liền gấp muốn coi trọng chuyện liễu sanh tử, nhưng cái tâm cứu độ cha mẹ lại chờ cho tới sau khi được vãng sanh đắc Vô sanh pháp nhẫn. Sao không nói với cha mẹ, vợ con về nỗi khổ sanh tử luân hồi, mối họa do ăn thịt, sát sanh ngay trong khoảng thời gian này, khiến cho hai cụ già và vợ con đều cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về Tây Phương vậy?

Nếu ông có thể chân thật phát tâm chí thành, đối trước đức Phật sám hối thay cho hai cụ, tuy hai cụ không tin tưởng nhưng rồi cũng sẽ tin tưởng. "Lòng thành đến cực điểm, sắt đá cũng cảm động", huống hồ hai cụ vốn yêu thương con ư? Nếu có thể vứt sạch tập khí bàn bạc, nghiên cứu mù quáng trước kia, chắc chắn sẽ được lợi ích lớn lao. Nếu không, sẽ trọn chẳng khác gì kẻ ưa chơi đồ cổ, gieo được cái nhân xa đã là chuyện may mắn lắm rồi. Nhưng vẫn mắc tội bàn luận Phật pháp xằng bậy cũng chẳng phải nhỏ đâu! Một pháp niệm Phật hết thảy mọi người đều nên tu, hết thảy mọi người đều có thể tu được, sao chẳng uyển chuyển khuyên hai cụ tu pháp ấy ngay trong lúc này?

Ông nói ra những lời lẽ ấy, biết ông đọc Văn Sao vẫn theo kiểu cưỡi ngựa vùn vụt xem đèn, trọn chẳng suy xét tường tận những điều đã được nói trong bộ sách ấy. Xin hãy nương tựa toàn thân nơi Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư. Tuy Thọ Khang Bảo Giám vẫn chưa phải là sách quan hệ khẩn yếu cho chính mình, nhưng hãy nên lấy đó làm của báu gia truyền, lại hãy nên nói với hết thảy những kẻ trẻ tuổi về lẽ lợi hại, hãy nên khuyên hết thảy những người già nương theo đó mà răn nhắc con cháu. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người, nhờ vào công đức ấy ắt sẽ có thể làm cho cha mẹ già và vợ con cùng thoát khỏi biển khổ.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thật, nghĩa là áp dụng trí tuệ vào thật sự, thật lý, chẳng còn Đông kéo Tây lôi, cũng như chỉ giải thoát nơi cửa miệng, trọn chẳng có lợi ích thật sự gì. Ông đọc kỹ Văn Sao sẽ chẳng đến nỗi bỏ lơ hai cụ già, chỉ mong vãng sanh Tây Phương đắc Nhẫn rồi mới cứu độ họ. Trong tháng Nhuận, Quang sẽ sang Thượng Hải, sợ là tháng 3 vẫn còn ở Thượng Hải. Chưa đến Phổ Đà thì đừng nên tới Phổ Đà ngay. Nếu cứ muốn tới, nên tới chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm sẽ biết rõ là Quang còn ở đó hoặc đã qua nơi khác. Quang rất muốn ai cũng niệm Phật vãng sanh Tây Phương cho nên mới dài dòng một phen như thế này.

371. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba)

Đầu mùa đông năm ngoái tôi phải giảo chánh sách, đến ngày 21 lại bị bệnh hơn cả tuần, nay đã bình phục. Để thỏa nguyện cho ông bèn soạn một bài tựa. Dùng nguyên tên gọi và đăng ảnh chụp đều là cách để cầu danh chuốc nhục, đấy chính là điều Quang ghét cay ghét đắng. Xin ngàn muôn phần chớ bắt chước kiểu cách hời hợt hoa mỹ trong cõi đời mấy lúc gần đây. Mọi người hãy nên chú trọng thực hiện tiết kiệm, chất phác, chuyên chí tu trì sẽ có lợi ích lớn lao. Năm Dân Quốc thứ chín (1920) có mấy đệ tử ấn hành Văn Sao ở Thượng Hải (tháng Giêng năm Dân Quốc thứ mười in xong, chính là bản Văn Sao gồm hai cuốn), liền thỉnh ý Quang về chuyện đăng ảnh chụp, viết tiểu sử; Quang bảo nếu làm như thế sẽ nhất quyết không chấp nhận cho in Văn Sao, họ bèn thôi.

Ông chẳng biết chuyện ấy, vì thế tôi nói với ông để ông khỏi xoay sở xin ảnh chụp rồi in bừa bãi. Dẫu Quang chẳng thể vãn hồi thói xấu hời hợt, hoa mỹ, xa xỉ, lòe loẹt trong cõi đời gần đây, nhưng quyết chẳng chịu theo sóng đuổi sóng để bắt chước làm như họ. Lời tựa gồm hơn 400 chữ, in thành một trang, ghi tên người làm công đức đằng sau; bài kệ hồi hướng chỉ dùng những câu văn trong kinh Hoa Nghiêm: *"Nguyện tương dĩ thử thắng công đức, hồi hướng pháp giới chư hữu tình, phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát"* (Nguyện đem công đức tuyệt vời này, hồi hướng hữu tình các pháp giới, nguyện khắp chúng sanh đang đắm chìm, mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang) là được rồi, chứ chẳng cần phải viết gì khác.

372. Thư trả lời cư sĩ Vương Thành Trung

Nhận được thư đầy đủ, Quang là một ông tăng hèn kém chỉ biết cơm cháo, thiếu những hiểu biết thông thường, tuổi gần bảy mươi, chẳng có thành tựu gì. Các hạ tưởng lầm là thiện tri thức tức là đã lầm lẫn lớn, lại còn muốn quy y, tức là muốn học lấy bản lãnh của ngu phu, ngu phụ. Đã học bản lãnh của ngu phu,

ngu phụ thì bản lãnh của bậc thông gia quyết chẳng còn trông mong chi nữa. Nếu chẳng coi đó là sai lầm, tôi chẳng ngại lấy sai lầm làm chuẩn.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Trung, nghĩa là trí tuệ do có lòng thành ở bên trong, ắt trí tuệ sẽ thấu đạt ra ngoài, khiến cho hết thảy người hữu duyên đều nương theo ý chỉ "lòng thành bên trong thấu đạt ra ngoài" tu trì tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha. Để hưng khởi Phật pháp trong cõi đời ngày nay, chẳng lo không biết lý tánh cao sâu huyền diệu, chỉ lo không biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình để thực hành những điều đáng nên hành. Nếu như hết thảy mọi người đều có thể thực hành những điều đáng nên hành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường xoay.

Do vậy, Quang thường nói với hết thảy mọi người: Ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng những điều này để tự hành, dùng những điều này để dạy người khác, trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là thân thích, xóm giềng, bè bạn, để họ cùng tu tịnh nghiệp, ngõ hầu đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Làm được như thế thì sống là bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Lợi ích xuất thế gian lẫn thế gian đều do đây mà được. Đấy là những điều ngu phu ngu phụ có thể làm được, trọn chẳng có chỗ nào cao sâu huyền diệu chẳng thể mong mỏi được. Tiếc cho người đời phần nhiều cầu lợi ích từ những điều khác, chẳng cầu từ những điều này, vì thế khó được lợi ích chân thật.

Ông nói: "Phải trông coi công việc trong Cư sĩ lâm, chẳng thể chuyên tu, rất sợ khó đắc nhất tâm, chưa thể vãng sanh được, hoặc khó được như nguyện." Cần biết rằng: Bồ-tát hành đạo lấy lợi người làm đầu, pháp môn Tịnh độ lấy tín nguyện để dẫn đường. Có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đắc nhất tâm cũng có thể vãng sanh. Không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù đã đắc nhất tâm vẫn khó thể vãng sanh (Người trong nhà Thiền niệm Phật phần nhiều chẳng nói đến tín nguyện thì vẫn là tự lực, khó được nhờ vào Phật lực; do bọn họ đã không cảm thì Phật cũng khó thể rủ lòng ứng. Đây là chuyện khẩn yếu cùng cực, vì thế phải nói trắng ra).

Chỉ cần chịu nghe theo những chuyện Quang đã nói trên đây, tận lực thực hiện sẽ tương ứng với chánh nhân của tịnh nghiệp như Quán kinh đã dạy và tương ứng với bổn nguyện của Phật. Vì thế chẳng cần phải ngờ vực, do dự mình khó được vãng sanh! Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực, phàm những ai dự

vào Cư sĩ lâm niệm Phật, ắt phải bảo họ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, cần nhất là chú trọng nhân quả báo ứng, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái. Làm như thế thì còn có hy vọng sau này người hiền sẽ dấy lên đông đảo, kẻ bại hoại diệt tuyệt. Nếu không, sở học đều là mưu mô dối trá. Mưu mô dối trá càng tinh xảo, càng khéo léo thì thiên tai nhân họa càng khốc liệt! Đạo "gốc chánh nguồn trong" nằm ở chỗ bình thường này, chứ không có gì lạ lùng cả.

(Ngày 11 tháng 9)

373. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)

Một pháp niệm Phật chỉ những ai chết được cái tri kiến cuồng vọng mới có thể được lợi ích. Dẫu cho cái trí ngang bằng thánh nhân cũng mặc kệ, cứ lấy một câu Phật hiệu này làm bổn mạng nguyên thần, thề cầu vãng sanh. Dẫu đem cái chết bức bách, ép thay đổi đường lối cũng chẳng thể thay đổi chí hướng! Như thế mới được coi là người thông minh, mới có thể đạt được lợi ích thật sự. Nếu không, do lắm tri nhiều kiến, tâm chẳng thể đoạn nghi, đâm ra chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật chẳng có chút hiểu biết nào lại dễ được lợi ích hơn.

Cái tiếng "quy y" rất dễ đạt được, nhưng thực chất quy y cực khó tu, phải giữ năm giới "không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu". Lại còn phải bỏ tham sân si huyễn hiện trong tâm, tu giới định tuệ sẵn có nơi tánh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trên là khuyên mẹ hiền, giữa khuyên anh em, dưới khuyên vợ con, tôi tớ cùng tu đạo này. Như thế chính là đạo "tự lợi lợi tha, tự lập lập người" thường được thực hiện trong luân thường hằng ngày, công đức lợi ích ấy há tính kể được ư?

Trong thế giới Cực Lạc, chẳng những quang minh của đức Phật vô lượng mà ngay cả cây cối, lưới báu, ao, đài, mỗi thứ đều có quang minh. Nói ngày hay đêm là nêu đại lược về cách phân chia thời gian, há nên hiểu giống như ban đêm trong cõi này khi ánh mặt trời đã tắt, tối om không thấy được gì nữa ư? Chẳng thấy kinh Quán Vô Lượng Thọ bảo "khi chim đậu, hoa khép thì coi là đêm" đó ư? Nhưng thế giới ấy và thế giới này khác nhau vời vợi một trời một vực. Tất cả những điều chỉ bày trong Quán kinh hay kinh Vô Lượng Thọ đều là mượn chuyện cõi này để hình dung sự trang nghiêm mầu nhiệm trong cõi kia mà thôi, chứ thật ra y báo trong cõi Cực Lạc mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được. Há nên si ngốc chấp chặt những cảnh thuộc về mặt sự trong cõi này là những lời bàn luận đích xác ư?

Người sanh về cõi kia thường nghĩ tới tam bảo. Dẫu họ đã là tăng, vẫn có những vị tăng thuộc phẩm vị cao như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập

địa, Đẳng giác; há vì không có tục mà chẳng lập được cái tên gọi là tăng (sangha) ư? Tăng nghĩa là "hòa hợp", tâm hòa với lý, tâm hợp với đạo, cả hai không sai biệt nên gọi là tăng. Tăng lại còn có nghĩa là thanh tịnh, tham sân si v.v. tạp niệm vọng tưởng trọn chẳng hề còn, công đức, lợi ích giới định tuệ v.v. trọn vẹn đầy đủ, thì gọi "chân thanh tịnh tăng". Mỗi một địa được nói trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm đều chẳng lìa "niệm Phật - niệm pháp - niệm tăng", huống là người mới sanh về cõi ấy ư?

Chuyện "cày bằng lưỡi" ("thiệt canh", tức dạy học - chú thích của người dịch) thì người khéo dụng tâm có thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang cho kẻ học trong đời sau, chẳng giữ quyền vị mà thực hiện sự cai trị, chẳng phô công lao rành rành mà đất nước yên bình, há nên đem lòng chán ghét? Hãy nên nói "miệt mài thực hiện đến chết mới thôi" thì mới khỏi thẹn với hai chữ "thiệt canh" (cày bằng lưỡi). Đa số những kẻ "cày bằng lưỡi" hiện thời đều dụ dỗ bọn thiếu niên theo thói cuồng vọng, đối với đại kinh đại pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" đều bỏ mặc chẳng bàn tới. Vì vậy thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, chẳng thể vãn hồi được! Nếu giữ vững tấm lòng "yên đời, giác ngộ dân" để làm giáo viên, giáo hóa đồng nghiệp và học sinh, công đức ấy há biết được bến bờ ư?

Đối với quẻ Sơn Thủy Mông[412] trong kinh Dịch, phần Tượng Từ giảng: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Nuôi dưỡng điều chánh nơi trẻ thơ, ấy chính là công lao của bậc thánh vậy). Trường học ấy nên đặt tên là Chánh Mông. Trẻ thơ đã được dưỡng dục thành chánh đáng, sẽ liền có thể dự thẳng vào bậc thánh hiền. Nhưng dạy học mới chỉ là một nửa, nếu ông có thể từ đầu đến cuối luôn nghĩ cách đề cao sự giáo hóa tư cách qua việc dạy học thì đức của chính mình được tăng tiến mà chẳng hay biết[413], ấy chính là đạo "tự lợi lợi tha, tự lập lập người", há phải chỉ làm cho những đứa học trò thơ ngây ấy được giáo hóa chánh đáng mà thôi.

Dạy dỗ học trò chính là chuyện thực hành giáo hóa bậc nhất trong thế gian, nếu xem những kẻ đến học như con ta, em ta, sẽ có lợi ích lớn lao. Nhân quả báo ứng chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị

---

[412] Đây là một quẻ kép (gồm sáu vạch) trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch. Quẻ Sơn Thủy Mông do hai đơn quái (quẻ đơn, chỉ gồm ba vạch) Khảm và Cấn ghép lại, quẻ Cấn bên trên, quẻ Khảm bên dưới. Do quẻ Mông tượng trưng cho sự kiện "dưới núi có đầm sâu", ngụ ý nguy hiểm tối tăm, nên chữ *mông* được dùng với nghĩa rộng là "còn tối tăm, mê muội, chưa hiểu biết". Vì thế, trẻ thơ chưa đi học, chưa được khai hóa bởi lễ nghĩa của thánh nhân cũng được gọi là đồng mông.

[413] Nguyên văn *"niệm chung thủy điển tư học, quyết đức tu vọng giác".* Đây là một câu trích từ thiên Thuyết Mạng sách Thượng Thư, chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Chu Hy trong sách Chu Tử Ngữ Loại.

thiên hạ, độ thoát chúng sanh, chứ nào phải chỉ có kẻ hạ ngu mới nhờ vào đấy để trừ khử những tâm sai trái! Đại thánh đại hiền không một ai chẳng nhờ vào đấy mà thành thánh, thành hiền. Chỉ vì Nho sĩ trong cõi đời chẳng biết cái gốc của đạo, muốn chia lối khác đường với Phật giáo nên đã ngầm gieo mầm rối loạn thiên hạ nơi việc "phù trợ, tạo lập danh giáo" mà chẳng tự biết; vẫn cứ nhơn nhơn lớn họng đề xướng chuyện bài bác nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi như thế ấy, há chẳng khiến cho người có đủ chánh tri chánh kiến sanh lòng thương xót sâu xa ư? Ông có thể dẹp sạch rào giậu, đủ chứng tỏ đã có thiện căn từ đời trước, nhưng phải dè dặt cẩn thận nơi thấy nghe nói làm, ngõ hầu không thiếu sót sự phản tỉnh trong tâm thì ai nấy sẽ đều nghe theo. Nếu hằng ngày nói nhân quả báo ứng, giảng giải Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh cho học trò, nhưng hành vi của chính mình luôn trái nghịch với ba thứ sách ấy, ắt sẽ trở thành kép hát lên sân khấu diễn tuồng, chỉ dâng hiến cho người ngồi dưới sân khấu được sướng tai khoái mắt một chốc mà thôi. Kép hát chỉ đáng giá kép hát, trọn chẳng được lợi ích trong khi còn sống lẫn sau khi mất đi. Xin ông hãy thấu hiểu sâu xa lời lẽ này của tôi thì tâm pháp của Nho, Phật và lợi ích chân thật rốt ráo há để người xưa riêng hưởng, còn ông chẳng có phần ư?

Tâm tịnh sẽ sanh về Tịnh độ, do vậy người niệm Phật cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu người thế gian thật sự có lòng tín nguyện sẽ đều có thể vãng sanh, huống chi thánh nhân! Chẳng tu thân mà niệm Phật thì cũng có lợi ích, nhưng quyết định vãng sanh thì trong trăm ngàn vạn người khó được một kẻ. Hùng Tuấn, Duy Cung[414] được vãng sanh là chuyện may mắn. Hai câu văn ông đã soạn thì đúng nhưng còn chưa thiết thực, hãy nên viết *"trí đoạn phiền tình siêu khổ hải, lập kiên tín nguyện nhập liên trì"* (trí dứt phiền tình, vượt biển khổ, tín nguyện lập vững, nhập liên trì) sẽ xác đáng, thiết thực, vì pháp tắc dụng công đều được chỉ ra (phiền là phiền não, tức là nói chung, còn tình chuyên chỉ dâm dục).

Thầy thuốc chịu giữ tấm lòng giúp đời lợi người thì lợi ích lớn lao, nhưng thầy thuốc chỉ trị được bệnh, chẳng thể trị được nghiệp và mạng. Nếu dùng thêm nhân quả báo ứng và "niệm Phật tiêu nghiệp" để khai thị cho người khác, ắt người ta dễ nghe theo; ấy chính là làm thầy thuốc mà hoằng pháp vậy!

Sự trong thiên hạ không nhất định, nhưng lý nhất định, lý là cốt lõi của sự, sự là biểu hiện của lý. Quân tử xử thế, lập thân, giữ kinh[415], đạt quyền, ấy chính là

[414] Đây là hai nhân vật hung ác, phá giới, phạm trai, tới lúc lâm chung do sám hối thiết tha cầu sanh Tịnh độ nên vẫn được vãng sanh (xin xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

[415] Kinh（經）là những gì chánh đáng, mang tính chất khuôn phép mẫu mực, phải cố gắng tuân thủ.

đạt. Nếu không, ắt sẽ đến nỗi trái lý chạy theo người khác, mất mát lớn lắm. Vì thế quân tử nói: *"Khả dữ cộng học, vị khả dữ thích đạo. Khả dữ thích đạo, vị khả dữ lập. Khả dữ lập, vị khả dữ quyền"* (Có những kẻ ta có thể cùng học tập với họ được, nhưng họ chưa phù hợp với đạo. Có những kẻ đã phù hợp với đạo, nhưng chưa thể duy trì được cái đạo ấy. Có những kẻ đã duy trì được cái đạo ấy, nhưng chưa thấu hiểu quyền biến)[416]. "Quyền" (權) có nghĩa là dựa theo thời mà lập ra những điều thích nghi, tức là giữ lý thường nhưng lại biết biến đổi phương cách sao cho thông suốt, khiến cho nó được thích hợp. Nếu trái với kinh thì toàn thể đã mất, làm sao hợp với đạo cho được? Cho nên cái quyền ấy chính là quyền phi lý vậy!

Phật pháp quán thông thế gian, đối với tu tề trị bình không cách ngăn, trở ngại mảy may nào. Tiếc cho người đời chẳng suy xét, thường chấp vào một bên để luận, khiến cho kẻ vô tri nhân đó sanh tội lỗi. Lời ông nói do vẫn chưa hiểu tường tận nguyên do, nên coi bố thí là tột bậc, đấy chính là dùng thân để diệt pháp. Sự lý này đã được giảng đại lược trong Văn Sao, chẳng thể luận nhất loạt như nhau được. Trong phần nói về đối trị phiền não của Văn Sao, có kể ra hai loại người tu hành, tức là phàm phu trụ trì pháp đạo và bậc Bồ-tát chỉ liễu tự tâm, mỗi loại đều có những điều phải tuân giữ, đề cao, chẳng thể luận bàn lẫn lộn được. Như Khương Thái Công (Khương Tử Nha) vác kích theo Chu Vũ Vương phạt Trụ, Di - Tề (Bá Di, Thúc Tề) nắm cương ngựa can gián Chu Vũ Vương đừng phạt Trụ. Hai vị mỗi người đi theo đường riêng, dẫu thánh nhân cũng chẳng thể bảo người này là đúng, kẻ kia là sai được! Xin hãy đọc sách kỹ càng, đọc đầy đủ rồi mới suy nghĩ sẽ tự có sở đắc, nhưng phải rất chú trọng niệm Phật.

374. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông lại có đứa con hiền nối dõi, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Ông đọc An Sĩ Toàn Thư, sao chẳng thấy câu chuyện người mở tiệm bán đồ phương Nam ở Dương Châu[417] thiếu lương tâm, có được hai đứa cháu nội. Người

[416] Đây là lời của Khổng tử (được chép trong thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ), chúng tôi dịch theo cách diễn giải trong sách Luận Ngữ Giảng Yếu của cụ Lý Bỉnh Nam. Chữ quân trong câu "quân tử nói" ở đây có lẽ bị chép sai. Đúng ra phải là "Khổng tử nói" thì hợp lý hơn.

[417] Thoạt đầu, "Nam hóa" (hàng hóa từ phương Nam) chỉ có nghĩa là những sản vật từ phía Nam sông Dương Tử. Đến đời Gia Khánh nhà Thanh trở đi, do chánh sách bế quan tỏa cảng được nới lỏng, các hàng hóa từ ngoại quốc nhập vào Trung Hoa rất nhiều; từ ngữ "Nam hóa" bèn được dùng để chỉ chung những sản phẩm hay dược phẩm nhập từ các nước thuộc phía Nam Trung Hoa như Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương v.v.. Thậm chí những sản phẩm từ Phi Luật Tân hoặc Tây Phương nếu nhập từ những hải cảng ở miền Nam Trung Hoa như Quảng Châu, Hạ Môn, Phước Châu v.v. đều được gọi là Nam hóa. Theo An Sĩ Toàn Thư vào cuối đời Minh, ở Dương Châu có một người mở tiệm bán hàng hóa nhập từ phương Nam rất giàu có. Lúc sắp chết, trăn trối với người con trai: "Cái cân này là vật báu gia truyền, đừng bỏ đi. Cán cân làm bằng ô mộc, khoét rỗng, bên trong đổ một ít thủy ngân. Khi cân

con ông ta thề sửa đổi hành vi của cha, hai đứa cháu bèn chết cả. Sao chẳng thấy đoạn văn nói về bốn cái nhân chúng sanh đầu thai làm con cháu trong Văn Sao vậy? Sao chẳng thấy lý "quả báo thông ba đời"? Nếu người niệm Phật có con bị chết, lỗi do niệm Phật, thì con của kẻ không niệm Phật trọn chẳng chết ư? Nên biết rằng, gặp tai nạn mà sợ, càng ra sức tu hành, ấy chính là đại nhân duyên siêu phàm nhập thánh; nếu hễ gặp cảnh chẳng thuận tâm liền sanh oán hờn, ấy chính là đại nhân duyên vĩnh viễn đọa tam đồ ác đạo.

Ông đọc sách hiểu lý, mà đối với chuyện này vẫn cảm thấy rất khó chấp nhận, tức là "chấp vào đức chứ không thông hiểu rộng rãi, tin tưởng đạo nhưng chẳng chuyên dốc, chắc thật"[418], kiến thức vẫn chẳng khác gì kẻ chưa nghe Phật pháp. May sao sanh được con là do Phật - trời ban cho. Nếu vĩnh viễn chẳng có con, ông sẽ do chuyện này mà chẳng sanh lòng tin ư? Trong cõi đời, quân tử lấy thân hướng dẫn mọi người, nếu chẳng rõ sự lý, sẽ bị những tình kiến ngu xuẩn xoay chuyển, còn đáng gọi là người nghe đạo nữa ư?

375. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)

Nhận được thư biết cháu X… chết yểu, khôn ngăn than dài. Xét những lời ông viết trong phần đầu, tợ hồ là tri kiến chưa thông đạo lý; những lời thuộc phần sau khá hợp với đạo "chẳng oán, chẳng hờn, tự tỉnh, tự sửa đổi". Họa phước không nhất định, tổn hại hay lợi ích do nơi người. Người khéo được lợi ích không gì chẳng có ích, kẻ cam chịu tổn hại không gì chẳng bị tổn hại. Quá khứ chư Phật đều lấy cảnh khổ làm thầy, cho nên đoạn sạch phiền hoặc, thành vô thượng đạo. Nếu ông được như Du Tịnh Ý, Viên Liễu Phàm sửa lỗi tu trì, há không chỉ được Phật - trời lại ban cho đứa con hiền mà còn sẽ đích thân dự thẳng vào hàng thánh nhân.

---

cho ai thì dốc cho thủy ngân chảy về phía đĩa cân nên khách hàng bị thiệt; khi mua thì nghiêng cho thủy ngân chảy về đằng cán nên người bán hàng cho ta bị thiệt. Do vậy, ta mới làm giàu nhanh chóng." Sau khi cha chết, người con nghĩ cha mình làm ăn thất đức, bèn đem cái cân chẻ ra, thấy trong ấy có một hòn máu đỏ tươi. Không lâu sau, hai đứa con trai của anh ta rất thông minh tuấn tú, tài học lẫy lừng cả vùng bỗng lăn ra chết tốt. Anh ta oán thán trời đất vô tri, nhân quả đảo điên, than khóc suốt ngày đêm. Một đêm, bỗng mộng thấy đến một tòa phủ nọ, viên phủ quan ngồi trên tòa nghiêm nghị bảo: "Cha ngươi có số giàu chứ không phải vì cân đong tráo trở mà giàu. Do lão ấy ôm lòng bất chánh nên Thượng đế sai hai ngôi sao Phá Quân, Đại Hao giáng xuống làm con của ngươi để phá sạch cơ nghiệp của lão. Đã hết sạch cơ nghiệp rồi còn đốt cho cháy trụi cả nhà cửa không còn sót gì. Nay do ngươi cải hối, nên trời triệu hai ngôi sao ấy về. Hãy gắng ăn ở công bình, tận lực làm lành, đừng nên oán hờn, sẽ có con hiền, rạng rỡ tổ tông." Không lâu sau người ấy sanh được hai đứa con, về sau đều đỗ tiến sĩ.

[418] Đây là một câu nói trích từ thiên Tử Trương trong sách Luận Ngữ: *"Tử Trương vân: 'Chấp đức bất hoằng, tín đạo bất đốc, yên năng vi hữu, yên năng vi vong?'"* (Tử Trương nói: 'Chấp vào đức, chứ không thông hiểu rộng rãi, tin tưởng đạo nhưng chẳng chuyên dốc, chắc thật. Con người như vậy làm sao có thể đạt được điều gì, làm sao tránh khỏi có chuyện mất mát'). Chúng tôi dịch câu này theo cách giảng của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải (do Thường Thục Châu và Lân Công Chấn biên soạn).

Dạy học mà nói về sự lý nhân quả báo ứng thì đâu có trở ngại gì, nếu nói về niệm Phật tu trì thì phải chọn kẻ có trí thức, biết tốt xấu mới chẳng đến nỗi khiến cho mọi người nhao nhao bàn ra tán vào. Nhưng trước hết cần phải tự thưa rõ với mọi người "bản thân tôi tu trì chưa đến nơi đến chốn, vì thế vẫn thường mong gặp được những sự nhắc nhở không vừa ý để làm đại nhân duyên hòng lập thân hành đạo. Nếu chuyện gì cũng vừa lòng, chắc sẽ đến nỗi kiêu mạn, phóng dật, chẳng chịu tu trì nữa". Những kẻ thành gia lập nghiệp trong cõi đời phần nhiều đều do nghèo khổ, những kẻ khuynh gia bại sản đều là hạng giàu vui. Đấy chính là những tấm gương tày liếp vậy.

Con người sống trong thế gian hãy nên trọn hết bổn phận, họa phước, khổ vui tuy chủ yếu do túc nghiệp quyết định, nhưng hễ nỗ lực tu trì thì nghiệp sẽ bị chuyển theo. Kẻ do nghiệp trong đời trước sẽ bị ác báo hoặc chẳng chịu ác báo mà nếu công tu trì sâu đậm, sẽ đâm ra được hưởng thiện báo. Nếu buông lung phóng túng làm các điều ác thì thiện báo trong đời trước chưa hưởng, ác báo đời này đã xảy đến rồi. "Tâm tạo được nghiệp, tâm chuyển được nghiệp", chỉ do con người tự quyết định. Thiên địa quỷ thần chỉ nắm quyền thưởng phạt, chẳng thể nắm quyền chuyển dời, quyền chuyển dời nằm trọn nơi ta. Đã biết là do ta thì chỉ biết mong thành thánh thành hiền, học Phật, học tổ. Thánh, hiền, Phật, tổ há cự tuyệt người! Cư xử trong cõi đời nên hồn hậu, lập thân nên nghiêm túc, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị tà giáo đố kỵ hay mê hoặc. Sai chỉ hào ly, khác biệt vời vợi một trời một vực. Kẻ chưa mở mắt dám múa mỏ như bậc đại sĩ lỗi lạc ư?

Một pháp niệm Phật không điều mong cầu nào chẳng được ứng nghiệm, chứ nào phải chỉ cầu mưa, cầu lành bệnh mới có linh nghiệm. Mỗi người đều có bổn phận phải trọn hết, hãy nên hành xử theo đúng địa vị, đấy chính là bổn phận của bậc quân tử. Nếu hành xử vượt phận mà chẳng phải là bậc đại trượng phu lỗi lạc, chắc chắn chẳng thể đạt được lợi ích chân thật. Vì sao vậy? Do kẻ ấy chẳng thể trọn hết bổn phận nơi chỗ dễ dàng, làm sao trọn hết bổn phận ở chỗ khó khăn cho được? Chuyện xuất gia bảo là dễ thì dễ tựa trở bàn tay, chỉ cần mặc một chiếc áo cổ lớn là đã thành hòa thượng rồi. Nhưng loại hòa thượng sống phí quang âm bại hoại Phật môn ấy quá nửa sẽ phải sống trong tam đồ vào thuở tương lai, muốn được làm người, sợ trong vạn kẻ cũng khó được một hai. Nếu muốn làm một vị hòa thượng đội trời đạp đất, thượng hoằng hạ hóa, sẽ khó hơn lên trời. Đang trong lúc gia đình còn đầy đủ cha mẹ, vợ con, ông còn chưa thể suy nghĩ, hành xử đúng với mức độ của một kẻ làm con, làm chồng, làm cha người ta, làm sao có thể xuất gia liền đắc quả để phổ độ oán thân cho được? Chỉ vì ông cứ tưởng hễ xuất gia, trăm sự sẽ chẳng bận lòng, chẳng biết xuất gia còn nhiều việc hơn tại gia. Ông muốn thanh nhàn tự tại, tiêu dao khoái lạc, chắc chắn sẽ chẳng thể là một ông

tăng tốt được, bởi lẽ ruồng bỏ cha mẹ, vợ con sẽ trở thành đại tội. Quang là ông tăng xuất gia, biết sâu xa điều lợi lẽ tệ nên nói tường tận với ông. Nếu gặp phải loại hòa thượng tồi tệ thích thu nhận đồ đệ, chắc sẽ lừa ông theo làm đồ đệ cho hắn, tức là ông đã bị đánh gục rồi. Ông hãy nên chiếu theo bổn phận mà tu pháp môn Tịnh độ, khiến cho cha mẹ, vợ con ông đều cùng làm quyến thuộc nơi cõi sen, lợi ích lớn lao lắm!

Một câu Phật hiệu bao quát giáo pháp của cả Đại tạng, trọn chẳng còn sót gì. Người tu tịnh nghiệp có các loại chuyên tu hay viên tu khác nhau. Ví như thuận nước căng buồm, càng lại dễ đến đích. Cũng như ăn cơm, chỉ ăn cơm suông (ăn cơm trắng, không có thức ăn) cũng có thể đỡ đói, mà có ăn kèm thêm các món thức ăn cũng chẳng phải là không được. Nếu chuyên niệm Phật, chẳng trì chú thì được, chứ chuyên niệm Phật rồi đả phá trì chú lại không được. Huống hồ chú Vãng Sanh vốn là trợ hạnh cho pháp môn Tịnh độ ư?

Trong kinh Kim Cang thường nói: "Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì kinh này cho đến bốn câu kệ v.v.", ấy chính là nói thiện nam tín nữ trì kinh hoặc một quyển, hoặc nửa quyển, cho đến tối thiểu là bốn câu, ba câu, hai câu, một câu đều được, bởi trước hết nói "thọ trì kinh này" rồi sau đó nói "cho đến", rồi nói "vân vân". Nếu chỉ nói một mình chữ "kệ" thì mới nên hiểu là kinh dạy "thọ trì bốn câu kệ nào đó trong kinh này", chứ chẳng nên trước hết nói "thọ trì kinh này", sau đó lại nói "cho đến" rồi "vân vân". "Cho đến" chính là từ ngữ diễn tả ý lược bớt, "vân vân" là từ ngữ để diễn tả ý chỉ liệt kê tượng trưng. Người đời chẳng hiểu "toàn bộ ý nghĩa rốt ráo được dạy trong kinh chính là 'một kệ'", chứ không phải là chữ "kệ" được nói trong câu kinh Kim Cang này chuyên chỉ loại kệ tụng giống như thơ trong kinh. Trong Văn Sao, qua bài tựa sách Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết và bài tựa sách Kim Cang Kinh Thứ Hỗ, tôi đều đã nói qua ý này, sao ông lại trọn chẳng biết mà còn hỏi tôi vậy?

Người đời chẳng khéo hiểu kinh văn nên chấp chết cứng "bốn câu kệ" là kệ tụng. Nếu vậy thì trọn bản kinh không có công đức, chỉ kệ tụng mới có công đức thôi sao? Kẻ mở banh mắt mà nói mớ chẳng biết là bao nhiêu, cũng đáng buồn lắm! Bốn câu kệ "sắc kiến, thanh cầu"[419] nhằm khiến cho con người ngộ được lý "pháp thân thật tướng", chứ nào phải dạy con người vứt bỏ chuyện tu trì các thứ pháp môn ư? Phần trước kinh chẳng nói như thế này hay sao? "Bồ-tát chẳng trụ vào sắc mà bố thí, chẳng trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí" (Trong

[419] Tức bài kệ: *"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã. Thị nhân hành tà đạo, bất đắc kiến Như Lai."* Sa-môn Thích Trí Hải (chùa Quán Sứ) dịch: *"Dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, kẻ ấy theo đạo tà, chẳng thấy được Như Lai."*

câu này, kinh chỉ nói đến bố thí là chỉ nêu tượng trưng. Với lục độ vạn hạnh đều chẳng trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành, chứ không phải chỉ có mình bố thí mà thôi). Ấy chính là dạy bố thí chẳng trụ vào sắc, thanh v.v., cũng chẳng trụ vào bố thí để hành bố thí, chứ không phải là dạy con người chẳng hành bố thí, ấy là "làm mà chẳng trụ". Kẻ tà kiến chẳng biết ý sâu này, hễ nghe lời phá chấp bèn bỏ thật hạnh, chẳng đáng buồn sao?

Tượng Bồ-tát vi diệu trang nghiêm, chẳng dễ đắp, vẽ, nên thường có lúc trông tương tự tướng nữ nhân, ấy là vì phàm phu chẳng thể hình dung được sự vi diệu. Ông tưởng ngài là nữ, thật đúng là lời lẽ của kẻ chẳng biết Phật pháp! Tâm chúng ta và tâm Bồ-tát cùng một thể tánh, chúng ta do mê trái, nên nương theo tâm tánh này để khởi hoặc tạo nghiệp, chịu các khổ não. Nếu biết cái tâm khởi tham sân si ấy chính là tâm viên chứng giới định tuệ của Bồ-tát thì khởi tâm động niệm có bao giờ chẳng phải là Bồ-tát hiển thần thông nói diệu pháp đâu?

Ngoại đạo thường ăn trộm ý nghĩa trong kinh Phật rồi tự lập tông, như lấy sữa rồi đổ nước vào, hoặc lấy sữa rồi bỏ chất độc vào. Đã bỏ nước, bỏ chất độc vào, sao còn gọi là một tông phái Phật giáo cho được? Sao ông còn hỏi kẻ hồ đồ chẳng biết tà chánh ấy có phải là chánh kiến hay không? Người niệm Phật thật sự chuyên nhất niệm Phật thì thành Phật còn có thừa. Tu hành cố nhiên coi chuyên nhất là quý, nhưng người chân thật niệm Phật hãy niệm thêm Quán Âm thì cũng có thể giúp cho việc niệm Phật. Vì sao vậy? Phật độ chúng sanh vẫn cần Quán Âm phụ giúp thực hiện, huống chi chúng ta thượng cầu hạ hóa kiêm niệm Quán Âm, há có lẽ nào chẳng được? Lời ông hỏi đều là chẳng hiểu lý, nên trở thành cái thấy hẹp hòi, chỉ thấy một phía, chẳng biết còn có một phía khác.

Thế đạo hiện nay là thế đạo hoạn nạn, Quán Thế Âm đại từ đại bi tầm thanh cứu khổ, hãy nên ngoài lúc niệm Phật ra, niệm thêm Quán Âm. Nếu có thể chí thành khẩn thiết, sẽ tự được nhờ ơn ngài che chở. Đối với chuyện luận giải số mạng dựa trên phép bói *bát tự*[420], há nên giải đoán giùm cho người ta. Nếu có ai cầu khẩn giải đoán giùm, hãy nên đem nhân quả túc duyên để chỉ dạy. Nếu kẻ ấy chẳng nghe, chỉ nên thoái thác, quyết chớ nên vì tình cảm mà khiến cho người ta bị lầm lẫn cả đời.

Đệ tử Phật đã tự kiêng giết, sao lại còn mua sanh vật đem tặng cho người khác để kẻ ấy giết ư? Nếu bị bậc tôn trưởng của chính mình thúc ép thì cũng nên tìm cách khuyên nhủ để họ đừng giết, mà mua những thứ làm sẵn ngoài chợ. Sao lại

[420] Bát tự còn gọi là *tử bình*, là một môn bói toán số mạng dựa trên giờ, ngày, tháng, năm sanh, gần giống với tử vi, nhưng đơn giản hơn. Do giờ, ngày, năm, tháng được phối hợp với Thiên Can Địa Chi để đặt tên (chẳng hạn năm Đinh Dậu, tháng Kỷ Mùi v.v.) nên gồm tám chữ. Vì thế gọi là bát tự.

nói là không tìm được cách nào? Phải biết rằng, đạo làm con phải nói sẵn về họa hại do sát sanh khiến cho cha mẹ giảm trừ sát nghiệp. Dẫu cha mẹ chẳng nghĩ là đúng, cũng nên khẩn cầu cha mẹ đừng đích thân giết, ngõ hầu chẳng đến nỗi sát nghiệp của cha mẹ và chính mình bị kết chặt, chẳng thể cởi gỡ được. Hãy nên thường đối trước tam bảo sám hối thay cho cha mẹ, nếu thật sự chân thành thiết tha sẽ chẳng khi nào không được cảm ứng.

"Huyền nhai tán thủ" (buông tay nơi vách đá cheo leo) chính là lời nói trong Tông môn, hàm ý "ngay khi ấy đích thân thấy được triệt để". Phàm đối với những lời lẽ trong Tông môn hãy nhất loạt đừng quan tâm tới, bởi ý nằm ngoài lời, ông chẳng kham được đâu. Hơn nữa, chính mình phải tham cứu thì mới ngộ được, tri thức chỉ dạy cho ông pháp tắc tham cứu, chứ không nói ý nghĩa của những lời ấy, bởi hễ nói thì người nghe sẽ chẳng thể khai ngộ được. Đừng nói là chưa thể ngộ được chuyện ấy, dẫu có ngộ cũng khó thể liễu sanh tử vì cậy vào tự lực. Nếu chẳng biết cứ nói bừa, tội sẽ cực lớn, tội ấy gọi là "bàn xằng bát-nhã", quả báo trong địa ngục; bởi lẽ đã hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. Hãy hết sức răn dè!

Nghe tiếng sấm sợ hãi là do đời trước có nhân ác, đời này ít vun bồi đức. Nay hãy nên đem cái tâm sợ sấm mà chú ý, cẩn thận gắng sức tu trì hằng ngày thì cái nhân ác ấy lại trở thành gốc thiện. Tổn hại hay lợi ích do con người tự chuốc lấy, họa phước không gì chẳng do chính mình tự cầu. Chỉ nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, vãng sanh Tây Phương, quyết định thành Phật sẽ lìa khỏi hết thảy sợ hãi. Nếu không, sợ cũng không đúng, mà chẳng sợ cũng không đúng. Những kẻ cùng hung cực ác nào biết sợ hãi gì, nhưng bọn họ vẫn sợ "một hơi thở ra không hít vào được", chỉ có bọn họ tự biết. Vì vậy hoạt Diêm quân, hoạt tiểu quỷ (Diêm vương sống, tiểu quỷ sống) thường hiện hữu trong cõi đời đều nhằm mục đích "tạo ra những cảnh tượng đáng sợ khiến cho những kẻ chẳng sợ hết thảy mọi thứ sẽ biết kinh sợ".

Biết có những điều mình chẳng làm được mà vẫn dốc hết sức gắng làm, đấy chính là tâm hạnh đại từ đại bi của Bồ-tát; biết có những điều chẳng nên làm mà cứ nhất loạt chẳng kiêng dè, sẽ trở thành chủng tử địa ngục. Kẻ tà kiến thường đem những điều chẳng thể làm được để ngăn trở người khác, bảo là "hễ con người vừa hít vào liền có vô số trùng nhỏ chui vào bụng, đều là sát sanh, đều là ăn thịt, làm sao ông có thể không sát sanh, không ăn thịt?" Điều này giống hệt như toàn thân vùi lấp trong hầm xí mà vẫn muốn lôi người khác vào trong ấy. Người ta không chịu nghe theo, bèn nói: "Mày chê tao hôi thối. Chứ trên thân mày thường có ruồi, muỗi, rận, rệp, tuôn phân, vãi tiểu, mà vẫn chưa phải là đã ở trong nhà xí,

cứ quở tao là hôi thối ư?" Những thứ tri kiến ấy đều là tà kiến, đều sanh khởi nơi những kẻ thông minh, chẳng đáng sợ ư?

Niệm Phật chẳng phân thánh phàm, "thánh" là chỉ cho tam thừa, tức Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát; "phàm" là chỉ cho lục đạo, tức trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nhưng do cõi trời sung sướng nên kẻ chẳng thể niệm rất nhiều, vì tam đồ khổ sở nên kẻ chẳng thể niệm càng nhiều, tu-la do sân hận nên cũng chẳng thể niệm. Chỉ có loài người dễ niệm nhất, nhưng kẻ phú quý liền bị phú quý mê hoặc, kẻ thông minh bị thông minh gây lầm lẫn, kẻ ngu si bị ngu si làm mê muội, chúng sanh đông nhung nhúc mà có mấy ai niệm Phật? Đã biết nghĩa này, hãy nên dũng mãnh tu trì, đừng để đến nỗi "muốn niệm mà chẳng thể niệm được" sẽ chẳng phụ rẫy cuộc sống và dịp gặp gỡ này.

Lấy da trâu bò tươi để bịt trống không phải vì đặc biệt làm trống mà giết trâu, bò. Do trong cõi này, để hiệu triệu mọi người đều phải dùng chuông trống, đấy cũng là thuận theo thế tục. Cần biết rằng, bò bị người ta giết, lấy da nó bịt trống, khi làm Phật sự đánh trống thì con bò ấy sẽ được lợi ích lớn lao. Chiếc trống bịt bằng da người ở núi Ngũ Đài chính là do một ông tăng lạm dụng tiền tài của thường trụ để tậu tài sản riêng, chết đi biến thành trâu để cày ruộng ấy. Đến khi trâu chết, báo mộng cho học trò, bảo lột da trâu bịt trống, gởi sang chùa Văn-thù, trên mặt trống viết tên và chuyện của ông ta, để khi chư tăng làm Phật sự bèn đánh trống ấy ngõ hầu ông ta mau tiêu được nghiệp. Nếu không, dẫu ruộng ấy đã biến thành biển xanh, nghiệp vẫn chẳng thể nào tiêu diệt được! Truyện này thấy trong Thanh Lương Sơn Chí.

Dùng tơ lụa để may phan cũng suy luận tương tự. Đức Phật cấm không cho dùng tơ, nhưng đời sau lại sử dụng, công hay tội là do chí thành hay do phô trương sáo rỗng mà phân nặng nhẹ. Như cổ nhân thêu hình Phật, thêu kinh, cứ mỗi mũi kim đâm xuống là nhặt được xá-lợi; đủ biết thêu hình Phật, thêu kinh có công lớn lao, lỗi dùng tơ lụa nhỏ nhoi! Thêu hình Phật, thêu kinh, quyết chẳng phải là thêu trên vải. Người đời nay buông lung không kiêng dè, hễ khuyên họ kiêng giết bèn dùng hết đủ mọi chuyện để ngăn trở. Lời họ nói tuy có lý, nhưng thật ra tâm họ muốn con người mặc tình sát sanh, chẳng cần phải kiêng dè. Buồn thay!

Thấy người khác sát sanh, hễ cứu được thì cứu. Nếu không, hãy phát tâm niệm đại từ đại bi cầu mong cho kẻ sát sanh và con vật bị giết đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn. Con vật bị giết liền nhờ đó được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Há nên chẳng nương theo ý Phật, lầm lạc sanh phiền não giận mình, giận người, suốt đêm không ngủ? Chẳng thấy tiên sinh Chu An Sĩ hễ thấy hết thảy miếu thờ thần và hết thảy súc sanh đều khuyên phát tâm Bồ-đề,

dạy cầu sanh Tây Phương ư? (Đây là tuân theo ngôn giáo của đức Phật, chứ không phải là tự lập). Dẫu họ chẳng lãnh hội, bi tâm của ta đã tha thiết chân thành khẩn thiết rồi. Đây quả thật là tông chỉ lớn lao để giúp thành tịnh nghiệp đấy!

Người niệm Phật bị trúng gió, cảm mạo v.v. chẳng ngại gì tìm thầy thuốc chữa trị, bị bệnh do oán nghiệp thì chỉ nên chí thành niệm Phật và niệm Đại sĩ. Nếu mười phần chí thành, không nghiệp nào chẳng tiêu, không bệnh nào chẳng lành. Quỷ quấy rối vốn là tà, nếu chí tâm niệm Phật, do Phật cảm nên thần sẽ đuổi những loài quỷ quấy phá ấy lánh xa. Trong phẩm Phổ Môn có nói người niệm Bồ-tát dẫu thế giới đầy ắp ác quỷ, chúng vẫn chẳng dám dùng mắt ác để nhìn ngó, huống là gia hại. Ông có thấy hay chăng? "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà, đương xứ tức thị, không vãng, không sanh." Lý ấy rất sâu, chẳng phải là Pháp thân đại sĩ sẽ chẳng thể lãnh hội, khế chứng được, nhưng Pháp thân đại sĩ vẫn chẳng bỏ sự tu. Điều này thường được diễn tả như sau: "Dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương." Lời ấy chỉ luận theo lý thể, còn lời này chính là lý sự viên dung, cho nên là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu. Cả đời chuyên tinh nhất trí thì lâm chung được Phật tiếp dẫn, trong khoảng khảy ngón tay liền vãng sanh. Đại sư Trí Giả nói: "Khi lâm chung tâm ở trong Định tức là lúc được sanh về Tịnh độ", chính bởi lẽ ấy. Nhưng Phật, Bồ-tát, thiên địa, quỷ thần muốn cho người đời đều biết chuyện này nên thường có chuyện người chết đi sống lại, thấy kẻ làm ác phải chịu tội, người làm lành sanh vào nơi phú quý trong nhân gian, hoặc sanh lên trời, người niệm Phật sanh về Tây Phương v.v.. Đấy là pháp quyền biến nhằm mong sao người đời biết thật sự có chuyện niệm Phật vãng sanh, chứ không phải người niệm Phật mỗi mỗi đều phải đến chốn âm phủ, được vua Diêm-la xét rõ rồi mới đưa đi vãng sanh (Ông chỉ biết chánh lý của niệm Phật, chẳng biết phương tiện quyền xảo dạy người của trời đất. Đọc kỹ lời tựa cho cuốn Hộ Pháp Lục của Quang sẽ biết tâm đại từ bi của trời đất dạy người).

Ông nói: "Điều đáng quý của Triệu Mạnh là Triệu Mạnh có thể nhún mình", lời nói ấy không thích đáng! Vì sao? Niệm Phật là tự tu đức mình, đức đáng được vãng sanh sẽ được vãng sanh; chứ không phải kẻ thiếu đức chỉ cậy vào sức Thiên đế, Diêm vương v.v. sai đưa đi mà vãng sanh. Nếu thiếu đức, dẫu có đưa đi cũng không thể vãng sanh được! Chính Thiên đế, Diêm vương v.v. còn chưa thể tự vãng sanh được, huống là giúp cho người khác ư? Họ phán lệnh vãng sanh giống như bộ Lại[421] theo lệnh vua mà điều động quan viên, chứ không phải do sức mình.

[421] Bộ Lại là một trong lục bộ, có trách nhiệm quản trị quan chức: thăng quan, giáng chức, bổ nhiệm, miễn chức, phong tặng, thiên chuyển, kể cả tổ chức thi cử. Đến năm Khai Nguyên 24 đời Đường, trách nhiệm tổ chức thi cử được giao cho bộ Lễ đảm nhiệm. Bộ Lại bắt nguồn từ thời Đông Hán khi triều đình lập ra Lại Tào, đến đời Ngụy Tấn đổi thành bộ Lại. Thời Tùy - Đường đổi bộ Lại thành Thượng

Ngay đến chức quan của chính họ, họ còn chưa thể tự quyết định được, huống là chức quan của người khác ư? Nếu bảo đấy là "giả Tịnh độ" tức là ăn nói chẳng ra thể thống gì! Do ông chưa biết quyền pháp, chỉ dựa theo thường lý nên mới nghi là "bịa chuyện để gởi gắm nỗi niềm". Thật ra, đấy chính là thiên địa quỷ thần quyền xảo lập bày, chẳng phải do kẻ ghi chép bịa chuyện để gởi gắm nỗi niềm. Bởi lẽ, do người biết chánh nghĩa Tịnh độ ít ỏi, nên thiên địa quỷ thần, Phật, Bồ-tát muốn khiến cho người ta niệm Phật, nên hễ có kẻ vào cõi âm liền đặc biệt hiện ra chuyện này nhằm củng cố lòng tin tưởng.

376. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)

Nhận được thư đầy đủ, những chuyện ông hỏi kèm theo thư cho thấy quả thật là quý địa đã dần dần được gội ân Phật. Do người ở quý địa trồng quất để bán, nếu có thể dùng lòng chí thành trì chú Đại Bi vào nước sạch 108 lần, rồi dùng nước ấy để tưới lên cây quất, vừa đi vừa niệm chú vừa tưới, dẫu quất có sâu, quyết cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Nếu cực kỳ cung kính, chí thành, sâu sẽ không sanh nữa. Nếu chẳng biết trì chú Đại Bi thì niệm chú Chuẩn Đề, hoặc chú Vãng Sanh, hoặc Tâm Kinh đều được. Nếu hoàn toàn chẳng biết, chỉ chí thành niệm Nam-mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ-tát một vạn tiếng (trước hết cúng sẵn một chén nước sạch, niệm xong bèn đem tới cây để rưới), lúc đem đi tưới thì vừa đi vừa niệm, đến chỗ trồng cây thì vừa đi vừa niệm vừa tưới. Nếu chịu hằng ngày thường niệm hoặc niệm chung quanh vườn cây, cây ấy nhất định sum suê, lắm trái. Người trong thế gian chẳng biết đạo, chỉ biết lợi. Nếu có thể y theo điều này, quất chẳng sanh sâu bọ, sai quả thì ai nấy đều chịu niệm. Nếu có sâu, khó thể chẳng bắt. Phải làm sao cho sâu đừng sanh sản thì mới là cách giải quyết căn bản, chứ sâu bọ đã sanh sôi mà chẳng bắt, chắc chắn sẽ không thể làm được!

Phàm chuyện gì thuận theo tình cảm của con người thì mới dễ theo, nếu trái lòng người, họ sẽ không theo. Ông hãy làm theo cách này trước, nếu thật sự linh nghiệm thì sau đó sẽ đem cách này khuyên khắp cả làng, cả làng sẽ đều cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật. Đối với chuyện tuyên giảng thì rất tốt, nhưng cần phải có người sẵn có công phu. Nếu sự việc bận bịu cùng cực, rảnh rang đâu mà tuyên giảng? Muốn giáo hóa, khuyên dạy một làng thì trước hết hãy nên khởi đầu từ chuyện này. Đấy gọi là "pháp chẳng khởi lên một mình", ắt phải có nhân duyên thì mới có thể phát khởi được. Phàm là người tu hành, ắt phải có

---

thư tỉnh, và chia thành sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Kể từ đây, bộ Lại chỉ còn là một trong sáu bộ thuộc Thượng thư tỉnh (nội các của Tể tướng). Đứng đầu là Thượng thư bộ Lại, có hai Thị lang làm phụ tá, kế đến là các chức Lang trung, Viên ngoại lang v.v..

tâm địa tốt. Tâm địa tốt, lại còn cung kính, chí thành, trọn chẳng có khi nào không linh. Tâm địa bất hảo, lại chẳng cung kính, đã không có cảm thì làm sao ứng được? Sự lý này là lẽ tất nhiên, xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! (Nếu thường niệm, không cần phải niệm trọn "đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn", chỉ niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" là được rồi. Phàm bị bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng trị lành được, và phạm phải quỷ thần, phạm hồ ly, niệm Quán Âm sẽ có thể giải trừ, tiêu diệt, xua tan quỷ thần, hồ ly. Phàm gặp những nguy hiểm như nước, lửa, ác thú, ác nhân v.v. nếu chí thành niệm sẽ có chuyển biến hoặc giảm trừ lớn lao. Nếu kẻ nào tâm không chí thành và có tâm nghi hoặc không tin, cũng như tâm ôm ác niệm muốn thành tựu chuyện ác, sẽ không có hiệu nghiệm. Nếu ông có thể chân thật làm như thế, giáo hóa hướng dẫn như thế thì làng ông sẽ có thể trở thành ngôi làng Phật giáo "nhà nhà Quán Thế Âm, người người Di-đà Phật")

Thiện tri thức xuất thế chính là do thiện nghiệp của hết thảy chúng sanh cảm thành, do mọi người đều tạo nghiệp ác nên thiện tri thức chẳng còn thấy nhiều. Vào đời Tống, trong pháp hội của thiền sư Viên Thông Bổn có 200 môn nhân đại triệt đại ngộ, những hạng khác thì một trăm mấy chục người, hoặc mấy chục người đông lắm. Nay thì tìm một hai người đại triệt đại ngộ còn không ra. Như Quang đâu đáng kể vào số ấy! Coi Quang là tri thức là vì trong pháp môn không có người vậy.

Đại sĩ tuy ôm lòng tầm thanh cứu khổ, nhưng chúng sanh chẳng sanh lòng tin tưởng sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, nếu ở dưới chậu úp sẽ chẳng được chiếu đến. Tâm cầu Đại sĩ tức là đã đủ lòng ngưỡng vọng, lật chậu lên, há chẳng được chiếu soi? Quỷ thần có tà có chánh, tà quỷ thần là loài yêu ma thật sự mong được con người kính nể, chánh quỷ thần là thiện thần bảo vệ đất nước, che chở nhân dân. Nếu cầu Đại sĩ, cố nhiên chẳng cần phải cầu quỷ thần, như đã được lòng vua thì dân tự thuận theo. Hơn nữa, quỷ thần may ra cứu được tai nạn nhỏ, chứ không thể cứu được định nghiệp; còn Đại sĩ thì nghiệp lớn nhỏ, định hay bất định đều cứu được hết, chỉ do người ấy có lòng thành hay không mà thôi. Ông đã đọc hai bài Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận (Bàn về dốc cạn lòng thành mới được lợi ích thật sự) và Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận (Luận về trì kinh được lợi ích tùy theo tâm) hay chưa? Phật chẳng cứu người, người tự cứu. Lời nói ấy của ông phát xuất từ tâm nghi, nếu ông thật sự ngộ được lý này thì niệm Đại sĩ, niệm Phật, dẫu Đại sĩ và Phật toan ngăn trở cũng không thể được. Tuy là chúng sanh tự độ, nhưng chẳng nhờ vào Đại sĩ và Phật làm tăng thượng duyên sẽ chẳng thể được. (Biết lý này, dẫu cho pháp sư Đế Nhàn bệnh chẳng lành, cũng chẳng nghi Đại sĩ có chỗ chẳng thấu đến, mà ngài Đế Nhàn đã giảng kinh trong tháng 7 năm nay, ông chưa nghe hay sao?)

Đại trượng phu sống trong thế gian, hễ luận nói đều dựa theo lý mà trình bày thẳng thừng. Sách ngoại đạo báng Phật quá nhiều, làm sao hủy hết được? Cần phải hiểu rõ đúng sai, cũng chớ nên học theo kẻ ngu trong chốn làng quê, chỉ mong được người khác gọi là "ngu cẩn" (chân thành, chất phác). Nếu gặp tình thế bất tiện thì chỉ nên lặng thinh, trọn chớ nên "đúng cũng tốt, mà không đúng cũng hay". Nếu là đúng mà nói "tốt" thì có công đức, nếu không đúng mà cũng bảo là "tốt" sẽ mắc tội lỗi. Một lời lầm người, chắc nhiều đời sẽ chẳng thể tiêu được nghiệp báo, há nên lầm lạc học thói mong được người khác ưa thích ư? Đối với những sách trọn chẳng có lợi ích gì thì tốt hơn nên đốt đi. Nếu lâm vào tình thế chẳng thể làm như vậy được thì cũng nên làm cho những người cùng hàng đều biết điều tệ của sách ấy, như vậy là được rồi.

Dùng rượu đãi khách cũng nên giảm bớt, vì sao vậy? Do rượu là thứ dẫn dắt tội lỗi. Phàm mọi chuyện chẳng như pháp đều do rượu giúp cho phát khởi, phàm mọi chuyện có lợi ích đều bị rượu phá hoại. Vua Vũ ghét chỉ tửu[422], trong đạo Nho đã dạy như thế. Huống chi tự mình muốn vãn hồi phong tục suy đồi, lấy thân làm gương ư? Xin hãy ở trong vòng bè bạn, học trò, xóm giềng, người quen biết, đều ra rả khuyên nhủ về nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có một hai kẻ tin tưởng, sẽ như lửa mới nhóm, như mạch suối vừa mới trào, trong tương lai ắt sẽ mạnh mẽ dập tắt được thói xấu, mở mang rộng rãi phong thái tốt đẹp. Huống chi nếu chính mình thật sự xuất phát từ lòng chân thành, quyết chẳng phải chỉ có một hai người nghe theo mà thôi.

Những điều ông nói khá có lý, nhưng phải tận tụy thực hiện thì người ta mới thuận theo. Nếu không, chỉ là bày vẽ ngoài mặt, sẽ giống như kép hát diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui đều chẳng phải từ trong lòng phát ra; người ta phần nhiều cũng nghĩ là mình đang giả vờ, nên chẳng thể có sự cảm xúc trong lòng được. Hiện thời chiến tranh liên miên, hãy nên chuyên tinh dốc chí niệm Phật và niệm Quán Âm, cũng như khuyên người nhà và hết thảy những người hữu duyên đều niệm. Niệm Phật nên niệm sáu chữ, niệm bốn chữ cũng được. Như lúc đầu thì niệm sáu chữ, niệm đến nửa chừng hoặc lúc sắp ngưng bèn niệm bốn chữ. Nếu từ đầu đến cuối chẳng niệm Nam-mô sẽ thành ngạo mạn, coi thường! Trong kinh, phàm chỗ nào xưng danh hiệu Phật, không đâu chẳng đều có chữ Nam-mô, há nên tự lập chương trình? (Chỗ này nhằm để thay lời đáp cho câu hỏi của cư sĩ Du Giác Tiển)

377. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng

[422] Chỉ tửu: một thứ rượu ngon thời cổ. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Chỉ, mỹ dã"* (chỉ là ngon).

Hồi hướng là đem các công đức niệm tụng do chính mình đã tu, nếu để mặc không hồi hướng, thì do những công đức ấy sẽ chỉ được hưởng các thứ phước báo trời người; nay xoay cái nhân được hưởng phước báo trời người do công đức đã làm ấy gom về sự vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm cái quả siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cho đến rốt ráo thành Phật trong tương lai, chứ chẳng chỉ nhằm hưởng phước trời người mà thôi! Dùng một chữ hồi nhằm thể hiện ý "quyết định, chẳng thuận theo thói tình thế gian", dùng một chữ hướng nhằm thể hiện ý "quyết định mong mỏi phương cách xuất thế". Đó gọi là "hồi nhân hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha". Công đức đã làm là cái nhân trời người, xoay cái nhân ấy lại để hướng về quả Niết-bàn. Công đức đã làm là chuyện sanh diệt, xoay nó lại để hướng đến diệu lý thật tướng bất sanh bất diệt. Công đức đã làm vốn thuộc tự hành, xoay nó lại để hướng về hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đấy chính là danh từ nhằm thể hiện ý nghĩa phát nguyện lập thệ, quyết định hướng đến. Hồi hướng có ba nghĩa:

1. Hồi hướng chân như thật tế, tâm tâm khế hợp. Đây chính là nghĩa "hồi sự hướng lý".

2. Hồi hướng Phật quả Bồ-đề, niệm niệm viên mãn. Đây chính là nghĩa "hồi nhân hướng quả".

3. Hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh độ. Đây chính là nghĩa "hồi tự hướng tha".

Ý nghĩa hồi hướng lớn lao thay! Pháp hồi hướng tuy không phải chỉ có một, nhưng đều coi hồi hướng Tịnh độ là pháp tối mầu nhiệm duy nhất không hai. Bởi lẽ, nếu chẳng sanh về Tịnh độ, những đại nguyện khác thường khó thể thành tựu được, nếu sanh về Tịnh độ thì không nguyện nào chẳng thành. Do bởi lẽ này, phàm làm hết thảy công đức dẫu có mong mỏi chi khác, cũng tất nhiên phải hồi hướng Tịnh độ.

QUYỂN III

378. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ nhất)

Đọc lá thư (đề ngày 16 tháng 11) của ông gởi đến, thấy có quá nhiều từ ngữ phù phiếm. Giữa thầy trò với nhau, há nên dùng những lời lẽ sáo rỗng ấy? Người đời nay thể chất phần nhiều yếu đuối, chớ nên lầm lạc bắt chước cổ nhân. Con người thường do ham danh mà khổ hạnh quá mức, đâm ra đối với đạo lẫn thân đều chẳng có ích gì. Lợi ích thật sự trong Phật pháp phải do chí thành mà đạt được, chứ không phải do phô trương bày vẽ mà được việc. Quang già rồi, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều. Trong hạ tuần tháng 2 năm nay, sang Thượng Hải lo liệu chuyện in sách; tháng 6 trở về núi ở hết hè; tháng 7 liền xuống núi, sang Thượng Hải để kết thúc chuyện in sách rồi chẳng trở về núi nữa. Trong tháng 8, tháng 9 sẽ đi khắp trời Nam đất Bắc, tới chỗ không có ai biết để sống hết tuổi thừa hòng chuyên tu tịnh nghiệp, để khỏi suốt ngày phải bận bịu vì người khác, đâm ra làm hỏng đại sự của chính mình. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy những người quen biết để họ khỏi bị hỏng chuyện. Người tu hành cần phải chất trực, không giả dối, chân thật thực hiện. Vì thế cổ nhân nói: *"Thiểu thật thắng đa hư, đại xảo bất như chuyết"* (Thật ít hơn dối nhiều, quá khéo chẳng bằng vụng). Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

(Viết dưới đèn, ngày 11 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ - 1929)

Toa thuốc cai á phiện trong Văn Sao, đối với phần hút thêm thuốc phiện nếu có những bệnh vặt phát sanh trong khi đang uống thuốc cai nghiện vẫn chưa hoàn toàn tường tận, hãy nên ghi là: "Tùy theo nghiện nặng hay nhẹ mà thêm một phần mười. Như mỗi ngày hút một lạng thì thêm một tiền. Nếu hút năm tiền thì thêm năm phân." Như vậy thì người nghiện nhẹ sẽ chẳng đến nỗi tốn kém nhiều. Hơn nữa, phương thuốc ấy trị được bệnh khí thống rất hay. Một phụ nữ ở Hà Nam tỵ loạn đến Thượng Hải, tới quy y, cho biết bà ta bị khí thống từ năm 16 tuổi, các thầy thuốc không trị được. Mỗi ngày lên cơn đôi ba lượt, đau gần muốn chết, nay bà ta đã năm sáu chục tuổi rồi. Quang dạy bà ta niệm thánh hiệu Quán Âm, nhân đó bảo bà ta uống loại thuốc cao nấu theo toa này. Bà ta không hút thuốc phiện, chỉ dùng thuốc. Bà ta nấu một liều thuốc cao, hôm thứ nhất uống vào liền chẳng bị lên cơn nữa, chưa đầy mười ngày thân thể lẫn vẻ mặt đều khỏe mạnh, đặc biệt đến tạ ơn. Xin hãy nói điều này với hết thảy những ai bị khí thống.

379. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông sanh lòng tin trong sạch, muốn quy y Phật pháp; nhưng quy y Phật pháp ắt phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tận lực giữ luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lại còn phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay (Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn, cũng đừng tham ăn thì mới nên. Càng phải nên giữ lục trai hoặc thập trai. Nếu không, sẽ trái nghịch với Phật). Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Mậu (智茂). Do tâm tánh như cái cây, do phiền não chướng lấp nên tâm tánh chẳng thể hiển hiện giống như cây khô héo, đã có trí tuệ thì phiền não chẳng sanh, cái cây tâm tánh sẽ tự nhiên sum suê[423]. Nói đến ngũ giới thì hãy tự hỏi tâm mình, nếu có thể giữ được chẳng phạm, hãy hỏi Hóa Tam về quy củ tự phát thệ thọ giới trước đức Phật, ông ta sẽ bảo ông, chứ Quang không viết cặn kẽ.

Đã quy y Phật pháp thì nên đọc kỹ Văn Sao, y theo đó mà hành sẽ tự chẳng đến nỗi bị kẻ tầm thường gây lầm lẫn. Đối với chuyện cầu phước báo trong đời sau và cách luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu thành tiên v.v., nếu ông có thể lãnh hội được những nghĩa trong Văn Sao thì dẫu có trăm ngàn tăng nhân phàm tục hay ngoại đạo vẫn chẳng thể lay động được tâm ông. Đừng nói đấy là những lời do Quang nói ra, chẳng đáng để nương dựa, căn cứ! Hãy nên biết rằng, Quang dựa theo ý của Phật, Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức để nói, chứ không phải do Quang tự suy lường rồi nói bừa đâu!

380. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết tâm ông cao như trời, nhưng chí hèn như đất! Miệng tuy nói vâng theo lời Quang dạy, nhưng thật sự hoàn toàn dựa theo thiên kiến của chính mình. Pháp môn Tịnh độ chỉ có lòng tin làm gốc, tin cho cùng cực, dẫu ngũ nghịch thập ác cũng đều có thể vãng sanh. Tin chẳng tới nơi tới chốn, kẻ thông Tông thông Giáo nhưng chưa từng đoạn hoặc đều chẳng có phần. Ông đã chẳng thể thông Tông thông Giáo, đoạn hoặc chứng chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử; lại chẳng tin "Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức chẳng thể nghĩ bàn; nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, không một ai chẳng được vãng sanh". Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn vô thượng thẳng tắt viên đốn để liễu sanh tử ngay trong đời này. Đối với pháp môn này còn chưa biết phương hướng, mà đã dùng cái tâm cuồng vọng ham cao chuộng xa để nghiên cứu Khởi Tín Luận. Khởi Tín Luận thật sự là cương yếu

[423] Mậu（茂）có nghĩa là sum suê, tươi tốt.

để học Phật, nhưng người hạ căn và kẻ sơ cơ cũng khó được lợi ích. Dẫu nghiên cứu Khởi Tín Luận đạt đến mức độ thông suốt, thấu triệt vô ngại, thì dụng công vẫn phải nhờ vào niệm Phật cầu sanh mới là ổn thỏa, thích đáng. Huống chi Pháp tướng, Thiền, Giáo tinh vi, mầu nhiệm, sâu thẳm chẳng thể mong thấu hiểu được ư?

Tâm ông cao như thế chính là vì chẳng biết phân lượng mà lập chí cao như thế, ông lại nói: "Căn tánh yếu hèn, mong chi sanh Tây, chỉ có thể không bị đọa ác đạo là đã an ủi lắm rồi!" Chẳng biết: Không sanh Tây phương, tương lai ắt đọa ác đạo! Đấy là trái nghịch lời Phật dạy cũng như trái nghịch lời Quang nói, sao lại nói là "từ đầu đến cuối vâng làm theo lời răn dạy, nhất tâm trì niệm A-di-đà Phật" ư? Nay do thân ông nhận lãnh chức vụ của người khác giao phó, lại chẳng phải là tư cách thượng đẳng, cái tâm và cái chí đã lập ấy thật đáng khiến cho người khác phải than thở, phải cười cợt. Ông hãy dứt cái tâm cuồng vọng muốn làm bậc đại thông gia ấy đi, hãy chuyên tâm nghiên cứu những sách thuộc về pháp môn Tịnh độ (đã nói tường tận trong những lá thư gởi cho ông Cao Thiệu Lân và bà Từ Phước Hiền trong Văn Sao), hãy nương theo những khai thị ấy mà sanh lòng tin phát nguyện, chẳng vì căn khí của chính mình kém hèn mà đề cao sự vãng sanh rồi gác bỏ. Hằng ngày dù động hay tịnh, luôn lấy một câu Di-đà làm bổn mạng nguyên thần, suy nghĩ xử sự đều phải hợp với tông chỉ "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện".

Nếu còn thừa sức, sẽ chẳng ngại gì tùy ý thọ trì, đọc tụng các kinh Đại thừa. Hãy nên lấy chí tâm thọ trì làm gốc, đừng chú trọng gấp muốn hiểu rỗng rang thấu triệt nghĩa lý. Nếu có thể chí thành đến cùng cực, sẽ tự thấu triệt nghĩa lý. Nếu muốn thấu triệt trước mà chẳng chí thành trì tụng, dẫu có thấu triệt cũng chẳng được lợi ích thật sự, huống chi quyết khó thể thấu triệt ư? Dẫu nghiên cứu Pháp tướng, Thiền, Giáo cả đời, cũng khó hiểu được chỗ chỉ quy. Dẫu hiểu được, ai có thể không đoạn được hoặc nghiệp mà liễu sanh thoát tử? Muốn đoạn hoặc nghiệp liễu sanh thoát tử, chỉ sợ có mộng cũng mộng chẳng được!

Ông còn chưa đọc kỹ Văn Sao của Quang nên mới nói như vậy, cao thì xông thấu trời thẳm, thấp thì tuốt đáy biển sâu. Trong Văn Sao đã nhiều lần nói đến những sách nào nên đọc và pháp tắc xem kinh v.v., cũng như chỗ khó được lợi ích nơi Pháp tướng, Thiền, Giáo. Bởi lẽ pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực, các pháp môn khác đều cần nhờ vào sức của chính mình. Một đằng là giáo lý theo đường lối thông thường, giống như kẻ sĩ trong cõi đời do tư cách mà được làm quan; một đằng là giáo lý đặc biệt như vương tử trong cõi đời, dẫu có té xuống đất vẫn được hết thảy quan lại cung kính.

Kinh Vô Lượng Thọ có bản lưu hành riêng, hơn nữa trong 14 thứ kinh luận Tịnh độ đã có ba kinh một luận, nhưng không có phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Nếu muốn mở rộng quỹ lưu thông kinh sách, há nên dùng biện pháp quyên mộ? Hãy nên thương lượng với kẻ có tín tâm, có tài lực mong họ phụ trợ. Thêm nữa, kinh điển thật nhiều, tâm ông muốn mở toang môn đình, nhưng ở Trịnh Châu có mấy ai thỉnh? Chỉ nên thỉnh những kinh sách người bình thường cũng có thể đọc được. Để thỉnh những bộ kinh sách lớn mà người bình thường không thể đọc được, cần phải ước định cặn kẽ với người muốn thỉnh rồi mới đứng ra thỉnh thay cho họ, sẽ đỡ tốn tiền vốn mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh về không bán được, giam tiền nằm ì một chỗ không sử dụng được.

Ông tự nói "tháng ngày chẳng còn mấy, sức thật hữu hạn", nên Quang mới nói như thế. Nếu chẳng nghĩ là đúng, vẫn y theo tâm tướng của chính mình để làm thì Quang cũng chẳng cưỡng. Ông có thể làm một vị đại thông gia thì cũng là điều may mắn cho Phật môn. Sợ ông không thành một bậc đại thông gia được mà pháp môn Tịnh độ cũng chẳng tin tới nơi tới chốn, hai đằng sẽ đều xôi hỏng bỏng không. Đời này tu chút ít công đức, tương lai ắt sanh trong nhà phú quý. Ông thử suy nghĩ kỹ xem, kẻ phú quý có mấy ai chẳng tạo nghiệp? Hiện thời vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều do những kẻ trong đời trước tu hành nhưng thiếu trí tuệ, qua đời sau cậy vào phước báo bèn gây nhiễu loạn mà ra. Ông khởi vọng tưởng chẳng thể cùng tận như thế mà lại muốn chẳng đọa vào ác đạo; nếu chẳng sanh Tây Phương thì một đời chẳng đọa, chứ hai đời chẳng đọa cũng hiếm hoi lắm đấy!

381. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tư)

Phật nói kinh chú rất nhiều, ai có thể trì khắp từng thứ cho được? Cổ nhân chọn lấy những thứ trọng yếu, xếp vào nhật khóa (khóa tụng hằng ngày). Buổi sáng thì Lăng-nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú, Tâm Kinh, niệm chú xong bèn niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, hồi hướng Tịnh độ; buổi tối thì kinh Di-đà, Đại Sám Hối (Hồng Danh Bảo Sám), Mông Sơn, niệm Phật, hồi hướng. Nay tùng lâm đều muốn giảm bớt công phu. Buổi sáng chỉ niệm Lăng-nghiêm, Tâm Kinh, buổi tối chỉ niệm kinh Di-đà, Mông Sơn, cứ mỗi hai ngày bèn niệm Đại Sám Hối, Mông Sơn. Ông nói Thiền Môn Nhật Tụng kinh chú quá nhiều, chẳng biết đấy chính là những thứ phụ lục ngoài khóa tụng sáng tối.

Công khóa của tại gia cư sĩ thì cũng có thể chiếu theo công khóa sáng tối của Thiền Môn để tụng niệm, hoặc cũng có thể tùy ý tự lập chương trình. Như buổi sáng chuyên niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật; hoặc buổi sáng chuyên niệm chú Đại Bi, niệm Phật, buổi tối niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật.

Hoặc có người trì kinh Kim Cang cũng được. Nhưng bất luận tụng kinh nào, trì chú nào đều phải niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu tịnh nghiệp.

Những gì ông nói chính là "thấy lạ, nghĩ khác", tuy là hảo tâm, nhưng thật ra là tâm không chủ định, bị chuyển theo cảnh. Có kinh nào hay chú nào mà chẳng thể khen ngợi là công đức thù thắng? Theo tri kiến của ông thì đọc kinh này ắt phải bỏ kinh kia, trì chú này ắt phải bỏ chú kia, do sức chẳng thể lo trọn, thế tất nhiên là như vậy. Như thế thì có còn được gọi là bậc hiểu lý chân tu hay chăng?

Lại mở rộng ra hơn nữa, nếu ông gặp kẻ tu Thiền khen ngợi Thiền đả phá bài xích Tịnh độ, ắt sẽ theo kẻ ấy tham thiền. Đối với những tông khác như Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân, Bí Mật, hễ gặp một vị tri thức đề xướng, ắt sẽ bỏ pháp này, tu pháp kia. Chẳng biết ông là hạng căn tánh nào mà muốn làm bậc đại thông gia pháp nào cũng thông; nhưng do nghiệp sâu trí cạn, chẳng thể làm bậc đại thông gia được, lại gác bỏ pháp "cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh", đợi đến lúc lâm chung, chẳng vào trong vạc dầu, lò than, cũng nhất định vô trong thai lừa, bụng ngựa. Dẫu may mắn chẳng mất thân người, nhưng do đời này vẫn không có chánh trí, lại có lắm si phước do tu hành; do hưởng si phước ấy liền tạo ác nghiệp, khi một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, sẽ vào thẳng tam đồ. Muốn được biết những tên gọi "trời, đất, cha, mẹ" còn chẳng thể được, huống là được biết tới pháp môn Tịnh độ ư? Ông đọc Văn Sao, có hiểu gì chăng?

Cần biết rằng, một câu A-di-đà Phật trì cho tới cùng cực thì thành Phật còn có dư, há nên nói niệm kinh Di-đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp giống như tiền, do con người khéo dùng. Ông có tiền thì làm chuyện gì mà chẳng được, ông chuyên tu một pháp thì cầu gì chẳng được. Há cứ phải khăng khăng trì chú này, hễ niệm chú này thì công đức đạt được sẽ chẳng bằng các công đức khác ư? Hãy khéo thấu hiểu lời Quang, sẽ tự có thể "hiểu được một điều thì trăm điều đều rõ". Nếu không, dẫu có nói cho lắm, tâm ông vẫn không có định kiến. Từ ngữ "người trong gương sáng" chẳng rõ lai lịch! Ngô Bá Sanh vốn thuộc pháp môn du hý, chuyên trọng dùng miệng lưỡi để tự khoe tài mà thôi, chính là hạng người giống như ông X… vậy. Người chân tu trọn chớ nên như thế!

382. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ năm)

Chỉ đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu thì pháp tắc tu tập sẽ biết đầy đủ. Pháp Quán của tiên sinh Dương Nhân Sơn dùng hay không dùng đều được. Bởi lẽ, nếu tâm

chí thành sẽ tự được như ở ngay nơi đấy, như ở quanh nơi đấy[424]. Nếu tâm không chí thành, pháp ấy sẽ trở thành nói suông, chẳng phải là thật hạnh. Người đời nay phần nhiều đều là tâm cao như trời! Ngay như ông Hóa Tam, cha ra hải ngoại, mẹ và em trai ở tại đất Tô, đang trong buổi can qua nhiễu nhương này, chẳng giẫm trên thật địa (không chú trọng thực tiễn), chú trọng lo phụng dưỡng mẹ, cứ muốn qua Tây Tạng, theo học trong học viện, tính chuẩn bị đi sang Tây Trúc. Không sang Tây Trúc sẽ chẳng thể liễu sanh tử hay sao? Hiện nay đất Tô đã trở thành địa điểm thường xảy ra chiến tranh, nạn đao binh chẳng biết kết cục ra sao? Sao lại rỗi hơi để bàn đến chuyện vào học viện của Tây Tạng, tính sắm sửa đi sang Tây Trúc ư? Xin hãy suy xét tường tận, đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu và Văn Sao để lập tâm tin tưởng quyết định ngõ hầu được lợi ích thật sự nơi Phật pháp.

383. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ sáu)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán! Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên mới có chuyện nhiều lần tin tưởng, nhiều lần ngã lòng, nhiều lần tu, nhiều lần tạo nghiệp. Cũng là do người dạy từ thuở ban đầu chẳng thấu hiểu đường lối mà ra. Nếu thuở ban đầu mà khởi sự từ những điều gần gũi như nhân quả v.v. sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc điên đảo như thế. Tội trong quá khứ dẫu cực sâu nặng, nhưng có thể chí thành sám hối, sửa lỗi trước, từ nay tu tập, lấy "chánh kiến tu tập tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha" làm chí hướng, sự nghiệp thì sương mù tội chướng tiêu tan, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì vậy kinh dạy: "Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ, một là chẳng tạo tội, hai là đã tạo mà biết sám hối."

Một chữ hối phải từ tâm khởi, tâm chẳng chân thật hối cải, có nói lời sám hối cũng vô ích. Ví như đọc toa thuốc mà chẳng uống thuốc, quyết chẳng mong chi lành bệnh được, nếu có thể y theo toa uống thuốc, sẽ tự được bệnh lành, thân yên. Điều đáng lo là lập chí chẳng vững, một nóng mười lạnh, uổng có hư danh, chẳng có mảy may lợi ích thật sự nào. Nay gởi cho ông bài thuyết minh về biện pháp ấn tống Quán Âm Tụng để ông tùy duyên phân phát. Phát tâm hay không đều chẳng sao cả, chứ không nhất thiết bắt người khác phải quyên góp giúp tiền in. Lại xin ông chuyển giùm thư cho cư sĩ Vưu Tích Âm.

384. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ bảy)

Nhận được thư ông và thư của Hóa Tam đầy đủ. Những điều ông nói trong thư quá sức chấp nhặt, còn lời Hóa Tam lại quá thoáng rộng. Nếu vốn liếng có thừa, người thỉnh kinh sách nhiều, cố nhiên nên lưu thông như thế. Nay do không

[424] Ý nói: nếu tâm chí thành, hành giả sẽ đạt được cảnh giới giống như sự thành tựu do tu tập phép quán ấy.

có vốn liếng, lại chẳng có nhiều người thông suốt rộng khắp thỉnh sách, hãy nên làm theo lời Quang nói. Phàm những kinh luận, trước thuật Tịnh độ ắt đều thỉnh hết, còn đối với những kinh luận khác hãy nên chọn lấy những kinh thường được thọ trì để thỉnh. Đối với những bộ kinh sách lớn, chỉ ghi tên. Có ai hỏi tới, hãy nên ước hẹn thỏa đáng với họ, yêu cầu kẻ ấy giao bao nhiêu đó tiền, rồi sẽ thỉnh sách cho người ta. Biện pháp như vậy trọn chẳng tốn sức, mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh kinh luật luận cho thật nhiều mà không có ai đến thỉnh, bị ngâm vốn. Lâu ngày rất có thể sanh mối mọt, đến nỗi hụt vốn! Phàm chuyện gì cũng chớ nên hẹp hòi, phải nhìn theo thời cơ mà làm. Nếu làm theo lời Quang nói, sẽ chẳng mâu thuẫn với ông lẫn Hóa Tam, cũng như chẳng bị mắc lỗi lưu thông thiên lệch và thiếu hụt vốn liếng. Ông hãy nên làm theo đó, chớ nên thay đổi.

Còn như ông đã nói trước đây "chỉ cầu chẳng đọa ác đạo là được rồi", lời ấy ngàn vạn phần chớ nên để manh nha trong lòng, thốt ra ngoài miệng, hay viết ra. Nếu có ý niệm ấy, sẽ chẳng vãng sanh được! Vãng sanh hoàn toàn cậy vào tín nguyện quyết định, giữ ý niệm ấy chính là không có tâm quyết định cầu sanh. Có tâm quyết định chẳng cầu sanh sẽ có hại chẳng nhỏ đâu! Đã đánh mất tông chỉ Tịnh độ, làm sao hưởng lợi ích chân thật là vãng sanh Tịnh độ cho được?

Còn như Hóa Tam nhất tâm niệm Phật, thề sanh Cực Lạc, được vãng sanh hay không vãng sanh đều chẳng màng tới, đến nỗi không vãng sanh cũng tốt. Đấy chính là cái tâm xa lìa lo nghĩ, chính là học đòi kiểu ăn nói lớn lối của bên Tông, bên Giáo. Nếu ông là Pháp thân đại sĩ thì lời ấy mới là thật nghĩa. Nhưng bậc Pháp thân đại sĩ muốn lợi ích phàm phu cũng chớ nên thốt ra lời ấy. Nếu là phàm phu sát đất lại còn cầu sanh Tây Phương mà thốt ra lời ấy tức là nói nhăng, nói càn, tự lầm, lầm người, gây hại há thể cùng cực? Ngàn vạn phần chớ nên thuận theo, thuận theo sẽ chẳng có phần vãng sanh đâu nhé!

Phàm phu vãng sanh hoàn toàn cậy vào tâm niệm chí thành tha thiết. Kẻ phó hết thảy cho vô niệm làm sao cảm ứng đạo giao được! Sự cảm ứng đạo giao ấy hoàn toàn do chí thành khẩn thiết quyết định niệm. Bậc chứng vô niệm mới có thể nói lời ấy, chứ kẻ chưa chứng vô niệm mà thốt ra lời ấy đều thành lầm lạc như Tô Đông Pha lúc lâm chung, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng đau ư? Còn như nói: "Đừng nói là nghiên cứu luận Khởi Tín, hãy tùy sức kham làm được mà đọc rộng rãi ba tạng mười hai bộ." Lời ấy đem nói với bậc thượng trí thì là lời tốt lành, khế lý khế cơ, chứ bảo với bậc trung hạ sẽ phạm lỗi tràn lan lẫn lộn, thiếu phương hướng. Nói dễ dàng sao? Thử hỏi ông và Hóa Tam có phải là căn tánh ấy hay không?

Tông môn dạy người khán một câu chẳng có ý nghĩa gì! Tịnh độ dạy người chuyên trì Phật hiệu, bởi tóm gọn sẽ dễ đắc lực, hễ thênh thang sẽ khó được lợi ích. Ngay như bên Giáo, tuy nói "không giảng diễn rộng rãi sẽ không được", nhưng vẫn cần phải "chuyên nghiệp" (dốc sức nghiên cứu chuyên tinh một kinh luận nào đó) thì mới là thật tu. Thêm nữa, coi kinh thì có kẻ nhằm để gieo thiện căn, có kẻ để mở mang tri kiến, có kẻ lấy đó làm công khóa khác nhau. Để gieo thiện căn thì các kinh luận trong Tam tạng giống như nhau, không phân đây kia. Để mở mang tri kiến, hãy chọn lấy loại vừa dễ hiểu lại vừa khế cơ. Để làm công khóa thì chuyên tâm thọ trì một hoặc hai thứ, chí thành khẩn thiết, cứ thẳng đường mà đọc, hiểu cũng chẳng phân biệt, không hiểu cũng chẳng phân biệt, xem lâu ngày chầy tháng sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước dày. Lời Hóa Tam đã nói chính là "ham cao, chuộng xa"! Xin hãy đưa thư này cho Hóa Tam xem, ngõ hầu có thể quở trách được cố tật của ông ta.

385. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tám)

Pháp yếu ma mạnh, những chuyện thương tâm ấy không nơi nào chẳng có, nếu địa phương có vị trưởng quan tốt hay thân sĩ tốt thì mới có thể chấn chỉnh được. Nếu không, làm sao ra sức được? Chỉ nên nhờ vào đó để làm sự răn nhắc cầu vãng sanh, tận lực tu trì tịnh nghiệp, tùy sức khuyến hóa mà thôi. Đối với chuyện sức mình chẳng thể làm được, há nên can dự xằng, đến nỗi chuyện của chính mình cũng bỏ phế mà chuyện ấy cũng chẳng thể thành tựu. Nếu có ai thế lực lớn lao, tài lực lớn lao, có thể khuyên nói được, thì chẳng ngại gì trọn hết tâm mình. Nếu không, cứ để mặc kệ họ mà thôi! Cổ nhân nói: *"Quân tử tư bất xuất kỳ vị"* (Quân tử suy nghĩ không ra ngoài địa vị chánh đáng của mình), không có tài lực, thế lực ấy mà cứ cưỡng làm, chắc sẽ khiến cho các chướng ngại dấy lên. Mọi chuyện đều chớ nên không suy nghĩ tình thế cẩn thận coi xem có làm được hay chăng?

386. Thư trả lời cư sĩ Sư Khang

Quang đã cao tuổi rồi, chuyện thù tiếp ngày một nhiều, suốt mười năm qua bận bịu với loại chuyện bên ngoài này, công phu của chính mình thật khó thể chuyên tinh. Nếu nay chẳng đi theo đường khác, chắc sẽ bận bịu đến chết, đã vô ích cho người mà còn tổn hại cho mình. Hiện thời tất cả các sách Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, mỗi thứ đều cho tạo bốn bức chỉ bản. Lại còn có bản in cỡ nhỏ in bằng giấy báo của các cuốn Học Phật Thiển Thuyết, Trợ Giác Quản Kiến, Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu Hợp Biên, Sát Sanh

Phóng Sanh Hiện Báo Lục của Giang Thận Tu, Giới Sát Phóng Sanh Văn Hợp Biên của các vị như Liên Trì v.v., Cách Ngôn Liên Bích (cuốn này do ông Trương Thụy Tăng nhờ in), Gia Đình Bảo Giám, Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu, bảy loại sách này cũng cho làm thành bốn bức chỉ bản. Sau này hễ có ai phát tâm muốn in, cứ liên lạc thẳng với Đại Trung Thư Cục hoặc sở quản trị nhà tù Tào Hà Kính. Do vậy, cũng không cần Quang phải lo liệu nữa!

Lời ông nói quá sức lớn lối! Phật pháp ví như biển cả, ai có thể một hơi uống cạn, một bước đạp tận đáy? Chỉ dựa theo thiên tư của chính mình để tu trì, dùng những điều ấy để tự hành, lại dùng những điều ấy để dạy người, dẫu chưa thể thấu triệt trọn vẹn các pháp, chỉ cần nương theo pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương này thì nào có thiếu sót chi? Ông nói lời khó khăn nhất trong các việc khó rồi lại muốn xin thưa hỏi dài dòng, Văn Sao chẳng đủ để giáo huấn ư? Kinh, luận, ngữ lục của Tịnh độ đều chẳng đáng để y chỉ ư?

Lời di chúc khẩn yếu là giữ gìn thân thể, tấm thân của ông quan hệ đến cả nhà, cha ông đã ra ngoại quốc rồi, trong nhà ông còn có mẹ, cậu em thứ hai và cô em gái nhỏ đều trông cậy vào ông. Nếu ông chẳng biết thận trọng giữ thân, cả nhà sẽ nguy lắm. Xét theo tánh cách của ông, cũng trọn chẳng đến nỗi dâm đãng, nhưng trong vòng vợ chồng cũng nên điều độ, chớ nên mặc sức tham ưa khoái lạc. Đối với những điều kỵ húy trong Thọ Khang Bảo Giám, hãy nên suy xét kỹ càng, ghi nhớ. Cũng nên bảo Sư Thiệu đọc kỹ, ngõ hầu được sống hạnh phúc đến già, cùng được sống lâu, khỏe mạnh.

Những kẻ thanh xuân ở góa trong cõi đời cũng như những người cưới vợ chưa được mấy chốc vợ đã chết, mười phần hết tám chín là do chẳng biết tự thận trọng đến nỗi uổng mạng. Há có phải mỗi trường hợp đều do bổn mạng từ lúc sanh ra đã như thế ư? Nếu La Tế Đồng[425], thương nhân X… và đứa con của thương gia Y… đọc kỹ Thọ Khang Bảo Giám, đã biết rành rẽ những điều kỵ húy, há có chuyện bị chết ngay ư? Quang thương bọn họ vô tri, nên mới đặc biệt biên tập sách này (đã in năm vạn cuốn). Sợ ông nghĩ "ta chẳng đến nỗi phạm tà dâm, cần gì phải đọc sách ấy". Vậy là sai lầm quá đỗi rồi! Hoàng đế Đồng Trị[426] cũng do bệnh chưa lành mà ân ái nên phải chết.

---

[425] Theo lời tựa sách Thọ Khang Bảo Giám, La Tế Đồng bệnh nặng đã lâu, uống thuốc mãi chẳng lành, phát phẫn thề không uống thuốc nữa, sống được thì sống, hễ chết đành chịu. Vợ chí thành cầu nguyện, thề ăn chay suốt đời, ông ta đang bệnh ngặt nghèo liền chuyển biến, khỏe mạnh dần dần. Do chưa bình phục hoàn toàn mà đã ăn nằm với vợ nên bệnh lại trở nặng, mới ngoài bốn mươi đã chết. Tổ Ấn Quang ân hận đã không răn nhắc ông ta về chuyện này bèn tận lực in cuốn Thọ Khang Bảo Giám để răn nhắc mọi người.

[426] Đồng Trị, tên thật là Ái Tân Giác La Tải Thuần (1856-1874), con của vua Hàm Phong và thái hậu Từ Hy, lên ngôi vua lúc mới 5 tuổi, tuy mang tiếng là thái hậu Từ Hy buông rèm nhiếp chánh, nhưng

Chuyện này quả thật là đạo trọng yếu để giữ thân yên đời. Thuở xưa, hoàng đế còn sai viên quan truyền lệnh dùng mõ gỗ đi khắp nẻo đường (tức đường sá, ngõ ngách trong thôn làng) để bảo ban. Nay thì cha mẹ cũng chẳng bảo ban con cái, đến khi con phạm phải những điều kỵ húy chết mất rồi, chỉ biết gào khóc, há chẳng đáng buồn quá sức ư? Tôi có tình thâm giao với cha ông, mẹ ông mà vợ chồng ông lại quy y với tôi, tôi xem vợ chồng ông như con cái vậy. Vì thế mới nói lôi thôi như thế này. Những vị thiện tri thức khác quyết chẳng nói đến chuyện này, chẳng biết ông có nghĩ lời Quang là đúng hay không? Những điều khác đã có trong kinh điển, nên Quang chẳng cần phải nói nữa.

(Ngày mồng 2 tháng 2 năm Kỷ Tỵ - 1929)

387. Thư trả lời cư sĩ Chu Thọ Siêu

Sao ông chẳng hiểu đạo lý đến mức như thế? Bệnh mắt phát sanh, chẳng biết sám hối hết thảy ác nghiệp trong đời trước, đời này, lại đổ thừa vì ăn chay! Vậy thì người ăn mặn trọn chẳng có ai bị bệnh mắt ư? Ông nghĩ ăn chay là thiện hay là ác? Nếu nói ăn chay là ác thì ăn mặn là thiện, vậy thì trộm cướp giết người cũng là thiện, so với kẻ ăn mặn càng thiện hơn nhiều. Nếu bảo ăn chay là thiện, thì làm thiện trọn chẳng có lẽ nào đâm ra bị ác báo. Kẻ gặp phải ác báo chính là do ác nghiệp đời trước, do niệm Phật ăn chay mà chuyển được đại khổ thành tiểu khổ. Đối với điều này chẳng sanh lòng kinh sợ lại sanh oán hờn, há có phải là bậc quân tử "vui biết mạng trời, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận chịu" ư? Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật, quyết định ăn chay. Dẫu khổ sở gấp vạn lần so với bệnh mắt, cũng chẳng ăn thịt hết thảy chúng sanh. Giữ được tấm lòng như thế, xử sự như thế, chắc chắn sẽ nghiệp tiêu, mắt sáng, tâm địa mở mang, chẳng giống những kẻ hồ đồ vô tri vô thức chẳng biết tốt xấu.

Ông không thấy kinh Kim Cang đã dạy: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp của người ấy trong đời trước đáng đọa ác đạo. Do đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác" đó ư? Tội của người ấy đáng đọa địa ngục do trì kinh mà chỉ bị người khác khinh rẻ, tội đọa địa ngục thảy đều tiêu diệt, trong vị lai còn được thành Phật đạo. Điều ấy do chính kim khẩu của đức Phật nói ra. Ông hoàn toàn chẳng hiểu rõ đạo lý chánh đáng trong thế gian nên vừa gặp nghịch cảnh bèn sanh oán hờn, còn đổ tội cho ăn chay, đáng gọi là "uổng công đọc sách thánh hiền".

---

thật ra vua không có quyền hành thực tế nào. Đêm xuống, vua thường mặc thường phục cùng mấy gã thái giám thân cận, lén trốn ra khỏi cung, lê la trong các chốn ăn chơi để nhậu nhẹt, đánh bạc, vui thú với bọn kỹ nữ. Chánh sử chép vua mất vì bệnh đậu mùa; nhưng theo dã sử, vua chết vì bị bệnh hoa liễu.

Niệm Phật lấy chí thành làm chủ, nếu chí thành sẽ chẳng bị tán loạn cho lắm, hãy nên dùng phương pháp vừa niệm vừa nghe. Lần chuỗi chẳng qua để ngừa giải đãi, nếu lần chuỗi gây trở ngại thì chẳng cần phải lần. Vừa niệm vừa nghe so ra tốt hơn niệm theo hơi thở. Hãy nên nói là tùy tức (niệm theo hơi thở), chớ nên gọi là sổ tức (đếm hơi thở). Cách vừa niệm vừa nghe trong Văn Sao của Quang sợ ông chẳng khéo dùng được, vậy thì chỉ niệm cho rõ ràng rành mạch, nghe cho rõ ràng rành mạch là được rồi. Chỉ y theo lời tôi, quyết chẳng bị lầm lẫn. Nếu y theo ngu kiến của chính mình, tôi sẽ tuyệt giao, chẳng cần phải gọi Quang là thầy nữa!

388. Thư trả lời Đông Xá Tây Khách

Lăng-nghiêm có gì mà chẳng nên nghiên cứu, nhưng phải lấy Tịnh độ làm chủ thì hết thảy kinh đều nêu tỏ được lợi ích của Tịnh độ. Phần mở đầu của kinh Lăng-nghiêm gạn hỏi cái tâm khó khăn như thế ấy, cho nên biết chúng sanh đời mạt vẫn muốn dùng Thiền để giải quyết đại sự sẽ tự lầm, lầm người lớn lắm! Huống chi 25 pháp Viên Thông, xếp pháp Viên Thông của ngài Thế Chí trước pháp Viên Thông của đức Quán Âm, ngụ ý đề cao, lấy Tịnh độ làm pháp chánh yếu lớn lao lắm. Trong phần giảng rõ về cảnh ngũ ấm ma, kinh dạy người phá được hai ấm sắc và thọ vẫn còn có chuyện bị ma dựa. Đủ thấy dùng tự lực để liễu sanh tử khó khăn, nương Phật lực để liễu sanh tử dễ dàng. Nghiên cứu được như vậy thì lợi ích lớn lao.

Phàm khi nghiên cứu, ắt phải lắng lòng, bặt suy nghĩ, ngưng thần đọc kỹ như người vào đảo báu lớn, ắt sẽ có sở đắc. Nếu giống như đi đường vội vã chỉ mong cho lẹ, hận chẳng thể vừa coi là xong, thì chẳng những không hiểu được nghĩa kinh, mà đâm ra lâu ngày còn mắc bệnh, thậm chí tổn khí, thổ huyết v.v.. Kẻ khéo được lợi ích, không gì chẳng có ích; kẻ cam chịu tổn hại, không gì chẳng tổn hại. Kinh Lăng-nghiêm quả thật là kinh điển mầu nhiệm để hoằng dương Tịnh tông, nhưng kẻ chưa biết pháp môn Tịnh độ thường do Lăng-nghiêm mà ngược ngạo khinh miệt pháp môn Tịnh độ. Đấy gọi là "người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí", do chính mình chưa đủ chánh nhãn, cứ dùng ý kiến của chính mình để hiểu kinh mà ra.

389. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ nhất)

Con người sống trong thế gian thọ - yểu, cùng quẫn - hanh thông, đều do nhân đời trước gây nên. Nhưng kẻ đại thiện hay đại ác cũng chuyển họa thành phước, chuyển phước thành họa, đủ mọi loại bất đồng. Vì thế, thánh hiền đều chú ý nơi tu trì, Phật pháp cũng chú trọng nơi sám hối. Hễ sám hối "tánh khiên" (lỗi lầm nơi tâm tánh), tu sửa đức mình, thì hết thảy sự thọ dụng đều chẳng phải do túc

nghiệp cảm thành như cũ nữa. Hãy nên đọc kỹ thiên Lập Mạng của Viên Liễu Phàm trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ biết rõ! Há phải chỉ có họa phước do chính mình chuyển biến, mà ngay cả thánh hay phàm cũng do chính mình chuyển biến. Hiểu rõ điều này, sẽ dốc sức nơi một pháp "làm thánh, liễu sanh tử". Nếu không, dẫu cho đại hiếu tôn kính cha mẹ, là kẻ cực hiếu dưỡng trong thế gian, phú quý, học vấn trùm lấp cõi đời, vẫn chỉ là huyễn tướng trống rỗng phù hoa biến hiện trong cơn huyễn mộng. Sau khi đã hiện xong, nào còn có dấu tích thật sự để được nữa ư? Như vậy thì phàm là công danh, con cái, học vấn, danh dự, rốt cuộc trọn chẳng liên can gì đến chuyện sanh tử cả!

Các hạ chỉ nên chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, có con cái hay không đâu cần phải nghĩ tới. Em trai ông có con, dẫu ông không có, tổ tiên há tuyệt chẳng có người nối dõi ư? Những đứa con giết cha giết mẹ trong hiện thời, cha mẹ chúng trong thuở ấy có bao giờ chẳng xem chúng là kẻ nối dòng tiếp dõi đâu? Đang trong thời thế này, các hạ tuổi đã năm mươi, mà vẫn than thở "dòng trưởng không có con cái". Những kẻ bị con giết chết chắc là chết rồi vẫn vui vẻ nghĩ "ta còn có con, chẳng đến nỗi phải tiếc nuối gì" ư? Nay gởi cho ông một gói gồm An Sĩ Toàn Thư và các loại sách, xin hãy đọc kỹ, chắc sẽ chẳng đến nỗi mong tưởng những cảnh hư huyễn, phù hoa đã qua trong thế gian.

Lệnh lang tuy thông minh, ôm tấm lòng lo toan cho nước, cho dân, tiếc là hoàn toàn chưa nghe đạo, những gì anh ta bôn tẩu hô hào chẳng qua là thuận theo trào lưu quấy rối mù quáng đến nỗi tử vong. Nếu anh ta biết loạn lạc sở dĩ dấy lên là vì chẳng dốc sức nơi giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ biến sự nhọc nhằn, siêng năng tẩy chay hàng hóa của Nhật Bản thành nhọc nhằn siêng năng áp dụng đạo căn bản để mưu toan bình trị thì người như vậy sẽ trở thành học trò của thánh hiền, chẳng uổng chỉ mang suông tâm chí hào hiệp mà thôi. Thông minh đâm ra bị thông minh gây lầm lẫn, đáng thương như thế đó!

Các hạ coi Quang là thiện tri thức, tuy Quang chẳng đáng là thiện tri thức, nhưng chẳng thể không dùng lời lẽ ý tứ của một thiện tri thức để thưa trình lên các hạ hòng chẳng thiếu sót tình quen biết. Nếu các hạ vẫn chẳng nguôi lòng cầu con, xin trước hết hãy tiết dục để thân thể của chính mình được khỏe mạnh, hòng làm cái gốc sanh thành con cái, tích âm đức nhằm xoay chuyển lòng trời, trì danh hiệu Phật để tạo lợi ích cho khắp cả ta lẫn người. Lại khuyên lệnh phu nhân cũng nên giữ tấm lòng như thế, xử sự như thế, lại còn phải lễ bái, cúng dường, xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Nếu tâm kiền thành, ắt sẽ sanh được đứa con làm rạng rỡ thanh danh gia đình.

Phẩm Phổ Môn có dạy: "Nếu có nữ nhân muốn cầu con trai, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, liền sanh con trai phước đức trí tuệ. Nếu muốn cầu con gái, liền sanh con gái đoan chánh có phước tướng, đã gieo trồng gốc đức từ đời trước, được mọi người yêu kính." Các hạ muốn cầu có con nối dõi, hãy nên theo phương pháp Quang vừa mới nói để cầu thì không khi nào chẳng cầu được. Nếu không, dẫu có sanh được con, chắc là khó thể bảo đảm nó chẳng bị hãm trong những trào lưu cực đoan, quá khích, đến nỗi đi theo con đường đại nghịch vậy! Viết ra những điều này để xin ông hãy sáng suốt suy xét. Trong tháng 9, chắc chắn Quang sẽ diệt tung tích, chẳng muốn đem ảnh chụp làm gai mắt khắp mọi người, cho nên chẳng gởi. Nếu y theo lời Quang nói chính là thấy được lòng Quang, chứ tướng xấu sờ sờ há đáng nhắc đến ư?

390. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ hai)

Lá thư trước đã gởi đi hôm 16. Đọc thư ông, khôn ngăn bật cười! Chẳng thể tiết dục, gấp muốn có con! Chẳng biết cái gốc để sanh con là ở chỗ bồi dưỡng thân thể và âm đức, chẳng tiết dục thì tinh loãng chẳng thể đậu thai. Dẫu có đậu thai, sanh được con, ắt nó cũng sẽ bấy bớt, khó khôn lớn được. Nếu muốn sanh được đứa con tốt lành có thể kế thừa thanh danh của gia đình thì phải đoạn dục một năm, hoặc nửa năm, ngõ hầu thân thể mạnh mẽ, tinh thần sung túc, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt rồi mới chung đụng một phen, liền có thể đậu thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt ân ái thì đứa con sanh ra nhất định mũm mĩm đầy đặn, tánh tình lương thiện, chắc chắn không có những bệnh lên sởi, trái rạ v.v. và chẳng lo nó không lâu sau sẽ chết.

Với ác nghiệp đời trước, hãy chí tâm sám hối, kiền thành tụng kinh, sẽ tự có thể tiêu diệt. Há nên tin tưởng Thọ Sanh Kinh[427], sanh vào năm nào đó sẽ phải trả nợ chừng đó tiền thọ sanh. Đấy là kinh do tăng sĩ chuyên làm kinh sám bịa ra, sao ông lại tin đó là thật? Cần biết rằng, từ vô lượng kiếp đến nay, do tham sân si tạo giết trộm dâm, đã kết oán nghiệp vô lượng vô biên, hãy nên phát tâm đại Bồ-đề tự lợi lợi tha, chí thành niệm Phật, tụng kinh để mong tiêu diệt. Cũng như dùng công đức ấy để siêu độ cha mẹ của chính mình trong đời này, tổ tông họ hàng nhiều đời, khiến họ đều được tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thoát khỏi đời ác ngũ trược này, sanh sang cõi tịnh bảy báu kia, ngõ hầu chẳng thẹn làm con, làm cháu của người khác, chẳng thẹn làm đệ tử Phật.

[427] Đây là một loại ngụy kinh, theo đó mỗi người sanh ra đều thiếu một khoản tiền ở âm phủ để được đi đầu thai. Nếu không làm các "pháp sự" đốt vàng mã, tiền bạc, hình nhân thế mạng sẽ bị tổn phước giảm thọ, thậm chí suốt đời không ngóc đầu lên được. Ngay trong Phật môn miền Bắc Việt Nam hiện thời, cũng có nhiều vị hòa thượng thuộc các sơn môn lớn vẫn tin tưởng chuyện này và còn bày vẽ thêm những nghi thức rườm rà để làm đàn trả nợ thọ sanh.

Ông hỏi kinh nào tốt nhất, chẳng biết hết thảy kinh Đại thừa đều tốt, ông có thể thọ trì từng kinh một hay chăng? Nếu đã chẳng thể trì khắp, hãy cứ trì mãi Kim Cang, Tâm Kinh, kinh Di-đà, chú Đại Bi, không có loại nào chẳng tốt cả. Chỉ cần chí thành, cung kính thì công đức lớn lao. Nếu không, do trì tụng chắc sẽ có công đức nhưng có thể bị tội lỗi do tâm không kiền thành chắc sẽ đến nỗi trở thành khinh nhờn. Lại cần phải lấy việc niệm Nam-mô A-di-đà Phật làm công khóa để hằng ngày thường tu không gián đoạn, ấy chính là đem vạn đức hồng danh của đức Như Lai huân tập cái tâm nghiệp thức của chính mình, lâu ngày chầy tháng, tâm sẽ tự có thể hợp với Phật và tâm hợp với đạo.

391. Thư trả lời cư sĩ Vương Tu Bổn

Tâm phàm phu chỗ quen thì quá quen, chỗ lạ thì quá lạ, chẳng đem chữ chết treo trên trán, quyết khó thể đè nén vọng tưởng. Vọng tưởng đã chẳng thể đè nén được thì vọng tưởng sẽ thành chủ, bản tâm thành tớ. Do vậy, bao nhiêu bậc anh hào lỗi lạc bị vọng tưởng xua đuổi vào ba ác đạo, vĩnh viễn không có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Một pháp niệm Phật là pháp thực hiện dễ dàng nhất, thành công dễ dàng nhất trong Phật pháp, hết thảy các pháp đều lưu xuất từ pháp này, đều quy hoàn pháp này. Vì thế được gọi là "pháp môn thành tựu lúc đầu, thành tựu lúc cuối để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh". Xin đừng coi là thừa thãi để sau này còn có lúc được lợi ích.

Trừ in sách và làm chuyện công ích ra, Quang đều chẳng cần đến tiền. Do một là không có đồ chúng, hai là không nơi chốn, ba là chẳng thích tích cóp những vật vô ích. Tuy chưa đến ngày chết, nhưng hằng ngày thường nghĩ đến lúc chết. Vì thế chẳng giống với những tăng sĩ trong cõi đời, chuyên muốn tích cóp để mong sau này dùng cho chính thân mình hoặc cho con cháu dùng.

(Ngày 18 tháng 6)

392. Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh

Pháp môn niệm Phật giống như bảo châu như ý, có thể tùy ý con người mà mưa hết thảy báu. Chỉ cần khẩn thiết chí thành niệm Phật, sẽ tự nhiên tội nghiệp tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, siêu độ tiên vong (người đời trước đã khuất bóng) đều được vãng sanh Tây Phương, sao chẳng thể nói là "nương theo Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương"?

Con lại hỏi nên tu như thế nào sẽ có thể làm cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương? Con hỏi như vậy chính là không hiểu lý quá sức! Người niệm Phật mỗi ngày sáng tối vẫn cần phải đem công đức tu trì của chính mình hồi hướng cho *tứ*

ân tam hữu[428] và hết thảy chúng sanh trong pháp giới, huống hồ chẳng thể làm cho phụ mẫu vãng sanh Tây Phương ư? Chỉ cần cung kính, chí thành đến cùng cực, lại còn phải phát tâm độ khắp hết thảy chúng sanh. Phàm với hết thảy những kẻ hữu duyên đều đem pháp này khuyên nhủ, đem công đức tu trì của chính mình, công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh và công đức khuyên người khác để hồi hướng cho cha mẹ, chắc chắn sẽ có thể làm cho cha mẹ được vãng sanh. Nhưng cần phải chân thật, tận lực thực hiện thì mới được. Nếu hời hợt, ơ hờ, tuy chẳng phải là không có lợi ích, nhưng sợ rằng chưa chắc sẽ được vãng sanh.

Niệm Phật phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, phải cung kính chí thành, phải lắng tai nghe kỹ, phải phát tâm phổ độ chúng sanh. Phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, luôn thường tự phản tỉnh. Hễ có tâm bất thiện dấy lên bèn lập tức tiêu diệt, phàm có tâm thiện đều nên khiến cho nó được mở rộng ra. Dẫu sức chẳng làm được, tâm ấy quyết chẳng thể không sanh! Nói chung, lúc thường ngày phải giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm việc tốt lành để làm pháp trị thân trị tâm. Niệm Phật như thế sẽ đáng là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể ở trong thế giới này phổ độ những người cùng hàng thoát lìa sanh tử. Vì sao vậy? Do có thể thật hành, người ta sẽ dễ bị cảm hóa. Nếu không, sẽ là kẻ giả thiện, tâm hạnh giả dối, sẽ chẳng thể được lợi ích thật sự.

Hết thảy chúng sanh do dâm dục mà sanh, con phát tâm giữ lòng trinh tu hành, phải nỗ lực. Nếu có những thứ tình niệm ấy khởi lên, hãy nghĩ đến núi đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than, đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, tự nhiên bao nhiêu ý niệm đã dấy lên sẽ lập tức bị tiêu diệt. Thường thấy bao nhiêu thiện nữ thoạt đầu phát tâm giữ lòng trong trắng chẳng xuất giá, sau đấy do tình niệm phát khởi, chẳng thể kìm mình được, liền cùng kẻ khác làm chuyện cẩu thả. Nhưng hễ đã không gìn giữ một lần, sẽ như nước xoáy thủng đê, từ đấy chảy tràn lan, vĩnh viễn chẳng thể quay về chánh đạo được, thật đáng đau tiếc! Hãy nên tự châm chước, có thể giữ được thì giữ chắc đến tột cùng. Nếu không, xuất giá theo chồng chính là cương thường do thiên địa thánh nhân và con người đã lập ra, cố nhiên chẳng phải là không nên.

---

[428] Tứ ân gọi đủ là tứ trọng ân, có hai cách hiểu:

1. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, quyển 11, tứ ân là "ân cha, ân mẹ, ân Như Lai, ân thầy thuyết pháp".

2. Cách hiểu phổ biến hơn (được nhắc tới trong Giáo Thừa Pháp Số quyển 13, Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận, Tứ Ân Hiếu Thuận Sao và các kinh luận khác) thì tứ ân là "ân cha mẹ, ân chúng sanh, ân quốc vương (tức ân đất nước) và ân tam bảo".

Tam hữu là tên gọi khác của tam giới, tức Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Do có phiền não, vọng tưởng, sanh tử v.v. nên gọi là hữu.

Giữ lòng trinh mà giữ được tốt đẹp thì tốt hơn đi lấy chồng, nào phải chỉ tốt đẹp hơn trăm ngàn vạn lần; không giữ được lòng trinh vẹn toàn thì lại còn thua lấy chồng cả trăm ngàn vạn lần. Bởi lẽ nam nữ lập gia đình chính là giềng mối của con người trong trời đất, nam nữ chung chạ bừa bãi chính là hành vi của súc sanh. Súc sanh chẳng biết lý, chẳng biết luân thường. Con người biết lý, biết luân thường, mà vẫn muốn làm chuyện chung chạ bừa bãi, quả thật chẳng bằng súc sanh! Cậu của con đã thờ ta làm thầy, nói con có thiện căn muốn giữ lòng trinh, ta không phá cái tâm giữ lòng trinh của con, chỉ sợ con có đầu không đuôi, đâm ra mắc tội với trời đất, cha mẹ, Phật, Bồ-tát. Vì thế ta khôn ngăn dài dòng một phen.

Lại nữa, sao con không phát tâm ăn chay? Con thử nghĩ xem, thịt trên thân con mà cắt ăn thì có ăn được hay chăng? Thịt của chính mình chẳng thể ăn được, sao hằng ngày lại giết loài vật để ăn? Hết thảy sanh linh chẳng phải do con giết, nhưng con dùng tiền để sai người khác giết, sát nghiệp vẫn giống hệt! Huống chi con muốn sanh về Tây Phương, đức Phật lấy từ bi làm gốc, con đã ăn thịt tức là không có tâm từ bi. Vì con là người chân thật tu hành nên ta mới nói lời này. Nếu là kẻ hờ hững hời hợt, tuy chẳng ăn chay vẫn có thể niệm Phật, chứ không phải là kẻ ăn mặn chẳng được niệm Phật. Chẳng thể không biết điều này. Những điều khác không cần giảng giải, con chỉ đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi đều tháo gỡ.

Quang bận việc đến cùng cực, chớ nên thường gởi thư đến. Dẫu có nói gì đi nữa, cũng chẳng ngoài những ý đã nói trong Văn Sao. Phật pháp quảng đại, dẫu Đăng địa Bồ-tát[429] cũng chẳng thể biết hết được, nhưng muốn được lợi ích thật sự thì chỉ có một câu "Nam-mô A-di-đà Phật" này là có thể thoát khỏi sanh tử, chứng Niết-bàn, viên thành Phật đạo. Chúng ta là phàm phu hạ căn, chẳng làm theo pháp môn cực đơn giản thì chỉ có thể trở thành gieo thiện căn mà thôi; muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, có mộng cũng mơ chẳng được. Con có thể y theo lời ta nói thì đáng gọi là Liên Anh. Nếu không, tuy mang tên Liên Anh, chỉ sợ thành rừng tội mà thôi!

(Ngày 17 tháng 4)

393. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân

Nhận được thư, biết ông tu trì tinh ròng siêng năng, chú trọng khiết tịnh cung kính, tôi vui mừng, an ủi đến tột bậc. Phàm người tu hành ắt phải lấy niệm Phật làm chánh hạnh, lấy trì chú, tụng kinh và làm các chuyện lợi ích làm trợ hạnh. Chánh - trợ cùng hành sẽ như thuận nước căng buồm trong biển khổ sanh tử này,

[429] Hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.

mau được vào biển tát-bà-nhã[430] (nhất thiết trí). Nếu chẳng sanh lòng tin phát nguyện cầu sanh Tây Phương, cứ niệm Phật, trì chú v.v. hờ hững thì đều chỉ thành phước báo cho đời sau mà thôi. Pháp môn Tịnh độ thông trên thấu dưới: kẻ sắp đọa A-tỳ mà niệm Phật còn được vãng sanh; bậc đã chứng Đẳng giác vẫn phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả. Đừng vì Mật tông có nghĩa "thành Phật ngay trong thân này" mà bỏ mặc vãng sanh Tây Phương không bàn tới nữa thì mất mát lớn lao thay!

Trì chú cố nhiên nên kiền thành, khiết tịnh, niệm Phật cũng phải kiền thành, khiết tịnh, nhưng tận tâm tận lực là được rồi. Nếu nói: "Như kẻ đại phú quý lập riêng Phật đường, những kẻ khác đều không có phần tu hành", có lý ấy hay chăng? Ông tên là Kính Thời, tên tự là Thọ Nhân[431], hãy lấy pháp môn niệm Phật để truyền trao cho quyến thuộc, khiến họ sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể chí thành niệm Phật, tự nhiên nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm an lạc, sao lại chỉ biết nể sợ, trọn chẳng biết dùng Phật pháp để chỉ dẫn? Như vậy mà còn gọi là phát tâm Bồ-đề, tự lợi lợi tha được ư? Quyến thuộc như thế, người ngoài cũng như thế. Phàm kẻ nào không bảo ban được thì đành thôi, kẻ nào bảo ban được, ắt phải khuyên lơn, khích lệ. Công đức ấy lớn lắm!

Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, trọn không có lúc nào ngưng dứt, ấy là do hết thảy chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm! Trong ác nghiệp chỉ có giết chóc là nhiều nhất, chỉ có giết chóc là thảm khốc nhất. Muốn cho thế đạo thái bình, nhân dân yên vui, ắt mọi người phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật thì mới là lời bàn luận giải quyết từ căn bản.

Ông đã phát tâm niệm Phật lại kiêm trì chú, theo đúng lý nên ăn chay trường. Nếu nói "phải thù tiếp bên ngoài, khó được như pháp", thì trong lúc thù tiếp phải quyền biến theo phương tiện, nhưng trong những lúc ta có thể làm chủ được thì trọn chớ nên vẫn ăn thịt hết thảy chúng sanh y như cũ. Dẫu trong lúc thù tiếp cũng chớ nên mặc sức tham ăn thì mới nên; còn trong vòng quyến thuộc, hãy nên giảng bàn nhân quả, khuyên họ đừng ăn, thì mới gọi là người tu hành chân thật. Đừng nói: "Ta tu hành nên ăn chay, bọn họ không tu hành, ăn mặn cũng không sao!" Nên biết nỗi khổ của hết thảy những con vật bị giết và nỗi khổ phải trả báo trong tương lai. Vừa thử nghĩ đến, lông trên thân đều dựng cả lên, chẳng những không nỡ mà còn chẳng dám nữa.

---

[430] Tát-bà-nhã (sarvajña), còn phiên là tát-vân-nhiên, tát-bà-nhã-đa, dịch là nhất thiết trí. Hàm nghĩa: trí biết rõ hết thảy các tướng trong ngoài của các pháp, tức trí rốt ráo của đức Phật

[431] Thọ nhân（授人）là truyền trao cho người khác, nên tổ mới dạy: "Hãy lấy pháp môn niệm Phật để truyền trao cho quyến thuộc."

Người niệm Phật ai nấy tùy phận, chuyên niệm Phật hiệu cũng được, mà kiêm thêm tụng kinh, trì chú và rộng tu vạn hạnh cũng được. Nhưng chớ nên trọn chẳng có đầu mối thứ tự, ắt phải lấy niệm Phật làm chủ, làm chánh hạnh, những thứ khác đều là khách, là trợ hạnh thì tốt lắm! Nếu không, sẽ như rải tiền trong nhà, chẳng xỏ thành chuỗi, sẽ không thọ dụng được. Cũng giống như vào biển thiếu kim chỉ nam, chẳng có gì để nương theo.

Thờ tượng Phật, Bồ-tát thì tượng vẽ hay tượng khắc đều được, chỉ cần coi tượng ấy như đức Phật thật sự, tự nhiên sẽ được phước, được tuệ. Nếu vẫn coi là giấy, gỗ v.v. ắt sẽ tổn phước, giảm thọ. Nay gởi cho ông một bộ Văn Sao vừa mới in và một bộ Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo, ngài Thiện Đạo chính là hóa thân của Phật Di-đà, ngài dạy chuyên tu; phần khẩn yếu nhất là phần chú giải chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, xin hãy đọc kỹ!

394. Thư trả lời cư sĩ Long Trừng Triệt

Ngày 29 tháng trước, tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi mười bốn gói kinh sách, đã nhận được hay chưa? Đấy không phải là sách của Hoằng Hóa Xã biếu tặng, mà do Quang dùng tiền thỉnh bảo họ gởi đi. Quang một mực hễ cần thỉnh sách để tặng cho người khác bèn bỏ tiền ra, trả theo giá bán của Hoằng Hóa Xã, một là để người nhận hóa đơn thỉnh sách khỏi vì Quang mà làm điều sai trái, hai là có thể tùy ý thỉnh bao nhiêu cũng được, không ai dám sanh ý kiến hiềm nghi. Do Quang chẳng dám tùy ý lấy sách, hễ cần bao nhiêu sách tôi trả tiền chừng đó, thì hai đằng đều không trở ngại. Hiện thời tôi nghĩ mình đã chết, đã không còn tích cóp nữa. Nếu muốn thỉnh thêm, hãy nên tiếp xúc thẳng với Hoằng Hóa Xã, Quang chẳng cần phải dính vào đấy.

Lao Sơn chính là chỗ đại sư Hám Sơn hoằng hóa. Trần Phi Thanh muốn sửa chùa, cầm bản sao bộ Niên Phổ của đại sư đến cậy tôi ấn loát lưu thông, Quang gởi thư cho các thư viện hỏi tìm bản sớ giải bộ Niên Phổ, họ đều không có. Sau này nghe nói ở chùa Gia Hưng tại Bắc Kinh giữ được trọn vẹn bộ sách, liền cậy người thỉnh về sao ra để in. Vì thế gởi đến cho ông hai gói. Ngài Hám Sơn có công lớn đối với Phật pháp, có công lớn đối với xã tắc nhà Minh. Nếu sư chẳng bị đày xuống Quảng Đông, do cười nói mà dứt được đại loạn vừa mới manh nha bao lần thì nước nhà thuở ấy thật nguy ngập còn hơn trứng chồng vậy. Trong bài Lục Vịnh Tụng, Quang đã nêu đại lược những điểm quan trọng, sự việc được thành tựu hay không là do người có lòng.

Đầu tháng này, Đường Đào Dung gởi thư đến xin đặt pháp danh cho ba người. Trong số ấy có ông Trương Huân Đống tự hào về tài văn chương, tự cảm thấy

khắp cả vùng Vu Hồ chỉ có mình ta tài cao. Ông Đường nói với ông ta về nhân quả, ông ta chẳng tin. Ông Đường bảo ông Trương đọc Văn Sao, ông Trương đọc mấy thiên liền cầu ông Đường xin quy y giùm, nhưng đối với chuyện niệm Phật cầu vãng sanh vẫn chưa chịu hoàn toàn cắm đầu tin theo. Nếu ông ta đọc đến bức thư gởi cho Cố Hiển Vi, chắc sẽ chẳng dám không cắm đầu tin theo! Ông Đường xin được đến núi ở mấy tháng vào năm sau, Quang chẳng chấp nhận; dẫu có đến cũng chỉ được ở mấy ngày rồi đi. Người này do cư sĩ tiến dẫn, so ra là hạng nam tử chí hướng còn hời hợt, ơ hờ, nhưng còn chân thật, thiết tha; huống chi anh ta lại còn là người Hồi Hồi nữa!

(Ngày 19 tháng Đông năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 - 1940)

395. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết lệnh kế từ[432] niệm Phật sanh Tây, khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Con người có sống ắt phải có chết, chết mà chẳng được vãng sanh thì nỗi khổ trong vị lai làm sao có thể diễn tả được. Nay cụ đã được sanh về Tịnh độ, đáng bảo là "người cực phú quý trong thế gian cũng khó thể sánh bằng trong muôn một, chẳng sống uổng chết phí" vậy! Tôi sửa đổi tiểu truyện của cụ đôi chút. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, kính cẩn vâng giữ quy củ đã thành lập của Phật, của tổ, khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao lại gọi Quang là Thái Sơn, Bắc Đẩu của Tịnh tông đương thời? Chỉ nên thuật rõ sự việc vãng sanh của lệnh kế từ là được rồi, chớ nên khen ngợi sáo rỗng quá lố. Mấy hôm trước, khoản tiền in sách do cư sĩ quyên cúng là 50 đồng và khoản tiền hương kính của lệnh muội Thang Huệ Chánh là 24 đồng đã được lệnh tỷ trượng[433] Địch Am đưa cho, tôi đều nhận được cả rồi, đừng lo. Tôi quên mất địa chỉ của Bạch Vân Am ở chỗ nào, vì thế nhờ Địch Am chuyển thay.

396. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ hai)

Người già nên lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Chép kinh phải chí thành cung kính, chẳng cẩu thả một nét bút nào. Lại cần phải giáo chánh, đối chiếu tường tận, chẳng để cho sai sót. Nếu có sai sót, hãy nên chép chữ khác, chớ nên bôi sửa, viết thêm vào, để lâu ngày khỏi bị kẻ tánh tình cẩu thả bỏ sót mất. Chép một câu liền đối chiếu một câu; chép một hàng, đối chiếu một hàng. Chép xong một trang thì lại đối chiếu tường tận cả trang hai ba lượt thì mới có thể không bị sai sót. Nếu bị sai sót mà chẳng muốn chép lại cả trang thì đánh dấu chữ sai, viết chữ đúng vào bên cạnh; ngàn vạn phần chớ nên xóa sửa, giậm thêm nét. Chữ ông không đẹp

[432] Lệnh kế từ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính mẹ kế của người khác.
[433] Lệnh tỷ trượng: tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính anh rể người khác.

lắm, không cần phải chép Hoa Nghiêm nữa. Do chữ không đẹp lắm, người đời sau sẽ chẳng rất chú trọng, nhất tâm niệm Phật còn hay hơn.

Nếu niệm Phật có vọng tưởng thì nên vận tâm lắng nghe, từng câu từng chữ đều phải nghe cho rõ ràng, bất luận niệm lớn tiếng hay nhỏ tiếng hoặc niệm thầm trong tâm đều phải nghe cho rõ ràng. Lâu ngày chầy tháng, tâm tự quy nhất. Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm có câu: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất", đấy chính là pháp lắng tai nghe kỹ vậy. Hãy nên y theo đó mà niệm sẽ chẳng đến nỗi vọng tưởng tơi bời y như cũ.

(Ngày 29 tháng Giêng)

397. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, trước đây do đất Hỗ (Thượng Hải) chưa yên ổn chẳng tiện gởi ngay; về sau lại ngờ rằng bệnh viện có thể đã chuyển đi nơi khác, cho nên mới chần chừ đến hôm nay. Nay gởi tổng cộng sáu gói sách: bốn gói sách cư sĩ tự giữ, một gói chuyển giùm cho Phương Huệ Uyên, một gói giao thẳng cho cư sĩ Địch Am. Mùa hè năm nay có thể nói là nóng nực hiếm thấy, hiện thời lại bị hạn hán, cuộc sống của người dân thật đáng xót thương! Chẳng phải là thiên tai thì cũng là nhân họa, hai thứ ấy thường hay giáng xuống cùng một lúc. Đang trong thời thế này, tốt nhất chỉ nên sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ngoài ra, không lập được cách nào khác nữa đâu! May là cả nhà cư sĩ vẫn yên vui, càng phải nên niệm Phật để mong thoát lìa.

Trước đây, tôi đã nghe người ta nói ngài Đế Nhàn bị bệnh, đã nhờ Mã Khế Tây hỏi thăm, ông ta nói: "Sau khi nhận được thư thầy không lâu, con sang thăm, vẫn thấy ngài Đế Nhàn yên vui." Nay nhận được thư của cư sĩ mới biết ngài đã bị bệnh hơn tháng, như vậy là sau khi Khế Tây đến thăm xong thì ngài mới ngã bệnh. Ngài Đế Nhàn quả thật là cột trụ trong pháp môn, nếu có chuyện gì bất trắc thì Phật pháp sẽ không có người chống đỡ. Quang ở đất Tô cũng khá bận bịu, đợi in xong dăm ba bộ sách sẽ rời Ngô Môn rồi chỉ niệm Phật đợi chết mà thôi!

(Ngày 27 tháng 6)

398. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông thân tâm yên vui, tâm lợi người ngày càng tăng tấn, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Quang tính hôm 23 sẽ xuống núi, trưa hôm 24 sẽ đến Công Đức Lâm, nhờ ông báo tin cho bọn họ: Trước ngọ ngày 24 tôi sẽ đến Công Đức Lâm, trở về ngay trong bữa ấy, họ cũng chẳng cần phải đến đấy từ hôm trước.

Bởi lẽ mấy người đến từ hôm trước, nghỉ tại Ninh Ba chẳng những tốn nhiều tiền mà cũng bất tiện. Hiện thời là tình thế hoạn nạn, xin hãy bảo lệnh lang Chí Cần và cô con dâu hằng ngày phải niệm thánh hiệu Quán Thế Âm bao nhiêu đó câu để phòng ngừa tai họa. Năm ngoái, lệnh tức[434] đã miễn cưỡng quy y ở Cư sĩ lâm, chẳng biết vẫn còn có thể miễn cưỡng tu trì hay chăng? Đầu mùa thu năm nay, khi chuyện in sách đã kết thúc xong xuôi, trong khoảng tháng 8, tháng 9, Quang sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài để khỏi phải quanh năm suốt tháng bận bịu vì kẻ khác, đâm ra lỡ làng đại sự sanh Tây của chính mình. Trong tháng 6 vẫn trở về núi ở cho hết hè, tháng 7 xuống núi, không trở về nữa. Tháng 8, tháng 9 liền ở ẩn để vĩnh viễn không qua lại giao thiệp với hết thảy mọi người.

399. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ năm)

Thư trước chắc ông đã nhận được rồi. Ông nói vọng niệm quá nhiều là vì ông cứ một mực ứng phó ngoại duyên, đến nỗi trong lòng tạp niệm tưng bừng diễn ra. Hãy nên nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, nhất tâm niệm Phật thì vọng niệm sẽ liền tiêu diệt, chứ không phải vì thông thuộc kinh hay không.

Ông nói đến Phổ Lợi Phật Thất (Phật thất lợi ích rộng khắp), đem kinh biếu tặng, ấy chính là dùng kinh Phật để siêu độ cô hồn, há nên nói "mắc tội khinh mạn"? Chuyện ấy đem so với chuyện hồi hướng công đức cho chính mình càng lớn hơn nữa. Nếu không có chuyện gì, người ta chẳng cầu xin mà chính mình cứ cưỡng tặng cho người ta, người ta vẫn chẳng để ý thì quả thật mắc tội khinh mạn Phật pháp. Lệnh muội biết chữ, thông hiểu văn lý, có thể làm cho chồng và con cô ta đều cùng sanh lòng tin thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Há nên lầm lẫn muốn trở về Nam để mong gặp mặt Quang? Bởi lẽ gặp mặt Quang có ích chi đâu? Nếu cô ta có thể y theo Gia Ngôn Lục để tự hành, dạy người, sẽ hơn gặp mặt Quang nhiều lắm!

Người tu hành phải tu cả "nội công" lẫn "ngoại công". Ông một mực dùng nhiều phương cách giúp sức cho những hành động tốt lành, ấy là ngoại công, nhất tâm niệm Phật chính là nội công. Ngoại công là trợ hạnh, nội công là chánh hạnh, chánh trợ cùng hành, lợi ích thật lớn! Nhưng người đã tới tuổi 50, tháng ngày chẳng còn mấy, cố nhiên nên đặc biệt chú trọng nội công, bớt làm ngoại công, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị những hành động tốt lành xoay chuyển, rốt cuộc vẫn ở trong Sa-bà!

400. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ sáu)

[434] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng con dâu người khác.

Chúng sanh tập khí quá sâu, muốn làm cho họ thay đổi thật chẳng dễ dàng. Cơ duyên niệm Phật của vợ chồng Tử Cần vẫn chưa chín muồi, chớ nên miễn cưỡng! Cư sĩ đã lập cách huân tập, chắc dần dần họ sẽ sanh lòng tin. Một phụ nữ ở Tào Hành Trấn thuộc vùng phụ cận Thượng Hải mỗi khi niệm Phật liền bị mẹ chồng chửi mắng, ngăn cấm, cô ấy vẫn chẳng thay đổi. Lâu ngày mẹ chồng cũng niệm Phật, cũng quy y. Nay thì bà cụ còn tinh tấn hơn con dâu nữa! Xin ông hãy từ từ, đừng sanh ưu phiền.

Lý tức là lý tánh, tức là Phật tánh mà Phật và chúng sanh đều sẵn có, tánh ấy có đủ hết thảy công đức. Sự chính là tu trì và đoạn hoặc chứng chân v.v.. Do trong tự tánh sẵn đủ những công đức ấy nên tu đến mức cùng cực sẽ xứng tánh hiển hiện, do vậy gọi là "lý sự viên dung". Nếu chỉ biết bản tánh sẵn đủ, chẳng tu trì thêm thì đến tột cùng đời vị lai cũng chẳng thể đích thân chứng được lý "tánh sẵn đủ" ấy, đó gọi là "chấp lý phế sự, lý cũng chẳng viên". Vì thế, người tu hành hễ đã ngộ được lý "tánh sẵn đủ", ắt phải thiết thực tu trì.

Phương pháp tu trì chỉ có trì danh niệm Phật thật là bậc nhất, vì thế hãy nên chuyên chú nơi tín nguyện trì danh. Lại còn lấy "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành" làm trợ hạnh, lợi ích sẽ lớn lao. "Hồ đến, Hồ hiện" nghĩa là tâm như gương sáng, gương vốn rỗng lặng, trọn chẳng có một vật gì, nhưng lại tùy theo cảm mà ứng, người Hồ đến thì trong gương liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến gương cũng hiện bóng người Hán giống như thế. Ngồi ngay ngắn niệm thật tướng chính là nhất tâm chuyên chú nơi chân như Phật tánh bất sanh bất diệt để mong triệt ngộ, thật chứng. Loại công phu này thật chẳng dễ dàng đạt được; nếu chẳng hiểu rõ lý, chắc sẽ khởi ma sự, bất tất phải dùng loại công phu này!

(Viết dưới đèn hôm 14 tháng 3)

401. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ bảy)

Cổ nhân nói: *"Đại nhân bất xướng du ngôn"* (Người lớn chẳng nói chơi), cư sĩ do thấy pháp sư Tịnh Ải xả thân mà khởi lòng cảm mộ, nhưng nhất tâm niệm Phật thì được; chứ nếu hơi nẩy sanh ý tưởng muốn bắt chước Tịnh Ải thì không được. Do bậc đại sĩ ấy vốn là Pháp thân đại sĩ, trọn chẳng có thân kiến và các phiền hoặc, chẳng qua thị hiện sanh trong thế gian nhằm hóa độ chúng sanh, hiện cái thân do cha mẹ sanh ra này để thực hiện sự giáo hóa, bọn nghiệp lực phàm phu chúng ta chẳng thể bắt chước được đâu! Điều chúng ta nên dốc sức chính là sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, dùng lòng chí thành khẩn thiết để trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

Kỳ hạn vãng sanh mặc cho duyên trễ hay sớm, chớ nên khởi tâm mong ngóng được vãng sanh ngay. Bởi lẽ sợ rằng do tâm mong ngóng ấy cố kết nhưng tâm hành nhân chưa thật sự tương ứng với Phật, các ma sự ắt sẽ dấy lên. Viễn Phàm chỉ sợ cư sĩ đã quyết định mang cái tâm ấy, hãy nên cực lực khuyên giải, cũng là thiên chức đáng nên trọn hết của kẻ làm con. Xin từ nay về sau tâm đừng nghĩ tưởng tới những thứ ngôn luận ấy cũng như bảo với con cái điều mong ngóng ấy để lòng họ khỏi phải lo âu.

402. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tám)

Hôm qua nhận được thư ông kèm theo thư của Chí Phạm, biết sở học vẫn tiến bộ, đạo tâm càng thêm kiên cố, an ủi lắm! Tử Cần chữa bệnh thì đối với những căn bệnh do oán nghiệp khó lành, hãy nên dạy bệnh nhân xưng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm và khuyên họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật. Chẳng những bệnh nhân được hưởng sự tốt lành "tiêu nghiệp, khỏi bệnh", mà y đạo của Tử Cần cũng sẽ nhờ đấy ngày càng phát đạt. Gần đây Tây y hễ thấy bệnh nhân ăn chay bị bệnh liền thường khuyên họ nên ngã mặn, bảo ăn thịt giàu chất bổ, chẳng biết gây trở ngại cho phép dinh dưỡng, lại còn kết oán nghiệp nữa. Thư của Chí Phạm kính gởi trả lại theo thư này, xin hãy thu nhận.

403. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ chín)

Thư nhận được đầy đủ, ngài Đế Nhàn qua đời đích xác là vãng sanh. Cảnh tượng lúc ngài mất vẫn chưa đến mức kinh thiên động địa, vì ngài dành thời gian giảng thuyết nhiều, thời gian chuyên dụng công tu tịnh nghiệp ít ỏi. Nếu là thường nhân thì rất chẳng dễ được như vậy, chứ với ngài Đế Nhàn thì cảnh tượng lúc vãng sanh như thế vẫn chưa xứng với thân phận. Ngài Đế Nhàn đã mất rồi, dưới tòa của ngài pháp tướng đông đảo như rừng. Đối với các vị pháp tử biết mạng của sư Đế Nhàn, Quang đều chẳng dám mong theo kịp. Trong thư ông nói hai cây trụ lớn của Phật giáo đã gãy một, chỉ còn mình Quang đảm đương, nói như vậy chính là chẳng biết Quang chỉ là một ông tăng tầm thường nuốt cơm húp cháo mà thôi! Do được ngài Đế Nhàn chẳng chê bỏ Quang là phường vô tích sự nên mới giao du ba mươi mấy năm.

Đối với chuyện thù tiếp theo thói thường, Quang nhất loạt chẳng làm theo, chỉ hồi hướng cho sư suốt một thất trong khóa tụng sáng tối để trọn hết tấm lòng tôi mà thôi. Ông nói lệnh thân hữu muốn quy y, sao không đến quy y với bậc dựng cao tràng pháp gần đấy, mà lại bỏ gần tìm xa, chọn một ông tăng chỉ biết cơm cháo để quy y vậy? Dẫu nói ông ta cố ý phát nguyện muốn quy y với Quang, nhưng nếu thuận tiện sẽ đến đất Tô thì tốt lắm, chứ còn đặc biệt đến đất Tô để

quy y thì cố nhiên chẳng bằng gởi thư cầu xin quy y sẽ thuận tiện cho cả đôi bên. Còn như nói cư sĩ đích thân đi cùng ông ta đến đây, tôi nào dám đảm đương? Phàm mọi chuyện đều phải nên càng giản lược, càng ít việc càng hay.

Tịnh Độ Thập Yếu đã sắp chữ xong, chẳng bao lâu nữa sẽ in ra, ước chừng cuối tháng 8 sẽ có thể in thành sách. Hiện thời đang sắp chữ cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, sách này do cư sĩ Phan Đối Phù thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên tập. Sắp chữ cuốn này xong sẽ sắp chữ bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Thanh Lương, Cửu Hoa, Nga Mi Chí sẽ được sắp chữ sau. Năm trước tới đất Tô là vì Phổ Đà Chí chưa xong, do vậy lại sắp chữ mấy loại sách, nay vẫn còn năm bộ sách này. Đến khi cả năm bộ hoàn tất rồi, tôi sẽ ở ẩn, niệm Phật hiệu cho nhiều để mong lâm chung chẳng đến nỗi tay chân cuống quýt, bị người khác chê cười!

404. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)

Tiên thiên lẫn hậu thiên đều suy nhược thì hãy nên chú trọng khéo bảo dưỡng. Nếu muốn dựa vào thức ăn để bồi bổ thì người ăn chay nên ăn nhiều lúa mạch, sức bồi bổ của lúa mạch cao hơn sức bổ dưỡng của gạo không biết mấy lần. Quang ăn ròng mì thì tinh thần tráng kiện, khí lực sung túc, tiếng nói to rõ. Ăn gạo chỉ no bụng, chứ không có hiệu quả như thế. So với sâm, lúa mạch có sức bổ dưỡng còn cao hơn gấp mấy lần. Kẻ có tiền uống sâm là vì không biết dùng tiền nên làm chuyện hao phí ấy, chứ không phải là nhân sâm thật sự có thể bồi bổ con người.

Thêm nữa, dầu mè đại ma[435] cũng bổ dưỡng cho con người; dầu mè tiểu ma do bị chưng cho đặc sánh lại nên sức bổ dưỡng mất đi một nửa, con người chỉ biết quý mùi hương, chứ thật ra đấy là mùi của dầu bị cháy. Hạt sen, quế viên, hồng táo, khiếm thực, ý mễ[436] đều có thể dùng để bồi bổ, há cứ phải cần tới huyết

---

[435] Nguyên văn "ma du" tức là dầu mè, do cách chế biến khác biệt mà chia thành hai loại:

1. Đại ma (dầu chưa tinh chế): Tức hạt mè đem ép lấy dầu bằng cối đá, loại bỏ xác mè. Loại dầu này có mùi thơm rất nhẹ, màu nhạt, gần như trong suốt, chủ yếu dùng để làm bánh.

2. Tiểu ma (dầu mè tinh chế, còn gọi là hương du): Mè được xay bằng máy nên xác mè gần như vụn nát. Dầu ép ra có chứa nhiều tạp chất (nhất là xác mè), nên phải tinh luyện bằng cách chưng nước nóng: Dầu mè thô được đổ vào một nồi đựng nước nóng 80 độ C để váng dầu nổi lên mặt nước, tạp chất chìm xuống đáy. Gạn lấy váng dầu ấy rồi tiếp tục đun nhẹ cho nước bốc hơi, dầu đặc lại. Loại dầu này rất thơm, màu sắc gần từ vàng trong cho đến vàng sậm, thường dùng để xào nấu.

[436] Quế viên (dimocarpus longan) còn gọi là long nhãn, á lệ chi, hay yến noãn. Vị thuốc nhãn nhục chính là phần thịt của loại nhãn này.

Hồng táo (ziziphus jujuba): Ta thường gọi là "táo Tàu", để phân biệt với táo Tây (bôm, apple). Trái to nhất bằng ngón chân cái, khi chín ngả dần sang màu đỏ nâu. Thường được phơi khô để dùng trong các toa thuốc bổ của Đông y với tên gọi là đại táo. Nhân của hạt táo này cũng được dùng để làm thuốc.

Khiếm thực (euryale ferox salisb), còn gọi là kê đầu, là một loại thực vật thuộc họ súng (có sách giảng khiếm thực chính là củ súng, nhưng căn cứ trên hình chụp và miêu tả, nó chỉ giống với hoa súng bên ta, chứ không hoàn toàn tương đồng). Phần củ thường mập ngắn, có rễ trắng, lá có hình thuôn tròn, màu xanh đậm, mặt dưới màu tía, nổi gân rất rõ, gần như hình trái tim, nổi trên mặt nước chứ không vươn khỏi mặt nước như lá sen. Kích thước của lá khá to, có lá to đến 1m3. Hoa sắc tía, thường nở vào

nhục mới bồi bổ được ư? Nói chung, sức bổ dưỡng đều chẳng lớn bằng lúa mạch. Nếu chẳng ăn được thì hãy nên ăn kèm, lâu ngày sẽ tự biết, mà cũng cảm thấy ăn ngon miệng được. Bài kệ về chuyện ăn trứng gà do kẻ dối trá bịa ra, chớ nên tin theo!

Trong pháp bảo dưỡng thân thể thì thứ nhất là quả dục (ít ham muốn). Nếu chẳng biết tốt xấu, mặc lòng phóng đãng, kỳ hạn chết sẽ đến, tiên đan cũng chẳng linh nghiệm. Dẫu không phóng đãng thì đối với vợ trong nhà, cũng phải nên nói rõ nguyên do bảo dưỡng thân thể, tạm ngưng ân ái một hai năm. Nếu không, hoặc nửa năm mới gần gũi một lần, hoặc một quý (ba tháng) mới gần gũi một lần. Nếu ngày ngày ăn nằm thì tinh tủy khô kiệt, làm sao không chết cho được? Người tiết dục sanh ra con cái thân thể mạnh mẽ, ít bệnh, dễ thành người. Kẻ đa dục hoặc chẳng thể sanh con do tinh lỏng, chẳng thể thụ thai. Dẫu có thể sanh ra con, chắc sẽ chết yểu. Dẫu cho chẳng chết yểu, cũng tàn tật, yếu đuối, không nên cơm cháo gì! Không biết ông đã cưới vợ hay chưa? Nếu chưa cưới, hãy nên thong thả rồi hãy cưới. Nếu đã cưới, quyết phải tạm thời đừng ở cùng một phòng để mong thân thể bình phục. Đấy lời thiết thực Quang nói với ông, ông khéo hiểu được ý Quang thì sẽ tự được phước thọ miên trường, con cháu phát đạt.

(Ngày mồng 6 tháng Giêng năm Dân Quốc 12 - 1923)

405. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết rõ hết thảy. Trong đời bây giờ chính là lúc ma vương ngoại đạo xuất thế, nếu trong đời trước chưa gieo thiện căn chân thật, kẻ có tín tâm sẽ đều bị lọt lưới ma hết, do lũ ma ấy đều có những pháp hiếm lạ quái dị nhất để mê hoặc, lay động lòng người. Năng lực của Giang Thần Đồng là do quỷ thần dựa vào thân, chứ không phải thật sự là thần đồng sẵn trí hiểu biết từ lúc mới sanh ra. Trước kia, một người bạn là ông Trương Chi Minh đưa cho tôi đọc lá thư kêu gọi chấm dứt chiến tranh của Giang Thần Đồng[437]. Tôi đã phê những chỗ không hợp lý trong lá thư ấy, sẽ chuyển đến cho ông. Đến khi Quang đã chỉ ra những khuyết điểm phi lý trong lá thư ấy, người bạn ấy không nhắc tới nữa.

---

khoảng hạ - thu, chỉ nở vào ban đêm, mỗi búp hoa có bốn cánh đài, rất nhiều cánh hoa, trông tựa tựa như hoa súng, nhưng đẹp hơn. Phần làm thuốc chính là phần củ. Đông y cho rằng khiếm thực có tác dụng bồi bổ thận tạng, khiến cho tinh dịch đậm đặc hơn, bổ tỳ, chống tiêu chảy. Vị thuốc này chủ yếu dùng chữa các chứng bệnh di tinh, hoạt tinh, bạch đái, tỳ hư, đi tiểu lắt nhắt v.v..

Ý mễ chính là ý dĩ (coix lacryma-jobi) là một loại cỏ, lá như lá cỏ tranh, có nhiều hạt nhỏ, màu trắng. Hạt ý dĩ thường được tin là có tác dụng bồi bổ bao tử, lợi tiểu, trị bệnh phong thấp, nhức gân, giải nhiệt v.v.. Nó thường được nấu chung với long nhãn, phổ (thổ) tai, sương sa (rau câu) v.v. thành một món giải nhiệt thường được biết với tên gọi sâm bổ lượng.

[437] Xin đọc "Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham" (số 128) trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2. Chi Minh là tên tự của Bá Nham.

Cái gì là Tông Giáo Đại Đồng Hội, gì là Thích-ca hóa thân, người có trí thức nghe nói sẽ biết ngay là ma vương hiển hiện chuyện lạ để mê hoặc mọi người, cần phải đợi hỏi ai nữa! Những "lão sư" trong Đồng Thiện Xã cũng ở tại Tứ Xuyên, phàm ai nhập hội đều phải bỏ tiền làm công đức, đến khi bỏ tiền ra thì bảo gởi đến Tứ Xuyên, tiền ấy do lão sư phân phối. Bất luận Đường Hoán Chương, bất luận Đặng Thiệu Vân[438] đi nữa, đều là phường yêu ma quỷ quái, dẫn hết thảy thiện nam tín nữ cùng hãm vào hầm sâu tà kiến.

Phật pháp đâu có dạy người luyện tinh - khí - thần! Bất luận loại ngoại đạo nào, hễ bỏ luyện đan vận khí đi thì chúng không còn đạo gì để nói nữa. Nếu người chân chánh tu pháp ấy thì cũng có thể kéo dài tuổi thọ, chứ liễu sanh tử thành Phật thì chính là nói mớ. Bọn họ trọn chẳng biết sanh tử là như thế nào, Phật là như thế nào, toàn rập khuôn nói nhăng nói càn để lừa nam nữ nhà người ta. Nếu là bọn tà dâm sẽ mượn những danh từ "khảm ly giao cấu, anh nhi xá nữ giao cấu v.v." để dụ những phụ nữ trẻ tuổi làm chuyện dâm ô. Lại còn coi điều ấy là truyền đạo; kẻ vô trí tuy bị ô nhục vẫn chẳng xem đấy là phi pháp, cho đó là "được truyền đạo", chẳng giống như vợ chồng những kẻ không theo đạo hành dâm. Buồn thay! Sao mà người đời mê muội đến thế?

Linh học[439] cầu cơ cũng chính là tác dụng của linh quỷ, cũng có khi chân tiên giáng đàn, nhưng trong trăm ngàn trường hợp chỉ được một hai, còn thường thì là linh quỷ mạo danh, trọn chớ nên tưởng đó là thật. Trong Văn Sao, Quang cũng đã nói đại lược rồi. Đạo đức của Giang Thần Đồng cũng là do cầu cơ mà có, cũng là cùng một kiểu thối tha như Linh Học Hội[440]. Người học Phật chớ nên dự vào loại hội ấy, nhưng người học Phật hiện nay có bao nhiêu kẻ nương theo Phật pháp mà biết Phật pháp? Do vậy, hễ nghe nói những chuyện quỷ quái, lạ lùng, đặc biệt của bọn chúng bèn như chim kiến xúm xít, ếch nhái góp giọng gây náo nhiệt mà thôi. Đáng than hết sức!

---

[438] Đây là những chức sắc trong Đồng Thiện Xã hoạt động truyền giáo mạnh mẽ ở Hoa Nam thời ấy.

[439] Linh học (Spiritualism) là một thứ phong trào thịnh hành ở châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 tin vào sự cầu đồng (séance), xoay bàn cơ (ouji board) để giao tiếp với cõi âm. Khi qua Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, nó được pha trộn với tín ngưỡng cầu tiên giáng đàn (cơ tiên, thường được gọi là thiện đàn) để hỏi đạo, xướng họa thơ văn, tạo ra những giáo phái pha trộn lung tung những giáo thuyết của tam giáo và thường xưng là "tam giáo đại đồng, hòa đồng tôn giáo, Phật giáo chánh truyền, cơ phổ độ mới, phổ độ kỳ ba v.v.".

[440] Linh Học Hội nói ở đây chính là Thượng Hải Linh Học Hội, do các ông Dương Tuyền, Du Phúc, Lục Phí Quỳ, Đinh Phước Bảo, Nghiêm Phục v.v. sáng lập, xuất bản tờ Linh Học Tùng Chí để làm cơ quan tuyên truyền. Ngoài phương thức cầu cơ (phò loan) theo hình thức cổ truyền của Trung Hoa, họ còn áp dụng kỹ thuật cầu đồng bằng bàn xoay, lên đồng, và vận dụng tâm lý học, yêu quái học (demonology), thuật thôi miên, chụp ảnh bóng ma v.v. theo kiểu Tây Phương, nhằm nghiên cứu những hiện tượng tinh thần một cách "khoa học" để giải quyết những băn khoăn về thế giới bên kia.

Lệnh hữu là ông Vương bị lậm ma đã sâu, ví như con chó ăn phân bảo là vô thượng mỹ vị. Ông ta trọn chẳng biết Phật cũng là vì thiếu chánh tri chánh kiến, một mực như con chó tìm phân, như nhặng bu theo hơi thối, như kiến tìm đến chỗ tanh tưởi, gọi đó là học Phật, thật ra là học ma! Những kẻ xuất gia hiện thời có bao nhiêu kẻ biết Phật pháp, cũng thường học luyện đan, vận khí, cầu cơ v.v.. Cái thuyết "chỉ khiếu" (tức chỉ những huyệt quan trọng trên thân để luyện đan vận khí - chú thích của người dịch) chính là cái gốc để mê hoặc con người nhiều nhất. Nếu gặp phải phụ nữ trẻ tuổi, đa phần bị những kiểu cách ấy làm loạn, tội ác cực nặng. Tà chánh chẳng thể đứng chung, chánh pháp rạng ngời thì tà pháp tự bị tiêu diệt. Nay dòng giống ma trọn khắp thiên hạ, cũng là do đồng phận ác nghiệp của chúng sanh cảm nên.

Tịnh tọa nên đề khởi tinh thần, lắng lòng niệm Phật; nếu chẳng đề khởi tinh thần, hễ tịnh liền ngủ gục. Đấy là căn bệnh chung của chúng sanh. Chuyện quyên góp tu bổ cây hương nơi đại điện của Tử Trúc Lâm chính là do kẻ ăn uống, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc không có vốn liếng nên làm chuyện ấy, mượn tiếng sửa sang Phật điện làm kế gạt tiền. Đấy là chủng tử địa ngục A-tỳ. Đại điện của Tử Trúc Lâm đã hoàn bị, cần gì phải sửa chữa? Ông hãy nên nhất tâm trì giới niệm Phật, mặc cho ma vương ngoại đạo hiển hiện bất cứ bản lãnh ma mãnh gì cũng đều chẳng quan tâm đến thì sẽ chẳng bị lũ ma lôi vào ma đảng.

Trước tháng 6 gởi thư đến thì được, sau tháng 6 chớ nên gởi thư tới, vì ông Thí Tỉnh Chi phát tâm tu bổ chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu (do Quang khuyên nhủ, phát khởi, nên Quang phải đến đó). Đấy chính đạo tràng của đại sư Tề (Tư Tề Thật Hiền Tỉnh Am), tức vị tổ thứ 11 trong Liên tông. Họ cần Quang đến đấy để lo liệu bàn bạc. Chưa đầy mười hay hai mươi hôm sau, lại phải tới chùa Pháp Vân ở Nam Kinh, do chùa Pháp Vân được thành lập, ông Ngụy Mai Tôn cần Quang tới đấy, cho nên có thể sớm hay muộn sẽ theo Quang qua Nam Kinh. Ở đấy cũng chưa đầy mười hay hai mươi hôm, sẽ từ Nam Kinh đến Dương Châu để sắp xếp chuyện ấn tống Văn Sao. Văn Sao đã khắc xong, hễ in ra sách lại sắp chữ riêng bản khác. Đã có mấy người bạn chịu trách nhiệm in một vạn bộ, ước chừng nửa sau tháng 9 sẽ có thể về đến Phổ Đà. Nếu không, đầu tháng 10 ắt về đến, do khí trời chớm lạnh, ở bên ngoài chẳng tiện.

(Ngày 21 tháng 4 năm Dân Quốc 12 - 1923)

406. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ ba)

"Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác; vâng giữ các điều lành", nếu muốn học Phật đạo để thoát phàm

tục mà chẳng chú trọng nơi bốn câu ấy sẽ như cây không rễ mà mong tươi tốt, như chim không cánh mà mong bay cao. *"Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật"*, phàm phu sát đất muốn liễu sanh tử ngay trong đời này nếu chẳng y theo bốn câu này thì sẽ thành "không nhân mà muốn có quả, chưa gieo đã mong gặt hái", muôn vàn chẳng có lẽ ấy. Nếu toàn thân có thể gánh vác tám câu này, chắc chắn khi còn sống có thể dự vào bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Xin ông hãy gắng lên!

407. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tư)

Nhận được thư và bưu phiếu 20 đồng, chẳng thất lạc, xin ông hãy yên tâm. Tôi quả thật muốn cho mọi người xem bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh rồi sẽ sanh lòng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, chứ không phải chỉ nhằm mục đích quyên mộ mà thôi! Ông trên có mẹ già, dưới có quyến thuộc, hãy nên siêng năng dốc sức chăm lo cửa tiệm. Nói tới chuyện tu trì thì tùy theo thân phận của từng người, nếu thân không rảnh rỗi thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, đọc đôi chút kinh sách Tịnh độ là được rồi. Vì thế chẳng cần phải đi sang nơi khác xa xôi để mong tịnh tu. Nhà ông có cửa tiệm, chủ tiệm chẳng ở tại nhà, chắc người hầu sẽ làm chuyện sai quấy (cờ bạc, ngủ lang v.v.), hoặc không chừng tiểu nhân sẽ thừa cơ trộm cắp. Ông đừng mang tâm cao xa, muốn làm vị cư sĩ đại thông gia! Chỉ nên nhất tâm niệm Phật và vào ban đêm ở trong nhà khuyên mẹ và quyến thuộc cùng niệm.

Ông biết sanh tử là chuyện lớn, vô thường mau chóng, sao chẳng nghĩ mẹ ta đã già, dám không dùng nhiều cách khuyên nhủ để mẹ cùng niệm Phật với ta, cũng như quyến thuộc đều cùng niệm Phật? Một là để làm vui lòng mẹ, hai là nếu một người niệm thì người chưa sanh lòng tin liền cảm thấy chẳng có hứng thú gì, nhưng do nhiều người niệm liền cảm thấy hứng thú. Lúc rảnh rỗi, đem Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, những điều hợp với kẻ sơ cơ trong bộ Văn Sao của Quang để giảng tường tận cho mẹ và các quyến thuộc. Nếu mẹ có thể sanh được lòng tin cầu sanh Tây Phương thì hiếu thuận chi hơn. Lại xin ông đừng đến chùa X…, hãy ở trong tiệm, trong nhà, tùy phận tùy sức tu trì thì sẽ có ích lợi, không gây tổn hại cho chính mình, mà còn có thể khiến cho mẹ và các quyến thuộc cũng như những kẻ hầu được huân tập lâu ngày sẽ dần dần gieo thiện căn. Nếu chẳng y theo lời tôi thì đối với thế gian lẫn xuất thế gian đều phạm lỗi ngỗ nghịch, sợ rằng lâu ngày sẽ có chuyện lo nghĩ ngoài ý muốn. Ông nên biết tốt xấu, đừng mặc tình theo ý mình, không sửa đổi!

Đối với 20 đồng ông đã gởi, đợi đến tháng 8 khi Quang sang Kim Lăng (Nam Kinh) sẽ cầm theo để giao. Ông nói đến bà cụ ăn chay, ông đã đọc Văn Sao của

Quang rồi đó: Nếu cụ có thể đến Phổ Đà thì cũng được; không đến càng tốt, khỏi bị khổ sở và hao tốn tiền tài. Quán Âm Bồ-tát tùy theo lòng cảm mà ứng hiện trọn khắp pháp giới, cúng dường lễ bái ngài trong nhà cũng giống hệt như lễ bái cúng dường ngài tại Phổ Đà. Cần gì phải đi xa đến tận Phổ Đà mới là "triều lễ" ư? Hãy nên đưa Tịnh Nghiệp Chỉ Nam cho bà ta xem. Pháp tắc dụng công niệm Phật trong Văn Sao đã nói đầy đủ. Dẫu gặp mặt Quang thì cũng chẳng qua là vẫn nói những lời ấy mà thôi, há nào có một bí quyết truyền dạy riêng tư nào đâu? Có bí quyết truyền dạy riêng tư tức không phải là Phật pháp, mà chính là ma vương ngoại đạo.

Bọn ma vương ngoại đạo kia hễ động đến là cả ngàn cả vạn, đều do mánh lới "có bí quyết truyền dạy riêng tư", và ai muốn nhập môn thì trước hết phải phát lời thề độc địa. Dùng mánh lới ấy để mê hoặc ngu phu ngu phụ cùng hãm vào hầm tri kiến lầm lạc sâu vạn trượng, không thể thoát ra được. Buồn thay! Phàm những ai có lòng tin đều nên nương theo Văn Sao để niệm Phật, sẽ liền có thể tùy duyên độ sanh vậy.

408. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ năm)

Tháng 10 năm ngoái, tôi đến Nam Kinh, gặp đúng lúc bạn bè là Ngụy Mai Tôn và Vương Ấu Nông v.v. mua đất làm đạo tràng phóng sanh. Họ bàn bạc vừa xong, Quang liền đưa 100 đồng của ông Đặng Khế Nhất để giúp sức. Bọn họ lôi kéo Quang làm người phát khởi, bảo Quang viết lời sớ, một là để quyên mộ, hai là để khuyên khắp hết thảy mọi người kiêng giết, phóng sanh. Mai Tôn cho khắc in để phổ biến lưu truyền, có ai chịu phát tâm trợ duyên thì cũng tốt, chẳng trợ duyên mà chịu nghe theo lời sớ ấy để kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì cũng tốt. Hiện nay đạo tràng ấy đã hoạt động, đặt tên là Pháp Vân Tự, do phỏng theo ngài Vân Thê niệm Phật phóng sanh mà đặt tên như vậy.

Ông Mai Tôn đã 62 tuổi, làm quan Hàn lâm đời Thanh trước kia, phẩm hạnh đoan chánh, ngay thẳng, từ thời Dân Quốc trở đi, không ra làm việc nữa. Từ năm trước sau khi quen biết với Quang rồi, liền ăn chay trường niệm Phật. Do ông ta thấy hiện thời nạn đao binh, nạn thổ phỉ, thiên tai liên tục giáng xuống đều do sát nghiệp cảm vời, nên cực lực đề xướng chuyện kiêng giết, phóng sanh để mong vãn hồi sát kiếp. Pháp Vân Tự hiện đã cất được năm gian liên xã và ba gian ở bên cạnh, lại còn đào một cái ao lớn, hai cái ao nhỏ và còn có một cái ao lớn nữa chưa vét. Hiện thời đã dùng tới một vạn hai ba ngàn đồng. Chuyện sửa chữa đại điện v.v. còn đợi bậc đại từ thiện có đại tài lực giúp cho thành tựu.

Nay gởi cho ông mười tờ sớ, nếu ai chịu phát tâm trợ duyên thì tùy theo sức của từng người mà giúp. Khoản tiền đóng góp gởi về cư sĩ Ngụy Mai Tôn ở xóm Cao Cang thuộc cửa Nam thành Nam Kinh thu nhận. Ông ta nhận được, sẽ gởi biên lai tới. Cơ sở của hội ấy đặt tại am Quán Âm ở ngõ Dương Bì, Nam Kinh, vị trụ trì là sư Diệu Liên, vị đương gia là Tâm Tịnh. Pháp Vân Tự cũng thỉnh hai vị ấy làm trụ trì và đương gia. Cụ Phùng Mộng tuổi ngoài 70 chính là Phùng Mộng Hoa, thầy của ông Mai Tôn, đỗ thám hoa, hiện nay ở nhà không tham chánh, chuyên đề xướng sự nghiệp từ thiện. Vương Ấu Nông cùng quê với Quang, thời Dân Quốc làm Đạo đài huyện Cao Lôi tỉnh Quảng Đông, sau thăng làm Đạo đài huyện Mân Hải. Nghe Tôn Văn muốn độc lập nên vào mùa hè năm Dân Quốc thứ sáu (1917) liền xin nghỉ. Bàng Tánh Tồn làm Tri sự mấy nơi thuộc tỉnh Thiểm Tây, con người ăn ở khá có hậu, tánh từ thiện.

Pháp Vân Tự chỉ chú trọng niệm Phật, không thế độ, không phó pháp, không truyền giới, không làm kinh sám. Nếu thí chủ đến chùa niệm Phật, tham gia niệm Phật thất thì chấp nhận. Chương trình ấy đều do Quang lập ra. Mai Tôn hết sức muốn cho con người kiêng giết phóng sanh nên phàm những lời lẽ khuyên kiêng giết phóng sanh trong bộ Vân Thê Pháp Vựng đều tập hợp lại thành sách, đặt tên là Vân Thê Giới Sát Phóng Sanh Vựng Lục, đã cho khắc ván rồi. Bài sớ của Quang cũng được in kèm vào đó, khi được in ra sẽ lưu thông rộng khắp. Phòng lưu thông kinh sách của ông cũng nên thỉnh sách ấy về để lưu thông. Phóng Sanh Sớ khắc in ra xong, có một người bạn ở Sơn Đông xin đăng trên tờ Sơn Đông Báo (Mai Tôn gởi thư cho biết chuyện này), một người bạn ở Bắc Kinh cho in lại ở Bắc Kinh. Bản khắc gỗ của Vân Thê Giới Sát Phóng Sanh Vựng Lục được cất giữ ở am Quán Âm ngõ Dương Bì. Nơi ấy cũng là chỗ lưu thông kinh Phật.

409. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ sáu)

Lá thư gởi lần trước chắc ông đã nhận được rồi. Tháng 8 năm nay Quang đến Thượng Hải. Các vị Phùng Mộng Hoa v.v. muốn lập thêm một viện mồ côi trong đạo tràng niệm Phật phóng sanh đã tậu trong năm ngoái. Do trong năm ngoái lúc bọn họ tậu miếng đất ấy, nhằm đúng dịp Quang đến Nam Kinh, bọn họ liền lôi kéo Quang tham dự. Năm nay bọn họ tính lập viện mồ côi, cũng lôi Quang vào đấy. Hôm trước họ đã gởi năm cuốn sổ quyên góp tới Phổ Đà, mong Quang đứng ra khuyên người trong núi quyên tặng. Quang là khách sống tại Pháp Vũ, chẳng thể nhắc đến chuyện quyên mộ, do vậy đem gởi cho bạn bè ngoài đời. Nay đem một cuốn gởi cho ông, xin ông cùng với Dương Chấn Nhân, Trần Đắc Lộc v.v. cùng tùy sức giúp quyên mộ và đối với những bạn bè có thể nói chuyện này thì cũng nên khuyên họ tùy duyên vui vẻ giúp đỡ.

Nếu có thể góp thành một khoản tiền lớn thì cũng hay. Nếu không, ắt cũng được trên trăm đồng. Khi đóng góp kha khá sẽ từ Hạ Môn gởi thẳng sang Quảng Nhân Thiện Đường ở ngõ số 1 phường Quảng Nhân, đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải (nơi này chính là một viện từ thiện do Thịnh Hạnh Tôn Cung Bảo một mình lập ra, cụ Phùng Mộng Hoa làm hội trưởng, ban trù tính kế hoạch lập viện mồ côi được lập nơi đấy. Dư Trĩ Liên chuyên lo giữ sổ sách kế toán. Người trong viện từ thiện nhiều, dẫu cho ông ta bận việc, những người khác sẽ đều có thể thay ông ta lo liệu, quyết chẳng đến nỗi thất lạc), giao cho tiên sinh Dư Trĩ Liên thu nhận. Khi ông ta nhận được sẽ gởi biên lai. Sổ quyên góp cũng nên để trong một gói khác chung với thư gởi cho ông Dư Trĩ Liên. Lại nên gởi cho Quang một bức thư để Quang được biết rõ. Quang một mực chẳng muốn làm chuyện này, nay bị các cụ ấy lôi kéo cũng chẳng biết làm sao! Chỉ có thể tùy duyên tùy phận để giúp đề xướng.

Phùng Mộng Hoa tên là Hú, thám hoa xuất thân, từng làm Phủ đài (Tuần phủ) tỉnh An Huy, từ thời Dân Quốc nhất quyết không tham chánh, chuyên lo hoạt động từ thiện. Tuổi đã 81, nhưng rất mạnh khỏe. Ngụy Mai Tôn tên là Gia Hoa, từng làm quan Hàn lâm đời Thanh, từ thời Dân Quốc cũng không tham chánh, ăn chay trường niệm Phật. Chuyện Pháp Vân Tự hoàn toàn do ông ta lo liệu, tuổi đã 62. Diệp Nhĩ Khải tự là Bá Cao, cũng từng làm quan Hàn lâm, cũng ẩn cư niệm Phật. Quan Quýnh, tự là Quýnh Chi, làm quan Hội thẩm ở Thượng Hải, ăn chay trường niệm Phật. Diêu Dục, tự Văn Phu, làm quan giám đốc Hải quan (sở quan thuế), cũng ăn chay trường niệm Phật. Hoàng Khánh Lan, tự Hàm Chi, làm Đạo doãn ở Cối Kê, cũng ăn chay trường niệm Phật. Vương Chấn, tự Nhất Đình, cũng ăn chay trường niệm Phật, không chuyện từ thiện nào ở Thượng Hải ông ta chẳng góp sức. Những vị ấy đều muốn nhân tâm thế đạo được vãn hồi, nên miệt mài khăng khắng tiến hành, tận tâm nơi nghĩa cử vậy!

410. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ bảy)

Nhận được thư, biết cảnh ngộ và sự lưu thông kinh sách gần đây đều chẳng tốt đẹp. Trong lá thư trước, do ông cho biết ông đứng ra lưu thông nên tôi bảo ông thỉnh Văn Sao. Đã chẳng thể lưu thông thì không cần phải thỉnh, Quang há ép buộc ông làm ư? Gia Ngôn Lục được in lần trước sai ngoa thật nhiều, lần này sẽ đích xác, nhưng chưa được sắp chữ vì cần phải sắp chữ Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú cho hoàn tất. Bạch Thoại Chú trước đây vốn được sắp theo cỡ chữ lớn, do người muốn thỉnh quá nhiều, không có sức để lưu thông rộng khắp, nên sắp xếp riêng một bản theo cách thức ấn loát của bộ Văn Sao cho đỡ tốn kém. Tác phẩm

này do một đệ tử là Hoàng Hàm Chi biên soạn, ông này chính là Hoàng Khánh Lan tác giả cuốn Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam.

Sách in lần trước đã không còn, in lần này còn chưa ra sách. Khi sách được in ra sẽ gởi tới cho ông, đừng lo! Hai loại sách này đều cho in trước một vạn cuốn, cho làm bốn bức chỉ bản để mong lợi ích khắp hết thảy. Ông chỉ cần đọc kỹ Văn Sao, gắng sức hành điều lành trong thế gian, kiêm tu tịnh nghiệp, sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu chẳng giữ khuôn phép, ăn uống, nhậu nhẹt, phóng đãng, cờ bạc, và làm đủ thứ âm mưu này nọ giống như gã X… thì khi còn sống đã là tội nhân trong vòng trời đất, chết đi sẽ làm quỷ trong ngục vua Diêm-la. Chẳng những cô phụ ân Phật, mà còn phụ ân cha mẹ dưỡng dục nữa. Đó gọi là "sống uổng chết phí, vô ích cho đời, tổn hại cho mình", chẳng đáng buồn sao? Nếu có thể y giáo phụng hành thì sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, niềm vui sướng ấy không có gì ví dụ được. Ông đã coi tôi là thầy, tôi chẳng thể không nói kỹ càng lẽ lợi hại, được mất để trọn hết thiên chức, bổn phận của tôi. Xin ông hãy sáng suốt suy xét thì may mắn thay!

411. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tám)

Niệm kinh mà chẳng thể nhớ được thì hãy chí thành niệm Phật, hễ rảnh rỗi bèn chí thành lễ bái, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, tâm thức sẽ sáng suốt, chẳng những có thể ghi nhớ mà còn dễ lãnh hội nữa. Ông bận bịu nhiều việc, không rảnh rỗi để xem thì hãy đọc Văn Sao và kinh sách Tịnh độ tông, chứ không cần phải đọc khắp kinh sách của những tông khác. Chí thành khẩn thiết niệm Phật chính là đường tắt bậc nhất để liễu sanh tử, chớ nên không sốt sắng!

Bộ Văn Sao được khắc in lần này chẳng thể thỉnh để lưu thông trong năm nay được, vì in ra 600 bộ để biếu tặng thì trong một lúc chẳng thể in được. Tàng kinh viện còn chưa định giá. Thỉnh trong khoảng xuân - hạ năm sau thì được, nhưng Thương Vụ Ấn Thư Quán đã sắp chữ bản khác được một nửa rồi, năm nay chẳng in ra sách thì tháng 2 năm sau chắc chắn in được, hãy nên lưu thông sách ấy. So với bản khắc gỗ, sách in lần này nhiều hơn sáu bảy chục bài. Cỡ chữ và cách sắp xếp từng hàng thông thoáng giống như trong lần in trước, nhưng mỗi hàng tăng thêm năm chữ, mỗi trang dôi ra hai hàng, vẫn chia thành hai cuốn. Mỗi cuốn có một trăm năm mươi, sáu mươi trang, ước chừng một đồng sẽ thỉnh được hai bộ. Nếu muốn lưu thông, nên thỉnh nhiều sách in lần này sẽ đỡ tốn tiền mà dễ gởi đi.

Như gã họ X… kia chính là ma vương thừa nguyện tái lai, phá diệt Phật pháp. Hắn đã đả phá bài xích hết thảy các tông, các kinh, các luận, chẳng cần hỏi cũng biết hắn là ma vương ác tặc vào trong pháp của ta để phá hoại pháp ta, cần gì phải

hoài nghi nữa. Ông đã nói hoài nghi thì biết là trong tâm ông vẫn cho rằng "những lời gã ác tặc ấy nói chắc cũng không sai, có thể nương theo đó để tu trì được", tri kiến của gã ấy hèn kém chẳng thể kham nổi. Ví như ác tặc tuốt đao dựng cờ, nói là "bảo vệ, che chở địa phương", mà còn có kẻ đã cầu thỉnh khẩn thiết sẵn, xin được từ nay trở đi nương tựa vào hắn, chẳng biết hễ hắn vào nhà ta sẽ tấn công ta, sẽ bức đuổi ta phải bỏ nhà chạy đi; nếu không, sẽ liền bị sát hại. Gã X… nọ chính là kẻ muốn làm cao nhân bậc nhất trong thiên hạ từ xưa đến nay, cho nên mới tự xưng như thế, khiến cho những kẻ chẳng trọng thực hành, chuyện gì cũng đều là nói suông, liền xúm theo như kiến bu, ruồi đậu. Đủ thấy người học Phật hiện thời rất ít kẻ có chánh tri kiến! Nếu có chánh tri kiến thì gặp kẻ như vậy còn chẳng chịu ngó tới, huống là chịu học theo ư? Kẻ ấy tham sân si có thể nói là trong đời không có người thứ hai! Kẻ có chút tri kiến không ai chẳng thấy hắn là ác ma.

Học trò tôi là Y… ở nơi hắn ba năm, ông ta vẫn niệm Phật. Lúc mới tới, gã X… cực lực quở trách không chấp nhận, ông ta bèn cực lực phản đối vặn ngược lại, gã X… ấy chẳng làm sao được, để mặc cho ông ta niệm không hỏi tới nữa. Phật, Bồ-tát được thờ ở nơi hắn đều là những vị được tôn thờ trong tông nọ, nhưng suốt năm chẳng thắp một nén hương, suốt năm chẳng lễ một lần. Xem kinh cũng giống như đọc kịch bản, trọn chẳng cung kính. Những trước tác của cổ nhân hễ không hợp với mình liền bảo ngay là "thả rắm". Đã thế tâm tham không nhàm chán, do nhân duyên khắc toàn bộ Đại tạng bèn quyên góp tiền tài của khắp những người có tín tâm nhưng mù quáng. Hạng người như thế sẽ bị sét đánh; nếu sét không đánh, Phật pháp sẽ bị hắn diệt mất! Biết làm sao được?

412. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ chín)

Đã gọi là người học Phật, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn dùng lòng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, phổ độ hết thảy. Con người như thế tức là thiện nhân, là người khéo học Phật, chính là đệ tử chân thật của đức Phật. Như ông X… ngỗ nghịch bất hiếu, ôm lòng hiểm ác, bề ngoài tuy học Phật, nhưng trong tâm trái nghịch Phật, người ấy nếu lúc sống chẳng gặp phải tai ương ngang trái, chết đi cũng nhất định sẽ đọa lạc, cần gì phải nhắc tới? Những kinh nghiệm thực tế về niệm Phật há chẳng thể khuất phục được lời lẽ gièm siểm của kẻ sùng bái khoa học ư? Sao ông không đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục? Những kinh nghiệm thực tế khi lâm chung của những vị được nhắc đến trong bộ sách ấy nào cấm ai bàn luận? Người bàn luận Phật pháp hiện thời do cớ gì phải bỏ những kinh nghiệm thực tế ấy để rồi than

thở suông "phải chịu bó tay"? Đúng là ôm giữ *dạ minh châu,* uổng công tự hận tăm tối, chẳng đáng buồn sao?

Năm ngoái, Quán Âm Tụng đã quyên mộ được tám vạn bộ. Do đã lâu không nghe tin tức gì nơi ông, sợ ông đã thoái chí rồi nên cũng không bảo ông đứng ra chịu trách nhiệm. Tăng Quảng Văn Sao đã in ra, còn chưa đóng bìa xong (Tiền công sắp chữ ở Thượng Hải phải bỏ ra thêm 600 đồng nữa, mỗi bộ giá phải đến 8 cắc. Nếu dùng chỉ bản đã có sẵn để đúc bản kẽm thì mỗi bộ giá 5 cắc. Thượng Hải đòi thêm 1.200 đồng. Quang ước tính với 12.000 bộ sách đều định giá mỗi bộ là 6 cắc thì người thỉnh lẫn Quang đều chẳng bị thiệt thòi. Công sắp chữ, tạo chỉ bản phải tốn thêm 75 đồng nữa, cứ mỗi cuốn phải tốn thêm 1 cắc 1 xu; ở Hàng Châu mỗi cuốn là 8 xu, nên in ở Thượng Hải 5.000 bộ, in ở Hàng Châu 30.000 bộ).

Trong tháng 8, Thượng Hải in 2.000 bộ đã giao xong, Hàng Châu in 10.000 bộ, ngoài số sách đã giao cho người đứng in ra, còn được ba nghìn mấy bộ để kết duyên. Vì thế, bảo họ gởi cho ông Vương Chửng Bang ở Hạ Môn 30 gói, bảo phân phát 4 gói Thọ Khang Bảo Giám cho các ông, ước chừng trong tháng này hay tháng sau sẽ có thể gởi tới. Nếu ông muốn thỉnh để lưu thông thì mỗi bộ là 6 cắc, bưu phí tính riêng. Nếu muốn thỉnh bao nhiêu hãy gởi thư cho biết.

Lại còn có Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú (hai loại này đều mỗi tựa sách chỉ gồm một cuốn, ước chừng 1 cắc 5 hay 6 xu mỗi cuốn, do còn chưa sắp chữ xong nên chẳng biết số trang thật sự là bao nhiêu) đều có thể trong vòng năm nay hay năm sau in ra sách. Gia Ngôn Lục chính là những nghĩa trọng yếu được trích từ Văn Sao rồi chia môn phân loại, biên tập riêng thành sách để xem đọc những điều cần yếu một cách nhanh chóng. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú do Hoàng Hàm Chi biên soạn, khá rõ ràng, có lợi cho sơ cơ. Hai thứ sách này mỗi cuốn tôi cho làm bốn bức chỉ bản để mong sách được phổ cập.

413. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ mười)

Ngày 26 tháng 4, Quang từ Dương Châu trở về Thượng Hải, thấy Quế Viên (Long Nhãn) và hương được gởi đến, cám ơn lắm. Tuy bản thảo Quán Âm Đại Sĩ Tụng đã được gởi tới, nhưng vẫn cần phải giảo chánh tường tận thì mới cho in được, sợ rằng năm nay chưa thể ra sách được. Sổ quyên mộ cho viện mồ côi cứ tùy duyên mà làm, quyên được nhiều cũng tốt, quyên ít cũng không sao. Nếu chẳng thể giúp được, cứ gởi sổ trả lại cũng không sao cả. Với hết thảy mọi chuyện, Quang đều tùy duyên, trọn chẳng dấy tâm phân biệt là nhiều ít, có hay không. Thầy Chân Đạt bảo tôi gởi lời hỏi thăm ông. Cư sĩ Vưu Tích Âm còn chưa làm

gì, chẳng bao lâu sẽ xuống miền Nam, vẫn chưa định được địa chỉ cư trú. Đợi khi nào ông ta tiến hành cho Quang rồi, sẽ gởi thơ đến ông. Đang trong lúc thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống này, hãy nên phát lòng thành niệm Phật để mong được che chở, ngõ hầu chẳng phụ thời khắc tốt đẹp này. Nếu không, sẽ giống như vào trong biển cả, đã không có hoa tiêu, lại không có kim chỉ nam, muốn chẳng chìm đắm há có được chăng?

414. Thư trả lời cư sĩ Cố Đức Cốc

Khổng tử coi "cách vật trí tri" là cái gốc của thành ý chánh tâm. Trình - Chu hiểu lầm chữ vật là sự vật trong thiên hạ, chẳng biết chữ vật ấy vốn chỉ cho những tư dục chẳng hợp lẽ trong lòng người, chứ không phải là vật bên ngoài. Do tâm có những tư dục chẳng hợp lẽ nên tri kiến chẳng chánh, đúng đúng, sai sai đều chẳng thích đáng. Như gã yêu vợ yêu con, dẫu vợ con hắn chẳng tốt, hắn vẫn luôn cảm thấy là tốt đẹp. Do chánh trí bị tư dục chướng lấp nên trở thành lệch lạc, tà vạy. Nếu trừ bỏ được lòng yêu thương mù quáng ấy thì những điều không tốt đẹp của vợ con sẽ tự nhiên biết rành thấy rõ. "Cách vật trí tri" (trừ khử vật dục trong tâm để sự thấy biết được thông suốt đến tột cùng) thì mới có thể thành ý chánh tâm, tuy là kẻ chẳng biết một chữ nào vẫn có thể làm được. Nếu hiểu như Trình - Chu, "cách vật" là thúc đẩy tri thức của ta đến mức thấu hiểu tột cùng trọn hết cái lý của sự vật trong thiên hạ thì "trí tri" trở thành cái gốc của "cách vật"; như vậy thì trong cõi đời hiếm được mấy ai có thể "cách vật". Đừng nói kẻ bình thường chẳng làm được, dẫu là bậc thánh nhân cũng không thể làm được. Đã không do "cách vật" thì thành ý chánh tâm do đâu mà có? Vì thế, Trình - Chu bình thường chỉ nói "chánh tâm, thành ý", chẳng nói tới "trí tri cách vật", tức là coi cội gốc là cành nhánh, lấy cành nhánh làm cội gốc, đảo lộn cách thực hiện pháp "trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, bình thiên hạ" của thánh nhân, đến nỗi thế giới loạn lạc, không có cách nào giải quyết. Nếu kẻ vì đất nước tâm chẳng có tư dục không hợp lẽ thì cái gốc tàn sát lẫn nhau đã không có, từ đâu mà còn có tàn sát chẳng có lúc nào ngơi nữa đây? Quang nói lời này, chẳng biết ông có cho là đúng hay không? Nếu ông vẫn chẳng thể hiểu rõ, xin hãy chí thành niệm Phật, sau này ắt sẽ chẳng thấy lời Quang là sai lầm.

Đang bị bệnh sốt rét thì trước đây Quang có một cách trị, không ai chẳng được trị lành; hiện thời có một đệ tử nằm mộng thấy một cụ già dạy viết năm chữ "ngược tật điều lý hoàn" (瘧疾調理丸) trên một tờ giấy trắng. Chừng một tiếng đồng hồ trước khi bệnh chưa phát ra, hãy đốt tờ giấy ấy hòa vào nước sôi, uống vô liền khỏi. Làm như vậy để kẻ vô tri khỏi vứt bỏ giấy có viết chữ, cách trị này cũng cực linh nghiệm. Hãy nên nói với hết thảy mọi người.

415. Thư trả lời cư sĩ Kim Chấn Khanh

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Ông đã do Văn Sao mà biết Phật pháp, theo đuổi tu trì, đấy chính là quy y, chẳng cần "phải làm lễ quy y thì mới là quy y"; đừng nghĩ không làm lễ quy y thì chẳng được gọi là quy y. Chỉ mong ông theo đuổi đến tận cùng, đừng thay đổi giữa chừng, đấy chính là "chân quy y". Hơn nữa, cần gì phải mỗi ngày đảnh lễ Bất Huệ? Nếu thay vì lễ Bất Huệ, hãy lễ Phật thì đôi bên đều được lợi ích lớn lao!

Chuyện giấy vàng bạc tuy không phát xuất từ kinh Phật, nhưng nguồn gốc của nó đã quá lâu. Ông Phạm Cổ Nông tuy chẳng biết nguồn gốc, nhưng lời ông ta bàn về chuyện đốt giấy vàng bạc vốn thuận theo lẽ trời, tình người, há nên tự cậy thông minh, chẳng cho là đúng? Xưa kia, Quang đọc Pháp Uyển Châu Lâm, quên mất là trong quyển số mấy, có hai ba trang nói tới chuyện giấy vàng bạc (ở đây là kim ngân (giấy vàng, giấy bạc)) và đốt quần áo, vật dụng (ở đây chính là loại vải lụa trong đồ mã). Bài văn ấy do quan Trung thư lệnh[441] Sầm Văn Bổn đời Đường ghi lại cuộc vấn đáp giữa thầy ông ta và một viên quỷ quan (quan cõi âm). Hình như người ấy là Lục Nhân Thiến[442], thoạt đầu chẳng tin Phật và quỷ thần;

---

[441] Trung thư lệnh là một chức quan đã có từ thời Tây Hán. Thoạt đầu chức quan này chuyên đảm trách việc quản trị, sao chép, lưu giữ hồ sơ, văn kiện của hoàng đế trong cung cấm, nên chỉ do các hoạn quan (thái giám) đảm nhiệm. Đến đời Đường, Trung thư lệnh trở thành một chức quan rất quan trọng, ngoài trách nhiệm quản thủ công văn, chiếu chỉ của hoàng đế, còn chủ trì những cuộc thảo luận quyết định chánh sách, đồng thời đóng vai trò cố vấn về nội trị, đối ngoại cho nhà vua. Công việc của Trung thư lệnh do cơ quan Trung thư tỉnh đảm nhiệm, đứng đầu bởi Tể tướng (chức danh Tể tướng cũng được gọi là Trung thư lệnh, và để phân biệt, các quan trực thuộc Trung thư tỉnh dưới quyền Trung thư lệnh được gọi là Trung thư giám). Nói cách khác, Trung thư tỉnh giống như một hội đồng cố vấn kiêm nhiệm nội các cho Tể tướng. Về sau, chức vụ Trung thư lệnh mất dần thực quyền, chỉ trở thành tước vị danh dự để gia phong cho các đại thần. Đến thời Minh - Thanh, vai trò của Trung thư lệnh hoàn toàn bị thay thế bởi chức vụ Nội các đại học sĩ.

Sầm Văn Bổn (595-645), tự Cảnh Nhân, người xứ Nam Dương, nổi tiếng thông minh học rộng. Năm 14 tuổi, khi cha ông ta là Sầm Chi Tượng bị vu cáo không thể biện bạch được, ông đích thân đến dinh quan Tư Lệ thân oan cho cha, biện bác lưu loát. Quan sai làm bài phú Hoa Sen, ông vung bút viết một mạch, khiến quan hết sức tán thưởng, hạ lệnh thả Sầm Chi Tượng. Cuối đời Tùy, khi Tiêu Tiễn chiếm cứ Giang Lăng, Kinh Châu, xưng vương, đã phong cho Sầm Văn Bổn giữ chức Trung thư thị lang, chuyên đặc trách văn thư. Khi Lý Uyên tấn công Kinh Châu, Sầm Văn Bổn khuyên Tiêu Tiễn ra hàng. Đến khi nhà Đường thành lập, ông được phong làm Bí thư lang, rồi thăng dần lên tới Trung thư lệnh (Tể tướng). Cùng với Lệnh Hồ Đức Phân, ông soạn bộ sử Bắc Chu Thư, được coi là bộ sử rất giá trị về thời Ngũ Đại. Ông làm rất nhiều thơ. Theo phần Nghệ Văn Chí trong Tân Đường Thư, các trước tác của ông được chép thành 60 quyển, nhưng nay đã thất lạc gần hết, chỉ còn lại được hai mươi bài.

[442] Theo Thái Bình Quảng Ký và Minh Báo Ký (Pháp Uyển Châu Lâm chép truyện này theo Thái Bình Quảng Ký), Lục Nhân Thiến là người chuộng nghiên cứu Kinh học (chuyên nghiên cứu kinh điển Nho gia), không tin quỷ thần, thường muốn thử xem thật sự có quỷ thần hay không, liền theo học với một người khoe là có pháp thuật thấy được quỷ, nhưng suốt mười mấy năm vẫn chẳng thấy. Về sau, trên đường lên huyện, họ Lục gặp một vị đại quan, áo mũ rực rỡ, năm mươi mấy người tùy tùng, nhìn Nhân Thiến đăm đăm không nói năng gì. Gặp nhau mấy lần như thế trong suốt mười năm. Cuối cùng, viên quan ấy dừng ngựa hỏi thăm Lục Nhân Thiến, cho biết ông ta là quỷ, tên là Thành Cảnh, làm Trưởng sứ cho nước Lâm Hồ thuộc phía Bắc sông Hoàng. Mỗi tháng viên quan ấy phải suất lãnh tùy tùng đi

sau này do làm bạn với viên quỷ quan ấy bèn tin tưởng, còn sai Sầm Văn Bổn bày tiệc để đãi đằng viên quan ấy và khắp những kẻ tùy tùng. Họ Lục hỏi: "Giữa cõi âm và cõi dương có thể dùng vật nào để trao đổi?" Viên quỷ quan nói: "Vàng, bạc, vải, lụa chúng tôi có thể dùng được, nhưng đồ thật chẳng bằng đồ giả. Nếu đem giấy trang kim dán trên giấy và dùng giấy làm the, đoạn v.v. thì sẽ có thể coi như là vàng và quần áo để sử dụng được." Tôi đọc chuyện này vào mười mấy năm trước đây, nay chẳng nhớ ở quyển nào, thiên nào. Nếu ông đọc kỹ sẽ có thể thấy được. Lúc ấy nhằm đầu đời Tùy, vì lúc đó Sầm Văn Bổn vẫn còn đang đi học, đến đời Đường mới làm Trung thư lệnh.

Tánh tình ông quá tự thị, tuy ông Cổ Nông chưa biết xuất xứ của tập tục đốt vàng mã nhưng lời ông ta nhận định khá phù hợp với thiên lý nhân tình, thế mà ông vẫn chẳng cho là đúng, cứ muốn người trong cả nước bỏ sạch chuyện ấy. Nếu ông thật sự đề xướng, chắc sẽ bị quỷ công kích. Trong cõi đời có kẻ ngu chẳng biết dùng vật để biểu lộ tấm lòng, chuyên đốt cho nhiều thì cũng không nên. Hãy nên dùng pháp lực, tâm lực để gia trì, khiến cho ít biến thành nhiều để thí khắp họ hàng, thân thuộc của chính mình và hết thảy cô hồn thì được, nhưng chớ nên đem vàng mã để cúng Phật, Bồ-tát. Há Phật, Bồ-tát thiếu thốn đồ dùng, vẫn cần được người đời cúng dường ư? Chỉ vì nếu người đời không dùng thức ăn, hương, hoa v.v. nhằm biểu lộ tấm lòng thành, sẽ chẳng có gì để thể hiện tấm lòng thành hòng cảm Phật, Bồ-tát. Kẻ ngu không hiểu biết, liền dùng những thứ đó để cúng Phật, nhưng luận trên phương diện nhất niệm thành tâm thì cũng có công đức. Ví như đứa trẻ cúng dường cát cho đức Phật (đây là chuyện tiền thân của vua A-dục) vẫn được hưởng báo Thiết Luân Vương[443].

Nếu kẻ ngu chẳng biết cầu sanh Tây Phương, dùng nhiều tiền tài, mua giấy vàng bạc đốt đi để gởi kho [dưới âm phủ] thì thật là si tâm vọng tưởng. Kẻ tục do cái tâm tự tư tự lợi muốn tính kế làm quỷ vĩnh viễn, gặp phải tăng sĩ phàm tục chẳng cần biết đúng sai, chỉ mong có ai thỉnh làm Phật sự để xoay tiền, bèn thuận theo ý của kẻ ấy mà làm. Vì thế thật có lắm kẻ phá địa ngục, phá huyết hồ, trả

chầu nhà vua ở Thái Sơn nên mới gặp được họ Lục, nay muốn cùng nhau kết bạn. Do Lục Nhân Thiến và Sầm Chi Tượng (cha của Sầm Văn Bổn) rất thân nên ông Sầm nhờ ông Lục kèm cặp Sầm Văn Bổn. Khi ấy Sầm Văn Bổn mới mười mấy tuổi. Viên quỷ quan được tổ Ấn Quang nhắc đến trong bức thư này chính là Thành Cảnh.

[443] Thiết Luân Vương là một trong bốn loại Luân Vương (Kim, Ngân, Đồng, Thiết). Theo luận Đại-tỳ-bà-sa và luận Câu-xá, Thiết Luân Vương xuất hiện khi con người thọ được hai vạn tuổi, chỉ thống trị cõi Nam Diêm-phù-đề. Trong bốn loại Luân Vương, Thiết Luân Vương công đức kém nhất, nhưng các vị Luân Vương đều chú trọng dùng thập thiện nghiệp khuyến hóa nhân dân.

tiền thọ sanh.[444] Nhưng quân tử suy nghĩ chẳng ra ngoài địa vị, chỉ nên tự giữ lý ấy và trình bày cùng người hiểu rõ lý. Nếu là kẻ cố chấp không giáo hóa được, cũng chẳng công kích đến nỗi chuốc lấy sự oán hận của người ta để rồi đối với chính mình, đối với người, đối với pháp đều không có lợi ích. Nếu ông thật sự muốn quy y, hãy nên lấy lời tôi làm chuẩn. Nếu không, dẫu đích thân đến quy y thì vẫn là hữu danh vô thực, làm sao có tình thầy trò và lợi ích quy y cho được. Xin hãy sáng suốt soi xét. Quang già rồi (nay đã 71 tuổi), tinh thần chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư tới!

(Ngày mồng 4 tháng 6 năm Dân Quốc 19 - 1930)

416. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Ngày hôm qua, thầy Minh Đạo sang đất Thân (Thượng Hải), tôi bảo gởi cho ông 160 đồng để cho xong chuyện của ông. Tuy ông quen biết Quang nhiều năm, rốt cuộc vẫn chẳng biết Quang làm người như thế nào! Vì thế nay không thể nói đại lược cùng ông. Quang vốn là kẻ khổ não phạm hai thứ tuyệt, hai thứ tuyệt là khi còn tại gia làm phận con tuyệt chẳng có người nối dõi, khi xuất gia làm đệ tử của người khác cũng tuyệt chẳng có người nối pháp, đấy là hai thứ tuyệt. Nói khổ não là vì những kẻ đọc sách ở quê Quang cả đời chẳng nghe đến tên Phật, chỉ biết đua nhau mù quáng vâng giữ những thuyết báng Phật của Hàn - Âu - Chu - Trình như khuôn thước, Quang càng cuồng vọng hơn họ cả trăm lần. May là năm mười mấy tuổi chán ngán vì lắm bệnh, nên sau đấy mới biết những lời người xưa nói chẳng đáng coi là khuôn phép (Quang chưa theo thầy học, từ đầu đến cuối là do anh dạy). Mấy năm trước đấy, do anh tôi ở Trường An nên chẳng có dịp thuận tiện bỏ nhà đi tu.

Năm Quang Tự thứ bảy (1881), anh tôi đang ở quê nhà, Quang sống ở Trường An (nhà cách Trường An 420 dặm), bèn xuất gia tại núi Nam Ngũ Đài. Tiên sư cho rằng Quang vốn có của ăn của để, bèn nói: "Xuất gia thì được, nhưng quần áo phải tự lo", chỉ cho Quang một cái áo tràng, một đôi giày, bất quá chỗ ở, cơm ăn chẳng cần phải trả tiền mà thôi. (Xứ ấy lạnh buốt, những thứ nấu nướng đều tự mình phải lo). Chưa đầy ba tháng, anh tôi đến tìm, muốn bắt tôi phải trở về nhà từ biệt mẹ rồi sẽ trở lại đi tu thì được. Quang biết là lừa gạt, nhưng theo nghĩa chẳng thể không về. Toàn bộ lời anh tôi nói đều là giả vờ, bởi lẽ mẹ tôi trọn chẳng bảo là được hay không được xuất gia. Ngày hôm sau, anh tôi bảo Quang: "Ai cho

[444] Đây là một hình thức mê tín, xuất phát từ ngụy kinh Thọ Sanh. Theo đó, mỗi người đầu thai làm người đều nợ một món tiền nơi âm phủ. Nếu không đốt tiền, làm "pháp sự" cúng bái để trả nợ ấy sẽ suốt đời phải khốn khổ, lao đao, không ngóc đầu lên được.

mày xuất gia? Mày có thể tự xuất gia được sao? Từ nay trở đi hãy buông bỏ ý định xuất gia đi! Nếu không, tao nhất định sẽ quở phạt nặng nề."

Quang chỉ đành gạt anh mình, trở về nhà ở hơn 80 ngày chẳng tìm được cơ hội. Một ngày nọ anh cả tôi sang thăm mẹ, người anh thứ hai của tôi phải trông nom lúa đang phơi ngoài sân vì sợ gà bươi. Biết cơ hội đã đến, ở trong thư phòng, Quang xin một quẻ Quán Âm, có câu: *"Cao minh cư lộc vị, lung điểu đắc đào sanh"* (Cao minh giữ ngôi cả, chim lồng được thoát thân), bèn lén lấy tăng bào (Trước kia, anh tôi muốn sửa lại cái áo ấy, Quang nói: "Muôn phần chớ nên sửa. Nếu nhà chùa phái người đến, đem nguyên vật hoàn trả thì không có chuyện gì. Nếu không, sợ bị thưa kiện, sẽ bị phiền phức chẳng nhỏ." Vì thế còn giữ được) và 200 đồng trốn đi, đến chỗ thầy tôi, vẫn sợ anh tôi lại tìm đến, chẳng dám ở lại, ngủ một đêm liền đi. Thầy tôi chỉ cho một đồng tiền ngoại quốc, khi ấy người ở Thiểm Tây còn chưa từng được thấy. Tiệm đổi tiền không nhận, tiệm nữ trang đổi cho 800 đồng, đấy là món tiền Quang có được từ nơi thầy.

Đến chùa Liên Hoa ở Hồ Bắc, xin nhập chúng với một nhiệm vụ khổ sở nhất (Lo than củi để đun nước sôi cho hơn 40 người, ngày đêm không ngớt. Nước phải tự đi gánh, than củi cũng phải tự gánh lấy. Còn chưa thọ giới mà đã được ở trong chùa, kể ra họ cũng từ bi lắm). Tháng 4 năm sau, thầy phó trụ trì trở về quê, khố đầu (vị sư coi nhà kho) bị bệnh, hòa thượng thấy Quang thành thật, sai trông nom nhà kho, còn tiền bạc, sổ sách, hòa thượng tự lo. Lúc Quang mới xuất gia, thấy câu đối: *"Dương Kỳ đăng trản minh thiên cổ, Bảo Thọ sanh khương lạt vạn niên"* (Ngọn đèn Dương Kỳ muôn đời sáng, gừng sống Bảo Thọ cay vạn năm), và Sa-di Luật Nghi nói về quả báo do lén dùng của cải thường trụ[445], lòng rất kinh sợ. Phàm mỗi khi phải sắp xếp những món có đường, tay dính nhằm hương vị của những món ấy đều chẳng dám dùng lưỡi để nếm ăn, chỉ dùng giấy lau đi mà thôi. "Ngọn đèn Dương Kỳ": Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội[446] làm giám viện trong hội của ngài Thạch Sương Sở Viên, ban đêm xem kinh, tự mình mua dầu riêng, chẳng dám dùng dầu của thường trụ một cách riêng tư. "Gừng sống Bảo Thọ":

[445] Trong Sa-di Luật Nghi Yếu Lược do tổ Vân Thê Liên Trì biên soạn, có đoạn văn như sau: "Kinh chép: Một sa-di ăn trộm bảy trái cây của thường trụ; một sa-di khác ăn trộm mấy tấm bánh của thường trụ; một sa-di khác ăn trộm một chút thạch mật của thường trụ, đều đọa địa ngục. Vì thế kinh nói: Thà chặt tay, chẳng lấy của cải một cách sai trái!"

[446] Dương Kỳ Phương Hội (996-1049) là khai tổ phái Dương Kỳ thuộc tông Lâm Tế. Ngài vốn là pháp tự (người nối dòng pháp, xin đừng lầm với chữ pháp tử) của ngài Thạch Sương Sở Viên, thuộc đời thứ 18 tính từ tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sư là người huyện Nghi Xuân, Viên Châu (Giang Tây), pháp danh là Phương Hội. Thoạt đầu làm giám viện cho ngài Sở Viên. Sau này đến trụ trì thiền viện Phổ Thông trên núi Dương Kỳ, chấn hưng tông phong. Sư chỉ để lại một cuốn Ngữ Lục, đệ tử nối pháp có Bạch Vân Thủ Đoan, Bảo Ninh Nhân Dũng v.v. gồm 13 người, về sau tạo thành một phái đông đảo, được gọi là phái Dương Kỳ. Phái này cùng với phái Hoàng Long và năm tông Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn, được xưng tụng là "ngũ gia thất tông".

Thiền sư Động Sơn Tự Bảo (Bảo Thọ là biệt hiệu của ngài) làm giám viện trong hội của thiền sư Ngũ Tổ Sư Giới. Ngũ Tổ Giới bị bệnh hàn, hay dùng gừng tươi và đường đỏ nấu thành cao để thường uống. Thị giả xuống nhà kho xin hai món này, giám viện nói: "Vật chung của thường trụ há nên dùng riêng! Hãy đem tiền ra mua." Thiền sư Giới liền sai đem tiền xuống mua, rất mến mộ vị ấy. Về sau, Động Sơn thiếu người trụ trì, có đến xin thiền sư Giới tiến cử người sư nhận biết, sư Giới nói: "Gã bán gừng tươi làm được đấy."

Trong hai trang 54, 55 của quyển trung sách Thiền Lâm Bảo Huấn có chuyện thiền sư Tuyết Phong Đông Sơn Huệ Không đáp lời Dư Tài Mậu khi ông này tính lên kinh đô thi hội, đến chùa xin tiền thuê phu khiêng sách, đại ý như sau: "Ta tuy làm trụ trì, nhưng vẫn là một hòa thượng nghèo khổ. Tiền thuê phu khiêng vác ấy sẽ do thường trụ bỏ ra, hay do Huệ Không bỏ ra? Nếu do thường trụ bỏ ra, tức là ăn trộm của thường trụ; nếu do Huệ Không bỏ ra thì Huệ Không chẳng có một vật gì. Huống chi các hạ lên kinh đô cầu công danh, chớ nên cầu nơi tam bảo để đến nỗi đôi bên đều mắc tội. Dẫu chùa khác có lấy đem cho thì cũng lập tức cảm ơn không nhận, ấy mới là tạo phước cho tương lai vậy!"

Trong đời gần đây, những tăng sĩ phàm tục phần nhiều dùng tiền tài để kết giao với đồ chúng tục gia. Quang cả đời chẳng muốn kết giao, chẳng thu đồ đệ, chẳng trụ trì chùa miếu. Từ năm Quang Tự 19 (1893) đến Phổ Đà, làm một ông tăng nhàn nhã chỉ ăn cơm nuốt cháo (hơn 30 năm chưa từng giữ một chức vụ nào, chỉ theo chúng ăn một bữa cơm). Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong những giấy tờ viết thay cho người khác. Vì thế được yên vui suốt hai mươi mấy năm. Về sau, do Cao Hạc Niên đem mấy bài viết vặt vãnh đăng trên Phật Học Tùng Báo, vẫn chưa dùng cái tên Ấn Quang. Đến năm Dân Quốc thứ ba, thứ năm (1914, 1916) trở đi, bị Từ Úy Như, Chu Mạnh Do hỏi dò rồi lén thu thập những bài viết, thư từ của Quang cho in thành Văn Sao ở kinh đô (vào năm Dân Quốc thứ bảy - 1918). Từ đấy hằng ngày đọc thư từ, đúng là chuyên bận bịu vì người khác, đến nỗi có người lầm nghe lời kẻ khác đồn đại xin được quy y, Quang chấp thuận cho người ấy quy y cũng chẳng qua là thuận theo tín tâm của người ấy mà thôi! Với kẻ giàu, Quang cũng chẳng cầu người ta bỏ tiền làm công đức thì với kẻ nghèo làm sao Quang có thể giúp đỡ lớn lao cho được?

Năm Quang Tự 12 (1886) lên kinh đô, thầy tôi cũng không cho một đồng nào. Về sau, do đạo nghiệp chẳng tiến nên chẳng dám dâng thư lên thầy. Đến năm Dân Quốc 17 (1928) thầy tôi viên tịch, nhưng các sư huynh, sư đệ mỗi người theo chí hướng riêng nên bốn mươi mấy năm qua, đối với những đồng môn xuất gia không gởi cho nhau một chữ nào, cũng như chẳng gởi cho nhau vật nào dù chỉ đáng giá

một đồng. Đối với gia đình tôi thì trong năm Quang Tự 18 (1892), có một đồng hương từ kinh đô trở về quê, nhờ người ấy đích thân kính dâng lên gia đình tôi một bức thư. Nếu không, chẳng có cách gì gởi được, bởi lúc ấy chưa có bưu cục. Hơn nữa nhà tôi không ở nơi đường lớn (Hiện thời tuy có bưu cục, nhưng nếu không ai chuyển giùm thì cũng không cách nào gởi được). Năm sau xuống phương Nam, hoàn toàn chẳng biết tin gì nữa.

Đến năm Dân Quốc 13 (1924), một đứa cháu bên ngoại nghe người ta nói bèn đến núi thăm, mới biết gia đình đã không còn ai, nhà cửa do đứa cháu trong dòng họ kế thừa (Chuyện này Quang cho là may mắn, bởi lẽ mai sau không có kẻ nào vùi lấp đức hạnh của người đời trước. Dẫu có người thừa kế thì cũng chẳng phải là con cháu trực tiếp của cha mẹ tôi). Vì vậy cũng không gởi thư cho họ. Kể từ thời Dân Quốc đến nay, đất Thiểm Tây bị tai nạn nặng nhất. Nếu gởi thư cho họ, lỡ họ xuống miền Nam sẽ ở vào đâu? Không sắp xếp cho họ ở đâu được! Bảo họ quay về thì phải tốn mấy chục đồng. Họ tới lui trọn chẳng có ích gì, há chẳng phải đâm ra có hại cho họ? Vì thế, năm trước để cứu trợ tai nạn cho huyện Cáp Dương, tôi chỉ gởi tiền về giao cho huyện, chẳng dám nói đến quê tôi (thôn tôi cách huyện hơn 40 dặm). Nếu nhắc tới sẽ hại chết nhiều người lắm!

Mùa xuân năm nay, do ông Chu Tử Kiều (trong hai ba năm gần đây, ông này chuyên lo cứu trợ tại Thiểm Tây) đến đất Thân (Thượng Hải), sư Chân Đạt và ba bốn vị cư sĩ đóng góp một ngàn đồng, cậy Tử Kiều đặc biệt phái người đến cứu trợ thôn tôi. Tây thôn cũng chẳng thuộc trong đó, nhưng đối với mấy trăm nhà thì một ngàn đồng cũng chẳng có ích lớn lao cho lắm. Do vậy liền có người muốn xuống phương Nam. Một thương nhân vốn là cháu họ bên ngoại của tôi gởi thư cho Quang nói: "Có ông X… muốn xuống phương Nam thăm viếng, con nên trả lời như thế nào?" Quang nói: "Nếu ông có thể chăm sóc cho kẻ ấy khiến cho chuyện của người ta được thành tựu tốt đẹp thì hay lắm. Nếu không, hãy cực lực nói cho ông ta biết nỗi khổ của việc đi về, cũng như cái hại 'vô ích, bị hao tổn' ngõ hầu chẳng đến nỗi gây hại chết người cho người ta." Chuyện ấy là do một phen hảo ý của thầy Chân Đạt nhưng chưa xét kỹ nguyên do, cũng như chẳng nói với Quang. Đến khi Quang biết thì đã xong chuyện rồi, không thể vãn hồi được.

Nghe nói mấy chục năm trước, một đại phong ông[447] ở Hồ Nam làm lễ mừng thọ, tuyên bố trước: "Sẽ cho mỗi người 400 đồng." Lúc ấy đang nhằm mùa đông rét buốt, dân quê từ mấy chục dặm kéo đến lãnh món tiền ấy. Viên quản lý của ông ta chẳng khéo lập cách, người tụ tập đông đến mấy vạn mà cứ tà tà phát cho từng người. Những kẻ đứng đằng sau do đói quá mức liền liều mạng chen lên

[447] Đại phong ông: người giàu có, được triều đình phong tước hiệu cao quý.

trước. Do vậy, có hơn 200 người bị đè chết do chen lấn, còn những kẻ bị thương chẳng biết là bao nhiêu. Phủ huyện phải đích thân trấn áp cho họ khỏi bạo động: Gia đình của mỗi người bị chết được cấp 24 đồng, một cỗ quan tài, lãnh xác đem đi. Lão phong ông thấy mọi người đều kinh hoàng, run rẩy, hỏi ra biết chuyện, liền thở dài một hơi rồi chết luôn. Mấy bữa sau, con ông ta làm quan ở kinh đô cũng chết tại kinh thành. Do vậy, bất luận chuyện gì cũng phải đề phòng trước những điều tệ hại có thể xảy ra, chứ nào phải Quang không có lòng nghĩ tưởng tới nhà tôi, thôn tôi ư? Do sức không thể lo nổi nên chẳng thể mở ra đầu mối "chỉ có ích, không tổn hại" vậy!

Linh Nham trước kia chỉ có trên mười người, mọi người do thấy ông Diêu X… bị bệnh nên phương tiện cho ông ta sống tại đó. Chuyện ấy há nên lấy làm lệ? Chùa ấy năm nào được mùa thì hoa lợi thu được trên dưới một ngàn đồng. Năm nào mùa màng thất thu, hoa lợi sẽ kém hơn. Ngoài ra, không còn một khoản thu nhập nào khác nữa. Ba năm gần đây, do có những đồ đệ quy y biết Linh Nham là đạo tràng tu tập chân thật, thường cậy họ tổ chức niệm Phật thất nên đỡ hơn một chút, do vậy ở được hai ba chục người, nhưng Quang trọn chẳng cầu mong gì nơi Linh Nham. Các sư ở Linh Nham thường có thờ bài vị cha mẹ trong niệm Phật đường, thầy Đức Sâm là người giáo chánh sách thay cho Quang tại chùa Báo Quốc, và bạn thầy ấy là sư Liễu Nhiên (hiện cũng ở chùa Báo Quốc) đều do lòng hiếu mà thờ bài vị cha mẹ họ tại Linh Nham. Quang trọn chẳng nói đến chuyện ấy. Nếu Quang nói đến (tức bảo họ thờ bài vị cha mẹ của tổ Ấn Quang tại niệm Phật đường chùa Linh Nham - chú thích của người dịch) thì cố nhiên bọn họ sẽ hoan hỷ đến cùng cực. Nếu Quang có hành động như vậy tức là đã vướng vào hành vi cướp công và mang lòng riêng tư rồi[448]. Huống chi ông và Quang trọn chưa từng gặp mặt, chỉ vì một lá thư quy y mà ông liền có thể dưỡng lão tại đó ư? Như vậy thì những người khổ sở đã quy y với Quang đều xin Quang cho dưỡng lão tại Linh Nham hết! Nếu Quang có thể tự tay bỏ ra tiền bạc, thóc gạo thì cũng không phải là chẳng muốn tạo dịp cho những người quy y dưỡng lão. Tiếc là chẳng có đạo lực ấy nên làm sao có thể làm chuyện đại từ bi ấy cho được?

Xưa kia, ông Hoàng Huệ Phong ở Phước Kiến thường đem thơ gởi cho tôi, hơi có lòng tin mỏng manh. Quang gởi cho ông ta các thứ sách, ông ta lại xin quy y (ông này tuổi xấp xỉ tuổi Quang), về sau muốn xuất gia. Quang cực lực trình bày lợi ích do tu hành tại gia. Ông ta tự phụ là đã phát tâm Bồ-đề, chứ thật ra là cầu thanh nhàn, nhằm giảm tiền dưỡng lão cho con cháu. Quang bèn nói lời quyết

[448] Sở dĩ tổ nói là "cướp công" vì ngài không ở Linh Nham, không đích thân niệm Phật trong niệm Phật đường Linh Nham, mà cũng không cúng dường gì cho Linh Nham. Nếu đem thờ cha mẹ của mình tại đó, tức là đã khiến cho cha mẹ mình được hưởng suông công đức của các sư tu hành niệm Phật tại đó.

liệt đến cùng cực, bảo: "Tôi ở trong chùa của người ta 30 năm, một thân đã cảm thấy là nhiều quá rồi. Huống chi ông lại tới nương theo tôi xuất gia. Nếu ông quyết định muốn đến thì khi ông tới tôi sẽ xuống núi ngay! Vì sao vậy? Tôi tự lo cho tôi còn không xuể, làm sao có thể lo cho ông được?" Từ đấy, ông ta vĩnh viễn không gởi thư đến nữa. Đủ biết cái "đạo tâm" trước đó chính là cái tâm cầu lợi cho con cháu, chứ không phải là thật sự có đạo tâm vậy. Ông là người khá thông minh, nhưng cũng có khuyết điểm "chẳng đem tâm mình để thấu hiểu cho tâm người khác". Nơi phần mình thì biết là khó khăn, chứ với phần người khác lại bảo là dễ dàng.

Ông chẳng biết: So với ông, Quang còn khổ não hơn! Từ nay về sau, xin ông hãy tự lượng sức mình để làm việc. Nếu vẫn muốn Quang thay ông bỏ tiền ra thì sẽ khó khăn muôn phần như đòi mạng vậy. Vì sao thế? Quang chẳng phải chỉ quen biết một mình ông, cũng như không phải chỉ có một mình ông cầu xin Quang. Nếu chỉ có một mình ông thì phải bỏ ra dăm ba trăm đồng trong mấy năm thì cũng không ngặt nghèo cho lắm. Lại có chỗ này bị tai nạn phải cứu trợ, chỗ kia có những thiện cử (những hành động mang tính cách tốt lành), làm sao đáp ứng được? Ngay như chuyện in sách cũng chẳng thể tùy tiện bảo Hoằng Hóa Xã gởi đi được! Điều ấy vốn có chương trình, chắc ông đã xem qua rồi. Nếu như hễ người ta muốn liền gởi sách ngay, dẫu trong nhà sẵn có của cải mấy chục vạn cũng lo không xuể, huống là tiền do mọi người đóng góp để duy trì ư? Nếu cần, xin hãy chiếu theo giá vốn để xin thỉnh, như vậy thì sẽ được mãn nguyện. Nếu bảo: "Hễ sách có ích cho người mà nếu tôi cần thì phải gởi ngay", chắc Hoằng Hóa Xã đã đóng cửa mất rồi!

Phổ Đà Chí trước kia do chùa Pháp Vũ thỉnh một người chẳng biết Phật pháp, chẳng tin Phật tu chỉnh; ông ta lại còn viết tiểu truyện về Quang ghép vào đó, Quang cực lực quở trách thói sai trái ấy. Về sau, do ông ta một hai chuyện đều chẳng nghe lời Quang, Quang liền hoàn toàn bỏ mặc, không hỏi tới nữa. Đến khi ông ta tu chỉnh xong, giao cho vị trụ trì đã nghỉ hưu của chùa Pháp Vũ, bỏ xó hơn nửa năm rồi mới cậy Quang giám định. Do Quang không rảnh rỗi, nên chậm trễ mấy năm. Vì thế sách ấy trọn chẳng có tên tuổi của Quang, vì những phần ông ta sao lục thư từ và tên của Quang đều bỏ đi chẳng giữ lại. Thỉnh người chép lại, khắc ván ấn hành, chẳng tốn của Phổ Đà một đồng nào. Người trong núi hễ thỉnh sách thì đều chiếu theo tiền giấy và công thợ in mỗi bộ là 6 cắc, tổng cộng in được ba ngàn bộ. Trừ hơn một ngàn bộ giao cho người đứng bỏ tiền in ra, chỉ còn được hơn một ngàn bộ. Quang vẫn muốn gởi tặng cho người khác.

Ông bảo Quang gởi cho ông mấy gói Phổ Đà Chí để tặng lại cho người khác, tâm ấy rất tốt, nhưng cũng là chưa biết tới nỗi khó khăn. Chỉ xin ông từ nay về sau luôn giữ tấm lòng "điều gì ta chẳng muốn người khác làm cho mình thì cũng đừng làm cho người khác", phàm chuyện gì cũng đều đem lòng tính cho mình để nghĩ cho người khác, thì nhất định sau này ông đạt đến địa vị quang minh rạng rỡ, người lẫn thần đều vui thích vậy. Chẳng biết ông có coi loại thuốc đắng miệng này là đúng hay không? Xin hãy sáng suốt suy xét.

Hơn nữa, cuốn Giáo Hối Thiển Thuyết, vàn muôn phần chớ nên để tại Hoằng Hóa Xã, bởi chuyện này không chừng một hai năm nữa sẽ phải ngưng hoạt động. Không có quỹ bảo trợ, không có khoản tiền nhất định, thời cuộc không tốt, không ai giúp đỡ, làm sao có thể duy trì được mãi? Phật Học Thư Cục lưu hành kinh sách rộng rãi, mang tánh chất doanh nghiệp, có thể duy trì lâu dài được. Giao cho họ thì ông lẫn họ đều có lợi ích vậy!

417. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ hai)

Đọc sơ qua Giáo Hối Thiển Thuyết thấy văn lý, ý nghĩa đều rất hay, chỉ có điều ở cuối sách có bốn chữ *"hữu trước tác quyền"* (giữ bản quyền trước tác), Quang chẳng hiểu ý nghĩa. Cũng như giá bán của mỗi bộ là 1 đồng 2 cắc, Quang cũng không hiểu rõ lắm. Trộm nghĩ, học trò tôi mang cái tâm "tự lập lập người" của thánh hiền, làm chuyện tự lợi lợi tha của Phật Bồ-tát, soạn ra sách này chỉ mong lay tỉnh kẻ ngu muội mê mờ, lại được bộ Tư pháp chấp thuận cho lưu thông, nhà tù các tỉnh đều thỉnh về sử dụng, mà chẳng cho phép người khác khắc in lưu thông thì chẳng những khiến người lo toan việc công sanh lòng đau bực, hết muốn sử dụng, mà còn thật sợ rằng những phạm nhân trông thấy cũng sẽ cho rằng ông ăn nói kiểu "rao toa thật, bán thuốc giả"!

Vì sao vậy? Do dùng chuyện lợi người để làm căn cứ tự lợi! Như vậy thì tuy là làm chuyện vì đạo mà lại lui sụt thành chuyện kinh doanh. Quang thường nói: "Những kẻ chế ra bột ngọt và chế xà-phòng từ dầu thực vật tuy là kinh doanh nhưng đã tăng tấn nơi đạo[449]." Chẳng ngờ học trò tôi mang đại chí như vậy mà đâm ra lại kém hơn hai hạng người chế bột ngọt và chế xà-phòng bằng dầu thực vật ấy. Đấy là thánh hiền, Phật Bồ-tát phụ bạc con người, hay là con người phụ rẫy thánh hiền, Phật Bồ-tát vậy? Nếu chẳng coi lời Quang là sai, xin hãy mau sửa đổi! Lại còn soạn bài văn phát biểu để tự trách. Nếu chẳng coi là đúng, xin từ nay

[449] Tức là tuy kinh doanh nhưng lại giúp cho con người ăn chay, kiêng sát sanh nên việc kinh doanh của họ lại giúp ích rất nhiều cho đạo pháp nên được coi như là đang hành đạo.

về sau, nếu có bàn bạc, trình bày điều gì, đừng dùng kiểu cách thầy trò giả danh nữa. Cố nhiên Quang chẳng muốn can thiệp nhiều vào chuyện của người khác!

(Ngày 23 tháng 10)

418. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ ba)

Sách Tiểu Học Vận Ngữ[450] chính là dựa theo sách Tiểu Học mà soạn ra, trẻ nhỏ đọc đến có thể biết được những điều đại cương chánh yếu trong Nho lễ. Lợi ích đạt được bởi sách ấy cố nhiên chẳng rộng rãi sâu xa bằng Cảm Ứng Thiên Trực Giảng. Năm Dân Quốc 18 (1929), tôi đã giảo chánh từng câu từng chữ sách Tiểu Học Vận Ngữ ấy, nêu ra những tiết, những đoạn mang tánh chất hủy báng Phật, nhưng vẫn chưa sửa, do bị bệnh nên bỏ đó. Năm sau đến đất Tô, liền lo sắp chữ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ Tăng Tu Bản, Phổ Đà Sơn Chí và các sách nên quên khuấy luôn chuyện ấy.

Xin hãy dùng Cảm Ứng Thiên để dạy con cháu, bảo chúng suốt đời đọc tụng sẽ lợi lạc hơn đọc sách Tiểu Học Vận Ngữ nhiều lắm. Khéo sao chiều hôm qua sách Cảm Ứng Thiên mới gởi đến. Đối với thế đạo, nhân tâm, sách Giáo Hối Thiển Thuyết khá hữu ích, nhưng Quang in các sách cần khoản tiền rất lớn (Quang một mực chẳng quyên mộ, ai có tín tâm biếu tặng thì nhận, ngoài ra toàn là tiền hương kính của Quang), không sức đâu lo thêm chuyện in Giáo Hối Thiển Thuyết. Sách ấy (tức Cảm Ứng Thiên Trực Giảng) kẻ tục người nhã đều xem được, chỉ buồn không ai giúp đỡ in ra. Hiện thời tôi bận bịu cùng cực, đúng là vô thường sắp xảy đến, cấp bách không đợi được. Viết lời tựa cho sách Giáo Hối Thiển Thuyết thì đợi khi hơi rảnh rỗi sẽ gắng sức viết. Từ nay về sau bất luận là ai, bất luận chuyện gì đều nhất loạt đừng nên giới thiệu họ nhờ vả Quang viết lách, vì Quang bị ba bộ Sơn Chí bức bách chẳng thể chờ đợi được.

419. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ tư)

Thư nhận được đầy đủ, pháp danh của ba người Tăng, Đinh, Bành gởi kèm theo thư này. Pháp danh của Âu Dương Như Tam thì đã gởi trong thư viết cho Viên Phước Cầu rồi. Quang thật khó thể giúp đỡ cho khoản tiền in cuốn Giáo Hối

[450] Tiểu Học Vận Ngữ là sách dành cho trẻ học vỡ lòng do La Trạch Nam (1808-1856) soạn vào đời Thanh. La Trạch Nam từng làm thầy đồ gõ đầu trẻ, cho rằng sách Tiểu Học rất có giá trị, nhưng câu chữ dài ngắn không đều, trẻ khó nhớ, nên đã trích lấy những điểm đại cương, quan trọng, soạn theo lối văn vần, mỗi câu gồm bốn chữ. Tổng cộng là 2.944 chữ, hoàn tất vào năm Hàm Phong thứ sáu (1856). Tiểu Học vốn có nghĩa là những loại học vấn không thuộc về Kinh Học (nghiên cứu ý nghĩa kinh điển Nho gia) và phạm vi rất rộng bao gồm ngôn ngữ, văn chương, cú pháp, đặc biệt là âm vận. Về sau này mới có thêm ý nghĩa là những học vấn dành cho trẻ nhỏ. Dưới đời Ung Chánh, Lưu Tử Trừng đã tập hợp những câu nói dạy về lễ nghĩa Nho giáo của Chu Tử để soạn thành thiên sách đặt tên là Tiểu Học, với ngụ ý những điều phải học tập từ nhỏ để trở thành con người tốt đẹp.

Thiển Thuyết được! Báo Quốc không làm ra một đồng nào, mà nhu cầu mỗi năm là một ngàn năm sáu trăm đồng. Quang một mực chẳng hướng về ai quyên mộ, cũng rất khó khăn. Ông than các nhà tù thôi thúc muốn có được sách Giáo Hối Thiển Thuyết gấp như lửa xẹt, há có phải họ đều muốn ông tặng sách cho họ đọc? Muốn được người khác tặng sách miễn phí, lẽ đâu lại thôi thúc gấp như lửa xẹt? Xin hãy hướng về các nhà từ thiện ở Thượng Hải để thương lượng. Trong những năm trước, nội chuyện quyên góp cứu trợ tai nạn cho các xứ và Thiểm Tây, Quang đã không còn đủ sức để duy trì, do vậy ẩn cư. Nếu có cơ nghiệp thì sẽ tìm cách, chứ Quang chỉ là một ông tăng lẻ loi, lại còn ôm ý nguyện một mực chẳng hướng về người khác quyên mộ, cho nên không thể do đâu mà lập ra cách thức được.

420. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ năm)

Thư nhận được đầy đủ. Ông Tôn bị bệnh hãy bảo ông ta niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, xin gạo Đại Bi từ nơi pháp sư Đức Sâm chùa Thái Bình để nấu lấy nước uống. Nếu chí thành, ắt sẽ được lành bệnh. Mẹ ông Ngô Trạch Nam sắp mất, người nhà sang chùa Thái Bình thỉnh tăng trợ niệm, được thầy Đức Sâm tặng gạo Đại Bi. Về đến nhà, mẹ đã cứng lưỡi, chẳng thể nói năng được nữa, liền cấp tốc đem nấu lấy nước, chấm vào lưỡi, mẹ liền nói được, theo đại chúng niệm Phật, lúc lâm chung lớn tiếng niệm được ba câu rồi mới qua đời. Gạo ấy dùng chú Đại Bi gia trì hơn một vạn biến. Hai pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, lấy Một Lá Thư Trả Lời Khắp làm khai thị (đây là khai thị chu đáo nhất).

Hai sách Tiểu Học và Nhân Phổ chính là thiện thư khuyên đời, nhưng Tiểu Học có mấy chỗ báng Phật. Những lời hay hạnh đẹp trong thế gian con người thường chẳng chú ý, chứ lời lẽ báng Phật thì mỗi một kẻ muốn làm công thần cho Danh giáo đều toàn thân vâng nhận. Quyển thượng sách Nhân Phổ vay mượn Phật pháp để giải thích Thái Cực Đồ[451]; những lời văn báng Phật trong quyển thượng lẫn quyển hạ đều có, nhưng quyển thượng báng bổ dữ dội nhất. Trong lời tựa, trước hết dẫn chuyện Viên Liễu Phàm học Phật được cảm ứng lớn lao, tiếp đó báng bổ rằng: "Liễu Phàm là chánh nhân quân tử, há lẽ nào bị dị đoan mê hoặc? Đủ biết chuyện ấy do học trò ông ta bịa đặt ra!" Lời lẽ ấy do kẻ giảng giải chuyện

[451] Thái Cực Đồ là một đồ hình có hình tròn (☯), được chia thành hai phần đen và trắng (tượng trưng cho âm dương), trong phần đen có một chấm tròn trắng, trong phần trắng có một chấm tròn đen, tượng trưng trong âm ngầm chứa dương, trong dương ngầm chứa âm. Thái Cực Đồ theo truyền thuyết được Trần Đoàn (tổ sư môn tử vi) vẽ theo cách diễn giải khái niệm thái cực trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, được coi như cách diễn giải vũ trụ từ lúc hỗn mang (khi âm dương còn chưa phân ra). Thoạt đầu Thái Cực Đồ có tên là Vô Cực Đồ, sau này Chu Đôn Di đổi tên thành Thái Cực Đồ và vay mượn giáo nghĩa tánh tướng của nhà Phật, để đặt ra cái gọi là lý và khí, coi đó là hai biểu hiện quan trọng của âm và dương.

chánh tâm thành ý thốt ra, thề muốn khiến cho người trong khắp cõi đời đều hiểu rằng không có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì tâm mới sung sướng, ươm thành tình thế trước mắt ai nấy đều nguy ngập không chỗ nào để tránh né, đều là do thứ tri kiến ấy phát khởi vậy. Quang từng chia sách Tiểu Học Vận Ngữ thành khoa, thành đoạn, kế đó nghĩ: "Sách này vốn giống như trong món ăn ngon quý ngầm bỏ chất tỳ sương, chẳng thể để cho người khác thưởng thức được. Nếm vào ắt sẽ trúng độc!" Chúng ta chẳng thể tạo lợi ích cho người khác, quyết chẳng dám do muốn lợi người mà đâm ra hại người được.

421. Thư trả lời cư sĩ Ổ Sùng Âm

Ba hôm trước nhận được hai cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy, thấy có đính kèm huy chương ở cuối sách, Quang chẳng cho là đúng lắm. Năm Dân Quốc thứ hai (1913), pháp sư Đạo Giai[452] ở chùa Pháp Nguyên, Bắc Kinh, lập Hội Kỷ Niệm Phật Đản, lấy tượng Phật Thích-ca làm huy chương, Quang trọn chẳng biết chuyện đó. Xong chuyện, sư Đạo Giai đến Phổ Đà, tặng Quang một huy chương, Quang thống trách ông ta khinh nhờn, nhưng đến năm Dân Quốc 12 (1923) vẫn làm như thế. Ở Thượng Hải cũng bắt chước làm theo, nay cư sĩ cũng bắt chước làm theo, đầu sỏ gây tội bắt nguồn từ sư Đạo Giai. Đạo Giai còn biết giảng kinh, nhưng cung kính, tôn trọng hoàn toàn chẳng nói tới, cũng đáng than thở thay! Hết thảy nhân viên tham dự hội ấy mỗi người đều phải đeo một huy chương. Nếu đeo để lễ Phật thì vẫn chẳng hợp lý, đeo để lễ người khác thì đôi bên đều bị tổn phước. Nhưng hiện thời do Đạo Giai đề xướng đã trở thành quy định chung rồi, Quang cũng biết chuyện ấy chẳng dễ gì dẹp bỏ được, nhưng do cư sĩ quá yêu mến nên chẳng thể không nói một lời.

Chuyện phóng sanh ngay như một xứ Thượng Hải cũng khó thể lo liệu được, há nên phô phang cái danh lớn lao là "toàn quốc?" Nhân dân cả nước đều đang ở trong cảnh nước sâu lửa nóng, không cách nào cứu được, huống là "hội phóng sanh toàn quốc" ư? Quang cho rằng: "Khuyên người khác ăn chay là phóng sanh

[452] Đạo Giai (1866-1932), người ở Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam, pháp danh Thường Tiễn, pháp hiệu Hiểu Chung, còn có biệt hiệu là Bát Bất Đầu Đà. Xuất gia với ngài Chân Tế chùa Trí Thắng ở Hành Dương năm 19 tuổi. Năm sau, thọ giới cụ túc ở chùa Báo Ân tại Lỗi Dương. Sư bế quan tại chùa Nhị Đoan ở Giáp Sơn suốt 3 năm, chuyên chí tham thiền. Lại theo học với hòa thượng Mặc Am chùa Chúc Thánh tại Nam Nhạc, xem đọc Đại tạng kinh. Sau đó đi giảng kinh tại nhiều ngôi cổ tự nổi tiếng như Tây Thiền, Thiên Đồng, Thanh Lương, Hải Hội v.v.. Năm 1906, sư du hóa khắp các xứ Singapore, Mã Lai, Miến Điện, Indonesia. Sau về nước, làm trụ trì chùa Pháp Nguyên, nhận chức vụ đặc trách nội vụ cho Trung Hoa Phật Giáo Tổng Hội. Đồng thời, đề xướng tu chỉnh bộ Tân Tục Cao Tăng Truyện gồm 61 quyển, chép tiểu sử các danh tăng từ thời Bắc Tống đến thời Tuyên Thống nhà Thanh. Về sau, do chùa Pháp Nguyên xảy ra tranh chấp, sư bèn dẫn học trò là Đức Ngọc sang Ấn Độ trùng tu chùa Trung Hoa ở vườn Lộc Dã. Năm 1932, sư du hóa các tỉnh thành thuộc Mã Lai như Penang, Kuala Lumpur rồi thị tịch trong tháng 3 năm ấy tại Mã Lai.

thật sự.” Những sanh vật được nuôi trong những cơ sở phóng sanh lớn lao trước kia, một khi có lính đóng, liền biến thành thức ăn cho quân đội. Nếu sau này vĩnh viễn không có chiến tranh thì được. Nếu không, những con vật được nuôi trong cơ sở phóng sanh ấy sẽ đều là thức ăn được trữ sẵn cho quân đội.

Cư sĩ nhiệt tâm bảo vệ loài vật, có thể nói là bậc nhất, nhưng phải xét kỹ tình lý thì mới được lợi ích thật sự. Pháp sư Đế Nhàn hâm mộ thanh danh của Từ Vân Sám Chủ, xin ông Lư Tử Gia biến Tây Hồ thành ao phóng sanh, mọi người đều đến phóng sanh; kẻ xấu lén lút đánh bắt, chánh phủ phải nhiều lần mua lại, các cư sĩ phải nhiều lần chuộc, tốn đến mấy ngàn đồng rồi vẫn phải dời đi nơi khác. Đấy chính là tấm gương tày liếp mà ông vẫn chưa biết, cứ mong phô trương tạo danh tiếng cho to ư?

(*Ngày Rằm tháng 5 năm Ất Hợi - 1935)*

422. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ nhất)

Bà nói “dùng văn tự, thư họa, âm nhạc để tiếp dẫn kẻ sơ cơ vào trong biển Phật pháp”, đấy chính là đại nguyện của Bồ-tát, nhưng cần phải xét xem chính mình có định lực chẳng bị cảnh duyên xoay chuyển thì đối với mình lẫn người mới đều có lợi ích lớn lao. Nếu không, cứ một mực dụng tâm nơi chuyện bên ngoài, sợ rằng sẽ khó thể thành tựu chuyện liễu sanh tử được. Người học Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Hãy nên chú ý nơi hai bài tựa trước sau trong Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ tự biết sự vi diệu rộng lớn của pháp môn Tịnh độ, ngõ hầu chẳng bị dao động, mê hoặc bởi tri thức của các tông khác.

Bà nói đến chuyện nằm mộng thấy Quang hiện thân thuyết pháp trong giấc mộng thì đấy chính là cảnh do lòng thành của bà biến hiện, chứ Quang không có khả năng hiện thân trong giấc mộng ấy. Quang là phàm phu sát đất, nhưng thường có kẻ nói nằm mộng thấy Quang, đôi khi còn thấy Quang răn dạy nữa. Đấy đều là do lòng thành của bọn họ cảm Quán Thế Âm Bồ-tát ứng theo căn cơ thị hiện, đấy đúng là “nên hiện thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp”. Bồ-tát còn có thể hiện thành sông, núi, đại địa, lầu, đài, điện, gác, cầu, bến, đường sá, đồ đạc, vật dụng, huống là thân người ư? Mắt Quang không bị bệnh tật gì, xin hãy sáng suốt suy xét!

(Mồng 5 tháng 7 năm Dân Quốc 25 - 1936)

423. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ hai)

Thư bà gởi đến tôi nhận được đầy đủ. Nay đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho bà bốn tờ tượng bán thân, bốn tờ tượng vẽ. Phía dưới tượng vẽ ấy có một phong thư dài, khá quan trọng đối với người mới phát tâm. Người vẽ tượng ấy chính là một người ở Vô Tích, Quang vốn không quen biết. Vẽ xong, giao cho một đệ tử quy y. Người ấy liền chụp bức thư dài đem ghép vào, tặng cho Hoằng Hóa Xã mấy tấm.

424. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ ba)

Bà nói ảnh chụp giống như hình Quang bà được thấy trong giấc mộng, ở chỗ này có ý nghĩa sâu xa, chớ nên cậy vào ý mình rồi hiểu lầm. Quang là nghiệp lực phàm phu, sao có thể hiện thân trong giấc mộng cho được? Ấy là do lòng thành của bà cảm Quán Thế Âm Bồ-tát biến hiện hình tướng của Quang để khiến bà sanh lòng chánh tín. Ấy chính là "nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"! Cầu bến, đường sá, lầu, đài, điện, gác, núi, sông, cây cỏ, không một thứ nào chẳng hiện. Nên biết, thần thông diệu dụng ở nơi người hiện được cảnh, chứ không phải ở nơi cảnh được hiện. Bà coi tớ là chủ, chẳng khỏi đem phàm lạm thánh, khiến cho Quang lẫn bà đều cùng mắc tội lỗi không chi lớn hơn, cô phụ tấm lòng Đại sĩ vì bà hiện hình tướng quá lắm! Ngàn vạn phần chớ nên vẽ, mà cũng đừng nên ghi chép để những kẻ ham làm chuyện giả dối nhằm lôi cuốn người khác sẽ bắt chước làm theo. Loại giấc mộng như vậy thường hay xảy ra. Ấy là vì trong Phật môn không có người, Bồ-tát muốn cho bà tăng trưởng tín tâm nên mới lấy tướng gỗ chạm, đất đắp làm tướng thần thông diệu dụng để phát khởi tâm chánh tín, khiến cho tâm ấy chẳng bị lui sụt. Suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ thì sẽ thấy Bồ-tát từ bi chỉ dạy không gì chẳng xét đến vậy.

(Ngày 18 tháng 8 năm Dân Quốc 25 - 1936)

425. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tư)

Đối với chuyện vẽ hình tượng Ấn Quang toàn thân hay tượng đứng cũng không quan trọng. Chỉ có điều chớ nên đem phàm lạm thánh, lầm lạc suy tôn, ngõ hầu người đời sau chẳng đến nỗi ngờ là tiếm việt, mà cũng chẳng đến nỗi lầm lạc bắt chước theo.

(Ngày mồng 8 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

426. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ năm)

Quang vốn là hình hài gỗ đất, bị bà tô vẽ trở thành vàng ngọc huy hoàng. Tuy có thể sướng tai khoái mắt mọi người, nhưng thật ra đã khiến tôi thường phải ôm lòng hổ thẹn.

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

427. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ sáu)

Thư trước gởi đến nhằm lúc tôi đang phải gọt giũa bản Hộ Quốc Pháp Hội Khai Thị Lục, chẳng rảnh rỗi để phúc đáp. Tượng Phật lẫn hình Quang đều đẹp. Hôm trước, tôi đã bảo đem tượng Tam Thánh và hình Quang mỗi loại chụp thành 12 tấm, họ cho biết phải trả mỗi tấm 2 cắc. Nay lại gởi đi 10 tấm. Đôi liễn bà viết bên cạnh hình Quang văn lẫn ý đều hay, sẽ đem gởi cho nơi xa (gởi về quê tôi) là chỗ chẳng dễ có được.

428. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ bảy)

Hôm qua nhận được thư và nhận được mọi thứ đầy đủ. Chuyện vẽ tượng là do thầy Đương Gia chùa Linh Nham tính vẽ hình của 12 vị tổ sư Liên tông, bảo Quang làm một bài tán sáu câu để dùng trong ngày kỷ niệm các vị ấy quy Tây. Lại làm một bài tụng theo thể loại *thất ngôn bát cú*, tính viết vào hình vẽ ấy. Do Quang thấy thơ Đường Luật quá bó buộc, liền bắt chước cổ nhân viết bừa cho xong trách nhiệm. Thầy ấy vốn muốn thỉnh cư sĩ vẽ một hai bức, Quang nói: "Bà ấy tỵ nạn, ở đậu nhà người ta, sợ chẳng thể vẽ được. Nếu có thể vẽ được thì hãy nên bảo một người vẽ thôi, để khỏi bị khuyết điểm thể cách bất nhất." Nay đọc thư trả lời, tôi thấy nên bỏ chuyện ấy đi, tùy thầy đương gia thỉnh ai vẽ thì thỉnh.

Theo ý Quang, chuyện này cũng chẳng đáng tán thành. Vì sao vậy? Phương Nam ẩm thấp, chẳng được mười mấy năm lại phải vẽ bức khác, khoản tiền chi tiêu ấy chẳng phải nhỏ đâu! Nếu thờ bằng bài vị thì một hai trăm năm sau vẫn còn tốt. Do thầy ấy chuyện gì cũng muốn cho tốt đẹp, nên vẫn chẳng tiếc công nhiều lần cầu cạnh người khác. Về mặt trang nghiêm đạo tràng thì dường như có ích, nhưng trong thời cuộc, tình thế này, cũng có thể do vậy mà chuốc họa. Xét đến cùng, mọi chuyện thật chẳng nên làm cho lắm. Xin hãy gác lại chuyện này, nhất tâm niệm Phật để mong được lợi ích thật sự. Xin đem hai bức tượng vẽ gởi tới bằng thư bảo đảm.

(Ngày 12 tháng 2 năm Kỷ Mão - 1939)

429. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tám)

Từ lão thái do uống nước pha tro hương được gia trì bằng chú Đại Bi mà căn bệnh nguy hiểm được bớt hẳn, đấy cũng là do lòng thành của gia quyến cảm nên. Hà Đức Mục thích nói chuyện thơ ca, chẳng chú trọng niệm Phật là do bị nghiệp lực mê hoặc, nên chẳng biết phân biệt điều khinh lẽ trọng. Ví như trẻ thơ cho nó đồng tiền thì ưa thích, cho bảo châu ma-ni bèn chẳng nhận. Đem tiền dụ kẻ ăn

mày, hắn chịu niệm Phật là cũng đã gieo thiện căn không chi lớn bằng. Năm Quang Tự 18 (1892), Quang sống tại chùa Viên Quảng ở ngoài cửa Phụ Thành của thành phố Bắc Kinh. Một hôm cùng một vị tăng từ phía ngoài cửa thành Tây Trực đi về chùa Viên Quảng, một đứa ăn mày 15, 16 tuổi chẳng thấy có vẻ đói khát, đi theo xin tiền. Quang bảo nó: "Niệm Phật một câu, ta sẽ cho con một đồng", nó không niệm. Quang nói: "Niệm Phật mười câu ta sẽ cho con mười đồng", vẫn chẳng niệm. Quang lôi túi đựng tiền ra cho nó thấy, ước chừng hơn 400 đồng, bảo nó: "Con niệm Phật một câu ta sẽ cho con một đồng. Con tận lực niệm, ta sẽ cho đến khi hết túi tiền này mới thôi." Nó vẫn không niệm, khóc ầm lên, do vậy bèn quăng nó một đồng tiền rồi bỏ đi. Đứa ăn mày ấy quá thiếu thiện căn, đem tiền dụ cũng không chịu niệm. Nếu trẻ ăn mày phát thiện tâm mà niệm sẽ được lợi ích lớn lao. Dẫu là bị dụ tiền mà niệm Phật vẫn gieo được thiện căn lớn lao.

Trước kia, Quang chẳng trì chú Đại Bi. Năm Dân Quốc 21 (1932), Quang bế quan tại chùa Báo Quốc, mẹ ông Ngô Hằng Tôn ở ngõ cầu Tây Hoa bệnh tình nguy cấp. Ông Hằng Tôn đang ở Bắc Kinh, người nhà vội đánh điện gọi ông về. Vợ ông ta sai người đến chùa Báo Quốc xin Quang tụng cho một chén nước Đại Bi, Quang liền niệm ba biến, bảo cầm về. Uống vào, bà cụ liền tỉnh lại, không còn trong tình trạng nguy hiểm nữa. Sợ Hằng Tôn lo lắng, họ bèn đánh điện nói "bệnh đã không còn nguy ngập nữa", Hằng Tôn bèn không về. Có một đứa bé 9 tuổi khi sanh ra chưa đầy hai tháng, khắp mình sanh đầy mụt lở nhỏ, xuân đến càng thêm đau đớn. Trải nhiều năm vẫn không hết, uống thuốc cũng vô hiệu; do vậy bèn xin nước Đại Bi, uống vào liền lành. Vì thế thường có người đến xin, hằng ngày nói chung phải niệm mấy biến.

Về sau, người đến xin càng nhiều, liền dùng một đồ đựng lớn. Năm trước tỵ nạn đến Linh Nham, thầy Đương Gia nói vẫn cần phải trì chú Đại Bi vào nước. Quang nói: "Hiện thời không mua được bình, mà cũng không có tiền mua bình, hãy nên dùng gạo để thay." Trì chú Đại Bi vào tro hương thì trước kia ở Báo Quốc đã từng làm rồi, bởi lẽ đường xa chẳng thể gởi nước đi được, còn tro thì mọi lẽ đều không trở ngại gì. Nếu ở ngay địa phương này thì không dùng tro. Ông Tần Hiệu Lỗ ở Vô Tích bị ba thứ bệnh, chữa không lành, vừa uống vừa bôi nước Đại Bi liền được lành, bèn quy y.

Toa thuốc trị bệnh sốt rét trọn chẳng phải là điều bí mật gì, phàm ai biết chữ đều có thể dựa theo đó mà viết. Một cựu quân nhân tánh tình xấu xa ở Vô Tích,

từng làm thân binh cho Tổng thống Viên[453] (Viên Thế Khải) nên tập quen thành tánh xấu, ăn nhậu, cờ bạc, chơi bời đủ cả, nghiện thuốc phiện rất nặng. Đến khi đói rách, mắt đã không thấy đường, tuổi đã 57 hay 58. Người anh ông ta chết đi, Tần Hiệu Lỗ đến phúng điếu, trông thấy tình huống khổ sở ấy, bèn cực lực khuyên răn. Ngay hôm ấy, ông ta bèn chừa sạch thuốc phiện, rượu thịt, hằng ngày thường niệm Phật, mắt liền sáng hơn, nghiễm nhiên thành một vị thiện nhân đề xướng niệm Phật. Trước kia người làng chẳng dám qua lại với ông ta. Sau này, bệnh sốt rét bùng phát, ông ta trị cho từng người một đều được lành bệnh. Từ đấy người

[453] Viên Thế Khải (1859-1916), tự là Úy Đình, hiệu Dung Am, người Hạng Thành, tỉnh Hà Nam, là một tay quân phiệt thời đầu Dân Quốc. Do không đỗ đạt, năm 22 tuổi y bèn xung quân phục vụ dưới trướng của Ngô Trường Khánh. Năm 1882, khi Triều Tiên gặp nội loạn, cầu viện triều đình nhà Thanh giúp đỡ. Viên Thế Khải theo Ngô Trường Khánh tấn công Triều Tiên, dẹp tan nội loạn, đưa Triều Tiên vào vòng lệ thuộc Trung Quốc. Họ Viên được cử giữ chức vụ Tổng đốc Triều Tiên, đặc trách huấn luyện quân đội Triều Tiên, kiêm trông coi nội vụ nước này. Khi đảng Khai Hóa của Triều Tiên đứng lên lật đổ hoàng gia Triều Tiên với sự trợ giúp của quân Nhật, Viên Thế Khải đã dẹp tan cuộc nội loạn này, khiến Triều Tiên càng bị lệ thuộc chặt hơn vào nhà Thanh. Tuy vậy, năm 1894, quân kháng chiến Triều Tiên vùng lên lần nữa, quân Thanh đại bại, Viên Thế Khải phải bỏ Triều Tiên tháo chạy về Thiên Tân, nhưng tài cầm quân của ông ta đã được Đại học sĩ Lý Hồng Chương biết đến, nên họ Viên được rút về phục vụ dưới trướng họ Lý. Trong cuộc Mậu Tuất Chánh Biến (1898), phe Duy Tân mưu toan lật đổ thái hậu Từ Hy, lãnh tụ Đàm Tự Đồng đã nhờ Viên Thế Khải bao vây tiêu diệt Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ). Họ Viên liền mật báo cho tay chân thân cận của Từ Hy là Vĩnh Lộc biết trước. Kết quả phe Duy Tân của vua Quang Tự thất bại thê thảm, vua bị giam lỏng, họ Viên được thăng chức, lần lượt leo lên các chức vụ cao hơn. Khi Lý Hồng Chương mất vào năm 1901, họ Viên được Thanh Triều cử làm Tổng đốc tỉnh Trực Lệ, trở thành thủ lãnh cả vùng biên giới phía Bắc, rồi được thăng lên thành Quân cơ đại thần. Khi Phổ Nghi lên kế vị Quang Tự, Thuần Thân Vương (Tải Phong) nhiếp chánh, do Viên Thế Khải và Thuần Thân Vương đã có mâu thuẫn từ trước nên Viên Thế Khải bị Thuần Thân Vương chèn ép, phải cáo bệnh rút về Hà Nam chờ thời. Khi cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra, Thanh Triều tuyên bố giải tán Nội các, cử Viên Thế Khải làm Nội các tổng lý đại thần, thống lãnh quân đội chống cự lại các thế lực cách mạng ở phương Nam. Họ Viên vừa dùng vũ lực đàn áp quân cách mạng, vừa ngầm đàm phán với lực lượng cách mạng. Ngày mồng 1 tháng Giêng năm 1912, Dân Quốc thành lập, Viên Thế Khải vừa thuyết phục vừa ép hoàng đế nhà Thanh thoái vị vào ngày 12 tháng 2 năm ấy. Ngày 15 tháng 2, nhân thấy thế lực của Viên Thế Khải quá mạnh, chánh quyền Dân Quốc ở Nam Kinh đã phải cử Viên Thế Khải làm Đại tổng thống lâm thời, nhưng sửa đổi chánh thể từ *Tổng thống chế* thành *Nội các chế* để giảm bớt quyền lực của họ Viên. Năm 1913, khi tổng tuyển cử lần thứ nhất được tiến hành, Quốc Dân Đảng đắc cử đa số nên Lý sự trưởng của đảng là Tống Giáo Nhân được cử làm Nội các tổng lý (Thủ tướng). Tuy vậy, ông ta bị đâm chết ngày 20 tháng 3 năm ấy tại Thượng Hải, họ Viên phủ nhận trách nhiệm. Tôn Văn tổ chức Trung Hoa Cách Mạng Đảng, toan dùng vũ lực đánh gục họ Viên nhưng thất bại. Tháng 10 năm ấy, Quốc hội lại phải suy cử họ Viên làm Tổng thống chánh thức. Họ Viên ra lệnh giải tán Quốc Dân Đảng vào tháng 11, phế trừ *Ước pháp lâm thời* của chánh quyền Dân Quốc, sửa đổi nhiệm kỳ Tổng thống thành vô hạn định. Với tham vọng nắm trọn quyền, họ Viên cho bọn tay chân như Dương Độ tổ chức Trù An Hội, dùng thế lực, tiền bạc mua chuộc ép buộc các nghị viên tán thành chế độ quân chủ lập hiến, tôn Viên Thế Khải làm vua. Năm 1916, dưới danh nghĩa tiếp nhận thư thỉnh cầu của quốc dân, họ Viên xưng đế, đổi năm ấy thành Hồng Hiến nguyên niên, đổi phủ Tổng Thống thành cung Tân Hoa, trọng dụng kẻ tâm phúc như Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy v.v. vào những chức vụ trọng yếu. Tuy vậy, các tỉnh liên tiếp nổi lên tuyên bố độc lập, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ cát cứ, chống lại chánh quyền họ Viên. Thế cô lực kiệt, họ Viên phải tuyên bố giải tán đế chế, khai trừ đế hiệu vào ngày 22 tháng 3 năm 1916, tức là chỉ xưng đế được vỏn vẹn 83 ngày. Họ Viên muốn tiếp tục làm Tổng thống Dân Quốc cũng không được, đành ôm hận chết vì bệnh tiểu đường vào ngày mồng 6 tháng 6 năm ấy.

làng đều nghe theo. Trong tháng 4, từng dẫn mười mấy người đến quy y, nghiễm nhiên là một vị cư sĩ tu hành đã lâu. Người này họ Hoa, tên Quán Thiên, đã 64 tuổi. Như người này có thể gọi là "dũng mãnh sửa ác hướng lành".

Nay gởi cho bà một gói tro hương để tiện sử dụng cho mình lẫn người khi cần. Lại gởi cho bà năm cuốn Học Sinh Tu Dưỡng Đức Mục (những điều để học sinh tu dưỡng đức hạnh) để dùng dạy trẻ nhỏ, hai cuốn Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết về tang ma, cúng giỗ) bởi lẽ cậu, cô của bà, mẹ của Hà Đức Mục và lão thái Từ đều già rồi, có được quyển sách này cũng có thể dùng để tùy duyên chỉ dạy, đừng để họ thuận theo tập tục trong đời mà gây thêm tội lỗi cho cha mẹ, người thân, bạn bè. Hiện tại, người ta vứt bỏ cổ lễ, trong đám tang lại dùng rượu thịt, diễn tuồng, đúng là chẳng ra sự thể gì! Nghe nói thương nhân X… trong lúc làm lễ đại liệm[454] cho mẹ, người con cả và khách đến viếng uống rượu ăn thịt, đấu quyền làm trò vui, cái tâm đã chết mất rồi. Nếu còn có chút thiên lương, quyết chẳng thể như thế. Thật có thể nói là "thực hành chuyện biến con người thành cầm thú!" Thỏ chết cáo buồn, đâm ra những kẻ ấy chẳng bằng dị loại vậy!

430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ chín)

Nhận được thư hôm Rằm, biết bệnh của lão thái Từ đã đỡ rất nhiều. Phàm người lâm chung thần thức hôn loạn, nếu uống nước Đại Bi hoặc nước pha từ tro hương Đại Bi, hay nước nấu từ gạo Đại Bi, thần thức đều có thể sáng suốt. Nếu lại có người trợ niệm thì chắc chắn sẽ niệm Phật qua đời. Một hai năm qua, đã có ba người được như thế. Hôm 17 tôi đã gởi cho bà một bao tro hương, kể cả bao bì và toa thuốc nặng bốn lạng, chia làm tám bức thư gởi đi, chắc đã nhận được rồi.

Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm. Nếu chỉ để gieo thiện căn, dẫu đùa bỡn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn. Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Lúc đức Phật tại thế, một cụ già muốn xuất gia đầu

[454] Đại liệm (còn gọi là nhập liệm, nhập quan, nhập mộc, lạc tài) là lễ đặt thân thể người đã chết vào quan tài, sau khi đã bó vải cẩn thận. Theo cổ lễ của Trung Hoa, sau khi đã bọc và quấn kín người chết trong vải liệm nhưng chừa mặt ra, dùng giấy hay vải đậy mặt người chết, người con trưởng phải nâng đầu người chết, ngoài ra còn phải có bốn đến sáu người, nâng xác chết lên, đưa chân đi trước, đầu đi sau. Trước tiên hạ xác người chết xuống sát đất với hy vọng nhờ âm khí người chết sẽ sống lại. Lúc đặt vào quan tài, phải đặt một miếng ván có đục hình sao Bắc Đẩu để yểm xuống dưới đáy hòm (có thể kèm theo một số bùa chú khác), rồi mới theo quy cách giống như trên, đưa chân vào hòm trước, đầu vào sau. Khi đặt xong, dùng vải đỏ phủ kín từ đầu đến chân, tấm vải ấy phải do người con gái đã gả chồng phủ lên. Khi đã đóng chặt nắp hòm, phát tang rồi mới đồng loạt "cử ai" (cất tiếng gào khóc).

Phật, năm trăm vị thánh chúng quán sát, thấy từ tám vạn kiếp đến nay, ông cụ trọn chẳng có một mảy may thiện căn nào, bèn cự tuyệt chẳng thu nhận. Ông cụ liền gào khóc ở phía ngoài Kỳ Viên, Phật cho gọi vào, thuyết pháp cho ông cụ, cụ liền chứng đạo quả. Năm trăm vị thánh chúng đều chẳng hiểu được nguyên nhân, hỏi Phật, Phật dạy: "Người này trong vô lượng kiếp trước, do bị hổ đuổi phải trèo lên cây, niệm một câu Nam-mô Phật, gặp ta bèn đắc đạo. Đạo nhãn của hàng Thanh văn các ông chẳng thể thấy được!"

Do vậy biết rằng, chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu người ta không chịu niệm, hãy bảo người ấy: "Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao." Gần đây, ở Vô Tích người niệm Phật rất đông, có một người biết nấu món chay, hễ mở Phật thất đều gọi người ấy đến nấu. Người ấy hằng ngày nghe tiếng niệm Phật, về sau đứa con ông ta sắp chết, liền nói: "Con sắp chết, nhưng chẳng thể đến được chỗ tốt lành. Cha hãy cho con Phật của cha, con sẽ đến được chỗ tốt lành." Người cha nói: "Cha chẳng niệm Phật, làm sao có Phật được?" Đứa con nói: "Phật của cha nhiều lắm, chỉ cần cha nói một tiếng, con sẽ chết an lành." Người cha nói: "Vậy thì tùy con, muốn bao nhiêu cứ lấy bấy nhiêu." Đứa con liền chết. Ông ta tự nhủ: "Mình chẳng hề niệm Phật, sao lại có Phật?" Người hiểu biết bảo: "Lúc ông nấu cỗ chay ở trong căn nhà gần chỗ niệm Phật, hằng ngày thường nghe mọi người niệm Phật. Cho nên cũng có công đức lớn." Đấy là kẻ vô tâm nghe, chứ nếu lưu tâm nghe thì công đức càng lớn hơn. Niệm kinh thì không có câu văn được lập lại, chẳng thể nghe từng câu rõ ràng, minh bạch được. Dẫu lưu tâm lắng nghe cũng khó thể nghe cho rõ ràng, huống là kẻ vô tâm ư? Đủ biết công đức niệm Phật thù thắng!

431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười)

Hôm qua, lúc tôi sắp đem thư gởi cho bưu điện, thầy Đương Gia Linh Nham đến nói: "Nhờ cư sĩ Trương vẽ mấy bức hình 12 vị tổ trong Liên tông, chẳng biết bà ta có thời gian, sức lực để làm được hay chăng?" Nếu bà tâm tình phân vân, chẳng thể cất bút thì cũng không sao. Nếu vẫn có thể vận dụng ngòi bút khéo léo như trước đây, xin hãy vẽ trước một bức, gởi tới Linh Nham bằng thư bảo đảm rồi mới châm chước quy tắc. Bức thứ hai thứ ba sẽ vẽ giống như vậy, dùng loại giấy tuyên[455] rộng bốn thước, phía trên viết bài thơ ca tụng theo Cổ Thể Thất

[455] Tuyên chỉ (giấy tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kính tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gẫy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v. đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là tuyên chỉ (giấy tuyên). Giấy tuyên được chế bằng vỏ cây thanh đàn, pha lẫn với bột của một loại cỏ có tên là thủy đạo. Từ đời Tống

Ngôn Bát Cú. Trước hết, đề tên tổ sư, kế đến ghi niên đại, ghi trong một tờ giấy khác, gắn lên đầu bức tranh. Tên bài tụng, tên họa sĩ đều viết phía dưới bức chân dung, ngõ hầu chẳng đến nỗi mắc lỗi "tên của phàm phu được đặt phía trên tượng tổ sư". Về giấy, xin cư sĩ hãy mua giùm, để khỏi bị nhăn gãy khi gởi tới. Mười hai vị tổ, chính là những vị thường được cõi đời gọi là *Liên tông cửu tổ* (chín vị tổ của Liên tông), phía dưới vị tổ thứ 8 là đại sư Liên Trì, thêm ngài Ngẫu Ích vào thành vị tổ thứ 9, nên ngài Triệt Lưu thành tổ thứ 10. Do vậy, ngài Tư Tề Thật Hiền từ vị tổ thứ 9 trở thành vị tổ thứ 11, tiếp đó lại thêm thiền sư Triệt Ngộ thành vị tổ thứ 12.

Phía sau ảnh tượng của Phật, của tổ, phụ thêm tượng chín vị tổ. Chỉ có các ngài Ngẫu Ích và Triệt Lưu không có tượng (nay đều đã có), ngài Triệt Ngộ thì ở Hồng Loa có hình chụp. Trộm nghĩ hình tượng thời cổ đều từ ý tưởng của người đời sau vẽ ra. Theo đúng lý, chư tổ không để râu, chỉ có ngài Thiện Đạo là râu dài, tóc dài, sợ rằng cũng là do tưởng tượng, chưa thấy có chỗ nào đề cập đến chuyện ngài để râu dài tóc dài. Cũng có tượng vẽ ngài râu ngắn củn. Chỉ có ngài Triệt Ngộ râu vừa thanh tú vừa dài. Nếu luận theo giới cấm của Phật thì có lẽ chẳng để râu mới nên, nhưng luận theo phương diện thế gian thì cũng chẳng trở ngại gì. Chỉ có ngài Thiện Đạo để râu dài tóc dài là đáng nghi. Chuyện này hãy để từ từ, đợi sau này quyết định. Xin hãy sáng suốt suy xét rồi trả lời như thế nào.

(Tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)

432. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười một)

Nay gởi cho bà một bức tượng bán thân của Sơ tổ, một bức tượng ngồi toàn thân của thiền sư Triệt Ngộ. Tượng của 12 vị tổ đều lấy tượng của ngài Triệt Ngộ làm chuẩn, nhưng chỉ y theo dáng ngồi mà thôi, bất tất đều phải vẽ đắp y. Cái vòng treo y của ngài Triệt Ngộ quá thấp, cần phải vẽ cao lên hai ba phân mới nên. Đối với những thứ trang nghiêm được vẽ thêm bên cạnh tượng chẳng cần phải vẽ quá nhiều, càng đơn giản càng hay, đều vẽ sao cho nhất trí. Nếu tượng này được vẽ ra, chắc sẽ được chụp ra để truyền bá. Không nhất định phải viết bài tán của Quang vào tranh, do chư tổ đều có một bài tụng theo lối *thất ngôn bát cú* đề vào phần giấy ở phía trên tượng như cách thường làm trong cõi đời. Xin hãy tận hết tâm lực vẽ trước hai bức tượng này gởi tới Linh Nham để chúng tôi xem thử rồi mới lại quyết định, cân nhắc. Nếu bà chịu vẽ hết 12 bức thì cũng hay lắm, nhưng không cần gấp. Dẫu phải mất mấy tháng cũng không sao cả. Nếu chẳng thể vẽ

- Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại bột gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy tuyên khác nhau, nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

hết, thì vẽ hai ba bức cũng được; chúng tôi sẽ đem cách thức bà đã vẽ để cầu người biết vẽ vẽ tiếp.

(Ngày 26 tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)

433. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ nhất)

Chúng ta từ bao kiếp đến nay cố nhiên đã có lúc gieo thiện căn, nhưng chưa gặp được pháp môn cậy vào Phật lực để liễu thoát ngay trong một đời, cho nên vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể tự thoát được. Ông thuở bé theo mẹ tin Phật, ấy là thiên tánh; về sau lậm nặng chất độc của Âu - Hàn, đấy chính là tập thói xấu ác. Còn những cảnh được thấy trong giấc mộng thì cũng là do thiện căn từ đời trước mà ra, nhưng mê đã quá sâu, cho nên trong nhất thời chẳng thể lập tức quay đầu lại được. Sự quan hệ này hết sức nguy hiểm! Nếu chẳng tự chấn chỉnh, sẽ mê muội dài lâu, sợ rằng ngay cả danh hiệu Phật cũng không cách gì nghe được. Nay đã biết rồi, hãy nên nỗ lực.

Hơn nữa, pháp môn Tịnh độ khác với các pháp môn khác, các thứ pháp môn khác đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn này hoàn toàn cậy vào Phật lực. Phương Nam, Tông môn khá nhiều, chớ nên xen nhập Tông môn, mong được cái danh đẹp đẽ là "Thiền Tịnh song tu". Nói chung, Tông môn lấy việc khán câu *"người niệm Phật là ai"* để được khai ngộ, tuyệt chẳng nói đến "tín nguyện cầu sanh". Đừng nói chưa ngộ, dẫu khán đến mức thấy được diện mục vốn có của người niệm Phật thì chỉ được kể là ngộ, còn cách liễu sanh tử rất xa. Nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không", chắc chắn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được.

Thêm nữa, chẳng chú trọng tín nguyện, cầu sanh Tây Phương là trái nghịch với Phật, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử được. Vì thế, người niệm Phật hễ xen kèm hơi hướng Tông môn thì chỗ được lợi ích ít ỏi mà chỗ mất lợi ích lại nhiều. Giáo lại càng khó đắc lực hơn nữa! Mật tông ăn nói quá lớn lối, nguy hiểm cùng cực[456]. Ông hãy nên chuyên chú một môn tín nguyện niệm Phật, kèm thêm là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Phàm suy nghĩ,

[456] Xin chú ý ở đây tổ không có ý đả kích Mật tông, mà chỉ quở trách những kẻ không học hiểu giáo nghĩa Mật tông đến nơi đến chốn, được truyền thụ vài ấn quyết, đọc một số kinh sách Mật tông rồi ngạo nghễ coi thường các tông khác, cũng như không hiểu rõ ý nghĩa "hiện thân thành Phật", tự xưng là đã đắc đạo, tự xưng là thượng sư, thu nhận đồ chúng tràn lan, cũng như chuyên chú trọng thần thông, không hiểu mục tiêu cuối cùng của mọi pháp môn trong Phật giáo là hướng tới mục đích liễu sanh thoát tử, tấn tu cho đến khi thành Phật quả.

động niệm, cư xử đều phải lấy chân thật chẳng dối làm chánh, ngõ hầu chẳng luống uổng cuộc đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Quang già rồi, không có sức để thù tiếp, xin đừng thường gởi thư đến.

(Ngày 20 tháng 6 năm Dân Quốc 20 - 1931)

434. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ hai)

Đang trong thời thế này chỉ nên giữ bổn phận, mặc kệ những kẻ mất trí điên cuồng làm gì thì làm, trọn chẳng tranh luận hoặc bắt bẻ bọn chúng. Bởi lẽ người hiểu lý thì ít, kẻ hồ đồ thì nhiều. Nếu có tranh biện xảy ra, do bọn ma thế mạnh, sẽ đâm ra càng làm tăng thế lực của chúng. Đối với người biết tốt xấu, hãy gắng khuyên họ đừng theo bọn chúng; nếu là kẻ chẳng biết tà chánh thì chỉ đành bỏ mặc. Ví như con chó ăn phân cho là thơm ngon, nếu bảo là hôi thối, ngăn trở nó đừng ăn, ắt nó sẽ ôm lòng giận dữ, cho là muốn đoạt món ăn ngon lành của nó. Chẳng những vô ích mà còn có thể chuốc lấy họa lớn!

Pháp của ngoại đạo bí mật chẳng truyền. Muốn nói ra sợ bẩn miệng tôi, muốn viết ra sợ bẩn tay tôi. Chỉ nên dùng lòng chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để xoay chuyển pháp của bọn chúng. Dẫu chẳng thể chuyển được, há để bị bọn chúng xoay chuyển ta ư? Sở dĩ ngoại đạo được truyền khắp cả thế giới là do dùng hai thứ biện pháp bí mật và thốt lời thề độc. Nếu bỏ hai cách ấy đi, ắt sẽ băng tan, ngói vỡ liền! Quang vốn muốn nói sơ lược, nhưng sợ kẻ đố kỵ giáng họa, nên chỉ nói tóm tắt mà thôi. Lũ ma rất đông đảo, không tìm được cách nào ngăn chặn, nay gởi cho ông bài tựa về Cư sĩ lâm ở Triều Dương, xin hãy chép lại treo trong Lâm để những ai hiểu văn lý xem đến ắt sẽ sanh lòng chánh tín rồi hộ trì. Quang già rồi, sáng chẳng bảo đảm được tối, từ nay đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, bởi tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

435. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết chuyện Thái Vũ Thanh quy y. Ông nói đã gởi thư đến trong hạ tuần tháng trước, nhưng tôi chưa từng nhận được thư ấy. Xét cảnh ngộ của ông Thái, đáng gọi là "khổ sở đến cùng cực". Nhưng khổ vui, họa phước vốn chẳng nhất định, người khéo dụng tâm có thể biến khổ thành vui, biến họa thành phước. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, phần nhiều do vui mà bị khổ, do phước mà mắc họa! Vũ Thanh đã biết tướng thế gian vô thường, gấp muốn quy y tam bảo để tu trì tịnh nghiệp, để cầu nương vào Phật từ lực hòng liễu sanh thoát tử. Đây có thể nói là: "Cảnh khổ là cơ hội quý báu để thành tựu đại thiện căn liễu thoát sanh tử

cho ông ta.” Nếu không, con cháu đầy nhà, gia đình hòa thuận, chỉ biết những sự sung sướng trước mắt, ai tính đến chuyện sau khi chết sẽ đi về đâu.

Ông ta đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Tịnh, nghĩa là chuyên chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nhưng cần phải cởi gỡ những điều canh cánh trong lòng, đừng nên thường ngậm ngùi “tuổi già xộc đến mà con chết cháu mất”, càng thêm sanh lòng oán trời hận người, chỉ nên tự oán, tự phản tỉnh: “Chính mình đời trước ít vun bồi thiện căn đến nỗi đời này bị kết quả ấy!” Lại hãy nên thường sanh lòng hoan hỷ: “Nếu chẳng vì bọn họ chết mất, ta quyết khó thể phát tâm xuất thế. Tâm này chẳng phát, dẫu cho chết đi vẫn được tái sanh trong loài người, quyết khó thể vĩnh viễn chẳng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, sẽ đọa trong tam ác đạo, chịu các sự khổ lâu dài cả kiếp trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nay do cái chết của bọn họ khiến cho ta phát tâm xuất thế, đúng là trời dùng cái chết của bọn chúng để hoàn thành tốt đẹp thiện quả xuất thế cho ta. Ấy chính là thiện căn đời trước của ta phát hiện.”

Hãy giữ yên bổn phận, chẳng sanh oán hờn, cùng với người con dâu góa bụa, cháu gái đều tu tịnh nghiệp để mong cùng sanh Tây Phương. Nếu làm được như vậy thì chẳng những chính mình, dâu, cháu được sanh về Tây Phương, mà người vợ đã khuất, hai đứa con, hai đứa cháu, một đứa dâu đều sẽ nhờ vào pháp ích ấy mà cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Chớ nên mang tri kiến ngu si vô tri, thường ôm lòng sầu lo, than thở, đến nỗi tuy niệm Phật mà tâm đâm ra bị chướng ngại, đến nỗi chẳng tương ứng với Phật, làm hỏng đại sự của chính mình.

Nay gởi thêm cho ông ta hai tờ Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy nương theo đó để tự hành, lại dùng những điều ấy để giáo hóa người khác, ắt người ta sẽ biết mình tri thức cao minh, tu trì tinh tấn, sẽ vui vẻ thuận theo, công đức ấy lớn lắm. Tất cả phương pháp tu trì sợ ông ta chưa hiểu rõ, nay gởi cho ông ta một cuốn Gia Ngôn Lục, xin hãy lắng lòng đọc kỹ thì sự mầu nhiệm thù thắng nơi cõi Tây Phương, pháp tắc tu hành, trợ niệm khi lâm chung, giáo dục trong gia đình sẽ đều biết rõ phương hướng vậy. Cháu gái còn thơ ấu, hãy nên nghiêm túc răn dạy, vun bồi tư cách hiền huệ lương thiện cho nó, ngõ hầu nó sẽ trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới trong mai sau. Ấy chính là rạng mày nở mặt, cao trỗi hơn chuyện con cháu làm quan to, giàu có lớn rất nhiều. Vì sao vậy? Do hiền nữ ắt sẽ có thể là hiền thê, hiền mẫu của người khác, khiến cho cả chồng lẫn con cháu đều thành hiền nhân. Xin hãy đưa những điều này cho ông ta coi để ông ta làm theo đó thì may mắn thay!

436. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết trong một năm nay, ông đã du lịch mấy vạn dặm, khai thông tri kiến và tu trì tịnh nghiệp, chiết phục ngã mạn; so với trước kia, tâm gấp cầu sanh Tây Phương càng chân thật thiết tha gấp trăm lần. Nỗi khổ trong Sa-bà chẳng thể chịu đựng được một buổi, hãy nên toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật và khuyên quyến thuộc nhất tâm niệm Phật. Sự nghiệp trước kia là giấc mộng, nay chẳng nên làm nữa, hãy chuyên thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương. Đến khi giấc mộng ấy đã thành, lại nương vào Phật từ, trở lại Sa-bà, phổ độ oán thân đều cùng sanh Tịnh độ, ngõ hầu chẳng phụ cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Nếu chẳng buông xuống được thì sau này chỉ có ác mộng, quyết chẳng có hảo mộng. Loại ác mộng ấy còn chẳng muốn nghe, huống là mộng thấy ư? Nếu vẫn muốn mộng thấy thì chính là gã điên! May mắn là quyến thuộc bình yên, hãy nên suất lãnh mọi người cùng thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương để mong được cùng với các vị thượng thiện nhân cùng hội ngộ nơi liên trì.

(Ngày 12 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

437. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ hai)

Năm ngoái nhận được thư ông, ông ngờ Quang không gởi thư. Biết ông học nghiệp tăng tấn lớn lao, thấy được chỗ người khác chưa thể thấy, vì thế chẳng muốn trả lời. Còn như hòa thượng X… nói Quang đã chết, đấy là lời thật đó, bởi nhân cách đã mất, chỉ là sống trộm. Nay lại nghĩ đến, chẳng nói gì khác. Niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, so với những kẻ sanh lên trời Đâu-suất, khó - dễ, an ổn - nguy hiểm sẽ khác biệt gấp trăm ngàn vạn ức lần sự cách biệt vời vợi giữa trời và vực. Ông tên là Mộ Nho, Quang tuy theo đạo Thích vẫn còn có khí phận của Nho, chỉ hai câu nói ấy đã chính là lời mổ tim vẩy máu rồi, những điều khác đều chẳng nói tới nữa!

(Ngày 23 tháng 8 năm Dân Quốc 29 - 1940)

438. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Minh

Từ quý ấp có ông Tống và trụ trì chùa Cụ Giác là sư Nguyên Tràng đến núi thăm viếng, cho biết cư sĩ gảy đàn[457] trong ấp ấy, gió nhân dịu mát, cả vùng ca

[457] Đây là một cách nói dựa theo điển tích *"minh cầm nhi trị"* (gảy đàn cai trị). Điển tích này xuất phát từ bộ Lã Thị Xuân Thu, phần Sát Hiền: *"Mật Tử tiện trị Đơn Phụ, đản minh cầm, thân bất hạ đường, nhi Đơn Phụ trị"* (Mật Tử bị đày về trông xứ Đơn Phụ, chỉ đánh đàn, chẳng phải ra công đường xét án mà Đơn Phụ được bình trị). Do vậy, đời sau thường dùng từ ngữ "minh cầm nhi trị" để chỉ người có đức độ, dùng lễ nhạc, đạo nghĩa cảm hóa dân. Về sau, từ ngữ này trở thành một lối nói khách sáo nhằm ca ngợi một ông quan có tài cai trị.

tụng, Quang nghe vậy khôn ngăn hoan hỷ, an ủi. Người học Phật đều phải nên dùng tâm Bồ-tát để làm chuyện thánh hiền, huống chi ông thân làm ấp trưởng, làm cha mẹ của dân ư? Cư sĩ đã có thể dùng tâm Bồ-đề để cai trị bằng lòng nhân, thật đáng gọi là đệ tử chân thật của đức Phật, may mắn chi hơn? Sư Nguyên Tràng nói: "Xây cửa chùa mới, tính thỉnh cư sĩ đề một tấm biển ngạch hòng rạng rỡ pháp đạo, tăng lòng tín ngưỡng cho người khác", cậy Quang báo cho ông biết, chắc là ông chẳng đến nỗi tiếc công múa bút vậy. Do vậy bèn kèm theo thư, trình lên ông kích thước vừa vặn nhất để khắc lên bia đá. Trên tấm biển ngạch, hoặc đề *"bất nhị pháp môn"* hoặc *"đồng đăng giác lộ"* (cùng lên đường giác), hoặc *"nhất siêu trực nhập"*, hoặc *"tam giải thoát môn"*.

(Ngày mồng 1 tháng 9)

439. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ nhất)

Nhận được thư ông từ núi chuyển đến, do tôi phải sắp đặt in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ nên hằng ngày chẳng rảnh rỗi, tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng thể trả lời được. Các hạ đã sanh lòng tin sâu xa nơi Phật pháp và pháp môn Tịnh độ, lẽ ra phải nên bái bậc cao minh làm thầy; còn kẻ tầm thường, hèn kém như Quang chẳng được mấy ai coi trọng, nếu thờ làm thầy sẽ thành ra bị khuất lấp, nhục nhã vậy! Tuy nhiên, đã là hữu duyên, chẳng ngại gì đãi nhau bằng tình đạo. Nay đem những sách như Văn Sao… gởi tới, để làm căn cứ "tự hành, dạy người" trong mai sau.

Lệnh lang Ấu Điển muốn tiêu diệt tai chướng, tăng trưởng phước tuệ, hãy nên hằng ngày lễ bái trì niệm thánh hiệu Quán Âm, đấy chính là "tự cầu nhiều phước, phải sửa đức mình", há nên bắt chước lệ cũ của kẻ ngu tục, đem đãy đeo vào tay của tượng Bồ-tát để cầu ngài ngầm che chở ư? Hãy đối trước Bồ-tát bẩm rõ rồi đem cái đãy ấy đốt đi để sau này khỏi phải vứt bỏ.

Nếu vợ chồng các hạ và lệnh lang thường niệm Quán Âm thì tâm buộc nơi đức Quán Âm. Tâm buộc nơi đức Quán Âm sẽ tự được đức Quán Âm che chở gia hộ, do tâm Bồ-tát và tâm chúng sanh tương thông trong từng hơi thở. Chỉ vì chúng sanh mê trái, tự hình thành chướng ngại, nên chẳng được che chở gia hộ. Lỗi nơi chính mình, nào phải Bồ-tát có lòng thiên vị riêng tư. Quang sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài, tất cả những vật chẳng khẩn yếu đã gác bỏ hết. Ông nói đến ảnh chụp của ông, sợ bạn bè ở Phổ Đà biết ý này nên giữ lại cũng không biết chừng. Sau này đừng đến Phổ Đà nữa, cũng chẳng thể nói rõ Quang sẽ ẩn dật tung tích ở chỗ nào để khỏi phải bị phiền nhiễu thù tiếp thư từ.

Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do thợ in chẳng cẩn thận, khi giảo đối để làm chỉ bản lần thứ hai, do những chữ đã được xếp khuôn phải được lèn thật chặt, hễ có chữ nào chênh vênh, hoặc trồi lên, họ đều thuận tay cắm bừa lại, đến nỗi sai ngoa quá nhiều. Mười mấy ngày sau nữa sẽ có bản đính chánh được in ra, ông sẽ biết chi tiết. Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng qua những sách ấy những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn? Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi.

(Mồng 8 tháng Chạp)

440. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết tâm từ khá sâu, vì thế chẳng tiếc nhiều tiền, hễ thấy con vật sắp bị giết liền mua để thả, tôi cảm kích, bội phục cùng cực. Nếu nói niệm Đa Bảo Như Lai hoặc Thất Như Lai[458], hoặc chú Vãng Sanh, hoặc chú Chuẩn Đề, hoặc chú Đại Bi thì đều được, há nên tụng chú do người đời soạn ra? Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Các hạ đã hiểu sâu xa Phật lý, sao vẫn nghĩ những chú văn do người đời soạn ra ấy là hữu ích, còn những chú do đức Phật nói đâm ra chẳng có ích gì? Đấy cũng là tập khí trong đời trước tin đạo chẳng chuyên dốc mà ra. Khi tập khí hãy còn mà chính mình chẳng biết, chẳng hạn như tập khí của thói quan liêu, chỉ những ai không có thói ấy mới biết. Tự mình có thói tập khí ấy, dẫu người khác có nói thì chính mình vẫn chẳng nhận biết những điều đã được chỉ ra.

Người học đạo cần phải trừ tập khí, tập khí ngạo mạn quả thật là chướng ngại cho sự nhập đạo. Các hạ hãy xét kỹ, quan sát lời nói, hành vi chắc sẽ biết được, hễ biết thì còn có được lợi ích thù thắng. Lời lẽ này không ai chịu nói, Quang một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, chẳng nề hà kiêng kỵ, muốn cho các hạ thật sự được lợi ích chân thật cho nên lược thuật nguyên do.

441. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ ba)

[458] Đây là danh hiệu của bảy đức Như Lai thường được xướng tụng trong khi thí thực hoặc cúng dường. Danh hiệu của bảy vị này xuất phát từ kinh Diệm Khẩu Du Già Đà La Ni, gồm: Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Thế Gian Quảng Đại Oai Đức Tự Tại Quang Minh Như Lai và A-di-đà Như Lai. Nhưng theo nghi thức phổ biến hiện thời, danh hiệu của bảy vị Như Lai là Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai và A-di-đà Như Lai.

Nhận được thư, biết ông hằng ngày tụng niệm tinh ròng, siêng năng, tôi mừng rỡ, an ủi không chi bằng. Ông nói đến bóng đen thì đấy chẳng phải là ảnh của Phật, Bồ-tát, cũng chẳng phải là hình ảnh của oán thân đối đầu hiện ra. Do Phật, Bồ-tát đã hiện thì ắt phải có diện mục v.v. rõ ràng có thể thấy được, còn oán thân sẽ hiện ra tướng đáng sợ. Hình ảnh ấy chính là những cô hồn có duyên với ông trong đời trước, mong được nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Sau khi hồi hướng cho họ trong khóa tụng, ông lại chuyên hồi hướng cho họ, khiến họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì sẽ hữu ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen khổ tâm hiện bóng ấy.

Hơn nữa, phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới chẳng tốt đẹp không sanh lòng kinh sợ. Làm được như thế thì những cảnh giới đã thấy đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành, hãy nên lấy chí thành, cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi khiêm tốn. Tâm giữ được, thân hành được, tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng phải nỗ lực cố gắng để mong chẳng trái tâm Phật, hạnh Phật, sẽ đáng gọi là người tu hành chân thật, là đệ tử thật sự của đức Phật vậy.

(Ngày 19 tháng 7 năm Mậu Thìn - 1928)

442. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ nhất)

Pháp danh của cha con và em gái (Chí Tiên), vợ chồng ông Trương, mẹ con ông Phạm được viết trong một tờ giấy khác. Giới u minh[459] sẽ truyền vào lúc bảy giờ tối hôm Rằm. Con muốn hoằng dương Tịnh độ để báo ơn cha mẹ, sao chỉ ăn chay ba năm? Chẳng biết sát kiếp trong mấy năm gần đây đều là do sát sanh ăn thịt dấy lên, con muốn giảng pháp môn Tịnh độ cho hết thảy mọi người mà chính mình vẫn chưa thôi ăn thịt thì người ta cũng bắt chước ăn thịt theo.

Quang già rồi, sáng chiều sẽ chết, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y, bởi không có mục lực lẫn tinh thần để thù

[459] Giới u minh: Truyền giới Bồ-tát cho người đã mất. Hòa thượng Tuyên Hóa giảng về ý nghĩa giới u minh như sau: "Giới u minh chính là giới được thọ trì bởi hết thảy cô hồn, vong linh. Phàm ai mong vì người đã khuất cầu cho người ấy được thọ giới u minh, phải dốc lòng kiền thành, thay mặt cho người ấy cầu giới thì mới được Phật, Bồ-tát, thánh hiền giáng lâm pháp hội, chứng minh thọ giới. Người thay mặt người đã khuất cầu giới phải phát tâm rộng lớn, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong cõi u minh được hưởng lợi ích nơi Phật pháp, thoát lìa mọi nỗi khổ trong chốn u minh, sanh về đường lành. Lại phải quán tưởng dung mạo của người đã khuất, phát lòng tin thiết tha thay cho người ấy đảnh lễ tam bảo. Có như vậy thì mới cảm được người đã khuất phát lòng chí thành, cầu thọ trì mười giới Đại thừa Bồ-tát."

tiếp. Nay gởi cho con một tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp, dùng đó để tự lợi lợi tha thì sẽ là đệ tử chân thật của đức Phật. Chẳng cần phải gởi bù tiền hương kính, nơi đây chẳng theo lệ mua hàng hóa ở ngoài chợ búa. Từ nay về sau hễ gởi thư tới nữa, quyết chẳng phúc đáp!

(Ngày 11 tháng 9)

443. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ hai)

Thư con gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu chẳng rảnh rỗi để lo đến. Hôm trước mới đem phiếu thỉnh sách giao cho Hoằng Hóa Xã, chắc họ đã gởi đến rồi. Con đã 18 tuổi, sao chẳng sốt sắng học chữ? Thêm nữa, cách xưng hô trong khi viết thư đều chẳng hợp lễ cho lắm. Con người sống trong thế gian, hễ siêng năng ắt có thành tựu, nếu lười nhác thì một chuyện cũng chẳng thành. Đừng nói là "kẻ tài năng chẳng hơn ai, vẫn còn có gia nghiệp để trông cậy!" Cần biết rằng: Càng phú quý, càng phải siêng học! Con em nhà phú quý phần nhiều bại hoại, ít có kẻ thành chánh khí, đều vì ỷ vào gia nghiệp. Rốt cuộc cái để ỷ vào lại chẳng đủ để ỷ y, tài đức của chính mình mới là cái có thể nương dựa được thì lại chẳng thành tựu gì. Đến nỗi cái có thể trông cậy lại chẳng đủ để trông mong được, mà tài đức của chính mình lại chẳng có gì, chẳng trở thành hạng làm thuê nghèo hèn, há có được chăng?

Con đã phát tâm quy y Phật pháp, ắt phải làm người tốt trước đã, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, nhất cử nhất động dẫu ở trong nhà tối vẫn chẳng buông lung, chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền người thiện trong thế gian. Làm được như thế thì mới đáng là đệ tử đức Phật! Đối với những kinh sách đã thỉnh, phải đặc biệt cung kính. Hiện thời hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, đừng bắt chước thói đọc sách lướt qua như cưỡi ngựa xem đèn thì sẽ được lợi ích, Văn Sao, Gia Ngôn Lục chính là khai thị. Từ nay trở đi đừng nên gởi thư tới nữa, do Quang tuổi già mắt quáng, chẳng thể thù tiếp được. Sách gởi lần này là do ta tặng, sau này muốn thỉnh nữa hãy chiếu theo bảng giá của Hoằng Hóa Xã mà thỉnh. Nếu cứ theo lệ tặng sách này, ta chẳng có tài lực ấy đâu!

(Ngày 18 tháng 10)

444. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ nhất)

Con người quý ở chỗ tự biết, chớ nên nói năng lớn lối quá phận bừa bãi. Đọc những lời bàn luận nghi ngờ của ông, thấy rõ ông cho rằng dịch kinh trọn chẳng

phải là việc khó khăn, chỉ cần biết tiếng ngoại quốc là có thể trở thành một dịch giả giỏi rồi. Nếu chỉ là một dịch giả [thông thường, thiếu căn bản Phật học vững chắc], bảo người ấy dịch kinh thì anh ta vẫn giống như kẻ không hiểu tiếng ngoại quốc. Ông cần phải dựa theo Phạn bản, Phạn bản chẳng phải là bất di bất dịch, cần phải có con mắt trí tuệ để phân biệt văn nghĩa trong Phạn bản là đích xác, hoặc là do truyền thừa lâu đời bị sai ngoa thì mới có thể dịch kinh được.[460] Do một người không thể làm được, nên trong một đạo tràng dịch kinh có nhiều vị thông gia (người hiểu biết sâu rộng). Có vị dịch kinh văn, có vị chứng nghĩa. Những vị tham dự dịch trường đều chẳng phải toàn là những người không thông hiểu Phật pháp.

Ông hoàn toàn tưởng rằng dịch kinh giống như dịch lời nói của người ngoại quốc, như vậy thì giống hệt như kẻ đọc sách chỉ nhận biết mặt chữ, chứ trọn chẳng hiểu ý nghĩa những lời văn sâu xa, uyên áo của thánh nhân ra sao. Chớ nên thốt lời xằng bậy ấy nữa! Cứ nói thì sẽ khiến cho kẻ chẳng hiểu biết gì bèn lầm lẫn bội phục ông, chứ khó khỏi bị người có chánh kiến đau tiếc sâu xa. Quang một mực chẳng vì muốn làm sướng tai khoái mắt kẻ khác mà gây lầm lẫn cho người ta. Nếu chẳng coi lời Quang là sai thì hãy giữ phận tu trì. Nếu không, đường ai nấy đi, chẳng sao cả. Mai kia đi đường gặp nhau sẽ vòng tay chào rồi đi, chẳng cần phải hỏi ông là ai, tôi là ai nữa.

445. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ hai)

Một kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Bản dịch đầu tiên là do ngài Chi Lâu-ca-sấm[461] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán, gồm ba quyển, văn từ rườm rà, với tựa đề là kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Bản dịch kế tiếp do ngài Chi Khiêm[462] người xứ Nhục Chi dịch vào đời

---

[460] Cũng xin nói thêm: Để dịch kinh, tối thiểu người dịch phải thông hiểu những thuật ngữ trong Phật pháp mới không hiểu sai. Theo một bài viết đăng trên nguyệt báo Lắng Nghe của trường Gia Giáo chùa Viên Giác, ngay cả những vị mang tiếng là học giả Hán Nôm nhưng không chú tâm nghiên cứu Phật giáo vẫn mắc phải những sai lầm ấu trĩ, khó thể chấp nhận khi dịch những văn bản Phật giáo từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Chẳng hạn, họ không biết Nê-hoàn là cách phiên âm khác của chữ Niết-bàn, Điều-đạt là cách gọi rút gọn tên Đề-bà-đạt-đa, không biết Thiện Thệ là một trong mười hiệu của đức Phật nên dịch thành "khéo đi" v.v..

[461] Chi Lâu-ca-sấm (Lokasema) sanh năm 147, không rõ năm mất, đôi khi còn được gọi tắt là Chi Sấm, người xứ Đại Nhục Chi (Kusana), tới kinh đô Lạc Dương vào thời Hán Hoàn Đế. Ngài dịch được các bộ kinh Đạo Hành Bát-nhã, Ban-chu Tam-muội, kinh A-xà-thế Vương, kinh Tạp Thí Dụ, kinh Thủ-lăng-nghiêm, kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và hơn 20 hội thuộc kinh Bảo Tích. Ngài là vị dịch kinh Bát-nhã sớm nhất tại Trung Hoa, gây nên hứng thú nghiên cứu kinh Bát-nhã suốt thời Ngụy - Tấn. Sơ tổ Huệ Viễn của tông Tịnh độ đã căn cứ vào kinh Ban-chu Tam-muội mà lập ra pháp ban-chu niệm Phật, lập liên xã, và khởi xướng truyền thống niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

[462] Chi Khiêm, cũng là người xứ Đại Nhục Chi, sống vào cuối thế kỷ thứ ba. Ngài vốn là một vị cư sĩ tên Cung Minh theo mọi người trong bộ tộc di cư sang Đông, sống tại Hà Nam. Ngài thông hiểu ngôn ngữ của sáu nước Thiên Trúc, theo học với một đệ tử ngài Chi Lâu-ca-sấm là Chi Lượng, do thông hiểu

Ngô gồm hai quyển, với tựa đề kinh Phật Thuyết A-di-đà. Do trong kinh nhật tụng cũng có bản kinh tên kinh Phật Thuyết A-di-đà, nên phía ngoài thêm vào một chữ Đại để phân biệt.

Lại vào đời Triệu Tống[463] có cư sĩ Vương Long Thư sao lục những chỗ trọng yếu trong bốn bộ, tức hai bản dịch đầu tiên (tức bản của ngài Chi Lâu-ca-sấm và Chi Khiêm dịch) và bản dịch thứ ba (tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải) cũng như bản dịch thứ năm vào đời Triệu Tống (tức bản dịch của ngài Pháp Hiền) thành một bản hội tập, đặt tên là kinh Đại A-di-đà. Thuở ấy, bản này được lưu truyền mạnh mẽ, sau vì đại sư Liên Trì chỉ ra khuyết điểm "khi hội tập, ông Vương chẳng y theo kinh văn của các bản dịch"[464] nên từ đấy không có ai thọ trì nữa. Trong Đại tạng có bản kinh này. Các chỗ lưu thông đều chẳng lưu thông. Có người bảo kinh Vô Lượng Thọ, ngoài năm bản dịch còn có một loại nữa, tức là bản kinh hội tập này vậy.

Bản dịch thứ ba chính là kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ, gồm hai quyển, hiện thời ai nấy đều thọ trì bản kinh này, tức là bản do ngài Khang (tên nước) Tăng Khải[465] dịch vào đời Tào Ngụy[466]. Bản thứ tư chính là hội thứ mười bảy của

---

các kinh điển nên được người đời tặng mỹ hiệu Trí Nang (cái túi trí tuệ). Về sau, do tỵ loạn, ngài dời sang sống tại Đông Ngô, được Ngô Vương Tôn Quyền rất tôn trọng, phong chức quan Bác sĩ để dạy Thái tử Tôn Lượng học. Suốt thời gian 31 năm từ 222 đến 253 năm, ngài dốc sức dịch các bộ kinh Duy-ma-cật, kinh Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi, kinh Đại Minh Độ v.v., tổng cộng hơn 129 bộ kinh. Ngoài ra, ngài còn soạn Tán Bồ-tát Liên Cú, Phạm Bái Tam Khế, chú giải Liễu Bản Sanh Tử Kinh. Khi Thái tử lên ngôi, ngài ẩn cư tại núi Khung Ải, thọ giới với ngài Trúc Pháp Lan, trở thành tăng sĩ, lắng lòng tu niệm, viên tịch năm 60 tuổi.

[463] Triệu Tống là nhà Tống (927-1279) được sáng lập bởi Triệu Khuông Dẫn, gọi như vậy để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập.

[464] Xin xem thêm chi tiết về lời phê của tổ Liên Trì trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

[465] Khang Tăng Khải (Samghavarman), còn được phiên là Tăng-già-bạt-ma, sống vào thời Tam Quốc, người xứ Khang Cư (Sogdian), đến Lạc Dương vào năm Gia Bình thứ tư (252) nhà Tào Ngụy (nhằm đời vua Tào Phương, tức Ngụy Phế Đế), trụ tại chùa Bạch Mã, dịch các bộ kinh Úc Già Trưởng Giả, kinh Vô Lượng Thọ, Tứ Phần Tạp Yết Ma v.v.. Ngoài ra, trong *Vạn tục tạng* còn có một bản kinh khác cũng đề tên ngài dịch là kinh Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên.

[466] Ngoại trừ nước Ngụy thời Xuân Thu Chiến Quốc ra, trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều vương triều lấy quốc hiệu là Ngụy như:

1. Tào Ngụy (222-260) là nước Ngụy đời Tam Quốc do Tào Phi, con trai Tào Tháo, sáng lập. Tuy Tào Phi xưng đế, nhưng chỉ là người thừa hưởng thành quả từ những thủ đoạn mưu bá đồ vương của Tào Tháo, nên Tào Tháo mới là người sáng lập triều đại Tào Ngụy thật sự. Khi lên ngôi, Tào Phi đã truy phong thụy hiệu cho Tào Tháo là Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

2. Nhiễm Ngụy (350-352) do Nhiễm Mẫn (con nuôi của Thạch Hổ nhà Hậu Triệu) thừa dịp các con của Thạch Hổ tranh giành ngôi báu đã soán đoạt chánh quyền nhà Hậu Triệu, xưng đế, đổi tên nước thành Ngụy, nhưng chỉ hai năm sau lại bị nhà Tiền Yên diệt quốc.

3. Địch Ngụy (330-392) do Địch Liêu thuộc tộc người Đinh Linh chiếm cứ phía nam tỉnh Hà Nam sáng lập. Do lãnh thổ bị vây hãm giữa các nước Đông Tấn, Hậu Yên, Tây Yên nên suốt đời Địch Liêu phải luôn giao tranh. Cuối cùng phải bỏ kinh đô Hoạt Đài vượt sông trốn về Bắc, nhưng rốt cuộc vẫn bị Mộ Dung Thùy nhà Hậu Yên diệt quốc vào năm 392.

kinh Đại Bảo Tích, tức Vô Lượng Thọ Như Lai Hội. Bản kinh này ông Vương Long Thư chưa từng thấy, do ngài Bồ-đề-lưu-chí[467] dịch. Trước đó, vào thời Nguyên Ngụy có ngài Bồ-đề-lưu-chi[468], không phải người đời Đường; người đời thường viết sai tên ngài Lưu Chí thành Lưu Chi.

4. Bắc Ngụy (386-534), còn gọi là Hậu Ngụy hoặc Thác Bạt Ngụy, hoặc Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê thuộc sắc tộc Tiên Ty sáng lập. Năm 493, Thác Bạt Hoằng dời đô từ Bình Thành sang Lạc Dương, đổi họ thành Nguyên, nên sử thường gọi triều đại này là Nguyên Ngụy.

5. Tây Ngụy (535-557): Sau khi Hiếu Vũ Đế nhà Bắc Ngụy bị Cao Hoan đánh bại phải chạy vào Quan Trung nương nhờ Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái bèn lập mưu giết chết Hiếu Vũ Đế, đưa cháu nội của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Bảo Cự lên ngôi, đóng đô tại Trường An. Nhưng đến năm 557, Vũ Văn Giác (con trai Vũ Văn Thái) bức vua Cung Đế nhà Tây Ngụy thoái vị, tự mình xưng đế, lập ra nhà Bắc Chu.

6. Đông Ngụy (534-550): Khi Cao Hoan đánh bại Bắc Ngụy Hiếu Vũ Đế, vua phải chạy vào Quan Trung nhờ cậy thế lực của Vũ Văn Thái, Cao Hoan bèn lập đứa chắt mới mười một tuổi của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Thiện Kiến lên ngôi, lấy hiệu là Ngụy Hiếu Tịnh Đế, rồi tự mình làm Phụ Chánh Đại Thần, đóng đô tại Nghiệp Thành, nhằm đối kháng với nhà Tây Ngụy. Do Cao Hoan chỉ rắp tâm soán đoạt nên nước Đông Ngụy yếu thế hơn Tây Ngụy, nhiều lần bị Tây Ngụy đánh bại. Rốt cuộc, Cao Tường (con trai thứ của Cao Hoan) soán ngôi, lập ra nhà Bắc Tề (sử thường gọi là nhà Cao Tề).

[467] Bồ-đề-lưu-chí (Bodhiruci 562-727), dịch nghĩa là Giác Ái, vốn có tên là Đàm-ma-lưu-chi (Dharmaruci) người Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng Bà-la-môn, thiên tư thông duệ, xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngoại đạo Bà-la-xà-la, thông hiểu thanh minh, số luận, lịch số, địa lý, thiên văn, chú thuật, y phương v.v.. Mãi tới năm 60 tuổi mới ngộ được chỗ cao sâu của Phật pháp bèn ẩn cư trong rừng núi tu hạnh đầu-đà. Sau đó, theo học Tam tạng với ngài Da-xá-cù-sa, chưa đầy 5 năm đã thông đạt tất cả, danh tiếng còn trỗi hơn thầy. Vua Đường Cao Tông nghe tiếng, sai sứ sang thỉnh. Năm Trường Thọ thứ hai (693), sư chống tích trượng đến Trường An, được Vũ Tắc Thiên cực kỳ tôn trọng, thỉnh sư trụ tích tại chùa Phật Thọ Ký, đồng thời dâng mỹ hiệu Bồ-đề-lưu-chí. Chỉ trong năm ấy, sư đã dịch được mười một bộ kinh như Phật Cảnh Giới, Vũ Bảo v.v.. Tới năm Thần Long thứ hai (706) sư dịch thêm được các bộ kinh Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn, kinh Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương. Công trình lớn nhất của sư là dịch bộ kinh Bảo Tích ròng rã 8 năm, dịch 26 hội mới, tu chỉnh 23 hội của các vị dịch kinh đời trước, tạo thành bộ kinh Đại Tích gồm 49 hội, tổng cộng 120 quyển. Dịch xong, sư chuyên tu thiền quán. Tới năm Khai Nguyên thứ 15 (727), sư tuyệt thực nhưng thần sắc vẫn tươi đẹp như cũ. Tới ngày mồng 5 tháng 11 năm ấy bèn thị tịch, thọ 166 tuổi. Vua thương tiếc, truy tặng quan chức Hồng Lô Đại Khanh, thụy hiệu Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng. Điểm lại, sư đã dịch tổng cộng 53 bộ kinh, là vị dịch giả nổi tiếng ngang ngửa với ngài Huyền Trang.

[468] Bồ-đề-lưu-chi, dịch nghĩa là Đạo Hy, người xứ Bắc Ấn Độ, cao tăng học giả thuộc học phái Du-già (Duy Thức), là đệ tử thuộc đời thứ tư của ngài Thiên Thân Bồ-tát. Ngài cũng rất tinh thông Mật giáo, đến Lạc Dương vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Nguyên Ngụy, được Ngụy Tuyên Vũ Đế rất trọng vọng. Cùng với các vị cao tăng học giả thời ấy như Lặc-na-ma-đề (Bảo Ý), Phật-đà-phiến-đa (Giác Định) v.v. cùng dịch kinh điển. Các bộ luận nổi tiếng được các ngài dịch gồm Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Bảo Tích Kinh Luận, Pháp Hoa Kinh Luận, Thập Địa Kinh Luận. Khi nhà Nguyên Ngụy bị tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy, dời đô về Nghiệp Thành, ngài ở lại Lạc Dương, đơn độc dịch kinh đến năm Thiên Bình thứ hai (535) mới thôi, không rõ mất năm nào. Căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, ngài dịch được 30 bộ kinh, quan trọng nhất là kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, kinh Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn, kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn, kinh Thâm Mật Giải Thoát, kinh Nhập Lăng-già, kinh Đại Tát Độ Ni Càn Tử Sở Thuyết, Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn Kinh Luận, Văn-thù Vấn Bồ-đề Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Bách Tự Luận, Duy Thức Luận…

Bản dịch thứ năm tên là kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, do ngài Pháp Hiền[469] dịch vào đời Triệu Tống. Nguyên bản gồm hai quyển, do người đời Tống lấy số lượng kinh dịch được nhiều làm điều vinh dự nên chia thành hai quyển. Ở chỗ trọn chẳng nên chia ra lại chia, do vậy bản khắc hiện thời chỉ gồm một quyển. Trong những bản dịch ấy, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội văn lẫn lý đều hay, nhưng phần kinh văn khuyên đời ở cuối kinh lại chẳng sao lục. Vì thế, người đời đều lấy bản kinh Vô Lượng Thọ của ngài Khang Tăng Khải làm chuẩn vậy.

446. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ ba)

Trong kinh Vô Lượng Thọ, có ba bậc (tam bối), kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có chín phẩm. Ba phẩm hạ đều là kẻ tạo ác nghiệp, lâm chung gặp thiện tri thức khai thị niệm Phật liền được vãng sanh. Vương Long Thư chấp chết cứng "ba bậc chính là chín phẩm", đấy chính là lầm lẫn căn bản cho nên coi bậc hạ trong kinh Vô Lượng Thọ chính là ba phẩm hạ trong Quán kinh, sai lầm quá đỗi!

Do vậy trong bản hội tập kinh Đại A-di-đà của ông Vương Long Thư, bậc thượng chẳng nói có phát tâm Bồ-đề, bậc trung có phát tâm Bồ-đề, bậc hạ thì nói "chẳng phát tâm Bồ-đề". Thật ra theo bản Ngụy dịch, ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ đều có phát tâm Bồ-đề. Ý cư sĩ Vương cho rằng bậc hạ tội nghiệp sâu nặng, làm sao có thể phát tâm Bồ-đề cho được? Ông ta chẳng nghĩ trong phần kinh văn giảng về bậc hạ của kinh Vô Lượng Thọ trọn chẳng có một chữ nào nói họ tạo nghiệp, họ vẫn là thiện nhân, nên bậc hạ trong kinh Vô Lượng Thọ chỉ có thể thuộc vào ba phẩm trung trong chín phẩm của Quán kinh. Ông Vương ương ngạnh gán ghép bậc hạ của kinh Vô Lượng Thọ vào ba phẩm hạ của Quán kinh, nghịch kinh trái lý, rốt cuộc trở thành tùy tiện sửa kinh, mắc lỗi lớn lắm!

Ý ông ta cho rằng "Phật nhất định thâu nhiếp trọn hết thảy chúng sanh", nhưng không biết Phật chỉ có thể thâu nhiếp người lành, chứ không thể thâu nhiếp kẻ ác[470]. Ông ta đã coi người lành là kẻ ác, cho nên mới nói "chẳng phát tâm Bồ-đề"; chấp chết cứng bậc hạ là ba phẩm hạ, nên tưởng người lành là kẻ ác. Chẳng biết ba phẩm hạ trong chín phẩm lúc lâm chung khổ sở cùng cực, vừa nghe được danh

[469] Pháp Hiền (không rõ năm sanh, mất năm 1001), là danh tăng xuất thân từ học viện Na-lan-đà ở Thiên Trúc. Thoạt đầu sư có tên là Pháp Thiên, đến Trung Quốc vào năm Khai Bảo thứ sáu (973). Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), nhận lời thỉnh của sư Pháp Tấn chùa Khai Nguyên cùng dịch kinh. Năm sau được ban tặng mỹ hiệu Truyền Giáo Đại Sư. Khi mất sư được ban thụy hiệu là đại sư Huyền Giác. Sư dịch được 120 bộ kinh, những bộ nổi tiếng nhất là Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Thất Phật Tán, kinh Vô Lượng Quyết Định Quang Minh Vương, kinh Cát Tường Trì Thế v.v..

[470] Không phải là đức Phật thiếu lòng từ, mà là ngài không thể độ kẻ vô duyên. Kẻ ác nếu có thể cải hối, thống thiết phát nguyện cầu sanh vẫn được vãng sanh vì do tâm niệm ấy đã có duyên với Phật nên Phật độ được.

hiệu Phật liền quy mạng gieo lòng thành, tâm cầu Phật rủ lòng từ cứu vớt, dũng mãnh cảm kích, so với cái tâm lúc sắp bị hành hình mong được tha còn sâu đậm hơn gấp ngàn vạn lần. Tuy Quán kinh chưa nói là họ phát tâm Bồ-đề, nhưng tâm niệm ấy thiết tha, thành kính, quả thật đã đầy đủ tâm Bồ-đề.

Tiếc cho họ Vương chẳng dựa theo văn nghĩa của bản kinh gốc, mà cứ dựa theo cách hiểu Quán kinh qua lăng kính thiên kiến, ức đoán của ông ta để rồi ương ngạnh vu báng, miệt thị người hiền là kẻ ác, rốt cuộc phán đoán họ như kẻ ác. Họ Vương còn mắc phải khuyết điểm ấy, huống là người đời sau dối xưng là bậc thông gia ư? Đã có kinh Vô Lượng Thọ rồi thì cần gì phải vô sự lại sanh sự. Họ Vương phạm lầm lẫn, đại sư Liên Trì đã chỉ ra, nhưng ngài vẫn chưa nói vì sao lại như vậy. Nay tôi nói rõ nguyên do, ấy là vì ông Vương chấp chết cứng ba bậc chính là chín phẩm. Viết ra điều này để thấy hội tập khó khăn, nhằm ngăn ngừa người đời sau làm càn. Ngụy Mặc Thâm[471] lại càng chẳng đáng nói tới! Gan to, tâm thô, chẳng đáng để noi theo.

(Ngày 20 tháng 8 năm Dân Quốc 29 - 1940)

447. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ nhất)

Cha ông đã cho phép ông xuất gia, hãy nên phát tâm chí thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiếm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành sẽ cảm thấy những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm (Đây chính là do chân vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi). Lúc ấy, hãy nên tưởng A-di-đà Phật ở trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật (hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm), ắt phải sao cho từng câu

[471] Ngụy Nguyên (1794-1857), còn có tên là Nguyên Đạt, tự là Mặc Thâm, hiệu Lương Đồ, đến già đổi tên là Thừa Quán, người làng Kim Đàm, huyện Thiệu Dương, đỗ thứ hai trong kỳ thi Hương vào năm Đạo Quang thứ hai (1822). Năm Đạo Quang thứ năm (1825), vâng lệnh Bố chánh sứ tỉnh Giang Tô biên tập bộ sách Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên gồm 120 quyển, rất được tán thưởng. Năm Đạo Quang thứ sáu (1826) lên kinh thi Hội, nhưng không đậu. Khi Lưu Phùng Lộc đọc quyển thi bị loại ra, đã than thở quốc gia bỏ mất tài năng. Năm sau lại đi thi Hội nữa, vẫn không đậu, Ngụy Nguyên bèn bỏ tiền mua chức quan Trung thư xá nhân. Ông từng theo Lâm Tắc Từ làm công tác phiên dịch khi cuộc chiến Nha Phiến nổ ra. Về sau, do thấy các đại thần trong triều khiếp nhược, chủ bại, hôn ám, ông bèn từ quan về nhà, chuyên soạn sách, dạy học, chủ trương "dùng người ngoại quốc để chế ngự ngoại quốc, lợi dụng kỹ thuật Tây Dương, đem quyền lợi nhử các nước Tây Phương đánh lẫn nhau". Ông để lại rất nhiều trước tác; tuy vậy những trước tác về Phật giáo của ông không được đánh giá cao, vì ông nghiên cứu kinh điển theo kiểu một học giả nghiên cứu văn bản thay vì là một hành giả Phật giáo nên có rất nhiều ý kiến vũ đoán, cực đoan, chấp trước văn tự, tùy ý diễn dịch, phê phán theo thiên kiến và sự ức đoán của chính mình.

từng chữ trong tâm niệm rõ ràng phân minh, miệng niệm rõ ràng phân minh, tai nghe rõ ràng phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thảy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dấy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút ý niệm thong thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đấy gọi là "chuyển phiền não thành Bồ-đề". Hiện thời ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng tiêu, trí tuệ mở mang.

Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động, bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dẫu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thảy mọi người đều là Bồ-tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đấy mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. Ông đừng nghe lời người khác thì sẽ tự đạt được lợi ích tối thắng này!

448. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ hai)

Ngày hôm qua, thầy đương gia đưa thư của ông cho Quang. Quang đọc xong, biết tuy cường đạo đến cướp đồ vật mà ông chẳng bị mất vật nào, còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đấy chính là chứng cớ rõ ràng tam bảo gia hộ cho ông. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, há nên lầm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác. Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn!

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Phát ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y, Quang bảo ông ta: "Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên." Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải, chiến sự Thượng Hải nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến mùa xuân năm Dân Quốc 21 (1932), chẳng thể không trở về, do đường xe lửa bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc; Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, không lâu sau cường đạo kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một người mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta. Đủ biết niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát quyết định được Bồ-tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, nay muốn phúc đáp, nhưng tìm khắp nơi không thấy lá thư ấy; do vậy nghĩ đấy là do Bồ-tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ-tát hòng ngừa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi!

449. Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần

Phật nghĩ đến chúng sanh tha thiết hơn chúng sanh nghĩ tới Phật trăm ngàn vạn lần. Nếu ai chịu y theo lời Phật dạy, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn ở trong cõi Sa-bà, chứ nào phải chỉ có riêng mình Quang ư? Nói đến nghĩa "tịch chiếu bất nhị, chân tục viên dung" thì phần kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải

vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, ông hiểu rõ rồi thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ.

Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là tịch chiếu không hai, chân tục viên dung. Thế nào là tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta, hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là tịch. Thế nào là chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta, chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là chiếu. Thế nào là chân? Chính là tâm thể thường tịch thường chiếu, vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói "một pháp chẳng lập", nhưng "vạn pháp lại đều có đủ", vạn đức phô bày trọn vẹn (vạn pháp vạn đức chính là sự tướng, do là sự nên gọi là tục).

Tịch chính là thể, chiếu là tướng trạng và lực dụng của thể. Ba thứ thể - tướng - dụng này vốn là một pháp, có đủ ba nghĩa này nên gọi là "tịch chiếu bất nhị". Chân chính là lý tánh, tục chính là sự tu. Lý tánh ấy sẵn đủ đạo sự tu, do sự tu ấy mới hiển lộ được đức của lý tánh (đấy gọi là "toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh"). Vì thế nói là "chân tục viên dung" vậy.

Tiếp đó, kinh văn nói "ly niệm ly tình, bất sanh bất diệt" nghĩa là "thể tướng, sự lý tịch chiếu, chân tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt". Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có buổi nhìn vào mà bật cười.

Con chim Anh Vũ (két, vẹt) do gặp ngài A-nan giảng cho pháp tứ đế bèn sanh lòng hoan hỷ, cũng như công đức do lúc bình thường trông thấy tăng bèn hoan hỷ, báo trước cho người nhà biết, nên được bảy lần sanh lên Lục Dục thiên[472], rồi mới sanh trong loài người, chứng A-la-hán. Do vậy, biết liễu sanh tử khó khăn, chẳng thể tính toán được năm tháng của bảy lần sanh trong Lục Dục thiên. (Nhân gian 50 năm bằng một ngày đêm nơi trời Tứ Vương, cứ lên một tầng trời là tính gấp đôi lên, chẳng hạn như cõi trời Đao-lợi một ngày đêm bằng 100 năm trong nhân gian, trời Dạ-ma bằng 200 năm, Đâu-suất bằng 400 năm, Hóa Lạc 800 năm, Tha Hóa 1.600 năm. Tuổi thọ cũng tăng gấp bội, Tứ Vương thọ 500 tuổi, Đao-

[472] Lục Dục thiên, hiểu theo nghĩa rộng là sáu tầng trời trong cõi Dục từ trời Tứ Vương cho đến trời Tha Hóa Tự Tại (tức trời Tứ Thiên Vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại). Hiểu theo nghĩa hẹp, Lục Dục thiên chỉ là tầng trời Tha Hóa Tự Tại (Paranirmita-vaśa-vartin). Cõi trời này còn được dịch là trời Tha Hóa Tự Chuyển, trời Tha Hóa Lạc, trời Tha Ứng Thanh, trời Ba La Ni Mật, do Tự Tại Thiên Vương (Vaśavartti-devarāja) làm chúa tể. Trong Dục giới, cõi trời này tự tại khoái lạc nhất, do có thể thụ hưởng những sự khoái lạc do người khác biến hóa ra.

lợi 1.000 tuổi, càng lên trên càng tăng gấp bội). Đấy là pháp Tiểu thừa, mặc sức nhờ vào tự lực để liễu sanh tử.

Nếu sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng trong đời này liền được sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử đã xong, hãy nên phát tâm khẩn thiết! Pháp môn niệm Phật này quả thật là đạo trọng yếu vô thượng đại từ bi của đức Phật nhằm phổ độ hết thảy chúng sanh, khiến cho họ là những kẻ không có sức liễu sanh tử sẽ có thể mau liễu sanh tử ngay trong đời này.

Tứ đế là *khổ, tập, diệt, đạo*, bốn pháp này đều chân thật chẳng dối, vì thế gọi là đế. Đế (諦) có nghĩa là chân thật, lại có khi coi lý là đế, nên gọi là "lý chân thật chẳng dối". Khổ chỉ cho cái sắc thân mà chúng ta có và quốc độ để nương trụ, không gì chẳng phải là khổ. Tập là mọi thứ nhóm họp, nghĩa là do chẳng hiểu chân không, đối với các cảnh giới sanh khởi tham sân si. Diệt là diệt trừ phiền não, chứng đắc lý tánh bất sanh bất diệt. Đạo có nghĩa là thông suốt, ý nói tu đạo giới định tuệ liền có thể đoạn được tham sân si tập (tham sân si nhóm họp), chứng được lý tánh bất sanh bất diệt để thoát khỏi thế giới khổ não này và thoát lìa cái thân khổ báo này. Bốn điều này đều là nêu "quả trước, nhân sau": tập là nhân của khổ, khổ là quả của tập; đạo là nhân của diệt, diệt là quả của đạo. Nói như vậy để biết khổ mà đoạn tập, hâm mộ diệt mà tu đạo.

Hòa thượng Chân Đạt muốn in sách Tây Phương Công Cứ, chính thầy ấy tự biên tập, không theo đúng nguyên văn cho lắm. Phàm những đoạn trong Văn Sao nói về tam quy, ngũ giới, thập thiện v.v. đều sao lục. Lại sai Quang giải thích đại lược ý nghĩa Tam Chuyển Tứ Đế Pháp Luân, gần hai ngàn chữ. Lại có phần Lâm Chung Tam Đại Yếu (ba điều trọng yếu lúc lâm chung), cũng hơn hai ngàn chữ. Không lâu nữa sẽ cho sắp chữ, ấn hành biếu tặng. Đợi lúc sách được in ra, đọc rồi sẽ hiểu rõ ràng. Hiện thời đang sắp chữ bộ Tăng Tu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Nam Kinh lại cho khắc ván, hễ sắp chữ thì có thể ra sách trong năm nay, chứ khắc ván thì phải đợi đến cuối năm sau; lại còn cho sắp chữ nguyên bản bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Những chuyện này tuy có người lo liệu, nhưng cũng chẳng thể không ghé mắt vào và bàn bạc với họ. Vì thế hết sức bận rộn.

(Ngày mồng 2 tháng 10)

450. Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy

Nhận được thư, biết ông tập khí đời trước sâu dày chẳng dễ tiêu diệt. Nhưng người học đạo phải lấy đối trị tập khí làm bước thứ nhất trong công phu tu hành. Nếu có thể trừ khử được một phần tập khí thì công phu mới thật sự đạt được một

phần. Nếu không, chỉ có nhân, không có quả, khó được tương ứng với Phật. Ông đã biết chính mình tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ "ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác"; dẫu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác. Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa. Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên, đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác.

Người học Phật hãy nên có con mắt chọn lựa pháp, trong Phật pháp thì pháp nào cũng hay, nhưng cần phải biết có tự lực và Phật lực khác nhau. Các tông Thiền, Giáo, Mật v.v. đều cần phải đoạn hoặc chứng chân thì mới liễu sanh tử được. Đoạn hoặc chứng chân há nói dễ dàng ư? Mật tông tuy có nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại), nhưng không phải ai cũng có thể làm như thế được. Huống chi Mật tông thường dùng thần thông để thu hút, lay động người khác. Thầy đã dùng chuyện ấy để hấp dẫn người khác, đệ tử sẽ chẳng thể không dốc chí hâm mộ thần thông. Nếu cái tâm hâm mộ, hy vọng thần thông thật thiết tha, thật tột bực, sẽ rất nguy hiểm chẳng thể nào kể xiết. Xin đừng chú trọng thần thông thì may mắn lắm thay!

Lời lẽ trong Tông môn ý nằm ngoài lời, vì thế phải vứt sạch hết thảy để chuyên ròng tham cứu. Nếu chỉ đọc được mấy cuốn sách Thiền, liền học đòi tung hứng những lời cơ phong, tội sẽ cực nặng. Ví như khẩu lệnh trong quân đội, người ngoài doanh trại chẳng thể biết được. Nếu chỉ thuận theo mặt chữ mà giảng giải cơ phong, sẽ như kẻ ở ngoài doanh trại lầm lạc mưu toan đoán mò ý nghĩa của khẩu lệnh trong quân doanh rồi tự trà trộn vào, há chẳng nộp mạng ngay nơi ấy hay sao?

Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thê thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thê thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, dẫu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy "người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta", như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn

chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, ôn (温) là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu, nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v. đủ mọi khuyết điểm. Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đấy gọi là Đức Cung. Ý nghĩa của Đức Cung là như thế đấy.

Nay gởi cho ông bốn gói sách để làm hướng dẫn tốt lành cho tiền đồ. Còn chuyện có ảnh chụp của Quang hay không đều chẳng quan hệ gì. Quang già rồi, đã sống uổng 69 năm, trong năm nay sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài. Từ rày chẳng cần phải gởi thư tới nữa, sợ sau khi Quang ẩn dật rồi, ông sẽ mất công vô ích. Hiện nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà chẳng đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ trọn chẳng thể được. Xin hãy thường nói với mọi người về hai chuyện này. Giáo dục trong gia đình phải bắt đầu từ lúc con mới vừa hiểu biết, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái, nếu con gái hiền thì sau này chồng và con cái cũng như con cháu của con cái sẽ đều là hiền thiện cả.

451. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nguyên Nhân

Muốn cầu siêu cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương, hãy nên suất lãnh người nhà, thân thuộc cùng niệm Phật hiệu thì mới là chân thật tu trì. Quán Thế Âm Kinh, Tâm Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng cần phải hồi hướng công đức ấy cho cha mẹ. Pháp môn niệm Phật là pháp môn thường tu suốt đời, nhưng sao sau khi mẹ qua đời lại ngược ngạo chẳng chú trọng đến pháp tu này? Ông đã làm khách trọ tại thành Hàng Châu đã lâu, sao trọn chẳng biết có thể niệm Phật để cầu siêu cho cha mẹ vãng sanh Tây Phương vậy? Người biết Phật pháp chẳng nói đến kinh của Đạo giáo, vì sao vậy? Do kinh của Đạo giáo là pháp để cầu phước báo nhân thiên, trọn chẳng phải là pháp liễu sanh thoát tử.

Còn như ông nói niệm kinh còn thiếu phương pháp thay đổi hơi thở để giữ được nhịp là vì ông vốn chẳng biết quy củ niệm kinh. Niệm kinh chính là cứ một mực mà niệm, trọn chẳng cần tới cách thay đổi hơi thở đặc biệt để niệm, cứ thuận theo hơi thở ra vào, sao lại đến nỗi hụt hơi? Nhưng cậy người bình thường thiếu đạo tâm niệm kinh, dẫu cho kẻ ấy niệm từ đầu đến cuối hoàn toàn chẳng sót một chữ nào thì công đức vẫn rất hữu hạn, vẫn chẳng tốt bằng chính mình chí thành niệm Phật. Ngay như thỉnh tăng đến tụng niệm vẫn là bày vẽ phô trương, niệm Phật vẫn tốt hơn.

Chương trình niệm Phật thì trước hết tụng một biến kinh A-di-đà, rồi niệm ba biến chú Vãng Sanh, hoặc bảy biến, hay hai mươi mốt biến, tiếp đến niệm kệ tán Phật. Rồi niệm Phật, trước hết nhiễu niệm, kế đó ngồi niệm, rồi quỳ niệm danh hiệu ba vị Bồ-tát. Tiếp đấy, niệm bài văn phát nguyện, rồi niệm tam quy y xong, lễ Phật ba lạy, lui ra. Đây là pháp tắc lễ niệm cho lần thứ nhất; lần kế tiếp chiếu theo đây cũng được; hoặc chẳng niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, chỉ đốt hương lễ Phật xong liền niệm kệ tán Phật, sau đấy đều niệm giống như lần đầu. Nếu không biết, hãy nên hỏi cư sĩ niệm Phật sẽ tự biết rõ. Ông muốn cho cha mẹ đạt được lợi ích chân thật, hãy nên nghe theo lời tôi!

452. Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu

Pháp danh được viết riêng trong một tờ giấy khác. Đã biết Đồng Thiện Xã vô ích có hại, hãy nên triệt để vứt bỏ tất cả những học thuyết, công phu của bọn chúng, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cần phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn khuyên cha mẹ, anh em, các quyến thuộc và những người cùng hàng trong xóm giềng làng nước đều cùng tu tịnh nghiệp. Hiện nay khoa học phát minh đủ mọi cách khéo léo để giết người chẳng thể kể xiết, nếu chẳng sanh Tây Phương, đời sau lại làm người, so với lúc này sẽ càng khổ sở hơn gấp trăm lần.

Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh độ. Đọc Văn Sao rồi đọc các kinh luận Tịnh độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiền vào đấy, hễ bị xen tạp thì Thiền cũng chẳng phải là Thiền, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bề!

(Ngày 24 tháng 7 năm Dân Quốc 26 - 1937)

453. Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù

Cổ đức nói "chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi", bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để mong được gia chủ tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tấm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn, nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được. Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiêm khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa

thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp của Quang chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn phước.

(Ngày mồng 3 tháng 5)

454. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Tịnh Tín

Trúc Lâm Niệm Phật xã cũng hay, mà Tịnh Nghiệp Từ Thiện Xã càng hay hơn. Vợ ông bất hiếu, hãy nên vì bà ta sám hối nghiệp chướng, khi nghiệp tiêu bà ta sẽ tự hiếu thuận, đừng nên kết oán với bà ta! Thời cuộc không tốt, hãy khuyên mẹ ông đừng tới chùa Báo Quốc, ở nhà nhất tâm niệm Phật còn hơn gặp mặt Quang rất nhiều.

Tất cả kinh sách khó thể chẳng chép sai một chữ nào, bất quá nghiêm túc giảo chánh, đối chiếu cho ít sai ngoa. "An ẩn" (安隱) là chữ dùng trong hết thảy kinh[473], còn "an ổn" (安穩) chính là chữ được dùng ở nơi đây (Trung Hoa). Người chưa từng xem kinh sẽ bảo là sai, chớ nên sửa bừa! Ông chẳng phải là bậc thông gia, đừng nghe lời kẻ mạo nhận thông gia. Phàm trong các kinh sách, chẳng dám nói là không có một chữ nào bị chép lầm, nhưng cũng không nhiều, sao lại phải quá lo như thế? Khang Hy Tự Điển là sách do chính hoàng đế biên tập, những chữ chánh yếu thì không bị sai, nhưng vẫn có những chữ nét bút chẳng thích đáng cho lắm, chứ chữ không quan trọng (chữ hiếm gặp, ít dùng) thì bị sai lạc đến cả mấy trăm chữ, đủ biết giảo đối khó khăn lắm.

Ông muốn mở Phật thất để hộ quốc tức tai (bảo vệ đất nước, tiêu diệt tai nạn) thì gọi là Hộ Quốc Tức Tai Phật Thất. Một thất cho đến bảy thất, dẫu mấy chục thất, mấy chục nơi đều có thể gọi bằng tên ấy. Chớ nên lầm lạc đặt tên cho Phật thất, đâm ra vùi lấp ý nghĩa lý chánh yếu của việc hộ quốc tức tai. Đối với quy củ dùng trong Phật thất, hãy tùy theo sức mình mà lập, Quang đâu thể lập thay! Phải sao cho mọi người mọi việc đều ổn thỏa thích hợp thì mới nên.

Nay gởi cho ông pháp ngữ trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải vào năm ngoái, Chân An Bút Ký, mỗi thứ một gói, Phổ Khuyến Niệm Quán Âm Văn và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, gộp thành một gói. Xin hãy đưa cho những người có tín tâm, hiểu văn lý, biết cung kính. Trong Phật thất Hộ Quốc Tức Tai chuyên chiếu theo cách thức đả thất thông thường cũng được. Hoặc sáng dậy

[473] Để diễn tả ý "an ổn", trong kinh thường dùng chữ an ẩn (安隱), thay vì phải viết là an ổn (安穩), nhưng vẫn đọc là an ổn, người không quen sẽ tưởng là chữ ổn bị viết sai thành ẩn.

niệm Đại Bi, Thập Tiểu Chú, niệm thánh hiệu Quán Âm, sau đấy mỗi lần niệm Phật liền dùng kệ Quán Âm để bắt đầu niệm danh hiệu Quán Âm, đến khóa tối niệm kinh Di-đà, niệm Phật hồi hướng là xong công khóa một ngày thì cũng được.

(Ngày 18 tháng 9)

455. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ nhất)

Đối với chữ niệm (念) trong niệm Phật (念佛), muôn phần chớ nên thêm chữ khẩu (口), có rất nhiều người viết là niệm (唸), đánh mất ý nghĩa đến tột cùng. Một pháp trì danh niệm Phật lợi khắp ba căn, còn quán tượng, quán tưởng thì chỉ có người thấu hiểu pháp môn tâm địa mới tu tập được. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi khởi lên các ma sự. Trì danh niệm Phật lại thêm lắng tai nghe kỹ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận thượng trung hạ căn đều có lợi ích, đều không bị khuyết điểm. Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đấy chính là trợ hạnh cho Tịnh độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích.

(Ngày mồng 6 tháng 7)

456. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ hai)

Viết thư hãy nên dùng tên họ, chớ nên chỉ dùng pháp danh. Quang già rồi, làm sao có thể nhớ được là ai? Ông làm nghề y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi, người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hễ nghe có cách được yên vui không ai chẳng sanh lòng tin. Với người mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ có hiệu quả. Dẫu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyển nguy thành an rồi mới qua đời, tôi thường nói: "Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt." Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lãnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao!

(Ngày 29 tháng 8)

457. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ ba)

Trang tử nói: *"Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khư dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã"* (Với loài trùng chỉ sống trong mùa hạ chẳng thể nói đến băng, do bị thời gian hạn chế; với con ếch ngồi đáy giếng chẳng thể nói đến biển cả, vì nó bị hạn cuộc vào chỗ hẹp hòi. Với kẻ hiểu biết cong quẹo, lệch lạc, chẳng thể nói đến đạo chân chánh, vì hắn bị trói buộc bởi những giáo điều). Nho giáo, Đạo giáo, Gia Tô giáo và Hồi giáo đều là giáo pháp Nhân Thiên thừa trong thế gian, chỉ có đạo Phật bao gồm các giáo, lại còn là đại giáo liễu sanh thoát tử xuất thế gian, hiểu tâm rõ gốc, rốt ráo thành Phật.

Nho giáo dễ giáo hóa nhất, nên Phật pháp truyền vào Trung Quốc hơn hai ngàn năm qua, những bậc thông đạt nương theo Phật pháp tu trì chẳng biết bao nhiêu. Nhưng Đạo giáo thường trộm lấy những câu văn trong kinh Phật rồi thay đầu đổi mặt, ngụy tạo thành kinh của Đạo giáo. Lại còn phần nhiều hủy báng Phật pháp. Giáo đồ Gia Tô giáo và Hồi giáo có sức đoàn kết rất lớn, chẳng dễ gì chuyển hóa được. Nhưng nay thì tại các nước Tây Phương cũng có nghiên cứu Phật giáo, tạo dựng chùa miếu Phật giáo.

Rất ít người Hồi giáo tín phụng Phật pháp; mười mấy năm trước, ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam thích tặng sách Phật. Thoạt đầu, ông ta đem những sách do chính mình in gởi cho Quang, phần nhiều là những văn tự có được từ những đàn cầu cơ. Quang đem những sách An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao được in trước đây tặng cho ông ta. Ông ta đã tin tưởng sâu xa, bèn lắng lòng nghiên cứu. Hai vợ chồng họ và năm đứa con đều quy y. Mùa thu năm Dân Quốc 18 (1929), ông ta gởi thư đến nói: "Vợ con sanh được năm đứa con, hai đứa đầu còn đỡ, chứ đứa thứ ba bị băng huyết, đứa thứ tư càng nguy kịch hơn, sanh đứa thứ năm càng nguy kịch hơn nữa. Nay chẳng lâu nữa sẽ sanh; nếu bị băng huyết nữa, sợ không còn mạng. Xin thầy rủ lòng cứu vớt và đặt pháp danh cho đứa con chưa sanh." Quang dạy họ niệm thánh hiệu Quán Âm, đến khi đang sanh vẫn niệm ắt sẽ không bị nguy hiểm gì. Họ nhận được thư hôm trước, liền niệm ngay, bữa hôm sau bà vợ liền sanh hết sức an lạc.

Trong bộ Văn Sao có mấy lá thư gởi cho Mã Thuấn Khanh là do vào năm Dân Quốc 15 (1926) ông ta biết Trung Hoa Thư Cục in riêng bộ sách ấy liền gởi thư đến cho họ kèm thêm vào. Quang một mực chẳng giữ lại bản nháp thư từ. Hiện thời thế đạo nguy hiểm, không ai chẳng mong an lạc, cha mẹ ông cũng chẳng thể không động tâm trước cảnh nguy hiểm, nếu bảo họ niệm Phật, chắc họ sẽ bảo là "phản giáo". Nếu nghe nói niệm Phật có thể tiêu tai tăng phước, gặp dữ hóa lành, chết đi sẽ vượt khỏi tam giới, do vậy tu dần dần cho đến khi thành Phật. Nếu có

chuyện chứng nghiệm nhỏ, họ sẽ dần dần sanh lòng chánh tín. Nếu chẳng uyển chuyển bày cách khuyên nhủ, tức là bỏ mặc cha mẹ vậy. Có thể dùng lời lẽ để giáo hóa thì rất tốt. Nếu không, hãy đối trước Phật và Quán Âm Bồ-tát để sám hối tội nghiệp thay cho cha mẹ. Nếu ông chí thành, ắt cha mẹ sẽ hồi tâm hướng đạo.

(Ngày 29 tháng 8)

458. Thư trả lời cư sĩ Đường Đào Dung

Chồng bà chết vì bệnh phổi, lại còn bị mù, sợ rằng trong khi bị bệnh chẳng chịu thôi ân ái mà ra. Bất luận bệnh gì, đều phải lấy chuyện ngưng ân ái làm cách trị căn bản. Nếu không, thần y cũng khó có hiệu quả được! Bà đã làm nghề y, hãy nên coi chuyện "trong lúc bệnh chưa được mười phần bình phục, vạn phần chớ nên ân ái" là chuyện cực trọng bậc nhất trong hết thảy những điều quan trọng. Bệnh phổi nên tịnh dưỡng, nhất là phải thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, sẽ có thể mau lành bệnh. Chồng bà hành nghề y mà trong khi bệnh chẳng chú trọng niệm Phật thì cũng là người hờ hững hời hợt, không có tín tâm chân thật. Do vậy, một nhà mấy người nếu không có bà sẽ chẳng thể sống được.

Do ông ta chưa gặp được người thật sự biết pháp môn niệm Phật nên nhất tâm tham thiền. Nếu nhất tâm niệm Phật, chắc chẳng đến nỗi bệnh phổi không lành, lại còn bị mù nữa. Nếu bà chết theo chồng, chắc sẽ có nhiều người không được ai nuôi dưỡng, lỗi ấy lớn lắm. Nay do cư sĩ Long dẫn dắt bà nhập đạo, hãy nên dẫn dắt người khác cải tà quy chánh, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để báo ân Phật và ân thiện tri thức, lấy tu tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương làm chuyện quan trọng bậc nhất. Bà hãy nên nương tựa vào Văn Sao, cần gì phải mạo hiểm đi xa đến gặp Quang? Gặp Quang thì Quang cũng chỉ nói những gì đã được thuật trong Văn Sao. Trong Phật pháp, trọn chẳng có chuyện bí mật chẳng truyền, cũng chẳng có chuyện phải "miệng truyền, tâm dạy". Ngoại đạo tà đồ vốn chẳng có đạo lý gì, dùng bí mật bất truyền để dụ người khác theo đạo của họ. Nếu công khai chẳng bí truyền thì ai nấy đều biết đạo ấy hèn tệ, sẽ không có ai nương theo chúng nó cả.

Bà hãy nên chú trọng hành nghề y, đừng kiêm thêm dạy học. Bởi nếu có thể thật sự tận tâm nơi nghề y, thời gian hằng ngày còn chẳng đủ, sao còn có thể dạy học cho được? Hễ nghiêm túc giảng dạy sẽ phải hao tốn tinh thần; nếu không sợ rằng sẽ làm hỏng con cái người ta. Hãy nghe theo lời tôi, chuyên coi trọng một môn, cần phải chú trọng niệm Phật, do nương vào Phật lực mà y đạo ắt được tiến triển lớn lao, nhưng chỉ nên lấy chuyện lợi người làm chí hướng sự nghiệp, đừng

mong mỏi phát tài lớn lao. Nếu y đạo không sai lầm thì ai nấy đều tin phục; khuyên người ta ăn chay niệm Phật, người ta sẽ vui vẻ nghe theo. Như vậy là cũng do nghề nghiệp mà đạo được tăng tấn vậy, đấy là chương trình dùng y thuật để hoằng pháp. Với bệnh nào cũng khuyên bệnh nhân thôi ân ái, trong mỗi năm chẳng biết sẽ làm cho bao nhiêu người đỡ phải chết. Công đức ấy chỉ riêng đức Phật là biết được mà thôi!

Hơn nữa, nữ nhân sanh nở niệm thánh hiệu Quán Thế Âm chắc chắn không bị đau khổ. Dẫu khó sanh gần chết mà hễ niệm liền được an nhiên sanh nở. Huống hồ kẻ thường niệm từ nhỏ ư? Thêm nữa, con gái từ nhỏ cha mẹ phải dạy nó đừng nổi nóng, tập thành tánh chất nhu hòa, từ thiện thì những sự tốt đẹp trong cả một đời nó sẽ chẳng thể kể hết được. Nếu tánh tình nóng nảy bộp chộp, chưa lấy chồng thì cũng gặp phải chuyện khổ, nhưng vẫn còn chưa nhiều. Nếu đang có kinh mà nổi nóng, chắc sẽ bặt kinh, hoặc bị băng huyết. Lấy chồng rồi mà nổi nóng, sẽ bị sẩy thai, hoặc thai nhi sẽ thừa hưởng tánh tình nóng nảy bộp chộp. Lúc sanh xong, đang cho con bú mà nổi nóng đùng đùng, trẻ bú sữa vào sẽ chết ngay. Không nóng nảy dữ dội cho lắm thì hoặc nửa ngày hoặc một ngày mới chết, không có đứa nào chẳng chết. Nổi nóng nho nhỏ thì con không chết cũng nhất định ngã bệnh. Nếu nhiều ngày liên tiếp thường nổi nóng vừa vừa thì chất độc khi trước chưa tiêu, chất độc lúc sau lại thêm vào, sẽ nguy hiểm đến cùng cực. Chuyện này danh y, thần y nước ta đều chưa nhắc đến, nay đã sáng tỏ, hãy nên nói với hết thảy mọi người sẽ cứu mạng được những đứa trẻ chưa sanh, công đức lớn lắm. Các thầy thuốc hãy nên chú ý! Chớ nên ăn trứng gà, kẻ tà kiến nói "trứng không có cồ thì ăn được". Đừng nghe, đừng tin lời nói ấy! Hơn nữa trứng có chất độc, do gà thường ăn trùng độc vậy.

459. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, ông vì Thần Chung Sơn mà thỉnh một bộ Đại tạng kinh đời Tống in theo lối ảnh ấn, công đức rất lớn. Hiện thời còn có thể ước định để thỉnh, chứ để trễ hơn nữa, chắc sẽ không còn. Tịnh Độ Ngũ Kinh mới in ra sách, nay viết một chữ, sai người đến chùa Thái Bình thỉnh hai gói để chia cho lệnh từ (mẹ), lệnh di trượng (dượng), lệnh di (dì), và những người tu trì chân thật. Những vị như dì Năm v.v. muốn quy y, nay tôi viết pháp danh cho mỗi người, xin hãy giao lại cho họ. Nói đến tiền hương kính thì chẳng cần phải gởi đến, hãy dùng tiền đó để đóng góp một phần vạn vào chi phí thỉnh Đại tạng kinh cho Thần Chung Sơn, ngõ hầu bọn họ tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ.

Bệnh cùi ở quý địa chẳng biết có hay không? Nay đem gởi cho ông hai tờ truyền đơn, nếu ai bị mắc bệnh thì sang năm sau chiếu theo toa thuốc ấy mà chế

thuốc. Nếu không, cứ tùy tiện tặng cho người khác, hoặc cũng có thể giữ lại để làm căn cứ trị chứng bệnh ấy. Bệnh này từ trước đến nay các y sĩ Trung Hoa, ngoại quốc đều khó thể chữa hoàn toàn dứt tận gốc được. Toa thuốc này chẳng cần phải tốn tiền mua thuốc, chỉ tốn công sức, củi đốt, lại hoàn toàn trừ được tận gốc. Vì thế, ông Chương Giám Ngu cực lực đề xướng để mong khắp cõi đời đều biết.

Hơn nữa, phương Nam người bị chân sưng phù rất nhiều, dùng đu đủ tươi bọc vải buộc lên bắp đùi, bệnh thũng liền tiêu. Nếu không có loại tươi thì dùng đu đủ khô cắt miếng từ các tiệm thuốc để buộc cũng có hiệu quả lớn lao. Một cụ già dẫn người con gái (25 tuổi) cùng đến quy y, nói đùi con gái bị phù thũng đã bảy tám năm rồi. Quang bảo niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để tiêu túc nghiệp, lại bảo mua đu đủ, không có loại tươi thì dùng loại đu đủ khô cắt miếng để buộc. Chưa đầy bốn năm ngày đã hoàn toàn lành bệnh. Hơn nữa, cô gái ấy mắc bệnh này đã bảy tám năm, chắc cũng đã từng chữa trị, mà sao họ chẳng biết cách chữa tuyệt diệu này? Cư sĩ theo nghề y, chắc cũng đã biết rồi, nhưng cũng chẳng ngại gì thưa trình lại để làm phương tiện "hễ thấy liền làm" cho thuận tiện vậy.

(Ngày 12 tháng 6)

460. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, trong thư ông quá khiêm hư khiến người ta phải hổ thẹn, từ nay về sau đừng nên như thế nữa. Chuyện viết thư có quan hệ rất nặng, nếu thường viết theo lối chữ thảo, chắc sẽ thành thói quen, lâu ngày chầy tháng ắt đến nỗi hỏng việc. Phùng Mộng Hoa là bậc quân tử đức dày, nhưng con lẫn cháu đều chết sạch. Năm ngoái, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng lại chết mất, chỉ còn một đứa chắt mới một hay hai tuổi để nối dõi. Trong một nhà bốn năm bà góa, cũng có thể nói là tình cảnh thê thảm lắm! Há có phải là trời cao đối đãi đặc biệt tàn khốc với người đức dày ư? Duyên do là cả đời ông cụ này thích viết chữ thảo! Viết thư từ cho người khác, nếu người nhận thư chẳng tận hết tâm lực, dựa theo ý nghĩa của câu văn để suy lường, sẽ không hiểu được rất nhiều chữ. Trong số ấy, khó tránh khỏi người hiểu lầm. Do vậy mà đến nỗi phải gánh chịu quả báo ấy.

Ông theo nghề y, nếu quen thói viết nguệch ngoạc, chắc sau này khi kê toa cũng viết theo kiểu ấy thì nguy hiểm đến cùng cực. Vì thế, Quang vì mẹ ông mà bảo ông đừng học theo thói ấy, thật sợ sau này ông sẽ làm hỏng chuyện, chứ không phải chỉ vì ông chẳng cung kính mà kiểm điểm. Bữa trưa tuy là thức ăn nguội thì cũng phải hâm nóng mới nên, nếu thường ăn đồ lạnh ắt lâu ngày sẽ bị

bệnh, chẳng thể không biết. Thuốc men là cái gốc của việc trị bệnh, nhưng pháp dược của đấng Đại Y Vương lại trị nơi cái gốc là nghiệp. Bệnh do nghiệp sanh thì nhiều. Do ngoại cảm nội thương mà ngã bệnh thì thuốc men có thể trị được, chứ bệnh do nghiệp sanh ra thì thuốc chẳng thể trị được, chỉ có pháp dược là có thể trị được. Có thể dùng thế dược (thuốc men trong cõi đời) lẫn pháp dược để trị các bệnh thì dù mình hay người đều được lợi ích thật sự.

Ăn chay hay chỉ ăn ba thứ tịnh nhục, hãy nên châm chước mà thực hiện. Hễ ăn thuần đồ chay được thì hãy ăn chay thuần, nếu không thể thì chỉ ăn ba thứ tịnh nhục cũng được, chỉ nên ăn nhiều rau trái, bớt ăn thịt đi. Trong đời có kẻ ngu bảo chính mình chưa thể ăn thuần món chay bèn yên lòng ăn nhiều thịt, lỗi ấy chẳng cạn đâu! Hãy nên phát tâm Bồ-đề, thề độ những sanh vật bị ăn thịt này, chẳng an lòng ăn thịt chúng nhiều là được rồi.

Do pháp sư Tịnh Quyền rời khỏi chùa Quán Tông, pháp sư Đế Nhàn chẳng thể đến Thượng Hải giảng kinh, bởi lẽ Nghiên Cứu Xã và Hoằng Pháp Xã đều không có ai chủ trì. Ở Hồng Loa tôi đã từng thấy xương trắng, đầu lâu, thịt đã tiêu hết. Ấy là do một trăm năm trước, Thân Vương đem tặng cho thiền sư Mộng Đông. Nếu thường quán bộ xương ấy sẽ phá được ngã chấp, thành tựu tịnh nghiệp thì may mắn thay! Nếu không có chuyện gì cần thiết đừng nên gởi thư đến để đôi bên khỏi phải bận bịu.

(Ngày Rằm tháng 3)

461. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ ba)

Trước kia, cư sĩ Lâm Đồng Vỹ mất rồi, Dư Toại Tân gởi thư cho Quang thuật đại lược tình hình, Quang trả lời thư, sợ đúng như ông ta nói "tại am ông ta ở, đường bưu điện chẳng thể gởi tới được", nên gởi cho thím Tư của ông là Huệ Uyên nhờ chuyển giùm. Gởi cho Toại Tân một gói sách, trong thư cho biết: Trong khóa tụng sáng tối, Quang sẽ hồi hướng cho bà Lâm một thất để trọn hết tình thầy trò. Do quá ít thời gian rảnh rỗi nên chưa viết thư cho anh bà ta là Địch Am được. Hôm trước nhận được cáo phó, biết người ấy quá thông minh; nay nhận được thư ông, biết bà ta do thông minh mà bị lầm lạc chẳng cạn. Tuy bà ta quy y với Quang, nhưng thật ra chỉ gặp mặt một lần, cũng chẳng nói với bà ta được mấy câu.

Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc bà ta chẳng đến nỗi chưa xem, nhưng bà ta chỉ chú trọng lập đại nguyện làm công đức nơi cõi này, chẳng chú trọng tới đại nguyện cầu sanh Tây Phương. Vào lúc sắp mất, đã cùng với chị em mộng thấy Phật quang, đài bạc, nhưng chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương trong lúc ấy, lại ngược ngạo phát ra bốn đại nguyện để gieo trồng gốc sanh tử. Do vậy,

có thể thấy là thường ngày bà ta trọn chẳng lấy những điều Quang đã nói làm chí hướng sự nghiệp. Bởi thế đánh mất nhân duyên vãng sanh tốt đẹp, nhưng được Bồ-tát gia bị mà khỏi bệnh, đến khi do ác mộng hiện, bệnh theo đó mà phát, còn may mắn là khi lâm chung có người trợ niệm. Nhưng do có lời nguyện trồng sâu cội rễ sanh tử ấy nên đến nỗi hiện ra những điềm báo chẳng thể vãng sanh được, đáng than thay! Ngực lạnh đi sau cùng chính là dấu hiệu chứng tỏ bà ta sanh trong nhân đạo.

Ông nói bà Lâm hiện thân thuyết pháp, há bà ta có thân phận ấy hay sao? Nhưng do bà ta chẳng thể tận lực cầu sanh Tây Phương mà bị lỡ làng, mọi người bèn lấy đó làm điều răn nhắc, quyết chí cầu vãng sanh thì lợi ích ấy cũng chẳng kém gì hiện thân thuyết pháp. Còn chuyện lập hội truy điệu là do tình cảm của anh em ông Địch Am, xét theo lý thì chẳng nên làm, chỉ nên chú trọng dùng niệm Phật để cầu cho bà Lâm được vãng sanh. Đối với chuyện niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, Quang trọn chẳng chịu đề xướng một tiếng nào. Bởi lẽ khó được như pháp, chỉ là bày vẽ phô trương mà thôi.

Nói tới Một Lá Thư Trả Lời Khắp, quả thật nó liên quan cực lớn với mọi người tại gia. Nhưng ông chỉ cần mấy chục tờ, há nên hỏi tới ấn phí và chi phí gởi thư? Ăn nói như vậy đúng là coi Quang như con buôn ngoài chợ, nếu là mấy ngàn trang thì có thể nói như vậy được. Hay là chữ mười chính là ngàn[474] bị viết sai. Nay tôi bảo gởi cho ông một gói, chỉ có 480 tờ, hãy thay Quang kết duyên. Nếu là chữ ngàn bị viết sai thành chữ mười, xin hãy gởi thư cho biết để tôi bảo Quốc Quang Thư Cục in thêm nữa. Năm ngoái in lần đầu là bốn vạn bản, tốn 80 đồng, tổng cộng in hai lần. Năm nay chắc ấn phí sẽ chẳng tăng giá quá mức. Bức thư này được in trong phần phụ lục của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, sau cuốn Tây Phương Công Cứ và trong cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo để mong được vĩnh viễn truyền bá.

Trong tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú thuộc cuốn hạ của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, nơi dòng 11 của trang 25 sót mất 8 chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na"* (như nay đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na), đấy là vì ông Hứa Chỉ Tịnh dựa theo sách Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ của ngài Đế Nhàn để soạn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú, nhưng chưa từng đối chiếu phần kinh văn đã dẫn trong Tập Yếu Sớ với chánh kinh, mà lúc Quang cho sắp chữ ấn hành cũng chẳng đối chiếu. Vì thế mới có sai sót ấy. Đến khi biết, bèn đem sách Tập Yếu Sớ do Phật Học Thư Cục ấn hành ra xem, mới biết là do ngài Đế Nhàn vô tình bỏ sót đến nỗi "một người sai trở thành mấy vạn người sai". Do

[474] Do chữ Thập (十: Mười) và Thiên (千: một ngàn) hơi giống nhau nên có thể vô ý viết sai.

vậy biết rằng: Càng là đại thông gia thì càng phải chú tâm! Tôi đã cho in một trang ấy, cũng bảo Phật Học Thư Cục in trang ấy. Nay tôi nói rõ chuyện bổ khuyết, xin ông hãy đem những sách đã được gởi đến viết thêm những chữ ấy vào. Nếu dòng 11 quá hẹp thì chẳng cần phải chép thêm vào đó. Xin hãy chép vào dòng thứ 12 tức câu *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) của trang ấy. Hàng ấy chỉ có 6 chữ, khoảng trống khá rộng, chép bù vào đấy là tốt nhất. Trang in bổ khuyết vẫn ghi 8 chữ ấy nơi hàng thứ 11. Nếu có sách ấy, cũng nên bổ túc. Tôi cũng đã cho đăng trên bán nguyệt san Phật Học, vì đã giao cho Phật Học Thư Cục hai ngàn lẻ một trăm hay hai trăm bộ sách này để kết duyên.

Hiện thời đang nhằm tháng hạ, bệnh sốt rét phát tác, nên tôi cho gởi đi toa thuốc tuyệt diệu trị chứng sốt rét. Mười mấy bữa trước, lại nhận được thư thầy Đạt Nhất cho biết ông sắp sang nước Đức du học, đến chỗ thầy ấy chào từ biệt để ra đi, có chuyện ấy hay chăng? Con người nên tri túc, chỉ học nghề cho tinh, chớ nên lấy cái danh du học làm mục đích cho tương lai. Như vậy thì không du học cũng được, mà du học cũng chẳng sao! Nếu muốn nhờ vào đó để được tiếng tăm thì Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm. Vì sợ sẽ do danh mà bị sai lầm nên chẳng thể không tính toán cặn kẽ sẵn.

Lâm nữ sĩ (tức bà Lâm Đồng Vỹ) tự phụ thông minh, muốn gánh vác chuyện hoằng pháp lợi sanh, nhưng chẳng biết "cầu sanh Tây Phương thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh được". Chẳng coi trọng cầu sanh Tây Phương thì cô phụ Phật ân cũng lớn lắm! Trong đời có lắm kẻ chẳng tự lượng, thường coi chuyện để bậc Bồ-tát thực hiện giống hệt như trách nhiệm của chính mình, chẳng biết chính mình còn đang ở trong biển khổ chưa thoát ra được, làm sao có thể cứu khắp mọi người trong biển khổ? Nếu Đồng Vỹ nghĩ đến điều này, ắt sẽ siêu phàm nhập thánh ngay lập tức.

462. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ tư)

Đã nhận được sách Kim Cang Tân Sớ do ông gởi trước đây. Do bận bịu nên chưa phúc đáp, đừng bận tâm! Nay biết Bảo Giám, Văn Sao đều đã được gởi đến, vui mừng, an ủi lắm. Ngài Đế Nhàn được lợi ích sâu xa nơi giảng diễn, vì thế tuổi đã bảy mươi vẫn vừa giảng vừa soạn sớ, chẳng thấy nhọc nhằn. Đủ thấy Phật pháp lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Lúc ấn hành cuốn Kim Cang Tân Sớ nên dùng kiểu chữ đời Tống được lưu hành trong hiện thời, còn kiểu chữ mô phỏng lối viết đời Tống[475] muôn phần chớ nên dùng. Chẳng những kiểu chữ mô phỏng lối viết

[475] Kiểu chữ này mô phỏng lối viết chữ bằng tay nên có những nét khắc bay bướm hoặc bớt nét, nếu không quen sẽ dễ nhận lầm mặt chữ.

đời Tống nét chữ dễ bị sứt, khó giảo chánh, mà công in còn đắt gấp bội. Sao lại khổ sở đem tiền làm chuyện vô ích, chỉ nhằm để công nhân khen ngợi, vui sướng đấy chăng?

Hãy nên bảo họ in phần thư căn[476]. Trung Hoa Thư Cục có loại máy ấy, chứ các nhà in khác có lẽ không có, hãy bảo họ đặc biệt lo liệu chuyện này. Làm bản kẽm phải tốn hơn 200 đồng. Năm ngoái, Chiết Giang Ấn Loát Công Ty chế ra một cái máy bằng khung gỗ để in phần thư căn, nói chỉ tốn 3 đồng. Quang bảo họ làm một cái, giao sang chùa Thái Bình, nhờ chuyển đến nhà giam ở Tào Hà Kính. Nếu chịu mua máy bằng sắt, cố nhiên là tốt. Nếu không, hãy chiếu theo cách thức của cái máy ở nhà giam Tào Hà Kính, làm một hai cái. Quang cũng cần một cái để phòng khi bất ngờ cần đến. Phần thư căn in chữ thì dễ kiểm tra, chẳng đến nỗi lâu ngày quên mất, rất hữu ích. Phàm những sách được in ra, đều bảo họ in phần thư căn. Do Quang in bộ An Sĩ Toàn Thư, Trung Hoa Thư Cục mới bắt đầu có máy để in phần thư căn, chứ trước kia cũng không có.

Chị dâu của ông đáng gọi là "bậc trượng phu trong nữ giới", trong 5 năm thực hiện khá nhiều công khóa, sẽ nương vào công đức ấy mà vãng sanh Tây Phương. Tuy nói là chết trẻ, nhưng chẳng thể gọi là chết yểu. Do cô ta niệm Phật vãng sanh nên nhất định sẽ chứng vô lượng thọ, sáng ngời cửa đức, chẳng thể dùng tình cảm thông tục của thế gian để luận đoán được. Xin hãy khuyên lệnh huynh cũng nên chú ý đến pháp niệm Phật. Hễ bị bệnh nặng thuốc men chẳng thể chữa được thì trong lúc chữa trị, hãy khuyên niệm thêm Phật hiệu. Do cậy vào Phật lực, ắt sẽ có hiệu quả kỳ diệu. Đối với mình lẫn người đều có lợi ích. Nếu bình thời tu trì trọn vẹn thì đợi đến khi báo thân trăm năm đã hết, sẽ về thẳng Tây Phương, sẽ trọn chẳng phải thẹn thùng khi chạm mặt nguyên phối[477] là Lục Thị. Nếu không, do cô ta là nữ nhi mà đã siêu phàm nhập thánh, còn ta là trượng phu mà vẫn ở trong sanh tử luân hồi, bậc nam tử hào hùng há chẳng thẹn đến chết ư?

(Ngày 13 tháng Giêng)

463. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đảnh lễ, [phẩm vật dâng cúng tam bảo] há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu, sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư? Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm kinh A-di-đà một biến,

[476] Tức phần ghi tên sách, tên tác giả, chương, số quyển, số trang ở cuối mỗi trang.
[477] Nguyên phối: vợ cả, vợ chánh.

chú Vãng Sanh ba biến hoặc bảy biến, niệm kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam-mô Thế Giới Tây Phương Cực Lạc Đại Từ Đại Bi A-di-đà Phật (liền vừa đi nhiễu vừa niệm), niệm Nam-mô A-di-đà Phật hoặc 1.000 câu, hoặc 500 câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ. Muốn lạy thì khi ngồi niệm xong hãy lạy. Lạy Phật 24 lạy hoặc 48 lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm tam quy y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời tụng niệm, hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình sẽ khó tinh tấn được. Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiễu niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí. Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng.

Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ, chẳng để cho có hết thảy ý niệm khởi lên, giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì cũng đều gác ra ngoài. Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao lại có thể gây trở ngại cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết. Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới[478]. Thùng dùng cho đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. Anh ông đã hộ quan thì ông ta ở vòng ngoài cũng nên niệm Phật, nhưng tiếng niệm chớ nên quá to mà thôi.

[478] Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhung họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được.

(Ngày 29 tháng 11)

464. Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện

Đời mạt, ngoại đạo lừng lẫy, dẫu là kẻ có tín tâm phần nhiều theo về ngoại đạo, bởi lẽ chẳng có chánh pháp để nghe vậy. Gần đây giao thông tiện lợi, kinh điển Phật pháp được lưu thông, quả thật là may mắn lớn lao. Nhưng chớ nên đã học Phật pháp lại còn tu pháp của ngoại đạo, đến nỗi tà chánh hỗn loạn sẽ gây hại chẳng cạn. Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, cầu lấy một pháp môn thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng thì không chi hơn được pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để tu giới định tuệ hòng đoạn tham sân si. Nếu đoạn sạch tham sân si sẽ liền có thể liễu sanh thoát tử. Nếu kẻ nào đoạn chưa hết sẽ vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ chưa thể đoạn ư?

Pháp môn niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, đến khi lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như trẻ thơ do cha mẹ nâng dắt, liền có thể về thẳng đến nhà của chính mình. Con người gần đây thích lập dị, chẳng chịu thực hiện công phu thật thà, nên mới có kẻ học Thiền tông, Tướng tông, Mật tông. Ba pháp môn này đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều thuộc về tự lực. Mật tông tuy có giáo nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này), nhưng rốt cuộc có mấy ai thành Phật ngay trong đời này? Đừng nói chi người học Mật chẳng thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, ngay cả các vị hoạt Phật[479] truyền dạy Mật tông cũng chẳng phải là người có thể thành Phật ngay trong thân hiện tại được.

---

[479] Hoạt Phật là từ ngữ do người Trung Hoa dịch chữ Tây Tạng Hpbrulsku (Thường được biết dưới dạng phiên âm phổ biến hơn là Tulku, là một từ ngữ Tây Tạng nhằm diễn dịch chữ Nirmanakaya (hóa thân) của tiếng Phạn). Tiếng Mông Cổ tương ứng là Khutukhu (hoặc Khutukutu, Hobilghan. Do vậy đại sư Chương Gia thường được gọi là Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ). Truyền thống này được bắt nguồn từ thời ngài Tsongkhapa cải cách tôn giáo tại Tây Tạng: Tăng sĩ không được lấy vợ, nên phải chọn người kế vị các ngôi tu viện trưởng hoặc trưởng dòng tu từ hóa thân. Ngoại trừ phái Sakya vẫn theo lệ truyền ngôi pháp vương cho con cháu trong dòng họ, các phái khác dẫu là Hoàng Giáo (Gelugpa), Cổ Mật (Nyingmapa), hoặc Cát Cư (Kargyupa) đều theo lệ này tuy các lạt-ma thuộc phái Nyingmapa hay Kargyupa vẫn được phép lấy vợ. Người Tây Tạng tin rằng các vị lạt-ma cao cấp có khả năng tự tại chuyển sanh, liên tục trở lại thế gian này để hóa độ chúng sanh. Trước khi mất, vị lạt-ma ấy sẽ để lại những sấm ngữ hoặc huyền ký dự báo mình sẽ tái sanh ở nơi nào. Các đệ tử đi tìm, thấy đứa bé nào phù hợp với sấm ký, sẽ tiến hành những xét nghiệm cần thiết, rồi đưa về tu viện, đào tạo và tấn phong để bảo đảm ngôi lãnh đạo của dòng tu được truyền thừa liên tục. Đồng thời để tạo sự chánh thống cho ngôi vị và thu hút tín đồ, các vị Hóa Thân nổi tiếng thường tự xưng hóa thân của các vị Phật, Bồ-tát, thánh tăng, như Đại-lai Lạt-ma thứ 5 tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, ban chỉ dụ công nhận Ban-thiền Lạt-ma là hóa thân của A-di-đà Phật, Karmapa tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, trưởng dòng tu Sakyapa tự xưng là hóa thân của Văn-thù Bồ-tát, Tai Situpa Rinpoche tự xưng là hóa thân của Di-lặc Bồ-tát v.v.. Có lẽ vì thế người Trung Hoa đã gọi các vị này là hoạt Phật (Phật sống). Hiện thời tại Tây Tạng, Mông Cổ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Khang, Buriat, Kalmyk v.v., tức những nơi theo truyền

Các ông đừng bị xoay chuyển bởi những vị tri thức của các pháp môn ấy thì sẽ có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi chín phẩm kia, làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn tốt trong hải hội. Người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì mới có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, tự lợi lợi tha vậy. Nếu luân thường khiếm khuyết, người ta sẽ chẳng sanh lòng khâm phục, kính trọng cho nên đối với kẻ hiểu lý còn khó thể khuyến hóa; đối với kẻ chẳng hiểu lý, do chính ta còn thiếu sót trong chuyện tận tụy thực hành, họ sẽ chẳng chịu nghe theo lời ta nói. Đấy chính là *"dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người ta nghe theo).

Phàm mọi chuyện đều phải lấy thân làm gốc, huống chi dạy người khác niệm Phật liễu sanh tử ư? Nay pháp danh đặt cho các ông được viết trong một tờ giấy khác. Sợ các ông chưa thể tin nhận ngay, nay gởi cho các ông mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết Phật nguyện rộng sâu, pháp môn rộng lớn: Dẫu là kẻ nghịch ác mà nhất niệm hồi quang (tự phản tỉnh, tự tỉnh ngộ hướng về đường lành), vẫn có thể vãng sanh! Đọc Gia Ngôn Lục sẽ biết chỗ thù thắng mầu nhiệm của pháp môn và pháp tắc tu trì. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết: Lúc bình thường kêu gọi quyến thuộc niệm Phật thì lúc lâm chung sẽ chẳng bị phá hoại. Ngoài ra còn có Một Lá Thư Trả Lời Khắp, [áp dụng những điều được nói trong lá thư ấy] thì đối trước hết thảy mọi người sẽ đều đề xướng được. Lúc sanh nở niệm Quán Âm quả thật là chuyện quan trọng nhất trong đời người. Chuyện lớn trong thế gian chỉ có sanh và tử. Đề xướng được như vậy thì lợi ích lớn thay!

(Ngày 18 tháng 6)

465. Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp

Trong cõi đời gần đây, bọn thiếu niên do tình dục quá nặng, nên buông lung chơi bời, hoặc mê mệt thê thiếp, hoặc do ý chuyên nghĩ đến điều dâm mà tinh thần ngầm bị tổn thương, hoặc thủ dâm để rò rỉ, phung phí thứ quý báu nhất. Do vậy thân yếu, tâm hèn, chưa già đã suy, học vấn sự nghiệp đều chẳng thành tựu. Thậm chí con cái sanh ra đều bấy bớt hoặc khó khôn lớn, thành người được. Mà

---

thống Phật Giáo Tây Tạng đều có những hóa thân. Hầu như các tu viện lớn nhỏ đều có hóa thân; nổi tiếng nhất là Đại-lai Lạt-ma, Ban-thiền Lạt-ma, Karmapa, Sakyapa của Tây Tạng, Jetsundampa của Ngoại Mông Cổ, Chương Gia thuộc Nội Mông (dòng truyền thừa của vị này đã chấm dứt). Thậm chí tài tử Steven Seagal của Mỹ cũng được Drubwang Pema Norbu Rinpoche (tu viện trưởng tu viện Palyul Ling, người được coi như là trưởng tông phái Nyingmapa hiện thời) công nhận là hóa thân của lạt-ma Chungdrag Dorje, một vị tăng chuyên phát hiện những Mật điển (Terton) sống vào thế kỷ 17 ở Tây Tạng, gây nên rất nhiều tranh luận ồn ào trong giới Phật tử Tây Phương theo Mật tông Tây Tạng.

thọ mạng của chính mình cũng khó thể dài lâu như trong số mạng đã định, chẳng đáng buồn ư? Ta sợ con cũng phạm những bệnh trên đây! Hễ có nên sửa đổi, không có thì cố gắng. Đã có thể trì danh hiệu Bồ-tát lâu dài ắt cần phải khẩn thiết, chí thành, mọi mong muốn sẽ được toại nguyện. Nếu vẫn hờ hững hời hợt thì cũng chỉ được cảm ứng hờ hững hời hợt, quyết chẳng thể "ắt được như nguyện". Quang bận bịu quá sức, chẳng thể đáp ứng mong cầu thêm được nữa. Hiện thời phải lo toan chuyện in sách, đến mùa thu xong xuôi sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài; bởi lẽ tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều, không có sức để chống đỡ được.

Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ loài vật, dứt bỏ rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người hòng trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều được gội ân Phật giáo hóa, cùng tu tịnh nghiệp, thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, chết đi sẽ về cõi Cực Lạc. Mong con hãy thận trọng!

466. Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa

Thư nhận được đầy đủ. Chuyện ăn thịt quan hệ đến sự bình yên hay loạn lạc, thăng lên hay đọa xuống. Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải lăm lăm chú ý nơi chuyện này thì mới có hy vọng. Pháp môn Mật tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền lẫn kẻ học hiện thời phần nhiều quên mất điều cốt lõi: Dùng công phu tam mật trì chú để tiêu trừ phiền hoặc mới chính là ý nghĩa chánh đáng, nhưng người truyền thì dùng thần thông để thu hút, lôi kéo người khác, kẻ học không một ai chẳng lăm le đắc thần thông. Như vậy chính là chưa thể vịn tường bước đi đã muốn vọt lên không trung bay đi nơi xa, làm sao đạt được? Các lạt-ma ở Tây Tạng, Mông Cổ đều ăn thịt, vì ở những nơi ấy không có gạo thóc thì còn chấp nhận được, chứ người học Mật tông hiện thời phần nhiều ngã mặn, ăn thịt, lại ngược ngạo hết sức tán dương chuyện ấy, bảo là "ăn vào sẽ độ thoát cho những con vật đó". Như vậy là đã trở thành lời ma nói mất rồi! Khi làm những Phật sự lớn, lạt-ma còn phải ăn chay, đủ biết lúc bình thường ăn thịt vốn chẳng phải là chánh nghĩa.

Mật tông đề xướng "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay nơi thân này), tức là coi "liễu sanh tử chính là thành Phật". Những kẻ vô tri liền tưởng hễ liễu sanh tử là đã trở thành đức Phật phước tuệ viên mãn. Như vậy tức là trồng tùng để làm

kèo rường bởi gỗ cây ấy có thể làm kèo rường, chứ không phải ngay trong hiện tại cây tùng đã là kèo rường!

Năm Dân Quốc 17 (1928), tại Thượng Hải có gã X… đề xướng Mật tông "một trăm ngày thành Phật". Người có tín tâm ở Thượng Hải đều nương theo gã ấy tu học. Mùa hè năm Dân Quốc 18 (1929), có kẻ hâm mộ danh tiếng của hắn, muốn nhờ vào đó để cầu lợi bèn thỉnh hắn đến Bắc Bình (Bắc Kinh). [Hắn tuyên bố ai theo hắn tu học] sẽ thành Phật trong 48 ngày, nhanh hơn một nửa so với lúc truyền đạo tại Thượng Hải. Tới năm Dân Quốc 19 (1930), Bắc Bình, Thiên Tân, Thượng Hải đều chẳng thể dung thân, hắn ta bèn trở về nhà hoàn tục, đáng than đến tột cùng!

Trong những pháp liễu sanh tử, pháp môn Tịnh độ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận căn tánh như thế nào, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết trì niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, khi lâm chung ắt được Phật lực gia bị vãng sanh Tây Phương. Pháp môn này chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật. Hết thảy pháp môn đều phải lấy đạo lực giới định tuệ để đoạn phiền não tham sân si, phiền não đoạn sạch thì mới có thể thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử. Xưa kia còn có những người như vậy, chứ ngày nay thì sợ rằng cả thế giới cũng không tìm được một hai người. Do vậy càng về sau này, càng phải nên chuyên tu tịnh nghiệp.

467. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ tín nguyện hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại than: "Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?" Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận? Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh hèn tệ, dẫu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu!

Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngõ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung (dung là "dung chỉ" tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng "dung" là dung mạo xinh đẹp, đáng than thay), phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyến gia đình). Dạy cho con đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn dạy cho chúng nó biết nhân rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá, chúng

sẽ nêu gương trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra. Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng, dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư?

Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chăng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thừa kế tổ tông[480] thì cháu trai[481] cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu trai, cháu gái cũng có thể kế thừa. Huống chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn nghiệp chủng cõi Sa-bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã bận lòng như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chăng?

Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay. Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đấy chính là quyến thuộc Bồ-đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đấy là hiếu, là lòng từ lớn lao. Sao ông chẳng viết họ tên? Liễu Duyên cũng chẳng biết là ai? An Sĩ Toàn Thư hiện thời đã giao hết, mùa xuân năm sau nếu đường bưu điện thông suốt sẽ gởi Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám, Di-đà Bạch Thoại Giải, Gia Ngôn Lục v.v.. Nhưng hai ba năm qua, chẳng dễ gởi kinh sách sang Thiểm Tây cho lắm, mong các hạ hãy cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, đề xướng giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình càng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng và giữ vẹn luân thường, tu trì tịnh nghiệp, để dân chúng cả vùng nhìn theo nhau làm lành, công đức ấy há diễn tả được ư? Quang là người xứ Tần (Thiểm Tây), hai ba năm qua quả thật chưa gởi được nhiều sách về đất Tần, gần đây tuy có viết danh sách

---

[480] Nguyên văn "tông diêu", nói đủ là "tông diêu thừa kế": Tông là nhà thờ tổ, diêu (祧 đúng ra theo chánh âm phải đọc là thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kể từ đời Tây Chu, quyền thờ phụng tổ tiên, thừa hưởng gia nghiệp của tổ tiên giao cho con trưởng thuộc dòng đích. Bộ Đường Luật Nghĩa Sớ quy định: "Đích tử đã chết, hoặc bị tội, hoặc tàn tật thì do đích tôn thừa hưởng. Không có đích tôn mới lập anh em của đích tử làm người thừa kế. Không còn ai thuộc dòng đích nữa thì mới lập dòng thứ."

[481] Cháu trai (điệt: 姪) ở đây là cháu gọi ông Vương bằng chú hay bác.

bảo họ gởi sách, nhưng chẳng biết có gởi được đến nơi hay không? Chẳng đến được thì đã lạc mất rồi, thật đáng tiếc!

468. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ hai)

Trước kia, ông Lận Bá Thao có tới đây, nói ông muốn quy y, lại đưa những bài ông đã viết cho tôi xem. Nói đến thủ tục quy y thì cố nhiên không có nghi thức nhất định. Nếu như tận mặt quy y, pháp sư truyền giới thăng tòa tuyên nói thì thời gian phải mất từ một tiếng đồng hồ trở lên, người thọ giới ở dưới pháp tòa đảnh lễ quỳ nhận. Nếu muốn đơn giản hơn thì cũng có thể phương tiện tuyên nói, thời gian chẳng lâu.

Ông là người ở ngoài xa mấy ngàn dặm, vọng hướng về đây cầu được quy y, theo lễ thì trong ba ngày trước đó, hãy sáng tối chí tâm lễ Phật, hoặc 24 lạy, hoặc 48 lạy, hoặc 108, hoặc bao nhiêu đó lạy, để sám hối túc nghiệp. Đến sáng sớm ngày hôm ấy, liền đối trước Phật, đảnh lễ xong, bèn tự nói: *"Đệ tử con tên là... từ xa vâng mạng thầy con là Ấn Quang quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. Từ nay trở đi cho đến hết tuổi thọ, quyết chẳng quy y thiên ma, ngoại đạo và kinh điển, sách vở của ngoại đạo cũng như đồ chúng ngoại đạo."* Đảnh lễ một lượt. Nói như thế ba lần, lại lễ bao nhiêu đó lạy là xong.

Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, hai gói Quán Âm Tụng, hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải, thường đọc những sách này thì sẽ có cái để bắt chước theo, không cách chi đọa vào loài ma được. Đối với những sách đã gởi, ngoài những cuốn giữ lại để tự thọ trì, những cuốn khác nên tặng cho người thông văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Nếu là văn nhân tà kiến, luông tuồng không kỵ húy thì đừng đưa cho họ, sợ họ khinh nhờn đến nỗi mắc tội. Sự giáo hóa Phật pháp ở đất Tần ta hết sức trắc trở, lao đao! Ông đã phát tâm, hãy nên dốc sức nơi tu hành chân thật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Ngộ, nghĩa là dùng trí tuệ để liễu ngộ pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tự hành, dạy người, để mong lìa khỏi nỗi khổ sanh tử thế gian, được hưởng niềm vui chân thường xuất thế gian. Pháp xuất thế gian vô lượng vô biên, nhưng chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất, đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Muốn vãng sanh Tây Phương, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện chân thật thiết tha, quyết chí cầu sanh, chẳng được có một tâm niệm cầu phước báo trời người trong đời sau thì mới mong được lợi ích thật sự. Lại còn đem những chuyện vừa nói trên đây để trên là khuyên cha mẹ, giữa là khuyên anh

em trai, chị em gái, dưới là khuyên vợ con. Đấy là nói theo phía gia đình. Ngoài là khuyên thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước và hết thảy những người quen biết thì công đức của chính mình sẽ càng rộng lớn, phẩm vị vãng sanh sẽ có thể tăng cao.

469. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ ba)

Bài thuốc trị bệnh sốt rét, không một ai chẳng được lành bệnh. Một đệ tử dùng bài thuốc ấy trị cho mấy trăm người, thường khuyên họ đừng vất đi những tờ giấy có viết chữ đã dùng, nhưng vẫn có người vứt đi, tâm khá buồn phiền. Mộng thấy một cụ già nói: "Chỉ dùng một tờ giấy trắng viết năm chữ *'ngược tật điều lý hoàn'* (瘧疾調理丸), đem đốt rồi pha vào nước sôi, uống xong bệnh chẳng phát nữa." Đem thử thấy hiệu nghiệm lạ kỳ! Cũng cần phải uống khoảng một tiếng đồng hồ trước khi cơn sốt rét phát ra. Khi đốt mảnh giấy có viết chữ nên dùng kim dài hoặc cái dùi để ghim vào đầu tờ giấy cho khỏi bị lửa táp tay đến nỗi chữ cháy không hết.

Thế gian có rất nhiều chuyện chẳng thể dùng tình lý để suy lường được. Một đệ tử ở Quảng Đông đem phương thuốc trị bệnh sốt rét trị lành vô số người. Lỡ có ai hỏi: "Là do đạo lý nào, chẳng phải là chú, chẳng phải là bùa, chẳng phải là thuốc, mà trị được bệnh?" Ông ta nói: "Đấy chính là đạo lý nơi vô đạo lý, gọi là chẳng thể nghĩ bàn vậy!"

Hơn nữa nữ nhân sanh nở, niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát chắc chắn sẽ được an nhiên sanh nở. Một người đàn bà nghèo ở Tô Châu, đang sanh con liền bị chết, chồng bà ta đến bệnh viện mời bác sĩ Tây y đến mổ bụng ra. Bác sĩ Tây y đòi 200 đồng mới chịu mổ. Nhà ấy lo không nổi, bác sĩ Tây y bỏ đi. Cách vách có một vị quán trưởng mở Y Học Quán, vợ chồng ông ta đều quy y Quang. Bà vợ ông ta nghe tiếng, bèn sang thăm, bảo cả nhà niệm Quán Âm, bà ta cũng niệm giúp. Không lâu sau, sản phụ sống lại, sanh con ra. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã có nói, xin hãy nói với hết thảy mọi người. Đây cũng là một đầu mối để tự lợi, lợi người vậy!

(Ngày 29 tháng 6)

470. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ tư)

Hiện thời hạo kiếp[482] đang hiện tiền, mọi người đều phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Dẫu được

[482] Hạo kiếp: hạo（浩）có nghĩa là rộng lớn, mênh mông. Chữ hạo được dùng ở đây nhằm diễn tả ý nghĩa tai kiếp dồn dập, xảy ra với mức độ rộng lớn, dày đặc.

phước báo, cũng chỉ tạm thời. Phước lớn sẽ tạo nghiệp lớn, đã tạo nghiệp lớn, ắt phải chịu khổ lớn. Nếu sanh về Tây Phương sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Pháp danh của Vương Huệ Như được ghi trong một tờ giấy khác, khai thị thì dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

471. Thư trả lời cư sĩ Lục Trị Bình

Y dược thế gian chỉ trị được thân bệnh, chẳng trị được tâm bệnh và các bệnh sanh tử v.v.. Phật là Đại Y Vương, trị được các bệnh thân tâm, sanh tử v.v.. Ông đã có thể lấy "giúp đời, cứu sống người" làm chí hướng, sự nghiệp, hãy nên kiêm dùng Phật pháp thì lợi ích lớn lao. Do vậy đặt pháp danh cho ông là Huệ Y. Quang già rồi, sáng tối sẽ chết, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Nay gởi cho ông các bản Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Dược Phương v.v. để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có một cuốn Khai Thị Lục, một tờ thông cáo rộng rãi "Sữa độc giết trẻ con", hãy nên nói với hết thảy mọi người.

472. Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn

Thư nhận được đầy đủ, Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị tường tận được. Giấy trắng ngần lóa mắt chẳng thể viết được! Nay gởi cho ông Một Bức Thư Trả Lời Khắp và hai gói kinh sách gồm Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Văn Sao v.v.. Nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, ắt sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh độ, nhưng cần phải cung kính, đừng nên dựa theo kiểu đọc sách Nho, trọn chẳng cung kính gì. Nhà Nho chẳng kính trọng sách nên cõi đời loạn lạc không ngơi. Nếu nhà Nho kính sách thì hễ là người đọc sách đều là bậc mong thành thánh thành hiền, đâu đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế này?

Đọc kinh sách trong Phật pháp ắt phải tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn như đối trước đức Phật, đích thân nghe viên âm. Nếu làm được như thế thì nghiệp chướng ngày một tiêu, trí tuệ ngày một tăng trưởng. Dùng những điều mình biết được để hướng dẫn, làm lợi hết thảy, đấy chính là Huệ Mậu. Mậu (懋) là cố gắng, dùng pháp môn Tịnh độ để tự hành, dạy người, tự gắng sức, khuyên người khác gắng sức, sẽ trong đời này thoát khỏi cõi ngũ trược đây, lên cõi sen chín phẩm kia. Đấy chính là như kinh Thư đã nói *"đức mậu, mậu tu; công mậu, mậu thưởng"* (đức tốt đẹp là do tu hành siêng gắng, ra công gắng sức sẽ được ban thưởng tốt đẹp) vậy. Nhưng cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành (hai câu này chính là giới kinh đại lược trong kinh Phật; Âm Chất Văn dẫn dụng hai câu này) thì mới là đệ tử chân thật của đức Phật, mới làm cho người khác nhìn theo làm lành, nên nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (Dùng lời nói để dạy thì bị

tranh cãi; dùng thân để dạy, kẻ khác sẽ thuận theo). Pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì chẳng lấy thân làm gốc.

473. Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm

Nhận được thư đầy đủ, pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nếu đời trước không có tịnh nhân, sẽ rất khó sanh lòng tin. Thiền giả lấy "kiến tánh thành Phật" để tự khoe tài, Giảng giả (người học giáo) lấy hoằng dương Giáo quán để tự khoe khoang. Họ chẳng những không chịu đề xướng pháp môn Tịnh độ, mà còn cực lực đả phá, bài xích, đa phần là như vậy. Chúng sanh đời mạt pháp chẳng gặp được pháp môn Tịnh độ dẫu có thể minh tâm kiến tánh, thông hiểu Giáo quán sâu xa, ai có thể chẳng đoạn phiền hoặc mà liễu sanh thoát tử được? Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh được sáu tháng liền bị bệnh mắt, từ đấy suốt 180 ngày chưa từng mở được mắt, trừ lúc ăn ngủ ra, khóc suốt ngày đêm. Đến khi lành bệnh, còn được thấy bầu trời. Vào trường đi học, trúng phải chất độc của Hàn - Âu - Chu - Trình rất sâu, may không có tài như các ông ấy. Nếu không, đã mang quả báo hãm vào đọa địa ngục ngay trong khi còn sống rồi. Về sau biết họ sai trái, do vậy liền xuất gia. Cửa ngõ Tông - Giáo cao vời, không sức nào ngóng dò được, chỉ mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Hai mươi năm trước, nhập chúng tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, sống nhàn tản. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong các giấy tờ viết lách, vì thế được yên vui không phiền nhiễu. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), đã có hai người (tức Từ Úy Như và Chu Mạnh Do) đem những lá thư Quang gởi cho bè bạn in thành mấy ngàn bản tặng cho người khác. Năm sau, Từ Úy Như in Văn Sao, từ đấy hằng ngày không được rảnh rỗi. Quang chỉ đem pháp môn Tịnh độ nói với bọn họ, mặc cho người ta bảo tôi "vô tri vô thức". Ông đã đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v., hãy dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, chắc chắn thừa thãi có dư. Nếu còn nghiên cứu Tông, Giáo, trộm sợ rằng thấy lời lẽ nhà Thiền huyền diệu, lý bên Giáo sâu xa, lại coi Tịnh độ như chuyện vặt vãnh, đâm ra chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng kẻ chất phác chẳng biết gì cứ nhất tâm niệm Phật. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, từ nay nếu không có chuyện gì hết sức cần thiết, đừng gởi thư tới, bởi không có mục lực để xem và trả lời được.

Nay đặt pháp danh cho ông là Sư Viễn. Viễn chính là đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn vào đời Tống, tức là vị tổ sáng lập tông Tịnh độ. Lấy Viễn công để tôn thờ, học theo, sẽ chẳng đến nỗi bị tri thức các tông trong hiện tại lay động mê hoặc.

Những kẻ học Phật trong cõi đời đều lấy khai ngộ làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng biết "tuy ngộ nhưng chưa chứng thì vẫn chẳng thể liễu thoát được". Dẫu là bậc đã chứng Sơ, Nhị, Tam quả, vẫn khó thể trong đời sau chẳng do phước tạo nghiệp, hoặc đến nỗi đọa lạc trong ác đạo, bậc chứng Tứ quả mới liễu sanh tử. Đây là nương theo Tiểu thừa mà nói. Chứ nếu luận theo Viên giáo trong Đại thừa mà nói thì Sơ tín đoạn kiến hoặc giống như Sơ quả trong Tiểu thừa; Thất tín đoạn sạch tư hoặc, mới liễu sanh tử. Từ Sơ tín đến Lục tín vẫn chưa thể liễu sanh tử. Phàm tình chẳng thể suy lường được thần thông trí tuệ của bậc Bồ-tát thuộc địa vị Sơ tín, huống là các địa vị Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục tín ư?

Người tham thiền thường vì người học Tịnh tông lẫn Giáo tông chẳng đáp được cơ phong chuyển ngữ mà cho là đạo Thiền cao siêu huyền diệu, người khác chẳng thể biết được. Thật ra kẻ khởi lên tri kiến như thế cũng chẳng hiểu ý cổ nhân. Nếu là người thật sự biết, ắt sẽ không có thái độ tự khoe tài, tự kiêu căng. Vì sao vậy? Do lời tuyệt diệu cũng là lời cực bình thường, chẳng những hiểu [những câu cơ phong chuyển ngữ ấy] cũng không giúp được gì, ngay cả đại triệt đại ngộ vẫn chẳng giải quyết được gì. Cần phải hoàn toàn chứng đắc mới giải quyết được việc. Trong đời sau, quả thật chẳng thấy được mấy ai chứng đắc.

Vào đầu đời Tống, thiền sư Ngũ Tổ Giới (Ngũ Tổ là tên chùa, thiền sư Sư Giới làm trụ trì chùa Ngũ Tổ, nên gọi là Ngũ Tổ Giới) danh lừng lẫy vũ trụ, môn đình cao ngất tựa long môn, chết đi tái sanh làm Tô Đông Pha (có sự tích chứng minh hẳn hoi). Do huệ lực đời trước, văn tự lẫn kiến địa của Đông Pha đều chẳng tầm thường, nhưng lại chẳng câu nệ tiểu tiết. Lúc ông Tô trấn thủ Hàng Châu vẫn thường kiếm kỹ nữ về vui thú. Đủ biết Sư Giới ngay cả Sơ quả còn chưa chứng được! Vì sao vậy? Do bậc Sơ quả đắc *đạo cộng giới*[483] (tự nhiên là như vậy), tùy ý chẳng phạm giới. Nếu không xuất gia thì cũng lập gia đình. Dẫu đem cái chết uy hiếp để ép buộc vị ấy phạm tà dâm, vị ấy bèn thà chịu chết chứ quyết chẳng chịu phạm. Nếu thiền giả biết nghĩa này, đâu dám miệt thị Tịnh độ, đề cao Thiền tông, nhường cho ngu phu ngu phụ nương theo Phật từ lực để vãng sanh, còn chính mình cam phận ở trong luân hồi, chẳng muốn thoát khỏi ư? Quang nói lời này là vì sợ ông chẳng biết nguyên do, bị thiền giả áp đảo, bèn bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, đến nỗi sẽ liễu sanh tử trong năm con lừa (cho đến hết đời vị lai cũng không có năm con lừa).

Lời kệ đính kèm theo Một Lá Thư Trả Lời Khắp đề cao Quang quá lố, khiến Quang hổ thẹn khôn ngằn! Nay gởi cho ông một trang dược phương, do giấy

[483] Đạo cộng giới: giới tương ứng với đạo, có năng lực tự nhiên giữ giới thanh tịnh không cần phải tác ý chú tâm giữ giới mà không bao giờ phạm giới.

trắng chẳng thể phê được, nên nay đem kèm vào đây. Toa thuốc trị bệnh sốt rét, chẳng nệ bệnh đã một hai năm, hoặc mười mấy năm, đều hễ trị liền lành. Toa thuốc cai nghiện á phiện còn có thể trị bệnh khí thống nơi gan và bao tử. Tuy bệnh đã mười mấy năm cũng hễ trị liền lành, chẳng cần phải bỏ thêm thuốc phiện vào[484].

Loại cao trị bệnh cùi còn có tên là thương nhĩ cao. Nếu dùng nồi lớn để sắc thuốc, thì phải dùng một miếng tre hoặc miếng ván rộng bốn tấc, dày nửa tấc, dài bảy tám thước để làm đũa khuấy (ngắn thì người ta phải ghìm chặt miếng ván để khuấy mạnh, quá tốn sức; đũa dài thì chỉ cần khuấy nhẹ, đỡ tốn sức), phía dưới vát xéo góc sao cho đụng đáy nồi; không ngừng khuấy vét đáy nồi để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy đến nỗi mất dược tánh. Nồi nhỏ thì cũng dùng miếng ván nhỏ để khuấy vét. Đây chính là cách thắng đường. Do cao này phải nấu lâu, nếu không làm như thế nhất định sẽ bị cháy ở dưới đáy, chẳng thể không biết điều này. Ở phương Bắc ít bị bệnh này, phương Nam và các nước Tây Dương đều có. Các xứ chữa trị chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể trừ tận gốc. Thuốc này trừ được tận gốc, nên đặc biệt nói rõ cách nấu cao để mong có lợi, không điều tệ.

474. Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn

Xá-lợi chưa tới chỗ cũ[485], càng đúng là thần biến khôn ngằn. Ấy chính là Phật, Bồ-tát muốn làm cho ông và hết thảy những ai thấy nghe đều gieo thiện căn sâu xa, nên đặc biệt thị hiện như vậy. Tiếng Phạn xá-lợi (śarīra), cũng có khi phiên là thiết-lợi-la (danh từ này hiện thời tuyệt chẳng dùng đến), ở đây (Trung Hoa) dịch là thân cốt (xương nơi thân), cũng có khi dịch là linh cốt. Đây chính là ước theo sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, thiêu thân hóa hiện tám hộc bốn đấu[486] xá-lợi mà nói. Đấy chính là ước theo đa số để nói.

---

[484] Toa thuốc này vốn để dùng trị nghiện thuốc phiện. Trong cách uống có nói bệnh nhân vừa uống thuốc vừa giảm bớt liều lượng thuốc phiện, nên nếu không nói rõ người dùng toa thuốc ấy để trị bệnh khí thống sẽ tưởng là phải hút thuốc phiện theo phân lượng giảm dần như trong toa thuốc đã chỉ.

[485] Trong lá thư gởi cho cư sĩ Phương Diệu Đình (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, thư số 269), tổ Ấn Quang cho biết: "Hôm trước, am Quán Âm ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc phỉ thúy, nói là viên xá-lợi ấy kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem; xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi. Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy." Như vậy là khi tổ viết thư cho Dương Bội Văn, viên xá-lợi ấy vẫn chưa trở về am Quán Âm. Xin xem thêm chi tiết về chuyện này trong "Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi" thuộc Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 3.

[486] Hộc và đấu là những đơn vị đo lường thời cổ, có dung lượng biến đổi theo triều đại. Thời Tần, một hộc bằng mười đấu, mỗi đấu là 2 lít. Từ đời Tống trở đi, một hộc bằng năm đấu và

Cũng có loại xá-lợi không phải từ xương trên thân đức Phật mà có, như người đời Tống khắc ván in cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn tìm được ba hạt xá-lợi trong tấm ván, ba hạt xá-lợi tìm được ở ba chỗ. Lại nữa, thiện nữ nhân thêu kinh, đâm kim xuống bị vướng, nhìn vào tìm được xá-lợi. Lại có người niệm Phật, từ trong miệng có được xá-lợi. Có vị cao tăng tắm gội, bảo học trò kỳ lưng, nghe có vật lanh canh rơi xuống, nhìn xem thì thấy được xá-lợi. Thiền sư Tuyết Nham Khâm[487] cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi. Thiền sư Trường Khánh Nhàn đời Tống viên tịch, ngày hỏa thiêu ngài, trời nổi cơn gió lốc lớn, khói bay xa ngoài 40 dặm. Khói lan đến đâu, trên nóc nhà, ngọn cây, ngọn cỏ, đều có xá-lợi, nhặt được hơn 4 thạch[488].

Ngoại đạo chẳng biết xá-lợi chính là do sức của giới định tuệ tạo thành, bèn bảo xá-lợi là do tinh - khí - thần[489] luyện thành. Đây là ăn trộm danh từ của Phật giáo, chứ tuyệt chẳng biết nghĩa lý trong Phật giáo, liền đơm đặt bịa chuyện. Xá-lợi phần nhiều do dời chuyển mà có được, như khắc ván, thêu kinh và do miệng niệm Phật mà có, cũng như xá-lợi của ông do từ hoa đèn mà được, đều là vì lòng thành chuyên ròng đến cùng cực nên đức Phật rủ lòng từ gia bị, thị hiện. Hơn nữa, xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngằn. Như khi Tùy Văn Đế (Dương Kiên)

---

dung lượng của đấu lớn dần lên, đến đời Thanh, một đấu bằng 10 lít. Do kinh Phật đa số được dịch từ thời Hán đến giữa đời Tống, nên ta có thể ước lượng một hộc bằng mười đấu, và mỗi đấu từ 2 đến 3 lít.

[487] Tuyết Nham Khâm chính là hòa thượng Tuyết Nham Tổ Khâm (?-1287), thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế, người xứ Vụ Châu, pháp hiệu Tuyết Nham. Làm sa-di lúc 5 tuổi, được thọ cụ túc năm 16 tuổi, trước sau từng tham học với các vị Diệu Phong Chi Thiện, Diệt Ông Văn Lễ (chùa Tịnh Từ) v.v.. Sau đến Kính Sơn tham học với ngài Vô Chuẩn Sư Phạm, về sau làm người nối pháp của vị này. Từng được vua tặng ca-sa tía, thanh danh lừng lẫy một thời. Sư thị tịch vào năm Chí Nguyên 24 đời Nguyên (1287), còn để lại Tuyết Nham Hòa Thượng Ngữ Lục (bốn quyển). Người nối pháp của sư là ngài Cao Phong Nguyên Diệu (vị này chính là thầy thế độ cho ngài Trung Phong Minh Bổn).

[488] Thạch: Có hai đơn vị đo lường cùng gọi là thạch.

1. Để đo dung tích thì một thạch là 67 lít.
2. Để đo trọng lượng thì một thạch bằng 76 kg.

[489] Tinh - khí - thần vốn là những khái niệm y học, được nhắc đến trong bộ sách y khoa cổ nhất của Trung Quốc là Hoàng Đế Nội Kinh, bọn đạo sĩ đã thần bí hóa khái niệm ấy và gán ghép rất nhiều cách giải thích phức tạp. Ông Thái Nhật Sơ trong bài "Tinh - khí - thần và hoạt động sống còn" đã giải thích khá rõ ràng như sau: "Theo Trung y học, cái gọi là tinh tức là những vật chất tinh vi trong cơ thể con người, tức là những vật chất cơ sở cấu tạo thành thân thể con người, là cái gốc của sanh mạng. Khí chính là những công năng, động lực duy trì cuộc sống con người. Tánh mạng và sự hoạt động của con người được duy trì bởi khí, thần là biểu hiện của khí. Nói cách khác, thần là những gì được biểu hiện ra ngoài của sanh mạng và công năng của động lực sống của con người như âm thanh, dáng vẻ, hình vóc, thái độ, tình cảm v.v.. Như vậy, tinh là vật chất nuôi sống, khí là vật chất có tác dụng dinh dưỡng được chuyển hóa thành những năng lượng cần thiết cho cuộc sống, thần bao gồm những hoạt động sinh lý (bioglogical) và tâm lý của con người."

chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên (mấy trăm viên). Do vậy bèn dựng hơn 50 tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A-dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy xá-lợi chuyển biến lớn nhỏ, cao thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phàm tình để suy lường được. Người đời dùng phàm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích.

Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tiềm, nghĩa là tâm ngầm khế hợp với trí tuệ của Phật, đấy chính là như cổ nhân đã bảo ngu phu, ngu phụ cắm đầu hùng hục niệm Phật, liền có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo" vậy! Hiện thời sắp xảy ra cơn đại kiếp, bất luận là người trong nhà hay người ngoài, đều nên khuyên họ chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Nếu không, họa hoạn xảy tới, trọn chẳng nương tựa vào đâu được. Đừng nói niệm Phật ắt chẳng bị táng thân tổn mạng, dẫu táng thân tổn mạng nhưng linh hồn đi về đâu mỗi người mỗi khác. Vì thế, chớ nên vì niệm Phật không thể cứu vãn được kiếp nạn mà bảo: "Niệm cũng vô ích!" Nay gởi cho ông một gói sách, lại có một tờ Một Lá Thư Gởi Khắp. Dù phiền toái hay đơn giản đều có thể nương theo đó để hành được. Chớ nên gởi thư tới nữa khiến tự phiền, rộn người vậy.

475. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư các ông, biết cha các ông bệnh hết sức trầm trọng, chớ nên làm theo cách si tâm vọng tưởng của thế gian, mà hãy nương theo Phật pháp dùng câu Nam-mô A-di-đà Phật để trợ niệm và cầu cho cha: "Nếu tuổi thọ đã tận sẽ mau được đức Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh." Cha các ông tuổi đã ngoài bảy mươi, đang trong thời thế nguy hiểm này, cả nhà hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn cụ vãng sanh Tây Phương. Nếu cụ tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ do công đức trợ niệm mà chóng được lành bệnh. Nhưng chớ nên chỉ cầu lành bệnh, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ của cụ đã hết, cầu như thế sẽ làm hỏng đại sự. Hãy vì cha các ông mà nhất tâm trợ niệm. Nếu cụ niệm được thì niệm theo; chẳng thể niệm, hãy nhất tâm nghe các ông niệm.

Phàm những chuyện khẩn yếu thì phải hỏi han trước, chuyện chẳng khẩn yếu đều nhất loạt chớ nên nhắc tới. Nếu có những cư sĩ chí thành khẩn thiết, hãy nên thỉnh mấy vị cùng với các ông chia phiên trợ niệm liên tục chẳng ngớt. Niệm mãi cho đến khi cụ tắt hơi vẫn cứ niệm giống như thế. Niệm tiếp tục như vậy cho đến ba tiếng đồng hồ sau mới ngừng niệm. Hơn nữa, trước khi cụ chưa chết và lúc

vừa mới tắt thở, đừng nên lau rửa thân thể, thay áo, khóc lóc, những hành vi ấy đều là lôi cụ xuống biển. Người thế gian tưởng đấy là hiếu, nhưng thật ra đã phá hoại chánh niệm, khiến cho người đã mất chẳng thể vãng sanh mà đâm ra bị đọa lạc. Tội giống như giết cha mẹ, khẩn yếu đến cùng cực!

Bữa nay ở Linh Nham liền thỉnh mười vị tăng mở một Phật thất, Phật thất tốn một trăm đồng; lại lập cho cụ một bài vị bằng gỗ để thờ vĩnh viễn trong niệm Phật đường. Niệm Phật quanh năm, lợi ích rất lớn, phải tốn năm mươi đồng. Một trăm năm mươi đồng ấy nên gởi qua bưu điện, chuyển thẳng cho đại sư Diệu Chân thuộc Linh Nham Sơn Tự ở trấn Mộc Độc. Phật thất cũng là để cầu Phật tiếp dẫn, nếu tuổi thọ chưa hết cũng sẽ mau được lành. Các ông muốn giảm tuổi thọ của chính mình để cầu tăng tuổi thọ cho cha, Quang chẳng nghĩ như thế là đúng. Vì sao vậy? Đang trong lúc cụ tuổi đã cao này, lại nhằm đời loạn lạc, chuyện mai sau chẳng biết như thế nào. Cố nhiên, hãy nên cầu cho cha mẹ mau được sanh về Tây Phương, để khỏi gặp cảnh mai sau chẳng bằng hiện thời, sẽ càng khó thể trợ niệm.

Nay gởi kèm cho ông một ít tro hương Đại Bi, hãy đem tro hòa vào nước, gạn lấy phần nước lắng trong để uống. Dẫu cụ đã đến lúc chết, uống vào thì thần thức cũng sáng suốt, chánh niệm vãng sanh. Nếu chưa đến lúc chết, sẽ mau được lành bệnh. Đối với chuyện sau khi cụ đã mất, đừng bày vẽ mù quáng, làm lễ phúng điếu, nhóm họp thân hữu. Dẫu cho bạn bè thân thiết tìm đến cũng nên đãi cỗ chay, vĩnh viễn chấm dứt rượu thịt. Ma chay, kính thần, đãi khách đều dùng món chay. Vàn muôn phần chớ nên dùng rượu thịt! Trong đám tang chẳng dùng rượu thịt, cổ lễ Nho gia đã là như vậy đó, chứ không riêng gì Phật giáo mới vậy. Nếu Hoàng thái tử đang cư tang mà lén lút uống rượu thì sử quan ắt phải ghi chép chuyện ấy để truyền cho hậu thế.

Hiện thời lễ giáo bỏ phế, đang cư tang vẫn tấu nhạc, sát sanh để giữ thể diện. Các ông đừng học theo thói cực ác ấy! Lại có kẻ còn đem hành trạng của người đã khuất in ra, thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, tặng cho khắp mọi thân hữu. Chuyện ấy cũng hết sức vô lễ! Đem hình ảnh của cha mẹ in trên đấy, người ta nhận được xem qua một lần rồi quăng vô đống giấy lộn, chẳng biết đã khinh nhờn đến đâu! Các ông muốn làm cho cha mẹ được nở mày nở mặt, hãy nên trong mỗi niệm luôn tự phản tỉnh, khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng dám có một niệm không xứng đáng với Phật Bồ-tát, thiên địa quỷ thần. Nếu có thể giữ được như thế suốt đời thì mới là đại hiếu, tôn kính cha mẹ. Nếu không, do hành vi bất thiện, ắt người ta sẽ nói cha các ông tổn đức nên mới có đứa con không ra gì như vậy. Do đó con người chẳng thể không tự trọng.

476. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ. Kẻ làm con cái trong thế gian khi cha mẹ lâm chung phần nhiều là "đã rớt xuống giếng còn quăng đá". Anh em ông chịu nghe theo lời tôi, cho nên cha các ông vãng sanh Tây Phương, đấy là chân hiếu. Ông nên biết rằng, bất luận già trẻ trai gái lâm chung đều nên trợ niệm như thế. Đều phải là sau khi đã tắt hơi rồi, tối thiểu là trong vòng ba tiếng đồng hồ chẳng được đụng vào thân thể người ấy, chẳng ngớt tiếng niệm Phật, chẳng được khóc lóc, để càng lâu càng hay (Do nếu khuyên để lâu thì sợ kẻ chẳng hiểu việc sẽ khó thể nghe theo được, nên chỉ nói là "ba tiếng đồng hồ"). Cha các ông thần thức không sáng suốt, sau khi uống nước Đại Bi, thần thức liền sáng suốt; đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn (tức là lòng thành của các ông).

Mẹ ông Ngô Trạch Nam lâm chung, lưỡi cứng không động đậy được. Trạch Nam đem nước Đại Bi chấm vào lưỡi, trong khoảnh khắc lưỡi của bà cụ liền mềm mại có thể niệm Phật được. Bình thường cụ luôn niệm Phật cực nhỏ, lúc ấy lớn giọng niệm liên tiếp ba câu rồi qua đời. Cảnh tượng lúc cha ông lâm chung nếu chẳng phải là thêu dệt thì chắc chắn cụ được vãng sanh. Người bình thường chết rồi chẳng có tí hơi nóng nào, thân thể cứng đờ. Người niệm Phật mấy ngày xác chẳng cứng, đấy là chuyện thường. Chuyện "hồi sát"[490] là kiến thức phàm tục của người đời, phàm ai chết trong chùa miếu đều không có chuyện hồi sát. Quê tôi gọi là "xuất ương" (thoát tai nạn).

Người niệm Phật vãng sanh Tây Phương chẳng thể làm theo cách lo toan mù quáng của tục nhân. Nay tôi lập cho các ông một biện pháp thích hợp với cả đạo Nho lẫn đạo Thích. Nhằm hôm hồi sát, cả nhà hãy chí thành niệm Phật, hoặc một tiếng đồng hồ, hoặc hai ba tiếng đồng hồ là được; chớ nên làm theo cách thức hồi sát của người đời thì người chết lẫn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao. Đối với

---

[490] "Hồi sát" (回煞) là một thứ tín ngưỡng thông tục trong tang ma Trung Hoa đã có từ trước thời Tần. Sát (煞) có nghĩa là tính ngày người chết trở về thăm nhà, mà sát cũng có nghĩa là các hung thần, tai vạ. Do vậy, hồi sát thường được hiểu thành "đẩy lùi hung tai, hung thần". Theo tín ngưỡng dân gian, linh hồn người chết sẽ quay trở lại nhà do *sảnh thần* (倩神) dẫn đường trong một thời gian ngắn sau khi chết. Ngày giờ ấy thường được giới đạo sĩ tính ra, gọi là ngày hồi sát hay tiếp sảnh (接倩: thường trong vòng từ 7 ngày đến 14 ngày sau khi chết). Ngày hôm ấy, phải mời đạo sĩ cử hành cúng tế, yểm đảo với mục đích ngăn ngừa những tà thần theo hồn người chết về bắt người thân chết theo (người Việt thường gọi là thần trùng), đồng thời thân nhân người chết đêm ấy phải ăn một số côn trùng đã hấp và biếu tặng một loại bánh gọi là bánh trạng nguyên (hay *tiếp bài cao*) cho những hàng xóm thân thích để họ khỏi bị thần trùng quấy nhiễu. Có những trường hợp theo bói toán, bị kỵ tuổi quá nặng, đến tối hôm hồi sát, cả nhà phải bỏ trốn đi nơi khác mấy ngày.

chuyện thiết lễ phúng điếu, đãi tiệc khách đến phúng điếu, quả thật đã thất lễ đến cùng cực. Hãy nên dùng khoản tiền ấy để làm chi phí cứu trợ tai nạn, đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương thì là tốt lành nhất. Nếu chẳng thể không có một người khách nào đến viếng, quyết chớ nên dùng rượu thịt, ngay như cúng thần cũng dùng cỗ chay. Khi các ông gởi tới lá thư lần trước, trong khóa tụng sớm tối, Quang đã hồi hướng vãng sanh cho cha ông. Nay sẽ hồi hướng thêm ba thất nữa để trọn hết tình thầy trò. Còn chuyện thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, viết điếu văn đều là bày vẽ rỗng tuếch bề ngoài, trọn chẳng ích gì cho người đã khuất cả.

Đang trong lúc nước nhà tan hoang, dân chúng khốn đốn này, đừng nên làm những chuyện lòe loẹt rỗng tuếch ấy thì mới là đúng. Các ông nên biết, làm phận con chẳng gây nhục cho cha mẹ chính là lòng hiếu thảo suốt đời. Nếu thực hành chuyện "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" thì người ta do thấy những hành vi của các ông luôn tốt đẹp, dẫu miệng họ chẳng ca ngợi đức hạnh của cha mẹ các ông, nhưng trong lòng họ đã ngưỡng mộ, khâm phục đức hạnh của cha mẹ các ông. Đấy là chuyện làm rạng danh cha mẹ lớn lao. Chứ nếu ăn uống, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc, không gì chẳng làm, dẫu có đem đức hạnh của cha mẹ ra khoe cho nhiều, trong lòng người ta ắt nghĩ: "Cha mẹ ngươi ắt làm chuyện tổn đức, nếu không thì sao lại sanh thứ con chẳng xứng đáng như ngươi cơ chứ?" Khiến cho cha mẹ nhục nhã quá sức! Vì cha các ông mà Quang nói với các ông như thế, các ông có chịu nghe theo hay không, tôi chẳng thể ép buộc được. Các ông hãy thử suy nghĩ chín chắn, suy xét cặn kẽ xem lời này có đáng nghe theo hay chăng?

477. Thư trả lời cư sĩ Ngô Kính Nhân

Thư nhận được đầy đủ, muốn cho quốc dân giàu mạnh, phải bắt đầu từ đề xướng nhân quả báo ứng. Nếu con người đều biết đến nhân quả, sẽ tự chẳng làm chuyện vượt lý, phạm phận, cũng chẳng chịu chuyên trọng cầu hoa mỹ, hao phí tiền bạc hữu dụng, vung vãi tiền bạc trong sự sưu tập những món vật ưa thích, chôn vùi ý chí. Mấy chục năm qua, đem mỡ màng của nhân dân để mua khí giới tự sát, mỗi năm chẳng biết đã chở ra ngoại quốc mấy ngàn vạn vạn đồng. Đấy chính là cái gốc khiến cho nước ta tự tàn hại, cướp bóc lẫn nhau. Quyền ấy tuy chẳng nằm trong tay người không có địa vị, nhưng nào ngại nói với hết thảy mọi người để họ đừng ngả theo thói ấy.

Ông đã cầu quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Đôn Bổn. Kính là gốc của đức, hễ kính thì sẽ kìm nén được giận dữ, ngăn chặn lòng dục, chẳng làm các điều ác. Nhân là gốc của đạo, hễ nhân thì sẽ có thể nhân từ với dân, yêu thương loài vật, vâng làm các điều lành. Lại còn sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu

sanh Tây Phương, khuyên hết thảy mọi người đừng tạo cái nhân giết chóc để khỏi phải chịu sát báo. Hễ vãng sanh Tây Phương thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Phong thái ấy sẽ từ nhà lan đến làng, đến ấp, chẳng tiếc tâm lực để kính khuyên, ấy chính là "làm nghề mà cũng tăng tấn đạo" vậy! Đối với chỗ trọng yếu nơi tu trì thì Văn Sao đã có nói đủ, xin hãy đọc kỹ sẽ tự biết rõ. Chỗ cốt yếu nằm nơi thực hành và chí thành. Nếu không, sẽ chẳng phải là Đôn Bổn (đôn đốc, vun quén cái gốc), mà là Hại Bổn. Nay gởi cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp và toa thuốc để mong lợi khắp các đồng nhân.

478. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ nhất)

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mại, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của Phật để tu, sẽ liền có thể vượt ra ngoài tam giới sanh tử, vì thế gọi là Huệ Mại[491]. Ông đã có các sách như Văn Sao v.v., chỉ nên y theo những sách đó để tu trì sẽ liền được lợi ích chân thật. Quang mục lực chẳng đủ, không thể viết tường tận được. Đã quy y tam bảo, ắt phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn thuần đồ chay. Nếu trong nhất thời chẳng thể ăn thuần đồ chay được, cũng nên trì thập trai hoặc lục trai, nhất là phải biết sâu xa những lỗi lầm do ăn thịt. Dẫu chẳng phải là ngày ăn chay, cũng nên cực lực giảm thiểu ăn thịt, càng phải nên nhất tâm niệm Phật. Nếu có tượng Phật thì sớm chiều đối trước tượng Phật thắp hương lễ niệm. Trừ những lúc ấy ra, đi đứng nằm ngồi đều niệm. Dẫu nhằm ngày ăn mặn cũng vẫn phải niệm, phải ngày ngày, giờ giờ thường niệm. Lại phải dạy hết thảy mọi người trong nhà và hết thảy những người ngoài đều niệm. Lại còn phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật, mới có tư cách vãng sanh Tây Phương. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

479. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ hai)

Thư tháng Chạp năm ngoái tôi chưa nhận được. Nay viết pháp danh cho vợ ông, lại gởi hai gói sách. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay về sau vĩnh viễn đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai quy y, bởi không có mục lực lẫn sức lực để thù tiếp. Dẫu thỉnh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng gởi kèm thư cho Quang qua thư ấy, hễ gởi kèm cũng nhất quyết không trả lời. Hai gói sách này tôi tặng cho ông, cũng đừng gởi tiền đến để đôi bên khỏi phải mệt trí. Nữ nhân lấy "giúp chồng dạy con" làm thiên chức, trong Văn Sao,

[491] Mại（邁）là vượt xa, bước đi.

Gia Ngôn Lục đã nói nhiều lần, trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp cũng nói đại lược, chịu hành theo đó thì thọ dụng cả đời cũng chẳng hết!

480. Thư trả lời các cư sĩ thuộc hội niệm Phật

Bạch Huệ Tu đến đây cầm theo thư, cậy tôi ước định chương trình của đoàn trợ niệm. Đối với điều này thì trong Sức Chung Tân Lương đã có định chương trình rồi, có thể châm chước theo đó để áp dụng. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, trong mùa đông năm ngoái đã cực lực cự tuyệt hết thảy thư từ, viết lách. Phàm thư gởi đến đều dặn: "Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, gởi đến quyết không trả lời, cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác quy y", để khỏi bị mệt nhọc quá đến nỗi mù mắt lẫn tổn mạng. Tất cả mười một pháp danh đều viết ra cả rồi. Sáu đồng hương kính và hai đồng của Bạch Huệ Tu, Bạch Phước Kính cộng lại thành tám đồng, đều dùng để gởi cho quý hội những sách dành cho người sơ cơ và Tịnh Nghiệp Nhật Khóa. Từ nay về sau nếu vẫn gởi thư đến nữa, chắc chắn không trả lời. Xin ai nấy hãy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để chẳng thẹn là đệ tử Phật. Trong đời này bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Xin hãy nói với các vị ấy thì may mắn lắm. Một Lá Thư Trả Lời Khắp quan hệ thật lớn, hết thảy mọi người đều y theo đó mà hành thì lợi ích lớn lao lắm!

481. Thư trả lời cư sĩ Kiều Tuân

Mùa đông năm ngoái nhận được thư, biết ông ở chùa Thái Bình viết sách thay cho cụ Chân (hòa thượng Chân Đạt) đã có thành tích, khôn ngăn vui mừng an ủi. Phàm mọi chuyện bất luận lớn nhỏ hễ thuộc về bổn phận của ta đều nên tận tâm tận lực mà làm, ấy gọi là "sư tử bắt thỏ cũng dùng toàn lực". Con người sống trong thế gian, chớp mắt liền qua, hễ may mắn còn sống trong thế gian đều phải sốt sắng mà làm. Nếu không, thời thế, tuổi tác đã qua, muốn làm nhưng chẳng thể làm được. Quang đã 80 tuổi, chẳng thành được chuyện nào, chỉ biết mặc áo, ăn cơm. Đấy gọi là *"thiếu tráng bất nỗ lực, lão đại đồ thương bi"* (trẻ khỏe chẳng gắng sức, già lụn luống buồn đau). Ông tuổi trẻ, chí nguyện, sức lực mạnh mẽ, hãy nên gắng sức theo đuổi để khỏi phải uổng công tiếc nuối bi thương.

482. Thư trả lời cư sĩ Bạch Tĩnh Tu

Thư nhận được đầy đủ. Trời nóng, công việc bận bịu, chẳng rảnh rỗi để viết nhiều, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tu, nghĩa là nương theo trí tuệ của Phật để tu Tịnh độ, tự lợi lợi tha. Những điều khác hãy chiếu theo những gì đã nói

trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp để làm thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đôi đằng đều được đầy đủ, không thiếu sót. Sợ ông thấy nghe chưa rộng nên nay gởi cho ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Chúng sanh đời mạt chẳng y theo pháp này để tu thì tuy tu hành vẫn đáng thương lắm thay! Do chẳng biết cậy vào Phật lực, cứ lệch lạc muốn cậy vào tự lực, sợ rằng bao kiếp cũng không có ngày thoát khỏi sanh tử. Một bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Sức Chung Tân Lương, có những sách này để làm người hướng dẫn cho tương lai, sẽ tự chẳng đến nỗi bị lầm lạc vì những kẻ tự phụ thông minh vậy.

483. Thư trả lời cư sĩ Tiết Huệ Trúc

Kẻ ngu trong thế gian thích tự lập môn đình, ăn trộm những lời lẽ trong tam giáo, lập ra đạo bí mật "chẳng được nói với người khác". Do bí mật nên những kẻ không biết nội dung đều như nhặng bu theo mùi thối, vì trước khi được truyền đạo đã phát lời thề độc địa nên kẻ ngu đến chết cũng chẳng dám trái nghịch. Hết thảy ngoại đạo trong thế gian đều cậy vào hai biện pháp này để truyền khắp thiên hạ, không thể nào diệt được. Nếu bọn chúng không có hai biện pháp này thì không một loại ngoại đạo nào có thể tồn tại, đứng vững trong thế gian. Các ông may đã thoát khỏi đường tà, trở về chánh đạo, hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, nghiêm túc tuân phụng Phật pháp. Pháp danh của hai ông Vũ và Tả được viết trong một tờ giấy khác, gởi cho hai người ấy mỗi người bốn gói sách để làm khai thị, xin hãy nói với bọn họ. Trong năm nay sẽ có hai lần gởi đến chừng đó cuốn sách.

(Ngày 13 tháng 8)

484. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang thuở bé thiếu học vấn, tuổi già chẳng biết gì, ai nấy đều đem sai ngoa lan truyền sai ngoa, lầm bảo Quang là tri thức. Lọt vào thế bất đắc dĩ, chỉ đành góp nhặt lời quê mùa cho xong trách nhiệm. Nào ngờ các hạ cũng vì thấy muôn người đồn đãi như thật mà tưởng là thật, chẳng suy xét [Quang được tiếng thiện tri thức như vậy] thật ra là do một người lan truyền hư giả. Quang viết lời tựa cho Tâm Kinh, ông chẳng bắt tội thì là đã rộng dung rồi, huống chi lại còn khen ngợi quá đỗi. Xấu hổ há thể nào cùng cực! Tờ báo của quý vị đổi thành nguyệt san, rất hữu ích. Còn những bài viết hủ bại của Quang đâu đáng để chiếm chỗ tốt đẹp ấy. Huống chi tôi bận việc đa đoan, không có ai chịu nhọc nhằn giùm tôi, dẫu có một hai bài hơi đáng để mắt đến thì cũng đâu rảnh rang để sao ra gởi tới.

Còn như các hạ nói "xuất gia để chuyên tu", Quang trọn chẳng nghĩ như thế là đúng; bởi các hạ tài trí đủ để hoằng pháp, suất lãnh người nhà cùng tu tịnh nghiệp thì đôi bên đều được lợi ích. Nếu xuất gia thì người nhà khốn khổ, ắt sẽ dấy lòng báng pháp. Như vậy là chưa thể tự lợi mà đã hại người nhà trước, nỡ lòng làm chăng? Phật pháp không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Chỉ nên trong niệm niệm biết "chẳng tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương thì sẽ luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng thể thoát được". Do vậy, xót mình xót người, thương ta thương người, lớn tiếng hô hào để gần là người nhà, xa là người đời đều cùng tu đạo này. So với việc chỉ cầu tự giải thoát cho chính mình, lợi ích há nào phải khác biệt vời vợi như trời với đất? Đang trong thời buổi hoại loạn đến tột cùng này, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm thì càng phải coi sự lý nhân quả báo ứng là chuyện quan tâm bậc nhất. Biết nhân quả báo ứng, sẽ tự gắng sức làm người lương thiện. Nếu chỉ bàn nói điều huyền lẽ diệu, chẳng chú trọng nhân quả, chắc sẽ trở thành phường "miệng miệng nói không, bước bước làm có". Lợi ích sẽ đạt được cũng chẳng qua là gieo hạt giống trong tương lai mà thôi! Nếu chú trọng nhân quả sẽ giữ được tấm lòng "sửa lỗi, hướng lành", đấy chính là điều phải gấp rút bàn đến khi hoằng pháp trong thuở hiện tại này.

485. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ hai)

Nhận được thư hôm 24, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Văn của Quang hệt như gom lá mà các hạ và Lý Khế Nguyên lại phỏng theo lầm lạc, cho là "có thể làm cho người khác sanh lòng tin tưởng", Quang cũng chỉ đành đem lầm đáp lạc. Hiềm rằng mấy hôm gần đây công chuyện quá nhiều, thật chẳng có buổi rảnh rỗi, vì thế lần khân đến nay, chịu lỗi khôn cùng. Tôi vốn muốn đọc cuốn Phật Pháp Yếu Luận hai lượt nhưng không có thời gian và sức lực, chỉ đọc được một lần. Do trong bản giảo chánh gốc, những chữ được viết theo lối phá thể đều được liệt kê, nên tôi cũng bắt chước theo, trong sách ấy có mấy chữ đáng nên thương lượng, châm chước thì tôi cũng nêu ra. Xin hãy cân nhắc!

Soạn được lời tựa gồm sáu trăm mấy chục chữ, chi ly, dông dài, thật chẳng đáng xem, chẳng qua cậy vào đó cho xong trách nhiệm. Nếu ghép bài tựa ấy vào đầu cuốn sách thì cũng chỉ là thêm thắt râu ria, chứ trọn chẳng có chỗ nào nêu bật được những ý nghĩa trọng yếu của cuốn sách. Hôm 26, do Phương Viễn Phàm thấy các hạ từ đầu đến cuối sẵn lòng muốn sao chép lại, liền gởi tới hai bản, cậy Quang giảo chánh một lượt. Do vậy liền đọc hai lần, ngày hôm sau liền gởi đi. Do lúc sắp xếp, giảo chánh còn có chỗ sai sót, sợ rằng ông ta sẽ phải in bản đính chánh, nên chẳng dám để lâu. Ngày 28, cư sĩ Liên Hàng cũng gởi đến một bản, chắc các hạ đã xem qua rồi. Những chữ bị sai chắc các hạ cũng đã biết hết rồi,

nên không gởi đi. Chỉ có dòng 17 trong trang 19 và dòng thứ 2 trong trang 20 tựa hồ bị sót câu văn, xin hãy xem kỹ. Nếu thật sự bị sai sót, xin hãy gởi sang cho cư sĩ Phương Viễn Phàm ở số 74, ngõ Hằng Dũ, đường Thanh Vân, thuộc Áp Bắc, Thượng Hải, ông ta ở nhà người em rể. Thư của Lý Khế Nguyên gởi trả lại theo thư này.

486. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ ba)

Nhận được thư và bài văn đã sửa đổi rất hay, cuốn sách ấy (tức Phật Pháp Yếu Luận) văn lẫn nghĩa đều hay, chỉ có mình chỗ ấy dường như bị khiếm khuyết. Vì thế, Quang xin các hạ thêm vào nguyên bản để lúc tái bản sẽ in thêm vào. Ngoài ra đều không có gì khiếm khuyết cả. Tất cả hai mươi mấy chữ sai đều do kẻ sao chép vô ý gây ra. Quang đang tính cách tái bản, nên với những chữ sai, chữ viết theo lối tục thể và đa số là những chỗ thiếu dấu chấm câu, mỗi mỗi đều ghi ra, gởi cho ông Phương Viễn Phàm. Nay tôi đem bản liệt kê những chỗ sai ấy gởi cho ông, xin hãy xem qua. Đây là chuyện giảo chánh, đối chiếu nhỏ nhặt, nào dám gọi là "giám đính"[492]! Sách đã có lời tựa của ngài Đế Nhàn thì đã đủ để phát khởi lòng kính ngưỡng cho người ta rồi, đâu cần lời tựa của Quang.

Huống chi Quang lắm việc bận bịu, không lâu sau phải sang Thượng Hải để lo liệu chuyện ấn tống Quán Âm Bổn Tích Tụng. Lại còn phải sắp đặt một bản Văn Sao khác, tính sắp xếp sao cho mỗi trang tăng thêm hai hàng, mỗi hàng thêm hai ba chữ, thành ra thêm ba vạn chữ vào lời văn. Nếu chẳng thể mở rộng diện tích in chữ trong một trang thì cũng là một cách để giảm bớt chi phí.

Thêm nữa, do thanh niên không biết tiết dục cũng như chẳng biết những chuyện cần phải kiêng kỵ trong ăn nằm, do vậy mất mạng không biết là bao nhiêu, hoặc trở thành tàn tật cũng không đếm xuể. Bởi vậy, tôi phát tâm in cuốn Bất Khả Lục, tăng thêm một vạn chữ, đổi tên thành Thọ Khang Bảo Giám. Một vị cư sĩ bỏ ra 1.600 đồng để ấn tống, có thể in gần tới ba vạn bản. Lần này sang Thượng

[492] Giám đính phức tạp hơn giám định. Giám đính bao gồm đính chánh những lỗi sai ngoa, kể cả ý tưởng, sửa đổi câu văn cho gãy gọn, gọt giũa, sắp xếp lại văn bản nếu cần thiết, lược bỏ những ý kiến vũ đoán, thiên chấp, tăng thêm những ý kiến, lý luận, chứng cứ để vấn đề trình bày mang tính cách thuyết phục hơn, cũng như đưa ra ý kiến quyết định nếu một vấn đề được nêu trong tác phẩm chưa rõ ràng, dứt khoát. Giám định phần nhiều là sửa sai, nhuận sắc câu văn cho gãy gọn nhưng phải đảm bảo không sai ý tác giả. Giám định thường áp dụng cho những tác phẩm của chính mình viết hoặc là do người khác sao chép lại những lời mình nói để nhằm bảo đảm người biên tập, ấn hành sao chép tuân thủ trung thành với ý tưởng của mình. Giám định đôi khi chỉ đơn giản là sửa cho đúng những chỗ sai ngoa trong những tác phẩm cổ do sao chép, khắc in để bảo đảm khôi phục đúng diện mục của các văn bản cổ. Ở đây, tổ chỉ nêu ra những lỗi do thiếu chấm câu, chữ bị sai nét, không đúng quy cách, hoặc bị sót chữ cho cuốn Phật Pháp Yếu Luận nên chỉ gọi là "giảo đối".

Hải để lo liệu sắp chữ. Cuối thu, Văn Sao lẫn Thọ Khang đều có thể in ra sách, do vậy bận túi bụi. Ước chừng giữa tháng 5 chắc sẽ quay về núi. Tâm Kinh Thiển Thuyết chưa thấy gởi đến, không cần phải lo chuyện này. Dẫu có một hai chữ bị sai cũng không ảnh hưởng lớn lao, người thông hiểu văn nghĩa sẽ đều nhận biết.

487. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ tư)

Thư hôm 11 chắc ông đã nhận được rồi. Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Đôi bên tâm giao, há cần phải khiêm hư quá mức như vậy? Tâm Kinh Thiển Giải không bị sai ngoa nhiều lắm, do thấy có lúc các hạ dùng chữ theo kiểu phá thể nên Quang bèn căn cứ theo đó để nêu ra cặn kẽ; nếu có một hai chỗ thay đổi, xin hãy xem xét kỹ để chẳng đến nỗi "khoét thịt thành vết thương". Do năm ngoái có chiến tranh nên chẳng dám phát hành bản đính chính cho cuốn Đại Sĩ Tụng (có hơn hai ngàn cuốn ở Trung Hoa Thư Cục). Sau đấy do nước cạn, chẳng thể ra khỏi núi được. Nay bản chánh vẫn chưa gởi đến, do vậy tạm thời dùng giấy mao thái[493] in một vạn tờ cho mọi người xem, nội trong tháng này sẽ phát ra.

Các hạ dùng câu "có thể rộng lòng ban cho mấy bộ được chăng", sao mà xem Quang hẹp lượng đến thế? Quang tính quyên góp in mấy chục vạn cuốn để lưu truyền khắp trong ngoài nước. Tuy chưa thể như nguyện, nhưng đã được sáu vạn bộ rồi. Tuy hoàn toàn giao cho người bỏ tiền ra in tự biếu tặng, nhưng cũng có hơn một vạn bộ cậy Quang biếu tặng. Các hạ đã hỏi xuất bản hay chưa thì được, chứ nói "có thể rộng lòng ban cho hay chăng" thì quá khiêm hư, đâm ra coi nhẹ Ấn Quang! Quang bận bịu quá nhiều chuyện, không rảnh rang để soạn văn. Vào ngày 21, 22 sẽ sang Thượng Hải để lo liệu chuyện ấn tống Quán Âm Tụng và nhờ Trung Hoa Thư Cục sắp chữ để in một bản Văn Sao khác.

Lại còn cho sắp chữ bản tăng đính cuốn Bất Khả Lục, ước chừng trong năm nay đều có thể in ra sách. Bất Khả Lục là do một cư sĩ được tam bảo gia bị, chẳng dùng thuốc mà căn bệnh ngặt nghèo suốt mấy tháng được lành (do vợ ông ta cầu nguyện suốt đời ăn chay nên ngay hôm ấy liền có chuyển biến, chẳng thuốc men mà được lành); do bệnh đã lâu chưa được bình phục hoàn toàn mà đã phạm "phòng sự" (ăn nằm) liền đến nỗi mất mạng[494]. Quang nghĩ, người đời chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi người tử vong chẳng biết là bao nhiêu, liền phát tâm in sách này nhằm cứu giúp bọn thanh niên một cách vô hình, đạt đến bình trị khi chưa loạn,

[493] Mao thái là một loại giấy có màu ngà, hơi tối, không dày lắm, sản xuất chủ yếu tại hai tỉnh Giang Tây, Phước Kiến vào đầu thời Dân Quốc

[494] Vị cư sĩ này tên là La Tế Đồng, xin coi chi tiết trong bài "Lời tựa sách Thọ Khang Bảo Giám" (số 95) trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3.

giữ yên đất nước khi còn chưa nguy. Nếu vị cư sĩ ấy biết được chuyện này sẽ trọn chẳng đến nỗi gặp phải kết quả ấy. Người ấy còn là người thành thật ưa thích điều nghĩa, chứ không phải là kẻ đớn hèn, tiếc là do chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi mất mạng. Do vậy, người vợ hiền chí thành cầu đảo cho chồng được lành bệnh rốt cuộc trở thành ác phụ giết chồng, đều là do lúc thường ngày chẳng hiểu biết về đạo ăn nằm giữa vợ chồng nên mới đến nỗi như thế. Các hạ hành nghề y, càng phải nên răn nhắc bệnh nhân về chuyện kỵ húy này để hết thảy mọi người chẳng đến nỗi lầm lạc mất mạng. Công đức ấy so với công dùng thuốc trị bệnh sẽ càng rộng lớn hơn nhiều.

Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì khẩn yếu đừng gởi thư đến, bởi tôi ra khỏi cửa bận bịu lắm việc, không rảnh rỗi để phúc đáp được đâu! Ước chừng giữa tháng 5 tôi sẽ trở về núi, vì trong tháng 3 năm ngoái, vị trụ trì đã thoái ẩn của ngôi chùa tôi ở đã giao cho tôi giám đính Phổ Đà Sơn Chí (do một Nho sĩ tu chỉnh), đã cả năm rồi nhưng vẫn chưa rảnh rỗi để xem đến. Khi về núi, phải lo chuyện này trước để sách được lưu thông.

(Ngày 14 tháng 3)

488. Thư trả lời cư sĩ Bàng Khế Thành

Toa thuốc cai á phiện gởi kèm theo thư cực hay, trong hai bản khắc gỗ và đúc kẽm bộ An Sĩ Toàn Thư và Văn Sao, Quang đều có đính kèm toa thuốc này. Lại còn gởi khắp cho những bạn bè quen biết các nơi, mong toa thuốc ấy được lưu truyền. Y theo toa thuốc ấy để cai nghiện, trong mười người có đến tám chín người khỏi nghiện. Những kẻ không cai nghiện được quá nửa là do thân thể người ấy trước đó đã sẵn bệnh, hễ cai hút liền đổ ra bệnh khác. Đây chẳng phải là thuốc không linh nghiệm, mà là do cơ thể người ấy thiếu căn bản (tức không đủ mạnh để có sức chịu đựng những vật vã khi cai nghiện - chú thích của người dịch). Ấy là tánh chất đặc biệt, chứ không phải là điều phổ cập tổng quát. Sợ có một hai kẻ thấy toa thuốc không linh nghiệm bèn nói toa thuốc ấy chẳng hay, nên tôi giãi bày nguyên do. Ôi, người nước ta mê muội đến thế, coi chất trầm độc[495] là bổ dưỡng, nào biết nó đã khiến cho nhà tan, nước nghèo, nhân dân suy đồi, tàn phế. Chao ôi, buồn thay!

489. Thư trả lời cư sĩ Bách Linh

[495] Trầm độc: Theo truyền thuyết trầm (鴆, còn đọc là trấm hoặc trậm) là một giống chim rất độc, một cái lông của nó rớt xuống nước thì cả dòng nước liền hóa độc.

Học đường hiện thời đúng là hầm bẫy người, chẳng hãm trong tà thuyết thì cũng hãm trong tự do luyến ái, mặc tình ăn chơi bừa bãi. Phải biết rằng con người chỉ là một động vật cao bốn năm thước mà cùng với trời đất xưng thành tam tài, vậy cái danh xưng con người tôn quý không chi bằng! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất tôn quý thì mới đáng gọi là người. Nếu không, sẽ thành "cầm thú đội mũ, mặc áo", do không có hơi hướng của con người. "Tài" (才) là khả năng, trời có khả năng sanh ra vật, đất có khả năng chở vật, con người có khả năng kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang lối học cho người đời sau, giúp đỡ những chỗ trời đất chẳng thể sanh thành, trưởng dưỡng. Vì thế mới cùng với trời đất xưng là tam tài. Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì so ra còn xấu hèn hơn cầm thú. Người như thế chỉ mang suông cái thân người suốt cả một đời, trọn chẳng có một điểm nào mang hơi hướng con người. Khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có thuở thoát ra. Muốn làm cầm thú còn chưa thể được, huống là lại được làm thân người ư?

Thuở ban đầu ông không biết nghĩa này, nghe bạn xấu xúi giục bèn ăn chơi bừa bãi, đến khi bị mắc bệnh phong tình đau đớn không thể chịu đựng nổi. Lành bệnh rồi lại ăn chơi, lại đổ bệnh, lại phạm, cũng là kẻ chẳng biết tốt xấu quá mức, quá thiếu chí hướng, khí tiết. Cần biết rằng đàn ông ăn chơi bừa bãi và nữ giới lén lút tằng tịu với người khác trọn chẳng hơn kém nhau. Người đời thường coi chuyện nữ giới lén lút tằng tịu với người khác là hèn hạ, chẳng chê trách nam giới ăn chơi bừa bãi. Đấy đều là chẳng biết đến ý nghĩa tên gọi con người, cho nên mới có tri kiến kém hèn như thế. May là ông đã nhiều lần chịu khổ, mới biết quay đầu, cũng là do thiện căn trong đời trước xui khiến. Nhưng Quang vẫn phải nói rõ nguyên do, vì sợ ông chưa chết hẳn cái tâm ấy, chắc sau này sẽ lại giẫm theo vết xe đổ ấy.

Vì thế, muốn làm cho ông biết danh hiệu con người tôn quý, chẳng đến nỗi tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ. Và còn dùng những điều này để khuyên nhủ hết thảy thanh niên nam nữ cùng vâng giữ danh xưng con người tôn quý, thực hành điều lành thế gian là "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Lại còn phát tâm Bồ-đề, làm lợi khắp ta lẫn người, đều cùng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để tu điều lành xuất thế. Như vậy sẽ đáng gọi là con người, tuy chưa thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang lối học cho người đời sau, giúp đỡ quyền sanh thành trưởng dưỡng của trời đất giống như bậc thánh hiền thời cổ, nhưng đã có chút phần công đức "kế thừa, mở mang, giúp đỡ" thì cái danh xưng con người mới có thực tế, chẳng thành nói suông.

Nay đặt cho ông pháp danh là Tông Thành, tông là chủ, là gốc, nghĩa là dùng lòng chí thành chân thật để tự hành, dạy người, chẳng để một mảy may ý niệm hư giả và xấu hèn nẩy sanh, đến nỗi cô phụ một chữ người vậy. Hãy nên tự trì ngũ giới trước, đã có thể trì thật sự lâu ngày rồi mới thọ, sẽ chẳng khó khăn gì. Nếu tâm vẫn còn do dự sẽ gọi là "trò đùa trẻ nít", chẳng những ông tự mắc tội lỗi mà Quang cũng cùng phạm tội lỗi.

(Ngày mồng 8 tháng 6)

490. Thư trả lời cư sĩ Huệ Tài

Nhiều lần mơ thấy giấc mộng tốt đẹp, ấy chính là do nhân trong đời trước lẫn lòng khẩn thiết trong đời này cảm vời. Đại tự viện trong giấc mộng chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do ông chưa phá phiền hoặc, chỉ thấy được tướng tầm thường, chẳng thấy được tướng thù thắng, nhưng thấy được cảnh giới ấy cũng đã chẳng dễ dàng gì. Đối với chuyện ông nằm mộng thấy vị trưởng giả đưa nước cho uống, ấy chính là Văn-thù Bồ-tát đem cam lộ ban cho ông. Hãy nên thường gắng sức để khỏi phụ một phen ân đức gia bị.

Ấy là vì phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyển. Vì thế nên Tăng tử khi sắp mất mới nói: "Kinh Thi có câu: 'Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng', từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi." Chưa đến lúc lâm chung, vẫn sợ có khi bị vây hãm, chìm đắm, chẳng dám nói lời lớn lối ấy. Những kẻ thích ăn nói lớn lối hiện thời đều là những gã cuồng trọn chẳng dụng công nơi những điều họ có thể thực hiện được. Lệnh hữu thiệt căn (lưỡi) không nhanh nhạy chính là vì túc nghiệp. Niệm kinh Pháp Hoa cố nhiên là tốt, nhưng niệm Phật, niệm Quán Âm cũng có thể tiêu nghiệp, tăng huệ; chớ nên cố chấp, cho là "chỉ có niệm kinh Pháp Hoa mới được như thế". Nếu thật sự chí thành niệm Phật còn có thể siêu phàm nhập thánh, nào phải chỉ khiến cho thiệt căn được lanh lợi mà thôi ư?

(Ngày 25 tháng Giêng năm Đinh Sửu - 1937)

491. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa

Mấy hôm trước nhận được thư ông, khôn ngăn khiến người khác đau lòng! Thiên tai nhân họa liên tục giáng xuống các tỉnh nước ta, dân không lẽ sống, thật đáng đau đớn thở than. Truy tìm nguyên nhân thì cái nhân xa là do Trình - Chu đả phá nhân quả luân hồi, cái nhân gần là do nhà cầm quyền đương thời vứt bỏ pháp tắc của bậc thánh nhân thời cổ, noi theo đường lối của người Tây Phương, đến nỗi cả nước như cuồng, lòng người ngày càng bại hoại, thiên tai thường giáng xuống. Nhà ông ở gần bờ sông, chẳng những nhà cửa đã không còn, chỉ sợ ruộng

nương cũng tan nát. Suy tính đến kế sách cho tương lai, hãy nên đưa mẹ già và gia quyến dọn đến sống nơi tỉnh thành, có tiền lương của ông thì cũng còn có thể duy trì được. Nếu lòng mơ tưởng xa xỉ quá mức, muốn khôi phục lại nhà cửa, ruộng đất như xưa, sợ không có sức làm như vậy được đâu!

Nếu cứ cưỡng làm, chắc sẽ không thể nào chẳng noi theo hành vi của con người hiện thời, tức là vẫn hiềm tai ương còn bé nhỏ, càng tạo cái nhân cho tai họa lớn lao hơn, đấy chính là cách suy nghĩ tính toán của kẻ si vậy. Nếu có thể toàn thân buông xuống, chỉ quan tâm đến tình trạng hiện thời, quyết chẳng dám lại tạo cái nhân gây ra tai họa nữa thì mai sau sẽ hưởng tình cảnh tốt đẹp không ngờ. Quân tử hành xử theo đúng địa vị (chính là lúc hiện tại vậy), đấy chính là cách tốt lành "gặp cảnh hoạn nạn bèn hành xử theo cảnh hoạn nạn". Còn chuyện lập cách để cứu giúp thì Quang đâu có sức lực lớn lao ấy. Năm nay, tôi đã tiêu lặt vặt vào chuyện cứu tế tai nạn và công ích hơn một ngàn đồng. Với những khoản tiền do người khác quyên tặng để in sách, tôi đã bảo họ đem cứu tế tai nạn tại Thiểm Tây tới hơn hai ngàn đồng. Huống chi Quang một mực chẳng chịu hướng về người khác quyên mộ, chẳng qua họ đã phát tâm, liền bảo họ chuyển khoản tiền ấy sang làm chuyện khác mà thôi.

Điều đáng nên dốc sức là phải cực lực đề xướng nề nếp đạo đức cũ, nhân quả báo ứng. Trước mắt, tôi cho ấn hành cuốn Bát Đức Tu Tri, đợi khi sách được in ra sẽ gởi cho ông mấy gói để làm căn cứ đề xướng. Hiện thời, Quang bận bịu cùng cực, hết thảy chuyện thù tiếp đều tạ tuyệt. Do kể từ mùa xuân năm ngoái phải tu chỉnh ba bộ Sơn Chí Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa, thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn những ý chánh, còn chuyện sửa chữa, sắp đặt đều giao về cho Quang. Gần hết một năm rồi mà chưa xong được bộ nào cả! Nay Thanh Lương Chí đã cho sắp chữ, nếu không cự tuyệt hết thảy thì thật khó thể nào như pháp được. Ước chừng năm sau vào thời điểm này chắc sẽ đều xong xuôi hết. Nếu có bộ nào được in ra, cũng sẽ gởi cho ông. Xin đừng gởi thư tới, dẫu nhận được sách cũng chỉ ghi giản lược là "đã nhận được" mà thôi!

492. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết lệnh nghiêm[496] gặp rất nhiều chuyện linh cảm, khôn ngăn khâm phục, an ủi. Nếu ước theo lúc nhận lãnh pháp thì Đại sĩ và thiên long bát bộ đều hiện, nhưng chắc là do có giới cấm của Mật tông không cho phép tuyên truyền cảnh giới nhiệm mầu [cho nên cụ không nói ra]. Đấy có phải là vì Bồ-tát thuận lòng người chuyên phụng thờ Cơ Đốc (Christ) mà thị hiện đó chăng? Nếu

[496] Từ ngữ để gọi cha người khác nhằm thể hiện lòng kính trọng.

ước theo nghĩa này để phán định thì cụ nhất định có sở chứng. Nếu cụ không có sở chứng, chắc chắn bậc thánh chẳng khinh suất ứng hiện suông được! Nếu nói để khơi gợi lòng tin mà thấy ứng thân thì đấy chính là tướng trạng khi người niệm Phật lâm chung, do chưa phá vô minh nên thân của Phật, Bồ-tát, thánh chúng được thấy đều là ứng thân; bởi lẽ do thiện căn của người ấy chưa thể thấy được pháp thân và báo thân. Đối với cảnh tượng được thấy nơi động Phạm Âm ở Phổ Đà, ấy chính là Bồ-tát thuận theo lòng chúng sanh để tăng trưởng tín tâm cho họ. Ai nấy đều được thấy, nên chẳng thể lấy đó để làm lệ được! Nếu lấy đó làm lệ, sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều dựa vào đấy để bịa đặt rêu rao.

Người thời cổ thấy được đức Văn-thù ở Ngũ Đài khá nhiều, nhưng mỗi vị ấy đều có đại nhân duyên hoặc có công phu sâu xa. Ai thấy được ngài bèn ngộ giải, chứng nhập. Năm Quang Tự mười hai (1886), Quang triều bái Ngũ Đài. Trước khi lên núi đã tìm nát cả con đường Lưu Ly Xưởng ở Bắc Kinh nhưng chỉ kiếm được một bộ Thanh Lương Sơn Chí, hằng ngày thường đọc. Do trời lạnh nên đến đầu tháng 3 mới tới được núi, ở lại núi hơn 40 ngày, thấy người đến núi triều bái phần nhiều bảo đã thấy được Văn-thù Bồ-tát, nhưng rất ít người chân thật hành trì, nên biết rằng những kẻ đến núi bảo "thấy được Bồ-tát" đều là nói hùa theo sự tích của cổ nhân để khoe khoang. Nếu thật sự thấy thì người ấy ắt phải vàng - thau khác hẳn với những kẻ thuận dòng vỗ sóng. Nếu không, đức Văn-thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân để làm gì cơ chứ? Từ ngữ "lý tức Phật"[497] để chỉ hết thảy chúng sanh, chứ không phải chỉ nói về kẻ trái trần hiệp giác. Nếu trái trần hiệp giác thì đã thuộc về danh tự tức Phật.

Ông X… lúc nhập định giống như đức Tỳ-lô-giá-na, xuất định vẫn là phàm phu mà còn chẳng biết hổ thẹn, ăn nói lớn lối gạt người! Nếu thật sự giống như đức Tỳ-lô-giá-na, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu. Ông ta vốn muốn dùng Mật tông để ép người, chẳng biết Quang tuy chẳng biết Mật tông, há chẳng biết đúng sai đến nỗi ông ta liền có thể lung lạc Quang hay sao?

Cha ông cả đời gặp chuyện linh cảm quá nhiều, dẫu người ở ngoài ngàn dặm hay trăm dặm nghe thấy cũng sẽ phát sanh lòng tin. Huống chi lúc mẹ ông mất, hiện tướng lành đài vàng, lại còn trở lại báo tin cho anh em ông và các nàng dâu biết ư? Nếu chẳng sanh lòng tin, các ông cũng đáng gọi là "hạng cứng cổ đến cùng cực". Cha mẹ ông lúc còn sống hay sau khi đã mất đều có dấu tích siêu phàm nhập thánh, nhưng ông chẳng sanh lòng cảm kích nơi lợi ích lớn lao ấy mà vẫn cứ lo so đo gia đạo giàu nghèo, bảo là "thờ Chúa thì giàu, thờ Phật thì nghèo".

[497] Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh (hay còn gọi là sẵn có vị Phật thiên chân trong tâm) nên xét về lý đều là Phật. Do vậy gọi là lý tức Phật.

Do vậy chẳng sanh khởi tín tâm. Chuyện này trọn chẳng khác gì kẻ trông thấy bảo châu ma-ni có thể thuận theo lòng người mà tuôn ra các món báu, nhưng vẫn khinh rẻ bảo châu, quý trọng mắt cá, coi như của báu tột cùng. Mất trí điên cuồng cùng cực đến mức ấy, đến nỗi mẹ ông lại phải nhọc công hiện thân mới hơi ngớt lời gièm báng. Thật đúng là *"phụ hữu trường thiệt, duy lệ chi giai"* (tạm dịch: mụ vợ lưỡi dài, cội nguồn mối họa[498]), cô phụ ân Phật, cô phụ ân mẹ.

Nghịch cảnh, tình huống khổ sở tuy xấu xa, nhưng muốn thành tựu đạo nghiệp thì vẫn phải nhờ vào đấy để nhắc nhở. Nếu không, hằng ngày sẽ rong ruổi trong chốn thanh, sắc, vật chất, lợi lộc, rảnh đâu để đoái hoài "chính ta sẵn có Phật tánh" để hòng miệt mài muốn được đích thân chứng nhập ngõ hầu được thọ dụng. Chúng sanh sống chết không ngơi đều vì có ngã, nếu vô ngã thì tham sân si, giết trộm dâm sẽ do đâu sanh khởi? Do lầm nhận cái ngã do tứ đại giả hợp này, nên chân ngã trọn đủ bốn tịnh đức "thường - lạc - ngã - tịnh" hoàn toàn bị mai một. Do vậy thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, giết người đầy đồng ngập thành chẳng sanh xót thương, đều là vì ngã gây ra. Quang vốn là kẻ lòng dạ thẳng băng, chẳng thể không nói thật tình với ông.

(Ngày 26 tháng 10 năm Ất Sửu - 1925)

493. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ hai)

Ông nói: "Để tự lợi thì phải xuất gia, còn làm lợi người khác thì đừng xuất gia!" Chẳng biết, tu giới định tuệ chỉ có xuất gia là dễ dàng, chứ nếu tu pháp môn Tịnh độ thì tại gia càng dễ đắc lực hơn. Nếu cho rằng "tại gia quyết khó thể tu hành", thì xuất gia cũng chẳng thể tu hành được! Vì sao vậy? Do khi còn tại gia chẳng dốc sức thì khi xuất gia làm sao sốt sắng cho được? Đây là tình thế "quyết chẳng thể thực hiện" có thể dự đoán được. Nhà ông có vợ con, nếu ông xuất gia thì họ sẽ không nơi nương tựa, há nên khởi ra vọng tưởng ấy? Đấy chính là tình kiến chần chừ, so đo vậy. Nếu ông thật sự xuất gia thì vẫn là kẻ lười trễ biếng nhác, chẳng có thành tựu gì. Quang đã thấy nhiều lắm rồi!

Đối với chuyện thọ giới, "không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" chính là giới tổng quát của ba đời chư Phật, ai chẳng chấp nhận cho ông tự phát tâm thọ? Ngay cả ngũ giới, ai không cho phép ông đối trước đức Phật tự thệ thọ giới? Cần gì phải đến Phổ Đà mới thọ được ư? Ngàn vạn phần đừng tới Phổ Đà,

[498] Đây là một câu trích từ bài Chiêm Ngưỡng thuộc phần Đại Nhã trong kinh Thi. Theo từ điển Hán Tự Thành Ngữ, lệ（癘）là tai họa, rắc rối, hoạn nạn, giai（階）là bậc thềm, đầu mối dẫn dắt. Do vậy, câu này có thể tạm hiểu theo mặt chữ là "vợ lưỡi dài chỉ tổ dẫn đến tai họa rắc rối". Từ đó mới có thành ngữ "trường thiệt chi phụ" để chê những người vợ lắm điều, thích bàn tán thị phi, gièm xiểm, càm ràm suốt ngày.

do tới đây phải tốn chừng đó tiền tàu xe, mất chừng đó ngày, chẳng qua vị thầy truyền giới chỉ truyền danh tướng của ngũ giới mà thôi. Nếu cứ muốn phải thọ từ thầy thì ở Thường Thục cũng có tăng nhân thanh tu, há vị ấy chẳng thể truyền giới mà cứ muốn phải thọ từ Quang mới được ư?

Người học Phật trước hết phải biết thực hiện cẩn thận, dè dặt nơi nhân quả. Đã có thể thận trọng, dè dặt thì tà niệm tự trong lặng, đâu đến nỗi có những chuyện chẳng đúng pháp. Nếu có, hãy nên dốc sức đoạn diệt thì mới là chân thật tu hành. Nếu không, học một đằng, hành một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đấy chính là vết thương thấu xương của những kẻ học Phật tự xưng là thông gia hiện thời. Nếu chẳng vướng vào hai khuyết điểm ấy thì học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

Cõi đời hiện thời chính là đời hoạn nạn. Trước kia, Quang thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn cuốn Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng đã cho sắp chữ. Nay gởi cho ông một trang thuyết minh [cách đứng ra chịu trách nhiệm in], có ai muốn lợi người thì chẳng ngại gì bảo họ đứng ra chịu trách nhiệm ấn hành để lưu truyền. Hiện thời đã có người chịu trách nhiệm đến năm sáu vạn bộ. Quang tính in mấy chục vạn cuốn để lưu truyền khắp trong ngoài nước. Sợ chẳng dễ gì đạt đến như vậy. Trên mười vạn bộ chắc sẽ làm được!

(Mồng 7 tháng 11 năm Ất Sửu - 1925)

494. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ nhất)

Chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn sẽ chẳng thể đạt được! Vì sao vậy? Do không có sức để đoạn hoặc. Do niệm Phật cầu sanh Tây Phương là cậy vào Phật từ lực nên kẻ chưa đoạn hoặc cũng có thể vãng sanh, đã vãng sanh rồi thì ba thứ hoặc - nghiệp - khổ đều cùng tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò luyện lớn, chưa đến nơi đã tan mất. Do Tây Phương là cảnh giới của Phật, Bồ-tát, nên phàm phu hễ sanh đến đó, phàm những gì chẳng mong đoạn đều tự đoạn.

Nếu ông muốn liễu sanh tử hãy nên thỉnh Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao (có bán ở Phật Học Thư Cục tại Thượng Hải) đọc kỹ sẽ tự nhiên hiểu rõ ràng. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay đừng gởi thư đến nữa, gởi đến cũng không trả lời. Do Văn Sao là một bộ sách khai thị, cần gì phải có một lá thư để khai thị nữa? Hơn nữa, Quang sẽ chết trong sáng tối, chẳng thể thù tiếp được ư?

(Ngày 12 tháng 8)

495. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ hai)

Thư gởi hôm 14 đã nhận được, do bận việc chẳng thể trả lời ngay. Năm đồng sẽ dùng làm tiền in Văn Sao Tục Biên. Quang vốn chẳng muốn in nữa, cho nên từ năm Dân Quốc 15 (1926), sau khi Trung Hoa Thư Cục ấn hành bản Tăng Quảng Văn Sao hoàn chỉnh, tất cả văn tự thù tiếp đều nhất loạt chẳng giữ lại bản thảo, nhưng đương gia chùa Báo Quốc là thầy Minh Đạo sai người lén sao chép. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy mất, những bản thảo sao chép được giao cho đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân. Thầy ấy lại sưu tập những lá thư từ các tờ bán nguyệt san v.v., Quang chỉ đành thuận theo ý thầy ấy; hiện thời đã cử người sao lại theo lối chân thư[499] để khỏi bị sai ngoa khi sắp chữ.

Ông quyết định muốn cầu sanh Tây Phương, hãy nên thỉnh Ấn Quang Pháp Sư Tăng Quảng Văn Sao và Gia Ngôn Lục từ Phật Học Thư Cục tại ngay nơi mình ở. Nếu có lúc rảnh rỗi thì thỉnh Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục (hai loại sách này đều do Quang đứng ra ấn hành), Tịnh Độ Ngũ Kinh (thuộc loại kinh sách để đọc tụng, cũng do Quang ấn hành) để xem thì những điểm chánh yếu của pháp môn Tịnh độ sẽ đều biết rõ. Đã muốn sanh về Tây Phương, ắt phải ba nghiệp thanh tịnh, hãy nên kiêng giết, ăn chay, cũng khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con đều cùng ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Sanh về Tây Phương sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao nỡ để bậc sanh ra ta và những người "đồng khí liên chi"[500] với ta chẳng được hưởng lợi ích thù thắng này? Đối với người chung quanh, người trong cõi đời còn phải nên khuyên họ tu trì, huống là cha mẹ quyến thuộc của chính mình ư?

Cần biết rằng, niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là pháp môn đặc biệt trong nhà Phật, đa số kẻ tham thiền giảng kinh chẳng đề xướng pháp này, hãy nên lập chí quyết định, bất luận họ nói như thế nào, ông trọn chẳng nghe theo lời họ rồi tu pháp khác. Vì sao vậy? Do niệm Phật là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm thì ai nấy đều giải quyết xong xuôi sanh tử. Những pháp môn khác đều phải đoạn sạch phiền não (tức kiến hoặc và tư hoặc trong tam giới) rồi mới có thể liễu được. Sự khó dễ giữa pháp môn này và các pháp môn khác giống như sự cách biệt giữa trời và vực vậy.

---

[499] Nguyên văn "chân thể", tức lối viết theo kiểu chân thư, viết đầy đủ nét, không dùng cách viết tắt theo kiểu tục thể, phá thể, hoặc cổ thể để người đọc không bị hiểu lầm hoặc đọc sai.

[500] "Đồng khí liên chi" hay còn gọi là "đồng khí liên căn" là thành ngữ dùng để chỉ tình thân thiết giữa anh chị em ruột thịt giống như những cành nhánh mọc từ cùng một cái cây, cùng được hưởng sự vun bồi, nuôi dưỡng từ thân cây.

(Ngày 17 tháng 8)

496. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết niệm mỗi ngày một thuần, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Năm nay loạn lạc quả là từ ngàn xưa chưa hề nghe nói tới, đấy đều là vì ác nghiệp của chúng ta từ trong những kiếp xa xưa cảm vời, nên tuy chưa thật sự chịu khổ mà sự kinh hoảng, thê thảm đã chẳng thể nào diễn tả được. Các hạ đã biết nóng giận có hại, sao trong lúc nổi nóng chẳng nghĩ mình đã chết? Chết rồi thì mặc cho ai làm gì thì làm, trọn chẳng tranh chấp với họ! Nếu luôn nghĩ sẽ chết thì đạo niệm sẽ tự thiết tha, tình niệm sẽ tự dứt.

Người đời nay thích lập ra chương trình mới, những kẻ phế bỏ luân thường, vứt bỏ lòng thẹn v.v. còn công khai đề xướng, muốn thúc đẩy tiến hành trên khắp toàn quốc. Chúng ta tuân theo giáo giới của đức Phật, kiêng giết, ăn chay, há còn sợ những người cùng một tôn giáo dị nghị? "Gặp chuyện nhân chẳng nhường, thấy chuyện nghĩa liền dũng mãnh làm", vẫn mong lấy thân làm gương để dẫn dắt những kẻ câu nệ nơi giáo vào được pháp môn Đại thừa ngõ hầu chẳng phụ ân Phật, chẳng phụ tánh linh của chính mình thì mới là đạo cứu thế.

Người cao tuổi cố nhiên nên nhất tâm niệm Phật, đọc kinh luận Đại thừa chẳng qua là để hiểu rõ lý tánh, gieo thiện căn mà thôi. Nếu đã muốn liễu thoát ngay trong đời này, xin hãy như đã đến lúc lâm chung, như đọa trong nước lửa lớn mong được cứu vớt mà niệm Phật, ắt sẽ có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Nếu không, sẽ khó giữ vững được. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Người đời thường câu nệ vào giới hạn giữa các giáo đến nỗi suốt đời chẳng nghe đại pháp, mà vẫn tự cho là có công tuân thủ bổn giáo (giáo pháp của chính mình đang tu học). Nếu vị nào thật sự là thánh hiền của bổn giáo mà chỉ cho phép người khác nương theo những lý lẽ trong bổn giáo để luận giáo, còn những lý thuộc các giáo khác dẫu có hay hơn bổn giáo cũng chẳng chấp nhận đưa vào; nếu có đưa vào đi nữa thì cũng không tán thành. Nếu vậy thì thật sự chẳng khác gì tri kiến của lũ trẻ nhỏ ở ngoài chợ búa, há còn đáng gọi là thánh hiền nữa ư? Do vậy biết rằng, tự ràng buộc mình bởi giáo điều đều là trái nghịch tâm của các vị thánh hiền trong bổn giáo.

Ông vốn là Hồi giáo, tín phụng Phật pháp, quy y tam bảo, đáng gọi là bậc hào kiệt, nhưng phải gắng sức giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người, chắc chắn sẽ tự có thể thoát khỏi đời ác ngũ trược này, sanh sang

cõi sen thanh tịnh kia, chẳng đến nỗi trên phụ ân Phật, dưới phụ tánh linh của chính mình.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Đạo, vợ ông là Tông Đức, Văn Khánh có pháp danh là Huệ Sướng, Văn Dũ có pháp danh là Huệ Phong, Văn Trí có pháp danh là Huệ Thuần, Văn Hinh pháp danh là Huệ Phức để bọn họ đều cùng ăn chay niệm Phật. Nếu chẳng thể ăn chay thuần thì đừng mặc sức ăn mặn. Một là gìn giữ tâm từ, hai là bảo vệ thân thể. Tôn giáo của ông ăn thịt trâu bò, hãy nên kiêng tránh, bởi trâu bò có công đối với con người, ăn vào sẽ càng thêm tội lỗi.

Người Hồ Nam ăn cơm có thói quen không ăn hết, phong tục ấy thật tệ. Đối với người dân, thức ăn trọng như trời, sao dám phung phí? Hãy nên nói với con cái và tôi tớ về nguyên do này, dẫu một hạt hay nửa hạt cũng không nên phí. Nếu con người quăng vứt ngũ cốc, chắc chắn đời sau sẽ không có cơm ăn, cũng có kẻ bị quả báo chết đói ngay trong đời này. Nếu con người giẫm đạp giấy viết chữ, chắc chắn đời sau sẽ không mắt, ngu si, vô tri.

Hãy nên dạy con cái v.v. cùng đọc Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, giảng nói cho bọn họ hiểu để họ biết tới đạo làm người và lý nhân quả ba đời, tương lai sẽ chẳng đến nỗi trở thành phường bạo ác. Kẻ giết cha, giết mẹ, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn đều do từ lúc ban đầu đã chẳng biết đạo làm người và nhân quả báo ứng. Vừa được nghe tà thuyết bèn cực lực nương theo để thỏa cái tâm phóng túng không kiêng dè, đáng buồn thay! Nay gởi cho ông Di-đà Kinh Bạch Thoại, Tâm Kinh Chú, Học Phật Thiển Thuyết, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, gộp chung thành một gói để ông lấy đó làm căn cứ giáo huấn lũ con về đạo lập thân tu đức.

Ông chưa hết lòng đọc kỹ Văn Sao, nếu có đọc cũng chỉ hời hợt lướt mắt qua mà thôi!

1. Ông nói "thoạt đầu, từ thập niệm mà tiến hành", chẳng biết pháp thập niệm vì người cực bận rộn mà lập ra. Do họ suốt ngày không được rảnh rang, chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu là người có thời gian và sức lực, há phải chỉ có mười niệm là xong ư? Nếu trước hết niệm mười niệm, rồi dựa theo thân phận của chính mình mà lập ra công khóa để thực hiện thì được. Nếu chỉ mười niệm rồi thôi, sẽ không được. Huống chi đang trong tình thế hoạn nạn này, nguy cơ họa hại mai phục bốn phía. Nếu chẳng chuyên dốc chí niệm Phật và niệm Quán Âm, lỡ một mai họa hoạn xảy tới, còn có cách nào để được yên vui nữa đây? Huống chi gia đình ông còn mang tiếng là "có của ăn, của để", tuy hiện thời đã kém trước kia, nhưng những kẻ si dại thường muốn đoạt lấy. Ông không biết pháp môn Tịnh độ thì thôi, nay đã biết rồi há nên tu trì hờ hững? Nếu nói "duyên thế

gian khó thể vô ngại" thì chỉ nên "hễ có chuyện bèn giảm lần". Lúc vô sự, sao không chuẩn bị sẵn cho lúc hữu sự để khỏi mắc lỗi gián đoạn chẳng tu tập vậy?

2. Xét theo lý, nên ăn chay thuần, dẫu gặp tình thế khó thể ăn chay ngay, cũng nên bớt ăn mặn. Dẫu ăn mặn thì cũng nên giữ tấm lòng thương xót, độ thoát, chứ không phải là "người ăn mặn chẳng được niệm Phật".

3. Niệm Phật há có chương trình nhất định, chỉ nên chọn sao cho thích nghi. Lúc sáng suốt, tỉnh táo thì niệm theo lối kim cang trì hoặc niệm thầm. Lúc hôn trầm thì niệm nhỏ tiếng hoặc niệm lớn tiếng.

4. Lễ Phật một lạy diệt tội hà sa. Hãy nên lượng theo khả năng của chính mình, đừng chỉ mong sao an nhàn, thảnh thơi.

5. Lễ Phật chỉ cốt sao chí thành, cung kính; cố nhiên chẳng phải chấp chặt theo hình thức lễ nghi thế gian hay xuất thế gian.

6. Nên lấy kinh Di-đà làm công khóa sáng tối. Nếu có thời gian rảnh rang, lúc sáng sớm rửa ráy, súc miệng xong xuôi, trước hết dùng pháp thập niệm. Kế đó lại lễ Phật ba lạy, niệm kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh ba biến, niệm kệ Tán Phật, niệm Phật năm trăm câu hoặc một ngàn câu rồi niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba câu. Tiếp đó niệm văn hồi hướng, tam quy y. Hãy chiếu theo cách tu hành được nêu ra trong Văn Sao hoặc trong phần phụ lục ở cuối cuốn Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú. Những kinh khác như Kim Cang Kinh v.v. hãy nên tụng vào một thời khác tùy theo khả năng của chính mình.

7. Phật hiệu lẫn kinh Di-đà đều không có chữ nào cần đọc theo âm khác. Chữ "phạn thực" (飯食) đọc thành "phản tự" (反寺) là âm đọc thế gian, Tứ Thư, Ngũ Kinh đều đọc như thế. Do người ta thường vô ý nên tưởng là cách đọc đặc biệt. Ông hãy thử tra trong tự điển; nhưng chữ phạn thực đọc theo âm gốc của nó cũng được. Đọc theo âm gốc thì phạn (飯) chính là cơm, thực (食) là ăn, đọc theo âm đặc biệt thì phản (飯) chính là ăn, tự (食) chính là cơm[501], cho nên hai nghĩa này đều thông với nhau. Chỉ có trong Phật hiệu thì hai chữ Nam-mô (南無) phải đọc

[501] Đây là chỉ cách đọc thuận hay nghịch tùy theo cách hiểu khác nhau của vai trò từng chữ trong câu:

1. Chữ 飯 nếu dùng như danh từ thì đọc là Phạn có nghĩa là cơm. Nếu hiểu là động từ thì phải đọc thành phản (có nghĩa là ăn).

2. Chữ 食 nếu hiểu như động từ thì đọc là thực (ăn), còn hiểu là danh từ thì đọc thành tự (đồ ăn), cho nên tổ mới nói tự là cơm.

là Nạp-mạc (納莫)[502]. Cuối sách Bạch Thoại Chú đã giải thích tường tận ý nghĩa này, chớ nên đọc theo âm gốc của nó.

8. Niệm Phật hãy nên dựa theo phòng ốc của chính mình để cân nhắc khoảng không gian rộng hay hẹp. Nếu có thể đi nhiễu được (đi vòng quanh) thì trước hết nên đi nhiễu, hoặc đi nhiễu ngoài phòng cũng được. Khi nhiễu cũng nên hít thở thong thả, điều hòa (nhiễu Phật nhằm thể hiện sự tùy thuận ý Phật), chẳng phải chỉ nhằm biểu thị đi theo chiều thuận mà thôi. Hãy nên giữ sao cho sự tu trì của chính mình được thành kính, còn quỳ, đứng, ngồi, đi nhiễu để niệm Phật đều được, miễn sao thuận tiện.

Nếu muốn như pháp thì khi tụng kinh Di-đà nên quỳ, đứng tụng cũng được. Đến khi niệm Phật thì trước hết đi nhiễu, nhiễu niệm được một nửa số câu hạn định bèn ngồi niệm. Lúc ngồi niệm sắp xong, bèn quỳ niệm Phật mười tiếng, lại niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu mười tiếng, hoặc mỗi danh hiệu ba tiếng, cốt sao thân tâm thư thái, chẳng quá sức buông lung, hơi thở thông suốt, thân thể thoải mái, sẽ có ích mà không bị tổn hại.

Ông cho biết hãy còn mẹ, cố nhiên hãy nên đem lý này kính khuyên mẹ khiến cụ sanh lòng tin niệm Phật để mong cụ thoát khỏi biển sanh tử; há nên nói là "làm như vậy quá xấc xược?" Lòng cha mẹ yêu con không đâu chẳng thấu tới. Nếu cụ biết là hữu ích, há lẽ nào chẳng chịu tán thành, chấp nhận ư? Nếu cụ chẳng biết đến ích lợi này thì càng phải dùng nhiều cách khơi gợi, hướng dẫn để đấng sanh ra ta được hưởng lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Đấy gọi là hiếu. Nếu bà cụ cố chấp ý kiến của chính mình, chẳng chịu sanh lòng tin, hãy nên sám hối tội nghiệp thay cho cụ. "Lòng thành đến cực điểm, sắt đá cũng cảm động", huống chi mẹ con vốn sẵn mối liên quan thiên tánh. Nếu ông thật sự chân thành sám hối thay cho mẹ thì mẹ sẽ được tam bảo gia bị, sẽ có ngày chuyển lòng sanh tin tưởng. Lại nên khuyên Tông Đức, Huệ Sướng v.v. đều hành như thế thì tình thân cốt nhục một nhà đều cùng thành thượng thiện nhân trong cõi sen, may mắn nào bằng!

Thế sự ngày càng nhiễu nhương, hãy nên siêng niệm Phật và niệm Quán Âm. Thầy Chân Đạt đi triều bái núi Cửu Hoa. Ngày 25 tháng 7, Quang đến chùa Thái Bình để lo chuyện in sách, sợ phải trong khoảng tháng 10 mới trở về núi được. Sách Nho Thích Nhất Quán của Dương Lệ Đường vẫn chưa in ra được. Sách ấy

[502] Cho đến giữa đời Đường chữ vô vẫn đọc với vận mẫu m trong Hoa ngữ nên chữ 南無 thường được dùng để phiên âm chữ Namo trong tiếng Phạn. Về sau, do âm Quan Thoại đọc hai chữ này thành Nán-wú nên để ghi âm đọc cho đúng với âm Phạn, người Hoa thường phải dùng chữ Nạp-mạc (âm Quan Thoại là Nán-muó; vì thế khi gặp chữ này, người Việt thường đọc trại thành Nạp-mồ) để mô phỏng cách đọc trong tiếng Phạn.

in ra chậm trễ thì sự chọn lựa ắt sẽ kỹ càng, nhưng nhiệm vụ quan trọng trong hiện thời chỉ là sốt sắng niệm Phật mà thôi.

Phàm mọi chuyện cần phải dựa theo thời tiết, nhân duyên và năng lực của chính mình để luận. Ví như kẻ gặp nạn muốn trốn đi xa, tuy vàng ngọc đầy nhà đều chẳng dám cầm theo; thứ chẳng thể không đem theo chỉ là lương thực, bởi lẽ một ngày không có cái ăn, ắt sẽ chẳng thể sống được. Nếu cầm theo vàng ngọc, chắc sẽ đến nỗi chuốc lấy cái họa mất mạng. Ông muốn được lợi ích trong thời thế này mà có các sách Tịnh độ thì đã có thể không băn khoăn gì. Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí, nếu lại coi rộng các sách đến tột cùng, chắc sẽ đến nỗi coi rẻ Tịnh độ.

Sáng tối nên tụng kinh Di-đà, chớ nên chỉ thập niệm. Vào lúc khởi đầu nên lễ Phật Thích-ca ba lạy. Niệm Phật xong, đọc nguyện văn tùy ý, ắt phải nên dựa theo bài văn ấy mà phát tâm thì mới là nguyện. Nếu xét theo những cảnh tượng của phu nhân Nghê như đã nói thì bà ta chắc chắn được vãng sanh. Trước tiên, bà ta thấy một cụ già râu bạc, chẳng thấy Phật và hoa sen, ấy là do công hạnh còn cạn nên thấy được cảnh tượng khá kém cỏi. Nói tới phẩm vị thì sẽ là thuộc vào khoảng trung phẩm trung sanh hay trung phẩm hạ sanh. Nhưng chín phẩm vãng sanh của Tây Phương chỉ là nói đại khái, chứ thật ra trong mỗi phẩm đều có vô lượng trăm ngàn vạn ức phẩm. Chỉ cần được vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Tuy vãng sanh trong hạ phẩm hạ sanh, đã cao trỗi sanh lên cõi trời trăm ngàn vạn lần!

Gần đây, tôi lại in Cảm Ứng Thiên Trực Giảng hai vạn bộ, vẫn chưa đóng bìa xong, khi hoàn tất sẽ gởi cho ông một gói. Hãy bảo con cái ông đều cùng đọc tụng, thọ trì thì khi chúng lớn khôn quyết chẳng đến nỗi chạy theo trào lưu làm những chuyện phế bỏ luân thường, vứt bỏ lòng thẹn v.v.. Muốn cho con cái đều thành hiền thiện mà chẳng bắt tay thực hiện từ đây sẽ không có cách nào cả! Sách Khuê Phạm do ông Ngụy Mai Tôn đề xướng in một ngàn bộ vào năm ngoái, Quang cũng chịu tiền in năm mươi bộ. Năm nay Quang tự đề xướng in ba ngàn bộ. Sách này in theo lối thạch bản, không có bản khắc ván, không có ai bán, nay gởi tới cho ông một gói. Lại có một gói Học Phật Thiển Thuyết, một gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, hãy nên bảo con cái đều đọc sách này sẽ chẳng đến nỗi bị trào lưu xấu ác xoay chuyển.

Ông hãy nên đọc kỹ lưỡng kinh điển và các trước thuật Tịnh độ, còn các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v. nếu cứ một mực nghiên cứu chắc sẽ ngược ngạo coi thường pháp môn Tịnh độ, thì pháp được nghiên cứu sẽ chẳng phải là pháp để nương cậy được, mà pháp đáng để nương cậy thì do chẳng chuyên

nghiên cứu tìm tòi, chắc sẽ đâm ra không thể nương cậy được. Như vậy thì sẽ do đâu mà thoát khỏi biển khổ mịt mờ đây? Há chẳng phải là "cầu thăng hóa đọa, khéo quá thành vụng" ư?

Nếu thánh nhân giáng lâm vào cõi Phàm thánh đồng cư trong thế giới Sa-bà thì cũng vẫn thị hiện làm phàm phu, ắt họ phải tận tụy thực hành luân thường còn hơn người khác để người ta thấy họ đáng khâm phục, đáng bội phục. Sau đấy chắc sẽ thị hiện tướng trạng "từ mê đắc ngộ, cực lực tu trì", hoặc suốt đời chẳng thị hiện tướng trạng tu trì Phật đạo, chết rồi mới thị hiện chuyện lạ lùng khiến cho người khác sanh lòng tỉnh ngộ sâu đậm.

Bốn giáo Nho, Đạo, Gia Tô, Hồi đều có thánh hiền, nhưng lý tánh được họ nêu tỏ chỉ là Nhân thừa hay Thiên thừa trong Phật giáo mà thôi, đối với bản tánh của tự tâm đều chưa thể nêu tỏ rốt ráo. Có kẻ chẳng hiểu nghĩa này, cho rằng: "Họ đều là thánh nhân nên sẽ đều là bình đẳng, chẳng có cao thấp!" Hoặc cho rằng: "Do họ chưa nói đến tột cùng nguồn đạo, nên họ chẳng phải là thánh nhân!" Đối với tôn giáo của họ, họ đáng là bậc thánh nhân, nhưng đều chưa luận nói tâm tánh, quả vị giải thoát triệt để. Người giảng đạo luận đức trong cõi đời phần nhiều là như vậy.

Tìm lấy một giáo pháp chỉ bày trọn hết, trọn chẳng thừa sót gì "cội nguồn của chân vọng, nguyên do sanh tử, chỗ cùng cực nơi tâm tánh, chúng sanh và Phật giống nhau, khác nhau như thế nào" mà loại Phật giáo ra thì sẽ không còn tôn giáo nào khác nữa. Bồ-tát thệ nguyện độ thoát chúng sanh vô cùng vô tận, tùy loại hiện hình, đủ mọi phương tiện để cảm hóa. Ấy gọi là "nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp". Nói tới "thuyết pháp", cũng không phải chỉ riêng cho sự thuyết pháp bằng miệng, mà còn là dùng thân để nói; hoặc sau khi mất đi liền thị hiện những chuyện lạ lùng để thuyết pháp. Con dâu ông Mã Ngọc Cao và người đàn bà ăn mày xưa kia suốt đời tận tụy thực hiện [giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành luân thường, tuân giữ đạo đức], đáng gọi là bậc "giữ vững đức hạnh nữ giới, nêu gương mẫu cho giới khuê các". Ở đây tôi nêu lên những dấu tích con người có thể thấy nghe, còn sau khi chết đi, hiện ra các tướng thì trong kinh của Nho, Đạo, Gia Tô, Hồi chẳng thể có được. Ấy chính là tướng chứng quả ngay trong hiện đời của Phật giáo.

Tiếc là trong cõi đời kẻ biết đạo ít ỏi, không thể nêu rõ chuyện này, [nên sự thị hiện các tướng nhằm biểu thị người vừa mất ấy đã chứng quả ngay trong đời này] chỉ trở thành một thứ sự tích lạ lùng được lưu truyền. Bồ-tát muốn hóa độ ngoại đạo khiến cho họ theo Phật đạo mà nếu chẳng thị hiện hình tích của ngoại

đạo thì kẻ ngoại đạo ấy không cách chi sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ để bắt đầu tu trì được. Những hình tích được thị hiện cũng là những phương tiện chẳng thể nói trọn hết, những gì được nói trong phẩm Phổ Môn bất quá là thuật bày đại khái mà thôi. Hiện nay thế đạo bại hoại đến cùng cực, kẻ tín phụng Phật giáo niệm Phật, niệm Quán Âm được linh cảm rất nhiều. Quang do bận bịu, tinh thần chẳng đủ, cho nên không ghi chép, nếu ghi chép sẽ thành một quyển sách lớn.

Ông tương đối có của ăn của để, gặp nhằm thời thế này hãy nên cạn lòng thành, tận lòng kính cùng với Tông Đức, Huệ Sướng v.v. niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy. Đối với việc nghiên cứu giáo nghĩa và các nghĩa lý trong Mật tông, cũng chẳng qua nhằm để mở mang, phát khởi trí thức mà thôi. Nếu muốn nhờ vào đấy để liễu sanh tử, sẽ trọn chẳng thể được đâu! Vì sao vậy? Do trong các tông khác đều phải cậy vào tự lực để tu đến mức "nghiệp tận tình không" thì mới có phần liễu sanh tử. Nếu không, dẫu cho ngộ xứ sâu xa, công phu cao cả, công đức lớn lao, vẫn đều chẳng thể liễu được. Chỉ có một pháp Tịnh độ là chẳng đoạn hoặc nghiệp mà có thể cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh, hết thảy các pháp môn khác chẳng thể sánh với pháp này! Nếu không có thiện căn thật sự, chắc chắn khó thể tin tưởng triệt để.

Nói tới "Quán kinh" thì đấy chính là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong Văn Sao đã dẫn hoặc trích lục hai ba câu, những câu tiếp đó là phần giảng rõ ý nghĩa. Ông đã không chỉ rõ trang số mấy nên cũng chẳng tiện để tra duyệt. *"Phật cáo A-nan và Vi-đề-hy"* chính là phần kinh văn của Quán kinh, hai chữ "Quán kinh" chính là tựa đề của kinh nhưng viết giản lược.

Cũng chớ nên hiểu lầm câu nói "các giáo chẳng chia môn đình", nếu để lẫn lộn không phân biệt thì đại, tiểu, tà, chánh, làm sao phán đoán được! Nếu xét tới cái gốc rốt ráo để các giáo quy nạp về thì chẳng quy vào Phật giáo sẽ quy về đâu? Ví như sông to, rạch lớn đã tự rộng lớn, sâu thẳm, nhưng nếu chẳng quy về biển cả thì sẽ từ đâu mà có? Biển đã tồn tại kể từ lúc có trời đất, ngày ngày vẫn như thế, thu nhận các dòng nước đổ vào vẫn chẳng thấy tăng thêm; còn sông to thì khi mưa thu trút xuống sẽ mênh mông, tràn ngập. Ông nói *"*khi chết sẽ theo cùng một đường" cũng không thích đáng lắm! Chỉ có chết là giống nhau, nhưng sanh trong lục đạo và chứng tứ thánh, khổ vui khác biệt một trời một vực, sao lại nói là *"*cùng một đường" cho được?

Ông nói: "Các giáo tùy theo sự tu tập mà mắc tội, được phước. Thiên đường, địa ngục cố nhiên không hai. Nhưng coi là một thì lẽ ra các giáo đều chẳng có chân nghĩa." Nói như vậy, ông vẫn chưa biết lẽ chân thật trong các giáo, mà cũng chưa thể mỗi mỗi đều bình đẳng. Những gì được coi là lẽ chân thật trong các giáo

ấy đều là chút phần của sự thật trong Phật giáo, chứ chưa thể hoàn toàn chân thật, trọn chẳng có sai khác. Nếu đã hoàn toàn đều là thật thì cần gì phải "nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"? Trương Thuần Nhất chính là đầu lãnh Gia Tô giáo, do ông ta học vấn uyên bác nên sau đấy mới biết đến Phật, năm sáu năm trước đây đã cùng vợ quy y với Quang. Ông ta có pháp danh là Chứng Lý, bà vợ pháp danh là Chứng Từ. Dương Lệ Đường gởi cho Thuần Nhất một cuốn sách là vì Thuần Nhất trước đó tin tưởng đạo Cơ Đốc, sau theo Phật giáo.

Ông lẫn lộn, tưởng "hiện thân" là thật nghĩa, chẳng hiểu "hiện thân là rủ lòng tiếp dẫn [khiến cho người được hóa độ] cùng lên nẻo giác". Đủ thấy, đối với đạo lý, ông còn chưa hiểu rõ nên mới ăn nói lẫn lộn, không chọn lựa, phân biệt. Nếu chấp đó là đúng sẽ tự lầm, lầm người chẳng cạn đấy! Xin hãy sốt sắng sửa lỗi hướng lành, niệm danh hiệu Phật, lâu ngày sẽ tự bật cười.

Cổ nhân giải thích câu "Như Lai chẳng bỏ kẻ chỉ có phước nhỏ nhoi vừa lọt đầu mũi kim" như sau: "Như ông lão tám mươi múa may để dạy con cháu", hiện thân thuyết pháp cũng giống như thế đấy! Nếu ông tưởng hiện những thân ấy là đắc đạo rốt ráo thì sẽ hoàn toàn trái nghịch với ý nghĩa hiện thân của Bồ-tát. Nếu như ông nói thì các giáo đều có người đắc đạo, cần gì Bồ-tát phải rủ lòng hiện thân trong giáo của họ để hoằng dương giáo ấy nữa? Ông chẳng biết Bồ-tát biến hiện chính là phương tiện quyền xảo, thị hiện đồng sự[503] để dẫn bọn họ vào trong Phật thừa. Đối với văn mà ông còn chưa hiểu rõ rệt, huống là hiểu ý nghĩa ư? Nhưng ông tự cho là đã biết, đã hiểu rõ, nên mới có thứ ngôn luận ấy. Nếu Quang chẳng chỉ ra, đả phá, sợ ông gặp phải một vị tri thức vướng mắc nơi phương diện tình kiến cứ hàm hồ phân tích, giải thích thì sự bưng bít nơi kiến giải của ông sẽ khó thể đục phá được.

Quang già rồi, không làm được gì, hơn 10 năm qua thù tiếp hết sức bận rộn; nay thì thù tiếp ngày càng nhiều, tinh thần ngày một giảm. Cứ kéo dài như thế này ắt sẽ mệt nhọc chết mất. Đã vô ích cho người, mà chính mình còn bị tổn hại! Vì thế dự định xuống núi vào cuối tháng 2, qua chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, lo liệu chuyện in sách; đến tháng 6 vẫn trở về núi, vì ở Thượng Hải quá nóng. Tháng 7 xuống núi không trở về nữa. Đến tháng 8, tháng 9 chuyện in sách kết thúc, lưu chỉ bản ở chỗ cất giữ thuộc thư cục để tùy ý ai muốn ấn loát thì

[503] Đồng sự (samānārthatā-samgraha) gọi đủ là đồng sự nhiếp (hoặc đồng sự nhiếp sự, đồng sự tùy thuận phương tiện, tùy chuyển phương tiện), là một trong bốn nhiếp pháp của bậc Bồ-tát. Bồ-tát tùy thuận theo cơ duyên của chúng sanh mà thị hiện, sống cùng với họ, có hoàn cảnh giống như họ, làm việc chung với họ để nhằm tạo lợi ích cho họ hòng dẫn dắt họ nhập Phật đạo, tiến nhập Đại thừa.

giao thiệp với Thư Cục. Sắp xếp thoả đáng mọi chuyện xong sẽ ẩn náu, diệt tung tích lâu dài. Từ đấy vĩnh viễn chẳng qua lại, giao thiệp với hết thảy mọi người nữa.

Ông chỉ nên y theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục mà tu, quyết chẳng đến nỗi không được liễu thoát. Nếu lầm lạc muốn làm đại thông gia, coi pháp môn Tịnh độ là thừa thãi, theo thiện tri thức các tông học các pháp môn Tông, Giáo, Mật v.v. thì làm đại thông gia chắc đạt được một hai phần, nhưng muốn nhờ vào sự hiểu biết nửa vời ấy để mong liễu sanh tử thì có mộng cũng chẳng mơ thấy đâu. Đấy là lời cuối cùng Quang dành cho ông, chẳng biết ông có nghĩ như vậy là đúng hay chăng?

Dùng niệm Phật để cầu nguyện chánh đáng thì mọi sở cầu đều được thỏa, cầu phước thọ cho cha mẹ hiện tại, cầu cho tổ tông quá khứ được siêu thăng đều được cả, nhưng cần phải chí thành đến cùng cực thì mới có cảm ứng, nếu hời hợt hờ hững thì cũng sẽ được lợi ích hời hợt hờ hững. Đối với bài văn hồi hướng thì hãy nên ngay sau phần chánh hồi hướng[504], tùy theo ý mong cầu của mình mà đọc mấy câu, chỉ nhằm biểu lộ tấm lòng, chẳng cần phải phô phang. Ông đã biết pháp môn Tịnh độ thì càng phải nên nói với hết thảy mọi người về lợi ích ấy khiến cho họ tu trì, huống là cha mẹ sanh ra ta ư? Hồi hướng cho cha mẹ cố nhiên là chuyện hợp lẽ đến tột cùng, nhưng chẳng khuyên lơn cha mẹ, chỉ tự mình tu trì là đã đánh mất ý nghĩa hiếu thảo chân thật với cha mẹ vậy.

Nếu tánh tình cha mẹ trái nghịch với Phật, hãy nên chí thành trì niệm hồi hướng thay cho cha mẹ để họ được tiêu trừ túc nghiệp. Lâu ngày chầy tháng, cha mẹ sẽ tự sanh lòng tin tưởng tu trì. "Lòng thành đến cực điểm, sắt đá cũng cảm động", huống chi cha con sẵn mối liên quan tự nhiên, lẽ nào chẳng thể chuyển dời được ư? Hãy nên nghiêm túc dạy dỗ con cái bằng lý nhân quả báo ứng và đạo làm người, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính v.v., ai nấy tự trọn hết bổn phận của chính mình. Nếu ông có thể nghe theo lời tôi thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, ấy chính là chuyện quyết định không còn nghi ngờ vậy.

Cõi đời hiện thời nguy hiểm vạn phần, hãy nên suất lãnh người nhà niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm lâu dài, ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Chuyện ăn chay thật ra cực dễ dàng, chỉ vì chưa thấu hiểu suy xét sâu xa nên mới cảm thấy rất khó khăn. Chúng ta đã sợ tai nạn đao binh, hãy nghĩ hết thảy sanh

[504] Gọi là chánh hồi hướng, vì người niệm Phật phải cầu mình và hết thảy hữu tình đều được vãng sanh Tây Phương, không mong cầu phước báo đời sau. Những điều cầu nguyện khác như cầu siêu cho cha mẹ tổ tông đã quá vãng được siêu thăng chỉ là điều cầu nguyện thêm.

vật có tự chịu mổ, chặt, nấu, thui để thỏa sự ham muốn phát xuất từ miệng bụng của chúng ta hay chăng? Há chúng nó có muốn chết, vui vẻ chịu làm thức ăn cho con người hay chăng? Thánh nhân dạy "trung hậu, khoan thứ là cách đạo chẳng xa; điều gì ta chẳng muốn người khác làm cho ta thì cũng đừng làm điều ấy cho người khác" nhằm giảng rõ ý nghĩa này. Thử nghĩ ta và chúng cùng được phú bẩm cái tâm này, cùng biết "tham sống sợ chết", cùng biết "hướng lành tránh dữ", cùng biết "cảm ơn ôm hận", há nên hằng ngày vẫn ăn thịt bọn chúng ư? Đã nhẫn tâm ăn thịt bọn chúng, tức là cùng một tâm hạnh với lũ thổ phỉ, giặc cướp. Đã chẳng muốn bị bọn thổ phỉ cướp đoạt, sát thương, sao lại yên tâm khoái ý giết chóc, nấu nướng, ăn nuốt hết thảy sanh mạng trên đất dưới nước? Nguyên do đều là vì chẳng chịu phản tỉnh nên đến nỗi cách xa đạo vời vợi.

Chỉ sợ không tin pháp môn Tịnh độ tới nơi tới chốn, chứ nếu tin đến nơi đến chốn thì hết thảy mọi người đều được vãng sanh. Đã có sức đại từ bi của Phật, cần gì đến Quang? Con người gần đây phần đông thấy lạ, nghĩ khác, kẻ có tín tâm thường chẳng biết cội nguồn của pháp môn Tịnh độ, hoặc học những pháp Thiền, Giáo, Mật v.v.. Nếu muốn làm vị thiện tri thức đại thông gia thì được, chứ nếu muốn cậy vào Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này thì do sở học quá nhiều, chắc sẽ coi thường Tịnh độ. Do đã chẳng thể đoạn hoặc chứng chân để tự lực liễu thoát, lại không có tín nguyện niệm Phật để cậy vào Phật lực hòng liễu thoát thì nỗi khổ nơi tam đồ lục đạo trong tương lai so với nỗi khổ hiện thời sẽ còn gấp trăm ngàn vạn lần.

Nhân dân hiện thời không ai chẳng trong cảnh nước sâu lửa bỏng, nhưng những kẻ có thế lực ai nấy đều muốn cho con cháu mình được phú quý tôn vinh vĩnh cửu, chẳng đoái hoài nhân dân nghèo nàn, khốn khổ, tử vong. Cái gốc họa ấy đều là do Trình - Chu và bọn Lý học đả phá bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi ươm thành. Nếu bọn họ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi thì những nhà Nho đời sau đều chẳng dám bảo nhân quả báo ứng, luân hồi đều là không có. Dẫu bọn họ muốn làm chuyện tổn người lợi mình, thương thiên hại lý đi nữa, nhưng do thấy có ác báo, sợ mai sau chịu khổ khó kham, do đấy sẽ chẳng dám. Vì Trình - Chu cho là không có những chuyện ấy, nên những kẻ xấu hèn, tàn nhẫn dám làm ác không kiêng dè gì. Lại thêm gió Âu vừa thổi tới thì chuyện phế kinh điển, phế luân thường, giết cha, gian mẹ đều cùng được cực lực đề xướng nhằm mong được thực hiện. Nguồn gốc của mối họa này bắt nguồn từ Lý học, chẳng đáng buồn sao? Do vậy hãy nên sốt sắng sanh lòng tin phát nguyện để cầu sanh Tây Phương.

Chữ "phạn thực" (飯食) trong kinh Kim Cang được đọc thành "phản tự" cũng chẳng phải là nghĩa trong nhà Phật, mà là theo nghĩa của sách Nho, nhưng con người chẳng tự suy xét. [Trong các bản kinh Kim Cang được lưu hành], câu chữ có một đôi chỗ khác nhau, như "tức" (即) và "tắc" (則) các bản thường dùng thay thế cho nhau. Điều này không khẩn yếu lắm. Nếu kinh ghi là tức thì đọc là tức, ghi là tắc thì đọc là tắc, bởi tắc có nghĩa là tức, không sai biệt cho lắm. Có kẻ bịa chuyện quốc vương Cao Ly húy là tắc (稷: tên một loại lúa) nên đổi chữ tức thành tắc, đây là lời bàn luận mù quáng của kẻ chẳng biết sự việc.

Thêm nữa, đoạn *"nhẫn nhục ba-la-mật…"* có bản chép thành hai câu, có bản chép thành ba câu. Nên biết rằng, ghi thành hai câu thì ý nghĩa cũng hoàn toàn là ba câu, chứ không phải là "hai câu hoàn toàn chẳng có nghĩa của ba câu", nhưng dựa theo bản kinh mà niệm hai câu hay ba câu đều không trở ngại gì. Bản kinh chép là ba câu liền niệm ba câu, chép là hai câu liền niệm hai câu.

Trong các câu *"nguyện nhạo dục văn"* (nguyện ưa thích muốn nghe), *"thị nhạo a-lan-na hạnh giả"* (là kẻ ưa thích hạnh tịch tĩnh), chữ nhạo (樂) đọc giọng Khứ Thanh, giống như chữ yếu[505] (要). Trong kinh, hễ chữ hành (行) được dùng để chỉ cho hành động của người làm thì nhà Nho đọc là hưng (興), Khứ thanh, đều đọc như âm hạn (限)[506], tức là biến âm của chữ "thực hành". Những bản in các bài chú như Đại Bi v.v. hơi khác nhau, cứ chiếu theo bản in để đọc sẽ chẳng trở ngại gì, bởi lẽ chú là tiếng Phạn, con người không thể biết được nghĩa, chỉ chí tâm niệm ắt có lợi ích lớn lao, chẳng cần phải suy luận theo mặt chữ. Bản chú Đại Bi được lưu thông ở Hồ Nam tôi cũng chưa được thấy, chẳng thể nói là đúng hay sai. Chỉ cần chí thành trì tụng thì sẽ tự được công đức chẳng thể nghĩ bàn, muôn phần chớ nên hoài nghi bản kinh có sai ngoa thì sẽ đạt được lợi ích. Theo lý phải nên niệm tựa đề kinh.

Ước theo mặt sự, quả thật Tịnh độ có cảnh tượng trang nghiêm đến cùng cực. Ước về mặt lý thì duy tâm sở hiện, do tâm thanh tịnh nên các cảnh giới ấy đều

---

[505] Khứ Thanh là một trong bốn âm điệu chánh của âm Quan Thoại, hơi từa tựa như dấu sắc của tiếng Việt nhưng nhẹ hơn, thường được chú âm giống như dấu huyền. Chữ 樂 có ba âm đọc là lạc (lè: vui), nhạc (yuè: âm nhạc) và nhạo (yào: ưa thích). Do ở đây được dùng với ý nghĩa "ưa thích" nên phải đọc là nhạo. Do trong tiếng Quan Thoại, nhạo và yếu có cùng một âm đọc là yào (lên giọng) nên tổ mượn chữ yếu để chỉ cách đọc chữ nhạo.

[506] Trong tiếng Quan Thoại, chữ 行 có bốn âm đọc là xíng (động từ, có nghĩa là "làm", âm Hán Việt tương ứng là hành, cùng âm Quan Thoại với chữ hưng), háng (hãng xưởng, âm Hán Việt tương ứng là hàng hoặc hãng), hàng (hàng, dãy, âm Hán Việt là hàng), héng (việc làm, đạo hạnh, âm Hán Việt là hạnh). Chữ hạn (限:xiàn) cũng có âm đọc na ná như chữ hưng và hành nên tổ dùng chữ hạn để mô phỏng âm đọc chữ hành.

thanh tịnh. Cố nhiên, lý và sự chẳng thể tách rời, chẳng qua nhấn mạnh nơi nghĩa nào mà chia ra thành sự hay thành lý. Ông chỉ nên đọc kỹ bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận trong bộ Văn Sao Chánh Biên, sẽ tự biết rõ văn và lý của chân đế và tục đế, cũng như nghĩa lý ước theo cảnh để thí dụ vậy. Kiến địa của ông đã như thế thì chỉ nên học theo kẻ thật thà chất phác nhất tâm niệm Phật. Nếu do lòng ham cao chuộng xa rồi lầm lạc sanh cái tâm ức kiến (đoán mò, tự dựa theo những ý kiến phỏng đoán của chính mình) thì chỉ sợ chưa được lợi ích mà đã bị tổn hại trước.

Đang trong lúc thiên tai nhân họa ngập tràn này, cố nhiên hãy nên suất lãnh người nhà sốt sắng niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, còn hết thảy những nghĩa khác dẫu chưa hiểu rõ ràng đều chẳng bận tâm, đợi khi nào nghiệp tiêu trí rạng sẽ tự có thể "vừa đọc liền hiểu rõ ngay". Nếu không, dẫu có hiểu rõ rệt văn lẫn lý, cũng chỉ là ăn nói lưu loát, chứ khi tai nạn giáng xuống, sanh tử xảy đến, nhất định chẳng dùng được gì. Hai pháp sự và lý chẳng tách rời nhau, bởi có tịnh tâm thì mới có tịnh cảnh. Nếu không có tịnh cảnh, làm sao hiển được tịnh tâm? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đấy gọi là "tâm có đủ". Nếu tâm không có đủ thì nhân chẳng cảm được quả.

Ông nghĩ sự chỉ là sự tướng trang nghiêm, lý chỉ là tâm tánh lý thể; nếu lý ở ngoài sự, sự ở ngoài lý thì làm sao gọi là lý sự cho được? Ví như dựng nhà, kèo, xà, rường, cột, tường, vách là sự, khoảng không trong nhà chính là lý. Chỉ vì có kèo, xà, rường, cột nên mới có được khoảng không trong nhà; do có khoảng không ấy nên có thể xếp đặt kèo, xà, rường, cột. Lý sự dùng lẫn cho nhau, cũng như không và hữu dùng lẫn cho nhau; há nên chấp chết cứng vào thiên kiến, cho là hữu thì chẳng có không, đã không thì chẳng có hữu? Nếu chẳng hiểu rõ ràng thứ nghĩa lý này, hãy nên siêng năng trì tụng, đừng suy lường xằng bậy. Lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạng, sẽ tự có thể [thấy những suy đoán xằng bậy ấy] ví như một trò cười. Lúc ban đầu, cổ nhân luôn sốt sắng dụng công dốc sức, chứ chẳng bận tâm suy lường. Bởi vậy, cổ nhân nhất cử nhất động không gì đều chẳng phải nhằm làm cho mọi người đều thực hiện được.

497. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ hai)

Đã nhận được thư trước, do không có chuyện gì quan trọng, khẩn yếu nên không trả lời.

Ông hỏi ông X… là người như thế nào? Ông ta vốn sẵn có nhân duyên từ đời trước, nhưng tánh cách do dự, chẳng sốt sắng. Ông ta là đệ tử của Phùng Mộng Hoa ở Kim Đàn (tỉnh Giang Tô), là đồng môn với ông Ngụy Mai Tôn. Mấy năm

trước đã từng gặp Quang. Năm ngoái do có chuyện nọ nên rất cảm kích Quang, bèn nói với ông Mai Tôn muốn quy y, từng nhờ ông Mai Tôn cầu xin với Quang; đã vì kinh ở tháp Lôi Phong[507] mà đề mấy câu làm kỷ niệm, nhưng do chần chừ, nên chưa hành ngay. Còn như nói "thân tộc kinh hãi", ấy là mượn cớ đó để lấp liếm dấu vết biếng nhác, lười trễ, chẳng chịu tu trì. Ông cũng mượn cớ đó để nghi ngờ, bàn định!

Phàm người học Phật pháp há nên vứt bỏ bổn tông (tông mình đang theo)[508]. Chỉ ngoài bổn tông, lấy thêm lời Phật dạy để tu trì. Người đời làm đủ mọi chuyện ác, chẳng sợ thân tộc kinh hãi. Nay học đại pháp của Như Lai lại ngược ngạo sợ thân tộc kinh hãi, đấy có còn gọi là "chân tâm học đạo" ư? Cả cõi đời đều đục, riêng ta trong, mọi người đều say, riêng ta tỉnh, ta làm theo chí ta, ai khống chế được ta? Nại cớ như vậy thì còn chưa phải là học trò của thánh hiền, huống là học đại đạo xuất thế ư? Quang diệt tung tích, trọn chẳng gây trở ngại cho người khác, bởi tuổi tác lẫn cơ hội đều đã qua, tinh thần ngày một suy, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều, sức chẳng thể chống chọi được. Nếu hiểu Quang ẩn dật là vì lý do khác, tức là đã hiểu lầm rồi!

Chuyện niệm Phật cố nhiên quý ở chỗ thuần nhất không gián đoạn, do vậy trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều phải nên niệm. Tụng kinh chẳng thể thường xuyên không gián đoạn như niệm Phật được. Hơn nữa, cớ gì phải tụng kinh nơi chỗ ô uế? Nếu trì danh đến mức cùng cực thì chẳng quán tưởng mà tịnh cảnh đều hiện cả. Nếu kẻ nào công phu không thuần, cứ lầm lạc muốn thấy thánh cảnh, chắc sẽ phải lo bị ma dựa. Do vậy, cổ đức phần nhiều chú trọng trì danh, bởi pháp này thực hiện dễ mà thành công cao.

Nếu thật sự đã tin tưởng pháp môn Tịnh độ tới nơi tới chốn, giữ được tín nguyện vững vàng rồi thì đối với các kinh luận Đại thừa sẽ đều có thể tùy theo sự ưa thích của chính mình mà đọc tụng. Nhưng nếu chưa hiểu rốt ráo đạo này, cứ một mực đọc rộng, sợ rằng sẽ bỏ pháp này lấy pháp kia thì muốn liễu sanh tử sẽ trở thành chuyện khó nhất trong các chuyện khó. Có kẻ nói Quang cấm người

---

[507] Lôi Phong Tháp vốn có tên là Hoàng Phi Tháp, do Tiền Thục (vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại) xây vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 2 (997) để cầu quốc thái dân an. Tháp nằm tại phía Nam của Tây Hồ, Hàng Châu, được coi là một thắng cảnh của vùng Hoa Nam. Dưới đáy tháp có lập địa cung tàng trữ xá-lợi Phật, tượng Phật, và những phẩm vật trân quý khác của Phật giáo thời ấy. Nổi tiếng nhất trong số ấy là bản kinh Nhất Thiết Như Lai Tâm Bí Mật Toàn Thân Xá-lợi Bảo Khiếp Ấn Đà-la-ni, thường được gọi là Lôi Phong Tháp Kinh, dài đến 2 mét, nét chữ khắc cực kỳ tinh xảo, cũng như những hình vẽ, họa tiết trang trí, Phạn tự trong bản kinh đều không có một bản nào khác sánh bằng nên được coi là quốc bảo của Trung Hoa.

[508] Do ông Mã là người Hồi giáo nên tổ khuyên cứ thực hành Phật pháp, đừng bỏ đạo vì sẽ gây nên những tranh biện, mâu thuẫn trong thân tộc.

khác đọc kinh Đại thừa, nói như vậy là đã hiểu lầm ý Quang, vì lời nói ấy vốn dành cho kẻ chẳng biết lợi hại, cứ lầm lạc muốn làm bậc thông gia. Có kẻ nói: "Y theo pháp của họ, tu một trăm ngày hoặc bốn mươi tám ngày sẽ có thể thành Phật!" Ông hãy nhường cho người khác thành. Nếu ông cũng muốn cùng được "thành" như họ thì thành Phật hay thành ma, Quang chẳng thể nào biết được!

Lâm chung là chuyện khẩn yếu nhất, dẫu ông chẳng thể giáo hóa được người khác, vẫn nên thường nói cặn kẽ nguyên do với vợ con ngõ hầu họ đều tin đến nơi đến chốn và giữ cho chắc. Như lúc mẹ ông lâm chung, khai thị niệm Phật cho cụ và trợ niệm, ắt có lợi ích lớn lao. Pháp này bất luận già trẻ trai gái đều nên trợ niệm, dẫu là kẻ lúc thường ngày chẳng niệm Phật, được trợ niệm cũng có lợi ích lớn lao. Hãy nên chiếu theo tiểu đoạn "lâm chung thiết yếu" thuộc phần "sanh tử chuyện lớn" trong Gia Ngôn Lục để hành thì tuy chẳng sanh Tây Phương vẫn gieo được thiện căn lớn lao. Đây là nghĩa tối thiết yếu.

Nếu bảo tôn giáo ấy trói buộc thì chính là ông tự trói buộc, chứ tôn giáo đâu có trói buộc được ông? Nếu nói "trong cõi đời có đạo vượt trỗi tôn giáo của ta thì cũng chẳng chịu học", ấy chính là tâm hạnh của kẻ nhỏ nhen trong thế gian, chứ đâu phải là tâm hạnh đáng có của một vị sáng lập một tôn giáo. Nếu có ý ấy, còn đáng gọi là giáo chủ ư? Đấy chính là cách "đem tớ thay cho chủ, đem lính thay cho tướng soái." Đối với việc học Phật, ông ôm lòng nghi ngờ, kinh sợ, tức là cái tâm học Phật chẳng cứng cỏi, mạnh mẽ, quyết liệt như cái tâm tạo nghiệp. Há có phải là người thật sự tin Phật ư?

Tông Đức đã sanh hay chưa? Nay đặt pháp danh cho đứa bé sắp sanh là Huệ Ý. Ý (懿) là đức tốt đẹp, chỉ có trí tuệ thì mọi việc làm đều tốt đẹp, dùng ngay cái tên này để đặt, không cần phải chọn tên khác. Phàm người niệm Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều phải nên thầm giữ một câu Phật hiệu nơi tâm. Nếu áo mũ chỉnh tề, nơi chốn sạch sẽ, niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Nếu không được như thế thì chỉ nên niệm thầm trong tâm. Còn như phụ nữ lúc sanh con, hãy nên niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát ra tiếng, chắc chắn sẽ không có những nỗi khổ như bị tai nạn khi sanh nở v.v..

Nếu nói "lúc ấy lõa lồ bất tịnh, niệm sẽ mắc tội" thì đấy là chẳng biết đạo "giữ lễ thường, thông đạt quyền biến". Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể không lõa lồ ô uế, không thể đem so với chuyện cố ý khinh nhờn. Hơn nữa, Bồ-tát sẵn tâm cứu khổ, ví như con cái té trong lửa - nước, kêu cầu cha mẹ cứu giúp, cha mẹ trọn chẳng đến nỗi vì con cái thân thể không khiết tịnh, áo mũ không chỉnh tề mà chẳng chịu rủ lòng cứu vớt.

Từ nay về sau, hễ có ai sanh nở đều nên bảo họ niệm sẵn. Đến khi sanh nở đúng là lúc phải nên sốt sắng niệm, chẳng những dễ sanh mà còn gieo đại thiện căn. Hãy nên nói cặn kẽ điều này với Tông Đức và các con gái của ông, đấy chính là vô thượng diệu pháp để cứu sẵn tánh mạng họ khỏi bị khổ ách.

Một người bạn cậy Quang ấn hành cuốn Đạt Sanh Biên, phụ lục cách trị kinh phong mạn chứng, sẽ in tám vạn cuốn; hai vạn cuốn giao cho Quang để kết duyên hoặc cho người khác thỉnh, đợi khi in ra sẽ gởi cho ông một gói. Trong lời tựa cũng có nói đến chuyện niệm Quán Âm.

Quang vốn tính diệt tung tích vào cuối tháng 9, hiện thời do phải sắp chữ bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, chỉ đành chậm lại một tháng. Sách này có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm, do ông Hứa Chỉ Tịnh chọn lọc những sự tích cảm ứng từ 24 bộ sử, kèm thêm lời bình luận; quả thật là bộ sách có sức khuyến thiện mạnh mẽ nhất, bởi lẽ những chuyện trong ấy đều được ghi trong chánh sử, kẻ tà kiến chẳng dám bảo là hư cấu. Lần này sắp chữ xong xuôi liền in hai vạn bộ. Lại in một bản khác bằng giấy báo với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự để tiện cho con em đang độ thanh niên cũng có thể mua đọc.

Con người sống trong thế gian phải trọn hết đạo làm người. Nếu giữ được hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ thì mới đáng gọi là người. Nếu không, tuy mang hình dáng con người, nhưng tâm là cầm thú. Hãy nên cực lực dạy dỗ Huệ Sướng v.v., khiến cho chúng đều biết đạo làm người và biết nhân quả báo ứng thì gia phong của ông sẽ chẳng đến nỗi dần dần đọa lạc. Đối với chữ Phong (豐) trong cái tên Huệ Phong, há nên hiểu là 豊[509] (phong: thịnh vượng)? [Nếu hiểu như vậy thì] chính là đọc theo âm dùng trong Lễ Ký, mà cũng là ý nghĩa được dùng trong Lễ Ký, chứ không phải là ý nghĩa Quang định chọn, hãy nên sửa cho đúng: Huệ Phong nghĩa là trí tuệ dồi dào, không điều nhỏ nhặt nào chẳng chiếu tới.

498. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ ba)

Hai lần nhận được thư biết ông vừa sanh được đứa con tốt lành, lại trọn không bị tai hoạn gì. Do vậy biết đấy chính là Phật, Bồ-tát từ bi gia bị nên có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn được. Điều đáng chú ý nhất là hãy khéo dạy dỗ, khiến cho các con đều thành người hiền, người lành thì đối với gia đình ông, đối với nước nhà, đều có lợi lớn lao không chi bằng. Quang thường nói: "Dạy con là căn

[509] Chữ phong（豊）là cách viết theo lối cổ của chữ phong（豐）, âm đọc theo Lễ Ký hơi khác, nhưng âm đọc hiện thời đều là fēng. Trong âm Hán Việt, chỉ có một cách đọc là phong. Phong（豊）chỉ có nghĩa là thịnh vượng, còn phong（豐）có nhiều nghĩa hơn.

bản để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái càng cần thiết hơn, do con người được thành chánh khí hay chăng, quá nửa là do được mẹ un đúc, giáo hóa từ lúc mới hiểu biết cho đến lúc trưởng thành.” Đạo nghĩa, đức hạnh là căn bản của con người, từ thuở bé đã dạy nó noi theo pháp tắc thì khi lớn lên sẽ tự chẳng trái vượt, ngỗ nghịch, cũng như có đủ mọi hành vi xấu hèn.

Giấc mộng của Tông Đức chính là do Bồ-tát ngầm báo cho biết điềm sẽ có giặc kéo đến. Nếu không, sẽ bị mất mát lớn lắm. Bà ta mộng thấy Bồ-tát đòi cây mơ (mai tử) của mẹ, đấy chính là có kẻ khác muốn đoạt lấy. Lời này có ý nghĩa khá sâu, thật khó suy lường được! Nay tôi chỉ suy đoán mò, tuy chẳng phải là bổn ý của Bồ-tát, cũng chẳng trái nghịch ý của Bồ-tát. Theo tôi nghĩ Bồ-tát nghĩ thương người trong tôn giáo của ông chẳng biết tới đại đạo, muốn cho ông và Tông Đức tùy theo cơ duyên mà giáo huấn, khiến cho họ đều sanh lòng tin, gieo thiện căn nơi Phật pháp. Chữ mai (梅) một nửa là chữ mộc (木), nửa kia là chữ mỗi (每); chữ mỗi là một nửa của chữ hối (誨)[510], chữ mộc là một nửa của chữ căn (根). Cả nhà ông đã được nhuần gội sự giáo hóa của Phật, lại còn được cảm ứng như thế, về mặt lý lẫn mặt sự đều đáng tự tin tưởng, há nên lặng thinh chẳng tuyên nói ra, chẳng làm cho người hữu duyên đều cùng được nhuần gội lợi ích lớn lao không chi bằng này? Phàm mọi chuyện vào lúc ban đầu đều do một hai người phát khởi, sau đấy mới dần dần được mở rộng. Đã có nhiều người tụ họp trong nhà ông để cầu hiện tướng, đủ biết là u hiển cảm ứng quyết khó hình dung được. Nếu vợ chồng ông có thể phát tâm Bồ-đề, vì những kẻ câu nệ hẹp hòi kia mà chỉ bày bầu trời vô lượng vô biên, họ sẽ tự có thể thoát khỏi chỗ hẹp hòi ấy, thấy được mặt trời và biển cả.

Ông chỉ nên nhất tâm niệm Phật, sao lại hỏi ngày giờ sanh của Quang? Biết ngày giờ sanh của Quang thì rốt cuộc có ích gì đâu? Trước hết, hãy nên đem lợi ích này uyển chuyển khuyên nhủ mẹ ông, tiếp đó khuyên lơn những kẻ thân thích bằng hữu hiểu lý. Hiểu lý rồi lại biết chuyện cảm ứng thì họ sẽ sanh lòng tin.

Hơn nữa, ông đã có năm đứa con, Tông Đức đã mang thai tám lần, khí huyết đều hư nhược. Từ nay hãy nên đoạn dục chuyên tu tịnh nghiệp ngõ hầu chẳng đến nỗi gây lụy cho Tông Đức càng thêm hư nhược, hao tổn. Nam nữ lập gia đình vốn là cuộc hôn nhân thơm thảo để nối tiếp dòng dõi cho tổ tông, phụ mẫu. Đã có mấy đứa con rồi, tức là chẳng đến nỗi phải lo không có người nối dõi. Nếu vẫn không chịu đoạn dâm dục, tức là kẻ chẳng biết yêu mình và nhẫn tâm chẳng biết

[510] Hối（誨）là giáo huấn, khuyên răn. Như vậy ở đây có thể hiểu điềm mộng của bà Tông Đức là Bồ-tát khuyên dạy vợ chồng ông Mã Tông Đạo hãy nên khuyên lơn mẹ khiến cho thiện căn của bà cụ được nẩy nở, nên Bồ-tát mới đòi lấy cây mơ của mẹ ông Mã.

yêu thương vợ. Huống chi, ông và Tông Đức đều muốn tu tịnh nghiệp sanh Tây Phương, nếu tình dục nam nữ chẳng thể đoạn được thì tịnh niệm bị dục niệm xen tạp, chẳng dễ gì được lợi ích. Ông đừng nói Quang là tăng nhân sao vẫn bàn chuyện ăn nằm giữa vợ chồng người khác, hãy nên biết rằng: Những người có thành tựu trong thế gian đều phải tiết dục, huống là người học Phật ư? Huống chi Tông Đức do sanh nở đã bị tổn thương, chẳng kham sanh nở thêm nữa ư?

499. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ nhất)

Lúc vọng tưởng dấy lên chỉ mặc kệ nó thì sẽ chẳng đến nỗi "trên vọng lại sanh thêm vọng". Ví như đứa nhỏ làm mình làm mẩy, nếu người lớn không ngó ngàng tới, nó chẳng cậy vào đâu để tiếp tục giở chứng được. Nếu dùng biện pháp cứng rắn để trấn áp, nó cũng dùng cách cứng rắn để đối phó. Nếu dùng biện pháp mềm mỏng để vỗ về nó, ắt nó sẽ tưởng người lớn sợ nó, lại càng quyết liệt hơn. Cả hai đằng đều tổn nhiều ích ít, chỉ bỏ mặc vờ như không thấy, không nghe. Nó đã không có đà làm tới chỉ đành tần ngần bỏ đi.

Ông vẫn chưa có thể tự lợi, sao lại trù tính chuyện làm lợi cho người khác được! Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị. Cần biết rằng, tâm ấy tuy tốt nhưng cũng là chướng ngại cho việc học đạo, cổ nhân nói: *"Chỉ phạ bất thành Phật, vật sầu Phật bất hội thuyết pháp"* (Chỉ sợ chẳng thành Phật, chẳng lo Phật không thể thuyết pháp). Ông chỉ nên tự hành có chứng đắc thì sẽ giống như thần long được một giọt nước bèn có thể mưa khắp toàn quốc. Nếu chẳng phải là thần long, dẫu được nước của cả con sông cũng không thể tuôn mưa trọn khắp được.

Làm ác có nhân duyên: tự tâm là nhân, ngoại cảnh là duyên. Nếu tin sâu nhân quả, biết "do điều ác nhỏ, ắt chịu khổ lớn" thì tuy gặp duyên cực lớn cũng chẳng thể làm ác. Những kẻ làm ác xưa nay đều là do cái tâm tin nhân quả nhỏ nhoi yếu kém mà ra. Nếu không, dẫu ngoại duyên mạnh mẽ, dữ dội đến đâu cũng chẳng làm gì được ta. Niệm Phật biết có vọng, đấy chính là chỗ hay của niệm Phật. Nếu không niệm Phật, bằng cách nào mà ông biết được chính mình có lắm vọng như thế?

Mật tông quả thật là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, thật sự có chuyện "thành Phật trong thân hiện tại", nhưng những người hoằng truyền Mật tông đều chẳng phải là hạng người ấy. Có mấy ai thật sự là thượng căn? Đều toàn tự xưng là thượng căn! Giả dối mượn chuyện ấy để dụ dỗ những phường ham cao chuộng xa, ngạo nghễ ngã mạn, tạo thành tự lầm, lầm người, gây hại há có thể nào cùng cực? Những điều khác chẳng cần phải nhắc tới!

Gã X… và gã Y… nọ quá sức to gan, tự xưng đã vượt trỗi các bậc thượng căn. Họ chửi bới Khổng - Mạnh còn hơn đứa trẻ đầu đường xó chợ chửi người khác, chẳng biết chửi Khổng tử tức là chửi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, chính là diệt chánh lý luân thường của thế gian. Tôi chẳng biết họ học Mật tông kiểu nào, muốn ứng dụng Mật tông như thế nào: Để làm kẻ tận lực truyền bá phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng thẹn, giết cha, giết mẹ? Hay là vẫn làm người truyền bá hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ vậy?

Nếu để làm kẻ truyền bá phế kinh điển, giết cha thì thuyết của bọn chúng còn có thể cưỡng lập được, chứ nếu để làm người truyền bá hiếu, đễ, trung, tín thì bọn chúng đã đả đảo phế diệt, cắt trừ đạo của nhị đế tam vương do Khổng tử vâng giữ, kế thừa mất rồi. Nếu vẫn bảo Mật tông của bọn chúng là dạy làm lành thì chính bọn chúng cũng chẳng thể tự hiểu được cách ăn nói ngược ngạo ấy. Những kẻ giống như gã X… và gã Y… thật có thể gọi là những tên đầu sỏ bại hoại Phật pháp! Hạng người ấy có thể thành Phật nơi thân hiện tại thì cũng chẳng ngại gì vào trong địa ngục A-tỳ để hưởng tự thụ dụng tam-muội của đức Tỳ-lô-giá-na nơi non đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than.

Hơn nữa, căn tánh của gã X… nếu luận theo con người hiện thời thì cũng có thể gọi là thượng căn: Tự mình phát tâm xuất gia, chưa đầy mấy năm mà yếu chỉ của Thai giáo (giáo pháp của tông Thiên Thai) thảy đều hiểu rõ. Qua Đông Dương (Nhật Bản) học Mật tông, người Đông Dương hết sức bội phục, tôn sùng, kính trọng, chết rồi còn được dựng tháp trên núi Cao Dã[511]. Nếu bảo là ông ta đã đắc chánh truyền của Mật tông thì cũng chẳng thể nói là ông ta không thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, nhưng đến lúc sắp chết, chẳng thể niệm Phật được mà cũng chẳng thể niệm chú được. So với ngu phu ngu phụ niệm Phật ngồi ngay ngắn qua đời đã kém cỏi hơn nhiều lắm. Đấy còn là kết quả của bậc thượng căn đắc chánh truyền nơi Mật tông, những kẻ khác đâu đáng để bàn tới nữa!

Cách nói "hiện thân thành Phật" của Mật tông và "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" của Tông môn khá giống nhau. Vẫn phải đoạn hoặc thì mới chứng chân, mới có thể liễu sanh thoát tử được. Nếu nói "ngay trong đời hiện tại, tam hoặc đã đoạn sạch, nhị tử vĩnh viễn mất, an trụ tịch quang, trọn không sự gì",

[511] Núi Cao Dã (Kōya-san) là rặng núi thiêng đối với Phật giáo Nhật Bản, thuộc huyện Hòa Ca Sơn (Wakayama ken) của Nhật Bản. Đây là nơi Sai Nga Thiên Hoàng (Saga-tennō) ban cho Hoằng Pháp Đại Sư Không Hải (Kobodashi Kūkai), sáng tổ Chân Ngôn tông (Shingon shu) Nhật Bản để lập đạo tràng tu hành sau khi sư đã dùng đạo đức, mật pháp thuyết phục triều đình chấp nhận Chân Ngôn tông (Mật tông) do sư du nhập từ Trung Quốc về Nhật Bản vào năm Hoằng Nhân thứ bảy (816). Toàn núi có đến 117 ngôi chùa, được coi là Tổng Bổn Sơn (đạo tràng gốc) của mọi chi phái Mật tông Nhật Bản. Ngôi chùa chánh yếu là Kim Cang Phong Tự (Kongōbu-ji).

sẽ thành tà thuyết, là lời lẽ của ma. Những ai chê "Tịnh độ dành cho bọn thiên chấp, tiểu căn, chậm lụt, độn căn", ta hãy nhường cho bọn họ tu pháp "viên, đại, thẳng, chóng, thành Phật trong thân hiện tại". Chúng ta chỉ y theo ngôn giáo Tịnh độ để tu trì, đôi bên chẳng gây trở ngại lẫn nhau; cần gì phải dẫn chứng chú Vãng Sanh, A-di-đà Phật chính là Mật tông của bọn họ.

Cần biết rằng, Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh mà nói ra các giáo, lời lẽ tuy khác nhau, nhưng tinh thần đều là dung thông. Ví như đại địa chia ra cho hết thảy nhân dân, tuy có cương vực này, biên giới kia, nhưng đây kia chẳng thể cắt đứt, chặt rời ra được, trọn chẳng chấp nhận ai đến trong cõi tôi. Bởi lẽ, nếu chặt rời thì họ cũng không có sanh lộ để đi nữa. Bọn họ đã bảo chú Vãng Sanh v.v. chính là Mật, sao lại bảo niệm Phật chẳng bằng tu Mật? Nay nói đơn giản, thẳng thừng: Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v. đều là bậc thượng căn, đều có thể chân thật thành Phật trong thân hiện tại. Nếu tự xét thấy ta chẳng bằng được các vị ấy thì đừng có dùng danh xưng thượng căn để tự lầm, lầm người, noi theo tà kiến của gã X… và kết quả là bị chết hồ đồ của ông Y… khiến cho ngu phu ngu phụ chê cười.

Tôi quên mất chuyện bà nội kế của ông là lão thái phu nhân Sài, nếu ông thật sự phát tâm hiếu, dẫu cho lão thái phu nhân Sài đọa trong ác đạo, do ông có thể dùng tâm chí thành niệm Phật cho cụ, cụ vẫn có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, huống hồ chưa chắc cụ đã đọa trong ác đạo ư? Điều cốt yếu là do ông có chí thành hay chăng! Chớ nên đem cảnh tượng lúc mất của lão thái phu nhân Sài để phán đoán.

Đặt pháp danh cho người đã mất cũng là chuyện bày vẽ, người thế tục do thuyết *u minh giới* cho người đã khuất bèn đặt pháp danh; nhưng ắt phải cạn lòng thành, kiệt lòng kính niệm Phật cho người ấy thì mới là kế sách tối thượng. Đừng nên chỉ lấy chuyện bày vẽ bề ngoài của thế tục để trọn lòng hiếu thì ông sẽ được hưởng lợi ích lớn lao, chứ không phải do niệm Phật cho lão thái phu nhân Sài mà ông chẳng được lợi ích. Nên biết rằng, ông do tấm lòng hiếu thảo báo ân, niệm Phật cho lão thái phu nhân Sài, so với chuyên niệm cho chính mình công đức càng lớn hơn. Do vậy, nhà Phật mong cho con người vì khắp tứ ân tam hữu pháp giới chúng sanh mà hồi hướng. Huống hồ lão thái phu nhân là người mà ta đã nhận đại ân ư? Ông cứ theo đó mà suy thì cũng có thể tùy theo cơ duyên để hướng dẫn vậy.

500. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ hai)

Nhận được thư ông đầy đủ. Ông vọng tưởng đến cùng cực, làm chuyện rất rạng rỡ, lớn lao, rộng lớn, nhưng chẳng biết đấy đều là những chuyện đi xuống, chứ không phải là hướng thượng. Đang trong thời thế này, ông có thần thông, đạo lực gì mà muốn làm chuyện kinh thiên động địa? Dẫu để làm việc trong chánh trường đi nữa, có ai không phải vận động bẩn thỉu để lọt vào. Đã do vận động bẩn thỉu mà đạt được địa vị ấy thì còn có thể hiên ngang, thẳng thắn, chẳng phải bợ đỡ cấp trên hay chăng? Quan văn chẳng mê tiền, nếu chẳng bóc lột mỡ màng của dân chúng thì tiền vốn vận động còn chưa thể có được, huống là có tiền để dâng cúng cấp trên ư? Dâng cúng thượng cấp vẫn chưa phải là chánh yếu, đối với những thuộc hạ của thượng cấp đều phải dựa theo thời, theo dịp để tặng quà, để mong họ nói tốt trước mặt thượng cấp, chẳng buông lời gièm xiểm. Nếu là người thật sự vì trăm họ, chẳng những không có tiền mà sợ còn khó giữ được tánh mạng.

Ông mơ giấc mộng to quá, đúng là chí lớn, ăn nói lớn lối, chẳng biết tài năng của chính mình ra sao cũng như đang ở trong thời nào. Hãy nên nói với họ về lợi hại của chuyện tiết dục và buông lung lòng dục thì về lý lẫn về tình đều được ổn thỏa. Ông chỉ biết ăn nói đao to búa lớn, chẳng biết lời lẽ lớn lao phải phát xuất từ thật hành thì mới có ích. Học vấn cần phải phát xuất từ thực tiễn thì mới có thể tự lợi lợi người. Nếu không, học vấn càng cao, càng dễ làm hỏng việc! Vì thế nói: *"Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức"* (Người có đức ắt thốt lời, kẻ thốt lời chưa chắc đã có đức).

Nếu chính mình chánh kiến chưa mở mang, lầm lạc học theo cái học ma quỷ của ngoại đạo, hiếm có ai chẳng bị biến đổi theo chúng. Ông còn chưa biết đến sự xấu xa của gã X…. Gã X… xấu xa không phải vì thiếu học vấn mà vì chẳng biết tự lượng, dối xưng là đại thông gia. Phận sự chánh yếu ông còn lo chưa rồi, há nên phát ra cái tâm ấy? Muốn vào hang hùm thì sẽ táng thân trong bụng hùm là điều đoán chắc.

Trước kia khi ông chưa có tiền tài thế lực, bèn hâm mộ sự vinh hiển, giàu có của những kẻ có thế lực, toan dùng đó để khoe khoang trong làng xóm, cho là đã làm rạng mày nở mặt tổ tiên. Nếu tổ tiên có thiêng, ắt sẽ khóc cạn nước mắt! Sợ ông hễ được đắc ý sẽ hoàn toàn chôn vùi cái chí ban đầu, chắc sẽ đến nỗi càng tệ hại hơn bọn họ. Vì sao vậy? Do nhiệt thành hâm mộ sự phú quý bất nghĩa, nên hễ được phú quý sẽ bị phú quý xoay chuyển. Chẳng đáng buồn ư?

Ông hoàn toàn là một kẻ không có chánh tri kiến, đã niệm Phật lâu ngày lại ngờ niệm Phật sẽ lôi kéo quỷ tới rồi sanh lòng sợ hãi. Có tri kiến như vậy há có thể nào chẳng ngả theo thế lực quan quyền phú quý, chẳng tạo nghiệp ác ư? Anh chàng X… và ông Y… đều là kẻ hiểu Duy thức, nếu dùng Duy thức để kiếm tiền,

sao dám bảo "noi theo dấu ngài Huyền Trang?" (Do trước đó ông đã nói đến việc dõi theo dấu chân của Huyền Trang Tam Tạng).

Ông muốn thấy người khác liền nói nhân quả để hết thảy mọi người đều tin nhận vâng làm, mà lại còn kiếm tiền được, bất luận vị đại lão quan hay gã trai khổ não nào, trai trai gái gái, đều cùng họ bàn luận kỹ càng, khiến họ đều sanh lòng vui thích thì chỉ có cách xem tướng là hữu ích nhất. Nếu nghề nghiệp thật sự tinh thông thì bất luận kẻ ương ngạnh khó giáo hóa đến đâu, hễ được ông chỉ bày tiền nhân hậu quả ắt sẽ nghe theo. Đấy là chuyện dễ làm nhất trong chốn giang hồ.

Nếu lại còn biết xem bát tự thì càng thu hút rộng rãi. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, có một người học xem tướng nhưng học không thành, xin học thuật Đạt-ma tướng pháp[512] cũng không hiểu được lẽ ảo diệu của nó. Sau đấy bèn dốc hết lòng thành lễ bái, lâu ngày liền sáng suốt, những chuyện trong nhà và đời trước của người ta đều biết rõ hết. Một buổi sáng gặp mấy tên lính, cầm lệnh phù sang kho đạn lãnh thuốc súng, bèn hỏi họ sẽ lãnh mấy thùng. Họ đáp sáu thùng; ông ta nói: "Sáu thùng không đủ đâu, nên lãnh bảy thùng." Bọn họ nói: "Quân lệnh nào dám trái!" Ông ta chỉ nói: "Tôi bảo các anh cứ lấy, sáng mai sẽ biết. Nếu không, tôi sẽ chịu phạt." Họ liền lấy bảy thùng. Đêm ấy khéo sao bọn giặc tới cướp doanh trại, dùng hết sáu thùng thuốc súng, giặc vẫn không lui, bèn khui thùng thứ bảy thì bọn giặc liền rút lui. Vị thầy xem tướng ấy do nhất tâm cầu tam bảo gia bị chuyển hóa mà biết được chuyện đời trước, đời sau.

Ông nên lưu tâm học xem tướng, lại còn chuyên chí lễ bái đức Đại Bi Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát. Tuy chưa thể cao minh như người ấy, nhưng đã có thể vượt trỗi những thầy tướng hiện thời, lại còn dùng sự lý nhân quả tội phước để bình luận thì tiền tài, danh dự, công đức đều có thể đạt được. Đấy là chuyện ổn thỏa nhất trong hiện tại, mượn thuật ấy để hành thì không đâu chẳng thông. Những câu giải đáp được liệt kê như sau:

1. Vương Dương Minh là nhà Nho. Dựa theo nghĩa lý của nhà Nho để giảng giải thì khá gần với đạo lý Phật pháp, nhưng nếu như lời ông nói thì có thể khiến cho nhà Nho đều hành theo hay chăng? Cổ nhân nêu tỏ đạo mầu phần nhiều mượn

[512] Đạt-ma tướng pháp là một trong các cách xem tướng người (nhân tướng) khá phổ biến ở Trung Hoa dựa theo một bài khẩu quyết có tên là Đạt-ma Tổ Sư Tướng Pháp Bí Quyết, tương truyền do tổ sư Bồ-đề-đạt-ma trong 9 năm diện bích tại động Thiếu Thất đã "ngộ" ra. Theo ngu ý, đây cũng là một thứ học thuật của người Trung Hoa chế ra rồi mạo nhận tên tổ sư để tăng uy tín cho thuật bói toán này. Cũng như Dịch Cân Kinh thường được coi là của tổ sư Bồ-đề-đạt-ma truyền, nhưng dựa trên văn phong, thuật ngữ, các nhà nghiên cứu cho biết Dịch Cân Kinh chỉ có thể xuất hiện sớm nhất vào đầu đời Minh.

thí dụ "tấm lòng của con đỏ, hồn nhiên không phân biệt"; do tấm lòng của con đỏ gần giống như sự không phân biệt bởi đã hết sạch nhân dục, thiên lý lưu hành. Ông bèn chấp trước, đem so sánh "cái tâm của con đỏ" với chân như bổn tánh, há có đáng gọi là "kẻ khéo dạy người khác nhập đạo" ư?

Người ta nêu cái quạt để ví mặt trăng, mượn sự lay động của cây cối để giải thích về gió, ông liền tìm ánh sáng nơi quạt, tìm sự phất phơ nơi cây, tức là hoàn toàn chẳng biết pháp phương tiện để dạy người. Dẫu nói cho thật hữu lý thì vẫn chẳng phải là pháp để làm lợi kẻ sơ tâm. Huống chi nhà Nho trọn chẳng biết đến chân như Phật tánh. Chẳng nêu bày ở chỗ ấy thì chẳng có cách nào nhập đạo được đâu!

2. Nhà Nho ăn nói phải dựa theo những điều vốn được Nho giáo đề cao. Nếu nói đến Phật tâm chính là xiển dương Phật pháp. Cố nhiên những kẻ ấy do học Phật mà có sở đắc, nhưng lời lẽ vẫn y theo khuôn mẫu của Nho gia. Chẳng qua là ý nghĩa gần gũi với nhà Phật, ông có biết hay chăng?

3. Sách của Vương Dương Minh, thoạt đầu tôi chưa xem qua. Bốn năm trước, do thỉnh một bộ Dương Minh Toàn Tập, giở xem đại lược, rảnh đâu để học theo ông ta. Năm trước, do tôi muốn ẩn dật tại Hương Cảng nên bèn gởi bộ sách ấy về tặng thư viện huyện Cáp Dương.

4. Trong thời buổi này, ông luôn niệm niệm mong thành danh để lập từ đường, coi đó là chuyện để rạng mặt nở mày cha mẹ. Chí ấy ô trược, hèn tệ, đã gây nhục cho bà nội kế là lão thái quân Sài nơi chín suối. Huống chi nếu thật sự có thể thỏa mãn mục đích của lão thái phu nhân Sài thì sợ rằng sẽ khiến cho ông bà nội và cha mẹ ông đều cùng đọa xuống tầng chót trong địa ngục A-tỳ. Buồn thay!

5. Viên Tử Tài là gã cuồng, thoạt đầu chẳng hề tin Phật, nếu tin Phật sao lại báng Phật? Đến tuổi già do từng trải sâu hơn, biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên các chuyện cảm ứng đều ghi chép lại, nhưng trọn chưa từng thân cận tri thức và đọc nhiều kinh luận Đại thừa nên những gì ông ta nói phần nhiều đều chẳng đúng pháp. Chẳng hạn như ông ta biện bác "giới luật chẳng cho tổn thương đến một cọng cỏ nên chẳng thể ăn chay, bởi lẽ ăn rau là sát sanh". Lời lẽ ấy đều là những lời lẽ cong vạy, hư vọng, nhằm ngăn cản người khác ăn chay, khuyên người ta ăn thịt. Sao không nói: "Ta cũng có thịt, xin hãy ăn thịt ta trước." Dẫu có giết ông ta, ông ta cũng chẳng chịu thốt lời ấy! Coi ăn rau là sát sanh cũng là tà thuyết giống như "khuyên ăn thịt" vậy, chẳng cần công kích mà tự bị phá.

Con người sống trong thế gian ai có thể chẳng hít thở? Coi hít thở gây tổn hại cho những loài trùng tí xíu là ăn thịt, sát sanh, nhưng lại khuyên người ta hằng

ngày giết những con vật lớn để ăn thịt. Loại tà thuyết ấy giống như kẻ ngu thấy người khác dùng phân để bón cho đất màu mỡ thì các loại hạt ngũ cốc mập chắc, rau cỏ tươi non, mập mạp, sởn sơ, thơm ngon, bèn bảo: "Phân là vật tốt nhất. Hãy nên chuyên ăn thứ này thì càng được tốt đẹp chẳng khác gì!" Người đời phần nhiều cậy vào thứ tà thuyết chẳng dựa theo đạo lý ấy để cản người khác ăn chay, khen ngợi kẻ sát sanh. Năm xưa có người đem chuyện này hỏi, tôi liền dùng một thí dụ để đáp lời. Chúng ta sống trong vòng trời đất, ai có thể không hít thở? Do hít thở gây tổn thương những sanh vật nhỏ bé liền nói "ăn chay không hợp lý", ấy chính là cái tâm xấu hèn của gã tiểu nhân ngăn trở người khác làm lành vậy.

Ví như có kẻ sanh trưởng trong nhà xí, thường nghĩ thức ăn trong nhà xí quả thật là cao sang nhất, ngon lành nhất. Nhưng ở chỗ ấy có vị trưởng giả giàu có lớn, hắn ta sợ vị trưởng giả đó chưa từng được hưởng qua những vị ngon lành ấy, do vậy đưa thư mời trưởng giả vào nhà xí dự tiệc. Vị trưởng giả kinh ngạc, mắng: "Ngươi đúng là kẻ chẳng biết hổ thẹn, toàn thân ngươi nằm trong hầm phân, hằng ngày lấy phân làm cơm áo, sao dám mời ta đến chỗ ngươi ở?" Kẻ ở trong hầm phân nghe vậy, nổi giận đùng đùng, chửi bới: "Đồ hầm cầu nhà ngươi sao dám chửi ta hằng ngày ăn phân nhơ? Trong bụng ngươi đầy ắp phân tiểu. Kè kè cái thùng đựng phân ấy mà còn muốn nói thanh tịnh! Muỗi, ve, chấy, rận xả phân vãi tiểu trên đầu ngươi, thân ngươi. Ngươi hoàn toàn là một cái hầm phân, sao dám chửi người khác? Hơn nữa, gạo nước ngươi ăn vào đó đều đã có trùng thải phân vãi tiểu lẫn trong ấy, chẳng phải ngươi đã ăn phân, uống nước tiểu ư? Sao dám chửi ta là ăn phân, uống nước tiểu?"

Vị trưởng giả ấy tuy khiết tịnh, nhưng những lời trách mắng của kẻ trong hầm phân đều chẳng tránh khỏi, vậy thì cứ theo đúng những gì mình có thể làm được mà nói đến chuyện khiết tịnh, hay là sẽ vâng theo lời kẻ sống trong hầm phân đến chỗ hắn dự tiệc ư? Đã chỉ nên dựa theo những gì mình có thể làm được để làm, sao lại đem chuyện không làm được để trách móc người khác ư? Cứ muốn buộc người khác ăn thịt, sao chẳng mời người khác ăn thịt mình? Lời nói này cũng có thể làm tấm gương sáng cho những kẻ tà kiến vậy. Ông đã soạn cuốn sách Khuyến Tu Hành Giới Sát Ngật Tố Văn (văn khuyên tu hành kiêng giết ăn chay); trong tương lai khi tái bản sách ấy, hãy nên đem ý này thêm vào để chỉ bày cho kẻ thiếu tri kiến trong thiên hạ đời sau.

6. Ông lập ra thuyết ấy khá hữu lý, nhưng ông đả phá Dương Minh, mà ở chỗ ấy ý ông và Dương Minh đâu có khác gì? *"Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi"*

(Lòng người nguy hiểm khó lường, đạo tâm nhỏ nhiệm[513]), nói suông thì dễ, thực hành khó lắm! Ông Ôn Quang Hy đừng mơ phát tài làm quan, nếu Ôn Quang Hy phát tài làm quan, quyết chẳng thể vượt trỗi hạng tầm thường, lập công nghiệp lớn lao được. Do ông còn chưa được phú quý, ở đậu tạm thời trong nhà họ Kê, mà trước hết đã không giữ được nổi cái tâm không ham muốn sự giàu sang của người ta thì sau này làm sao giữ được?

7. Coi lời thành thật từ kim khẩu của đức Phật là ngụ ngôn, đấy chính là tà kiến, báng Phật, báng pháp, làm sao nói nhân quả để cảm hóa người khác cho được? Phụ nữ nhà giàu có ở Trùng Khánh muốn làm gái làng chơi, cũng là do đã coi mối quan hệ vợ chồng do thánh nhân chế định như sự đặt bày trống rỗng. Trong ý họ há cũng có lý "vợ chồng nhất định chẳng được hỗn tạp" ư?

8. Các nhà khoa học nói như thế cũng phải là không có lý do, nhưng họ chẳng biết tới nghĩa "duy tâm sở cảm, duy tâm sở hiện". Vì thế trở thành tà thuyết dối dân, hủy báng Phật pháp, ngăn trở người khác tấn tu.

9. Ông nói như vậy thì tâm can của ông đã hoàn toàn lộ rõ hết ra, như vậy thì ông nói học đạo nhưng đâu phải là học đạo, mà chính là học nghề đấy chứ!

10. Cảm Ứng Thiên vốn xuất phát từ sách Bão Phác Tử, nhưng lời lẽ trong sách ấy (tức Cảm Ứng Thiên) có ích cho cõi đời, nên được tôn là "Thái Thượng quân tử" (bậc quân tử cao quý nhất), chứ không coi là lời lẽ vớ vẩn của con người. Có mấy ai biết được năm ngàn chữ? Người tầm thường hiểu biết năm ngàn chữ ấy sẽ không bằng một người tầm thường biết tới Cảm Ứng Thiên, do đã đạt được lợi ích thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia rất nhiều. Ông bàn luận "có nên đưa Cảm Ứng Thiên vào chánh sử hay không nên đưa vào", còn tôi chỉ quan tâm ở chỗ sách ấy có ích cho thân ta lẫn nước ta mà thôi!

11. Hai pháp định tuệ được bao quát trong việc học Phật đạo, nếu chỉ hiểu là một chữ tĩnh sẽ nhỏ nhoi lắm! Trần Bạch Sa, Chu Hối Am[514] cho là "rớt vào chỗ trống rỗng, mờ mịt" là vì họ tưởng "ngoan không" (trống không rỗng tuếch) chính

---

[513] Đây là một câu nói trích từ thiên Đại Vũ Mô, sách Thượng Thư. Câu này dịch theo cách giải thích của Hán Tự Thành Ngữ Từ Điển.

[514] Trần Bạch Sa (1428-1500) tên thật là Hiến Chương, tự Công Phủ, hiệu Thật Trai, do từng sống ở thôn Bạch Sa nên được gọi là tiên sinh Bạch Sa. Ông Trần chịu ảnh hưởng sâu đậm của Lý học, từng theo học với học giả Ngô Dữ Bật. Ông ta học rộng, có tài văn chương, rất được các danh nhân đương thời tán thưởng, nhưng suốt đời nghèo hèn, thường nói: "Có hai khoảnh ruộng để cày cấy là đủ rồi!" Ông ta đề xướng đường lối để thấu hiểu đạo Nho là "lấy tĩnh làm chủ, ngồi yên lắng lòng, trong sự yên tĩnh, dưỡng thần sẽ thấy được đầu mối". Những kẻ theo đường lối ấy được gọi là Giang Môn Học Phái.

Chu Hối Am chính là Chu Hy, tức một trong những người sáng lập Lý học.

là tĩnh của nhà Phật. Nếu không phải là ma mãnh cố ý hủy báng thì họ chẳng biết gì về ý nghĩa chân tĩnh trong nhà Phật cả. Chuyện "kính" chính là cửa ngõ để nhập đạo. Nếu lý luận một cách trái lẽ sẽ thành trái nghịch đạo trời, là đại bất kính. Những vị tiên sinh bên Lý học chú trọng vào "tiểu kính" (sự cung kính nhỏ nhặt, vụn vặt) nhưng đều phạm đại bất kính. Do những lời lẽ họ bàn luận về lý tột cùng của tâm tánh đều là trái trời nghịch lý, cho nên gọi họ là "họ phạm đại bất kính". Ông nên biết như vậy.

12. Chu tử (Chu Hy) dạy người khác đừng tụng kinh tức là báng Phật pháp, còn tôi dạy người khác đừng tụng kinh là vì thận trọng nơi chuyện ấy. Do ân cha mẹ sâu nặng, hãy nên nghiêm túc thỉnh tăng sĩ có đạo tâm niệm Phật, chớ nên thỉnh những ông tăng chuyên làm kinh sám đến tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục chỉ nhằm phô trương, hoa mỹ trống rỗng. Sao ông chẳng đọc những đoạn văn trên và dưới câu ấy, lại cắt lấy một câu ở chính giữa rồi luận đúng sai xằng bậy! Do vậy tôi biết ông tâm bộp chộp, tánh tình hời hợt, mọi chuyện đều cẩu thả. Từ nay ông đừng gởi thư đến nữa, gởi đến sẽ không trả lời. Nếu trả lời thì không có tinh thần ấy, ông có biết hay chăng? Nguyện vợ chồng con cái ông siêng năng niệm Phật, xin hãy sáng suốt soi xét.

501. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ ba)

Lá thư ông tự thố lộ mình đã khởi dâm niệm ở Trùng Khánh Điện Ảnh Viện tôi đã nhận được rồi. Tình niệm của con người như nước, lễ pháp như đê. "Nam nữ thọ thọ bất thân"[515], chính là thánh nhân đã ngừa trước chuyện "do trao nhận đồ vật mà đụng chạm, chắc sẽ khởi lên ý niệm không trong sạch". Muốn nắm tay thì khi chưa nắm đã có chín phần dâm niệm rồi. Những nữ nhân khiêu vũ ấy mặc áo mỏng như the, như lượt, nam nữ ôm nhau mười mấy phút, tới lần thứ ba thì đèn vặn mờ đi gần như chẳng thấy được ai. Tình hình ấy hoàn toàn là hành vi cầm thú, nhưng khắp các ấp lớn đều ồ ạt dựng cờ gióng trống mở trường dạy khiêu vũ, chánh phủ và các nhà giáo dục đều chẳng hỏi tới. Thế đạo nhân tâm còn mong chi tốt lành được nữa? Hãy nên nỗ lực đoạn trừ những thứ tình niệm chẳng đúng pháp ấy, như người xưa đã nói: "Khử một phần tập khí nhơ bẩn, được một phần lợi ích."

[515] Đây là một câu nói trích từ thiên Ly Lâu sách Mạnh Tử: *"Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ dã"* (男女授受不親, 禮也). Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải: Chữ thọ (授) là trao, còn thọ (受) là nhận, thời xưa nam nữ trao đồ vật cho nhau chẳng thể đưa tay đụng chạm. Câu này hiểu theo nghĩa rộng là nam nữ chẳng thể tùy tiện đụng chạm nhau, chỉ trừ những trường hợp bất khả kháng như cứu người chết đuối, đỡ người bị ngã v.v..

Niệm Phật mà thấy các cảnh tượng thì đối với cảnh ác chớ nên sợ hãi, chỉ nhiếp tâm chánh niệm, cảnh ấy liền tiêu. Với thiện cảnh chớ nên hoan hỷ, chỉ nhiếp tâm chánh niệm, ắt sẽ có sở đắc, tức là nghiệp tiêu, trí rạng. Nhưng sở đắc có cạn, có sâu, chớ nên sanh ý tưởng thỏa mãn, cho là đã đầy đủ rồi, không tu tập nữa. Nhiếp tâm chánh niệm thì thiện cảnh càng rõ rệt hơn hoặc liền biến mất, đừng quan tâm đến nó. Chỉ cốt sao niệm chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa niệm là được rồi. Thấy thiện cảnh tâm địa thanh lương, trọn chẳng có tâm vọng động, bộp chộp, chấp trước, cũng chẳng đoan chắc là đã nhập định. Biết rõ đấy chỉ là duy tâm sở hiện, chẳng phải là đối cảnh vô tâm.

"Chẳng nhờ đến phương tiện mà tâm tự được mở mang" nghĩa là niệm như con nhớ mẹ, đấy chính là phương tiện tối thượng, chẳng phải nhờ cậy vào các phương tiện khác. Ông hiểu lầm "không chấp trước" là "quét sạch" nên mới có nhận định tương phản với pháp được tạo lập ấy. "Như con nhớ mẹ" sao lại bảo là "quét sạch"? Nếu thánh cảnh hiện, biết cảnh ấy chỉ là duy tâm, hễ chấp trước thì không phải là duy tâm. Do kẻ sơ tâm hễ thấy thánh cảnh, phần nhiều chẳng biết là duy tâm, nên sanh lòng chấp trước. Hễ chấp trước thì nếu không phải là hạng "được chút ít đã cho là đủ" thì cũng là "bị ma dựa phát cuồng". Do đó kinh dạy: "Nếu tâm chẳng cho đó là thánh cảnh, bảo là mình đã chứng thì gọi là cảnh giới tốt lành. Nếu tưởng là thánh cảnh, liền bị vướng trong lũ ma, bị ma dựa phát cuồng."

Ông là một gã si dại chẳng hiểu chuyện, há nên đem chuyện dụng công lúc thường ngày để sánh ví với sự đau xót, khẩn thiết dốc sức khi lâm chung lúc tướng địa ngục hiện. Như đứa con hiếu lúc bình thường nghĩ đến cha mẹ, tuy cực khẩn thiết, trọn chẳng thể buồn rầu, đau đớn bằng khi cha mẹ đã chết, chẳng màng đến thân mạng của chính mình nữa. Ông hãy nên dựa theo sự tướng, chí thành khẩn thiết để tu. Nếu nói lý mà tâm thật sự chẳng thông thì đã vừa vô ích mà còn tự bị tổn hại. Hễ cảnh hiện, bèn khám nghiệm, ông bảo đấy là phân biệt, nhưng ông đã thấy được cảnh thì khám nghiệm nó đâu có trở ngại gì? Người khám nghiệm chẳng khởi lên một phương pháp nào khác, vẫn là nhiếp tâm nơi Phật, chẳng cho niệm thứ hai khởi lên.

Do ông chẳng biết cách khám nghiệm, tưởng rằng có cách khám nghiệm khác, nên ngược ngạo biến thành phân biệt. Người niệm Phật trọn chẳng phải là kẻ lơ mơ, không phân biệt, hiểu biết. Như gương soi vật, vật đến liền hiện bóng, vật đi sẽ không còn hình bóng nữa. Lời ông nói đều là chưa bị ma dựa lại muốn bị ma dựa, chứ đâu phải là nói về cách ngăn ngừa cho khỏi bị ma dựa. Do ông dùng cái tâm bộp chộp, vọng động gấp gáp muốn đạt được cảnh ấy nên đâm ra trở thành

chướng ngại. Đang trong đại kiếp này, há nên chẳng chí tâm niệm Phật mà cứ vọng tưởng tơi bời, luận nói những lời suông rỗng ư? Sự nguy hiểm trong Mật tông quả thật chẳng có bút mực nào có thể diễn tả được. Xin hãy giữ chết cứng Tịnh độ để tu trì, nhường cho kẻ khác tu các pháp khác đều thành Phật. Xin hãy sáng suốt suy xét!

502. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tư)

Hôm mồng 2 tôi gởi sang Trùng Khánh một lá thư, chắc ông đã nhận được rồi. Phàm là người tu hành chỉ nên lắng lòng tịnh niệm, chớ nên dấy lên những mong mỏi vượt phận. Ngay như chuyện nhắm mắt thấy ánh sáng trắng, tâm chẳng nghĩ là có sở đắc, cố nhiên sẽ là dấu hiệu tốt lành. Nếu cho là đã đắc, thì nhẹ là lui sụt, lười nhác, mà nặng là phát cuồng. Người bệnh nhất tâm niệm Phật đợi chết, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Nếu tuổi thọ đã hết, chắc chắn được vãng sanh. Nếu lúc đang bệnh tật, mong chóng được lành, trọn chẳng có ý niệm cầu vãng sanh thì nếu tuổi thọ chưa hết, do cầu gấp được lành bệnh, sẽ chẳng chịu nhất tâm niệm Phật. Tuy niệm Phật, nhưng vọng niệm "cầu được lành bệnh" quá nặng, đâm ra chẳng tương ứng với Phật, quyết khó thể mau chóng lành bệnh được. Nếu tuổi thọ đã hết, do tâm cầu lành bệnh thiết tha, chắc chắn chẳng có chuyện vãng sanh, sẽ trở thành cầu đọa trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn chẳng thoát lìa vậy.

Người đời nay đa số khởi vọng tưởng vượt phận, mong được thần thông bèn học Mật tông (những người tu Mật tông chân thật không thuộc trong số này), như gã ma Phó X… chết ở Bắc Bình, các đệ tử của gã Y… có kẻ muốn phát tài lớn đâm ra bị hao hụt một hai trăm vạn. Có kẻ muốn được quyền lợi đâm ra mấy chục người bị nhốt trong lao ngục. Có kẻ muốn được thành Phật ngay tức khắc, đâm ra bị ma dựa phát cuồng. Gã A… nọ tôn lạt-ma B… làm thầy; vị thầy ấy có thần thông biết được quá khứ, vị lai. Gạn hỏi đến chuyện độc lập, thì liền mất mạng ngay trong hôm độc lập. Lạt-ma B… và thần thông của ông C… khiến cho nhiều đệ tử hết sức sùng phụng họ bị liên lụy, đủ biết thầy lẫn đệ tử đều chẳng giữ yên bổn phận. Không có thần thông, há nên mạo xưng thần thông! Học Phật pháp, há nên mù quáng quấy rối, mưu toan phát tài lớn lao, được quyền hành lớn lao ư? Nhân địa chẳng thật, sẽ chuốc lấy cái quả cong vẹo. Ông hãy nên giữ phận, mặc kệ cho người ta đều thành Phật. Dẫu cho ông chẳng đạt được điều gì lớn lao, nhưng đã có nhiều vị Phật như thế đấy thì họ sẽ chẳng thể nào không độ ông.

503. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ năm)

Nhận được cuốn sách Trúc Hư của lệnh nội[516] ở Thành Đô, biết rõ bà ta mang tâm lợi sanh sâu đậm, khôn ngăn cảm kích, khâm phục. Nhưng nói "Ấn Quang quả thật có thể lấy tri kiến của Phật làm tri kiến của chính mình" thì Quang là hạng người nào mà dám nhận sự khen ngợi quá lố như thế? Chẳng qua lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, nói ra những điều tôi thấy được mà thôi. Dẫu thích đáng hay không thích đáng, cứ mặc cho người đọc phán đoán mà thôi, Quang quyết chẳng suy tính đến điều ấy.

Từ xưa, chư tổ hoằng pháp đều dựa theo thời tiết, căn cơ để hướng dẫn cho hàng hậu học đạt được lợi ích, chớ nên bảo các ngài thiên chấp. Phải thấu hiểu nỗi khổ tâm của các ngài trong thời buổi ấy. "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà", lời ấy vốn không có khuyết điểm gì! Khuyết điểm là do người học chẳng hiểu ý nghĩa trọn vẹn, cứ chấp chết cứng vào một bên, bèn giống như gã thấy biết hẹp hòi, lệch lạc, chấp trước. Kẻ chưa chứng đắc trong nhà Thiền chỉ chấp vào "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà", nói Tịnh độ lẫn Di-đà đều chẳng phải là thật có. Hạng người ấy vốn chẳng hiểu Thiền, huống hồ Tịnh độ?

"Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà" như các vị cổ đức Tịnh độ đã nói, chính là nói "Tây Phương Tịnh độ chẳng ra ngoài duy tâm, A-di-đà Phật chẳng rời ngoài tự tánh." Tánh tướng, lý sự, nhân quả đều được phô bày trọn vẹn trong ấy. Các hạ mắc bệnh thiên chấp, chẳng thể nhiếp trọn khắp được. Nếu bảo là người học do độn căn nên khó thể lãnh hội thì được, chứ nếu bảo lời ấy của cổ đức có khuyết điểm thì không được.

"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi" và "sanh thì thật sự chẳng sanh, đi thì quyết định đi", đều là những lời khuôn phép nêu tỏ cả sự lẫn lý, cần gì phải suy lường quá lố? Chẳng qua là vì con người hiện thời phần nhiều đối với sự lẫn lý đều chưa hiểu trọn, chẳng thà cứ dựa theo sự mà nói, chứ chẳng nên dựa theo lý để nói, ngõ hầu họ khỏi bị hiểu lầm đến nỗi trở thành rộng rãi, khoáng đạt suông. Quang hổ thẹn đến cùng cực, đối với lý tánh tôi cũng chưa hiểu rõ lắm. Nếu bắt chước con két học nói tiếng người thì cũng chẳng phải là hoàn toàn không thể nói được, chỉ có điều chẳng dám nhận mình là bậc thông gia! Nếu ai chẳng chê Quang chưa thông suốt thì chẳng ngại gì đem sự không thông suốt của mình thưa với họ. Do vậy, tôi chẳng chủ trương nói tới lý tánh và những điều huyền diệu.

Các hạ tuổi trẻ nhập đạo, học thức uyên bác, tâm lợi sanh tha thiết, nhưng do chưa thấu hiểu sâu xa đạo "tùy theo căn cơ mà ban bố giáo pháp, do thời mà chế

[516] Danh xưng tỏ vẻ tôn kính vợ của người khác.

định những điều nên làm", đến nỗi chê cổ đức sai lầm. Đấy cũng là dấu hiệu chỉ rõ ông hàm dưỡng chưa đến nơi đến chốn. Đối với hạnh nguyện của Phật, Bồ-tát thì "một nhiếp hết thảy". Người đời sau khi nêu tỏ ai nấy đều tùy theo sự thấy biết của chính mình, lẽ đâu dựa vào đó để chê cổ đức kém cỏi! Nếu chấp vào nghĩa ấy để hành, dẫu cho đức Bổn sư Thích-ca, Di-đà Thế Tôn cũng khó thoát nạn được.

Quang bế quan trước, quả thật là vì sợ gây lầm lẫn cho người khác, chứ chẳng phải là muốn tự lợi. Xin hãy tâm bình khí hòa, chân thật thực hành thì sẽ có thể làm bậc đạo sư cho cõi đời lúc này. Nếu không, sợ rằng Ôn Quang Hy đúng hay sai tuy khác với Vương Canh Tâm, nhưng Ôn Quang Hy tự phụ chẳng khác gì Vương Canh Tâm vậy. Do các hạ là người tu đạo, Quang cũng là người tu đạo nên nói thẳng thừng chẳng úp mở gì!

504. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ sáu)

Đọc những gì ông nói, biết rõ ông tuy đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục mà vẫn y như cũ, chẳng chú ý tới chỗ khác biệt giữa Thiền và Tịnh. Nếu ông tin tưởng tới nơi tới chốn lời giải thích về giới hạn giữa Thiền và Tịnh, cần gì phải đi qua bảy tỉnh để cầu người quyết trạch[517] nữa ư? *"Triệu Châu bát thập do hành cước"* (Triệu Châu tám mươi tuổi vẫn hành cước[518]) là chuyện "quyết trạch kiến địa" trong nhà Thiền. Người niệm Phật chỉ nương theo ba kinh Tịnh độ do đức Phật đã dạy, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, cho nên chẳng cần phải lần lượt tìm người khai thị.

Cổ nhân lập ngôn, mỗi vị đều có hạnh riêng, do ứng với căn cơ bất đồng nên nói ra những lời bất đồng. Hãy nên tự lượng chính mình thuộc tư cách nào thì mới chẳng hiểu sai ý nghĩa thật sự của những lời cổ nhân đã nói ra nhằm tương ứng với từng căn cơ. Người đời nay trọn chẳng có duyên tu đạo như cổ nhân, thể lực của chính mình yếu đuối, tâm lượng hẹp hòi nhỏ nhen, hoặc lại cuồng ngạo trái nghịch; muốn kiếm được người hiểu biết, có đủ nhãn quan như cổ nhân thì trong ngàn vạn kẻ, khó kiếm được một hai!

Có được pháp môn "cậy vào Phật lực để liễu sanh tử" này mà vẫn cứ coi rẻ, toan hướng đến bậc tri thức thuộc những pháp môn cậy vào tự lực để tìm tòi

---

[517] Quyết trạch (nairvedhika), gọi đủ là "quyết đoán giản trạch", tức là dùng vô lậu thánh trí để giải quyết dứt khoát các mối nghi, phân biệt chọn lựa pháp thích đáng. Về sau, quyết trạch được dùng như một từ ngữ diễn tả sự chọn lựa, phân định một giáo nghĩa là chánh hay tà, giải trừ mối nghi, chọn lựa đường lối tu hành thích hợp.

[518] Hành cước, còn gọi là du phương, du hành, nghĩa là vị tăng không có nơi ở nhất định, nhằm tham phỏng các vị danh sư mà đi khắp bốn phương.

đường tắt liễu sanh tử thì đã là chẳng biết lợi hại. Huống hồ lỡ gặp phải các bậc đại quyền thị hiện những hạnh chẳng hợp với đạo ư? Nếu ông chết được si tâm vọng tưởng, chắc chắn sẽ có thể vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu chưa tu mà đã muốn thấy được cảnh tốt đẹp ngay, chắc chắn mai sau sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng đấy! Ví như mài gương, chất dơ mất đi, ánh sáng còn lại; lúc bụi nhơ chưa trừ sạch hết, làm sao có tướng tốt lành hiện ra cho được?

Ông nói "hiện thời chưa thể nhất tâm, khi lâm chung sẽ khó thể đắc lực", cũng là bàn luận theo kiểu chỉ biết nhặt nhạnh những lời cổ nhân đã nói, chứ chẳng tự lượng theo những gì chính mình làm được. Ông vừa mới phát tâm, chỉ mong không có hết thảy những tạp niệm vô vị đã là rất khó khăn rồi. Sao lại muốn ngay trong khi ấy sẽ thấy được những tướng tốt đẹp vậy? Ví như muốn cho trẻ gái mới vừa sanh ra liền đẻ được con, có lẽ ấy hay chăng? Nếu ông là hạng đại căn tánh túc căn đã chín muồi thì cố nhiên chẳng khó khăn cho lắm. Nếu không, do gấp gáp mong cầu sẽ phát cuồng, vĩnh viễn cắt đứt thiện căn.

Muốn báo ân bà nội là lão thái phu nhân Sài và ân cha mẹ, nhưng chẳng chú ý nơi một pháp niệm Phật, há chẳng phải là bỏ đại lợi ích để cầu tiểu lợi ích ư? Pháp niệm Phật trọng tại lòng từ của đức Phật gia bị, dẫu là hạng phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp vẫn có thể nương theo Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh; hết thảy những pháp khác trọn chẳng có nghĩa này!

Ông nói năm sáu năm qua, từ sau khi ra trường, mắc bệnh xương khớp rã rời, gần như đã chết một nửa người. Có phải vì trong thuở còn đi học ấy bạn bè đàn đúm tụ họp, cùng nhau đọc tiểu thuyết[519] đến nỗi chân tinh mất mát, thủ dâm liên tục, do vậy mới có hiện tượng ấy hay chăng? Đấy chính là căn bệnh chung của lũ học sinh trong hiện tại, trong mười đứa có đến tám chín đứa vướng phải. Do cha mẹ, thầy, bạn đều chẳng chịu nhắc đến, nên kẻ bị bệnh ngày thấy càng nhiều, chẳng thể ngăn dứt được. Do chuyện này, Quang liền cho in tám trăm cuốn Thọ Khang Bảo Giám. Hễ kẻ trẻ tuổi gặp Quang, Quang đều nói rõ lẽ lợi hại với họ, bảo họ giữ gìn thân thể đừng phạm. Dù là thủ dâm hay tà dâm đều phải nghiêm túc kiêng dè, đừng phạm; ngay như vợ chồng ăn nằm với nhau cũng phải có chừng mực, cũng như biết kiêng kỵ để khỏi đến nỗi bị mất mạng oan uổng. Nếu không, người cực tốt cũng vẫn có thể chết vì chuyện này. Xúm nhau đổ thừa cho số mạng, chẳng biết tự mình đã nộp mạng.

Ông còn rất trẻ mà đã bị bệnh, hãy nên thường đọc sách ấy, cũng như bảo Đức Chánh thường đọc. Đôi bên răn nhắc lẫn nhau, ngõ hầu những đứa con đã sanh

[519] Chữ "tiểu thuyết" ở đây nhằm chỉ những thứ tiểu thuyết bị coi là "dâm thư" do khơi gợi tình yêu trai gái suồng sã như Tây Sương Ký, Kim Bình Mai, Hồng Lâu Mộng v.v..

như Quân Tốn v.v. đều được mũm mĩm, trưởng thành, tánh tình hiền thiện, vợ chồng ông sống hạnh phúc đến già, cùng sanh Tây Phương.

Nói tới chuyện làm quan lớn hay làm giáo viên có chức vụ cao, mà nếu có thể thay đổi phong tục, dẫn dắt dân hướng đến chỗ nhân từ, sống lâu theo đúng lẽ thánh hiền, cố nhiên là điều vinh hạnh. Chứ nếu chỉ có thể giúp cho những chuyện phế kinh điển, phế hiếu, phế luân thường v.v. thì địa vị càng lớn, tội nghiệp càng sâu, nhục nhã khôn cùng! Nếu ông vẫn coi chuyện bị kẻ khác đối xử lạnh nhạt là khổ thì ông sẽ trở thành một kẻ chẳng biết tốt xấu.

Ông muốn mưu tính [có được địa vị quan lớn hay một chức vụ lớn trong ngành giáo dục] là để cầu danh hay là để hành đạo vậy? Nếu để hành đạo thì hãy nên mưu tính, chứ để cầu danh thì đừng nên mưu toan. Do ông còn có cơm ăn, tổ phụ (ông nội) của ông là Hưng Toàn Công âm đức chẳng ít; há có nên vì cái danh suông ấy mà chịu quỵ lụy kẻ khác, dẫu chẳng muốn gây nghiệp, há có được chăng? Ông hãy nên bỏ cái tâm ấy đi để sau này khỏi phải hối hận "cắn rốn không kịp"[520]. May là Đức Chánh hiền huệ, hãy nên bảo cô ta đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Khuê Phạm, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, để trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, mà con cái sanh ra sẽ đều thành hiền nhân, thiện nhân, may mắn chi hơn?

Gia cảnh ông khá dư dả, hãy nên in Lịch Sử Thống Kỷ bao nhiêu đó bộ để tặng cho đất Xuyên (Tứ Xuyên), ngõ hầu những tay hào kiệt dấy lên sau này đều biết "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi cũng là nhiệm vụ trọng yếu khiến cho đời yên dân lành". Nếu muốn in, hãy tiếp xúc với ông X… Mấy chục năm qua, Quang gởi cho Tứ Xuyên các thứ sách thật nhiều, một là vì đất Xuyên quá xa, cũng như do thầy tôi xuất gia tại núi Nga Mi.

"Tinh tinh" nghĩa là "tỉnh ngộ, hiểu rõ", ông dùng chữ ấy sao được? Ăn nói vẫn là lời lẽ hồ đồ, lại tự xưng là "chừng mực, tinh tinh đến cùng cực". Dùng chữ hãy nên lưu tâm! Nói chung, ông đã quy y Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn phải thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người, sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật, đáng gọi "chẳng khiến đấng sanh ra ta phải hổ thẹn". Nguyện ông và Đức Chánh đều cùng cố gắng thì may mắn lắm thay!

505. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ bảy)

[520] Nguyên văn "phệ tễ bất cập" vốn là một thành ngữ ngụ ý: Giống như con thú tự mình cắn rốn lôi ruột ra, có hối hận cũng đã muộn rồi.

Tánh tình ông đúng là hệt như trẻ nít, lần trước tôi đã gởi cho ông một bức thư dài vì sợ ông ham danh sẽ gia nhập quân đội hay tham dự chánh trường. Trong lá thư ấy đã cực lực bày tỏ lẽ lợi hại, sao không lấy những lời bàn luận ấy để định hướng cho tương lai? Ông lại hận vì tôi bế quan nên chẳng thể chỉ dạy trọn khắp, lại than "mờ mịt không chỗ nương theo". Nếu ông nghe lời tôi, sao lại "mờ mịt không chỗ nương theo" cho được? Ông không nghe lời tôi thì sẽ mờ mịt không chỗ nương theo cho đến tận sau khi đã nhắm mắt.

Gia cảnh ông may mắn không thiếu hụt, lẽ ra hãy nên trong lúc này càng thêm gắng sức tu trì nhằm mong khỏi bị mắc họa, lại cứ muốn đâm đầu vào hang họa để được cái hư danh chẳng đáng một tiếng than ư? Chẳng tính tới cái họa cùng cực là "đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn đọa trong ác đạo", bệnh cuồng của ông có thể nói là cực cuồng!

Gia Ngôn Lục, Văn Sao chẳng phải là khai thị ư? Những sách trước kia và những cuốn sách rút gọn v.v. chẳng phải là khai thị ư? Nếu như ý ông, dẫu có bao nhiêu sách vở đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở tới chắc cũng chẳng vừa ý ông. Ông thật đúng là kẻ đáng thương! Xin hãy nhất tâm trì chú Đại Bi và danh hiệu Quán Âm để khỏi mắc phải các họa hoạn.

Gần đây ở đất Tô có mấy vị thiện nhân dạy người khác niệm Ma-lợi-chi Thiên Chú để bảo vệ chính mình lẫn gia đình, cầu thái bình. Họ đã in mười vạn tờ, tặng cho mỗi gia đình ở nơi đây một tờ, tặng cho mỗi cơ quan từ thiện các nơi khác mỗi nơi chừng đó tờ, mong những nơi ấy sẽ phân phát giùm, lại còn in thêm nữa. Lời Bạt trong tờ chú ấy do Quang sửa chữa giùm cho họ, họ muốn Quang ký tên cho người khác trông thấy sẽ tin tưởng, vì thế tôi thuận theo ý họ mà ký vào.

Họ lại mời 20 người lành nhưng nghèo khổ thiếu cơm ăn đến hội từ thiện của họ để niệm chú ấy trong một trăm ngày, mỗi ngày cung cấp thức ăn và trả tiền tụng chú để họ có cái nuôi nấng gia đình. Việc này đáng gọi là một hành động trọn đủ nhiều điều tốt đẹp. Đang trong cơn đại kiếp mênh mông này, chẳng phát tâm lợi người lợi vật một phen thì khi ngọc lẫn đá đều cháy, há chẳng đành than suông khi xưa đã lỡ làng ư? Nay gởi cho ông ba tờ, xin hãy niệm kèm thêm, ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Trong thư, ông thường than bận rộn, bận rộn vì lẽ gì vậy? Thật sự là bận rộn bởi những chuyện vô vị! Từ xa mấy ngàn dặm đến đây gặp Quang chỉ vì nghe danh, để rồi gặp xong một bữa bèn chẳng chịu ở lại nữa. Những điều cực chánh yếu trong suốt một đời Quang và đời ông, Quang đã đều chỉ hết cho ông rồi. Ngoài những điều ông xin hỏi ra, tôi còn giải đáp thêm bằng một bức thư dài, nhưng ông vẫn như chưa hề thấy một chữ nào, mà cũng chẳng buồn nhắc tới. Lại

cứ thường than thở thiếu duyên, đúng là nực cười đến cùng cực! Nếu có thể chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, y theo lời tôi thì từ đây sẽ được vui sướng vô cùng. Nếu không, sẽ giống như gã câm nuốt phải hoàng liên[521], chịu đắng nhưng chẳng thể nói được. Xin hãy sáng suốt suy xét, đây là lời dặn dò cuối cùng của Quang!

506. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tám)

Ông vọng tưởng tơi bời mà vẫn gấp muốn được nhất tâm bất loạn, tâm ấy chính là cái gốc cho ma dựa. Vì thế Quang nói: "Pháp môn Tịnh độ trọng tại tín nguyện", nếu tín nguyện chân thật thiết tha, dẫu chưa đắc nhất tâm vẫn có thể vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dẫu đắc nhất tâm, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử! Vì thế chẳng khuyên ông miệt mài cầu nhất tâm. Do ông vọng tưởng tơi bời, hễ cầu nhất tâm, nhất định sẽ bị ma dựa. Ông chẳng xét hiểu ý Quang, bèn nghĩ là "mặc kệ, miễn sao thuận tiện thì thôi". Những kẻ đối với chuyện trước mắt bèn tùy tiện, chắc chắn chẳng phải là người tín nguyện chân thiết. Nếu tín nguyện chân thiết, quyết chẳng đến nỗi hờ hững, tùy tiện, để rồi đều chẳng được vãng sanh. Lý vốn chẳng chướng, do ông coi vô lý là hợp lý nên tự sanh chướng ngại thì còn oán trách ai?

Đại sĩ Quán Âm chính là cổ Phật quá khứ. Nhà khảo chứng tầm mắt nhỏ tí như hạt đậu nhưng cứ nói bừa đạo lý! Há ông chẳng từng đọc phẩm Phổ Môn trong quyển bảy kinh Pháp Hoa, chương Quán Âm Viên Thông trong quyển sáu kinh Lăng-nghiêm? Đọc hai kinh ấy sẽ bật cười trước những lời lẽ của bọn khảo chứng. Sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng không gì chẳng nói rõ, chỉ vì ông tâm khí thô phù, trọn chưa hề hiểu rõ ngữ khí và ý nghĩa của đoạn văn trước lẫn đoạn văn sau, nên mới mờ mịt, không biết theo hướng nào.

Ba cô con gái của vua Diệu Trang[522] là ngoa truyền. Kinh Cao Vương là ngụy kinh, tụng kinh này thì vẫn có công đức chẳng ít, do trong ấy có thật nhiều danh

---

[521] Hoàng liên (coptischinensis franch) vốn là một loại dược thảo, phần làm thuốc chính là phần củ (thân ngầm) vị rất đắng, được tin là có tác dụng giáng hỏa, tiêu độc, thường dùng để chữa các chứng bệnh tiêu chảy, ói mửa, đau răng, tai có mủ v.v..

[522] Dân gian Trung Hoa thường truyền tụng xưa kia tại Trung Hoa có vua Diệu Trang (nhưng không hề nói rõ vua Diệu Trang sống vào thời đại nào) có ba cô con gái. Hai người con đầu xa hoa, tham lam quyền thế, vật chất, tìm mọi cách lấy lòng cha, gièm xiểm người em út. Người con gái thứ ba tên là Diệu Thiện hâm mộ Phật pháp, nhạt mùi danh lợi, trốn hoàng cung đi tu, về sau chứng quả, trở thành Quán Thế Âm Bồ-tát. Thậm chí để giải thích hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn của đức Quán Âm, có nơi còn vẽ rắn thêm chân như sau: Do làm nhiều chuyện ác, đốt chùa, đuổi tăng, vua Diệu Trang bị đọa địa ngục. Để cứu cha, Diệu Thiện xuống địa ngục, quỷ sứ đòi chuộc mạng, Diệu Thiện phải cắt một cánh tay biếu cho quỷ sứ ăn. Khi trở về dương gian, do cảm mộ tấm lòng từ bi của Diệu Thiện và thấy ngài mất một cánh tay, dân

hiệu Phật, kinh này đã lưu truyền từ thời Lục Triều[523]. Người thật sự thông hiểu Phật pháp chẳng đề xướng, nhưng muốn cho tục nhân gieo thiện căn nên cũng chẳng ra sức ngăn trở.

Ông thật đáng gọi là kẻ cuồng bậc nhất, tâm vinh hoa trong cõi đời như sóng biển vỗ đập ào ào mà muốn ngay lập tức gió yên sóng lặng, lắng trong bất động. Tâm gấp muốn cầu được bất động chính là cái gốc của mọi sự đua nhau dấy động đấy! Lại như nồi đã sôi trào, cứ tận lực tăng thêm lửa mà mong cho nó chẳng trào sùng sục, há có được chăng? Quang nói với ông toàn là những chuyện "lặng gió, rút bớt củi", nhưng ông chẳng xét kỹ, vẫn cho là khuấy sóng, sôi trào thêm, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Ông hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ắt sẽ chẳng đến nỗi tự phụ bạc ông. Nếu không, đừng coi tôi là thầy, hãy bái vị cao minh nào khác làm thầy, Quang cũng chẳng hỏi đến ông nữa!

507. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ chín)

Lá thư dài đã nhận được. Do ông nói sẽ đi ngay, tôi tính gởi thư sang cho Đức Chánh ở Trùng Khánh, nên trả lời chậm trễ. Hôm qua nhận được thư ông, biết ông vẫn chưa trở về Tứ Xuyên, nên tôi nói đại lược. Sát kiếp hiện thời có thể nói là "từ xưa đến nay chưa hề có", đang trong lúc thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực này, làm dân đen cố nhiên là khổ, nhưng nỗi khổ của trưởng quan còn sâu đậm hơn trăm họ gấp hằng hà sa lần. Cha ông là Hoàn Quân Ông có tầm nhìn gần giống như ông, đều chưa thấy thấu suốt. Quân nhân hiện thời nói chung phải chú trọng thắng địch, từ sáng đến tối luôn suy nghĩ cách đánh thắng địch. Ông muốn đắc nhất tâm, thấy được hảo tướng ngay mà vẫn còn có thứ vọng tưởng ấy. May mà ông được Quang nói toạc ra, nếu không thì chắc chắn bị ma dựa!

Ước theo thân phận ông để luận, hãy nên giữ vững lòng chí thành cung kính, lễ niệm là được rồi, đừng miệt mài cầu tương ứng thì sẽ có ích, không bị tổn hại. Nếu không, sẽ nguy hiểm hơn vào vực sâu, bước trên băng mỏng đấy! Ông nói: "Làm sĩ quan thì người khác chẳng dám khinh khi." Hãy thử nghĩ xem quỷ có

---

chúng đã tự động dùng ngọc, đá, vàng, bạc làm thành cánh tay biếu tặng ngài. Do mạnh ai nấy phát tâm nên dân chúng đã đúc ra 999 cánh tay. Không thể phụ lòng tốt của người khác, Diệu Thiện phải tiếp nhận tất cả. Do vậy Bồ-tát có đến một ngàn cánh tay.

[523] Lục Triều có hai cách hiểu:

1. Sáu triều đại ở phương Nam tức Đông Ngô, Đông Tấn, Nam Tề, Lương, Trần đều đóng đô tại Kiến Khang Nam Kinh nên sử thường gọi là Nam Triều Lục Triều.

2. Sáu triều đại ở phương Bắc là Tào Ngụy, Tây Tấn, Bắc Ngụy, Bắc Tề, Tây Chu, Tùy đều ở phương Bắc nên sử gọi là Bắc Triều Lục Triều.

Dù hiểu theo cách nào thì kinh Cao Vương cũng xuất hiện trễ nhất vào thời Trần - Tùy, tức khoảng năm 581.

dám khinh ông hay chăng? Đã làm sĩ quan, há chẳng thể không chú trọng giết địch? Nếu giết cho đúng thì vẫn còn chưa đến nỗi bị trời phạt rành rành. Nếu không, sẽ như Bào Siêu[524] ở quý tỉnh, Quách Tử Mỹ ở Hồ Nam, chẳng đáng thương xót lắm ư? Đầu đời Tống, Tào Bân[525] làm nguyên soái, chẳng giết lầm một ai, nên con cháu mấy đời sang quý, vinh hiển. Tào Hàn là phó soái của Tào Bân, do Giang Châu đã lâu chưa chịu hàng bèn tàn sát cả thành. Không lâu sau, thân chết, con cháu tuyệt diệt, còn nhiều lần mang thân lợn (vào thời Vạn Lịch nhà Minh, ông ta từng báo mộng cho Lưu Ngọc Thụ[526]) bị người khác mổ xẻ. Những con vật nay làm thức ăn cho người khác, phần nhiều là do những đại nhân vật giống như vậy biến thành, há nên hâm mộ sự hống hách một thời ư?

Nếu chủ soái có lòng nhân như Tào Bân, chính mình đã biết nhân quả Phật pháp, hễ gia nhập quân đội, chánh trường sẽ có thể trừ bạo an dân, ngõ hầu đối

---

[524] Bào Siêu (1828-1886), tự Xuân Đình người xứ An Bình, tỉnh Tứ Xuyên, là một danh tướng có công bình định loạn Thái Bình Thiên Quốc, nhưng không biết chữ, là một hung thần đối với quân Thái Bình Thiên Quốc, từng được thăng tới chức Đề đốc tỉnh Chiết Giang. Tục truyền có lần đánh nhau với quân Thái Bình Thiên Quốc, ông ta bị giặc vây hãm không cách nào phá vòng vây được, phải viết thư cầu cứu, nhưng không biết chữ, đành viết một chữ Bào, vẽ vòng tròn khoanh lại, giao thư cho người chuyển cho Tăng Quốc Phiên. Nhận thư, Tăng Quốc Phiên mở ra đọc, cười lớn, biết ngay là Bào Siêu đang bị vây hãm, bèn phái quân đến cứu.

[525] Tào Bân (931-999) tự Quốc Hoa, người huyện Linh Thọ, Chân Định, là một đại tướng sống vào đầu thời Bắc Tống. Do có công đánh bại Khiết Đan và diệt nhà Bắc Hán, được thăng tới chức Khu mật trực chỉ, rồi do diệt được nhà Hậu Thục nên được thăng lên chức Đô giám. Trong những cuộc chinh phạt dẹp tan các vương triều đối lập với nhà Tống, ông giữ quân lệnh rất ngặt, nghiêm cấm binh sĩ không được lạm sát dân chúng vô tội, không được gian dâm, cướp bóc bừa bãi khi chiếm được thành.

[526] Tào Hàn (924-992): Thoạt đầu phục vụ dưới trướng Chu Thế Tông (Sài Vinh), từng theo Thế Tông đánh Cao Bình và Ngõa Kiều Quan. Khi Triệu Khuông Dẫn tạo binh biến, cướp ngôi của ấu chúa nhà Chu, lập ra nhà Tống, ông ta liền theo Tống, từng tham dự nhiều trận đánh. Trong khi theo Tống Thái Tổ diệt Nam Đường, vây thành Giang Châu (nay là huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tô), ông ta đã tàn sát cả thành. Năm 979, lại tùng chinh diệt Bắc Hán, đánh Khiết Đan, lập rất nhiều chiến công. Do sát nghiệp quá nặng, con cháu ông ta hoặc chết yểu, hoặc phá tan gia nghiệp, sống lang thang, vất vưởng, rất khổ sở. Đến thời Vạn Lịch nhà Minh, Lưu Tích Nguyên (tự Ngọc Thụ), vốn là người Tô Châu, làm Chủ Khảo khoa thi năm Nhâm Tý (1612) ở Quý Châu. Khi chấm thi xong, trở về quê, thuyền đi ngang một bến sông, chợt mộng thấy một người mặt mũi dài sọc đến thưa: "Tôi là tướng quân Tào Hàn triều Tống. Vào thời Đường làm thương nhân, từng đi qua một ngôi chùa thấy pháp sư giảng kinh, phát tâm thiết trai cúng dường, nghe kinh nửa ngày. Do thiện nhân ấy, từng làm những chức quan nhỏ mấy đời. Đến triều Tống làm tướng quân, tức là Tào Hàn, do vì đánh thành Giang Châu đã lâu không được, khi phá được thành liền tức giận tàn sát cả thành. Do sát nghiệp ấy, đời đời làm lợn. Khi sanh trong nhà một tá điền của ngài, từng được ngài cứu sống. Ở chỗ ngài dừng thuyền đây, con lợn bị giết đầu tiên vào sáng mai chính là tôi, có duyên gặp gỡ ngài, xin xót thương phát tâm từ bi cứu mạng cho tôi!" Lưu Tích Nguyên tỉnh giấc bèn lên bờ, quả nhiên thấy có một lò mổ gần đấy. Đồ tể khiêng ra một con lợn đang kêu ầm ĩ, Tích Nguyên bèn bỏ tiền ra mua, chở về Tô Châu, thả trong khu vườn phóng sanh của một ngôi chùa ở ngoài cửa Xương Môn. Hễ ai hô "Tào Hàn", lợn liền cúi đầu, ngoắt đuôi tỏ vẻ mừng rỡ.

với mình và đối với dân đều có công. Nếu nay coi mạng người như cỏ rác, binh sĩ lại không có kỷ luật, đến đâu cũng đều cướp bóc, gian dâm; ông đã bị người khác khống chế, há chẳng thể không tận hết chức trách ư? Hễ tận hết chức trách thì chẳng thể thuận theo lòng mình nghĩ mà phải hoàn toàn tuân theo mạng lệnh của người khác. Như vậy thì tuy có thể làm cho dân quê kính sợ, nhưng tôi trộm sợ quỷ thần chẳng kính sợ, sẽ muốn giáng họa, đến nỗi chính mình và người thân đều bị tổn hại đấy!

Cha ông tuy là một thiện nhân, nhưng tâm chuộng thể diện quá lớn, vì thế đang trong đời loạn này vẫn gấp muốn xây dựng từ đường. Thử nghĩ, người nghèo khổ không có từ đường mà vẫn làm người được, cần gì cứ phải kiếm một chức quan trong đời loạn, dựng ngay từ đường ư? Ông nghe theo hay không, Quang chẳng cản ông, chỉ không thể chẳng thuật lợi hại cùng ông. Nếu ông biết điều này thì ở trong cả hai giới quân sự lẫn chánh khách cũng đều rất có ích, chứ không phải là những lời nói thừa thãi vô dụng.

Ông không hiểu chuyện quá sức, Quang quở trách ông vẫn là vì ông không hiểu rõ cho nên chỉ dạy ông. Lời lẽ chẳng thống thiết sẽ không thể động tâm ông được. Ông lại tưởng là tôi giận dữ bèn hai lần dùng chữ *"vạn tử"* (đáng chết vạn lần), ba lượt dùng chữ *"vạn vọng vật giới ý"* (muôn vàn mong mỏi đừng để ý). Vậy là ông nghĩ tôi là hạng sân độc không thể hình dung được, là hạng người bỉ ổi, thô ác, hung tợn chẳng đáng tiếp xúc. Sao chẳng biết sự vụ đến mức như thế? Không có chuyện gì chớ nên gởi thư đến nữa!

508. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười)

Sao ông không biết sự vụ đến mức như thế, Quang là hạng người nào mà có thể sánh bàn với đại sư Liên Trì? Ông nói lời ấy nhằm tâng bốc Quang, chẳng biết là đã hủy báng Quang vậy! Từ nay về sau đừng dùng lời lẽ "đem phàm lạm thánh" để tâng bốc tôi như thế nữa. Tôi thấy lời ấy như bị đánh, như bị nhạo báng, hổ thẹn khôn ngằn!

1. "Tâm thanh, trăng hiện", há nên bàn luận theo kiểu chấp chết cứng? Cần biết rằng, phàm phu có sự trong lặng hiển hiện của phàm phu, Thanh văn có sự trong lặng hiển hiện của Thanh văn, Bồ-tát có sự trong lặng hiển hiện của Bồ-tát, chỉ có thành Phật mới có thể đạt tới sự trong lặng hiển hiện rốt ráo. Nếu nói đúng như pháp thì trong hết thảy những địa vị khác đều chẳng phải là trong lặng hiển hiện, chỉ có Phật mới là trong lặng hiển hiện. Do vậy, ông cho rằng lời đại sư Liên Trì trở thành sai ngoa, chẳng biết chính mình hoàn toàn chưa mở được chánh nhãn nên mới có thứ lập luận mù quáng ấy. Sao lại khổ sở như thế?

Sự trong lặng hiển hiện của phàm phu là sự trong lặng hiển hiện do quán hạnh. Thanh văn đoạn kiến hoặc, tư hoặc chính là sự trong lặng hiển hiện thuộc về địa vị tương tự. Bồ-tát thuộc địa vị nội phàm, tức là những địa vị từ Sơ tín đến Thất tín cũng giống như Thanh văn. Bát, Cửu, Thập tín phá trần sa, chứng pháp không, há nên nói là "phá pháp không"? Sơ trụ liền phá vô minh, chứng pháp thân. Đây chính là địa vị đầu tiên của bậc phần chứng. Cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Đẳng giác (Đẳng giác là địa vị cuối cùng thuộc phần chứng. Trong các địa vị thuộc phần chứng, phàm những gì Phật chứng được, họ đều chứng, nhưng chưa chứng được viên mãn rốt ráo). Bốn mươi mốt địa vị chính là sự trong lặng hiển hiện nơi phần chứng, chỉ có Phật mới là trong lặng hiển hiện rốt ráo.

Hơn nữa, ngay trong một địa vị còn có vô lượng vô biên tầng cấp chứng ngộ sâu cạn bất đồng. Ví như người nước ngoài đến Trung Quốc, vừa đến biên giới Trung Quốc liền có thể nói là "đã đến Trung Quốc", nhưng từ đấy vẫn còn có đường dài mấy ngàn dặm mới tới được kinh đô Trung Quốc. Ý ông cho rằng: "Đã đến rồi thì không cần bàn đến đường đi nữa; đã chưa đắc đạo mà nói sự hiển hiện trong lặng thì thành sai ngoa, trái nghịch với sự tướng cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh." Lỗi ấy là do ông thích xưng là bậc thông gia, chứ không phải vì đại sư Liên Trì nói lời chẳng thích đáng. Từ nay về sau, hãy nên sốt sắng niệm Phật, bớt nói lời phô trương! Nếu vẫn dùng lời lẽ đem phàm lạm thánh tâng bốc Quang như thế tức là khiến cho thiên hạ hậu thế thóa mạ Quang, sao lại khổ sở làm những chuyện tổn hại vô ích như thế?

2. Lời của đại sư Liên Trì là lời viên dung vô ngại, nếu là người căn cơ sâu, y theo đó tu trì sẽ có đại lợi ích; nếu căn cơ nông cạn, hoặc mắc khuyết điểm chấp lý phế sự, chỉ nên chiếu theo sự tướng chí thành trì danh thì mới là ổn thỏa. Thuyết "lý nhất tâm" do không làm được, có nói cũng vô ích, chỉ không đề xướng là được rồi, chứ thốt ra hai chữ "bài xích" chẳng phải là ăn nói vớ vẩn hay sao? "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật", nếu chẳng làm Phật mà nói "tâm này là Phật" thì có thể bài xích được, nếu niệm Phật mà nói "tâm này là Phật" thì đấy chính là căn bản để khuyên người, há nên lẫn lộn thốt lời bài xích! Nếu bài xích sẽ trở thành tà kiến, tội cực nặng. Phàm quán tưởng hay trì danh đều gọi là "làm Phật".

3. Lời ấy của đại sư Liên Trì dành cho kẻ chuyên chí quán tưởng, ông đem cái tâm suy tưởng tán loạn của ông để so đo, nên trở thành lời lẽ chẳng biết thân phận. Phàm phu tâm như khỉ vượn, chẳng thể định được trong khoảnh khắc nào, há có thể tưởng tướng nào sẽ thấy được tướng ấy ư? Nếu thâm tâm quán tưởng, quán cái này lại thấy cái kia, tức là không tương ứng. Vì thế gọi là tà, là chẳng

tương ứng. Ông lại cho là ma thì là đã sai quá rồi! Nhưng nếu chẳng tương ứng mà chẳng nhận biết thì lâu ngày chắc sẽ có ma sự.

4. Ông thật sự là một gã hồ đồ chẳng biết trời cao đất dày nên mới dám dẫn chuyện đại sư Thiện Đạo xả thân để làm tiền lệ. Ngài Thiện Đạo niệm Phật miệng tỏa quang minh, chính là bậc thánh nhân đại thần thông. Lâm chung, ngài trèo lên cây liễu nói kệ, nhảy xuống bèn đứng qua đời, ông ngỡ là ngài từ trên cây té xuống chết! Ông đúng là tội lỗi, mắt quáng mà chuyên thích nói lời lẽ mù quáng. Ông muốn xả thân sẽ thành con quỷ chết oan, mong sanh Tây Phương thì có mộng cũng chẳng mơ được đâu! Trong những truyện ký về đại sư Thiện Đạo, đôi khi có những chỗ lời văn chưa thể hiện rõ ý nghĩa mầu nhiệm này cho nên ông tưởng là ngài xả thân mà chết.

Ông từng thấy chuyện của Chu Tiến Sĩ trong Kim Cang Kinh Cảm Ứng[527] hay chưa? Ông Chu nghe bốn câu kệ của kinh Kim Cang sanh lòng hoan hỷ, chẳng lâu sau mộng thấy theo năm kẻ tội nhân nọ ngồi xe đến một nhà. Năm người đều uống canh, ông ta muốn uống, nhưng người dẫn ông ta đi (tức gã quỷ sứ áp giải tội nhân) không cho uống, liền tỉnh giấc. Trong tâm hết sức lạ lùng, tìm đến nhà ấy, họ nói có sáu con chó vừa mới sanh, một con chết ngay. Do vậy, ông ta chuyên trì kinh Kim Cang, đến năm 89 tuổi trèo lên cây nói kệ, rồi buông mình xuống, đứng yên qua đời. Trong đời này, người ấy đáng lẽ biến thành chó, nhưng do mấy chục năm trì kinh Kim Cang nên vẫn có thể từ trên cao nhảy xuống qua đời như thế; huống hồ đại sư Thiện Đạo là bậc đại thánh nhân thần thông mầu nhiệm khôn lường ư? Ông tưởng là xả thân, đáng thương lắm thay! Điều này cũng là cùng một tri kiến với kẻ ngu, thấy Phật nhập Niết-bàn bèn bảo là "Phật chết".

5. Ông vọng tưởng tột cùng, so với sóng cuộn trong biển cả còn sôi sục hơn rất nhiều. Chỉ nên tự lượng thân phận của chính mình để hành, nào sợ kẻ khác chê cười! Nếu ông trở về nhà ở Thành Đô, hãy nên đem tâm tướng ấy khuyên cha ông là Hoàn Quân Ông hãy thong dong đôi chút để đôi bên đều được thành tựu. Nếu ông tinh thành niệm Phật thì quyến thuộc cũng sẽ có dịp chuyển biến. Ông nội ông là Hưng Toàn Ông còn để lại gia nghiệp, mà ông vẫn nói "khổ sở chẳng thể chịu đựng được". Nếu ông vốn là gã nghèo cùng, chắc sẽ chẳng còn muốn làm người nữa ư?

[527] Tác phẩm này có tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Đa Tâm Kinh Cảm Ứng Truyện, không rõ tác giả, được đánh số 1.632 trong Tục tạng kinh, ghi chép truyện của 40 người do trì kinh Kim Cang được cảm ứng, khởi đầu bằng pháp sư Diễm, kết thúc bằng truyện của Lục Ông.

Nay ông cực lực muốn chống đỡ thể diện suông, chính mình lại hoàn toàn khởi lên những vọng tưởng chẳng dựa theo đạo lý ấy. Vọng tưởng ấy có thể làm rạng mày nở mặt tổ tông, trọn hết phận con, báo đáp bà nội kế là lão thái phu nhân Sài, trọn hết trách nhiệm của một tín đồ Phật giáo hay không? Đã biết cảm kích ơn người dẫn dắt nhập đạo, sao chính mình lại làm những chuyện phụ bạc ơn của khắp mọi người thân lẫn ân Phật? Từ nay về sau, ông chỉ nên đọc Văn Sao, đừng gởi thư tới nữa. Tôi quả thật chẳng có tinh thần để thù tiếp những lời lẽ ma mị của ông!

509. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười một)

Nhận được thư và khoản tiền gởi đến. Đọc thư ông, biết ông cảnh ngộ khốn cùng, biết ông chẳng giữ yên bổn phận. Ông tiền bạc không dư dả, há nên vẫn ương ngạnh giữ thể diện đối với Quang? Quân tử hành xử theo đúng địa vị, hễ nghèo cùng thì chẳng lấy tiền tài làm lễ; huống hồ đối với vị thầy chính mình đã coi như cha như mẹ ư? Do vậy, biết ông một mực luôn mang thứ tình kiến này: "Do không chống giữ được thể diện, bèn muốn tìm cái chết!" Ông chẳng biết đã mang thứ tâm hạnh ấy, hễ chết rồi thì so với việc bị mất thể diện sẽ còn khó chịu đựng hơn vô lượng vô biên hằng hà sa lần.

Trước đây, ông từng nói Phật học xã Trùng Khánh khá chuộng Mật tông, ông muốn lập một cơ sở khác chuyên tu Tịnh độ. Đấy cũng là lời nói chẳng biết giữ yên bổn phận! Phàm tạo dựng cơ sở, điều thứ nhất là phải được mọi người tin phục, điều thứ hai là phải có tiền để ứng ra. Tuy quyên mộ mọi người, nhưng chính mình vẫn phải bỏ ra trước. Trong hai điều này, ông chẳng có được một điều nào! Há nên khởi lên những thứ suy tính vượt phận ấy ư?

Trong nhà đã có cơm ăn, chẳng cần phải mong phát tài nứt đố đổ vách nữa. Đối với hai giới quân sự và chánh khách hiện thời, nếu ông chẳng quan tâm đến đầu mặt[528] trong đời sau thì cứ gia nhập cũng chẳng sao. Nếu vẫn lo đến đầu mặt đời sau thì đừng gia nhập sẽ là kế sách tối thượng thượng. Hãy nên bảo cặn kẽ với Đức Chánh Kê thị[529] buông xuống tập khí phú quý, kiêu căng, xa xỉ, hãy ăn mặc, trang sức như phụ nữ nông dân chốn làng quê, cùng với bà ta trở về gia đình ở Thành Đô, nghiêm túc giữ gìn sản nghiệp của tổ phụ. Đấy sẽ là biện pháp rốt

[528] Do Trung Hoa thời đó loạn lạc đến cùng cực, quân phiệt chiếm lãnh các tỉnh, tự xưng hùng xưng bá, liên tục đánh phá, triệt hạ lẫn nhau, nếu làm quân nhân hay chánh khách thời đó sẽ tạo nghiệp rất lớn, đời sau sẽ bị đọa lạc trong tam đồ, sẽ thay đầu đổi mặt, làm ngạ quỷ, súc sanh hay đọa trong địa ngục.
[529] Vợ ông Ôn Quang Hy họ Kê, pháp danh là Đức Chánh.

ráo ổn thỏa, thích đáng nhất. Những điều khác trước đây tôi đã đều nói qua, nên không cần phải nhắc lại nữa.

510. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười hai)

Đọc thư ông, khôn ngăn hoan hỷ! Bọn họ trong bảy ngày liền có thể vãng sanh, liền có thể thành Phật thì người trong khắp cả thế gian đều thành Phật. Chúng ta là nghiệp lực phàm phu, ắt sẽ có vô lượng vô biên Phật độ thoát, may mắn chi hơn? Nhưng chúng ta hãy giữ bổn phận ta, nhường cho bọn họ thành Phật độ thoát chúng ta, há chẳng phải là càng ổn thỏa hơn ư? Như bọn họ còn có nguy hiểm, chứ trong pháp môn này của ta trọn chẳng có nguy hiểm. Nếu nghe bọn họ nói thì thật bùi tai, khôn ngăn nhiệt tâm dấy lên. Nếu thành thì may mắn, nhưng bại sẽ thành quyến thuộc ma, thật khiến cho người ta nguội lạnh cõi lòng.

Thần thông của gã X… đã hoàn toàn thất bại, ngôn luận của gã X… và gã Y… đều đúng là vu báng, miệt thị thánh hiền. Bọn họ đã thành Phật, sao lại có hiện tượng ấy? Do vậy biết, bọn họ hoàn toàn chẳng khác gì lũ trẻ đầu đường xó chợ, nói chi có tâm Phật cho được? Những điều khác chẳng cần phải nhắc đến nữa!

511. Thư trả lời cư sĩ Ôn Kê Đức Chánh

Chồng bà là Đức Trung Ôn Quang Hy nói: "Bà phát tâm cúng dường tôi", tôi sẽ dùng món tiền ấy để in sách lợi người. Bà may mắn được gả vào gia đình giàu có, trọn chẳng biết đến những nỗi khổ trong đời người, lại không có ai khuyên dạy, khai thị nên sống uổng một đời. Như vậy thì sau này làm sao thoát khỏi luân hồi lục đạo cho được? May sao chồng bà là Quang Hy hơi biết Phật pháp, tuy bà chưa thể tin nhận ngay, nhưng đã dần dần được tiêm nhiễm, lâu dần sẽ có ngày thiện căn phát hiện.

Bà nằm mộng thấy cảnh tượng kỳ quái liền sanh lòng sợ hãi, cầu xin tôi nói cách cứu vớt, che chở. Bà chẳng biết, so với tướng trạng luân hồi trong tam đồ lục đạo, tướng khổ ấy nhỏ nhoi chẳng thể nào thí dụ được. Sự khổ trong luân hồi giống như đại địa, còn nỗi khổ bà cảm nhận trong giấc mộng ấy giống như vi trần. Chúng sanh tâm lượng hẹp hòi nên chỉ thấy được chuyện nhỏ nhoi, chẳng thể thấy được chuyện lớn lao. Bà sanh lòng sợ hãi nơi sự khổ nhỏ nhoi, cầu tôi nói pháp cứu khổ, sao lại trọn chẳng để ý tới nỗi khổ sanh tử lớn lao vậy?

Nay tôi nói cho bà một pháp để cứu chung đại khổ lẫn tiểu khổ, nếu bà có thể y theo lời tôi nói, chắc chắn trong hiện tại bà sẽ không gặp nỗi kinh sợ nhỏ nhoi ấy, tương lai nhất định thường an lạc. Pháp ấy ra sao? Chính là chí thành khẩn

thiết niệm Phật và niệm danh hiệu Quán Âm Bồ-tát. Pháp tắc niệm như thế nào hãy nên hỏi Quang Hy. Chớ nên chỉ biết an vui nhàn tản, bỏ uổng thời gian.

Lại còn nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, nghĩa là "hiếu thuận với cha mẹ ruột, với bố mẹ chồng, hòa thuận với anh em trai, chị em gái, chị em dâu, vợ chồng kính trọng nhau như khách, khuyên nhau làm lành, nhắc nhở nhau sửa lỗi, khéo dạy dỗ con cái, đối đãi khoan dung với kẻ dưới". Làm được như thế chính là hiền nhân. Lại còn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương; dẫu cho nỗi sợ hãi lớn lao là sanh tử cũng sẽ hoàn toàn tiêu diệt, huống hồ những nỗi sợ hãi nhỏ nhặt trong giấc ngủ mà chẳng lập tức ngưng mất ư?

Tôi là phàm phu, nhưng lời này của tôi có thể khiến cho hết thảy mọi người siêu phàm nhập thánh. Bà hãy nên chí tâm tin nhận sẽ có lợi ích lớn lao. Sách Khuê Phạm đã hết, đợi khi nào có người sang Thượng Hải sẽ bảo họ thỉnh Nữ Tử Nhị Thập Tứ Hiếu (hai mươi bốn tấm gương hiếu nữ), Nữ Tứ Thư[530], Liệt Nữ Truyện[531] v.v. gởi tới để tặng cho những phụ nữ thông hiểu văn lý, biết luân thường. Lại còn có Đạt Sanh Thiên cũng sẽ gởi tới một hai gói. Đối với những chuyện trước khi sanh, trong khi sanh và sau khi sanh, sách này đều nói tường tận. Trong lời tựa của Quang lại còn giảng rõ: "Trong khi sanh nở, niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát nhất định sẽ không bị sản nạn, mà mẹ lẫn con đều được vẹn toàn, gieo đại thiện căn."

---

[530] Nữ Tứ Thư là bốn bộ sách tương ứng với Tứ Thư của nam giới, gồm:

1. Nữ Giới (răn dạy nữ nhân) do nữ sử gia Ban Chiêu soạn dưới thời Đông Hán, giảng giải về tam tòng tứ đức, cũng như những lời khuyên răn, trau dồi những phẩm đức của phụ nữ như kính thuận, đạo làm vợ, hòa thuận, khiêm cung v.v..
2. Nội Huấn do hoàng hậu Nhân Hiếu (vợ vua Minh Thành Tổ, con gái Từ Đạt) biên soạn vào năm Vĩnh Lạc thứ hai (1404), trích lục những giáo huấn của cổ nhân về phẩm đức của phụ nữ, chẳng hạn trau dồi đức hạnh, tu thân, thận trọng trong lời ăn tiếng nói, tiết kiệm, tích thiện, hướng lành v.v..
3. Nữ Luận Ngữ do nữ học sĩ Tống Nhược Sân soạn vào thời Đường, mô phỏng theo văn phong Luận Ngữ, thác danh Tào đại gia (tức Ban Chiêu) v.v., ghi lại những lời vấn đáp giữa bà mẹ của quan Thái Thường Vĩ Trình thời Tiền Tần là Tống Thị đáp lời thưa hỏi của các bậc anh thư như Tào đại gia v.v., để thuyết minh về đức hạnh của nữ giới cũng như cách tu dưỡng các đức hạnh ấy.
4. Nữ Phạm Tiệp Lục do bà Lưu Thị, mẹ nhà học giả Vương Tướng soạn vào cuối đời Minh, cũng nói về các phẩm đức của phụ nữ, đồng thời bao gồm những lời chú giải ngắn gọn các tác phẩm trước đó như Nữ Giới, Nội Huấn v.v..

[531] Liệt Nữ Truyện do Lưu Hướng soạn vào thời Đông Hán, bao gồm những tấm gương trinh liệt của nữ giới. Sách gồm bảy quyển, bao gồm 105 tấm gương, được chia thành các tiểu loại như mẫu nghi, hiền minh, nhân trí, trinh thuận v.v..

Bà hãy nên thường đem chuyện niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để giáo hóa hàng phụ nữ quen biết, ngõ hầu ai nấy xoay vần khuyên chỉ lẫn nhau thì sẽ có lợi ích lớn lao cho bà lẫn những người quen biết. Bà chớ nên gìn giữ mãi thói kiêu ngạo lười nhác, thích làm chuyện vô ích như cờ bạc, la cà ngoạn cảnh, sẽ chẳng thể nào không đạt được lợi ích lớn lao. Đối với bệnh của Quân Tốn và hai cô con gái Quân Tĩnh, Cẩm Du, cũng có thể niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để trị. Quán Thế Âm Bồ-tát không ai cầu chẳng được ứng nghiệm, chỉ sợ con người chẳng chí tâm mà thôi. Xin hai vợ chồng bà khéo thấu hiểu lòng tôi thì may mắn lắm thay!

512. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết các hạ thường viết nhiều bài đề xướng sự lợi ích Tịnh độ, vui mừng an ủi tột bậc. Sẽ gởi cho Tịnh nghiệp xã Thượng Hải để họ đăng tải trong nguyệt san, ngõ hầu độc giả đều cùng sanh lòng tin. Ông nói khí lực, thể lực hết sức suy yếu, tợ hồ có lẽ nên chuyển lòng đau buồn thương xót thành niệm Phật cho mẹ để người mất lẫn kẻ còn đều được lợi ích lớn lao, cần gì cứ phải khăng khăng giữ lòng buồn đau, tiều tụy mới là hiếu!

Ngày 25 tháng 3, Quang đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, vào ngày 26 thì khoản tiền 200 đồng từ Nam Thông chuyển tới. Thoạt đầu do bận bịu đến nỗi quên báo cho thư cục, sau đấy bảo họ gởi chừng đó sách, chẳng biết họ đã gởi hay chưa? Nay lại từ Phổ Đà gởi tới cho ông một gói nữa, xin hãy xem qua. Đợi khi sách được in ra vào lần thứ hai, lần thứ ba, sẽ gởi thêm nữa; 100 đồng sẽ thỉnh được 300 bộ, dẫu các hạ không gởi tiền thì Quang cũng cần phải gởi ngần ấy bộ để mong ai nấy đều biết đến ân đức từ bi của Đại sĩ. Hiện thời đã có người đảm nhiệm in đến bảy vạn bộ. Do năm ngoái có chiến tranh, chưa đưa giấy ra khỏi núi được; năm nay lại bị hạn hán đến nỗi lần khân tới tháng 4.

Phật Quang Xã được các hạ đề xướng nào có thiếu sót gì mà cần Quang phải góp lời, người tu tịnh nghiệp chớ nên dính vào chút điểm xảo thuật nào. Nếu vẫn thích những chuyện kỳ lạ, không ưa chuyện bình thường, ắt sẽ biến khéo thành vụng. Do điều này, người thông Tông thông Giáo thường chẳng bằng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật lại được ích lợi thật sự. Nếu chịu giữ nề nếp bình thường, đạm bạc, chất phác, thật thà thì sanh về Cực Lạc sẽ là điều có thể dự đoán chắc chắn được. Nếu không, chẳng sanh về Cực Lạc cũng là điều có thể đoán chắc được. Xin hãy thiết thực khuyên xã hữu tin tưởng như thế, hành như thế thì lợi ích lớn lao thay!

513. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ hai)

Chưa trả lời thư đã lâu, thiếu sót quá! Trước đây tôi đã nhận được tờ đặc san kỷ niệm Phật Quang Xã tròn một tuổi được in bằng ronéo, thấy có in bài viết của Chu Mạnh Do ca ngợi Quang thật đáng khiến cho người ta hổ thẹn muốn chết. Mạnh Do vô tri làm càn, sao các hạ lại cho đăng tải bài ấy, khiến tội Quang sâu thêm? Xin từ nay về sau, hễ bài viết nào dính dấp thói ấy hãy đều loại bỏ để người đọc khỏi bàn ra tán vào.

Nay nhận được thư và khoản tiền của ông Ngô Điệp Khanh và tờ Phật Quang Xã San. Thái phu nhân Ngô phước lẫn thọ đều vẹn toàn, điều thiếu sót là chẳng biết tới pháp môn Tịnh độ. Nay con của cụ là Điệp Khanh thành tâm cầu siêu, ắt cụ sẽ nương theo Phật từ lực để được vãng sanh. Với món tiền 200 đồng ấy, tôi sẽ dùng 100 để cử hành Phật thất, thỉnh 16 vị tăng niệm Phật. Hiện thời khí trời nóng bức phi thường, Quang tính biếu riêng cho mỗi vị một đồng, tổng cộng là 16 đồng; 84 đồng còn lại thì đợi tới khi sắp chữ Văn Sao bản mới và Thọ Khang Bảo Giám (sách này chính là cuốn Bất Khả Lục được giảo chánh, sửa đổi, tăng thêm bài, tính in ra mấy vạn cuốn để cứu vớt những kẻ thanh niên trước khi họ bị bệnh) xong, năm sau khi in ra sẽ gởi sách vừa đúng với số tiền ấy đến nhà họ Ngô để mong kết duyên.

Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng in lần thứ hai vừa được mười mấy hôm thì trong ngày mồng 2 tháng 7, toàn thể công nhân bãi công! Lần này, do họ đòi hỏi phi lý, chắc Trung Hoa Thư Cục khó thể đáp ứng được, sợ là trong nhất thời, chẳng thể giải quyết xong. Bởi vậy, dù in hay sắp chữ đều phải chậm trễ. Xã San (tờ báo của Phật Quang Xã) rất hay, nhưng chữ quá nhỏ, mắt già rất khó đọc. Giấy dày thì bưu phí sẽ đắt thêm chừng đó nữa.

Thư gởi cho ông Phùng Bất Cửu, Quang không có bản nháp, nay lá thư ấy đã được đăng tải trên Xã San, Quang sẽ cho chép lại để đưa vào Văn Sao[532]. Những điều khác chẳng có quan hệ lớn lao gì, chỉ có một đoạn nói *"nhưng tiên sinh Giang Thận Tu tạo ra thiên địa nhật nguyệt chẳng thể vận hành, nhờ được khí Âm của đứa tớ gái mới vận hành"* là rất có quan hệ. Đưa lá thư ấy vào Văn Sao cũng phá trừ được tà kiến, khiến cho người đọc biết được chánh pháp. Nhưng trong lá thư ấy, có nhiều chỗ bị sao lục thiếu sót câu văn; những đoạn khác đều chẳng quan trọng khẩn yếu cho lắm, chỉ có đoạn thứ hai *"một âm một dương gọi là đạo"*, nơi dòng thứ sáu ở phía trên đã chép lẫn lộn *"thành tức minh đức, minh*

[532] Lá thư này được đăng tải trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, đánh số 169.

tức minh minh đức chi minh thành minh"[533], trong mười ba chữ ấy cũng có chữ sai, nhưng không có quan hệ khẩn yếu lớn lao. Đọc sơ qua những bài khác thì thấy không bị sai ngoa nhiều lắm, chỉ có lá thư này bị sai khá nhiều.

Quang mục lực lẫn tâm lực đều thiếu, bận bịu quá sức, nên chẳng thể ra sức viết lách cho Phật Quang Xã được, thật thiếu sót! Các hạ đã cực lực đề xướng nên mọi người hiền đều nhóm tới, quả thật là một chuyện vui lớn lao trong đời người, mà cũng là một niềm đại hạnh phúc cho quý địa. Biên nhận mở Phật thất niệm Phật cho nhà ông Ngô gởi kèm theo thư, xin hãy báo với ông ta về chuyện sử dụng 100 đồng còn lại.

Thầy Chân Đạt tính giúp 100 đồng để thỉnh kinh điển cho Phật Quang Xã, sai Quang liệt kê một danh sách những kinh sách phổ biến thường được đọc nhiều, đợi tới cuối tháng lên Thượng Hải sẽ thỉnh rồi gởi tới, đừng lo! Trong năm sau, Quang in Tăng Quảng Văn Sao bản mới và Thọ Khang Bảo Giám bản tăng quảng xong, cũng sẽ gởi sang Phật Quang Xã chừng đó cuốn để kết tịnh duyên. Các hạ và bạn bè viết lời khen ngợi Bất Huệ tức là đã mắc tội "đem phàm lạm thánh". Xin từ nay về sau vàn muôn phần đừng dùng cách ấy nữa để đôi bên đều được thoải mái.

514. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ ba)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán, lệnh sư Sắc Am vì sanh kế chưa thể sốt sắng tu trì pháp môn Tịnh độ, nhưng các hạ đã đem lòng chí thành cầu siêu cho cụ, ắt cụ sẽ được nương theo Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Do thấy Đại Sĩ Tụng (tức Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng) bị chậm trễ đã lâu, trong mồng 1 tháng này Quang liền xuống núi. Mồng 3 tới Thượng Hải, tiếp xúc Thư Cục. Mồng 4 đến Ninh Ba, thương lượng chuyện xây cất đại điện chùa Pháp Vân (năm sau mới xây cất). Mồng 7 về Thượng Hải, thư của lệnh điệt[534] Tri Nguyên và khoản tiền gởi tới đều nhận được rồi.

---

[533] Theo lá thư gởi cho ông Phùng Bất Cửu trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên thì câu này phải là: *"Thành tức minh đức. Minh tức minh minh đức chi minh. Thành minh hợp nhất, tắc thị minh minh đức, tắc thị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu công, Khổng tử sở truyền chi đạo."* (Thành chính là minh đức, minh chính là sự sáng tỏ (minh) trong "minh minh đức". Thành và minh hợp nhất chính là "minh minh đức". Đấy chính là đạo được truyền bởi các vị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ (vua Đại Vũ), Thang (vua Thành Thang), Văn (tức Chu Văn Vương), Võ (tức Chu Võ Vương), Chu công, Khổng tử).

[534] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính cháu trai bên nội của người khác. Điệt（姪）là cháu gọi ta bằng chú hay bác; nếu là cháu gọi bằng cậu sẽ gọi là sanh（甥）.

Chùa Thái Bình hiện đang có Phật thất, chẳng thể cùng tiến hành được. Do vậy, tôi đến Tịnh nghiệp xã thương lượng với ông Quan Quýnh Chi; ông ta rất hoan hỷ, quyết định sẽ khởi thất từ hôm mồng 10. Ở chỗ ông ta, tăng sĩ niệm Phật chỉ có mấy vị, nhưng cư sĩ rất đông. Quang cho rằng cư sĩ đến tham dự ắt cần phải cung cấp cơm nước, sợ đông người quá chắc họ phải bù thêm tiền. Ông ta nói: "Bù đắp chút ít cũng đâu có sao, nhờ vào đấy để mọi người gieo thiện căn." May mắn chi bằng! Thí Tỉnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v. lúc ban ngày bận việc, ban đêm khi nào được rảnh rỗi cũng đến niệm. Họ nhờ Quang khai thị hôm mồng 10[535]. Phật thất lần này so ra có ích hơn việc chỉ thỉnh mười mấy vị tăng niệm Phật nhiều lắm. Đây cũng là do lòng thành của các hạ cảm thành, và cũng do túc nhân của lệnh sư mà có.

Thầy Chân Đạt đã thỉnh cho Phật Quang Xã 107 đồng kinh sách, đợi khi có người thuận dịp trở về Vụ Nguyên sẽ nhờ họ mang đến, đừng lo! Tôi đã nhận được đầy đủ sách của các hạ đã từ Phổ Đà chuyển đến vào hôm mồng 8. Không lâu nữa Quang sẽ trở về Phổ Đà, đợi tháng 3 hay tháng 4 năm sau sẽ lại sang Thượng Hải để lo liệu các khoản chi phí in các bộ Đại Sĩ Tụng v.v..

515. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tư)

Thư trả lời lần trước, chắc các hạ đã nhận được rồi. Năm giờ chiều hôm qua tôi đến Tịnh nghiệp xã, hỏi Quan Quýnh Chi có mấy vị tăng nhân tham dự Phật Thất, ông ta cho biết có chín vị, cư sĩ nam nữ hơn một trăm người. Chiều hôm qua do bọn họ thông báo, người đến tham dự càng nhiều hơn nữa. Quang trình bày đại lược duyên do và lợi ích của việc niệm Phật trong khoảng 1 tiếng 5 phút. Ngày hôm nay, bảo đem những kinh sách đã thỉnh từ trước giao sang chùa Thái Bình, tổng cộng là 25 gói nhỏ, phía ngoài dùng bao lác[536] bọc thành bốn bọc lớn. Phiếu giao sách tổng cộng là bốn trang được gởi kèm theo thư để tiện kiểm nhận.

Thầy Chân Đạt xin các hạ hãy cho người viết tên của từng loại kinh sách đã thỉnh vào phần thư căn như An Sĩ Toàn Thư v.v. thì sẽ chẳng đến nỗi tạp loạn khó tìm. Trong ấy có những kinh sách số lượng khác biệt một, hai, ba, bốn, năm bộ. Nếu đối với những sách dư ra mà dùng để kết duyên thì không cần phải phân biệt, chứ nếu đều lưu giữ trong Phật Quang Xã thì cần phải chép rõ mỗi bộ giống như thế để chẳng đến nỗi bộ này bộ kia so le không đều đến nỗi khó coi. Số sách

[535] Xin đọc bài Pháp Ngữ Khai Thị Tại Tịnh Nghiệp Xã trong quyển 4 của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, phần Pháp Ngữ.
[536] Nguyên văn "bồ bao", bồ là một thứ cỏ thường dùng để kết thành chiếu hay áo tơi, có thể đan thành bao để gói đồ vật nên gọi là "bồ bao". Chúng tôi tạm dịch là bao lác (bị cói) cho dễ hiểu.

ấy đợi có người tiện dịp trở về Vụ Nguyên sẽ cậy họ đem theo. Nay gởi trước phiếu giao sách kèm theo thư để khi sách gởi đến sẽ có cái để dựa theo đó mà kiểm nhận.

516. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ năm)

Nhận được thư hôm trước, biết lệnh từ niệm Phật vãng sanh, khôn ngăn mừng cho lệnh từ, xót cho các hạ. Tuy nhiên, lệnh từ đã siêu phàm nhập thánh, cố nhiên chẳng cần phải bi thương vô ích giống như kẻ thế tục. Các hạ đề xướng Tịnh độ, thoạt đầu lệnh phu nhân vãng sanh, nay thì lệnh từ vãng sanh. Đủ thấy "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh; đạo do người hoằng, hễ đề xướng ắt có người phụ họa". Nhưng do Quang bận bịu đến cùng cực, chẳng thể soạn thuật ngay, cảm thấy thiếu sót đến cùng cực.

Tôi sửa chữa đôi chút cuốn Tam Tự Kính[537], hôm trước Tuyết Tinh đến đây cầm đi, ông ta muốn sao lục, liền thay mặt gởi đi. Truyện của lệnh từ thật quá sơ sài, nay tôi đem nguyên cảo gởi trả lại kèm theo thư, xin hãy thêm thắt sửa đổi, sao cho truyện được hoàn bị. Lại nên bảo Hữu Bằng[538] sao ra mấy bản, gởi cho các tờ báo Phật giáo. Do gần đây Quang bận bịu quá nhiều việc, chẳng thể sửa chữa cặn kẽ được.

Tám gói sách đã gởi trước đây, ông đều nhận được rồi, tôi yên tâm lắm. Quang định sẽ diệt tung tích ẩn náu lâu dài vào cuối tháng 9 do chuyện thù tiếp ngày một nhiều, tinh thần ngày một giảm. Nếu chẳng ẩn dật lâu dài, chắc sẽ quanh năm suốt tháng bận bịu vì người khác, chẳng có lúc nào ngơi. Tất cả những bản gốc của các sách được in gần đây đều giao hết cho Cư sĩ lâm, họ tính mở Phật Học Thư Cục để lưu thông rộng rãi. Chẳng qua họ mang tánh chất doanh nghiệp, so với Hoằng Hóa Xã của Quang chỉ tính giá vốn thì giá sách của Phật Học Thư Cục sẽ đắt gần gấp rưỡi.

517. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ sáu)

Pháp danh của bảy người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác, thời cuộc nguy hiểm, hãy nên bảo ai nấy đều ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm để cầu Phật, Bồ-tát gia bị, khiến cho chiến sự sớm chấm dứt, ngõ hầu nước nhà đều được yên vui. Điều quan trọng nhất là phải biết nhân, hiểu quả. Nước ta loạn

[537] Tam Tự Kính (không phải là cuốn Tam Tự Kinh để dạy vỡ lòng cho trẻ của Nho gia) là một tác phẩm của Giang Dịch Viên nêu lên những gương niệm Phật, lợi ích do niệm Phật, cũng như khuyên nhủ nên niệm Phật, do mô phỏng theo lối văn vần ba chữ một của Tam Tự Kinh nên đặt tên như thế.
[538] Hữu Bằng là con trai của Giang Dịch Viên.

lạc đến cùng cực như thế này đều là do người đời trước cao giọng đề xướng học thuyết bài bác nhân quả, coi "hễ có làm gì để làm lành thì đấy là làm ác" mà ươm thành. Nếu vẫn chẳng chịu nói điều này mà muốn cho thiên hạ thái bình thì sợ rằng sẽ chẳng có ngày ấy đâu!

518. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ bảy)

Đã lâu chưa gởi thư, tháng trước lệnh điệt Thủ Tiên đã gởi Tục Thi[539] đến, Quang do bận bịu cùng cực, phải đến hơn nửa tháng mới xem trọn hết đầu đuôi. Tôi cảm thấy Ấn Quang Văn Sao Tục Biên so ra còn quan hệ lớn lao hơn Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, do vậy gởi đi, chắc anh ta đã gởi thư báo tin rồi. Trước tác của các hạ có ích rộng lớn, thi văn đáng để dẫn dắt kẻ không có lòng tin sanh khởi lòng tin. Xin hãy giữ gìn sức khỏe để tu trì tịnh nghiệp.

519. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Thành

Nhận được thư đầy đủ. Trong khoảng xuân - thu năm sau, Quang vẫn còn có nhiều chuyện phải lo liệu, chẳng có lúc nào rảnh rỗi để đi tới một chỗ nào cả. Chỉ có vào mùa đông là muốn sang chỗ ấm áp để tránh rét, sau đấy sẽ hành tung bất định, đến đâu cũng là nhà. Chưa đầy dăm ba tháng sau, lại qua chỗ khác để khỏi phải thù tiếp thư từ đến nỗi tự hỏng chuyện liễu sanh tử của chính mình.

Trong bài kệ niệm Phật, có những đoạn văn nghĩa của phần trên và phần dưới chẳng liên quan mật thiết, hoặc âm vận chẳng phù hợp, hoặc có chỗ dùng chữ chưa khéo, tôi đều sửa đổi đôi chút. Bài kệ cuối cùng và bài kệ theo lối mỗi câu năm chữ tiếp ngay sau đó, ngữ ý quá ngạo mạn nên tôi sửa đổi. Phàm làm người chớ nên tự cao tự đại; tự đại thì người khác chẳng trọng, chớ nên không biết điều này!

Long Thư Tịnh Độ Văn chưa gởi, vì số sách tôi có thì đã gởi đi hết không còn. Tác phẩm này đắt lắm, mỗi cuốn là ba cắc, vì thế không đủ sức để in nhiều. Những vị như Vương Châu Thị v.v. đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho họ, Vương Châu Thị pháp danh là Huệ Thục, Mã Viên Thị pháp danh là Huệ Ý, Viên Tam Thư pháp danh là Huệ Trinh. Xin hãy bảo bọn họ đều y theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tự hành, lại còn dạy người thì sẽ chẳng thẹn là đệ tử đức Phật. Tôi bận bịu đa đoan, chẳng rảnh rỗi để nói cặn kẽ được.

(Mồng 10 tháng Chạp, viết dưới đèn)

---

[539] Tức tác phẩm Dương Phục Trai Thi Kệ Tụng Tập của Giang Dịch Viên, tổ Ấn Quang có viết lời đề từ cho tác phẩm này. Xin xem lời đề từ ấy trong cuốn 4 của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên.

520. Thư trả lời cư sĩ Vương Trí Trác

Chúng sanh trong đời mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng cậy vào Phật lực quyết khó được như nguyện. Các pháp môn trong các tông đều nên nghiên cứu, nhưng kẻ trí thức nông cạn, ít ỏi, việc đời bận bịu làm sao lo trọn được? Muốn học các tông khác, ắt phải đã thông suốt hoàn toàn Tịnh độ, trọn chẳng có nghi hoặc gì thì mới được. Chứ nếu chưa thông Tịnh độ, vừa học các tông khác, hễ hơi có sở đắc sẽ gác bỏ Tịnh độ ra ngoài. Như vậy thì lợi ích đạt được trong tương lai chỉ có thể làm cái nhân đắc độ trong vị lai, chứ quyết chẳng thể thoát sanh tử ngay trong đời này! Đối với Tịnh độ ông còn chưa biết đường lối, sao lại muốn học Duy thức? Người học Phật hiện thời quá nửa đều thuộc hạng ham cao chuộng xa, muốn thành bậc thông gia trước mặt đại chúng, chứ trọn chẳng học Phật để liễu sanh tử.

Ông muốn học Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. Người làm được như thế sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu hành vi trái nghịch với Phật, dẫu có tu chuyên ròng cũng khó thể cảm ứng được Phật, bởi tâm hạnh đã trái nghịch với Phật. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Trác, nghĩa là dùng trí tuệ để tự lập vững vàng thì sẽ tự được lợi ích chân thật.

Để dạy dỗ trẻ nhỏ, hãy thường lấy Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên làm cửa ngõ dẫn nhập đức hạnh, để cho trẻ ngay từ thơ ấu đã biết đạo làm người và lý nhân quả thì mai sau quyết định chẳng dám làm chuyện vượt lý phạm phận. Nếu không, chúng nó sẽ bị tà kiến dụ dỗ, chắc sẽ đến nỗi làm những chuyện giống những kẻ phế hiếu, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn như trong cõi đời hiện nay, vì trong hiện tại có quá nhiều những thứ tà thuyết như thế ấy! Nay gởi cho ông một gói sách, xin hãy đọc kỹ. Quang bận bịu đến tột cùng, đừng gởi thư đến nữa!

521. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm thán! Huệ Kính chí tâm hoằng pháp, đột nhiên qua đời, sợ rằng vẫn khó thể thật sự vãng sanh Tây Phương. Sanh tử nguy hiểm thật đáng kinh sợ, phải đề phòng sẵn. Tuy do người khác chôn cạnh mộ mẹ ông ta đến nỗi có chuyện xung phạm, nhưng nên biết rằng: Chuyện xung phạm ấy cũng là do túc nghiệp chiêu cảm. Nếu có đức lớn, chắc sẽ có chuyện bổ trợ bất ngờ để hóa giải sự xung phạm ấy. Chuyện này chỉ nên quy cho số mạng, đừng đổ lỗi cho người ta. Nếu đổ lỗi cho người ta, chắc đôi bên sẽ càng kết thêm oán nghiệp.

Xin hãy nói cặn kẽ cùng gia đình ông ấy: Ai nấy đều làm chủ đất của chính mình, chẳng thể làm chủ đất của người ta được. Nhà mình chôn trong đất của mình, chớ nên chôn trong đất của người khác. Đất của nhà người ta, há có thể ngăn người ta đừng chôn vào đấy ư? Đối với kẻ biết đạo lý ấy, dẫu thật sự xung phạm cũng chẳng dám oán người. Huống chi chưa thể phán quyết đích xác là do xung phạm mà chết ư? Do bởi lẽ này, quân tử chẳng oán trời hận người!

Ông nghe tiếng khánh trong trẻo vang động trong không trung, ấy chính là cảnh tượng được biến hiện khi thanh tĩnh đến cùng cực. Sau đấy, biết tiếng khánh trong trẻo ấy là do răng và lưỡi va vào nhau, chứ trọn chẳng phải cảnh được biến hiện ở bên ngoài. Biết được điều này thì mới chẳng đến nỗi sanh khởi ý tưởng hiếm lạ, huyền diệu rồi do đấy sẽ khởi tâm kiêu căng, chẳng được lợi ích.

Ông nói "có tiếng phát ra từ trong tai", nhưng các sách vở Tịnh độ chẳng đề xướng điều này. Bởi lẽ trong pháp môn Tịnh độ, điều cốt yếu là tín - nguyện - hạnh, những cảnh giới ấy vốn do mỗi người dụng công mà tự đạt được cảnh giới khác biệt, làm sao thiện tri thức có thể nêu rõ trước được. Nếu nêu rõ thì hành nhân sẽ được lợi ích ít ỏi, bị tổn hại lại nhiều.

Còn như sách Tự Tri Lục chuyên môn thuật bày những cảnh giới, nhưng thật ra những cảnh giới ấy vẫn là những cảnh giới biến hiện từ suy tưởng thuộc về mặt lý. Họ muốn dựa vào đó để khoe khoang môn đình bèn đặc biệt trình bày như những cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Quang không ngăn cản, chắc rằng họ sẽ in ra nhiều vạn cuốn để dẫn nhập người khác vào lối ma.

Công phu thanh tịnh của ông tuy tốt đẹp, nhưng đối với căn cơ và giáo vẫn còn thiếu từng trải nên mới nói lời ấy. Nếu từng trải, dẫu có sở đắc lớn lao, vẫn chẳng nghi cổ nhân giấu giếm! Lời dạy của Giang Công Vọng chính là nói về pháp phản văn (xoay tánh nghe lại để nghe nơi tự tánh). Khéo áp dụng sẽ có ích; không khéo áp dụng sẽ trở thành một môn chuyên cậy vào tự lực trong nhà Thiền. Phàm là người tu hành hãy nên giữ chánh niệm. Ngoại trừ Phật hiệu ra, tất cả các niệm đều chẳng để nẩy sanh, đó gọi là nhất tâm. Vì thế kinh Kim Cang dạy: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng."

Ông chỉ nhất tâm niệm Phật mà thôi, há nên lầm lạc muốn với cao pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Đại sĩ Quán Thế Âm. Ông phải biết, pháp phản văn của Đại sĩ hoàn toàn chẳng phải là nghe âm thanh, mà là nghe nơi tánh nghe. Vì thế nói: *"Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo"* (Xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo). Có âm thanh hay không đều nghe được cả. Nếu theo như ông nói thì ắt phải có âm thanh mới nghe được. Chúng ta niệm Phật, lắng nghe theo âm thanh niệm Phật ấy, cũng là mang hơi hướng phản văn,

đừng tự giữ lấy pháp Viên Thông mà hãy chuyên nhất lấy vãng sanh làm điều mong mỏi của chính mình thì sẽ có ích, không bị tổn hại. Nếu không, do hướng theo sự xoay lại nghe nơi tánh nghe, tâm bị chia chẻ bởi thói phân biệt pháp môn cao thấp thì vô lượng vô biên lợi ích chân thật sẽ bị đoạn hết bởi thói "biết nhiều, bàn lắm" ấy.

Bốn bài thơ ông đã soạn, thanh vận thanh tao, du dương, Quang vốn chẳng làm thơ nên không thể họa được. Hiện thời đang bận bịu trọn chẳng được rảnh rỗi, nên muốn diệt tung tích gấp. Lại còn có bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ khá có quan hệ đối với thế đạo nhân tâm vẫn chưa sắp chữ xong, chắc là suốt ngày lẫn đêm đều phải lo liệu. Hiện thời bản in theo cỡ chữ Tam Hiệu Tự đã sắp đặt xong, in ra một vạn bộ; sau hôm 20 sẽ có thể in ra sách, sẽ gởi tới mấy gói. Một vạn cuốn in trong lần hai đã được ấn hành. Lại còn ấn bản với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo vừa mới sắp chữ được một nửa. Nếu bản này sắp chữ xong, sẽ in một vạn bộ hoặc hai vạn bộ, rồi ra đi mãi mãi.

Ước chừng vào nửa sau tháng Chạp, tôi sẽ sang Hương Cảng để khỏi phải suốt ngày bận bịu thù tiếp thư từ đến nỗi lỡ làng đại sự của chính mình!

522. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông túc căn sâu dày, hạnh trong hiện tại khá thuần, vì thế mới có đủ mọi cảnh tướng thù thắng hiện ra. Nhưng người đời nay quá nửa là chuộng thể diện, xây lầu gác trên không, có một phần hay nửa phần bèn nói có trăm ngàn vạn phần. Như những cảnh giới trong cuốn sách của cư sĩ X… (tức cuốn Tự Tri Lục) hoàn toàn do ngọn bút vẽ vời, chứ không phải do tâm địa tạo thành. Cố nhiên ông không nói dối, nhưng tôi thật sợ ông có tập khí ấy thì lỗi chẳng nhỏ đâu!

Đức Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để ngăn ngừa thói tệ này. Nếu thấy mà nói chẳng thấy, chẳng thấy nhưng nói thấy thì thuộc vào loại vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, tức là phạm giới đại vọng ngữ. Nếu chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn nặng hơn giết trộm dâm trăm ngàn vạn ức lần. Nếu kẻ ấy chẳng cực lực sám hối thì khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa trong địa ngục A-tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc nghi ngờ. Ông phải rất thận trọng!

Cảnh thấy được một phân chẳng được nói một phân mốt, cũng chớ nên nói chín ly chín. Nói quá cũng là bị tội lỗi, mà nói giảm đi cũng không được! Vì sao vậy? Do tri thức chưa đắc tha tâm đạo nhãn, chỉ có thể phán đoán theo lời kể. Thứ

cảnh giới ấy nếu nói với tri thức để cầu chứng minh tà chánh, đúng sai thì không phạm lỗi gì. Nếu chẳng nhằm cầu chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang thì cũng chớ nên nói. Nếu nói với hết thảy mọi người sẽ mắc tội lỗi. Trừ để cầu tri thức chứng minh ra, đều chớ nên nói. Hễ nói ra thì sau này sẽ vĩnh viễn chẳng thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa đâu! Đây là cái ải lớn nhất cho người tu hành, trong giáo pháp của tông Thiên Thai đã nhắc đến nhiều lần.

Trong thời gần đây, sở dĩ nhiều kẻ tu hành bị ma dựa đều là do cái tâm vọng động, bộp chộp cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói cảnh ấy là cảnh ma, dẫu là cảnh thù thắng mà hễ nẩy sanh những tâm như tham đắm, hoan hỷ v.v. thì sẽ đều bị tổn hại, chẳng được lợi ích. Huống chi cảnh ấy còn chưa chắc đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, tâm không vọng động bộp chộp, không lòng tham đắm, thấy các cảnh giới mà hệt như chẳng thấy; đã chẳng sanh hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh sợ hãi, kinh nghi, đừng nói là cảnh thù thắng hiện ra sẽ có ích, dẫu cho cảnh ma hiện ra cũng vẫn có ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến hơn. Lời này chẳng thường nói với người khác, do ông có những chuyện ấy nên cố nhiên tôi chẳng thể không nói. Thoạt đầu ông lễ Phật, trông thấy hình tượng Đại sĩ hiện ra, tượng ấy không đích xác là do Đại sĩ biến hiện! Bởi nếu đúng là thật thì sẽ chẳng vì do ông nghĩ tượng ấy chẳng hợp với những điều được mô tả trong Quán kinh bèn ẩn mất; nhưng do đấy mà lòng tin của ông càng tha thiết thì cũng là nhân duyên tốt đẹp. Tuy vậy chớ nên thường muốn thấy hình tượng của Đại sĩ, chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi để khỏi phải lo nghĩ gì khác.

Lúc ngủ thấy trước mắt có ánh sáng trắng và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng lơ lửng trên hư không tuy thuộc về thiện cảnh, chớ nên tham đắm! Từ nay đừng lấy đó làm điều mong mỏi thì những tướng ấy sẽ chẳng hiện nữa. Trộm xem căn tánh của ông, tợ hồ trong đời trước đã từng tu tập thiền định nên mới nhiều lần thấy tướng ấy.

Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy[540] bế tử quan nơi chỗ ngài Cao Phong trên núi Thiên Mục, tịnh tu đã lâu, liền có tài tiên tri. Có thể đoán trước trời âm u hay

[540] Ngu Thuần Hy (1533-1621), tự Trường Nhụ, quê ở huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang. Ông có tướng lạ là khi ngủ không nhắm mắt. Lúc mới 3 tuổi đã niệm Phật suốt ngày không ngừng. Niệm đến nỗi hoa sen, cây báu hiện bóng trong phòng. Ông đem chuyện này kể với bà nội, bà bảo: "Đấy là cảnh giới trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc." Tuy vậy, bà cụ vẫn dạy cháu tu thiền định (đáng tiếc thay, kẻ không thông hiểu, vô tình phá hoại, ngăn trở túc căn của người khác). Về sau, ông cùng với em là Thuần Trinh nghiên cứu giáo nghĩa tông Thiên Thai trong thời gian cư tang mẹ. Trong thời gian chưa hiển đạt, để kiếm sống, ông làm

trong sáng, họa phước của người khác. Ông ta quy y với đại sư Liên Trì, đại sư nghe chuyện liền gởi thư tận lực quở trách, bảo ông ta đã lọt lưới ma. Về sau ông ta không biết nữa!

Cần biết rằng, người học đạo phải biết lẽ lớn lao, nếu không sẽ do được lợi ích nhỏ nhặt mà bị tổn hại to lớn. Đừng nói những thứ cảnh giới ấy, ngay như thật sự đắc ngũ thông cũng chẳng bận tâm đến thì mới hòng đắc lậu tận thông. Nếu tham đắm, chắc sẽ khó tấn tu, hoặc bị thoái đọa, chẳng thể không biết điều này.

Hai câu kinh văn như ông đã nhớ trong giấc mộng vào điện Phật cố nhiên thuộc thiện cảnh, hai câu ấy ngụ ý thật rõ ràng: *"Phản hư y giác lộ, quy chân ngộ thường không"* (Quay lưng với sự hư huyễn, đi theo con đường giác, theo về với lẽ chân sẽ ngộ lẽ thường không). Nghĩa là con người lầm tưởng các pháp thế gian là thật, nên mê muội vào trong sanh tử. Nếu có thể quán ngược lại, hướng theo bản thể của các pháp vốn không thì sẽ nương theo đường giác, thoát mê nhập ngộ, quy chân đế, ngộ chân không thật tướng chân thường.

Cảnh ma và cảnh thù thắng được phân biệt ở chỗ nó có hợp với kinh giáo hay không? Nếu là thánh cảnh, cảnh ấy sẽ làm cho tâm địa của người trông thấy liền được thanh tịnh, trọn không có tâm vọng động, bộp chộp, chấp trước. Nếu là cảnh ma thì hễ trông thấy cảnh ấy thì tâm liền chẳng thanh tịnh, liền sanh lòng chấp trước, vọng động, bộp chộp v.v..

Hơn nữa, Phật quang tuy cực sáng ngời, nhưng chẳng lóa mắt. Nếu ánh sáng chói mắt tức là không phải quang minh của đức Phật thật sự. Khi Phật hiện mà dùng lý "phàm những gì có tướng đều là hư vọng" để khám nghiệm thì càng rõ

---

thầy đồ dạy học, thường dạy học trò tu *sổ tức quán*, khiến phụ huynh của chúng rất bực mình. Sau khi đậu tú tài, ông cùng người trong xã tụng Lương Hoàng Sám cảm được quang minh đủ màu chiếu xuống rực rỡ, đang trong tiết đông mà hoa nở tươi thắm. Năm Vạn Lịch 14 (1583) ông đậu tiến sĩ, ra làm quan. Do cư tang cha bèn dựng lều tranh bên cạnh mộ cha suốt ba năm.

Sau thời gian cư tang, ông lại ra làm quan, giữ chức Viên ngoại ở bộ Lễ, không lâu sau trở về, nhập tử quan ẩn tu ở chỗ thiền sư Cao Phong trên núi Thiên Mục, ngày đêm tinh tấn dụng công đến nỗi có khả năng tiên tri được đủ mọi chuyện. Người kéo đến hỏi cát hung nườm nượp. Vị thầy quy y của ông ta là đại sư Liên Trì nghe chuyện than dài: "Chàng họ Ngu đã đọa trong lưới ma mất rồi!" Rồi gởi thư thống trách, ông ta mới thôi nói chuyện tiên tri. Ông quyết chí tinh tấn tu thiền, đến ngày thứ 21, quá mệt mỏi, sắp gục xuống gối ngủ, bỗng thấy dường như thiền sư Cao Phong đậu trên cánh tay trái, ngay lập tức có chỗ ngộ, bèn xuống núi cầu ấn chứng với đại sư Liên Trì.

Đại sư dạy: "Phàm là người từ trong mộng tỉnh giấc, nếu chẳng chải gỡ, rửa ráy, đội khăn, lại gối đầu lên mền bông, chắc chắn sẽ ngủ thiếp đi rất nhanh. Người từ trong u mê tỉnh ngộ, nếu chẳng vãng sanh trong Tịnh độ trang nghiêm, cứ thân cận thế giới uế trược, chắc chắn sẽ lại mê mất. Hoa sen trong lửa dễ khô héo, trúc mới mọc dễ gãy. Ông phải tự mình suy nghĩ đắn đo, ngàn vạn phần chớ nên để một điểm tỉnh ngộ này ngăn trở bước tiến trên con đường tu hành." Họ Ngu y giáo phụng hành, suốt đời tu tập pháp môn Tịnh độ (theo Đức Viên Tập).

rệt; nếu ma hiện mà dùng lý ấy để khám nghiệm nó sẽ ẩn mất. Cách khám ấy là lò luyện lớn để nghiệm chân ngụy vậy.

Ban đêm thấy ánh sáng trắng và những cảnh trong trắng trên hư không v.v. đều là do tâm tịnh mà biến hiện, há nên coi đấy là pháp giới nhất tướng tịch chiếu bất nhị? Nếu tưởng như vậy, sẽ thành "đem phàm lạm thánh", tội ấy thật chẳng nông cạn đâu nhé! Hai câu kinh văn ông vừa nói trên đây chưa rõ xuất xứ, chắc đấy cũng là lời văn trong ký ức từ đời trước, chứ chưa chắc là kinh văn.

Người tu tịnh nghiệp chẳng chú trọng các thứ cảnh giới, nên cũng không có nhiều cảnh giới phát sanh cho lắm. Nếu trong lòng chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới sẽ nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, ắt đến nỗi tự bị tổn hại, chẳng thể không biết điều này! Lời của vị đầu-đà kia nói chính là đạo lý trong nhà Thiền, ông ta chưa đả phá Tịnh độ thì cũng là điều hay, nhưng trọn chẳng biết đến tông chỉ Tịnh độ nên mới đem Tịnh độ đối chiếu với Thiền để bàn luận. Câu nói "chú trọng cảnh thù thắng, ánh sáng tốt đẹp" của ông ta cần phải hết sức châm chước, nếu không sẽ gây lầm lẫn cho người khác chẳng cạn. Ông ta lại nói: "Chớ nên chấp trước, bởi lẽ Phật pháp vô lượng, hễ chấp sẽ thành hữu lượng, sẽ chẳng nhập trí Phật được." Nào phải chỉ chẳng nhập trí Phật, mà còn có thể lọt vào ma giới nữa kia! Còn như ông ta nói "ai có Phật nấy" thì chính là lời lẽ nhà Thiền ước theo lý nơi tâm để luận, chẳng ăn nhập gì với Tịnh tông hết.

Ánh sáng trắng trong vắt trên hư không vẫn chỉ là công đức nhỏ bằng đầu sợi lông của Như Lai, sao ông lại hiểu lầm là pháp giới nhất tướng, tịch chiếu bất nhị? Thật ra đấy chính là cảnh định trong đời trước do tâm tịnh mà hiện ra, cho nên ông đừng nghĩ đấy là chuyện lạ lùng đặc biệt.

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông. Có tín nguyện, bất luận hành nhiều hay ít, sâu hay cạn đều được vãng sanh. Không có tín nguyện, dẫu đạt đến địa vị "năng sở đều mất, sáu căn thoát hẳn sáu trần"[541] vẫn khó được vãng sanh. Do nếu thật sự chứng được thật lý "năng sở đều mất, sáu căn thoát hẳn sáu trần" sẽ liền có thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử, người như vậy không cần phải bàn tới nữa. Chứ nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, vẫn chưa thật chứng mà nếu không có tín nguyện thì cũng khó vãng sanh.

[541] Nguyên văn "căn trần huýnh thoát", đây là một thuật ngữ trong tông Thiên Thai, chỉ cảnh giới đã đạt được đến mức tâm thanh tịnh, các căn không bị các trần làm ô nhiễm nữa nên gọi là "thoát". Do những đối tượng bên ngoài không còn bị ô nhiễm bởi các phiền não bên trong nên chúng được nhận biết khách quan như gương chiếu bóng, nên khi ấy sáu trần không còn gọi là trần nữa mà gọi là cảnh. Vì thế gọi là "huýnh thoát" (vượt khỏi hẳn, vượt xa).

Thiền gia hễ nói tới Tịnh độ đều quy về Thiền tông, không nhắc tới tín nguyện. Nếu y theo đó mà hành thì vẫn có thể khai ngộ, nhưng chưa đoạn hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì có mộng cũng chẳng mơ được đâu! Vì phàm phu vãng sanh là do tín nguyện cảm Phật nên có thể cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh. Nay đã chẳng sanh lòng tín nguyện, lại đem mỗi một lời đức Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật được. Cảm và ứng chẳng phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật. Đem pháp hoành siêu (vượt thoát theo chiều ngang) dùng làm pháp thụ xuất (thoát ra theo chiều dọc) thì sẽ đạt được lợi ích nông cạn, bị tổn hại sâu xa. Chẳng thể không biết điều này. Chỗ được lợi ích là nghe theo lời nói ấy thì cũng có thể khai ngộ, nhưng chỗ bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì sẽ không cách gì cậy vào Phật từ lực được. Do vậy tôi nói: "Người thật sự tu Tịnh độ chẳng dùng đến khai thị của nhà Thiền là do pháp môn và tông chỉ bất đồng." Xin hãy sáng suốt soi xét. Nếu chẳng nghĩ như vậy là đúng thì xin hãy thưa hỏi nơi bậc đại thông gia cho khế hợp tâm chí của ông. Cố nhiên Quang không chấp trước!

523. Thư trả lời hai vị nữ cư sĩ Huệ Thục và Huệ Khánh

Con người sống trong thế gian ắt phải trọn hết chức phận của chính mình, có trọn được hết chức phận của chính mình thì mới chẳng phụ ân "trời che đất chở, mặt trời, mặt trăng chiếu soi, cha mẹ sanh thành, sư trưởng giáo huấn". Nếu không, tuy mang tiếng là người, nhưng thật sự chẳng khác gì cầm thú cho lắm, sẽ thành phường sống uổng chết phí, tương lai trầm luân trong ác đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn sao?

Nói tới chuyện trọn hết chức phận thì đối với thân phận nữ nhân, quả thật chuyện ấy có quan hệ lớn lao nhất nhưng trọn chẳng tỏ lộ dấu vết. Cõi đời bình trị hay loạn lạc, gia đình hưng thịnh hay suy sụp đều do nữ nhân có trọn hết chức phận hay không?

Chức phận của nữ nhân như vừa mới nói đó chính là "hiếu thảo đối với bố mẹ chồng, hòa thuận với chị em dâu, giúp chồng dạy con v.v.". Bởi lẽ nữ nhân có thể hiếu thảo, hòa thuận, ôn nhu, cung kính, đấy chính là "nghi gia"; có thể giúp đỡ chồng khiến cho đức hạnh lẫn nghề nghiệp của ông ta ngày càng tiến triển, lỗi lầm ngày một ít, đấy chính là "nghi thất"[542]. Hễ nghi thất nghi gia thì con cái nhìn

[542] "Nghi thất nghi gia" là một thành ngữ chỉ gia đình êm ấm, vợ chồng hòa thuận. Từ ngữ này xuất phát từ câu thơ Đào Yêu trong phần Chu Nam của kinh Thi: *"Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa. Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia"* (Cây đào mơn mởn, chi chít những hoa. Cô về nhà chồng, yên cửa vui nhà).

vào sẽ được cảm hóa, đều thành hiền thiện, con cái đã thành hiền thiện thì từ đấy trở đi, con cháu đời đời đều thành hiền thiện.

Vì thế Quang thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân nắm quá nửa." Lại nói: "Dạy con là cái gốc để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng quan trọng hơn." Nếu không, chẳng những nữ nhân không thể giúp chồng dạy con thành người lành được, mà ngược lại sẽ giúp chồng dạy con thành kẻ ác đến nỗi trở thành tình thế vô pháp vô thiên như trong ngày nay.

Các bà đều có thiện căn từ đời trước, được làm vợ chồng với Huệ Dung, tuy sanh nhằm thời Phật pháp tàn diệt, nhưng may mắn được nghe pháp môn Tịnh độ là pháp môn phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Chỉ cần chịu sanh lòng chân thật, phát nguyện thiết tha, xưng niệm vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật, chắc chắn sẽ tiêu trừ hoặc nghiệp, tăng trưởng thiện căn trong đời này. Khi lâm chung, nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, quả thật là vô thượng đại pháp chẳng dễ gì gặp được trong ngàn đời vạn kiếp.

Các bà đã là chị em với nhau qua tình vợ chồng, ắt phải yêu thương, kính trọng lẫn nhau, khuyên răn, khích lệ lẫn nhau. Chớ nên giống bọn nữ nhân vô tri chưa nghe biết đạo: Hằng ngày cứ chuyên tranh cãi, ghen ghét, báng bổ, hạ nhục lẫn nhau. Như thế thì tâm địa ngày một tối tăm, phước thọ ngày một thu hẹp, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ khó khỏi đọa lạc trong ba ác đạo. Nỗi khổ ấy chẳng thể nào diễn tả được đâu!

Các bà đã cùng quy y, tức là đồng môn, đồng tu tịnh nghiệp, tương lai cùng sanh Tịnh độ, cùng thấy A-di-đà Phật, cùng nghe Phật pháp, cùng chứng vô thượng đạo. Trong lúc này mọi người đều cùng đồng tâm tận lực tu trì, há chẳng gắng công ư? Do Huệ Dung muốn cho hai người quý vị cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật nên mới xin Quang đặt pháp danh cho hai bà và khai thị. Vì vậy tôi mới nói dài dòng như thế, thật sợ các bà tự nghĩ mình kém hèn, nhỏ nhoi, chẳng biết một niệm tâm tánh của chúng sanh và Phật trọn chẳng khác gì, nhưng do mê ngộ khác nhau đến nỗi khác biệt vời vợi một trời một vực. Nay giảng đại lược nguyên do, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, hãy xin Huệ Dung giảng cho các bà thì sẽ đều biết rõ vậy.

524. Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như

Nhận được thư, biết lệnh thúc[543] sống chết khá kỳ lạ. Các hạ nói đến chuyện lệnh thúc sau khi mất, chuyển sanh làm thần già-lam[544] vốn là chuyện thực tình, nhưng đấy là tiểu già-lam, chứ không phải là đại già-lam. Ông ta ăn chay, tụng kinh đều do túc căn xui khiến, tiếc chưa từng được gặp tri thức của pháp môn Tịnh độ, đến nỗi mất đi vẫn đầu thai trong hàng hộ pháp có thần thông. Người ấy tri kiến giống với kẻ bình thường, còn đối với cảnh giới của Đại sĩ đều chưa từng thấy. Nếu có thể dùng trí lực để biết đến cảnh giới của Đại sĩ, sẽ trọn chẳng đến nỗi sống hồ đồ suốt cả một đời rồi vẫn sanh làm một vị thần hộ pháp có thần thông.

Lệnh đệ chẳng vì chuyện này mà cực lực chú trọng vun bồi sự Tây quy cho cụ, cứ vẫn muốn làm thế nào để tăng tiến địa vị cho ông cụ. Tâm ấy cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nếu dựa theo thật lý để tính toán cho lệnh thúc thì hãy nên khuyên con trai ông cụ thành kính tột bậc để vun bồi nơi pháp môn Tịnh độ, hồi hướng cầu cho cụ thoát khỏi chức cũ trong thần đạo, sanh vào Cực Lạc Phật quốc.

Nói đến chuyện vun bồi công đức thì mở mang tri thức cho người khác là bậc nhất. Hiện thời Tăng Quảng Văn Sao đã sắp chữ xong xuôi, nhưng vẫn chưa kết thúc. Đợi cho Thọ Khang Bảo Giám sắp chữ xong sẽ thôi không đưa thêm bài vào bộ Văn Sao nữa, cho in ra. Hiện thời đã dày tới 420 trang, nhưng vẫn chưa định được số trang thật sự. In chữ lớn thì mỗi bộ phải trên dưới 8 cắc, vì trong năm ngoái tiền in mỗi cuốn Đại Sĩ Tụng phải tốn đến 3 cắc 4 xu, mà Đại Sĩ Tụng chỉ có 210 trang. Sách này (tức Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên) sẽ phải đắt gấp đôi.

Gần đây chiến sự dồn dập, giá giấy tăng vùn vụt, nếu lệnh đệ chịu bỏ tiền in bao nhiêu bộ để tự mình thí tặng ngõ hầu hết thảy những người đọc Văn Sao đều biết nguyên do vãng sanh Tịnh độ; đem công đức ấy để làm bằng khoán vãng sanh cho cha, lại thêm chí thành, ắt sẽ được như nguyện, sẽ có lợi ích công đức chân thật nhất. Tuy tợ hồ chẳng dính líu đến Phổ Đà, nhưng cũng chẳng phải là không dính líu, vì mọi người đều nói "Phổ Đà Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao" vậy. Tiếp theo đó, tôi phải giám đính Phổ Đà Sơn Chí, giám đính xong sẽ cho khắc ván, khoảng xuân - hè năm sau sẽ in thành sách. Nếu chịu bỏ tiền in để hồi hướng thì so ra càng thù thắng lâu dài hơn những thứ công đức khác.

---

[543] Tiếng gọi nhằm tỏ vẻ kính trọng chú của người khác.

[544] Thần già-lam hiểu theo nghĩa rộng là chư thiên, thiện thần thủ hộ nhà chùa. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì từ ngữ già-lam chỉ cho 18 vị thiện thần thủ hộ các chùa. Theo kinh Thất Phật Bát Bồ-tát Sở Thuyết Đại Đà-la-ni Thần Chú, quyển 4, tên của 18 vị già-lam là: Mỹ Âm, Phạm Âm, Thiên Cổ, Xảo Diệu, Thán Mỹ, Quảng Diệu, Lôi Âm, Sư Tử Âm, Diệu Mỹ, Phạm Hưởng, Nhân Âm, Phật Nô, Thán Đức, Quảng Mục, Diệu Nhãn, Triệt Thính, Triệt Thị, Biến Quán.

525. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ nhất)

Nhận được thư khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Phương cách biên soạn tác phẩm lớn lao[545] như ông đã trình bày cho thấy ông trống lòng, chẳng ỷ vào ý kiến của chính mình, tôi hết sức khâm phục. Những kẻ hoằng pháp hiện thời thường muốn dẫn dắt người khác vào trong Phật pháp, nhưng trước hết chính mình đã phải chiều theo ý thích của người ta để làm thì đại thể đã mất[546], làm sao có thể khiến cho người khác trọng pháp được? Thoạt đầu các hạ phỏng theo cách thức mới, nay vẫn muốn khiến cho đại chúng chẳng giẫm theo thói tệ khinh pháp, đáng gọi là "thật sự thấu hiểu thể thống hoằng pháp".

Còn như Ấn Quang Văn Sao thì quả thật văn chương chất phác, kém cỏi khó thể chịu đựng được, nhưng đối với kẻ sơ cơ cũng chẳng phải là không tạo được lợi ích nhỏ nhặt. Do vậy, suốt mấy năm qua đã được sắp xếp ấn hành năm lần: Khắc ván một lần, bản khắc ấy hiện còn giữ tại Dương Châu; Từ Úy Như in hai lần ở Bắc Kinh, in một lần tại Thượng Hải. Trước kia Quang in một lần, nay lại in một lần nữa. Trong tháng 4 sẽ có thể ra sách, in ra được mấy vạn. Bản in lần này nhiều hơn lần trước 120 trang, đặt tên là Tăng Quảng Ấn Quang Văn Sao. Thường có người gởi thư yêu cầu, đủ biết phần nhiều kẻ sơ cơ phát tâm chẳng vì văn chương chất phác kém cỏi mà chê bỏ.

Các hạ lại chọn lấy những điều trọng yếu, phân môn chia loại để lưu truyền, so với trọn bộ sách sẽ tốn kém ít hơn mà lợi ích nhiều hơn, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn! Lúc Quang mới xuất gia, thấy các tri thức dạy người khác tu trì, trọn chẳng nhắc đến những chuyện nhân quả, luân thường v.v., đến nỗi có kẻ tu trì khá tốt đẹp, nhưng đối với luân thường chẳng thể nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình; do vậy đã khiến cho những kẻ chẳng biết đến chân lý Phật

---

[545] Tức cuốn Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục do Lý Viên Tịnh biên soạn.

[546] Ở chỗ này nếu không chú ý sẽ dễ hiểu lầm ý tổ nên chúng tôi xin mạn phép giải thích thô thiển như sau: Để hoằng pháp hữu hiệu, người đứng ra hoằng pháp đừng cậy theo thiên kiến của chính mình, mà phải quán sát thời cơ, căn tánh của đại chúng đương thời để hoằng dương đúng pháp sao cho giản tiện, thiết thực, đừng bày vẽ những chuyện lập dị, phô trương; chẳng hạn tu Tịnh độ mà chuyên chú trọng thấy tướng hảo, cầu thần thông, hoặc xen tạp thật nhiều Mật chú nhằm phô trương thần thông, kiến thức, hoặc áp dụng phương cách tọa thiền để trì danh, hoặc mong được người khác ca ngợi, cầu sau khi chết sẽ lưu lại xá-lợi, hoặc khoe khoang, bịa đặt cảnh giới chứng đắc, quên bẵng mục đích chính là cầu được vãng sanh, khiến cho tăng tục không thể chuyên tu. Tiếp đó, khi hoằng pháp phải tỉnh táo noi theo đúng chương trình ban đầu, đừng vì nể nang hay tài lợi mà chiều theo ý thích của một số đàn-na thí chủ sẵn tiền bạc để rồi sửa đổi chương trình theo đúng ý những người ấy, không quan tâm đến chương trình tu tập có thật sự đem lại lợi ích thiết thực cho những người khác hay không. Do người có tiền, có thế lực có thể chi phối đạo tràng thì làm sao họ còn tôn trọng pháp sư, tôn trọng pháp được hoằng dương bởi pháp sư hay thiện tri thức nữa!

pháp phần nhiều dấy lòng báng bổ. Quang ôm ấp ý nguyện uốn nắn thói tệ ấy đã lâu. Vì vậy trong hết thảy những bài viết lách đều nhắc đi nhắc lại. Nếu các hạ chẳng cho những gì tôi đã nói là thừa thãi, có lẽ nên sao lục những lời đó để giúp vãn hồi thế đạo nhân tâm.

Các hạ chưa đầy 30 tuổi mà đã hiện tướng suy yếu, cố nhiên hãy nên bỏ cái học rộng rãi để giữ lấy chỗ ước lược, hãy chuyên tu tịnh nghiệp. Khi tịnh nghiệp đã thành tựu lớn lao rồi, sẽ hoằng dương các pháp khác ngõ hầu thật sự tự lợi lợi tha. Nếu không, tuy có thể lợi người, nhưng những pháp ấy vẫn chưa phải là đạo rốt ráo để được thoát sanh tử ngay trong đời này, mà đối với chuyện thuộc về bổn phận của chính mình thì chưa thể đoạn sạch phiền hoặc để liễu sanh tử.

Lại do chưa hoàn toàn chuyên chí nơi tịnh nghiệp, chắc sẽ nương vào giáo nghĩa theo đường lối thường rồi nghi ngờ pháp môn đặc biệt. Nếu vậy, sẽ không thể nhờ vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh được đâu. Tuy đã gieo thiện căn, nhưng vẫn là chén bát chưa nung, hễ gặp trận mưa tái sanh ắt bị hư nát, đáng tiếc lắm thay! Sư Hiển Ấm sẵn lòng đại từ bi, đặc biệt sợ bọn thanh niên thông minh sẵn có huệ căn bị mất đại lợi ích, nên hiện ra tướng trạng đáng để dè dặt, răn nhắc[547] ấy. Điều ấy chưa bao giờ không phải là khai thị chân thật để sâu xa khuyên nhủ các hạ tận lực tu trì tịnh nghiệp vậy.

526. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ hai)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Bản biên tập này của các hạ đúng là mày - mắt rành mạch, lợi người nhiều lắm! Trộm nghĩ, những đoạn được trích lục trong bộ sách này đều lấy từ phần thư từ, nhưng ngay trong những phần luận, sớ, tựa, bạt v.v. cũng có những đoạn có thể trích lục, chứ không phải là thư từ thì trích lục được, còn những phần khác đều chẳng nên trích lục.

Hơn nữa, cuốn sách này vốn là sách trích lục, cố nhiên chẳng cần phải sợ bị phạm lỗi "cắt xén chương đoạn để chọn lấy nghĩa"; nhưng trong thời thế hiện tại, càng phải nên chú trọng nhân quả, thành kính, luân thường, coi đó là nhiệm vụ

[547] Sư Hiển Ấm là đệ tử của pháp sư Đế Nhàn, cực thông minh, chưa đầy 20 tuổi đã thông thạo giáo nghĩa tông Thiên Thai, qua Nhật học Mật tông, sau 3 năm đã thấu hiểu giáo nghĩa Mật tông. Do quá thông minh nên đâm ra ngạo nghễ, thường viết những bài gởi đăng trên tờ Hải Triều Âm đề cao Mật tông, cho rằng các tông phái khác đều là thấp kém, và chỉ có mình mới hiểu đúng Mật tông. Khi sư trở về nước, đến gặp thầy với vẻ hiu hiu tự đắc. Pháp sư Đế Nhàn từ bi khuyên Hiển Ấm nên ẩn cư hàm dưỡng cho sâu dày rồi mới ra hoằng pháp để tránh va vấp, nhưng Hiển Ấm lại tưởng lầm thầy mình đố kỵ, cố tình chèn ép, nên đau bực đến nỗi ngã bệnh. Trong khi bị bệnh vẫn dùng thế trí biện thông để tranh biện với những ai vấn nạn, nên cuối cùng đã phải kiệt sức chết khi chưa đầy 24 tuổi. Khi mất, sư thần trí mê loạn, không niệm Phật mà cũng không trì chú được nên rất khó thể khỏi bị đọa.

trọng yếu để cứu quốc cứu dân, hoằng pháp lợi sanh. Phàm những đoạn văn nào liên quan đến những ý nghĩa ấy có lẽ nên thu thập cho nhiều.

Ông lập ra mười khoa, khá là thông suốt. Đôi khi có những chỗ câu chữ không đều và những chữ không trôi chảy rõ ràng cho lắm, do vậy tôi bèn liệt kê mười khoa ấy như sau:

1. Tán Tịnh độ siêu thắng (khen ngợi Tịnh độ siêu việt, thù thắng)
2. Giới tín nguyện chân thiết (răn nhắc tín nguyện phải chân thật, thiết tha)
3. Thị tu trì phương pháp (dạy về phương pháp tu trì)
4. Luận sanh tử đại sự (bàn về đại sự sanh tử)
5. Miễn cư tâm thành kính (gắng giữ lòng thành kính)
6. Khuyến chú trọng nhân quả (khuyên chú trọng nhân quả)
7. Phân Thiền Tịnh giới hạn (phân định giới hạn giữa Thiền và Tịnh)
8. Thích phổ thông nghi hoặc (cởi gỡ những ngờ vực phổ biến)
9. Dụ tại gia thiện tín (khuyên nhủ hàng thiện tín tại gia)
10. Tiêu ưng độc điển tịch (liệt kê những kinh sách nên đọc).

Xin ông hãy cân nhắc!

527. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ ba)

Quang thường nói: "Giáo dục trong gia đình chính là cái gốc để trị an. Nhân quả báo ứng chính là pháp để chế ngự cái tâm!" Trong gia đình, sự dạy dỗ của mẹ là trọng yếu. Nếu có mẹ hiền, trong thuở thơ ấu con cái lại thường được giảng giải về nhân quả thì khi những đứa con ấy lớn khôn chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi làm những chuyện nghịch trời tổn đức v.v.. Tiếc cho những người hướng dẫn đề xướng dù tại gia hay xuất gia đều chẳng chú ý tới chuyện này, đáng than lắm!

Ngày hôm qua đã dán thư xong, khi bưu tá đến đây thì lại giao tiếp một lá thư khác. Do vậy gắng gượng viết bài đề từ gồm 40 vần; chỉ vì tôi trọn chẳng làm thơ nên dùng chữ phần nhiều khiên cưỡng, xin hãy sửa chữa. Bài Lâm Chung Châu Tiếp Yếu Ngữ (những lời lẽ quan trọng dùng làm mái chèo cho chiếc thuyền vượt biển sanh tử lúc lâm chung) được lưu truyền đã lâu, có khá nhiều chỗ bị sai ngoa. Đối với những chỗ ý nghĩa chẳng trọn vẹn trong phần này, tôi đều tự tiện bổ túc. Phần luận kệ ở phía sau, Quang từng thấy luôn luôn có, chẳng biết do ý gì ông lại lược bỏ đến nỗi lời lẽ trở thành thiếu căn cứ? Mà đáng tiếc là phần nguyên văn cũng không nêu ra tên của bài luận ấy. Xin ông hãy cân nhắc!

Thêm nữa, bài kệ ấy sợ là do noi theo luận Du-già[548] mà soạn ra. Tựa đề "Lâm chung châu tiếp" chỉ cần viết thấp xuống một chữ, hai chữ "yếu ngữ" (lời nói quan trọng) có lẽ nên bỏ đi và vẫn dùng cùng một cỡ chữ, bởi chữ nhỏ hơn thì người già xem sách sẽ phải tốn nhiều công. Phía trên tựa đề nên thêm hai chữ "phụ lục" thì chánh phụ sẽ rõ ràng.

Hiện thời do chiến sự chẳng thể gởi giấy tới được. An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao trong nhất thời đều chẳng thể in ra được. Xin hãy biên soạn thong thả, đừng gấp rút thì người đỡ tốn sức mà chuyện lại được thong dong. Đối với những sách do Quang đã in đều cho làm bốn bức chỉ bản. Nếu cuốn sách này sắp chữ xong, cũng nên làm ra nhiều chỉ bản để tốn công một lúc mà nhàn nhã lâu dài.

528. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ tư)

Hôm qua tôi đã duyệt Gia Ngôn Lục được một nửa, hôm nay sẽ duyệt xong, nhưng vẫn phải đọc kỹ, cũng như tìm cách để mong đỡ mỏi mắt. Những chữ sai trong ấy đều ghi ra thành một bản gởi đi để làm căn cứ sửa đổi cho đúng khi tái bản. Trong bản giảo chánh của Quang đã nêu ra cặn kẽ từng chỗ sai sót nhằm dùng làm bản mẫu để sắp chữ khi tái bản. Trong tương lai, chuyện giảo đối sẽ do Quang tự đảm nhiệm. Trần Thái Thái đã chịu tiền sắp chữ, tiền làm chỉ bản và tiền in một ngàn bộ, như vậy là đỡ tốn công nhiều lắm. Tôi sẽ bảo ấn quán khi in xong một vạn bộ Văn Sao sẽ in cuốn sách này trước. Vẫn sợ là trong khoảng tháng 11, tháng Chạp mới ra sách được. Quang ở đây chờ cư sĩ Tôn Hậu Tải, đợi ông ta đến rồi mới trở về đất Hỗ được.

529. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư, tâm hết sức vui mừng an ủi. Khi trước nghe nói chiến sự nổ ra tại Thượng Hải, tôi nghĩ tam bảo gia bị, chắc gia đình ông sẽ chẳng đến nỗi bị nguy hiểm. Nay biết trong lúc ông không trốn tránh được thì Viên Minh lại dám đem xe hơi đến đón, mà lính Nhật cũng chẳng làm điều hung ác, Bồ-tát cứu khổ cứu nạn quả thật chẳng thể nghĩ bàn thấu suốt được! Xin hãy khuyên hết thảy mọi người cùng niệm Quán Âm để mong Bồ-tát gia bị, khiến cho thủ lãnh quân Nhật ngưng diệt ác tâm lẫn độc tâm thì chiến sự sẽ tự ngưng dứt. Đừng nên đem

[548] Luận Du-già có tên đầy đủ là luận Du-già Sư Địa (Yogacārabhūmi) do Bồ-tát Di-lặc giảng, ngài Vô Trước ghi lại, ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán. Đây là một trong những bộ luận căn bản của tông Duy thức, mà cũng là một bộ luận quan trọng cho những ai nghiên cứu giáo nghĩa Đại thừa. Bộ luận này giảng cặn kẽ về Du-già hạnh quán pháp, chủ trương đối tượng khách quan và tâm thức căn bản của nhân loại (a-lại-da thức) đều là những hiện tượng giả hiện; cho nên phải xa lìa những quan niệm đối đãi có và không, tồn tại - bất tồn tại v.v. để có thể ngộ nhập trung đạo.

lòng ác nguyền rủa quân Nhật, bởi chẳng khế hợp với tâm đại bi bình đẳng của Bồ-tát vậy.

(Ngày mồng 9 tháng Giêng năm Nhâm Thân - 1932)

530. Thư trả lời cư sĩ Đồng Ảnh

Trong tháng 9 tôi nhận được thư do anh của ông gởi, nói ông bị bệnh, tâm chí bất định: hoặc là gấp muốn được trị bệnh giống như không rảnh rỗi để chờ đợi nữa, hoặc thầy thuốc đến kê toa nhưng không chịu uống, hoặc mời cả hai thầy thuốc v.v., thật giống như tánh tình của con nít! Cầu thầy trị bệnh kiểu đó sẽ càng bệnh thêm, làm sao lành bệnh cho được? Bởi lẽ tâm niệm nóng nảy bộp chộp là tự mình tăng thêm bệnh, cắt thuốc loạn xạ là thầy thuốc tăng thêm bệnh. Ông phát tâm muốn xuất gia tu hành, giải quyết cho xong đại sự sanh tử, nhưng thái độ phú quý kiêu căng ấy chưa bỏ được mảy may nào, khi xuất gia lỡ bị bệnh ắt sẽ chết gấp. Ông có tánh kiêu ngạo ấy, mà còn có thể cam chịu sự yên tĩnh đạm bạc, xem thân này như thứ thừa thãi được ư?

Hơn nữa, người học đạo hễ gặp những chuyện chẳng như ý chỉ nên coi chúng như những cơ hội để hướng đến đạo. Cảnh nghịch xảy tới bèn thuận chịu, dẫu có gặp chuyện nguy hiểm gì đi nữa thì trong lúc ấy sẽ chẳng đến nỗi kinh hãi tới mức hoảng loạn, quýnh quíu. Chuyện gì đã qua thì lòng cũng chẳng bận tâm tới nữa, coi như giấc mộng đêm qua; há nên thường giữ mãi trong tâm đến nỗi tạo thành căn bệnh ngực đập như trống làng? Ông đã muốn tu hành hãy nên biết hết thảy cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm thành, lại càng phải nên chí thành niệm Phật thì sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta chẳng làm chuyện nghịch trời tổn đức thì đâu có sợ gì? Người niệm Phật được thiện thần che chở gia hộ, ác quỷ tránh xa, còn sợ chi nữa?

Nếu ông thường sợ hãi, sẽ bị ma "sợ hãi" dựa vào, ắt sẽ có oán gia từ vô lượng kiếp thừa dịp lòng ông sợ hãi kéo đến dọa dẫm khiến cho ông mất trí điên cuồng để báo oán xưa. Đừng nói: "Ta vẫn niệm Phật, đâu sợ đến nỗi như thế!" Chẳng biết rằng, toàn thể chánh niệm của ông đã quy vào lòng sợ hãi, khí phận đã cách ngăn với Phật, đã thông với ma! Đâu phải là Phật chẳng linh, mà là do ông đã đánh mất chánh niệm, đến nỗi niệm Phật chẳng được lợi ích trọn vẹn.

Xin ông xem thư Quang, hãy thống thiết sửa đổi tâm trước, sẽ nghĩ anh mình một vợ một chồng, đâu có gì đáng lo? Nếu túc nghiệp hiện tiền, dẫu sợ hãi há có tiêu diệt được chăng? Chỉ nên chẳng sợ, hễ giữ được chánh niệm thì cư xử sẽ thích đáng, thần thái chân thật đã yên định thì tà quỷ chẳng thể xâm phạm được.

Nếu không, sẽ do tà chiêu tà, kẻ oán trong đời trước đều kéo tới, gặp chuyện không quyết định được, hoàn toàn bó tay. Chẳng đáng buồn ư?

Nay tôi tính kế cho ông: Hãy nên buông xuống những điều ôm giữ, hết thảy mọi chuyện đều có thể lo liệu được, chớ nên ôm đồm lo lắng. Chỉ sợ hạnh mình có tỳ vết, chẳng sợ quỷ thần gây họa hoạn. Nếu ông ở nhà tu hành tốt đẹp thì sẽ cùng với anh và vợ v.v. giúp đỡ nhau tu trì tịnh nghiệp. Nếu chẳng thể làm được như vậy thì hãy sang Thượng Hải ở nhờ Phật giáo Tịnh nghiệp xã, hằng ngày thường được nghe giảng nói, cũng như hằng ngày thường theo đại chúng niệm Phật.

Hiện thời, Tịnh nghiệp xã dời sang Nam Viên của nhà họ Giản, có cơ sở chừng mười hai mười ba mẫu đất, là đạo tràng lớn nhất. Năm sau, pháp sư Đế Nhàn sẽ giảng Niết-bàn Kinh Sớ[549] tại đấy. Nơi ấy nhiều phòng ốc, chẳng chật hẹp như cơ sở cũ ở đường Ái Văn Nghĩa (Avenue Road)[550]. Nếu ông đến thì mỗi tháng đóng góp bao nhiêu đó tiền ăn uống, chắc chắn sẽ được như nguyện. Sau mấy tháng sẽ trở về nhà thăm một chuyến, bàn bạc chuyện nhà với anh ông, hàn huyên với vợ, không đầy mấy ngày lại đi, quả thật là biện pháp tu đạo hy hữu bậc nhất. Quang nghĩ ông làm như thế thì lợi ích đạt được sẽ trỗi hơn vô lượng lần so với xuất gia, nhưng phải vứt bỏ kiến thức giống như trẻ nít và lũ người vô tri đầu đường xó chợ đi thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích.

Đang trong tình thế nguy hiểm này, hãy nên mở rộng tấm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì tịnh nghiệp. Tất cả cát hung họa phước đều chẳng bận tâm đến, cứ tùy duyên ứng biến. Dẫu cho đại họa đối đầu, vẫn nghĩ tới những người cùng mắc họa này chẳng biết có mấy ngàn vạn ức. Trong lúc không thể làm gì được, vẫn còn có A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát để nương tựa được, nào còn sợ hãi chi! Lấy niệm Phật, niệm Quán Âm để làm căn cứ không sợ hãi. Mở rộng tâm lượng, đừng sợ hãi trước thì bệnh tự lành, thân tự yên vui. Nếu chẳng biết nghĩa này, chưa gặp cảnh nguy mà chính đã tự hãm vào trong cảnh nguy ngập trước, dẫu

[549] Bộ sách này có tên đầy đủ Đại Bát Niết-bàn Kinh Sớ, 33 quyển, do ngài Quán Đảnh soạn từ năm Đại Nghiệp thứ mười (614) cho đến năm Đại Nghiệp mười lăm (619) đời Tùy. Thoạt đầu chỉ gồm 12 quyển giải thích kinh văn và một quyển giảng huyền nghĩa. Về sau, ngài Kinh Khê Trạm Nhiên lại sửa chữa, mở rộng thêm thành 15 quyển. Đến thời Vạn Lịch nhà Minh, ngài Viên Trừng lại tăng thêm phần chú sớ, vựng biên, tạo thành 36 quyển, nhưng bị hậu nhân chê là "tự tiện sửa chữa, cắt xén, ý tưởng hỗn loạn". Trải qua nhiều lần tu chỉnh, bản phổ biến nhất hiện thời là bản 33 quyển.

[550] Con đường này vốn có tên là Bình Kiều. Khi Thượng Hải bị biến thành tô giới, con đường này nằm ngay phía Đông của tô giới công cộng nên bị đổi tên thành Avenue Road. Khi chánh quyền Uông Tinh Vệ chiếm lại tô giới, đã đổi tên con đường này thành Đại Đồng. Vào năm 1945, nó lại bị đổi tên lần nữa thành Bắc Kinh Tây Lộ.

Phật, Bồ-tát cũng chẳng thể cứu được đâu! Do vậy, quân tử gặp cảnh hoạn nạn bèn hành xử theo cảnh hoạn nạn, cho nên trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng được yên vui.

531. Thư trả lời cư sĩ Quán Tâm

Mấy hôm trước, qua lá thư từ núi Phổ Đà chuyển đến, biết tâm ông mộ đạo tha thiết, tu trì một niềm cẩn trọng, khôn ngăn vui mừng hâm mộ, nhưng do quá bận bịu chẳng thể trả lời ngay. Ngày hôm qua do có chuyện phải sang đất Hàng, được rảnh rang đôi chút, bèn viết đại khái. "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" chính là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Ông hiếu thảo với cha mẹ, biết tiết kiệm, sống chất phác, ắt sẽ chẳng đến nỗi nhận tiền tài phi nghĩa, tâm hạnh ấy khá hợp với Phật. Nếu lại còn thêm lòng tín nguyện cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ được như nguyện. Nhưng đã làm con người khác, làm cha của kẻ khác thì hãy nên nghĩ đến cách làm sao cho cha mẹ ta, con cái ta đều được rốt ráo an ổn. Há chẳng tận lực khuyên cha mẹ ta và con cái ta cùng tu tịnh nghiệp ư? Đấy là ước theo phía người thân mà luận, chứ hết thảy chúng sanh đều là con Phật, ta đã biết như vậy, nỡ lòng nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, làng nước của ta, hết thảy những người gần gũi mỗi mỗi đều được biết tới pháp môn Tịnh độ hay sao? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, chẳng nên phát hoằng thệ để thực hiện sẵn đạo "tùy phần, tùy sức độ người" hay sao?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hoành (Hoằng), nghĩa là dùng trí tuệ lớn lao để hành đạo tự lợi lợi người, tức là vì hết thảy chúng sanh mà nói "giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương". Trong Văn Sao đã nói đến chuyện này nhiều lượt, nay nhắc lại với ông vì sợ có lẽ ông không chú ý đến nỗi bỏ qua. Vì thế chẳng ngại gì nhắc lại.

Hơn nữa, thế đạo loạn lạc như hiện thời đều là vì không có người khơi gợi, chỉ dẫn những điều ấy. Xét đến cội nguồn đều do trong gia đình chẳng khéo dạy dỗ, cũng như chẳng nói đến nhân quả báo ứng mà ra. Thiên hạ chẳng yên, thất phu thất phụ có trách nhiệm! Chú trọng giáo dục gia đình và nhân quả báo ứng thì tự nhiên hiền tài sẽ đông đảo dấy lên, thiên hạ sẽ dần dần được thái bình. Đối với mọi người, xin hãy đều đem lời này khẩn thiết bảo ban. Đấy cũng là một đại sự quan trọng "sống trong cõi trần học đạo, chính mình chưa đắc độ mà đã làm chuyện độ người". Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

532. Thư trả lời cư sĩ Lý Cát Nhân

Nhận được thư hôm Rằm, do bận bịu không rảnh rỗi nên lần khân đến nay. Nếu có thể đích thân tận mặt đến quy y thì cố nhiên là đúng lý, nhưng nếu chẳng đích thân đến được, chỉ dùng lòng chí thành khẩn thiết giống như đích thân lãnh nhận thì cố nhiên cũng chẳng khác gì. Dẫu tận mặt quy y nhưng chẳng coi trọng chuyện quy y, suy nghĩ, cư xử vẫn giống như cũ thì tuy mang tiếng là quy y tam bảo, nhưng thật ra là quyến thuộc của ma vương. Lợi ích trong Phật pháp há có thể dùng hư danh để đạt được ư?

Niệm Phật cần phải nhiếp tâm khiến cho tạp niệm không do đâu khởi lên được. Nếu muốn nhiếp tâm thì hãy nên lắng nghe, nếu nghe từng câu từng chữ cho rõ ràng thì tự nhiên tâm sẽ chẳng đến nỗi tán loạn quá mức, dẫu không quán tưởng mà cũng giống như đang nhập quán. Nếu chẳng thể nhiếp tâm được thì quán cảnh chẳng rõ ràng, lý tánh chẳng rành rẽ, lầm lạc muốn được sanh trong thượng phẩm, mặc theo ý mình quán tưởng sẽ bị ma dựa phát cuồng nhiều lắm.

Há cứ phải quán tưởng thì mới có thể vãng sanh thượng phẩm được ư? Niệm Phật đến mức nhất tâm kèm thêm tâm đại Bồ-đề, lại còn tự hành, dạy người, hành rộng rãi lục độ, ai mà chẳng lên được thượng phẩm? Nhưng lấy quán tưởng làm nhân cho thượng phẩm thì cũng là một cách nói từ xưa đến giờ [dành riêng cho một hạng căn tánh nào đó], chứ nhiếp tâm niệm Phật là đạo để căn cơ thượng trung hạ cùng tu, lợi ích đạt được sẽ tùy theo căn tánh và sự tu tập của từng người mà chia ra lớn nhỏ. Nếu quán tưởng mà chẳng hiểu biết nguyên do thì quyết chớ nên mù quáng tu tập, vì có thể bị ma dựa! Nếu ông có thể nhất tâm niệm Phật, há ông chẳng được sanh trong thượng phẩm ư?

Chú Đại Bi chỉ nên y theo lời thầy đã dạy trong hiện thời mà niệm ắt sẽ có vô biên lợi ích. Cố nhiên hằng ngày nên thường niệm, cần gì phải trong ngày thập trai mới niệm. Hơn nữa, chuyện ăn thịt họa hại vô cùng, vợ chồng ông đã phát tâm vãng sanh thượng phẩm, sao chẳng ăn chay trường mà chỉ ăn thập trai vậy? Chẳng riêng gì chính mình ăn chay mà còn nên khuyên con cái và người trong nhà đều cùng ăn chay. Đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết (bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh ở Nam Tầm đã giảng giải khá tường tận) mối họa do ăn thịt và điều lợi do không ăn thịt. Cố nhiên nên nỗ lực nơi chuyện này, đừng để tập tục trói buộc, chỉ ăn thập trai mà thôi!

Thuốc lá của Tây Dương gây hại thật sâu, trong Văn Sao có in kèm thêm bài thuốc thần diệu để cai nghiện á phiện, linh nghiệm tột bậc, có rất nhiều người đều cai thành công. Kẻ nào chẳng dứt nghiện được đều là vì thân thể đã mang sẵn bệnh tật khác. Ông hãy nên dựa theo đó, định kỳ hạn cai nghiện thong thả lâu gấp

đôi thì sẽ đoạn được cái gốc họa này. Chuyện vãng sanh cố nhiên chẳng vì cai nghiện hay không mà bị ảnh hưởng, dẫu có tật ấy nhưng hễ sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, nhất tâm niệm Phật thì không một ai chẳng được vãng sanh.

Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cực điểm, muốn cho quốc gia dần dần khôi phục nguyên khí mà chẳng vun bồi cho gia đình sẽ không thể được. Những kẻ hoại loạn thế đạo nhân tâm đều do sẵn có tánh tình khác lạ, lại không được gia đình dạy dỗ, khiến cho những kẻ sẵn có tánh nết khác lạ ấy sanh khởi hành vi cuồng vọng, ra sức phóng túng tà vạy. Nếu những kẻ ấy được dạy dỗ đàng hoàng thì nếu cùng quẫn sẽ riêng mình thiện, khi hiển đạt sẽ làm cho kẻ khác đều cùng thiện. Vì thế, Quang cực lực đề xướng dạy dỗ con cái để mong thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Điều quan trọng là dạy cho con cái biết rõ sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng, giáo pháp ấy tuy thông thường nhưng lợi ích hiển nhiên đến tột bậc. "Đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương", đây chính là một đại pháp môn để ngàn đức Phật, vạn đức Phật phổ độ chúng sanh, khiến cho gần là thoát sanh tử, xa là thành Phật đạo. Đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết trọn vẹn!

533. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ nhất)

Trước đây đã nhận được thư, nhưng do bận bịu chưa thể trả lời ngay. Cổ nhân nói: *"Bốc dĩ quyết nghi, bất nghi hà bốc"* (Bói để giải lòng nghi; không nghi, bói làm gì). Như ông hỏi: "Niệm Phật là chủ, nghiên cứu giáo là trợ. Tùy duyên độ người, hồi hướng An Dưỡng", vậy cần gì phải hỏi làm như thế là đúng hay không? Đối với chuyện Trí Tĩnh đọc tụng Lăng-nghiêm, cần gì phải ngăn cấm? Niệm Phật, tụng kinh, về lý chẳng hai, nhưng phải nên lắng lòng trì tụng, chớ nên chỉ chú trọng nghiên cứu văn nghĩa. Làm như thế thì ý Phật còn lãnh hội được, huống là văn nghĩa ư? Lý Trác Ngô[551] tuy có tri kiến hơn người, nhưng hành vi đa phần

[551] Lý Trác Ngô (1527-1602) tên là Chuế, hiệu Trác Ngô, còn có hiệu là Đốc Ngô, Hoằng Phủ, biệt hiệu cư sĩ Ôn Lăng, người huyện Tấn Giang, tỉnh Phước Kiến, là một nhà tư tưởng, sử gia, văn gia trứ danh đời Minh. Tánh tình thanh liêm, thương dân, siêng năng chánh sự. Bất mãn trước sự thối nát của nhà Minh thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch, ông từ quan phiêu bạt giang hồ, dạy học kiếm sống, trước tác rất nhiều. Ông viết lời phê bình cho những bộ tiểu thuyết nổi tiếng thời ấy như Thủy Hử, Tây Sương Ký, Hoán Sa Ký v.v.. Ông theo quan điểm chánh thống khắc nghiệt của Khổng - Mạnh, những gì không thuộc Khổng - Mạnh đều nhất loạt chê là dị đoan, phê phán mãnh liệt những sự hủ bại thối nát trong hệ thống cai trị đương thời, chủ trương phải giữ lòng hồn hậu như trẻ thơ. Do vậy, ông bị các quan lại đương thời lẫn triều đình căm ghét, nghi kỵ. Đa số các nhà trí thức đương thời cũng không tán đồng quan điểm thiên lệch, khắc nghiệt, hẹp hòi của ông trong những lý luận về Nho học. Năm Vạn Lịch 29 (1601), ông ở Hồ Bắc, bị vu cáo đến nỗi gần mất mạng, phải trốn đến Thương Thành (Hà Nam), rồi sang nhà

trái nghịch sai bậy, dẫu tri kiến hơn người vẫn chưa khỏi lệch lạc tà vạy. Há nên nhất loạt coi những kẻ chỉ trích, phê phán ông ta là ngoan cố ư? Ngài Ngẫu Ích dẫn lời ông ta là do ngài chẳng vì thấy tánh cách của một con người [có những điểm đáng chê trách] mà sổ toẹt những lời hữu lý của người ấy. Ông cho rằng ngài Ngẫu Ích đã dẫn lời ông ta thì mọi lời lẽ của ông ta đều đáng lấy làm khuôn phép ư? Tôi chưa từng đọc sách của Trí Ngô, nhưng đọc tiểu truyện của Trí Ngô trong Cư Sĩ Truyện và những chỗ người đời trước chỉ trích những chỗ trái nghịch, sai lầm của Trí Ngô thì cũng có thể biết ông ta là người như thế nào. Ấy là vì ông ta thiên tư cao nhưng xen tạp tánh cuồng vọng, chống đối, chưa thể tận lực tu tập đạo "thành ý, chánh tâm, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa" của thánh hiền, cũng đáng tiếc lắm!

Để phá những mê chấp của các nhà triết học, khoa học, cố nhiên nên lấy duy tâm duy thức làm chủ, nhưng cần phải đề xướng nhân quả báo ứng thì nghĩa duy tâm duy thức mới được hoàn toàn viên mãn. Tính kế sách cho hiện tại thì hãy nên cực lực đề xướng "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, hiểu nhân, rõ quả" và giáo dục trong gia đình, nhưng đối với giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng. Hiện thời cõi đời loạn lạc đến cùng cực, dân không lẽ sống, đều do chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình mà ra. Kẻ biết tốt xấu chắc sẽ không cho lời tôi nói là sai lầm, xằng bậy! Hình dáng Quang làm sao giống như tướng Phật cho được? Hãy nên thường lễ Phật, kính cẩn chiêm ngưỡng, đừng nhớ tới hình dáng của Quang.

534. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ hai)

Giảng diễn về sự giáo dục thông tục đã chẳng thể nói đến Phật pháp thì hãy lấy những đạo lý luân thường trong sách Nho làm chủ và dẫn những sự lý về nhân quả báo ứng trong sách Nho, như *"thiên tác nghiệt do khả vi, tự tác nghiệt, bất khả hoạt"* (trời gieo oan nghiệt còn có thể né tránh được, chứ tự mình gây ra oan nghiệt sẽ chẳng thể sống sót được)[552]; lại còn: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa) v.v., để bọn họ biết đến lý nhân quả, Nho giáo vốn có lý ấy, sự ấy. Đã biết nhân quả sẽ chẳng dám làm bậy, gian trá nữa.

---

bạn thân là Mã Kinh Luân ở Thông Châu lánh nạn. Năm sau, ông lại bị vu cáo, bị khép tội "đề xướng bại hoại loạn đạo, lừa đời, gạt dân", bị tống giam vào ngục, hành hạ khổ sở. Không chịu được nhục, ông tự tử trong tù.

[552] Đây là một câu nói trong sách Thượng Thư của kinh Thư, phần Thái Giáp. Mạnh tử nhắc lại câu nói này trong thiên Công Tôn Sửu của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

“Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” phải từ trung thứ mà khởi, trung (忠) là chẳng dối tự tâm, thứ (恕: khoan dung) là từ mình nghĩ đến người. Đã trung thứ thì hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v. đều hành được.

Ông đã xin đặt pháp danh cho cha mẹ mà ngay cả tên tuổi cũng không viết ra, đáng gọi là kẻ thô tâm! Nay đặt pháp danh cho họ là Đức Thâm, Đức Uyên, xin hãy khuyên họ quyết định cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Nếu được phước báo trời người trong đời sau thì phước báo ấy sẽ thành gốc họa. Phước báo càng lớn, tạo nghiệp càng to; tạo nghiệp càng to, chịu khổ càng lớn. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ đáng gọi là Đức Thâm, Đức Uyên. Nếu không, sẽ là Nghiệp Thâm, Nghiệp Uyên, từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể thoát lìa, chẳng đáng buồn sao?

Tôi chưa biết đến sách Tuyên Giảng Đại Toàn, sẽ tìm hỏi xem. Tháng 9 năm nay, tôi sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài; trong tháng 8 chớ nên gởi thư đến nữa để khỏi bị thất lạc.

535. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ ba)

Ba người bạn muốn quy y, nay đều đặt pháp danh cho họ. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và một lá thư dài, xin mọi người ai nấy đều chú trọng thực hành, đừng chỉ kiếm danh suông, kẻo chẳng được lợi ích chân thật. Những lá thư còn giữ lại tùy ông sắp xếp, Quang không hỏi tới nữa. Nếu pháp “khi sanh nở niệm Quán Âm” được lưu hành rộng rãi thì thiên hạ sẽ không có chuyện khó sanh và do sanh nở mà bị mất mạng cũng như sanh xong bị băng huyết nguy hiểm, con cái sau khi sanh ra bị các chứng kinh phong cấp tính hay mạn tính nguy hiểm. Mỗi người hãy nên cung kính sao ra một bản để lưu truyền vĩnh viễn trong gia đình. Đấy là lời Phật nói, nhưng người xưa chưa đề xướng. Người đời nay sát nghiệp lẫn tình dục đều nặng nên sản nạn rất nhiều, vì thế mới chẳng thể không chỉ dạy rõ ràng vậy.

536. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tư)

Đang trong thời thế cả nước như cuồng này, cố nhiên tục đã đáng chán, mà tăng cũng đáng buồn! Đôi bên trái pháp đến nỗi thành ra hiện tượng ấy. Hội Phật giáo các xứ đều là diễn lại chuyện cũ một cách hư rỗng để tạm thời ngăn ngừa người ngoài khinh lấn, nhưng lâu ngày chầy tháng ắt sẽ sụp đổ, không lập được cách gì nữa. Phật học viện Phổ Đà chỉ có cái danh mà thôi, muốn học giáo sao chẳng qua chùa Quán Tông ở Ninh Ba mà lại muốn đến chùa Phổ Đà vậy?

Trong mấy năm gần đây, ông X… chịu ảnh hưởng của trào lưu mới, mùa hạ này bị bệnh nặng mới biết hổ thẹn, nói "muốn dụng công mười năm rồi mới hoằng pháp". Trong cõi đời hiện thời, trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình ra, dẫu Phật Bồ-tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết làm sao. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết. Nếu có thể xét kỹ thì không điều nghi nào chẳng cởi gỡ được!

537. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ năm)

Tà thuyết ngoại đạo đều chẳng đáng lo, cái đáng lo là tăng phần nhiều chẳng biết pháp và những gã cuồng tăng xưng bừa là hoằng pháp nhưng thật ra là diệt pháp. Thế lực của họ rất lớn, nếu chẳng phải là bậc thánh nhân thần thông sẽ chẳng biết làm thế nào. Quang là một tăng nhân tầm thường chỉ biết cơm cháo, đã không có đạo đức lại chẳng có tiếng tăm gì, làm sao có thể xoay chuyển lũ quyến thuộc trong ngoài của ma vương ấy, khiến cho bọn họ giữ lòng chánh niệm, chẳng bị những tà thuyết ấy mê hoặc ư? Đừng nói chẳng soạn luận, dẫu có soạn cũng chẳng ích gì! Nếu các tăng tục ấy đều nương theo lời Phật, hành theo hạnh Phật thì những kẻ có ý muốn diệt Phật pháp trông thấy đạo hạnh ấy cũng sẽ khâm phục, kính ngưỡng khôn cùng, lại còn muốn hộ trì. Huống là những vị có hành vi càng sâu xa hơn nữa ư?

Hiện thời muốn hộ trì Phật pháp, không chi cấp bách hơn là tận tụy thực hành đạo giữ vẹn luân thường, nhân nghĩa và pháp tín nguyện niệm Phật. Sợ ông lầm lạc mong Quang soạn văn nên đặc biệt chỉ ra tình trạng không thuốc chữa, chỉ mong ông thấu hiểu sâu xa.

538. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ sáu)

Đại kiếp này vốn đã ươm mầm nhiều năm, nay mới phát hiện, ví như nhọt chưa chín muồi, nếu kẻ ngu lúc bình thường chẳng chữa trị thì khi nhọt loét ra, sẽ khó thể chữa lành ngay được. Dẫu chẳng thể không tận hết sức người, vẫn khó thể chắc chắn vãn hồi được. Hiểu rõ điều này sẽ chẳng đến nỗi sanh lòng áo não suông, oán trời hận người. Ông Nhiếp Vân Đài[553] do dụng tâm quá độ, hiện thời đang phải dưỡng bệnh, chẳng thể giao thiệp với ai được.

[553] Nhiếp Vân Đài (1880-1953), tên thật là Nhiếp Kỳ Kiệt, hiệu là Vân Đài, pháp danh Huệ Kiệt, biệt hiệu Tức Sám, người Hành Dương, tỉnh Hồ Nam, là cháu ngoại của Tăng Quốc Phiên. Cha ông là Nhiếp Tập Quy từng làm Tuần phủ tỉnh Giang Tô. Mẹ ông là Tăng Kỷ Phân, con út của Tăng Quốc Phiên. Thuở nhỏ, ông theo cha sang sống tại Thượng Hải. Năm Quang Tự 19 (1893), trở về Hồ Nam tham gia khoa đồng thí (khoa thi dành cho thiếu niên), đậu tú tài. Ông học Anh ngữ, điện khí, công nghệ với người ngoại quốc, từng sang Mỹ du học. Trở về nước, ông tận lực chủ trương "giáo dục cứu quốc, tăng tấn kinh tế để cứu quốc" nên tận lực

Nghe nói ông X… đã sang Hồ Bắc, người này đã được ông Y… hun đúc, nên trong tri kiến ông ta chỉ nghĩ Duy thức là đúng, các hạnh môn khác đều coi thường. Mùa hạ này bị bệnh nặng mới thống thiết hối hận sai lầm, chẳng biết rốt cuộc gần đây ra sao? Xin hãy đừng qua lại với hạng người như vậy để khỏi bị họ xoay chuyển. Tất cả những hiện tượng trong hiện thời đúng là nhằm thôi thúc con người chuyên tu tịnh nghiệp để cầu vãng sanh. Đang trong lúc này mà vẫn cứ hờ hững, hời hợt muốn làm đại thông gia thì đã chẳng thể tự lợi mà còn chẳng thể lợi người, tính toán cũng sai lầm quá đỗi vậy.

539. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ bảy)

Giảng kinh thì việc gì cứ phải mỗi năm giảng một kinh, chẳng thể giảng trùng lặp ư? Đã phải ăn cơm hằng ngày, sao lại ngại phải lặp đi lặp lại? Tâm Kinh nghĩa lý uyên thâm, nếu giảng kinh ấy thì làm sao kẻ sơ cơ đạt được lợi ích? Dẫu có sở đắc cũng chỉ là hiểu nghĩa trên mặt văn tự mà thôi! Sao bằng pháp môn Tịnh độ hễ nghe liền có thể thực hành được ngay. Kể cả phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện cũng không nhất định phải giảng nhiều bữa. Đức Phật đem những nghĩa lý uẩn súc, uyên áo trong 600 quyển Đại Bát-nhã nêu tỏ chẳng sót trong 260 chữ của Tâm Kinh, cần gì cứ phải kéo dài lan man, chỉ cốt nói rộng nói nhiều để phô tài ăn nói vậy?

---

tiến hành xây dựng các xí nghiệp, thành lập các công ty dệt như Phục Thái, Hằng Phong v.v., nhiệt thành hướng dẫn chuyên viên về ngành dệt. Ông mạnh dạn nhập máy móc, cải tiến ngành dệt, và được coi như một trong những người khai sáng ngành dệt công nghiệp ở Trung Hoa. Ông cũng mở nhiều xưởng liên quan đến nhiều ngành khác và từng đảm nhiệm chức vụ hội trưởng của Thương hội Thượng Hải. Tuy xuất thân từ một gia đình Phật giáo thuần thành, trong thời gian du học ở Mỹ, ông từng theo đạo Baptist và vợ ông là Tiêu Thị cũng là tín đồ Baptist. Đến năm Dân Quốc 13 (1924), kinh tế Trung Hoa suy vi, các xưởng do ông làm chủ hay làm Kinh Lý đều thua lỗ. Tới năm Dân Quốc 15 (1926), ông bị ép buộc phải rút lui, đã thế lại bị bệnh nặng mấy phen tưởng chết, bèn cảm ngộ thế sự vô thường, hướng lòng về Phật pháp, quy y với pháp sư Như Huyễn, lắng lòng học Phật, đóng cửa không qua lại với ai. Về sau, ông gặp được tổ Ấn Quang, hết sức kính mộ, xin được thọ ngũ giới, mấy lượt toan xuất gia nhưng bị mẹ già ngăn cản. Hằng ngày ông tận lực lễ bái Quán Thế Âm và Địa Tạng Bồ-tát, trì tụng kinh Kim Cang, Phổ Môn và Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Kinh. Ông gom góp tài sản còn lại để tận lực cứu trợ những nạn dân ở Hồ Nam, viết bài luận nổi tiếng là Bảo Phú Pháp (cách giữ giàu) chủ trương muốn được giàu có thì phải biết chia sớt tài sản cho người khác. Ông đề xướng Gia Đình Phật Học Hội, nhằm giảng diễn Phật học và Phật hóa sinh hoạt gia đình trong vòng thân tộc. Ngoài bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ (tên ban đầu là Lịch Đại Cảm Ứng Thống Kỷ) viết chung với Hứa Chỉ Tịnh, ông còn để lại dịch phẩm Vô Tuyến Điện Học, Thác Nhĩ Tư Thái Truyện (tiểu sử Leon Tolstoy) và những tiểu phẩm có giá trị về Phật học như Cần Kiệm Cứu Quốc Thuyết, Địa Tạng Bồ-tát Linh Cảm Cận Văn Lục, Quán Âm Kinh Chú Cảm Ứng Hội Thiên v.v..

Thiền sư Đạo Xước là bậc cao tăng lỗi lạc, chuyên hoằng dương Tịnh độ, ngài thọ bảy mươi mấy tuổi, suốt đời giảng ba kinh Tịnh độ gần 200 lượt. Nếu ngài bắt đầu giảng từ năm 20 tuổi thì trong năm mươi mấy năm, mỗi năm phải giảng hai ba lượt mới được như thế.

Qua lá thư gởi cho một vị cư sĩ trong Triệt Ngộ Ngữ Lục, ngài Triệt Ngộ Mộng Đông đã viết: "Trong một mùa hạ hai lượt giảng xong Lăng-nghiêm; nào ngại Hạnh Nguyện văn dài chẳng thể giảng xong trong bảy ngày?" Bảy ngày là quá rút gọn, có lẽ nên giảng mười ngày. Giảng kinh đâu có quy củ nhất định buộc người giảng phải tận hết sức Đông kéo Tây lôi, chẳng chịu chỉ điểm ngay chỗ chánh yếu?

Tri kiến của ông là tri kiến tràn lan, không biết giữ lấy chỗ giản ước, cứ muốn dùng sự rộng rãi để tạo lợi ích cho kẻ sơ cơ thì đấy là chuyện tạo dựng môn đình vậy. *"Một đêm trò chuyện cùng anh, còn hơn đọc sách loanh quanh mười mùa. Để chữa lành bệnh đâu cần tới lượng thuốc nhiều đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở."* Đấy đều là những lời cổ nhân giáo huấn về cách giữ lấy sự giản ước vậy.

Hiện nay chiến sự phát sanh, đối với chuyện sau này, chớ nên lo liệu ngược ngạo, hãy nên khuyên hết thảy già trẻ trai gái cùng niệm A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu hễ còn sống sẽ tránh được tai họa này, chết rồi sẽ về Cực Lạc. Giảng kinh vẫn chưa phải là nhiệm vụ cấp bách hiện thời, điều cấp bách nên làm là thông cáo hết thảy già trẻ trai gái cùng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để sau khi thái bình rồi hãy giảng kinh, nhất là phải lấy việc "tạo cho kẻ sơ cơ có lòng chánh tín nơi Tịnh độ" làm đầu.

Nghê Thương Cần, Thí Lập Khiêm đã biết quy y, tôi đều đặt pháp danh cho mỗi người. Nghê Thương Cần pháp danh là Tông Cần, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tự hành dạy người đều phải lấy cần (勤: siêng năng) làm gốc, nếu lười nhác biếng trễ sẽ khó được thành công. Thí Lập Khiêm pháp danh là Tông Khiêm, "khiêm" (謙) là chẳng tự thỏa mãn, chẳng cho là đủ, như biển dung nạp trăm sông, như hư không bao trùm muôn hình tượng, mọi thứ tội nghiệp đều do khiêm mà tiêu, đủ mọi công đức đều do khiêm mà thành tựu.

Nay gởi cho ông và hai người ấy một gói Tịnh Độ Thập Yếu, xin hãy chia ra tặng. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, từ nay chớ nên thường gởi thư tới, chỉ nên dựa theo những điều đã nói trong sách Thập Yếu để tu thì đâu có thiếu sót gì mà cần phải thường hỏi han. Nếu chẳng chú trọng chuyên tu Tịnh độ, cứ muốn thông suốt khắp các giáo nghĩa thì một hai lá thư cũng chẳng thể đạt được mục đích ấy, xin hãy sáng suốt suy xét. Sách Thập Yếu chính là sách trọng

yếu trong tông Tịnh độ. Đừng toan tính những chuyện ham cao chuộng xa thì sẽ đạt được lợi ích tối cao tối thắng! Một Lá Thư Trả Lời Khắp cũng nói những chuyện mọi người đều phải gấp nên chú trọng.

540. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tám)

Đường lối để tạo vinh dự cho cha mẹ của kẻ làm con chính là siêng năng tu đức để hết thảy mọi người đều vì kính trọng ta mà tưởng nhớ đấng sanh ra ta, đấy mới là phương pháp quan trọng nhất. Thường thấy người đời khi cha mẹ đã khuất bèn phân phát cáo phó rộng khắp, bịa đặt kể lể công trạng, đến các nơi xin những người có danh vọng, có địa vị ghi lời tán tụng, viết tiểu sử, đề bài minh, bài biểu, chứ không miệt mài chú trọng gắng sức tu đức, thể hiện lòng nhân để mong tạo thanh danh cho cha mẹ.

Tôi thường nói: "Người đời đa số chuộng danh ghét thật, chỉ muốn phô trương trong một lúc, chứ chẳng nghĩ dùng sự tận tụy tu đức nơi thân mình để tưởng nhớ báo đền cha mẹ." Cha mẹ ông đã tin nhận Phật pháp, ông cũng đã biết những nghĩa "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là", trong tương lai, khi cha mẹ nằm xuống, phàm những chuyện ma chay, tế lễ, đãi khách v.v. đều tuân theo cấm chế của nhà Phật, đừng dùng rượu thịt, kiêng giết, làm lành để xướng suất cho cả làng. Những vị như Ngô Trí Hinh v.v. cũng đã sớm đem đạo lý này dặn dò con cháu. Hết sức khẩn yếu!

Bài ký nêu duyên khởi của Tịnh nghiệp xã tôi đã soạn xong, nay đem gởi đi. Dựng bia chẳng có lợi ích lớn lao bằng treo bảng, vì chữ khắc trên bia chẳng thể phóng to được, bởi lẽ đá lớn sẽ tốn tiền. Hơn nữa, có ai chịu đứng xem? Trong trăm người, chỉ được một hai kẻ chịu đứng xem. Bảng thì dùng gỗ cứng để làm, còn bài ký ấy thì hoặc khắc, hoặc chép ra giấy dán vào bảng, treo nơi chỗ ngồi, ắt sẽ có nhiều người xem. Lúc viết cần phải dùng kiểu chữ khải theo lối chánh thể. Chữ viết đừng quá nhỏ, cũng đừng để sai ngoa, thiếu sót, hay thừa thãi.

Quang bận rộn cùng cực, đã cự tuyệt hết thảy, chuyện này là ra ngoài thông lệ, từ nay chớ nên đem chuyện bút mực sai phái nữa. Nếu vẫn gởi thư đến, quyết chẳng trả lời. Văn từ trong bài sớ mấy dòng đầu có chỗ từ lẫn ý chẳng được thông suốt cho lắm, phần văn sau tuy trôi chảy, nhưng chỉ chú trọng câu chữ bóng bảy, chứ không nêu rõ được sự thật. Văn nhân viết văn quá nửa là lời văn sắc sảo, nhưng không đạt được ý. Nói hoa mỹ, bóng bảy đến cùng cực, chứ về mặt nêu bày sự thực lại chỉ phảng phất lờ mờ, nhưng đã kể như là thiết thực lắm rồi.

Nay gởi cho ông một gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, ngoài những cuốn tự giữ ra, những cuốn khác hãy dùng để kết duyên. Quang do bốn bộ Sơn Chí Ngũ Đài,

Nga Mi, Cửu Hoa, Linh Nham bức bách không thể trì hoãn được nên đã cự tuyệt hết thảy để mong sớm hoàn tất chuyện này. Hãy nên sao bài ký nêu duyên khởi thành một bản để gởi cho ông Mạnh Do.

541. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ chín)

Chuyện học nghề thuốc cần phải hết sức thận trọng. Chưa học kỹ Trung y sao lại học châm cứu? (Chữ cứu (灸) âm đọc [gần giống như chữ] cửu (久), nhưng người đời thường viết sai thành chích (炙)[554]. Các sách thuốc lưu hành hiện thời cũng viết sai như thế, sao chẳng biết chữ này?)

Tôi không biết rõ ở Tô Châu có sở huấn luyện châm cứu hay không, nhưng dẫu có đi nữa, thì đấy cũng chẳng phải là nơi người nghèo theo học được. Thái Ất Thần Châm[555] chẳng phải là bí truyền, nhưng phải hết sức cẩn thận khi án huyệt (nhận định đúng vị trí của huyệt đạo) để cứu. Đồng Nhân Đường ở Bắc Kinh có bán thuốc để châm cứu đã chế sẵn. Toa thuốc cũng công bố, ai muốn tự chế thì làm. Trong toa thuốc có chất xạ[556] và bọ cạp nguyên con, hai vị thuốc ấy cũng chớ nên dùng.

Nếu người niệm Phật dùng chú Đại Bi và thánh hiệu Quán Âm để gia trì thuốc rồi mới châm cứu ắt sẽ càng hữu hiệu. Có điều các pháp được liệt kê thêm ở cuối sách (đã quên mất tên sách) dường như chẳng hợp thời nghi. Những sách vở khác Quang đều không biết.

Trước đây, Trần Cánh Phi đã nói "muốn ở trong núi tu hành", Quang đã bảo là không nên. Ông muốn Quang hạ một lời bổng hát[557] thống thiết, Quang bèn nói: "Luôn luôn nghĩ đến những chuyện sai trái." Sao không nói rõ chuyện ấy? Sao chẳng biết sự vụ đến mức như thế? Mắt Quang đã thành lòa, tinh thần giảm

---

[554] Chữ cứu（灸）có nghĩa là dùng dược liệu (thường là ngải cứu) để đốt trên đầu kim châm để dẫn hơi nóng vào huyệt được châm. Còn chích (炙, có khi đọc là chá) có nghĩa là nướng thịt, thân cận, tiêm nhiễm.

[555] Thái Ất Thần Châm (năm quyển) là bộ sách dạy về nguyên tắc, cách thức châm cứu, vị trí các huyệt trên thân thể, những điều cấm kỵ trong khi châm cứu (chẳng hạn những bệnh nào không nên châm cứu, bệnh nhân có thai không nên châm cứu, những huyệt nào không được châm v.v.), cũng như các bài phú để dễ nhớ huyệt vị, kinh lạc v.v.. Sách đã mất tên tác giả, ước chừng ra đời trong niên hiệu Ung Chánh nhà Thanh.

[556] Xạ（麝）là chất thơm của con hươu xạ (musk deer). Loài hươu này con đực có bọng tiết ra chất dịch hết sức thơm ở bụng để quyến rũ con cái trong mùa giao phối. Do chất xạ cực thơm thường để chế nước hoa, hương liệu, dược liệu v.v. nên chúng bị săn bắn rất tàn nhẫn.

[557] Bổng（棒）là gậy đánh, hát（喝）là tiếng hét. Tổ Lâm Tế dùng phương pháp đánh hoặc hét để khai ngộ cho người đến học nên thiền gia thường dùng thuật ngữ "bổng hát" để chỉ những lời khai thị thống thiết có khả năng khai ngộ, cảnh tỉnh mạnh mẽ.

sút đáng kể, chẳng thể thù tiếp được, từ nay đừng gởi thư tới; gởi đến quyết không trả lời!

542. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ mười)

Ông làm giáo viên kiêm hoằng dương Phật pháp, hãy nên tùy phận tùy sức, sao lại cưỡng cầu nhân sĩ các giới phải tin tưởng, ngưỡng mộ? Lấy thân làm gương, đấy là căn bản. Nếu trong những hành vi, lời lẽ có gì thiếu sót sẽ chẳng thể làm cho người khác sanh lòng tin tưởng được. Cái học bên ngoài dù cao, nhưng cái hạnh thật sự không có, ông muốn thông suốt thêm cũng chỉ là uổng công. Bởi lẽ "dùng lời để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người khác thuận theo". Đây là chương trình "tự lợi lợi người, tự lập lập người" chắc chắn như sắt thép vậy!

Trang nghiêm tượng Phật thì với vàng để thếp hãy nên lấy màu sắc để định, há nên chấp chặt hẹp hòi phải là thứ này, thứ nọ? Nhà nào (tức tiệm bán vàng) thường tốt, nhà nào thường gian dối? Nếu chính mình có thể mua thì được, chứ nếu cậy người khác chắc sẽ có chuyện tệ hại, Quang chẳng thể hỏi giùm chuyện này được.

Phàm mọi chuyện đều phải tuân theo chương trình: Tượng vẽ có người đương cơ quỳ ở trước thì có thể vẽ theo cách thức đức Phật xoa đầu kẻ đương cơ. Nếu không có người đương cơ quỳ ở trước thì chớ nên lầm lạc sửa đổi cách thức sẵn có. Tạo tượng A-di-đà Phật xòe tay tiếp dẫn rất nên!

Người trong liên xã dám chửi kẻ khác trước tượng Phật, tội đáng chết muôn phần! Đêm mộng thấy thần hộ pháp trách phạt, đăng báo chuyện ấy sẽ có thể cảnh tỉnh người khác; nhưng trong xã quy (quy củ của liên xã) hãy nên vạch rõ lỗi miệt thị người khác. Hễ xã quy nghiêm túc thì sẽ tự chẳng có thái độ xấu hèn ấy nữa.

Hút thuốc phiện cũng thế, nếu kẻ hèn kém thiếu chí hướng [đã nắm giữ chức vụ, trót nghiện ngập nhưng] chẳng chịu sửa đổi thì hãy buộc họ từ chức. Nay gởi cho ông một gói sách, trong ấy có hai bộ Ngũ Đài Sơn Chí, mười cuốn Hám Sơn Niên Phổ Sớ, một số trang toa thuốc trị chó dại cắn.

543. Thư trả lời cư sĩ Mậu Trí Tu

Sau khi tự quy y, bèn thật thà niệm Phật, chẳng lười nhác chút nào, tôi cảm thấy vui mừng, an ủi đến tột bậc! Cư sĩ Chu Dung Đường đăng lính thay cho cha, lòng hiếu đáng khen ngợi. Đã biết đời người lắm sự khổ, do vậy ông ta dốc sức tu tịnh nghiệp, con người như thế mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Ông ta đã 73 tuổi, sanh cùng năm với Quang; nay muốn quy y, chẳng cần phải đi xa, chỉ nên

nương theo lời dạy trong Gia Ngôn Lục và Sức Chung Tân Lương để tự mình tu trì và dạy dỗ con cháu trong nhà, để mong khi lâm chung sẽ được họ trợ niệm, chẳng đến nỗi phá hoại tịnh nghiệp, kẻo vẫn luân hồi trong lục đạo chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi.

Nay đặt pháp danh cho ông ta là Đức Ấm, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ được đức Phật rủ lòng từ che chở, tiếp dẫn vãng sanh. Trong hằng ngày, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người thì hết thảy mọi người sẽ đều được che rợp bởi lòng từ của đức Phật, vì thế nên gọi là Đức Ấm. Xin hãy nói với ông ta, tùy ông ta chọn một ngày nào đó, đối trước tượng Phật đảnh lễ, tự thệ quy y là được.

544. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Quang là một tăng nhân chỉ biết cơm cháo, há nên khen ngợi quá lố như thế? Chuyện lập đàn cầu cơ Quang một mực chẳng xiển dương, bởi những lời giáng cơ phần nhiều đều là mạo danh, chứ không phải mỗi mỗi đều do chân tiên giáng lâm, huống là Phật ư?

Bài văn được rêu rao là do Quán Âm đã nói trong buổi cầu cơ lần này, cũng là mạo danh! Tôi đoán bài văn ấy chắc là do họ đã sao lục bài văn cũ để đưa ra. Nếu không, sao trong văn từ lại thường có những chỗ chẳng thể hiện được ý? Những điều được nói trong ấy cũng phần nhiều là tán loạn lan man, chẳng chỉ ra rõ ràng rộng rãi những điều quan trọng cho lắm. Cố nhiên Quang chẳng dám tự phụ là thông minh, nhưng nếu các vị coi đó chính là lời đức Quán Âm nói, chắc sẽ bị người khác chê cười. Do vậy tôi bèn sửa chữa đôi chút, so với bản trước đây trôi chảy hơn một tí, nhưng đừng nói rõ là Quang đã sửa chữa.

Ông Khâu vãng sanh Tịnh độ rồi trở lại cõi này cố nhiên chẳng đáng nghi, nhưng do các ông chấp kinh văn mà chẳng hiểu ý kinh nên trở thành mối nghi lớn. *"Một đại kiếp trong cõi Sa-bà bằng một ngày đêm nơi Cực Lạc"*, câu này giảng rõ thời gian ở Cực Lạc. Còn nói "một ngày, một đêm, bảy ngày, một kiếp, mười hai đại kiếp v.v." là đều ước theo thời gian phương này (cõi Sa-bà) để nói. Vì sao biết? Vì người lợi căn hoặc độn căn ở phương này do thành khẩn đến cùng cực liền có thể trong mấy chục ngày hoặc mấy năm sẽ đại triệt đại ngộ và đích thân chứng được tam-muội, há lẽ nào người đã vãng sanh Tây Phương, trụ trong cảnh giới thù thắng nhiệm mầu, thường được thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát gia bị, so với người trong cõi Sa-bà này lại hưởng lợi ích chậm trễ gấp mấy lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp ư? Sự này, lý này há phải

đợi kẻ trí giải thích mới biết ư? Các vị chẳng khéo hiểu ý kinh văn, ăn nói điên đảo, nên mới phạm sai lầm như thế.

Huống chi thời kiếp bất định, thần thông đạo lực của Phật, Bồ-tát lại chẳng thể rút ngắn thời gian cả kiếp thành một niệm ư? Hoặc chẳng thể kéo dài một niệm thành cả kiếp dài lâu ư? Các ông chấp chặt ông Khâu đã vãng sanh 5 năm lẽ ra không nên trở lại cõi này là vì chấp vào kinh văn thành ra tự mình trái nghịch ý nghĩa của kinh. Được Quang nói lời này, mọi mối nghi tự cởi gỡ.

Huống chi người vừa mới vãng sanh liền trở lại báo cho người cõi này biết đều là do nương vào oai thần của A-di-đà Phật, muốn nhờ vào đó để khơi mở, chỉ dạy kẻ mê tối, chứ không phải do sức của chính mình mà có thể tự tiện làm chuyện ấy được. Còn như ông Kế tức thời sanh Tây, chẳng vượt thời hạn để quay trở lại báo tin, đều thuộc về nghĩa này.

Như các ông chấp nệ kinh nói: "Tu-đà-hoàn bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian", chính là đã lầm lẫn đem chuyện của bậc Tu-đà-hoàn cõi này để luận bậc Tu-đà-hoàn cõi Cực Lạc. Sự lầm lẫn ấy khiến cho người khác bị lầm lạc chẳng nhỏ đâu nhé! Trong cõi kia tuy có loại danh tự Tiểu thừa ấy, nhưng thật ra họ đều đã liễu sanh tử, dự vào Bồ-tát thừa. Chẳng qua là tạm dùng các địa vị đã chứng được mà đặt tên như thế. Nếu các vị dùng ngay địa vị Tu-đà-hoàn trong cõi Sa-bà này để luận thì hóa ra trong thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn chưa liễu sanh tử, vẫn luân hồi y như cũ ư? Sao chẳng thấu hiểu thật lý, thật sự nơi hai cõi, cứ lầm lạc sanh khởi những thứ nghị luận sai quấy này vậy? Chẳng sợ trái kinh lầm người đến mức như thế đấy!

Hiện thời, ai nấy đều nên nghiêm túc tu tịnh nghiệp thì mới đạt được lợi ích thật sự. Nếu học Thiền ngoài miệng thì tuy là nhân lành, nhưng nhất định sẽ chuốc lấy quả ác. Thế đạo hiện thời bại hoại đến cùng cực, nếu muốn vãn hồi cần phải đề xướng nhân quả báo ứng, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái. Bởi lẽ, nếu không dạy dỗ con gái thì chẳng những nó không thể giúp chồng dạy con thành tựu đức hạnh, trái lại còn giúp chồng dạy con làm ác. Đấy chính là cội rễ khiến cho nước ta tan hoang, loạn lạc vậy! Bỏ hai pháp này mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui, dẫu Phật, Bồ-tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong cõi đời cũng đều không thể đạt được lợi ích thật sự. Huống chi con người hiện thời vốn sẵn có chủ kiến cuồng ngạo, trái nghịch ư?

Các vị đã cầu cơ tức là chẳng hợp với tông chỉ tu tịnh nghiệp. Nhưng các vị còn hiểu rõ lý, so với những kẻ sùng phụng cầu cơ khác còn cao hơn một bậc. Do vậy tôi gởi sách cho các vị, nếu chịu đọc kỹ chắc sẽ biết đầy đủ nguyên do. Quang bận bịu đến cùng cực, từ nay chớ nên thường gởi thư tới hỏi dông dài như thế

nữa, chỉ nên đọc kỹ các sách như Văn Sao v.v. thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, không viết chi tiết ở đây.

545. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ hai)

Tôi đã đọc hết thư gởi đến. Vì độ chúng sanh nên Phật, Bồ-tát thị hiện sanh trong thế gian. Nhìn từ phía chúng sanh thì các ngài cũng có sanh tử, chứ nhìn từ nhãn quan của các vị Phật, Bồ-tát thì quả thật không có sanh tử. Ví như huyễn mộng, tuy có nhưng chẳng thật, nhưng hễ có sanh tử thì có khổ, không sanh tử thì không khổ. Há nên chia thành hai thứ "liễu sanh tử khổ" và "liễu sanh tử"? Tử chính là khổ vì có sanh tử, đã liễu sanh tử thì sẽ tự không có khổ.

Cần biết rằng, chính vì chúng sanh mà Phật, Bồ-tát thị hiện tướng sanh tử ấy, chứ không phải thật sự vì trước đó các ngài chưa liễu sanh tử, đến nay mới liễu! Chuyện phóng sanh trứng cá được chép trong bộ sách, tuy có hai chữ "Phật ngôn", nhưng cũng chưa từng thấy xuất phát từ kinh nào. Há nên vì lẽ ấy mà khiến cho người khác báng pháp? Trong cõi đời có bao nhiêu kẻ thả trứng cá đâu?

Cần biết rằng, chỗ gần biển ở phương Nam khác với các sông biển thông thường, cá biển hễ gặp phải nước ngọt sẽ chết ngay, còn cá trong sông ngòi gặp phải nước mặn liền chết tươi. Nếu chưa biết rõ xuất xứ của chúng, dẫu có muốn cho chúng sống, chúng cũng chẳng thể sống được. Phóng sanh nhằm cảm phát lòng từ kiêng giết ăn chay của con người, há nên chuyên muốn chú trọng thả cho nhiều, để rồi tìm tòi, giảng nói chuyện chẳng cấp bách ấy ư?

Nên biết rằng, chuyện trong thế gian có nhiều chuyện chẳng thể dùng lý hay sự để luận được. Một người bạn kể: "Một năm nọ, tại một xứ nọ thuộc vùng Giang Bắc gặp dịch châu chấu, người địa phương xin quan đi khám nghiệm. Có một chỗ dài đến mấy dặm, rộng hai ba dặm, châu chấu non còn chưa mọc cánh bò lúc nhúc, dày đến hơn một thước. Người đạp lên, chân ngập đến mấy tấc, khôn ngăn kinh hoảng đến cùng cực. Quan gấp sai đào hố để chôn đi, nhưng buổi chiều trời đổ một trận mưa to, châu chấu hoàn toàn tiêu diệt hết." Loại châu chấu ấy rốt cuộc là loại châu chấu nào? Những con châu chấu non do chúng nó sanh ra đều là hóa sanh, hiện ra tướng tai nạn ấy. Năm nay vùng Giang Bắc cũng có nạn châu chấu dày mấy tấc, đường xe lửa bị nghẽn, trước hết phải đuổi chúng đi rồi mới dám mở đường. Phàm người tu hành hãy nên dốc sức nơi chỗ quan hệ khẩn yếu lớn lao, nếu hờ hững hời hợt tìm tòi, sợ sẽ chẳng có tinh lực để lo liệu được đâu.

546. Thư trả lời cư sĩ Phó Pháp Lâm

Đã nhận được dã truật[558], vẫn chưa bị mốc. Một người bạn ở Giang Tây nói: "Nếu chẳng chế biến mà ăn vào sẽ bị đầy hơi." Ông ta biết cách chế biến, sẽ chế biến để kết duyên. Những sách con kể tên trong thư, có loại không còn, có loại hãy còn. Loại nào còn thì ta gởi đến cho con, không còn thì chẳng thể nào gởi được. Nhưng đã có Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn Lục, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng v.v. thì tuy các loại khác không có cũng đâu có thiếu sót gì. Điều đáng tiếc là tuy có sách mà chẳng xem thì cũng như không có, tuy xem nhưng chẳng tu trì theo đó thì cũng như không xem!

Thiện thư quý ở chỗ lưu thông, nhưng cần phải là người hơi có tín tâm, thông đạt văn lý thì mới nên biếu tặng. Lúc tặng, lại nên nhắc nhở họ hãy đem lòng cung kính xem đọc, đừng khinh nhờn. Nếu khinh nhờn, ắt mắc tội lỗi! Những sách ấy đều là phương tiện dẫn đường để nhập thánh siêu phàm, chớ nên rẻ rúng như hết thảy những loại tiểu thuyết hoặc sách giải trí thì sẽ có ích đôi chút. Nay đem các loại sách ấy gởi chung trong một bao, nếu nhận được sách, xin hãy gởi thư báo cho thầy Minh Đạo ở chùa Thái Bình biết. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, do Quang đã diệt tung tích, không ai lo liệu đâu.

Con còn nhỏ tuổi, hãy nên dốc hết sức làm người. Ắt phải nên hiếu thuận với cha mẹ, thân cận người có đức, xa lìa những hạng hoang đường! Cần phải dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Hiện nay chính là thời thế đại hoạn nạn, tai nạn xảy đến chẳng thể dự liệu, tránh né cũng không được, có ngừa cũng không ngừa được. Nếu có thể thường niệm A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát, ắt sẽ có sự chuyển dời ngấm ngầm chẳng thể nghĩ bàn, ngõ hầu có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên (Nói đến "tốt lành" thì chẳng phải là chuyện tốt đẹp đặc biệt gì! Gặp nạn nhưng chẳng bị nạn đã là chuyện tốt lành không chi lớn bằng rồi).

Nhân tâm thế đạo ngày nay đã bại hoại đến tận cùng, phế kinh điển, phế hiếu, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn, giết cha, giết mẹ, đều được miệt mài đề xướng, đúng là muốn cho con người trọn chẳng khác gì cầm thú thì mới thỏa lòng. Truy tìm căn nguyên, đều do một mực chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Những kẻ đọc sách thông minh chỉ học thành hạng người có đủ mọi mánh khóe mưu mẹo, dối gạt mà thôi, cho nên vừa nghe đến thứ tà thuyết ấy

[558] Dã truật ở đây là loại bạch truật (白朮: Atractylodes Macrocephala) mọc hoang (gọi như vậy để phân biệt với loại *chủng truật* thường được trồng ở Phước Kiến, Hồ Nam, Chiết Giang). Bạch truật là loài thảo mộc có lá đơn, hẹp dài, hoa màu tím. Phần dùng làm thuốc là củ (thân ngầm), đôi khi còn gọi là truật, đông truật, chiết truật, kỳ truật v.v.. Bạch truật có vị ngọt hơi đắng, tánh ôn, chủ trị các chứng bệnh về tỳ vị, tiêu hóa không tốt, hư trướng, tiêu chảy, viêm họng, thủy thũng v.v., nhưng phải chế biến rất kỹ.

liền như bèo dạt theo gió, tụ họp trong hàng ngũ tà ác ấy. Tội tuy do họ gây ra, nhưng thật ra cha mẹ họ cũng chiếm quá nửa! Vì sao vậy? Do không khéo dạy dỗ từ nhỏ, lại còn dạy họ những mánh khóe mưu mẹo, dối gạt mà ra.

Con đã biết tốt xấu, hãy nên đi theo đường chánh. Đừng nói đi theo đường chánh sẽ được trời giúp, người kính, cửa nhà hưng thịnh, con cháu đều thành hiền thiện, dẫu cho túc nghiệp đã chín muồi, gặp phải cảnh ngộ ngang trái, trọn chẳng phải là do học theo những sự tốt đẹp cho nên mới gặp phải những nghịch cảnh như thế để rồi oán trời hận người. Có hiểu như vậy thì mới chẳng thẹn là người đọc sách, chẳng hổ là người học Phật. Xin con hãy suy xét cặn kẽ, tận lực thực hành.

547. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Đức Vỹ

Nhận được thư đầy đủ, lời dạy của Đa-đa Bồ-tát có thể nói là chân thật đến cùng cực. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát và Đa-đa Bồ-tát như cùng một đường mà ra, đủ thấy chuyện cầu cơ chẳng đáng để nương tựa! Bồ-tát làm chuyện phi đạo để thông đạt Phật đạo[559], "trước hết phải dùng dục lôi kéo để sau đấy sẽ thâm nhập Phật trí"[560], qua chuyện này có thể thấy trọn. Đa-đa Bồ-tát đã có đại ân, quả thật chẳng thể quên, nhưng cũng chớ nên đưa tên ngài vào nghi thức niệm Phật. Trong nghi thức niệm Phật thì ngay cả danh hiệu của Văn-thù, Phổ Hiền, Địa Tạng, Di-lặc cũng không đưa vào, huống là các vị khác ư? Nhưng các vị Bồ-tát ấy đều cùng gộp trong danh hiệu Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. Nếu thêm tên Đa-đa Bồ-tát vào, cố nhiên đối với Tịnh nghiệp xã của các ông chẳng trở ngại gì, nhưng nơi khác không biết sẽ đâm ra chuốc lấy sự nghi ngờ, dị nghị. Chỉ nên thờ ngài riêng một chỗ, sáng chiều lễ bái là được rồi.

548. Thư trả lời cư sĩ Trình Tiểu Bằng

Quang tự xét mình kém hèn, một mực chẳng xứng làm thầy người khác. Trước kia ông Từ Úy Như đã thấu hiểu ý Quang nên thôi không xin làm đệ tử nữa, sao các hạ vẫn cứ đề cao kẻ kém hèn là cao thượng vậy? Bất đắc dĩ chỉ đành chiều

---

[559] Do túc duyên của những người cầu cơ, hai vị Bồ-tát cùng mượn cơ bút để hướng dẫn họ phát khởi tín tâm, tu tập Tịnh độ. Khi tín tâm của họ đã vững chắc, cả hai vị đều cùng quyết liệt răn cấm họ không được cầu cơ, không được tin tưởng theo cơ bút nữa.

[560] "Dục" ở đây là những ham muốn, ưa thích, xin đừng hiểu hạn hẹp là "dục vọng xác thịt". Các ông này ham thích cầu cơ, xướng họa thi văn với tiên, do thiện căn của họ đã chín muồi, Bồ-tát liền vờ xưng là tiên giáng đàn để hướng dẫn họ về Phật đạo. Cũng cùng một mục đích, kinh luận nhà Phật thường nêu lên rất nhiều công đức nhằm phát khởi lòng ham muốn đạt được thiện báo của chúng sanh để họ tu tập theo pháp môn được dạy trong một kinh, chẳng hạn kinh Pháp Hoa nói người trì kinh sẽ có bao nhiêu công đức nơi thân, miệng, ý v.v., khiến cho người nghe hâm mộ, sốt sắng đọc tụng để dần dần sẽ ngộ nhập được Nhất thừa.

theo ý các hạ. Ví như có người lấy đất nặn tượng, biết rõ là đất, nhưng cúng dường tượng ấy cũng chẳng phải là không được. Dẫu nói ấy là đất ở nơi nọ, muốn trả nó về đúng vị trí thì cũng chẳng phải là không được. Bỏ hay lấy do nơi người, đất không chọn lựa.

Nay đặt pháp danh cho các hạ là Huệ Nhuận, nghĩa là đem mây mưa trí tuệ nhuần thấm khắp chúng sanh khô khao khiến cho họ đều được nẩy mầm pháp, thành tựu đạo quả. Nhưng muốn nhuần thấm khắp hết thảy thì trước hết phải nhuần thấm trí của chính mình. Nếu lời lẽ, hành vi đều chẳng quan tâm đến thì chính mình đã khô khao trước, làm sao có thể nhuần thấm hết thảy được? Đấy chính là tấm lòng mong mỏi của kẻ không chân mong bước lên đường mây. Quang bận bịu đến cùng cực, không rảnh rỗi để thù tiếp; Thượng Hải lắm danh nhân, cần gì cứ phải do Quang viết thì mới có ích ư?

549. Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh

Nhận được thư, biết bà tu trì tinh tấn, thệ nguyện rộng lớn, tôi vui mừng, an ủi đến tột bậc. Nói tới giáo hóa người khác thì chính mình cần phải dốc sức nương theo pháp mà tu trì, chứ chẳng phải chỉ chuyên nói suông. Hết thảy các pháp đều lấy thân làm gốc, như chính mình phụng sự cha mẹ ruột, bố mẹ chồng đều trọn hết lòng hiếu thảo, đối đãi với anh em trai, chị em ruột, chị em dâu đều bằng tấm lòng nhường nhịn, yêu thương, mềm mỏng, hòa hoãn, khuyên nhau làm lành, nhắc nhở nhau sửa lỗi. Đối với chồng mình ắt phải cung kính, khuyên chồng làm lành sửa lỗi, giữ gìn lễ pháp cẩn thận, đừng nên vì vợ chồng quá mức thân thiết mà buông tuồng không giữ lễ nghi đến nỗi kỷ cương gia đình lỏng lẻo, con cái không có cái để làm gương noi theo. Đừng buông thả cho con cái, cháu chắt v.v. quen tánh. Lúc chúng vừa mới hiểu biết, liền nói với chúng về đạo lý làm người như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và nhân quả báo ứng. Từ thuở bé đã biết những đạo lý này thì khi lớn lên chúng sẽ trọn chẳng dám làm những chuyện sai trái, gian dối, vượt lễ, quá phận.

Thế đạo hiện thời bại hoại đến mức như thế này, nói chung là do những kẻ làm mẹ trong cõi đời chỉ biết yêu thương con cái, chẳng biết dạy chúng thành hiền, thành thiện mà ra. Công đức dạy dỗ con cái cực lớn; tội lỗi không dạy dỗ con cái cũng cực lớn! Hàng nữ nhân giúp chồng dạy con chính là sẽ có thể làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Trách nhiệm giúp chồng dạy con của nữ giới cực lớn. Nếu bà có thể chân thật làm được như thế thì những phụ nữ quen biết bà sẽ đều nhìn theo bắt chước làm lành. Bà lại còn chịu dựa theo pháp môn Tịnh độ là pháp môn đơn giản, nhanh chóng nhất do đức Phật đã dạy để khuyên

nhủ họ, tâm họ sẽ tự nhiên cảm động, nghe theo lời bà. Nhưng muốn cho họ tin tưởng Phật pháp, trước hết bà hãy khuyên họ trọn hết luân thường đạo lý.

Nữ nhân có chuyện khổ sở lớn nhất là sanh sản, phải khuyên họ kiêng giết, ăn chay. Nếu chẳng thể tự do ăn chay theo ý muốn thì hãy nên bớt ăn mặn, đừng nhất loạt vì không thể ăn chay rồi tận lực ăn mặn. Hằng ngày sáng tối tùy theo khả năng của chính mình, hãy đối trước tượng Phật lễ bái, niệm chừng đó câu Phật hiệu. Nếu không có bàn thờ Phật thì hướng về phía Tây lễ bái cũng được, bởi lẽ nữ nhân trẻ tuổi không có quyền tự do [dành nhiều thời gian tu tập theo ý muốn]. Ngoài ra, hễ mỗi khi thuận tiện đều niệm, cũng như mỗi ngày niệm Quán Thế Âm Bồ-tát chừng đó tiếng. Chỉ cần chí thành niệm là được, chứ không cần bày vẽ bề ngoài. Làm được như thế thì nghiệp đời trước lẫn nghiệp đời này sẽ đều tiêu diệt. Lúc sanh nở, quyết chẳng bị khổ sở! Như khi có thai, hãy nên thường giữ tấm lòng lành, thường niệm Phật hiệu, đừng ăn đồ mặn tanh tưởi, tự nhiên sanh ra con cái đều hiền thiện. Đến khi sanh nở, càng phải chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Phàm những người săn sóc sản phụ trong phòng sanh đều niệm cho người ấy thì sản phụ chắc chắn sẽ sanh nở không đau khổ. Đã thế, chính sản phụ và đứa con vừa được sanh ra sẽ đều gieo đại thiện căn.

Có kẻ chẳng hiểu lý bảo: "Lúc sanh nở lõa lồ, bất tịnh, niệm sẽ mắc tội!" Đấy là chấp lý hẹp hòi, chẳng biết tới đạo "lý biến đổi theo sự". So với lòng cha mẹ quan tâm đến con cái, Phật, Bồ-tát coi chúng sanh còn thân thiết hơn rất nhiều. Ví như con cái té vào lửa, nước, cầu cha mẹ cứu vớt, cha mẹ liền đến cứu ngay, quyết chẳng vì con cái mũ áo không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà không cứu.

Tôi đã bế quan, những thư từ bên ngoài nhất loạt chẳng trả lời. Do bà có tâm muốn độ người, nếu chẳng biết những điều mấu chốt, quan trọng, chắc là người khác sẽ chẳng chịu nghe theo. Do vậy, tôi đem những điều quan hệ nhất, dễ gây lòng tin nhất cho nữ giới để nói với bà hòng giúp bà khuyên người khác ăn chay, niệm Phật.

Hơn nữa, thế đạo hiện thời là thế đạo hoạn nạn, nếu chịu chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ được Phật âm thầm gia bị khiến chẳng bị nguy hiểm. Phàm ai bị bệnh tật hoặc gặp chuyện xấu, tai họa, hoặc cầu con cái, đều nên chí thành niệm Phật, quyết định sẽ được như nguyện. Đối với công khóa thì tùy theo khả năng của bà, tôi cũng chẳng thể chỉ dạy riêng bà nhất định phải làm như thế nào; nhưng cần phải lấy chí thành, cung kính làm căn bản. Cần phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha niệm Phật. Chớ nên có đủ mọi tâm niệm, trừ niệm sáu chữ ấy ra, trọn chẳng có một niệm nào khác trong lòng nữa (tức là niệm Phật trong

tâm). Lại cần phải từng câu, từng chữ niệm cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tương ứng với Phật.

Nếu bà nói: "Tự tâm làm Phật, cho nên Phật tâm ấy sẽ độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật", bậc thượng nói những lời lẽ ấy thì mới có ích, chứ hạng hạ mà cũng học đòi ăn nói như thế sẽ mắc lỗi. Chớ nên chú trọng nơi chuyện ấy, nếu chú trọng nơi ấy chắc sẽ sanh lòng đại ngã mạn, bảo: "Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật?"

Cần biết rằng, do tâm chính là Phật nên đức Phật dạy con người niệm Phật. Nếu tâm hoàn toàn chẳng phù hợp với Phật, như băng giá chẳng thể bỏ vào lò để chưng luyện được [thì Phật đã chẳng dạy con người niệm Phật]. Do bản thể của cái tâm ấy chẳng khác với Phật, cho nên đức Phật dạy con người niệm Phật, dùng lửa trí tuệ từ sức thần thông, oai đức của Phật để chưng luyện Phật tâm đang bị xen tạp phiền não hoặc nghiệp của phàm phu, ngõ hầu phiền não hoặc nghiệp ấy đều bị tiêu diệt, rơi rớt tứ tán, chỉ còn giữ lại cái tâm thanh tịnh thuần chân thì mới có thể bảo: "Tâm tức Phật, Phật tức tâm." Chưa đạt đến địa vị ấy, dẫu có nói "tự tâm làm Phật, tâm Phật này độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật" thì chẳng qua là dạy về thể tánh của cái tâm mà thôi. Nếu luận về tướng (sự tướng) và dụng (lực dụng) thì đều hoàn toàn chẳng phải.

Tâm đức Phật như vàng đã tách khỏi quặng, tâm chúng ta như vàng còn nằm trong quặng, tuy có thể tánh của vàng, trọn chẳng có công năng của vàng. Do vậy, vì "tự tâm là Phật" nên càng cần phải sốt sắng niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kẻ ngu chẳng biết nghĩa này, nếu không "đề cao thánh cảnh, nhưng tự ở trong địa vị phàm ngu" thì cũng chấp lý phế sự, bảo xằng là đã chứng đạo. Học vấn của bà vẫn chưa thông suốt lắm, hãy nên dựa theo Gia Ngôn Lục để tu trì, sẽ bảo đảm không có chuyện đọa trong tà ma, ngoại đạo. Nếu có sách ấy thì tốt; nếu không thì hãy hỏi tìm từ nơi Chu Mạnh Do, chắc chắn ông ta hãy còn.

Quang đã 70 tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn mấy, vì thế cự tuyệt hết thảy để chuyên bế quan. Phúc đáp thư bà lần này là phương tiện đặc biệt, từ nay chỉ nên chiếu theo những gì Gia Ngôn Lục, Văn Sao đã nói để chân thật tu trì là được rồi, chẳng cần phải gởi thư tới nữa. Trong Gia Ngôn Lục, phàm tất cả những pháp tắc tu trì đều đã nói rõ. Chuyên tu Tịnh độ thì cần gì phải thỉnh khai thị nhiều lần? Dẫu có thỉnh hỏi thì những gì tôi sẽ nói cũng chẳng ra ngoài những điều đã được nói trong cuốn sách ấy đâu!

550. Thư trả lời cư sĩ Vinh Bách Vân

Con người sống trong thế gian sau mấy chục năm đã thành người cổ lỗ. Trong mấy chục năm ấy, nếu chẳng nỗ lực tu trì thì nỗi nguy hiểm trong tương lai sẽ chẳng thể nào thí dụ được. Đã phát tâm quy y tam bảo, thọ trì ngũ giới, quả thật là do thiện căn nhiều kiếp tạo thành; nhưng cần phải giữ vững cái tâm ấy, chỉ mong ngày càng thâm nhập, càng tu càng thiết tha. Muôn phần đừng nhất thời cao hứng liền phát tâm rồi lâu ngày chầy tháng sẽ vứt ra sau ót, chẳng đoái hoài tới nữa. Ông tên là Niệm Kiều, Kiều (橋: cầu) là vật cần thiết để giúp người khác vượt qua sông, rạch. Nếu không có cầu thì đôi bên qua lại khá bất tiện! Pháp môn Tịnh độ chính là chiếc cầu pháp lớn lao để từ bờ sanh tử này vượt sang bờ Niết-bàn kia, ông có thể tự hành, dạy người, ta lẫn người đều vượt qua được. Vì thế tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Độ. Bởi lẽ, nếu có trí tuệ thì sẽ do bờ này vượt lên bờ kia; nếu không có trí tuệ, sẽ vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng thể thoát được.

Đã quy y thọ giới, hãy nên nghiêm trì đừng phạm. Nếu không, sẽ thành trò trẻ con đùa bỡn với Phật pháp, tội lỗi cùng cực. Tâm phải chú trọng cung kính, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa; xử sự ắt phải hiếu thuận, từ bi, nhường nhịn, cung kính, chân thật, không giả dối. Lại cần phải đem lợi ích của Tịnh độ để trên là khuyên nhủ cha mẹ, dưới là khuyên bảo vợ con, giữa là khuyên lơn anh em, bạn bè, xóm giềng, làng nước. Dù ta hay người đều phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sinh vật, quý tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu làm được như thế thì mới đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, sẽ là hữu danh vô thực, chỉ được cái danh suông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự nào.

Như khi quy y, hãy nên đối trước đức Phật, chí thành lễ bái bao nhiêu đó lạy, đối trước đức Phật tự thưa bày: "Đệ tử con là Huệ Độ, vâng lời thầy con là Ấn Quang dạy con đối trước đức Phật tự thệ thọ tam quy ngũ giới. Đệ tử con tên là Huệ Độ, quy y (Phật, pháp, tăng), từ nay trở đi lấy (Phật, pháp, tăng) làm thầy, trọn chẳng quy y (ngoại đạo, thiên ma, kinh sách của ngoại đạo, tà chúng ngoại đạo)." Lần thứ hai, lần thứ ba đều chiếu theo đây, chỉ sửa chữ cho thích đáng để nói. Nói xong mỗi điều, lễ Phật ba lạy.

Tiếp đó lại lễ Phật ba lạy. Thọ ngũ giới thì nói: "Đệ tử con tên là Huệ Độ, thề nhận lãnh ngũ giới. Thứ nhất là chẳng sát sanh, giống như đức Phật trọn hết tuổi thọ chẳng sát sanh, đệ tử con tên là Huệ Độ cũng trọn hết tuổi thọ chẳng sát sanh." Điều thứ hai là chẳng trộm cắp. Điều thứ ba là chẳng tà dâm. Điều thứ tư là chẳng

nói dối. Điều thứ năm là chẳng uống rượu đều nói giống như thế. Chỉ có điều thứ ba chẳng tà dâm thì nói: "Như chư Phật trọn hết tuổi thọ chẳng dâm dục, đệ tử con cũng trọn hết tuổi thọ chẳng tà dâm." Do người tại gia có tình vợ chồng mong sanh con cái, chẳng thể đoạn dục nên chỉ ngăn cấm sắc bên ngoài[561]; nhưng nếu đối với thê thiếp của chính mình mà tham vui hoặc làm chuyện chẳng hợp đạo, cũng sẽ giống như tà dâm. Chớ nên không biết điều này! Những điều này đã được giải thích tường tận trong Văn Sao, hãy đọc kỹ sẽ tự biết rõ, ở đây không viết cặn kẽ.

551. Thư trả lời cư sĩ X…

Phật pháp chính là pháp chung cho hết thảy mọi người, hết thảy mọi người đều có thể tu, đều được lợi ích. Nếu như lời ông nói thì những kẻ độn căn do chẳng thể thâm nhập biển giáo sẽ đều chẳng có phần học Phật. Ông ỷ vào trí thức của chính mình hiểu được danh tướng của Tướng tông, vẫn muốn tạo dựng một Tịnh độ đạm bạc[562]. Ông thốt lời ấy tức là vẫn chưa từng đọc kinh Phật, mà chỉ nêu ra những ý kiến phát xuất từ cái tâm so đo mà ra. Cố nhiên ông thông hiểu giáo lý sâu xa, còn Quang là một ông tăng dê câm[563] mà vẫn chẳng chấp nhận lời ông là đúng thì thốt lời "thâm nhập biển giáo" há dễ dàng ư?

Há có phải ông X… vì niệm Phật mà bị lầm lạc ư? Do ông ta ôm lòng muốn mau chứng nên bị ma quỷ dựa vào thân; từ đấy xằng bậy bịa chuyện, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói đã chứng. Những kẻ học theo ông ta đều coi ông ta là Phật sống, nên ông ta mới có thuyết: "Thành Phật trong một trăm ngày." Phàm những ai đến gặp, có khi ông ta biết trước tâm họ, có lúc ông ta bị người khác tận

---

[561] Tức ngoại tình dù trong hành động hay trong tư tưởng đều phạm giới tà dâm. "Sắc bên ngoài" ở đây chỉ cho người không phải là vợ hay chồng mình.

[562] Ý nói ông cư sĩ X... này quá thiên về lý, phế sự nên chỉ nghĩ "phải thấu hiểu những danh từ trong Tướng tông, thấu hiểu lý tánh thì mới sanh về Tịnh Độ", tức là chỉ biết đến Tịnh độ về mặt lý, không thấu hiểu Tịnh độ sự lý viên dung, thâu nhiếp mọi căn tánh, không thấy được điểm đặc sắc thù thắng nhất của cõi Cực Lạc chính là cõi Phàm thánh đồng cư, sanh về một cõi chứng trọn bốn cõi. Cõi Tịnh độ theo cách hiểu của ông cư sĩ X... này đã hoàn toàn mất hẳn sự thù thắng không còn hiển hiện sự diệu hữu nên tổ gọi đó là "Tịnh độ đạm bạc", tức là cõi Tịnh độ Cực Lạc được hiểu theo kiểu ấy chẳng khác gì những cõi Tịnh độ dành riêng cho bậc Pháp thân đại sĩ, người chưa chứng đắc địa vị như các ngài sẽ không thấy được, không xứng gọi là Tịnh độ của một pháp môn được xưng tụng là siêu thế hy hữu, vì Tịnh độ Cực Lạc gồm trọn cả bốn cõi Tịnh độ.

[563] "Á dương tăng" (edamūka-samgha: vị tăng giống như con dê câm) là một thuật ngữ chỉ vị tăng ngu si. Theo Đại Trí Độ quyển 3, hạng tăng này tuy không phá giới, nhưng độn căn, không có trí tuệ, không có sức dũng mãnh tinh tấn, không phân biệt tốt xấu, không biết nặng nhẹ, không nhận biết thế nào là có tội hay vô tội. Do vậy, nếu trong tăng chúng có chuyện tranh chấp, không biết phán quyết như thế nào, cứ câm lặng không dám nói năng gì, giống như con dê trắng bị người ta giết mà không dám kêu. Vì thế gọi là á dương tăng.

mặt dối gạt. Đủ thấy thần thông của ông ta chính là tác dụng của ma quỷ. Hễ quỷ đến thì có thần thông, quỷ đi thì không. Phàm những kẻ thân cận ông ta, có người đã đắc tâm địa thanh tịnh, có kẻ chưa đắc vẫn nói là "đã đắc", lầm lạc tự xưng là bậc tôn quý, cũng có kẻ phát cuồng chẳng thể chữa lành được. Những kẻ khoe kỳ, ưa lạ trong cõi đời đông lắm, cho nên ông ta mới trổ được ngón nghề ấy. Nếu hết thảy mọi người ai nấy đều nghiêm túc giữ bổn phận thì ngón nghề xảo quyệt của ông ta chẳng thể nào thi thố được. Hiện nay ông ta đã lên Bắc Bình (Bắc Kinh), nghe nói có thế lực như kiến bu quạ đậu chẳng kém gì ở Thượng Hải.

Đối với ông ta, Quang chẳng tán thán mà cũng chẳng nói lời bài xích; bởi Quang là loại tăng dê câm, chẳng đủ sức gây lòng tin nơi người khác để giảm mối nghi cho người ta, chỉ đành "hắn hành pháp của hắn, tôi giữ đạo của tôi". Túc căn của ông khá sâu, xem lời ông nói và những gì ông dạy người khác, đa số hết thảy những kẻ chẳng biết Phật pháp đều có thể tu, đều có thể được lợi ích. Nếu đối với hết thảy những phụ nữ độn căn, văn lý vẫn chưa thông suốt lắm cứ khuyên họ phải chuyên chú nơi Duy thức thì khi Duy thức chưa truyền đến Trung Quốc, chẳng lẽ tri thức Tịnh độ đều là một lũ hoại loạn Phật pháp, làm cho chúng sanh nghi ngờ lầm lạc ư?

Quang định trong tháng 9 sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài, từ nay về sau vĩnh viễn chẳng giao thiệp với hết thảy mọi người để chuyên tu tịnh nghiệp hòng khỏi lâm vào cảnh "chẳng liễu trong đời này", sẽ lại bị lung lạc bởi những tri thức "đã thành Phật" ấy và những kẻ tri thức đả đảo, loại trừ, vứt bỏ Khổng giáo. Xin hãy sáng suốt suy xét!

552. Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật

Nhận được thư, ông cho biết "quyết ý muốn vãng sanh trong năm nay". Chớ nên chấp trước ý kiến ấy! Hễ chấp sẽ thành bệnh, hoặc đến nỗi có ma sự! Người niệm Phật hãy nên giữ tấm lòng "được vãng sanh ngay trong đời này". Nếu báo thân chưa mãn thì cũng chỉ tùy duyên. Nếu định kỳ hạn mong muốn vãng sanh mà công phu đã thành thục, cố nhiên chẳng trở ngại gì. Nếu không, chỉ riêng cái tâm mong cầu ấy đã là cái gốc để thành ma rồi! Nếu vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng tháo gỡ được, sẽ nguy hiểm chẳng thể nào nói nổi!

"Cho đến hết tuổi thọ, gieo tấm lòng thành" chính là đạo chúng ta nên tuân giữ. *"Diệt thọ thủ chứng"* (diệt trừ thọ mạng để mong chứng đắc) quả thật là lời lẽ bị Giới kinh quở trách sâu xa *(Bài kệ cuối kinh Phạm Võng có đoạn: "Kế ngã chấp trước giả, bất năng sanh thị pháp, diệt thọ thủ chứng giả, diệc phi hạ chủng xứ" (kẻ chấp trước nơi ngã, chẳng sanh được pháp này; diệt thọ mong chứng*

đắc, cũng không gieo giống được)[564]. Chỉ nên trọn hết lòng kính, lòng thành để cầu mau được vãng sanh; chớ nên mong muốn được vãng sanh đúng như kỳ hạn [theo ý ta] đã định.

Người học đạo tâm chớ nên thiên chấp. Hễ thiên chấp sẽ đến nỗi mất trí điên cuồng; chẳng những vô ích mà còn bị hại! Nếu tịnh nghiệp chín muồi, vãng sanh ngay bữa nay càng tốt. Nếu chưa chín muồi mà cứ muốn được vãng sanh ngay, sẽ trở thành "nhổ mạ để giúp cho nó mau lớn!" Thật sợ rằng hễ ma sự dấy lên, chẳng những chính mình không thể vãng sanh được, mà còn khiến cho kẻ vô tri đều lui sụt tín tâm, bảo là: "Niệm Phật tổn hại vô ích!" Như ông X… nọ là tấm gương tầy đình, mối hại ấy quả thật chẳng nông cạn vậy! Xin hãy đem cái tâm quyết định [mong được vãng sanh] đúng kỳ hạn ấy đổi thành cái tâm "chỉ mong mau được vãng sanh'. Dẫu không được vãng sanh [mau chóng], cũng chẳng áy náy gì, chỉ chí thành chí kính để mong khi hết báo thân sẽ được vãng sanh thì không bị vọng niệm bộp chộp vớn cục lại [trong tâm] đến nỗi mắc họa chuốc lấy ma sự!

Trong tình thế hiện thời, ai nấy chỉ đành trọn hết tấm lòng, còn cát - hung, họa - phước trong tương lai chẳng thể nào dự đoán được! Nếu có thể kiền thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, sẽ có chuyển biến ngấm ngầm, chẳng đến nỗi bị nguy hiểm lớn lao. Nếu chẳng dốc sức nơi việc này, dẫu có dốc cạn mưu mô thì cũng khó thể đạt được hiệu quả tốt đẹp vì thời cuộc biến huyễn chẳng thể nào dự liệu được! Những kẻ vinh quý hách dịch một thời mấy chốc sẽ tiêu diệt chẳng còn, huống là bọn ta ư? Khổng Tử nói: *"Bất tri mạng, vô dĩ vi quân tử dã"* (Chẳng biết mạng, chẳng phải là quân tử vậy). Nhưng vẫn phải do cực lực tu trì thì mới nói đến Mạng được! Nếu lười nhác, biếng trễ, mặc sức ngả theo tánh tình ươn hèn thì được hay mất đều chẳng phải là do Mạng vậy!

---

[564] Chúng tôi dịch thuật ngữ này theo cách giải thích của pháp sư Diễn Bồi trong Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bổn Giảng Ký (hòa thượng Trí Minh dịch), phần dịch nghĩa bốn câu kệ kinh Phạm Võng được dẫn theo Nghi Thức Tụng Giới Bồ-tát của hòa thượng Trí Tịnh. Theo Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bổn Giảng Ký (bản dịch của hòa thượng Trí Minh), pháp sư Diễn Bồi đã giảng: "Còn người 'diệt thọ thủ chứng' (người trầm không trệ tịch) chỉ cho hàng Nhị thừa chấp Không, thuộc về loại mầm cây héo, hạt giống hư, nên 'cũng không gieo giống được'. Người diệt thọ thủ chứng ý nghĩa như thế nào? Chính là chỉ các bậc thánh nhân trong Nhị thừa, các ngài diệt trừ thọ mạng hiện tại để thủ chứng cảnh tịch diệt Niết-bàn, nên gọi là "diệt thọ thủ chứng." Thông thường trong các kinh gọi là "khôi thân diệt trí" vậy. Vì các thánh giả Tiểu Thừa thủ chứng lý Thiên Không nên không phải là chỗ gieo giống Bồ Đề. Giới pháp bổn nguyên tâm địa vốn là chúng sanh và Phật đều bình đẳng, nên đúng lý ra, dù là phàm phu hay Nhị thừa đều có thể tín thọ gieo giống. Ở đây, nói phàm phu và Nhị thừa đều là vô phần vì không phải là không thể bẩm thọ hay giới phẩm không thể thấm nhuần trên thân, mà là do các vị ấy không khéo nghĩ lường mà thôi."

553. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Lợi ích trong Phật pháp chỉ có người đích thân nhận lãnh mới biết được: giặc cướp chẳng vào nhà ông. Trong khi lệnh từ (mẹ) bất tỉnh nhân sự, trong tâm vẫn có thể niệm Phật, ngón tay vẫn lần chuỗi, đấy quả thật là do thiện căn đời trước và do sự tu trì trong đời này cảm thành! Hãy nên thường nói về những cảnh vui nơi Tịnh độ và mọi cảnh khổ trong cõi Sa-bà khiến cho cụ sanh lòng tin phát nguyện, quyết định cầu sanh Tây Phương, tâm chẳng còn một niệm mong cầu phước báo trời người trong đời sau.

Hằng ngày, hãy cùng với quyến thuộc gắng hết sức trợ niệm cho cụ, giống như cách thức cả nhà thay phiên trợ niệm cho mẹ trong lá thư tôi gởi cho quan Đạo Doãn Hoàng Hàm Chi trong bộ Văn Sao, vậy thì chắc chắn cụ sẽ được vãng sanh Tây Phương. Làm con báo ân cha mẹ, chỉ có chuyện này là lớn. Xin hãy nỗ lực thực hiện, ngõ hầu vợ con, anh em trai, chị em gái đều hành như thế. Cái gọi là "độ chúng sanh" cũng ở nơi ấy, mà đôn đốc luân thường cũng nằm tại đấy, còn những điều khác thì hãy đọc kỹ Văn Sao.

Ông Từ Tử Hỗn bị ma dựa là do tà chánh chẳng phân, coi tà là chánh, tưởng chánh là tà mà ra. Nếu có thể y theo lời Quang nói, ma sự sẽ tự mau tiêu diệt. Xin hãy chuyển lời và chỉ bày lợi hại cặn kẽ, ngõ hầu ông ta sẽ dẹp được tà ma, đạt được lợi ích chân thật.

554. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ hai)

Những gì ông đã nói chính là bệnh chung của hết thảy mọi người, muốn trị bệnh ấy nếu không tưởng niệm cảnh khổ sẽ không xong! Kinh dạy: "Nghĩ tới nỗi khổ trong địa ngục, phát tâm Bồ-đề", nhưng do chưa từng đích thân trông thấy sự khổ trong địa ngục, kẻ thiếu thiện căn vẫn chưa thể nhanh chóng phát tâm xa lìa, tránh né được. Thiết yếu nhất là hãy tưởng lúc quân đội hai bên giao chiến: Tiếng đại bác rền như sấm, đạn bay như mưa, phi cơ ném bom bên trên, địa lôi (mìn) ở dưới cùng lúc nổ rền thì quân đội đôi bên đều tan thân, nát xương, bắn tung tóe theo mảnh đạn pháo, hóa thành chẳng còn gì! Ta cũng đích thân dự vào trong ấy; nhưng ngay trong lúc sắp phát nổ hay chưa nổ, còn biết chú trọng niệm Phật cầu sanh. Lúc ấy hoảng sợ muôn phần, nhưng các sĩ quan chỉ huy đều cầm vũ khí, chẳng dám lười nhác chút nào, hễ lười sẽ phải chết ngay. Lúc ấy, trọn chẳng đến nỗi bị sự vụ buộc ràng, bị lòng sợ hãi gây trở ngại khiến cho chẳng thể niệm Phật được. Thứ cảnh giới ấy chẳng bằng được một phần vạn nỗi khổ trong địa ngục, nhưng do tâm lực phàm phu có thể nghĩ tưởng được [cảnh đáng sợ ấy, nên dạy họ nghĩ tưởng cảnh chiến tranh]. Khi nghĩ đến sẽ run sợ, cảm thấy rét thấu xương,

lông trên thân dựng đứng cả lên như đích thân ta đã từng trải cảnh ấy vậy. Ông lười nhác là do chẳng xét kỹ nỗi khổ trong đời vị lai. Nếu suy nghĩ tường tận, sẽ trọn chẳng đến nỗi lười nhác lâu dài.

Còn như ông than thở bị sự việc lôi kéo, đấy cũng là cách nói lấp liếm thói hờ hững hời hợt, chứ đâu phải là thật tình! Nay tôi nêu một thí dụ: Như đứa con hiếu thảo nghĩ đến cha mẹ, tuy phải thù tiếp cả trăm chuyện với người khác, trong tâm vẫn thường có ý niệm nghĩ đến cha mẹ, chẳng thể tạm quên. Lại như kẻ tham dâm thường nghĩ đến gái đẹp, tuy suốt ngày luôn bận việc, nhưng cái tâm mơ tưởng gái đẹp chẳng thể quên mất một khắc nào. Nếu ông có thể giống như kẻ lâm trận muốn thoát khổ, như đứa con hiếu nghĩ đến cha mẹ, như gã dâm say đắm phụ nữ thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể niệm Phật chẳng gián đoạn. Những thứ pháp tắc khác trong Văn Sao đều có đủ, chỉ nên đọc kỹ, suy nghĩ cặn kẽ sẽ hiểu được, cho nên không nói nhiều nữa.

555. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ ba)

Hết thảy phàm phu đều có hai căn bệnh: một là cuồng vọng, hai là ngu si!

1. Cuồng vọng là cho rằng: "Ta vốn là Phật, cần gì niệm Phật nữa? Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, cần gì phải cầu sanh Tịnh độ?" Điều này thuộc về thói chấp lý phế sự. Thói tệ ấy dẫn tới thói bài bác, cho là không có nhân quả, hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh. Người này ắt đọa địa ngục A-tỳ, vĩnh viễn không có thuở thoát khỏi. Do nhân lành mà chuốc phải quả ác, thật đáng thương thay!

2. Ngu si là cho rằng: "Ta là phàm phu, sao dám vọng tưởng liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh?" Chẳng biết: "Một niệm tâm tánh của chính mình chẳng hai, chẳng khác với một niệm tâm tánh của chư Phật. Chỉ vì phiền não hoặc nghiệp chướng lấp đến nỗi công đức của Phật tánh sẵn có trong tâm này chẳng thể hiển hiện được!" Ví như tấm gương đồng lớn quý báu bị bụi phủ cả kiếp, kẻ trí biết là gương báu, kẻ ngu cho là vật đáng vứt đi.

Phật thương chúng sanh mê muội tự tâm, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bởi vì rất quý tiếc Phật tánh sẵn có của chúng sanh, sợ họ vĩnh viễn mê mất, nên dạy họ sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu đích thân chứng được Phật tánh sẵn có ấy. Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ cầu "tiêu tai và chẳng mất thân người" thì có khác nào đem bảo châu ma-ni vô giá đổi lấy một thẻ đường để ăn. Kẻ ấy ngu si đáng thương, chẳng biết tốt xấu thật là bậc nhất. Hãy nên đem ý này nói với mẹ ông, cụ sẽ chẳng nẩy sanh cái tâm

kém hèn như đã nói trên đây (Tôi vốn tính nói với ông, nhưng vì ngữ ý bất tiện nên Quang sẽ nói trực tiếp với mẹ ông vậy).

556. Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh

Bà đã quy y Phật pháp và niệm Phật thì hãy nên y theo lời Phật dạy để hành. Phật dạy bà cầu sanh Tây Phương, nhưng bà thiên chấp, chẳng chịu cầu sanh Tây Phương, cứ khăng khăng muốn cầu phước báo trong đời sau. Nay bà đã sống được mấy chục năm rồi, chẳng biết đã trải qua bao nhiêu tai nạn đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch v.v.. Nếu chưa gặp Phật pháp, chẳng biết phương cách thoát lìa thì sẽ chẳng có phương pháp gì, chỉ đành phó mặc luân hồi sau khi đã chết. Nay đã gặp được Phật pháp, lại còn quy y làm đệ tử Phật, mà vẫn cứ chấp nhặt chẳng tin lời Phật, mặc tình chấp vào ngu kiến của chính mình, suy nghĩ lung tung, mong đời sau vẫn được làm người.

Bà phải hiểu: "Đời sau sẽ được làm người còn khó hơn lâm chung vãng sanh!" Vì sao vậy? Những tội nghiệp đã tạo trong suốt một đời người chẳng biết là bao nhiêu. Khoan đừng nói bà có tạo những tội khác hay không, chỉ riêng cái tội ăn thịt giết hại sanh vật từ nhỏ đến lớn quả thật đã nhiều khôn xiết kể rồi. Bà phải phát tâm đại từ bi, cầu sanh Tây Phương. Đợi sau khi thấy Phật đắc đạo sẽ độ thoát những chúng sanh ấy, cậy vào Phật từ lực để có thể chẳng phải đền trả món nợ ấy.

Nếu bà cầu phước báo đời sau thì không có đại đạo tâm, dẫu công phu tu hành tốt đẹp nhưng công đức hữu hạn, bởi đã dùng cái tâm phàm phu nhân ngã (tâm phân biệt ta người) để tu tập, cho nên chẳng có công đức lớn lao. Huống chi, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng biết bà đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Nếu túc nghiệp phát hiện, nhất định khó trốn khỏi tam đồ ác đạo, mong lại được làm người sẽ thiên nan vạn nan! Do vậy nói: "Cầu sanh Tây Phương còn dễ hơn cầu đời sau lại được làm người!" Do cậy vào Phật lực gia bị, nên ác nghiệp đời trước dễ tiêu; dẫu chưa thể tiêu hết, nhưng cậy vào Phật lực nên chẳng đến nỗi phải trả báo.

Phật nói: "Trong thế gian có hai loại tội nhân, một là phá giới, hai là phá kiến. Tội phá giới còn nhẹ, chứ tội phá kiến rất nặng." Thế nào gọi là phá kiến? Chính là như bà đã nói: "Cầu đời sau, chứ chẳng cầu vãng sanh!" Ấy chính là chấp trước tà vạy, tri kiến sai lầm; đấy chính là tà kiến phá hoại Phật pháp và dẫn dắt hết thảy mọi người khởi lên những chấp trước tà vạy, tri kiến lầm lạc. Tội ấy cực lớn cực nặng, vì tâm trái nghịch với Phật, lại còn gây lầm lẫn cho hết thảy mọi người.

Tôi nói những lời này, bà đừng nghĩ là tôi bịa chuyện gạt gẫm bà! Tôi muốn gạt bà thì phải nhằm đạt được điều gì đó, đằng này tôi chẳng vì danh lợi thế lực,

lại khơi khơi gạt gẫm bà vốn là một bà lão trọn chẳng biết gì, chỉ gặp mặt một lần, há tôi chẳng trở thành một gã si ngốc hay sao? Do bà tin tưởng tôi, coi tôi là thầy; con bà nói với bà, bà không tin, liền cậy tôi nói với bà, muốn cho bà được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, vĩnh viễn lìa khỏi hết thảy các nỗi khổ trong thế gian, thường hưởng hết thảy sự vui trong Cực Lạc. Bà phải biết tốt xấu! Tôi đã nói với bà như thế, nếu bà chẳng nghe, vẫn chiếu theo tâm tướng ngu si của chính mình thì là vong ân phụ nghĩa. Đừng nói bà đã cô phụ ân Phật độ chúng sanh, mà còn phụ bạc tôi một phen khổ tâm chẳng tiếc tinh thần nói với bà rất nhiều lời như thế này!

Bà phải nên phát khởi cái tâm quyết định cầu sanh Tây Phương. Lại phải dạy con cái, dâu, cháu, thân thích, bằng hữu đều cùng phát tâm quyết định vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này; đem công đức dạy người ấy phụ trợ cho công đức tu tâm của chính mình. Khi lâm chung, liền được A-di-đà Phật đích thân tiếp dẫn bà lên phẩm vị tối thượng nơi đài sen chín phẩm. Nếu tôi gạt bà tức là Phật gạt người. Vì sao vậy? Tôi nương theo ý Phật để nói với bà. Há có lẽ nào Phật lại gạt người ư? Bà hãy nên bỏ hết những tâm tri kiến kém hèn từ trước thì chắc chắn sẽ được vãng sanh Tây Phương.

557. Thư trả lời cư sĩ Từ Tử Hỗn

Đọc thư của các hạ, biết các hạ là một vị quân tử đức dày, điều đáng tiếc là chẳng phân tà chánh! Thoạt đầu, lầm lẫn tưởng pháp được truyền bởi Đồng Thiện Xã là Phật pháp, chẳng biết đấy là pháp luyện đan vận khí để dưỡng thân thể nhằm mong sống lâu, tăng tuổi thọ, lầm lạc mong mỏi thành tiên. Họ nói đến "tịnh tọa, dụng công" đều là dùng công phu vận khí, trọn chẳng có hơi hướng Phật pháp, xằng bậy bảo đấy là Phật pháp. Ví như đem mắt cá coi là trân châu để rồi quý trọng, cho là kỳ trân (hiếm lạ, quý báu). Đến khi các hạ đọc Văn Sao, tuy đã thật thà niệm Phật, rốt cuộc vẫn chẳng chịu bỏ cách luyện đan vận khí, vẫn tưởng đấy là Phật pháp. Như vậy là miệng tuy niệm Phật, trong tâm vẫn chú trọng ngoại đạo!

Ngoại đạo đều lấy những thứ cảnh giới thần kỳ quỷ quái để mê hoặc người khác. Nếu các hạ đã biết Phật pháp, tận tình vứt bỏ pháp luyện đan đã tu thì chánh niệm trong tâm sẽ rạng ngời như mặt trời rực rỡ giữa hư không, nào còn có chuyện lỵ - mị - võng - lượng giở trò tác quái nữa. Tâm địa các hạ chánh đại quang minh thì bọn yêu ma quỷ quái kia sẽ tự chẳng còn chỗ đứng! Do các hạ coi tà là chánh, luôn lầm lạc muốn đắc thần thông, mong có khả năng tiên tri, nên chiêu khởi ma quỷ hiện xằng tướng yêu ma nơi thân ông. Tuy ông tà chánh chẳng phân, nhưng vẫn chưa hoàn toàn nghĩ những tướng yêu mị của ma quỷ là đúng cho nên vẫn

còn cứu được. Nếu tưởng đấy là đắc đạo, đắc thần thông thì muốn chẳng bị chết vì ma cũng chẳng thể được, nguy hiểm đến cùng cực!

Ông đã hỏi Quang thì hãy nghe theo lời Quang, từ nay trở đi những công phu đã tập tành từ trước đều hoàn toàn vứt bỏ, tâm chẳng còn có một tơ tóc trân quý những pháp ấy nữa. Hãy chí thành khẩn thiết sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ba nghiệp thân khẩu ý hãy nên chuyên chú vào tu trì tịnh nghiệp. Trong tâm ông đã không có tà kiến, lại còn có oai đức thần lực của danh hiệu Phật thì lũ ma quỷ kia sẽ trốn chạy còn không kịp, nào dám lưu lại giây lát để gây chướng ngại cho ông ư?

Chúng nó gây chướng ngại là do tà tâm của ông cảm vời, ví như chủ nhân dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, lời lẽ lẫn hành vi đều hợp với đạo thành - minh, thì những gã ám muội tiểu nhân có hành vi phóng túng, tà vạy, xa xỉ, buông lung, không kiêng sợ làm sao dám lên điện đường của người ấy, dám vào trong nhà của người ấy cho được? Như dưới ánh sáng lớn lao, trọn chẳng có tối tăm; trong khi nắng gắt, trọn chẳng có băng, sương.

Ông đã hoàn toàn nương theo Tịnh độ để tu tập thì chẳng cần phải coi những điều mong mỏi như đã nêu trong phần trước là đúng, sẽ như vị chủ nhân sáng suốt, tỉnh ngộ, biết chúng là giặc thì chúng sẽ tự tránh xa. Nếu tưởng chúng nó là người trong nhà của chính mình thì chúng nó sẽ thành chủ nhân, nhập vào tâm khiếu của ông, khiến cho ông bị ma dựa phát cuồng đến nỗi táng thân mất mạng. Bất luận chúng nó là hồ ly, là ma, hay là oán gia đời trước, chỉ nên phát tâm Bồ-đề, trì danh hiệu Phật, chúng sẽ bị tiêu diệt. Nếu như chẳng tiêu thì trời đất sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng sẽ xoay ngược!

Điều đáng lo là tâm ông chẳng nương theo chánh lý, vẫn giữ những tà tri tà kiến trước kia; đừng bảo lời Ấn Quang nói chẳng linh, dẫu là lời chư Phật nói cũng chẳng thể linh được, bởi căn bản đã là tà thì chánh không có cách nào thi thố được. Viết ra những điều này, mong ông hãy thấu hiểu rõ ràng thì may mắn lắm thay!

Văn Sao đã nêu đủ pháp tắc tu trì, ở đây không viết cặn kẽ nữa. Phàm khi tịnh tọa, trong tâm chỉ nên thầm niệm Phật hiệu, ngoài ra chẳng thêm vào một công phu hay một ý niệm nào khác. Lâu ngày chầy tháng, toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai, tâm - Phật như một. Hỏi xem có loại thiền định nào đạt được sự sâu mầu như thế hay chăng? Có công phu nào cao thượng như thế hay chăng? Nếu các hạ y theo đây để tu, đảm bảo nghiệp chướng tiêu diệt, phước

tuệ tăng trưởng, trong hiện đời khi còn sống liền dự vào bậc thánh hiền, lúc lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc.

558. Thư trả lời cư sĩ Duy Phật

Ông đã phát nguyện chân thật thiết tha, nhưng cần phải "dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, bước trên băng mỏng" giống như Tăng tử. Chưa đến lúc sắp về Tây, quyết chẳng dám buông tâm lỏng ý thì mới được! Năm sáu năm trước, ông X… đã thư từ qua lại và gởi bài văn phát nguyện hết sức chân thành thiết tha. Quang nghĩ ông ta ở ẩn khuất trong vùng núi non, lại còn nghèo hèn, bèn gởi rất nhiều kinh sách cho ông ta. Những người trong vùng ấy do được ông ta khuyên dạy mà niệm Phật khá đông, nhưng một hai năm gần đây, ông ta đúng là kém hèn chẳng thể kham nổi: hút thuốc phiện, phạm tà dâm! Quang đã cảnh tỉnh, khuyên răn ông ta suốt nửa năm nhưng vẫn không hối hận thay đổi. Đúng là hạng chuyên đợi vào địa ngục!

Ông nói: "Tùy thời tùy chốn, hễ chết được liền chết." Câu nói ấy vừa là căn bản để cầu vãng sanh mà cũng là cội rễ để chiêu cảm ma! Cố nhiên, ai nấy đều phải chết, nhưng chớ nên có cái tâm chấp trước cầu chết, cầu mau vãng sanh, chỉ nên nhất tâm niệm Phật. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật, chỉ cầu mau chết, ắt sẽ chiêu khởi oán gia từ vô lượng kiếp kéo đến, khiến cho ông bị chết ngang trái. Chẳng những không được vãng sanh mà đến khi sắp chết, sức thần thông do ma gia trì sẽ rời đi, khi ấy sẽ khổ sở chẳng thể kể xiết, sẽ sanh tà kiến, ắt đến nỗi đọa lạc. Chớ nên có cái tâm chấp trước ấy! Hễ có thì chính là bệnh, chớ nên không biết.

Nói đến chuyện sư Bảo Nhất và cư sĩ Vô Sanh thì trong tâm mỗi người ấy đều có một phần ham danh. Nếu không, quyết chẳng chịu đem những cảnh giới ấy viết ra để khoe với mọi người. Huống chi sư Bảo Nhất còn phê vào đầu cuốn Tự Tri Lục đề cao nội dung cuốn sách đến tột cùng ư? Do vậy có thể suy ra biết họ là hạng người như thế nào rồi! Nếu cuốn sách ấy được lưu hành rộng rãi thì kẻ chẳng hiểu tự tâm, chẳng thông giáo lý ắt sẽ phần nhiều bị ma dựa phát cuồng. Đinh Quế Tiều gởi đến, tôi xem qua liền gởi trả lại, chẳng giữ một cuốn nào. Do tôi thiết thực bảo ban điều họa hại nên ông ta không tái bản. Ông Vương Mưu Phụng ở Hàng Châu cũng muốn xin Quang nói lời quyết đoán, Quang cũng đem những lời đã bảo Quế Tiều để nói với Mưu Phụng.

Những cảnh giới do người phụ nữ ấy kể đương nhiên có đôi phần, nhưng phô trương quá lố, rốt cuộc trở thành đem phàm lạm thánh. Nếu chân thật đạt được cảnh giới như vậy, há lẽ nào chẳng biết lời lẽ ấy sẽ khiến cho người khác bị lầm

lạc ư? Bà ta đã không có kiến địa ấy thì chỗ tương ứng như bà ta đã khoe trong sách chắc chắn chỉ là "vừa được chút phần đã khoe toáng thành nhiều" mà thôi! Nếu không, đã đạt đến Phật cảnh, há có chuyện chẳng hiểu rõ tri kiến phàm tình ư? Chúng ta chỉ nên thật thà niệm Phật, chỉ cầu lâm chung được vãng sanh là được rồi; còn trong đời hiện tại như thế nào thì cứ để như thế đấy, mặc cho "nước chảy thành suối, xuân đến hoa nở", nếu cứ mong tưởng sẵn, sẽ trở thành chướng ngại đấy! Bởi lẽ, mong tưởng sẵn sẽ giống như cắt đứt nguồn nước mà muốn nước chảy thành suối, đang trong lúc tiết đông rét căm căm lại mong hoa nở. Nếu được như vậy sẽ là chuyện quái đản!

Một bộ sách Tứ Thư chính là rường cột cho Ngũ Kinh, phàm đạo "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" không gì chẳng trọn đủ. Tiếc cho người đời toàn là đọc sách chứ không học đạo, cho nên đến nỗi suốt đời đọc sách mà vẫn chẳng biết phải nên làm chuyện gì. Thoạt đầu chỉ biết lấy tập tành viết văn đề thơ làm căn cứ, nay thì bỏ luôn, chỉ học theo sách giáo khoa. Ví như bỏ bảo châu ma-ni để coi trọng mắt cá, do vậy thiên tai nhân họa ngày càng thấy liên tiếp xảy ra. Do cái gốc đạo đã bị chôn vùi, lập tức kiến giải bị rối loạn, mất mát.

Phàm chuyện gì cũng đều nên xét theo thời thế để luận, quy củ thơm thảo thời đức Phật làm sao có thể áp dụng trong đời này được? Người đời nay lưu thông kinh tượng không phải là trọn chẳng có lợi ích gì, nhưng mỗi một chuyện đều chẳng thể nào đạt được công đức lớn lao như đức Phật đã dạy được. Trong thời đức Phật tại thế, "kinh tượng chủ" chính là người phát tâm tạo kinh tượng. Nếu gọi là "người đứng ra thuê kẻ khác làm" tức là coi thường người ấy. Người thợ tạo kinh tượng cũng chớ nên tự khinh, vì thế nói: "Đừng bảo là do khách thuê mướn mà làm!" Người tạo kinh tạc tượng nhận được những món vật do vị kinh tượng chủ biếu tặng nhằm đền đáp công lao chép kinh, tạc tượng, nhưng do người kia (tức kinh tượng chủ) đã đem lòng thành dâng lên nên tâm của người này (tức người chép kinh tạc tượng) cũng đừng phân biệt nhiều ít, cứ nhận lấy. Như vậy thì sẽ chẳng giống như đi mua tượng Phật, thuê chép kinh Phật. Nếu người thợ chép kinh tạc tượng bàn tán về giá trị của vật được biếu tặng có xứng với công lao chép kinh tạc tượng hay không thì chẳng khác gì vị kinh tượng chủ đã mua hay thuê làm vậy. Trong thời hiện tại, nếu chấp trước chuyện này [phải theo đúng quy cách như thế] thì muốn kinh tượng chẳng bị diệt sẽ chẳng thể được đâu.

Ông học Phật nhưng chẳng biết đạo "nhân thời thế mà thích nghi", chấp chết cứng vào quy củ đã được thành lập, như vậy thì có khác gì kẻ do chẳng thể hành đạo của Khổng - Mạnh bèn chẳng chấp thuận cho lưu hành sách của Khổng -

Mạnh đâu? Chúng sanh đời mạt pháp, đối với những điều đức Phật đã dạy trong trăm ngàn vạn phần, dẫu chỉ đạt được một hai phần thì cũng đủ để tự lợi lợi tha. Chứ nếu cứ muốn hoàn toàn y theo như lời Phật đã dạy thì dù đức Phật có hiện thân trong thời này, chắc chắn cũng chẳng thể làm được.

Tu Tịnh độ chỉ luận tín nguyện hạnh, bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) có đúng pháp hay không, đâu có liên quan tới thiền đường? Những kẻ chỉ noi theo khuôn sáo rỗng tuếch của thiền đường rồi thực hiện công phu trong Thiền môn, kiến địa giống như vậy thì nào đáng để bàn Thiền - Tịnh với họ nữa ư? Vậy mà ông cứ dựa theo đấy để rồi sanh lòng nghi! Hằng ngày đọc tụng ngôn luận của cổ nhân nhưng đều chẳng sanh lòng tin sâu xa, chỉ lấy những hành vi, cách cư xử người đời nay làm khuôn mẫu để phỏng theo, há chẳng phải là phường "chấp vào đức nhưng chưa thể thực hiện rộng rãi, tin đạo nhưng chẳng chuyên dốc" hay sao?

Người học đạo ai nấy đều phải tùy theo khả năng của chính mình mà tu trì, sao lại lập ra một quy củ hẹp hòi để buộc hết thảy mọi người phải lầm lạc vâng giữ vậy? *"Lương dã chi tử, tất học vi cầu, lương cung chi tử, tất học vi cơ"* (Đứa con của người thợ kim hoàn giỏi, trước hết phải học may bao da. Đứa con của người thợ làm cung giỏi, trước hết phải học đan sọt[565]), là vì những việc tập luyện ấy gần gũi với cái nghề khéo sẽ học vậy. Người thợ kim hoàn quán bất tịnh, người thợ giặt quán sổ tức[566], đều chẳng được lợi ích! Thay đổi phương pháp thì người nào cũng đều được lợi ích, vì giáo pháp phù hợp với căn cơ vậy.

---

[565] Đây là một đoạn văn trích trong thiên Học Ký sách Lễ Ký: *"Lương dã chi tử, tất học vi cầu. Lương cung chi tử, tất học vi cơ. Thỉ hạ giả phản chi, xa tại mã tiền. Quân tử sát vu thử tam giả, khả dĩ hữu chí vu học hỹ"* (Đứa con của người thợ kim hoàn giỏi, trước hết phải học cách may bao da. Đứa con của người thợ làm cung giỏi, trước hết phải học đan sọt. Lúc mới tập cho con ngựa non kéo xe thì buộc nó ở sau xe. Quân tử hiểu được ý nghĩa của ba chuyện này thì mới có chí để học tập vậy). Do vậy, mới có thành ngữ *"khắc thiệu cơ cầu"* (quyết nối nghiệp cha ông). Nói chung, tổ dẫn câu nói này để khuyên người tu học phải tập luyện từng bước, khởi sự từ những điều gần gũi, giống như muốn thành thợ kim hoàn giỏi thì phải khéo léo tỉ mỉ nên trước hết phải học may bao da cho đường kim mũi chỉ đẹp đẽ rồi mới học nghề thợ bạc, cũng như muốn làm cung tên cho khéo thì phải học cách đan chuốt, uốn tre nên phải học đan sọt (cần xé) trước. Con ngựa muốn kéo xe thì phải tập quen với tốc độ trước nên phải buộc nó đằng sau xe để nó chạy theo xe. Chúng tôi dịch những câu nói này theo cách giải thích của Hán Tự Thành Ngữ Tự Điển.

[566] Theo luận Du-già Sư Địa, quyển 7, ngài Xá-lợi-phất dạy hai đệ tử tu tập đã lâu nhưng họ không thể chứng được đạo quả, liền đến bạch hỏi đức Phật. Phật hỏi nghề nghiệp của hai người này trước khi xuất gia, một người làm thợ kim hoàn, một người làm thợ giặt. Thì ra ngài Xá-lợi-phất dạy pháp tu trái ngược, không hợp căn cơ. Đối với người thợ giặt, ngài Xá-lợi-phất dạy quán sổ tức, dạy người thợ kim hoàn quán bất tịnh nên họ không thể tu tập được. Đức Phật cho biết: Người thợ kim hoàn quen thổi bễ, quen nín hơi để làm đồ kim hoàn nên phải dạy quán sổ tức, người ấy sẽ tập sổ tức dễ dàng. Người thợ giặt hằng ngày quen thấy quần áo bẩn nên sẽ

Đang trong thời thế này, dẫu là bậc thánh nhân thần thông muốn cứu nước cứu dân mà bỏ nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ đều chẳng thành công. Kẻ nói lan man những lời lẽ của một hai vị tri thức thuộc tông khác mà hắn tôn sùng vẫn chẳng thể lay động, biến chuyển tâm ta được. Dẫu cho đức Như Lai hiện thân trọn hư không khắp pháp giới nói các thứ diệu pháp rất sâu khác cũng chẳng thể lay động, biến chuyển tâm ta được. Vì sao vậy? Do lý sự quyết định không nghi! Ông đã nêu câu hỏi như vậy thì còn đáng gọi là "đã có lòng tin quyết định" hay chăng? Triệt tổ (tổ Triệt Ngộ), Tỉnh tổ (tổ Tỉnh Thường) trước tác ít, nhưng cũng đủ để khiến cho người khác dấy lòng phát nguyện. Cố nhiên, chẳng thể lấy trước tác nhiều hay ít để phán định đạo đức hơn kém được! Xưa nay có nhiều vị pháp thân thị hiện, chỉ nói vài câu ít ỏi, không để lại trước tác gì, những vị như vậy nhiều lắm! Há có nên sanh lòng nghi nơi chỗ này?

Cần biết rằng, chúng ta muốn liễu sanh tử, quả thật chẳng cần nhiều, chỉ cần một điều là "lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương" là đủ rồi. Dẫu đọc hiểu trọn hết Đại tạng cũng chẳng qua là nhằm thành tựu chuyện này mà thôi. Như vậy thì "nhiều cũng quy về ít, ít cũng thuộc về nhiều". Nhiều hay ít đều cùng nhằm thành tựu chuyện này mà thôi! Như vậy là "nhiều chẳng phải là nhiều, ít chẳng phải là ít".

Chuyện phóng sanh cố nhiên công đức không chi lớn bằng, nhưng cần phải giữ tấm lòng phóng sanh, siêng năng khẩn thiết khuyên lơn kẻ hữu duyên kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì sẽ phóng (thả) được nhiều mà chẳng tốn kém tài lực. Hai điều ấy cùng hành sẽ là hữu ích nhất.

Dán Phật hiệu trên tường vừa hữu ích vừa mắc tội lỗi. Nếu dán thì cũng phải nên dán như thế nào cho nó được tồn tại lâu dài. Nếu dán ở nơi đất trống mà chẳng dùng loại keo dán tốt thì hai ba ngày sẽ bị rớt trong bùn lầy, hoặc bị những tờ cáo thị của người khác dán chồng lên, chuyện này cũng chớ nên làm cẩu thả. Ba vị sư khổ hạnh khiến cho người ta khâm phục, vì thế lúc lâm chung vị nào cũng được lợi ích thật sự. Do vậy người tu hành phải giấu kín tài năng vậy!

559. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền

Nhận được thư, biết ông đã có thiện căn Tịnh độ từ đời trước, cho nên vừa nghe liền tin nhận. Tu tập Tịnh độ tùy phần tùy sức, há cứ phải bỏ sạch muôn duyên thì mới tu trì được ư? Ví như đứa con hiếu nghĩ đến mẹ hiền, gã dâm mơ

---

quán bất tịnh dễ dàng. Phật dạy họ đổi pháp tu cho nhau, sau một thời gian ngắn cả hai đều chứng đạo quả.

tưởng gái đẹp, tuy hằng ngày bận bịu trăm bề, một niệm ấy chẳng lúc nào quên bẵng. Người tu Tịnh độ cũng phải giống như thế, mặc cho hằng ngày công việc bận bịu tơi bời, quyết chẳng để tâm quên lãng niệm Phật thì sẽ đạt được yếu quyết. Nói đến ông X… thì ông ta là phường luyện đan vận khí, đã nói "quy y tam bảo" cố nhiên nên vứt bỏ những thứ công phu ấy ra ngoài. Không phải là người niệm Phật không được tịnh tọa, nhưng khi tịnh tọa vẫn niệm Phật. Ông ta khoe công phu tịnh tọa hữu hiệu thì đấy là nói về sự hữu hiệu do luyện đan vận khí. Ông chẳng biết công phu tịnh tọa như hắn ta đã nói là công phu gì cho nên vẫn tiếp tục tập luyện.

Nếu tuân theo chánh lý, đã tu tịnh nghiệp thì phải nương theo lời Phật dạy; nếu kiêm tu pháp luyện đan vận khí thì tà chánh xen tạp, chắc sẽ đến nỗi có các ma sự. Bởi lẽ, ngoại đạo luyện đan để mong xuất hồn, nếu vẫn giữ ý niệm ấy sẽ có hại chẳng nhỏ. Nếu luận về luyện đan thì pháp ấy cũng chẳng phải là vô ích, nhưng tông chỉ của nó hoàn toàn trái nghịch với Phật pháp. Phật dạy con người thấy thấu suốt cái thân huyễn vọng này, bọn họ dạy con người giữ gìn thân tâm huyễn vọng này (xuất hồn chính là huyễn tướng do vọng tâm kết thành). Ông ta đã tín nguyện niệm Phật, hãy nên tuân theo tông chỉ Tịnh độ; nếu ông ta chú trọng luyện đan, cần gì phải mạo danh Tịnh độ?

Những sách vở ông đã nói đến hiện thời không còn, đợi đến tháng 11 hoặc tháng 12 sẽ có bản in mới của Văn Sao và Thọ Khang Bảo Giám, sẽ gởi đến cho ông. Tháng Giêng hay tháng 2 trong mùa xuân năm sau, sẽ có Gia Ngôn Lục, Di-đà Bạch Thoại Chú v.v. được gởi đến, xin đừng lo! Hãy nên đem lời Quang nói với ông X… thì may mắn lắm thay!

560. Thư trả lời Phước Châu Phật Học Xã

Hôm mồng 6 tôi nhận được thư của ông Trần Sĩ Mục gởi đến, trong ấy có thư xin quy y của các vị. Ngoài ra còn có hai cuốn sách ghi chép những chuyện chánh yếu và tông chỉ hành trì đại cương của Phật Học Xã. Tôi biết quý vị đều có tâm chánh tín, thực sự tu trì, khôn ngăn vui mừng an ủi. Nhưng Quang vốn là một tăng sĩ bình thường chỉ biết cơm cháo, chỉ biết học đòi ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu tưởng là Quang có kiến địa lẫn hành trì cao siêu huyền diệu người khác chẳng mong sánh bằng thì quý vị đã hiểu lầm mất rồi. Xem thư quý vị gởi đến và chương trình đã lập, tựa hồ gần giống như mức nhận lãnh tâm tướng của Quang. Quang tự biết mình kém hèn nông cạn, trọn chẳng muốn làm thầy người khác, nhưng người ta đã từ xa gởi thư đến cầu xin, cũng chỉ đành đem lầm đáp lạc.

Hiện nay đang nhằm thời mạt pháp, muốn đẩy lùi con sóng cuồng loạn cực lớn, cực nguy hiểm này, ắt phải chú trọng luân thường, tận tụy thực hành thì mới đạt hiệu quả được. Nếu chẳng dốc sức vào giáo dục gia đình, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng nói kẻ chẳng biết Phật pháp sẽ không thể do đâu đạt được lợi ích; dẫu là kẻ biết Phật pháp chắc cũng mắc thói tệ "nói một đằng, làm một nẻo". Con người như thế tuy bảo là học Phật, nhưng thật ra là oan gia của Phật, bởi dùng thân để báng pháp vậy.

Phàm ai dự vào liên xã, ắt phải dạy họ hành hiếu, hành đễ, cũng như thực hiện hết thảy những chuyện đáng làm, trong tâm ắt phải dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dè dặt cẩn thận ngay cả khi không có ai trông thấy, sợ hãi ngay khi cả chẳng có ai nghe thấy. Người làm được như thế thì mới là thiện nhân trong thế gian, mới có thể học pháp xuất thế. Ví như nền đất vững vàng thì tùy ý xây dựng lầu cao muôn trượng, chẳng lo nghiêng ngửa, sụp đổ. Từ đấy, phát tâm chí thành tu trì tịnh nghiệp. Ắt phải quyết định cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng cầu phước báo trời người trong đời sau.

Lợi ích thật sự trong Phật pháp ắt phải dùng chí thành để đạt, bất luận niệm Phật hay xem kinh đều phải chí thành, cung kính. Đừng nên học theo kẻ viên dung không chấp trước! Nếu không, sẽ vì phóng túng không kiêng dè mà trở thành phường cuồng vọng, ma mị.

Hơn nữa, ở quý địa có kẻ đề xướng thuyết "năm bộ sáu sách"[567], đấy chính là do kẻ tà kiến dựa hơi Phật pháp để truyền bá pháp luyện đan, chư vị đừng hãm

---

[567] "Năm bộ sáu sách" (Ngũ bộ lục san) là từ ngữ chỉ chung kinh thư của La giáo (một thứ tà giáo do La Thanh sáng lập vào thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch nhà Minh). Gọi là Ngũ bộ lục san vì tà giáo này có năm bộ kinh thư trọng yếu, tức:

1. Khổ Công Ngộ Đạo Quyển
2. Thán Thế Vô Vi Quyển
3. Phá Tà Hiển Chánh Thược Thi Quyển (chia thành hai quyển thượng và hạ)
4. Chánh Tín Trừ Nghi Tự Tại Quyển
5. Nguy Nguy Bất Động Thái Sơn Thâm Căn Kết Quả Bảo Quyển

La Thanh (1442-1527), còn gọi là La Tĩnh, La Hoài, La Sở Hồng, hay La Mạnh Hồng, đạo hiệu Vô Vi Cư Sĩ, người huyện Tức Mặc, tỉnh Sơn Đông. Do gia cảnh nghèo hèn, thoạt đầu La Thanh xuất gia ở một ngôi chùa thuộc tông Lâm Tế, rồi vay mượn, cóp nhặt những giáo nghĩa nhà Thiền pha trộn với những thuyết của Lý học lẫn tín ngưỡng dân gian, phù chú, tịnh tọa luyện đan vận khí của bọn đạo sĩ lập ra một đạo riêng, đặt tên là La giáo, tự coi mình là người xiển dương chân truyền của tông Lâm Tế. Rất nhiều nhà nghiên cứu lịch sử của Hoa Lục do cố tình xuyên tạc Phật giáo hay do thiếu kiến thức Phật học đã coi La Thanh như một thiền sư nổi tiếng có công chấn hưng Thiền học trong thời Vạn Lịch. Trong năm bộ sách này, La Thanh đề xướng những giáo nghĩa rất kỳ dị như "Tam Giáo hợp nhất, đốn ngộ thành Phật, trực nhập

vào trong ấy. Dẫu trước kia đã từng theo, nay đã học Phật, hãy nên vứt bỏ hoàn toàn. Nếu vẫn cứ hàm hồ coi đấy là Phật pháp thì tội ấy chẳng nhỏ đâu!

Hiện thời, bất luận căn tánh nào đều phải lấy pháp môn Tịnh độ làm chủ, bởi lẽ pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn thành tựu lúc ban đầu lẫn thành tựu lúc cuối cùng để ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Hễ nói nông cạn, gần gũi thì đứa trẻ lên ba cũng có thể tu được, nhưng nói sâu xa thì chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Tịnh độ là pháp để cho phàm phu y theo đó hòng liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng bỏ mặc không xét tới. Dẫu hết thảy các pháp môn đều nghiên cứu rốt ráo đến mức mười phần thông triệt đi nữa, ai có thể ngay trong đời này đoạn sạch phiền não không còn sót gì để đạt đến địa vị "tự lực liễu sanh tử" đây? Kẻ cậy vào tự lực đã chẳng thể làm được, nhưng người cậy vào Phật lực do chẳng biết nên không chú ý. Vì vậy, học Phật pháp đều chỉ nhằm chống giữ thể diện trong hiện tại, gieo thiện căn trong tương lai mà thôi. Muốn được lợi ích liễu sanh tử chân thật sẽ là sự khó nhất trong các sự khó!

Phụ nữ càng phải nên chú trọng nhân quả, luân thường, phàm là An Sĩ Toàn Thư, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Ấn Quang Văn Sao, hễ có ai thông văn nghĩa đều nên tặng cho mỗi người một bộ. Đi theo con đường ấy, bậc thượng chắc sẽ thấu hiểu được những điều này. Nếu không, chỉ biết viên dung không chấp trước, miệng luôn nói không, bước bước làm có, gây họa hoạn cho gia đình, mà cũng là kẻ giặc dữ dằn trong Phật pháp.

Nếu bàn đến quyền giáo dục thì nữ nhân nắm giữ quyền ấy to lớn hơn nam giới, do họ giúp chồng dạy con nên đã âm thầm nắm sẵn quyền thao túng. Thế đạo nhân tâm hiện thời suy hãm, chìm đắm, nói chung là do chẳng đề xướng giáo dục nữ giới mà ra! Nếu khi còn là con gái đã biết "nữ nhân lấy việc giúp chồng dạy con làm thiên chức" thì mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, ắt sẽ un đúc, nuôi dạy, khiến cho chồng con đều thành hiền thiện. Nếu nữ nhân ai nấy đều được như thế thì lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình? Dẫu cho chẳng thể nào ai nấy đều được như thế, nhưng hễ có một người được như vậy thì chồng con người ấy cũng đã có thể trở thành hiền thiện như thế rồi. Do vậy mà truyền sang đời sau cũng lại nối tiếp nhau noi dấu lương thiện, ngày càng đông nhiều.

Thôi hãy gác lại những điều Quang đã nói dài dòng, nay gởi cho các vị bốn gói Quán Âm Tụng, tổng cộng là 20 bộ, mỗi người một bộ. Sách này cũng nhằm tạo chỗ nương tựa lớn lao trong thời thế không nơi nương tựa trong hiện tại. Quý

---

thiên cung" và khuyên tín đồ tận lực tu hành theo kiểu của hắn để thấy được Vô Sanh Phụ Mẫu, Tự Tại Thiên Cung.

vị đã từng đọc Văn Sao của Quang rồi, trong năm ngoái tôi lại xếp đặt một bản khác, hiện thời sắp hoàn thành, trong khoảng tháng 3, tháng 4 sẽ ra sách, đặt tên là Tân Ấn Tăng Quảng Ấn Quang Văn Sao.

So với bản in trước, bản in mới này tăng thêm một trăm mười hay một trăm hai chục trang nữa. Nếu muốn lợi người, hãy nên chịu trách nhiệm in chừng đó bộ để biếu tặng, hoặc chiếu theo giá vốn bán ra. Nếu đứng in lần này, so ra sẽ rẻ hơn in trong mai sau, bởi lẽ sau này Trung Hoa Thư Cục sẽ tự bán, còn lần khắc in này là do Quang định giá. Hiện thời do số trang và giấy in đều chưa định được, nên chưa thể định giá chánh xác cho mỗi bộ được. Ước chừng mỗi bộ phải trên dưới bảy tám cắc, do sách dày hơn 400 trang. Bộ Quán Âm Tụng đã in trong năm trước chỉ có 210 trang mà giá thành mỗi cuốn đã tới 3 cắc 4 xu. Còn sách này dày 410 hay 420 trang, giấy lại đắt gấp bội. Huống chi trong một hai năm qua chiến sự nhiều lượt nổ ra, nguồn giấy không thông, nay thì giá giấy so với những năm trước lại đắt hơn rất nhiều, cho nên sẽ phải trên dưới 8 cắc. Gần đây tôi cũng muốn in An Sĩ Toàn Thư.

Lại còn có Thọ Khang Bảo Giám đã giao cho thợ sắp chữ, đợi khi sắp chữ xong sẽ cho in cùng lúc với Văn Sao. Sách này chính là bản tăng đính (mở rộng, sửa chữa) cuốn Bất Khả Lục rồi đổi tên. Bọn thiếu niên hiện thời thường chẳng biết cách giữ gìn thân thể, mặc sức theo đuổi sắc dục, do vậy mà chết chừng bốn phần. Do ham sắc dục mà bị các thứ bệnh khác rồi chết cũng chiếm đến bốn phần. Người trong cả cõi đời, trong mười phần có đến tám phần là do bị chết trực tiếp hay gián tiếp bởi nữ sắc, cũng đáng thảm lắm!

Đừng nói chi kẻ buông lung tìm hoa kiếm liễu, ngay như trong tình vợ chồng, những kẻ vì chẳng biết kiêng kỵ mà bị tử vong cũng chẳng biết đến mấy vạn. Trong tháng 10 năm ngoái, do một đệ tử của Quang vì bị bệnh đã lâu, người thiếp bèn cầu Phật, nguyện ăn chay suốt đời, ông ta không uống thuốc mà được lành. Khí sắc của ông ta thuần tịnh rạng rỡ ít có ai bằng. Chưa được hơn một tháng, do phạm phòng sự (ăn nằm) liền chết! Vì thế, tôi phát tâm in cuốn sách này để cứu những kẻ chẳng biết kiêng kỵ khỏi phải bị chết.

Tánh tình Quang chẳng thích phô trương, Quang dạy người khác hãy tùy theo nghề nghiệp, bổn phận của chính mình để tu trì, trọn chẳng lập ra lề lối khác. Chương trình do quý vị đã lập rất hay, nhưng phải làm sao cho mọi người đều tận tụy thực hiện được thì may mắn chi hơn? Nếu không, sẽ trở thành sáo rỗng, cái danh to đùng, thực chất bé tẹo!

Các thứ ngoại đạo trong hiện thời không loại nào chẳng lấy bí truyền để thu hút những kẻ vô tri theo đạo của chúng, lúc sắp phát nguyện nhập đạo, ắt phải thề

thốt: "Nếu sau này phản giáo sẽ bị ác báo như thế nọ, như thế kia", thật ra phần nhiều là cách để gạt gẫm người khác. Do đã thề thốt, nên dẫu biết chúng sai trái, người lỡ theo đạo cũng chẳng dám chống trái hoặc phơi bày lỗi ấy rõ rệt. Cách bí truyền, thề thốt của ngoại đạo mê hoặc con người sâu đậm, trói buộc con người chắc chắn thay! Nhà Phật chúng ta chẳng bí truyền, đối với một người nói như thế nào thì đối với vạn người cũng nói như thế ấy. Đóng cửa gài song, bên ngoài cắt người tuần hành, chỉ cho một người được vào, lại còn nói rì rầm chẳng để cho người ngoài nghe tiếng; đạo ấy nào phải là chuyện quang minh chánh đại! Tôi mong chư vị đều hiểu rõ thói tệ ấy nên mới thuật đại lược.

Những pháp danh đã đặt thì đặt theo tên chánh hoặc đặt theo tên tự, thêm vào chữ Trí thì ý nghĩa sẽ chẳng còn hạn hẹp như trong ý nghĩa gốc của cái tên chánh hay tên tự sẵn có nữa. Ấy chính là *"Đại Học chi đạo, tại minh minh đức"* (Đạo Đại Học ở chỗ làm sáng tỏ minh đức). Do cái lý sẵn có trong tâm hết thảy mọi người chưa có trí tuệ nên chưa thể đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, trừ khử vật dục (cách vật) để đạt đến thấu biết tột cùng (trí tri), ngõ hầu lương tri sẵn có sẽ được phát hiện toàn thể. Vì thế, nay tôi dựa theo ý nghĩa của tên thật hay tên tự của từng vị mà thêm chữ Trí vào. Ví như vẽ rồng điểm nhãn để mong cho quý vị ai nấy đều thọ dụng minh đức sẵn có nơi chính mình thì món vật "nhân dục" quyến rũ con người sẽ bị tiêu diệt không còn tồn tại nữa.

Xét về đạo thể, Nho - Thích vốn không hai, nhưng xét tới chỗ nêu tỏ lý thể và công phu tu trì thì sẽ hết sức khác biệt vời vợi. Kẻ chẳng biết, tưởng là giống hệt nhau, chắc sẽ đến nỗi nghĩ "một tấc gỗ giống như lầu cao ngất ngưởng". Kẻ nghĩ là khác, chắc sẽ tưởng "bình, mâm ở ngoài chất vàng". Người như thế đều là tội nhân trong hai giáo Nho - Thích! Thuở thiếu thời, Quang lậm phải chất độc của Chu - Trình - Hàn - Âu, tạo các khẩu nghiệp, may do thiện căn đời trước tự được tỉnh ngộ. Sợ các vị đối với chỗ giống nhau - khác nhau này chưa phân biệt hiểu rõ, nên mới thuật đại lược. Trong Ấn Quang Văn Sao bản mới có bài tựa cho sách Nho Thích Nhất Quán của ông Dương Lệ Đường (sách ấy còn chưa in ra) và lá thư gởi cho ông Thang Hoằng Xương luận về chỗ giống nhau - khác nhau giữa Nho và Thích, hãy xem thì sẽ biết rõ. Quang bận bịu đến tột cùng, xin ai nấy hãy nỗ lực tu trì.

561. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tuyết Hạnh

Đã lâu chưa gặp gỡ, chợt nhận được thư, cảm thấy an ủi lắm. Lệnh thân[568] là Trầm Cố Thị đã muốn quy y, hãy nên khuyên cụ phải quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người trong đời sau đến nỗi giống như những kẻ có quyền lực trong hiện thời thì đáng buồn lắm. Nay đặt pháp danh cho cụ là Ký Tây, nghĩa là tín nguyện niệm Phật, mong mỏi vãng sanh Tây Phương. Xin hãy tùy tiện dùng 5 đồng hương kính để làm công đức là được rồi, đừng gởi cho Quang nữa.

Nghe nói Mã Khế Tây cũng sống trong Cư sĩ lâm. Trong khoảng mùa xuân Quang thấy Ấn Quang Truyện do ông ta viết, Quang liền xé đi, thiết tha răn dạy vĩnh viễn không được lưu truyền nữa. Đến mùa thu lại thấy ông ta đưa cho hòa thượng Tuyết Đậu, Quang lại xé đi, thống trách: "Nếu vẫn còn lưu truyền, sẽ đuổi ra khỏi Cư sĩ lâm để khỏi quấy nhiễu đại chúng trong Cư sĩ lâm! Ấn Quang mắc tội gì mà lại có thứ đồ đệ quy y bịa chuyện như thế, đến nỗi người thấy kẻ nghe đều thóa mạ?" Các hạ và Quang tâm giao nhiều năm, do ông ta đã khâm phục, ngưỡng mộ đạo đức các hạ thì các hạ hãy nên răn nhắc ông chú trọng thực tiễn, đừng dùng miệng lưỡi phô trương hư danh kẻo vĩnh viễn mang nhục và mắc tội lỗi vậy!

562. Thư trả lời cư sĩ X…

Nói đến bệnh lạ thì ấy chính là oán nghiệp đời trước (cõi đời thường viết sai chữ oán (怨) thành oan (冤); oan (冤) là oan khuất, còn oán (怨) là thù). Bệnh do oán nghiệp thì đừng nói thầy thuốc trong cõi đời chẳng thể chữa trị được, dẫu thần tiên cũng không cách nào cứu vớt được. Nếu ông có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi trước, từ nay hãy tu tập, dùng tâm chí thành khẩn thiết để xưng niệm thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật", thì trước hết những oán nghiệp trong đời trước ấy sẽ do Phật hiệu mà mau chóng tránh xa, kế đến họ được nương vào Phật lực thoát khổ siêu sanh, chắc chắn chẳng đến nỗi oan khiên vẫn ràng buộc y như cũ. Nhưng nếu tâm chẳng chí thành và sanh lòng sửa lỗi cũ, từ nay tu tập, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì tâm của chính mình sẽ gần gũi với tâm của quỷ, trái nghịch với tâm của Phật, dẫu niệm Phật đôi chút vẫn khó thể cảm ứng được! Ấy là vì tâm chính mình chẳng thành, chẳng chánh, chứ không phải là do Phật không linh, không hiệu nghiệm.

Ông đã phát tứ hoằng thệ nguyện, tu học lục độ, vậy thì trước hết phải thực hiện từ nơi bản thân và trong gia đình. Tự thân thì cảnh phi lễ đừng nhìn, lời phi lễ đừng nghe, tiếng phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm, ngăn lòng giận, chặn

[568] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

lòng dục, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ khác chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh; trong gia đình thì trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, như hiếu thảo với cha mẹ, kính anh, nhường em. Phàm trong là người nhà, ngoài là làng nước, đều đối đãi bằng lòng chân thành, trọn chớ nên mang ý niệm khinh khi, dối gạt, lăng nhục. Lại hãy nên thương xót người đời ngu si, dùng nhiều cách khuyên dụ để họ đừng giết hại sanh mạng để khỏi phải chịu khổ giết hại lẫn nhau để báo thù trong vị lai. Lại khuyên họ thường niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, sẽ chẳng đến nỗi lại sanh trong thế giới Sa-bà khổ não này để tiếp tục luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở ngoi đầu ra được.

Nay gởi cho ông một gói Văn Sao gồm ba bộ, một bộ tự giữ, hai bộ kia tặng cho kẻ có tín tâm, biết cung kính, thông văn lý. Pháp tắc tu trì đã nói rõ trong ấy. Nếu muốn dễ hiểu rõ, xin hãy đọc trước lá thư Quang gởi cho bà Từ Phước Hiền, tiếp đó xem thư Quang gởi cho ông Cao Thiệu Lân, Trần Tích Châu, cuối cùng mới đọc hai mươi mấy lá thư Quang gởi cho cư sĩ X… ở Vĩnh Gia thì sẽ tự biết đầy đủ. Văn tuy chất phác kém cỏi, nhưng ý vốn lấy từ kinh luận của Phật, của tổ rồi dùng những lời lẽ rõ ràng, nông cạn để giảng rõ, chứ trọn chẳng có lời nào bịa đặt. Nếu có thể y theo đó tu trì thì thân tâm sẽ thanh tịnh, nghiệp chướng tiêu trừ, đến khi lâm chung vãng sanh Tịnh độ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vậy thì những oán gia trong đời trước ấy quả thật là bậc đại đạo sư hướng dẫn ông thoát ra biển khổ, họ cũng sẽ nương theo sức tu trì của ông mà lìa khổ được vui. Ấy gọi là "lấy bệnh làm thuốc, biến oán thành ân". Nếu chẳng phát tâm chân thật, sợ rằng sự báo oán sẽ chẳng phải chỉ có như vậy mà thôi đâu!

563. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Nói đến Văn Sao thì đã bảo gởi hai gói, mỗi gói ba bộ; một gói An Sĩ Toàn Thư, mỗi gói bốn bộ. Lại còn gởi một gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú (mười ba cuốn), một gói Gia Ngôn Lục (mười một cuốn), một gói Học Phật Thiển Thuyết (năm mươi cuốn), xin hãy thu nhận. Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in sáu ngàn bộ Văn Sao, mỗi bộ là 7 cắc; bảy ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư, mỗi bộ 5 cắc 9 xu. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú in tại xưởng in thuộc nhà tù Tào Hà Kính, mỗi bộ 1 cắc 5 xu 6 chinh. Gia Ngôn Lục cũng in ở cùng một chỗ, mỗi bộ 1 cắc 7 xu 5 chinh (mỗi gói tính thêm hai xu bưu phí). Học Phật Thiển Thuyết in tại Quốc Quang Thư Cục, giá đề phía sau sách. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục mỗi loại in hai vạn cuốn, hiện thời đã phát ra một vạn cuốn mà vẫn chẳng đủ để phân phát. Nếu quý hội muốn thỉnh, phải đợi đến khi

in xong một vạn cuốn lần thứ hai thì mới có thể bảo họ gởi đúng số lượng cho quý vị được.

Đối với những sách muốn thỉnh, hãy chiếu theo giá là bao nhiêu đó, gởi tiền và thư cho thầy Minh Đạo là đương gia chùa Thái Bình tại bến Trần Gia, Thượng Hải. Thầy ấy nhận được ắt sẽ thu giữ, trước hết gởi biên nhận, đợi khi sách được in ra sẽ gởi tới. Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám (mỗi cuốn 8 xu, bưu phí tính riêng) có thể gởi ngay bây giờ được, những thứ khác phải đợi một hai tháng nữa mới gởi được.

Thọ Khang Bảo Giám là sách trọng yếu để cứu bọn thanh niên đắm chìm trong sắc dục đến nỗi mất mạng. Năm ngoái in năm ngàn cuốn ở Thượng Hải (mỗi cuốn 1 cắc 1 xu), in ba vạn cuốn ở Hàng Châu. Họ đã giao một vạn năm ngàn cuốn, đối với số sách còn lại họ giở trò ma mãnh viện cớ đã bị cháy sạch. Năm nay, tôi dùng khoản tiền họ bồi thường để in hai vạn cuốn, mấy hôm nữa sẽ có thể gởi sang Thượng Hải. Nhưng từ Hàng Châu chuyển tới Thượng Hải, rồi từ Thượng Hải lại chở đi, tuy giá in rẻ hơn ở Thượng Hải, nhưng tiền chuyên chở lại cao hơn nhiều.

Lại có Cảm Ứng Thiên Trực Giảng bây giờ mới cho sắp chữ, ước chừng 50 trang, giá cũng chừng khoảng trên dưới 1 cắc. Sách gởi tổng cộng là năm gói, nếu tự gởi thì cước phí mỗi gói là 1 cắc 5 xu. Nếu bảo thư cục gởi thì phải gởi theo lối bảo đảm, mỗi gói tốn 2 cắc. Do thư cục thường phái người đi giao, nếu không gởi bảo đảm chắc người giao sách sẽ giở trò bán sách. Nếu có người nào đáng tin cậy đem đi sẽ chẳng đến nỗi tốn tiền bưu phí. Xin hãy xét cặn kẽ.

Trong cõi đời hiện thời, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, ắt phải lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân rõ quả, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" làm chủ yếu. Đối với chuyện bàn nói điều huyền lẽ diệu, tuy dường như cao siêu, nhưng nếu chẳng tận tụy thực hành những điều vừa nói trên đây thì sẽ thành dùng thân báng pháp.

Cổ nhân nói "thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm", thất phu làm thế nào để có thể khiến cho thiên hạ bình trị được? Cần biết rằng, cái gốc của thiên hạ là gia đình, cái gốc của gia đình là thân, nếu ai nấy đều đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình thì hiền tài sẽ dấy lên đông đảo, hết thảy những kẻ nhiễu loạn và thổ phỉ, giặc cướp sẽ chẳng còn nẩy sanh nữa. Ngay cả những kẻ đã thành phường bại hoại như thế cũng sẽ nhìn theo ta mà bị cảm hóa. Trong Văn Sao, Quang đã nhiều lần nhắc đến, ở đây không viết cặn kẽ nữa. Ước chừng nửa

tháng sau, Quang sẽ trở về núi. Tháng 7, tháng 8 lại sang Thượng Hải để lo cho xong chuyện in sách.

564. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Lệnh hữu là ông Lưu mang chí lợi người, khôn ngăn khâm phục! Ông thỉnh bốn loại sách mỗi thứ 500 bộ thì chỉ có Thọ Khang Bảo Giám và Học Phật Thiển Thuyết là không lâu nữa sẽ được gởi tới; còn Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú phải đợi một hai tháng nữa mới có. Ông nói đối với mỗi loại sách phải đặt thêm lời tựa thì chuyện này quyết chẳng thể làm được, do mỗi loại sách Quang đứng ra in đều lấy một vạn cuốn làm chuẩn, sao lại có thể in riêng lời tựa cho năm trăm cuốn được? Nếu ông muốn cứ thêm vào, hãy nên tự khắc. Đợi đến khi tặng sách cho người khác, sẽ kẹp thêm những trang in lời tựa vào trong ấy thì sẽ thuận tiện cho cả đôi bên. Nay đem lời tựa gởi kèm theo thư trả lại.

Còn như ông nói "đã gởi số tiền như ấn định trước là 20 đồng", tôi đã nhận được bưu phiếu ấy. Ông nói như vậy không khỏi coi Quang như gã bán sách, nực cười đến tột bậc! Nếu như lệnh hữu quyết định thỉnh thì Quang sẽ chiếu theo số lượng ấy, đợi khi sách in ra sẽ gởi đi. Nếu cứ bắt buộc phải thêm lời tựa vào đầu sách thì tôi không có tinh thần để lo liệu được, xin đừng bàn nữa! Chỉ gởi số sách đúng 20 đồng cho xong chuyện. Xin hãy sáng suốt suy xét.

Lệnh hữu rộng lượng muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Trác. Nhưng muốn quy y Phật pháp, chớ nên vẫn chú trọng nơi pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo, ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, trừ sạch rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng điều này để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người khác, trong là gia đình, ngoài là làng nước, thảy đều dựa theo Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư để khuyên dạy, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Như thế thì sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, mất sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và chẳng phí dịp gặp gỡ này. Như vậy thì trí tuệ cao trỗi, chót vót, danh hợp với thật. Nếu không, chỉ là danh suông mà thôi, có lợi ích gì đâu? Xin hãy nói với ông ta.

565. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ ba)

Nhận được thư (ước chừng cuối tháng 10, Quang sẽ về núi, sau này việc gởi sách sẽ do thầy Minh Đạo lo liệu thay) và món tiền 180 đồng cùng với 20 đồng lần trước, tổng cộng là 200 đồng, không sai lạc. Gia Ngôn Lục vẫn chưa in (ước

chừng tháng 11, 12 mới có thể gởi tới được). Di-đà Kinh Chú vẫn chưa đóng bìa xong, đợi khi hoàn thành sẽ theo đúng thời lần lượt gởi đến. Nay gởi cho ông 500 cuốn Học Phật Thiển Thuyết, 500 cuốn Thọ Khang Bảo Giám, giá sách lẫn bưu phí đều ghi thành một tờ riêng, xin hãy xem xét. Văn Sao hiện thời chẳng còn nhiều, chỉ gởi bốn gói, tổng cộng là 12 bộ. Lại gởi một gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng (lại gởi thêm năm gói Học Phật Thiển Thuyết để những người nghèo cùng được xem đọc. Đấy cũng là sách để kết duyên, chẳng tính vào tiền thỉnh sách). Năm gói này chẳng tính chi phí.

Lời lệnh hữu đã nói trước đây vốn là biện pháp in theo lối khắc ván, nhưng Quang không nghĩ như vậy là đúng. Do sắp chữ in mỗi lần một vạn cuốn, nếu ngay từ đầu đã in kèm tên người ấn tống vào đấy thì với số lượng nhỏ cũng chẳng phải là không làm được. Chứ nếu sau này mới đưa vào thì không cách gì thực hiện được! Nhưng người làm công đức chỉ cần có ích cho đời, cho người, cần gì phải so đo là có đề tên hay không? Dẫu có tên đi nữa thì chắc gì người ta đều biết rõ người đứng bỏ tiền ấn tống là ai? Nếu có ích cho người thì trời đất quỷ thần đều biết. Các hạ tính kế cho dân nghèo cũng đáng gọi là "đại từ che chở khắp", nhưng cần phải nói với họ về nhân quả, tội phước, để họ đều cùng chẳng phải hổ thẹn vì đã thiếu sót đạo làm người, tương lai thành gia lập nghiệp, chắc chắn sẽ cùng con cái đều thành hiền thiện thì sự cứu vớt ấy cũng lớn lao thay!

(Ngày 11 tháng 10, viết dưới đèn)

566. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, chúng sanh đời mạt pháp đáng thương đến cùng cực, chẳng biết thơm thối, chẳng biết tà chánh, đã không có chánh pháp đến nỗi ai nấy đều theo đạo luyện đan vận khí, lại còn bịa đặt đồn thổi để tự khoe khoang, tự phụ. Ông chưa biết Phật pháp, vừa thấy Văn Sao liền sanh chánh tín, đáng gọi là "đã có thiện căn từ đời trước". Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, bản ông đã đọc chắc là bản in lần trước, có ít bài hơn bản này. Hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Gia Ngôn Lục, một gói Niệm Phật Trực Chỉ, một gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, một gói Thọ Khang Bảo Giám, một gói Quán Âm Tụng, tổng cộng chín gói, gởi bằng thư bảo đảm. Trước hết, hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì hết thảy ngờ vực đều bị phá trừ.

Ông nói đến chuyện yêu cầu Quang soạn luận để đả phá những lập luận thiên chấp của bọn triết học và Lý học, chỉ cần ông có thể chân thật tu trì và hiểu thấu những nghĩa lý trong các sách nói trên sẽ tự chẳng bị mê hoặc bởi những tà thuyết của bọn chúng. Nếu công kích họ thì cũng phải có chỗ nương cậy, bởi lẽ chẳng

những Quang không rảnh rỗi để soạn luận, mà ngay cả phúc đáp thư từ cũng chẳng rảnh rang cho lắm. Năm nay, kết liễu mọi việc xong xuôi sẽ rời khỏi Phổ Đà, không ở chỗ nào nhất định để khỏi phải nhọc nhằn thù tiếp thư từ hòng chuyên tu tịnh nghiệp. Hiện thời vẫn còn có những sách chưa được in ra, chẳng thể gởi ngay được. Đợi khi sách được in ra, sẽ gởi cho ông mỗi thứ một hai gói để làm căn cứ tự lợi lợi người.

Ông muốn đến Phổ Đà, xin hãy bỏ tâm niệm ấy đi, chỉ nên lắng lòng nghiên cứu những kinh sách Quang đã gởi, ắt sẽ được lợi ích lớn lao! Ông muốn quy y, chẳng ngại gì đặt pháp danh cho ông từ xa. Ông hãy lễ Phật kiền thành nhận lãnh! Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hồng, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ là lò luyện trí tuệ lớn lao để mong cùng lên được bờ giác. Nhưng người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trừ sạch rượu thịt, lại còn sanh lòng tin phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác. Trong là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, ngoài là thân thích, xóm giềng, những người quen biết, đều nên đem những chuyện trên đây để bảo với họ.

Lại còn phải cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, nhưng đối với giáo dục gia đình lại cần phải chú trọng nhân quả báo ứng, lại hãy nên chú trọng dạy dỗ con gái. Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà bỏ hai đường lối này, dẫu Phật Bồ-tát, thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết làm sao. Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật thì lợi ích ấy sẽ chẳng thể nào suy lường bằng phàm tình được. Khi chín gói sách ấy được gởi đến, xin hãy gởi một mảnh thư báo đã nhận được. Ngoài ra, chẳng cần phải gởi thư gì khác nữa để đôi bên khỏi phải nhọc lòng.

567. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ hai)

Hôm qua viết một lá thư, chắc ông đã nhận được chín gói kinh sách rồi. Quang nghĩ: Phật pháp chẳng dễ lưu thông ở quý xứ, do vậy hôm nay thỉnh cho ông mười mấy thứ kinh sách, đem gởi bằng thư bảo đảm. Chỉ mong ông phát tâm chân thật, tự hành dạy người, dẫu Quang phải bỏ tiền hương kính do mọi người cúng dường ra để làm chi phí gởi sách cho ông cũng vẫn vui vẻ làm. Nếu ông hờ hững bỏ xó thì chẳng những đã phụ lòng Quang mà sợ rằng còn phụ lòng những người đã biếu tiền hương kính cho Quang vậy.

Ông đừng dấy lên ý nghĩ đến Phổ Đà gặp Quang và muốn xuất gia trong tương lai, do Quang đã quyết định trong năm sau sẽ vân du Nam - Bắc, không ở chỗ nào nhất định. Nhưng trong hiện thời tăng chúng gặp nguy hiểm muôn vàn, hai giới chánh khách và giáo dục chuyên muốn đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản để lèn cho đầy túi. Nếu xuất gia tức là đã bỏ con đường sống để tìm đường chết! Nếu ông có thể dựa theo những điều Văn Sao đã nói để tu trì thì ngay trong thương trường cũng rất dễ tu hành. Tùy phần, tùy sức hóa độ hết thảy, quả thật là chuyện hữu ích nhất. Nếu muốn bỏ buôn bán để chuyên tu thì sẽ thiếu sót lớn lao nơi những chuyện luân thường như thờ cha mẹ, dạy con cái v.v..

568. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ ba)

Hai lá thư gởi vào mùa đông năm ngoái và mùa xuân năm nay đều nhận được. Những chuyện ông đã nói trong lá thư mùa đông năm ngoái đều không sai, nhưng chỉnh đốn tăng-già, khôi phục lệ thi cử để tuyển tăng, vàn muôn phần chẳng thể làm được! Bọn ngoại đạo đều giả mượn cái danh Phật pháp, nhưng đều hèn kém chẳng kham. Nếu đúng là người được gặp gỡ Phật pháp, hiểu rõ đại ý, há bọn chúng có thể dẫn dụ được ư? Những kẻ bị bọn ngoại đạo dẫn dụ đều là hạng vô tri vô thức. Cha ông dụng tâm nghiên cứu kinh điển Nho gia nhiều năm, tiếc là chưa gặp được Phật pháp, vẫn bị nhốt chặt bởi Trình - Chu, nay cụ đã không coi lời Quang là sai, đã thoát ra khỏi chỗ nhốt kín để có thể làm sứ giả cho Nho - Thích nhị thánh.

Ngoại đạo đều coi luyện đan vận khí là đạo, chương trình truyền đạo do bọn chúng lập ra đã hoàn toàn phô bày hết những sự hèn tệ của đạo ấy. Tiếc cho người đời vô tri cứ ngược ngạo vì lẽ ấy mà tranh nhau nhập đạo giống như ruồi bu theo mùi tanh, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, thật đáng buồn xót! (Nói "phô bày hết những thói hèn tệ" chính là nói bọn chúng đều giữ cách bí truyền và đạo "sáu tai chẳng truyền"[569]. Muốn vào đạo của chúng trước hết phải thề thốt "hễ phản đạo sẽ phải hứng chịu những ác báo" v.v..) Những thứ tà giáo ấy trọn khắp thế giới. Chân pháp đã sáng tỏ thì bọn chúng sẽ tự chẳng có thế lực lớn lao, chẳng còn lừng lẫy được nữa.

Pháp niệm Phật hết sức ổn thỏa thích đáng, hạng trí tuệ nhỏ nhoi thường bỏ Phật lực để tu pháp cậy vào tự lực; nếu chẳng ngu thì cũng là cuồng, không cách nào cứu vãn được. Chúng ta chỉ nên tin sâu Phật pháp, giữ vững tông chỉ Tịnh tông thì sẽ chẳng đến nỗi bị lôi cuốn gia nhập ngoại đạo và tưởng những gì ý mình hiểu biết rõ ràng là đích thân chứng đắc. Gần đây có những kẻ cao minh

[569] Ý nói chẳng kể lại cho người thứ ba nghe những gì đã được truyền dạy giữa thầy và trò.

dụng công chân thật thiết tha nhưng lại ngả theo những tri kiến lệch lạc lầm lẫn, kiêu căng ngạo mạn, coi thường kẻ niệm Phật cũng chẳng ít. Bọn họ đều do chẳng tự lượng, lầm lạc coi những gì chính mình có thể hiểu được là chứng đắc. Họ đâu biết: Chén bát chưa nung, gặp mưa liền hóa thành bụi đất!

Trong khoảng tháng 8, tháng 9 năm nay, in sách xong xuôi, Quang sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài. Thời khắc này không nói thì sau này làm sao nói được? Cha ông muốn một hai năm nữa tới Chiết Giang gặp Quang, xin cụ hãy nương theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tu trì, lại còn nương theo đó để đề xướng, ngõ hầu người nơi quý địa đều cùng được nhuần gội sự giáo hóa của Phật thì sẽ là đệ tử đức Di-đà, là bạn lành của Đại sĩ. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, chẳng gặp mặt đâu phải áy náy gì? Dẫu Quang chẳng diệt tung tích thì trong thời cuộc chẳng yên ổn này, sao lại phí nhiều tiền tàu xe, nếm chịu đau khổ vô ích để chỉ gặp mặt Quang ư?

Lệnh biểu huynh[570] là Đỉnh Tài đã muốn quy y thì sẽ đặt pháp danh cho ông ta, lại gởi cho ông ta một lá thư, xin hãy chuyển giùm. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Hiện Báo Lục, Quán Âm Tụng, Âm Chất Văn Chú Chứng[571], Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, Kim Cang Kinh (ảnh chụp được kẹp trong ấy), mỗi thứ một gói. Xin hãy chia ra tặng. Lời tựa "ngầm tiêu kiếp vận" đã được thấy trong bài tựa rộng nêu đại ý, không cần phải gởi nữa. Do chuyện in sách, hằng ngày Quang chẳng được rảnh rỗi, huống chi lại muốn trong nửa năm nay sẽ hoàn tất hết thảy thủ tục ấn loát. Nếu không, trong tháng 9 sẽ chẳng thể giải quyết xong xuôi được!

Trong những tác phẩm giảng về những ý chánh yếu của kinh Lăng-nghiêm thì nên coi sách Lăng-nghiêm Văn Cú là bậc nhất, còn giải thích kinh văn thì nên coi sách Lăng-nghiêm Chỉ Chưởng[572] là bậc nhất. Giải thích ý nghĩa chánh yếu của kinh Pháp Hoa thì sách Pháp Hoa Hội Nghĩa[573] hay nhất, giải thích kinh văn bậc

---

[570] Biểu huynh: anh họ thuộc về bên ngoại, tức con của cậu hay dì.

[571] Âm Chất Văn Chú Chứng là tác phẩm chú giải bài Âm Chất Văn và dẫn chứng nhiều câu chuyện để minh thị những ý nghĩa được giảng giải trong Âm Chất Văn, do Phùng Khuyến soạn vào năm Quang Tự 20 (1894). Tên gọi đầy đủ là Tử Đồng Đế Quân Âm Chất Văn Chú Chứng Tân Biên.

[572] Trong Vạn tục tạng, tập 24, có đến ba bản Chỉ Chưởng: Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ Huyền Thị, Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ, Lăng-nghiêm Chỉ Chưởng Sớ Huyền Nghĩa đều do pháp sư Thông Lý soạn vào đời Thanh. Có lẽ bản Chỉ Chưởng được tổ nói ở đây chính là Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ.

[573] Lăng-nghiêm Văn Cú là tác phẩm chú giải kinh Lăng-nghiêm gồm 10 quyển của đại sư Ngẫu Ích. Bộ Pháp Hoa Hội Nghĩa 7 quyển cũng do đại sư Ngẫu Ích soạn. Cả hai bộ này đều được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

nhất thì cũng là Pháp Hoa Chỉ Chưởng[574]. Bốn bộ này đều phải tốn đến mười mấy đồng, viết ra ở đây để sau này ông muốn thỉnh sẽ biết rõ. Hiện thời cần phải chuyên tu tịnh nghiệp, bởi thời cuộc chẳng yên, không cậy vào sức niệm Phật, niệm Quán Âm, quyết khó thể có được chỗ để nương tựa. Hãy nên đem lời này thưa với cha và biểu huynh của ông cũng như hết thảy mọi người.

569. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ tư)

Thư ông gởi trong tháng 7 do không có chuyện gì quan trọng nên tôi chẳng trả lời ngay. Người học đạo hãy nên dựa theo lý để phán đoán, há cần phải mỗi một điều đều đem hỏi người khác rồi mới nên làm hay chăng? Quang ẩn dật lâu dài là vì tinh thần chẳng đủ. Nói đến chuyện chỉ dạy thì tôi vẫn tự có phương cách, cách gần gũi nhất là đem các bản in sách giao cho Cư sĩ lâm Thế Giới, bảo họ lưu thông để làm kế lâu dài.

Huệ Hòa tin tưởng ngoại đạo, tiếc cho ông ta túc nghiệp sâu nặng đến nỗi tà chánh chẳng phân, vàng thau không biết chọn, quý mắt cá như minh châu, muốn coi nó như của báu muôn đời chẳng đổi, chẳng biết nó chẳng đáng một đồng! Sở đắc của bọn ngoại đạo là trộm cắp những lời trong tam giáo Nho - Thích - Đạo, bịa đặt dựng chuyện để làm cội nguồn cho đạo giáo của chúng rồi tự phụ "đạo do chính ta sở đắc", chẳng đáng buồn ư?

Niệm Phật lúc đầu thân thiết như người nghèo được ăn vị ngon, chẳng biết thơm ngon đến ngần nào; tới chừng ăn đã lâu rồi cũng cảm thấy bình thường không có gì lạ lùng cả, nhưng chẳng coi vị bình thường, đạm bạc ấy là sai thì lâu ngày ắt sẽ có lợi ích tăng tấn. Vì thế không cần phải cảm thấy thiếu sót do lẽ ấy.

Mừng giận buồn vui chưa phát, chẳng nghĩ lành, chẳng nghĩ ác tựa hồ giống hệt như nhau, nhưng Lục tổ nói: "Đúng ngay trong lúc ấy, thế nào là bản lai diện mục của thượng tọa?"[575] Sao ông chẳng chú ý vào chỗ này? Do có câu nói ấy của Lục tổ nên có sự khác biệt lớn với ý nghĩa của trung dung được nói suông trong

---

[574] Đây là bộ Pháp Hoa Kinh Chỉ Chưởng Sớ (7 quyển) cũng do ngài Thông Lý soạn.

[575] Theo Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Hành Do, sau khi ấn chứng và truyền y bát cho tổ Huệ Năng, Ngũ tổ Hoằng Nhẫn bảo Huệ Năng hãy về phương Nam truyền pháp. Nghe tin, đồ chúng đuổi theo toan đoạt lại y bát. Thượng tọa Huệ Minh chạy trước, gần đuổi kịp Huệ Năng, Huệ Năng bèn đặt y bát trên gộp đá, nói: "Y này nhằm để làm tin, há có thể dùng sức để giành được ư?" Rồi ẩn trong lùm cỏ. Huệ Minh chạy tới nơi, giở lên không được, bèn kêu to: "Hành giả! Tôi vì pháp mà đến, chứ không phải vì y." Huệ Năng liền bước ra, ngồi xếp bằng trên đá. Huệ Minh làm lễ, thưa: "Xin hành giả thuyết pháp cho tôi." Tổ Huệ Năng nói: "Ông đã vì pháp mà đến, hãy dứt bặt các duyên, đừng sanh một niệm, tôi sẽ vì ông nói." Một lúc lâu sau, Huệ Năng dạy: *"Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay trong lúc ấy, thế nào là bản lai diện mục của thượng tọa?"* Huệ Minh liền ngộ ngay trong lúc ấy.

sách Trung Dung[576]. Sách ấy (tức Trung Dung) chỉ có thể khiến cho người ta biết được đạo lý, còn câu nói này của Lục tổ khiến cho con người đích thân thấy được cái sẵn có. Ông đừng chăm chú nơi "niệm mà chẳng niệm, không niệm mà niệm"! Cảnh ấy chính là chỗ thực hiện của bậc đã đạt đến cảnh giới cùng cực. Nếu chưa đạt đến cảnh giới cùng cực [mà cứ bám vào "niệm mà chẳng niệm, không niệm mà niệm"], ắt sẽ trở thành lười nhác. Tham cứu câu "niệm Phật là ai" vừa có lợi ích mà cũng có khuyết điểm. Chỗ hãy nên dốc sức chính là thành thật, chuyên nhất, dốc lòng.

Nếu xen tạp thiền cơ, hễ hơi có kiến xứ thì do căn cơ nông cạn, chúng sanh sẽ coi pháp Tịnh độ này là hèn kém nhất, coi pháp kia (Thiền) là tối thắng. Mùa xuân năm Dân Quốc 13 (1924), vợ ông Địch Sở Thanh mắc phải thói tệ này. Mãi cho đến ngày nay, Sở Thanh vẫn giữ thuyết ấy, chẳng chịu sửa đổi chút nào. Một đệ tử ở Giang Tây là Long Tùng Sanh đối với Thiền có chỗ hơi hiểu, ngộ rồi cũng miệt thị Tịnh độ, Quang cực lực quở trách, nhưng ông ta vẫn chẳng chịu nghe. Xem sắc diện chừng như ông ta bị ma dựa. Nghe lời ông ta nói, đúng là "muốn nối tiếp huệ mạng của chư tổ".

Ông ở nhằm nơi ngoại đạo lừng lẫy, nếu chẳng dựa theo sự thật để tu tập, chắc cũng sẽ trở thành cái cớ cho bọn tà ma, ngoại đạo bêu riếu. Ông muốn khai ngộ, há cần phải dùng đến công phu tham cứu? Chỉ cần niệm đến chỗ "niệm cực, tình vong", sẽ tự được khai ngộ. Nếu không ngộ, cũng chẳng trở ngại gì. Cần biết rằng, hễ có tín nguyện thì chẳng ngộ vẫn được vãng sanh; đắc ngộ mà không có tín nguyện thì vẫn luân hồi trong lục đạo! Ông muốn bỏ con đường bằng phẳng để đi theo đường hiểm trở mà vẫn mong được gọi "người hiểu biết pháp môn Tịnh độ" ư?

Quang hiện thời đang sắp chữ bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do ông Hứa Chỉ Tịnh biên tập, đợi khi sắp chữ xong sẽ ấn dật. Nếu sách ấy in ra sẽ bảo thầy Minh Đạo thay tôi gởi cho ông một hai gói. Sách ấy có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm. Tôi sẽ sắp chữ thành hai loại: Một là sách in với cỡ chữ Tam Hiệu Tự, bản thứ hai với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự dùng giấy báo để in. Hiện thời bản thứ nhất đã sắp chữ xong, cho in ngay hai vạn bộ. Sau này, có người phát tâm thì sẽ có thể cuồn cuộn in tặng và gởi bán vậy.

[576] Đạo trung dung được nói đến trong Nho gia là không thái quá, không bất cập, tức là chỉ cốt sao giữ cho được chừng mực, vừa phải, vẫn thuộc vào cách đối xử trong pháp thế gian. Sách Trung Dung chỉ giảng giải đạo này, chứ không chỉ rõ cách thực hiện nên gọi là "nói suông"; còn câu nói của Lục tổ chỉ thẳng vào chân tâm bản tánh vượt khỏi nhị nguyên đối đãi, siêu việt pháp thế gian lẫn xuất thế gian.

570. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ năm)

Thư của ông và thư của thầy Minh Đạo tôi đều đã đọc rồi. Thư gởi cho vị tăng ở Tự Châu hay lắm. Pháp sư Ngọc Phong thiên chấp quá sức! Cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của sư quả thật là lầm lẫn, nhưng nhiều người coi đó là quan trọng, hay tuyệt, cũng do vì thô tâm mà ra. Nếu chẳng quán tưởng thì chẳng tham tịnh cảnh, chẳng cầu nhất tâm; chẳng tham cứu câu "người niệm Phật là ai", cứ thẳng thừng mà niệm thì quả thật là nhiệm vụ trọng yếu. Nhưng chớ nên nói: Những thứ ấy đều là tà! Sư coi cầu nhất tâm là tà, nhưng sư suốt đời dùng công phu thập niệm vào buổi sáng. Trong pháp thập niệm có thuyết "nhờ vào hơi thở để ràng buộc tâm khiến cho tâm quy nhất". Sư tự hành lại tự bài xích, đúng là điều đáng tiếc nuối lớn lao. Do vậy, Quang trọn chẳng nhắc đến sư vì sợ người khác cũng sẽ bị bệnh thiên chấp ấy.

Còn như "vừa khởi thoại đầu liền rớt vào thoại vĩ"[577], cũng là gia phong của nhà Thiền. Chúng ta tu Tịnh độ chỉ nên giữ vững tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương, chẳng cần phải so sánh với họ rồi hỏi ngược lại. Chỉ nên dùng lòng chí thành, cung kính khiến cho tâm này không ràng buộc nơi niệm nào khác, đấy chính là nghĩa trọng yếu. Có đọc hay không đọc Đại tạng kinh đều chẳng có gì là không được! Bởi lẽ tu pháp môn đỡ tốn sức này sẽ chẳng đến nỗi phải than thở suông "muốn liễu sanh tử nhưng không tìm được pháp nào"! Ông nay trên có cha mẹ, dưới có vợ con, lại còn đang buôn bán, là chỗ nương cậy cho cả nhà, há nên lầm lạc mong bế quan?

Vợ ông là Tú Anh đã phát tín tâm, muốn xin quy y, nay đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Anh, nghĩa là chuyên dốc chí tu trì sẽ trở thành bậc anh thư mạnh mẽ trong nữ giới. Xin hãy nói với cô ta về đạo "hiếu thảo với cha mẹ, giúp chồng chăm sóc gia đình, dạy dỗ con để tất cả con cái đều được un đúc, giáo huấn, trở thành hiền thiện"; đấy thật sự là đạo căn bản để gia đình hưng thịnh, nước nhà bình trị vậy! Hơn nữa, bất luận Quang ở tại chỗ nào đều chẳng cần phải gởi thư, bởi đã có các sách như Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v. thì chẳng cần phải hỏi han phương pháp tu trì nữa. Nếu muốn làm một vị đại thông gia thì hằng ngày thưa hỏi vẫn chẳng thấm vào đâu! Ông đã một mực chẳng muốn làm một vị đại thông gia thì tôi trộm cho rằng "chẳng còn gì phải tiếc nuối, băn khoăn cả".

---

[577] Thoại đầu là một câu nói dùng để tham cứu trong nhà Thiền, chẳng hạn *"con chó có Phật tánh hay không?"* hoặc chỉ gồm một chữ như chữ *vô*. Nếu tham thoại đầu mà không hiểu rõ cách tham cứu, đâm ra chấp chặt vào câu thoại đầu, gây thành chướng ngại nên mới nói "vừa khởi thoại đầu liền rớt vào thoại vĩ".

Trần Vinh Quang gần đây cũng có gởi thư đến, nhưng do bận bịu, không rảnh rỗi để phúc đáp. Ông ta đã phát tâm, nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Chương, nghĩa là nếu không có trí tuệ sẽ lõa lồ, hèn hạ khó chịu đựng nổi. Nếu có trí tuệ, sẽ như khoác long bào, có oai đáng nể, có vẻ nghiêm nghị đáng trọng. Cùng là một người mà khác biệt một trời một vực. Do vậy, người biết Phật pháp sẽ đáng tôn đáng quý, huống là hiểu biết, tu tập pháp môn Tịnh độ ư? Cha ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ tận lực tu trì thì may mắn lắm thay!

(Ngày mồng 10 tháng Chạp)

571. Thư trả lời cư sĩ Giang Đức Mậu

Đọc thư của anh ông, biết ông ta học Phật là vì muốn thành một vị đại thông gia, chứ chẳng phải vì muốn tìm kế liễu sanh tử! Vì sao biết? Nếu vì liễu sanh tử thì mẹ ruột vốn là người một lòng tin tưởng niệm Phật, tuổi đã sắp tàn, sao chẳng đem pháp này khuyên cụ? Đến khi cụ lâm chung, vẫn chỉ cầu Bồ-tát chứ chẳng chịu thỉnh người trợ niệm, cho rằng làm như vậy sẽ khiến người đời kinh hãi! Ý niệm ấy thật đáng nực cười, nếu sợ thỉnh tăng trợ niệm sẽ khiến cho kẻ phàm tục kinh hãi, sao chính mình chẳng cùng với gia quyến đều niệm? May mắn là ông ta có tấm lòng chân hiếu, bà cụ được Bồ-tát gia bị, tỉnh táo muốn ngồi dậy, được thấy Bồ-tát. Lúc ấy ông ta vẫn chẳng biết bảo các quyến thuộc trợ niệm. Đến khi bảo cụ niệm A-di-đà Phật, cụ liền niệm rõ ràng một chữ A thì chính ông ta mới niệm Phật. Ông ta chẳng biết lợi ích của trợ niệm đến mức như thế đấy!

May mắn là ông ta nhờ có hiếu tâm thuần thành, chuyên dốc, nên cụ vẫn còn niệm được hơn một trăm chữ A rồi mới tắt hơi. Như vậy là trong tâm cụ chỉ có một niệm A-di-đà Phật, những niệm khác đều chẳng hiện tiền, cho nên cụ được nương theo Phật lực vãng sanh Tây Phương. Vì thế, chỉ riêng trán cụ còn nóng, cánh tay vẫn mềm mại. Có các hiện tượng trước sau như thế thì cụ được vãng sanh. Do Như Lai thệ nguyện rộng sâu, bà mẹ ông ta sẵn lòng tin tưởng, lại được anh ông một niềm thuần chân, nên mới có được hiệu quả như vậy. Điều đáng tiếc là lúc bình thường trọn chẳng đề xướng, khi lâm chung vẫn chẳng biết trợ niệm, cảnh tượng cụ mất tốt đẹp như thế là do may mắn mà đạt được! Nếu vạn nhất chẳng đạt được thì tương lai sẽ luân hồi trong lục đạo, chẳng biết cảnh tượng sẽ ra sao?

Làm phận con, phải nên dùng pháp này để tự hành, lại còn đem pháp này khuyên lơn cha mẹ như thế nào, cũng như đem pháp này khuyên hết thảy mọi người để hết thảy mọi người đều cùng được hưởng lợi ích này. Dùng điều này để giúp cho cha mẹ ta hễ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ

tăng cao phẩm sen. Nhưng muốn cho cha mẹ và chính mình cùng sanh về Tây Phương thì hành vi ắt phải chẳng trái nghịch Phật pháp, như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, hiểu nhân rõ quả. Kẻ làm được như thế thì sống sẽ là học trò của thánh hiền, chết lên bờ cõi Như Lai. Tuy nói *"hãi thế kinh nhân"* (khiến cho con người trong cả cõi đời kinh hãi), nhưng quả thật chỉ là chứng được cái ta vốn sẵn có. Hãy nên đem lời này nói với anh ông.

Người học Phật tâm thật, hạnh thẳng, hễ trong lòng có ý niệm sợ bị kẻ khác chê cười thì chưa phải là kẻ thật sự tin tưởng Phật pháp (Tôi không nhớ ông đã có đọc bài Khuyến Tu Tịnh độ Văn rồi hay không?) Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ ước chừng giữa tháng 10 sẽ sắp chữ xong, cuối tháng 11 sẽ có thể in ra ba ngàn mấy bộ. Trong một lúc thì không thể hoàn tất một vạn bộ được! In xong một vạn bộ đầu tiên, sẽ in tiếp một vạn bộ nữa, tổng cộng là in hai vạn bộ. Lại còn phải sắp chữ một bản chữ nhỏ theo cỡ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo để tiện cho các học sinh trong nhà trường có thể mua về đọc. Sách này tập hợp những sự tích cảm ứng trong 24 bộ sử, kèm theo lời bình luận của ông Hứa Chỉ Tịnh, đáng để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Vì thế Quang chắc tiếc tinh thần sức lực tìm cách truyền bá. Nếu ông muốn có bộ sách ấy, vào đầu tháng Chạp hãy sang chùa Thái Bình hỏi thầy Minh Đạo. Lúc ấy Quang đã diệt tung tích rồi!

(Ngày 27, viết dưới đèn)

572. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết ông phát tâm dũng mãnh, khôn ngăn vui mừng an ủi. Chỉ nên chuyên chú lấy "suốt đời ăn chay, nhất tâm niệm Phật" làm hành vi duy nhất không hai, quyết chẳng còn sửa đổi. Không ăn dầu muối ư? Bất tất phải như thế! Trong những cấm chế do đức Phật lập ra, không nói đến chuyện này, còn ngoại đạo chắc có. Chỉ tùy duyên là được rồi, mặn nhạt trọn chẳng phân biệt. Chẳng "vì nhạt mà sanh lòng hiềm, hễ mặn lại đâm ghét" thì chính là pháp môn giải thoát.

Niệm Phật phải phát chí thành tâm, thâm tín tâm, hồi hướng phát nguyện tâm (nghĩa là đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều cùng được vãng sanh Tây Phương). Nếu có những tâm ấy, công đức sẽ vô lượng. Nếu chỉ vì một người mà niệm thì tâm lượng nhỏ hẹp, công đức cũng nhỏ hẹp. Ví như thắp một ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng của một ngọn đèn. Nếu chịu xoay vần thắp cho những ngọn đèn khác thì ánh sáng của trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số ngọn đèn sẽ chẳng thể nào thí dụ được; thế nhưng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cố nhiên chẳng bị hao tổn gì. Người đời

chẳng biết nghĩa này nên chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng muốn cho người khác hưởng lợi ích ấy.

Lao ngục chính là đạo tràng ép người thoát khổ, nếu ông không vào nhà tù ấy, sợ rằng hằng ngày sẽ theo đuổi thanh, sắc, vật chất, lợi lộc, còn tâm tánh sẵn có của chính mình lại bỏ mặc, chẳng buồn hỏi tới. Nay ông may mắn có được khoảng thời gian 14 năm dài chẳng phải dính líu đến hết thảy chuyện nhà hay chuyện trong xã hội, chuyên nhất tu đạo. Đến khi hết kỳ hạn, ra khỏi nhà tù thì tuy bề ngoài vẫn là con người cũ nhưng thực chất đã không phải là con người cũ nữa, sẽ có thể thực hiện sự chỉ dạy rộng lớn, khiến cho quyến thuộc của chính mình và thân thích, bằng hữu đều cùng được gội pháp trạch, quả thật là may mắn không chi lớn bằng!

Ở trong ngục cũng chẳng cần phải xem nhiều. Hãy đọc kỹ càng những sách do Quang đã gởi hai lần trong năm ngoái và gởi một lần trong năm nay, y theo đó để hành thì đã dư thừa lắm rồi. Nếu nhiều sách, tâm sẽ chia thành ngõ rẽ, đến nỗi chẳng được lợi ích. Hiểu nhân rõ quả, ăn chay niệm Phật chính là nghĩa trọng yếu để tự lợi lợi tha. Cần phải hành xử theo đúng địa vị, chẳng oán chẳng hờn, thì mới thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Xin hãy thường gắng sức thì may mắn lắm thay!

Người đời bệnh khổ phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước cảm vời. Bất luận là bệnh gì, nếu có thể khẩn thiết, chí thành niệm Nam-mô A-di-đà Phật và thánh hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn sẽ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, bệnh sẽ tự lành. Dẫu đã hết tuổi thọ thì chết đi sẽ sanh trong đường lành, chẳng đến nỗi đọa lạc. Nếu biết pháp môn Tịnh độ, có chân tín nguyện thì còn có thể vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử; nhưng người đời chẳng biết lý sâu, hãy nên dùng những chuyện thật để bảo ban trước.

Con ông Phương Văn Niên ở Cữu Thự Phương *(địa danh)* thuộc huyện Trấn Hải, tên là Tử Trọng, vào năm trước, tròn 19 tuổi, bị ung nhọt trong ruột, thầy lang Trung y không trị được, bác sĩ Tây y nói: "Nếu không mổ sẽ chẳng trị được!" Cha mẹ anh ta không chịu, liền chẳng trị. Bà mẹ là người thông văn lý, do đọc Ấn Quang Văn Sao liền ăn chay niệm Phật, cả nhà lớn nhỏ kể cả đầy tớ đều thường ăn chay; chỉ có Văn Niên là vẫn chưa hoàn toàn ăn chay, nhưng đã giảm bớt ăn mặn rất nhiều. Bà mẹ cùng một u già (bà này cực hiền, sống trong nhà họ Phương đã mấy chục năm, con bà cũng khá giả. Có đứa cháu mời về nhà sống, bà bảo 'muốn cùng với bà chủ tu hành', chẳng chịu trở về. Bà chủ cũng chẳng coi bà này như u già mà xem như bạn bè) liều mạng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát và niệm kinh Kim Cang. Ba ngày sau khối ung trong ruột Tử Trọng tự vỡ,

máu mủ theo đại tiện thoát hết ra ngoài, năm ngày sau hoàn toàn lành mạnh. Chí thành niệm Phật tụng kinh tiêu trừ túc nghiệp, có chuyện như vậy đó. Người đời chỉ biết tạo nghiệp, chẳng biết cách tiêu nghiệp, đáng thương quá!

Thêm nữa, ông Từ Úy Như quê ở Hải Diêm (ông này luôn sống ở kinh đô) do dụng công học rộng nên trong người bị hao tổn, bị bệnh thoát giang[578] đã hai năm mấy. Thường sau khi đại tiện phải nằm một khắc, đợi cho nó tự rút lên thì mới dám cử động. Tháng Giêng năm Dân Quốc thứ tám (1919), sau khi đại tiện, có chuyện cần thiết chẳng thể trì hoãn được, liền ngồi xe ra khỏi cửa; do bị ma sát, đoạn ruột ấy vĩnh viễn không rút lên được nữa. Suốt bảy ngày đêm đau đớn như kim đâm, không một khắc nào tạm ngừng. Suốt bảy ngày đêm không chợp mắt được. Ông ta trước kia tuy niệm Phật nhưng vẫn chẳng giảm nhẹ, bèn phát tâm đại Bồ-đề, nói: "Bệnh này khổ cùng cực, con xin chịu nhiều hơn để nguyện cho tất cả mọi người trong thế gian đừng mắc phải bệnh này", rồi bèn chí thành niệm Phật. Không lâu sau ngủ thiếp đi, tỉnh dậy bệnh đã lành. Từ đấy bệnh hết tận gốc. Ông ta gởi thư báo tin, Quang bảo: "Bệnh ấy vốn do túc nghiệp, do các hạ dùng tâm đại Bồ-đề để tiêu trừ túc nghiệp đó nên bệnh liền dứt tận gốc!"

Nếu biểu huynh của ông biết nghĩa này thì chẳng những bệnh trĩ được lành mà bệnh sanh tử cũng được lành. Nếu không, sẽ sống yên trong nhà hưởng phước, sống say chết mộng, chẳng bằng ông ngồi tù lại được đại lợi ích. Cảnh không có tự tánh, tổn hại hay lợi ích do con người. Ông tin được lời tôi nói thì lợi ích sẽ khó thể tuyên nói được!

Họa phước trong thế gian dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi. Ông do bị tù mà được nghe Phật pháp, đấy chính là may mắn lớn lao trong khi bất hạnh. Hãy nên coi đấy là cơ hội được hướng dẫn tốt lành thì tâm càng được thanh tịnh.

Ông vẫn chưa thấu hiểu những điều kinh Kim Cang đã dạy. Kinh dạy: *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này* (đây chính là sự lành trong hiện tại) *bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp trong đời trước của người ấy đáng lẽ phải đọa trong ác đạo, nhưng do đời này bị người đời khinh rẻ* (nghiệp chuyển theo thiện, cũng thuộc trong đời hiện tại) *nên những tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác* (đây là chuyện trong vị lai, nghĩa là do đây mà được, đừng tưởng là ngay trong hiện tại sẽ liền được như thế)." Thiện nam nữ thọ trì kinh này, đấy chính là điều lành trong đời này. Bị

[578] Thoát giang (bệnh lòi dom) là chứng bệnh do các cơ vòng quanh giang môn (hậu môn) bị suy yếu khiến phần cuối của ruột già (nhất là đoạn ruột gọi là trực tràng) bị thòng xuống hậu môn, lòi ra ngoài.

người khác khinh rẻ là do nghiệp trong đời trước. Nhưng do bị người khác khinh rẻ mà tiêu diệt được những ác nghiệp trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lại còn sẽ đắc Phật quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy chính là dùng thiện nghiệp để chuyển ác nghiệp, khiến cho quả báo trong đời sau biến thành quả báo trong đời này, báo nặng chuyển thành báo nhẹ.

Ông tưởng nhà tù là ác đạo thì sai mất rồi, nhà tù thuở xưa khổ sở chẳng thể nói nổi, nhà tù ngày nay giống như bế quan, đâu có khổ sở gì! Những kẻ không ở trong tù phải bôn ba, bận bịu, những kẻ mưu cầu cơm áo nhưng chẳng được, chẳng biết là bao nhiêu. Nếu tri túc thì nhà giam là tòa nhà hưởng phước (phước đường). Nếu không tri túc, dẫu giàu có vàn muôn, sang quý tột bậc thì vẫn là hằng ngày sống trong địa ngục đó thôi.

Con người sống trong thế gian, dẫu tuổi rất thọ, vẫn là chớp mắt liền qua, nếu chẳng tự gắng sức thì phần nhiều sẽ đều đọa lạc trong ác đạo. Muốn lại được mang thân người, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Ông nay có thể biết sai sửa lỗi, tận lực tu tịnh nghiệp thì vẫn còn thể cách vật (tức là sửa đổi mình, chứ không phải là trừ bỏ những vật bên ngoài), trí tri (đạt đến sự thấy chân chánh không bị lệch lạc cong vạy vì dục vọng, tri kiến tà vạy), sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, nghiệp tận tình không, mất sẽ về cõi Cực Lạc. Dẫu chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, ắt sẽ có thể nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, như vậy là chẳng phụ đấng sanh thành, chẳng phụ sở học, cũng chẳng phụ một phen lao đao này. Đấy gọi là "do họa mà được phước". Hãy nên phát tâm đại Bồ-đề bất thoái lâu xa thì chắc chắn sẽ đạt được lợi ích lớn lao như trên đã nói. Nếu trọn chẳng có thành kính, chỉ màu mè bề ngoài, mong được người khác khen mình là tu trì chân thật, chứ thật ra hoàn toàn là giả vờ thì sẽ không đạt được lợi ích thật sự nào cả.

Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải được sắp chữ tại xưởng in của trại giam Tào Hà Kính vẫn chưa xong (tù nhân sắp chữ khéo léo không thua gì thợ của Thư Cục). Lần này in một vạn bộ Văn Sao ở Hàng Châu, phải đến tháng 10 mới có thể ra sách được. Do trước đó đã in bảy ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư, ước chừng sẽ giao sách vào Trung Thu; lại còn in Thọ Khang Bảo Giám một vạn cuốn sẽ phát hành chung với Văn Sao. Tôi sẽ gởi cho ông mỗi thứ một gói. Nay tôi gởi cho ông một gói gồm bảy bộ Quán Âm Tụng, trước kia chắc đã có gởi rồi hay không tôi cũng không nhớ nữa. Có dư thì nên tặng cho viên giám đốc nhà giam, hay giám thị, hoặc những người cùng chí hướng có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Tuy có các sách, vẫn phải lấy niệm Phật, niệm thánh hiệu Quán Âm làm chánh. Chớ

nên chỉ đọc rồi không hành thì sẽ giống như nhìn món ăn ngon chẳng có ích gì cho cái bụng rỗng cả.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thành, vì lòng thành là cái gốc của đạo. Kẻ chẳng thể mở rộng, sanh trưởng đạo đều do ngu si, không có trí tuệ. Nếu có thể do lòng thành mà phát khởi minh (minh chính là trí tuệ), do minh mà hiển hiện thành thì đạo tự được sanh. Thành chính là minh đức, huệ chính là minh vậy. Huệ lẫn thành đầy đủ, tức là "minh minh đức" (làm tỏa rạng minh đức). Minh minh đức chính là thành minh, thành thuộc về tánh đức, minh thuộc về tu đức. Tánh đức ai nấy đều sẵn có, nhưng tu đức thì có nghịch hay thuận, nghịch thì đọa lạc, thuận bèn siêu thăng. Thuận đến cùng cực ắt sẽ viên thành Phật đạo. Chúng ta không có sức lực ấy, chỉ thuận theo cái tâm rộng hay hẹp, công phu sâu hay cạn để được các thứ lợi ích mà thôi.

Từ Bổn Mậu đã biết tu trì, sao lại không thể ăn chay trường? Ấy là vì nghĩ thịt ăn ngon lành, chẳng nỡ lòng bỏ vậy. Thử nghĩ tình trạng khổ sở, đau đớn của hết thảy những loài sinh vật khi chúng bị giết, há nỡ lòng nào vì sướng miệng mà ăn chúng hay sao? Nếu như chính thân ta lâm vào cảnh ấy, há có thể yên tâm muốn người ta giết mình để trám đầy bụng miệng họ hay chăng? Đối với đủ mọi thứ tâm hạnh tham ăn tàn nhẫn, chỉ một lời đã bao quát trọn: "Chẳng suy nghĩ!" Nếu suy nghĩ cặn kẽ, sẽ trọn chẳng dám ăn! Oán nghiệp phải do chính mình giải quyết, ông vẫn cứ muốn ăn thịt bọn chúng thì tất cả những nỗi khổ trước khi chưa chết đều chẳng đáng gọi là khổ. Đời này ăn thịt bọn chúng, tương lai ắt sẽ có ngày bị chúng ăn lại, đấy thật đáng gọi là "oán nghiệp khó kết thúc". Lời ông ta nói tựa hồ có cơ duyên tỉnh ngộ, nhưng vẫn còn muốn ăn thịt thì cái ngộ ấy chỉ là nói suông. Nói suông sẽ chẳng có ích lợi mảy may nào đâu! Ví như kể chuyện ăn có cứu được cái đói của ông hay chăng? Không phải là Quang ép người khác ăn chay, chỉ vì điều ông ta mong mỏi và việc ông ta làm hai đằng chẳng phù hợp nên mới tha thiết bảo ban đấy thôi.

Chị và em gái ông đều đã ăn chay trường niệm Phật, tôi nghĩ chắc là do đọc Văn Sao mà ra. Nay sẽ đặt pháp danh cho mỗi người, chị ông là Vân Khanh pháp danh là Huệ Vân, em gái ông là Hạnh Mai pháp danh là Huệ Hạnh. Nếu có thể dùng mây trí tuệ để tuôn trận mưa trí tuệ thấm nhuần khắp mầm đạo Bồ-đề và nương theo trí tuệ để làm chuyện thuộc về bổn phận thế gian lẫn xuất thế gian (chuyện thế gian chính là hiếu, đễ v.v., chuyện xuất thế gian chính là từ thiện, tịnh nghiệp) thì chính là Huệ Hạnh. Nếu có huệ mà không có hạnh thì chẳng gọi là chân huệ, có hạnh mà không có huệ thì sẽ đâm ra bị đọa lạc. Đấy là ý nghĩa chánh yếu của cái tên đã đặt vậy.

Còn đối với chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giúp chồng dạy con v.v. hãy nên dựa theo những điều đã nói trong Văn Sao để thuật cặn kẽ với bọn họ, khiến cho hai người ấy sẽ do đây mà tiến nhập giác đạo thắng diệu của Như Lai thì sống sẽ là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, lúc mất sẽ giã biệt cõi Sa-bà đầy các nỗi khổ để lên cõi Phật thanh tịnh, chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Xin hãy nói cặn kẽ với họ về ý này thì may mắn lắm thay. Đợi khi Gia Ngôn Lục in ra, sẽ gởi cho mỗi người một cuốn để họ tiện thọ trì.

573. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ hai)

Từ Bổn Mậu đã có thể tận lực sám hối túc khiên, trừ sạch đồ mặn tanh tưởi, đúng là chân thật tu trì, sửa lỗi cũ, từ nay hãy tu hành để mong khôi phục nguồn tâm sẵn có. Trần Quốc Phủ phát nguyện suốt đời niệm Phật, tụng kinh, chí ấy tốt đẹp lắm; nhưng cần phải phát cái tâm bất thoái lâu xa, đừng có đầu không đuôi! Nay đặt pháp danh cho Từ Bổn Mậu là Huệ Bổn, nghĩa là lấy trí tuệ làm gốc, thì hết thảy những suy nghĩ, lời lẽ, hành vi đều có thể trên hợp với tâm Phật và thiên lý, chẳng đến nỗi vẫn mê muội y như cũ, tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Quốc Phủ pháp danh là Huệ Phủ, phủ[579] là tiếng xưng hô đẹp đẽ vậy. Nếu có thể thống thiết sửa đổi lỗi trước, tâm giữ chánh niệm, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tận lực hành những chuyện hiếu, đễ, trung, tín v.v.. Lại còn chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới đúng thật là Huệ Phủ. Nếu không, chỉ là hư danh mà thôi, nào có ích chi?

Cách thức đối trước đức Phật lãnh nhận quy y thì trong Văn Sao đã có nói rồi, hãy nên dựa theo đó để nói với ông ta. Chuyện thế gian hay xuất thế gian đều lấy chân thành làm gốc, mong hãy thường phản tỉnh, quán sát lỗi mình, ngõ hầu ngày càng tiến đến chỗ cao minh. Kể từ sau khi sắp chữ Văn Sao xong vào năm ngoái, tất cả hết thảy bản thảo thư từ tôi đều nhất loạt chẳng giữ lại để mong đỡ tốn giấy, bớt việc. Thư từ mặc ông giữ lại hay vứt đi, Quang chẳng cần phải bận tâm đến nữa.

574. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ ba)

Đã lâu chưa gởi thư, chẳng biết gần đây ông tu trì ra sao. Tôi thường nghĩ đến ông, nay gởi cho một bộ Văn Sao loại mới in. Bộ này so với bản in năm trước

[579] Phủ（甫）vốn là một mỹ từ để gọi đàn ông với ý tôn trọng, chẳng hạn Khổng tử có tên tự là Trọng Ni thì người ta thường gọi ngài là Ni phủ. Khi nhắc đến cha của người khác cũng thường dùng danh từ "tôn phủ".

nhiều hơn một trăm trang, tuy không có văn từ nào nêu tỏ lý tột cùng, nhưng lại có thể tiêu trừ từng điều nghi ngại của kẻ sơ cơ tu tịnh nghiệp. Lại còn có một cuốn Thọ Khang Bảo Giám, hãy nên vì bọn thiếu niên mà lưu tâm đọc để trong tương lai khi ra khỏi nhà giam trở về nhà, sẽ có cái để làm gốc hòng cứu vớt hết thảy thân thích, xóm giềng khỏi phải chết vì sắc dục.

Tánh tình ông khá thông minh mẫn tiệp, thường có những kẻ thông minh mẫn tiệp sử dụng tâm tư sai lầm, chẳng những vô ích mà còn gây hại nữa; quả thật là chướng ngại cho nghiên cứu, tu trì! Vào tháng 7, tôi qua đất Hỗ, đất Hàng, lẩn quẩn ở đấy hơn hai tháng. Có một chàng tuổi trẻ khá thông minh, nhưng những điều anh ta thưa hỏi đều là những thứ chẳng đáng nên để ý. Thật là nực cười, đáng thương quá!

1. *Hỏi:* Hết thảy hữu tình đều có Phật tánh, lớn bé tuy khác, nhưng đều sợ chết như nhau. Phàm là người phóng sanh, trước hết hãy nên chú trọng đến những loài nhỏ bé thì sẽ chẳng trái nghịch với thuyết "cùng có Phật tánh, sợ chết giống như nhau".

Đáp: Đã biết là giống nhau, cố nhiên nên tùy phần tùy sức tận lực cứu vớt, sao lại luận trước hay sau? Nếu vẫn giảng diễn thông suốt lý sự "Phật tánh giống như nhau, sợ chết chẳng khác" thì sẽ có lợi ích lớn lao. Cớ sao lại thiên chấp trước sau?

2. *Hỏi:* Trong nước, trên không, những loài trùng bé tí vô lượng vô biên, theo một hơi thở của con người, chúng sẽ bị hút vào chẳng thể tính được số. Như vậy thì nghiệp báo trong tương lai làm sao có lúc kết thúc cho được? Cũng như nói đã biết con người và loài vật tuần hoàn thì xưa nay các bậc đại Nho thông hiểu Phật lý rất nhiều, sao chẳng chế định ra luật nhằm đoạn trừ chuyện sát sanh? Lại nói: "Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, há nên giết hại, cũng chớ nên dâm dật", nhưng trong hôn nhân chánh thức, biết đâu cũng là người thân trong đời trước?

Đáp: Ba câu hỏi ấy đều phô ra trí thông minh vặt vãnh, lầm lạc tưởng đó là những sự tướng có nghĩa lý hết sức tột cùng. Chẳng những vô ích mà còn gây hại! Vì sao? Chớ nên vì chẳng thể không sát sanh những loài nhỏ tí liền muốn bỏ sạch chuyện phóng sanh những loài thô to! Ví như kẻ thích sạch sẽ, muốn chẳng dính bụi đất, nhưng xét kỹ bên trong thân thể: phân, tiểu, mủ, máu; ngoài thân là hờm (ghét), mồ hôi, tóc, lông, và muỗi, mòng, rận, rệp suốt ngày thường phóng uế trên thân ta. Do vậy nghĩ cái thân này trong ngoài đều dơ bẩn, xấu xa, trọn chẳng khác gì nhà xí, bèn chẳng thèm sạch sẽ nữa, cứ suốt ngày vui thú trong nhà xí ư?

Còn như anh ta nói những vị quan lại nổi danh xưa nay, sao chẳng đặt ra luật lệ cấm giết hại sanh mạng loài vật, vẫn là chẳng biết pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian có quyền, có thật. Dẫu họ biết là thật, nhưng do lòng người chưa thể hoàn toàn quy y theo sự giáo hóa của đức Phật, cố nhiên chẳng dễ gì dựa theo thật lý để chế luật được.

Cũng giống như do kính tiếc chữ mà thường nói đến giấy, bởi giấy là vật dùng để viết chữ. Tuy chữ có thể viết nơi các chỗ, trên các vật, nhưng rốt cuộc vẫn chẳng nhiều bằng giấy, vì thế thường nói "kính tiếc giấy chữ". Chứ không phải là chữ được viết trên giấy thì tiếc nuối, còn nếu chữ không được viết trên giấy thì đều chẳng đáng tiếc. Chữ cố nhiên nên tiếc, nhưng ý nghĩa của chữ lại càng đáng tiếc nhất. Nếu con người chẳng nương theo đạo làm người để hành xử, tức là đã quên mất tám chữ "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", con người mà quên mất đi tám chữ ấy có còn đáng gọi là "người" hay chăng? Hãy nên dốc sức vào đấy thì cái gốc lớn lao đã thành lập, dẫu chẳng thể dứt hết những chuyện làm bẩn chữ viết trên hết thảy các vật, nhưng những chữ bị làm bẩn đã hiếm hoi hẳn đi.

Quân tử xử sự theo đúng địa vị, phàm những gì sức mình không thể làm thấu thì đều chẳng nên viện cớ "do sức không thể làm được" để phá hoại. Biết sức mình chẳng thể làm được bèn đặc biệt dốc sức nơi những gì sức mình làm được thì chính là đại thiện. Kẻ do sức chẳng thể làm nổi bèn đả phá, bài xích những người có sức làm được, bảo họ đừng làm thì chính là đại ác. Kẻ thông minh phần nhiều có thứ tà kiến ấy. Thứ ngôn luận này Quang đã từng hay biết, tiếp xúc chẳng biết là bao nhiêu! Chỉ sợ con người chẳng khéo dụng tâm nên đến nỗi vướng lấy tội lỗi.

Do tôi nghĩ "không chừng ông vướng phải thứ tà kiến ấy, hoặc trong số những người cùng hàng với ông mang thứ tà kiến ấy", nếu Quang chẳng trừ khử sẵn, trong tương lai chắc sẽ đến nỗi tự lầm, lầm người. Vì thế nói đại lược đầu mối với ông. Đối với những thứ ngôn luận tà kiến vừa được Quang chiết phục ấy, cố nhiên nếu chẳng bỏ công trọn mấy hôm sẽ chẳng thể viết đầy đủ hết được. *"Đôn đốc luân thường, khác tận kỷ phận, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành"* (Giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành), mười sáu chữ ấy là cái gốc để "sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc". Nguyện học trò tôi kính cẩn vâng giữ, tận lực thực hiện thì may mắn lắm thay!

Lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động! Hơn nữa, "thực ít, hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng". Khi ông Hoàng Hàm Chi giữ chức Đài đạo ở Ninh Ba và Thiệu Hưng, phát tâm ăn chay trường, khuyên mẹ cũng nên ăn chay.

Nhưng dọn thức ăn chay ra, bà cụ chỉ ăn cơm không. Hoàng Hàm Chi gởi thư hỏi tôi phải làm theo phương cách nào; Quang dạy ông ta thay mẹ chí thành sám hối để nghiệp tiêu thì cụ sẽ ăn chay được! Chưa đầy một tháng cụ liền ăn chay trường.

Con gái ông Thích Tắc Châu 19 tuổi, hai mắt mất ánh sáng, đưa tay ngay trước mặt cũng chẳng thấy được, gởi thư đến báo. Khi ấy, ông ta ở tại Tam Thánh Đường trên núi Phổ Đà, được tin liền vội về nhà, đưa con gái sang ni am ở Hàng Châu. Quang bảo ông ta viết thư cho con gái, khuyên cô ta chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm. Chưa đầy một tháng, cô ta liền đích thân viết thư báo tin đã lành bệnh. Một phụ nữ từ năm 16 tuổi bị bệnh khí đông[580], mỗi ngày ắt lên cơn hai ba lượt, lúc lên cơn, đau đớn gần muốn mất mạng, nay đã 56 tuổi, đến xin quy y. Quang dạy bà ta chí thành niệm Quán Âm và cho một phương thuốc, tức toa cai thuốc phiện trong bộ Văn Sao, nhưng không thêm thuốc phiện. Bà ta liền sắc một liều, vừa mới uống lần đầu đã không còn đau nữa. Chữa trị đủ thầy lẫn thuốc suốt 41 năm mà không sao dứt được căn bệnh dai dẳng ấy, nay vừa uống thuốc một lần liền hoàn toàn bình phục. Nếu bà ta không chí thành niệm danh hiệu Bồ-tát há có gặp được phương thuốc này hay chăng?

Ba người này đều là dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao, là vì lòng thành vậy! Ông than không có cách nào chữa lành căn bệnh dây dưa của mẹ, Quang trách ông sao không dùng niệm Phật để cầu cho mẹ tiêu được nghiệp? Ông liền viết là "đã lễ Phật biết bao lần, vẫn chẳng thấy hiệu nghiệm!" Do vậy tôi mới viết "thực ít, hơn dối nhiều", nếu ông thật sự chân thật lễ bái trì tụng như thế mà căn bệnh dây dưa của mẹ ông chẳng lành, Quang sẽ mù mắt, trời đất sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng xoay ngược. Há có lẽ ấy hay chăng?

Quang sợ ông chưa thấu hiểu ý tột cùng của một chữ thành, nên mới đặt pháp danh cho ông là Huệ Thành, do chuyện này liền biết lòng thành của ông nằm trên ngọn bút chứ không phải ở trong tâm. Nếu ở nơi tâm, trọn chẳng đến nỗi tu trì như thế mà hoàn toàn chẳng được lợi ích gì! Ông muốn sống làm học trò của thánh hiền, mất đi sẽ vào cõi Cực Lạc thì cần phải hoàn toàn đem cái tâm tướng hư giả vứt ra ngoài biển khơi, nghiêm túc tu hành thật sự. Hễ nói được thì phải làm được, hễ làm không được bèn chẳng chịu nói. Được như thế thì tổ tông, cha mẹ của ông đều được rạng mày nở mặt lớn lao, Quang cũng nhờ vào công đức thật hành của ông mà tiêu trừ tội nghiệp. Nếu do Quang chẳng thể tận mắt thấy

[580] Còn gọi là khí thống (đông 疼 và thống 痛 đều có nghĩa là đau): Bệnh nhân trong bụng sanh ra rất nhiều hơi, hơi thường xung ngược lên ngực khiến bệnh nhân đau đớn. Đông y cho rằng bệnh có nguồn gốc từ thói quen thích ăn đồ quá lạnh trong mùa hè khiến tỳ vị bị tổn thương, nên còn gọi bệnh này là *tỳ ngược thống*.

được, liền cứ tùy tiện nói dối, dẫu cho Quang tưởng là thật đi nữa, thì trời đất, quỷ thần, Phật, Bồ-tát cũng tưởng là thật hay sao? Ông đã có cái tâm ấy thì chính là bất hiếu vì đã dối cha mẹ, dối thầy, dối Phật. Đối với cha mẹ và thầy mà có thể thật sự dối trá được sao? Chỉ là ông tự dối mình đó thôi!

Do thấy ông còn hiểu lý, Quang mới nhiều lần cảnh tỉnh, răn nhắc! Nếu nghĩ Quang là sai, xin từ nay đừng nên thư từ qua lại nữa thì hơn. *"Quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được[581]). Chẳng phải là Quang ăn nói quá gắt gao, mà là vì ông ăn nói trước sau không phù hợp, nhưng những chuyện ấy đâu phải là do ông ở trong nhà tù rồi sẽ không thể thực hiện được. Quang tuy vô đạo đức, nhưng đã sống trên đời 68 năm, nên rất khó thể bị dối gạt bởi những chuyện chẳng hợp tình hợp lý. Xin hãy thống thiết sửa đổi; nếu không sẽ là tội nhân chung thân của cả Nho lẫn Thích đấy!

575. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết bọn họ vẫn có thể thực hành, vui mừng an ủi đến cùng cực! Mẹ ông bệnh đã ba mươi mấy năm, sao chẳng chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để hồi hướng cho mẹ, và đem chuyện này khuyên vợ và con cái cũng niệm như thế? Phận làm con tu trì cho cha mẹ, nếu tâm chân thành ắt sẽ có cảm ứng lạ lùng. Hãy nên gởi thư uyển chuyển khuyên chính mẹ ông cũng niệm như thế. Nếu từ đây còn có thể sanh lòng tin, chân thật hành thì căn bệnh lâu năm sẽ trở thành bậc đạo sư hướng dẫn xuất thế.

Nay thuận theo ý ông, cũng đặt pháp danh cho mẹ ông để mong thật sự thêm một cành hoa sen trong ao bảy báu cõi Tây Phương. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Siêu, nghĩa là nhất tâm niệm Phật, vượt khỏi trần lụy thế gian trong hiện tại. Do lúc chưa niệm Phật thì lòng hoàn toàn đặt nơi trần lụy; đã có thể nhất tâm

---

[581] Đây là một câu nói trích từ lời vấn đáp giữa Mạnh tử và Vạn Chương trong thiên Vạn Chương Thượng của sách Mạnh Tử: *"Tích giả phất quỹ sanh ngư ư Trịnh Tử Sản, Tử Sản sử giảo nhân súc trì chi. Giảo nhân phanh chi, phản mạng viết: 'Thỉ xả chi, ngữ ngữ yên, thiểu tắc dương dương yên, du nhiên đắc thệ'. Tử Sản viết: 'Đắc kỳ sở tại, đắc kỳ sở tại!' Giảo nhân xuất, viết: Thục vị Tử Sản trí? Dư ký phanh nhi thực chi, viết: đắc kỳ sở tại, đắc kỳ sở tại. Cố quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Xưa kia chợt có người đem cá sống biếu cho Tử Sản nước Trịnh. Tử Sản bảo người hầu đem thả trong ao nuôi cá. Người hầu bèn đem nướng rồi trở về thưa: "Lúc mới thả, cá nằm ngoi ngóp, một lúc sau bèn sống động, tung tăng bơi đi mất rồi." Tử Sản nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Người hầu đi ra, nói: "Ai bảo Tử Sản có trí? Ta nướng ăn mất rồi mà còn nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Do vậy, có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được). Chúng tôi dịch đoạn văn này theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

niệm Phật sẽ chẳng thấy trần lụy động được cái tâm. Đấy chính là do trần lụy mà vượt trỗi được trần lụy vậy! Lâm chung vượt thoát tam giới, lên thẳng chín phẩm sen, chẳng những không bị bệnh khổ mà còn có thể cứu vớt hết thảy chúng sanh bệnh khổ cùng lìa các khổ, cùng hưởng các sự vui.

Phận làm con phụng sự cha mẹ, lấy hầu hạ, phụng dưỡng làm nền tảng ban đầu, lấy lập thân hành đạo làm cái gốc lớn lao. Nếu trong tâm khởi lên tà niệm, đấy chính là bất hiếu! Hãy nên lập tức sám trừ cho sạch, ngõ hầu tâm này không lúc nào, không niệm nào chẳng xứng với thiên địa quỷ thần, ấy là nền tảng đã lập. Lại còn dùng lòng tín nguyện niệm Phật, công phu chân thật, thiết tha, thì sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, mất về cõi Cực Lạc, ai ngăn cản được?

Nếu như miệng nói tu trì, mà tấm lòng chẳng lành, muốn mạo danh "chánh nhân quân tử, chân thật tu trì" thì sẽ trở thành gã chân tiểu nhân mưu mẹo man trá, vô liêm vô sỉ! Vốn muốn khinh người, rốt cuộc trở thành tự khinh. Những kẻ như thế đều vốn là hạng đại thông minh, có bản lãnh lớn lao, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Ví như gươm báu Can Tương, Mạc Da[582] chặt ngọc như bùn, đem dùng để chặt bùn thì bùn chẳng thành được gì, chỉ hao hụt sức bén nhọn. Nguyện ông thấu hiểu lời Quang, dốc lòng thực hiện thì thánh hiền, Phật, Bồ-tát, há lẽ nào chuyên ở tận đâu đâu, chẳng ở tại nơi ta ư?

Kinh Thư nói: "Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ do cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh." Kinh Phật dạy: "Trong thế gian có hai hạng người mạnh mẽ, một là tự chẳng tạo tội, hai là gây tội rồi biết hối." Sửa lỗi chẳng tiếc nuối chính là phương cách để mong thành thánh của Nho gia, bộc bạch tội khiên chính là điều trọng yếu để đệ tử Phật khôi phục cái gốc. Thư từ mấy năm, ông vẫn chưa thể bày tỏ lỗi mình lần nào. Do Quang thấy ông còn chịu phát tâm tu hành nên cũng không truy tới quá khứ của ông, vẫn viết thư, tặng sách cho ông, mong ông sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc. Nào biết ông vẫn giả dối tô chuốt lời lẽ, mà vẫn chẳng thấy đó là dối người.

Nay thấy ông nói trước kia đã từng tịnh tọa ba năm, đối với *tinh thần học*[583] khá có tâm đắc khiến Quang đau lòng! Ông đã có thể như thế, sao lại làm những

---

[582] Can Tương, Mạc Da là tên hai thanh kiếm báu được đúc từ thời Chiến Quốc. Theo Chiến Quốc Sách, Can Tương là người nước Ngô, sống vào thời Xuân Thu, rất giỏi đúc kiếm. Mạc Da là vợ ông ta. Vua Ngô là Hạp Lư sai Can Tương đúc kiếm, nhưng nấu mãi sắt không chảy. Mạc Da thấy vậy bèn tắm rửa sạch, nhảy vào lò, sắt liền chảy tan. Nhờ đấy, Can Tương đúc thành hai thanh kiếm sắc, thanh trống (hùng kiếm) đặt tên là Can Tương, thanh mái (thư kiếm) đặt tên là Mạc Da.

[583] Tinh thần học (noology) là một môn học chuyên nghiên cứu tâm lý, tinh thần căn nguyên của con người, được coi như một trong những môn học mở đường cho *tâm lý học* sau này. Từ

thứ hành vi như thế. Một năm là đã quá nhiều, huống chi lại mấy năm! Mười mắt mười tay[584], cùng thấy cùng nghe, tính muốn dối Quang há có được chăng? Ông thấy thư này nếu có thể thống thiết sửa đổi tâm trước thì vẫn chưa trễ tràng. Nếu không, tôi sẽ vĩnh viễn tuyệt giao, mặc cho ông đạo học cao siêu trùm lấp cõi đời, Quang chẳng can dự!

Con người với tấm thân chỉ bảy thước lại sánh với trời đất cùng mang tiếng là tam tài là vì có thể thay cho trời giáo hóa, tham dự giúp đỡ sự sanh thành dưỡng dục của trời đất. Nếu không, con người xấu hèn hơn cầm thú đến trăm ngàn lần. Vì thế, Mạnh tử nói: *"Kỳ cơ hy"* (chẳng khác chi lắm)[585], há nào phải chỉ *"kỳ cơ hy"* mà thôi! Trước đây, nhà tù Tào Hà Kính gởi tới hai ngàn cuốn kinh do ông Sài Dã Ngu đặt in, nay tôi bảo gởi mười cuốn để làm hướng dẫn cho những liên hữu cùng ở trong trại giam. Mong ông hãy suốt đời đọc thuộc lá thư Quang gởi cho ông Ngu thì sẽ do ngay nơi "phước đường" (nhà tù, thời cổ gọi trại giam là đường) này liền đạt đến cõi Cực Lạc.

Nay gởi cho ông một gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Thọ Khang Bảo Giám gồm 25 cuốn, Văn Sao thì đã bảo công ty Chiết Giang Ấn Loát gởi cho ông ba gói sách để tặng cho chú bác trong nhà ông và các huynh đệ đọc; nhưng cần phải răn nhắc họ cung kính, đừng khinh nhờn. Nếu chẳng thể đọc được xin hãy tặng lại cho người thông văn lý, có tín tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi do phước mà mắc họa. Những điều khác không rảnh rỗi để nhắc đến, chỉ đọc kỹ trong Văn Sao sẽ tự có cái để làm khuôn phép. Lá thư gởi cho Sài Dã Ngu có thể coi như là giáo huấn thiết thực cho hết thảy mọi người mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ, chứ không phải chỉ là giáo huấn thiết thực dành riêng cho kẻ sống trong phước đường.

---

ngữ này vốn ghép từ hai chữ nous (tâm trí) và logos (lý luận, học thuật) trong tiếng Hy Lạp. Ngày nay, tinh thần học là một môn học cố gắng nghiên cứu và hệ thống những cơ cấu, nguyên lý dẫn đến sự hiểu biết cũng như những hiện tượng tinh thần, sự tư duy, hình thành khái niệm, hình ảnh trong tâm lý con người v.v.. Sở dĩ tổ quở trách ông Chương Đạo Sanh vì ông này khoe đã dụng công nhất tâm niệm Phật để cầu được nhất tâm nhưng lại tu pháp tịnh tọa của ngoại đạo, nghiên cứu tràn lan khiến cho tâm rối loạn, nhất là sa đà vào những lý luận nhị nguyên của khoa phân tâm học Tây Phương, trong khi chưa hiểu sâu xa về Tịnh độ. Do vậy, những gì ông ta khoe dụng công nhất tâm niệm Phật, buông xuống vạn duyên v.v. đều chỉ là những lời khoe khoang đầu môi chót lưỡi mà thôi.

[584] Đây là một thành ngữ *"thập mục cộng chiêm, thập thủ cộng chỉ"* (mười mắt cùng trông, mười tay cùng chỉ), ý nói chuyện rõ rành rành, không giấu vào đâu được nữa.

[585] Đây vốn một câu nói trong sách Mạnh Tử, thiên Ly Lâu Hạ: *"Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả cơ hy, thứ dân khử chi, quân tử tồn chi"* (Con người chẳng khác cầm thú cho mấy, chỉ khác ở chỗ bẩm tánh có nhân nghĩa, nhưng kẻ tầm thường vứt bỏ thiên tánh ấy, còn bậc quân tử gìn giữ được). Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

576. Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo

Ba hôm trước nhận được di cảo của cha ông, biết nhà ông tổ đức rất sâu. Làm phận con muốn cho cha mẹ được vẻ vang, hãy nên lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm gốc. Nếu không, dẫu cho tổ phụ công đức mỗi mỗi đều chói ngời, nhưng thân ta chẳng hành đạo, đâm ra khiến cho cha mẹ bị nhục. Nước ta loạn lạc từ xưa đến nay chưa từng có, cái gốc họa là vì Trình - Chu đả phá nhân quả, cho là "Phật gạt gẫm ngu phu, ngu phụ"; lại còn hiểu "trí tri cách vật" sai be sai bét. Bác nhân quả thì không có cái gốc để trị quốc, trị dân; hiểu sai "cách vật" thành "thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ" thì mấy ai có thể làm được.

Trong bản Tục Biên Di Cảo của cha ông đã giảng: Đạt đến "trí tri" là do nơi "cách vật", giảng giải khá rộng rãi, nhưng thật ra vẫn chưa phải là căn bản để thành ý chánh tâm. Bởi lẽ chữ vật ấy chỉ cho những tư dục trong tâm, một khi trừ được tư dục trong tâm rồi thì đúng đúng sai sai, trọn chẳng lầm loạn. Hễ có tư dục thì chẳng biết được lẽ chánh, như gã yêu vợ thương con, dẫu vợ con không tốt, hắn trọn chẳng biết là không tốt, do vì tư dục yêu mến đã ngăn chướng, che lấp chân tri rồi. Trình - Chu hiểu sai chữ "vật" trong "cách vật" là "ngoại vật" (vật chất ở bên ngoài cái tâm) nên chỉ nói đến chánh tâm thành ý, chứ không nhắc đến "trí tri cách vật". Hễ lầm lẫn chỗ này thì ai nấy chẳng dụng công nơi trừ khử tư dục. Đấy chính là một sự đại bất hạnh cho nền học thuật của nước ta.

Cụ cố của ông là bậc quân tử tận tụy thực hành, ba anh em ông hãy nên vâng theo đức của người đời trước mà tận lực hành thiện pháp thế gian lẫn xuất thế gian để tự lợi lợi người, thì trên là làm rạng mày nở mặt cụ cố, dưới là tạo khuôn mẫu tốt đẹp cho con cháu, mà cũng làm gương mẫu tốt đẹp cho cả làng, cả ấp. Sự vinh hiển ấy làm sao diễn tả cho xuể? Chị ông là Thanh Liên thật hiền, điều này có thể thấy qua lời răn dạy của cha ông. Do đấy biết nề nếp giáo dục trong gia đình của cha mẹ ông, cố nhiên Quang nào dám múa lưỡi! Nhưng cha con ông đã coi Quang là thầy, nên chẳng ngại gì dùng thân phận một vị thầy để khuyên răn, khích lệ.

577. Thư trả lời cư sĩ Tế Huệ

Sáu mươi mấy tuổi, chẳng còn là khách lâu ngày trong cõi đời nữa đâu! Hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, tha thiết chân thành như chôn cha mẹ, như cứu đầu cháy. Đặt cho ông pháp danh là Tông Huệ, nghĩa là dùng pháp này để cứu vớt khắp hết thảy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết khai thị tường tận, nay gởi cho ông hai gói sách, xin hãy chí thành

cung kính đọc thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, có nguyện gì đều được. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, do tôi không có sức để thù tiếp.

578. Thư trả lời cư sĩ Tông Nghĩa

Chuyện thọ giới tùy theo ý nguyện của mình. Thọ lại cũng được, mà không thọ lại cũng chẳng sao. Ông muốn đắp y thì hãy nên tuân theo cấm chế của đức Phật mà mặc mạn y, đừng dùng y năm điều. Mạn y chính là loại y gồm năm miếng dài[586], còn y năm điều là y gồm [năm miếng dài ghép lại, nhưng mỗi miếng lại cắt ra] thành hai miếng một miếng dài, một miếng ngắn. Hiện thời phần nhiều sử dụng bừa bãi!

Người tại gia không nhất định phải đắp y, nếu đắp y sai loại trái với cấm chế của đức Phật, chẳng thà không đắp y có tốt hơn hay không? Đối với chuyện đốt hương trên đỉnh đầu hay trên cánh tay vốn là nhằm để phát tâm cúng Phật, chứ không phải là đốt hương để thọ giới. Xin hãy chú trọng chân tu, đừng chỉ mong cầu nơi hình thức hư danh thì may mắn lắm thay!

579. Thư trả lời cư sĩ Thang Cẩm Trung

Ngày 28 tháng 3, Quang nhận được thư của ông Vương Hải Tuyền từ bưu cục Nhị Giáp ở Hải Môn gởi đến, cho biết bọn ông X… đã vâng theo lời phủ dụ từ đàn cầu cơ, liên lạc các giới nông, công, thương, giáo dục, quân đội, chánh khách trong bốn huyện Nam Thông, Hải Môn, Khải Đông, Như Cao, thiết lập đạo tràng cầu cho thế giới hòa bình, đã thành lập được mấy chục nơi. Quang bảo ông Vương: "Từ nay trở đi, bất luận người đã quy y hay chưa quy y trong bốn huyện ấy tôi đều chẳng trao đổi thư từ với họ. Dẫu họ có gởi thư bảo đảm tới, tôi cũng để nguyên thư trả lại nhằm khỏi bị bọn X… lôi kéo Quang vào chuyện cầu cơ! Bởi lẽ, các cơ quan Phật giáo trong bốn huyện đều bị bọn chúng hiệu triệu, Quang chẳng lọt bẫy chúng. Người đời sau sẽ chẳng thể đem chuyện cầu cơ hoại loạn Phật pháp bắt tội Quang được."

Ngoài thư xin quy y ra, các hạ chưa nêu rõ tên huyện. Nếu ghi rõ tên huyện, thư sẽ bị gởi trả lại, quyết chẳng bóc ra. Nay đã bóc ra xem, thấy ông đã lôi kéo được ba người giới thiệu, có thể thấy được lòng thành; do vậy bèn đặt pháp danh là Huệ Chánh, nhưng vẫn để nguyên thư của những người giới thiệu gởi trả lại để lần sau họ khỏi gởi thư tới nữa.

---

[586] Do thời ấy khổ vải quá hẹp nên mạn y (y trơn) phải may ghép bằng năm miếng vải dài mới đủ kích thước tấm y. Nhưng năm miếng ấy không được cắt nhỏ theo chiều dọc kẻo trở thành y năm điều. Nay thì mạn y được may bằng cả một khổ vải, không còn loại mạn y năm miếng nữa.

Ông X… vốn là bậc quân tử hậu đức, hồi còn dạy dỗ học sinh trong ngành giáo dục, do dụng tâm quá độ bị bệnh[587], thuốc Tàu lẫn thuốc Tây đều chẳng thể chữa lành, có người bạn khuyên niệm Phật, liền dần dần khỏi bệnh. Năm Dân Quốc 11 (1922), Quang từ Phổ Đà đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, ông ta thường đến thăm. Năm sau, ông ta trở về quê khuyên người khác ăn chay niệm Phật có cảm ứng lớn lao. Mười mấy năm qua vẫn chưa biến đổi. Gần đây mê đắm chuyện cầu cơ, Quang biết được bèn cực lực chỉ rõ điều lợi lẽ tệ của việc cầu cơ, nhưng ông ta đã được [những linh quỷ giáng cơ mạo danh thần tiên] khen ngợi đến nỗi mất trí điên cuồng, chẳng những không nghe lời Quang khuyên mà còn đem thư Quang đốt đi. Cuối thư Quang gởi cho ông ta có câu: "Nếu chẳng coi lời Quang là đúng thì hãy giao cho ngọn lửa." Ông ta viết thư trả lời Quang: "Tôn dụ[588] đọc xong liền giao cho ngọn lửa", lại còn gởi mấy bài cơ bút khen ngợi Quang, muốn mê hoặc Quang. Quang bảo: "Bậc thánh nhân đắc đạo, quyết chẳng khen ngợi người khác quá lố như thế. Do một chuyện này, có thể biết đấy là linh quỷ giả mạo!" Sau khi đem nguyên thư gởi trả lại, ông ta lại gởi mấy bài cơ bút nữa, Quang nói: "Tuy họ khen ngợi Quang, càng khiến Quang chán ngán. Ai có chí nấy, mỗi người thấy đúng sai mỗi cách. Từ nay về sau, đừng gởi cho tôi một chữ nào nữa!"

Quang không có sức hoằng pháp, nào dám dùng cách cầu cơ tưởng chừng như là đúng mà thật ra là sai để hoại loạn Phật pháp ư? Nói đến cái lợi của cầu cơ thì những hành động tốt lành như cứu trợ tai ương v.v. quyên mộ đều chẳng được mấy. Những lời giáng cơ thì ai cũng chẳng dám trái nghịch, nhưng thật ra quá nửa là do người vịn cơ bút ngụy tạo, chứ chưa chắc đã đều phải là do linh quỷ giả mạo, huống là chân tiên ư? Còn bảo là của Phật, Bồ-tát giáng cơ thì càng chẳng cần phải nói nữa! Điều này tuy có lợi, nhưng quả thật đã dẫn khởi điều tệ. Vì thế chẳng muốn nhận lấy cái hại của thói tệ ấy, mà ngay cả điều ích lợi của nó cũng chẳng dám nhận. Xin hãy dựa theo pháp môn Tịnh độ để tự hành, dạy người và đưa thư này cho ba người giới thiệu xem ngõ hầu bọn họ đều biết rõ nguyên do. Đừng gởi thư tới nữa để chẳng đến nỗi lầm lẫn sanh lòng oán cừu!

---

[587] Theo những điều nói ở đây thì ông X… chính là Giang Dịch Viên. Thoạt đầu Giang Dịch Viên nhiệt tình tin tưởng Tịnh độ, lập Phật Quang Xã ở Vụ Nguyên, đề xướng rất tích cực, viết rất nhiều sách có giá trị. Về sau do mê cầu cơ đến nỗi coi tổ Ấn Quang là người ương bướng, không nghe theo "thánh giáo" của "chư Phật, chư tiên".

[588] Do ông ta tôn tổ Ấn Quang làm thầy, nên lời lẽ trong thư của tổ được coi như lời thầy nhắc nhở, dạy dỗ học trò, nên dùng mỹ từ là "tôn dụ" (lời răn dạy, phủ dụ tôn quý).

QUYỂN IV

580. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, nhưng vì gặp đúng kỳ thiện tín tới Phổ Đà dâng hương nên bận rộn chẳng thể trả lời ngay được. Hôm trước, tôi đã nhờ phòng kế toán chùa Thái Bình ở Thượng Hải gởi cho ông một trăm bộ Văn Sao. Nếu sách sắp hết thì có thể giảm số lượng xuống một nửa, đều gởi bằng thư bảo đảm, họ sẽ gởi ngay. Nếu ở Tân Giang có nhiều người muốn thỉnh thì khi Quang sang Thượng Hải sẽ gởi một trăm bộ nữa để mong kết duyên, khoản tiền ấy không cần phải gởi trả. Nhưng ai có thể đứng ra in Quán Âm Bồ-tát Tụng thì không nguyện nào chẳng được chu toàn, sẽ dần dần cảm hóa được quyến thuộc, lâu ngày họ sẽ đều được cảm hóa mà không hay không biết, nhưng điều ấy tùy thuộc cái tâm của chính mình có chân thành hay không? Nếu chính mình vẫn theo thói sáo rỗng, bày vẽ giả dối bề ngoài thì sẽ không có sức cảm hóa, ngược lại còn chuốc lấy nỗi nhục bị phỉ báng. Bởi lẽ pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy thân làm gốc.

Thư từ bình thường chỉ nên dùng những chữ dễ nhận biết là được rồi, cần gì phải cố ý dùng từ ngữ tinh xảo, bóng bảy, đến nỗi người đọc không hiểu trọn vẹn. Hết thảy những thiện sự đều xin tùy hỷ, làm được những việc ấy quả thật là tâm đại Bồ-đề. Đợi sau này khi có lúc rảnh rỗi, sẽ trình bày cặn kẽ nhân duyên thành lập viện mồ côi chùa Pháp Vân, xin ông hãy tùy tâm tán trợ. Trong Văn Sao đã có hai bài sớ về chuyện này, đọc hai bài sớ ấy chắc sẽ hiểu được ý [của những người đứng ra xướng suất]. Chuyện ấy không do Quang đề xướng, mà là do các vị như Ngụy Mai Tôn v.v. (Mai Tôn giữ chức quan Hàn lâm vào đời Thanh trước kia, đến thời Dân Quốc bèn ẩn cư, đủ biết tánh tình khẳng khái của ông ta) lôi kéo Quang vào đấy để giúp phần náo nhiệt vậy.

581. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Ông nói đến bệnh cũ, chắc đã lành hẳn rồi. Đã nhận được hối phiếu, đừng lo. Sự vãng sanh của Không Tam tuy kỳ lạ, nhưng thật ra hết sức bình thường, chẳng có mảy may lạ lùng đặc biệt gì, như người trở về nhà, hễ muốn đi liền đi. Nếu trước hết chẳng quét dọn tâm địa cho sạch sẽ thì sẽ bị nghiệp lôi kéo, chính mình cũng chẳng thể làm chủ được mảy may nào, chỉ đành theo nó đi. Chuyện ấy nếu là thật thì ngài Đế Nhàn và sư Đàm Hư sẽ tự ghi chép để làm rạng rỡ môn đình, chẳng cần đến ông và tôi nhọc lòng lo thay cho họ.

Còn đối với chuyện cưới gả của con cái hiện thời thì một khi nó đã tự quyết định, chỉ đành thuận theo nó. Nếu không, sau này bọn chúng chắc sẽ buông lời oán trách. Tuy nói là "không thốt ra lời oán trách nào", nhưng một mai tình yêu gần cạn thì những kẻ ly hôn, đi lấy người khác chẳng biết số đến bao nhiêu! Nước nhà sắp hưng thịnh thì luân thường, kỷ cương ắt sẽ chấn hưng; nước nhà sắp suy bại ắt luân thường, kỷ cương sẽ lỏng lẻo, bỏ phế. Đã chẳng nói gì đến luân thường, kỷ cương thì còn nói gì đến gia giáo nữa? Gia giáo (giáo dục trong gia đình) đã không có thì đất nước há có người hiền được ư? Đấy là một điều đại bất hạnh cho nước ta. Nếu chuyện con cái đã xong xuôi rồi thì hãy để mặc cho chúng nó tự chủ trương nhằm chống đỡ thể diện theo kiểu mới của bọn chúng, còn chúng ta hãy chuyên tâm niệm Phật để tu pháp môn cũ kỹ của chúng ta thì đôi bên đều được thoải mái, ngõ hầu chẳng đến nỗi phải lo lắng quá sức về chuyện con cái để rồi đại sự sanh tử của chính mình xôi hỏng bỏng không!

582. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ ba)

Niệm kinh, niệm Phật đều có thể siêu độ vong nhân, chỉ có điều niệm Phật thì có thể không gián đoạn, chứ niệm kinh chẳng thể không gián đoạn như niệm Phật được. Hơn nữa, niệm kinh tốn sức hơn niệm Phật, do vậy Quang thường khuyên người khác niệm Phật. Ông phát nguyện niệm kinh Địa Tạng rất tốt.

Gần đây Mai Tôn rất chân thật niệm Phật, lo toan thực hiện những nghĩa cử tốt lành. Nói ông ta xuất gia chính là lời đồn. Chí thành, cung kính quả thật là cái gốc để mong thành hiền, thành thánh, học Phật, học tổ, hễ tâm con người chú trọng nơi cung kính thì hết thảy những cái tâm phóng túng, tà vạy, xa xỉ sẽ tự không còn do đâu dấy lên được nữa. Ông đã chân thật hành trì như thế, cũng phải nên khuyên vợ con tùy phần tùy sức tu trì thì mới đúng là đạo "tự lợi, lợi người từ thân đến sơ", ngõ hầu ai nấy tâm đều được tương ứng với Phật.

583. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tư)

Nhận được thư cho biết Hoàng Đích Viên sẽ sang Thượng Hải thăm viếng. Ngày hôm qua ông ta có tới đây, tán gẫu về duyên do giữa Tịnh và Mật. Căn bệnh của người học Mật tông là "muốn đắc thần thông, muốn thành Phật ngay trong thân hiện tại", hễ hỏi đến thì ai cũng nói không có ý niệm ấy, nhưng thật ra thì không một ai chẳng có ý niệm đó. Bởi lẽ, trước hết người xướng suất hướng dẫn đã dùng thần thông để thu hút, lay động kẻ khác thì người học sao lại chẳng có ý niệm ấy cho được? Ngày hôm qua có khoảng năm sáu vị, chứ không phải một mình ông Hoàng. Bọn họ có tin tưởng hay không, tôi chẳng bận tâm! Bọn họ học Mật mà hồi hướng Tịnh độ cố nhiên là chánh lý, chỉ sợ bọn họ đã coi rẻ sự vãng

sanh Tịnh độ, chỉ muốn thành Phật ngay trong thân hiện tại thì chắc sẽ đến nỗi mắc bệnh.

Nếu bọn họ không có thứ tri kiến ấy sẽ trọn chẳng đến nỗi khen ngợi Đại Ngu[589], đã khen ngợi Đại Ngu tức là coi những gì Đại Ngu đã nói là lời luận nghị hết sức xác đáng. Nhưng đệ tử "thành Phật" của Đại Ngu hoàn toàn không có những biểu thị cho thấy họ đã thành Phật. Đủ thấy ông ta hứa khả người khác đã chứng đắc bừa bãi để mong được người đời cung kính cúng dường, tôn xưng mình là vị cao tăng đã thành Phật. Ông ta phạm đại vọng ngữ, mắc tội "đem phàm lạm thánh" quả thật chẳng nhỏ!

Chúng ta chỉ nên giữ lấy cách tu trì Tịnh độ, nhường cho hết thảy mọi người đều được thành Phật để độ bọn ta thì may mắn chi hơn? Hai đứa con trai ông cùng đến Bắc Bình (Bắc Kinh), hãy cực lực khuyên chúng nó học hành giỏi giang. Muốn học hành giỏi giang thì trước hết phải bắt đầu bằng lập chí, lập phẩm đức, biết nhân rõ quả. Không lập chí thì sẽ không có gì để hướng về; không lập phẩm đức thì việc làm bị kém hèn, nhơ bẩn; không biết nhân quả thì không thể ngăn chặn tà niệm hòng giữ được lòng thành, ắt sẽ đến nỗi lọt vào phường tiểu nhân mà không hay biết.

584. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ năm)

Nhận được thư đầy đủ, ông đã ăn chay niệm Phật, hãy nên làm cho quyến thuộc cùng được hưởng vô thượng lợi ích ấy thì mới là đạo tự lợi lợi tha. Thế đạo hiện thời là thế đạo hoạn nạn, nếu chẳng tu trì sẵn, rốt cuộc chẳng biết sau này sẽ nguy hiểm ra sao. Nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm thì sẽ được gia hộ ngấm ngầm. Trước đây, tôi sợ Văn Sao đã phát ra hết, nay thầy Chân Đạt từ chùa Thái Bình trở về núi, cho biết hãy còn mấy trăm bộ. Nếu ông muốn kết duyên thì tôi sẽ gởi tới ba bốn chục gói (mỗi gói là ba bộ), chẳng cần phải thỉnh từ Thương Vụ Ấn Quán là loại sách in bằng giấy có độ bóng.

---

[589] Đại Ngu tên thật là Lý Thúc Bồi (còn có tên là Lý Tông Đường), quê ở Vũ Hán. Thoạt đầu xuất gia tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, tu pháp môn Tịnh độ, sau nghiên cứu Giáo học. Theo đồ tôn của Đại Ngu là lão nhân Nguyên Âm, Đại Ngu từng tu ban-chu tam-muội đến nỗi đầu gối sưng phù, không bước đi được, nhưng vẫn tinh tấn, dùng tay bò đi để tiếp tục thực hành ban-chu tam-muội. Tương truyền, trong khi tu tam-muội này, ông ta cảm được Phổ Hiền Bồ-tát hiện thân quán đảnh, truyền trao một loại mật pháp gọi là Tâm Trung Tâm Mật Pháp, tức chú pháp Đại Tùy Cầu Đà-la-ni và Phật Tâm Kinh trong Đại tạng. Sau sáu năm tu tập, ông hạ sơn và truyền dạy pháp môn này, trở thành tổ sư tông phái Ấn Tâm tông (còn gọi là Tâm Mật), để tóc và trở lại đời sống cư sĩ. Ông ta thường hiển thị thần thông lôi kéo tín đồ. Đương thời, tín đồ đông đến năm sáu vạn người. Phái này cho tới hiện nay vẫn còn tại Hoa Lục và Đài Loan, họ tôn Vương Tương Lục làm đệ nhị tổ, lão nhân Nguyên Âm là đệ tam tổ.

Đối với những lời tôn kính thừa thãi thì ở nơi xa bất tiện, chẳng cần phải bắt chước theo thói tục sáo rỗng ấy. Ngay như với những bộ Văn Sao đã gởi, cũng đừng gởi tiền thỉnh sách tới, vì những sách ấy vốn nhằm để kết duyên. Nếu có thể khiến cho người nơi đất Cáp (Cáp Nhĩ Tân: Harbin) đều cùng sanh lòng tin thì lợi ích lớn lao thay! Đợi đến mùa thu khi Quang sang Thượng Hải sắp chữ cuốn Đại Sĩ Tụng xong, thương lượng giá thành ổn thỏa thích đáng thì sẽ in một chương trình gởi kèm theo thư để ông tự đứng ra bỏ tiền in, hoặc khuyên người khác bỏ tiền ra in, ngõ hầu sách được lưu truyền rộng rãi thì sẽ vô cùng lợi ích.

Ông đã trì tụng các kinh như Kim Cang v.v. thì cũng chẳng cần phải bỏ không trì tụng nữa, nhưng phải đều đem hết công đức trì kinh tụng chú hồi hướng vãng sanh thì lục độ vạn hạnh sẽ đều trở thành trợ duyên vãng sanh. Đấy chính là viên tu vậy!

585. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ sáu)

Năm mới[590] đã đến, chúc ông đứng - ngồi hưởng phước, các duyên như ý. Ngày 29 tháng Chạp, Ngụy Mai Tôn từ Nam Kinh gởi thư đến có kèm theo thư ông, cho biết đã đảm nhiệm in hơn ba ngàn cuốn Đại Sĩ Tụng, tôi cảm thấy vui mừng, may mắn khôn cùng! Ông nói đến chuyện lệ phí chuyển tiền, bưu phí v.v. thì Quang đã ứng ra rồi. Do Cáp Nhĩ Tân xa xôi, dẫu không có ai đứng ra bỏ tiền in, cũng sẽ gởi chừng đó bộ để sự giáo hóa từ bi của Đại sĩ được biết đến rộng rãi. Món tiền ấy bất quá một hai trăm đồng, cần gì phải tính toán chi ly vậy?

Đại Sĩ Tụng đã được sắp chữ xong, tổng cộng 206 trang, thêm 2 trang ghi tên công đức, thành ra 208 trang. Mỗi bộ sẽ tốn thêm một xu thì một ngàn bộ sẽ phải tốn thêm mười đồng, nhưng chẳng cần phải gởi bù khoản tiền ấy. Như sau này có ai muốn bỏ tiền ra in, hỏi tới thì hãy đem chuyện này bảo với họ để họ biết nguyên do.

Đối với khoản tiền đã gởi, nếu lần này Trung Hoa Thư Cục đã giao biên nhận thì thôi. Nếu như sau này có ai gởi tiền thì bất luận bao nhiêu người cũng chỉ gởi một biên lai chung cho người đứng ra gởi tiền, chẳng cần phải giao biên lai cho

[590] Nguyên văn "Hiến Tuế". Hiến Tuế（獻歲）là tên gọi khác của tháng Giêng, nên chữ Hiến Tuế thường được dùng trong các lời chúc tết. Có lẽ trong 12 tháng của âm lịch, tháng Giêng được gọi với nhiều tên khác nhau nhất, ngoài tên thông dụng nhất là Chánh Nguyệt ra, còn có các tên sau đây: Nguyên nguyệt, đoan nguyệt, mạnh nguyệt, chinh nguyệt, sơ nguyệt, gia nguyệt, tam vi nguyệt, tưu nguyệt, mạnh xuân, khai tuế, phát tuế, hiến tuế, phương tuế, hoa tuế, tảo xuân, xuân vương, mạnh dương, mạnh tưu, thủ dương, tân chánh, hạ chánh, thanh dương, tam dương, sơ xuân, thỉ xuân, khai xuân, đại thốc, thủ xuân, nguyên dương, chánh dương, dần nguyệt, thái nguyệt...

từng người, bởi lẽ chuyện này khác với quyên mộ để làm thiện sự. Chuyện này sẽ có sách để giao cho người ta thì cần gì phải giao biên lai nữa? Người đứng ra gởi tiền hễ nhận được biên lai liền biết món tiền đem gởi đã được giao tới nơi không bị thất lạc là được rồi. Lúc sách in xong, đa số sách ấy sẽ do công ty chuyển vận gởi đến tận chỗ ở. Xin hãy dựa theo danh sách quyên mộ để phân phát thì so ra sẽ ổn thỏa thích đáng hơn.

Mai Tôn chẳng ở tại Thượng Hải, vì thế gởi thư của ông cho Quang, nhờ báo với Trung Hoa Thư Cục rằng: "Đối với chuyện ghi tên người làm công đức, hãy nên dùng biện pháp đỡ tốn giấy: Từ mười đồng trở lên thì đề tên, còn dưới mười đồng thì chỉ ghi tổng cộng in bao nhiêu bộ là được rồi." Do mỗi bộ đỡ tốn một trang giấy thì hai vạn bộ sẽ tiết kiệm được 30 đồng, mười vạn bộ sẽ tiết kiệm được 150 đồng. Huống chi đã có sách giao cho họ, chẳng đến nỗi bị dị nghị, cho là đã mất tiền suông v.v.. Nêu tên người làm công đức và số sách đứng in thì một là để nêu rõ thiện tâm của người đứng ra bỏ tiền in, hai là để nêu rõ người ấy đã lưu thông bao nhiêu đó cuốn.

586. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ bảy)

Hôm qua cư sĩ Kiếm Thanh đến đây, cầm theo thư ông, khôn ngăn vui mừng an ủi. Lễ giáo thế gian suy vi, chuyện cưới gả phần nhiều chú trọng sát sanh để phô trương, chẳng biết nam nữ lập gia đình là đầu mối của nhân luân, là chuyện vui mừng đẹp đẽ nhất. Do tổ chức cuộc lễ vui mừng tốt đẹp ấy mà đến nỗi có vô số con vật bị lâm vào tử địa để cung cấp cho con người ăn nuốt; hung ác, xui xẻo đến cùng cực! Nhưng người đời vẫn cứ coi đó là sang vì quen thói xấu ác mà ra. Nếu suy nghĩ, ắt cái tâm hồi hộp bất an sẽ tràn trề nẩy sanh. Phong tục chuyển biến đều do một hai người đứng ra đề xướng mà được bắt đầu. Ông gả con gái như thế (tức là đãi khách bằng cỗ chay) chắc sẽ có người bắt chước làm theo, chắc là lề thói xa xỉ cũng sẽ do đây mà dần dần giảm bớt!

Tôi thường nói "thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm", trách nhiệm ấy ở nơi đâu? Chính là trong gia đình khéo dạy dỗ con cái, nhưng dạy dỗ con gái lại càng thiết yếu hơn! Bởi lẽ, nếu con gái hiền ắt sẽ có thể giúp chồng thành tựu đức hạnh, nêu gương mẫu cho con cái. Từ đấy con cháu sẽ nối tiếp nhau làm người hiền thiện. Hãy nên dạy cho lệnh ái[591] hiểu cặn kẽ nghĩa này, trong Văn Sao đã nhiều lần nhắc đến, nếu cô ta đọc thuộc rồi tận lực thực hành thì lợi ích lớn lắm.

Cư sĩ Kiếm Thanh đạo tâm chân thật, thiết tha, thật chẳng dễ có; nhưng do thời gian ngắn ngủi, chỉ ở lại một đêm rồi đi, thất vọng không chi hơn. Đã gởi đi

[591] Danh xưng tỏ vẻ kính trọng con gái của người khác.

năm gói Đại Sĩ Tụng trong hôm 18 tháng 4, chắc đã nhận được rồi! Tổng cộng là 35 bộ, sau đó lại gởi bao nhiêu bộ đó nữa. Số còn lại thì đợi sách được in ra trong lần thứ hai, thứ ba mới có thể giao trọn hết số lượng được. Văn Sao đã cho sắp chữ, ước chừng trong năm nay có thể ra sách, so với lần trước tăng thêm ba bốn vạn chữ, nhưng chỉ là "gom lá, đắp cát" mà thôi, rốt cuộc đều chẳng liên can gì tới Phật pháp lẫn tâm pháp.

587. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tám)

Nhận được thư, biết ông từ chức, về ở nhà, hằng ngày cùng quyến thuộc tu trì tịnh nghiệp để mong cùng thoát khỏi thế giới khổ sở này, lên cõi Cực Lạc kia, thường được thân cận A-di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và các vị thượng thiện nhân, khôn ngăn vui mừng an ủi.

Mùa đông năm ngoái, công ty Chiết Giang Ấn Loát ở Hàng Châu gởi tới 20 gói Tăng Quảng Văn Sao bản in mới bằng thư bảo đảm, mỗi gói là 3 bộ, 4 gói Thọ Khang Bảo Giám, mỗi gói là 25 cuốn; tôi đã bảo gởi tới chỗ ông tại đường Hoa Viên, chẳng biết ông đã nhận được hay chưa? Những sách ấy tặng cho ông để kết duyên. Nếu chưa nhận được, xin hãy đến bưu cục hỏi xem những sách này rốt cuộc đã giao tới chỗ nào? Lại nữa, đã gởi tới Cáp Phụ Tuyên Giảng Đường 50 gói An Sĩ Toàn Thư, mỗi gói 4 bộ, 20 gói Thọ Khang Bảo Giám.

Sợ rằng chưa thể gởi được Văn Sao. Vì trong hôm 20 tháng Chạp năm ngoái, ấn quán gởi hóa đơn giao hàng tới cho biết có lẽ ba bốn bữa sau sẽ gởi sách đi. Nào ngờ đến hôm 24, ấn quán bị chạm điện, gian nhà chánh bị cháy sạch nhà cửa lẫn đồ đạc. Sách Quán Âm Tụng, An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao, Bảo Giám, bốn bức chỉ bản của Quang đều bị cháy ra tro. Tôi đã thỏa thuận với công ty ấy để in một vạn cuốn Văn Sao và ba vạn cuốn Bảo Giám. Họ in trước năm ngàn bộ Văn Sao, hai vạn cuốn Bảo Giám nhưng báo với Quang đã in xong xuôi toàn bộ, đã phát ra một nửa, đòi phải giao tiền. Quang bảo họ gởi hóa đơn giao sách tới, nhưng khoản tiền ấy tôi chưa trả. Đến khi chùa Thái Bình ở Thượng Hải sắp đem tiền tới, họ mới đem tờ hóa đơn ấy gởi tới, khi ấy tôi mới biết họ chỉ in một nửa, nhưng đã dùng lố tiền ấn loát hơn một ngàn đồng. Ngày hôm trước nhận được tờ hóa đơn ấy thì ngày hôm sau liền nhận được tin họ bị hỏa hoạn. Đây là vì họ một mực gian trá, điêu ngoa khiến cho thần nổi giận mà ra. Nếu ước theo lương tâm để nói, sách của Quang không đến nỗi bị cháy nhiều lắm, vì những sách đã đóng bìa xong đều được cất trong một căn nhà nhỏ ở phía sau, căn nhà nhỏ ấy chưa cháy, còn những sách chưa hoàn tất thì để ở chỗ đóng bìa.

Nếu bọn họ không thiếu lương tâm, giao hết số sách đã in xong cho Quang, Quang vẫn phải chịu thiệt trên dưới một ngàn đồng (đây là món tiền họ xài lố). Nếu bọn họ thiếu lương tâm, Quang sẽ tổn thất khoảng hai ngàn ba trăm đồng, không tính bốn bức chỉ bản bị cháy trong khoản tiền thất thoát ấy. Đây là vì Quang không có đạo đức, bọn họ vô lương tâm, hết thảy học nhân tịnh nghiệp thiếu duyên đọc những sách ấy cho nên mới có tai nạn này.

Trong tháng Nhuận, tôi sẽ sang in ở Thượng Hải. Phàm những ai đã bỏ tiền đều căn cứ theo số tiền mà giao đủ sách, chẳng thiếu sót mảy may nào. Phàm những sách để kết duyên thì đành lượng sức mà thôi, chẳng thể như trước được. Xin hãy đến Tuyên Giảng Đường hỏi xem An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám như tôi đã nói trong phần trên đã gởi tới hay chưa? Văn Sao gởi tới bao nhiêu đó bộ, nếu chưa gởi tới trọn hết thì vẫn còn thiếu họ 66 đồng, trong mùa hạ sẽ gởi tới. Nếu đã gởi đủ số thì dư ra hơn 200 đồng.

Lệ phí chuyển tiền ở đất Cáp Nhĩ Tân quá nặng, bất luận là Tuyên Giảng Đường hay ông đều đừng nên gởi tiền tới. Tuy Quang gặp phải nạn này nhưng vẫn chưa đến nỗi túng quẫn không làm gì được! Trong khoảng xuân hạ sẽ có đôi ba gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú và Gia Ngôn Lục được gởi tới. Hai loại sách này Quang đều cho tạo thành bốn bức chỉ bản, tính gởi một bức sang Cáp Tuyên Giảng Đường hoặc chùa Cực Lạc, ngõ hầu sau này chẳng cần phải thỉnh sách từ phương Nam nữa.

Thế đạo hiện thời không có cách nào vãn hồi. Nếu muốn cứu đời, ngoại trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, không thể nào thực hiện được. Giáo dục trong gia đình rất cần chú ý đến nhân quả báo ứng, nhưng dạy dỗ con gái lại là thiết yếu nhất. Bởi lẽ, không có hiền nữ sẽ không có hiền mẫu, không có hiền mẫu làm sao có con cái hiền lương cho được? Đấy chính là pháp luân căn bản. Những điều con người hiện thời đề xướng toàn là cành nhánh, từ thuở bé đã chẳng biết đến đạo làm người và sự lý nhân quả báo ứng thì một khi bị kẻ tà vạy dụ dỗ sẽ mặc sức làm càn. Những đứa phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn, giết cha, gian mẹ đều do thuở ban đầu không được mẹ hiền un đúc mà ra.

588. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ nhất)

Mấy hôm trước, nhận được thư do Lý Viên Tịnh chuyển đến, biết cư sĩ gần đây tu trì khá thiết tha, mà cái tâm lợi người lại càng hết sức chân thật thiết tha, tôi khôn ngăn vui mừng an ủi. Chương trình của Niệm Phật Đoàn khá hay, chỉ có lời khai thị trong khi trợ niệm không hợp lẽ cho lắm nên tôi sửa đổi đại lược và nêu nguyên do, đã giao cho Lý Viên Tịnh cầm đi, chắc ông đã đọc qua rồi.

Gần đây, Quang bận bịu đến tột bậc do phải giảo chánh, đối chiếu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Sách ấy do Quang từng khuyên Ngụy Mai Tôn biên tập vào năm Dân Quốc 13 (1924), ông ta cũng hết sức hoan hỷ, nhưng do tinh lực không đủ, phải bỏ dở giữa chừng. Năm trước, Nhiếp Vân Đài thỉnh Hứa Chỉ Tịnh biên tập, hoàn thành bản thảo vào tháng 8. Nhiếp Vân Đài bị bệnh, chẳng thể lo toan được. Do muốn thỏa mãn ý nguyện xưa của mình, Quang liền một mình gánh vác chuyện ấy, nay đã sắp chữ gần xong. Lại còn sắp xếp một bản in khác với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự, cho in bằng giấy báo; ước chừng cuối tháng 11 sẽ có thể sắp chữ xong. Xong chuyện, sẽ ở ẩn lâu dài.

Bộ sách ấy thu thập những sự tích cảm ứng trong 24 bộ sử, lại còn có thêm lời bình luận sao cho phù hợp với nhân quả ba đời như đức Phật đã nói. Nếu hạng nhất-xiển-đề chẳng thèm để mắt tới thì không biết làm sao; chứ nếu ngó tới, ắt sẽ có ngày cải tà quy chánh. Do vậy Quang chẳng tiếc sức nhọc nhằn để lo liệu. Hiện thời đã quyên mộ đủ tiền in hai vạn bộ (trọn chẳng phải là đặc biệt quyên mộ, mà là có những người biết được liền xin bỏ tiền giúp đỡ ấn hành), một đồng có thể in được hai bộ. Sách được chia thành bốn cuốn, gồm ba trăm năm chục, sáu chục trang. Hiện thời, do vẫn chưa sắp chữ xong nên chưa thể biết chắc số trang được, nhưng ước chừng là như thế, dẫu bao nhiêu đi nữa cũng không vượt quá số trang ấy.

Nói tới chuyện quy y thì do ông đã quyết định, Quang cũng chỉ đành tùy duyên. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Viên, nghĩa là dùng cái trí vô ngại viên dung để tu chân ngay trong cõi tục, hiểu trọn vẹn các pháp, chuyên tu tịnh nghiệp hòng tự lợi lợi tha (tuy hiểu trọn vẹn các pháp, nhưng quyết chẳng thể không chuyên tu tịnh nghiệp; nếu không sẽ chẳng phải là tịnh nghiệp hành nhân mà chính là người tu pháp môn tự lực theo đường lối thông thường).

Những bậc đại thông gia hiện thời phần nhiều muốn cho môn đình cao lớn, nên phần nhiều giảng thuyết những pháp chẳng hợp căn cơ, hoặc chỉ bàn nói điều huyền lẽ diệu, chuyên ỷ vào tự lực, chắc sẽ đến nỗi chân lẫn tục đều ngoắt ngoéo, bị cõi đời cười chê (Phàm là người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Chẳng y theo điều này để dạy người thì sẽ chẳng hợp căn cơ! Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu không, còn là tội nhân trong thế gian, làm sao đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư?) Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn thay!

Ông nói người vãng sanh ít ỏi, quả thật là do tín nguyện chẳng chân thật thiết tha mà ra. Nếu tín nguyện chân thật thiết tha, dẫu lúc lâm chung mới niệm thì được vãng sanh vẫn là hợp lẽ. Nếu hời hợt, phù phiếm, trong tâm vẫn mơ màng phước báo đời sau, làm sao vãng sanh được? Gốc bệnh ở nơi ấy, chớ nên không biết!

(Ngày 23 tháng 10 năm Dân Quốc 18 - 1929)

589. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ hai)

Nhận được thư và Tự Tri Lục, biết tâm mộ đạo của cư sĩ và các vị hết sức chân thật thiết tha, tiếc là chưa biết gương mẫu tu hành tốt đẹp, bèn coi những lời nói nhăng nói càn, đơm đặt bịa chuyện là quý báu nhất (chỉ Tự Tri Lục) rồi muốn lưu thông [những lời do kẻ khác bịa đặt], ngõ hầu ai nấy đều đạt được cảnh ấy, chẳng biết đấy chính là lời lẽ ma mị đáng ghét bậc nhất, dẫn dắt người khác lọt vào cảnh ma.

Đầu mùa hạ năm ngoái, cư sĩ La Tế Đồng ở Thượng Hải có được cuốn sách ấy liền cho in thạch bản một ngàn cuốn để biếu tặng người khác. Cư sĩ Đinh Quế Tiêu muốn lưu truyền rộng rãi bèn bảo Tế Đồng gởi cho Quang một gói; còn Quế Tiêu tự viết thư cho Quang, xin Quang đọc để "hễ sách chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc thì sẽ viết lời phê bình tường tận", còn cậy Quang viết lời tựa để mong được lưu truyền rộng rãi. Quang đọc xong, khôn ngăn kinh dị, bèn để nguyên gói sách gởi trả lại cho Quế Tiêu, cực lực thuật rõ những cái họa của cuốn sách ấy.

Bởi lẽ, sách ấy sẽ lôi kéo những kẻ sơ tâm chẳng dụng công nơi nhất tâm chí thành nghĩ nhớ, mà chỉ thường muốn thấy cảnh giới tốt đẹp. Nếu họ vừa thấy cuốn sách này sẽ liền chẳng học theo bà Hồ chân thật dụng công mà cứ chuyên muốn đạt được cảnh giới tốt đẹp giống như bà Hồ. Do cái tâm cuồng vọng, gấp rút, thiết tha, thường khởi ý niệm như thế ấy, ắt sẽ đến nỗi dẫn khởi oán gia trong đời trước biến hiện những cảnh kẻ ấy hâm mộ, và khi vừa được thấy cảnh ấy liền sanh lòng hoan hỷ lớn lao, oán gia sẽ liền dựa vào thân. Kẻ ấy liền mất trí điên cuồng, Phật cũng chẳng thể làm sao cứu giúp người ấy được. Quang cũng chẳng thể bảo "lời bà Hồ kể toàn là bịa chuyện", nhưng cũng chẳng dám bảo là chân thật không dối trá. Vì sao vậy? Nếu bà ta thật sự đạt đến loại cảnh giới ấy, há lẽ nào chẳng biết những lời lẽ ấy sẽ khiến cho người khác bị lầm lẫn. Xin hãy nói với ông La Tế Đồng, từ nay đừng gởi tặng cho người khác nữa. Những sách còn lại hãy nên giao cho ngọn lửa để diệt mầm họa.

Chưa đầy một tháng sau, ông Vương Mưu Phụng ở Hàng Châu lại nhận được cuốn sách ấy, khôn ngăn hoan hỷ, cũng cho in thạch bản một ngàn cuốn. Có người bảo hãy gởi cho Quang xin chứng minh, giám định. Do vậy ông ta viết thư và gởi sách đến, Quang liền lấy đại ý những lời đã nói với ông Đinh Quế Tiều để phúc đáp. Vương Mưu Phụng mới ngưng in, đem thư Quang đăng trên tờ Phật Học Châu San, sao các vị vẫn chưa đọc? Mùa thu năm ngoái tôi sang đất Hỗ, hỏi Tế Đồng đã phân phát hết hay chưa? Ông ta nói hãy còn hai ba trăm cuốn, chẳng dám phân phát, tính đốt đi. Quang khen ngợi: "Ông thiêu đi sẽ có công đức vô lượng vô biên!"

Mùa hạ năm nay tôi đến đất Hỗ, Tế Đồng từ kinh đô trở về, hỏi dò thực chất của bà Hồ mới biết con người ấy rất thông minh nhưng phiền não rất nặng. Bà ta sống trong am Cực Lạc, hễ có chuyện nào hơi chẳng vừa ý bèn chửi bới người khác. Về sau bị bệnh thổ huyết, chẳng lâu sau đã chết. Lúc chết chẳng biết có phải là vì thổ huyết hay không? Cũng chẳng biết cảnh tượng lúc mất ra sao? Mà văn tự của bà ta cũng không được lưu loát như thế đâu, đấy là do một cư sĩ ở Tứ Xuyên soạn ra, Quang biết người ấy, nhưng chẳng muốn nêu tên. Đến tháng 6, có một cư sĩ người Hồ Nam từng sống tại am Cực Lạc, kể về bà Hồ chẳng khác gì lời Tế Đồng đã thuật. Đủ thấy bọn họ chỉ muốn dối đời trộm danh, chẳng đoái hoài đã dẫn dắt người khác vào cái họa ma mị. Than ôi, đau đớn thay!

Chư vị muốn được lợi ích thật sự, hãy nên dựa theo lời Phật, Bồ-tát, tổ sư để tu, quyết sẽ được lợi ích chân thật. Cổ đức dạy người, chỉ giảng cho người khác cách dụng công, ai lại lôi hết cảnh giới của chính mình đã thấy để bảo ban người khác. Đại sư Viễn công là sơ tổ Liên tông đến lúc lâm chung thấy Phật mới nói với môn nhân: "Ta đã thấy thánh tượng ba lần, nay lại được thấy, ta vãng sanh đây!" Nếu luận về thân phận của Viễn công thì cao hơn bà Hồ đâu phải chỉ như sự cách biệt giữa trời với vực! Há phải ngài chỉ ba lần thấy thánh tượng, chẳng có một tí cảnh giới tốt đẹp nào khác ư? Nếu đạt đến lúc "tâm không, cảnh tịch" thì còn có cảnh giới chi nữa! Ấy gọi là "tâm và Phật tương ứng, tâm lẫn Phật cùng mất, bốn tướng chẳng còn, ba tâm[592] há được?" "Vô niệm mà thường niệm" chính là niệm mà trọn chẳng có cái tâm để niệm và chẳng thấy có đức Phật được niệm. Nơi ấy nào có cảnh giới? Nếu niệm đến mức như thế thì chẳng ngại gì tịnh cảnh Tây Phương sẽ phô bày trọn vẹn triệt để. Nhưng do "niệm tịch, tình vong" nên lại càng được lợi ích nơi đấy, quyết chẳng đến nỗi sanh lòng hoan hỷ lớn lao, hiểu lầm tin tức đến nỗi ma dựa phát cuồng.

[592] Bốn tướng: tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Ba tâm: tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai.

Nếu lúc chưa đạt đến nhất tâm mà trong tâm cứ niệm niệm mong tưởng cảnh giới thì khi cảnh giới ấy hiện, chắc chắn sẽ gặp họa. Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Chẳng nghĩ là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới tốt lành, nếu coi là thánh cảnh thì sẽ lạc vào các loài tà." Đấy tuy vẫn chưa phải là cảnh ma được cảm vời bởi cái tâm bộp chộp vọng động, nhưng hễ sanh lòng hoan hỷ cho là "đã chứng thánh quả" thì sẽ trở thành gã ma con. Huống chi ngay từ lúc ban đầu tâm đã như vậy, tâm ma chiêu cảm cảnh ma, cứ tưởng là cảnh thánh ư? Xin hãy đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục thì sẽ có cái để noi theo, không cách chi bị ma dựa được.

590. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ nhất)

Nghề y dễ khuyến hóa người khác nhất, phàm là kẻ có bệnh không ai chẳng mong bệnh chóng lành, bảo họ "ăn chay niệm Phật sẽ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn" thì tự họ sẽ chịu tin theo. Tin rồi niệm thì bệnh sẽ chóng lành. Hơn nữa đừng học theo Tây y, nói chung Tây y dạy người ta ăn thịt vì thịt giàu chất dinh dưỡng; những hạng người ấy trong tương lai đều phải làm thức ăn cho kẻ khác bởi nói đạo lý ngược ngạo, tự hại, hại người! Ông chịu giữ tấm lòng tốt đẹp ấy thì y đạo ắt sẽ tiến triển lớn lao. Sách Nhị Khóa Hiệp Giải[593] đã không còn, tôi bảo gởi cho ông một bộ Văn Sao. Quang già rồi, chỉ nên y theo Văn Sao tu trì, chẳng cần phải gởi thư tới nữa do không có sức để thù tiếp.

591. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ hai)

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Những sách thuộc loại khuyên răn kiêng giết, phóng sanh thường chép truyện ông Triệu X… là huyện lệnh xứ Bồ Thành, Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Bà vợ trọn chẳng có lòng tin, nhằm dịp sanh nhật 50 tuổi bèn mua rất nhiều con vật còn sống, tính giết để đãi khách. Ông Triệu bảo: "Bà muốn chúc thọ nhưng lại khiến cho những con vật này đều bị chết, có yên lòng được chăng?" Bà vợ đáp: "Ông toàn nói những câu vô ích! Nếu nghe theo lời Phật dạy, nam nữ cũng không được ngủ chung,

[593] Sách Nhị Khóa Hiệp Giải do ngài Quán Nguyệt Hưng Từ biên soạn vào đầu thời Dân Quốc, nhằm giải thích ý nghĩa của hai thời công khóa sáng tối trong Thiền môn, chủ yếu dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai để biện định, sách có những đồ biểu rất chi tiết nên rất hữu ích cho người sơ cơ dễ nhớ hiểu các thuật ngữ Phật học phức tạp. Ngài Hưng Từ quê ở huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, tự là Quán Nguyệt, là một vị cao tăng trong tông Thiên Thai, tuy sùng phụng giáo nghĩa Thiên Thai nhưng đặc biệt hâm mộ Tịnh độ, giáo hóa rộng khắp các nơi từ Thượng Hải đến Hàng Châu. Sư chuyên hoằng dương Giáo quán, nhưng chuyên tu tịnh nghiệp không lười nhác, nghiêm trì giới luật, sống hết sức đạm bạc, được tôn xưng là bậc tôn túc đệ nhất ở Thượng Hải. Sư soạn cuốn Nhị Khóa Hiệp Giải vào năm 1912. Sư còn soạn cuốn Kim Cang Kinh Dị Tri Sớ cũng được lưu hành rộng rãi.

những con vật này cũng không giết thì chưa đầy mấy chục năm, trọn khắp thế giới sẽ đều là súc sanh hết!" Ông Triệu không biết làm sao, đành để mặc bà ta.

Đến đêm, bà vợ mộng thấy đi xuống bếp, trông thấy người ta giết lợn, tự mình đã biến thành con lợn. Đầu bếp trói chặt bốn vó con lợn, đặt lên bàn mổ để giết, đầy tớ đứng bên cạnh xem, bà ta vội kêu họ cứu nhưng chẳng một ai nghe tiếng. Giết rồi mổ bụng, móc ruột ra, vẫn cảm thấy đau đớn. Giết xong con lợn lại giết những con vật khác thì chính mình lại biến thành những con vật khác, đau đớn không thể nào nói nổi! Tạm ngưng một khắc, lại thấy một đứa đầy tớ cầm một con cá chép vào, nha đầu[594] nói: "Đem con cá chép này giao cho đầu bếp nấu canh cá cho bà chủ, để khi bà chủ thức dậy sẽ dùng làm món điểm tâm." Họ liền chặt đầu đuôi, lóc vảy, chặt thành từng miếng nhỏ. Mỗi một miếng đều cảm thấy đau đớn, thống khổ cùng cực, choàng tỉnh dậy, kinh hồn vỡ mật. Ngay lúc đó, nha đầu bưng canh cá lên mời ăn điểm tâm, chẳng nỡ lòng ăn nữa, sai đem những con vật đã mua phóng sanh hết. Do đích thân nếm mùi vị thống khổ vì bị giết chóc, bèn theo chồng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Vợ ông chắc cũng được oai thần tam bảo gia bị, cũng đích thân nếm mùi vị ấy rồi cõi lòng mới xoay chuyển.

Lời đồn Lộc Uyển là nơi Ngô Vương nuôi hươu chưa đủ để làm căn cứ. Sợ rằng xưa kia có Lộc Uyển Tự, do lâu năm nên đã mất dấu, nhà Nho bèn đem ý nghĩa tên vườn Linh Hữu[595] của Văn Vương ghép vào. Còn trong danh xưng Lộc Uyển Liên Xã thì Lộc Uyển (Mrgadāva) là nơi đức Phật thuyết pháp khi mới thành đạo. Liên Xã chính là pháp để người tu hành lúc lâm chung được vãng sanh Tây Phương. [Như vậy thì danh xưng Lộc Uyển Liên Xã] đã nêu bật ý nghĩa "bao gồm hết thảy những nghĩa từ đầu đến cuối trong giáo pháp của suốt cả một đời đức Phật".

Hiện thời chiến tranh liên miên, tai họa kết lại, há nên khởi công xây dựng lớn lao? Xây dựng chính là chuốc lấy họa bị bọn thổ phỉ cướp đoạt, là nền tảng chuốc lấy cái họa bị phi cơ oanh tạc. Xây dựng càng đẹp đẽ, tai họa càng lớn! Nếu thật sự hoằng pháp lợi sanh thì dù trong gia đình hay nơi đất trống đều là chỗ để diễn

---

[594] Nha đầu: đứa tớ gái. Vì thuở xưa những đứa tớ gái thường để tóc búi thành hai trái đào hai bên nên gọi là "nha đầu" hoặc "nha hoàn" (thường bị đọc trại thành "a hoàn"). "Nha"（丫）là vật gì có ngạnh xòe ra. Đôi khi, người ta cũng gọi những đứa con gái còn bé là "nha đầu".

[595] Linh Hữu vốn là vườn nuôi thú của Chu Văn Vương. Tên gọi này được nhắc đến trong bài thơ Linh Đài, thiên Đại Nhã của Kinh Thi: *"Vương tại Linh Hữu, ưu lộc du phục"* (vua ở vườn Linh Hữu, hươu cái, hươu đực tung tăng vây quanh). Sách Mao Truyện giảng: "Hữu（囿）là nơi nuôi dưỡng các loài cầm thú, vườn của thiên tử rộng một trăm dặm, vườn của chư hầu rộng bốn mươi dặm." Về sau, Linh Hữu thường được đồng nhất với Thượng Uyển của nhà vua. Thậm chí, Thượng Uyển trên cõi tiên cũng được gọi là Linh Hữu.

thuyết lợi ích của pháp môn Tịnh độ. Tu trì có chia ra mấy chỗ cũng đâu có trở ngại gì, vừa chẳng tốn tiền, tốn sức mà cũng chẳng bỏ lỡ công việc, cũng giống như đi ra chợ mua gom các thứ đem về nhà dùng[596].

Mở mang một đạo tràng hoằng pháp lớn lao thì phải đợi sau này nhằm lúc tình thế hòa bình mới có thể làm được. Hiện thời, các tỉnh bị hạn hán dữ dội, sắp xảy ra thảm trạng con người ăn thịt lẫn nhau. Một mai vỡ đê thì sẽ dùng cách nào để kiềm chế? Tri kiến của Quang trọn chẳng giống với người khác. Y theo cách người ta làm trong hiện thời chắc sẽ có lợi ích nhỏ nhoi, nhưng sẽ chuốc lấy họa lớn. Làm theo cách của Quang, tuy không nổi tiếng, chói ngời lớn lao được, nhưng trọn chẳng phát sanh hiểm họa nhỏ nhặt nào. Ông yêu cầu Quang soạn bài tựa duyên khởi thì đã có bài tựa cho Phật giáo Cư sĩ lâm Triều Dương do Bàng Đức Siêu đã khắc để làm gốc, chỉ cần sửa đổi đôi chút địa danh và tên người cũng như những đặc điểm đặc biệt mà thôi, chuyện này không cần Quang phải đích thân soạn. Người thông văn lý đợi đến khi xây dựng xong xuôi sẽ châm chước mà sử dụng bài tựa duyên khởi ấy. Hiện thời do không nhắc đến chuyện xây cất thì cũng không cần phải soạn văn sẵn.

Các vị Thiện Đạo, Thiếu Khang hoằng dương Tịnh tông, tiếng Phật hiệu vang khắp ngõ hẻm đường phố. Như xướng khúc hát gieo mạ, ai nấy đều muốn nghe; như truyền thánh chỉ của nhà vua, ai nấy đều tuân hành. Ai bảo là "không có chùa miếu sẽ chẳng thể hoằng pháp được?" Cần biết rằng, hễ có chân tâm thì sẽ tự khuyến hóa được, lấy thân làm gương để mong ai nấy trọn hết bổn phận, lấy cổ nhân làm khuôn phép, ngõ hầu nhà nhà đều trở thành đạo tràng. Đang trong cõi đời đại loạn này, tốt nhất là nên hoằng pháp một cách không dấu vết. So với những kẻ xây dựng lớn lao, tốn sức, bó tay, nhọc lòng gánh vác nỗi lo thì sẽ khác biệt lớn lao vời vợi.

592. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, cổ nhân nói: "Sau khi đại loạn, dân sẽ dễ trị." Đang trong lúc loạn lạc đến cùng cực này, nếu có người đức cao vọng trọng đề xướng Phật pháp, dạy họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nói với họ về nhân quả ba đời và luân hồi trong lục đạo thì kẻ có lòng nhân ai mà chẳng bội phục? Nho giáo nói: "Đối xử nhân từ với dân, yêu thương loài vật", trong một

[596] Ý nói: Đạo tràng chỉ là nơi để tụ tập diễn thuyết về lợi ích của pháp môn Tịnh độ, sách tấn nhau tu tập, cùng nhau niệm Phật để biết quy củ niệm Phật rồi sau đó mỗi người phải tự tu tập trong nhà của chính mình. Giống như ra chợ mua đồ dùng về sử dụng trong nhà, hành nhân đến đạo tràng thâu thập những lợi ích, những lời cảnh sách, pháp tắc tu tập để đem về thực hành trong nhà.

đời người cần phải bắt đầu thực hiện lời này kể từ khi còn đang độ tuổi thơ ấu, có vậy thì sự đối xử nhân từ với dân mới có thể thực hiện rốt ráo được. Nếu chẳng thực hiện từ lúc còn thơ ấu thì đối xử nhân từ với dân không đúng cách chắc sẽ đến nỗi trở thành gây phiền cho dân, lòng yêu thương ấy sẽ trở thành nói suông.

Nay tôi sẽ nói nguyên do: Trẻ nhỏ vô tri thấy những con vật bay, chạy v.v. ắt giết ngay hoặc bắt lấy rồi nghịch ngợm khiến chúng bị chết. Nếu bất luận là con vật nào, người lớn đều không cho trẻ giết, bởi lẽ hễ giết thì chính mình sẽ bị tổn phước giảm thọ đến nỗi thiên địa quỷ thần đều chẳng che chở, gia hộ. Từ lúc bé tẹo đã dưỡng thành thói quen ấy, lớn lên quyết chẳng đến nỗi coi tàn sát lẫn nhau là vui.

Mười mấy năm trước, có người nước Anh tên là Lâm X… sống ở Nam Kinh, đến Phổ Đà gặp Quang, tặng cho Quang mấy cuốn sách bảo do chính ông ta soạn. Ông ta nói tiếng Trung Quốc còn chưa sõi lắm, sao lại có thể viết được những văn tự rất hay ấy? Trong số ấy có một cuốn chuyên đề xướng phép giữ gìn sức khỏe, chuyên môn chú trọng sát sanh. Những cuốn khác tôi đều đem tặng cho người ta, chỉ có cuốn sách nói về phép giữ gìn sức khỏe ấy thì Quang xé nát, tống vào giỏ giấy vụn, sợ kẻ vô tri cầm đi thì hại người, hại vật chẳng thể cùng tận!

Ông Chu đã lậm sâu chất độc của người Tây Dương, chẳng biết đạo "bảo vệ sanh mạng, lợi người". Con người là "vạn vật chi linh", nhưng cũng là một loài động vật, ta và vạn vật cùng sống trong vòng trời đất, chúng nó không đòi mạng ta, sao ta lại muốn đoạt mạng chúng? Nhà nào đập ruồi, ruồi sẽ càng nhiều; kẻ nào giết rết, thường bị rết cắn. Những kẻ thường muốn bảo vệ sức khỏe trong đời này, chưa chắc đã được hưởng ích lợi ngay trong đời hiện tại. Do cả một đời này tâm thường ôm lòng giết chóc thì tương lai đời đời kiếp kiếp thường bị kẻ khác giết, nhưng do chưa đích thân thấy nên vẫn vui sướng giết chóc quên mệt.

Trong sách cổ có chép chuyện kẻ ghét kiến, kiến xúm đen xúm đỏ xác hắn ta; kẻ ghét ruồi, ruồi bu trên thân, không làm cách nào được, than thở suông cũng chẳng làm gì được. Quang thấy chuyện giết chóc ấy chính căn bản của đại sát kiếp. Nếu vẫn muốn noi theo ý kiến của chính mình để làm thì trộm sợ rằng sau này có lúc hối hận chẳng kịp, đáng xót, đáng thương lắm, không có cách gì cứu giúp được! Bậc quân tử sẵn lòng nhân sao nỡ chuyên chú trọng giết hại loài vật khiến cho hết thảy những kẻ vô tri đều bắt chước theo ư?

Mười mấy năm trước, một đệ tử quy y có một đứa con nhỏ, mua một cái đập ruồi để làm đồ chơi, nó liền thường hay đập ruồi. Một bữa nọ ruồi nhiều đến cùng cực, nó bèn cực lực đập, chợt thấy cả nhà đều tối om. Người lớn bèn mở toang cửa cái, cửa sổ, niệm Phật sám hối, chẳng mấy chốc ruồi bay đi hết. Từ đấy đem

đốt cái đập ruồi, ruồi cũng không bu đến nữa. Đấy chính là vì đệ tử Phật được gia bị bởi lòng từ của đức Phật khiến cho sát nghiệp chấm dứt. Nếu là kẻ không có lòng tin, sợ rằng sẽ chẳng gặp được điềm báo như vậy thì đời kế tiếp, đời sau há thể tưởng tượng được ư?

Nếu chỉ gởi gạo Đại Bi thì rất tốn công, nay gởi cho ông hai gói tro hương Đại Bi, so với gạo càng dễ cất giữ hơn mà lợi ích cũng giống như gạo, để lâu không bị hư. Nếu gặp phải căn bệnh thầy thuốc chẳng thể chữa lành, hãy lấy hai phần tro đổ vào một cái tô lớn, pha bằng nước sôi, khuấy lên, đợi khi chất tro lắng xuống sẽ gạn lấy nước trong đổ vào đồ đựng, chia ra uống mười lần. Mỗi ngày uống ba hay bốn lần. Hễ lành bệnh thì không cần phải uống nữa, hễ chưa lành lại pha tiếp. Bao tro ấy nên để thờ ở phía dưới khám thờ Phật hoặc treo ở chỗ cao sạch, chớ nên khinh nhờn. Đây là loại tro hương được gia trì hơn một vạn biến chú Đại Bi. Phàm bị bệnh nguy hiểm, [uống nước tro Đại Bi vào] dẫu chẳng lành cũng thấy giảm bớt rồi mới chết. Chất tro đã pha xong nên thêm nước vào để tưới cây hoặc trát lên nóc nhà.

Nay đem Vật Do Như Thử, Sức Chung Tân Lương, Thọ Khang Bảo Giám, Tức Tai Khai Thị, Liễu Phàm Tứ Huấn, mỗi thứ hai cuốn, lèn chặt thành một bưu kiện. Những thứ giấy dùng để chèn chỗ trống cũng đừng vất đi, bởi đấy chính là Sớ Lễ Quán Âm Cầu Con và Ba Điều Trọng Yếu Để Cầu Con, cũng là bài văn có quan hệ lớn lao cho hết thảy kẻ thanh niên. Bất luận già hay trẻ đều chớ nên không biết! Nếu không, chẳng biết tiết dục mà mong sanh con thì chưa sanh được con mà cha đã chết trước rồi. Hoặc mẹ do ân ái quá nhiều bị mắc bệnh lao sái[597], chẳng biết là bao nhiêu.

Đồ Hữu Sanh khá thông minh, những con em thông minh hiện thời phần nhiều mắc bệnh thủ dâm, hãy bảo chúng nó đọc Thọ Khang Bảo Giám và Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ chẳng đến nỗi mắc phải những mối họa đau khổ như trở thành tàn tật và đoản mạng mà chết. Xưa kia, thánh vương sai quan bố cáo khuyên mọi người không nên ăn nằm khi sấm sắp động vào đầu xuân, nay thì cha mẹ, thầy bạn nhất loạt chẳng nói đến chuyện này, cũng là do ác nghiệp của mọi người cảm thành.

Có kẻ càng ngu hơn, hễ con cái bị bệnh liền cưới vợ cho nó, ý muốn cho con mau được lành bệnh, thật ra là làm cho nó chóng chết. Chẳng đáng buồn ư? Một người ở Hồ Nam có hai đứa con đều chết vì lý do này, đứa con thứ ba mắc bệnh vẫn muốn làm như thế, bị một người bạn quở trách mới thôi. Ấy chính là quả báo

[597] Lao sái: lao (癆) và sái (瘵) là hai từ đồng nghĩa cùng để chỉ bệnh lao (Tuberclosis), nhưng thường được ghép chung với nhau thành một từ ngữ.

do đời trước dụ dỗ kẻ khác chơi bời bừa bãi đến chết. Một đứa đã chết còn chưa ngộ, hai đứa chết luôn mà vẫn chưa ngộ, nếu không bị người bạn quở trách chắc sẽ bị tuyệt tự! Rốt cuộc vì lẽ nào mà tâm kẻ ấy ngu như thế? Nếu không phải do oán quỷ xui khiến, ắt chẳng đến nỗi ngu như thế. Xin hãy sáng suốt thì may mắn thay!

593. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ tư)

Ông nói hai vấn đề (chỉ có điều thứ nhất là đáng bàn bạc, chứ điều thứ hai là nói nhăng nói càn. Khi điều thứ nhất đã hoàn toàn đả phá được thì không cần phải nói tới điều thứ hai nữa. Nhưng lời này chỉ nên truyền miệng, đừng nên đăng báo kẻo người xứ… trông thấy sẽ làm hại. Thiết yếu đến cùng cực). Vợ ông chẳng chịu ăn chay niệm Phật, hãy thử hỏi bà ta: "Bà có muốn thường bị bọn người xứ... đánh chửi, làm nhục hay không?" Ắt bà ta sẽ chẳng nói là "thường muốn".

Ở Vô Tích, bọn người xứ… giết huyện trưởng, vây thành ba ngày, lùng bắt những kẻ chống đối khiến cho cả nhà đều phải bỏ trốn. Bọn chúng bắt được món đồ gì tốt đẹp liền tịch thu, chẳng ai dám hó hé. Trong nhà ông Viên Lệ Đình có rất nhiều người niệm Phật, lính xứ… chẳng tới nhà ấy. Có nhà bị chúng lùng sục mấy lượt, những món đồ tốt đẹp đều bị cướp đi hết. Lúc Tô Châu thất thủ, bọn lính xứ… gian dâm phụ nữ, thảm chẳng nỡ nghe! Một nữ đệ tử vì mẹ chết, linh cữu (quan tài) còn đang quàn tại nhà, chẳng nỡ bỏ trốn, bèn đóng cửa niệm Phật. Lính xứ… phá cửa, thấy cô ta đang niệm Phật nên không làm nhục. Chúng chỉ vào cái rương, bắt đổ ngược hết ra, nhưng chẳng lấy một món nào, rồi bỏ đi! Nếu cô ta không niệm Phật thì bà già sáu bảy chục tuổi vẫn bị ô nhục, huống hồ thiếu phụ ấy mới ba mươi mấy tuổi ư?

Nơi cửa thành, bọn chúng kiểm soát rất ngặt (thoạt đầu do binh lính lục soát, về sau mới sai phụ nữ lục soát), nữ nhân cũng bị sờ nắn khắp mình. Những người cầm chuỗi niệm Phật đa số không bị xét gắt gao như vậy; cũng có người chẳng bị xét, cho đi luôn. Niệm Phật chính là diệu pháp cứu nạn cứu mạng trong đời loạn. Người xứ… tin Phật, đối với nam nữ cầm xâu chuỗi đều không ngược đãi quá đáng, sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều niệm Phật. Phàm những ai đi ra ngoài đều cầm chuỗi niệm Phật, dẫu là kẻ chúng muốn bắt làm phu phục dịch cũng sẽ thả cho đi.

Một đệ tử ở Vu Hồ tên là Ngô Thương Châu làm sĩ quan, năm Dân Quốc 24 (1935), ông ta tham chiến tại Tuy Viễn, bị lính xứ… bắt được, lột quần áo khám xét, thấy ông ta cổ đeo chuỗi niệm Phật liền tỏ vẻ kính trọng, không xét nữa, dẫn đến gặp viên Tư lệnh. Viên Tư lệnh do thấy ông ta vốn làm giáo viên ở trường

X…, nói: "Ông cũng đến đây rồi!" Ông Ngô nói: "Tôi đến đây để ngắm phong cảnh." Viên Tư lệnh liền ra lệnh thả cho ông ta đi. Nếu chẳng đeo chuỗi niệm Phật ấy, chắc tánh mạng đã mất trong tay bọn lính rồi, có còn gặp được viên Tư lệnh hay chăng? Đấy chính là vô thượng diệu pháp để gặp dữ hóa lành trong hiện tại. Vợ ông không chịu niệm, lỡ xảy ra những chuyện như khám xét v.v. thì sẽ xử sự như thế nào? Đây là mối họa do con người gây ra, nếu gặp phải oán gia đối đầu trong đời trước mà nếu không niệm Phật sẽ đành bỏ mặc cho nó làm gì thì làm, có cách nào để trốn tránh được đâu!

Dưới triều Tống, Trần Xí lỡ giết người. Một hôm thấy kẻ ấy đi tới, biết là hắn đến đòi mạng, vội vã niệm Nam-mô A-di-đà Phật, oán quỷ liền đứng sững không tiến lên được. Càng niệm rất gấp, oán quỷ liền bỏ đi. Trần Xí liền sốt sắng niệm Phật, lại sống được mấy chục năm rồi mới vãng sanh Tây Phương. Vãng sanh rồi còn trở về, nhập vào thân đứa cháu nội gái nói chuyện ông ta đã vãng sanh. Người nhà nói: "Lúc cụ còn sống chưa kịp vẽ hình tượng, nếu cụ chịu hiện thân, sẽ vẽ hình tượng để thờ", liền hiện hình thân hình của người cõi Tây Phương.

Năm Dân Quốc 19 (1930), một thanh niên 24 tuổi ở Tô Châu tên là Quách Chấn Thanh nhà ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, mở tiệm bán giấy Hợp Pháp, theo một người già trong gia đình đến chùa Báo Quốc quy y. Quang bảo anh ta: "Hiện thời đang nhằm tình thế hoạn nạn, hãy thường niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm." Chàng trai 24 tuổi béo phục phịch ấy liền chịu nghe theo. Tháng Chạp năm sau sang Thượng Hải, chiến sự nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến Tết vẫn còn đánh nhau, chẳng biết tới bao giờ mới kết thúc. Đường xe lửa đã bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ vòng qua ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Tàu thủy tới lui đều bị cường đạo cướp bóc, anh ta bèn thường niệm thánh hiệu Quán Âm, nhưng chỉ niệm thầm chứ không niệm ra tiếng. Ban đêm cường đạo đến cướp, anh ta đang ở dưới cabin. Trong cabin có rất nhiều người nghèo. Bọn cướp lục soát trên boong xong xuôi liền xuống hầm tàu, tiền bạc của những kẻ nghèo cùng đều bị tước sạch. Anh ta người béo phục phịch, lại mặc một cái áo da, nhưng bọn cướp trọn chẳng thèm hỏi tới. Cả tàu đều bị cướp sạch, chỉ mình anh ta là không buồn hỏi tới. Ấy chính là do Phật quang gia bị nên lũ cường đạo chẳng thấy anh ta.

Một nữ nhân ở Hồ Nam sanh nở, oán quỷ dựa vào thân, phát cuồng, cười ngặt nghẽo, cắn đứt thịt trên tay mình mấy chỗ mà miệng vẫn cười. Cha mẹ chồng thấy vậy không biết làm cách nào, bèn lớn tiếng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Cô ta liền như si ngốc, không cười nữa, sanh đứa con ra. Ấy là do chí thành niệm Quán Âm, oán quỷ bỏ đi.

Vợ ông không biết "trong hiện tại chẳng biết chắc lúc nào sẽ có họa lớn tầy trời", nếu hiểu được đạo lý ngừa sẵn tai họa, dù có cấm cản bà ta đừng niệm, bà ta vẫn cứ muốn lén lút thầm niệm, cần gì ông phải khuyên? Do bà ta là kẻ hồ đồ thiếu hiểu biết nên chẳng biết mình đang hoàn toàn sống trong cảnh họa hoạn, ngược ngạo tưởng là yên vui. Tới khi đại họa giáng xuống thân, không cách nào tránh né, hoảng sợ như sét nổ long trời, bưng tai chẳng kịp! Người như vậy đáng gọi là "kẻ si dại đáng thương xót, là phường ù ù cạc cạc chẳng thể cứu được, là kẻ sống oan uổng một đời". Chẳng đáng buồn sao? Chẳng đáng xót sao?

Ông hãy đưa thư của tôi cho bà ta xem, nếu bà ta không biết chữ thì hãy giảng nói cho bà ta, chắc sẽ phát tâm. Nếu không, đành mặc cho bà ta vào địa ngục A-tỳ, thường hưởng thụ những món cúng dường thượng diệu của đại vương Diêm-la như giường sắt, cột đồng, rừng gươm, núi đao, vạc sôi, lò than, coi đó là sung sướng, sung sướng không chi hơn được! Thử hỏi bà ta có muốn hưởng thụ những thứ cúng dường tốt đẹp ấy và muốn nhận lãnh sự yên vui ấy hay không? Nếu bà ta muốn thì cũng đáng coi là một hảo hán. Sợ rằng dẫu chỉ nghe nói tới chuyện ấy mà bà ta cũng chẳng muốn nghe. Chẳng chấp nhận làm gã hảo hán ấy thì phải làm một bà cụ già vô dụng chỉ biết niệm Phật.

Ông làm nghề y, đừng nên học theo bọn thầy thuốc tầm thường "đau đầu bèn chữa đầu, đau chân bèn chữa chân" hiện thời. Bất luận nam hay nữ hễ bị bệnh đều nên dạy họ ngưng ân ái, mãi cho tới khi bình phục hoàn toàn, vẫn phải đợi hơn cả tháng rồi mới có thể ân ái một lần. Nếu không, dẫu chẳng đến nỗi chết ngay, nhưng cũng trở thành kẻ tàn phế vô dụng. Trừ khuê nữ, quả phụ là chẳng nên nói ra, đối với những kẻ khác đều phải nên nói chuyện này, chớ nên ngượng miệng.

Hễ ai cầu con thì dạy họ ngưng ân ái nửa năm để bồi bổ tiên thiên cho đầy đủ, đợi khi vợ sạch kinh nguyệt rồi, vào đêm khí trời trong trẻo, nhằm ngày tốt không xui xẻo mới ân ái thì sẽ thụ thai. Từ đấy vĩnh viễn ngưng ăn nằm, chắc chắn đứa con sanh ra thân thể mạnh khỏe, tâm thức thông minh, mẫn tiệp, tánh tình hiền thiện. Lại dạy vợ chồng họ thường niệm thánh hiệu Quán Âm, chắc chắn sẽ sanh được con cái phước đức, trí tuệ, rạng rỡ đất nước lẫn gia đình.

Thầy thuốc hiện thời chỉ biết chữa bệnh, còn điều kiêng kỵ lớn lao đối với bệnh tật là ân ái đều nhất loạt chẳng chịu nhắc tới. Họ chẳng biết do đây mà bao nhiêu thanh niên nam nữ bị chết mất. Đấy chẳng phải là do thầy thuốc chữa bệnh làm chết bệnh nhân, nhưng vì chẳng chịu nói những điều kiêng kỵ trong bệnh tật đến nỗi người bệnh phải chết, thì cũng chẳng thể nào không gánh cái tội làm hại tánh mạng của người ta. Nếu bất luận là bệnh nào, đều dạy họ thôi ăn nằm thì

công đức lớn lao giống như ban cho người ấy sức khỏe, trường thọ, yên vui vậy! Lại còn khuyên người ta ăn chay niệm Phật, niệm Quán Âm thì còn có thể làm cho người ấy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, tức là "làm nghề mà tăng tấn đạo" vậy. So với những kẻ chỉ trị bệnh thì công đức càng lớn lao hơn nhiều lắm!

Nữ nhân khi sanh nở niệm Quán Âm chắc chắn chẳng bị khó sanh. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã có nói rồi. Con gái từ nhỏ phải học tánh từ thiện, chẳng nóng giận thì những điều tốt lành sau này sẽ chẳng thể nào nói trọn; nếu ưa nổi nóng thì những nỗi khổ sở sau này cũng chẳng thể nào nói trọn. Nếu cho con bú sữa mà nổi nóng đùng đùng thì đứa nhỏ ắt sẽ chết, nếu như nổi nóng vừa vừa thì đứa nhỏ ắt bị bệnh. Đấy chính là điều các danh y, thần y từ xưa tới nay chưa hề nói rõ. Nữ nhân tánh tình nhu hòa thì gia đạo cũng sẽ hòa thuận, con cháu nhìn theo bắt chước làm lành, lợi ích vô cùng.

Bài thuốc trị bệnh sốt rét trong Dược Phương dẫu người đã bị bệnh hơn mấy chục năm chẳng trị được cũng đều hễ trị liền lành. Năm ngoái, một đệ tử trị lành bệnh cho một người ở Thường Châu mắc bệnh sốt rét suốt 14 năm, suốt 14 năm không biết người ấy đã qua tay bao nhiêu thầy thuốc chữa trị. Toa cai thuốc phiện trị được bệnh khí thống nơi gan, nơi bao tử. Dẫu ai bị bệnh khí thống mấy chục năm cũng hễ trị liền lành. Do mắt Quang chẳng dám nhìn vào giấy trắng ngần để viết nên ghi vào đây.

Toa thuốc trị chó dại cắn có nhiều vị thuốc đắt tiền, các tiệm thuốc đều đem thuốc giả thay vào, đến nỗi gây nguy hiểm cho tánh mạng người khác. Còn phương thuốc này hết sức tiện lợi, nhưng trong ấy có *địa ngao trùng*[598], nhà người bệnh phải niệm Phật siêu độ cho loài trùng ấy sanh về Tây Phương thì đôi bên đều được lợi ích. Quang già rồi, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp.

594. Thư trả lời cư sĩ Điển Uẩn

Hôm qua nhận được thư của cha ông, cho biết đối với hai gói sách Quang gởi cho cụ vào năm ngoái, ông đọc xong rất hoan hỷ, cũng muốn cùng với vợ quy y. Đối với những sách đã gởi vào năm ngoái, nếu ông đọc kỹ lưỡng thì chẳng những biết pháp tắc tu trì tịnh nghiệp, mà ngay cả cách giữ mình cư xử trong cõi đời, thờ cha mẹ, dạy con, đều có pháp tắc.

[598] Địa ngao trùng (eupolyphaga sinensis walker) chính là một loại bọ hung.

Hiện thời sát kiếp ngập tràn, nhân dân lầm than, xét tới cội nguồn thì vẫn là do chính mình gây nên, chính mình phải hứng chịu. Vì sao vậy? Do người đời tham ăn ngon cho sướng bụng, giết các loài vật sống trong nước, trên mặt đất, bay trên không để thỏa thích bụng miệng. Sát nghiệp kết lại lâu ngày nên to dần, trở thành sát kiếp. Đối với cái nghiệp đã qua, chỉ có chí thành niệm Nam-mô A-di-đà Phật để siêu độ những sanh mạng bị giết ăn trong nhiều đời nhiều kiếp. Từ nay kiêng giết, ăn chay để vừa dứt sát nghiệp vừa rất phù hợp với cách thức giữ gìn sức khỏe lớn lao.

Chẳng biết cha ông đã ăn thuần món chay hay chưa? Ông hãy nên thuận theo chí cha mà ăn chay. Nếu cha ông chưa ăn chay trường thì hãy nên khuyên cụ ăn chay trường. Đã không ăn thịt thì một ngày sẽ đỡ giết bao nhiêu đó mạng, vui sướng chi hơn? Ngay cả con cái cũng nên khuyên chúng ăn chay. Đấy là yêu thương chân thật vậy.

Ông đọc tờ thông cáo rộng rãi về chuyện sữa độc giết chết trẻ con sẽ biết ăn thịt có hại, đã gây trở ngại lớn lao cho phép giữ gìn sức khỏe hiện thời, huống chi lại còn phải đền trả thân mạng trong đời sau, đời sau nữa!

Thời cuộc hiện thời chẳng biết sẽ biến chuyển ra sao, ngoài lúc niệm Phật ra, hãy nên niệm thêm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát để dự phòng. Nếu thật sự chí thành, chắc chắn sẽ có cảm ứng. Hãy nên đem lời tôi bảo với hết thảy mọi người thì công đức vô lượng.

Tôi đã quên mất tựa đề những cuốn sách đã gởi trong năm ngoái, nay gởi cho ông một cuốn Đồng Mông Tu Tri (trẻ nhỏ nên biết), ở đầu cuốn sách này có bài tựa "Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của việc dạy dỗ con cái" và bài tựa "Nêu bày những ý nghĩa ẩn kín của chữ người", cuối sách lại có Khuyến Niệm Quán Âm Văn, Bố Cáo Về Chuyện Sữa Độc Giết Chết Trẻ Con. Đây là điều các vị danh y, thần y nước ta từ xưa chưa hề tìm ra, hãy nên đem nói với hết thảy mọi người. Ai có tài lực hãy nên ấn tống rộng rãi để mong cả cõi đời đều biết.

Nay đặt pháp danh cho vợ chồng ông, đặt pháp danh cho ông là Huệ Uẩn. Uẩn (蘊) là những điều chất chứa trong lòng, những điều chất chứa trong lòng đều hợp với trí tuệ thì sẽ là người hiền, người lành. Vợ ông pháp danh là Huệ Tồn, tồn (存) tức là uẩn, niệm niệm hợp với trí tuệ thì sẽ có thể giúp chồng dạy con, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, vinh hiển chi hơn?

Quang già rồi, tuổi đã 78, sẽ chết trong sáng tối. Con người sắp chết, ắt thốt lời tốt lành. Nguyện vợ chồng ông đều nghe theo lời tôi thì sẽ là đệ tử thật sự của

đức Phật. Từ nay đừng gởi thư tới nữa do không có mục lực lẫn tinh thần để phúc đáp vậy!

595. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Cơ

Huệ Mẫn đã có huệ căn từ đời trước nên có thể vừa niệm liền được tương ứng. Cần biết rằng, người học Phật hãy nên trọn hết bổn phận của chính mình, ắt phải hiếu thuận với cha mẹ ruột, cha mẹ chồng, khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Đối với anh em trai, chị em gái, chồng, vợ, chị em dâu, con cái, tôi tớ, đều nên đem những điều này để khuyên răn. Người làm được như thế mới là đệ tử thật sự của đức Phật.

Pháp danh chỉ là cái tên suông, làm được những điều như vừa nói trên đây thì mới có thật đức. Phải chăm chú thật sự thực hiện "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, niệm Phật cầu sanh" và "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Tự hành như thế mà dạy người cũng như thế, đấy chính là quy củ, khuôn mẫu lớn lao để tu chân ngay trong cõi tục. Xin hãy nói bà ta. Quang già rồi, chớ nên thường gởi thư tới, cũng như đừng giới thiệu người khác quy y, do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp!

596. Thư trả lời cư sĩ Đặng Huệ Châu

Lòng người hiện tại khó lường, chuyện gì cũng đều có thể làm giả. Đối với chuyện quy y và truyền ngũ giới, Quang đều chẳng ghi sổ, nên không có cách nào tra cứu được. Huống chi tuổi già tinh thần suy vi, chuyện gì đã qua liền quên ngay. Hai người ở Kim Sa [xưng họ là đệ tử quy y của Quang] chẳng biết là thật hay giả. Còn mười người ở Song Đôn khoe họ cùng thọ giới một lúc thì từ trước đến nay chưa hề có chuyện ấy. Nếu là cùng thọ giới trong một lần thì sợ rằng chẳng thật. Nếu mười người ấy không thọ giới cùng một lúc, sẽ khó phán định là thật hay giả. Lòng người khó lường!

Từ nay, nếu những ai không biết cặn kẽ tánh tình và không do người rất thân quen giới thiệu thì nhất loạt không thuyết giới cho họ. Nếu thông báo cho các vị lâm trưởng thì cũng khá nhọc lòng, hãy nên cầu Vi-đà Bồ-tát răn nhắc những kẻ giả dối để họ sửa lỗi hướng lành thì sẽ là thỏa đáng rốt ráo nhất. Những sách ông cần, tôi đã bảo gởi đi rồi. Quang già rồi, hễ có ai quy y thọ giới đều bảo họ xin thọ với vị tăng nơi họ đang ở, do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

597. Thư trả lời cư sĩ X…

Con người sống trong thế gian, thời hạn được mấy chục năm, chớp mắt liền qua. Nếu chỉ sống uổng mà muốn có lại thời gian này, quyết sẽ chẳng khi nào có được nữa! Con người thành hay bại hoàn toàn do lúc bé, nếu từ lúc thơ ấu đã sống luống uổng thì đến năm hai mươi tuổi đã đánh mất nhiều cơ hội rồi. Cha mẹ con đều coi ta là thầy, ta rất hy vọng con sẽ thành một người chân chánh thuần thiện để an ủi tấm lòng cha mẹ yêu thương con. Con hãy nên lập chí hướng lớn lao, học làm người tốt, đừng a dua những kẻ trẻ tuổi xấu xa, làm càn làm quấy. Phàm làm một chuyện gì, nói một lời nào, đều phải có ích cho mình lẫn người.

Hiện thời con đã trưởng thành, đã lập gia đình rồi, không đầy một hai năm nữa sẽ là cha của kẻ khác. Nếu con không có chí hướng chân chánh, ắt trong tương lai, con cái của con sẽ học theo con mà đọa vào phường tầm thường, chẳng có thành tựu gì. Cha mẹ là tấm gương cho con cái, ví như đúc vàng, cái khuôn đã không đẹp thì chắc chắn chẳng thể đúc ra vật đẹp đẽ được. Con người tuy chí ngu, quyết không ai chẳng muốn cho con cái tốt đẹp.

Chẳng biết con cái sẽ tốt đẹp hay không ư? Hãy cầu tìm ngay trong tâm hạnh của chính mình. Huống chi con sanh trong nhà phú quý, trọn chưa từng trải qua gian khổ. Cần biết rằng, con được yên vui hơn 20 năm chính là do công sức của cha con gìn giữ. Nếu con không lập chí, lúc cha con còn sống thì còn dựa dẫm được, nhưng cụ đã ngoài 60 rồi, trọn chẳng thể chăm chút cho con suốt đời được. Lúc này không lập chí, một khi cha con mất đi, chuyện gì con cũng không đảm đương được, ắt sẽ phải lo khuynh gia bại sản, chẳng tránh khỏi đói rét. Đến lúc ấy dẫu có biết hối, vẫn chẳng kịp nữa rồi!

Hằng ngày con hãy nên đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Chân Kinh dăm ba lượt, tối thiểu là phải đọc một lượt, và cũng bảo vợ con hãy đọc hằng ngày thì sẽ tự biết đạo lý làm người. Đã biết được đạo lý làm người thì sẽ kế thừa được gia phong của cha con. Hết thảy mọi người sẽ đều khâm phục ngưỡng mộ con, cho rằng cha con là một người tốt lành trọn vẹn nên có được một đứa con trai như thế. Điều ấy vinh hiển chi hơn? Rạng rỡ tổ tông, thành gia lập nghiệp chỉ là do biết lập chí học hỏi những điều tốt lành mà thôi. Há có chỗ nào khó làm, khó thực hiện chi đâu? Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ!

(Ngày 16 tháng 11 năm Dân Quốc 18 - 1929)

598. Thư trả lời cư sĩ Vương Tôn Liên

Nhận được thư, biết sở học của cư sĩ là cái học cho chính mình, chứ chẳng phải chỉ muốn làm một bậc đại thông gia phô trương thanh thế sáo rỗng mà thôi,

khôn ngăn vui mừng an ủi. Kinh điển Tịnh độ rất nhiều, trong Văn Sao đã nhiều lần ghi chép đầy đủ như Quán Kinh Thiện Đạo Sớ (hiện thời có bản khắc mới ở Quán Âm Am tại Nam Kinh, chánh xác hơn nhiều so với bản do cụ Dương Nhân Sơn đã khắc trước đây), Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Sớ Sao Hiệt (bản này do ông Phạm Cổ Nông trích yếu). Kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là bốn kinh Tịnh độ. Đối với Vãng Sanh Luận Chú thì cần phải thỉnh bản khắc mới ở Bắc Kinh, một là ít sai ngoa, hai là trình bày rõ ràng, sách này hay tuyệt vời.

Di-đà Kinh Sớ Sao tuy rộng lớn, tinh vi, nhưng văn rườm, nghĩa lắm, đâm ra khiến cho kẻ sơ cơ khó được lợi ích, nhưng Di-đà Yếu Giải quả thật là bản chú giải tuyệt diệu bậc nhất từ xưa đến nay, chính là bản chú giải độc nhất vô nhị xưa nay, đừng nên xem thường thì sẽ may mắn lắm! Đại Minh còn có hơn một ngàn bộ sách này, tính muốn gởi hết sang Quan Trung để thỏa mãn ước nguyện pháp thí của ông ta, cho thỏa lòng ngu thành muốn báo ơn quê nhà của tôi. Điều quan trọng trong học đạo là đối trị tập khí. Thường có những kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng mạnh, đấy chính là vì coi học đạo như học nghề, cho nên học đạo càng nhiều, nghịch đạo càng sâu. Đấy chính là nguồn cội khiến cho đạo Nho lẫn đạo Thích đều suy vi ở nước ta. Nếu cư sĩ chẳng xuôi theo xu hướng ham thích hời hợt của xã hội trong hiện thời thì quê ta sẽ may mắn lắm thay!

599. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Tử Bình

Hôm qua nhận được thư đề ngày mồng 1 tháng 11, khôn ngăn đau thương. Hiện thời các xứ đều có chiến tranh, trù tính cứu trợ rất khó. Quang đã bảo một đệ tử đem khoản tiền in Văn Sao (hai ngàn) và tiền xây dựng đại điện chùa Pháp Vân (một ngàn) gộp thành ba ngàn đồng, chắc sẽ có người cùng chí hướng giúp cho bao nhiêu đó nữa cũng không biết chừng. Đã cậy nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình gọi điện hỏi thăm tình hình đường sá, nếu thông suốt sẽ gởi sang cho ông. Lại cậy ông ta tìm cách giúp đỡ, hoặc nhiều hoặc ít, chắc chắn sẽ có. Quang cũng chẳng dám hướng về mọi người quyên mộ, bởi hiện thời đâu đâu cũng bị tai nạn và đủ mọi nghĩa cử đều cầu xin Quang giúp sức. Nếu Quang thường khuyên người khác quyên góp thì chẳng những Quang không thể làm người, mà người ta còn coi Quang như kẻ đáng sợ, chẳng dám gặp mặt Quang nữa!

Món tiền ba ngàn đồng này đã là cắt thịt để đắp vết thương, là biện pháp vét sạch không còn sót gì nữa! Từ nay về sau, bất luận như thế nào, đừng cầu Quang lo liệu nữa, nếu vẫn muốn lo liệu thì chỉ là một bức thư suông. Ở chỗ ông Vương Nhất Đình và hòa thượng Chân Đạt đều có bản sao lá thư của ông, bọn họ sẽ giúp

đỡ. Dương Thúc Cát mở một bệnh viện ở Nam Kinh, kinh doanh cũng èo uột. Hãy nên gởi thư hỏi ông Vương Ấu Nông, ông ta biết địa chỉ của Thúc Cát.

Con người hiện thời phần nhiều chẳng biết nhân quả, năm Quang Tự thứ hai (1876), phàm những ai đứng ra phát chẩn ở quê tôi, không một ai chẳng bị tuyệt tự hoặc mắc họa lớn vì bọn họ lấy tiền bạc, lương thực cứu mạng để tự xài, ngồi nhìn dân đang đói bị chết đói. Dẫu có phân phát thì cũng đều là gây đủ mọi nỗi tệ hại lớn lao, dùng chuyện phát chẩn để che chắn thể diện. Há trời đất dung cho những kẻ ấy được tồn tại ư? Vì thế bọn chúng đều tử vong, tuyệt diệt hết.

Nghe nói lần trước ở Thiểm Tây bị hạn hán, tại Thượng Hải trù tính gởi đi cứu trợ một hai chục vạn đồng, những kẻ cầm quyền ở Thiểm Tây đều phát tài, dùng tiền ấy để mở đường xe hơi nhằm che giữ thể diện. Thứ tâm hạnh ấy so với cọp, beo, sài lang còn ác độc hơn gấp vạn lần, chỉ biết cái lợi trước mắt, chẳng sợ hậu họa, thật đáng xót thương! Ông đừng mang ý niệm ấy nhé! Nếu nhờ vào chuyện cứu trợ này để tự thủ lợi thì chẳng những chính mình sẽ đọa thẳng vào ác đạo mà sẽ còn gây lụy khiến lệnh từ và tổ tiên đã khuất đều bị đọa ác đạo. Vợ con, anh em ông cũng đều sẽ bị tử vong, đọa lạc đấy!

Xem khắp những kẻ lo phát chẩn xưa nay: Phàm kẻ nào cắt xén, quyết chẳng có thiện báo; phàm ai tận tâm tận lực thì con cháu chắc chắn phát đạt. Ông và tôi chưa từng gặp mặt, do nỗi khổ của dân đất Thiểm mà Quang đem món tiền muôn phần chẳng thể dùng vào việc khác để chuyển sang cứu trợ. Ông hãy nên do việc này mà vun bồi đức, đừng do việc này mà giở trò làm bậy. Nếu đã làm bậy thì tuy người không biết, thiên địa quỷ thần há bị lường gạt ư? Bởi lẽ, tâm chính mình vừa động, thiên địa quỷ thần thảy đều biết rõ. Muốn thiên địa quỷ thần không biết, trừ phi chính mình chẳng sanh cái tâm ấy. Nếu vừa sanh tâm dù thiện hay ác, không chuyện gì chẳng rõ rệt như nhìn vào ngọn lửa. Quang yêu mến, bảo vệ ông nên mới nói lời này. Nếu thực hành được thì may mắn chi hơn, còn nếu như giở trò sai trái, sau này sẽ hối không kịp đấy!

600. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ nhất)

Doãn Vương Thị trọn chẳng ăn chay niệm Phật, vừa nghe pháp môn Tịnh độ bèn có thể sốt sắng tu trì, lại còn biến điền trang của chính mình thành Từ Vân Liên Xã để mong những phụ nữ có chí tu trì đều cùng được nương tựa tu trì nơi đấy, quả thật là khó có! Nếu chẳng phải do đời trước đã có thiện căn, làm sao được như thế? Thật có thể gọi là "chín phẩm hoa sen" vậy.

Sợ rằng bà ta chưa nghe thông suốt pháp môn Tịnh độ, nên đương nhiên phải làm cho bà ta sanh lòng tin chân thật, phát tâm nguyện thiết tha, quyết định cầu

mong lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đừng xen tạp công phu luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu trường sanh và đừng mong được thành thần tiên nơi cõi trời Đại-la v.v. thì sẽ chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này.

Nay đặt pháp danh cho bà ta Huệ Đạo, nghĩa là dùng trí tuệ để dẫn dắt những người cùng hàng cùng sanh Tây Phương. Lại phải khuyên người niệm Phật ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt, đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người khác thì kẻ vô tri chẳng dám sanh hủy báng xằng bậy. Nếu chẳng thể trọn hết bổn phận của chính mình, dẫu có tu trì cũng khó tương ứng với Phật, lại còn gợi cho kẻ vô tri lầm lạc bảo: "Phật pháp vô ích cho luân thường, thế đạo."

Xem khắp xưa nay, những vị đại trung, đại hiếu, lòng nhân sâu xa, phẩm đức sâu dày, đa phần đều do học Phật đắc lực mà ra. Do vậy, trong ba thứ chánh nhân tịnh nghiệp của Quán kinh, điều thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (sư trưởng chính là người có đức), từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp. Có thể "hiếu, đễ, từ" thì có thể khiến cho ba nghiệp nơi thân (ba nghiệp nơi thân là giết, trộm, dâm), bốn nghiệp nơi miệng (bốn nghiệp nơi miệng là nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu), ba nghiệp nơi ý (ba nghiệp nơi ý là tham sân si) thảy đều lành. Người như thế chính là vật báu cho quốc gia xã hội, sẽ khiến cho kẻ thấy người nghe nhìn theo bắt chước làm lành. Đấy gọi là: "Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người khác sẽ thuận theo."

Mọi chuyện trong thế gian đều phải lấy thân làm gốc. Huống chi hiện thời tà thuyết dị kiến không thứ lạ lùng nào chẳng có. Chúng ta học Phật nếu chẳng nghiêm túc suy xét từ luân thường, từ khởi tâm động niệm thì công phu của chính mình cũng khó được lợi ích. Người khác thấy nghe chắc sẽ thốt lời xầm xì, do vậy cần phải xét bàn từ luân thường, suy xét từ nơi khởi tâm động niệm, hễ lập được cái gốc thì đạo sẽ sanh. Người đời thấy nghe sẽ học theo mà không hay không biết. Ví như gió lùa cỏ rạp, nước chảy thành khe. Những điều cần phải nói khác đã có đầy đủ trong lá thư gởi cho ông Mã Tuấn Khanh [trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên], đều nên đem những điều ấy nói với bà ta.

Giới thiệu người khác quy y quả thật là chuyện tốt đẹp nhất, nhưng nếu là kẻ không có lòng chánh tín, đừng nên giới thiệu tràn lan. Sợ rằng mai sau kẻ ấy sẽ lui sụt tạo nghiệp, đâm ra chẳng tốt đẹp gì. Nhân tâm khác biệt như thế đó! Nếu

gặp kẻ có túc căn, cố nhiên hãy nên hướng dẫn, còn kẻ không có thiện tâm thì chớ nên dẫn dắt bừa bãi vì sợ đâm ra họ sẽ làm cho pháp môn bị nhục lây.

601. Thư trả lời cư sĩ Chu Thạch Tăng (thư thứ hai)

Phàm người quy y Phật pháp, bất luận nam hay nữ, đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Chớ nên dùng công phu luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu trường sanh và sanh lên trời làm thần tiên cõi trời Đại-la v.v.. Hãy quyết định phát nguyện cầu khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, ai nấy đều có thể vãng sanh. Nếu được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nhưng muốn vãng sanh, ắt phải nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, dựa theo chức phận của chính mình để trọn hết nghĩa vụ của chính mình. Lại còn đem pháp môn này khuyên bảo gia đình cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con và bằng hữu thân thích, xóm giềng, làng nước, để hết thảy mọi người đều biết pháp này, đều tu pháp này, như vậy thì do cái công khuyên người ấy mà chính mình sẽ đạt được lợi ích càng sâu xa, lớn lao hơn.

Nữ nhân lấy *"tương phu giáo tử"* (giúp chồng dạy con) làm thiên chức, "tương" (相) là giúp, "tương phu giáo tử" là giúp chồng thành tựu đức hạnh, khéo dạy bảo con cái, khiến cho bọn họ đều thành hiền nhân, thiện nhân, đấy chính là chức phận của nữ giới. Nữ nhân hiện thời thường nuông chiều con cái quen thói kiêu căng, chẳng lấy đạo lý làm người và nhân quả báo ứng để răn dạy, vì thế con cái phần nhiều khó thành người đàng hoàng.

Do vậy, những kẻ đại thông minh mù quáng nhiễu loạn cõi đời và những phường giặc cướp làm càn làm quấy trọn khắp thế gian khiến cho nước không ra nước, dân chẳng thành dân, căn bản đều là do cha mẹ chúng nó chẳng biết trọn hết chức phận giáo huấn con cái của người làm cha mẹ mà ra, cho nên loạn lạc không có lúc nào yên. Nếu ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì thế đạo sẽ tự nhiên thái bình. Những điều khác hãy xem trong Gia Ngôn Lục v.v., đều có viết đầy đủ về những điều ấy.

Hơn nữa, công đức niệm Phật tiêu trừ hết thảy ác nghiệp, phàm gặp những tai nạn như đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội v.v. mà nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, ắt sẽ gặp dữ hóa lành. Nữ nhân sanh nở, nếu sanh không được mà chịu chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc

chắn sẽ lập tức an nhiên sanh nở. Lúc bình thường chịu niệm thì càng có lợi ích lớn lao hơn.

Đừng nên bảo "lõa lồ bất tịnh, niệm sợ mắc tội". Cần biết rằng Bồ-tát sẵn lòng cứu khổ, đấy chính là lúc liên quan đến tánh mạng, do vì không làm sao khác được, chứ không phải là có thể cung kính, khiết tịnh, mà chẳng chịu gắng hết sức cung kính, khiết tịnh. Chẳng những sản phụ phải niệm ra tiếng rõ ràng, mà những người săn sóc bên cạnh cũng phải niệm giúp cho người ấy. Dẫu khó sanh đến nỗi sắp chết cũng đều có thể ngay lập tức an nhiên sanh nở. Hãy nên nói với hết thảy mọi người về chuyện này, đấy chính là cứu vớt sẵn sự hoạn nạn và tánh mạng của người khác, công đức rất lớn.

602. Thư trả lời cư sĩ Phí Phạm Cửu

Nhận được thư đầy đủ. Tôi soạn được lời tựa gồm 806 chữ, nhưng câu chữ vụng về, chất phác, không có vị đại thông gia nào đọc đến chẳng chê bai, phê bình! Nếu có thể dùng được thì xin hãy cậy người viết chữ đẹp chép lại cho trang trọng rõ ràng, cũng nên thêm dấu chấm câu để tránh cho những người chữ nghĩa ít ỏi không đọc thành câu được. Nếu không đọc được thành câu, làm sao hiểu nghĩa? Vì thế bất luận là thứ văn tự nào đều phải nên chấm câu. Khi Quang viết thư cho ai, ngay cả khi người nhận là bậc đại thông gia, vẫn một mực chấm câu, vì chẳng muốn người khác phải tốn chút công suy nghĩ nào để hiểu những lời lẽ hủ bại của tôi. Trong lời tựa đều không sử dụng lối đài đầu[599], nếu sử dụng lối đài đầu trong mọi chỗ sẽ quá phiền phức, không đài đầu cũng được. Nếu muốn đài đầu thì chỉ cần áp dụng trong câu nói về bức thánh tượng Quán Thế Âm do vị danh gia vẽ là được rồi.

(Mồng 4 tháng 9 năm Dân Quốc 27 - 1938)

603. Thư trả lời cư sĩ Trần Tân Nho

Thư nhận được đầy đủ, trong 48 nguyện, có nguyện thứ 18 là "mười niệm xưng danh liền được vãng sanh, chỉ trừ kẻ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp". Đấy là nói về lúc bình thường, bởi lẽ ngũ nghịch đại tội, báng pháp chẳng tin, thứ tội chướng ấy há có thể dùng sự tu trì hời hợt, hờ hững để tiêu diệt được ư?

Theo Quán kinh, kẻ ngũ nghịch thập ác lúc sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức (ở đây bất luận là tăng hay tục, nam hay nữ, chỉ cần dạy

[599] Đài đầu là một cách viết trong công văn, thư từ, thể hiện sự cung kính: Trước khi bắt đầu một danh xưng hay tên người thì bèn xuống dòng. Tức là danh xưng ấy trở thành chữ đầu dòng trong câu văn.

người ấy niệm Phật thì cũng được gọi là thiện tri thức) dạy niệm Phật, hoặc chỉ niệm mười tiếng hoặc niệm chưa đến mười tiếng đã mạng chung, cũng sẽ được cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Mười niệm ấy so ra có khí thế dũng mãnh, thiết tha hơn hẳn mười niệm lúc bình thường một trời một vực, do vậy bèn được vãng sanh. Do bị nỗi khổ cùng cực nơi địa ngục bức bách nên vừa được nghe danh hiệu Phật bèn dốc hết toàn bộ tinh thần xưng niệm. Trừ niệm ấy ra, trọn chẳng có niệm gì khác! Tuy chưa đích thân chứng được nhất tâm bất loạn, nhưng tâm đã rốt ráo chẳng còn có niệm nào khác. Đang trong lúc ấy, trọn chẳng có tam tâm, nhị ý, chẳng có tâm tướng tin tưởng - nghi ngờ xen lẫn. Vì thế chẳng gọi là "báng pháp".

Dẫu lúc bình thường là kẻ báng pháp thì khi lâm chung ắt cũng sẽ giống như té vào nước lửa cầu xin cứu vớt, rảnh đâu để sanh lòng nghi, khởi lòng báng bổ ư? Vãng Sanh Luận nói "kẻ báng pháp chắc chắn không được vãng sanh", vì đã báng chánh pháp thì sẽ không có lòng chánh tín, làm sao vãng sanh cho được? Đấy là lời lẽ nhằm cực lực khuyên con người phải phát lòng chánh tín. Nếu trước kia đã từng báng pháp, về sau biết cải hối thì sẽ được vãng sanh. Ví như lành bệnh liền trở thành người mạnh khỏe, kẻ quy hàng chính là người dân đã quy thuận.

Nếu nói: "Kẻ báng pháp dù sau này có cải hối cũng chẳng được vãng sanh", đây là đã hoàn toàn hiểu sai chuẩn mực tu trì. Đối với Nho giáo còn chẳng hợp, huống hồ đức Phật thấy "hết thảy chúng sanh đều có đủ Phật tánh, đều sẽ thành Phật" ư? Kinh Thư chép: "Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm mà thành thánh." Do vậy biết rằng Nho và Phật đều lấy sửa lỗi hướng lành để chăm chú mong thành thánh, thành hiền, đoạn hoặc, chứng chân. Người đời chẳng khéo hiểu ý này, chỉ chấp vào lời văn, tự sanh chướng ngại, chẳng đáng buồn ư?

Quang là một ông tăng tầm thường, trọn chẳng có ưu điểm nào, gặp gỡ thì có ích gì? Chẳng gặp đâu bị tổn hại gì? Nếu muốn gặp thì lại có khó khăn chi? Ước chừng vào nửa sau tháng 7, ắt tôi sẽ sang chùa Thái Bình, phải lẩn quẩn ở đó hai ba tháng đợi cho việc in sách xong xuôi rồi sẽ liền diệt tung tích ẩn náu lâu dài để vĩnh viễn chẳng còn qua lại với hết thảy mọi người nữa.

Ông muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tân, nghĩa là trí tuệ sẵn có vốn là vật cũ của chính mình, nhưng do hoặc nghiệp chướng lấp nên chẳng thể thọ dụng được. Nay dùng sức niệm Phật để tiêu trừ hoặc nghiệp, khiến cho trí tuệ ấy lại được tỏ rạng. Tuy là vật cũ, nhưng chẳng khác gì mới đạt được, cho nên gọi là Huệ Tân.

Lại mong ông sẽ đem pháp môn niệm Phật này hóa độ hết thảy để bọn họ sẽ đều tự làm cho đức ấy được trở thành mới mẻ thì may mắn lắm thay. Điều trọng yếu trong tu trì là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, xin hãy tìm đọc, ở đây không viết cặn kẽ.

604. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết ông tới chỗ ngụ ở Thượng Hải an toàn, hết thảy đều như thường, vui mừng an ủi đến cùng cực. Thời cuộc chẳng yên, đừng nên bắt đầu tiến hành làm những chuyện đã định, nên đợi đến khi thái bình thì mới tiến hành. Nếu không cẩn thận, sẽ hối chẳng kịp đấy! Vì vậy, đừng hạn định ngày tháng mà hãy nên dựa theo thời thế để ứng biến. Thế đạo hiện thời chính là thế đạo hoạn nạn. Tuy nói "niệm Phật diệt được túc nghiệp", nhưng cần phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng kinh sợ lớn lao, chuyển cái tâm "tổn người lợi mình" của chúng sanh thành "hành hạnh Bồ-tát lợi khắp các chúng sanh", thì dù là túc nghiệp (nghiệp trong quá khứ) hay hiện nghiệp (nghiệp hiện tại) đều bị quang minh của Phật hiệu trong cái tâm đại Bồ-đề ấy tiêu diệt sạch sành sanh.

Nếu đời trước và xưa kia từng tạo nghiệp lớn, nay tuy đã thôi làm ác, nhưng chưa thể tận lực tu các điều lành và chỉ niệm Phật hời hợt, hờ hững thì công chẳng cự được lỗi, cho nên khó tránh vướng phải ác báo ấy được. Chẳng phải là niệm Phật uổng công, mà là vì chưa phát tâm Bồ-đề, nhưng ác nghiệp lại đặc biệt rộng lớn nên công đức niệm Phật chẳng thể che lấp ác nghiệp được. Nếu có thể phát tâm đại Bồ-đề thì sẽ như mặt trời rực rỡ giữa hư không, sương móc tan ngay lập tức. Người đời phần nhiều nửa đời làm ác, rồi sau này mới cải hối, do chưa thể hoàn toàn không có ác báo, bèn bảo: "Phật pháp chẳng linh, tu trì vô ích!"

Cư sĩ đã chẳng coi Quang là người ngoài, nên cố nhiên Quang chẳng thể không trình bày đại lược nguyên do với cư sĩ để mong ông thoát khỏi đường mê, lên bờ giác. Pháp môn niệm Phật lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, lấy tâm Bồ-đề làm căn bản, do bởi thật nghĩa "tâm này là Phật, tâm này làm Phật, nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân", cho nên dùng "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" làm công phu thực hiện tối thiết yếu. Dùng điều ấy để hành, lại còn tứ hoằng thệ nguyện thường chẳng rời tâm, vậy thì tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo, lúc đang còn sống sẽ dự vào bậc thánh, lâm chung lên thẳng thượng phẩm, ngõ hầu chẳng phụ cuộc sống này. Phải thường nên giảng nói với Chí Thường những điều vừa nói trên đây, khiến cho tập khí nữ nhi hẹp hòi, hèn kém của cô ta biến thành chánh trí Bồ-đề thì công đức lớn lao lắm. Người tu tịnh

nghiệp ắt phải khuyên khắp người đời cùng tu tịnh nghiệp, "làm gương cho vợ mình rồi đến anh em, cho đến khắp đất nước"[600], cho nên chẳng khác gì sự giáo hóa của các vị vua.

605. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Đất Tần rét buốt, Tịnh Nghiệp Cư chỉ nên mở tiệm cơm chay thì mới có đôi chút khả quan. Nếu chiếu theo biện pháp của Công Đức Lâm ở phương Nam, ắt sẽ bị cụt vốn. Ở nơi ấy đã mang tên là Tịnh Nghiệp Cư thì hãy nên nhờ người viết chữ đẹp dùng lối chữ khải chánh thức đang thông dụng hiện thời để sao chép công đức, lợi ích của tịnh nghiệp và pháp tắc tu trì, rồi đem treo những bài viết ấy trên các bức tường để người ta đọc tới sẽ dấy lòng cảm kích. Ở nơi ấy chẳng thể tổ chức diễn giảng vì sợ có đông người đến nghe sẽ không đủ chỗ chứa, đừng nên làm theo kiểu đó. Nếu cứ làm thì sẽ đâm ra bị chướng ngại mà cũng gây trở ngại cho việc làm ăn.

Tịch Viên Liên Xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch. Chủ nhân ắt phải cung kính, chí thành, chớ nên ngạo mạn đối với người khác, cũng chớ đừng phô phang tỏ vẻ mình là người có đức hạnh. Phàm có ai đến đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn (Xét trong hiện thời, các hội Phật giáo các nơi hễ có quy mô hơi lớn thì thường phạm phải thói xấu là ngạo mạn đối với người khác. Đọc đến đây hãy nên đau đáu răn dè. Hãy chớ nên phân biệt sang hèn, khiến cho khắp mọi người cùng được thấm nhuần pháp vị, gieo thiện căn). Còn như khi chưa niệm Phật và lúc đã niệm Phật xong, nhất loạt chẳng cho những người đến niệm Phật bàn tán chuyện trong gia đình. Nếu có những nghĩa trọng yếu có thể bàn luận được thì hãy bàn; nếu không, ai về nhà nấy. Kẻ nào tuổi quá nhỏ thì chỉ nên niệm trong nhà của chính mình. Nếu thường đến mà ở gần thì còn được, chứ như đường xa sợ sẽ có chuyện xảy ra ngoài ý muốn, chẳng thể không cẩn thận. Nơi đây bất quá là chỗ để đề xướng tu tịnh nghiệp trong địa phương mà thôi, vẫn phải chú trọng chuyên niệm Phật tại gia.

---

[600] Đây là một đoạn thơ trích từ bài Tư Tề thuộc tiểu loại Văn Vương Chi Thập trong phần Đại Nhã của kinh Thi: "Hình vu quả thê, chí vu huynh đệ, dĩ ngự vu gia bang." Câu nói này cũng được Mạnh tử nhắc lại trong thiên Lương Huệ Vương, sách Mạnh Tử. Theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại giải thì: "*Quả thê* là đích thê (vợ cả, vợ chánh), *hình* là nêu gương, *ngự* là cai trị. Theo Tập Sớ thì '*hình quả thê, chí huynh đệ, dĩ ngự gia bang* chính là đạo tu thân, tề gia, trị quốc. Ý nói Văn Vương ở trong chốn riêng tư thì hết sức hòa nhã, đối với tông miếu hết thảy kính cẩn'. Do vậy, câu này phải hiểu là: Văn Vương dùng lễ pháp để nêu gương cho vợ con, đối xử nhân ái với anh em, khiến anh em nêu gương, khiến cho cả nước phải tuân phụng theo." Do vậy, chúng tôi chỉ dịch gọn là: "Làm gương cho vợ mình, lan đến anh em, rồi truyền khắp đất nước."

Ông đã đề xướng liên xã thì người lớn kẻ nhỏ trong nhà đều phải đoạn trừ rượu thịt. Nếu vẫn cứ ăn uống tùy tiện giống như người đương thời thì sẽ mất đi thể cách đề xướng. Chương trình giản lược của Tịnh Nghiệp Cư văn lẫn lý đều hay, nhưng chữ huân (葷) bị viết sai thành chữ vựng (暈: Quầng sáng quanh mặt trời, mặt trăng. Chữ 暈 đọc giống như âm vận) thật là thất cách, xin hãy sửa cho đúng. Chữ huân (葷) vốn chỉ những thứ hành, hẹ, kiệu, tỏi, cho nên viết bằng bộ thảo (草). Kinh Phạm Võng giảng rõ ngũ tân (五辛: năm thứ cay nồng) là *đại toán thông* (大蒜蔥: tức hẹ), *từ thông* (慈蔥: hành), *lan thông* (蘭蔥: tức là tiểu toán 小蒜, chính là kiệu), *huân vật* (葷物: tỏi). Phương này (Trung Hoa) chỉ có bốn thứ ấy, ở Tây Vực có thêm *hưng cừ*[601] (興渠: củ nén) nên gọi là ngũ tân, cũng gọi là ngũ huân. Cũng có ngoại đạo coi *nguyên tuy* (芫荽)[602] là huân (rau có mùi tanh hôi), lại có phái ngoại đạo coi *hồng la bồ* (củ giền) là huân, đều là bịa đặt!

Năm thứ huân này vốn thuộc thảo mộc, nhưng do có mùi hôi dơ nên không được ăn. Ăn vào thì tụng kinh niệm Phật đều không được hưởng lợi ích lớn lao[603].

---

[601] Hưng cừ (hingu): Còn phiên âm là huân cừ, hưng cù, hưng cựu, hưng nghi, hình ngu, hoặc hình cụ, vốn chỉ mọc ở Tân Cương, Hòa Điền (Khotan), Tây Tạng, Ấn Độ, Iran, A Phú Hãn v.v., là một loại thảo mộc, có tên khoa học là asafoetida, cao tối đa hai mét, thân củ mập, sắc trắng, mùi hôi như tỏi, nhưng củ nhỏ hơn, thường dùng làm gia vị. Khi bẻ thân loại cây này, chỗ gãy sẽ tiết ra dịch nhờn, dịch nhờn ấy có thể dùng làm thuốc với tên gọi được gọi là a-nguy (thường bị đọc trại thành a-ngùy). Do cây củ nén (hoặc củ néng?) của Việt Nam cũng có hình dáng gần giống như vậy và có mùi tỏi nên chữ hưng cừ thường được dịch tạm là củ nén.

[602] Nguyên tuy (coriander) là một loại rau thơm, thường được biết dưới tên thông dụng là cilantro, trông hơi giống như rau ngò (rau mùi, ngò rí) của Việt Nam, nhưng lá to hơn và không thơm bằng (có lẽ vì thế một số người gọi nó là ngò Tây). Do hạt của nó có hương vị khác biệt, thơm nồng hơn lá, nên thường được người Ấn Độ dùng làm thành phần chủ yếu cho hương liệu garam masala và cà ri. Người Ấn còn nướng hạt ngò Tây để nhai cho thơm miệng. Hạt ngò Tây cũng được dùng để tạo hương vị đặc biệt cho các loại bánh mì cứng làm bằng hắc mạch (rye) của Nga.

[603] Theo kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm (quyển tám) thì năm thứ hôi nồng này, tuy là thảo mộc, nhưng ăn chín sẽ khiến lòng dâm nẩy sanh, ăn sống sẽ khiến cho người thích ăn hay nóng giận. Hơn nữa, thiên tiên mười phương không thích mùi hôi hám của năm loại này nên thường tránh xa, các loài ngạ quỷ lại đặc biệt ưa thích nên thường đến liếm môi mép của người ăn. Do quỷ thường lui tới nên phước đức của người ăn bị tiêu giảm. Đại lực quỷ vương thừa cơ hiện thân Phật dối gạt thuyết pháp, dạy người ăn ngũ tân phạm giới, khen ngợi dâm - nộ - si, khiến cho kẻ ấy mạng chung sẽ làm quyến thuộc của ma, vĩnh viễn đọa trong địa ngục Vô Gián. Vì thế, người cầu Bồ-đề phải đoạn dứt ngũ tân. Tuy ngũ tân bị cấm ăn, nhưng trong trường hợp bị bệnh phải ăn để trị bệnh thì đức Phật cũng đặc biệt hứa khả. Theo kinh Yếu Tập quyển 20 dẫn các bộ luật Tăng-kỳ, luật Thập Tụng, luật Ngũ Phần v.v., nếu tỳ-kheo bị bệnh đành phải ăn ngũ tân thì trong bảy ngày phải ở riêng trong một phòng nhỏ, không được nằm trên giường đệm của tăng, không được ở lẫn lộn với tăng chúng, không được lên giảng đường, nhiễu tháp Phật, hoặc vào tăng đường, phải ngồi dưới chiều gió nếu có chuyện cần thiết phải

Huống chi thịt là thứ lấy từ thân thể chúng sanh, con vật đang sống sờn sơ bèn giết đi để mong thỏa thích cái miệng. Người đời quen thói chẳng thấy đó là chuyện kỳ quái, hễ nghĩ tưởng thì sẽ thấy đúng là vô lý đến cùng cực, đáng sợ thay! Quang chưa thể định trước được thời hạn trở về, cần gì phải có người đón tiếp; chỉ để Quang đi một mình thôi là được rồi, nếu đón tiếp đâm ra trở thành chướng ngại. Ngàn vạn phần đừng đến, nếu đến thì tôi chẳng trở về!

606. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)

Nhận được thư, kinh và bài minh trên tháp thờ mẹ của ông, khôn ngăn vui mừng an ủi. Một thiên tự thuật đã bộc lộ khá thành khẩn, nhưng những điều được trình bày ắt phải là những hạnh ta thấy rõ thì mới là thật nghĩa, nếu không thì sẽ trở thành vọng ngữ, lừa mình gạt người.

Chẳng biết tháp của lệnh từ được xây theo cách thức như thế nào. Theo chế định của Phật, Luân Vương (Chuyển Luân Thánh Vương) mới được xây tháp nhưng không có tầng cấp. Đối với bậc xuất gia chứng Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả thì tùy theo quả vị của họ đã chứng để phân định được phép xây bao nhiêu tầng cấp.

Nếu là phàm phu, chớ nên xây tháp! Trong thời gần đây, các tăng đều xây tháp, nhưng chỉ có hình dáng chứ không phân tầng cấp thì vẫn còn chấp nhận được; chưa hề nghe nói xây tháp cho người tại gia. Các đệ tử của ông Dương Nhân Sơn xây tháp cho thầy, cách thức gần giống như tháp Phật, chẳng đáng để bắt chước theo, nhưng do ông ta có công lưu thông, hoằng dương Phật pháp, nên các đệ tử tôn xưng quá mức. Lệnh từ tuy suốt đời thanh tu, lâm chung chánh niệm vãng sanh, nhưng sở chứng của cụ chưa biết ra sao. Ở phương này (cõi Sa-bà), quyết chớ nên mạo xưng là thánh nhân. Hễ nghĩ như vậy tức là đã "đem phàm lạm thánh".

Nếu cụ có chứng đắc sau khi vãng sanh thì chẳng thể coi đó là sở chứng trong khi cụ còn sống ở phương này. Vì thế, đối với chuyện ở phương này hay chuyện sau khi đã sanh sang cõi kia, đều phải dựa theo nơi chốn mà phân chia rạch ròi thì mới chẳng trái nghịch cấm chế của đức Phật. Nhưng cụ đã tu hành tốt đẹp thì cũng chỉ nên tùy ý lưu truyền, nhưng chớ nên nghĩ làm như vậy là đúng, khiến cho những kẻ có tâm đều bắt chước làm theo. Quang chẳng thể không nói rõ điều này! Ông chép kinh Bát Đại Nhân Giác rất đẹp, khiến cho người đọc sanh lòng hoan hỷ.

---

họp mặt với tăng chúng. Sau bảy ngày phải tắm gội súc rửa sạch sẽ, dùng hương xông áo khử mùi hôi hám rồi mới được nhập chúng.

Ngày 26 tháng 9, Quang xuống núi. Đến cuối tháng, đến Thượng Hải, tưởng là ông và gia quyến đều trở về nhà hết rồi, vì thế trọn chẳng hỏi đến. Tới mồng 5 tháng Chạp, ông Lý Cấp Nhân tới thăm, mới biết là gia đình ông chưa trở về hết. Chuyện Quang trở về đất Thiểm quả thật chẳng dễ dàng, do đất Thiểm loạn lạc, lại còn rét buốt. Nếu quần áo, đồ đạc đều bỏ lại hết thì khi tới đất Tần sẽ sắm sửa không được, nếu cầm theo hết thì hành lý sẽ cồng kềnh, thật khó khăn cho cả đôi bên. Vì thế, Quang trọn chẳng có lòng trở về đất Tần.

Huống chi hiện thời tại Phổ Đà đang tu chỉnh Sơn Chí, tuy không do Quang chủ trương nhưng cố nhiên Quang chẳng thể bỏ mặc được. Lại còn môn loại Đại Sĩ Bổn Tích, Quang đã cậy một người bạn ở Giang Tây biên soạn tám chín tháng rồi, chuyện ấy vàn muôn phần chẳng thể nhờ tay người khác lo liệu được. Phải đợi cho ông ta tu chỉnh xong xuôi, Quang đọc qua rồi mới đem ghép vào Sơn Chí, hoặc cho lưu hành riêng, Quang đều phải tự lo liệu.

Ông đã biết "hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai", vậy thì tất cả quyến thuộc chánh phụ[604] trong nhà đều nên vĩnh viễn thôi ăn mặn, đấy mới là thật sự tu hành. Nhà Nho trong cõi đời do thói quen cố kết coi ăn thịt là lẽ đương nhiên, trọn chẳng nghĩ đến nỗi đau khổ khi những con vật bị giết hại, huống là bàn đến chuyện quá khứ và vị lai ư? Buồn thay! Đời này chẳng độ được thân này thì đến đời nào mới độ được? Sửa đổi nếp sống để tu thì chẳng thích hợp cho lắm.

Hiện thời, trời đang chuyển sang vận khí tốt đẹp, con người vui vẻ, mùa màng sung túc, nghĩ tưởng năm mới đã đến, chúc ông mọi duyên như ý, đứng ngồi hưởng phước, Chí Thường và các cháu đều cát tường yên vui, khôn ngăn vui mừng an ủi. Viết thư này để mong ông được an vui thuận lợi và chúc mừng năm mới, mong sao cả nhà đều yên vui. Nếu không có chuyện gì quan trọng thì đừng tới núi, vì e rằng trong tháng 3 Quang sẽ qua Hàng Châu, nếu thuận tiện sẽ gặp mặt một phen.

607. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)

Chuyện vui chơi giải trí tổn hại nhiều, lợi ích ít, vĩnh viễn tránh không lo tính đến chuyện này sẽ hợp lẽ nhất. Hôm trước, từ An Huy gởi tới tờ báo Giáo Dục số ra mỗi quý (ba tháng) cũng có bàn đến chuyện này. Khéo sao, nay ông lại gởi thư này! Người nước ta chỉ biết học theo cách thức của ngoại quốc, chẳng tính đến

[604] Nguyên văn "bổn chi quyến thuộc" (quyến thuộc gốc và nhánh), tức những người thân thuộc trực hệ như vợ, con, cháu nội, cháu ngoại, dâu, rể… (thì gọi là gốc), và những người có quan hệ gián tiếp như cháu gọi bằng cô, cậu, chị dâu, anh rể, dì, dượng… thì gọi là nhánh. Do vậy, chúng tôi dùng chữ chánh và phụ để diễn tả ý này.

lợi hại, nên chỉ thường bị thua thiệt. Há có nên thuận theo ý mình để lập ra pháp tắc ư? Ắt phải chuẩn theo khuôn mẫu của thánh nhân đời trước cũng như tình cảm con người, sao cho đôi bề đều chẳng trái nghịch thì mới không vướng thói tệ.

Gần đây, những kẻ làm đại sự trong bao nhiêu năm đều chuyên lập dị, coi học theo người ngoài là đúng, coi Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng đều chẳng đáng để noi theo. Hễ chưa đắc chí bèn thành gã dân cuồng vọng, ương ngạnh khó giáo hóa, kẻ đã đắc chí bèn thành phường rối nước hại dân. Vì thế thiên tai nhân họa liên tục dấy lên, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống.

Điều quý nhất nơi người học Phật là phải đối trị tập khí, sửa lỗi hướng lành. Nếu không có chuyện gì bận bịu thì dốc hết sức học Phật; nếu có chuyện gì bèn gác bỏ học Phật thì sẽ trở thành kẻ mang cái danh suông, chẳng có mảy may ích lợi thật sự nào. Trong tháng 4, Đại Minh gởi thư đến cho biết ông ta muốn đưa mẹ xuống chơi miền Nam trong mùa hạ, Quang tận lực ngăn cản. Ông ta nói đầu mùa thu sẽ đến Thượng Hải, rốt cuộc chưa từng đến.

Trong kinh sử Nho gia, nhân quả báo ứng cực nhiều, tiếc rằng các Nho sĩ chẳng bận tâm đến sanh tử, vì thế có thấy cũng giống như không thấy. Ngụy Mai Tôn tỵ nạn tại Thượng Hải, nghĩ đến cuộc sống người dân khốn khổ là vì các tướng lãnh, quan lại cai trị hà khắc gây nên. Do vậy, sao lục trong sử sách được 36 câu chuyện dẫn dắt đến điều tốt lành, và quả báo không ham giết chóc hay ham giết chóc của các tướng lãnh, quan lại. Ông ta muốn cấp tốc ấn hành những chuyện ấy nên thưa với Quang.

Quang nói:

- Mối họa hiện thời đã thành, không có thuốc chữa, muốn tiêu trừ mối họa cho tương lai thì hãy nên biên tập rộng rãi những chuyện nhân quả báo ứng từ 22 bộ sử để truyền bá khắp cả nước thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Do vậy, tôi đem bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của Bành Lan Đài gởi cho ông ta. Ông ta bèn nghe lời Quang nói, tận lực sưu tập. Quang bảo ông ta cậy nhiều người giúp sức sao chép, lấy tối thiểu một năm làm hạn. Khi nào cuốn sách ấy soạn xong sẽ in mấy vạn bộ để làm nền tảng gây dựng thái bình cho vị lai. Đã bảo gởi trước Văn Sao cho ông và Vương Tôn Liên, mỗi người mấy chục gói, hãy nên tùy duyên mà biếu tặng để làm pháp thí cho Đại Minh.

Câu chữ trong chú Vãng Sanh là do ông Vương Long Thư dựa theo bản chép trong Đại tạng để chấm câu. Tiền nhân cho rằng chú văn ghi trong Đại tạng rời rạc (ý nói: cách chấm câu thiếu mạch lạc, không hợp lý), chẳng thể dựa theo cách chấm câu ấy được, cứ chiếu theo bản đang được lưu thông là đúng.

Chớ nên dùng chữ "A-di-đà Phật" ở cuối thư. Ba năm trước, Phạm Cổ Nông dùng chữ A-di-đà Phật viết theo lối triện văn của sư Hoằng Nhất để in theo lối *câu ấn*[605]. Quang biết được, cực lực quở trách ông ta khinh nhờn, do vậy Cổ Nông mới ngừng in. Hãy nên in những ngôn từ có tác dụng cảnh tỉnh, răn nhắc người đời mạnh mẽ nhất thì sẽ hữu ích, không phạm lỗi. Nếu in danh hiệu Phật rồi viết bừa bãi trên đó, xét về lý sẽ chẳng thích đáng!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), Ưng Đức Hoằng gởi thư cho Quang, trên tờ thư phỏng theo kiểu chữ viết thiếp đời Tấn. Khi viết tới hai chữ Di-lặc, lại vẽ thành hình đức Di-lặc; Quang lập tức quở là sai trái. Người đời nay thích lập dị, nếu chẳng biết kiểm điểm, sẽ tràn lan, hỗn loạn, không còn khuôn phép gì nữa! Con trai Vưu Tích Âm là Hóa Nhất có tín tâm tột bậc, có hành trì, nhưng lại vẽ hình A-di-đà Phật đủ mọi kiểu cọ. Tích Âm đã dọ giá, muốn đem khắc in. Con trai thứ của Vưu Tích Âm là Hóa Tam đến núi gặp Quang thưa trình, Quang cực lực quở trách lỗi ấy mới thôi. Xin hãy xét tường tận!

608. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ năm)

Nhận được thư đầy đủ. Dương Thúc Cát đến đây cho biết nỗi khổ của dân đất Tần (Thiểm Tây) chẳng khác gì ở trong địa ngục cho mấy. Đang trong lúc kiếp trược đời loạn này, cố nhiên hãy nên đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh độ thì mới có ích lợi thật sự. Những kẻ ham cao chuộng xa sợ rằng hễ đề xướng như vậy thì tiếng tăm, giá trị sẽ bị hủy hoại. Vì thế, thà mặc kệ kẻ khác chẳng hiểu, chứ quyết chẳng chịu hạ thấp môn phong của ta.

Thử hỏi: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều hòa nuôi dưỡng thân tâm tánh mạng, há bọn họ có thể cố chấp một lối, chẳng cầu biến - thông hay không? Mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn. Trong suốt một ngày, ắt vẫn phải cầu sao cho thích nghi, nhưng trong trí bọn họ đối với chuyện hoằng pháp lại ngược ngạo chẳng tính kế sách ổn thỏa giống như nuôi nấng cái thân, há có đáng gọi là "thật sự muốn tạo lợi ích cho người khác" hay sao?

Văn Sao tặng cho người có tín tâm, thông văn lý là được rồi, cần gì phải kê khai một danh sách gởi tới? Há chẳng phải là vô sự lại sanh sự đó chăng? Trịnh

[605] Câu ấn, gọi đủ là *đới câu ấn*, tức là một loại con dấu cá nhân, thường dùng để mang theo mình, mỗi khi viết lách thư từ hoặc vẽ vời, đề thơ, thường đóng dấu bên cạnh sau khi đề tên. Thoạt đầu, do ấn làm bằng đồng hoặc bằng ngọc có đuôi cong như cái móc để dễ cầm khi đóng dấu nên gọi là câu ấn. Do ông Phạm Cổ Nông cho in những tờ giấy có in sẵn hình câu ấn, trên ấn viết chữ A-di-đà Phật, tức là lấy danh hiệu A-di-đà Phật thay cho tên hiệu của chính mình, nên tổ mới quở là "khinh nhờn". Tương tự, Vưu Hóa Nhất vẽ hình A-di-đà Phật theo đủ mọi kiểu lập dị chứ không chú trọng diễn tả phước tướng trang nghiêm của Phật nên mới bị tổ quở trách, ngăn cản đừng in, vì sợ kẻ khác nhìn thấy sẽ bắt chước làm theo.

Tử Bình có tín tâm, sao chẳng bái vị đại pháp sư hiện đang hoằng pháp làm thầy, cứ muốn tôn Quang làm thầy? Cũng là do kiến địa chưa đến nơi đến chốn!

Gần đây Quang bận bịu đa đoan, đúng là sức chẳng thể chống chọi được nổi, hãy nên bớt gởi thư từ tới thì hơn. Nếu ông ta tin tưởng thì chỉ nên y theo Văn Sao hành trì là được rồi, cần gì phải chuyên gởi thư thỉnh giáo. Há lẽ nào Quang sẽ nói thêm những điều nào khác với những ý đã được nói trong Văn Sao ư? Ông ta chịu quy y cao nhân thì may mắn không chi lớn bằng! Nếu ông ta vẫn cố chấp không chuyển ý thì xin hãy thay tôi đặt cho ông ta một cái tên là được rồi, chẳng cần phải gởi thư đến khiến cho đôi bên đều nhọc sức.

609. Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên

Nhận được thư, biết đích xác chuyện lệnh từ nắm chặt xâu chuỗi sau khi đã mất, quả thật là chẳng thể nghĩ bàn. Sở dĩ tôi phải hỏi cặn kẽ chuyện ấy là do người đời nay hay giả dối, toàn là bỗng dưng bịa chuyện. Quang chỉ muốn truyền thuật sự thực, chẳng muốn nói cho dễ nghe đến nỗi đem phàm lạm thánh. Để yên thi thể cụ ba ngày rồi mới chuẩn bị nhập liệm, rồi mới tắm rửa, thay quần áo cho cụ, hết sức đúng! Bởi lẽ, tôi một mực nói đừng động đến thân thể người đã khuất trong hai ba tiếng đồng hồ là vì kẻ chẳng hiểu chuyện sẽ chẳng chịu chờ đợi lâu đến như thế. Nếu đúng ra, theo đúng lý, nên đổi thành ba ngày, rồi mới "cử ai" (cất tiếng khóc), tắm rửa, thay áo. Đến 49 ngày mới "cử ai" thì về lý không bị trở ngại gì, nhưng xét về mặt sự thì dường như quá sức lợt lạt, chẳng đáng để noi theo. Ba ngày sau sẽ "cử ai" quả thật là thích đáng đến cùng cực.

Vùng Giang - Chiết đại chiến bốn mươi mấy ngày, trăm họ trôi giạt khắp các nẻo đường, thảm chẳng nỡ nghe! Nhà cửa dân chúng nếu nằm trong vùng giao tranh thì những vật dụng để sanh sống chẳng còn một thứ gì. Ngay như những kẻ lánh được ra ngoài dẫu không bị chết thì cũng chẳng thể nào ổn định cuộc sống được. Mỗi phen nghĩ đến thật đau lòng. Thượng Hải vừa mới đề xướng xong công cuộc từ thiện nên không có cách nào nhắc đến chuyện cứu trợ nơi khác được đâu.

Trước kia, ông Nữu Nguyên Bá cho biết tại Giang Tây nước ngập ba mươi mấy huyện, đem sổ vàng cứu trợ gởi cho Quang, mong Quang khuyên người khác quyên mộ. Quang chỉ đành tự quyên tặng khoản tiền một trăm đồng cho trọn hết lòng tôi, quý hội cũng giúp đỡ một trăm đồng. Do Quang vốn chẳng có tiền của tích cóp, đấy vẫn là khoản tiền tính dùng để góp phần in Đại Sĩ Tụng nhằm mong sao các trưởng quan thống lãnh binh lính biết "người cùng nhà đánh nhau sẽ là tự chặt tay chân và giết hại thân mạng của chính mình", từ đấy buông xuống cái tâm tàn độc tranh giành, kèn cựa, phát khởi ý niệm nhân từ "chung sống hòa bình" thì

nước nhà may mắn lắm thay, nhân dân may mắn lắm thay! Nếu không, "ngao - cò tranh nhau, ngư ông hưởng lợi". Muốn chẳng cùng lọt vào bụng kẻ khác, há có được chăng? Buồn thay! Ngoài thời khóa chánh thức ra, xin hãy niệm thêm Quán Thế Âm để chuẩn bị dự phòng.

610. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết ông đại nguyện vô lượng, lại còn có thể tùy duyên, rất hợp thời hợp thế. Muốn kiến lập pháp hóa trong lúc đất nước khốn đốn, nhân dân nghèo cùng mà trước hết bèn xây dựng phô trương thì sẽ tốn sức chẳng ít, sẽ khiến cho bọn tiểu nhân bắt chước thủ lợi, kẻ giàu có kiềng mặt tránh xa.

Nếu gặp hết thảy mọi người, chỉ nên dạy họ ai nấy trọn hết luân thường, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì các tai nạn sẽ biến mất không còn dấu vết. Do đôi bên chẳng bị trở ngại chức trách, công việc, chẳng hao tốn tiền tài, có lẽ người ta sẽ dễ tiếp nhận sự giáo hóa mà mình cũng nhẹ phần gánh vác, Phật pháp càng dễ lưu hành phổ biến hơn.

Ông phát nguyện lập trường học nơi đất trống, lập liên xã nơi đất trống, cố nhiên là đỡ tốn công, nhưng vẫn là chẳng biết tùy địa phương, tùy duyên để tạo phương tiện cho dễ thực hiện. Trên là nơi thanh miếu, minh đường[606], dưới là bến nước, bên cội cây, hễ gặp được ai có thể trò chuyện liền dùng những chuyện này để khuyên nhủ. Văn Lộ Công[607] phát nguyện *"sẽ khiến cho mười vạn người niệm*

---

[606] Theo ý nghĩa nguyên thủy, minh đường (明堂) là một dinh thự để thiên tử nhà Chu hội kiến chư hầu và cử hành tế lễ, cũng như tuyên cáo chánh sách. Minh đường đã có từ thời Hoàng Đế, nhưng không có quy định kiến trúc rõ rệt. Đến nhà Hạ gọi là thế thất (世室), nhà Thương gọi là trùng ốc (重屋), đến nhà Chu mới gọi là minh đường, và từ đây minh đường mới mang chức năng của một trung tâm tôn giáo, nghị luận chánh sự và giáo hóa (nhưng đến cuối đời Chu, minh đường chỉ còn dùng vào mục đích tế lễ). Thoạt đầu chỉ ở kinh đô mới có minh đường, nhưng sau này, minh đường được xây dựng ở bất cứ một địa phương nào khi cần thiết. Chẳng hạn khi Hán Vũ Đế dự định làm lễ Phong Thiền ở Thái Sơn đã cho xây minh đường tại đấy. Và từ đó, mô hình kiến trúc của minh đường cũng tuân thủ theo một quy cách chặt chẽ hơn: Một tòa đại điện trên tròn dưới vuông, có nước vây quanh bốn phía. Riêng trong đoạn văn này, minh đường lẫn thanh miếu chỉ là những từ ngữ phiếm chỉ các cơ sở thờ tự hay hội họp trong vùng.

[607] Văn Lộ Công chính là Văn Ngạn Bác (1006-1997), tự là Khoan Phu, hiệu Y Tẩu, người xứ Giới Hư, Phần Châu (nay thuộc thành phố Giới Hưu, tỉnh Sơn Tây), là một vị Tể tướng trải suốt bốn đời vua nhà Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông), tước phong là Lộ Quốc Công, nên thường được gọi là Văn Lộ Công. Ông được người đời coi là một vị Tể tướng hiền năng, có công giữ yên đất nước, đánh thắng Tây Hạ, chuyên cần chánh sự, tiết kiệm, nhân từ, giảm tô thuế. Đến già ông mới quy hướng Phật pháp. Lời thề nguyền trên đây được phát ra khi ông xướng suất lập liên xã.

Phật cầu sanh Tây Phương" bèn kết liên xã. Tôi cho rằng: "Từ một người cho đến vô lượng người đều nên làm cho họ vãng sanh Tây Phương trong đời này, há nên lấy mười vạn người làm hạn định?"

611. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư, ông cho biết muốn trở về đất Tương (Hồ Nam), nhưng chưa biết dự định trở về vào lúc nào. Hiện thời, thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nhưng bưu điện thông tin thuận tiện, một ngày đi được ngàn dặm. Thường có những gã vô lại tiểu nhân, nếu có hiềm khích với ai liền bịa đặt rêu rao, gởi truyền đơn khắp nơi và đăng trên báo chí, chỉ muốn hủy hoại danh dự của người khác, chẳng bận tâm chính mình bị tổn phước giảm thọ, và tương lai sẽ đọa lạc trong tam đồ, hứng chịu các nỗi khổ cùng cực. Đáng thương xót quá!

Bọn chúng đã thỏa lòng ham muốn, còn những vị chánh nhân quân tử nhận phải những tờ truyền đơn hay đọc những tờ báo ấy cố nhiên hiểu rõ mười mươi gan ruột bọn chúng; nhưng đối với những kẻ phàm tục sẽ do một người lan truyền dối trá, qua tay một vạn người lan truyền thì lời đồn đãi sẽ được coi như sự thật. Chẳng riêng gì những người chân chánh trong thế gian bị coi như kẻ hết sức tầm thường, kém hèn, ngay cả những vị thánh hiền lỗi lạc thời cổ cũng bị coi như những kẻ hết sức tầm thường, kém cỏi. Do vậy mới có thuyết đề xướng Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Khởi Tín Luận v.v. là ngụy tạo. Nếu chẳng xét đúng sai, chỉ nghĩ những gì mình được nghe đều là đúng thì kinh điển của thánh hiền trong tam giáo sẽ đều phải giao cho ngọn lửa hết.

Quang sanh ra vốn là kẻ ngu ngốc, vụng về, nhất loạt chẳng dự vào những chuyện kết xã lập hội. Do vì không phụ họa nên bèn oan uổng bị bọn họ vu báng, gán cho cái danh hiệu đẹp đẽ là "đệ nhất ma vương", còn ngài Đế Nhàn là đệ nhị, Phạm Cổ Nông là đệ tam. Những lời vu báng ấy do Mã Nhất Phù[608] là gã tội phạm

[608] Mã Nhất Phù (1883-1967) vốn tên là Phù, tự Nhất Phù, hiệu Trạm Ông, về già lấy hiệu là Quyên Tẩu và Quyên Hý lão nhân. Được coi là một bậc thầy lừng danh về Quốc học, đồng thời là một thư pháp gia, triện khắc gia, cũng như là người đứng đầu về học phái Tân Nho. Họ Mã quê ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, năm lên 6 tuổi đã đỗ đầu kỳ hương thí tại Thiệu Hưng. Năm 1903 sang Mỹ du học, theo đuổi ngành văn chương châu Âu. Sau đó, ông từng du học nước Đức và Nhật Bản để nghiên cứu triết học Tây Phương, đặc biệt sùng bái cuốn Tư Bản Luận của Karl Marx. Năm 1911, trở về nước, tham gia Quốc Dân Đảng, trở thành một trong những đồng chí thân cận của Tôn Văn, rồi chuyển sang gia nhập đảng Cộng Sản. Sau khi quân Nhật bị đánh đuổi khỏi Trung Hoa, ông ta dạy học tại đại học Chiết Giang, làm đại biểu Quốc Hội tại Hoa Lục. Kể từ năm 1964, ông đảm nhiệm chức Quán trưởng Trung Anh Văn Quán. Ông trước tác rất nhiều, viết về Phật học với những quan điểm quá khích, sùng bái những lý luận triết học của Tây Phương cũng như đề cao Tống Nho gần như mù quáng, đến nỗi tuy mang

đầu sỏ phá hoại Phật pháp đệ nhất, truyền đơn của hắn dài đến ba ngàn mấy chữ, chắc là ông đã sớm từng đọc qua rồi. Quang một là không có môn đình, hai là không quyến thuộc, ba là không làm một chuyện gì. Dẫu bị gieo lời vu báng lệch trời, cũng chẳng được mất gì, mà còn nhờ vào đó sẽ tiêu được tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chẳng những không bị phá hoại mà còn được hưởng lợi ích. Nhưng những vị như Đế Nhàn, Cổ Nông là các bậc hoằng pháp hiện thời, kẻ chẳng biết đạo lý vừa trông thấy những thứ ngôn luận ấy, sẽ tưởng là chân thật rồi lui sụt lòng tin, tăng các khẩu nghiệp thì đúng là đáng thương đến cùng cực. Do vậy, hễ trông thấy truyền đơn, bài viết trên báo chí, chớ nên vừa đọc liền tưởng là thật rồi viết vào sách đến nỗi xoay vần truyền bá khiến cho cả mình lẫn người đều bị tổn hại.

612. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ ba)

Hôm trước, tôi đến chỗ một người bạn, thấy lá thư của ông gởi cho Đại Hưu được đăng trong báo Hải Triều Âm số ra thứ 4 trong năm thứ 5 khiến cho người khác kinh ngạc, than thở khôn cùng. Đấy là những lời lẽ vu báng hẹp hòi, thù hằn của kẻ tiểu nhân, nhưng thói đời bạc bẽo, ưa phô bày cái xấu của kẻ khác, liền trở thành hiện tượng "một con chó sủa suông, vạn con chó sẽ sủa theo". Nào ngờ ông chẳng suy xét, cho sao lục những lời xướng họa ấy đăng trên Hải Triều Âm, sao khỏi khiến cho người có đủ chánh nhãn bảo tri kiến của ông chẳng khác lũ phàm tục, chẳng xét thị phi, chỉ dựa theo lời đồn đãi để làm căn cứ phán định ư?

Chuyện đã như vậy thì lời vu báng của Nhất Phù đối với Quang, đối với ngài Đế Nhàn và Cổ Nông cũng sẽ có cơ sở. Như vậy thì trước đây hắn ta bảo Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Khởi Tín v.v. là ngụy tạo cũng sẽ có căn cứ. Nếu không, thì như Hàn Thoái Chi[609] tuy được gọi là nhà viết sử, nhưng thuật sự thiện ác của người khác không đúng sự thật, nếu chẳng mắc nhân họa thì cũng bị trời giáng tai ương. Ông phát tâm đại Bồ-đề, muốn độ hết chúng sanh, nhưng lầm lẫn truyền tụng lời lẽ vu báng người khác ấy trên tờ Hải Triều Âm, há chẳng làm ô nhục tiếng tăm của tờ Hải Triều Âm cũng như gây tổn thương cho cái tâm Bồ-đề của

---

tiếng là xiển dương, nghiên cứu Phật học nhưng gần như triệt hạ Đại thừa, coi những kinh luận trọng yếu trong Phật giáo Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Khởi Tín v.v. đều là do người Trung Hoa ngụy tạo. Điều đáng ngạc nhiên là tuy đả phá, giải thích Phật học, Nho học theo lối lập luận khiên cưỡng, máy móc, một chiều, đầy thiên kiến, ông ta vẫn được đề cao là "Nho - Thích - Triết nhất đại tông sư" tại Hoa Lục.

[609] Thoái Chi là tên tự của Hàn Dũ (768-824). Hàn Dũ là một văn gia lỗi lạc cuối đời Đường. Họ Hàn mang tư tưởng chống đối đạo Phật, khi viết về những nhân vật hữu danh tin tưởng Phật giáo đương thời thường xuyên tạc họ như những kẻ mê tín, dị đoan.

ông hay sao? Do ông lầm lẫn coi Quang là thầy nên chẳng thể không khuyên răn, khích lệ. Nếu chẳng nghĩ là đúng thì xin hãy tuyệt giao ngay!

613. Thư trả lời cư sĩ Tần Minh Quang

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp, nếu không phải là người đã có huệ căn từ đời trước, quả thật khó thể sanh lòng chánh tín sâu xa. Đừng nói Nho sĩ chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả những vị tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường đem những nghĩa thuộc bên Tông bên Giáo để luận định, phán đoán, đến nỗi chẳng những không chịu tu pháp "khiến cho kẻ phàm phu sát đất chưa đoạn phiền hoặc liền có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại" chẳng thể nghĩ bàn này mà còn chẳng chịu dạy cho người khác. Ấy là vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Bọn họ lấy những nghĩa bên Tông bên Giáo làm chuẩn nên mới phạm phải sai lầm ấy. Nếu ngay từ đầu bọn họ đã biết được nghĩa này thì sẽ được lợi ích lớn lao.

Người thông minh phần nhiều lấy "hiểu lý, ngộ tâm" làm chí hướng, sự nghiệp, nhưng chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để hiểu lý, ngộ tâm. Nếu niệm niệm có thể tương ứng thì sẽ tự hiểu lý, ngộ tâm. Dẫu chưa làm được, nhưng cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương; so với những kẻ hiểu lý, ngộ tâm, nhưng chưa đoạn phiền hoặc, vẫn bị luân hồi trong sanh tử trọn chẳng có lúc thoát ra, thì sự cách biệt giữa trời và đất đã chẳng đủ để ví dụ cho sự bế tắc và hanh thông giữa hai đường lối tu tập vậy. Huống hồ sau khi vãng sanh sẽ thân cận đức Di-đà và thánh chúng, sẽ liền đích thân chứng được Vô sanh pháp nhẫn, há nào phải chỉ có hiểu lý, ngộ tâm mà thôi ư?

Pháp môn Tịnh độ chỉ có bậc thượng thượng căn và ngu phu ngu phụ mới được hưởng lợi ích thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo đa phần vì chí hướng to tát, lời lẽ lớn lối, chẳng chịu cậy vào Phật từ lực, cứ lấy "cậy vào đạo lực của chính mình" làm chí hướng sự nghiệp, cam phận nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh. Chắc ở quý ấp cũng có những người mang thứ kiến giải ấy, cho nên tôi mới nói đại lược nguyên do.

Đã muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho ông là Khế Quang. Tiếng Phạn "A-di-đà", ở đây (Trung Hoa) dịch là Vô Lượng Thọ, cũng dịch là Vô Lượng Quang, nếu có thể nhất tâm niệm Phật thì chính là lấy quả địa giác làm nhân địa tâm. Nếu tâm tâm tương ứng thì nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, cực bình thường mà cực huyền diệu. Nếu có thể tin nhận được thì sẽ đáng gọi là bậc đại trượng phu lỗi lạc.

Do túc nghiệp, Quang vừa sanh ra liền bị bệnh mắt, may là còn được thấy bầu trời bảy mươi mấy năm. Nay thì mắt đã cực quáng lòa, cự tuyệt hết thảy những chuyện bút mực thù tiếp, sợ ông sẽ bị những người xướng suất, hướng dẫn những tông khác lay động, đoạt mất chí hướng, nên mới đặc biệt nói đại lược hai nghĩa thông thường và đặc biệt, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống.

Hãy nên thường đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh thì sẽ biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Đối với những điều tôi chưa nói, hãy đọc Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi mối nghi sẽ tan tác, được cởi gỡ, vầng trăng nhất tâm rạng ngời. Tuy Văn Sao lời lẽ vụng về chất phác, nhưng đã giảng rõ được đại lược nguyên do giữa Thiền và Tịnh, cũng như dùng luân thường xử thế hằng ngày để hỗ trợ tịnh nghiệp, cho nên cũng có thể giúp cho tự lợi lợi tha được.

614. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ nhất)

Muốn nêu rõ sự linh thiêng, tốt lành của xá-lợi, hãy nên gởi thư đến hòa thượng phương trượng chùa A-dục Vương ở huyện Cẩn, Ninh Ba, xin ban cho một bộ A-dục Vương Sơn Chí, đọc sách ấy sẽ tự biết đầu mối.

Mùa xuân năm Quang Tự 21 (1895), Quang đến chùa Dục Vương lễ bái xá-lợi gần ba tháng. Từ đấy về sau, hằng ngày thường theo người đến chiêm bái tới nhìn xá-lợi, thấy màu sắc giống như hạt Bồ-đề ở Thiên Thai pha sắc hồng, mấy chục ngày không đổi. Nhưng lớn nhỏ khác nhau, tùy theo từng lúc nhìn mà biến đổi, chợt lớn, chợt nhỏ. Lớn thì bằng hạt đậu xanh, nhỏ thì kích thước giảm bớt một phần ba.

Đến năm Quang Tự 31 (1905), do có việc đến chùa A-dục, lại nhìn lần nữa thì xá-lợi lớn bằng hạt đậu đen, có màu sắc giống như hạt đậu đen nổi mốc trắng, dính chặt vào đáy chuông[610] không lay động. Quang nghĩ mình thấy xá-lợi có sắc đen nổi mốc trắng, chắc là năm ấy mình sẽ phải chết, nhưng rốt cuộc cũng không có chuyện lành hay chuyện dữ gì. Đấy đều là những tướng thông thường do người bình phàm thường thấy được, chứ trọn chẳng phải là chuyện cảm ứng lạ lùng, đặc biệt gì. Có sao lục ra để in thì cũng chẳng có ích lợi gì đâu! Đừng nên lầm lạc bịa chuyện, biến chuyện không cảm ứng thành có cảm ứng thì tội lỗi chẳng cạn đấy.

[610] Hạt xá-lợi này được thờ trong một cái chuông bằng pha lê hàn kín. Xin xem chi tiết trong bài "Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A-dục Vương" (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 5).

615. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư ông hỏi: "Làm thế nào để phân biệt được tam tôn Phật?" Thích-ca Phật kết ấn hàng ma, tức là tay trái đặt trong lòng, lưng bàn tay hướng xuống dưới, lòng bàn tay ngửa lên trên, tay phải úp trên gối, lưng bàn tay hướng lên trên. Dược Sư Phật kết ấn đại tam-muội, tức bàn tay phải đặt trên lòng bàn tay trái, hai tay đặt ở trong lòng. Di-đà Phật kết ấn Di-đà, tức lòng bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải, hai tay đặt ở trong lòng. Nay gởi cho ông 50 đồng, xin ông lại mua hai tờ giấy Tuyên sáu thước để vẽ hai tượng Quán Âm và Thế Chí ngồi theo thế kiết già[611] trên hoa sen (*song già phu*[612]), bạch hào vẽ thành hình tròn. Quang vốn muốn tự bỏ tiền ra, ông phát tâm quyên tặng để kết duyên, nay vẽ bức khác thì Quang cũng được mãn nguyện. Hai đồng còn dư dùng để chi phí mua giấy, đi tàu xe và gởi tượng. Xin hãy sáng suốt soi xét.

616. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ ba)

Dương Ấm Hồng phát tâm hộ quốc, vãn hồi kiếp vận, nhưng chỉ dạy người khác kiêng giết, ăn chay, chẳng đề xướng niệm Phật hay niệm danh hiệu Bồ-tát một câu nào; đủ biết đối với Phật pháp, ông ta vẫn chưa có đủ lòng chánh tín! Nếu thật sự biết Phật lực, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, đang trong lúc đại kiếp đối đầu này mà chỉ muốn dùng cái nguyện kiêng giết, ăn chay để tiêu trừ thì sở kiến sẽ giống như chỉ thấy được đầu mảy lông mùa thu mà chẳng thấy được hòn Thái Sơn (quyết chẳng thể có lẽ ấy).

---

[611] Nói cho đủ là "kiết già phu tọa" (結跏趺坐: nyasīdat-paryavkam ābhujya). Trong "Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn" (Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 1), tổ Ấn Quang đã giảng rõ: "Thứ năm, "kết già phu tọa" (ngồi kiết già): Trước hết dùng chân phải đè lên đùi trái, dùng chân trái đè lên đùi phải, gọi là "già phu". Chữ già (跏) vốn viết là chữ gia (加), có nghĩa là hai mu bàn chân đâu vào nhau. Phu (趺) là mu bàn chân. Nhưng ngồi lâu thì có thể thay đổi trái và phải cho nhau, đừng chấp chặt phải luôn luôn như vậy. Nếu chẳng thể xếp cả hai chân thì chỉ cần dùng chân trái đè lên chân phải là được rồi. Cách này còn gọi là "bán gia" (thường đọc trại thành *bán già*)." Như vậy, gọi là "ngồi kiết già" thì không chánh xác lắm, nhưng do thói quen của người Việt từ trước đến nay vẫn gọi thế ngồi như vậy là "ngồi kiết già" (đúng ra phải đọc là "kết già", chữ kết (結) đã bị đọc trại thành kiết), nên chúng tôi vẫn dùng chữ "kiết già". Cách ngồi này được coi là viên mãn nhất, cát tường nhất. Tùy theo cách đặt chân nào lên trên mà chia thành hai loại:

1. Chân phải đè lên chân đùi trái, rồi dùng chân trái đè lên đùi phải (tức là chân trái ở bên trên), tay trái đè lên tay phải, cùng ngửa lên, thì gọi là hàng ma tọa. Thiên Thai, Thiền tông v.v. thường sử dụng cách ngồi này.

2. Nếu theo thứ tự ngược lại thì gọi là cát tường tọa. Mật tông đa phần sử dụng cách này, gọi là liên hoa tọa; còn cách thứ nhất thì gọi là kim cang tọa.

[612] Tức hai chân đan vào nhau, lật ngửa bàn chân trên như trong lời giảng của tổ Ấn Quang vừa được trích dẫn trên đây, gọi là "song già phu" để phân biệt với "bán già".

Trong tờ thông cáo gởi xã viên, vàn muôn phần chớ nên sử dụng bốn chữ "Bồ-tát thị hiện". Hễ sử dụng thì tội lỗi vô lượng, lại còn khiến cho người có đầy đủ con mắt sẽ bảo Ấn Quang và ông đều là phường cuồng vọng, dám xằng bậy xưng tụng gã phàm phu sát đất là Bồ-tát. Nếu điều này không mắc lỗi khơi gợi người khác tạo tội thì cũng còn có thể tiêu trừ được tội nghiệp cho ông và tôi. Nhưng kẻ vô tri trông thấy sẽ lấy đó làm lệ và hết thảy tăng tục đều xưng là "Bồ-tát thị hiện", vậy thì thứ tội lỗi lớn lao ấy sẽ do ông và tôi khởi xướng, sẽ gây ra thói tệ không cùng tận. Hãy nên dùng mực bôi bốn chữ ấy đi, viết bên cạnh là "xét rõ thời cơ", ngõ hầu đối với sự lẫn lý, đối với mình lẫn người đều chẳng gây trở ngại gì. Xin hãy sáng suốt soi xét. Từ nay về sau, hễ có ai nhắc đến văn tự của Quang thì chỉ nên chú trọng trích lục thẳng thừng, đừng đội xằng thêm cái mũ cao cho Quang. Trong ý ông, tưởng đó là vinh dự, chẳng biết: "Nếu chẳng phải là cái mũ của chính mình mà cứ đội bừa thì người khác sẽ cho là giả mạo, là mù quáng mạo danh", nhục nhã lắm!

Năm Dân Quốc thứ chín (1920), ông Trang Uẩn Khoan ở Thường Châu đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà có làm một bài thơ. Quang đến phòng ông ta, ông ta liền đưa cho Quang, Quang đọc xong, cười khan, đặt xuống bàn, chẳng cầm đi. Vì sao vậy? Cái mũ quá cao, muôn phần chẳng dám đội! Nhưng kẻ ham danh trong cõi đời vẫn cầu người khác chế mũ cao cho mình. Tâm tướng của Quang khác với bọn họ, bọn họ cho là vinh, Quang thấy là nhục. Xin hãy đem lời này nói với khắp các đồng môn, hãy nhớ kỹ nhé!

617. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ tư)

Ngày hôm qua, thầy Diệu Chân giao cho tôi 6 đồng hương kính nói do ông gởi. Pháp danh của năm người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác, xin hãy nói với họ: Quy y Phật pháp thì chẳng thể lại quy y tà ma, ngoại đạo nữa. Ai nấy hãy nên trọn hết chức phận của chính mình, phải hiếu thuận với cha mẹ ruột và bố mẹ chồng, phải giúp chồng thành tựu đức hạnh, phải dạy dỗ con cái khiến chúng đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Phải ăn chay, phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu sanh lên trời hay sanh vào nhà phú quý. Chớ nên niệm kinh Huyết Bồn, phá huyết hồ, trả tiền thọ sanh, gởi kho. Đấy là những chuyện ngụy tạo. Chớ nên học theo ngoại đạo luyện đan, vận khí. Nếu vẫn chiếu theo kẻ vô tri vô thức để làm như thế thì sẽ chẳng vãng sanh Tây Phương được đâu. Bởi lẽ đã nhất tâm làm một con quỷ giàu có, hoặc muốn thành tiên, sanh lên trời, làm sao hưởng lợi ích vãng sanh Tây Phương lớn lao cho được? Xin hãy nói với bọn họ thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Sách Đồng Mông Tu Tri tôi chưa đọc qua, sợ rằng sẽ giống như Tiểu Nhi Ngữ, Tiểu Học Vận Ngữ có những lời lẽ báng Phật trong ấy nên tôi chẳng dám viết lời tựa. Nhưng bài nêu bày ý nghĩa ẩn kín "giáo dục trong gia đình chính là căn bản để thiên hạ thái bình" chắc cũng có thể giúp nêu rõ ý nghĩa của sách Đồng Mông Tu Tri. Xin hãy cẩn thận trình bày, giảo duyệt, cũng nên thêm dấu chấm câu. Trong gói sách đã gởi lần trước, tôi có viết bài "Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chữ người". Phía sau đính kèm đôi câu đối ghi trước bàn thờ Phật của đại sư Liên Trì. Hai câu đối ấy hay tuyệt, không chi hơn được nữa! Sao lại còn cậy tôi soạn câu đối làm gì? Tôi viết lại ở đây:

Chủ Cực Lạc lục bát đại nguyện chi từ tôn, tuyệt hạn lượng thọ mạng quang minh, bất ly đương xứ.

Quá Sa-bà vạn triệu Phật bang chi Tịnh độ, diệu trang nghiêm lâu đài trì chiểu, nguyên thị ngô hương.

(Đức Từ Tôn chủ cõi Cực Lạc bốn mươi tám đại nguyện, thọ mạng, quang minh không hạn lượng, chẳng rời chỗ này,

Cõi Tịnh độ vượt khỏi Sa-bà vạn triệu cõi nước Phật, lâu đài, ao chuôm đẹp trang nghiêm, đích thị quê ta.)

Sợ thư trước bị thất lạc, nên chép thêm vào đây!

618. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhân Bổn

Qua thư ông và bài Sanh Tây Ký đã biết cặn kẽ, như thế thì cha ông chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nhưng con người khi lâm chung, điều khẩn yếu nhất là quyến thuộc cả nhà phải trợ niệm sẵn cho người sắp mất. Nếu gia cảnh dư dả, hãy nên thỉnh tăng tục, liên hữu đến trợ niệm. Niệm đến sau khi tắt hơi vẫn không động chạm tới thân thể của người đã mất, cứ niệm Phật như thường cho tới ba tiếng đồng hồ sau thì mới lo liệu những chuyện như tắm rửa, thay quần áo v.v.. Trợ niệm như thế nhất định người đã mất sẽ được vãng sanh. Chớ nên thường dùng tay thăm dò nóng lạnh, nếu thần thức của người chết chưa rời khỏi thân xác, hễ bị tay người khác đụng vào chắc sẽ phát sanh sân niệm, sẽ làm hỏng chuyện chẳng nhỏ nhoi đâu! Quang nói điều này để mong lúc mẹ ông lâm chung chẳng đến nỗi bị lầm lẫn như thế.

Chết rồi hỏa thiêu là tốt nhất, chỉ có điều nếu mua cái chum để thiêu có hình tượng Di-lặc Bồ-tát thì quả thật là khinh nhờn. Hãy nên mua cái chum có hình hoa sen, đừng mua chum có khắc hình tượng Di-lặc Bồ-tát hay tượng Phật. Lại hãy nên nói điều này với hết thảy mọi người tin Phật. Cha ông đã được vãng sanh thì hãy nên khuyên mẹ ông cũng nên ăn chay trường, dẫu ông và vợ con chưa thể

ăn chay trường thì cũng nên bớt ăn đồ mặn, cần biết rằng: Họa hại chiến tranh liên tiếp trong nhiều năm qua đều do mọi người sát sanh ăn thịt cảm thành. Trong nhà vĩnh viễn cấm ngặt sát sanh thì tự nhiên hết thảy mọi chuyện đều tốt lành. Trong đám tang, phàm cúng thần, đãi khách, đều chẳng dùng rượu thịt.

Nay gởi cho ông một cuốn Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết trong ma chay, cúng bái), một cuốn Đồng Mông Tu Tri (trẻ nhỏ nên biết), một cuốn Quán Âm Từ Lâm Tập[613], xin hãy đọc kỹ để nhất cử nhất động sau này đều tự được Phật, Bồ-tát gia bị, gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chỉ riêng thư từ gởi đến, gởi đi này, đã phải dùng cả hai cái kính lão lẫn kính lúp để đọc và viết. Từ nay về sau đừng nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, do mục lực chẳng thể thù tiếp được.

(Ngày Mồng 8 tháng 7 năm Dân Quốc 27 - 1938)

619. Thư trả lời cư sĩ Vương Vũ Tịch và Vương Tuyết Tịch

Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, không một pháp môn nào chẳng lấy giới làm cơ sở, chẳng lấy Tịnh độ là chỗ quy túc. Hai người các vị đã muốn quy y tam bảo thì hãy nên sốt sắng giữ tịnh giới của đức Phật. Người tại gia lấy ngũ giới làm căn bản. Bốn giới đầu trong ngũ giới, tức "giết, trộm, dâm, dối", chính là tánh giới, bất luận đã thọ giới hay không đều chớ nên phạm. Kẻ chưa thọ giới mà phạm thì dựa theo sự để luận định tội lỗi; kẻ thọ giới mà phạm thì ngoài việc dựa trên sự để luận tội ra, còn phạm thêm một tầng tội lỗi nữa, tức là phạm giới. Giới "không uống rượu" gọi là giá giới, nghĩa là đức Phật ngăn cấm, chẳng cho phép con người uống rượu. Kẻ chưa thọ giới mà uống sẽ không phạm lỗi, nhưng nếu uống rồi làm càn thì sẽ dựa theo chuyện kẻ ấy đã làm để luận tội. Vì thế, tuy chưa thọ giới cũng chớ nên uống. Nếu đã thọ giới mà uống thì chỉ mắc tội phạm giới.

Nhưng đã phát tâm quy y tam bảo, cố nhiên nên giữ trọn cả năm giới. Tuy Phật đại từ đại bi có lệ cho con người tùy ý thọ một, hai, ba, bốn giới, nhưng đấy là dành cho những người lâm vào tình thế có những chuyện chẳng thể giữ được, đừng nên viện cớ đó để rồi dễ duôi. Nói đến những chuyện khiến cho người thọ

[613] Quán Âm Từ Lâm Tập (3 quyển) do ngài Hoằng Tán soạn vào năm Khang Hy thứ bảy (1668) đời Thanh, thu thập tất cả những đoạn kinh sách có liên quan nói về đức Quán Âm cũng như sự linh cảm của ngài. Quyển thượng trích lục những kinh điển chủ yếu về đức Quán Âm như Bi Hoa, kinh Quán Thế Âm Đại Thế Chí Bồ-tát Thọ Ký, kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương, Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni Chú… Quyển trung và quyển hạ chép những sự tích cảm ứng, gồm 154 câu chuyện.

giới chẳng thể giữ được là như kẻ đồ tể chẳng thể giữ giới sát sanh, tửu bảo chẳng thể giữ giới không uống rượu v.v..

Người quy y Phật pháp tu trì tịnh nghiệp ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người, sao cho trong là cha mẹ, anh em trai, vợ chồng, con cái, chị em gái, chị em dâu, tôi trai, tớ gái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu cùng với hết thảy những người quen biết hữu duyên đều dùng những điều này để khuyên lơn họ. Phàm muốn khuyên ai, chính mình ắt phải thực hành chuyện ấy thì người ta sẽ tự làm theo. Chuyện thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng lấy thân làm gốc, đấy gọi là "dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người ta sẽ thuận theo".

Lại cần phải biết, một pháp niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong hết thảy các pháp do đức Phật đã nói trong suốt cả một đời ngài, đạo lý ấy siêu việt hết thảy Thiền Giáo, Luật, Mật. Trong hết thảy pháp môn, muốn liễu sanh tử thì ắt phải đoạn sạch phiền hoặc mới có phần liễu sanh tử. Nếu phiền não hoặc nghiệp chưa đoạn, mặc kệ anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, trí tuệ to lớn, đều chẳng giúp được gì cả. Do các pháp môn ấy đều cậy vào tự lực cho nên khó khăn, pháp môn Tịnh độ hoàn toàn cậy vào Phật lực nên dễ dàng. Nếu là kẻ có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật thì lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì phiền não chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Do tất cả cảnh giới trong Tây Phương đều khiến cho con người tăng trưởng công đức, trí tuệ, trọn không có gì khiến cho con người khởi tham sân si. Vì thế, Long Thọ Bồ-tát xưng tụng là "đạo dễ hành", Mã Minh Bồ-tát xưng tụng là "phương tiện tối thắng"; nhưng pháp này chẳng phải chỉ để độ phàm phu, mà thật ra còn phổ độ hết thảy phàm thánh. Nay gởi cho các ông các thứ kinh sách, đọc rồi sẽ tự biết.

Quang già rồi, mục lực thật suy yếu, chẳng thể khai thị tường tận được, những sách này là những khai thị phổ biến, tôi dùng 20 đồng hương kính của các ông dâng cúng để làm tiền thỉnh sách và bưu phí. Trừ những cuốn tự giữ ra, những cuốn còn dư đều đem tặng cho những ai thông văn lý, biết cung kính. Nếu là kẻ luông tuồng, không cung kính, đừng tặng cho họ để họ khỏi tạo tội khinh nhờn, đâm ra bị tổn hại, không có lợi ích. Do xưởng cơ giới chế tạo dụng cụ giết chóc, nếu như có thể từ chối không làm, hoặc sửa thành những đồ vật sử dụng cho việc khác thì là thượng sách.

Nay đặt pháp danh cho hai người các ông, Vũ Tịch pháp danh là Trí Trạch, Tuyết Tịch pháp danh là Trí Tịnh. Dùng pháp môn Tịnh độ để nhuần thấm hết thảy, thanh tịnh hết thảy, ngõ hầu chẳng phụ cuộc sống này và dịp gặp gỡ này. Người niệm Phật gần đây phần nhiều chẳng biết tới tông chỉ của pháp môn Tịnh độ, cho nên nếu không xen tạp Thiền tông thì cũng tôn sùng, đề cao Mật tông. Ở chỗ ông Thư Thứ Phạm xin hãy nói với ông ta về lời nhắc nhở này, những nơi khác đừng nói.

(Ngày 26 tháng 6)

620. Thư gởi luật sư Trương Tăng Thuần

Hôm trước Vương Tông Nhất cầm đến thư của các hạ và thư của ba anh em ông ta, biết các hạ đã sớm tu trì Tịnh độ, nhưng sau đấy lại bỏ lửng. Nay lại phát tâm, đủ thấy đã có thiện căn từ đời trước. Nói "dè dặt kinh sợ đối với nghiệp" là vì "dễ tạo tội". Nếu ước theo tri kiến thế tục thì quả thật là thật đúng như vậy. Nếu chẳng chú trọng tiền bạc, chỉ ôm lòng giải oan gỡ rối, khuyên dạy lẫn nhau, chỉ biết luận định theo lý, chẳng nhìn mặt "ông anh lỗ vuông"[614] thì so với những nghề nghiệp khác càng dễ tích công lũy đức hơn. Nhưng tiền bạc có thể làm cho con người bị mê muội, những kẻ vừa thấy "ông anh lỗ vuông" liền chôn vùi đức hạnh của tổ tiên chẳng tiếc nuối gì, chính mình bị tổn phước, con cháu bị diệt tuyệt, và chết đi đọa lạc trong ác đạo trong vạn người có đến mười ngàn kẻ. Vì thế, chẳng thể không luôn luôn đề phòng "ông anh lỗ vuông" dụ dỗ mê hoặc!

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thuần, nếu có thể thuần nương theo Phật huệ thì "ông anh lỗ vuông" chẳng làm gì được ta. Lấy công đức giải oan gỡ rối để làm trợ hạnh cho niệm Phật vãng sanh sẽ như ngồi thuyền to vào trong biển cả, căng chiếc buồm lớn, lại được thuận gió, hành trình ngàn dặm chỉ trong một buổi đã đến nơi, may mắn chi hơn? Theo như ông nói thì trong 49 ngày niệm Phật trước kia đã có chút sở chứng, đấy chính là căn bản khiến cho đạo tâm bị lui sụt. Mới có đôi chút tương ứng và cảm ứng, há nên tưởng đấy là đã chứng ư? Được chút ít đã cho là đủ, rồi vì đó liền lười nhác, buông bỏ, kẻ sơ tâm thường hay như thế. Từ nay về sau, hãy nên thuần nhất cái tâm, càng có cảm ứng bèn càng cảm thấy thiếu sót thì sẽ tránh được căn bệnh ấy.

Quang già rồi, chẳng thể khai thị tường tận, nay gởi cho ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Sách này chính là sách thiết yếu nhất trong pháp môn Tịnh độ, hãy nên lắng lòng đọc tụng thì nguyên do của pháp môn, pháp tắc tu trì và tất cả những

[614] Khổng phương huynh: Do đồng tiền thời cổ thường có đục lỗ vuông ở giữa cho tiện xỏ thành xâu xách đi, nên mới có tên gọi như thế.

điều tự lợi lợi tha, đạo "tự hành dạy người" đều biết rõ ràng. Một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, một bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, một cuốn Gia Ngôn Lục. Muốn biết những ý đại cương này thì tìm kiếm trong Gia Ngôn Lục là dễ thấy nhất. Có những sách này thì những ý chánh yếu của Tịnh tông sẽ rõ ràng rạng ngời. Ngoài ra còn kèm thêm Đạt Sanh Biên, Thọ Khang Bảo Giám để ngăn ngừa những tai ương cho con cháu khi sanh nở và có những khuôn phép để giữ thân lập phẩm đức. Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là những điều cấp thiết mà hết thảy mọi người đều phải nên chú trọng, hành theo đó thì không điều nào chẳng tốt lành.

Quang già rồi, từ nay về sau vĩnh viễn đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, do tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ. Trong mùa đông năm ngoái, tôi đã cự tuyệt hết thảy, phàm thư từ gởi đến đều dùng lời này để cự tuyệt cho họ khỏi gởi thư đến nữa, ngõ hầu khỏi bị quá phiền rộn không thể chống chọi được, chắc sẽ đến nỗi mù mắt hay mất mạng!

(Ngày 19 tháng Giêng)

621. Thư trả lời hai vị cư sĩ Tiết Anh Huệ và Lưu Nhất Hạc

Nhận được thư đầy đủ. Quang là một ông tăng vô tri vô thức chỉ biết cơm cháo, chỉ yên phận ngu hèn, chỉ biết tu trì tịnh nghiệp để mong cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Nếu hai vị chẳng muốn làm đại thông gia thì sẽ chẳng đến nỗi vì Quang tầm thường, kém cỏi khiến cho những điều quý vị mong mỏi bị lỡ làng. Nếu muốn làm đại thông gia thì đã hoàn toàn trông cậy không đúng người rồi! Tuy nhiên, làm bậc đại thông gia há phải là chuyện dễ nói hay sao? Dẫu có đạt được mà chẳng nương theo tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì thật sợ sẽ từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo. Ấy là vì cậy vào tự lực để liễu sanh tử đem so với cậy vào Phật lực để liễu sanh tử thì sẽ giống như sự khác biệt giữa ngày và kiếp vậy.

Kẻ biết tốt xấu chớ nên phỏng theo chí nguyện của bậc hành Bồ-tát đạo đã liễu sanh tử, mà cần phải chắc chắn được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã vãng sanh Tây Phương rồi mới học theo [chí nguyện những bậc hành Bồ-tát đạo đã liễu sanh tử] thì sẽ hữu ích. Nếu chưa vãng sanh mà đã bắt chước ngay thì sẽ giống như chén bát chưa nung, vừa gặp trận mưa sanh tử liền rã thành bùn đất. Trong cõi đời thường có những kẻ thích ăn to nói lớn, tự coi mình có thân phận giống như Phật, Bồ-tát, chỉ trở thành hạng tự lầm, lầm người mà thôi. Xin hai vị hãy suy nghĩ sâu xa!

Người học Phật ắt phải ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nói đến "bổn phận", chính là cha hiếu, con từ, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v.. Nếu ai nấy đều trọn hết phận mình thì thiên hạ sẽ tự thái bình, nhưng trong ấy chỉ có chức phận cha mẹ là có quan hệ trọng yếu nhất. Nếu những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì những kẻ quấy rối mù quáng và những kẻ ương bướng kém hèn, chẳng tuân theo pháp tắc sẽ đều trở thành hiền nhân, thiện nhân, đâu đến nỗi có chuyện xâm lăng, cướp đoạt, tàn sát lẫn nhau? Câu nói "thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm" chính là nói về sự giáo dục trong gia đình sao cho con cái đều thành lương thiện. Những điều vừa nói trên đây tuy là những lời lẽ tầm thường, nhưng hễ phân tích rõ ràng thì cố nhiên đã bao quát sạch hết không còn.

Hai vị đang là sĩ quan, càng phải nên giữ nghiêm kỷ luật, nêu gương tốt đẹp cho quân lính, ấy chính là như thường nói: "Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy người ta sẽ thuận theo", không một chuyện nào trong thế gian chẳng lấy thân làm gốc. Đối với binh sĩ, hãy nên đối đãi bằng lòng chân thành, ra rả răn nhắc, khiến cho bọn họ ai nấy đều giữ chí "trừ bạo, an lương, bảo vệ trăm họ", coi người khác như chính mình, coi mình giống như người khác, đừng khinh lấn, xâm đoạt lẫn nhau, coi phụ nữ của người khác như chị em gái của chính mình, chẳng dám khởi vọng niệm trái phận. Ắt mong sao chẳng cô phụ chức phận "bảo vệ đất nước, dân chúng" thì đội quân ấy chẳng đáng gọi "đạo đức quân, nhân nghĩa quân" ư? Dùng quân đạo đức nhân nghĩa để chế ngự địch quân thì không ai đối địch được, ắt sẽ luôn đắc thắng. Vì thế Khổng tử nói: *"Ngã chiến tắc khắc"* (Ta cầm quân chắc chắn thắng trận), chính là nhằm diễn tả ý này. Trong cõi đời gần đây, năm nào cũng có chiến sự, đa phần những ai hơi mang lòng nhân từ trung tín và niệm kinh, niệm Phật thì tuy ở trong rừng súng mưa đạn vẫn trọn chẳng bị thương vong. Đấy chính là hiệu quả vậy.

Hai vị đã muốn quy y thì nay tôi sẽ thuận theo ý muốn mà đặt pháp danh. Nếu sau này biết tôi vô tri vô thức, chẳng đáng làm thầy, lại bái bậc cao nhân khác thì quả thật tôi cũng rất vui lòng. Tiết Anh Huệ pháp danh là Tông Huệ, tông là chủ, nghĩa là nhất cử nhất động đều lấy trí tuệ làm chủ thì không gì chẳng tốt lành, không gì chẳng khế hợp với tâm tích của thánh nhân thế gian và Phật, Bồ-tát xuất thế gian. Lưu Nhất Hạc pháp danh là Tông Nhất, nhất là thuần nhất, không vọng, trong tâm thường thuần đạo đức nhân nghĩa, không có vọng niệm nào khác trái nghịch với đạo đức nhân nghĩa thì sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của Nho, của Phật. Dùng những điều ấy để dắt dìu người khác, cố nhiên sẽ chẳng khó gì khiến cho đây kia đều có cùng một đức vậy.

Hiện nay thiên tai nhân họa thường liên tiếp xảy ra, ắt phải thường lấy tín nguyện niệm Phật và niệm Quán Âm để tự hành, dạy người, để mong khi sống sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, cao dự vào bậc thánh hiền, khi mất sẽ cậy vào Phật từ lực lên thẳng cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phí cuộc đời này và chẳng uổng dịp gặp gỡ này. Những điều khác đã nói tường tận trong các sách như Văn Sao v.v., ở đây không viết cặn kẽ. Nếu muốn xem các sách thì có thể thỉnh từ chỗ ông Điền Thân Phủ ở số 86 phường Thái An, thành phố Hán Khẩu.

Ba phương thuốc cai nghiện á phiện, trị bệnh sốt rét, chó dại cắn v.v. đã in trong tháng Chạp năm ngoái rất linh nghiệm, mà bệnh sốt rét là bệnh thường phát ra nhiều nhất trong khoảng hạ - thu, toa thuốc này chẳng tốn một đồng mà chẳng ai không được trị lành. Do vậy, đính kèm hai trương để bảo rộng rãi với mọi người, đấy cũng là một cách làm lợi cho người khác. Quang đã 72 tuổi rồi, sáng chẳng đảm bảo được tối. Hơn nữa, vẻ suy tàn đã hiện, tinh thần chẳng đủ, chỉ mong hai ông dựa theo Văn Sao để tu trì, đừng gởi thư tới nữa do sức khó thể thù tiếp được, chứ không phải là chẳng muốn nói với người khác. Dẫu có nói tường tận thì làm sao đầy đủ bằng một bộ sách cho được?

(Mồng 5 tháng 4)

622. Thư trả lời cư sĩ X…

Người niệm Phật trước hết phải hiểu duyên do của pháp môn Tịnh độ rồi mới đọc khắp các kinh luận thì sẽ thấy rõ các kinh luận đều nhằm nêu tỏ ý nghĩa Tịnh độ, cũng như sẽ thiết tha tu hạnh Tịnh độ. Nếu chẳng hiểu duyên do của pháp môn Tịnh độ thì hễ nghiên cứu kinh giáo đến tột cùng sẽ nghĩ nghĩa lý của kinh giáo ấy là cao sâu, coi nghĩa lý Tịnh độ là thiển cận, đến nỗi đảo ngược vị trí của chánh hạnh và trợ hạnh, hoặc vứt Tịnh độ ra sau ót, chỉ gieo được ích lợi sẽ đắc độ trong đời vị lai, quyết khó thể liễu sanh thoát tử, góp mặt cùng các vị thượng thiện nhân ngay trong đời này.

Niệm Phật nếu chẳng hôn trầm sẽ tán loạn, đấy chính là hiện tượng chứng tỏ cái tâm niệm Phật hời hợt, hờ hững cho xong việc. Nếu niệm Phật với cái tâm như bị té vào lửa nước, như đang gặp phải giặc cướp mong gấp được cứu giúp thì sẽ tự chẳng có căn bệnh ấy. Hãy nên sắp xếp thời gian, lúc nào sẽ nghiên cứu, lúc nào sẽ trì tụng. Khi nghiên cứu thì chẳng được vượt quá thời gian hạn định, vì nếu không thì sẽ cảm thấy nghiên cứu thú vị, sẽ trở thành nghiên cứu suốt ngày, chẳng những gây trở ngại cho niệm Phật, mà còn sợ rằng do dụng tâm quá độ sẽ bị thương tổn. Đấy gọi là "ngược ngạo ghét dễ dàng, đơn giản, tìm cầu khó khăn, khéo quá hóa vụng", thật đáng xót thương!

Trong hiện thời, lòng người bại hoại đến cùng cực, đi lại bên ngoài dẫu không mắc họa cũng rất nguy hiểm. Nếu ông biết được ý này thì tâm niệm Phật sẽ tự thiết tha, tâm nghiên cứu giáo nghĩa sẽ tự nhạt bớt. Vì sao vậy? Vì trong khi hoạn nạn, chẳng thể nào gởi lòng nơi phương diện tri kiến, hiểu nghĩa được. Lại còn thường nên đem những điều này để răn nhắc con cái, con dâu, khiến cho bọn họ ai nấy đều niệm Phật và niệm Quán Âm mỗi ngày. Nếu cả nhà đều sanh lòng kiêng sợ, chí thành niệm Phật và niệm danh hiệu Quán Âm sẽ chẳng đến nỗi mắc họa. Nếu không, muốn vĩnh viễn không gặp tai họa quả thật rất khó thể đạt được.

Chuyện dạy dỗ con cái có quan hệ rất lớn, dạy con gái lại càng khẩn yếu hơn dạy dỗ con trai. Bởi lẽ, nếu con gái hiền thì khi còn ở nhà sẽ khiến cho anh em trai, chị em gái đều nhìn theo bắt chước làm lành; khi xuất giá sẽ giúp chồng dạy con đúng phép tắc, khiến cho chồng lẫn con đều thành hiền thiện. Nếu con gái chẳng được dạy dỗ sẽ gây họa chẳng thể nói trọn hết đâu nhé!

623. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho

Tam tôn Phật: đức Thích-ca kết ấn thí vô úy, tức là bàn tay phải ngửa lên đặt trong lòng, tay trái úp xuống đặt trên gối trái. Dược Sư Phật và Di-đà Phật tay kết ấn tương tự nhau, nhưng Dược Sư Phật kết ấn đại tam-muội, tức là bàn tay phải đặt trên bàn tay trái; còn Di-đà Phật kết ấn Di-đà, bàn tay trái đặt trên bàn tay phải.

Tượng Phật vẽ trên vải hay giấy bị nhăn rút (xếp nếp) thì nên dùng bàn ủi để ủi cho thẳng lại, phía dưới bàn ủi lót khăn trải bàn, còn tượng Phật thì đặt trên bàn dưới tấm khăn trải bàn. Một người dùng hai tay căng cho tượng thẳng thớm, người kia cầm bàn ủi để ủi. Vàn muôn phần chớ nên dùng khăn trải giường để lót! [Nếu không dùng khăn trải bàn thì] dùng những tờ giấy dài, trải mấy lớp cũng được. Hãy đốt bàn ủi bằng than sạch bỏ thêm hương. Nên chùi mặt bàn ủi cho sạch sẽ, đừng để bàn ủi quá nóng. Nóng quá sẽ làm tượng Phật bị hư hại, chỉ ủi cho thẳng mà thôi!

Hiện thời, các nước Tây Dương đang đánh nhau dữ dội, nếu chẳng mau kết thúc, chắc sẽ lan sang nước ta. Các nước trong ngoài mạnh yếu khác nhau, nhưng đều bị tổn hại giống hệt như nhau; chứ chẳng phải là nước thua trận bị thiệt hại, còn nước thắng được lợi. Xét theo sự thực để luận thì người bị kẻ khác giết cố nhiên đáng thương, nhưng kẻ chuyên giết người càng đáng thương hơn. Đối với kẻ chỉ biết chuyện trước mắt thì kẻ thắng dường như được lợi, chứ nếu nhìn vào đời kế tiếp hay đời sau nữa thì kẻ giết người càng khổ sâu xa hơn người bị hắn giết gấp vạn lần. Tiếc rằng người đời đều chẳng biết như vậy.

Thanh Lương Sơn Chí có chép: Vào đời Tùy, ở Đại Châu, Triệu Lương Tướng giàu nứt đố đổ vách, sanh được hai đứa con, trưởng là Doanh, thứ là Mạnh. Doanh mạnh mẽ, còn Mạnh yếu đuối. Ông bố sắp chết, chia gia sản làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Cha chết rồi, Doanh cướp sạch gia nghiệp của Mạnh, chỉ để lại cho Mạnh mảnh vườn và căn nhà. Mạnh phải làm thuê để kiếm sống. Không lâu sau Doanh chết đi, đầu thai làm con của Mạnh, có tên là Hoàn. Lại chẳng bao lâu sau, Mạnh chết, đầu thai vào nhà Doanh làm cháu nội của Doanh, tên là Tiên. Hoàn làm đầy tớ trong nhà Doanh. Tiên muốn triều bái Ngũ Đài, sai Hoàn theo hầu. Hoàn biết bác mình cướp sạch tài sản, tính muốn giết Tiên, nay may mắn được dịp thuận tiện; đến chỗ vắng vẻ ở Ngũ Đài, rút con dao đã ngầm giấu, bảo Tiên: "Ông nội mày cướp gia nghiệp của tao khiến cho đời tao khốn cùng. Nay tao giết mày để vơi hận!" Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo, chạy vào một am tranh. Một vị lão tăng ngăn lại bảo: "Không được hành hung ở chỗ này!" Hoàn nói: "Tôi giết kẻ oán mà thôi!" Vị lão tăng mời ngồi, đưa cho mỗi người một chén trà để uống, uống xong liền biết chuyện đời trước, đều cùng khóc òa lên, bèn xuất gia trong núi ấy. Nếu các nước đều thấy chuyện đời trước, đời sau, há vẫn cứ chuyên coi giết người là chánh sách trọng yếu để làm cho đất nước hùng mạnh nữa ư?

Xét theo ý nghĩa thì nên xây dựng sơn môn (cửa chùa) theo lối tam quan, hàm nghĩa tam giải thoát môn, một cửa mà đủ ba nghĩa:

1. Không giải thoát môn.
2. Vô tướng giải thoát môn.
3. Vô nguyện giải thoát môn.

Do ba môn giải thoát mà vào thẳng được điện báu Niết-bàn. Do không nên vô tướng, do vô tướng nên vô nguyện. Hiểu rõ bản thể của hết thảy các pháp chính là không thì không và có đều chẳng thể gọi tên được, cho nên là vô tướng. Hễ vô tướng thì chẳng có tâm nguyện chấp không lẫn chấp có.

Đề xướng Phật học, hãy nên lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Được như thế thì đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng trái nghịch. Nếu không, còn là tội nhân nơi danh giáo, làm sao kham học Phật để mong liễu sanh thoát tử ư? "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành" chính là giới đại lược trong Giới Kinh nhà Phật; Văn Xương Âm Chất Văn trích dẫn hai câu này. Người đời chỉ biết Âm Chất Văn có lời ấy, chẳng biết xuất xứ của nó sâu xa đến thế.

Học Phật trong đời mạt thì phải nên chú trọng nơi biết nhân quả và tu Tịnh độ. Bởi lẽ, biết nhân quả thì chẳng dám dối mình lừa người, làm chuyện thương

thiên hại lý, tổn người lợi mình. Tu Tịnh độ thì dẫu là phàm phu đầy dẫy triền phược vẫn có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Trong các pháp môn khác đều phải đoạn sạch phiền não rồi mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu không, dẫu cho đại triệt đại ngộ, có đại trí tuệ, đại biện tài, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ đầy dẫy phiền não ư?

Hôm qua nhận được thư của hội Phật giáo ở quý địa gởi đến bằng đường hàng không, biết đất Cam (Cam Túc) bị hạn hán chẳng khác gì Thiểm Tây, khôn ngăn cảm thương! Quý hội cầu đảo đã tròn 21 ngày vẫn chưa đổ mưa. Ngụy Huệ Tư do thấy tăng chúng núi Linh Nham đều là hạng chân thật tu hành liền gởi thư xin mở Phật thất cầu mưa, nhưng tình trạng tai nạn quá dữ dội chỉ đành tận tâm tận lực mà làm thôi, chứ được mưa trọn khắp hay không thì chẳng thể nào lo toan trái nghịch được. Thư của Huệ Tư gởi tới bằng đường hàng không cũng nhận được vào buổi chiều, tôi liền gởi thư cho Linh Nham. Trong hôm 16 thỉnh 20 vị tăng niệm thánh hiệu Quán Âm suốt 7 ngày, để cầu các nơi bị hạn đều được mưa trút xuống. Theo lệ, để mời 20 vị thì phải tốn 200 đồng, Quang đã thay mặt quý hội bỏ tiền ra, chẳng cần phải gởi khoản tiền ấy đến nữa.

Quý hội hãy nên thông cáo khắp nhân dân trong vùng cùng niệm thánh hiệu "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", chứ không cần phải làm nhiều nghi thức rườm rà, chỉ đem công đức niệm Bồ-tát để hồi hướng cho các vị linh hiển, thần thông trong chốn núi non được tăng trưởng oai phước, hồi hướng cho các cô hồn đều được vãng sanh Tây Phương, so ra sẽ hữu ích hơn. Ngay như tế lễ thần thánh cũng đừng dùng đồ huyết nhục, chuyện gì cũng lấy thành kính làm gốc, chứ không phải là do nghi thức trịnh trọng cho đẹp mắt.

624. Thư trả lời cư sĩ Dương Chấn Nhân

Cổ nhân nói: "Xử thế nên như tướng quân chống địch, làm người nên như cô gái còn trinh giữ thân. Tướng quân hễ thua trận ba quân đều tan vỡ, cô gái trinh trắng hễ thất thân thì muôn sự đều như ngói vỡ." Hãy nên dè dặt kinh sợ sao cho giữ vẹn được di thể của cha mẹ ta để lại, bảo vệ được Phật tánh sẵn có của ta.

Trong ngũ giới chẳng nói đến chuyện hút thuốc là vì trong thời đức Phật chưa có nạn ấy, thói nghiện ngập ấy bắt đầu thịnh hành từ cuối thời Minh. Tăng sĩ không tu hành chính là hạt giống địa ngục, nên những hành vi hạ lưu không gì chẳng trọn đủ, huống chi ai nấy đều hút thì bọn họ còn có gì kiêng dè nữa ư? Ông đã biết bọn chúng là lũ bại hoại, sao còn hỏi tại sao không có giới ấy? Há có phải

là trong hết thảy hành vi bọn chúng đều chẳng trái giới, chỉ phạm mỗi một giới này ư?

Cái hại của thuốc lá thơm còn quá thuốc lá Tây, nước ta cùng quẫn quá nửa là vì lẽ này! Quang đã nghĩ sâu xa về những chất độc hại ấy, thường khuyên người khác đừng hút. Trong ấy có những chất độc như morphine, heroin v.v., nếu phụ nữ trẻ tuổi hút vào chắc chắn sẽ không sanh nở được! Điều này do một đệ tử quy y tên là Triệu Nguyệt Tu, tự Hằng Quang, đích thân nghe một nữ giáo viên ngoại quốc răn nhắc các nữ sinh. Xin hãy nói rộng rãi với mọi người thì công đức ấy sẽ giống như bảo toàn dòng dõi cho người ta vậy!

625. Thư trả lời cư sĩ Trương Nhữ Chiêu

Ông Trúc Thụy Liên là người cực trung hậu, có chí hoằng pháp lợi người, sẽ nhận lời mời. Cách học ở nơi đây chớ nên dựa theo chương trình trong nhà trường, hãy nên dựa theo sự tu trì để truyền dạy. Thoạt đầu, hãy nên dạy học sinh đọc chánh văn của kinh Tứ Thập Nhị Chương, kinh Phật Di Giáo, kinh Bát Đại Nhân Giác, lại còn dùng những bản chú giải của đại sư Ngẫu Ích để giảng diễn. Tiếp đó, dạy họ đọc Tịnh độ ngũ kinh để hiểu cặn kẽ nguyên do của môn Tịnh độ, vậy thì sẽ dám đối trước mọi người khuyên tu tịnh nghiệp, chẳng bị dao động mê hoặc bởi những giáo lý cao sâu huyền diệu của các tông khác. Tiếp đấy là học kinh Phạm Võng, rồi nghiên cứu Tịnh Độ Thập Yếu và đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Kẻ thông minh thì chẳng ngại gì xem nhiều sách của Tịnh tông, mà cũng chẳng cần đặc biệt vì cái tiếng tăm mở mang quốc học[615] mà phải học văn chương.

Kinh Phật, chú giải và các trước thuật của cổ nhân đều là văn chương, hãy nên dạy cho họ suy gẫm tường tận ý nghĩa của từng lời lẽ, từng lời hỏi đáp giữa chủ và khách cũng như ý nghĩa cùng tột, vậy thì suốt ngày xem kinh sách chính là suốt ngày tập tành văn chương. Trước kia, pháp sư Nguyệt Hà giảng kinh Hoa Nghiêm, lại thỉnh một vị lão nho dạy quốc văn, lại thỉnh một vị chuyên giảng nói văn chương để giảng nghĩa chữ. Quang nghe chuyện, không nghĩ pháp sư Nguyệt Hà làm như vậy là đúng lắm, bởi lẽ kinh chẳng phải là văn chương hay sao? Chú giải chẳng phải là văn chương hay sao? Suốt ngày xem kinh đọc chú giải, chẳng đủ là phương pháp để tập luyện cách viết văn hay sao? Chưa đầy một năm sau, do chi phí quá tốn kém phải giải tán, bèn dời sang chùa Hải Triều ở Hàng Châu.

[615] Quốc học là thuật ngữ của người Trung Hoa dùng để chỉ một môn học nghiên cứu về văn hóa, học thuật, tư tưởng, triết học của Trung Hoa như một tổng thể và chia ra nhiều chuyên ngành như nghiên cứu kinh học, huấn hỗ, lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), kể cả những môn như bói toán, phong thủy, tướng số v.v..

Sư có gởi thư mời những người từng theo học nơi học viện cũ đến học tại học viện mới, do vậy Quang đem ý ấy nói với sư.

Ông cho rằng hàng bạch y làm thầy của tỳ-kheo-ni và giảng giải giới luật chắc sẽ trái nghịch với cấm chế của đức Phật; chỉ cần vị cư sĩ ấy chẳng coi mình là thầy mà giữ địa vị đồng học, cùng nhau nghiên cứu thì trọn chẳng bị trở ngại gì. Nhưng cần phải chú trọng thực hành, đừng chỉ chú trọng học tập văn tự, văn tự chỉ là thứ dùng kèm thêm cho cái thân, còn đức hạnh mới là cái gốc của con người. Huống chi bọn họ đều chẳng phải đang trong lứa tuổi thơ ấu, nếu lấy đường lối học tập quốc học, quốc văn như cư sĩ Trúc đã lập để làm tông chỉ chủ yếu thì sẽ thành chương trình của một trường học dạy chữ thông thường, chứ không phải là căn bản của một học viện nhằm huấn luyện tu trì. Ông ta không hiểu rõ chuyện này cho lắm, hãy nên đem lời Quang thưa rõ cùng ông ta, ắt ông ta sẽ chẳng đến nỗi không nghĩ như vậy là đúng.

Sau này, phàm hễ có ai cầu xin soạn truyện ký, sẽ lấy cớ có lời thề không viết tiểu truyện cho ai để từ chối. Nếu không, kẻ ham danh ghét thật sẽ hằng ngày cầu xin viết tiểu truyện để mong khi chết đi được coi là cao tăng, tức là đã biến giả thành thật, khiến cho người ta đối với chuyện thật cũng chê là giả tạo, Phật pháp sẽ bị suy bại sát đất cũng đều do hạng người thông minh ấy gây nên.

626. Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường

Ngày 26 tháng 4, Quang từ Dương Châu trở về Thượng Hải thấy ông gởi cho quế viên[616] và hương, cám ơn lắm! Bản thảo Quán Âm Đại Sĩ Tụng tuy đã gởi tới, nhưng vẫn cần phải giảo chánh tường tận thì mới cho sắp chữ được. Sợ là chưa thể in ra sách trong năm nay được đâu! Chuyện vận động quyên mộ đóng góp cho viện mồ côi hãy cứ tùy duyên lo liệu, được nhiều thì tốt, ít cũng không sao. Dẫu chẳng thể giúp đỡ, chỉ gởi suông sổ quyên mộ trở lại cũng không sao cả. Đối với hết thảy mọi chuyện, Quang đều tùy duyên, trọn chẳng vì nhiều hay ít, có hay không mà khởi lên tâm phân biệt, suy tính. Thầy Chân Đạt gởi lời hỏi thăm ông. Cư sĩ Vưu Tích Âm còn chưa di chuyển, chẳng bao lâu nữa sẽ xuống miền Nam, địa chỉ cư ngụ vẫn chưa định được. Đợi đến khi nào ông ta tiến hành công việc cho Quang thì sẽ gởi tới. Đang trong lúc thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống này, hãy nên phát khởi lòng thành niệm Phật để cầu được che chở, ngõ hầu chẳng phụ thời gian tốt đẹp này. Nếu không, sẽ như người vào biển cả, đã không có người hướng dẫn, lại không có la bàn, muốn khỏi bị chìm đắm, há có được ư?

[616] Quế viên là tên gọi khác của quả long nhãn.

627. Thư gởi hòa thượng Tâm Tịnh

Hôm nay có người từ Như Cao đến, trao giùm thư của Thôi Tông Tịnh. Cái chuông như thầy đã nói, lớn nhỏ có thích hợp hay chăng? Nếu thích nghi thì hãy nên bảo những người trong nhóm mua. Nếu giá chuông hãy còn, chưa bị mục nát thì cũng nên mua luôn để khỏi phải làm cái khác, cũng nên gõ thử chuông ngay để coi xem tiếng chuông có vừa ý hay không. Trống lớn nếu có người phát tâm cúng dường là được rồi. Nếu không, hãy bảo họ quyên mộ để đặt làm, nhưng hãy nên làm sao cho thích hợp, đừng nên làm quá to. Hãy nên cho họ biết kích thước đại lược để họ tiện quyết định đặt làm. Chi phí thỉnh chuông trống đều phải do chính người phát tâm ấy bỏ tiền ra, chẳng cần chùa Pháp Vân phải bù tiền thêm. Hãy nên nói trước với họ về chuyện đó để chẳng đến nỗi phải lo lắng khó lòng đáp ứng được.

628. Thư trả lời cư sĩ Cát Khải Văn

Túc nghiệp của mọi người đã cảm thành ác quả ấy, ông có thể ở chùa Hộ Quốc tụng kinh lễ sám quả thật là may mắn lớn. Lúc này, trừ niệm Phật và niệm Quán Âm cầu gia bị ra, không có cách tốt đẹp nào khác. Đừng vọng tưởng đạt được chuyện tốt lành, nếu có thể chí thành khẩn thiết tụng kinh lễ sám thì chính mình cũng đạt được lợi ích không chi lớn bằng. Nếu chỉ mong cho xong chuyện mà muốn được Phật Bồ-tát gia bị sẽ khó như lên trời. Trừ chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm và chí thành khẩn thiết tụng kinh, lễ sám ra, không có phương pháp thứ hai nào cả. Xin hãy sáng suốt soi xét!

629. Thư trả lời cư sĩ Lý Cẩn Đan

Nhận được thư, biết các hạ có lòng bảo vệ đạo tột bậc chân thật, tha thiết. Những gã chủng tử địa ngục muốn làm cao nhân bậc nhất từ ngàn xưa đến nay cực đáng thương xót. Ngụy thuyết "Khởi Tín Luận là ngụy tạo" không phải do Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) đề xướng, mà là do Nhậm Công lấy ma thuyết của Âu Dương Cánh Vô[617] làm căn cứ, coi đó như luận thuyết quyết định

[617] Âu Dương Cánh Vô (1871-1943), tên thật là Âu Dương Tiệm, tự là Kính Hồ, năm 40 tuổi đổi tên tự thành Cánh Vô, còn có tên tự khác là Cánh Ngộ, người huyện Nghi Hoàng, tỉnh Giang Tây, là hậu duệ của Âu Dương Tu. Ông được coi là một triết gia nổi tiếng thời cận đại, do theo học với Dương Nhân Sơn nên hâm mộ ý chỉ kinh Hoa Nghiêm bèn chuyên nghiên cứu Phật giáo, ẩn cư tại tịnh xá Kỳ Hoàn để chuyên nghiên cứu kinh luận. Ông từng sang Nhật du học. Năm 1912, cùng với Lý Chứng Cương thành lập hội Phật giáo, chủ trương tách rời chánh quyền và tôn giáo, sa thải những tăng sĩ dốt nát. Ông rất thích nghiên cứu Duy thức học, đặc biệt tôn sùng Hoa Nghiêm và luận Du-già Sư Địa, nhưng về sau lại đề xướng thuyết "Hoa Nghiêm, luận Đại Thừa Khởi Tín, Lăng-nghiêm v.v. đều là do người Trung Hoa ngụy tạo!" Ông chủ trương các tờ báo Dung Truyền, Khổng Học Tạp Chí v.v.. Năm 1922, sáng lập Chi

nhằm phô phang "ta là kẻ học rộng có thể phân định chân, ngụy". Âu Dương Cánh Vô là hạng ma chủng đại ngã mạn, mượn cái danh hoằng pháp để cầu danh cầu lợi. Ông ta cho Lăng-nghiêm, luận Khởi Tín là ngụy tạo, chính là vì muốn mê hoặc hàng sĩ đại phu vô tri vô thức nhằm mong họ sẽ sùng phụng mình như một vị đại pháp vương. Ông ta mượn cái danh thông suốt Tướng tông (Duy thức) để ngạo mạn cổ kim. Phàm những gì các vị cổ đức tông Thiên Thai, Hiền Thủ đã nói chẳng hợp với ma kiến của ông ta thì đều bài xích là "thả rắm", nhưng những kẻ thông minh do thấy ông ta thông hiểu Tướng tông liền đua nhau sùng phụng là bậc thiện tri thức. Tướng tông lấy nhị vô ngã[618] làm chủ yếu, ông ta chỉ hoại một thứ là ngã kiến, chứ trọn chẳng có khí phận vô ngã của Tướng tông. Kẻ ma mị mà ai nấy vẫn tin, đáng buồn thay!

Chưa thọ giới, chớ nên đắp mạn y năm điều hoại sắc. Y năm điều ấy không chia thành khối (y năm điều, mỗi một điều cắt ra thành một miếng dài một miếng ngắn, mỗi một miếng nhỏ ấy gọi là một khối), cũng không phải là hải thanh, hải thanh là áo dài rộng tay. Ngày nay trong pháp môn không có người nên ai nấy mặc sức làm càn. Vì thế, người thọ ngũ giới đều đắp y ngũ điều[619], trái nghịch cấm chế của đức Phật, nhưng tăng lẫn tục đều bình chân như vại, cũng đáng cảm khái lắm thay!

630. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị

Ngày hôm qua, thầy đương gia đưa thư của ông cho Quang, Quang đọc thư, biết tuy cường đạo đến cướp đồ đạc của ông mà ông chẳng bị mất một vật nào,

---

Na Nội Học Viện với tông chỉ hoằng dương Phật giáo, bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp lợi sanh. Đại sư Thái Hư từng viết bài phê phán đường lối cũng như cách diễn giải Phật pháp lệch lạc của Chi Na Nội Học Viện, gây nên cuộc tranh luận sôi nổi giữa Cánh Vô và Thái Hư qua nhiều chủ đề trong nhiều năm.

[618] Nhị vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã, còn gọi là nhân không và pháp không, hoặc ngã pháp nhị không.

1. Nhân vô ngã: Hiểu rõ thân người do ngũ uẩn giả hợp, chứ thật không có bản thể của cái ngã tự chủ tự tại. Đấy là phép quán của Tiểu thừa để đoạn phiền não chướng, đắc Niết-bàn.

2. Pháp vô ngã: Hiểu rõ các pháp do nhân duyên sanh ra, không có thực thể, tự tánh. Đấy chính là pháp quán của Đại thừa để đoạn sở tri chướng, trở thành Bồ-tát.

[619] Xin đừng hiểu lầm y ngũ điều của tăng sĩ trong đoạn này với ngũ điều mạn y trong đoạn trước. Mạn y là y không chia thành từng điều (tổ Ấn Quang gọi một miếng lớn là điều, mỗi điều cắt ra thành miếng nhỏ hơn gọi là khối). Vì thuở xưa khổ vải khá hẹp, để may mạn y phải ghép bằng năm miếng vải. Nay thì mạn y là cả một khổ vải không cắt thành miếng nhỏ. Còn y ngũ điều của chư tăng thì gồm năm miếng lớn may lại. Mỗi một miếng lớn cắt thành hai miếng: một dài, một ngắn (tổ gọi mỗi miếng nhỏ ấy là "khối"). Y này là loại y chư tăng thường mặc để làm lụng hoặc tụng kinh lễ Phật thường ngày, cư sĩ không được tiếm dụng. Do thời ấy mạn y cũng có năm miếng nên cư sĩ thường đắp y ngũ điều của chư tăng mà không biết mình đã phạm cấm chế của đức Phật.

còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đấy chính là chứng cớ rõ ràng tam bảo gia hộ cho ông. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, há nên lầm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác! Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn.

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Pháp ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y. Quang bảo ông ta: "Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, sẽ liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên." Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải. Chiến sự nổ ra ở Thượng Hải, chẳng thể không trở về đất Tô được. Đến mùa xuân năm Dân Quốc 21 (1932) vẫn còn chiến tranh, chẳng thể quay về được. Do đường xe lửa bị cắt đứt, Chấn Thanh liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc, Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm. Không lâu sau, cường đạo kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một kẻ mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng ở giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta. Đủ biết niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát quyết định được Bồ-tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, bỏ trong ngăn kéo của bàn viết, nay muốn phúc đáp, tìm khắp nơi không thấy. Do vậy nghĩ đấy là do Bồ-tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để ông nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ-tát hòng ngừa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi. Xin hãy sáng suốt suy xét!

631. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)

Chương trình của hội niệm Phật rất hay, nhưng đối với phụ nữ đang độ tuổi thanh xuân hãy nên bảo họ ở yên trong nhà niệm Phật, đừng đến dự hội. Bởi lẽ hiện thời lòng người quá bại hoại, lại còn có binh sĩ trấn đóng khắp nơi, sợ giữa đường gặp chuyện chẳng đúng pháp thì người ấy lẫn hội niệm Phật đều mất thể diện. Đấy chính là ý nghĩa trọng yếu để né hiềm lánh họa. Dương Thúc Cát đã xuống núi vào hôm 13 tháng trước. Hiện thời thiên hạ rối beng, đất Thiểm càng rối ren quá mức. Há nên đang vô sự lại manh nha tâm niệm du hành? Há chẳng

phải là đang ở trong yên ổn lại tìm kiếm nỗi nguy hiểm ư? Ngàn muôn phần chớ nên đi ra ngoài! Dẫu muốn cùng mọi người đi du lịch ngắm cảnh, cũng nên đợi tới lúc thái bình không có chiến tranh thì mới nên. Ở nhà tuy phiền, nhưng chẳng đến nỗi phải có chuyện lo nghĩ chi khác. Đang trong thời loạn này, dẫu đi ra ngoài thân chẳng gặp phải họa ương thì vẫn phải suốt ngày lo nghĩ cho gia quyến, há chẳng nên giữ cho cõi lòng thanh tịnh, không phải bận tâm chuyện gì ư?

Cái chết của Hy Chân là do bị trời phạt, ông ta nhận được một lá thư "tiến bộ" liền muốn giết sạch hết thảy những người thuộc giới chánh khách. Do vậy, chưa đến được kinh đô liền ngã bệnh, tới kinh đô chết liền. Nếu người ấy không chết, ắt sẽ đến nỗi đại loạn! Ông trời có mắt, khiến cho ông ta bị chết trước để ông ta chẳng đến nỗi bỗng dưng gây nhiễu loạn được. Hùng Đại Minh có một đứa con hết sức có thiện căn (chưa đầy nửa tuổi đã biết lôi kéo bà nội và cha mẹ, ép họ lễ Phật, nếu họ thuận theo thì nó sẽ vui vẻ). Do tham dự cuộc Bắc Chiến và chiến trận Hồ Hám[620], đứa con ấy liền chết; ông ta gần như cuồng si, gởi thư kêu khổ. Quang bèn chỉ thẳng nguyên nhân là do bị trời phạt, nếu chẳng sửa đổi hành vi, hình phạt ấy đâu phải chỉ có như thế! Các ông đã tín phụng Phật pháp, hãy nên lấy tâm Phật làm tâm của chính mình thì sẽ hữu ích. Nếu cứ hành xử giống như Đại Minh và Hy Chân thì đáng gọi là "uổng làm đệ tử Phật" vậy! Mắt Quang không tốt, chứ không phải là thường sanh bệnh.

632. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai**)**

Trước kia đã gởi cho ông những sách cho chính Quang giảo duyệt in ra, nay lại muốn nói rõ ý Quang, bởi lẽ mọi việc cần phải suy nghĩ sâu xa thì mới thành được. Tiếp đó tôi suy nghĩ, nói tới sự giải trí thì chẳng thể làm như vậy được. Hơn nữa, trẻ nhỏ vừa mới hiểu biết liền dạy cho nó đóng tuồng, sợ nó sẽ chẳng vận dụng tâm tư nơi hành hiếu hành để; cứ chăm chút đổ công tô son trát phấn làm

---

[620] Bắc Chiến còn gọi là Bắc Phạt hoặc Đại Cách Mạng lần thứ nhất, kéo dài từ năm 1926 đến năm 1928. Đây là cuộc chiến được phát động bởi Quốc Dân Đảng Cách Mạng Quân. Cánh quân này do Tưởng Trung Chánh chỉ huy từ phương Nam kéo lên phương Bắc với ý định đánh bại chính quyền Bắc Dương nhằm thống nhất sơn hà. Chính quyền Bắc Dương là chính quyền quân phiệt cai trị phía Bắc Trung Hoa từ năm 1912 tới năm 1928 sau khi lật đổ Thanh Triều, mưu toan tách Bắc Trung Hoa khỏi sự quản trị của chính quyền Dân Quốc tại Nam Kinh. Chính phủ này khởi đầu bằng Tổng thống Viên Thế Khải và kết thúc bằng chấp chánh Đại nguyên soái Trương Tác Lâm.

"Hồ Hám chi chiến" (hay còn gọi là Lạc Dương chiến đấu) là cuộc giao tranh giữa Hồ Cảnh Dực và Hám Ngọc Côn kéo dài từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 13 tháng 3 năm 1925 tại Lạc Dương (tỉnh Hà Nam). Nguyên nhân là do Hồ Cảnh Dực được chánh quyền Dân Quốc cử làm Tổng đốc tỉnh Hà Nam, tướng chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam là Hám Ngọc Côn bất mãn, liền đem quân vây đánh họ Hồ. Đôi bên giao tranh dữ dội tại Lạc Dương, rốt cuộc Hám Ngọc Côn thua trận phải vượt Hoàng Hà chạy trốn rồi tự sát.

đào, kép, kép nhọ, hề[621]… sẽ trở thành bỏ gốc chạy theo ngọn, biến khéo thành vụng! Thuở nhỏ, Quang nghe người già kể trong làng của Quang vào ba bốn chục năm trước, chỗ nào cũng đều véo von những ca khúc Tạp Hý[622] (tức là con em bình dân và những người làm ruộng, làm thợ v.v. hễ rảnh rang đều hát xướng), nhưng chẳng hát tuồng Vũ Hý[623], còn những mặt khác đều giống như hát tuồng. Hễ có ai mời hát thì người mời đều phải tự sắm sửa hết thảy rương tráp, trang phục, vật dụng, còn họ (tức người nhận lời đến hát) chỉ đi tay không tới. Lại còn

---

[621] Nguyên văn "sanh, đán, tịnh, sửu", là bốn loại diễn viên trong một vở tuồng của Trung Quốc, nhất là trong thể loại kinh kịch.

1. Sanh (gọi đủ là sanh hạnh): Tức vai diễn viên nam, hóa trang vừa phải, không bôi đen mặt. Chia ra làm các loại tu sanh (hoặc lão sanh, tức vai nam trung niên, thường đeo râu dài hay râu ba chòm, năm chòm), hồng sanh (những vai kép đẹp, hào hùng, thường tô mặt đỏ nhưng không có văn như vai Quan Công, Triệu Tử Long v.v.), tiểu sanh (những vai nam nho nhã, trẻ trung. Tiểu sanh lại chia ra thành *linh tử sanh*, tức vai võ tướng đội mão có đuôi trĩ; *sa mạo sanh*, tức vai quan văn thường đội mão ô sa; *phiến tử sanh*, tức văn nhân (do thường cầm quạt nên gọi như vậy); *cùng sanh*, tức vai học trò nghèo…); vũ sanh (vai võ tướng, mặt đẹp, hào hoa, không có vẻ dữ dằn) như La Thông, Tiết Đinh San v.v..

2. Đán (gọi đủ là hoa đán): Tức các vai diễn của nữ (trước thời Dân Quốc, hầu như không có nữ diễn viên, những vai nữ đều do nam diễn viên đóng), chia thành thanh y (vai tỳ nữ, đầy tớ, phụ nữ bình dân; tuy thế, trong thể loại côn khúc, thanh y lại là đào thương), hoa đán (đào đẹp, hay đào thương, tức nữ diễn viên đóng vai tiểu thư, công chúa, vương phi, hoàng hậu, bà chủ, thôn nữ xinh đẹp… Trong thể loại côn khúc, hoa đán gọi là tiểu đán, là vai nữ nhỏ tuổi), vũ đán (nữ tướng), lão đán (đào mụ, tức vai bà già, thái hậu) v.v..

3. Tịnh (gọi đủ là tịnh hạnh, hoặc hoa kiểm): Tức các vai nam bôi mặt đen hay đỏ với nhiều họa tiết kỳ quái nhằm diễn tả tánh cách anh hùng, chánh trực, mạnh mẽ, hào sảng, nhưng thô lỗ, hoặc những vai tướng cướp hay anh hùng hảo hán v.v., tức các vai diễn những nhân vật như Hạng Vũ, Trương Phi, Lý Quỳ, Đơn Hùng Tín, Uất Trì Cung v.v..

4. Sửu (gọi đủ là sửu hạnh) tức những vai hề, thường vẽ mặt với những nét hoạt kê, lại chia làm văn sửu (hề văn) và vũ sửu (hề võ).

Đến cuối đời Thanh, nghệ thuật tuồng còn tăng thêm một loại diễn viên nữa là mạt, chuyên đảm nhiệm vai dẫn truyện (gần giống như người giữ vai giáo đầu trong tuồng chèo của ta).

Do không có chữ tương ứng để diễn tả ý nghĩa chữ tịnh, chúng tôi phải tạm dịch *tịnh* thành "kép nhọ", vì vai này thường bôi mặt đen thui, vằn vện.

[622] Tạp Hý là một loại nghệ thuật tuồng dân gian, gọi đủ là La Cổ Tạp Hý hoặc Não Cổ Tạp Hý, do nhạc đệm chủ yếu dùng bộ gõ (như thanh la, não bạt, trống, phách, mõ…) chứ không dùng đàn sáo nên gọi là La Cổ. Tạp Hý thường diễn tấu từ ngày Trùng Dương (mùng 9 tháng 9 âm lịch) trở đi. Kịch bản của tuồng thường là các mẫu chuyện lịch sử như Tam Quốc Chí, Thuyết Đường v.v., nhưng thường diễn để cúng thần, cúng hội đình chùa, hoặc khánh thành nhà mới. Trước khi diễn, ban hát thường đốt một đống lửa to, toàn thể diễn viên ra chào khán giả rồi mới diễn. Mỗi một vai diễn trước khi ra sân khấu thường có người hát giới thiệu trước.

[623] Vũ Hý còn gọi là Vũ Đả là một hình thức diễn xướng chú trọng biểu diễn những động tác của võ thuật theo tiếng nhạc, tuy có nội dung cốt chuyện hẳn hoi, nhưng phần diễn xướng và ca từ thì ít mà chú trọng nhiều vào kỹ thuật biểu diễn các thế võ sao cho thật đẹp mắt, linh hoạt, hoa mỹ. Thể loại này bắt đầu từ màn biểu diễn "đơn tiên đoạt sóc" (một chiếc roi cướp giáo) từ đời Nguyên, rồi phát triển thành những vở đặc biệt mô tả những màn giao đấu như Tam Anh Chiến Lã Bố (ba anh em Lưu Bị - Quan Vũ - Trương Phi đấu với Lã Bố), Quan Công Quá Lục Quan (Quan Công vượt sáu ải) v.v..

phải có đầy đủ thiếp mời, dập đầu phụng thỉnh, vì diễn viên chẳng nhận tiền, được đãi đằng như khách. Rước đến, tiễn đi mọi người đều vui vẻ như vậy. Về sau, do mỗi lần diễn xướng Tạp Hý ắt bị hạn hán, từ đấy mới thôi! Đủ thấy viện lẽ giải trí để tập tành hát xướng chẳng thể không biến thành diễn tuồng thật sự.

Tình cảm của phàm phu bị xoay chuyển theo vật, đối với hình hài đất gỗ hễ trang sức đẹp đẽ liền sanh tâm tham nhiễm. Huống chi con em đang độ thơ ấu, hóa trang cho nó thành thân gái, tuy nói là đề cao giáo hóa, nhưng thật ra là dạy cho con em phạm lỗi khinh bạc. Huống chi muốn diễn xuất cho thật giống, nếu chẳng để hết tâm trí vào vai diễn thì làm sao có thể khiến cho người khác sướng mắt được?

Quang vốn là tăng nhân, sao lại hỏi đến chuyện giáo dục của người khác? Chỉ vì ông và tôi có duyên, chẳng thể không trọn hết lòng lo tính một phen. Chỉ nên giảng nói với chúng về đạo hành hiếu, hành đễ. Chứ nếu muốn cho chúng diễn tuồng thì khoan hãy nói đến tệ đoan, chỉ riêng chuyện uổng phí thời gian công sức đã kể sao cho xiết? Sĩ tử chuyên tập luyện cử nghiệp mà còn chưa thể chuyển hóa được khí chất thành người tốt đẹp nữa là! Mượn dịp vui chơi bèn dạy cho con đóng tuồng với ý định nhờ vào tuồng tích để chuyển hóa khí chất của con cái thì sợ rằng sẽ chuyển thành xấu thì nhiều, chứ ít có đứa nào sẽ chuyển biến thành tốt đẹp. Đừng mượn lời thánh nhân giảng về sự giải trí để khơi ra đầu mối khinh bạc cho con em.

Mấy năm trước có mấy chục đứa học sinh theo học nghệ thuật diễn xuất ở tại chùa Pháp Vũ, đêm nào cũng diễn tuồng, giáo viên ngồi một bên xem. Bọn chúng liền hóa trang thành hòa thượng đón tiếp khách thập phương đến dâng hương, quả thật là khinh nhục tăng sĩ! Quang nghe chuyện, khôn ngăn đau tiếc! Đường đường là một nhà trường lại để cho học sinh làm chuyện vô ích ấy. Chẳng ngờ ông quy y Phật pháp, phát tâm vun bồi nhân tài mà cũng cực lực tán đồng chuyện đó. Cố nhiên, Quang chẳng sợ bị người khác chê là cố chấp, không thông hiểu, mà quả thật là vì không chịu được nên mới phải nói.

Đối với những trước tác của học sinh, nếu nhìn một cách thiển cận thì đâu có trở ngại gì, nhưng những kiểu ăn nói "vãi rắm ầm ĩ v.v." rốt cuộc có ích gì đâu? Chỉ khiến cho kẻ sáng mắt đau lòng mà thôi! Dẫu giấy không mất tiền mua, cũng chớ nên in những lời lẽ bậy bạ ấy. Tri kiến của Quang như thế đấy, nếu chấp nhận là đúng thì hãy làm theo. Nếu không, cũng nên coi như Quang ăn nói nhảm nhí, bỏ mặc đó. Ông tự thực hiện chương trình, quy củ giáo dục của ông, Quang nào dám buộc ông đừng làm!

Một ngàn đồng để in Văn Sao của Hùng Đại Minh sẽ in được hai ngàn bộ. Nghe nói đã gởi chín trăm bộ sang hai nơi là Thiểm (Thiểm Tây) và Biện (tức thành phố Khai Phong). Xin hãy hỏi thăm xem Đại Minh đã trở về đất Tần (Thiểm Tây) hay chưa? Nếu ông ta trở về đất Tần, tôi sẽ gởi hơn một ngàn bộ sang đấy để chia ra tặng cho người có tín tâm ở đất Tần. Xin hãy hồi âm ngay để tiện báo với thư quán Thượng Hải gởi sách. Đối với thời cuộc hiện nay, sợ rằng sẽ còn biến động lớn lao. Hãy nên bảo gia quyến và hết thảy những kẻ hữu duyên kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay niệm Phật và niệm Quán Thế Âm ngõ hầu gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên. Nếu không, hễ đao binh xảy tới thì nỗi thảm thương sẽ chẳng nỡ nào nói được đâu!

633. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)

Đã nhận được thư viết trong tháng 6, do hành tung bất định nên chẳng trả lời. Tôi chỉ nhận được thư này mà thôi, những thư khác đều chưa nhận được. Hiện nay cuộc chiến tàn sát bùng nổ, dân không lẽ sống; đang trong thời buổi này, cố nhiên hãy nên nhất tâm niệm Phật để cầu xuất ly cũng như khuyên nhủ người hữu duyên.

634. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông và người trong đất Tần đều nằm mộng. Đang nhằm lúc dân đất Tần không còn lẽ sống mà cứ muốn mở đạo tràng, hoằng dương pháp hóa, thỉnh pháp sư Đế Nhàn sang đấy hoằng pháp, há sư chịu được sự gian nan ấy hay chăng? Sao lại nói chẳng thể không khẩn khoản thỉnh cầu, dùng cách vòng vo ấy để làm gì? Vị sư X… (người này quyết chớ nên thỉnh) chỉ biết ăn nói lớn lối, trọn chẳng chân thật hành trì. Thỉnh loại pháp sư ấy đến hoằng pháp là muốn cho người khác học theo khuôn sáo ăn nói lớn lối, hay là muốn cho họ chân thật hành trì? Trước kia, Quang đã từng nói với ông, chắc là ông cho rằng tôi chèn ép bậc hiền triết chứ gì?

Nếu bảo Quang chỉ cho ông người nào đáng thỉnh thì Quang thường ở trên biển cả, trọn không một ai qua lại với Quang, biết ai là người phát tâm Bồ-đề muốn lợi khắp hết thảy mọi người đây? Chuyện này quả thật là chuyện khó nhất trong những chuyện khó! Nếu cầu những tăng sĩ chỉ biết ăn cơm mặc áo thì quả thật là có, nhưng bọn họ vẫn chẳng muốn lên phương Bắc là nơi rét buốt để ăn cơm mặc áo, huống hồ hoằng pháp lợi sanh ư? Hãy làm thế nào để chỉnh đốn tăng sĩ cũng như Nho sĩ ở đất Tần khiến cho ai nấy đều y theo đạo của thánh nhân Nho - Thích mà hành. Than thở sườn sượt khôn xiết vậy thay! Sổ quyên góp và thư ngỏ đã gởi trả lại trong ngày hôm qua rồi.

635. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết cư sĩ đạo niệm tinh thuần, thân yên tâm vui, tôi an ủi lắm! Đối với chuyện giới giáo dục đòi biến chùa miếu ở Giang Tô thành trường học, Quang đã sớm gởi thư cho hai ông Ngụy Mai Tôn và Vương Ấu Nông xin họ hãy xoay sở. Ông Ngụy cầm thư Quang đến gặp tỉnh trưởng họ Hàn và trưởng ty giáo dục họ Tưởng. May sao, ông Tưởng cũng thuộc giới Phật giáo nên nói vun vào, ông Hàn liền chấp thuận bãi bỏ lệnh này. Ông Tưởng thương lượng với Ấu Nông, gợi ý nếu kiến nghị này không do các tùng lâm liên danh thưa trình thì sẽ không xong. Ấu Nông bèn lôi kéo hòa thượng Diệu Liên ở am Quán Âm tại ngõ Dương Bì (vị này rất có khí khái lão thành), cậy sư liên lạc. Diệu Liên tới các nơi kêu gọi, các nơi đều co cụm chẳng dám ló đầu ra! Về sau, sư nói chuyện với hòa thượng chùa Tỳ Lô, hòa thượng Tỳ Lô cực lực tán thành chuyện ấy. Sư Diệu Liên sang Vu Hồ thu tô, đi ngang qua chỗ hòa thượng Tỳ Lô lại liên lạc, họ bèn ước định ngày 24 cùng nhau tới Kim Lăng (Nam Kinh) trình bẩm. Đơn thỉnh cầu ấy do Diệu Liên cậy bạn bè soạn thảo, được cụ Mai Tôn sửa chữa. Lại đưa cho ông Tưởng đọc qua trước.

Do thấy kỳ hạn còn sớm, Ấu Nông bèn đem văn bản ấy gởi cho Quang xem, nghĩ rằng chuyện này đã được bãi bỏ rồi. Ấu Nông (nhận được văn bản ấy trước ngày 15) cho là chuyện này nhất định đã được giải quyết xong; nhưng vẫn ngại người trong hội giáo dục thế lực khá lớn, nếu họ ngấm ngầm âm mưu chắc sẽ gây ra chuyện đáng lo ngại, liền liên lạc với hai vị pháp sư Đế Nhàn và Đạo Nguyên, xin họ gởi thư cho bộ Nội vụ để vĩnh viễn tránh được hậu họa. Quang nhận được thư của Ấu Nông liền gởi thư cho ngài Đế Nhàn. Tới bốn năm ngày sau mới nhận được thư báo rằng: "Bị bệnh, chẳng thể gắng gượng được." Trước đấy Quang đã gởi thư cho cư sĩ Trang Tư Giam, cậy ông ta đến Nam Kinh chạy vạy, trình báo rõ ràng cho bộ Nội vụ. Chắc là chẳng đến nỗi vì sức Quang kém hèn mà sự việc bị vùi lấp vậy! (Cư sĩ La Sưởng Sinh tới núi cho biết Tư Giam sang đất Hàng sắp trở về kinh đô, cùng đi với ông ta. Tới Nam Kinh phải ở lại một ngày, vì thế Quang liền gởi thư cho ông Trang. Ngày 19, ông La xuống núi, ước chừng hôm 24 thì Tư Giam đã đến Nam Kinh rồi.)

636. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)

Nhận được thư biết ông đã lành bệnh, an ủi lắm! Chuyện Giang Tô hoàn toàn do công sức của ba vị Ngụy Mai Tôn, Tưởng Trúc Trang, Vương Ấu Nông, nhưng cư sĩ Trang Tư Giam lại có mặt đúng lúc. Thế là Quang gởi thư cậy ông ta gặp tỉnh trưởng để trình bày rõ ràng, vì thế sự việc được hoàn toàn giải quyết xong. Nếu bảo là công của Quang thì chẳng qua chỉ là gởi thư cho các vị ấy cậy họ xoay

sở mà thôi, nào đáng để nhắc đến? Nếu coi đó là công, tức là đã mạo nhận công của người khác làm công của chính mình vậy!

Lệnh thích[624] chôn con, chết cháu, ước theo mặt tình cảm con người thì cũng chẳng thể nào không cảm động, nhưng bi thương đến nỗi gần như điên cuồng tức là chỉ biết có con có cháu, chẳng màng tới cái thân. Sao lại mê chấp đến mức như thế ấy? Thử nghĩ, con cháu chịu ơn tổ phụ, dẫu tan xương nát thân cũng chẳng thể báo đáp được; nhưng con cháu khi phải chôn tổ phụ có đau đớn như cuồng hay chăng? Nếu là hạng con cháu biết luân lý thì cũng buồn bã đôi chút, bày ra nghi lễ đại lược thì vẫn còn có thể khiến cho vong linh của tổ phụ được an ủi vui sướng. Chứ nếu là hạng con cháu từ nhỏ đã quen thói kiêu căng, phóng túng, tà vạy, xa xỉ thì sáng chiều chỉ mong cho tổ phụ chóng chết hòng được tùy ý chơi bời, cờ bạc, tiêu dao, không ai quản thúc. Nếu tổ phụ chết thật, ắt trong tâm chúng nó sẽ hoan hỷ chẳng thể dùng ngôn ngữ nào để hình dung được! Từ đấy, chúng nó sẽ dùng hết gia nghiệp do tổ phụ tận lực duy trì để tạo những ác nghiệp địa ngục cực nặng; còn đối với chuyện vun bồi đức, tu phước thì bỏ ra một đồng sẽ giống hệt như phải cắt thịt trên thân của chính mình, thà chết cũng không chịu bỏ ra. Do vậy, hạng chôn vùi thanh danh của tổ phụ, gây nhục cho tổ phụ đến trăm ngàn đời đông lắm! Trong mắt ông cha, loại con cháu ấy cố nhiên vẫn được nâng niu như châu báu. Xét tới nguyên nhân, nói chung là do quá coi trọng cái tâm của chính mình, chẳng biết tới lý rộng lớn sâu xa mà ra. Chẳng đáng buồn sao!

Xưa kia, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) coi người khác như chính mình, coi kẻ sơ hệt như người thân, coi thiên hạ là một nhà, coi cả Trung Quốc như một người. Vì thế từ đầu đời Tống cho đến cuối đời Thanh, trọn một ngàn năm, con cháu đỗ đạt chẳng dứt. Họ Bành ở Trường Châu tận lực làm lành, từ đầu đời Thanh đến nay, đỗ đạt đứng đầu thiên hạ; nhà ấy có bốn năm vị trạng nguyên, anh em ruột thịt cùng đỗ tam đỉnh giáp[625]. Do họ đời đời thờ Phật, phụng hành Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, sẵn chí muốn tạo lợi lạc cho người khác lâu dài nên trời ban cho sự báo ứng sâu dày lâu dài.

Nếu lệnh thích là người thông hiểu, sẽ tự thẹn đức bạc cho nên gặp phải quả báo ấy. Từ đấy, nỗ lực tích đức để mong trời thương xót ta thì con quế cháu lan sẽ tiếp nối nhau sanh ra. Hiện thời thế đạo nhân tâm chìm đắm tới tột cùng, thiên tai nhân họa cũng lắm phen đến mức tột cùng. Nếu lưu truyền những thiện thư có ích cho thế đạo nhân tâm để mong ai nấy cùng lên bờ giác, hoặc cứu vớt những người dân cùng quẫn đang mắc nạn lũ lụt, bão tố, để mong họ được sống sót trong

[624] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng người bề trên về bên ngoại của kẻ khác.
[625] Tam đỉnh giáp là ba vị tiến sĩ đỗ đầu khoa thi đình, tức trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

cảnh chết chóc; so với để lại tài sản cho con cháu ăn nhậu, chơi bời, cờ bạc, khiến cho kẻ khác thóa mạ, thì sao bằng chính mình làm chuyện cứu người, cứu đời để vun bồi phước cho chính mình trong đời sau ngõ hầu con cháu sẽ được thọ dụng tới trăm ngàn đời ư? Trong mùa hạ này, tai ương bão tố thê thảm nhất! Trong 20 huyện thuộc quyền quản hạt của đạo Cối Kê[626] có đến 18 huyện báo cáo gặp nạn bão. Trong ngày mồng 10 tháng 8, Đài Châu lại bị lụt lớn, có chỗ nhà dân bị ngập sâu dưới mấy thước nước. Những chỗ gần sông đều ngập nước, thuyền bơi được trên cầu, tình trạng thê thảm chắc cứ tưởng tượng sẽ hình dung được.

Đạo doãn Hoàng Hàm Chi tên là Khánh Lan, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, ăn chay trường, niệm Phật. Năm trước, Đài Châu bị tai nạn, ông ta đã quyên mộ cứu chẩn rộng rãi. Năm nay tai nạn càng nghiêm trọng hơn, do quyên mộ khó khăn, dân chúng bị tai nạn thật đáng thương, ông Hoàng tính muốn đốt ngón tay để lo cứu trợ, chắc sẽ cảm động được lòng người. Cứu được một người, công đức vô lượng, huống là nhiều người ư? Nay ông ta bảo Quang đứng ra quyên mộ thay, Quang tự thẹn đức bạc, ai chịu nghe lời mình nói? Nhân nỗi lo buồn của lệnh thích khiến Quang động lòng trắc ẩn, Quang cho rằng nếu ông ta xót thương con cháu bị chết yểu giữa độ tuổi trung niên, hãy vì họ mà lo liệu chuyện cứu tế dân chúng đang bị tai nạn nhằm cầu siêu cho linh hồn họ, vun bồi phước đức cho chính mình, tạo duyên chiêu cảm con lan cháu quế, hoặc cầu siêu cho cha mẹ, tổ tông, họ hàng, hoặc cầu cửa nhà bình yên. Chỉ cần xuất phát từ lòng thành thì trọn không một ai chẳng được phước báo.

Con người hiện thời phần nhiều mượn chuyện công để lo chuyện tư, vì thế người ta khó tin tưởng được. Nếu luận về tư cách làm người của ông Hoàng Hàm Chi thì có thể nói là trong số các trưởng quan hiện thời không có được đôi ba người như ông ta. Ở Ninh Ba, mỗi năm ông ta thí thuốc hơn hai vạn đồng, huống là thí tặng thiện thư và làm đủ thứ chuyện tốt lành ư? Ông ta làm quan chỉ đem tiền của trong nhà bù đắp cho chuyện công ích, chứ không phải là phường bóc lột dân chúng, gây hại cho nước nhà nhằm vinh thân phì gia. Ông Trương Thụy Tằng là bạn thí tặng thiện thư của ông ta. Thụy Tằng lập một cơ sở cho kẻ bình dân vay tiền tại Dương Châu (không cần trả tiền lời, chỉ cần trả đủ vốn), gởi thư xin Hàm Chi thành lập một cơ sở giống như vậy tại Ninh Ba. Hàm Chi liền thành lập ngay. Nhờ vậy, phàm những người buôn bán nhỏ không có tiền vốn đều không phải lo nghĩ nữa. Chỉ qua một chuyện này đã biết được đại khái. Trong số những người

[626] Theo quy chế đời Thanh, một tỉnh được chia thành nhiều phủ. Mỗi phủ sẽ gồm nhiều đạo (gồm nhiều huyện). Chức quan đứng đầu một đạo gọi là Đạo đài hay Đạo doãn. Thời Dân Quốc, Ninh Thiệu (Ninh Ba - Thiệu Hưng) đạo đặt trụ sở của quan Đạo doãn tại Cối Kê, nên đạo Ninh Thiệu còn gọi là đạo Cối Kê.

bản thân các hạ quen biết có rất nhiều nhà giàu có. Như các ông Trương, Hoàng v.v. sanh trưởng trong nhà phú quý, cố nhiên chẳng biết đến nỗi khổ vì bần cùng mà vẫn làm những chuyện cứu tế rộng rãi.

Nếu chịu phát tâm vì khắp mọi đứa con của trời đất mà hành cứu tế, cố nhiên sẽ chẳng có những chuyện gia đình bất hạnh, chôn con, chết cháu, con cháu bại hoại thanh danh gia đình khiến tổ phụ phải ngậm hờn nơi chín suối! Nếu chịu phát tâm, hãy giao trực tiếp cho Đạo doãn Hoàng Hàm Chi ở dinh thự quan Đạo doãn Ninh Ba thu nhận. Cố nhiên Quang trọn chẳng nhúng tay vào, Quang nghèo không tấc đất cắm dùi, trong năm trước đã hai lần đem món tiền in Văn Sao là 500 đồng để cứu đói; năm ngoái cũng quyên tặng mấy chỗ 100 đồng. Mùa hạ năm nay lại đem khoản tiền 100 đồng do bạn bè tặng để in Văn Sao gởi cho Đạo doãn Hoàng nhằm cứu trợ tai nạn. Dùng tiền của người khác để giãi bày tấm lòng của tôi mà thôi!

637. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ ba)

Nhằm tiết Trung Thu khí trời trong mát, nghĩ vầng trăng tròn vành vạnh trong tâm cư sĩ cũng giống như vầng trăng trên bầu trời, rạng ngời trong trẻo, không cảnh nào chẳng chiếu, vui mừng an ủi lắm. Chuyện hội giáo dục mưu chiếm đoạt chùa miếu ở Giang Tô bị dẹp tan. Trong chuyện này Ngụy Mai Tôn dốc sức xoay xở rất nhiều, nhưng Vương Ấu Nông cũng khá phí tâm lực, nhưng chỗ hay nhất vẫn là nhờ ông Tưởng Trúc Trang chỉ vẽ.

638. Thư trả lời cư sĩ Phương Gia Phạm

Muốn sanh về Tịnh độ, trước hết phải hiểu rõ ràng tông chỉ. Tu trì theo đường lối thông thường thì không pháp nào chẳng lấy khai ngộ làm điều mong mỏi, nhưng chuyện khai ngộ cũng chẳng phải là dễ dàng! Nếu biết tông chỉ của Tịnh độ, quyết chẳng mong đợi khai ngộ. Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, dẫu khai ngộ cũng khó liễu thoát được. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật thì chẳng ngộ vẫn được vãng sanh. Trong thư ông viết "tuy đã sẵn lòng chán nhàm cõi uế, nhưng chưa hiểu tự tánh như thế nào", tức là ông dốc chí nơi khai ngộ. Khai ngộ mà có tín nguyện thì chính là Thiền Tịnh song tu, là cao thượng nhất; nhưng trong cõi đời rất ít ai thật sự khai ngộ.

Thế nào gọi là thật sự khai ngộ? Đấy chính nói về minh tâm kiến tánh, tức là trong tự tâm thấu hiểu triệt để, chứ không phải chỉ biết nói mà thôi. Nếu chỉ biết nói thì chẳng thể gọi là khai ngộ được. Chớ nên hiểu lầm! Thật sự đạt đến địa vị minh tâm kiến tánh, cũng vẫn phải tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người đời cứ hễ cầu khai ngộ đều chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh, cứ muốn

nương vào cái ngộ ít ỏi, loáng thoáng ấy để liễu sanh tử thì chính là tự lầm, lầm người. Cố nhiên, chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật sẽ ổn thỏa, thích đáng hơn.

Quang già rồi, chẳng thể nói tường tận với ông được. Nay lại gởi cho ông hai gói sách, ông hãy lắng lòng đọc sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh độ. Nếu chẳng thể sanh lòng tin nơi các sách ấy, lại cầu minh tâm kiến tánh, cầu thành Phật trong thân hiện tại, Quang cũng chẳng trách ông. Chỉ sợ ông từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo. Nhưng muốn liễu sanh tử, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người thiện trong thế gian. Nếu luân thường khiếm khuyết, tam nghiệp lắm lầm lỗi, muốn khi lâm chung được Phật tiếp dẫn thì do khí phận trái nghịch với Phật, làm sao có cảm để ứng đây? Phàm gặp kẻ hữu duyên, hãy đều nên bảo với họ điều này.

Nay gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Liễu Phàm Tứ Huấn, Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Quán Âm Tụng, Sức Chung Tân Lương, Niệm Phật Khẩn Từ, Sơ Cơ Tiên Đạo Hợp Biên, mỗi thứ một bộ. Đối với chuyện thọ giới thì hãy nên dựa theo lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền trong Văn Sao để tự thệ thọ giới trước đức Phật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Phạm, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của đức Phật để tự hành, dạy người, tạo khuôn phép cho cõi đời. Xin hãy nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa rồi thực hành thì may mắn lắm thay!

(Ngày 16 tháng 7)

Từ nay về sau, đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y. Dẫu thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng thừa dịp thuận tiện gởi thư cho Quang vì không có sức để thù tiếp vậy.

639. Thư trả lời đại sư Viên Chuyết

Nhận được thư khôn ngăn than thở, người đời chỉ biết phỏng theo dấu tích, chẳng xét đến đúng sai, lợi hại, thường là đối với chuyện làm phước lại ngạo ngược tạo thành nghiệp lớn. Đừng nói gì người thế tục, ngay cả tăng nhân đa số cũng giống như thế. Cuốn Tây Phương Công Cứ được lưu hành trong cõi đời, phía trước có khắc hình Pháp Hội[627], phía sau khắc kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh,

[627] Tức cảnh Tây Phương Cực Lạc, có hình A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát ngự trên tòa sen ở chính giữa, xung quanh có các vị thượng thiện nhân nghe pháp, cúng dường, tu tập, trong ao báu có ngọc ma-ni tuôn nước báu, những người vãng sanh từ hoa sen báu bước ra, chiêm ngưỡng, lễ kính Phật, chư thiên rải hoa trời cúng dường trên hư không v.v..

cuối cùng khắc cửu phẩm liên đài, trên mỗi đài sen là một đức Phật ngồi, chung quanh khắc những chấm tròn để người ta chấm vào. Hễ chấm kín hết các vòng tròn đó sẽ đem kinh ấy thiêu đi. Một người bạn tôi (tức hòa thượng Chân Đạt) muốn sửa chữa lại để ấn hành rộng rãi. Quang nói: "Người niệm Phật chấm xong ắt sẽ thiêu sách, cả kinh lẫn hình Phật đều bị thiêu theo. Do sách đã bị chấm đen đúa lem luốc thì cũng chẳng thọ trì được nữa." Do vậy bèn bàn định biện pháp, chẳng khắc kinh, tượng, chỉ vẽ hình chín phẩm đài sen và những chấm tròn xung quanh để người niệm Phật chấm vào hòng nhớ số.

Việc sửa chữa, sắp xếp ấn hành đều do Quang lo liệu, sao lại nói là có chuyện Đại Báo Ân Tháp? Do vậy, tôi liền qua nhà kho tìm kiếm phụ bản của sách ấy, quả thật có chuyện đó! Số trang của phụ bản được đánh số tới 20 thì ngừng, còn trang in hình tháp ấy được đánh số một và hai. Đủ biết là về sau này, do muốn khế hợp lòng ưa thích của người đời, người đứng in bèn thêm vào. Đủ thấy khó lay chuyển được lòng ưa thích của người đời! Vương Đại bán hương Ấn Độ, bốn mặt hộp đựng hương in tổng cộng hình của năm mươi mấy vị Phật. Quang chẳng bằng lòng người ta bán loại hương đó, đã nói rõ lẽ lợi hại với người quản lý tiệm hương ấy, hai lượt gởi thư bảo đảm, mong họ ắt sẽ trả lời, nhưng rốt cuộc họ không trả lời. Chúng ta không có quyền, làm gì được họ?

Kinh Huyết Bồn, kinh Thọ Sanh chính là do những tăng sĩ hèn kém ngụy tạo ra để cầu lợi khiến cho những kẻ chẳng biết Phật pháp tưởng kinh Phật đều toàn do lũ tăng sĩ kém hèn ngụy tạo! Đối với hàng thiện tín vô tri, nếu không phá huyết hồ, không trả nợ thọ sanh sẽ không được. Ngay trong những tùng lâm nổi danh nhất nước, cũng không một chùa nào chẳng tán thành làm chuyện ấy, bởi đấy là cái nguồn kiếm lợi nhuận, chẳng ai bận tâm chuyện ấy chính là cái gốc họa hủy diệt Phật pháp. Hiện thời chẳng thể gởi sách được!

Một người bạn sao lại lời bàn luận của Quang với Lý Huệ Trừng về chuyện đốt kinh, nay tôi đem bản sao ấy gởi kèm theo thư. Ông Lý dựa theo lời người khác bảo "đốt kinh có công đức", nên mở đầu thư tôi liền bắt đầu bằng chuyện "có công đức" để nói đến tội lỗi, chớ nên hiểu lầm, tưởng Quang tán thành "đốt kinh có công đức"! Pháp môn bước vào buổi chiều tà, sai ngoa quá nhiều, nếu thường tranh luận với người khác, sợ sẽ đến nỗi bị kẻ khác nhao nhao công kích, đâm ra chẳng có ích gì cho người ta, lại có hại cho pháp, cho mình vậy. Qua mấy chuyện này thì đã đủ biết rồi! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ,

---

Bức vẽ này còn được gọi bằng những danh từ như Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ, thế giới Tây Phương Cực Lạc Y Chánh Trang Nghiêm Đồ, Tây Phương Pháp Hội Đồ v.v..

xin đừng gởi thư tới nữa, gởi đến quyết không trả lời. Xin hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay!

(Ngày mồng 2 tháng 10)

640. Thư trả lời cư sĩ Trần Tiếp Hòa

Nghe nói Sĩ Mục sắp sang Vân Nam bởi cảm thấy thiếu sót vì cha già đã 82 tuổi mà chính mình chẳng thể thường hầu hạ dưới gối hòng bầu bạn niệm Phật với cha. Quang quyết diệt tung tích trong tháng 9 này, ông và tôi có tình thầy trò, chẳng thể không giãi bày cùng ông một phen. Con người sống đến 70 tuổi xưa nay đã hiếm, huống chi ông đã 82 rồi! Nếu đã chứng được bất sanh bất diệt thì cố nhiên chẳng cần tới Quang phải dông dài một phen. Nếu chưa đạt được, cố nhiên phải như chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy để sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, trì A-di-đà Phật vạn đức hồng danh để cầu sanh Tây Phương. Hiện nay, cõi đời đã loạn đến cùng cực, đúng là thời buổi đại loạn phá toang đất trời kể từ thuở có trời đất đến nay. Huống hồ đang lúc già suy, sáng chẳng bảo đảm được tối, há có nên giống như bọn thiếu niên vô tri, cứ chần chừ để ngày tháng trôi qua đến nỗi sống uổng chết phí, tuy gặp Phật pháp mà vẫn không có cách nào hưởng được lợi ích lớn lao ư?

May mắn là Trí Dục, Tịnh Anh v.v. vẫn sốt sắng niệm Phật, hãy nên trong lúc này lập ra một quy ước: Nếu đến lúc lâm chung, chớ nên thay áo, lau rửa sẵn (xin coi lời dạy về lúc lâm chung trong Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ) và khóc lóc đến nỗi nhiễu loạn cái tâm trong lặng của người sắp mất đến mức mất chánh niệm, chẳng khế hợp với Phật, không cách gì được Phật tiếp dẫn, vẫn phải luân hồi trong tam đồ lục đạo y như cũ. Đấy gọi là lòng hiếu kiểu "đã té giếng còn quăng thêm đá". Nỗi hại ấy không sao nói xiết! Hãy nên đọc mấy chương dạy về đại sự sanh tử trong Gia Ngôn Lục sẽ tự biết rõ. Nếu trong lúc này chẳng nỗ lực, chỉ mong an nhàn thảnh thơi thì ngàn đời vạn kiếp trọn chẳng có ngày nào thoát khổ được đâu. Nếu như tâm lực suy nhược, hãy nên bảo con trai, con dâu, cháu gái v.v. luân phiên trợ niệm. Chuyện này có rất nhiều điều lợi ích:

1. Một là phụ trợ cho chánh niệm của chính mình.

2. Hai là khéo léo gieo thiện căn tối thắng cho bọn họ.

3. Ba là mở mang phong thái nhằm mong mọi người bắt chước làm theo.

4. Bốn là nếu đến lúc lâm chung thân quyến sẽ tự chẳng đến nỗi bày vẽ hay hoảng loạn quá mức, phá hoại chánh niệm của người sắp mất.

Cửa ải lâm chung khẩn yếu cùng cực, dẫu cho lúc thường ngày công phu đắc lực, nếu gặp phải cảnh con cháu phá hoại chánh niệm do chẳng biết pháp môn thì sẽ phải ở lại trong thế giới này, chẳng thể vãng sanh. Nếu biết nghĩa này, con cháu trợ niệm Phật hiệu nhằm thành tựu chánh niệm, tuy công phu thường ngày của người sắp mất ấy chẳng thích đáng cho lắm cũng vẫn được vãng sanh. Do vậy đối với người già, Quang đặc biệt chú ý, đừng cho là viển vông, hủ bại thì may mắn lắm thay!

641. Thư gởi cho hai cư sĩ La Khanh Đoan và Trần Sĩ Mục

Hôm trước nhận được thư biết Phật pháp ở quý địa có vẻ phục hưng. Lời duyên khởi do các ông đã soạn chưa thể làm cho người ta cảm ân đức của Phật, Quang soạn riêng một bài khác, lời văn khá rườm rà, sử dụng được hay không tùy các ông. Quang chẳng ép ai! Nếu sử dụng thì hãy nên làm một tấm bảng bằng gỗ, thỉnh người viết chữ đẹp, dùng lối chữ cung kính, mực thước viết trên hai tờ giấy Tuyên rộng tám thước, hoặc dán, hoặc khắc bài duyên khởi ấy trên tấm bảng gỗ, chắc sẽ tồn tại lâu dài. Hoặc chia tấm bảng đã khắc hay dán bài duyên khởi ấy làm bốn miếng hay sáu miếng (tính luôn cả bài viết *"Trình bày những điều ẩn kín của Văn Trung Công"* chắc sẽ chia thành tám miếng) để ngừa khi thời cuộc không tốt, sẽ đem cất.

Bài viết nêu bày ý nghĩa ẩn kín cuốn sách Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Trung Công[628] có quan hệ rất lớn, cũng nên theo biện pháp ấy. Bài văn ấy nhằm giãi bày trọn hết những điều ẩn tàng của bậc cổ đại nhân thuở trước, chứ không phải chỉ riêng mình Văn Trung Công. Văn Trung Công là người đất Mân (Phước Kiến). Có được bài văn ấy thì những kẻ hẹp hòi, câu nệ sẽ chẳng dám buông lời báng bổ xằng bậy. Ông nói đến chuyện chùa Lâm Dương định chiếu theo chương trình của Linh Nham thì vàn muôn phần sẽ làm không được đâu! Đừng nói người khác đến đấy làm không được, ngay cả thầy đương gia Linh Nham là Diệu Chân đến đấy cũng làm không được. Các ông thiếu sự từng trải nên chẳng biết nỗi khó khăn, Quang do trải đời năm mươi mấy năm nên mới nói thẳng thừng với các ông.

Đôi câu đối ở niệm Phật đường của đại sư Liên Trì đã soạn vào thời Minh hay tuyệt, trọn chưa từng thấy ai dùng đến. Quang nhiều lượt sao lại bảo người khác treo, do đức của đại sư sẽ cảm được người rất sâu. Các ông bảo Quang viết giùm đôi câu đối ấy là vì chẳng biết Quang một mực không viết được chữ lớn, gần đây mục lực suy đến cùng cực, không dùng kính lão lẫn kính lúp sẽ chẳng thể xem và

[628] Xin đọc bài này trong phần Những Bài Viết Khác của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 2. Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tắc Từ.

viết được chữ. Tôi vốn muốn gởi thư từ sớm, nhưng do ngày hôm qua mới có giấy đưa đến nên bây giờ mới trả lời. Từ nay về sau không có chuyện gì quan trọng thì đừng gởi thư tới nữa, bởi không có mục lực lẫn tinh thần để phúc đáp. Hoằng Hóa Xã trước kia có ba người, đều do thời cuộc biến động lớn lao đã đi hết rồi, nên cũng phải biến đổi sao cho thật hợp thời nghi, Quang chẳng hỏi tới nữa. Thầy Đức Sâm qua chùa Thái Bình ở Thượng Hải để lo giảo chánh sách, sợ rằng có lẽ chẳng thể xong được trong năm nay. Khi nào thầy ấy trở về, sẽ tùy thầy ấy lo liệu.

Những sách các ông cần sẽ gởi tới. Hiện thời chỉ theo biện pháp căn cứ vào giá vốn, không còn cho thỉnh nửa giá hay biếu không nữa. Lần này gởi biếu, lần sau đều chiếu theo giá vốn để lo liệu. Nay gởi cho các ông Đồng Mông Tu Tri, Quán Âm Từ Lâm Tập hai cuốn, đem tờ thông báo rộng rãi về chuyện sữa độc giết chết trẻ con gởi cho các ông là vì mong các ông hãy nói với hết thảy mọi người về chuyện ấy. Xin hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay!

(Ngày 12 tháng 8)

Chủ Cực Lạc lục bát đại nguyện chi từ tôn, tuyệt hạn lượng thọ mạng quang minh, bất ly đương xứ;

Quá Sa-bà vạn triệu Phật bang chi Tịnh độ, diệu trang nghiêm lâu đài trì chiểu, nguyên thị ngô hương.

(Đại sư Liên Trì đời Minh soạn)

(Đức Từ Tôn chủ cõi Cực Lạc, bốn mươi tám đại nguyện, thọ mạng, quang minh không hạn lượng, chẳng rời nơi đây;

Cõi Tịnh độ vượt khỏi Sa-bà vạn triệu cõi nước Phật, lầu, đài, ao chuôm tuyệt trang nghiêm, đích thị quê mình.)

642. Thư trả lời cư sĩ Trí Mục

Nhận được thư khôn ngăn vui mừng an ủi. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nếu không có ai đề xướng thì thiện căn không cách gì phát hiện được. Như hạt giống gieo xuống đất, chẳng có mưa đúng thời sẽ không cách nào nẩy mầm, tăng trưởng được. Cha ông đã có thiện căn từ đời trước, cho nên vừa được thúc đẩy liền chuyển biến, những chấp trước lầm lạc trước kia bèn tiêu diệt ngay, ắt có hy vọng được vãng sanh trong tương lai. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Hòa, bởi Tiếp (燮) chính là Hòa[629] vậy. Nếu chẳng biết tự tâm sẵn có minh đức thì chẳng thể trên hòa với hoằng thệ đại nguyện của chư Phật hòng quyết chí ức

[629] Cha của ông Trần Sĩ Mục là cư sĩ Trần Tiếp Hòa.

niệm cho đến khi tâm và Phật tương ứng, như nước hòa lẫn vào sữa; mà cũng chẳng thể dưới là phát khởi cho những người cùng hàng tin tưởng sâu xa, nguyện thiết tha rồi nhất tâm trì A-di-đà Phật vạn đức hồng danh để mong thoát khỏi cõi Sa-bà này lên được cõi sen kia ngay trong đời này, như mẹ với con hòa hợp, vĩnh viễn không chống trái.

Nếu có thể lắng lòng đọc Văn Sao, rồi lại xem Tịnh Độ Tam Kinh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v. thì sẽ tự biết được cương yếu của đạo "tự lợi lợi người". Lại còn khẩn thiết, chí thành, ra rả nói cùng với gia quyến, xóm giềng, thân thích, bè bạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh ắt sẽ cao đăng thượng phẩm. Do đấy, cha ông sẽ được lợi ích thật sự bởi thiện căn nhiều đời. Đạo thờ cha mẹ của ông đã đạt được lớn lao, vẫn mong ông khuyên dụ nhiều cách để cụ tăng trưởng tín tâm thì sẽ có lợi ích lớn lao. Xin hãy thấu hiểu rõ ràng thì may mắn lắm thay!

Cháu dâu là Tâm Chi sẵn đủ thiện căn, vừa nghe liền tin, lại muốn quy y, nay đặt pháp danh cho cô ta là Tâm Phức. Do cái tâm sẵn có cực kỳ thanh tịnh mà cũng cực kỳ thơm tho[630], chỉ vì đủ mọi vọng niệm nối tiếp nhau dấy lên nên biến thành cảnh tượng ô uế, mất đi bản thể thơm sạch. Cô ta đã phát tâm tu trì lại còn đem tâm hương ấy xông ướp chồng và con cái, khiến cho ai nấy đều trừ được tâm niệm ô uế, khôi phục bản thể thơm sạch. Công đức bậc nhất của nữ giới chính là hiếu thảo với bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con. Đã là đệ tử Phật mà chẳng biết hiếu thảo với cha mẹ, giúp chồng dạy con thì chưa tròn hết bổn phận trách nhiệm của chính mình, chắc người khác sẽ do vậy liền chỉ trích những sai trái, chẳng thể nào khiến cho người ta nhìn theo bắt chước làm lành được. Nếu có thể dốc sức trọn hết bổn phận của chính mình, lại còn tu trì tịnh nghiệp thì kẻ thấy người nghe khắp xa gần sẽ đều sanh lòng ngưỡng mộ. Đấy chính là "dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người khác thuận theo". Thất phu thất phụ nếu tốt lành thì cũng có thể thay đổi phong tục; nếu chẳng lành cũng sẽ khiến cho phong tục thay đổi!

Giới giáo dục hiện thời chẳng biết tới nghĩa này, cứ hở ra là khuyên nữ nhân học tập những nghề nghiệp của nam giới, chẳng biết răn nhắc thiên chức giúp chồng dạy con. Cái học ấy là học để gây loạn, chứ không phải là cái học để đạt đến bình trị. Tôi thường nói: "Dạy con là căn bản để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu hơn", ấy là vì con người lúc bé hằng ngày ở cạnh mẹ được mẹ hiền un đúc thì chưa có ai chẳng trở thành hiền nhân. Vì thế tôi

[630] Phức (馥) có nghĩa là thơm ngào ngạt, thơm ngát.

thường lải nhải về chuyện này, hãy nên làm cho hàng nữ nhân của thân hữu đều biết thì may mắn lắm thay!

643. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất)

Nhận được thư và bản thảo Phật Học Đại Từ Điển, khôn ngăn vui mừng. Các hạ soạn ra cuốn sách ấy khiến cho những người nghiên cứu Phật học nhập môn dễ dàng, thật giống như người chỉ cho kẻ lạc lối đi đúng đường, công đức ấy làm sao cân lường được? Nhưng cần phải khảo sát tỉ mỉ, xin đừng đem sai ngoa lan truyền sai ngoa.

Những chuyện xa xưa và chuyện xảy ra ở ngoại quốc được thuật dưới từ ngữ *"nhất thiết kinh"* (hết thảy kinh) Quang đều không biết, nhưng những chuyện được tường thuật [trong mục ấy mà Quang được biết thì] phần lớn đều sai lầm, như Minh Thành Tổ ghi là Minh Thế Tổ. Năm Vĩnh Lạc 18 (1420), Minh Thành Tổ cho khắc Đại tạng kinh suốt 21 năm, tới năm Chánh Thống thứ năm (1440) mới hoàn tất. Đấy là Minh Bắc tạng (Đại tạng kinh đời Minh, bản khắc in ở phương Bắc) vậy. Nam tạng được khắc vào thời Minh Thái Tổ, nhưng do chưa có lời đề từ và lời bạt nên không thể khảo chứng được năm tháng, nhưng chắc chắn chẳng phải là được khắc dưới thời Minh Thành Tổ. Tuy có thuyết nói Minh Thành Tổ đã cho khắc Đại tạng kinh ở cả hai kinh đô (Nam Kinh và Bắc Kinh) và cho khắc trên đá, nhưng thật ra Minh Thành Tổ chỉ khắc bản Bắc tạng. Vì sao biết? Do xét theo quy củ của Nam tạng, số hòm[631] và số quyển đều chẳng theo thứ tự [như trong bản Bắc tạng], há lẽ nào cùng do một người khắc kinh mà Nam tạng lại lập riêng một quy củ ư? Hơn nữa, trong Bắc tục tạng có những bản kinh mà Nam tục tạng không có, hoặc trong Nam tục tạng có những bản kinh mà Bắc tục tạng không có. Đủ biết Bắc Minh tạng được khắc trong niên hiệu Hồng Vũ thời Minh Thái Tổ không còn nghi ngờ gì nữa! Bản khắc trên đá hoàn toàn chưa được thực hiện.

Đối với chuyện ni sư Pháp Trân khắc Đại tạng kinh thì ni sư là người thuộc triều Nguyên, tạng được ni sư khắc thuộc loại Phạn bản[632]. Trong mục từ ngữ nói

---

[631] "Hòm" (có nghĩa là cái tráp, cái rương nhỏ, xin đừng lầm là quan tài) thường được dùng để dịch chữ hàm (hay còn gọi là lang hàm). Lang hàm vốn là một cái hộp nhỏ để đựng cả một bộ sách, vừa giữ cho sách khỏi hư bìa, vừa để những quyển trong một bộ sách bị thất lạc. Khi xưa, sách thường được in thành từng quyển, mỗi quyển độ 40 trang. Đối với những tác phẩm lớn, cứ mỗi 10 quyển lại gộp thành một hàm, cho dễ kiểm nhận, tra cứu, giống như hình thức chia thành tập (volume) hiện thời.

[632] "Phạn bản" theo nghĩa thông thường có nghĩa là nguyên văn chép bằng tiếng Sankrit (tiếng Bắc Phạn), nhưng từ ngữ này được dùng ở đây để chỉ một lối in kinh. Trong cách in kinh này, mỗi trang gồm 12 dòng, mỗi dòng độ 17 chữ, được chia thành hai nửa trang, có vạch phân cách

về Tạng tạng (Đại tạng kinh Tây Tạng) ở trước đó, từ điển cho biết tạng kinh của Tây Tạng được khắc từ năm Khang Hy 23 (1684) đến năm Ung Chánh thứ 6 (1728), nhưng Thanh tạng (Hán truyền Đại tạng kinh khắc dưới đời Thanh) của nước ta được khởi công vào năm Ung Chánh thứ 13 (1735), hoàn tất vào năm Càn Long thứ 3 (1738) sao lại hoàn toàn chẳng nhắc tới?

Hơn nữa, Thạch Kinh Sơn[633] ở Tây Kinh là nơi pháp sư Uyển Công đời Tấn khắc kinh trên đá, chứa trong thạch động, vì lo rằng thời mạt pháp kinh Phật diệt hết, mong sẽ có bậc Đại sĩ thừa nguyện mở động ấy in kinh lưu truyền rộng khắp. Từ đời Tấn đến cuối đời Minh, vẫn có người khắc kinh để cất giữ trong động ấy, phía ngoài dùng những song sắt niêm phong cửa động, chỉ có thể đứng bên ngoài nhìn vô chứ không thể vào được. Những bản khắc đá ấy chất đầy kín trong động, có khá nhiều động. Trong Văn Tập của các vị Tử Bách và Hám Sơn đều chép về chuyện này.

Hơn nữa, hai chữ "từ điển" nếu nói tổng quát thì toàn bộ giáo pháp trong cả Đại tạng đều có thể gọi là từ điển. Nếu nói hạn cuộc thì chỉ những sách chuyên giảng rõ về danh tướng mới đáng gọi là từ điển, như Giáo Thừa Pháp Số, Đại

---

chính giữa, nhưng vẫn chỉ đánh số như một trang (chỉ in một mặt giấy). Do vậy khi xếp lại thành quyển để đóng gáy, hai mặt giấy trắng đâu lưng vào nhau, mỗi một trang giấy của quyển sách đã đóng chỉ là nửa trang giấy ban đầu (tức mỗi trang chỉ gồm 6 dòng; đúng ra phải gọi là cột), cứ mỗi hai mặt của một trang giấy mới gọi là một trang (vì thế lối in này còn gọi là *chiết tử*). Đây là cách in mô phỏng cách chép kinh theo hàng ngang trên lá bối của Ấn Độ nên gọi là Phạn bản. Đôi khi có những bản in như Thục bản được in theo lối quyển tử, tức mỗi trang được in trên một tờ giấy dài, mỗi một tờ như vậy gồm 23 hàng, mỗi hàng 16 hay 17 chữ, bộ kinh in xong được cuốn thành cuộn chứ không xếp giấy đóng thành sách. Về sau này, khi kỹ thuật ấn loát tiến bộ hơn, đã in được cả hai mặt giấy, nếu mỗi trang bị cắt ra như vậy thì bản in ấy vẫn gọi là Phạn bản.

[633] Thạch Kinh Sơn có tên cũ là Bạch Đới Sơn, hay Vân Cư Sơn, thuộc huyện Phòng Sơn, tỉnh Hà Bắc. Do sư Tịnh Uyển (Minh Báo Ký ghi là Trí Uyển) khởi xướng khắc kinh trên đá cất giữ trong động mà núi được gọi là Thạch Kinh Sơn. Do thế núi ngoằn ngoèo kỳ vĩ nên núi còn có tên nữa là Tiểu Tây Thiên. Trong lá thư trên đây, sư Trí Uyển được ghi là sống vào đời Tấn có lẽ là do người sao lục chép nhầm. Theo từ điển Phật Quang Sơn, trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-616) nhà Tùy, do các vua thuộc triều đại Bắc Chu, Bắc Tề nối tiếp nhau phế Phật, trục xuất sa-môn, đốt phá nhà chùa, sư Tịnh Uyển chùa Trí Tuyền ở U Châu liền phát nguyện tạo khắc Đại tạng kinh trên đá để kinh điển khỏi bị diệt mất. Được sự hỗ trợ của vợ vua Tùy Dạng Đế, sư đã liên tục khắc kinh cho đến khi viên tịch vào năm Trinh Quán 13 (639) đời Đường. Tiếp nối chí nguyện của sư có các vị Huyền Đạo, Nghi Công, Huệ Tiêm, Huyền Pháp, Khả Nguyên, Hưng Tông, Triệu Tuân Nhân, Đạo Tông, Tông Lý v.v.. Toàn bộ Đại tạng kinh được khắc xong vào năm Đại An thứ mười (1094) nhà Liêu. Hậu nhân vẫn tiếp tục khắc thêm những bản kinh hoặc trước tác, ngữ lục, chú giải cho mãi đến năm Khang Hy 30 (1691) mới thật sự ngưng khắc.

Minh Tam Tạng Pháp Số[634] chẳng hạn. Còn như những ngữ lục trong nhà Thiền chính là những cơ phong chuyển ngữ chuyên xiển dương pháp hướng thượng, còn chưa thể gọi là giáo, há nên gọi là từ điển? Các vị đại thiền sư kể từ sau thời ngài Mã Tổ trở đi đều có ngữ lục, ngài Vân Môn còn về sau nữa, sao đối với ngữ lục của những vị trước đấy chẳng gọi là từ điển, lại gọi riêng ngữ lục của Vân Môn là từ điển?

Hơn nữa, ngài Vân Môn thuyết pháp như mây trôi mưa dội, trọn chẳng thích người khác ghi chép lại. Vì thế Hương Lâm Viễn, Song Tuyền Khoan mỗi vị đều lấy giấy làm áo để lén ghi chép lại, [những ghi chép của hai vị ấy được tập hợp thành] ngữ lục của ngài Vân Môn được lưu truyền hiện thời vậy! Các hạ không trình bày thật rõ ràng thì chắc rằng kẻ không biết sẽ tưởng ngài Vân Môn tự mình lén ghi, hóa ra là chính ngài tự ngăn cấm rồi lại làm.

Tổ Đình Sự Uyển[635] là sách ghi chép những ngôn hạnh trong nhà Thiền, cũng như những sách Lâm Gian Lục, Tông Môn Vũ Khố[636] cũng chẳng nên gọi là "từ điển" trong bản sửa chữa lần thứ hai. Bởi lẽ những sách ấy ghi chép những câu nói và những câu chuyện trực chỉ nhân tâm. Trong lời tựa cho thiên thứ hai, có lẽ nên đổi chữ *tông* thành chữ *giáo*! Như Lai thuyết kinh, chư tổ hoằng truyền, lưu

---

[634] Giáo Thừa Pháp Số do Viên Tịnh biên tập vào đời Minh. Do thấy các sách Đại Thừa Pháp Số, Hiền Thủ Pháp Số còn thiếu sót nhiều nên ngài Viên Tịnh đã dựa trên quan điểm của tông Thiên Thai thu thập tất cả những pháp số (những thuật ngữ trong Phật giáo như tam quy, nhất thừa, ngũ giáo, lục độ v.v.) trong các kinh điển Phật giáo và trước tác của bách gia chư tử biên soạn thành sách này. Sách bắt đầu bằng từ ngữ "nhất tâm" và kết thúc bằng "bát vạn tứ thiên pháp môn". Trong ấy, cũng giải thích những danh số của các ngoại điển (những kinh sách không thuộc Phật giáo).

Đại Minh Tam Tạng Pháp Số do sư Nhất Như biên soạn, thường được gọi tắt là Đại Minh Pháp Số, hoặc Tam Tạng Pháp Số, nội dung gồm những pháp số xuất phát từ Tam tạng kinh điển, cũng khởi đầu bằng từ ngữ "nhất tâm" và kết thúc bằng "bát vạn tứ thiên pháp môn", tổng cộng 1.555 từ ngữ, ghi rõ xuất xứ từ kinh luận trước thuật nào, đồng thời cũng dẫn giải những cách giải thích khác nhau của các tông.

[635] Tổ Đình Sự Uyển gồm 8 quyển, do Mục Am Thiện Khanh soạn vào đời Tống, ghi lại ngữ lục, hành trạng tóm tắt của các vị thiền sư nổi tiếng thời ấy như Vân Môn Văn Yển, Tuyết Đậu Trọng Hiển… Đồng thời sách còn giảng giải những từ ngữ khó nên trong thuở trước, sách này thường được coi như một cuốn tự điển trong nhà Thiền.

[636] Lâm Gian Lục do ngài Giác Phạm Huệ Hồng (1071-1128) soạn vào đời Tống. Sách có tên gọi đầy đủ là Thạch Môn Hồng Giác Phạm Lâm Gian Lục. Đây chính là ngữ lục của ngài Giác Phạm, ghi chép những lời bàn luận, tán dương hạnh đẹp của các vị tôn túc, cũng như những di huấn trong thiền lâm, những ý chỉ của chư Phật, Bồ-tát v.v..

Tông Môn Vũ Khố do Đạo Khiêm soạn vào đời Tống, có tên gọi đầy đủ là Đại Huệ Phổ Giác Thiền Sư Tông Môn Vũ Khố. Sách này là phụ lục của cuốn Đại Huệ Phổ Giác Thiền Sư Ngữ Lục, tập hợp lời ngài Đại Huệ Tông Cảo luận về nhân duyên, hành trạng, giáo huấn, cơ phong chuyển ngữ nhằm tùy cơ tiếp độ người học của các cổ đức trong nhà Thiền, kèm thêm những lời bình chú của Đạo Khiêm.

truyền khắp trong ngoài nước, những danh tướng, pháp số trong ấy nếu không đọc nhuyễn nhừ toàn bộ tạng kinh sẽ chẳng dễ gì biết được. Do vậy cổ đức bèn soạn ra các sách Giáo Thừa Pháp Số, Đại Minh Tam Tạng Pháp Số. Đấy chính là cội nguồn của những sách này vậy.

Quang mục lực quá suy, lại thêm tinh thần chẳng đủ. Thoạt đầu vừa mới về đến núi thì do bị trúng gió trong khi ngồi thuyền, cả mười mấy ngày chẳng được khỏe khoắn; sau đấy tuy đã khỏi bệnh nhưng hằng ngày lại phải trả lời thư hoặc giảo duyệt sách, gần như không rảnh rỗi chút nào. Đối với bộ Lục Tổ Đàn Kinh, chỉ xem ba tấm bia của Vương, Liễu, Lưu, những phần khác chưa xem. Các hạ chí mong lợi người, muốn dùng một bộ sách để chú thích trọn khắp các kinh thì hãy nên dốc sức khảo sát nghiên cứu hai ba năm, ngõ hầu người đọc đoạn sạch mọi mối nghi thì công đức lớn lắm. Nếu chỉ muốn ra sách cho nhanh, chắc chắn khó thể không sai lầm! Đối với bậc thông gia thì không trở ngại gì, nhưng kẻ sơ cơ chắc sẽ không biết nguyên do. Quang túc nghiệp sâu nặng, chẳng thể dốc chút sức mọn cho các hạ được, nhưng trọn một niềm ngu thành. Chỉ vì sợ lỡ ra người trong cả cõi đời chẳng được hưởng lợi ích cho nên mới ăn nói phiền phức, lụn vụn như thế.

644. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư và cuốn Phật Học Cơ Sở, khôn ngăn vui mừng, biết các hạ chỉ mong cho ai nấy đều xây lầu cao vạn trượng mau được thành công, vĩnh viễn không bị nghiêng đổ. "Sanh tạng" chính là bộ vị nơi thức ăn chưa được tiêu hóa[637], còn "thục tạng" là bộ vị nơi thức ăn đã tiêu hóa. Do vậy, con nằm trong bụng mẹ sẽ ở phía dưới sanh tạng, phía trên thục tạng[638]. Các hạ thông hiểu y học sâu xa, những hình vẽ giải phẫu bụng v.v. đều thuộc nằm lòng, ắt sẽ biết rõ từng bộ vị, còn Quang chỉ biết danh nghĩa mà thôi. Tác phẩm Phật Học Cơ Sở của các hạ xếp đặt khá xác đáng, nhưng đem những lời lẽ hủ bại của Quang xếp vào thể loại quỳnh lâm[639] (rừng quỳnh) thì thể loại, khí phận chẳng xứng, cảm

[637] Sanh tạng là nơi thức ăn mới được nghiền nát, chưa được tách ra thành các dưỡng chất dưới tác dụng của các enzymes tiêu hóa. Như vậy sanh tạng bao gồm thực quản, dạ dày. Thục tạng gồm ruột non, ruột già.

[638] Đây là lời thắc mắc của ông Đinh Phước Bảo về một câu trong kinh Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo (ta thường gọi là kinh Báo Ân Phụ Mẫu), *"con nằm trong bụng mẹ, ở phía dưới sanh tạng, phía trên thục tạng"*.

[639] Quỳnh lâm: Vốn gọi đủ là *"quỳnh lâm ngọc thụ"* (rừng quỳnh cây ngọc). Quỳnh (瓊) là một loại ngọc quý và đẹp. Do vậy, "quỳnh lâm ngọc thụ" thường dùng để chỉ chung những gì thanh cao, đẹp đẽ, nhất là những lời nói tuyệt diệu. Từ ngữ này vốn trích từ một câu nói trong tác phẩm Hoắc Tiểu Ngọc Truyện của Tưởng Phòng đời Đường: *"Đản giác nhất thất chi trung, nhược quỳnh lâm ngọc thụ, hỗ tương chiếu diệu, chuyển phán tinh thái xạ nhân"* (Chỉ nhận

thấy xấu hổ khôn ngằn! Lời tựa của hòa thượng Thiền rất hay, đủ để khơi gợi lòng tin tưởng, kính ngưỡng của người khác rồi, cần tới lời bình hủ bại của Quang làm chi nữa?

645. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được một bộ Phật Học Tiểu Từ Điển do ông ban tặng, đọc rồi khôn ngăn cảm kích (chẳng qua là lật xem qua mà thôi, chứ ngay cả một trang cũng không xem trọn). Cư sĩ Tôn Kế Chi phát đại tâm hướng dẫn làm lợi kẻ sơ cơ như thế ấy công đức vô lượng, nhưng cỡ chữ quá nhỏ, đọc lâu ắt sẽ hư mắt. Đối với người nghiên cứu Phật học đã lâu thì xem sách này hay không đều được. Tôi trộm sợ người chỉ có tín tâm, chưa từng nhập môn, trông thấy sách này sẽ dựa vào đấy như ngôi thành quan trọng, như hòn Thái Sơn, sẽ dẫn đến tình thế "nếu mắt chẳng bị tổn thương thì chẳng chịu tạm buông sách ra". Các hạ và ông Tôn đều cùng sẵn lòng lợi người nhưng do đấy làm hỏng con mắt của người khác thì tuy kết pháp duyên mà cũng gây nên cái họa mắt bị tật trong đời vị lai.

Ấn Quang sanh ra liền bị bệnh mắt, nay tiếc cho con mắt của người khác còn hơn chính mình, thường thấy những thiếu niên thông minh, mẫn tiệp đa số đều cận thị, hỏi tới thì họ nói do đọc sách chữ nhỏ mà ra. Trộm nghĩ những kẻ buôn bán tại các tiệm sách chỉ thích những sách hiếm lạ, phô phang chuyện dị thường để được lời to, chẳng cần biết sẽ có lợi hay gây hại cho người khác! Tối lòng mờ lý, tận lực tìm cầu phương cách để thu lợi, hạng người ấy nào đáng để nói tới, chỉ đành mặc kệ họ làm gì thì làm! Quả thật Quang chẳng dám nghĩ các hạ và ông Tôn đã phát tâm đại Bồ-tát mà cũng bắt chước phương thức của bọn chúng! Hơn nữa, là bạn tâm giao với nhau đã lâu, vì thế chẳng thể không giãi bày tấm lòng ngu thành để mong sao nhục nhãn lẫn pháp nhãn của hết thảy những người cùng hàng đều cùng sáng ngời, các hạ và ông Tôn sẽ đạt được quả báo ngũ nhãn viên minh, vĩnh viễn dứt được nỗi lo âu mắt quáng. Nếu tái bản sách này, hãy nên sửa đổi phương thức trình bày.

Bộ Phật Học Đại Từ Điển muôn vàn đừng dùng kiểu chữ làm hỏng con mắt này thì Ấn Quang được đội ơn nhiều lắm. Trong phương thức trình bày sách Giản Ma Biện Dị Lục giữa Nam Kinh và Dương Châu thì những chữ được in lớn hay nhỏ đều giống như nhau, nhưng trong ấy có những đoạn in hàng đôi, người già đọc sẽ cảm thấy tốn sức, Ấn Quang đều sửa thành hàng đơn để mong người đọc được lợi ích, không bị tổn hại.

---

thấy trong căn phòng khác nào rừng quỳnh cây ngọc, chiếu ngời lẫn nhau, đưa mắt nhìn thấy màu sắc tinh xảo lóa mắt).

Trong mùa xuân, các hạ đã ban tặng cuốn Phật Học Chỉ Nam, sai Quang châm chước, sửa chữa. Quang gắng vâng theo nhã ý, nhưng giữ đã lâu vẫn chưa duyệt cặn kẽ được. Ấy là vì cư sĩ Từ Úy Như có một người bạn sao được bản Thập Nhất Diện Thần Chú Kinh Sớ[640] từ Đại tạng kinh Nhật Bản, do bản này được lưu truyền đã lâu, có nhiều chỗ sai ngoa. Vì năm ngoái ông ta đã dựa theo Đại tạng kinh Nhật Bản để khắc cuốn Tùy Tự Ý Tam-muội, đem gởi cho Quang. Quang đọc cặn kẽ, tâm cảm thấy không yên, liền làm càn sửa chữa rồi gởi đi. Ông ta hết sức tán thành, tính khắc in lại ngay; lại bảo Quang viết lời tựa trình bày rõ nguyên do. Chắc các hạ đã để mắt xanh đọc lời tựa ấy trên tờ Thời Sự Tân Báo rồi. Do bởi lẽ ấy, lại phải sửa chữa bản Thập Nhất Diện Sớ theo lời yêu cầu của ông Từ. Chữ của bản sao ấy quá nhỏ, Quang chỉ đọc mười mấy tờ, chưa viết lách gì mà mắt đã bị tổn thương nặng nề! Suốt hai mươi mấy ngày chẳng dám dùng đến mắt chút nào. Đến nay, Phật Học Chỉ Nam lẫn Thập Nhất Diện Sớ đều chưa ngó tới, sợ các hạ phải đợi lâu chắc sẽ trách móc, nên trần thuật nguyên do. Gần đây, ngoài chuyện phải thù tiếp chuyện của người khác ra, còn có hơn 700 trang sách chưa duyệt. Vì thế chẳng thể nhanh chóng đáp ứng lòng mong đợi cao nhã. Thợ khắc chữ ở Dương Châu cứ kéo dài dây dưa, trong tháng 4 này tôi lại phải qua đó lo liệu. Nay tôi tính ra đi vào đầu tháng 7, chứ đi sớm sẽ vô ích.

646. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)

Vừa nhận được thư, biết các hạ tuy học rộng lại chẳng thẹn hỏi xuống[641]. Quang thật sự là kẻ vô tri vô thức, chẳng ngại dâng lên những điều mình hay biết. Dựa theo cuốn Đại Minh Trùng Khắc Phương Sách Đại Tạng Duyên Khởi (Duyên Khởi Khắc Lại Đại tạng kinh của nhà Đại Minh theo lối in phương sách), trong lời tựa của Lục Quang Tổ[642] nơi thiên thứ nhất có đoạn: "Xưa kia có người nữ tên là Thôi Pháp Trân chặt tay để quyên mộ khắc Đại tạng kinh, 30 năm mới hoàn

[640] Tức bản Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Sớ, không rõ ai là tác giả, được đánh số 1802 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Đây là bản sớ giải bộ Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Tâm Kinh (Mukhadaśaikavidyā-mantra-hrdaya) do ngài Da-xá-quật-đa dịch dưới thời Bắc Chu.

[641] Nguyên văn "hạ vấn", đây là cách nói khiêm hư, ngụ ý tổ chẳng có học vấn gì, không hiểu biết gì mà ông Đinh Phước Bảo vẫn hạ mình hỏi ý kiến.

[642] Lục Quang Tổ (1521-1597), tự Dữ Thằng, hiệu Ngũ Đài Cư Sĩ, người Bình Hồ, tỉnh Chiết Giang, đỗ tiến sĩ năm Gia Tĩnh 26 (1547), làm quan tới chức Lại bộ thượng thư. Ông tánh tình trung trực, cứng cỏi, nên va chạm rất nhiều với những gã xu nịnh trong triều, thường phải xin về nghỉ nhiều lần. Trong thời gian xin về nghỉ, ông chuyên tâm nghiên cứu Phật học, phát nguyện hoằng pháp, chẳng màng tiếng khen chê. Ông từng phát tâm quyên mộ khắc in bộ Ngũ Đăng Hội Nguyên, trùng tu tháp chùa Dục Vương, cũng như xướng suất khắc Đại tạng kinh theo kiểu rút nhỏ. Về già, ông chơi rất thân với đại sư Tử Bách, tu tập niệm Phật tam-muội. Đến lúc mất, tay kết ấn, chú tâm niệm Phật, an nhiên vãng sanh.

thành. Đương thời có đàn-việt hy sinh hết tài sản, đem con đi gán nợ để lấy tiền cung ứng. Thánh triều hoằng dương đạo pháp rộng lớn, hơn hẳn những triều đại trước rất xa, há chẳng có bậc hào kiệt có lòng cao trỗi hơn Pháp Trân ư? Đã không đề xướng cho việc khắc kinh được thành tựu mà khi được khuyên dụ lại viện cớ khó khăn, như vậy thì chí của kẻ trượng phu chẳng bằng được một người nữ!"

Nơi thiên thứ hai, trong lời tựa của Phùng Mộng Trinh[643] có đoạn: "Trong thời Tống - Nguyên, trừ bản được khắc ở kinh đô ra, như bản Đại tạng kinh được khắc bởi chùa Tích Sa ở Bình Giang, một ngôi chùa nọ ở Ngô Hưng hoặc ngôi chùa kia ở đất Việt đều có tàng bản, không ít hơn bảy tám bản Đại tạng kinh khác nhau. Đấy là một đầu mối khiến cho pháp đạo thịnh hành. Đến quốc triều chỉ có hai bản Đại tạng được khắc ở kinh đô."

Lại còn viết: "Do vậy, ghi chép duyên khởi của bản Tích Sa Tạng[644]: Ni sư Hoằng Đạo chặt tay để quyên hóa. Hoằng Đạo khuyến hóa xong, đồ đệ của ni sư lại nối chí chặt tay, phải qua ba đời mới mãn nguyện ấy. Bọn ta là trượng phu, chẳng thể dùng thâm tâm gánh vác đại pháp, khắc bản lưu thông, đâm ra chẳng bằng một nữ nhân! Nay sanh đúng cõi đời Phật pháp được thanh lặng, vào núi báu lại về tay không, há chẳng thẹn đến chết ư?"

"Người nữ tên Thôi Pháp Trân" như ông Lục đã viết chính là "vị ni sư tên Hoằng Đạo ở chùa Tích Sa" trong bài viết của ông Phùng. Hai cái tên Pháp Trân và Hoằng Đạo thì một là nêu pháp tự, hai là nêu pháp hiệu, chứ không phải là hai người. Nói "nữ nhân" để tăng khí thế cho câu văn ở phía sau: "Chí của kẻ trượng phu chẳng bằng được một người nữ!" Ghi "Thôi Pháp Trân" là theo cách viết tên trên độ điệp[645] thời cổ, đều ghi họ ngoài đời trước pháp danh. Vì thế mới có kiểu

---

[643] Phùng Mộng Trinh (1548-1595), tự Khai Chi, quê ở Tú Thủy (Gia Hưng, Chiết Giang), là một danh sĩ đời Minh, hiếu học, thông thạo rộng rãi kinh sử, trước tác rất nhiều. Ông đỗ tiến sĩ năm Vạn Lịch thứ năm (1577), giữ chức Hàn lâm biên tu. Về già, ông lập biệt thự tại Tây Hồ, đặt tên là Tây Hồ Thảo Đường, thường thích đọc kinh Phật, ngao du thăm viếng những chùa miếu quanh vùng Tây Hồ. Những trước tác nổi tiếng nhất của ông như Khoái Tuyết Đường Tập, Khoái Tuyết Đường Mạn Lục, Lịch Đại Cống Cử Chí đều được đưa vào Tứ Khố Tổng Mục thời Minh.

[644] Tích Sa Tạng là bản Đại tạng kinh được khắc từ năm Thiệu Định thứ hai (1229) đời vua Tống Lý Tông nhà Nam Tống cho đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời vua Nguyên Anh Tông, tổng cộng gồm 592 hòm, tức 6.362 quyển, gồm tất cả 1.532 bộ kinh. Do kinh được khắc in ở chùa Tích Sa Diên Thánh Viện thuộc Trần Châu, phủ Bình Giang (nay là Ngô Huyện tỉnh Giang Tô) nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng.

[645] Độ Điệp (度牒): Giấy chứng minh một vị tăng đã thật sự thọ giới cụ túc (đắc độ) trong một giới đàn được triều đình công nhận, tuân thủ đúng theo quy chế thọ giới của nhà Phật. Độ điệp thường do triều đình cấp. Quy chế này được lập ra từ thời Bắc Ngụy. Đến đời Đường, vào năm Khai Nguyên 17 (729) triều đình hạ lệnh tăng ni trong toàn quốc cứ mỗi ba năm phải đăng ký vào sổ bộ. Đến năm Thiên Bảo thứ sáu (747), nhà Đường lập riêng chức quan *Công đức sứ*

gọi pháp danh kèm theo họ ngoài đời, như Mã đại sư, Vương lão sư, Trầm Liên Trì v.v., chứ chẳng phải Thôi Pháp Trân là một nữ nhân tại gia, không phải là ni sư.

Câu tiếp theo là: "Thánh triều hoằng dương đạo pháp rộng lớn, hơn hẳn những triều đại trước rất xa." Lại dựa theo lời tựa của ông Phùng thì biết ni sư không phải là người đời Minh. Vì sao biết ni sư không phải là người đời Tống mà là người đời Nguyên? Do căn cứ trên phương pháp khắc ván. Bắt đầu từ thời Ngũ Đại, Phùng Đạo[646] cho khắc ván chín bộ kinh Nho giáo phải mất mấy chục năm mới khắc xong. Đến đời Tống tuy đã tinh xảo, nhanh chóng hơn, nhưng dựa trên sự kiện sách Long Thư Tịnh Độ Văn chỉ gồm hơn một trăm trang, lúc ấy đang nhằm thời Nam Tống mà vẫn phải khắc mất mấy tháng. "Do một người nữ đứng ra đề xướng, ba mươi năm mới khắc xong toàn bộ Đại Tạng" thì rõ ràng là dưới triều Nguyên chứ không còn nghi ngờ gì nữa!

---

trực thuộc Thượng thư tỉnh để trông coi việc cấp chứng minh thư cho tăng nhân. Đến năm Đại Trung thứ 10 (856), độ điệp được gọi là giới điệp và theo những quy định rất ngặt nghèo. Tăng nhân không có giới điệp sẽ không được triều đình thừa nhận, có thể bị bỏ tù bất cứ lúc nào. Dưới đời Minh để được cấp độ điệp, tăng nhân phải thi đậu kỳ khảo hạch về kinh điển mới được phép xin thọ giới cụ túc. Mỗi một lần truyền giới phải được triều đình chấp thuận. Ai tự tiện mở giới đàn không xin phép triều đình, cho dù là quốc sư, cũng sẽ bị phạt vạ rất nặng.

[646] Phùng Đạo (882-954), tự Khả Đạo, hiệu Trường Lạc Lão, người huyện Cảnh Thành, Doanh Châu (nay là huyện Giao Hà, tỉnh Hà Bắc), làm Tể tướng trải suốt năm triều đại, tám dòng họ, phục vụ mười ba vị vua, thường bị các sử gia coi là một gã hoạt đầu chính trị bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa. Trong bộ Tư Trị Thông Giám, Tư Mã Quang đã miệt thị Phùng Đạo là "gian thần bậc nhất"; còn Âu Dương Tu thì phê phán nặng hơn: "Chẳng biết liêm sỉ là vật gì!" Thoạt đầu, ông ta vốn là thủ hạ của Lý Tồn Úc. Khi Lý Tồn Úc diệt Hậu Lương, lập ra nhà Hậu Đường (năm 923), liền cho Phùng Đạo giữ chức Hộ bộ thị lang, rồi thăng lên làm Tể tướng dưới đời vua Hậu Đường Minh Tông (Lý Tự Nguyên). Tuy là Tể tướng, nhưng tới khi Lý Tùng Kha (con nuôi của Mẫn Đế) dấy loạn đoạt ngôi vua của Đường Mẫn Đế (Lý Tùng Hậu), trở thành Đường Mạt Đế (Xuất Đế), Mẫn Đế phải chạy sang nương tựa Thạch Kính Đường, ông ta không thèm theo vua hộ giá, mà lại thống lãnh bá quan tiếp rước tân hoàng đế. Tới khi Thạch Kính Đường diệt nhà Hậu Đường, lập ra nhà Hậu Tấn (năm 936), với tài luồn lọt, Phùng Đạo lại trở thành Tể tướng của nhà Hậu Tấn. Tới năm 946, quân Khiết Đan dưới sự thống lãnh của Gia Luật Đức Quang của nhà Liêu kéo quân xuống phía Nam, sát nhập lãnh thổ Hậu Tấn vào Đại Liêu, Đức Quang vẫn cho Phùng Đạo giữ chức Thái phó. Không lâu sau, bộ hạ cũ của Thạch Kính Đường là Lưu Trí Viễn chiếm lại lãnh thổ nhà Hậu Tấn, đuổi quân Liêu về Bắc, lập ra nhà Hậu Hán (năm 947). Nhờ khéo luồn lọt, Phùng Đạo lại được Lưu Trí Viễn phong làm Thái sư. Bốn năm sau, bộ hạ của Lưu Trí Viễn là Quách Oai soán ngôi, lập ra nhà Hậu Chu, Phùng Đạo vẫn được Quách Oai cho giữ chức Thái sư Trung thư lệnh cho đến khi mất. Trong suốt thời gian làm Tể tướng, Phùng Đạo chỉ đóng góp được mỗi một việc có ý nghĩa cho cõi đời là ra lệnh khắc ván quy mô chín bản kinh điển trọng yếu của Nho gia dưới sự bảo trợ của triều đình.

Vì sao biết kinh được khắc thuộc dạng Phạn bản?[647] Trong lời tựa thứ năm của đại sư Mật Tạng có ghi: "Thái Tổ đã khắc toàn bộ Đại tạng tại Kim Lăng (Nam Kinh), Thái Tông lại cho khắc bản đích xác hơn ở Bắc Bình (Bắc Kinh). Ấy chính là ý nguyện hoằng pháp của thánh nhân chỉ mong kinh điển nhà Phật được phổ biến. Vì thế, Đại tạng được khắc để lưu hành trong cõi đời, chẳng ngại phải khắc đi khắc lại. Về sau, chùa Chiêu Khánh ở Vũ Lâm thuộc Chiết Giang vâng theo đức ý[648] liền cho tạo phương sách[649], nhưng năm tháng đã lâu, bản khắc bị thất lạc." Đây chính là khởi nguồn của việc in kinh Phật theo lối phương sách vậy. Xưa kia, hễ là sách Phật thì đều dùng lối in Phạn bản. Ở kinh đô, Quang từng được thấy bản lưu thông của các sách Lăng-nghiêm Hội Giải[650], Hoa Nghiêm Sớ Sao[651] đều được in theo lối Phạn bản. Chẳng phải chỉ có thế mà thôi, ngay như

---

[647] Phạn bản theo nghĩa thông thường có nghĩa là nguyên văn chép bằng tiếng Sankrit (tiếng Bắc Phạn), nhưng từ ngữ này được dùng ở đây để chỉ một lối in kinh. Trong cách in kinh này, mỗi trang gồm 12 dòng, mỗi dòng độ 17 chữ, được chia thành hai nửa trang, có vạch phân cách chính giữa, nhưng vẫn chỉ đánh số như một trang (chỉ in một mặt giấy). Do vậy khi xếp lại thành quyển để đóng gáy, hai mặt giấy trắng đâu lưng vào nhau, mỗi một trang giấy của quyển sách đã đóng chỉ là nửa trang giấy ban đầu (tức mỗi trang chỉ gồm sáu dòng; đúng ra phải gọi là cột), cứ mỗi hai mặt của một trang giấy đã xếp ấy mới gọi là một trang (vì thế lối in này còn gọi là chiết tử). Đây là cách in mô phỏng lối chép kinh theo hàng ngang trên lá bối của Ấn Độ nên gọi là Phạn bản. Đôi khi có những bản in như *Thục bản* lại được in theo lối quyển tử, tức mỗi trang được in trên một tờ giấy dài, mỗi một tờ như vậy gồm 23 hàng, mỗi hàng 16 hay 17 chữ, một bộ kinh in xong được cuốn thành cuộn chứ không xếp giấy đóng thành sách. Về sau này, tuy kỹ thuật ấn loát tiến bộ hơn, đã in được cả hai mặt giấy, nhưng nếu mỗi trang bị cắt ra như vậy thì bản in ấy vẫn gọi là Phạn bản.

Còn phương sách chính là lối in sách theo truyền thống Trung Hoa, mỗi mặt giấy được tính là một trang gồm năm hay sáu dòng, mỗi dòng là 16 chữ, sách luôn được xếp giấy đóng gáy như mọi sách vở trong cõi đời.

[648] Đức ý (德意): Ý nguyện cao đẹp hoằng pháp lợi người.

[649] Tức trình bày kinh Phật theo lối phương sách như đã nói trong chú thích trên đây.

[650] Lăng-nghiêm Hội Giải (gọi tên đầy đủ là Lăng-nghiêm Kinh Viên Thông Hội Giải Sớ) do thiền sư Duy Tắc soạn vào đời Nguyên, chọn lọc tất cả những chú giải kinh Lăng-nghiêm của các vị cổ đức từ thời Đường, Tống, Nguyên, thêm phần bình chú của chính mình mà soạn thành. Thiền sư Duy Tắc (?-1354) thuộc tông Lâm Tế, quê ở Cát An (tỉnh Giang Tây), hiệu Thiên Như, lúc bé xuống tóc ở Hòa Sơn, sau sang núi Thiên Mục nhập chúng, đắc pháp với thiền sư Trung Phong Minh Bổn, được ngài Trung Phong chọn làm pháp tự. Sư chấn hưng Tông phong, hoằng dương pháp Thiền mạnh mẽ, nhưng lại chuyên tu tịnh nghiệp, soạn sách Tịnh Độ Hoặc Vấn để phá trừ các nghi hoặc về Tịnh độ. Sư được Nguyên Thuận Đế ban mỹ hiệu "Phật Tâm Phổ Tế Văn Huệ Đại Biện Thiền Sư", tặng y kim lan. Ngoài hai bộ sách nói trên, sư còn có những tác phẩm nổi tiếng khác như Ngữ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết v.v..

[651] Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao (80 quyển): Thoạt đầu, ngài Thanh Lương Trừng Quán soạn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ từ năm Hưng Nguyên nguyên niên (784) đến năm Trinh Nguyên thứ ba (787) gồm 60 quyển nhằm giảng giải kinh Hoa Nghiêm. Sau đấy, các đệ tử của ngài như Tăng Duệ v.v. hơn một trăm người soạn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao (gọi tắt là Diễn Nghĩa Sao, gồm 90 quyển) nhằm giải thích bộ sớ này. Đến đời Tống, Tịnh Nguyên mới phối hợp chánh kinh với lời sớ, tạo thành bộ Hoa Nghiêm

cuốn Quảng Nguyên Giáo Luận do Trầm Sĩ Vinh soạn được in theo lối Phạn bản. Đủ biết sách nhà Phật thời cổ đều nhất loạt được in theo kiểu Phạn bản. Từ khi lối in phương sách được lưu hành trở đi, do muốn thuận tiện, bất luận kinh, luật, luận, hay trước thuật, đều dùng kiểu phương sách. Chẳng biết các hạ có cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh này hay không? Mùa thu năm nay tôi đã nhờ người viết chữ đẹp chép lại, cho khắc ván, có thể ra sách vào mùa xuân năm sau. Khi in ra, sẽ đem mấy cuốn dâng lên các hạ và một hai người bạn quen biết để kết pháp duyên. Quang hiểu biết như vậy đó. Vì thế liền đem điều mình biết trình lên, những sự tích khác thì tôi chẳng được biết.

Sách Duyên Khởi Khắc Đại Tạng Kinh gồm 18 thiên tất cả. Mỗi tác giả trình bày theo một quy củ riêng; vì thế có người viết liên tiếp, có người chừa một ô trống, có người chừa trống hai ô để thay cho cách viết đài đầu[652]. Ngoài 18 thiên ra còn có quy ước khắc tạng, giảo đối v.v., tổng cộng tám mươi mấy trang. Quang chiếu theo cách khắc kinh hiện thời: Cứ mỗi trang là 10 hàng, mỗi hàng 20 chữ, chép liên tiếp, nên bản mới gồm tổng cộng 50 trang. Lời văn giữ theo đúng nguyên văn, nhưng phương thức trình bày tuân theo cách thức hiện thời. Do vậy, bớt được ba mươi mấy trang giấy cho dễ lưu thông.

Phật Học Đại Từ Điển là cửa ngõ đầu tiên để vào Phật pháp, chỉ nên biên soạn thong thả trong hai ba năm, chớ nên muốn mau ra sách kẻo bị sai ngoa. Tuy các hạ huệ quang chiếu khắp như mặt trời mọc lên soi trọn hoàn vũ, nhưng kẻ thấy cạn nghe ít chẳng ngại gì đem kiến thức thấy cạn nghe ít để dâng lên nhằm tỏ lòng ngu muội khăng khắng chí thành ngưỡng mộ mà thôi. Hơn nữa, Pháp Trân và Hoằng Đạo quyết không phải là hai người, nếu là hai người thì vì sao ông Lục lại chỉ nhắc đến Pháp Trân, ông Phùng chỉ nói đến Hoằng Đạo? Chuyện đặc biệt ấy sao lại bỏ sót không nêu lên? Huống hồ hai ông đều muốn nhờ vào đấy để phát khởi cái tâm thù thắng gánh vác pháp của bậc trượng phu ư?

647. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư và cuốn Phật Giáo Tông Phái Chú (ghi chú về các tông phái Phật giáo), khôn ngăn vui mừng an ủi. Quang gần đây bận việc túi bụi,

---

Sớ Chú gồm 120 quyển. Sau đấy, người ta mới ghép Sớ và Sao chung thành một bộ, lược bớt những ý kiến trùng lặp trong phần Sao, tạo thành bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao gồm 80 quyển.

[652] Đài đầu là cách viết theo lối cổ nhằm thể hiện ý tôn kính. Nếu nói chi tiết thì có hai cách dùng:

1. Na đài: Phía trước tên người được xưng hô sẽ bỏ một ô trống. Cách này vẫn còn sử dụng trong những văn kiện chánh thức của Đài Loan.

2. Bình đài: Nhằm thể hiện ý tôn trọng tột bậc. Mỗi khi gặp danh xưng của một người liền xuống hàng, bắt đầu một dòng mới bằng danh xưng ấy.

không rảnh rỗi để đọc kỹ được, chỉ đọc lời tựa tổng quát mà thôi, những phần khác đều là tùy tiện xem qua. Nơi dòng thứ bốn trong trang 26, phần chữ nhỏ, chữ sách (册) trong từ ngữ thiên sách (天册: sách trời) bị viết sai thành đan (丹), chữ Vũ (武) trong Vũ thị (武氏: họ Vũ) bị viết sai thành từ (慈). Đấy là do kẻ sắp chữ không cẩn thận mà ra. Ông Vạn làm thầy dạy học đã lâu[653], những kẻ được ông ấy chỉ dạy chắc sẽ chẳng đến nỗi phạm những sai lầm nhức mắt ấy.

An Sĩ Toàn Thư được các hạ nhận lãnh làm sách tài liệu và lưu thông, Quang sẽ thay cho quốc dân đối trước tam bảo lễ tạ hằng ngày. Thoạt đầu, tiên sinh An Sĩ quyết định cách trình bày bản in cũng chưa tốt lành tột bậc, bởi lẽ những lời văn giáo huấn của cổ nhân, cũng như những sự việc dùng để dẫn chứng, những lời bàn luận về cái tâm do ông ta viết ra v.v. đều in đảnh cách[654] hết, cho nên không phân biệt được chủ và khách. Các hạ bảo đổi thành cỡ chữ Nhị Hiệu Tự quả là chí lý danh ngôn, nhưng sợ làm theo cách ấy sẽ khó thể điều chỉnh được, lỡ ra chẳng được như pháp! Quang tính trừ những đoạn văn ghi sự tích ra, những phần khác đều in thấp xuống một chữ ngõ hầu chẳng bị lẫn lộn. Đối với bốn câu *"Vu Công…"* tiên sinh An Sĩ không giải thích, trong năm ngoái khi vị Đô đốc đất Điền (Vân Nam) phát tâm khắc ván bộ An Sĩ Toàn Thư, Quang đã sao lại hành trạng trong đời cuối cùng của Đế Quân tại nhân gian (tức Trương Á đời Tấn) và những sự tích được nhắc tới trong bốn câu ấy đem gởi đi[655] . Ông Đường tuy đã

---

[653] Nguyên văn *"Vạn quân cửu thân hàm trượng"* (ông Vạn đích thân dạy học đã lâu). Chữ hàm trượng (函丈) vốn là một từ ngữ để gọi thầy dạy học một cách cung kính. Quan Huyền khi chú giải sách Lễ Ký đã giảng câu *"nhược phi ẩm thực chi khách, tắc bố tịch, tịch gian hàm trượng"* (nếu không phải là khách đến ăn uống thì trải chiếu, chiếu được trải trong khoảng một trượng) như sau: "Người giảng và kẻ nghe giảng ngồi cách nhau trong vòng một trượng nên gọi là hàm trượng."

[654] Đảnh cách (頂格) là in một cột chữ cao hơn những cột khác một chữ. Cách này thường áp dụng để nhấn mạnh phần chánh văn trong một bài viết nhằm chú giải một đoạn kinh hay một thiên sách nào đó.

[655] Đây là bốn câu trong Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn không được Chu An Sĩ giải thích chi tiết: *"Vu công trị ngục đại hưng tứ mã chi môn, Đậu thị tế nhân cao chiết ngũ chi chi quế, cứu nghị trúng trạng nguyên chi tuyển, mai xà hưởng Tể tướng chi vinh"* (Vu công coi ngục cửa công đường to lớn, rộn ràng xe tứ mã, họ Đậu cứu người bẻ năm cành quế trên cao, cứu kiến đậu trạng nguyên, chôn rắn được hiển vinh làm Tể tướng). Tổ Ấn Quang đã ghi phần bổ khuyết như sau:

"Tiên sinh An Sĩ soạn tập cuốn sách này, sự lý, văn nghĩa thảy đều chu đáo. Chỉ có đời cuối cùng của Đế Quân và bốn chuyện Vu Công coi ngục, họ Đậu cứu người, Tống Giao cứu kiến, Thúc Ngao chôn rắn đều chưa từng sao chép. Chắc là do các sách khác đã chép đầy đủ, đời sau đều biết nên lược đi, nhưng kẻ chưa từng đọc rộng rãi sẽ không biết được. Quả thật là một điều đáng tiếc nuối. Do vậy, tôi bèn dựa theo Âm Chất Văn Chú Chứng chép bổ sung vào đây để sự thật được sáng tỏ bởi chẳng tiện sửa đổi nguyên văn…

Đời Hán, Vu Công là người Đông Hải, làm Đề lại coi ngục. Trong quận có người đàn bà hiếu thảo, ở góa thủ tiết, nuôi mẹ chồng rất chu đáo. Mẹ chồng thương con dâu còn trẻ, sợ con

rút lui, nhưng sách đã khắc xong, chỉ là chưa gởi đến. Sẽ sao ra một bản khác, cho đính kèm vào sau phần mục lục trong đầu quyển sách và soạn một lời tựa ngắn để nêu rõ nguyên do, ngõ hầu chẳng phạm đến nguyên văn mà lại khiến cho dù văn hay nghĩa đều không bị thiếu sót gì. Chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

---

dâu lỡ dịp đi lấy chồng khác bèn tự thắt cổ chết. Người em chồng liền vu cho nàng dâu đã bức chết mẹ, nàng dâu không biện bạch được. Vu Công bào chữa cũng không được, nàng dâu bị xử tội chết. Xứ Đông Hải liền bị hạn hán ba năm. Về sau, quan Thái thú đến, Vu Công thưa bày nỗi oan, tế lễ trước mộ người con dâu hiếu thảo, trời liền đổ mưa. Phàm những vụ án do Vu Công xét xử, mọi người đều phục. Cửa công đường hư, dân chúng tính sửa chữa. Ông nói: "Cửa này cao lớn có thể lọt lọng, xe tứ mã được! Ta coi ngục nhiều âm đức mà cũng không oan uổng, con cháu ắt sẽ hưng thịnh." Sau này, con ông là Định Quốc quả nhiên làm Thừa tướng, tước phong Bình Tây Hầu. Cháu là Vĩnh Lữ làm Ngự sử đại phu.

Đậu Vũ Quân thời Ngũ Đại, người ở Yên Sơn, ngoài 30 tuổi vẫn không con. Mộng thấy ông nội bảo: "Chẳng những ngươi không có con mà còn chẳng thọ! Hãy nên sớm tu đức để xoay chuyển lòng trời." Do vậy, Vũ Quân tận lực làm lành. Có kẻ ăn trộm hai trăm ngàn đồng, tự viết tờ bằng khoán buộc vào lưng đứa con gái bé, viết: "Bán vĩnh viễn đứa con gái để đền tiền nợ", rồi bỏ trốn. Ông thương xót, đốt bằng khoán, nuôi lớn đứa bé gái cũng như chọn nơi đàng hoàng gả chồng cho nó. Trong họ nội, họ ngoại, có ai bị tang ma không lo liệu được, ông bèn bỏ tiền chôn cất. Có người có con gái không lấy chồng được vì thiếu tiền hồi môn, ông bèn bỏ tiền làm đám cưới. Đối với thu nhập mỗi năm, ông tính toán trừ khoản tiền chi dụng ra, phần còn lại đều dùng để giúp người khác. Trong nhà chỉ một mực tiết kiệm, thanh bần, chẳng trang sức vàng ngọc, vợ chẳng có quần áo lượt là. Dựng thư viện ở phía Nam nhà mình, chứa mấy ngàn quyển sách, mời thầy dạy dỗ trẻ nghèo hèn bốn phương, chu cấp tiền cho học trò. Không lâu sau, sanh được năm đứa con trai, đều thông minh, tuấn tú, khôi ngô, lại mộng thấy ông nội bảo: "Mấy năm qua, công đức ngươi rộng lớn, tên đã được ghi trên thiên tào, được tăng thọ ba kỷ (một kỷ là 12 năm). Năm đứa con trai đều vinh hiển. Ngươi hãy càng thêm cố gắng, đừng biếng nhác cái tâm ban đầu." Về sau con trưởng là Tử Nghi làm Thượng thư bộ Lễ, con thứ là Tử Nghiễm làm Thị lang bộ Lễ, con thứ ba là Tử Khản giữ chức Tả bổ khuyết, con thứ tư là Tử Xưng làm Hữu gián nghị đại phu tham đại chánh, con thứ năm là Tử Hy làm Khởi cư lang. Tám đứa cháu nội đều quý hiển. Ông thọ 82 tuổi, không bệnh, nói cười qua đời. Phùng Đạo tặng bài thơ: "Yên sơn Đậu Thập Lang, dạy con trọn nhân nghĩa, linh xuân một cội lão, quế đỏ năm cành thơm."

Đời Tống, anh em Tống Giao, Tống Kỳ cùng học trong trường Thái học, có một vị tăng coi tướng bảo: "Tiểu Tống đỗ đầu thiên hạ, Đại Tống chỉ vừa đủ điểm khỏi rớt mà thôi!" Mùa xuân năm sau, thi xong, vị tăng trông thấy Đại Tống bèn chúc mừng: "Chắc là anh đã từng cứu sống mấy trăm vạn sanh mạng!" Giao cười bảo: "Nhà Nho nghèo làm gì có sức được như vậy." Tăng nói: "Loài vật cựa quậy đều là sanh mạng." Giao nói: "Có tổ kiến bị mưa xoáy vỡ, tôi bèn ghép tre bắc cầu cho chúng thoát thân, chắc là chuyện ấy đấy." Tăng nói: "Đúng vậy! Năm nay Tiểu Tống sẽ đỗ đầu, nhưng rốt cuộc ông vẫn chẳng thua kém nó đâu!" Đến lúc xướng tên người đậu, quả nhiên Tống Kỳ đỗ trạng nguyên; thái hậu Chương Hiến bảo: "Em không được vượt anh", quan *Chánh chủ khảo* bèn lấy Tống Giao đỗ đầu, đổi Tống Kỳ thành đỗ hạng mười. Mới tin lời vị tăng nói chẳng sai.

Tôn Thúc Ngao người nước Sở, thường ra ngoài chơi, thấy rắn hai đầu, bèn giết đem chôn. Lúc trở về, buồn bã không ăn. Mẹ hỏi duyên cớ, khóc thưa rằng: "Con nghe nói thấy rắn hai đầu ắt phải chết. Nay con trông thấy, sợ sẽ phải chết, bỏ mẹ lại." Mẹ nói: "Rắn nay ở đâu?" Thưa: "Con sợ người khác lại trông thấy đã giết đem chôn rồi." Mẹ nói: "Không lo gì! Ta nghe nói kẻ có âm đức ắt được thiện báo. Ắt con sẽ khiến cho nước Sở được hưng thịnh." Về sau, ông Tôn làm Lệnh doãn (Tể tướng), chấp chánh nước Sở."

An Sĩ Toàn Thư chính là bộ sách trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Tuy nói là tính in một vạn bộ, nhưng in càng nhiều càng hay, há nên tự vạch giới hạn? Hơn nữa, bảo người ta xuất tiền thì tợ hồ cắt thịt kẻ ấy vậy! Ngay trong hiện thời với số tiền đã gởi tới sẽ in được sáu ngàn bộ, nếu trọn chẳng có một ai chịu bỏ tiền ra nữa thì cũng tạm để an ủi tấm lòng đau đáu của các vị. Vạn sự tùy duyên, bất tất phải chấp chặt thì mới là cách thức yên vui.

Bản kinh Lăng-nghiêm do bà Ngô Nghệ Anh chép được chồng bà ta lưu thông. Bản kinh Pháp Hoa do bà Trang Nhàn chép (bà này là em gái của Trang Tư), chồng bà ta là Lục Giá Hiên cũng muốn lưu thông, cậy cư sĩ Cao Hạc Niên cầm kinh đến xin Quang xem xét, sửa chữa và xin viết lời bạt. Do vậy tôi đọc đại lược, thấy nét chữ mạnh mẽ, thanh tú, từ đầu đến cuối giống hệt như nhau, nhưng kiểu chữ đa phần vướng phải tập khí văn nhân: hoặc là viết theo lối tục thể, phá thể, thiếp thể, biến thể v.v., hoặc là ngược ngạo coi lối chữ chánh thể đang được lưu hành hiện thời là sai nên đổi sang dùng lối cổ thể. Quang cho rằng viết như vậy là theo thói tục, trái thời, chẳng đáng theo khuôn phép ấy, liền viết thư chê trách[656], bảo bà ta viết lại, cũng như phải sửa cho nét chữ hơi lớn hơn ngõ hầu người thọ trì lẫn kẻ ứng phó[657] đều vui thích thỉnh mua. Bà ta đọc thư Quang khá bội phục, ngày hôm sau liền cùng chồng đến bái kiến. Quang bảo bà ta hãy chép kinh giống như tiến sĩ viết đối sách[658] thì công đức sẽ lớn lao. Nghe nói bà ấy tuân thủ Nữ Huấn[659] khá tốt, phàm những nơi vui chơi đều nhất loạt không tới, rất được phu

---

[656] Xin xem chi tiết những chỗ tổ phê phán lối chép kinh của bà Ngô Nghệ Anh trong "Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên" trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, thư số 72.

[657] Chỉ những vị sư chuyên làm kinh sám, Phật sự, cúng quải theo lời thỉnh cầu của tín chủ (thường gọi là "ứng phó đạo tràng").

[658] "Đối sách" chỉ bài viết trong trường thi. Do đề thi thường là một câu nói hay một đoạn văn trích từ kinh điển Nho gia, thí sinh phải viết thành một bài văn giảng giải ý nghĩa câu nói ấy cũng như trình bày quan điểm, sách lược hòng giải quyết vấn đề, nên bài viết ấy thường gọi là đối sách. Khi viết đối sách, phải viết chữ rõ ràng, đủ nét, thận trọng để tránh phạm húy, lời văn không được có giọng điệu vô lễ, khinh cuồng v.v..

[659] Nữ Huấn là một bài minh do Thái Ung soạn, có nội dung giáo hóa phụ nữ về bổn phận, phẩm đức của nữ giới. Nội dung như sau: *"*Tâm ví như đầu mặt. Do vậy, phải hết sức trau sửa. Mặt một ngày không trau rửa, ắt bụi bám dơ bẩn. Tâm một ngày chẳng nghĩ tới điều lành, ắt tà ác chen vào. Phàm mặt không trang điểm, kẻ ngu chê là xấu. Tâm không tu, người hiền chán ghét. Làm sao chịu đựng được? Do vậy, khi soi gương phải nghĩ xem cái tâm có trong sạch hay chăng? Lúc bôi kem thơm phải nghĩ sao cho cái tâm nhu hòa. Lúc giồi phấn phải nghĩ sao cho cái tâm tốt lành. Lúc làm mượt tóc phải nghĩ sao cho cái tâm an thuận. Khi dùng lược phải nghĩ sao cho cái tâm phù hợp với lý. Lúc búi tóc lên phải nghĩ sao cho cái tâm chánh đáng. Lúc cuộn những sợi tóc mai phải nghĩ sao cho cái tâm được tề chỉnh."

Thái Ung (132-192), tự Bá Giai, là một danh sĩ sống vào cuối đời Hán, học rộng, giỏi thư pháp, từng được cử giữ chức *Tả trung lang tướng* dưới thời Hán Hiến Đế. Ông là người đầu tiên chỉnh lý kinh điển Nho gia và san định thành một bản tiêu chuẩn. Bài minh trên đây chủ

nhân Thịnh Hạnh Tôn khâm phục kính trọng. Không biết cuốn sách của Trang Ngô là viết cho chị em gái hay là dành cho cô và cháu? Ai là chị, là cô? Ai là em, là cháu? Nếu sách được sửa chữa lần thứ hai xong, Quang chẳng thể không viết lời đề từ, sợ vẫn phải phiền các hạ lưu thông. Gần đây, phong khí Phật học rộng mở, những bậc anh hiền chốn khuê các cũng dấy lên nhiều lắm, cũng giải được nỗi lo đau đáu của những người bận tâm tới đất nước, nhân dân vậy.

648. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)

Chuyện nhân quả báo ứng trong cuốn Phật Học Khởi Tín Biên do ông rộng lòng ban cho trước đây đủ để chấn động kẻ điếc, mở mắt cho người mù. Do vậy, tôi bèn tùy tiện nói với một hai người bạn, bọn họ cũng vui thích muốn xem, nhưng phiền một nỗi là không có ai tiện dịp sang đất Thân (Thượng Hải) để nhờ thỉnh sách. Do vậy Quang tính thuận theo ý họ, xin ông đọc thư rồi sẽ gởi cho một gói Phật Học Khởi Tín Biên. Gói sách ấy chỉ lấy kích thước của bưu kiện do bưu cục đã quy định làm chuẩn, không cần biết là bao nhiêu cuốn. Hãy ghi một tờ hóa đơn, thỉnh một bản phải tốn bao nhiêu tiền, đợi khi Quang tới Thượng Hải vào cuối tháng 6 sẽ trả lại theo đúng số, ắt chẳng đến nỗi sai chạy vậy!

649. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)

Lá thư tôi dâng trình lần trước chắc ông đã nhận được rồi. Ngày hôm qua, ông Bao Ngọc Đường đến thăm, cầm theo thư của các hạ và một gói Phật Học Toát Yếu. Sách này từ chỗ cạn tiến vào sâu, giảng giải nhân quả sự tích, luân hồi báo ứng cũng như sự vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, đúng là đã trao cho người ở trong nhà tối một ngọn đèn khiến cho tu nhân kết quả nơi thân trước, thân sau đều có thể quyết đoán sẵn được. Vì thế, kẻ có tín tâm đều cùng yêu thích, chẳng tiếc tiền tài để lưu thông.

Các hạ gạt bỏ lời ông Ngũ nói thì cũng là chuyện hay lắm. Phàm muốn đoạn nghi, khơi gợi lòng tin, chớ nên dùng những lời lẽ nửa tin nửa ngờ, cũng như trích dẫn những lời lẽ giảng giải nghĩa lý nhưng chẳng nương theo thật lý. Bởi lẽ, những lời nói ấy có thể khơi gợi tín tâm cho người khác mà cũng có thể khơi gọi lòng nghi ngờ của kẻ khác vậy! Có lẽ nên đưa chương thứ tám ra phía sau thì thể tài của cuốn sách sẽ hợp lý hơn, mà cũng có thể khiến cho người khác biết có những loại sách ấy để thỉnh về đọc. Những điều nào nên cắt bỏ hoặc nên thêm vào, xin ông hãy tự cân nhắc. Quang gần đây bận bịu đa đoan, hằng ngày không rảnh rỗi, xin ông hãy rủ lòng thông cảm. Khi ông Bao đến, Quang đã khuyên ông

yếu để dạy hai cô con gái của ông. Về sau, nó được coi như một bài minh cần phải thuộc nằm lòng của nữ giới.

ta hãy tu tại gia, tu chân ngay trong cõi tục, không cần phải xuất gia. Sợ rằng sau khi xuất gia do hằng ngày ở chung với bọn tăng lười nhác biếng trễ, lâu ngày chầy tháng sẽ chỉ trở thành một gã ăn bám cửa Phật. Chẳng biết ông ta có chịu nghe theo hay không?

650. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)

Vừa nhận được thư và 18 cuốn Phật Học Khởi Tín Biên, còn Lục Đạo Luân Hồi Lục vẫn chưa nhận được. Mỗi lần gởi sách và thư thì thường được chia thành hai lần gởi đến. Quang cũng chẳng thể đọc Lục Đạo Luân Hồi Lục nhiều được, trong những phần tôi đã xem thì thấy không có gì sai sót lớn lao. Nhưng loại sách này nên lấy chuyện nêu rõ nhân quả báo ứng làm chủ yếu, những bài dịch từ các báo ngoại quốc như tờ Linh Học Chí v.v. đăng ở cuối sách cũng có thể dùng để chứng minh nhân quả báo ứng. Gần đây ngoại quốc cũng tin có quỷ thần, đã có quỷ thần thì đời trước lẫn đời sau đương nhiên chẳng phải là không có, mà liễu sanh thoát tử lại càng là nhiệm vụ cấp bách; nhưng người đọc chẳng suy tới chỗ ấy, bèn học theo thói phù phiếm, chẳng thân thiết.

Từ nay trở đi, hễ sao lục những chuyện xưa chuyện nay, hãy đều nên chú trọng sao cho nhân quả báo ứng được nêu tỏ rạng rỡ thì sẽ có thể làm cho người thấy kẻ nghe không ai chẳng kinh sợ rét buốt tận xương, lông tóc dựng đứng, sanh lòng kiêng nể, sợ hãi. Đối với những lời bàn luận chung chung về chuyện có ma quỷ, hãy nên dành cho những tiểu thuyết gia thu thập hòng tô vẽ, lưu truyền. Có người bảo các hạ tính viết sách về Phật pháp để kiếm lợi cũng chẳng phải là không có nguyên nhân. Các hạ đã lấy hoằng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của chính mình, đừng nên bắt chước những kẻ buôn sách: Hễ in ra một cuốn sách mới liền áp dụng cách định giá của các loại sách mới, chẳng bận tâm tới số trang, công thợ! Các loại sách do các hạ in ra hãy nên căn cứ vào giá vốn rồi tính giá tiền dôi ra đôi chút ngõ hầu đại pháp được lưu thông mà cũng chẳng bị hụt vốn. Nếu giá sách cao gấp mấy lần giá vốn lẫn công thợ, sẽ bị người khác công kích, chê giễm (ngay như Phật Học Tiểu Từ Điển cũng bị định giá quá cao). Do tôi lạm nhận là người cùng chí hướng với các hạ nên mới dám nói thẳng như vậy, xin hãy rủ lòng tha thứ!

651. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)

Quang trọn chẳng có học vấn lại thêm mắt lòa, vì thế đối với trước thuật của các bậc danh nhân xưa nay đều chưa từng ghé mắt vào. Tôi chưa đọc bài văn bia

của Ma-cật[660] nên ý nghĩa, ngữ mạch trong phần văn trên và dưới tôi đều không biết. Nếu chẳng vâng lời thưa trình, sợ các hạ trách móc. Nay tôi dựa theo bổn phận của kẻ lòa thốt lời sờ voi cho xong trách nhiệm, chứ chưa chắc đã hoàn toàn đúng, mà cũng chưa chắc đã hoàn toàn sai bét. Xin bậc sáng mắt hãy cân nhắc để chọn hay bỏ thì may mắn lắm thay!

"Cổ duệ hải sư" (鼓 枻 海 師: bậc thầy đẩy mái chèo trong biển cả) là từ ngữ thường được dùng trong kinh để chỉ người vào biển cả tìm vật báu. Từ ngữ "hành giả chẳng biết Bồ-đề" là nói về Thiền tông, ngụ ý: Chỉ ra trí thể của chư Phật ở ngay trong phiền hoặc của chúng sanh. Ý nói: Kẻ vào trong biển cả tìm của báu, chẳng biết nhà mình sẵn có đồ quý, cao sang nhất, quý báu nhất, có thể sanh ra vô lượng các món báu, cứ rong ruổi tìm cầu bên ngoài, nào khác kẻ ôm của báu lạc nẻo, đang cưỡi trâu lại đi tìm trâu. Cần biết rằng, thật tánh của tham sân si chính là Phật tánh! Nếu có thể triệt ngộ Phật tánh ấy thì trọn chẳng thể tìm được tham sân si. Chân giới, chân định, chân tuệ ở ngay trong bản thể, nhưng cũng chẳng thể tìm được tướng của chân giới, chân định, chân tuệ. Đại ý của lời Lục tổ nói là như thế đấy. Lấy hai câu này làm câu văn để soi ngược lại, nhằm tỏ rõ sự thắng diệu. Đấy là sự sờ sẫm mù lòa của Quang vậy! Chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

Hơn nữa, Thiền tông chuyên trọng tham cứu, chứ không chú trọng giảng giải. Pháp Bảo Đàn Kinh tuy có những chỗ giảng nói ý nghĩa, nhưng nếu chưa mở được con mắt nhà Thiền thì nếu chẳng biến Tông thành Giáo cũng sẽ tưởng mê là ngộ. Vì thế ông Bùi Công Mỹ[661] nói: "Hễ hiểu được ý chỉ thì mau thành Phật đạo, hễ lạc mất ý chỉ, sẽ mau vào nê-lê[662]." Quang thì Giáo cũng chẳng thông,

---

[660] Vương Duy (701-761), tự là Ma-cật, người huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây, là một thi nhân nổi tiếng dưới đời Đường, thường được xưng tụng bằng mỹ hiệu Thi Phật do những bài thơ Đường Luật của ông mang đậm sắc thái thiền vị. Vương Duy tinh thông Phật pháp, đặc biệt hâm mộ kinh Duy-ma-cật nên lấy hiệu là Ma-cật. Ông đậu tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ 9 (721), làm quan đến chức Thái tử trung doãn, Thượng thư hữu thừa. Ông cũng nổi tiếng về tài hội họa. Những sách viết về hội họa thời cổ như Lịch Đại Danh Họa Ký, Đường Triều Danh Họa Ký v.v. đều đánh giá rất cao tài năng hội họa của ông.

[661] Bùi Hưu (791-864), tự Công Mỹ, người xứ Tế Nguyên, Mạnh Châu (nay thuộc huyện Tế Nguyên, tỉnh Hà Nam), học Phật từ nhỏ, người đời thường gọi ông là cư sĩ Hà Đông (vì tổ tiên ông vốn là người Hà Đông). Làm quan đến chức Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, rồi được bổ làm Tiết Độ Sứ ở nhiều nơi, tánh tình khoan dung, rộng rãi, nghiêm cẩn, cai trị đúng mực, không ra oai mà dân chúng hết sức kính sợ, yêu mến. Ông nổi tiếng về tài thư pháp, văn chương trầm ổn, mạnh mẽ, lay động lòng người. Gia đình ông đời đời sùng Phật, nhưng ông là người tu học Phật pháp nhiệt thành nhất. Ông từng dựng chùa Mật Ấn để làm trụ xứ cho thiền sư Linh Hựu. Về già, dựng am ẩn cư tại làng Quy Sơn ở Hồ Nam.

[662] Nê-lê (niraya) là tên gọi khác của địa ngục (naraka: thường phiên âm là nại-lạc-ca hoặc na-lạc-già), dịch nghĩa là bất lạc, khả yếm (đáng chán), khổ cụ, khổ khí, vô hữu.

huống hồ là Tông ư? Nhưng cũng hơi biết lối vào môn đình hai tông ấy. Tiếc đã không chân, lại chẳng có mắt, nên chẳng thể bén mảng nơi phên giậu được!

Kinh ấy (tức Pháp Bảo Đàn Kinh) cũng có thể lợi người mà cũng có thể khiến cho người khác bị lầm lẫn. Nếu có thể đối với pháp nào, chuyện nào cũng đều nêu rõ tông chỉ "trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật", lại chẳng trái nghịch giáo nghĩa thì dẫu có nói "Lục tổ xuất thế" cũng không phải khen ngợi quá lố. Nếu không, đã chẳng làm cho người khác thấy được tánh, lại còn đến nỗi do Tông mà trái Giáo thì lợi ích nơi Tông lẫn Giáo hai đằng đều bị mất, sẽ ứng với ý nghĩa trong câu nói thứ hai của Công Mỹ (tức câu "hễ lạc mất ý chỉ sẽ mau vào nê-lê"), cố nhiên vẫn chẳng bằng để nguyên diện mục sẵn có của nó[663] thì hay hơn. Các hạ có tâm lợi người tha thiết, Quang cũng ôm lòng tha thiết ngừa cho người khác khỏi bị sai lầm, vì thế chẳng thể không thưa trước để tận tấm lòng ngu thành khăng khăng trọn hết tình tri kỷ vậy.

Câu chữ trong nhà Thiền cần phải có con mắt khác để lãnh hội, nếu chẳng khéo hiểu ý sẽ chưa khỏi *"y văn giải nghĩa, tác tam thế Phật oan"* (dựa theo văn tự để hiểu ý nghĩa khiến cho ba đời chư Phật phải bị oan uổng). Lỡ như trái nghịch giáo nghĩa, chỉ thành *"ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết"* (rời kinh một chữ, sẽ giống như lời ma nói). Dễ thì dễ như trở bàn tay, khó thì khó như lên trời. Nếu không phải là bậc Tông lẫn Giáo đều thông, hai mắt viên minh, cố nhiên chẳng nên khinh thường, dễ duôi theo đuổi việc chú giải kinh ấy!

652. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười)

Quang bẩm tánh ngu bướng, đã không hiểu biết, lại chẳng hiểu đời nên chẳng thể mềm mỏng thuận theo tình người. Vì thế, phát nguyện suốt đời làm một tăng nhân ăn nhờ ở đậu mãi mãi, may được cư sĩ chẳng chê bỏ Quang là hạng không ra gì. Phàm nói ra điều nào dẫu cuồng ngạo, trái nghịch, cũng đều được cư sĩ khen ngợi, cảm thấy hổ thẹn đến cùng cực! Tục ngữ có câu: "Nhặng xanh bám vào đuôi ngựa Ký bèn đi được ngàn dặm", lòng Quang ngu thành, nhờ sức của các hạ mà khiến cho hết thảy những ai có tín tâm đều cùng sanh lòng kính nể kinh tượng, ngõ hầu diệt được tội khiên của tôi, tăng thêm phước tuệ cho họ. Xét tới nguồn cội, đều là được thành tựu bởi các hạ vốn là một bậc thiện tâm vui đạo vậy. Hết sức cảm ơn!

[663] Ý nói nếu chú giải mà không nêu được ý chỉ viên dung, chỉ khiến cho người đọc chấp vào lý tánh, bác bỏ sự tu, thiên chấp đề cao Thiền tông, bài xích, miệt thị các tông khác thì đã trái nghịch với ý chỉ viên đốn của tổ. Chú giải như vậy sẽ có hại hơn là có lợi, thà cứ để nguyên không chú giải cho người đọc tự lãnh hội ý tổ thì hay hơn.

Quý môn nhân[664] là cư sĩ Vạn hỏi về Bảo Hoa Tam-muội Truyện, chùa Pháp Vũ không có sách ấy. Ở quý cục (tức Y Học Thư Cục) đã không có thì cũng khó thể tìm được ở nơi nào khác. Hãy nên hỏi ở Bảo Hoa chắc sẽ tìm được. Vị này[665] chính là Bồ-tát thị hiện chứ không phải là người thường, sư là học trò của Huệ Vân Hinh Công, là thầy của Kiến Nguyệt Thể Công. Vào năm Sùng Trinh thứ mười (1637), Kiến Nguyệt thọ giới dưới tòa của vị ấy xong liền nối pháp. Đến năm Thuận Trị thứ mười (1653), ngài đã làm trụ trì tại Hoa Sơn, vẫn chẳng biết ngài đã vào chùa bao nhiêu năm? Do điều này có thể biết ngài là người sống vào cuối đời Minh. Người được Linh Ẩn Hối Công nhắc đến chính là vị này vậy.

Kẻ mờ mịt Phật tánh, mù mờ chân như bèn bài xích người kiến đạo là chuyện thường thấy, cần gì phải hỏi tới xuất xứ? Dẫu có chỉ ra xuất xứ thì cũng chưa chắc người ấy đã là kẻ đầu tiên thốt ra lời ấy. Do vậy chẳng thà không chỉ ra xuất xứ thì hơn! Bồ-đề-đạt-ma truyền y bát tại Trung Quốc nhằm thời Ngũ Đại, đến đời Lục tổ chỉ truyền pháp ấn, chứ không truyền y bát. Hãy nên tra trong Lục Tổ Đàn Kinh sẽ biết được nhân duyên. Nguồn tâm sẵn có của chúng ta đều bị tình thức ngăn lấp nên chẳng thể hiển hiện được, nếu có thể phản chiếu hồi quang, thấy ngay được tình thức huyễn vọng ấy thì nó sẽ còn khởi từ đâu được nữa? Như vậy thì trong chẳng do tâm, ngoài chẳng do cảnh, hai đằng đều bị cắt đứt, chính giữa cũng chẳng lập. Cái gọi là "tình thức" hóa thành trọn chẳng còn gì, tình thức chướng lấp đã trừ thì nguồn tâm triệt để hiển lộ. Đấy chính là cảnh tượng đại triệt đại ngộ trong Tông môn vậy!

Tiễu (勦) là diệt, theo đao chẳng theo sức, hễ theo sức thì chẳng phải là đúng nghĩa[666]. Càng về sau càng thua kém đời trước cũng là chuyện thường được Giáo

---

[664] Tiếng gọi học trò của người khác một cách trang trọng.

[665] Luật sư Tam-muội (1580-1654), người huyện Quảng Lăng, năm 21 tuổi, xin xuất gia với pháp sư Tịnh Nguyên tại am Di-đà trong làng, rồi thọ giới cụ túc tại chùa Cam Lộ ở Nhuận Châu vào năm 29 tuổi, y chỉ luật sư Huệ Vân để chuyên tâm nghiên cứu Luật tông, nghiêm trì tịnh giới, rất được ngài Huệ Vân coi trọng, thường sai thay mặt Huệ Vân diễn giảng. Sau đấy, sư bế quan ba năm tại núi Cửu Tử. Sau khi xuất quan, sư chủ trì pháp hội Long Hoa tại núi Ngũ Đài, cảm được Văn-thù Bồ-tát phóng quang, hiện thân cưỡi sư tử trên hư không. Năm 1639, khi ngồi thuyền trở về Thạch Tháp, đi ngang Long Đàm, thuận chân viếng thăm núi Bảo Hoa (huyện Cú Dung, tỉnh Giang Tô) thấy tổ đình điêu tàn, sư liền phát tâm trùng tu chùa này. Năm sau, sư chống tích trượng sang Bảo Hoa, sai học trò là Kiến Nguyệt làm giám viện, mỗi năm tổ chức truyền giới đàn hai lần. Ngày 26 tháng 6 năm 1654, sau khi truyền giới xong tại giới đàn chùa Tam Tháp (Thiệu Hưng), sư trở về Bảo Hoa, bảo học trò trong vòng từ ba đến bảy ngày nữa sư sẽ vãng sanh. Ngày mồng 1 tháng 6 nhuận, sư giao phó chùa Bảo Hoa cho Kiến Nguyệt. Mồng 4 tháng 6, sư tự tắm rửa, ngồi xếp bằng trong nước, mỉm cười qua đời trong tiếng trợ niệm Phật hiệu của môn nhân.

[666] Ý nói: Thuận theo thế để diệt trừ, ví như vung đao chém xuống, do đà đi của lưỡi đao, vật sẽ bị cắt đứt không cần phải ra sức bổ xuống. Cũng giống như vậy, hễ chứng ngộ, phiền não sẽ

nói đến. Nếu chẳng thể chỉ ra lời nói ban đầu do ai nói, chẳng thà không nêu ra thì hơn. Nói chung, hết thảy mọi sự được tiền nhân sáng lập, người đời sau kế thừa. Tuy càng về sau, càng tinh vi, càng mầu nhiệm, nhưng công hiệu vẫn chẳng thể vượt trỗi lúc ban đầu, bởi điều ấy do tiền nhân sáng lập. Huống chi các vị tiền nhân sáng lập, trước thuật trong Phật pháp phần nhiều là hạng Pháp thân đại sĩ thừa nguyện tái lai. Người đời sau kế thừa, dẫu có đổ công sức làm cho pháp ấy tinh vi, nghiêm mật trỗi vượt tiền nhân, nhưng đại cương, yếu chỉ, những lời bàn luận sâu xa thâm nhập được lý, không có gì chẳng phải do tiền nhân đã tìm ra. Dẫu chưa nêu rõ ra thì những gì người đời sau nêu ra vẫn là suy luận dựa theo ngữ mạch của những lời tiền nhân đã nói. Vì thế, tuy những gì về sau này trỗi hơn những gì thuộc thuở ban đầu, quả thật vẫn kém hơn thuở ban đầu vậy!

Từ ngữ "quang ảnh môn đầu" (光影門頭) chỉ cho tình trạng "kiến đạo chẳng chân thật". Ấy là vì lấy mặt trăng trên bầu trời và thân hình con người để ví cho đạo, những kẻ chỉ thấy được ánh trăng và bóng người bèn cho là đã đắc, há có được chăng? Hơn nữa, nếu dùng mặt trăng để ví cho đạo, lấy ánh trăng, bóng trăng để ví với chỗ đạo lưu lộ thì cũng được. Ánh trăng, bóng trăng chính là chỗ lưu lộ của mặt trăng, nhưng hãy nên từ ánh trăng, bóng trăng mà ngẩng lên nhìn vầng trăng trên trời, đừng ngỡ ánh trăng và bóng trăng trong nước là vầng trăng thật sự.

Chuyện Huệ Quả chưa được chép trong Tống Cao Tăng Truyện. Từ sau Tống Cao Tăng Truyện, tiểu truyện của những vị tăng trong các triều đại kế tiếp chưa được biên soạn. Bộ Minh Cao Tăng Truyện, hai cuốn, chỉ sao chép hành trạng của một hai vị đã biết, chẳng đáng gọi là sách tiếp nối bộ Tống Cao Tăng Truyện. Hiện thời, pháp sư Đạo Giai ở Bắc Kinh đang thỉnh người sưu tập rộng khắp, tính chép nối tiếp hành trạng của các vị cao tăng sau thời những vị được nêu tên trong Tống Cao Tăng Truyện cho đến hiện tại. Như vậy thì số quyển sẽ không thể dưới 110 quyển được.

Mật tông lấy tam mật gia trì khiến cho phàm phu được chứng thánh ngay trong hiện đời, công đức lực dụng ấy chẳng thể suy nghĩ được, chẳng thể bàn bạc được, nên gọi là "lực dụng chẳng thể nghĩ bàn". Tuy Mật tông đề xướng tông chỉ ấy, nhưng cần phải là đúng người thì mới có thể làm được. Hạng người ấy là hạng

đoạn diệt, không cần phải chú tâm dụng công. Thật ra vẫn là dụng công, nhưng không còn phân biệt đối đãi nên giữ giới, diệt phiền não không cần phải hết sức chú tâm dụng công.

người nào? Chính là các vị như Kim Cang Trí[667], Thiện Vô Úy[668] v.v.. Nếu không phải là hạng như vậy thì đạo chẳng thể không hành suông. Những kẻ học Mật tông hiện thời đều chỉ học được ngoài da, hoàn toàn không có giới lực Kim Cang lẫn đạo tâm Bồ-đề. Họ chẳng chú trọng trì chú để đoạn hoặc chứng chân mà phần lớn bắt chước hiện chữ, hiện hình tướng, để hỏi cát hung họa phước, nhân trước quả sau, giống như tác dụng của linh quỷ. Đấy gọi là làm cho Mật tông bị bại hoại; tôi sợ quở tội họ còn chẳng xuể, nói chi là thành thánh ngay trong cõi phàm! Chúng ta chỉ nên lấy pháp môn Tịnh độ làm một tòa núi Tu-di lớn lao để dốc hết toàn thân nương tựa, ngõ hầu chẳng bị hết thảy tri thức lay động hòng có thể liễu

---

[667] Kim Cang Trí (Vajrabodhi, 671-741) là vị tổ phó pháp thứ năm của Mật tông Ấn Độ, được coi là Sơ tổ Mật tông Trung Hoa (theo truyền thống Kim Cang Giới). Sư xuất thân từ giai cấp Bà-la-môn, năm lên 10 tuổi xuất gia ở chùa Na-lan-đà, 20 tuổi thọ cụ túc, nghiên cứu tu tập rộng rãi các kinh điển Đại Tiểu thừa. Năm 31 tuổi, theo học Mật giáo với ngài Long Trí. Nối gót ngài Thiện Vô Úy, sư dẫn đệ tử là Bất Không theo đường biển đi qua Tích Lan, Sumatra, tới Quảng Châu của Trung Hoa vào năm Khai Nguyên thứ bảy (719) đời Đường, kiến lập đạo tràng Quán Đảnh Đại Mạn Noa La, hóa độ tứ chúng. Năm Khai Nguyên thứ tám (720), sư lên Lạc Dương rồi qua Trường An, lo phiên dịch kinh điển Mật giáo và truyền thụ bí pháp quán đảnh. Ngài dịch được các bộ kinh Kim Cang Đảnh, Du-già Niệm Tụng Pháp, Quán Tự Tại Du-già Pháp Đệ Bát Bộ… Sư cùng với Bất Không và Thiện Vô Úy được cõi đời xưng tụng là Khai Nguyên Tam Đại Sĩ. Sư tính trở về Ấn Độ, nhưng rồi thị hiện bệnh nhẹ, viên tịch tại chùa Quảng Phước, Lạc Dương, thụy hiệu Đại Hoằng Giáo Tam Tạng. Những vị đệ tử người Trung Hoa nổi tiếng nhất của sư là Nhất Hạnh, Huệ Siêu, Nghĩa Phước, Viên Chiếu v.v..

[668] Thiện Vô Úy (Śubhakara-simha, 637-735). Đôi khi còn dịch là Tịnh Sư Tử, cũng được coi là Sơ tổ của Mật tông Trung Hoa (tùy theo hệ thống truyền thừa là Thai Tạng Giới hay Kim Cang Giới mà sẽ coi ngài Thiện Vô Úy hay ngài Kim Cang Trí là Sơ tổ). Sư vốn người nước Ô-trà (Odra, Đông Ấn Độ), thuộc giai cấp sát-đế-lợi, hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương (Cam Lộ Phạn Vương là chú của Phật Thích-ca). Sư nối ngôi vua năm 13 tuổi, do gặp nội loạn, sư bèn nhường ngôi đi xuất gia. Đến bờ biển Nam Ấn, sư thấy ngôi chùa thờ Phật thù thắng bèn ngộ được Pháp Hoa Tam-muội. Ngài đến chùa Na-lan-đà ở Trung Ấn theo học với ngài Đạt-ma-cúc-đa (Dharmagupta), nghiên cứu Du-già Tam Mật, lãnh hội rốt ráo, được ngài Đạt-ma-cúc-đa truyền quán đảnh. Năm Khai Nguyên thứ tư (716) đời Đường, tuân theo lời thầy truyền, sư theo ngả Trung Á đến Trường An, được vua Huyền Tông tôn làm quốc sư, trụ tại chùa Hưng Phước. Năm sau, sư phụng chiếu dịch kinh tại chùa Bồ-đề, dịch các bộ Hư Không Tạng Bồ-tát Năng Mãn Chư Nguyện Tối Thắng Tâm Đà-la-ni Cầu Văn Trì Pháp, Đại Nhật Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh (những lời giảng về kinh Đại Nhật của ngài được Nhất Hạnh biên tập thành bộ Đại Nhật Kinh Sớ), Tô Bà Hô Đồng Tử Kinh, Tô Tất Địa Yết La Kinh. Do những kinh này thuộc hệ thống Thai Tạng Giới trong Mật thừa nên sư được coi như Sơ tổ Mật tông Trung Hoa (nếu xét theo hệ thống Thai Tạng Giới). Sư là người chủ xướng việc để nguyên những bài thần chú bằng tiếng Phạn, dùng những chữ Hán có âm đọc gần giống với Phạn âm để ghi cách đọc, khiến cho Phật giáo Trung Hoa dấy lên phong trào nghiên cứu chữ mẫu tự *tất đàm* (siddham). Do rất khéo tay, ngài cùng các đệ tử tự chế tạo các hình mạn-noa-la (mandala), tượng, pháp khí, tháp bằng đồng. Năm Khai Nguyên 20 (730), sư xin trở về Ấn Độ, nhưng không được vua chấp thuận. Sư thị tịch năm Khai Nguyên 23, thọ 99 tuổi. Huyền Tông hết sức thương tiếc truy tặng tước Hồng Lô Khanh, chôn ở chùa Quảng Kỷ tại núi Long Môn. Các đệ tử đắc pháp gồm Bảo Tư, Nhất Hạnh, Huyền Siêu, Nghĩa Lâm, Trí Nghiêm, Hỷ Vô Úy, Bất Khả Tư Nghị (người Đại Hàn), Đạo Từ (người Nhật)…

thoát ngay trong đời này. Nếu không, sóng sẽ theo gió dấy lên, trọn chẳng có lúc nào ngưng thì buồn thay!

Tôi chưa từng thấy sách Đại Tạng Bí Yếu, chắc là sách được lưu truyền bởi người Nhật. Bốn câu *"đoạt nhân cảnh…"* chính là lời lẽ trong bài Tứ Liệu Giản của ngài Lâm Tế. "Đoạt" có nghĩa là dứt bặt dấu tích, hình tượng vậy, "bất đoạt" có nghĩa là "hiển thị lý thể", "nhân cảnh" chính là cảnh trí của nhân và pháp. *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*, tức là "đoạt cảnh bất đoạt nhân", nêu rõ người đi vãng sanh, dứt bặt cảnh được sanh về. *"Đi thì quyết định đi, nhưng sanh thì thật sự chẳng sanh"* chính là "đoạt nhân bất đoạt cảnh", nêu rõ cảnh được sanh về, diệt người đi vãng sanh. *"Đi thì thật sự chẳng đi, sanh cũng thật sự chẳng sanh"* chính là "nhân lẫn cảnh đều đoạt", tức nhân lẫn cảnh đều vắng lặng vậy. *"Đi thì quyết định đi, sanh cũng quyết định sanh"* chính là "nhân lẫn cảnh đều chẳng đoạt", bởi nhân lẫn cảnh cùng được hiển thị vậy. Tuy có bốn câu, nhưng chỉ nhằm nói lên ý "tuy về mặt sự thì quả thật có sanh, nhưng xét trên mặt lý thì thật sự vô sanh", cũng là diệu chỉ "nêu chiếu, diệt tịch; nêu tịch, diệt chiếu; tịch lẫn chiếu cùng diệt; tịch lẫn chiếu cùng nêu". Hễ sanh thì ắt phải có người thực hiện hành động đó, vì thế gọi là nhân. Hễ đi thì ắt phải có cảnh để đến nên gọi là cảnh. Lý này rất sâu, hãy nên sốt sắng niệm Phật hòng đích thân thấu hiểu được. Nếu không, sẽ trở thành khẩu đầu thiền, bàn xằng bát-nhã đấy!

653. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)

Hôm qua nhận được thư và bản chú giải Quán Thế Âm Kinh, cũng như tác phẩm lớn lao của các hạ là Phật Học Đại Từ Điển, khôn ngăn cảm kích, cảm ơn lắm! Nhưng do nét chữ quá nhỏ, chẳng thể đọc kỹ được, chỉ xem đại lược lời tựa và mấy điều thuộc phần phàm lệ[669] mà thôi, giống như Hà Bá dõi nhìn biển cả, khôn ngăn than dài sườn sượt! Tự thẹn cô lậu quả văn (học kém, nghe ít), sống luống uổng nơi cửa Phật chẳng có ích gì, cảm thấy hổ thẹn không thể cùng cực được. Nay có người khẩn cầu: Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa gần đây khá sanh lòng tin tưởng nơi Phật học, do thấy Di-lặc Bồ-tát từng thị hiện giáng trần ở

[669] Phàm lệ: Phần nêu những nguyên tắc biên soạn và trình bày tự điển, như nguyên tắc tra chữ, cách sắp xếp hệ thống phân loại từ ngữ, cách đánh số ghi chú và bản thư mục trích dẫn, cách ghi tắt từ loại (chẳng hạn bên cạnh một chữ mở ngoặc ghi một chữ "danh" trong ngoặc thì từ ấy là một danh từ), tên những tác phẩm trích dẫn thường được ghi tắt bỏ trong ngoặc vuông, chẳng hạn trích từ quyển 2, phẩm Thuần Đà, kinh Niết-bàn thì ghi là [Niết - Thuần Đà - q.2] v.v..

huyện Phụng Hóa[670], chí càng tha thiết muốn lưu truyền sự tích của ngài để mong khơi gợi lòng tin cho hết thảy mọi người. Năm trước, ông ta đã khắc cuốn sách Tích Lục Hoàn do ông nội của ông ta soạn. Mùa xuân năm ngoái đến núi tặng cho Quang một bộ. Quang đọc, thấy những điều được nói trong ấy đều là dùng tri kiến phàm phu để suy lường, chứ trọn chẳng phải là những lý đương nhiên trong Phật pháp, cũng như chẳng nêu được nguyên do vì sao Di-lặc Bồ-tát ứng thế. Lại còn sử dụng từ ngữ giống hệt như lời lẽ thông tục chốn quê mùa, lầm lạc khinh nhờn xằng bậy khiến cho người khác đau đớn, bi thương. Quang vạch rõ cặn kẽ khuyết điểm ấy, bảo ông ta: "Ông lưu thông sách này nhằm tôn vinh ông nội, nhưng đối với Phật pháp, đối với chúng sanh đều chẳng có ích gì mà chỉ có hại, xin đừng lưu thông!" Ông ta nghe lời Quang nói liền hủy bản in ấy.

Về sau, ông Ngọc Tiên lại khắc Di-lặc Truyện, sách ấy rất hay. Đầu xuân ông ta liền gởi thư cho Quang, cho biết là tìm được ngữ lục tại đạo tràng của đại sĩ Phó, cũng muốn khắc ván. Quang từng được thấy một bản do pháp sư Hưng Từ bảo đệ tử quy y của thầy ấy khắc in, bản ấy sai ngoa nhiều khôn kể xiết! Sợ bản do ông Tôn tìm được chính là bản ấy, cho nên bèn hỏi có phải là bản ấy hay không? Ông ta bèn gởi sách ấy tới. Đây là bản in theo lối thạch ấn, so với bản do pháp sư Hưng Từ đã khắc sai ngoa càng nhiều hơn nữa. Vì thế bảo ông ta hãy khoan khắc. Năm trước Quang đã khuyên pháp sư Hưng Từ nên in bản khác, sư cũng chấp thuận. Nếu sư khắc in thì ông Tôn không khắc bản này cũng được, còn nếu khắc thì hãy chiếu theo bản của sư đem khắc trong lần này cho đỡ bị sai ngoa.

Ngọc Tiên lại nói bi ký của đại sĩ Phó vốn do Từ Lăng[671] đã soạn dưới đời Trần, văn sâu, nghĩa uyên áo, người đọc phần nhiều chẳng hiểu được ý nghĩa, bảo Quang hãy khẩn cầu các hạ chú giải tường tận thì hết thảy người đọc sẽ liền phát tâm Bồ-đề mong được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, dự hội Long Hoa trong tương lai. Quang nói khi chú giải ắt phải xem kỹ ngữ lục hầu biết cội nguồn, sự việc, cũng như biết đại lược những điều ngài đã đề xướng.

Bản khắc hiện thời sai ngoa quá nhiều, nếu chẳng xét kỹ chắc sẽ khó khỏi phạm sai lầm! Đợi cho bản khắc lần thứ hai của thầy Hưng Từ được in ra rồi mới chú giải thì một là sẽ đỡ tốn tâm lực, hai là không sai ngoa, ngõ hầu có thể dẫn

[670] Di-lặc Bồ-tát hóa thân làm hòa thượng Bố Đại ở huyện Phụng Hóa vào đời Minh. Hình tượng Di-lặc Bồ-tát thường được thờ hiện thời ở Trung Hoa chính là hình trạng của hòa thượng Bố Đại: bụng to, mặt lớn, tai dài, luôn mỉm cười, tay luôn cầm một chiếc túi vải.

[671] Từ Lăng (507-583), tự Hiếu Mục, người Đông Hải Đàm (nay thuộc huyện Đông Đàm, tỉnh Sơn Đông), là một văn nhân nổi danh thời Trần - Tùy. Được ca ngợi là "tám tuổi thông văn chương, mười hai tuổi thông hiểu Lão - Trang, đến lớn đọc khắp các sử sách, biện tài vô ngại". Ông từng giữ chức Đông các học sĩ, làm thầy dạy học của Lương Giản Văn Đế (Tiêu Cương) khi vua còn là Thái tử.

chứng đích xác, mở mang chánh nhãn cho người khác. Tấm lòng ấy thật ân cần! Đến hôm qua ông Tôn lại gởi thư tới, ý muốn thực hiện ngay chuyện này để mong sao Phó Đại Sĩ Ngữ Lục sẽ được lưu hành cùng với Di-lặc Truyện, bảo Quang gởi thư xin các hạ hãy vì chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, ngõ hầu mọi người đều được biết tới đạo uyên áo của đức Di-lặc, cầu khẩn khôn ngằn! Do vậy, bèn đem bản Phó Đại Sĩ Tập do Quang đã châm chước sửa đổi gởi đi bằng thư bảo đảm và bỏ luôn thư của Ngọc Tiên vào phong bì, mong ông hãy thỏa mãn ý nguyện nhỏ nhoi của Ngọc Tiên và Quang mà vung ngọn bút lớn lao khiến cho quang minh của ngài Di-lặc được chiếu trời soi đất đến tận đời vị lai.

Đạo tràng của đại sĩ Phó ẩn sâu trong xó núi, gần đây thật ít cao nhân tới trụ, nên bản ngữ lục ấy qua nhiều lần sao chép, khắc ván thường tăng thêm phần sai ngoa, hoặc thêm phần thừa thãi, hoặc bị sai sót. Quang thấy vậy khôn ngăn đau tiếc, bèn dùng tri kiến kém hèn để châm chước, sửa chữa. Bản khắc lại của pháp sư Hưng Từ sẽ dựa theo bản sửa chữa này. Nhưng trong cõi đời không có bản nào hoàn chỉnh, Quang lại không có sự hiểu biết chân chánh, chưa chắc mỗi một điều đều đúng pháp. Những chỗ được sửa cho đúng chiếm hơn một nửa, dẫu có những chỗ bị sửa đúng thành sai thì cũng chỉ chiếm chưa tới một nửa. Do trong cõi đời không có một bản hoàn chỉnh nên không thể dựa vào đâu để châm chước, cân nhắc sửa đổi được. Do vậy, nếu giữ chết cứng thái độ thận trọng, theo lệ chẳng dám sửa đổi một chữ thì tấm lòng đau đáu của Đại sĩ sẽ bị phong kín bởi văn tự sai ngoa, thiếu sót, thừa thãi, sẽ không có cách nào phô bày rõ rệt được! *(Đây chính là nỗi khổ tâm "chẳng lượng sức, cứ làm chuyện châm chước, giảo định" của Quang.)*

Dựa theo mặt sau trang ba trong quyển bảy sách Phật Tổ Thống Kỷ thì tôn giả Pháp Hoa[672], tổ thứ sáu của tông Thiên Thai, chính là hậu thân của Từ Lăng. Ngài

[672] Tôn giả Pháp Hoa (?-680) là cao tăng đời Đường, pháp danh là Trí Oai. Sư là người xứ Tấn Vân, Xử Châu (nay là Chiết Giang). Thuở nhỏ học Nho, tới năm 18 tuổi đã giữ chức Đường trưởng trong quận ấy. Cũng trong năm đó, tuân theo lời cha mẹ, sư trở về quê nhà lo cưới vợ, giữa đường chợt gặp một vị Phạm tăng cật vấn: "Sao ông lại bội nghịch lời trọng thệ khi xưa?" Vị Phạm tăng cho biết sư đời trước là Từ Lăng, từng nghe tổ Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa, liền phát nguyện đời sau xuất gia từ bé để hoằng dương tông Thiên Thai. Do vậy, sư bèn sang chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, thờ ngài Quán Đảnh làm thầy. Sau khi thọ cụ túc liền được thầy truyền tâm yếu, định tuệ trọn đủ, chứng được Pháp Hoa tam-muội. Năm Thượng Nguyên nguyên niên (674), sư rời Quốc Thanh, vào núi Thương Lãnh Phổ Thông ẩn cư, tuyên giảng kinh Pháp Hoa. Do cuộc đất chật hẹp, Sư bèn dời sang ngọn núi Hiên Viên Luyện Đan, chặt phá gai góc, đặt tên nơi ấy là Pháp Hoa. Ngày diễn giảng, đêm hành thiền. Đạo chúng theo học đông dần, thiền tập đến 300 người, thính chúng hơn 700 người. Tôn giả biện tài uyên bác, văn chương lưu loát, soạn rất nhiều văn bia. Người đời tôn xưng sư là tôn giả Pháp Hoa. Sư thân cao lớn, khi lên giảng tọa thường có áng mây tím che trên đỉnh đầu. Từ chỗ sư ẩn cư đến chỗ thiền hội, thọ trai xa cả tám chục dặm, nhưng sư chưa hề chậm trễ vắng mặt nên mọi người đều

Trí Giả hoằng pháp ở kinh đô vào đời Trần, Từ Lăng quy y dưới tòa, phát nguyện hoằng pháp trong đời sau.

Trong một cuốn sách Phó Đại Sĩ Ngữ Lục có tới ba bốn tên, trong phần Thư Thiêm và bìa sách đều ghi là Tập. Quyển một và hai lại ghi là Truyện Lục. Quyển ba ghi là Thi Kệ. Quyển bốn hoàn toàn chẳng đề danh xưng chánh thức của sách. Phần văn bia thì ghi là Phụ Lục Bi Văn, những chỗ khác chỉ có hai chữ Phụ Lục. Quang châm chước đặt ra một tên gọi, gọi chung toàn bộ cuốn sách là Phó Đại Sĩ Tập. Hai quyển đầu ghi kèm thêm hai chữ Truyện Lục, quyển ba ghi là Thi Kệ, quyển bốn thì trước phần văn bia ghi thêm dòng chữ "phụ lục bi văn". Các truyện thì ghi là "phụ lục truyện này nọ". Trong bản của pháp sư Hưng Từ tôi đã viết rõ cách thức trình bày cho thầy ấy, còn bản này vốn để Quang giữ cho nên chưa ghi rõ.

654. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)

Mấy hôm trước, em trai ông Mạnh Do là Quần Tranh tính thí tặng các sách nói về nhân quả do các hạ đã soạn và Long Thư Tịnh Độ Văn cũng như bộ Văn Sao của Quang, nhưng vì người đọc sách trong hiện thời trọn chẳng chú trọng cung kính kinh sách của thánh hiền, sợ người được tặng sách sẽ đọc với thái độ như đọc sách Nho thì tội lỗi vô lượng. Do vậy Quần Tranh gởi thư cho Quang, xin soạn một bài văn khuyến cáo, tính cho khắc ván, in vào đằng sau bìa sách, ngõ hầu những kẻ hiểu biết sẽ chẳng đến nỗi giữ mãi thói quen khinh nhờn ấy. Quang liền viết một bài gởi cho ông ta, nhưng do học thức kém cỏi, thật khó thể cảnh tỉnh kẻ khác được! Tuy thế, ắt sẽ có người do vậy mà sửa đổi đôi chút thói quen cũ ấy.

Lại nghĩ, sách đã đóng bìa xong, nếu in thêm vào sẽ thật khó, nếu hơi chẳng lưu tâm sẽ trở thành bôi lem nhem. Nhân đấy nghĩ: Trên bìa của những cuốn sách do các hạ biên soạn, nếu các hạ chịu in những lời này, cố nhiên sẽ có ích lớn lao cho người đọc. Đấy cũng là một đầu mối để dùng pháp giáo hóa người khác. Nay tôi đem bài văn ấy gởi kèm theo thư để trình lên. Nhưng đấy bất quá chỉ là nói đại lược mà thôi, nếu các hạ chịu vận dụng tài viết lách lớn lao để soạn một bài văn khiến cho người đọc vừa nhìn vào sẽ kinh hồn thì càng tốt đẹp hơn nữa. Do vậy không nhất định phải dùng bài văn của Quang. Chỉ mong cho người khác biết kiêng sợ hòng ai nấy đều được lợi ích vậy! Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải hướng về cung kính mà cầu, đấy chính là thường pháp chẳng thể thay

---

nói là sư có thần túc thông. Sư từng được vua phong tước Triêu Tán Đại Phu. Sau này, Ngô Việt Vương dâng tặng thụy hiệu Huyền Đạt Tôn Giả. Đệ tử nối pháp có ngài Huệ Oai cũng rất nổi tiếng nên người đời thường gọi hai thầy trò là Nhị Oai.

đổi trong suốt mười phương ba đời vậy. Tiếc cho người đời nay phần nhiều coi thường chuyện này, do vậy chỉ mang cái danh nghiên cứu suông, chẳng đích thân đạt được thực chứng.

655. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba)

Quang vô tri vô thức, bị ép vào thế bất đắc dĩ, bắt chước cách thức gom lá nhóm cỏ cho xong trách nhiệm, Úy Như lầm lạc lưu truyền, cũng chẳng qua là tạm thời mà thôi, lâu ngày ắt sẽ diệt mất! Nay được các hạ sao lục đưa vào trong những trước tác lớn lao, quyết sẽ được lưu truyền rộng khắp thiên hạ hậu thế. Đúng như câu nói: "Nhặng xanh bám đuôi ngựa Ký nên đi được ngàn dặm", cảm kích, hổ thẹn khôn sánh!

Trong lá thư lần trước, ông đã nói đại lược về kinh Huệ Mạng, Quang chưa hiểu được ý. Nay nhận được thư, biết các hạ muốn nhổ trọn các cội rễ tà kiến, nêu đích danh sách ấy là kinh điển tà vạy của ngoại đạo giả danh Phật pháp và dẫn lời Quang đả phá, bài xích, có thể nói lòng từ sâu xa, lòng bi lớn lao đến cùng cực không gì hơn được nữa, cảm tạ! Bộ Văn Sao hủ bại của Quang nhờ được các hạ tán dương quá mức sẽ được lưu thông tận phương xa, sẽ có ích lớn lao cho kẻ sơ cơ học Phật. Đợi đến khi người ấy đã biết được đường lối sẽ chẳng ngại gì coi Văn Sao như chó rơm[673]. Nếu vẫn coi như khuôn thước thì cũng không phải là chẳng được! Bởi lẽ pháp không có hơn kém, được lợi ích tùy nơi mỗi người mà thôi.

656. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn)

Nhận được thư, các hạ ra rả răn nhắc Quang phải đọc trọn Phật Học Đại Từ Điển, càng chứng tỏ lòng các hạ vô ngã rỗng rang dường như biển cả, dung nạp khắp mọi dòng chảy, trọn chẳng khi nào đủ! Quang mục lực suy đồi gần như lòa, thẹn chẳng thể ra sức dò theo từng hàng mực, hổ thẹn khôn sánh! Ngày 23 mới nhận được bài chú giải Đại Sĩ Bi (văn bia thuật hành trạng của đại sĩ Phó) do ông Hoàng Hàm Chi biên soạn. Trộm nghĩ văn tự, điển cố trong bài văn bia ấy cực khó thấu hiểu tường tận được. Vì thế, ông Tôn Ngọc Tiên tính cậy các hạ chú giải nhằm phát khởi thiện căn của hết thảy người đọc, ngõ hầu được sanh về Tịnh độ ngay trong đời này, tương lai sẽ phụ trợ đức Di-lặc trong hội Long Hoa. Lợi ích

[673] "Chó rơm" (sô cẩu: 芻狗) vốn là con chó bện bằng rơm thường dùng để cúng tế cho người chết trong thời cổ. Sau khi cúng xong sẽ đốt hoặc vứt đi nên từ ngữ sô cẩu thường dùng để chỉ những vật vô ích. Ở đây, tổ dùng từ ngữ này để sánh ví Văn Sao, sau khi đã hoàn thành vai trò dẫn nhập kẻ sơ cơ thâm nhập pháp môn Tịnh độ thì chẳng cần đến Văn Sao nữa cũng không sao.

ấy quả thật chẳng nông cạn! Nay thấy trong bản chú giải của ông Hoàng, phàm những điển tích người khác chẳng dễ biết mỗi mỗi đều được nêu ra, chẳng những Quang và Ngọc Tiên vui mừng, an ủi khôn cùng, mà Di-lặc Bồ-tát nơi cõi Thường tịch quang và trời Đâu-suất cũng mỉm cười bảo ông Hoàng đã nêu bày thông suốt được bản hoài xuất thế của ngài. Nếu bài văn ấy được khắc, ắt sẽ được lưu truyền khắp cõi, vĩnh viễn không ngừng.

Quang do vô tri lại muốn giúp lưu thông nên bèn dùng lối đánh số để chỉ ra những chỗ sai ngoa do lưu truyền sao chép trong ấy và những chỗ chưa được giảng giải hết sức thông suốt, viết riêng vào một tờ giấy khác để mong ông ta sẽ lại sửa chữa. Cổ nhân soạn sách chẳng hiềm ba bốn lượt sửa đổi bản thảo. Biết ông Hoàng và các hạ là bạn tâm giao, sẽ trọn chẳng trách móc Quang phiền phức vụn vặt, mà sẽ vui vẻ sửa chữa để mong sao trong hội Long Hoa thường được Di-lặc Thế Tôn đề cao là bậc đa văn trí tuệ đệ nhất.

Điều đáng tiếc là núi sông xa xôi cách trở chẳng thể gặp mặt trong khi các vị biên soạn nhằm trọn hết tình bằng hữu thiết tha dùi mài. Những điều tôi đã nêu ra chưa chắc đã đều đúng cả, nhưng ngu kiến của Quang chỉ được như thế mà thôi. Ví như kẻ thôn dã dâng rau cần, đứa bé dâng cát, chỉ trọn hết phận mình, há cứ ắt muốn người khác phải sử dụng ư? Tưởng nghĩ các hạ vô ngã, ông Hoàng cũng sẽ vô ngã, chỉ muốn thành tựu thiện căn cho người lẫn mình, sẽ chẳng đến nỗi chê Quang lắm chuyện. Nếu ông Hoàng chịu sửa đổi thành bản khác thì may mắn chi hơn! Nếu như không chịu, tôi sẽ đem nguyên cảo gởi lại, bảo Ngọc Tiên khắc in thì cũng được.

Trong quyển bảy của bộ Phật Học Đại Từ Điển, trang 1.029, phía dưới từ ngữ "ấn hoại thành văn" (ấn nát nhưng dấu khắc trên ấn đã hiện) chú rằng *"đúc sáp thành ấn, in trên bùn đất"*, chưa đích xác! Ở đây là nói về kim nê[674], dùng ấn đúc hay khắc bằng sáp áp vào kim nê đang nóng chảy. Do kim nê chưa nguội nên còn mềm mại có thể đóng ấn vào được. Tuy đã bị ấn sáp đóng xuống thành vết, nhưng vì sức nóng của kim nê nên ấn sáp bị chảy tan. Tuy ấn sáp bị chảy tan, nhưng mỗi một nét khắc trên mặt ấn sáp đã đều hiện rõ trên kim nê. Như vậy thì ấn bị hoại, nhưng nét khắc trên mặt ấn đã hình thành, hai chuyện này xảy ra cùng một lúc. Nếu hiểu là đem ấn sáp in trên bùn đất thì làm sao ấn có thể bị hư hoại cho được?

[674] Kim nê (金泥): Hòa thủy ngân lẫn với bột vàng (hoặc kim loại), đem nung nóng thành chất bột sền sệt thì gọi là kim nê. Kim nê thường dùng trong kỹ thuật đúc ấn hoặc niêm phong. Thuở trước, người ta làm khuôn bằng sáp rồi in vào chất bột kim nê để lấy dấu. Hiện ở Tây Tạng vẫn còn dùng phương cách tương tự để đúc những bức tượng nhỏ gọi là melting wax technique.

Điều này tuy không quan trọng khẩn yếu, chẳng qua là giãi bày tấm lòng ngu thành của Quang mà thôi!

657. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)

Vừa nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn, sợ hãi, Ấn Quang là hạng người nào mà dám nhận lấy lời khen ngợi ấy! Các hạ muốn cho kẻ sơ cơ dễ được nhập đạo bèn dùng phương tiện khéo léo, Quang thật sự khâm phục ngưỡng mộ khôn cùng. Đối với chuyện ông đã rộng thí pháp tài, cảm phục đến cùng cực. Tuy thân Ấn Quang chẳng dư tiền, nhưng gần đây do khắc ván, ấn loát v.v. cũng chẳng ngại vì các hạ làm công đức. Hôm nay nhận được thư của Úy Như cho biết sẽ in Ấn Quang Văn Sao, lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ để tái bản. Khoản tiền này do các hạ biếu tặng ắt phải cầm sang cho ông ta. Đợi khi sắp chữ thỏa đáng, sẽ dùng khoản tiền ấy để thỉnh sách Văn Sao hủ bại của Quang nhằm kết pháp duyên. Lại xin ông ta gởi mấy chục bộ theo đường bưu điện tới Phổ Đà để làm pháp thí rộng rãi cho các hạ. Lại nhờ các hạ dặn Thương Vụ Ấn Quán hãy giữ lại bản in để khi cần in lần thứ hai sẽ đỡ phải tốn công sắp chữ lại. Thêm nữa, xin ông dặn họ đừng dùng loại giấy có độ bóng, hãy dùng đúng loại giấy mà ông Từ Úy Như đã dùng để in trong những lần trước. Ngày 24, Úy Như đã lên Bắc Kinh, xin các hạ hãy để tâm dặn dò.

Hơn nữa, trong sách Quán Âm Linh Cảm Lục, nơi mặt trước của trang 22 trong chương thứ 5, đoạn chép về Lương Cung Thần[675], Quán Âm nói với Phạm Vương về mười thứ tướng mạo danh nghĩa của chú tâm, thứ nhất là *"đại từ bi tâm thị"* (tâm đại từ bi là tướng mạo danh nghĩa của chú Đại Bi), cho đến thứ mười là *"vô thượng Bồ-đề tâm thị"*. Năm trước, trong sách Phật Học Chỉ Nam, ông đã từng sử dụng cú pháp như thế này: Đem chữ *thị* đặt trên đầu mỗi câu, Quang đã từng nói cặn kẽ. Nay lại sử dụng cú pháp như thế, biết các hạ bận bịu nhiều việc trọn chưa thể kiểm nghiệm từng điều. Chuyện này tuy nhỏ nhặt, nhưng để cho bậc thông gia trông thấy ắt sẽ chê cười, còn kẻ chẳng phải là bậc thông gia trông thấy sẽ bắt chước. Cố nhiên Quang lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, thường muốn làm hòn đá mài nơi ngọn núi khác nhằm dồi mài cho viên ngọc xứ Kinh[676], cho nên lại thưa rằng: Với từ ngữ a-già-la trong hàng thứ 12, chữ la (羅)

[675] Lương Cung Thần (1814-?), quê ở Phước Châu, tỉnh Phước Kiến, là một văn học gia nổi tiếng về tài làm câu đối dưới đời Thanh. Cung Thần là con trai thứ ba của đại văn học gia Lương Chương Cự. Những trước tác nổi tiếng nhất của Lương Cung Thần là Bắc Đông Đường Bút Ký, Doanh Liễn Tứ Thoại, Xảo Đối Tục Lục…

[676] Nguyên văn "Kinh bích", chỉ viên ngọc của Biện Hòa (Kinh là tên gọi khác của đất Sở, tức Hồ Nam). Biện Hòa tìm được một khối đá có ngọc dâng lên vua Sở, thợ ngọc lười, chỉ chặt một góc rồi bảo là đá thường. Vua tức giận chặt một chân Biện Hòa. Một thời gian sau, vì tiếc

chính là chữ đà (𠸄) bị viết sai, [a-già-la] tức là thuốc a-già-đà vậy. Có người bạn tặng cho Quang bức tranh vẽ chùa Vạn Niên núi Thiên Thai, nay xin tặng lại để ông có cái ngao du tinh thần.

658. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)

Vừa nhận được thư, biết các hạ có chí mong lợi người nhưng lại thận trọng nơi sự, sợ rằng có chỗ không thích đáng sẽ gây trở ngại cho pháp đạo, đáng gọi là "chân tâm hộ pháp, chân tâm lợi người". Lại do thấy Quang nghèo nàn tiền bạc, liền đặc biệt gởi cho mười tấm bưu phiếu, cảm ơn lắm! Đời mạt ít có tri thức thật sự, thường có những gã tục tăng vô tri dạy người khác niệm Phật, bảo: "Cứ niệm Phật một tiếng thì sẽ có một đồng trong cõi âm!" Nhưng kẻ ngu thấy biết nhỏ nhoi, nói: "Mỗi ngày niệm Phật mấy vạn tiếng liền có mấy vạn đồng. Buôn bán trong thế gian nhọc nhằn gian nan, trọn chẳng có được chuyện lợi ích lớn lao như thế ấy", liền phát tâm niệm Phật coi như phương kế tích tụ tiền tài, trọn chẳng biết tới nguyên do niệm Phật. Do kẻ ấy tâm tâm niệm niệm dùng lòng chí thành để mưu tính tích tụ tiền bạc nên sẽ tùy tâm tùy nghiệp mà hiện thành tiền.

Chuyện của Trương Bân đích xác chẳng phải là ngụy tạo, điều đáng tiếc là ông ta chưa gặp được bậc tri thức sáng mắt dạy cho biết nguyên do niệm Phật. Nếu biết được nguyên do, dùng cái tâm khẩn thiết ấy để phát nguyện tự lợi lợi người, chắc ông Bân sẽ cao đăng chín phẩm, chứng quả Vô sanh. Há còn lo tích trữ mấy kho kim tiền để đợi sau này sử dụng trong cõi âm nữa ư? Còn như vua cõi âm bảo: "Phàm ai thọ bát quan trai giới chí tâm niệm Phật một tiếng thì cũng đúc được một đồng tiền bằng bạc", cho thấy người đời dùng niệm Phật để tích trữ tiền nhằm sử dụng sau khi chết nhiều lắm! Họ chẳng biết tới công đức niệm Phật, chỉ mong có tiền để dùng sau khi chết, giống như đem bảo châu như ý đổi lấy một tấm áo, một bữa ăn. Há chẳng đáng tiếc ư?

Tuy nhiên, do vị Thượng thư khẩn cầu người thợ bện dép cỏ bồ nên liền được sống lại để chuộc tội[677]. Tri kiến phàm phu trong thế gian chẳng thể suy lường

---

ngọc quý không ai dùng đến, Biện Hòa lại đem khối đá ấy dâng lên vua, thợ ngọc lại phạt một góc khác, bảo chỉ là đá. Vua tức giận, ra lệnh chặt nốt chân còn lại của Biện Hòa. Biện Hòa ôm phiến đá ngồi khóc ngoài đồng. Có viên quan thương tình tâu lên vua. Vua sai xem xét cẩn thận, quả nhiên bên trong có viên ngọc quý giá vô cùng. Về sau, Tần Thủy Hoàng cướp lấy viên ngọc này để làm ấn truyền quốc. Chữ Kinh bích về sau thường dùng như một từ ngữ phiếm chỉ các loại ngọc quý.

[677] Theo Hiện Báo Tùy Lục (quyển 1) của pháp sư Giới Hiển, ở Ninh Ba có một kẻ thường dân sống nhờ trong nhà kho của một vị Thượng thư họ Thôi, bện hài bằng cỏ bồ để bán kiếm sống. Ông ta thích tu hành, ăn chay trường, niệm Phật. Mỗi khi niệm Phật cứ niệm xong một xâu chuỗi lại lấy một cọng cỏ bồ bỏ vào giỏ tre để nhớ số. Đến hôm 30 tháng Chạp mỗi năm sẽ

công đức của sự phát khởi tâm đại Bồ-đề niệm Phật. Vì thế ngài Tỉnh Am nói: "Tạm trì thánh hiệu còn hơn bố thí suốt một trăm năm, vừa phát đại tâm sẽ vượt trỗi tu hành suốt kiếp." Hai câu này đều dựa theo những điều kinh luận đã nói mà nêu rõ, chứ không phải là bịa đặt. Phàm sao lục những sự thật ấy, hãy nên nói rõ chánh lý Phật pháp ở đằng sau mỗi chuyện và chỉ rõ: Phàm phu thấy biết nhỏ nhoi, chỉ biết niệm Phật để tích cóp tiền thì tiền ấy sẽ theo cái tâm mà cảm vời, theo cái nghiệp mà hiện ra, cho nên thật sự có mấy kho tiền vàng trữ trong chốn âm phủ!

Phàm là người niệm Phật, ắt phải phát tâm đại Bồ-đề phổ độ chúng sanh thì trong hiện tại các duyên sẽ thuận thảo, thích đáng, lúc lâm chung chánh niệm vãng sanh. Từ đấy thoát khỏi hàng phàm phu, dự vào hội thánh hiền, nương theo Phật từ lực và nguyện luân của chính mình trở vào Sa-bà hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Há nào phải khư khư như viên Thượng thư chỉ mong được nhờ ân hòng diệt tội ư? Dẫn giải như thế sẽ khiến cho người đọc đoạn trừ được những tri kiến kém hèn, mở mang, khơi gợi tín tâm chân thật.

Nếu chỉ sao lục nguyên văn, trọn chẳng bình luận thì kẻ ngu sẽ tưởng niệm Phật chính là một pháp để tích trữ tiền bạc trong cõi âm! Từ đấy một người xướng, trăm kẻ họa, chỉ mong làm quỷ có tiền, đánh mất chỗ nương dựa để tạo lập công phu vãng sanh Tây Phương. Người trí thấy vậy sẽ chê kẻ biên soạn trọn chẳng có chánh nhãn. Nếu bình luận nguyên do thì đôi điều đều đạt được. Nếu không, cả hai điều đều mất. Những sách vở trong thế gian đều có những chỗ giúp nêu tỏ

đem đốt số cỏ ấy nơi miếu Địa Tạng. Làm như vậy được mấy năm, chợt thượng thư Thôi bị nhọt mọc trên lưng, chết xuống âm phủ. Diêm vương trừng mắt, tra hỏi sự thiện ác lúc còn sống. Ông Thôi thưa: "Nếu ngài cho con được sống lại, con sẽ một mực tu phước nghiệp chuộc tội được chăng?" Diêm vương nói: "Tiền của nhà ngươi đã tích trữ đều là do tạo nghiệp mà có, không dùng được ở nơi này. Gã thường dân Trương Bân ở đậu nhà ngươi có trữ tiền vàng cả mấy kho ở đây. Hãy đem tiền thật đổi lấy một vạn tiền cõi âm thì sẽ tiêu được tội!" Họ Thôi đáp: "Chỉ cần con về lại dương gian thì sẽ làm chuyện ấy dễ dàng. Nhưng Trương Bân nghèo kiết xác, sao lại được như thế?" Diêm Vương nói: "Phàm người giữ trai giới chí tâm niệm Phật một tiếng, dẫu cho tán tâm niệm Phật một tiếng cũng để dành được một đồng bằng bạc. Trương Bân chí tâm niệm Phật, dùng cỏ bồ để ghi số, đã tích được mấy kho tiền rồi." Ông Thôi sống lại, gọi Trương Bân bảo: "Ông tích trữ được mấy kho tiền ở âm phủ, có thể đổi cho ta một vạn được chăng." Ông Trương sững sờ, câm lặng! Họ Thôi bảo: "Ông dùng cỏ bồ để nhớ số câu niệm Phật, đem thiêu trong lò đốt giấy tiền ở miếu Địa Tạng, chính là khoản tiền ấy đấy." Trương đáp: "Nếu thật sự như vậy, nếu quả thật hữu dụng, xin tùy ý ngài." Ông Thôi bèn sai viết bằng khoán, đem một vạn bạc thật để đổi lấy tiền cõi âm, thỉnh họ Trương đốt bằng khoán tâu với âm phủ, quả nhiên lành bệnh. Trương Bân nói: "Tôi tuổi đã già rồi, chẳng dùng tiền để làm gì", bèn đem số bạc ấy dựng một cây cầu lớn, tốn đến mấy vạn bạc, lại dựng một cái am cho người khác tu tập. Do ông Đinh Phước Bảo dẫn câu chuyện này nên tổ Ấn Quang khuyên ông Đinh hãy ghi thêm lời chú thích hoặc giảng giải cặn kẽ kẻo người đọc chỉ lo niệm Phật hòng trữ tiền trong cõi âm, không cầu được vãng sanh.

Phật pháp, nhưng do người soạn chưa mở được chánh nhãn nên thường đến nỗi dẫn đến hiệu quả trái nghịch. Như Kỷ Văn Đạt, Viên Tử Tài cực lực muốn làm cho người khác tin sâu nhân quả, nhưng chưa hiểu rõ tự tâm, nên thường viết những câu tự mâu thuẫn, hoặc hiểu lầm tin tức, ngỡ ma cảnh là Phật cảnh, huống là những kẻ khác ư?

659. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)

Vừa nhận được thư và Đại Sĩ Tập, khôn ngăn mừng rỡ. Bài văn Đại Sĩ Bi đã được ông Hoàng Hàm Chi chú giải thì ân trạch của đại sĩ Phó sẽ thấm nhuần khắp mọi quần manh. Tôi gởi thư ngay cho Ngọc Tiên, nói rõ nguyên do và gởi kèm theo thư của các hạ. Chú giải đã xong, nếu cho khắc ván chẳng cần phải nói đến nữa! Nếu không khắc thì sao ông ta lại miệt mài muốn xin các hạ chú giải. Nhưng sau khi chú giải đã soạn xong, sẽ đem nguyên cảo từ chỗ Quang gởi đi, đợi cho ông ta đọc xong thì mới quyết định khắc ván hoặc đúc bản kẽm. Lời hỏi của ông Vạn nên ghi vào phía sau.

Tác phẩm lớn lao của ông là Phật Học Đại Từ Điển chữ quá nhỏ, mắt Quang chẳng thể đọc được. Ngẫu nhiên đọc một hai đoạn, tựa hồ có chỗ cần phải thương lượng, châm chước, nên cũng viết vào sau thư này. Những điều ông giảng giải về từ ngữ *"được Phật tiếp dẫn"* không sai, nhưng Thiên Thân Luận chính là Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng còn gọi là Vãng Sanh Luận. Trong mục lục Đại tạng gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá. Ưu-ba-đề-xá[678] chính là từ ngữ tiếng Phạn để chỉ *luận* vậy.

Trong từ ngữ *"cách ấm chi mê"* thì ấm có nghĩa là sắc thân, tức ngũ ấm. Do điều này, bậc Bồ-tát chưa đoạn sạch kiến tư hoặc trong tam giới hễ thọ sanh thì vẫn còn có cái làm cho họ bị mê hoặc, vì thế gọi là "cách ấm chi mê". Rất nhiều vị đại căn khí lúc thoạt đầu cũng mê muội trái nghịch giống như phàm phu, nếu gặp được duyên hoặc vừa nghe khai thị liền ngộ ngay lập tức, thật giống như người thuộc hai cuộc đời khác nhau, đấy đều là do đời trước đã gieo thiện căn sâu xa nhưng chưa đoạn được phiền hoặc, hễ vừa chuyển sang đời sống khác liền trở thành mê trái. Kinh luận thường gọi lúc chưa chết là hiện ấm, gọi lúc chết rồi nhưng chưa thọ sanh là trung ấm, thọ sanh rồi thì gọi là hậu ấm. Hậu ấm là ước theo lúc chưa chết mà nói, chứ nếu ước theo lúc đã thọ sanh để nói thì phải gọi là hiện ấm. Thuyết "cách ấm" chỉ cho điều này.

[678] Ưu-ba-đề-xá (Upadeśa) là một thể tài trong kinh điển, còn được phiên âm là ô-ba-đệ-thước, dịch nghĩa là "chỉ thị, hiển thị, tuyên thuyết, luận nghị" hoặc "chú giải chương cú kinh", đều hàm nghĩa: Đây là những trước tác của các đệ tử Phật hoặc các luận sư đời sau nhằm chú giải, diễn giảng những lời Phật đã nói.

Gạt bỏ Tây Phương Di-đà, coi đó là chấp lấy pháp ở ngoài tâm, đấy chính là căn bệnh chung của những kẻ tham thiền nhưng không hiểu được ý, chỉ chấp có tâm, chẳng biết có Tịnh độ, cũng như chẳng biết có vị giáo chủ cõi Tịnh độ. Ý họ cho rằng: "Hết thảy duy tâm mà Di-đà ở Tây Phương tức là chấp lấy pháp ở ngoài tâm", chẳng biết: Do hết thảy duy tâm nên Sa-bà chỉ là do sự nhơ uế trong tâm cảm thành, Cực Lạc cũng chỉ do sự khiết tịnh trong tâm cảm thành! A-di-đà Phật ở Tây Phương chính là đức Phật thiên chân nơi tự tánh của chúng ta, đức Phật thiên chân trong tự tánh của chúng ta chính là A-di-đà Phật trong thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chẳng thấu hiểu nghĩa lý "duy tâm", lầm lạc sanh ý niệm lấy bỏ, lỗi ấy kể sao cho xiết? Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, do tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, do tâm uế thì cõi Phật uế. Cảnh thiện hay ác là do tâm thiện hay ác cảm thành. Trọn chẳng có chuyện thiện tâm, tịnh tâm lại cảm ác cảnh, uế cảnh, hoặc ác tâm uế tâm lại cảm được thiện cảnh, tịnh cảnh. Do bởi lẽ ấy cho nên nói "ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm".

660. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)

Nhận được thư, biết sách Phật Học Toát Yếu đã được sửa chữa, ấn hành, rộng kết pháp duyên, khôn ngăn mừng rỡ, vui thích. Ông gởi tới 20 cuốn, tôi chưa hề nhận được. Thoạt đầu sợ là được gởi riêng trong một bưu kiện khác, nên chắc sẽ chậm trễ một hai ngày. Vì thế tính khi nào nhận được sách mới dâng thư phúc đáp. Đến nay vẫn chưa nhận được, sợ bưu cục đã để lạc mất rồi! Nhưng thiện thư ấy hễ có ai xem thì cũng được rồi, cũng chẳng cần phải áy náy vì Quang không được xem. Nhưng gởi nhiều đồ vật qua bưu cục mà vẫn bị như thế, chẳng biết họ đã bao lần làm hư chuyện lớn của người khác? Xin hãy nói rõ với bưu cục để họ lưu tâm.

Đối với những bộ Nhị Thập Sử Cảm Ứng Lục đã được khắc bản, các hạ có được sáu bảy loại thì những chuyện lạ lùng hiếm nghe được ghi chép trong các bộ sử sẽ chẳng bị thiếu sót. Nếu các hạ chịu chọn lọc hết ra để lưu truyền trong vũ trụ sẽ khiến cho những kẻ thiên chấp đoạn kiến và những kẻ chỉ tin vào sử sách chẳng tin vào nhân quả báo ứng được nói tới trong các sách vở khác đều được lợi ích. Ấy là công đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng những có ích cho Phật pháp mà quả thật còn là khuôn mẫu lớn lao cho việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ vậy! Nguyện sau khi đã soạn thành sách rồi sẽ đặc biệt ban cho Quang một bộ nhằm thỏa tấm lòng ngu muội thì tôi cũng chẳng ngại phiền phức, sẽ hướng đến khắp mọi người hữu duyên để tuyên nói.

661. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)

Vừa nhận được Quán Âm Linh Cảm Lục và Phật Học Sơ Giai do ông gởi tới, khôn ngăn cảm phục. Năm Mậu Ngọ (1918), Quang nhận lời thỉnh của ông Trần Tích Châu tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí, Quang tính sưu tầm khắp mọi sự tích linh cảm của ngài Quán Âm trong Đại tạng để đưa vào trong Sơn Chí, nhằm nêu rõ thật nghĩa nơi bổn và tích của vị chủ nhân núi này. Hiềm rằng mắt vẫn lòa như cũ, không cách nào viết lách được, nay thấy bản biên tập của các hạ, khôn ngăn mừng cho chúng sanh không nơi nương tựa trong cõi Sa-bà đã có được nơi che chở. Tôi sẽ cất giữ cuốn sách này trong phòng chứa kinh. Nếu vạn nhất được toại nguyện, mắt được sáng lại, sẽ thực hiện ý nguyện sửa chữa, tu chỉnh Sơn Chí lần nữa, ắt sẽ chọn lọc sử dụng tài liệu trong cuốn sách này nhằm đáp tạ ân lớn lao của Đại sĩ, hòng an ủi nỗi khổ tâm của các hạ, mà phẩm sen của lệnh nghiêm, lệnh từ cũng sẽ được chuyển cao lên hơn nữa.

Cuốn Phật Học Sơ Giai tôi sẽ đem tặng cho người có tín tâm để rộng kết pháp thí cho các hạ. Kinh Bát Đại Nhân Giác do ông gởi khi trước tôi đã nhận được rồi. Ông sai tôi viết lời đề từ cho cuốn Phật Học Sơ Giai thì tôi văn từ thô lậu quê mùa, chẳng thể nêu tỏ ý nghĩa của cuốn sách ấy được. Do vậy chẳng qua là làm chuyện tắc trách mà thôi!

662. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi)

Quang vốn là chủng tử địa ngục hủy báng Phật pháp, may mắn nhờ vào thiện căn đời trước, giữa chừng giác ngộ xuất gia tu trì tịnh nghiệp để mong thoát khỏi cõi khổ não này mà thôi. Nào ngờ Mã Khế Tây cứ muốn ép tôi vào địa ngục A-tỳ, biến tôi vốn là chủng tử địa ngục rốt cuộc thành một vị Bồ-tát sống! Hay thì hay thật đấy, nhưng đại vương Diêm-la quyết chẳng chấp nhận đem phàm lạm thánh, ắt sẽ phải mời tôi là một vị Bồ-tát giả tới hiển hiện thần thông trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao v.v. nơi ấy. Sợ rằng sẽ phải đem đầu mặt giao nộp mà thôi! Chẳng những không thể sanh về Tây Phương, mà còn sợ rằng sẽ phải thường ở mãi trong địa ngục A-tỳ không thể thoát ra. Nếu ông thương xót tôi, quyết sẽ đem truyện[679] ấy đốt sạch hết đi, khiến cho ông ta chẳng còn làm những chuyện bịa đặt sáo rỗng ấy nữa thì may mắn muôn phần, vạn phần vậy!

663. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai mươi mốt)

[679] Tức cuốn Ấn Quang Đại Sư Truyện do Mã Khế Tây soạn.

Nhận được thư và sách Tam Tạng Pháp Số[680], khôn ngăn vui mừng. Nhưng Quang cứ một mực muốn in phần thư căn[681], sau này hễ in sách, đều cần phải in chữ nơi phần thư căn để tiện kiểm tra phòng ngừa sách bị mất trang. Cách ấy chính là cách tốt đẹp để bảo tồn sách vở vậy. Cao Tăng Truyện còn phải đợi ba năm nữa mới khắc ván được, năm năm nữa mới in ra sách được. Sách ấy bị sai ngoa rất nhiều vì Dụ Muội Am nghề nghiệp bận bịu, cậy người khác biên soạn giùm, khi biên chép, trình bày đều không giảo duyệt tường tận. Ông ta lại đôi ba lần cậy Quang giảo chánh, nhưng Quang quả thật suốt ngày không có lúc rảnh rỗi. Hôm nay ông ta gởi thư đến nói: "Dù phải chậm trễ ba năm cũng không đáng lo ngại!" Nhưng các sách ông ta đã đọc phần nhiều đều là các tỉnh phủ huyện chí, những sách được liệt kê tuy không nhiều lắm, nhưng những sai sót trong ấy cố nhiên chẳng ít. Ông đáng gọi là bậc đọc rộng rãi các sách, phàm những điều nào không có trong các truyện về những bậc cổ đức lỗi lạc xin hãy đều sao ra, phán đoán thời đại của các vị ấy để lúc khắc ra sẽ tùy theo từng loại mà ghép vào phần trước hay phần sau bộ sách này.

Hơn nữa, tập sách này không có lời bình luận, Quang tính thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh viết lời bình luận dưới mỗi truyện cho giống với thể tài của ba tập trước. Hơn nữa, ba tập cao tăng truyện các đời Lương - Đường - Tống đều có thiếu sót, nếu ông đọc các sách cổ thấy có vị cổ đức lỗi lạc nào mà trong Cao Tăng Truyện chưa có thì cũng nên sao ra để soạn thành phần bổ di[682] in kèm sau sách. Ông Hứa Chỉ Tịnh bút lực vượt trỗi vạn người, văn chương lừng lẫy một thuở, hiện đang biên soạn bộ Quán Âm Cảm Ứng Tụng cho Quang. Phần chánh văn đã biên soạn xong, Quang bảo ông ta viết thêm lời chú, sẽ hoàn tất vào tháng 3 năm sau thì ân trạch của Đại sĩ sẽ được thấm nhuần khắp hoàn vũ vậy.

664. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh

Hòa thượng Liễu Thanh đưa thư của ông cho tôi đọc, cảm kích sâu đậm tấm lòng chân thật vì pháp của cư sĩ. Ông yêu mến tôi tới tột bậc, nhưng chẳng biết cách yêu mến, nên chẳng thể không trình bày đại khái để dứt nghi tình. Bộ Phật Môn Vựng Tải được biên soạn nhằm chấn hưng pháp đạo, chỉ dạy kẻ ngu mê, nếu tác phẩm nào lý không đạt tới mức uyên thâm, bút mực không siêu diệu như biển rộng trời cao, chuông vàng khánh ngọc, khiến cho người khác vừa đọc sẽ

[680] Tức cuốn Thông Kiểm Bản Tam Tạng Pháp Số do Đinh Phước Bảo soạn. Ông Đinh dựa theo Đại Minh Tam Tạng Pháp Số và Giáo Thừa Pháp Số chọn lọc lấy những danh từ Phật học thông dụng nhất để giải thích.
[681] Tức phần in tên sách, số quyển, số chương, số trang trong mỗi trang sách.
[682] Bổ di (補遺): Phần bổ sung nhằm bù đắp những chỗ thiếu sót trong phần sách chính.

sanh lòng tỉnh ngộ mạnh mẽ như trong đêm tối nghe tiếng chuông sẽ tỉnh ngay giấc mộng hư huyễn thì làm sao đáng đưa vào trong ấy! Ấn Quang là một ông tăng tầm thường, trăm sự chẳng làm được một, mắt lại còn bị tật đã lâu, chẳng thể đọc khắp các kinh luận, lại trọn chẳng có tánh nghe, nghe xong liền quên sạch, trọn chẳng nhớ được tí ti nào, làm sao có thể dự vào trong hội tốt lành ấy cho được? Trong mấy chục năm qua, không có chuyện gì cần thiết thì tôi chẳng gần gũi bút mực. Úy Như sưu tập những bản văn hủ bại đem khắc ván là đã quá phận rồi, huống chi nay lại giao cho Thời Sự Tân Báo Quán ư?

Tục ngữ có câu: "Không gạo không sao nấu cơm được!" Không phải là Quang chẳng muốn được thể diện, nhưng do không có gạo nên chẳng thể đem đất, đá, trấu, tấm giả làm món ăn ngon lành khiến cho người khác chê cười. Đối với dòng họ ngoài đời, năm tháng xuất gia, những chỗ đã trụ, những chuyện đã làm, đấy chính là những dữ liệu về bậc đại thông gia có công đối với pháp đạo nên được người đời sau sao chép để nêu gương nhằm phát khởi cái tâm kính ngưỡng, mong mỏi, hâm mộ của người khác nên không thể nào chẳng làm như vậy. Còn như Quang là một ông tăng tầm thường, ngoài chuyện ăn ngủ ra, trọn chẳng biết gì cả, trọn chẳng làm được gì. Sao đáng để noi theo khuôn sáo ấy? Dùng khuôn sáo ấy sẽ trở thành khắc phân người giả làm chiên-đàn, đẹp thì đẹp mặt thật đấy, nhưng chỉ thối tha, không thơm tho gì. Cũng giống như đem đất, gỗ giả làm vàng ngọc, choáng lộn thì choáng lộn thật đấy, nhưng chỉ có sắc chứ chẳng thể tỏa sáng được. Khi chưa xuất gia, Quang đã coi chuyện hư trương thanh thế là điều đáng thẹn, huống chi nay đang muốn theo gót các vị thượng thiện nhân ưu du trong thế giới An Dưỡng. Há chịu biến không thành có để lừa đời, dối mình ư?

Một câu Nam-mô A-di-đà Phật chỉ cần niệm cho thuần thục thì thành Phật còn có thừa, không học Mật pháp nào phải áy náy gì? Mỗi ngày niệm Phật ba chục vạn câu thì ý căn lẫn thiệt căn đều nhạy bén, nhưng đừng chỉ hâm mộ niệm cho nhiều. Hãy nên dốc sức nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà thôi! Hơn nữa, những kẻ tu hành phù phiếm, hời hợt hiện thời phần nhiều đều chẳng tu hành chân thật, chỉ mong được hư danh. Quang từng thấy rất nhiều kẻ công khóa hằng ngày niệm Phật tới mười vạn câu Di-đà, nhưng đều là phô phang thanh thế sáo rỗng nhằm dối mình lừa người mà thôi. Hễ nhiễm phải thứ tập khí ấy thì sẽ chỉ nhọc nhằn chứ không có công hiệu gì đâu. Nhỏ thì sẽ biến không thành có, lớn thì đem phàm lạm thánh, chẳng những không có công lao gì mà tội lỗi cũng chẳng thể nói trọn hết được.

Hiện nay tăng nhân tuy nhiều, nhưng kẻ có thể hoằng pháp thật ít. Do thỉnh pháp sư chẳng dễ, cho nên đến nỗi như thế. Nhưng nghe kinh giống như tu trì tịnh

nghiệp, hễ nêu rõ nguyên do của tự lực và tha lực thì sẽ có lợi lớn lao. Nếu chỉ cầu thông đạt giáo nghĩa, chẳng chú trọng Tịnh độ thì sợ rằng sẽ không có sức đoạn hoặc chứng chân. Muốn mang nghiệp vãng sanh mà lại chẳng sanh tín nguyện thì tuy có Phật lực nhưng không có cách nào nương cậy, sẽ trở thành kẻ có nhân không quả, nghiệp thức mờ mịt. Cần biết rằng, những giáo pháp được nói trong suốt một đời đức Phật đều thuộc về pháp môn tự lực, chính là giáo lý theo đường lối thông thường; còn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt, hoàn toàn cậy vào Phật lực. Nếu có thể đoạn hoặc chứng chân ngay trong đời này thì chẳng cậy vào Phật lực cũng chẳng mắc lỗi gì, chứ nếu đã không thể đoạn hoặc chứng chân ngay trong đời này mà lại chẳng cậy vào Phật lực thì nếu không ngu ắt cũng là cuồng. Những bậc đại thông gia hiện thời thường là như thế đấy, buồn thay!

Người học đạo chuyện gì cũng phải noi theo thật tình, cuối thư há nên dùng chữ "trăm lạy" sáo rỗng? Chắc là ông nghĩ khuôn phép sáo rỗng ấy là cung kính đấy chăng? Từ nay về sau đừng nên như thế nữa, chỉ nói "đảnh lễ" là được rồi.

Thư của Lâm Tâm Liên hỏi về Lý Trác Ngô, người này cũng thuộc hạng "tưởng chừng là đúng mà thật ra là sai". Xét ra, ông ta xuất gia nhưng không thọ giới, liền tự nói pháp, tới khi người trong vùng chê là tà thuyết, ngông cuồng, trái nghịch, bèn đội mũ làm nhà Nho. Xét theo học thức của Trác Ngô, làm sao có thể phô bày, đề cao tâm pháp của Thích - Nho được? Ông ta đột ngột hoàn tục tức là hành vi không có đường lối nhất định, cứ làm bừa theo ý mình. Há còn đáng gọi là bậc quân tử hiểu lý, thấu hiểu tận cùng tánh hay chăng? Cuốn Cư Sĩ Truyện[683] đặc biệt viết truyện về ông ta, quả thật là đề cao quá đáng! Sợ ông Lâm vẫn chẳng chấp nhận lời Quang là đúng, vì thế tôi viết kèm thêm vào thư gởi cho ông.

Ông muốn xuất gia đã lâu, chẳng biết khẩn thiết như thế nào? Nay thấy cách xử sự khi ông ở chùa Thái Bình thì cũng là phường hời hợt, hờ hững. Tức là ông muốn xuất gia chỉ nhằm cầu được thanh nhàn, tự tại mà thôi. Nếu thật sự muốn tu trì sẽ chẳng đến nỗi thong dong, lửng lơ như thế!

Kinh Lăng-nghiêm có gì mà chẳng thể nghiên cứu được, nhưng cần phải lấy Tịnh độ làm chủ thì hết thảy kinh sẽ xiển dương lợi ích của Tịnh độ. Phần mở đầu kinh Lăng-nghiêm gạn hỏi cái tâm khó khăn như thế thì biết chúng sanh đời mạt

[683] Cư Sĩ Truyện (56 quyển) do Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh) soạn, chép về ngôn hạnh của hơn 200 vị cư sĩ ngoại hộ Phật pháp từ đời Hậu Hán cho đến niên hiệu Càn Long nhà Thanh được sưu tập từ các bộ sử truyện, văn tập của các vị danh sĩ cho đến những sách chuyên viết về Phật giáo như Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Phật Pháp Kim Thang Biên, Truyền Đăng Lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Thống Kỷ, Phật Tổ Thông Tải v.v.. Sách được khởi đầu bằng các vị Mâu Dung, An Huyền, Trúc Thúc Lan v.v.. Hai vị cuối cùng là Chu An Sĩ và Tri Quy Tử.

nếu cứ muốn nghiên cứu kinh điển suông để giải quyết sự việc thì sẽ tự lầm, lầm người lớn lao. Huống chi trong phần hai mươi lăm pháp viên thông, kinh xếp pháp viên thông của ngài Thế Chí trước pháp viên thông của ngài Quán Âm, hàm ý lấy Tịnh độ làm pháp môn chủ yếu cũng lớn lao thay! Đến phần giảng rõ về cảnh ngũ ấm ma, Phật dạy kẻ phá được hai ấm sắc và thọ mà vẫn còn có chuyện bị ma dựa, đủ thấy sự khó khăn khi dùng tự lực để liễu sanh tử, sự dễ dàng khi dùng Phật lực để liễu sanh tử. Nghiên cứu được như thế thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Phàm khi nghiên cứu, ắt phải lắng lòng, dứt bặt suy nghĩ, ngưng thần đọc kỹ thì sẽ như vào trong đảo châu báu lớn, ắt sẽ có thu hoạch. Nếu chỉ mong đọc ào ào cho nhanh, hận chẳng vừa đọc là xong ngay, thì chẳng những không hiểu được nghĩa lý của kinh mà lâu ngày chắc sẽ bị bệnh đến nỗi tổn khí, thổ huyết v.v.. Người khéo được lợi ích, không gì chẳng tạo lợi ích; kẻ cam chịu tổn hại, không gì chẳng phải là tổn hại. Kinh Lăng-nghiêm quả là bản kinh mầu nhiệm để hoằng dương Tịnh độ, nhưng kẻ chưa hiểu pháp môn Tịnh độ thường do kinh Lăng-nghiêm mà ngược ngạo coi thường pháp môn Tịnh độ. Đấy gọi là "kẻ nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí", do chính mình chưa có đủ chánh nhãn, cứ cậy vào ý kiến của chính mình để hiểu ý kinh mà ra.

Lăng-nghiêm quán nhiếp[684] khá rõ ràng, nhưng giải thích kinh văn dễ dàng, rõ ràng nhất thì không gì bằng sách Lăng-nghiêm Chỉ Chưởng; nhưng đa số những chỗ trọng yếu trong Chỉ Chưởng lại không theo sát kinh văn, đấy là do mỗi người khéo hiểu mà thôi. Thoạt đầu cần phải nghiên cứu Tịnh tông đến chỗ không còn bị dao động, mê hoặc thì mới có thể đọc rộng rãi các kinh luận. Nếu chưa hiểu rõ Tịnh tông, hễ đọc rộng rãi các kinh luận sẽ khó khỏi bị kinh giáo hoặc lời lẽ của tri thức xoay chuyển, ngược ngạo gác bỏ Tịnh độ ra ngoài. Người đời nay hễ hiểu kinh giáo đôi chút bèn chú trọng nơi nghiên cứu, hễ hơi hiểu thiền ý bèn chú trọng nơi tham cứu. Nguyên nhân nói chung là do họ không biết chính mình là nghiệp lực phàm phu chẳng thể tự chứng giải thoát được. Cái cực thâm diệu nằm ở chỗ cực bình thường, ví như một câu Phật hiệu vốn cực bình thường, nhưng niệm tới cùng tột thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa đều có thể hiểu được. Lại như gốc cây, vốn cực bình thường, nhưng sanh rễ, nẩy mộng, đâm cành, trổ nhánh, nẩy lá, đơm hoa, kết quả, thật mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế kẻ biết nhìn vào, biết thực hiện cái bình thường thì chính mình mới thật sự có sở

[684] Quán nhiếp: Nói tắt của "quán thông nhiếp thọ" (貫通攝受), tức gồm thâu, thâu nạp xuyên suốt, không để sót điều gì. Ý nói kinh Lăng-nghiêm dạy về lý tánh lẫn sự tu rất rõ ràng, chỉ vì người đọc do chấp trước quá nặng nên không thể hiểu viên dung ý Phật.

đắc. Nếu chỉ biết thâm diệu thì phần nhiều khó thể tận tụy thực hiện được, trở thành kẻ chỉ biết nói những lời lẽ thâm diệu mà thôi.

Lệnh hữu bị bệnh, chỉ nên khuyên ông ta trở về nhà dưỡng bệnh, vàn muôn phần chớ nên để ông ta tới Phổ Đà; do ông ta quen thói kẻ cả, thức ăn phải nấu nướng khéo léo, nhà cửa phải lộng lẫy, người hầu hạ phải lanh lợi, hễ gặp một chuyện gì không vừa ý liền sanh phiền não. Ở Pháp Vũ chẳng có một điều nào hợp ý ông ta được đâu! Huống chi ông ta tự cao tự đại, trọn chẳng có tín tâm, tuy anh ông đã ghi tên xin quy y giùm ông ta, thế mà khi Quang đến Thượng Hải, ông ta trọn chẳng có một lần nào đến thăm hỏi (Quang không trách ông ta bất kính, nhưng do vậy biết ông ta tự đại cũng như thiếu hẳn tín tâm). Làm sao tới núi dưỡng bệnh cho được? Nếu chẳng nói rõ những chuyện này, chắc ông ta sẽ nghe theo lời hai anh em ông khuyên, đường đột chẳng nghĩ thân phận, tánh tình của mình như thế nào, Pháp Vũ là nơi chốn như thế nào để rồi đến ngay, sẽ trở thành chướng ngại, không bao lâu sẽ phải bỏ đi, đâm ra bị tổn hại vô ích. Ngàn vạn phần đừng khuyên ông ta tới núi kẻo đến nỗi đôi bên đều bất an.

Sư Hoằng Nhất chỉ muốn làm một gã tự giải thoát, muôn phần chẳng thể đảm nhiệm sự việc được! Do thầy ấy tâm hạnh tỉ mỉ, tinh tế, hễ phải đảm nhiệm công việc sẽ bị tổn thương, hễ bị tổn thương sẽ phải bỏ cuộc giữa chừng. Nếu tự mình dụng công thì sẽ được yên vui.

Mua loài vật phóng sanh, nếu dựa theo lý rốt ráo "tự thương, thương người" để luận, [khi con vật bị chết trước lúc được phóng sanh] cố nhiên nên đem chôn, chớ nên đổ xuống nước khiến xác con vật đã chết trôi lềnh bềnh trong nước, rốt cuộc chẳng phải là kế sách tốt đẹp. Nếu bảo là vì nó đã chết, liền đem cho người khác ăn và thí cho người nghèo ăn thì cũng không phải là không được. Hãy nên bảo người ăn niệm Phật cho con vật đã chết ấy thật nhiều, bởi nó là con vật được phóng sanh; nếu không, ăn vào sẽ bị mắc tội. Nếu có thể niệm Phật cho nó thì đôi bên đều được lợi ích. Dùng điều này để khuyên bảo thì cũng có thể dẫn dụ người ăn kia gieo được chút thiện căn. Dẫu chưa thể thả được sanh vật thì đối với những thức ăn do chính mình sắm sửa, hãy nên niệm Phật cho nó thì đôi bên cũng đều được lợi ích. Ông chấp chặt hẹp hòi như thế, cho rằng đã nói quy y niệm Phật thì không được ăn, tức là dạy kẻ ăn thịt nhất loạt chẳng niệm Phật. Những kẻ ăn thịt ấy chỉ biết thịt là thứ có vị ngon, chẳng biết sau này khi chính mình cũng sẽ là thức ăn có vị ngon để cho người khác giết ăn thì trong tâm họ mới cảm thấy khó chịu. Kẻ ấy đã chẳng hiểu sự việc như thế thì đành để mặc cho kẻ ấy sau này đợi người khác giết ăn là được rồi, cần gì phải phí sạch tâm tư khuyên nhủ hắn. Hắn đã mong cầu được người khác ăn hắn, ông khuyên hắn đừng muốn tìm cầu sự

khổ ấy, đâm ra trong tâm hắn lại chẳng yên vui! Cứ để mặc hắn đi, để cho hắn đem thân làm món ăn cho người khác; đến lúc ấy, dẫu tâm can đau xé cũng vô ích. Khi ấy hắn sẽ tự hiểu sự sai lầm trong lúc này và lời ta đã nói với hắn chẳng phải là dọa dẫm thì cũng đã muộn rồi.

Thuốc là vật dùng để trị bệnh, hễ bị bệnh do nghiệp gây ra thì thuốc men chẳng làm gì được cả! Huống hồ sắp chết thì thuốc có thể hồi sanh được hay chăng? Dẫu không phải là do nghiệp gây ra mà chí tâm niệm Phật thì cũng sẽ tự chẳng sanh bệnh. Mắc bệnh thì uống thuốc cũng được! Nếu chuyên trông cậy vào thuốc thì nhà phú quý, nhà thầy thuốc sẽ không có ai bệnh tật, đều trường thọ cả rồi.

Những kẻ ăn thịt kia do tâm tham sai khiến, muốn bảo họ đừng ăn thì phải từ nhân quả báo ứng và nỗi đau khổ, oán kết phát sanh vì bị giết hại mà nói thì mới dễ lay động lòng người được. Nếu chỉ biện minh là tịnh hay bất tịnh thì đấy chỉ là sự việc nơi cành nhánh. Hơn nữa, người ta đã muốn ăn thì đâu cần bận tâm thịt là thứ bất tịnh. Trước kia có một vị đại cư sĩ hoằng pháp mấy chục năm, nhưng hằng ngày vẫn ăn thịt (tên của vị này Quang chẳng nói, ông cứ suy ra là biết liền), huống chi những kẻ hời hợt, hờ hững ư? Nếu ông thật sự muốn làm lợi người khác, hãy nên lưu truyền những lời răn dạy cực thống thiết của cổ nhân. Còn như trong bài văn ông đã soạn, ông nêu ý nghĩa "một người phóng sanh thì mười nhà được hưởng lợi ích" và thuyết "những thứ ấy chẳng phải là tam tịnh nhục[685]" thì đấy chính là những nghĩa lý chi ly, vụn vặt, phiền phức của các vị giảng sư. Nghe nói về những nghĩa ấy, kẻ có tín tâm thì còn sanh được thiện tâm, chứ kẻ không có lòng tin chắc sẽ phỉ báng.

Tôi đã nhận được bài văn Mười Thứ Lợi Ích, đem tặng hết rồi. Suy nghĩ cặn kẽ thì thấy những điều được nói trong bài văn ấy sẽ có thể khiến cho những gã đứng ngoài cửa dấy lên lời dị nghị, hễ tặng hết bài văn ấy xong hãy đừng in nữa thì hơn. Tôi chẳng bảo những lời ông nói không đúng, chỉ là chưa nói được cương lãnh trọng yếu. Cương lãnh trọng yếu là ở chỗ nào? Chính là ở chỗ sát sanh sẽ kết oán thù triền miên, đời đời kiếp kiếp tàn sát lẫn nhau. Ông chỉ nên chí tâm niệm Phật để làm phương kế siêu thoát cho những kẻ giết chóc và những con vật bị giết chóc thì sẽ có lợi ích lớn lao. Nếu khăng khăng đem bài văn ấy đăng trong các tờ báo Phật giáo thì rốt cuộc có được mấy ai xem?

Vợ và em gái ông nhất định muốn dùng thịt để đãi khách, hai người ấy chết đi chắc chắn phải biến thành lợn, dê, gà, vịt, tôm, cá. Nếu chẳng biến thành những

[685] Theo Thập Tụng Luật, quyển 37, có ba thứ thịt cho phép người có bệnh được ăn, gọi là "tịnh nhục": chẳng chính mắt thấy giết, chẳng nghe tiếng giết, chẳng vì ta mà giết.

thứ bị người khác giết để ăn thì trời đất cũng sẽ đổi vị trí, mặt trời, mặt trăng sẽ xoay sang phương Đông. Vì sao vậy? Do nhân như vậy nên phải cảm quả như vậy. Xin hãy đem lời này của Quang đưa cho họ xem, chắc còn có thể cứu được! Nếu không, chắc họ sẽ thường biến thành món ăn ngon nhất cho người ta đãi khách, chẳng biết họ sẽ vừa lòng thỏa ý hay đau khổ mong mỏi được cứu nhưng vạn phần chẳng có cơ duyên được cứu?

Trong cõi đời, những người ăn chay phần nhiều khỏe mạnh, những ai ăn thịt thường lắm bệnh tật. Do ăn thịt trược ác nên dễ sanh dục tâm, ăn chay thanh tịnh nên dục tâm nhẹ ít. Kẻ ngu chẳng hiểu lý, tưởng ăn thịt để bổ dưỡng con người, đấy là muốn cho cả mình lẫn người sẽ đều biến thành súc sanh trong đời kế tiếp và đời sau, chẳng đáng buồn ư?

Ông nay muốn cầu được vãng sanh Tây Phương ngay lập tức, ý niệm ấy cũng tốt, nhưng chỉ nên thuận theo nhân duyên của chính mình. Nếu đặc biệt khởi lên cái tâm quyết liệt, cứ mong được vãng sanh ngay thì sẽ trở thành cái gốc để bị ma dựa đấy, cái họa mai sau làm sao tưởng tượng được! Sách Trung Dung có câu: *"Quân tử tố kỳ vị nhi hành, tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn"* (Quân tử hành xử theo đúng địa vị, gặp cảnh hoạn nạn bèn cư xử theo đúng cảnh hoạn nạn). Cách cư xử theo đúng cảnh hoạn nạn ấy nay ông hãy nên bắt chước làm theo. Gặp cảnh tật bệnh, phiền não bèn cư xử theo đúng cảnh tật bệnh, phiền não, coi chính mình là kẻ thường bị bệnh tật thì không có cái tâm bộp chộp mong gấp được lành, cứ nhất tâm niệm Phật thì mới chóng lành. Thấy quyến thuộc đáng giận hay đáng yêu liền nghĩ những người ấy chính là hòn đá thử vàng để ta trui luyện công phu, nên đặc biệt đối với kẻ đáng giận sẽ chẳng sanh lòng giận, đối với kẻ đáng yêu sẽ chẳng sanh lòng yêu. Đấy gọi là "chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển bệnh khổ thành an lạc". Nhất tâm niệm Phật cầu mau được vãng sanh, nếu như chẳng thể vãng sanh được ngay, chớ nên khởi lên tâm niệm bộp chộp, mong gấp đạt được thì bệnh khổ sẽ tự tiêu diệt, quyến thuộc sẽ tự hòa thuận tốt lành. Xin ông hãy suy nghĩ sâu xa. Bệnh chưa hoàn toàn bình phục hẳn, trọn chớ nên gần nữ sắc!

Hiện thời trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình ra, sẽ chẳng thể nào cứu vãn được đâu! Giáo dục trong gia đình phải rất chú trọng tới nhân quả báo ứng. Các vị Lưu, Trì đáng gọi là biết bệnh, biết thuốc, nhưng chưa đề cập đến giáo dục trong gia đình thì vẫn chưa thể viên mãn đầy đủ. Xin hãy nói tường tận với các vị ấy.

Đức Như Lai thuyết pháp đều thuận theo tình người, chẳng ép người khác làm chuyện khó khăn. Như kẻ thọ giới ưu-bà-tắc, hoặc thọ một, hoặc hai, hoặc ba,

hoặc bốn điều, hoặc thọ trọn đủ, đều tùy theo ý muốn của con người. Ngay như giới dâm, kẻ xuất gia phải đoạn hoàn toàn, chứ với người tại gia chỉ ngăn cấm tà dâm. Bởi lẽ nam nữ lập gia đình có quan hệ lớn với luân thường nên chẳng ngăn cấm, nhưng đã thọ giới nhà Phật thì ắt phải tiết dục. Nếu chẳng vì có người nối dòng để thờ phụng tổ tiên, chỉ mong vui sướng, tuy chẳng phạm giới vẫn phạm lỗi lớn, chẳng qua so với tà dâm thì giảm nhẹ hơn mà thôi.

Bồ-tát sống trong cõi tục tuy cũng có vợ con nhưng không có dục niệm, cũng vì thuận theo tình cảm con người mà có lúc làm chuyện vợ chồng, bởi phàm phu chẳng thể vô tình. Nếu muốn trọn chẳng thân ái, chắc sẽ tạo thành oán hận đến nỗi khởi lên họa hại hủy báng Phật pháp. Chẳng những không thể tăng trưởng thiện căn mà còn tạo thành nghiệp hủy báng, đọa lạc trong ác đạo. Vì thế, trước hết phải dùng dục để lôi kéo, sau mới làm cho con người tiến nhập trí Phật. Đấy chính là lòng đại từ bi uyển chuyển thuận theo tình cảm của con người, khéo bày phương tiện. Chỉ nên tiết dục, bất tất phải tuyệt dục. Mỗi quý (ba tháng) gần gũi một lần, ngõ hầu vợ chẳng đến nỗi mang nỗi khổ oán vọng mà sự tu trì của ông cũng chẳng bị trở ngại, lại còn có thể dẫn dụ vợ tu trì tịnh nghiệp.

Hãy nên nói: "Nếu chẳng tu hành tịnh nghiệp sẽ vĩnh viễn tuyệt giao!" Cô ta sẽ gắng sức thực hành. Đối với chuyện có sanh con hay không, chẳng cần phải bàn đến nữa! Bởi lẽ anh em ông thật đông con, há cứ cần chính mình phải có con thì mới chẳng tuyệt dòng nối dõi tổ tiên ư? Ấy là vì vợ chồng ăn ở với nhau bởi có túc duyên. Chẳng thể làm cho vợ mình gieo thiện căn, nỡ lòng bỏ mặc cô ta đọa trong ác đạo ư? Kinh Thi có câu: *"Thê tử hảo hợp, như cổ cầm sắt. Huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả trạm. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa"* (Vợ con hòa hợp, như gảy đàn cầm, như đánh đàn sắt. Anh em hòa thuận, vui sướng, yên ổn. Gia đình êm ấm, vợ con vui vầy). Khổng tử nói: *"Phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ"* (Cha mẹ đẹp lòng vậy thay!) Ông nhất ý tu hành, đoạn tuyệt dục sự, chắc cô ta sẽ oán hận triền miên, hoặc đến nỗi uất ức mà chết. Nếu ông quả thật đạt được thượng phẩm thượng sanh thì không bị trở ngại lớn lao gì. Nếu không, sẽ mắc lỗi trái ý cha mẹ, trở thành kẻ oán đối của vợ thì cũng là phiền lụy lớn lao, so với nỗi phiền lụy do nới lỏng dục sự đôi chút thì sẽ sâu đậm hơn nhiều lắm.

Quang là tăng nhân, trọn chẳng khuyên người khác tạo nghiệp. Người ta đã đem thân giao phó cho ông thì hãy nên trọn hết đạo vợ chồng. Chuyện này chính là nghĩa trọng yếu trong đường tu hành, là điều chí tình nơi luân thường. Xin ông hãy phát tâm Bồ-đề, dẫn dắt cô ta là kẻ chẳng biết "dục chính là cội khổ" cùng sanh về thế giới Cực Lạc vô dục, ngõ hầu chẳng phụ đời trước có duyên với nhau, đời này làm vợ chồng vậy.

Lại nữa, nếu vợ sanh con thì sẽ là phiền lụy lớn lao, không con thì sẽ yên vui tột bậc! Nhưng cháu cả một bầy, chứ đâu phải chẳng có đứa con nào. Luận sát sao theo sự thật thì ông có phước thù thắng hơn anh em ông nhiều lắm, nhưng người đời phần nhiều chẳng thấy được điều này, nên suốt cả đời làm đầy tớ cho con cái. Thử suy nghĩ sẽ thấy quả thật là một điều may mắn lớn lao. Lời này tuy trái nghịch tình cảm, nhưng thật ra là chí lý chí tình.

Bảy anh em của ông nội lệnh hữu do cùng một cha sanh ra, con cháu của ông nội thứ năm[686] đều là hậu duệ của cùng một ông cố. Vì hai gian nhà cho thuê thu nhập hơn 300 đồng liền muốn kiện nhau nơi cửa quan, chắc sẽ tốn bộn tiền. Chuyện kiện tụng chỉ là khoe tài cãi lý, muốn biến vô lý thành chuyện hữu lý. Nếu họ khởi lên ác tâm, thốt ra lời ác chửi bới, tranh chấp nhau, sẽ khiến cho người chung quanh cũng như người đời xầm xì: "Nhà ấy tổ đức đã suy nên lũ con cháu trong cùng một nhà tranh chấp lẫn nhau, anh em bêu riếu nhau!" Nhục lây đến tổ tiên, tội không chi lớn hơn nữa. Chuyện nhỏ tí tẹo trong gia đình, hãy nên nghĩ đến ân đức tổ tiên mà đặc biệt rộng lượng, chớ nên xử sự giống như tranh chấp cùng người đời. Dẫu là đối với người trong cõi đời đi nữa, vẫn nên làm chuyện nghĩa, chỉ mong cho ai nấy được sống yên vui, dẫu ngàn vàng cũng chẳng nuối tiếc. Huống chi ai nấy đều là hậu duệ của cùng một cụ cố hay sao?

Bảy chi họ đều có sản nghiệp, chi dụng trong nhà cố nhiên chẳng cần phải nhờ vào mối thu nhập ấy để sống còn, sao lại ăn thua đủ với nhau, chẳng ai chịu nhường ai? Vì tranh chấp món tiền mấy chục đồng ấy mà kiện nhau ra cửa quan, chưa chắc bảy chi họ đã khỏi phải tốn một đồng nào. Dẫu chẳng phải tốn một đồng nào đi nữa, không gì bằng chôn vùi tổ đức, nỗi nhục ấy còn quá bại gia phá sản. Chỉ vì một chi họ tuy vẫn đủ ăn, nhưng toan độc chiếm tài sản chung do tổ tiên để lại, đến nỗi sáu chi họ kia cùng dấy lên cái tâm bất bình, tức là đã vứt bỏ tổ tiên ra ngoài, chỉ muốn mưu tính cho con cháu của chi họ mình được giàu có, trái nghịch tổ đức, phạm các điều ác. Đừng nói là hơn 300 đồng, dẫu cho 300 vạn đồng đi nữa cũng chẳng phải là điều phước cho con cháu, mà chính là chuốc họa cho con cháu để mong cho chúng bị tuyệt diệt đấy! Đọc sách hiểu lý, sao lại tăm tối đến như thế?

Hãy thử xét xem, xưa nay những ai giúp người lợi vật, tôn kính tổ tiên, thương yêu cho dòng họ, con cháu không ai chẳng nắm địa vị cao, hưởng phước dày, đời đời kế thừa tổ đức triền miên chẳng dứt? Kẻ chỉ biết lợi mình, chẳng đoái hoài tổ tông, đất nước, nhân dân, không ai ba đời chẳng nối tiếp nhau tuyệt diệt hay chăng?

---

[686] Đây là cách gọi theo lối xưa, gọi anh em ruột của ông nội mình theo thứ tự, ông nội thứ năm (ngũ tổ) chính là ông chú hay ông bác đứng hàng thứ năm trong các anh em của ông nội.

Vì sao vậy? Do căn bản tâm địa đã hoại, giống như dùng nước có chất độc để tưới tắm cây hoa, lúa, đậu, chẳng những vô ích mà còn có hại. Nếu một chi họ đã như vậy thì sáu chi họ kia há nên bắt chước ăn thua đủ, cứ muốn "cá đối bằng đầu" với họ, trọn chẳng muốn chiếm địa vị cao cả, cứ nhất quyết phải cùng với họ chen chân vào chốn hèn hạ ô uế ư?

Hãy nghĩ xem, nếu tổ tiên chẳng để lại căn nhà ấy thì có còn làm người được hay chăng? Lại may mắn là tổ tiên để lại lắm của cải, chứ nếu nghèo trắng tay thì sẽ tranh giành với ai? Suy nghĩ đến điều ấy thì nhường cho bọn anh em trong họ mấy chục đồng có gì mà không được? Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yêm) còn tậu nghĩa điền cho cả họ, huống là anh em cùng một nhà ư? Họ Phạm từ đầu đời Tống cho đến cuối đời Thanh đỗ đạt chẳng dứt, ấy là do đức dày của Văn Chánh Công và con cháu đời đời vâng giữ, tu tập tổ đức mà ra.

Bọn anh em cùng một chi họ của lệnh hữu đều là con em nhà thư hương, dẫu chẳng nghe tới đạo lý rất sâu của Phật pháp, nhưng những chuyện ấy (tức gương tốt đẹp của Phạm Trọng Yêm) chắc đã từng nghe, sao chẳng "thấy người hiền mong được bằng" để chú trọng vun bồi tổ đức? Xin hãy đưa thư này của Quang cho khắp các chi họ của lệnh hữu được xem, chắc ai nấy sẽ nghĩ đến tổ đức, noi theo dấu vết cũ. Nếu không, hãy khuyên lệnh hữu đem món tiền của mình dùng vào việc công để mong chấm dứt được chuyện ấy. Ông ta không có con cái, vẫn nên coi như dùng món tiền ấy cho con cái mình thì sẽ rạng rỡ tổ đức, rạng rỡ pháp đạo. Mai sau được tốt đẹp như thế nào chẳng phải là điều Quang có thể biết được nổi!

665. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang là ông tăng chỉ biết cơm cháo, trừ mặc áo, ăn cơm ra, chẳng làm được gì khác, may là vẫn chịu học theo thói ngu phu ngu phụ nên chẳng đến nỗi than thở suông, chẳng biết làm sao! Các hạ muốn thọ tam quy ngũ giới, sao chẳng chọn vị nào đạo đức học vấn cao siêu, lại chọn một ông tăng chỉ biết cơm cháo thì các hạ cũng muốn dự vào đội ngũ ngu phu ngu phụ, chẳng muốn gia nhập hàng ngũ của những vị cao siêu, lạ lùng, đặc biệt ư? Tuy nhiên, đang trong thời thế này, hành theo ngu phu ngu phụ vẫn thực tế hơn! Nếu kẻ cao siêu kỳ đặc chịu buông xuống những chuyện cao siêu, lạ lùng, đặc biệt, ắt sẽ có kết cuộc cao siêu, lạ lùng, đặc biệt lớn lao. Nếu không chịu buông xuống thì cũng chỉ đạt được kết cuộc là hư danh cao siêu, lạ lùng, đặc biệt, quyết chẳng đạt được sự cao siêu, lạ lùng, đặc biệt thật sự. Pháp niệm Phật lý cực cao sâu, sự thật bình thường, muốn cầu tâm tương ứng với Phật thì điều thứ nhất là phải chí thành khẩn thiết, điều thứ hai là lắng nghe. Quay trở lại nghe nơi tiếng

niệm Phật, cùng giữ được lòng thành và lắng nghe thì sẽ tự trừ được hôn mê tán loạn.

666. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết cư sĩ tự đảm nhiệm và quyên mộ người khác đảm nhiệm in Đại Sĩ Tụng, lấy hai ngàn bộ làm chuẩn, khôn ngăn vui mừng an ủi. Cư sĩ cảm khái vì lòng người chẳng bằng thuở trước, biếu tặng thiện thư rất ít đạt hiệu quả, nhưng người trong nước ta gần đến năm vạn vạn người! Trước đây, Quang đã cho khắc ván An Sĩ Toàn Thư, sau đấy lại bảo Trung Hoa Thư Cục sắp chữ ấn hành, quyên mộ chỉ được bốn vạn cuốn. Trung Hoa Thư Cục in kèm và in riêng tổng cộng được một vạn hai ngàn bộ. Nếu luận về hiệu quả thì cũng chỉ được một hai phần. Ấy là vì con người chưa suy xét kỹ, đa số không biết. Quan Quýnh Chi tin tưởng Phật pháp là do bản khắc ván của An Sĩ Toàn Thư phát khởi; Chí Viên giảng thuyết cho ông ta nên từ đấy bèn sanh lòng chánh tín. Nếu đất Hỗ (Thượng Hải) không có Quýnh Chi thì sợ rằng cảnh tượng nơi đất Hỗ sẽ kém xa hiện thời.

Chúng ta chỉ cần phát khởi cái tâm làm lành cho người khác, còn người ta có phụng hành hay không thì tùy họ. Ấn Quang sanh lòng tin đối với pháp môn Tịnh độ là nhờ quyển hạ của Long Thư Tịnh Độ Văn, đủ biết sách ấy có ích cho con người vừa sâu vừa xa vậy! Quán Thế Âm là chỗ nương tựa cho pháp giới chúng sanh, nếu ai nấy đều biết, sẽ có đông đảo người do vậy mà cầu mong tiêu tai thoát họa cho đến liễu sanh thoát tử. Tiếc cho cõi đời chưa có một bản sưu tập đến nỗi những kẻ chẳng tu tập Phật pháp đều chẳng được biết. Đấy chính là nguyên do vì sao Quang thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn sách Đại Sĩ Tụng này vậy.

667. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ ba)

Hôm trước sư Minh Đạo đến đây, cho biết đã đưa bộ Đại tạng kinh bản đời Tống của ông qua chùa Hiển Ninh, công đức vô lượng. Thầy ấy chẳng lượng sức, tiếp nhận bốn ngôi chùa hoang tàn ở Hàng Châu, đều do các vị cư sĩ đất Hỗ và thầy của ông ta giúp đỡ duy trì. Về sau, Tam Thánh Đường ở trên núi Phổ Đà bị hỏa hoạn, cháy rụi một nửa, vị thầy ấy không thể lo liệu thêm các nơi khác được. Hiện thời còn thiếu tiền công thợ và các hóa đơn phải chi phí hơn 3.000 đồng, không làm cách nào được. Những khoản tiền dư ra ở chỗ Quang phần lớn đều để giúp cho hai chùa Linh Nham và Thọ Lượng, cũng chẳng thể giúp đỡ thầy ấy. Thầy ấy chỉ mong các vị đã bỏ tiền làm công đức trước kia mỗi người sẽ cho mượn 300 đồng, nhưng sợ chưa thể lo liệu mỗi việc vẹn toàn được. Nếu cư sĩ chịu giúp cho sự cấp bách cháy mày này thì trong năm sau vẫn còn tiến hành sửa chữa

cho xong được. Nếu không, chắc là phải bỏ cuộc giữa đường, há có phải là thất bại khi sắp thành công hay chăng?

668. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tư)

Những lời nói trong nhà Thiền tốt nhất là chỉ nên bỏ mặc, đừng bàn đến. Nếu muốn biết hiểu rõ ý nghĩa nguyên do của những lời lẽ ấy thì phải ngộ đôi chút. Nếu không, dẫu có đọc sách thiền thì cũng như nói chuyện với người ngoại quốc, hoàn toàn chẳng thấu hiểu được cái hay trong ấy. Huống chi ông tuổi đã cao rồi, thời thế lại như thế này, há nên dùng thời gian đáng quý báu nhất để nghiên cứu những câu nói không thể suy luận ấy ư? Thường có những kẻ ở trong nhà Thiền mấy chục năm vẫn chẳng hiểu được những câu nói ấy có ý nghĩa gì. Dẫu có dùng ý tưởng để suy đoán đi nữa thì cũng là nói mớ trong mộng mà thôi, xin hãy bỏ ý niệm ấy đi!

Hãy nhất tâm niệm Phật, niệm đến mức Phật lẫn tâm đều mất thì vừa nhìn vào những câu nói ấy sẽ khôn ngăn bật cười. Nếu chẳng được như thế thì chỉ cần vãng sanh vẫn có thể đích thân chứng được lý ấy, huống là hiểu được những lời lẽ ấy ư? Nếu chẳng coi lời Quang là đúng, cứ suốt ngày đọc ngữ lục nhà Thiền thì Tông cũng chẳng thể thông mà Tịnh cũng chẳng chú trọng. Khi sanh tử xảy đến, chỉ đành theo nghiệp thọ sanh!

669. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư, biết Thánh Định đã vãng sanh Tây Phương, lâm chung chánh niệm, chết rồi đảnh đầu vẫn ấm, vẻ mặt càng đẹp, đang lúc nắng gắt mà chẳng hôi thối. Chỉ ngay từ mấy tướng lành ấy đã có thể quyết đoán bà ta được vãng sanh, còn về phẩm vị vãng sanh thì nói chung là trung phẩm. Do trung phẩm đều là phẩm vị vãng sanh của người trọn vẹn điều lành nơi giới và điều lành thế gian; cũng chẳng cần phải nói cho dễ nghe, cứ khăng khăng bà ta thượng phẩm vãng sanh. Dẫu cho hạ phẩm hạ sanh thì nghiệp đã vượt trỗi chư thiên trong tam giới rồi, huống hồ vãng sanh trong bậc hạ thuộc trung phẩm ư? Bốn mươi chín ngày không ngớt tiếng niệm Phật, chẳng những hữu ích cho người đã khuất mà quyến thuộc hiện tại cũng được lợi ích lớn lao.

Linh Nham theo lệ không niệm kinh, bái sám, phóng Diệm Khẩu, làm pháp sự hệ niệm, làm đàn Thủy Lục, truyền pháp, thu nhận đồ đệ, giảng kinh, truyền giới, làm pháp hội. Công khóa hằng ngày giống như *Phật thất phổ thông*. Chỉ những ai có tín tâm, chẳng chú trọng màu mè, hoa dạng, xin mở Phật thất thì liền chấp nhận. Nếu chèo kéo thân hữu rộng rãi và dẫn nữ quyến trẻ tuổi đến trước hôm mở thất và xong thất mới đi thì cũng không chấp nhận.

Năm Dân Quốc 17 (1928), Trương Minh Kỳ (là đệ tử quy y) mở Phật thất 49 ngày, không một ai bỏ đi. Năm Dân Quốc 18 (1929) cũng mở Phật thất 21 lần, cũng không một ai bỏ đi. Năm Dân Quốc 19 (1930), có hai mươi mấy lần mở Phật thất cũng không quá năm sáu gia đình đến dự, nhưng cũng chỉ ở một hai ngày hoặc đôi ba ngày mà thôi. Năm Dân Quốc 20 (1931) do người đông phòng hẹp, liền cho xây cất lớn, Phật thất càng đông hơn. Nay gởi cho ông một tờ sao bài bi ký, ông đọc sẽ biết.

Nếu ông muốn tạo lợi ích giúp cho Thánh Định, do bà ta lúc sống thường ăn chay, khi làm ma chay chắc ông cũng chẳng đến nỗi dùng rượu thịt. Trong khi tang ma và cúng giỗ sau này, xin ông hãy bảo lệnh lang đừng bắt chước thói tục. Trong khóa tụng sáng tối, lúc hồi hướng Quang sẽ đọc pháp danh của bà ta để hồi hướng trong 21 ngày cho trọn hết tình thầy trò.

670. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ sáu)

Ông nói trong khi làm việc cũng không quên niệm Phật, ấy là tướng cái tâm niệm Phật thuần thục, sao lại bảo là hôn trầm, thuộc về vô ký (không thiện, không ác)? Nhưng cũng chưa phải là "vô niệm mà niệm", mới chỉ có hơi hướng của "vô niệm mà niệm" đó thôi! Nếu tưởng đấy chính là "vô niệm mà niệm" thì sẽ giống như dùi gỗ thấy khói bốc lên liền bảo là đã được lửa, thôi không dùi nữa, sẽ không có cách nào được lửa cả.

Ông công phu khá tốt, đạt đến cảnh giới ấy cũng chẳng phải là dễ dàng, nhưng cần phải chuyên tinh dụng công, đừng học theo thói ham cao chuộng xa, thấy lạ nghĩ khác của con người hiện thời thì tương lai sẽ đạt được lợi ích, sẽ tự có những điều chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng đấy là chuyện thuộc về hạnh môn, chứ trong tín nguyện môn càng phải nên dốc sức ngõ hầu quyết định đạt được lợi ích sâu xa do niệm Phật. Nếu bắt chước các tông khác, chuyên chú trọng vào công phu, bỏ mặc tín nguyện chẳng nhắc tới thì sẽ trở thành pháp môn cậy vào tự lực, mất mát lớn lắm.

"Tam luân thể không" chính là chẳng cậy công, chẳng nghĩ đó là đức, nếu như lời ông nói thì sẽ thành hỗn độn, vô tri. Thế nào gọi là *thể không*? Nói thể không nghĩa là rành rẽ phân minh, phân biệt rõ đối tượng nhận lãnh đáng nên bố thí hay không nên bố thí, nhưng chẳng thấy mình có công đức đối với người ta, cũng chẳng thấy người ta nhận lãnh ân đức của mình. Kinh Kim Cang dạy: "Chẳng chấp vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí", chính là nhằm diễn tả ý này vậy! Nếu chẳng phân biệt kẻ tốt lẫn người xấu, cứ tận lực thí cho người xấu thì sẽ khiến cho kẻ ấy tạo nghiệp, sẽ trở thành tội lỗi, chẳng gọi là công đức được.

671. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ bảy)

Phật pháp rộng lớn vô lượng vô biên, chúng ta mang tư cách kẻ phàm phu sát đất, muốn ngay trong đời này giải quyết xong xuôi chuyện khó thể giải quyết trong trăm ngàn vạn ức kiếp thì phải trù tính sức lực của chính mình nhỏ hay lớn để tu tập, đừng lầm lạc ngỡ mình là thông gia. Đối với pháp này còn chưa thật sự hiểu chắc mà lại đi nghiên cứu dùi mài trong những tông khác đến nỗi ngược ngạo coi chuyện dễ được lợi ích nhất này như chuyện thừa thãi, vặt vãnh thì trong trăm ngàn vạn kiếp vẫn y như cũ, chẳng thể liễu thoát được.

Phật pháp giống như hư không, trọn không có Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới. Nói Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới là ước theo địa vị chính mình đang đứng để nói. Chính mình đã chẳng thể khế hợp với thái hư thì ắt phải luận theo địa vị nơi mình đang đứng; chẳng ngại gì ở trong nơi không có Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới mà ước theo Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới do chính mình đã định. Thiền tông, Tướng tông, Mật tông không một tông nào chẳng hay, nhưng là người niên kỷ đã ngoài 50, có được pháp cậy vào Phật lực để phàm phu dày dẫy triền phược có thể liễu sanh tử mà lại dốc sức nơi pháp môn cậy vào tự lực, thì tuy có thể giúp cho sự thấy hiểu tịnh nghiệp một cách viên thông, nhưng tôi thật sợ ông tâm lực chẳng đủ, sẽ lấy pháp đó làm chánh, coi pháp này là lệ thuộc không quan trọng, chắc sẽ khó đắc lực.

Chẳng phải là Quang cự tuyệt không cho người ta nghiên cứu những tông khác, chỉ vì có những kẻ chẳng thông cảm nên mới giáng cho Quang những lời chê bai ngặt nghèo, bảo Quang cấm ngặt người khác không được nghiên cứu những tông khác. [Bị gieo tiếng ác như vậy] thì Quang sẽ ngấm ngầm được phước, còn đại chúng cho Quang là kẻ oan gia nơi cửa Phật. Xin ông hãy tự cân nhắc để quyết định.

Thêm nữa, sau khi viện mồ côi ở Nam Kinh được thành lập, ông bỏ ra 300 đồng, nhưng trong năm ấy viện vẫn chưa hoạt động, đến năm sau mới hoạt động, cho nên vẫn chưa nhận tiền thêm. Nghe nói năm trước ông vẫn bỏ ra 300 đồng, năm ngoái lại gởi thư nói sẽ quyên tặng riêng, cho nên năm nay cũng chẳng dám gởi thư tới nữa. Trước kia, ông Dư Trĩ Liên có cho biết tính xin ông quyên tặng suốt năm, hoặc mấy chục đồng, hoặc một trăm đồng, tùy ý. Từ năm ngoái tới nay, học sinh chùa Pháp Vân ngày càng chăm chỉ tiến bộ. Có Vương Kiến Bình là một thương nhân tài sản chưa hơn ba vạn mấy đồng, nhưng nghe nói tới viện mồ côi chùa Pháp Vân liền tới thăm, hết sức vui thích, bèn may quần áo, mền đắp cho các học sinh. Tất cả những em học sinh nào đủ trình độ có thể ra đời mưu sinh

được, ông ta liền đỡ đầu giới thiệu tới làm việc trong các tiệm buôn, bởi lẽ những môn sinh của ông ra mở tiệm có đến hai ba chục người cũng như ông ta có các bạn bè khác trong nghề kinh doanh. Vì thế ông ta nhận lãnh trách nhiệm nặng nề ấy. Từ năm ngoái cho đến mùa hạ năm nay đã giới thiệu 48 em. Thế mà vẫn có người cần xin thêm, do có những em trình độ quá yếu, ông ta không bằng lòng cho đi. Vì thế số học sinh tăng lên đến 160 em.

Tất cả những phòng ốc cũ chẳng đủ dùng, lại phải cất thêm mười mấy gian nữa để làm xưởng thợ. Vương Kiến Bình còn bảo thợ làm khuy trong tiệm ông ta đến viện mồ côi dạy nghề, không lấy tiền học. Học sinh học được nghề sẽ liền dựa theo số lượng hàng làm ra để trả tiền công. Đường lối này chẳng cần tiền vốn, khá hữu ích. Hơn nữa, những món đồ do chùa Pháp Vân làm ra ai nấy đều tranh nhau mua, bởi chúng chắc chắn, sử dụng được. Tuy vậy trong mấy năm gần đây, dẫu có thêm những người đảm nhận quyên tặng, nhưng do những người đã quyên tặng trước kia hoặc chuyển đi phương xa, hoặc có người đã qua đời, kinh phí trong viện tốn kém hơn trước, cảm thấy khá tốn sức.

672. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ tám)

Pháp môn vào buổi cuối thu, sai ngoa quá nhiều, nhưng chỉ nên sanh lòng chánh tín, trì các tịnh giới thì là đã đạt được căn bản, còn những thứ cành nhánh khác hãy để thong thả. Nếu một mực noi theo lối cổ thì người đời nay đã không thông hiểu sâu xa những cấm chế của đức Phật, mà mỗi một việc làm trong hiện thời đều chẳng thể theo đúng như lời Phật dạy, sẽ trở thành ngôn luận cự tuyệt người khác bước vào Phật pháp. Nếu mỗi một việc đều phải theo đúng như cấm chế của đức Phật thì tăng nhân hiện thời đều là kẻ bạch y học đạo, chưa chắc mỗi một điều đều có thể hợp pháp, hợp luật, huống là hai chúng tại gia ư?

Hơn nữa, cấm chế nhà Phật cũng có lệ tùy theo nơi chốn, tùy theo thế tục để lập. Ngay như tăng y ngày nay cũng đâu phải là tăng y đã được chế định tại nước Phật, nhưng do được lưu hành đã lâu bèn coi là đúng pháp. Vả nữa, Phật quy định tăng luôn để đầu trần, chân đất. Để đầu trần thì mùa hạ tuân theo được, chứ mùa đông mà tuân theo sẽ chẳng được mấy ai. Đi chân đất càng khó thấy mấy ai tuân theo. Do vậy, chớ nên cố chấp những điều cành nhánh để luận, hãy nên nương theo cội nguồn để tu thì sẽ có ích. Nếu mỗi một điều đều chuẩn theo nguyên tắc như trong thời Phật thuở trước thì những kinh hiện thời đều chẳng nên thọ trì, mà phải thọ trì những kinh văn tiếng Phạn được viết trên lá bối thì mới là chẳng trái nghịch Phật pháp vậy!

673. Thư trả lời cư sĩ Lý Cận Đan (thư thứ chín)

Đại tạng kinh bản đời Tống ở Linh Nham là do Quang thỉnh, còn Đại tạng kinh ở chùa Phật Nhật là do một đệ tử ở Thiên Tân thỉnh cho Linh Nham, nhưng vì Linh Nham đã có nên giao về chùa Phật Nhật. Một đệ tử ở Phước Kiến cậy Quang thỉnh cho ngôi chùa trong làng ông ta một bộ Đại tạng kinh. Tới khi thỉnh xong, đã giao tiền (đã ước định sẵn phải thanh toán trọn vẹn trước), ông ta hỏi một người bạn thì biết chùa ấy đã thỉnh rồi nên bộ Đại tạng kinh do Quang thỉnh giùm cho ông ta được giao về chùa Long Cư. (Trước khi thỉnh kinh cho chùa Phật Nhật), Quang đã tự bỏ tiền thỉnh hai bộ, bộ ở chùa Pháp Vân do ông Lý Kỳ Khanh thỉnh, còn bộ để ở Phật Quang xã thuộc Giang Loan, tỉnh An Huy cũng có người thỉnh rồi. Nếu ông bằng lòng gởi bộ Đại tạng kinh của ông đi nơi xa thì xin đợi hơn một tháng nữa để Quang hỏi thăm một hai chỗ. Nếu họ đã có thì chẳng gởi sang, nếu không sẽ gởi đi.

Hôm trước thầy đương gia chùa Linh Nham nói chùa hiện có hơn 50 vị đang trụ, người đến niệm Phật có 40 vị, những người khác đều có công việc. Phật thất chỉ thỉnh 40 người hoặc 34 người đều được cả. Thêm nữa, thầy Minh Đạo lại tiếp nhận chùa Hiển Ninh, phong cảnh rất đẹp (cách chùa Phật Nhật bảy tám dặm), hòa thượng Chân Đạt tính dưỡng lão tại đó, chắc sẽ gởi kinh sang nơi ấy sẽ đỡ tốn công. Nếu gởi sang nơi đó thì xin đợi tới khi thầy Minh Đạo trở về, sẽ bảo thầy ấy thỉnh bộ kinh đã được gởi tới đây đưa sang chùa Thái Bình. Sau này, nếu tái bản sẽ bảo Ấn Kinh Hội đem bản kinh của ông cúng dường tặng cho chùa Thái Bình.

Kinh ở hai chỗ Phật Nhật và Long Cư đều đưa sang chùa Thái Bình. Long Cư là đạo tràng cổ, tăng chúng sống ở đó không kham được bèn đem bán cho trường học. Hai ba vị tín sĩ ở địa phương chẳng nỡ, ép một vị tăng ở Giang Tây tiếp nhận. Vị này đối với Phật pháp chưa hiểu rõ ràng, do vậy thỉnh vị tăng từng sống tại chùa Báo Quốc trước đây là Liễu Nhiên về cùng ở đó. Vì vậy, Quang đem bộ kinh do vị sư ở đất Mân đã thỉnh đưa sang đó. Trước kia, thầy Liễu Nhiên chú trọng tu Thiền, mười năm gần đây lại chuyên đề xướng Tịnh độ.

674. Thư trả lời cư sĩ Lý Tông Bổn

Ông học Phật pháp sao lại học thói khoa trương rỗng tuếch, hời hợt của bọn thương nhân trong thế gian? Ông nói gởi một hộp bánh là được rồi, há nên nói thật bùi tai như thế? Quý trọng như vậy mà lại bảo Quang nếu cần nữa hãy viết thư xin gởi thêm, đúng là ông coi Quang như đứa trẻ nít, ông chẳng hiểu việc đời quá mức!

Từ nay phải ngăn dè thói xấu hèn khoa trương rỗng tuếch hời hợt kiểu đó thì niệm Phật sẽ được lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu có tu trì cũng đều bị thói khoa trương rỗng tuếch hời hợt chôn vùi hết sạch. Rốt cuộc chẳng giúp được gì mà vẫn chẳng biết là tự chuốc lấy họa, ngược ngạo đổ thừa Phật chẳng từ bi, Phật pháp không linh. Chẳng biết là do chính mình khoe khoang mà cảm thành, buồn thay!

Quang già rồi, mục lực chẳng đủ nên cự tuyệt hết thảy thư từ. Nay xem thư ông, khôn ngăn đau lòng. Ông đọc thư tôi, nếu sửa được lỗi trước thì mai sau nhất định được vãng sanh. Nếu không, cứ theo thói hư giả thì làm sao đạt được lợi ích thật sự? Nghe theo hay không tùy ông, tôi chỉ trọn hết tấm lòng tôi mà thôi.

Ông nói đến chứng miêu ôn[687], không biết là bệnh gì, cũng chẳng biết thuốc nào trị được. Hãy nên bảo gia đình người ấy chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, kiêng giết, ăn chay thì sẽ có hiệu quả. Từ nay về sau chớ nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y. Nếu gởi thư đến quyết định chẳng trả lời, do mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ. Những điều đã nói trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp bất luận hạng người nào cũng đều có thể nương theo đó để hành và truyền cho con cháu. Nếu có thể hành theo đó thì gia đạo sẽ được hưng thịnh, con cháu sẽ hiền thiện. Nếu coi đó là những lời bàn hủ bại viển vông của một ông tăng già nua mà muốn chấn chỉnh thanh danh gia đình sẽ như phá băng để tìm lửa, quyết chẳng có hy vọng gì cả.

675. Thư gởi hòa thượng Diệu Chân

Trưa hôm qua, Vương Ấu Nông tới nói: Hôm trước ông ta qua nhà ông Lý Bách Nông bảo: "Linh Nham muốn dựng niệm Phật đường." Bách Nông nói: "Đang gặp tuế sát[688] chớ nên kiến tạo!" Nhân thời cuộc, Quang nói: "May mà chưa khởi công xây dựng đại điện chùa Pháp Vân, hãy đợi đến khi thời cuộc bình yên." Ấu Nông nói: "Linh Nham chớ nên xây cất, dẫu có nên xây đi nữa thì trong thời cuộc thế này cũng nên để thong thả."

---

[687] Miêu ôn (feline distemper) là một chứng bệnh dịch của mèo do loại virus Canine Parvovirus type 2 gây ra. Khi bị virus này tấn công sẽ ho hen, chảy mũi, nhiều đờm rãi, đau cổ họng, ói mửa, thổ tả, sốt cao. Mèo bị nhiễm căn bệnh này có tỷ lệ tử vong rất cao (75-90%). Căn bệnh này có thể lây cho người.

[688] Tuế sát (歲煞) là một hình thức khắc kỵ trong cách bói toán năm xung tháng hạn theo cổ lịch. Theo kinh Thần Xu của Đạo giáo, có tam sát phải kiêng kỵ trong khi xây cất là kiếp sát, tai sát và tuế sát. Sách ấy giảng: "Tuế sát nghĩa là âm khí rất độc, nên gọi là sát, xảy ra khắp bốn mùa, nên còn gọi là âm khí của bốn mùa, trôi nổi khắp bầu trời. Cuộc đất nào bị trúng hạn tuế sát, không được động thổ, xây cất. Nếu phạm thì con cháu, lục súc (gia súc) sẽ bị tổn thương, tử vong." Ở đây, chữ tuế sát được dùng với nghĩa bóng: "Thời cuộc bất ổn, chiến tranh hoành hành."

Nay gỗ dùng để xây dựng đã đưa đến, hãy nên chất quanh nền nhà phía sau niệm Phật đường. Cần phải dùng đá xếp cao hai thước để làm bệ lót ngõ hầu gỗ chẳng bị ẩm thấp mục nát. Hai mặt gỗ đều phải để cho nắng rọi vào, trên mặt mỗi phiến gỗ đừng phủ cỏ, phủ cỏ sẽ vĩnh viễn ngăn che ánh mặt trời. Hãy mua mấy tấm liếp tranh lớn che phía trên. Lời của Bách Nông và Địch Dân nói tuy đều có lý, nhưng do ảnh hưởng bởi thời cuộc, cố nhiên nên nghe theo lời Ấu Nông. Đợi tới mùa thu năm sau mới khởi công so ra sẽ ổn thỏa, tốt lành hơn. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may lắm thay!

676. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết tâm ông mộ đạo khá chân thật, thiết tha, ý muốn quy y, nhưng Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, quả thật chẳng đáng làm thầy một ai. Nhưng nếu có thể chuyên chí tu trì, y theo những lời Quang đã nói để hành thì cố nhiên chẳng có chuyện gì ông không được mãn nguyện. Ví như kẻ không chân ngồi ở ngã ba đường, có người hỏi nẻo về nhà liền chỉ thẳng nên đi theo đường nào. Quyết đừng vì kẻ ấy không thể đi được mà chẳng chịu nghe lời để rồi tự mình lạc mất lối về. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tịnh, tông là chủ, tịnh là hiện thời tu tập pháp môn Tịnh độ, trong tương lai sẽ vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc.

Pháp môn Tịnh độ là pháp rộng lớn hết sức giản tiện, hết sức sâu xa trong Phật pháp. Nếu nương theo các pháp khác để tu trì thì ai có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này? Nếu y theo pháp môn Tịnh độ, chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được vãng sanh. Đấy chính là nghĩa lý lớn lao phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh độ vậy.

Hơn nữa, phàm muốn học Phật thì tâm địa phải thanh tịnh. Phàm hết thảy những tâm bất thiện đều là cấu nhiễm, ắt phải dọn trừ sạch sành sanh. Phàm hết thảy thiện tâm ắt phải mở rộng ra, tức là: đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, tự hành như thế mà dạy người khác cũng như thế. Đối với người trong cõi đời còn nên khuyên bảo rộng khắp, huống là cha mẹ, vợ con v.v., há chẳng làm cho họ được thấm gội Phật ân, vẫn luân hồi y như cũ, lỗi đạo làm con, làm cha, làm chồng lắm thay!

Thế đạo hiện thời đã loạn đến cùng cực, nguồn cội đều do con cái từ thuở bé chẳng được cha mẹ khéo dạy dỗ về nhân quả báo ứng, cũng như "lợi người chính là lợi mình, hại người chính là hại mình". Hãy nên nói tường tận lợi hại với vợ để cô ta sẽ tận tụy giáo huấn con cái, đừng mặc cho chúng quen thói khiến tật xấu trở thành tánh đến nỗi gây hại cho gia đình, cho đất nước, cho thiên hạ vậy.

677. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ hai)

Trước kia đã nhận được thư ông hỏi về chuyện quyên mộ đúc chuông, do bận bịu nên không thể trả lời ngay được. Tôi chuyển thư ông cho Mai Tôn, ông ta cực lực tán thành. Lại gởi thư bàn định về kích thước của cái chuông đồng tính đúc. Do thầy Diệu Liên sang Xích Sơn nên phải chậm mất hai mươi mấy ngày. Mai Tôn gởi thư cho tôi biết: "Thoạt đầu do thầy Diệu Liên đi vắng, nay phải bàn bạc cho thỏa đáng sử dụng loại đồng nào và kích thước của chuông thì mới có thể gởi thư xin thầy soạn sớ." Hôm qua nhận được thư ông, biết ông còn chưa biết rõ chuyện này, ắt là phải nói rõ chuông nặng bao nhiêu cân và dùng loại đồng nào. Loại đồng ấy mỗi cân phải tốn bao nhiêu tiền thì mới làm cho người khác tin tưởng được.

Phàm đúc chuông, nên dùng loại hưởng đồng[689] thì âm thanh mới hay. Hưởng đồng rất đắt, nếu chẳng thể sử dụng hoàn toàn thì cũng nên dùng một nửa. Ước chừng tính gộp chung tiền công và vật liệu thì mỗi cân phải tốn một đồng trở lên. Nếu ông thấy khó khăn quá thì hãy bãi bỏ ý định này. Nếu như dù tốn đến hai ba ngàn đồng cũng vẫn phải đúc thì đợi khi Nam Kinh gởi thư đến sẽ viết sớ gởi cho ông.

Cháu ông chẳng biết nỗ lực làm người, ấy là do chẳng được dạy dỗ từ bé mà ra. Lúc bé không được dạy dỗ thì lớn lên sẽ khó trở thành người đàng hoàng được! Ông gặp cảnh ngộ như thế chỉ nên thường nghĩ nhớ tới cha mẹ ông và anh của ông, đừng sanh phiền não, hãy sốt sắng niệm Phật, cầu Phật gia bị cho nó, ngõ hầu nó sẽ hiểu biết, tự có thể làm người tốt. Nếu chính mình sanh phiền não thì vô ích cho nó lẫn thân ông cũng như công lao nuôi dạy đứa cháu đều bị tổn hại. Nếu ông chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, nhất tâm khẩn cầu Phật Bồ-tát gia bị cho nó, lòng thành đến cùng cực thì sắt đá cũng cảm động, dần dần nó sẽ chuyển biến thành người tốt, chẳng đến nỗi cứ mãi là gã lãng tử hoặc kẻ vứt đi. Hãy nên đừng phân biệt, hãy nghĩ đứa cháu ấy giống như đứa con bất tài của chính mình, chỉ cầu Phật Bồ-tát xót thương gia bị. Đấy chính là diệu pháp độc nhất vô nhị để chuyển biến.

Tôi sẽ gởi hai bài văn do cư sĩ Sa soạn sang Tịnh nghiệp xã Thượng Hải để họ đăng trên tờ nguyệt san. Bài văn khuyên kiêng giết ăn chay của Quang có

---

[689] Hưởng đồng (bell bronze, hoặc bell metal) là một loại hợp kim gồm đồng, chì, thiếc phối hợp theo một tỷ lệ nhất định (thông thường tỷ lệ đồng và thiếc là 3:1). Hưởng đồng thường dùng để chế các loại nhạc khí có độ ngân vang như chuông, khánh, linh, cồng, chiêng, thanh la, não bạt, lục lạc v.v.. Tùy theo cách chế tạo của từng vùng, đôi khi còn thêm vào các thành phần khác như manganese, bạc hay vàng (nhưng do tỷ trọng quá khác biệt, lượng vàng hay bạc hòa tan vào hợp kim sẽ chiếm một số lượng rất nhỏ).

phạm vi khá rộng, ông Nhiếp Vân Đài từng chiếu theo đó in thành truyền đơn để tặng cho người khác, Quang cho đăng kèm sau cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn. Ông ta in ba ngàn cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, có giữ lại bản in, nhưng in lần ấy đắt quá, mỗi bộ tốn hơn ba cắc; sau này in lại sẽ giảm được chi phí một nửa. Quán Âm Tụng có hơn bảy vạn bộ, Văn Sao cũng cho sắp chữ riêng. Bài văn ấy tuy văn chương không hay nhưng đã nói rất rõ hết thảy những lý do vì sao không nên giết chóc.

Lạy kinh được lành bệnh chính là điềm lành chứng tỏ nghiệp tiêu, tai diệt. Chuyện đi qua Thân Giang (Thượng Hải) thì do thời cuộc không yên, tính đợi tới tháng 9, tháng 10, hoặc sang năm sau. Đại Sĩ Tụng vẫn chưa sắp chữ, tôi muốn qua Thân Giang chính là vì chuyện này. Nếu thời cuộc biến động, sợ sẽ bị lỡ làng, vì thế chẳng dám cho sắp chữ. Nếu cho sắp chữ ngay thì tối thiểu cũng phải tới khoảng tháng 10 mới in ra sách được. Nếu sách được in ra sẽ gởi cho ông và ông Sa. Các ông Phạm và Lý chẳng cần phải nói nữa.

Quan Đế quy y với đại sư Trí Giả (dưới thời Tùy Văn Đế) mở ra đạo tràng núi Ngọc Tuyền, chuyện này được chép trong sách Phật Tổ Thống Kỷ. Phật giáo coi Quan Đế là thần hộ trì già-lam cũng vốn vì lẽ này. Đợi khi nào rảnh rỗi, tôi sẽ đem bài văn ấy thuật rõ.

Ăn chay chẳng khó, khó là vì chẳng chịu bỏ cái tâm tham sung sướng bụng miệng. Nếu chẳng tham thỏa thích bụng miệng thì ăn chay có bất tiện chi đâu? Tuy thỉnh thoảng ăn chay, nhưng trong những ngày không ăn chay cũng phải ít ăn mặn đi, bởi hết thảy loài vật đều tham sống sợ chết, đều biết đau đớn khổ sở, chỉ vì miệng chẳng thể nói được, nên phải làm thức ăn cho con người. Nếu chúng nói được thì nỗi niềm bi ai, oán hận của chúng khi sắp bị giết há còn nỡ nghe ư? Nghĩ đến điều này thì sẽ chẳng nuốt thịt xuống khỏi họng được.

Lạy kinh niệm Phật nên lấy cung kính chí thành làm gốc, cung kính lớn lao thì công đức, lợi ích lớn lao, cung kính nhỏ nhoi công đức, lợi ích sẽ bé tẹo. Nếu chẳng cung kính, chỉ làm ra vẻ đạo mạo thì chính là tự dối mình, chứ muốn dối người cũng không được, huống là dối Phật Bồ-tát ư? Xin hãy chân thật cung kính hành trì thì lợi ích sẽ không chi lớn bằng!

678. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ ba)

Chuyện đúc chuông đã nói với ông Mai Tôn, bảo ông ta châm chước kích thước lớn nhỏ, nhưng chưa thấy gởi thư tới. Hôm qua, tôi sang lầu chuông của Phật Đảnh Sơn, thấy chuông ở chỗ ấy cũng không lớn lắm. Họ nói nặng hơn bốn ngàn cân, như vậy thì chuông chùa Pháp Vân cũng nên nặng ba ngàn cân. Huống

chi mỗi cân hưởng đồng ước chừng hơn một đồng. Ông phát tâm quyên mộ cũng không nhất định phải đủ số, nhiều cũng hay, ít cũng được. Hễ được nhiều thì đúc thêm khánh, báo chung, hỏa bản[690], ít thì sẽ quyên góp thêm tại đất Nam Kinh. Do vậy, không nhất định phải hoàn toàn là quyên góp sao cho không thừa không thiếu. Họ đã không gởi thư tới, chắc là ước chừng ba ngàn cân, đợi sau này khi thật sự đúc mới lại định chuẩn cân lượng. Tôi sẽ viết lời tựa. Mồng 1 tháng 8, Quang sẽ xuống núi sang Thượng Hải, đến ngụ tại chùa Thái Bình nơi bến Trần Gia. Ước chừng phải hai ba chục ngày mới trở về được, qua đấy để tìm cách in Đại Sĩ Tụng. Công nhân của Trung Hoa Thư Cục bãi công, nếu chẳng tìm cách chẳng biết sẽ phải chờ đến khi nào!

Chuyện thả lợn trước đây đã được ông Mai Tôn gởi thư cho biết rồi, sẽ gởi cho Tịnh nghiệp xã để đăng tải trên tờ nguyệt san ngõ hầu mọi người đều sanh lòng kinh sợ. Lý Trọng Hòa đã muốn quy y thì chẳng ngại đặt pháp danh cho ông ta. Ông ta tên là Thọ Bình; phàm cái thật sự thọ (sống lâu) thì chỉ có tự tánh, tánh ấy nếu chẳng có trí sẽ chẳng hiển được, có trí ấy thì sẽ biết nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và ba đời chư Phật, lục đạo chúng sanh thảy đều bình đẳng. Cái trí bình đẳng ấy thật sự là tối thượng, tối diệu. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Trí Thượng, dùng cái trí tối thượng ấy để tự hành, dạy người tu trì tịnh nghiệp, ngõ hầu hết thảy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng được cái vốn sống mãi bình đẳng vô nhị ấy. Đấy chính là chuyện quan trọng nhất, làm được như thế sẽ chẳng thẹn là đệ tử của Như Lai, xin hãy nói với ông ta.

---

[690] Đối với Phật môn Trung Hoa, khánh (磬) là từ ngữ chỉ chung cho các loại nhạc khí bằng đồng để gõ làm hiệu, có hình bát ngửa lên, được đặt trên đệm hoặc có cán cầm; chẳng hạn chuông gia trì (chuông dùng để tụng kinh) gọi là đại khánh, khánh nhỏ cầm tay (thủ khánh, hay dẫn khánh) để làm giữ nhịp dẫn lễ v.v.. Chỉ những loại có hình quả chuông treo mới được gọi là "chung". Riêng ở miền Bắc Việt Nam lại thường gọi loại nhạc khí có hình dạng đĩa phẳng, trông như một đám mây cuộn, đúc bằng đồng, gõ như chiêng trong các buổi lễ là khánh. Loại này thường được Phật môn Trung Hoa gọi là vân bản.

Báo chung là loại chuông cỡ vừa, thường được treo trong thiền đường, tăng đường, hoặc trai đường, dùng với mục đích báo hiệu bắt đầu thọ trai, niệm Phật, nghỉ ngơi hay thức dậy. Báo chung còn dùng để ra hiệu cho đại chúng cất giọng tán xướng trước khi ngồi thiền hay thụ trai. Riêng trong thiền đường và trai đường trung hoa, báo chung luôn đi kèm với bản (板, còn gọi là chung bản, là một tấm gỗ hình chữ nhật được treo phía dưới báo chung, khác với một loại bản khác treo gần chung bản, gọi là thôi bản, chỉ đánh để làm hiệu lệnh bắt đầu chạy hương; thôi (推) có nghĩa là thúc giục). Tùy theo mỗi tông phái mà quy tắc đánh chung bản được quy định khác nhau, nhưng thông thường, đánh bản trước khi khởi báo chung, đánh thành ba hồi, trước chậm sau nhanh dần để đại chúng có đủ thời gian vân tập.

Hỏa bản (tuần hỏa bản) đúc bằng đồng hay thau, thường được vị chịu trách nhiệm hộ liêu vừa đánh vừa lắc hỏa linh (một loại chuông lắc nhỏ) trong lúc đi tuần phòng sau khi hiệu lệnh chỉ tịnh (nghỉ ngơi) đã đánh lên, nhằm nhắc nhở đại chúng đề phòng hỏa hoạn, dập tắt củi lửa, hương đèn v.v..

679. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết cả nhà niệm Phật, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Lúc niệm Phật đột nhiên khởi vọng tưởng, chỉ cần chẳng xoay chuyển theo vọng niệm ấy, lâu dần nó sẽ tự chẳng dấy lên nữa. Không nói dối cũng phải luyện tập dần dần, lâu ngày sẽ tự chẳng còn nữa. Nói đến ảnh chụp thì Quang một mực chẳng thích chụp hình, vì chỉ hao tốn tiền bạc, trọn chẳng có ích gì! Nếu cứ muốn có thì tôi sẽ sang Thượng Hải chụp rồi gởi tới. Ở đây đã qua kỳ dâng hương, không có thợ chụp ảnh. Nay gởi cho ông một gói Văn Sao, xin hãy trao cho Lý Miễn và con ông ta. Chỉ chịu nương theo sách này để tu tập sẽ tự có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu chỉ nhìn vào mặt văn chương thì thật là gai mắt, chẳng thể đạt được lợi ích thật sự.

680. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ năm)

Lúc này không rảnh rỗi để viết lời tiểu dẫn cho Phật thất, đợi tới tháng 6, sớm muộn gì cũng sẽ gởi tới. Có lẽ nên cử hành Phật thất vào đầu mùa đông, vì khi ấy gặt hái đã xong, ai nấy đều nhàn rỗi thì người niệm Phật sẽ nhiều, nhưng chỉ nên chú trọng niệm Phật, chớ nên bày vẽ phô trương, thêm thắt lung tung. Nói tới chuyện đến núi Phổ Đà dâng hương thì hãy nên thôi đi, bởi lẽ nhà ông không dư dả lắm, lại còn phải làm việc dưới quyền người khác, đi về hơn cả tuần, tốn kém mấy chục đồng mà vẫn chẳng thể tùy ý làm công đức khiến cho những người mình giao thiệp đều sanh hoan hỷ.

Quán Thế Âm Bồ-tát chỗ nào cũng có, há chỉ ở tại Phổ Đà ư? Nếu chưa từng đến thì tới chiêm ngưỡng đạo tràng một lần, chứ đã tới rồi mà nhà nghèo, lắm việc, chẳng cần phải tới nữa! Con trai ông đã sẵn có túc duyên với ông, hãy nên khéo dạy dỗ. Đừng mặc cho nó quen thói kiêu căng đến nỗi thành phường hư hỏng. Những đứa con em không ra gì trong cõi đời đều là do cha anh chẳng khéo nuôi dạy mà ra.

681. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ sáu)

Nhận được thư, biết cư sĩ Sa Kiện Am quy Tây, khôn ngăn mừng cho cư sĩ, nhưng lại than cho dân vùng Như Cao (đã mất bậc hướng dẫn). Tôi thấy cụ Sa Kiện Am bình sanh có tín tâm, lâm chung chánh niệm. Tuy chưa nghe cụ nói thấy Phật, nhưng có thể thầm niệm theo người nhà thì cụ cũng được sanh Tây. Do xưa kia đức Phật có lời thề: "Nếu có chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, sẽ chẳng lấy ngôi Chánh giác." Lại còn: "Mười phương chúng sanh phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về cõi ta. Nếu lúc lâm chung, ta không cùng đại chúng vây

quanh hiện diện trước mặt người ấy thì sẽ chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Cư sĩ Kiện Am suốt đời tu trì, lâm chung chánh niệm, đủ để vãng sanh. Huống chi lại có những chuyện như mùi hương lạ, đỉnh đầu vẫn còn ấm để làm chứng ư? Đây là do nương theo Phật lực vãng sanh, vãng sanh tức là đã liễu sanh thoát tử rồi. Đấy là chuyện quyết định, trọn chẳng hàm hồ! Nếu tu các pháp môn khác, đừng nói có các cảnh tượng như thế vẫn chẳng thể liễu sanh tử; dẫu là bậc có đại trí tuệ, có đại thần thông, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới thì người chẳng thể liễu sanh tử vẫn chiếm hơn một nửa. Do vậy phải chuyên chí tu trì pháp môn Tịnh độ.

Tôi tính dựa trên tình hình thực sự như trong bài viết đã gởi tới để viết một bài khác đăng kèm vào sau bộ Văn Sao trong ấn bản mới. Hãy nên nói với con ông cụ sớm đem tờ cáo phó gởi tới. Có những chuyện gì tôi chọn lọc được sẽ trích lược để dùng. Hơn nữa, cụ vẫn áy náy vì chưa từng gặp được Quang, nay tôi ghép sự tích của cụ vào trong Văn Sao cũng nhằm cởi gỡ nỗi áy náy ấy. Trong khi hồi hướng vào khóa tụng sáng tối, Quang còn đọc tên hồi hướng cho cụ trong 21 ngày nhằm trọn hết tình giao du với nhau trên mặt tinh thần trong pháp môn.

Văn Sao ấn bản mới có thể in thành sách trong tháng 3 hoặc tháng 4. Ông hãy bảo con cụ Sa chịu đảm nhiệm in chừng đó bộ để thí tặng cho những người có tín tâm, thông văn lý, một là cởi gỡ nỗi tiếc nuối của cha, hai là có thể lưu truyền sự tích của cha. So với những kẻ in ra những tờ thiệp gởi cho người khác, người ta xem xong liền quăng đi, sẽ vượt trội vạn lần! Nếu chịu phát tâm thì hãy mau báo cho biết để tiện viết tên vào sau sách. Bản in lần này nhiều hơn những lần trước 130 trang, tổng cộng là 430 trang. Nay đang đợi tới khi Thọ Khang Bảo Giám sắp chữ xong (sẽ cho in đồng thời) sẽ ngưng không đưa thêm bài vào Văn Sao nữa. Vì thế vẫn chưa thể ấn định chuẩn xác số trang. Lần này sẽ in một vạn bộ. Sau này sẽ để cho thư cục tự in, tự bán. Nếu thỉnh từ thư cục sẽ mắc hơn lần này. Ước chừng mỗi bộ trên dưới 8 cắc, Quán Âm Tụng 210 trang còn phải tốn 3 cắc 4 xu mỗi bộ. Đây là ước định theo giá hồi tháng 8 năm trước. Gần đây do chiến sự, giấy đắt hơn nhiều lắm.

Hơn nữa, cư sĩ Kiện Am thông hiểu Nho lễ sâu xa. Năm trước, Trần Chánh Hữu đã gởi cho tôi bài cụ viết bàn về tệ dùng rượu thịt trong tang lễ, đọc thật thống khoái; biết cư sĩ hoàn toàn lấy việc bảo tồn đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Huống chi gần đây lại tin tưởng Phật pháp sâu xa, chuyên chí tu trì. Con cụ Sa hãy nên vâng nối chí và đạo của cha, nhất loạt chẳng noi theo thói tục dùng rượu thịt nhằm mãn chí nguyện của cha. Nếu cứ làm theo thói tục, không những chẳng tương ứng Phật pháp mà còn chống đối cha nữa! Xin hãy nói với

các con của cụ, nếu không, sợ rằng họ sẽ bị những kẻ vô tri mê hoặc, lay động thì đâm ra chẳng tốt đẹp gì.

682. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ bảy)

Bài văn ông yêu cầu viết tôi đã soạn xong rồi, đặt tên là *Phổ khuyến giới sát khiết tố vãn hồi kiếp vận thuyết*[691] (Khuyên khắp mọi người kiêng giết, ăn chay nhằm vãn hồi kiếp vận), nói trọn khắp những chuyện cúng tế trời đất, Khổng tử, Quan Đế, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự cung phụng v.v. đều chẳng nên sát sanh, ăn thịt. Lại còn nói kèm chuyện cưới vợ, sanh con, chúc thọ cũng chớ nên sát sanh, ăn thịt. Chánh văn hơn 2.600 chữ, in kèm vào cuối quyển nhất sách Quán Âm Tụng (do quyển này có đoạn liên quan đến chuyện Đại sĩ thị hiện trong loài vật) vừa đúng 3 trang, đã gởi cho Trung Hoa Thư Cục cho họ sắp chữ. Sắp chữ xong, in ra, sẽ gởi sang cho ông xem.

Quán Âm Tụng in hai vạn bộ, mỗi trang 30 đồng, khoản tiền này ông không cần phải bù. Ông nguyện in 50 bộ tức là 17 đồng (mỗi bộ 3 cắc 4 xu, thêm vào mười mấy trang đó thì thêm 1 xu vẫn thiếu, phải tăng thêm 1 xu nữa), ông muốn bù đắp cho khoản tiền in những trang này thì hãy chịu trách nhiệm in 200 hoặc 300 bộ Quán Âm Tụng nữa là được rồi. Nếu muốn lưu hành rộng rãi bài văn này mà ấn hành riêng thì cũng vô ích, hãy nên in kèm vào sau cuốn Đại Sĩ Tụng. Nếu Đại Sĩ Tụng in được mười vạn cuốn thì bài văn này cũng được in mười vạn lần. Nếu ông chịu bỏ tiền, cứ tăng thêm một trang cho hai vạn bộ sẽ tốn thêm 30 đồng, hai trang là 60 đồng. Nếu ông không có sức thì cũng chẳng cần phải bỏ tiền ra. Tôi sẽ tự lo liệu được, lại đưa kèm vào trong Văn Sao thì in bao nhiêu bộ Văn Sao, bài văn này cũng có bấy nhiêu, sẽ thực hiện trong đầu tháng Giêng, đừng lo!

683. Thư trả lời cư sĩ Thôi Ích Vinh (thư thứ tám)

Mồng 3 tháng này, nhận được thư của Lý Trọng Hòa và thư của ông, do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa trả lời. Hôm qua mới soạn xong bài ký về sự vãng sanh của cư sĩ Sa, nay gởi cho ông một bản, xin hãy đưa cho Sa Quân Nghị và Hạng Tử Thanh xem. Trong bản cáo phó và tờ ai khải (báo tin buồn) do ông, Trọng Hòa, Tử Thanh cùng với con ông ta hợp soạn đều chẳng ghi tên, lại còn trọn chẳng nhắc tới hành trạng của cụ Sa lúc đương thời. Nay tôi dựa theo những lời ông Hạng, lời ông cùng lời Trọng Hòa đã kể để suy theo tình, dựa theo lý, lược thuật những nét đại lược. Tuy các ông chưa nói, Quang trọn chưa được gặp gỡ cư sĩ Sa lần nào, nhưng dùng tâm ý để nhìn thì cũng biết được.

---

[691] Bài viết này được đánh số 10 trong phần tạp trước của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4.

Những sự lý được trình bày trong bài ký về sự sanh Tây của cụ Sa do Quang soạn trọn chẳng phải là bỗng dưng hư cấu. Nếu có chỗ nào sai lầm, xin hãy mau chỉ cho biết để tiện sửa đổi cho đúng. Nếu không, tôi sẽ xếp bài viết này[692] vào Văn Sao để mong lưu truyền rộng rãi khuôn mẫu tốt đẹp, khiến cho những kẻ câu nệ hẹp hòi trong mai sau sẽ do đấy mà bỏ được tri kiến lầm lạc, đạt được chánh tri kiến. Triệu Tôn Nhân cũng soạn một bài ký. Ông Phác muốn soạn truyện thì được, nhưng toan dựng tháp thì chớ nên. Cư sĩ tại gia chỉ nên xây mộ, huống chi đang lúc con người đa số làm càn, chẳng tuân giữ bổn phận này, nếu xướng suất như thế thì sẽ phá hoại khuôn mẫu trong pháp môn. Xin hãy nói với ông Phác.

Về chuyện ấn hành Văn Sao thì do Thượng Hải trong thời gần đây xảy ra chiến sự nên không mua được giấy mao thái, còn giấy mao biên thì trước kia Trung Hoa Thư Cục ước lượng giá phải hơn một đồng (tạm thời tính in mỗi bộ 400 trang thì sẽ tốn hơn 9 cắc. Ước chừng sắp chữ xong, nói chung sách sẽ gồm hơn 420 trang, do vậy giá thành của mỗi bộ phải hơn một đồng). Đấy vẫn là giá in dành cho năm ngàn bộ. Nếu in ít hơn sẽ càng mắc hơn, do họ đem các thứ tiền công chế bản sắp chữ, chỉ bản và bản kẽm tính luôn vào trong ấy. Gần đây, nghe nói quân đội phương Bắc đã rút, nếu không đánh nhau thì giấy mao thái sẽ tiếp tục được chuyển đến. Hễ có giấy mao thái sẽ nhất định dùng giấy mao thái, đỡ tốn tiền hơn!

Ông Sa Quân Nghị muốn chịu tiền in một trăm bộ thì hãy gởi một trăm đồng sang xưởng chính của Trung Hoa Thư Cục nằm trên con đường chùa Tịnh An, Thượng Hải, giao cho tiên sinh Du Trọng Hoàn thu nhận. Ông ta nhận được sẽ gởi biên lai ngay. Đợi khi sách được in ra, sẽ căn cứ theo số tiền đã giao để gởi sách.

Nếu dùng giấy mao thái sẽ gởi được mỗi gói ba bộ, còn dùng giấy mao biên chỉ gởi được hai bộ cho mỗi gói. Theo quy định gởi sách bằng thư bảo đảm của thư cục (mỗi gói là 1 cắc 5 xu, gởi thư bảo đảm 5 xu nữa nên thành 2 cắc. Thư cục quy định gởi sách bằng thư bảo đảm để ngừa tệ nạn kẻ giao sách lén đem sách bán đi. Gởi thư bảo đảm sẽ có chứng từ, họ không giở trò tồi tệ được. Vì thế bất luận bưu kiện lớn hay nhỏ, thư cục đều gởi thư bảo đảm) thì bưu phí của 50 gói sẽ mất 10 đồng. Nếu có thể cậy ai ở Thượng Hải lãnh giùm đem đi thì sẽ đỡ tốn tiền nhiều lắm. Nếu chậm lại đôi chút chờ giấy mao thái được chuyển tới thì giá sách lẫn bưu phí đều đỡ tốn tiền.

[692] Đây chính là "Bài ký về sự vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am" được đánh số 36 trong phần Ký thuộc quyển thứ 4 của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên.

Ông Hạng muốn quy y, sao chẳng chọn bậc đạo đức cao siêu để làm thầy, cứ muốn tôn Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo làm thầy? Chủ kiến đã sai lầm, nhưng sợ nếu không chấp thuận, sẽ bảo Quang là kẻ chẳng biết đếm xỉa tới tình người! Nay bèn đem lầm đáp lạc, đặt pháp danh cho ông ta là Trí Nguyên. Ông ta tên là Bổn Nguyên, nay đặt pháp danh là Trí Nguyên. Cần biết rằng, trí nguyên (nguồn trí) chính là chân như Phật tánh của chính mình, hết thảy phước đức trí tuệ đều phát xuất từ cái nguồn này. Người đời mê trái bổn tánh nên chân trí chẳng thể hiển hiện được. Tất cả tri kiến đều thuộc suy tính vọng tưởng, nếu thật sự biết được cái nguồn này, niệm niệm phản chiếu thì sẽ dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, lại còn tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, vậy thì trong đời hiện tại sẽ dự vào bậc hiền thánh, lúc lâm chung quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc. Như thế thì sẽ có thể gọi là bậc đại trượng phu đệ tử thật sự của đức Phật. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy đưa thư này cho ông ta đọc. Nếu chẳng nghĩ như vậy là đúng thì cũng chẳng quan trọng, khẩn yếu chi hết.

684. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)

Quang là người huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Ông đọc Văn Sao, há chưa từng thấy lời bạt của ông Úy Như (tên ngoài đời là Văn Úy) ư? Câu *"tại Hợp chi dương"* (ở phía Nam sông Hợp) trong kinh Thi chính là nói về nơi ấy đấy, bởi huyện Cáp Dương nằm ở phía Nam[693] sông Hợp Thủy, nên có tên là Hợp Dương (洽陽). Sông bị cạn nước vào thời Hán nên bỏ bộ thủy [trong chữ hợp] thêm bộ ấp (邑), do vậy Hợp Dương trở thành Cáp Dương (郃陽). Chữ hợp (洽) trong cái tên Hợp Dương phải đọc âm hợp (合), đừng nên đọc là hiệp (狹), còn trong những chỗ khác đều đọc là hiệp, chứ không thể đọc là hợp. Cáp Dương chính là nơi Y Doãn đích thân cày ruộng, nên còn có tên là Cổ Tân (còn đọc là *sân* hay *sằn*).

---

[693] Theo bộ Hợp Dương Huyện Toàn Chí của Tôn Dậu Phong viết dưới đời Thanh: "Hợp (洽) là do sông hợp dòng lại mà có tên." Sông Hợp Thủy bắt nguồn từ vùng Tây Nguyên của Thiểm Tây, chia thành hai dòng, chảy đến thôn Tân Lý bèn hợp thành một nên sông có tên là Hợp Thủy. Năm 429 trước Công Nguyên, Ngụy Văn Hầu đi đánh nước Trịnh trở về, đã dựng thành ở phía Bắc sông Hợp Thủy. Do thời cổ thường gọi phía Nam núi hoặc sông là Dương, nên thành ấy được đặt tên là Hợp Dương. Tân Lý chính là nơi Y Doãn từng cày ruộng trước khi ra giúp vua Thành Thang nhà Thương. Về sau do Hoàng Hà đổi dòng, phù sa tích tụ lại khiến cho Hợp Thủy bị nghẽn dòng, khô cạn một thời gian, nên người ta mới bỏ bộ thủy trong chữ hợp của tên gọi Hợp Dương. Bộ ấp (邑) khi viết kèm vào bên phải một chữ sẽ được viết gọn thành "阝".

Thuở bé, tôi học chữ với anh ruột, thoạt đầu gặp lúc loạn lạc nên phải đình hoãn hai năm. Tiếp đấy lại lắm bệnh nên học hành chẳng ra gì. Mới sanh ra được nửa năm liền mắc bệnh mắt, suốt sáu tháng chưa từng mở được mắt; trừ lúc ăn ngủ ra, cứ khóc suốt ngày đêm không ngừng. Về sau, mắt được lành, vẫn còn thấy được ánh mặt trời. Năm mười mấy tuổi, đọc lời văn báng Phật của Hàn - Âu rất thích, lại còn muốn học Lý học. Cho nên đối với thơ văn đều chẳng muốn làm. Anh ruột tôi thấy tôi vốn bệnh tật đã lâu nên mặc kệ. Năm 20 tuổi xuất gia (nhằm năm Quang Tự thứ bảy - 1881). Tu tịnh nghiệp là do kinh Di-đà, Tịnh Độ Phát Nguyện Văn và Long Thư Tịnh Độ Văn phát khởi, chứ tuyệt không được một tri thức nào khai thị. Bởi lẽ, tiên sư và những người giao du đều hâm mộ ý chỉ nhà Thiền, Quang trọn chẳng được chỉ dạy, tự lượng chính mình không có được trí thức ấy nên chẳng dám tu thiền.

Năm 26 tuổi (nhằm năm Quang Tự 12 - 1886), rời Thiểm Tây đến núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 19 (1893), từ Bắc Kinh đến chùa Pháp Vũ, tới nay đã 31 năm rồi. Làm một kẻ nhàn rỗi vô tích sự tại Pháp Vũ (do trụ trì chùa Pháp Vũ là hòa thượng Hóa Văn lên Bắc Kinh thỉnh Đại tạng kinh, tôi làm người kiểm giảo cho ngài nên ngài bảo tôi cùng theo về chùa. Do biết Quang chẳng muốn đảm nhận chuyện gì bèn cho ngồi chơi không. Các đời trụ trì sau đấy đều y theo lệ cũ, cho nên mới được rảnh rỗi lâu dài như thế). Phàm những chuyện thuộc về thường trụ đều nhất loạt chẳng tham dự hoặc nghe biết. Thoạt đầu, hễ trong núi có nhân duyên gì cần phải viết lách thì đa số sai Quang viết, Quang liền dùng giọng điệu của người sai viết ấy. Nếu chẳng tiện dùng giọng điệu của người ấy, bèn dùng danh xưng khác. Suốt hai mươi mấy năm, hai chữ "Ấn Quang" chưa từng bao giờ lộ ra ngoài. Do vậy không một ai thăm hỏi và gởi thư.

Từ năm đầu Dân Quốc (1912), cư sĩ Cao Hạc Niên lén đem bản cảo đăng trên Phật Học Tùng Báo. Do ông ta thấy Quang chẳng muốn cho người khác biết đến nên đề tên tác giả là Thường Tàm (thường hổ thẹn), đấy không phải là tên thật sự. Từ Úy Như, Chu Mạnh Do trông thấy những bài viết ấy rất thích, cho là hợp với tri kiến của họ, bèn hỏi han khắp mọi người, nhưng ai nấy đều không biết. Đến năm Dân Quốc thứ tư (1915), Úy Như hỏi pháp sư Đế Nhàn, ngài Đế Nhàn liền nói với Quang: Sư cũng không biết Thường Tàm là ai. Do Hạc Niên đem bản cảo tới cho pháp sư Đế Nhàn xem qua, nên sư mới biết! Từ đấy, Úy Như sưu tập những văn cảo của Quang, đem in ra (tại Bắc Kinh); tới năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cầm Văn Sao Sơ Biên đến núi xin quy y. Quang một mực không chịu thu nhận đệ tử quy y, bảo ông ta hãy quy y với pháp sư Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông ta lại in Ấn Quang Văn Sao Sơ Biên, Thứ Biên. Năm Dân Quốc

thứ chín (1920), lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải ấn hành, giữ lại bản in gốc.

Từ đấy, ngày càng thấy phiền phức, muốn có một ngày thanh nhàn cũng không được. Từ đó trở đi chẳng thể không dùng cái tên Ấn Quang. Vì thế, phàm có ai xin viết lời bạt, đều ghi là Thường Tàm Quý Tăng Thích Ấn Quang. Tôi bẩm tánh cương trực nên trọn chẳng nẩy sanh ý niệm trụ trì đạo tràng, thế độ đồ đệ. Gần đây có kẻ dốc hết tánh mạng muốn xin Quang cho xuất gia, Quang cũng dốc hết tánh mạng từ chối. Thoạt đầu cự tuyệt người xin quy y, nay chỉ đành mặc kệ mà thôi!

Tôi vốn chẳng chuộng bày vẽ màu mè, dẫu là chữ viết, tranh vẽ của bậc danh nhân cũng chẳng màng. Đã từng hơn ba lần chụp ảnh, hễ bị ép buộc thì cho người ta chụp. Trừ những tấm kẻ ấy giữ lấy ra, Quang trọn chẳng cần đến! Hễ họ gởi hình tới thì cũng tùy tiện tặng cho người khác, nhất loạt chẳng giữ lại. Nếu ông có thể nghe theo lời tôi thì sẽ là bạn thiết của tôi, cần gì phải muốn có hình dạng xấu xa của tôi vậy? Người niệm Phật hãy nên chuyên ròng lễ Phật, chứ lạy một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo có lợi ích gì đâu?

Năm nay tôi đã 63 tuổi, người cùng quê và Đốc quân tỉnh Thiểm Tây nhiều lần giục giã trở về quê nhà. Quang thoạt đầu viện cớ mình là kẻ tầm thường để thoái thác. Đến khi lâm vào tình thế chẳng từ tạ được nữa, bèn nại cớ đang phải lo toan công việc, chẳng thể đi xa được. Năm sau Phổ Đà Sơn Chí hoàn thành, Văn Sao ấn hành xong xuôi, sẽ trở về đất Thiểm một chuyến, sợ vẫn còn phải trở lại nơi đây. Do phải đợi cho đến khi nhân duyên các chùa Phạm Thiên, Pháp Vân hoàn thành thì mới có thể không quan tâm được; nhưng mạng người vô thường, lỡ ra chết trước khi ấy nên chẳng thể định sẵn theo ý mình được.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Trần Tích Châu xin Quang tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí. Quang muốn sưu tập thật hoàn bị các sự lý cảm ứng thuộc về mặt bổn lẫn mặt tích của Đại sĩ rồi dùng lối tụng văn để ca tụng, dưới mỗi câu còn ghi chú các sự tích; nhưng do mục lực chẳng đủ nên vẫn phải sám hối, cầu Đại sĩ gia bị, rồi mới xem khắp các nhân duyên của Đại sĩ trong Đại tạng. Nào ngờ từ đấy trở đi, thư từ, công việc ngày càng thấy nhiều hơn, trọn không có lúc nào rảnh rỗi. Ba năm trước, Tri sự huyện Định Hải muốn Quang tu chỉnh Sơn Chí, Quang đã đem ý ấy để ngăn trở. Năm ngoái, Tri sự cực lực hộ trì Phổ Đà cũng muốn tu chỉnh gấp. Thoạt đầu, tuy Quang đã đem ý ấy bảo rồi, ông ta vẫn chẳng chịu nguôi lòng, liền bảo ông ta cậy người khác tu chỉnh, chứ Quang không rảnh rang để lo liệu, không cách nào thỏa mãn nguyện của tôi được.

Há chẳng phải là Đại sĩ cảm ứng, khiến cho một vị cư sĩ từ Giang Tây đến đây? Ông ta vốn làm quan Hàn lâm dưới triều Thanh trước kia, bút mực siêu diệu. Gặp mặt Quang, Quang hỏi: "Ông ăn chay hay chưa?" Ông ta thưa: "Con ăn chay kỳ." (Nghiên cứu Phật học đã tám chín năm, nhất tâm niệm Phật, nhưng chưa ăn chay trường). Quang lớn tiếng quở mắng, ông ta cực lực bội phục. Do vậy, bảo ông ta hãy soạn sách, ông ta hết sức vui lòng. Thỉnh một vị văn học gia tu chỉnh Sơn Chí, còn phần nói về công hạnh của Đại sĩ thì do cư sĩ Hứa tu chỉnh, khi tu chỉnh xong sẽ hợp chung lại. Lại còn cho in riêng phần ấy để lưu truyền rộng rãi ngõ hầu người trong thiên hạ đều được gội ân đức của Đại sĩ. Chuyện này có thể hoàn thành trong năm nay, rõ ràng là sớm hay muộn gì đều có thể in ra sách. Bộ Phổ Đà Sơn Chí đứng đầu Sơn Chí của các danh sơn trong thiên hạ, may mắn chi hơn? Những câu trả lời cho điều ngờ vực và sở ngộ của ông được viết trong một tờ giấy khác.

685. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông có thể quay lại tự kiểm điểm, khá cảm thấy vui mừng! Nhưng những câu hỏi đa số là cố chấp, thiên kiến, chẳng thấu hiểu đạo "giữ lẽ thường, biết quyền biến". Nếu mỗi một điều đều giải thích thì không viết tới mười mấy trang giấy sẽ chẳng thể nói hết được! Nay chỉ nói đại khái với ông thì ông sẽ tự thấu hiểu, bởi gần đây Quang đúng là suốt ngày chẳng được rảnh rỗi. Do mục lực không đủ, suốt 20 năm qua chẳng dùng đến mắt vào ban đêm, bởi lẽ nếu ban đêm dùng đến mắt, hôm sau sẽ chẳng thể nhìn được. Giữa tháng 10, do thư từ, giảo chánh, đối chiếu sách, giám đính, người khác nhờ cậy sai khiến viết lời bạt chồng chất tích tụ, chỉ đành phải lo liệu trong ban đêm cho xong. May được tam bảo gia bị, ban ngày vẫn có thể chiếu theo lệ thường được; còn đây là chuyện ngoài ý muốn. Từ đấy mỗi đêm lo viết lách suốt hai ba giờ rồi mới tụng công khóa, ngủ ba tiếng mấy, đoạn thức dậy tụng công khóa, mắt vẫn chẳng đến nỗi mệt mỏi lắm, nhưng vẫn chẳng thể xong hết việc được. Trong tháng 10, tháng 11, thư từ lên tới một trăm mấy chục bức, chỉ riêng một chuyện ấy đã chẳng lo xuể rồi, huống là những chuyện như giảo chánh, đối chiếu v.v. ư?

Ông nhàn rỗi vô sự, đối với những chuyện hợp lý lại nêu lên đủ mọi câu hỏi chẳng hợp lý! Tuy là ham học, nhưng cũng thấy rõ ông chẳng biết suy nghĩ sâu xa. Vì sao vậy? Trong thế gian, con người nhờ vào thức ăn, y phục để giữ mạng sống, nếu chẳng biết chọn lựa sao cho thích hợp với chính mình thì thức ăn, y phục đều trở thành thứ giết người. Nếu chúng đã gây ra cái chết thì có nên bảo người trong thế gian bỏ sạch thức ăn, y phục hay chăng? Hay là hãy nên bảo người ta châm chước, lượng định những thứ thích hợp để ăn, để mặc vậy? Phật

pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu lên, há nên luận bàn theo kiểu chấp nhất? Những câu hỏi của ông tựa hồ có lý, nhưng thật ra đều thuộc loại chẳng khéo dụng tâm. Nếu ông tin tới nơi tới chốn, xin hãy sốt sắng hành trì, đợi tới khi nghiệp tiêu trí rạng sẽ khôn ngăn tự cười mình ngu dại chấp trước, hổ thẹn khôn cùng vậy! Nếu chẳng tin tưởng, nếu chẳng lại lấy Phật làm thầy, vẫn cứ dấn thân vào phường ngoại đạo y như cũ thì cũng đành để mặc ông mà thôi!

"Hồi dã, văn nhất dĩ tri thập; Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị" (Nhan Hồi nghe một biết mười, còn Tử Cống nghe một chỉ biết được hai)[694], "biết hai" là do cái này mà thấu hiểu cái kia, chứ không phải là Tử Cống chỉ hiểu biết hẹp hòi có hai, chẳng biết được tới ba. Nghe một biết mười thì nghe phần đầu sẽ biết được phần cuối. *"Cử nhất ngung, bất dĩ tam ngung phản, thánh tắc khí chi"* (Nêu lên một góc mà không biết suy luận ra ba góc kia thì thánh nhân sẽ buông bỏ, [không dạy người ấy nữa])[695]. Ông cứ muốn mỗi một điều đều chấp chặt hẹp hòi rồi hỏi han cặn kẽ thì Quang già suy, lắm việc, há rảnh rỗi để viết lách tán gẫu với ông ư? Đối với những lời lẽ báng Phật của ngoại đạo, há nên căn cứ vào đấy, coi là đúng ư? (Nếu ông đã thấy những sự tích ứng hóa của Phật Thích-ca, ắt sẽ biết được đại khái. Dẫu chưa thấy, há nên nghe lời báng bổ liền hoài nghi ư?) Chẳng thấy Đạo Chích chửi bới: "Vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Đại Vũ dâm dật, Thành Thang, Chu Vũ Vương giết chóc bừa bãi, Khổng tử trộm đạo" đó ư?

Hơn nữa, những câu ông hỏi phần nhiều chẳng hợp lý, tôi đã chỉ bày đại khái rồi, chẳng muốn giải thích cặn kẽ nữa. Tiếp đấy, nghĩ ông chánh tín chưa vững vàng, chánh trí chưa mở mang, nếu bị quở trách chắc sẽ ôm lòng oán hận rồi đâm ra ngã lòng. Vì thế chẳng thể không chỉ bày đại lược để trọn hết tấm lòng tôi, giống như một bà già dụ con hãy quay về nhà vậy.

686. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết ông lại mất một đứa con, đau lòng thở dài sườn sượt! Tuy nhiên, người hiểu lý quyết chẳng vì cảnh ngộ của chính mình mà bảo "đạo trời

---

[694] Đây là một câu nói trích từ thiên Công Dã Trưởng sách Luận Ngữ. Nguyên văn: *"Tử vị Tử Cống viết: 'Nhữ dữ Hồi dã thục du?' Đối viết: 'Hồi dã, văn nhất dĩ tri thập; Tứ dã, văn nhất dĩ tri nhị'. Tử viết: Ngô dữ nhữ phất như dã"* (Khổng tử hỏi Tử Cống: 'Ngươi với Nhan Hồi ai vượt trội hơn?' Tử Cống thưa: 'Nhan Hồi nghe một biết mười, còn Tứ nghe một chỉ biết được hai'. Khổng tử bảo: 'Ta với ngươi đều chẳng bằng anh ta'). Tử Cống tên thật là Tứ, họ Đoan Mộc.

[695] Đây là một câu nói trích từ thiên Thuật Nhi sách Luận Ngữ. Cụ Lý Bỉnh Nam giảng: "Ngung là góc. Giống như cái nhà có bốn góc, đã chỉ ra một góc mà không biết suy luận tương tự để hiểu được ba góc còn lại thì không còn cách nào chỉ dạy người như vậy được nữa."

vô tri, Phật pháp chẳng linh!" Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo đủ thứ ác nghiệp, làm sao kết liễu được? Cái quả xưa kia đã chín, cái nhân ngày nay còn chưa chín, há nên vì con cái lần lượt chết mà bảo là "không có nhân quả".

Hơn nữa, ông là phàm phu sát đất mong được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu chẳng có cảnh khổ bức bách sẽ rất khó thành tựu cái tâm "ưa tịnh, chán uế" chân thật! Sanh, già, bệnh, chết, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, mong cầu chẳng được toại nguyện, ngũ ấm lừng lẫy, tám nỗi khổ ấy cùng nung nấu, những ai có chí khí quyết chẳng sanh tâm tham luyến ràng buộc thế giới này.

Nhưng đã làm người trong thế gian, cũng quyết chớ nên vứt bỏ những chuyện mình đáng nên làm, cứ một mực mang quan niệm yếm thế. Chẳng do chuyện này mà tấn đức tu nghiệp, lại ngược ngạo sanh lòng oán hận, tức là cái tâm vẫn còn có ý niệm kiêu căng. Ngay từ chuyện này, đủ thấy rằng ông là kẻ khí lượng hẹp nhỏ, chưa thể gánh vác đạo "hành xử thuận theo địa vị" của thánh nhân thế gian, huống là vô thượng đại đạo muốn phổ độ hết thảy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương liễu sanh thoát tử ư? Bởi lẽ, kiến thức ấy hoàn toàn là kiến thức của kẻ chưa hề nghe tới đại đạo thế gian xuất thế gian vậy.

Qua tướng trạng lúc chết của cháu Chuẩn, dường như nó sẵn có túc căn. Ông hãy nên vì chuyện này mà hiểu sâu xa rằng "nhân quả quyết chẳng luống uổng". Nếu ông không biết niệm Phật, làm sao Hiền Chuẩn có được tướng tốt lành khi lâm chung ấy? Cũng như chẳng biết: Nếu không có nỗi đau đớn này để đâm một nhát vào cái tâm thương yêu đắm đuối con cái của vợ chồng ông thì làm sao mong thành tựu được cái tâm chán lìa Sa-bà hòng đạt được đại lợi ích quyết định vãng sanh?

687. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn than thở. Mười mấy năm qua ông hoàn toàn chẳng dụng công nơi tâm địa của chính mình, chỉ gắng gượng chống giữ bề ngoài. Con người sống trong thế gian ai nấy đều có chức phận, ông trên có cha mẹ, giữa có em trai, bọn họ đã chẳng thể nghe theo ông thì chỉ đành để mặc họ. Chính mình hãy vì cha mẹ, các em… mà niệm Phật siêu độ cho những con vật bị giết nhằm cởi gỡ oán kết cho cha mẹ, các em v.v.. Há nên sanh cái tâm sân hận cực lớn ấy? (Tâm hiếu để ở chỗ này.) Cái tâm ấy chính là tâm mạnh mẽ nhất để đọa trong ác đạo, độc trùng đấy! Nếu do vậy mà mạng chung, ông chẳng sanh làm rắn độc, thú dữ thì sẽ sanh vào đâu đây? Học Phật phải giải thoát phiền não (cứ trọn hết lòng mình, chẳng bận tâm người khác có nghe theo hay không), ông

lại ngược ngạo tăng trưởng phiền não. Thử nghĩ, nếu ông không được nghe Phật pháp, há có thể nào khác biệt với cõi đời hay chăng? (Sợ rằng tâm ông còn hiếu sát, ham ăn còn mạnh mẽ hơn họ nữa kia.) Mong từ đây hãy chỉ xét nghĩ tự tâm, đừng màng người khác sai trái.

Đối với kẻ mang tri kiến thông tục, nếu khuyến hóa được thì hãy thiện xảo khuyến hóa. Nếu chẳng thể, hãy nhất tâm niệm Phật; chỉ sanh lòng thương xót bọn họ, bất luận họ là kẻ sát sanh hay là sanh mạng bị giết. Lại cần phải sanh lòng vui mừng, cảm thấy may mắn: "Nếu ta không được nghe Phật pháp thì hiện tại sẽ giống như những kẻ giết loài vật để ăn ấy, tương lai sẽ đọa làm loài vật sẽ bị chúng nó giết." Sanh được hai tâm ấy rồi cực lực niệm Phật thì sân hận chẳng sanh, thiện duyên tăng trưởng, trong tương lai ắt có cảnh đại tương ứng, chẳng đến nỗi suốt ngày dùng Phật pháp để kết ác duyên. Hoa Nghiêm Hạnh Nguyện Toàn Kinh (tức phẩm Hạnh Nguyện trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm) có câu: "Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học sẽ liễu sanh tử, kẻ ngu học sẽ vào nê-lê." Tôi dứt lời nơi đây!

688. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ năm)

Con người sống trong thế gian, hãy nên trọn hết những nghĩa vụ đáng phải nên trọn. Như lời ông nói thì vẫn cứ muốn xin Quang giám định và soạn lời tựa cho Vân Du Tập Ai Văn Lục, đúng là ông muốn ép tôi làm nô lệ! Đối với những thói xấu kiêu căng, xa hoa, rỗng tuếch, hời hợt ấy, tuy chúng ta chẳng thể đẩy lùi phong thái suy đồi xấu xa đó được, há nên phụ họa, bắt chước làm theo để lũ hậu sinh ưa phô trương thanh thế giả dối, ghét sự nhàm chán sẽ đua nhau coi đó là cách tối thượng hòng mua danh chuốc dự, chẳng đáng buồn ư? Ông đừng nên làm như vậy! Nếu ông cứ nhất định muốn làm vậy, đừng gởi sách ấy đến cho tôi, buộc tôi phải đốt đi. Ông hãy đốt ngay ở chỗ mình để đôi bên khỏi phải nhọc lòng. Ông học Phật đến nỗi có tri kiến kiểu đó thì không học Phật sẽ còn như thế nào? Vợ con ông trơ trọi, khổ sở, không nơi nương tựa, mà vẫn cứ muốn dấy lên cái thói xa xỉ ấy, tức là trên tuyết lại thêm băng, đối với kẻ sống lẫn người chết đều tổn hại vô ích.

Mấy chục năm qua, đối với tiên phụ, tiên mẫu, tiên sư, tiên huynh (tiên huynh chính là vị thầy dạy chữ cho Quang), Quang trọn chẳng ghi thuật một chữ nào, bởi chẳng muốn hùa theo thói xấu hư trương thanh thế, cũng như chẳng muốn người ta bảo: "Sợ rằng đấy là những lời lẽ tô vẽ, chưa chắc đã là chuyện thật!" Há tôi chịu đề xướng chuyện này cho kẻ đã quy y với mình ư? Thử hỏi người ấy chỉ có thể không thẹn với chức vị của mình mà thôi, chứ rốt cuộc đối với nước nhà, đối với dân tộc có công đức gì đáng cho người khác ca tụng chăng? Hễ phong

thái này dấy lên thì những kẻ hèn kém tới mức chẳng chịu đựng được sẽ đều bắt chước làm theo, có thể nói là kẻ bày trò gây tội chẳng phạm tội lỗi gì chăng? Dẫu cho em trai ông muốn làm thì cũng nên khuyên anh ta thôi đi, huống hồ ông còn muốn khuyến khích em trai mình nữa ư? Ông có trang trải được chi phí ấn loát ấy hay chăng? Huống chi ông trọn chẳng có tài lực ấy mà lại khuyên bảo em trai hãy làm chuyện ấy ư?

Cư sĩ sống trong chùa miếu, bất quá chỉ là một đạo nhân trông coi miếu mà thôi, ông bảo người ấy trụ trì pháp đạo thì tiếm lạm cũng lớn lắm đấy! Thế tục gọi vị tăng sống trong miếu là trụ trì, là đương gia, kẻ ấy cũng xưng hô như thế, do thuận theo thế tục cho nên chẳng trái nghịch cho lắm. Ông bảo là "trụ trì pháp đạo" tức là ăn nói sai lầm hoàn toàn, đem phàm lạm thánh. Hắn ta có đức gì để trụ trì pháp đạo vậy? Chỉ trông coi miếu mà thôi!

689. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ sáu)

Trước đây, Trí Thanh và Trí Mục có gởi thư đến, cậy tôi xem xét, sửa chữa bài "Duyên khởi thành lập thư viện" do họ soạn. Do Quang thấy bài duyên khởi ấy trọn chẳng nêu ra ân đức lợi sanh giúp đời của đức Phật nên viết một bài khác. Vì số chữ quá nhiều, sợ khó thể sử dụng cho thích hợp được, nên lại sao lục bài "Nêu bày những ý nghĩa ẩn kín qua tác phẩm Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công", mượn oai đức, danh vọng của Văn Trung Công để chiết phục những kẻ chấp nhặt hẹp hòi, thiên chấp, tà kiến, đấy cũng là một tấm gương lớn lao để làm lợi người khác vậy!

Tôi chưa từng thấy những bài tán dương các vị tổ sư Liên tông. Bài tán của ông Đổng rất hay, Quang cũng soạn một bài tán. Tuy chẳng hay bằng bài của ông Đổng, nhưng cũng có thể dùng được. Tịnh độ tông khởi đầu từ đức Phổ Hiền, Viễn công tiếp nối nguồn pháp nơi Chấn Đán (Trung Hoa), lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài nước khiến cho khắp mọi thánh phàm đều chứng Niết-bàn trong hiện tại. Cuối bộ kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Tây Phương, đấy là lần xướng suất đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật Thích-ca vậy (Tiểu thừa đoạn sạch kiến tư hoặc liền liễu sanh tử, chứng chân đế Niết-bàn, do vậy coi liễu sanh tử là chứng Niết-bàn. Trong Đại thừa thì thành Phật mới là Niết-bàn rốt ráo, chẳng thể coi loại Niết-bàn ấy *(tức chân đế Niết-bàn của Tiểu thừa)* là Niết-bàn rốt ráo của Phật được).

690. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ bảy)

Quang một mực chẳng thích chụp hình, bởi lẽ chụp hình luôn luôn là chuyện hao phí tiền bạc của tín thí, dùng tiền tài hữu dụng để làm chuyện vô ích hoa mỹ

rỗng tuếch, người tu hành há nên làm ư? Ông hãy xét kỹ lời tôi, thấu hiểu sâu xa lòng tôi, tuy chưa gặp mặt mà đã gặp nhau bằng tấm lòng, nào còn thiếu sót, áy náy chi? Nếu không, dẫu có cùng ở chung một nhà với Phật mà tâm chẳng vâng theo, như Điều-đạt (Đề-bà-đạt-đa)[696], Thiện Tinh[697] vẫn phải đọa vào địa ngục A-tỳ ngay trong lúc sống, huống hồ những kẻ hời hợt, hờ hững hiện thời ư? Xin hãy tận tụy thực hiện nhằm nêu gương cho học trò và người trong làng nước, đấy chính là điều tôi mong mỏi vậy. Sáng chiều lễ Phật là được rồi, há nên sau khi lễ Phật liền lễ Quang? Lễ Quang rốt cuộc có ích chi đâu? Nếu cứ nói "vì nhớ đến ân chỉ dạy" thì hãy lễ trong khóa lễ sáng tối mồng 1, hôm Rằm, còn thường ngày chẳng cần phải lễ!

---

[696] Đề-bà-đạt-đa (Devadatta), đôi khi còn phiên âm là Địa-bà-đạt-đa, Đề-bà-đạt-đâu, hoặc gọi tắt là Điều-đạt, dịch nghĩa là Thiên Nhiệt, Thiên Thọ, Thiên Dữ. Ông là con của vua Hộc Phạn (em trai vua Tịnh Phạn), là anh ruột của A-nan. Từ lúc nhỏ, khi học các kỹ thuật bắn tên, cưỡi ngựa, toán pháp… chung với đức Phật và Nan-đà (em cùng cha khác mẹ của đức Phật, con bà Kiều-đàm-di), ông luôn tỏ ra ganh tỵ, luôn tìm cách vượt trội hai người. Đến khi đức Phật thành đạo, ông xin theo xuất gia, trong suốt 20 năm thiện tâm tu hành, siêng ròng không lười nhác, do chưa đắc quả A-la-hán bèn ngã lòng, sanh ý niệm ác, muốn học thần thông để được lợi dưỡng. Không được đức Phật chấp thuận, ông tìm đến Thập Lực Ca-diếp xin học thần thông. Ông rất được thái tử A-xà-thế tin tưởng, kính phục. Do vậy, Đề-bà-đạt-đa càng thêm kiêu mạn, liên kết với A-xà-thế tìm cách hãm hại để giành quyền lãnh đạo tăng đoàn. Vì thế, Đề-bà-đạt-đa bèn dẫn 500 đồ chúng tách rời tăng đoàn, tự xưng là đại sư, chế định năm pháp, dối xưng hành theo năm cách ấy sẽ mau chóng đạt tới Niết-bàn. Ông ta đã phá hòa hợp tăng, lại xui A-xà-thế giết cha, tính dùng thế lực của tân vương để hại Phật ngõ hầu chính mình sẽ trở thành pháp vương. Ông sai 500 người cầm nỏ đá bắn Phật nhưng không thành công. Ông lại đích thân lăn một tảng đá to từ đỉnh núi Kỳ-xà-quật xuống để mưu giết chết Phật, nhưng do thần Kim-tỳ-la dùng chày Kim Cang đánh nát hòn đá, nên chỉ một mảnh đá nhỏ văng trúng chân Phật, chảy máu. Ông lại sai người đem voi say toan giẫm chết Phật tại thành Vương Xá, nhưng voi vừa trông thấy Phật liền tỉnh rượu, mọp đầu quy y. Trong khi ấy, hai vị Xá-lợi-phất và Mục-liên dùng biện tài khiến cho 500 đệ tử của Đề-bà tỉnh ngộ trở về với Phật, A-xà-thế cũng được Phật giáo hóa, tỉnh ngộ, sám hối, quy y. Đề-bà-đạt-đa tức tối, tìm cớ đánh chết tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, nhuốm chất độc vào mười móng tay, giả vờ đến đảnh lễ để cào chân Phật, nhưng chân Phật nghiễm nhiên không bị tổn hại, còn Đề-bà-đạt-đa rụng sạch mười ngón tay. Đất liền nứt ra, đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ. Tuy vậy, theo kinh điển Đại thừa, đây là những nghịch hạnh do Điều-đạt thị hiện để Phật có cơ hội chế giới và hóa độ những kẻ tà kiến, ngũ nghịch thập ác. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật từng nói rõ nhân duyên: Trong quá khứ, Đề-bà-đạt-đa là tiên nhân biết được pháp Đại thừa, Phật là một vị quốc vương đã bỏ ngôi vua theo hầu hạ tiên nhân để cầu pháp và học kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi vị tiên nhân ấy. Phật cũng thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

[697] Thiện Tinh (Sunaksatra), còn được phiên là Tu-na-ha-đa, hoặc Tu-na-sát-đa-la, còn dịch là Thiện Túc, là con trai của đức Phật khi ngài còn là Thái tử. Sau khi xuất gia, ông đã đoạn được phiền não, đắc *đệ tứ thiền định*. Về sau, do thân cận bạn ác, liền bị lui sụt quả giải thoát, khởi tà kiến nhân quả bất định, sanh tâm ác đối với Phật, nên đọa vào địa ngục Vô Gián ngay trong khi còn sống. Do vậy, thường được gọi là tỳ-kheo xiển-đề. Theo Pháp Hoa Huyền Tán, Phật có ba người con là Thiện Tinh, Ưu-bà-ma-da và La-hầu-la. La-hầu-la nhỏ nhất nhưng là con của chánh phi Da-du-đà-la nên hầu như người đời chỉ biết đến La-hầu-la.

Chỉ cần ông có thể nghe theo lời Quang nói thì sẽ là đứa con thật sự của đức Phật, Quang và ông sẽ cùng sanh về Tịnh độ ngay trong cuộc đời này, là bạn thiết nơi Liên Bang, may mắn vô cùng! Câu đối treo nơi đại điện hãy nên lấy đạo lý trong nhà Phật để soạn thành văn, chứ văn của người ấy và văn của ông đều là những thứ văn chương thù tạc trong khi nhàn rỗi. Nay tôi nghĩ ra một đôi câu đối như sau:

Nguyện trọng, bi thâm, cử tam căn nhi phổ độ,
Chân cùng, hoặc tận, siêu Thập địa dĩ độc tôn.

(Nguyện nặng, bi sâu, độ trọn khắp cả ba căn,
Chân cùng, hoặc hết, độc tôn trỗi hết Thập địa.)

"Tam căn" chỉ khắp lục đạo, tam thừa. "Chân cùng" là lý để chứng đã được chứng đến mức cùng cực. "Hoặc tận" là hoặc (phiền não) cần phải đoạn đã đoạn đến hết sạch. "Thập địa" là Thập địa Bồ-tát, là bậc đã gần thành Phật. "Duy" là chỉ một. Dùng chữ "độc tôn" thì cảm thấy rõ nghĩa hơn một chút. Chứ nếu dùng chữ "duy tôn", chắc kẻ kém chữ nghĩa sẽ không hiểu rõ lắm nên tạm dùng chữ "độc tôn", tuy chữ độc chẳng đúng luật bằng - trắc cho lắm. Xin hãy châm chước để sử dụng; nhưng loại câu đối này cũng không phải là viết thiếp, đề thơ dùng trong thi cử nên không tuân thủ luật bằng - trắc chặt chẽ cũng không quan trọng lắm.

Trong hai ba năm qua, vợ chồng Lâm Hồng Do cùng bị bệnh nặng, ấy là do túc nghiệp chiêu cảm, cố nhiên hãy nên nghiêm túc sám hối. Lại còn phải suy xét hành vi của chính mình, nếu có điều nào chẳng đúng pháp hãy cực lực sám trừ, sửa đổi lỗi cũ, từ nay tu tập, ngõ hầu liền được từ ân gia hộ. Xin hãy đem ý Quang nói với họ.

Phàm những pháp thuộc về ngoại đạo đều là trộm cắp những câu văn từ kinh Phật, lời tổ, rồi thay đầu đổi mặt để soạn thành kinh sách của chính họ. Nước ta kể từ khi Phật pháp được truyền sang phương Đông, chỉ có Sơ tổ, Nhị tổ, Tam tổ, Tứ tổ, Ngũ tổ, Lục tổ được cả cõi đời xưng tụng là tổ. Pháp tôn của Lục tổ tên là Đạo Nhất[698], họ ngoài đời là Mã. Do vị tổ thứ 27 ở Tây Thiên (Ấn Độ) có câu sấm ngữ *"mã câu đạp sát thiên hạ"* (con ngựa non đạp chết thiên hạ)[699], đương

[698] Ngài Mã tổ Đạo Nhất đắc pháp nơi Nam Nhạc Hoài Nhượng, được phó chúc nối tiếp đạo mạch của ngài. Hoài Nhượng lại là đồ đệ của Lục tổ Huệ Năng nên mới nói "pháp tôn của Lục tổ tên là Đạo Nhất".

[699] Đây là một câu kệ trong Bích Nham Lục nhắc đến câu sấm ngữ của vị tổ thứ 27 ở Ấn Độ (tức ngài Bát-nhã-đa-la) khi dạy tổ Bồ-đề-đạt-ma hãy sang Đông Độ truyền pháp Thiền, tiên đoán về sự nối pháp của Mã tổ.

thời đều gọi ngài là đại sư Mã. Khi mất rồi, người đời đều gọi ngài là Mã tổ. Ngoài ra, không một vị nào được gọi thẳng là tổ. Ngay như Sơ tổ, Nhị tổ, Tam tổ, Tứ tổ, Ngũ tổ, Lục tổ cũng là do người đời sau tôn xưng, chứ chẳng phải là ngay trong đời các ngài đã được gọi là tổ.

Trong vòng trời đất, số lượng con người thật đông, túc căn mỗi người mỗi khác. Dẫu được đức Phật giáo hóa, nhưng những kẻ do chủng tánh chẳng lành liền nẩy sanh tà kiến, giống như trời đất lấy hai khí âm dương để hóa sanh vạn vật, tuy khí âm và dương là một, nhưng vạn hữu được sanh ra chẳng giống nhau. Thứ ngọt ngào, thứ độc địa đều tùy theo chủng loại. Những kẻ nói "vì ngoại đạo lẫn nhà Phật đều cùng có những lời lẽ nói về niệm Phật nên bảo là giống nhau" thì có khác gì nói "do cùng nhận chịu khí âm dương liền bảo là giống hệt như nhau" ư?

Quê ông không có ai thông hiểu Phật pháp khiến cho những thứ tà thuyết như thế dấy lên mạnh mẽ. Ông đã không có con mắt trí tuệ chân chánh, chỉ nên "ngươi là ngươi, ta là ta, ai giữ pháp nấy, ai hành đạo nấy", chẳng gia nhập bè đảng của bọn họ, mà cũng chẳng công kích, phê bình họ sai trái thì dù có sống chung với họ vẫn chẳng có những chuyện tiêm nhiễm, đố kỵ nhau v.v.. Hòa quang nhưng không đồng trần chính là phương cách để giữ mình. Nói "hòa quang" không có nghĩa là tu trì theo kiểu của họ, mà chỉ là không công kích, không phê bình, mà cũng chẳng khen ngợi. Nếu bị họ xoay chuyển thì sẽ trở thành "đồng trần", nếu "đồng trần" thì sẽ trở thành tội nhân trong Phật pháp.

Phàm phu tu hành hãy nên phát tâm đại Bồ-đề lợi người lợi vật. Chuyện lợi người lợi vật chính là điều gì sức mình có thể làm được thì hãy gắng sức làm, chuyện gì chẳng thể làm được thì ắt phải thường giữ tấm lòng ấy, như vậy thì sẽ chẳng trái nghịch với nguyện tâm Đại thừa vậy.

Căn bệnh nổi bướu của ông chẳng cần phải dùng tơ nhện, chỉ niệm Quán Âm cũng được lành. Do ông hoàn toàn thiếu chánh tín nên lòng luôn rong ruổi theo thuốc men. Những vị vĩ nhân lỗi lạc trong thế gian thường do bị bệnh vặt liền dùng thuốc đến nỗi mất mạng. Bọn họ dốc sức nơi thuốc men, mà cũng chưa chắc đã dùng sai thuốc, chỉ vì túc nghiệp sai khiến nên thành ra như vậy. Phàm với những bệnh cực khó trị, hãy đều nên trị bằng cách niệm Quán Âm. Nếu kiền thành, ắt sẽ có hiệu nghiệm lạ lùng. Sao tâm ông lại sân hận hừng hực đến mức như thế ấy? Đủ biết, chắc chắn đời trước ông là kẻ có quyền thế lớn lao, cho nên tập khí đã trở thành tánh. Nay hãy nên học tánh khiêm tốn, kiềm chế, luôn biết mình chẳng đúng, chẳng thấy người khác sai trái, lâu ngày chầy tháng sẽ hàm dưỡng thành tánh, tập khí tiêu diệt.

Bàn đến số mạng thì hãy nên lấy thiên Lập Mạng của Viên Liễu Phàm làm gốc, bất luận là ai đều có thể đạt được lợi ích. Lưu tâm nơi ấy thì lợi ích ấy lớn lắm! Nhưng ý nghĩa trong ba thiên Cải Quá (sửa lỗi), Tích Thiện và Khiêm Đức (vun bồi đức khiêm nhường) đều phù hợp với mọi căn cơ để có thể nói với người khác được. So với thầy thuốc cứu sống người, công đức càng lớn hơn!

Nếu ông giữ được cái tâm "gốc chánh, nguồn trong" để làm chuyện vun bồi nhân tài thì sẽ "chẳng giữ địa vị mà thực hiện sự cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp", vui sướng chi bằng, há gây trở ngại gì cho niệm Phật? Sáng tối hãy tùy sức xưng niệm; ngoài những lúc ấy ra, khi nào chẳng cần phải dùng tới tâm, hễ thuận tiện bèn niệm niệm. Chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, sẽ tự được vãng sanh. Nếu cứ nói "đích thân cày ruộng dễ niệm Phật", tức là chẳng biết lúc phải tự cày ruộng do nhọc nhằn nên quyết chẳng thể niệm được. Ông nghĩ như vậy đều là vì chẳng tự phản tỉnh, mang tình kiến "đứng núi này trông núi nọ", chẳng phải là trí thức thấu hiểu sâu xa tự tâm, thấu hiểu triệt để cõi đời vậy.

Ông chỉ nên "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tin sâu nhân quả, tận lực giữ vẹn luân thường", kiêm dùng tín nguyện để trì danh cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, mà cũng dùng những điều ấy để hóa độ người khác. Dẫu chẳng thể có bản lãnh lớn lao, vẫn có thể đội trời đạp đất, chẳng thẹn làm người, chẳng thẹn làm thầy vậy.

Ông là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, làm sao khỏi ngủ, thôi ăn cho được? Chỉ không tham ngủ, chẳng tham ăn, chỉ cốt dưỡng sức, khỏi đói mà thôi. Nếu như ông nói, cậy vào thần chú để thôi ngủ, nếu thật sự trì chú được linh cảm lớn lao chắc sẽ có thể không ngủ. Ngay trong đêm đầu tiên trì chú ông đã không ngủ, tức là tâm thiết tha đến cùng cực, tinh thần đã hơi bị tổn thương, cho nên không ngủ. Nếu để tinh thần bị tổn thương lâu ngày thì sẽ ngủ vùi chẳng tỉnh dậy được. Kẻ sơ tâm thường vì nhất thời tinh tấn quá độ, về sau ngã lòng biếng nhác.

Buông thõng ống quần là tập quán của phương Nam, chứ nếu là người phương Bắc thì cũng không có thói quen ấy, huống là một vị cư sĩ học Phật ư? Vì thế, cư sĩ cũng nên buộc chặt ống quần lại thì mới nên. Những vị chân tu trong tăng chúng, khi ngủ cũng không tháo dây buộc ống quần ra, huống là trong ban ngày ư?

Biết có những điều không thể làm được nhưng vẫn dốc hết khả năng để thực hiện thì chính là tâm hạnh đại từ đại bi của Bồ-tát. Biết có những điều chẳng nên làm nhưng cứ nhất loạt chẳng kiêng giữ thì sẽ trở thành chủng tử địa ngục. Kẻ tà kiến thường đem những điều chẳng thể thực hiện để ngăn trở người khác, bảo: "Con người mỗi một hơi hít vào có vô số trùng nhỏ nhoi bị hút vào bụng, đều là

sát sanh, đều là ăn thịt, làm sao ông chẳng sát sanh, chẳng ăn thịt cho được?" Điều ấy thật giống như toàn thân vùi lấp trong hầm xí rồi cũng muốn lôi kẻ khác vào trong ấy. Người ta chẳng chịu nghe theo, bèn nói: "Ngươi chê ta là hôi thối, vậy trên thân ngươi thường có ruồi, muỗi, rận tuôn phân vãi tiểu, mà vẫn chẳng phải là ở trong hầm xí, vẫn chê ta hôi thối ư?" Những loại tri kiến ấy đều thuộc tà kiến, đều phát sanh từ những kẻ thông minh, đáng sợ thay!

Phật pháp coi trọng chuyện lợi người, đạo lợi người nên khởi đầu từ nơi người thân. Nếu chẳng đem đạo này khuyên lơn cha mẹ, anh em, vợ con trước mà lo khuyên người khác tức là bỏ gốc chạy theo ngọn. Cần phải cùng thực hiện, cùng hành cả hai thì mới nên.

Dùng văn tự để khuyên người khác là chuyện cực hay, nhưng cũng phải có phương cách. Như những chữ ông đã viết lúc ban đầu thì đúng là người nghiên cứu dẫu dùng để ghi sổ cũng chẳng chịu dùng. Gần đây tuy chẳng noi theo thói cũ, nhưng lại nói bừa viết loạn thật giống như điên cuồng. Nếu gặp phải bậc cao minh, chắc họ sẽ coi thường ông. Hơn nữa, hãy nên y theo chương trình của phàm phu để tu trì, đừng mong vượt trỗi người khác thì sẽ có lợi ích thật sự. Nếu không, sau này nhất định sẽ có ngày nổi cơn điên cuồng lớn lao đấy! Do vậy sẽ đâm ra khiến cho kẻ vô tri lui sụt lòng tin. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao và các trước thuật Tịnh độ của cổ đức ngõ hầu trừ khử được tập khí ấy, chẳng đến nỗi bị ma dựa. Nếu không, khó bảo đảm chẳng bị ma dựa. Bịt tai trì chú làm sao bằng dứt vọng trì chú? Bịt tai cũng là lề thói của ma đấy[700].

Nghiệp thông ba đời, phàm phu bèn né tránh chẳng dám đón đầu, còn thánh nhân thị hiện giáng sanh trong thế gian lại lãnh nhận nghiệp giống như trả nợ. Các ngài đã vượt thoát ra ngoài sanh tử, nhưng chẳng ngại thị hiện lãnh nhận túc nghiệp trong đời này giống như người đời hòng dứt cái tâm giết chóc của người đời sau. Ông hiểu như thế, thật có thể nói dùng lòng phàm phu để lầm lạc suy lường thánh nhân, tội lỗi vô lượng. Tuy chẳng thể biết được sở chứng của vị tăng ấy, nhưng chớ nên chấp chết cứng *"sư chắc chắn không có nghiệp báo"*, đến nỗi người đời chẳng sanh lòng kinh sợ, tận lực trì thánh hiệu.

Do có những vị thị hiện làm kẻ ác gặp khổ liền dứt ác, hoặc do gặp ác báo mà sanh thiện niệm liền tự đổi mới, cho nên những sự tích làm súc sanh, làm ngạ quỷ

[700] Như vậy là ngay từ thời ấy tà ma ngoại đạo đã áp dụng lối bịt tai trì chú. Hiện thời có một phái tà đạo mạo danh Phật giáo tự xưng tu pháp môn Quán Âm, bịt tai trì thần chú của đạo Sikh để nghe được những âm thanh của tự tánh. Chúng gọi đó là pháp môn Quán Âm, thật chẳng hiểu ý nghĩa "phản văn văn tự tánh" như thế nào mà "thánh mẫu" của phái ngoại đạo ấy còn ngông cuồng tuyên bố mình chính là Quán Âm thị hiện, Phật Thích-ca đã lỗi thời. Đáng sợ thay!

thật nhiều. Hiện thân ngạ quỷ Diện Nhiên[701] để rộng mở môn tế độ; những khoa nghi Mông Sơn, Diệm Khẩu, Thủy Lục hiện thời đều bắt nguồn từ đây. Những chuyện Phật Bồ-tát hiện thân súc sanh, đến cuối cùng mới hiển lộ bổn khiến cho những kẻ trong hiện tại hoặc đời sau đều sẽ do đây mà sanh lòng tin niệm Phật, đoạn ác tu thiện chẳng thể đếm xuể, ông trọn chẳng để mắt tới, nên bảo là có ích gì, chẳng đáng buồn hay sao?

Phật tuy từ bi rộng lớn, nhưng muốn độ chúng sanh đều cần phải chiết phục, nhiếp thọ. Dẫu khinh mạn Phật, hủy báng Phật, Phật thật sự chẳng sanh lòng yêu, ghét, nhưng nếu không chiết phục sẽ không thể khuyên can được. Vì thế, thần hộ pháp ắt phải gieo họa cho kẻ ấy để những ai bắt chước kẻ ấy làm ác đều kinh sợ, lòng từ bi ấy không chi bằng. Lời ông nói chính là lời lẽ chẳng hiểu sự vụ, ăn nói lẫn lộn! "Hết thảy duy tâm" quả thật là lời luận tột cùng, nhưng cũng chẳng thể không nêu rõ ý chiết phục, chỉ chuyên nói duy tâm được.

Nếu ai thấy cảnh Tây Phương thù thắng rành rành ngay trước mắt, kẻ ấy phải tâm tâm niệm niệm tương ứng với Phật thì mới nên. Nếu không, vừa trông thấy cảnh ấy sẽ ngược ngạo phát sanh ma sự! Ví như thân chưa lành bệnh, chẳng dám hưởng sự vui sướng vì mát mẻ. Nguyện của ngài Liên Trì là nhất tâm niệm Phật[702], cố nhiên là chánh lý; còn như lời ông nói thì chẳng niệm mà được thấy ngay thánh cảnh Tây Phương nên trở thành nói nhăng nói càn. Kẻ mù từ lúc sanh ra chẳng thấy được mặt trời rực rỡ, chim cú ban ngày chẳng thấy được Thái Sơn, chứ nào phải mặt trời rực rỡ chẳng mọc, Thái Sơn chẳng tồn tại, mà do chính kẻ mù, chim cú bị nghiệp ngăn chướng nên chẳng thấy được đấy chứ!

"Trái giác, hợp trần" là nói theo bản thể, chứ không phải là nói về sự tu (tu hành trên phương diện sự tướng). Bản thể khi chưa tu giống như vàng chưa tách

---

[701] Đại dĩ Diện Nhiên chính là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, đại biểu cho quỷ vương trong nghi Du-già Diệm Khẩu. Theo Phật Thuyết Cứu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà-la-ni Thần Chú Kinh, Diện Nhiên chính là tên của một ngạ quỷ mặt xanh, nanh nhọn hoắt, nét mặt dữ tợn, miệng bốc lửa, lưỡi thè ra cả tấc, nên có tên là Diện Nhiên (vẻ mặt đáng sợ), còn gọi là Diệm Khẩu (miệng bốc lửa), hoặc Tiêu Diện (mặt cháy nám) do ngài Quán Âm biến hóa ra nhằm điểm hóa A-nan. Ngạ quỷ Diện Nhiên báo cho A-nan biết ba ngày sau A-nan sẽ chết, chết rồi sẽ đọa làm ngạ quỷ. A-nan kinh sợ, cầu Phật chỉ dạy phương pháp thoát nạn. Nhân đó, Phật nói phương cách thí thực, hồi hướng cho các ngạ quỷ được thoát khỏi ác đạo. Các khoa nghi Thủy Lục, Diệm Khẩu đều dựa theo những bài thần chú được nói trong bài kinh trên đây thêm vào các nghi thức cúng dường, bố thí, tán thán, hồi hướng trích từ các Mật điển khác. Còn khoa nghi Mông Sơn thì dựa theo ý nghĩa của bài kinh này để thí thực cho các ngạ quỷ, cô hồn hằng ngày.

[702] Ông Trác Trí Lập do thấy trong bài Tịnh Độ Phát Nguyện Văn của tổ Liên Trì có lời nguyện: "Nguyện trong khi thiền quán, hay trong lúc mộng mị được thấy thân sắc vàng của Phật A-di-đà, được dạo qua cõi báu trang nghiêm của Phật A-di-đà, được Phật A-di-đà dùng cam lộ rưới đảnh, quang minh chiếu đến thân, tay Phật xoa đầu con, y ngài trùm thân con", nên mới hiểu lầm lời nguyện ấy là chuyên cầu thấy được thánh cảnh Tây Phương.

ra khỏi quặng, sợ con người chẳng biết là Phật tánh nên gọi là giác. Tu rồi bản thể sẽ tỏ lộ giống như vàng tách khỏi quặng, đấy chính là do tu mà hiển tánh, do thỉ giác hợp với bổn giác vậy. Như vậy thì giống như đã thành vàng ròng, chẳng còn là quặng nữa. Ông chỉ biết nói bừa đạo lý, trọn chẳng chịu suy nghĩ nghĩa lý sâu xa, nhọc công tôi uổng phí biết bao nhiêu bút mực để rồi ông biến thành trò trẻ con đùa bỡn, biết bao giờ mới thôi!

Như Lai sanh ra từ hông phải, sau bảy ngày mẹ Ngài liền mất, sanh lên trời Đao-lợi. Về sau đức Phật thành Phật, lên cõi trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ, an cư một hạ (ba tháng) trên cõi trời, vua Ưu-Điền[703] nghĩ nhớ đức Như Lai do vậy mới tạo tượng. Ông đã đọc Văn Sao mà sao không biết chuyện này? Còn khi lâm chung thì đức Phật do lòng đại từ bèn thị hiện tướng nằm cát tường[704] giống như người đời. Vì muốn răn nhắc chúng sanh nên cũng làm như kẻ bệnh thân thể chẳng được thoải mái, thảnh thơi, bảo: "Nay lưng ta đau nhức." Sau đấy, do sợ phàm phu tưởng là thật, lại bay vọt lên hư không, hiện mấy chục thứ thần biến[705] rồi mới nhập diệt. Đã nhập kim quan, khi Phật mẫu từ trên trời xuống, lại từ kim quan ngồi dậy, an ủi mẹ. Xong xuôi, vẫn nằm trong quan tài. Đến khi Ca-diếp từ núi Kỳ-xà-quật đến, từ trong quan tài Phật ló hai chân ra, Ca-diếp nâng chân Phật ve vuốt. Những chuyện này hãy xem chi tiết trong phần sau (tức 2 quyển cuối) kinh Đại Niết-bàn (bản 40 quyển). Ngoại đạo hủy báng nói lời như vậy, bọn họ giống như con chó chỉ biết phân thơm, ngược ngạo chửi bới thức ăn ngon là hôi thối. Nếu là chó thì cố nhiên sẽ tin tưởng như vậy chẳng ngờ, nếu chẳng phải là chó thì sẽ cảm thấy bẩn tai, dơ miệng, há nhắc đến những lời ấy hay chăng? Lời lẽ hủy báng của ngoại đạo phần nhiều là như vậy đấy, chỉ có người hiểu lý mới không bị mê hoặc.

---

[703] Vua Ưu-điền (Udayana) có tên gọi đầy đủ là Ưu-điền-diễn-na Phạt-tha (Udayana-vatsa), dịch nghĩa là vua Nhật Tử hoặc vua Xuất Ái, vua nước Kiêu-thưởng-di (Kauśāmbī, còn phiên là Kiều-diễm-di) thời ấy. Theo kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 28 (cũng như kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, kinh Quán Phật Tam-muội Hải, kinh Đại Thừa Tạo Tượng Công Đức), do Phật an cư ba tháng trên cõi trời Đao-lợi để thuyết pháp báo ân mẹ, vua Ưu-điền không thể lễ Phật, sanh lòng ưu sầu, ngã bệnh. Quần thần bèn dùng gỗ ngưu đầu chiên-đàn tạo một bức tượng Phật cao năm thước. Vua nhìn thấy tượng Phật, lòng hoan hỷ liền lành bệnh. Khi đức Phật từ thiên cung giáng hạ đã tán thán và hứa khả bức tượng này.

[704] Tướng nằm cát tường còn gọi là *sư tử ngọa*, tức nằm nghiêng bên hông hữu, tay phải lót dưới mặt, tay trái để xuôi theo thân.

[705] Thần biến (vikurvana): Chư Phật Bồ-tát vì hóa độ chúng sanh liền dùng sức chẳng thể nghĩ bàn siêu việt nhân gian (tức sức thần thông) biến hiện các thứ hình trạng và động tác. Hiểu theo nghĩa hẹp, thần biến chính là thần túc thông trong lục thông. Hiểu theo nghĩa rộng thì thần biến bao gồm thân, ngữ, ý.

Ông đúng là kẻ chẳng thông hiểu sự việc trên đời. Khổng tử ghét kẻ xướng suất bày trò giết người khác để tuẫn táng nên bảo: *"Kỳ vô hậu hồ"* (Kẻ ấy không có người nối dõi). Ông lại bảo sử dụng mộc ngư (mõ) thì cũng giống như vậy. Ăn nói kiểu đó đúng là trò đùa trẻ nít! Người trong khắp cõi đời đều coi cá là thức ăn ngon, há lẽ nào khi chưa chế ra mộc ngư thì chẳng có chuyện người đời từng ăn cá hay sao? Lối ăn nói ấy vốn chẳng đáng trả lời, bởi nó thuộc kiểu nói giỡn chơi. Nhưng nếu không đáp, ông sẽ tưởng rằng: "Ta có tài ăn nói khiến cho ông sư lòa vô tri vô thức phải cứng lưỡi!"

Đối với câu nói "tỳ-kheo hành đạo chẳng lạy Đế Thích", sao ông lại gạt bỏ hai chữ "tỳ-kheo"? Do tỳ-kheo là đệ tử Phật, lạy Đế Thích sẽ không hợp lễ, chứ không phải là người tại gia học Phật đều chẳng được phép lạy. Người tại gia tuy thông hiểu Phật pháp, nhưng tạm thời lễ bái một vị thần chân chánh trong thế gian thì cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu ngày đêm thường lễ bái thần thánh giống như lễ Phật thì cũng chớ nên. Đấy chính là như thường nói *"kính nhi viễn chi"* (kính trọng nhưng tránh xa) vậy.

Đối với thuyết "[lễ bái thần thánh thì cũng giống như lễ bái] cha mẹ trong nhiều đời", đấy cũng là cưỡng nói. Cha mẹ trong nhiều đời trọn khắp lục đạo, sao ông không lễ khắp ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn? Do vậy, đức Phật dạy con người kiêng giết phóng sanh là vì chúng sanh đã bao kiếp sanh ra lẫn nhau cho nên dạy con người hãy phát khởi cái tâm từ bi để thực hiện chuyện cứu vớt.

Ông chỉ chuyên biết chấp trước tà kiến, coi đó là chánh pháp. "Bờ bên kia" quả thật phải tự lên, nhưng nếu chẳng niệm Phật đến mức "tâm tịnh, cõi nước tịnh", làm sao tự lên được? Ông nghe lý tánh liền muốn phế sự tu. Chỉ có chí thành đến mức cùng cực, tâm tương ứng với Phật thì mới có thể *cam lộ quán đảnh*, há nên bảo là do sức tác động từ bên ngoài? Do một khắc công phu mà khiến cho chúng sanh trọn khắp pháp giới đều ngộ thì mới chính là sức tác động từ bên ngoài[706]. Khi chính mình chưa đạt đến mức tâm tương ứng với Phật thì làm sao được Phật gia bị?

---

[706] Do đoạn này hơi khó hiểu nên chúng tôi xin giải thích thô thiển như sau: Ông Trác Trí Lập quan niệm *cam lộ quán đảnh* (trong Mật pháp) chính là dùng nghi lễ quán đảnh để mượn sức gia bị của Phật, Bồ-tát khiến cho hành nhân được giác ngộ, chứng nhập. Do vậy, gọi là "ngoại thước" (外鑠: tức sức tác động từ bên ngoài). Tổ Ấn Quang nhấn mạnh để nhận được sức gia bị của Phật, Bồ-tát thì chính tâm mình phải tương ứng với Phật mới cảm ứng đạo giao, cho nên cam lộ quán đảnh chỉ có tác dụng khi hành nhân đã dụng công tu tập đến mức tâm tương ứng với Phật. Nói cách khác, nếu không có sự nỗ lực tu trì của cá nhân để cảm thì sẽ không tiếp nhận được tha lực, cũng như gương đã phủ bụi thì không thể soi bóng. Do vậy, sự chứng nhập của hành nhân khi được cam lộ quán đảnh không phải là do tác động một chiều từ bên ngoài, cho nên không thể gọi là "ngoại thước". Còn nếu như hành nhân chỉ dụng công một khắc mà

Tiền âm, hậu âm[707] thì có, tuy có nhưng không dùng đến. Trong 32 tướng của đức Phật, tướng "khổng môn đầy đủ"[708] chính là hậu âm, tướng mã âm tàng chính là tiền âm. Mã âm tàng[709] nghĩa là giống như bộ phận sinh dục của con ngựa, ẩn kín chẳng lộ ra ngoài. Người sanh về cõi Tây Phương ai nấy đều có đủ 32 tướng, cứ suy từ tướng Phật mà có[710]. Nhưng ở Tây Phương không có nữ nhân, nghĩ đến đồ ăn liền được đồ ăn, những thứ để ăn đều là thức ăn được biến hóa ra; ăn vào cũng không có cặn bã nên tiền âm, hậu âm chẳng qua là để giống với người đời mà thôi.

Ông hỏi: "Khi hóa sanh có hiểu biết rõ ràng hay chăng?" Vậy đủ biết là ông đọc sách Tịnh độ và Văn Sao đều theo kiểu nuốt trọn quả táo, trọn chẳng quan tâm mùi vị ra sao? Người niệm Phật khi lâm chung biết trước lúc mất, há chẳng thể nhận biết rõ ràng ư? Dẫu chẳng thể kể với người khác nhưng đã được tiếp dẫn bởi lòng từ của đức Phật thì có lẽ nào lại mơ hồ mờ mịt, như đang nằm mộng nhưng chẳng biết là mộng, cũng chẳng biết làm thế nào để tỉnh ư? Ông đúng là biết nói những lời lẽ thiếu đạo lý!

Giận tức học trò, sao lại nổi đóa đến nỗi chẳng thể nguôi được? Chẳng qua là tạm hiện tướng nghiêm khắc cho chúng nó kiêng sợ mà thôi. Nếu nghiêm khắc quá đáng, bất quá lũ học trò cũng chỉ kiêng sợ tới mức như thế mà thôi, đâu còn kinh sợ hơn nữa được. Phương cách dạy dỗ là nghiêm nghị, chánh đáng. Mỗi một lời nói, mỗi một hành động đều chẳng cẩu thả, khinh bạc mảy may nào thì học trò sẽ như đến chỗ thầy dạy của nhà vua. Nếu thường ngày trọn chẳng có dáng vẻ

---

chúng sanh trong khắp pháp giới đều ngộ thì đối với chúng sanh trong khắp pháp giới, sự dụng công ấy của hành nhân mới chính là "ngoại thước" vậy.

[707] Tiền âm và hậu âm ở đây là thuật ngữ thường dùng trong y thư cổ của Trung Hoa để chỉ bộ phận sinh dục và bộ phận bài tiết. Nói hạn hẹp, hậu âm chỉ bao gồm phần bài tiết như hậu môn và lỗ tiểu. Nếu nói rộng, hậu âm bao gồm cả những lỗ hổng trên cơ thể nhằm bài tiết chất thải ra ngoài như miệng, lỗ lệ nơi mắt, lỗ tai, lỗ mũi v.v..

[708] "Khổng môn đầy đủ" có nghĩa là cửu khiếu (hay cửu khổng) đầy đủ. Cửu khổng còn gọi cửu lậu (chín chỗ rò rỉ), cửu nhập (chín chỗ để phiền não xâm nhập), cửu lưu (chín chỗ để phiền não tuôn chảy), cửu sang (chín chỗ bị ghẻ gúm). Các tên gọi này đều nhằm thể hiện ý nghĩa chín nơi này là cửa ngõ để phiền não xâm nhập và phát lộ. Chín nơi ấy chính là hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, hậu môn và lỗ tiểu tiện.

[709] Mã âm tàng (kośopagata-vasti-guhya) còn gọi là tướng mã vương ẩn tàng hay tướng thế phong tạng mật, là một trong 32 tướng đại nhân của Như Lai. Âm là dương vật, mã âm tàng có nghĩa là dương vật ẩn kín trong bụng không lộ ra ngoài nên gọi là âm tàng, giống như bộ phận sinh dục của ngựa đực bị ẩn kín không lộ ra. Theo kinh Bảo Nữ Sở Vấn, tướng mã âm tàng là do trong khi tu nhân, chư Phật luôn giữ mình cẩn thận, vĩnh viễn xa lìa sắc dục. Vãng Sanh Yếu Tập, quyển Trung, chép: "Như Lai âm tàng, phẳng như trăng tròn, có ánh sáng vàng, dường như mặt trời."

[710] Do A-di-đà Phật có nguyện người sanh về Tây Phương tướng mạo đều giống hệt như Phật. Phật đã có 32 tướng thì suy ra mọi người trong cõi Cực Lạc đều phải có đủ 32 tướng.

nghiêm nghị, trang trọng, lại còn hề hà, hệch hạc với chúng nó thì dù có nổi nóng đến chết uất như thế cũng có ích gì cho chúng nó đâu? Do ông hỏi câu này, tôi biết ông và thầy của ông đều chẳng khéo nêu gương. Nếu không, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi giận tức như thế! Huống hồ còn nói "rộng dung cho học trò tự sửa đổi" và nuông chiều dung dưỡng thói gian trá ư?

Một chú tiểu hết sức khinh bạc, quỷ quyệt, coi hết thảy mọi người đều không ra gì. Do vậy thầy nó cậy Quang giáo huấn (thầy nó là bạn rất thân của Quang), Quang nói rõ nguyên do khiến cho thầy ấy trong lúc đó mặt không còn hạt máu, đã sợ hãi khôn cùng. Về sau đưa nó đến, Quang bèn hòa nhã, bảo nó cặn kẽ: "Đừng trái lệnh ta. Hễ trái nghịch, quyết chẳng dễ dãi dung tha." Tâm nó tuy kinh sợ, nhưng rốt cuộc do chưa từng đích thân thử nếm mùi xử phạt nên chưa đầy hai ngày đã phạm quy củ. Lúc Quang sắp đánh, liền nói trước quy củ với nó: "Không được động đậy, không được khóc!" Chưa đánh nó đã né trước, Quang nói: "Đây là lần thứ nhất ta chưa phạt. Còn né nữa sẽ nhất định trừng phạt", rồi mới đánh, nó đành đứng ngay đơ giống như cái cây được trồng vậy. Từ đấy trở đi, cả nửa năm sau chưa từng phải nói lớn tiếng một lần nào, huống là phải dùng đến kiểu tức giận không thể nguôi như thế ư? Đấy là chuyện xảy ra trong năm Quang Tự 12 - 1886 (Nhằm mùa xuân. Đến ngày Rằm tháng 8, Quang xuống núi, sang núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Từ đấy chưa hề trở lại Trường An, đã 38 năm rồi).

Sao ông chuyên môn dùng cách chấp trước chết cứng để bàn luận Phật pháp vậy? Ai bảo ông *"chấp trung vô quyền"* (chấp vào đạo trung dung, chẳng biết quyền biến)[711], "chấp trung vô quyền" còn không nên, thế mà trước hết ông đã dốc sức chấp chặt vào một bên, chưa hề có một chút hơi hướng, dáng vẻ trung dung nào hết. Ông thấy Lục tổ giữ lưới phóng sanh[712] liền cho là ngài đã phạm giới trộm cắp và nói dối. Đấy chính là kiến thức *"bất sủy kỳ bổn, nhi tế kỳ mạt giả"* (chẳng suy xét tới cái gốc, chỉ lo vun vén cái ngọn) như Mạnh tử đã nói. Ông thật đáng gọi là một gã hủ Nho, sao mà cũng chẳng biết nặng, nhẹ đến mức ấy?

Hãy nên biết rằng, Phật giáo lấy từ bi làm gốc, người thông đạt coi trọng việc thấu hiểu quyền biến. Như lời ông nói thì cha bắt trộm dê, con khen ngợi, đấy

---

[711] Đây là một câu nói trích từ thiên Tận Tâm Thượng của sách Mạnh Tử: *"Chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã"* (chấp vào đạo trung dung không biết quyền biến thì cũng giống như chấp nhất vậy). Câu này được dịch theo cách diễn giảng trong sách Mạnh Tử Tập Chú của Chu Hy.

[712] Theo Pháp Bảo Đàn Kinh, khi bị môn nhân của Thần Tú tranh chấp y bát, sợ bị hãm hại, tổ phải bỏ trốn về Ngũ Lĩnh, sống lẫn với đám thợ săn để ẩn thân. Khi được giao giữ lưới vây bắt thú, ngài luôn mở lưới cho thú trốn thoát.

mới là chánh đạo, em trai ngồi nhìn chị dâu chết đuối chẳng chịu giơ tay cứu mới là chánh đạo! Đã chẳng thể dựa theo đạo giữ vững lẽ thường nhưng thông đạt quyền biến ấy để hành đạo thì ắt sẽ đến mức trèo tường phía Đông nhà hàng xóm để dụ dỗ gái trinh[713]. Vì sao vậy? Do quan niệm rằng chẳng thân cận phi lễ thì đấy cũng là phi lễ, sao lại cứ phải chọn lựa ư?[714] Nói lý như thế, gọi là nói cong vẹo loạn xạ, Phật chẳng chịu đáp!

Do giữ giới không sát sanh liền đến nỗi chẳng chịu xử phạt khi học trò phạm lỗi, không trị bệnh, không ăn cơm. Ông đúng là kẻ chấp nhặt chết cứng, nhai bã của cổ nhân, chẳng thể tiêu hóa được! Như thế thì làm sao tự lợi, lợi người được đây? Huống chi ông nói: "Mèo bắt chuột, rắn nuốt ếch. Cứu con này ắt phải giết con kia." Nếu theo như lời ông nói thì hễ kiêng giết, ắt trước hết phải giết sạch những con vật nào sát sanh! Nhưng trong một đời, con người sát sanh để ăn chẳng biết số tới bao nhiêu, cố nhiên phải giết hết sạch con người đi thì mới đạt được cái quả không sát sanh vậy. Đáng thương lắm thay! Có trí thông minh như vậy mà chẳng thông đạo lý đến mức như thế đấy.

Người trì giới hễ gặp người hay gặp thần đều đem luân hồi sanh tử ra khuyên dụ. Dẫu cúng cỗ chay, đãi cơm chay, há thần lẫn người sẽ vì đó mà oán hờn ư? Huống chi ta trì giới của đức Phật, những tà quỷ thần ấy dám oán hờn, giáng họa

---

[713] Những câu của Mạnh tử được tổ Ấn Quang dẫn trong đoạn này đều trích từ thiên Cáo Tử Hạ sách Mạnh Tử: "Nước Nhậm có kẻ hỏi Ốc Lô Tử: 'Giữa lễ và đồ ăn, cái nào trọng? Đáp: 'Lễ trọng'. Lại hỏi: 'Giữa sắc và lễ, cái nào trọng?' Đáp: 'Lễ trọng'. Kẻ ấy nói: 'Phải hợp lễ mới ăn thì sẽ chết đói. Cứ ăn chẳng cần hợp lễ thì sẽ được ăn, cần gì phải quan tâm đến lễ? Hễ tự đón rước thì chẳng cưới được vợ. Không đích thân đón rước vẫn lấy được vợ, cần gì phải tự đón rước?' Ốc Lô Tử chẳng đáp được, hôm sau sang Trâu Ấp thưa lại với Mạnh tử. Mạnh tử nói: 'Đáp câu hỏi ấy có gì là khó? Chẳng suy xét tới cái gốc, chỉ lo vun vén cái ngọn, coi khúc gỗ vừa đúng một tấc lại cao hơn ngôi lầu chót vót. Tuy vàng nặng hơn lông, há có thể nói là một cái móc bằng vàng cũng nặng bằng một chiếc xe chở đầy lông ư? Kẻ so đo coi cái ăn là trọng, coi lễ là khinh, nào chỉ phải thấy thức ăn là trọng? Kẻ so đo coi sắc là trọng, coi lễ là khinh, nào chỉ phải thấy sắc là trọng? Hãy nên đáp lời hắn rằng: Vặn tréo cánh tay của anh mình để đoạt lấy miếng ăn thì có cái để ăn, chẳng vặn tay anh mình sẽ không có cái ăn, thì có nên vặn tréo tay anh mình hay chăng? Trèo tường sang nhà hàng xóm ở phía Đông để dụ dỗ gái trinh của người ta thì sẽ có vợ; chẳng dụ dỗ sẽ không có vợ, há có nên dụ dỗ hay chăng?" Chúng tôi dịch đoạn văn này theo cách diễn giải của Tứ Thư Tập Chú (Chu Hy soạn) và Tứ Thư Bạch Thoại Giải (Thường Thục Châu soạn).

[714] Do câu nói này nếu không chú ý sẽ thấy khó hiểu, nên chúng tôi xin giải thích thô thiển như sau: Do ông Trác Trí Lập chấp nhất nên không thông hiểu quyền biến, nghe nói *"nam nữ thọ thọ bất tương thân"* (nam nữ trao nhận đồ vật chẳng đụng chạm vào tay nhau) liền chấp nhặt đến nỗi thấy "chị dâu chết đuối, em chồng không dám cứu", nghe nói con phải nghe lời cha thì tuy cha làm chuyện sai trái như ăn trộm dê, con vẫn tán thành, không can ngăn. Đến khi nghe nói quyền biến thì lại tưởng lầm "quyền biến" là luông tuồng, không cần giữ lễ, không gần gũi những kẻ làm chuyện phi lễ thì mình cũng phi lễ, nên cũng luông tuồng làm bậy theo bọn họ, chẳng cần phải phân biệt đúng, sai, hành xử cho hợp lý theo lẽ thường hay quyền biến nữa.

ư? Nếu thật sự oán hờn thì vị thần ấy có còn là chánh thần, người ấy có còn là con người chánh trực hay không? Nếu hành vi của chính mình chân thật, người lẫn thần sẽ bị cảm hóa, làm sao oán được? Nếu chính mình lén lút ăn, khi kính thần, đãi khách thì làm ra vẻ trì giới. Như thế thì thần ắt giận, người ắt oán bởi kẻ ấy giả dối. Ngụy quân tử sẽ giống như gái làng chơi hễ gặp người ta bèn khoe mình trinh khiết, có ai tin tưởng đâu.

Ông thật là kẻ chẳng hiểu việc đời. Kinh Phật ý nghĩa vô cùng, dẫu chẳng hiểu rõ ràng, nhưng giống như đặt một vật cực thơm ở trong thân thì thân sẽ tự thơm tho. Ông toan coi hết thảy sách đều cũng giống như thế thì sẽ giống như đem vật hôi thối bỏ trong thân, thân có thơm tho được hay chăng? Kinh Kim Cang dạy: "Kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn." Những sách khác bất luận xấu hay tốt, há có nghĩa ấy hay chăng? Phàm đọc sách thế gian, tâm liền tán loạn chẳng tịnh. Phàm xem kinh Phật, tâm liền lắng tịnh. Do nghĩa ấy có thể thấy đức Phật là bậc đại thánh nhân, lời ngài nói chính là khuôn phép để chuyển phàm thành thánh. Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: "Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đấy gọi là hương quang trang nghiêm." Ông muốn coi hết thảy sách giống như kinh Phật sẽ trở thành kẻ chẳng biết thơm thối, buồn thay!

Tai ương, hoạn nạn xảy đến cũng là do túc nhân, nếu có thể quy mạng Phật Bồ-tát sẽ tự chuyển dời được. Thoạt đầu ông do lòng thành hứa nguyện ăn lạt, ấy là một phen dốc lòng thành vì mọi người. Đến khi khổ cảnh đã qua, tâm lực hơi mệt mỏi liền cảm thấy khốn khó. Người tu hành cố nhiên nên chọn lựa sao cho thích đáng, phô bày hạnh lạ để mê hoặc mọi người chính là điều bị đức Phật răn cấm sâu xa. Hãy nên ăn chay là được rồi, chẳng cần phải tiếp tục không dùng thức ăn để nuốt cho trôi cơm nữa. Chỉ nên thương xót bọn họ vô tri mà thường khuyên dạy ngõ hầu họ gieo thiện căn là được rồi.

Niệm kinh Cao Vương khá có lợi ích, nhưng kinh ấy không thật sự do đức Phật nói. Người thật sự tin Phật cố nhiên nên y theo những điều đã dạy trong phẩm Phổ Môn mà chú trọng khuyên người khác niệm danh hiệu Quán Thế Âm để cầu ngài gia bị. Đối với phương pháp uống nước dạy trong kinh Địa Tạng[715],

[715] Theo phẩm 12 của kinh Địa Tạng, khi giảng về sự lợi ích do thấy nghe Địa Tạng Bồ-tát, đức Phật đã dạy Quán Thế Âm Bồ-tát rằng: Nếu có ai ham thích đọc tụng kinh điển Đại thừa nhưng thiếu tánh ghi nhớ, học trước quên sau, hằng năm hằng tháng vẫn không sao đọc tụng được thì để tiêu trừ nghiệp chướng, hãy dốc hết tấm lòng, cung kính giãi bày sám hối, cúng dường tượng Bồ-tát, lấy một chén nước trong để trước tượng Bồ-tát suốt một ngày đêm rồi chắp tay ngoảnh mặt về phương Nam, uống cạn chén nước. Kiêng ngũ tân, rượu thịt, tà dâm,

kẻ hờ hững hời hợt sẽ chẳng thể đạt được hiệu quả. Vì thế hãy nên dùng lòng chí thành niệm Phật để làm phương cách tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ.

Trong chú Đại Bi, không cần phải thêm chữ vào phía dưới câu "mạ mạ"[716], hễ làm vậy sẽ đâm ra trở thành chướng ngại. Cổ đức trì tụng đều không thêm vào. Tuy trong kinh có chép, nhưng câu ấy không thuộc chú văn, cố nhiên không phải là không thể noi theo khuôn phép không dùng như vậy. Chữ la (囉) trong la đa (囉多) đọc như âm lạp (拉)[717].

Niệm Phật mà còn nhớ nghĩ kèm thêm danh hiệu của hai vị Bồ-tát, lâu ngày chắc tâm lực sẽ bị tổn thương. Niệm Phật tâm nghĩ nhớ tượng Phật và tượng hai vị Bồ-tát, so ra đỡ tốn tâm lực hơn nhớ danh hiệu. Phàm là người học Phật hãy nên y theo ngôn giáo của đức Phật, há nên tự lập chương trình? Sữa bò lấy từ bò, tuy chẳng thương tổn sanh mạng, nhưng vẫn gây tổn hại cho bò, cố nhiên đừng nên dùng. Dẫu có dùng cũng chẳng mắc lỗi phạm giới!

Cải, ớt, tiêu, gừng chỉ cay chứ không hôi, há nên bảo chúng đều cay hôi giống như hành, hẹ ư? Há chẳng phải là vô sự sanh sự, nói đạo lý loạn xạ ư? Cải, ớt, tiêu, gừng cay chứ không hôi! Tiêu, gừng, cải thì người ăn chay đều nên dùng, còn ớt thì nên ăn ít đi, bởi ăn nhiều chẳng có ích gì cho con người cả.

Tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp, nhưng tâm phải cực thành khẩn thì mới có hiệu quả thật sự. Phận làm con phải uyển chuyển nương theo lễ nghi thế gian, đối với những gì cha mẹ quy định thì chớ nên không làm theo. Dâng rượu, hiến đồ mặn cho cha mẹ cũng chẳng phải là không được, nhưng trong tâm phải thường sám hối túc nghiệp cho cha mẹ mong họ sẽ hồi tâm. Hễ có dịp bèn thừa cơ dùng lời lẽ mềm mỏng khuyên nhủ, đấy là chân hiếu. Nếu chỉ biết thuận theo lễ nghi thế gian, chẳng phát tâm độ cha mẹ, tức là thấy cha mẹ bị té xuống giếng bèn quăng đá theo để mong cho cha mẹ lập tức mất mạng. Vì thế, hễ cha mẹ không có lòng tin thì hãy uyển chuyển làm theo lễ nghi thế gian, còn cha mẹ có lòng tin thì hãy nên theo đúng pháp để tạo ích lợi cho huệ mạng. Hãy nên làm sao cho thích nghi để đôi đằng đều được lợi ích.

---

vọng ngữ cho đến mọi sự giết hại trong 21 ngày thì sẽ mộng thấy Bồ-tát hiện vô biên thân đến tận chỗ người ấy, làm phép quán đảnh khiến cho người ấy thông minh sáng suốt, nghe qua kinh điển dẫu một lần vẫn không bao giờ quên mất một câu hay một bài kệ.

[716] Theo nguyên bản trong Đại tạng kinh, khi đọc đến câu "mạ mạ phạt ma ra" sẽ thêm tên người trì chú vào trước chữ "phạt ma ra".

[717] Tức là chữ 囉 (âm Quan Thoại là luò) phải đọc thành âm 拉 (âm Quan Thoại là lá).

Hãy nói rõ về chuyện bột ngọt có chỗ nào chẳng đúng pháp! Họ có địa chỉ, ông hãy nên gởi thư sang đấy trình bày cặn kẽ, chứ còn bảo tôi nói lại với họ thì chắc là ông cho rằng tôi suốt ngày không hề có một chuyện gì chăng? Tôi có rất nhiều chuyện chưa rảnh rang để lo tới, nào còn có thời gian, sức lực để bàn đến chuyện này. Ông bảo là "người hèn, lời nhẹ", còn người ta vừa cầu được tiếng vừa cầu lợi, há chẳng chịu nghe theo lời nói chánh đáng của ông ư?

Ông lại nên biết rằng: Người ta in ra những tờ hướng dẫn ấy, chẳng biết đã in mấy vạn bản, nếu có sửa đổi thì cũng phải dùng hết những tờ đã in ấy rồi tiếp đó mới dùng bản đã được sửa đổi. Nếu ông thấy tờ hướng dẫn chưa được sửa, liền bảo "họ chẳng nghe lời", tức là chẳng biết sự vụ rồi. Ông thật sự đáng được coi là người có lòng, nhưng tôi chẳng rảnh rỗi để lo tới. Nếu do một lời chẳng được thỏa ý, liền chê là "ôm củi chữa lửa, giúp vua Kiệt[718] làm ác", sao mà chẳng khoan dung quá đáng như thế? Nhưng nếu vứt bỏ chuyện này, mặc kệ cho người khác ăn thuần thịt thì lửa có giảm bớt sức mạnh, Kiệt có trở thành nhân hậu hay chăng?

Vì người chẳng thể ăn chay hoàn toàn mà Phật khai duyên tam tịnh nhục và những ngày lục trai, thập trai, còn ông một chữ cũng chẳng cho nói mà lại có thể khiến cho hết thảy mọi người đều chẳng tham đắm vị thịt được hay không? Còn như Quang dùng một chuyện đau lòng nhất để khiến cho ai đọc đến trong lòng sẽ hồi hộp bất an, ắt sẽ ăn ít đi cho đến dứt hẳn, ông lại bảo là khơi gợi cơ duyên giết chóc rồi bảo hãy tước bỏ đoạn văn ấy đi! Vậy là "giới" của ông nghiêm ngặt hơn giới của Phật nhiều lắm, huống là quan niệm về giới của Quang ư? Sao ông chẳng lường nặng nhẹ đến mức như thế ấy?

Ông gởi thư cho Hoằng Đại Thiện Thư Cục, nhưng chẳng hiểu nguyên do của Hoằng Đại. Nếu biết, sẽ chẳng tốn công vào chuyện ấy, nhưng ý ấy rất có lợi ích. Lá thư ấy nên giữ lại để người in thiện thư đọc, nhưng cũng chớ nên chấp chết cứng. Nếu bỏ hết những loại thuốc có dùng tới những con vật sống để chế thuốc thì các thầy lang chữa bệnh ngoại khoa sẽ khó thể chữa trị được. Chúng ta giữ tấm lòng lợi vật, hãy đừng ăn nói theo cái kiểu "thúc đẩy đến cùng tận nghĩa lý" ấy thì người ta sẽ nghe theo. Nếu không, đâm ra người ta sẽ đem chuyện thúc đẩy đến cùng tận nghĩa lý để trách móc ông đấy!

---

[718] Kiệt là vua thứ mười bảy đồng thời là vua cuối cùng của vương triều Hạ (vương triều này do vua Đại Vũ, tên thật là Tự Văn Mạng thuộc thị tộc Hậu Hạ sáng lập). Vua Kiệt tên thật là Tự Lý Quý. Do say mê mỹ nhân Muội Hỷ, bỏ mặc chánh sự, tàn sát trung thần. Do vậy, Thương Thang khởi binh chinh phạt, đánh bại Kiệt ở Minh Điều (nay thuộc An Ấp, tỉnh Sơn Tây). Vương triều Hạ bị diệt vong. Kiệt bị đày đi Nam Sào (thuộc tỉnh An Huy). Lúc gần chết có nói: "Ta hối hận trước kia đã không giết Thương Thang tại Hạ Đài, nếu không đâu phải đến nỗi như thế này." Theo một số nhà nghiên cứu, sau khi vương triều Hạ diệt vong, một chi tộc Hậu Hạ đã bỏ Trung Nguyên ra quan ải sống, trở thành tổ tiên của dân Hung Nô.

Con người sống trong thế gian họa phước dựa dẫm lẫn nhau. Tiêu Sơn[719] do chết dưới tay kẻ quyền gian mà danh được rền khắp vũ trụ. Nếu không mắc cái họa này, hễ được đắc chí, nhất định sẽ diệt Phật thì đối với đất nước, đối với chính mình đều bất lợi lớn lao. Vì sao biết thế? Ông ta làm Điển sứ tại Địch Đạo[720] vì dân tạo điều lợi, trừ điều tệ, thói tệ mấy trăm năm đều trừ sạch. Niên Phổ của ông ta chép (trong thời gian làm Điển sứ), dân chúng nơi ấy (tức huyện Địch Đạo) thích lễ Phật, thắp hương, ngay cả kẻ làm quan vẫn có người làm như vậy, bởi thế ông ta bèn nghiêm cấm. Thoạt đầu nại cớ bất tiện, không lâu sau thì ai nấy đều biết ông ta là kẻ "sùng chánh, ghét tăng"[721]. Ông ta làm Điển sứ tại Địch Đạo chưa đầy một năm mà còn như thế, nếu làm Tể tướng há chẳng thể không thực hiện chuyện diệt Phật giáo lớn lao ư?

Chuyện diệt Phật nếu thành sẽ có quan hệ lớn lao đối với xã tắc, chứ không phải chết đi sẽ đọa trong địa ngục A-tỳ mà thôi! Thời Gia Tĩnh, triều đình một mực ưa chuộng Đạo giáo, ghét Phật giáo. Nếu trọng dụng Tiêu Sơn, đích xác ông ta sẽ vì nước, vì dân, hưng khởi điều lợi, trừ mối tệ, nhưng do đã lậm sâu chất độc của Trình - Chu ắt sẽ coi diệt Phật giáo là công đức bậc nhất rồi dốc chí mạnh mẽ thực hiện vậy.

Tiêu Sơn hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật, nhưng trong Niên Phổ đã chép khi ông ta thọ hình trọn chẳng biết đến đau khổ. Người thiếp của ông ta là bà X… niệm Quán Âm, chắc là được Quán Âm gia bị mà ra, cho nên bị cực hình mà chẳng đau khổ. Đấy cũng là do lương tâm phát hiện. Vợ ông ta cũng chẳng biết Phật pháp, dâng sớ xin chết thay cho chồng, chính mình và hai đứa con đều không nhắc tới niệm Phật một chữ nào. Con người sắp chết, lời nói ắt lành. Nếu dựa trên

---

[719] Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành, tỉnh Hà Bắc, làm quan nhà Minh nhằm thời Gia Tĩnh. Ông tánh tình thẳng thắn, cương nghị, không xu nịnh, làm quan đến chức Thị lang Bộ binh. Khi quân Thát Đát (Tartar) xâm nhập biên giới cướp phá, Hàm Ninh Hầu Cừu Loan dâng sớ xin triều đình mở chợ buôn bán ngựa với bọn Thát Đát để xoa dịu quân cướp. Kế Thịnh dâng sớ đàn hặc, nhưng gian thần Nghiêm Tung bênh vực Cừu Loan, sàm tấu với vua, nên Kế Thịnh bị giáng chức làm Điển sứ tại Địch Đạo. Sau đó, ông lại dâng sớ đàn hặc, xin vua tru diệt gian thần Nghiêm Tung, chỉ đích danh Nghiêm Tung phạm năm tội gian, mười đại tội. Nghiêm Tung bèn giả mạo thánh chỉ, tống giam Kế Thịnh vào ngục, phạt đánh một trăm trượng, cắt đứt gân cốt, bêu xác ngoài chợ. Lúc sắp chết, ông ung dung đọc thơ: *"Hạo khí hoàn thái hư, đan tâm chiếu thiên cổ"* (khí thiêng trả lại hư không, tấm lòng son sắt chiếu ngời ngàn năm). Mười hai năm sau, khi Minh Mục Tông lên ngôi, ông mới được minh oan, được phong thụy hiệu là Trung Mẫn.

[720] Địch Đạo là tên cổ của huyện Lâm Thao, tỉnh Cam Túc. Điển sứ là một chức quan văn khá nhỏ được thiết lập từ đời Nguyên, dưới quyền Huyện lệnh, chuyên đảm nhiệm việc truy nã, trông coi nhà giam.

[721] Nho gia thường coi đạo Nho là chánh đạo, còn các tôn giáo khác là tà, nên người đề cao độc tôn đạo Nho thường tự xưng là "sùng chánh" (tôn sùng điều chánh đáng).

tâm hạnh của Tiêu Sơn thì lẽ ra ông ta phải rất ghét người thiếp ngu mê thì mới hợp với tâm ông ta vậy. Ông ta đã cảm kích người thiếp niệm Quán Âm, há đâu lại nghiêm cấm dân chúng thắp hương lễ Phật? Đủ biết là tuy ông ta không tin Phật, nhưng đến khi đại nạn xảy tới, trong lương tâm cũng thốt ra lời tin tưởng. Học thuyết khiến con người bị lầm lạc lắm thay! Bởi lẽ với thiên tư của Tiêu Sơn, nếu nghiên cứu Phật pháp đến mức cùng tận, há lẽ nào chỉ cống hiến cho nước, cho dân, cho thân như thế mà thôi!

Ông đã làm thơ, viết kệ khuyên người sao chẳng dùng chánh vận[722], lại dùng âm vận của đất Mân (Phước Kiến), nhưng vẫn chẳng chịu thay đổi thì gởi cho tôi để làm gì? Hơn nữa, ông lại ghép hai chữ Ấn Quang để làm câu đối, chẳng ngại làm cho thật nhiều là vì muốn gì đây? Ông đem gởi những câu đối ấy cho tôi để biểu thị lòng thành của ông hay là làm trò con nít đùa bỡn vậy? Lấy tên ghép thành câu đối và làm kệ[723] là thói quen của cõi tục trong đời gần đây. Ông hãy nên làm những chuyện chánh đáng theo lẽ thường, chớ đừng không có chuyện gì bèn bới ra chuyện để làm. Há lẽ nào Quang lại vui thích vì được ông tâng bốc như thế ấy?

Tấm lòng lợi người lợi vật của ông quả thật là khó có, nhưng chẳng biết sự vụ. Sợ rằng nếu không nói toạc ra, chắc sau này ông sẽ càng thêm chấp trước, ắt sẽ đến nỗi không làm người được nữa. Vì thế, Quang xót cho ông do lòng thành mà chấp trước nên mới nói dài dòng một phen như thế này! Nếu cho là không đúng thì Quang là người đất Tần (Thiểm Tây), ông là người đất Mân, hai nơi cách nhau cả mấy ngàn dặm, mà người cũng chưa từng gặp mặt nhau, ông cứ làm theo chí của ông, từ nay chẳng cần phải gởi thư đến nữa để tôi khỏi phải xung đột với ông. Ông hỏi như vậy, tôi đáp như vậy! Nếu có mấy người giống như ông thì tôi sẽ mệt nhọc đến chết mất! Ông đã có Văn Sao, có sách Tịnh độ, nhưng chẳng bắt

---

[722] Chánh vận: âm điệu theo cách phát âm của tiếng Quan Thoại. Do từ thời Minh, phương âm Bắc Kinh đã được triều đình sử dụng làm ngôn ngữ chánh thức để giao thiệp trong toàn quốc, nên tiếng Bắc Kinh được gọi là Quan Thoại, rồi về sau này gọi là tiếng Phổ Thông (Phổ Thông thoại) hoặc Quốc Ngữ.

[723] Tức là lối thơ hay câu đối mà người Việt thường gọi là khoán thủ. Chẳng hạn câu đối thì chữ đầu trong vế trên là Ấn, chữ đầu trong vế dưới là Quang (hoặc tên người nào khác mình muốn tâng bốc). Khi làm thơ tứ cú thì chữ đầu của mỗi câu sẽ ghép thành tên người được xưng tụng. Thông thường những bài thơ làm theo kiểu này ít khi nào hay được vì gượng ép và chuyên dùng để tâng bốc. Các đàn cầu cơ của ngoại đạo cũng hay dùng lối thơ này để xưng tên khi giáng đàn cầu cơ. Chẳng hạn trong một buổi xoay cơ tại hải ngoại, một linh quỷ giáng đàn mạo danh Thích-ca Mâu-ni Phật đã cho một bài thơ khoán thủ xưng tên như sau: "**Bổn** tánh từ-bi mới trọn lành, **Sư** đệ phăng tầm rõ trược thanh, **Thích** Đạo cũng là chung một gốc, **Ca** tụng đức dày đấng liệt oanh. **Mâu** thuẫn cuộc đời toan cấu xé, **Ni** tăng ngộ giác khá học hành, **Phật** pháp cổ truyền đường chánh-giác, **Giáng** trần miêu tỏa phép luyện phanh."

chước theo những thứ ấy, cứ hướng về tôi để chọn lấy những lời lẽ ngoài miệng hoặc nơi ngòi bút. Nếu tôi có thể hiện khắp các sắc thân thì cố nhiên không trở ngại gì; nếu không, chắc là ông chưa được lợi ích mà tôi đã chết trước vì nhọc nhằn rồi. Nếu mai sau vẫn cứ lôi thôi như thế này, tôi sẽ không trả lời nữa đâu!

691. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)

Chuyện buôn bán hương dễ vun bồi phước nhất mà cũng dễ tạo nghiệp nhất! Chế tạo hương không tinh khiết, ganh đua trang hoàng cho mới lạ: Đem hình tượng Phật, Bồ-tát in trên tờ hướng dẫn cũng như in trên hộp đựng hương. Lại còn đem hình tượng Phật, Bồ-tát gắn vào chính giữa vòng nhang, kẻ vô tri đua nhau mua sắm. Cái tội khinh nhờn kể sao cho xiết? Tờ hướng dẫn, hộp đựng hương bị người ta dùng xong tùy tiện vứt đi. Cầu lợi như vậy, tôi sợ là chẳng những con cháu tuyệt diệt mà còn sợ khi kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ, bởi đã phát khởi lòng khinh nhờn hình tượng Phật, Bồ-tát cho cả ta lẫn người, khiến cho người kính Phật cũng mắc đại tội, huống là kẻ chẳng có lòng tin ư?

Bốn mặt một hộp hương nhỏ của tiệm hương X… ở Thượng Hải có in hình năm mươi mấy vị Phật; năm ngoái Quang trông thấy liền gởi thư cho ông chủ, chưa được trả lời. Trong mùa xuân, tiệm hương X… nọ ở Hạ Môn cậy một vị cư sĩ xin Quang viết chữ. Do mục lực lẫn tinh thần không đủ, tôi chỉ đề bốn chữ. Họ nói có gởi hương tới theo đường bưu điện. Thư nhận được mấy hôm rồi hương mới được gởi tới. Hương có tới mấy loại nhưng đều chẳng ngửi được! Ấy là vì họ chỉ cốt sao có mùi thơm, chẳng cần biết vật liệu chế tạo hương là sạch hay nhơ. Chớ nên đốt hương Ấn Độ, vì họ bỏ thêm chất xạ[724] vào hương, chẳng những mùi hương ấy khiến cho người ta ngầy ngật, mà sợ rằng còn khiến cho hoa quả, phụ nữ có thai sẽ do vậy mà bị rụng hoa, đọa thai nữa! Những kẻ buôn bán loại hương ấy gây tội nghiệp lớn lao chẳng thể nào kể xiết. Họ vẫn cứ lấy đó làm điều đắc ý! Trước kia, Quang đã nói đại lược những khuyết điểm ấy với tiệm hương X… ở Hạ Môn, chẳng biết họ có chịu nghe theo hay không? Tuy ông muốn theo đuổi nghề buôn bán ấy, sợ rằng hoàn toàn chẳng biết đến thói tệ đó. Dẫu được lợi nhưng sẽ mắc tội xiết bao!

[724] Xạ (musk deer) là một loại hươu nhỏ có mùi thơm, có tên khoa học là moschus moschiferus linnaeus, chủ yếu sống ở vùng Trung Á. Chiều dài từ 80 cm đến một mét, cao từ 50 đến 70 cm, nặng trong khoảng 7 đến 17kg, chân mập và ngắn thích hợp cho việc leo trèo trong địa hình hiểm trở. Chỉ riêng con đực có tuyến tiết ra chất thơm nằm giữa bộ phận sinh dục và rốn, mùi thơm này chủ yếu dùng để thu hút con cái trong mùa giao phối cũng như để đánh dấu lãnh thổ của từng con đực. Mùi thơm này rất nồng, có thể dùng để chế nước hoa và hương liệu (thường gọi là xạ hương) nên hươu xạ bị săn bắt tàn nhẫn, gần như tuyệt chủng.

692. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)

Quả ắt phải có nhân, chớ nên oán trời trách người. Quân tử hành xử theo đúng địa vị, nếu phú quý sẽ sống theo hoàn cảnh phú quý, người phú quý có tài lực lẫn thế lực sẽ dùng tài lực và thế lực của chính mình để lợi người lợi vật. Gặp cảnh nghèo hèn sẽ sống theo cảnh nghèo hèn. Xưa vốn phú quý nay đã nghèo hèn thì cần kiệm, bớt tiêu dùng, giống như từ trước đến giờ vốn là kẻ nghèo hèn. Sống ở nơi Di Địch[725] thì hành xử theo kiểu Di Địch. Nếu gặp nhằm đời loạn, phải bỏ nhà tỵ nạn, ở nơi xa xôi, hoang vu, cũng sẽ sống như người ở nơi hoang vu. Gặp cảnh hoạn nạn bèn xử sự theo cảnh hoạn nạn. Đã gặp phải những chuyện lo buồn, tai nạn thì vẫn chẳng oán hờn, cứ chấp nhận giống như chính mình đáng phải hứng chịu nỗi lo buồn, tai nạn ấy. Do vậy, quân tử không khi nào chẳng vui theo mạng trời, trong lòng thản nhiên.

Ông đã nghèo rồi mà vẫn mong tưởng làm ra vẻ kẻ cả như trước kia ắt sẽ phải lo lắng, mệt nhọc chẳng kham được! Sợ rằng sẽ do vậy mà trở thành bệnh nặng tàn phế, hoặc đến nỗi mất mạng. Đấy chính là vẫn hiềm nỗi khổ do túc nghiệp cảm thành còn quá nhỏ đấy, chính mình chẳng chịu quên bẵng những cảnh tượng xưa kia, oan uổng hứng chịu lo âu nhọc nhằn, khiến cho nỗi khổ càng thêm lớn lao, chẳng những vô ích mà ngược lại còn bị tổn hại to lớn.

Hãy thử nghĩ: Người trong thiên hạ những kẻ khổ hơn ta chẳng biết nhiều gấp mấy ngàn lần? Ta may mắn nửa đời người vẫn còn tốt đẹp, nay tuy chẳng tốt đẹp, nhưng vẫn còn hơn những người cuộc sống chẳng tốt đẹp nhiều lắm. Nam nữ trong thế gian làm tôi tớ cho kẻ khác rất nhiều! Chuyện gì cũng phải đích thân làm, đấy chính là bổn phận trong đời người. Dẫu làm tôi tớ cho kẻ khác thì chỉ cần ta chẳng mang bụng dạ xấu, chẳng làm chuyện xấu thì cũng rất có thể diện. Nếu chính mình sử dụng người khác thì cảm thấy rất vinh diệu, còn nếu chính mình phải phục dịch người khác thì lại cảm thấy rất tủi nhục. Đấy chính là suy nghĩ của kẻ trượng phu hèn hạ trong thế gian. Nếu là bậc đại quân tử thì phú quý chẳng dâm dật, tuy nghèo hèn vẫn chẳng thay đổi chí hướng, an vui trong mọi cảnh ngộ, dẫu phú quý vẫn giữ bổn phận của kẻ nghèo hèn; dẫu nghèo hèn vẫn cảm thấy chẳng thiếu sót, áy náy gì.

Ông là người học Phật may mắn có tiền, vẫn cứ lầm lạc muốn được phát tài lớn, bắt chước chế hương Ấn Độ. Loại hương ấy có tội lỗi, Quang trọn chẳng đốt. Điều này cho thấy ông chẳng khéo biết sống trong cảnh giàu. Nay gia cảnh đã nghèo nàn, lại chẳng làm một chuyện gì, cứ lầm lạc mơ tưởng cảnh giàu sang

[725] Từ thời cổ người Trung Hoa tự xưng là Hoa Hạ, gọi những dân tộc sống ở ngoài biên cương phía Đông Trung Hoa là Di, còn những dân sống giáp ranh phía Bắc Trung Hoa là Địch.

thuở trước, điều này cũng cho thấy ông chẳng khéo biết sống trong cảnh nghèo nàn. Nếu ông quên được cảnh giàu thuở trước lẫn cảnh nghèo sau này, Quang bảo đảm ông nhất định sẽ niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Nếu không, sẽ khó khỏi đời sau còn khổ sở hơn đời này nữa đấy!

693. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao

Gã X… đến đất Tần (Thiểm Tây) có quan hệ rất lớn, nếu hắn ta băng thanh ngọc khiết (trong trắng như băng, sạch như ngọc), noi theo quy củ thì quá nửa người đất Tần sẽ bị đoạn mất thiện căn. May mắn là hắn ta đã bộc lộ toàn thể tham sân si, bị người đất Tần miệt thị cho nên không ai chịu tin theo những gì hắn ta nói. Ông gởi thư hỏi những điều hắn chẳng thể biết được nên hắn trọn chẳng thể viết thư trả lời. May là ông gởi thư hỏi, chứ nếu không, hắn sẽ cho rằng đất Tần không có ai. Biết thì không khó, làm được mới là khó! Hắn hoàn toàn tin tưởng Quang, nhưng do hiểu lầm ý nghĩa một lá thư liền trở thành phản đối, đủ biết hắn không có tín tâm chân thật, chưa sanh được nhẫn nhục mà sân hận đã lừng lẫy, chẳng đáng buồn ư?

Quang làm người không có gì là được hay không được, người đến chẳng cự tuyệt, người đi chẳng đuổi theo. Đến hay đi mặc họ, chẳng can dự gì đến tôi. Năm nay công việc hết sức bận bịu, không rảnh rỗi để trở về đất Tần. Bởi lẽ, nếu trở về đất Tần thì Đại Sĩ Tụng, Phổ Đà Sơn Chí đều không có người giảo chánh, đối chiếu, lo toan. Huống chi còn có chuyện chùa Pháp Vân ở Nam Kinh lập thêm viện mồ côi, cụ Phùng Mộng, Vương Nhất Đình v.v. đều lôi Quang gia nhập để góp phần náo nhiệt, nhưng may mắn là Quang không có tâm tham. Nếu hơi có tâm tham danh, chắc danh vị "khai sơn đời thứ nhất" của chùa Pháp Vân há chịu nhường cho người khác! Nhưng Quang xem danh vị ấy hệt như tù nhân trong nhà giam, chỉ sợ lỡ bị ràng buộc vào đấy.

Đối với Tướng tông, ông khá thông hiểu, nhưng nhờ vào đấy để chiết phục lũ ngông cuồng khiến chúng hồi hướng Tịnh độ thì được, chứ nếu chuyên nhất dụng tâm nơi ấy, đem tín nguyện niệm Phật vứt ra sau ót, sợ sẽ thường làm chủ nhân trong thế giới Sa-bà đấy nhé! Bởi lẽ Sa-bà là do chính mình có, cũng rất có tiếng tăm lớn, nhưng bị Sa-bà trói buộc chẳng được tự tại thì chẳng thà không có còn hay hơn. Vị pháp sư X… học vấn khá cao nhưng tánh tình lại ham cao chuộng xa, chẳng biết tùy thuận kẻ sơ cơ thì người nghe do không lãnh hội được ý nghĩa lời vị pháp sư ấy dạy nên lợi ích sẽ nhỏ nhoi lắm.

Văn Sao đã in ra sách, nghe nói 900 bộ của Hùng Đại Minh đã gởi đi hết rồi (gởi cho một người bạn ở Hà Nam 500 bộ, gởi sang Thiểm Tây 400 bộ), chẳng

biết họ đã nhận được hay chưa? Ông ta có hai ngàn bộ sách, Quang tính khi nào bình yên hơn một chút sẽ gởi hết số sách của ông ta sang Thiểm Tây. Một là để việc pháp thí của Đại Minh được rộng khắp, hai là nhằm tỏ bày tình cảm của Ấn Quang đối với quê hương. Nếu ai muốn xem, hãy nên hỏi từ chỗ Đại Minh, sợ rằng trong nhất thời sẽ khó gởi đến được.

Quang chẳng thể can dự vào quy ước ở Chung Nam, bởi lẽ con người hiện thời bất luận chuyện gì cũng đều chỉ coi như một trang quy ước sáo rỗng. Nếu có thể tuân theo được một nửa thì đã là muôn phần may mắn rồi, cố nhiên Quang biết thói tệ hại chẳng dễ trừ sạch nên trọn chẳng can dự vào. Trung Hoa Tân Báo đã muốn đăng kèm thêm Phật học, phàm những truyện tiểu thuyết khơi dâm, gợi dối, lẽ ra đừng đăng tải thì quốc dân mới được hưởng ích lợi thật sự. Nếu như chỉ mong thích hợp với thị hiếu của hạng hạ lưu trong xã hội thì tăng thêm một phần báo cố nhiên chẳng bằng giảm đi một phần báo vậy.

Người dân đất Tần chờ đợi được cứu trợ hết sức tha thiết, dẫu tiền cứu trợ đến mấy chục vạn vẫn trọn chẳng thể tạo ân huệ thật sự. Dẫu cho mọi người đóng góp đôi chút được bao nhiêu đó, há có thể bảo đảm những kẻ lo liệu phát chẩn ai nấy đều phát xuất từ tấm lòng lo cho việc công, chẳng dính dáng thói tệ hay chăng? Ấy chính là do định nghiệp của người dân đất Tần xui khiến, cũng chẳng đáng buồn sao?

Quang cũng là dân đất Tần, nghe tình trạng thê thảm ấy chẳng thể không đau thương, nay đem món tiền một trăm đồng vốn dùng để lưu thông Văn Sao góp vào chi phí cứu trợ. Xin hãy đem thư này đến chùa Thái Bình ở bến Trần Gia trong thành để nhận tiền từ đại hòa thượng Chân Đạt. Lời tựa cho Trung Hoa Tân Báo sẽ gởi tới trong tuần lễ đầu tiên của tháng 3. Hiện thời do phải giảo duyệt Văn Sao nên trọn chẳng có lúc nào rảnh rỗi cả, bản in thử của Văn Sao gởi đến đã hai mươi mấy ngày rồi, nhưng gặp phải kỳ dâng hương công chuyện rất bận bịu nên phải để chậm trễ đến hôm nay.

Đối với lời đề từ cho tập sách kỷ niệm lệnh từ[726] thì đã có các bậc danh nhân viết rồi, Quang lại đi theo một đường riêng, lời lẽ dường như phù phiếm, nhưng ý khá thiết tha, chân thật, chẳng biết có dùng được hay không, nếu chẳng muốn dùng thì cũng không trở ngại gì. Quang thấy con người hiện thời đối với chuyện phụng sự cha mẹ đều nói suông là đã kể như xong chuyện, chứ thật khó tìm được kẻ nào gắng sức tu trì. Thuở trước, những hành vi của ông đều phạm phải lỗi lầm to lớn, nay hãy nên gắng hết sức tu trì thật sự hòng bù đắp. Nếu chỉ chuộng những

[726] Đây chính là bài "Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mẫu Vãng Sanh Kỷ Niệm San" trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tạp Trước.

lời lẽ bóng bẩy, rỗng tuếch nhằm sướng tai khoái mắt người khác, đâm ra người ta sẽ chê trách lỗi cũ rồi trách tội. Dẫu có lừa được người khác, há có lừa được tự tâm hay chăng? Chẳng thể lừa tự tâm được, vì thế thiên địa quỷ thần đều chẳng thể lừa, huống là Phật Bồ-tát ư? Vì tự tâm dung nhiếp với Phật Bồ-tát, thiên địa quỷ thần vậy! Từ nay, chuyện gì cũng nên cầu chân thật, tâm tâm tự phản tỉnh thì lòng sẽ ngay thẳng vì đạo, hợp với Như Lai, sẽ tự có thể cảm ứng đạo giao, sống được Phật Bồ-tát gia bị, mất được ngài tiếp dẫn vậy.

694. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Những lời Quang nói phần lớn giống như lời lẽ của kẻ bộ hành teo chân, nếu khách đi đường chẳng vì kẻ teo chân ấy không đi được mà chê bỏ, thì chẳng ngại gì theo con đường do kẻ không thể đi được một bước ấy đã chỉ dẫn để được về ngồi yên trong nhà.

Trong đời trước, lệnh từ đã có nhân duyên lớn với Tịnh độ, hãy nên đem sự lý chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh độ để khuyên nhủ ngõ hầu cụ biến hết công đức làm việc từ thiện lẫn công đức tụng kinh thành tư lương vãng sanh, quyết định giã biệt dòng phàm, cao dự thánh hội. Há có sự tôn kính, hiếu thảo với cha mẹ trong cõi đời nào hơn được chuyện này? Thành tựu một người vãng sanh tức là thành tựu một phàm phu làm Phật, há chẳng dốc hết sức khuyên nhủ đấng sanh ra ta để họ ắt được thỏa sở nguyện ư?

Người bạn họ Từ bẩm tánh thuần hậu, thành khẩn, tiếc là chưa hiểu rõ về mặt lý nên dùng tri kiến của phàm phu để lầm lạc suy lường trí Phật. Ông ta nói được kim đan, đắc thần thông, thấy mẹ cũng được sanh vào cõi trời hay trong cõi người thì mới chịu cùng với mẹ sanh về Tây Phương! Trong thời khắc ấy, nếu chỉ riêng mình ông ta được vãng sanh thì trong tâm sẽ chẳng thể cam lòng. Ý ấy tuy tốt lành, nhưng xét về mặt sự lại chẳng khác gì chính mình đang chìm dưới giếng lại toan cứu người cho mấy. Một là vì ít xem kinh luận Tịnh độ, hai là chưa qua lại với tri thức Tịnh độ, cho nên mới có ý kiến ngu muội không thông suốt như thế.

Phàm những bậc danh nhân tăng tục xưa nay đã dùng tụng kinh niệm Phật để cứu vớt vong linh những kẻ cô quạnh kể sao cho xiết. Chưa chắc ông Từ chẳng hề nghe chuyện ấy. Trong trang 58, 59 của quyển bốn sách Lạc Bang Văn Loại[727] có đến hai lượt chép chuyện "lâm chung thỉnh tăng niệm Phật liền được vãng

[727] Lạc Bang Văn Loại gồm năm quyển do Tông Hiểu (1151-1214) soạn xong vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200) dưới thời Nam Tống. Sách này tổng hợp những đoạn văn trọng yếu từ các kinh luận Tịnh độ, trước tác, thi kệ, truyện ký v.v. của các vị tổ, có đến hơn 220 thiên. Về sau, Tông Hiểu lại soạn tiếp bộ Tục Lạc Bang Di Cảo (hai quyển) để chép tiếp về những kinh sách chưa được nhắc tới trong bộ Lạc Bang Văn Loại.

sanh". Điều này khiến cho các vị đại lão trong nhà Thiền phát tâm niệm Phật. Đủ biết lòng từ rộng lớn của đức Phật, hễ có nguyện ắt ngài sẽ thuận theo. Vì thế chẳng cần biết là đã tu lâu hay mới tu, Phật đều bình đẳng rủ lòng nhiếp thọ.

Kẻ vãng sanh hạ phẩm hạ sanh trong Quán kinh chính là kẻ trọn đủ ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung tướng địa ngục đã hiện, nhưng gặp được thiện tri thức dạy niệm danh hiệu Phật, kẻ ấy bèn niệm mười tiếng hoặc mấy tiếng rồi liền mạng chung nhưng vẫn được vãng sanh. Nay đã sẵn cái tâm thuần hiếu, kính trọng, ngưỡng mộ cha mẹ, nếu có thể phát hoằng thệ nguyện xưng niệm danh hiệu Phật (Trong tứ hoằng thệ nguyện, ắt phải thề khắp vì chúng sanh trong pháp giới. Nếu chẳng phát cái tâm ấy thì chính là tình kiến phàm phu, chẳng dễ gì cảm thông được). Dùng công đức ấy để tiêu trừ tội nghiệp tăng trưởng phước tuệ cho cha mẹ, cầu Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, nào cần phải đợi mẹ cùng sanh, hoặc cứ phải đợi mẹ vãng sanh trước rồi ông ta mới vãng sanh sau?

Cần biết rằng, lợi ích của pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột. Ông Từ là hạng người nào? Chắc là không hiểu biết nên mới nẩy sanh ý kiến ngu muội chẳng hợp tình ấy, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Hãy nên bảo ông ta đọc kỹ đoạn này trong Lạc Bang Văn Loại, lại còn bảo ông ta xem các sách như Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v. thì những suy đoán lầm lạc, mù quáng sẽ bị tiêu diệt hết sạch. Khi niệm Phật chẳng có mảy may cảm ứng nào là vì chẳng biết Phật lực, tâm chẳng khẩn thiết. Chẳng biết tới Phật lực là do chưa nghiên cứu sâu xa các kinh luận Tịnh độ mà ra.

Niệm Quán Thế Âm tự cảm thấy khẩn thiết là do quen nghe nói Bồ-tát tầm thanh cứu khổ. Các hạ bảo ông ta có nghiệp từ đời trước thì nói như vậy cũng khá đích xác. Đối với pháp môn Tịnh độ, nếu ông ta không bị nghiệp chướng đời trước ngăn trở thì vừa nghe sẽ liền hành ngay, đâu phải đợi người khác khuyên nhắc đôi ba lượt mà vẫn cứ coi pháp môn này như chuyện ngoài da, coi luyện đan là chủ thể ư? Nhưng nghiệp do tâm tạo, nghiệp sẽ chuyển theo tâm. Đại trượng phu sống trong thế gian há bỏ mặc cho nghiệp ràng buộc, mỗi mỗi phải nghe theo mệnh lệnh của nó ư? Nếu ông Từ là kẻ như thế thì vừa nghe lời này ắt sẽ như thấy mẹ té vào lửa, nước, sẽ gấp rút cầu vị có đại thế lực là A-di-đà Phật cứu giúp. Há lẽ nào lại chịu thong dong luyện đan, đợi đến khi thành tựu, đầy đủ thần thông rồi mới cầu A-di-đà Phật tiếp dẫn hay chăng?

Pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, chứ không phải pháp này chỉ thích hợp cho kẻ hạ căn. Kẻ hạ căn chẳng thể tu pháp khác được, chứ đối với pháp này cố nhiên không một ai chẳng thể tu được, do vậy pháp này là pháp môn phổ độ từ bi

lớn nhất của đức Như Lai. Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là phương cách dễ dàng, nhưng pháp nhiếp tâm chỉ có xoay cái nghe trở lại quả thật là bậc nhất. Các hạ thiên tư thông minh, mẫn tiệp, chẳng lấy Thiền, Giáo để tự cao, lại chuyên tâm niệm Phật, đủ thấy trong đời trước đã có đại nhân duyên đối với pháp môn này. Chẳng những các hạ sẽ được lợi ích thật sự ngay trong đời này mà còn khiến cho lệnh từ lẫn quyến thuộc cả nhà đều được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, đáng gọi là "ưu-đàm vượt ngoài kiếp[728], hoa sen trong lửa đỏ", khôn ngăn khâm phục!

Các hạ nói tập khí quá mạnh, Quang chẳng biết là các hạ nói đến thứ nào? Ăn uống, nam nữ là những thứ ham muốn lớn lao con người thường có. Các hạ đã ăn chay trường, dứt ăn mặn, quyết chẳng đến nỗi vướng mắc tập khí ăn uống. Đối với nữ sắc, chắc cũng chẳng đến nỗi dính dấp những chuyện trái lẽ. Nếu dục tâm chẳng thể chế ngự được ngay, chỉ nên thường quán bất tịnh thì dục tâm sẽ tự tiêu.

Quán bất tịnh danh tướng thật nhiều, quán cặn kẽ từng thứ một chính là công phu của kẻ chuyên tu pháp quán tưởng này. Chúng ta chẳng chuyên thực hiện công phu ấy thì cứ quán sơ sài cho đỡ tốn sức. Chẳng hạn như khi thấy sắc đẹp, do yêu mến liền nẩy sanh lòng dục, thì đối với sắc đẹp gợi lòng yêu mến ấy liền quán chẳng qua là ta bị vẻ tươi đẹp của một lớp da mỏng gạt gẫm, thử bóc lớp da mỏng tươi đẹp ấy đi, dẫu tâm yêu thương nồng nàn đến mấy cũng sẽ chuyển thành hoảng sợ, chán ghét. Cái tâm yêu thương trước kia trọn chẳng còn tơ hào gì nữa. Tiến hơn bước nữa là quán những thứ như máu, thịt, phân, tiểu v.v. trọn chẳng khác gì tử thi, nhà xí, tuy đầy đủ trang nghiêm, nhưng nhìn thẳng xuống phía dưới đáy sẽ thấy rất kinh tởm. Quán được như thế sẽ chẳng thấy lớp da mỏng tươi đẹp nữa, chỉ thấy trong ngoài trọn đủ 36 món vật bất tịnh. Cổ nhân nói: "Quán không lâu ngày, chẳng thấy trọn người." Quang bảo: "Quán được như thế thì sẽ chẳng thấy người, chỉ thấy những món bất tịnh ấy mà thôi!"

---

[728] Ưu-đàm, gọi đủ là hoa ưu-đàm-bát-la (udumbara), đôi khi còn được phiên là ô-đàm-bát-la, uất-đàm, hoặc hoa đàm. Dịch nghĩa là hoa linh thụy, hoa không khởi, hoa khởi không. Theo Phật Quang Từ Điển, hoa ưu-đàm vốn là hoa của một loại cây thuộc họ sung, có tên khoa học là ficus glomerata, thường thấy mọc ở ven Hy Mã Lạp Sơn, hoặc cao nguyên Deccan. Cây có hai loại hoa đực và cái riêng biệt, mỗi khi hoa nở cánh hoa xòe to bằng bàn tay, mỗi lần trổ hoa là trổ cả chùm gồm mười mấy đóa, rất hiếm khi thấy; vì thế người ta thường nói: "Cả ngàn năm ưu-đàm mới trổ hoa một lần!" Tuy vậy, sách Huệ Lâm Âm Nghĩa cho rằng hoa ưu-đàm được nói trong kinh là một loại hoa cõi trời, trong nhân gian không có. Khi đức Như Lai giáng sanh, hoa ưu-đàm mới nở. Xét ra, hiểu theo cách giải thích của Huệ Lâm Âm Nghĩa hợp lý hơn, chứ nếu hiểu ưu-đàm giống hoa cây sung như vừa mới nói thì hoa ưu-đàm cũng đâu có gì đặc biệt cho lắm để sánh ví với sự ra đời của đức Phật. "Ưu-đàm vượt ngoài kiếp" có nghĩa là hiếm hoi, phải mất một thời gian nhiều hơn một kiếp mới lại được thấy hoa đàm.

Nếu tập khí sân hận quá mạnh, hãy nên thường giữ tấm lòng nghĩ thương hết thảy. Phàm gặp chuyện chẳng vừa ý, thảy đều thông cảm cho người khác, vun bồi sâu xa lòng từ của chính mình thì oán hờn chẳng khởi, nhân ái thường hiện hữu, tập khí sân hận sẽ biến mất chẳng còn nữa. Đấy là những tập khí lớn lao của người đời, những tập khí lớn đã chế phục được thì những tập khí nhỏ cũng chẳng có cách nào sanh khởi được. Nhất tâm niệm Phật thì trời trong đất yên, trọn chẳng có hơi hướng bụi bặm gì. Bài thơ đẹp đẽ của ông thanh vận réo rắt, tiếc là đem phàm lạm thánh đến nỗi chẳng phù hợp với đề tài, 40 năm qua Quang đã đoạn tuyệt chuyện này (nhằm dứt thói tệ trong tâm thường cân nhắc chọn lựa từ ngữ vậy). Vì thế chẳng thể họa được.

695. Thư trả lời cư sĩ Lưu Quán Thiện (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư và tác phẩm Truyền Tâm Vựng Lục của lệnh từ, đọc xong khôn ngăn cảm thán chẳng ngơi! Quang thường nói vùi lấp, loạn lạc là do trong gia đình thiếu giáo dục mà ra. Dạy con cố nhiên là chuyện khẩn yếu nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn. Bởi lẽ, nếu con gái được khéo dạy thì sẽ thành tựu tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh), giúp chồng dạy con, ngõ hầu đứa con nào có thiên tư sẽ thành tựu học vấn, phẩm cách của bậc thánh hiền, ngay cả những đứa không có thiên tư ắt cũng làm một người dân lành giữ trọn bổn phận.

Nếu con gái không được dạy dỗ, chẳng những nó không thể giúp chồng dạy con, mà còn đối với nghĩa, đối với đạo sẽ dạy con làm điều sai trái, dạy con làm ác. Phàm những tên đại gian đại ác xưa nay đều chẳng phải do mẹ hiền sanh ra! Muốn gia đình hưng thịnh, đất nước bình trị thì phải khởi đầu từ nuôi dạy con cái, đấy là đạo để giải quyết vấn đề từ căn bản.

Trong mùa xuân, tôi thấy các hạ xuất thân từ nơi phú quý, tuy còn trẻ mà đã già dặn, dẫu sống ở Thượng Hải mà chí hâm mộ chân tu, nghĩ rằng sự giáo dục trong gia đình các hạ ắt phải vượt trỗi những nhà phú quý tầm thường. Nay thấy sự thuần hiếu, tiết tháo khắc khổ của lệnh từ thì há có phải riêng gì các hạ là người được chuyển biến do thân cận ánh sáng tốt lành ấy, mà ngay cả ngàn trăm năm sau, những ai thấy nghe đức đẹp, khuôn mẫu tốt lành của cụ cũng sẽ chuyển biến. Tiếc cho những kẻ bàn bạc, tìm tòi lẽ trị an trong cõi đời cứ vứt bỏ đạo của thánh hiền để tôn sùng pháp của kẻ man di, chẳng biết đến cái gốc, làm sao chữa được cái ngọn, đến nỗi càng muốn trị càng loạn thêm. Dẫu thánh hiền xuất thế cũng rốt cuộc chẳng biết làm sao được! Vẫn mong các hạ nói với những người cùng hàng về những điều này thì những điều này cũng chưa hề chẳng giúp cho việc "vun vén cái gốc, đặt nặng luân thường, tề gia trị quốc" vậy. Lệnh từ đã trọn vẹn đức hạnh của phái nữ, điều thiếu sót là chưa được nghe biết pháp môn Tịnh độ mà

thôi. Xin các hạ trong lúc hồi hướng sáng tối, hãy thay cụ hồi hướng cho cụ được vãng sanh thì sẽ đáng gọi là "hiếu thảo lớn lao, tôn kính cha mẹ" vậy.

Sách chú giải kinh Pháp Hoa có mấy loại được lưu truyền, nhưng trong những sách giảng về những nghĩa quan trọng thì nên lấy Pháp Hoa Hội Nghĩa làm đầu, còn giải thích kinh văn thì sách Pháp Hoa Chỉ Chưởng giảng cặn kẽ nhất. Ba bộ Hội Nghĩa, Khoa Chú, Nhập Sớ đều noi theo bộ Pháp Hoa Văn Cú để giảng giải, nhưng những chỗ nêu tỏ của đại sư Ngẫu Ích vượt xa các vị sư khác. Nếu muốn được lợi ích thật sự, hãy nên lấy những lời Quang đã nói trong lần trước làm điều chủ yếu để tuân hành.

Lệnh từ đã khuất, khó thể khuyến khích cụ tu tịnh nghiệp được, chỉ có thể thay mặt hồi hướng cho cụ. Mẹ ruột ông[729] đã có tín tâm há chẳng nên thường giảng bàn hằng ngày để mong cho cụ sẽ được cao đăng phẩm sen hay sao? Làm con báo đáp cha mẹ hay độ sanh đều phải coi cách này là bậc nhất. Xin ông hãy gắng sức thì may mắn lắm thay!

696. Thư trả lời hòa thượng Nhữ Ngu

Nhận được thư từ mấy hôm trước, biết sư đã tu bổ tháp của đại sư Trí Giả, sai Quang soạn bài ký[730]. Quang chữ nghĩa vụng về, chất phác, gom góp được hơn 860 chữ, thật ra là sao lục từ các ghi chép, chứ không phải do tôi soạn ra, vì thế gọi là *thuật*. Cao Tăng Truyện, Thích Thị Kê Cổ Lược đều chép sai là ngài thọ 67 tuổi. Vì thế, niên hiệu hoàng đế, năm, tháng lúc ngài sanh ra, xuất gia, vào núi Thiên Thai, cho đến khi viên tịch, mỗi mỗi đều chép lại đầy đủ để làm chứng cứ hầu dứt trừ lòng nghi. Đại sư hoằng pháp mấy chục năm, làm sao thuật trọn cho được? Vì thế chỉ lược thuật những nghĩa trọng yếu như ngài phán giáo, truyền tâm và hoằng dương Tịnh độ mà thôi.

Hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp chép lại bài ký ấy theo lối chữ khải, chớ nên dùng những lối chữ tục thể, phá thể, thiếp thể v.v. để tỏ rõ sự trịnh trọng. Trước hết cần phải tính đếm bao nhiêu chữ, chép thành một bản mẫu, mỗi mặt bao nhiêu hàng, mỗi hàng bao nhiêu chữ, chiếu theo cách đó để viết thì sẽ chẳng đến nỗi viết nhiều hơn hay viết ít đi. Chép xong xuôi, lại phải kiểm kỹ mấy lượt rồi mới cho dán vào đá để khắc. Nếu lỡ viết sai, dẫu nhiều hay ít, cũng không cần viết lại bản khác, chỉ xóa giặm chữ sai, còn những chữ khác cứ giữ nguyên. Đây là chữ

[729] Lệnh từ được nhắc tới trong đoạn trên là mẹ đích (miền Bắc thường hay gọi là "mẹ già"), tức vợ cả của cha. Còn mẹ ruột ông Lưu Quán Thiện là vợ lẽ, nên tổ Ấn Quang gọi mẹ ruột ông Lưu là "lệnh bổn sanh từ" (mẹ ruột).

[730] Đây chính là "Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của đại sư Trí Giả" trong phần Bi Ký thuộc quyển 5 sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên.

để khắc trên đá chứ không phải để viết trên bình phong hay câu đối mà sợ giặm xóa sẽ không đẹp mắt. Viết bản mẫu hay viết trên đá đều theo lối "cứ viết một hàng liền kiểm một hàng" ngõ hầu chẳng đến nỗi bị sai sót quá nhiều.

Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, từ nay đừng sai bảo viết lách nữa. *"Nối tiếp tông phái…"* cả 32 chữ là ước trên pháp môn Tịnh độ để nói, tuy chẳng phải là nêu tỏ lớn lao gì, nhưng cũng có thể dùng để đặt pháp danh, chẳng cần phải chú trọng tìm tòi những chữ cung kính, ý nghĩa sâu xa để làm bài kệ đặt pháp danh truyền dòng.

697. Thư trả lời cư sĩ Lý Tế Hoa

Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Thoát, nghĩa là dùng trí tuệ để thoát lìa phiền não, tu trì tịnh nghiệp. Đến khi báo tận sẽ lên thẳng cõi sen, như tù nhân thoát khỏi ngục, trở về quê nhà của chính mình. Em dâu ông là Trương Thị có pháp danh là Trí Huân, nghĩa là dùng hương công đức của Phật để tự xông ướp, lại còn xông ướp cho người khác khiến cho hết thảy những người ấy trong là quyến thuộc, ngoài là thân bằng cũng như kẻ thấy nghe đều cùng được xông ướp. Xông ướp lâu ngày thì phàm phu trược ác đều được đầy đủ mùi hương công đức giới định tuệ của Như Lai. Hoàng Bổn Nghiêm pháp danh là Tông Kính, nghiêm là nghiêm túc, tức là lòng cung kính bên trong được biểu lộ ra ngoài. Nay lại do biểu lộ lòng kính nên trong hết thảy chỗ sẽ chẳng đến nỗi có cái tâm phóng túng, tà vạy, xa xỉ. Dùng cái tâm ấy để niệm Phật thì sẽ dễ được tương ứng với Phật, ắt sẽ được vãng sanh. Đấy chính là điều đáng hâm mộ vậy.

698. Thư trả lời cư sĩ Hạng Tử Thanh

Lệnh muội đã tu tịnh nghiệp sẵn, khi lâm chung lại được chồng, con và em dâu trợ niệm, cho nên được tướng lành đảnh đầu còn ấm sau khi mất. Đáng gọi là đã có thiện căn từ đời trước, nay lại được trợ duyên, may mắn chi hơn? Lại còn cảm được chồng và em dâu đều muốn quy y Phật pháp. Đấy đúng là "người theo từng loài mà nhóm lại, vật chia ra thành từng bầy" vậy.

699. Thư trả lời cư sĩ Đức Nguyên

Hôm qua nhận được thư của pháp sư Đức Sâm, biết Đức Trinh đã qua đời vào hôm 12. Ngày ấy Phật sự không nhiều nên người trợ niệm đông đảo cũng không trở ngại gì, nếu Phật sự nhiều mà người trợ niệm đông ắt sẽ không có chỗ chứa. Đấy cũng là thiện căn của Đức Trinh xui khiến. Dẫu không có tướng lành, nhưng cũng chẳng có tướng khổ, nương theo sức trợ niệm của mọi người, chắc sẽ vãng sanh. Mạng người vô thường, lúc ông 56 tuổi đã khá yếu ớt, còm cõi. Nay đã hơn

mười mấy năm, so ra còn khỏe mạnh hơn trước. Đức Hoằng, Đức Trinh đều đã mất. Ước theo pháp thế gian để luận thì số mạng của ông rất khổ, nhưng nếu ước theo tu pháp Tịnh độ để luận thì chuyện ấy sẽ giúp ích lớn lao cho việc nhất tâm niệm Phật vãng sanh Tây Phương.

Đừng học theo kẻ ngu lầm lạc sanh lòng oán hờn, nếu oán hờn sẽ vô ích cho Đức Hoằng, Đức Trinh, mà ông cũng bị tổn hại lớn lao. Phàm những tướng khổ ấy đều nhằm thành tựu cho ông đạo liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Dẫu quyến thuộc tốt đẹp mà nếu chẳng phải là kẻ chân thật tu hành thì chuyện chướng đạo sẽ nhiều, chuyện trợ đạo ít ỏi. Vì thế, chư Phật do lấy tám sự khổ làm thầy mà được thành Vô thượng đạo. Mong ông đừng sanh lòng bi cảm, dẫu gặp cảnh ngộ nào cũng an vui. Trước kia Quang đã hồi hướng cầu cho bà ta lành bệnh, hôm qua đã hồi hướng cho bà ta được vãng sanh.

700. Thư gởi cư sĩ Trác Hoằng Vinh

Gần đây nhận được thư của lệnh lang là Trí Lập, cho biết các hạ đã hai lượt tìm được tượng Đại sĩ Quán Âm. Lần thứ nhất là mua được tượng Đại sĩ bằng đồng sắp bị nung chảy và mộng thấy kỵ binh vũ trang theo kiểu cổ, cùng giấc mộng thấy ăn bánh bao chỉ[731] của tăng sĩ, và nghe nói: "Hãy nhanh chóng gieo lòng thành tu tập chánh quả, thoát lìa biển khổ để thấy Thế Tôn." Qua mấy chuyện này, biết các hạ đã có thiện căn từ đời trước, tiếc rằng trong đời này chẳng gặp được thiện tri thức khơi gợi, cho nên đến nay vẫn hờ hững lan man, dường như có, thoạt như không, vẫn chẳng khác với trước kia cho mấy, cũng đáng cảm khái than thở lắm thay! Ấy là vì bậc sĩ đại phu nơi quý địa ít người thông hiểu pháp, không được khơi gợi hưởng lợi ích "trông theo nhau bắt chước làm lành". Nhưng ở Phước Châu gần đây người niệm Phật cũng chẳng ít, do La Khanh Đoan giới thiệu, đã gởi thư xin quy y ba bốn lượt, có đến năm sáu chục người. Huống hồ lại còn có những người xin quy y với những vị cao tăng khác.

Hiện nay các xứ đều phát khởi Niệm Phật xã, Cư sĩ lâm, chỉ riêng một huyện Vô Tích đã có hơn một trăm chỗ lập liên xã Niệm Phật. Kẻ có hiểu biết ai nấy đều gieo lòng thành để tu chánh quả nhằm mong thoát lìa biển khổ, gặp Thế Tôn.

[731] Bánh bao chỉ (nhu mễ từ) là một loại bánh làm bằng gạo nếp đem xôi lên cho chín rồi giã cho quánh thành bột dẻo như bánh dày, nhưng có nhân thường làm bằng đậu hoặc mè đen trộn với đường, rất giống với bánh mochi của Nhật. Tương truyền vào năm Khánh Nguyên thứ hai đời Nam Tống, có Trâu Ứng Long lên kinh đô ứng thí. Dân làng đưa tiễn tặng rất nhiều bánh bao chỉ. Trâu Ứng Long đi đường hễ đói liền ăn bánh, không tốn kém cho mấy, tới kinh đô vào trường thi, văn chương cuồn cuộn, liền đỗ trạng nguyên. Do vậy, dân gian còn gọi nhu mễ từ là trạng nguyên từ (bánh bao chỉ trạng nguyên).

Nhưng những người ấy chắc các hạ cũng chưa thấy nghe, hoặc họ chẳng thể phát khởi lòng tin cho các hạ được.

Nay thỉnh một vị các hạ bội phục nhất đến thuyết pháp cho các hạ, quyết các hạ trọn chẳng thể không sanh lòng kính ngưỡng, bắt chước theo. Người ấy ở ngay nơi làng xưa của các hạ, tức Văn Trung Công Lâm Tắc Từ. Cụ này học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa ngay trong thuở ấy cũng như trong đời sau, nếu không phải là kẻ mất trí điên cuồng không ai chẳng ngưỡng vọng kính mộ. Ngay trong lúc cụ bận bịu chánh sự đến tột cùng vẫn chẳng bỏ tu trì, đặc biệt đích thân cung kính chép nắn nót ba kinh Di-đà, Kim Cang, Tâm Kinh, hai bài chú Đại Bi và Vãng Sanh thành một cuốn kinh nhỏ để tiện trì tụng trong khi ngồi kiệu đi lại. Đủ biết một đại nhân vật như vậy, chánh sự hết sức bề bộn, trong lúc ngồi xe đi lại vẫn tụng kinh chú để tu trì tịnh nghiệp. So với cụ, chúng ta muôn phần chẳng sánh kịp một! Há nên chẳng dốc hết lòng nơi chuyện này ư?

Chuyện này là chuyện cả cõi đời không biết, nay do chắt của cụ là Vũ, tự là Bích Dư, là em của Đại Nhiệm, đem bản kinh tới, tính in ra, cậy Quang viết lời tựa, Quang mới biết. Sợ các hạ vẫn chưa thể sanh lòng tin tưởng ngay nên nay tôi đem bản thảo bài tựa ấy gởi tới, xin hãy đọc trước. Đợi đến khi kinh được in ra, Bích Dư sẽ gởi mấy chục bản cho Quang, lại gởi cho các hạ mấy bản. Không cần phải sao lục lời tựa này, lời tựa tôi đã gởi cho Bích Dư (người này làm việc trong Thuyên tự bộ (Nha xét duyệt thăng thưởng) thuộc Khảo thí viện[732] Nam Kinh) vẫn còn có những chỗ sửa chữa đại lược. Đợi khi kinh được gởi tới thì sự học Phật, đại hiếu, đại trung, lập đại công, dựng đại nghiệp xưa kia, đạo giúp khắp thuở ấy, đức thấm tới những người học Phật đời sau của Văn Trung Công sẽ đều biết đại lược. Do vậy, lời tựa được đặt tên là Phát Ẩn (nêu bày những ý nghĩa ẩn kín). Không phải chỉ nêu bày những công hạnh ẩn kín của Lâm Văn Trung Công, mà còn nêu bày khắp những điều ẩn kín của bậc đại nhân thuở xưa, cũng như mong rằng sẽ nêu bày được những hạnh ẩn kín của các hạ vậy.

701. Thư trả lời bà Bạch Huệ Đạo

[732] Theo quy chế của Trung Hoa Dân Quốc, *Khảo thí viện* không chịu trách nhiệm quản lý công tác thi cử của bộ Giáo dục, mà là một cơ quan đặc trách quản lý các công chức, đặc biệt là khảo hạch nhằm đảm bảo các công chức đạt phẩm chất phù hợp với chức vụ hoặc vai trò họ được bổ nhiệm. Nha Xét duyệt thăng thưởng (Thuyên tự bộ) là một trong bốn nha trực thuộc Khảo thí viện, được thành lập vào ngày 17 tháng 12 năm 1928, đặc trách xét duyệt, thăng thưởng, giáng cấp, hoặc kỷ luật tất cả mọi công chức, cũng như quyết định quyền lợi hưu dưỡng của mọi công chức, hoặc trợ cấp cho cô nhi quả phụ của một công chức nếu ông ta chết đột ngột trong khi thi hành công vụ.

Quảng Tây là nơi Phật pháp không lưu thông, bà mang thân nữ, lại tự tìm được thầy, tu trì tịnh nghiệp, thật là khó có! Hôm 17 tháng 7, Quang xuống núi, 19 đến Thượng Hải, 28 đến Hàng Châu. Hôm 30 tháng 8 trở về Thượng Hải. Thư từ, văn kiện người khác sai viết giùm chất đống, suốt ngày chẳng được rảnh rỗi, lại còn bận việc túi bụi. Thư của bà từ núi chuyển tới cũng chẳng rảnh rang để phúc đáp. Hôm mồng 6 tháng 10 trở về núi mới lôi ra trả lời.

Nay gởi qua bưu điện cho bà một gói Quán Âm Bổn Tích Tụng, một gói Văn Sao, một gói Thọ Khang Bảo Giám, xin hãy lắng lòng xem kỹ thì những nghĩa chánh yếu trong Phật pháp, quy củ lớn lao để làm người, pháp môn để liễu sanh tử ngay trong đời này, đạo lý để thất phu cứu giúp thiên hạ sẽ đều biết rõ.

Nay đặt pháp danh cho bà là Huệ Đạo, nghĩa là dùng trí tuệ để tự hướng dẫn và hướng dẫn cha mẹ ruột, bố mẹ chồng, chồng và anh em trai, chị em gái, chị em dâu, thân thích, con cái v.v., để họ cùng được gội ân Phật, cùng niệm Phật hiệu. Trong đời này làm một người lành chân thật, lâm chung sang thẳng ao báu để thọ sanh. Cổ nhân thường nói: "Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm", thất phu thất phụ làm sao có thể khiến cho thiên hạ bình trị được?

Cần biết rằng: Cái gốc của thiên hạ là gia đình, cái gốc của gia đình là tấm thân. Gia đình khéo dạy dỗ thì con cái sanh ra sẽ đều hiền thiện. Nhà có con hiền thì đất nước sẽ có hiền tài. Hễ cùng quẫn thì tự yên, ảnh hưởng đến khắp cả làng xóm. Hễ hiển đạt sẽ làm cho người khác đều cùng được lành, tạo lợi ích cho khắp mọi người dân. Lợi ích như vậy phát xuất từ sự giáo dục trong gia đình. Giáo dục trong gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất. Đấy chính là lý do vì sao người đời gọi nữ nhân là Thái Thái, do họ có thể giúp chồng dạy con, giữ yên bên trong gia đình. Do vậy sẽ đạt hiệu quả là "chồng ắt sẽ thành tựu đức nghiệp, con cái đều hiền thiện", giống như Thái Khương, Thái Nhiệm, Thái Tự đời Chu vậy. Nếu bà có thể dựa theo những điều đã được nói trong Văn Sao để tự lợi lợi người, ngõ hầu quý địa cùng được gội nhuần sự giáo hóa của đức Phật, dùng công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì sẽ lên thẳng sen báu thượng phẩm.

Nói tới đạo "thất phu, thất phụ có thể cứu giúp thiên hạ" thì chớ có hiểu lầm, đây chính là "trọn hết bổn phận của chính mình, dốc lòng vun vén luân thường, cha từ, con hiếu, chẳng phụ bạc thiên chức của chính mình". Lại còn đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình phải chú trọng nhất nơi nhân quả báo ứng. Làm được như thế thì hết thảy mọi người sẽ tự có thể mong mỏi "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành", lại còn "tu trì tịnh nghiệp, lợi khắp các hàm thức". Đấy chính là cứu giúp, chỉ có như vậy mà thôi. Những kẻ cổ động nam nữ bình quyền hiện thời, muốn cho nữ nhân làm

chuyện của nam giới, chẳng biết phát huy chuyện giúp chồng dạy con, đáng thương quá sức.

Năm sau sẽ còn có Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú được in ra, cũng sẽ gởi cho bà chừng đó gói. Văn Sao, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, nếu có ai tin nhận thì cũng sẽ lại gởi chừng đó trong mùa xuân năm sau để mong lợi khắp người nơi quý địa.

Chữ niệm (念) trong "niệm Phật" chớ nên thêm chữ khẩu (口). Chữ niệm hàm nghĩa phát xuất từ nơi tâm, nếu thêm vào chữ khẩu thì niệm (唸) sẽ có nghĩa là rên rỉ, chứ không có nghĩa là ức niệm (nghĩ nhớ) nữa.

Bài thơ của bà hay lắm, nhưng chớ nên thường làm thơ. Bởi lẽ thường làm thơ thì trong tâm sẽ thường chú trọng cân nhắc, chọn lựa từ ngữ, niệm Phật sẽ trở thành chuyện ngoài da, làm thơ trở thành chuyện cốt tủy, làm sao đạt lợi ích chân thật nơi niệm Phật cho được? Hết thảy văn nhân hễ muốn đạt được lợi ích thật sự đều phải nên như vậy. Huống chi bà là nữ nhân, há nên dùng thơ ca để được nổi danh ư? Phàm đối với những kinh sách giảng nói Phật pháp đều phải nên cung kính, chớ nên khinh nhờn. Muốn tặng cho người khác thì trước đấy phải đem điều này răn nhắc họ, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi lầm lỡ gây nên tội báo.

702. Thư trả lời cư sĩ Huệ Trung

Trong khi gặp nguy hiểm lớn lao, niệm Phật một tiếng liền không còn nguy hiểm, đủ biết từ trước đến giờ bọn nhà Nho báng Phật là tự lầm, lầm người, tội vừa sâu lại vừa nặng. Đã vừa niệm liền được gia bị thì khi lâm chung vãng sanh cũng sẽ vô ngại, cố nhiên nên cực lực đề xướng. Những chữ được in màu đỏ trên tờ giấy in lá thư của Quang chỉ nên hơi có màu sắc đôi chút, há nên in màu đỏ thật đậm, ngay cả màu của những chữ in kèm thêm cũng đã quá đỏ, huống hồ tám chữ *"chư ác mạc tác…"* (đừng làm các điều ác…). Đúng là trở thành rối loạn, mắt già quáng lòa, đều chẳng biết là câu văn gì?

Ông in kiểu này đủ biết là chẳng thông cảm cho người khác quá sức! Chính ông đọc được, chứ nếu có ai nhìn chẳng rõ, chắc là sẽ đến nỗi hỏng việc, há nên làm cho lá thư của tôi khiến cho người đọc phải hao tốn tâm lực, mục lực, rốt cuộc có ích gì cho chính mình đâu? Cái thói thông tục ấy vàn muôn phần chớ nên dùng. Hễ dùng sẽ bị tổn phước, lại còn chuốc lấy sự ghét bực, chê trách của người khác.

703. Thư gởi cư sĩ Dương Huệ Thông

Cổ nhân nói: *"Cái quan phương thành định luận"* (Đậy nắp quan tài rồi mới bàn luận [công hay tội của một người] chắc chắn được). Bởi lẽ phàm phu đầy dẫy phiền não bị duyên nghiệp xoay chuyển, chưa đến lúc tay chân buông xuôi thì thường phải dè dặt, kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, sợ hãm sợ đọa, đến lúc chân tay buông xuôi mới nói "ta biết nay đã tránh được". Trong triều đại trước có một vị quan lớn tên X… học vấn, công nghiệp, phẩm hạnh cả cõi đời đều khâm phục; từ 60 tuổi trở đi liền buông lung vô độ, danh dự của ông X… bị tụt xuống vạn trượng. Thật đáng tiếc, đáng thương!

Trong số những người học Phật xưa nay cũng có những kẻ thoạt đầu thì tri kiến thật cao, cực lực tự lợi lợi tha, về sau tri kiến tà vạy, sai lầm, lại còn dẫn dắt mọi người học theo tri kiến tà vạy, lầm lạc của chính mình, đáng buồn, đáng đau! Xét đến căn nguyên vì sao mắc phải bệnh ấy thì đều là do thích đội mũ cao đến nỗi những kẻ không hiểu biết đều tạo mũ cao cho kẻ ấy đội. Đội lâu ngày, chánh tri chánh kiến đã mất, hoàn toàn biến thành tà tri tà kiến, dẫu muốn cứu giúp thì kẻ ấy sẽ ngược ngạo tuốt gươm chống đối, chỉ đành để mặc cho hắn làm sao thì làm! Phàm những ai hảo tâm học Phật đều phải khuyên họ lập chí tự phản tỉnh ngõ hầu chẳng đến nỗi trở thành kết quả giống như thế ấy.

Trước kia gởi mười trang câu đối, nay viết cho ông sáu đôi. Một là Thích-ca, hai là Di-đà, ba là Địa Tạng, bốn đôi câu đối dùng chung cho Tam Thánh. Do tinh thần không đủ nên vế dưới trong đôi câu đối này cũng chiếu theo vế trên để viết. Xin ông hãy cân nhắc, điều chỉnh để sắp xếp lại. Đôi câu đối này đã được sửa rất hay nên cũng không cần phải viết lại câu khác. Đôi câu đối thứ năm và thứ sáu chính là để treo nơi phòng khách hoặc liêu phòng của người học Phật đều được. Tôi có viết cho người khác ba đôi câu đối nữa, tổng cộng là chín đôi. Có hai câu bị sót mất một chữ nên chẳng thể dùng được, phải bỏ đi, nên chỉ viết chín đôi. Đem gởi sáu đôi bằng thư bảo đảm, xin hãy thu nhận!

Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực không đủ, từ nay nếu có ai cậy ông nhờ tôi viết câu đối giùm thì xin hãy mềm mỏng từ chối, đừng đáp ứng. Nghe nói trước kia ở Thương Vụ Ấn Thư Quán, ông Phí Phạm Cửu đã đem bức vẽ Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm và hình Quán Âm do ông Diêm Lập Bổn vẽ, thêm vào đôi câu đối của sư Hoằng Nhất và câu đối của Quang, cùng bán với giá mỗi bức một đồng. Thầy Diệu Chân do thấy câu đối không phù hợp với tượng, xin Quang soạn hai đôi câu đối khác. Câu đối cho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn là:

Đại sĩ hiện thiên thủ nhãn, biến huề phổ chiếu,
Chúng sanh đương nhất tâm niệm, quy mạng đầu thành.

(Đại sĩ hiện ngàn mắt, ngàn tay, nâng đỡ, chiếu soi trọn khắp,

Chúng sanh hãy một lòng tâm niệm, quy mạng, gieo hết lòng thành.)

Câu đối dành cho tượng Quán Âm vẽ bởi ông Diêm là:

Diệu tướng trang nghiêm, biến nhiếp thứ loại,
Bi tâm trắc đát, phổ độ quần manh.

(Diệu tướng trang nghiêm, nhiếp khắp các loài,
Bi tâm lồng lộng, độ trọn quần manh.)

Tôi nhớ không rõ ràng, nhưng ý nghĩa cố nhiên không trái nghịch. Ông Phí Phạm Cửu in một vạn tấm cho người ta thỉnh chỉ tốn một đồng, muốn xin Quang viết chữ thì hãy thỉnh hai tượng ấy hòng có được hai đôi câu đối ấy để thờ khiến cho kẻ thấy nghe sanh lòng chánh tín.

704. Thư trả lời cư sĩ Vương Thủ Thiện

Ông phát tâm trông giữ mộ phần để mong lệnh từ hễ chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh liền tăng cao phẩm sen thì hãy nên niệm Phật hiệu. Mỗi ngày chia ra làm hai thời đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Kinh Kim Cang công đức tuy lớn, nhưng chưa nêu tỏ được pháp môn Tịnh độ nên chẳng bằng xem Tịnh Độ Ngũ Kinh thì người mất lẫn kẻ còn đều có lợi ích thật sự. Niệm chú Đại Bi thì cũng dành ra một thời, ngoài ra hãy chuyên nhất niệm Phật. Khi niệm, từng câu từng chữ ắt phải nghe cho rõ ràng rành rẽ, dẫu niệm thầm trong tâm cũng phải nghe cho rõ ràng.

705. Thư trả lời cư sĩ Triệu Dung

Đọc thư ông, có thể nói là "đã khổ còn chồng thêm khổ"! Cần phải sanh lòng cảm kích, chớ nên bảo "tu trì chẳng có ích gì", rồi sanh lòng lui sụt, biếng nhác cũng như oán trời hờn người. Hãy nên biết rằng: Do túc nghiệp, ông đáng phải gánh chịu nỗi khổ lớn lao, do tu trì nên đã biến khổ nặng thành nhẹ. Từ nay trở đi, chuyện gì cũng lợi người, tâm luôn tự phản tỉnh thì cảnh ngộ mai sau sẽ có thể chuyển thành tốt đẹp.

Cần biết rằng: Nghiệp của chúng ta trong đời trước sâu như biển cả, tội cao tầy Tu-di, tuy cảnh ngộ không tốt nhưng vẫn chưa đến nỗi quá đáng. Hãy nghĩ lại bao nhiêu kẻ đại phú đại quý nhà tan người chết, huống chi ta đời trước không có phước, nay vẫn chưa đến nỗi đói rét, so với những tình cảnh khổ sở của họ vẫn còn tốt đẹp hơn vạn lần! Hãy lấy "khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương" làm pháp tự lợi lợi người. Nếu tâm chân thành thì nghiệp tiêu, phước tăng, sẽ dần dần yên vui, thảnh thơi vậy.

706. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh[733] (thư thứ nhất)

Thưa ông Đức Minh,

Thư của ông và 40 đồng tôi đều nhận được. Lòng thành vì mẹ của ông có thể nói là chí thành không chi hơn được, nhưng phải dùng lòng chí thành ấy khuyên mẹ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì mới là lòng hiếu hữu ích rốt ráo. Những kẻ mưu tính tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ theo thói tục của thế gian đều là chú trọng bề ngoài, còn tăng thêm tội cho cha mẹ (như coi dùng món ăn có thịt để phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thảo), ngược ngạo khiến cho cha mẹ bị đọa lạc (như lúc lâm chung, tắm rửa, thay quần áo sẵn, chuyện gẫu, an ủi và khóc lóc cũng như dùng rượu thịt để cúng tế, đãi khách v.v.). Thứ sự lý ấy là do tục nhân chẳng biết, nên cố nhiên chẳng đáng trách, nhưng nếu là đệ tử Phật mà vẫn khăng khăng noi theo tập tục ấy tức là muốn mượn những chuyện đó để chuốc lấy cái tiếng hiếu thảo với cha mẹ, chứ thật ra đã phá hoại nẻo thoát khổ của cha mẹ, thành tựu phương hướng đọa lạc cho cha mẹ. Lòng hiếu ấy khác gì tình yêu của la-sát nữ! (La-sát nữ bắt lấy người, sắp ăn thịt bèn nói: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi." Những đứa con hiếu của thế gian theo kiểu đó, trong một vạn kẻ có đến hơn chín ngàn chín trăm kẻ, chắc có một hai kẻ chẳng giống như vậy cũng chưa biết chừng.)

Nay gởi cho ông Sức Chung Tân Lương và Tang Tế Tu Tri, lại gởi ba gói sách khác để đáp tạ năm đồng hương kính của ông. Đọc rồi sẽ chẳng tự đến nỗi vì lòng hiếu thảo mà gây lụy cho cha mẹ bị đọa lạc. Sau khi thư ông được gởi tới, có người đến Linh Nham giao 30 đồng và thư của ông. Tôi đã bảo thầy đương gia đối trước đại chúng đọc lá thư ấy và giải thích, bảo họ sắp đặt cỗ chay hiến cúng nhằm cúng Phật và tăng và phân phát tiền cúng dường. Lại tụng kinh niệm Phật một buổi, đấy chính là vì lòng thành của ông, chứ không phải đã thành lệ.

Tại Báo Quốc, trưa hôm 17 cúng mì, tăng chỉ có năm vị, có hai vị ra ngoài chưa về, nhằm đúng lúc có bốn vị khách tăng bèn biếu tặng mỗi vị hai cắc, bảy vị tại gia làm công quả trong chùa cũng được biếu tặng như thế để họ sanh lòng hoan hỷ. Lúc sắp ăn xong, có bốn vị đệ tử từ Thượng Hải tới, khá là hữu duyên. Gần đây, công việc bận bịu quá mức nên phúc đáp chậm trễ. Mong ông hãy sáng suốt soi xét!

Ấn Quang viết trong ngày 19 tháng 8.

---

[733] Vị này chính là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam. Theo Tuyết Lư Lão Nhân Sự Lược, cụ Lý Bỉnh Nam tên thật là Lý Diễm, tự là Bỉnh Nam, hiệu Tuyết Lư, pháp hiệu Đức Minh, biệt hiệu là Tuyết Tăng, hay Tuyết Tẩu, quê ở huyện Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

707. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ hai)

Thưa ông Đức Minh,

Lòng người vốn lành, bị tập khí xoay chuyển, hễ gặp phải kẻ không có lòng tin sẽ thành hủy báng Phật pháp, còn gặp kẻ có lòng chánh tín sẽ liền tu trì tịnh nghiệp. Xã hội nước nhà hưng vong hay suy bại thì nhìn vào tư cách của vị thủ lãnh như thế nào sẽ biết. Hiện thời đã loạn đến cùng cực, hãy nên dùng sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để cứu vãn. Đối với những kẻ chịu nghe theo, sẽ lại vì họ nói pháp môn Tịnh độ ngõ hầu họ cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh về Tây Phương, đấy là điều trọng yếu nhất.

Ông Lưu viết thư giùm mọi người, họ đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho mỗi người, viết riêng trong một tờ giấy khác. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị cặn kẽ, nay dùng 65 đồng hương nghi (tức tiền hương kính) của bọn họ để gởi 48 gói sách, mỗi thứ đều chia cho tám người ấy mỗi người một bộ. Hễ còn dư thì tặng cho kẻ có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Sau này hễ đọc kỹ các thứ sách ấy thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, cũng chẳng cần phải gởi thư hỏi han. Hãy nên bảo bọn họ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, ngõ hầu chẳng phụ chí hướng trong sạch xin cầu quy y trong ngày hôm nay. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây chẳng viết cặn kẽ, xin hãy sáng suốt suy xét để nói với bọn họ.

Ấn Quang kính cẩn phúc đáp vào ngày mồng 1 tháng 11.

Gần đây nghe nói có một toa thuốc cai thuốc phiện rất hay: Dùng một tấm vải Tây đỏ vuông một thước, cắt thành hai mươi bốn miếng. Mỗi lần trước khi hút, trước hết lấy que tiêm thuốc găm vào đầu một miếng vải, để một cái chén ở phía dưới. Đốt miếng vải ấy cho tro rớt vào chén, dùng nước sôi hòa tro để uống rồi mới hút. Chẳng đợi đến uống hết những miếng vải ấy thì bệnh ghiền đã hết (xin hãy thử xem). Nếu linh nghiệm thì hãy nên truyền bá rộng rãi để cứu cái họa nghiện ngập thuốc phiện.

Chứng đại ma phong (bệnh cùi) là bệnh xưa nay trong ngoài nước không thể chữa lành, nay đã có phương pháp trị lành, cuối cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo có in kèm, xin hãy đọc kỹ. Sau toa cai thuốc phiện lại có toa trị bệnh sốt rét, linh nghiệm cùng cực, không ai chẳng được trị lành. Có người bệnh đã một, hai, ba năm cũng trị một lần là lành. Cũng mong ông hãy nói với khắp hết thảy mọi người. Từ nay

bất luận là ai, đừng nên gởi thư tới nữa. Nếu thỉnh kinh sách, hãy nên tiếp xúc thẳng với Hoằng Hóa Xã, chẳng cần phải bảo Quang chuyển. Tái bút.

708. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ ba)

Thưa cư sĩ Đức Minh,

Lý Viên Tịnh giảo chánh cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy lần đầu, phàm những chữ viết theo lối tục thể đều nêu ra đại lược để sửa chữa; cũng có đôi ba chỗ cần phải sửa chữa đôi chút, nay đem gởi đến xin hãy điều chỉnh. Quang lại đọc kỹ một lần nữa, hễ có chỗ nào ngữ ý chưa được trọn vẹn liền bổ túc. Thầy Đức Sâm lại đọc một lần nữa, đổi sang dùng ký hiệu O trước những câu hỏi đáp nhằm giản lược lời văn, cũng có chỗ thì thêm vào. Phàm những chữ khó nhận dạng trong tiếng địa phương, Quang đều đổi thành những chữ dễ đọc. Phần chương trình cũng đổi thành thực hành để mong đỡ tốn giấy. Phàm trước những câu hỏi đều thêm một chấm tròn đen, còn trước câu đáp thì thêm một chấm tròn trắng, sắp chữ từng hàng sít sao. Mở đầu câu hỏi, câu đáp đều tách thành từng dòng riêng.

Trước lời dẫn nhập, Quang và thầy Đức Sâm mỗi người đều viết một lời tựa, cuối sách đính kèm lời một vị lão Nho ở Tần An tỉnh Cam Túc, vị ấy thoạt đầu báng Phật mắc quả báo, về sau học Phật liền soạn văn sám hối, bài văn ấy được in kèm vào sách này. Ông ta xin Quang viết lời bạt, tôi cũng cho đăng kèm lời bạt ấy vào sau bài văn đó để làm chỗ chỉ quy cho người đọc sách. Đã giao qua Sở Huấn Luyện Nghề Nghiệp Cho Dân Lang Thang sắp chữ, sắp chữ xong xuôi sẽ cho làm ba bốn bức chỉ bản, tính giao cho Đạo Đức Thư Cục một bức chỉ bản, thu hồi bản lần trước về đốt đi. Xin hãy nói với thư cục điều này, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi không bằng lòng.

Sách này lần đầu in trước hai vạn cuốn, sau đấy in tiếp, chắc sẽ đến mấy chục vạn cũng không chừng. Đợi in ra xong sẽ gởi cho ông mấy gói, đọc rồi sẽ biết dụng ý. Phàm in sách gì Quang đều chẳng dám sử dụng giấy phung phí, hễ một bộ sách bớt được một trang thì mười vạn bộ sẽ bớt được mười vạn trang, giảm được chi phí khá nhiều. Hiện thời nhân dân khốn khổ, chúng ta tuy muốn lợi người cũng chẳng nên chỉ mong sao cho dễ coi, chẳng tính đến vật lực khó khăn vậy. Xin hãy sáng suốt suy xét!

Ấn Quang kính trình, viết một nửa vào ban ngày hôm 21 tháng Giêng, đến đêm viết tiếp.

709. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ tư)

Thưa ông Đức Minh,

Mười mấy hôm trước Tôn Hạc Niên đến đây, cầm theo các món thức ăn, tôi đều cho đại chúng cùng hưởng, còn hoa sâm thì cho thầy Đức Sâm, bởi Quang một mực chẳng thích đa sự, món ấy dù cất hoặc dùng đều rất lôi thôi. Con người Hạc Niên khá thành thật, hiện đã cho ở tại Báo Quốc, đợi có vị thầy nào thích hợp, sẽ cho anh ta quy y thế độ, chuyện này không thể gấp được! Quang cả đời thề chẳng thu nhận đồ đệ, cần phải đợi có vị nào thích hợp cho anh ta bái sư thì mới cho anh ta xin thế độ với vị ấy. Thư này vốn phải nên trả lời ngay, nhưng do công việc dồn dập, mà mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ nên chậm trễ đến nay. Hiện thời sắp in cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy, in xong sẽ dùng hết 240 đồng làm tiền gởi sách. Xin hãy sáng suốt suy xét!

Ấn Quang kính cẩn phúc đáp vào ngày 28 tháng 2.

710. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ năm)

Thưa ông Đức Minh,

Lệnh từ tuổi già hãy nên nói với quyến thuộc về lợi ích trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do lau chùi thân thể, thay áo, khóc lóc trước khi cụ mất, khiến cho bọn họ luyện tập nhuần nhuyễn, hiểu rõ lợi hại. Nếu đến khi lâm chung, chắc chắn cụ sẽ vãng sanh Tây Phương. Nếu chẳng luyện tập và chẳng nói lợi hại thì mười người hết chín kẻ bị quyến thuộc vì lòng hiếu mà phá hoại chánh niệm, khiến cho người ấy vẫn phải bị sanh tử trong lục đạo luân hồi. Hãy đọc kỹ Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết.

Pháp danh của bảy người đều đã ghi ra, gởi cho mỗi người ba gói sách như Ngũ Kinh, Thập Yếu v.v. để giúp tu trì. Đứa hậu sinh lần trước đã tới đây thì trong tuần đầu của tháng nhuận đã có vị tăng từ chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đến đem nó đi rồi. Nó sẽ được vị trụ trì thu nhận làm đệ tử hoặc do người khác thu nhận đều được. Do trụ trì chùa Quốc Thanh cũng là trụ trì chùa Linh Nham ở Tô Châu, tôi biết rõ là người như thế nào nên bảo dẫn đi. Xin đừng lo!

Không lâu nữa sẽ gởi sách Kỹ Lộ Chỉ Quy đến, lại còn có Tịnh Độ Ngũ Kinh không lâu nữa cũng sẽ gởi tới. Ước chừng tháng 6, tháng 7 sẽ có thể gởi sách Vật Do Như Thử tới. Còn sách của huyện Cử bèn giao về cho họ, xin hãy sáng suốt soi xét!

Đã cho làm năm bức chỉ bản của sách Kỹ Lộ Chỉ Quy, một bản gởi cho Đạo Đức Thư Cục ở Thượng Hải, một bản giao sang Bắc Bình Khắc Kinh Viện. Sách Vật Do Như Thử cũng làm như thế. Hiện thời đã cho sắp chữ, đổi thành cỡ chữ Tam Hiệu Tự để người già dễ đọc, cũng tính in ba vạn bản.

Ấn Quang kính cẩn trả lời vào ngày mồng 3 tháng 4.

711. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ sáu)

Thưa ông Đức Minh,

Chuyện thế gian muốn làm cho không phạm lỗi thì đều phải tận hết một phen tâm lực, nếu chẳng chú tâm thì công ít, lỗi nhiều. Vào mùa thu năm ngoái, Quang mới biết nỗi thảm của sữa độc giết chết trẻ con, vì thế đã nói tới trong dịp khai thị cho pháp hội Tức Tai. Như sau khi người mẹ nổi nóng đùng đùng, phải sau một ngày, đợi cho tới khi độc tánh của sữa đã hết mới cho con bú được. Mùa xuân năm nay nghe nói người chết lẫn người bệnh nhiều lắm, do vậy soạn một tờ thông báo rộng rãi về chuyện sữa độc giết trẻ, khuyên ba ngày sau khi nóng giận mới cho bú.

Thư ấy được in ra gởi cho một đệ tử ở Nam Kinh, ông ta đem thư ấy kể với vợ. Vợ ông ta vốn là người Tây Dương, bảo: "Đấy gọi là sữa bị nung nóng vì lửa giận. Hễ nóng giận, phải đợi tâm bình khí hòa. Nếu không, lòng ôm mối hận, sữa khó thể chuyển thành tốt được! Nửa ngày sau khi đã bình tâm rồi mới có thể cho bú. Lúc cho bú, trước hết phải nặn sữa ra độ nửa chén trà đổ đi, rồi mới cho trẻ bú thì sẽ không bị họa hoạn gì. Nếu để sau ba ngày, vú sẽ bị căng nhức, đâm ra chẳng tốt đẹp gì." Vì thế, cho thay đổi chỉ bản để in lần thứ hai ba vạn cuốn Ấn Quang Văn Sao Tục Biên sẽ không bị sai.

Lại nói: "Khi có kinh nguyệt cũng chớ nên nóng giận, hễ nóng giận sẽ bặt kinh." Vì thế, phụ nữ chưa lấy chồng cũng có người bị kinh nguyệt không điều hòa, trộm cho rằng là vì chuyện này. Đối với giáo dục trong gia đình và nước nhà nhân dân thì chuyện này đều có quan hệ, bởi lẽ phụ nữ từ nhỏ phải nên tập thành tánh nhu hòa thì sẽ không bị họa hoạn "kinh nguyệt chẳng điều hòa và nóng giận đùng đùng đến nỗi con bị chết, nóng giận nho nhỏ khiến con bệnh tật". Tánh đã nhu hòa thì sẽ không khẩu thiệt, thị phi, gia đình êm ấm, hòa thuận. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy mọi người. Tất cả khai thị trong pháp hội Tức Tai và tờ thông cáo rộng khắp về chuyện sữa độc giết chết trẻ thơ đều phê rõ cao lên một dòng, phía dưới thì bôi bỏ chữ "sau ba ngày" để tránh hậu hoạn.

Thư ông và 33 đồng đều nhận được, pháp danh của 17 người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác. Kể từ khi nhà Nho đả phá bài xích nhân quả, những kẻ cuồng ngu trong cõi đời đều được dịp phô phang lớn lao chí họ. Những kẻ mù quáng bịa đặt đồn thổi, lập ra một giáo môn dẫn dụ kẻ vô tri theo tà đảng của bọn chúng, lại còn giữ bí mật chẳng tiết lộ chút nào, do vậy đến nỗi người trong cả nước quá nửa theo vào đường tà. Những kẻ phạm đại vọng ngữ chưa đắc nói đã

đắc, chưa chứng nói đã chứng, không kiêng sợ, đều do Tống Nho đả phá nhân quả luân hồi khiến cho bọn chúng càng to gan gây nghiệp.

Nay gởi cho ông 20 bộ Văn Sao, tức mười gói, ba gói Gia Ngôn Lục, hai gói Liễu Phàm Tứ Huấn, những kẻ quy y ai đọc được thì tặng, chẳng xem được thì không cần phải tặng, hãy tặng cho người có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Xin hãy sáng suốt suy xét!

Ấn Quang kính cẩn trả lời vào ngày 27 tháng 5.

712. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (thư thứ bảy)

"Thanh văn bị hôn ám khi cách ấm, Bồ-tát mê khi ra khỏi thai." Đấy là nói về những vị thuộc Sơ, Nhị, Tam quả chưa đoạn sạch tư hoặc, còn A-la-hán đã đoạn sạch tư hoặc sẽ không có chuyện này. Chữ Bồ-tát trong câu trên đây cũng chỉ cho những vị Bồ-tát chưa đoạn sạch tư hoặc, chứ hễ hết sạch tư hoặc sẽ không bị mê.

Vãng sanh Tây Phương tư hoặc đã đoạn, nương theo nguyện tái lai, hoặc hóa hiện, hoặc nhập thai, đều tùy cơ thị hiện. Khi nhập thai, thị hiện giống như người thường, trước hết cũng cần phải hiện tướng mê, chứ thật sự chẳng có mê tình. Giống như diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui cố nhiên phải diễn cho thật giống, nhưng trong tâm hoàn toàn không có những tình niệm thật sự. Do ông không biết địa vị của Thanh văn, Bồ-tát nên mới coi họ giống như kẻ đoạn hoặc thì lầm to quá rồi! Bồ-tát có nhiều loại, nói chung lấy kẻ chưa đoạn sạch tư hoặc làm chuẩn, chớ nên lẫn lộn mà bảo "tất cả đều là hôn mê". Xin hãy đọc những thư đã gởi tới trước đây.

II. TỰ (lời tựa)

1. Lời tựa cho sách Danh Sơn Du Phỏng Ký

Trí thức của con người không nhờ vào học vấn, lịch duyệt sẽ không thể nào khai thông được. Nhưng những cuộc đất thánh đạo tràng nơi danh sơn trong thiên hạ sẽ dễ gây xúc động, phát khởi chí hướng "mong thành thánh thành hiền" nơi con người nhất, có quan hệ đối với chuyện lập thân, tu nghiệp, thành đức, đạt tài cũng lớn lắm. Vì thế, xưa nay những người nhiệt tâm sẵn chí "tự lập lập người, tự lợi lợi tha" thường chẳng ngại nhọc nhằn bươn bả tới thăm để mong những cảnh mình được trông thấy, những gì mình ngộ nhập sẽ bồi bổ thân tâm, mở mang, phát khởi trí thức của chính mình.

Trong số những vị đi khắp nơi thời cổ thì có hòa thượng Thiên Tuế Bảo Chưởng[734] vốn là người Trung Thiên Trúc, sống tại Thiên Trúc khoảng 500 năm, vào cuối đời Hán mới đến phương này. Trải qua các thời Tam Quốc, hai triều Tấn (Tây Tấn và Đông Tấn), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy cho đến năm Hiển Khánh thứ hai (657) đời Đường Cao Tông, ngài 1.072 tuổi mới nhập diệt. Vì thế, phàm là những danh sơn, thánh đạo tràng khắp Nam - Bắc Trung Hoa, không đâu ngài chẳng đích thân đến thăm viếng và ở lại nơi ấy. Đến cuối đời Minh, tôn giả Tử Bách cũng đi thăm khắp các danh sơn, do sư một ngày đi được hơn 300 dặm nên tuy không thọ bằng ngài Bảo Chưởng nhưng những nơi sư đến thăm cũng gần bằng ngài Bảo Chưởng.

Trong giới tăng tục gần đây chỉ có cư sĩ Cao Hạc Niên là đi du lịch rộng xa nhất, phàm tứ đại danh sơn, Ngũ Nhạc, Chung Nam, Thiên Thai, Nhạn Đãng, La Phù, Kê Túc, Võ Đang, Vân Cư, Lô Nhạc, Hoàng Sơn đều đã từng tới một lần hoặc tới đôi ba lần. Phàm địa thế, tình hình nhân sự cùng những di tích cổ xưa, thắng cảnh, đạo tràng, chùa miếu, cũng như tất cả những sự tích của các bậc cao tăng, danh sĩ ở những nơi ông ta đã đi qua đều chép lại đầy đủ dựa trên những điều thưa hỏi được. Một là nhằm để an ủi những kẻ do chẳng thể hành cước nên

[734] Ngài Bảo Chưởng (?-657) là người Trung Ấn Độ, được cõi đời xưng tụng là hòa thượng Bảo Chưởng Thiên Tuế (vị hòa thượng tay báu ngàn tuổi). Theo truyền thuyết, lúc ngài sanh ra tay trái nắm chặt mãi đến 7 tuổi mới mở ra, nên có tên là Bảo Chưởng. Ngài đến Trung Hoa vào đầu thời Tam Quốc (khi Tào Tháo còn chưa phế vua Hán), vào đất Thục (Tứ Xuyên) tham lễ Phổ Hiền Bồ-tát. Sư thường nhịn ăn, hằng ngày tụng kinh Bát-nhã đến hơn một ngàn quyển. Một bữa, đột nhiên bảo đại chúng: "Ta nguyện trụ thế 1.000 năm, nay đã 626 năm rồi!" Vì thế, có danh xưng là Thiên Tuế. Sư từng tham phỏng Ngũ Đài, Lô Sơn v.v.. Không lâu sau, tổ Đạt-ma sang Trung Hoa, sư bèn đến hỏi đạo, được khai ngộ. Từ năm Trinh Quán 15 (641), sư ở lại chùa Bảo Nghiêm tại Bồ Giang, chơi thân với thiền sư Lãng, thường sai một con chó trắng đưa thư, sư Lãng sai con vượn xanh đưa thư đáp lời.

không cách nào biết được những dấu tích thù thắng tại các thánh đạo tràng, hai là có thể dùng làm một tài liệu hướng dẫn lớn lao cho hàng sơ cơ học Phật biết lối tìm thầy hỏi bạn.

Vì thế, trong Dân Quốc nguyên niên (1912), Phật Học Tùng Báo từng sao lục và đăng tải những bài ghi chép này để dâng tặng những người có cùng chí hướng. Đến nay các vị cư sĩ Vương Nhất Đình, Hứa Chỉ Tịnh, Nhiếp Vân Đài, Địch Sở Thanh, Giản Ngọc Giai lại muốn tập hợp những bài viết ấy thành một cuốn sách để độc giả được đọc toàn bộ. Điều này cũng chưa bao giờ chẳng phải là sự hướng dẫn ban đầu để dẫn người khác vào được biển Phật vậy.

2. Lời tựa tái bản kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức

Tâm thể của Phật và chúng sanh… *(cho đến)* chỉ mong họ biết được nguyên do mà thôi *(đoạn này hoàn toàn giống với bài tựa tái bản Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Công Đức Kinh trong Tăng Quảng Văn Sao, quyển ba).* Đoạn văn trên đây chính là lời tựa do tôi viết cho ông Trương Thụy Tăng ở Dương Châu, khi ông ta tái bản cuốn kinh này vào giữa hè năm Nhâm Tuất, tức năm Dân Quốc 11 (1922), ý nghĩa tổng quát của kinh cũng như nguyên ủy lưu thông đã được trình bày đại lược qua đoạn văn ấy.

Nay có một đệ tử ở Thiểm Tây là Mã Côn Sơn cùng với một đệ tử ẩn danh ở Lan Châu phát tâm lưu thông kinh này. Món tiền do Côn Sơn tự bỏ ra và bạn bè giúp đỡ tổng cộng là 700 đồng; món tiền do cư sĩ ẩn danh tự bỏ ra và bạn bè giúp đỡ gộp chung thành 300 đồng. Họ đem 1.000 đồng này gởi đến Tô Châu, cậy Quang thay họ lo liệu ấn tống.

Côn Sơn chuyên sản xuất thuốc lá theo kiểu Tây Dương tại Lan Châu nhiều năm, là người cực chân thành, chuyên dốc, nhưng chưa biết Phật pháp. Bốn năm trước, do một đồng nghiệp người Thiểm Tây là Lý Tiên Đào khuyên chỉ, bèn quy y tam bảo, ăn chay niệm Phật. Mùa thu năm trước, xưởng chế tạo đạn dược ở Lan Châu phát nổ. Hôm ấy, những người cùng làm nghề sản xuất thuốc lá tổ chức diễn tuồng ở lầu Minh Thủy để cúng thần, hơn một trăm người thuộc xưởng của Lý Tiên Đào đều đi xem, chỉ có mình đứa con của viên Phó Kinh Lý ở lại xưởng. Hơn một trăm người thuộc xưởng Côn Sơn cũng đều đi vắng hết. Chuyện này cũng không biết rõ nguyên do ra sao. Họ đi khỏi không lâu, xưởng chế tạo đạn dược ở ngoài thành phát nổ, nhà cửa trên mấy con đường ở ngoài thành đều bị chấn động, đổ nát, vô số người bị thương. Trong xưởng của Tiên Đào chỉ có căn phòng nơi người con của viên Phó Kinh Lý đang ở là không bị sụp đổ. Trong

xưởng của Côn Sơn, chỉ có gian phòng thờ Phật là vẫn đứng vững sừng sững, kiếng cũng không nứt vỡ, những nơi khác đều sụp đổ hết. Do nhân duyên này, nhân sĩ Lan Châu dần dần sanh lòng tin tưởng, Côn Sơn càng thêm tăng trưởng tín tâm.

Trong năm ngoái, những cuộc đảo chánh quân sự nhiễu nhương liên tiếp xảy ra, nhân dân khốn khổ không thể nào diễn tả được. Do vậy, Côn Sơn và vị cư sĩ ẩn danh phát tâm lưu thông kinh này, mong rằng những người đọc kinh này ắt sẽ chú trọng lòng kính, giữ lòng thành, tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn chẳng lười nhác, dễ ngươi chút nào, như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm. Lại phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn giận, chặn dục, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì lợi ích ấy chẳng thể nào diễn tả được.

Nếu chẳng chí thành và chẳng trọn hết bổn phận thì sẽ được cảm ứng nhỏ nhoi, chứ không phải là lòng từ của đức Phật chẳng trọn khắp, nguyên nhân là vì tâm chẳng tương ứng với Phật vậy! Đạo cảm ứng giống như gõ chuông, gõ mạnh thì chuông kêu to, gõ nhẹ thì chuông kêu nhỏ. Trong đời thường có những kẻ do tiểu cảm mà được đại ứng chính là vì công đức tu trì trong đời trước cảm nên. Tán rằng:

Dược Sư Như Lai Lưu Ly Quang,
Thệ nguyện rộng sâu chẳng thể lường,
Hiển là sanh thiện, nhóm phước khánh,
Mật là diệt ác, tiêu họa ương.
Dẹp khổ ắt mong sạch nhị tử,
Ban vui muôn đức trọn phô bày,
Pháp giới thánh phàm cùng quy mạng,
Nhờ ân mau chứng được chân thường.

(Cuối xuân năm Đinh Sửu, tức năm Dân Quốc 26 - 1937)

3. Lời tựa cho tác phẩm Quảng Trường Thiệt

Pháp không có tướng nhất định, hễ hợp căn cơ thì là tốt đẹp; cùng là một pháp nhất vị, nhưng đức Như Lai giảng nói bằng nhiều phương cách. Giống như cỗ ngon quý báu của bậc Đại sĩ, nếu gặp được người trưởng thành liền dọn hết cả ra để họ được ăn no. Nếu gặp trẻ thơ, do chúng chẳng thể tự cắn nuốt được, ắt phải thay chúng cắn xé nhỏ ra, mớm cho chúng, ngõ hầu làm lợi cho thân tâm của chúng để chúng mau được trưởng thành.

Cư sĩ Khổ Hạnh đã dùng những lời rõ ràng gần gũi để diễn tả đại lược về pháp môn Tịnh độ phổ độ chúng sanh của Như Lai với ước mong làm cho những kẻ

chưa phát tâm sẽ nhanh chóng sanh lòng tin, để sau đó họ nghiên cứu các kinh luận, trước thuật của Tịnh độ sẽ được hưởng lợi ích thật sự. Hơn nữa, những lời đơn giản, rõ ràng như thế thật ra đã được tuyên dương bởi tướng lưỡi rộng dài của Như Lai, là đại pháp môn vô thượng viên đốn thành thủy thành chung để mười phương chư Phật phổ độ chúng sanh và chúng sanh trong chín giới viên thành Phật đạo. Vì thế, lấy từ ngữ *quảng trường thiệt* (lưỡi rộng dài) làm tựa đề nhằm mong những ai chưa phát tâm hễ đọc đến sẽ liền phát tâm. Cố nhiên người đã nhập môn sẽ chẳng cần đến, nhưng cách thức cắn ăn hay mớm cho trẻ thơ thì người nuôi nấng trẻ thơ vẫn cần phải tìm hiểu, suy xét. Tuy chính mình chẳng cần đến, nhưng cũng không thể chẳng chuẩn bị cho người sơ cơ.

(Tháng 10 năm Quý Hợi, tức năm Dân Quốc 12 - 1923)

4. Lời tựa ấn hành tác phẩm Tư Quy Tập

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, như trời che khắp, dường đất chở đều, trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra khỏi pháp này, dưới là tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy, thật đáng gọi là "pháp môn tổng trì của ba đời chư Phật, là đạo đặc biệt mầu nhiệm trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai". Pháp môn này lớn lao, thâu nhiếp căn cơ rộng rãi, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng, nhưng thường bị những kẻ hơi thông hiểu Tông - Giáo xem nhẹ, coi là pháp môn dành cho lũ ngu phu ngu phụ tu trì, chẳng biết sự lớn nhỏ, khó dễ giữa Phật lực và tự lực chẳng thể dùng ngôn ngữ, văn tự để hình dung được. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều phải nương vào sức giới định tuệ để tu tới địa vị "nghiệp tận tình không" thì mới có phần liễu sanh tử. Nghiệp tận tình không há nói dễ dàng ư? Đoạn kiến hoặc giống như cắt đứt dòng nước chảy xiết rộng bốn mươi dặm, huống là tư hoặc ư? Dẫu cho kiến địa cao sâu, hễ phiền hoặc chưa đoạn thì vẫn luân hồi y như cũ. Nếu thọ sanh lần nữa thì người lui sụt trong vạn kẻ có đến mười ngàn, người tăng tấn trong ức kẻ hiếm khi có tới ba bốn người. Tự lực chẳng đủ để nương tựa, dám khoe khoang trí mình, chẳng tùy thuận đạo thệ nguyện nhiếp thọ của Như Lai ư?

Người tu pháp môn Tịnh độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, như con nhớ mẹ mà niệm, những hành vi trong thường nhật đều chẳng trái nghịch Phật pháp lẫn tình nghĩa thế gian thì lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Dẫu là kẻ chưa đoạn được hoặc nghiệp mảy may nào, hễ được mang nghiệp vãng sanh thì sở đắc của kẻ ấy còn cao trỗi hơn bậc A-la-hán nghiệp tận tình không, vì chủng tánh bất đồng vậy. Huống hồ bậc đã đoạn được hoặc nghiệp thì cần gì phải nói nữa! Bởi lẽ Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Hai

sức chẳng thể nghĩ bàn là Phật lực và pháp lực cùng hợp lại khiến cho tự tâm lực được hiển hiện trọn vẹn (loại tự lực này rất khác với loại tự lực chẳng cậy vào Phật lực và pháp lực), cho nên so với kẻ chuyên cậy vào tự lực sẽ giống như hằng hà sa số lần sự khác biệt vời vợi giữa trời và vực. Do vậy biết, chẳng thể đem đạo lý của hết thảy pháp môn thông thường để bàn luận pháp môn này được, bởi nó là pháp môn đặc biệt. Tôi thường có một cặp câu đối như sau:

Pháp môn quảng đại, phổ bị tam căn, nhân tư cửu giới đồng quy, thập phương cộng tán.

Phật nguyện hồng thâm, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên.

(Pháp môn rộng lớn, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi.

Phật nguyện to sâu, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói.)

Theo phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, trọn hết các bậc Pháp thân đại sĩ trong Hoa Nghiêm thế giới hải như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị đều nhất trí tiến hành, vâng theo lời Phổ Hiền Bồ-tát dạy, dùng công đức của mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương nhằm mong viên mãn Phật quả. Những kẻ khoe khoang trí mình, miệt thị Tịnh độ, tưởng chính mình vượt trỗi những vị Bồ-tát ấy, chính là mất trí điên cuồng, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng!

Những kinh sách hoằng dương Tịnh độ nhiều khôn kể xiết, đại sư Như Sầm tập hợp những ngôn luận của chư Phật Bồ-tát, tổ sư và những học nhân tịnh nghiệp trong thời gần đây (những vị tri thức trong đời gần đây xưng là "học nhân", vì trước đấy đã có Phật Bồ-tát, các vị tổ sư, xin đừng nghi ngại, kinh ngạc), đặt tên là Tư Quy Tập, cậy Quang viết lời tựa. Quang lúc bé chẳng nỗ lực, về già chẳng làm được gì, chỉ đành viết ra những nghĩa lý chính mình đã tin tưởng trong suốt 59 năm cho xong trách nhiệm, nhằm giãi bày lòng ngu thành, mong cho những người cùng hàng đều được sanh về Tây Phương, dẫu bị những vị đại trí tuệ chê bai, thóa mạ đều chẳng bận lòng. Do vậy bèn ca rằng:

Ưng đương phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Khách lộ, khê sơn, nhậm bỉ luyến,
Tự thị bất quy, quy tiện đắc,
Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?

(Nẻo khách, suối non mặc người luyến,

Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Tự mình chẳng về, về liền được,
Gió trăng quê cũ há ai giành?)

Xin những vị mong nghĩ trở về quê cũ đều chú ý!

(Ba ngày trước tiết Đông Chí năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

5. Lời tựa cho sự việc kính cẩn chép đại kinh Hoa Nghiêm nhằm trọn hết lòng hiếu thảo

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm chính là do đức Như Lai khi mới thành Chánh giác đã xứng theo pháp giới tánh và hết thảy các vị Pháp thân đại sĩ phá vô minh chứng pháp tánh thuộc 41 địa vị nói ra sở chứng của đức Như Lai và Bồ-đề giác đạo tự sẵn có trong bản tánh của hết thảy chúng sanh. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam tạng, hết thảy các kinh đều lưu xuất từ kinh này. Hàng phàm phu và Nhị thừa tuy cùng hiện diện trong đạo tràng Bồ-đề, rốt cuộc chẳng thấy, chẳng nghe, vì đấy chẳng phải là cảnh giới của họ. Tuy phàm phu và Nhị thừa chẳng thấy chẳng nghe, nhưng đây quả thật là pháp luân căn bản để độ khắp trời người lẫn chúng sanh trong sáu nẻo. Vì sao vậy? Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân thì mới liễu sanh tử, còn pháp môn niệm Phật chỉ cần trọn đủ lòng tín nguyện, trì danh hiệu Phật liền được cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời mạt chẳng dễ gì đạt tới mức đoạn hoặc chứng chân, bỏ một pháp môn này thì đông đảo chúng sanh sẽ chẳng có dịp thoát khổ!

Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh này, Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập tín, nghe theo lời đức Văn-thù dạy, tham học với khắp các tri thức. Thoạt đầu ở dưới tòa của ngài Đức Vân bèn nghe pháp môn niệm Phật. Đến cuối cùng, tới chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, đức Phổ Hiền liền dùng oai thần gia bị khiến cho sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, đấy gọi là Đẳng giác Bồ-tát. Đức Phổ Hiền bèn khen ngợi công đức thù thắng nhiệm mầu của Như Lai khiến cho Thiện Tài sanh lòng vui mừng, liền đó ngài dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, và khuyên hết thảy các vị Pháp thân đại sĩ trong Hoa Nghiêm hải chúng. Phàm những vị thuộc về Hoa Tạng hải chúng đều là các đại Bồ-tát thuộc những địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác v.v. mà vẫn phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới có thể đích thân chứng được Bồ-đề giác đạo sẵn có trong cái tâm này, huống là những kẻ thấp kém hơn ư?

Nhưng theo chương Hạ Phẩm Hạ Sanh của Quán kinh, kẻ ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, được thiện tri thức dạy niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng cũng đều có thể vãng sanh Tây Phương, được dự vào phẩm cuối. Chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm giảng về pháp "thành Phật trong một đời" mà chỗ quy tông cuối cùng lại gom về vãng sanh Tây Phương đó sao? Các tri thức Thiền - Giáo trong cõi đời há nên coi pháp môn niệm Phật là pháp quyền biến, Tiểu thừa, phương tiện, chẳng phải là đạo cứu cánh ư?

"Hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ trí tuệ của đức Như Lai, nhưng do vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, vô sư trí liền được hiện tiền." Do nghe nghĩa này nên hết thảy phàm phu sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh, nhưng lại cam phận phàm ngu. Do vậy biết kinh này chính là pháp môn rốt ráo thành thủy thành chung để mười phương ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bất luận căn tánh như thế nào đều phải nương theo đây để tu tập, nhưng chỗ thiết yếu nhất chỉ là một môn niệm Phật. Ấy là vì "toàn thể tánh trở thành tu" nên bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi khuôn khổ này, do "toàn thể sự chính là lý" nên phường hạ hạ căn cũng có thể đạt tới được.

Kinh này chính là cội nguồn của giáo pháp trong toàn bộ Đại tạng, là chỗ quy túc của hết thảy pháp môn. Cư sĩ Vưu Dưỡng Hòa ở Tô Châu tuy xuất thân từ gia đình phú quý, nhưng trọn chẳng có tập khí của bọn mặc quần lụa nõn[735], dốc lòng tin tưởng Phật pháp, nghiêm túc trọn hết đạo hiếu. Mẹ ông ta sợ con bị tập tục xoay chuyển, nên khi bị bệnh nặng sắp mất đã dặn con phải cung kính chép kinh Hoa Nghiêm để mong con được huân tập, tiêm nhiễm thành chủng tử, vĩnh viễn trở thành gốc đạo, đồng thời là để trên báo đáp tứ ân, dưới giúp cho tam hữu (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới). Mẹ ông ta đáng gọi là "khéo dùng lòng từ"! Trong thời kỳ cư tang, hằng ngày ông ta cẩn thận chép kinh để mong từ mẫu được tăng cao phẩm sen và tiêu trừ ác nghiệp của bản thân. Nếu chẳng phải là đã có thiện căn từ đời trước thì làm sao như thế được?

[735] Nguyên văn "hoàn khố" (紈褲: quần may bằng lụa nõn). Đây là một thành ngữ ngụ ý chê bai con em những gia đình phú quý chỉ biết hưởng thụ, xa xỉ, phù phiếm, rỗng tuếch, vô tích sự. Thành ngữ này vốn phát xuất từ một câu nói trong thiên Tự Truyện của Hán Thư: *"Xuất dữ vương, hứa tử đệ ư quần, tại vu ỷ nhu hoàn khố chi gian, phi kỳ hảo dã"* (Đi ra ngoài cùng với vua bao nhiêu là con em xúm xít, ở trong đám áo thêu rực rỡ, quần lụa nõn ấy, có hay ho chi đâu?) "Hoàn" vốn là một thứ lụa mỏng mịn mặt, rất đắt tiền, những kẻ trẻ tuổi chuộng xa hoa, bóng bẩy thường ưa mặc loại lụa này.

Nay kinh đã chép xong, bèn cậy bạn phương ngoại[736] là đại sư Văn Đào xin Quang viết lời nêu rõ ý nghĩa bộ kinh để mong sau này những ai xem đến đều cùng sanh lòng chánh tín. Trộm nghĩ: Ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm dẫu dùng mực nhiều như biển cả, đến tận cùng đời vị lai tuyên dương ý nghĩa của từng câu, từng chữ vẫn chẳng thể trọn hết được! Huống chi Quang là kẻ hời hợt, nông cạn, vô tri, làm sao có thể tán dương một hai điều cho được? Nhưng vẫn chẳng nên cô phụ ý ông ta nghĩ đến, do vậy bèn viết sơ lược đại ý những điều cương yếu và lợi ích để trao lại. Nếu có thể nương theo đó để tu hành thì rốt ráo thành Phật còn đạt được, huống là những văn nghĩa khác ư?

(Mồng 1 tháng 6 năm Mậu Thìn, tức năm Dân Quốc 17 - 1928)

6. Lời tựa lưu thông phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

Nêu lên những tông lớn trong các pháp do đức Như Lai đã giảng trong suốt một đời ngài thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Năm tông này đều cùng hiển thị tam nghiệp thân - khẩu - ý, tam học giới - định - tuệ của đức Phật cũng như hết thảy tam-muội, vạn đức. Vì thế, chẳng thể đề cao hay hạ thấp, so sánh hơn kém được, hoặc chọn lọc, lấy bỏ được! Nhưng đối với sự tu tập của từng người học thì phải xét kỹ pháp nào khế hợp với căn tánh của chính mình để tu. Thâm nhập một môn so ra đỡ tốn sức hơn! Nhưng trong năm tông ấy, không tông nào chẳng lấy Luật làm căn bản, lấy Tịnh làm chỗ quy túc. Trong thời đức Phật tại thế đã như vậy, huống nay đang là thời đại mạt pháp ư?

Do pháp môn Tịnh độ thông trên thấu dưới, thích hợp khắp ba căn, phàm thánh cùng nương về, trên là Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, dưới là tội nhân ngũ nghịch cũng có thể dự vào trong. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, nếu chưa đạt đến mức nghiệp tận tình không sẽ chẳng thể liễu sanh thoát tử. Còn pháp môn Tịnh độ kiêm cậy vào Phật lực, nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì sẽ có thể mang nghiệp vãng sanh. So sánh giữa hai pháp thì sự khó dễ khác biệt vời vợi một trời một vực! Xét đến duyên khởi của pháp này, quả thật là từ trong kinh Hoa Nghiêm. Do kinh chưa dạy rõ về nhân hạnh quả đức của Phật Di-đà, sự trang nghiêm thù thắng của Tịnh độ, sự tu nhân chứng quả của hành nhân nên nhiều người xem thường Tịnh độ, chẳng chịu đề xướng.

---

[736] Phương ngoại: Người xuất gia làm bạn với người thế tục thường tự xưng là "phương ngoại", ngụ ý mình đã xa lánh cõi trần, không còn dính dấp vào thế tục nữa.

Xưa kia, lúc đức Như Lai mới thành Chánh giác, đã cùng các vị đại Bồ-tát trong Hoa Tạng thế giới hải hỏi đáp, nói ra các pháp nhân quả của Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác. Những vị dự hội đều là các vị Pháp thân đại sĩ đã phá vô minh, chứng pháp tánh thuộc 41 địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Tuy nói đến pháp môn Thập tín, nhưng địa vị Thập tín chưa phá vô minh, chưa chứng pháp tánh, nên chẳng thể dự hội được, huống là phàm phu, Nhị thừa ư? Cho đến hội cuối cùng, tức phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài sau khi viên mãn tâm Thập tín, nghe lời ngài Văn-thù dạy, liền tham học với khắp các tri thức.

Thoạt đầu, ở nơi tỳ-kheo Đức Vân nghe giảng pháp môn niệm Phật liền chứng Sơ trụ, trở thành Pháp thân đại sĩ. Từ đấy tham học khắp các tri thức, ở chỗ vị nào cũng có sở chứng. Cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, được ngài Phổ Hiền khai thị và được sức oai thần của ngài Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền và bằng với chư Phật, trở thành Đẳng giác Bồ-tát. Đức Phổ Hiền bèn nói kệ xưng tán công đức thù thắng nhiệm mầu của Như Lai, khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương để nhất trí tiến hành hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả. Nhưng kinh Hoa Nghiêm trọn chẳng nói đến thệ nguyện của đức Di-đà và sự trang nghiêm trong Tịnh độ, cũng như nhân quả vãng sanh, bởi lẽ các vị Đại sĩ ấy đều đã biết rõ, không cần phải nhắc lại nữa.

Hơn nữa, kinh Hoa Nghiêm được dịch lần đầu dưới đời Tấn chỉ có 60 quyển; lần dịch kế tiếp là vào đời Đường nhằm thời Võ Tắc Thiên, gồm 80 quyển. Hai lần dịch này đều chưa trọn hết kinh văn, sau khi ngài Phổ Hiền nói kệ tán Phật, pháp hội chưa kết thúc mà kinh văn đã hết (Trước kia không có giấy, kinh ở Tây Vực đều chép trên lá cây bối-đa[737]. Do vậy chẳng chép dễ dàng, hoặc có khi bị lược bớt. Hơn nữa, lá bối dùng dây xâu lại có thể bị lạc mất. Do vì lẽ này mà kinh văn chưa truyền trọn hết sang Trung Hoa. Nếu được đóng thành một quyển giống như kinh sách ngày nay thì không mắc khuyết điểm này).

Đến năm Trinh Nguyên 11 (799) đời Đường Đức Tông, quốc vương Ô-đồ[738] tại Nam Thiên Trúc tiến cống toàn văn phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh

[737] Bối-đa, gọi đủ là bối-đa-la (pattra) là một loại thực vật có lá to, thường được dùng để chép kinh (thường gọi là kinh lá bối). Cây pattra có tên khoa học là laurus oassia, gồm nhiều loại, loại cây có lá được dùng phổ biến nhất là cây đa-la (tāla). Cây đa-la thân cứng, lá dài, chất lá dày. Để chép kinh, người ta đem lá phơi khô, cắt thành từng miếng vuông vức, hai bên khoét lỗ để buộc dây xâu lại cho khỏi thất lạc, dùng kim trổ chữ trên lá rồi dùng mực bôi lên để hiện chữ.

[738] Ô-đồ (Odra), đôi khi còn phiên là Ô-trà, là một vương quốc cổ ở Đông Ấn Độ, nay thuộc vùng Orīssa. Sử Trung Hoa thường chép sai thành nước Ô-tràng. Theo Đại Đường Tây Vực

Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, gồm 40 quyển. Ba mươi chín quyển đầu chính là phẩm Nhập Pháp Giới trong bản Hoa Nghiêm 80 quyển, nhưng văn nghĩa tường tận hơn. Quyển thứ 40 thì trong hai bản dịch đời Tấn và Đường đều không có, phần này chính là phần kinh văn nêu rõ sau khi ngài Phổ Hiền khen ngợi công đức của Phật xong bèn khuyến tấn vãng sanh Tây Phương. Khi ấy, quốc sư Thanh Lương cũng tham dự trong dịch trường, trước đấy ngài đã sớm đích thân soạn sớ sao cho bản 80 quyển để lưu truyền, ngài bèn đặc biệt soạn riêng một bản sớ cho quyển kinh này để lưu truyền riêng. Ngài Khuê Phong viết lời sao để xiển dương rộng rãi thêm. Ngài lại soạn sớ cho toàn bộ kinh văn trong 40 quyển. Trải qua nhiều cuộc tang thương bị thất truyền đã lâu. Gần đây, bản sớ giải ấy được đưa từ Đông Doanh (Nhật Bản) về lại Trung Hoa.

Cho nên biết một quyển kinh này chính là phần quy túc của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Trong Hoa Nghiêm thế giới hải[739] có vô lượng vô biên cõi Tịnh độ, nhưng ắt phải lấy cầu sanh về Tây Phương làm hạnh để viên mãn Phật quả; đủ biết một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương vốn bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm. Nhưng do phàm phu, Nhị thừa chẳng dự hội này, không cách chi vâng nhận được,

---

Ký, xứ ấy khí hậu ôn hòa, con người dáng vẻ khôi ngô, ham học, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, sùng phụng Phật giáo Đại thừa.

[739] Kinh Hoa Nghiêm chia các cõi Phật thành hai thứ: Quốc độ hải và thế giới hải.

1. Quốc độ hải là cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn, là y báo để tự thể của chính đức Phật hưởng dụng trên Phật quả, tức là cảnh giới viên dung tự tại không cách nào hình dung được. Chỉ có mình đức Phật thấu hiểu, cảm nhận được, ai chưa thành Phật sẽ không cách nào nhận biết được.

2. Đối lập với quốc độ hải là thế giới hải, tức là các cảnh giới, cõi nước dành cho những đối tượng đức Phật giáo hóa. Do nhìn về phương diện chưa giác ngộ viên mãn sẽ có mười pháp giới nên thế giới hải còn gọi là *thập Phật nhiếp hóa chư thế giới chủng*, tức là cùng một cõi Phật, nhưng do trình độ chứng ngộ sai khác sẽ thấy khác nhau, cảm nhận khác nhau. Mức độ nhận thức về Phật trong mười pháp giới ấy khác nhau nên nhìn về mặt hình tướng dường như có đến quả vị Phật nơi mười pháp giới khác nhau. Vì thế, gọi là thập Phật. Thế giới hải lại được chia thành ba loại lớn:

a) Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới hải (còn gọi gọn là Liên Hoa Tạng thế giới, Hoa Tạng giới), là cảnh giới sở chứng của bậc Chứng nhập sanh, tuy có thể diễn nói được, nhưng cũng chỉ là hình dung đại lược đôi phần. Các hình tướng trong thế giới ấy trùng trùng duyên khởi vô cùng vô hạn giống như những hạt châu trong lưới Thiên đế phản chiếu lẫn nhau.

b) Thập Chủng thế giới hải, gồm mười thứ ở ngoài tam thiên đại thiên thế giới, tức thế giới tánh, thế giới hải, thế giới luân, thế giới viên mãn, thế giới phân biệt, thế giới toàn, thế giới chuyển, thế giới liên hoa, thế giới tu-di, thế giới tướng. Tức là những cảnh giới được thấy bởi bậc Thập địa Bồ-tát.

c) Vô Lượng Tạp Loại thế giới hải, nói về hình trạng của các thế giới giống như núi Tu-di, như bánh xe, như sông ngòi, như lầu, đài v.v..

Nói chung, tùy theo mức độ chứng ngộ mà thấy đủ mọi loại thế giới, nhưng các thế giới ấy đều viên dung vô ngại. Do vậy, gọi chung là Hoa Nghiêm thế giới, tức là khu vực được giáo hóa bởi đức Tỳ-lô-giá-na.

cho nên trong hội Phương Đẳng, đức Phật mới vì khắp hết thảy phàm phu, Nhị thừa và các Bồ-tát, tuyên nói kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A-di-đà, khiến cho họ đều biết nhân hạnh quả đức của Phật Di-đà, sự trang nghiêm thù thắng của Tịnh độ, sự tu nhân chứng quả của hành nhân, ngõ hầu hết thảy phàm phu đầy dẫy triền phược và hàng Nhị thừa đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc cùng với bậc Pháp thân đại sĩ đã phá vô minh hoặc đều cùng thoát khỏi cõi ngũ trược này, sanh lên chín phẩm sen trong cõi kia ngay trong đời này để tấn tu dần dần mãi cho đến khi viên mãn Bồ-đề mới thôi.

Pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ lớn lao thay! Mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy thành chung đều nhờ vào đây, dẫu muốn tán dương trọn hết kiếp cũng chẳng thể cùng tận. Bạn tôi là Dật Nhân[740] thường tụng kinh này, muốn in ra rộng rãi, Quang khuyên nên in toàn bộ Tịnh độ ngũ kinh để cho người ta hiểu rõ nguyên do của việc hồi hướng vãng sanh dạy trong kinh này, có vậy thì dù sự hay lý, dù nhân hay quả mỗi mỗi đều rõ ràng, trọn chẳng áy náy gì nữa. Do sư đã trót phát nguyện, cho nên in trước một vạn cuốn, sau đấy sẽ chuyên in Tịnh độ ngũ kinh. Bởi vậy, tôi thuật bày duyên khởi của kinh này và Tịnh độ ngũ kinh như thế đó!

(Ngày Rằm giữa xuân năm Bính Tý âm lịch,
tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

7. Lời tựa cho tác phẩm Hám Sơn Đại Sư Niên Phổ Sớ

Mạnh tử nói: *"Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ"* (Hễ còn nghèo cùng thì giữ cho riêng mình thiện, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho thiên hạ cùng thiện), đây là lời luận định dựa theo pháp thế gian. Nếu luận theo Phật pháp, khi hiển đạt, cố nhiên nên làm cho người khác cùng được thiện, nhưng trong khi nghèo cùng vẫn có thể làm cho người khác được thiện. Nghiêm trì giới luật, đôn đốc luân thường, lấy thân làm gương để đốc thúc người khác, khiến cho hết thảy mọi loài đều nhìn theo bắt chước làm lành. Đợi khi cái tâm vui sướng hướng theo đã dấy lên rồi, bèn dạy cho họ biết sự lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, tâm vốn là Phật nhưng phải do nhân duyên niệm Phật vãng sanh thì mới đích thân chứng được". Phàm những kẻ hữu tâm, không ai chẳng vui vẻ thuận theo. Vì thế các bậc cao tăng đời trước đi đến đâu cũng thường có nhiều người quy y, so với sự giáo hóa cai trị của nhà vua còn tạo lợi ích sâu đậm hơn.

Vào cuối đời Minh, kỷ cương của vương triều suy đồi, đại thần không có quyền hành, những kẻ nắm quyền đều là bọn thái giám vô tri vô thức. Kẻ gian ác

[740] Dật Nhân chính là biệt hiệu của hòa thượng Chân Đạt.

ỷ quyền làm chuyện tệ hại, kẻ mang ý nguyện chân thật thì thiếu tài trí để lập phương cách cứu vãn đến nỗi dân khốn đốn, nước nguy ngập, hết cả thuốc chữa. Hám Sơn, Tử Bách, Liên Trì, Diệu Phong cùng xuất hiện trong thời ấy, ngầm giúp cho đạo bình trị, thầm cải thiện cuộc sống nhân dân rất lớn. Vì hoằng pháp, ngài Hám Sơn bị vu cáo, bị đày đi làm lính thú[741] ở Quảng Châu. Ngài đã cứu nhân dân đất Việt (Quảng Đông), giữ cho xã tắc tồn tại lâu dài vừa sâu vừa xa. Nếu ngài Hám Sơn chẳng bị đày đi làm lính thú ở Quảng Châu, dân Quảng châu đã sớm lâm vào cảnh hiểm, tạo thành mối lo cho nước nhà. Những chuyện như dẹp bỏ thuyền chặn xét thu thuế, dẹp yên sự nổi loạn của dân chúng, đem lại hòa bình cho Khâm Châu v.v. đều do sư khuyên nhủ một buổi mà giải quyết xong. Nếu chẳng phải là bậc thừa nguyện thị hiện giáng sanh cứu dân trong cơn nước lửa thì làm sao đạt được như thế? Các vị cư sĩ như Diệp Ngọc Phủ v.v. lập chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo, đấy chính là chỗ ngài Hám Sơn do hoằng pháp mà bị vu báng. Nghĩ đến đức sâu của ngài Hám Sơn, bèn đặc biệt in bộ Niên Phổ Sớ, ngõ hầu sau này ai đọc đến sẽ đều nức lòng vậy!

8. Lời tựa cho tập sách Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn

Sự tình sát sanh ăn thịt thê thảm lắm thay, lại còn di họa vừa sâu vừa xa! Con người và loài vật đều cùng bẩm thụ sự sanh thành trưởng dưỡng của trời đất mà sống, cùng được hưởng cái thân huyết nhục, cùng có tánh linh tri, cùng biết tham sống sợ chết, hướng lành tránh dữ, quyến thuộc đoàn tụ thì vui sướng, ly tán bèn đau xót, được ban ân thì cảm ơn, bị làm khổ thì ôm lòng oán hận, mỗi một điều đều giống như nhau. Hiềm rằng loài vật do sức ác nghiệp đời trước phải đọa làm súc sanh, hình thể khác biệt, miệng chẳng thể nói được. Lẽ ra con người phải thương chúng nó bị đọa lạc, mong cho chúng nó đều được sống yên vui. Sao lại nỡ lòng vì chúng nó hình dạng khác biệt, trí lực thấp kém, bèn xem chúng như thức ăn, cậy vào trí lực, tài lực của chính mình để vây bắt khiến chúng nó chịu nỗi khổ cùng cực "dao chặt, nung nấu" nhằm sướng miệng, thỏa bụng ta trong chốc lát vậy thay?

---

[741] Lính canh giữ biên phòng gọi là thú. Phạm tội bị đày ra biên cương làm lính canh thì gọi là "trích thú". Do ngài Hám Sơn được Thái hậu nhà Minh đặc biệt tôn sùng, kính ngưỡng, cúng dường sư rất trọng hậu, Minh Thần Tông vốn hâm mộ Đạo giáo, lại bực bội vì Thái hậu đã dùng khá nhiều tiền để cúng dường Phật giáo cũng như hỗ trợ sư trong công cuộc hoằng pháp nên khi bọn đạo sĩ ở Lao Sơn vu cáo sư tu bổ chùa Hải Ấn đã chiếm đoạt đạo quán, vua liền thừa cơ khép tội sư lén lút tu bổ chùa, tự tiện xây dựng chùa Trạm Sơn, chiếm đoạt điền sản của đạo sĩ, đày sư đi làm lính thú ở Lôi Châu (Quảng Châu) vào năm Vạn Lịch 23 (1595). Trong suốt thời gian bị đi đày ở Quảng Đông, sư dùng thân phận tù nhân hoằng dương giáo pháp, đạo phong ảnh hưởng rất lớn. Mãi tới năm Vạn Lịch 42 (1614), Thái hậu mất, vua mới xuống chiếu cho sư được mặc lại tăng phục.

Kinh dạy: "Hết thảy những loài có mạng sống, không một loài nào chẳng yêu mến thọ mạng." Cứ từ ta suy ra, ắt sẽ hiểu, đừng giết, đừng đánh đập. Ông Hoàng Sơn Cốc nói:

Thịt ta, thịt chúng sanh,
Tên khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ thân xác khác nhau,
Khổ não bọn chúng chịu,
Béo ngọt ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!

Chỉ vì con người chẳng biết đặt mình vào hoàn cảnh ấy để xét lại, đến nỗi đem chuyện khổ sở cùng cực, thảm thiết cùng cực giáng xuống thân loài vật mà lòng vui sướng, tự bảo mình có phước, chẳng biết phước thọ đã vun bồi từ đời trước sẽ bởi đấy mà dần dần bị tiêu diệt, trong vị lai sẽ đời đời phải hứng chịu những nỗi khổ độc chẳng có lúc nào xong. Nếu trong lúc sát sanh ăn thịt mà nghĩ đến chuyện này, dẫu có kẻ đem cái chết uy hiếp buộc phải sát sanh ăn thịt, vẫn chẳng dám làm.

Trong niên hiệu Đồng Trị - Quang Tự nhà Thanh, tiên sinh Lương Kính Thúc ở Phước Châu đã soạn Khuyến Giới Lục, ghi chép những quả báo nhãn tiền do sát sanh. [Trong sách ấy có chép truyện] huyện lệnh Bồ Thành là ông X… kiêng sát sanh đã lâu, nhưng bà vợ tánh nết bạo ngược, hung hăng, lại tham ăn tục uống, hằng ngày lấy chuyện giết mổ chúng sanh làm điều khoái trá. Gặp ngày sinh nhật, sai đầu bếp chuẩn bị đầy đủ sẵn. Dưới bếp, lợn dê lủ khủ, gà ngỗng cả bầy, vươn cổ kêu ai oán, sẽ đều bị giết sạch. Ông ta trông thấy thương xót, bảo vợ: "Đúng hôm sinh nhật bà, chúng nó sẽ lâm vào tử địa, lẽ ra nên phóng sanh để cầu phước thọ." Bà vợ trả treo: "Nếu tuân theo lời dạy, cấm nam nữ chung đụng, kiêng sát sanh thì mấy chục năm sau nhân loại tuyệt diệt, khắp thiên hạ đều là cầm thú. Ông đừng thốt lời lẩm cẩm ấy nữa, tôi chẳng bị kẻ khác gạt đâu!" Ông ta biết không thể khuyên răn được, thở dài bỏ đi.

Đêm hôm ấy bà vợ ngủ say, bất giác mộng thấy thân đi xuống bếp, thấy đầu bếp mài dao xoèn xoẹt, bọn tôi trai tớ gái đứng vây quanh xem. Chợt thấy hồn mình hợp làm một với thân lợn, gã đầu bếp trước hết trói chặt bốn vó lợn, đặt lên một cái ghế gỗ to, chẹn đầu lợn, cầm dao bén chọc vào yết hầu lợn, đau thấu tâm can. Lại nhúng vào nước sôi sùng sục, cạo lông khắp thân, đau khắp mình mẩy. Lại xẻ từ cổ xuống đến bụng, đau đớn cùng cực khó chịu đựng được. Hồn bèn

cùng với ruột gan tan nát, cảm thấy bồng bềnh không nơi nương tựa. Một lúc lâu sau lại thấy gá vào thân dê, sợ hãi tột cùng, gào lên cuồng loạn, nhưng bọn tôi trai tớ gái vẫn ngây ngô cười hềnh hệch như thể không một đứa nào thấy nghe gì. Nỗi thảm do bị cắt xẻ nơi thân dê ấy còn gấp bội lần thân lợn. Rồi lại cắt cổ gà, mổ vịt, không con nào bị làm thịt mà bà ta chẳng đích thân hứng chịu nỗi khổ.

Mổ xẻ khắp loạt rồi, vừa mới hơi hoàn hồn thì một người đầy tớ già cầm một con cá chép vàng óng ánh đến, hồn bà ta lại nhập vào thân cá, nghe một đứa tớ gái vui vẻ hô: "Phu nhân khoái ăn món này lắm, bà ta đang ngủ say. Hãy mau giao cho nhà bếp làm món canh cá viên để làm món điểm tâm." Liền có người cạo vảy, lóc mật, chặt đầu, vạt đuôi. Khi cạo vảy thì giống như bị tùng xẻo, khi cắt bỏ mật thì như bị mổ bụng. Rồi lại bị đặt lên thớt, phầm phập băm vụn ra. Khi ấy, cứ mỗi nhát dao là một lần đau đớn, giống như đã hóa thành trăm ngàn vạn ức thân hứng chịu hình phạt lăng trì vậy. Tận hết sức hét lên như điên cuồng mới tỉnh ngủ, con hầu bé bước vào thưa: "Món cá viên đã nấu xong, mời phu nhân dùng điểm tâm." Liền lập tức bảo bỏ đi. Hồi tưởng lại cảnh sợ hãi, mồ hôi đẫm như mưa, do vậy dặn đầy tớ bãi bỏ tiệc tùng. Ông cật vấn cặn kẽ, bà bèn thuật chuyện đầy đủ, ông cười nói: "Bà một mực không chịu tin Phật, nếu chẳng hứng chịu các nỗi khổ não, làm sao có thể buông dao đồ tể xuống được?" Bà vợ chỉ lắc đầu không nói. Từ đấy thôi ăn mặn mà ăn chay cùng giữ giới kiêng sát sanh. Đấy là chuyện trong niên hiệu Gia Khánh.

Hình thể giữa người và vật do tội hay phước mà sai khác, đã may mắn được làm người thì phải nên thương xót loài vật cùng mang cái thân máu thịt này, cùng có tánh linh tri này mà tìm cách cứu vớt, che chở để bọn chúng thoát lìa sự giết chóc thì người ấy đời đời sẽ được làm người. Nếu lại còn có thể tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sẽ cậy vào sức từ tâm không giết ấy mà sẽ từ tạ Sa-bà mãi mãi, mau thoát nỗi khổ luân hồi, cao đăng An Dưỡng, vĩnh viễn hưởng niềm vui chân thường. Nếu coi loài vật là thức ăn rồi mặc tình tàn sát thì khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, thần thức sẽ đọa trong loài ấy, dẫu có hối cũng chẳng ích gì!

Hơn nữa, vị phu nhân được nhắc đến trong câu chuyện trên đây tánh tình tàn nhẫn hung ác, trọn chẳng thể đem tình lý khuyên nhủ được, nhưng do một đêm nằm mộng liền thôi ăn mặn mà ăn chay, kiêng giết, phóng sanh. Do vậy biết rằng con người và loài vật vốn không hai. Đời sống giống như giấc mộng, sự lý tương đồng. Nếu chẳng mau chóng sửa đổi tâm trước, khó khỏi hứng chịu quả báo sau này. Hễ sanh làm dị loại thì đời đời kiếp kiếp thường bị giết chóc, muốn lại được làm thân người, trọn chẳng có lúc nào. Vì thế sau khi nằm mộng bèn liền giác

ngộ. Do đích thân cảm nhận nỗi khổ thảm khốc, chỉ sợ đời sau phải chịu đựng lần nữa. Nhưng vị phu nhân ấy trong đời trước vốn có thiện căn lớn lao nên mới lấy được người chồng từ thiện, nhưng vì mê muội sâu nặng nên trải qua mấy chục năm hun đúc vẫn chẳng thể cảm hóa được bà ta. Nếu chẳng nằm mộng thấy như thế thì nỗi khổ trong tương lai sẽ chẳng thể nào nói được nổi.

Kính khuyên người đời ai nấy đều nghĩ đến điều này thì sẽ thấy hết thảy các thứ thịt giống như thịt của chính mình. Dẫu bị uy hiếp, dùng cực hình khống chế vẫn chẳng dám ăn, huống hồ chẳng bị ai sai khiến ư? Quan Đạo doãn xứ Cối Kê là Hoàng Hàm Chi bẩm tánh nhân từ, ăn chay thờ Phật, do thấy gần đây thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra, nguyên do phần lớn là do sát sanh ăn thịt mà khởi. Do vậy, liền viết cuốn Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn (văn khuyên kiêng giết, phóng sanh) bằng thể văn bạch thoại, cho đúc bản kẽm để lưu truyền nhằm mong độc giả đều cùng phát khởi tấm lòng trung hậu, khoan dung, trắc ẩn, không nghĩa nào chẳng rõ, không điều nghi chẳng cởi gỡ. Lại còn được pháp sư Đế Nhàn thuộc chùa Quán Tông ước theo nghĩa "đồng thể duyên sanh" và ý chỉ của các kinh Phạm Võng, Lăng-nghiêm, Lăng-già v.v. để viết lời tựa, còn Quang thì dựa theo tình lý và những sự thực trong cõi đời gần đây để phụ họa thêm, ngõ hầu những ai biết yêu thương chính mình sẽ đều cùng yêu thương loài vật

(Mùa xuân năm Dân Quốc 13 - 1924)

9. Lời tựa quyên mộ lập hội Một Vạn Người Kết Duyên Cùng Sanh Tây Phương của chùa Kim Đài tại Đan Dương

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo trải kiếp lâu xa, không được cứu vớt, không chỗ quay về, chịu các thứ khổ sở, cay đắng không thể thoát khỏi. Do vậy, dấy lòng vô duyên từ, vận lòng đồng thể bi, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội. Trong thời gian ấy, do tùy theo căn cơ mà lập giáo sai khác, do duyên mà pháp khác biệt. Đại, Tiểu, Thiên, Viên, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm, thảy đều thuận theo cơ duyên khiến cho mỗi căn cơ đều được lợi ích. Nhưng trong số ấy, tìm lấy một pháp thích hợp cả ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hải hội, nhất định ra khỏi luân hồi ngay trong một đời này thì không gì thù thắng siêu tuyệt bằng "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương". Vì thế các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v., các vị đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền v.v., các vị đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v., đều cùng cực lực tán thán, khuyên khắp hết thảy mọi người tu trì.

Tới khi đại giáo được truyền sang Đông, đại sư Viễn công ẩn cư tại Lô Sơn, sáng lập liên xã, hoằng dương, lưu truyền rộng rãi pháp này. Lúc kết xã lần đầu tiên, cao tăng, đại Nho dự hội gồm 123 vị. Nếu tính suốt đời ngài, trong ba mươi mấy năm, những người tham dự liên xã niệm danh hiệu Phật, được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khôn kể xiết. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương Liên tông, hướng dẫn làm lợi hàm thức. Trong thời hai vua Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, pháp sư Tỉnh Thường trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, tỉnh Chiết Giang, hâm mộ di phong Lô Sơn, kết liên xã Tịnh Hạnh. Văn Chánh Công Vương Đán là người quy y đầu tiên, trở thành người xướng suất hướng dẫn. Phàm là những vị quan to, hạng quyền thế, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào liên xã cũng được một trăm hai mươi mấy vị, hàng sa-môn lên đến mấy ngàn, còn thường dân khó lòng kể xiết.

Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan trải bốn đời vua Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông nhà Tống ra vào làm quan, làm tướng năm mươi mấy năm, làm quan đến chức Thái sư, được phong là Lộ Quốc Công, bình sinh dốc lòng tin tưởng Phật pháp. Tuổi già càng dốc sức hướng về đạo, chuyên tâm niệm Phật chưa từng lười nhác chút nào, cùng pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô lập hội mười vạn người cầu sanh Tịnh độ. Trong thời ấy, đa số hàng sĩ đại phu được ông giáo hóa; ông thọ đến 92 tuổi, niệm Phật qua đời. Ông có làm một bài tụng như sau:

Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương thập vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu kế hoạt,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.

(Biết anh gan lớn bằng trời,
Tây Phương xin hãy kết mười vạn duyên,
Chẳng nhằm tính kế sống riêng,
Mọi người đều đã bước lên đầu thuyền.)

Chùa Kim Đài là chốn thù thắng ở Đan Dương, là đạo tràng Tịnh độ. Thoạt đầu là đạo quán[742], chính là chỗ Thầm Mẫu[743] đời Tấn tu luyện bay lên vậy. Đến

[742] Đạo quán: Miếu thờ và đạo tràng tu tập của đạo sĩ, còn gọi là đạo viện.
[743] Thầm Mẫu tức Thầm Anh, là người nước Ngô thời Tam Quốc. Theo Thái Thượng Linh Bảo Tịnh Minh Tông Giáo Lục, Thầm Mẫu vốn là người xứ Hoàng Đường, quận Đan Dương, tu tiên, tóc bạc phơ, mặt như trẻ thơ, răng tóc không rụng, nên người đời gọi là Anh Mỗ (bà cụ già có vẻ mặt như trẻ con), dân gian liền đồn đại bà ta đã đắc đạo. Sách Thanh Vi Tiên Phổ ghi: "Thượng Thanh Nguyên Quân Tây Hóa Thánh Mẫu, còn có hiệu là Linh Bảo Tịnh Minh Hoàng Tố Thiên Tôn, chính là nữ chân nhân Thầm Mẫu vậy, được bậc cao tiên cõi trời Thượng Thanh

đời Tống đổi tên thành Tiên Đài Quán. Từ đời Tống đến đời Thanh có lúc hưng, lúc suy khác nhau. Trong niên hiệu Hàm Phong, bị đốt trụi trong chiến tranh, trở thành khoảng đất trống. Đến giữa niên hiệu Đồng Trị, đại sư Bảo Lâm và bốn người cùng chí hướng vân du đến nơi đây bèn kết lều tranh để ở, dần dần lập liên xã, tiếp đãi người lui tới tu tập. Đến năm Quang Tự 23 (1897), xây dựng đại điện. Do vậy điện đường, liêu xá mới hơi hoàn bị, kham làm nơi cho tăng chúng an trụ tu hành; tông chỉ của họ là chuyên tu tịnh nghiệp cầu lên thượng phẩm, vì thế đặt tên chùa là Kim Đài (đài vàng).

Năm Dân Quốc thứ năm (1926) đặc biệt lập ra quy ước, vĩnh viễn biến chùa thành thập phương thường trụ, sai pháp đồ là Huệ Môn,Tâm An, Học Tài, Bồi Căn v.v. nối tiếp làm trụ trì. Học trò sư là Phổ Đạo, sau khi xuất gia, tham yết khắp các danh sơn, đến tận Ấn Độ. Phàm những nơi thánh tích rành rành của đức Thích-ca đều đến lễ bái, gặp gỡ cao nhân thật nhiều. Lúc trở về thỉnh được một bức tượng Phật bằng ngọc, mấy viên chân thân xá-lợi của Như Lai, đáng gọi là "mộ đạo, trọng pháp", chẳng sợ gian nan, cay đắng.

Trụ trì hiện thời là Bồi Căn, muốn lập mấy gian niệm Phật đường để làm chỗ tinh tấn tu trì tịnh nghiệp quanh năm. Lại lo chùa không có tài sản cố định, sau này sẽ khó lòng duy trì vĩnh viễn, cũng như muốn cho khắp những ai hữu duyên đều được thấm nhuần pháp lợi, thẹn chẳng có đạo phong như Lô Sơn, Chiêu Khánh, lại chẳng có sức của một vị thầy nghiêm túc như Lộ Công. Do vậy bèn châm chước, lập ra hội Một Vạn Người Kết Duyên. Phàm những ai gia nhập hội đều bỏ ra một đồng, dùng công đức của một vạn người để tậu hết ruộng đất, lấy hoa lợi thu được hằng năm để cung cấp chi phí cơm áo cho các vị sư niệm Phật, ngõ hầu có cái vốn để tu trì, hành đạo không bị trở ngại, suốt đời quy mạng, dốc lòng thành cho đến hết báo thân, thoát Sa-bà, sanh về Cực Lạc, vượt dòng phàm, dự vào hội thánh, đều do một vạn người thành tựu.

Chế ra một tấm bảng hình hoa sen ghi tên hết những người bỏ tiền ra, treo hai bên vách của niệm Phật đường để mong họ vĩnh viễn được hưởng Phật quang, thường nghe Phật hiệu. Do Phật lực, pháp lực, sức tu trì cầu nguyện khẩn thiết của chúng tăng mà trong đời hiện tại tội chướng sẽ ngầm tiêu, các duyên thuận thảo, thích hợp, sẽ hưởng năm điều phước như Cơ Tử đã luận, trọn đủ tam đa như người được sắc phong ở đất Hoa đã chúc tụng[744]. Lâm chung sẽ được Phật tiếp

---

truyền cho ba chương Thượng Minh Ngọc Thư, ngầm tu đạo mầu, cảm được ngọc phù (ấn bùa bằng ngọc), sanh lên cung Tây Hóa Tịnh Quang trên cõi trời."

[744] Tam đa là đa phước, đa thọ, đa tử (nhiều phước, lắm thọ, đông con cháu). Đây là một điển tích thường được biết đến bằng từ ngữ "Hoa phong tam chúc". Điển tích này xuất phát từ đoạn văn sau đây trong thiên Thiên Địa sách Trang Tử: *"Nghiêu quán vu Hoa, Hoa phong nhân đối:*

dẫn vãng sanh Tây Phương, giã biệt tám sự khổ trong nhân gian, lìa năm thứ suy trong đường trời[745]. Từ đấy thường hầu Phật Di-đà, hằng dự vào hải chúng, nghe viên âm mau thấu hiểu tự tánh, thấy diệu cảnh triệt chứng duy tâm. Niềm vui ấy chẳng thể nào ví dụ được! Những người giúp cho kẻ khác được thành tựu bằng cách bỏ ra một bữa ăn của chính mình để giúp cho người khác thành tựu sẽ hưởng quả báo đến tận đời vị lai trọn chẳng có lúc nào hết. Có ai muốn siêu độ tiên vong và tự cầu vãng sanh thì xin hãy ghi phương danh, cùng đăng tên trên bảng sen.

10. Lời tựa cho lưu thông bộ Phật giáo Tịnh nghiệp xã (bộ phận phát hành kinh sách của Phật giáo Tịnh nghiệp xã)

Phật pháp là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử. Giữ thân xử thế, mong thành thánh thành hiền, cùng lý tận tánh, liễu sanh thoát tử, không gì chẳng được Phật pháp giúp cho thành tựu từ đầu cho đến cuối. Ấy là vì đức Như Lai thuyết pháp tùy thuận căn cơ của chúng sanh, đối với kẻ căn cơ nông cạn thì ngài dạy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thâm nhập sâu dần ắt sẽ có thể đạt đến mức tam nghiệp thanh tịnh, nhất tâm viên minh; đối với kẻ căn cơ sâu thì ngài liền giảng diệu lý tâm tánh khiến cho họ lập tức ngộ nhập, nhưng công phu tu trì vẫn chẳng rời những chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận v.v.. Đấy gọi là: "Pháp không cạn sâu, cạn hay sâu do người. Người căn tánh viên đốn nhận lãnh pháp thì không pháp nào chẳng viên."

Những kẻ chỉ chú trọng bàn nói điều huyền lẽ diệu, miệt thị sự tướng nhân quả và pháp môn niệm Phật đều là vì chưa thể thấu hiểu cặn kẽ: Đức Như Lai chứng đắc triệt để tâm tánh, thành đạo Bồ-đề đều do trải bao kiếp tu các điều lành, tích công lũy đức mà ra! Muốn chứng tâm tánh để thành giác đạo, nếu chẳng thực hiện từ "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng

---

'Thỉnh chúc thánh nhân, sử thánh nhân phú, sử thánh nhân thủ thọ, sử thánh nhân đa nam tử" (Vua Nghiêu đến thăm đất Hoa, người được sắc phong ở đất Hoa thưa: 'Xin chúc thánh nhân, mong cho thánh nhân giàu có, mong cho thánh nhân sống thọ, mong cho thánh nhân nhiều con trai).

[745] Ngũ suy: Năm tướng trạng hoặc dấu hiệu chứng tỏ một vị trời sắp hết tuổi thọ. Nếu nói chi tiết thì theo như kinh Tăng Nhất A-hàm, quyển 24, có hai loại:

1. Tướng đại ngũ suy gồm y phục dơ bẩn (y phục chư thiên luôn thơm sạch, sáng láng, lúc tuổi thọ sắp hết tự nhiên sanh dơ bẩn), hoa trên mão tự nhiên bị héo, dưới nách toát mồ hôi, thân thể bốc mùi hôi hám, chẳng còn ưa thích tòa ngồi của chính mình.

2. Tướng tiểu ngũ suy: Tiếng nhạc không còn trỗi lên (do phước báo, cõi trời thường tấu âm nhạc, nhưng đến lúc một vị trời sắp hết thọ mạng, tự nhiên không còn nghe thấy tiếng nhạc), ánh sáng nơi thân bị tắt mất, nước tắm dính vào thân, sanh lòng tham đắm vào cảnh bên ngoài không buông bỏ được, mắt chớp lia lịa.

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" thì có khác nào chim không cánh lại muốn bay, cây không rễ lại muốn sum suê đó ư?

Quang lạm dự vào tăng chúng đã 50 năm, chẳng có ích gì thế gian lẫn xuất thế gian, thường nghĩ thế đạo, nhân tâm ngày càng đi xuống, tính lưu thông thiện thư và những sách Phật đơn giản, gần gũi để mong vãn hồi. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), bèn khắc in An Sĩ Toàn Thư. Sách này dựa ngay trên nhân quả trong thế gian để làm sáng tỏ chân lý của đạo Nho, đạo Thích, người trí đọc đến sẽ lên thẳng bờ giác, kẻ ngu xem tới cũng thoát đường mê. Đến năm Dân Quốc thứ mười (1921), có người bạn khuyên nên in theo dạng rút nhỏ để lưu truyền khắp cả nước; nhưng do người hèn kém, đức mỏng manh, chỉ quyên mộ in được năm sáu vạn bộ. Sau đấy lại có người tiếp tục in ra, cũng được năm sáu vạn bộ. Ấn Quang Văn Sao cũng in mấy vạn.

Ngoài ra những loại sách chỉ có một cuốn thì cũng có tới mười mấy thứ tùy duyên in ra để biếu tặng. Cuốn Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú của ông Hoàng Hàm Chi đã in mấy vạn bản. Tâm Kinh và Triêu Mộ Công Khóa Bạch Thoại Chú (chú giải khóa tụng sáng tối bằng thể văn bạch thoại) cũng là những sách được người học Phật thích xem. Cuốn Quán Âm Bổn Tích Tụng của Hứa Chỉ Tịnh đã in được tám vạn bản. Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ đã in sáu vạn bản. Về sau này, bộ sách này sẽ được in ra đến mấy chục trăm vạn bản, quả thật là một bộ sách sẽ tạo căn cứ lớn lao cho sự vãn hồi thế đạo nhân tâm. Các loại sách ấy đều có lưu lại chỉ bản, hoặc hai ba bốn bức khác nhau, để mong sau này sẽ được tiếp tục in. Quang già rồi, muốn diệt tung tích, ẩn náu lâu dài để đợi lúc lâm chung, nhưng các vị Vương Nhất Đình, Thí Tỉnh Chi, Nhiếp Vân Đài, Trầm Tinh Thúc, Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v. và thầy Minh Đạo bàn định thiết lập bộ phận lưu thông trong Tịnh nghiệp xã, cử một hai vị chân tâm thật hạnh, tự lợi lợi tha để lo liệu chuyện ấn hành, biếu tặng, vậy thì kinh sách sẽ được cuồn cuộn nối tiếp lưu thông không ngớt.

Trừ những loại sách này ra, nếu có những sách nào hợp căn cơ ích lợi cho cõi đời cũng sẽ sắp chữ, ấn loát, lưu thông, chỉ không chấp nhận những thứ sách thu thập tràn lan, tà chánh xen tạp v.v., đến nỗi hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, ngõ hầu hết thảy những người cùng hàng trong hiện tại và vị lai đều cùng mở mang chánh kiến, đều cùng gội ân Phật. Từ đấy biết nhân quả, cẩn thận đối với tội phước, dứt cạnh tranh, đề cao lễ nghĩa, nhân nhượng, thay đổi phong tục, cõi đời sẽ lại được giống như thuở Đường Ngu, vật sung túc, dân bình yên, tự cùng hưởng thái bình nào có khó chi?

11. Lời tựa cho tờ niên san số thứ hai của Phật giáo Tịnh nghiệp xã ở Vô Tích

Hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng ra ngoài nhân quả, có kẻ chẳng tin chê là mờ mịt, chẳng thể truy cứu, nên thành ra bỏ thiện nhân, thiện quả, để chọn lấy ác nhân, ác quả. Bởi lẽ, tin nhân quả thì sẽ dè dặt, kinh sợ, răn dè, cẩn thận ngay trong những nơi không ai thấy được, kiêng nể ngay trong chỗ không ai nghe được, tu sửa đức mình. Không tin nhân quả thì sẽ phóng túng, tà vạy, xa xỉ, trọn chẳng kính sợ mạng trời, khinh miệt ngôn giáo của thánh hiền, buông tuồng không nể nang. Vì thế kinh Thư nói: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm lành thì trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành thì trăm nỗi tai ương giáng xuống). Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà chất chứa điều lành ắt sự vui có thừa, nhà chất chứa chuyện chẳng lành ắt tai ương có thừa). Gia đình hưng thịnh hay suy sụp, đất nước bình yên hay loạn lạc không gì chẳng do vì lẽ này gây nên.

Vì thế Khổng tử muốn làm sáng tỏ minh đức phải lấy "cách vật" (trừ khử vật dục) làm gốc. "Vật" (物) là gì? Chính là những thứ tư dục chẳng hợp lẽ trong tự tâm. "Cách" (格) là gì? Như người mạnh mẽ chiến đấu với giặc, ắt mong sao tư dục phải tháo chạy ra xa. Tư dục trong tự tâm đã bị trừ khử rồi thì chánh tri sẵn có sẽ tự hiển lộ, đúng đúng sai sai đều rõ ràng, ý thành, tâm chánh, thân tu. Như vậy thì "cách vật" chính là căn bản để "làm sáng tỏ minh đức". Đã có thể trừ khử món vật tư dục thì trọn chẳng đến nỗi có những tri kiến tà vạy, sai bậy không hợp lý. Do vậy sẽ tấn tu không ngừng, muốn chẳng đạt đến địa vị thánh hiền cũng không thể được! Tiếc cho cõi đời phần nhiều chẳng suy xét lẽ này, đều coi việc thúc đẩy tri thức của chính mình đến mức cùng cực nhằm thấu hiểu cùng tận nguyên lý của mọi sự vật trong thiên hạ là "trí tri cách vật". Đấy là coi cành nhánh như cội gốc, coi cội gốc là cành nhánh, mất mát lớn lắm!

Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh. Bước đầu tiên chỉ là có "cách vật" được hay không mà thôi! Hễ "cách vật" được thì sẽ cao đăng địa vị thánh hiền, chẳng "cách vật" được thì sẽ rớt vào loài cầm thú. Người học Phật tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, cũng chính là thể hiện ý "cách vật trí tri" vậy. Ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để dốc sức tu thiện pháp thế gian; lại hằng ngày còn thường xưng niệm vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật thì lâu ngày chầy tháng sẽ hợp với khí phận của

Phật, khi còn sống sẽ tự giống như bậc hiền thánh, lúc mất liền sanh về cõi nước Như Lai.

Ông Viên Lệ Đình ở Vô Tích xưa kia là một gã ngông cuồng, do nghe Phật pháp, biết nhân quả báo ứng đều do tự tâm cảm vời, muốn bỏ ác quả để tận lực tu thiện nhân. Do thấy chính mình may mắn đã được biết tới những điều trên đây, bèn thương xót những kẻ khác chưa ngộ, liền tập hợp những người cùng chí hướng, lập ra Tịnh nghiệp xã. Phàm những ai gia nhập đều tùy theo khả năng của chính mình mà sốt sắng hành điều lành thế gian để mong chẳng phụ bạc cái đạo làm người, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, ngõ hầu cùng sanh về cõi Cực Lạc. Nay đã hơn ba năm rồi, đem những ý nghĩa trọng yếu đã được đề xướng trong liên xã, những hành trạng tu trì của đại chúng trong liên xã và những lợi ích đạt được, cũng như những sự nghiệp đã thực hiện, những kinh phí đã dùng trong hai năm gần đây nhất, mỗi mỗi đều ghi chép đầy đủ kể từ ngày thành lập đến nay để tạo thành tờ niên san kỳ thứ hai. Ông Viên muốn đem in ra, yêu cầu tôi viết lời tựa. Do vậy bèn lược thuật đại ý của nhân quả, cách vật trí tri để trình bày. Đối với nguyên do của sự tu trì tịnh nghiệp thì đã có những kinh luận và trước thuật Tịnh độ nên không cần phải nhắc đến ở đây.

12. Lời tựa cho Hoằng Hóa Nhật Ký

Chuyện trong thiên hạ lúc thoạt đầu đều do một hai người phát khởi; rốt cuộc một người xướng, trăm người họa, cỏ rạp theo gió đùa. Huống chi đại pháp của đức Như Lai chính là đạo sẵn có trong cái tâm của chúng sanh, nhưng do mê chưa ngộ nên ai nấy đều tự trái nghịch. Một mai có bậc tiên giác bảo ban, sẽ như đến trước gương báu đích thân thấy được diện mục sẵn có của chính mình, mới biết từ trước tới nay luôn là kẻ chẳng tự biết. Do vậy buồn vui chen lẫn, tâm tình bồi hồi, đem những điều mình đã biết thưa khắp với những kẻ cùng hàng, nguyện cho khắp mọi người cùng chứng được Phật tánh sẵn có để thoát khỏi luân hồi huyễn vọng, ngõ hầu chẳng phụ danh xưng con người sánh cùng trời đất thành ba ngôi, sẵn có cái tâm bình đẳng không hai với Như Lai.

Từ khi đại pháp được truyền sang phương Đông, những bậc vua thánh tôi hiền các đời đa số đều hộ trì, lưu thông. Trong số ấy có một hai tên vua bạo ngược, dăm kẻ sĩ thiên chấp lầm lạc hủy diệt, hoặc chê bai xằng bậy, như ngửa mặt nhổ lên trời, giơ tay che mặt trời, trọn chẳng gây tổn hại gì cho bầu trời hay mặt trời được, chỉ khiến cho bọn vô tri bắt chước tạo nghiệp và bậc có trí sanh lòng thương xót sâu xa! Những nhà Nho đời sau chưa hề đọc kinh Phật, thường dựa theo những lời lẽ của bọn Hàn - Âu - Trình - Chu xúm nhau gièm báng, chẳng biết họ Hàn, họ Âu trọn chẳng hiểu gì về Phật pháp mà cứ xằng bậy chê bai những hình tích

khác với thế gian. Bọn Trình - Chu do tri kiến môn đình quá nặng, ngấm ngầm sùng phụng Phật pháp, nhưng mặt ngoài chống trái, muốn cho thiên hạ đời sau đều tưởng bọn họ đã đích thân chứng đắc tâm pháp của thánh nhân, nên thường thốt ra những lời "bịt tai trộm linh" để ngăn lấp kẻ hậu học khiến họ không học theo Phật pháp được. Nếu là kẻ tầm thường kém cỏi, ắt sẽ suốt đời chẳng thể được nhuần gội pháp trạch của Phật, hiểu biết tự tâm. Nếu là bậc đặc biệt thông đạt thì thoạt đầu bị những thuyết ấy mê hoặc, rốt cuộc ắt sẽ tin nhận Phật giáo. Như các vị Trương Quý Trực, Sa Kiện An v.v. trong đời gần đây đều đọc kỹ càng kinh Phật, thấu hiểu sâu xa lý ấy, dùng kinh để làm chứng, dùng tâm để ấn, chẳng bị chướng ngại bởi những lời ngăn chặn của bọn chúng, tiến thẳng đến pháp bình đẳng, đại đạo Bồ-đề không có cao thấp ấy của đức Như Lai.

Cư sĩ Giang Dịch Viên ở Vụ Nguyên, tỉnh An Huy, phẩm đức lẫn học vấn đều ưu tú, chí hạnh cao thượng, đảm nhiệm vai trò giáo chức đã lâu, tận tâm giảng dạy. Do quá sức mệt nhọc nên trong năm Dân Quốc thứ 10 (1921) bèn ngã bệnh nặng, các thầy thuốc ở Thượng Hải đều không chữa trị được. Ông ta vốn chẳng tin tưởng chút nào vào Phật pháp, một người bạn thương ông ta bệnh khổ, khuyên ông ta hãy ăn chay niệm Phật và niệm kinh Kim Cang, lược thuật lợi ích do niệm Phật, niệm kinh. Dịch Viên tin nhận, vâng làm, chẳng thuốc men gì mà bệnh tự lành. Cảm kích tột bậc, lắng lòng nghiên cứu mới biết Phật là đại thánh nhân, giáo pháp của ngài có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Từ đấy mới biết tâm pháp của thánh nhân Nho giáo phần nhiều đã bị vùi lấp bởi những thứ văn tự mang nặng tánh chất tri kiến môn đình của tiên Nho, liền chọn lấy pháp môn Tịnh độ là pháp "thực hiện dễ, thành công cao" để cực lực đề xướng trong làng. Do pháp này thích hợp khắp ba căn, dạy cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, đều trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Vì thế được hết thảy mọi người tin tưởng.

Ba bốn năm qua, người sanh lòng tin niệm Phật rất đông. Có người mắt đã lòa lại được sáng, có kẻ bệnh ngặt liền lành, có người biết trước lúc mất, ngồi niệm Phật qua đời. Năm trước Vụ Nguyên bị hạn hán, kỳ đảo không linh nghiệm, ông ta bèn suất lãnh mọi người niệm Phật, mưa ngọt liền trút xuống. Do vậy, bèn lập Phật Quang Xã nhằm tuyên truyền xa gần. Người cùng ấp là Trình Tiểu Bằng, sáng suốt mẫn tiệp, chuyên dốc thành thật, là giáo viên, rất ngưỡng mộ học thức và phẩm hạnh của Dịch Viên, nhưng hơi nghi ngờ sự tu trì gần đây của ông ta, chẳng biết ông Giang có bị trở thành mê tín hay không, hay là chân chánh thấy được đạo cả, do vậy liền tìm đến thân cận để giải quyết lòng ngờ.

Ông ta được Dịch Viên gần là lấy chính bản thân mình, xa là lấy muôn loài, chứng bằng kinh, ấn bằng tâm, chẳng tiếc sức thừa, uyển chuyển dạy dỗ. Ông Trình liền giống như được nhuần thấm bởi mưa đúng thời, như ngồi hưởng gió xuân, bèn dốc trọn lòng nghiên cứu, cực lực khuyến hóa. Từ Vụ Nguyên đến Hưu Ninh, cho tới Hấp Huyện, Y Huyện, cho đến Kỳ Môn, thăm viếng khắp những vị cao minh, thông đạt, sẵn lòng tin tưởng, hướng về Phật pháp để lần lượt khuyên dạy. Sau thời gian hơn nửa năm đã giới thiệu hơn 400 người tham dự Phật Quang Xã. Phàm với những nơi đi qua, những người gặp gỡ, những cảnh ngộ từng trải, gặp phải chiến tranh hay không, những chuyện phát khởi lòng tin chân thật tu trì và những lời vấn đáp giữa đôi bên, sự xướng họa giữa chủ và khách, đều chọn lấy những điều trọng yếu để ghi chép đại lược, đặt tên là Hoằng Hóa Nhật Ký.

Bản ghi chép này bất quá tùy nơi chốn, tùy duyên mà ghi chép những điều thấy nghe, tuyên nói, để mong báo cáo với Dịch Viên nhằm chứng tỏ tấm lòng vui sướng, thật sự tin phục, tận lực hoằng hóa đạo này cũng như tình cảnh: Do "con người có cùng tâm này, tâm cùng một lý này" nên vừa đề xướng đều sanh lòng chánh tín tu trì mà thôi. Thoạt đầu, ông ta không có ý định truyền bá để mong xa gần đều biết tới. Dịch Viên đọc xong, vui mừng vì thấy ông ta vừa mới nghe Phật pháp liền có được nhiệt tâm, nghị lực ấy. Các nơi trong tỉnh An Huy phong khí Tịnh độ chưa được mở mang, thế mà Tiểu Bằng xướng suất, hướng dẫn trong vòng nửa năm đã khiến cho đa số người đời sanh lòng chánh tín, tu trì tịnh nghiệp. Nếu chẳng phải ai nấy sẵn có Phật tánh, từng được thọ ân Phật từ đời trước, làm sao có thể đạt được như vậy? Do đó bèn viết lời tựa, giao phó cho thợ in khắc ván để truyền bá bốn phương nhằm mong tạo thành một căn cứ hòng cứu vãn thế đạo nhân tâm. Bất Huệ cùng Dịch Viên giao du thuận thảo, cũng như được mang tiếng ké là một thành viên của Phật Quang Xã, nên cũng gắng soạn một bài tựa để giãi bày nỗi lòng ngu thành của tôi, mong người thấy nghe đều cùng sanh lòng chánh tín, cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ, cùng thành Phật đạo đó thôi!

13. Lời tựa cho sách Gia Đình Bảo Giám

Xem khắp cổ kim, dù nhà hay nước, hưng thịnh, suy vong, bình yên, loạn lạc, chưa bao giờ chẳng lấy cái thân của cá nhân đang cầm quyền để làm cội gốc. Vì thế nói: "Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc đất nước là gia đình, cái gốc của gia đình là thân." Nhưng muốn nước nhà quật khởi, hưng thịnh, lại cần phải biết cái gốc để lập thân. "Cội gốc để lập thân" như tôi vừa nhắc đến chính là "dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đôn đốc luân thường, tin sâu nhân quả, dè dặt kiêng sợ, chỉ sợ trái vượt".

Làm được như thế thì sẽ có thể tỏa rạng được minh đức, ở yên nơi cảnh giới tốt đẹp tột cùng.

Lý ấy sự ấy, phàm những ai có hiểu biết đều có thể thực hiện được; nhưng chẳng phải là lạ lùng, đặc biệt, huyền diệu đến nỗi muốn cầu mà không được. Bởi lẽ đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh. Thất phu thất phụ nếu thực hiện được như thế thì gần là con cái và anh em trai, chị em gái, chị em dâu đều cùng nhìn theo bắt chước nhau làm lành. Lâu ngày, phong thái ấy sẽ lan ra cả làng, cả ấp. Do vậy, kinh Thi khen ngợi Văn Vương là *"hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang"* (làm gương cho vợ của chính mình, rồi đến anh em, cho đến khắp cả nước nhà) chính là do ý nghĩa này.

Nhưng thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Bởi lẽ, gia đình chính là nơi phát sanh hiền tài trong thiên hạ; cha mẹ chính là những người để bậc hiền tài trong trời đất noi gương. Giáo dục trong gia đình nghiêm ngặt, chánh đáng thì những đứa con có thiên tư sẽ có thể tỏa rạng minh đức, ở yên nơi tốt lành tột cùng, hễ cùng quẫn thì riêng mình thiện mà cũng nêu gương trong làng, trong ấp, hễ hiển đạt bèn làm cho cả thiên hạ cùng được thiện, lập đại công, dựng đại nghiệp, ân trùm hoàn vũ, thấm nhuần không ngằn mé. Con gái thì giúp chồng dạy con, giữ vững chức phận phụ nữ, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới. Lệ trạch[746] tạo lợi ích cho lẫn nhau như thế, đức đẹp càng tỏa rạng; há chẳng thể nào thuần phong mỹ tục, thiên hạ thái bình ư?

Những điều vừa nói trên đây chính là luận theo phía những kẻ có thiên tư thượng đẳng. Dẫu những kẻ thiên tư thuộc loại trung hạ cũng biết tôn kính lễ nghĩa, vâng giữ phép tắc, biết giữ yên bổn phận, quyết chẳng đến nỗi trở thành hạng ương bướng, hèn hạ, chống đối. Trong cõi đời, muốn cho gia đình lẫn đất nước được quật khởi hưng thịnh, thì cố nhiên phải nên chú trọng nơi đường lối giáo dục trong gia đình. Một người bạn tôi sẵn lòng lo toan cho đời, đau đớn nghĩ thiên tai nhân họa thường xuyên giáng xuống, nhân dân khốn khổ chẳng thể kêu gào nơi đâu, bèn đem mười thiên giáo huấn về vâng giữ luân thường, vốn là của báu gia truyền của nhà ông Thạch Thành Kim và tác phẩm Chu Tử Gia Huấn Giải

[746] Lệ trạch (麗澤): Giúp đỡ lẫn nhau, dồi mài lẫn nhau. Từ ngữ này vốn phát xuất từ một câu trích từ phần giải thích ý nghĩa quẻ Đoài trong chương Tượng Truyện của sách Chu Dịch: "Lệ trạch, Đoài, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập." Theo đó, "lệ trạch" có nghĩa là hai cái đầm thông với nhau, nước được thông thương từ đầm này qua đầm kia, giống như bạn bè trao đổi bồi đắp kiến thức, học thuyết cho nhau. Do vậy, câu trên thường được giảng là: "Quẻ Đoài giống như hai cái đầm thông với nhau [đắp đổi nước cho nhau], quân tử do kết giao với bạn bè tốt mà giảng giải, nghiên cứu, luyện tập đạo lý với nhau."

của Chu Phụng Minh ghép chung lại, đặt tên là Gia Đình Bảo Giám, tính ấn hành để lưu truyền rộng rãi, ngõ hầu những người muốn hưng khởi nước nhà trong cõi đời đều có cái để làm vốn.

Toan tính xong xuôi bèn sai Quang cất bút trần thuật những nét chánh yếu để tạo thành lời tựa. Tuy lời lẽ trong lời tựa này không phù hợp sát sao cho lắm, nhưng ý nghĩa quả thật đích xác, không dối trá. Nguyện những người yêu nước thương nòi, thương yêu con cái trong cõi đời, mỗi người đều giữ lấy một cuốn để giáo hóa, chỉ dạy con cái thì thành tích chắc sẽ vượt ngoài những điều mong mỏi vậy. Ví như đang khát mà có được nước cam lộ, chẳng những hết khát mà còn nhanh chóng trừ được nhiệt não, thân tâm thanh lương.

Sách này văn chương tuy nông cạn, thông tục, nhưng quả thật là cửa ngõ để mong thành thánh, thành hiền. Đến khi đã thâm nhập thì sẽ lên thẳng chỗ huyền diệu, sâu thẳm, ai có thể cự lại được? Vua Thuấn là bậc đại thánh nhân mà vẫn còn thích suy xét những lời nông cạn, huống là những lời lẽ tinh thâm, thuần túy tột bậc thiết thực đối với thân tâm này ư? Nguyện ai nấy quý trọng, gìn giữ để làm tấm gương soi sáng tương lai thì gia đình may mắn lắm, mà thiên hạ cũng may mắn lắm thay!

14. Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa

Thế pháp, xuất thế pháp,
Chỉ do một tâm tạo.
Tâm sanh thì pháp sanh,
Tâm diệt, pháp bèn diệt.
Muốn hiểu cách diệt tâm,
Phải biết cội nguồn pháp.
Hễ hiểu cội nguồn pháp,
Pháp diệt, tâm chẳng còn.
Ngũ uẩn đã không tịch,
Nhất chân cũng chẳng lập.
Viên mãn đạo Bồ-đề,
Độ hết thảy khổ ách.

Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận[747] là do Thiên Thân Bồ-tát muốn cho người đời đều biết bản thể bất sanh bất diệt, thường trụ bất biến của cái tâm, nên

[747] Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận (Mahāyāna-śatadharma-prakāśamukha-śāstra) còn gọi là Bách Pháp Minh Môn Luận, Bách Pháp Luận v.v., được soạn bởi Thiên Thân Bồ-tát,

tạo ra luận này nhằm giảng rõ: "Tất cả các pháp thế gian hay xuất thế gian nếu gom về số mục đại cương thì có một trăm pháp." Trong một trăm pháp ấy, chỉ có một pháp chân như là chủ thể, những pháp khác đều nương theo chân như mà lập. Nếu hiểu rõ hết thảy các pháp vốn tự bất sanh thì hết thảy các pháp đều là chân như. Như vậy thì pháp nào cũng viên thông, sự gì cũng là đạo; tịch chiếu cùng dung thông, đâu đâu cũng gặp nguồn. Nếu tùy theo căn cơ để lợi sanh thì vạn đức phô bày trọn vẹn, nếu tâm ngầm khế lý thì một pháp chẳng lập.

Quán Thế Âm Bồ-tát dùng bát-nhã sâu xa để soi thấy ngũ uẩn đều không. Ngũ uẩn là danh xưng đại lược của trăm pháp, đã thấy chúng đều là không thì ngũ uẩn đều trở thành bát-nhã sâu xa. Như Phật quang vừa chiếu đến thì mọi tối tăm đều tiêu, không một tí tẹo đen tối nào còn lưu lại được. Người học đạo hiểu được chỗ quan yếu này thì tánh hay tướng, Hiển hay Mật đều hệt như nhau. Nếu không, sẽ chấp vào lời lẽ, trọn chẳng có chỗ chỉ quy; vào biển đếm cát, uổng công nhọc nhằn! Cư sĩ Quý Thánh Nhất túc căn sâu dày, quyết chí siêng học, thân cận pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông đã lâu, đã hiểu được tâm yếu của tông Thiên Thai, lại còn đọc rộng rãi các kinh luận thuộc tánh - tướng, hiểu trọn vẹn các đế lý chân và tục. Khi trước đã chú giải Tâm Kinh, nay lại chú giải luận này để mong sao Tánh tông lẫn Tướng tông đều như nước hòa với sữa, tu trì đơn hay kép tùy theo ý mình ưa thích. Ông ta dùng những từ rõ ràng dễ hiểu để xiển dương khiến cho người đọc có thể hiểu được lý sâu.

Ấy là vì muốn cho người đọc đều cùng mở mang tri kiến chân chánh, cùng ngộ pháp môn duy tâm, cùng chứng được chân như sẵn có trong trăm pháp, cùng thấy được tướng không của các pháp nơi ngũ uẩn. Nếu người học từ chỗ rộng rãi thấy được chỗ ước lược, biết được cái chủ yếu trong mọi điều thì chẳng những các pháp chẳng thể đạt được mà ngay cả chân như, tướng không cũng chẳng thể đạt được. Có như vậy thì mới vui sướng cuộc đời, không còn có chuyện gì phải vướng mắc nữa! Nếu như căn cơ kém hèn, chẳng thể đạt được như vậy, cố nhiên hãy nên sanh lòng tin phát nguyện, niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, như ngài Vĩnh Minh đã dạy: *"Nhược đắc kiến Di-đà, hà sầu bất khai ngộ"* (Nếu được thấy Di-đà, lo chi chẳng khai ngộ), chính là vì ý này. Do Quang mong trở

---

ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán. Bộ luận này xoay quanh phần Bách Pháp Danh Số trong Du-già Sư Địa Luận, được coi là một bộ luận trọng yếu của Pháp Tướng tông. Luận này phân loại hết thảy các pháp trong thế gian thành năm vị, một trăm loại lớn (ngũ vị bách pháp). Bộ luận này được chú giải rất nhiều bởi những vị đại đức nổi danh thuộc nhiều tông phái khác nhau như Khuy Cơ, Đại Thừa Quang, Đàm Khoáng, Hám Sơn Đức Thanh, Ngẫu Ích Trí Húc v.v..

về mà chưa được, thường nghĩ đến những ai đang còn rong ruổi nên mới nói lời này, đừng trách là "ăn nói dây cà ra dây muống" thì may mắn lắm thay!

(Ngày mồng 8 tháng Chạp năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

15. Lời tựa cho tác phẩm Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ

Chân như Phật tánh, chúng sanh và Phật trọn không hai, do tu trì nghịch hay thuận mà thánh phàm khác biệt vời vợi một trời một vực. Ấy là vì chúng sanh tuy sẵn có tánh đức, nhưng trọn chẳng có tu đức. Dẫu có tu tập vẫn đều trái nghịch tánh đức, nên gọi là "nghịch tu". Bởi vậy tánh đức không có cách nào hiển hiện để thọ dụng được. Phật thì từ nơi lý thể của tánh đức sẵn có bèn dụng công tu đức về mặt sự, do vậy tam hoặc[748] đều hết sạch, bởi đó nhị nghiêm[749] đều viên mãn. Công tu đức đến cùng cực thì tánh đức phô bày trọn vẹn, thường trụ Tịch quang, hưởng thụ pháp lạc; nhưng do bi tâm vô tận, đức Phật lại thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh giác, tùy thuận cơ nghi nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều biết lấy "hạt châu trong chéo áo", theo đường trở về nhà.

Lại do chúng sanh đời mạt pháp chướng sâu, tuệ cạn, nếu cậy vào tự lực quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khiến cho hàng phàm phu sát đất và các vị Bồ-tát tín giải tu chứng đều cùng nương theo hoằng thệ nguyện lực của A-di-đà Phật vãng sanh Tây Phương để mong triệt chứng Tánh Đức trọn chẳng tiếc nuối gì. Đấy chính là khuôn phép lớn lao xuất thế độ sanh của đức Như Lai. Đức Phật thị hiện giáng thế tại Ấn Độ vào năm thứ 26 (969 trước Công Nguyên) đời Chu Chiêu Vương. Trải qua một ngàn năm đến năm Vĩnh Bình thứ mười (67) đời Hán Minh Đế, vua mới thỉnh hai vị Phạm tăng là tôn giả Ca-diếp-ma-đằng (Kāśyapa Mātanga) và tôn giả Trúc Pháp Lan (Dharmaratna) mang kinh Phật, tượng Phật tới Lạc Dương. Hai vị tôn giả do thấy người Hoa mới nghe Phật pháp, nếu đem kinh viên đốn sâu xa chỉ dạy thì giáo pháp chẳng phù hợp căn cơ, khó

---

[748] Tam hoặc là ba loại phiền não căn bản tức kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.

[749] Nhị nghiêm: Gọi đủ là "nhị chủng trang nghiêm", có hai cách hiểu:

1. Trí tuệ trang nghiêm và phước đức trang nghiêm. Kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển 27, giảng: "Nhị chủng trang nghiêm, một là trí tuệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy thì sẽ hiểu biết Phật tánh." Cách hiểu này thông dụng nhất.

2. Nhị nghiêm là hình tướng trang nghiêm và đệ nhất nghĩa trang nghiêm. Kim Cang Kinh Toản Yếu Sớ giảng:

a. Hình tướng trang nghiêm: Con người nhận biết cõi Phật có đủ mọi thứ hình tướng trang nghiêm, nhưng biết đấy chưa phải là trang nghiêm chân thật.

b. Đệ nhất nghĩa trang nghiêm: Tâm thanh tịnh không chấp trước, nương theo trí tuệ chân thật, thông đạt cõi Phật nơi tự tánh, duy tâm hiển hiện.

thể được lợi ích! Do thấy kinh Tứ Thập Nhị Chương văn lẫn nghĩa rõ ràng, con người dễ lãnh hội, nên dịch ra tiếng Hán trước.

Thế nhưng, Phật trí viên diệu, tuy cạn mà sâu, giáo lý viên đốn vẫn trọn đủ trong bản kinh ấy. Kẻ nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí, tùy theo trí thức của đương sự mà thôi. Chú giải kinh này chỉ có bản của ngài Ngẫu Ích là nêu bật được tông chỉ, những bản chú giải khác cũng đều có lợi cho căn cơ một thời. Cư sĩ Quý Thánh Nhất đã có huệ căn từ đời trước, quy y với bậc tri thức của tông Thiên Thai là pháp sư Đế Nhàn, đích thân được nghe diễn giảng, khá có tâm đắc. Do vậy bèn tùy duyên diễn nói, nhưng vẫn luôn chú trọng hướng dẫn về Cực Lạc. Đấy chính là tuân theo chỗ kết đảnh cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, cũng giống như điều được đề xướng trong Thập Nghi Luận của đại sư Thiên Thai (đại sư Trí Giả). Bởi lẽ pháp môn Tịnh độ chính là chỗ quy túc của hết thảy các pháp môn. Hoa Nghiêm còn như thế, hậu học dám chẳng vâng theo ư?

Gần đây, do có người thỉnh giảng kinh này, cư sĩ bèn thuận theo thời nghi, đặc biệt viết lời sớ giải mới, lập ra cách thức hòng dễ dẫn dắt kẻ mới học sẽ được nhờ vào đây mà tiến đến chỗ cao hơn; do đây mà người ta sanh được lòng tin, ắt sẽ xoay vần khuyến hóa rộng rãi hơn. Bởi vậy chẳng tiếc lời giảng giải tường tận để không một nghĩa nào bị ẩn kín. Một bữa, đưa cho Quang xem bản thảo, lại cậy viết lời tựa. Quang vừa sanh ra được sáu tháng liền bị bệnh mắt, trong suốt sáu tháng chưa từng mở mắt, nên mục lực kém xa người khác. Nay tuổi đã 75, mục lực càng suy yếu, chẳng thể xem kỹ ý nghĩa, đành nêu lên những điểm chánh yếu cho xong trách nhiệm. Mong sao những ai đọc kinh này và bản sớ giải này đều chú trọng hiểu tâm rõ gốc, hiểu rõ pháp vô vi và xa lìa tài sắc, kiên quyết, dũng mãnh tu trì để mong đích thân chứng được vô thượng giác đạo "vô niệm, vô tác, phi tu, phi chứng".

16. Lời tựa ấn hành sách Tịnh độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này, thật sự là đạo thành thủy thành chung để chư Phật viên mãn Bồ-đề, mà cũng là pháp để chúng sanh cậy vào Phật từ lực hòng liễu thoát ngay trong đời này. Lý ấy rất sâu, sự ấy cực dễ. Vì thế con người phần nhiều chẳng thể thấu hiểu những chỗ ẩn kín, nên hoặc cầu phước báo trời người, chẳng dám gánh vác ngay, hoặc bỏ tín nguyện cầu sanh để chuyên khán câu "người niệm Phật là ai", khiến cho pháp do đức Như Lai đặc biệt lập ra để khắp hết thảy thượng thánh hạ phàm sẽ cậy vào Phật từ lực được cao dự Liên Trì hải hội ngay trong đời này bị trở thành pháp tự lực.

Do đã không có tín nguyện, dẫu có đích thân thấy được người niệm Phật là ai thì cũng chỉ là đại triệt đại ngộ mà thôi! Nếu phiền hoặc chưa hết thì vẫn luân hồi y như cũ. Do cảnh duyên trược ác, kẻ mê mất đông đảo, muốn liễu sanh thoát tử ắt phải đợi đến năm con lừa. Chẳng đáng buồn sao? Đại sư U Khê[750] nương theo bổn nguyện, thị hiện giáng sanh, hiểu trọn vẹn giáo, ngộ tự tâm nơi thiền, dốc lòng tu tịnh nghiệp, lợi khắp trời người, thương những kẻ mê muội trong cõi đời, chẳng biết "thế giới Tây Phương Cực Lạc vốn là duy tâm Tịnh độ; đạo sư A-di-đà Phật vốn là tự tánh Di-đà", bèn bỏ sự thực để chấp lấy lý không rồi dạy người khác niệm "tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ". Rốt cuộc cho rằng "đạo lợi khắp thánh phàm của đức Như Lai chỉ nhằm biểu thị pháp hoặc là chuyện ngụ ngôn", chỉ mong khai ngộ, mặc kệ những điều khác, đến nỗi kẻ cao minh đâm ra chẳng bằng phường ngu phu ngu phụ cắm cúi niệm Phật mà có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn liền được vãng sanh. Căn bệnh là do ham cao chuộng xa, chứ chưa thật sự hiểu sâu xa nguồn cội của sự cao xa. Rốt cuộc biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống, thật đáng buồn thương! Đại sư buồn xót khôn cùng, riêng soạn bộ Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận nhằm chỉ thẳng tâm tánh của ba thứ tâm - Phật - chúng sanh không sai biệt.

Tâm tánh ấy có đủ vô lượng đức, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Do mê hay ngộ khác nhau đến nỗi có mười giới sai biệt. Nhưng ngay trong mười giới ấy, mỗi mỗi không gì chẳng phải là "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là". Cầu sanh Tây Phương chính là chân vô sanh, do sanh về cõi Tây Phương "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là"; không phải như kẻ chấp lý phế sự chỉ có cái danh suông, chứ thật sự chẳng có cảnh Tây Phương! Ấy chính là "quyết định sanh nhưng không có tướng sanh, quyết định vô sanh nhưng không có tướng vô sanh", sanh mà vô sanh vậy. Lấy tín nguyện

[750] Đại sư U Khê chính là ngài Truyền Đăng (không rõ năm sanh và năm mất), ngài họ Diệp, hiệu là Vô Tận. Xuất gia từ nhỏ với ngài Tiến Hiền Ảnh Am, sau theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Bách Tùng. Năm Vạn Lịch thứ mười (1582) đời Minh, do hỏi ngài Bách Tùng về ý chỉ của Lăng-nghiêm đại định, bị ngài Bách Tùng trừng mắt nhìn trân trối, sư đột nhiên khế nhập. Năm Vạn Lịch 15 (1587), sư sang chùa Cao Minh ở U Khê dạy dỗ đồ chúng, nghiên cứu Thiền lẫn Tịnh. Cuốn Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận được hoàn thành trong thời gian này, điểm đặc sắc là vận dụng ý chỉ tam quán của tông Thiên Thai để xiển dương pháp môn Tịnh độ. Năm Vạn Lịch 25 (1597), sư lại soạn những tác phẩm A-di-đà Kinh Lược Viên Trung Sao, Lăng-nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tục Xuất Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Lăng-nghiêm Kinh Viên Thông Sớ, Tánh Thiện Ác Luận, Duy-ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú. Sư thường tu các sám pháp Pháp Hoa, Đại Từ, Quang Minh, Di-đà, Lăng-nghiêm v.v., mỗi năm hành bốn thứ tam-muội. Khi lâm chung, sư viết năm chữ *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, cao giọng xướng đề kinh hai lượt, rồi thanh thản qua đời.

niệm Phật để cầu sanh vào cõi Tây Phương "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là" của chính mình, cho nên tuy sanh mà không có tướng sanh, tuy không sanh nhưng chẳng trụ vào tướng vô sanh. Đấy chính là ý chỉ tổng quát của Sanh Vô Sanh Luận.

Hiểu rõ điều này thì ai chịu trái nghịch tánh để tạo nhân quả trong tam đồ lục đạo nữa ư? Ngay cả nhân quả xuất thế trong tam thừa cũng chẳng coi là cao tột, tiến thẳng vào nhân quả Bồ-đề vô thượng vậy. Luận này gồm có mười chương, mỗi mỗi đều lấy ý chỉ "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là", tam đế tam quán để giảng rõ ý nghĩa khiến cho đứa con cùng quẫn lê la ăn xin đích thân thấy được hạt minh châu nơi chéo áo, gã lữ khách cô đơn lênh đênh trở về quê nhà sẵn có, trên khế hợp Phật tâm, dưới khế hợp thời cơ. Vì thế khi ngài soạn luận xong, đem giảng diễn, nhạc trời vang rền khắp hư không để tạo chứng cớ rõ rệt.

Từ đời Minh cho đến nay, đã hơn 300 năm, đời nào cũng có người lưu thông truyền bá bộ luận này. Gần đây thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, người có lòng lo toan muốn vãn hồi biết rằng nếu chẳng nhờ vào sự lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo" như đức Phật đã dạy thì chẳng thể biến đổi lòng người được. Nếu chẳng nhờ vào pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Do vậy, họ đều nghiên cứu Phật học, nhưng vẫn riêng dốc sức nơi pháp môn Tịnh độ. Cư sĩ Quý Tân Ích[751] ở Hải Môn đã có huệ căn từ đời trước, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, từng được đích thân theo học giảng kinh dưới tòa của ngài Đế Nhàn. Đối với ý chỉ tam đế tam quán của tông Thiên Thai đã hiểu chắc chắn không còn sót gì. Do vậy các cư sĩ nơi thành Tô Châu thỉnh ông giảng giải luận này, ghi lại những lời giảng thành sách, đặt tựa đề là Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa, sai Quang viết lời tựa. Do vậy, tôi bèn đọc văn ấy, đáng gọi là "nêu tỏ được lý, phù hợp thật tướng sâu xa, lời lẽ hay khéo như hoa trời". Nguyện những độc giả cùng vâng lãnh ý nghĩa "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là" để rồi chân tín nguyện thiết, chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ ngài U Khê một phen khổ tâm tạo luận cũng như ông Quý giảng nghĩa vậy!

17. Lời tựa mừng thọ vợ chồng tiên sinh Lý Phụng Kỳ

Con người sống trong thế gian thọ hay yểu, cùng quẫn hay hanh thông, đều có nhất định hoặc không nhất định. Hễ nhất định thì Nho gia gọi là mạng, gọi là "thiên tích" (trời ban cho). Nhưng trời đại công vô tư, há lẽ nào lại ban phát cao

[751] Tức cư sĩ Quý Thánh Nhất đã được tổ nhắc đến trong hai bài trên, Tân Ích là tên thật, còn Thánh Nhất là pháp danh.

thấp khác xa nhau, muôn phần chẳng bình đẳng ư? Há lẽ nào trời cũng có tư dục đối xử nồng hậu hay lợt lạt, khinh trọng ư? Nhà Nho chẳng nói đến ba đời, vì thế coi cái nhân đời trước là "mạng trời" (thiên mạng), chẳng biết nhà Phật gọi cái thiên mạng vừa được nhắc đến ấy là quả báo. Đức Phật gọi thân này là báo thân, "báo" có nghĩa là do cái nhân gồm những điều thiện, sự ác đã tạo trong đời trước nên cảm lấy cái quả phải hứng chịu thọ - yểu, cùng quẫn - hanh thông trong đời này. Những điều ấy có nhất định.

Còn bất định là dốc chí tu trì, tích lũy điều lành và công đức, mong thành thánh, thành hiền, hay mặc sức phóng túng, buông lung không kiểm điểm, lười nhác quá mức, tự ruồng rẫy, tự phụ bạc chính mình. Ấy là vì sức của những điều thiện sự ác đã làm trong đời này mạnh mẽ nên chuyển biến những nghiệp báo trong đời trước khiến cho chúng sanh trở thành tốt đẹp hơn hay kém cỏi hẳn đi. Điều này thường được gọi là: "Trời định thắng người, nhưng người định cũng thắng được trời." Kinh Thi ghi: *"Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"* (Thường suy nghĩ xem hành vi của chính mình có hợp với lẽ trời hay không để mong cầu cuộc sống được hưởng nhiều điều tốt đẹp). Kinh Thư chép: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm điều lành thì trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều bất thiện, trăm tai ương sẽ giáng xuống). Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương."* Lễ Ký chép: *"Cố đại đức tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ"* (Vì thế, những người có đức lớn lao ắt sẽ được hưởng lộc, ắt sẽ có địa vị, ắt sẽ có danh tiếng, ắt sẽ sống lâu). Những lời ấy đều là ước theo những gì cảm được bởi sự tu trì trong đời này để nói. Do vậy biết: "Mạng do chính ta làm chủ, phước do chính ta cầu", quyền hưởng nhận "thọ, giàu, mạnh khỏe, bình yên" do ta thao túng; chẳng qua trời do thấy ta tu trì bèn soi xét ban tặng mà thôi, chứ chẳng hề có chuyện hậu đãi hay lợt lạt, khinh hay trọng trong ấy.

Tiên sinh Phụng Kỳ có chí nơi ấy, vì thế khi còn đang dốc chí học hành, do gia đạo bần hàn, con cái đông đúc, sợ cao đường (mẹ) chắc phải ưu tư, bèn lo buôn bán ở Thượng Hải, mong sẽ thỏa chí phụng dưỡng. Nào ngờ chọn lầm kẻ quản lý, chưa đầy ba năm mà đã hụt vốn quá nửa. Ông bèn dốc chí xét đoán thời cơ, chuyên tâm tự quản lý. Mới được một năm đã được lời to, do vậy buôn bán phát đạt, ngày càng hưng thịnh, bèn vừa phụng dưỡng cha mẹ, anh em êm ấm, giúp đỡ kẻ nghèo khó, mở trường học để làm cái gốc tạo lập lớn lao hòng "kế thừa người trước, mở mang cho người sau", thực hiện rộng rãi hoài bão "dân là ruột thịt, loài vật giống như ta".

Bà vợ đức hạnh của ông ta là phu nhân Hoàng, bẩm tánh hiền thục, ôn hòa, cung kính, đoan trang, thận trọng, nên được bố mẹ chồng, chị em dâu, vợ lẽ v.v. yêu mến. Gia đình thuận thảo, không ai kèn cựa. Đối với chuyện nuôi dạy con cái thì áp dụng cách giáo hóa vừa từ vừa nghiêm, khoan dung lẫn nghiêm khắc. Dẫu không phải là con do chính mình đẻ ra vẫn chăm chút còn hơn con đẻ. Đức đẹp ấy thật đáng làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy nêu gương cho nữ giới. Vì thế con cái đều thành tài. Liêu Tường thành thật, đáng tin, không dối trá, kế nghiệp buôn bán rất thành công. Vinh Tường thì an cư lạc đạo, hoằng dương Phật pháp. Cháu trai, cháu gái đều sẵn tánh thuần hậu, tương lai sẽ thành tài lập đức là điều có thể đoán trước được. Phàm những điều này đều do tiên sinh và phu nhân đức dày, lòng nhân sâu đậm vun bồi mà ra.

Ôi, ngũ phước được nói trong sách Hồng Phạm, không một điều nào hai vợ chồng tiên sinh chẳng có đủ. Đang trong lúc hai vị cùng thọ đến tuổi cổ hy (70 tuổi) này, nếu chẳng dâng lời chúc tụng, ắt sẽ tự khuất, khuất người. Than ôi, Quang là đệ tử Phật, Phật sẵn lòng mong cho hết thảy chúng sanh đều được thành Phật, bởi vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Phật thọ vô lượng giống như mười phương, chúng sanh đã sẵn đủ Phật tánh thì cớ sao tuổi thọ lại khác biệt? Chỉ vì chúng sanh mê chưa ngộ, trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, do tình sanh nên trí bị cách ngăn, do tâm tưởng biến đổi nên hình thể khác biệt. Do vậy mới có tam giới lục đạo, đủ mọi hiện tượng khổ vui. Thọ mạng trong nhân gian cao lắm cũng không ngoài trăm năm, dẫu cõi trời Phi Phi Tưởng thọ đến tám vạn bốn ngàn đại kiếp, nhưng đến khi hết tuổi thọ vẫn phải đọa xuống dưới. Rốt cuộc so với con phù du (con vờ) sáng sanh tối chết nào có khác gì!

A-di-đà Phật phổ độ chúng sanh, chỉ cần có lòng tín nguyện trì danh hiệu Phật, chắc chắn lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, thân cận Di-đà, kề cận hải chúng, chứng Vô sanh nhẫn, lên địa vị Bất thoái, ngay trong một đời này liền viên thành Phật đạo. Lợi ích ấy dù hết cả kiếp vẫn khó nói trọn! So với những gã câu nệ hẹp hòi, tự xưng là thông gia, nhưng lại mua rương trả châu, bỏ vàng gánh gai thì nào phải chỉ khác biệt vời vợi một trời một vực ư? Đấy là pháp dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, lợi ích ấy lại vượt trỗi hết thảy các pháp khác, bởi đã lấy quả địa giác làm nhân địa tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Tiên sinh và phu nhân nếu chẳng vì thấy con người Quang kém hèn mà vứt bỏ lời này thì trong ao bảy báu nơi cõi Tây Phương sẽ lại lập tức thấy trổ hai đóa sen tử kim. Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu đậm vậy!

18. Lời tựa cho cuốn Văn Sao Trích Yếu

Thuốc không sang hèn, thuốc chữa được bệnh là thuốc hay; pháp không tinh thô, pháp hợp căn cơ là pháp diệu. Pháp môn tu trì vô lượng vô biên, bọn độn căn đời mạt thật khó thể thông hiểu trọn khắp. Huống hồ đã không chứng nhập thì làm sao có thể đạt lợi ích cho được? Quang túc nghiệp sâu nặng, hạnh trong hiện đời nhỏ yếu, lạm dự vào tăng chúng đã 50 năm. Một câu Phật hiệu vẫn chưa trì đến mức "tâm và Phật tương ứng", nói gì các thứ pháp môn khác! Mười mấy năm qua thường có những người lầm nghe lời kẻ khác ngỡ Quang là tri thức đến nỗi gởi thư từ qua lại để cầu khai thị. Cố nhiên Quang nghiêm túc giữ bổn phận, đem những gì chính mình biết được và chính mình tu tập thưa trình. Nếu người hỏi kiến thức cao minh, trí tuệ rộng lớn, liền xin người ấy hãy chuyển sang hỏi bậc cao nhân, quyết chẳng dám đem sự hèn tệ của chính mình để ngăn giữ người, đến nỗi họ chẳng thể đạt đến chỗ cao minh, khuất lấp thiên tư, tài đức của họ.

Có kẻ bảo Quang nghiêm cấm người khác đọc tụng, nghiên cứu kinh luận Đại thừa, chẳng biết phàm ai đến chỗ Quang xin dạy bảo, nếu như người thưa hỏi ấy thân vướng vít trong lưới tục, hoặc tuổi tác đã cao; đối với những kẻ bận bịu công việc, tháng ngày chẳng còn mấy, mà vẫn dạy họ xem đọc, nghiên cứu tràn lan, trước hết chẳng dạy họ hiểu rõ rệt thấu triệt nguyên do của pháp môn Tịnh độ, chắc họ sẽ có phần gieo thiện căn, hiểu giáo lý, đối với chuyện liễu sanh thoát tử, sợ sẽ chẳng có hy vọng gì bởi chỉ chú trọng đọc tụng, nghiên cứu để mong khai ngộ tự chứng, chẳng còn chú trọng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Họ chẳng biết phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp, muốn cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này còn khó hơn lên trời. Vì vậy, Quang chẳng nề hà bị chê bai, giãi tấm lòng thành bảo ban.

Có những kẻ chẳng hiểm lời lẽ hủ bại của Quang là ô uế bèn lưu truyền, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Lại có người chọn lấy những ý cốt yếu, phân loại, biên tập đặt tên là Gia Ngôn Lục. Cư sĩ Lý Huệ Thực ở huyện Thái lại muốn trích lấy những lời phù hợp kẻ sơ cơ để dẫn dắt những ai từng đọc sách Nho nhưng không hiểu rõ nguyên do vì sao Nho và Thích "đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng" sẽ học Phật, tổng cộng là bấy nhiêu bài đó, tính in ra để lưu truyền rộng khắp, cậy tôi viết lời tựa. Tôi nói: "Đã có Gia Ngôn Lục, cần gì lại phải in trích yếu?" Ông ta đem những ý trên đây để cố thỉnh, đành thuật những điều chánh yếu vậy.

19. Lời tựa tái bản cuốn Bát-nhã Dung Tâm Luận

Kinh Kim Cang chính là khuôn mẫu do đức Phật dạy con người phát tâm Bồ-đề, hành đạo Bồ-tát, xa lìa trọn vẹn phàm tình - thánh kiến để hành lục độ vạn hạnh. Vì thế nói: *"Ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, thực vô chúng sanh đắc diệt độ giả"* (Ta hãy nên độ hết thảy chúng sanh, diệt độ hết thảy chúng sanh rồi mà thật ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả). Ấy là vì: Trong chẳng thấy tướng ta là người hóa độ; ngoài thì chẳng thấy tướng người được độ và tướng chúng sanh; giữa là chẳng thấy có tướng thọ giả[752] chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Xa lìa trọn vẹn bốn tướng, chẳng vướng vào sáu trần, nên được xứng tánh tu trọn khắp lục độ vạn hạnh để trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đấy gọi là "không trụ vào đâu để sanh tâm, sanh tâm nhưng không trụ vào đâu". Nếu có trụ thì cái tâm được sanh ấy sẽ đọa trong phàm tình thánh kiến, sẽ trái nghịch với nghĩa "tam luân thể không[753], nhất đạo thanh tịnh". Do vậy, một câu "hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm" quả thật là cương yếu của bài kinh này, mà cũng là kim chỉ nam cho hết thảy những người hành đạo Bồ-tát.

Dung Tâm Luận của đại sư U Khê đã ước theo tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên) để giải thích, nhưng hội quy về Viên giáo ngõ hầu người tu trì rốt ráo đạt được lợi ích thật sự, quả thật đã khế hợp sâu xa Phật tâm, hữu ích cho pháp đạo. Tiếc là chưa được lưu thông, khá đáng tiếc nuối! Đại sư Thiện Pháp sao được một bản, cư sĩ Vương Mưu Phụng trông thấy nguyện khắc ván, cậy Quang giảo chánh những chỗ sao chép sai lầm. Do vậy tôi bèn đại lược chọn lấy những nghĩa trọng yếu của kinh Kim Cang để ghép vào đầu sách, nhằm mong người đọc luận này sẽ có cái để hướng dẫn.

(Cuối thu năm Đinh Mão, tức năm Dân Quốc 16 - 1927)

20. Lời tựa cho sách Phổ Khuyến Học Phật Đàm

---

[752] Tướng thọ giả (jīvasamjñā): Theo quan điểm thông tục, mỗi cá thể sẽ có một linh hồn hoặc nhân cách, linh hồn ấy sẽ luân chuyển thọ sanh, tồn tại thật sự. Đó gọi là tướng thọ giả. Trong Kim Cang Bát-nhã Sớ, quyển 3, ngài Cát Tạng đã viết: "Ngoại đạo chấp có thần ngã, chết đây sanh kia, trải khắp sáu đường nên gọi là thọ giả." Ngoài ra, theo quyển 2 của kinh Đại Phẩm Bát-nhã thì thọ giả chính là một trong mười sáu tên gọi khác của ngã.

[753] "Tam luân thể không" là lúc bố thí thì người bố thí, kẻ tiếp nhận và vật bố thí đều vốn là không, phá sạch tướng chấp trước. Nói chi tiết hơn thì:

1. Thí không: Đối với người bố thí thì thân ta vốn là không, đã biết là vô ngã, sẽ không còn có cái tâm mong cầu phước báo, nên gọi là thí không.

2. Thọ không: Đã thấu hiểu không có người bố thí thì cũng không có người nhận, nên chẳng khởi lên ý tưởng ngạo mạn, nên gọi là thọ không.

3. Thí vật không: Chữ vật chỉ cho những của cải, vật chất. Đã thấu hiểu hết thảy là không thì dù có được thí cũng thấy như không thí, chẳng khởi ý tưởng tham cầu nên gọi là thí vật không.

Phật pháp lớn lao không gì chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhặt chẳng được nêu lên, phàm ai muốn học thì phải nên chú trọng thực hành. Nếu không, sẽ như đọc toa thuốc nhưng chẳng uống thuốc, muốn cầu lành bệnh há có được chăng? Do vậy, người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết chức phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, biết nhân hiểu quả, mong thành thánh thành hiền, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng để dạy người, khiến cho trong là gia đình, ngoài là người đời đều cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật, cùng sanh Tịnh độ, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ tánh linh của chính mình.

Nếu hờ hững nghiên cứu tràn lan các thứ pháp môn và cũng nương theo đó tu trì thì sẽ có phần làm một vị đại thông gia và hưởng phước báo trời người trong đời sau, chứ muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sợ khó thể mộng được. Vì sao vậy? Do hết thảy các pháp môn đều phải đoạn hoặc chứng chân thì mới hòng liễu sanh thoát tử, chứ không như pháp môn Tịnh độ: Cậy vào Phật từ lực sẽ có thể mang nghiệp vãng sanh. Phật lực, tự lực khác biệt hệt như một trời một vực! Hiểu rõ điều này sẽ chẳng dám cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực để kéo dài kỳ hạn liễu sanh tử tới bao nhiêu số kiếp trong vị lai.

Cư sĩ Lưu Đạt Huyền do thấy đại kiếp tràn ngập, chẳng có lúc nào thái bình, bèn lắng lòng nghiên cứu kinh Phật, mới biết "Phật pháp là cái gốc của hết thảy pháp". Nếu có thể y theo lời Phật dạy để hành thì trên là đoạn hoặc chứng chân hòng khôi phục bản tánh, dưới là đổi ác hướng lành để làm hiền nhân. Hiền nhân có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, trong là gia đình, ngoài là người đời đều sẽ nhìn theo bắt chước làm lành, thay đổi phong tục nhưng chẳng hay chẳng biết. Mạnh tử nói: *"Cùng tắc độc thiện kỳ thân"* (Hễ cùng quẫn thì riêng mình thiện). Nếu làm được những điều như vừa nói trên đây thì dẫu cùng quẫn vẫn có thể làm cho làng ấp đều cùng được thiện đâu có khó chi? Do vậy bèn dùng lời văn thông tục để soạn thành mấy chục thiên Phổ Khuyến Học Phật Đàm (những lời bàn luận nhằm khuyên khắp mọi người đều học Phật) để mong người trí lẫn kẻ ngu đều cùng hiểu, ai nấy đều tu trì thì thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui chắc sẽ đích thân thấy được. Trong lời tựa cho sách này, cư sĩ Phạm Cổ Nông đã nêu bày những điều ẩn kín, Bất Huệ chỉ nói đến sự thực hành trong khi học Phật và đường nhanh tắt để liễu sanh tử nhằm làm cho ai nấy đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. So với cậy vào tự lực để tu trì hết thảy các pháp khác thì sự khó dễ còn gấp mấy lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp vậy!

(Đầu thu năm Canh Ngọ (1930) thời Dân Quốc)

21. Lời tựa sách Nhân Quả Thực Chứng

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà nào tích thiện điều vui có thừa, nhà nào tích điều bất thiện tai ương có thừa). Nhìn từ bề mặt, câu nói này luận về sự vui mừng, tai ương ảnh hưởng tới con cháu; chứ nếu luận trên thực tế, sự vui mừng hay tai ương quy về bản thân người ấy càng lớn hơn gây ảnh hưởng đến con cháu nhiều lắm. Cơ Tử trần thuật sách Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo lẽ phải thì sẽ được hưởng năm điều phước, hễ trái nghịch thì sẽ hứng chịu sáu điều khổ cực). Dụng (用) nghĩa là sẽ, cực (極) là khốn cùng, khổ sở, đau đớn. Trên thực tế, ngũ phước lục cực đã thể hiện cái nhân thiện hay ác trong đời trước và quả báo thiện hay ác trong đời này. Trong kinh điển Nho gia khi nói về tiền nhân hiện quả (nhân đời trước, quả đời này) và hiện nhân hậu quả (nhân đời này, quả đời sau) thì hai câu nói ấy của Khổng tử và Cơ Tử rõ ràng nhất.

Kinh Phật nói nhân quả ba đời tường tận, chu đáo nhất. Nói toát yếu là: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả đời sau thì hãy nhìn vào những gì đã làm trong đời này). Con người thường gọi khổ sướng, hên xui phải hưởng chịu trong đời này là mạng, cho đó là mệnh lệnh từ cõi trời, nào biết đấy chính là quả báo của những điều thiện ác do chính mình đã làm trong đời trước. Trời đâu có hạ lệnh hậu đãi người kia, bạc đãi kẻ này? Vì thế sách Cảm Ứng Thiên chép: *"Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu"* (Họa phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy).

Quả báo thiện ác như bóng theo hình. Nếu biết được lý này thì trên chẳng oán trời, dưới chẳng hờn người, dè dặt kiêng nể, kinh sợ tu tỉnh, trừ khử những món vật tư dục trong tâm chính mình thì chánh tri sẵn có trong tự tâm sẽ phát hiện. Do vậy, kẻ mất niệm thành cuồng sẽ đều khắc chế được ý niệm mà trở thành thánh. Đấy chính là loại nhân quả được nói bởi Nho giáo mà còn có lợi ích lớn lao như thế, huống hồ đức Phật dạy con người tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Thoạt đầu là đoạn sạch phiền hoặc thế gian, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Tiếp đến là dần dần tấn tu cho đến khi chân cùng, hoặc tận, huệ mãn, phước trọn, triệt chứng tự tâm, thành đạo Bồ-đề, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Do vậy nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh."

Tống Nho cho Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo chính là căn cứ để gạt gẫm hạng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Hơn nữa, con người chết rồi thì hình hài sẽ hư mất, thần thức cũng phiêu tán, dẫu bị chặt - chém - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã tản mát rồi, lấy ai để thọ sanh? Họ đả phá, bài xích nhân quả khiến cho con người không có cái để e sợ, không có gì để mong mỏi thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Do thiện hay ác đều không có nhân quả, Nghiêu hay Kiệt thì cũng đều chết sạch, kẻ không có chí hướng cao xa ai lại chịu khăng khăng làm lành, dè dặt kiêng ác để cầu cái hư danh sau khi đã chết ư? Đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, hiểu sai be bét "cách vật trí tri", chỉ lấy "thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bổn phận" để làm pháp giác ngộ cõi đời, giáo hóa dân chúng, sáng tỏ đạo, đạt đến bình trị, chẳng biết đôn đốc nơi "trừ khử món vật tư dục trong tự tâm để thấy được chánh tri sẵn có trong tự tâm, chỉ bày nhân quả báo ứng trong đời trước đời này, đời này đời sau" thì có khác gì xoi thủng đê để mong nước đừng chảy tràn lan, bỏ thức ăn mà mong dân chẳng bị chết đói, há có được chăng?

May mắn là ai nấy sẵn có cái tâm có thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật. Bất hạnh là chẳng được dạy đúng pháp đến nỗi không tránh khỏi làm hạng dân quê, làm hạng chúng sanh chẳng biết quay về cội, trở lại nguồn. Ông Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia từ thời thơ ấu đến lúc nhược quan (20 tuổi) chẳng biết nhân quả, đã lâm vào tình thế "thánh mất niệm thành cuồng". Đến đầu thời Dân Quốc, do được nghe Phật pháp từ các bậc tiên triết và thiện tri thức trong làng, mới biết nhân quả, mong mỏi được là hạng người "khắc chế ý niệm, trở thành thánh", khôn ngăn xót mình xót người, thương mình thương người, liền đem những sự tích nhân quả xác đáng, thiết thực do chính mình đã thấy nghe chép lại thành một cuốn sách, đặt tên là Nhân Quả Thực Chứng. Tính đem in ra để mong ai nấy đều biết nhân rõ quả, siêu phàm nhập thánh, xin tôi viết lời tựa dẫn khởi, tôi bèn viết lời tựa này để nêu rõ những điều chánh yếu.

(Đầu hè năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

22. Lời tựa sách Triêu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích

Đại giáo truyền sang phương Đông gần hai ngàn năm, dù tăng hay tục ai nấy đều tùy theo pháp nào gần gũi với tánh mình mà tu trì. Tuy pháp môn tu trì có đủ mọi thứ sai khác, nhưng tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối, siêu độ cô hồn, cầu sanh Tịnh độ thật sự là những điều chánh yếu. Vì thế, từ các kinh chú, các pháp môn, cổ đức đã chọn lọc lấy những phần chánh yếu, soạn thành hai thời công khóa sáng tối để các hành nhân y theo đó tu trì nhằm tiêu trừ nghiệp chướng, tăng

trưởng phước tuệ, báo đáp tứ ân, siêu độ cô hồn. Do lòng từ rộng lớn của đức Phật, do tận hết lòng thành của chính mình, cố nhiên đạo ấy thông trên, thấu dưới, ích lợi ấy dù cõi âm hay dương gian đều chẳng hề thiếu sót. Do vậy, đạo tràng trong thiên hạ dù Tông hay Giáo, dù Luật hay Tịnh, không đâu chẳng kính vâng lấy đó làm chương trình tụng niệm nhất định.

Đầu đời Thanh đã có người soạn cuốn Nhật Khóa Tiện Mông[754] nhưng chỉ giải thích đại lược câu chữ mà thôi. Gần đây có pháp sư Hưng Từ soạn cuốn Nhị Khóa Hiệp Giải khá tường tận rõ ràng, nhưng do văn tự hơi sâu nên kẻ sơ cơ chưa được lợi lạc cho lắm. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi trong mấy năm trước đã từng soạn cuốn Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam và Di-đà Bạch Thoại Giải Thích in tới hơn mấy chục vạn bản. Những người đề xướng học Phật ở những nơi khác đều tiếp tục thỉnh sách. Cố nhiên, Hoàng Hàm Chi biết văn bạch thoại chẳng thể nào súc tích, trang trọng như văn ngôn được, nhưng do nó có thể giúp cho người kém học vấn sẽ nhờ vào đấy để lãnh hội được, nên ông hoàn toàn dùng thể văn bạch thoại để giải thích khóa tụng sáng tối. Ông rất sợ kiến giải của chính mình không chừng sẽ có những chỗ chưa thấu đáo nên mỗi mỗi đều cậy người bạn là cư sĩ Cố Hiển Vi sửa chữa. Lại do thấy những ý nghĩa tột cùng của những danh tướng được nói đến trong sách ấy có lẽ độc giả chưa hoàn toàn hiểu trọn, nên trước đấy đã viết các tập sách Phật Pháp Đại Ý, Tâm Kinh Bạch Thoại Giải Thích và Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích, khá nhiều tác phẩm đều được đề xuất lưu hành riêng.

Hai thời khóa tụng có được bản giải thích này thì kẻ sơ cơ sẽ nối tiếp nhau hưởng các thứ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, trì tụng kinh chú quý tại chí thành, dẫu trọn chẳng biết nghĩa, mà nếu có thể hết lòng thành, cạn lòng kính, kiền thành, khẩn thiết thọ trì thì lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, tâm minh, còn có thể thấu hiểu trực tiếp ý Phật, huống là những giải thích về mặt văn tự và ý nghĩa của chúng ư? Nếu không, dẫu có thấu hiểu thông suốt, nhưng do chẳng chí thành thì chỉ trở thành tình kiến phàm phu, dò đoán suy lường mà thôi; chứ không có cách nào đạt được lợi ích chân thật và sự cảm ứng chân thật của kinh. Do hoàn toàn là thức tâm[755] phân biệt suy lường thì làm sao có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo, hễ vừa vượt thoát liền chứng nhập trực tiếp, mau chóng đạt lợi ích thù thắng?

Thường thấy ngu phu ngu phụ cắm cúi tu trì đạt được lợi ích hơn hẳn kẻ thông minh nhiều lắm. Ấy là vì một đằng hết lòng thành, cạn lòng kính, chuyên tâm

---

[754] Cuốn sách này do ngài Thích Hải Khoan biên soạn dưới đời vua Ung Chánh.

[755] Thức tâm (còn gọi là *tâm sở pháp*), tức cái tâm bị chi phối bởi tác dụng của sáu thức hay tám thức; gọi như vậy để phân biệt với chân tâm.

nhất chí, còn một đằng thì hờ hững, lợt lạt, tán loạn, hư vọng suy lường mà ra. Xin các độc giả đều biết ý này, đấy chính là đã hiểu trọn ý nghĩa của kinh, khi trì tụng sẽ chẳng còn sanh phân biệt nữa, sẽ như đối trước thánh dung đích thân lắng nghe viên âm, trọn không thấy có một niệm nào để được thì lợi ích ấy chẳng thể dùng ngòi bút để hình dung được đâu. Đấy chính là bí quyết trì tụng. Nguyện khắp các đồng nhân đừng coi thường lời này thì may mắn lắm thay!

(Giữa xuân năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

23. Lời tựa cho lễ truyền giới tại Viên Giác thiền viện ở Ngư Sơn, huyện Sào

Đức Như Lai dùng ba sự để giữ cho chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian khiến cho chúng sanh đều được độ thoát. Ba sự ấy là gì? Chính là giới định tuệ. Do chúng sanh một mực trái nghịch đạo giác, xuôi theo trần lao, luân hồi trong lục đạo, nên nay đức Phật muốn làm cho họ bỏ trần lao thuận theo đạo giác, hướng tới chứng được Niết-bàn. Nếu không có giới thì chẳng có gì trói buộc, ắt sẽ đến nỗi đuổi theo trần cảnh, khởi hoặc, tạo nghiệp. Không có định thì sóng thức cuồn cuộn, làm sao tâm không trụ vào đâu cho được. Không có tuệ sẽ do đâu triệt chứng được chân tâm sẵn có? Vọng hoặc huyễn khởi sẽ do đâu mà nhanh chóng diệt mất? Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: "Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Đấy gọi là tam vô lậu học."

Hãy nên biết, cả ba điều này chính là một, tuy một nhưng là ba. Đừng cho rằng giới chỉ là nền tảng ban đầu của định và tuệ mà thôi! Phàm *luật nghi giới* giữ cho thân chẳng làm những điều ác thì có thể gọi là nền tảng ban đầu, nhưng *định cộng giới* giữ cho tâm chẳng khởi những vọng niệm, và *đạo cộng giới*[756] nghiệp tận tình không, chân cùng, trí rạng, há chẳng phải là toàn thể đại dụng của định và tuệ ư? Há nên chỉ coi là nền tảng ban đầu ư? Nhưng định cộng giới và đạo cộng giới lấy luật nghi giới làm bản thể, chỉ do công dụng trì giới sâu hay cạn mà lập ra hai cái tên ấy, chứ chẳng phải là nói đến thứ giới bổn nào khác cả. Người đời thường lấy luật nghi để bàn luận, đến nỗi chẳng biết hoặc coi thường

[756] Luật nghi giới: Những giới luật do đức Phật chế định nhằm giữ cho ba nghiệp thân miệng ý của hành giả được thanh tịnh, ngăn ngừa những vọng niệm nẩy sanh, có tác dụng *"phòng phi, chỉ ác"* (ngăn ngừa những điều sai trái, dứt các điều ác). Định cộng giới: Giới đạt được do đạt đến mức tinh thuần nơi định, tức là do định tâm bất tán nên luôn giữ được giới thể, giới tướng thanh tịnh. Tâm thường an trụ trong định nên tất cả hành vi, tạo tác, tâm niệm tương ứng với định, không còn rong ruổi theo trần cảnh nên tuy không chú tâm giữ gìn giới tướng mà không trái phạm giới. Đạo cộng giới cũng tương tự, nhưng là sự giữ giới tinh thuần do tác dụng của tuệ học.

ý nghĩa chế giới lớn lao của đức Như Lai. Chẳng khởi sự từ văn huân[757] mà mong đạt được chân giới, chân định, chân tuệ, đáng than lắm thay!

Pháp đạo của đức Như Lai có phạm vi rộng khắp mười cõi, tuy các bậc đại sĩ hoằng pháp ai nấy đều tam học viên minh, nhưng do kiến lập môn đình, mỗi vị chẳng thể không chuyên chú trọng nơi một môn. Hoặc chuyên chú nơi "chỉ tác trì phạm"[758] thì thành Luật, hoặc chuyên chú nơi tu quán giảng diễn thì thành Giáo, hoặc chuyên chú nơi tham cứu bổn lai để mong triệt ngộ thì thành Tông (Thiền). Tông mang tên là *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo) còn Luật là *"giáo nội chân truyền"* (chân truyền bên trong giáo). Nói "biệt truyền" là muốn cho con người thấy được bản thể ở ngoài ngôn ngữ, chứ không có nghĩa là Tông vượt xa hẳn ra ngoài giáo lý.

Hãy thử nghĩ xem, lúc đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, ngài Ca-diếp mỉm cười, bổn địa phóng quang, triệt để hiển lộ. Hiểu rõ điều ấy thì tất cả hình sắc trọn khắp thế gian, không gì chẳng phải là đóa hoa đang được đức Thế Tôn cầm, không gì chẳng làm cho con người thấy được triệt để diện mục sẵn có của chính mình trước khi được cha mẹ sanh ra. Huống chi vô thượng diệu pháp được nói bởi chính kim khẩu của đức Như Lai lại chẳng phải là đóa hoa ấy hay sao, chẳng thể làm cho con người đích thân thấy được bản lai diện mục ư?

Nhưng trăm vạn trời người dẫu thấy đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên thảy đều ngơ ngác, cũng như đang cưỡi lừa lại đi tìm lừa, trọn chẳng thể lãnh hội được. Nếu biết bản lai diện mục chính là ở ngay nơi đấy thì bao nhiêu người sẽ thành tựu ngay trong đời hiện tại, đỡ tốn sức biết bao nhiêu. Do mê nên chẳng biết quay trở lại, giống như chàng Diễn-nhã [trong kinh Lăng-nghiêm nhìn vào gương] trông thấy đầu mình, vô cớ phát cuồng chạy quàng lên; hạt châu trong chéo áo mà oan uổng chịu bần cùng, thật đáng buồn thay! Cần biết rằng Luật, hay Giáo, hay Tông, phải trọn vẹn cả ba thứ này thì mới có thể tiếp nối huệ mạng, truyền pháp đạo của đức Phật được. Nếu bị thiếu khuyết sẽ chẳng đủ để trên là chứng A-nậu Bồ-đề, dưới là độ hết thảy hàm thức.

Lô-xá-na Phật lấy giới làm thể, do không điều ác nào chẳng hết sạch nên gọi là tịnh, không điều thiện nào chẳng trọn vẹn nên gọi là mãn[759]. Đoạn ác tu thiện chính là cùng vâng giữ chỉ và tác. Do vậy, Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ,

---

[757] Văn huân: Do nghe pháp mà tâm thức được huân tập.

[758] Chỉ tác trì phạm: Gọi đúng ra là "chỉ trì, tác phạm", tức là những giới hễ ngăn dứt không làm thì là trì giới (nên gọi là chỉ trì), còn hễ làm thì bị coi là phạm giới (nên gọi là tác phạm). Hiểu rộng hơn thì chỉ tác trì phạm chỉ chung cho mọi giới tướng.

[759] Lô-xá-na Phật (Rocana) chính là báo thân Phật. Danh hiệu Lô-xá-na gồm hai nghĩa *tịnh* và *mãn*.

Tông là Phật tâm. Ba thứ tâm - ngữ - thân quyết chẳng thể tách rời, quyết khó thể thiếu sót. Nếu không thì một cánh khó bay, một bánh xe chẳng thể di chuyển được, muốn tự lợi lợi tha sẽ khó thể như nguyện.

Viên Giác Am ở Ngư Sơn sáng lập từ đời Minh, tồn tại cho đến ngày nay tuy có lúc chìm lúc nổi, hoặc suy hoặc thịnh khác nhau. Đến năm Dân Quốc thứ tám (1919), trụ trì là hòa thượng Cảnh Công phát tứ hoằng thệ quyên mộ tu bổ, đến năm Dân Quốc 15 (1926), điện vũ phòng ốc đều mới mẻ rạng ngời. Do điện vũ đã thành, lại muốn truyền giới bởi kiến tạo tùng lâm chính là vì để thực hiện việc truyền giới này. Do vậy, từ ngàn dặm gởi thư yêu cầu tôi viết lời tựa nhằm nêu bật ý nghĩa này. Vì thấy hoằng truyền giới pháp chính là một chánh điển (nghi lễ chánh yếu) trong pháp môn nên tôi chẳng thể từ tạ được. Hiềm rằng Quang đối với Tông, với Luật, với Giáo đều chẳng có tâm đắc gì, làm sao có thể chẳng phụ lòng sư giao phó cho được? Chỉ đành thuật tóm tắt những điều mà tri kiến hèn tệ của chính mình có thể lãnh hội được từ những gì Phật, tổ, cổ đức đã nói cho xong trách nhiệm.

Kinh Di Giáo dạy: "Này các thầy tỳ-kheo! Sau khi ta diệt độ, hãy nên tôn trọng, quý trọng, cung kính ba-la-đề-mộc-xoa[760] như trong tối tăm gặp được ánh sáng, như kẻ nghèo được báu vật. Hãy nên biết đấy chính là đại sư của các thầy giống như ta trụ thế, trọn chẳng khác gì!" Kinh Phạm Võng dạy: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành, nếu tin được như thế thì giới phẩm đã trọn đủ." Lại nói: "Chúng sanh nhận lãnh giới nhà Phật liền dự vào địa vị Phật, địa vị giống với bậc Đại Giác, đúng là con của chư Phật." Nguyện các Phật tử thọ giới ai nấy đều tự biết chính mình vốn sẵn là Phật, nhưng do mê trái nên ngược ngạo nhờ vào sức công đức Phật tánh ấy mà luân hồi trong lục đạo, chịu các sự khổ cùng cực.

Như Chuyển Luân Thánh Vương mộng thấy mình là con kiến, lần theo mùi tanh bò ở dưới thềm, tự thấy mình hèn nhỏ, nhưng thân vua nằm ở trên giường vẫn y nguyên như cũ chẳng mất. Đến khi tỉnh giấc mới biết huyễn hoặc biến thành kiến, chứ trọn chẳng có thực thể. Hết thảy chúng sanh cũng giống như thế. Phật vốn là chưa thành, nghiệp vốn là không nhưng lầm lạc tạo dựng, đề cao thánh cảnh, cam phận phàm ngu, nhường cho mình đức Thích-ca Thế Tôn làm một vị

[760] Ba-la-đề-mộc-xoa (prātimoksa) chính là giới luật để bảy chúng đệ tử Phật ngăn ngừa tội lỗi nơi thân khẩu ý, xa lìa các phiền não hoặc nghiệp hòng được giải thoát. Ba-la-đề-mộc-xoa thường được dịch nghĩa là tùy thuận giải thoát, xứ xứ giải thoát, biệt biệt giải thoát, biệt giải thoát, tối thắng, vô đẳng học v.v.. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì ba-la-đề-mộc-xoa thường chỉ cho giới luật của hàng xuất gia, được chia thành tám tiểu loại: ba-la-di, tăng-tàn, bất định, xả đọa, đơn đọa, ba-la-đề đề-xá-ni, chúng học, diệt tránh pháp.

trượng phu hùng mãnh, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu các Phật tử thọ giới ai nấy đều gắng sức thì chẳng những không phụ một phen nhọc lòng truyền giới của hòa thượng Cảnh Công, mà còn an ủi được một phen thánh ý xuất thế chế giới của đức Như Lai vậy.

24. Lời tựa ấn hành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thảy các pháp Đại, Tiểu thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tột cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. Pháp hội Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương, nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền thừa Bồ-tát chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu của pháp môn chưa được đặt để.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng vô duyên từ, vận tâm đồng thể bi, trong hội Phương Đẳng đặc biệt nói ba kinh Tịnh độ Di-đà, độ khắp ba căn, thâu trọn chín giới, xiển dương đạo mầu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại "tâm làm, tâm là". Cơ lẫn lý đều khế hợp, phàm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, như mười phương hư không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh phàm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai. Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời mạt pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này được.

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh nhằm làng quê đoạn diệt Phật pháp, mới sanh được nửa năm, lại đau khổ vì mắt nhắm nghiền sáu tháng. Đến tuổi đi học, bao lượt gặp cảnh giặc cướp, binh đao quấy nhiễu. Vừa có chút hiểu biết, lại trúng phải chất độc báng Phật của bọn Trình - Chu. May là học thức hoàn toàn chẳng có gì, chẳng thể tạo nghiệp hãm trong A-tỳ ngay trong khi còn sống. Nếu tài trí được như bọn họ, ắt sẽ đến nỗi tạo tội khiên mười phương hư không chẳng thể dung. Do ý ác ấy, mắc bệnh khổ lâu dài, suốt mấy năm hệt như phế nhân. Một ngày nọ mới biết mình lầm lạc, bèn xuất gia làm tăng mong diệt tội lỗi. Tông - Giáo lý sâu không có sức nghiên cứu, Tịnh độ đạo lớn quyết chí tuân hành, toan làm một ông tăng chỉ biết cơm cháo, chỉ lo tự độ, chẳng mơ hoằng pháp lợi sanh.

Năm 33 tuổi đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, trụ trì là hòa thượng Hóa Văn biết Quang chỉ biết ăn cơm, không làm chuyện chi khác được, bèn cho làm thực khách thường xuyên, chẳng giao phó chút việc cỏn con gì. Hơn 20 năm cũng khá được an lạc, suốt năm không một ai đến thăm, không nhận được một lá thư nào.

Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), tờ Phật Học Tùng Báo được phát hành tại Thượng Hải, ông Cao Hạc Niên mấy lần gởi báo qua bưu điện cho xem. Thấy những văn tự được in trong báo ấy phần nhiều hợp công đạo, nhưng những điều lạm bàn về chánh trị trong báo có chỗ hơi thiên vị, tôi trộm sợ rằng có người sẽ viện vào chuyện ấy để chê cười Phật pháp, bèn dùng cái tên Vân Thủy Tăng Thường Tàm để gởi thư xin nhà báo hãy lập luận cho công bằng, đừng để ngọc đẹp có vết, nhưng những vị biên tập trọn chẳng thèm để mắt đến. Về sau ông Hạc Niên lên núi này, tôi kể đầu đuôi; ông ta bèn đem mấy thiên cảo văn đăng báo, ký tên là Thường Tàm, chẳng một ai biết đến.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Từ Úy Như nhận được ba lá thư từ bạn hữu, bèn in ra năm ngàn bản, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo (bản thảo thư từ của pháp sư Ấn Quang) tặng cho mọi người. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thu thập được hơn 20 bức thư nữa, đem in tại Bắc Kinh, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem sách ấy đến Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với ngài Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), lại in bộ Tục Biên.

Mùa thu năm ấy, mẹ ông mất tại nơi cư ngụ ở đất Thân (Thượng Hải). Tang ma xong xuôi, bèn nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán ghép bộ Sơ Biên và Tục Biên thành một bộ, in thành một tập. Năm Dân Quốc 12 (1923), Quang bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán in riêng bản Tăng Đính, chia làm bốn quyển, lưu bản[761]. Lần đầu, in hai vạn bộ. Năm Dân Quốc 14 (1925), lại cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng, vẫn chia thành bốn quyển. Từ đấy, bất luận văn tự gì cũng đều nhất loạt không lưu lại bản nháp nữa, một là để khỏi lãng phí tiền tài thí chủ, hai là chẳng đến nỗi làm gai mắt huệ của người thông sáng.

Năm Dân Quốc 19 (1930), tôi yểm quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, vị đương gia[762] chùa ấy là thầy Minh Đạo cho người sao trộm. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy qua đời mới thôi. Năm Dân Quốc 26 (1937), Quang tỵ nạn tại núi Linh Nham, người sao chép bèn giao bản cảo cho vị đương gia [chùa Linh Nham]

[761] Bản Tăng Đính về sau được bổ sung thêm một số bài nữa nên gọi là Tăng Quảng Chánh Biên, hay Ấn Quang Văn Sao Sơ Biên. "Lưu bản" là giữ lại bản in. Thuở ấy, thường in theo lối mộc bản, bản gỗ khắc chữ để in rất cồng kềnh nên nếu không yêu cầu, nhà in sẽ không giữ lại mộc bản.

[762] Đương gia theo nghĩa gốc là vị quản gia của một dinh thự hoặc một phủ viện. Nhà chùa cũng dùng chữ đương gia để chỉ vị tăng quản trị một ngôi chùa.

là thầy Diệu Chân. Thầy Diệu Chân lại cho sao lục những bài viết từ các tờ bán nguyệt san. Quang biết, nhưng lọt vào thế không làm gì được, chỉ đành giảo duyệt kỹ càng để in, hòng mãn nguyện thầy ấy.

Quang lúc nhỏ kém học vấn, lớn lên chẳng biết gì, văn cực vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt vào mắt. Nhưng những điều Quang nói đều dựa theo ý kinh Phật, lời tổ rồi tùy cơ nói giản lược đó thôi, chẳng dám vọng sanh ý kiến khác gây lầm lạc cho người khác, lại thêm vào đó những gì mình đã từng trải hơn 50 năm. Nếu chịu bỏ qua văn để nắm lấy ý nghĩa, ắt có thể coi Văn Sao như một cột mốc gỗ [763] để chỉ thẳng chuyện Tây quy cũng chẳng ngại gì! Xin hãy dốc sức về Tây, dũng mãnh tiến thẳng lên phía trước. Chớ vì cột mốc gỗ này xấu hèn mà chẳng muốn thấy lộ trình về Tây thì người dựng mốc lẫn người quy Tây đều cùng chẳng tiếc nuối.

Thêm nữa, bộ Sơ Biên tuy đã in hơn mười vạn bộ, nhưng bậc đại thông gia thấy sách này chỉ chuyên nói đến chuyện "tín nguyện niệm Phật, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, giáo dục gia đình", toàn là những lời văn nôm na khuyên đời, trọn chẳng phải là những lời lẽ "vén mây thấy trăng, mở cửa thấy núi" mở rộng tâm mục cho người, tỏ bày thông suốt bản hoài của Phật, cho nên coi như đồ bỏ. Cũng có những người cùng một căn tánh như Quang, xem bộ sách này như diệu bảo. Do đây mà người bỏ mê theo ngộ, bỏ tà về chánh, sống giữ vẹn luân thường, mất sanh về Cực Lạc đông lắm!

Bộ Tục Biên ngoài những điều đã nói như trong bộ Sơ Biên, còn thêm những chuyện như "khuyên sản phụ niệm Quán Âm, sữa hóa thành chất độc do người mẹ nóng giận giết chết con cái". Đấy đều là những điều cao tăng, thầy thuốc xưa nay chưa hề nói đến mà Quang cứ nhắc đi nhắc lại.

Cổ nhân nếu chẳng phải là tướng giỏi thì cũng là lương y, chỉ mong giúp đời, cứu sống người. Quang là ông tăng vô tri vô thức chỉ biết đến cơm cháo, do một mình ông Từ Úy Như lan truyền cái hư danh, rốt cuộc muôn người nhận tiếng hư, đón tiếng vang, ngỡ là thật, xem như thiện tri thức. Họ đã "đem sai ngoa truyền sai ngoa", Quang chẳng ngại "dùng lầm lạc đáp tạ lầm lạc", dạy người sống có nơi nương tựa, lúc mất có chỗ quy túc, sanh nở không gặp ách nạn, con chẳng bị

[763] Trong lời tựa bộ Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, thấy ghi là "mộc tiêu" (cái cột mốc bằng gỗ), còn ở đây ghi là "mục tiêu". Mạt nhân cho rằng "mộc tiêu" hợp lý hơn, vì tổ coi những lời dạy của mình như cái mốc đánh dấu đường bằng gỗ tầm thường. Chứ còn "mục tiêu" thì lại là mục đích để nhằm đạt đến, không thích hợp với ngữ khí hết sức khiêm nhường của tổ trong bài tựa này. Hơn nữa, đoạn sau vẫn dùng chữ "mộc tiêu", khiến chúng tôi càng tin chắc chữ "mục tiêu" đã bị chép lầm. Do vậy, chúng tôi mạo muội sửa thành "mộc tiêu" cho đoạn trước phù hợp với đoạn sau.

chết đột ngột để tận hết tấm lòng tôi. Dẫu gai con mắt huệ của bậc thông hiểu, nhưng vì có ích cho người, không gây hại cho đời, nên bèn tùy thuận ý của hai thầy Minh Đạo, Diệu Chân cho lưu thông sách này và lược thuật duyên khởi. Hiểu tôi hay bắt tội tôi, đều không màng đến vậy!

25. Lời nói đầu dành cho bản báo cáo kết toán thu nhập lần thứ sáu của Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Pháp môn Tịnh độ là đạo để hết thảy lục đạo tam thừa đạt đến mục đích liễu sanh thoát tử, viên chứng Bồ-đề. Kể từ sau khi Tống Nho bài xích nhân quả, pháp "trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm" chỉ còn là cành lá, trọn chẳng có cội gốc, dẫn đến những thói cuồng loạn không cứu vãn được, hết cả thuốc chữa! Dẫu học Phật chẳng tu Tịnh độ vẫn có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không" thì vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ-đề xa vời vợi, muốn cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử sẽ khó như lên trời!

Bất Huệ nghiệp nặng phước nhẹ, nghiệp sâu huệ cạn, tuy có lòng cứu nước cứu dân, tự lợi lợi tha, nhưng không có đạo để hoằng pháp cứu vớt mọi người, tự lập lập người, chỉ đành lượng theo sức mình ấn hành lưu truyền đôi chút những kinh sách thiết yếu, khế cơ tuyên nói về nhân quả và Tịnh độ để mong kẻ thấy người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu tịnh nghiệp, đều cùng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành nhằm trọn hết tấm lòng tôi mà thôi.

Mùa xuân năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 (1930), thầy Minh Đạo tính lập ra Hoằng Hóa Xã tại Tịnh nghiệp xã Thượng Hải để lưu thông các kinh sách đã ấn tống trong mấy năm trước, được các vị cư sĩ tán trợ, đã bắt đầu hoạt động. Vào đầu hạ, Bất Huệ bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu nhất loạt không hỏi đến. Năm sau, Hoằng Hóa Xã dời về chùa Báo Quốc, khá phát đạt. Đến tháng 10 năm nay, sư Minh Đạo mất, chuyện Hoằng Hóa Xã không giao được cho ai, chỉ đành tự đảm nhiệm. Nhưng tôi là một tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo đã 76 tuổi lại thù tiếp vụng về, nếu các đại cư sĩ có lòng Bồ-đề vì pháp, vì người vẫn duy trì như cũ thì kinh sách của Hoằng Hóa Xã sẽ có thể lưu truyền xa gần, chẳng đến nỗi do vì Bất Huệ lo liệu mà bị bỏ phế, hoạt động rời rạc vậy. Viết những điều này để mong các đại cư sĩ sáng soi.

(Giữa xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

26. Duyên khởi niệm Phật bốn mươi chín ngày của lan-nhã Thường Tịch Quang núi Vân Cư, Hàng Châu

Pháp niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, dưới là tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hải hội, hễ được vãng sanh nhất định chứng Bồ-đề. Huống chi chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, chẳng nương theo pháp này thì làm sao yên được?

Lão hòa thượng Vi Quân đã xét nghĩ điều này, bèn lập một lan-nhã ở núi Vân Cư thuộc châu thành đất Hàng, đặt tên là Thường Tịch Quang, ý muốn để cho mình cùng người đều niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về cõi Phật, dần dần tấn tu hòng cùng được viên mãn Phật quả. Kể từ khi ngài Vi Quân qua đời, học trò ngài đều nghiêm túc tuân theo lệnh thầy, vĩnh viễn giữ gìn quy củ đã thành nề nếp. Nay đại sư Diệu Đăng thấy một pháp niệm Phật nhiếp khắp kẻ định tâm lẫn tán tâm, nhưng cần phải chuyên ròng dụng công để mong đắc nhất tâm ngõ hầu lên thẳng thượng phẩm, mau chứng Tịch quang, liền tính mỗi năm vào cuối mùa đông sẽ lập một kỳ hạn nhất định chuyên niệm Phật trong 49 ngày để mong tâm khế hợp với Phật, hòng chứng được nghĩa "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", cảm ứng đạo giao, chẳng phụ lòng thành như mẹ mong con, như con nhớ mẹ.

Pháp hội đã mở ra, chỉ mong lợi lạc trọn khắp. Phàm kẻ tại gia thiện sĩ muốn tùy hỷ tu trì đều chấp thuận hết. Chỉ có những vị anh hiền chốn khuê các cố nhiên nên ở yên trong nhà, nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải đến dự hội để mong đích thân được hưởng lợi ích chân thật, không vướng phải các hiềm nghi, khiến cho người khác sanh lòng ngưỡng mộ, vĩnh viễn dứt hết các nghi báng, ai nấy tùy theo phận mình gắng sức tu trì, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu. Nguyện khắp những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin, cùng tu tịnh nghiệp ngõ hầu cùng sanh về Tịnh độ, cùng chứng Bồ-đề, hưởng các pháp lạc đến tột cùng đời vị lai.

(Giữa hạ năm Giáp Tý, tức năm Dân Quốc 13 - 1924)

27. Duyên khởi của liên xã Hải Môn tại Phước Châu

Chân như tánh hải tịch chiếu viên dung, vô năng vô sở, chẳng dời chẳng biến, ngay cả cái tên Niết-bàn còn chẳng có thì làm sao có chuyện sanh tử? Nhưng vì chúng sanh mê muội, chôn vùi toàn thể, chẳng hiểu tự tâm, lầm lạc đuổi theo huyễn cảnh. Do vậy, đối với những cảnh thuận, nghịch, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, từ kiếp này sang kiếp khác luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, ngược ngạo nương vào sức tịch chiếu viên dung của chân như Phật tánh

ấy để làm cái gốc khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sanh tử, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, tùy cơ chỉ dạy, nói đủ mọi pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được Phật tánh. Hiềm rằng chúng sanh căn khí bất nhất, liễu thoát ngay trong đời này chẳng được mấy kẻ. Do vậy, đức Phật liền đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ để mong sao bọn họ dù thánh hay phàm đều cùng được giải thoát ngay trong đời này. Ấy là vì "tâm này làm Phật, tâm này là Phật" chứ chẳng phải có một Phật quả ở riêng ngoài tâm để đạt được. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn; chúng sanh và Phật dung nhiếp nhau, cảm ứng đạo giao, nên dễ được thành tựu.

Cư sĩ La Vũ Tằng ở Hải Môn xưa đã trồng cội đức, bẩm tánh nhân từ tốt lành, đề xướng Tịnh độ chẳng tiếc sức thừa, muốn cho hết thảy những người cùng hàng đều chứng Phật tánh sẵn có. Vì thế khi lâm chung cụ được toại nguyện. Con cụ là Khanh Đoan, Ngạn Tuấn gắng sức tiếp nối chí cha, lập ra chỗ lưu thông kinh Phật trong nhà, muốn cho những tịnh lữ trong vùng phụ cận tùy thời niệm Phật; cho nên tại chỗ lưu thông, lập một liên xã, đặt biển ghi tên là Hải Môn. Do biển pháp của chư Phật chỉ có niệm Phật là dễ vào nhất, chân như tánh hải chỉ có niệm Phật là dễ đích thân chứng được nhất. Do vậy, pháp môn niệm Phật này chính là cửa ngõ để vào biển pháp của chư Phật, để chứng chân như tánh hải. Vì thế đặt tên là Hải Môn.

Đây là ước theo lý mà luận, chứ nếu ước theo sự để nói thì do cha họ là cư sĩ Hải Môn đề xướng niệm Phật, hết thảy đại chúng mới biết: Trong cõi đời có pháp môn Tịnh độ tột bậc rộng lớn, tột bậc viên đốn, tột bậc sâu mầu, tột bậc giản tiện! Phàm những ai đến đấy niệm Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, cứu giúp người đang gặp nạn ngặt nghèo, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người. Người làm được như thế thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm sẽ hợp với đạo. Lúc còn sống liền dự vào địa vị thánh hiền, khi lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc, ngõ hầu thỏa mãn bổn nguyện đề xướng của cư sĩ Hải Môn. Nơi nơi đều lập liên xã, mỗi mỗi đều phỏng theo Hải Môn, sẽ thấy Phật pháp hưng thịnh, tai chướng tiêu diệt, mưa hòa gió thuận, cùng nhau đạt đến cõi đời đại đồng[764], dân khỏe mạnh, vật sanh sôi, cùng vui hưởng cuộc sống tươi vui, tốt đẹp vậy.

---

[764] Theo Nho gia, đại đồng (大同) là một thế giới toàn hảo, trong đó con người không có lòng vật dục riêng tư. Khái niệm này bắt nguồn từ thiên Lễ Vận sách Lễ Ký. Theo đó, Khổng tử do

28. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh

Đức Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê mất cái tâm mầu nhiệm vốn có nên luân hồi trong sanh tử, bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Quyền, Thật bất đồng, dẫu Thiên, Viên, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều là nhằm khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của đức Phật cho chúng sanh khiến họ rốt ráo thành Phật mới thôi. Nhưng căn cơ chúng sanh có lớn nhỏ, mê có cạn sâu, chẳng thể thỏa thích bổn hoài của Phật ngay được; lại vì chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu nặng, trí tuệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát. Do vậy, đặc biệt lập ra một pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn các pháp sơ - trung - hậu, thích hợp khắp cả ba căn thượng - trung - hạ, ngõ hầu những vị đã chứng pháp thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát khỏi luân hồi. Lợi ích ấy vượt trỗi những giáo pháp trong suốt một đời giáo hóa của đức Phật, vì một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ vào Phật lực.

Ví như gã chân teo suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nếu ngồi luân bảo[765] của Chuyển Luân Thánh Vương thì trong một ngày liền đến khắp bốn châu. Vì thế, pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn công là vị mở liên xã đầu tiên, đương thời bậc cao tăng đại nho dự vào hội có tới 123 người.

---

có việc phải sang Lạp Tân, xong việc, đi du ngoạn, chợt thở dài vì cảm thán cho tình hình nước Lỗ. Ngôn Yển bèn hỏi nguyên cớ, Khổng tử đáp: "Đại đạo được thực hành bởi ba vị thánh quân anh minh thời Tam Đại, Khâu tôi chưa đạt đến, nhưng sẵn chí mong mỏi. Hễ đại đạo được lưu hành thì thiên hạ đều là của chung. Chọn lựa người hiền, cử người tài năng, thành tín, hòa thuận. Cho nên con người chẳng chỉ lo phụng dưỡng cha mẹ của chính mình, chẳng lo nuôi dạy con cái của riêng mình, mà ắt sẽ khiến cho người già được chết an lành, kẻ trẻ khỏe được sử dụng đúng tài năng, trẻ thơ được trưởng thành, cứu giúp người góa bụa, những kẻ mồ côi, lẻ loi, tàn tật đều được giúp đỡ. Nam tròn bổn phận, nữ có nơi nương tựa. Vật dụng không bị vứt bỏ trên đất, nhưng chẳng giấu giếm cho riêng mình. Chẳng ngại ngần ra sức làm lụng, nhưng chẳng cậy công. Vì thế, những mưu mẹo bị ngăn chặn, không thể dấy lên được, trộm cắp, loạn tặc chẳng thể xảy ra. Do vậy cổng ngõ chẳng cần phải đóng. Đó gọi là đại đồng."

[765] Luân bảo (cakra-ratna) là bánh xe bằng chất báu, chính là một trong bảy món báu của Chuyển Luân Thánh Vương (Cakravarti-rāja) được cảm thụ bởi sức phước báo của vua, giúp vua có thể đi tới khắp mọi nơi, không ai ngăn trở được. Luân bảo có bốn loại vàng, bạc, đồng, sắt, riêng luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương (Kim Luân Vương) có đến một ngàn căm. Chuyển Luân Thánh Vương dùng luân bảo ấy để bay đi khắp mọi nơi, chinh phục khắp bốn đại châu.

Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng trọn khắp trong ngoài nước.

Đại pháp của Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh độ là dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế, các vị tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chú trọng ngầm tu, rất nhiều vị cực lực công khai giáo hóa đại chúng bằng pháp môn này. Pháp này chân lẫn tục cùng viên dung, cơ và lý cùng khế hợp, chẳng những là pháp để người học đạo lập tức thoát khỏi luân hồi mà còn là nền tảng để bậc cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Vì thế vãng thánh tiền hiền, người thông đạt, bậc trí tuệ đều cùng tu trì giống như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy xuôi vào biển Đông.

Gần đây, lòng người kém hơn xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang Đông, đua nhau đề cao duy tân, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu vứt thẹn, đến nỗi hùa theo nhau ầm ĩ đề xướng giết cha giết mẹ. Người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm trông thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như bị diệt mất, đua nhau lập cách cứu vãn. Do vậy, các xứ đều lập Tịnh nghiệp xã, Cư sĩ lâm, đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi trong lục đạo, khiến cho hết thảy mọi người đều giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành để thành người hiền, người thiện trong thế gian, phát tâm Bồ-đề, tự hành dạy người, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Để đến khi lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương, trở thành thượng thiện nhân xuất thế gian. Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã.

Từ xa xưa, Ôn Châu là cuộc đất Phật giáo hưng thịnh. Trước kia đã có Ngô Bích Hoa cực lực đề xướng, do vậy Lạc Thanh, Hồng Kiều đã thiết lập Cư sĩ lâm. Nay Ngô Trí Hinh, Lâm Trí Minh tập hợp các tín sĩ, lập ra một Tịnh nghiệp xã ở huyện thành để mong chuyển đổi lòng người, giúp đỡ cho nền chánh trị của nước nhà, họ rất sợ kẻ chưa am hiểu Phật lý sẽ không thể nào hiểu rõ được lợi ích rộng lớn sâu xa ấy nên đặc biệt xin Quang soạn bài ký nêu tỏ ý nghĩa ấy ngõ hầu ai nấy đều có thể thật sự đích thân chứng được diệu đạo sẵn có ở ngay nơi cái tâm. Đối với sự kiến lập Tịnh nghiệp xã và sự tu trì trong liên xã ấy thì đã có người ghi chép riêng nên ở đây tôi không viết cặn kẽ.

(Đầu thu năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

29. Duyên khởi của phân xã Đường Áp thuộc Phật giáo Cư sĩ lâm Nam Thông

Đức Đại Giác Thế Tôn… *(cho đến)* Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh)*. Giang Tô là nơi Phật pháp được khởi xướng đầu tiên ở phương Nam. Nam Thông rất gần Tô Châu, vốn xưa kia là chỗ "nhà nhà Quán Thế Âm, chốn chốn Di-đà Phật". Cuối đời Thanh, vận nước ngày một suy, pháp vận cũng suy theo, đến nỗi tiếng tụng kinh, giọng niệm Phật hiệu gần như im bặt. Gần đây cõi đời loạn lạc đến cùng cực, dân không lẽ sống, những ai có lòng đều đề xướng Phật học, nơi nơi đều lập ra Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã v.v. được lập ra đông đảo như rừng.

Cư sĩ Trần Huệ Cung nhóm họp mấy chục người cùng chí hướng thành lập Cư sĩ lâm tại Đường Áp, mỗi Chủ Nhật hằng tháng phàm những lâm hữu đã gia nhập hội và những thiện tín tùy hỷ đều cùng đến niệm Phật một lượt. Hễ rảnh rang thì bèn thừa dịp thuận tiện diễn nói phương pháp tu trì và lợi ích của pháp môn Tịnh độ, cũng như nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, tam cương, ngũ thường, thập thiện, bát đức, để hết thảy chúng sanh đều cùng biết đạo dẹp loạn nhằm đạt bình trị và pháp siêu phàm nhập thánh, ngõ hầu chẳng đến nỗi uổng sẵn đủ Phật tánh có thể làm Phật mà vĩnh viễn luân hồi trong tam đồ lục đạo suốt kiếp, chẳng thể hưởng dùng được. Các lâm hữu xin chỉ dạy cương yếu, do vậy tôi lược thuật những nét chánh yếu trong pháp môn Tịnh độ và duyên khởi thành lập Cư sĩ lâm. Nguyện người thấy nghe đều cùng chú ý, được như vậy thì sẽ chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này, sẽ noi dấu các bậc thánh đời trước trọn chẳng áy náy gì.

(Đầu hạ năm Giáp Tuất - 1934)

30. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nam Kinh

Đức Đại Giác Thế Tôn… *(cho đến)* Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh)*. Nam Kinh là cuộc đất Phật giáo hưng thịnh từ thời cổ, nay lại được lập làm thủ đô. Phàm những bậc vĩ nhân, kiệt sĩ, học rộng, trí sâu đều tụ họp về đây. Không có tịnh xã sẽ chẳng dễ tu thật hạnh hòng chứng tịnh quả. Hơn nữa, năm phương cùng tụ lại một chỗ, rắn rồng hỗn tạp, nếu không có tịnh xã thì làm sao thoát khỏi hang tối để vượt lên cây cao chót vót.

Do vậy, các vị cư sĩ Dương Tiên Phân, Ngụy Ngưỡng Sơn v.v. vào những lúc công việc rảnh rỗi đã suất lãnh những người cùng chí hướng tu trì tịnh nghiệp.

Do những người nghe tiếng liền tùy hỷ đông đảo, nên tạm thời thuê am Diệu Phong để làm cơ sở. Lại sợ những người thấy nghe và xã hữu chẳng biết lợi ích của pháp môn bèn cậy Quang viết duyên khởi nhằm nêu rõ cái đạo sẵn có ngay trong cái tâm này, pháp tu chân ngay trong cõi tục, cũng như lợi ích do dùng chính niệm Phật để bảo vệ đất nước, do ngầm tu mà giúp đỡ cõi đời khiến cho những ai thấy nghe đều được biết rõ.

(Cuối hạ năm Ất Hợi, tức năm Dân Quốc 24 - 1935)

31. Duyên khởi của Niệm Phật xã Hỗ Tây

Đức Đại Giác Thế Tôn điều ngự chúng sanh tùy cơ thuyết pháp, tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, dẫu Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều là muốn làm cho chúng sanh đích thân chứng được chân như Phật tánh sẵn có ngay trong tự tâm mà thôi. Nhưng Phật tánh ấy sẵn có trong cái tâm, chứ chẳng phải là vật từ bên ngoài đến, như lấy của báu trong nhà sẽ được thụ dụng ngay trong hiện tại. Do vậy chứng Phật tánh ấy là chuyện cực dễ dàng! Hiềm rằng chúng sanh ở trong sanh tử đã lâu, mê hoặc rất sâu, ví như gương báu bị bụi phủ cả kiếp, muốn khôi phục bản thể quang minh chiếu trời soi đất của nó cố nhiên chẳng thể đổ công lau chùi một hai ngày sẽ liền đạt ngay được. Đức Như Lai bi tâm chân thật, thiết tha, biết chúng sanh đích thân chứng đắc bằng tự lực sẽ khó khăn; dẫu có tu trì nhưng vì chưa đoạn phiền hoặc, hễ thọ sanh lần nữa sẽ chẳng khỏi lại mê. Từ đấy kẻ đọa lạc thì đông, người siêu thăng ít ỏi. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật để những vị đã chứng pháp thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát khỏi luân hồi.

So với những kẻ chỉ cậy vào tự lực tu giới định tuệ hòng liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thì sự khó dễ khác biệt vời vợi một trời một vực. Bởi lẽ, một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ vào Phật lực. Ví như gã teo chân suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nhưng nếu cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày sẽ đến khắp bốn châu. Vì thế pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung xưng tán, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do vậy, pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn công sáng lập liên xã đầu tiên, đương thời có đến 123 vị cao tăng, đại Nho tham dự. Từ đấy trở đi, tất cả Luật, Giáo, Thiền, Mật, không ai chẳng lấy cầu sanh Tịnh độ để làm bước cuối cùng nhằm trở về cội, quay lại nguồn. Bởi thế, gió sen thổi khắp trong ngoài nước, pháp lợi trọn khắp xưa nay!

Gần đây lòng người kém xưa, vứt bỏ gốc, đuổi theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đua nhau đề cao duy tân, phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ lòng thẹn, hùa nhau đề xướng những ác hạnh giết cha, giết mẹ v.v.. Người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm trông thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như bị diệt mất, đua nhau lập cách cứu vãn. Do vậy, các xứ lập Tịnh nghiệp xã, Cư sĩ lâm, Niệm Phật xã hòng đề xướng Phật pháp, tỏ rõ nhân quả ba đời, chỉ ra luân hồi trong lục đạo, nêu bày Phật tánh chân thường, khen ngợi Tịnh độ cao siêu thù thắng, khiến cho hết thảy mọi người giữ gìn tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để thành hiền nhân, thiện nhân trong thế gian, phát tâm Bồ-đề, tự hành dạy người, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, để đến khi lâm chung, Phật và thánh chúng đích thân rủ lòng tiếp dẫn hòng được vãng sanh, trở thành bậc thượng thiện nhân xuất thế gian. Đấy chính là ý nghĩa lớn lao của việc các nơi lập xã, dựng lâm vậy.

Vùng Hỗ Độc (Thượng Hải) là vùng đất Phật giáo hưng thịnh từ thời cổ, nay trở thành bến cảng thông thương lớn nhất. Trong năm Dân Quốc thứ mười (1921), đã do các vị cư sĩ như Vương Nhất Đình v.v. sáng lập Phật giáo Tịnh nghiệp xã, Phật giáo Cư sĩ lâm, ước định chương trình quy củ, chú trọng tu trì thực tiễn, nhưng một giải phía tây đất Hỗ vẫn còn thiếu khuyết. Nhờ các vị cư sĩ như Kiều Tuân Như, Kim Thiện Sanh v.v. sáng lập Niệm Phật xã tại miếu Điện Tử thuộc trấn Tào Hành. Ngày mồng 1 mỗi tháng, suất lãnh những người cùng chí hướng kiền thành trì niệm thánh hiệu, hồi hướng Tây Phương, còn kèm thêm diễn thuyết lợi ích tu trì. Họ sợ người thấy nghe và những người tham dự liên xã chưa biết nguyên do, bèn cậy Quang soạn lời duyên khởi, do vậy tôi bèn thuật đại ý.

Cần biết rằng: Những hạnh như vừa nói trên đây chính là do niệm Phật mà hộ quốc, tuy ngầm tu mà phù tá cõi đời. Những kẻ câu nệ hẹp hòi do không có trí nhãn, cho là Phật giáo diệt luân lý, vô ích cho con người, cho đất nước. Như vậy thì có khác gì kẻ mù từ lúc mới lọt lòng, tuy được hưởng ân che chở, chiếu soi của mặt trời, được làm người, nhưng vì chẳng thấy bèn bảo là không có! Há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

(Đầu đông năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

32. Duyên khởi của liên xã Phổ Tế thuộc am Quán Âm, Hoài An

Đức Đại Giác Thế Tôn… *(cho đến)* Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh nghiệp xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Lạc Thanh).* Xưa kia, Hoài An cũng là vùng đất Phật giáo hưng thịnh, sau này bèn lặng ngắt không nghe nói tới nữa. Gần đây, phong tục trong cõi đời ngày một đi xuống, những vị có lòng lo cho con người bèn cùng nhau đứng lên cứu vãn. Do vậy, tại am Quán Âm trong thành đã lập ra liên xã Phổ Tế để mong sao ai nấy đều sốt sắng giữ luân thường, chánh lý, tu trì pháp môn Tịnh độ. Trụ trì là ngài Vô Vi cũng sẵn tâm cứu vớt rộng khắp sâu xa, tăng tục cũng một lòng cùng hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật.

Có ông Dương Bội Văn bình sinh theo đuổi Nho học, nhưng chẳng biết đức Phật là người như thế nào. Do đứa cháu nội chưa đầy năm đã chết, hết sức đau buồn, tiếc nuối. Cư sĩ X… khuyên tham dự liên xã niệm Phật, và đọc các kinh sách Tịnh độ, ông ta liền tinh tấn thường niệm. Chưa đầy ba tháng, từ hoa đèn[766] trước bàn thờ Phật kết thành một đóa sen, trong ấy có xá-lợi to bằng hạt kê, có màu như màu ngọc phỉ thúy. Đấy là do lòng tinh thành của ông ta cảm vời cho nên Phật hiện ra tướng lành ấy để lòng tin của mọi người được vững chắc. Nguyện những ai đọc bài văn này sẽ cùng sanh lòng chánh tín, đều cùng chăm chú tu tập thật sự thì trong hiện tại sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, cao dự vào bậc thánh hiền, lâm chung được Phật từ bi đích thân rủ lòng tiếp dẫn, cao đăng cõi Cực Lạc. Chỉ nguyện những người cùng hàng ai nấy đều cố gắng!

(Ngày đông chí năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

33. Duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Tĩnh Giang

Trong thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn, y theo bất cứ một pháp nào, dùng tâm Bồ-đề để tu thì sẽ đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo; nhưng khi đang tu còn chưa chứng thì không gì là chẳng khó dễ, nhanh chậm khác biệt. Cầu lấy một pháp chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế lý lẫn khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho trời người, phàm thánh chứng chân thì không gì bằng một pháp "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương"! Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực mà chưa đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực thì nếu tín nguyện chân thật thiết tha, sẽ liền có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người

[766] Hoa đèn là phần bấc (tim) đèn cháy còn sót lại có hình tựa tựa như cái hoa nên gọi là "hoa đèn". Cổ nhân thường cho rằng khi thắp đèn mà bấc đèn cháy để lại hoa đèn sẽ có điềm lành.

hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì sẽ trọn chẳng có hy vọng gì hết!

Cần biết rằng, pháp môn Tịnh độ pháp nào cũng viên thông, như mặt trăng sáng vằng vặc giữa trời, dòng sông nào cũng hiện bóng; thủy ngân rớt xuống đất, hạt nào cũng đều tròn xoe. Chẳng những có lợi ích lớn lao cho cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, trị quốc, an bang, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không ai chẳng vừa cảm liền ứng, thỏa lòng mãn nguyện.

Hiện thời lòng người yếu hèn, chìm đắm, đời đã loạn đến tột cùng, phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu vứt thẹn, đủ mọi thứ tà thuyết bạo hành nhằm thực hành cầm thú hóa con người được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo làm người sẽ gần như bị dứt mất. Do vậy, những vị hữu tâm các xứ cùng nhau đứng dậy đề xướng Phật pháp, giảng rõ nhân quả ba đời, nêu rõ lục đạo luân hồi, chỉ ra Sa-bà trược ác, nêu bày Cực Lạc nghiêm tịnh nhằm mong người trong cõi đời này sẽ đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, khôi phục lễ nghĩa, sống thì dự vào bậc thánh hiền, liễu sanh thoát tử, chết sẽ về cõi Cực Lạc.

Các vị cư sĩ Ân Đức Tăng, Chu Huệ Siêu, Hoàng Huệ Chân v.v. ở Tĩnh Giang là những bậc thân sĩ trong ấp đã lập ra Phật giáo Cư sĩ lâm ở huyện thành. Mồng 1, ngày Rằm mỗi tháng và những ngày vía Phật Bồ-tát, nhóm họp mọi người niệm Phật. Buổi chiều sau khi niệm Phật xong, thỉnh những vị tăng hay tục thông văn lý, diễn thuyết đường lối "học đạo ngay trong cõi trần, sống ở rẫy bái mà bảo vệ đất nước, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành" và pháp "thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu khắp mọi người cùng hàng đều vượt thoát biển khổ", khiến cho hết thảy mọi người đều biết nguyên do "ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật", thực hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tận lực thực hiện rốt ráo tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ sẽ đều chú trọng mong thành thánh học Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện "chẳng giữ địa vị gì mà lại bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng để lộ dấu vết" vậy.

Lâm hữu đều cho rằng Cư sĩ lâm đã thành lập, hãy nên đem ý nghĩa lớn lao này bảo khắp những người thông sáng tìm đến Cư sĩ lâm, ngõ hầu dù thấy hay nghe đều phát tín tâm, cùng hoằng dương đạo này thì thiên hạ sẽ có thể tự thái bình, nhân dân yên vui. Họ gởi thư cho Bất Huệ xin viết lời tựa nêu duyên khởi, tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm!

(Cuối thu năm Ất Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

34. Duyên khởi của Phật học liên xã Cao Đông

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài, là chỗ quy túc của Phật pháp mà cũng là nguồn cội của pháp thế gian. Ước theo tục đế để luận thì chẳng hạn như tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", hễ lìa khỏi pháp này thì chẳng thể nào rốt ráo viên mãn được. Ước theo chân đế để luận thì chẳng hạn như diệu đạo "đoạn hoặc, chứng chân, siêu phàm nhập thánh", chân tâm "mảy trần chẳng lập, vạn đức trọn đủ" mà lìa pháp này thì không thể nào đích thân chứng ngay được. Huống hồ đang nhằm thời mạt pháp, căn tánh con người kém cỏi hèn tệ, thế đạo chìm đắm, phá tan hoang kỷ cương, phế kinh điển, phế luân thường, thế giới sắp biến thành nơi chốn của loài cầm thú, cùng nhau phô diễn những hành vi tham tàn, bạc ác, bất hiếu[767] giết cha, giết mẹ. Nếu chẳng lấy nhân quả ba đời, sự lý lục đạo luân hồi và pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để cứu vãn thì đạo làm người gần như bị diệt mất. Do vậy những người có tâm lo cho thế đạo, đua nhau đứng ra duy trì.

Các vị thiện sĩ ở bến Đông Song huyện Như Cao lập ra Phật học liên xã trong điện thờ Hỏa Tinh (thần lửa)[768] đã bỏ hoang, đề xướng các pháp thế gian như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để lập cơ sở sâu xa cho lòng mong mỏi thành thánh thành hiền và pháp xuất thế gian "thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", nhằm mong thật sự chứng được liễu sanh thoát tử, khiến cho người đời đều cùng biết ai nấy sẵn có Phật tánh, đều cùng đau đáu vì đã "mất niệm mà thành cuồng" liền cùng bảo ban nhau đạo trọng yếu để thoát khổ, cùng nghĩ "khắc chế ý niệm để thành thánh", tu đạo hiếu đễ trong gia đình, thực hiện đạo niệm Phật đầy khắp các nẻo đường.

Sĩ, nông, công, thương đều chẳng bỏ nghề nghiệp của chính mình, nhưng tâm con người dần dần biến thành tâm Phật. Già, trẻ, trai, gái ai nấy cũng đều tận hết thiên chức thì đời loạn sẽ biến thành đời bình trị nào có khó khăn chi? Cội gốc bồi đắp đã sâu, cành nhánh sẽ tự vươn dài, rậm rạp. Quân tử chú trọng nơi cái gốc, gốc đã lập, đạo bèn sanh. Muốn cho tiếng tăm gia đình được rạng rỡ, con cháu hiền thiện, vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, nhân tài dấy lên đông đảo thì ai

---

[767] Nguyên văn "kiêu kính chi hành vi". Kiêu (梟) là loài cú vọ, thường được dùng để sánh ví cho sự tham lam tàn nhẫn. Kính (獍) là một loài thú theo truyền thuyết vừa lọt lòng liền ăn thịt mẹ, nên những đứa con bạc ác bất hiếu thường bị gọi là "kính nhi" (獍兒).

[768] Hỏa Tinh chính là Hỏa Đức Tinh Quân, tức thần lửa.

nấy hãy nên dốc lòng nơi những điều này. Các phương pháp nghiên cứu, tu trì thì đã có những trước thuật xưa nay, ở đây tôi chỉ đặc biệt nêu bày đại lược nguyên do mà thôi.

35. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp liên xã tại miếu Viên Gia thuộc Dư Đông, Nam Thông

Phật pháp là mặt trời trí tuệ trong đêm dài, là gạo thóc trong đời đói kém, là người dẫn đường nơi đường hiểm, là thuyền từ trong biển khổ. Gần đây lòng người suy hãm, chìm đắm, đua nhau toan tính những chuyện kỳ quái. Phàm đối với những cương thường luân lý do bậc thánh nhân đã lập vào thời cổ họ đều muốn xô đổ, rốt cuộc trở thành tình thế vô pháp vô thiên, phất cao ngọn cờ biến con người thành cầm thú, đem những tà thuyết ấy dụ dỗ những kẻ vô tri vô thức phóng túng làm càn, trọn chẳng kiêng nể, ràng buộc gì. Chẳng biết đã tự diệt tuyệt nhân loại, vĩnh viễn thường đọa trong ác đạo. Tánh tình con người như thế, nếu chẳng lập cách cứu vãn thì tình cảnh mai sau sẽ chẳng thể nào tưởng tượng được. Vì vậy, những vị có trí bèn hùa nhau đề xướng Phật học để mong ai nấy do biết sự lý nhân quả ba đời và luân hồi trong lục đạo sẽ gắng sức làm lành, chẳng dám làm ác, khi còn sống sẽ là học trò của bậc thánh bậc hiền. Lại còn dạy họ tu pháp môn "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", để họ cậy vào Phật từ lực, vượt khỏi đời ác trược này, được dự vào Liên Trì hải hội.

Vì thế các vị thiện sĩ Thịnh Trung Phủ, Giang Cảnh Xuân v.v. ở Dư Đông và trụ trì của ngôi miếu nơi ấy là đại sư Từ Huy tổ chức Tịnh nghiệp xã Dư Đông để đề xướng, ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết Phật pháp, không chỉ xiển minh diệu lý "duy tâm tự tánh" mà còn xiển minh nghĩa sâu nhân quả luân hồi. Ngay cả đối với cương thường luân lý, Phật giáo xiển dương còn thân thiết hơn Nho giáo. Vì thế gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh kính em nhường, chồng hòa vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy đều trọn hết thiên chức của chính mình; lại còn phụ trợ bằng thuyết nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi. Dẫu là kẻ ương bướng, kém hèn cùng cực thì cuồng tâm cũng sẽ bớt đi đôi chút, tuân hành chánh đạo để mong chẳng chuốc lấy ác quả, sẽ hưởng thiện quả, huống hồ những pháp đoạn hoặc chứng chân ư?

Cần biết rằng, trong Phật pháp thì pháp môn vô lượng, hễ tu bất cứ một pháp môn nào đến cùng cực cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, nhưng để có thể quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này thì chỉ có một môn Tịnh độ. Những pháp môn khác dẫu tu tập suốt nhiều đời nhiều kiếp vẫn chưa chắc chắn đã liễu sanh thoát tử được. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực và kiêm thêm tự lực. Do cậy vào Phật

lực nên dễ hơn cậy vào tự lực trăm ngàn Hằng hà sa lần. Lại còn phải nên biết rằng, pháp môn niệm Phật thật sự là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Do vậy, chúng sanh trong chín giới hễ lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể phổ độ quần sanh. Nếu chẳng đã gieo thiện căn từ đời trước, làm sao được nghe tới pháp này?

Nghe mà chẳng tu, hoặc tu mà không đắc lực thì đáng đau tiếc lắm thay! Đã tu trì lại còn tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, giúp đỡ người nghèo, cứu vớt kẻ khốn khó, tận tụy thực hành, lấy thân làm gương, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm việc tốt lành thì sống sẽ có tiếng tăm, mất lên cõi Phật, tấn tu dần dần theo thứ tự cho đến khi thành Phật mới hòng chẳng phụ Phật tánh mà chính mình vốn sẵn có trong cái tâm này và tấm lòng đau đáu thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai.

Nếu ai nấy đều được như thế thì lẽ nào còn có thói xấu xa "ngươi dối gạt, ta mắc lừa, cạnh tranh tàn hại lẫn nhau", lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ được hưng khởi, can qua chấm dứt, nhân họa đã không còn, quyến thuộc cõi trời sẽ thường giáng xuống, cõi đời trở lại thuở Đường Ngu, con người vui hưởng thái bình sẽ chẳng trở thành hiện thực ư? Dẫu cho khắp cõi đời đều chẳng thể làm được như thế thì một người làm được, chính người ấy sẽ được hưởng lợi ích. Như từ một truyền thành trăm, cho đến ngàn, đến vạn, đến vô lượng vô biên, cũng chỉ do người đề xướng, khuyên lơn, khích lệ siêng năng hay lười biếng mà thôi!

Thế đạo đang buổi suy hoại là do một hai kẻ phát khởi đến nỗi bại hoại hết thuốc chữa. Nay muốn cho thế đạo được tốt đẹp, há có thể nào đã biết đến ý này mà lại gác bỏ ra ngoài ư? Vì thế, "do đất mà ngã thì cũng do đất mà đứng dậy; rời khỏi đất mà mong đứng dậy, quyết chẳng có lẽ ấy!" Nguyện những ai nhập hội và những ai thấy nghe đều cùng biết nghĩa này thì may mắn chi hơn. Đối với pháp tắc tu trì Tịnh độ, đã có các kinh luận trước thuật của Tịnh tông, do vậy tôi không nêu tường tận ở đây, chỉ đặc biệt nêu ra những nét chánh yếu mà thôi.

36. Duyên khởi của Phật giáo Tịnh nghiệp xã Nghi Hưng

Phật pháp là tâm pháp, tâm pháp ấy ai nấy đều sẵn đủ, không ai chẳng có; là gốc của hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian, chỉ mình đức Thích-ca Thế Tôn ta triệt ngộ, triệt chứng. Do thương xót sâu xa chúng sanh mê muội nên đức Phật tùy thuận căn cơ của chúng sanh, giảng những pháp nói về tự tánh của chính

cái tâm này và ngũ giới thập thiện, lục độ vạn hạnh, cũng như nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo, cùng với tín nguyện niệm Phật, vượt thoát tam giới theo chiều ngang v.v..

Phật pháp được truyền vào Trung Quốc từ thời Đông Hán hai ngàn năm qua, vua, quan, vĩ nhân, bậc trí tuệ các đời phần nhiều đều sùng phụng tu trì, lưu thông rộng rãi. Thử đọc các sách vở, chỉ qua một chuyện tạo dựng chùa tháp trong các đời, ta đã có thể hình dung được Phật pháp trong thuở trước hưng thịnh như thế nào. Từ cuối đời Thanh đến nay, vận nước ngày một suy, chiến tranh liên tiếp nổ ra, bậc triết nhân mất đi, bọn tầm thường ngày một đông đảo, tất cả tăng chúng đại đa số đều chẳng tự chấn chỉnh, hưng khởi, tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ, đến nỗi Phật pháp bại hoại sát đất. Tăng chúng đã thiếu người đề xướng, Nho sĩ trọn chưa hề đọc kinh Phật, chẳng hề một lần thân cận bậc cao tăng, chỉ vâng giữ những lời lẽ cong vạy của gã Xương Lê (Hàn Dũ), coi Phật pháp là dị đoan, hại đời hại đạo, đến nỗi những kẻ tầm thường trong xã hội đồng thanh phụ họa, trở thành hiện tượng xấu ác "đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản, hủy Phật, diệt pháp", đạo đức đắm chìm chôn vùi, cũng như có lắm hành động trái nghịch, vượt phạm vi đạo đức của Nho giáo hết sức bằng nhắng trong cõi trần.

Nếu hết thảy mọi người ai nấy đều tuân thủ ngũ giới thập thiện, biết rõ sự lý nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi thì lẽ đâu có những hiện tượng còn thua cầm thú ấy! Truy cứu đến cái gốc họa, chẳng thể không quy tội cho những lời lẽ cong vẹo của gã Xương Lê. Lại có những kẻ ngu phu ngu phụ tuy có tâm chuộng điều lành, nhưng chẳng được biết tới Phật pháp chân thật, thường tưởng luyện đan vận khí là Phật pháp. Tuy có lòng tốt nhưng chỉ bồi đắp được chút phước thế gian hoặc lọt vào ma đạo, đáng cảm khái, than thở sâu xa lắm thay! Do mỗi nơi có nhân duyên riêng biệt mà có chỗ trước kia Phật pháp được hưng khởi lớn lao rồi rốt cuộc trọn chẳng còn tiếng tăm, dấu vết, hoặc chỉ còn đôi chút hình tướng đến nỗi đại đa số mọi người như đang ở trong đêm dài chẳng thấy được mặt trời, há có phải là Phật pháp bất hạnh hay là lũ chúng ta đại bất hạnh vậy?

Cần biết rằng, Phật pháp chính là pháp tận lực giữ vẹn luân thường, là pháp ngầm giúp đạt đến bình trị tột bậc, là tin tưởng một cách trí tuệ, chẳng phải là mê tín, là tích cực, chứ không phải tiêu cực, là cứu thế, chứ không phải yếm thế, là làm cho người khác cùng được tốt lành, chứ không chỉ nhằm tốt lành cho riêng mình, là hợp với nhân sanh, chứ không phải trái nghịch nhân sanh. Do người đời chẳng biết chân tướng của Phật pháp nên đến nỗi đối với pháp "có ích lớn lao cho quốc gia, xã hội, cũng như hữu ích cho thân tâm, tánh mạng của mỗi người" này, lại gán cho đủ mọi cái tên xấu xa để chê bai bài xích, khiến tự lầm lầm người,

chẳng đáng buồn ư? Tri kiến của những kẻ cùng hàng thật nông cạn. Lúc thoạt đầu do chưa từng nghiên cứu nên cũng ôm giữ những thứ tri kiến như trên. Nếu hơi nghiên cứu một chút thì mới biết vua, quan, vĩ nhân, bậc trí trong các đời đều phụng hành tu trì, lưu truyền rộng rãi ngõ hầu có thể thấu hiểu tận cùng chân lý trong vũ trụ, giải quyết được nguyên do của nhân sanh, cải cách được lề thói xã hội, củng cố nền tảng nước nhà, thúc đẩy nền văn minh trên thế giới, hiểu rõ trọn khắp cội nguồn của các pháp.

Than ôi, thế giới ngày nay chẳng phải là một thế giới đáng sợ hãi lớn lao ư? Trung Quốc ngày nay chẳng phải là Trung Quốc đang theo kiểu mẫu địa ngục ư? Lòng người ngày nay chẳng phải là lòng người theo lề thói ma thuật ư? Chúng ta ở trong hoàn cảnh hiểm ác này, nếu chẳng cực lực đề xướng ngũ giới thập thiện, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, tỏ rõ sự lý luân hồi lục đạo do đức Phật đã nói thì con người sẽ chẳng khác gì cầm thú. Dùng những điều này để tụ tập những người cùng chí hướng, tùy phần tùy sức đề xướng tu trì. Nhưng trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, chỉ có một pháp "dốc lòng tu điều lành thế gian, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" là thiết yếu nhất, là phổ thông nhất, thực hiện dễ nhất mà lại đạt thành tựu dễ nhất. Ấy là vì nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận thì còn là tội nhân trong thế gian, làm sao mong được Phật gia hộ? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ai có thể đoạn sạch phiền hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này?

Do vậy, đức Phật ta nghĩ thương những kẻ chẳng thể nhanh chóng đoạn phiền hoặc, đặc biệt nói ra pháp "cậy vào Phật từ lực để liễu sanh tử" này, ngõ hầu hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng có thể hoàn tất đạo nghiệp ngay trong đời này. Viễn công đại sư đời Tấn tận lực hoằng dương pháp này. Từ đời Tấn tới nay, hơn 1.500 năm, những bậc cao nhân tăng tục kế tiếp nhau hoằng dương. Cho đến ngày nay chúng ta đều cùng được văn huân tu trì, may mắn chi hơn?

37. Duyên khởi của duyệt kinh thất Huệ Tế Cư

Phật pháp chính là pháp chung của hết thảy tứ thánh lục phàm trong mười pháp giới, không ai chẳng nên học, mà cũng không một ai chẳng thể học được, bởi vì Phật pháp chính là tâm pháp. Con người ai không có tâm? Nhưng ai là kẻ nhận biết cái tâm? Trong cõi đời cố nhiên chẳng thiếu kẻ thông minh, thấu hiểu rộng rãi, nhưng do họ chuyên chú trọng rong ruổi tìm cầu bên ngoài, chẳng biết xoay lại chiếu soi bên trong, dẫu suốt ngày sử dụng cái tâm, suốt ngày nói tới cái tâm, nhưng rốt cuộc chẳng biết tâm là vật gì. Vì sao vậy? Vì chỉ có tri thức biện định sự vật, chứ trọn chẳng có trí tuệ thấu hiểu tận cùng tâm tánh. Thiên hạ ngày nay đã loạn lạc đến tận cùng, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt

lòng thẹn, đúng là muốn cho con người trong khắp cả cõi đời trọn chẳng khác gì các loài cầm thú mới thôi. Ôi, đáng than thay!

Xét kỹ nguyên do bình trị hay loạn lạc từ xưa đến nay, không lúc nào chẳng lấy gia đình làm căn cứ. Nếu mọi người dân đều dốc lòng hành hiếu hữu, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, biết nhân rõ quả, sửa ác hướng lành, như vậy thì cõi đời nào chẳng bình trị, gia đình nào chẳng được hưng thịnh, có khi nào nhân tài chẳng dấy lên đông đảo, có lẽ đâu thiên hạ chẳng hưởng thái bình ư? Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra đều là vì những gã theo Lý học đả phá, bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, khiến cho bậc thượng chẳng gắng sức, biếng làm lành, bậc hạ không có gì để kiêng sợ, dám làm chuyện ác. Kéo dài đã lâu gần như đã tan nát, đến khi gió Âu vừa thổi đến thì cái đạo làm người hầu như chấm dứt. Xét đến cội nguồn chính là vì bọn Lý học bàn suông lý tánh, vứt bỏ nhân quả mà ra. Học thuyết gây lầm lạc đến mức như thế, chẳng đáng sợ hay sao?

Nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm để thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui, mà bỏ đạo "tu chân ngay trong cõi tục, hiểu nhân rõ quả" của đức Như Lai thì làm sao yên được? Ấy là vì đức Như Lai gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường em kính, chồng hòa vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đối với mỗi người đều dạy trọn hết chức phận của chính mình thì gia đình hết sức hòa thuận, con người quen thói lễ nghĩa, nhân nhượng. Tiến hơn bước nữa là tu pháp môn Tịnh độ thì chính là dùng pháp thế gian để tu pháp xuất thế gian, chẳng lìa những xử sự luân thường trong hằng ngày mà vào thẳng biển pháp của Như Lai. Dẫu cho căn cơ kém hèn cũng có thể cậy vào Phật từ lực để được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này.

Cư sĩ Ngô Huệ Tế sau khi được nghe Phật pháp, buồn thương sâu đậm vì hết thảy những người cùng hàng chưa được thấm gội ân Phật giáo hóa. Do vậy, đặc biệt thỉnh các loại sách Phật đơn giản, gần gũi để tặng cho hàng sơ cơ nhằm mong họ sẽ từ cạn mà tiến vào sâu, do học phép bậc hạ mà sẽ thấu đạt những pháp bậc thượng. Lại tính cất riêng một gian nhà ở trong nhà của chính mình, đề biển là Huệ Tế Cư, tích tập các thiện thư chánh tri kiến và những sách Phật khế lý khế cơ nhằm mong những người cùng họ, cùng thôn đều cùng được xem đọc, sẽ cùng sốt sắng giữ vẹn hạnh hiếu hữu, cùng tu tịnh nghiệp, ngõ hầu khi sống sẽ dự vào bậc thánh, bậc hiền, khi mất sẽ về cõi Cực Lạc. Dụng tâm đáng gọi là khẩn thiết, chu đáo, thiết tha!

Mong sao các thiện sĩ đến đây xem kinh ai nấy đều sanh lòng cung kính, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, đối với những pháp nên vâng giữ ắt sẽ tận tụy thực hành, đối

với những điều nên kiêng dè ắt sẽ đoạn trừ hết sạch. Do vậy những chuyện như mong thành thánh thành hiền, liễu sanh thoát tử, trong thân hiện tại sẽ vĩnh viễn hưởng lắm phước, con cháu được hưởng tốt lành lâu dài sẽ đều đạt được. Ấy là vì dùng chánh trí tuệ để tu hành đại đạo luân thường của thế gian và diệu pháp Tịnh độ xuất thế gian viên đốn nhất, giản tiện nhất. Do vậy đối với thân, đối với nhà, đối với mọi người, đối với sanh tử đều giúp đỡ trọn khắp. Ý nghĩa của tên gọi Huệ Tế Cư là như vậy đấy, chứ không phải ông ta xằng bậy dùng pháp danh của mình để đặt tên cho duyệt kinh thất, muốn cho người khác nhớ mãi chẳng quên đâu! Vì vậy, tôi nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín này để thưa cùng những bậc thông sáng mai sau.

(Tháng 6 mùa hạ năm Kỷ Tỵ, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

38. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ ca ngợi A-di-đà Phật

Xưa kia, ngài thiền sư Triệt Ngộ dùng các giáo nghĩa, tông thừa viết ra một trăm bài kệ niệm Phật, văn từ và nghĩa lý đều viên diệu, khiến cho tâm mục của mọi người được mở rộng. Bạn tôi là hòa thượng Dật Nhân (tức hòa thượng Chân Đạt) khi sưu tập các pháp ngữ Tịnh độ xưa nay để biên tập quyển Tây Phương Công Cứ, lại căn cứ vào các nghĩa trọng yếu trong nhân địa, quả vị của đức Phật A-di-đà để soạn thành tất cả một trăm bài tụng, mỗi bài bắt đầu bằng câu A-di-đà Phật, ngõ hầu tạo lợi lạc cho kẻ sơ cơ. Những bài tụng này khen ngợi đức A-di-đà trong lúc tu nhân đã bỏ nước xuất gia, phát ra 48 nguyện (trong mỗi bài kệ đối với hai câu kệ tiếp theo câu kệ thuật bày, mỗi nguyện đều dựa theo cách đặt tên để phân chia khoa mục các nguyện trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của pháp sư Huệ Viễn, lấy mỗi nguyện làm câu chủ yếu), tu trọn lục độ vạn hạnh cho đến khi viên mãn ba giác, chứng được mười ba danh hiệu[769]. Sau đấy, còn khen ngợi sơ lược về sự trang nghiêm của cõi nước, lòng từ độ khắp của đức Phật, lợi ích của pháp môn Tịnh độ. Dẫu văn từ nghĩa lý kém xa [một trăm bài kệ niệm Phật của] ngài Triệt Ngộ, nhưng những lời nguyện và danh hiệu trong những bài tụng này rất có ích cho kẻ sơ cơ dễ bề ghi nhớ. Nay tôi đem một trăm bài kệ này in vào phía trong bìa sách và viết lời tựa nhỏ để in trong lòng sách ngõ hầu người đọc biết được nguyên do vậy.

[769] Theo kinh Vô Lượng Thọ (bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy), đức Phật A-di-đà ngoài danh hiệu Vô Lượng Thọ, còn có 12 danh hiệu như sau: Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Tuệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xứng Quang Phật, Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

39. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ luận về Niệm Phật Già Đà Giáo Nghĩa của thiền sư Triệt Ngộ

Thiền sư Triệt Ngộ thấu hiểu giáo nghĩa sâu xa, triệt ngộ tông thừa. Tuổi già hướng lòng nơi Tịnh độ, tự hành dạy người, một mực lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chủ yếu. Những điều được ngài nêu tỏ quả thật hiếm thấy trong đời gần đây. Nay sao lục một trăm bài kệ giáo nghĩa để tạo một hướng dẫn tốt lành cho người tu tịnh nghiệp vậy.

40. Tiểu dẫn (lời dẫn giải ngắn) về hai điều lợi ích do vẽ tượng Phật

Quán kinh dạy: "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật." Phàm nhớ Phật, niệm Phật, quán Phật, lễ Phật, vẽ hình Phật đều gọi là "làm Phật". Do tâm nghĩ đến đức Phật nên trong tâm liền hiện tướng hảo trang nghiêm, công đức, oai thần của Phật, cho nên nói "tâm này là Phật". Kẻ làm đệ tử Phật sao chẳng dốc sức nơi đây? Trong những việc ấy, chỉ có vẽ hình Phật lại càng thân thiết, bởi lẽ chẳng dốc trọn hết tinh thần sẽ chẳng thể diễn tả được tướng hảo, thái độ trang nghiêm, từ bi được. Học trò tôi là Lý Trọng Hòa khá thích vẽ vời, vẽ khá đẹp. Gần đây, ông ta quy y tam bảo, muốn chuyên vẽ hình Phật để lợi mình lẫn người. Hơn nữa, do nhà nghèo chẳng thể tùy ý thực hiện các công đức, vì vậy bèn phát tâm vẽ hình Phật, định giá cho người khác thỉnh. Đối với món tiền trả công vẽ tranh ấy, ngoài khoản chi phí dành cho giấy, bút, màu vẽ, hương, đuốc ra, đều dùng để cúng dường hết cho tam bảo và làm chuyện công ích, quyết chẳng để dùng riêng cho chính mình. Nếu dùng, sẽ mắc tội ăn trộm đồ vật của tam bảo cũng như tội khinh Phật, dối người! Ông ta thực hiện như thế để mong mình lẫn người đều cùng gieo thiện căn, cùng tiêu ác nghiệp, trong đời này phước tăng, tuệ rạng, khi báo thân đã hết bèn về thẳng Tây Phương làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn lành trong hải hội. Do vậy tôi bèn viết hai điều lợi ích do vẽ hình Phật và lược thuật đại ý vậy.

41. Tiểu dẫn về việc quyên mộ để kiến lập đạo tràng Siêu Độ Cô Hồn Tiêu Tai Phật Thất ở Như Cao

Tam giới không yên giống như nhà lửa, các nỗi khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ! Trong hội Pháp Hoa, đức Như Lai đã sớm nói đến điều này. Nỗi thảm đao binh trong cõi đời gần đây quả thật từ ngàn xưa chưa hề nghe tới. Phương cách giết người không kiểu kỳ lạ nào chẳng có, đến nỗi vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến nguyên do, đều là vì chúng sanh đang mê, chẳng hiểu ngã không, cho nên đối với những cảnh nghịch hay thuận đều khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm mà ra. Nhưng với hai chuyện dâm và trộm thì người hiền dùng lễ để tự ngăn ngừa, kẻ ngu do bị luật pháp khống chế nên hai nghiệp này vẫn chẳng đến nỗi

quá mức. Chỉ có chuyện sát sanh ăn thịt là do quen thói nên thế tục coi như chuyện đương nhiên, điềm nhiên chẳng để ý tới, đến nỗi đây kia đời đời kiếp kiếp báo thù lẫn nhau, ươm thành tai kiếp cực thảm như thế này, chẳng đáng buồn sao?

Những người cùng hàng sẵn tâm cứu thế, nhưng không có sức để dứt tai kiếp, trộm thấy hết thảy cô hồn bị sát thương bởi đao binh ôm hờn nơi chín suối, lâu ngày ắt sẽ thành tai ương dữ dội. Do vậy, sau những trận chiến lớn, ắt sẽ có bệnh dịch và hung niên[770]. Nếu chẳng nương theo Phật pháp để cầu siêu thì chẳng những linh hồn thần thức của người chết không chỗ nương về, mà còn khiến cho kẻ sống đau lòng buốt gan. Chắc là tật dịch, hung niên sẽ như nước càng sâu, như lửa càng nóng! Nhưng trong Phật pháp, pháp môn rộng lớn, vô lượng vô biên, chỉ có pháp môn niệm Phật thật là bậc nhất. Bởi lẽ, đức Di-đà trong khi tu nhân đã phát thệ nguyện to lớn: "Nếu có chúng sanh nào tín nguyện niệm Phật, ta nhất định sẽ rủ lòng từ tiếp dẫn khiến cho kẻ ấy vãng sanh Tây Phương." Nay ước định vào ngày… trong tháng… ở chỗ… sẽ mở đạo tràng niệm Phật bảy ngày. Phàm những vị thiện tín ai nấy đều nên phát tâm Bồ-đề, đến niệm Phật trong hội để cầu cho các cô hồn đều được siêu thăng, tai chướng đều được tiêu diệt. Nếu chẳng tiện đến thì cũng nên kiền thành niệm Phật tại nhà.

Nhưng phí tổn trong bảy ngày để lo liệu tất cả những thứ hương đèn, trái cây, thực phẩm cúng Phật, trà, cơm, điểm tâm cho đại chúng, hương, đèn, giấy vàng bạc cúng cô hồn sẽ rất lớn, khẩn thiết mong hết thảy những vị thiện tín ai nấy hãy tùy theo tâm lực mà tán trợ để những vị đến tham dự niệm Phật trong suốt bảy ngày được nhờ vào tài lực do mọi người dốc hết lòng thành cúng dường sẽ chẳng phải nhọc nhằn đến đi, rong ruổi tìm cầu những thứ cần dùng, sẽ nhất tâm bất loạn niệm Phật, ngõ hầu những cô hồn được cầu siêu ấy sẽ cậy vào Phật lực về thẳng Tây Phương, cả ấp nơi đất Như (Như Cao) sẽ được tiêu tai chướng, hưởng mãi những điều tốt lành, tổ tông của mọi dòng họ ở nơi tổ chức đạo tràng ấy sẽ đều được gởi thân nơi Liên Trì, tất cả chúng sanh pháp giới sẽ đều được gá thần thức nơi An Dưỡng. Trong thế giới sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều phước ùa tới, thời thế an hòa, mùa màng sung túc, dân khỏe mạnh, vật sanh sôi nẩy nở, chắc cảnh tượng đại đồng trong thuở Đường Ngu sẽ được thấy trong ngày nay. Chỉ mong ai nấy chẳng tiếc tâm lực nghĩ nhớ, chẳng tiếc tài lực giúp đỡ thì lợi ích ấy sẽ chẳng thể nào diễn tả được.

42. Lời tiểu dẫn cho Phật học hội Như Cao

[770] Năm đói kém, thiên tai dữ dội.

Chuyện thế gian hay xuất thế gian hễ nếu sẵn đủ nhiệt tâm và nghị lực thì nhất định không chuyện gì chẳng thành. Ông Đặng Tử Phác trước kia từng quyên mộ xây dựng đại điện chùa Pháp Vân ở Kim Lăng, lập ra sổ quyên mộ 48 nguyện, đề tựa là *"hữu nguyện tất thành"* (có nguyện ắt thành), lại còn trần thuật đại ý. Không lâu sau, quả nhiên những nguyện ấy được thỏa mãn. Cụ Lục Tây Lâm ở Tô Châu, tuổi ngoài tám mươi, tuy nhà cửa chẳng giàu có lắm, vẫn khẳng khái đảm nhiệm quyên tặng một nguyện, liền giao trọn số tiền ngay lập tức, quả thật đáng nêu gương để thành tựu thiện cử (hành vi tốt lành) vậy. Nay đọc chương trình của Phật học hội Mã Đường ở Như Cao và nghe nói những người lo toan như cư sĩ Châu Quý v.v. đều là những vị sốt sắng tu hành trong sạch, lại còn tận lực mong giữ đúng lễ tiết. Kinh phí cho mỗi năm chỉ cần 500 đồng.

Hiện thời, tuy người nhập hội mới chỉ được mấy chục người, nhưng nếu kêu gọi rộng rãi hội viên thì mỗi người bỏ ra 2 đồng thì sẽ không còn phải lo âu gì. Huống chi nghe nói còn có những người đóng góp 8 đồng, 6 đồng, 4 đồng ư? Mỗi một nguyện xây dựng đại điện chùa Pháp Vân là 2.000 đồng mà còn được mãn nguyện ngay, huống chi là mấy đồng nhỏ nhoi này! Lại còn có sổ sách tổng kết, báo cáo cuối năm để tạo sự tin tưởng, ai chẳng thích nhập hội để mong đích thân được nhuần gội sự giáo hóa của đức Phật, trong đời hiện tại làm người lành ba nghiệp thanh tịnh, khi lâm chung sẽ là thánh chúng cao đăng chín phẩm. Có nguyện ắt thành, tôi dám bảo đảm với người sáng lập và tu trì vậy!

43. Lời tiểu dẫn cho tập sách Danh Hiền Đề Vịnh *(viết thay cho thường trụ Linh Nham)*

Quý khách đến ở, chùa cổ sáng ngời. Riêng soạn sách vụng, cầu đề lời hay, để trấn tam quan, kết hương liên xã. Trăm năm mãn thọ, cùng về Tây Phương.

QUYỂN V

III. BI KÝ

1. Bi ký về việc tậu ruộng cho niệm Phật đường chùa Bảo Khánh ở Ninh Ba (viết thay cho thầy Ích Châu)

Trộm nghe: Đức Như Lai thuyết pháp chúng sanh đắc độ, khó dễ, chậm nhanh khác biệt lớn lao! Do vậy, viên âm vừa giảng, kẻ căn cơ chín muồi liền chứng Bồ-đề; một trận mưa thấm khắp, kẻ tiểu căn chỉ được tăng trưởng đôi chút. Do vậy, rộng lập giáo pháp Đốn, Tiệm, Thiên, Viên nhằm phù hợp căn cơ, mở toang môn Luật, Giáo, Thiền, Mật hòng lợi vật. Cầu lấy một pháp "tâm này làm Phật, tâm này là Phật, ngay từ trong cái niệm niệm Phật sẽ thành Phật ngay trong cái niệm ấy, gom tam thừa ngũ tánh cùng về cõi tịnh, hướng dẫn thượng thánh hạ phàm cùng chứng chân thường, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào địa vị Bổ xứ ngay trong một đời này, lên thẳng Diệu giác" thì không chi thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh độ. Thật có thể nói pháp môn Tịnh độ là giềng mối lớn lao trong Phật giáo, là đường tắt để xuất trần. Do vậy, tiền hiền vãng thánh ai nấy đều hướng theo, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Trong thời chánh pháp, tượng pháp xưa kia, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng khiến cho Phật pháp rạng ngời tại Thiên Trúc lẫn Trung Hoa. Đời mạt căn cơ kém hèn, muốn liễu sanh tử mà bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Lúc Châu mới dự vào hàng tăng sĩ liền được nghe pháp này, muốn kết Lô Sơn xã, hòng noi theo phong thái Vân Ô[771], nhưng trước kia vì chẳng có đất để trải vàng[772], suốt nhiều năm chỉ ôm tâm suông ấy. Nay có người trợ đạo, chắc sẽ có ngày mãn nguyện. Nay có vị đại hộ pháp X… túc căn sâu dày, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, muốn chuyển uế độ thành Tịnh độ, bỏ ra tài sản thế gian để làm pháp tài nên bèn quyên tặng món tiền chừng bao nhiêu đó dùng để mua chừng đó mẫu ruộng cấy lúa tẻ. Hoa lợi thu được sẽ dùng làm chi phí niệm Phật, cầu thỉnh bảy vị sư tăng chấp trì lục tự Phật hiệu, suốt đời quy mạng, gieo lòng thành cho tới

[771] Vân Ô: tức Vân Thê và núi Ô Long. Vân Thê là đạo tràng Tịnh độ của đại sư Liên Trì (Bát tổ của Tịnh tông), Ô Long là đạo tràng Tịnh độ của đại sư Thiếu Khang (Ngũ tổ Tịnh độ tông).
[772] "Bố kim vô địa": Bố kim (trải vàng) là điển tích trưởng giả Cấp Cô Độc đem vàng trải lên mặt đất để mua lại khu vườn của thái tử Kỳ-đà (Jeta) nhằm dựng tinh xá cúng dường đức Phật. Do vậy, "bố kim" thường dùng để chỉ hành động cúng dường rộng rãi của tín đồ. Từ ngữ "bố kim vô địa" ở đây chỉ được dùng với ý nghĩa sư Ích Châu không có đạo tràng hoặc không có tài sản để duy trì một đạo tràng nhằm tu tập theo đường lối do sư đề xướng.

hết báo thân. Từ đấy trở đi vĩnh viễn giữ quy củ ấy không buông bỏ, hòng báo ân nước và đáp tạ ân đàn-na tín thí.

Nguyện cho những vị ngoại hộ có cùng một hạnh và những hàng thiện tín thấy nghe tùy hỷ trong hiện tại vị lai, hễ Phật niệm vừa khởi lên sẽ nhanh chóng đoạn ngay phàm tình, núi phước chót vót, biển nghiệp cạn khô, sương mù tội chướng tiêu tan, mặt trời trí tuệ rạng bày, biết được những điều đức Phật biết, do trì danh mà thấu đạt sâu xa thật tướng, trụ nơi đức Phật trụ, vậy thì tuy sống trong cõi Đồng cư mà đã khế hợp thẳng vào cõi Tịch quang. Lại nguyện theo chiều dọc trọn khắp ba đời, theo chiều ngang tột cùng mười phương, hết thảy hữu tình cùng nhiễm mùi hương này, dùng công đức này để cung chúc: "Nền tảng nước nhà củng cố, Phật nhật thêm sáng, tám phương có đạo để vâng lãnh lâu dài, bốn biển vui thích sự giáo hóa vô vi."

2. Bi ký về công đức cung thỉnh Đại tạng kinh của chùa Tịnh Cư ở Tế Nam (viết thay)

Đại pháp của đức Như Lai lợi ích sâu rộng, về mặt ngầm kín là giúp đạt đến bình trị tột cùng, về mặt hiển nhiên là giữ yên lòng dân, khiến cho dân ngày càng hướng đến điều lành mà chẳng biết nguyên do, chứ không chỉ khiến cho con người đoạn hoặc chứng chân nhằm tự hoàn tất chuyện xuất thế mà thôi. Ấy là vì xét trên chân như Phật tánh thì chúng sanh và Phật đồng thể, ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật, nhưng do còn mê chưa ngộ nên lầm lạc sanh nhiễm trước nơi cảnh duyên sáu trần, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, đến nỗi luân chuyển cả kiếp dài lâu, vĩnh viễn không có lúc thoát ra. Đức Như Lai thương xót giảng cho họ lý "Phật tánh sẵn có nơi tâm" và sự "nhân quả ba đời", dạy họ tu ngũ giới thập thiện, tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ vạn hạnh và "tâm chính là Phật" cũng như đạo "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", ngõ hầu bậc thượng căn hễ vượt thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, bậc trung căn liền tu tập dần dần theo thứ tự để chứng được Bồ-đề, kẻ hạ căn liền gột lòng tẩy ý trở thành hiền thiện. Chúng sanh đông đảo không một ai chẳng được hưởng ân trạch ấy.

Lại vì chúng sanh đời mạt rất ít kẻ thượng căn, nên đức Phật bèn đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ để mong dù thánh hay phàm đều cùng được thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này. Pháp môn ấy giản tiện dễ tu, nhưng lợi ích thù thắng siêu tuyệt, độc nhất vô nhị trong giáo pháp của suốt một đời đức Phật. Vì thế, tuy là ngu phu ngu phụ mà nếu nương theo lời dạy tu trì thì cũng có thể được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Do vậy từ xưa, những vị

vĩ nhân có lòng lo cho thế đạo nhân tâm không một ai chẳng đề xướng tu tập, hộ trì, lưu thông.

Cư sĩ Đối Phù trong kiếp xưa đã vâng lãnh lời Phật dặn dò, nương theo bổn nguyện tái sanh trong cõi này, xót cho đạo tràng tại Tế Nam bị chìm lấp, chẳng ngại nhọc nhằn, đặc biệt hưng khởi chùa Tịnh Cư, tất cả nhân duyên đã được ghi chép cặn kẽ trong tấm bia trước (xem trong Tăng Quảng Văn Sao). Lại nghĩ: Tuy đã lập được ngôi chùa, an bài tăng chúng tu tập, nhưng nếu không có Đại tạng kinh thì làm sao có thể hiểu trọn vẹn ý cao tột lập ra các pháp của đức Như Lai cũng như biết những điều mình nên tự hành dạy người cho được?

Sự hiểu biết của Diệu Liên giống như kẻ sờ voi, tài chỉ đáng đuổi quạ[773], trước kia được ủy thác trông nom việc chùa đã là người không xứng với chức, nay lại được cử làm trụ trì, chẳng thể nào không thấy là quá phận. Nhưng đã không thể nào từ tạ, chỉ đành gắng sức chống chọi, bèn cùng cụ Đối Phù lên kinh đô thỉnh kinh. Tuy đã được chánh phủ cho phép, nhưng tiền giấy lẫn công thợ đều phải tự lo liệu. Nếu không có ba ngàn đồng sẽ chẳng xong việc được. May được huyện trưởng huyện Tân Hà là ông Phan Hoa Trai phát tâm Bồ-đề quyên tặng vừa đúng số tiền ấy. Công đức ấy làm sao diễn tả được? Thỉnh kinh về chùa cũng như các việc xây dựng đều do thiện tín bỏ tiền tán trợ.

Hơn nữa, trước đấy cụ Đối Phù đã quyên mộ lập quỹ Dưỡng Thiệm (養贍: quỹ bảo trợ) trong chùa được một vạn ba ngàn đồng. Gần đây do mọi việc đều tốn kém hơn, cảm thấy rất thiếu hụt, do vậy lại quyên mộ bảy ngàn đồng để bù đắp. Lo liệu nhiều năm, nay mới được viên mãn. Công đức của cụ Phù và các đàn tín sẽ tự được Phật, trời chứng giám, khiến cho đều được tiêu tai tăng phước, khi sống sẽ vừa nhân từ vừa cao tuổi thọ, khi mất sẽ sanh vào cõi Cực Lạc. Chỉ mong những người sống trong chùa này, buông xuống thân tâm, chuyên tu tịnh nghiệp. Hễ rảnh rang bèn lắng lòng nghiên cứu kinh điển trong Đại tạng, ngõ hầu hiểu rõ giáo lý, biết được tông chỉ tu trì, có căn cứ để tự hành lẫn dạy người.

Làm được như thế thì những hạng tà kiến chẳng tin tưởng sẽ đều sanh lòng chánh tín sâu xa, sẽ kéo nhau tu tập, hộ trì để mong được lưu truyền vĩnh cửu. Pháp không có hưng suy, hưng suy do nơi con người, chỉ mong đại chúng trong hiện tại, vị lai, ai nấy đều gắng sức. Đem công đức này cung chúc "nền tảng nước nhà củng cố, thế đạo thái bình, hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, thuần phong mỹ tục, lễ nghĩa nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn

[773] Khu ô (đuổi quạ) là danh từ thường dùng để chỉ hàng sa-di từ 7 đến 13 tuổi. Do còn bé quá, không làm được gì, chỉ được cắt cử đuổi quạ hay chim chóc đến ăn thóc lúa của chư tăng phơi phóng. Ở đây dùng với hàm ý khiêm tốn: Diệu Liên chẳng có tài năng gì ra hồn!

chấm dứt, dân khỏe mạnh, vật sanh trưởng", do lòng người chuyển biến nên quyến thuộc cõi trời thường giáng lâm.

3. Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của đại sư Trí Giả

Đại sư Trí Giả chứng pháp thân đã lâu, ngài đã đạt đến địa vị Thập địa, Đẳng giác hay Diệu giác đều chẳng thể suy lường được. Nương sức túc nguyện, thị hiện giáng sanh trong cõi đời này. Đêm ngài giáng sanh, thần quang sáng rực bầu trời. Lông mày chia thành tám sắc, mắt sáng rực, có con ngươi kép. Do chất chứa đức phi thường nên hiện tướng phi thường. Ngài sanh vào năm Mậu Ngọ, tức năm Đại Đồng thứ tư (538) đời Lương Vũ Đế. Vừa mới thôi địu[774], hễ nằm liền chắp tay, hễ ngồi liền hướng về Tây, gặp tượng ắt lễ, gặp tăng ắt kính. Ấy là vì ngài muốn nêu gương mẫu cho cõi đời nên cẩn trọng từ lúc đầu vậy!

Tuổi nhược quan (20 tuổi) xuất gia, nghiên cứu trọn khắp kinh luận. Ba năm sau, tức năm Canh Thìn nhằm Thiên Gia nguyên niên (560) đời Trần Văn Đế, ngài nghe nói đại sư Huệ Tư đang ở núi Đại Tô thuộc Quang Châu, liền đến đấy lễ yết. Ngài Huệ Tư vừa trông thấy sư liền than rằng: "Xưa kia ở Linh Sơn cùng nghe kinh Pháp Hoa, túc duyên theo đuổi, nay lại đến đây." Liền trao truyền đạo tràng Phổ Hiền, bảo sư tu Pháp Hoa tam-muội. Ngài tụng kinh Pháp Hoa đến câu *"Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai"* (Đấy là chân tinh tấn, đấy gọi là pháp cúng dường Như Lai thật sự) trong phẩm Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan, chứng được tuyền (triền) đà-la-ni[775].

Từ đấy về sau, soi thấu suốt kinh Pháp Hoa như mặt trời rạng rỡ chiếu soi muôn hình tượng, thấu đạt tướng của các pháp, khác nào gió mát lùa trên hư không; bèn dùng *ngũ thời bát giáo* để phán thích[776] những kinh pháp đã được giảng trong cả một đời Như Lai, khiến cho kẻ nghe kinh biết được chỗ chỉ quy, chẳng đến nỗi dõi nhìn biển cả than dài, chẳng biết được bến bờ. Dùng *tam chỉ*

---

[774] Nguyên văn "cưỡng bão" (襁褓), ta thường dịch là cái địu, tức là một tấm vải có gắn dây buộc ở bốn phía, người Trung Hoa thường dùng để buộc con vào sau lưng trong khi người mẹ làm việc. "Thôi địu" nghĩa là trẻ không cần phải địu nữa, thường là khi đã lên hai tuổi, có thể tự đi lại được, không cần phải ẵm.

[775] Tuyền đà-la-ni là một trong ba môn đà-la-ni được nói đến trong phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát của kinh Pháp Hoa, hàm nghĩa: Xoay chuyển cái tâm phàm phu chấp trước vào tướng có của các pháp để thấu đạt được trí lực nơi lý không. Đây là kết quả của *không quán*.

[776] Phán thích: Phán định, giải thích một kinh thuộc thời nào trong ngũ thời, thuộc giáo nào trong ngũ giáo. Nói cách khác, phán thích là vận dụng lập luận nhằm giải thích, biện minh cho sự phân loại, hệ thống hóa kinh điển đã được đức Phật giảng dạy trong suốt một đời.

tam quán để truyền Phật tâm ấn khiến cho kẻ tu hành đích thân thấy được chân tâm tịch diệt thường trụ bất biến. Pháp tu của ngài tuy hơi khác với Thiền tông nhưng sở chứng quả thật đã rất giống với Thiền tông trong thời hưng thịnh. Vì thế, các sách như Truyền Đăng Lục của nhà Thiền đều xếp ngài Trí Giả vào tiểu loại ứng hóa thánh hiền.

Hai chuyện giáo và hạnh như trên đây đã bao quát trọn hết Phật pháp, nhưng đều thuộc về đạo tự lực tấn tu, nếu là bậc thượng căn lợi trí thì cũng có thể hoàn tất ngay trong đời này, chứ nếu là hạng căn khí kém hơn một chút sẽ lại chẳng biết phải trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp mới hòng liễu sanh thoát tử được. Do vậy, sư tùy thuận lòng từ của đức Phật mà hoằng dương Tịnh độ, sớ giải Thập Lục Quán (Quán kinh), đoạn trừ mười món nghi, dùng khái niệm *lục tức*[777] để giải thích chữ Phật, khiến cho hết thảy hành nhân đều biết một niệm tâm tánh của chính mình và Phật không hai, nhưng Phật thì công tu đức đến cùng cực nên tánh đức phô bày trọn vẹn, chứ chính mình chỉ sẵn có tánh đức, chứ chẳng có mảy may tu đức nào. Do tánh thể bất nhị nên "tuy chia thành sáu mà thường tức", do sự tu (tu hành về mặt sự) khác biệt nên "tuy tức mà thường sáu". Biết "sáu mà thường tức" sẽ chẳng sanh lòng lui sụt, trên ngưỡng mộ chư thánh, biết "tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn, dưới trọng tánh linh của chính mình.

---

[777] Ngài Trí Giả đã đem Phật chia thành sáu địa vị (tức sáu mức độ chứng đắc) gọi là lục tức Phật, nghĩa là:

1. Lý tức Phật (còn gọi là Tác lý Phật) chỉ hết thảy chúng sanh. Do hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, chẳng hai, chẳng khác gì với hết thảy chúng sanh nên xét về lý thì chúng sanh đều là Phật. Do vậy gọi là Lý tức Phật.

2. Danh tự tức Phật (còn gọi là Danh tự Phật): Nghe thiện tri thức giảng nói, hoặc do đọc kinh điển liền hiểu rõ "lý tánh chính là tên gọi khác của Phật". Những người này thông đạt hiểu rõ về mặt danh tự "các pháp đều là Phật pháp", tức là nhận thức và "chứng đắc" Phật quả chỉ qua sự hiểu biết danh tự nên gọi là Danh tự tức Phật.

3. Quán hạnh tức Phật: Đã hiểu rõ hết thảy pháp đều là Phật pháp, y giáo tu hành để đạt đến mức hiểu rõ tâm, lý huệ tương ứng, lời nói phù hợp với việc làm và sự tu tập nên gọi là Quán hạnh tức Phật. Nếu hiểu chi tiết hơn thì từ địa vị này lại chia làm năm phẩm, tức Tùy hỷ phẩm, Độc tụng phẩm, Thuyết pháp phẩm, Kiêm hành lục độ phẩm, Chánh hành lục độ phẩm.

4. Tương tự tức Phật: Bậc đã đạt đến mức lục căn thanh tịnh, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc, chế ngự được vô minh.

5. Phần chứng tức Phật (còn gọi là Phần chân tức Phật): Đoạn vô minh, chứng trung đạo nhưng chỉ được một phần, chưa trọn vẹn.

6. Cứu cánh tức Phật: Chứng đắc Phật quả toàn giác.

Sáu địa vị này xét về lý không tách rời Phật tánh sẵn có trong tự tâm, nên gọi là "tuy sáu mà thường tức", tùy theo mức độ mê ngộ sâu hay cạn, công phu tu hành sâu hay cạn, mà sự chứng đắc khác biệt nên nói "tuy tức mà thường sáu".

Chúng sanh đời mạt sức định tuệ yếu ớt, chẳng cậy vào Phật lực thì làm sao yên được? Hơn nữa, có được lời giải thích hay tuyệt như thế, ai lại chịu bỏ hạt châu sẵn có trong chéo áo để qua xóm nghèo lê la xin ăn ư? Do vậy, tông phong lẫy lừng, cả nước khâm phục, tôn sùng. Trên từ hoàng đế, hoàng hậu, đại thần, cho đến dưới là thiện nam thiện nữ có lòng tin trong sạch, không ai chẳng nghe tiếng bèn nương theo giống như cỏ rạp theo gió lùa. Từ khi pháp được truyền sang Chấn Đán (Trung Hoa), đức nghiệp hưng thịnh không ai hơn được ngài.

Đến năm ngài 38 tuổi mới vào núi Thiên Thai, đấy chính là năm Ất Mùi nhằm niên hiệu Đại Kiến thứ bảy (575) đời Trần Tuyên Đế. Đến nơi, ngài thấy cảnh núi và gặp vị tăng tên Định Quang giống hệt như cảnh đã được đến và người đã được gặp khi thần thức ngao du trong lúc lễ Phật phát nguyện thuở mới được 17 tuổi. Do vậy, biết là trước kia đã từng có nhân duyên lớn với núi này; từ đấy về sau, hoặc hoằng pháp trong núi, hoặc tùy cơ ứng duyên, suốt hơn 20 năm hoằng dương pháp hóa lớn lao. Trong truyện ký của ngài đã chép đầy đủ nên ở đây chẳng cần phải trình bày rườm rà.

Năm Khai Hoàng 17 đời Tùy Văn Đế, tức năm Đinh Tỵ (597), tổng quản Dương Châu là Tấn Vương Dương Quảng sai sứ đón sư sang Dương Châu. Sư cùng đi với sứ giả, đến chùa Thạch Thành ở Tân Xương (huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) biết duyên trụ thế đã tận, bèn lược nêu pháp yếu để dạy bảo đại chúng. Nói xong, xướng danh hiệu tam bảo rồi viên tịch như nhập tam-muội. Lúc ấy nhằm giờ Mùi ngày 24 tháng 11, thọ 60 tuổi, tăng hạ (tăng lạp) 40 năm. Ngài có để lại di mạng, dặn đưa linh cữu về Phật Lũng[778]. Các đệ tử do thấy thầy nhập diệt nơi đây (tức chùa Thạch Thành) bèn lập một tòa tháp thờ y bát để làm kỷ niệm, khiến cho tứ chúng đời sau người thấy kẻ nghe đều cùng gieo thiện căn.

Từ xưa đến nay, 1.400 năm, theo thời gian, cuộc đất thay đổi, chẳng còn thích nghi để đặt tháp cho lắm. Vị tăng trong chùa là Nhữ Ngu bàn bạc với hàng tăng tục, dời tháp sang phía Bắc của Đại Phật Nham, nơi đấy quả thật là chỗ mạch chính của cả rặng núi dồn tới, là chỗ mấu chốt của dãy núi, địa thế cao, tầm nhìn được xa, lập tháp nơi ấy ngõ hầu phát khởi được thiện tâm nơi kẻ thấy người nghe. Do vậy tôi bèn trần thuật những nét đại lược.

4. Bài ký về chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh ở Mân Hầu

[778] Phật Lũng là ngọn núi cao nhất ở phía Nam rặng Thiên Thai, chính là nơi ngài Trí Giả trụ tích. Do vậy, đôi khi đại sư còn được gọi là thiền sư Phật Lũng. Trong chùa Chân Giác trên ngọn Phật Lũng hiện vẫn còn tháp thờ nhục thân đại sư Trí Giả.

Thế gian lẫn xuất thế gian đều lấy lòng thành làm gốc. Lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động, huống hồ những người cùng hàng đều cùng được phú bẩm cái tâm này, mà chư Phật, Bồ-tát lại là những vị trọn không có tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm của chính mình ư? Trong cõi đời, chưa hề có ai lòng thành tuy chưa đến mức cùng cực mà lại có thể khiến cho người khác nhìn vào sanh lòng cảm kích, được đức Phật rủ lòng gia bị! Cũng chưa có ai lòng thành đã đến mức cùng cực mà người khác nhìn vào chẳng cảm kích, Phật không gia bị. Vì thế, kẻ mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ chỉ nên cạn hết tấm lòng thành mà thôi. Đối với chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh, tôi có được một chứng cứ.

Cư sĩ tên là Vũ Tằng, tự là Tử Sanh, người xứ Mân Hầu, tỉnh Phước Kiến, anh em gồm ba người, ông ta đứng vào hàng thứ hai. Thuở nhỏ theo học Nho, trưởng thành đăng lính, mồ côi cha từ năm 8 tuổi. Thờ bà mẹ thủ tiết, đối đãi anh em nổi tiếng hiếu hữu. Bẩm tánh chân thật, trung hậu, tiết kiệm, chất phác, liêm khiết, trong chẳng dám dối mình, ngoài chẳng dám gạt người. Vì thế sĩ quan, binh lính tín nhiệm, giao cho ông ta trông coi quân nhu. Suốt mười mấy năm, ngoài tiền lương ra, trọn chưa hề tắt mắt gì.

Ông ta còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, khá chán ngán trần cảnh. Tuổi trung niên sau khi vợ mất, tâm niệm đã hệt như cây khô, tro lạnh. Năm Nhâm Tuất (1922) thời Dân Quốc do cư tang mẹ liền bỏ sạch đồ mặn, chuyên tu tịnh nghiệp. Con trai ông ta là Khanh Đoan, Ngạn Tuấn và những người cùng chí hướng tổ chức Phật hóa xã Phước Châu. Cư sĩ cổ vũ, tán thành, giúp đỡ, hết sức đề xướng. Mùa hạ năm Giáp Tý (1924), Phật hóa xã được dời sang chùa Khai Hóa ở Tây Hồ, con người lẫn địa thế đều thích hợp, nhưng do chùa xây dựng đã lâu, cột kèo, phòng ốc xô lệch, tượng Phật long lở, cư sĩ muốn cho những người niệm Phật đều nhìn vào sẽ dấy lòng cảm mộ bèn một mình đứng ra lo liệu tu bổ cho cảnh chùa được trang nghiêm. Công việc mới hoàn thành được một nửa, ông ta liền tạ thế. Lúc ấy nhằm ngày mồng 9 tháng 6 năm Bính Dần (1926), thọ 60 tuổi. Khanh Đoan kế thừa chí cha hoàn thành công cuộc trùng tu, đáng gọi là "khéo thờ cha" vậy.

Thoạt đầu, mười mấy hôm trước khi cư sĩ mất, cổ chợt sanh ung loét, đấy chính là do túc nghiệp. Loét rữa bên trong, nóng lạnh xen lẫn, nhưng cư sĩ muốn nhờ vào nỗi khổ ấy để mau được vãng sanh, bảo quyến thuộc tụ tập niệm Phật trong phòng để giúp chánh niệm. Cũng có bạn bè đến trợ niệm, mỗi lần đến mấy chục người. Ông ta đã dặn sẵn quyến thuộc: "Khi ta lâm chung chẳng được tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc v.v.. Trong đám tang, bất luận tế thần, đãi khách

đều chẳng dùng đồ mặn. Đồ tẩm liệm chỉ dùng vải trơn, chẳng được dùng lụa là." Con và dâu đều vâng lời, phương trượng Tuyết Phong Đạt Bổn đặc biệt đến khai thị. Vì thế, trong mười mấy ngày tuy bị đau khổ, nhưng tâm cư sĩ thường trấn định, trọn chẳng có một niệm nào khác. Đến lúc lâm chung, chánh niệm phân minh, an tường qua đời, hàng quyến thuộc ai nấy đều nén đau buồn niệm Phật suốt năm tiếng đồng hồ rồi mới tắm rửa, thay áo, khóc lóc v.v., đáng gọi là "biết pháp". Đến lúc nhập liệm, đảnh môn (đỉnh đầu) vẫn còn ấm, tứ chi mềm mại, đủ chứng tỏ cụ đã sanh Tây.

Điều lạ nhất là con trai lẫn con dâu đều phát nguyện suốt đời ăn chay trường niệm Phật. Những xã hữu trong Phật hóa xã niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh cho ông ta có tới ba mươi mấy gia đình. Số câu niệm Phật đến hơn một ngàn năm trăm vạn câu, chú Vãng Sanh được niệm tới hơn mười một vạn chín ngàn biến. Đều dùng những công đức ấy để cầu cho phẩm sen của ông ta được cao hơn, mau chứng Vô sanh. Nếu ông ta chẳng phải là người bình sinh chí thành cảm người, làm sao được như vậy?

Ôi, như cư sĩ đáng gọi là bậc thiện sĩ trong một làng, là đứa con thật sự của đức Như Lai. Nếu ngờ vực cư sĩ là người sốt sắng giữ vẹn luân thường, tận lực tu các điều thiện, lại còn niệm Phật nhiều năm, sao lúc lâm chung lại nẩy sanh khối loét ác hiểm ấy thì kẻ nghi như vậy chẳng biết chúng ta từ vô thủy đến nay đã kết oán nghiệp không thể kể nổi số lượng. Nếu chẳng niệm Phật, ắt sẽ phải báo đền dài lâu suốt kiếp, chẳng có lúc nào xong! Do sức niệm Phật, cư sĩ mới chuyển được báo nặng trong đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải thoát các nỗi khổ sanh tử, về thẳng Tây Phương, cao dự hải hội, thân cận Di-đà, cùng với các thiện nhân hội họp ở một chỗ. Xưa kia, pháp sư Giới Hiền[779] còn mắc phải bệnh

[779] Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị luận sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du-già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na-lan-đà ở tại nước Ma-kiệt-đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiếu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na-lan-đà, sư gặp được Hộ Pháp Bồ-tát, nghe ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na-lan-đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du-già Sư Địa Luận v.v., chia Phật giáo thành ba thời là *hữu, không, trung*, lập ra thuyết ngũ chủng tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng. Về nỗi khổ của đại sư Giới Hiền, trong thư trả lời cư sĩ Chu Tụng Nghiêu (Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 1), tổ đã cho biết: "Xưa kia, luận sư Giới Hiền ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: "Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương não hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi

ngặt, pháp sư Huyền Trang lâm chung cũng bị đau khổ, mỗi vị đều được Bồ-tát chỉ dạy an ủi, cho biết đấy là quả báo do trong đời trước đã não hại chúng sanh, huống hồ hạng phàm phu sát đất ư? Vì thế tôi viết đại lược nguyên do. Tán rằng:

"Cao cả thay cư sĩ, đáng gọi bậc thông sáng, dẫu sống trong trần thế, chẳng bị nhiễm bụi trần, bẩm tánh sẵn hiếu hữu, cần kiệm, nhân, khoan dung, gia đình hưởng vui sướng, hài hòa thật tràn trề, thân nêu gương nghiêm cẩn, hòa vui tiếp độ người, dốc lòng nơi Tịnh độ, mong chứng được lẽ chân, đã khơi mở Phật hóa, lại trùng tu nhà chùa, vàng ngọc thật trang nghiêm, nhằm tỏ lòng cảm mộ. Tuổi nhằm thời nhĩ thuận[780], liền thị hiện về Tây, quyến thuộc, bạn trợ niệm, công đức vòi vọi thay! Do vậy lúc lâm chung, nhất tâm chuyên ức niệm, theo chân Phật vãng sanh, đảnh ấm kiểm nghiệm được, con trai lẫn con dâu, đều phát nguyện chí thành, ăn chay cùng niệm Phật, suốt đời chẳng đổi thay, để đem công đức ấy, mong tăng cao phẩm sen, chóng chứng Vô sanh nhẫn, trở về độ Sa-bà. Xã hữu nhờ cậy tôi, ghi chép câu chuyện này, muốn cho kẻ thấy nghe, đồng gội nhuần pháp lợi, liền tóm lược công hạnh, nhằm nêu nghĩa ẩn tàng, hòng thỏa hoằng thệ nguyện, độ sanh của Như Lai."

5. Bài ký về sự vãng sanh của thái phu nhân Uông - mẹ ông Giang Dịch Viên

Pháp môn Tịnh độ lợi ích rộng sâu, từ khi đại pháp truyền sang phương Đông, hàng phàm phu sát đất tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương nhờ đó mà thoát khỏi ngũ trược, chứng lên cửu phẩm kể sao cho xiết? Ấy là vì Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được cái quả thù thắng lạ lùng, đặc biệt như thế, quả thật là trong những giáo pháp được giảng trong một đời đức Phật, chẳng có một pháp nào được như thế, chỉ có pháp môn Tịnh độ là như vậy mà thôi. Pháp môn này chỉ trọng thực hành, do cảm Phật nên có thể cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh; so với những pháp chuyên cậy vào tự

---

người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu. Ông nên gắng chịu đựng, xứ Đại Đường có một vị tăng tên là Huyền Trang, ba năm nữa sẽ đến đây học pháp." Luận sư Giới Hiền nghe xong, ráng chịu đau sám hối, lâu ngày lành bệnh. Đến ba năm sau, ngài Huyền Trang đến đó, ngài Giới Hiền bảo đệ tử thuật lại tình trạng đau khổ của căn bệnh. Người kể lại nỗi khổ nghẹn ngào, ứa lệ, đủ thấy sự khổ ấy rất lớn."

[780] "Nhĩ thuận" là 60 tuổi. Nhĩ thuận vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói của Khổng tử trong sách Luận Ngữ: *"Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tùng sở dục, bất du củ"* (Ta dốc chí học tập từ năm 15, đến năm 30 tuổi ý chí đã định, 40 tuổi không còn lầm lẫn, 50 tuổi hiểu mạng trời, 60 tuổi tai nghe đã thuần, 70 tuổi hành xử thuận theo lòng muốn, không trái vượt quy củ).

lực để đoạn hoặc chứng chân hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử thì sự khó dễ dẫu có nói trọn năm cũng chẳng thể hết được.

Cư sĩ Giang Dịch Viên ở Vụ Nguyên thoạt đầu làm giáo chức, thường giảng dạy học sinh phải chú trọng dốc hết sức hành hiếu hữu, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình. Đối với việc giảng nói nghĩa lý, ắt mong sao nêu tỏ đến tột cùng, chẳng còn chút nào ẩn kín mới thôi. Do vì quá sức nhọc nhằn bèn bị bệnh nặng, bao nhiêu thầy thuốc chữa trị đều chẳng có công hiệu gì. Về sau có người bạn khuyên hãy lắng lòng niệm Phật bèn được lành bệnh. Do vậy, nhiều lượt thân cận tri thức, chuyên nghiên cứu Tịnh tông, mới biết pháp này quả thật là pháp môn thù thắng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế đối với người thân kẻ sơ đều đem pháp này để kính khuyên.

Mẹ ông ta là thái phu nhân Uông bẩm tánh hiền thục, vừa nghe nói như vậy liền phát tâm ăn chay niệm Phật, công khóa hằng ngày ắt niệm Phật hơn một vạn câu, kiêm trì tụng phẩm Quán Âm Phổ Môn, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, các chú Vãng Sanh, Đại Bi v.v. để làm trợ hạnh. Mùa xuân năm nay, do lánh nạn thổ phỉ, gặp phải đường hẹp, chiếc kiệu cụ đang ngồi va nhằm đàn bò, phu khiêng kiệu lẫn kiệu đều bị hất lăn xuống ruộng. Kiệu đã bị vỡ nát, nhưng mẹ ông Giang vẫn chẳng kinh, chẳng hãi, trọn chẳng bị thương tổn gì, do khi cụ ngồi trong kiệu đã thầm niệm phẩm Phổ Môn. Do vậy biết rằng, vì mẹ ông Giang công phu miên mật nên mới được cảm ứng như vậy. Tuổi đã 78, tai thính, mắt sáng, trọn chẳng có vẻ già nua.

Đến cuối tháng 5, cụ thị hiện bị bệnh nhẹ. Hôm 30 nghe cháu nội là Hữu Bằng giảng 48 đại nguyện cho người khác, còn sai người hầu lắng nghe. Nhân đấy hỏi ngày mai có phải là mồng 1 hay không? Ấy là cụ đã tính sẵn kỳ hạn về Tây vậy! Đến nửa đêm đi ngủ, cụ bị nghẹn đàm không có sức để khạc ra, do vậy cả nhà đều niệm Phật để cầu cho cụ mau được vãng sanh. Dịch Viên lại khai thị Phật nguyện rộng sâu, hãy nên sâu xa hướng về Tịnh độ. Nếu có thể toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, nhất định sẽ cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khoảng một giờ sau đến giờ Thìn, cụ bèn ngồi an nhiên qua đời. Lúc cụ mất vẫn thấy quai hàm động đậy, ấy là trong tâm thầm niệm nhưng không nghe được tiếng cụ niệm. Từ giờ Thìn đến giờ Thân, suốt cả năm tiếng đồng hồ, niệm Phật không ngớt. Qua khỏi giờ Thân mới tắm gội, thay quần áo, khóc lóc v.v.. Bởi lẽ người sắp mất, sức không thể chống đỡ được, nếu tắm rửa thay quần áo sẵn và khóc lóc v.v. chắc chắn sẽ bị phá hoại chánh niệm, chẳng thể vãng sanh được. Nay đã chẳng dời động, lại chẳng khóc lóc, mọi người đồng

thanh niệm Phật, khiến cho trong tâm cụ chỉ có Phật niệm, trọn chẳng có niệm nào khác. Vì thế cụ được chánh niệm rỡ ràng, theo Phật vãng sanh, thật đáng để bắt chước. Nguyện những kẻ con hiếu cháu hiền đều y theo đây thì lòng hiếu từ sẽ lớn lao thay!

Hơn nữa, mẹ ông Giang còn dặn dò sẵn con trai và con dâu: Sau khi cụ mất, đừng đặt hình tượng Phật lên đầu cụ, đừng bỏ tiền vào miệng, đừng đội mũ hoa, mặc áo thêu, quần áo liệm chỉ may bằng vải, cổ đeo tràng hạt mà thôi. Tất cả những thứ quần áo giấy, minh khí[781] đều chớ nên dùng. Trong đám tang nhất loạt dùng cỗ chay, chớ nên bắt chước thế tục dùng cỗ mặn để tế thần v.v.. Ôi, ngôn hạnh của mẹ ông Giang đều đáng làm khuôn mẫu cho đời mạt, là bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Người tuy đã mất, đức vẫn thường còn. Nguyện những bậc anh hiền chốn khuê các trong cõi đời nghe phong thái ấy đều nức lòng, bắt chước theo ngôn hạnh của mẹ ông Giang, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện, khiến cho hạnh của hai bà Phi và ba bà Thái lại được thấy trong hiện thời. Lại do hiểu thấu sâu xa trong tâm vốn sẵn có Phật tánh nên dốc lòng tu tập tịnh nghiệp "tu chân ngay trong cõi tục", ngõ hầu bao người đều giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, cõi đời trở lại thuở Đường Ngu. Đấy vốn là dùng đạo "đạt đến bình trị tột bậc mà trọn chẳng có hình tích" để làm phương cách vãn hồi thế đạo nhân tâm vậy. Nguyện ai nấy đều gắng sức thì may mắn lắm thay!

6. Bài ký về chuyện sanh Tây của thiện nữ nhân Vương Thánh Duyên nhà họ Hà

Đức Phật dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật." Phật tánh tuy đồng, nhưng tâm tướng của chúng sanh lại vàn muôn sai khác: hoặc có kẻ tin nhận, hoặc có kẻ trái nghịch. Vì sao vậy? Hãy nên biết rằng, chúng sanh tuy đều đang mê nhưng do nhân trong quá khứ và duyên trong hiện tại không giống nhau đến nỗi phát sanh hai thứ hiện tượng nghịch hay thuận. Phật tánh như hạt giống, nhân trong quá khứ như gieo trồng, duyên trong hiện tại như mưa đúng thời. Hạt giống đã gieo xuống đất hễ gặp được mưa đúng thời sẽ chẳng nẩy mầm được ư? Nhưng hết thảy chúng sanh ai mà chẳng có Phật tánh? Luân hồi trong kiếp số dài lâu, quyết chẳng thể trọn không có túc nhân. Điều quan yếu nhất là được thiện tri thức chỉ dạy hướng dẫn, và chính mình có phát tâm quyết liệt hay không. Vì thế kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ*

[781] Còn gọi là "tùy táng vật" hoặc "bồi táng vật", tức những thứ thường dùng để chôn theo người chết để người ấy sử dụng trong cõi âm. Thời cổ, những gia đình quý tộc thường chôn theo người chết rất nhiều vật dụng bằng ngọc, bằng đá và những kim loại quý.

hóa đạo linh đắc kiến Phật" (Thiện tri thức là nhân duyên lớn, vì có thể chỉ dạy khiến cho được thấy Phật). Kinh Lăng-nghiêm chép: *"Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tắc danh vi hương quang trang nghiêm"* (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, chắc chắn thấy Phật, cách Phật chẳng xa, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đấy gọi là hương quang trang nghiêm).

Như bà Vương nhà họ Hà[782] ở Thượng Hải vốn là một phụ nữ vô tri vô thức, từ năm 29 tuổi được nghe pháp môn Tịnh độ bèn quy y tam bảo, ăn chay, niệm Phật, nhàm chán sâu xa sự trược ác cõi Sa-bà, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Ba mươi năm qua tinh tấn không lười biếng, đến năm Dân Quốc 17 (1928), bà được 59 tuổi. Đến ngày 19 tháng 6 biết trước lúc mất, dặn dò gia quyến: "12 giờ đêm hôm nay ta sẽ về Tây, tới lúc ấy các ngươi hãy đồng thanh niệm Phật để giúp sức. Đừng nên bi ai khóc lóc đến nỗi phá hoại chánh niệm của ta." Do vậy, bà liền tự tắm gội, mặc áo thọ[783] mới may, trước hết niệm chú Đại Bi bao nhiêu đó biến, tiếp đấy chuyên niệm thánh hiệu A-di-đà Phật. Đến 11 giờ, cả nhà lớn bé đồng thanh trợ niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Tới 12 giờ, bà bèn ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Ôi, bản lãnh như thế, dẫu kẻ có học vấn, công nghiệp trùm lấp cõi đời xưa nay cũng chẳng thấy mấy, huống là hạng kém cỏi hơn ư?

Bà Vương nhà họ Hà là một phụ nữ chẳng hiểu biết gì, chỉ do 30 năm tinh tấn tu trì nên đến lúc lâm chung hiện được tướng trạng như thế, đủ thấy hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật và pháp môn Tịnh độ quả thật là pháp môn bậc nhất để chuyển phàm thành thánh. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng dốc sức tu trì, ngõ hầu chẳng phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình.

7. Bài ký về sự sanh Tây của ưu-bà-di Lạc Huệ Tĩnh

Từ khi đại pháp truyền sang phương Đông, Lô Sơn kết liên xã, hết thảy thiện tri thức phần nhiều chủ trương pháp môn Tịnh độ, bởi pháp này cậy vào Phật từ lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì sự khó dễ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực. Nhưng hết thảy tứ chúng do niệm Phật mà đích thân chứng được tam-muội, đoạn hoặc chứng chân, lên thẳng thượng phẩm cũng không ít. Những người khác thì do lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật,

[782] Bà này họ Vương, pháp danh là Thánh Duyên, chồng họ Hà nên được gọi là Hà Thị Vương Thánh Duyên.
[783] Thọ y: chỉ chung những thứ quần áo, giày vớ may sẵn để mặc cho người chết khi tẩm liệm.

cảm được Phật tiếp dẫn vãng sanh thì chẳng thể dùng toán số thí dụ để biết được số.

Ông Lạc Bân Chương ở huyện Định Hải tuy theo nghề buôn nhưng khá tin Phật. Mùa xuân năm nay tới đất Hỗ, gặp đúng lúc Quang đang ở đậu chùa Thái Bình, bèn dẫn vợ cùng tới xin thọ tam quy ngũ giới. Bân Chương pháp danh là Huệ Bân, vợ ông ta pháp danh là Huệ Tĩnh. Do vậy, tôi bèn cho họ các sách như Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v. bảo họ hãy y theo đó để tu trì. Huệ Tĩnh từ đấy chuyên dốc lòng niệm Phật, đến giữa tháng 5 bị bệnh, cho đến đầu tháng 7 vẫn còn gắng gượng lễ Phật, niệm Phật. Sau đấy nằm bẹp trên giường không dậy được, nhưng trong tâm thường tự thầm niệm Phật hiệu. Đến đêm mồng 7 tháng 8, ho hắng suốt một tiếng đồng hồ rồi ngủ thiếp đi, mộng thấy rất nhiều tăng nhân và các đồng tử cùng với các thứ như tràng, phan v.v.. Đến khi tỉnh giấc bệnh khổ hoàn toàn hết hẳn. Tới đêm mồng 9 lại mộng thấy Quán Thế Âm Bồ-tát và các tăng chúng cùng các đồng tử.

Đêm mồng 10, người trông bệnh và các quyến thuộc thấy bà ta miệng niệm Phật hiệu, chắp tay như đang làm lễ mười mấy lượt rồi ngủ thiếp đi, tỉnh giấc nói: "Phật đã đến rồi, ta sắp vãng sanh." Hỏi: "Giờ nào sẽ đi?" thì bà ta bảo không biết. Ngày hôm sau đem tất cả quần áo, đồ trang sức trên đầu đem bán sạch để làm việc thiện, khuyên người nhà làm lành tu đức, hiểu nhân biết quả. Đến giờ Ngọ, mắt chợt tỏa quang minh. Quang minh dường như màu vàng, nhưng chẳng phải vàng, dường như đỏ nhưng chẳng phải đỏ, liền nói: "Đức Phật đến rồi!" Mặt hiện nét mỉm cười, tuy thân mình đã tắm rửa từ hôm trước, vẫn sai đứa tớ gái rửa chân, tự mình rửa mặt. Ánh mắt liền sáng rỡ, bảo Huệ Bân rằng: "Phật cùng Đại Thế Chí Bồ-tát và các đồng tử tiếp tôi về Tây Phương." Huệ Bân muốn hỏi thêm, bà nói: "Đừng nhiễu loạn tôi", chỉ niệm thầm Phật hiệu theo tiếng những người trợ niệm, chưa đầy mấy phút đã qua đời.

Ôi, Huệ Tĩnh là một nữ nhân yếu đuối, nghe pháp môn Tịnh độ chưa được một năm, mà lúc lâm chung liền được tướng lành như thế, đủ thấy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, Phật nguyện chẳng dối. Ngài Vĩnh Minh nói "vạn người tu, vạn người về" quả là có căn cứ đích xác! Huệ Bân đem hành trạng của bà ta đến thuật với Quang, lại còn đem những tiền bạc do vợ lưu lại để giúp in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Do vậy, tôi bèn tóm tắt chuyện này và nêu bày đại ý của pháp môn để soạn thành bài ký.

(Cuối thu năm Kỷ Tỵ, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

8. Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi

Dương Bội Văn là người ở huyện thành Hoài An, tỉnh Giang Tô, đã 44 tuổi, chuyên đọc sách, dạy trẻ, gần đây cũng đã thôi dạy học. Hạ tuần tháng 6 năm nay, do đứa cháu nội chưa tròn một tuổi đã chết, khá đau tiếc. Một vị cư sĩ khuyên ông tham dự niệm Phật tại liên xã Phổ Tế, cũng như đọc các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v.. Ông ta liền nhanh chóng sanh lòng tin, tâm niệm Phật khá tinh thuần thiết tha. Đến buổi tụng kinh khóa tối vào hạ tuần tháng 9, thấy trong ngọn đèn dầu thắp trước bàn Phật, bấc đèn kết thành một đóa sen, giữa nhụy hoa có một hạt châu đen. Sau đấy hoa rụng, hạt châu rơi xuống bàn, to bằng hạt kê, màu như ngọc phỉ thúy. Ông ta ngạc nhiên lắm, chẳng biết là vật gì, bèn cầm đến liên xã hỏi, cũng không ai biết.

Trung tuần tháng 10, ông ta gởi thư và viên xá-lợi ấy cho Quang cầu chứng minh. Quang liền đựng trong cái hộp nhỏ có từ tính, đưa cho vị sư hộ quan và ba bốn người đệ tử tục gia xem. Khi ấy, viên xá-lợi ấy to gấp hai ba lần lúc mới mở thư, tôi cũng không để ý lắm, liền để thờ trước bàn Phật. Sáng hôm sau, tụng kinh khóa sáng xong, xem lại đã không còn nữa, liền gởi thư sang báo cho liên xã ấy biết, bảo: "Đấy là xá-lợi do lòng tinh thành cảm nên, chiều hôm qua xem xong thờ trước tượng Phật, sáng nay xem thì đã không còn nữa, chắc là đã trở về chỗ cũ, xin họ hãy tìm kỹ." Về sau được họ viết thư cho biết đã tìm khắp cho tòa nhà của liên xã nhưng vẫn không thấy gì, nhưng Dương Bội Văn càng sanh lòng chánh tín, biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, xin quy y. Do đấy bèn đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Tiềm với ngụ ý: Do cắm cúi niệm Phật liền được ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu.

Ngoại đạo tưởng tinh - khí - thần luyện lâu ngày sẽ thành xá-lợi. Đời Tống, có người khắc ván cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn và thêu kinh tìm được xá-lợi ngay dưới mũi dao và chỗ kim đâm xuống, cũng như xá-lợi hiện nơi hoa đèn này là do tinh - khí - thần của ai luyện thành? Ấy là do Phật, Bồ-tát thấy nên dùng thân xá-lợi để độ được bèn hiện thân xá-lợi để thuyết pháp vậy!

(Ngày Đông Chí năm Dân Quốc 22 - 1933)

9. Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A-dục Vương

Tại Mậu Sơn cách ấp Đông Hương thuộc huyện Ngân, thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang 40 dặm có chùa Quảng Lợi, vốn có tên là chùa A-dục Vương, vì thế người ta vẫn gọi chùa bằng tên ấy. Xưa kia, sau khi đức Phật diệt độ, vua A-dục ở xứ Trung Thiên Trúc làm vua khắp cõi Diêm-phù, oai đức rộng lớn, tất cả quỷ thần đều là bầy tôi. Ý vua muốn tạo lợi ích rộng khắp cho người đời bèn lấy ra tám vạn bốn ngàn viên xá-lợi đức Phật do ông nội mình là vua A-xà-thế đã

cất giữ, rồi sai khiến quỷ thần nghiền nát bảy báu trộn với các loại hương làm thành chất bùn dẻo, trong một đêm tạo thành tám vạn bốn ngàn cái tháp báu đựng xá-lợi, đem chia ra khắp Nam Thiệm Bộ Châu[784]. Tôn giả Da-xá-lợi duỗi tay phóng ra tám vạn bốn ngàn luồng ánh sáng, cứ mỗi một quỷ bèn bưng một tháp đi theo luồng ánh sáng, đến chỗ nào ánh sáng thôi chiếu tới bèn vùi tháp trong lòng đất. Trong nước Đông Chấn Đán (Trung Hoa) có 19 chỗ.

Khi đại giáo được truyền sang phương Đông, các tháp xá-lợi ấy lần lượt xuất hiện, như chùa Dục Vương ở Ngũ Đài v.v.. Tháp thờ xá-lợi ở chùa A-dục Vương tại Ninh Ba là do vào năm Thái Khang thứ ba (282) đời Tấn Vũ Đế có một vị tăng là Huệ Đạt[785], vị này chính là Lợi Tân Bồ-tát thị hiện, lễ bái thỉnh cầu, tháp xá-lợi bèn từ đất vọt lên. Sư bèn dựng chùa A-dục Vương, thờ tháp xá-lợi ấy trong lòng tháp đá nơi đại điện, cửa tháp thường khóa chặt. Có ai muốn chiêm ngưỡng xá-lợi phải thông báo trước cho vị chủ tháp biết.

Lễ Phật trong đại điện xong, quỳ ở bậc thềm ngoài điện, nơi ấy thường có người quỳ. Phàm ai muốn chiêm ngưỡng, đều quỳ tiếp theo đó. Tháp chủ thỉnh tháp ra, trước hết cho người quỳ phía trong xem, rồi cho khắp những người quỳ tiếp theo được xem. Dẫu trong một ngày có người theo chiêm ngưỡng mấy lượt cũng chẳng lấy đó làm phiền. Tháp ấy cao một thước bốn tấc, chu vi cũng chỉ hơn một thước. Tầng giữa tháp trống rỗng, bên trong ấy treo một quả chuông đặc ruột, ngay chính giữa đáy chuông có gắn một cây kim. Xá-lợi được gắn trên mũi kim. Bốn mặt trổ cửa sổ, có chấn song chạm trổ ngăn che, chẳng thò tay vào được, người chiêm bái liền ghé mắt dòm qua khe chấn song chạm trổ.

---

[784] Nam Thiệm Bộ Châu, là cách phiên âm khác của Nam Diêm-phù-đề (Daksina-Jambu-dvīpa), đôi khi còn phiên âm là Diêm-phù-lợi, Thiệm-bộ-đề, Diêm-phù-đề-bệ-ba. Jambu vốn là một loại cây, dưới gốc sanh ra một loại vàng rất quý gọi là *Diêm-phù-đàn kim*. Theo phẩm Diêm-phù-đề, quyển 18 kinh Trường A-hàm, châu Nam Diêm-phù-đề phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, kích thước chừng bảy ngàn do-tuần. Hình dáng mặt người sống trong châu ấy giống như hình thể của đại châu (tức trên rộng, dưới hẹp). Phía Bắc có ao A-nậu-đạt là nơi phát nguyên sông Hằng, có năm trăm con sông chảy vào biển Đông v.v..

[785] Theo A-dục Vương Tự Sơn Chí, ngài Huệ Đạt tục danh là Lưu Tát Ha, vốn là người xứ Ly Thạch, Tinh Châu, nằm mộng thấy một vị tăng người Ấn Độ báo cho biết ông ta mắc tội sẽ đọa địa ngục, hãy nên sang Cối Kê đảnh lễ tháp A-dục Vương để sám hối các tội. Họ Lưu tỉnh giấc liền xuất gia, pháp danh là Huệ Đạt, sang Cối Kê tìm tháp. Sư tìm mãi không được, đau lòng, phiền muộn. Một đêm nọ, chợt nghe dưới đất vẳng lên tiếng chuông, ba giờ sau, tháp báu từ dưới đất vọt lên. Tháp ấy chẳng phải bằng vàng, ngọc, đồng, sắt, cũng không phải là bạch ngọc, sắc đỏ đậm ánh tía, điêu khắc cực kỳ tinh xảo. Chính giữa tháp có treo một cái chuông đựng xá-lợi. Do vậy, Huệ Đạt liền dựng tinh xá thờ tháp ấy ngay tại đó, siêng năng tu hành lễ sám. Ngôi chùa ấy về sau trở thành chùa A-dục Vương. Cái tên Quảng Lợi là do Tống Chân Tông sắc tứ, nhưng dân chúng vẫn gọi là chùa A Dục Vương Tự như cũ. Đến thời Minh, Minh Thái Tổ lại đổi tên chùa Quảng Lợi thành Dục Vương Thiền Tự.

Viên xá-lợi ấy hình dáng, màu sắc, lớn nhỏ, nhiều ít, cố định hay di động đều không nhất định. Những người bình thường nhìn vào phần nhiều thấy là một hạt, cũng có người thấy là hai, ba, bốn hạt, có người thấy xá-lợi dính vào đáy chuông không chuyển động, có người thấy xá-lợi tụt xuống khỏi mũi kim chừng khoảng một tấc. Có người thấy xá-lợi chợt dâng lên chợt hạ xuống, chợt nhỏ, chợt lớn. Có người thấy là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, và mỗi sắc lại đậm nhạt khác nhau, hoặc có cả hai màu, hoặc có nhiều màu sắc khác nhau. Có người thấy màu sắc tăm tối, có người thấy màu sắc sáng ngời. Chẳng riêng gì mỗi người thấy mỗi khác, mà ngay cả đối với một người cũng phần nhiều chuyển biến bất nhất. Lại có người thấy có hình như hoa sen và tượng Phật, Bồ-tát. Cũng có kẻ nghiệp lực sâu nặng, hoàn toàn trọn chẳng thấy được gì.

Khi thấy xá-lợi nhỏ thì nó to bằng hạt đậu xanh nho nhỏ, cũng có người thấy xá-lợi to bằng hạt đậu nành hoặc bằng quả táo tàu. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, Lại bộ thượng thư là Lục Quang Tổ dốc lòng tin tưởng Phật pháp, cực lực hộ trì, cùng mấy vị thân hữu đến xem, thoạt đầu thấy xá-lợi to bằng hạt đậu đỏ, kế đó to như hạt đậu nành, to như trái táo, rồi to như quả dưa, rồi to như bánh xe, quang minh chói ngời, tâm mục thanh lương. Khi ấy, tháp đá thờ xá-lợi bị hư, tháp đựng xá-lợi được thờ trong nhà kho. Họ Lục liền phát tâm trùng tu điện tháp. Bạn bè ông ta cũng được thấy xá-lợi rất xinh đẹp nhưng không lạ lùng đặc biệt thần diệu như ông Lục.

Cần biết rằng, đức Như Lai đại từ lưu lại chân thể pháp thân để gieo thiện căn xuất thế cho chúng sanh trong đời sau. Bởi lẽ, những kẻ do được thấy sự thần dị ấy đều sanh lòng chánh tín. Từ đấy sửa ác tu lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành để mong đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, mãi cho đến khi khôi phục được Phật tánh sẵn có hòng viên mãn vô thượng Bồ-đề. Đấy chính là đức Như Lai do bản tâm tiếp dẫn bèn rủ lòng thị hiện tướng chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng sanh cảm niệm sâu xa thì may mắn lắm thay! Trong năm Quang Tự 21 (1895), Quang may mắn được kiền thành lễ xá-lợi mấy tuần, lại còn đọc Dục Vương Sơn Chí nên biết cặn kẽ.

10. Tuyên cáo thành lập Phật giáo Cư sĩ lâm ở khu Kim Sa thuộc Nam Thông

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Thánh nhân Nho giáo chú trọng nhân quả, điều này được thấy trong kinh truyện nhiều khôn xiết kể. Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt niềm vui có thừa, nhà tích điều bất

thiện, ắt tai ương có thừa). Cần biết rằng, đã có "dư khánh, dư ương" ảnh hưởng đến con cháu thì sự vui hay tai ương nơi kẻ gây tạo càng lớn hơn nữa! Nhưng sự vui hay tai ương nơi người gây tạo ấy cố nhiên chẳng thể chuyên luận trong đời hiện tại, ắt phải luận đến cả đời kế tiếp, đời sau thì mới viên mãn, chu đáo. Từ ngay câu nói này để suy xét tấm lòng của thánh nhân thì sự lý nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo đã được tỏ lộ rõ ràng vượt ngoài lời nói.

Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách bèn nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo thiên lý sẽ hưởng năm điều phước, hễ trái nghịch sẽ bị sáu điều cực nhọc). Lời nói về ngũ phước, lục cực ấy đã bao hàm sâu xa ý nghĩa nhân quả ba đời. Ấy chính là bậc thánh vương cai trị bằng đức độ, giáo hóa dân, mong họ sẽ thuận theo ngũ phước, sợ hãi lục cực, tu đức lập mạng, hướng lành lánh xui. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng suy xét, quy hết ngũ phước, lục cực về sự thưởng phạt trong sự cai trị của nhà vua. Chẳng những họ đã vu báng sâu xa sự cai trị của nhà vua mà còn mâu thuẫn với sự lý. Tống Nho trộm lấy ý nghĩa huyền áo trong kinh Phật để nêu tỏ những ý nghĩa trong Nho giáo, sợ ai nấy sẽ đều học Phật đến nỗi Nho môn bị ghẻ lạnh bèn "một đao chặt rời" pháp căn bản để "trị mình, trị người, trị nước, trị thiên hạ, ngõ hầu khắp mọi chúng sanh đều được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử" của đức Phật đã nói, khiến cho hết thảy mọi người không còn mong mỏi thuận theo thiên lý hay kiêng sợ nữa, cho rằng nhân quả báo ứng chính là do đức Phật bày ra để gạt gẫm bọn ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy. Con người chết đi, hình hài đã hư nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán rồi thì còn ai để thọ sanh nữa đây?

Do bởi lẽ đó, nhà Nho đối với nhân quả luân hồi đều chẳng dám nhắc tới, chỉ ỷ vào chánh tâm thành ý để duy trì thế đạo nhân tâm. Đã không có nhân quả luân hồi, hễ chết là hết thì chánh tâm thành ý có ích gì đâu? Không chánh tâm thành ý có bị tổn hại gì đâu? Từ đấy, thiện chẳng có gì để khuyên, ác chẳng có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau đề xướng tham dục, khen thưởng ác hạnh, chẳng lấy đó làm thẹn, lại ngược ngạo coi đó là vinh, đều là vì những lời lẽ đả phá bài xích nhân quả luân hồi ươm thành, đạo làm người gần như chấm dứt. Do vậy, những vị có lòng lo cho thế đạo nhân tâm hùa nhau đứng lên cứu vãn. Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã v.v. được kiến lập khắp nơi, đề xướng nhân quả luân hồi và pháp môn Tịnh độ để vượt thoát nhân quả luân hồi, ắt phải "do bởi đất mà té thì phải do từ đất mà đứng dậy".

Cư sĩ lâm Kim Sa đã được thành lập, sẽ một vai gánh vác danh nghĩa, thực chất, sự nghiệp của hàng cư sĩ thì không lâu sau sẽ đích thân thấy cõi đời trở lại thuở Đường Ngu, con người mong trở thành thánh, thành hiền. Nói tới cái danh nghĩa "cư sĩ" thì cư sĩ chính là những vị sống tại gia tu đạo, nói tới thực chất thì chính là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tu hành điều lành trong thế gian để lập nền tảng, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, nguyện cho khắp mình lẫn người đều cùng liễu sanh tử. Người làm được như thế thì mới chẳng phụ cái danh là cư sĩ. "Sự nghiệp" chính là dùng thân để làm gương, hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, chỉ lấy "tự lợi lợi tha, tự lập lập người" làm chí hướng sự nghiệp. Đối với hư danh, lợi lộc phù phiếm đều xem nhẹ, chẳng hề bận lòng; đối với luân lý, thanh quy quyết chẳng vi phạm, khiến cho người thấy kẻ nghe đều sanh lòng ngưỡng mộ. Đấy gọi là "dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người ta thuận theo".

Chuyện thế gian hay xuất thế gian, không một chuyện nào chẳng lấy thân làm gốc. Nếu gốc chẳng lập, dẫu có làm gì đi nữa thì cũng chỉ là chuyện phô trương bề ngoài mà thôi! Đã không chân tu ắt sẽ chuốc lấy sự khinh thường từ bên ngoài, lại còn ngược ngạo tạo bằng cớ cho kẻ tà kiến hủy báng Phật pháp. Tự lợi lẫn lợi tha đều mất thì đại sự sanh tử làm sao liễu được? Nếu là những lâm hữu tham dự Cư sĩ lâm, ai nấy hãy nên phát tâm kim cang kiên cố, thề làm chuyện lợi ích cho mình lẫn người, trọn hết luân thường học Nho, tận tánh học Phật, noi dấu bậc tiên giác trong quá khứ, chẳng chịu thua kém chút nào. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là bậc đại trượng phu thật sự. Có như vậy thì danh nghĩa, thực chất, sự nghiệp của bậc cư sĩ mới có thể rạng rỡ ngay trong cõi đời này, để lại tiếng thơm cho con cháu vậy.

(Đầu đông năm Giáp Tuất - 1934)

IV. KỆ TỤNG, TÁN DƯƠNG, ĐỀ TỪ

1. Kệ viết trên bức tranh vẽ tháp tàng kinh Linh Nham của Phí Pha Long ở Ngô Giang

Cao ngất trên đỉnh núi, dựng bảo tháp vòi vọi, trong tháp chứa tượng Phật và các thứ kinh sách. Kinh Phật đặt trong tháp, thường phóng đại bi quang, tuy phàm phu chẳng thấy, cũng ngầm được lợi ích. Ví như nắng xuân chiếu, muôn cây cỏ đều sanh, do nhân duyên thù thắng, gieo thành Phật thiện căn, đến khi cơ duyên chín, tinh tấn tu tịnh hạnh, khôi phục được Phật tánh, vốn sẵn trong tự tâm, thành ngay đạo Bồ-đề. Cổ nhân dựng tháp này, muốn nối sâu chí Phật. Tháp lâu ngày đổ nát, kinh Phật bèn lộ ra. Cư sĩ Phí Pha Long, thu nhặt chừng đó quyển, tu bổ, tặng Linh Nham, cũng tặng những thân hữu. Rồi vẽ cảnh Linh Sơn, làm kỷ niệm mai sau. Tưởng nghĩ Phật từ bi, khiến hàm thức được thấy, sự thật khó nghĩ suy!

Sợ nghe chẳng tin nhận, nên dùng chuyện thông thường, nhằm tỏ lợi thù thắng: Đời có rắn cực độc, cùng chó dại thật dữ, nếu cắn xé quần áo, người ấy ắt phải chết. Hoặc lại cắn bóng người, hoặc trừng mắt nhìn người, người ấy cũng chết ngay, do độc nghiệp nặng nề. Ác nghiệp của chúng sanh, thế lực còn như thế. Huống là Phật từ bi, hơn thiên địa, cha mẹ! Hễ vừa được thấy nghe, liền được lợi khó tưởng. Nếu nghĩ sâu nghĩa này, ắt đau lòng khóc mãi. Nguyện khắp hết mọi người, cảm Phật đại từ bi, hãy như cứu đầu cháy, niệm Phật cầu nhiếp thọ.

Thấy chuyện Phật giáo hóa, và thấy các chúng sanh, đều tưởng như thấy Phật, chẳng dám sanh khinh rẻ, công đức thù thắng ấy, hồi hướng sanh Tây Phương, quyết đến lúc lâm chung, được chính Phật tiếp dẫn, dùng ngay những điều này, để cầu siêu cha mẹ, đấy là hiếu chân thật. Vì thế kinh Phạm Võng, dạy hiếu thuận phụ mẫu. Tận pháp giới phàm thánh, đều khiến được thành Phật, hòng trọn hết luân thường, chẳng thẹn là Phật tử. Ông Phí muốn cầu siêu, cho cha mẹ của mình, bức vẽ xin đề kệ, do vậy suy nguyên ý, viết kệ để khích lệ.

(Cuối thu năm Canh Thìn - 1940)

2. Kệ hồi hướng chung cho các thiện tín đã đóng góp tài lực lưu thông, xoay vần truyền bá, xem đọc bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

Tam giới hết thảy pháp, chỉ do một tâm tạo. Thuận đạo thì tốt lành, nghịch lý ắt hung ác. Lành thay người hiền xưa, lòng giống như trời đất, dùng sức tài trí mình, tán trợ quyền sanh thành, luôn muốn làm lợi khắp, cho thiên hạ hậu thế. Bác ái giúp đỡ người, trọn chẳng coi là đức, công to, danh tiếng trỗi, đức lớn, tốt lành tới. Sống hưởng trọn ngũ phước, dư khánh truyền hậu duệ. Phong thái ấy

hưng khởi, thế giới tự an bình, ai nấy đều lễ nhượng, đều nghĩ trọn hết tình. Buồn thay lũ tiểu nhân, chỉ biết có riêng mình, suy nghĩ cùng cư xử, trọn chẳng tuân lẽ trời, hãm người để tự an, tổn người để tự ích, chỉ chuộng lợi trước mắt, nào hay túc phước hao, đến khi nghiệp kết quả, khổ báo vô cùng cực. Uổng bị người thương xót, tội nghiệp làm sao dứt?

Trên từ thuở Đường Ngu, dưới đến cuối đời Minh, các sự tích thiện ác, các sử đều chép rành. Nay thế đạo chìm đắm, người hiểu biết đều lo, bạn tôi Nhiếp Vân Đài, lập cách để cứu vớt, riêng thỉnh Hứa Chỉ Tịnh, soạn Cảm Ứng Thống Kỷ, ấn loát rộng lưu thông, mong ai nấy sẽ tự học theo, cùng răn giữ. May được các thiện sĩ, bỏ tiền hơn vạn đồng, kính in hai vạn bộ, nhằm kết khắp thiện duyên. Dùng khoản tiền còn dư, in riêng bản giấy báo, chữ nhỏ, giá rẻ hơn, cho vừa sức thanh niên. Bản này in bốn vạn, lưu truyền khắp xa gần. Phàm những ai thấy nghe, không ai chẳng hoan hỷ. Sau hai lượt xuất bản, Chỉ Tịnh lại giảo duyệt, tăng thêm, sửa đôi chút, thân thiết hơn bản trước. Cư sĩ Lý Kỳ Khanh, nguyện bỏ tiền khắc in. Bản mẫu thỉnh thợ khéo, mong vĩnh viễn lưu truyền. Tôi cũng cho tái bản, hai loại sách kể trên, thêm lời tựa "Tăng Tu", để mong lưu truyền mãi.

Sự lý của nhân quả, đã hiển lộ rạng ngời. Người tâm lo thế đạo, có cái để thi thố. Nguyện khắp ai thấy nghe, lập cách lưu truyền rộng, ngõ hầu dứt cạnh tranh, tiến thẳng đến đại đồng. Nguyện người phát khởi ấy, cũng như vị biên tập, các thiện sĩ giúp in, người xem bắt chước theo, hiện tại cùng vị lai, hết thảy các thiện nhân, cùng tiêu các ác nghiệp, cùng tăng thắng thiện căn, sống sẽ hưởng ngũ phước, mất thì lên chín phẩm, tiên vong sanh Tịnh độ, nêu gương cho hậu duệ, cho khắp cả cõi đời, vật giàu, dân khỏe mạnh, khiến cho người bốn phương, đều ngưỡng mộ nước ta

(Ngày lành tháng 6 nhuận, năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

3. Kệ hồi hướng kính vì các thiện tín đã thí tiền bạc và xoay vần truyền bá, xem đọc Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Cao cả Quán Thế Âm, thệ nguyện khó nghĩ bàn, thành Chánh giác đã lâu, lại hiện thân Bồ-tát, theo từng loại hiện hình, tầm thanh hòng cứu khổ. Đáng tiếc người thế gian, phần nhiều đều chẳng biết, đặc biệt soạn sách này, mong được lưu truyền rộng. May được các thiện tín, đứng in tới mấy vạn. Từ đây lần lượt biết, lại tiếp tục in thêm, đến số mấy chục vạn, an ủi lòng Bồ-tát. Lại được khắc in khắp, truyền rộng trong ngoài nước, để biết Quán Thế Âm, đấng hết thảy nương tựa.

Ví như ngọn đuốc lớn, chiếu khắp trong đường tối. Ví như đại thiết luân, độ khắp kẻ chìm đắm, đạo sư cho kẻ mù, thuốc men cho người bệnh, thành quách lánh giặc cướp, gạo thóc thuở đói kém. Cần biết ân Bồ-tát, hơn đất chở trời che, dẫu trọn kiếp tuyên dương, cũng chỉ nêu chút phần. Nguyện những vị đứng in, nghiệp chướng đều tiêu diệt, phước tuệ đều tăng trưởng, mọi việc đều như ý. Sống thì hưởng ngũ phước, mất lên ngay chín phẩm. Các tổ tông quá khứ, nhờ đây sanh Tịnh độ. Cha mẹ trong hiện tại, đều được hưởng thọ khang. Tất cả bọn cháu con, đều rạng rỡ tiếng nhà. Mùa màng thường sung túc, giặc cướp thảy đổi lòng, nhà nhà sùng từ thiện, chốn chốn hành nghĩa nhân. Nhờ đây thói bạc ác, chuyển thành nếp thuần phác. Pháp giới các hữu tình, đều được viên chủng trí.

(Mùa xuân năm Bính Dần, tức năm Dân Quốc 15 - 1926)

4. Kệ hồi hướng cho khắp những vị giúp in, đọc tụng, thọ trì, xoay vần lưu thông các bản kinh Phật

Nguyện do công đức này, tiêu trừ túc hiện nghiệp, tăng trưởng các phước tuệ, viên thành thắng thiện căn, tất cả kiếp đao binh, các nạn như đói kém, thảy đều tiêu trừ sạch, ai nấy tập lễ nhượng. Hết thảy người giúp in, hoặc xoay vần lưu truyền, quyến thuộc đều yên vui, người đã khuất siêu thăng, mưa gió thường đúng thuận, nhân dân đều khang ninh, pháp giới các hàm thức, đồng chứng đạo Vô thượng.

5. Kệ hồi hướng cho khắp những vị thiện tín bỏ tiền ấn tống, lưu truyền, thấy nghe, thọ trì, xoay vần lưu thông bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay không?"

Sát kiếp thời gần đây, từ xưa chưa từng có. Suy tìm đến cội nguồn, quả thực do tham ăn. Riêng lưu truyền sách này, muốn nhờ đây cứu vãn, nguyện khắp người thấy nghe, đều kiêng thịt, ăn chay. Ăn chay rất vệ sinh, chẳng hại mạng con vật, khiến lòng ta nhân từ, trên kế thừa vãng thánh. Sát nghiệp đã chẳng kết, thế đạo tự thái bình. Chỉ pháp cứu vật này, lợi quần manh mãi mãi. Các vị do công đức, vãng sanh Phật Tịnh độ, thấy Phật chứng Vô sanh, trở thành bậc nương tựa, cho khắp cả lục đạo.

6. Kệ đề trên vách quan phòng chùa Báo Quốc ở Tô Châu

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Sống uổng bảy mươi năm, tháng ngày chẳng còn mấy, như tù dẫn ra chợ, mỗi bước gần cái chết, tạ tuyệt hết thảy sự, để chuyên tu Tịnh độ, nếu hiểu lòng ngu thành, mới là chân liên hữu.

7. Kệ hồi hướng lễ niệm Quán Âm Bồ-tát

Kính lạy Quán Thế Âm, từ bi đại đạo sư, chứng vô thượng đã lâu, an trụ Thường tịch quang. Vì thương chúng sanh khổ, lại hiện thân mười cõi, nên dùng thân nào độ, liền hiện ngay thân ấy. Gần là sanh đường lành, xa là chứng Bồ-đề. Bồ-tát từ bi lực, chư Phật thuật chẳng trọn. Đệ tử con tên là… từ vô thủy đến nay, do bởi sức ác nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trải qua trần sát kiếp, không cách nào thoát lìa, may nhờ túc thiện căn, được nghe tên Bồ-tát, muốn nương sức từ bi, đời này sanh Tịnh độ. Xưng thánh hiệu dài lâu, kiêm lễ bái cúng dường, sám hối các ác nghiệp, tăng trưởng các thiện căn. Nguyện rủ lòng từ mẫn, tiêu diệt các tội chướng, phóng quang chiếu thân con, duỗi tay xoa đầu con, cam lộ rưới đỉnh con, gột phiền cấu tâm con, khiến cho thân tâm con, đều được thanh tịnh cả. Con nguyện hết thân này, đến tận kiếp vị lai, nguyện bảo khắp chúng sanh, ân đức của Bồ-tát, khiến họ đều quy y, đều phát tâm Bồ-đề. Nguyện rủ lòng từ mẫn, chứng minh và nhiếp thọ.

8. Kệ viết về xá-lợi

Như Lai không sanh diệt, chúng sanh có tội phước. Phước cảm Phật xuất thế, tội cảm Phật nhập diệt. Phật tuy hiện nhập diệt, vẫn chẳng bỏ chúng sanh. Vì thế lưu xá-lợi, làm nhân duyên đắc độ. Nên biết xá-lợi này, chính là thân đức Phật, cũng là pháp thân Phật, nên chiêm lễ cúng dường, hãy nghiêm túc tuân phụng, lời đức Như Lai dạy, chuyên tu pháp Tịnh độ, mau thoát cõi ngũ trược, hòng thỏa Phật bổn hoài.

9. Đề từ cho tác phẩm Ngọc Trụ Đại Sư Tâm Tích Tụng

Đại sư Ngọc Trụ là đồng học của Quang vào 50 năm trước. Sư tánh tình chất trực, khiêm hòa, tu trì thiết thực, chân thành, nghiêm túc, chẳng làm trụ trì, chẳng thâu đồ chúng giống như Quang. Sư chú trọng trì luật và niệm Phật, nên vào tuổi già thường khắc in nhiều trước tác của Luật tông. Ấy là vì muốn tạo nền tảng vững vàng ngõ hầu những kẻ thông sáng trong đời sau đều cùng sanh Cực Lạc. May mắn thay, sư đã về An Dưỡng, thẹn cho Quang vẫn bị ràng buộc trong cõi đời này, nguyện sư cầu Phật rủ lòng tiếp dẫn, ngõ hầu cùng được theo học với Như Lai.

10. Hoa Nghiêm Kinh Cảm Ứng Tụng

Một bộ kinh Hoa Nghiêm, là vua trong các kinh, chỗ quy tông cuối cùng, hướng dẫn sanh Tây Phương. Không cơ nào chẳng độ, không pháp nào chẳng nhiếp. Dẫu có muốn tán dương, hết kiếp vẫn chẳng trọn. Nếu chẳng có túc căn,

tên kinh chẳng được nghe, huống là được biên chép, thọ trì siêng ròng ư? Nghĩa lý của kinh này, chẳng thể nghĩ bàn được. Quả báo cùng công đức, cũng lại giống như thế. Ấn loát vừa xong xuôi, Hồi Lộc[786] đã đến cửa, vượt lệ giao trong đêm, người vừa đi, tiệm cháy. Chép rồi, đóng bìa xong, chợt gặp phải đại kiếp, cả nhà phải trốn xa, mọi vật đều bị cướp, chỉ riêng bộ kinh này, trọn chẳng bị thương tổn. Trở về vừa trông thấy, khôn ngăn nỗi mừng vui. Kiếp vốn thuộc cộng nghiệp, lòng thành thuộc biệt nghiệp. Do lòng thành cảm vời, nên ứng cũng đặc biệt. Nghĩa lớn lao trong kinh, đã nêu trong lời tựa, nay soạn bài tụng này, tỏ lòng thành, linh ứng. Nguyện những người thấy nghe, ai nấy chăm tu trì, để mong hết tuổi thọ, sẽ dự hội Liên Trì.

* Pháp sư Ấn Quang lại vì cư sĩ Tung Kiều soạn thêm bài Tả Kinh Linh Cảm Tụng (ca tụng sự linh cảm do chép kinh), gởi thư dặn dò phải đem những sự thực về mấy lần nguy hiểm được bình an không tai nạn để viết mấy câu giải thích sau bài kệ, ngõ hầu người đọc đều cùng sanh tín tâm. Theo cư sĩ Tung Kiều, cư sĩ chép kinh Hoa Nghiêm xong, giao cho xưởng in Văn Tân in ra. In lần đầu một ngàn trang, in xong vào bảy giờ tối ngày nọ. Nhà in có lệ hễ sau sáu giờ sẽ không giao hàng hóa ra ngoài. Lần này chợt phá lệ, giao đến nhà cư sĩ. Vừa mới chở đến cửa thì xưởng Văn Tân bị chập điện cháy rụi. Ấy là do thiện căn đặc biệt xui khiến như vậy, chứ nếu không thì sao lại bảo giao ra ngoài để rồi có sự xảo hợp như thế?

Ngày 13 tháng 3 năm Giáp Tuất (1934), trời đã hoàng hôn, hàng xóm ở nơi cư ngụ của cư sĩ thiếu cẩn thận gây cháy nhà, chỉ cách một bức tường vây, tình thế nguy ngập sắp giáng xuống nhà cư sĩ. Cư sĩ chép kinh, tâm trí chẳng để ý chuyện bên ngoài, rốt cuộc tai không nghe thấy gì, đến khi người nhà kinh hoàng lôi cư sĩ tránh đi thì vẫn còn hai hàng viết chưa xong. Do từ khi chép kinh đến nay, đối với mỗi một trang chưa hề bỏ dở giữa chừng; cư sĩ chẳng muốn dễ dãi phá lệ ấy, nên vẫn ngồi yên chép cho xong. Đến khi chép xong, thế lửa đã suy, rốt cuộc bình yên không sao cả. Chuyện này lại dường như ngầm được thần che chở vậy.

Mùa xuân năm Bính Tý (1936) chép kinh viên mãn, giao cho Tích Cổ Trai tại Thang Gia Cảng đóng thành sách. Đóng xong, giao trả về. Ngày hôm sau, tiệm bán giấy Cao Vạn Phong ở ngay trước cửa bị hỏa hoạn. Đã thoát khỏi tai ương, lại còn không bị một giọt nước nào làm ố trang kinh. Giống như khi đánh nhau,

[786] Hồi Lộc theo truyền thuyết là tên một vị thần lửa, vốn là tên một viên quan trông nom giữ lửa cho Hoàng Đế vào thời cổ. Do vậy, sau này thường dùng chữ Hồi Lộc để chỉ hỏa tai.

người đời hay nói: "Đạn bắn trúng người quả thật có mắt." Nếu không có thần linh che chở, làm sao được như thế?

Mùa thu năm Đinh Sửu (1937), Ngô Môn thất thủ, bị vây hãm, kiếp nạn lớn lao xảy ra, cả nhà cư sĩ phải tỵ nạn nơi xa. Tất cả đồ đạc đều bị cướp phá sạch bách, chỉ riêng kinh còn nguyên, chẳng bị tổn hoại mảy may. Cứ tưởng nhà cửa sẽ bị phá hủy tan hoang, may nhờ vào kinh này mà được thoát nạn. Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên rốt cuộc có chứng cớ rõ ràng như vậy. Người đời phần nhiều chẳng tin, ngược ngạo sanh lòng hủy báng, quả thật là những kẻ được đức Như Lai gọi là "phường đáng thương xót". Vì thế lão nhân nói: "Nguyện những ai thấy nghe, ai nấy chăm tu trì, để mong hết tuổi thọ, sẽ dự hội Liên Trì." Quả thật là lời khẩn thiết mổ tim vẩy máu, cầu cho khắp mọi người trong cõi đời đều cùng gắng sức.

Một ngày mùa thu năm Mậu Dần (1938),
vâng theo mạng lệnh của lão pháp sư Ấn, Đức Sâm viết thay.

11. Tiêu Sơn Cát Đường Thượng Nhân Vãng Sanh Tụng

Lớn thay môn Tịnh độ, quy túc của các pháp, thích hợp mọi căn cơ, không căn nào chẳng gồm. Trên thì nhiếp Đẳng giác, dưới chẳng sót ác nghịch. Muôn dòng đổ vào biển, do Phật đại nguyện lực. Sư Cát Đường cao cả, đời trước trồng huệ căn, đã nổi bật từ nhỏ, xuất gia vượt trần tục. Từ đấy Luật Giáo Tông, ý chỉ đều thấu hiểu. Muốn liễu ngay đời này, liền chuyên tu Tịnh độ, đặc biệt phát ba tâm, mong tòa sen thượng phẩm. Tuổi thọ mới năm tư, tịnh nghiệp đã viên thành, biết trước lúc vãng sanh, bảo chúng niệm Phật tiễn. Sư vẫn niệm rõ ràng, đột nhiên nhập tịch định. Đồ chúng muốn truyền dương, cậy tôi thuật đại lược. Nguyện những kẻ thấy nghe, ai nấy đều chú ý.

12. Bài tụng tặng cho các thiện tín thuộc Phật Quang xã

Tam quy, ngũ giới, lục trai nhật, cho kẻ sơ cơ để nhập môn. Nếu nguyện hoa khai tự thấy Phật, chuyên tu tịnh hạnh, gieo căn sâu.

13. Bài tụng tặng cho đại hội xã hữu của Phật Quang xã

Đức Phật giơ cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, đạo vốn ở nơi tâm, không áo diệu chi khác. Người cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Đạo tâm thật nhỏ nhiệm, tuy nhỏ thật ra một. Trong đời người có dục, dục do nơi cảnh sanh. Nếu tiền cảnh chẳng có, niệm cũng chẳng khởi được. Nếu các dục lăng xăng, đạo tâm bị lấp mất. Lấp mất, gọi là mê. Giác chính là chẳng mê. Mê gọi là vô minh, vô

minh gọi là si. Tâm tham với tâm sân, đều sanh từ nơi đó. Do hoặc mà tạo nghiệp, đấy gọi là ác nhân. Đã gieo cái nhân ác, quả khổ sẽ sanh theo.

Phật thương bọn chúng sanh, phát lòng từ vô duyên, nói ra giới định tuệ, để trị tham sân si. Nhân giới sẽ sanh định, nhân định bèn phát tuệ. Tuệ chính là bát-nhã, soi toạc màn vô minh. Giống như gươm trảm yêu, như đèn trong nhà tối, từ khổ thoát ra vui, từ phàm bèn nhập thánh, không gì chẳng do đây, cùng lên đạo Đại thừa. Chỉ nương vào bát-nhã, chính là ba-la-mật. Tâm Kinh và Kim Cang, đều giảng rõ nghĩa này. Hành Tâm Kinh sâu xa, là đức Quán Tự Tại. Hiểu tâm thấy rõ tánh, ngũ uẩn còn đâu nữa? Đấy ước về lý tu, công phu ở nơi hiểu. Còn bộ kinh Kim Cang, nói toạc khắp bốn tướng. Chân lý đã hiển lộ, bốn tướng đều là vọng. Biên chép cùng đọc tụng, và giảng nói cho người, trong kinh thường tán thán, phước đức sẽ vô lượng. Đây bởi do lẽ nào? Tự giác, giác tha vậy. Lần lượt làm lợi nhau, trọn chẳng có hạn lượng. Đấy chính là sự tu, công nằm ngay nơi hạnh. Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai biệt, đạo đồng, tâm cũng đồng. Vì thế không sai biệt. Vũ, Tắc và Nhan Tử, đổi chỗ cũng như thế[787]. Đạo đồng, tâm cũng đồng, cho nên đều như vậy. Nếu không có chúng sanh, Phật pháp cũng chẳng lập. Nếu chẳng hề lợi người, thì làm sao tự lợi?

Nhan Tử suốt ba tháng, chẳng trái nghịch lòng nhân. Vũ, Tắc vốn vì vậy, cứu người đói, chìm đắm. Trong mỗi một chúng sanh, đều sẵn có Phật tánh, kẻ thập ác mười niệm, được sanh về Tịnh độ, khắp đại thiên thế giới, đều cùng một cái tâm, "do tâm này thành Phật", để làm thành căn cứ, quang minh lẫn thọ mạng, đều cùng là vô lượng, một pháp hội Linh Sơn, đến nay vẫn chưa tan.

14. Bài tụng nhân lễ khai mạc Cư sĩ lâm Bảo Sơn

Như Lai đại pháp là nguồn các pháp, mảy trần chẳng lập, vạn đức vẹn toàn. Khắp cả thế gian và xuất thế gian, nhân quả, sự lý, không gì chẳng gồm. Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, mong thành thánh hiền, tâm địa ắt phải chẳng thẹn bóng áo[788], tu giới định tuệ, đoạn tham sân si. Tự lợi lợi tha, cùng chứng Bồ-đề. Ví như dựng nhà, trước phải đắp nền; nền đã kiên cố, không gì chẳng thành. Do vậy học Phật, trước hết là phải giữ vẹn luân thường. Luân thường chẳng thiếu,

[787] Ý nói: Vua Đại Vũ, Hậu Tắc và Nhan Uyên do địa vị khác nhau nên làm những công hạnh khác nhau, nhưng đều cùng xuất phát từ một đạo tâm. Nhan Uyên giữ lòng nhân, vua Đại Vũ trị thủy cứu dân khỏi nạn lụt. Hậu Tắc lo cấy cày, gieo những giống lúa tốt, giúp dân khỏi đói.
[788] Nguyên văn "khâm ảnh vô tàm". Đây là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói thuộc phần Lưu Tử trong quyển 2 sách Lưu Thư: *"Độc lập bất tàm ảnh, độc tẩm bất quý khâm"* (Đứng một mình chẳng thẹn với bóng, ngủ một mình chẳng thẹn với áo). Câu này ca ngợi con người quang minh lỗi lạc, dẫu trong những lúc chỉ có một mình vẫn không làm điều gì đáng thẹn với lương tâm.

mới hợp đạo chân. Chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu nặng, chỉ cậy tự lực, khó khỏi trầm luân. Như Lai xót thương, mở môn Tịnh độ. Dùng chân tín nguyện, trì hồng danh Phật. Chúng sanh vận dụng lòng thành cảm Phật; Phật vì từ bi, cảm ứng đạo giao, như gương hiện bóng. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Nếu được như thế, muôn người tu tập, muôn người vãng sanh. Từ đầu đến cuối, dốc cạn thành kính, đừng làm các ác, vâng làm các lành. Dạy suông sẽ cãi, thân làm người theo. Nhìn vào cảm hóa, lợi ích thật to. Bảo Sơn sáng lập Cư sĩ pháp lâm, riêng viết đại nghĩa, phát khởi tín tâm. Một pháp niệm Phật, nhiếp khắp các pháp, dường như hư không, chứa muôn hình tượng, thông đạt trọn hết. Nguyện người thấy nghe, đều cùng nức lòng, ngõ hầu kiếp vận, do đây tiêu diệt. Lòng người đã chuyển, thiên quyến[789] tự đến, thời vận hòa bình, mùa màng sung túc, hưởng mãi thái bình.

15. Ca tụng đức hạnh cao đẹp của thái phu nhân Trình - mẹ ông Vương

Nghĩ tưởng Vương mẫu, túc căn thật sâu. Từ bé mẹ đã đỡ tốn công sức, giáo hóa uốn nắn, hiếu dưỡng song thân; lớn lên, lấy ông Vương, một niềm hiếu thuận, giúp chồng quán xuyến, trọn hết phận vợ. Ông Vương qua đời, nuôi dạy con cái, vừa từ vừa nghiêm, mềm mỏng cứng rắn, đều cùng rạng ngời. Con đã trưởng thành, cho đi học hỏi, phụng sự đất nước, mong noi tiên giác. Những năm gần đây, con là Bách Linh, thâm nhập Phật pháp, khuyên mẹ nhất tâm, tu trì tịnh nghiệp. Tới lúc lâm chung, niệm Phật qua đời, chưa thấy tướng lành, Linh khá lo nghĩ, càng thêm tinh tấn.Trong khi quán Phật, tưởng nhớ tới mẹ, được thấy mặt mẹ, gần giống mặt Phật. Khi mẹ còn sống, mẹ con nương nhau, để cùng sống còn. Khi mẹ mất rồi, để khích lệ con, hiện bóng cho thấy. Tuyệt thay Vương mẫu, anh hiền khuê các! Nên viết đại lược, để lưu truyền mãi.

16. Bài ca tụng sự quy Tây của thái phu nhân Vương - mẹ ông Trương

Cao đẹp thay Trương mẫu, sẵn có huệ căn từ đời trước, bẩm tánh hiền thiện, hiền từ mềm mỏng như mùa xuân, đức dày chuyên chở phước, cứu giúp trọn khắp kẻ đói nghèo, con cháu đều khâm phục, ca ngợi mãi dấu lân[790].

---

[789] Thiên quyến: Quyến thuộc cõi trời, tức chư thiên.

[790] Nguyên văn *"vịnh vu ta lân"* (ca vịnh dấu lân). Đây vốn là một ý dựa theo bài Mao Thi trong Kinh Thi: *"Lân chi chỉ, chấn chấn công tử; vu ta lân hề."* Sách Sơ Học Ký giảng: "Chỉ là bàn chân. Con lân được coi là một con vật biết giữ chữ tín, biết lễ, nên thường dùng chữ 'dấu chân lân' để chỉ người giữ chữ tín. Chấn chấn là giữ lòng trung tín sâu dày. Vu ta là tán thán từ." Do vậy, đoạn thơ này được dịch là: "Dấu chân lân, bậc công tử thành tín, trung hậu, thật đáng xưng tụng là lân." Từ đó "vịnh vu ta lân" là một thành ngữ nhằm ca ngợi một người trung tín, nhân hậu.

17. Bài tán chúc nguyện trong lễ đặt móng xây dựng điện Di-lặc mới của Linh Nham

Nghĩ tưởng địa thần, hộ pháp công sâu, Di-lặc lâu các lại được dựng xây mới mẻ, nguyện vận tâm bảo hộ, khiến cho pháp môn này muôn đời không trắc trở.

18. Bài tán dương đề trên hình ảnh tỳ-kheo-ni Tiên Đức

Từ khi vào không môn, lòng chỉ nghĩ đến Phật, trong suốt mười hai thời, niệm Phật chẳng gián đoạn. Niệm lâu ngày chầy tháng, tâm đã hợp với Phật, biết trước được lúc mất, đến kỳ ngồi qua đời, nhằm lợi khắp nữ giới, nên viết bài tụng này. Nguyện cho người đời sau, giữ mãi hạnh đẹp ấy.

19. Bài tán dương đề trên hình cư sĩ Cao Hạc Niên

Người chê cư sĩ tánh quá thiên lệch, tôi khen sự thiên lệch ấy chính là viên. Do thiên nên chẳng màng gia sản, do thiên nên hiểu sâu Giáo, Thiền. Do thiên nên vân du các nơi danh thắng trong cả nước. Do thiên nên tham học với khắp các bậc cao hiền trong Tông, trong Giáo. Do thiên nên chuyên tu pháp đặc biệt là Tịnh độ. Do thiên nên kết tịnh duyên với khắp những người cùng hàng. Do thiên nên chẳng truyền dòng giống. Sửa nhà thành am để an trụ bậc trinh tiết, ngõ hầu họ được trọn vẹn thiên tánh, nay đã sắp lìa đời ác ngũ trược, lên thẳng chín phẩm sen báu nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do vậy qua hình vẽ của bạn già là Vương Nhất Đình, bèn viết lời chân thật để nêu tỏ duyên do của sự thiên lệch ấy.

(Cuối xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

20. Nêu lên những điểm chánh yếu của sách Sức Chung Tân Lương

Lúc mạng sắp hết, tứ đại chia lìa, mọi khổ đều nhóm. Nếu chẳng phải từ lâu đã chứng tam-muội, thật sợ chẳng dễ gì đắc lực được. Huống chi quyến thuộc chẳng am hiểu lợi hại, thường vì tình cảm thế tục mà phá hoại chánh niệm. Do vậy Sức Chung xã được thành lập. Sức chung (飾 终) có nghĩa là giúp đỡ cho người sắp mất được vãng sanh. Ấy là vì đang trong lúc ấy, nếu hành nhân được phụ trợ bằng khai thị, hướng dẫn sẽ sanh tâm vui mừng, hoan hỷ, lòng tham ái chấm dứt, tai nghe danh hiệu Phật, tâm duyên theo cảnh Phật, sẽ tự có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như kẻ yếu hèn muốn lên núi cao, đằng trước có người lôi, sau lưng có kẻ đẩy, hai bên có người xốc nách dìu đi, sẽ tự chẳng đến nỗi bỏ cuộc giữa chừng. Dẫu cho kẻ lúc bình thường trọn chẳng hề nghe đến Phật pháp, lâm chung được thiện tri thức chỉ dạy liền sanh tín tâm. Lại được trợ niệm Phật hiệu khiến cho người ấy theo tiếng niệm của đại chúng mà niệm ra tiếng hoặc niệm thầm trong tâm. Nếu được

trợ niệm đúng pháp, không có hết thảy những chuyện phá hoại chánh niệm thì cũng có thể vãng sanh. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, do pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, do chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, nên được lợi ích thù thắng ấy. Nguyện những ai làm con làm cháu và các quyến thuộc cùng hàng phụ mẫu v.v. đều biết nghĩa này, cùng hành theo đó thì mới gọi là chân từ, hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu người thân vậy.

21. Đề từ cho cuốn Nghi Thức Niệm Tụng Của Linh Nham Sơn Tự

Hết thảy kinh Phật và các sách xiển dương Phật pháp, không một loại nào chẳng nhằm làm cho con người lánh dữ hướng lành, sửa lỗi hướng thiện, nêu rõ nhân quả ba đời, hiểu rõ Phật tánh sẵn có, vượt khỏi biển khổ sanh tử, sanh lên cõi sen Cực Lạc. Người đọc hãy nên sanh tâm cảm ân, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng thành, như đối trước Phật, trời, như đến trước mặt các quan dạy bảo đế vương[791] thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu phóng túng không kiêng dè, mặc tình khinh nhờn và cố chấp, thấy biết hẹp hòi, lầm lạc sanh lòng hủy báng, tội lỗi sẽ ngập trời, khổ báo vô tận. Kính khuyên người đời, hãy lánh xa tội, cầu lợi ích, lìa khổ được vui vậy!

22. Đề từ cho sách A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích

Kinh A-di-đà chính là đạo để hết thảy thánh phàm cùng tu, cũng là pháp để quyết định liễu thoát ngay trong đời này. Kinh văn tuy rõ ràng giản lược, nghĩa cực rộng sâu. Cổ đức muốn cho ai nấy đều tu tập, nên xếp kinh này vào khóa tụng hằng ngày. Thường có những thiện tín bình dân chẳng thấu hiểu văn lý sâu xa, tuy đọc các trước thuật của cổ đức vẫn chẳng biết nghĩa lý y như cũ. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi muốn cho hết thảy mọi người cùng được gội ân Phật, đều được hưởng lợi ích thật sự, liền dùng thể văn bạch thoại để viết lời giải thích ngõ hầu những kẻ hơi biết chữ đều được hiểu rõ ràng. Lần đầu in một ngàn bộ, không lâu sau, thư gởi đến xin thỉnh hết sạch, bèn tính cách lưu truyền rộng rãi, rút nhỏ khổ sách lại. Những người cùng chí hướng bỏ tiền in tới hai vạn cuốn để mong cho những học nhân sơ cơ tu trì tịnh nghiệp đều cùng được thọ trì. Mong rằng những ai có được bản chú giải này sẽ cung kính tu tập, xoay vần lưu thông, khiến cho khắp mọi đồng nhân đều được thọ trì. Đem công đức này giúp cho tịnh nghiệp thì khi

[791] Nguyên văn *"như lâm sư bảo"* (như đến trước các quan dạy dỗ, cố vấn của nhà vua). "Sư bảo" (師保) là từ ngữ phiếm chỉ các quan đại thần giữ nhiệm vụ dạy dỗ hoàng tộc, cố vấn nhà vua như Thái sư, Thái bảo, Thiếu sư, Thiếu bảo v.v.. Về sau, từ ngữ "sư bảo" cũng thường được dùng để chỉ thầy dạy học.

hết báo thân này sẽ lên thẳng chín phẩm, thấy Phật nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, sự vui sướng ấy làm sao diễn tả được?

Các kinh Đại thừa đều lấy thật tướng làm thể, đế lý được nói trong các kinh ấy trọn chẳng hơn kém. Nếu luận về cơ nghi thì trong sự không hơn kém, lại có sự hơn kém lớn lao. Bởi lẽ, đối với các pháp môn được nói trong hết thảy các kinh đều phải tự lực tu tập cho đến khi nào đoạn hoặc chứng chân thì mới có phần liễu sanh tử; còn pháp môn được nói trong ba kinh Tịnh độ chính là phàm phu sát đất dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, kiêm thêm "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Tuy đầy dẫy hoặc nghiệp, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Đấy chính là điều chưa từng có trong hết thảy các kinh, chính là đại pháp môn của đức Như Lai nhằm làm cho khắp hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng thoát khỏi luân hồi lục đạo ngay trong đời này. Nhưng kinh A-di-đà lời văn giản lược, nghĩa lý phong phú, thấu triệt khắp mọi căn cơ, lợi ích của kinh hết kiếp khó thể tuyên nói được. Vì vậy, kể từ khi đức Phật nói ra pháp này đến nay, vãng thánh tiền hiền người người đều hướng về, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Kẻ có duyên gặp được xin đừng bỏ lỡ thì may mắn lắm thay!

23. Đề từ cho sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ. Người đời hễ gặp phải tật bệnh hoạn nạn, nếu có thể vận tâm sửa lỗi hướng lành, cung kính chí thành, thường niệm danh hiệu Bồ-tát, không ai chẳng được ngài rủ lòng gia bị tùy theo lòng thành lớn hay nhỏ. Nhỏ là gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên; lớn là nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng, cho đến siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Đáng tiếc người đời phần nhiều chẳng biết! Vì thế, riêng đọc khắp các kinh điển và các sách vở, soạn thành tụng văn, thêm lời chú thích tường tận, ngõ hầu cả cõi đời đều biết Bồ-tát quả thật là thuốc men cho bệnh ngặt, là gạo thóc trong năm đói kém, là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là bè báu nơi bến mê. Kính mong những ai thấy nghe sách này đều cùng tùy sức của chính mình, lần lượt khuyên chỉ, in tặng, lưu thông, khiến cho hết thảy đồng luân đều được gội từ ân của Phật, cùng thấm nhuần pháp hóa, ngõ hầu an ủi bi tâm độ sanh của Bồ-tát, thỏa mãn chí nguyện cảm thánh của đương nhân vậy.

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo dường hư không. Nếu nói thiển cận thì phàm phu đều có thể biết, có thể hành; nếu nói sâu xa thì thánh nhân vẫn có những điều chẳng biết. Những kẻ thông minh trong thế gian nếu có hàm dưỡng, từng trải thì sẽ nhập đạo. Nếu không, ắt sẽ do trí tuệ nhỏ nhoi mà tự phụ đến nỗi

lầm lạc cậy vào sự hiểu biết của chính mình rồi hủy báng Phật pháp. Vì thế đức Phật xếp *thế trí biện thông* vào tám nạn. Điều này đáng răn dè sâu đậm, thiết thực! Căn bệnh ấy chính là do dùng tri kiến của phàm phu để suy lường cảnh giới của Phật, Bồ-tát. Nếu biết phàm phu quyết chẳng thể suy lường cảnh giới của Phật, Bồ-tát thì sẽ ngưng dứt được căn bệnh ấy. Đừng nói cảnh giới của Phật, Bồ-tát chẳng thể suy lường được, đối với chủ nhân ông của khởi tâm động niệm, kẻ ấy từ sống đến chết há có biết được, có nhìn thấy chút nào hay chăng? Nếu đích thân biết được, thấy được chủ nhân ông của khởi tâm động niệm nơi chính mình thì sẽ dần dần biết được cảnh giới của Phật, Bồ-tát.

Những kẻ trí tuệ nhỏ nhoi mà cứ tự phụ ví như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời, bèn bảo: "Chẳng có mặt trời!" Lũ mù nghe vậy, khen ngợi kẻ ấy: "Kiến thức cao siêu, đích xác, không sai lầm", chẳng biết đấy chính là tà thuyết tự lầm, lầm người. Há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Vì thế, phàm những bậc đại thông gia lỗi lạc xưa nay, không ai chẳng dùng Phật pháp để làm cái gốc nhằm "cùng lý tận tánh" hòng giữ yên cõi đời, giữ cho dân lương thiện. Những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, nêu tỏ được những lẽ mầu nhiệm chưa truyền của thánh hiền, đấy đều là do học Phật đắc lực mà được; nhưng kẻ tự phụ thông minh đâu có biết như thế! Kẻ bệnh biết thuốc, lãng tử là khách đáng thương, khôn ngăn cảm khái, buồn than, giãi tấm lòng trung để thưa bày. Nếu rủ lòng tiếp nhận thì may mắn lắm thay!

Hết thảy kinh Phật và những kinh sách xiển dương Phật pháp đều nhằm làm cho con người giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, sửa lỗi hướng lành, hiểu rõ nhân quả ba đời, nhận biết Phật tánh vốn sẵn có, thoát biển khổ sanh tử, sanh lên cõi tịnh Cực Lạc. Vì thế phải vô cùng cung kính, chớ nên khinh nhờn! Sách này trình bày cặn kẽ bổn và tích của đức Quán Âm trong những kiếp xưa, cũng như sự cảm ứng ở phương này. Phân nửa quyển một phần nhiều trích dẫn kinh văn, trọn quyển bốn là những đoạn trích dẫn từ kinh điển. Những quyển khác tuy gồm những trích dẫn từ các sách vở, nhưng đều nhằm chỉ rõ chuyện cứu khổ ban vui của đức Quán Âm thì cũng giống như kinh. Do ân từ đức thánh ban bố cho nên nói: "Phải tôn kính như tôn kính đức thánh vậy!" Người đọc ắt phải sanh lòng cảm ơn, sanh ý tưởng khó được gặp gỡ, tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng thành, như đối trước Phật, trời, như tới trước mặt thầy dạy của đế vương thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu buông lung không e dè, mặc sức khinh nhờn và cố chấp nơi sự thấy biết hẹp hòi của chính mình rồi sanh lòng hủy báng xằng bậy thì tội lỗi ngập trời, khổ báo vô tận. Ví như kẻ mù đụng phải núi báu, đâm ra bị thương tổn, chẳng đáng buồn sao?

**** Kính cẩn trình bày phương pháp xem đọc dành cho những vị chưa từng nghiên cứu Phật học***

Ba quyển đầu trong bộ tụng văn này được chia làm hai phần lớn:

1. Từ trang thứ nhất của quyển 1 cho đến dòng thứ 6 của trang 25 trong quyển 1 đều là những bài ca tụng các chuyện thuộc bổn hay tích của Bồ-tát trong kiếp xưa trích theo kinh điển.

2. Tiếp theo đó đều là những bài kệ tụng về sự tùy cơ cảm ứng của Bồ-tát ở phương này (tức cõi Sa-bà nói chung và Trung Hoa nói riêng - chú thích của người dịch).

Nếu những vị nào chưa từng nghiên cứu Phật Học thì khi xem, hãy nên đọc trước từ dòng thứ 7 trang 25 của quyển thứ nhất trở đi cho đến hết quyển thứ ba. Rồi đọc những phần dẫn kinh văn để chứng minh trong quyển thứ tư. Đọc phần kinh văn dẫn chứng xong, lại xem từ trang thứ nhất của quyển 1 thì sẽ chẳng cảm thấy khó hiểu, chẳng nẩy sanh ý tưởng không muốn đọc cho hết, chắc chắn sẽ hớn hở, hoan hỷ, sanh lòng cảm kích lớn lao. Đối với những điều người đời trước đã may mắn tránh được thì chính mình cũng muốn tránh. Phàm những gì người xưa đã may mắn đạt được thì chính mình cũng muốn đạt được. Bỏ cái tâm chấp trước của phàm phu, thuận theo hoằng nguyện của Bồ-tát, tự xót xót người, tự thương thương người. Từ đấy thường niệm thánh hiệu của Bồ-tát, lại còn khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng đều niệm danh hiệu Bồ-tát để ắt đều tiêu trừ nghiệp chướng từ vô thủy, tăng trưởng thiện căn tối thắng, gần là hưởng cái nhân "các duyên thuận thảo, không điều gì chẳng tốt lành", xa là đạt cái quả "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử".

**** Kính khuyên các độc giả phải chú trọng chí thành cung kính để tự đạt được lợi ích thật sự***

Pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy lòng thành làm gốc. Hễ có lòng thành thì sẽ cảm được thánh ứng; không có lòng thành thì do không cảm, thánh sẽ không ứng. Ví như mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông, nếu nước đục ngầu xao động, bóng trăng khó thể hiển hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng! Vì thế nói: "Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước tuệ." Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu lại còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

Hơn nữa, những bài tụng và lời chú giải trong các trang 16, 17, 18 của quyển 3 nhằm dẫn khởi trí tuệ, chứa đựng nhiều thiền cơ. Những câu nói ấy chỉ có người thật sự có sở ngộ mới hiểu được ý chỉ, chớ nên dò đoán, tìm tòi ý nghĩa dựa theo câu văn. Dẫu cho sẵn tánh thông minh, hễ càng suy lường thì càng xa. Lời lẽ trong nhà Thiền đều là như thế. Nếu có thể chú trọng lòng kính, giữ lòng thành, chấp trì thánh hiệu của Bồ-tát thì mai kia nghiệp tiêu trí rạng, tất cả những lời lẽ thiền cơ sẽ đều hiểu rõ từng câu như "mở cửa thấy núi, vẹt mây thấy mặt trăng" vậy!

24. Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư

** Đọc sách cần biết*

Trong sách này, phàm tân truyền[792] của Khổng - Mạnh, đạo mạch của Phật, tổ, cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, liễu sanh thoát tử và những lời ăn tiếng nói, xử sự trong thường ngày, khởi tâm động niệm, mỗi mỗi đều chỉ rõ, đáng làm khuôn mẫu. Thật có thể nói là "mượn nhân quả thế gian để chỉ rõ khuôn mẫu huyền nhiệm hòng trở thành thánh", quả thật là đạo mầu để Như Lai tùy theo căn cơ độ sanh, là chân thuyên[793] để chúng sanh lìa khổ được vui. Độc giả hãy nên coi sách này giống hệt như kinh Phật, hãy giữ lòng kính nể, đừng khinh nhờn thì không phước nào chẳng đưa tới, không tai nạn nào chẳng tiêu! Kính thưa trình cách đọc gồm mười điều, mong hãy xét cho lòng ngu thành.

1. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm cung kính như gặp vị khách quý, như đối trước bậc tiên triết, ngõ hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm chí thành, thốt lời khẩn thiết, khen ngợi ông Chu An Sĩ vận tâm cứu thế rộng lớn để soạn thành kiệt tác cứu thế này và vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

3. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách trên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ rồi mới mở ra xem.

4. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng v.v..

---

[792] "Tân truyền" là cách nói gọn của chữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết nhưng lửa còn) thường được để chỉ đạo lý, học thuyết được truyền thừa chân thực giữa thầy và trò như củi đốt hết lớp này sang lớp khác, ngọn lửa vẫn còn mãi.

[793] Theo Câu Xá Tụng Sớ, quyển 1 cũng như Tông Kính Lục quyển 26, thuyên (詮) có nghĩa là rõ ràng. Những lời lẽ giảng giải chân lý rõ ràng rành mạch được gọi là "chân thuyên" (眞詮).

5. Lúc đọc tụng, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mặc cho quên mất.

6. Lúc đọc tụng, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoạt đầu là dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyển nghiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghỉ thực hành, khuyên dạy rộng rãi để chuyển thế giới ngũ trược thành thế giới Cực Lạc.

7. Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8. Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp của ông Chu, tận lực bắt chước làm theo.

9. Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hóa rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10. Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ thì liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn lao.

**** Lời ghi sau sách [An Sĩ Toàn Thư]***

Sách này mượn từ ngữ để xiển dương ý nghĩa, tinh tường, tỉ mỉ trọn vẹn. Đối với cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, cùng lý, tận tánh, xử thế, xuất thế, đều tạo lợi ích lớn lao, đáng coi là bộ sách lạ lùng vãn hồi thế đạo nhân tâm bậc nhất. Độc giả cần phải chú trọng cung kính, kiền thành, khiết tịnh, lắng lòng suy nghĩ lãnh hội thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu như khinh nhờn, sẽ mắc tội chẳng cạn. Nếu chẳng muốn xem, xin hãy tặng lại cho người khác, đừng cất trên gác cao. Lại mong độc giả xem xong sẽ lập đủ mọi cách để xoay vần lưu truyền ngõ hầu hết thảy đồng bào trong hiện tại lẫn vị lai đều cùng thoát khỏi đường mê, đều cùng lên bờ giác.

25. Đề từ cho bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay chăng?"

Rền sấm pháp lớn, diễn đại pháp nghĩa, phá chấp cứu kiếp, lợi ích khôn ngằn.

26. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ nhất)

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để thánh nhân Nho - Thích bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Giáo dục trong gia đình chính là thiên chức "củng cố cội gốc, trọn hết bổn phận, vun bồi hiền tài" của hàng thất phu thất phụ. Tín nguyện niệm Phật là diệu pháp để phàm phu đầy dẫy triền phược liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sách này văn tuy chất phác, vụng về, nhưng nghĩa thật

thiết yếu; tựa hồ chỉ để nói riêng với người tu Tịnh độ, nhưng thật ra ngụ ý đề xướng đạo "nhân quả báo ứng, giáo dục trong gia đình". Mong những ai có được bộ sách này hãy nên thường giảng nói, hướng dẫn cha mẹ, anh em, vợ con, xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu để bọn họ đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, may mắn chi hơn? Nguyện những ai đọc tụng hãy cung kính tin nhận, đừng nên khinh nhờn, hãy lần lượt lưu thông, đừng nên bỏ mặc. Sẽ thấy hiền tài dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đấy chính là điều Bất Huệ thơm thảo cầu mong vậy!

27. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ hai)

Pháp môn Tịnh độ đế lý rất sâu, chỉ có Phật với Phật mới thấu hiểu trọn hết. Bởi lẽ pháp này Đại - Tiểu bất nhị, Quyền - Thật như một, vì thế trên từ Đẳng giác Bồ-tát dưới đến phàm phu nghịch ác đều nên tu trì, đều có thể tu tập thành tựu. Chúng sanh đời mạt thiện căn cạn mỏng, nếu chẳng nương vào Phật lực sẽ trông cậy vào đâu? Nếu vâng tin lời Phật, sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn đừng làm các điều ác, vâng làm những điều lành, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Nếu làm được như thế thì trong vạn người không một ai chẳng được vãng sanh! Kinh luận Tịnh độ văn nghĩa rõ ràng, cách tu trì của Tịnh độ tùy cơ tự lập. Đã không phải lo có những chỗ sâu mầu khôn lường, mà cũng chẳng phiền vì gian nan, khốn khổ. Lại còn chẳng tốn kém tiền tài, hơi sức, chẳng trở ngại nghề nghiệp, làm ăn. Nếu có thể tùy phần tùy sức, thường luôn nghĩ nhớ thì thần ngưng, ý tịnh, nghiệp tiêu, trí rạng, tự nhiên thân tâm an lạc, các duyên thuận lợi, niềm vui ấy làm sao diễn tả được! Nguyện người thấy kẻ nghe đều cùng tu trì, ai nấy đều ôm lòng tự lợi lợi tha, cùng phát nguyện tự lập lập người, cung kính thọ trì, tùy duyên xướng suất, hướng dẫn, xoay vần lưu thông, khiến cho được trọn khắp cõi nước ngõ hầu hết thảy đồng luân đều cùng được gội ân Phật, cùng sanh Tịnh độ thì thật là điều may mắn lớn lao!

28. Đề từ cho sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (Thuận theo lẽ trời sẽ dẫn đến điều tốt, trái nghịch sẽ hung hiểm, giống như bóng theo hình). Lại nói: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm

điều chẳng lành thì trăm nỗi tai ương giáng xuống). Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện thì niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Đấy đều là những lời nói về nhân quả. Còn như trong Phật pháp thì lại càng rõ rệt hơn nữa. Trước là nói đến tận quá khứ, sau là chỉ rõ vị lai. Muốn biết cái nhân trong đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy, muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy. Hiểu rõ điều này thì thiện ác báo ứng chẳng sai lệch hào ly, cát hung họa phước đều do chính mình chiêu cảm. Con người dẫu chí ngu, quyết cũng chẳng đến nỗi vui mừng vì gặp tai họa, tránh lành, hướng dữ! Tiếc là không có những tấm gương tầy liếp, đến nỗi con người thường làm những chuyện trái ngược với điều mình mong cầu. Đấy chính là lý do tại sao những bậc quân tử có lòng lo cho cõi đời coi chuyện miệt mài lưu truyền sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng là nhiệm vụ gấp rút vậy.

29. Đề từ cho sách Âm Chất Văn Đồ Chứng

Đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều mong bình trị, nhưng chẳng tìm ra đạo để đạt đến bình trị, chỉ mong mỏi suông thì rốt cuộc có ích gì đâu? Do vậy phải nên đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng. Giáo dục trong gia đình phải khởi đầu khi con cái đang còn thơ ấu, ngõ hầu chúng nó biết tường tận "hiền từ, hiếu thảo, nhường nhịn, cung kính, hòa thuận, nhân từ, trung thực" chính là thiên chức của kẻ làm con, làm anh em, làm chồng vợ, làm chủ, làm tớ. Từ đấy ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình để mong đấng sanh ra ta chẳng bị hổ thẹn, để làm kẻ hiền thiện. Lại còn tuyên nói nhân quả báo ứng ngõ hầu có pháp tắc để chế ngự cái tâm, chẳng đến nỗi vượt lý, phạm phận thì những ý niệm tự tư tự lợi xấu ác tự bị tiêu trừ, thiện tâm vì người vì vật sẽ tự nẩy sanh. Như thế thì chuyện tranh giành, đánh phá lẫn nhau sẽ bị diệt mất, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Bởi thế, cùng với những người có cùng một chí hướng lưu thông sách này ngõ hầu người đọc sách sẽ thọ trì làm theo, xoay vần lưu truyền thì may mắn lắm thay!

30. Đề từ cho bản in gộp chung tác phẩm Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu và bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh của đại sư Liên Trì

Ông Hoàng Sơn Cốc nói:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Nguyên đồng nhất chủng tánh,

Chỉ thị biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vị ngã nhu,
Mạc giao Diêm lão đoán,
Tự sủy, ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Tên khác, thể chẳng khác,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ là khác hình hài.
Khổ não chúng cam chịu,
Ngọt bùi ta hưởng riêng.
Chẳng đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!)

Thiền sư Nguyện Vân có bài kệ như sau:

Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oán thâm như hải, hận nan bình,
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Đản thính đồ môn dạ bán thanh.

(Trăm ngàn năm qua trong bát canh,
Oán sâu tự biển, hận khôn bình;
Muốn biết đao binh trên cõi thế,
Lắng nghe lò mổ giữa đêm thanh.)

Thiền sư Từ Thọ nói:

Ẩm thực ư nhân nhật nguyệt trường,
Tinh thô tùy phận tắc cơ thương,
Hạ hầu tam thốn thành hà vật?
Bất dụng tương tâm tế giảo lượng.

(Đời người ăn uống bao niên,
Dở, ngon tùy phận khỏi phen đói lòng,
Nuốt qua cổ họng là xong,
Tính toan tỉ mỉ nhọc lòng làm chi?)

Những vật nuôi dưỡng con người trong thế gian kể sao cho xuể, nấu nướng, nêm nếm đúng cách, vị đều ngon lành. Há nên vì bụng miệng ta mà giết hại sanh mạng đến nỗi đời đời kiếp kiếp sát hại lẫn nhau trọn chẳng có khi nào dứt, chẳng

đáng buồn sao? Vì thế lưu truyền sách này để mong vãn hồi sát kiếp. Nguyện người thấy nghe đều cùng tin nhận thì may mắn lắm thay!

31. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ nhất)

Không một ai chẳng muốn chính mình và con cháu đều trường thọ, yên vui. Nếu đối với chuyện sắc dục chẳng biết kiêng dè, thận trọng, sẽ gặt lấy hậu quả trái ngược, thật đáng đau thương! Vì thế Khổng tử nói: *"Thiếu chi thời huyết khí vị định, giới chi tại sắc"* (Lúc niên thiếu khí huyết chưa định, phải kiêng dè nơi sắc dục). Mạnh tử nói: *"Dưỡng tâm giả, mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả hỹ"* (Dưỡng tâm thì không gì hay bằng ít ham muốn. Ai làm người mà ít ham muốn, tuy tâm người ấy có những điều không hợp đạo nghĩa, nhưng những điều ấy cũng ít. Ai làm người có lắm ham muốn, tâm dù có giữ được đạo nghĩa thì đạo nghĩa ấy cũng chẳng được mấy[794]). Do vậy nói rằng: "Sự sống chết tồn vong của con người tùy thuộc quá nửa nơi con người có ít ham muốn sắc dục hay không?"

Bất Huệ trọn chẳng có sức cứu đời, nhưng lòng mong duy trì tuổi thọ cho người đời. Do vậy bèn tu chỉnh, bổ sung cuốn sách này để ấn hành, lưu truyền, nhằm mong những ai biết yêu thương chính mình và con cháu hễ có được cuốn sách này đều đọc kỹ càng thì quan hệ lợi hại sẽ rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa. Trong là răn nhắc con cháu, ngoài là răn nhắc những kẻ cùng hàng. Lại mong xoay vần lưu thông để truyền khắp vũ trụ ngõ hầu hết thảy mọi người cùng hàng đều được sống lâu, mạnh khỏe, đấy chính lời cầu chúc thơm thảo vậy.

32. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ hai)

Con người từ sắc dục mà sanh, nên tập khí này đặc biệt sâu đậm. Hễ không kiêng dè cẩn thận, phần nhiều sẽ chết vì sắc dục! Các bậc thánh vương thời cổ vì yêu thương dân nên đối với chuyện vợ chồng ân ái chẳng tiếc công sai quan truyền lệnh dùng linh gỗ đi khắp nẻo đường[795], ngõ hầu người dân khỏi phải lo sầu vì bị mất mạng, lòng từ ái thật khôn xiết! Cho đến đời sau, chẳng những chánh lệnh

---

[794] Câu nói này được trích từ thiên Tận Tâm hạ của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Nhiệt Châu và Lân Công Chấn (Tịnh tông học hội Hoa Tạng xuất bản tại Đài Loan năm 2003).

[795] Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: *"Quý Xuân, tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc, tuần vu đạo lộ, viết: - Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Cuối Xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh liền khua linh gỗ, đi khắp các nẻo đường truyền lệnh: *'Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ắt sẽ bị tai nạn hung hiểm'*).

nước nhà chẳng thèm nhắc đến, ngay cả cha mẹ cũng chẳng bảo ban con cái, đến nỗi đại đa số thiếu niên lầm lạc mất mạng, đáng buồn quá sức!

Bất Huệ sống trên cõi đời mấy chục năm, thấy nghe khá nhiều, khôn ngăn bi thương. Do vậy quyên mộ in cuốn sách này để mong những người cùng hàng đều được sống lâu mạnh khỏe. Mong sao những người có được cuốn sách này ai nấy đều đọc kỹ, xoay vần lưu thông, đừng để phí tâm tư, tiền tài mà trọn chẳng được mảy may lợi ích thật sự nào thì may mắn lắm thay!

33. Đề từ cho sách Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong

Đáng than thay, người đời phần nhiều tưởng mình là trí, nhưng đối với chân diện mục của chính mình còn chưa biết được danh tự, huống hồ những chuyện thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, đời trước, đời sau! Bậc cổ thánh nhân của Nho giáo chú trọng nơi xử thế nên đối với đạo lý sâu xa này chỉ nêu đại lược những nét chánh yếu. Nho sĩ chẳng suy xét sâu xa, liền bảo không có nghĩa ấy. Phật đã dạy rõ ràng rộng rãi như đuốc tuệ trong đêm dài, phàm những ai có túc căn đều cùng quy hướng. Nhưng bọn Lý học muốn ngăn trở bước tiến của hậu học, đặc biệt cực lực bài xích để mong ngăn chặn hết thảy mọi người, chẳng biết người có căn tánh lớn lao quyết chẳng bị bọn chúng khống chế, đáng than thay! Những kẻ tầm thường cứ lầm tưởng những lời lẽ xằng bậy của bọn Lý học là chánh đáng, chí lý, do đấy đả phá sự lý nhân quả và luân hồi, cho rằng con người chết đi vĩnh viễn diệt mất, không có thần trí. Do vậy, những kẻ làm ác có lý do lớn lao để lấp liếm ác tâm, ác hạnh, cho đến ngày nay rối loạn cùng cực không cách gì chữa trị được.

May mà còn có đủ mọi chuyện thể hiện bản lãnh của bậc đại tâm. Ông La sao lục, sưu tập những chuyện ấy để cống hiến cho đời hiện tại và vị lai. Vì thế đặc biệt ấn hành để mong lưu truyền rộng rãi. Nguyện những ai thấy nghe đều biết chánh ý của Nho và Thích, lần lượt lưu truyền trọn khắp trong đời hiện tại lẫn vị lai, ngõ hầu đạo Nho được tỏa rạng mà đạo Phật cũng chẳng suy vi, nhân dân được yên vui, giữ đạo một cách dễ dàng, sống là học trò của thánh hiền, chết sẽ lên cõi Cực Lạc, xoay chuyển thói tục bạc ác, cùng vun giữ lòng nhân từ, khoan dung. Một lòng khăng khăng như thế chắc những bậc trí sẽ nể tình chẳng vứt bỏ vậy.

34. Đề từ cho bộ Dương Phục Trai[796] Thi Kệ Tục Tập

[796] Dương Phục Trai là tên thư phòng của Giang Dịch Viên.

Mười mấy năm qua, cư sĩ Dịch Viên chuyên tu tịnh nghiệp, là bậc hướng dẫn tốt lành trong một làng. Hễ gặp cảnh chạm duyên, liền tùy cơ thù tiếp, thường dùng thi ca, thường khiến cho người khác được mở rộng tâm mục đều phát tín tâm. Năm ngoái, ông ta đã từng lo liệu ấn hành. Năm nay lại có một cuốn Tục Tập, lại muốn ấn tống, gởi cho Quang duyệt, khôn ngăn hoan hỷ, cảm thán tột bậc. Tiếc cho Quang tinh thần lẫn mục lực chẳng đủ, chẳng thể giảo đối thay cho ông ta được, không lúc nào chẳng nuối tiếc, bèn viết dăm lời quê mùa để tỏ tấm lòng tôi.

Thơ của Dịch Viên đúng là lời, phụ nữ, trẻ con nghe kinh ngạc, dung nhiếp ý Phật lẫn ý tổ, quan trọng nhất là sanh cõi Tịnh. Thơ của Dịch Viên đúng là vẽ, tâm cảnh, tánh địa phô cặn kẽ. Độ ách khiến cho ngũ uẩn không, quy mạng Nguyện Vương khuyên kính lễ. Thơ của Dịch Viên đúng là quẻ, cát hung họa phước phô rành rành, khiến thoát trọn vẹn cửa ải họa phước, tịnh niệm tiếp nối cầu về Tây. Nếu ai thường đọc thơ Dịch Viên, thân - khẩu - ý đều không tỳ vết, khi sống trọn thành bậc thánh hiền, lâm chung chắc về ao bảy báu. Tôi: sư tầm thường, rành cơm cháo, trừ niệm Phật, trăm sự bất tài, nguyện các hiền triết khắp pháp giới, đều kết bạn lành nơi hải hội.

35. Đề từ cho bài tường thuật đại lược hành trạng ông Quách Tử Cố và người phối ngẫu đức hạnh là bà nhụ nhân Phùng[797] ở huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc

Làm phận con nên lấy đạo "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử" để khuyên cha mẹ, khiến cho ngay trong đời này, cha mẹ được cao dự Liên Trì hải hội, thân cận Di-đà Thế Tôn, cùng có thọ lượng, quang minh giống như Di-đà Thế Tôn. Hiếu như vậy mới là chân hiếu! Còn truyền bá hành trạng của cha mẹ tuy là một trong những hạnh hiếu, nhưng tự hành, dạy người, làm cho khắp những ai thấy nghe đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ, cùng chứng Vô sanh, cho đến cùng thành giác đạo chẳng phải là tốt hơn hay chăng? Vợ chồng ông Quách tận lực phụng dưỡng, chôn cất, dẫu xét theo lòng hiếu thế tục cũng chẳng dễ dàng cho lắm. Nay nhờ chuyện này để xoay chuyển lòng người, tôi đặc biệt viết 28 chữ như sau:

---

[797] Thoạt đầu, nhụ nhân (孺人) là danh xưng để gọi vợ các quan đại phu (thiên Khúc Lễ sách Lễ Ký ghi: "Phi tần của thiên tử gọi là *hậu*, vợ của chư hầu gọi là *phu nhân*, vợ của đại phu gọi là *nhụ nhân*. Vợ của quan lại cấp nhỏ gọi là *phụ nhân*, vợ của dân thường gọi là *thê*"). Thời Đường, danh từ này chỉ dành riêng để gọi vợ các vị có tước vương, đến đời Tống lại dùng để gọi chung mẹ hoặc vợ các quan. Đến thời Thanh, chỉ vợ hoặc mẹ các quan từ thất phẩm trở lên mới được gọi là nhụ nhân. Tuy vậy đến cuối đời Thanh, nhụ nhân thường được dùng như một mỹ từ để gọi vợ của người khác trong văn chương.

"Nêu hạnh đẹp trong làng, trọn vẹn cả đôi bề, khiến khắp kẻ thấy nghe, đều được hưởng chân thuần, vợ chồng nhà ông Quách, đức đẹp đáng khâm phục."

36. Đề từ kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không sáng lập liên xã

Thật thà niệm Phật!

Để kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không từ đất Tô đến đất Kiềm (Quý Châu), sáng lập liên xã, xin khích lệ những người cùng chí hướng bằng mấy lời như sau:

Xót thương chúng sanh trong cõi đời, căn độn, nghiệp nặng, chỉ có niệm Phật thì mới chắc chắn mong thoát được sanh tử. Hãy nên quán tưởng như tù nhân bị dắt ra chợ để hành hình, mỗi bước càng gần với cái chết hơn! Phàm những vị có cùng chí hướng niệm Phật với tôi, ắt đều phải niệm niệm trừ sạch các duyên, quyết muốn giữ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hãy nên tu chánh hạnh niệm phật, dùng tín nguyện dẫn đường, lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Ba pháp tín nguyện hạnh chính là tông yếu của pháp môn niệm Phật. Do bốn chữ hồng danh chẳng rời niệm, tiếng niệm Phật chẳng ngừng, tâm và Phật tự nhiên khế hợp, tam-muội sẽ tự thành.

(Ngày 22 tháng Giêng)

37. Đề từ cho tác phẩm Mạc Vương Trí Duệ Nữ Cư Sĩ Ai Văn Lục[798]

Cư sĩ Trí Duệ vừa đọc Văn Sao liền sanh tín tâm, ăn chay niệm Phật, chưa được bao lâu liền biết trước lúc mất, niệm Phật qua đời, đáng gọi là bậc trượng phu trong nữ giới! Chẳng thẹn mang tên Trí Duệ. Nguyện những vị trượng phu mày râu, những vị hiền thục mềm mỏng chốn khuê các trong cõi đời đều chẳng nhường cho bà ta riêng được giải thoát thì may mắn lắm thay!

(Ngày 17 tháng 2 năm Kỷ Tỵ, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

38. Đề trên chiếc quạt có hình Vô Lượng Thọ Phật do cư sĩ Cao Hàng Sanh cất giữ

Ngoài dứt các duyên,
Trong tâm chẳng rộn,
Tâm như tường vách,
Có thể nhập đạo.

[798] Đây là cuốn sách tập hợp những bài tỏ lòng thương tiếc, ca ngợi phẩm hạnh của bà Vương Trí Duệ. Bà này họ Vương, chồng họ Mạc, pháp danh Trí Duệ nên thường được gọi kèm cả họ chồng là Mạc Vương Trí Duệ.

39. Thuận tay viết về niệm Phật

Pháp Hoa kinh tạng sâu thẳm u viễn không ai thấu đạt được. Chúng ta có chí tiến nhập thì xin hãy chí thành khẩn thiết, chuyên trì thánh hiệu A-di-đà Phật. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì sẽ tự có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Trong đời hiện tại sẽ mau chóng thoát khỏi ngũ trược, cao đăng chín phẩm, cho đến chứng Vô sanh nhẫn, thành đạo Bồ-đề. Lời nói này tuy cực bình thường, nhưng quả thật là bí yếu của chư Phật. Nếu bậc thông gia xem đến, chắc chắn sẽ bật cười!

(Bài văn này còn lưu lại dấu tích ở chùa Linh Nham, nhưng không có đề mục. Tựa đề do Đào (tức ông La Hồng Đào) tự tiện đặt. Huệ Dung ghi)

V. PHÁP NGỮ

1. Tịnh độ Pháp Môn Thuyết Yếu (giảng những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ)

(Vương Cầu Thị và Cung Vân Bá ghi)

Nguyên thủy, bản tánh của chúng sanh và Phật vốn không hai, không khác, chỉ vì chúng sanh chẳng giữ gìn tự tánh, bị trần lao làm bẩn, tập khí ô nhiễm ngăn lấp đến nỗi mê ngộ thật khác, chúng sanh và Phật khác biệt thật xa. Chỉ vì chúng sanh mê có cạn sâu, căn tánh có lớn nhỏ, nên đức Như Lai bèn tùy thuận căn cơ để lập giáo, dựa theo căn bệnh để ban thuốc, vì thật lập quyền, khai quyền hiển thật. Nơi pháp Nhất thừa nói đủ mọi lẽ khiến cho kẻ thiện căn chín muồi sẽ lên thẳng bờ giác, kẻ ác duyên sâu nặng sẽ dần dần thoát khỏi trần lao. Do vậy trong 49 năm, tùy theo chủng tánh mà lập ra các giáo pháp Đại, Tiểu, Tiệm, Đốn, Bán, Mãn nhằm giáo hóa.

Các pháp môn thuộc Tông, thuộc Giáo phần nhiều cậy vào tự lực. Dẫu cho túc căn sâu dày, triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu kiến hoặc và tư hoặc còn có chút nào chưa sạch hết thì vẫn luân hồi trong sanh tử y như cũ, không thể thoát ra. Huống chi đã thọ thai ấm[799], vừa chạm cảnh liền sanh mê, kẻ từ giác đến giác ít ỏi, người từ mê vào mê đông đảo. Bậc thượng căn còn như thế, hạng trung hạ cần chi phải nói nữa. Liễu thoát sanh tử thật chẳng dễ dàng! Chỉ có pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chuyên cậy vào nguyện lực của Phật Di-đà, bất luận thiện căn chín muồi hay chưa, ác nghiệp nặng hay nhẹ, thậm chí ngũ nghịch thập ác, chỉ cần sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật, khi lâm chung chắc chắn được đức Di-đà tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ. Cố nhiên, kẻ thiện căn chín muồi sẽ mau chóng viên mãn Phật quả, ngay cả kẻ ác nghiệp sâu nặng cũng may mắn được dự vào dòng thánh. So với những kẻ cậy vào tự lực thì sự khó dễ, được mất trong đấy chẳng cần phải rườm lời giải thích nữa. Vì thế, pháp môn Tịnh độ này chính là đạo trọng yếu để ba đời chư Phật độ sanh, là diệu pháp để thượng thánh hạ phàm cùng tu. Các kinh Đại thừa đều phát khởi lẽ trọng yếu này, lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành.

Cũng có những kẻ do thấy pháp môn Tịnh độ hết sức đơn giản, hết sức dễ dàng, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng tu được, bèn coi thường Tịnh độ, chẳng biết một môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, nhiếp trọn mười giới. Trong phẩm Nhập

[799] Khi thần thức nhập thai, dễ bị ngũ ấm che lấp chân tánh nếu tâm chưa hoàn toàn đoạn sạch kiến hoặc và tư hoặc, đó gọi là thai ấm. Điều này còn được diễn tả bằng một từ ngữ khác là "cách ấm chi mê".

Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử sau khi đã chứng bằng với chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn, khích lệ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả. Như Thiện Tài đã đạt đến địa vị Đẳng giác, Hoa Tạng hải chúng không có vị nào là phàm phu, Nhị thừa, toàn là những người thuộc 41 địa vị Pháp thân đại sĩ, phá vô minh, chứng tam đức, mà vẫn phải hồi tâm niệm Phật, nguyện vãng sanh Tây Phương. Hơn nữa, trong Hoa Tạng Hải có vô lượng Tịnh độ, nhưng cần phải hồi hướng Tây Phương; đủ biết vãng sanh Cực Lạc chính là cửa ngõ nhiệm mầu để xuất thế, là đường tắt để thành Phật.

Hơn nữa, thiền sư Vĩnh Minh nhằm dạy cho người tu hành đường lối trọng yếu đích xác, đã lập ra bốn bài kệ Liệu Giản[800]:

1. Có Thiền có Tịnh độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, tổ.

2. Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn tu, vạn người về,
Nếu được thấy Di-đà,
Lo chi không khai ngộ.

3. Có Thiền, không Tịnh độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

4. Không Thiền, không Tịnh độ,
Giường sắt với cột đồng,

[800] Liệu giản, đôi khi còn được gọi bằng những thuật ngữ khác như liễu giản, lượng giản, liệu kiến hoặc lượng kiến, đều cùng hàm nghĩa: "Phân biệt, biện định, chọn lựa chánh pháp một cách xác đáng nhất." Tùy theo từng tông phái mà ý nghĩa chữ liệu giản được chia chẻ tỉ mỉ hơn như sau:

1. Luận định, xem xét theo đủ mọi quan điểm, dùng phương thức vấn đáp để nghị luận tới chỗ tinh vi chặt chẽ nhất.

2. Riêng trong tông Lâm Tế, liệu giản là bốn phương pháp để hướng dẫn người học ngộ nhập chân như, tức: "Đoạt người không đoạt cảnh, đoạt cảnh không đoạt người, người lẫn cảnh đều đoạt, người lẫn cảnh đều chẳng đoạt."

3. Theo Thiên Thai tông Nhật Bản, liệu giản là dùng những phương cách để điều hòa những điểm mà nếu chỉ nhìn vào mặt văn tự sẽ tưởng lầm là kinh điển mâu thuẫn, chống trái nhau.

4. Lý giải vấn đề một cách dung thông, rộng rãi nhất.

Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Bốn bài Liệu Giản này của ngài Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại tạng, là khuôn phép để tu trì. Trước hết cần phải hiểu đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh, thế nào là có, thế nào là không, rồi mới theo văn mà phân tích, sẽ biết mỗi một chữ đều đích đáng, không thể thay đổi một chữ nào được.

Thiền chính là chân như Phật tánh chúng ta vốn sẵn có, tức bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, tức "linh tri ly niệm, không năng, không sở, vừa tịch, vừa chiếu", tức cái được gọi là "thuần chân tâm thể". Tịnh độ chính là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương (chứ không phải chỉ riêng cho "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà"). "Có Thiền" là tham cứu cực lực đến mức "niệm tịch, tình vong", thấy thấu triệt bản lai diện mục, minh tâm kiến tánh. "Có Tịnh độ" là chân thật phát tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Thiền và Tịnh độ là ước theo giáo, ước theo lý. "Có Thiền, có Tịnh độ" là ước theo căn cơ, ước theo tu. Một đằng là lý, một đằng là sự. Lý tuy là như thế, nhưng phải cần theo đúng lý để khởi hạnh, hạnh phải đạt đến cùng cực nhằm chứng lý, chính mình phải chuyên gắng nhằm thật sự đạt được. Nếu tham Thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là "có Thiền". Nếu niệm Phật nhưng không có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng không chân thật thiết tha, chỉ hờ hững hời hợt, lằng nhằng cho xong chuyện, hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng nhân địa chẳng thật, tâm lưu luyến trần cảnh, cho đến cầu phú quý trong đời sau, cầu sanh lên cõi trời hưởng lạc đều chẳng thể gọi là "có Tịnh".

"Có Thiền có Tịnh độ, ví như cọp đội sừng, đời này làm thầy người, đời sau làm Phật, tổ." Người ấy đã triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết cặn kẽ pháp môn quyền - thật của đức Như Lai, nhưng trong các pháp chỉ chọn một pháp tín nguyện niệm Phật, tự lợi lợi tha. Người ấy có đại trí tuệ, đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, như cọp lại đội sừng. Có ai đến cầu học sẽ tùy cơ thuyết pháp, nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ bèn dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ. Nên dùng "chuyên tu Tịnh độ" để tiếp độ bèn dùng "chuyên tu Tịnh độ" để tiếp độ. Bất luận thượng trung hạ căn không một ai chẳng được thấm nhuần ân trạch ấy, há chẳng phải là "đạo sư của trời người" ư? Đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô sanh nhẫn, dẫu địa vị thấp nhất cũng là chứng được bậc Sơ trụ trong Viên giáo, có thể hiện thân làm Phật trong một trăm thế giới, nên bảo là "đời sau làm Phật, tổ".

"Không Thiền, có Tịnh độ, vạn tu, vạn người về, nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ?" Người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng quyết chí nơi Tịnh độ, cầu sanh Tây Phương, chí thành niệm Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu tập cố nhiên được vãng sanh, ngay như kẻ ngũ nghịch thập ác khi lâm chung mười niệm cũng đều được hóa thân của đức Phật đến tiếp dẫn, chẳng phải là "vạn tu, vạn người về" hay sao? Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, tuy có nhanh hay chậm, nhưng đã cao dự dòng thánh, rốt ráo chẳng thoái chuyển, dần dần chứng thánh quả thì sự khai ngộ cần gì phải nói đến nữa? Vì thế, bảo là "nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ?"

"Có Thiền, không Tịnh độ, mười kẻ, chín chần chừ, ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó." Người ấy tuy biết đại lược về tâm tánh, nhưng kiến hoặc, tư hoặc chưa đoạn hết, cần phải dồi mài cho hết sạch, chẳng còn sót chút nào thì mới có thể thoát lìa sanh tử. Nếu còn mảy may chưa hết, sẽ vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, khó trốn tránh được. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ-đề xa vời, nếu liền mạng chung, nẻo về sẽ chẳng thể lường được. Trong mười người, hết chín người là như thế. Vì vậy nói: *"Thập nhân, cửu tha lộ"* (mười kẻ, chín chần chừ trên đường), tha (蹉) là "tha đà" (蹉 跎), tức là như thế tục thường nói là chần chừ. "Ấm cảnh" tức là cảnh nơi thân trung ấm[801], chính là những cảnh hiện ra khi lâm chung bởi sức của thiện nghiệp hay ác nghiệp đã tạo trong đời này và bao kiếp. Trong khoảng chớp mắt sẽ theo nghiệp lực đi thọ sanh ngay, chẳng thể làm chủ được mảy may nào. Như người mang nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước; tâm tình lắm mối, hễ thiên trọng nơi nào sẽ đọa vào nơi đó. Vì thế nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó".

"Không Thiền, không Tịnh độ, giường sắt với cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không có người nương tựa." Người ấy đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh Tịnh độ, vẫn hời hợt hờ hững tu các pháp môn khác (chứ không phải là nói về kẻ

---

[801] Trung ấm (antarā-bhava) còn dịch là trung hữu, trung uẩn, trung ấm hữu. Theo luận Câu-xá quyển 7, trung hữu được tính từ sát-na khi cái thân đời trước chết (tử hữu) tới sát-na thọ sanh thân sau (sanh hữu). Trong khoảng trung gian, sẽ có một cái thân được hóa sanh bởi ý thức (thức thân), chứ không do tinh huyết tạo thành, nên gọi là sanh ý thân hoặc ý thành thân (manomayakāya). Do được nuôi dưỡng bằng mùi hương, nên còn gọi là thực hương (gandharva). Do thân này thường truy tìm chỗ kế tiếp để thọ sanh nên lại gọi là cầu sanh (samhavaisin). Chỉ có Sắc giới và Dục giới mới có thân trung ấm, người sẽ thọ sanh trong Vô sắc giới không có thân này. Tùy theo người ấy sẽ thọ sanh trong đường nào mà hình dạng của trung ấm sẽ khác biệt. Chẳng hạn như theo kinh Đại Bảo Tích, quyển 56, thân trung ấm cõi địa ngục xấu xí, giống như gỗ cháy nham nhở, thân trung ấm trong súc sanh có màu khói, thân trung ấm trong ngạ quỷ màu như nước, thân trung ấm trong Dục giới lớn bằng đứa bé năm sáu tuổi, nhưng các căn lanh lợi, thân trung ấm của bậc Bồ-tát đầy đủ các tướng hảo v.v.. Cũng theo luận Câu-xá, thời hạn tồn tại của thân trung ấm không nhất định, nhưng tối đa là 49 ngày.

vùi đầu tạo ác, chẳng tu hành), đã chẳng thể giữ cho định tuệ được cân bằng nhằm đoạn hoặc chứng chân; lại chẳng biết cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì suốt cả một đời để cảm phước báo trời người trong đời sau. Trong đời này đã không có chánh trí, đời sau sẽ bị phước báo chuyển, hưởng phước càng lớn, ác nghiệp càng nhiều. Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi quả báo. Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa địa ngục, đền trả nợ cũ, nên nói là "giường sắt với cột đồng". Kẻ tạo nghiệp như thế ví như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời, tuy chư Phật Bồ-tát rủ lòng từ bi nhưng do kẻ ấy bị ác nghiệp ngăn chướng, chẳng thể hưởng lợi ích, bao kiếp thọ khổ. Vì thế nói "không có người nương tựa".

Phàm hết thảy các pháp môn đều chuyên cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn Tịnh độ chuyên cậy vào Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, hết sạch hoặc nghiệp rồi mới có thể liễu sanh tử, còn pháp môn Tịnh độ mang nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng thánh. Hơn nữa khi đức Phật tại thế, sắc lực và tâm nghiệp của chúng sanh thù thắng, dẫu nương cậy tự lực vẫn chứng đạo. Nay đang nhằm thời mạt, căn hèn chướng nặng, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh độ thì không có cách gì giải thoát được! Thiền sư Vĩnh Minh sợ cõi đời không biết nên đặc biệt viết ra Liệu Giản này để dạy đời sau. Thật đúng là bè báu trong bến mê, là đèn sáng nơi ngõ tối.

Tu trì pháp môn Tịnh độ niệm Phật, hãy nên lấy tín nguyện hạnh làm tông. Tín là dốc lòng tin tưởng Phật lực. Trong khi tu nhân, Di-đà Như Lai đã phát ra 48 nguyện, nguyện nào cũng độ sanh, trong ấy có nguyện "người nào niệm danh hiệu ta mà chẳng sanh về nước ta, thề chẳng thành Phật". Hiện tại, do ngài đã nhân viên quả mãn, nay ta niệm Phật ắt sẽ được vãng sanh. Kế đấy tin vào Phật lực từ bi nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ giống như mẹ nhớ con, chắc chắn sẽ được tiếp dẫn. Tiếp đó tin tưởng pháp môn Tịnh độ như trong bài Tứ Liệu Giản của thiền sư Vĩnh Minh đã nói so với các pháp khác, sự lớn nhỏ, khó dễ, được mất, sai biệt vời vợi. Dẫu có những vị thầy khác xưng tán những pháp khác cũng chẳng lay động được ta. Thậm chí chư Phật hiện ra trước mặt khuyên lơn, an ủi, bảo tu các pháp môn khác cũng chẳng thoái chuyển. Đấy mới thật sự gọi là tín vậy. Nguyện là nguyện trong đời này thề vãng sanh Tây Phương, chẳng cần phải nhiều đời tu tập ngoi lên hụp xuống trong uế độ, từ mê vào mê nữa. Lại nguyện hễ được vãng sanh Tây Phương rồi sẽ trở lại Sa-bà độ thoát hết thảy chúng sanh. Hạnh là chân thật nương theo lời dạy để khởi hạnh.

Trong chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm có câu: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc

nhất.” Do vậy biết pháp niệm Phật phải nên nhiếp trọn sáu căn. Trước khi nhiếp trọn sáu căn thì trước hết phải nhiếp được hai hay ba căn. Hai hay ba căn là gì? Chính là tai, miệng, tâm vậy. Miệng niệm sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật sao cho từng câu từng chữ rõ ràng rành mạch, trong tâm niệm cho rõ ràng rành mạch, tai nghe cho rõ ràng rành mạch. Hễ có chỗ nào hơi không phân minh thì đấy chính là không chân thật thiết tha, có vọng tưởng xen tạp (chỉ niệm mà không nghe thì dễ sanh vọng tưởng). Niệm Phật cố nhiên phải sao cho từng câu từng chữ phân minh, chẳng để sự suy nghĩ xen vào.

Ngoài ra, xem kinh cũng giống như thế, đừng một mặt vừa xem, một mặt lại phân biệt; nếu không, sẽ được lợi ích ít ỏi, tình tưởng sẽ nhiều. Xưa kia có người chép kinh do chí thành chép kinh, chuyên tâm nhất ý, chỉ chú tâm chép kinh, không có tình kiến gì, đến khi trời đã tối, vẫn cứ viết chép không ngừng. Chợt có người bảo: “Trời đã tối rồi, sao còn chép kinh được?” Lúc ấy người chép kinh tình niệm vừa động, chẳng thể viết được nữa. Ôi, phân biệt sáng tối chính là vọng kiến của chúng sanh, là phàm tình của chúng sanh vậy. Vì thế, đang trong lúc chuyên tâm nhất ý, vọng tận tình không, chỉ biết chép kinh, chẳng biết trời đã tối, cũng chẳng biết hễ trời đã tối sẽ không có ánh sáng nên không thể chép kinh được nữa. Tới khi có người nhắc nhở, khuấy động, do vô minh động nên tình tưởng bèn chia ra. Vọng niệm vừa động, ngay lập tức, sáng sủa và tối tăm liền tách bạch nên chẳng thể chép kinh được nữa. Do vậy biết rằng đầu mối của đạo dụng công là chuyên nhiếp, chẳng quan tâm đến tình tưởng. Nếu đã không có suy tưởng thì đâu có tà kiến nữa. Tà kiến đã không còn, đấy chính là chánh trí.

Hơn nữa, người tu Tịnh độ hãy nên đề xướng nhân quả. Đối với người thượng trí, cố nhiên biết cội gốc nằm nơi luân thường, hiểu rõ những gì nên làm và không nên làm. Đối với kẻ trung hạ, nếu chẳng nói tới nhân quả, giải thích tách bạch tường tận, nêu bày rõ rệt sự tích nhân quả báo ứng, làm sao họ sẽ dè dặt nơi hành vi, bó buộc thân tâm cho được? Vì thế, nhân quả là cửa ngõ ban đầu để nhập đạo, nhưng tin tưởng chuyên dốc nơi nhân quả cũng chẳng phải là dễ. Bậc Sơ quả trong Tiểu thừa, bậc Sơ địa trong Đại thừa chính là những vị thật sự có thể chuyên dốc tin tưởng nhân quả vậy. Từ bậc Sơ địa trở xuống, từ bậc Sơ quả đổ lại, hễ gặp duyên trái nghịch giết trộm dâm dối sẽ không thể giữ gìn được, sẽ thuận theo đó mà khởi hoặc tạo nghiệp.

Nhưng kẻ thông minh vẫn xem nhẹ nhân quả, cho rằng nhân quả bất quá chỉ để nói với kẻ căn cơ trung hạ, chẳng biết rằng: Hễ chỉ hiểu ý nghĩa của nhân quả một cách thô thiển thì chẳng đáng gọi là tín. Tuy biết nhưng chẳng tận tụy vâng hành thì cũng chẳng đáng gọi là tín. Chỉ có bậc thánh nhân thuộc Sơ quả, Sơ địa

hay Dự lưu mới có thể "chẳng còn phải mang thân sau". Hễ chẳng còn phải mang thân sau thì chẳng còn là kẻ bị chi phối bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên đáng gọi là "có lòng tin chuyên dốc". Vì thế ngài Mộng Đông nói: "Kẻ khéo bàn về tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả, nhưng kẻ tin sâu nhân quả rốt cuộc ắt sẽ hiểu tâm tánh thật rõ rệt." Đấy chính là nguyên do vì sao trong thế gian người niệm Phật đông đảo mà bậc thật sự liễu sanh tử lại hiếm hoi.

Chỉ vì người niệm Phật không có lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chỉ cầu phước báo, mơ tưởng phú quý trong đời sau. Chẳng biết rằng hễ mơ tưởng đời sau được phú quý thì cũng ví như ngửa mặt bắn tên lên trời, hễ tên bay hết sức sẽ lại rơi xuống, chẳng những vô ích mà còn bị tổn hại. Dẫu cho đời này niệm Phật cảm được phước báo trời người, có phước báo nhưng không có chánh trí. Do có phước báo nên có quyền thế, địa vị, phú quý, nhưng do không có chánh trí nên ngu si, chẳng tin nhân quả. Phàm những kẻ chẳng tin nhân quả lại có địa vị, quyền thế, phú quý thì sẽ như hổ thêm cánh, càng thêm tàn ác. Vì thế phước báo càng lớn, tạo nên oan nghiệt càng nhiều. Đã tạo ác nghiệp, sẽ phải chịu ác báo. Đấy gọi là *"tam thế oán thân"* (kẻ oán, người thân trong ba đời).

Vì vậy, người niệm Phật trọn chớ nên có lòng cầu phước báo, hãy nên lấy "mạnh mẽ tiến thẳng lên trước nhằm vãng sanh Tây Phương" làm pháp mầu nhiệm để liễu sanh thoát tử. Do vậy, thiền sư Triệt Ngộ nói: "Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật", mười sáu chữ này chính là cương tông lớn lao của pháp môn niệm Phật. Ngài lại nói: "Một câu Di-đà là tâm yếu của đức Phật ta, theo chiều dọc thông suốt năm thời, theo chiều ngang bao trùm tám giáo." Thật vậy đó! Một câu Di-đà vi diệu khó nghĩ lường, chỉ có Phật với Phật mới biết được rốt ráo, từ bậc Đẳng giác trở xuống vẫn còn chưa hiểu trọn hết. Do vậy nói "Bồ-tát biết được chút phần", bọn phàm phu chúng ta càng phải nên tin tưởng hành theo.

2. Pháp ngữ khai thị sau cuộc chiến ở vùng Giang - Chiết

Hiện thời chiến sự vùng Giang - Chiết đã yên, nhưng trong nhất thời nhân dân khó thể khôi phục được như cũ. Thương thay! Nhân dân mắc phải sự khổ ác dữ dội này, nói chung là do ác nghiệp đời trước cảm thành ác báo khổ sở cùng cực ấy. Vì thế phải đem nhân quả ba đời nói với hết thảy những ai hữu duyên, khuyên họ đừng tạo những nhân gây ra nghiệp báo ấy nữa thì tương lai sẽ tự chẳng phải nhận lãnh cái quả ác báo ấy. Những thứ nhân ác ấy phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà dấy lên! Phàm với hết thảy mọi người đều nên khuyên họ hãy lấy "kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật" như là một diệu pháp vô thượng nhằm giải quyết vấn đề từ căn bản. Tiếc thay, con người chỉ biết có mình, chẳng

biết có người khác thì làm sao suy tính tới hết thảy loài vật được? Tới khi ác báo xảy đến, con người bị xử phạt, giết chóc so với lúc loài thú bị hành hạ, giết chóc nào có khác chi? Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả", hễ sợ nhân thì chẳng phải nhận lãnh quả, chứ sợ quả thì trọn chẳng có mảy may ích lợi gì. Nếu đổi cái tâm sợ quả thành cái tâm sợ nhân thì thế giới sẽ tự thanh bình, yên ổn vậy!

3. Năm đoạn khai thị

(Trần Cảnh Phiên ghi chép)

Dạy về phương pháp tu hành (1)

Phàm tu hành thì phải nên chuyên ròng, chớ nên xen tạp. Pháp niệm Phật vượt trỗi hết thảy. Cầu siêu cho người đã khuất, hoặc cầu cho cha mẹ tăng tuổi thọ và hết thảy mong cầu đều được như nguyện, nhưng phải lấy cầu sanh Tây Phương làm chủ. Muôn vàn chớ nên cầu phước báo trong đời sau, nếu cầu đời sau sẽ không được hưởng lợi ích vãng sanh. Hãy nên đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết duyên do về mặt sự lẫn mặt lý. Đối với những căn bệnh của con người hiện thời và phương thuốc để chữa trị thì trong Văn Sao cũng đều có nói. Nói chung, lấy đề xướng nhân quả báo ứng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm.

Dạy về phương pháp tu hành (2)

Dụng công tu hành cố nhiên phải nên chuyên ròng; nhưng phàm phu vọng tưởng tơi bời, nếu chẳng dùng kinh chú để giúp thêm, chắc sẽ đến nỗi hờ hững, lười trễ, biếng nhác! Nếu có thể thống thiết như khi chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì nhất hạnh tam-muội[802] quả thật là hay nhất. Còn nếu niệm Phật hờ hững, bãi buôi, thì lâu ngày chắc sẽ trở thành lười nhác, buông xuôi, bỏ lửng, vì thế chẳng bằng kiêm trì kinh chú sẽ chắc chắn hơn. Ông cầu tôi quyết đoán, tôi nói với ông duyên do để ông tự quyết định. Nói chung, do tâm sanh tử thiết tha, thành kính khăng khăng một niềm thì chuyên niệm hay kiêm niệm đều được cả. Nếu không, chuyên niệm sẽ trở thành hờ hững coi thường, kiêm niệm sẽ trở thành tràn lan lộn xộn. Ấy là vì căn bản không chân thật thiết tha, nên đến nỗi hết thảy đều khó được lợi ích.

Nêu lý do vì sao sách Pháp Hải Thê Hàng chẳng khế cơ

Soạn sách lập ngôn quả thật chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt đâu nhé! Xin hãy nhất tâm niệm Phật, đợi đến khi nghiệp tiêu trí rạng xong, rồi mới viết lách để làm cho hết thảy những kẻ sơ cơ đều được lợi ích, thì mới hòng ít mắc phải khuyết

[802] Nhất hạnh tam-muội là tên gọi khác của niệm Phật tam-muội.

điểm "giáo pháp chẳng phù hợp căn cơ". Xét ra, cuốn sách ấy của ông chưa từng chỉ rõ gốc bệnh của con người hiện thời và cách chữa trị. Tuy giảng chung chung về Phật lý cũng có thể khiến cho người khác sanh lòng tin, nhưng đối với kẻ sơ cơ, do phần lớn những từ ngữ được nêu trong sách là những danh từ riêng trong Phật pháp, họ sẽ chẳng hiểu rõ, ắt sẽ đến nỗi cật vấn lẫn nhau, vô sự sanh sự, đâm ra chẳng có quan hệ khẩn yếu chi đối với chuyện niệm Phật. Đấy chính là lý do tại sao Quang không tán thành ý tưởng soạn sách của ông. Đã không tán thành, há có thể sửa đổi đại lược, phê bình đại lược hay sao? Mong ông biết rõ nguyên do, chẳng đến nỗi vẫn mơ màng trong mộng mà thôi!

Dạy không cần phải chú trọng vào thơ văn

Cuốn Pháp Hải Thê Hàng của ông chẳng có thứ tự, thơ văn cũng chẳng thật sự theo thứ lớp. Chỉ nên cẩn thận đọc kỹ những sách có ích cho thân tâm và sốt sắng niệm Phật, không cần phải chú ý đến thơ văn. Nếu qua sách vở mà hiểu được duyên do thì niệm Phật sẽ được lợi ích, tự nhiên thơ văn sẽ vượt trỗi. Nếu không, cũng chỉ là gượng ép, áp đặt, xét ra thì chẳng dính dáng gì tới tâm pháp cả.

Dạy về chuyện tổ chức, điều hành Đồng Thiện Hội

Phàm làm chuyện công ích, chớ nên chấm mút chút nào. Nếu không, chẳng những là dối người mà còn đúng là dối lòng, dối Phật nữa đấy! Sửa ác hướng lành, cần phải luận từ nơi khởi tâm động niệm, há nên công khai làm chuyện dối người ư? Những kẻ mù quáng khuấy rối hiện thời đều là những kẻ cực ngu si chẳng biết nhân quả, chẳng biết tội phước báo ứng. Nếu bọn họ có chân tâm, trí tuệ, dẫu dùng cái chết để uy hiếp buộc họ làm như vậy, họ cũng chẳng chịu làm. Mong hãy chú ý điều này thì may mắn lắm thay!

4. Pháp ngữ khai thị tại Tịnh nghiệp xã

(Ký Trần ghi)

Hôm nay là ngày đầu tiên của Phật thất, tôi đem lai lịch của Phật thất để nói cho quý vị nghe. Hiện thời, mọi nơi mở niệm Phật thất rất nhiều, phương pháp tu tập và những lời lẽ khai thị phần lớn cũng giống nhau. Trước hết, nay tôi trình bày nhân duyên của Phật thất lần này, rồi sẽ nói tới đại cương của pháp niệm Phật. Như vậy thì tông chỉ của pháp niệm Phật sẽ được minh bạch. Nếu không, chẳng biết căn bản, chắc chắn sẽ không thể đặt nền tảng vững vàng được, chắc sẽ bị kinh giáo hoặc lời lẽ của thiện tri thức xoay chuyển đến nỗi bỏ pháp này để tu các pháp môn khác.

Pháp niệm Phật như thuốc a-già-đà, tiếng Phạn a-già-đà, tiếng Hán là phổ sanh, cũng dịch là tổng trị, bởi vì nó sanh khắp mọi sự an lạc, công đức và trị chung mọi căn bệnh vậy. Pháp môn này cũng giống như thế, trừ được tám vạn bốn ngàn phiền não. Do vậy, pháp môn niệm Phật bao trùm khắp muôn hình tượng, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thảy các pháp không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Do nó nắm giữ hết thảy các pháp nên không pháp nào chẳng được trọn vẹn, không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Đức Phật chỉ muốn làm cho chúng sanh siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, nhưng chúng sanh căn cơ không giống nhau, tâm nguyện mỗi người mỗi khác. Nếu có chúng sanh cầu phước, cầu thọ, cầu tài, cầu con v.v. chỉ cần thành tâm mong cầu, hễ có cầu ắt ứng. Tuy đấy là pháp thế gian, nhưng nhằm để tiếp dẫn kẻ hạ căn gieo thiện căn dần dần cho nên cũng làm cho họ được mãn nguyện. Nếu luận nơi bổn ý của đức Phật thì chỉ là muốn khiến cho chúng sanh nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực, lâm chung tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh sẽ liền thoát khỏi nỗi khổ luân hồi trong tam giới, từ đấy tiến tu dần dần cho đến khi thành Phật thì mới là thật nghĩa rốt ráo của niệm Phật.

Nhân duyên thứ nhất: Nếu luận về nhân duyên dẫn đến pháp hội niệm Phật thất này thì sẽ phải nói rất dài. Từng nhớ năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đến đất Thân (Thượng Hải), trụ tại chùa Thái Bình, cư sĩ Giang Dịch Viên do chiếc tàu thủy Đại Thăng bị hỏa hoạn, muốn làm Phật sự để cầu siêu cho các nạn nhân, Quang khuyên ông ta nên mở niệm Phật thất. Lại khuyên người chủ quản công ty ấy tham dự niệm Phật thất cho đến mãn thất. Ấy là vì niệm Phật có lợi ích thù thắng hơn công đức của những thứ Phật sự khác; vì muốn cho những người bị chết cháy, chết đuối được hưởng lợi ích chân thật cho nên khuyên chuyên nhất niệm Phật.

Năm trước, vợ ông Giang mất, muốn làm Phật sự, gởi một trăm đồng cậy Quang làm Phật sự. Do vậy, bèn mở một niệm Phật thất tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà. Đêm viên mãn Phật Thất, khá có linh cảm. Đối với niệm Phật, ông Giang đã sẵn mang lòng hết sức thiết tha, cả nhà bị ông ta cảm hóa, niệm Phật cũng rất thiết tha chân thật. Do vậy trong khi tang ma, cả nhà đều niệm Phật. Chẳng phải chỉ có như vậy, do ông Giang khá có tiếng tăm nơi quê hương, ông cũng thường luôn khuyên người làng niệm Phật, người trong một vùng đều bị ông ta cảm hóa. Phàm người làng đến phúng điếu, toan tế vong, ông ta đều khước từ, bảo với họ: "Phàm ai đến điếu tang, hãy niệm Phật trong thời gian cháy hết một cây hương sẽ tốt hơn là tế lễ nhiều lắm." Do vậy, dân làng chia ra mấy ban, mỗi ngày một ban đến niệm Phật, niệm tới mấy ngày mới hết.

Do có nguyên nhân này, con của ông Giang tên là Hữu Bằng vào đêm viên mãn Phật Thất tại chùa Pháp Vũ nằm mộng thấy nhận được nhiều lá thư, liền cầm một bức lên Phật đường trên lầu để xem. Ngọn đèn trong Phật đường sáng hơn ánh chớp, bóc bức thư ra thì chính là một bức vẽ về cảnh tượng trong thế giới Cực Lạc. Pháp Vũ mở Phật thất có tất cả 16 vị tăng nhân. Trước hôm mở Phật thất một ngày, Quang đối trước tăng chúng nói: "Quý vị niệm Phật phải thật thà, khẩn thiết thì mình lẫn người mới đều được lợi ích." Do vậy mỗi vị tăng sĩ đều nghiêm túc. Đấy cũng là một cái nhân tạo nên sự linh cảm. Tình hình đại lược về chuyện này đã được đăng lên tờ lâm san của Cư sĩ lâm. Muốn biết những nét chánh yếu, có thể tìm đọc trong báo ấy.

Năm ngoái, cha của cư sĩ Giang Dịch Viên mất, ông ta cũng gởi tiền cậy Quang mở Phật thất. Năm nay, bạn ông ta là Ngô Trường Vinh có mẹ vừa mất, cũng gởi tiền cậy mở Phật thất. Thư ấy gởi đến Phổ Đà thì hôm mồng 3 tháng đó Quang sang Thượng Hải. Mồng 4 đến Nam Kinh, mồng 7 trở về đất Hỗ, mới biết chuyện ấy, liền bàn bạc với hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình, nhưng chùa Thái Bình đã nhận lời mở thất niệm Phật cho nhà ông Triệu Trúc Quân, chẳng thể cùng tiến hành được. Lại chuyển sang bàn bạc với cư sĩ Quan Biệt Tiều để lấy Phật giáo Tịnh nghiệp xã làm đạo tràng. Quan cư sĩ chấp thuận, do vậy hôm nay mở đạo tràng Phật thất tại đây.

Cư sĩ Giang Dịch Viên bình sinh thích niệm Phật nhất, đề xướng pháp môn niệm Phật chẳng tiếc sức thừa, khá có linh cảm. Năm ngoái, vùng Vụ Nguyên bị hạn hán, Dịch Viên khuyên mọi người nhất tâm niệm Phật, chẳng đầy mấy bữa trời mưa một trận lớn. Do vậy, lập ra liên xã Phật Quang, người tham dự liên xã đông lắm, cũng lôi kéo Quang làm hội trưởng danh dự. Niệm Phật có đủ mọi chuyện linh cảm khác nhau, những chuyện như cầu mưa, cầu tạnh và lành bệnh v.v. đều khá rõ rệt, đủ biết niệm Phật lợi ích lớn nhất. Đấy chính là nhân duyên thứ nhất.

Ngoài ra, năm ngoái cư sĩ Lý Vân Thư do người em dâu bệnh nặng, đến chùa Thái Bình muốn làm Phật sự, tôi khuyên ông ta mở niệm Phật thất. Bệnh của người em dâu đã được rất nhiều y sĩ chữa chạy nhưng chẳng lành. Vị thầy thuốc cuối cùng thương cô ta bị đau khổ khó thể chịu đựng đã khuyên nên uống thuốc độc cho mau chết. Do vậy, Vân Thư lập cách cầu Phật gia bị nên đến đây bàn bạc với Quang, Quang bảo mở niệm Phật thất. Không lâu sau, Quang trở về núi, cũng chẳng biết cô ta được lợi ích ra sao! Đến mồng 7 tháng 4 năm nay, Quang sang Cư sĩ lâm thăm pháp sư Đế Nhàn. Ông Lý Vân Thư cũng đến, cho biết năm ngoái vào hôm đầu tiên của niệm Phật thất, cô em dâu ông ta nằm mộng thấy cô ta đến

Tam Thánh Đường cùng với tăng chúng niệm Phật, niệm Phật rất lâu, rất thanh thản thoải mái, bệnh liền nhẹ dần. Vân Thư bảo cô ta: "Tôi đã niệm Phật cho mợ ở chùa Thái Bình chứ không phải là Tam Thánh Đường." Cô em dâu cãi: "Không phải chùa Thái Bình, mà là Tam Thánh Đường." Sau này, hỏi thăm mới biết chùa Thái Bình chính là hạ viện của Tam Thánh Đường núi Phổ Đà. Đủ thấy người bị bệnh nếu biết niệm Phật vẫn được Phật lực gia bị khiến cho bệnh được lành. Chuyện này là một chứng cớ rõ ràng vậy!

Trong tháng 7 năm nay, chính ông Lý Vân Thư bị bệnh. Đang lúc bệnh nặng, thỉnh mấy vị cư sĩ niệm Phật, về sau do hôn mê bất tỉnh nhân sự bèn thôi. Kế đó, nghĩ tới chuyện năm ngoái đã từng vì người em dâu mở niệm Phật thất, bèn sai người đến chùa Thái Bình hỏi tôi và hòa thượng Chân Đạt. Do hai người chúng tôi cùng trụ tại Phổ Đà, ông Lý liền gởi thư xin chúng tôi sang Thượng Hải mở niệm Phật thất. Do nhằm tháng 7, đã qua khỏi kỳ dâng hương tại Phổ Đà, gặp đúng dịp thanh nhàn, chúng tôi liền mở Phật thất tại Tam Thánh Đường núi Phổ Đà, chọn ngày 14 tháng 7 để khai đàn, ngày 20 viên mãn. Hôm 13, Quang liền gởi thư cho Vân Thư; hôm 17, ông ta gởi thư trả lời cho biết bệnh đã khỏi được tám chín phần. Hiện thời, Lý Vân Thư đã hoàn toàn lành bệnh, chỉ có điều sức lực vẫn chưa được bình phục hoàn toàn. Lý Vân Thư bệnh nặng như thế mà nhờ Phật thất gia bị liền được khỏi hẳn bệnh. Linh nghiệm như thế, đấy là một chứng cớ rõ rệt thứ hai vậy.

Phần thứ hai là cương lãnh. Con người hiện thời phần nhiều chuộng lạ, chuộng bày vẽ phô trương, như pháp hội Hộ Quốc Nhân Vương, pháp hội Kim Quang Minh, pháp hội trì chú Lăng-nghiêm, pháp hội Đại Vân Luân[803] v.v.. Những thứ pháp hội ấy có công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, nhưng do người đời nay tài lực ít ỏi, thể lực kém cỏi, tuy nói là cử hành, nhưng khó thể đạt được lợi ích thù thắng, vì đấy không phải là chuyện ai cũng có thể thực hiện được. Nếu niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì không một ai chẳng thể làm được! Cho nên về mặt lợi ích, không có một pháp hội nào sánh bằng niệm Phật. Bởi lẽ, pháp môn niệm

[803] Pháp hội Đại Vân Luân là pháp hội tụng kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ nhằm cầu mưa trong khi pháp hội Nhân Vương Hộ Quốc và Kim Quang Minh tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật và kinh Kim Quang Minh để cầu an, tiêu tai giải nạn. Kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ (Mahā-megha-sūtra) do ngài Bất Không dịch vào đời Đường, bao gồm những bài đà-la-ni để cầu mưa. Trong quyển thượng của kinh này đã kể ra mười thứ mây cúng dường to lớn như biển, lợi ích của mưa và 54 danh hiệu Phật, quyển hạ gồm các bài đại đà-la-ni. Kinh này do đức Phật giảng cho các vị đại tỳ-kheo, đại Bồ-tát và tám trăm mấy chục vị long vương tại Đại Vân Đạo Tràng Bảo Lâu Các của long vương Ô-ba-nan-đà. Kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Đại Vân Kinh Thỉnh Vũ trong kinh Đại Phương Đẳng (do ngài Xà-na-quật-đa dịch vào đời Tùy).

Phật thích hợp khắp ba căn, phù hợp căn cơ nhất, dẫu là đứa con nít bé tẹo vẫn có thể làm được, chứ nếu niệm kinh thì chỉ có một số ít người biết niệm, chẳng phải ai cũng đều biết niệm.

Bốn hay năm năm trước, từ Tứ Xuyên có gởi tới một thông cáo, cho biết vùng Xuyên Trung chiến sự không ngớt, muốn cầu cho chiến tranh ngưng dứt, khuyên hết thảy mọi người niệm chú Lăng-nghiêm. Cần phải biết rằng, những người có thể tụng đọc chú Lăng-nghiêm thì trong ngàn người khó kiếm được một kẻ! Họ còn in ra rất nhiều bản chú Lăng-nghiêm cho người ta đeo và dán trên đầu cửa. Sự việc khá phiền phức, tốn kém lại nhiều, sao bằng niệm Phật hoặc niệm chú Đại Bi hoặc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, so ra thẳng chóng, thích đáng hơn. Vì thế, tôi thấy những kẻ xướng suất, đề nghị tụng chú Lăng-nghiêm thật nực cười! Bởi lẽ, họ chỉ chú trọng phô trương, chứ không quan tâm đến thực chất. Đã là như thế thì lợi ích sẽ kém xa niệm Phật, bởi một câu A-di-đà Phật chính là vô thượng Bồ-đề giác đạo được chứng bởi chính đức Phật. Nếu chúng ta có thể dùng danh hiệu này để tự huân tập cái tâm mình thì lâu ngày chầy tháng khí phận sẽ tương đồng với Phật.

Huống chi câu Phật hiệu ấy không một ai chẳng thể niệm được, dẫu lười nhác, biếng trễ chẳng chịu niệm, nhưng nghe âm thanh niệm Phật của mọi người cũng có lợi ích. So sánh đôi bên, cố nhiên niệm Phật vượt trỗi niệm kinh nhiều lắm! Do niệm Phật giản tiện tột bậc, ngay như kẻ chẳng niệm Phật nhưng nghe âm thanh niệm Phật lọt qua tai liền được gieo thiện căn. Do vậy một câu Phật hiệu này rót vào trong tám thức điền, trong tương lai khi gặp duyên sẽ nẩy sanh. Ví dù bị oán quỷ, bệnh ngặt bức bách, niệm Phật sẽ đều trừ được. Do vậy, phàm những người có tín tâm niệm Phật hãy nên đem điều này khuyên khắp mọi người khác tu trì, chứ chẳng phải chỉ riêng với cha con, người trong nhà là nên khuyên chỉ, ngay cả với hết thảy những ai hữu duyên cũng đều nên khuyên chỉ như thế.

Hỏi: Một pháp niệm Phật vì sao lại có thể coi là thích hợp khắp cả ba căn?

Đáp: Tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng lúc sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện, nghe thiện tri thức dạy niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc niệm mấy tiếng liền được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Do kẻ ấy bị khổ sở bức bách, phát tâm khẩn thiết, nên được thành tựu; chẳng thể nào đem so với kẻ niệm Phật hờ hững, hời hợt để rồi sanh lòng nghi. Đấy là hạ căn. Nếu luận về thượng căn thì từ bậc Sơ phát tâm trụ cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị Pháp thân đại sĩ đều phải niệm Phật hồi hướng vãng sanh hòng viên mãn Phật quả. Do vậy nói: "Hết thảy pháp môn đều phải lấy niệm Phật làm chỗ quy túc." Nếu chỉ ham cao chuộng xa, bàn nói điều huyền lẽ

diệu thì sẽ như đếm vật báu của người khác, chính mình chẳng được nửa xu, rốt cuộc chính mình chẳng được hưởng dùng chi hết. Vì phải đạt tới mức "nghiệp tận tình không" thì mới có thể liễu sanh tử, nếu chỉ nói suông thì có ích gì đâu?

Cần biết rằng, kiến hoặc và tư hoặc chính là căn bản sanh tử, chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không" thì sẽ do đâu mà liễu sanh tử được? Niệm Phật cậy vào Phật từ lực nên lợi ích sâu rộng. Vì thế quốc sư Thanh Lương nói: "Ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu." Pháp môn niệm Phật hợp với thời cơ đời mạt pháp nhất. Hòa thượng Thiện Đạo nói: "Nếu luận về học giải thì hết thảy pháp môn đều phải nên học. Nếu luận về tu trì, cần phải chọn lấy một môn khế lý khế cơ thì mới có lợi ích thật sự." Pháp môn niệm Phật nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, là khế lý khế cơ nhất, con người hiện thời đều nên tu trì. Nhưng pháp môn niệm Phật cũng có rất nhiều lối, cầu lấy một đường lối thỏa đáng thì chỉ có trì danh. Ngay như cách tu quán tượng, quán tưởng cũng có khuyết điểm! Bởi lẽ tâm địa chẳng sáng suốt, không hiểu rõ cách quán, chắc là ma sự sẽ dấy lên. Nếu quán thật tướng thì ai có thể khế nhập thấu triệt được? Do vậy, người niệm Phật chớ nên chú trọng những gì cao xa, mà hãy nên chuyên chú nơi những gì thực tiễn.

Hễ tưởng nghĩ đến đời sau thì niệm Phật sẽ thật thiết tha, sẽ tự nhiên đạt được những cảnh giới khá tịnh diệu trong hiện tại. Quang khuyên các hành nhân tu Tịnh độ chỉ nên mong đạt được nhất tâm, đừng mong tưởng cảnh giới. Nếu không, khó tránh khỏi bị ma dựa! Trong tháng 4 năm nay, có người gởi thư đến kể những cảnh giới cực kỳ hiểm ác, Quang viết thư cho ông ta, khuyên nên nhiếp tâm tịnh niệm. Tất cả cảnh giới đều là huyễn hóa, với cảnh giới tốt đẹp đừng nên hoan hỷ, với cảnh giới xấu ác đừng nên sợ hãi, chúng sẽ tự tiêu diệt. Cần biết rằng: "Ngàn sông bóng nước, ngàn trăng rọi; muôn dặm không mây, muôn dặm trời." Nếu đạt tới lúc tâm và Phật tương ứng thì có cảnh giới hay không cảnh giới đều được cả. Chưa đạt đến lúc tâm tương ứng với Phật, cứ lầm lạc muốn thấy cảnh giới thù thắng nhiệm mầu, thì chính là cái gốc để chuốc lấy ma sự đấy!

Cổ nhân nói: "Học đạo trong các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như đã nương theo gió căng buồm lại còn thuận nước." Kinh Hoa Nghiêm bao gồm trọn vẹn các pháp, xét đến chỗ quy túc thì chính là hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Các kinh Đại thừa không kinh nào chẳng tán dương Tịnh độ, nhưng bốn kinh Tịnh độ chuyên giảng đến tột cùng. Ở Tây Thiên thì các vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v. tự hành, dạy người, đều cùng chỉ quy Tịnh độ. Nơi Đông Độ, từ khi Viễn công sáng lập liên xã ở Lô Sơn trở đi, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiên Thai, Thiện Đạo v.v., đời nào cũng nghe nói có

người, ấy là vì Phật đã sớm biết chúng sanh đời sau căn khí mỏng yếu nên đặc biệt mở ra pháp môn niệm Phật. Vì thế các vị Bồ-tát, tổ sư cực lực đề xướng để mong hết thảy chúng sanh đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Tục ngữ có câu: *"Thiểu thật thắng đa hư, đại xảo bất như chuyết"* (Thật ít hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng). Pháp môn niệm Phật phải tu bằng thật hạnh, nên lúc lâm chung đại sư Liên Trì dặn dò đại chúng rằng: "Xin mọi người hãy thật thà niệm Phật!" Nếu các vị thật thà niệm Phật sẽ chẳng phụ lòng đức Như Lai đại từ bi đã nói ra pháp môn đặc biệt này.

5. Pháp ngữ khai thị tại Tố Thực Đồng Duyên Xã (hội cùng kết duyên ăn chay) ở Nam Kinh

(Hoàng Sám Hoa và Cung Huệ Vân kính ghi)

Ấn Quang vô tri vô thức, ít tham cứu, ít học hành, nay được các vị đại cư sĩ chèo kéo, quả thật hổ thẹn sâu xa. Trộm nghĩ Phật pháp có năm thừa:

1. Nhân Thiên thừa: Nhân thừa trì ngũ giới, được sanh trong loài người. Thiên thừa hành thập thiện, được sanh lên cõi trời trong Dục giới. Nếu còn hành thêm tứ thiền, tứ định[804] thì sẽ sanh trong các cõi trời Sắc giới hay Vô sắc giới.

2. Thanh văn thừa: Tu tứ đế, đắc tứ quả sa-môn[805].

3. Duyên giác thừa: Quán thập nhị nhân duyên, đắc quả Bích-chi Phật.

4. Bồ-tát thừa: Tu lục độ vạn hạnh, chứng quả Bồ-tát.

5. Phật thừa: Hành đại từ đại bi, thành Chánh đẳng chánh giác.

Tu Nhân Thiên thừa kiêm hành Bồ-tát thừa và Phật thừa thì chắc chỉ có mình pháp môn Tịnh độ đó chăng? Ấy là vì Nhân Thiên thừa chỉ tu ngũ giới thập thiện, đều là công đức hữu lậu[806]; chỉ có pháp môn Tịnh độ này có thể vượt tam giới,

---

[804] Tứ thiền (catvāri dhyānāni): sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, cùng mang chung đặc điểm là lìa cảm thọ nơi Dục giới, quán sát Sắc giới, Vô sắc giới. Bốn loại thiền này có công năng đối trị các tâm sở như tầm, tư v.v., tăng trưởng các pháp lạc như hỷ, lạc v.v.. Đồng thời là căn bản để phát khởi *tứ vô lượng tâm* (từ, bi, hỷ, xả), bát giải thoát, bát thắng xứ, thập biến xứ v.v., nên còn gọi là căn bản định. Tứ định chỉ bản thể của các địa vị do Duy thức tông đã lập như noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhất, tức minh đắc định, minh tăng định, ấn thuận định, vô gián định.

[805] Tứ quả sa-môn là tứ quả trong Tiểu thừa, tức: Tư-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

[806] Hữu lậu (sāsrava). Lậu (āsrava) có nghĩa là rơi mất, rò rỉ, là tên khác của phiền não. Do có phiền não nên con người nẩy sanh lầm lỗi, gánh chịu quả khổ, mê muội lầm lạc lưu chuyển không ngừng trong thế giới, nên gọi là hữu lậu. Do tu tập ngũ giới, thập thiện sẽ có phước báo, nếu không có trí tuệ hướng dẫn thì sẽ do phước liền tạo nghiệp, gây nhân sanh tử, khổ não nặng nề trong đời sau nên gọi là "công đức hữu lậu".

liễu sanh tử. Người tu Tịnh độ ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận; lại còn dùng tứ hoằng thệ nguyện để mở rộng cái tâm, tự hành, dạy người, khiến cho khắp mọi người trong là cha mẹ, vợ con, ngoài là xóm giềng, làng nước đều cùng tu ngũ giới thập thiện và tu pháp môn Tịnh độ. Dùng tín nguyện sâu niệm Phật cầu sanh Tây Phương, người ấy tuy là phàm phu nhưng thật ra là Bồ-tát. Vì sao vậy? Do cái tâm rộng lớn.

Xưa kia có một vị sa-di theo hầu một vị tôn giả đi đường, sa-di chợt phát nguyện tự lợi lợi tha "trên cầu Bồ-đề, dưới hóa độ chúng sanh", tôn giả liền bảo sa-di đi trước. Sa-di chợt xoay chuyển ý nghĩ: "Chúng sanh nhiều như thế, làm sao để có thể độ thoát cho hết được! Chẳng thà tự lợi thì hơn." Khi ấy, tôn giả liền bảo bước theo sau ngài. Sa-di lại chợt xoay chuyển ý nghĩ: "Vẫn phải nên độ thoát chúng sanh!" Tôn giả lại bảo sa-di đi trước. Sa-di lấy làm lạ, hỏi lý do, tôn giả bảo: "Thoạt đầu, con phát tâm đại Bồ-đề tức là Bồ-tát, ta tuy là La-hán nhưng vẫn thuộc Tiểu thừa, vì thế phải mời con đi trước. Kế đó, con lại lui sụt tâm Bồ-đề, ta là thánh nhân, con là phàm phu nên theo đúng lẽ phải đi sau. Sau đấy con lại phát tâm Bồ-đề, nên ta vẫn phải thỉnh con đi trước." Do câu chuyện này thấy rằng, phát tâm Bồ-đề công đức vô lượng vô biên! Chúng ta muốn tăng trưởng thiện căn không thể nào chẳng phát tâm Bồ-đề.

Nay đang thời mạt kiếp, lễ giáo suy vong, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, ắt trước hết phải đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi. Thánh nhân thế gian nói về nhân quả như "nhà tích thiện ắt niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa", "làm lành trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều bất thiện trăm sự tai ương giáng xuống" v.v., lời lẽ đơn giản nhưng ý nghĩa bao trùm, người đời sau quen thói chẳng suy xét. Còn các bậc thánh nhân xuất thế gian thì nói nhân quả tường tận tột bậc. Nhờ đấy bậc thượng trí liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, kẻ tư cách trung hạ do xét thấy "làm ác mắc quả ác, làm lành được báo lành" cũng gắng sức làm lành. Dẫu là kẻ cùng hung cực ác cũng có phần kiêng sợ chẳng dám làm. Vì thế nhân quả báo ứng thật sự là một pháp thông trên thấu dưới.

Cũng có kẻ bảo thuyết nhân quả báo ứng là Tiểu thừa, chẳng biết lục độ vạn hạnh cũng là nhân quả. Từ đức Như Lai đã thành Đẳng chánh giác cho đến phàm phu đọa trong địa ngục A-tỳ đều không gì chẳng phải là nhân quả. Bởi thế Phật giáo đề cao, giảng rõ nhân quả, có lợi sâu đậm cho con người vậy thay! Xưa kia Văn Vương cai trị bằng lòng nhân, ân trạch thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy hai ba trăm năm, phong tục giết người tuẫn táng đã trọn khắp thiên hạ. Lại

còn cho rằng "càng giết nhiều càng vẻ vang", thiên tử, chư hầu, sĩ đại phu đều tùy theo khả năng mà giết, rốt cuộc đến khoảng mấy trăm, mấy ngàn người. Ngay như Tần Mục Công là một vị vua hiền, vẫn giết hơn một trăm bảy chục người để tuẫn táng. Ba vị họ Tử Xa[807] chính là bầy tôi hiền của đất nước nhưng đều bị giết để tuẫn táng, huống hồ những kẻ khác ư? Nguyên nhân đều là vì chẳng biết đến nhân quả ba đời vậy. Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc trở đi, chưa hề nghe sử sách chép có chuyện tuẫn táng. Đấy cũng chưa hề chẳng phải là do thuyết nhân quả ba đời của đức Như Lai tạo nên.

Đang trong thời buổi này, sát kiếp lừng lẫy, càng phải nên đề xướng kiêng giết, ăn chay. Sát kiếp do sát nghiệp cảm thành, sát nghiệp lớn nhất chính là ăn thịt. Do ăn thịt nên cảm vời hết thảy thiên tai, nhân họa, hạn hán, lụt lội, mưa dầm, ôn dịch, sâu rầy. Ăn thịt gây hại quá nhiều, nói chẳng thể hết được, đành nêu một thí dụ để chỉ rõ. Xưa kia vào thời Liệt Quốc[808], ở nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, mỗi người ở một nơi. Một hôm gặp nhau, mua rượu cùng uống, một gã nói: "Không thịt chẳng thành cuộc vui, hãy nên mua thịt!" Gã kia nói: "Tôi với anh đều có thịt, cần gì phải tìm thịt ở đâu nữa?" Liền cắt thịt của nhau ăn, lại còn cắt thịt của chính mình để dâng cho nhau đến nỗi chết ngắc.

Trong cái nhìn của chúng ta, hai gã ấy là kẻ đại ngu, nhưng chúng ta chẳng biết rằng "kẻ ăn thịt là vì chẳng hiểu rõ nhân quả báo ứng". Mai kia con người

---

[807] Tử Xa là một họ cổ của Trung Hoa, vốn là con cháu của một vị đại phu đời Tần tên là Tử Xa, con cháu lấy tên tổ tiên làm họ. Đời Tần Mục Công, nước Tần có ba vị đại phu nổi tiếng hiền tài là Tử Xa Trọng Hành, Tử Xa Yểm Tức và Tử Xa Kiểm Hổ. Khi Tần Mục Công chết, ba ông này đã bị con Tần Mục Công chôn sống để bồi táng Tần Mục Công theo di chúc của vua. Về sau, họ Tử Xa đổi thành họ Xa.

[808] Liệt Quốc là cách gọi gộp chung của hai thời kỳ lớn trong vương triều nhà Chu, tức Xuân Thu và Chiến Quốc (có thuyết coi Liệt Quốc chỉ là tên gọi khác của thời kỳ Chiến Quốc).

1. Thời kỳ Xuân Thu (770-476 trước Công nguyên), tên gọi này bắt nguồn từ bộ sử nước Lỗ do Khổng tử san định với tên gọi là Xuân Thu. Thời kỳ Xuân Thu bắt đầu từ năm Chu Bình Vương nguyên niên đến năm 43 đời Chu Kính Vương. Chu Bình Vương (Cơ Nghi Cữu) là con của Chu U Vương, mẹ là Thân Hậu (con gái vua nước Thân). Chu U Vương say mê thứ phi Bao Tự, toan truất phế Nghi Cữu để lập con Bao Tự là Bá Phục làm Thái tử, tống giam mẹ con Nghi Cữu. Nghi Cữu trốn về nước Thân. Vua nước Thân liền liên kết với vua nước Tắng và rợ Khuyển Nhung, đánh bại U Vương, đốt cháy Cảo Kinh. Nghi Cữu lên ngôi, trở thành Chu Bình Vương. Do quốc khố lẫn kinh đô tan hoang, Bình Vương phải dời đô sang Lạc Dương. Sử gọi là nhà Đông Chu. Từ đấy, thế lực nhà Chu suy yếu, chư hầu nổi lên lấn quyền, xưng bá, lần lượt có năm chư hầu mạnh nhất (Xuân Thu Ngũ Bá) nối nhau nắm quyền là: Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công và Sở Trang Vương (có sách kể Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Ngô Hạp Lư và Việt Câu Tiễn).

2. Thời kỳ Chiến Quốc (476-221 trước Công nguyên). Do trong thời kỳ này các nước (đặc biệt là bảy nước lớn Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên) đánh nhau loạn xà ngầu nên gọi như thế. Thời kỳ này kết thúc khi Tần Thủy Hoàng thôn tính sáu nước kia, diệt các nước nhỏ còn sót lại như Chu, Tống, Vệ, Trung Sơn, Lỗ, Đằng, Trâu, Phí v.v., lập ra đế quốc Đại Tần.

chết đi đầu thai làm loài thú, thú chết đi thành người, ăn thịt lẫn nhau, có khác chi đâu? Chẳng qua khác biệt ở chỗ cách đời hay cùng thời mà thôi, nhưng còn tệ hơn! Hai gã dũng sĩ chết vì ăn thịt lẫn nhau, nhân quả báo ứng trong một lúc đều xong hết; chứ kẻ ăn thịt nhân quả dây dưa không dứt, báo ứng cũng chẳng có lúc nào xong. Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười loại chúng sanh, chết chết sống sống ăn nuốt lẫn nhau." Kinh đã dạy rõ ràng như thế, thật đáng kinh hãi! Ở đây tôi lại lược thuật vài nghĩa để làm sáng tỏ đạo lý vì sao "không nên ăn thịt".

1. Do cái tâm bất nhẫn: Hết thảy những loài có linh tánh đều cùng một thể. Do thương dân mà yêu vật, nguyên khí thái hòa tràn ngập nhân gian. Do vậy, biết rằng giết chóc sanh linh là chuyện hoàn toàn chẳng có nghĩa lý gì cả. Hết thảy chúng sanh đều tham sống sợ chết, sao ta nỡ lòng tàn hại sanh mạng để thỏa thích miệng bụng?

2. Nhân quả báo ứng: Hết thảy sanh linh đều do xưa kia chẳng biết nhân quả nên bị đọa lạc trong loài súc sanh. Nay ta giết chúng để ăn thịt, mai sau khi chúng đã hết ác báo, sát nghiệp của ta mới thành, ta cũng sẽ làm thịt trên thớt của chúng. Do vậy kiêng giết, ăn chay chẳng phải là tính toán cho sanh linh mà cũng là tính kế cho chính thân ta vậy!

Ông Lưu Ngọc Thụ giữ chức Hàn lâm đời Minh, đỗ thuyền ở Tô Châu, mộng thấy một người đàn ông to lớn đến cầu cứu, tự xưng là Thiên tướng quân[809] Tào Hàn, do tàn sát Giang Châu nên đời đời mang thân lợn: "Nơi lò mổ ở ngay trước bến thuyền, trong chốc lát, con lợn bị giết đầu tiên chính là tôi đấy, xin hãy cứu vớt!" Ông ta tỉnh giấc quả nhiên thấy gã đồ tể sắp giết lợn, liền mua đem về thả trong một ngôi chùa tại Xương Môn[810]. Hễ có ai kêu "Tào Hàn", con lợn ấy đều quay đầu ngó. Điều này có thể chứng tỏ con người biến thành súc sanh, súc sanh biến thành người. Những chuyện về hoạt Diêm vương, hoạt tiểu quỷ được chép trong sách vở rất nhiều. Đấy đều là thiên địa quỷ thần hé lộ một chút tin tức về nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để răn nhắc người đời vậy.

3. Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ, quyến thuộc của ta trong quá khứ! Chúng ta đã biết rõ nhân quả luân hồi, trong một đời có cha mẹ quyến thuộc trong đời ấy. Trải qua nhiều kiếp sống, sẽ có cha mẹ, quyến thuộc trong nhiều kiếp sống.

---

[809] Thiên tướng quân là một quan chức đã có từ thời Tam Quốc. Thiên tướng và Tỳ tướng là hai chức quan võ nhỏ nhất, chuyên được sai đi đánh trận, làm tướng tiên phong, hoặc chỉ huy những trận đánh nhỏ. Thiên tướng cao hơn Tỳ tướng một trật, nhưng cả hai đều thuộc ngạch Cửu phẩm.

[810] Xương Môn là tên một cửa thành của cố đô Cô Tô nước Ngô (nay thuộc Tô Châu).

Cha mẹ, quyến thuộc trải nhiều kiếp số như thế luân hồi trong sáu nẻo, trong số ấy có những người làm ác, khó tránh khỏi đọa trong tam đồ. Vì thế đối với lục đạo chúng sanh, chúng ta phải coi như cha mẹ, vợ con. Lẽ nào con hiếu cháu hiền lại ăn nuốt cha mẹ ư? Há có cha mẹ hiền từ nào lại ăn nuốt con cái ư? Hễ suy nghĩ đến điều này sẽ chẳng nỡ ăn mà cũng chẳng dám ăn nữa.

Ngay cả cúng giỗ tổ tiên cũng chớ nên dùng thịt, bởi lẽ, mang tiếng là kính trọng chứ thật ra đã làm hại tổ tiên. Còn như dùng thịt để dâng cho cha mẹ, đều khiến cho cha mẹ tổn phước, mắc họa ương. Cha mẹ là người có phước đức thiện căn thì phước đức thiện căn ấy sẽ bị hao tổn. Nếu là kẻ không có phước đức thiện căn thì ta đã tăng thêm ác nghiệp giết hại cho họ. Xưa kia, lúc đức Phật tại thế, một bà góa nhân giỗ đầu của chồng đi mua thịt về cúng. Trên đường đi gặp Như Lai, Như Lai dạy: "Thịt này là do chồng bà chuyển biến thành, há nên dùng thịt của chồng để cúng giỗ hồn chồng?" Theo lẽ đó mà suy thì kính trời đất, tế quỷ thần cũng chớ nên dùng thịt. Thiên địa quỷ thần lẽ đâu chẳng hiểu sâu xa nhân quả, lại tham thứ thịt bẩn thỉu, tanh tưởi ấy mà đến chứng giám, hưởng nhận ư? Do vậy kẻ dùng huyết nhục để cúng tế muốn cầu phước, đâm ra lại mắc họa.

4. Hết thảy chúng sanh đều là chư Phật trong vị lai, bởi lẽ hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ làm Phật. Vì thế họ là vị lai chư Phật. Hơn nữa, trong loài súc sanh đôi khi có Phật hay Bồ-tát hóa hiện trong ấy nhằm tạo phương tiện độ sanh, như chuyện Bạc Hà được chép trong Thanh Lương Chí: Một vị tăng ở Ngũ Đài gặp một vị tăng lạ lùng lấy ra một bức thư dặn giao cho Bạc Hà, nhưng không nói rõ địa chỉ. Một hôm vị tăng ấy đi qua Vệ Huy thấy một lũ trẻ nhỏ hô "Bạc Hà", vị tăng hỏi: "Bạc Hà ở đâu?" Bọn trẻ chỉ con lợn đang nằm dưới vách tường, bảo: "Chẳng phải là nó đó sao?" Tăng cầm thư gọi "Bạc Hà", rồi ném thư cho lợn. Con lợn đứng lên như người, dùng hai chân trước nhận lấy, bỏ thư vào miệng rồi chết đứng. Khi ấy mới biết con lợn ấy chính là do Bồ-tát biến hiện.

Gã đồ tể [chủ nhân của Bạc Hà] giết lợn rất nhiều. Nếu đem con lợn sắp bị giết đến trước mặt Bạc Hà thì nó liền để mặc cho giết, trọn chẳng chạy trốn, kêu gào. Vì thế, gã đồ tể yêu mến Bạc Hà, mỗi lần muốn giết lợn, cứ dắt Bạc Hà đi vòng quanh con lợn ấy thì cũng giống như đã giết chết con lợn đó rồi. Vì thế vẫn nuôi Bạc Hà nhiều năm không giết. Hơn nữa, con lợn ấy sạch sẽ, thích ăn bạc hà nên đặt tên như vậy. Thoạt đầu, vị tăng ấy nhận lá thư của vị tăng lạ lùng rồi ra đi, giữa đường suy nghĩ: "Thư này sẽ giao đến nơi đâu?" Bèn lén bóc ra, thấy đại ý viết: "Độ chúng sanh nếu họ đã được độ thoát thì hãy mau quay về để lâu ngày khỏi bị mê mất." Vị tăng lấy làm lạ, dán phong thư lại. Đến nay mới biết Bạc Hà

chính là đại Bồ-tát vậy. Đi quanh con lợn một vòng thì bầy lợn liền chứng Vô sanh pháp nhẫn, oai đức thần lực ấy há nghĩ bàn được chăng?

Thêm nữa, Đường Văn Tông (809-840) thích ăn nghêu, một bữa nọ có con nghêu ngậm chặt vỏ không tách ra được. Vua liền đích thân tách ra, thấy bên trong có tượng Đại sĩ Quán Âm bằng thịt sò, trang nghiêm dị thường, do vậy có thể biết là có còn nên ăn thịt hay không? Nếu ăn lầm phải thân Phật, Bồ-tát hóa hiện thì tội lỗi ấy sẽ chẳng thể nào kể xiết! Nếu chúng ta biết được lý này sẽ tự chẳng dám ăn thịt mà cũng chẳng nỡ ăn thịt.

Chúng ta hãy nên thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng cần phải tu pháp nào khác nữa! Nếu cậy vào tự lực để tu thiền định hòng liễu sanh tử sẽ rất ư là khó, do pháp ấy cần phải đạt đến mức nghiệp tận tình không, đoạn sạch kiến hoặc, tư hoặc mới thoát khỏi sanh tử. Lúc đức Phật tại thế, chẳng thiếu người đoạn sạch được kiến hoặc, tư hoặc chẳng còn sót; nhưng trong thời đại mạt pháp, căn tánh kém hèn, thật chẳng dễ có bậc đoạn hoặc chứng chân. Chỉ có một môn Tịnh độ là có thể vào lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, tức là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh rồi.

Hơn nữa, chớ nên coi pháp môn Tịnh độ quá nhẹ, vì hàng Pháp thân đại sĩ như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. đều chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được. Mà cũng chớ nên nghĩ là quá khó, bởi lẽ hễ ai có tâm đều có thể thành Phật. Chỉ trì vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật thì như đã được trao bằng khoán vãng sanh. Kẻ tu Tịnh độ hãy nên hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp, ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều tốt lành. Đấy là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Kế đó, thọ trì tam quy, trọn đủ ngũ giới, chẳng phạm oai nghi. Tiếp đến là tin sâu nhân quả, phát tâm Bồ-đề, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả, nhưng đều phải lấy điều thiện thế gian như hiếu dưỡng cha mẹ v.v. làm căn bản.

Nếu y theo các pháp môn khác thì đều phải cậy vào tự lực, giống như vượt qua biển cả, hễ kẻ nào có cánh thì sẽ có thể bay vượt qua, chứ kẻ chỉ nổi được thì chưa đủ để trông cậy, huống hồ kẻ chẳng thể nổi được ư? Cậy vào Phật lực giống như ngồi thuyền vượt biển, trong khoảnh khắc liền đến bờ kia. Lại như thân phận thường dân muốn được quý hiển, thật chẳng phải là chuyện dễ, nhưng vương tử vừa mới sanh ra đã là người nối ngôi vua! Tự lực - tha lực, khó - dễ, được - mất trong đấy chẳng thể nào cùng một lúc nói cho xiết được. Thường thấy kẻ tự xưng là thông Tông thông Giáo chẳng tin vào pháp môn Tịnh độ, lại còn cho đấy là

hạnh dành cho bọn ngu phu ngu phụ hành trì, sao chẳng nhìn vào chuyện đã xảy ra cho luật sư Đại Trí, Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vậy?

Luật sư Đại Trí thoạt đầu rất miệt thị Tịnh độ, sau đọc Tục Cao Tăng Truyện, thấy pháp sư Huệ Bố nói: "Cõi ấy tuy tịnh, nhưng ta chẳng muốn. Giả sử trong mười hai đại kiếp sống trong hoa sen, hưởng các khoái lạc, sao bằng ta ở trong đời ác ngũ trược giáo hóa chúng sanh ư?" Liền sanh phỉ báng. Về sau do bị bệnh nặng, mới biết chính mình trọn chẳng có mảy may bản lãnh gì để trông cậy, liền phát nguyện đến hết báo thân này hoằng dương Tịnh độ. Suốt hai mươi mấy năm, tay chẳng rời kinh Phật, lấy Tịnh độ làm chỗ nương tựa, quy hướng. Thiền sư Ngũ Tổ Giới, thiền sư Thảo Đường Thanh công hạnh cao cả vượt trỗi những kẻ tầm thường, chỉ vì chưa thể đoạn sạch kiến hoặc, tư hoặc, nên vẫn phải luân chuyển trong nhân gian. Vì thế biết liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà bỏ Tịnh độ thì không có kế sách tốt đẹp nào cả!

Pháp môn niệm Phật cần phải đầy đủ tín nguyện hạnh. Tín đã sâu, ắt sẽ phát nguyện thiết tha. Nguyện đã phát thiết tha, ắt sẽ dốc sức hành trì. Chỉ niệm Di-đà chẳng cần kèm thêm pháp nào khác nữa. Hãy nên dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, tâm niệm tai nghe, từng câu từng chữ phân minh. Niệm cho phân minh, nghe cho phân minh sẽ là chánh nhân vãng sanh. Đã dùng pháp này để tự hành, ắt lại phải đem pháp này dạy bảo người khác thì công đức giáo hóa ấy sẽ quy về chính mình. Quả thật là tư lương vãng sanh tối thắng.

Nhưng trước hết hãy nên khuyên cha mẹ, anh em, vợ con trong nhà chính mình, lấy thân làm gốc, từ thân đến sơ. Thêm nữa, nhờ vào công đức niệm Phật, không những có thể vãng sanh Tây Phương mà còn có thể tiêu trừ những tai họa lạ lùng, ngang trái. Phàm bệnh tật do oán nghiệp chẳng thể chữa trị được mà nếu chí thành niệm Phật thì lâu ngày sẽ đều được khỏi bệnh. Bởi lẽ thầy thuốc chỉ trị được bệnh, chứ không thể trị được nghiệp, chỉ có niệm Phật là trị được thân bệnh lẫn tâm bệnh, không có gì chẳng trị được. Cúi mong các vị cư sĩ đều nên phát tâm Bồ-đề, đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, ấy gọi là "dùng quả địa giác làm nhân địa tâm" cho nên được "nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân", thật đáng gọi là pháp hy hữu rất khó có vậy!

(Tháng 7 năm Bính Dần - 1926)

6. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới

(Hiển Ấm bút ký)

Vấn đề quan trọng nhất trong Phật pháp chính là liễu sanh tử. Nếu luận về đại sự liễu sanh tử ấy thì rất khó khăn, bọn phàm phu chúng ta căn cơ kém cỏi, hiểu biết nông cạn, đã thế trong đời ác ngũ trược tà sư ngoại đạo thật đông. Muốn liễu thoát sanh tử, rốt cuộc phải như thế nào mới liễu thoát được? Chỉ có pháp môn niệm Phật, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tinh tấn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì mới liễu thoát được. Trong Phật pháp có nhiều phương tiện, tham Tông học Giáo đều có thể liễu thoát sanh tử, cớ sao cứ phải nhất định niệm Phật vậy? Ấy là vì tham Tông nghiên Giáo đều phải cốt sao đạt đến mức cùng cực, nếu như thật sự tu chứng được thì mới có hy vọng. Đấy chính là hoàn toàn cậy vào tự lực, há nói dễ dàng ư?

Niệm Phật là nương tựa vào Phật lực gia bị, tức là kiêm cậy vào Phật lực, tự nhiên chắc chắn có chỗ nắm vững được. Ví như vượt biển, cậy vào tự lực sẽ giống như bay vượt qua biển, còn cậy vào Phật lực như ngồi thuyền từ. Bay vượt qua biển khó thể chẳng lo bị rơi xuống, ngồi thuyền từ chắc chắn có bữa đến được bờ kia. Sự khó dễ, an nguy trong ấy chắc mọi người đều đã phân biệt đến nơi đến chốn rồi. Nói chung, cậy vào tự lực để tham thiền ngộ đạo liễu sanh tử, nhưng chưa về đến nhà (chưa chứng đến mức rốt ráo) thì thường là chẳng dễ dàng thực hiện được. Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chỉ cần tín nguyện chân thiết hành trì kiên cố, sẽ có công năng liễu thoát.

Nếu luận về sự khó dễ giữa tự lực và tha lực cũng như sự khó dễ giữa Thiền và Tịnh thì nói rõ ràng nhất, minh bạch nhất, không chi bằng Tứ Liệu Giản của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ. Chiếu theo Tứ Liệu Giản để nói thì người chẳng thông Tông thông Giáo cố nhiên phải nên niệm Phật, nhưng kẻ thông Tông thông Giáo lại càng phải niệm Phật! Tuy thông nhưng chưa chứng nói chung đều phải niệm Phật để liễu sanh thoát tử thì mới đúng đạo lý. Đại sư Vĩnh Minh chính là A-di-đà Phật hóa thân, đại từ đại bi khai hóa chúng sanh. Tứ Liệu Giản như sau:

Có Thiền có Tịnh độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, tổ.

Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn tu, vạn người về,
Chỉ được thấy Di-đà,
Lo chi không khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh độ,

Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Bài kệ Tứ Liệu Giản gồm 16 câu trên đây đúng là thuyền từ, mong mọi người hãy nên chú ý! Muốn hiểu rõ ý nghĩa của bài Tứ Liệu Giản này thì trước hết cần phải hiểu rõ ràng thế nào gọi là Thiền, thế nào gọi là Tịnh, thế nào gọi là có, thế nào gọi là không. Đã thấy rõ được ý nghĩa của bốn chữ "Thiền, Tịnh, có, không" này rồi thì mới hiểu rõ được ý nghĩa của Tứ Liệu Giản. Do vậy, tôi đem ý nghĩa của "Thiền, Tịnh, có, không" quyết trạch đại lược như sau:

Nói tới Thiền chính là "trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật", hoặc như trong Giáo gọi là "đại khai viên giải, triệt chứng bản giác lý thể của nhất niệm linh tri". Do vậy, phải đích thân thấy được bản lai diện mục thì mới được kể là "có Thiền". Nếu không, chẳng thể coi là có. Nói đến Tịnh thì là pháp môn "tín sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tịnh độ" như đã dạy trong ba kinh Tịnh độ. Tự tâm tịnh thì quốc độ tịnh, do tự lực cảm nên Phật lực ứng. Điều cần thiết bậc nhất là lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, hạnh tinh tấn dũng mãnh. Do vậy cần phải có lòng tin quyết định không nghi. Chí thành khẩn thiết phát nguyện, lại còn hành trì nhất định chẳng thay đổi thì mới kể là "có Tịnh độ". Nếu không, chẳng thể kể là có Tịnh độ được. Người đời thường nghĩ ngồi như đã chết khô, khán chết cứng một câu thoại đầu là "có Thiền", niệm Phật sơ sài, loáng thoáng vài câu bèn kể là "có Tịnh độ". Ấy chính là lầm lẫn lớn lao lắm đấy!

Nói chung, "có Thiền" chính là có công phu minh tâm kiến tánh, "có Tịnh độ" là niệm Phật đến mức chắc chắn được vãng sanh. Đấy chính là đạo lý khẩn yếu nhất. Nhưng minh tâm kiến tánh chỉ là khai ngộ chứ vẫn chưa chứng, trọn chẳng thể liễu sanh tử. "Hễ ngộ được thì không còn sanh tử" chẳng phải là lời lẽ của người đã chứng nhập! Hãy nên biết rằng, ngộ là mở mắt, ngộ rồi mới có đường lối để chân tu thực chứng. Kẻ chưa ngộ chẳng khỏi tu mù luyện đui, sụp hầm sa hố. Do bởi lẽ ấy, trước hết cần phải khai ngộ, đấy chính là công phu ban đầu. Nếu bàn đến chuyện "muốn về được đến nhà" thì chính là dốc sức tiến bước để làm chuyện "đang cháy lại đổ thêm dầu" đấy chăng?

Câu thứ nhất trong Tứ Liệu Giản "có Thiền, có Tịnh độ" nghĩa là đã có công phu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Lại còn có lòng tin chân thật, phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Đại triệt đại ngộ giống như mãnh hổ, lại có bản lãnh niệm Phật để liễu sanh tử thì há chẳng phải là như cọp mọc sừng ư? Do vậy nói "ví như cọp đội sừng". Dùng sở ngộ và sở hạnh của chính mình để giáo hóa chúng sanh. Kẻ nên dùng thiền cơ để độ bèn giảng Thiền, kẻ nên dùng Tịnh tông để độ được bèn giảng Tịnh, nên dùng Thiền Tịnh song tu để độ bèn dùng pháp môn Thiền Tịnh để hóa độ. Do vậy lời lẽ chẳng phí uổng, không căn cơ nào chẳng nhiếp, mở mắt cho chúng sanh, làm bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, nên nói là "hiện đời làm thầy người". Bởi lẽ, người minh tâm kiến tánh niệm Phật cầu sanh sẽ thấy thấu triệt tự tánh Di-đà, quyết chứng được duy tâm Tịnh độ, khi lâm chung sẽ thượng phẩm thượng sanh. Trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, liền chứng được địa vị Sơ trụ trong Viên giáo, phân thân làm Phật trong một trăm thế giới, tùy loại ứng hiện hóa độ chúng sanh. Đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là đại trượng phu, tương lai làm Phật, làm tổ, chân ngữ, thật ngữ. Ngưỡng mong đại chúng hãy tin tưởng chắc thật!

Bài kệ Liệu Giản thứ hai nói tới kẻ chưa từng đại triệt đại ngộ, cậy vào sức của chính mình quyết khó mong liễu sanh tử. Do vậy phát nguyện cầu Phật tiếp dẫn, tu hành pháp môn Tịnh độ, nên nói "không Thiền, có Tịnh độ". Chỉ cần tin tưởng sâu xa, chỉ cần phát nguyện, chỉ cần niệm Phật thì bất luận là ai đều có thể vãng sanh, vì thế nói "vạn tu, vạn người về". Nếu có ai chẳng thông hiểu đạo lý, niệm Phật chỉ cầu phú quý, cầu sanh lên trời thì những người như thế chẳng thể kể là "có Tịnh độ". Chẳng được sanh về Tây Phương thì chỉ trách chính mình chẳng phát nguyện, chẳng thể trách móc từ phụ Di-đà không đến tiếp dẫn! Nếu có thể phát nguyện cầu sanh thì nói chung sẽ được vãng sanh. Đã được vãng sanh, đích thân thấy Phật Di-đà, nghe giảng diệu pháp, tức thời khai ngộ. Trong một đời liền chứng A-bệ-bạt-trí, địa vị Bất thoái chuyển, vì thế nói "chỉ được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ". Nhìn từ đây, pháp môn Tịnh độ quả thật là không một điều tốt đẹp nào chẳng có!

Bài kệ Liệu Giản thứ ba nói tới những kẻ tuy có thể đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, do vì chưa về đến nhà sẽ chẳng hưởng sự an thân lập mạng được, nên nói *"hữu Thiền, vô Tịnh độ, thập nhân cửu tha lộ"* (có Thiền, không Tịnh độ, mười kẻ, chín chần chừ). Nói: "thập nhân, cửu tha lộ" (mười kẻ, hết chín kẻ chần chừ trên đường) nghĩa là tuy có thể khai ngộ nhưng chưa nhất định chứng đến nơi đến chốn, vì thế nói là "tha lộ" (chần chừ trên đường). Có kẻ chép câu Liệu Giản này thành "thập nhân cửu thác lộ" (mười người chín lầm đường) thì hai chữ "thác lộ" là sai! Há có bậc thiền gia đại triệt đại ngộ

nào lại là kẻ lầm đường ư? Bậc đại triệt đại ngộ nhưng chưa thật sự đạt đến địa vị an thân lập mạng, cho nên sợ rằng khi phải qua cửa ải sanh tử chưa chắc đã có thể đích xác làm chủ được. Khi lâm chung sẽ theo nghiệp lưu chuyển, bị các nghiệp thiện hay ác trong nhiều đời ngăn lấp mà thọ sanh, đáng kinh sợ, đáng sợ hãi thay! Thật chẳng bằng cầu Phật tiếp dẫn là ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng nương tựa nhất, vì thế nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó". "Ấm cảnh" ở đây chỉ cho nghiệp cảnh thiện ác từ vô thủy đến nay, chứ không phải là ngũ ấm ma cảnh. Há bậc thiền gia đại triệt đại ngộ lại chẳng nhận biết ngũ ấm ma hay sao? Có lẽ ấy hay chăng?

Bài kệ thứ tư "không Thiền, không Tịnh độ" là nói đến những kẻ chẳng biết tu tâm. Đã không có công phu minh tâm kiến tánh, lại chẳng hành trì phát nguyện niệm Phật thì đúng là nguy lắm. Đấy chính là những kẻ tu tâm nhưng chưa khai ngộ, nói chung là hạng tu mù luyện đui, chẳng thể giải thoát. Tuy nhiên, hễ tu thì có phước báo, không gì chẳng phải là nghiệp nhân sanh tử. Phước báo lớn, tạo nghiệp càng sâu; phước hết, họa tới, tội báo khó trốn khỏi được. Nỗi khổ trong địa ngục há thể nào may mắn tránh khỏi được ư? Sanh tử luân hồi nương tựa vào ai? Do vậy đọc xong bốn bài kệ Liệu Giản này đúng là "mắt ngó tới, lòng kinh hãi". Mong mọi người đều biết nỗi khổ sanh tử, phát tâm Bồ-đề. Kẻ không có Tịnh độ hãy mau mau phát nguyện tu hành, biến thành "có Tịnh độ". Kẻ có Tịnh độ vẫn phải tinh tấn dũng mãnh, lấy quyết định sanh về Tây Phương làm điều kỳ vọng. Khẩn yếu lắm đấy!

Mọi người phải hiểu rằng cậy vào tự lực để tu trì thì chính mình sẽ có những loại lực nào? Chỉ là nghiệp lực từ vô thủy đến nay. Do vậy muôn kiếp ngàn đời khó được giải thoát! Cậy vào hoằng thệ đại nguyện lực của A-di-đà Phật sẽ tự nhiên hoàn thành chỉ trong một đời. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe; đã đến núi báu, đừng về tay không! Lại phải nên biết rằng, pháp môn niệm Phật chẳng phải là chuyên dành cho hạng hạ căn mà chính là thích hợp khắp cả ba căn. Bất luận lợi căn độn căn, thượng trí hạ ngu, cho đến Đẳng giác Bồ-tát đều hướng đến pháp môn này thì sau này mới có thể thành Phật. Do vậy trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học với khắp các bậc đại thiện tri thức, chứng nhập các môn đà-la-ni trong pháp giới hải hội, cuối cùng Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Nhìn từ chỗ này, pháp môn Tịnh độ đúng là pháp môn cao thượng nhất, viên mãn nhất. Nếu báng bổ niệm Phật là hạnh của bọn ngu phu ngu phụ thì đúng là báng Phật, báng pháp, là hạt giống địa ngục. Kẻ chẳng tin Tịnh độ ngu cuồng đọa lạc, là kẻ đáng thương tột bậc!

Sở dĩ pháp môn Tịnh độ cao thượng như thế là vì những giáo lý tu tâm thông thường hoàn toàn cậy vào tự lực, chỉ có Tịnh độ là kiêm cậy vào Phật lực, là giáo lý đặc biệt, chẳng phải là giáo lý phổ thông. Dùng tầm mắt phổ thông để nhìn giáo lý đặc biệt, tự nhiên sẽ thấy chẳng thỏa đáng. Giáo lý phổ thông cậy vào tự lực giống như tiến thân trên đường công danh, phải lên cao từng bước. Tịnh độ là giáo lý đặc biệt cậy vào Phật lực, ví như sanh trong cung vua, vừa lọt lòng mẹ liền là người nối ngôi vua. Sự khó dễ, cong thẳng chẳng cần phải là người trí mới biết được. Tịnh độ đạo tuy cao quý, nhưng pháp chẳng có lạ lùng, đặc biệt gì, chỉ cần tâm thiết tha cầu Phật, tự nhiên sẽ được Phật gia bị. Hãy nên biết rằng, Phật nghĩ nhớ, che chở chúng sanh còn hơn cha mẹ yêu con, do vậy hễ có cảm ắt có ứng. Nhưng Phật tánh thiên chân sẵn có của chúng ta chiếu trời soi đất, hằng cổ, hằng kim, dẫu là kẻ ngũ nghịch thập ác, linh quang sẵn có của hắn ta vẫn chẳng giảm một mảy may nào. Nhưng như gương sáng bị bụi phủ, kẻ ngu cho là chẳng có quang minh, trọn chẳng biết lau chùi để trừ trần cấu thì quang minh lại hiển hiện rành rành.

Do vậy, niệm A-di-đà Phật tức là dùng Phật niệm để thay cho vọng niệm, đấy chính là phương pháp khử trần cấu tốt nhất. Niệm tới niệm lui không gì chẳng nhằm hiển lộ A-di-đà Phật sẵn có trong tự tâm. Tự lẫn tha tương ứng, cảm ứng đạo giao, diệu nghĩa vãng sanh không thể nói xuể. Người niệm Phật chỉ cần chí thành khẩn thiết, tâm giống như tâm Phật, hạnh giống như hạnh Phật, có một phần cung kính được một phần lợi ích, có một phần kiền thành được một phần thụ dụng. Mong mọi người hãy nỗ lực!

Hiện thời thế đạo ngày một suy, nhân tâm ngày một hoại, muốn bổ cứu từ căn bản thì phải chú trọng nơi giáo dục trong gia đình. Trị quốc, bình thiên hạ phải bắt đầu từ tề gia, do vậy quyền lực "trị quốc, bình thiên hạ" phụ nữ chiếm quá nửa. Phụ nữ chú trọng nơi mẫu giáo (sự dạy dỗ của mẹ), mẹ dạy con noi theo quy củ, tập quen từ thuở bé, lớn lên sẽ thực hiện, nhân cách tốt đẹp phải được bắt nguồn từ tuổi măng sữa. Vì thế, chức trách, nhiệm vụ "giúp chồng dạy con" của phụ nữ lớn lắm.

Những vị nữ cư sĩ phải biết phụ nữ được gọi là Thái Thái là vì vào buổi đầu khai quốc của nhà Chu, Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều hiền đức tột bậc, là bậc mẫu nghi của thiên hạ, do vậy gọi phụ nữ là Thái Thái. Các vị nữ cư sĩ hãy nên biết danh xưng Thái Thái đáng tôn, đáng quý, ai nấy tận hết chức trách bổn phận giúp chồng dạy con để làm cơ bản trị quốc bình thiên hạ, ngõ hầu danh xứng với thực. Nói đến chỗ cùng cực của tu tâm thì vẫn là hai câu: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành." Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói được, nhưng ông

lão tám mươi làm không xong! Người rốt ráo làm được hai câu ấy đã ở vào địa vị chư Phật. Do vậy mong hết thảy những thiện nam tín nữ tu tâm hãy hết sức chú ý. Ngàn lời vạn lẽ nói chung là "phải tu tâm để liễu sanh tử", nếu luận tới chỗ mấu chốt khẩn yếu nhất của tu tâm để liễu sanh tử thì là "đừng làm các điều ác, vâng hành các điều lành, phát nguyện niệm Phật". Mong mọi người ghi nhớ mấy ý nghĩa này cẩn thận, chắc chắn sẽ tự nhiên giải quyết xong sanh tử, chứng Phật đạo. Xin hãy gắng lên!

7. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới ngày lễ kỷ niệm đức Thích-ca thành đạo

(Cổ Nông tốc ký)

Hôm nay là ngày đức Phật Thích-ca thành đạo mà cũng là ngày chúng ta thành đạo. Vì sao vậy? Vào ngày hôm nay, sau khi đức Phật Thích-ca thành Phật liền vì chúng sanh nói mọi pháp thành Phật; chúng ta chỉ y theo pháp để tu nhân liền có thể thành tựu Phật quả, chẳng khác gì đức Phật Thích-ca. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã thọ ký cho chúng ta: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành." Đại chúng biết mình là "Phật sẽ thành" liền có thể mạnh mẽ gắng sức, chẳng còn tự coi rẻ, phụ bạc chính mình nữa, quét sạch hết thảy nghiệp chướng, tích tập hết thảy công đức, trong tương lai thành đạo. Nay đã quyết định, nên nói "cũng là chúng ta thành đạo".

Kinh Pháp Hoa dạy: "Như Lai vốn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, muốn làm cho chúng sanh khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, nhập Phật tri kiến." Có nghĩa là "đức Phật đã nói ra mọi pháp môn không gì chẳng nhắm tới mục đích muốn làm cho chúng sanh được thành Phật". Nhưng vì chúng sanh căn khí bất nhất, kẻ căn khí lớn lao bèn tu tập đại pháp, thành Phật ngay trong đời hiện tại; kẻ căn khí nhỏ nhoi chẳng thể tu đại pháp, đức Phật bèn lập phương tiện, dạy họ tiệm tu (tu dần dần theo từng bước). Tuy vẫn có người có thể liễu sanh tử ngay trong đời hiện tại, nhưng hết sức ít ỏi. Do lòng đại từ đại bi, ngoài hết thảy các pháp môn cậy vào tự lực, đức Phật lập nên một pháp môn cậy vào Phật lực, tức là pháp môn dạy chúng sanh "niệm Phật vãng sanh Tịnh độ". Do vậy, bất luận căn khí lớn hay nhỏ đều được cậy vào Phật lực để liễu sanh thoát tử, đại sự nhân duyên của đức Phật ta cũng nhờ vào đây mà được viên mãn.

Hiện thời chúng ta thọ mạng ngắn ngủi, trí tuệ lại ít ỏi, hãy đều nên nương theo pháp môn niệm Phật để tu trì hòng vãng sanh Tây Phương. Chớ nên tự đại, coi Tây Phương chẳng đáng để sanh về, khinh rẻ pháp môn niệm Phật. Cần biết

rằng, niệm Phật tức là tâm quý vị là Phật; nếu không niệm Phật, tâm quý vị chẳng phải là Phật. Quán kinh dạy: "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật." Nếu ai không niệm Phật thì vẫn chẳng thể vô niệm được, đã không thể vô niệm mà lại chẳng niệm Phật, ắt sẽ niệm lục phàm[811], vọng tưởng điên đảo đều thành cội rễ sanh tử. Do vậy phải nên niệm Phật. Đi đứng nằm ngồi chẳng lìa niệm ấy. Niệm tới, niệm lui, niệm đến khi cái gốc sanh tử bị cắt đứt; lúc tới Tây Phương sẽ là thượng phẩm thượng sanh.

Các tông thuộc bên Giáo, tánh - tướng, giáo - lý tinh vi sâu xa, mênh mông rộng lớn, chẳng dễ gì nghiên cứu. Dẫu có ai có thể nghiên cứu đi nữa thì cũng chỉ là thấu hiểu đạo lý nơi mặt ngôn ngữ, văn tự, chứ chưa phải là thấu triệt đạo lý nơi tâm tánh. Muốn thấu triệt rốt đạo lý nơi tâm tánh thì hết sức ít người làm được như thế! Đấy chính là pháp môn cậy vào tự lực. Trong nhà Thiền hoặc bên Mật tông, lý phần nhiều mầu nhiệm, nhưng kẻ nào căn cơ cạn mỏng sẽ chẳng thể lãnh ngộ được. Dụng công bên Tông thì tuy "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" vẫn mới chỉ là bước đầu trong cửa Thiền. Đã ngộ rồi lại còn phải tu đạo, rộng hành lục độ vạn hạnh, đoạn trừ tập khí phiền não trong hết thảy cảnh. Dụng công bên Giáo thì trước hết phải đại khai viên giải, giống như triệt ngộ bên Tông. Đã khai ngộ rồi, cũng phải rộng hành phương tiện, đoạn trừ tập khí phiền não, hết sức khó khăn.

Pháp môn niệm Phật là mang nghiệp vãng sanh, sau khi vãng sanh liền chẳng thoái chuyển, thọ mạng vô lượng, thành tựu ngay trong một đời. Những kẻ tu Thiền tông đã triệt ngộ mà niệm Phật vãng sanh thì cố nhiên sẽ là thượng phẩm thượng sanh, chứng địa vị Bồ-tát, liền có thể hóa thân trong những thế giới ở các phương khác để làm Phật sự trọn khắp. Nếu chẳng niệm Phật vãng sanh, hễ chưa đoạn trừ được tập khí phiền não thì vẫn chẳng thể liễu sanh thoát tử. Do vậy chẳng bằng pháp môn niệm Phật, bất luận ngộ hay không, dẫu còn chưa đoạn được tập khí phiền não, chỉ cần được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Kẻ tu Mật tông "tam mật tương ưng, thành Phật ngay trong thân này" nếu chẳng khéo dụng tâm sẽ dễ bị ma dựa. Dẫu khéo dụng tâm, tu pháp môn Mật tông này sẽ liền cách biệt với các pháp môn khác, chẳng bằng tu pháp môn Tịnh độ phần nhiều chẳng gây trở ngại gì cho các pháp môn khác. Vì thế, kẻ tu Mật tông nếu đạt được lợi ích thì cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nếu bị ma dựa sẽ trở thành hạng bỏ đi.

Đạo Phật ta có vô lượng pháp môn, nhưng nói chung phải lượng theo thân phận của chính mình, chọn lựa pháp thích hợp với căn cơ của chính mình để tu,

[811] Lục phàm: Lục đạo, tức trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

đừng để đến nỗi "cầu được lợi ích, đâm ra bị hao tổn". Pháp môn Tịnh độ là pháp môn thường được mười phương chư Phật dùng để hạ hóa chúng sanh, chư đại Bồ-tát dùng để thượng cầu Phật đạo. Căn cơ không phân biệt đại hay tiểu đều tu trì được, có tiện nghi lớn lao, tu tập nhanh chóng. Đừng nghe ai nói pháp nào bèn tu theo pháp đấy, hôm nay Trương Tam, bữa mai Lý Tứ. Ngoài cửa miệng nói đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, nhưng chẳng có mảy may nào hữu ích cho tâm địa. Do vậy từ xưa tới nay các vị đại pháp sư, đại tông sư, không vị nào chẳng đề xướng pháp môn Tịnh độ. Có vị nào không đề xướng là vì không hiểu biết pháp môn rộng lớn này vậy!

Nay hãy thử nói, chỉ có pháp môn này là "trước khi chưa thành Phật thì cậy vào pháp này để tự tu, sau khi đã thành Phật rồi thì nhờ vào đó để độ đời". Thích hợp khắp ba căn, giúp ích cho cả phàm lẫn thánh, trên đến bậc Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến chủng tử A-tỳ, cao thì chẳng thể vượt khỏi pháp này, hèn thì cũng được dự vào trong ấy, rộng lớn viên mãn, không còn gì hơn được nữa. Để chứng minh, hãy nhìn vào kinh Hoa Nghiêm: Thiện Tài Bồ-tát đi qua một trăm thành, tham học với khắp các tri thức. Trong lần tham học thứ 53, tới chỗ Phổ Hiền Bồ-tát. Khi ấy Thiện Tài đã chứng được địa vị Đẳng giác bằng với chư Phật, nhưng Phổ Hiền sau khi khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai xong, đối trước Thiện Tài và các vị Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị trong hội Hoa Nghiêm, dạy họ hãy rộng phát mười đại nguyện vương, dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới. Ấy là vì bỏ pháp này đi thì sẽ không có cách nào để thành tựu Phật quả viên mãn được! Trong hội Hoa Nghiêm, những vị nghe pháp ấy, địa vị của họ thấp nhất cũng là Sơ phát tâm Bồ-tát. Công đức do tu mười đại nguyện vương ấy đều phải đem hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới có thể tấn tu tốt đẹp được.

Hơn nữa, lấy chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong kinh Thập Lục Quán để làm chứng thì kẻ căn tánh kém hèn ngũ nghịch lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, bèn cậy vào nguyện lực của Phật để diệt tội vãng sanh, liền được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Pháp môn Tịnh độ thần diệu khó thể nghĩ tưởng, nếu là người tin tưởng pháp này đến cùng cực rồi tu tập pháp môn này, dẫu vạn con trâu cũng không thể kéo lại được! Nhưng tu pháp môn niệm Phật này muốn sanh về Tây Phương, phải vâng giữ "đoạn ác tu thiện" nơi ba nghiệp thân miệng ý thì đức hạnh mới hợp với Phật, lâm chung tự nhiên cảm Phật đến nghênh tiếp, vì thế gọi là "tịnh nghiệp". Hễ tịnh được nghiệp thì tâm sẽ tịnh, tâm đã tịnh sẽ tự cảm thông dễ dàng. Kinh Thập Lục Quán coi "hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp" là

chánh nhân tịnh nghiệp. Vì sao vậy? Đấy là cách cất nhà phải xây móng cho chắc chắn. Nếu nền móng không chắc chắn, tuy xây nhà cho cao, chẳng khỏi bị sụp đổ.

Muốn sanh về Tây Phương thì cần phải làm người tốt. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hai câu này nếu nhìn từ mặt chữ sẽ thấy sao mà dễ dàng đến thế! Nhưng xét trên thực tế, Cừ Bá Ngọc tròn 50 mới biết 49 năm trước sai trái, bảo: *"Phu tử dục quả kỳ quá, nhi vị năng dã"* (Phu tử muốn giảm bớt lỗi, nhưng chưa thể làm được). Khổng tử đọc kinh Dịch, ba lần đứt dây buộc lề sách, nói: *"Giả ngã số niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ"* (Cho ta sống thêm mấy năm để học Dịch cho xong, hòng không phạm lỗi lớn vậy). Dù hiền hay thánh đều không thể gánh vác nổi hai câu ấy.

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị làm Thái thú[812] Hàng Châu, tới yết kiến thiền sư Ô Khoa[813], hỏi: "Thế nào đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành." Chữ "ác" ấy bao trùm thân miệng ý, 41 phẩm vô minh. Bậc Đẳng giác đại sĩ hễ còn có một phần vô minh chưa phá được thì tam đức[814] chẳng trọn vẹn, tức vẫn là ác. Hơn nữa, chín pháp giới đều là ác, chỉ có pháp giới Phật mới là thiện. Do vậy hai câu này chính là đại ý của Phật pháp. Ông Bạch Cư Dị nói: "Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói được!" Sư đáp: "Ông lão tám mươi tuổi làm không xong!" Đấy chính là tổng giới luật, hễ tu được tổng giới luật này

---

[812] Thái thủ (太守, thường bị đọc trại thành Thái thú) là một chức quan đã có từ thời Chiến Quốc. Thoạt đầu, mỗi nước được chia ra thành một khu vực hành chánh gọi là quận. Vị trưởng quan đứng đầu một quận, nắm quyền hành chánh lẫn quân sự được gọi là Quận thủ (郡守). Đời Hán đổi Quận thủ thành Thái thủ. Tới thời Đông Hán, vua chia nước ra thành từng châu, người đứng đầu một châu gọi là Châu mục (州牧) hoặc Thứ sử (刺使), đặt chức Thái thủ thấp hơn Châu mục một cấp; nhưng ở những châu thuộc vùng biên địa như Giao Châu, Nhật Nam thì Thái thủ lại là chức quan cao nhất. Từ thời Tùy trở đi, không còn quận nữa, chức Thái thủ không còn, nhưng người đứng đầu một thành phố lớn như Hàng Châu vẫn được dân chúng quen gọi là Thái thủ.

[813] Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm 9 tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ giới cụ túc ở chùa Quả Nguyện. Về sau theo học kinh Hoa Nghiêm, luận Đại Thừa Khởi Tín với pháp sư Phục Lễ ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi ngài là thiền sư Ô Khoa (Khoa (窠) là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: "Hang ổ gọi là khoa, tổ chim gọi là sào"). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên ngài còn được gọi là thiền sư Ô Sào. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là thiền sư Ô Sào. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt, vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

[814] Pháp thân, bát-nhã, giải thoát.

thì hết thảy giới luật đều tu được. Những người đã làm được như thế lại còn niệm Phật thì chưa có ai chẳng vãng sanh Tây Phương.

Hôm nay các vị ăn cháo lạp bát[815] là vì những nhân duyên nào? Cần biết rằng, đấy chính là ý nghĩa kính mừng ngày Phật thành đạo vậy. Nhưng vì sao phải ăn vào buổi chiều? Vì sao vậy? Do vì trước khi thành đạo, đức Phật đã dùng nhũ mi[816]. Vốn là vì trước khi thành đạo, đức Phật Thích-ca là thái tử Tất-đạt (Siddhārtha), 19 tuổi xuất gia, tu tập các pháp thiền thế gian suốt 5 năm, biết đấy chẳng phải là rốt ráo, bèn vào núi Tuyết (Hy Mã Lạp Sơn), tư duy Phật đạo; 6 năm khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch, đến nỗi hình dung khô kháo, gầy mòn chẳng kham. Ra khỏi núi, tới tắm trong sông Ni-liên-thiền[817], vịn cành cây bước lên, thân không có sức gượng được nữa. Khi ấy, chư thiên biết thái tử Tất-đạt sắp tới đạo tràng Bồ-đề thành đạo, Phật cần phải có tướng hảo trang nghiêm, bèn hóa thành cô gái chăn bò dâng lên Phật loại nhũ mi nấu với sữa đã được luyện chín lần.

Thế nào là nhũ mi nấu với sữa đã được luyện chín lần? Đấy là trước hết vắt sữa của 1.000 con bò cho 500 con bò khác uống. Tiếp đó vắt sữa của 500 con bò ấy cho 250 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 250 con bò ấy cho 120 con bò

---

[815] Cháo lạp bát (lạp bát chúc) là một loại cháo được ăn trong các tự viện vào ngày mồng 8 tháng Chạp âm lịch (lạp bát nghĩa là mồng 8 tháng Chạp). Còn gọi là ngũ vị chúc, hồng tao, thất bảo chúc, hoặc phật chúc. Trong ngày hôm ấy, do kỷ niệm ngày Phật thành đạo, sau khi cử hành tắm Phật, trù phòng bèn dùng các loại trái cây, ngũ cốc nấu lẫn với nhau thành cháo gọi là lạp bát chúc, trước là cúng Phật, sau là để chư tăng và tín đồ đến lễ Phật dùng. Về sau phong tục này lan rộng khắp dân gian. Tùy theo vùng mà mỗi chùa nấu cháo lạp bát khác nhau đôi chút; chẳng hạn như theo Yên Kinh Tuế Thời Ký, tại phương Bắc, người ta dùng gạo vàng, gạo trắng, gạo đỏ, kê, bắp, v.v.. Thêm vào nhân hạt đào, hạnh nhân, hạt dưa, đậu phộng, hạt tùng, đường trắng, đường đỏ, nho khô, nhưng tuyệt đối không bỏ hạt sen, đậu ván, ý dĩ, quế v.v., vì người Hoa tin rằng những thứ ấy sẽ làm hỏng mùi vị của cháo.

[816] Nhũ mi có hai cách giải thích:

1. Nhũ mi là cách dịch nghĩa chữ pāyasa, có nghĩa là cháo ngũ cốc nấu với sữa. Để nấu nhũ mi, người ta dùng các loại gạo, kê nấu lẫn với sữa bò hay dê thành cháo. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 7, chép: "Nhũ mi: Phương Tây có nhiều loại cháo, hoặc dùng chất chiết từ ô-ma, hoặc dùng các loại đậu và dược vị giống như trong phần Thập Tụng Dược Pháp v.v. đã rộng nói, nhưng đều coi nhũ mi là ngon nhất."

2. Nhũ mi là dịch nghĩa chữ tarpana, tức là dùng ngũ cốc xay nát chế thành món ăn. Luận Du-già Sư Địa, quyển 36, phẩm Tự Tha Lợi, giải thích nhũ mi là bánh khô, lương khô.

Khi nói về loại nhũ mi được cô gái chăn bò Nan-đà-ba-la dâng lên đức Phật, người ta luôn theo cách giải thích thứ nhất. Đúng ra chữ mi (麋: một loài nai) ở đây phải viết là mi (糜: cháo nấu nhừ) thì mới đúng, nhưng do dùng lẫn lộn hai chữ lâu ngày nên kinh văn thường viết thành nhũ mi (乳麋).

[817] Ni-liên-thiền (Nairañjanā) đôi khi còn được phiên là Hy-liên-thiên, hoặc Ni-liên-nhiên, dịch nghĩa là Bất Nhạo Trước Hà, vốn là một chi lưu của sông Hằng, nằm ở phía Đông thành Già-da nước Ma-kiệt-đề.

khác uống. Rồi lại vắt sữa của 120 con bò ấy cho 60 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 60 con bò ấy cho 30 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 30 con bò ấy cho 15 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 15 con bò ấy cho 8 con bò khác uống. Cuối cùng đem sữa của 8 con bò ấy hòa với gạo thơm, nấu thành nhũ mi. Thái tử ăn món nhũ mi ấy, hình thể khôi phục như cũ, tướng hảo viên mãn, bèn đến dưới cội bồ-đề, ngồi đoan nghiêm tư duy, đoạn sạch phiền não. Vào lúc sao Mai[818] vừa mọc nhằm ngày 8 tháng Chạp, đức Phật trông thấy sao Mai bèn hoát nhiên đại ngộ, tâm kính mở toang rạng ngời, đắc Chánh đẳng giác. Đấy chính là chuyện đức Phật thành đạo vào đúng ngày hôm nay.

Cháo lạp bát chính là phỏng theo nhũ mi; đức Phật dùng nhũ mi rồi thành Phật đạo. Bọn chúng ta liền ăn cháo lạp bát để mừng Phật thành đạo, nhân duyên là như vậy đó. Do vậy, Tây Vực coi nhũ mi là phẩm vật dâng cúng quý trọng nhất. Khi đức Phật còn tại thế, phần nhiều tín đồ đem sữa cúng Phật. Tới khi đức Phật đã diệt độ rồi, có một vị cư sĩ dùng thuần sữa để nấu thành cháo cúng dường một vị đại đức, đại đức ăn xong liền than thở. Vị cư sĩ hỏi nguyên do, đại đức nói: "Cháo của cư sĩ tuy thật ngon lành, nhưng vị chẳng thể bằng uống nước lã khi đức Phật còn tại thế. Do ta phước bạc, chúng sanh báo kém, cho nên than thở!" Đức Phật phước đức sâu dày, thời đức Phật còn tại thế nước còn có vị ngon hơn sữa; còn ngày nay chúng sanh bạc phước, sữa chẳng bằng nước. Chúng sanh đời mạt càng bạc phước hơn nữa. Đừng nghĩ tưởng làm chuyện vượt phận!

Pháp môn niệm Phật mọi người đều nên tu trì, hãy nên cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng kính trọng vợ, vợ phục tùng chồng. Là hiền nhân trong cõi đời, là đệ tử Phật trong đạo xuất thế. Dùng những điều ấy để dạy người, phải rất chú trọng lấy thân làm gương thì mới có thể làm cho người khác sanh lòng tin. Ấy gọi là "dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy mọi người sẽ thuận theo". Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải nên như thế, đừng nên bàn huyền nói diệu. Dẫu có thể bàn nói thì cũng phải giẫm chân trên thật tế. Chỉ có thể bàn nói, chứ không hưởng dùng được thì cũng giống như bánh vẽ, chẳng thể đỡ đói được đâu! Tu Phật pháp giống như ăn, phải không đói mới hay. Trong Tịnh Độ Thi của thiền sư Sở Thạch[819] đời Minh có đoạn:

---

[818] Sao Mai là tên gọi khác của Kim Tinh (Venus). Do vị trí của sao vào lúc đầu đêm và lúc rạng sáng khác nhau nên dân gian tưởng là hai ngôi sao khác nhau nên sao Mai còn có tên là sao Hôm. Người Hán cũng tưởng như vậy nên gọi ngôi sao này vào lúc rạng đông (mọc ở phương Đông) là Minh Tinh hoặc Khải Minh; sau hoàng hôn, sao mọc chính giữa phía Tây thì được gọi là Trường Canh. Sao còn có tên là Kim Tinh do Đạo giáo tin ngôi sao này là hiện thân của một vị thần mang danh hiệu Thái Bạch Kim Tinh.

[819] Sở Thạch (1296-1370) quê ở Tượng Sơn, Minh Châu, pháp danh Phạm Kỳ, pháp tự Sở Thạch, là đệ tử nối pháp của ngài Kính Sơn Hành Đoan (đệ tử đời thứ 20 của ngài Nam Nhạc).

Tây Phương hữu lộ thiểu nhân đăng,
Nhất cú Di-đà tối thượng thặng,
Bả thủ lao tha, hành bất đắc,
Đản đương tự khẳng nãi tương ưng.

(Tây Phương có nẻo nào ai bước,
Di-đà thánh hiệu tối thượng thừa,
Nắm tay lôi đi chẳng chịu theo,
Riêng ai tự chịu mới đi được.)

8. Pháp ngữ khai thị nhân thánh đản đức Phật Thích-ca tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới

(Hy Giác tốc ký)

Thưa chư vị, ngày hôm nay đức Phật Thích-ca đản sanh, vì sao đức Phật giáng sanh trong nhân gian? Không điều gì chẳng nhằm nêu gương cho chúng sanh trong đời mạt. Kinh Pháp Hoa dạy: "Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian", đại sự chính là khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Chúng sanh vốn có Phật tánh, nhưng đã bị mê mất bởi nghiệp, cho nên dùng giới định tuệ tu trì để quay trở lại cái sẵn có. Nhưng chúng sanh căn cơ bất nhất, pháp môn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh chẳng dễ tu trì, chúng sanh chưa dễ gì đảm đương được. Do vậy lại đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ.

Pháp môn Tịnh độ đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Ấy là vì dùng một pháp niệm Phật cũng có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Cần biết rằng, pháp môn Tịnh độ lớn lao, không gì ra ngoài phạm vi của nó được, là chỗ quy túc của hết thảy pháp môn. Hành giả chớ tưởng mình đã triệt ngộ thì không cần phải nương vào pháp môn này để tu tập; nếu vậy sợ rằng nói đến chuyện liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sẽ chẳng dễ dàng đâu!

Người niệm Phật phải sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, nguyện sanh Tây Phương, không có lý nào lìa bỏ ba món tín nguyện hạnh được. Chỉ cần lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chẳng cần phải đạt đến nhất tâm bất loạn, đều có thể nương theo oai lực tiếp dẫn của đức Phật vãng sanh Tây Phương. Nếu là

Năm 16 tuổi, sư thọ giới cụ túc tại chùa Chiêu Khánh, đắc pháp nơi ngài Kính Sơn Nguyên Tẩu Hành Đoan. Sư được Nguyên Thuận Tông phong tặng danh hiệu thiền sư Phật Nhật Phổ Chiếu Huệ Biện vào năm Chí Chánh thứ bảy (1347) đời Nguyên. Do ngài mất vào năm Hồng Vũ thứ ba đời Minh Thái Tổ nên người ta vẫn coi ngài là cao tăng đời Minh. Sư còn để lại Sở Thạch Phạm Kỳ Ngữ Lục.

bậc đại triệt đại ngộ mà lại còn niệm Phật thì chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, phẩm vị càng cao hơn.

Tham thiền chỉ quan tâm dạy người tham phải chú trọng vào khai ngộ. Nhưng khai ngộ rồi, nếu đoạn sạch được phiền não thì tốt, nếu không thì sợ rằng chưa dễ gì nói đến chuyện liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh đâu nhé! Lại có kẻ trì chú nói "thành Phật ngay trong thân hiện tại". Nhưng "thành Phật ngay trong thân hiện tại" bất quá chỉ là có thể thấy được vị Phật nơi tự tánh, chứ hoàn toàn chưa chứng được quả vị Phật. Kẻ trì chú chẳng hiểu giáo lý, chẳng trọng giới hạnh, chỉ mong đắc thần thông. Do cái tâm dũng mãnh ấy sẽ khiến cho oán thân trong bao kiếp nhiều đời hiện tiền, dễ dàng bị ma dựa. Nếu dùng cái tâm như thế để tiêu trừ tội chướng, giúp sức cho việc tu trì, vẫn cần phải niệm Phật thì may ra mới có cảnh giới tốt đẹp được.

Hơn nữa, người tu hành chớ nên chưa đắc đã nói là đắc, chưa chứng bảo là chứng, đấy là phạm vào giới đại vọng ngữ, tuyệt đối chớ nên phạm! Xưa kia có cư sĩ X… nói đã đắc quả A-la-hán, có người hỏi: "Đã đắc quả sao không hiện một chút thần thông biến hóa?" Nhưng rốt cuộc hắn ta chẳng thể làm được, mà phiền não cũng trọn chẳng thể trừ được. Há có bậc La-hán nào chẳng trừ được phiền não ư? Chư vị đừng coi rẻ pháp môn niệm Phật! Quán Âm, Thế Chí đều là cổ Phật thị hiện, Văn-thù, Phổ Hiền là đại Bồ-tát vẫn cầu sanh Tịnh độ, lũ phàm phu bọn ta há nên coi rẻ? Pháp môn niệm Phật là biển cả của hết thảy pháp môn, chứ những pháp môn khác giống như ngòi, lạch nhỏ nhoi, chẳng thể nào sánh bằng được đâu.

Chư vị phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề. Người đời học Phật thường chẳng chân thật, họ mong muốn hiểu thông suốt kinh điển, nghiên cứu tìm tòi, học hiểu nghĩa lý, chẳng qua chỉ nhằm mong trở thành đại thông gia mà thôi. Bậc đại thông gia đoạn được một tầng phiền hoặc, sợ chẳng dễ dàng đâu! Hiện thời pháp sư Đế Nhàn đang giảng Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục tại Tịnh nghiệp xã Giác Viên, chư vị nên thường xuyên đến đấy nghe. Đối với pháp trì chú của Mật tông, Ấn Quang trộm nghĩ là nên nhờ vào đấy để tiêu trừ tội nghiệp, đừng nên lầm lạc cầu thần thông. Kính mong mọi người hãy lưu ý, tiếp nhận lời hèn của nạp tăng, phát tâm niệm Phật. Cổ nhân đã nói: "Nắm tay lôi theo, đi chẳng được." Phải nhờ người khác lôi kéo thì phi lý quá! Mong chư vị ai nấy đã sẵn có Phật tâm thì hãy thật thà niệm Phật.

9. Khai thị về niệm Phật tại chùa Pháp Tạng, Thượng Hải

(Mã Khế Tây ghi)

Pháp môn niệm Phật lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhưng cần phải hiểu rõ ràng nguyên do. Hễ hiểu rõ lý thì sanh lòng tin phát nguyện không ai chẳng được lợi ích. Nếu không, sẽ bị các thứ cảnh giới khác xoay chuyển, chẳng thể sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha. Dù có công phu niệm Phật cũng chẳng thể đạt được lợi ích nơi Phật. Các pháp môn do đức Phật nói đều phải cậy vào tự lực để vãng sanh, cần phải nghiệp tận tình không. Nếu không, sợ rằng sẽ vất vả gian nan lắm đấy! Nếu đã có thể nghiệp tận tình không, lại còn có thêm công phu niệm Phật, ắt sẽ thượng phẩm thượng sanh, sẽ có cùng một khả năng như Đại sĩ Quán Âm "nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp".

Nếu chưa đạt đến mức nghiệp tận tình không, chẳng thà cứ chất phác niệm Phật, chẳng ôm lòng khinh mạn, chẳng suy đoán bằng ý thức thì khi lâm chung mới mong được cảm ứng đạo giao. Ấy là vì pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, chẳng như những môn khác đều là tự lực. So sánh giữa Phật lực và tự lực thì có khác gì sự cách biệt giữa bầu trời và mặt đất. Do vậy, từ xa xưa ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật đa số vãng sanh, nhưng bậc thông Tông thông Giáo phần nhiều chẳng thể khoác tay họ ngao du trong cõi Cực Lạc được. Thật đáng tiếc thay! Người tu hành cần phải biết Sa-bà khổ, Cực Lạc vui, phải nguyện lìa Sa-bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui, chớ nên cầu phước báo trời người. Ví như đang ở trong tù ngục mong được về quê hương. Nhưng thế giới Sa-bà chính là một nhà tù lớn, thế giới Cực Lạc mới là quê nhà tốt lành. Cổ nhân có thơ như sau:

Tự thị bất quy, quy tiện đắc,
Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?

(Tự chẳng muốn về, về liền được,
Gió trăng quê cũ, há ai giành?)

Các vị nếu nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì có ai tranh giành Tây Phương với mình đâu nhỉ? Muốn trở về quê nhà, chớ nên do dự bảo "hãy đợi mấy năm nữa" thì sẽ chẳng thể tương ứng với Phật được đâu! Chí thành khẩn thiết tới mức "lòng tin chân thành, nguyện thiết tha" thì chính là chủng tử Tây Phương, bởi lẽ một môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, như ba chân của cái đỉnh, thiếu một chẳng thể được. Nếu chuyên đề cao hành trì chẳng coi trọng tín nguyện thì sẽ chấp sự phế lý, vẫn thuộc vào pháp môn tự lực, mắc cùng một khuyết điểm giống như kẻ chấp lý phế sự, chuyên cậy vào tự tánh duy tâm, chẳng cậy vào Phật lực. Do vậy đại sư Ngẫu Ích nói: "Được vãng sanh hay không hoàn

toàn do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn.” Lời luận định ấy sát sao thay! Chẳng thể không biết vậy.

Trong những lời thuyết pháp của cổ nhân, giảng giải tới mức cùng tận không bờ mé thì chỉ có bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quả thật đã chỉ ra một con đường thênh thang cho chúng sanh đời mạt trở về quê nhà. Xin trình bày đại lược:

“Có Thiền có Tịnh độ, ví như cọp đội sừng, đời này làm thầy người, đời sau làm phật, tổ.” Hai chữ Thiền Tịnh ở đây cần phải phân biệt cho rõ ràng, cần nhất là phải biết thế nào là có Thiền, thế nào là có Tịnh độ. Người đời thường tưởng khán thoại đầu, tham cứu câu “người niệm Phật là ai” là “có Thiền”, còn chấp trì danh hiệu là “có Tịnh”. Sai rồi! Thiền tức là chân như Phật tánh sẵn có, tức tâm thể thuần chân của chúng ta, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vừa tịch vừa chiếu, không năng không sở, đấy chính là cái được Tông môn gọi là “bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra”. Tịnh là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ không phải chỉ là “duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà”. “Có Thiền” là phải đổ công tận lực tham cứu sâu xa tới mức sơn cùng thủy tận, niệm cực tình vong. Một mai thấy thấu suốt bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, hãm mình vào nơi đất chết tìm ra lẽ sống thì mới đáng gọi là “có Thiền”. “Có Tịnh” là phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, thượng hoằng hạ hóa, tự lợi lợi tha không hề phải hổ thẹn. Nếu người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, biết trọn đủ các pháp môn quyền, thật của Như Lai, nhưng chỉ lấy “tín nguyện niệm Phật” làm đường lối chung cho chánh hạnh thì tà đạo sẽ bặt dấu, ma vương, ngoại đạo vỡ mật, như hổ mọc sừng, oai mãnh không gì địch lại được, thượng trung hạ căn đều được lợi ích, chẳng phải là bậc đạo sư của trời người hay sao? Trong tương lai thượng phẩm thượng sanh, chứng tới bậc Đẳng giác trong Viên giáo, há chẳng phải là đời sau sẽ làm Phật, làm tổ ư?

“Không Thiền, có Tịnh độ, vạn tu, vạn người về, nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ.” Người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng do quyết chí cầu sanh Tây Phương nên dũng mãnh tinh tấn, cũng được Phật tiếp dẫn, chứng các quả vị. Trong số những người đạt đến quả vị, không ai chẳng đại triệt đại ngộ, do vậy nói “nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ”. A-di-đà Phật đại từ đại bi có 48 nguyện, nguyện nào cũng độ sanh, không chỉ bậc thượng thiện xưng danh liền có thể vãng sanh, ngay cả ngũ nghịch thập ác nếu khởi lòng hổ thẹn lớn lao, phơi bày sám hối, bất luận một niệm hay mười niệm, ắt Phật cũng nhiếp thọ. Mưa đúng thời thấm đẫm các vật, muôn vật không vật nào chẳng được thấm ướt, lợi ích. Biển cả dung nạp các sông, dẫu trăm sông đổ vào biển, biển cũng đều dung nạp trọn. Vạn người tu, vạn người về, quả là sự thật không sai!

"Có Thiền, không Tịnh độ, mười kẻ, chín chần chừ, ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó." Đây là nói về kẻ tham thiền nhưng chẳng niệm Phật. "Thiền" ở đây là tuy đã minh tâm kiến tánh, nhưng nếu kiến tư phiền não còn có chút nào chưa trừ thì vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, không thoát ra được. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ-đề xa vời, chùng chình giữa đường, chần chừ dây dưa, vì thế nói *"thập nhân, cửu tha lộ"* (mười kẻ, chín chần chừ). "Tha" (蹉) là "tha đà" (蹉跎), nói theo cách thông thường là chần chừ. "Ấm cảnh" chính là cảnh trung ấm thân khi mạng chung mới hiện ra, đều tùy theo nghiệp lực thiện hay ác chi phối mà thọ sanh trong đường lành hay nẻo ác. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết đều là những vết xe đổ trước đây, sở ngộ và kiến địa của ba vị ấy cao siêu như thế mà vẫn chẳng khỏi mê mờ, cần chi phải bàn tới lũ phàm phu chúng ta nữa đây! Chữ "miết nhĩ" (瞥爾) trong câu "miết nhĩ tùy tha khứ" (chớp mắt đi theo nó) là một cái chớp mắt, ví cho sự nhanh chóng. Có người hiểu chữ "ấm cảnh" chỉ cho cảnh ngũ ấm ma; có kẻ giải thích chữ "tha lộ" là lầm đường, đều sai hết! Há có ai triệt ngộ Thiền tông, hiểu sâu giáo lý lại chẳng hiểu cảnh giới ngũ ấm để rồi lạc đường hay chăng? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biết!

"Không Thiền, không Tịnh độ, giường sắt với cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không có người nương tựa." Người đời hờ hững hời hợt, chẳng thật sự nỗ lực tham cứu, chẳng có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, hoặc lại còn kiêm tu các môn khác đều đáng gọi là "không Thiền, không Tịnh độ". Tuy cảm được phước báo trong đời sau, nhưng do phước tạo nghiệp, do nghiệp đọa địa ngục. Giường sắt, cột đồng, không người nương tựa, tuy có Phật lực cũng chẳng làm sao được. Đại sư Triệt Lưu nói: "Người tu hành chẳng liễu sanh tử là sự oán trong đời thứ ba", đáng sợ thay!

Thiền sư Vĩnh Minh chính là hóa thân của A-di-đà Phật, tất cả những câu kệ đề xướng niệm Phật của ngài đều là khế cơ lẫn khế lý. Bốn bài Liệu Giản này đúng là bài cảnh sách vô thượng cho người tham thiền lẫn tu tịnh. Tuy hạn cuộc trong âm vận của lời kệ, lời lẽ ngắn gọn, ý chu đáo, lại càng chẳng thể thêm vào hay bớt đi một chữ nào được, người học hãy nên nghiên cứu cặn kẽ! Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt, những pháp môn khác đều là pháp môn thông thường. Tách rời hai pháp này thì đôi đằng đều có ích, hợp lại thì đôi bên đều bị hại. Đối với pháp tắc tu trì thì hãy nên nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy giữ vẹn luân thường, chẳng trái nghịch pháp thế gian thì

mới đáng gọi là "đệ tử chân thật của đức Phật". Nếu không, Danh giáo còn chẳng dung, sẽ là tội nhân đối với Như Lai.

Niệm Phật quý tại nhiếp tâm, ngài Đại Thế Chí nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, nhập tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Đủ biết khi niệm hãy nên buông xuống vạn duyên, nhiếp trọn sáu căn, miên miên mật mật, thẳng thừng mà niệm, sẽ có lúc đắc tam-ma, tam-ma cõi này dịch là chánh tu, chánh kiến, hoặc dịch là chánh định. Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương khuyên dạy Hoa Tạng hải chúng quay về Cực Lạc. Hoa Nghiêm Hải Chúng đều thuộc địa vị đại Bồ-tát mà vẫn còn phải quy hướng vãng sanh, đủ biết pháp môn Tịnh độ như trời che khắp, như đất chở đều, đại địa núi, sông, vũ trụ vạn hữu, có gì vượt ra ngoài trời đất được chăng? Pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn các pháp môn khác, cũng chẳng khác gì! Cõi đời thay đổi, vận số suy vi, người đời mạt pháp căn tánh kém hèn, muốn cầu hoát nhiên phá vô minh, đoạn hoặc chứng chân, rất ư là khó. Tự mình chưa độ được mà muốn độ người ta thì có khác gì kẻ chết đuối trong biển lại toan cứu người. Kính khuyên các vị hiền nhân chớ nên ngã mạn ngạo nghễ, hãy cứ nên tin chân thành, nguyện thiết tha, nương theo từ lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới nên!

10. Khai thị về quy củ đả thất tại Linh Nham *(nói với hàng đệ tử tại gia)*

Quy củ của Linh Nham do Quang lập ra không giống với các tùng lâm trong thiên hạ (chỉ có chùa Di-đà ở Hàng Châu là gần giống. Quy củ nơi ấy cũng do Quang lập, sau này họ pha thêm đôi chút thói thù tiếp, cũng tổ chức pháp hội Diệm Khẩu). Công khóa quanh năm giống như đả thất, có ai thỉnh mở Phật thất thì chẳng qua là thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi. Bất luận thỉnh tăng sĩ tham dự Phật thất nhiều hay ít, cả chùa đều niệm giống như thường lệ. Tất cả những tiền cúng dường liền chia đều cho cả chùa lẫn ngoại liêu, không thiên vị, không bè phái, chẳng để cho vì chia nhiều hay chia ít mà khởi lên tranh chấp. Cứ nhất loạt niệm giống như nhau, nhất loại chia đều tiền cúng dường như nhau. Chỉ có điều thí chủ thỉnh nhiều vị tăng tham dự thì họ được công đức của nhiều người, do vậy không một ai chẳng niệm. Nếu theo quy cách như những nơi khác thì kẻ tham dự Phật thất sẽ đả thất, còn kẻ chẳng đả thất sẽ chơi không, công khóa bị gián đoạn, tăng chúng sẽ do được chia hay không mà khởi lên đố kỵ. Cách này quả thật là phương pháp bậc nhất từ trước đến nay chưa từng có để mở khóa tu Phật thất theo yêu cầu. Vì thế, người ta đa số thích mở Phật thất tại Linh Nham.

VI. SỚ

1. Sớ quyên mộ để chuộc cá, chuyển dời ao phóng sanh từ Tây Hồ sang nơi khác

Phàm kẻ nào ở trong sanh tử luân hồi sẽ đều phải theo nghiệp thọ sanh, thoạt là người, lại thoạt biến thành vật. Lúc đang làm người, cậy mạnh hiếp yếu, cậy đông hiếp ít, chẳng biết vun bồi phước cho mai sau, mặc tình tạo các ác nghiệp; đến khi phước đời trước đã hết, sát nghiệp đã sâu, khó khỏi đọa trong dị loại: Miệng chẳng nói được, tâm không trí tuệ, mưu mẹo, thân không có sức mạnh chống chọi, chỉ đành mặc cho con người mổ, nấu, cắn, nhai. Nhưng xét tới tận cùng cái tâm loài vật thì lòng ham sống sợ chết, ý niệm khi gặp nguy hiểm mong được cứu vớt, thảm thê không thể nào diễn tả được. Do vậy, các bậc hiền triết thời cổ phần nhiều yêu tiếc sanh mạng loài vật, chẳng nỡ sát thương, như Tử Sản[820] nuôi cá, Tương Tử thả chim bồ câu, Tùy Hầu giúp rắn[821], Dương Bảo cứu chim sẻ[822]. Đấy đều vốn do cái tâm bất nhẫn mà làm chuyện cứu vớt, chứ vẫn

---

[820] Tử Sản (không rõ năm sinh - 522 trước Công Nguyên), họ Công Tôn, tên Kiều, tự Tử Sản. Còn có tên tự là Tử Mỹ, vốn thuộc dòng dõi hoàng tộc nước Trịnh, cháu nội của Trịnh Mục Công. Thông minh từ nhỏ, rất thông thạo chánh trị, làm Khanh đại phu (Tể tướng) nước Trịnh thời Trịnh Giản Công, chấp chánh 23 năm, được coi là một chính trị gia lỗi lạc thời ấy. Chuyện Tử Sản thả cá được biết tới qua câu nói của Mạnh tử trong thiên Vạn Chương sách Mạnh Tử: *"Tích giả phất quỹ sanh ngư ư Trịnh Tử Sản, Tử Sản sử giảo nhân súc trì chi. Giảo nhân phanh chi, phản mạng viết: 'Thỉ xả chi, ngữ ngữ yên, thiểu tắc dương dương yên, du nhiên đắc thệ'. Tử Sản viết: 'Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai!' Giảo nhân xuất, viết: Thục vị Tử Sản trí? Dư ký phanh nhi thực chi, viết: Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai. Cố quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Xưa kia chợt có người đem cá sống biếu cho Tử Sản nước Trịnh. Tử Sản bảo người hầu đem thả trong ao nuôi cá. Người hầu bèn đem nướng, trở về thưa: 'Lúc mới thả, cá nằm ngoi ngóp, một lúc sau bèn sống động, tung tăng bơi đi mất rồi.' Tử Sản nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi, nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Người hầu đi ra, nói: "Ai bảo Tử Sản có trí? Ta nướng ăn mất rồi mà còn nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi, nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Do vậy, có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được).

[821] Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là châu Tùy Hầu, hoặc châu Linh Xà. Sách Sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: "Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng."

[822] Theo Âm Chất Văn Đồ Chứng, có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc." Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ." Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

chưa biết đến những nghĩa "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, trong vị lai sẽ đều thành Phật và từ vô lượng kiếp đến nay, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc v.v.".

Đến khi Phật giáo truyền sang phương Đông, những nghĩa này được tỏa sáng rực rỡ trong cõi đời. Do vậy, những bậc quân tử sẵn lòng nhân từ nhằm để báo ân, nhằm tránh tai kiếp, đã hết sức chú ý kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay. Nhưng đại đa số chưa nghe Phật pháp vẫn quen thói coi đó là thường, mặc tình giết chóc nhằm thỏa thích cái miệng, do bởi lẽ ấy đã ươm thành tai kiếp đao binh. Hãy thử nghĩ trong tai kiếp đao binh, con người bị giết chóc có khác gì loài vật bị mổ xẻ để cung ứng cho bụng miệng cho mấy? Nếu nghĩ như vậy thì ý niệm giết thân chúng nó để thỏa thích miệng ta chẳng bị tiêu diệt hay sao? Hơn nữa, ta đã tham sống, há chúng thích chết? Như ta vừa bị cỏ sắc đâm vào ngón tay liền cảm thấy khó thể chịu đựng được; thân chúng nó bị mổ chặt, há lẽ cam lòng? Tuy sức chẳng thể chống chọi được, không làm cách nào được, nhưng cái tâm oán hận cố kết chẳng thể cởi gỡ được, đời đời kiếp kiếp ắt sẽ báo thù. Do vậy, bậc hiền triết muốn khiến cho người đời cùng dứt sát nghiệp, hòng hợp với đạo "dân là đồng bào, loài vật giống như ta" của cha trời mẹ đất, lập đủ mọi cách mua loài vật phóng sanh khiến cho chúng được sống trọn hết tuổi trời.

Cần phải biết hành động này chú trọng nơi cứu người, chứ không phải đơn thuần nhằm cứu vật! Vì phóng sanh là nhằm mong người ta trông thấy người khác mua loài vật phóng sanh sẽ đều chẳng nỡ giết chóc; đã chẳng nỡ giết chóc thì chẳng kết oán đối, có thể tiêu diệt được sát kiếp trong vị lai, phước thọ trong đời sau sẽ vĩnh viễn tồn tại. Đấy chính là tông chỉ rốt ráo, lợi ích chân thật của phóng sanh vậy. Kẻ chẳng biết thường chê bai phóng sanh lãng phí tiền tài, trọn chẳng có ích lợi gì! Hãy thử đặt mình vào trong hoàn cảnh đó thì kẻ ấy có muốn được người khác thả đi hay là mong bị người khác giết mình để ăn hay chăng?

Từ thời Tống Chân Tông, Tây Hồ ở Hàng Châu đã là ao phóng sanh. Sau đấy, dù có lúc lơ là, nhưng chẳng lâu sau lại được khôi phục. Nay chánh phủ do thấy Tây Hồ quá nhiều cá đến nỗi nước hồ dơ đục, gây trở ngại cho vệ sinh, tính ra lệnh đem bán hết, cho ngư nhân quăng lưới bắt sạch nhằm tạo lợi ích cho dân

---

Có sách lại chép hơi khác như sau: Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này." Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bỉnh, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam công, kế thừa đức nghiệp).

sinh. Các đại cư sĩ từ thiện ở Hàng Châu, Thượng Hải chẳng nỡ lòng để cho những con cá được phóng sanh qua các đời lại trở thành thức ăn, đặc biệt phái cư sĩ Tôn Hậu Tại tới Hàng Châu, khẩn cầu chánh phủ cho phép mua lại số cá ấy để chuyển sang chỗ khác thì đối với hai lẽ vệ sinh và phóng sanh đều được thích nghi. Chính phủ đã chấp thuận cho mua lại số cá ấy với giá tám ngàn đồng, trả tiền thành ba đợt, ngay hôm ấy liền giao ra ba ngàn đồng. Ngày 29 tháng 2 dương lịch và ngày mồng 10 tháng 4 năm sau, mỗi lần giao hai ngàn năm trăm đồng nữa. Lấy ngày 30 tháng 6 làm hạn chót để hoàn tất việc chuyển dời số cá ấy.

Số khoản tiền chánh thức để chuộc cá là tám ngàn đồng, nhưng dời chuyển cho hết số cá từ cái hồ rộng mấy chục khoảnh thật chẳng phải dễ dàng. Phải chuẩn bị rất nhiều thuyền đánh cá, hằng ngày giăng lưới. Lại phải cử người vận chuyển, và mỗi thuyền lại phải có mấy người trông nom, đốc thúc. Chi phí thuê thuyền, vận chuyển ấy và những khoản chi phí ăn uống hằng ngày cũng cần đến mấy ngàn. Khẩn cầu mười phương thiện tín tùy lực tùy tâm, ai nấy bỏ ra tịnh tài để những con cá đang chờ bị nấu sẽ được sống yên vui, các vị đại cư sĩ được viên thành sở nguyện. Những người có sẵn đủ thiện căn từ đời trước trông thấy hành động tốt lành ấy sẽ đều yêu tiếc sanh mạng loài vật, chẳng nỡ giết hại. Do nhân duyên ấy sẽ tiêu diệt được cơ duyên giết hại, tăng trưởng phong thái nhân từ, công đức ấy làm sao diễn tả được? Ông tăng già Thích Ấn Quang sắp vùi thân nơi ngòi rãnh, kính vì vô số vô lượng cha mẹ trong quá khứ, chư Phật trong vị lai, chí thành khẩn cầu xin cứu mạng. Nếu được quý vị sáng suốt xét soi thì chẳng khác gì chính Quang được quý vị cứu vớt vậy. Kính cẩn giãi bày!

2. Sớ thuật duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng ở Cám Châu

Thật tế lý địa trải trần kiếp chẳng đổi chẳng dời, chuyện trong Phật môn tùy theo nhân duyên mà có hưng có suy. Tuy bỉ cực thái lai thuộc vào vận trời, nhưng sửa cũ xây mới quả thật phải cậy vào sức người. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương, đại thần, dạy họ hộ trì lưu thông. Ấy vì ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu, ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ cho bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn thì tròng mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất.

Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu 1.500 năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương[823], Phòng ngự sứ[824] là Lô Quang Trù[825] vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù (1008-1016) đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng có người khiến cho nhà chùa được hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh, đột nhiên bị hỏa hoạn. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao 1 trượng 6 đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu kiêm nhiệm trụ trì. Hòa thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm - là vị tăng trụ ở đấy, cạn sức lo liệu, dựng điện Quán Âm.

Sau này, cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm vị tăng kế nhiệm trụ trì không ra, đến nỗi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ bán rau, mở đường sá. Những hàng tăng tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gởi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt thỉnh cầu bảo vệ. Hội Phật giáo Trung Quốc cũng lại gởi điện xin duy trì, mặt khác tuyển chọn người thỏa đáng sang đấy trước để trù tính, hoạch định chuyện trùng hưng ngôi chùa nhằm bãi bỏ đề nghị trước đây của chánh phủ, lại còn dốc

---

[823] Tiêu Lương tức là Nam Lương (502-557), tức một triều đại vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, được sáng lập bởi Tiêu Diễn (Lương Cao Tổ Vũ Đế) sau khi diệt nhà Nam Tề, xưng đế, đóng đô tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh). Do vậy, sử thường gọi triều đại này là nhà Tiêu Lương để phân biệt với những triều Lương khác.

[824] Phòng ngự sứ là một chức quan võ được lập ra từ thời Đường nhằm trông coi việc binh tại những huyện trấn trọng yếu. Qua các triều đại, quyền hạn của chức quan này bị giảm dần, chỉ trông coi việc huấn luyện và phòng thủ địa phương, chứ không có toàn quyền về binh bị như những đời trước.

[825] Lô Quang Trù (840-911), tự Mậu Hy, còn có tên là Thập Thất Lang, người Thanh Âm, Khê, huyện Kiền Hóa, Kiền Châu (sau này Kiền Châu đổi thành Cám Châu). Ông lớn lên nhằm thời Đường Hy Tông, chính trị hủ bại, các tướng lãnh quân phiệt đua nhau cát cứ, xâu xé quốc gia. Trong tình thế, với tham vọng chính trị, Lô Quang Trù đã cùng Đàm Toàn Bá tụ hợp binh lính khởi nghĩa, suy cử Đàm Toàn Bá làm thủ lãnh, còn Lô Quang Trù chỉ huy quân đội. Họ Lô chiếm được Kiền Châu vào năm Quang Khải nguyên niên (885), xưng là Thứ sử. Năm Thiên Phục nguyên niên (901) chiếm Thiều Châu, rồi chiếm luôn Triều Châu. Đến khi nhà Lương do Chu Ôn thành lập, Lô Quang Trù quy phục nhà Hậu Lương, được Lương Thái Tổ (Chu Ôn) phong làm Bách Thắng Quân Phòng ngự sứ, kiêm nhiệm chức Khai thông sứ vùng Ngũ Lĩnh, tước Chu Nhữ Vương, ăn lộc 1.500 hộ. Về sau được phong là Trung Huệ Thắng Lợi Vương. Tuy xuất thân nông dân ít học, nhưng Lô Quang Trù rất giỏi về quân sự lẫn kinh tế. Chính ông đã chỉ huy khẩn hoang, điều động nhiều công trình thủy lợi, lập thêm 6 huyện mới (An Viễn, Đại Dữu, Thượng Do, Thụy Kim, Thạch Thành và Long Nam) trong vùng quản hạt của mình từ những đất hoang đã khai khẩn. Theo Tự Chí chùa Thọ Lượng, Lô Quang Trù bị bệnh ngặt nghèo, được vị tăng tên Đạo Thành chữa khỏi bệnh nên xây chùa để đền ơn.

sức đảm nhiệm hộ trì cho chùa mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ v.v. tận lực đảm nhiệm vai trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng do trải qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thuở mạt pháp, căn tánh con người kém hèn, nếu không cậy vào sức đại thệ nguyện của Phật Di-đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch phiền hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này, nhà chùa sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh độ và lập thêm Cư sĩ lâm, lưu thông xứ (phòng phát hành kinh sách) để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát ngũ trược, lên chín phẩm, và biết quy củ tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì do liên xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa đặt tên của cổ nhân, cũng như để an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị quân tử.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ thay mặt viết lời sớ dẫn giải hòng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các vị thiện tín phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, chở vàng, tải gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thênh thang sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp, Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ. Nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyến thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, lan quế[826] ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong ai nấy đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm.

---

[826] Lan quế: Ý nói con cháu hiển đạt. Đây là hai điển tích được ghép chung lại. Một người tiểu thiếp của Trịnh Văn Công thời Đông Chu nằm mộng thấy có người xưng là tổ tiên họ Trịnh trao cho nhánh lan, tỉnh dậy liền biết đã thọ thai, do đó đứa con sinh ra được đặt tên là Lan. Về sau Trịnh Lan trở thành Trịnh Mục Công, là một ông vua hiền sáng suốt khiến nước Trịnh tuy nhỏ lại làm bá chủ chư hầu một thời. Do vậy, người ta hay dùng điển tích "mộng lan" để chỉ người phụ nữ có thai sanh con quý hiển.

Chữ quế phát xuất từ điển tích Đậu Yên Sơn (tên thật là Đậu Vũ Quân) sống vào đời Hậu Tấn thời Ngũ Đại. Ông này có năm người con trai đều đỗ đạt, đức cao trọng vọng, được người đời khen ngợi là *Yên Sơn Đậu thị ngũ long* (năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn). Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm). Do vậy người đời sau thường khen ngợi nhà có con cháu hiển đạt, hiền đức là "lan quế chi gia".

(Đầu đông năm Quý Dậu (1933) thời Dân Quốc)

3. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện thiền tự Hưng Giáo (tức Tiểu Vân Lâu) thuộc thôn Lâu Giang ngoài cửa phụ của huyện thành Thiệu Hưng

(Viết thay cho thầy Nguyên Trạm)

Đức Như Lai điều ngự chúng sanh, tùy cơ thuyết pháp, do chúng sanh căn cơ bất nhất nên đức Phật nói vô lượng pháp môn, nhưng gom góp thống nhất lại thì chỉ có bốn pháp Luật, Giáo, Thiền, Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm, Tịnh là Phật cảnh. Luật, Giáo, Thiền, Tịnh là chỗ quy túc của hành nhân, là pháp để rốt ráo viên thành Phật đạo, phổ độ hết thảy phàm thánh vậy. Bốn pháp trọn chẳng khác biệt, ắt cần phải pháp nào cũng viên thông, pháp nào cũng đều trọn đủ thì mới có thể trên nối tiếp Phật huệ, dưới hóa độ chúng sanh. Chẳng qua là luận theo chú trọng về phương diện nào mà kiến lập danh xưng của bốn tông Luật, Giáo, Thiền, Tịnh đấy thôi!

Thiền tự Hưng Giáo được sáng lập từ đời Tấn, là đạo tràng của Luật và Giáo. Đến đời Đường, thiền sư Ô Khoa trùng hưng, trở thành đạo tràng chuyên tu Thiền. Cuối đời Minh, đồ tôn của đại sư Liên Trì là Nội Hằng Thuyên Công phục hưng nhà chùa, trở thành đạo tràng chuyên tu Tịnh. Thiện tri thức xét thời cơ mà chọn giáo pháp thích hợp, nhân thời thế mà chế định cách tu thích nghi, chỉ cốt sao có lợi cho muôn loài, chẳng chấp nhặt nơi dấu tích phô bày. Vì thế khiến cho hết thảy chúng sanh đều được thấm nhuần pháp ích.

Từ đời Minh đến nay đã hơn 200 năm, trong khoảng thời gian ấy những bậc cao nhân trụ trì pháp đạo cũng lại chẳng thiếu. Từ cuối triều Thanh đến nay, pháp đạo suy vi, điện đường, liêu xá đều nghiêng sụp, đại điện là nơi an trụ pháp thân Như Lai, cũng là chốn để tứ chúng cầu phước, thế mà cột kèo mục nát, rường xà xiêu vẹo, lỏng lẻo. Nếu chẳng lập cách tu bổ, ắt sẽ đến nỗi sụp đổ hết cả. Trạm tôi trụ trì nơi đây, tâm thường kinh sợ, vì thế đặc biệt giãi tỏ lòng ngu thành, quyên mộ khắp đàn tín hộ pháp, khẩn cầu các vị đều bỏ ra tịnh tài để thành tựu việc làm tốt đẹp này, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày được thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị cao cả, tôn kính, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng ghi danh thơm!

(Năm Bính Dần, tức năm Dân Quốc 15 - 1926)

4. Sớ quyên mộ trai mễ (gạo cho tăng chúng ăn) suốt năm của chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng, Hồ Châu (viết thay)

Pháp luân muốn chuyển, phải no lòng,
Không gạo, Thiền sâu khó thể mong.
Nếu chịu bố thí giúp đạo nghiệp,
Phước thọ tăng trưởng quyết triền miên.

Chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng là đại đạo tràng do vị cao tăng thời Ngũ Đại là thiền sư Phục Hổ Chí Phùng[827] sáng lập. Thiền sư cất am tu hành trên đỉnh núi, một bữa ngồi yên, hào quang sáng rực bầu trời. Nhân sĩ bốn phương tưởng trên núi bị hỏa hoạn; ngày hôm sau đến xem, thấy sư thâm nhập tam-muội, biết là sư phóng đại từ quang. Do vậy thiện tín bị cảm hóa, ai nấy đều bỏ ra tịnh tài, tạo dựng chùa miếu, trở thành đại tùng lâm, đều nói sư là Địa Tạng Bồ-tát hóa thân. Vì thế lại gọi núi ấy là Tiểu Cửu Hoa. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân trụ trì nơi ấy. Cho đến đầu đời Thanh, thiền sư Hoằng Giác từng làm chủ núi này, đức hạnh được Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) khâm phục, do vậy bèn ban cho nhà chùa tấm biển đề Vạn Thọ. Ấy là cầu chúc cho muôn nước đều yên, cùng lên cõi thọ, một người (tức nhà vua) được mừng vui, ai nấy cùng hưởng thái bình vậy. Từ đấy, đạo phong hưng thịnh, vân thủy[828] đều tụ về, những chùa lớn các nơi chẳng đâu hơn được nơi này.

Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, gặp cơn binh hỏa liền bị suy vi, may nhờ tiền nhân thảm đạm lo liệu mới khỏi bị hoang tàn. Nạp tăng tôi tài sức đơn bạc, lạm nhận chức trụ trì, tuy muốn an cư đại chúng rộng khắp hòng chuyên tu tịnh nghiệp, khóa tụng sáng tối hằng ngày, ba thời niệm Phật, mỗi năm tới tháng Chạp liền mở một Phật thất, dùng công đức ấy để cầu chúc vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, nhân dân yên vui, chuyển cạnh tranh thành nhân từ, nhường nhịn, biến thói bạc ác thành thuần phong, nhưng do nhà chùa không có hằng sản, không thể kiếm

[827] Chí Phùng (909-985), còn có hiệu là hòa thượng Đại Phiến, người xứ Dư Hàng. Sư quán thông tam học, tham thấu kinh tạng, kết thảo am tu trì tại núi Đạo Tràng (tên cũ của núi là Vân Phong, thuộc Hồ Châu). Thảo am này về sau trở thành chùa Vạn Thọ. Thoạt đầu do trong núi ấy có lắm cọp, ngài Chí Phùng thường cầm chiếc quạt lớn (do vậy dân chúng gọi ngài là hòa thượng Đại Phiến) xuống chợ xin tiền mua thịt nuôi hổ, hổ đâm ra thuần tính không làm hại ai nữa, nên người đời gọi ngài là thiền sư Phục Hổ. Lúc đầu, Ngô Việt Vương đặt tên chùa là thiền viện Chánh Chân. Tới niên hiệu Gia Thái (1201-1204) đời Tống, đổi thành chùa Diệu Giác, đến năm Nguyên Phong thứ ba đời Tống (1080), vua ban chiếu đổi tên chùa thành thiền tự Hộ Thánh Vạn Thọ. Thanh Thế Tổ lại đổi thành chùa Vạn Thọ.

[828] Vân thủy, gọi đủ là *tăng vân thủy*, là những vị tăng không có trụ xứ nhất định, do những vị ấy du phương hành cước hay không muốn ràng buộc bởi đàn-na tín thí, nên lấy bốn phương làm nhà, thấy đạo tràng nào thích hợp liền xin nhập chúng một thời gian rồi lại ra đi giống như mây trôi nước chảy không nhất định nên gọi là tăng vân thủy.

ra lương thực. Vì thế, kính tuân theo cấm chế của đức Phật, vào làng khất thực, khẩn cầu các vị đại đàn-việt[829] ai nấy ban cấp thóc gạo suốt năm để chúng tăng thanh tịnh cư trụ tại chùa yên tâm tu đạo, vân thủy mười phương đều được yên cư. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng kết duyên thù thắng.

5. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và liêu phòng tại các viện trong Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự, Hàng Châu

Quán Thế Âm Bồ-tát *(cho đến)* trùng hưng đạo tràng Tịnh độ hoành siêu *(phần trên đây đã đăng trong Văn Sao Tục Biên)*. Mùa hạ năm nay lại được các vị cư sĩ lân cận mở mang đường hai bên và xây cửa chùa, tu bổ am tranh. Các cư sĩ thuộc hội Phật học cũng bằng lòng tán trợ chuyện xây cất đại điện. Do vậy cậy Quang viết sớ, quyên mộ khắp các đàn tín để mong cho đạo tràng hơn ngàn năm của Bồ-tát lại được trùng hưng, ngõ hầu đạo thích hợp khắp ba căn, pháp liễu thoát ngay trong đời này sẽ được lưu truyền rộng rãi. Khẩn cầu mười phương quan viên cao quý, bậc đại thân sĩ, thương gia giàu có, hết thảy thiện tín đều cùng phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, mở toang bảo tạng, vun bồi ruộng phước, chở vàng tải gạo, xoay vần khuyên bảo, quyên mộ lẫn nhau, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ trải kiếp, liên xã mở mang, tông phong chấn hưng, Phật pháp hưng thịnh, thiên hạ thái bình. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng ghi danh thơm.

6. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện của thiền viện Tức Lai núi Phổ Đà *(viết thay)*

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng nơi Đại sĩ thị hiện, thiền viện Tức Lai quả thật là ngôi chùa thanh tịnh để đàn-na tín thí gieo phước. Kể từ khi trước, tổ chúng tôi là thiền sư Triều Âm triệt ngộ tự tâm, thông hiểu kinh giáo sâu xa, trụ trì chùa Phổ Tế mười mấy năm, rải mây từ của Đại sĩ, xiển dương tâm ấn của tổ sư. Vì thế đạo truyền bốn biển, đức cảm chín bệ, nhiều lần được triều đình ban lộc, tặng y tía, trùng tu đạo tràng viên thông, càng thêm vì pháp vì người,

[829] Đàn-việt (dānapati): thí chủ.

mong vun bồi dòng giống pháp cho tương lai. Nhưng do trải qua năm tháng đã lâu, sư chẳng kham nổi nhọc nhằn, bèn cho dựng riêng Tức Lai để làm nơi thoái ẩn. Do sư được bậc tể quan ngưỡng mộ, dân chúng khâm phục, tôn sùng nên quy mô, chế độ của viện Tức Lai khá đồ sộ.

Từ xưa đến nay đã hơn 200 năm, tất cả điện đường đều nghiêng ngửa, hư nát. Nạp tăng tôi thẹn phận hậu học, gắng sức tu bổ. Các phòng đã sửa sang đại lược như mới, chỉ còn đại điện chưa khởi công. Nếu chẳng xoay sở triệt để, ắt sẽ đến nỗi chẳng mấy chốc sụp đổ. Tính muốn tạo dựng lầu gác huyễn hóa, ắt phải cậy sức của mọi người chống đỡ. Do vậy viết sớ giãi bày tấm lòng ngu thành, quyên mộ khắp đàn-na mười phương, khẩn cầu phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, mở toang bảo tạng, vun bồi ruộng phước, ngõ hầu điện báu Đại Hùng sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ trải kiếp. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Nếu như chẳng xót của, sẽ cùng ghi phương danh.

VII. BẠT

1. Lời bạt cho tấm biển ngạch Hương Quang Trang Nghiêm

Hương thơm công đức phước tuệ, ánh sáng từ bi nhiếp thọ của Như Lai theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương đều xông chiếu trọn khắp. Phàm phu đầy dẫy triền phược trọn chẳng nghe thấy, như kẻ mắt mù mũi điếc giữa trưa đi ngang rừng chiên-đàn, trọn chẳng ngửi được mùi hương chiên-đàn, chẳng thấy được ánh sáng mặt trời. Nếu sanh lòng chánh tín, thường niệm Phật hiệu, do được vạn đức hồng danh của Như Lai ngầm hun đúc gia bị, nên nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, sẽ tự có thể tùy theo khả năng của chính mình mà đắc tam-muội nên thấy nghe đôi chút hương công đức, ánh sáng từ bi của Phật, hoặc chứng Vô sanh nhẫn nên thấy nghe lớn lao, cho tới dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm. Thầy giám viện là đại sư Diệu Chân mong những ai đến đây đều cùng được nhiễm mùi hương của Phật, cùng được hưởng quang minh của Phật, cậy tôi đề bốn chữ này và viết lời bạt để thưa với bậc thông sáng mai sau.

(Mùa thu năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

2. Lời bạt cho Tịnh Độ Ngũ Kinh

Tam học giới định tuệ là căn bản của người học Phật và tu tịnh nghiệp, nhưng giới lại càng thiết yếu. Vì thế, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật khai thị tịnh nghiệp tam phước như sau:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả.

Hai điều đầu phần lớn thuộc về giới học, điều thứ ba trọn đủ tam học. Đầy đủ ba món phước này thì tịnh nghiệp thành tựu lớn lao, vãng sanh thượng phẩm. Vì thế sau năm kinh Tịnh độ, lại in kèm thêm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm và bốn thứ giáo huấn thanh tịnh rạng ngời[830] (thanh tịnh minh hối) của kinh Lăng-

[830] *Thanh tịnh minh hối* là bốn điều giáo huấn thanh tịnh trong kinh Lăng-nghiêm, gồm "đoạn dâm, đoạn sát, đoạn thâu, đoạn vọng" (dứt dâm, dứt giết, dứt trộm, dứt nói dối). Trong chương ấy, ngài A-nan thưa hỏi: "Con thường nghe đức Như Lai nói như thế này: 'Tự mình chưa đắc độ mà độ cho người khác trước, ấy là chỗ phát tâm của Bồ-tát; tự giác đã trọn, hay giác ngộ người khác, ấy là sự độ thế của Như Lai. Con dù chưa đắc độ, nhưng nguyện độ hết thảy chúng sanh trong đời mạt. Bạch Thế Tôn, những chúng sanh ấy cách Phật ngày càng xa, tà sư thuyết

nghiêm để mong hành giả tịnh nghiệp, đối với *luật nghi giới* thì gìn giữ sao cho thân chẳng phạm, tiến lên mức nữa là đắc *định cộng giới*, chế ngự tâm không khởi những vọng niệm, tiến vào *đạo cộng giới* siêu tình ly niệm, đoạn hoặc chứng chân. Nhưng dẫu đạt được hai thứ lợi ích thật sự là định cộng giới và đạo cộng giới thì vẫn phải dè dặt kinh sợ, chấp trì luật nghi giới để tự lợi lợi tha, duy trì khuôn mẫu pháp đạo, ngõ hầu kẻ giải thoát rỗng tuếch[831] sẽ không có lý do lấp liếm rằng họ đang tu theo Đại thừa để rồi hoại loạn Phật pháp khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ.

(Giữa xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

3. Lời bạt cho Ma-lợi-chi Thiên Đà-la-ni

Ma-lợi-chi Thiên tuy hiện thân trời, nhưng thật ra là Bồ-tát. Vì tâm độ sanh tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, nên nói ra chú này để làm cái gốc cứu độ. Nếu ai mỗi ngày kiền thành trì tụng chú này càng nhiều càng tốt, dẫu gặp những tai nạn nước, lửa, đao binh v.v. cũng sẽ gặp dữ hóa lành. Năm nay, trong cuộc biến loạn tại Trường Sa[832], dân chúng mắc họa thật thảm. Ông Nhiếp Vân Đài suất lãnh

---

pháp như cát sông Hằng, muốn nhiếp cái tâm, nhập tam-ma-địa, nên làm như thế nào để họ an lập đạo tràng, xa lìa các ma sự, chẳng lui sụt tâm Bồ-đề?"

Sau khi khen ngợi câu hỏi ấy rất thiết thực, đức Phật nhấn mạnh đến vai trò căn bản, thiết yếu của giới trong tam học rồi giảng chi tiết về bốn điều giáo huấn thanh tịnh. Chúng tôi xin trích dẫn chánh kinh về điều thứ nhất như sau: "Chúng sanh trong lục đạo thuộc các thế giới ấy nếu tâm chẳng dâm thì sẽ chẳng phải tiếp tục sanh tử. Ông tu tam-muội, vốn là vì muốn thoát khỏi trần lao, nếu dâm tâm chẳng trừ, sẽ chẳng thể xuất trần được. Dẫu có lắm trí, thiền định hiện tiền, mà nếu như chẳng đoạn dâm, ắt sẽ đọa ma đạo, thượng phẩm là ma vương, trung phẩm là ma dân, hạ phẩm là ma nữ. Những loài ma ấy cũng có đồ chúng, mỗi tên tự nói 'đã thành vô thượng đạo'. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp có lắm ma dân như thế ấy lừng lẫy trong cõi đời, rộng làm chuyện tham dục, giả làm thiện tri thức khiến cho chúng sanh đọa trong hầm ái kiến, lạc nẻo Bồ-đề. Ông hãy dạy người đời: Hễ tu tam-ma-địa thì trước hết phải đoạn dâm tâm. Đấy gọi là điều giáo huấn thanh tịnh rạng ngời quyết định thứ nhất của đức Như Lai Phật Thế Tôn. Vì vậy A-nan, nếu kẻ tu thiền định chẳng đoạn dâm sẽ giống như nấu cát mà mong thành cơm, dẫu trải trăm ngàn kiếp chỉ gọi là nấu cát. Vì sao vậy? Do vốn chẳng phải là cơm, nên trở thành cát, đá vậy! Ông dùng cái thân dâm dục cầu diệu quả của Phật, dẫu được diệu ngộ cũng đều là dâm căn. Căn bản đã thành dâm thì luân chuyển trong tam đồ ắt chẳng ra khỏi được, có nẻo nào hòng chứng Niết-bàn của Như Lai? Do vậy ắt phải làm cho cơ duyên của dâm cũng như thân tâm đều đoạn được dâm thì mới có thể mong cầu Bồ-đề của đức Phật!"

[831] Tức kẻ chỉ giải thoát suông ngoài miệng.

[832] Đây là cuộc tấn công lần thứ nhất của quân đội Quốc Dân Đảng vào căn cứ địa Tương Ngạc Cám (tức khu căn cứ nằm giữa ba tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây) của phe Hồng Quân với mục đích phá hủy khu căn cứ này và tiêu diệt lực lượng Hồng Quân đang ẩn nấp tại đó. Chiến dịch này bắt đầu từ 29 tháng Giêng năm 1930 đến ngày 25 tháng 3 năm ấy, nhưng không thu được thắng lợi gì. Để trả đũa, phe Hồng Quân phát động chiến dịch đánh trả, lấy tên là *Tương Ngạc Cám Tô Khu Phản Vi Tiễu* (cuộc tiễu trừ phản kích Quốc Dân Đảng vây hãm đặc khu Sô Viết Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây) vào tháng Chạp năm 1930 khiến cho dân tình các tỉnh ấy

toàn thể gia quyến thuộc các chi họ cùng trì chú này tại Thượng Hải, thế mà nhà cửa thuộc các chi họ của nhà ông Nhiếp ở Trường Sa trọn chẳng bị tổn hại, hư hỏng gì. Do vậy biết rằng chú này có đại thần lực, có thể trông cậy được. Kính mong những người cùng hàng đều cùng phát tâm sửa lỗi hướng lành, cùng làm chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi người lợi vật để cảm ứng Bồ-tát rủ lòng từ nơi bổn địa thì sẽ được chở che, gia hộ càng thêm thù thắng. Nếu ai không biết chữ, chẳng thể ghi nhớ được, hãy chí thành niệm Nam-mô Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát hoặc xưng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát thì lợi ích cũng giống hệt như tụng chú. Ai có được chú này ắt phải đặt ở nơi sạch sẽ, chớ nên khinh nhờn. Nếu không, sẽ mắc tội chẳng nhỏ đấy!

(Đầu thu năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

4. Lời bạt cho Tịnh Độ Pháp Hội Khóa Nghi

Hết thảy pháp môn được nói trong một đời đức Như Lai đều phải đoạn sạch phiền hoặc thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Chỉ có một pháp niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Pháp môn niệm Phật lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, tín nguyện để dẫn đường, niệm Phật làm chánh tu. Có người chỉ chuyên cầu nhất tâm chẳng nhắc đến tín nguyện và kẻ chú trọng khai ngộ, chẳng cầu vãng sanh đều là những người chẳng biết tông chỉ của pháp niệm Phật, bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, coi thường Phật trí, khoe khoang trí mình, tự lầm lầm người lớn lắm! Tâm niệm Phật ắt cần phải khẩn thiết chí thành như con nhớ mẹ, dẫu có cảnh nào khác đưa đến trọn chẳng thể làm cho cái tâm nhớ mẹ ấy bị quên mất được. Trong khi niệm Phật hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều phải lắng tai nghe kỹ, chẳng để cho một câu một chữ nào miệng chỉ liến láu niệm qua. Cách niệm "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" như Đại Thế Chí Bồ-tát đã nói chính là pháp vừa niệm vừa lắng nghe như thế đấy. Nếu có thể làm đúng như vừa nói thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nếu tìm cầu sự khéo léo, chắc chắn sẽ biến thành vụng về to lớn, tự lầm lầm người, gây hại há có thể nào cùng cực được!

5. Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương

Cổ nhân nói: "Sanh tử cũng lớn lao thay!" Chẳng đáng buồn ư! Trộm nghĩ, buồn suông thì rốt cuộc có ích chi đâu? Cần biết rằng sanh tử là đại sự, tín nguyện

---

càng thêm khốn đốn. Căn cứ địa Tương Ngạc Cám bao gồm vùng rừng núi Đông Bắc tỉnh Hồ Nam, Đông Nam tỉnh Hồ Bắc và một phần phía Bắc tỉnh Giang Tây. Thành phố Trường Sa nằm rất gần căn cứ địa của Hồng Quân nên dân chúng bị thiệt hại, thương vong rất lớn trong hai cuộc chiến.

niệm Phật là đại pháp, đã biết chết là đáng buồn, hãy nên tu đại pháp này trước khi chưa chết thì chẳng những chết không đáng buồn mà còn là may mắn lớn nữa. Vì sao vậy? Do tịnh nghiệp chín muồi, nương theo Phật từ lực lập tức vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, tu tập dần dần mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Nhưng muốn đạt được điều may mắn lớn lao ấy thì cần giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để bồi đắp nền tảng, lại còn thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật sẽ liền có thể quyết định đạt được. Đến khi lâm chung, bất luận tu đã lâu hay mới tu, đều cần có quyến thuộc và tịnh hữu trợ niệm ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Dẫu cho kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, khi lâm chung thỉnh thiện hữu khai thị và trợ niệm thì cũng có thể vãng sanh.

Do vậy biết rằng chuyện trợ niệm là khẩn yếu nhất! Trong lúc thường ngày, người tu tịnh nghiệp hãy nên nói với gia quyến về lẽ lợi hại để họ hiểu rõ không nghi, quyết chẳng đến nỗi khi lâm chung gia quyến sẽ do tình kiến thế tục mà phá hoại chánh niệm. Như vậy thì đối với kẻ còn lẫn người mất đều có lợi ích thật sự. Các sách Niệm Phật Sức Chung Tân Lương và Sức Chung Tu Tri, dụng ý lẫn lời lẽ đều chu đáo, quả thật đã bảo vệ cho hành nhân thành tựu được đại sự nhân duyên. Nếu chịu lần lượt lưu thông, ngõ hầu hết thảy những người cùng hàng đều biết tới lợi ích đó thì công đức ấy chỉ có đức Phật biết được. Nguyện những kẻ làm con cháu người khác trong cõi đời và những ai là cha mẹ, anh em, bạn bè ai nấy đều làm theo, ngõ hầu người đã mất hồn siêu nơi cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chín phẩm sen nở hoa, được đức Phật thọ ký thành Phật ngay trong một đời, quả thật là may mắn lớn lao!

(Cuối xuân năm Dân Quốc 19 - 1930)

6. Lời bạt cho bài giảng giải ý nghĩa Tam Dư Đức[833] đường

Ý nghĩa lớn lao của tên gọi tòa nhà này đã tuyên bày rồi, nhưng muốn lợi người thì trước hết phải đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình. Nếu

[833] Tam Dư vốn là một điển cố xuất phát từ câu nói của Đổng Ngộ thời Tam Quốc diễn tả chuyện khéo dùng thời gian dư thừa để học hành, tức: *"Đông giả, tuế chi dư; dạ giả, nhật chi dư; âm vũ giả, tình chi dư dã"* (Mùa đông là thời gian thừa của một năm; ban đêm là thời gian thừa của một ngày. Lúc mưa dầm tối tăm là thời gian thừa của lúc quang tạnh). Ông Ninh Đức Tấn dùng chữ Tam Dư đặt tên cho nhà học để khích lệ con cháu quý tiếc thời gian, chăm chỉ học hành, nhưng tổ Ấn Quang đã thêm vào chữ Đức với ý nghĩa khuyên răn con cháu ông Ninh không chỉ lo học hành mà còn vun bồi điều lành để hòng đạt được ba đức của Phật tánh là pháp thân, giải thoát và bát-nhã.

lời lẽ chẳng phù hợp với việc làm còn khó thể cảm hóa vợ con, huống là xóm giềng ư? Nếu có thể chân thành không dối trá thì dẫu là dị loại vẫn còn có thể cảm ứng được, huống hồ con người là kẻ cùng loài ư? Vì vậy hết thảy pháp đều lấy thân làm gốc, nên nói: "Thân chẳng hành đạo thì vợ con sẽ chẳng hành đạo. Nếu kẻ nào chẳng giữ đạo thì sẽ chẳng thể làm cho vợ con giữ đạo được." Muốn tán trợ sự sanh thành trưởng dưỡng của trời đất, muốn tỏa rạng đức ngấm ngầm của tổ tông, muốn lập khuôn mẫu tốt đẹp cho con cháu, mà chính mình chẳng chú trọng tận tụy thực hiện thì sẽ như kẻ nghèo không có rẻo đất nào để cắm dùi lại xằng bậy mong phú quý trùm lấp cõi đời, chỉ trở thành si tâm vọng tưởng, trọn chẳng thể trở thành sự thực được. Hãy răn dè!

Tòa nhà được đặt tên dù ba chữ hay bốn chữ đều có ý nghĩa, cho nên không nhất định, chớ nên thay đổi. Ở phương Nam có một cụ già thanh nhàn sửa chữa đình đường, khi gác đòn dông có 18 con hạc trắng bay đến, liền đặt tên cho tòa nhà ấy là Thập Bát Hạc Lai, bởi phỏng đoán rằng đấy chính là điềm trong số con cháu sau này sẽ có 18 vị Hàn lâm vậy!

7. Lời bạt cho Kính Thứ Đường

Quen biết cư sĩ Đào Di đã nhiều năm, tôi thấy ông ta khiêm nhường, cung kính, nghiêm cẩn, biết là ông ta được bẩm thụ sự giáo dưỡng đã lâu xa. Nay ông ta sai tôi đề tên ngôi nhà này, cho biết tiên phụ là Dịch Phủ Công dựng ba gian nhà, đặt tên là Kính Thứ (tôn kính và khoan dung), ấy là muốn cho con cháu đời sau vĩnh viễn lấy đó làm mực thước. Ý cụ muốn thỉnh người có đức để đề tên cho ngôi nhà, bất hạnh thay cụ sống ở nơi ấy chín ngày liền khuất bóng. Đào Di và người anh thứ hai kính cẩn vâng theo chí cha, 40 năm qua vẫn chưa đề biển ngạch. Cậy Quang đề biển, chẳng quan tâm Quang là kẻ khéo hay vụng. Quang thẹn thiếu đức, lại viết chữ chẳng đẹp, toan làm chuyện tắc trách để đáp tạ lời thỉnh.

VIII. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC

1. Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh

Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong một đời ngài đều nhằm dạy chúng sanh tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, hiểu rõ sanh tử huyễn vọng, chứng tâm tánh chân thường. Nhưng chúng sanh căn tánh có lợi độn, hoặc (phiền não) có dày mỏng. Kẻ căn tánh nhạy bén, phiền hoặc mỏng nhẹ thì sẽ có thể liễu sanh tử ngay trong đời này hay trong hai, ba, bốn, năm đời sẽ liễu sanh tử. Kẻ căn độn, phiền hoặc dày thì mười, trăm, ngàn, vạn đời, hay mười, trăm, ngàn, vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được. Đấy là luận trên sự tu trì theo giáo lý thông thường, cậy vào sức tu giới định tuệ của chính mình để đoạn sạch tham sân si phiền hoặc, khó khăn cũng dường như lên trời. Mặc cho anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, công đức to tát, trí tuệ lớn lao, nếu kiến tư hoặc trong tam giới chưa hết, quyết chẳng thể vượt ra ngoài tam giới để liễu sanh tử được.

Chỉ có pháp môn niệm Phật là hoàn toàn cậy vào nguyện lực đại từ bi của A-di-đà Phật, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận lợi căn hay độn căn, phiền hoặc dày hay mỏng đều có thể ngay trong đời này vào lúc lâm chung được nương theo Phật từ lực đích thân rủ lòng tiếp dẫn mà vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh rồi, kiến tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn, bởi cảnh duyên trong thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng, mỗi mỗi đều có thể tăng trưởng công đức, trí tuệ của con người, trọn chẳng khiến cho con người dấy lên tham sân si. Đấy chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể dùng những giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn Tịnh độ được.

Trong cõi đời có những kẻ thông hiểu Tông - Giáo sâu xa, nhưng chẳng tin vào pháp môn Tịnh độ, ấy là vì đã dùng giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn đặc biệt. Nếu họ biết đây là pháp môn đặc biệt thì sẽ tự hành, dạy người, nào dám chống trái! Bà Lưu Thị - thím của ông Trương Phước Tuyền bẩm tánh tinh thuần, đã có túc căn, đến khi mắc bệnh bèn tin theo lời của Phước Tuyền, Tông Tịnh v.v. mà niệm Phật, lại còn được người nhà trợ niệm, vì thế qua đời thật tốt lành. Những tướng tốt đẹp như: Vẻ mặt trở nên đẹp đẽ hơn lúc sống, sau 14 tiếng đồng hồ toàn thân đã lạnh, đảnh đầu vẫn còn ấm, chân tay mình mẩy mềm mại, ruồi nhặng chẳng bu tới v.v.. Căn cứ theo bài kệ kiểm nghiệm tình trạng lúc lâm chung trong kinh Đại Tập thì:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.

(Đảnh thánh, mắt sanh thiên,
Tim người, ngạ quỷ bụng,
Súc sanh đầu gối lìa,
Địa ngục bàn chân thoát.)[834]

Bởi lẽ con người sắp chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu sanh; từ trên dồn xuống dưới sẽ đọa lạc. Nếu toàn thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu ấm, ắt sanh về Tây Phương, vào trong thánh đạo; mắt và trán nóng là sanh trong đường trời; ngực nóng là sanh trong nhân đạo; bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo; đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo; bàn chân ấm là sanh trong địa ngục đạo.

Người niệm Phật nếu nhất tâm niệm Phật, chẳng nghĩ đến gia nghiệp, con cái trong thế gian, quyết định sẽ được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bất luận tu trì đã lâu hay mới tu, thậm chí kẻ tới lúc lâm chung mới được bạn lành khai thị liền nhất tâm niệm Phật dẫu chỉ niệm được mười tiếng liền mạng chung thì cũng được vãng sanh. Bởi lẽ trong 48 nguyện của A-di-đà Phật, nguyện thứ 18 là: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta chí tâm tin ưa, cầu sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, ta không giữ ngôi Chánh giác." Do nhân duyên ấy, kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh.

Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quyến thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v.. Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quyến thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm. Lại do thường nói lợi ích của trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương.

2. Biện định nhằm giải trừ mối nghi về chuyện vãng sanh Tây Phương của ông Trương Huệ Bính

[834] Tuy kinh dạy như vậy, tổ Ấn Quang nói riêng và chư vị tổ sư đại đức truyền thừa Tịnh tông đều răn nhắc không nên đụng chạm thăm dò hơi nóng nơi người vừa chết trong vòng 8-12 tiếng đồng hồ kể từ khi người ấy sắp chết. Đã tắt hơi rồi, vẫn chớ nên thăm dò hơi nóng.

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, nhưng do chưa ngộ, mê muội chẳng biết, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, trầm luân trong biển khổ sanh tử từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể thoát ra, đáng thương xót quá đỗi! Trương Huệ Bính vốn có thiện căn từ đời trước, tiếc rằng sống ở nơi không có Phật pháp, đến khi đi học, dần dần nhiễm phải học thuyết của Chu - Trình - Hàn - Âu (sức báng Phật của Chu - Trình còn lớn hơn Hàn - Âu nữa) khiến cho lý tự tánh trong tâm càng bị vùi lấp, không cách nào hiển hiện được.

May mắn là ông Trương trải đời đã lâu, thường gặp cảnh tai họa, loạn lạc, chẳng tránh khỏi thường ôm lòng chán ngán. Khéo sao gặp được Thường Huệ Dương đem pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương khuyên nhủ, bèn như mạ gặp hạn đã lâu chợt gặp trận mưa dầm ngọt ngào, liền bừng bừng tăng trưởng, thế khôn ngăn được! Tuy chưa hiểu Phật pháp thật rõ ràng nhưng đã thấy rành mạch, sâu xa cái tâm cong vẹo của bọn Trình - Chu - Hàn - Âu, đâm ra tín tâm do đấy càng tăng thêm. Từ khi được nghe pháp môn Tịnh độ trở đi, giữ chặt thời khắc, chưa đầy hai năm liền được chánh niệm vãng sanh, cũng đáng gọi là bậc trượng phu dũng mãnh. Đến khi lâm chung, ông ta bị trúng phong không nói được; ấy chính là vì ác nghiệp trong đời trước đáng lẽ phải hứng chịu trong đời kế tiếp sau khi đã chết đi, nhưng do công đức tu trì trong đời này mà chuyển báo nặng trong đời sau thành báo nhẹ trong đời này nhằm giải quyết cho xong.

Chết rồi vẻ mặt tươi tắn, xác thân mềm mại, mặt lộ vẻ mỉm cười, đỉnh đầu nóng rực tay [của người sờ vào]. Những cảnh tượng ấy đều là tướng lành vãng sanh, nhưng vẻ mặt tươi sáng, thân xác mềm mại, mặt lộ vẻ mỉm cười thì người sanh lên cõi trời cũng có thể đạt được như vậy. Chỉ có chuyện đỉnh đầu còn nóng thì người sanh lên cõi trời không hề có chuyện này. Trong kinh có bài kệ nói về chứng cứ sanh vào các nẻo sau khi mất như sau:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.

Bởi lẽ con người chết đi, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu thăng, từ trên dồn xuống dưới thì đọa lạc. Nếu toàn thân đều lạnh, đỉnh đầu vẫn ấm thì siêu phàm nhập thánh. Sanh về Tây Phương là siêu phàm nhập thánh tối thắng, cho nên nói là "đảnh thánh". Nếu hơi nóng đọng nơi trán và mắt là sanh trong đường trời. Ngực vẫn nóng là sanh trong nhân đạo. Bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo, đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo, bàn chân ấm là sanh trong địa ngục đạo. Do toàn thân đã lạnh, chỉ còn có chỗ ấy là ấm để làm chuẩn. Nhưng người

niệm Phật, nếu bình thường có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, lâm chung lại được quyến thuộc tốt lành trợ niệm, chẳng bị phá hoại bởi quyến thuộc xấu hèn tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, hỏi chuyện, mù quáng an ủi v.v. thì chắc chắn sẽ có thể vãng sanh. Khi lâm chung, Huệ Bính bị cấm khẩu, chắc sẽ có kẻ do vậy bèn hoài nghi. Chuyện đỉnh đầu còn ấm là một chứng cứ, huống chi lại có những chuyện như vẻ mặt tươi tắn ư?

Năm trước, ông Trịnh Huệ Hồng ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam chết, bà mẹ do lòng quá thương con bèn uống thuốc độc rồi ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, trọn chẳng có dáng vẻ đau khổ. Địa phương ấy từ trước đến nay chẳng biết Phật pháp, cha Huệ Hồng tên Bá Thuần là một vị túc Nho, chẳng thích ra làm quan, thoạt đầu nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, rồi nghiên cứu kinh điển của bọn luyện đan, cuối cùng tham Thiền tông. Huệ Hồng buôn bán ở Chiêu Thông (thuộc Vân Nam), gởi thư xin quy y với Quang, chuyên tu tịnh nghiệp, nhiều phen khuyên cha tu tịnh nghiệp, thỉnh nhiều kinh sách Tịnh độ xin cha hãy đọc. Do vậy Bá Thuần sanh lòng tin, tự hành dạy người, soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để cầu khẩn người khác niệm Phật. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng thôi buôn bán, trở về nhà. Mùa xuân năm sau qua đời, cũng không có tướng lành chi cho lắm! Nhưng bà mẹ uống thuốc độc vãng sanh so với những người chết tốt lành bình thường chẳng hề kém cạnh gì. Do vậy người trong một vùng đều cảm động. Bá Thuần là một người văn lẫn hạnh đều khá, đứng ra đề xướng, lại nhờ chuyện lạ của vợ con, dẫu kẻ tà kiến cố chấp trọn chẳng có lòng tin tưởng cũng chẳng thể không bị cảm động.

Bọn Tống Nho đọc kinh Phật, bèn dùng những nghĩa mầu nhiệm ấy để xưng hùng, ngược ngạo bài xích Phật, vì sợ người đời sau biết "diệu nghĩa" do bọn Tống Nho khoác lác "chính mình đã tự tìm ra" ấy do đâu mà có, đến nỗi những kẻ học Nho đời sau chẳng dám nhắc đến nhân quả luân hồi. Vì thế thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. May mắn là gần đây người tu tịnh nghiệp đông đảo, vẫn còn có thể đẩy lùi con sóng cuồng loạn đôi chút. Nếu không, đạo làm người chắc sẽ gần như bị diệt mất! Nay do Huệ Bính khiến cho một vùng biết được tướng trạng vãng sanh Tây Phương, ắt sẽ khiến cho những kẻ nối tiếp ông ta vãng sanh về lâu về dài càng đông đảo vậy. Do vậy, tôi viết những điều này nhằm làm nêu sáng tỏ ý nghĩa thật sự; xin ai nấy hãy tự gắng lên!

3. Thông cáo tạ tuyệt trao đổi thư từ

Ấn Quang là một ông tăng tầm thường, chẳng có hiểu biết gì, mười mấy năm qua thường có những người tưởng lầm Quang là thiện tri thức, thừa dịp bưu chánh thuận tiện, nườm nượp gởi thư tới. Quang chẳng tự lượng, hễ thư gởi đến liền trả

lời. Mùa đông năm ngoái, do ban đêm giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, mắt bị tổn thương nặng. Từ đấy, hễ ai gởi thư đến đều nhắc nhở sau này đừng gởi thư tới nữa, nhưng vẫn không có hiệu quả gì! Đến nay, số người gởi thư tới so với trước kia chưa hề giảm. Cho nên nay tôi bất đắc dĩ đăng thông cáo trên hai báo Tân Thân và bán nguyệt san Phật Học để mong ai nấy đều biết: Nếu từ nay vẫn gởi thư tới, quyết chẳng bóc ra, cũng chẳng phúc đáp. Nếu có chuyện gì quan trọng gởi tới bằng thư bảo đảm, tôi sẽ để nguyên thư gởi trả lại. Thư thông thường sẽ quăng vào giỏ đựng giấy vụn để mong tịnh tâm dưỡng mắt, hòng giữ được sức nhìn để còn thấy được ánh sáng mặt trời.

Nếu vẫn lầm lạc coi Quang là tri thức, xin hãy trực tiếp hướng đến Phật Học Thư Cục ở Thượng Hải hoặc Hoằng Hóa Xã thuộc chùa Báo Quốc ở Tô Châu để thỉnh Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Gia Ngôn Lục về đọc, sẽ đạt được lợi ích thật sự gấp trăm lần so với gởi thư đến. Tiến hơn nữa là đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh và các trước thuật về Tịnh độ của cổ đức thì chắc chắn sẽ có thể đem nhân địa tâm khế hợp với quả địa giác vậy.

(Ngày mồng 1 tháng 2 năm Dân Quốc 24 - 1935)

4. Thông cáo khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm

Quán Thế Âm Bồ-tát từ vô lượng kiếp trước thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng bi tâm vô tận, từ thệ khôn cùng. Do vậy lại hiện thân Bồ-tát và những thân trời người, phàm thánh v.v. trong mười phương thế giới để thí vô úy (ban phát sự không sợ hãi) nhằm rủ lòng cứu vớt. Phẩm Phổ Môn nói: "Nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp", chẳng những hiện thân hữu tình, mà ngay cả núi sông, thuyền bè, cầu bến, đường sá, dược thảo, cây cối, lầu đài, điện gác cũng tùy cơ ứng hiện. Nói chung là Bồ-tát chú trọng lìa khổ ban vui, chuyển nguy thành an. Phàm ai gặp đao binh, nước lửa, bệnh ngặt, thú dữ, oán gia đối đầu, ác quỷ, rắn độc, đủ mọi nỗi nguy hiểm, nếu chí thành xưng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát liền có thể được Bồ-tát gia bị, chuyển nguy thành an.

Hiện tại sát kiếp tràn ngập, toàn cầu đều không có chỗ nào là yên vui cả, mà cũng chẳng ai được yên vui. Nguyện đồng bào trong ngoài nước cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, cùng lấy tâm cứu khổ cứu nạn của Quán Âm làm tâm mình, cùng lấy sự nghiệp lợi người lợi vật của Quán Âm làm sự nghiệp của mình thì ý niệm ta người đều không còn, chuyện đấu tranh tự dứt, tự có thể cùng hưởng thái bình, cùng vui lẽ thường. Dẫu cho định nghiệp khó chuyển, bị táng thân mất mạng, vẫn

có thể nương cậy sức Bồ-tát để vãng sanh Tây Phương thì kẻ do túc nghiệp bị mất mạng cũng sẽ được nhờ Phật lực thoát khỏi biển khổ. Các đồng bào trong ngoài nước của tôi xin hãy cùng xét cho tấm lòng ngu thành này!

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

5. Biện định sai ngoa trong lời tựa tác phẩm Bách Trượng Thanh Quy

Xét ra, thiền sư Bách Trượng sanh vào năm thứ chín (720) đời Đường Huyền Tông, thọ 95 tuổi, đến tháng Giêng năm Nguyên Hòa thứ chín (814) đời Đường Hiến Tông bèn quy tịch. Chương đầu tiên trong bộ Thanh Quy do ngài biên soạn chính là phần Chúc Ly, chương kế tiếp là Báo Ân, chương tiếp theo đó là Báo Bổn[835]. Đây những thứ Phật sự hết sức quan trọng trang nghiêm, nếu không có Phật điện thì nên cử hành ở nơi đâu?

Từ sau khi ngài Bách Trượng viên tịch, hơn 200 năm, đến năm Cảnh Đức nguyên niên (1004) đời Tống Chân Tông, Dương Ức[836] viết lời tựa cho bộ Thanh Quy, đối với quy định *"bất lập Phật điện, duy thụ pháp đường"* (chẳng lập Phật điện, chỉ dựng pháp đường) liền cho rằng câu này rất hợp với lời Phật và tổ đích thân dặn dò, đương thời đều tôn trọng ý kiến ấy. Trộm ngờ câu ấy phải là *"tiền lập Phật điện, hậu thụ pháp đường"* (lập Phật điện trước rồi mới dụng pháp đường) thì mới phù hợp với ý Phật, tổ đích thân dặn dò; nhưng gần một ngàn năm qua, không ai sửa cho đúng! Nay thiền sư Hoằng Trữ cũng dựa theo đó để luận đoán, khôn ngăn đau lòng buốt óc!

---

[835] Chúc Ly là những nghi lễ nhằm chúc phước cho vương triều, bao gồm cầu đảo, chú nguyện cho vương triều được bền vững, vua khỏe mạnh, phước thọ, hoàng tộc được bình yên, tăng phước tăng thọ v.v..

Báo Ân là báo đáp đức ân của vương triều đất nước bảo hộ Phật pháp lẫn nhân dân. Tăng chúng thường cử hành lễ Báo Ân trong những dịp Quốc Kỵ (ngày giỗ của tiên vương), cầu mưa, cầu tạnh, hay trong những dịp có tai ương xuất hiện như sâu rầy, hạn hán v.v..

Báo Bổn là báo đáp ân đức trong Phật môn, như những ngày lễ Phật Đản, Thành Đạo, khánh chúc vía các vị Phật, Bồ-tát, tổ sư v.v..

Ngoài ra, vào mỗi dịp Sóc Vọng, ba hình thức báo đáp này được gộp chung thành một nghi lễ nhỏ gọi là Thù Ân Chúc Tán, tức là tăng chúng lạy tạ chư Phật, tôn pháp, thánh tăng, chư tổ sư, đại thiện tri thức, các vị thầy tổ truyền giới, truyền pháp, ân quốc vương, sư trưởng, đàn-na tín thí ủng hộ cúng dường cho tăng chúng yên thân tu đạo.

[836] Dương Ức (974-1020), người xứ Bồ Thành (nay thuộc huyện Kiến Ngõa, tỉnh Phước Kiến), tự là Đại Niên. Nổi danh văn chương từ thuở thiếu thời. Tống Thái Tông đặc cách cho đi thi đình, đọc bài viết của họ Dương phải khen ông ta là thần đồng. Ông làm quan tới chức Thị lang và Tu soạn. Bẩm tánh thanh liêm, chẳng e sợ quyền thế. Thoạt đầu không tin Phật, sau do được học sĩ Lý Duy khuyên dạy liền nghiên cứu thiền học, sanh lòng tin sâu xa. Tham học với thiền sư Quảng Huệ ở Nhữ Châu, đắc pháp, liền dốc sức hộ trì pháp môn, được coi như lãnh tụ của những sĩ phu học Phật thời ấy. Ông từng vâng chiếu biên soạn bộ Mục Lục Đại Tạng, giáo chánh, ấn hành bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, cũng như tham dự đạo tràng dịch kinh.

Chùa thiền không có Phật điện thì sẽ hoàn toàn chẳng có tượng Phật ư? Hay là thờ Phật trong căn nhà nhỏ ở bên cạnh pháp đường? Vâng thánh chỉ chúc ly ở gian nhà phụ nhỏ nhoi thì chẳng những khinh Phật mà còn khinh vua cũng lớn lắm thay! Do chuyện này biết chữ *bất*, chữ *duy* ở đây chính là chữ *tiền* và chữ *hậu* bị chép sai. Bản Thanh Quy Chứng Nghĩa được khắc ở Dương Châu đã được sửa đổi cho đúng.

Nay tôi tỵ nạn sang Linh Nham, thấy họ sao lục bản của Trữ Công để soạn bài ký xây dựng điện Bảo Vương, rất sợ sẽ đem sai ngoa truyền sai ngoa khiến cho ngài Bách Trượng là vị thầy gương mẫu của trời lẫn người rốt cuộc bị vu báng có hành vi của tà ma, ngoại đạo. Do vậy, biện luận đại lược để mong những bậc thông sáng trong mai sau ai nấy tôn Phật kính tổ, duy trì pháp đạo không suy sụp vậy. Hiểu cho tôi hay trách tội tôi, tôi đều chẳng màng!

6. Những nghĩa lý trọng yếu dành cho nghề thuốc và xem tướng

Có tâm nhưng chưa có tướng, tướng sẽ thuận theo tâm mà sanh; có tướng nhưng thiếu tâm, tướng sẽ theo tâm diệt. Đem bốn câu này nói với hết thảy mọi người khiến cho những kẻ có tướng tốt sẽ gắng sức, kẻ không có tướng tốt tận lực tu tập. Người nghe sẽ mong sao hễ có tướng tốt thì sẽ vĩnh viễn giữ được vẻ tốt đẹp ấy, tướng xấu thì sẽ biến thành tốt. Thầy coi tướng thường đem điều này bảo với khách đến xem bói thì chính là sống trong cõi trần mà thực hiện sự cai trị, dùng bói toán để khuyến hóa dân chúng, công đức ấy thù thắng nhất! Đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương nhất định được mãn nguyện.

Đạo để tận lực gắng công, tận lực tu tập không ngoài giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người thì còn có thể siêu phàm nhập thánh, huống là phú quý, phước trạch mấy chục năm trong thế gian ư? Thầy thuốc khám bệnh cũng nên chú ý tới điều này. Ai làm được như thế thì gọi là thầy thuốc chân thật, là đệ tử chân thật của đấng Đại Y Vương vậy.

7. Những chuyện thoát nạn

Người nữ ấy chưa tới số chết nên ngồi phía ngoài xe hơi. Đến khi xe lọt xuống sông, liền văng lên trên bờ nên trọn chẳng ướt quần áo. Ấy là vì lúc bà ta ngồi xe, Phật, trời, quỷ thần đã sắp đặt sẵn cách cứu giúp. Có lẽ là như vậy.

Lại nữa, năm Dân Quốc mười mấy, Phan Đối Phù trùng tu chùa Tịnh Cư ở Tế Nam, trong lễ khai quang có tổ chức hát tuồng, khách đến rất đông. Có một người

dẫn theo một đứa bé, đứng xem tuồng bên giếng, đứa bé lọt xuống giếng, lập tức sai người xuống giếng mò, dưới nước không có vật gì cả, dùng sào tre khuấy khắp đáy giếng cũng không có vật gì. Người ấy trở về nhà thì đứa bé đang ngủ trong nhà như si, như ngốc, quần áo đều ướt đẫm. Hỏi làm sao về được nhà, nó nói không biết. Do vậy khắc một tấm bia, lập một ngôi đình, đặt tên cho giếng ấy là Thánh Tỉnh (giếng thánh), đem chuyện này gởi cho Quang. Quang đưa cho thầy Diệu Chân, thầy Diệu Chân đem dán lên bảng treo trong nhà khách ở tầng dưới đại điện chùa Thái Bình. Đem chuyện này đưa cho Mộng Am bảo ông ta hãy suy đoán giấc mộng này!

* Năm Dân Quốc 27 (1938), tôi tỵ nạn sang Âu Giang ở qua Tết. Cuối tháng Chạp, có một chiếc xe hơi chạy theo công lộ từ Thanh Điền tới Kim Hoa. Xe chạy từ chập tối, tới chỗ đồng hoang bên bờ sông cách Lệ Thủy mấy chục dặm, tài xế không cẩn thận, xe bị lọt xuống sông. Khách ngồi xe bốn mươi mấy người đều chìm lỉm. Mờ sáng ngày hôm sau, những người tới trước để lo cứu vớt thấy có một phụ nữ tuổi khoảng ba mươi, ngồi bên bờ sông như si, như say. Hỏi: "Từ đâu đến?" Đáp: "Tối hôm qua ngồi xe tới đây." Hỏi: "Cả xe gặp tai nạn, sao bà không bị gì?" Thưa: "Không biết." Vặn hỏi tình huống lúc ấy cũng chẳng hiểu rõ. Suốt mấy ngày báo chí hai nơi đăng tải, không ai chẳng hít hà than lạ! Sau khi tôi trở về núi, từng đem bài báo ấy thưa trình cặn kẽ với thầy (tức tổ Ấn Quang), khi ấy cũng chỉ cùng nhau than là lạ. Tôi trở về liêu xá, sau đấy sư sai người hầu đem đoạn văn trên đây đưa cho xem. Xem xong kẹp trong sách, cũng chưa từng đọc lại.

Nay thầy đã vãng sanh, mới đặc biệt lôi ra kiểm lại để dán bồi tờ giấy ấy. Chữ tàn lẻ loi sót lại, chỉ còn được một phần ánh sáng tốt lành. Từng nhớ ông X… có ghi chép, giữ gìn được bài viết về chuyện ông Vương Hữu Quân bán rượu mấy cân, trân quý dị thường. Như vậy giá trị của mảnh giấy này của thầy tôi chẳng cần phải đợi đến năm nào mới bình luận, lượng định nữa.

Kính cẩn viết vào hai hôm trước ngày Trừ Tịch (30 Tết) năm Canh Thìn (1940). Năm Tân Tỵ (1941), mấy hôm sau bữa hoa nở, viết tại Dưỡng Tâm Thất của Linh Nham Sơn Tự. Ngày 22 tháng 10 năm Giáp Ngọ (1954), kính vâng lời dạy của thượng nhân Diệu Chân mà kính cẩn chép lại. Đệ tử Huệ Kiến ghi vào năm 77 tuổi (Huệ Kiến là pháp danh của Mộng Am).

8. Hậu thân của thi nhân Trương Vĩnh Phu

Trương Vĩnh Phu giỏi làm thơ, tánh tình tỉ mỉ. Khi chết, bạn ông ta là Thịnh Thanh Lũ chôn họ Trương bên sườn núi Linh Nham. Mười tám năm sau, nhằm ngày sinh nhật của Thanh Lũ, một viên quan Hàn lâm còn đang trong độ tuổi thiếu niên đến mừng sinh nhật. Chàng thiếu niên ấy chính là hậu thân của Vĩnh Phu vậy.

9. Trả lời câu hỏi giùm bạn của ông Đinh Phước Bảo

Lệnh hữu hỏi về chuyện "dùng *quả địa giác* để làm *nhân địa tâm*". Đấy là vì một câu A-di-đà Phật vạn đức hồng danh đã bao nhiếp hết sạch Bồ-đề giác đạo do đức A-di-đà Phật đã chứng. Chúng sanh niệm Phật nếu có thể khẩn thiết chấp trì ức niệm chính là dùng quả đức của Phật Di-đà để xông ướp vọng tâm nghiệp thức của chính mình. Xông lâu ngày chầy tháng, nghiệp tận tình không, tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo, toàn bộ cái tâm chúng sanh biến thành Như Lai Tạng. Nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Dùng quả địa giác làm nhân địa tâm là như thế đấy.

10. Lược truyện hòa thượng Pháp Tràng

Sư húy Hành Xí, hiệu Pháp Tràng, biệt hiệu Nhị Tuyết. Nhà ở Chương An, họ Lâm, vốn có tên là Tăng Chí, tên tự là Khả Nhậm. Tổ tiên vốn là tiến sĩ Chánh Trọng Công đời Tống, suốt 15 đời đều nối dòng văn học. Chiêu Công - vị từng được ban tặng tước hiệu Đông các Đại học sĩ - chính là cha của sư. Sư chưa đầy tuổi khỏi địu, Chiêu Công đã khuất núi. Sư bẩm tánh hiếu hữu ham học, năm 16 tuổi vào trường học, năm 23 tuổi, tức năm Ất Mão (1615) đỗ kỳ thi hương, tới đọc sách tại chùa Hưng Thiện, làm bạn với các thiền tăng, tin pháp xuất thế. Năm 27 tuổi, mẹ của sư được vua khen thưởng sự thủ tiết và hiếu thuận, phong tặng tước hiệu Phu Nhân. Giang Thị (mẹ sư) mất, sư đau buồn chẳng thiết sống, nghĩ nhờ vào Phật pháp để báo đáp ân cù lao, nhân đó thỉnh các pháp bảo để tụng. Như đã tập quen từ đời trước, từ đấy sư làm những chuyện tốt lành như phóng sanh, chôn vùi hài cốt bị bộc lộ v.v..

Năm 33 tuổi, sư chuyển sang sống ở chùa Mật Ấn núi Đầu-đà, đây chính là đạo tràng Nhất Túc Giác (một đêm giác ngộ) đời Đường. Hằng ngày, sư qua lại học tập nghiên cứu với *thọ nghiệp sư* là Tăng Ma Mã Sính Quân, càng biết rõ có chuyện hướng thượng. Tăng Ma từng gặp thiền sư Bác Sơn Vô Dị[837]. Ngôi điện

[837] Thiền sư Vô Dị Nguyên Lai (1575-1630) là cao tăng thuộc tông Tào Động sống vào đời Minh. Sư còn có hiệu là Đại Nghĩ, pháp tự Vô Dị, thường được gọi là thiền sư Bác Sơn. Năm 15 tuổi, sư triều lễ núi Ngũ Đài, tham phỏng ngài Vô Minh Huệ Kinh chùa Bảo Phương, đọc Cảnh Đức Truyền Đăng Lục liền tỉnh ngộ. Vì thế bèn theo ngài Huệ Kinh đến Ngọc Sơn, được

cũ trong chùa nghiêng ngả, khéo sao có khu sơn trại trên mạch núi gần đó, sư bèn đẵn sạch cây cỏ, khiến nó quang đãng như mới dựng. Ngay trong lúc ấy, sư đã có ý sửa chữa, tạo dựng chùa Mật Ấn. Sư đỗ tiến sĩ năm Mậu Thìn (1628) lúc 35 tuổi. Những người đậu cao được chọn nhiệm sở đầu tiên. Thoạt đầu, sư bói cỏ thi, chọn làm huyện lệnh Bồ Kỳ thuộc đất Sở (Hồ Bắc). Ngự sử Hoàng Tông Xương do thấy Tăng Ma khắc in cuốn Tông Môn Tam Quan Ngữ liền hỏi sư:

- Trong nhà Nho cũng có tam quan ư?

Sư nói: Có!

- Hỏi: Sơ quan (cửa đầu tiên) là gì?

Sư đáp: *"Bất tri vi bất tri, thị tri dã"*[838] (Không biết nói là không biết, đấy chính là biết vậy).

- Nhị quan?

Sư đáp: *"Ngô hữu tri hồ tai, Vô tri dã"* (Ta có biết chi đâu, chẳng biết gì cả)[839].

- Tam quan?

Sư đáp: *"Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử dã, thị Khâu dã"*[840] (Ta không làm điều gì mà chẳng để cho hai ba người các anh được biết, Khâu làm người như vậy đấy).

Ông Hoàng vỡ lẽ, trở thành bạn rất thân với sư. Sư từng ở nơi công quán, khi đụng đến cái bô đi tiểu liền có chỗ tỉnh ngộ, bèn viết kệ rằng:

Kỳ tai! Đằng nịch khí,
Thông thân hắc tất tất,

ấn khả. Năm Vạn Lịch 30 (1602), sư ẩn cư tại Bách Sơn ở Tín Châu (nay thuộc huyện Quảng Phong, Giang Tây). Năm Thiên Khải thứ bảy (1627) chuyển sang Cổ Sơn, đồ chúng theo học cả ngàn người. Sư mất năm Sùng Trinh thứ ba (1621) tại chùa Thiên Giới ở Kim Lăng. Môn nhân dựng tháp ở Bác Sơn và chôn y bát ở ngọn Hương Lô. Sư chuyên đề xướng tông chỉ Thiền Tịnh bất nhị. Những lời dạy của sư được chép thành Vô Dị Thiền Sư Quảng Lục (35 quyển).

[838] Đây là một câu Khổng tử dạy Tử Lộ được chép trong thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ. Khổng tử dạy Trọng Do (Tử Lộ): *"Do, hối nhữ, tri chi hồ? Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã"* (Này Trọng Do! Ta dạy ông, "biết" là như thế nào? Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, đấy chính là biết vậy). Theo Chu Hy, Trọng Do tính tình bộp chộp, dễ có hành động quá khích trong khi làm quan nên Khổng tử mới dạy như thế

[839] Đây là một câu nói trích từ thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ.

[840] Đây là một câu nói trích từ thiên Thuật Nhi sách Luận Ngữ: *"Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ. Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khâu dã"* (Hai ba người các anh cho rằng ta có điều gì giấu giếm chăng? Ta không có gì giấu giếm các anh cả. Ta không làm gì mà chẳng để cho hai ba người các anh được biết, Khâu là như vậy đó). Chúng tôi dịch những câu nói này theo cách giải thích của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

Đẩu nhiên khám phá thời,
Tuyết tiêu địa thượng thấp.

(Lạ thay! Cái bô tre,
Toàn thân sơn đen kịt,
Bỗng nhiên khi nhận biết,
Tuyết tan, đất ướt đầm.)

Trong khi cai trị, sư dùng đức để giáo hóa trước tiên, chí thành cảm động lòng trời, cảm được mưa ngọt mấy lần giáng xuống. Quan Tuần án là Tống Hiền lấy làm lạ, nhân dịp sang chúc mừng tướng công Đại Tể Lý Trường Canh được vua gọi vào chầu, bèn cùng dâng sớ tâu lên. Vua liền truyền chỉ những người đảm nhận chức vụ Khoa đạo[841] không nhất thiết phải tuyển từ người đỗ đạt, mà trước hết phải chọn từ những người được đề cử để sung vào chức vụ ấy. Khi đó, mọi người đều cùng bàn tán: "Mai sau, chắc Bồ Kỳ sẽ là nơi cử hành điển lễ thăng chức long trọng ấy." Do vậy mới có tác phẩm Sở Bồ Ký Thụy (ghi chép về chuyện tốt lành ở Bồ Kỳ trong đất Sở) được khắc.

Dân đất Bồ lập sanh từ Cam Lộ[842]. Hai lần sư tổ chức thi hội ở đất Sở, lập Trung Ẩn Viên trong dinh thự để giảng sách cho học trò vào mồng 1, ngày Rằm. Các sanh đồ[843] thuộc những ấp lân cận kéo đến nghe đông như họp chợ. Khi ấy, sư có cho khắc cuốn Giảng Học Pháp Vũ. Khi mãn nhiệm kỳ làm huyện lệnh tại đất Bồ, sư được chọn giữ chức Hàn lâm biên tu[844]. Gặp dịp Đông Cung (Thái tử) được vua cho ra lập dinh thự riêng, vua bèn chọn sư làm giảng độc (thầy dạy học) cho Thái tử, sư bèn nhận chức. Sư luôn lo cho dân cho nước, lòng tha thiết mong

[841] Khoa đạo: Theo quy chế thời Minh - Thanh, Đô sát viện, Giám sát ngự sử, hoặc các quan Đạo doãn thuộc các đạo đều được gọi chung là Khoa đạo.
[842] Sanh từ là lập đền thờ khi còn sống với ý nghĩa tỏ lòng biết ơn sâu đậm. Dân Bồ Kỳ cảm tạ sư Pháp Tràng đã cầu được mưa ngọt nhiều lần trong khi hạn hán nên lập đền thờ sống, đặt tên là Cam Lộ.
[843] Sanh đồ là những người sẽ được đi dự thi hội. Theo quy chế vào thời Minh Thanh, những người dự thi thường khảo (những khoa thi mở theo thông lệ) được chia thành hai loại sanh đồ và hương cống. Sanh đồ là những người học từ trong các trường học do triều đình thiết lập ở kinh đô hoặc các châu, huyện, đã đậu kỳ sơ khảo tại trường, được ghi danh đưa lên Thượng thư tỉnh để dự thi hội. Còn những người không học ở các trường do triều đình thiết lập, nhưng đã đỗ kỳ thi hương, cũng được địa phương trình tấu lên Thượng thư tỉnh để dự thi hội thì gọi là hương cống.
[844] Hàm lâm biên tu là một chức quan vào thời Thanh Minh trên danh nghĩa có nhiệm vụ soạn thảo văn từ, chiếu chỉ cho hoàng đế, đồng thời biên soạn, chỉnh lý kinh sách v.v.. Nhưng thực ra, chức quan Hàn lâm biên tu được lập ra với mục đích tạo cơ hội cho người giữ chức vụ này được bồi dưỡng, huấn luyện bởi các vị hiền thần lão thành trong quá trình làm việc nhằm trở thành nhân tài chủ yếu cho đất nước, cũng như có đủ học vấn tư cách để làm thầy dạy cho các hoàng tử hoặc con các vị đại thần, vương công về sau.

làm lợi cho dân chúng[845]. Sư trông coi tấu chương của cả sáu bộ, chiếu, đối, ghi chú những bản cáo, sắc[846], soạn văn, biên tập tu chỉnh bộ Hội Điển Lục Tử Cách Ngôn, nhận chức Kinh diên giảng quan[847], rồi chuyển thành Hữu trung doãn[848] của *Hữu xuân phường* thuộc *Chiêm sự phủ hữu* kiêm Thị độc học sĩ[849]. Rồi lại được thăng lên trông coi Thiếu chiêm sự phân hiệu. Năm Quý Mùi (1643), sư làm chủ khảo kỳ thi hội.

Năm Giáp Thân (1644), giặc Lý Tự Thành xâm phạm cung khuyết, sư gặp phải quốc nạn, bị tra khảo tàn khốc gần chết, vẫn giữ tiết tháo chống giặc không khuất phục. Quân giặc bị quân Thanh vượt quan ải vào Trung Nguyên đánh bại,

---

[845] Nguyên văn *"tiến Dịch Sư Quái giảng chương, quyền thiết thượng hào"* (noi theo những điều được giảng dạy trong quẻ Sư Quái của kinh Dịch, lòng luôn tha thiết nơi hào Thượng trong quẻ ấy). Sư Quái là một quẻ kép trong kinh Dịch, dưới là quẻ Khôn (đất), trên là quẻ Khảm (tượng trưng cho nước). Phần Tượng Truyện của quẻ Sư Quái giảng: *"Địa trung hữu thủy, Sư; quân tử dĩ dung dân, súc chúng"* (Trong đất có nước là ý nghĩa của quẻ Sư. Quân tử bao dung dân chúng, làm cho mọi người được yên ổn, giàu vui). Phần chú giải của Khang Thiệu Tiết cho biết ý nghĩa của quẻ Sư Quái là bậc quân tử phỏng theo tánh chất của đất và nước, vững chắc, bao dung trăm họ, chăm lo cho cuộc sống của mọi người. Do hào Thượng của Sư Quái thuộc về quẻ Khảm là nước, nước có tính thấm nhuần và gột sạch chất bẩn, nên nói "lòng tha thiết nơi hào Thượng", ngụ ý luôn chăm lo cho người dân được sống yên vui, giàu mạnh, cai trị dân bằng sự bao dung, khiến cho lòng người hiền thiện, an vui. Do vậy chúng tôi tạm dịch câu *"tiến Dịch Sư Quái giảng chương, quyền thiết thượng hào"* thành "luôn lo cho dân cho nước, lòng tha thiết mong làm lợi cho dân chúng".

[846] Chiếu: Văn thư truyền lệnh do vua ban xuống cho các quan hay dân chúng. Nếu có tính cách hạn hẹp hơn, chỉ phổ biến cho các quan thuộc Nội các hoặc Quân cơ đại thần thì thường gọi là thượng dụ.

Đối (gọi đủ là chiếu đối): Sớ tâu trình ý kiến của các quan sau khi vua ban chiếu hỏi ý kiến hoặc ban bố mệnh lệnh.

Cáo và sắc là những văn thư của vua nhằm tuyên bố những quyết định khen thưởng, chỉ thị hoặc răn bảo, nhưng sắc thường được dùng để chỉ những văn bản quyết định khen thưởng, phong tặng do vua ban xuống.

[847] Nhiệm vụ chủ yếu của *Kinh diên giảng quan* là dạy Thái tử học hoặc giảng giải những điển tích khó trong khi Thái tử đọc văn kiện, tấu chương. Đôi khi vị này còn kiêm nhiệm vai trò cố vấn cho Thái tử.

[848] Trung doãn là một chức quan giữ nhiệm vụ xử lý những công việc quản trị hành chánh (giống như chức Chánh văn phòng hoặc Đổng lý văn phòng hiện thời) trong phủ Thái tử (Chiêm sự phủ). Trong Chiêm sự phủ có lập ra các phân viện Hữu xuân phường và Tả xuân phường (dưới thời Minh, Xuân phường là một cơ cấu giống như viện Hàn Lâm của Thái tử, bao gồm các cố vấn, nhân tài để giúp cho Thái tử tập sự cai trị, điều hành đất nước sau này, đứng đầu là chức Thứ tử). Dưới chức Tả xuân phường Tả thứ tử lập ra chức Trung doãn, dưới chức Hữu xuân phường Hữu thứ tử lập ra chức Trung xá nhân, nhưng từ cuối từ đời Minh trở đi đều gọi là Trung doãn hết, không còn danh xưng Trung xá nhân nữa.

[849] Thị độc học sĩ là chức được thiết lập vào thời Minh - Thanh, ngạch trật từ Nhất phẩm đến Tứ phẩm, đứng đầu viện Hàn Lâm, thường giữ nhiệm vụ tổng toản tu (chief editor) các công trình biên soạn sử liệu hoặc học thuật.

bèn xôn xao rút về phương Nam. Khi ấy hậu duệ của nhà Minh là Long Vũ[850] dấy lên ở đất Mân (Phước Kiến); kiên quyết giao cho sư giữ chức Nội các đại học sĩ. Đến khi Long Vũ Đế bị quân Thanh truy kích phải chạy sang đất Việt (Quảng Đông), sư biết "theo mạng trời khí số nhà Minh đã hết", liền xin xuống tóc với vị kỳ túc[851] ở Lã Phong là Quá Tuân. Khi ấy, nhằm tháng mùa đông năm Bính Tuất (1646), sư tròn 54 tuổi.

Khi nhà Đại Thanh thống nhất sơn hà, trưng dụng những bậc di lão[852] trong thiên hạ, riêng mình sư không tuân chiếu. Nhà chức trách ép sư ra cộng tác, sư toan tự sát. Ngài Quá Tuân nói: "Ông đọc sách nhưng không hiểu được đạo. Đang trong lúc nước nhà tan vỡ, quân Thanh noi theo điều nghĩa vào quan ải, đánh một trận dẹp tan giặc [Sấm Vương Lý Tự Thành], báo thù cho các vị hoàng đế nhà Minh, quả thật có đức đối với nhà Đại Minh. Nếu ông chủ trương trung thần chẳng thờ hai họ, toan học theo chí của Sào Do[853], chưa chắc đã không được triều đình chấp thuận." Sư nghe vậy bèn mặc tăng phục đến gặp, quả nhiên được toại nguyện. Từ đấy, thiết tha dùi mài, dốc lòng nghiên cứu đại sự sanh tử. Một đêm nghe tiếng chuông, chướng ngại liền tan ngay, có kệ rằng:

Thử dạ chung thanh kháp dị thường,
Nhất chùy đả phá xú bì nang,
Bách đơn bát hạ như lôi hống,
Tình dữ vô tình hà xứ tàng?

(Chuông gióng đêm nay thật lạ kỳ,
Một dùi đập nát đãy da hôi,
Trăm tám tiếng rền như sấm động,

---

[850] Long Vũ là niên hiệu của Minh Thiệu Tông (1602-1646). Minh Thiệu Tông tên thật là Chu Duật Kiên, là cháu nội của Đường Vương Chu Thạc Hoảng (hậu duệ của người con thứ 23 của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương) được các di thần nhà Minh đưa lên ngôi vua năm 1645 với hy vọng khôi phục giang sơn nhà Minh. Vua lên ngôi chỉ được một năm, quân Thanh đã đánh tới Phước Kiến, phải chạy sang Quảng Đông. Bị quân Thanh truy kích tới cùng, thế cùng lực kiệt, vua bị bắt, bèn tuyệt thực chết, thọ 44 tuổi. Do Chu Duật Kiên không phải là con cháu trực hệ của vua Sùng Trinh nên tổ dùng chữ "Minh phiên" (phên giậu nhà Minh) để chỉ vua Long Vũ. Chúng tôi chỉ dịch gọn là "hậu duệ".

[851] Bậc tôn túc tuổi cao đức trọng.

[852] Di lão: Quan lại của triều đại trước.

[853] Sào Do: Chính là Sào Phụ (thường bị đọc trại thành Sào Phủ) và Hứa Do, hai vị ẩn sĩ thời vua Nghiêu. Theo bài Bá Di Liệt Truyện trong bộ Sử Ký thì vua Nghiêu mời Sào Do đến để bàn chuyện nhường thiên hạ cho Hứa Do, Hứa Do không nhận bèn lẩn trốn, ra sông rửa tai, ngụ ý không để tai mình bị nhiễm bẩn bởi danh lợi. Khi ấy có Sào Phụ dẫn trâu ra sông uống nước, thấy vậy, hỏi nguyên do, nghe xong liền chê: "Nếu ông ở trong núi cao, hang sâu, ai biết đến ông? Ai thấy được ông. Ông hời hợt, vẫn muốn được người người khác nghe tiếng, cầu cạnh đấy chứ! Uống nước này chỉ bẩn miệng trâu ta", rồi dắt trâu lên thượng nguồn cho uống.

Tình với vô tình ẩn chốn nao?)

Liền trở về chùa Mật Ấn để tròn nguyện xưa, tu bổ tổ đình, gặp nhiều chuyện cảm ứng huyền diệu đã được chép đầy đủ trong bi ký trung hưng. Sư vốn chuyên chú nơi đạo Thiền, thường có chỗ ngộ, nhưng chưa dám chắc bèn thiết tha, kính mộ tham bái khắp các vị thiện tri thức. Ngẫu nhiên Dư Khổng Khiêm ở Côn Dương tham bái với hòa thượng Tuyết Đậu Vân trở về, thuật lại lời của Tuyết Đậu như sau: "Thiền giả Pháp Tràng nếu muốn tham phỏng các phương, chắc chỉ có huynh Phí[854] của ta là kham nổi!" Sư nghe xong, thưa: "Đúng là lời của bậc thiện tri thức, tôi đã có ý muốn đến gặp Tuyết Đậu." Liền qua núi Tứ Minh yết kiến Tuyết Đậu. Lễ bái xong, Tuyết Đậu nói: "Nếu như lão tăng không còn thì lễ bái là đúng, hay không lễ bái là đúng?" Sư toan thưa bày, Tuyết Đậu hét lên một tiếng thị oai. Sư bất giác mướt mồ hôi, ngay lập tức thấy được chỗ dụng ý của Tuyết Đậu.

Đến tối, Tuyết Đậu đột ngột giơ nắm đấm, hỏi: "Cái gì sanh?" Sư thưa: "Lấy hai miếng da ghép lại!" Tuyết Đậu lại giơ nắm đấm, sư nói: "Hễ tái phạm sẽ chẳng dung." Tuyết Đậu úp bàn tay, sư nói: "Chẳng để hòa thượng khinh mạn!" Ngày hôm sau, Tuyết Đậu khai thị trong giờ tọa hương, nói: "Ta có một bài thiền kệ dạy cho sư." Sư nói: "Ở chỗ này chẳng tiêu mối nghi được!" Tuyết Đậu nói: "Rốt cuộc để làm gì?" Sư bước ra lễ ba lạy, lui ra, liền trình kệ rằng:

Thuấn mục đương cơ hoán thoại đầu,
Hà như chỉ dụng lão quyền thù,
Tổ thiền hội đắc hưu khinh tín,
Nhất diệp sơ phi biến giới thu.

(Chớp mắt đương cơ, đổi thoại đầu,
Sao bằng nắm đấm dạy cho nhau?
Tổ thiền hiểu được, đừng tin vội,
Một lá vàng bay khắp cõi thu.)

Một bữa uống trà xong, nói đến mọi chuyện phải đảm đương, Tuyết Đậu tặng cho sư tấm biển *"chân giác tái lai"*, nói: "Thượng tọa còn gánh vác được hay chăng?" Sư nói: "Chẳng phải là tay giỏi gánh vác!" Tuyết Đậu nói: "Cổ nhân hễ biết là chuyện quẩn quanh liền ngừng sai bảo làm gì nữa." Sư nói: "Tận lực nói không ra, Tuyết Đậu đừng ra!" Sư trở về Vũ Lâm, Tuyết Đậu có bài kệ tiễn đưa như sau:

Nhũ Phong cang lưỡng nguyệt,

[854] Tức ngài Phí Ẩn Dung, một vị thiền đức nổi tiếng thời ấy.

Độc bộ khứ tiền đường
Nhất cú siêu phương ngoại,
Toàn cơ tuyệt phú tàng.
Lâm Tế chánh pháp nhãn,
Diệt khước hạt lư bàng,
Chỉ giả phá sa bồn,
Đãi tương vi cử dương.

(Nhũ Phong vừa hai tháng,
Một mình qua tiền đường,
Một câu vượt ngoài cõi,
Cơ phong hết giấu che,
Lâm Tế chánh pháp nhãn,
Diệt sạch lũ lừa mù,
Chỉ là phá chậu cát,
Hãy đợi người thốt lời.)

Đến núi Thánh Quả, tảo mộ cư sĩ Mã (tức cư sĩ Tăng Ma Mã Sính Quân), ấy là vì sư chẳng quên nguồn gốc. Tham yết khắp các phương, trở về chỗ Tuyết Đậu thọ giới cụ túc, quản lý nhà kho. Một bữa, Tuyết Đậu xuống nơi ấy, bỗng dưng đánh cho sư một gậy bảo: "Nói ngay!" Sư thưa: "Khoét thịt thành ghẻ." Tuyết Đậu nói: "Mới chỉ nói được một nửa", sư nói: "Ngay cả một nửa cũng chẳng tiêu được." Từ đấy, đầu mũi tên ghim chắc[855], không còn sơ sót, rơi rớt chỗ nào; người ghi chép chẳng thể thuật hết. Mùa xuân năm Quý Tỵ (1653), sư từ biệt trở về Đông Âu. Tuyết Đậu viết thật to vào đầu cuốn sách: *"Thân khiết lão quyền"* (Đích thân ăn phải nắm đấm già), dặn dò bằng bài kệ:

Biệt ngã xuân phong lý,
Lâm hành nhất cú thân,
Trượng đầu tuyên đại ý,
Túc để bát phương trần.
Vãng phục nãi vô sự,
Tung hoành dĩ tuyệt luân,
Đáo gia nghiêm diện mục,
Sở dĩ tiếp gia tân.

(Giã từ trong gió Xuân,
Dặn một lời ân cần,

[855] Ý nói đối đáp những câu hỏi về thiền cơ nhanh nhạy, đúng ý với người hỏi, không sai sót chút nào.

Đầu trượng tuyên đại ý
Gót chân dạo cõi trần,
Qua lại trọn vô sự,
Tung hoành ai sánh bằng,
Tới nhà nghiêm sắc mặt,
Để tiếp đón gia tân[856].)

Tuyết Đậu coi trọng sư giống như thiền sư Ứng Am Hoa coi trọng thiền sư Mật Am Kiệt vậy. Năm Giáp Ngọ (1654), Tuyết Đậu nhận lời thỉnh của chùa Mật Ấn, tấn phong sư vào ngôi vị tây đường[857]. Hết thời hạn an cư, Tuyết Đậu trở về Nhũ Phong. Sư lại đến thân cận, thăm hỏi. Khéo sao, thân sĩ vùng Tứ Minh thỉnh sư trụ trì chùa Bảo Phước ở Đại Mai thuộc huyện Ngân, sư thấy nơi đó là chỗ ẩn dật xưa kia của Hán Úy, lại còn hâm mộ phong cách cao cả của thiền sư Thường[858], bèn vui vẻ qua đó. Tuyết Đậu đề thơ trên bức đảnh tướng[859] có những câu như sau:

Thanh xuất ư lam, thùy tự nhĩ,
Đại Mai phong đảnh khán phong lôi?

(Gió sấm Đại Mai đầu núi ngắm,
Xanh trỗi hơn chàm, ai giống ông?)

Đình viện [Bảo Phước Tự] bỏ hoang hơn 800 năm, sư cùng các thiền tăng chẳng ngại đội sương, dầm tuyết, vâng giữ bổn phận, gần xa dần dần kéo về trở thành chốn tùng lâm. Do vậy, hòa thượng Phí Ẩn Dung có đề tặng: "Lãnh tụ trong pháp môn, bao người trông ngóng, tám vạn thông xanh nhớ mãi vẻ mặt tươi cười", hòa thượng Mục Vân Môn đề tặng: "Truyền Tổ đăng vòi vọi trên ngọn Thái Bạch,

---

[856] Gia tân: khách quý.

[857] Tây đường (còn gọi là tây am) là từ ngữ trong tùng lâm do tăng chúng gọi vị tăng trụ trì không sống trong ngôi chùa ấy, mà sống trong ngôi chùa khác; nói cách khác, vị ấy sống như khách trong ngôi chùa mà mình được mời làm trụ trì. Do thời cổ coi phương Tây là khách vị nên mới gọi như thế. Do ngài Pháp Tràng không ở chùa Mật Ấn mà chùa Mật Ấn vẫn thỉnh ngài làm trụ trì nên Pháp Tràng được coi là tây đường của Mật Ấn. Ngài Tuyết Đậu dùng tư cách là vị thầy truyền pháp của Pháp Tràng để chứng minh lễ tấn phong ấy.

[858] Thiền sư Thường chính là ngài Pháp Thường (752-839), cao tăng đời Đường, quê ở Tương Dương (tỉnh Hồ Bắc), xuất gia từ nhỏ, trụ tại chùa Ngọc Tuyền. Bao nhiêu kinh sách hễ đọc qua liền nhớ mãi không quên. Hai mươi tuổi thọ cụ túc ở chùa Long Hưng. Sư hâm mộ thiền học, thoạt đầu tham học với Mã Tổ Đạo Nhất, đắc ngộ, ẩn tu tại núi Đại Mai (thuộc huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang), đồ chúng xin đến học rất đông.

[859] Đảnh tướng: Theo nguyên nghĩa là tướng búi tóc trên đỉnh đầu của Như Lai, hết thảy trời người không thấy được nên gọi là *vô kiến đảnh tướng*. Không rõ từ thời nào, Thiền tông Trung Hoa thường dùng thuật ngữ này để chỉ những bức hình vẽ các vị cổ đức của Thiền tông, phần lớn là vẽ hình bán thân hoặc ngồi trên tòa, phía trên bức vẽ thường đề một bài thơ tán dương.

thú có sừng tuy nhiều, nhưng chỉ một con lân là đủ [để vượt trội hết thảy] v.v..” Sư đến Thiên Đồng, hòa thượng Mộc Trần Mẫn thỉnh sư thăng tòa, thấy những điều ngài đề xướng liền nhiệt liệt ca ngợi. Viết lời tựa cho Đại Mai Lục, có những câu như: “Lòng từ rỗng rang như hang gió, chiếu rạng ông cháu. Sự giác ngộ soi sáng non Đông, cha con cùng chứng. Quả thật tiếng vang rền mãi tới ngàn thu.” Ba vị tôn túc (tức Phí Ẩn Dung, Mục Vân Môn và Mộc Trần Mẫn) lại vui sướng tuyệt mức, hết sức khen ngợi sư giống như khen ngợi ngài Ứng Am vậy!

Sư trụ tại Đại Mai 6 năm rồi đem chuyện trong chùa giao phó lại cho thủ tọa[860] Nhật Hưu Mị, nhận lời thỉnh của Đông Âu. Mùa đông năm Canh Tý (1660) sư mở giảng tòa tại Mật Ấn, so ra còn hưng thịnh hơn đạo tràng Đại Mai. Năm Bính Ngọ (1666), sư nhận lời thỉnh của Quát Thương Tịnh Giác, lại đem Mật Ấn giao cho nhiều học trò trông coi, chứ không làm tây đường nữa. Cuối hạ năm Đinh Mùi (1967), sư thị hiện bệnh nhẹ, ngồi thuyền trở về Đà Phong. Ngày Rằm tháng 8, sư đối trước đại chúng nói kệ rằng:

Thất thập ngũ niên nhàn đả hống,
Tổng vô kỳ đặc xuất thường luân
Nhi kim tán thủ huyền nhai khứ,
Nhất nhậm chư phương thuyết huyễn chân.

(Dỗ ngọt người đời bảy lăm năm,
Trọn không chi lạ khác phàm nhân,
Cheo leo vách đá, tay buông thõng,
Mặc kệ nơi nơi luận huyễn - chân.)

Rồi lặng lẽ qua đời. Sư sanh vào năm Quý Tỵ nhằm niên hiệu Vạn Lịch 21 (1593), mất vào năm Đinh Mùi tức năm Khang Hy thứ sáu (1667), thọ 75 tuổi, tăng lạp 23 năm.

---

[860] Thủ tọa: Có hai cách hiểu:

1. Theo Thích Thị Kê Cổ Lược quyển 3, thủ tọa là một chức quan được thiết lập vào năm Đại Trung thứ mười (856) đời Đường Tuyên Tông để cai quản tất cả các tăng sĩ. Về sau, những vị tinh thông kinh luật luận cũng được phong tặng tước vị này. Cuối cùng, danh hiệu này chỉ để phong tặng những vị thiền đức nổi tiếng.

2. Thủ tọa là một trong sáu chức vị trong tăng đường theo Thanh Quy. Thủ tọa còn gọi là thượng tọa, thủ chúng, đệ nhất tọa, tọa nguyên, lập tăng, thiền đầu… tức vị làm gương mẫu cho toàn thể tăng chúng, phẩm hạnh cao trỗi, không còn vọng niệm yêu ghét, thị phi v.v.. Về sau, chức vụ này chỉ có nghĩa là vị đứng đầu tăng chúng, hoặc đứng đầu một đường nếu tùng lâm chia thành nhiều đường, chẳng hạn tiền đường thủ tọa, hậu đường thủ tọa, danh đức thủ tọa… Chữ thủ tọa ở đây chỉ có thể hiểu theo cách thứ hai.

IX. VẤN ĐÁP

1. Đáp lời hỏi của sư Thiện Huân *(lược bỏ câu hỏi)*

1. Ngoại đạo giữ phương cách bí mật là vì sợ người khác biết rõ pháp của chúng nên không cho người khác niệm Phật ra tiếng. Trong Phật pháp, không có thuyết bí mật nào! Niệm Phật hãy tùy theo khí phận, sức lực của mỗi người lớn hay nhỏ mà niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng. Niệm ra tiếng lâu dài sẽ bị tổn khí, vì thế lại cần phải tĩnh tọa niệm thầm. Bất luận niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng hay niệm thầm, nói chung là chính mình phải nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Niệm thầm cũng vẫn có tiếng, vì thế cũng cần phải nghe. Nếu thường nghe, tâm tự quy nhất. Đấy chính là cách niệm Phật hay nhất.

2. Trừ Phật pháp ra, tất cả các môn đều là tà giáo, chứ nào phải chỉ có Thanh Tịnh Môn[861]? Các loại tà giáo đều lấy luyện đan vận khí làm chánh đạo, nhưng họ lấy niệm Phật, niệm kinh, khuyến thiện để làm căn cứ dẫn dụ người khác vào đạo của họ.

3. Đồng Thiện Xã cũng là ngoại đạo. Ở đây nói "đừng học theo Tế Công"[862] chỉ là nói về kẻ ngoại đạo, chớ nên nhất loạt bao gồm hết.

4. Cầu cơ cũng không phải là chánh pháp, phần nhiều là do linh quỷ giả mạo. Đối với chuyện tăng ni uống rượu, ăn thịt thì bọn họ chính là chủng tử địa ngục

---

[861] Thanh Tịnh Môn còn gọi là Văn Hương Giáo, Hữu Đại Thừa Giáo, Đông Đại Thừa Giáo, Đại Thừa Hoằng Thông Giáo, Hoằng Phong Giáo, Thiện Hữu hội, Thanh Trà Môn, Thâu Duyên Môn, Nhất Chú Hương, Viên Đốn Môn Hưng Long Phái, Thái Thượng Cổ Phật Môn v.v., vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo, do một gã thợ làm nghề thuộc da tên Vương Sâm (1542-1619), đạo hiệu Thạch Tự Nhiên, sáng lập vào thời Vạn Lịch đời Minh. Họ Vương tuyên bố do cứu hồ tiên (chồn tinh), hắn liền học được dị hương thuật, tự xưng là Thiên Chân Cổ Phật Chuyển Thế, đặt pháp hiệu là Pháp Vương Thạch Phật, gọi giáo pháp của mình là Văn Hương Giáo (hoặc Bát Quái Giáo), còn gọi là Đông Đại Thừa Giáo để phân biệt với Tây Đại Thừa Giáo của chùa Bảo Minh thuộc pháp hệ "chánh thống" của Bạch Liên Giáo. Họ Vương biên soạn (hoặc nhờ người khác biên soạn rồi đội tên mình là tác giả) các bộ tà kinh như Lão Cửu Liên, Tục Cửu Liên, Cổ Phật Thiên Chân Khảo Chứng Long Hoa Bảo Kinh, Phật Xá, Tam Giáo Chỉ Nam. Giáo phái này pha trộn phương pháp tu tiên của Đạo gia với bùa chú, đồng cốt, cầu cơ v.v., vay mượn những danh từ nhà Phật, xuyên tạc giáo nghĩa nhà Phật để biện minh cho giáo thuyết của chúng. Đạo này có rất đông tín đồ tại các vùng Sơn Đông, Tứ Xuyên, Hà Bắc, Sơn Tây, Hà Nam v.v.. Năm Vạn Lịch 41 (1614), Vương Sâm bị bắt, rồi chết trong tù vào năm 1619. Về sau, con trai hắn là Vương Hảo Hiền phát động khởi nghĩa lật đổ nhà Minh thất bại, bị truy nã ráo riết nên giáo phái này mới đổi thành đủ mọi tên như đã kể trên để dễ hoạt động.

[862] Do Tế Công thị hiện những nghịch hạch (ăn thịt chó, uống rượu, say sưa, ngủ li bì v.v.) nhằm thị hiện thần thông hóa độ những kẻ hữu duyên, bọn ngoại đạo ăn thịt, uống rượu, say sưa, trác táng cũng viện cớ là "học theo hạnh của Tế Công" nên tổ Ấn Quang mới quở như thế.

còn chưa thể cứu được chính mình. Cớ sao lại viện vào hành vi của bọn chúng để chỉ trích Phật giáo vậy?

5. Ngũ huân (ngũ tân) thì nước ta chỉ có bốn thứ, tức *hành, hẹ, kiệu, tỏi*. Kiệu chính là tiểu toán[863], ở Tây Vực có hưng cừ, nước ta không có loại ấy. Có kẻ cho nguyên tuy (cilantro, ngò Tây) là một loại trong ngũ tân, đấy chính là tà thuyết do ngoại đạo lập ra.

6. Tam yếm[864] là thiên yếm, địa yếm, thủy yếm. Thiên yếm chính là chim nhạn. Do chim nhạn có tình nghĩa vợ chồng cho nên chẳng được ăn, đấy chính là thuyết của Đạo gia. Trong Phật pháp, hết thảy các thứ thịt đều chẳng được ăn, sao lại chỉ có ba thứ ấy? Bọn họ bảo: "Người già là bạch yếm, cớ sao lại thỉnh tăng để hệ niệm[865] cho người chết?" Nói nhăng, nói càn, há nên nghe theo!

7. Niệm Phật nhớ số là để ngừa giải đãi, nếu không có tâm giải đãi thì không nhớ số cũng được. Để nhớ số cũng có thể không dùng tới tràng hạt. Lúc thoạt đầu nên dùng tràng hạt để niệm Phật một tiếng đồng hồ, sau đó niệm nhanh hay chậm đều giống như vậy. Niệm một khắc, nửa tiếng, hay một tiếng đều có thể biết được số câu niệm Phật. Hơn nữa, cách niệm Phật nhớ số trong Văn Sao là cách nhiếp tâm hiệu quả nhất, hãy đọc sẽ tự biết.

8. Nếu có tượng Phật, hãy nên hướng về Phật lễ bái; không có tượng Phật thì lễ bái thầm trong tâm, hoặc hướng về phương Tây lễ bái. Có hương, đèn cố nhiên là tốt, nhưng không có cũng chẳng sao. Tùy theo khả năng của từng người mà làm, há nên chấp hẹp hòi nơi pháp ư?

9. Kinh Kim Cang giảng về pháp môn tâm địa, nên nói: *"Phàm hữu sở tướng, giai thị hư vọng"* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Ông chẳng biết đọc những câu thuộc phần trước hai câu ấy trong kinh văn, chỉ dựa vào hai câu này để rồi nghi ngờ phép niệm Phật vãng sanh Tây Phương, chẳng biết có hữu

---

[863] Tiểu toán là tên gọi khác của giới (kiệu).

[864] Tam yếm có nghĩa là ba thứ thịt phải kiêng ăn do Đạo giáo đặt ra, gọi là thiên yếm, địa yếm và thủy yếm, tức thịt của ba thứ: chim nhạn (thiên yếm), chó (địa yếm) và rùa đen (thủy yếm).

[865] Hệ niệm (xin chú ý ở đây tổ dùng chữ "hệ niệm") có nghĩa là chuyên niệm, chú tâm niệm một đức Phật, chuyên ròng niệm Phật, không xen tạp, không gián đoạn, khiến cho người sắp mất luôn hướng lòng về A-di-đà Phật. Gọi là "hệ niệm" để phân biệt với lối trợ niệm thông thường vẫn được áp dụng tại nhiều nơi, kể cả ở Việt Nam: Chư tăng ni hay Phật tử nhóm họp, khai kinh sám hối ngày đầu, ngày kế tụng Phổ Môn để cầu cho người sắp mất được khỏe lại, ngày sau cùng tụng Di-đà để người sắp mất ra đi. Nếu vẫn chưa mất thì sẽ chuyển sang tụng kinh Kim Cang, kinh Dược Sư, hoặc kinh Địa Tạng v.v.. Nói chung là chú trọng tụng kinh nhằm giúp cho người chết giảm bớt nghiệp chướng, ra đi nhẹ nhàng, chứ không chú trọng hướng dẫn cho người ấy biết tới pháp môn Tịnh độ, phát tâm cầu được vãng sanh.

tướng tam-muội và vô tướng tam-muội. Phàm rất nhiều kinh thuộc bộ Bát-nhã[866] cũng như những điều được nói trong Thiền tông đều là dựa theo vô tướng tam-muội để giảng rõ. Phàm các kinh Đại thừa giảng cặn kẽ về nhân tu nhân chứng quả và khai thị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì đều dựa theo hữu tướng tam-muội để giảng rõ. Ông hoàn toàn chẳng biết đạo lý thế gian, huống hồ đạo lý xuất thế gian; nhưng vẫn tự cho rằng mình thông minh, bàn luận Phật pháp bừa bãi! Muốn chẳng chuốc lấy ác quả, há có được chăng? Ông đã có Tịnh Độ Thập Yếu (sách này rất sâu), Gia Ngôn Lục (sách này rất nên đọc kỹ càng), sao chẳng đọc kỹ mà cứ một mực coi những lời lẽ vô tri vô thức của bọn ngoại đạo là đúng vậy?

2. Đáp lời hỏi của hòa thượng Mộ Tây

1. Hỏi: *Thiên Phật y* có phải là tổ y[867] thêu hình tượng Phật, còn *long hoa y* là ca-sa thêu rồng thêu hoa hay không, xin hãy rủ lòng dạy bảo?

Đáp: Thiên Phật y chính là y do một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp[868] chế ra, tức là tổ y năm điều hay bảy điều chúng ta thường đắp. Kẻ vô tri không hiểu biết bèn thêu hình tượng Phật lên y, tội đáng chết muôn vàn! Kẻ ngu chẳng biết tội lỗi, ngược ngạo tưởng đó là sang trọng. Lại còn thêu rồng, thêu hoa. Đường đường là một vị tỳ-kheo lại học theo thói nữ nhân, tư cách kẻ ấy chẳng đáng giá nửa đồng! Điều thứ nhất trong tác phẩm Chánh Ngoa Tập của đại sư Liên Trì đã luận về chuyện này.

2. Hỏi: Nuôi tóc dài, để móng tay dài, đeo khuyên bằng bạc, bằng đồng, có phải là tướng đầu-đà hay chăng?

---

[866] Bộ Bát-nhã là một trong năm bộ (phân loại) lớn của Đại thừa (Bát-nhã, Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Pháp Hoa và Niết-bàn). Bộ Bát-nhã bao gồm kinh Đại Bát-nhã (bản dịch của ngài Huyền Trang) và tất cả những kinh biệt xuất (tức những phẩm hoặc một phần của kinh Đại Bát-nhã được dịch trước thời ngài Huyền Trang). Hiện thời, nếu lấy Đại chánh tân tu Đại tạng kinh làm chuẩn thì bộ Bát-nhã có 42 bộ kinh, tổng cộng 776 quyển. Phần Śer-phyin trong tạng Cam Thù Nhĩ (Kanjur) của Đại tạng kinh Tây Tạng gần như tương ứng với bộ Bát-nhã của Đại tạng kinh Hán truyền.

[867] Tổ y: y ca-sa.

[868] Hiền Kiếp (Bhadrakalpa) là trụ kiếp trong hiện tại. Trong 20 trụ kiếp tăng giảm, có một ngàn vị Phật ra đời, cho nên gọi là Hiền Kiếp. Kinh Bi Hoa, quyển 5 chép: "Do nhân duyên nào tên gọi là Hiền Kiếp? Do trong đại kiếp này có nhiều chúng sanh tham dục, sân khuể, ngu si, có một ngàn đức Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện trong cõi đời." Vị Phật đầu tiên là Câu-lưu-tôn (Krakucchanda), vị Phật cuối cùng là Lâu-chí (Rucika). Thích-ca Mâu-ni Phật là vị Phật thứ ba, Di-lặc Phật là vị Phật thứ tư xuất thế trong Hiền Kiếp.

Đáp: Đầu-đà là tên gọi của vị hành khổ hạnh. Hạnh đầu-đà gồm 12 điều[869], người đời nay chẳng thể hành được, lại lầm lạc đem tướng của ma vương, ngoại đạo ghép vào, đáng than quá đỗi!

3. Hỏi: Người bế quan niệm kinh, niệm Phật cho người khác có phải là tà mạng hay không?

Đáp: Bế quan cần phải có chánh niệm, chân thật niệm kinh, niệm Phật. Nếu chuyên niệm cho thí chủ, chẳng biết chú trọng nơi chuyện tu hành của chính mình thì có bị gọi là tà mạng cũng đáng! Nếu chỉ dùng bế quan để gạt gẫm kẻ khác cúng dường thì sẽ trở thành đại tà mạng vậy.

4. Hỏi: Có người suy nghĩ quan phòng (nơi để bế quan) này do vị thí chủ nọ cúng dường, bèn niệm kinh để báo đáp người ấy. Có thể dùng pháp bảo để làm quà tặng được hay chăng? Hơn nữa, tăng nhân vì người khác xem kinh, đếm số quyển kinh mình đã tụng để tính giá trị, viết một phiếu tụng kinh giao cho người ta, những tăng nhân như vậy mắc những tội gì, người tục gia có được phước gì?

Đáp: Người ta tài thí, mình dùng pháp thí để đáp tạ thì cũng không phải là không được. Nếu chẳng biết Phật pháp, chuyên môn vì người khác niệm kinh thì cũng giống như cuốc đất tính công lãnh tiền! Tụng kinh hay xem kinh đã bị coi

---

[869] Đầu-đà (dhūta) có nghĩa là trừ khử trần cấu, là một pháp tu khổ hạnh của hàng tăng sĩ nhà Phật nhằm đoạn trừ tham trước, tu luyện thân tâm. Ngài Ma-ha-ca-diếp được tôn xưng là đầu-đà đệ nhất. Người tu hạnh đầu-đà tuân thủ 12 điều sau đây:

1. Ở tại a-lan-nhã (tức lìa nơi ồn náo, ở nơi yên tịnh, xa cách chỗ ở của cư dân)
2. Khất thực
3. Khất thực theo thứ tự (không phân biệt nhà giàu, nhà nghèo, cứ thuận đường mà đi, khất thực đủ bảy nhà thì thôi)
4. Ăn một bữa
5. Ăn vừa mức (tức chỉ xin vừa đủ ăn, hễ xin đủ phần mình ăn thì dẫu chưa đủ bảy nhà liền đậy bát, trở về tinh xá)
6. Sau giờ Ngọ, không uống các thứ nước trái cây ép, sữa, súp v.v. cho khỏi đói
7. Mặc y kết bằng các mảnh vải vứt đi
8. Chỉ có ba y
9. Ở nơi mồ mả
10. Nghỉ dưới gốc cây
11. Ở nơi đất trống
12. Chỉ ngồi chứ không nằm.

Không rõ từ bao giờ ở Trung Hoa xuất hiện những tăng nhân giả danh, tự xưng tu hạnh đầu-đà, thường xõa tóc dài, không cạo râu, cổ đeo chuỗi hạt rất to, đầu bịt một chiếc vòng bằng đồng hay sắt (để giữ cho tóc khỏi xõa xuống trán, đôi khi chiếc vòng ấy còn được chế kiểu cọ có hình trăng lưỡi liềm trước trán), đeo khuyên tai to nặng, mặc áo rộng tay, nhưng vạt ngắn, đôi khi còn phạch ngực, cầm tích trượng bằng sắt đúc to kềnh, tập luyện võ nghệ, đi lang thang khắp nơi, tuy xin ăn nhưng hay cậy võ nghệ hiếp đáp người khác, ăn ở lôi thôi, nhớp nháp, bẩn thỉu, ăn chay nhưng không kiêng rượu. Loại đầu-đà kiểu này rất thịnh hành dưới đời Tống.

như là làm lụng mà nếu lại còn thật sự chẳng xem, chỉ viết một tờ phiếu ghi những kinh đã tụng để làm bằng chứng thì so ra chỉ có thể diện hơn đánh cướp một chút, chứ thật ra là cùng một loại dụ dỗ, lừa gạt. Niệm hay chẳng niệm không nhất định, cung kính hay không cung kính cũng không nhất định thì làm sao có thể định tội kẻ ấy cho được? Kẻ tại gia có tâm chánh tín xuất tiền thỉnh niệm, dẫu cho tăng nhân chẳng niệm, chỉ dùng một tờ phiếu kê khai để lừa người ta thì cũng chẳng thể nói là thí chủ trọn không có công đức. Từ nay chớ nên gởi thư đến nữa, tôi không có thời gian và sức lực rảnh rỗi để bàn luận những chuyện thừa thãi này!

3. Đáp lời hỏi của cư sĩ niệm Phật (tức cư sĩ Chu Mạnh Do)

Cư sĩ Niệm Phật hỏi: Trong thư trả lời cư sĩ Hương Nghiêm của đại sư Triệt Ngộ có câu: *"Hãy nên dùng lòng tin sâu xa để thấu hiểu sâu xa: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm. Nhất niệm hiện tiền thì nhất niệm tương ứng, niệm niệm hiện tiền thì niệm niệm tương ứng, chỉ nên giữ sao cho niệm ấy thường hiện tiền thì sẽ đạt được hiệu nghiệm chân thật. Lìa ngoài niệm ấy ra thì đừng cầu hiệu nghiệm, bởi đã gián đoạn, chẳng thân thiết, liền đi vào ngõ rẽ. Kinh dạy: 'Tâm này làm Phật, tâm này là Phật' chính là nói về ý này vậy!"*

Tuy con tin đoạn văn dài này là mấu chốt cho sự tu tịnh, nhưng lời văn đảo đi đảo lại, rườm rà, chẳng dễ gì thấu suốt được lý. Nay con kính cẩn trình bày những điều nghi nan, ngưỡng xin thầy rủ lòng phân tích, giải thích cặn kẽ để con nhờ vào đây vun bồi tịnh nhân thì thật là may mắn lớn lao!

1. "Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm." Thế nào gọi là tâm? Thế nào gọi là Phật? Nếu chỉ giải thích sơ sài thì "hiện tiền khởi niệm là tâm", chẳng biết có thích đáng hay chăng?

Đáp: Cái tâm niệm Phật hiện tiền chính là tâm, vị Phật được niệm trong hiện tiền là Phật, tức là vị Phật được tạo bởi tự tâm. Vì thế nói "tâm này làm Phật, tâm này là Phật".

2. Bốn câu này ý nghĩa có tương tự bốn câu "sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc" của Tâm Kinh hay không?

Đáp: Sắc - không của Tâm Kinh so ra rộng rãi hơn ý nghĩa "làm, là" trong Quán kinh. "Làm, là" trong Quán kinh càng thân thiết hơn "bất dị, tức thị" (chẳng khác, chính là) của Tâm Kinh.

3. Đã nói "ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", sao lại nói "toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức tâm" là ý nghĩa gì?

Đáp: Hai câu sau giải thích lại ý nghĩa của hai câu trên.

4. Chữ "niệm" trong "nhất niệm hiện tiền" và "niệm niệm hiện tiền" cùng với chữ tâm trong "tâm Phật" ý nghĩa có giống nhau hay không?

Đáp: Tâm và niệm chỉ là một thứ, chẳng qua ước theo sự thường còn mà gọi là tâm, ước theo sự hiện khởi mà gọi là niệm.

5. "Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm...", bốn câu này có phải là nói về tánh đức? Còn "một niệm hiện tiền, một niệm tương ứng…", bốn câu này có phải là nói về tu đức hay chăng?

Đáp: Cả hai đều là tu đức, bởi lẽ *"*ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm" chính là điều sẽ đạt được bởi công phu.

6. "Nhất niệm hiện tiền thì nhất niệm tương ứng…", bốn câu này thì kẻ sơ cơ làm được hay phải là người tu lâu mới làm được?

Đáp: Sơ cơ có sự tương ứng của sơ cơ, tu lâu có sự tương ứng của tu lâu, há nên chấp chết cứng?

7. Tin sâu, thấu hiểu chắc thật là nói kiểu viên dung. Chưa đạt tới mức thấu hiểu chắc thật, chẳng thể gọi là tin sâu! Nếu gọi là tin sâu thì sẽ thấu hiểu chắc thật. Nói theo thứ tự thì tin sâu dễ, thấu hiểu chắc thật là khó. Chưa hiểu chắc thật, chẳng trở ngại gì tin sâu; trong lá thư này, ngài Triệt Ngộ nói "tin sâu, thấu hiểu chắc thật" là nói kiểu viên dung hay nói theo thứ tự?

Đáp: Chẳng cần phải phân biệt như thế, do chẳng biết ông ta (tức cư sĩ Hương Nghiêm) thuộc hạng căn tánh nào!

8. Phần trên nói "hãy nên tin sâu, thấu hiểu chắc thật", phần dưới nói "chỉ nên giữ sao cho niệm ấy thường hiện tiền thì sẽ đạt được hiệu nghiệm chân thật", dường như có nghĩa là sau khi đã tin sâu, thấu hiểu chắc thật thì mới có hiệu nghiệm chân thật?

Đáp: Đây là tin và ngộ.

9. Như vậy là chỉ nên giữ cho niệm ấy thường được hiện tiền?

Đáp: Đấy là thực hành.

10. Nhưng chưa đủ lòng tin sâu xa, hoặc chưa đạt đến mức thấu hiểu chắc thật, dẫu cho niệm ấy thường hiện tiền vẫn tự chẳng thể có hiệu nghiệm chân thật ư? Nếu vậy thì người tin sâu, thấu hiểu chắc thật chẳng có mấy ai, mà cũng chẳng thấy được nhiều kẻ đạt được hiệu nghiệm chân thật cho mấy!

Đáp: Chưa thể tin hiểu mà thường hiện tiền như thế cũng chẳng nhiều nhặn gì, nhưng chất phác niệm đến chỗ tột cùng thì cũng có thể đạt đến địa vị ấy.

11. Vợ chồng đệ tử tập khí xấu xa sâu nặng, sửa đổi chẳng dễ, do vậy sanh ra những đứa con hoang đàng, biếng nhác, ngang ngạnh, phô trương, thật chẳng có hy vọng gì chúng sẽ nên người. Con tính trong lúc này, cứ nghĩ sẵn trước là chúng sẽ bị đọa lạc trong tương lai, tự mình buông những hoài bão xuống, tự điều chỉnh sao cho thích nghi. Nếu quả thật sau này có ngày đọa lạc, ly tán thì do đã suy nghĩ kỹ càng chín chắn, sẽ chẳng đến nỗi hứng chịu phiền não, tiếc hận lớn lao. Lối nghĩ tưởng như thế có đáng nên vâng giữ hay chăng?

Đáp: Nên vâng giữ!

12. Xưa kia Văn Chánh Công thường nói: "Phàm làm người kỵ nhất là lo nghĩ ngược ngạo tới sự truân chuyên, trắc trở mai sau, nhưng người đọc sách mắc bệnh này rất nhiều, đấy đều là dấu hiệu chứng tỏ bạc phước." Lời nói ấy có đích xác hay không?

Đáp: Đích xác!

13. Lại nữa, trong bài Gia Huấn của Lục Phóng Ông có câu*: "Cư hương, dĩ khốn úy, bất nhược nhân, vi triết*[870]*"* (Sống trong làng thì phải khôn ngoan xử sự bằng thái độ ta là kẻ kém cỏi, e dè, chẳng bằng ai). Nên giải nói như thế nào, xin thầy khai thị?

Đáp: Đã biết ta kém cỏi, biết e dè, đã biết ta chẳng bằng người, sao dám cùng người khác tranh cãi? Kẻ nào tranh cãi đều không có ba tâm ấy.

14. Đệ tử thường mộng thấy niệm Phật bay lên, thường bị một căn nhà trên đỉnh lợp toàn bằng pha lê ngăn trở, hễ thân thể bay lên thì căn nhà ấy và lớp pha lê phủ trên nóc đều cùng bay theo. Con muốn vượt thoát ra khỏi lớp pha lê ấy để vùng vẫy trong hư không liền chẳng được như ý, chưa biết là nghiệp chướng gì?

---

[870] Câu giáo huấn ấy của Lục Phóng Ông đã dựa theo ý tưởng của đoạn văn sau đây trong thiên Liệt Ngự Khấu của sách Nam Hoa Kinh: *"Cùng hữu bát cực, đạt hữu tam tất. Hình hữu lục phủ, mỹ, nhiêm, trưởng, đại, tráng, lệ, dũng, cảm, bát giả câu quá nhân dã, nhân dĩ thị cùng. Duyên tuần yển ương, khốn úy, bất nhược nhân, tam giả câu thông đạt"* (Có tám điều khiến cho con người khốn quẫn tới tột bậc, có ba điều ắt dẫn đến sự thông đạt. Đẹp đẽ, râu đẹp, cao lớn, khôi ngô, tráng kiện, duyên dáng, mạnh mẽ, quả cảm, tám điều ấy đều vượt xa người khác thì sẽ do vì những điều ấy mà gặp cảnh khốn cùng. Thuận theo lẽ tự nhiên kính trọng người khác, náu mình e dè, làm ra vẻ như ta chẳng bằng ai, ba điều ấy đều dẫn đến sự thông đạt). Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của Lý Đạt trong cuốn Trang Tử Dịch Thích.

Đáp: Giấc mộng ấy cũng chẳng dễ có. Nếu vượt thoát ra được thì tốt, nhưng chỉ nên nhất tâm niệm Phật, chớ nên chuyên mong tưởng thực hiện được giấc mộng ấy để khỏi do lợi ích mà đâm ra bị tổn hại.

15. Có người cho rằng "khuyên người niệm phật cầu sanh là chủ (chánh yếu), còn tự mình tu là trợ"; có người nghĩ "tự tu là chủ, khuyên người khác là trợ". Cả hai đều phát xuất từ lòng chí thành, nhưng công đức nào vượt trỗi hơn?

Đáp: Quan điểm sau tốt hơn quan điểm trước.

16. Một vị tăng nói đến nhân quả, chăm lo chùa miếu, vì nhằm lợi lạc tứ chúng mà tịnh tu, nhưng ý niệm ta người, lợi danh khá nặng. Một vị tăng khác nghiêm trì giới hạnh, chuyên niệm Phật, hồi hướng cầu cho các chúng sanh sẽ được vãng sanh, ý niệm ta người, lợi danh rất nhẹ, so ra hai người ấy hơn kém ra sao?

Đáp: Người sau trỗi hơn.

17. Hành giả lâm chung sanh Tây, cưỡi đài hoa sen thì ngồi, hay quỳ, hay đứng?

Đáp: Ngồi.

18. Có lúc muốn làm một chuyện, tự cảm thấy dường như cũng mang lòng từ mẫn, mà hình như cũng ôm lòng ghen ghét, hoặc là mang lòng hâm mộ quyền thế, tham lợi. Chẳng làm thì sợ tổn hại đến lòng từ mẫn, làm thì sợ đọa vào tình kiến, ngay trong lúc ấy chẳng tự biết ý niệm là thiện hay ác, là nặng hay nhẹ. Lại chẳng thể cân nhắc sự duyên lợi hại, hoãn gấp. Lại không có thiện tri thức để quyết đoán thì nên xử trí như thế nào là hay nhất?

Đáp: Gặp chuyện, nên lấy nghĩa làm chuẩn. Nếu không, sẽ trở thành người không có chủ ý gì hết!

19. Con trộm thấy có tăng sĩ chưa từng phải lo liệu xây cất chùa miếu, ý vẫn cho rằng nếu hoàn thành được một ngôi chùa để tự lợi lợi tha, bèn có thể chuyên tâm niệm Phật, một dạ sanh Tây. Đến khi nhân duyên hợp đủ, chùa miếu đã hoàn thành, dần dần lại tham mến chùa miếu, mưu tính tích cóp sản nghiệp, nắm níu quẩn quanh, chần chừ lầm lỡ chuyện vãng sanh. Đấy mới chỉ là nêu một trường hợp làm thí dụ. Những kẻ khác thì muốn thông giáo lý, trở thành nhà trước tác, và kẻ thế tục thì mong cầu nhà cửa dư dả, con cháu hiển đạt v.v.. Những điều này đều là đệ tử tự lượng thân phận, sợ sẽ giẫm theo vết xe đổ, nguyện tùy duyên niệm Phật chẳng mong tạo tác. Tuy chưa đạt đến mức ấy, nhưng thật lòng muốn gắng công, có được hay chăng?

Đáp: Được.

20. Xưa kia tại Thượng Hải, đứa con gái thứ ba của con chết yểu, đau tiếc không sao nguôi được, do vậy tạm làm công đức cho cháu. Tiếp đó được thầy ban lời an ủi, khuyên nhủ, bảo là "nương nhờ sức tam bảo, con gái ông sẽ được sanh Tịnh độ". Đệ tử liền quyết định tin tưởng chẳng nghi, thôi than khóc vì chuyện lá vàng phải khóc cho lá xanh nữa, nỗi buồn nhanh chóng ngưng dứt. Trong kinh Chú Lâu Các[871] có dạy: "Chép chú ngữ này để lên thân người chết, người chết liền được sanh về Tịnh độ." Do vậy, con thường in những tấm chú này tặng cho thân hữu để họ dùng kèm thêm trong đồ liệm. Cũng có kẻ sanh lòng tin quyết định, nói: "Người ấy ắt sanh Tịnh độ, chẳng khởi tâm niệm ngờ vực", tâm thật mừng vui an ủi. Có kẻ chẳng tin thì nguyện dùng công đức tu trì, đủ mọi phương tiện khiến cho họ sanh lòng tin tưởng kiên cố, cùng được thấm nhuần lợi ích nơi mặt pháp. Dụng tâm như thế có phải cũng là một phương pháp tự độ độ tha, chân thật thọ dụng hay chăng? Không rõ con làm như vậy có bị lệch lạc, sai lầm hay chăng?

Đáp: Chú lực chẳng thể nghĩ bàn, tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Nếu tặng cho kẻ hờ hững, hời hợt thì lợi ích cũng sẽ bị giảm nhẹ theo.

21. Công khóa hằng ngày của đệ tử là niệm Phật hai tiếng, niệm Quán Âm một tiếng, hễ bận thì ngưng niệm Quán Âm. Bữa nào tâm cảnh thanh tịnh thì niệm Phật tương ứng nhất (đối với chữ ứng (應), đệ tử chuyên đọc theo giọng Khứ Thanh, bản khắc kinh Hoa Nghiêm ở Hàng Châu ghi đọc theo giọng Bình Thanh (tức ưng), chưa biết đọc theo cách nào đúng hơn?)

Đáp: Đọc Bình Thanh (tức ưng) thì có nghĩa là tâm và Phật tương ứng, đọc giọng Khứ Thanh (ứng) thì có nghĩa là cảm ứng đạo giao. Hai âm ấy đọc theo cách nào cũng được.

---

[871] Kinh này có tên gọi đầy đủ là kinh Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni (Mahāmani Vipula-vimānavśva Supratisthita Gūhyā-parama Rahasya Kalpa-rāja Dhāranī), ba quyển, do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Kinh văn thuyết minh công đức, oai lực của chú Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni và dạy các pháp tu quán, trì tụng, vẽ mạn-đà-la cũng như các nghi quỹ. Kinh này còn có một hai bản dịch nữa là kinh Quảng Đại Bảo Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni do ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch vào đời Đường và kinh Chú Mâu-lê Mạn-đà-la (mất tên người dịch) đời Lương. Theo bản của ngài Bất Không, chú văn như sau: *"Nẵng mạc tát phạ đát tha nghiệt đa nẫm. Án, vĩ bổ la nghiệt bệ, ma nê, bát la bệ, đát tha đa, nễ nại xả ninh, ma nê ma nê, tô bát la bệ, vĩ ma lê. Sa nghiệt la, nghiễm tỳ lệ. Hồng hồng, nhập phạ la, nhập phạ la, một đà vĩ lô chỉ đế, ngu hế dạ, địa sắt xỉ đa nghiệt bệ, sa phạ ha"* (Namah sarvatathāgatanām. Om, vipulagarbha, maniprabhe, tathātā nidar'sane, mani, mani, suprabhe, vimale. Sāgara gambhīre, hūm, hūm, jvala, jvala, buddhāvilokite gūhyādhistita garbhe, svāhā).

22. Gặp phải hôm sợ hãi, tham sân si lừng lẫy, con đem hai tiếng đồng hồ niệm Phật đổi hết thành niệm Quán Âm, còn ngày nào sợ hãi v.v. đều tiêu tan thì vẫn niệm Phật hiệu, có được hay chăng?

Đáp: Được!

23. Xưa kia con được thầy rủ lòng từ dạy cho cách đọc kinh: Thân phải ngồi ngay ngắn như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha một ý niệm giải đãi, khởi một ý niệm phân biệt nào. Từ đầu đến cuối đọc thẳng một lượt, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng bận tâm đến. Duyệt kinh như thế thì người lợi căn sẽ có thể ngộ được lý nhị không[872], chứng được pháp thật tướng. Dẫu là kẻ căn khí ngu độn kém cỏi cũng tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ. Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa ra sao thì sẽ hoàn toàn là phàm tình vọng tưởng, dò đoán, suy lường, làm sao có thể ngầm thông ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh để nhân đấy nghiệp chướng tiêu diệt, phước tuệ tăng trưởng? Đệ tử cho rằng đoạn huấn thị

---

[872] Nhị không (hai thứ không) có nhiều cách hiểu:

1. Theo tư tưởng Bát-nhã, nhị không là nhân không (còn gọi là ngã không hay sanh không) và pháp không. Ngã không là không thấy có cái ngã, ngã chỉ là giả danh do ngũ uẩn kết hợp, không có một chủ tể thường trụ nào. Do không có ngã sẽ không thấy có ta người, do đó, ngã không còn gọi là nhân không; do không còn tạo tác khởi lên phân biệt nữa nên gọi là sanh không. Pháp không là các pháp vốn không, chỉ là giả danh, không có thực thể. Khái niệm nhị không thường được hiểu theo khái niệm này nhất.

2. Theo tông Thiên Thai (căn cứ theo sách Ma-ha Chỉ Quán) thì nhị không là đản không và bất đản không:

a) Đản không: Trong bốn giáo, Tạng giáo và Thông giáo chẳng hiểu rõ tam đế *không, giả, trung*, thấy các pháp đều là huyễn vọng, coi lý không được hiểu theo cái thấy ấy là tột cùng nên chỉ thấy không, chứ chưa thấy được bất không nên gọi là đản không (chỉ có cái không).

b) Bất đản không: Đối với cái đản không vừa nói đó, Viên giáo và Biệt giáo thấy được cái bản thể của cái không là "chẳng phải chỉ là không" nên thầm hợp với lý trung đạo. Do vậy gọi là bất đản không.

3. Cũng theo Ma-ha Chỉ Quán, nhị không còn có thể hiểu là tánh không và tướng không: Các pháp không có thật tánh nên gọi là tánh không. Do các pháp đã không có thật tánh, chỉ có tướng giả danh nên cũng không có thật có, vì thế gọi là tướng không.

4. Theo luận Đại Thừa Khởi Tín, nhị không là chân như không và chân như bất không: Trong bản thể của chân như không có hết thảy vọng nhiễm, có thể hiển hiện sự thật rốt ráo nên gọi là chân như không; trong bản thể của chân như đầy đủ hết thảy công đức vô lậu nên gọi là chân như bất không.

5. Theo luận Bảo Tánh, luận Biện Trung Biên và luận Đại Thừa Huyền, nhị không là quyền không và thật không. Sự ngộ nhập sanh không của hàng Nhị thừa là quyền không, sự ngộ nhập của hàng Bồ-tát đối với sanh không lẫn pháp không thì gọi là thật không.

6. Ngoài ra, trong Mật tông, do lấy năm đại *địa, thủy, hỏa, phong, không* ứng với ngón út, ngón đeo nhẫn, ngón giữa, ngón trỏ và ngón cái; nên khi kinh văn Mật tông nói đến "nhị không" thì có nghĩa là "áp hai ngón tay cái vào nhau". Nghĩa này không thể nào áp dụng vào chữ nhị không trong đoạn văn này được!

này có lẽ là vô thượng diệu pháp để duyệt kinh. Nhưng nói: "Chẳng khởi phân biệt, dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng bận tâm đến", có phải là dốc cạn lòng thành kính, nhận biết văn tự cho rõ ràng, âm thanh niệm đọc cho thuần thục trọn vẹn giống như các bà cụ già niệm kinh hay chăng? Bởi lẽ trước đây đệ tử hay lo ra, nếu chiếu theo cách đọc không phân biệt chẳng quan tâm đến văn nghĩa thì chắc là sẽ khó thể tâm đắc, chẳng sanh pháp hỷ. Vì thế mỗi khi con đọc kinh A-di-đà, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, liền miệng tụng, chú tâm nơi sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc, sự từ bi của đức Phổ Hiền tràn ngập cõi lòng, pháp hỷ tràn trề. Kế đó, con nghĩ cách đọc như vậy chưa chắc đã khỏi rớt vào lối mòn phàm tình vọng tưởng, dò đoán, suy lường. Dẫu cho có sở đắc nhỏ nhoi, nhưng ví như đối với nước bốn biển mênh mông bát ngát lại dùng tay vốc nước, đâm ra chỉ được một chút tẹo, đúng như thầy đã dạy "làm sao có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh" cho được!

Đáp: Nếu văn lẫn nghĩa đều rõ ràng thì hiểu rõ từng câu từng đoạn đâu có trở ngại gì! Chỉ là chớ nên đặc biệt sanh tâm động niệm muốn thấu hiểu, chứ không phải là chỉ đọc, không được phép hiểu rõ.

24. Con lại thấy một vị tăng nhận biết mặt chữ nhưng không hiểu ý, trì tụng kinh Pháp Hoa nhưng lòng vui sướng tràn ngập nơi mặt mũi, đủ biết: Sanh được pháp hỷ hay không chẳng liên quan tới chuyện có hiểu rõ văn nghĩa hay không! Nếu có thể dùng tâm cung kính, tâm từ bi, chẳng khởi tâm phân biệt, chẳng bận tâm thấu hiểu văn nghĩa, cứ thẳng thừng mà đọc, tự nhiên sẽ đạt được lợi ích chân thật, tăng trưởng pháp hỷ. Ý con tính sau này cứ chiếu theo cách đọc ấy, hồi hướng Bồ-đề; chẳng biết là có trái nghịch, sai khác với ý chỉ ban đầu của lời thầy dạy hay chăng?

Đáp: Người thông minh trong thế gian phần nhiều là tâm thường cố thấu hiểu. Đối với nghĩa lý thì được, chứ đối với pháp hỷ sẽ khó đạt được lắm!

25. Thêm nữa, giữa đọc và tụng[873] thì công đức nào lớn hơn?

Đáp: Khổng tử đọc kinh Dịch, ba lượt đứt lề sách. Đọc sẽ có ích hơn tụng nhiều. Nếu không, sao Khổng tử lại nhọc nhằn mở sách ra đọc như thế. Trong câu "đứt lề sách ba lượt" thì chữ "lề sách" chỉ cho sợi dây bằng da để buộc các phiến

[873] Xin đừng hiểu lầm chữ tụng ở đây. Cổ nhân gọi mở kinh văn ra, đọc thành tiếng là "phúng" (諷) hoặc "độc" (讀: đọc), còn chỉ đọc kinh văn theo ký ức, đọc thuộc lòng là tụng (誦). Về sau, hai chữ này thường bị dùng đồng nhất. Xuyên suốt trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Văn Sao Tục Biên lẫn một số lá thư trong Tam Biên, tổ Ấn Quang luôn khuyên hành nhân khi tụng đọc nên mở kinh văn ra đọc theo, dẫu có thuộc lòng cũng đừng ỷ vào trí nhớ.

gỗ hay các thẻ tre[874]. Dây đã bị đứt ba lần tức là số lần mở sách ra đọc chẳng thể đếm được số.

26. Phần trường hàng của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thường được ghép trong Phật Học Nguyện Văn (*"như thị Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na, như thị tận pháp giới, hư không giới"* - Như nay đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na, trọn hết pháp giới, hư không giới như thế v.v.), nếu chấm câu thì nên chấm sau chữ Tỳ-lô-giá-na hay là chấm sau chữ "như thị"?

Đáp: Tám chữ đầu là nêu thí dụ, hai chữ "như thị" là tiếp nối ý trên.

27. Lại nữa, trong sách Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ, cụ Đế Nhàn viết rằng: "Đối với câu kệ tụng *'nguyện ngã lâm dục mạng chung thời'* (nguyện con lúc mạng sắp chấm dứt) nếu đổi hai chữ 'nguyện ngã' thành 'thị nhân' (người ấy) thì ý nghĩa càng thêm rõ rệt." Con trộm nghĩ nếu sửa như thế có lẽ thì đối với hai câu *"ngã kim hồi hướng chư thiện căn, vị đắc Phổ Hiền thù thắng hạnh"* (con nay hồi hướng các căn lành, để được hạnh Phổ Hiền thù thắng) trong phần trên và câu *"ngã thời ư thắng liên hoa sanh, hiện tiền thọ ngã Bồ-đề ký"* (khi ấy, con sanh trong hoa sen tươi đẹp, ngay trong lúc ấy được Phật thọ ký cho con sẽ thành Chánh giác) trong đoạn này, hai chữ ngã đều chẳng thông suốt với nhau! Hơn nữa, theo phần trường hàng, khi lâm chung do nhờ sức tụng kinh, nương theo sức dẫn dắt của Nguyện Vương mà vãng sanh Cực Lạc, liền thấy Phật Di-đà. Trong kệ tụng nói diện kiến Di-đà liền sanh về Cực Lạc, nếu đổi chữ "ngã nguyện" thành "thị nhân" thì tựa hồ như đã đẩy cái này lôi cái kia (chữ "đẩy" ở đây hình dung ý "gượng ép") sao cho ý trong lẫn ngoài được khớp nhau. Con cho rằng: Nhằm rốt ráo làm cho hành giả mong mỏi được Phật Di-đà tiếp dẫn, cho nên nói hai chữ "ngã nguyện". Con nghĩ giữ nguyên chữ như trong chánh kinh so ra thỏa đáng hơn. Kiến giải của con hèn tệ như thế, chẳng biết có thích đáng hay chăng?

Đáp: Ý này tuy do ngài Thanh Lương đề ra, nhưng chẳng phù hợp với kinh văn, đấy là ý phụ chứ không phải ý chánh. Nếu coi đấy là ý nghĩa chánh yếu sẽ trở thành trái nghịch kinh, chớ nên theo. Hễ theo sẽ phạm lỗi!

28. Gần đây đệ tử thường dựa theo phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm để phát nguyện, chỉ là gặp cảnh chạm sự liền niệm thầm "xin nguyện chúng sanh sẽ như thế này, thế nọ". Chỉ cần niệm một lần hoặc là tùy ý tùy sức niệm liên tục

[874] Do thời Khổng tử chưa có giấy, sách phải viết trên các mảnh gỗ hay thẻ tre, rồi dùng dây da xâu lại thành sách cho khỏi thất lạc.

chẳng quan tâm đến số biến. Lại nữa, nếu chẳng hiểu rõ ý nghĩa nguyện văn lắm thì có thể dựa theo bài văn để đọc hay không?

Đáp: Pháp tu trì trọn chẳng nhất định. Người chuyên niệm Phật sao không do cơ duyên, do hoàn cảnh mà niệm. Lời văn phát nguyện thì tùy lòng ưa thích, chớ nên chấp bài này, chê bai bài kia, chấp bài kia, chê bai bài này là được rồi.

29. Năm trước con được thầy từ bi khai thị, bảo đệ tử tuổi đã gần 50 rồi, chớ nên nghiên cứu kinh, chỉ nên chết lòng niệm Phật để mong vãng sanh. Từ đấy con chẳng đổ công sức nghiên cứu nữa; chỉ có điều gần đây mở xem luận Đại Trí Độ, Tử Bách Tập, các sách ấy giúp mở rộng tầm mắt, cảnh tỉnh, răn nhắc thân tâm khá nhiều. Nhưng ngoài lúc lễ tụng trong thời khóa chánh yếu ra, có nên nhân lúc rảnh rỗi xem đọc thêm đôi chút những loại kinh luận ấy hay không, hay là nhất loạt ngưng xem thì mới nên?

Đáp: Tu trì không phải là chuyện đóng đinh, đẩy mái chèo, cần phải sống động hoạt bát; tuy chết lòng niệm Phật, nhưng xem thêm đôi chút kinh luận cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu coi chủ hạnh (hạnh chánh yếu) như chuyện kèm thêm thì sẽ trở thành tu trì không có chỗ nương tựa. Tử Bách Tập tuy là cảnh sách, nhưng những lời dạy của ngài Tử Bách chú trọng nơi tham cứu, sao không dụng tâm nơi Tịnh Độ Thập Yếu? Ông cho rằng Tịnh Độ Thập Yếu chẳng có ích lợi sâu xa cho con người bằng Tử Bách Tập ư?

4. Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập

Hỏi: Pháp môn Tịnh độ đã có thể thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Trong thời đức Phật tại thế, sao không chuyên nói về Tịnh độ để vạn pháp quy nhất, cùng về theo một đường, mà lại giảng bàn các tông, đâm ra khơi gợi lắm mối sai lầm đi vào ngõ rẽ khiến người đời sau bị mất lợi ích thật sự nơi Tịnh độ vậy? *(Trong lời hỏi, bên cạnh câu "sao không chuyên nói về Tịnh độ", sư đã phê: "Nói nhăng, nói càn!")*

Đáp: Nuôi người chẳng phải chỉ một thứ gạo, trị bệnh chẳng phải chỉ có một thứ thuốc. Do có các môn thì mới tỏ rõ sự hay tuyệt của pháp môn này. Nếu chỉ có một pháp Tịnh độ thì làm sao có thể dẫn hết thảy những cơ nghi cùng vào trong Phật pháp được?

Hỏi: Thế tục chuyên coi niệm Phật là để tiễn người chết, còn niệm Quán Âm nhằm giữ lại mạng sống. Vì thế, kẻ tu Tịnh độ chưa tinh ròng và người chưa già khi lâm chung phần nhiều do luyến tiếc cõi đời liền niệm Quán Âm. Người trợ niệm phần nhiều ngả theo ý này hoặc thuận theo ý muốn của gia quyến cũng niệm Quán Âm để trợ niệm, chứ không niệm Phật. Nếu lành bệnh thì cố nhiên không

áy náy gì. Chứ nếu không, đã gây trở ngại cho sự linh cảm do xưng danh, mà còn làm lỡ làng cơ duyên sanh Tây. Con chẳng biết nếu gặp phải hạng căn tánh ấy phải nên dùng biện pháp ra sao thì mới viên thông? Có phải là trước hết niệm Quán Âm để giữ tánh mạng cho họ rồi đến khi họ đã chết bèn chuyển sang niệm Phật để tiễn đi hay chăng? Hoặc là từ đầu đến cuối chuyên niệm Quán Âm cũng có thể khiến cho người chưa hết tuổi thọ sẽ được lành, tuổi thọ đã hết sẽ sanh về Tây Phương ư?

Đáp: Con người bị bệnh nặng liền hãy nên có ý tưởng vãng sanh, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ do niệm Phật mà được chóng lành (A-di-đà Phật chính là Vô Lượng Thọ, nghĩa là tiêu tai, kéo dài tuổi thọ). Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Cứ niệm Phật, chưa hết tuổi thọ cũng có thể kéo dài mạng sống. Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện.

Không phải là niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ), niệm A-di-đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? *(Trong lời đáp, bên cạnh hai chữ "si nhân", sư gạch dưới ba vạch để nhắc nhở, những người sẽ chết sau này chớ đừng tự lầm)*

Hỏi: Gần đây có người khuyên kiêng giết, nhưng do thấy người ta khó tránh giết, bèn dạy hãy dùng thuốc gây mê để giết, ngõ hầu loài vật khỏi phải chịu chết đau đớn, giống như cầu giảm tội xử chém thành tội thắt cổ. Pháp ấy cũng có thể được gọi là pháp phương tiện hay chăng?

Đáp: Chỉ có thể giảm khổ thì cũng tốt.

Hỏi: Theo sách Thái Ất Thần Châm, châm xong phải uống rượu. Người giữ giới không uống rượu thì tự mình chớ nên áp dụng, nhưng có thể bảo người khác dùng rượu hay không? Cũng như có thể dùng rượu để chế thuốc hay chăng?

Đáp: Đây cũng không phải là cách chấp nhặt hẹp hòi, hễ có bệnh thì niệm Phật hay niệm Quán Âm cũng đều được lành; huống hồ nếu không dùng rượu thì bệnh nhân chắc chắn chẳng thể lành bệnh ư?

Hỏi: Dùng gạo thóc làm rượu, biến thực phẩm cứu đói thành thức uống xa xỉ, quả thật là kẻ phung phí vật thực của trời quá mức. Nếu trên thế giới đều cấm uống rượu hết thì sẽ dư ra được bao nhiêu là lương thực cứu đói. Như vậy thì

uống rượu không chỉ làm loạn tánh mà thôi. Do vậy, nếu khi cả nhà đều kiêng rượu thì có nên hủy hết những đồ để uống hay chứa rượu trong nhà hay chăng?

Đáp: Điều này cũng chớ nên chấp chết cứng, nếu là món đồ vô dụng cho cả cõi đời thì làm như vậy được. Nếu hữu dụng, tặng cho người khác đâu có ngại gì!

Hỏi: Người ăn chay trường kiêng cả rượu và ngũ tân, tông chỉ của chuyện ấy chẳng nhằm chỉ để tạo ra đầu mối kiêng giết chóc. Kẻ chưa ăn chay trường có được phép thay mặt người khác mua ngũ tân và rượu cùng hèm được chăng? Cũng như có được ăn các món thuốc chay chế từ rượu hay từ hèm và những món chay nấu nướng, nêm nếm với hèm hoặc rượu hay chăng?

Đáp: Mua giùm người khác cũng nên tránh. Những loại thuốc chế bằng rượu nếu chẳng gây loạn tánh thì không sao. Nếu món chay mà hơi rượu quá nồng thì đừng nên ăn, còn có mùi nhẹ thì ăn không sao; đấy là vì để khỏi bị say sưa loạn tánh vậy!

Hỏi: Dùng con vật còn sống để làm thuốc, bèn niệm Phật cho chúng được độ thoát. Làm như vậy dường như vẫn tạo thành thói tệ, bởi những kẻ giết những động vật thuộc loài thai sanh hay noãn sanh làm dược phẩm cũng có thể mượn cớ niệm Phật giải oan để lấp liếm, con cảm thấy khó lòng giải nói được. Con lập nguyện hễ gặp những phương thuốc như vậy đều không thèm dùng tới, chẳng cần phải lưu truyền, chưa biết có được hay chăng? *(bên cạnh chữ "được", sư khuyên một chấm, biểu thị đồng ý)*

Đáp: Chuyện này cũng chớ nên chấp chết cứng, chúng ta chỉ nên giữ lòng thành của chính mình mà thôi!

Hỏi: Nếu thầy thuốc gặp phải kẻ ác và đồ tể, chài lưới, thợ săn v.v. mang bệnh đến xin chẩn trị, ta dạy họ sửa ác, kiêng giết, họ không chịu nghe, lành bệnh rồi vẫn tiếp tục tạo tội nghiệt, có nên mặc kệ họ không chữa hay chăng?

Đáp: Đây cũng là bàn chuyện vô lý. Như lời ông nói thì đối với con vật gây tổn hại đến những con vật khác thì cũng mặc kệ không cứu mới là đúng. Nếu thầy thuốc dùng lòng thành để cảm thì bọn họ chắc cũng sẽ có thể thay đổi nghề nghiệp. Đức Phật còn dạy kẻ đồ tể nhận lãnh các giới riêng, nhìn vào đó thì có thể biết được cách tùy cơ khuyến hóa, dẫn dắt của đức Phật.

Hỏi: Trong nhà còn giữ những sách của ngoại đạo hoặc những sách tà chánh hỗn loạn và sách của đạo Gia Tô, kinh Tam Quan[875], kinh Táo Quân, kinh Huyết

[875] Kinh Tam Quan là một bản kinh của Đạo giáo, chép lời tuyên cáo của ba vị Thượng Nguyên Thiên Quan, Trung Nguyên Địa Quan và Hạ Nguyên Thủy Quan về công năng diệt tội, ban phước của họ cũng như ghi chép những danh xưng của ba vị này theo kiểu rườm rà rất đặc

Bồn và những sách thuốc dạy người giết chóc bằng phương cách đặc biệt v.v., có nên đốt hết đi hay chăng? Lại còn trong những sách chú giải Tứ Thư của Chu Hy có những lời lẽ báng Phật có nên bôi đi hay là sửa chữa? Đối với lời văn báng Phật của Hàn - Âu có nên tùy theo sở kiến mà phê phán hay đốt đi hết? *(Bên cạnh tên hai kinh Táo Quân, Huyết Bồn, sư phê chữ "bôi đi")*

Đáp: Đối với những chỗ sai bậy trong lời chú giải của họ Chu nên phê theo lối *đảnh cách* (lời phê viết bên phải câu văn ấy, cao hơn một dòng). Phàm những sách vở thế gian đa phần mắc phải khuyết điểm ấy. Nếu xét trên đại thể, nội dung sách phần lớn là tốt đẹp, vấp phải những lỗi nhỏ nhặt thì hãy phê theo lối đảnh cách. Còn sách phạm khuyết điểm quá lớn hay nói bậy thì chớ nên giữ làm gì.

Hỏi: Những y phục có in chữ, hoặc hình tượng Phật v.v. có được dùng làm đồ liệm hay chăng? *(sư phê bên cạnh "không được")* Có nên đốt kinh điển cho người đã mất hay không? *(sư phê bên cạnh "đừng đốt bừa bãi")*

Đáp: Nếu đốt thì nên sắp đặt dụng cụ để đốt riêng, chớ nên đổ lẫn tro kinh vào tro giấy tiền vàng bạc để bán[876]. Hãy nên đựng tro kinh vào túi riêng, dùng vải sạch may thành đãy, bỏ thêm cát sạch vào trong ấy. Có ai ra biển thì nhờ người ấy gieo đãy đựng tro kinh ấy xuống chỗ sâu. Nếu không, đừng đốt. Nếu chẳng bỏ thêm cát vào đãy chứa tro kinh, sợ nó không chìm, sẽ trôi tấp vào bờ.

Hỏi: Thần có thể giết được kẻ đã làm ác, sao không giết trước khi nó làm như thế. Như sau khi Bạch Khởi[877] chôn quân đầu hàng đến mấy vạn rồi mới bị tru

---

trưng của các thần thánh trong Đạo giáo. Chẳng hạn như danh xưng của Thiên Quan là Huyền Đô Nguyên Dương Tử Vi Cung Thượng Nguyên Cửu Khí Tứ Phước Thiên Quan Diệu Linh Nguyên Dương Đại Đế Tử Vi Đế Quân v.v..

[876] Thời ấy, giấy tiền vàng bạc, vàng thoi, đĩnh bạc trong đồ mã làm bằng những miếng nhôm hay giấy thiếc dát mỏng đính trên giấy nên sau khi đốt, những vụn nhôm này không cháy. Người ta thường mua tro vàng mã để gạn lọc và tái sử dụng những mảnh kim loại này.

[877] Bạch Khởi (?-257 trước Công nguyên), còn gọi là Công Tôn Khởi, người My Huyện, là danh tướng nước Tần thời Chiến Quốc, rất hiếu sát. Làm tướng suốt ba mươi mấy năm, đánh hạ bảy mươi mấy thành, tàn sát cả trăm vạn địch quân, được phong tước Vũ An Quân. Năm thứ 34 đời Tần Chiêu Vương (263 trước Công Nguyên), Bạch Khởi dẫn quân Tần đánh tan liên quân Triệu - Ngụy tại Hoa Dương (nay là Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam), chém đầu 50 vạn quân. Năm 37 đời Tần Chiêu Vương (260 trước Công Nguyên), Bạch Khởi vây đánh Trường Bình, bắn chết tướng nước Triệu là Triệu Quát. Quân Triệu bị vây đánh lâu ngày, thiếu lương ăn phải ra hàng, số tù binh lên đến hơn 45 vạn. Bạch Khởi cho bọn hàng binh ăn uống no say rồi ngầm sai quân Tần dùng khăn trắng bịt đầu, dặn: "Thấy đứa nào không bịt khăn trắng cứ chém giết thẳng tay!" Trong một đêm, 45 vạn hàng binh nước Triệu bị giết sạch, chỉ còn khoảng 240 tên lính giữ ngựa thoát được, trốn về nước Triệu báo tin. Sử chép: "Khi ấy máu chảy vang tiếng long tong, nước khe Dương Cốc đỏ au, đến nay con suối ấy vẫn còn mang tên Đan Thủy. Bạch Khởi cho thu thập đầu lâu của lính Triệu, dựng thành đài trên núi, đặt tên là đài Bạch Khởi." Năm 44 đời Tần Chiêu Vương (257 trước Công Nguyên), vua Tần vây Hàm Đan của nước

lục ở âm phủ. Khi hắn sắp chôn sống quân Triệu ra hàng nhưng chưa kịp làm, sao không tru lục ngay để hắn khỏi chôn vùi được ai? Hay là những tên lính ra hàng ấy đời trước vốn thiếu nợ hắn cái mạng nên mới bị chôn sống? Chôn xong, oán cũ vừa xóa, oán mới lại kết, nên mới bị cõi âm tru lục để hả lòng oán đấy chăng? Hay là làm ác giống như uống thuốc độc, ắt phải đợi uống vào bụng xong mới bị trúng độc tự chết?

Đáp: Chưa làm mà đã bị giết thì trong ngàn trăm vạn trường hợp mới có một trường hợp. Đã làm rồi mới giết thì đấy chính là thường pháp theo thiên lý nhân tình vậy.

Hỏi: Nếu bảo là thần thánh có thể hộ pháp thì sao lại đến nỗi có nhiều chùa bị vua này vua nọ hủy diệt. Nếu bảo là thần không hộ pháp thì sao lại thường có những sự tích hiển hiện linh ứng, dẹp ma? Có phải là hộ pháp hay không hộ pháp đều là do nghiệp lực đồng phận của chúng sanh chiêu cảm sâu hay cạn mà bèn hộ pháp hay không đó chăng?

Đáp: Chuyện này chớ nên chấp chết cứng, ấy là do pháp vận thông hay tắc, cũng như trong một năm nóng lạnh thay phiên nhau theo thứ tự vậy.

Hỏi: Lịch đại tổ sư như chư tổ của Liên tông v.v. sau khi đã khuất, được người ta bình luận, phán định ra sao thì mới được cả cõi đời tôn sùng là tổ?

Đáp: Có đức lớn thì người ta tự chịu suy tôn, há cứ nên chấp hẹp hòi là cần phải có người bình luận, đánh giá hay chăng?

Hỏi: Học thuyết trong thuật địa lý[878] quá phiền, tinh thông thuật ấy chẳng dễ. Địa lý chẳng tinh tường thì dẫu chọn đất vẫn chẳng chọn được. Chọn lựa đất tinh tường, nhưng chẳng chọn tinh tường cái tâm, rốt cuộc đến nỗi biến cát thành hung thì tuy chọn được vẫn giống như chưa được. Đấy gọi là "nếu không có tâm điền thì cũng chẳng có phước địa".

Triệu nhưng không chiếm được thành, vua Tần sai Bạch Khởi ra đánh. Thấy trận đánh dằng dai lâu ngày, quân Tần đã nhiều phen thất bại, không thể nào đánh thắng được, Bạch Khởi cáo bệnh không ra. Vua Tần đành sai Vương Lăng lãnh quân đánh suốt 5 tháng không thắng, lại sai Bạch Khởi cầm quân. Bạch Khởi vẫn giả bệnh từ chối, vua Tần giận dữ, cách tuột quan chức của Bạch Khởi, giáng xuống làm lính trơn, đuổi khỏi kinh đô Hàm Dương. Khi Bạch Khởi đi đến Đỗ Bưu (nay thuộc huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây), vua Tần sai sứ mang gươm đến buộc Bạch Khởi tự sát. Đường cùng, Bạch Khởi đành tự sát. Ông Trác Trí Lập viết là "chôn sống", nhưng thật ra 45 vạn quân Triệu ra hàng ấy đã bị Bạch Khởi tàn sát chỉ trong một đêm.

[878] Địa lý (còn gọi là kham dư) ở đây là một môn huyền học ứng dụng Dịch học và phong thủy để chọn cuộc đất tốt nhằm an táng tổ tiên với hy vọng con cháu sẽ hiển đạt, phú quý.

Thế tục chỉ nói đến địa lý, chẳng nói tới thiên lý. Chỉ lo phong thủy bị tổn thương, chẳng lo báo ứng không sai. Hễ gặp chuyện gì trái ý bèn đổ thừa địa lý chẳng tinh tường, lo cái kia gây trở ngại cho cái này, vô sự sanh sự, luôn luôn ươm thành những tấn tuồng xấu ác, quên gốc chạy theo ngọn, đâu đâu cũng đều như thế cả. So ra, hoàn cảnh của những kẻ không nhắc đến thiên lý còn tệ hơn kẻ không nói đến địa lý quá nhiều! Người thờ Phật ngăn chặn thói tệ từ lúc nó mới chớm nẩy, tận lực uốn nắn những thói toan tính tệ hại của thế tục. Nếu gặp chuyện xây mồ, cất nhà, có nên tùy duyên chọn vị trí thích hợp, hay chỉ y theo Phật lý, giữ thiên lý, chẳng theo lý lẽ thế tục để nói đến địa lý hay không?

Đáp: Tuy chẳng ra sức nói tới, cũng chớ nên hoàn toàn chẳng để cho thầy địa lý xem qua. Đấy gọi là "trọn hết chuyện con người trước đã". Nếu quanh năm nuôi nấng cung phụng gã thầy địa lý có mắt như mù thì sẽ đều là hạng người cuồng vọng, chẳng tuân theo thiên lý, chẳng hiểu rõ địa lý.

5. Đáp lời hỏi của cư sĩ Thôi Thụ Bình

Hỏi: Địa Tạng Vương Bồ-tát là bậc phụng hành Phật pháp, nhậm chức U Minh Giáo Chủ[879] trong chốn âm tào, vào trong lục đạo để độ chúng sanh. Nhưng thường nhân hay tưởng lầm ngài là thần kỳ[880] hoặc là linh quỷ. Những loại quan niệm như vậy chẳng phải chỉ có một mà thôi. Làm thế nào để phân biệt vị Bồ-tát phụng hành Phật pháp và thiên tiên, quỷ thần?

---

[879] Do nghiệp cảm, chúng sanh trong cõi âm thường thấy cảnh sắc tối tăm, mờ mịt, tâm trí của những chúng sanh thọ tội trong ấy thường si ám nên cõi âm thường gọi là u minh, đức Địa Tạng Bồ-tát thường nguyện ở mãi trong ác đạo cứu độ chúng sanh thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, nên được xưng tụng là U Minh Giáo Chủ. Bọn đạo sĩ đã lập lờ đánh lận con đen lập ra hai ngụy thuyết:

1. U Minh Giáo Chủ là Phong Đô Đại Đế (còn gọi là Bắc Đế Quân, hoặc Phong Đô Bắc Âm Đại Đế), tức vua cõi âm. Theo họ, Phong (豐) là tên một đất nước của quỷ thần ở phương Bắc, tại đó núi cao đến hai ngàn sáu trăm dặm, chu vi ba vạn dặm. Sáu cung điện trên đỉnh núi là nơi Phong Đô Đại Đế phán xử tội nhân. Tương truyền, ngọn núi ấy nay chính là núi La Phong, thuộc huyện Phong Đô, tỉnh Tứ Xuyên. Tuy thế, chịu ảnh hưởng của Phật giáo, họ còn thừa nhận có Diêm-la vương cũng là vua cõi địa ngục; như vậy là có đến hai vị chưởng quản cõi âm. Để khỏa lấp sự mâu thuẫn này, các đạo sĩ bèn nói Địa Tạng Vương Bồ-tát chỉ là một danh xưng do nhà Phật gán cho Phong Đô Đại Đế.

2. U Minh Giáo Chủ là danh xưng khác của Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn, một vị thần được tin là có công năng cứu độ sanh tử. Nhằm để cạnh tranh với cõi Cực Lạc của Phật giáo, bọn đạo sĩ cũng lập ra thuyết có một Tịnh độ của Đạo giáo gọi là thế giới Trường Lạc ở phương Đông do Thái Ất Thiên Tôn làm giáo chủ.

[880] Thần kỳ (神祇) là gọi tắt của thiên thần và địa kỳ, được dùng như một từ ngữ chỉ chung cho các vị thần thánh. Thần ở trên cõi trời hay trong hư không gọi là thần, thần cai quản trên mặt đất gọi là kỳ, tức các vị thần núi non, rừng rậm, thành hoàng, thổ địa v.v..

Đáp: Thần kỳ là do nghiệp báo cảm thành nên có thể bảo là "nhậm chức", chứ Địa Tạng Bồ-tát do hoằng thệ đại nguyện bèn ở trong u minh độ thoát chúng sanh, sao lại bảo là ngài "nhậm chức"? Người đời chẳng hiểu rõ phàm thánh, nhất loạt coi là quỷ thần, cũng không có chi lạ cả! Ví như đứa bé chỉ biết người trong nhà, hết thảy những người khác nó đều hoàn toàn chẳng biết tới, sẽ bảo hết thảy mọi người đều chẳng tôn quý bằng cha mẹ nó. Đã biết: Bậc đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử chỉ mới là bậc thánh nhân trong Tiểu thừa; còn bậc phá vô minh, chứng pháp tánh thì mới đáng gọi là Đại thừa Bồ-tát. Nhưng những vị nào chưa đoạn phiền não, cậy vào phước lực trong đời trước thì sẽ làm thần kỳ, địa vị còn kém xa chư thiên, huống là so với bậc đại Bồ-tát đã chứng pháp thân ư? Nếu chẳng biết Phật pháp thì có phán định cũng chẳng hiểu rõ, nếu đã biết Phật pháp thì cần gì phải phán định nữa!

Hỏi: Cảm Ứng Thiên là do ai trước tác? Đối với sách vở của các tôn giáo khác thì dùng pháp nào để phân biệt, đoán định?

Đáp: Bản Cảm Ứng Thiên thường được lưu hành có ghi hai chữ Thái Thượng, là vì người đời cho tác phẩm này là do Lão tử[881] viết ra. Cũng có kẻ cho rằng nó vốn là một thiên sách trích từ bộ Bão Phác Tử[882] rồi được mở rộng ra. Nhưng bất tất phải xét tìm ai là tác giả? Chỉ cần quan tâm đến những điều lợi ích do sách ấy đem lại. Đấy gọi là "chẳng vì người mà bỏ lời"[883] vậy! Tuy thánh nhân lập pháp,

---

[881] Trong Đạo giáo, Lão tử thường được tôn xưng là Thái Thượng Lão Quân hay Đạo Đức Thiên Tôn, là một trong ba vị Tam Thanh (tức Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn và Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn). Người khởi đầu đề xướng tôn vinh Lão tử là thủy tổ của Đạo giáo chính là Trương Đạo Lăng (sáng tổ của Ngũ Đấu Mễ đạo - tiền thân của Đạo giáo). Vào thời Hán Thuận Đế, Trương Đạo Lăng tôn xưng Lão tử là Thái Thượng Lão Quân. Sau này, Khấu Khiêm Chi lại gọi Lão tử là Đạo Đức Thiên Tôn vì Lão tử là tác giả của Đạo Đức Kinh. Về sau, các đạo sĩ đặt thêm nhiều danh xưng cho Lão tử như Hỗn Nguyên Lão Quân, Giáng Sanh Thiên Tôn, Thái Thanh Đại Đế, Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế, Đại Thánh Tổ Cao Thượng Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế v.v., nhưng Thái Thượng Lão Quân vẫn là danh xưng phổ biến nhất.

[882] Bão Phác Tử là một bộ sách do Cát Hồng (283-363) soạn vào đời Đông Tấn, được coi là một kinh điển trọng yếu của Đạo giáo. Nội dung chia làm hai phần:

1. Nội Thiên chuyên nói về cách luyện những phương thuốc để uống vào sẽ trở thành thần tiên (tức cách luyện kim đan và tiên dược), những sự biến hóa quỷ quái, các pháp thuật nhương tai trừ họa, nguồn gốc của vũ trụ, phương pháp tu luyện của Đạo gia.

2. Ngoại Thiên luận về tình hình xã hội, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những khái niệm của Nho gia. Phần này luận về lẽ được mất trong nhân gian, châm biếm thói tục, pháp bình trị xã hội, yêu dân, tiết dục v.v..

[883] Ý nói: Chẳng vì một người có những điểm đáng chê trách mà vứt hết những câu nói hợp lý của người ấy. Nếu coi Cảm Ứng Thiên là của Cát Hồng thì tuy Cát Hồng đề xướng những toa thuốc tiên nhảm nhí (có rất nhiều chất độc như thủy ngân, chì), những cách tu luyện kỳ quái, bùa chú quàng xiên v.v. thì cũng không vì vậy mà sổ toẹt những lời luận định chí lý về đạo lập thân, xử thế trong bộ Bão Phác Tử nói chung và Cảm Ứng Thiên nói riêng.

nhưng cố nhiên không nhất định phải coi toàn bộ những lời thánh nhân đã nói là khuôn mẫu, chỉ nên quan tâm chọn lấy những gì có ích cho thế đạo nhân tâm. Trùng văn, điểu thư[884] là đầu mối mở mang văn tự lớn lao, nào dám vì *trùng, điểu* không đáng trọng mà chẳng dùng đến văn tự ư? Nêu lên một chuyện này thì sẽ có thể dứt được những lời lẽ rườm rà vô ích bàn bạc đúng sai xằng bậy! Những lời lẽ rườm rà ấy vẫn chẳng có phong vị thiên nhiên như chim mùa xuân ríu rít lúc ban ngày, trùng mùa thu rền rĩ ban đêm vậy.

Hỏi: Thế nào là Ngũ Bộ Lục San?

Đáp: Đấy là sách do ngoại đạo bịa đặt viết ra, chia thành năm bộ loại, nhưng có sáu cuốn, nên gọi là Ngũ Bộ Lục San[885]. Loại sách ấy cần gì phải hỏi đến? Hỏi đến thì sẽ giống như chẳng coi Tứ Thư Ngũ Kinh là đúng, cứ muốn nghiên cứu những khúc hát quê mùa do lũ trẻ nít xướng lên ngoài ngõ. Uổng phí tâm thần, trọn chẳng có ích gì!

Hỏi: Bình (Thôi Thụ Bình tự xưng) làm luật sư, thụ lý hồ sơ vụ án. Do chức vụ, con phải soạn án từ, cố nhiên vẫn tùy thời chú ý để khỏi gieo nhân ác. Nhưng để giải oan cho người khác, con thường gặp những trường hợp có đủ chứng cớ phạm tội, khi giao cho Đề hình[886] khởi tố, tuy bản án phát xuất từ ý chỉ của những người được ủy thác làm nhiệm vụ xét xử, nhưng do con soạn án từ mà kẻ ấy bị lãnh tội, trong tâm trọn chẳng yên. Những kẻ nắm giữ luật pháp hiện thời chỉ nói riêng tại Thượng Hải đã có hơn 800 người, cố nhiên chẳng thiếu những kẻ còn giữ được một ít lương tâm, nhưng có rất nhiều kẻ tuy chẳng cẩn thận vẫn chẳng hề bận tâm, thậm chí hèn tệ chẳng thể kham được! Những người trực tiếp hay

---

[884] Trùng văn, điểu thư (còn gọi là điểu trùng thư, điểu trùng triện) là tên gọi chung cho những loại chữ tượng hình sơ khai của văn tự Trung Quốc trước thời Tần Thủy Hoàng. Đây là một trong những lối chữ của kim văn (tức những văn tự được khắc trên đồ kim loại, như đỉnh, lư đồng, kiếm, ấn v.v.). Do nét chữ nguệch ngoạc, ngoằn ngoèo như giun bò nên gọi là trùng văn; do có những nét vẽ giống như hình con chim vẽ cách điệu hoặc vết chân chim nên gọi là điểu thư.

[885] Ngũ Bộ Lục San là từ ngữ chỉ kinh thư của La giáo (một thứ tà giáo do La Thanh sáng lập vào thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch nhà Minh). Gọi là Ngũ Bộ Lục San vì tà giáo này có năm bộ kinh thư trọng yếu, tức: Khổ Công Ngộ Đạo Quyển, Thán Thế Vô Vi Quyển, Phá Tà Hiển Chánh Thược Thi Quyển (chia thành hai quyển thượng và hạ), Chánh Tín Trừ Nghi Tự Tại Quyển, Nguy Nguy Bất Động Thái Sơn Thâm Căn Kết Quả Bảo Quyển.

[886] Đề hình có hai cách hiểu:

1. Gọi tắt của Đề điểm hình ngục ty, là một chức quan được lập ra vào thời Tống, tương đương với Bộ trưởng Bộ Tư pháp hiện thời.

2. Gọi tắt của Đề hình án sát sứ, viên quan chuyên coi về tố tụng trong một tỉnh.

Đến đầu thời Dân Quốc, chữ Đề hình thường được dùng để chỉ cho Công tố viện nói riêng và Bộ Tư pháp nói chung.

gián tiếp mắc phải họa hại bởi lũ ấy không thể nào gập ngón tay để đếm xuể. Dám xin thầy khai thị, đấy cũng là một đầu mối để cứu vãn lòng người vậy.

Đáp: Đối với những chuyện ấy phải thường xuyên giữ lòng nghĩ tưởng trời đất, quỷ thần, Phật Bồ-tát đều thấy rõ, biết tỏ cái tâm của ta thì sẽ tự chẳng đến nỗi tạo ác nghiệp. Nếu không, vốn nhằm giải quyết khó khăn, tháo gỡ rắc rối mà lập ra biện pháp ấy, nhưng thật ra là căn cứ để gạt gẫm dân lành, ban thưởng khích lệ kẻ gian trá. Đáng sợ đến cùng cực! Nếu có cách sanh sống khác, cố nhiên tốt nhất là nên thoát khỏi phạm vi ấy.

6. Đáp lời hỏi của Huyễn Tu Học Nhân

Hỏi: Chuyên tu trì danh, nguyện được niệm Phật tam-muội, cầu sanh Tịnh độ thì dụng công ra sao?

Đáp: Dùng tín nguyện sâu để niệm Phật. Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được, nhưng phải thường nên phát cái tâm ấy. Đấy gọi là "noi theo pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung".

Hỏi: Có kẻ nói niệm ra tiếng, trì danh theo lối truy đảnh[887], có người bảo niệm Kim Cang trì, có người nói niệm thầm, có người bảo nhớ số, có người nói "tùy tức" v.v.. Muốn đắc nhất tâm bất loạn thì có nên chuyên trì một pháp hay không?

Đáp: Truy đảnh dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thầm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng. Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? Tùy tức chẳng bằng tịnh thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ tùy tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn tịnh thính thì chẳng bị bệnh.

Hỏi: Có lúc Kim Cang trì, có lúc niệm thầm, có lúc nhớ số, có lúc niệm theo lối tùy tức v.v., chẳng biết niệm như vậy có gây trở ngại cho nhất tâm hay không?

Đáp: Nhất tâm là do niệm, chứ không phải do âm thanh niệm Phật, sao lại bảo là trở ngại? Nhớ số cũng chỉ là nhớ khi động, chứ khi ngồi tịnh tọa chỉ nên niệm thầm, đừng nên lần chuỗi. Nếu lần chuỗi ắt bị tổn thương.

Hỏi: Hiện thời trong khi tịnh tọa, học nhân niệm ra tiếng bốn chữ hồng danh, nhiếp tâm niệm thiết tha, áp dụng phương pháp "tâm - miệng niệm Phật phân minh rõ ràng để chấp trì, dùng tai lắng nghe", hơi cảm thấy khinh an (nhẹ nhàng,

[887] Truy đảnh là một cách niệm Phật nhằm đối trị tâm tán loạn, câu nọ gối lên câu kia không xen hở chút nào. Cách này chỉ có thể áp dụng để đối trị loạn tâm chứ không nên áp dụng thường xuyên vì sẽ bị tổn khí, sanh bệnh.

dễ chịu). Con muốn tu sao cho đạt đến nhất tâm bất loạn thì có thể chuyên hành pháp ấy hòng đạt được hay không?

Đáp: Pháp ấy rất hay! Lúc tịnh tọa nên niệm thầm, niệm ra tiếng cũng được. Nhất tâm bất loạn là do tâm chuyên chú và khẩn thiết vậy!

Hỏi: Trong bộ Văn Sao cao quý của thầy, pháp tùy tức được cực lực đề xướng, nhưng chưa nói rõ cách niệm như thế nào? Luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương ghi: "Có thể nương cậy lớn lao vào pháp này", nhưng cũng chỉ nói: "Xưng danh hiệu Phật theo hơi thở", con vẫn chưa hiểu rõ cách niệm như thế nào? Chỉ có sách Sức Chung Tân Lương ghi: "Tùy tức niệm Phật dùng khi thở ra chứ không dùng khi hít vào. Cứ mỗi một hơi thở ra là một câu, hoặc hai chữ đều được", học nhân nghi rằng: Khi hít vào chẳng niệm, há chẳng phải là gián đoạn ư? Con thường thử luyện mỗi hơi thở ra là một câu, cảm thấy rất phí sức, mà niệm cũng chẳng rõ ràng cho lắm! Chỉ có khi hít vào niệm A Di, thở ra niệm Đà Phật thì đã không gián đoạn, mà còn được rõ ràng, lại chẳng tốn sức. Chẳng biết cách niệm như vậy có được hay chăng? Hay là lúc hít vào thì chẳng được niệm?

Đáp: Khi hít vào chẳng niệm, trong khi ấy sao lại nói là gián đoạn? Thở ra niệm một câu, hít vô bèn chẳng niệm; chứ khi hít vô lẫn thở ra đều niệm ắt sẽ bị tổn khí. Nếu chỉ niệm hai chữ thì trong một hơi hít vô thở ra niệm một câu Phật hiệu sẽ chẳng trở ngại chi.

Hỏi: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối", hành trì như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức tín), phát nguyện thiết tha (tức nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức hạnh). Ba pháp tín - nguyện - hạnh là tông chỉ của niệm Phật. Phương pháp dụng công niệm Phật hay nhất là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". "Nhiếp trọn sáu căn" là cái tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức là nhiếp ý căn. Miệng phải niệm sao cho rõ ràng rành rẽ, tức là nhiếp thiệt căn. Tai nghe cho rõ ràng rành rẽ tức là nhiếp nhĩ căn. Ba căn ấy được nhiếp trong Phật hiệu thì mắt quyết chẳng thể nhìn ngó loạn xạ. Khi niệm Phật nên buông rèm mắt xuống, tức là hạ thấp mí mắt xuống, chớ nên mở banh mắt. Mắt đã nhiếp rồi thì mũi cũng chẳng thể ngửi loạn được, tức là mũi cũng được nhiếp. Thân phải cung kính tức là thân cũng bị nhiếp. Sáu căn đã nhiếp, chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật, đấy mới là tịnh niệm.

Hễ sáu căn không nhiếp thì tuy niệm Phật trong tâm vẫn có vọng tưởng tơi bời, khó đạt được lợi ích thật sự. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là "tịnh niệm tiếp nối". Tịnh niệm đã có thể thường tiếp nối thì nhất tâm bất loạn và

niệm Phật tam-muội sẽ đều có thể dần dần đạt được. Xin chú ý chỉ mong đạt được "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, tâm địa sẽ khai thông, lo gì chẳng hiểu rõ nghĩa kinh nữa. Xin hãy gắng sức!

7. Đáp lời hỏi của cư sĩ Chu Văn San

Con có những điều thưa hỏi kể ra như sau, kính xin thầy chỉ bày. Công đức vô lượng!

1. Lão pháp sư niệm Phật phát chí nguyện lớn lao như thế nào?

Đáp: Nguyện sanh Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, trở vào Sa-bà phổ độ chúng sanh.

2. Thân người cầu liễu thoát đến nơi đâu?

Đáp: Đến thế giới Cực Lạc.

3. Phật nói "chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai" là đã gộp cả tín - nguyện - hạnh vào trong ấy hay chăng?

Đáp: Trí tuệ của Như Lai không pháp nào chẳng bao gồm, nói trên phương diện chúng sanh thì chỉ là lý tánh mà thôi, chớ nên hiểu lầm!

4. Chúng sanh cõi Sa-bà sanh vọng tưởng thì là ngã kiến hay không phải ngã kiến?

Đáp: Vọng tưởng bao gồm hết thảy phàm tình, ngã kiến là phàm tình nặng nề nhất.

8. Đáp lời hỏi của cư sĩ Du Đại Tích

Kính đem những nghĩa con thường nghi chia thành mười bốn điều như sau, cúi xin thầy chỉ dạy uốn nắn.

1. Người tu hành dứt ác làm lành là chuyện thuộc về bổn phận, đáng nên gắng công, nhưng có điều ngoài công khóa và mười hai thời ra, ba tâm quá khứ, hiện tại, vị lai qua lại loang loáng, nói chung là chưa thể trừ. Tâm nghiệp chưa trừ cho sạch được thì có gây trở ngại cho sự vãng sanh hay chăng?

Đáp: Công khóa hãy nên chuyên, đừng nên xen tạp. Hễ chuyên sẽ dễ nhiếp tâm, còn tạp sẽ khó thể quy nhất được! Vãng sanh là do tín nguyện chân thiết, nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu cho tâm thanh tịnh cũng khó được vãng sanh. Chớ nên không biết!

2. Cổ đức nói: "Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa-bà." Phải nên trừ ái là lẽ đương nhiên, nhưng trong vòng con cháu, giữa lẽ lợi hại, nói chung chẳng thể mặc kệ, quên bẵng tình cảm thì làm như thế nào để chế ngự được?

Đáp: Yêu thương con cháu thì phải yêu thương theo đúng lẽ đạo, dạy cho chúng nó đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật thì lòng yêu thương ấy liền trở thành trợ hạnh cho tịnh nghiệp. Đấy chính là căn cứ lớn lao để ngừa hại đạt lợi vậy!

3. Lão nhân Tử Bách nói "làm chủ được giấc mộng thì khi lâm chung sẽ tự chủ được", như vậy là cảnh trong mộng hết sức quan yếu! Khi lên giường sắp ngủ, con cũng từng niệm thầm, nhưng đến khi mộng vẫn là tơi bời tán loạn, chẳng dính dáng gì đến niệm Phật hết. Thậm chí có lúc nằm mộng thấy ăn mặn, có khi biết ngay, hoặc chẳng biết liền, thật đáng hận, đáng thẹn! Con nên dùng cách nào để vãn hồi?

Đáp: Muốn mộng cảnh tương ứng hãy nên cật lực cầu tương ứng trong khi ban ngày. Nếu lúc tỉnh thường tương ứng thì trong mộng sẽ tự được tương ứng.

4. Người tu hành có cảnh giới tốt đẹp thì hoặc mộng đến Tây Phương, hoặc gặp mặt Di-đà, hoặc ngửi thấy mùi hương lạ, hoặc thấy hoa sen. Cư sĩ Vương Quý Quả ở tỉnh Tương (Hồ Nam) thường được thấy như thế. Con niệm Phật suốt mười năm không có tướng lành nào phát hiện, lỡ lâm chung vẫn như thế thì có phải sẽ khó đến được Cực Lạc hay chăng? Rốt cuộc có nên cứ để xuôi theo tự nhiên, đừng sanh lòng mong mỏi gì hết ư?

Đáp: Chỉ cầu tâm hợp với Phật, chẳng cần phải dốc sức để thấy được cảnh giới. Tâm đã tương ứng với Phật mà có tín nguyện chân thật sẽ chắc chắn vãng sanh. Nếu tâm mong cầu cảnh giới mà chưa tương ứng thì hễ có cảnh hiện ra, có thể sẽ bị ma dựa.

5. Tuổi tác già suy, chẳng thể thức dậy ngay trong đêm. Con có nên suốt cả một ngày tận hết tâm lực để dụng công tụng niệm, tu tập, đến chỗ nào cần phải thể hiện lòng thành kính nhưng tâm không thấy được thì lạy nhiều để biểu lộ. Trong mười đại nguyện vương, điều đầu tiên là lễ kính, lợi ích như thế nào?

Đáp: Tuổi già thân thể vẫn mạnh thì cố nhiên lễ nhiều là tốt. Chứ nếu không thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thường giữ lòng kiêng nể thì cũng là ý nghiệp lễ kính.

6. Khi niệm Phật, ngồi xếp bằng trước tượng Phật, miệng niệm, tai nghe, tay lần chuỗi, tâm tưởng Vô Lượng Quang Phật để mong tam mật tương ứng, nhưng

vẫn không thể tránh khỏi hôn trầm, tán loạn, vậy thì nên thong dong để đợi khi thuần thục hay là có pháp nào để giúp đạt được "nhiếp trọn sáu căn" hay chăng?

Đáp: Ngồi xếp bằng niệm thì chớ nên lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì tâm sẽ khó lắng bặt suy tư, có thể bị bệnh. Hãy nên dựa theo đồng hồ để tính số câu niệm, một khắc niệm được bao nhiêu câu Phật hiệu sẽ giống hệt như lần chuỗi. "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" chính là pháp chế ngự cái tâm hay nhất.

7. Ưa điều lành dường như phát xuất từ tánh mà thành, chỉ vì lực bất tòng tâm nên chẳng thể thí tài, cũng không thể thí pháp được, chỉ đành hễ gặp ai thì đều khuyên bảo niệm Phật, ăn chay. Cũng như 5 năm trước đây, buổi sáng con tụng công khóa, buổi chiều ra khỏi cửa thu nhặt giấy có viết chữ bị người ta quăng bỏ; gần đây tinh lực suy nhược hơn, công khóa cũng tăng, chẳng thể chuyên chú, thành kính đi ra ngoài thu nhặt giấy có viết chữ được nữa. Chỉ trong lúc đi đường thì vẫn chú ý thu nhặt, xét ra có trở ngại gì cho việc niệm Phật hay không?

Đáp: Người niệm Phật nên tu hết thảy thiện hạnh, nhưng cần phải chia ra thành chủ - bạn, chánh - trợ. Nếu đảo lộn vị trí của chủ và bạn sẽ được lợi rất nhỏ. Nếu có thể dùng bạn để giúp cho chủ thì sẽ như một người khoanh tay, trăm quan lo liệu việc cai trị, nào còn có trở ngại gì để nói nữa đây?

8. Tam phước, tam tâm trong Quán kinh phải giữ gìn cẩn thận, hễ hơi dễ duôi liền mất ngay, chưa khỏi có chỗ không thực hiện được. Con thường tự oán tự thẹn, do vậy thường niệm văn sám hối, rốt cuộc có tiêu trừ được tội khiên hay không?

Đáp: Tiêu trừ tội khiên chẳng thể nói lơ mơ được. Chẳng viên thành Phật đạo sẽ chẳng thể nào hết sạch tội khiên! Chúng ta tiêu trừ được bao nhiêu chỉ là do lòng thành cạn hay sâu mà định.

9. Người già dẫu khỏe mạnh cũng chẳng đáng tin cậy, phải chuẩn bị sẵn biện pháp cho cái chết. Con tính không nhận lễ phúng điếu, lúc liệm hoàn toàn dùng vải, chỉ mặc một cái áo hải thanh, y năm điều, ngọa cụ xếp bên cạnh. Nếu dựa theo cấm chế của Phật thì những thứ ấy chẳng dùng để liệm theo, nhưng nay người ta thường liệm theo người chết. Có nên chẳng câu nệ đội mão tăng, đi hài tăng, hết thảy cỗ bàn cúng bái đều dùng món chay, cúng thất, thỉnh tăng niệm kinh?

Đáp: Nên lấy những lời khuyên răn nhắc nhở trong Văn Sao của Quang để dặn sẵn con cháu, bảo họ ắt phải chiếu theo đó để hành, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi bị con cháu phá hoại chánh niệm.

10. Niệm Phật tự biết chẳng đắc lực, muốn tăng thêm công khóa nhưng chỉ vì không có sức, lại không có thời gian, nếu cứ để như vậy mãi, sợ ít có cơ hội nắm

chắc vãng sanh, nhưng chí lại quyết muốn vãng sanh, rốt cuộc con nên dùng cách nào để có thể muôn phần trông cậy?

Đáp: Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không? Sao lại nói bừa, tán gẫu, chẳng lấy lời cổ nhân đã nói để làm kim chỉ nam vậy?

11. Ở nơi đây hai thứ Long Hoa giáo[888] và Tiên Thiên giáo[889] rất thịnh hành. Khuyên can, ngăn trở thì chúng nó cứng chắc không thể phá, khoe hai giáo ấy cũng sanh về Tây phương được. Rốt cuộc tu tập hai giáo ấy có thể làm trợ nhân cho sự nghiệp vãng sanh hay chăng? Nếu có thể làm như vậy được thì con sẽ học theo để "tắt lại càng thêm tắt".

Đáp: Ông đã quy y Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp, mà còn nghe theo lời ma mị của ngoại đạo, muốn học theo, sao chẳng biết tốt xấu đến mức như thế?

12. Khi niệm Phật tâm thường hay tán loạn, có kẻ nói là bị ảnh hưởng bởi tuổi tác. Nếu như tuổi già tâm tán loạn, chẳng thể thâu tóm được, thì người già quyết chẳng thể vãng sanh ư? Rốt cuộc có phải là vì tuổi tác hay là do công phu chưa đến mức đúng đắn?

Đáp: Ông không nhất tâm là do trong tâm không có chánh kiến, do không có chánh kiến nên không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có tín nguyện chân thật, thiết tha, dẫu chưa thể nhất tâm vẫn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện chân thật, thiết tha, dù có thể nhất tâm, cũng khó thể vãng sanh, bởi vãng sanh là do nương vào Phật lực vậy.

13. Trong số các đạo hữu ở đây, có một người rất chịu dụng công, thọ giới, ăn chay trường, chỉ có điều nhà ông ta giàu nứt đố đổ vách nhưng đối với chuyện

---

[888] Long Hoa giáo vốn là một chi phái của La giáo do La Nhân (tức La Thanh, còn gọi là La Tổ) sáng lập, lấy Ngũ Bộ Lục San làm kinh điển chính, thờ đủ các vị thần thánh lẫn nhân vật trong cổ sử hoặc truyện thần thoại như Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Hứa Do, Đường Nghiêu, vua Thuấn, Quảng Thành Tử, cũng như các vị Phật như Nhiên Đăng, Thích-ca, Quán Âm, các vị tôn giả hoặc tổ sư như Ca-diếp, Huệ Năng v.v.. Cách tu tập của họ bao gồm bùa chú, luyện khí, bói toán, đồng cốt, phong thủy v.v.. Họ tự xưng là tại gia hóa Phật giáo, thậm chí một số nhà "nghiên cứu Phật giáo" của Hoa Lục còn cố tình lập lờ coi Long Hoa giáo như là một chi phái chấn hưng của tông Lâm Tế.

[889] Tiên Thiên giáo (còn gọi là Tiên Thiên đạo, Thanh Liên giáo, Kim Đan đạo v.v.) do Hoàng Đức Huy sáng lập, lấy Vô Cực Lão Mẫu làm đối tượng sùng bái chánh yếu, coi Đạt-ma là sơ tổ, lục tổ là Huệ Năng, thất tổ là hai vị Nam Nhạc Hoài Nhượng và Mã Tổ Đạo Nhất, bát tổ là La Úy Quần, Hoàng Đức Huy là cửu tổ (hai gã này là tà sư ngoại đạo mạo danh đắc chân truyền nhà Phật). Giáo thuyết của họ cũng pha trộn lung tung những tín ngưỡng dân gian, giải thích cong vạy những danh từ thiền học Phật giáo, diễn giải xuyên tạc kinh điển nhà Phật để dễ tuyên truyền đồng thời biện minh cho cách tu của bọn chúng. Từ giáo phái này lại nảy sanh ra nhiều chi phái mà nổi tiếng nhất là Nhất Quán Đạo đã được truyền sang tận Hoa Kỳ.

công đức chẳng chịu bỏ tiền ra, như vậy thì có trở ngại cho sự niệm Phật sanh về Tây phương hay không?

Đáp: Gã thần giữ của ấy tâm địa ô trược, hèn tệ, vẫn muốn cho con cháu phú quý lâu dài. Sợ rằng do cái tâm tham tài sẽ chuyển thành quả báo sanh trong loài ngạ quỷ, cho nên trong kiếp vị lai hắn mới được thọ dụng thiện căn niệm Phật.

14. Một người suốt ngày niệm Phật và cùng với mọi người niệm Phật nửa ngày thì so ra lợi ích nào lớn hơn? *(Hội niệm Phật ở nơi đây cứ vào ngày thứ Tư liền nhóm chúng niệm Phật nửa ngày.)*

Đáp: Cùng nhau niệm Phật là chuyện đề xướng, tùy phận tùy lực tu trì cố nhiên chẳng ăn nhập gì tới niệm chung với đại chúng hay hành riêng một mình; nhưng muốn tu hành thật sự hãy nên bớt phô trương ngõ hầu có lợi ích thật sự.

Mười bốn điều trên đây phần nhiều là đại bệnh sát sao của Đại Tích, nên con chẳng ngại mạo muội thưa hỏi từ nơi xa xăm, thiết tha cầu xin thầy chia thành từng điều để chỉ dạy. Thầy liền phê ngay vào lá thư gốc, chẳng khác nào lò rèn nung luyện vậy. Đệ tử Du Đại Tích dập đầu lần nữa!

[Sư phê]: Xin hãy đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi sẽ tự cởi gỡ. Ở đất Hỗ do lắm việc bận bịu nên tôi chẳng thể viết cặn kẽ được!

9. Đáp lời hỏi của cư sĩ Vương Tụng Bình (lược câu hỏi đi)

1. Tịnh độ là "duy tâm sở tạo" (chỉ do tâm tạo) thì hãy nên nói là "duy tâm", chẳng nên vừa gọi là Tịnh độ, lại vừa gọi là "sở tạo". Nếu đã là cõi Tịnh độ chỉ được tạo bởi tâm, sao lại chỉ nói là duy tâm, chứ trọn chẳng có Tịnh độ nào khác là cảnh ở bên ngoài ư? "Duy tâm Tịnh độ" là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Đến khi lâm chung, sẽ do tịnh tâm của chính mình mà cảm đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Chẳng hạn như phương này chính là duy tâm Tịnh độ. Nếu không có Tịnh độ thì chỉ có thể nói là "duy tâm", há lẽ nào từ trong không lại sanh ra có, có thêm một cái Tịnh độ nữa ư? Lại có thêm một cái được tạo nữa ư? Vốn không có Tịnh độ thì tạo cái gì? Kẻ tà kiến ngăn trở người khác tu hành, tự cao giọng đề xướng, chẳng biết những lời lẽ của chính mình đã hoàn toàn mâu thuẫn lẫn nhau. Muốn phá người khác tu trì nhưng thật ra là tự phá, tự phô bày tri kiến tà vạy, lầm lạc mà thôi!

2. Độc ác và từ thiện chẳng chống trái nhau, nếu ai tâm không độc ác thì rắn, cọp cũng có thể làm bạn được. Dẫu chưa đạt đến địa vị ấy, nhưng nếu là người lành thường niệm Phật, niệm kinh, chắc chắn chẳng bị những giống ấy làm hại.

Do sẵn lòng từ thiện sẽ có thể cảm hóa được những loài độc ác ấy, huống chi người tu hành thường được thiện thần hộ vệ ư?

3. Chưa đạt đến địa vị "chân cùng, hoặc tận" thì tự nhiên thân tâm thế giới sẽ là có thật. Đã đạt đến địa vị "chân cùng, hoặc tận" thì trong cái nhìn của người đó [thân tâm thế giới] đều là không, còn trong cái nhìn của người chưa đắc được đạo ấy thì chúng đều là có. Chớ nên lẫn lộn thánh phàm, lý sự để rồi ăn nói hàm hồ, xằng bậy! Bản thể của tâm chúng sanh chính là chân như thật tướng, hiềm rằng do chúng sanh chưa ngộ được nên tuy suốt ngày nương vào sức chân như ấy mà suốt kiếp vẫn chẳng biết chân như nằm đâu. Tuy nói "vô minh vốn không có cội rễ, đầu mối", nhưng do chúng sanh chưa ngộ, lại muốn dạy cho họ biết về cái chẳng phải tự họ vốn sẵn có[890], cho nên nói là "chân như chẳng giữ lấy tự tánh, nhưng khởi vô minh", chứ thật ra chẳng phải là ban đầu không có vô minh, về sau lại có! Nói như vậy là vì muốn cho người khác dễ hiểu bản thể.

Ví như vàng nằm lẫn trong quặng, chứ không phải thoạt đầu thuần là vàng sau đó mới sanh ra quặng. Cần biết rằng, vàng nằm trong quặng, nhưng vàng vẫn chẳng phải là quặng, luyện quặng sẽ được vàng, quặng chẳng trộn lẫn vào vàng. Chúng ta hãy nên dốc sức ở chỗ phá vô minh, chớ nên bận tâm nơi những danh từ như "thế giới có hay không, chân như, vô minh, sanh diệt" để rồi sanh nghị luận lầm lạc.

Quán Tự Tại Bồ-tát thực hành sâu xa bát-nhã ba-la-mật-đa nên thấy thấu suốt ngũ uẩn đều không, thân tâm thế giới chính là ngũ uẩn. Chúng ta chưa đạt đến địa vị bát-nhã sâu xa, hãy nên coi thân tâm thế giới là thật có. Thế giới hư huyễn, nhưng phàm phu thường nghi điều ấy là sai, chứ nếu phàm tình đã hết sạch thì sơn hà đại địa đều chẳng trở ngại lẫn nhau. Vì thế cổ đức nói: "Nếu có thể ngay lập tức mất sạch tình kiến thì sẽ đi thẳng qua vách núi không bị ngăn ngại gì."

10. Đáp lời hỏi của cư sĩ Duyên Tịnh

Hỏi: Hành nhân niệm Phật, đầu tiên phải lấy nghiêm trì ngũ giới làm nhiệm vụ cấp bách, ngõ hầu niệm Phật dễ được tịnh tâm, lâm chung vãng sanh cũng ổn. Nhưng hai chúng tại gia sống nơi Phật pháp suy đồi, khó thể tìm được một vị cao tăng hòng thọ giới đúng pháp. May là trong kinh Phạm Võng từng mở ra một phương tiện lạ, cho phép đối trước tượng Phật chí thành sám hối bảy ngày, nếu thấy hảo tướng liền có thể tự thệ thọ giới. Kinh Địa Trì[891] cũng nói như thế, nhưng

[890] Xét về lý, vô minh vốn không thật có nên gọi vô minh là "cái chẳng phải tự họ vốn có".
[891] Kinh Địa Trì có tên đầy đủ là kinh Bồ-tát Địa Trì (Bodhisattva-bhūmi), còn gọi là kinh Bồ-tát Giới, luận Bồ-tát Địa Trì, hoặc luận Địa Trì, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào thời Bắc Lương. Tuy mang tên là kinh, nhưng thật ra là luận. Theo truyền thuyết, bản kinh này do ngài Vô Trước

không có đoạn kinh văn nào nói về chuyện phải thấy hảo tướng rồi mới được phép tự thệ thọ giới, so với kinh Phạm Võng lại càng dễ hơn nữa. Khi ấy đệ tử nghi ngờ, chẳng biết rốt cục nên tuân theo kinh nào mới đúng?

Về sau, đọc Linh Phong Tông Luận, trong ấy đã giảng rõ lý lẽ: Pháp tự thệ thọ giới trong kinh Phạm Võng được lập ra cho kẻ chưa phát tâm, còn Địa Trì là lập ra cho kẻ đã phát tâm. Nay bọn đệ tử tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, có thể coi là kẻ đã phát tâm thì có thể nương theo kinh Địa Trì để thọ giới được hay chăng? Ngay trong lá thư gởi cho bà X… trong bộ Văn Sao của thầy đã có giảng về cách tự thệ thọ giới, cũng không thấy có đoạn văn nào bảo phải thấy được tướng hảo sau khi sám hối thì mới được phép thọ giới. Đấy có phải cũng là vì bà ta đã phát tâm nên được phép nương theo kinh Địa Trì để thọ giới, chẳng cần phải câu nệ nơi thấy tướng hảo đấy chăng? Nhưng bà X… tiết tháo băng khiết, còn lũ đệ tử chúng con nghiệp sâu chướng nặng, có nên tham chiếu theo đó để làm hay chăng? Đây cũng là một nghĩa chúng con đang nghi ngờ cho nên chẳng nề hà mạo muội, lại vì những hành nhân niệm Phật tại gia thông thường thỉnh cầu thầy chỉ dạy phán quyết hòng tiện tuân hành.

Đáp: Phật pháp rộng lớn như biển cả, hãy tùy theo căn tánh của mỗi người mà thọ trì. Nếu muốn thọ giới mà có chỗ để xin thọ được thì cố nhiên nên thọ với sư tăng. Nếu không có ai, hãy hướng về đức Phật sám hối, tự thệ thọ giới. Còn như nói "thấy hảo tướng" thì há có phải là chuyện nói dễ dàng ư? Sợ là người đời nay chẳng có thiện căn ấy đâu! Hoặc do chẳng hiểu rõ tâm địa, cứ dùng cái tâm bộp chộp vọng động để mong cầu đến nỗi kẻ bị ma dựa thì nhiều, người được lợi ích ít ỏi. Hiện nay, những kẻ có hành trì đôi chút hễ động đến là khoe thấy đủ thứ cảnh giới. Những thứ cảnh giới ấy đều do vọng tâm cảm nên. Nếu là thánh cảnh giới biến hiện thì người khác tuy chẳng thể biết được nhưng người ấy phải có những dấu hiệu cho thấy tâm hạnh chuyển biến lớn lao. Nếu vẫn cứ y như cũ thì chẳng phải là thánh cảnh mà chính là ma cảnh đấy! Chớ nên không biết điều này.

Phàm hết thảy mọi người hãy đều nên "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành", đấy chính là giới kinh đại lược của ba đời chư Phật, ai nấy đều phải nên vâng giữ, chớ nên phạm. Hễ trì sẽ có công đức, còn phạm sẽ mắc tội lỗi. Trì cho đến mức cùng cực sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thậm chí thành Phật. Những ai phát tâm thọ giới mà không có thầy truyền trao thì hãy

---

chép lại lời giảng của Di-lặc Bồ-tát. Bản kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Bồ-tát Địa trong luận Du-già Sư Địa. Kinh này giảng về phương tiện tu hành của Bồ-tát, bao gồm sơ phương tiện xứ, pháp phương tiện xứ, tất cánh phương tiện xứ. Do trong ấy lại có phần giảng nói về Bồ-tát giới nên từ xưa đến nay rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

nên chí thành khẩn thiết đối trước đức Phật sám hối bảy ngày, tự thệ thọ giới trước đức Phật là được. Cố nhiên không cần nói đến hảo tướng, cũng không cần phải nói đã phát tâm hay chưa. Thời cơ hiện tại không giống như thời cơ khi đức Phật tại thế, nhưng đã vì vãng sanh Tây Phương mà thọ giới thì hãy nên chân thật thọ trì. Nếu chỉ cầu danh suông thì sẽ trở thành đùa bỡn, tội lỗi quả thật chẳng nông cạn, ít ỏi đâu nhé!

Hỏi: Nếu hành nhân không thọ giới sẽ vĩnh viễn bỏ mất Phật hải, đánh mất lợi ích lớn lao. Nếu phát tâm không chân thật, cứ cẩu thả thọ giới, hễ phạm lại mắc thêm một tầng tội là phạm giới nữa. Như vậy, thọ giới thì sợ sẽ vi phạm, còn không thọ lại bị mất lợi ích lớn lao, dường như tiến thoái đôi bề đều khó. Đối với điều này, đệ tử có ngu kiến cho rằng: Nếu thật sự phát tâm chân thật, ắt sẽ mang ý niệm sợ tội sâu đậm, quyết sẽ ít vi phạm nên chẳng ngại lập tức thọ giới. Nếu không, do tập khí quá nặng, hoặc do tâm cảm động nhất thời, tham cái danh "thọ giới", liền mù mờ thọ giới, trong tương lai ắt sẽ dễ dàng vi phạm. Đâm ra chẳng bằng nương theo giới luật vâng giữ hai ba năm, nếu không vi phạm thì mới xin thọ giới cũng không muộn. Làm như vậy sẽ được lợi ích nơi giới lại chẳng đến nỗi tăng thêm tội phạm giới, dường như có ích vô hại.

Cách này đệ tử đã từng thử để khuyên người khác ăn chay khá có hiệu nghiệm. Nhân mấy năm gần đây con từng gặp người phát tâm tu hành liền khuyên họ trước hết hãy giữ sáu ngày chay và kiêng giết, giảm bớt ăn thịt, kiêm quán tưởng chúng sanh và chúng ta có cùng một thể, huyết nhục bất tịnh v.v.. Trong vòng chưa đầy mấy năm, những người nhờ đấy mà ăn chay trường không dưới mười mấy người. Nay đối với giới pháp, con chưa biết là có nên chiếu theo cách này để thực hiện hay không?

Lại còn có một hạng hành nhân khá hiểu rõ nhân duyên tội phước, tuy chưa thọ giới, nhưng có thể chiếu theo luật nghi để vâng giữ, khắng khít niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Nếu sau này họ vãng sanh thì phẩm vị của họ sẽ chẳng thua kém gì người đã thọ giới niệm Phật vãng sanh. Nếu quả thật như vậy thì tựa hồ mâu thuẫn với nghĩa "tâm địa vốn không có tự tánh giới, vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần" của Lục tổ. Nếu không, trong luật lại nói: "Người thọ giới đúng pháp thì mới phát sanh giới thể, lại được thiên thần hộ vệ." Luật còn giảng rõ sự khác biệt lớn lao giữa người đã thọ giới với người chưa thọ giới. Đệ tử chưa hiểu nghĩa này, vì thế đặc biệt viết lại ở đây để xin thầy chỉ dạy. Huống chi con đã tính vâng giữ giới pháp trước rồi sau đấy mới thọ giới. Nếu như có khác biệt, giả sử kẻ đang trong thời hạn học giới ấy mạng chung giữa chừng thì

chẳng phải là mất hết hay sao? Con đang nghi ngờ điều này, càng chẳng thể không mong được thầy sớm giải quyết!

Đáp: Đã muốn thọ giới, cố nhiên nên chân thật. Đã không chân thật thì cần gì phải thọ? Lợi ích là do chân thật trì giới mà được, chứ không phải vì mang danh thọ giới sẽ liền được lợi ích. Mối nghi của ông đáng gọi là vô vị đến cùng cực! Hễ tu hành thì phải luận trên tâm địa, chứ không luận trên hình tích. Chưa thọ giới mà đã trì giới thì là người tu hành chân thật, há lẽ nào người chân thật, hành hạnh chân thật lại đâm ra tầm thường, kém cỏi ư? Nhưng Phật, Bồ-tát cực lực khuyên con người thọ giới là vì hễ thọ giới ắt phải trì, chứ không phải vì những kẻ chỉ khoác cái danh thọ giới hiện thời mà phát khởi vậy. Chỉ khoác cái danh thọ giới tức là người thọ giới lại hủy giới cấm của Phật, tội tăng thêm một tầng nữa. Những câu hỏi của ông đều là chấp chết cứng vào hình tích, dấy lên những nghị luận lầm lạc, ăn nói như thế đều gọi là hý luận.

"Thọ giới sẽ phát giới thể" chính là bậc túc căn sâu dày, chứ không phải là chuyện của những kẻ hời hợt hờ hững chỉ mang cái danh thọ giới hiện thời. Chẳng thọ giới mà có thể trì giới chỉ là thiểu số, chứ không phải đa số. Vì thế chớ nên dùng cách ấy để làm khó dễ người ta. Những người như thế thuộc hạng tánh chất đặc biệt, còn những kẻ kia là hạng nên dạy dỗ theo đường lối thông thường, há nên so sánh hẹp hòi? Đúng là vốn không có một chuyện gì lại lầm lẫn khuấy lên sóng gió, đáng than quá đỗi! Bàn luận lợi ích trên hình tích, chẳng xét đến thật tình nơi tâm địa là vì người trong cả cõi đời đều thích giả mạo làm người tu đạo vậy.

Hỏi: Đứa con gái nhỏ của con hiện thời 22 tuổi, lập chí không lấy chồng, ăn chay niệm Phật tính ra đã được mấy năm. Mùa xuân năm nay mẹ nó mất, nó buồn thương, càng thêm chuyên dốc thiết tha, mấy ngày không ăn uống. Về sau đệ tử bảo nó niệm Phật cho mẹ để mong mẹ được tăng cao phẩm sen, từ đấy nó đối trước linh vị mẹ niệm Phật, nóng lạnh không gián đoạn. Nhưng khi nó niệm Phật đến lúc thuần nhất, thường thấy mười phương tỏa quang minh, trong ấy hiện ra tượng Phật. Từng nhớ trong mùa hạ năm nay, vào dịp lễ Thích-ca Văn Phật đản sanh, có một bữa nó đóng kín cửa, ngồi trong Phật đường niệm Phật, tự mình cảm thấy thần thức dạo chơi cõi Tịnh độ, chân đạp lên mặt đất mềm mại như đạp lên vải nỉ, hoa trời theo đúng thời khắc trút xuống, thấy Phật và hai vị Đại sĩ lướt qua trên hư không. Quán Âm Bồ-tát nhìn nó mỉm cười, tay cầm cành liễu rưới nước cam lộ lên trán nó, và thấy vô số vị tu hành hoặc ngồi hoặc đứng, dáng vẻ đều xinh đẹp, có quang minh. Sau đấy, do có người đưa cơm đến cho nó ăn, cảnh tượng ấy liền biến mất. Đệ tử nghĩ cảnh nó được thấy tuy phần nhiều hợp với

kinh luận, nhưng trước đấy nó đã từng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã hai năm (hiện nay đã ngưng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã mấy năm), ngay trong thuở ấy cũng thấy có cảnh giới, quang minh. Nay chẳng biết cảnh tượng nó được thấy trong khi niệm Phật ấy có phải là cảnh tượng của Tịnh độ hay không? Hay chỉ là huyễn ảnh của công phu tịnh tọa trước kia? Vì thế đặc biệt xin thầy hãy phán định chỉ dạy.

Thêm nữa, đứa con gái ấy vào ngày Phật đản, hoặc khánh đản đức Quán Âm và sinh nhật của ông bà nội, cha mẹ cũng như sinh nhật của chính mình, phần nhiều thường giữ thanh trai suốt một ngày một đêm không ăn. Nhân đấy đệ tử đọc các kinh luận, trọn chẳng thấy có đoạn kinh văn nào khen ngợi chuyện không ăn. Ngay cả trong pháp bát quan trai đã lập cũng chỉ chế định không ăn quá Ngọ. Do vậy, đệ tử yêu cầu nó đổi sang trì bát quan trai, không biết là vào hôm trì bát quan trai giới có nhất định phải theo đúng pháp đối trước tượng Phật thọ giới hay chăng? Hơn nữa, đệ tử xem kinh không nhiều, chẳng biết rốt cuộc suốt một ngày đêm không ăn và không ăn quá Ngọ có hơn kém chi chăng? Lại nữa, mẹ của con trường trai niệm Phật cũng đã được mấy năm, trong khi yên tịnh cũng thường thấy hình tượng có quang minh, nếu chẳng chấp vào đấy thì cũng được cảnh giới tốt lành, đúng chăng? Lại cầu xin thầy phán định, chỉ dạy cho trọn vẹn một bề!

Đáp: Lệnh ái túc căn khá sâu, lập chí nguyện ấy thật đáng khâm phục, kính ngưỡng. Cảnh giới được nói đó có lẽ là thánh cảnh, nhưng chớ nên cho đó là đúng. Chỉ nên giữ nhất tâm, đừng hâm mộ thấy cảnh. Nếu đạt đến nhất tâm thì không thấy cảnh cũng chẳng trở ngại gì. Nếu chưa đạt đến nhất tâm mà cảnh được thấy chẳng thật, hoặc thấy rồi sanh lòng hoan hỷ đều đủ để làm hỏng chuyện. Gần đây, con người đa số hễ vừa dụng công liền thấy có cảnh giới, những cảnh ấy thật ra quá nửa là cảnh ma! Dẫu là cảnh thánh đi nữa mà nếu như không hiểu rõ tâm địa, chẳng hiểu tường tận nghĩa lý, hễ sanh chấp trước liền đến nỗi bị hỏng chuyện, chớ nên không biết!

Nói tới chuyện *thanh trai* thì trong kinh chưa hề nhắc đến, nhưng do đại sĩ Phó đời Lương *(do Di-lặc Bồ-tát thị hiện thân cư sĩ)* thường hành thanh trai nên cũng không phải là chớ nên hành. Nếu miễn cưỡng nhịn đói thì cố nhiên chẳng nên hành, chứ nếu an nhiên không bị tổn hại, tự tại như pháp thì cũng chẳng phải là không được. Hơn nữa, người đời nay chỉ nên chiếu theo đường lối hành đạo thông thường để tu, chớ nên lập riêng tướng trạng khác lạ nhằm ngăn lấp những thói tệ hám danh phô phang chuyện lạ để mê hoặc mọi người v.v..

Hỏi: Đệ tử nghiên cứu Phật học, tự xem Lăng-nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín v.v. các kinh luận Đại thừa xong, hơi biết thiên địa vạn vật và hết thảy cõi nước

tịnh - uế đều y theo nhất chân mà huyễn hiện. Đối với những nghĩa như "tâm tịnh cảm cõi tịnh, tâm nhơ cảm cõi nhơ v.v." con khá tin tưởng sâu chắc, đích xác, thiết tha. Vì thế, tuy đọc các ngữ lục nhà Thiền chẳng những con không đến nỗi sanh lòng nghi ngờ Tịnh độ, mà tín nguyện càng thêm kiên cố. Từ đấy dường như chẳng đến nỗi bị những lời lẽ đề cao hay chèn ép Thiền - Tịnh, tánh - tướng mê hoặc. Chỉ đối với những câu "Phật giới chẳng tăng, chẳng giảm; chúng sanh giới cũng chẳng tăng, chẳng giảm" như trong kinh luận đã nói thì có lúc dấy lên nghi tình. Ấy là vì luận theo tánh thể thì chư Phật lẫn chúng sanh xét về thể vốn tương tức[892], thật có thể nói là chẳng có sai biệt, tăng giảm. Còn xét về phía chúng sanh giới, tuy chúng sanh đông đảo nhưng đều thấy là huyễn hình, tựa hồ chẳng thể bảo là vô số được. Đã có số lượng thì chư Phật ứng thế sẽ đều độ bấy nhiêu chúng sanh thành Phật. Phật tánh ví như nước biển, chúng sanh ví như bọt sóng, bọt sóng vỡ lại trở về với biển cả. Nói nước không tăng giảm thì được, nhưng tướng bọt sóng ấy rõ ràng có số lượng, sao lại nói là không tăng giảm? Hoặc nói không tăng giảm là vì một bọt sóng vừa tan thì một bọt sóng khác lại trồi lên ư?

Như thế thì chư Phật phát nguyện độ sanh tựa hồ nhọc nhằn uổng công, mà lý "chúng sanh đã thành Phật sẽ chẳng còn mê nữa" cũng bị mâu thuẫn! Nếu nói bọt sóng tan chẳng còn dấy lên nữa thì chúng sanh trong biển tánh ấy, bọt tuy nhiều, nhưng một đức Phật đã độ được chúng sanh không lường nổi số; huống chi sau đấy lại còn có nhiều vị Phật giáng sanh trong thế gian. Như vậy thì tất cả chúng sanh sẽ chẳng những ngày một ít đi mà còn rốt cuộc sẽ có ngày độ hết. Nếu như vậy thì chẳng khác gì mâu thuẫn với chuyện không tăng giảm được nói trong kinh luận, mà cũng không thấu hiểu được ý chỉ "rốt cuộc chúng sanh giới lúc ban đầu là do đâu mà có" (Kinh dạy: "Vô minh không có khởi đầu." Nếu chúng sanh giới có hết thì vô minh liền có khởi đầu vậy).

Ở chỗ này, trong kinh Viên Giác, Kim Cang Tạng Bồ-tát đã từng thưa hỏi. Để trả lời, đối với Phật giới thì đức Phật dẫn thí dụ "quặng đã thành vàng, chẳng trọng nơi quặng" để giảng rõ lý "Phật chẳng còn mê". Đối với chúng sanh vốn khởi vô minh thì ngài nói: Do tâm luân hồi sanh ra cái thấy luân hồi, có nghĩa là "chưa đích thân chứng được Viên giác thì chẳng thể suy lường!" Chuyện này được phân biệt như thế cũng không phải là lời hỏi nhằm đúng ngay vấn đề, nhưng sách Khởi Tín Nghĩa Ký cũng dẫn thí dụ "chim bay trên hư không" để chỉ rõ "chúng sanh vô lượng". Vì thế, chẳng thể nói là có tăng giảm, rốt cuộc cũng khó khiến cho con người quyết định chẳng ngờ vực! (Rõ ràng chúng sanh vốn có số

[892] Tương tức: Xét về lý, Phật tánh của Phật và chúng sanh giống hệt nhau, nên nói "chúng sanh tức là Phật, Phật tức là chúng sanh".

lượng, sao lại nói là vô lượng? Nếu thật sự vô lượng, trừ phi một chúng sanh có thể hóa thành nhiều chúng sanh. Nếu thật sự như thế thì cũng tránh được mối nghi "trong Phật giới lại khởi lên chúng sanh giới." Nhưng mỗi một chúng sanh là một linh thức, lý này lại nói chẳng xuôi được). Nghĩa này sâu xa, do chúng sanh còn mê nên đức Phật khó thể nói thông suốt. Dẫu có nói thì chúng sanh vẫn không biết y như cũ.

Đệ tử là hạng người nào, há dám dùng tri kiến phàm phu để suy lường chuyện này. Chỉ vì bậc thân sĩ học Phật ở tệ xứ, do thấy đệ tử học Phật sớm hơn họ, tưởng đệ tử đã hiểu được lý này, phần nhiều đem lý này đến chất vấn. Đệ tử tuy viện dẫn kinh luận để đáp, nhưng bọn họ nói chung vẫn chưa thỏa ý, lại còn nghi ngờ những lý đã được nói trong Phật học. Cũng có những kẻ do chẳng hiểu trọn vẹn bèn ngã lòng tin tưởng! Do vậy, con đặc biệt chép lại đoạn này, tính xin thầy chỉ dạy về lý ấy. Thầy có thể dùng thí dụ khác để xiển minh đại lược hay chăng? Một là tránh cho đệ tử khỏi khởi lên sự sai lầm ấy nữa, hai là giúp cho con có cái để đáp lời chất vấn của bọn họ thì may mắn lắm thay!

Đáp: Phật giới, chúng sanh giới, cả hai đều chẳng tăng chẳng giảm. Đấy chính là luận theo lý, sao ông lại dựa trên hình tướng huyễn vọng để luận? Chẳng thấy kinh Kim Cang dạy "độ sạch hết thảy chúng sanh nhưng chẳng thấy một chúng sanh nào được diệt độ" ư? Nếu luận theo hình tích thì lời Phật nói sẽ trở thành mâu thuẫn! Nếu biết lời nói ấy nhằm dạy thẳng vào lý thể thì sẽ thấy giống như dạy cho kẻ say, người mê đang tưởng "nhà quay, phương vị đổi dời" biết rằng "nhà vốn chẳng quay, phương vị vốn chẳng đổi dời".

Hơn nữa, há có nên cho rằng quan niệm nhà xoay của kẻ say, phương vị đổi dời của người mê là đúng, coi lời lẽ của người không say, không mê là sai hay sao? Những điều như ông đã nói đều thuộc về hý luận! Kẻ say, kẻ mê ấy trước khi chưa ngộ, trọn chẳng thể chết lòng tin tưởng vào sự "không xoay chuyển, không đổi dời" vì kẻ ấy đích thân thấy như vậy. Đến khi đã ngộ, mới biết những sự thấy biết trước kia là vọng, không phải là chân. Há ông lấy điều đó (tức những sự thấy biết trước khi ngộ) làm chuẩn hay sao? Hay là lấy điều này (tức sự thấy biết sau khi đã ngộ) làm chuẩn? Hiểu rõ rồi thì cần gì phải biện luận nữa đây?

Ông nói đến chuyện bọt sóng trong biển đều là chấp trước trên mặt hình tích. Do đức Phật muốn cho con người biết "chính mình toàn thể là Phật, vì đang mê nên có tướng chúng sanh", nhưng ngay cả cái tướng chúng sanh ấy toàn thể đều là vọng. [Do mê, do say nên thấy] nhà xoay, phương hướng đổi dời, ông liền chấp trước vào sự xoay chuyển, đổi dời; đáng gọi là "bỏ gốc chạy theo ngọn", sẽ thấy thường xoay, thường dời chẳng ngớt vậy.

Phật là vàng đã tách khỏi quặng, Phật tánh của chúng sanh là vàng vẫn còn nằm trong quặng. Vàng ở trong quặng trọn chưa thành vàng, chẳng qua người sáng suốt biết trong quặng có vàng thì họ mới đổ công nung luyện, tách vàng ra khỏi quặng, hòng được thọ dụng. Đức Phật sợ chúng sanh chẳng chịu gánh vác nên chú trọng nói rõ về bản thể. Bởi lẽ, nếu chúng sanh đã biết bản thể thì sẽ trọn chẳng chịu tự khinh, không tu tập. Nếu biết luận định từ bản thể thì không cần phải nghi! Nếu bỏ thể để luận theo hình tích thì xin các hạ hãy thỉnh vị đại thông gia khác phán đoán luận định. Quang là một ông tăng tầm thường không có trí tuệ biện tài ấy đâu!

11. Lời phê trên lá thư của cư sĩ niệm Phật

(Những chữ viết theo lối đảnh cách[893] *là lời phê của Ấn công để đáp lời hỏi, còn những chữ viết thấp hơn một chữ là những chữ được dùng trong lá thư gốc của cư sĩ niệm Phật ở Vĩnh Gia)*

"Vâng đọc lời huấn dụ từ bi, thuần là những lời tha thiết đến cùng cực, tạo phương tiện đến cùng cực, buồn khóc vì đi vào ngõ rẽ cả mấy năm, một hôm biết được đường chánh. Từ nay về sau nhất tâm niệm Phật, hồi hướng cho khắp chúng sanh cùng sanh Tịnh độ. Những điều mong mỏi khác dù tục hay chân đều đã buông xuống. Quả thật chỉ có một pháp này là có thể an thân lập mạng, tự lợi lợi tha, trên an ủi bi nguyện, báo đáp hồng ân, cầu xin ban cho sự gia bị, thường hành tinh tấn. Con tính trong tháng tới hoặc trong tháng 8 sẽ lại không nói năng gì (tịnh khẩu), thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, thời hạn ngắn hay dài sẽ tùy sức tùy duyên. Tất cả những nghi thức lễ niệm trong khi bế quan và các nghi vấn kính cẩn trình bày như sau xin thầy chỉ dạy, con sẽ cảm kích tuân hành."

Tổ Ấn Quang phê: Tâm thường nghĩ đến tu trì, bế quan hay không đều chẳng khẩn yếu cho lắm. Nhưng phải nên viên thông, chớ nên chấp chết cứng, kẻo sẽ đến nỗi chẳng yên lòng, đâm ra vô ích! Đức Quán Âm từ bi rộng lớn, chắc chắn hễ có cảm liền ứng, nhưng tâm chớ nên quá gấp rút bộp chộp, mong được ứng ngay. Ví như trồng lúa, ngày hôm nay vừa gieo giống liền mong thu hoạch ngay trong bữa nay sẽ trở thành kẻ si. Cố nhiên, hễ có ai khởi lòng niệm Bồ-tát thì sẽ liền được gia bị, nhưng chớ nên có những quan niệm hẹp hòi mong cầu ấy thì sẽ có lợi ích lớn lao vậy.

1. Vào ngày bế quan đầu tiên

[893] Viết theo lối đảnh cách là viết cao hơn một chữ so với những dòng khác. Do tiếng Việt viết theo hàng ngang không thể dùng cách trình bày ấy, lời phê của tổ được in nghiêng và ghi thêm chữ "tổ Ấn Quang phê" trong ngoặc vuông cho rõ ràng.

Sáng dậy con niệm Phật mười hơi. Súc miệng, rửa ráy xong, lễ thập phương thường trụ tam bảo, mỗi lần một lạy, lễ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật 3 lạy, lễ Tây Phương giáo chủ 48 lạy, lễ kinh luận Tịnh độ 3 lạy, lễ Quán Âm 32 lạy, Thế Chí, Hải Chúng mỗi danh hiệu 3 lạy, Địa Tạng Vương, Liên tông chư tổ (sư tăng hiện tại), mỗi vị một lạy. Niệm chú cúng dường[894] 21 biến. Niệm bài Tây Phương Nguyện Văn của đại sư Liên Trì một biến. Niệm Quán Âm Tán một biến. Tiếp đó chuyên niệm thánh hiệu. Trong khoảng ấy, trừ lúc ăn ngủ ra, hễ gần tới giữa trưa và sau giờ Ngọ, hoàng hôn và giữa buổi tối, lễ Quán Âm 32 lạy.

Tổ Ấn Quang phê: Nghi tiết đơn giản mới hay!

2. Mỗi ngày sau đó

Sáng dậy niệm Phật mười hơi. Rửa ráy, súc miệng xong, lễ Quán Âm 32 lạy, tiếp đó chuyên niệm thánh hiệu. Trong khoảng thời gian ấy, trừ lúc ăn ngủ ra, còn kèm thêm vào gần tới giữa trưa và sau giờ Ngọ, chập tối và giữa tối, lễ Quán Âm 32 lạy giống như ngày thứ nhất. Hoàn mãn một ngày.

- Nghi thức lúc sáng dậy và lúc gần sụp tối giống như trước. Ngay lúc đêm xuống, niệm thánh hiệu xong, niệm nguyện văn Tây Phương một biến, lễ Tây Phương Giáo Chủ 48 lạy, lễ Quán Âm 32 lạy, Thế Chí, Hải Chúng mỗi danh hiệu 3 lạy. Hơn nữa, trong bài nguyện văn của đại sư Liên Trì câu "chuyên niệm A-di-đà Phật vạn đức hồng danh" con tự đổi thành "chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ-tát vạn đức hồng danh", những câu khác có cần thay đổi hay không?

Tổ Ấn Quang phê: Nên châm chước để lượng định.

- Đoạn đầu của bài nguyện văn có câu: *"Kim ư Phật tiền kiều cần ngũ thể"* (Nay con đối trước Phật cung kính năm vóc mọp lạy). Niệm đến câu này, con chỉ cúi đầu lễ xong rồi đứng dậy, hay là cần phải mọp lạy tới mấy câu nữa rồi mới đứng dậy?

Tổ Ấn Quang phê: Mọp lạy một lúc lâu sẽ có thể bị tổn khí, chớ nên không biết!

- Trong bài tán Quán Âm phổ biến có câu: *"Đại sĩ Quán Âm, tất hiệu Viên Thông, thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm"* (Đại sĩ Quán Âm, luôn có hiệu Viên

[894] Có rất nhiều bài chú cúng dường tùy theo nghi quỹ, nhưng theo ngu ý, bài chú cúng dường được cư sĩ niệm Phật dùng ở đây là chú Phổ Cúng Dường (thường được in trong các kinh Nhật Tụng): *"Án, nga nga nẵng tam bà phạ, phiệt nhật la hộc"* (om, gaganam sambhava vajra hoh). Bài chú này có tên gọi đầy đủ là Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Phổ Cúng Dường Chân Ngôn. Phật môn thường tụng chú này với hàm nghĩa dùng tâm lượng cúng dường rộng lớn như hư không, xuất sanh vô biên bảo tạng, cúng dường rộng khắp mười phương tam bảo cùng hết thảy chúng sanh không ngăn ngại như hư không.

Thông, mười hai đại nguyện thệ rộng sâu), bốn chữ "thập nhị đại nguyện" sợ là dẫn lầm từ nhân duyên của Dược Sư Như Lai, con phải nên nói như thế nào?

Tổ Ấn Quang phê: Mười hai đại nguyện không có xuất xứ, đổi thành "từ bi thệ nguyện tối hoằng thâm" (từ bi thệ nguyện rộng sâu nhất) cũng được.

- Nếu lúc nằm xuống không ngủ được, bèn chỉ quan tâm ức niệm thánh hiệu để dỗ giấc, hay là phải tạm ngưng niệm thánh hiệu, lắng lòng để đối trị?

Tổ Ấn Quang phê: Lắng lòng niệm thánh hiệu.

- Lúc dục niệm khởi, phải tưởng như đã chết, hay là tưởng sắp chết. Trong khi bế quan vẫn còn có chuyện gì cần phải chú ý xin thầy đều dạy hết cho.

Tổ Ấn Quang phê: Làm sao chỉ ra hết mọi chuyện cho được? Chỉ chí thành cung kính, đừng gấp rút bộp chộp mong cầu linh ứng. Chỉ giữ lòng sao cho tương ứng với thánh hiệu, chẳng cầu cảm thông thì sẽ tự được cảm thông. Nếu không, sẽ có thể bị ma dựa!

- Con thường nằm mộng thấy ở trong nhà bay lên niệm Phật, nhưng bị xà nhà và mái ngói ngăn trở, chẳng thể vượt thoát ra được. Lại còn một hôm mộng thấy ở ngôi chùa nọ có một bức tranh thủy mặc vẽ hình tượng Quán Âm, thân và mắt rất to, cho đến nay vẫn còn cảm thấy sợ hãi. Qua hai duyên trên đây, chẳng biết tội chướng như thế nào?

Tổ Ấn Quang phê: Giấc mộng ấy thuộc về cảnh giới tốt đẹp, nhưng vẫn chưa đạt đến mức nghiệp lực tiêu trừ lớn lao. Vì thế vẫn còn bị ngăn ngại. Thấy tượng sợ hãi cũng chẳng sao cả, nhưng chớ nên ghim mãi chuyện này trong lòng.

- Hơn nữa, ân sư thường nói: "Hành nhân thấy cảnh có một phân thì không được nói một phân mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá cũng mắc tội, mà nói bớt đi cũng không được." Lại nói: "Thứ cảnh giới ấy nói với tri thức để cầu chứng minh tà chánh, đúng sai thì không phạm lỗi. Nếu chẳng nhằm xin chứng minh, chỉ muốn khoe khoang thì cũng mắc lỗi. Nếu hướng về hết thảy mọi người để nói thì sẽ có lỗi. Trừ cầu tri thức chứng minh ra, trong mọi trường hợp khác đều không được nói." Nhưng nếu hành nhân thấy có cảnh giới, hoặc do tâm tưởng không trọn vẹn, hoặc do văn tự sơ sài, vụng về, đến nỗi nói ít, nói nhiều thì cũng gây trở ngại hay chăng? Đệ tử từng được ân sư ba lần dạy bảo về giấc mộng, đã kể cho người bạn là X… nghe. Tuy chẳng phải là muốn khoe khoang, chẳng phải vì cầu chứng minh, mà thật ra là muốn khơi gợi lòng tin cho người ấy, chẳng biết làm như vậy có mắc tội lỗi hay không?

Tổ Ấn Quang phê: Cảnh được thấy trong mộng không quan hệ lớn lao cho lắm, chứ đối với cảnh được thấy trong khi thiền định thì phải thận trọng. Người tu hành thường phạm phải căn bệnh chưa đắc đã bảo là đắc!

- Sống tại gia xử thế, thấy người khác có chuyện chẳng đúng pháp, đã không có đủ oai đức để chế phục, lại chẳng khéo khuyên dụ khiến cho người ấy cảm động, nhận hiểu, chỉ đành nhẫn nại mặc kệ kẻ ấy, ức niệm Quán Âm để mong ngài từ bi che chở thì có được hay không? Khẩn cầu thầy khai thị thì may mắn lắm thay!

Tổ Ấn Quang phê: Lòng thành đến cùng cực thì sắt đá cũng phải cảm động. Dẫu cho người ấy chẳng được lợi ích thì chính mình cũng đã được lợi ích lớn lao.

12. Kệ tu trì

Giữ vẹn luân thường
Trọn hết bổn phận
Ngăn dứt lòng tà
Gìn giữ lòng thành
Đừng làm các ác
Vâng làm các thiện
Kiêng giết, cứu mạng
Ăn chay niệm Phật
Hồi hướng vãng sanh
Thế giới Cực Lạc
Dùng để tự hành
Lại còn dạy người
Ấy gọi Phật tử.
Hành giả hãy nên
Làm như thế ấy
Công đức vô lượng.

X. VĂN SỚ

1. Văn sớ dành cho Phật thất nhằm gieo phước cầu con

Nép trông: Phật quang chiếu khắp, như vầng trăng thu giữa hư không. Pháp hóa lưu hành như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật. Sở cầu đều toại, không nguyện nào chẳng thỏa. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, kính phụng hành di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… do nay có tín nam (hay tín nữ)… cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật, sắp đặt cỗ chay, gieo phước, tăng thọ, cầu sanh con nối dòng, nhất tâm khấu đầu trước các tòa sen vàng của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Thế giới Cực Lạc A-di-đà Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, hiện tọa đạo tràng Đại sĩ Quán Âm, mười phương ba đời vô tận tam bảo, nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết mong ngóng.

Đệ tử tha thiết nghĩ mình lạm phần sanh nhằm đời thịnh, thẹn dự vào loài người, tuổi đã ngoài bốn mươi mà vẫn chẳng có một đứa con nào. Nói chung là do túc nghiệp sâu dày, thiện căn hiện đời yếu nhỏ, đến nỗi thiếu con nối dòng, chẳng thể nguôi tấm lòng phụng thừa đời trước, mở mang đời sau được. Phước tuệ cạn mỏng, không cách nào làm chuyện yêu vật thương người. Do vậy đặc biệt phát lòng thành, cung thỉnh chùa… mở một hội Phật thất, khai đàn vào ngày… tháng… cung thỉnh… (bao nhiêu vị) sư tăng giới đức suốt ngày xưng niệm hồng danh thánh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai cho đến ngày… thì viên mãn. Lại trong ngày… mở một hội Diệm Khẩu Phổ Tế Cô Hồn, vào ngày… thiết một hội Như Ý Đại Trai, lại đem… (bao nhiêu) tiền giúp tu bổ Thiên Vương Bảo Điện.

Dùng công đức này chuyên cầu Phật rủ lòng từ gia bị, pháp nhuận rộng sâu, sương tội tiêu tan, núi thọ chót vót. Lân đá giáng[895] để che giấu tội khiên của cha, con cháu đều rạng danh thơm. Lại cầu tổ tiên cùng sanh về Lạc Bang, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên, vật mạnh. Can

[895] "Thạch lân" con lân đá, chính là lời chúc tụng người khác sanh được con. Theo truyện Từ Lăng trong Nam Sử, vào đời Trần, khi Tử Lăng mới lên mấy tuổi được người nhà dẫn đến bái yết ngài Bảo Chí (tức hòa thượng Chí Công), ngài Bảo Chí liền xoa đầu, khen: "Con lân đá từ cõi trời giáng xuống." Do vậy, chữ *thạch lân* thường được dùng trong những câu chúc tụng người khác sanh con tốt lành, ngoan ngoãn, giỏi giang. Quả nhiên sau này Từ Lăng là một nhà văn học lỗi lạc dưới thời Trần. Khi gặp được tổ Trí Giả, Từ Lăng đã phát nguyện hoằng dương tông Thiên Thai trong tương lai, nên sau đấy đã tái sanh trở thành vị tổ thứ sáu của tông Thiên Thai, tức tôn giả Pháp Hoa.

qua vĩnh viễn chấm dứt, trong ngoài nước đều hiệp hòa. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Chúng sanh trong pháp giới đều viên thành chủng trí.

Kính mong tam bảo rủ lòng từ chứng minh nhiếp thọ. Kính cẩn dâng sớ tâu trình cặn kẽ nhằm lúc vận trời chuyển đúng vào ngày… tháng… năm…

2. Văn sớ cầu siêu vong linh vãng sanh Tây Phương trong Phật thất

Nép trông: Phật quang chiếu khắp như mặt trời rực rỡ giữa trời, pháp hóa lưu hành như cam lộ nhuần thấm mọi vật. Có chuyện mong cầu đều ứng, không nguyện nào chẳng tròn. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng phụng hành di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín chủ cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng Phật thất cầu siêu cho người đã khuất vãng sanh Tây Phương. Ngày hôm nay tín chủ… đã suất lãnh toàn thể gia quyến tốt lành, rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng trước các tòa sen vàng báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Giáo chủ Cực Lạc A-di-đà Phật, thập phương tam thế vô tận tam bảo. Nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết mong ngóng.

Chúng con tha thiết đau đáu nghĩ tới vong linh… sanh nhằm giờ… ngày… tháng… năm… mất nhằm giờ… ngày… tháng… năm… Nghĩ vong linh khuất bóng đã lâu, hình dung, giọng nói vĩnh viễn xa lìa, chưa tu niệm Phật tam-muội, khó khỏi theo nghiệp thăng trầm. Tam đồ cố nhiên là nơi đau đớn khổ sở, cõi nhân thiên cũng chẳng yên vui. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương, quyết khó được thân tâm tự tại. Do vậy, cung kính về chùa… mở đạo tràng niệm Phật suốt bảy ngày để cầu siêu cho vong linh vãng sanh Tây Phương, nương cậy sư tăng giới đức xưng dương thánh hiệu Di-đà, dâng cỗ chay sáu vị thơm tho cúng dường thường trụ tam bảo. Sáu thời ức niệm, bảy ngày tu ròng, nhóm họp công đức chuyên cầu vong linh… thần siêu cõi Tịnh, nghiệp trả lại trần lao, sen chín phẩm nở hoa, trong một đời được Phật thọ ký. Lại cầu tổ tông các đời đều về Cực Lạc; quyến thuộc hiện tại đều được tốt lành. Bốn loài, chín cõi đều quy hướng pháp môn Tịnh độ; tám nạn, tam đồ cùng vào biển nguyện của Phật Di-đà. Cung kính cầu tam bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ!

Kính cẩn dâng sớ tâu trình mọi lẽ vào ngày… tháng… năm…

3. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Phật, trời che chở khắp, chỉ cần hễ cảm đều liền thông, biển pháp vô biên, chỉ có cạn lòng thành thì mới được lợi ích. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, phụng hành di giáo của đức Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín nam (tín nữ) cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ. Tín nam (tín nữ)… vốn sanh nhằm giờ… ngày… tháng… năm…, nay tròn… tuổi, ngày hôm nay đã suất lãnh toàn thể gia quyến tốt lành, rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng trước các tòa sen vàng báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Giáo chủ Cực Lạc Vô Lượng Thọ Phật, thập phương tam thế vô tận tam bảo. Nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết ngưỡng vọng.

Tha thiết nghĩ: Đệ tử lạm sanh nhằm thời hưng thịnh, thẹn dự vào loài người, thiện căn nhỏ yếu, chưa biết phương hướng xuất thế. Lỗi cũ quá nhiều, nẻo tu nhân mê muội đã lâu. Lại còn được trời che, đất chở, thầy dạy, cha mẹ sanh thành, chịu ân lớn vượt trỗi hư không, báo ân ít còn hơn mảy giọt. Nếu chẳng gieo lòng thành nơi tam bảo, làm cách nào báo khắp bốn ân? Do vậy, kính cẩn ngay trong hôm nay, cung kính về chùa… mở đạo tràng niệm Phật nhằm gieo phước, tăng thọ trong suốt bảy ngày, cậy nhờ sư tăng giới đức xưng dương thánh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, dâng cỗ chay sáu vị thơm tho cúng dường thường trụ tam bảo.

Sáu thời ức niệm, bảy ngày tu ròng, nhóm họp công đức chuyên cầu núi tội sụp đổ, biển nghiệp khô ran, thọ ngày càng tăng, phước tự trời ban xuống. Quyến thuộc hiện tại đều hưởng ngũ phước để vun bồi nhân thù thắng, họ hàng, thân thuộc trong quá khứ đều nương theo lòng từ của Phật để sanh về Tịnh độ. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Pháp giới hữu tình cùng viên mãn chủng trí *(phần dưới lược đi)*.

4. Văn sớ dùng cho Phật thất sám hối phát nguyện

(Phần đầu lược đi) Tha thiết nghĩ đệ tử… túc nghiệp sâu nặng, quá khứ, hiện tại rối bời. Tuy chuyên chí tu tịnh nghiệp, vẫn chưa được "tâm Phật tương ứng", nhiều năm bệnh tật triền miên, nay lại càng thêm trầm trọng. Do vậy, đặc biệt xin chùa… mở đạo tràng niệm Phật cầu sanh Tây Phương một thất.

Khẩn cầu từ phụ Di-đà và các thánh chúng đặc biệt rủ lòng từ bi, mau đến tiếp dẫn con, khiến cho con chánh niệm phân minh, theo Phật vãng sanh. Chẳng lìa đương niệm liền sanh về Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn, nương Phật từ lực và nguyện luân của chính mình, trở vào Sa-bà độ thoát chúng

sanh. Nếu tuổi thọ trong đời này chưa hết, nguyện con mau được lành bệnh, sẽ cho đến hết báo thân này, hoằng dương Tịnh độ, rộng độ chúng sanh hòng báo ân Phật.

Lại nguyện cha và cô đã khuất sẽ nương công đức này, thần siêu cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa thượng phẩm, Phật thọ ký trong một đời. Gia mẫu là… tin sâu Phật pháp, chuyên tu tịnh nghiệp, lâm chung chánh niệm rỡ ràng, được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc. Người vợ đã khuất là… ở trong đàn tràng Phật thất này được Phật từ bi gia bị, chẳng lìa đương niệm liền dự Liên Trì. Lại nguyện tổ tông các đời, oán thân bao kiếp, cùng lên Tịnh độ huyền môn, cùng vào biển nguyện của Phật Di-đà. Lại nguyện cửa nhà tốt lành, yên ổn, quyến thuộc bình an, chiến tranh sớm chấm dứt, trong ngoài nước hiệp hòa.

Cung kính mong tam bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ, kính cẩn dâng sớ!

5. Văn sớ dùng trong buổi tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, kinh Dược Sư mầu nhiệm thật đúng là thuyền bè trong biển khổ. Hễ có cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại núi… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín chủ cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ. Tín nam (tín nữ)… đã suất lãnh toàn thể quyến thuộc tốt lành, ngày hôm nay rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng dưới các tòa sen báu của đức Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, thập phương tam thế vô tận tam bảo, nguyện dõi mắt xanh biếc, soi xét tấm lòng son.

Trộm nghĩ: Đệ tử tuy sanh nhằm thuở mạt pháp, may sống tại Trung Hoa…, được Phật, thánh chở che, cậy cha mẹ vỗ về, nuôi nấng, chẳng chỉ thọ ân lại còn mong báo đền, cũng như muốn sám hối tội lỗi để tự sửa đổi trở thành con người mới. Do vậy, liền kính cẩn trong ngày hôm nay cung kính về chùa… mở một hội đạo tràng tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước tăng tuổi thọ, cậy vào sư tăng giới đức, xưng dương thánh hiệu Dược Sư, kiền thành lễ Phật và thánh chúng trong hải hội Dược Sư.

Đem công đức này chuyên cầu đệ tử… nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Thọ ngày càng dài lâu, đức theo thời càng mới. Lại nguyện oán thân bao kiếp đều bình đẳng được giải thoát, quyến thuộc hiện tại đều được yên vui, khỏe

mạnh. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Pháp giới hữu tình đều viên mãn chủng trí. Cung kính cúi xin tam bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ. Kính cẩn dâng sớ!

Nước… ngày… tháng… năm, kính trình cặn kẽ!

6. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Phật quang chiếu khắp, như vầng trăng thu giữa hư không. Pháp hóa lưu hành như mưa đúng thời nhuần trọn muôn vật. Sở cầu đều toại, không nguyện nào chẳng thỏa. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… Do nay có tín nam tín nữ… cư trụ tại khu… đường… thành phố... thờ Phật, sắp đặt cỗ chay, gieo phước, tăng thọ, đã cùng toàn thể quyến thuộc tốt lành, nhất tâm khấu đầu trước các tòa sen báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, Thế giới Cực Lạc A-di-đà Phật, hiện tọa đạo tràng Đại sĩ Quán Âm, mười phương ba đời vô tận tam bảo, nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng thiết tha mong ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử lạm phần sanh nhằm đời thịnh, may được làm người, nhờ đức trạch của tổ tiên nên cơm áo vẫn chưa thiếu thốn. Thường muốn báo ân, gieo phước, tu trì tịnh nghiệp. Hiềm rằng căn cơ cạn mỏng, tội chướng rộng sâu, bỏ uổng phí thời gian, chưa được lợi ích thật sự. Nay bị bệnh tật triền miên[896], càng sợ ba cõi chẳng yên. Do vậy đặc biệt dấy lòng thành, cung kính về chùa… mở một hội Phật thất chuyên trì thánh hiệu vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật, chọn hôm khai đàn vào ngày… trong tháng này, cung thỉnh… (bao nhiêu vị) sư tăng giới đức suốt ngày nhất tâm niệm thánh hiệu cho đến ngày… thì viên mãn.

Lại trong ngày hôm ấy, mở một hội Diệm Khẩu Phổ Tế Cô Hồn. Dùng công đức này chuyên cầu Phật rủ lòng từ gia bị, pháp lợi thấm nhuần, sương tội tiêu tan, thân tâm yên vui, mặt trăng huệ rạng ngời, hiểu rõ đế lý. Hiện tại đạo nghiệp

---

[896] Nguyên văn "nhị thụ vi khốn". Theo Từ Nguyên, *thụ* có nghĩa là đứa trẻ (theo cách viết giả tá mô phỏng ngữ âm thời ấy). Tương truyền vào thời Xuân Thu, Tấn Cảnh Công bị bệnh nặng đã lâu không khỏi, nằm mộng thấy trong thân nhảy ra hai đứa bé con. Một đứa bảo: "Thầy thuốc giỏi đến rồi đó, hãy mau trốn đi." Đứa kia nói: "Hãy núp vào cao hoang, việc gì phải trốn?" Quả nhiên, vua Tần Hoàn Công phái danh y sang đất Tấn thăm bệnh. Danh y chẩn mạch, lắc đầu: "Bệnh đại vương đã vào đến cao hoang, dược lực không có cách nào thấu tới được." Chẳng lâu sau, Tấn Cảnh Công liền chết. Cao hoang là phần trên tim, phía dưới hoành cách mô. Do câu chuyện này mới có hai thành ngữ: *"Bệnh nhập cao hoang"* (bệnh đã ngặt nghèo tới mức hết thuốc chữa) và *"nhị thụ vi ngược"* (bị hai đứa trẻ hành hạ, ý nói bệnh tật ngặt nghèo triền miên).

tăng tấn, sống được dự vào địa vị cao cả trong hàng thánh hiền, lâm chung thần thức lẫn xác thân đều tốt đẹp, cao đăng cõi Cực Lạc. Lại cầu tổ tiên quá khứ cùng sanh về Tây Phương, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên, vật mạnh. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, trong ngoài nước đều hiệp hòa. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Chúng sanh trong pháp giới đều viên thành chủng trí. Kính mong tam bảo rủ lòng từ chứng minh nhiếp thọ.

Kính cẩn dâng sớ tâu trình cặn kẽ nhằm ngày… tháng… năm… âm lịch, tức năm… dương lịch.

7. Điệp thỉnh và văn sớ cho pháp hội Phổ Lợi Thủy Lục

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, diệu pháp linh văn chính là thuyền bè trong biển khổ. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại núi… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín nam (tín nữ)… cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… tuổi… bổn mạng sanh nhằm cung… giờ… ngày… tháng… thờ Phật, sắp đặt cỗ chay hòng gieo phước, tăng thọ. Ngày hôm nay, nhất tâm quy mạng Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Thế Tôn, thập phương tam thế vô tận tam bảo, nguyện rộng phóng từ quang, xét soi tấc lòng tha thiết trông ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử và các chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi trong sáu nẻo, mê tâm, chấp cảnh, trái giác hiệp trần, trong chân thường lầm thấy vô thường, nơi Cực Lạc biến thành cực khổ. Chẳng gặp duyên lành, sẽ không có cách nào diệt tội, tăng phước. Chẳng tu pháp thù thắng, sẽ chẳng có cách nào cầu siêu cho người thân, cởi gỡ oan khiên. Gặp dịp chùa… nhóm họp mọi điều lành, lập hội Vạn Niên Phổ Lợi Thủy Lục, cũng góp sức một phần, cầu mong nhận hưởng điều phước, sự lành, nhằm đền ân, giúp đỡ chúng sanh trong ba cõi. Mỗi năm vào ngày… tháng… liền khai đàn đến ngày… viên mãn.

Trong pháp hội này, chúng con nhất tâm phụng thỉnh mười phương pháp giới tứ thánh lục phàm, vạn đức, vạn linh, quang giáng pháp diên để chúng con được cúng dường. Nhờ vào đại chúng thanh tịnh phúng tụng… Nhóm họp công đức như trên, ngưỡng mong tam tôn rủ lòng chứng giám, vạn thánh phóng quang. Khơi rộng cửa dẹp khổ, mở toang đạo ban vui. Bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sanh đều mau thoát khỏi chốn khổ, sanh ngay sang cõi vui. Đệ tử dự hội sống thì phước thọ tăng cao, mất về Liên Bang.

Đàn tràng này ngoài việc tuân theo khoa nghi để lo liệu, sắp đặt, mỗi người tham dự đều được cấp một tờ điệp văn để người ấy đeo, giữ tùy thân, nhằm khi mãn báo thân trăm tuổi, nhờ vào điệp văn này liền sanh về Tịnh độ. Do vậy, soạn điệp văn để cấp cho những người cần lãnh điệp văn, giao cho tín nam (tín nữ)… tham dự tu tập, vun bồi cái nhân để cầm theo tùy thân.

Nhằm ngày… tháng… năm... công nguyên, chủ tu pháp sự công đức sa-môn… cấp điệp.

8. Văn sớ lễ bái kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, kinh mầu nhiệm Hoa Nghiêm chính là thuyền bè trong biển khổ. Có mong cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông! Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… Nay có tín nam (hay tín nữ)… cư trụ tại khu… đường… thành phố... tuổi…, bổn mạng sanh nhằm giờ… ngày… tháng... cung… thờ Phật, tu nhân gieo phước, tăng thọ. Ngày hôm nay xông ướp, tắm gội thắp hương, nhất tâm quy mạng dưới các tòa sen vàng báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Đạo sư Cực Lạc A-di-đà Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tôn Kinh, hiện tọa đạo tràng Đại sĩ Quán Âm, thập phương tam thế vô tận tam bảo. Nguyện dõi mắt xanh biếc, phóng từ quang, xét soi tấm lòng ngu thành tha thiết mong ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử từ vô thủy tới nay luân hồi sáu nẻo, mê tâm, chấp cảnh, trái giác, hiệp trần, buông lung thân miệng ý, tạo giết trộm dâm, cùng các chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nơi chân thường lầm thấy sanh diệt, trong Cực Lạc biến thành hứng chịu khổ độc! Chẳng gặp duyên lành, sao diệt tội tăng phước? Chẳng tu pháp thù thắng, không cách nào báo ân, cởi gỡ oán thù. Do vậy, đặc biệt phát lòng thành kiền thỉnh vị tăng giới đức là đại sư… thuộc chùa… cứ mỗi chữ một lạy, chí thành đảnh lễ một bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm tám mươi mốt quyển.

Nay gặp lúc công đức viên mãn, Phật sự hoàn mãn tốt đẹp, ngưỡng mong tam tôn gia bị, vạn thánh phóng quang khiến cho bản thân đệ tử và quyến thuộc cả nhà đều tai chướng băng tiêu, tốt lành như mây nhóm tới, phước trạch sâu tựa biển Đông, thọ lượng cao tầy non Nam. Những vị đã khuất trong các đời đều được hưởng pháp lợi cùng sanh về Cực Lạc, dằng dặc truyền mãi tới hậu duệ, gội

ân Phật đều hưởng yên vui, khỏe mạnh. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi, pháp giới hữu tình đều viên mãn chủng trí. Ngưỡng mong tam bảo từ bi, chứng minh nhiếp thọ. Do vậy, đàn này bèn cấp một tờ điệp văn để những người ấy cầm giữ nơi thân, hòng khi mãn báo thân trăm tuổi, sẽ cậy vào công đức này vãng sanh Tịnh độ. Nay cấp điệp.

Điệp văn trên đây cấp cho tín nam (tín nữ)… tu nhân cầu quả gieo phước tăng thọ thu nhận nhằm ngày… tháng… năm… dương lịch.

Chủ tu sa-môn… kính soạn.

Bái kinh tỳ-kheo… cung kính ký tên.

XI. CÂU ĐỐI

1. Câu đối ở cửa Tam Quan

Tịnh độ pháp môn phổ nhiếp quần cơ, thật Như Lai thành thủy thành chung chi đạo,

Di-đà ân đức biến triêm hàm thức, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi phương.

(Pháp môn Tịnh độ nhiếp khắp căn cơ, thật đạo Như Lai thành thủy thành chung,

Ân đức Di-đà thấm trọn hàm thức, dạy chúng sanh nẻo tâm làm, tâm là.)

2. Gác Di-lặc

Di-lặc vị đương lai Thế Tôn, viễn bổn liên kinh bất tuyên, thật tắc cửu thành vô thượng đạo,

Lâu các nãi pháp giới toàn tàng, diệu đế Hoa Nghiêm lược hiển, quán tư khả hiểu trụ tư nhân.

(Di-lặc là Thế Tôn thuở tương lai, kinh sen chẳng nói tới bổn địa lâu xa, thật ra thành vô thượng đạo đã lâu,

Lâu các vốn trọn thâu khắp pháp giới, Hoa Nghiêm lược bày sự thật nhiệm mầu, nhìn vào đó hiểu vị trụ trong đấy.)

Bảo các phú thập hư, trực đồng vạn tượng không hàm, viên chương pháp giới tu nhân sự,

Phân thân biến trần sát, uyển nhược thiên giang nguyệt ấn, dự nhiếp Long Hoa thọ ký nhân.

(Gác báu rợp mười phương, thật giống hư không dung muôn hình tượng, phô trọn chuyện tu nhân trong pháp giới,

Phân thân khắp trần sát, hệt như vầng trăng in bóng ngàn sông, nhiếp sẵn người thọ ký hội Long Hoa.)

3. Đại Hùng bảo điện

Nguyện trọng, bi thâm, cử tam căn nhi phổ độ,
Chân cùng, hoặc tận, siêu Thập địa dĩ độc tôn.

(Nguyện nặng, bi sâu, độ khắp trọn ba căn,
Chân cùng, hoặc tận, độc tôn trỗi Thập địa.)

4. Địa Tạng điện

Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề, bi tâm vô ký,
Địa ngục dĩ không thủy thị thành Phật, từ thệ mạc cùng.

(Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ-đề, bi tâm vô tận,
Địa ngục trống rồi mới hiện thành Phật, từ thệ khôn cùng.)

5. Quán Âm (hai bài)

1. Diệu tướng trang nghiêm, phổ nhiếp thứ loại,
Bi tâm trắc đát, quảng độ quần manh.

(Diệu tướng trang nghiêm, nhiếp khắp mọi loài,
Bi tâm lồng lộng, rộng độ quần manh.)

2. Đại sĩ hiện thiên thủ nhãn biến đề phổ chiếu,
Chúng sanh đương nhất tâm chí quy mạng đầu thành.

(Đại sĩ hiện ngàn mắt, ngàn tay, chiếu soi nâng đỡ khắp,
Chúng sanh hãy một lòng, một chí, quy mạng dốc lòng thành.)

6. Niệm Phật Đường (hai bài)

1. Đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương kế,
Chuyên chú nhất cảnh tất mạng vi kỳ.

(Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối,
Chuyên chú một cảnh, hết mạng làm hạn.)

2. Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập địa,
Tu tri lục tự quát tam thừa.

(Chớ lạ xưng danh một tiếng, sao vượt trỗi Thập địa?
Nên biết hồng danh sáu chữ, bao trọn khắp ba thừa.)

7. Tặng đại sư Pháp Không

Tu hành dĩ đối trị phiền não tập khí vi bổn,
Tỉnh kỷ dĩ bất khẳng phóng túng tự khi vi công.

(Tu hành, lấy đối trị phiền não tập khí làm gốc,
Xét mình, dùng "chẳng chịu buông lung, tự khinh" làm công.)

8. Tặng cư sĩ Quách Giới Mai

Bôi lượng dung tam thiên thế giới,
Độ sanh tận thập nhị hàm linh.

(Lượng chén[897] chứa khắp cả tam thiên thế giới,
Độ sanh trọn hết mười hai loại hàm linh.)

9. Tặng cư sĩ Đới Địch Trần (hai bài)

1. Khuyến thân tu Tịnh, tận Nho đạo,
Kỳ chúng vãng sanh, sướng Phật hoài.

(Khuyên cha mẹ tu Tịnh độ, trọn hết đạo Nho,
Cầu mọi người được vãng sanh, thỏa Phật bổn hoài.)

2. Ngũ uẩn giai không, nhất pháp bất lập,
Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.

(Ngũ uẩn đều không, một pháp chẳng lập,
Các ác đừng làm, các lành vâng giữ.)

[897] Trong lời tựa cho tác phẩm Bôi Độ Trai Văn Tập của cư sĩ Quách Giới Mai (xin xem lời tựa này trong quyển hai của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên), tổ Ấn Quang đã viết: "Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp, phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cổ thánh tiên hiền và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, rồi tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (bôi) để độ (cứu vớt) người nên chỉ độ được hữu hạn. Đấy chính là danh xưng tự khiêm. Cần biết rằng, cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chịu lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ bến."

XII. THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP NGỮ

(Lời tựa tự đề xin xem trong Văn Sao Tục Biên)
Đặng Huệ Tải bút ký

1. Ngày thứ nhất: Giảng niệm Phật, ăn chay là căn bản để hộ quốc tức tai

Ấn Quang vốn là một ông tăng vô tri vô thức, chỉ biết đến cơm cháo, chỉ biết niệm Phật dăm câu, tuy sống luống uổng hơn 70 năm, nhưng tuyệt chẳng hề triệt để nghiên cứu Phật pháp. Pháp hội Hộ Quốc Tức Tai[898] lần này, do các vị kèo nài tham gia, vì tình nghĩa chẳng thể khước từ được. Vả lại, đây là chuyện quan hệ đến phước lợi quốc gia, mà cũng là trách nhiệm tôi phải tận lực nên tôi chẳng nề hà mình hiểu biết sơ sài, kém cỏi đến dự pháp hội này. Nhưng những điều tôi giảng hôm nay trọn chẳng phải là lý luận cao sâu gì, chỉ là trình bày phương pháp căn bản để "hộ quốc tức tai". Còn về ý nghĩa quan trọng của pháp hội lần này, đợi tới ngày mai sẽ bàn đến.

Mục đích của pháp hội lần này là hộ quốc tức tai, nhưng làm sao mới đạt được mục đích ấy? Tôi cho rằng phương pháp căn bản là niệm Phật, bởi vì sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, nếu ai nấy đều niệm Phật thì sẽ xoay chuyển được nghiệp này. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì nghiệp ấy cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao. Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện.

Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người hành. Hiện tại các thứ tà thuyết không thánh, không hiếu, khinh miệt đạo, phế luân thường, giết cha, chung vợ v.v., đều là do bọn Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai nấy đều hiểu rõ nhân quả thì quyết chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy! Trong thế gian, người tốt hoàn toàn chẳng biến đổi rất ít, kẻ xấu hoàn toàn chẳng biến đổi cũng rất ít, đa số là kẻ lúc thượng, lúc hạ, khi tốt, khi xấu, cho nên giáo hóa là điều khẩn yếu nhất vậy.

[898] Hộ Quốc Tức Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Tức Tai thường bao gồm những khoa nghi cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, trong pháp hội này, đại chúng thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục. Đặc biệt trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai này, tổ Ấn Quang đề xướng dùng Phật thất để làm Hộ Quốc Tức Tai, mở ra một đường lối Hộ Quốc Tức Tai vừa giản tiện vừa hiệu quả thiết thực, vì đại chúng chuyên tu, dễ nhiếp tâm cầu nguyện thay vì lo tán tụng, xướng bái quá rềnh rang, dễ sanh ra tâm lý ngại khó, mong làm cho xong.

Khổng tử nói: *"Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di"* (Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng thay đổi). Chỉ cần ra sức giáo hóa thì sẽ có thể khiến cho con người đổi ác theo lành, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật chẳng sót một ai! Chỉ là do nơi con người tin tưởng, nghĩ nhớ, tận lực mà hành đấy thôi.

Sở dĩ xã hội Trung Quốc hiện thời loạn lạc rối ren đến mức như thế này đều là do không được giáo hóa; nhưng giáo hóa phải bắt đầu từ lúc còn thơ ấu như thường hay nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Nếu thuở nhỏ chẳng dạy, đến lúc lớn, khó lòng lay chuyển được. Vì sao? Tập tánh (thói quen) đã thành, không cách chi thay đổi được. Vì thế, người niệm Phật cần phải chú ý giáo dục con cái mình trở thành người tốt, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nếu ai cũng làm được như thế thì tai nạn tự tiêu, đất nước cũng tự được gìn giữ, bảo vệ!

Chân lý mầu nhiệm căn bản của pháp môn niệm Phật nằm trong ba kinh Tịnh Độ, nhưng theo như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã dạy thì niệm Phật lại càng là hạnh nguyện căn bản chẳng thể thiếu khuyết. Bởi lẽ, Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập tín[899], tham học với tỳ-kheo Đức Vân, liền được ngài dạy cho pháp môn niệm Phật, nhập vào Sơ trụ[900], phần chứng pháp thân. Từ

---

[899] Thập tín là 10 địa vị trong 52 địa vị tu học của Bồ-tát (không kể địa vị Pháp vân địa), tức là mười tâm ban đầu mà Bồ-tát muốn thành Phật phải tu tập. Trọng tâm của mười tâm này đặt tại tín, có công năng thành tựu tín hạnh, nên mười địa vị này gọi đầy đủ là Thập tín tâm, đôi khi còn gọi tắt là Thập tâm. Có nhiều cách giải thích Thập tín. Theo phẩm Hiền Thánh Danh Tự của kinh Bồ-tát Anh Lạc Bổn Nghiệp thì Thập tín là: Tín tâm (nhất tâm quyết định, ưa muốn được thành tựu), niệm tâm (thường tu sáu niệm, tức niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên), tinh tấn tâm, định tâm, huệ tâm, giới tâm (thọ trì luật nghi Bồ-tát giới thanh tịnh, giữ ba nghiệp thanh tịnh. Hễ phạm lỗi bèn sám hối thề không tái phạm), hồi hướng tâm, hộ pháp tâm (bảo vệ, ngăn ngừa cái tâm, chẳng để nó khởi phiền não), xả tâm (chẳng tiếc thân mạng, tài sản, bỏ tất cả những gì đạt được), nguyện tâm.

Theo phẩm Bồ-tát Giáo Hóa trong kinh Nhân Vương Hộ Quốc (bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập) thì Thập tín là: tín tâm, tinh tấn tâm, niệm tâm, huệ tâm, định tâm, thí tâm, giới tâm, hộ tâm, nguyện tâm, hồi hướng tâm. Kinh Phạm Võng lại giảng là xả tâm, giới tâm, nhẫn tâm, tấn tâm, định tâm, huệ tâm, nguyện tâm, hộ tâm, hỷ tâm, đảnh tâm; và gọi chung là *thập phát thú tâm* thuộc về *kiên tín nhẫn*. Kinh Lăng-nghiêm giảng là tín tâm trụ, niệm tâm trụ, tinh tấn tâm trụ, huệ tâm trụ, định tâm trụ, bất thoái tâm trụ, hộ pháp tâm trụ, hồi hướng tâm trụ, giới tâm trụ, nguyện tâm trụ, và gọi chung là thập tâm trụ. Tuy các kinh liệt kê danh tướng hơi sai khác, nhưng xét về đại thể mười tâm này gần giống nhau.

[900] Sơ trụ, gọi đủ là Sơ phát tâm trụ, tức địa vị đầu tiên của Thập trụ (thuộc giai đoạn thứ hai sau khi viên mãn Thập tín), đôi khi còn gọi là Phát ý trụ. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát trụ địa vị này là người thiện căn bậc thượng dùng phương tiện chân thật phát khởi thập tín tâm, phụng hành tam bảo, thường trụ trong tám vạn bốn ngàn bát-nhã ba-la-mật, vâng giữ tu tập hết thảy hạnh, hết thảy pháp môn, thường dấy lên tín tâm, chẳng nẩy sanh tà kiến, mười tội nặng, ngũ nghịch, tám thứ điên đảo, chẳng sanh vào chỗ tai nạn, thường gặp gỡ Phật pháp, học rộng,

đấy, Thiện Tài tham học với hơn 50 vị thiện tri thức, hễ nghe xong liền chứng, từ Nhị trụ cho đến Thập địa là 40 địa vị. Tối hậu ở chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, Thiện Tài được ngài khai thị, được sức oai thần gia bị, sở chứng ngang với ngài Phổ Hiền, ngang với chư Phật, liền thành Đẳng giác Bồ-tát. Sau đó Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy hướng Cực Lạc, khuyến khích cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng nhất trí tinh tấn hành trì, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả.

Vì thế biết rằng: Pháp môn niệm Phật, tự phàm phu thuở ban đầu cũng có thể chứng nhập được, mà rốt cục đến bậc Đẳng giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài nổi. Thật là pháp môn tổng trì trên thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh, thành thỉ thành chung[901] của mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Vì thế pháp môn này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung tán thán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết.

Phàm là người học Phật thì có một việc rất nên chú ý là kiêng ăn mặn, vì ăn mặn sẽ tăng trưởng cơ duyên giết hại. Con người và hết thảy động vật cùng sống trong vòng trời đất, tâm tánh vốn bình đẳng, chỉ vì nhân duyên ác nghiệp đến nỗi hình thể sai khác quá xa. Nếu đời này quý vị ăn thịt chúng nó, đời mai sau chúng nó sẽ ăn thịt quý vị. Oán hờn báo đền mãi, cơ duyên giết chóc đời đời chẳng có lúc nào kết thúc. Nếu như ai nấy đều ăn chay thì sẽ vun bồi tâm từ bi của chính mình, tránh khỏi cơ duyên giết hại. Nếu không, dù cho niệm Phật, nhưng chỉ lo sướng miệng, vui bụng, ăn đẫy thức tanh hôi, vẫn chưa thể đạt được lợi ích thật sự nhờ học Phật vậy!

Hơn nữa, người đời nay ưa nói Thiền Tịnh song tu, xét đến cùng cái gọi là song tu đó chỉ là khán câu "người niệm Phật là ai?" Đấy là chú trọng tham cứu, chẳng ăn nhập gì đến việc sanh lòng tin phát nguyện cầu vãng sanh của Tịnh độ cả, rõ ràng là hai chuyện khác biệt! Thêm nữa, Thiền tông nói "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" là nói đến đương nhân đích thân thấy được Phật tánh vốn sẵn đủ ở ngay trong tâm. Mật tông nói *"ngay thân này thành Phật"* (tức thân thành Phật), tức là quan niệm "hễ giải thoát được sanh tử ở ngay nơi cái thân này" thì gọi đó là thành Phật. Nếu vội hiểu những lời đó có nghĩa là ngay chính nơi thân này có thể thành tựu được vị Phật vạn đức đầy đủ, phước tuệ viên mãn thì lầm to, lầm to mất rồi!

---

nhiều trí tuệ, cầu nhiều phương tiện, trụ nơi địa vị không tánh, dùng *không lý trí tâm* để tu tập pháp của chư Phật quá khứ, xuất sanh hết thảy công đức.

[901] Do thành tựu phàm phu ban đầu nhập đạo nên gọi là "thành thỉ", đến địa vị cuối cùng là Đẳng giác Bồ-tát vẫn phải nhờ vào pháp môn này để viên thành Phật đạo nên gọi là "thành chung".

Bởi lẽ, "kiến tánh thành Phật" của Thiền gia là sở chứng của địa vị đại triệt đại ngộ. Nếu đoạn được kiến hoặc và tư hoặc[902] trong tam giới mới có thể liễu sanh thoát tử. "Tức thân thành Phật" trong Mật tông chẳng qua là đạt tới địa vị liễu sanh tử đầu tiên. Địa vị đó là bậc A-la-hán trong Tiểu thừa đã liễu sanh tử. Trong Viên giáo thì bậc Sơ tín đoạn được kiến hoặc, bậc Thất tín đoạn tư hoặc rồi mới giải quyết xong sanh tử. Bậc Thất tín và A-la-hán tuy cùng liễu sanh tử nhưng thần thông, đạo lực khác xa nhau vời vợi. Bát tín, Cửu tín, Thập tín phá được trần sa hoặc[903], cho đến *Thập tín hậu tâm* phá một phẩm vô minh, chứng một phẩm tam đức bí tạng[904], nhập Sơ trụ, thành bậc Pháp thân đại sĩ. Trải qua Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác là 41 địa vị rồi mới chứng nhập địa vị Phật. Lịch trình còn lâu xa như thế đó, làm sao mà một bước liền có thể vọt tới nơi ngay cho được? Người tu Tịnh độ đã sanh về Tây Phương liền liễu sanh tử thì cũng là "tức thân thành Phật", nhưng Tịnh tông chẳng nêu cái thuyết tiếm phận[905] ấy. Đem so sánh sự khó dễ với việc thuần cậy vào tự lực của nhà Thiền thì thật là sai khác một trời một vực. Kính mong các vị dự hội hãy suy nghĩ chín chắn ý chỉ này.

2. Ngày thứ hai: Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình

Ngày hôm qua giảng về pháp môn Tịnh độ, hôm nay giảng về ý nghĩa của pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Muốn nói đến "hộ quốc tức tai" thì trước hết phải

---

[902] Kiến hoặc gọi đầy đủ là *kiến đạo sở đoạn hoặc* (darśana mārga prahātavyānuśaya). Còn gọi là kiến phiền não, kiến chướng, kiến nhất xứ trụ địa. Theo luận Câu-xá, những kiến chấp mê muội đối với lý tứ đế được gọi là kiến hoặc; còn mê chấp nơi hiện tượng sự vật thì gọi là tu hoặc. Theo đó, kiến hoặc gồm 88 thứ, gọi chung là *bát thập bát sử*. Về căn bản phiền não thì gồm *ngũ lợi sử* (thân kiến: chấp trước vào thân; biên kiến: chấp chặt một bên có hay không, đúng hay sai, không thấy viên dung; tà kiến: thấy biết tà vạy; kiến thủ kiến: chấp chặt vào kiến giải một chiều, không thể chấp nhận những cách hiểu biết khác; giới cấm thủ kiến: chấp chặt vào giới điều, giữ những giới xằng bậy) và *ngũ độn sử* (tham, sân, si, mạn, nghi). Mười sử này phối hợp với mỗi đế trong tứ đế và mỗi giới trong tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), tạo thành 88 thứ hoặc cần phải đoạn.

Theo tông Thiên Thai, mê nơi lý của tam giới là kiến hoặc, mê nơi sự tướng gọi là tư hoặc (tức là tu hoặc của luận Câu-xá). Sách Thiên Thai Tứ Giáo Nghi lại giảng như sau: "Phiền não vốn không có thực thể, nhưng lại tưởng những pháp hư vọng không hề có thật là thật sự có, nên gọi là kiến hoặc. Tham, sân, si… các phiền não là những sự tướng duyên theo ngũ trần, lục dục, qua sự suy nghĩ mà huyễn giả tồn tại trong tâm, vì thế gọi là tư hoặc."

[903] Trần sa hoặc: Những gì thuộc về *trí* nhận biết trên mặt *sự* gây chướng ngại tục đế, khiến cho sự giáo hóa của Bồ-tát chẳng được tự tại thì gọi là trần sa hoặc. Do chúng nhiều vô lượng nên kinh luận thường dùng số cát sông Hằng để sánh ví, vì thế gọi là trần sa hoặc.

[904] Tam đức bí tạng (kho bí mật ba đức), tức giải thoát, bát-nhã và pháp thân.

[905] Tiếm phận: Vượt phận, vượt khỏi địa vị chánh đáng. Mật tông coi liễu sanh tử là "thành Phật ngay trong đời này", chứ chưa phải thật sự là Phật. Do chưa phải là Phật mà đã tự xưng là Phật nên bị coi là vượt lạm thân phận đáng nên giữ.

biết là "hộ quốc" (giữ gìn đất nước) như thế nào? "Tức tai" (dứt trừ tai nạn) như thế nào? Là vì muốn đạt đến hạng mục ấy, có hai biện pháp: một là lâm thời, hai là bình thời. Nếu lúc bình thường, ăn chay niệm Phật để cầu hộ quốc tức tai thì cố nhiên có công đức vô hạn; nhưng lúc lâm thời, dốc lòng thành kính cầu nguyện giữ yên đất nước, dứt bặt tai nạn cũng sẽ có hiệu lực tương đương, nhưng vẫn chẳng bằng lúc bình thời mọi người hộ quốc tức tai thì hay hơn. Bởi lẽ, nếu bình thời mọi người ăn chay niệm Phật, do nguyện lực tiếp nối nên tà khí tiêu trừ, chánh khí tăng trưởng, ai nấy giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt thì tự nhiên quốc gia được bảo vệ, tai ương tự tiêu vậy.

Sách xưa có ghi: *"Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh; bất trị dĩ loạn, trị vị loạn"* (Thánh nhân chẳng trị lúc đã bệnh, trị từ lúc chưa bệnh; chẳng trị lúc đã loạn, trị từ lúc chưa loạn). Bởi lẽ trị khi đã loạn thì dễ hiểu, chứ trị từ lúc chưa loạn thì khó thấy rõ được! Phàm trị quốc cũng giống như trị bệnh, có cách trị nơi ngọn, có cách trị nơi gốc. Trị bệnh là trị khi đã loạn. Nếu cầu lấy hiệu quả nhanh chóng, tức là đau đầu trị bệnh đầu, đau đùi trị bệnh đùi, tức là trị cái ngọn vậy. Cái ngọn đã lành, sau đấy mới lại trị cái gốc khiến cho khí huyết lưu thông trọn khắp, khỏe khoắn, sảng khoái. Gốc đã lành bệnh thì tự nhiên tinh thần phấn chấn, mới có thể hăng hái ra sức.

Hiện thời quốc gia nguy nan đã đến mức ngàn cân treo sợi tóc, tôi cho rằng để trị quốc trong hiện thời thì phải trị cả ngọn lẫn gốc. Cách kiêm trị không chi tốt bằng niệm Phật, ăn chay, kiêng giết, phóng sanh và hiểu sâu xa lý nhân quả trong ba đời. Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp trong quá khứ chiêu cảm đến nỗi cảm nhận khổ quả hiện thời. Do đó biết rằng, những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được nổi.

Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc "tham, sân, si". Thiện nhân là gì? Giúp vật, lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả sẽ chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả, tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có chính mình, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình.

Vì thế hằng ngày tôi thường bảo: "Nhân quả là cái gốc lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh. Bỏ nhân quả mà bàn đến chuyện trị quốc bình thiên hạ khác gì níu cây tìm cá, tôi chưa từng thấy ai có thể tìm được cả!"

Phật dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết nhân đời trước, xem quả báo đời này. Muốn biết quả mai sau, xem việc làm đời này). Nếu như những điều mình tạo tác đời này đều là việc ác, đời sau chắc chắn bị quả ác; nếu những hành vi đời này đều là việc lành thì đời sau nhất định hưởng thiện quả.

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa; nhà chất chứa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa). Kinh Thư chép: *"Tác thiện, giáng chi bách tường. Tác bất thiện, giáng chi bách ương"* (Làm lành, trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm việc chẳng lành, trăm tai ương đổ xuống). Lý ấy hệt như lý nhân quả của đức Phật ta đã giảng. Chữ "dư" đã nói đó chính là tàn dư của chánh báo, chứ không phải là chánh báo. Chính người ấy trong đời sau tự mình hưởng thụ, nên gọi là "bổn khánh, bổn ương" (điều vui mừng hay tai ương chính), còn dư báo lan qua con cháu. Dư báo, dư ương đều là do tổ phụ tích chứa mà thành vậy!

Người đời chẳng biết nhân quả, thường nói con người sau khi chết đi là đã giải thoát hoàn toàn, không có quả báo thiện ác nữa. Đây chính là tà kiến sai lầm nhất về đời sau của thiên hạ vậy. Cần biết rằng, người đã chết đi rồi, thần thức chẳng bị diệt. Nếu ai nấy đều biết thần thức chẳng diệt, ắt sẽ thích làm lành. Nếu không biết thần thức chẳng diệt sẽ mặc tình phóng túng, giết cha, giết mẹ, đủ thứ tội ác do đấy mà sanh. Những thứ hành vi nghịch ác tột bậc ấy đều là kết quả của tà kiến đoạn diệt mà ra. Nếu ai nấy có thể chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, nhưng đấy vẫn chưa phải là biện pháp rốt ráo. Thế nào mới là biện pháp rốt ráo? Chính là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, và phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn chặn điều tà, giữ lòng thành thì sẽ chuyển được vận nước, tiêu trừ được tai nạn. Bởi lẽ tai nạn ngày nay đều là do cộng nghiệp của mọi người chiêu cảm.

Nếu ai nấy đều niệm Phật, làm lành sẽ chuyển được cộng nghiệp, tiêu được kiếp vận. Ngay trong lúc chiến cuộc nổ ra ở đất Hỗ vào ngày 28 tháng Giêng[906],

[906] Đây là biến cố xảy ra vào năm 1932. Nguyên do là vào ngày 18 tháng Giêng năm 1932, năm tăng nhân Nhật Bản xô xát với người Trung Hoa tại Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ở vùng núi Mã Ngọc thuộc tô giới Thượng Hải, khiến cho một người chết, một người bị trọng thương. Cảnh sát Nhật liền bao vây khu vực, gây ra tình trạng căng thẳng. Đến ngày 20 tháng Giêng, 50 Nhật kiều lại phóng hỏa đốt trụi Tam Hữu Thực Nghiệp Xã, đồng thời đánh chết 3 cảnh sát người Hoa. Kiều dân Nhật lại yêu cầu hải quân Nhật can thiệp, quân phiệt Nhật liền huy động hải quân, lục quân vây kín Thượng Hải. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc bắt buộc phải đưa quân đội đến Thượng Hải đối phó. Giao tranh nổ ra khốc liệt giữa hai bên vào đúng ngày 28 tháng Giêng năm ấy. Cuộc chiến kéo dài mãi đến ngày 3 tháng 3 năm 1932, quân Nhật chiếm thế thượng phong với quân số áp đảo là bảy vạn quân, trong khi Trung Hoa Dân Quốc chỉ có

những người niệm Phật được linh cảm rất nhiều. Bọn họ chỉ tu một mình mà còn được linh cảm như thế, huống là ai nấy cùng tu ư? Vì thế biết rằng, do đại chúng chí thành khẩn thiết niệm Phật cũng có thể vãn hồi được tai nạn của đất nước. Lại như đức Quán Thế Âm Bồ-tát dùng 32 ứng thân để vào các cõi nước, theo tiếng cứu khổ, nếu như chí thành tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thì sẽ tự được cảm ứng. Những chuyện linh cảm xưa nay thấy ghi chép rất nhiều trong các sách vở, các vị có thể tự tìm đọc lấy. Ngoài những thân đã thuật trong phẩm Phổ Môn "Bồ-tát thấy nên dùng thân nào để độ được thì liền hiện thân đó cứu độ" ra, nếu Bồ-tát thấy nên dùng thân núi sông, đại địa, cầu bến, đường sá để hóa độ thì ngài cũng hiện các thân núi sông, đại địa, cầu bến, đường sá… để cứu độ.

Con người hiện tại, kẻ dấy được lòng tin ít lắm, kẻ không phát khởi lòng tin rất nhiều. Nếu ai nấy đều phát khởi lòng tin thì có tai vạ nào mà chẳng thể tiêu diệt được? Nhưng lòng tin của con người cần phải được vun bồi từ thơ ấu. Phàm là người làm cha mẹ, khi con cái còn thơ ấu, hãy nên dạy con cái về lý nhân quả báo ứng, đạo lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu đợi đến lúc trưởng thành, tập tánh đã thành, không thể uốn nắn được nữa! Điều quan trọng nhất là "thai giáo" (dạy từ trong thai), nếu phụ nữ mang thai có thể ăn chay niệm Phật, làm lành bỏ ác, mắt chẳng nhìn sắc ác, tai chẳng nghe tiếng ác, thân chẳng làm việc ác, miệng chẳng thốt lời ác, khiến cho đứa trẻ còn trong thai đã được bẩm thọ chánh khí nên thiên tánh tinh thuần. Sanh ra, lại giáo hóa thêm thì không đứa nào chẳng trở thành thiện nhân!

Xưa kia, các bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự của nhà Chu đức hạnh hiền thục, cao đẹp, giúp chồng dạy con, nên tạo thành nền móng cho vương nghiệp nhà Chu suốt 800 năm. Ấn Quang thường bảo: "Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm hơn quá nửa." Bởi lẽ trong gia đình, người chủ trì việc nhà đa phần là phụ nữ, đàn ông thường hay lo việc ngoài. Nếu mẹ hiền thì những điều lọt vào tai, đập vào mắt con cái trong nhà đều là những điều dạy dỗ của mẹ, chịu ảnh hưởng của mẹ, lợi ích ấy chẳng nông cạn. Nếu thuở bé bỏ mặc cho tánh chúng quen thói kiêu căng, cho chúng nó tự do, trọn chẳng lấy chuyện hiếu đễ, trung tín, nhân quả báo ứng để giáo huấn thì đến khi khôn lớn, chúng sẽ trở thành quyến thuộc của ma vương giết cha giết mẹ. Vì thế cần phải nuôi dưỡng tâm lành của con cái từ lúc thơ ấu, kèm cặp nghiêm ngặt.

---

năm vạn quân. Đến ngày 5 tháng 5, qua sự môi giới của Anh, Mỹ, Pháp, Ý, hiệp định đình chiến Tùng Hỗ được ký kết giữa đôi bên, Trung Hoa phải chấp nhận nhiều điều kiện thiệt thòi. Tổn thất rất lớn, 19.700 căn nhà bị phá hủy, số thương vong không thể đếm xiết!

Phải biết, hiện thời bọn sát nhân, phóng hỏa, không điều ác gì chẳng làm, đa phần là vì cha mẹ chúng nó nuông chiều quen thói kiêu căng mà ra! Mạnh tử dẫu hiền mà cũng cần phải do bà mẹ ba lần đổi chỗ ở, nghiêm ngặt quản thúc mà thành hiền nhân, huống hồ những kẻ tầm thường ư? Hiện tại, mọi người đề xướng nam nữ bình quyền, cho đó là nâng cao nhân cách của nữ giới. Chẳng biết nam nữ thể chất đã không giống nhau, mà trách nhiệm mỗi giới mỗi khác. Thánh nhân cho rằng vị trí chính đáng của nam giới là ở ngoài, vị trí chính đáng của nữ giới là ở bên trong. "Vị trí chính đáng ở bên trong" chính là chăm lo những việc bếp núc, canh cửi, giúp chồng dạy con v.v.. Nay bảo nữ nhân đảm nhiệm chuyện của nam giới nên những chuyện thuộc vị trí chính đáng của nữ nhân bị bỏ phế. Tuy mang tiếng là nâng cao nhân cách của nữ giới, thật ra là xô đổ nhân cách phụ nữ. Xin những bậc anh hiền của nữ giới ai nấy nhận thức rõ nhân cách của chính mình ở tại đâu, ngõ hầu con cái trong gia đình đều thành hiền thiện, thiên hạ lẽ đâu chẳng thái bình!

Bởi lẽ đạo trọng yếu để trị quốc, bình thiên hạ nằm trong giáo dục gia đình, mà việc giáo dục trong gia đình người mẹ đảm nhiệm quá nửa. Bởi lúc trong thai, con cái đã bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc sanh ra lại nhìn theo oai nghi của mẹ, nhận sự dạy răn của mẹ, nên trở thành hiền thiện. Điều này tuy chẳng hiện hình tích nhưng lại là việc trọng yếu để đạt đến thái bình. Tiếc là vĩ nhân các giới đa số chưa thấy rõ điều này. Nguyện những bậc anh hiền trong nữ giới kể từ nay hãy chú ý lời này.

Người đời đều gọi phụ nữ là Thái Thái. Phải biết ý nghĩa của hai chữ "thái thái" rất cao quý, to lớn. Xét ra, cội nguồn sâu thẳm của hai chữ ấy bắt nguồn từ tận đời Chu. Do Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, đều có thể giúp chồng dạy con. Bà Thái Khương sanh ra ba vị thánh nhân là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Bà Thái Nhậm sanh Văn Vương. Bà Thái Tự đẻ ra Vũ Vương và Chu công. Ba đời bà cháu nữ thánh sanh ra ba đời ông cháu mấy vị thánh nhân, tạo thành thời thịnh trị tốt đẹp nhất tự ngàn xưa. Người đời sau gọi phụ nữ là "thái thái" tức là muốn đem so họ với ba bà Thái. Do đấy hãy ngẫm xem: Thái Thái là danh hiệu cao quý nhất không gì hơn được nữa để gọi phụ nữ. Nữ giới cần phải có đức hạnh của ba bà Thái thì mới chẳng phụ bạc sự tôn xưng ấy. Rất mong những vị nữ anh hiền trong hiện tại hãy thực hiện chuyện giúp chồng dạy con, khiến cho con cái do mình sanh ra đều thành hiền thiện ngõ hầu chẳng phụ danh xưng tốt đẹp trên đây!

Kế đấy cần phải nỗ lực ăn chay, con người và động vật vốn bình đẳng, nỡ nào giết hại tánh mạng chúng để thỏa mãn miệng, bụng mình? Thân ta vừa bị dao cắt

phải một chút liền cảm thấy đau khổ, mới nói hoặc nghĩ đến đó mà tim gan đau buốt, nỡ nào giết chúng ăn thịt? Huống chi kẻ sát sanh ăn thịt dễ khởi cơ duyên giết hại. Tai kiếp đao binh trong đời này đều là do đây mà có! Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp, đản thính đồ môn dạ bán thanh"* (Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe tiếng lò mổ giữa đêm trường). Trong cõi đời, khá nhiều kẻ tuy hiểu rõ đạo lý Phật pháp mà vẫn thấy kiêng giết, ăn chay là chuyện khó làm.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), tôi đến Nam Kinh thăm một người bạn, ông ta mời ông Ngụy Mai Tôn đến gặp tôi. Ông Ngụy tin Phật, niệm Phật, nhưng bảo là chưa thể ăn chay. Tôi dặn ông ta hãy đọc kỹ "Bài văn kêu gọi tu bổ ao phóng sanh" của chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đăng trong bộ Văn Sao mấy chục lượt sẽ ăn chay được. Bởi lẽ trong bài văn đó, trước hết nói chúng sanh và Phật tâm tánh chẳng hai, tiếp đó nói đến ta và các loài vật bao kiếp làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, làm oan gia đối đầu của nhau, giết chóc lẫn nhau. Tiếp đó dẫn kinh văn Phạm Võng, Lăng-nghiêm, Lăng-già làm chứng. Đọc kĩ nghĩ sâu, chẳng những không nỡ ăn mà còn chẳng dám ăn nữa kia! Chưa đầy hai tháng sau, cư sĩ Ngụy liền trọn không ăn thịt nữa.

Lại nữa, bà mẹ của cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở Thượng Hải chưa thể ăn chay, lại còn chẳng tin ăn chay là chuyện trọng yếu trong việc học Phật. Ông Hoàng Hàm Chi gởi thư hỏi cách khuyên cho mẹ tin, tôi bảo ông ta sớm tối thay mẹ đối trước Phật sám hối nghiệp chướng. Do mẹ con thiên tánh tương quan, nếu thật sự chí thành ắt có cảm ứng. Hàm Chi làm theo, hơn tháng sau, mẹ ông liền ăn chay trường. Lúc đó bà đã 81 tuổi, công khóa hằng ngày là hai vạn câu Phật hiệu, sống đến năm 93 tuổi mới mất.

Tôi mong từ hôm nay trở đi, hết thảy đại chúng chú ý kiêng giết, ăn chay và khuyên cha mẹ, con cái và thân hữu của chính mình cùng nhau ăn chay. Phải biết đây cũng là phương pháp căn bản để hộ quốc tức tai. Những điều tôi giảng hôm nay là ý nghĩa của hộ quốc tức tai, mà phương pháp để thực hành hộ quốc tức tai chính là niệm Phật, ăn chay; mong quý vị chẳng nghĩ là thiển cận rồi chẳng thèm để ý.

3. Ngày thứ ba: Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu những sự thực để chứng minh

Hai ngày hôm trước, tôi đã trình bày sơ lược về đạo lý nhân quả và phương pháp tức tai hộ quốc, hôm nay vốn chẳng cần phải luận về nhân quả nữa. Nhưng vẫn còn có những điểm chẳng thể không trình bày rõ ràng, nên tôi định sẽ giảng

sâu hơn ít nữa, giảng rõ nguyên lý nhân quả và nêu sự thực để làm chứng, ngõ hầu đại chúng biết mà kiêng dè.

Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; đâu biết tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm cha mẹ hiện nay phần nhiều nuông chiều con cái, chẳng kèm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có như vậy mới giữ gìn được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào ngờ kết quả trái ngược: gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp tạo ảnh hưởng vô hạn cho quốc gia, xã hội.

Nay tôi nêu lên một chuyện để làm ví dụ: Triệu Lương Tướng ở Đại Châu đời Tùy, giàu nứt đố đổ vách, có hai đứa con. Đứa lớn tên Mạnh, đứa nhỏ tên Doanh; Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc người cha sắp mất, chia gia sản làm hai, Mạnh được nhiều hơn. Tới khi Lương Tướng mất, Doanh chiếm sạch tài sản của anh, chỉ cho anh một căn nhà và mảnh vườn. Mạnh phải đi làm thuê để tự nuôi thân. Chẳng mấy chốc, Triệu Doanh chết, sanh làm con của Mạnh, mang tên là Hoàn. Sau đấy, Mạnh cũng chết, đầu thai vào nhà Doanh, làm cháu nội của Doanh, mang tên là Tiên. Đến lớn, nhà Mạnh càng nghèo, nhà Doanh càng giàu. Triệu Hoàn phải làm tôi tớ cho Triệu Tiên để sống. Ngạn ngữ có câu: "Thiên đạo không công bằng, đã giàu càng giàu thêm."

Một ngày kia, Hoàn nghe bà mẹ góa bảo: "Triệu Doanh cướp đoạt gia sản của mày đến nỗi đời mày nghèo mạt, nay đến làm tôi tớ cho nó, chẳng nhục hay sao?" Bởi thế, Hoàn oán hận, muốn giết Triệu Tiên. Năm Khai Hoàng thứ nhất (600 Tây lịch), Hoàn theo Tiên đi triều bái Ngũ Đài, vào đến chốn hang thẳm mấy mươi dặm ở phía Đông, sâu hun hút không một bóng người. Hoàn rút dao, bảo Tiên: "Ông nội mày và bố tao là anh em. Ông mày đoạt sản nghiệp của tao. Đến đời tao nghèo túng nay làm đầy tớ cho mày. Mày nỡ lòng làm thế, nay tao giết mày đây!" Tiên liền rảo chạy, Hoàn đuổi theo chạy vào rừng, thấy có am tranh liền bước vào. Có một vị lão tăng bảo Hoàn: "Ông định làm gì thế?" Hoàn đáp: "Tôi đuổi theo kẻ oán thù!"

Vị lão tăng cười lớn: "Ông khoan làm thế, tôi sẽ cho ông tự biết", rồi trao những món thuốc cho mỗi người để pha trà. Uống xong, như mộng mới tỉnh, chợt nhớ việc cũ, cảm thấy thẹn thùng, đau đớn. Lão tăng bảo: "Doanh chính là tiền thân của Hoàn. Cướp đoạt tài sản của anh chính là tự bỏ tài sản của mình. Tiên là Mạnh thác sanh trở lại để hưởng lấy sản nghiệp kiếp trước vì lệnh cha vẫn còn vậy!" Hai người bèn bỏ nhà tu theo đạo Phật, sau mất tại am Di-đà. Xem trong

Thanh Lương Sơn Chí[907]. Nhân quả báo ứng hiển hiện rõ ràng, như âm vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, chẳng sai mảy may.

Lại như hiện tại còn lưu truyền chuyện cái trống bằng da người ở núi Ngũ Đài cũng là chuyện nhân quả báo ứng thật rành rẽ đáng sợ vậy, xin kể rành rẽ. Đời Đường, tại chùa Hắc Sơn ở mặt sau ngọn Bắc Đài có nhà sư tên Pháp Ái làm giám tự 20 năm, lấy vật dụng của *chiêu-đề tăng*[908] tậu nhiều ruộng ở Nam Nguyên, để lại cho đồ đệ là Minh Hối. Pháp Ái chết liền sanh làm trâu ở nhà nọ tận lực một mình kéo cày trong 30 năm. Trâu vừa già vừa bệnh, chủ trại muốn đem trâu đổi lấy dầu. Đêm ấy, Minh Hối mộng thấy vị thầy đã chết của mình khóc bảo: "Ta dùng tài sản của tăng chúng để tậu ruộng cho ngươi, nay đang làm trâu vừa già vừa còm cõi, xin hãy lột da ta bịt trống, viết tên họ của ta trên trống, mỗi khi lễ tụng liền đánh trống thì nỗi khổ của ta mới mong có ngày thoát khỏi. Nếu không, dù gò Nam Nguyên có biến thành biển xanh, ta vẫn chưa thể thoát khổ nổi!" Nói xong, phủ phục cả thân mình xuống. Minh Hối tỉnh giấc, chỉ mới nửa đêm liền thỉnh chuông nhóm chúng, kể cặn kẽ chuyện này.

Sáng hôm sau, chủ trại ruộng báo con trâu già đã húc đầu vào cây mà chết. Minh Hối y theo lời trước, lột da trâu bịt trống, viết tên thầy lên trên, bán hết ruộng ở Nam Nguyên, được bao nhiêu tiền đem đãi cơm chư tăng Ngũ Đài hết. Minh Hối lại bán sạch cả y bát, vì vị thầy đã mất mà lễ sám. Sau đem trống ấy gởi vào điện Văn-thù ở núi Ngũ Đài. Lâu ngày trống hư, chủ chùa đem trống khác thế vào. Thế gian ngoa truyền là trống bịt bằng da người. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí.

Ấy là nhân quả rành rành, không ai có thể trốn khỏi. Hai người con họ Triệu do đời trước có gieo căn lành nên gặp được cao tăng, nghiễm nhiên thành đạo. Còn như những kẻ phàm tục há nên tự ỷ y, lại còn bài bác "không có nhân quả", tự mình lầm, làm người khác lầm, tự hại hại người! Người đời nay đều chỉ thấy chuyện trước mắt, chẳng đoái hoài đời sau, thích chiếm tiện nghi, chẳng bằng lòng chịu thua thiệt. Con cái họ mắt thấy tai nghe, tập riết thành thói. Phong tục xã hội cũng do đó mà hiểm ác, tranh đoạt khởi lên, đại loạn dấy lên lung tung, giết người đầy thành, ngập đồng mà mắt chẳng nháy, tâm chẳng áy náy, không gì

[907] Thanh Lương Sơn Chí: Sách ghi chép về sự tích núi Ngũ Đài. Do núi Ngũ Đài băng đọng ngàn năm, mùa hạ vẫn có thể có tuyết rơi, không bao giờ nóng nực, nên được gọi là Thanh Lương Sơn.

[908] Chiêu-đề (catur-diśa): Còn được phiên là chiêu-đấu-đề-xá, dịch nghĩa là tứ phương, hoặc tứ phương tăng, tứ phương tăng phòng, có nghĩa là chúng tăng từ bốn phương đều có thể nghỉ lại nhà khách của chùa. Về sau chữ này dùng để chỉ tài sản chung của tăng chúng, mọi người đều có quyền sử dụng.

chẳng phải là vì lẽ đó. Đã thế, những kẻ giết người tàn nhẫn, ác độc, chẳng thấy là đáng buồn, đáng sợ, ngược ngạo vênh váo khoe công, lại còn khen ngợi lẫn nhau. Thậm chí có kẻ giết cả cha mẹ, giết huynh trưởng, ngược ngạo tự xưng là "đại nghĩa diệt thân" (vì nghĩa lớn mà giết người thân)!

Ôi, họa biến đến thế, thiên lý tuyệt, nhân đạo diệt, không những đạo đức bị vùi lấp, mất mát mà chắc là kiếp nạn lớn lao sẽ liên tiếp xảy ra! Vì thế, trong hiện tại muốn cứu vớt, bảo vệ đất nước thì phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là gì? Tức là tin tưởng chắc chắn vào nhân quả. Nếu đã thật sự hiểu rõ lý nhân quả rồi lại còn có thể dốc lòng tin, thực hành thì thế đạo, nhân tâm sẽ tự có thể vãn hồi. Tôi cho rằng tất cả triết học, tôn giáo trên thế giới không gì tinh vi, sâu thẳm, nhưng dễ thực hành bằng Phật giáo.

Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học[909] thời Tống như Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên, Chu Hối Am v.v. do xem kinh Đại thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội sơ lược ý nghĩa "toàn sự tức lý" và thân cận tri thức trong Tông môn (Thiền tông), lại biết ý chỉ "bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài nhất tâm", chứ thực sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp mọi tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó để phát huy sự sâu xa của Nho giáo.

Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được cái họ đạt được là ăn trộm từ kinh Phật nên bèn rắp tâm mê muội báng Phật. Do chẳng dễ báng bổ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt sự để bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo" đều nhằm phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của ngài, chứ thật sự chẳng có những chuyện ấy. Họ còn bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán, dù có băm, chặt, giã, mài sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, cho rằng "trời tức là

[909] Lý học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Chu Hy. Học thuyết này cho lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như trời, thượng đế, đạo v.v.), lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất lý này. Vì thế phải trừ khử dục vọng, trở về với lý gọi đó là *"thiên nhân hợp nhất"* (trời người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là khí. Như vậy, lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật tánh, Như Lai tánh, pháp thân của Phật giáo mà thôi! Hoặc nói cách khác, lý - khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ thể và dụng trong Phật giáo.

lý" vậy, chứ nào có một vị vua đội mão[910] thật sự đâu! Họ cho rằng quỷ thần là lương năng[911] của hai khí, chẳng hạn như sấm động là do hai khí âm dương va chạm nhau nổ thành tiếng.

Họ coi những vấn đề "thực lý, thực sự" là chuyện bàn luận suông, chuyên lấy việc "chánh tâm thành ý" làm cái gốc để trị quốc, trị dân; chẳng biết chánh tâm thành ý chính là do "trí tri cách vật" mà ra. Họ bảo "trí tri" là thúc đẩy tri thức (sự hiểu biết) của mình đến cùng cực, "cách vật" là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Nào hay "vật" chính là tư dục trong tâm mình, do có tư dục nên chướng lấp tự tâm. Bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri nhưng không cách nào hiển hiện được. Do "cách trừ" (thấu hiểu và trừ khử) được tư dục thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh. Chánh tâm thành ý thì ngu phu, ngu phụ chẳng biết một chữ cũng vẫn làm được! Còn nếu đúng như họ (chỉ các nhà Tống Nho) nói thì thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực để hiểu tận cùng cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ, dẫu bậc thánh nhân cũng làm không được. Vì thế biết rằng, hễ lầm lạc ở chỗ này thì căn bản để giữ yên cõi đời đã mất. Họ lại dùng thuyết "không nhân quả luân hồi" để dạy người khác chánh tâm thành ý. Nếu không có nhân quả, một phen chết đi là vĩnh viễn mất hết, thiện hay ác đều cùng chết sạch; còn ai bận tâm đến cái tiếng hão mà chánh tâm thành ý cơ chứ?

Hơn nữa, các nhà Lý học cho rằng "có làm điều gì để làm lành thì đó chính là ác", lời này đúng là phá hoại thiện pháp thế gian. Vì sao thế? Ông Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi, biết 19 năm trước đều sai trái; tròn 50 tuổi, thấy 49 năm trước đều sai trái, muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được. Như thế là có làm điều gì hay là không làm điều gì? Khổng tử coi "đức không tu, học vấn chẳng giảng, nghe đạo nghĩa mà chẳng thể làm theo, không thể thay đổi chuyện chẳng tốt" là điều đáng lo. Tuổi đã 70 mà ngài vẫn mong trời cho sống thêm mấy năm nữa để học Dịch hòng khỏi mắc lỗi lớn. Như vậy thì ngài có làm điều gì hay không làm điều gì hết vậy?

Từ sau thời Trình - Chu, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả, vì hễ bàn đến sẽ bị người khác công kích, bảo không phải là thuần Nho, cho là trái nghịch

---

[910] Nguyên văn *"miện lưu"* là một thứ mũ lễ được dùng bởi những bậc quyền quý. Thường được gọi là mão "bình thiên", có hình ống, đỉnh là một tấm phẳng hình chữ nhật (do vậy, gọi là bình thiên), trước và sau tấm bình thiên có đính các sợi tua kết bằng châu ngọc rủ xuống trước trán. Theo phần Biện Sư trong thiên Hạ Quan sách Chu Lễ, miện của thiên tử có 12 tua, chư hầu 9 tua, thượng đại phu 7 tua, hạ đại phu 5 tua. Từ đời Tần Thủy Hoàng trở đi, "miện lưu" chỉ dành riêng cho thiên tử đội, cấm tuyệt chư hầu, quan chức sử dụng.

[911] Trong Lý học, "lương năng" là thuật ngữ chỉ tác dụng và biểu hiện của khí.

tiên hiền. Bởi vậy, phàm những kẻ hiểu biết kém cỏi liền hùa giọng báng Phật; người kiến thức cao minh không ai chẳng lén lút xem kinh Phật để mong khoe tài, không ai chẳng thống thiết bài bác Phật pháp, ngõ hầu làm căn cứ để sau này được thờ trong Hiền Từ (miếu thờ tiên hiền) trong làng hay được đưa vào thờ trong Văn Miếu!

Trong thâm tâm của Trình, Chu khi ấy chỉ mong Nho giáo hưng thịnh, chẳng bận tâm Phật giáo sẽ còn hay mất. Cho tới hiện thời, do chất độc "phá diệt nhân quả luân hồi" của bọn họ đến nay bộc phát, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, không biết hổ thẹn, trở thành những thảm kịch như giết cha, giết mẹ, chẳng đáng buồn ư?

Hiện tại chiến sự ở vùng Tuy Viễn rất khẩn cấp, tai họa cực thảm, những chiến sĩ trung dũng và đồng bào thân ái của chúng ta hoặc là máu thịt tung tóe, táng thân, tổn mạng, hoặc là nhà tan cửa nát, trôi giạt bơ vơ, không cơm không áo, đói khát bức bách. Nói và nghĩ đến điều này, tim gan đều tan nát! Sáng nay pháp sư Viên Anh kể cho tôi nghe chuyện này, bảo tôi khuyên mọi người phát tâm cứu tế, góp gió thành bão[912], chẳng quản ít nhiều. Có áo giúp áo, có tiền giúp tiền, công đức vô lượng, chắc chắn hưởng thiện quả.

Phải biết, giúp người tức là giúp mình, cứu người tức là cứu mình. Nhân quả vằng vặc, chẳng sai sót mảy may. Nếu chính mình gặp tai nạn, không có ai giúp, nhưng nếu có thể xưng niệm thánh hiệu thì nhất định sẽ được Phật, Bồ-tát thầm gia hộ, bảo vệ. Tôi là một ông sư nghèo, hoàn toàn chẳng cất chứa thứ gì, hễ đệ tử tại gia có bố thí gì, đều dùng để ấn loát kinh sách hết. Nay tôi xin quyên ra một ngàn đồng để xướng suất cứu trợ vùng Tuy Viễn. Giúp người mắc nạn thì mới có thể dứt trừ được tai nạn cho chính mình.

Hiện tại có những phụ nữ ham chuộng xa hoa, một bình nước hoa trị giá từ ba, bốn chục đồng đến hai, ba trăm đồng, sao bằng đem số tiền phung phí đó dùng để cứu trợ Tuy Viễn? Lại còn có hạng người rất chuộng tích cóp của cải, lúc sống đã chẳng muốn dùng, chết đi còn mong chôn theo xuống đất, muốn được con cái chôn cất ma chay trọng thể, hoặc để lại cho con cháu dùng. Đâu có biết hiện nay đang có nguy cơ đào mồ, những tưởng tích chứa nào ngờ lại khiến cho người chết bị hại. Như hiện tại ở Thiểm Tây đang có cả một tổ chức đào mộ chuyên làm chuyện đó. Làm con có hiếu với cha mẹ, nỡ nào vì chữ hiếu lại khiến cho mớ xương khô của cha mẹ bị phơi tênh hênh trên mặt đất! Sao bằng đem khoản tiền lớn lao đó dùng để cứu tế người khác thì tốt hơn. Lại có người nghèo túng, tuy có

[912] Nguyên văn là *"tập dịch thành cừu"* (góp những miếng da ở dưới nách con cáo may thành áo cừu).

chí nguyện làm như thế, nhưng sức chẳng kham nổi, tôi cho rằng hãy nên niệm Phật cho nhiều để giúp đỡ. Đã có thể dứt tai nạn cho người, lại còn dứt được tai nạn cho mình. Vui sướng như vậy mà sao không làm?

Lúc chiến cuộc xảy ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), cháu nội của cư sĩ Tào Thương Châu ở Tô Châu vâng lời cha từ đất Hỗ xuống Tô Châu đón tam thúc tổ (ông chú thứ ba) và các chú về đất Hỗ. Ông chú và các chú đều chẳng muốn đi. Anh ta bèn lấy châu báu của vợ giắt vào lưng, ngồi tàu thủy nhỏ về đất Hỗ. Chợt có kẻ cướp đến, anh ta muốn trốn lên bờ, liền nhảy xuống nước, vàng ngọc giắt theo có lẽ đáng giá hai, ba vạn đều đem cho hết người đã đổi áo cho mình, tự xưng là học trò nghèo, làm thầy giáo dạy vỡ lòng cho trẻ. Nếu bọn giặc cướp biết được, không biết còn phải tốn tới mấy vạn để chuộc thân nữa. Đấy có phải là tiền tài gieo họa cho người hay không?

Người ta nay chỉ tham phần tiện nghi trước mắt, chẳng thể thấy thông suốt, bị khốn khổ vì tiền tài, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng thể thuật đủ! Khi xưa có một vị cư sĩ nọ hỏi tôi phương cách vãn hồi kiếp vận, tôi bảo: "Việc này rất dễ! Hiểu rõ lý nhân quả rồi tận lực thực hành, phát được tín tâm ắt có thiện quả. Vả nữa, tâm dối trá đã tiêu, trong tâm rỗng suốt thì tai nạn nào cũng đều tiêu tan như băng tuyết vậy!"

Trong cơn loạn lạc Hồng Dương[913], một nhà buôn gỗ ở Giang Tây là Viên Cung Hoằng bị bọn phỉ bắt được, trói vào cây cột ở khách sảnh (nhà khách), khóa chặt cửa lại, chờ đúng lúc sẽ giết. Ông Viên tự nghĩ ắt bị chết, bèn thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, hồi lâu ngủ quên đi, tỉnh dậy thấy thân mình nằm ngoài đồng, ngẩng đầu lên thấy hãy còn sớm liền trốn thoát. Do vậy, tôi rất mong mọi người phát tín tâm rộng lớn, nương vào đức của cha trời mẹ đất[914], giữ lòng nhân "coi mọi người và ta là ruột thịt, xem loài vật cũng giống như ta". Phàm đối với hết thảy những gì trong vòng trời đất đều thương xót, nuôi dưỡng, bảo vệ. Lại còn đem lẽ nhân quả báo ứng, đạo niệm Phật cầu sanh Tây Phương để chỉ bảo, khuyến hóa. Nếu như ai nấy đều thực hành thì nước chẳng mong bảo vệ mà tự được bảo vệ, tai nạn chẳng mong dứt cũng tự dứt vậy!

4. Ngày thứ tư: Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và giải thích đại lược những nghĩa lý trọng yếu của Tứ Liệu Giản

[913] Hồng Dương: Loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Tài và Dương Tú Thanh lãnh đạo, nên còn gọi là loạn Hồng Dương.
[914] Nguyên văn "Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu".

Hai ngày hôm trước, tôi đã bàn qua về nhân quả. Hôm nay tôi vẫn bàn về nhân quả, quý vị cần biết là nhân quả đã được nói trong hai bữa trước là tiểu nhân, tiểu quả, nhân quả được bàn trong ngày hôm nay là đại nhân, đại quả.

Sở dĩ đức Phật thành Phật thường hưởng pháp lạc chân thường, sở dĩ chúng sanh bị đọa địa ngục, vĩnh viễn chịu khổ luân hồi kịch liệt, cả hai việc này đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hễ con người muốn trị thân tâm thì trọn chẳng thể ra ngoài nhân quả được. Con người hiện tại ham ăn nói lớn lối, chẳng cầu thực tế, bộp chộp bảo nhân quả là pháp Tiểu thừa, thật là lầm lẫn lớn. Nào biết Đại thừa hay Tiểu thừa trọn chẳng ra ngoài hai chữ "nhân quả" được! Tiểu thừa là tiểu nhân quả, Đại thừa là đại nhân quả. Tiểu nhân (nhân nhỏ bé) là y theo *sanh diệt tứ đế*, biết khổ, đoạn tập, hâm mộ diệt, tu đạo; tiểu quả là chứng quả A-la-hán. Đại nhân (nhân lớn lao) là tu lục độ vạn hạnh; đại quả là chứng Phật quả rốt ráo. Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, có nhân nào ắt sẽ có quả đó, chưa hề sai sót. Vì vậy chẳng riêng người thế gian đều thuộc trong nhân quả, mà ngay chính Bồ-tát, Phật cũng chẳng ra ngoài nhân quả được. Nếu bảo nhân quả là Tiểu thừa, hóa ra Phật, Bồ-tát cũng là Tiểu thừa ư? Đủ biết lời lẽ ấy ngông cuồng, trái nghịch đến thế nào!

Pháp hội này là pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, tôi chỉ mới bàn đến việc ngưng dứt tai nạn đao binh, nước lửa, vẫn chưa phải là rốt ráo. Lại cần phải dứt tai nạn phiền não sanh tử thì mới là biện pháp triệt để. Chúng ta mê muội pháp thân của chính mình, dứt huệ mạng của Phật, đáng buồn đáng đau! So với việc sắc thân bị họa, mê lầm mất pháp thân nào phải chỉ gấp trăm ngàn vạn lần nặng nề hơn. Vì thế phải hộ trì pháp thân huệ mạng, đoạn sanh tử phiền não mới đáng kể là biện pháp tức tai (dứt trừ tai chướng) trọn vẹn.

Phật giáo, nói đại cương thì chẳng ngoài năm tông, năm tông chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Luật là căn bản của Phật pháp, nghiêm trì tịnh giới để mong tam nghiệp thanh tịnh, nhất tánh viên minh, ngũ uẩn đều không, các khổ đều độ. Giáo là nương theo giáo pháp mà tu quán, rời khỏi "ngón tay chỉ mặt trăng để thấy được mặt trăng", triệt ngộ Phật tánh sẵn có của đương nhân, kiến tánh thành Phật. Nhưng chữ "thành Phật" đó có nghĩa là thấy được đức Phật thiên chân[915] trong tự tánh bèn gọi là "thành Phật", chứ chưa phải là thành tựu, chứng được quả Phật nơi đạo Bồ-đề. Mật dùng tam mật (thân mật, khẩu mật, ý mật) gia trì, chuyển thức thành trí, gọi là "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân

[915] "Thiên chân" có nghĩa là chân lý tự nhiên sẵn có không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1, giảng: "Lý không phải tạo tác thì gọi là thiên chân." Như vậy, "thiên chân Phật" chính là Phật sẵn có trong chân tâm, tức pháp thân.

này). Đây cũng chỉ là coi "liễu sanh thoát tử từ ngay nơi thân này là thành Phật", chứ chưa phải là thành đức Phật phước tuệ viên mãn. Ba tông này đều có thể gộp vào Thiền, vì khí phận giống nhau. Do vậy, tu trì Phật pháp trọng yếu chẳng ngoài hai môn Thiền và Tịnh.

Thiền chuyên cậy tự lực, nếu chẳng phải kẻ túc căn chín muồi thì chẳng thể được lợi ích thật sự. Tịnh là kiêm nhờ Phật lực, hễ ai đầy đủ tín hạnh nguyện chân thật thì đều có thể mang nghiệp vãng sanh. Sự khó dễ giữa hai pháp môn này khác nhau một trời một vực. Vì thế đầu đời Tống, thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ dùng thân "cổ Phật" thị hiện sanh trong thế gian, triệt ngộ nhất tâm, tu trọn vạn hạnh; mỗi ngày làm 108 Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật. Ngài rất lo cho kẻ học trong đời sau chẳng hiểu rõ tông yếu[916], nên đặc biệt viết một bài kệ Tứ Liệu Giản, ngõ hầu mọi người biết chỗ tiến theo. Bài kệ ấy như sau:

Hữu Thiền, hữu Tịnh độ,
Do như đới giác hổ,
Hiện thế vi nhân sư,
Lai sanh tác Phật, tổ.

Vô Thiền, hữu Tịnh độ,
Vạn tu, vạn nhân khứ,
Nhược đắc kiến Di-đà,
Hà sầu bất khai ngộ?

Hữu Thiền, vô Tịnh độ,
Thập nhân cửu tha lộ,
Ấm cảnh nhược hiện tiền,
Miết nhĩ tùy tha khứ.

Vô Thiền, vô Tịnh độ,
Thiết sàng tịnh đồng trụ,
Vạn kiếp dữ thiên sanh,
Một cá nhân y hổ.

(Có Thiền, có Tịnh độ,

[916] Tông yếu: Điều quan trọng mấu chốt trong giáo pháp của các tông. Sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển 1 giảng: "Tông yếu nghĩa là trọng yếu, tức là nhân quả của chính đức Phật đã hành thì gọi là tông. Thế nào là yếu? Vô lượng các điều thiện, hễ nói là nhân thì đều bao gồm hết. Vô lượng sự chứng đắc, hễ nói là quả thì đều bao gồm hết. Như giở cái lưới lên, không mắt lưới nào chẳng động. Nắm một góc áo, không sợi vải nào chẳng dính theo, nên gọi là tông yếu."

Khác nào hổ thêm sừng,
Hiện tại làm thầy người
Đời sau làm Phật, tổ.

Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn tu, vạn cùng sanh,
Nếu được thấy Di-đà,
Lo gì chẳng khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh độ
Mười người, chín chần chừ
Ấm cảnh nếu hiện tiền
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh độ
Giường sắt cùng cột đồng
Muôn kiếp với ngàn đời
Không một ai nương dựa.)

Tám mươi chữ này là cương yếu cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là khuôn mẫu huyền diệu để người học Phật liễu thoát ngay trong đời này. Người đọc trước hết cần phải hiểu rõ thế nào là Thiền? Thế nào là Tịnh độ? Thế nào là có Thiền? Thế nào là có Tịnh độ? Thiền và Tịnh độ là ước về lý, ước về giáo mà nói. "Có Thiền, có Tịnh độ" là ước về căn cơ, ước về tu mà luận. Luận theo lý - giáo, hai pháp Thiền và Tịnh trọn chẳng khác gì nhau; xét về mặt cơ - tu (căn cơ và sự tu hành), hai pháp khác nhau rất xa. Lời tuy tương tự, ý nghĩa thật khác biệt, cần phải rất chú ý thì mới chẳng cô phụ tấm lòng đau đáu của tổ Vĩnh Minh.

Gì là Thiền? Đấy chính là chân như Phật tánh chúng ta sẵn có, nhà Thiền thường gọi là "bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra". Tông môn chẳng nói toạc ra để người ta tự tham cứu, tự lãnh ngộ, nên nói như thế. Thật sự thì nó chính là tâm thể thuần chân ly niệm linh tri, không năng không sở, vừa tịch vừa chiếu[917] vậy ("ly niệm linh tri" là trọn không có ý niệm suy lường nhưng hiểu rành rẽ tất cả cảnh tượng trước mắt). Tịnh độ tức "tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương", chứ chẳng phải chỉ riêng nói đến "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà".

[917] Năng: Đối tượng chủ thể; sở: đối tượng thụ động. Chẳng hạn, chúng ta đọc sách thì nhãn thức và ý thức là năng, cuốn sách được đọc là sở. Tịch và chiếu là hai mặt của chân tâm, chân tâm thường hằng bất biến, không bị ngoại duyên nhiễm ô, không bị mất đi dù chúng sanh luân hồi bao nhiêu kiếp nên gọi là tịch (vắng lặng). Công dụng chiếu soi (tức nhận hiểu sự vật vạn pháp) của tâm được gọi là chiếu.

"Có Thiền" tức là dốc sức tham cứu đến cùng cực, niệm vắng lặng, tình[918] mất đi, thấy thấu suốt diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. "Có Tịnh độ" là chuyện thực sự phát tâm Bồ-đề, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu như tham thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để đều chẳng được gọi là "có Thiền". Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng thân thiết đều chẳng được gọi là "có Tịnh độ". Thậm chí, tuy tu Tịnh độ nhưng tâm nghĩ đến trần lao[919], hoặc cầu phước báo trời người, hoặc cầu đời sau xuất gia làm tăng, nghe một hiểu cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh đều chẳng được gọi là "người tu Tịnh độ", bởi vì chẳng chịu theo đúng kinh giáo Tịnh độ trong Phật pháp. Nếu lầm lạc lấy giáo nghĩa thông thường làm chuẩn để phê phán, suy luận pháp môn Tịnh độ thì trong đời sau, trong cả vạn người, khó có được một, hai kẻ có thể chẳng mê để được liễu thoát. Bị phước báo mê hoặc, từ mê vào mê, thật có lắm kẻ! Nếu thật sự hiểu sâu xa ý nghĩa này thì mới đúng là người tu Tịnh độ.

Kẻ có mắt không tròng thường tưởng tham thiền là "có Thiền", niệm Phật là "có Tịnh độ", tự lầm lầm người, há chẳng phải là tai hại cùng cực hay sao? Ở đây tôi đã thuyết minh thế nào là có hay không có Thiền, Tịnh; nay sẽ lại đem lời kệ, dựa theo từng đoạn để phân tích thì quý vị mới biết 80 chữ này khác nào trời tạo đất dựng, không một chữ nào chẳng xác đáng, không một chữ nào có thể thay đổi được.

Bài kệ thứ nhất nói: *"Có Thiền, có Tịnh độ, khác nào hổ thêm sừng, hiện tại làm thầy người, đời sau làm Phật, tổ"*, nghĩa là người đã triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết trọn vẹn các pháp môn quyền - thật của Như Lai, nhưng trong các pháp, lại chỉ chọn lấy một pháp "tín nguyện niệm Phật" để làm đường lối chung cho chánh hạnh tự lợi lợi tha.

Phần nói về thượng phẩm thượng sanh trong Quán kinh có câu: "Đọc tụng Đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa", chính là nói về hạng người này. "Khác nào hổ thêm sừng" là người này song tu Thiền Tịnh, có đại trí tuệ, có đại thiền định, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, giống như hổ mọc thêm sừng, oai mãnh khôn sánh. Có kẻ nào đến học hỏi sẽ tùy cơ thuyết pháp. Thấy nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ thì dùng Thiền Tịnh song tu tiếp độ. Nên dùng

[918] Theo Duy Thức Học, tác dụng của sáu thức dưới ảnh hưởng của mê hoặc, vô minh thì gọi là tình, hoặc đôi khi còn gọi là tình thức hoặc tình tưởng. Chữ tình này thường được dùng để chỉ mọi ý niệm phân biệt, chấp trước đối với sự nhận thức của sáu căn.

[919] Trần lao là tên khác của phiền não, do phiền não khiến cho tâm bị nhiễm ô giống bụi bặm nên gọi là trần. Phiền não khiến cho thân tâm nhọc mệt, không an ổn nên gọi là lao.

chuyên tu Tịnh độ để tiếp độ thì dùng chuyên tu Tịnh độ tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không một ai chẳng được lợi lạc. Người như vậy há chẳng phải là "đạo sư của trời người" ư?

Đến lúc mạng chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô sanh nhẫn, thấp nhất cũng là chứng bậc Sơ trụ trong Viên giáo. Cũng có người đốn siêu[920] địa vị, đạt tới Đẳng giác. Bậc Sơ trụ trong Viên giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là những địa vị sau đó càng lên cao càng thù thắng hơn, tính thẳng đến địa vị thứ 41 là địa vị Đẳng giác [thì càng thù thắng đến mực nào] nữa? Vì thế nói *"lai sanh tác Phật, tổ"* (đời sau làm Phật, tổ).

Bài kệ thứ hai là: *"Không Thiền, có Tịnh độ, vạn tu, vạn cùng sanh, nếu được thấy Di-đà, lo gì chẳng khai ngộ."* Do người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng cứ quyết chí cầu sanh Tây Phương. Trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì cảm ứng đạo giao, liền được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu định tuệ được vãng sanh đã đành, mà kẻ ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, phát tâm hổ thẹn lớn lao, xưng niệm Phật danh hoặc đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi liền mạng chung, cũng đều được hóa thân của Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chẳng phải là "vạn tu, vạn người sanh" hay sao?

Tuy kẻ ấy niệm Phật chẳng bao lâu, nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên đạt hiệu quả lớn lao, chớ nên đem người niệm Phật hờ hững, lững lờ để so sánh nhiều ít! Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, tuy có nhanh chậm khác nhau, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, vĩnh viễn chẳng lui sụt. Tùy theo căn tánh sâu hay cạn sẽ hoặc dần dà hoặc nhanh chóng chứng đạt các quả vị. Đã được chứng quả thì chuyện khai ngộ cần gì phải nói tới nữa, bởi thế mới bảo "nếu được thấy Di-đà, lo gì chẳng khai ngộ".

Bài kệ thứ ba là: *"Có Thiền, không Tịnh độ, mười người, chín chần chừ. Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó."* Do người ấy tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng kiến tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, cần phải qua bao duyên rèn luyện khiến cho phiền não bị đoạn trừ sạch không còn sót thì mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[921]. Còn như kẻ chưa đoạn được mảy may nào ta

---

[920] Đốn siêu địa vị: Vượt nhanh qua các địa vị, không cần phải tu chứng từ từ theo từng bậc. Như ngài Quán Thế Âm nghe đức Thế Tịnh Quang Vương Phật nói chú Đại Bi bèn vượt thẳng từ Sơ địa lên Thập địa thì gọi là "đốn siêu địa vị".

[921] Phần đoạn sanh tử (còn gọi là phần đoạn tử, hoặc hữu vi sanh tử) là sanh tử trong tam giới. Gọi là "phần đoạn" (có giai đoạn, có thời gian) vì do quả báo sai khác mà có hình dáng, thọ lượng nhất định. Như vậy "xuất ly phần đoạn sanh tử" có nghĩa là thoát khỏi tam giới.

chẳng cần bàn đến. Nếu như đoạn phiền não mà vẫn còn sót chút mảy may nào chưa thể đoạn sạch thì sáu nẻo luân hồi vẫn y như cũ, khó bề trốn tránh. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ-đề xa vời vợi, nếu chưa về đến nhà đã liền mạng chung thì trong mười người đại ngộ, tám chín người đã giống như thế. Vì thế mới nói *"thập nhân cửu tha lộ"* (mười người, chín chần chừ).

Chữ "tha" (蹉) ở đây nghĩa là "tha đà" (蹉跎), nếu nói thông tục là "chần chừ". "Ấm cảnh" là cảnh tượng của thân trung ấm, tức là các cảnh tượng do nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp trước cùng hiện ra khi lâm chung. Khi cảnh này hiện ra, chỉ trong nháy mắt sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể tự làm chủ được mảy may nào, giống như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước. Tâm tình lắm mối, sẽ nghiêng lệch về chỗ nào tâm mình đặt nặng. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha; Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công[922]. Đấy vẫn còn là bậc thượng[923], nên nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó".

Chữ ấm (陰) âm đọc và ý nghĩa giống chữ ấm (蔭), có nghĩa là "che đậy", ý nói là do nghiệp lực này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Chữ miết (瞥) cùng âm với chữ phiết (撇), nghĩa là "chớp mắt". Có kẻ cho rằng chữ tha (蹉) nghĩa là lầm lạc, "ấm" là cảnh ngũ ấm ma thì đều là vì chưa hiểu ý nghĩa chữ thiền và chữ có nên mới hiểu sai lầm như thế. Lẽ đâu bậc đại triệt đại ngộ trong mười vị, hết chín người lầm đường lạc lối, lầm đi theo cảnh ngũ ấm ma, bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm kẻ bị ma dựa phát cuồng chính là hạng tăng thượng mạn[924] chẳng hiểu giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện đui. Sao chẳng biết tốt

---

[922] Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Thiền sư Sư Giới, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba: "Thiền sư Thanh Thảo Đường khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì sư đã tọa hóa." Theo pháp sư Viên Anh, Thảo Đường Thanh là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu thiền cả đời bị vứt bỏ.

[923] Gọi là bực thượng vì thân sau còn chưa lâm vào hoàn cảnh tệ hại lắm. Trong Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, có thuật chuyện vị tăng ở núi Nhạn Đãng thân sau trở thành Tần Cối, một vị tăng khác trở thành con gái ông Chu Phòng Ngự. Có nhiều trường hợp còn đọa vào ác đạo nữa!

[924] Tăng thượng mạn (abhimāna): Đối với giáo lý hoặc cảnh giới, địa vị tu hành chưa hề có chứng ngộ mà đã khởi tâm kiêu hãnh, ngạo nghễ. Do coi mình cao hơn người khác nên gọi là "tăng thượng", cũng như do tự đề cao mình quá phận nên gọi là "tăng thượng".

xấu, lại đem gán cho bậc đại triệt đại ngộ vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện bác rõ.

Bài kệ thứ tư là: *"Không Thiền, không Tịnh độ, giường sắt cùng cột đồng, muôn kiếp với ngàn đời, không một ai nương dựa."* Có người bảo "không Thiền, không Tịnh độ" chính là kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp. Lầm lẫn lắm thay! Bởi lẽ, pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là phù hợp căn cơ nhất. Kẻ đó đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, cứ hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác thì chẳng thể giữ cho định tuệ quân bình, đoạn hoặc chứng chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để mang nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì cả đời để cảm lấy phước báo trời người trong đời sau. Đời này đã không có chánh trí, đời sau ắt bị phước chuyển, đắm say ngũ dục, rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo nghiệp ác sẽ khó tránh khỏi ác báo. Một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải qua kiếp dài lâu, nằm lăn giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả các món ác nghiệp tham thanh sắc, giết sanh mạng v.v.. Chư Phật, Bồ-tát tuy rủ lòng từ mẫn, nhưng do kẻ ấy bị ác nghiệp chướng ngăn nên cũng chẳng được lợi ích gì.

Thiền sư Triệt Lưu đời Thanh bảo: "Người tu hành nếu không có chánh tín cầu sanh Tây phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba", chính là nói về ý này. Bởi lẽ đời này tu hành, đời sau hưởng phước; cậy phước làm ác, ắt bị đọa lạc. Vui chỉ tạm hưởng trong đời sau, khổ vĩnh viễn suốt kiếp. Nếu như nghiệp địa ngục đã tiêu, lại chuyển sanh làm quỷ, súc sanh. Muốn lại được thân người, khó nhất trong những điều khó! Bởi thế, đức Thích-ca dùng tay bốc đất, hỏi ngài A-nan rằng: "Đất trên tay ta nhiều hay đất trên đại địa nhiều?" A-nan bạch Phật: "Đất trên đại địa nhiều." Phật dạy: "Được thân người như đất trên tay, mất thân người như đất trên đại địa." Câu "vạn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa" vẫn còn là do âm vận bài kệ bó buộc nên chỉ nói thiển cận như vậy đó thôi!

Thiền sư Vĩnh Minh sợ người đời chẳng hiểu được nghĩa chân thật của Thiền - Tịnh, chẳng quán sát rõ ràng, nên mới viết bài kệ này để giảng rõ. Có thể nói bài kệ này là chiếc bè báu để thoát bến mê, là người dẫn đường lìa nẻo hiểm, công lao rất lớn. Bởi lẽ hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh độ kiêm nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn phải hết sạch hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử; pháp môn Tịnh độ mang nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng thánh. Người đời chẳng xem xét, coi Tịnh độ là thừa thãi vụn vặt, thật đáng than thở lớn lao!

Hiện tại, người ta hay cho rằng khán thoại đầu là cách tu thích hợp nhất, cứ cho rằng hễ lâm chung được chết an lành là liễu thoát. Nào hay lời ấy là lời nói mớ của kẻ chưa mở chánh nhãn. Ở đây tôi dẫn chuyện cũ để làm thí dụ:

Vào khoảng đời Càn Long - Gia Khánh nhà Thanh, có ba vị thiền tăng cùng tham thiền với nhau. Chết đi, một vị sanh tại Giang Tô, tên là Bành Văn Chương; một vị sanh ở Vân Nam, tên là Hà Quế Thanh; một vị sanh ở Thiểm Tây tên là Trương Phí. Trong ba người, chỉ ông Bành nhớ được chuyện kiếp trước. Sau lên kinh đô thi hội, gặp hai người kia liền kể chuyện kiếp trước cùng làm tăng. Hai người kia tuy không nhớ được việc cũ, nhưng vừa thấy ông Bành đã như gặp lại cố nhân, trở thành bạn thân thiết.

Vào điện thí (thi đình), ông Bành đậu trạng nguyên, ông Hà đậu bảng nhãn, ông Trương trúng truyền lô[925]. Họ Bành sau từng làm Chủ khảo, Học đài, nhưng khá tham sắc, sau chết tại nhà. Họ Hà giữ chức Chế đài ở Nam Kinh. Giặc Hồng Dương nổi dậy, Nam Kinh thất thủ, ông bị hoàng thượng bắt tội chết. Ông Trương từng làm thầy dạy hoàng đế Hàm Phong, dân Hồi Hồi[926] muốn làm phản bèn lừa giết phăng ông đi. Ba vị này chẳng thể coi là tăng nhân bình thường, đáng tiếc là chẳng biết cầu sanh Tây Phương, tuy được đôi chút phước lớn nhưng hai người chẳng được chết yên lành. Rốt cuộc ông Bành tham đắm nữ sắc, e trong đời sau sẽ chẳng được như đời này.

Lại nữa, tiên sinh Ngô Dẫn Chi ở Tô Châu, đậu thám hoa dưới đời Thanh. Học vấn, đạo đức, tướng mạo đều tốt đẹp cả. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), đi triều bái Phổ Đà, gặp tôi, tự bảo kiếp trước ông ta là hòa thượng ở Vân Nam. Vì khách đến dâng hương đông đảo, chẳng thể chuyện trò nhiều, cũng chưa hỏi tường tận nguyên do. Năm Dân Quốc thứ mười một (1922), tôi qua Dương Châu khắc in sách, đến ở nhà một người đệ tử tại Tô Châu, liền dò hỏi về việc ấy, nghĩ rằng ông ta chưa quên mất túc nhân, khi gặp mặt sẽ hỏi chuyện, nhưng rồi hoàn

---

[925] Điện thí là vào cung vua dự thi dưới sự chứng kiến của vua. Theo thể lệ thời Minh - Thanh, thi cử gồm ba giai đoạn: hương thí, hội thí và điện thí. Do thi trong cung vua (thường là điện Thái Hòa) nên gọi là điện thí (hoặc đình thí), người Việt thường gọi là thi đình. Trong khoa thi này, người đậu đầu gọi là trạng nguyên, người thứ hai gọi là bảng nhãn, người thứ ba là thám hoa. Ông Trương không dự vào ba hạng này, chỉ đỗ tiến sĩ, được vua cho xướng danh trong sân chầu nên tổ nói ông đậu truyền lô. Truyền lô gọi đủ là *"kim điện truyền lô"* (xướng danh trong điện vàng), tức là hai ngày sau khi yết bảng ghi danh các sĩ tử thi đậu, các vị tân khoa tiến sĩ sẽ được triệu tập vào điện Thái Hòa, được nội quan xướng danh đến trước mặt vua lạy tạ và được vua ban thưởng ngự tửu, đãi yến.

[926] Hồi tộc là sắc dân thiểu số của Trung Hoa, sống chủ yếu tại các tỉnh Thanh Hải, Cam Túc, Hà Nam, Hà Bắc. Thật ra họ gồm nhiều sắc dân khác biệt có nguồn gốc từ Trung Á, Tây Á, chủ yếu là gốc Ả Rập, di cư đến Trung Hoa. Do họ theo đạo Hồi nên người Hán thường gọi chung họ là Hồi tộc, hoặc Hồi Hồi.

toàn quên mất. Từ đó chẳng qua lại với nhau nữa. Đến năm Dân Quốc thứ 19 (1930), tôi bế quan tại chùa Báo Quốc. Đến tháng 11, ông ta cùng hai tiên sinh Lý Ấn Tuyền, Lý Hiệp Hòa đến thăm. Tôi hỏi: "Sao ông biết kiếp trước là nhà sư ở Vân Nam?" Ông ta bảo: "Năm 26 tuổi, tôi nằm mộng đến một ngôi chùa kia, biết là chùa X… ở huyện Y… thuộc tỉnh Vân Nam. Trông thấy hình dạng điện đường, phòng xá, cây cối đều như thường thấy, cũng thấy mình là tăng. Tỉnh dậy, nhớ rất rõ, ghi chép lại từng điều. Sau đấy, một người bạn đi làm quan ở Vân Nam (tiên sinh Trương Trọng Nhân còn biết tên họ người này), đem đối chiếu những lời ông ta chép thì không sai lệch mảy may."

Tôi bảo: "Tiên sinh đã 80 tuổi, không còn được bao nhiêu ngày nữa, hãy nên khôi phục sự nghiệp hòa thượng kiếp trước, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ công khó tu trì đời trước!" Ông ta đáp: "Niệm Phật có gì là hy hữu, lạ lùng?" Tôi nói: "Niệm Phật tuy chẳng phải là hy hữu, lạ lùng gì, nhưng thế gian chẳng có mấy người niệm. Chuyện chẳng hy hữu, chẳng lạ lùng nhất là chuyện ăn cơm, cả thế giới không một ai là chẳng ăn; đấy là sự chẳng hy hữu, lạ lùng bậc nhất, vì sao ông vẫn cứ phải làm?" Ông ta chẳng đáp được, nhưng vẫn không chịu niệm. Ông ta hỏi hai vị tiên sinh Lý: "Các vị có niệm không?" Họ đáp: "Niệm chứ!" Ông ta vẫn không nói gì; đến tối ngày 30 tháng Chạp, lúc sắp thắp đèn, qua đời, vừa tròn 80 tuổi. Vị này đời trước tu trì cũng rất khá nên đời này mới cảm được công danh lớn lao, tuổi thọ lâu dài, nhưng đời này chỉ giữ trọn luân thường, chẳng còn tin vào Phật pháp nữa, há chẳng phải là đáng xót xa lắm sao?

Cả bốn vị trên chưa ai chứng đắc, mà dù có sở chứng đi nữa, nếu chưa đoạn hết phiền hoặc thì vẫn khó thể lìa khỏi sanh tử được. Thậm chí như thiền sư Viên Trạch đời Đường, biết được chuyện quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể thoát được, huống hồ là kẻ chỉ được chết an lành lại có thể giải quyết xong chuyện sanh tử sao? Cha ông Lý Nguyên đời Đường, trấn thủ Đông Đô, bị An Lộc Sơn làm phản giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, biến căn nhà mình đang sống ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm hòa thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ở chùa ấy. Mấy năm sau, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định đi theo đường thủy qua ngã Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền viết thư dặn dò hậu sự, mỗi mỗi đều rành rẽ, kẹp trong cuốn kinh nhưng chẳng để lộ ra, theo Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi.

Thuyền bơi đến miền thượng du Kinh Châu, gần đến Giáp Sơn, vùng đất ấy thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: "Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ gặp người đàn bà này. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào chẳng làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Tới ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng 8, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp ta."

Nói xong, Viên Trạch tọa thoát (ngồi qua đời). Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin sư Viên Trạch chẳng phải là kẻ tầm thường. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng 8, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chăn trâu, ngồi trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, xướng:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,
Thưởng nguyệt, ngâm phong bất yếu luân.
Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh[927], vẫn nguyên hồn,
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn.
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp,
Thân này tuy khác, tánh thường còn.)

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc:

Thân tiền, thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.[928]
Ngô, Việt giang sơn du dĩ biến,

[927] Theo sách Quần Ngọc Chú, Tỉnh Lang đến vãn cảnh chùa Nam Huệ Lâm, nằm chơi, chợt ngủ thiếp đi, thấy hồn mình đến Bồng Lai. Nơi đó có một vị tăng đang tụng kinh, trước mặt có một nén nhang đang cháy. Hỏi đến nguyên do, vị tăng cho biết cây nhang ấy do một người đàn-việt thắp lên để khấn nguyện, cầu phước, nhang chưa cháy hết mà người thắp nhang đã chuyển kiếp ba lần. Lần thứ nhất làm Đường Huyền Tông, lần thứ hai làm Đường Hiến Tông, lần thứ ba chính là Tỉnh Lang. Do đó, về sau từ ngữ "tam sinh hương hỏa" thường dùng để chỉ lời nguyền có hiệu lực đến ba đời.

[928] "Đoạn trường": Ý nói vô cùng đau xót, như đứt từng khúc ruột. Theo điển tích cổ, vua Sở đi săn thấy vượn con bị bắn chết, vượn mẹ trông thấy ôm con kêu khóc rồi chết, mổ bụng ra xem thấy ruột nó đứt thành từng khúc. Do đó cổ văn thường dùng chữ "đoạn trường" để diễn tả nỗi đau xót.

Khước hồi yên trạo thượng Cù Đường.

(Thân trước, thân sau sự vấn vương,
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường.
Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,
Quẩy chèo mây khói, vượt Cù Đường[929].)

Rồi ruổi trâu đi mất. Thân phận như thế còn chưa liễu thoát được, huống hồ là những kẻ chỉ mới lãnh hội được câu thoại đầu, được chết an lành mà coi là đã liễu thoát ư? Cậy vào tự lực để thoát sanh tử khó khăn như thế đó, cậy vào Phật lực để thoát sanh tử dễ dàng như thế đó; vậy mà người đời vẫn cứ buông bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, cũng là vì chưa hiểu rõ lẽ mầu nhiệm. Nay dùng hai câu sau đây để nói toạc ra: Chỉ là vì tri kiến sai lầm "muốn tỏ vẻ ta là hạng người bậc thượng, chẳng chịu làm chuyện tầm thường, không hy hữu, lạ lùng" vậy. Xin hết thảy mọi người hãy suy nghĩ chín chắn chuyện đã qua của năm người này rồi tự lợi lợi tha, sốt sắng tu tịnh nghiệp như lo chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì mới khỏi luống uổng đời này và lần gặp gỡ này.

5. Ngày thứ năm: Giải thích sơ lược về giáo nghĩa lục tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về ăn chay, phóng sanh

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, khế lý, khế cơ, chí viên, chí đốn, đúng là pháp môn lợi lạc chúng sanh duy nhất vô thượng. Nhưng con người hiện tại, có kẻ tự cao, tự đại bảo: "Chúng sanh tức là Phật thì ta chính là Phật, sao lại phải niệm Phật?" Kẻ thì lại cho rằng: "Ta đã là phàm phu khổ não, làm sao có thể liễu thoát sanh tử, chỉ cầu kiếp sau chẳng mất thân người mà thôi!" Hai hạng người này đều vì chẳng hiểu rõ nhân quả mà thành ra như thế ấy. Bởi vậy hôm nay tôi vẫn giảng về nhân quả.

Phải biết "chúng sanh tức là Phật" chỉ cho cái nhân chân thật là Phật tánh sẵn có đủ. Nếu chẳng tu hạnh niệm Phật mầu nhiệm, Phật tánh chẳng do đâu hiển hiện được thì làm sao đạt được thật quả "giải thoát sanh tử, thành tựu Phật đạo" đây? Ví như gương báu đóng bụi, quang minh chẳng hiện, chứ thật ra chẳng mất. Nếu chịu ra sức lau chùi, mài giũa thì gương sẽ tự có thể chiếu trời soi đất. Nếu nói "ta là phàm phu khổ não, chẳng thể vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật" thì lại chính là lời lẽ của kẻ nghiệp chướng sâu nặng, tự cam chịu đọa lạc. Vả nữa, người đời nay có kẻ đánh cờ, xoa mạt-chược đến nỗi

[929] Cù Đường (còn gọi là Quỳ Hiệp, tức khe quỷ) là tên một kẽm núi hiểm trở, quanh co trên sông Dương Tử ở tỉnh Tứ Xuyên. Kẽm núi này dài đến 8 km, từ huyện Phụng Tiết cho đến thành Bạch Đế. Thế nước chảy xiết, rất nguy hiểm khi phải vượt qua.

mệt quá rồi chết, chẳng biết là bao nhiêu. Nếu họ có thể vận dụng sự khổ nhọc ấy vào chuyện tu hành niệm Phật thì lo gì chẳng vãng sanh Tây Phương, chứng lên đến Phật quả ư? Bởi lẽ, Phật vốn chỉ là một chúng sanh tu trì, chứng đắc Phật quả mà thôi.

Đại sư Thiên Thai Trí Giả đời Tùy soạn cuốn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đã lập ra giáo nghĩa *lục tức Phật* để đối trị căn bệnh lớn "cam chịu đọa lạc" và bệnh "tự tôn, tự đại sai lầm". Lục tức Phật là: 1. Lý tức Phật, 2. Danh tự tức Phật, 3. Quán hạnh tức Phật, 4. Tương tự tức Phật, 5. Phần chứng tức Phật, 6. Cứu cánh tức Phật. "Lục": minh thị thứ lớp sâu cạn, "tức": chỉ rõ ngay nơi thể chính là Phật. Ví như trẻ sơ sanh hình thể chẳng khác gì cha mẹ, nhưng sức lực, khả năng khác biệt rất xa. Bởi thế chẳng thể bảo đứa bé con ấy chẳng phải là người, nhưng cũng chẳng thể sai nó gánh vác chuyện của người đã trưởng thành được. Nếu biết rõ "tuy sáu mà thường tức" thì sẽ chẳng sanh lui sụt, nếu hiểu "tuy tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn. Từ đó nỗ lực tu trì, sẽ từ phàm phu mà viên chứng Phật quả, do Lý tức Phật mà thành Cứu cánh tức Phật vậy.

1. *Lý tức Phật* là hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Tuy trái phản Chánh giác, xuôi theo trần lao, luân hồi trong tam đồ lục đạo, nhưng công đức của Phật tánh vẫn tự đầy đủ, cho nên gọi là Lý tức Phật, coi lý thể của tâm chính là Phật vậy. Vô Cơ Tử[930] làm bài tụng rằng:

Động, tịnh lý toàn thị
Hành, tàng sự tận phi
Minh minh tùy vật khứ
Yểu yểu bất tri quy.

(Động, tịnh toàn là lý
Hành, tàng chẳng trúng gì
Tối tăm theo đuổi vật
Mờ mịt chẳng biết về.)

Do hết thảy chúng sanh chưa nghe Phật pháp, chẳng biết tu trì, nhưng nhất niệm tâm thể vẫn hoàn toàn giống như Phật. Vì thế mới bảo là "động, tịnh toàn là lý." Do mê lầm tự tâm, tạo các sự nghiệp nên mới bảo "hành, tàng chẳng trúng gì" (hành là hoạt động, tàng là ở yên), vì mọi việc làm đều chẳng tương ứng Phật

[930] Vô Cơ Tử là biệt hiệu của sư Phổ Nhuận, cao tăng tông Thiên Thai, sống vào đời Nam Tống. Ngài họ Quách, pháp tự là Thiên Thụy. Xuất gia năm 7 tuổi với ngài Từ Hạnh Phưởng, 9 tuổi xuống tóc. Năm 10 tuổi bắt đầu học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thông Chiếu. Về sau, trụ trì chùa Đại Giác ở Tùng Giang, được vua ban hiệu Phổ Nhuận Đại Sư.

Tánh. Suốt ngày, suốt năm, tối tăm, mờ mịt ruổi theo vật dục (lòng ham muốn vật chất) phiền não, vọng tưởng, từ sống đến chết chẳng hề biết hồi quang phản chiếu (xoay trở lại xét soi cái tâm), nên bảo là "tối tăm theo đuổi vật, mờ mịt chẳng biết về".

2. *Danh tự tức Phật* là hoặc do từ thiện tri thức, hoặc từ kinh điển mà biết rằng tâm vốn sẵn đủ Phật tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh bất diệt. Thông suốt hiểu rõ nơi danh tự, biết hết thảy pháp đều là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật. Đó gọi là "nghe danh tự Phật tánh liền hiểu rõ, thấu suốt Phật pháp". Kệ tụng rằng:

Phương thính vô sanh khúc
Thỉ văn bất tử ca
Kim tri đương thể thị
Phiên hận tự tha đà.

(Vừa nghe khúc vô sanh
Mới nghe bài bất tử
Liền biết ngay đương thể
Tiếc đã trót lần khân.)

Ý nói: Từ trước đến nay chỉ biết sanh tử luân hồi không lúc nào kết thúc; nay biết Phật tánh chân thường, bất sanh bất diệt, đã biết đương thể (ngay nơi bản thể) chính là cái nhân chân chánh để thành Phật liền gấp gáp tu trì, còn hận từ trước đến nay mình bỏ uổng quang âm (thời gian) đến nỗi chưa thể thật sự chứng đắc.

3. *Quán hạnh tức Phật* là nương theo giáo tu quán, tức là địa vị Ngoại phàm[931] ngũ phẩm trong Viên giáo. Ngũ phẩm là:

a. Tùy hỷ phẩm: Nghe pháp thật tướng, tin hiểu, tùy hỷ.

b. Độc tụng phẩm: Đọc tụng kinh Pháp Hoa và các kinh điển Đại thừa để hỗ trợ quán hạnh và sự hiểu biết.

[931] Ngoại phàm là địa vị trước khi đạt đến địa vị kiến đạo. Ngũ đình tâm trụ, Biệt tướng niệm trụ, Tương tục niệm trụ của Thanh văn được gọi là Ngoại phàm. Ngay cả địa vị Phục nhẫn trong Thập tín trong Đại thừa vẫn thuộc Ngoại phàm. Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 17 giảng: "Gọi là Ngoại phàm vì họ còn hướng ngoại cầu lý, chưa dứt tướng để hướng vào trong duyên theo chân tánh. Do chưa đoạn được cái thân phần đoạn trong lục đạo nên gọi là phàm." Nói chi tiết hơn, trong Tạng giáo thì những địa vị thuộc Hiền vị như Ngũ đình tâm v.v. là Ngoại phàm, trong Thông giáo thì cho đến Càn huệ địa đều là Ngoại phàm, Biệt giáo coi từ Sơ quả cho đến Thập tín đều là Ngoại phàm, còn Viên giáo coi Quán hạnh ngũ phẩm là Ngoại phàm. Tổ Ấn Quang đã giải thích chữ Nội phàm theo giáo nghĩa Viên giáo.

c. Giảng thuyết phẩm: Tự nói những điều mình tự chứng hiểu (nội giải) để chỉ dạy, dắt dẫn làm lợi cho người khác.

d. Kiêm hành lục độ phẩm: Kiêm tu lục độ để giúp cho quán tâm.

e. Chánh hành lục độ phẩm: Lấy việc hành lục độ làm hạnh chánh yếu, tự mình hành, dạy người khác hành, lý sự đầy đủ. Quán hạnh càng thêm thù thắng. Kệ tụng rằng:

Niệm niệm chiếu thường lý
Tâm tâm tức huyễn trần
Biến quán chư pháp tánh
Vô giả diệc vô chân.

(Niệm niệm chiếu thường lý
Tâm tâm bặt huyễn trần
Quán khắp các pháp tánh
Không giả cũng không chân.)

Đã viên ngộ (ngộ trọn vẹn) Phật tánh, nương theo giáo tu quán, đối trị phiền não tập khí nên bảo là "niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm bặt huyễn trần". Hiểu rõ một sắc, một hương không thứ gì chẳng phải là trung đạo; hết thảy các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật, cho nên nói "quán khắp các pháp tánh, không giả cũng không chân".

4. *Tương tự tức Phật* là tương tự giải phát (gần giống như đã giải ngộ, phát khởi), tức là địa vị Nội phàm thuộc Thập tín trong Viên giáo. Sơ tín đoạn kiến hoặc; Thất tín đoạn tư hoặc; Bát, Cửu, Thập tín đoạn trần sa hoặc. Kệ tụng rằng:

Tứ trụ tuy tiên thoát
Lục trần vị tận không
Nhãn trung do hữu ế
Không lý kiến hoa hồng.

(Trước đã thoát tứ trụ
Nhưng sáu trần chửa không
Mắt vẫn còn màng mộng
Thấy hoa đốm trên không.)

Tứ trụ là:
a. Kiến nhất thiết trụ địa, chính là kiến hoặc trong tam giới.
b. Dục ái trụ địa, chính là tư hoặc trong Dục giới.
c. Sắc ái trụ địa, tức là tư hoặc trong Sắc giới.

d. Hữu ái trụ địa, tức là tư hoặc trong Vô sắc giới.

Sơ tín đoạn kiến hoặc, Thất tín đoạn tư hoặc nên bảo là "trước đã thoát tứ trụ". Nhưng do tập khí sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp chưa hết, nên bảo là "nhưng sáu trần chửa không". Ở đây chỉ luận về địa vị Thất tín, chứ Bát, Cửu, Thập tín đã phá được trần sa hoặc nên tập khí đã hoàn toàn rỗng không. Tập khí là những dư âm của các chánh hoặc (các phiền não chánh yếu). Giống như cái mâm đựng thịt dù đã rửa sạch, vẫn còn có mùi hôi, bình đựng rượu tuy đã súc kỹ vẫn còn có mùi rượu. "Mắt vẫn còn màng mộng, thấy hoa đốm trên không", là vì chưa phá vô minh nên chưa thể thấy được bản thể của chân không pháp giới.

5. *Phần chứng tức Phật* là ở giai đoạn Thập tín hậu tâm[932], phá một phần vô minh, chứng một phần tam đức, liền bước vào Sơ trụ, chứng pháp thân, là Pháp thân đại sĩ. Từ Sơ trụ đến Đẳng giác, tổng cộng là 41 địa vị, mỗi địa vị đều phá được một phần vô minh, chứng một phần tam đức, nên gọi là Phần chứng tức Phật. Do vô minh chia làm 42 phẩm, Sơ trụ phá một phần, cho đến Thập trụ phá được mười phần. Trải qua các địa vị Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa cho đến Đẳng giác lần lượt phá được 41 phần. Bậc Sơ trụ có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, lại còn tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Thần thông đạo lực của bậc này chẳng thể nghĩ bàn, huống hồ là càng lên mỗi địa vị trên càng thù thắng hơn nữa, nhất là địa vị thứ 41 là Đẳng giác Bồ-tát ư? Kệ tụng rằng:

Hoát nhĩ tâm khai ngộ
Trạm nhiên nhất thiết thông
Cùng nguyên do vị tận
Thường kiến nguyệt mông lung.

(Đột nhiên tâm khai ngộ
Lặng trong hết thảy thông
Vẫn chưa thông tận gốc
Trăng thường thấy mông lung.)

"Đột nhiên tâm khai ngộ, lặng trong hết thảy thông" là nói về cảnh tượng phá được vô minh đôi phần, chứng ngộ đôi phần. "Vẫn chưa thông tận gốc, trăng thường thấy mông lung", ý nói còn có mây vô minh che lấp nên chưa thể thấy thấu tột ánh sáng của vầng trăng thiên chân trong tự tánh.

[932] Đã viên mãn mười tín tâm thì gọi là Thập tín hậu tâm, tức là đã chuẩn bị tiến vào địa vị Sơ trụ.

6. Cứu cánh tức Phật là từ Đẳng giác lại phá một phần vô minh nên thấu đạt tột cùng chân tánh, hết sạch hoặc, phước tuệ viên mãn, chứng ngộ triệt để chân như Phật tánh sẵn có ngay trong tâm mình, đạt địa vị Diệu giác, thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Kệ tụng rằng:

Tùng lai chân thị vọng
Kim nhật vọng giai chân
Đản phục bản thời tánh
Cánh vô nhất pháp tân.

(Từ trước, chân là vọng
Hôm nay, vọng đều chân
Chỉ khôi phục bản tánh
Có pháp nào mới đâu?)

"Từ trước, chân là vọng" là trước khi ngộ thì cũng chỉ từ "ngũ uẩn đều là không" này mà lầm sanh chấp trước khiến cho sắc pháp, tâm pháp nương theo nhau thành lập, khổ ách theo đó sanh ra. Sau khi đã ngộ rồi, tuy vẫn chỉ là ngũ uẩn này, nhưng toàn thể đều là một chân như, trọn chẳng có tướng sắc, tâm, ngũ uẩn để được. Vì thế bảo là "từ trước, chân là vọng; hôm nay, vọng đều chân". Nhưng cái chân được chứng ấy nào phải là điều gì mới đạt được, chẳng qua là phục hồi lại chân như Phật tánh sẵn có đó thôi, vì thế bảo "chỉ khôi phục bản tánh, có pháp nào mới đâu?"

Lại nữa, chúng sanh còn mê thì thấy Phật Bồ-tát và hết thảy chúng sanh đều là chúng sanh, cho nên hủy báng Phật pháp, sát hại chúng sanh, chẳng biết là tội lỗi, trái lại còn coi đó là vui. Đức Phật đã triệt ngộ cái tâm "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt", thấy hết thảy chúng sanh hoàn toàn là Phật. Vì thế đều vì kẻ oán, người thân thuyết pháp khiến cho họ được độ thoát; dẫu là kẻ cực kỳ ác nghịch không tin, tâm Phật cũng không hề có một niệm buông bỏ, vì Phật thấy thấu suốt kẻ đó chính là một vị Phật chưa thành vậy.

Sáng hôm nay, ông Hoàng Hàm Chi bảo tôi rằng: Pháp sư Viên Anh nói đạo tràng sắp viên mãn, ngày hoàn mãn sẽ cử hành phóng sanh. Đến ngày 16 sẽ nói về tam quy ngũ giới, xin tôi vì đại chúng giảng đại ý của sự phóng sanh và thọ tam quy ngũ giới, ngõ hầu mọi người cùng phát tâm lợi người lợi vật. Bởi thế chẳng thể không tuyên nói. Pháp hội này nhằm để hộ quốc tức tai, nếu suy xét đến tận cùng nguyên do phát khởi tai nạn thì phần nhiều là vì sát sanh mà ra. Vì thế, muốn ngưng dứt sát nghiệp, phải bắt đầu từ việc kiêng giết chóc, ăn chay, bảo vệ, tiếc thương sanh mạng loài vật và chuộc mạng loài vật. Mọi người ai nấy phải nên phát tâm bảo vệ, thương tiếc sanh mạng loài vật. *"Muốn biết binh đao*

trong cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm." Hãy giữ hai câu này làm lời răn nhắc, tận lực kiêng dè.

Ý nghĩa của việc phóng sanh là khiến cho mọi người phát tâm bảo vệ mạng sống của chúng sanh. Chính mình phóng sanh, đương nhiên sẽ chẳng sát sanh nữa. Dẫu chính mình chẳng phóng sanh, trông thấy người khác phóng sanh, lẽ nào còn nỡ sát sanh? Nếu ai nấy bảo vệ, thương tiếc sanh mạng, chẳng tàn hại nữa sẽ tiêu được sát kiếp, chuyển được vận nước. Nhưng người đời vẫn có kẻ một mặt bỏ tiền phóng sanh, một mặt vẫn sát sanh, ăn thịt như thường. Như vậy, dù có chút công đức phóng sanh, làm sao địch nổi tội lỗi sát sanh lớn lao!

Hiện thời, hội này dự định trong ngày viên mãn sẽ cử hành phóng sanh, xin các vị phát tâm thí tiền giúp cho, tự lợi, lợi vật, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Còn như tiền cúng dường của đệ tử quy y lần này, Ấn Quang quyết định dùng hết vào việc cứu trợ tai nạn, trọn chẳng lấy dùng một đồng nào. Bởi lẽ tôi là một ông tăng trơ trọi, đã không có chùa miếu, lại cũng chẳng có đồ đệ, trừ thức ăn, quần áo ra, để dành tiền làm gì? Mai kia mạng chung, sau khi hỏa thiêu, đem tro rải xuống biển cả, chẳng cần phải tạo tháp và làm bất cứ hình thức kỷ niệm nào!

Ngay cả việc quy y đây, tôi vốn chẳng thuận từ đầu, nhưng bởi pháp sư Viên Anh và cư sĩ Khuất Văn Lục thiết tha khuyên bảo, viện lẽ những người phát tâm cầu pháp ân cần, vì thỏa mãn ý nguyện của họ, vì tình chẳng thể khước từ, nên đành chấp thuận. Tôi vốn xem nhẹ tiền bạc, chẳng giống những người khác, mỗi tên đệ tử phải xuất tiền "hương kính"[933] bao nhiêu đó mới chấp thuận cho quy y. Tôi thì không tiền cũng quy y được, chỉ cần người ấy có tâm thành kính tu trì mà thôi. Bởi lẽ chẳng thể coi chuyện quy y như chuyện mua bán, cần phải ra giá bao nhiêu đó mới mua được hàng hóa đáng giá chừng đó! Có như vậy thì mới là tín đồ chân thật quy y Phật pháp, mới có thể đạt đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

6. Ngày thứ sáu: Dùng chân đế và tục đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây

Người đời chấp không, chấp có, lầm lạc sanh khởi những kiến giải của chính mình nên mê muội chẳng giác ngộ. Đức Thế Tôn lập ra giáo pháp là vì muốn cho chúng sanh phá trừ hai kiến chấp ấy, đặc biệt bày ra một pháp môn niệm Phật, mong chúng sanh từ có đạt đến không, dẫu đắc không nhưng chẳng bỏ có thì hai pháp có và không sẽ hỗ trợ nhau, được lợi ích rất lớn. Huống hồ là cậy vào nguyện

[933] Hương kính: tiền cúng dường khi cầu quy y thọ giới. Gọi là "hương kính" với ngụ ý cúng cho vị thầy chút tiền để thầy có tiền mua nhang đèn cúng Phật.

lực của Phật Di-đà. Vì thế, lực dụng của pháp môn niệm Phật vượt trỗi hết thảy pháp môn khác, làm chỗ quy túc cho hết thảy các pháp môn.

Trong đời có một hạng người tri kiến hèn kém, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương bèn nói: "Chúng tôi là hạng nghiệp lực phàm phu, làm sao dám mong mỏi vãng sanh Tây Phương? Chỉ cầu chẳng mất thân người là đủ lắm rồi." Thứ tri kiến này là do chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của chư Phật giống hệt, chẳng hai. Nhưng chư Phật tu đức đến cùng cực, tánh đức hiển hiện trọn vẹn, còn chúng sanh dẫu đủ tánh đức, trọn không tu đức, dẫu có tu tập nhưng lắm kẻ vì tu hành trái nghịch với tánh, nên đâm ra càng thêm mê muội, trái nghịch.

Lại có một hạng người tri kiến cuồng vọng, dạy họ niệm Phật, liền bảo: "Ta đã là Phật, cần gì phải niệm Phật? Các ngươi chẳng biết tự mình chính là Phật thì thường niệm Phật cũng không sao. Ta đã tự biết là Phật, cần gì phải trên đầu lại chồng thêm một cái đầu!" Thứ tri kiến này là do chỉ biết đến vị Phật thuộc về Phật tánh sẵn có ngay trong tâm, chưa biết đến vị Phật đã đoạn sạch phiền hoặc, viên mãn phước tuệ. Hạng người này nếu đã biết tánh - tu, lý - sự đều chẳng thể thiên chấp, cực lực tu tịnh hạnh thì sẽ vượt xa hạng người nẩy sanh tri kiến hèn kém. Nếu chẳng vậy, sẽ tự lầm, lầm người, vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ, trọn không có kỳ ra. Vì thế, đối với những hiểu biết lầm lạc chấp không, chấp có, kiến giải hèn kém và kiến giải lầm lạc cuồng vọng này, chỉ có riêng pháp niệm Phật là dễ đối trị nhất. "Tâm này là Phật, tâm này làm Phật", nếu chẳng là Phật thì chẳng phải làm Phật được. Hai câu kinh văn này chính là vô thượng diệu pháp để phá trừ hai thứ kiến chấp hèn kém và cuồng vọng.

Bàn chặt chẽ về ý nghĩa lớn lao trong Phật pháp thì chẳng ngoài chân đế và tục đế. Chân đế một pháp chẳng lập, là thực thể được thấy biết bởi thánh trí. Tục đế phô bày trọn vẹn vạn hạnh, chính là hành tướng được tu trong pháp môn (chữ tục ở đây nghĩa là tạo dựng, kiến lập, chứ đừng hiểu là thế tục, thô tục). Người học Phật phải viên dung chân tục, một mực cùng hành. Bởi lẽ, vì một pháp chẳng lập thì mới có thể tu đạo phô bày trọn vẹn vạn hạnh, vạn hạnh được phô bày trọn vẹn thì mới hiển hiện được bản thể một pháp chẳng lập.

Nay để dễ hiểu, tôi nêu riêng một thí dụ. Bản thể của chân như pháp tánh ví như tấm gương quý báu tròn lớn, rỗng rỗng rang rang, trọn không có một vật, thế mà người Hồ đến thì bóng người Hồ hiện, người Hán đến ắt bóng người Hán hiện. Hồ, Hán cùng đến một lúc thì cùng lúc hiện bóng. Ngay đang trong lúc rỗng rang trống không, trọn không có một vật, chẳng trở ngại gì chuyện người Hồ đến, bóng người Hồ hiện; kẻ Hán đến, bóng kẻ Hán hiện. Ngay đang lúc người Hồ đến hiện

bóng người Hồ, người Hán đến soi bóng người Hán, gương vẫn rỗng rang trống không, trọn không có một vật nào.

Thiền tông đặt nặng chân đế, tức là ngay chỗ "vạn hạnh phô bày trọn vẹn" chỉ ra "một pháp chẳng lập". Tịnh tông phần nhiều chú trọng tục đế, tức là ngay nơi "một pháp chẳng lập", chỉ ra chuyện "vạn hạnh phô bày trọn vẹn". Bậc trí hiểu rõ lý sẽ tự chẳng thiên chấp. Nếu không, thà chấp có còn hơn là chấp không! Vì nếu chấp có dẫu chưa ngộ trọn vẹn Phật tánh vẫn còn có công tu trì; chứ chấp không sẽ bác không nhân quả, thành ra kiến chấp đoạn diệt, phá hoại, rối loạn Phật pháp, khiến chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, họa ấy rất lớn, chẳng thể tuyên nói được!

Chúng ta niệm Phật trước hết phải từ *có niệm* mà khởi. Niệm đến lúc niệm lặng, tình mất, ắt không những đã không có ta là người niệm, mà cũng không có đức Phật được ta niệm, nhưng từng câu, từng chữ vẫn rành rẽ phân minh, chẳng lầm chẳng loạn, tức là như thường nói "niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm" vậy. "Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm" nghĩa là ngay trong lúc đang niệm Phật, trọn chẳng có tình niệm khởi tâm niệm Phật. Tuy không có tình niệm khởi tâm niệm Phật nhưng lại niệm rành rẽ, phân minh, liên tục. Nhưng công phu này chẳng phải là điều hạng sơ tâm có thể đạt được ngay. Nếu chưa đạt đến công phu "vô niệm mà niệm" mà không chú trọng "có niệm" thì khác nào phá nhà để tìm lấy chỗ trống không. Cái không ấy quyết chẳng phải là chỗ để an thân lập mạng được!

Các bậc thiền đức xưa, có nhiều vị lễ bái, trì tụng chẳng tiếc thân mạng như cứu đầu cháy. Vì thế thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ngày làm 108 tám Phật sự, đêm qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật; huống hồ là học nhân đời sau chẳng trọng sự tu (tu hành về mặt sự) mà hòng thành tựu đạo nghiệp ư? Do đại ngộ lý thể "một pháp chẳng lập", tận lực tu hành công phu "vạn pháp viên tu" nơi mặt sự thì mới là *trung đạo không hữu* viên dung.

Kẻ chấp vào *không giải thoát* cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là "một pháp chẳng lập", được chư Phật gọi là "kẻ đáng thương xót". Đại sư Liên Trì dạy: "Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị vãng sanh. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào không. Bởi lẽ, sự có công năng kèm cặp lý, lý chẳng thể tồn tại độc lập", lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi sự để thành lý, do chính ngay nơi lý để thành sự. Lý - sự viên dung, có - không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói 'ta chính là Phật', chấp lý phế sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ sự hiển lý, dẫu hiển lý vẫn chú trọng nơi sự thì mới được lợi ích thật sự. Ngay như

hàng Đẳng giác Bồ-tát vẫn còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả. Nay là phàm phu nhưng chẳng biết tự lượng, coi niệm Phật là Tiểu thừa chẳng đáng để tu trì, tương lai quyết định vào địa ngục A-tỳ vậy.

Hơn nữa, người niệm Phật ai nấy phải tận hết bổn phận của chính mình, chẳng trái nghịch luân lý thế gian, như thường nói là "giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn cấm điều tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Nếu bất hiếu với cha mẹ, chẳng dạy dỗ con cái thì là tội nhân trong Phật pháp. Người như vậy mà muốn được Phật cảm ứng gia bị, trọn chẳng có lẽ ấy! Vì thế, người học Phật phải là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, tự lập mình, lại chu toàn cho người, tự lợi lợi tha. Ai nấy tận hết bổn phận của chính mình, dùng chính thân mình đốc suất người khác, rộng tu lục độ vạn hạnh, để làm gương mẫu cho mọi người.

Phải biết rằng *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ* cũng thuộc vào lục độ vạn hạnh. Trong cõi đời, kẻ chẳng tin Phật giống như người đeo cặp kính màu xem xét vạn vật, thấy là xanh hoặc đỏ là do kính khác màu mà ra, chẳng thấy được màu sắc thật sự của sự vật. Vì thế sách Đại Học có thuyết "cách vật trí tri", thật là có lý vậy! Người học Phật chúng ta chớ có lầm chấp vào kiến giải của chính mình. Nếu lầm chấp vào kiến giải của chính mình, ngồi đáy giếng nhìn trời, một khi Diêm-la đòi mạng mới hay trước đây mình đã sai lầm, có hối cũng muộn rồi.

Đời này bạc ác, xã hội rối loạn, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra. Muốn tính chuyện cứu vãn, ai nấy phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, hiếu dưỡng cha mẹ, thương yêu trẻ nhỏ, yêu người như yêu chính mình, hoàn toàn vì lẽ công, chẳng tư lợi, vậy thì mới có thể cứu vãn được! Do nhân tâm hòa bình, thế giới tự yên, quốc nạn tự dứt. Hiện tại mối họa hoạn lớn nhất là con người ôm lòng riêng tư, lòng riêng tư đến cùng cực sẽ chỉ còn biết đến mình, con ruột có thể giết cha mẹ. Người đời thường hâm mộ cảnh thịnh trị rạng ngời rực rỡ, thiên hạ thái bình thời Đường - Ngu[934], cứ than thở thói đời hiện tại suy đồi, lòng người hiểm ác, nhưng xét đến cùng cực tại sao thành ra như vậy thì thật sự chẳng ngoài hai chữ *công* và *tư* mà thôi. Công đến cùng cực ắt thế giới đại đồng, tư đến cùng cực thì con giết cha mẹ. Nếu mọi người phá được kiến chấp tư hữu, chẳng tàn hại

[934] Đường - Ngu là thời Nghiêu - Thuấn. Vua Nghiêu họ là Y (hay Y Kỳ), tên là Phóng Huân, thuộc thị tộc Đào Đường Thị, sử thường gọi tắt Đường Nghiêu. Vua Thuấn họ Ngu, tên Trọng Hoa, thuộc thị tộc Ngu Thị, sử gọi là Ngu Thuấn. Đây là thời thạnh trị Tam Hoàng Ngũ Đế theo truyền thuyết Trung Hoa.

lẫn nhau thì sẽ lại được thấy cảnh đời Đường Ngu Tam Đại[935] trong ngày nay chẳng khó khăn gì!

Xưa kia, tại Phổ Đà có một vị lão tăng đi đường, chân chợt đụng phải cái ghế, liền đạp đổ cái ghế, lại còn dộng liên tiếp mấy đạp nữa. Thứ tri kiến như vậy đều là do mặc tình ngã mạn, tuyệt chẳng phản tỉnh mà ra. Thứ tri kiến ấy bộc phát lừng lẫy ắt sẽ dẫn đến chuyện giết cha giết mẹ mà vẫn không hổ thẹn; trái lại còn coi đó là công lao. Hiện tại cơ duyên giết hại càng mạnh mẽ, dụng cụ giết người càng thêm khéo léo tinh vi, đại kiếp ngay trước mặt, ai có thể thoát khỏi được? Chỉ mong đại chúng dốc hết lòng thành niệm Phật, xót xa cầu Phật lực gia bị.

Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hỗ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hinh Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân[936] cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng mất thứ gì. Nếu Bồ-tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ-tát đại từ đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: "Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ-tát chỉ có một mình làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!" Nào biết trọn chẳng phải Quán Âm Bồ-tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! Quán Âm vốn vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính mình, cho nên có thể 'nên dùng thân nào để cứu độ thì sẽ hiện ngay thân đó để thuyết pháp'. Như vầng trăng vằng vặc trên không, tất cả mọi chỗ có nước đều hiện bóng trăng, nước trong ngàn dòng sông có ngàn vầng trăng in bóng trên

---

[935] Tam Đại là ba đời vua thánh theo truyền thuyết Trung Hoa: vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Đại Vũ.

[936] Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc phạt (dẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

sông. Trăng ấy là một hay là nhiều? Chẳng thể nói là một, vì trăng hiện bóng trong muôn dòng nước; chẳng thể nói là nhiều, vì vầng trăng trên hư không luôn chỉ là một. Chư Phật, Bồ-tát cứu độ hữu tình cũng giống như thế. Chẳng được cảm ứng là do chúng sanh còn chưa dốc lòng thành, chứ chẳng phải Bồ-tát không cứu giúp, che chở. Như một cái ao nước dơ bẩn, muốn trăng hiện bóng trong ấy há có được chăng? Hiểu rõ lẽ này rồi, đại chúng chúng ta niệm Phật há còn ai chẳng chánh tâm, thành ý, chân thành, khẩn thiết hay sao? Tôi không tin!

Một đệ tử ở huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây là ông Diệp Tư Sơ, cưỡi lừa đi trong vùng núi thẳm, một bên núi cao chót vót, một bên là khe sâu thăm thẳm. Tuyết đóng thành băng, con lừa trượt chân, liền rơi xuống khe. Ngang vách núi có một cái cây to, khéo sao rớt đúng ngay trên cây ấy, không hề hấn gì. Nếu không sẽ bị tan thân, nát xương. Cây ấy do đâu mà có? Ấy là do Quán Âm Bồ-tát thị hiện vậy.

Lại nữa, năm Dân Quốc mười bảy (1928), ông Thái Nhân Sơ người huyện Ninh Ba mở cửa hàng Ngũ Kim Pha Lê ở Thượng Hải. Ông ta là người cực thuần hậu, chơi thân với ông Nhiếp Vân Đài. Vân Đài dạy ông Thái thường niệm Quán Âm, cốt ý để phòng ngừa bị bắt cóc tống tiền. Nhân Sơ tin theo. Ngày nọ sắp ra về, xe của chính ông đậu ngoài cửa, bọn cướp cầm súng đuổi tài xế đi, rồi bọn cướp ngồi trên đó. Ông Nhân Sơ vừa bước ra liền leo lên xe, xe liền chạy đi, mới biết gặp cướp, liền thầm niệm Quán Âm, mong cho xe chết máy hòng thoát nạn. Quả thật, xe bị nổ bánh, xe chạy khật khừ, nhưng vẫn cứ chạy tiếp. Bình xăng bị nổ vỡ khiến xe bắt lửa, bọn cướp xuống xe, cáu kỉnh hướng về phía ông Thái nã liền ba phát súng, nhưng ông Thái ba lần chạy né được, liền ngồi xe kéo trở về. Tháng 6 năm đó, ông và vợ cùng đến Phổ Đà quy y.

Lại nữa, ông Trương Thiếu Liêm, giám đốc của một hãng ngoại quốc nọ, trọn chẳng tin Phật. Một ngày kia, ngồi xe hơi lái đến chỗ thanh vắng, hai tên cướp cầm súng đuổi người tài xế đi. Ông Trương nói: "Các ông lên xe ngồi, sai hắn lái đến chỗ nào là được rồi!" Hai tên cướp cầm súng chĩa về phía ông Trương. Ông Trương thầm niệm Quán Âm, xe lái đến chỗ náo nhiệt, chợt có hai người đánh lộn, tuần bộ (cảnh sát) thổi còi, hai tên cướp trèo xuống xe, lủi mất. Đấy là vì ông Trương niệm Quán Âm nên hai tên cướp mới lầm tưởng là tuần bộ đến bắt chúng. Cậu ông ta là Chu Vị Thạch đã quy y từ trước, một hôm thỉnh tôi đến nhà cụ. Thiếu Liêm cũng đến quy y.

Lại nữa, con ông Lý Cận Đan ở Trấn Hải làm nhân viên buôn bán cho một hãng ngoại quốc, bị bệnh thổ huyết đã hai năm. Có lúc thổ huyết thình lình, dẫu là lúc không thổ huyết thì trong đàm cũng thường lẫn máu. Một ngày nọ anh ta bị bọn cướp bắt. Cận Đan sợ hãi vô cùng, cả nhà niệm Quán Âm cầu cứu. Lại

thỉnh chư tăng chùa Pháp Tạng trợ niệm. Sau đấy, bọn cướp đòi tiền chuộc năm mươi vạn đồng. Nhà họ Lý chỉ có năm vạn. Tên đầu sỏ bọn cướp bảo không đủ năm mươi vạn là không xong; nhưng mỗi khi hắn đề cập đến năm mươi vạn, đầu liền bị nhức buốt, sau đành phải chấp thuận năm vạn tiền chuộc. Từ khi con ông Cận Đan được bọn cướp thả về, chẳng những không bị thổ huyết, mà ngay cả khạc đàm cũng chẳng thấy lẫn máu nữa. Bệnh dây dưa suốt hai năm do bị cướp bắt, bệnh được khỏi hẳn. Những sự tích cảm ứng vừa thuật trên đây, quý vị hãy nên tin tưởng sâu xa.

Hiện tại, người học Phật khá nhiều, nhưng người hiểu biết Phật pháp sâu xa quá ít, trái lại, con người phần nhiều tin vào những lời lẽ của ngoại đạo. Miền Giang - Triết thường đồn rằng: "Người niệm Phật chẳng được vào huyết phòng (phòng đàn bà sanh nở), vì một khi bị mùi máu tanh hôi của bà đẻ suông nhằm, bao nhiêu công đức niệm Phật từ trước tiêu mất hết." Vì thế ai nấy coi là chỗ phải tránh né, dù là con gái, con dâu của chính mình sanh nở đều chẳng dám đến gần. Có kẻ còn né sẵn qua nơi khác từ trước, hơn cả tháng mới dám trở về nhà. Tập tục này phổ biến rất rộng cũng đáng lạ thay! Chẳng biết đó chính là tà thuyết của ngoại đạo làm lầm lạc, điên đảo lòng người, há nên tin bậy?

Năm Dân Quốc thứ mười hai (1923), con dâu thứ của ông Viên Hải Quán, tuổi đã hơn năm mươi, có chút học vấn, có hai trai, hai gái. Lúc con dâu trưởng của bà ta sắp sanh, một vị cư sĩ bảo: "Con dâu sắp sanh, trong vòng một tháng, không được thờ Phật trong nhà, cũng chẳng được niệm Phật." Bà ta nghe xong, hồ nghi, vừa may tôi đến đất Hỗ, bèn hỏi ý việc ấy. Tôi nói: "Kẻ mù quáng đặt lời đồn thổi! Về bảo con dâu bà thường niệm Quán Âm, lúc sanh nở cần niệm ra tiếng. Bà và những người săn sóc sản phụ ai nấy đều nên niệm lớn tiếng thì chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó và không có những chuyện đau đớn, băng huyết v.v.. Mà sau khi đẻ xong cũng chẳng bị các điều nguy hiểm." Bà ta nghe nói, rất mừng!

Qua mấy ngày sau, cháu bé sanh ra, thân rất to, người Hồ Nam sanh con nhất định cân coi nặng bao nhiêu, đứa bé nặng đến năm cân rưỡi, lại là con so, mà người mẹ trọn chẳng đau đớn gì. Vậy mới biết sức đại từ đại bi của Quán Âm Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Bình thường niệm Phật, niệm Bồ-tát, phàm lúc sắp ngủ, lúc rửa chân, tắm gội đều nên niệm thầm. Chỉ có lúc sanh nở chẳng được niệm thầm, vì lúc đang sanh phải dùng sức, niệm thầm ắt sẽ bị tức khí thành bệnh. Phải rất chú ý điểm này! Phải biết, Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ do con người có lòng kiền thành hay không mà thôi.

Vị cao tăng đời Minh là thiền sư Thọ Xương Huệ Kinh lúc sắp được sanh ra khá khó khăn. Ông nội ngài đứng ngoài phòng sanh, vì con cháu niệm kinh Kim Cang để cầu được dễ sanh. Cụ vừa mới mở miệng niệm xong hai chữ Kim Cang, cháu liền được sanh. Ông nội bèn đặt tên cho cháu là Huệ Kinh. Lớn lên, quy y và xuất gia đều chẳng lấy tên nào khác. Ngài là vị cao tăng lỗi lạc thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573-1620). Do đấy, gẫm xem thì biết là Phật pháp có ích cho cõi đời cũng lớn lắm! Niệm Quán Âm Bồ-tát vào lúc sanh sản có lợi ích như thế đó, há nên bị tà thuyết mê hoặc mà chẳng tín phụng ngài ư?

Người đời ăn thịt đã thành thói quen, hãy nên biết bất cứ loại thịt nào đi nữa đều có chất độc, vì lúc con vật bị giết, hận tâm, oán khí ngùn ngụt. Người ăn vào tuy chẳng đến nỗi mất mạng ngay lập tức, nhưng tích tập lâu ngày sẽ trở thành ghẻ chốc, tật bệnh. Những phụ nữ trẻ tuổi nếu vừa nổi nóng xong liền cho con bú sữa mẹ, đứa bé có thể bị chết, bởi vì sự nóng giận khiến cho sữa bị trở thành chất độc. Sự nóng giận của con người vào lúc chưa phải bị đau khổ trí mạng còn độc đến thế, huống là cái đau mất mạng của những loài lợn, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v., há có thể nào thịt chúng nó chẳng độc ư? Hơn mười năm về trước, tôi thấy một cuốn sách nói: "Một phụ nữ Âu Tây tánh tình nóng nảy quá mức, ngày nọ vừa nổi nóng xong, cho con bú, đứa bé chết ngay, chẳng biết vì nguyên do gì. Về sau lại sanh đứa khác, lại nhân lúc nóng giận xong cho con bú, đứa bé chết tươi; bèn đem sữa đi xét nghiệm thì thấy có chất độc, mới biết cả hai đứa con đều chết vì bú sữa độc."

Gần đây có một bà cụ đến quy y, tôi bảo cụ ăn chay vì thịt có chất độc và kể chuyện người phụ nữ Âu Tây do nóng giận mà sữa hóa thành chất độc làm chết hai đứa con để làm chứng. Bà cụ ấy bảo bà ta cũng có hai đứa con cũng bị chết giống như vậy, vì ông chồng cụ tánh khí ngang ngược, man rợ, cứ hễ trái ý liền đánh vợ nhừ tử. Con thơ trông thấy khóc òa lên, liền cho con bú. Đứa bé chết liền! Lúc ấy cụ chẳng biết là chết vì sữa đã trở thành chất độc. Con dâu cụ cũng vì cho con bú mà chết mất một đứa. Đủ thấy con nít trong đời bị trúng sữa độc chết chẳng biết là bao nhiêu. Từ người phụ nữ phương Tây phát giác trước tiên cho đến cụ bà này xác nhận, mới thấy thật minh bạch. Vì thế phụ nữ cho con bú sữa mẹ chớ nên nổi nóng. Nếu như đang giận dữ quá mức thì hôm ấy đừng có cho con bú, cần phải đợi đến hôm sau, tâm trạng lắng dịu, lúc hết còn giận hờn thì mới cho con bú không ngại gì. Nếu ngay hôm đó cho con bú rất có thể làm chết con. Nếu không chết ngay, rất có thể là chết dần dần.

Do vậy biết rằng: Trâu, dê v.v. lúc bị giết tuy chẳng nói được, nhưng chất độc do lòng oán hận kết lại trong thịt nơi thân chúng cũng chẳng ít ỏi gì. Kẻ biết tự

thương mình cố nhiên phải nên kiêng ăn thịt vĩnh viễn để tránh khỏi các thứ tai họa trong đời này, đời sau. Chuyện này rất ít người biết, vì thế phải nêu rõ ra, mong sao mọi người lưu ý. Lấy đó làm chứng, cần biết rằng, khi người ta nóng giận, chẳng những sữa có chất độc mà nước mắt, nước miếng cũng đều có chất độc. Nếu những thứ này rơi rớt vào mắt, vào thân trẻ nhỏ cũng gây hại chẳng cạn. Có một vị bác sĩ đến quy y, tôi hỏi ông ta: "Trong sách thuốc có nói đến điều này hay không?" Ông ta đáp: "Không biết!"

Trong thế gian chuyện vượt ngoài tình lý khá nhiều, chẳng thể vì chúng không hợp khoa học mà coi thường được. Chẳng hạn như cách trị bệnh sốt rét thì dùng một tấm giấy trắng rộng hai tấc, viết ô mai (hai trái), hồng táo (hai trái), hồ đậu (tùy theo bệnh nhân bao nhiêu tuổi, viết bấy nhiêu hạt, như 10 tuổi thì viết 10 hạt, 20 tuổi viết 20 hạt) xếp lại. Trước lúc cơn bệnh phát ra khoảng một tiếng đồng hồ, quấn trên bắp tay, nam bên trái nữ bên phải, thì bệnh sẽ chẳng phát nữa. Trăm lần áp dụng, trăm lần hiệu nghiệm. Dù bệnh đã hai ba năm chẳng lành, cũng chữa lành được. Chẳng phải bùa, chẳng phải chú, chẳng phải thuốc mà trị lành được bệnh ngặt, há có thể vận dụng lý thông thường để giải thích hay chăng?

Sự thể trong thế gian đều khó thể nghĩ bàn cả! Như mắt thấy, tai nghe là chuyện cực bình thường, ai ai cũng biết cả, nhưng nếu hỏi vì sao mắt thấy được, vì sao tai nghe được thì những người biết rất ít. Trong Phật pháp cũng có những sự chẳng thể nghĩ bàn nhưng lại nghĩ bàn được, có những sự có thể nghĩ bàn nhưng lại chẳng thể nghĩ bàn được. Thần diệu nhưng minh bạch, tồn tại ngay trong con người, há nên dùng lẽ thường tình để suy lường ư!

7. Ngày thứ bảy: Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v.

Ngày hôm nay pháp hội viên mãn. Thời hạn bảy ngày chớp mắt đã qua. Thế nhưng, pháp hội tuy viên mãn, chuyện hộ quốc tức tai nên thực hiện cho đến khi chấm dứt báo thân này. Trừ phi ai nấy ăn chay niệm Phật, vãng sanh Tây Phương, chẳng thể nói là đã viên mãn rốt ráo được.

Người học Phật hiện tại có lắm kẻ tự bảo ta đã khai ngộ, ta là Bồ-tát, ta đã đắc thần thông đến nỗi gây lầm lạc cho nhiều người. Một mai Diêm lão réo mạng, lúc mạng sắp chấm dứt, khi ấy cầu sống chẳng được, đau khổ mà chết, chắc chắn đọa địa ngục A-tỳ. Chớ nên nhiễm đắm thói ác của những kẻ ham cao chuộng xa, dối mình lừa người ấy, nếu có thì phải sửa ngay; nếu không có thì càng thêm cố gắng. Hãy kiêng dè, hãy đề phòng!

Giết, trộm, dâm… cố nhiên là tội nặng, nhưng con người biết những hành vi ấy chẳng tốt, không đến nỗi ai nấy đều bắt chước theo, nên tội ấy vẫn còn nhẹ. Nếu chẳng tự lượng, phạm tội đại vọng ngữ, chưa đắc đã bảo đắc, chưa chứng đã nói chứng để dẫn dắt những hạng vô tri, ai nấy đều bắt chước theo, hoại loạn Phật pháp, làm chúng sanh bị nghi ngờ lầm lạc, tội ấy nặng không thể hình dung được!

Người tu hành cần phải giấu tài ẩn đức, phơi bày tội lỗi. Nếu chuộng phô trương tiếng tăm, oai thế rỗng tuếch, bày trò giả dối, dù có tu hành cũng bị cái tâm dối trá rỗng tuếch ấy làm hư mất hết. Vì thế, Phật đặc biệt coi tội vọng ngữ là giới căn bản của các giới để ngăn ngừa tâm hư ngụy, ngõ hầu người tu học đạo Phật sẽ chân tu, thực chứng. Người tu hành chẳng được hướng về hết thảy mọi người khoe khoang công phu của chính mình. Nếu như vì chính mình chẳng thể hiểu thật rành rẽ, muốn cầu thiện tri thức khai thị, ấn chứng, thì cứ theo đúng sự thực mà trình bày trực tiếp, chớ nên kiêu căng nói quá lên, cũng chớ nên tự khiêm nói giảm đi, cứ dựa theo bổn phận của chính mình mà nói thì mới là đệ tử Phật thật sự, mới có thể mỗi ngày một thấy được lợi ích nhiều hơn.

Đại sư Lục tổ nói:

Phật pháp tại thế gian
Bất ly thế gian giác
Ly thế mịch Bồ-đề
Kháp như cầu thố giác.

(Phật pháp tại thế gian
Chẳng rời thế gian giác
Lìa đời tìm Bồ-đề
Khác nào tìm sừng thỏ.)

Vì vậy biết rằng, hết thảy mỗi sự mỗi vật trong thế gian đều là Phật pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải rành rẽ, minh bạch, chẳng được để vọng niệm làm mê. Ngay cả những kẻ cực ác, bại hoại nhất trong thế gian cũng như những đứa trẻ non nớt, nếu có ai nói đến những điều bất thiện thì giận, nghe điều lành thì vui. Sự giận dữ đối với điều bất thiện, vui vẻ đối với điều thiện há chẳng phải là chân tâm bản giác phát hiện ư? Điều đáng tiếc là chẳng biết tự quay lại để mở rộng [cái tâm giận điều ác, vui điều lành] ra, vẫn cứ suốt ngày làm chuyện chẳng lành, đến nỗi trở thành ham danh ghét thật, lọt vào hạng tiểu nhân. Giả sử họ có thể tự phản tỉnh: "Ta đã vui với điều thiện thì hãy nên tận lực làm việc lành, tận lực ngăn ngừa điều ác thì gần là mong thành hiền, thành thánh; xa là liễu sanh thoát tử, thành giác đạo của Phật."

Điều quan trọng là tự giác, hễ giác thì chẳng chịu thuận theo mê tình, cuối cùng đạt đến chỗ giác vĩnh viễn chẳng mê. Nếu chẳng tự giác sẽ hằng ngày muốn người khác khen ngợi ta là lành, nhưng hằng ngày tận lực làm các điều ác, chẳng đáng buồn lắm ư? Sự kiện con người ai cũng có ý niệm thích được người khác khen ta là lành, đủ chứng tỏ chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng hành vi thuận theo tánh hay trái nghịch tánh thì: một là do mình tự cố gắng hay tự buông lung, hai là do thiện hay ác tri thức chỉ bày dẫn dụ. Đời nay tai nạn phát sanh dồn dập, quá nửa là do con người phần nhiều chẳng chuộng thực tế, ham chuộng mong mỏi hư danh, ham danh ghét thật, trái nghịch bản tâm của chính mình mà nên nỗi. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tỏ rõ Phật tánh vốn sẵn có, chẳng lừa mình dối người, biết lễ nghĩa, biết liêm sỉ thì cái căn bản đã lập, chẳng còn làm chuyện nghịch lý loạn đức, ắt tai hoạn sẽ tự dứt vậy.

Người học Phật quan trọng nhất là ai nấy phải trọn hết bổn phận, tròn bổn phận thì sẽ có liêm, có sỉ. Những hạnh như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính đều nên nỗ lực thực hành. Sách Đại Học có câu: *"Đại học chi đạo, tại minh minh đức"* (Đạo đại học cốt ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Chữ "minh" thứ nhất là tu đức "khắc kỷ[937], xét soi, phản tỉnh", hai chữ "minh đức" tiếp đó chỉ tánh đức sẵn có trong tự tâm. Muốn làm sáng tỏ minh đức sẵn có trong bản tâm, không tu trì từ việc khắc kỷ, xét soi, phản tỉnh thì không xong. Tiến lên nữa, mới có thể nói *"tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện"*, chữ "thân dân" ở đây hàm ý ai nấy tận hết bổn phận, "chỉ ư chí thiện" nghĩa là khởi tâm, làm chuyện gì, tự hành dạy người đều thuận theo lẽ trời, tình người, là trung đạo chẳng lệch, chẳng cong quẹo. Được như vậy thì làm thánh làm hiền là điều có thể đạt được.

Vả nữa, Phật pháp nhằm dạy người đối trị phiền não tập khí, nên có tam học giới định tuệ làm căn bản. Bởi lẽ, giới ràng buộc cái thân thì chẳng dám làm điều trái đức nghịch lý, chẳng dám thốt lời vô ích có hại. Do giới sanh định nên những tạp niệm vọng loạn rối bời trong tâm sẽ dần tiêu, những hành vi hồ đồ sẽ tự ngưng. Do định phát tuệ nên chánh trí mở mang, phát khởi, phiền hoặc tiêu diệt, thực hiện các thiện pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào là chẳng phù hợp với trung đạo vậy. Ba thứ giới định tuệ đều là tu đức, đều là tâm thể do đích thân chánh trí thấy được. Đấy chính là minh đức. Sách Trung Dung gọi minh đức này là thành, thành chỉ cho "thuần chân chẳng vọng", minh đức tức là "ly niệm linh tri". Thành và minh đức đều thuộc về tánh đức. Do có tu đức "tu trì khắc kỷ, phản

[937] Khắc kỷ: Nghiêm khắc với bản thân, không cho phép bản thân mình dễ dãi với bất cứ tập quán ươn hèn, sai trái nào.

tỉnh, xét soi" thì tánh đức mới hiển lộ. Bởi thế cần chú trọng vào chữ "minh" thứ nhất thì minh đức mới có thể thấy thấu suốt, vĩnh viễn tỏa sáng.

Phật pháp và thế gian pháp vốn chẳng phải là hai thứ! Nếu có kẻ cho rằng nhà Phật *"từ thân cát ái"* (từ biệt cha mẹ, cắt đứt tình yêu thương) là bất hiếu thì đó là cái nhìn hạn cuộc trong đời này, là cái nhìn nông cạn chẳng biết tới quá khứ, vị lai. Chữ hiếu đối với cha mẹ trong nhà Phật thông cả ba đời, vì thế kinh Phạm Võng dạy: "Nếu là Phật tử thì do tâm từ sẽ hành nghiệp phóng sanh, coi hết thảy đàn ông là cha ta, coi hết thảy đàn bà là mẹ ta. Ta trong đời đời không lúc nào không do họ sanh ra, bởi vậy chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta. Giết họ để ăn tức là giết cha mẹ ta!" Đối với hết thảy chúng sanh, Phật đều nghĩ thương xót độ thoát, ấy là hiếu chẳng phải là vừa rộng lại vừa xa ư?

Vả nữa, lòng hiếu thế gian: Cha mẹ còn sống thì hầu hạ, phụng dưỡng, cha mẹ đã khuất thì chỉ tới ngày cha mẹ mất mới làm cỗ cúng bái để trọn hết dạ làm con. Nếu như cha mẹ tội lớn, đọa trong dị loại, nào ai có thể biết trong đám sinh vật bị giết hại để ăn ấy, chắc chắn không có ai từng là cha mẹ ta ư? Không thông hiểu lý ba đời vô tận, cậy vào sự hiếu nhỏ nhoi mấy mươi năm để trách người, sự thấy biết ấy nhỏ nhoi nông cạn, đáng thương xót thay! Vì thế Phật dạy người ta kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, lòng từ bi cứu giúp cũng lớn lao thay!

Hoặc lại có kẻ bảo: "Loài lợn, dê, cá, tôm… vốn do trời sanh để nuôi dưỡng con người, ăn chúng nào có mắc tội gì?" Đây là do chưa trải qua cảnh đó nên mới nói bừa như thế. Nếu đích thân trải qua cảnh ấy thì mong được cứu còn không xuể, nào có dịp biện bác. Sách Khuyến Giới Loại Biên có chép: Ông họ Triệu nọ làm huyện lệnh huyện Bồ Thành, tỉnh Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Vợ ông hoàn toàn không có lòng tin. Ngày hôm trước bữa sinh nhật, bà ta mua khá nhiều sanh vật tính giết đãi khách. Họ Triệu bảo: "Bà muốn chúc thọ mà lại làm cho chúng nó bị chết, nên chăng?" Vợ bảo: "Ông nói toàn lời vô ích, nếu theo như Phật pháp, nam nữ chẳng được ngủ chung, chẳng giết sanh mạng, thì hóa ra mấy chục năm sau, tràn ngập thế gian toàn là súc sanh!" Ông Triệu cũng không có cách gì khuyên giải được.

Đến đêm, người vợ mơ thấy đi vào nhà bếp, thấy giết lợn mà chính mình bị biến thành lợn, bị giết chết rồi vẫn còn biết đau. Lúc bị cạo lông, phanh bụng, móc ruột, cắt phổi, đau khổ không thể chịu được nổi! Sau đấy giết đến gà, vịt v.v., đều thấy chính mình là những con vật bị giết. Đau quá sức, tỉnh cả ngủ, tim run thịt giựt. Từ đấy phát tâm thả hết những loài vật mình đã mua, ăn chay trường.

Người này đời trước có căn lành lớn nên mới cảm được Phật từ gia bị, khiến cho bà ta đích thân chịu khổ để dứt ác nghiệp. Chứ nếu không sẽ đời đời kiếp

kiếp nộp thân cho người ta ăn để đền nợ sát sanh. Những kẻ giết sanh vật ăn thịt trong cõi đời nếu có thể nghĩ tưởng đặt chính mình vào trong hoàn cảnh của loài vật thì khó gì mà chẳng quay đầu ngay khi ấy.

Lại có một hạng người nói: "Ta ăn thịt trâu, dê, gà, vịt… là vì muốn độ thoát chúng nó!" Chẳng những Hiển giáo không có thuyết này, ngay trong Mật giáo cũng không có. Nếu quả thật có thần thông như ngài Tế Điên thì còn được. Chứ nếu không, đó chỉ là tà thuyết khiến người lầm lạc, tự chuốc lấy tội. Hạng hết sức vô liêm sỉ mới dám nói như thế! Người học Phật phải hiểu rõ ràng khả năng của mình, chớ nên xằng bậy tự khoe khoang lớn lối, mong mỏi vậy thay!

Thời Lương, tại núi Thanh Thành ở đất Thục (Tứ Xuyên), có vị tăng tên là Đạo Hương có đại thần lực, nhưng giấu kín chẳng tiết lộ. Núi ấy có lệ hằng năm mở hội, lúc đó mọi người ăn uống no say, giết hại sanh vật vô số. Ngài Đạo Hương khuyên can nhiều lần, họ chẳng nghe. Năm ấy, ngài đào một cái hố to ở ngoài sơn môn, bảo mọi người: "Các ông đã ăn no, xin chia cho tôi một bát canh, có được không?" Mọi người ưng thuận. Khi đó, ngài Đạo Hương cũng ăn uống thật no say, nhờ người dìu đến trước hố ọe hết ra. Những con vật ngài đã ăn vào: Con nào bay được thì bay lên, con nào chạy thì chạy đi, tôm, cá, thủy tộc ói ra ngập cả hố. Mọi người kinh sợ kính phục, liền vĩnh viễn kiêng sát sanh. Về sau, ngài Đạo Hương nghe lời Chí Công liền hóa (tịch diệt) (Có người đất Thục yết kiến ngài Chí Công ở kinh đô. Chí Công hỏi: "Người xứ nào?" Đáp: "Tứ Xuyên." Chí Công bảo: "Hương ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Đáp: "Rất rẻ."[938] Chí Công bảo: "Đã bị người ta coi thường sao chẳng ra đi?" Người đó trở về núi Thanh Thành, thuật cho Đạo Hương nghe lời ngài Chí Công. Ngài Đạo Hương nghe lời ấy xong liền hóa).

Cần biết rằng, những người an phận giữ mình trong cõi đời, một khi hiển thị thần thông xong liền thị hiện tịch diệt lìa đời để khỏi bị tăng thêm phiền não. Nếu không, phải như ngài Tế Điên làm ra vẻ si cuồng, không ra trò gì để người ta nửa tin nửa ngờ, không thể đoan chắc thì mới được.

Người học Phật cần phải chăm chú bỏ cái thấy ta người, cần phải tự lập lập người, tự lợi lợi người, có vậy mới có thể nói là "nhập đạo". Tức là như sách Đại Học chép: *"Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm. Dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí*

[938] Nguyên văn: *"Tứ Xuyên hương quý tiện?"* Câu này có thể hiểu hai nghĩa: "Ngài Đạo Hương ở Tứ Xuyên được quý trọng hay bị coi thường?" Nghĩa thứ hai là "nhang ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Người nghe hiểu theo nghĩa thứ hai nên nói "rất rẻ".

kỳ tri. Trí tri tại cách vật" (Người xưa muốn làm sáng tỏ minh đức trong thiên hạ thì trước hết phải giữ yên đất nước. Muốn giữ yên đất nước thì trước hết phải giữ yên gia đình. Muốn giữ yên gia đình thì trước hết phải sửa đổi thân mình. Muốn sửa đổi thân mình thì trước hết cái tâm phải ngay thẳng. Muốn cái tâm ta ngay thẳng thì trước hết phải giữ cho cái ý chân thành. Muốn cho cái ý chân thành thì trước hết phải đạt đến chỗ hiểu biết. Đạt đến chỗ hiểu biết nằm ở chỗ trừ khử vật dục).

Chữ "vật" được nói ở đây chỉ lòng tư dục chẳng phù hợp với thiên lý và tình người. Hễ đã có tư dục ắt tri kiến sẽ lệch lạc tà vạy, chẳng còn ngay thẳng nữa. Chẳng hạn như kẻ đã yêu vợ, thương con thì dù vợ con có hư đốn, kẻ đó cũng chẳng thấy là hư hỏng. Do tư dục yêu thương mê mệt ngăn lấp lương tri sẵn có, nên trở thành sự thấy biết xấu ác, lệch lạc, tà vạy, bất chánh. Nếu có thể trừ khử sạch tâm niệm yêu thương mù quáng thì những chuyện vợ con đúng hay sai sẽ thấy rõ ngay lập tức.

Vì vậy biết rằng, phải thống thiết giảng rõ ràng khái niệm "cách vật" (trừ khử vật dục), chớ có hiểu lầm "cách vật" nghĩa là thông suốt cùng tột lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Trừ khử món đồ tư dục trong tự tâm mới chính là căn bản của việc "làm sáng tỏ minh đức". Thông đạt tận cùng lý tánh của sự vật trong cõi đời chỉ là chuyện cành nhánh nhất trong các chuyện cành nhánh. Lấy chuyện cành nhánh phụ thuộc nhất làm gốc thì thiên hạ ắt phải loạn lạc hết thuốc chữa được! Phật pháp trừ khử tham sân si chính là "cách vật", tu giới định tuệ chính là "trí tri". Món vật tham sân si chất chứa trong tâm thì cũng như đeo cặp kính màu để nhìn mọi vật sẽ chẳng thể thấy được màu thật của chúng. Họa hại của vật dục chẳng đáng sợ sao?

Người niệm Phật cũng đừng ỷ mình thông minh trí tuệ, mà cần phải vứt bỏ những điều ấy ra tận ngoài biển Đông. Nếu không, e rằng sẽ bị chúng gây lầm lạc, tự chuốc buồn khổ. Bởi lẽ do thấy biết nhiều nhưng không chuyên nhất, đâm ra chẳng bằng hạng ngu phu ngu phụ niệm Phật, chánh tâm, thành ý được hưởng ích lợi rất nhiều. Vì thế, một pháp niệm Phật tốt nhất là phải học theo ngu phu ngu phụ, lấy việc thật thà tu trì làm chánh yếu. Tục ngữ có câu: *"Thông minh phản bị thông minh ngộ"* (Thông minh đâm ra lại bị lầm lạc vì thông minh), chẳng đáng sợ sao?

Như bà vợ của ông Trịnh Bá Thuần, một đệ tử quy y của tôi ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam, ăn chay trường niệm Phật nhiều năm. Người con trưởng tên Huệ Hồng đã chết vào năm trước. Bà mẹ do thương con quá nên uống thuốc độc, trọn không có tướng trạng khổ sở, ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Hơn nữa, chết

rồi sắc mặt sáng nhuận, kinh động cả một phương. Ông Bá Thuần là bậc lão Nho đề xướng niệm Phật, người tin theo rất ít, nhưng do cái chết của vợ con ông, mười người đã hết tám, chín người tin theo. Phàm ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, dẫu không bệnh mà thác cũng đã khó có, huống chi uống thuốc độc chết mà còn hiện được tướng đó, nếu chẳng phải là đã đắc tam-muội nên chất độc chẳng thể làm hại được thì làm sao hiện được tướng như vậy?

Ông Dương Kiệt[939] đời Tống, tự là Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, tham học với thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, đại ngộ. Sau do cư tang mẹ, đọc Đại tạng, hiểu sâu xa sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ nên tận lực tự hành, dạy người hành. Lâm chung nói kệ rằng:

Sanh diệc vô khả luyến,
Tử diệc vô khả xả,
Thái hư không trung chi hồ giả dã,
Tương thác tựu thác Tây Phương Cực Lạc.

(Sanh thì cũng chẳng tiếc gì,
Chết rồi cũng chẳng bỏ đi đâu nào,
Hư không hư huyễn sá chi,
Đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương.)

Ông Dương Kiệt sau khi đại ngộ, quy tâm Tịnh độ, cực lực đề xướng; đến lúc lâm chung nói: Trong chân tánh thì sanh tử như hoa đốm trong hư không, nhưng do chưa chứng được chân tánh thì chẳng thể không chú trọng cầu vãng sanh Tây Phương. "Đem lầm đáp lẫn" nghĩa là nếu đã triệt chứng chân tánh thì chẳng cần phải cầu sanh Tây Phương nữa, vì cầu được vãng sanh vẫn còn là lầm lạc. Chưa chứng ngộ chân tánh thì phải nên cầu vãng sanh Tây Phương, cho nên mới nói "đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương". Trong tác phẩm Vãng Sanh Tập, cuối truyện ông Dương Kiệt, đại sư Liên Trì đã viết bài tán như sau: "Tôi mong những kẻ thông minh tài trí trong thiên hạ đều có thể thành tựu loại lầm lạc này. Đấy có thể bảo là thực sự đại thông minh mà chẳng bị thông minh làm lầm lạc vậy."

---

[939] Dương Kiệt là người huyện Vô Vi (tỉnh An Huy), nên lấy hiệu Vô Vi Tử, có tài văn chương lỗi lạc, đỗ đạt ngay trong tuổi thiếu niên. Thích học thiền, đã tham học khắp các vị tôn túc đương thời. Khi yết kiến Thiên Y Nghĩa Hoài, sư đã đem những câu chuyển ngữ của cư sĩ Bàng ra gạn hỏi. Một hôm đến núi Thái, thấy mặt trời to như cái mâm đang mọc bèn đại ngộ. Trình kiến giải lên Nghĩa Hoài được hứa khả. Sau ông lại gặp ngài Phù Dung Đạo Giai thưa hỏi lẽ thiền. Dưới đời Tống Thần Tông, ông xin cáo quan về làng phụng dưỡng mẹ, ẩn cư đọc hết Đại tạng kinh, bèn liễu giải, quy tâm Tịnh độ. Từ đấy chuyên tu tịnh nghiệp, từng vẽ một bức tượng Di-đà cao đến một trượng sáu để lễ bái, quán tưởng. Lâm chung cảm Phật đến rước, ngồi ngay ngắn, an nhiên qua đời. Ông trước tác các bộ Thích Thị Biệt Tập, Phụ Đạo Tập v.v..

Như ông Tô Đông Pha đời Tống, tuy là hậu thân của thiền sư Ngũ Tổ Giới, luôn mang một bức tranh A-di-đà Phật theo bên mình, bảo: "Đây là công cứ Tây Phương của cả đời ta." Nhưng đến lúc lâm chung, trưởng lão Duy Lâm ở Kính Sơn khuyên nhủ đừng quên Tây Phương, Đông Pha nói: "Dù Tây Phương chẳng phải là không có, nhưng chẳng thể dốc sức vào đấy được!" Môn nhân là Tiền Thế Hùng thưa: "Đấy chính là chỗ tiên sinh thường hành trì, hãy nên dốc sức." Đông Pha đáp: "Hễ dốc sức vào thì là sai rồi!" Nói xong liền mất. Đấy chính là bằng chứng hùng hồn của chuyện tự lầm lạc bởi thông minh vậy. Mong quý vị ai nấy đều chú ý!

Pháp môn Tịnh độ khế lý khế cơ, dùng sức ít mà thành công dễ dàng, như đã căng buồm thuận gió lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Các tông khác dùng sức nhiều mà thành công khó khăn giống như con kiến bò lên núi cao vì hoàn toàn cậy vào tự lực. Đẳng giác Bồ-tát muốn cầu viên mãn Phật quả còn phải cầu vãng sanh Tây Phương, huống hồ là bọn phàm phu chúng ta nghiệp căn sâu nặng, sao chẳng dốc sức vào pháp này? Đấy là bỏ dễ cầu khó, lầm lạc cùng cực thay!

Hơn nữa, hiện thời những dụng cụ giết người trong cõi đời mỗi ngày mỗi mới mẻ, mỗi tháng mỗi khác biệt, nào là máy bay, đại bác, hơi độc, tia tử thần v.v.. Núi sông chẳng thể ngăn trở nổi, vật cứng không chống ngăn được, cái thân máu thịt của chúng ta làm sao đương cự được nổi? Mạng người như giọt sương buổi sớm, vô thường một khi xảy đến, muôn sự đều thôi. Bởi thế, muốn cầu lìa khổ được vui thì phải nên kịp thời nỗ lực niệm Phật, cầu Phật gia bị lâm chung vãng sanh. Một phen đạt lên cõi kia, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, hoa nở thấy Phật, chứng được Vô sanh, mới chẳng cô phụ chuyện được nghe pháp này mà tin nhận vậy. Kính mong đại chúng tinh tấn hành trì, đấy là điều tôi rất mong mỏi.

8. Ngày thứ tám: Pháp hội đã viên mãn, giảng tam quy, ngũ giới, thập thiện và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật

Hôm nay là ngày quý vị quy y, quý vị đã quy y thì nên hiểu rõ đạo lý quy y, nay tôi trình bày cùng quý vị. Vì sao quý vị quy y? Tôi nghĩ nói chung là chẳng ngoài việc muốn cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử mà thôi! Như thế nào mới đạt được những mục tiêu này? Tức là phải quy y tam bảo, nghĩa là quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. Có quy y tam bảo, tu trì chân thật thì mới được liễu thoát sanh tử, vãng sanh Tây Phương. Vả nữa, tam bảo vừa nói đó có hai loại là tự tánh tam bảo và trụ trì tam bảo.

Tự tánh tam bảo:

- Phật nghĩa là giác ngộ. Tự tánh Phật chính là chân như Phật tánh ly niệm linh tri sẵn có trong tự tâm.

- Pháp nghĩa là quỹ phạm (khuôn phép). Tự tánh pháp chính là khuôn mẫu đạo đức, nhân nghĩa cao quý sẵn có trong tâm.

- Tăng nghĩa là thanh tịnh. Tự tánh tăng chính là tịnh hạnh thanh tịnh vô nhiễm sẵn có trong tâm.

Trụ trì tam bảo:

- Lúc đức Phật Thích-ca còn tại thế thì ngài là Phật bảo. Sau khi Phật diệt độ, tất cả các tượng Phật bằng vàng, bằng đất, gỗ chạm, tranh vẽ đều là Phật bảo.

- Các pháp ly dục thanh tịnh Phật đã giảng, và các kinh điển sách vàng, trục đỏ đều là pháp bảo.

- Người xuất gia áo thâm, tu các hạnh thanh tịnh đều là tăng bảo.

Quy (歸) là quay về, đổ vào, như nước đổ vào biển, như dân hướng về vua. Y (依) là nương gởi, như con nương vào mẹ, như vượt sông, biển nương nhờ thuyền. Con người giữa biển cả sanh tử nếu chẳng quay về nương nhờ tự tánh tam bảo và trụ trì tam bảo thì không cách gì thoát ra được. Nếu chịu phát tâm chí thành quy y tam bảo, tu hành đúng như pháp thì liền ra khỏi biển khổ sanh tử, liễu sanh thoát tử. Như người lỡ chân rớt xuống biển cả, sóng dữ bủa cuồn cuộn, lo bị ngập mất đầu. Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc, sanh tử tồn vong ấy, chợt có con thuyền đi đến, liền đuổi theo, trèo lên. Đấy là nghĩa "quay về, gieo vào" vậy.

Do biết tự tánh tam bảo, từ đấy khắc kỷ, phản tỉnh, xem xét, kiêng dè, gắng sức, lại cầu nơi trụ trì tam bảo và mười phương ba đời hết thảy tam bảo thì tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi. Giống như được cứu, leo lên thuyền, ngồi yên đến bờ. Hung hiểm lúc ấy đã qua, hiện tại mừng được sống sót. Bởi đó được vô hạn lợi ích. Đấy chính là ý nghĩa "nương, gởi" vậy. Việc đời rối ren, phiền não đau khổ, sống trong biển cả sanh tử này, hãy nên lấy tam bảo làm thuyền. Chúng sanh được quy y, đẩy chèo, giương buồm, chẳng lười nhác, chẳng lui sụt, tự lên được bờ kia.

- Đã quy y Phật hãy nên thờ Phật làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, dốc lòng chân thành lễ kính, chẳng chịu lười nhác dẫu chỉ trong một hơi thở. Lại chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần.

- Đã quy y pháp, nên lấy pháp làm thầy, từ nay cho đến hết đời, chẳng quy y kinh điển ngoại đạo nữa.

- Đã quy y tăng nên lấy tăng làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng còn quy y đồ chúng ngoại đạo nữa.

Nếu đã quy y tam bảo mà còn tin tưởng ngoại đạo, tôn thờ tà ma, quỷ thần thì tuy hằng ngày niệm Phật, tu trì cũng khó lòng được lợi ích chân thật, vì tà chánh chẳng phân, chắc chắn chẳng có hy vọng liễu thoát sanh tử. Ai nấy nên nghiêm chỉnh vâng giữ như thế *(giảng xong hai chữ quy y)*.

Đã giảng về ý nghĩa tam quy rồi, lại nói đến ý nghĩa ngũ giới. Ngũ giới vừa được nói đó, chính là: một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

1. Chẳng sát sanh là vì ta cùng loài vật đều ham sống, sợ chết giống hệt như nhau. Ta đã ham sống, há loài vật muốn chết? Nói, nghĩ đến điều đó, nỡ lòng nào giết hại? Bởi lẽ hết thảy chúng sanh vốn cùng ngang hàng, luân hồi trong lục đạo, tùy theo nghiệp thiện ác mà hình thể biến đổi, thăng, giáng, siêu thoát, chìm đắm, trọn chẳng lúc nào hết. Ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha mẹ, lần lượt làm con cái. Suy nghĩ như vậy, há còn dám sát sanh?

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, quả thực chẳng hai, chẳng khác với ba đời chư Phật. Trong đời vị lai, đều có thể thành Phật, chỉ vì sức ác nghiệp đời trước ngăn lấp khiến cho Phật tánh mầu nhiệm sáng suốt chẳng thể hiển hiện được, chìm đắm trong dị loại. Chúng ta phải nên dùng lòng thương xót, lòng từ bi để cứu vớt, nỡ nào cắt xẻ thân thể chúng để no bụng ta?

Đời này, bọn ta đã được làm người chính là do thiện quả đời trước, phải nên giữ gìn thiện quả này khiến cho nó được tỏa rạng rộng lớn, duy trì vĩnh cửu, hãy nên kiêng giết chóc sanh mạng! Nếu như rộng tạo sát nghiệp ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, xoay vần giết hại nhau, đây chìm kia nổi, chẳng có lúc hết. Muốn cầu sanh Tây Phương để tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, sao còn dám tạo sát nghiệp ư? Vì thế, điều đầu tiên cần chú trọng là kiêng giết.

2. Chẳng trộm cắp là khi có được vật gì phải xét xem nó có hợp đạo nghĩa hay không[940], nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Việc này những ai biết chút liêm sỉ sẽ đều có thể chẳng phạm, nhưng con người chẳng phải là hiền thánh, ai có thể chưa hề phạm? Bởi lẽ, nếu tư dục dấy lên sẽ dễ bị vật chất lung lạc. Nếu đối với mối lợi lớn ở ngay trước mắt mà có thể né tránh giống như gấp gáp tránh rắn rết, hoặc né tránh kẻ chạy cuồng đi vội thì người như vậy chẳng luôn luôn gặp gỡ được!

Nói "trộm cắp" đó chẳng phải chỉ có nghĩa là trộm cắp tài vật của người khác, mà là ngay trong lúc khởi tâm, làm việc có khi giống như trộm cắp thì cũng gọi

[940] Nguyên văn là "kiến đắc tư nghĩa". Chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải. Khổng tử còn nói thêm: *"Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo"* (Quân tử tuy chuộng của cải, nhưng lấy của cải phải đúng với đạo nghĩa).

là trộm cắp vậy. Chẳng hạn như lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu đoạt vật, ganh tỵ sự phú quý của người khác, mong người ta nghèo hèn đi v.v. đều là trộm cắp cả. Lại như làm lành phô trương để cầu danh. Nếu gặp các việc lành, tâm chẳng tích cực, công chuyện phần nhiều làm quấy quá. Chẳng hạn như lập trường nghĩa học[941] nhưng chẳng chọn thầy nghiêm khắc khiến cho con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc men chẳng phân biệt thật giả, khiến tánh mạng người khác bị hại. Phàm thấy nạn gấp, dụ dự chẳng cứu cho nhanh, cứ lần chần, dùng dằng đến nỗi lỡ việc. Chỉ luôn lằng nhằng, thiếu trách nhiệm, chẳng quan tâm đến lợi hại của người khác. Những điều giống như thế đều gọi là trộm cắp. Lòng mang cái tâm trộm cắp, làm chuyện trộm cắp thì xã hội sẽ vì đó mà rối beng, thiên hạ cũng chẳng thái bình. Vì vậy cần phải chú trọng kiêng dè trộm cắp.

3. Chẳng tà dâm: Âm dương thu hút nhau, muôn vật nhờ đó mà sanh. Nam nữ lập gia đình là giềng mối lớn lao của con người. Sanh con đẻ cái, nuôi dạy nên người, trên liên quan đến phong hóa, dưới liên quan đến tiếp nối dòng dõi, cho nên chẳng cấm. Nếu chẳng phải với người vợ hay chồng chánh thức lại chung chạ bừa bãi, đấy là tà dâm. Như vậy là trái nghịch lẽ trời, rối loạn luân thường của con người, sống làm cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa tam đồ ác đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Nhưng con người do dâm dục sanh ra nên dâm tâm khó chế ngự nhất.

Đức Như Lai dạy người tham dục nặng nề tu quán bất tịnh, quán lâu ngày sẽ thấy sắc đâm chán. Lại nếu có thể tưởng hết thảy nữ nhân mình trông thấy đều là mẹ, con gái, chị, em, sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính thì ác niệm dâm dục không do đâu phát sanh được. Đấy chính là đoạn trừ cội gốc của sanh tử luân hồi, là cơ sở, là bậc thềm để siêu phàm nhập thánh, hãy nên thường kiêng dè.

Còn như vợ chồng ân ái với nhau vốn chẳng bị cấm đoán, nhưng cũng cần phải *"tương kính như tân"* (kính trọng nhau như khách), nhằm tiếp nối dòng dõi để thờ phụng tổ tiên, phải nên giữ chừng mực, chớ nên chỉ tham cầu khoái lạc đến nỗi chôn vùi thân mạng. Tuy là với người phối ngẫu của mình, hễ tham khoái lạc thì cũng là phạm giới. Chẳng qua tội ấy so ra nhẹ hơn tội tà dâm thôi! Vì thế cần phải đặt nặng chuyện giới dâm.

4. Chẳng nói dối là lời lẽ phải đáng tin, chẳng dối trá thốt ra. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, lấy có làm không, phàm hết thảy những chuyện tâm miệng chẳng xứng nhau, muốn lừa dối người thì đều là "nói dối" cả. Lại nếu tự mình chưa đoạn hoặc mà bảo đã đoạn hoặc, tự mình chưa đắc

[941] Trường nghĩa học: Trường miễn phí mở ra để dạy dỗ con cái người nghèo, hoặc côi cút.

đạo mà bảo đã đắc đạo thì là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng, vì hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lạc, chắc chắn đọa địa ngục A-tỳ, vĩnh viễn không có ngày ra. Vì thế cần phải chú trọng giới vọng ngữ.

Bốn điều kể trên gọi là tánh giới, vì do thể tánh của chúng đáng kiêng giữ. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không, hễ phạm phải đều có tội lỗi. Kẻ chưa thọ giới, căn cứ trên sự mà luận tội. Người đã thọ giới, ngoài việc căn cứ trên sự để luận tội ra, còn kèm thêm tội phạm giới. Vì thế bốn điều sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ này, hết thảy mọi người đều chẳng nên phạm. Hễ phạm đều có tội! Đã thọ giới mà còn phạm sẽ mắc cả hai trọng tội.

5. Chẳng uống rượu là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại dòng giống trí tuệ. Uống vào, rượu làm cho con người điên đảo, hôn mê, cuồng dại, làm càn những chuyện không biết hổ thẹn. Phàm là người tu hành trọn chẳng cho phép uống. Cần biết rằng, hết thảy vọng niệm, tà hạnh phần nhiều là do uống rượu mà nẩy sanh. Vì thế cần phải chú trọng thêm chuyện kiêng rượu. Đây là già giới (giới ngăn ngừa), chỉ người thọ giới mắc tội phạm giới, người chưa thọ giới thì uống vào không bị tội. Nhưng không uống thì tốt hơn, bởi nó là căn bản có thể sanh ra các thứ tội lỗi.

Còn về thập thiện cũng phải nên tuân thủ. Thập thiện là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, đấy là ba nghiệp của thân; chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu là bốn nghiệp của miệng; chẳng keo tham, chẳng nóng giận, chẳng tà kiến là ba nghiệp của ý. Nếu giữ được chẳng phạm thì gọi là thập thiện, nếu phạm chẳng giữ thì gọi là thập ác. Thập ác chia ra làm thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập thiện cũng chia thành thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba đường lành: trời, người, a-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, không hề sai sót! Mười điều lành này bao gồm hết thảy thiện pháp. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Các vị đã quy y, thọ giới, hãy nên tuân thủ trọn vẹn. Lại còn phải nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên coi thường. Nếu chẳng để ý, đến khi lâm chung mới cảm thấy là trọng yếu thì gió nghiệp đã thổi, chẳng thể tự chủ, hối cũng chẳng kịp!

Người học Phật đã hiểu rõ các ý nghĩa tam quy, ngũ giới, thập thiện rồi thì hãy dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Điều cần phải chú ý nhất là làm bất cứ việc gì, đều phải dựa vào thiên lý, lương tâm. Như người làm nghề y mà có lương tâm, cứu người trong cơn nguy cấp sẽ tích lũy âm công (âm đức) lớn

lao. Kẻ không có lương tâm có thể sẽ làm cho người bệnh nhẹ chuyển thành nặng, thừa nước đục thả câu, táng tận lương tâm, nhất định lãnh ác quả.

Hiếu liêm Tào Cẩm Đào ở Tô Châu đời Thanh giỏi y thuật[942], bất cứ bệnh ngặt nghèo nào, gặp tay ông đều khỏi. Một bữa, lúc ông sắp ra khỏi cửa, chợt có một người đàn bà nghèo quỳ ngoài cửa, khóc lóc xin ông chữa bệnh cho mẹ chồng, than: "Gia cảnh nghèo túng, nghe ngài sẵn lòng từ bi, nhất định sẽ đoái hoài đến trị." Ông Tào liền đến trị. Đến lúc ông ra về, dưới chiếc gối của mẹ chồng người đàn bà nghèo có năm lạng bạc trắng, chẳng biết đi đâu mất, tưởng ông Tào trộm đi, người đàn bà bèn đến nhà hỏi. Ông Tào bèn cứ đúng số đưa cho. Người đàn bà nghèo về đến nhà, thì ra mẹ chồng đã lấy bạc ra. Người đàn bà hổ thẹn vô cùng, lại đem bạc đến trả lại, tạ tội, hỏi ông: "Sao ngài lại tự đổ hô mình trộm bạc?" Ông Tào bảo: "Tôi chỉ muốn mẹ chồng bà chóng khỏi bệnh, nếu tôi chẳng nhận, mẹ chồng bà ắt sẽ thêm lo lắng bệnh nặng hơn, hoặc đến nỗi khó lành bệnh được. Vì thế chỉ mong mẹ chồng bà lành bệnh, chẳng sợ người ta bảo tôi trộm bạc."

Tấm lòng ông trung hậu, có thể nói là đến cùng cực, không ai hơn được. Bởi thế ông sanh được ba người con: Con trưởng làm Ngự y, thọ hơn 80 tuổi, nhà giàu to; con thứ làm Hàn lâm, làm quan đến chức Phiên đài; con thứ ba cũng làm Hàn lâm, làu thông kinh sử, chuyên chí trước tác. Cháu chắt đông đảo, nhiều người hiển đạt. Còn những kẻ chỉ mưu kiếm lợi bằng nghề y, nếu chẳng tan nhà nát cửa, dòng dõi tuyệt diệt thì đã hiếm hoi lại càng hiếm hoi hơn!

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện, niềm vui có thừa; nhà tích ác, ương họa có thừa), ý nói dư khánh, dư ương là báo ứng vào con cháu, còn bổn khánh, bổn ương là vận vào chính thân mình. Dư khánh, dư ương người khác thấy được, còn bổn khánh, bổn ương thì chính mình ngay trong đời này hay trong đời kế tiếp, hoặc đời sau phải hứng chịu, người đời chẳng thể thấy được. Thiên địa quỷ thần, Phật Bồ-tát đều thấy biết từng sự rõ ràng.

---

[942] Nguyên văn: "tinh ư Kỳ Hoàng". Kỳ là Kỳ Bá, Hoàng là Hoàng Đế. Kỳ Bá là một y sư trứ danh theo truyền thuyết, ông rất tinh thông y thuật nên được Hoàng Đế thờ làm thầy. Hoàng Đế chính là một trong ba vị thánh đế vương thời cổ (Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế). Hoàng Đế cũng tinh thông y thuật, Thần Nông được coi là tổ nghề thuốc, còn Kỳ Bá được coi là tổ nghề Y. Tác phẩm căn bản của y học cổ truyền Trung Hoa là bộ Hoàng Đế Nội Kinh, ghi chép những đối đáp về y lý giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá. Ngoài ra, theo thư tịch cổ Trung Hoa, những lời dạy khác về y học của họ còn được chép trong những bộ sách nay đã thất truyền như Kỳ Bá Hoàng Đế Án Ma, Kỳ Bá Kinh, Kỳ Bá Cứu Kinh, Kỳ Bá Châm Kinh, Hoàng Đế Kỳ Bá Luận, Kỳ Bá Ngũ Tạng Luận v.v..

Hãy nên biết rằng, bổn khánh, bổn ương so với dư khánh, dư ương lớn hơn gấp trăm ngàn vạn lần. Vì thế xin người đời hãy nỗ lực tu trì, ngõ hầu được vui mừng, trừ ương họa vậy. Ông Tào cam chịu tiếng "trộm cắp" để cứu tánh mạng người khác, thiện báo ứng vào con cháu. Nếu chính mình có thể thay cho con cháu niệm Phật, cầu tam bảo gia bị, dạy con cháu ai nấy cũng ăn chay, niệm Phật thì thiện báo sẽ ở tại Tây Phương.

Các vị đã quy y thì phải nên cung kính thọ tam quy để làm cái gốc nhằm bỏ tà theo chánh, giữ ngũ giới cẩn thận để làm cái nguồn nhằm đoạn ác tu thiện, phụng hành thập thiện để làm cái gốc nhằm thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý. Từ đó đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Tam nghiệp đã tịnh, rồi có thể tuân tu đạo phẩm, liễu sanh thoát tử, được dự vào hội tốt lành nơi Cực Lạc.

Thiện ác, nhân quả như bóng theo hình, chẳng hề sai lầm. Thật sự làm như vậy sẽ được lợi ích thật sự. Nếu mua danh chuốc tiếng, thích nói cuồng vọng, lừa mình dối người, tự bảo đã đắc Phật đạo thì là đại vọng ngữ, ắt sẽ mắc ác báo. Người tu hành tâm địa phải quang minh, ba nghiệp thanh tịnh, công đức vô lượng. Quán kinh dạy: "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật." Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ở chính ngay nơi ấy, đã có người làm được như thế. Xin ai nấy hãy gắng lên!

XIII. PHÁP NGỮ KHAI THỊ KHI TỪ THƯỢNG HẢI VỀ ĐẾN LINH NHAM[943]

(Giảng vào buổi chiều ngày 17 tháng 10 năm Dân Quốc 25 - 1936)

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo "chánh tâm thành ý, siêng năng chăm lo việc nước, yêu dân" của các vị tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung[944], chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa[945] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm! Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư không[946] Lục Ngoạn xây nhà trên đó, về sau nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là duyên khởi khai sơn

---

[943] Ở Trung Hoa có hai chùa mang tên Linh Nham, một ở huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông, còn một là ở tại Ngô Huyện, Tô Châu. Chùa Linh Nham nói ở đây gọi tên đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ-tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành viện học giới luật của Luật tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, vào đời Thanh, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt trùng tu. Kể từ năm 1931 trở đi, dưới ảnh hưởng của tổ Ấn Quang, chùa trở thành đạo tràng Tịnh độ nổi tiếng nhất Trung Hoa. Năm Dân Quốc 29 (1940), tổ Ấn Quang thị tịch tại chùa này. Hiện chùa còn tháp thờ ngũ sắc xá-lợi của tổ Ấn Quang và Ấn Công Kỷ Niệm Đường.

[944] Theo sách Hoài Nam Tử, Thái Vương là ông nội của Chu Văn Vương có ba người con: Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch (cha của Chu Văn Vương). Vì muốn nhường ngôi cho Quý Lịch, Thái Bá và Trọng Ung liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

[945] Sau khi Câu Tiễn (vua nước Việt) bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô, đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

[946] Tư không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Chu, là một trong ngũ quan (Tư mã, Tư khấu, Tư sĩ, Tư đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại và được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục Ngoạn (278-342), tự là Sĩ Dao, người Ngô Huyện (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), tên thụy là Khang, được phong tới tước Hưng Bình Bá, chức Thị trung tư không. Thích văn chương, nổi tiếng với tài thư pháp. Nét bút của ông được ca ngợi là mạnh mẽ, cứng cỏi, phóng khoáng, nhưng có phong thái tiêu dao thoát tục, bay bướm nhưng mực thước, không phóng túng, ngông cuồng.

đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, do ngài Bảo Chí Công[947] cầu đảo cho Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ-tát[948] nhiều lượt hiện thân tượng vẽ, hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt những kẻ tục còn đang mê.

Đến đời Đường, em trai tể tướng Lục Tượng Tiên (người Tô Châu), mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, em trai tể tướng Lục Tượng Tiên lập tức khỏi hẳn bệnh. Đem mọi vật đáp tạ sư đều không nhận, nói: "Tôi tên là Trí Tích, sau này ông trở về Tô Châu, hãy nên đến núi Linh Nham gặp tôi." Về sau người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được hưng khởi. Từ đời Tấn đến đời Đường, danh tánh tất cả các vị trụ trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những ai là trụ trì của núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn, đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu xứ Giang Tô. Do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại được hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam đều nghỉ lại tại hành cung[949] trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương[950], chùa bị đốt cháy gần

---

[947] Ngài Bảo Chí (418-514), thường được xưng là Bảo Công, hoặc Chí Công Hòa Thượng, nên thường được gọi là Bảo Chí Công, người xứ Kim Thành (nay là Nam Trịnh tỉnh Thiểm Tây). Có thuyết nói Ngài là người huyện Cú Dung tỉnh Giang Tô, xuất gia từ nhỏ. Sư theo học với ngài Đạo Lâm Tăng Kiệm tu tập Thiền Định. Trong niên hiệu Thái Thủy (466-471), Sư thường lang thang khắp nơi, không ở chỗ nào nhất định, thường đọc thơ, phảng phất giống sấm ký, người ta thường kéo nhau đến hỏi chuyện tương lai. Tề Vũ Đế bèn tống giam Sư trong ngục, nhưng người ta vẫn thấy Sư lang thang ngoài chợ, nhìn vào ngục thì vẫn thấy Sư nằm khểnh trong đó. Vua chịu thua, đón Sư vào ở trong vườn Thượng Uyển để ngăn Sư đi khắp nơi. Tuy các nội thị canh gác Sư nghiêm mật, dân chúng vẫn thấy Sư la cà các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v.. Đến khi Lương Vũ Đế lên ngôi, bèn bãi bỏ lệnh cấm, học đạo với Sư, hết sức kính phục Ngài. Khi Sư mất, vua phong tặng thụy hiệu Quảng Tế đại sư, rồi các đời lần lượt phong tặng Diệu Giác đại sư, Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát, Từ Ứng Huệ Cảm đại sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ-tát. Phật môn Trung Hoa thường coi Ngài là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát.

[948] Trí Tích Bồ-tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng sơn (nhựa của cây sơn) dâng cho Sư, Sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này mỗi năm vào ngày sinh nhật Sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ tăng tục rất đông.

[949] Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

[950] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do lãnh tụ của Thái Bình Thiên Quốc là Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh lãnh đạo nên sử thường gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn tự xưng

như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp[951], nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi, gặp gỡ, bèn kiểm sổ bộ, đòi lại hơn 600 mẫu ruộng đất cho chùa, dựng mười mấy gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y ca-sa mà đánh đập người khác quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả như ông ta tận lực vâng giữ thanh quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng tịnh nghiệp duy nhất trong cả nước được. Họa phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi.

Bắt nguồn từ việc vị thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán cậy nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần[952] đến đây, bèn giao cho ngài làm trụ trì. Tăng chúng thường trụ lấy 20 người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ chi tiêu không đủ thì ngài Chân Đạt bèn bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc[953], chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi tiến hành Phật thất thông thường[954]. Trụ trì bất luận thuộc

---

là em trai của Jesus, dấy loạn, chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa theo kiểu riêng của hắn, cấm ngặt tam giáo, cấm thờ phụng tổ tiên v.v., hạ lệnh đốt phá đình chùa, miếu mạo rất dữ dội.

[951] Chùa bị quân Thái Bình Thiên Quốc đốt sạch, chỉ còn sót lại một cái tháp đá nên sư Niệm Thành phải ở tạm trong đó.

[952] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm 19 tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu thiền. Sau sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp ban-chu niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), sư đến Hàng Châu, mở trường Đại học Hoa Nghiêm. Về sau, sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v. lập Đại học Hoa Nghiêm tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm trụ trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v..

[953] Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v. như các đạo tràng khác.

[954] Tức *phổ thông Phật thất*: Mỗi ngày niệm Phật sáu thời. Gọi là phổ thông Phật thất để phân biệt với tinh tấn Phật thất (niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ).

tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Tào Động, hay Lâm Tế đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[955], chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, giữ giới nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh độ là được. Nếu những mặt khác đều khá nhưng chẳng chuyên chú Tịnh độ thì quyết chẳng được mời làm trụ trì.

Từ đấy trở đi, người đến ở ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ. Trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng niệm Phật đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây; tháng 4 liền bế quan, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, chỉ muốn chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang mỗi ngày giảng khai thị một lần trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, chỉ rõ lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo", đề xướng pháp "tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này" để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng 6 tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hỗ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày 15 viên mãn, ngày 16 vì họ nói tam quy ngũ giới.

Sáng nay từ đất Hỗ trở về đây, nhưng các vị như cư sĩ Quý Thánh Nhất v.v. ở thành Tô Châu đã đến trước rồi. Lên núi trông thấy điện vũ nguy nga, tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Nhân đó được giám viện là đại sư Diệu Chân mời vào trong pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[956] Tịnh độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, rất có thể sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác. Đối với người thông suốt rộng lớn thì không có gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm sen cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy trước hết phải thuật bày duyên khởi vậy. *(Đoạn này người ghi chép không sao lục lại, do chính lão nhân chép thêm vào, cho nên toàn viết bằng thể văn văn ngôn.)*

---

[955] Nguyên văn "chỉ luận thứ số, bất luận đại số": Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị tăng có thể mới xuất gia chưa lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lạp cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị tăng trẻ tuổi này.

[956] Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

Pháp môn Tịnh độ chúng ta đang tu trì đây là pháp thù thắng, trỗi vượt nhất, mọi người chớ nên xem thường. Vì sao vậy? Vì các pháp môn do đức Phật đã nói không gì chẳng phải là xét theo căn cơ để nói, giống như dựa trên chứng bệnh mà cho thuốc vậy. Nếu như căn cơ của chính mình chẳng tương ứng với pháp môn ấy mà cứ tu tập thì rất khó được lợi ích. Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, ắt phải đoạn sạch hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu như phiền não còn sót mảy may nào chưa đoạn sạch thì vẫn chẳng thể tránh khỏi sanh tử, huống chi là kẻ hoàn toàn chưa đoạn ư? Điều này cần phải dùng sức của chính mình thực hiện triệt để thì mới được.

Chỉ có một pháp niệm Phật là do đức Như Lai ứng theo mọi căn cơ mà nói, cũng là do đại bi nguyện lực của A-di-đà Phật thành tựu. Bất luận thượng trung hạ căn đều có thể tu học. Dẫu phàm phu hoàn toàn chưa đoạn được mảy may phiền não hoặc nghiệp nào đi nữa, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha rồi thực hành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cũng có thể được Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền có thể liễu thoát sanh tử, vì thế nói pháp môn này là thù thắng nhất!

Khi đức Phật còn tại thế, mười người tu hành có đến chín người có thể thành đạo, vì con người lúc đó thiên tánh thuần hậu, căn cơ rất lanh lẹ, bén nhạy. Về sau này, chúng sanh nghiệp chướng ngày càng tăng thêm, căn cơ cũng dần dần hèn kém hẳn đi, nếu muốn giống như trước thì không thể được! Nhưng vào thời Tấn, thời Đường, vẫn có những người có thể cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử, nhưng đã ngày càng giảm ít, càng về sau càng ít. Cho đến hiện tại, đã không còn có người giống như vậy nữa. Xét theo đó, sẽ hiểu cậy vào sức của chính mình để đoạn phiền não hòng liễu sanh tử là một chuyện rất khó. Lúc này nếu vẫn chẳng biết tự lượng sức, muốn ăn nói lớn lối, coi nhẹ pháp môn niệm Phật hoành siêu này, đi tu các pháp môn khác thì e rằng muốn liễu sanh tử còn khó hơn lên trời.

Tôi hoàn toàn chẳng nói các pháp môn khác không hay, nhưng thật ra là do các pháp môn có pháp khế lý nhưng không khế cơ, có pháp khế cơ nhưng không khế lý. Chỉ có pháp môn niệm Phật này thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn, độn căn, lý lẫn cơ đều phù hợp chẳng thể nghĩ bàn. Nhất là trong đời mạt pháp này, nó lại càng thích hợp với căn tánh chúng sanh. Do vậy kinh Đại Tập dạy: "Đời mạt pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp niệm Phật là được thoát khỏi sanh tử."

Vì sao niệm Phật cầu sanh Tây Phương lại gọi là pháp môn hoành siêu? Cổ nhân có lấy một thí dụ để giải thích, tức là đem bọn phàm phu đầy đủ hoặc nghiệp chúng ta ví với một con sâu sống trong lóng thấp nhất của một cây tre, cây tre ấy

ví cho tam giới. Con sâu ấy muốn thoát ra chỉ có hai cách: một là thụ xuất (thoát ra theo chiều dọc), hai là hoành siêu (vượt ra theo chiều ngang). Thụ xuất chính là từ thấp lên cao, lần lượt đục thủng từng lóng một, đến khi đục thủng được lóng cao nhất thì mới thoát ra được. Đây là ví cho việc tu hành các pháp môn khác, chắc chắn phải đoạn sạch kiến tư phiền não thì mới thoát khỏi tam giới. Kiến hoặc gồm 88 sử[957], tư hoặc gồm 81 phẩm, phẩm lượng nhiều như vậy ví như số lóng của một cây tre. Con sâu ấy đục hướng lên trên để thoát ra thì gọi là thụ xuất. Chẳng hạn như bậc thánh nhân Sơ quả đoạn kiến hoặc, phải trải qua bảy lần sanh lên cõi trời, bảy lần sanh trong cõi người, tu tập trong thời gian kiếp số lâu dài mới có thể chứng được quả A-la-hán, liễu sanh tử. Nhị quả cũng phải một lần sanh lên trời, một lần trở xuống cõi người mới có thể chứng được Tứ quả. Tam quả tuy đã đoạn sạch tư hoặc thuộc Dục giới, nhưng vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên[958], tu tập dần dần theo thứ tự, mới có thể đoạn sạch tư hoặc, chứng Tứ quả. Đây là thoát khỏi tam giới tính theo bậc Vô Học thánh nhân[959]. Nếu như là bậc Tam quả độn căn, phải sanh lên trời Tứ Không, từ trời Không Vô Biên Xứ cho đến trời Phi Phi Tưởng Xứ, mới chứng được Tứ quả. Cách thụ xuất gian nan lâu lắc như vậy đấy!

---

[957] Sử: Tên gọi khác của phiền não, gọi đầy đủ là chánh sử. Do phiền não sai khiến chúng ta luân hồi trong sanh tử nên phiền não được gọi là sử (sai khiến). Chúng còn được gọi bằng một danh từ khác là tùy miên. Sử nói chung gồm mười thứ, chia làm hai nhóm lớn:

1. Nhóm thứ nhất gồm: thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến. Do tánh chất của chúng khá mạnh mẽ, ảnh hưởng rất lớn đến sự chấp trước, vọng tưởng nên gọi là *ngũ lợi sử* (năm sử nhạy bén).

2. Nhóm thứ hai gồm: tham, sân, si, mạn, nghi. Xét về tánh chất, những thứ này có tác dụng yếu hơn nên gọi là *ngũ độn sử* (năm sử chậm lụt).

[958] Ngũ Bất Hoàn Thiên, còn gọi là Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa), Ngũ Tịnh Cư Xứ, Ngũ Na Hàm Thiên, là nơi bậc thánh nhân Tam quả Thanh văn sống, bao gồm các cõi trời:

1. Trời Vô Phiền (Avrha): Cõi trời này không còn khổ vui, không còn hết thảy phiền não xen tạp.
2. Trời Vô Nhiệt (Atapa): Không còn hết thảy nhiệt não.
3. Trời Thiện Kiến (Sudrśa): Do định tuệ thấy mười phương đều trong lặng, không còn đắm trước vào trần cảnh.
4. Trời Thiện Hiện (Sudarśana): Sự thấy biết rõ ràng tinh diệu hiện tiền, thấy hết thảy sắc tướng là không, chẳng bị chướng ngại.
5. Trời Sắc Cứu Cánh (Akanistha): Lìa bỏ hết thảy các sắc cực kỳ nhỏ nhiệm, là chỗ thù thắng nhất trong Sắc giới.

Tuy cùng sống trong các tầng trời này, nhưng chư thiên chẳng thấy được các vị thánh nhân. Do các vị thánh nhân sống trong cõi này không còn đọa xuống nhân gian nữa nên gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên.

[959] Vô Học (Aśaiksa). Bậc thánh nhân tuy đã hiểu rõ chân lý Phật giáo nhưng chưa đoạn được mê hoặc, còn phải học hỏi thì gọi là hữu học. Bậc Vô Học thánh nhân đã thấu hiểu Phật pháp đến chỗ cùng cực, không còn mê hoặc để đoạn nữa, không cần phải học cách đoạn trừ mê hoặc, nên gọi là Vô Học. Như vậy, Vô Học thánh nhân là danh xưng khác của A-la-hán.

Còn hoành siêu là như con sâu ấy chẳng hướng lên trên đục thủng từng lóng từng lóng một mà chỉ cắn thủng một lỗ bên hông lóng tre liền thoát ra được. Cách này so với thụ xuất bớt được nhiều công sức lắm. Người niệm Phật cũng giống như thế, tuy chưa đoạn trừ kiến tư phiền não, chỉ cần có thể đầy đủ ba món tư lương Tịnh độ là tín - nguyện - hạnh, lâm chung liền có thể cảm động A-di-đà Phật đến tiếp dẫn người ấy sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đến được cõi nước thanh tịnh đó rồi, kiến tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn. Vì sao vậy? Do Tịnh độ cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, không có những cảnh duyên khiến cho con người nẩy sanh phiền não. Vì vậy liền đạt được ba thứ bất thoái chuyển, thẳng mãi đến khi phá trần sa vô minh, thành tựu Vô thượng Bồ-đề, có gì thẳng chóng, giản dị được bằng! Vì thế cổ nhân nói: "Học đạo nơi các môn khác giống như con kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió lại được thuận nước." Nay tôi lấy một chuyện để chứng minh đạo lý "thụ xuất gian nan", mọi người hãy lắng lòng nghe lấy!

Trong niên hiệu Đại Lịch (766-779) đời Đường Đại Tông, có một ẩn sĩ tên là Lý Nguyên, biến nhà thành chùa Huệ Lâm, thỉnh thiền sư Viên Trạch làm trụ trì. Về sau, Lý Nguyên muốn đi Tứ Xuyên triều bái núi Nga My, do vậy bèn ước hẹn Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn theo đường Trường An đi qua Tà Cốc, đi theo đường bộ; Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu vào Giáp Sơn, đi theo đường thủy. Hai người ý kiến bất đồng đều là vì có nguyên do. Lý Nguyên không biết chuyện của Viên Trạch, nhưng Viên Trạch hiểu rõ tâm của Lý Nguyên: Sợ đến Trường An rất có thể bị người ta ngờ vực ông ta muốn làm quan, nên sư đi theo đường Kinh Châu.

Một ngày nọ thuyền bơi đến vùng Nam Phố, do nước sông chảy xiết nguy hiểm, trời chưa tối đã cắm thuyền. Lúc ấy, có một người đàn bà mặc áo chẽn bằng gấm, đội vò đi lấy nước. Viên Trạch vừa trông thấy bà ta, liền gục đầu, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi han: "Từ Kinh Châu đến đây, phụ nữ giống như thế này chẳng biết là bao nhiêu, vì sao thầy lại nẩy sanh bi cảm như thế?" Viên Trạch nói: "Ta chẳng muốn đi theo đường này tới đây chính là vì sợ gặp phải bà này. Do bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh nở là vì đợi ta đến đầu thai. Nay đã thấy rồi, không còn cách nào để trốn tránh được nữa. Xin ông ở lại mấy ngày, giúp cho tôi mau sanh và chôn tôi trong hang núi. Ba ngày sau xin đến gặp tôi. Trước mặt ông, tôi sẽ cười một tiếng để làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm Trung Thu, đến ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp tôi."

Nói xong bèn thay áo, tắm gội, ngồi qua đời. Lý Nguyên có hối hận cũng không kịp, chỉ đành mai táng Viên Trạch. Ba ngày sau, đến nhà nọ để xem, quả

nhiên người đàn bà sanh được một đứa con trai. Nhân đó đem chuyện ấy kể cặn kẽ với người ta, xin gặp mặt đứa bé, quả nhiên nó cười một tiếng làm tin. Do vậy Lý Nguyên không còn muốn đến Tứ Xuyên nữa, quay về Lạc Kinh (Lạc Dương), về tới chùa Huệ Lâm, mới biết trước lúc Viên Trạch lên đường đã dặn dò hậu sự cặn kẽ, vì thế càng thêm biết ngài chẳng phải là người tầm thường.

Mười hai năm sau, Lý Nguyên theo đúng ước hẹn đến Hàng Châu, tới đêm Rằm Trung Thu, đợi ở ngoài chùa Thiên Trúc. Quả nhiên, ánh trăng vừa rọi, chợt nghe bên bờ giếng Cát Hồng có đứa bé chăn trâu cỡi trâu, ca lên:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,
Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu luân,
Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn,
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn,
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp,
Thân này tuy khác, tánh thường còn.)

Lý Nguyên liền biết nó chính là thân đời sau của Viên Trạch, liền bước đến thăm hỏi: "Ngài Viên Trạch mạnh giỏi hay chăng?" Đứa bé chăn trâu đáp: "Ông Lý quả thật là người đáng tin tưởng!" Nói chuyện sơ sài mấy câu xong, lại xướng rằng:

Thân tiền thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.
Ngô Việt giang sơn du dĩ biến,
Khước hồi yên trạo, thượng Cù Đường.

(Thân trước, thân sau sự vấn vương,
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường.
Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,
Gác chèo mây khói, vượt Cù Đường.)

Rồi cưỡi trâu đi mất. Như vậy thấy được rằng: Viên Trạch có bản lãnh biết chuyện quá khứ, vị lai và "ngồi mất, đứng thác", nhưng vẫn chưa thể liễu thoát sanh tử, trốn tránh bào thai; huống gì bọn phàm phu đầy dẫy triền phược chúng ta, một chút bản lãnh cũng không có ư? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà muốn liễu sanh tử thì có nằm mộng cũng mộng chẳng được!

Có kẻ nói: "Đạo lý minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong Thiền tông chẳng phải là rất hay ư?" Trọn chẳng biết "kiến tánh thành Phật" chính là thấy

được vị Phật thiên chân trong tự tánh thì gọi là "thành Phật", hoàn toàn chẳng phải là trở thành vị Phật rốt ráo viên mãn phước tuệ! Vì sao vậy? Là vì người trong Tông môn (Thiền tông) khi công phu đạt đến mức khai ngộ liền biết chân tánh của chính mình lẫn người khác vốn giống hệt như Phật, vì thế gọi là "kiến tánh thành Phật". Nhưng những phiền não thô tế[960] của người ấy còn chưa đoạn mảy may nào, bất quá có thể thường tự giác chiếu[961], chế ngự phiền não, xử sự gần giống với bậc thánh nhân.

Nếu đánh mất công phu giác chiếu, không chế ngự được phiền não, bèn tạo nghiệp so với người khác lại càng dữ dội hơn, vì trong phiền não của kẻ ấy có chen lẫn sức mạnh khai ngộ, biến thành cuồng huệ. Bởi đó, năng lực tạo nghiệp cũng mạnh mẽ dị thường. Như vậy thì không những chẳng có hy vọng thành Phật, mà còn phải đọa lạc trong ba đường ác. Vì thế, người đã khai ngộ càng phải ra sức tấn tu, luôn luôn giác chiếu. Đến khi đoạn sạch kiến tư phiền não mới là lúc liễu sanh thoát tử, hoàn toàn chẳng phải là hễ ngộ liền liễu. Giống như thiền sư Ngũ Tổ Giới và Thảo Đường Thanh thuở trước, do ngộ rồi nhưng chưa chứng, vẫn không tránh khỏi nỗi khổ luân hồi. Vết xe đổ rành rành, chẳng thể không biết. Nếu nói là "thật sự thành Phật" thì lại càng sai rất xa.

Làm sao mới trở thành đức Phật rốt ráo phước tuệ viên mãn? Nói theo tông Thiên Thai, một vị Bồ-tát thuộc địa vị Thất tín trong Viên giáo đã đoạn sạch kiến tư hoặc, khi tu đến địa vị Thập tín mới phá hết trần sa. Lại phải tu lần lượt Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị, mỗi địa vị phá một phẩm vô minh bèn tiến lên một địa vị cao hơn, được một phần tam đức bí tạng. Theo thứ tự như thế, đến địa vị cuối cùng là Đẳng giác mới đoạn sạch 41 phẩm vô minh, lại đoạn một phẩm vô minh, tiến lên một địa vị nữa, mới có thể thành tựu quả Phật rốt ráo phước tuệ viên mãn. Như vậy quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Mọi người hiểu được đạo lý này thì mới chẳng hiểu lầm!

Lại có người nói: "Tự tánh của mỗi người chúng ta vốn là chẳng nhiễm mảy trần, thanh tịnh trong lặng, đấy chính là Tịnh độ. Tự tánh vốn chẳng sanh chẳng diệt, xưa nay thường hằng, chẳng dời chẳng biến, chính là Vô Lượng Thọ. Tự tánh vốn sẵn đủ đại trí tuệ quang minh, chiếu trời soi đất, chính là Vô Lượng Quang. Nếu như lìa khỏi tự tánh sẵn có ấy, muốn có riêng một cõi Tịnh độ để sanh, có một vị Phật Di-đà để thấy, đấy chính là trên đầu chồng thêm một cái đầu

[960] Thô tế: Những phiền não dễ thấy dễ nhận biết như nóng giận, tham lam thì gọi là thô, còn những phiền não khó nhận biết thì gọi là tế.
[961] Giác chiếu: Quán sát cái tâm, khi vọng niệm khởi lên liền nhận biết ngay và tìm cách chế ngự, khuất phục nó.

nữa, không có lẽ nào!" Nếu tưởng như thế chính là đạo lý Thiền Tịnh song tu thì cũng là lầm lẫn rồi! Nếu nói như vậy thì hoàn toàn là thiên về Thiền tông, hoàn toàn chẳng thích hợp cho Tịnh tông.

Vì sao biết được như vậy? Là vì Thiền tông chẳng dạy người ta sanh lòng tin phát nguyện, cũng chẳng dạy người ta niệm Phật, chỉ dạy người ta tham cứu thoại đầu[962] nhằm cầu minh tâm kiến tánh. Đấy chính là nói: "Lìa ngoài tự tánh chẳng có Tịnh độ để có thể sanh, chẳng có Di-đà để thấy!" Nói tuy không sai, nhưng rốt cuộc vẫn thiên về kiến giải thuộc lý tánh, chẳng thể dung thông với sự tướng mà cũng cách biệt với sự lý vô ngại của Tịnh tông, nên nói "không phải là Thiền Tịnh song tu". Người tu Tịnh độ chuyên lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, mọi người phải hiểu rõ ràng.

Lại có thuyết *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này) của Mật tông. Nếu mới nghe qua, chuyện như thế khiến con người rúng động; nhưng trên mặt sự thật, trọn chẳng thể nhanh chóng, thuận tiện như vậy. Ý nghĩa của "tức thân thành Phật" là nói công phu của Mật tông khi tu đến thành công thì có thể thành đạo ngay trong thân này, nhưng sự thành đạo như vậy chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi. Miễn cưỡng nói là "thành Phật" thì còn có thể miễn cưỡng chấp nhận được. Nếu coi là thật sự thành được vị Phật đoạn rốt ráo ngũ trụ[963], vĩnh viễn hết hai loại chết (phần đoạn và biến dị sanh tử) thì lầm lạc quá đỗi!

---

[962] Thoại đầu là một câu nói do các thiền sư dạy thiền sinh tham cứu hòng ngộ được chân tâm. Chẳng hạn như câu thoại đầu "thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?"

[963] Ngũ trụ: Còn gọi là *ngũ trụ địa hoặc*, tức kiến hoặc, tư hoặc, vô minh phiền hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là dục ái trụ địa, sắc ái trụ địa, hữu ái trụ địa, vô minh trụ địa. Do hết thảy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là trụ địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến nhất thiết xứ trụ địa: Chính là kiến hoặc gồm thân kiến v.v. trong tam giới.

2. Dục ái trụ địa: Gồm phiền não trong Dục giới, ngoại trừ vô minh và kiến hoặc, chấp vào ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

3. Sắc ái trụ địa: Phiền não trong Sắc giới, không tính kiến hoặc, vô minh, không chấp vào ngũ dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.

4. Hữu ái trụ địa: Phiền não trong Vô sắc giới, không bao gồm kiến, vô minh, đã bỏ lìa chấp trước tham sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.

5. Vô minh trụ địa: Tức hết thảy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thảy phiền não.

Duy Thức tông chủ trương bốn món trụ đầu là chủng tử của phiền não chướng, món cuối là chủng tử của sở tri chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là kiến hoặc, ba món giữa là tư hoặc, món cuối là vô minh hoặc. Họ gọi chung kiến tư hoặc là giới nội hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn vô minh hoặc là giới ngoại hoặc.

Ví như một đứa bé con, cạo trọc đầu đi, ai nấy đều gọi nó là hòa thượng[964]; hay là vị tỳ-kheo đã thọ tam đàn đại giới[965] cũng được gọi là hòa thượng; hay là vị phương trượng đứng đầu chốn tùng lâm[966] cũng gọi là hòa thượng. Những loại hòa thượng như trên, miễn cưỡng gọi thì cũng được. Nếu coi những người ấy thật sự là hòa thượng thì cũng không đúng. Nói đúng sự thực thì phải là người có đạo đức, học vấn, có sức làm cho người khác sanh trưởng pháp thân huệ mạng thì mới đúng là hòa thượng danh phù hợp với sự thực.

Phải biết thế giới này của chúng ta, trong Phật pháp của đức Thích-ca Mâu-ni Phật, chỉ có một mình đức Thích-ca Mâu-ni Phật là thành Phật ngay trong thân này. Lại phải đến khi đức Di-lặc Phật hạ sanh thì mới có thể tính là có một vị Phật nữa thành Phật ngay trong thân này. Trong khoảng thời gian sau khi đức Thích-ca diệt độ và ngài Di-lặc chưa giáng sanh, muốn tìm lấy một người thành Phật ngay trong thân này thì bất luận ra sao cũng không thể có được. Dẫu chính Phật Thích-ca ứng hiện trong thế gian lần nữa thì cũng không thị hiện đạo lý "thành Phật ngay trong thân" này.

---

[964] Hòa thượng (upâdhyâya): còn được phiên âm là hòa-xà, hòa-xã, cốt-xã, ô-xã, dịch nghĩa là thân giáo sư, lực sanh, cận tụng, y học, đại chúng sư. Những từ ngữ này đều hàm nghĩa là vị thầy dạy thân thiết, có công năng tăng trưởng huệ mạng pháp thân cho đồ đệ, là bậc đức cao giới hạnh tinh nghiêm đáng làm bậc thầy gương mẫu cho mọi người.

Theo luật Tứ Phần, hòa thượng phải là một vị tỳ-kheo hội tụ đủ năm đức: giữ vững tịnh giới, đủ mười tuổi hạ, thông hiểu tạng Luật, thông đạt thiền tư, có trí tuệ sâu xa.

Theo các nhà nghiên cứu, từ ngữ upâdhyâya bị biến âm sang tiếng Kuche (Cưu-ty, hoặc Quy-tư) là pwâjjhaw. Từ ngữ này lại bị biến âm lần nữa qua cách đọc của người Khotan (Vu Điền) thành khosha, rồi lại bị người Hán đọc trại âm một lần nữa thành hòa thượng (he shang). Về sau, chữ hòa thượng được dùng như danh xưng tỏ vẻ tôn trọng với tăng sĩ; nhưng người bình dân Trung Hoa thường gọi những chú tiểu là tiểu hòa thượng.

[965] Tam đàn đại giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: sơ đàn, nhị đàn và tam đàn. Sơ đàn truyền sa-di, sa-di-ni giới, Nhị đàn truyền tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, tam đàn truyền Bồ-tát giới. Khi sơ đàn và nhị đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự tam đàn cùng với chúng xuất gia thọ Bồ-tát giới. Truyền tam đàn đại giới phải hội đủ *tam sư* (đắc giới hòa thượng, yết-ma a-xà-lê, giáo thọ) và bảy vị tôn chứng a-xà-lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp.

[966] Phương trượng là cái thất vuông vức mỗi bề vừa đúng một trượng, là chỗ ở của vị trụ trì trong Thiền tông, nên vị trụ trì thường được gọi là phương trượng, u trượng, chánh đường, hay đường đầu. Chữ "tùng lâm" chỉ chùa miếu nơi tăng chúng tụ tập cùng ở, thường dùng để chỉ chùa Thiền tông. Thoạt đầu tại Ấn Độ, trong những khu rừng cây thanh tịnh ở ngoài thành thị thường lập tinh xá cho tăng chúng ở; danh từ tùng lâm (rừng rậm) phát xuất từ đó. Sách luận Đại Trí Độ lại giảng là vì tăng chúng tụ tập như rừng nên gọi là tùng lâm. Về sau, chữ "tùng lâm" dùng để gọi chung các chùa miếu lớn, còn tùng lâm của Thiền tông thường gọi là thiền lâm.

Vào đời nhà Thanh trước kia, trong khoảng từ niên hiệu Khang Hy đến niên hiệu Càn Long, Phật sống[967] Tây Tạng đến khi lâm chung biết chết rồi sẽ phải đi đầu thai trong nhà nào, dặn nhóm đệ tử đến lúc ấy đi rước ông ta. Khi đẻ ra, cũng nói được ông ta là Phật sống ở chỗ nào đó. Tuy có bản lãnh như vậy, cũng vẫn chưa phải là thành Phật ngay trong thân này. Vì sao biết được? Vì nếu quả thật là thành Phật ngay trong thân này, tự nhiên sẽ giống như Phật Thích-ca, nói được các thứ phương ngôn (ngôn ngữ riêng của từng địa phương), dùng một tiếng thuyết pháp cũng có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu được. Cớ sao Phật sống Tây Tạng, đối với ngôn ngữ Trung Quốc lại không biết? Một chuyện nhỏ như vậy đủ để chứng minh ông ta không phải là thành Phật ngay trong một đời.

Huống chi sau này Phật sống khi chết đi chẳng để lại lời gì? Lúc sống cũng chẳng có biểu hiện gì, đều là do người khác xếp đặt, bốc thăm để quyết định[968], vậy thì chẳng cần phải nói gì nữa!

Hơn nữa, công phu tu Mật tông muốn thành công cũng rất khó khăn. Nếu chuyên cầu mau đạt được thần thông, chẳng khéo dụng tâm, lại còn bị nguy hiểm gặp phải ma sự, vẫn chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng niệm Phật.

Năm Dân Quốc mười bảy (1928), ở Thượng Hải có một người đệ tử quy y mời tôi đến nhà ông ta dùng cơm chay và nói trong gia đình ông ta có một người

---

[967] Phật sống (hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là Hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay Khutukutu (thường phiên âm là Hô-đồ-khắc-đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là Tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành người lãnh đạo tông phái. Những vị tăng chưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ-tát hay tổ sư nào đó, chẳng hạn Đại-lai Lạt-ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, Ban-thiền Lạt-ma là hóa thân của A-di-đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn-thù Bồ-tát, Tai Situpa là hóa thân của Di-lặc Bồ-tát. Có lẽ vì thế người Hoa gọi họ bằng danh xưng hoạt Phật.

[968] Vào thời vua Càn Long, trong năm 1807, khi các phe phái tranh chấp nhau về chuyện quyết định đứa bé nào mới là hậu thân thật sự của Đại-lai Lạt-ma đời thứ tám, vua Càn Long đã gởi đến Lhasa một chiếc bình vàng, ra lệnh bỏ hai lá thăm ghi tên từng đứa bé vào, rồi bốc thăm quyết định. Khi có những tranh chấp về hậu thân của một vị Tulku, cũng thường có chuyện bốc thăm để quyết định như vậy. Đôi khi không giải quyết được mâu thuẫn, mỗi phe sẽ công nhận riêng một vị hoạt Phật chuyển thế. Như gần đây, sau khi Đại Bảo Pháp Vương (Gyalwa Karmapa) đời thứ 16 là Rangjung Rigpe Dorje chết đi, các tín đồ tranh chấp, không phe nào nhường phe nào, cuối cùng có hai Đại Bảo Pháp Vương đời thứ 17 được công nhận là Ogyen Trinley Dorje (của phe lạt-ma Taisitu) và Trinley Thaye Dorje (của phe lạt-ma Sharmapa).

thân thích là một nữ cư sĩ học Phật đã nhiều năm, học vấn cũng rất khá, đã hơn 50 tuổi, gọi bà ta đến trò chuyện có được hay không? Tôi nói: "Được chớ!" Ông bèn kêu bà ta đến. Đến khi gặp mặt, tôi bảo bà ta: "Tuổi đã cao rồi, hãy nên mau niệm Phật cầu sanh Tây Phương." Bà ta đáp: "Tôi chẳng cầu sanh Tây Phương, tôi muốn sanh trong thế giới Sa-bà!" Tôi liền trả lời bà ta: "Chí hướng của bà hèn kém quá!" Bà ta lại nói: "Tôi muốn thành Phật ngay nơi thân này." Tôi lại đáp lời bà ta: "Chí hướng của bà cao xa quá! Sao không chịu vãng sanh thế giới thanh tịnh kia, cứ muốn sanh trong thế giới trược ác này? Phải biết rằng, đạo lý 'thành Phật ngay nơi thân này' là có, thế nhưng hiện thời không có ai được như vậy cả, mà cũng chẳng phải là chuyện bà hay tôi có thể làm được." Người không thông hiểu đạo lý như vị nữ cư sĩ ấy, hoàn toàn không có chút gì biết tự lượng sức, ăn nói lớn lối, quả thật là tự lầm, lầm người vậy!

Lại có hai người cầu sanh trong thế giới Hoa Tạng. Có một ngày, người kia mắc bệnh, người này bèn đến thăm. Sau đấy, do thấy người kia bệnh tình không xong, liền gấp rút bảo người kia niệm "Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Hải Hội Phật Bồ-tát", mọi người cũng ở bên cạnh trợ niệm cho ông ta. Sau một khắc bèn hỏi ông ta có thấy cảnh giới gì hay không? Ông ta đáp: "Không có!" Hỏi như vậy hai ba lần đều nói "không có". Đến lần cuối cùng, ông ta bèn nói: "Mẹ đã đến rồi."

Ôi chao, có hỏi ông ta như vậy mới biết bọn họ tu như thế không thể nào chắc ăn được. Là vì trong tâm bọn họ, do niệm Phật hiệu như thế và mong mỏi như thế, lẽ ra phải trông thấy thế giới Hoa Tạng mới đúng, sao lại đâm ra thấy cảnh giới thọ ấm trong thai mẹ? Từ đấy về sau, ông ta mới quay đầu tu pháp môn Tịnh độ.

Quý vị phải hiểu rằng, phải là bậc Pháp thân đại sĩ phá được mấy phần vô minh thì mới có thể thấy được thế giới Hoa Tạng, sanh về đó được! Ngoài ra, dẫu là bậc Bồ-tát đoạn sạch trần sa hoặc cũng chưa có phần, huống hồ phàm phu đầy dẫy triền phược ư? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã chứng Đẳng giác mà Phổ Hiền Bồ-tát vẫn dạy ngài và Hoa Tạng hải chúng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Đủ biết pháp môn Tịnh độ không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Vì thế tôi thường nói: "Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp môn niệm Phật thì trên là không thể do đâu viên thành Phật đạo được; mười phương chư Phật bỏ pháp môn niệm Phật thì dưới là không do đâu độ khắp quần manh", chính là vì duyên cớ này đấy. Ví như người trong thiên hạ, ai nấy đều phải ăn cơm thì ai nấy cũng đều phải niệm Phật.

Kính khuyên các vị, chớ nên không tự lượng sức, vọng tưởng làm hạng phi thường. Nói chung là phải chất phác niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng cô phụ đức Như Lai đã nói pháp môn tổng trì "trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thỉ thành chung" này, và chẳng đến nỗi uổng phí nhân duyên thù thắng mười phương tụ hội tại đạo tràng Linh Nham thanh tịnh này. Mong mọi người hãy trân trọng!

XIV. ĐỨC DỤC KHẢI MÔNG[969]

1. Hiếu thảo với cha mẹ

Thân thể tóc da, nhận từ cha mẹ. Cha mẹ và ta, thật là một thể. Ta thương thân ta, hãy hiếu cha mẹ, chẳng nhục thân ta, mới là làm cho cha mẹ vinh hiển.

2. Hòa thuận, yêu thương anh em

Anh em chị em, chân tay cốt nhục, liên quan mật thiết, sướng khổ cùng nhau, anh thương em kính, hòa thuận vui vẻ, nâng đỡ thương yêu, gia đình có phước!

3. Kính thầy

Thầy nghiêm đạo trọng, nêu gương luân thường, đạo đức học vấn, ắt phải noi theo, lấy đó làm gương. Thầy nuôi dạy ta, vỡ lòng cho ta, dạy ta mẫu mực, chẳng kính trọng thầy, làm sao được ích?

4. Chọn bạn

Gần son thì đỏ, gần mực ắt đen. Chơi với bạn bè, có kẻ tổn hại, có kẻ tạo ích. Ích thì thân cận, tổn thì lánh xa. Khuyên lành răn lỗi, toàn nhờ vào đấy!

5. Áo vải

Áo cốt che thân, và để chống lạnh. Mặc áo vải thô, tiếc phước dưỡng khiêm. Đừng ham lượt là, gấm thêu hoa mỹ. Phước thọ hao tổn, tự rẫy tự ruồng.

6. Ăn chay

Ăn chay hợp dinh dưỡng. Ăn thịt hại sinh vật. Tâm hận lúc bị giết, khiến thịt độc chẳng vừa. Hãy đừng tham ăn thịt, hễ ăn phải trả đền, cho tới lúc phải trả, thật đáng thương xót sao!

7. Tiếc chữ

Chữ là quý báu nhất, vàng ngọc vẫn thua xa. Người do chữ trí sáng, nếu không sẽ ngu si. Nếu cõi đời không chữ, chẳng việc nào thành được, con người và cầm thú, chỉ khác nhau cái tên!

8. Tiếc ngũ cốc

[969] Những giáo huấn khơi gợi về mặt đức dục (dạy dỗ, vun bồi đạo đức) cho trẻ nhỏ.

Ngũ cốc nơi ruộng rẫy, dùng để nuôi nhân dân. Biết quý tiếc ngũ cốc, đấy chính là thiện tâm. Người tu thiện thì còn, kẻ chẳng lành ắt mất. Tiếc ngũ cốc được phước, phung phí gặp tai ương.

9. Tiếc thời gian

Bảy mươi xưa nay hiếm, khảy ngón tay liền qua. Hễ qua chẳng còn nữa, nào dám biếng nhác sao? Nỗ lực chăm học tập, lập đức lẫn lập nghiệp, tự lợi và lợi tha, nêu gương mẫu cho đời.

10. Trượng nghĩa (coi trọng điều nghĩa)

Trong nhất cử nhất động, chỉ chú trọng điều nghĩa, hễ điều nghĩa tồn tại, không gì chẳng lợi ích. Tiểu nhân thấy điều lợi, liền quên bẵng nghĩa ngay. Tuy được lợi nhỏ nhặt, rốt cuộc chịu thiệt thòi!

11. Thanh liêm

Phước trạch trong đời người, do đời trước tu tập. Vật phi nghĩa vẫn lấy, là ăn nuốt món độc. Trong sạch chẳng ô nhiễm, liêm khiết chẳng tham lam, sẽ được đời sùng kính, vinh hiển không chi hơn!

12. Biết thẹn

Một chữ hổ thẹn, lợi lạc vô cùng, hễ có lòng thẹn, gần gũi thánh nhân. Còn nếu không có, khác gì loài thú! Giữ lòng hổ thẹn, không gì mà chẳng, tạm chế ngự được. Đức Phật giáo huấn, trang nghiêm đệ nhất.

13. Tận trung

Một mực giữ chân thành, chẳng hề dối trá, thờ cha mẹ, tiếp vật, trọn chẳng sanh hai lòng. Chỉ mong trọn bổn phận, chẳng bận tâm người khác, có biết tới hay không. Con người được như thế, gương mẫu của thế gian.

14. Thủ tín (giữ chữ tín)

Người biết giữ chữ tín, chẳng nói năng bừa bãi, nói được liền làm được, chẳng khoe khoang phô trương. Con người thiếu chữ tín, chuyện gì cũng giả tạo, bị người khác chán bỏ, chẳng bằng trâu ngựa đâu!

15. Nhân từ

Nhân ái từ bi, mối thiện của tâm. Tâm càng chân thật, phước trạch càng sâu. Nếu thiếu tâm ấy, tàn nhẫn hà khắc. Dẫu có túc phước, khi hao tổn sạch, sẽ bị nguy hiểm.

16. Không sát sanh

Phàm là động vật, đều có tri giác, tham sống sợ chết, chỉ tiếc mạng sống. Nếu đùa bỡn giết, và giết để ăn, đời này đời sau, quyết định báo đền.

17. Không trộm cắp

Phàm vật có chủ, chớ nên lấy trộm. Ăn cắp món nhỏ, chôn vùi phẩm đức, ăn cắp món lớn, sẽ mắc họa to. Trộm vật của người, phước mình hao tổn, muốn được tiện nghi, đâm ra lỗ lớn.

18. Không tà dâm

Dâm dục có hại, tổn thân vùi chí. Dẫu là chồng vợ, cũng nên tiết chế. Nếu cứ tà dâm, rất không hợp lẽ. Từ xưa đến nay, bậc có chí hướng, không một ai phạm.

19. Không nói dối

Lời nói tỏ hạnh, thuật bày bổn tâm. Tâm đã không thật, hạnh sao chánh được? Mong lũ trẻ ngươi, đừng nên nói dối. Miệng đúng tâm sai, trọn chẳng ra gì!

20. Không hút thuốc

Thuốc nào cũng đừng hút, bởi trái phép vệ sinh. Miệng thường có mùi hôi, xông sực phiền trời người. Nha phiến, thuốc lá thơm, chất độc mạnh mẽ nhất. Tốn tiền mua lấy hại, kẻ si thật đáng thương!

21. Không uống rượu

Rượu là thuốc gây cuồng, uống vào ắt loạn tánh, say sưa trái lẽ thường, vượt lễ lẫn phạm phận, tốt nhất đừng nên uống, để khỏi uống quá đà. Người thông minh trí tuệ, thường giữ thân trong sạch.

22. Không cờ bạc

Cờ bạc lẫn cờ tướng. Hèn chí mất thời gian. Nếu chuyên tâm vào đó, vứt bỏ chuyện chánh đáng. Đem quang âm hữu hạn, phí vào trò trẻ con. Tan nhà hao tài sản, tội chẳng có lúc ngơi.

23. Đừng xa xỉ

Xa xỉ khoe giàu có, mua họa chuốc nghèo hèn. Quân tử chẳng nhìn tới, đạo tặc đến cướp giựt. Mặc áo vải cơm rau, là cung cách thánh hiền. Đời này lẫn đời sau, ai nấy đều noi gương.

24. Đừng ngạo mạn

Kẻ ngạo mạn khinh người, thực sự phô khuyết điểm, người sáng suốt biết rõ, học vấn lẫn hàm dưỡng, của kẻ đó ít ỏi. Dẫu đã là thánh nhân, vẫn chẳng hề khinh người. Thường luôn tâm niệm rằng: "Trọn chẳng có thánh phàm."

25. Đừng ghen ghét

Người có tài đức, ta nên khen ngợi. Người ấy ắt sẽ cống hiến xã hội. Nếu sanh ghen ghét, chê là ngu si, nghiệp báo đoạt mất huệ căn đời trước.

26. Đừng thiên kiến

Người mang trí nhỏ, chưa nghe đại đạo, thường chấp ý mình, là hay tuyệt nhất. Đáy giếng nhìn trời, sở kiến bé tí. Nếu lên núi cao, sẽ hiểu rõ ràng, cái thấy trước kia.

27. Đừng nóng giận

Có kẻ phú quý lòng dạ hẹp hòi, thường do trái ý, phẫn nộ đùng đùng. Nóng giận vô ích, phiền não ta người, rộng lượng khoan dung, của báu vô giá.

28. Hỏi han đừng thẹn

Hỏi được những điều vốn không thể hỏi, hỏi nhiều về điều mình vốn kém thiếu, mong người chiều mình, phải nhún mình trước. Nếu là vô tri, càng nên hỏi người, học rộng hỏi kỹ, bản lãnh chân thật.

XV. NHỮNG LỜI BẠT CỦA BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN

1. Lời bạt thứ nhất

Hai bộ Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên của đại sư Ấn Quang trước sau được ấn hành không dưới một trăm mười vạn bộ, lưu truyền khắp trong ngoài nước. Năm Dân Quốc 29 (1940), sau khi Ấn công sanh Tây, chư sơn tôn túc, các vị tri thức trong nước lũ lượt sao lại những bài viết, thư từ của đại sư chưa được đưa vào hai bộ Chánh Biên và Tục Biên gởi cho Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Cửu Kỷ Niệm Hội thuộc Hoằng Hóa Xã ở Thượng Hải. Sau đấy, cư sĩ La Hồng Đào phát tâm biên tập bộ Ấn Quang Đại Sư Ngoại Tập, từng bốn lần đăng thông cáo tỏ ý trưng cầu di trước[970] của đại sư trên nguyệt san Hoằng Hóa.

Sau bảy năm sưu tập, cuối cùng trong năm 1950, đúng mười năm sau ngày Ấn công sanh Tây, tức ngày mồng 4 tháng 11 âm lịch, kết tập thành sách. Thỉnh pháp sư Huệ Dung sao chép lại bằng kiểu chữ khải và được hòa thượng Diệu Chân, lão pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Đậu Tồn Ngã xét duyệt, giảo chánh, đối chiếu. Vào mùa xuân năm 1958, sắp xếp thành bộ sách gồm 16 quyển, cộng thêm một quyển ghi mục lục nữa thành 17 quyển. Do nhân duyên chẳng đủ, không thể ấn hành được, bèn đem bản thảo này giao cho chùa Linh Nham ở Tô Châu, do hòa thượng Diệu Chân bảo tồn, trân trọng cất giữ tại lầu chứa kinh.

Trải mười năm tai kiếp dồn dập, Linh Nham Sơn Tự liên tiếp bị phá hoại. Nguyên Đán năm 1980, Linh Nham được phục hồi, Minh Học phát hiện được bản thảo này trong rương đựng bộ Long tạng (Càn Long Đại tạng kinh được khắc vào đời Thanh) trong lầu chứa kinh, hoàn chỉnh không bị hư hao gì. Sau cơn tai kiếp, bộ sách may mắn vẫn còn, càng thêm trân quý, sanh lòng hoan hỷ lớn lao, cảm kích sâu xa Ấn công trong cõi Thường tịch quang đã phóng từ quang gia bị nên mới được như vậy.

Tháng Chạp năm 1984, Minh Học đến chùa Quảng Hóa ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến, yết kiến lão pháp sư Viên Chuyết, bàn bạc chuyện này, tính ấn hành lưu thông, liền được cụ Viên từ bi tán đồng. Trong năm 1989, cụ Viên dẫn pháp sư Trì Đức đến Linh Nham Sơn Tự, đem nguyên bản về chùa Quảng Hóa, bắt tay ấn loát và do chính cụ Viên cùng mấy vị cư sĩ nhiệt tâm phụ trách giảo chánh, đối chiếu. Nhằm viên mãn túc nguyện, ban ân huệ tốt lành cho tứ chúng, trong dịp kỷ niệm tròn 50 năm Ấn Quang đại sư sanh Tây, Linh Nham Sơn Tự đã từng tái bản bộ Tăng Quảng, Tục Biên Văn Sao, nay lại ấn hành bộ sách này.

[970] Những trước tác của người đã khuất.

Thời tiết, nhân duyên thật là hy hữu, khôn ngăn tán thán, hoan hỷ, kính cẩn ghi lại.

Linh Nham Sơn Tự, Minh Học kính cẩn viết!
Ngày mồng 1 tháng 10 năm 1990

2. Lời bạt thứ hai

Đại sư Ấn Quang chùa Linh Nham là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong pháp môn đương thời, tận lực đề xướng Tịnh độ, khuông phò chánh pháp, công lao thật vĩ đại. Bộ Chánh Biên và Tục Biên do đại sư biên soạn đã được sớm lưu hành rộng rãi khắp trong ngoài nước. Cư sĩ Lý Viên Tịnh biên tập cuốn [Ấn Quang Pháp Sư] Gia Ngôn Lục, cư sĩ Lý Tịnh Thông lại biên tập cuốn [Ấn Quang Đại Sư Văn Sao] Tinh Hoa Lục, cũng đều được lưu truyền thật rộng. Tứ chúng mấy người góp sức vào một bộ sách, trước sau phát hành không ngờ tới một trăm mười vạn bộ, cổ kim hiếm khi thấy sách nào được lưu truyền bền bỉ, phổ biến tới mức ấy!

Sau khi đại sư viên tịch, cư sĩ La Hồng Đào lại sưu tập rộng rãi di cảo, biên tập thành bộ sách Văn Sao Đệ Tam Biên. Sách chưa được lưu hành trong cõi đời thì ông La cũng quy Tây, nguyên cảo được cất giữ hai ba chục năm, trải qua nhiều cảnh tang thương, rốt cuộc vẫn tồn tại nguyên vẹn. Nay Linh Nham và Quảng Hóa cùng tính ấn hành, đại sư giã biệt cõi đời đã năm chục năm, bộ sách này được ấn hành, đủ chứng tỏ ân trạch của đại sư để lại đã thấm sâu vào lòng người, dẫu lâu ngày chẳng bị mất đi, cũng như cho thấy Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Trong những bài được thu thập trong bộ sách này, phần thư từ chiếm nhiều nhất. Lúc sư trụ thế, xa gần hỏi pháp dằng dai chẳng ngớt. Sau khi Một Lá Thư Trả Lời Khắp được phân phát, người thưa hỏi vẫn nhiều, đại sư từ bi hễ hỏi ắt đáp, lại còn suy xét cặn kẽ. Dẫu tuổi đã chiều tà, chẳng cẩu thả một nét bút nào, tinh lực tràn trề, khác xa phường tầm thường; trước sau đẹp đẽ thật đáng sánh tầy công hạnh "mỗi ngày làm 108 việc lành" của tổ Vĩnh Minh Diên Thọ. Đây đều là bản lãnh của bậc đại nhân tiên sinh, chứ phàm phu chẳng thể suy lường hòng thấu hiểu đôi chút nào được!

Than ôi, đại sư đã khuất bóng rồi, không còn hỏi han được nữa! Nay có được nhân duyên đọc tụng thù thắng, may mắn được biết tới tác phẩm khó nghe khó gặp, càng thêm trân trọng, tiếc nuối, chỉ một mực chân thành, chuyên dốc, đổ hết sức thực hành thì mới chẳng phụ tấm lòng đau đáu của bậc triết nhân kỳ lão đáng trọng và thật sự thọ dụng được. Ngoài những lời hoan hỷ khen ngợi, kính cẩn viết đôi lời thừa thãi để ghi thêm vào sau sách.

Đầu mùa hạ năm Canh Ngọ (1990), đệ tử Cống Nam Dương Trí Kiên đảnh lễ kính cẩn ghi lời bạt tại Phước Châu Xã Đoàn.

3. Lời bạt thứ ba

Phàm đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, há phải chuyện nói dễ dàng ư? Hạng xiển-đề[971] không có lòng tin cố nhiên chẳng cần phải bàn tới, nhưng ngay cả kẻ quy y Phật giáo, học Phật mấy chục năm, vẫn thường chưa vào được cửa! Cửa còn chưa vào được, há mong chi đoạn hoặc, chứng chân liễu sanh thoát tử ư? Do lẽ này, người học Phật thì đông, nhưng kẻ thành tựu ít lắm! Năm mươi mấy năm trước đây, tôi đã được đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, thoạt đầu chưa biết chỗ mầu nhiệm, sau này đọc đi đọc lại, mới tạm thấy được sơ sài cửa nẻo. Nay đã nhằm lúc nắng nhạt ngọn dâu, kỳ hạn chết sắp tới, đọc lại di biên, hoảng nhiên đại ngộ, biết sâu xa phàm phu đời mạt thật sự muốn đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, nếu chẳng noi theo di giáo của Ấn công há có được chăng? Cửa ngõ để học Phật là ở đây vậy! Xin được trình bày đại lược.

Một là lúc mới nhập đạo, lúc vừa mới cất bước tiến lên đường tu tập, ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: Hãy dốc sức nơi công phu *"khắc kỷ, phục lễ, nhàn tà, tồn thành"*. *Khắc* là chiến thắng, *kỷ* chính là tư dục. Cảnh lục trần, sự vui ngũ dục là những thứ tâm phàm phu thường luôn ưa thích, ý luôn hâm mộ. Thô là thanh sắc, vật chất, lợi lộc; tế là học vấn, tri kiến cho đến tiến - thoái, chê bai - khen ngợi, thịnh - suy, được - mất, sống - chết, họa - phước. Phàm những gì đủ để đánh động cái tâm của ta đều là tư dục, ắt phải chiến thắng chúng, chẳng để cho mảy may nào còn tù đọng trong ngực. Sau đấy tâm địa rỗng rang sáng sủa, trong vắt như lưu ly, thoát lìa, thong dong tự tại, không bị chướng ngại. Ắt phải đạt đến mức độ ấy thì học Phật mới có chỗ hữu dụng để tiến tu được. *Phục* là trở lại, *lễ* chính là lý. Chiến thắng được lòng ham muốn của chính mình (tư dục) thì mới trở về với lý chân như được. Hết thảy phàm phu bị lòng ham muốn của chính mình che lấp, trái nghịch lý chân như đã lâu. Ngày nay phát tâm học Phật, cố nhiên nên bắt đầu từ đây. *Nhàn* là ngăn ngừa, ngưng dứt, *tà* là những suy nghĩ trái lẽ. Phàm tiếng dâm, sắc đẹp, tâm chí phóng đãng, suy tưởng ngông cuồng,

---

[971] Nhất-xiển-đề (icchantika), còn phiên âm là nhất-điên-ca, nhất-xiển-đề-kha, xiển-đề v.v., dịch nghĩa là đoạn thiện căn, tín bất cụ túc (tin tưởng không đầy đủ), cực dục (ham muốn cùng cực), đại tham, vô chủng tánh (không có chủng tánh), thiêu chủng (hạt giống bị cháy). Những cách dịch này đều nhằm diễn tả ý kẻ đoạn sạch hết thảy thiện căn, không có cách nào thành Phật được. Kinh Nhập Lăng-già lại chia thành hai loại xiển-đề:

1. Đoạn thiện xiển-đề: Tức hạng người vốn hoàn toàn không có nhân giải thoát.
2. Đại bi xiển-đề: Còn gọi là Bồ-tát xiển-đề, tức hạng Bồ-tát do bi nguyện cứu độ chúng sanh nên thị hiện những nghịch hạnh để dạy chúng sanh kinh sợ ác quả, hồi tâm tu tập.

tính tình hung dữ, trái với lý, nghịch với lẽ chân, văn từ bông lơn, phù phiếm, phí uổng thời gian, những lời lẽ cong vạy, dị đoan, trái kinh, khinh thánh, những loại như thế đều gọi là phi lý, hãy nên ngăn dứt, chớ để cho chúng lọt vào tâm ta. Đấy chính là ý "ngừa sai dứt ác" vậy. *Tồn* là giữ cho chẳng mất, *thành* là tâm chân thành, tức là như luận Khởi Tín đã nói: "Tâm ngay thẳng chánh niệm chân như." Đấy chính là cái gốc của hai hạnh tự lợi và lợi tha vậy.

Những kẻ tự xưng là tri thức trong cõi đời gần đây thường thích dồn sức nghiên cứu danh tướng, đuổi theo không và có, la cà khắp Tam tạng, đề cao hay chỉ trích năm tông, nhưng chẳng biết "khắc kỷ, phục lễ, nhàn tà, tồn thành" là chuyện gì! Do vậy tâm và miệng mâu thuẫn, trong ngoài chẳng phù hợp, thật là nhàn rỗi làm chuyện chẳng lành, không gì chẳng dính dấp, thân còn sống trên cõi đời mà tâm đã mất trước rồi. Đến khi lâm chung xả báo, kinh hoảng cuống cuồng, chẳng biết xoay sở lẽ nào, ngược ngạo đổ thừa tu hành vô ích, Phật pháp chẳng linh. Há chẳng sai lầm lắm ư?

Điều thứ hai, ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: *"Tin tưởng sâu xa sự tướng nhân quả, cảm ứng chẳng dối."* Phàm toàn thể sự chính là lý, toàn thể lý trở thành sự. Toàn thể sự là lý, vì thế nhân quả cảm ứng nơi mặt sự hoàn toàn là lý chân như thật tướng; toàn thể lý thành sự, vì thế lý chân như thật tướng hoàn toàn trở thành sự cảm ứng nhân quả. Hơn nữa, sự có công năng kềm cặp lý, nhưng lý không có khả năng tồn tại một mình được. Chấp sự mê lý vẫn chẳng phí uổng lợi ích vãng sanh, chứ chấp lý phế sự ắt sẽ mắc họa đọa vào trống rỗng, mất mát. Do vậy, người học Phật đối với sự tướng cảm ứng nhân quả phải dốc lòng tin tưởng không nghi.

Phàm những gì ta làm nơi ba nghiệp thân miệng ý đều là nhân; những gì ta hứng chịu, tức y báo và chánh báo, đều là quả. Nhân và quả như hình ảnh hiện trong gương, như bóng theo hình. Không có quả nào chẳng có nhân, không nhân nào chẳng kết quả. Hơn nữa, những gì ta làm đều là cảm, chư Phật Bồ-tát cho đến trời đất quỷ thần, hiện thân lập bày phương cách giáo hóa, phước thiện họa dâm đều là ứng. Cảm giống như nam châm hút sắt, ứng như dùi gõ vào mặt trống. Hễ có cảm ắt có ứng, ứng ắt phải do cảm mà có. Họa phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thăng hay trầm khác đường, đều do nghiệp tạo. Bởi vậy, bậc thánh hiền thời cổ không vị nào chẳng dè dặt kinh sợ nơi khởi tâm động niệm, gắng sức phản tỉnh nơi xử sự, tiếp vật, dẫu lênh đênh khốn khổ, nào dám lười nhác, bỏ mặc?

Đại sư Ấn công thường dạy người khác đọc các sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa là có thâm ý tột bậc! Tiếc thay những người

học Phật hiện thời phần nhiều chẳng biết đến nghĩa này, trọn chẳng quan tâm vâng giữ, thậm chí có kẻ cuồng nhiệt đề xướng vô thần, nói xằng chân không, bài bác là không có nhân quả, hoàn toàn phế trừ hành trì! Đề xướng xằng bậy: "Ăn thịt, sát sanh, chẳng gây trở ngại trên đường Bồ-đề. Nhà thổ, quán rượu đều là chỗ tịch diệt." Nghe lời bọn họ nói cao tuốt chín tầng trời, xét đến hành vi của bọn chúng thấp tuột dưới chín tầng đất. Kẻ học Phật có lòng chánh tín chớ nên bị mê hoặc bởi những loại tà thuyết ấy.

Điều thứ ba, ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: *"Ưa tịnh chán uế, trì danh hiệu Phật, cậy vào tha Phật*[972] *lực, cầu sanh Tây Phương."* Hết thảy chúng sanh vốn sẵn có tánh chân như, đấy là chánh nhân. Gặp chư Phật Bồ-tát, thiện tri thức v.v. lấy đó làm duyên. Nhân duyên đầy đủ sẽ chán nỗi khổ sanh tử, vui vẻ cầu Niết-bàn, phát tâm tu hành, ắt trước hết phải có tâm ưa - chán thì mới vào cửa Phật được. Nếu không có cái tâm này sẽ là nhất-xiển-đề, sẽ đọa miệt-lệ-xa[973], chẳng nói Phật pháp với kẻ ấy được. Đã sẵn lòng ưa - chán thì sẽ biết được cửa để vào đạo.

Trở về cái gốc ban đầu thì không hai, nhưng phương tiện có nhiều cửa. Phàm phu nhập đạo, tông - thuyết[974] khác đường, nhưng Long Thọ Bồ-tát phán định giáo pháp do đức Phật đã dạy trong cả một đời ngài gồm có hai loại: một là *đạo khó hành*, hai là *đạo dễ hành.*

Nói đạo khó hành nghĩa là trong đời ngũ trược, lúc không có Phật, cầu chứng đắc địa vị A-tỳ-bạt-trí (bất thoái chuyển) khó khăn. Ví như đi theo đường bộ, lội bộ khổ sở, nên gọi là đạo khó hành. Nói đạo dễ hành là do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh Tịnh độ, khởi tâm lập đức, tu các hạnh nghiệp, do Phật nguyện lực liền được vãng sanh. Do Phật lực nâng đỡ, giữ gìn, nên liền vào ngay Chánh định tụ của Đại thừa. Chánh định tụ chính là địa vị A-tỳ-bạt-trí bất thoái. Ví như theo đường thủy, ngồi thuyền bèn thong dong, nên gọi là đạo dễ hành.

Đạo khó hành là cậy vào tự lực, còn đạo dễ hành là cậy vào tha lực. Sao gọi là tự lực? Ví như có người sợ hãi sanh tử, phát tâm xuất gia, tu định, phát sanh

---

[972] Tha Phật tức là A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, nói như vậy để phân biệt với tự tánh Di-đà.

[973] Miệt-lệ-xa (mleccha), còn phiên âm là di-ly-xa, mật-lệ-xa, tất-lật-tha, có nghĩa là nơi biên địa, hẻo lánh thiếu hẳn tri thức, ty tiện.

[974] Tông thuyết là hai khái niệm được phân biệt trong Thiền tông dựa theo kinh Nhập Lăng-già. Tông là tông chỉ sâu xa trong đạo, tức là lý thể, cương yếu của đạo, chỉ có thể tự ngộ nhập, thấu hiểu, còn thuyết là khả năng diễn giảng, giáo hóa đại chúng. Hiểu theo nghĩa rộng, tông là tự giác, thuyết là giác tha (giác ngộ người khác).

thần thông, dạo chơi Tứ thiên hạ[975], đấy gọi là tự lực. Chuyện này chẳng phải là chuyện nói dễ dàng được. Nếu nương vào tự lực thì bọn phàm phu kém hèn như chúng ta vạn kiếp ngàn đời chẳng mong chi thoát khổ được! Tha Lực là gì? Như có kẻ yếu ớt, dùng chính sức mình để trèo lên lưng lừa còn không xong, nhưng nếu theo Luân Vương liền được bay lên không, dạo khắp Tứ thiên hạ. Việc ấy do oai lực của Luân Vương nên gọi là tha lực. Do vậy biết lũ phàm phu chúng ta muốn thoát vòng khổ, chỉ có cách trông cậy vào sức của đấng pháp vương Di-đà, khởi tâm lập hạnh, cầu sanh Tịnh độ. Khi lâm chung, liền thấy Di-đà Như Lai cầm đài quang minh đến tiếp đón, liền được vãng sanh, lên cao chín phẩm, giã biệt mãi mãi trăm nỗi lo toan, thấy Phật nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn. Sau đấy nương theo đại nguyện luân, hành hạnh Phổ Hiền, hiện thân trong các cõi nước nhiều như số vi trần, lợi ích khắp mọi chúng sanh.

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có bài kệ như sau: *"Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh, ngã thời ư thắng liên hoa sanh. Thân đổ Như Lai Vô Lượng Quang, hiện tiền thọ ngã Bồ-đề ký. Mông bỉ Như Lai thọ ký dĩ, hóa thân vô số bách câu-chi, trí lực quảng đại biến thập phương, phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới"* (Mọi pháp hội của đức Phật ấy đều thanh tịnh, con liền sanh trong hoa sen đẹp nhất. Đích thân thấy được đức Như Lai Vô Lượng Quang, Phật liền thọ ký con sẽ chứng Bồ-đề. Được đức Như Lai thọ ký xong, con liền hóa vô số trăm câu-chi[976] thân, do trí lực rộng lớn nên hiện thân khắp mười phương để lợi ích rộng khắp hết thảy chúng sanh giới). Đấy đều là nương vào từ lực của tha Phật mà được như vậy.

Hơn nữa, hạnh Tịnh độ lấy niệm Phật làm chánh. Pháp môn niệm Phật cũng lại có nhiều đường, chỉ có một pháp trì danh thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít lại được hiệu quả nhanh chóng, là pháp tu thích nghi nhất cho hành nhân trong đời mạt. Từ hòa thượng Thiện Đạo soạn Quán Kinh Sớ đặc biệt coi trọng trì danh cho đến đại sư Ấn công, các vị tổ của Tịnh tông không vị nào chẳng đều như vậy. Đại sư Liên Trì khi lâm chung dạy người khác thật thà niệm Phật,

---

[975] Tứ thiên hạ chính là toàn thể bốn đại châu (Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu), tức toàn thể cõi nhân gian. Do tầng trời thứ nhất ngay trên nhân gian là tầng trời của Tứ thiên vương (Đông phương Trì Quốc thiên vương, Nam phương Tăng Trưởng thiên vương, Tây phương Quảng Mục thiên vương, Bắc phương Đa Văn thiên vương) nên cõi nhân gian được gọi là Tứ thiên hạ.

[976] Câu-chi (koti) còn phiên âm là câu-trí, câu-lê, dịch nghĩa là ức. Từ xưa đến nay có hai cách giải thích chữ câu-chi:

1. Theo Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 5, thì câu-chi là một ngàn vạn.
2. Theo ngài Viên Trắc trong Giải Thâm Mật Kinh Sớ, quyển sáu: "Câu-chi có ba cách giải thích, một là mười vạn, hai là trăm vạn, ba là một ngàn vạn."

đừng giở trò quái lạ. Nói "thật thà niệm Phật" tức là "thật thà trì danh". Như kinh Tiểu Bổn (kinh A-di-đà) đã dạy từ một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn chính là nói về trì danh vậy. Dẫu có tán tâm vẫn được lìa khổ, huống hồ những ai đã đắc sự nhất tâm hay lý nhất tâm ư?

Do vậy biết rằng: Nhằm đời mạt pháp, người thật sự muốn đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử ắt phải tu pháp môn Tịnh độ trì danh niệm Phật thì mới được. Chẳng đọa lưới tà, chẳng vướng bẫy ma, chẳng bị dị thuyết mê hoặc, chẳng mê mờ nơi ngõ rẽ, noi theo đường của đại vương để vào được cửa ngôi nhà tráng lệ. Những người học đời sau hãy biết chú trọng vào đây! Lại còn có người đối với pháp môn thù thắng này chẳng muốn tu học, cứ muốn ở mãi trong Sa-bà, oan uổng bị đau đớn, thiêu đốt đến vạn kiếp ngàn đời, không có nơi nương tựa. Dẫu là kẻ cực ngu muội cũng chớ nên chẳng biết đúng sai đến mức quá quắt như thế!

Hai bộ Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên của pháp sư Ấn Quang được xuất bản, lưu truyền đã lâu, truyền bá rộng rãi khắp xa gần. Bốn mươi mấy năm trước, cư sĩ La Hồng Đào ở Thượng Hải lại sao lục rộng rãi mấy trăm bài di văn chưa được đưa vào Chánh Biên và Tục Biên, soạn thành một bộ sách đặt tựa đề là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên. Bản chép tay ấy được cất giữ tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Do nhân duyên chưa đủ, chẳng thể xuất bản được.

Tháng Chạp năm 1984, hòa thượng Minh Học đến chùa Quảng Hóa ở huyện Bồ Điền tỉnh Phước Kiến yết kiến lão pháp sư Viên Chuyết bàn về chuyện này, tính cho ấn hành lưu thông. Viên công khi xưa đã từng trụ tại niệm Phật đường chùa Linh Nham, từng đích thân nghe Ấn công khai thị, đối với di giáo của Ấn công sùng kính tột bậc, một mực thọ trì phụng hành và đem những di giáo ấy dạy người, ứng khắp quần cơ. Nghe biết chuyện này, hoan hỷ tán đồng, liền xin giao di cảo cho chùa Quảng Hóa giảo chánh, đối chiếu, sắp chữ, ấn hành.

Nay Tam Biên sắp được xuất bản, sai tôi soạn lời tựa. Tôi là kẻ hèn kém phàm ngu, nào dám dùng văn chương thô lậu để đặt trước giáo pháp của tổ sư; nhưng cũng chẳng dám trái nghịch mạng lệnh của Viên công nên soạn bài văn này, nêu đại lược những điều mình thấy được, ghép vào cuối sách. Vẫn mong được bậc thức giả sửa cho đúng những điều lầm lạc, chỉnh những điều không hợp lẽ, khôn ngăn cảm kích, cầu khẩn đến tột bậc vậy!

Tháng 12 năm 1989 Tây lịch, đệ tử tư thục[977] Vương Vĩnh Nguyên đảnh lễ kính cẩn viết lời bạt!

[977] Đệ tử tư thục: Học theo và tuân hành di giáo của một vị thầy, nhưng chưa từng có dịp gặp gỡ, thọ giáo khi vị ấy còn sống thì gọi là "đệ tử tư thục".

XVI. PHỤ LỤC

1. Trung Hưng Tịnh Tông Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp ký

Sư húy Thánh Lượng, tự là Ấn Quang[978], biệt hiệu là Thường Tàm Quý Tăng (vị tăng thường hổ thẹn), con nhà họ Triệu huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Thuở nhỏ theo học sách Nho với anh ruột, coi việc bảo vệ cái học của đạo Thánh (Nho giáo) là trách nhiệm của chính mình, phụ họa những lời bàn luận báng Phật của lũ Hàn - Âu. Về sau bị bệnh mấy năm, mới tỉnh ngộ trước kia sai trái, mau chóng sửa đổi tâm trước. Duyên xuất thế chín muồi, năm 21 tuổi liền xuống tóc với hòa thượng Đạo Thuần ở Liên Hoa Động Tự tại Nam Ngũ Đài thuộc Chung Nam Sơn. Khi ấy nhằm năm Tân Tỵ, tức năm Quang Tự thứ bảy (1881) nhà Thanh. Năm sau, thọ cụ túc dưới tòa của luật sư Ấn Hải Định chùa Song Khê, huyện Hưng An, tỉnh Thiểm Tây.

Sư vừa ra đời được sáu tháng liền bị bệnh mắt, gần như mù; về sau tuy lành nhưng mục lực đã bị tổn thương, hễ mắt hơi bị đỏ liền chẳng nhìn được vật gì nữa. Khi thọ cụ túc, do thấy sư viết chữ đẹp, phàm tất cả những giấy tờ thuộc về pháp sự cần phải viết trong thời gian thọ giới, ban chức sự giới đàn đều giao cho sư viết thay. Viết chữ quá nhiều, mắt liền đỏ ngầu như ứa máu. May mắn là trước đấy, khi sư được giao nhiệm vụ tiếp khách ở chùa Liên Hoa tỉnh Hồ Bắc, trong một lần phơi kinh đã đọc được một cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn rách nát, nên

---

[978] Tổ Ấn Quang có pháp danh là Thánh Lượng, pháp tự là Ấn Quang (pháp tự là tên được đặt khi thọ giới sa-di). Khi thọ giới cụ túc lại được đặt tên nữa là pháp hiệu. Tuy thế, có những sơn môn, khi giới tử thọ giới cụ túc, vị bổn sư (hay đàn đầu hòa thượng) không đặt pháp hiệu. Có những vị suốt đời chỉ dùng pháp danh, không dùng tới pháp tự hay pháp hiệu.

Tông Lâm Tế ở Trung Hoa chia ra rất nhiều chi phái nhỏ (đều có chung danh xưng là Lâm Tế chánh tông). Sau thời ngài Vạn Phong Thời Ủy và Đạo Mân, chư thiền sư tiếp tục lập ra những dòng kệ truyền thừa khác nhau. Chẳng hạn, ngài Ngọc Lâm Thông Tú (quốc sư dưới đời vua Thuận Trị - Khang Hy) cũng lập ra một bài kệ riêng để truyền thừa như sau: "Pháp hoằng tế tổ, chân tông thiệu tục, vĩnh truyền anh tuấn, tịnh minh phạm hạnh, nham trì tuyên cổ, gia mô đại căn" (法宏濟祖, 真宗紹續, 永傳英俊, 淨明梵行, 巖持宣古, 嘉謨大根). Điểm qua những bài pháp phái kệ của tông Lâm Tế Trung Hoa hiện thời, căn cứ trên pháp danh Thánh Lượng của tổ Ấn Quang, chúng tôi mạo muội đoán rằng vị thầy truyền giới cho tổ Ấn Quang thuộc chi phái Long Trì của tông Lâm Tế (trong Văn Sao Tục Biên, tổ chỉ cho biết vị thầy truyền giới của mình thuộc Lâm Tế chánh tông, không nói rõ pháp hiệu, pháp tự của bổn sư). Bài kệ truyền pháp phái của Lâm Tế chánh tông, hệ phái Long Trì (龍池) như sau: "Giác tánh bổn thường tịch, tâm duy pháp giới đồng, như duyên hoằng thánh giáo, chánh pháp vĩnh xương long" (覺性本常寂, 心惟法界同, 如緣宏聖教, 正法永昌隆). Cũng xin nói thêm, trong những bài tiểu sử của tổ Ấn Quang đăng trên Internet, chúng tôi thấy biệt hiệu Thường Tàm Quý (常慚愧: thường hổ thẹn) hoặc gọn hơn là Thường Tàm (常慚） của tổ Ấn Quang không hiểu do vô tình hay cố ý thường bị sửa thành Thường Tâm. Sửa như vậy đã vô tình đánh mất ý khiêm tốn lớn lao của tổ khi chọn biệt hiệu ấy.

biết tới pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ chính là đạo trọng yếu để liễu sanh thoát tử. Do bệnh mắt ấy mà ngộ được "thân ta là gốc khổ" nên trong những lúc rảnh rỗi đều chuyên niệm Phật hiệu. Đêm xuống, sau khi mọi người đã ngủ, sư liền ngồi dậy niệm Phật. Ngay cả khi viết chữ, tâm cũng chẳng rời Phật. Vì thế, tuy ráng gượng bệnh viết chữ, sư vẫn có thể miễn cưỡng chống chọi được. Đến khi viết xong thì mắt cũng lành hẳn. Do vậy, sư hiểu sâu xa công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn nên tự hành, dạy người, một mực lấy Tịnh độ làm chỗ quy hướng, đầu mối là do đây!

Sư tu Tịnh độ càng lâu càng chuyên dốc, nghe nói chùa Tư Phước núi Hồng Loa chính là đạo tràng chuyên tu Tịnh độ, năm 26 tuổi (tức năm Bính Tuất, nhằm năm Quang Tự 12 - 1886) liền từ giã thầy qua đó. Tháng 10 năm ấy, sư vào niệm Phật đường của chùa Tư Phước, được thấm nhuần ân trạch của tổ Triệt Ngộ để lại, tịnh nghiệp tăng tiến lớn lao. Tháng Giêng năm sau xin tạm nghỉ phép để triều bái Ngũ Đài. Triều bái xong, vẫn trở về Tư Phước. Sư từng đảm nhiệm các chức vụ thượng khách đường, hương đăng, liêu nguyên[979] v.v.. Trong ba năm, ngoài chánh hạnh niệm Phật ra, sư nghiên cứu, xem đọc các kinh điển Đại thừa. Do vậy thâm nhập kinh tạng, thầm khế hợp mầu nhiệm tâm Phật, đường tắt tu hành lý sự vô ngại. Năm 30 tuổi (tức năm Canh Dần, nhằm năm Quang Tự 16 - 1890), sư tới chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh giữ chức hành đường. Năm 31 tuổi (tức năm Tân Mão, nhằm năm Quang Tự 17 - 1891), sư trụ tại chùa Viên Quảng.

Hai năm sau (tức năm Quý Tỵ, nhằm năm Quang Tự 19 - 1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà lên kinh đô thỉnh Đại tạng, thiếu người giúp

---

[979] Đây là các chức vụ thường thấy trong những ngôi tùng lâm lớn:

1. Thượng khách đường: Những vị tăng đảm nhiệm tiếp đón khách (tri khách) đến vãng cảnh chùa, trình báo phương trượng khi có khách muốn gặp gỡ, trình báo với vị liêu nguyên để sắp xếp nơi ăn chốn ở cho khách thập phương hay khách tăng muốn ở lại chùa đều thuộc khách đường. Ở đây, sư đảm nhiệm trông coi việc tiếp đón, sắp xếp chỗ ăn ở cho những vị khách quan trọng.

2. Hương đăng: Vị sư trông coi nhang đèn trong Phật điện, hướng dẫn, giải thích nếu khách thập phương có thắc mắc, thỉnh chuông khi khách vãn cảnh chùa lên lễ Phật, bày biện, tiếp nhận lễ vật của khách dâng cúng lên bàn thờ, đồng thời giữ cho bàn Phật luôn được sạch sẽ tinh khiết.

3. Liêu nguyên: Chức vụ có trách nhiệm quản thủ các liêu xá trong một ngôi tùng lâm, còn được gọi bằng các danh xưng tọa nguyên, tòa nguyên, liêu thủ tòa, hay đệ nhất tọa. Chức vụ này có trách nhiệm coi sóc những phẩm vật trong tăng phòng như kinh sách, trà nước, củi than, cung cấp các thứ cần dùng cho tăng chúng, chỉ huy những người dưới quyền quét tước, dọn dẹp cho liêu phòng sạch sẽ. Vị này còn có trách nhiệm phân xử, dàn xếp nếu có tranh chấp xảy ra giữa các liêu phòng, nhắc nhở những quy ước trong tùng lâm hay răn đe những kẻ vi phạm quy ước cộng trụ trong tùng lâm. Hiện thời, liêu nguyên còn phải kiêm thêm trách nhiệm quản thủ Vân Thủy Đường (tăng phòng dành cho những vị thượng khách).

sức kiểm duyệt, lo liệu. Mọi người do thấy sư làm việc tinh tế, cẩn thận, bèn tiến cử. Cụ Hóa Văn thấy sư đạo hạnh siêu trỗi, đến khi trở về phương Nam liền thỉnh sư cùng theo làm bạn, cho ở nơi lầu chứa kinh của chùa. Đại chúng trong chùa thấy sư dốc chí tinh tu đều khâm phục sâu xa, nhưng sư vẫn bình dị, chẳng hề tự mãn.

Mùa hạ năm Đinh Dậu, tức năm Quang Tự 23 (1897), đại chúng trong chùa kiên trì thỉnh sư giảng kinh một phen. Từ tạ không được, sư bèn giảng bộ Di-đà Tiện Mông Sao một lượt. Giảng xong, sư liền bế quan bên cạnh điện Châu Bảo hai lượt, tổng cộng 6 năm[980], học lẫn hạnh càng tăng tấn gấp bội. Sau khi xuất quan, do các hòa thượng Liễu Dư, Chân Đạt v.v. đặc biệt lập một liên bồng (thảo am để niệm Phật) cúng dường nên trước sau sư đã cùng với pháp sư Đế Nhàn ở đó. Không lâu sau, đại chúng lại đón sư về Pháp Vũ.

Năm sư 44 tuổi (tức năm Giáp Thìn, nhằm năm Quang Tự 30 - 1904), do thỉnh Đại tạng kinh cho chùa Đầu-đà ở Ôn Châu, cụ Đế Nhàn lại thỉnh sư lên kinh đô giúp trông coi mọi việc. Xong việc, sư trở về Nam, bèn trụ tại lầu kinh chùa Pháp Vũ. Sư xuất gia ba mươi mấy năm, sống đời thanh bạch, từ đầu đến cuối ẩn giấu tài năng, chẳng thích qua lại với người khác, cũng chẳng muốn ai biết đến danh tự của mình để mong ngày đêm Di-đà, sớm chứng niệm Phật tam-muội.

Nhưng chuông trống trong cung, tiếng vẳng ra ngoài, đức dày ắt tỏa sáng, trọn chẳng thể giữ kín được mãi! Kỷ nguyên Dân Quốc, sư 52 tuổi, cư sĩ Cao Hạc Niên bèn đem mấy bài văn của sư đăng trên tờ Phật Học Tùng Báo ở Thượng Hải, ghi tên là Thường Tàm. Người ta tuy chẳng biết là ai, nhưng văn tự bát-nhã đã đủ để dẫn dắt, phát khởi thiện căn cho độc giả. Đến năm Dân Quốc thứ sáu (1917, Sư năm mươi bảy tuổi), cư sĩ Từ Úy Như nhận được ba lá thư của sư gởi cho bạn bèn ấn hành, đề tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918, sư 58 tuổi), ông ta lại sưu tập được hai mươi mấy bài văn của sư, đem in ở Bắc Kinh, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Năm Dân Quốc thứ tám (1919, sư

[980] Nguyên văn *"tức ư Châu Bảo điện trắc bế quan, lưỡng kỳ lục tải"* (liền bế quan cạnh điện Châu Bảo, hai kỳ sáu năm). Do câu văn ở đây dễ gây hiểu lầm sư bế quan hai kỳ, mỗi kỳ sáu năm, nên chúng tôi xin mạn phép nói thêm: Trong đoạn văn phía trước, các tác giả cho biết năm Quang Tự 17 (1891), sư được 31 tuổi và còn trụ tại chùa Viên Quảng ở Bắc Kinh. Hai năm sau (1893, tức năm Quang Tự 19), sư 33 tuổi, giúp hòa thượng Hóa Văn kiểm giảo Đại tạng kinh rồi theo về Phổ Đà trong năm ấy. Bốn năm sau, tức năm Quang Tự 23 (1897), đại chúng thỉnh sư giảng kinh. Sư giảng xong liền bế quan. Tiếp đó, bài văn trên đây cho biết sư xuất quan, qua ở Liên Bồng một thời gian, rồi mới trở về Pháp Vũ để theo pháp sư Đế Nhàn lên Bắc Kinh thỉnh Đại tạng năm sư 44 tuổi (năm Quang Tự 30, tức năm 1904). Từ năm 1897 đến năm 1904 là 7 năm, như vậy tổng cộng thời gian đại sư bế quan sau khi giảng kinh chỉ có thể là 6 năm. Nói cách khác, câu "lưỡng kỳ lục tải" chỉ có nghĩa sư bế quan tại Phổ Đà hai lần và thời gian tổng cộng là 6 năm.

59 tuổi), ông ta sưu tập được thêm văn chương của sư, bèn in thêm cuốn Tục Biên; tiếp đó gộp Sơ Biên lẫn Tục Biên thành một cuốn. Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, bộ sách ấy lại được tăng thêm một số bài nữa. Trước sau đều được đúc bản kẽm tại Thương Vụ Ấn Thư Quán, khắc bản gỗ tại tàng kinh viện Dương Châu. Trong khoảng từ năm Dân Quốc 11 (1922) cho đến năm Dân Quốc 15 (1926), mấy lần tăng thêm bài viết, lại nhờ Trung Hoa Thư Cục ấn hành, đề tựa là Tăng Quảng Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao.

Ôi, văn để chở đạo, bộ Văn Sao của sư được lưu thông, đạo của sư giáo hóa bèn thấm đẫm khắp cả nước, như Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận và những bức thư như "Thư gởi cho hòa thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện v.v.", đều là "từng lời thấy được lẽ chân, từng chữ đều quy tông" vậy. Trên hợp với ý chỉ của đức Phật, dưới ngầm hợp tâm chúng sanh, tỏa rạng ý chỉ mầu nhiệm sâu thẳm của Thiền lẫn Tịnh, quyết trạch sự khó dễ, quả thật đã vạch trần được những chỗ tiền nhân chưa nêu rõ.

Trong lời bạt của ông Từ có câu: "Đại pháp suy vi tới nay đã tột cùng, nào ngờ trong đời này vẫn còn có bậc đầy đủ chánh tri chánh kiến như sư vậy, do đó vẫn còn có bậc tiếp nối huệ mạng của Phật." Ông ta còn viết: "Văn của sư không một chữ nào chẳng có lai lịch, thâm nhập, hiển xuất, khế hợp khéo léo thời lẫn cơ, quả thật là món thuốc tốt lành chữa bệnh đúng lúc trong thời mạt pháp." Thật có thể nói là khéo hiểu pháp yếu, dốc cạn tấm lòng kính ngưỡng.

Do đó, thoạt đầu cư sĩ Từ đích thân cầm sách, đưa mẹ tới Phổ Đà, dốc cạn lòng thành lễ bái thân cận, khẩn cầu sư tiếp nhận rộng dung cho quy y dưới tòa, sư vẫn kiên trì không chấp thuận, dạy mẹ con ông Từ hãy sang quy y với pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông ở Ninh Ba. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), anh em ông Chu Mạnh Do đưa bà nội kế lên núi, lại bốn lượt khẩn cầu sư chấp nhận cho họ làm đệ tử. Sư xét thời cơ, về mặt lý khó thể từ khước được nữa, bèn đặt pháp danh cho mỗi người. Từ đấy sư mới bắt đầu chấp nhận cho người khác quy y, mà đấy cũng thật sự là duyên khởi của bộ Văn Sao vậy.

Văn chương của sư không những tinh xác, sâu xa nơi Phật lý, mà ngay cả đạo xử thế "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu tề trị bình, ngũ luân, bát đức v.v." của nhà Nho nếu chẳng trái với ba phước của tịnh nghiệp thì sư ắt đều nêu tỏ đến tột cùng. Văn lẫn nghĩa đều tao nhã, mực thước, do vậy Lạc Dương giấy đắt đỏ[981],

[981] Nguyên văn *'chỉ quý Lạc Dương'* (giấy đắt đỏ tại Lạc Dương); đây vốn là một thành ngữ chỉ văn chương hay đẹp được mọi người đua nhau sưu tập, sao chép, săn đón. Nguyên ủy của thành ngữ này là do trong đời Tấn, Tả Tư viết bài Tam Đô Phú rất hay, những nhà giàu có tại

người ta tranh nhau thỉnh đọc. Vì thế những thiện nam tín nữ hâm mộ đạo đức của sư, khát vọng được làm đồ đệ ngày càng đông đảo. Hoặc là vượt biển trèo non để thỉnh cầu sư rộng lòng tiếp độ, hoặc thư qua tin lại, cầu xin ban pháp danh. Hơn hai mươi mấy năm qua, người quy y dưới tòa của sư quả thật chẳng thể tính đếm được! Ngay cả những người vâng theo lời dạy tu hành, ăn chay niệm Phật, tinh tu tịnh nghiệp được toại ý sanh Tây cũng khó thể nêu trọn. Văn tự của sư nhiếp hóa chúng sanh, lợi ích thế gian chẳng thể nghĩ bàn!

Những lời sư chỉ dạy người học đi thẳng vào tai, chỉ bày tận mặt, vốn phát xuất từ kinh luận, lưu lộ từ tim gan, chẳng lìa nhân quả, chẳng dính dấp thói văn chương sáo rỗng. Những kẻ đáng được chiết phục dẫu là bậc tôn túc trong nhà Thiền hay kẻ đứng đầu giới Nho sĩ, hễ gặp mặt liền bị sư quở trách; [còn kẻ không có cơ duyên chiết phục được], dẫu là những vị quan chức hiển đạt, sư vẫn trọn chẳng nhờ cậy đến. Kẻ đáng nhiếp thọ, dẫu hàng hậu sinh mạt học, sư cũng chưa từng cự tuyệt, khước từ. Dẫu là nông phu, nữ tỳ, sư cũng ưu ái đáp lời thỉnh hỏi. Một niềm hoài bão "lợi khắp ba căn" bình đẳng; không mang ý niệm thân sơ, chỉ dựa theo lý. Nhưng sư nghĩ: Thời cuộc đang buổi cuối mùa, nếu không đề xướng nhân quả báo ứng sẽ chẳng thể vãn hồi thói tệ suy đồi nhằm uốn nắn lòng người; căn cơ con người kém hèn nếu không có thật hạnh tín nguyện niệm Phật, quyết chẳng thể liễu sanh tử, thoát luân hồi. Vì thế chẳng nề sang hèn, hiền ngu, trai gái, già trẻ, hễ có ai thưa hỏi, sư đều dùng thật sự, thật lý "không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi" để ra rả nhắc nhở, khơi gợi, khiến cho ai nấy sanh lòng cảnh tỉnh, thấu hiểu sâu xa, lập được căn cơ làm người, sống trong cõi đời. Tiến hơn nữa là dùng con đường trọng yếu, bằng phẳng "thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để dạy người ta thiết thực phụng hành hòng làm đường tắt nhằm siêu phàm nhập thánh. Tuy thấu hiểu Tông - Giáo sâu xa, sư trọn chẳng bàn huyền nói diệu, [chỉ nói những lời lẽ cụ thể, thông tục] khiến cho ai nấy đều hiểu biết và hành được. Kẻ nghe dạy không ai chẳng được hưởng lợi ích. Đấy chính là như đại sư Liên Trì đã bàn định về lão nhân Biện Dung[982] như sau: "Đấy chính là chỗ đáng kính của ông cụ ấy!"

---

kinh đô Lạc Dương đua nhau cho người sao chép đến nỗi giá giấy ở Lạc Dương đắt vọt hẳn lên.

[982] Hòa thượng Biện Dung là vị đại lão trong Tông môn thời đại sư Liên Trì mới học đạo. Nghe danh, ngài Liên Trì liền lặn lội tới xin tham yết. Khi tới chân núi, sư đi bằng đầu gối, lết tới trước tòa của ngài Biện Dung, tỏ ý cung kính tột bậc. Ngài Biện Dung dạy: "Ông hãy nên giữ bổn phận, đừng tham danh cầu lợi, đừng vin nắm, chỉ cần nhân quả phân minh, nhất tâm niệm Phật." Người đứng xung quanh phì cười, cho là ngài Liên Trì đã tốn công cung kính vô ích;

Do sư bình thường, thiết thực, không có gì kỳ lạ, ngôn hạnh hợp nhất, cho nên những kẻ chân tu thật sự thực hành đều thích thân cận đến nỗi những kẻ gõ cửa quan phòng để hỏi đạo cũng nhiều chẳng thể đếm xuể! Hơn nữa, sư coi trọng pháp, tôn kính đạo, danh văn lợi dưỡng đều chẳng bận lòng. Năm Dân Quốc 11 (1922, sư 62 tuổi), Tri sự huyện Định Hải là Đào Tại Đông, Đạo doãn đạo Cối Kê là Hoàng Hàm Chi ghi chép tổng hợp về đạo hạnh của sư trình thỉnh Đại tổng thống Từ [Thế Xương] ban tặng một tấm biển ngạch "Ngộ Triệt Viên Minh" gởi tới Phổ Đà, hương hoa cúng dường, cực thịnh một thời, tăng tục ngưỡng mộ, vui thích. Sư dường như chẳng hay biết, có người hỏi đến, sư đáp bằng những lời lẽ như: "Đã dựng lầu gác trong hư không, chẳng có thật đức, hổ thẹn khôn cùng, có gì vinh dự đâu?" Nay đang gặp lúc cõi đời bước vào vận mạt, con người ganh đua sùng chuộng khoe khoang rỗng tuếch, tư cách điềm đạm, thanh bạch như sư thật đáng đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn đang ụp xuống, làm cột chống giữa dòng nước chảy xiết, dù đạo hay tục đều được hưởng rất nhiều điều tốt đẹp.

Sư tiết kiệm đối với chính mình, nhưng đối xử nồng hậu với người. Hễ được thiện tín nam nữ cúng dường tiền hương kính đều đem gieo phước điền thay cho người ta, dùng tiền ấy để lưu thông kinh sách và cứu tế kẻ đói nghèo, chỉ cân nhắc nặng nhẹ để xem chỗ nào cần cứu gấp trước rồi thực hiện. Như trong năm Dân Quốc 15 (1926, sư 66 tuổi), Trường An bị vây hãm. Sau khi Trường An được giải vây, sư liền vội gom món tiền ba ngàn đồng vốn định dùng in Văn Sao để cậy người mau đem gởi đi cứu tế.

Hễ nghe cấp báo chỗ nào bị tai nạn, sư liền tận lực đề xướng quyên trợ để mong cứu giúp. Năm Dân Quốc 24 (1935, sư đã 75 tuổi), Thiểm Tây bị hạn hán dữ dội, nhận được thư thông báo của cư sĩ Vương Ấu Nông, sư liền lấy sổ ngân hàng, sai người chuyển gấp một ngàn đồng sang đó để cứu trợ nhanh chóng. Chuyển xong, lại bảo thầy Đức Sâm duyệt sổ sách, thấy trong trương mục chỉ còn hơn một trăm đồng! Hết thảy những khoản tiền cần dùng trong chùa Báo Quốc đều nhờ vào đấy để duy trì, sư cũng không bận tâm tới.

Năm Dân Quốc 25 (1936, sư 76 tuổi), nhận lời thuyết pháp trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai ở Thượng Hải, nghe tình hình Tuy Viễn gặp tai nạn nghiêm trọng, sư liền nói rõ với đại chúng, đem món tiền hương kính của hơn một ngàn người quy y cầu giới lúc ấy tổng cộng là hai ngàn chín trăm mấy mươi đồng đều quyên tặng hết, rồi lại tự đề xướng bằng cách bỏ ra khoản tiền một ngàn đồng vốn dùng để in sách. Khi trở về Tô Châu, mọi người ra trạm xe đón tiếp sư, thỉnh sư ghé

---

nhưng ngài Liên Trì trân trọng cảm tạ sâu đậm, thường nói được ngài Biện Dung ban lời khai thị ấy, sư dùng cả đời vẫn không hết.

Linh Nham để xem cảnh tượng trong gần một năm qua; sư đang gấp rút trở về Báo Quốc để lấy sổ ngân hàng rút tiền đem gởi đi cứu trợ, nhưng rồi cũng theo mọi người lên núi, sư liền chỉ dạy đại chúng hãy cứu giúp tai nạn. Tấm lòng sư cứu trợ tai ương sâu đậm giống như chính mình đang bị đói, bị chết đuối đều luôn giống như vậy.

Các cư sĩ Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông v.v. phát khởi thành lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng phóng sanh niệm Phật ở sông Tam Xoa, Nam Kinh, thỉnh sư tham gia và ước định quy củ nhà chùa. Tiếp đó, do cư sĩ Nhậm Tâm Bạch thương lượng, thỉnh các vị đại cư sĩ ở Thượng Hải như Phùng Mộng Hoa, Vương Nhất Đình, Diêu Văn Phu, Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v. sáng lập viện mồ côi Phật giáo tại đấy, mỗi mỗi đều nhờ cậy vào oai đức, danh vọng của đại sư để khơi gợi lòng tin tưởng của người khác hòng được thành tựu.

Hơn nữa, đối với chuyện nuôi dạy con em nghèo hèn trong viện mồ côi, sư càng cực lực giúp cho thành tựu. Khoản kinh phí cho viện mồ côi do sư khuyên người khác giúp đỡ và do chính sư quyên tặng đều là những con số khá lớn. Ngay như viện mồ côi do hội Phật giáo thành phố Thượng Hải đảm nhiệm, cũng được sư cực lực giúp đỡ.

Đối với chuyện pháp thí thì kể từ khi ấn tống An Sĩ Toàn Thư và sáng lập Hoằng Hóa Xã trở đi, trong hai mươi mấy năm ấn hành các loại kinh sách không dưới bốn năm trăm vạn bộ, hình Phật cũng hơn trăm vạn bức. Hoằng dương pháp hóa cũng thấm đẫm rộng khắp trong ngoài nước. Nhìn chung, mỗi một lời nói, mỗi một hạnh của sư không gì chẳng nhằm thay Phật tuyên nói, giáo hóa để mong cứu vãn thế đạo nhân tâm, khiến cho hiền tài được nẩy sanh nhằm tạo phước cho nước, làm lợi cho dân.

Đối với bản thân, sư chỉ ăn cho khỏi đói, chẳng cầu ngon miệng, áo chỉ đỡ lạnh, chán bỏ những thứ đẹp đẽ, rực rỡ. Có ai cúng dường những quần áo, thức ăn quý đẹp, sư không từ khước nhưng cũng chẳng dùng, đem tặng ngay cho người khác. Nếu là những phẩm vật thông thường, sư liền bảo giao cho nhà kho để đại chúng cùng hưởng, quyết chẳng tự dùng. Đấy tuy là hạnh nhỏ, nhưng cũng đáng để Phật tử trong đời mạt tôn kính noi theo.

Sư duy trì bảo vệ pháp môn, công khó nghĩ bàn! Trọng yếu nhất là như trước khi xảy ra cuộc chiến với châu Âu, chánh phủ có quyết nghị về chuyện dời kiều dân Đức Quốc đến ở tại Phổ Đà. Sư sợ gây trở ngại cho sự thanh tu của đại chúng liền đặc biệt gởi thư cho cư sĩ Trần Tích Châu cậy ông này trình bày cặn kẽ với những nhân vật quan trọng. Việc ấy liền bị bãi bỏ.

Năm Dân Quốc 11 (1922, sư 62 tuổi), các vị như hội trưởng Hội ước vọng thực hiện thành tựu nghĩa vụ giáo dục tỉnh Giang Tô đệ trình lên tỉnh trưởng kế hoạch mượn chùa miếu để làm trường học xin chuẩn y, Tri sự Định Hải là Đào Tại Đông gởi thư cho sư cậy cứu vãn. Sư lập tức viết xin hai vị Vương Ấu Nông, Ngụy Mai Tôn tìm cách lo liệu và nhờ hòa thượng Diệu Liên bôn ba, liền được chánh quyền đương thời ban hành sắc lệnh bảo vệ rõ ràng.

Năm Dân Quốc 16 (1927, sư 67 tuổi), tình thế chánh trị bắt đầu thay đổi, tài sản nhà chùa trọn không có gì bảo vệ, mấy lần sắp bị họa diệt giáo, nhưng Phổ Đà đứng mũi chịu sào, do sư xả mạng tận lực đấu lý mới kéo dài được hơi tàn. Tới khi ông X… khi nắm quyền Nội chánh[983], mấy lượt đề nghị tịch thu tài sản nhà chùa để khuếch trương giáo dục, rốt cuộc tăng tục cả nước đều kinh hoảng bó tay. May mắn là sư và cụ Đế Nhàn ở Thượng Hải đã tập hợp các vị cư sĩ nhiệt tâm hộ pháp cùng thương nghị, trước hết trình bày cặn kẽ với ông X…, tiếp đó phái đại biểu đi thỉnh nguyện. Bàn bạc rồi chưa kịp thực hiện, gặp lúc ông X… sắp về nghỉ, lại ban hành điều lệ đuổi tăng đoạt tài sản nhằm chiếm đoạt theo thứ tự hòng đạt mục đích diệt tôn giáo. May mắn là khi điều lệ vừa được công bố, ông X… liền phải chuyển giao quyền lực, Bộ trưởng Triệu Thứ Lũng tiếp nhận chức vụ ấy. Sư đặc biệt gởi thư trình bày biện pháp, quyết định ấy liền bị thủ tiêu không còn dấu vết. Tiếp đấy, sư nhờ các vị cư sĩ như Tiêu Dịch Đường v.v. dốc sức chạy vạy, điều lệ ấy mới được tu chỉnh, tăng lữ được bình an.

Năm Dân Quốc 22-23 (1933-1934, sư 73, 74 tuổi), ngôi chùa cổ Tư Phước ở huyện Phụ Dương, tỉnh An Huy là nơi vẫn còn ba bức tượng Phật do Uất Trì Kính Đức[984] đã tạo trong thời Đường, cả chùa bị chiếm làm trường học. Chùa Bích Sơn

---

[983] Trước đấy, đại tổng thống Phùng Ngọc Tường của chánh quyền Bắc Dương đã mượn cớ đả đảo mê tín để chiếm đoạt tài sản các chùa Bạch Mã, Thiếu Lâm, Tướng Quốc tại Hà Nam, đồng thời trục xuất tăng ni, bắt họ hoàn tục. Bộ trưởng Nội chánh bộ (tức bộ trưởng bộ Nội vụ) thời ấy chính là Tiết Đốc Bật, là người đã ban hành sắc lệnh *Quản lý chùa miếu* gồm 21 điều, dung dưỡng cho các quan chức địa phương và bọn tay chân thừa cơ mượn danh biến chùa miếu thành trường học để cướp đoạt chùa miếu ở rất nhiều nơi, nhất là vùng Giang Tô.

Tiết Đốc Bật (1889-1973), người huyện Giải, tỉnh Sơn Tây, từng là đảng viên cốt cán của Quốc Dân Đảng, thoạt đầu làm Thứ trưởng Bộ tư pháp của chánh quyền Bắc Dương, rồi tỉnh trưởng tỉnh Cam Túc, bộ trưởng Dân Chánh, rồi làm bộ trưởng Nội chánh. Do vụ chiếm đoạt tài sản chùa miếu gây nên công phẫn lớn lao trong giới tăng tục, chánh phủ Bắc Dương của Phùng Ngọc Tường phải điều ông ta sang làm Bộ trưởng bộ Thủy lợi. Năm 1948, ông từ bỏ chức vụ đi làm luật sư tại Thượng Hải. Không rõ bằng cách nào, vào năm 1955, ông ta lại tái xuất hiện làm Phó chánh ủy thành phố Thượng Hải dưới thời Mao Trạch Đông, rồi leo dần lên tới chức vụ ủy viên Bộ chánh trị của đảng Cộng Sản Trung Quốc cho đến khi mất.

[984] Uất Trì Cung (585-658), tự là Kính Đức, người xứ Thiện Dương, Sóc Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), danh tướng khai quốc đời Đường, cùng với Tần Quỳnh được coi là hai vị Môn Thần

và thảo am Quảng Tế ở núi Ngũ Đài tỉnh Sơn Tây gặp phải ách vận ngang trái, hai nơi đều phải ra kiện tụng nơi cửa công. Chánh quyền địa phương nghe lời trình bày của một bên, hai chùa sắp phải phế diệt; mỗi nơi đều được sư gởi một bức thư, đột nhiên xoay chuyển được sự nhận thức của chính quyền. Nhờ đấy chùa Quảng Tế được lập vững vàng thành một đạo tràng thập phương chân chánh, thành một cơ sở để vĩnh viễn yên tâm tu đạo. Chùa Tư Phước cũng nhờ đấy mà được bảo toàn, dần dần được trung hưng.

Năm Dân Quốc 24 (1935, sư 75 tuổi), trong hội nghị giáo dục toàn quốc, trưởng ty giáo dục X… đề nghị sung công tài sản nhà chùa trong cả nước làm tài sản cho cơ quan giáo dục[985], biến chùa miếu trong toàn quốc thành trường học, lập nghị quyết, nộp lên bộ Nội chánh, viện Đại học để xin xét duyệt, đăng tải trên báo chí. Mọi người chấn động, kinh sợ. Khi ấy, lý sự trưởng hội Phật giáo là pháp sư Viên Anh và các sư giữ chức Ủy viên xử lý thường vụ như Đại Bi, Minh Đạo, các vị cư sĩ như Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi, Khuất Văn Lục v.v. cùng đến gõ cửa quan phòng của sư tại Báo Quốc xin ý kiến. Sư khuyên họ nên gắng sức bảo vệ đạo và chỉ bày biện pháp. Họ trở về Thượng Hải nhóm họp, công khai đề cử đại biểu lên bộ thỉnh nguyện. Nhờ sư sáng suốt hướng dẫn, giáo nạn giải trừ.

Tài sản nhà chùa ở Giang Tây từ năm Dân Quốc 22 (1933) đến năm Dân Quốc 25 (1936, sư 76 tuổi), trong vòng bốn năm, ba lần bão táp dấy động lớn lao, gần như lâm vào tình thế bị diệt sạch không còn gì! Tuy do Đức Sâm nhiều năm kiệt lực kêu gào, hội Phật giáo Trung Quốc cũng nhiều lần lập cách giải trừ, rốt cuộc được từ quang của sư gia bị, cảm động các vị đại hộ pháp cùng đứng lên lo toan, cứu vãn khiến cho mỗi mỗi đều đạt đến kết quả mỹ mãn, giữ gìn an toàn. Đấy là những chuyện lớn lao dễ thấy, chứ còn những chuyện vặt vãnh khác thì qua một lá thư, hoặc mấy lời nhắn nhủ liền tiêu trừ được kiếp nạn, cởi gỡ mầm họa thì lúc nào, nơi đâu cũng thường có, không thể kể hết được. Nếu không phải là đạo đức của sư đủ để trên cảm được trời rồng, dưới động được lòng người, há được như thế hay sao?

(thường được người Hoa vẽ hai bên cửa vào dịp Tết, hoặc họa hình trên cổng các miếu thờ thần để xua đuổi, trấn áp ma quỷ).

[985] Nhân vật X nói ở đây là Thai Sảng Thu (1897-1976), vốn là người huyện Thai, tỉnh Giang Tô. Ông ta tốt nghiệp với học vị thạc sĩ giáo dục tại đại học Chicago, rồi tiến sĩ giáo dục tại đại học Columbia, Hoa Kỳ. Kể từ năm 1931, ông ta đã nhiều lần đề nghị kế hoạch cướp đoạt chùa miếu để biến thành trường học. Trong năm 1935, trong hội nghị giáo dục ông ta đã công khai kiến nghị và thuyết phục giáo chức tiến hành. Họ Thai từng đảm nhiệm giáo sư đại học, hiệu trưởng, viện trưởng các trường đại học tại Hoa Nam, từng làm ủy viên của *Giáo dục ủy viên hội* dưới thời Dân Quốc. Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, ông ta lại chạy vạy để được phân công về dạy tại đại học Phụ Nhân, rồi dạy tại đại học Bắc Kinh cho đến khi về hưu.

Lòng từ bi vô duyên của sư thấm đến nhà tù và các dị loại. Năm Dân Quốc 11-12 (1922-1923), nhận lời thỉnh của Tri sự huyện Đông Hải là Đào Tại Đông chọn lựa giảng sư đến nhà giam tuyên giảng, sư bèn sai pháp sư Trí Đức tiếp nhận lời thỉnh. Sư dạy hãy tuyên giảng An Sĩ Toàn Thư v.v., nói đến các ý chỉ trọng yếu như nhân quả báo ứng, pháp môn Tịnh độ, nhiều tù nhân cũng được cảm hóa. Đến khi các vị cư sĩ Vương Nhất Đình, Trầm Tinh Thúc v.v. ở Thượng Hải đề xướng thành lập hội Giám ngục cảm hóa Giang Tô (hội cảm hóa tù nhân Giang Tô) thỉnh sư làm hội trưởng danh dự, giảng sư Đặng Phác Quân, Thích Tắc Châu (đây là tên ngoài đời của thầy Minh Đạo), Kiều Tuân Như v.v. đều là đệ tử quy y của sư. Do được sư dạy, họ đều lấy "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt" và chú trọng nhân quả, đề xướng Tịnh độ làm những hạng mục chủ yếu để giảng diễn. Cai tù, phạm nhân nhờ đó sửa lỗi hướng thiện, những kẻ hướng lòng về đại pháp, ăn chay niệm Phật cũng rất đông.

Đối với dị loại thì trong tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930, sư 70 tuổi), từ chùa Thái Bình ở Thượng Hải dọn đến Báo Quốc tại Tô Châu, rệp bám theo chăn màn, rương đựng quần áo, cực nhiều. Chúng sanh trưởng đông đúc đến nỗi từ quan phòng, phòng khách, cho đến cửa sổ và ghế ở bên ngoài từ hạ đến thu đâu đâu cũng thường thấy rệp bò qua, bò lại. Có đệ tử nghĩ sư tuổi già chẳng kham bị chúng quấy nhiễu, từng nhiều lượt xin vào quan phòng thay sư bắt cho hết, sư đều cứng cỏi cự tuyệt không chấp thuận, lại nói: *"Chuyện này chỉ trách chính mình thiếu đạo đức. Bậc cao tăng thời cổ chẳng chịu đựng được rận rệp quấy nhiễu, bèn nói: 'Súc sanh, bọn ngươi đến quấy rối quá, hãy dọn đi nơi khác', rận rệp liền kéo nhau bỏ đi. Ta nay tu trì không ra gì, chẳng có cảm ứng ấy, còn nói chi nữa?"* Rồi cứ điềm nhiên ở, trọn chẳng để ý tới.

Đến năm Dân Quốc 22 (1933, sư 73 tuổi), rệp tự nhiên tuyệt tích, sư cũng chẳng bảo với ai. Đến tiết Đoan Ngọ gần đây, Đức Sâm chợt nhớ tới, hỏi sư, sư đáp: "Không còn nữa!" Sâm cho rằng sư tuổi già mắt hoa, vì thế nằng nặc xin vào trong phòng kiểm tra. Quả thật đã hết sạch, trọn chẳng còn tung tích gì nữa. Đấy cũng là chúng vì sư mà dọn nhà đi rồi!

Trong khi bế quan, ngoài công khóa tịnh nghiệp ra, sư thường trì chú Đại Bi gia trì vào nước hay gạo, đem ban cho những người bệnh nguy ngập thầy thuốc đã bó tay liền thấy hiệu nghiệm lạ lùng. Một ngày nọ, tại lầu chứa kinh chùa Báo Quốc phát hiện có vô số mối, sư ở trong núi nghe tiếng, ban nước Đại Bi bảo đem rưới lên. Từ đấy mối cũng tuyệt tích. Đấy chính là chuyện trong mùa hạ năm Dân Quốc 27 (1938), pháp lực thần ứng của sư rất nhiều chuyện giống như thế.

Sư vốn chẳng thích quyến thuộc, vì thế không có đệ tử xuất gia thế độ. Nhưng khát ngưỡng, thân cận, nhiều phen được vâng nhận giáo huấn, thấm gội pháp ích sâu đậm thì hai chúng tại gia chẳng thể kể xiết, tăng lữ xuất gia trừ lão pháp sư Đế Nhàn là liên hữu thân thiết nhất ra, những kẻ được sư nhiếp thọ đã lâu, nuôi nấng bằng pháp nhũ, nhưng vẫn được sư đối đãi như liên hữu thì có hòa thượng Liễu Dư đã mất, hiện thời còn hai vị hòa thượng Liễu Thanh và Chân Đạt. Đích thực được xếp vào hàng học trò, đã qua đời là các thầy Viên Quang, Khang Trạch, Huệ Cận, Minh Đạo, hiện tại vẫn còn thì có hai vị hòa thượng Diệu Liên, Tâm Tịnh và hai thầy Liên Nhân, Minh Tây, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v. cùng các sư hiện thời sống tại hai chùa Linh Nham và Báo Quốc. Đấy chỉ là nói về những kẻ thường thân cận sư đã lâu, chứ những người được sư chỉ dạy, nâng đỡ nhiều lượt, gội ân, đội đức còn hơn ân sư thế độ, hoặc tùy duyên thưa hỏi, gởi thư hỏi đạo và gội ân trạch do đọc Văn Sao của sư và các sách do sư lưu thông thì cũng chẳng thể nào kể xiết!

Sư tuy không thu nhận đồ đệ, nhưng đa số những Phật tử chân chánh trong ngoài nước quả thật đều tôn sư làm thầy. Sư lại từng thề chẳng làm trụ trì chùa miếu, tự làm khách sống tại Pháp Vũ, hai mươi mấy năm, giấu kín tung tích, tu tập chuyên ròng, rất ít qua lại với người khác. Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918), in An Sĩ Toàn Thư trở đi, nhiều lượt do có việc phải đến đất Hỗ, khổ nỗi thiếu chỗ yên cư. Năm Dân Quốc 11 (1922), khi Chân Đạt tu bổ chùa Thái Bình đã lập riêng một gian tịnh thất cho sư. Từ đấy mỗi khi đến đất Hỗ, sư luôn cắm tích trượng tại Thái Bình. Các vị quân tử tận lực bảo vệ pháp môn như Ngụy Mai Tôn ở Nam Kinh, Vương Ấu Nông ở Tây An, Vương Huệ Thường ở Duy Dương, Hứa Chỉ Tịnh ở Giang Tây, Phạm Cổ Nông ở Gia Hưng, các vị cư sĩ Phùng Mộng Hoa, Thí Tỉnh Chi, Vương Nhất Đình, Văn Lan Đình, Chu Tử Kiều, Khuất Văn Lục, Hoàng Hàm Chi, Quan Quýnh Chi v.v. tại Thượng Hải hoặc do chuyện riêng mà hỏi đạo, hoặc vì làm chuyện từ thiện trong xã hội mà phải thưa hỏi cũng có lúc đến Thái Bình, xin sư chỉ dạy. Còn như các nơi gởi thư càng khó thể kể xiết. Danh tiếng của lan-nhã Thái Bình được lan truyền khắp xa gần, cũng do sư mà được rạng rỡ.

Đến năm Dân Quốc 17 (1928, sư 68 tuổi), nhân chán ngán giao thông quá thuận tiện, thư từ quá nhiều, công chuyện quá bận bịu, sư gấp muốn tìm chỗ quy ẩn. Chân Đạt bèn cùng với các vị đại cư sĩ Quan Quýnh Chi, Trầm Tinh Thúc, Triệu Vân Thiều bàn bạc. Ba vị cư sĩ liền dâng chùa Báo Quốc ở Tô Châu để cúng dường, liền sai hai vị Hoằng Tán và Minh Đạo sang đấy tiếp nhận trước. Chân Đạt dùng mấy ngàn đồng trùng tu.

Vì thế, năm Dân Quốc 18 (1929), sư rời núi Phổ Đà qua Thượng Hải, giảo duyệt ấn hành các sách, gấp mong kết thúc để quy ẩn. Khi ấy có mấy vị cư sĩ đệ tử ở Quảng Đông như Hoàng Tiểu Vỹ v.v. tạo dựng tinh xá, quyết muốn đón sư sang Hương Cảng, sư đã nhận lời qua đấy. Chân Đạt do thấy miền Giang - Chiết là vùng đất Phật tín chúng rất đông, một mực kiên quyết giữ lại. Rốt cuộc do có pháp duyên, tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930, sư 70 tuổi), sư sang Tô Châu, liền bế quan ngay tại Báo Quốc. Trước đấy tại Linh Nham ở Mộc Độc, Chân Đạt đã thỉnh ý sư, lập ra đạo tràng thập phương chuyên tu tịnh nghiệp, hết thảy quy ước, chương trình đều vâng theo chí hướng của sư để định. Ba bốn năm qua, do nhà cũ chật hẹp, chẳng đủ chỗ chứa đại chúng, đúng là phải tìm cách sửa chữa xây dựng viện, phòng, lo liệu tu bổ. Gặp đúng dịp sư đến đất Tô, rất gần Linh Nham, xếp đặt trong ngoài, có nhiều duyên gặp gỡ sư để xin ý kiến, vâng theo lời chỉ dạy. Ngày càng chấn hưng, Linh Nham cho đến nay được tôn là đạo tràng thứ hai của Tịnh tông nước ta há có phải là ngẫu nhiên ư?

Trong khi bế quan, vào những khi rảnh rỗi ngoài lúc tụng niệm công khóa ra, sư tu chỉnh hoàn bị các bộ Sơn Chí của Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa v.v., và trả lời thư từ của đệ tử, học nhân vấn pháp. Nay bốn bộ Sơn Chí đã sớm được xuất bản, lưu thông, các thư từ phúc đáp cũng đã có Văn Sao Tục Biên ấn hành, đa phần đều là những lá thư sau khi sư đã đến Tô Châu ban ra. Có thể nói là hằng thuận chúng sanh chẳng hề nhọc mệt vậy!

Đến mùa đông năm Dân Quốc 26 (1937, sư 77 tuổi), do thời cuộc bức bách, do tình thế chẳng thể sống tại nội thành Tô Châu được nữa, bất đắc dĩ, thuận theo lời thỉnh của bọn Diệu Chân v.v.. Sư dời tích trượng sang Linh Nham, an cư mới được trọn ba năm, nào ngờ ngôi chùa nơi Trí Tích Bồ-tát hiển thánh lại trở thành chỗ thầy bọn ta thị tịch quy chân?

Sư thị tịch biết trước lúc mất. Mùa xuân năm Dân Quốc 29 (1940), trong thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh có viết: “Nay đã tám mươi, sáng chẳng đảm bảo được tối.” Lại nói: “Quang là kẻ sắp chết, đâu có thể lưu lại quy củ ấy?” Đến mùa đông, nhằm ngày 27 tháng 10, sư thị hiện bệnh nhẹ, đến 1 giờ chiều ngày 28, liền triệu tập toàn thể các chức sự trong núi và các cư sĩ đến quan phòng hội đàm, bảo đại chúng rằng: “Chức vụ trụ trì Linh Nham không thể bỏ trống lâu hơn nữa, liền sai Diệu Chân đảm nhiệm.” Đại chúng tán đồng, bèn định lấy ngày mồng 9 tháng 11 là kỳ hạn nhậm chức, sư bảo “trễ quá”, liền đổi thành ngày mồng 4, vẫn nói “trễ rồi”. Sau đấy chọn ngày mồng 1, sư gật đầu nói: “Được đấy!” Liền khai thị cho đại chúng về đường lối của bổn tự hơn hai tiếng đồng hồ. Về sau, tuy tinh

thần đã suy dần, vẫn an nhiên cùng với các vị như Chân Đạt v.v. bàn bạc mọi chuyện điềm nhiên, thư thái như thường, chẳng có dáng vẻ bệnh tật gì.

Tối ngày mồng 3, sư dùng được một chén cháo loãng. Ăn xong, sư bảo bọn Chân Đạt: "Pháp môn Tịnh độ trọn chẳng có gì lạ lùng, đặc biệt chi khác, chỉ cốt sao khẩn thiết chí thành không ai chẳng được Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh." Sau đấy sư tỏ vẻ mệt nhọc, nhiệt độ thân thể giảm xuống; 1 giờ rưỡi sáng ngày mồng 4, sư từ giường ngồi dậy nói: "Niệm Phật thấy Phật, quyết định sanh Tây." Nói xong liền lớn tiếng niệm Phật; 2 giờ 15 phút, bảo đem nước rửa tay xong, đứng dậy nói: "Được A-di-đà Phật tiếp dẫn, ta phải đi rồi. Mọi người phải niệm Phật, phải phát nguyện, phải sanh Tây Phương." Nói xong, liền chuyển sang ngồi trên ghế, mặt hướng về Tây, thân ngồi ngay ngắn. Hơn 3 giờ, thầy Diệu Chân đến, được sư dặn dò: "Ngươi phải duy trì đạo tràng, hoằng dương Tịnh độ, đừng học thói kẻ cả", rồi sau đó không nói gì nữa, môi chỉ mấp máy niệm Phật, đến gần 5 giờ, trong tiếng niệm Phật của đại chúng, sư an tường về Tây.

Dựa theo sự việc trong mấy ngày ấy, hết thảy sự xếp đặt như gấp rút cử Diệu Chân thật sự giữ chức trụ trì v.v., tuy chẳng nói rõ nguyên do, nhưng đích thực là bản lãnh đã biết trước lúc mất. Thân không có hết thảy bệnh khổ ách nạn, tâm không có hết thảy tham luyến mê hoặc, các căn vui vẻ thư thái, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định. Xét ra, sư suốt đời tự hành, dạy người và tướng lành lúc lâm chung, phẩm sen vãng sanh quyết chẳng thể là trung, hạ được!

Sư sanh vào giờ Thìn ngày 12 tháng Chạp năm Hàm Phong 11 (1861), tức năm Tân Dậu, tịch vào giờ Mão ngày mồng 4 tháng 11 năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 (1940), thọ 80 tuổi, tăng lạp 60 năm. Linh Nham nhờ sư mà được trung hưng, lại được sư thị hiện khuôn mẫu sanh Tây, thời tiết nhân duyên, có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn được! Do vậy, cung kính chọn trong năm sau, tức năm Tân Tỵ, nhằm ngày Rằm tháng 2, đúng ngày Phật nhập Niết-bàn, đúng dịp sư về Tây được một trăm ngày, liền nổi lửa trà-tỳ[986], kính đưa linh cốt về lập tháp thờ tại vách Đông Nam của rặng Thạch Cổ trong núi này.

Sư lá rụng về cội, ngộ chứng như thế nào, bọn phàm phu sát đất chúng ta đều chẳng có *tha tâm đạo nhãn* nên không dám bình luận xằng bậy! Chỉ đọc bộ Văn Sao của sư mấy lượt được ấn hành và bộ Tục Biên mới được in trong năm nay và các sách do sư đích thân lưu thông cũng như hạnh chân thật "đề xướng niệm Phật, phát huy những chỗ nhiệm mầu trong lẽ đạo, tự hành dạy người, chuyên dốc thiết

[986] Trà-tỳ (jhāpeti), còn phiên âm là xà-tỳ, xà-tỵ, da-duy, có nghĩa là hỏa thiêu.

tha tu trì" đủ chứng tỏ sư là bậc thừa nguyện tái lai không còn ngờ chi nữa. Phàm ai tín nguyện niệm Phật, thấu hiểu tông chỉ đích xác của Tịnh tông, sẽ chẳng đến nỗi còn có những bàn bạc, nghi ngờ chi cả. Bọn Chân Đạt được theo hầu sư lâu nhất, biết khá cặn kẽ, nay lược thuật đại khái hạnh nghiệp của sư, ghi thành bài ký.

Mồng 8 tháng Chạp năm Canh Thìn, Trung Hoa Dân Quốc năm 29 (1940), Chân Đạt, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v. đảnh lễ kính thuật.

2. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Trạm của pháp sư Hoằng Nhất

(Tháng 2 năm 1923 tại Ôn Châu)

Đạo tịch, sổ vàng quyên mộ của cư sĩ Tâm Trạm mỗi mỗi đều nhận được đầy đủ. Khắc vội chiếc ấn nhỏ, gởi qua bưu điện để cư sĩ rộng lòng xem tới. Những dụng cụ để khắc đã vứt sạch đi từ lâu, phải dùng dùi sắt để khắc. Chất đá mềm giòn, nếu đeo ấn thì hãy nên dùng vải bọc quanh. Nếu không, chẳng lâu sau, nét khắc trên mặt ấn sẽ bị mòn mất.

Trong các bậc thiện tri thức đương đại, hủ nhân[987] kính phục nhất chỉ có pháp sư Ấn Quang. Năm trước, tôi từng gởi thư trần tình, nguyện ghé dự vào hàng đệ tử. Pháp sư không chấp thuận. Năm ngoái nhằm ngày khánh đản A-di-đà Phật, đối trước Phật đốt hương trên cánh tay, xin nhờ từ lực của tam bảo gia bị, lại dâng thư trình bày, thỉnh cầu. Sư vẫn thoái thác. Đến lúc tuổi già lại dốc cạn lòng thành xót xa khẩn cầu, sư mới từ bi nhiếp thọ, hoan hỷ mừng rỡ đạt được điều chưa từng có. Bổn địa của pháp sư, chúng ta làm sao suy lường được?

Nếu tự ước theo tích để luận thì như ông Chu Mạnh Do ở Vĩnh Gia thường nói: "Lão nhân Pháp Vũ vâng giữ yếu chỉ chuyên tu của ngài Thiện Đạo, xiển dương những chỗ tinh vi trong bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh, trung chánh giống như Liên Trì, thiện xảo như Vân Cốc, mực thước như ngài Linh Phong (tức đại sư Ngẫu Ích đời Minh), cẩn trọng giống như ngài Tư Phước (tức thiền sư Triệt Ngộ đời Thanh), hoằng dương Tịnh độ, ngầm bảo vệ các tông, đề xướng rõ ràng Phật pháp, ngấm ngầm cứu vãn phong tục cõi đời, chiết phục hay nhiếp thọ đều trọn từ bi, nói năng hay im lặng không gì chẳng phải là giáo hóa, suốt 300 năm qua, chỉ có một mình sư mà thôi!" Quả là lời nghị luận quyết định chẳng thể sửa đổi được! Mạnh Do lại dặn dò hủ nhân thăm dò những sự tích trong đời lão nhân để soạn thuật truyện văn nhằm chỉ bày cho hậu thế, tôi cũng vâng lời. Mai sau khi

[987] Hủ nhân: Tiếng tự xưng khiêm tốn của pháp sư Hoằng Nhất. Hủ có nghĩa là mục nát, vô dụng.

tham lễ Phổ Đà, ắt mong được thành tựu nguyện này. Vội vàng trả lời thư, chưa thể nói trọn hết được.

Ngày 4 tháng 2, phúc đáp sơ lược vào lúc tảng sáng.
(Sao lục từ chỗ pháp sư Hoằng Nhất)

3. Pháp ngữ biệt lục

Nếu nói đến pháp môn niệm Phật thì chỉ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông yếu. Ba pháp đầy đủ chắc chắn vãng sanh. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu có hạnh chân thật cũng chẳng thể vãng sanh, huống hồ kẻ hờ hững, hời hợt ư? Đại sư Ngẫu Ích dạy: "Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn." Đấy chính là lời bàn luận thường hằng ba đời không thay đổi. Hãy nên nương tựa toàn thân vào đấy để ngõ hầu đích thân chứng được lợi ích thật sự!

(Trọn bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên)

(Dịch xong cảo bản ngày 28 tháng 12 năm 2008,
Giảo chánh lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2009)

THAY LỜI KẾT & HỒI HƯỚNG

Khi liều lĩnh khởi dịch bộ Ấn Quang Tăng Quảng Văn Sao vào giữa năm 2005 cho đến khi hoàn tất cảo bản cho bộ Văn Sao Tam Biên này vào cuối năm 2008, chúng con không hề có hy vọng sẽ chuyển ngữ trọn vẹn ba bộ Tăng Quảng, Tục Biên và Tam Biên, chỉ tâm niệm cố gắng hết sức mình, làm đến đâu hay đến đó. Chúng con xin đối trước các liên hữu sám hối vì đã chẳng tự lượng chính mình căn tánh kém hèn, kiến thức rỗng tuếch, ngoại điển lẫn nội điển đều hiểu lơ mơ, hời hợt, thiếu hẳn sự tu trì chân thật, nghiêm túc, cung kính, làm sao lãnh hội được những điều vi diệu, sâu xa trong lời dạy của bậc Đại sĩ thừa nguyện tái lai? Chỉ vì ý niệm tham pháp, nhất là với tham vọng được chia sẻ với các liên hữu bộ sách quý Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, chúng con đã nuốt mật gấu làm chuyện quá sức này, trong lòng chúng con luôn áy náy, lo sợ rằng: Do chính mình tâm thức tối tăm, vô giới vô hạnh, nghiệp chướng nặng nề, thay vì chuyển đạt phần nào những lời dạy quý báu của đại sư Ấn Quang đến với các hành nhân, chúng con lại vô tình xuyên tạc pháp báu, biến thuốc a-già-đà thành độc dược.

Chúng con muôn vàn cảm kích vì trong suốt quá trình chuyển ngữ, thượng tọa bổn sư Thích Giải Thắng (trụ trì chùa Bửu Quang, quận 7, Sài Gòn), đại đức Minh Tuệ (chùa Tịnh Luật, TX), ni sư Đàm Nhật và ni chúng chùa Đức Viên (California), vợ chồng đạo hữu Diệu Âm (Cao Trần, Tịnh tông Học Hội Dallas, TX), vợ chồng đạo huynh Đức Phong (Tịnh tông học hội Los Angeles, CA), cô Phan Thị Hồng Hoa (Tịnh tông học hội Houston, TX), cô Giác Đạo (Quyên Nguyễn, Tịnh tông học hội Houston), đạo hữu Tâm Minh (chùa Đức Viên), ban ấn tống, giảo duyệt kinh sách chùa Đức Viên, chùa Hoằng Pháp… đã chẳng vì chúng con hèn tệ mà chê bỏ, luôn từ ái hoan hỷ ban bố những lời sách tấn, khích lệ, tán trợ khiến cho chúng con có đủ nghị lực đi tới đích.

Chúng con càng không biết dùng những lời lẽ nào để cảm tạ ba vị đạo hữu Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ đã tự nguyện luôn sát cánh kiên nhẫn, miệt mài sửa chữa, giảo chánh bản dịch, đóng góp những ý kiến quý báu. Tuy đã tận hết sức cố gắng, nhưng do nghiệp sâu, trí cạn, bản dịch này không thể nào tránh khỏi những sai lầm ấu trĩ khó thể tha thứ, chỉ mong sau này sẽ có những vị thiện tri thức rủ lòng từ bi sửa sai, hoặc dịch lại một bản hoàn toàn mới để tất cả những hành nhân tịnh nghiệp đều được lợi lạc rộng khắp bởi pháp nhũ của tổ Ấn Quang.

Nếu việc làm liều lĩnh này có chút phước báo, công đức nào, đều xin hồi hướng cho song thân, lịch đại phụ mẫu, tổ tiên, thân quyến, bổn sư Thích Giải Thắng, các vị sư trưởng, chư vị pháp sư, các liên hữu Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn

Từ, Đức Phong, cũng như các vị liên hữu thuộc Linh Nham Sơn Tự, Quảng Hóa Tự, Tịnh tông học hội Hoa Tạng, Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường, Tịnh tông học hội Dallas, Tịnh tông học hội Los Angeles, Tịnh tông Houston, Tịnh tông Úc Châu, Hoằng Pháp Tự, Đức Viên Tự, Bửu Quang Tự, các vị thiện tri thức, các vị đạo hữu xa gần, tứ chúng đồng tu tịnh nghiệp, cừu gia oán đối, hết thảy chúng sanh đều cùng được hội ngộ nơi thế giới thanh lương của đức từ phụ Di-đà.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu sám hối, kính cẩn giãi bày
vào ngày 29 tháng 12 năm 2008